

**PHẬT THUYẾT  
ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ  
TRANG NGHIÊM THANH TỊNH  
BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH**

*Phúc giảng lần thứ hai: Cô Lưu Tố Vân*

*Thời gian: 21/11/2020 đến 21/08/2021*

*Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa*

*Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu*

## **THÀNH VIÊN**

### **1. Chuyển ngữ**

Diệu Âm

Tuệ Minh

### **2. Giáo duyệt**

Minh Trí

Phổ Giang

# MỤC LỤC

TẬP 1.....	8
TẬP 2.....	25
<b>PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH .....</b>	<b>25</b>
TẬP 3.....	38
TẬP 4.....	52
TẬP 5.....	67
TẬP 6.....	80
<b>PHÁP HỘI THÁNH CHÚNG ĐỆ NHẤT.....</b>	<b>80</b>
TẬP 7.....	96
TẬP 8.....	110
TẬP 9.....	123
TẬP 10.....	137
<b>ĐỨC TUÂN PHỔ HIỀN ĐỆ NHỊ .....</b>	<b>142</b>
TẬP 11.....	151
TẬP 12.....	166
TẬP 13.....	180
TẬP 14.....	193
TẬP 15.....	207
TẬP 16.....	219
TẬP 17.....	233
TẬP 18.....	245
TẬP 19.....	258
TẬP 20.....	273
<b>ĐẠI GIÁO DUYÊN KHỞI ĐỆ TAM.....</b>	<b>273</b>
TẬP 21.....	286
TẬP 22.....	299
TẬP 23.....	311
TẬP 24.....	323
<b>PHÁP TẠNG NHÂN ĐỊA ĐỆ TƯ.....</b>	<b>323</b>
TẬP 25.....	337

TẬP 26.....	349
TẬP 27.....	363
TẬP 28.....	378
TẬP 29.....	392
<b>CHÍ TÂM TINH TẤN ĐỆ NGŨ.....</b>	<b>392</b>
TẬP 30.....	405
TẬP 31.....	417
<b>PHÁT ĐẠI THỆ NGUYỆN ĐỆ LỤC .....</b>	<b>418</b>
TẬP 32.....	431
TẬP 33.....	446
TẬP 34.....	459
TẬP 35.....	473
TẬP 36.....	488
TẬP 37.....	504
TẬP 38.....	520
<b>TẮT THÀNH CHÁNH GIÁC ĐỆ THẤT .....</b>	<b>520</b>
TẬP 39.....	536
TẬP 40.....	550
<b>TÍCH CÔNG LŨY ĐỨC ĐỆ BÁT .....</b>	<b>550</b>
TẬP 41.....	564
TẬP 42.....	577
TẬP 43.....	590
<b>VIÊN MÃN THÀNH TỰU ĐỆ CỬU .....</b>	<b>590</b>
TẬP 44.....	605
<b>GIAI NGUYỆN TÁC PHẬT ĐỆ THẬP .....</b>	<b>605</b>
<b>QUỐC GIỚI NGHIÊM TỊNH ĐỆ THẬP NHẤT.....</b>	<b>609</b>
TẬP 45.....	619
<b>QUANG MINH BIẾN CHIẾU ĐỆ THẬP NHỊ .....</b>	<b>619</b>
TẬP 46.....	633
TẬP 47.....	645
<b>THỌ CHÚNG VÔ LƯỢNG ĐỆ THẬP TAM.....</b>	<b>649</b>
<b>BẢO THỤ BIẾN QUỐC ĐỆ THẬP TƯ.....</b>	<b>653</b>
TẬP 48.....	660

<b>BỒ-ĐỀ ĐẠO TRÀNG ĐỆ THẬP NGŨ .....</b>	<b>660</b>
TẬP 49.....	672
<b>ĐƯỜNG XÁ LÂU QUÁN ĐỆ THẬP LỤC.....</b>	<b>675</b>
<b>TUYỀN TRÌ CÔNG ĐỨC ĐỆ THẬP THẤT.....</b>	<b>680</b>
TẬP 50.....	685
TẬP 51.....	697
<b>SIÊU THẾ HY HỮU ĐỆ THẬP BÁT.....</b>	<b>697</b>
<b>THỌ DỤNG CỤ TÚC ĐỆ THẬP CỬU .....</b>	<b>704</b>
TẬP 52.....	711
<b>ĐỨC PHONG HOA VŨ ĐỆ NHỊ THẬP .....</b>	<b>711</b>
<b>BẢO LIÊN PHẬT QUANG ĐỆ NHỊ THẬP NHẤT .....</b>	<b>716</b>
TẬP 53.....	724
<b>QUYẾT CHỨNG CỤC QUẢ ĐỆ NHỊ THẬP NHỊ.....</b>	<b>724</b>
TẬP 54.....	739
<b>THẬP PHƯƠNG PHẬT TÁN ĐỆ NHỊ THẬP TAM.....</b>	<b>739</b>
<b>TAM BỐI VÃNG SANH ĐỆ NHỊ THẬP TỨ .....</b>	<b>748</b>
TẬP 55.....	753
TẬP 56.....	765
TẬP 57.....	778
TẬP 58.....	791
<b>VÃNG SANH CHÁNH NHÂN ĐỆ NHỊ THẬP NGŨ.....</b>	<b>792</b>
TẬP 59.....	803
<b>LỄ CÚNG THÍNH PHÁP ĐỆ NHỊ THẬP LỤC .....</b>	<b>813</b>
TẬP 60.....	817
TẬP 61.....	831
TẬP 62.....	845
TẬP 63.....	856
TẬP 64.....	869
TẬP 65.....	882
<b>CA THÁN PHẬT ĐỨC ĐỆ NHỊ THẬP THẤT .....</b>	<b>888</b>
TẬP 66.....	894
<b>ĐẠI SĨ THẦN QUANG ĐỆ NHỊ THẬP BÁT.....</b>	<b>901</b>
TẬP 67.....	907

<b>NGUYỄN LỰC HOÀNG THÂM ĐỆ NHỊ THẬP CỬU.....</b>	<b>910</b>
TẬP 68.....	920
<b>BỒ-TÁT TU TRÌ ĐỆ TAM THẬP .....</b>	<b>925</b>
TẬP 69.....	933
TẬP 70.....	947
TẬP 71.....	960
TẬP 72.....	973
<b>CHÂN THẬT CÔNG ĐỨC ĐỆ TAM THẬP NHẤT .....</b>	<b>973</b>
TẬP 73.....	986
TẬP 74.....	998
TẬP 75.....	1011
<b>THỌ LẠC VÔ CỤC ĐỆ TAM THẬP NHỊ.....</b>	<b>1013</b>
TẬP 76.....	1024
TẬP 77.....	1036
<b>KHUYẾN DỤ SÁCH TẤN ĐỆ TAM THẬP TAM.....</b>	<b>1040</b>
TẬP 78.....	1048
TẬP 79.....	1060
<b>TÂM ĐẮC KHAI MINH ĐỆ TAM THẬP TỨ .....</b>	<b>1067</b>
TẬP 80.....	1072
TẬP 81.....	1085
<b>TRƯỚC THỂ ÁC KHỔ ĐỆ TAM THẬP NGŨ .....</b>	<b>1085</b>
TẬP 82.....	1098
TẬP 83.....	1110
<b>TRÙNG TRÙNG HỐI MIỄN ĐỆ TAM THẬP LỤC.....</b>	<b>1117</b>
TẬP 84.....	1122
TẬP 85.....	1133
<b>NHƯ BÀN ĐẮC BẢO ĐỆ TAM THẬP THẤT .....</b>	<b>1135</b>
TẬP 86.....	1145
TẬP 87.....	1156
TẬP 88.....	1168
<b>LỄ PHẬT HIỆN QUANG ĐỆ TAM THẬP BÁT .....</b>	<b>1168</b>
TẬP 89.....	1181
<b>TỪ THỊ THUẬT KIẾN ĐỆ TAM THẬP CỬU .....</b>	<b>1183</b>

<b>BIÊN ĐỊA NGHI THÀNH ĐỆ TỨ THẬP.....</b>	<b>1186</b>
TẬP 90.....	1193
TẬP 91.....	1206
<b>HOẶC TẬN KIẾN PHẬT ĐỆ TỨ THẬP NHẤT .....</b>	<b>1206</b>
TẬP 92.....	1220
<b>BỒ-TÁT VĨNG SANH ĐỆ TỨ THẬP NHỊ .....</b>	<b>1226</b>
TẬP 93.....	1232
<b>PHI THỊ TIỂU THỪA ĐỆ TỨ THẬP TAM .....</b>	<b>1236</b>
TẬP 94.....	1244
<b>THỌ BỒ-ĐỀ KÝ ĐỆ TỨ THẬP TỨ.....</b>	<b>1250</b>
TẬP 95.....	1257
<b>ĐỘC LƯU THỬ KINH ĐỆ TỨ THẬP NGŨ .....</b>	<b>1264</b>
TẬP 96.....	1270
<b>CẦN TU KIÊN TRÌ ĐỆ TỨ THẬP LỤC.....</b>	<b>1277</b>
TẬP 97.....	1283
TẬP 98.....	1295
<b>PHƯỚC HUỆ THỈ VĂN ĐỆ TỨ THẬP THẤT.....</b>	<b>1300</b>
TẬP 99.....	1308
<b>VĂN KINH HOẠCH ÍCH ĐỆ TỨ THẬP BÁT.....</b>	<b>1310</b>
TẬP 100.....	1320

## TẬP 1

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Hôm nay là ngày 21/11/2020, là một ngày đáng để kỷ niệm. Từ hôm nay trở đi tôi bắt đầu phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ lần thứ hai, nguyện đem công đức này hồi hướng cho lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không.

*Báo đáp ân sư ơn tri ngộ,  
Y giáo phụng hành an lòng Thầy.  
Ân pháp nhũ thật khó báo đáp,  
Toàn tâm toàn lực hoằng đại kinh.*

Thỉnh cầu ân sư thương xót chúng sanh khổ mà trụ thế độ quần manh! Chúng ta đều làm học trò ngoan biết nghe lời. Hôm nay là ngày 21/11/2020, là ngày kỷ niệm Bồ-tát Lưu Tổ Thanh vắng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc tròn 8 năm, chúng tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ lần thứ hai, lấy việc này biểu đạt sự tưởng nhớ và cảm ân sâu sắc của chúng ta dành cho Bồ-tát Lưu Tổ Thanh.

Năm 2018, lần đầu tiên tôi phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ, tổng cộng 70 tập. Năm 2019, tôi giảng chuyên đề báo cáo kinh Vô Lượng Thọ tổng cộng 33 tập. Năm nay là năm 2020, là lần thứ hai tôi phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ, ý nghĩa càng sâu sắc hơn. Tại sao phải phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ lần thứ hai? Dùng một câu khái quát là: bộ kinh này quan trọng. Tác dụng, tầm ảnh hưởng, giá trị, địa vị, ý nghĩa sâu xa của bộ kinh này có thể nói là không thể suy tính đo lường được, thật sự là không thể nghĩ bàn. Không một bộ kinh nào có thể thay thế được. Tức là kinh Hoa Nghiêm hay kinh Pháp Hoa cũng không thể thay thế được, sau cùng cũng phải quy về kinh Vô Lượng Thọ.

Sách giáo khoa và kinh điển không giống nhau, sách giáo khoa chỉ có một ý nghĩa, cũng chỉ có một cách nói. Kinh Phật thì không như vậy, hàm nghĩa sâu rộng không gì bằng, có thể giảng sâu, cũng có thể giảng cạn. Mỗi lần giảng đều sẽ có ý mới, bởi vì cảnh giới đã khác, người giảng có cách hiểu mới, người nghe cũng có cách hiểu mới, theo cách nói của lão pháp sư, đây gọi là lần sau tốt hơn lần trước.

Mười phương ba đời hết thầy chư Phật Như Lai cùng tuyên thuyết vô lượng kiếp, rồi lại vô lượng kiếp mà vẫn chưa thuyết xong, chúng ta giờ mới bắt đầu, mới



nói một chút xiu mà thôi, con đường sau này còn dài, đâu chỉ phúc giảng một lần, hay phúc giảng hai lần, chúng ta phải liên tục phúc giảng không cùng tận, khiến cho cây gậy tiếp sức phúc giảng này được truyền lại lâu dài về sau, vĩnh viễn không đứt đoạn.

Lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không đã trở thành tấm gương cho chúng ta, ngài đã tuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ mười mấy lần, cho đến hôm nay ngài đã 94 tuổi mà vẫn còn đang giảng, chúng ta còn có lý do gì mà không giảng nữa?

Chúng ta là đệ tử Phật, đã quy y cửa Phật, nếu như đã quy y cửa Phật, thì phải nói lời trong cửa Phật, làm việc trong cửa Phật. Trong cửa Phật thì điều gì là quan trọng nhất? Tiếp nối huệ mạng Phật, hoằng pháp lợi sanh là quan trọng nhất. Chúng ta là đệ tử Phật, có trách nhiệm, có nghĩa vụ gánh vác trọng trách tiếp nối huệ mạng Phật, hoằng pháp lợi sanh. Gánh vác trọng trách không thể chỉ nói ngoài miệng được, phải áp dụng vào trong hành động thực tế, cách thực hành tốt nhất đó là hoằng dương bộ kinh Vô Lượng Thọ này.

Phúc giảng như thế nào? Nguyên tắc căn bản không thay đổi. Vẫn giữ vững nguyên tắc căn bản là “*thuật lại mà không sáng tác, tin tưởng và yêu thích lời người xưa*”, không được mảy may lệch khỏi quỹ đạo, lý niệm căn bản của lão pháp sư là: không được nghĩ ra cách độc đáo mới lạ, phát minh sáng tạo; không được bằng mặt mà không bằng lòng, làm theo cách khác; tuân theo lời dạy của lão pháp sư, không được huênh hoang cao giọng. Phúc giảng lần thứ hai có chỗ nào khác vậy? Chỗ khác biệt thứ nhất là lần phúc giảng này sẽ nói trọng điểm nổi bật của mỗi một phẩm, không nói sơ lược. Phải từ trên nền tảng của lần phúc giảng thứ nhất mà tiên thêm một bước nữa, tinh lọc trọng điểm, tức là tôi sẽ hết sức tinh lọc phần cốt lõi trọng tâm của mỗi phẩm, giúp quý vị đồng tu tu học thuận tiện hơn. Chỗ khác biệt thứ hai là dùng phương pháp phân chia thứ lớp, từng bước thâm nhập, trọng tâm giải quyết vấn đề làm thế nào kết hợp lý luận vào thực tiễn. Hay nói cách khác là làm thế nào áp dụng Phật pháp vào trong cuộc sống, học phải đi đôi với hành. Đây là chỗ vướng mắc mà lần phúc giảng này chúng ta phải đột phá.

Tại sao tôi lại muốn đột phá chỗ vướng mắc này? Là vì đã nhiều năm như vậy, không ít đồng tu đã hỏi tôi một vấn đề giống nhau, đó là tại sao công phu niệm Phật không đắc lực? Đối mặt với vấn đề mà quý đồng tu hỏi, tôi thật sự đang nghiêm túc suy nghĩ tìm tòi, muốn giải đáp cho quý vị đồng tu. Lời giải đáp này không thể nói

kiểu trích thượng, cũng không thể nói khoác lác, không thể nói kiểu cách, không thể nói kiểu thiếu tôn trọng người khác, đáp án này phải thực sự giải quyết vấn đề mới được. Nhưng mà tôi không làm được, tôi trước sau vẫn chưa tìm ra được một đáp án chuẩn xác phù hợp với thực tế. Tôi cảm thấy rất hổ thẹn, đã phụ sự kỳ vọng và tín nhiệm của quý đồng tu dành cho tôi. Cư sĩ Điều ở bên cạnh tôi chính là ví dụ thực tế rõ ràng của công phu niệm Phật không đắc lực.

Vấn đề này mặc dù tôi không tìm thấy đáp án nhưng tôi không bỏ cuộc, vẫn luôn quan sát và suy ngẫm, muốn tìm ra chỗ đột phá để giải quyết vấn đề này. Từ tháng 11 năm 2019 đến cuối tháng 3 năm 2020, trong thời gian năm tháng, tôi đã âm thầm làm một chuyện mà đồng tu xung quanh không ai biết cả. Tôi đang mổ xẻ chim sẻ, con chim sẻ ấy chính là tôi, một con chim sẻ khác là cư sĩ Điều. Ở đây tôi cũng không khiêm tốn nữa, có gì nói đó, tôi coi mình là con chim sẻ có công phu niệm Phật khá đắc lực, còn cư sĩ Điều là con chim sẻ có công phu niệm Phật không đắc lực. Sau đó tôi từng bước mổ xẻ, tìm ra nguyên nhân đã giúp công phu niệm Phật của tôi đắc lực, khá đắc lực, cũng không phải mới học Phật là đã đắc lực ngay, mà cần có một quá trình tiến dần từng bước. Nhớ lại công phu niệm Phật của tôi từ chưa đắc lực đã từng bước như thế nào để trở thành đắc lực, quá trình xoay chuyển và biến hóa đó, tôi sắp xếp lại thành mấy điều để cung cấp cho mọi người tham khảo.

Tổng cộng tôi liệt kê ra năm nguyên nhân giúp công phu niệm Phật của tôi đắc lực, trong đó có điều thứ tư tôi cho rằng là mấu chốt quan trọng nhất. Điều này là tôi chú trọng thực hành, học hiểu một điều thì thực hành một điều, học kết hợp với hành. Sau đó lấy cư sĩ Điều làm thí dụ, phân tích một chút nguyên nhân công phu niệm Phật không đắc lực, tổng cộng tôi liệt kê ra sáu điều, nguyên nhân khiến công phu niệm Phật không đắc lực:

Một là không biết sai, không sửa sai.

Hai là tập khí nặng.

Ba là tố chất cơ bản kém, điển hình là không biết cách nói chuyện, không hiểu những thường thức căn bản trong cuộc sống.

Bốn là giới ngụy biện, sai mà vẫn cố cãi.

Năm là có tín có nguyện nhưng không nỗ lực thực hành, lý luận không đi đôi với thực hành, không thực tế.

Sáu là không giữ được câu Phật hiệu.

Phân tích những nguyên nhân khiến công phu niệm Phật của cư sĩ Điều không đắc lực, trong đó có vấn đề riêng của cư sĩ Điều, cũng có vấn đề chung của các đồng tu. Tôi cảm thấy hai nguyên nhân: học không đi đôi với nỗ lực thực hành và không giữ được câu Phật hiệu chính là hai vấn đề chung nổi bật nhất. Hai vấn đề chung này chính là chỗ đột phá và vướng mắc mà tôi phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ lần này.

Chỗ khác biệt thứ ba đó là tôi cố gắng hết sức dùng đủ mọi ví dụ thực tế để giải đáp những vấn đề thuộc về lý, để quý đồng tu có thể thấy được, chạm tới được, nắm vững được.

Chỗ khác biệt thứ tư là có thể dành chút thời gian giao lưu với nhau. Chọn ra chỗ thể hội tâm đắc tiêu biểu khi nghe kinh của các đồng tu giao lưu ở trên mạng, để giúp mọi người học tập lẫn nhau, cùng nhau nâng cao, đây là cách nghĩ có chút non nớt của cá nhân tôi.

Nghe phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ lần hai như thế nào?

Một là nghe và xem cùng kết hợp, tiến hành đồng thời. Nếu như điều kiện cho phép, tôi đề nghị quý đồng tu thân phải tịnh lại, tâm cũng phải tịnh lại, ngồi xuống vừa nghe vừa xem, như vậy mới có hiệu quả tốt nhất, chuyên tâm nghe, không nên ghi chép. Còn việc nên nghe mấy lần? Điều này mỗi người mỗi khác, hoàn cảnh của mỗi người khác nhau, không thể áp đặt như nhau, không thể gượng ép phải giống nhau.

Hai là xem văn bản đồng thời đánh dấu trọng điểm.

Ba là áp dụng vào đúng hoàn cảnh, thực hành cụ thể. Thực hành rất quan trọng, lần này trọng tâm của chúng ta là nhấn mạnh thực hành, nghe hiểu được bao nhiêu thì thực hành bấy nhiêu.

Bốn là nắm bắt trọng điểm, không được tham nhiều. Thực hành phải nắm vững trọng tâm, không được tham nhiều, tham nhiều sẽ không tiêu hóa hết. Nhắm vào vấn đề nổi bật của mỗi người, khắc phục khó khăn trọng điểm, thực hành, nhất định phải thực hiện được, không những phải thực hiện mà còn phải thực tế, làm một cái chắc một cái, tránh qua loa cho xong chuyện, chỉ hình thức mà thiếu thực tế.

Năm là kiểm tra thành quả, lắng nghe mọi người nói. Thành quả của việc áp dụng như thế nào, tự mình khoe khoang chính mình thì không tính, phải nghe người thân họ hàng nói như thế nào; nghe bạn bè thân thiết nói như thế nào; nghe bạn học, đồng nghiệp nói như thế nào; nghe hàng xóm láng giềng nói như thế nào; nghe bạn đồng tu nói như thế nào.

Sáu là tuyệt đối không được một ngày làm, mười ngày không, nếu vậy sẽ không thu được kết quả. Áp dụng Phật pháp vào trong cuộc sống là một việc phải kiên trì lâu dài, không thể một ngày nhiệt tình rồi 10 ngày bỏ mặc. Nếu như có thể kiên trì thì đời này ắt có thành tựu.

Lần thứ hai phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ, đối với cá nhân tôi mà nói cũng không phải là chuyện đơn giản dễ dàng, tuổi tác của tôi ngày càng cao, thể lực ngày càng kém, đây là việc mà tôi chắc chắn phải đối mặt. Vậy thì tại sao tôi có dũng khí phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ lần thứ hai? Có vài nguyên nhân như thế này:

- Nguyên nhân thứ nhất là năm 2018, lần đầu tiên phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ khiến tôi tự mình thể hội được thế nào là Phật lực gia trì không thể nghĩ bàn. Bây giờ, nhớ lại lần phúc giảng đầu tiên đó, có thể là do nhân duyên đặc thù, là chư Phật, Bồ-tát điểm hóa tôi, muốn tôi giảng. Khi bạn bè đồng tu xung quanh khuyên tôi nên giảng, áp lực tư tưởng của tôi rất lớn. Tôi thật sự nơm nớp lo sợ, do dự không quyết định, không phải là tôi lười biếng, mà tôi sợ giảng sai khiến chúng sanh hiểu lầm. Điều thúc đẩy tôi hạ quyết tâm giảng bộ kinh này đó là bốn chữ mà chư Phật, Bồ-tát điểm hóa tôi. Tôi tin rằng chư Phật, Bồ-tát sẽ không lừa tôi, không hại tôi. Thực tế chứng minh rằng, từ năm 1991 sau khi thỉnh đức Quán Âm Bồ-tát thì phàm là chuyện gì chư Phật, Bồ-tát điểm hóa tôi đều vô cùng chính xác. Ví dụ như năm 2003 là thời điểm Trương Vinh Trân vãng sanh, năm 2007 là thời điểm chồng của cư sĩ Điều là Tề Thụ Kiệt vãng sanh, năm 2012 là thời điểm chị gái tôi là lão Bồ-tát Lưu Tố Thanh vãng sanh, vấn đề hướng đi sau khi tốt nghiệp đại học của con trai của bạn thân tôi, không có một chuyện nào là không chính xác. Những chuyện này tuyệt đối không phải do tôi tự nghĩ ra được.

Sự tin tưởng của tôi đối với chư Phật, Bồ-tát đã thúc đẩy tôi hạ quyết tâm phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ. Lúc viết bản thảo để giảng quả thực là có kỳ tích:

+ Kỳ tích thứ nhất: bản thảo 450 ngàn chữ, viết một mạch là xong, không viết nháp cũng không sửa đổi, viết một lần là xong.

+ Kỳ tích thứ hai: thời gian viết bản thảo là 70 ngày, mỗi ngày viết 8 tiếng đồng hồ, dùng bút viết ra từng chữ từng chữ một. Viết bản thảo bảy mươi ngày mà không biết mệt mỏi, tinh thần lại sung mãn! Đối với một bà lão hơn 70 tuổi mà nói có phải là kỳ tích hay không?

+ Kỳ tích thứ ba: sau khi viết xong bản thảo 450 ngàn chữ, kính lão mà tôi đeo 25 năm nay cũng được tháo xuống, từ đó trở đi không còn cần phải đeo kính lão nữa. Trong quá trình thu âm, ghi hình, giảng kinh liên tục hiện ra tướng lành, đây không phải chuyện mà ai đó có thể bịa đặt ra được, mà là mọi người đều chạm tới được, nhìn thấy được, sự thực quá rõ ràng. Chính bởi vì mọi người tận mắt thấy được cho nên mới phá hỷ sung mãn, vui mừng phấn khởi, cả đạo tràng trở nên cát tường hài hòa. Trừ bỏ được sự quấy nhiễu, uy thần của đoàn thể hộ pháp hiển hiện. Từ khi tôi bắt đầu viết bản thảo cho tới lúc thu âm, ghi hình, rồi chính thức giảng kinh, sự quấy nhiễu của thế giới bên ngoài vẫn chưa hề dừng lại, khí thế to lớn, phủ rợp như mây đen che đầu. Nhưng mà tà không thể thắng chánh, tầng tầng lớp lớp đoàn thể hộ pháp mà tôi nhìn thấy được hoặc không nhìn thấy được, thật sự là hiển hiện uy thần to lớn, quá mạnh. Sự quấy nhiễu của thế giới phồn hoa bên ngoài lớn như vậy, nhưng vẫn không quấy nhiễu được tôi, thật sự là cho dù mây gió biến đổi thất thường thế nào thì tôi vẫn như như bất động. Đoàn thể hộ pháp cho tôi đã lập đại công. Mọi thứ quấy nhiễu bên ngoài không thể ngăn cản được tôi, ngược lại trở thành động lực đẩy nhanh tôi về phía trước hơn.

Bảy mươi tập bài giảng kinh Vô Lượng Thọ tải lên mạng trên cơ bản là thuận lợi, trong quá trình này bị một vài trở ngại nhỏ xen vào cũng là chuyện bình thường. Tinh thần cống hiến hết mình cho sự nghiệp của ký giả Vu đáng để chúng ta học tập, ông ấy đã dùng trí tuệ thông minh của mình hóa giải từng bài toán khó một. Những điều tôi nói trên đây là muốn nói cho mọi người biết, Phật lực gia trì không thể nghĩ bàn.

Sự gia trì không thể nghĩ bàn này có thể nói từ ba phương diện: người giảng kinh chắc chắn được mười phương ba đời hết thấy chư Phật Như Lai từ bi gia trì; người nghe kinh chắc chắn được mười phương ba đời hết thấy chư Phật Như Lai từ bi gia trì; đạo tràng giảng kinh chắc chắn được mười phương ba đời hết thấy chư Phật Như Lai từ bi gia trì. Đây là cảm nhận chân thực nhất của tôi khi phúc giảng

kinh Vô Lượng Thọ lần thứ nhất. Cho nên, điều đó cũng là một trong những nguyên nhân giúp tôi có dũng khí phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ lần thứ hai.

- Nguyên nhân thứ hai đó là tình hình dịch bệnh nghiêm trọng trên thế giới đã nhắc nhở tôi, tôi nhất định phải làm việc này. Năm 2020 là một năm trôi qua rất khó khăn. Đột nhiên xuất hiện dịch Covid càn quét toàn thế giới, đại thiên nhiên nổi giận, bắt đầu báo thù loài người. Tại sao lại ra như vậy?

Loài người không xử lý tốt mối quan hệ giữa người với người;

Loài người không xử lý tốt mối quan hệ giữa người với đại tự nhiên;

Loài người không xử lý tốt mối quan hệ giữa người với thiên địa quỷ thần.

Bởi vì ba mối quan hệ này chưa được xử lý tốt nên thế giới hỗn loạn, tai nạn kéo đến, báo ứng hiện tiền. Đây là tội ác do chính loài người tạo ra, đương nhiên loài người phải tự mình ném trái quả báo ác này. Đây là kết cục thảm hại do chính loài người chiêu cảm lấy, gọi là tự làm tự chịu. Nhân loại đang đi về đâu? Đã đến thời khắc mấu chốt hết sức nguy ngập rồi.

Dịch Covid lần này đã lan tới hơn 200 đất nước trên toàn thế giới, đã vén lên bức màn tai họa, dịch bệnh lần này có thể nói là đã giống lên hồi chuông cảnh tỉnh nhân loại, muốn dẫn dắt nhân loại thức tỉnh, nếu nhân loại còn không chịu thức tỉnh thì tai họa lớn hơn còn chờ ở phía sau.

Thời mạt pháp 9.000 năm, chúng sanh khổ nạn dựa vào đâu để được độ? Là dựa vào kinh Vô Lượng Thọ và câu Phật hiệu A-di-đà Phật. Thân là đệ tử Phật, chúng ta có thể làm được chút gì để cứu độ chúng sanh khổ nạn? Phải thận trọng suy ngẫm! Chúng ta có thể làm gì cho chúng sanh khổ nạn? Có nên tăng phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ lần đầu, có chư Phật Như Lai từ bi gia trì, có long thiên hộ pháp và chư thiện thần hộ pháp từ bi che chở, được sự ủng hộ khích lệ của đông đảo đồng tu, đây cũng là nguyên nhân thứ hai giúp tôi có dũng khí phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ lần thứ hai.

- Nguyên nhân thứ ba: sứ mạng trên vai. Hoằng dương kinh Vô Lượng Thọ và pháp môn niệm Phật của Tịnh độ, đây là một trong ba sứ mạng của tôi, tôi nhất định phải nghiêm túc hoàn thành ba sứ mạng này, để báo đáp ân đức của Phật, ân đức của thầy, ân đức của chúng sanh. Sanh mạng chưa dừng, giảng kinh không ngừng. Sanh mạng của tôi có hạn, nhưng tôi phục vụ cho chúng sanh là vô hạn. Tôi

phải dùng từng giây từng phút trong sanh mạng có hạn của mình để phục vụ chúng sanh vô hạn. Chỉ có như vậy tôi mới sống không hối hận, chết không hối tiếc, thân nhiên trở về Cực Lạc.

Tại sao nhiều năm như vậy mà tôi vẫn không cảm thấy phiền khi nói với quý vị đồng tu nhiều như vậy, có thể nói là buốt lòng rất hòng, thực ra tính cách của tôi rất hướng nội, là một người ít nói, tại sao bây giờ lại thay đổi lớn như vậy? Do bị ép thành ra như vậy.

Hơn 20 năm trước, cuộc sống của tôi ở trong vực thẳm đau khổ, không thể tự thoát khỏi, thậm chí là muốn chết đi cho xong. Nghe được Phật pháp, nghe lão pháp sư giảng kinh Vô Lượng Thọ, tôi hiểu rõ lý, đã thông suốt, tôi từ trong vực thẳm đau khổ thoát ra ngoài, tôi lìa khổ rồi, tôi được vui rồi, tôi là người nhận được lợi ích chân thật nhất từ kinh Vô Lượng Thọ.

Tôi không phải là người ích kỷ. Tôi từng trải qua đau khổ, khó khăn, bệnh tật, đau đớn không muốn sống nữa, tôi không thể thỏa mãn khi chỉ mình tôi lìa khổ được vui, tôi phải giúp quý vị đồng tu không phải đi qua con đường đau khổ mà tôi từng đi, muốn giúp quý vị đi con đường tắt hướng tới hạnh phúc, mỹ mãn, vui vẻ, như vậy thì mọi người mới bớt phải đi đường vòng. Đây là nguyện vọng ban đầu đã khiến cho tôi vẫn luôn nói nhiều với quý vị trong nhiều năm như vậy. Tôi nghĩ, giải thoát một người thì được một người, giải thoát mười người thì được mười người, đương nhiên tôi hy vọng người được giải thoát càng nhiều càng tốt.

Tôi thấy quý vị đồng tu học Phật, có người học tạp, có người học sai lệch, có người học tà, có người học mê muội, có người học đến mức mắc bệnh thần kinh, tư tưởng lời nói hành vi không bình thường, có người học tới mức thần kinh không bình thường, cả ngày cứ thần, tiên, quý, không lúc nào dứt, có người thì hôm nay bị nhập xác, ngày mai lại bị nhập xác, khổ không thể tả. Nhìn thấy những chuyện như vậy, tôi thật sự đau đớn trong lòng, khóc không ra nước mắt. Học thành ra như vậy, có phải là lỗi lầm của kinh điển hay không? Không phải! Có phải là lỗi lầm của chư Phật Bồ-tát hay không? Không phải! Là lỗi lầm của ai? Là lỗi lầm của chính mình, là do chúng ta hồ đồ học tập lung tung, gặp phải kết quả như vậy vô cùng đáng sợ, cũng vô cùng đáng thương.

Có một bộ kinh tên là “A-nan Vấn Sự Phật Cát Hung Kinh”, đây là bộ kinh điển nhập môn vô cùng quan trọng. Câu đầu tiên Phật dạy chúng ta, phải dựa vào

“minh sư”. Chữ “minh” này không phải là danh tiếng rất lớn, mà là minh trong câu “tâm địa quang minh”. Có tiếng tăm lớn cũng vô dụng, người hiện nay rất biết cách tạo danh tiếng, phù phiếm mà không thật, chỉ là thủ đoạn lừa người mà thôi. Cho nên có tiếng tăm cũng không cho thấy là người đó có tu có học, người thật sự có tu có học ngược lại không ai biết tới, đó mới là người tu hành chân chánh, đó mới là thiện tri thức thực sự.

Tìm một người thầy thực sự có tu, có học, có chánh tri chánh kiến để chỉ dạy bạn thì bạn sẽ không đi sai đường. Bạn tìm được thầy rồi thì nhất định phải nghe lời thầy mới được. Nếu như không nghe lời, còn hoài nghi thầy mình, hoài nghi phương pháp tu học được thầy dạy bảo. Thái độ như vậy là chướng ngại lớn nhất trên đường Bồ-đề, kết quả là không học được gì hết.

Thế nào gọi là thầy? Thầy chính là người mà trước đây đã đi qua các con đường, đã chịu rất nhiều thiệt thòi, đã trải qua nhiều trở ngại, bây giờ thầy đem mọi kinh nghiệm tu học mà thầy đã trải qua truyền thụ lại cho bạn, lại nói cho bạn nghe giáo huấn của thầy, để trong quá trình tu học bạn không phạm phải lỗi lầm giống như vậy, đó mới gọi là “thầy”.

Những năm gần đây, tôi nghe có người nói như thế này, Lưu Tô Vân không biết giảng Phật pháp, chỉ biết nói những chuyện thường ngày trong nhà. Nghe được lời này tôi cũng không để bụng chút nào, người ta nói rất đúng! Bởi vì kinh nghiệm hay là giáo huấn của tôi đều là những chuyện thường ngày. Nếu không nói những chuyện này mà toàn nói những lý luận to lớn, nói những lời kiêu cách, khoa trương, giả tạo thì sẽ không giải quyết được vấn đề thực tế. Vẫn nên thực tế một chút, cho dù điều được nói đó có phải là Phật pháp hay không, miễn có thể áp dụng là được.

Người đi sau ghi nhớ lời giáo huấn của người đi trước, không phạm phải sai lầm của người đi trước thì người đi sau càng cao minh hơn người đi trước. Học trò như vậy nhất định sẽ giỏi hơn thầy, có câu “*màu xanh dương phát xuất từ màu lam, mà trội hơn màu lam*”, đó là sư đạo. Nhưng phải nhớ kỹ, nếu như có một ngày bạn giỏi hơn thầy thì nhất định không được quên thầy mình, không có thầy thì làm sao có thành tựu của bạn? Tôn kính thầy thì phải dùng tâm chân thành chứ không phải chỉ nói ngoài miệng, về hình thức thì tôn kính thầy, sau lưng thầy lại lén làm chuyện xấu xa trái đạo đức.



Người hiện nay phước mỏng, không biết đạo phụng sự thầy, đạo phụng sự thầy là phải nhớ lấy con đường vòng mà trước đây thầy từng đi qua, mình sẽ không đi, đó là đạo phụng sự thầy. Nếu như con đường vòng mà thầy từng đi, chúng ta vẫn cứ tiếp tục đi thì đó là mê hoặc điên đảo, là ngu ngốc thật sự.

Nhớ lại con đường học Phật 20 năm tôi đã đi qua, trên căn bản đều là tiếp cận đạo phụng sự thầy mà lão pháp sư đã dạy. Cảm ơn mười phương ba đời hết thầy chư Phật Như Lai từ bi gia trì, giúp tôi lúc mới học Phật đã được nghe chánh pháp, gặp được minh sư, đi trên con đường học Phật đúng đắn. Tôi thật sự rất may mắn, gặp được nhân duyên tốt như vậy.

Lão pháp sư từng kể một chuyện thế này, một hôm có người hỏi ngài: “Pháp sư, ngài học như thế nào, có thể kể cho con biết trải nghiệm của thầy được không?” Người này muốn theo lão pháp sư học tập. Lão pháp sư nói với người đó: “Tôi học Phật 38 năm (đây là thời điểm sư phụ trả lời), con đường mà tôi lần mò tìm tòi đã đi rất vất vả. Nếu anh nghe lời tôi, đi theo con đường tôi dạy thì anh sẽ tiết kiệm được 38 năm; nếu anh đi theo con đường tôi từng đi thì 38 năm sau chưa chắc có được thành tựu giống như tôi”. Mọi người có nghe hiểu lời này hay không? Lão pháp sư đã dùng 38 năm để thực tiễn, sau cùng mới tìm thấy con đường học Phật đúng đắn. Bạn muốn đi con đường nào? Có hai con đường: một là con đường mà lão pháp sư đã từng đi 38 năm, bạn đi lại từ đầu một lần nữa, tự mình lần mò tìm tòi; hai là con đường đúng đắn có sẵn mà lão pháp sư đã tìm tòi ra.

Lão pháp sư nói với chúng ta, đức Phật đã trải qua vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, con đường mà ngài đi quá vất vả, quá oan uổng, chịu rất nhiều khổ cực, cuối cùng mới tìm ra con đường thành Phật. Ngài tìm thấy con đường, đem con đường ấy chỉ lại cho chúng ta, nhưng chúng ta không chịu tin tưởng, vẫn muốn đi theo con đường cũ mà đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã từng đi qua, lại phải trải qua vô lượng a-tăng-kỳ kiếp mà vẫn tìm không được. Bạn nói xem như vậy khờ dại, đáng thương biết bao!

Con đường thành Phật của hết thầy chư Phật là gì? Chính là một câu “A-di-đà Phật”. Sau khi trải qua vô lượng kiếp, đức Phật Thích-Ca Mâu-ni tìm ra con đường thành Phật cũng là câu “A-di-đà Phật” này, Phật Phật đạo đồng. Nếu như chúng ta có thể tiếp nhận thì gọi đó là sư thừa, sư đạo.

Bổn sư Thích-Ca Mâu-ni Phật của chúng ta trải qua vô lượng kiếp mới phát hiện ra, nếu chúng ta ngay đây liền tiếp nhận thì lập tức thành công, địa vị bình đẳng với ngài. Ngài thành Phật, chúng ta cũng thành Phật, mà còn thành Phật bình đẳng. Khó tin, thật sự khó tin! Có biết bao người hoài nghi, có thể là thật sao? Làm gì có chuyện tốt đẹp lại dễ dàng như vậy?

Thật sự có chuyện tốt như vậy, nguyên lý là gì? Nguyên lý đó là dùng phương pháp niệm Phật để tu tâm thanh tịnh. Kinh nói: *“tín tâm thanh tịnh, ắt sanh thật tướng”*. Vô lượng vô biên kinh điển mà Phật thuyết, toàn bộ là từ trong tâm thanh tịnh tự nhiên hiển lộ ra. Tâm của chúng ta thanh tịnh rồi thì sẽ giống như tâm của Phật, hết thấy kinh điển cũng như vậy, sẽ từ trong tự tánh của chúng ta mà hiển lộ ra, sao có thể không hiểu, không sáng tỏ cho được? Cho nên người xưa nói: *“Một kinh thông, hết thấy kinh thông”*.

Lão pháp sư từng nói một đoạn thế này: “Một kinh thông tức là quyết một lòng học một bộ kinh. Hiện nay tôi giảng kinh trên toàn thế giới chỉ giảng bộ kinh Vô Lượng Thọ này, những kinh khác tôi đều không giảng nữa. Vì sao vậy? Những kinh khác đều là hạng hai, hạng ba, hạng bốn. Hiện nay tôi chỉ muốn giảng bộ hạng nhất. Trước đây giảng rất nhiều kinh điển là bởi vì chưa phát hiện ra, chưa biết món hàng, chưa tìm ra được. Bây giờ tìm được rồi, mới biết rằng ngay cả kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa đều là hạng hai, những kinh điển hạng ba tôi không giảng nữa. Bộ kinh này thực sự là kinh đệ nhất mà chư Phật Như Lai tự độ hóa tha”.

Đoạn này bạn nghe hiểu không? Nghe hiểu rồi thì bạn sẽ thể hội được, bạn học tập bộ kinh điển này chính là “trụ chân thật huệ”, cái bạn có được là lợi ích chân thật. Bạn sẽ cảm nhận được lợi ích viên mãn, thẳng tắt, rất ráo.

“Nhất siêu trực nhập, tối cực viên đốn”, hàm nghĩa của tám chữ này vô cùng sâu rộng. Chúng ta tỉ mỉ thể hội thì mới đạt được lợi ích thật sự. “Nhất siêu”, không những là siêu mà còn phải “trực nhập”, không rẽ queo. Kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa đều rẽ queo, chỉ có pháp môn này mới trực tiếp đi vào. Đây là pháp môn bất nhị giúp hết thấy chư Phật thành Phật, đương nhiên cũng là pháp môn bất nhị giúp chúng ta thành Phật.

Lão pháp sư từng nói rằng, người đệ nhất đẳng sẽ đọc một bộ kinh, đây là bậc thượng thượng căn, hết thấy chư Phật đều kính trọng người này, bởi vì thật hiếm có. Một đời đọc một bộ kinh là tinh chuyên. Người đệ nhị đẳng sẽ đọc hai ba bộ kinh.

Người đệ tam đẳng sẽ đọc năm sáu bộ kinh, đọc càng nhiều thì thứ hạng càng thấp. Lão pháp sư khuyên mọi người như thế này: “Nếu như quý vị là người đệ nhất đẳng thì một đời chỉ thọ trì một bộ kinh, kinh Vô Lượng Thọ hoặc kinh A-di-đà. Nếu như là người đệ nhị đẳng thì khuyên quý vị thọ trì Tịnh độ ngũ kinh. Nếu là người đệ tam đẳng thì học thêm Tịnh Độ Thập Yếu, Ấn Quang Đại Sư Văn Sao. Nếu như vẫn cảm thấy chưa đủ thì tôi không nói gì nữa, vì đời này chưa chắc bạn có thể vãng sanh được.”

Lão pháp sư còn nói: “Nếu như tôi dạy quý vị đi theo con đường mà tôi từng đi, vậy thì tôi có lỗi với quý vị. Tương lai nếu quý vị thực sự giác ngộ thì sẽ mắng tôi, sẽ cảm thấy tôi thật đáng ghét, rõ ràng có con đường gần mà không dạy quý vị, lại dạy quý vị đi rất nhiều đường vòng vèo quanh co. Quý vị sẽ hận tôi, là tôi có lỗi với quý vị”. Cũng giống như hết thầy chư Phật tìm ra được con đường thành Phật, hôm nay chư Phật nói cho chúng ta biết, nếu chúng ta lập tức tiếp nhận thì chư Phật Bồ-tát đều khâm phục thiện căn, phước đức, nhân duyên của chúng ta quá tốt! Chư Phật phải dùng vô lượng kiếp, mà chúng ta lại chẳng tốn chút công nào liền có thành tựu ngay lập tức, thành quả lập tức tương đương với các ngài, Phật, Bồ-tát cũng bội phục, đích thực là không thể nghĩ bàn.

Lão pháp sư vô cùng từ bi, ngài đã nói hết tất cả, nếu như chúng ta còn nghe chưa hiểu, vẫn thờ ơ chẳng chịu làm, vậy thì thật sự là Nhất-xiển-đề. A-di-đà Phật cũng chỉ đành nhìn rồi thở dài mà thôi.

Trước khi chính thức giảng kinh mà tôi lại nói nhiều lời thừa với mọi người như vậy, thật sự có chút không đành lòng. Có đồng tu có thể sẽ nói: “Thưa cô, nếu như cô đã biết là lời thừa, tại sao còn nói ra?” Ôi, bắt đắc dĩ phải làm như vậy. Nói lời thật thì người ta không tin! Vậy thì phải làm sao? Phải dùng những lời thừa để lót đường, mở đường, dọn dẹp đường xá, quét đi chướng ngại cho lời nói thật ở phía sau. Hy vọng sau khi phúc giảng viên mãn kinh Vô Lượng Thọ lần thứ hai này, sẽ càng có nhiều đồng tu khai ngộ, chứng quả.

Có mấy bài kệ tụng, xin tặng cho mọi người:

*“Cha hiện thức tình con  
Chọn đúng cửa nhà mình  
Đã có đường về nhà  
Đừng đi đường vòng nữa”.*

*“Đệ nhất kinh Vô Lượng Thọ  
Quý vị đồng tu phải nhớ kỹ  
Độ chúng sanh chín ngàn năm mạt pháp  
Chính là nhờ vào bộ kinh này”*

*“Nhân duyên của bạn rất thù thắng  
Kiếp này gặp được bộ kinh này  
Nhất thiết trân trọng đừng bỏ lỡ  
Đời này nhất định tới Cực Lạc”.*

Có vài chuyện tôi muốn thông báo với mọi người một chút. Chuyện thứ nhất đó là bản thảo phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ lần thứ hai, ngày 12/05/2020 tôi bắt đầu cầm bút viết. Bây giờ đã nửa năm trôi qua, tôi đã viết xong tập thứ năm mươi, mười bảy phẩm đầu tiên, phía sau còn ba mươi một phẩm tôi vẫn chưa viết, thậm chí còn phải viết bao nhiêu tập tôi cũng không biết, hết thầy tùy duyên, tôi tính toán sơ bộ hoàn thành toàn bộ bản thảo thì được khoảng 100 tập. Từ hôm nay trở đi tôi gác lại chuyện viết bản thảo, tập trung tinh lực giảng tốt 50 tập đã viết xong bản thảo. Đợi thu âm, ghi hình xong tôi sẽ tiếp tục viết. Lần thứ hai phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ, tôi không định dùng phương thức này để gặp mọi người, vốn là dự định viết xong bản thảo sẽ niêm phong lại đợi có lúc cần dùng. Thậm chí là nhiều năm về sau dùng phương thức như thế nào để gặp mọi người thì đó là chuyện của người kế nhiệm, hết thầy tùy duyên!

Lần này tạm thời quyết định phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ lần hai là vì muốn hồi hướng cho ân sư thượng Tịnh hạ Không của tôi, thỉnh cầu sư phụ trụ thế độ chúng sanh. Ân đức dạy bảo Phật pháp của ân sư lúc này không báo đáp thì còn đợi đến lúc nào? Tôi chỉ có hai bàn tay trắng không có gì hết, [nhưng] hai bàn tay trắng này không gì không có, tôi đem thứ tốt nhất mà tôi có, y giáo phụng hành cúng dường sư phụ, tôi tin rằng sư phụ nhất định sẽ rất vui.

Chuyện thứ hai đó là bệnh tim của thầy Vu Thế Kiệt tái phát, bác sĩ dặn dò phải tĩnh dưỡng, nếu không lúc phát bệnh không cứu chữa kịp thời dễ đột tử. Để đảm bảo thầy ấy yên tâm tĩnh dưỡng, điều chỉnh thân tâm, phòng làm việc của Sư Tử Hồng tạm thời đóng cửa một thời gian, lúc nào mở cửa lại thì phải xem tình hình sức khỏe của thầy rồi mới quyết định. Việc thu âm, ghi hình lần phúc giảng thứ hai

này là nhờ vào ba bạn trẻ không chuyên nghiệp, là người mới vào nghề, bồi dưỡng thành nhân tài mới, én con sớm muộn rồi cũng bay cao. Tôi nói với các bạn ấy rằng: “Chỉ cần các con nghiêm túc nỗ lực làm, như thế nào thì ghi như thế ấy, thế nào cũng được. Quay xong năm mươi tập rồi, các con sẽ thành chuyên gia”.

Chuyện thứ ba: Tiểu viện Lục Hòa là đạo tràng trì danh niệm Phật nội tu, nhân viên của sáu mảng tổng cộng là 19 người, nhân viên công ty, nhân viên nông trường thì chiếm khoảng hơn 10 người. Số người không ra nông trường làm việc không quá 5 người, chính là mấy người lớn tuổi như chúng tôi, sức khỏe không tốt. Hiện tại tiểu viện Lục Hòa không có đủ điều kiện tiếp đón người bên ngoài, hiện nay vẫn đang trong giai đoạn vận hành, chúng tôi phải nội tu một thời gian, vừa mới thành lập, hy vọng quý vị đồng tu không nên gấp gáp.

Ngoài ra, cho dù là đạo tràng lớn cũng được, đạo tràng nhỏ cũng được, nhất định phải tuân thủ pháp luật của đất nước và các ngành có liên quan, đệ tử Phật càng phải dẫn đầu tuân thủ quy tắc, không thể muốn làm gì thì làm, mạnh ai nấy làm. Nhớ kỹ: “Không làm quốc tặc, không phạm quốc chế, không báng quốc chủ, không trốn quốc thuế”, làm công dân tốt tuân thủ kỷ cương pháp luật.

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây, nhưng nhất thời lại tăng thêm một nội dung, sáng sớm hôm nay lúc nhiều Phật [mọi người] có nói với tôi: hát bài tiểu viện Lục Hòa và bài Tĩnh Thế cho sư phụ nghe, hát cho bạn bè đồng tu nghe, hát cho hết thầy chúng sanh khổ nạn trong hư không pháp giới nghe. Tôi luôn hát sai nhạc, nếu hôm nay bảo hát thì hy vọng hát không sai nhạc, chỉ cần sư phụ ngài nghe được cảm thấy vui vẻ thì tôi hát sai cũng không sao.

Sau đây chúng tôi hát cho sư phụ nghe bài **Tĩnh Thế**:

“Biển đêm mênh mông một thuyền pháp  
Cứu độ chúng sanh lìa khổ nạn  
Là ai ngàn tay lại ngàn mắt  
Quán Âm Bồ-tát đứng đầu thuyền - đứng đầu thuyền  
Là trợ thủ giỏi của A-di-đà Phật  
Giúp Phật tiếp dẫn vô lượng vô biên chúng sanh  
Nhiều đời nhiều kiếp hiện thân Bồ-tát  
Vô lượng kiếp nay không biết mệt mỏi - không biết mệt mỏi  
Chúng ta phải học Quán Âm Bồ-tát

Đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn  
Mở rộng tâm lượng buông xuống tiểu ngã  
Đường hoàng hộ pháp mới thông đạt - mới thông đạt  
Đại nạn hiện nay cộng nghiệp chiêu cảm  
Tai nạn đều do lòng người bất thiện  
Chúng ta mê hoặc mau mau thức tỉnh  
Cứu mình cứu người phải phát nguyện lớn - phát nguyện lớn  
Chúng sanh mạng pháp khổ lắm thay  
Thập phương chư Phật đến cứu độ  
Cứu độ chúng sanh dựa vào gì  
Chỉ một bộ kinh Vô Lượng Thọ - kinh Vô Lượng Thọ  
A-di-đà Phật là vua trong các pháp  
Vạn pháp đều trong câu Phật hiệu  
Một câu Phật hiệu niệm chín ngàn năm  
Chúng sanh đắc độ trở về nhà - trở về nhà  
Đừng nhận lầm đường trở về nhà  
Một câu Di-đà thật thà niệm  
Cha hiền từ bi luôn ngóng đợi  
Mong con mau chóng trở về nhà - trở về nhà  
Về nhà đi đừng tham luyện nữa  
Quay thuyền từ trở lại Ta-bà  
Ta-bà có huynh đệ tử muội của con  
Còn đang trôi lặn trong biển khổ - trong biển khổ  
Tiểu viện Lục Hòa ta cùng xây  
Chúng sanh đều là người tiểu viện  
Tiểu viện Lục Hòa pháp giới cùng hưởng  
Không phải khẩu hiệu mà trọng thực tiễn - trọng thực tiễn  
Con đường Lục hòa không có điểm cuối  
Đời này lại truyền cho đời sau  
Nhân loại sanh tồn cần hòa hợp  
Dù khó cũng phải tiến về phía trước - tiến về phía trước  
Tiểu viện Lục Hòa không tầm thường  
Bồ-tát sinh sống trong tiểu viện

Liên trì hải hội lại gặp nhau  
Trong nước An Dưỡng vui sum vầy - vui sum vầy  
Tự sáng tác, tự hát bài ca Tinh Thế  
Nguyện mong hết thảy đều thành Phật  
Chúng sanh thành Phật là đại nguyện của ta  
Chúng sanh thành Phật tâm ta vui vẻ - tâm ta vui vẻ”.

Sau đây là hát bài **Tiểu viện Lục Hòa**

“Tiểu viện Lục Hòa hòa thuận vui vẻ  
Đồng tâm hiệp lực cùng xây lục hòa  
Công bằng, công khai người người hoan hỷ  
Công chánh, công đạo người người xưng tán - người người xưng tán  
Người có nơi ở, già có nơi dưỡng  
Tâm có nơi tựa, chết có nơi về  
Nỗi lo về sau đều được giải trừ  
Hiếu thân tôn sư đời đời tương truyền - đời đời tương truyền  
Chúng sanh đau khổ không lời nào tả xiết  
Mau chóng bước lên thuyền đại pháp  
Thuyền pháp đưa về Cực Lạc  
Nhìn thấy Di-đà miệng tươi cười - miệng tươi cười  
Học Phật phải học sao vui vẻ  
Chau mày ủ dột đừng học Phật  
Người người đều sanh tâm hoan hỷ  
Tiểu viện Lục Hòa thật tường hòa - thật tường hòa  
Tiểu viện Lục Hòa là nhà ta  
Nhà yêu ta rồi ta yêu nhà  
Huynh đệ tử muội trong nhà đông  
Người nào cũng niệm A-di-đà - niệm A-di-đà  
Đến ếch cũng niệm A-di-đà  
Chim nhỏ vui hót A-di-đà  
Chúng sanh một thể sống hòa hợp  
Chúng ta ở đây chính là Cực Lạc - chính là Cực Lạc  
Vui vẻ mỹ mãn đại gia đình

Người người trong tâm đều vui vẻ  
Chí đồng đạo hợp bạn đạo tốt  
Mục đích cuối cùng là về Cực Lạc - về Cực Lạc  
Ngày ngày chúng ta niệm Di-đà  
Ngày ngày chúng ta ở Cực Lạc  
Cực Lạc ở ngay trước mắt ta  
Đừng tới nơi khác tìm Cực lạc - tìm Cực lạc  
Chúng ta đều là người Cực Lạc  
Tương lai đều tới nước Cực Lạc  
Tiểu viện Lục Hòa nơi tiếp dẫn  
Đưa bạn đến gặp A-di-đà - A-di-đà  
Chúng ta đến từ đông tây nam bắc  
Tiếng địa phương không đổi mà tâm linh vẫn tương thông  
Tiểu viện Lục Hòa pháp giới cùng hưởng  
A-di-đà Phật nhớ kĩ ở trong tâm - nhớ kĩ ở trong tâm”.

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây. Cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!



## TẬP 2

Chư vị đồng tu tôn kính, xin chào mọi người. A-di-đà Phật!

Từ hôm nay trở đi, chúng tôi chính thức bắt đầu phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ lần thứ hai. Tôi vô cùng vui mừng muốn nói cho mọi người biết, lúc tôi viết bản thảo bài giảng tập 1, lại một lần nữa cảm nhận được sự gia trì từ oai thần của chư Phật Như Lai, cảm nhận được sự thân thiết chân thực này khiến tôi vui mừng phấn khởi, tín tâm tăng gấp bội.

Tôi tin chắc có sự từ bi gia trì của mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai, có sự từ bi che chở của thiên long hộ pháp và chư thiện thần hộ pháp, có sự hộ trì mạnh mẽ của đoàn thể hộ pháp nhìn thấy được và không nhìn thấy được ở đạo tràng, có sự ủng hộ và khích lệ của đông đảo đồng tu, lần phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ thứ hai nhất định sẽ thành công viên mãn. Dem công đức giảng kinh này hồi hướng cho sư phụ, cầu nguyện sư phụ trụ thế độ chúng sanh, đây là động lực lớn nhất giúp tôi phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ lần thứ hai. Hôm nay bắt đầu giảng đề kinh.

Lần phúc giảng đầu tiên vào năm 2018 tôi đã giảng qua đề kinh này, lần này tôi vẫn phải giảng, tại sao vậy? Không chỉ kinh văn có vô lượng ý nghĩa, mà đề kinh cũng có vô lượng ý nghĩa. Vô lượng ý nghĩa này có giảng vô lượng kiếp cũng giảng không hết. Lần này chúng ta từ một góc độ khác, từ một cấp bậc khác mà giải thích đề kinh này, mục đích là giúp cho quý vị đồng tu có sự lý giải và nhận thức càng phong phú, càng sâu sắc hơn đối với đề kinh này. Đối với kinh văn, có giảng sâu, có giảng cạn; đối với đề kinh cũng như vậy, có giảng sâu, có giảng cạn. Như vậy thì chúng sanh căn tánh khác nhau, cấp bậc khác nhau đều có được thu hoạch, có được lợi ích trong đó, chứ không ra về tay trắng.

### **PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH**

Đề kinh này “độc cụ đặc sắc”. Độc cụ chính là độc nhất vô nhị, đặc sắc chính là khác biệt với các bộ kinh khác.

Điểm đặc sắc thứ nhất: đề kinh của bản kinh này là do hội tập mà thành. Kinh văn trong bộ kinh này là hội tập, đề kinh cũng là hội tập, là bản hội tập danh xưng với thực.

Điểm đặc sắc thứ hai: trình độ hội tập đề kinh này khiến người tán thán chẳng ngớt. Hội tập vô cùng tự nhiên, không chêm vào đâu được, thật đúng là bút tích như thần.

Kinh Vô Lượng Thọ tổng cộng có mười hai bản dịch. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư không lấy đề kinh của bản dịch thời Tống là “Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh” mà lấy một đề kinh khác là “Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm”, sau đó lại lấy đề kinh của bản dịch thời Hán là “Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh”. Kết hợp lại thành “*Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh*”, đề mục này đặt hay biết bao! Mười hai bản dịch, bản dịch thời Hán là bản dịch sớm nhất, bản dịch thời Tống là bản sau cùng, hội tập đề kinh của hai bản dịch này thành một, ý nghĩa đề kinh của mười hai bản dịch đều được hàm nhiếp viên mãn ở trong đó. Thật sự là quá vi diệu, quá tuyệt vời! Nếu như không phải là người tái lai thì ai có thể hội tập đề kinh cực kì hay như vậy!

Điểm đặc sắc thứ ba: y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc đã được hiển lộ rất rõ ràng ở trong đề kinh. Điều này thật đáng quý! Nội đề kinh thôi cũng đã thu hút người khác rồi, nơi tốt như vậy ai mà không muốn đi chứ! Đề kinh này chẳng khác nào là thể lệ chiêu sinh của thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Điểm đặc sắc thứ tư: những gì chúng ta học, chúng ta tu, chúng ta hy vọng chúng đắc, toàn bộ đều nằm trong đề kinh này. Khiến chúng ta vừa đọc đề kinh này sẽ thấy một cảm giác rất thân thiết. Đặc biệt là đối với những đồng tu tu học pháp môn Tịnh độ niệm Phật mà nói, quý vị có cảm giác đang trở về nhà không? Tôi sẽ giải thích cụ thể một chút đề kinh này. Có thể chia làm tám đoạn để giải thích:

Thứ nhất là “**Phật**”.

Chữ đầu tiên trong đề kinh là “Phật”. “Phật” là dịch âm từ tiếng Phạn của Ấn Độ, là tên gọi tắt của Phật-đà trong tiếng Phạn. Trong chữ Hán của Trung Quốc vốn không có chữ Phật này, sau khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc, lúc đó văn tự của Trung Quốc không đủ dùng để phiên dịch kinh Phật, có rất nhiều ý nghĩa mà trong

từ vựng của chúng ta không có, vì thế đã tạo ra không ít chữ mới để phù hợp với nhu cầu phiên dịch kinh điển. Chữ Phật chính là từ mới tạo ra. Chữ Phật không có bộ nhân bên cạnh là chữ thời xưa, trước đó đã có rồi, âm đọc khá giống. Người Ấn Độ gọi Phật là bậc đại giác, cho nên mới mượn chữ Phật này, thêm một chữ nhân bên cạnh thì trở thành chữ “Phật”, trở thành danh từ chuyên dùng cho Phật giáo.

“Phật là bậc giác ngộ”, giác là đối với mê mà nói, mê tức là chúng sanh. Ba loại giác viên mãn thì gọi là Phật-đà. Phật có nghĩa là “trí”, cũng có ý nghĩa là “giác”, trí là thể, giác là dụng. Không có trí tuệ thì không giác, không có trí tuệ thì mê hoặc điên đảo. Thể và dụng không hai, dụng đương nhiên bao hàm thể. Ý nghĩa của Phật chính là bậc giác ngộ, là bậc giác ngộ rốt ráo viên mãn thấu triệt vũ trụ nhân sinh. Đối với bản thể, hiện tượng, tác dụng, quá khứ, hiện tại, vị lai của nhân sinh, không gì không giác, chẳng chút mê hoặc. Người như vậy, mọi người tôn xưng ngài là Phật. Hay nói cách khác, Phật là chúng sanh có đầy đủ viên mãn ba loại giác, chúng sanh là Phật chưa giác.

“Giác” có ba loại: thứ nhất là “tự giác”, thứ hai là “giác tha”, thứ ba là “giác mãn”. “Tự giác” là nói phàm phu chưa giác ngộ như chúng ta. Phàm phu mê hoặc điên đảo là chưa giác. Phàm phu trong lục đạo, không chỉ là cõi người, mà bao gồm chư thiên. Kinh Phật nói có 28 tầng trời, chia làm Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới. Thiên nhân trong 28 tầng trời này đều mê mà chưa giác. Quý vị đồng tu, quý vị nhất định không nên cho rằng “tôi giác, tôi không mê”, quý vị làm sao lại không mê cho được? Chỉ dựa vào câu nói này của quý vị cũng đủ thấy quý vị vô cùng mê rồi. Thiên nhân còn mê hoặc điên đảo, những cõi dưới cõi trời thì càng không cần nói tới, càng mê sâu hơn!

Người như thế nào mới không mê? Phật nói, chúng quả A-la-hán mới được xem là không mê, là tứ quả La-hán của Tiểu thừa. Trong Đại thừa thường nói rằng, thực sự không mê là từ Sơ trụ trở lên. Bồ-tát Sơ trụ phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, thật sự không mê, thật sự giác rồi.

Hôm nay chúng ta đặt tiêu chuẩn thấp nhất, đó là bậc tứ quả La-hán của Tiểu thừa, đoạn hết kiến tư phiền não mới được xem là tự giác, giác ngộ, không còn mê hoặc. Trong kinh đức Phật nói với chúng ta, nhất định phải chứng đắc tứ quả La-hán thì mới có thể tin vào tư tưởng, kiến giải của chính mình không có sai lầm. Hay nói cách khác, [người chúng] tam quả không dám nói rằng cách nhìn, cách nói của tôi

không sai. Chúng đắc tứ quả La-hán mới có thể nói tư tưởng, kiến giải, ngôn ngữ, hành vi của chính mình không có sai lầm. Có thể thấy tiêu chuẩn này thực sự cao, nếu như chúng ta biết chính mình mê hoặc điên đảo, biết chính mình không giác thì có sự trợ giúp rất lớn đối với sự tu học. Biết sai là cái gốc để sửa sai, chính mình biết khiêm tốn, biết chính mình chưa được cho nên phải nghiêm túc nỗ lực tu học.

Người trên thế gian vì sao lại xem thường Phật pháp? Tại sao lại không muốn học Phật? Chính bởi vì họ cho rằng bản thân rất giỏi rồi, sự thông minh tài trí của họ đã vượt xa mọi người, thậm chí cho rằng trí tuệ năng lực của họ vượt hơn chư Phật Bồ-tát. Tư tưởng kiến giải như vậy thì họ làm sao có thể tiếp nhận thánh giáo của chư Phật Bồ-tát! Đây là sự khác biệt giữa giác và không giác.

Kinh Viên Giác nói rằng, hết thấy chúng sanh vốn dĩ là Phật, nhưng vì mê mất chính mình mà trở thành phàm phu. Phật thuyết pháp 49 năm, không ngoài dạy chúng ta khôi phục bản lai diện mục, phá bỏ mê hoặc của chính mình mà thôi. *“Viên mãn Bồ-đề rồi, rốt cuộc không có gì đạt được”*.

Thứ hai là “giác tha”. Giác tha nhằm phân biệt với người tự giác. Thánh giả Tiểu thừa là Tự giác, không chịu giác tha, chỉ lo hoàn thiện bản thân, không quan tâm người khác, tâm lượng nhỏ, tâm từ bi nhỏ, nếu như quý vị có duyên tìm họ, họ cũng chịu dạy quý vị; nếu vô duyên thì họ sẽ không giúp đỡ. Bồ-tát Đại thừa tự giác giác tha, làm người bạn không mời, tâm lượng lớn, chủ động hoằng pháp, không sợ cực khổ. Chính mình giác ngộ, chính mình đạt được lợi ích thật sự của Phật pháp, còn phải giúp đỡ người khác, hy vọng ai cũng có thể đạt được, đây là Bồ-tát Đại thừa. Không giống như Bồ-tát Tiểu thừa, Bồ-tát Đại thừa có thể chủ động đi giúp người khác, tuyệt đối không tự tư tự lợi. Bồ-tát Đại thừa giác hạnh còn chưa viên mãn, sau khi viên mãn thì liền thành Phật.

Thứ ba là “giác mãn”. Bồ-tát mặc dù tự giác giác tha, nhưng chưa viên mãn, không chỉ giác tha chưa viên mãn mà tự giác cũng chưa viên mãn. Người Tiểu thừa tự giác, chỉ là đoạn trừ kiến tư phiền não; vẫn chưa phá trần sa, vô minh. Bồ-tát mặc dù có thể phá trần sa, có thể đoạn trừ vô minh, nhưng vô minh không thể đoạn trừ tận gốc cho nên chưa viên mãn.

Vô minh tổng cộng có 41 phẩm, phá một phẩm chính là Pháp thân Đại sĩ. Cho nên nghiêm túc mà nói, trong pháp Đại thừa, Bồ-tát có 41 giai vị. Phá được hết 41 phẩm vô minh thì giác hạnh viên mãn. Giác mãn chính là chứng Phật quả rốt ráo.

Cho nên chữ Giác có ba ý nghĩa, chính là ba quả vị tu học trong Phật pháp, ba loại thành tựu. Ví dụ như trường đại học hiện nay có ba học vị: cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ. Tự giác chứng quả vị A-la-hán, cũng giống như cử nhân; giác tha chứng quả vị Bồ-tát, giống như thạc sĩ; giác mãn là đã viên mãn, chứng được quả vị Phật, cũng giống như tiến sĩ, không còn quả vị nào cao hơn nữa, đây là quả vị cao nhất trong nhà Phật. Chữ Phật trong đề kinh chính là Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật. Ngài đã chứng được quả vị rốt ráo, đó là tự giác, giác tha viên mãn, chúng ta tôn xưng ngài là Phật. Thích-ca Mâu-ni Phật là danh hiệu của ngài.

Chư Phật Bồ-tát vốn không có danh hiệu. *“Tên có thể gọi được không phải là tên thường hằng; Đạo có thể nói được không phải đạo thường hằng”*, Bồ-tát làm gì có danh hiệu? Kiến lập danh hiệu của chư Phật Bồ-tát không giống với người thế gian chúng ta đặt tên. Người thế gian đặt tên đều là kỳ vọng chính mình, hy vọng tương lai danh xứng với thực. Danh hiệu của chư Phật Bồ-tát là đại biểu cho tôn chỉ giáo hóa của các ngài. Cũng giống như dạy học ở trường, bạn dạy ngữ văn, mọi người gọi bạn là giáo viên dạy văn; bạn dạy toán học, mọi người gọi bạn là giáo viên dạy toán. Thêm vào danh hiệu liền biết bạn dạy môn nào. Đức Phật là hiệu trưởng, Bồ-tát là giáo viên, hiệu trưởng phải đại biểu cho toàn bộ tôn chỉ giáo dục.

Thời đại của Thích-ca Mâu-ni Phật cũng là thời đại mà ngài giáo hóa, cũng chính là giai đoạn trước mắt. Chúng sanh hiện nay không có tâm yêu thương, không có tâm đồng cảm, tự tư tự lợi. Cho nên tôn chỉ giáo dục của đức Phật phải dùng chữ “Thích-ca”. Thích-ca là tiếng Phạn, có nghĩa là nhân từ.

Phật giáo chính là dạy con người coi trọng nhân từ, năng nhân, đối đãi với chúng sanh phải nhân từ. Đối với chúng ta mà nói, thói quen xấu lớn nhất chính là tán loạn, từ sáng đến tối nghĩ ngợi lung tung. Đây là nguồn gốc căn bệnh lấy mạng chúng ta! Tôn chỉ giáo dục của đức Phật, đối với chính mình phải “Mâu-ni”. Hai chữ “Mâu-ni” này, dùng lời hiện nay mà nói tức là tâm địa thanh tịnh, dịch thành “tịch tĩnh”. Thích-ca Mâu-ni chính là “nhân từ thanh tịnh”. Có thể thấy tôn chỉ giáo dục của đức Phật hoàn toàn được tỏ rõ ở trong danh hiệu.

Ý nghĩa của Thích-ca Mâu-ni chúng ta hiểu rồi, phía trước tại sao lại phải thêm vào hai chữ “Bổn sư”? Bởi vì giáo dục Phật giáo trong giai đoạn này là do ngài lập ra, ngài là người thầy hướng dẫn sớm nhất của chúng ta, cho nên chúng ta cũng gọi ngài là “vị thầy căn bản”. Từ trên xung hô này chúng ta hiểu được, Phật giáo là giáo dục mà Thích-ca Mâu-ni Phật dùng để dạy hết thầy chúng sanh, Phật giáo không phải là tôn giáo.

Kinh Vô Lượng Thọ là bộ kinh mà mười phương ba đời hết thầy chư Phật Như Lai tận thuyết. Phải chú ý! Thế nào gọi là tận thuyết? Tức là không có một vị Phật nào mà không tuyên thuyết. Do đó chữ Phật trong đề kinh cũng biểu thị mười phương ba đời hết thầy chư Phật [thuyết], chứ không phải chỉ một mình Thích-ca Mâu-ni Phật thuyết. Chữ Phật này hàm nghĩa sâu rộng vô tận. Chúng ta tạm nói tới đây thôi.

Thứ hai là chữ “**Thuyết**”.

*“Duyệt là vui mừng được như lòng mong mỏi. Phật lấy việc độ sanh làm nguyện, nay chúng sanh cơ duyên chín muồi, có thể tiếp nhận đại pháp Tịnh độ, giải thoát rốt ráo, nên đã thỏa mãn tâm nguyện của ngài”.*

Giải thích cho đoạn này như sau: chữ “thuyết” và chữ “duyet” trong từ “hỷ duyệt”, vào thời xưa là cùng một chữ, hiện nay gọi là chữ đa âm. “Thuyết” nghĩa là hỷ duyệt. Nếu như ngài không hoan hỷ thì sẽ không nói. Bởi vì ngài hoan hỷ cho nên mới nói với chúng ta, hơn nữa còn nói một cách chi tiết rõ ràng. Không phải có câu nói như thế này hay sao: “Nói chuyện không hợp nửa câu cũng là nhiều”, nhất định là khi vô cùng hoan hỷ thì mới nói nhiều như vậy. Thuyết pháp có nghĩa là “duyet sở hoài”. Hoài là nguyện vọng trong lòng. Nguyện vọng sắp được thực hiện, cuối cùng cũng đợi được đến ngày này, làm sao mà không hoan hỷ cho được!

Nguyện vọng của Phật là độ hóa chúng sanh, dạy dỗ chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Giáo hóa chúng sanh là nguyện vọng duy nhất của đức Phật, chú ý hai chữ “duy nhất” này. Thầy muốn dạy nhưng chúng sanh không chịu học, vậy thì hết cách. Đức Phật muốn dạy chúng sanh, ngài có tâm tốt này nhưng chúng sanh không chịu tiếp nhận, cũng là uổng công. Học sinh nhất định phải hoan hỷ tiếp nhận thì thầy cô mới hoan hỷ dạy học, đây gọi là “thầy trò đạo hợp”. Đây là chuyện vui nhất trên đời. Niềm vui này không phải người thông thường có thể hiểu được. Người xưa có câu: “*Gặp và được dạy anh tài trong thiên hạ là niềm vui*”. Hiện

nay đức Phật nhìn thấy cơ duyên của chúng sanh đã chín muồi, hoan hỷ tiếp nhận, đặc biệt là có thể tiếp nhận giáo học Tịnh độ, đức Phật thật sự là hoan hỷ không gì bằng.

Trong kinh Vô Lượng Thọ chúng ta thấy được, trong cuộc đời của đức Phật, ngài giảng bộ kinh này cảm thấy vui hơn so với giảng bất kỳ bộ kinh nào khác, thực sự là niềm vui thù thắng không gì sánh được. Tại sao vậy? Bởi vì bộ kinh này là “hết thấy chúng sanh ngay đời này thành tựu giải thoát rốt ráo”. Câu nói này quá quan trọng, chúng ta chia làm ba đoạn để giảng: hết thấy chúng sanh là phạm vi; đời này thành tựu là thời gian; giải thoát rốt ráo là Phật quả viên mãn. Không so sánh thì không biết, vừa so sánh thì mới biết được bộ kinh này thật tuyệt diệu, đúng là tuyệt không thể tả! Những kinh điển khác, giải thoát không rốt ráo. Đừng nói đâu xa, kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa là nhất thừa giải thoát rốt ráo, tuy nhiên phải có điều kiện, bạn phải là bậc thượng thượng căn mới được, người có căn tánh thông thường không thể tu học.

Bậc thượng thượng căn tu học có thể đạt được quả vị pháp thân Bồ-tát, [nhưng] không thể thành Phật. Nếu như niệm Phật vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, không bao lâu sau liền có thể viên mãn thành Phật. Cho nên pháp môn niệm Phật mới thực sự giải thoát. Kinh Hoa Nghiêm nếu như không có thập đại nguyện vương ở sau cùng dẫn về Cực Lạc thì Hoa Nghiêm sẽ không rốt ráo. Cho nên, trong hết thấy kinh điển thì bộ kinh Vô Lượng Thọ này thù thắng không gì bằng. Hiện nay, đức Phật thấy cơ duyên của chúng sanh đã chín muồi, có thể tiếp nhận pháp môn này, đức Phật vui mừng biết bao! Vô lượng kiếp đến nay, ngài chỉ đợi ngày này, cuối cùng cũng đợi được, ngài vui mừng biết bao! *“Vì thế, nay mới vui mừng nói ra, thỏa mãn tâm nguyện của mình”*, bổn nguyện của ngài đã đạt được.

Đại sư Ngẫu Ích có chú giải chữ “thuyết” này trong “Yếu Giải”. “Yếu Giải” là chú giải của kinh A-di-đà. Kinh A-di-đà và kinh Vô Lượng Thọ là cùng một bộ kinh, do đó chú giải kinh A-di-đà hoàn toàn có thể dùng cho kinh Vô Lượng Thọ. Ngài giải thích chữ thuyết trong đề kinh “Phật Thuyết A-di-đà Kinh” như thế này: *“Phật lấy việc độ sanh làm nguyện vọng, cơ duyên chúng sanh thành Phật đã chín muồi”*, so sánh với câu *“ngày nay cơ duyên của chúng sanh đã chín muồi”* vừa nói phía trước, thì giữa “chúng sanh” và “cơ duyên chín muồi” ngài thêm hai chữ “thành Phật”, thể hiện cơ duyên thành Phật của chúng sanh đã chín muồi. *“Vì thuyết*

*pháp môn khó tin, khiến được giải thoát rốt ráo, nên hoan hỷ vậy*”. Chân thật viên mãn rốt ráo như đại sư Ngẫu Ích đã nói, trong chú giải kinh Vô Lượng Thọ nói càng triệt để rõ ràng. Pháp môn niệm Phật là nói cho người cơ duyên thành Phật đã chín muồi, đương nhiên người có thể tin tưởng pháp môn niệm Phật này rất ít, là “pháp môn khó tin” mà, chúng sanh cơ duyên thành Phật chưa chín muồi sẽ không tin pháp môn này, chuyện này không có gì làm lạ.

Thử nhìn những người xung quanh chúng ta, có giống dáng vẻ sắp thành Phật hay không? Không giống thì tự nhiên họ sẽ không phải là người có cơ duyên với pháp môn niệm Phật. Pháp môn niệm Phật là nói cho người có cơ duyên thành Phật chín muồi. Chúng ta hỏi lại chính mình, có phải là sắp thành Phật hay không? Quý vị đồng tu, có vị nào giống dáng vẻ sắp thành Phật không? Cho nên đây là pháp môn khó tin, thật sự khó tin! Ít người tin tưởng pháp môn niệm Phật cũng là chuyện đương nhiên.

Người một đời này có thể thành Phật đích thực không nhiều, nhưng người có duyên với pháp môn niệm Phật thì rất nhiều, kết pháp duyên này, đời này không thành tựu thì đời sau. Phải đợi đến khi nào thì cũng khó mà nói được, có thể là vô lượng kiếp về sau mới có cơ hội gặp lại. Trong kinh nói rằng, trong vô lượng kiếp chúng ta từng cúng dường vô lượng vô số chư Phật Như Lai, thiện căn sâu dày như vậy, hiện nay còn phải nhờ Tam bảo âm thầm gia trì mới có cơ duyên gặp được. Nếu không làm sao có thể gặp được? Cho nên chúng ta phải trân trọng cơ duyên này, phải nắm chắc cơ duyên này, quyết định thành tựu ở đời này.

Từ hôm nay trở đi, chúng ta phải làm Phật! Không làm chuyện khác nữa, chỉ muốn thành Phật. Không phải có câu nói như vậy hay sao? “*Tâm tưởng sự thành*”, trong tâm chúng ta nghĩ thành Phật, đương nhiên sẽ thành Phật; nghĩ thành Bồ-tát sẽ thành Bồ-tát. Đây chính là câu trong Phật pháp nói: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Vũ trụ vạn pháp từ đâu mà có? Chính là do chúng ta tưởng tượng mà ra. Trong tâm nghĩ cái gì thì sẽ hiện ra cái đó, cho nên nghĩ Phật thì hiện Phật, nghĩ tam ác đạo thì hiện tam ác đạo. Kinh Vô Lượng Thọ là Thích-ca Mâu-ni Phật vì chúng sanh có cơ duyên thành Phật chín muồi mà thuyết. Bạn có phải là người có cơ duyên thành Phật chín muồi hay không?

Ba là “**Đại Thừa**”.



*“Đại thừa là tỉ dụ, thừa là nghĩa chuyên chở. Kinh này nêu ra, tâm có thể niệm, vốn dĩ là Phật, là chủ thể chở vô lượng. Khởi tâm niệm Phật, niệm niệm làm Phật, nên đối tượng được chở cũng là vô lượng, do đó miễn cưỡng gọi là Đại thừa”.*

Thừa là công cụ giao thông vận chuyển. Đại thừa trong kinh là tỉ dụ. Danh từ “Đại thừa” là bắt đắ dĩ miễn cưỡng lập ra, nên mới nói là “miễn cưỡng gọi”. Phật pháp là pháp bình đẳng, không có lớn nhỏ. Đại thừa, Tiểu thừa là danh xưng được giả thuyết lập ra từ vô số phân biệt chấp trước của chúng sanh, giúp người sơ học dễ dàng hiểu được. Pháp Đại thừa là đạo pháp mà Bồ-tát tu học. Lấy cứu thế lợi tha làm tôn chỉ, quả vị cao nhất là Phật quả.

Đại thừa là để thuyết cho Tiểu thừa, người theo Tiểu thừa chỉ cầu lợi ích cho chính mình, mà không có tâm từ bi với người khác. Đại từ đại bi sanh ra từ tâm bình đẳng, tâm Phật là bình đẳng, đức Phật tùy theo căn cơ của chúng sanh mà thuyết pháp, lúc đức Phật còn tại thế, bất kỳ người nào gặp Phật cũng đều có được lợi ích. Tâm mà có thể niệm của chúng ta vốn là Phật. Phật chính là tâm, tâm chính là Phật. Ý nghĩa của Phật là giác, tâm giác ngộ là Phật, Phật có nghĩa là giác ngộ. Ai giác ngộ? Tâm giác ngộ! Tâm mê là chúng sanh, giác ngộ rồi là Phật, cho nên chúng sanh và Phật bình đẳng, đều là do tâm mà ra. Tâm có giác mê hay không? Tâm không có giác mê, là người có giác mê. Giác ngộ rồi thì tâm của chúng ta gọi là Phật; mê hoặc thì tâm của chúng ta gọi là chúng sanh.

Thực ra trong chân tâm không có Phật, cũng không có chúng sanh, không có giác, cũng không có mê. *“Trong Thường Tịch Quang không có một vật”*. Chúng ta lắng lòng thể hội, “tâm mà có thể niệm ấy vốn là Phật”, ý nghĩa của câu này rất sâu. Có thể niệm A-di-đà Phật, tâm này chính là tâm giác. Không niệm A-di-đà Phật, tâm này là tâm mê. Quý vị muốn hỏi, tâm của tôi lúc nào mới có thể giác ngộ? Niệm A-di-đà Phật liền giác ngộ. Lúc nào thì mê? Không niệm A-di-đà Phật liền mê. Đây là sự thực vô cùng chính xác.

Cổ đức nói “khởi tâm niệm Phật” là thi giác, bắt đầu giác ngộ; “vị Phật được niệm” chính là A-di-đà Phật mà chúng ta niệm, là bản giác của chúng ta. Khởi tâm niệm Phật là thi giác và bản giác hợp nhất lại. Thi giác và bản giác không hai, cùng là giác, cho nên nói, *“một niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật”*, niệm Phật thì thành Phật! Bạn quên mất Phật thì liền mê hoặc, liền điên đảo. Vì vậy, câu Phật hiệu này ngày đêm sáu thời chắc chắn không được

quên. Đại sư giải thích “Đại thừa” theo ý này là viên mãn đến cực điểm. Tâm mà có thể niệm ấy là chủ thể chở vô lượng. Vị Phật được niệm đó, A-di-đà Phật là cứu cánh giác, đây là đối tượng được chở vô lượng. Cho nên cổ đức nói rằng, pháp môn niệm Phật là Đại thừa trong Đại thừa, viên mãn trong viên mãn, chuyên trong chuyên, thật sự không thể nghĩ bàn!

**Bốn là “Vô Lượng Thọ”.**

“Vô Lượng Thọ” hàm nghĩa vô lượng. Chữ “A” trong tiếng Phạn dịch thành “Vô”, “Di-đà” dịch thành “Lượng”. “Vô Lượng” là chỉ hết thảy vô lượng, trí tuệ, đức năng, tài nghệ, thọ mạng đều là vô lượng, đều vốn tự đầy đủ. Lục Tổ khi khai ngộ dưới hội của Ngũ Tổ đã nói rằng: “*Nào ngờ tự tánh, vốn tự đầy đủ, nào ngờ tự tánh, có thể sanh vạn pháp*”. Vô lượng mà chúng ta cầu mong thì thọ mạng là đứng đầu, nếu như tuổi thọ ngắn thì không thành tựu được việc gì, cho nên chữ thọ trong Vô Lượng Thọ mang tính đại biểu.

Phạn ngữ A-di-đà, ba chữ mật ngữ A-di-đà bao hàm vô lượng ý nghĩa. Hiện nay dịch thành Vô Lượng Thọ là dùng một nghĩa trong đó, “đức hiệu này nêu rõ nguyện hạnh khi ở nhân địa của ngài Pháp Tạng cùng với Phật đức trên quả địa, nêu rõ chủ khách là y báo và chánh báo ở cõi Cực Lạc, khi vừa nói ra liền thâm nhiếp hết tất cả”, toàn bộ đều bao hàm trong đó.

Trong đề kinh, ba chữ Vô Lượng Thọ là chủ, quan trọng nhất là ba chữ này. Phạn ngữ A-di-đà phiên dịch thành Vô Lượng Thọ. Ba chữ A-di-đà là mật ngữ, cũng là mật chú, là chú trong chú. Có người hỏi, người niệm Phật có cần niệm chú Lăng-nghiêm, chú Đại Bi, chú Vãng Sanh v.v... hay không? Nên biết A-di-đà Phật là vua trong các chú, niệm A-di-đà Phật thì không cần niệm những chú kia nữa, đều bao hàm trong câu Chú Vương này rồi. Bạn niệm những chú kia không thể bao hàm A-di-đà Phật; nhưng bạn niệm A-di-đà Phật thì đều bao hàm những thần chú kia, đây là thần chú vô thượng! Phần cuối trong Tâm Kinh có câu “là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú, có thể trừ hết thảy khổ, chân thật bất hư”, chính là nói [niệm] A-di-đà Phật, không cần đi tìm cái khác, danh hiệu Di-đà đã là thần chú vô thượng rồi. Danh hiệu này bao hàm vô lượng nghĩa.

“Hiện nay dịch là Vô Lượng Thọ, là dùng một nghĩa chủ yếu trong đó”, trên thực tế, trong danh hiệu A-di-đà Phật bao hàm vô lượng thọ mạng, vô lượng quang minh, vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tài nghệ, hết thảy vô lượng đều

được bao gồm bên trong. Thấy đều là vô lượng vô biên. Trong vô lượng vô biên, vô lượng nào quan trọng nhất? Đương nhiên là thọ mạng quan trọng nhất. Nếu như không có thọ mạng, cho dù có vô lượng tài phú thì ai được hưởng? Cho nên, trong hết thấy vô lượng, thọ mạng đứng đầu.

Lấy nghĩa đứng đầu này, quan trọng nhất là vô lượng thọ thực sự, vô lượng thọ chính công. Cũng có đồng tu xem kinh điển rồi nói, tương lai pháp duyên Phật pháp của A-di-đà Phật hết rồi thì ngài cũng nhập Niết-bàn, Quán Thế Âm Bồ-tát tiếp đó thành Phật. Nói như vậy thì thọ mạng của A-di-đà Phật vẫn là có hạn. Làm sao có thể gọi là Vô Lượng Thọ? Đúng vậy, trong kinh điển Phật thực sự có nói như vậy, sau khi Quán Thế Âm Bồ-tát diệt độ, Đại Thế Chí Bồ-tát tiếp đó thành Phật. Thế nhưng thọ mạng của A-di-đà Phật, bạn tính thử mà xem, có thể tính được không? Trong kinh điển Phật nói rằng, nếu như mười phương chúng sanh đều chứng đắc quả vị Bích-chi Phật, thần thông như Mục-kiền-liên đều cùng nhau tính toán, dùng hết thọ mạng cũng chưa tính ra được. Nên chỉ đành nói là Vô Lượng, thật sự là Vô Lượng Thọ.

A-di-đà Phật có thật sự nhập diệt hay không? Trong kinh nói rằng “đối với hàng trung căn và hạ căn thị hiện diệt độ”. Trong cảm nhận của bậc thượng căn, Phật không hề diệt độ; thị hiện diệt độ là để cho người trung hạ căn thấy mà thôi. Có thể thấy diệt độ là thị hiện, không phải là thật, mà thật sự là vô lượng thọ. Cho nên chúng ta không nên hoài nghi, không nên vọng tưởng.

“Đức hiệu này nêu rõ nguyện hạnh khi ở nhân địa của ngài Pháp Tạng cùng với Phật đức trên quả địa, nêu rõ chủ khách là y báo và chánh báo ở cõi Cực Lạc, một khi vừa nói ra liền thâm nhiếp hết tất cả”, toàn bộ thế giới Tây Phương Cực Lạc, một câu A-di-đà Phật đều bao gồm hết thấy, không có pháp nào vượt ra ngoài pháp này. Bộ kinh này, câu nào từ nào cũng được hàm nhiếp trong câu A-di-đà Phật, cũng không thể nào thoát ra khỏi phạm vi của câu A-di-đà Phật. Không chỉ là bộ kinh này, Tây Phương, thậm chí là tận hư không khắp pháp giới, hết thấy y chánh trang nghiêm nơi cõi nước của chư Phật, hết thấy vạn pháp đều không ở ngoài phạm vi một câu A-di-đà Phật. Vậy mới biết được, công đức lợi ích của câu danh hiệu này thật không thể nghĩ bàn!

Pháp môn niệm Phật, mặc dù nhìn thì rất thuận tiện, rất đơn giản, chỉ cần niệm một câu Phật hiệu A-di-đà Phật, vừa dạy là biết, thường niệm sẽ quen. Thế nhưng

muốn niệm cho tốt, niệm được nhất tâm bất loạn, niệm được tam-muội thành công thì không hề dễ dàng, cần có một quá trình. Cũng giống như chúng ta cầm một sợi chỉ, xỏ qua 108 hạt chuỗi để gắn chúng lại với nhau, không được để đứt đoạn. Niệm Phật cũng phải như vậy, niệm niệm tiếp nối, không được gián đoạn.

Nhà thơ nổi tiếng Bạch Cư Dị thời nhà Đường, mọi người thường rất quen thuộc. Ông ấy tu pháp môn niệm Phật vô cùng thành khẩn, ông ấy nói như thế này, tôi đọc nguyên văn những gì ông ấy nói như sau:

*“Tuổi ta bảy mươi hai, thơ phú nghĩ ngâm nga.  
Xem kinh mau mỏi mắt, làm phước ngại bôn ba.  
Lấy gì độ tâm ta? Một câu A-di-đà.  
Đi cũng A-di-đà, đứng cũng A-di-đà.  
Ngồi cũng A-di-đà, nằm cũng A-di-đà.  
Dù gấp như tên bắn, cũng không rời Di-đà.  
Trời chiều đường còn xa, đời luống qua vô ích.  
Sớm chiều tâm thanh tịnh, chỉ niệm A-di-đà”*

Đây chính là một đoạn thoại của đại thi nhân Bạch Cư Dị, ông ấy đã niệm Phật như vậy. Nếu như chúng ta niệm Phật có thể giống như Bạch Cư Dị, thành tâm thành ý buông xuống hết thấy, trì danh niệm Phật thì không ai không thành tựu, đây gọi là niệm niệm không quên, nhất tâm niệm Phật.

Tôi từng đọc qua một bài thơ, gọi là “Thơ đi đứng nằm ngồi, bốn thời niệm Phật”. Bây giờ chép ra chia sẻ với quý vị đồng tu. Đi đứng nằm ngồi chia làm bốn đoạn:

### **Khi đi niệm Phật**

*“Khi đi nhất tâm niệm Di-đà, mỗi bước là thêm một câu qua,  
Dưới chân thời thời đạo Tịnh độ, trong tâm niệm niệm thoát Ta-bà.  
Cảnh xuân tươi đẹp phải quay đầu; du sơn ngoạn thủy đừng buông thả  
Đợi bạn sanh về nơi Cực Lạc; tùy ý mười phương muốn tới lui”*

Đây là đi niệm Phật.

Tiếp theo là đứng:

### **Khi đứng niệm Phật**

*“Lúc đứng niệm Phật dễ quán thân, nhất chân đó trong thân tứ đại,  
Ta cùng Di-đà không sai khác, hình bóng, trắng sáng đứng ba người.  
Nhà trống sắp mục nên khó ở, Tịnh độ tuy xa sanh nhưng dễ sanh,  
Ngày nào mới như ve thoát xác, đầu thai liên hoa đắc kim thân”.*

Đây là đứng niệm Phật.

### **Khi ngồi niệm Phật**

*“Lúc ngồi niệm Phật chân xếp bằng, thân ở đài sen hoa đang nở,  
Hào tướng rõ ràng tùy niệm thấy, kim dung ánh hiện hợp với tâm.  
Sự như mộng huyễn vốn không tịch, lý được viên dung chẳng có không,  
Ngày nào liên trì nâng chân Phật, đề hồ quán đánh rưới nơi thân”.*

Cuối cùng là bài kệ Nằm:

### **Khi nằm niệm Phật**

*“Khi nằm niệm Phật đừng ra tiếng, niệm theo hơi thở dễ trì danh,  
Bên gối gió nhẹ thu vạn dặm, nửa giường trắng sáng đã ba canh.  
Tiếc rằng trần lụy tâm khó dứt, duy chỉ liên hoa mộng dễ thành,  
Chợp mắt mơ màng chư Phật hiện, tỉnh rồi nhớ lại vẫn phân minh”.*

Lúc tôi đọc bài thơ này cảm thấy [bài thơ] nói thật toàn diện, mỗi một người chúng ta đều có thể đạt được lợi ích trong đó. Pháp môn vô lượng vô biên, không có pháp môn nào có thể sánh với pháp môn này. Ngày nay, người niệm A-di-đà Phật ngoài miệng rất nhiều, người thật sự hiểu được một chút ý nghĩa của câu Phật hiệu không nhiều, thực sự là quá ít. Nếu như thật sự hiểu được thì họ làm sao dám buông lời. Không dám buông lời, niệm niệm không ngừng, đó là người hiểu được một chút hàm nghĩa của câu Phật hiệu. Niệm đó rồi lại quên, niệm đó rồi lại không niệm nữa, đối với hàm nghĩa của câu Phật hiệu vẫn mơ hồ qua loa, thậm chí là không biết gì cả nên mới có hiện tượng như vậy. Hy vọng quý vị đồng tu ngẫm nghĩ lại đạo lý này thì chúng ta mới thực sự có phần nắm chắc, mới thực sự có được lợi ích chân thật, thù thắng vô cùng của pháp môn niệm Phật.

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây thôi. Cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 3

Chư vị đồng tu tôn kính, xin chào mọi người, A-di-đà Phật!

Tập thứ hai ngày hôm qua khá là khó. Tại sao vậy? Bởi vì kinh Vô Lượng Thọ có vô lượng nghĩa, đề kinh cũng có vô lượng nghĩa. Mọi người nghĩ xem, đề kinh có vô lượng nghĩa mà chỉ giảng trong vài tiết học ngắn ngủi thì thực sự rất khó. Ngoài ra đề kinh này nhất định phải giảng theo lời dạy của đại đức xưa hoặc theo kinh điển, không thể do một ai đó tùy tiện nói ra được. Do vậy hôm qua sử dụng từ ngữ trong Phật giáo khá nhiều, đây là đặc điểm thứ nhất.

Đặc điểm thứ hai là đề kinh có vô lượng nghĩa, trong thời gian ngắn như vậy muốn giảng cho rõ ràng, thực sự là khá khó, hơn nữa đều là dùng văn ngôn văn. Khả năng [đọc hiểu] văn ngôn văn của chúng ta cao hay thấp. Vấn đề này làm sao giải quyết? Mọi người không nên lo lắng, bởi vì phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ lần thứ hai này, tôi chia làm ba cấp bậc: cấp thấp, cấp trung, cấp cao, hơn nữa nghiêng về cấp trung và cấp cao. Tôi đã nói với mọi người, lần phúc giảng này hy vọng có nhiều đồng tu có thể khai ngộ hơn, có thể chứng quả, cho nên mà nói, về lý luận phải giảng cao hơn một chút. Đối với những đồng tu nghe không hiểu thì phải làm sao? Phải nắm bắt trọng điểm. Có đồng tu nói, thưa cô con nghe không hiểu thì làm sao nắm bắt trọng điểm? Đừng vội, đến tập thứ năm, tôi sẽ tổng kết trọng điểm từ tập 1 đến tập 4 để cung cấp cho mọi người tham khảo.

Hôm nay chúng tôi bắt đầu giảng tập thứ ba. Hôm qua, tôi đã giảng tới chữ “Vô Lượng Thọ” trong đề kinh, hôm nay chúng tôi nói tiếp tới “Trang Nghiêm”.

### Thứ 5: **Trang Nghiêm.**

Kinh nói rằng: *“nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ”, “trang nghiêm chúng hạnh”,* lại nói *“ngã dĩ thành tựu trang nghiêm Phật độ, thanh tịnh chi hạnh”, “bỉ Cực Lạc giới, vô lượng công đức, cụ túc trang nghiêm”, “chánh hiển sự sự vô ngại pháp giới chi viên minh cụ đức dã”.*

Những câu tôi vừa nói đều là trích dẫn nguyên văn, đều là văn ngôn văn. Sau đây tôi sẽ giải thích một chút. Hàm nghĩa của hai chữ “Trang nghiêm”, dùng ngôn ngữ hiện nay mà nói chính là: chân, thiện, mỹ, tuệ. Thám Huyền Ký nói rằng: “Trang nghiêm có hai nghĩa; một là đầy đủ tánh đức, hai là trang hoàng đẹp đẽ”. Kinh Phật

thuyết A-di-đà nói: “Cõi nước Phật đó, thành tựu công đức trang nghiêm như vậy”. Vãng Sanh Luận nói thế giới Cực Lạc có ba loại trang nghiêm: “Phật trang nghiêm, Bồ-tát trang nghiêm, cõi nước trang nghiêm”. Đây là nói sơ lược, nói chi tiết thì có hai mươi chín loại trang nghiêm. Cho dù nói sơ lược hay chi tiết thì đều là sự tập hợp của chân, thiện, mỹ, tuệ mà thành tựu.

Chân thiện mỹ tuệ của thế gian có danh nhưng không thực, đều là giả. Mặc dù trong Phật pháp có chân thiện mỹ tuệ, nhưng không rốt ráo, không viên mãn. Chỉ có câu A-di-đà Phật của Tịnh độ là chân thiện mỹ tuệ rốt ráo nhất, viên mãn nhất. Chân tướng sự thật này rất ít người biết. Lấy kinh văn làm bằng chứng, kinh Vô Lượng Thọ nói rằng: “Nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ”. Các đồng tu tu học Tịnh độ đều rất quen thuộc với bộ kinh này, có đồng tu đã từng đọc tụng kinh Vô Lượng Thọ mấy vạn lần, rất nhiều đồng tu có thể đọc thuộc lòng kinh Vô Lượng Thọ. Ở đây tôi xin tùy hỷ công đức của quý vị đồng tu.

Nhắc tới câu nói ở trên, mọi người ngay lập tức nghĩ rằng, câu này ở trong kinh điển. Câu này có ý nghĩa gì? Mọi người có biết hay không? Ý nghĩa của câu này là: A-di-đà Phật đã giác ngộ thấu triệt chân tướng của vũ trụ nhân sinh, một lòng xây dựng thế giới Tây Phương Cực Lạc. Lần này mọi người đã hiểu triệt để hàm nghĩa sâu xa của câu kinh này. Nếu như không giác ngộ thấu triệt thì cũng không làm được. Mỗi một người niệm A-di-đà Phật cầu sanh thế giới Cực Lạc cũng giác ngộ thấu triệt giống như vậy. Ngày đêm sáu thời chấp trì danh hiệu, không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, đây là người thực sự giác ngộ. Không chỉ trang nghiêm diệu độ ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, mà thực sự là trang nghiêm vô lượng vô biên cõi nước của mười phương chư Phật. Đây là một loại phương pháp tu hành, chẳng phải là quá tuyệt hay sao? Thật sự là không thể nghĩ bàn! Trong nhà Phật, tìm khắp tám vạn bốn ngàn pháp môn cũng không tìm được pháp môn thứ hai. Các đồng tu phải thể hội một cách tỉ mỉ, đây tuyệt không phải là người tu học Tịnh độ tự mình khoa trương. Nếu như có người nghĩ như vậy tức là có tội, bởi vì nghĩ như vậy là hủy báng pháp. Cho nên, nhất định phải hiểu rõ chân tướng sự thật, khi chưa hiểu rõ ràng thì phải thận trọng từng lời nói cử chỉ, nhất định không được dựa vào phán đoán chủ quan của mình để nói linh tinh.

“Trang nghiêm chúng hạnh”, “hạnh” là hành vi trong cuộc sống của chúng ta. Hành vi là tạo tác, ngày đêm tạo tác không ngừng nghỉ. Nói cách khác, từ khi

sanh ra cho tới khi chết đi, bạn đã tạo tác không ngừng nghỉ một phút giây nào, buổi tối đi ngủ nằm mộng cũng đang tạo tác. Việc này do chính tôi tự mình trải nghiệm.

Ví dụ như có đồng tu bảo rằng buổi tối tôi làm việc, chuyện này chính tôi cũng không biết, tôi cho rằng tôi ngủ rất ngon. Cư sĩ Điêu và tôi ngủ ở phòng ngoài, cô ấy nói ngày nào tôi cũng làm việc. Cô ấy nói, có lúc lớn tiếng mắng mỏ, có lúc thì thì thầm không ngừng, có lúc còn gõ ầm ầm vào tường. Những chuyện này tôi không hề hay biết. Chỉ có hai lần tôi có biết một chút, một lần tôi hát cái đài radio ở cạnh gối vào tường, tiếng động rất lớn, bởi vì ban đêm yên tĩnh khiến cho cái đài bị bẻ làm hai. Còn một lần tôi ném chăn xuống dưới giường, tôi bị lạnh mà tỉnh giấc. Trước khi tỉnh tôi còn nói một câu cuối cùng, tôi còn nhớ rõ: “Con người đều như vậy, anh còn muốn thế nào nữa?” Quý vị thấy không, nằm mơ cũng không quên tạo nghiệp. Mọi người đều biết tôi có nguyên tắc “bốn không”, đó là “không tranh luận, không thảo luận, không biện luận, không giải thích”. Nhưng mà ở trong giấc mơ tôi không làm chủ được. Cư sĩ Điêu nói với tôi, buổi tối đi ngủ rất nhiều lần nghe tôi tranh luận với người khác, có lúc giống như đang xét xử việc gì đó. Những chuyện này chính tôi cũng không biết.

Phật pháp quy nạp các tạo tác thành ba loại lớn, ba nghiệp: thân, khẩu, ý; tất cả mọi hành vi đều không tách khỏi ba phạm vi này. [Niệm] một câu A-di-đà Phật là đang trang nghiêm hành vi của thân khẩu ý, đây là trang nghiêm thực sự, trang nghiêm rốt ráo, trang nghiêm viên mãn. Nếu như có người hỏi bạn một vấn đề, bạn chấp tay niệm A-di-đà Phật, đáp án này là viên mãn nhất. Cho dù là hỏi thế gian pháp hay là xuất thế gian pháp; cho dù là hỏi thật hay hỏi giả; là đẹp hay là xấu; là đúng sai hay tà chánh, thì một câu A-di-đà Phật là đáp án viên mãn rồi. Tại sao nói đáp án này viên mãn? Bởi vì những gì họ hỏi đều là nghĩ ngợi lung tung. Cho dù hỏi vấn đề gì đi chăng nữa cũng đều là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đều là giả. Bạn trả lời họ: “A-di-đà Phật”, đây là lời thật! Tất cả đều trả lời rồi, là đáp án chung, vấn đề gì cũng không còn nữa. Còn câu trả lời nào cao minh hơn đáp án này hay không? Không có. Cách trả lời này thật hay, hay không tả được.

“Trang nghiêm chúng hạnh”, đây là đáp án viên mãn rốt ráo. Đáp án của bạn họ nghe hiểu hay không là vấn đề của họ. Cũng giống như thiền cơ trong Thiền tông, cho nên niệm Phật là vô thượng thâm diệu thiền. Thiền không thể so sánh, Mật cũng không thể sánh bằng. Câu Phật hiệu là vô thượng thâm diệu thiền, là chú vương



vô thượng, là tổng cương lĩnh của hết thầy giáo học. Đừng quên “nắm lấy mấu chốt”. Đây là “trang nghiêm”, phải bắt đầu học từ đây, bạn mới biết được thế nào là trang nghiêm thực sự. Học được trang nghiêm thực sự, bạn sẽ được thọ dụng vô lượng vô biên, đức dụng vô chướng ngại!

“Con đã thành tựu hạnh thanh tịnh trang nghiêm cõi Phật”, câu nói này do chính A-di-đà Phật nói ra. Thích-ca Mâu-ni Phật là bản sư của chúng ta, chúng ta phát tâm tu học Tịnh độ thì A-di-đà Phật cũng là bản sư của chúng ta. Câu này nói cho chúng ta biết, thế giới Cực Lạc đã được kiến thiết thành tựu viên mãn rồi. Không những thế giới chân thiện mỹ tuệ thành tựu viên mãn, mà tất cả mọi người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, không có ai không tu hạnh thanh tịnh. Tư tưởng, kiến giải, lời nói, hành vi của họ, không điều nào không thanh tịnh đến cực điểm, đều là trang nghiêm đến cực điểm, tốt đẹp đến cực điểm.

Thế giới Tây Phương Cực Lạc, cho dù là hoàn cảnh vật chất hay hoàn cảnh nhân sự cũng không hề khiếm khuyết điều gì. Đọc những câu kinh này mà còn không muốn vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, không muốn đến thân cận A-di-đà Phật hay sao? Người như vậy thì giống như thầy Lý Bình Nam từng nói “không ngu tức cuồng”, không phải người ngu si thì là cuồng vọng. Hay nói cách khác, đầu óc không được bình thường. Người bình thường nghe được việc này, có lý nào lại không cầu vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Tổ sư đại đức từ xưa đến nay, pháp môn, tông phái mà các ngài tu học không giống nhau, nhưng khi các ngài thực sự hiểu được thế giới Tây Phương Cực Lạc, thì không có ai không buông xuống toàn bộ những gì mà mình đã học, chuyên tâm niệm A-di-đà Phật, cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Ở Ấn Độ có Bồ-tát Mã Minh, Long Thọ, ở Trung Quốc có đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ, đại sư Trí Giả. Lúc trước các ngài đều không học pháp môn này, sau khi biết được pháp môn Tịnh độ thì liền bỏ các pháp môn khác, chuyên tu pháp môn Tịnh độ. Đại sư Ngẫu Ích cũng như vậy. Đại sư Liên Trì còn đặc biệt nói: “Ba tạng mười hai bộ, nhường cho người khác ngộ; tám vạn bốn ngàn hạnh, để cho người khác hành”. Lúc về già ngài chuyên tâm trì bộ kinh A-di-đà, một câu Phật hiệu A-di-đà Phật, chuyên tu chuyên hoằng dương, đó mới là thực sự giác ngộ triệt để.

Chúng ta hôm nay vẫn còn muốn đụng vào bộ kinh này, xem tới bộ kinh kia một chút thì chưa hề giác ngộ, vẫn chưa buông xuống. Người triệt để giác ngộ sẽ

triệt để buông xuống. Thời mạt pháp, đặc biệt là thời đại chúng ta đang sống, nếu như nói nhẹ một chút là chúng ta đã sống giáp ranh với đại tai nạn, nếu như nói nặng một chút là chúng ta đã sống trong tai họa rồi. Lần này, dịch Covid lan khắp toàn cầu còn chưa khiến chúng ta giác ngộ hay sao? Không biết được lúc nào tai họa lớn hơn sẽ giáng xuống đầu, tới lúc đó chúng ta trở tay không kịp, vậy thì không xong rồi!

Tu học các pháp môn khác không phải không tốt, nói thật ra là không kịp nữa rồi. Cho nên lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nhiều lần kêu gọi, yêu cầu chúng ta chuyên tu chuyên hoằng dương kinh Vô Lượng Thọ, chuyên tâm niệm câu Phật hiệu A-di-đà Phật. Cho dù là năm kinh một luận, sáu loại của Tịnh độ, dù có sáu loại thì cũng chỉ có thể chuyên tu một loại, chuyên niệm A-di-đà Phật, như vậy mới có thể trong thời gian ngắn nhất, thu hoạch được hiệu quả thù thắng nhất, thực sự có thể lợi mình lợi người, cứu mình cứu người. Tu hai pháp môn, học hai bộ kinh thì không còn kịp nữa. Những lời này hơn mười năm trước lão pháp sư đã nói với chúng ta, đáng tiếc chúng ta nghe không hiểu, không làm theo, chúng ta lãng phí thời gian mười mấy năm. Nếu như mười mấy năm trước chúng ta nghe hiểu và làm theo, thì ngày hôm nay của mười mấy năm sau, bạn đã thành tựu rồi, bạn chính là Vô Lượng Thọ Phật rồi.

Thực sự phải giác ngộ, nhất định đừng nên cho rằng một đời này học một bộ kinh thật quá ít. Từ xưa đến nay bao nhiêu chư Phật, Bồ-tát; đời đời kiếp kiếp chỉ học một bộ kinh, hoằng dương một bộ kinh, các ngài không hề chê ít. Nếu như chê một bộ kinh ít tức là tâm tham vẫn chưa đoạn trừ. Khoan nói tới kiến tu, trần sa, vô minh vọng, tâm tham chưa đoạn trừ thì không đoạn trừ được kiến tu phiền não, vậy thì bạn còn có thành tựu gì nữa? Có người nói, tôi không tham thứ khác, tôi chỉ tham chút Phật pháp cũng không được sao? Không được, tham bất cứ điều gì đều không được, không phải bảo bạn thay đổi đối tượng để tham. Một bộ kinh thì đủ rồi, đoạn trừ tâm tham. Nếu thật sự thông đạt một bộ kinh thì hết thấy kinh điển đều thông đạt. Hết thấy kinh điển đều thông đạt rồi thì vẫn chuyên tu chuyên hoằng dương một bộ kinh. Một là hết thấy, hết thấy là một, hà tất phải phiền phức!

“Cõi Cực Lạc kia có vô lượng công đức đầy đủ trang nghiêm”. Đây là kinh văn trong kinh Vô Lượng Thọ. Thế Tôn tự mình nói cho chúng ta biết, công đức lợi ích viên mãn rớt ráo của thế giới Cực Lạc. “Đầy đủ” tức là không thiếu bất kỳ điều

gì, tốt đẹp đến cực điểm. Những gì tốt đẹp trong hết thầy cõi nước chư Phật thì thế giới Tây Phương Cực Lạc đều có; những gì không tốt trong các cõi nước chư Phật thì thế giới Tây Phương Cực Lạc đều không có, cho nên mới gọi là thế giới Cực Lạc.

Cực Lạc không phải là nói riêng cho người ở thế giới Ta-bà, mà là nói cho hết thầy mười phương vô lượng vô biên cõi nước chư Phật. Cho nên, hết thầy chư Phật, không có vị nào không tán thán A-di-đà Phật, không có vị nào không tán thán thế giới Tây Phương Cực Lạc, không có vị nào không khuyến dạy chúng sanh vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Mười phương ba đời hết thầy chư Phật giảng kinh thuyết pháp, không có vị nào không giảng kinh Vô Lượng Thọ. Tịnh độ ngũ kinh là các bộ kinh mà hết thầy chư Phật Bồ-tát nhất định phải tuyên giảng, các kinh điển khác thì chưa chắc. Không gặp cơ duyên thì các ngài sẽ không giảng. Chỉ có pháp môn niệm Phật thích hợp khắp ba hạng căn tánh, thâm nhiếp cả lợi căn lẫn độn căn. Do đó mà hết thầy chư Phật tận hư không khắp pháp giới, hết thầy thời, hết thầy nơi đều đang tuyên thuyết. Sự trang nghiêm đến cực điểm!

Tổng hợp những gì mà tôi nói ở trên, có thể được một kết luận như thế này: “Chính là hiển thị viên minh cụ đức<sup>1</sup> của pháp giới sự sự vô ngại”. Từ những câu nói này trong kinh, thật sự cho thấy những gì bộ kinh này nói không hề khác biệt với kinh Hoa Nghiêm. Điểm đặc sắc của kinh Hoa Nghiêm đó là pháp giới Tứ Vô Ngại: “sự vô ngại, lý vô ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại”. Đó mới là tự tại thực sự, đó là chân thật. Không những kinh này tương đồng với kinh Hoa Nghiêm, mà thế giới Tây Phương Cực Lạc và thế giới Hoa Tạng là không hai không khác.

Người niệm Phật hằng ngày niệm A-di-đà Phật, tại sao công phu không đắc lực? Bởi vì tín tâm không chân thật, nguyện không khẩn thiết, niệm không chuyên nhất. Đây chính là nguyên nhân căn bản khiến cho chúng ta niệm Phật bao nhiêu năm mà công phu không đắc lực.

Tại sao phải nghe kinh? Mục đích của nghe kinh là để hiểu rõ chân tướng sự thật. Hiểu rõ được chân tướng sự thật rồi thì tín tâm, nguyện tâm của chúng ta mới có thể thật sự phát ra được, mới có thể thực sự niệm câu Phật hiệu này mà không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Người niệm Phật như vậy, mặc dù bây giờ vẫn chưa đến Tây Phương nhưng hiện tại họ đã thành Phật rồi. Tại sao lại nói như

---

<sup>1</sup> Viên là viên mãn, minh là quang minh, cụ đức là đầy đủ vạn đức vạn năng.

vậy? Bởi vì người niệm Phật như vậy chắc chắn một đời thành tựu, không phải đợi đến kiếp sau? Chắc chắn sẽ về Tây Phương, chẳng qua là sớm hay muộn mà thôi.

Phía trước chúng tôi đã giảng “Đại thừa”, “Vô Lượng Thọ”, “Trang Nghiêm”, ba câu này là tánh đức, đức năng vốn sẵn có của tự tánh. Đức năng của tự tánh vô lượng vô biên, ở trên chúng ta chỉ nói sơ lược ba loại. Tiếp theo đây chúng tôi sẽ nói về “Thanh Tịnh”, “Bình Đẳng”, “Giác”, đây thuộc về tu đức. Nếu chỉ có tánh đức mà không có tu đức thì tánh đức không thể hiển lộ. Chúng ta biết Di-đà là tự tánh Di-đà, thế giới Cực Lạc là duy tâm Tịnh độ, là tự tánh hiển hiện, không phải là vật ngoài tâm. Về lý về sự đều phải có nhận thức đúng đắn thì mới có thể thật sự đoạn nghi sanh tín. Kinh Vô Lượng Thọ chính là nói về tánh đức, tu đức. Trọng tâm của tánh đức là “Đại thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm”, trọng tâm của tu đức là “Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác”. Trong hết thảy kinh điển, hiếm có tên bộ kinh nào được viên mãn được như vậy. Mục đích, cảnh giới, phương pháp mà chúng ta tu học đều ở trong đề kinh này.

Thứ sáu: **“Thanh Tịnh”**.

Ba nghiệp thân khẩu ý lìa khỏi hết thảy ác hạnh, phiền não, cấu nhiễm. Kinh nói: “Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh, cho thấy một tức là hết thảy, hết thảy tức là một”.

Ba câu cuối cùng của đề kinh Vô Lượng Thọ là tổng cương lĩnh tu học, đối với người tu hành mà nói thì vô cùng quan trọng. Tu học Tịnh độ phải hạ thủ từ tâm thanh tịnh. “Thanh tịnh, bình đẳng, giác” chính là Tam bảo. Bình thường chúng ta hay nói quy y Tam bảo, “quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng”. Phật có nghĩa là giác ngộ, Pháp có nghĩa là bình đẳng, Tăng có nghĩa là thanh tịnh. Ba câu này là tổng cương lĩnh tu hành.

Thế nào là thanh tịnh? Nói thông thường tức là ba nghiệp thân khẩu ý lìa khỏi hết thảy ác hạnh, lìa khỏi hết thảy phiền não, lìa khỏi hết thảy trần cấu ô nhiễm, đây là ý nghĩa của thanh tịnh. Thám Huyền Ký nói rằng: “Ba nghiệp không lỗi thì gọi là thanh tịnh”, ý muốn nói rằng ba nghiệp thân khẩu ý không còn lỗi lầm thì chính là thanh tịnh. Cõi thanh tịnh là chỉ cho Tịnh độ; thân thanh tịnh là chỉ thân Phật; người thanh tịnh là chỉ Như Lai. Vãng Sanh Luận nói rằng: Ba thứ trang nghiêm cùng vào trong một câu pháp, một câu pháp tức là câu thanh tịnh; câu thanh tịnh là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Cách nói này vô cùng hòa hợp với “trang nghiêm, thanh tịnh” trong đề kinh. Ba thứ trang nghiêm là vô lượng trang nghiêm. Nay cùng vào trong

một thanh tịnh cú, đó là “hết thấy tức là một”. Kinh lại nói “tâm tịnh thì cõi Phật tịnh”, đó chính là “một tức là hết thấy”.

Tu hành Tịnh độ phải hạ thủ từ tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh nói thì dễ mà làm thì rất khó. Khó ở chỗ nào?

Thứ nhất, từ vô thi kiếp đến nay, phiền não, ô nhiễm, tập khí vô cùng nghiêm trọng, rất khó hàng phục. Kinh Kim Cang nói rằng “hàng phục tâm này” không dễ gì mà làm được.

Thứ hai, ác duyên hiện nay của chúng ta quá nhiều. Trong xã hội trước mắt chúng ta, sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, không gì chẳng phải là ô nhiễm nghiêm trọng. Bởi vì ô nhiễm khiến tâm địa phiền não, cho nên hết thấy tạo tác đều là ác hạnh. Ác hạnh là chỉ mười ác nghiệp, tạo ác nghiệp thì phải chịu ác báo. Người không học Phật hằng ngày đang tạo mười điều ác mà bản thân lại không biết, vấn đề này rất nghiêm trọng. Không biết thì làm sao mà sửa? Vậy thì tiếp tục tạo thôi!

Chúng ta học Phật rồi, có tạo tác ác nghiệp hay không? Cũng có rất nhiều người không biết. Chưa nói đến những việc khác, ngày ngày đều bàn chuyện phải quấy của người khác, đó có phải là đang tạo tác ác nghiệp hay không? Tạo ác nghiệp thế nào đều có liên quan rất lớn đến tiền đồ của chúng ta. Tiền đồ mà tôi nói tới chính là “việc lớn sanh tử” mà đức Phật nói trong kinh điển. Chính là chỗ cuối cùng mà chúng ta trở về là nơi nào? Nếu như không hiểu rõ việc lớn sanh tử, vẫn cứ luân hồi trong lục đạo thì đó là mê chứ không phải giác, tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi. Thực sự giác ngộ rồi, từ nay trở về sau, tu tâm thanh tịnh, cầu sanh Tịnh độ, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi.

Hiện nay có thể nói là đã tới thời khắc then chốt để chúng ta vào luân hồi hay vượt thoát luân hồi. Thực tế mà nói, chỉ ở ngay một niệm của chúng ta, bạn nhất định phải đưa ra lựa chọn đúng đắn. Không thể đánh mất cơ hội, mất rồi sẽ không còn nữa! Một niệm sai lầm, ngàn đời ôm hận!

Chúng ta tu hành có công phu hay không, có tiến bộ hay không, có cần phải đi hỏi người khác hay không? Không cần, bạn phải hỏi lại chính mình, chỉ có chính mình biết rõ nhất. Vọng niệm của chúng ta có phải là ít hơn trước đây, phiền não có phải là nhẹ hơn trước đây không? Nếu như vọng niệm của bạn ít, phiền não nhẹ thì cho thấy bạn tiến bộ, công phu niệm Phật có tăng trưởng.

Đức Phật dạy chúng ta rất nhiều phương pháp, con đường, thông thường gọi là pháp môn, đều là giúp chúng ta lìa khỏi hết thảy ác hạnh, phiền não, ô nhiễm. Chúng ta chọn pháp môn khế hợp với căn cơ của chính mình để tu hành thì sẽ có được hiệu quả, tu ít mà thành công lớn.

Lúc đức Phật còn tại thế, đức Phật có khả năng quán xét căn cơ, quán sát tập khí tích lũy đời đời kiếp kiếp của chúng sanh trong quá khứ, cho nên ngài có thể tùy bệnh cho thuốc, nói cho chúng ta biết phương pháp tu học. Chúng ta y giáo phụng hành, quả nhiên có thể đoạn trừ phiền não, khai ngộ chứng quả. Các tổ sư đại đức sau thời đức Phật, có một số vị là Bồ-tát, La-hán hóa thân tái lai, phương thuốc mà các ngài đưa cho chúng ta cũng rất có tác dụng, nhưng nhất định phải tùy bệnh cho thuốc. Dùng uống sai thuốc, uống sai thuốc rất nguy hiểm, phiền phức. Đại sư Ấn Quang là Đại Thế Chí Bồ-tát của thế giới Tây Phương Cực Lạc tái lai. Ngài đến giúp chúng sanh thời mạt pháp như chúng ta chọn lựa pháp môn. Chú ý! Không phải tuyển chọn mà là chọn lấy. Ngài chọn lấy pháp môn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ cho chúng ta. Cụ thể mà nói là pháp môn Tịnh độ trì danh niệm Phật.

Đại sư Ấn Quang một đời đề xướng “Di-đà Kinh Yếu Giải”, tán thán “Yếu Giải” đến tột bậc. Ngài nói, cho dù cổ Phật tái lai chú giải cho kinh A-di-đà, cũng không thể hay hơn tác phẩm này. Lời này của Đại Thế Chí Bồ-tát nói ra, vậy thì người viết “Yếu Giải”, đại sư Ngẫu Ích là vị nào tái lai? Đại sư Ngẫu Ích là chân nhân bất lộ tướng, thân phận chưa được tiết lộ. Bởi vì đại sư Ấn Quang tán thán ngài ấy như vậy, chúng ta đoán rằng, nếu đại sư Ngẫu Ích không phải là A-di-đà Phật, Thích-ca Mâu-ni Phật tái lai, thì chắc chắn là Quán Thế Âm Bồ-tát tái lai, mới khiến cho Đại Thế Chí Bồ-tát tán thán như vậy.

Ngoài “Yếu Giải” ra, Ấn Tổ còn tích cực đề xướng Liễu Phàm Tứ Huán, mục đích là giúp chúng ta thực sự tin tưởng nhân quả báo ứng. Đối với xã hội hiện nay đó là chuyện khẩn cấp nhất. Tại sao vậy? Phật pháp suy rồi, Nho gia cũng bị phế bỏ, lòng người không có chỗ nương về. Tư tưởng kiến giải của chúng ta không có tiêu chuẩn đo lường, mọi người cả gan làm loạn, thế giới này liền đại loạn. Hiện nay, chúng ta gặp phải tình cảnh này, sống trong thế giới loạn lạc đến cùng cực. Thật khổ! Vào thời đại loạn nếu như mọi người đều tin tưởng sự thật nhân quả báo ứng, khởi tâm động niệm biết thu liễm đôi chút thì có sự trợ giúp rất lớn đối với sự an định, trật tự ổn định của xã hội. Dùng “Di-đà Kinh Yếu Giải” tịnh hóa thân tâm

của chúng ta, đây là do Ân Tổ đề xướng. Ngài vô cùng từ bi, vô cùng trí tuệ, không hổ danh là tổ sư một thời của Tịnh độ tông.

Sau thời Ân Tổ, Đại sĩ Hạ Liên Cư cũng là một vị vô cùng giỏi. Nếu như chúng ta không thâm nhập kinh tạng thì không có cách nào nhận thức và hiểu rõ vị đại đức cư sĩ này. Chỉ có người nào thâm nhập kinh tạng thì mới biết được bộ kinh Vô Lượng Thọ mà ngài hội tập, không phải người thông thường có thể làm được. Kết tập kinh Vô Lượng Thọ, nếu như không phải Bồ-tát Đẳng Giác trở lên như ngài Quán Âm, Đại Thế Chí, chắc chắn không thể làm được viên mãn như vậy, một chút khiếm khuyết nhỏ nhặt cũng không tìm thấy.

Trước đây, người đầu tiên hội tập kinh này là cư sĩ Vương Long Thư, ông ấy cũng rất giỏi. Long Thư Tịnh Độ Văn mà ông viết không biết đã độ bao nhiêu người vãng sanh! Mỗi một người nhờ vào “Tịnh Độ Văn” phát tâm vãng sanh sẽ giúp phẩm vị của cư sĩ Vương Long Thư ở thế giới Tây Phương tăng lên. Bởi vì nhờ sự dẫn dắt của “Tịnh Độ Văn” mà họ mới phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, công đức này thật rất lớn! Lúc cư sĩ Vương Long Thư vãng sanh, ông biết trước ngày giờ, đứng mà vãng sanh. Đây cũng không phải là bậc tầm thường. Tuy nhiên quyền hội tập của ông có khuyết điểm, chúng ta không thể không nghĩ đến công việc hội tập thực sự không hề dễ dàng.

Vị thứ hai là cư sĩ Bành Tế Thanh, hiệu Tri Quy Tử. Ông đem phương pháp tu hành của kinh Hoa Nghiêm quy nạp thành pháp môn niệm Phật, viết cuốn “Hoa Nghiêm Niệm Phật Tam-muội Luận”, đây cũng không phải là chuyện mà người thông thường có thể làm được. Người thật sự giác ngộ triệt để mới có tuệ nhãn như vậy. Kinh Vô Lượng Thọ mà ông hiệu đính cũng chưa viên mãn.

Vị thứ ba là cư sĩ Ngụy Nguyên, ông hội tập kinh này từ năm quyển phiên dịch trước đó, tự mình cho rằng bản kinh này đã hoàn hảo không khiếm khuyết, nhưng người đời sau vẫn chỉ ra được từng khuyết điểm. Đặc biệt là đại sư Ân Quang trong Văn Sao đã phê bình bản hội tập của cư sĩ Ngụy Nguyên rất nhiều.

Vị thứ tư là lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Kinh Vô Lượng Thọ hội tập của Hạ lão hoàn hảo không khiếm khuyết. Đại đức xuất gia tại gia trong Tông môn, Giáo hạ năm đó đều thừa nhận đây là bản hoàn thiện nhất. Bởi vì thời đó vẫn còn một số người có thành kiến, khiến cho bộ kinh này sau khi xuất bản không được lưu hành rộng rãi. Lão pháp sư Luật Hàng mang bộ kinh này tới Đài Loan, thầy Lý Bình Nam

có giảng qua một lần ở Đài Trung. Mãi cho đến khi thầy Lý vãng sanh, pháp sư thượng Tịnh hạ Không vì muốn báo đáp ơn dạy dỗ của Thầy, cực lực đề xướng lưu truyền rộng rãi. Sau khi lưu truyền đã trở thành bộ kinh mà các đồng tu học Phật ưa thích nhất.

Từ đó thấy được, lão cư sĩ Hạ Liên Cư đến thế gian này để làm gì? Ngài đến để độ những chúng sanh khổ nạn thời chúng ta. Dùng pháp môn này, thật sự có được hiệu quả thân tâm thanh tịnh. Lão pháp sư thường khuyên nhủ mọi người, dùng phương pháp gì để đạt được mục tiêu tu học thật sự? Sư phụ đã giới thiệu cho chúng ta một phương pháp cổ xưa, đó là đọc kinh. Lão pháp sư nói với chúng ta, đọc kinh là đồng thời hoàn thành tam học: giới định tuệ trong một lần. Đọc kinh Vô Lượng Thọ, không chỉ tam học ở trong đó mà tam tuệ: văn tư tu; tam tư lương: tín nguyện hạnh cũng ở trong đó, thật là một công mà được nhiều việc. Quả thực là tuyệt diệu! Thật sự không thể nghĩ bàn! Cái gì là diệu pháp? Đây mới là diệu pháp hàng thật giá thật! Bạn có biết hay không? Thân tâm của chúng ta không thanh tịnh, dùng phương pháp khác muốn đạt được thanh tịnh vô cùng khó khăn. Nếu như dùng phương pháp này, mỗi ngày dụng tâm nghiêm túc đọc ba bộ kinh, nửa năm sẽ thấy hiệu quả. Chú ý! Ở đây tôi có dùng hai từ: dụng tâm, nghiêm túc. Bạn đã làm được chưa? Có đồng tu đọc tụng kinh Vô Lượng Thọ đã tụng cả mấy vạn lần, thân tâm vẫn chưa được thanh tịnh, thậm chí nghiêm trọng hơn là còn có người bị ma nhập. Nguyên nhân là gì? Theo quan sát của tôi thì có những nguyên nhân như sau:

Thứ nhất, dùng tâm ganh đua so sánh để đọc kinh. Ví dụ như, nghe nói vị cư sĩ nào đó mỗi ngày có thể đọc năm bộ kinh, mình không thể đọc ít hơn, anh đọc năm bộ thì tôi đọc sáu bộ, bảy bộ. Vị cư sĩ nào đó đọc một bộ kinh hết 45 phút, tôi đọc trong vòng 30 phút là xong. Chính là anh có thể làm được thì tôi cũng có thể, còn phải giỏi hơn anh nữa.

Thứ hai, dùng tâm vọng niệm đọc kinh. Đọc kinh là đồng thời hoàn thành giới định tuệ trong một lần, nhưng bạn dùng vọng tâm niệm Phật, vọng tâm đọc kinh thì bạn sẽ không có được điều nào trong giới định tuệ cả. Mà bạn có được điều gì? Phiền não.

Thứ ba, dùng tâm mong cầu mà đọc kinh. Cầu điều gì? Mỗi một người mong cầu không như nhau, nhưng có mong cầu thì đều giống nhau. Ví dụ như cầu đắc tam-muội, cầu đắc thần thông, cầu khai ngộ, cầu Phật bảo hộ v.v. Lại không biết rằng



cầu đắc tam-muội thì không đắc được tam-muội, cầu khai ngộ thì không khai ngộ được. Làm thế nào để đắc được? Tâm thanh tịnh hiện tiền thì những điều này đều đắc được, bởi vì trong tự tánh của bạn vốn có những điều này, cầu bên ngoài thì sẽ cầu không được.

Thứ tư, dùng tâm nhiệm vụ đọc kinh. Đó là xem việc đọc kinh thành nhiệm vụ, mỗi ngày đọc mấy bộ kinh, là nhiệm vụ nhất định phải hoàn thành. Như vậy thì làm sao mà có pháp hỷ cho được! Có lúc đang đọc kinh, trong lòng lại nhớ ra có chuyện gì đó cần phải làm? Lòng như lửa đốt, mau chóng đọc cho xong chuyện. Vậy thì đâu phải đang đọc kinh, đều là hình thức, qua loa cho xong chuyện. Cách đọc kinh như vậy thì làm sao giúp tâm thanh tịnh được.

Thứ năm, dùng tâm báo cáo để đọc kinh. Người như vậy cho rằng đọc kinh là đọc cho chư Phật Bồ-tát nghe, đối phó với nhiệm vụ, đã đọc mấy bộ kinh cho chư Phật Bồ-tát nghe, chứng minh bản thân là người tu hành, báo cáo kết quả là được.

Những cách đọc kinh mà tôi nói ở trên có cùng một đặc điểm, đó là cầu nhanh, chỉ quan tâm tốc độ chứ không để ý chất lượng. Người đọc kinh như vậy không biết rằng quá trình bạn đọc kinh cũng chính là quá trình giáo hóa chúng sanh, có biết bao chúng sanh khuất mặt đang lắng nghe, có khi người cõi trời đi ngang qua, cũng phải cung kính dừng chân chấp tay lắng nghe. Bạn đọc mà câu chữ nghe không rõ, thì sẽ có chúng sanh bị phiền não, người trời cũng rời đi không nghe nữa, những chuyện như vậy bạn có biết không?

Chúng ta phải biết rằng, tu hành là phải đối trị ác hạnh, phiền não, tập khí. Đối trị như thế nào? Đọc kinh là một trong những phương pháp đối trị, mục đích đọc kinh là để đoạn trừ nghiệp chướng, phiền não, tập khí; khôi phục thanh tịnh bình Đẳng Giác trong tâm địa của chính mình. Việc này chúng ta không thể không biết.

Nghe những gì tôi nói ở trên, có đồng tu có thể sẽ nêu ra vấn đề như thế này: Thưa cô, chẳng phải cô nói có thể buông xuống kinh giáo, chuyên niệm một câu A-di-đà Phật sao? Đúng vậy, tôi thực sự có nói như vậy, bây giờ tôi vẫn nói như vậy, thế nhưng buông xuống kinh giáo phải kèm theo điều kiện, điều kiện gì vậy? Là phải hiểu rõ lý. Làm sao biết được bạn đã hiểu rõ lý hay chưa? Không cần hỏi người khác, người khác không biết được, hỏi chính mình, chính mình rõ nhất. Dùng tiêu chuẩn nào để đo lường? Bốn niềm tin:

Thứ nhất là tin có thế giới Cực Lạc.

Thứ hai là tin có A-di-đà Phật.

Thứ ba là tin chính mình đời này nhất định vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Thứ tư là tin A-di-đà Phật nhất định đến tiếp dẫn bạn vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Bốn niềm tin này vững chắc rồi, thì có thể buông xuống kinh giáo, một câu Phật hiệu niệm tới cùng.

Đối với việc nhận thức vấn đề này, có thể là duyên phận khác nhau nên lý giải, nhận thức, lấy bỏ cũng không hoàn toàn giống nhau. Thời gian trước, tôi nói với cư sĩ Điều hỷ buông xuống kinh giáo, nhất tâm niệm Phật. Cô ấy nói: “Không, em vẫn muốn nghe kinh”. Tôi nói: “Vậy được, tùy em lựa chọn!”

Tại sao tôi lại nói như vậy? Bởi vì mấy lý do sau đây: thứ nhất, bốn niềm tin của cô ấy căn bản đã giải quyết rồi; thứ hai là nghe kinh đối với cô ấy mà nói chỉ là hình thức, hễ nghe là cô ấy liền ngủ; thứ ba là nghe là một chuyện, làm lại là một chuyện khác, không thể áp dụng vào trong cuộc sống thực tế, giải quyết vấn đề sửa đổi tập khí; thứ tư là tuổi tác lớn rồi, đã bảy mươi hai tuổi, đến bây giờ mà công phu niệm Phật vẫn chưa đắc lực, nên tôi có chút lo lắng cho cô ấy, tôi muốn cô ấy trì cho vững danh hiệu Phật, một câu Phật hiệu niệm tới cùng, giải quyết việc lớn sanh tử. Cô ấy không muốn buông xuống kinh giáo, tôi cũng không thể cưỡng ép, tôn trọng chọn lựa của cá nhân cô ấy, tùy duyên vậy!

Lúc tôi đang nói chuyện với cư sĩ Điều, hộ pháp Bồ-đề Tâm của tôi đang ở bên cạnh, em ấy nói: “Thưa cô, con buông xuống kinh giáo, một câu Phật hiệu niệm đến cùng có được không?” Tôi trả lời ngay lập tức: Được! Đây là duyên phận khác nhau giữa hai người, một người ngoài bảy mươi tuổi không muốn buông xuống kinh giáo, một người năm mươi tuổi chủ động buông xuống kinh giáo. Tại sao tôi trả lời Bồ-đề Tâm một cách quyết đoán, được! Là bởi vì tôi biết em ấy làm được, tôi sẽ không nói linh tinh mà không chịu trách nhiệm. Buông xuống kinh giáo mà tôi nói đến, quý vị đồng tu phải hiểu một cách đúng đắn, không phải nói là bạn không được đụng vào kinh điển nữa, nếu bạn cảm thấy có kinh điển nghe xong được lợi ích thì bạn cứ nghe, có thể giúp bạn thành tựu tại sao lại không nghe? Nếu nghe không hiểu

lời tôi nói thì sẽ cứng nhắc học Phật, học thành Phật cứng nhắc, chân thật đã để lỡ việc rồi!

Tiết học hôm nay chúng ta giao lưu tới đây thôi. Cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 4

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Hôm qua đã giảng tới từ “thanh tịnh” trong đề kinh Vô Lượng Thọ, hôm nay chúng ta tiếp tục giảng “bình Đẳng Giác”.

Thứ bảy: **“Bình Đẳng Giác”**.

Kinh nói “bình đẳng gọi là chân như, cho đến bình đẳng chính là pháp môn không hai”. “Bình Đẳng Giác” trong đề kinh có bốn cách giải thích:

Thứ nhất: bình Đẳng Giác ngộ khắp hết thảy chúng sanh. Tức là pháp giúp hết thảy chúng sanh bình đẳng thành Phật.

Thứ hai: dùng pháp bình Đẳng Giác ngộ chúng sanh.

Thứ ba: bình Đẳng Giác là chánh giác của Như Lai.

Thứ tư: chuyên dùng cho kinh này mà nói, bình Đẳng Giác cũng là thánh hiệu của giáo chủ cõi Cực Lạc.

Tổng cương lĩnh tu học thứ hai là Bình Đẳng Giác. Thế nào là bình đẳng? Dùng cách nói đơn giản nhất, thông thường nhất để giải thích thì một là bình đẳng, hai là không bình đẳng. Trong thập đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ-tát có câu “hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức”, có ý nghĩa gì? Học nhiều năm như vậy, chúng ta đã hiểu rõ hàm nghĩa của hai câu này chưa? Cho dù chúng ta mở miệng liền có thể nói ra hai câu này, thập đại nguyện vương đọc thuộc lòng, nhưng không hiểu được nghĩa chân thật của Như Lai! Những gì chúng ta biết chỉ là bề ngoài mà thôi, còn những điều tinh túy chúng ta vẫn chưa đạt được!

Khởi tâm động niệm chính là không bình đẳng. Có việc nào bạn không khởi tâm động niệm đâu? Không tìm ra được một việc nào. Chúng ta nghe kinh Vô Lượng Thọ cũng hiểu rồi, giác ngộ rồi, biết được thế nào là tâm bình đẳng. Hằng thuận chính là tâm bình đẳng. Đi đâu để tìm tâm bình đẳng? Không cần hướng ra bên ngoài tìm. Hằng thuận chúng sanh thì tâm bình đẳng của bạn sẽ hiện tiền. Chuyện này đơn giản biết bao!

Hằng thuận, tùy thuận đều cùng một nghĩa. Trong tâm khởi một vọng niệm thì không gọi là tùy thuận. Tùy thuận là tùy thuận theo tánh đức, tùy thuận theo pháp

tánh, tùy thuận theo tự tánh. Tự tánh thanh tịnh, pháp tánh không nhiễm, đây gọi là tùy thuận tự tha. Chính mình là tự tánh, tha là pháp tánh, đó mới thực sự là tùy thuận. Cho nên tùy thuận là bình đẳng thanh tịnh, là tâm bình đẳng, đây là chân như.

Để tôi kể cho quý vị nghe một câu chuyện có liên quan tới bình đẳng.

Năm đó ở Diên An, cuộc sống rất gian khổ, quân dân bắt đầu triển khai vận động sản xuất rộng rãi, tự cung tự cấp. Có một bài hát tên là “Nam Nê Loan”, vào thời đó rất nổi tiếng, ai cũng yêu thích bài hát này, cho đến nay vẫn còn đang hát, trở thành một bài hát kinh điển của lịch sử. Câu chuyện mà tôi muốn kể cho mọi người chính là xảy ra ở Diên An năm đó. Nhân vật chính của câu chuyện là chủ tịch Mao kính yêu của chúng ta. Có một hôm, chủ tịch Mao tiếp kiến một người. Là ai vậy? Tiêu Kính Quang. Tiêu Kính Quang vừa nhận được thông báo tiếp kiến của chủ tịch liền rất vui, từ rất sớm đã đến rồi. Ông bước vào phòng của chủ tịch, nhìn thấy chủ tịch đang ngồi trên giường, còn chưa xuống đất, trên người đang đắp chăn. Tiêu Kính Quang trong lòng cảm thấy buồn bực, chủ tịch trước giờ đều nho nhã lễ độ, hôm nay sao lại không xuống giường như vậy? Ông thấy chủ tịch còn đang đắp chăn, trong lòng nghĩ hay là chủ tịch bị bệnh. Thế là ông nói với chủ tịch: “Chủ tịch, ngài bị bệnh à? Có cần tìm bác sĩ tới khám không?” Chủ tịch cười rồi nói: “Anh đừng lo, tôi không bị bệnh”. Tiêu Kính Quang dùng ánh mắt khó hiểu nhìn chủ tịch, dường như đang hỏi, vậy ngài đang làm gì vậy, tại sao lại không xuống giường? Mọi người có biết chủ tịch trả lời như thế nào không? Chắc chắn là mọi người không đoán ra được. Chủ tịch nói rằng: “Bởi vì tôi không mặc quần, cho nên không xuống giường được”. Tiêu Kính Quang nghe xong há hốc miệng không nói được lời nào. Vậy quần đâu rồi? Mang giặt rồi, phơi còn chưa khô.

Đó gọi là gì? Gọi là bình đẳng, gọi là đồng cam cộng khổ. Cuộc sống gian khổ, chiến sĩ có một chiếc quần, chủ tịch cũng có một chiếc quần, không có đặc cách nào hết. Thế nào là một nhà lãnh tụ vĩ đại? Đây gọi là một nhà lãnh tụ vĩ đại!

Nói tới bình đẳng, để tôi kể cho mọi người nghe một câu chuyện, xem như việc xen giữa, tuy là việc xen giữa nhưng bạn cũng đừng nghe như không nghe. Phải làm thế nào mới đạt được bình đẳng? Người xưa nói hòa bình. Hòa ở trước, bình ở sau, bạn không hòa thì sẽ không bình. Hòa là nhân, bình là quả. Cho nên Phật dạy chúng ta tu Lục hòa kính. Mục tiêu của Lục hòa kính là bình Đẳng Giác. Không thể lục hòa thì bình đẳng chỉ là hữu danh vô thực. Chung sống với người khác phải

hòa. Người phải hòa mà việc cũng phải hòa, không có pháp nào không hòa. Đức Phật dạy chúng ta lục hòa, chúng ta không thể không biết, không thể không nghiêm túc tu học.

“Thanh tịnh, bình đẳng, giác” tuy một mà ba, tuy ba mà một, đều vừa là thể lẫn dụng. Bạn không bình đẳng thì chắc chắn không thanh tịnh. Chỉ có thanh tịnh mới có thể bình đẳng, chỉ có bình đẳng mới có thể giác. Cũng giống như nước vậy, nước không gợn sóng là bình đẳng, không vẩn đục là thanh tịnh. Giác là công dụng của nó, cũng giống như chiếc gương, soi cảnh giới bên ngoài rất rõ ràng, giác là chiếu kiến. Cho nên tâm phải thanh tịnh, thanh tịnh là không ô nhiễm. Tâm phải bình đẳng, bình đẳng là không dao động. Đây là chân như, là “pháp môn không hai”. Cho nên tu hành quý nhất ở chỗ nhất môn, nhất môn thì dễ dàng đạt được bình đẳng, dễ dàng đạt được thanh tịnh. Học nhiều thì sẽ không đạt được mục tiêu này.

Ba chữ “bình Đẳng Giác” trong đề kinh Vô Lượng Thọ, đại đức xưa có bốn cách giải thích, chúng ta cùng nhau phân tích chi tiết một chút:

- Thứ nhất: bình Đẳng Giác ngộ khắp hết thảy chúng sanh. Tức là pháp giúp hết thảy chúng sanh bình đẳng thành Phật. Hết thảy kinh điển mà đức Phật nói trong suốt 49 năm tìm không ra bộ kinh thứ hai. Bộ kinh này “bình Đẳng Giác ngộ khắp hết thảy chúng sanh”, là pháp môn mà “hết thảy chúng sanh bình đẳng thành Phật”. Các đồng tu chỉ có nghiêm túc tư duy, đồng thời tự mình thể ngộ thì bạn mới biết sự đáng quý của bộ kinh này, sự đáng quý của câu Phật hiệu A-di-đà Phật này. Có bộ kinh điển nào có thể giúp hết thảy chúng sanh bình đẳng thành Phật? Bồ-tát tu hành theo bộ kinh này thành Phật; A-la-hán tu hành theo bộ kinh này thành Phật; phàm phu tu hành theo bộ kinh này cũng thành Phật; đến cả chúng sanh trong tam ác đạo, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh tu hành theo phương pháp của bộ kinh này cũng thành Phật, bình đẳng thành Phật! Pháp môn niệm Phật thật sự là pháp khó tin, nếu như bạn thật sự tin tưởng thì đời này bạn sẽ thành tựu. Đáng tiếc là bạn không chịu tin!

Không chỉ bình đẳng thành Phật, mà còn là bình đẳng mau chóng thành Phật. Không thể nói Bồ-tát thì thành Phật nhanh hơn một chút, còn chúng ta thành Phật chậm hơn một chút, không có đạo lý này. Nếu như Bồ-tát thành Phật nhanh hơn chúng ta một chút, vậy thì không còn bình đẳng, Bồ-tát thành Phật cao hơn chúng ta, vậy cũng không bình đẳng. Tông Thiên Thai chia Phật làm bốn cấp bậc: Tạng,

Thông, Biệt, Viên. Nếu Bồ-tát trở thành Viên giáo Phật, chúng ta trở thành Tạng giáo Phật, vậy thì không bình đẳng. Cho nên pháp môn này giúp hết thảy chúng sanh bình đẳng thành Phật, thật sự không thể nghĩ bàn, thật sự là pháp khó tin. Mấy người có duyên gặp được? Cho dù có duyên gặp được, vẫn chưa thể tiếp nhận ngay lập tức. Kinh A-di-đà nói, đó là ít thiện căn, phước đức, nhân duyên nên mới không gặp được.

Gặp được rồi mà vẫn nghĩ đến pháp môn này, pháp môn kia, không thể buông xuống hết thảy, một lòng chuyên tu thì đây là ít thiện căn, cũng ít phước đức. Nếu vẫn muốn tu pháp môn này, tu pháp môn kia, tu rất nhiều pháp môn, đây là tạp tu. Một đời này có thể vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc hay không? Rất khó nói. Đại sư Thiện Đạo nói rằng, người tạp tu có thể vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc chỉ chiếm ba đến năm phần vạn mà thôi. Trong vạn người may ra chỉ có ba đến năm người. Ngài cũng nói rằng, người chuyên tu thì một trăm người tu một trăm người vãng sanh, một ngàn người tu một ngàn người vãng sanh, không sót một ai cả. Vấn đề là bạn chuyên tu hay là tạp tu? Từ chỗ này bạn có thể thấy được tạp tu không bằng chuyên tu.

Tịnh tông từ xưa đến nay, do kinh Vô Lượng Thọ có quá nhiều phiên bản, nội dung khác biệt khá lớn, mọi người không biết phải tu theo bản kinh nào. Do đó, họ quyết định nương vào và tu theo tiểu bản kinh A-di-đà. Còn bộ kinh Vô Lượng Thọ quan trọng như vậy, từ sau thời nhà Đường lại bị phế bỏ. Tu theo kinh A-di-đà cũng được, cũng có thể thành tựu. Người thời xưa chất phác thuần hậu hơn bây giờ, xã hội thời xưa không ô nhiễm nghiêm trọng như xã hội hiện nay, tu theo kinh A-di-đà đương nhiên có thể vãng sanh. Xã hội hiện nay, lòng người bệnh nặng. Pháp sư Hội Tánh biết chút đông y, ông nói với lão pháp sư rằng, bệnh mà người hiện nay mắc phải, dùng phương thuốc của người xưa không hiệu nghiệm. Tại sao lại như vậy? Bệnh của người hiện nay nghiêm trọng hơn người thời xưa, cho nên phải tăng liều lượng lên gấp đôi. Trước đây phương thuốc chỉ dùng ba chỉ thì nay phải dùng sáu chỉ mới có thể trị khỏi bệnh. Trước đây dùng tiểu bản Di-đà là có thể chữa được bệnh, hiện nay tiểu bản không trị được hết bệnh, phải dùng đại bản, liều lượng tăng gấp đôi.

Đại bản không có phiên bản nào ôn, nên không thể không cầu cứu chư Phật Bồ-tát tái lai hội tập lại bộ kinh này cho chúng ta, tới cứu độ chúng sanh khổ nạn đời

này. Chư Phật Bồ-tát thật sự là từ bi đến cùng cực, chiêu cảm lão cư sĩ Hạ Liên Cư tới hội tập bộ kinh này cho chúng ta. Từ trong lịch sử chúng ta biết được, đại sư Trí Giả tu theo kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật mà được vãng sanh. Ngài rất khiêm tốn, nói rằng ngài chỉ chứng được quả vị ngũ phẩm. Quả vị ngũ phẩm là vãng sanh về cõi Phạm Thánh Đồng Cư, phẩm vị không cao, là thị hiện cho chúng ta xem.

Bộ kinh này là pháp môn “bình đẳng thành Phật”. Bạn thật sự muốn đời này bình đẳng thành Phật, đây là chuyện rất hiếm gặp, thật sự muốn thanh tịnh bình Đẳng Giác thì bạn phải buông bỏ hết thảy vạn duyên. Không những duyên thế gian phải buông bỏ, mà Phật pháp cũng phải buông xả. Cho dù phát tâm tương lai hồng pháp lợi sanh, gánh vác huệ mạng của Như Lai, Bồ-tát phát đại tâm như vậy ở giai đoạn sơ học, vẫn phải buông xuống vạn duyên, nhất môn thâm nhập. Nhất định phải tuân theo giáo giới của Phật.

Giáo giới của Phật là tứ hoằng thệ nguyện. Tứ hoằng thệ nguyện là con đường thành Phật. Trước tiên dạy bạn phát nguyện, mở rộng tâm lượng, khởi tâm động niệm không được chỉ nghĩ tới lợi ích của chính mình, như vậy thì tâm lượng quá nhỏ hẹp, Nho gia còn không như vậy. Cho nên, đức Phật dạy chúng ta phát nguyện, phải lợi ích hết thảy chúng sanh, phải cứu độ hết thảy chúng sanh. Hết thảy chúng sanh, hiển nhiên bao gồm người thân của bạn, người nhà của bạn, người nhà của bạn cũng không nằm ngoài hết thảy chúng sanh. Cho nên phải phát tâm lớn, lập chí lớn, tâm lượng không được nhỏ hẹp, tâm lượng nhỏ hẹp thì vĩnh viễn không thể có thành tựu.

Mọi người nghĩ xem, tâm lượng quá nhỏ có thể vãng sanh hay không? Mỗi một người vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, tâm nguyện của họ là muốn phổ độ hết thảy chúng sanh. Tâm lượng của bạn quá nhỏ, chỉ độ người nhà của mình, chỉ độ chính mình thì tự nhiên bạn không thể nói chuyện cùng họ. Tư tưởng kiến giải không tương đồng thì bạn làm sao có thể tới [thế giới Cực Lạc] được? Đó gọi là tâm không tương ưng, nguyện không tương ưng, đương nhiên không thể tới đó được.

Cho nên nhất định phải phát tâm lớn, tâm lượng của bạn lớn thì chư Phật hộ niệm, long thiên hộ trì. Công đức lợi ích thù thắng này bạn có nghĩ cũng không ngờ tới được, thực sự là chân thật, tin hay không tùy bạn. Thân bằng quyến thuộc của



bạn sẽ có chư Phật, Bồ-tát, long thiên bảo hộ gia trì. Đây là gia trì thực sự chứ không phải là dùng tay xoa lên đầu bạn vài cái thì coi là gia trì, đó là lừa người.

Có rất nhiều người tìm lão pháp sư nhờ ngài gia trì, cũng giống như nghi thức thông thường vậy, rưới vài giọt nước lên đầu họ, sau đó xoa đầu một chút. Lão pháp sư nói với họ rằng, tôi không làm chuyện giả như vậy, đó là lừa người. Dùng tay xoa đầu một chút mà tâm của bạn quả nhiên thanh tịnh, xoa hết phiền não của bạn thì đó mới là gia trì thật sự. Những người gia trì cho bạn mà bạn từng gặp có hiệu quả hay không? Hoặc là lúc đó cảm thấy trong trong lòng mát mẻ nhẹ nhàng, mấy phút sau lại trở về như bình thường, đó là gạt người, không phải là thật, nhất định không được mắc lừa.

Có người mê tín tôi, nói đồ vật gì mà cô Lưu đã gia trì thì rất linh nghiệm. Tôi nói với quý vị, lời này không phải tôi nói ra, ai nói ra thì người đó chịu trách nhiệm nhân quả. Những gì tôi nói với quý vị mới là thật, tôi chỉ là một bà lão tầm thường đã về hưu người Đông Bắc, cũng giống như mọi người vậy, chính là một lòng niệm Phật cầu sanh về Tây phương, đời này thoát khỏi sanh tử luân hồi, thoát khỏi mười pháp giới. Nếu như nói tôi có gì linh nghiệm thì tôi nói cho bạn biết, tôi niệm Phật linh nghiệm. Tại sao vậy? Vì tâm tôi chân thành! Tâm thành ắt linh. Tôi thường xem trên mạng thấy mình đang bán đồ, tôi cảm thấy rất buồn cười, tôi trở thành con buôn từ lúc nào vậy? Ngay cả đếm số tôi còn không rành, nếu như tôi bán hàng thì không phải là lỗ chổng vó rồi hay sao? Để tôi kể cho mọi người nghe hai câu chuyện buồn bán của tôi.

Nếu như hôm nay ai có tâm tình phiền muộn, nghe xong hai chuyện này của tôi đảm bảo bạn không phiền muộn nữa. Hai câu chuyện của tôi là thuốc hay chuyên trị phiền muộn, nghe miễn phí, không tốn một đồng nào.

Câu chuyện đầu tiên: vào năm nào đó sau năm 2000, cụ thể là năm nào thì tôi không còn nhớ nữa. Một người em gái của tôi, con gái của chú chồng tôi, về hưu ở nhà, tâm tình không tốt. Con gái tôi cũng có tâm hiếu thảo, nói với tôi rằng: “Mẹ à, con phải tìm việc gì đó cho cô Ba làm, cô Ba ở nhà nhiều không thoải mái”, không bao lâu sau thì thuê một nơi để cô Ba mở tiệm bán bánh bao. Toàn bộ đồ dùng đều mua mới hết. Mất một khoảng thời gian chuẩn bị, sau đó tiệm bánh bao khai trương. Bởi vì thiếu người nên con gái tôi sắp xếp ba nó, mẹ nó, còn có dì lớn của nó, tổng cộng có ba vị đại tướng đến giúp cô Ba một tay, hiện nay người ta gọi là

công nhân tình nguyện. Ba người chúng tôi cứ vậy mà tới nhậm chức. Cách tiệm bánh bao không xa có một công trường xây dựng, người đến mua bánh bao đa phần đều là công nhân ở công trường xây dựng đó. Tôi và chị gái chỉ chuyên bán bánh bao. Bánh bao nhà chúng tôi to, một tộ ba cái. Hàng xóm sát vách nói rằng: “Nhà chị bán bánh bao như vậy có lời không?” Bởi vì bà ấy thấy tôi mua thịt xay làm nhân bánh bao toàn chọn thịt ngon mua, hơn nữa còn yêu cầu người bán thịt phải xay trước mặt chúng tôi, không được bỏ thêm thịt vụn, thịt thừa vào xay. Đến người bán thịt còn nói: “Con nói cho hai bà biết, chỗ thịt ngay cổ con heo, vị trí đó bọng mỡ nên sẽ bán rẻ hơn, mua thịt như vậy về làm bánh bao là được rồi”, nhưng hai bà lão này không chịu mua, cứ nhất định mua thịt ngon đắt tiền. Bánh bao nhân thịt nhà chúng tôi là hàng thật giá đúng, bánh bao thịt nguyên chất. Hơn nữa món rau trộn mà chồng tôi làm cũng rất được mọi người ưa thích. Công nhân đều nói, rau trộn mà ông làm ăn quá ngon, giá lại rẻ, một tộ mà được một đĩa đầy ụ. Hàng xóm cười chúng tôi, nói chưa từng thấy ai mở tiệm buôn bán như vậy. Người khác toàn dùng đĩa đáy nông, nhìn đĩa nhà chị đáy vừa sâu vừa lớn như vậy, bỏ rau trộn vào còn vụn đầy thêm. Nói tôi và chị gái bán bánh bao bao nhiêu tiền. Một tộ ba cái, số này tôi có thể đếm được. Bán được mấy ngày thì tôi phát hiện ra một vấn đề, công nhân mua ba cái bánh bao đều ăn không no, nhưng lại không nữa mua thêm ba cái nữa. Tôi nói với chị mình, chúng ta bán một tộ ba cái, bây giờ thêm một cái nữa. Chị tôi nói được. Bán thêm mấy ngày nữa, tôi lại nói với chị rằng, chị thấy thêm một cái nữa có được không? Chị tôi nói được. Một tộ ba cái thêm hai cái, hai chị em tôi bán được hơn một tháng thì bị phát hiện, không làm nhân viên tình nguyện được nữa, ba vị đại tướng bị đưa về nhà. Qua thêm một thời gian nữa, tiệm bánh bao đóng cửa. Tôi hỏi tại sao lại đóng cửa? Em gái tôi bảo rằng, không có hai bà lão chúng tôi ở đó, công nhân không tới ăn nữa. Người tới vừa nhìn không thấy hai bà lão đâu liền quay đầu rời đi. Tiệm đóng cửa rồi thì đồ đạc toàn là mới mua phải làm thế nào? Mặc dù đều là đồ mới, nhưng bán dùng một ngày thì nó cũng thành đồ cũ, con gái tôi tâm lượng cũng lớn, không gấp gáp cũng không lo lắng, một số ít giảm giá bán thanh lý, còn lại đa phần tặng cho người khác, ai cần thì tặng cho người đó, con gái tôi bảo rằng lỗ hơn mười vạn.

Câu chuyện thứ hai: cũng vào khoảng năm 2000, con gái tôi kinh doanh phụ kiện ô-tô ở Quảng Châu, tôi có đến chỗ con ở một thời gian, có lúc cũng giúp con làm một số việc. Ví dụ như ở Cáp Nhĩ Tân có người hỏi mua phụ kiện, con gái không

có nhà, tôi giúp con hỏi giá rồi báo giá. Tôi hỏi giá nào thì báo giá đó. Hôm đó, Tiểu Quyên là bạn thân của con gái tôi đang ở phòng đối diện đến phòng tôi, đã thấy hết toàn bộ quá trình hỏi giá báo giá của tôi. Tiểu Quyên liền hỏi tôi: “Giá bên này bác hỏi là năm trăm, báo giá cho bên Cáp Nhĩ Tân cũng là năm trăm, bác có lời không?” Tôi nói: “Còn phải kiếm lời nữa sao?” Tôi khiến tiểu Quyên buồn cười: “Bà lão này, bác làm vậy không phải là chơi miễn phí rồi hay sao? Không kiếm ít tiền thì tiền thuê nhà, tiền điện nước, tiền nhân công, tiền vận chuyển lấy đâu ra? Bác không kiếm chi phí chênh lệch này sao?” Nghe Tiểu Quyên nói vậy, tôi mới đột nhiên hiểu ra, “Ồ, cũng phải kiếm chi phí chênh lệch này chứ”. Tiểu Quyên đem chuyện này kể cho con gái tôi nghe, con gái tôi cười nói: “Bình thường mẹ mình là như vậy đó”.

Quý vị đồng tu, tôi kể cho mọi người nghe hai câu chuyện này là muốn nói cho mọi người biết, tôi không biết buôn bán, càng không biết lên mạng bán đồ, tôi còn không biết dùng điện thoại thì làm sao lên mạng cho được! Ngoài ra tôi cũng không biết giá trị, người khác lừa gạt bạn mà bạn liền tin sao. Con người bây giờ thật đáng thương, thậm chí là có giáo dục cao đẳng, học tới bằng tiến sĩ mà vẫn mê hoặc điên đảo, không thể phân biệt chánh tà.

Thế nào là gia trì? Đọc kinh Vô Lượng Thọ là gia trì. Bạn đọc một lần, mười phương ba đời hết thấy chư Phật xoa đầu gia trì cho bạn một lần; bạn đọc mười lần thì một ngày thì sẽ gia trì mười lần, quán đánh mười lần. Đây là gia trì thật sự, thọ dụng thật sự! Bình đẳng thành Phật, thành Phật rồi thì bạn bình đẳng với chư Phật, cũng bình đẳng với A-di-đà Phật. Chuyện này không hề giả, bạn có tin không?

- Thứ hai: Dùng pháp bình Đẳng Giác ngộ chúng sanh. Từ phương pháp tu học mà nói, đây là “pháp bình đẳng”. Đẳng Giác Bồ-tát muốn tu pháp môn Tịnh độ, cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc cũng đọc bộ kinh này; Bồ-tát, La-hán, người trời, phàm phu lục đạo, phàm là ai muốn cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc đều tu pháp môn niệm Phật. Việc thọ trì, đọc tụng, chép kinh, xưng danh, hồi hướng trong kinh nhắc đến đều là phương pháp dùng pháp bình đẳng để độ chúng sanh mà Phật dạy chúng ta.

- Thứ ba: Bình Đẳng Giác là chánh giác của Như Lai. Đây là tên gọi thông thường. Hết thấy chư Phật Như Lai đều có đức hiệu “bình Đẳng Giác”, cho nên “bình Đẳng Giác” là một trong những Phật hiệu. Có vị Phật nào tâm không bình đẳng? Đều bình đẳng. Có vị Phật nào không giác? Đều giác. Không có vị Phật nào

không giác, không có vị Phật nào không bình đẳng. Chúng sanh từ Bồ-tát trở xuống không bình đẳng. Bồ-tát còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá, thực sự vẫn không bình đẳng, nhưng chư Phật thì nhất định bình đẳng, hết thấy chư Phật đều được xưng là “bình Đẳng Giác”.

- Thứ tư: Chuyên dùng cho kinh này mà nói, Bình Đẳng Giác cũng là thánh hiệu của giáo chủ cõi Cực Lạc. Trong kinh có nói điều này, Bồ sư Thích-ca Mâu-ni Phật hỏi tôn giả A-nan và đại chúng: “Các ông có muốn thấy đáng “Bình Đẳng Giác” không?” Bình Đẳng Giác chính là A-di-đà Phật, Phật Vô Lượng Thọ. Cho nên “bình Đẳng Giác” trong kinh này là đức hiệu của A-di-đà Phật.

Trong tên bộ kinh, phía trước có vô lượng thọ, phía sau có bình Đẳng Giác. Có phải là trùng lặp không? Không trùng lặp. Vô lượng thọ là tánh đức, bình Đẳng Giác là tu đức. Trước đó tôi đã giảng “Đại thừa, vô lượng thọ, trang nghiêm”, ba câu này đều là tánh đức. Trong tánh đức thì Đại thừa là tán thán, cũng giống như tán thán đức Khổng tử “lớn lao thay”, lớn ở đây không phải là lớn trong từ lớn nhỏ, mà là thật sự không thể nghĩ bàn. “Vô lượng thọ” là bản tánh; “trang nghiêm” là tốt đẹp đến tột cùng, không tìm thấy chút khiếm khuyết nào, như vậy mới gọi là trang nghiêm. Cho dù là chánh báo hay y báo đều đạt được chân - thiện - mỹ - tuệ đến cực điểm, đây là sự hiển lộ của tánh đức.

Tánh đức nhất định phải có tu đức thì mới có thể hiển lộ ra. Hết thấy chúng sanh vốn đầy đủ tánh đức, nhưng vì chưa tu đức cho nên tánh đức chưa thể hiển lộ ra. Thanh tịnh, bình đẳng, giác, ba điều này thuộc về tu đức, cũng là ba nghĩa của chân tâm. Tâm thanh tịnh là chân tâm, tâm bình đẳng là chân tâm, giác mà không mê là chân tâm, cho nên gọi là ba nghĩa của chân tâm. Ba câu này cũng phù hợp với Tam bảo: Phật Pháp Tăng; cũng phù hợp với Tam học: Giới Định Tuệ. Rất hay!

Thứ tám: “**Kinh**”.

Kinh: nghĩa là khế kinh. Thứ nhất khế lý, thứ hai khế cơ. Có đủ bốn nghĩa là “quán, nhiếp, thường, pháp”. “Kinh” là thông đề. Phạm là lời dạy do chư Phật Bồ-tát nói ra đều tôn xưng là kinh. Trong tiếng Phạn không có chữ “kinh”. Chữ “tu-đa-la” trong tiếng Phạn nghĩa là “sợi dây”. Thời xưa ở Ấn Độ, sách được viết trên lá cây bôi đa-la, hai đầu đục lỗ, dùng sợi dây thừng xuyên lại. Sợi dây thừng gọi là “tu-đa-la”, cho nên “tu-đa-la” tức là sợi dây, có ý nghĩa là xuyên chuỗi ghép lại. Người thời xưa, chữ “sợi dây” không được tôn trọng, không xem trọng nó. Cho nên, các

trước tác của thánh hiền xưa, chúng ta tôn xưng là “kinh”. Dùng chữ “kinh” để phiên dịch chữ “tu-đa-la”, không phải là ý nghĩa ban đầu của nó.

Để phân biệt kinh Phật với các bộ kinh như Ngũ Kinh, Thập Tam Kinh, người Trung Quốc thời xưa thêm một chữ khế ở phía trước, gọi là “khế kinh”. Khế tức là khế hợp. Khế có hai ý nghĩa: khế lý, khế cơ. Trên khế hợp với lý luận mà chư Phật chứng đắc. Lý luận căn cứ mà trong kinh nói là hết thấy những điều mà chư Phật chứng đắc, Phật Phật đạo đồng. Nói theo lời hiện nay tức là phù hợp chân lý. Dưới khế hợp với căn tánh của chúng sanh. Đặc biệt là bộ kinh Vô Lượng Thọ này, bình đẳng Giác ngộ khắp hết thấy chúng sanh, bình đẳng khế hợp khắp hết thấy căn cơ của chúng sanh. Trên từ Đẳng Giác Bồ-tát, dưới đến chúng sanh trong địa ngục đều khế hợp. Pháp môn như vậy đi đâu tìm được bây giờ!

Trong Đại tạng kinh có rất nhiều kinh điển, ba tạng mười hai bộ, mênh mông như biển, mỗi một bộ kinh khế hợp với một loại căn cơ nào đó, không phải là khế cơ rộng khắp mà thực sự có cao cấp, trung cấp, sơ cấp. Cũng giống như sách giáo khoa trong trường học vậy, có loại phù hợp với học sinh tiểu học, có loại phù hợp với học sinh trung học, có loại phù hợp với sinh viên đại học, có loại phù hợp với nghiên cứu sinh. Đây là nhà Phật “phân khoa phán giáo”. Phán giáo tức là phán định xem bộ kinh điển này nên dùng cho lứa tuổi nào học tập, việc này phải dựa vào nội dung sâu cạn, thứ tự của kinh điển để sắp xếp.

Chỉ có bộ kinh Vô Lượng Thọ này là từ mầm non cho đến tiến sĩ, một quyển là đủ, toàn bộ đều khế cơ, thật sự là không thể nghĩ bàn. Chuyện này cũng rất kỳ lạ! Kỳ lạ ở chỗ nào? Người trình độ cạn đọc thì có thể hội cạn, ý nghĩa cạn; người trình độ sâu đọc thì thể hội sâu, ý nghĩa sâu. Cùng một quyển kinh mà cảm nhận của mỗi người không giống nhau.

Kinh Vô Lượng Thọ, lão pháp sư đã giảng mười mấy lần, đều có thu âm, ghi hình lưu lại, bạn so sánh thử mỗi một lần giảng với nhau, lần sau giảng có chiều sâu hơn lần trước, lần giảng sau nghĩa lý sâu rộng hơn lần trước. Lão pháp sư nói với chúng ta, lần giảng trước không phải ngài cố ý giảng cạn, mà là do sự thể hội và lĩnh ngộ lúc trước của ngài có hạn. Cho nên bộ kinh này bạn đọc mãi không biết chán, nghe mãi không biết chán, giảng mãi không biết chán, lần nào cũng có nghĩa mới. Thật sự là từ mầm non cho tới lớp tiến sĩ đều có tác dụng. Không như các kinh điển khác, không có sức mạnh như vậy. Cái gì là kho báu? Đây mới thực sự là kho

báu. Là bộ kinh khế cơ, khế lý bậc nhất. Các kinh điển khác, từ khế lý, khế cơ mà nói, không có bộ nào viên mãn như kinh Vô Lượng Thọ.

Người xưa giải thích chữ “kinh”, thường dùng bốn nghĩa “quán, nhiếp, thường, pháp”. Chúng tôi cũng giảng sơ lược qua bốn nghĩa này:

Thứ nhất là “quán”, quán tức là xuyên suốt tất cả những lý được nói. Quán tức là rành mạch rõ ràng mà chúng ta thường nói. Viết văn rất hay, mạch lạc, phân thành đoạn, có thứ tự rõ ràng rành mạch. Trong Phật pháp gọi là chương pháp, kết cấu vô cùng chặt chẽ cẩn thận, không chút sai sót nào. Đây là nhìn từ bề ngoài. Nhìn vào bên trong, nội dung của kinh điển, tức là hệ thống tư tưởng đều có ý xuyên suốt.

Thứ hai là “nhiếp”, trong hết thảy kinh thì sức nhiếp thọ của kinh Vô Lượng Thọ đứng đầu. Nhiếp thọ tức là khiến người khác sanh tâm đặc biệt ưa thích đối với bộ kinh này, khiến người đọc rồi muốn dừng mà không được, yêu tiếc không nỡ buông xuống. Bộ kinh này có sức mạnh như vậy, đọc trăm lần không chán, nghe trăm lần không chán, càng đọc lại càng muốn đọc thêm, càng nghe lại càng muốn nghe thêm. Giống như tôi vậy, đã nghe hai mươi năm rồi vẫn nghe chưa đủ, nghe kinh tới mức bị nghiện, sức nhiếp thọ lớn mạnh như vậy, thật sự không thể nghĩ bàn!

Việc lưu hành và hoằng dương kinh Vô Lượng Thọ, so với hết thảy kinh điển khác, chưa có bộ kinh nào có tốc độ phổ biến nhanh, phạm vi phổ biến rộng, đi sâu vào lòng người, khiến chúng ta có một thế mạnh áp đảo, thế mạnh không cản nổi. Đây không phải là sức mạnh của một người nào đó, mà đây là sức mạnh công đức của kinh điển. Kinh Vô Lượng Thọ là bộ kinh mà hết thảy chư Phật đều hộ niệm, Phật lực gia trì không thể nghĩ bàn, sức hút của kinh điển không thể nghĩ bàn! Sức nhiếp thọ của bộ kinh này thực sự quá lớn, đúng là bộ kinh hàng đầu mà chư Phật Như Lai dùng để độ chúng sanh.

Thứ ba là “thường”, thường nghĩa là xưa nay chẳng đổi.

Thứ tư là “pháp”, pháp nghĩa là xa gần cùng tuân theo, xưa nay chẳng đổi là chân lý.

Xa là người xưa, gần là người hiện nay. Bạn muốn đời này thành Phật thì nhất định phải tuân thủ, phải y giáo phụng hành. Kinh Vô Lượng Thọ siêu việt thời gian, siêu việt không gian, siêu việt hết thảy pháp môn. “Thường” tức là siêu việt thời không. “Pháp” tức là siêu việt hết thảy pháp môn. Chỉ cần bạn tu theo pháp môn này

thì chắc chắn một đời thành tựu. Không tuân theo pháp môn này thì một đời chưa chắc có thành tựu, chỉ là tiếp tục không ngừng trồng thiện căn mà thôi. Tu học theo pháp môn này thì chắc chắn một đời thành tựu!

Tiết học hôm nay đã chia sẻ hết nội dung rồi. Tôi thấy vẫn còn chút thời gian nên giao lưu với mọi người một chút. Là chuyện gì vậy? Đó là tôi cảm thấy sau khi tiểu viện Lục Hòa bắt đầu hoạt động có rất nhiều bạn đồng tu chắc chắn đang rất quan tâm, nhưng hai tháng hai mươi ngày rồi mà trên mạng không có chút tin tức nào liên quan, các đồng tu chắc đã hơi sốt ruột rồi phải không? Cho nên nhân tiết học hôm nay còn chút thời gian, tôi chia sẻ với mọi người về tình hình của tiểu viện Lục Hòa để mọi người yên tâm có được không?

“Tiểu viện Lục Hòa, pháp giới cùng hưởng”, tám chữ này đã tạo nên ảnh hưởng rất lớn trên mạng. Điều mà các đồng tu cảm nhận sâu sắc nhất, mong mỗi cấp thiết nhất là có thể muốn đến để cảm nhận một chút bầu không khí của tiểu viện. Bây giờ tôi sẽ nói một chút về tình trạng của tiểu viện hiện nay, chia sẻ tình hình thực tế cho mọi người biết.

Ngày 2 tháng 9 chúng tôi dọn vào sống ở tiểu viện Lục Hòa, đến hôm nay cũng được 2 tháng 20 ngày rồi. Khoảng thời gian này chúng tôi không hề rảnh rỗi chút nào, dùng một chữ để hình dung đó là “bận”. Bận rộn như thế nào vậy? Tại sao lại không rảnh rỗi? Có bạn nói: “Chúng tôi đâu nhận được tin tức gì, mọi người làm gì vậy?” Bây giờ tôi sẽ nói cho mọi người biết chúng tôi làm gì. Làm chuyện này. Lúc đó vào tháng tám, tiền Đổng lão Bồ-tát vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, mọi người đều biết, đã trợ niệm 37 ngày, Đổng lão ngưng ăn 40 ngày, tổng cộng niệm Phật bao nhiêu tiếng đồng hồ? 888 tiếng. Niệm 24 tiếng không ngừng nghỉ! Không ngừng nghỉ một phút một giây nào! Niệm tới mức độ nào? Đồng tu tới trợ niệm đều cảm nhận được câu A-di-đà Phật sắp niệm tới mức say mê, nghiện luôn rồi. Cho nên sau khi Đổng lão vãng sanh, có một số đồng tu tiếp tục ở lại, còn niệm 49 ngày nữa. Có đồng tu nói: “Chi bằng chúng ta cứ ở lại tiếp tục niệm xong 49 ngày rồi hẵng về nhà”. Cứ như vậy sau khi niệm xong 49 ngày chúng tôi mới dọn vào tiểu viện, các bạn đồng tu này vẫn chưa rời đi, vậy thì phải làm sao? Mọi người đã cống hiến nhiều như vậy, rất vất vả! Cho nên nhóm đồng tu này cũng cùng chúng tôi tới sinh sống trong tiểu viện, cảm nhận một chút bầu không khí của tiểu viện. Đây cũng là chuyện thường tình, tôi nghĩ là mọi người sẽ hiểu. Sao họ lại thích hợp như

vậy? Là họ theo vào đúng không? Họ không phải là do chúng tôi cố ý mời đến, chuyện là như vậy.

Sau khi nhóm bạn đồng tu này rời khỏi tiểu viện, chúng tôi cũng tổ chức mấy đợt để thử nghiệm. Giống như những gì tôi nói, bảy người ở lại trong bảy ngày, cảm nhận một chút bầu không khí của tiểu viện Lục Hòa. Đến ngày hôm nay, nếu tôi nhớ không nhầm, không phải đợt 4 thì là đợt 5, đợt này nối tiếp đợt kia. Có đồng tu nghe đến đây có thể sẽ không vui, vậy thì lúc nào mới tới lượt tôi? Cứ từ từ. Bây giờ số lượng người trên mạng đăng ký muốn tới tiểu viện đại khái là không dưới 18.000 người, vậy bạn nói xem chỗ chúng tôi như vậy, một lần chỉ có thể tiếp 7 người, cũng chỉ có thể ở lại 7 ngày. Nếu như bạn ở nửa tháng thì người khác không thể tới, có phải như vậy không? Chúng ta không thể ích kỷ. Cho nên hiện tại, chúng tôi chỉ thử nghiệm đến đây thôi, đợt 4 hay đợt 5 này, ngày mai, ngày kia là đợt cuối này sẽ rời đi.

Sau đó thì sao? Tiếp theo tiểu viện của chúng tôi phải tự tu một khoảng thời gian. Chúng tôi thật sự quá bận, nói thật với quý vị, quý vị phải tin những gì tôi nói là thật, tôi không lừa quý vị, tiểu viện của chúng tôi tuân theo lời dặn dò của đại sư Ấn Quang, không vượt quá 20 người, chúng tôi tuyệt đối tuân thủ điều này. Lời dạy của tổ sư làm sao có thể không nghe cho được? Cho nên số lượng người sinh sống lâu dài ở tiểu viện, tính theo đầu người là 19 người, không vượt quá 20 người. Hai ngày trước, cơ quan chính phủ tới kiểm tra đều cười, nói “quý vị nắm rõ chính sách nhỉ!” Bởi vì chúng tôi không tụ tập đông người, không vượt quá 20 người. Tôi nói tới đây, tôi đoán rằng có bạn nghe xong sẽ cười. Cô Lưu toàn nói lời thật. Tôi thật sự là đều nói sự thật.

Ngoài ra quý vị nghĩ thử xem, chính bản thân chúng tôi có phải cũng cần phải tu không? Khoảng thời gian này thật sự khiến chúng tôi quá bận rộn, bởi vì sau đó có rất nhiều công việc phải làm, cần người tới làm. Bạn xem nhân viên nông trường, nhân viên công ty đã chiếm mười mấy người rồi, đây là thực tế, bạn đếm đầu người là có thể đếm ra được. Ví dụ như đạo tràng này, bạn gọi là đạo tràng cũng không hẳn, dấu sao cũng có mấy bà già chúng tôi ở đây niệm A-di-đà Phật. Bạn nói không phải là đạo tràng cũng đúng, tại sao vậy? Đây là công ty, nền tảng là công ty, công ty thì có nhân viên, cô Bò-đề Tâm là chủ tịch, cô ấy phải trả lương cho nhân viên, vì nhân viên còn phải nuôi gia đình họ. Có phải hay không? Tôi nghĩ mọi người đều có



thể hiểu được? Tình hình hiện tại đa phần là nhân viên, họ phải lao động, coi lao động là chủ yếu. Ví dụ như trồng trọt, những công việc này cần có người làm. Chúng tôi có nhiều vườn trái cây như vậy, cũng cần có người quản lý đúng không? Cho nên họ đều là người lao động. Chỗ chúng tôi, đạo tràng này phải thêm một dấu ngoặc kép, chỉ coi như đạo tràng nhỏ mà thôi, giống như chỗ của lão hòa thượng Hải Hiền, làm việc niệm Phật, niệm Phật làm việc.

Hôm nay tôi có nói một câu, tôi nói ba bà lão chúng tôi ăn không ngồi rồi. Nói xong tôi lại phải giải thích, tôi nói sai rồi, không thể nói như vậy, không hề ăn không ngồi rồi, tương lai chúng tôi phải làm Phật! Một khi chúng tôi thành tựu thì bao nhiêu nợ cũng trả hết, nếu như chúng tôi không thành tựu, mười phương cúng dường, vậy thì chúng tôi phải mang nợ. Bây giờ người thực sự kiên trì niệm Phật quanh năm ở niệm Phật đường là mẹ chồng của Bồ-đề Tâm và cư sĩ Điêu, còn có thêm tôi nữa. Hiện tại tôi phải viết bản thảo, cho nên không thể tới niệm Phật đường niệm Phật. Chúng tôi vốn có bốn người: cha chồng, mẹ chồng của Bồ-đề Tâm, cư sĩ Điêu và tôi, lúc đó còn có chị Lý, sau đó cánh tay của chị Lý bị thương nên đã về nhà. Thật sự bây giờ niệm Phật, nếu không tính nhóm bạn đồng tu các đợt đến ở thì người thật sự niệm Phật chỉ có ba người. Không ra vườn làm đại khái không quá năm người. Ba bà lão đều ngoài 70 tuổi, cư sĩ Điêu 72 tuổi rồi, tôi 76 tuổi, mẹ chồng Bồ-đề Tâm đã 81 tuổi. Cho nên chúng tôi là đối tượng được chăm sóc đặc biệt, có thể không ra vườn làm việc, trước mắt tình hình là như vậy.

Hiện tại quý vị không biết, việc tiếp đón nhóm đồng tu đợt 4 hay đợt 5 này không có người làm. Quá ít người, ví dụ như nấu cơm, một khi có người tới thì lượng công việc rất nhiều. Mỗi một đợt người tới chúng tôi lại thay chăn nệm, phải tháo hết ra để giặt giũ, việc này cũng cần có người làm. Cho nên, chỗ chúng tôi không gọi là ngày đêm gấp rút, dốc toàn lực vào công việc, nhưng cũng gần như vậy. Bạn nghĩ thử xem, ra bên đón, tiễn ra bên, không có nhiều người như vậy, mọi người đều ra vườn làm việc, cho nên ra bên đón, tiễn ra bên cũng là một vấn đề khó khăn.

Bắt đầu từ hôm nay, sau khi nhóm cuối cùng rời đi, chúng tôi phải nghiêm túc suy nghĩ lại những vấn đề này. Phải xử lý như thế nào? Phải giải quyết ra làm sao? Tôi nói với mọi người là ý gì vậy? Pháp giới cùng hưởng, phương thức phương pháp rất đa dạng hóa, mọi người đừng cho rằng nhất định phải tới tiểu viện ở thì mới

được gọi là cùng hưởng, không được tới đó ở thì không cùng hưởng. Nếu thế chúng tôi thật sự làm không được, 18.000 người làm sao tới ở? Hay là giao nhiệm vụ này cho bạn, bạn tới giúp tôi sắp xếp, đưa cho tôi danh sách, tôi làm theo danh sách của bạn có được không? Chúng tôi ngốc nghếch, không nghĩ ra được cách gì, vậy phải làm sao đây? Vì vậy hy vọng mọi người có thể thông cảm cho khó khăn của chúng tôi. Chúng tôi đã dốc hết toàn lực, đợi sau khi chúng tôi chinh đốn lại một thời gian, chúng tôi sẽ ngồi lại thảo luận về kinh nghiệm cũng như những gì học được trong khoảng thời gian hai tháng hai mươi ngày này, thảo luận xem nên làm thế nào. Điều tốt chúng tôi phải giữ, điều chưa tốt chúng tôi loại bỏ. Nghiêm túc tiếp đón những đồng tu sau này tới như thế nào.

Tuy nhiên mọi người cũng đừng nóng vội, đừng tới từng nhóm từng nhóm lớn, nếu làm như vậy thì thời gian tiểu viện bị đóng cửa không còn xa nữa. Chúng ta phải tuân theo pháp luật quy định của đất nước và các ban ngành có liên quan, tuân theo yêu cầu của chính phủ, của các ban ngành có liên quan. Thân là đệ tử Phật thì nhất định phải tuân thủ pháp luật. Hôm nay, tôi thông báo với mọi người một số tin tức này, chính là nói với mọi người chúng tôi sẽ dùng đủ mọi cách để cùng chung hưởng với mọi người, các vị đừng sốt ruột. Nếu quý vị cho rằng phải đến đây mới là cùng hưởng thì có lẽ tạm thời các vị thật sự không đến được, bởi vì tình hình đặc biệt hiện nay, một số tình hình cụ thể cũng không tiện nêu rõ, mong mọi người hiểu cho. Hôm nay chỉ trao đổi tới đây thôi.

Tiết học hôm nay giao lưu đến đây. Cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 5

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Đề kinh Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, tôi dùng thời gian ba tiếng đồng hồ đã giảng viên mãn. Các bạn còn nhớ không? Năm 2018 lần đầu tiên tôi phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ tôi đã giảng đề kinh 20 phút. Năm 2019 tôi giảng chuyên đề kinh Vô Lượng Thọ, đã giảng đề kinh hết hai tiếng đồng hồ. Lần này, lần thứ hai phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ, đề kinh giảng hết ba tiếng đồng hồ.

Năm 2019 khi tôi giảng chuyên đề kinh Vô Lượng Thọ, trong đó có một chuyên đề là “Cái hay của đề kinh không thể nói bằng lời”. Vậy thì rốt cuộc hay ở chỗ nào? Hay là hay ở chỗ có vô lượng nghĩa. Vô lượng vô biên chư Phật Như Lai giảng vô lượng kiếp rồi lại vô lượng kiếp cũng không thể giảng hết vô lượng nghĩa của đề kinh này, đó là chỗ hay của đề kinh. Phía trước đã giảng xong bốn tập, tập đầu tiên là lời mở đầu, tóm tắt một số chuyện liên quan đến lần phúc giảng thứ hai này. Tập thứ hai, thứ ba, thứ tư tập trung giảng đề kinh Vô Lượng Thọ. Lần này tôi giảng giải đề kinh chi tiết hơn so với hai lần trước.

Vì để thuận tiện cho các đồng tu hiểu và tiếp thu, có được hiệu quả học tập tốt hơn, chúng tôi giảng vài tập sẽ tổng kết một lần, chỉ ra trọng điểm của những buổi giảng trước để cho đồng tu tham khảo, sử dụng đúng chỗ, nhằm áp dụng vào cuộc sống thực tế. Lần phúc giảng này mục tiêu rõ ràng xác thực, trọng tâm giải quyết vấn đề áp dụng lý luận vào thực tế. Cụ thể mà nói đó là trọng tâm giải quyết vấn đề nỗ lực thực hành.

Tiếp theo tôi sẽ nói cụ thể trọng điểm của bốn tập trước.

**Trọng điểm của tập đầu tiên.** Tập đầu tiên có bảy trọng điểm:

Thứ nhất là vấn đề khó khăn cần phải chú trọng đột phá khi phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ lần thứ hai này là gì? Giải quyết vấn đề “thực hành”. Vấn đề khó khăn này có liên quan gì tới bạn không?

Trọng điểm thứ hai đó là lần phúc giảng thứ hai này có gì khác so với lần phúc giảng đầu tiên? Thứ nhất phải nắm bắt trọng điểm của mỗi phẩm kinh văn chứ không

nói sơ lược; thứ hai là phân tầng lớp, từng bước thâm nhập, học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tế; thứ ba là dùng ví dụ cụ thể để giải thích vấn đề về mặt lý, hình tượng hóa giáo học, nghe dễ hiểu, dễ nắm bắt; thứ tư là cùng giao lưu với nhau trên mạng, cùng nhau nâng cao.

Trọng điểm thứ ba là làm thế nào để nghe lần phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ thứ hai này có hiệu quả hơn? Tôi có vài góp ý như sau: kết hợp nghe nhìn, tiến hành đồng bộ; xem văn bản, đồng thời đánh dấu chỗ trọng điểm; nắm bắt trọng điểm, không nên tham nhiều, chú trọng giải quyết vấn đề lớn nhất của chính mình, giải quyết từng vấn đề một, không được bỏ qua; nghe ví dụ của người khác cũng phải ngẫm lại mình, thiết thực giải quyết vấn đề thực tế của chính mình; áp dụng Phật pháp vào cuộc sống quý ở chỗ phải kiên trì, không được một ngày làm, mười ngày không.

Trọng điểm thứ tư là nhận thức ba điều “chắc chắn được” hồng tăng trưởng tín tâm: người giảng kinh chắc chắn được mười phương ba đời hết thầy chư Phật Như Lai từ bi gia trì; người nghe kinh chắc chắn được mười phương ba đời hết thầy chư Phật Như Lai từ bi gia trì; đạo tràng giảng kinh chắc chắn được mười phương ba đời hết thầy chư Phật Như Lai từ bi gia trì.

Trọng điểm thứ năm: yêu thương đất nước vĩ đại, yêu thương nhân dân vĩ đại, yêu thương đảng cộng sản Trung Quốc vĩ đại. Cục diện trên thế giới đang thay đổi và sẽ tiếp tục thay đổi, Trung Quốc tương lai sẽ dẫn đầu thế giới, gánh vác trọng trách lịch sử cứu vớt thế giới, cứu vớt loài người. Bạn là con cháu Viêm Hoàng, bạn nên làm thế nào?

Trọng điểm thứ sáu: việc nương tựa vào “minh sư” rất quan trọng. “Minh sư” khó gặp! Pháp sư Tịnh Không là minh sư khó gặp, chúng ta có thể sống cùng thời đại với lão pháp sư là điều may mắn, và cũng là phước báo của chúng ta, chúng ta phải trân trọng cơ duyên khó gặp này.

Trọng điểm thứ bảy: lão pháp sư chỉ cho chúng ta hai con đường. Một con đường lão pháp sư học Phật đã từng đi qua 38 năm; một con đường khác là con đường mà lão pháp sư tìm ra sau khi thực hành, tìm tòi học Phật 38 năm, bạn chọn con đường nào?

**Trọng điểm của tập thứ hai.** Tập thứ hai có năm trọng điểm:

Trọng điểm thứ nhất đó là đề kinh này có gì đặc sắc? Hay nói cách khác là có chỗ nào khác với những bộ kinh khác? Đề kinh là do hội tập mà thành, trình độ hội tập cao, không chút khiếm khuyết nào. Y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc đều được thể hiện hết trong đề kinh. Đề kinh bao hàm hết thầy những gì chúng ta cần. Đề kinh có vô lượng nghĩa.

Trọng điểm thứ hai: nhận thức đúng đắn về “Phật”, tin Phật phải tin có “trí”, không được mê tín. Phật là bậc giác ngộ, là bậc giác ngộ thấu triệt viên mãn rốt ráo vũ trụ nhân sinh. Giác có ba loại: tự giác, giác tha, giác mãn. Thích-ca Mâu-ni Phật, A-di-đà Phật đều là từ người mà tu thành Phật, các ngài có thể tu thành Phật, chúng ta cũng có thể tu thành Phật. Phải sanh tâm cảm ân vô hạn với đức Phật, ơn Phật rộng sâu, không gì báo đáp, chỉ có thành Phật mới có thể báo đáp một chút.

Trọng điểm thứ ba: Phật thuyết kinh Vô Lượng Thọ vì sao lại “vui”? Đức Phật nhìn thấy cơ duyên chúng sanh thành Phật đã chín muồi, có thể tiếp nhận pháp môn Tịnh độ, cho nên đức Phật mới vui mừng. Kinh Vô Lượng Thọ là bộ kinh mà “hết thầy chúng sanh đời này thành tựu giải thoát rốt ráo”, “Như Lai sở dĩ xuất hiện ở đời, chỉ để nói bốn nguyện hải của đức Di-đà”, bốn nguyện của đức Di-đà chính là bộ kinh Vô Lượng Thọ này. Giảng bộ chân kinh thỏa mãn ước nguyện của đức Phật, cho nên đức Phật mới vui mừng. Từ vô lượng kiếp đến nay, đức Phật chỉ đợi ngày này, cuối cùng cũng đợi được rồi. Học trò hoan hỷ tiếp nhận, thầy giáo hoan hỷ dạy học, “thầy trò đạo hợp”, cho nên đức Phật mới vui mừng. Vì thuyết pháp khó tin, khiến người giải thoát rốt ráo, cho nên đức Phật mới vui mừng.

Trọng điểm thứ tư: đức Phật thuyết kinh Vô Lượng Thọ cho ai vậy? Kinh Vô Lượng Thọ là bộ kinh mà Thích-ca Mâu-ni Phật thuyết cho chúng sanh có cơ duyên thành Phật chín muồi. Bạn có phải là người mà cơ duyên thành Phật đã chín muồi?

Trọng điểm thứ năm: làm thế nào để hiểu đúng ba chữ “Vô Lượng Thọ” trong đề kinh. Ba chữ Vô Lượng Thọ là ba chữ quan trọng nhất của đề kinh. Không những là ba chữ quan trọng nhất trong đề kinh, mà cũng là ba chữ quan trọng nhất trong toàn bộ cuốn kinh; “Vô Lượng Thọ” có vô lượng nghĩa. “Vô Lượng” là chỉ hết thầy vô lượng. Chữ “Thọ” trong Vô Lượng Thọ chỉ mang tính đại biểu, như là vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, vô lượng tài nghệ v.v... Trong hết thầy vô lượng thì thọ mạng đứng đầu. Thọ mạng của A-di-đà Phật thật sự vô

lượng. A-di-đà Phật không thật sự nhập diệt, trong kinh nói rất rõ ràng: “Đối với hàng trung căn và hạ căn mà thị hiện diệt độ”, thị hiện diệt độ là để cho người trung hạ căn thấy mà thôi, là thị hiện chứ không phải là thật.

**Trọng điểm của tập thứ ba.** Tập thứ ba có năm trọng điểm:

Trọng điểm thứ nhất: thế nào là trang nghiêm thật sự? Hàm nghĩa của trang nghiêm là gì? Hàm nghĩa của hai chữ trang nghiêm nói theo lời hiện nay chính là chân - thiện - mỹ - tuệ. Cũng có nghĩa là trang hoàng nghiêm tịnh, tức là tốt đẹp. Thế giới Tây Phương Cực Lạc chân chánh trang nghiêm, là tập hợp chân - thiện - mỹ - tuệ mà thành. Nhận thức ba thứ trang nghiêm của thế giới Cực Lạc là nói sơ lược và hai mươi chín loại trang nghiêm là nói chi tiết. A-di-đà Phật “nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ”, vì chúng ta xây dựng nên thế giới Tây Phương Cực Lạc hoàn hảo không khiếm khuyết như vậy, chúng ta phải sanh tâm cảm ân vô hạn. Bạn dùng hành động thực tế nào để báo đáp ân đức sâu rộng của A-di-đà Phật và chư Phật Như Lai?

Trọng điểm thứ hai: bạn hiểu và thực hành việc “trang nghiêm các hạnh” như thế nào? Trang nghiêm các hạnh, “hạnh” tức là hành vi trong cuộc sống của chúng ta, hành vi tức là tạo tác, tạo tác điều gì? Tạo nghiệp. Mỗi ngày bạn đều đang tạo tác điều gì? Hết thấy các nghiệp tạo tác đều quy nạp về ba loại lớn: thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp. Bạn làm thế nào để trang nghiêm ba nghiệp thân khẩu ý của mình? Tại sao kinh Vô Lượng Thọ lại đặt khẩu nghiệp ở vị trí thứ nhất? Bạn có phạm khẩu nghiệp hay không? Bạn có biết sự nguy hại và hậu quả nghiêm trọng của khẩu nghiệp hay không? Bạn có chuyên tu pháp môn niệm Phật Tịnh độ không? Bạn đã học được điều gì từ các vị tổ sư đại đức? Đối chiếu với những gì lão pháp sư giảng, bạn tự mình đánh giá xem mình đang ở cấp bậc nào?

Trọng điểm thứ ba: đối chiếu với chư Phật Như Lai, các ngài đã đối với kinh Vô Lượng Thọ như thế nào? Không có vị Phật nào không tán thán A-di-đà Phật, không có vị Phật nào không tán thán thế giới Tây Phương Cực Lạc, không có vị Phật nào không tán thán kinh Vô Lượng Thọ, không có vị Phật nào không giảng kinh Vô Lượng Thọ, không có vị Phật nào không khuyên người niệm A-di-đà Phật; Mười phương ba đời hết thấy chư Phật Như Lai đều thay A-di-đà Phật chiêu sinh cho trường đại học Phật giáo Tây Phương Cực Lạc hàng đầu thế giới, đồng thời đưa học sinh ưu tú nhất nơi cõi Phật của mình đến thế giới Tây Phương Cực Lạc để

học tập chuyên sâu; Một vị Phật xuất thế, ngàn vị Phật đến ủng hộ, Phật Phật đạo đồng.

Trọng điểm thứ tư: nhận thức đúng đắn về tánh đức và tu đức cũng như mối quan hệ giữa chúng. Những gì mà đề kinh Vô Lượng Thọ nói chính là tánh đức và tu đức. Tánh đức là “đại thừa, vô lượng thọ, trang nghiêm”; tu đức là “thanh tịnh, bình đẳng, giác”. Trong hết thảy kinh điển, rất ít khi gặp được đề kinh nào viên mãn như vậy. Đại thừa, vô lượng thọ, trang nghiêm, ba câu này là tánh đức, vốn đầy đủ trong tự tánh, ai ai cũng có, không cần hướng ra ngoài cầu, đức năng này của tự tánh là vô lượng vô biên. Đại thừa, vô lượng thọ, trang nghiêm chỉ là ba loại mà chúng ta nói sơ lược. Thanh tịnh, bình đẳng, giác là tu đức. Chỉ có tánh đức mà không có tu đức thì tánh đức không hiển lộ ra được. Tu đức càng cao thì tánh đức hiển lộ càng nhiều. Thanh tịnh, bình đẳng, giác, ba câu này là tổng cương lĩnh tu học, đối với người tu hành mà nói là vô cùng quan trọng. Bạn làm thế nào thực hành thanh tịnh, bình đẳng, giác trong cuộc sống thường ngày?

Trọng điểm thứ năm: cảm ân lão cư sĩ Hạ Liên Cư đã hội tập bộ kinh Vô Lượng Thọ vô cùng hoàn hảo như vậy cho chúng ta. Thời mạt pháp 9.000 năm, chúng sanh khổ nạn dựa vào bộ kinh này mà được cứu độ. Tìm ra nguyên nhân khiến công phu niệm Phật của bạn không đắc lực, hiệu quả đọc kinh không lớn.

**Trọng điểm của tập thứ tư.** Tập thứ tư có ba trọng điểm:

Trọng điểm thứ nhất: bình Đẳng Giác là tổng cương lĩnh tu học; bình đẳng là chỗ đặc sắc mà chỉ thế giới Tây Phương Cực Lạc mới có. Bốn ý nghĩa của bình Đẳng Giác là: bình Đẳng Giác ngộ khắp hết thảy chúng sanh, là phương pháp giúp hết thảy chúng sanh bình đẳng thành Phật; dùng pháp bình Đẳng Giác ngộ chúng sanh; bình Đẳng Giác là chánh giác của Như Lai; chuyên dùng cho kinh này, bình Đẳng Giác cũng là thánh hiệu của giáo chủ cõi Cực Lạc. Thế nào là bình đẳng? Thế nào là không bình đẳng? Làm sao áp dụng vào trong cuộc sống? Đơn giản mà nói, một là bình đẳng, hai là không bình đẳng, không khởi tâm động niệm là bình đẳng, khởi tâm động niệm là không bình đẳng. Làm sao áp dụng vào trong cuộc sống? Kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta phương pháp đó là “hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức”. Bình đẳng chính là bắt đầu từ chỗ này. Còn cụ thể áp dụng như thế nào? Tôi có đưa ra bốn ý kiến cho mọi người tham khảo.

Một: khiêm tốn là đức hạnh tốt đẹp. Tại sao tôi dùng hai chữ khiêm tốn mà không dùng hai chữ khiêm hư? Ví dụ uống thuốc đông y trị bệnh, một vị thuốc cần ba chỉ là đủ liều lượng, liền trị khỏi bệnh, đó là thời xưa. Khoảng bảy mươi, tám mươi năm về trước vẫn còn có tác dụng. Nhưng hiện nay không được nữa rồi, ba chỉ không có tác dụng, liều lượng phải tăng gấp đôi mới có thể trị bệnh. “Khiêm hư” là ba chỉ thuốc, “khiêm tốn” là sáu chỉ thuốc. Con người hiện nay bệnh nặng, không tăng liều lượng thì không trị hết bệnh được. Năm nay tôi 76 tuổi, cũng tạm coi là người từng trải. Dựa vào kinh nghiệm của tôi thì tổng kết được một điều, gọi là kinh nghiệm hoặc là bài học cũng được, đó là: Thái vênh vào tự đắc, không coi ai ra gì, luôn cho mình đúng, đây là đại kỵ trong cuộc đời. Người như vậy không làm nên chuyện, đến một người bạn thật sự cũng không có. Không phải anh giỏi chém gió sao? Anh chém gió đi, rồi cũng có ngày bị trúng gió, làm bị thương chính mình. Có người ngẩng đầu nhìn trời cao, giơ tay ra với không được, không cam tâm, nhảy lên với vẫn không với tới. Nản lòng, oán hận ông trời, tại sao ông lại cao như vậy, tôi với không tới? Họ không muốn cúi đầu nhìn xuống mặt đất, đất quá thấp, ở dưới chân họ. Họ không biết được mặt đất thuận hậu đang nâng đỡ họ. Cái gì gọi là cao không với tới, thấp không bằng lòng, đó là tiêu biểu [cho kẻ] không biết trời cao đất dày.

Hai: không trèo không đạp là bản sắc. Giải thích như thế nào? Đó là không trèo cao, không đạp thấp. Cụ thể một chút tức là dù bạn có quyền có thế, tôi không kết thân với bạn; dù bạn nghèo cùng hạ tiện, tôi cũng không chà đạp bạn. Mẹ tôi không biết chữ nhưng bà đã để lại cho tôi một câu danh ngôn vô cùng có lý, giúp tôi có được vô vàn lợi ích. Câu đó là “*người gập khó khăn dang tay giúp đỡ*”, mấy chữ ngắn ngủi này thật có khí phách. Tôi nhiều lần nói với các bạn đồng tu rằng, làm người không nên nịnh giàu khinh nghèo. Một người sắp chết đói, bạn cho họ cái bánh, cứu họ một mạng, một đời này họ cảm ơn bạn. Đương nhiên không phải chúng ta muốn họ cảm ơn. Nếu như một người rất giàu có, bạn tặng tiền tài cho họ nhiều đến đâu, họ cũng không cảm thấy hiếm lạ, bởi vì họ không thiếu tiền. Bây giờ ở trước mặt bạn, một bên là thêu hoa trên gấm, một bên là tặng than ngày tuyết, bạn chọn cái nào? Tôi chọn về sau.

Ba: lắng nghe là trí tuệ. Người biết lắng nghe ý kiến của người khác, vừa thể hiện đức hạnh tốt đẹp, lại thể hiện có trí tuệ. Người biết lắng nghe ý kiến của người khác, trước tiên phải nghe người khác nói xong, không được nghe không thuận tai thì



xen ngang vào lời người khác nói, như vậy vô cùng mất lịch sự, cũng thể hiện không có tu dưỡng. Cho dù người khác nói đúng hay không đúng, chúng ta đều phải kiên nhẫn nghe cho xong. Người biết lắng nghe ý kiến của người khác, đối với chính mình mà nói là quá trình học tập và nâng cao. Cơ hội khó gặp, phải nắm chắc mỗi một cơ hội. Lúc mọi người đang thảo luận vấn đề, không nên vội vàng muốn phát biểu ý kiến của chính mình, nên nghe người khác nói như thế nào trước. Nếu như ý kiến không thống nhất, không nên cố chấp vào ý kiến của chính mình, người nào thường cố chấp vào ý kiến của chính mình thì sẽ khiến người khác ghét. Lúc này phải nghĩ tới câu “hàng thuận chúng sanh” trong thập đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ-tát, sẽ có sự trợ giúp đối với bạn. Lắng nghe ý kiến của người khác, phải nghe một cách bình đẳng, không được mang theo thành kiến để bới lông tìm vết. Người nào tôi thích thì tôi nghe, người nào không thích thì tôi không nghe, vậy thì không còn bình đẳng nữa.

Bốn: phải khéo phát hiện sự không bình đẳng. Chỉ có phát hiện sự không bình đẳng thì mới có thể sửa đổi sự không bình đẳng. Sự bất bình đẳng trong cuộc sống thật quá nhiều, nhìn qua cũng có thể thấy rất nhiều. Tìm bất bình đẳng dễ, tìm bình đẳng khó. Để tôi kể vài ví dụ.

- Ví dụ thứ nhất: mười mấy năm trước, một vị trưởng phòng lớn tuổi của tôi qua đời, tôi và vợ ông ấy, còn có con cái mang tro cốt đi gửi. Tới đó tôi đúng là được mở mang tầm mắt. Tro cốt được đặt theo cấp bậc, gian phòng đặt tro cốt trưởng phòng của tôi là gian dành cho trưởng phòng, đi tới phía trước là gian dành cho lãnh đạo cấp sở, còn có gian dành cho lãnh đạo cấp tỉnh. Gửi tro cốt cũng phải đi cửa sau, có người quen thì mới có thể chọn vị trí tốt; không có người quen thì phải xếp hàng, xếp chỗ nào thì đặt vào chỗ đó, không có cơ hội lựa chọn. Trưởng phòng tôi có người quen, chọn được vị trí đẹp nhất trong gian trưởng phòng. Tôi tỉ mỉ quan sát, trong căn phòng này có mấy vị tôi quen, họ đều là đồng nghiệp cũ của tôi. Trong lòng tôi nghĩ, lúc còn sống thì tranh đấu vì vị trí công việc, sau khi qua đời lại làm hàng xóm ở đây, không phải rất phiền phức sao? Thế giới lớn như vậy mà cũng lại nhỏ như vậy. Oan gia trái chủ, bạn muốn trốn cũng trốn không được. Tro cốt đều bình đẳng, ai chức quan lớn, ai chức quan nhỏ? Chức lớn, chức nhỏ thì làm sao? Hãy mở tuệ nhãn của bạn ra để nhìn cho thật rõ!

- Ví dụ thứ hai: nghe nói hiện nay ở trường học có chuyện như thế này, thầy cô cầm được danh sách học sinh lớp mới được phân cho mình dạy, trước tiên nghiên cứu xem hoàn cảnh gia đình học sinh, xem phụ huynh làm ngành nghề gì, người nào hữu dụng, người nào vô dụng. Hữu dụng thì đối xử khác biệt, vô dụng thì chẳng thèm ngó tới. Sắp xếp cán bộ lớp cũng phải xem xem phụ huynh có dùng được hay không. Với kết quả như vậy, phụ huynh được chia thành cấp 3, 6, 9, học sinh cũng được chia thành 3, 6, 9. Phụ huynh hữu dụng, học sinh có cảm giác mình ưu việt, phụ huynh vô dụng, học sinh có cảm giác tự ti, việc này không có lợi cho sự trưởng thành của con trẻ. Chuyện như vậy, hơn 40 năm trước lúc tôi làm giáo viên đã có, nhưng là hiện tượng cá biệt, không phổ biến và rõ rệt như bây giờ. Lời nói của con trẻ rất hồn nhiên, về nhà chúng nói với cha mẹ rằng, thầy giáo của con thích bạn này, bạn kia, bạn nọ, cha của bạn này, bạn kia, bạn nọ làm chức to, cha của bạn này, bạn kia, bạn nọ là người giàu có, mẹ của bạn này, bạn kia, bạn nọ là tiếp viên hàng không, những lời như vậy tôi đã từng nghe qua. Nếu như nói trẻ nhỏ là người nói vô tâm, vậy thì người lớn chúng ta có nên để bụng hay không? Tâm hồn ngây thơ của trẻ nhỏ đã bị ô nhiễm rồi.

- Ví dụ thứ ba: trọng nam khinh nữ là sự bất bình đẳng điển hình, chuyện như vậy ở nông thôn càng nghiêm trọng hơn. Có người “bỏ con sơ sinh” không phải vì em bé bị bệnh bẩm sinh, mà bởi vì đó là bé gái nên bị cha mẹ vứt bỏ. Có câu “hổ dữ không ăn thịt con”, cha mẹ đem con ruột của mình vứt bỏ, không quan tâm đến sự sống chết của con, vậy thì có xứng làm cha mẹ hay không?

- Ví dụ thứ tư: con trai và con dâu nói chuyện, khi nói tới cha mẹ hai bên thì thường nói như thế này, mẹ em làm sao làm sao, cha em làm sao làm sao. Mọi người nghe ra không? Cha em, mẹ em. Nghe có cảm thấy ngượng ngượng không? Cũng được, còn may là chưa gọi hai ông bà già đó. Con người mà, đều có hai cha mẹ, cha mẹ của bạn là cha mẹ, cha mẹ vợ không phải là cha mẹ của bạn sao? Cha mẹ của bạn là cha mẹ, cha mẹ chồng không phải là cha mẹ của bạn sao? Là người chồng, nếu như yêu vợ của mình thì bạn nên yêu cha mẹ của cô ấy, cảm ơn cha mẹ đã sinh ra cô ấy, nuôi dưỡng cô ấy trở thành một người ưu tú như vậy, trở thành vợ của bạn. Là người vợ, nếu như bạn yêu chồng của mình thì bạn nên cảm ơn cha mẹ chồng đã sinh ra anh ấy, nuôi dưỡng anh ấy trở thành một người ưu tú như vậy, trở thành chồng của bạn. Là cha mẹ của hai bên mà. Cha mẹ ban cho bạn sanh mạng, cũng cho bạn hết thảy. Thân làm con cái, chẳng lẽ gọi một tiếng “cha chúng mình, mẹ

chúng mình”, hoặc là gọi một tiếng “cha mẹ” cũng không được sao? Nhìn sang đôi vợ chồng Đại Vân và Hải Lâm ngoài 50 tuổi bên cạnh tôi, chúng hiểu thuận cha mẹ hai bên như thế nào, không chỉ là cha mẹ, thậm chí chúng còn chăm sóc bà nội cho đến khi qua đời. Hai đứa nó còn làm trọn hiếu đạo với tôi và chồng tôi. Tại sao cuộc sống của chúng càng ngày càng tốt? Bởi vì hiếu đạo viên mãn, chúng lấy được chìa khóa vàng mở ra cánh cửa cuộc đời hạnh phúc mỹ mãn. Lại nhìn sang cư sĩ hộ pháp Bồ-đề Tâm bên cạnh tôi, em ấy tận hiếu với cha mẹ, với cha mẹ chồng như thế nào? Em ấy và em trai thứ tư của mình đã tận hiếu với tôi và chồng tôi như thế nào. Người già có câu nói thế này: “*Mèo ngủ trên nóc nhà, đời này truyền đời khác*”, ý nghĩa của câu này tức là gia phong hiếu đạo đời đời tương truyền. Tôi tin rằng đến lúc chúng về già sẽ không thể nào không có ai tận hiếu với chúng. Tấm gương ở trước mắt, chúng ta phải học tập và noi theo!

Trọng điểm thứ hai: làm sao đạt được bình đẳng? “Hòa” rất quan trọng, bất hòa thì làm sao bình đẳng được? Thế giới hiện nay loạn lạc như vậy là do bất hòa tạo thành. Người xưa nói hòa bình, hòa là nhân, bình là quả, thay đổi thế giới loạn lạc này nhất định phải làm cho hòa bình quay trở lại. Làm thế nào để đạt được mục tiêu này? Thực hành bốn câu nói của lão pháp sư: giữa đất nước với đất nước đối xử bình đẳng, chung sống hòa hợp; giữa đảng phái với đảng phái đối xử bình đẳng, chung sống hòa hợp; giữa dân tộc với dân tộc đối xử bình đẳng, chung sống hòa hợp; giữa tôn giáo với tôn giáo đối xử bình đẳng, chung sống hòa hợp; tu Lục hòa kính. Mục tiêu của Lục hòa kính là “bình Đẳng Giác”, không thể lục hòa thì “bình Đẳng Giác” chỉ là hữu danh vô thực. Tu Lục hòa kính phải bắt đầu từ chính mình, mình phải hòa với người khác chứ không phải bắt người khác hòa với mình. Nhất định phải hiểu rõ mối quan hệ này, không được đảo lộn. Người sống chung với người phải hòa, người phải hòa, việc cũng phải hòa, không pháp nào không hòa; tôi hô bạn đáp, khắp nơi lục hòa.

Còn nhớ năm 2010 lần đầu tiên tôi đến Hồng Kông, lão pháp sư đề xướng tu Lục hòa kính. Nghĩ lại một chút, nếu không ngoài việc chúng ta chụp hình và ghi danh ra thì chẳng còn việc gì nữa, đến nay đã 10 năm trôi qua, nếu 10 năm trôi qua không lãng phí thì ít nhất Lục hòa kính cũng có một chút quy mô rồi. Nhìn lại hiện nay chúng ta vẫn là hai bàn tay trắng, không có chút thành quả hản hoi nào, thật hổ thẹn với sự kỳ vọng của ân sư. Hổ thẹn tột cùng, không thể nào tha thứ được.

Năm 2019, sau khi suy nghĩ kỹ càng, tôi phát tâm xây đạo tràng Lục hòa kính. Sự phát tâm của tôi nhận được hưởng ứng tích cực từ cư sĩ hộ pháp Bồ-đề Tâm, thái độ của em ấy rất kiên quyết: “Thưa cô, em ủng hộ cô xây dựng đạo tràng “Lục hòa kính”, em nghe lời, làm thật tốt, đạo tràng Lục hòa kính của chúng ta nhất định có thể xây được”. Cứ như vậy mà “tiểu viện Lục hòa” ra đời. Tiểu viện Lục hòa xây đạo tràng Lục hòa kính, đây là ý trời, là sự sắp xếp tuyệt diệu của chư Phật Bồ-tát, hoàn hảo không chút khiếm khuyết.

Trong buổi giảng chuyên đề “Xôi mưa pháp, giác ngộ tâm”, tôi đã giảng chủ đề “tiểu viện Lục Hòa, pháp giới cùng hưởng”, sau khi đưa lên mạng đã tạo nên ảnh hưởng rất mạnh mẽ, được các bạn đồng tu hưởng ứng tích cực, tôi cảm thấy vô cùng an ủi. Tôi không hề đơn độc tác chiến, vô số đoàn thể Lục hòa kính là hậu thuẫn kiên cường cho tôi. Tín tâm của tôi tăng gấp bội.

*Xây lục hòa chường nạn trùng trùng,  
Phía trước khắp nơi đều hiểm cảnh,  
Vì sự mạng dững cảm mà tiến lên,  
Vì chúng sanh ta trái sẵn đường,  
Cam tâm làm một hòn đá nhỏ,  
Cam tâm làm một nắm bùn đất,  
Cam tâm làm một ngọn nến nhỏ,  
Nguyện chiếu sáng con đường Lục hòa,  
Có Cha hiền từ bi gia trì,  
Có hộ pháp mạnh mẽ bảo hộ,  
Xây Lục hòa đại công ắt thành,  
Các chúng sanh bình đẳng đắc độ,  
Thấy Cự Lạc ngay tại lúc này,  
Hỏi bản thân còn cầu mong chi,  
Nghe tiếng sám mau mau thức tỉnh,  
Phải nhận đúng con đường về nhà.*

Trọng điểm thứ ba: kết hợp với tình hình thực tế của chính mình, nhận thức đúng đắn hàm ý sâu xa của hai câu sau: thứ nhất là bình Đẳng Giác ngộ khắp hết thảy chúng sanh, tức là pháp giúp hết thảy chúng sanh bình đẳng thành Phật; thứ hai là dùng pháp bình Đẳng Giác ngộ chúng sanh.

- Một: kinh Vô Lượng Thọ là bộ kinh duy nhất trong hết thảy kinh điển mà đức Phật đã thuyết trong 49 năm có thể giúp hết thảy chúng sanh một đời bình đẳng thành Phật, bốn từ trọng tâm là: “*hết thảy, duy nhất, một đời, bình đẳng*”. Thể hiện cụ thể đó là: Bồ-tát tu hành theo bộ kinh này thì một đời thành Phật; A-la-hán tu hành theo bộ kinh này thì một đời thành Phật; phàm phu tu hành theo bộ kinh này thì một đời thành Phật; chúng sanh trong tam ác đạo, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh tu hành theo bộ kinh này thì một đời thành Phật; bạn tu hành theo bộ kinh này cũng một đời thành Phật. Tổng hợp những gì tôi vừa nói gọi là: hết thảy chúng sanh một đời bình đẳng thành Phật, bạn cũng không ngoại lệ.

- Hai: không chỉ là bình đẳng thành Phật, mà còn là bình đẳng mau chóng thành Phật, từ trọng tâm là “*mau chóng*”. Mọi người nghĩ mà xem, tu hành theo bộ kinh này, một đời có thể bình đẳng thành Phật, có phải là mau chóng hay không? Có tìm ra được bộ kinh thứ hai như vậy không?

- Ba: gặp được bộ kinh này, pháp môn này thì phải trân trọng, phải chuyên tu, không nên tạp tu. Chuyên tu dễ dàng thành tựu, tạp tu không dễ dàng thành tựu.

- Bốn: kinh Vô Lượng Thọ dùng pháp bình Đẳng Giác ngộ chúng sanh. Đẳng Giác Bồ-tát muốn tu pháp môn Tịnh độ, cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc cũng đọc bộ kinh này. Nếu như Bồ-tát tu nhanh hơn, tu cao hơn chúng ta, vậy thì không còn là “*pháp bình đẳng*” nữa.

Trên đây là khái quát và tổng kết nội dung trọng điểm của bốn tập trước. Nếu như nói khái quát trọng điểm thì cách nói này vẫn chưa đúng lắm, những điều nói trong kinh Phật đều là trọng điểm, không có chỗ nào không phải là trọng điểm; lời lão pháp sư giảng đều là trọng điểm, không có chỗ nào không phải là trọng điểm. Vậy thì tại sao phải nói như vậy, làm như vậy? Chỉ là bắt đắc dĩ mà thôi, không có cách nào khác, là biện pháp ngốc nghếch mà tôi nghĩ ra.

Tại sao phải dùng cách này? Mục đích của tôi chỉ có một, đó là giúp các đồng tu trong quá trình tu học tìm được điểm mấu chốt. Tôi nghe lão pháp sư giảng kinh Vô Lượng Thọ, đã nghe hai mươi năm rồi, cho dù là tôi nghe trăm lần không chán, đã nghe 180 lần rồi, nhưng thành thật mà nói tôi cũng chỉ nghe hiểu được 30%. Tôi muốn đem toàn bộ 30% này nói ra hết cho quý vị đồng tu. Nếu như trong đầu tôi còn giữ lại điều gì thì tôi sẽ cảm thấy có lỗi với mọi người.

Hai mươi năm trước tôi mắc bệnh nặng, tính mạng nguy cấp, lúc nào cũng có thể mất mạng. Tôi đã chuẩn bị sẵn tinh thần lúc nào cũng có thể đổi mặt với tử thần. Có thể là mạng tôi chưa đến lúc kết thúc, tử thần không để ý tới tôi, A-di-đà Phật để ý tới tôi. Trong giấc mơ Diêm vương nói với tôi rằng: “Bà không phải là người nơi này, trở về đi”. Tôi nghĩ, không phải là người chỗ Diêm vương, vậy thì chắc chắn là người chỗ A-di-đà Phật rồi. Từ đó trở đi, tôi giao mình cho A-di-đà Phật. Một người bất kỳ lúc nào phải đổi mặt với cái chết như tôi, không hề uống thuốc trị liệu nào hết mà vẫn sống tiếp một cách thần kỳ. Tôi không uống thuốc, không phải vì tôi không chịu uống, mà bởi vì tôi dị ứng với thuốc.

Hiện nay, có đồng tu bị bệnh, từ chối chữa trị, từ chối dùng thuốc, lý do là “tôi là người học Phật”. Ái chà, cảnh giới học Phật của bạn thật là cao! Nói một câu không khách sáo là cảnh giới của bạn thật sự đạt đến tầm cao như vậy sao? Nếu như cảnh giới của bạn thật sự đạt được, tôi tán thán bạn, tôi ủng hộ bạn không chữa trị, không dùng thuốc, nhất tâm niệm Phật cầu vãng sanh. Nhưng mà bạn chưa đạt được, lại khiến mình trở thành người không ra người, quý không ra quý. Chân bị phù như chân voi, rỉ nước, chảy mủ, mùi hôi khó ngửi, cả người không chỗ nào lành lặn, xanh chỗ này tím chỗ kia, giống như nhánh cây khô bị cháy vậy. Người nhà của bạn, con cái của bạn nhìn thấy bạn học Phật như vậy, họ sẽ đối xử với Phật giáo như thế nào? Đối xử với Phật pháp như thế nào? Đối xử với người học Phật như thế nào? Ai dám bước vào cửa Phật nữa? Bạn một mình ở nhà, khóa chặt cửa phòng, từ chối tiếp người khác, tắt điện thoại, đoạn tuyệt tất cả liên hệ với bên ngoài. Nếu như có một ngày bạn chết trong phòng, ai cũng không biết, qua mấy ngày sau thi thể thối rữa bốc mùi, có phải là bạn đã hại hàng xóm của cả tòa nhà mình sống hay không?

Tại sao nhiều năm như vậy, tôi vẫn luôn nói với mọi người về những chuyện thường ngày này? Bởi vì tôi cảm thấy bàn chuyện cao xa, đạo lý to lớn không giải quyết được vấn đề thực tế. Mặc dù cách làm của tôi vấp phải sự phê bình của một số người, nhưng tôi không ngại. Cứ coi như tôi đang thử nghiệm vậy, thành công thì tổng kết kinh nghiệm; thất bại thì tổng kết bài học. Thành công thì A-di-đà Phật; thất bại cũng A-di-đà Phật. Thành công là giả, thất bại cũng là giả, nếu như là giả thì hà tất phải coi là thật?

Quý vị đồng tu, nội dung trọng điểm mà tôi khái quát tổng kết chỉ để tham khảo, không phải là quy định cứng nhắc, mọi người không nên bị trói buộc. Trọng

điểm của mỗi người mỗi khác, mỗi người đều phải biết lấy biết xả, nhắm tới giải quyết vấn đề thực tế của chính mình, đây là những gì tôi kỳ vọng.

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây thôi. Cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 6

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Hôm nay bắt đầu giảng kinh văn Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh.

Mời xem Phẩm thứ nhất:

### PHÁP HỘI THÁNH CHÚNG ĐỆ NHẤT

**Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại Vương-xá thành, Kỳ-xà-quật sơn trung, dữ đại tỳ-kheo chúng vạn nhị thiên nhân câu. Nhất thiết đại thánh, thần thông dĩ đạt. Kỳ danh viết: Tôn giả Kiều-trần-như, tôn giả Xá-lợi-phất, tôn giả Đại Mục-kiền-liên, tôn giả Ca-diếp, tôn giả A-nan đấng, nhi vi thượng thủ.**

*Tôi nghe như vậy: Một thuở nọ, đức Phật ở núi Kỳ-xà-quật nơi thành Vương-xá, cùng với một vạn hai ngàn vị đại tỳ-kheo. Hết thấy đều là bậc đại thánh, đã đạt thần thông. Tên các ngài là: Tôn giả Kiều-trần-như, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Ca-diếp, Tôn giả A-nan v.v... là những bậc thượng thủ.*

“Như thị ngã văn”: “tôi nghe như vậy” là câu đặt ở đầu kinh trong hết thấy kinh điển nhà Phật. Câu này có nguồn gốc như thế nào? Dùng một câu để nói, đó là tuân theo “di giáo của Thế Tôn”. Cụ thể một chút đó là lúc Thế Tôn sắp nhập Bát Niết-bàn, ngài A-nan đã thỉnh giáo Phật bốn việc, trong đó có một vấn đề là “mở đầu hết thấy các kinh nên đặt chữ nào?” Phật liền đáp rằng: “Nên để như thị ngã văn”. Hiện nay hết thấy kinh điển nhà Phật, đầu kinh đều dùng câu “như thị ngã văn”, đây là tuân theo di giáo của Phật, không phải do ai đó phát minh sáng tạo ra.

Hai chữ “như thị” hàm nghĩa sâu rộng, chúng ta không cách nào tưởng tượng được, hai chữ này hiển thị cảnh giới trên quả địa Như Lai, chính là thật tướng của các pháp được nhắc đến trong kinh Bát-nhã. Đức Phật vì hết thấy chúng sanh mà tuyên thuyết vô lượng vô biên kinh luận và pháp môn, cũng là vì nói rõ cho chúng sanh biết tướng chân thật của hết thấy các pháp, hay nói cách khác chính là nói “như thị”. “Như thị” không chỉ đại biểu cho hết thấy những điều mà Thích-ca Mâu-ni Phật thuyết trong 49 năm, trong hơn 300 pháp hội, mà thậm chí còn đại biểu cho những



điều mà vô lượng vô biên chư Phật Như Lai trong mười phương thế giới tuyên thuyết cho hết thảy chúng sanh, cũng không ngoài hai chữ “như thị” này.

Theo Quán Kinh giải thích thì hai chữ “như thị” là: “Như” là tâm này là Phật; “Thị” chính là tâm này làm Phật. Đây là lý luận của Quán Kinh. Chúng ta nghe rồi liệu có thể hiểu và thể hội được nghĩa thú chân thật của câu này mà Phật đã giảng trong kinh hay không? Số người không biết quá nhiều. Phật pháp là viên dung, rất sống động, thế nhưng có rất nhiều người học Phật lại học một cách chết cứng, không những không có được niềm vui của việc học Phật, mà còn học đến nỗi phiền não rất nhiều, khổ không thể tả, rồi sau đó hủy báng Phật, hủy báng pháp, hủy báng tăng, tạo tội nghiệt cực lớn.

Tôi nhớ mấy năm trước, hình như đọc được từ trong số sách kết duyên, người học Phật có một trăm điều, điều đầu tiên là người học Phật bị đọa địa ngục. Tôi nghĩ mãi mà không hiểu, tại sao lại như vậy? Hai mươi năm nghe kinh nghe pháp đã tiêu trừ nghi hoặc này của tôi. Câu này nói không sai chút nào. Tại sao vậy? Bạn nói xem những người niệm Phật chính mình học Phật chưa rõ ràng, lại đi hủy báng Phật, hủy báng pháp, hủy báng tăng, họ không đọa địa ngục thì đi đâu? Họ tạo tội đọa địa ngục mà.

Tôi vừa nói, rất nhiều đồng tu học Phật quá chấp chặt, quá chết cứng, dùng lời hiện nay mà nói tức là chủ nghĩa giáo điều. Tôi nêu ra ví dụ thế này, khi này chúng ta vừa nói “tâm này là Phật”, bốn chữ này có bao nhiêu người học hiểu được? Người chưa học hiểu được thì sẽ thế nghĩ này: Tâm này là Phật, ngoại trừ là Phật ra thì những điều khác đều không phải; người học hiểu được thì sẽ nghĩ thế này: Tâm này là Phật, tâm này là Bồ-tát, tâm này là La-hán, tâm này là địa ngục, tâm này là ngạ quỷ, tâm này là súc sanh, tâm này là vạn pháp, tâm này là vạn vật, tâm này là pháp giới, tâm này là... vô lượng vô biên, nói không hết. Bạn tỉ mỉ nghĩ xem, có điều nào không phải? Tìm không ra điều nào không phải. “Tâm này là Phật” mà bộ kinh Vô Lượng Thọ này nói tức là “tâm này là thế giới Cực Lạc”; “tâm này làm Phật” tức là “tâm này làm thế giới Cực Lạc”.

“Như thị” là tín thành tựu.

Tín thành tựu xếp ở vị trí đầu tiên trong sáu thứ thành tựu. Người Trung Quốc trọng tín, trong “nhân, nghĩa, lễ, trí, tín” của ngũ thường thì tín đức là nền tảng. Có tín mới có trí tuệ, có trí tuệ mới có lễ phép, có lễ phép mới hiểu chánh nghĩa, có

chánh nghĩa mới có từ bi, mới có thể thương mình thương người, tức là tâm nhân từ. Điều này cũng giống như xây tòa nhà năm tầng, tìn là tầng đầu tiên, là nền tảng, không có tìn thì nhân, nghĩa, lễ, trí đều không có. Bạn nói xem chữ tìn này quan trọng biết bao. Tổ sư đại đức kết hợp ngũ giới với ngũ thường, thật là tuyệt diệu! Đây là giới căn bản trong nhà Phật. Lấy không sát sanh kết hợp với nhân, không trộm cắp kết hợp với nghĩa, không tà dâm là lễ, không uống rượu là trí, không nói dối là tìn.

Tu hành phải bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ không nói dối. Một đời này có thể không lừa gạt người khác, không nói dối, người này là người có đức hạnh, là thiện nam tử, thiện nữ nhân trong nhà Phật nói đến. Họ có tu hành thì có thể chứng quả. Tại sao vậy? Họ có thành tìn, chữ tìn này quan trọng.

Trí Độ Luận nói “Phật pháp như biển cả, có tìn thì vào được”, Phật pháp rộng lớn vô biên, đem ví với biển cả, ai có thể vào được? Người có tìn thì mới có thể vào, nếu hoài nghi thì chắc chắn không thể vào. Đây là nguyên nhân căn bản khiến việc truyền thừa Phật pháp gặp khó khăn, việc truyền thừa giáo học thánh hiền bị khó khăn trong thời đại này. Ai có thể truyền thừa? Người có đầy đủ thành tìn mới có thể truyền thừa. Lão pháp sư nói rằng: “Những người thành tìn này, tôi tin rằng đều là người tái lai, chư Phật Bồ-tát, đại thánh đại hiền tới thế gian này cứu khổ cứu nạn, các ngài quay lại cõi người để làm gì? Để truyền thừa pháp của thánh hiền, truyền thừa pháp của chư Phật”. Tại sao các ngài có thể truyền? Bởi vì các ngài có thành tìn. Thành tìn là từ trong chân tâm lưu xuất ra; những thứ mà vọng tâm lưu xuất ra là hư vọng, là vọng ngữ. Chúng ta nhìn người thì phải nhìn từ chỗ này, biết được người nào sẽ có thành tựu, người nào rất khó thành tựu.

Kinh Hoa Nghiêm nói “*tìn là tay, như người có tay, đến nơi trần bảo, tùy ý nhặt lấy*”, ý muốn nói người người đến núi báu, bạn có tay thì bạn có thể lấy được, nếu như không có tay thì không thu hoạch được gì. Cho dù trần bảo ở núi báu có nhiều đến đâu, nếu bạn không có tay thì lấy không được. Dùng ví dụ này để so sánh thì có thể thấy “tìn là cửa đầu tiên để nhập pháp, bỏ tìn thì không cách nào nhập được”, pháp này là Phật pháp, cũng là văn hóa truyền thống Trung Quốc, pháp của thánh hiền xưa lưu lại. Cánh cửa đầu tiên để nhập pháp chính là chữ tìn này. Chúng ta niệm Phật cầu vãng sanh, chữ tìn này càng quan trọng. Lìa khỏi tìn thì không có cách nào khế nhập.

Học trò thân cận thầy để cầu học, nếu như không có tín tâm đối với thầy, dù người thầy có đức hạnh, có học vấn đến đâu thì bạn cũng không học được gì. Đức Phật là vị thầy căn bản của chúng ta, nếu chúng ta không tin tưởng lời của thầy mình thì làm sao có thành tựu cho được? Cho nên trong Phật pháp, tín là điều kiện đầu tiên, bạn phải tin Phật, từng câu mà Phật nói đều là chân thật, phải tin sâu không nghi.

Thời buổi loạn lạc hiện nay đã loạn tới mức trước nay chưa từng có, cả thế giới giống như kho thuốc nổ vậy, con người đã tới giây phút nguy cấp của sự sống và cái chết, nhân loại sẽ đi về đâu? Ai đến cứu vớt loài người? Vận mệnh nằm trong tay chính mình, chỉ có loài người mới có thể cứu lấy chính mình.

Xã hội hiện nay, chữ tín quan trọng hơn bất cứ thứ gì, không chỉ Trung Quốc cần mà cả thế giới đều cần. Nguyên nhân khiến xã hội này động loạn là gì? Là do đánh mất tín, đa phần đánh mất rồi. Rất nhiều lãnh đạo đất nước, chuyên gia học giả, tầng lớp trí thức đều đánh mất chữ tín này. Đánh mất tự tin, đánh mất niềm tin vào cha mẹ, đánh mất niềm tin vào thầy cô, không có niềm tin đối với truyền thống, dân tộc, thánh hiền xưa, tôn giáo. Lòng người không có nơi nương vè, lo sợ không yên, mờ mịt không biết gì, đó là căn nguyên khiến thế giới động loạn.

Làm thế nào để tìm về cái gốc? Phải tìm lại tín tâm. Bắt đầu từ chỗ nào? Yếu tố đầu tiên của tín tâm là yêu thương chính mình. Con người hiện nay không yêu thương chính mình, chỉ có yêu thương chính mình mới có thể yêu thương người khác. Một người không yêu thương chính mình thì họ làm sao yêu thương người khác được? Trong thời đại hưởng thụ vật chất tràn lan này, rất nhiều người bị ngấm dần ở trong biển hưởng thụ vật chất. Giá trị quan cuộc đời hoàn toàn điên đảo. Chúng ta phải đảo ngược giá trị quan cuộc đời này lại, khiến nó trở về đúng vị trí. Dùng phương pháp gì khiến nó quay về đúng chỗ? Dùng phương pháp giáo dục của Phật giáo, dùng phương pháp giáo dục của văn hóa truyền thống, hai loại giáo dục này là một chứ không phải hai.

Chúng ta xem đại đức xưa giải thích hai chữ “như thị” này như thế nào. Trong “Di-đà Kinh Yếu Giải” đại sư Ngẫu Ích nói thế này: “*Nương theo lý thật tướng niệm Phật cầu sanh Tịnh độ nhất định chẳng sai, nên gọi là thị*”. Đại sư nói rằng “nương theo lý thật tướng”, đồng tu sơ học nghe không hiểu lắm, không biết câu này có ý nghĩa gì? Nói thông thường thì “thật tướng” chính là chân tướng sự thật, cũng chính

là chân tướng của vũ trụ nhân sinh mà chúng ta thường nói. Kinh điển Phật giáo chính là nói về chân tướng của vũ trụ nhân sinh.

“Niệm Phật cầu sanh Tịnh độ nhất định chẳng sai nên gọi là thị”. Chẳng sai tức là chắc chắn không có sai, hoàn toàn có thể tin tưởng được. “Lý” là lý do, có nghĩa là lý luận căn cứ, lý luận căn cứ trong kinh Phật có thể được xưng là “diệu lý”. Chúng ta vẫn phải nói đến diệu lý này, thật tướng diệu lý. Diệu trong thật tướng diệu lý, diệu ở chỗ nào? Diệu ở chỗ xưa nay chẳng đổi, không có không gian, cũng không có thời gian, ba ngàn năm trước ở ngay lúc này, ba ngàn năm sau cũng ngay lúc này. Hay nói cách khác, tức là không có khoảng cách, không có bốn phương, bốn chiều, trên dưới; không có thời gian, không có quá khứ, hiện tại, tương lai, đây gọi là “như”. Như lý mà nói, đem chân tướng nói ra, không nói sai, đây gọi là “thị”.

Nếu như chúng ta có thể nghe hiểu đạo lý mà đức Phật đã nói thì bạn sẽ biết được trong vũ trụ này, hết thấy vạn sự vạn vật đang biến hóa trong từng sát-na, không có thứ nào mà bạn có thể đạt được, bao gồm cả thân thể, bạn sẽ biết được nên dùng thái độ gì đối với cuộc sống? Hết thấy đều thuận theo tự nhiên, như vậy là hoàn toàn đúng. Tâm thuận theo tự nhiên là chân tâm. Tâm thuận theo tự nhiên thì không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước, hết thấy đều thuận theo tự nhiên. Có một niệm phân biệt, chấp trước, khởi tâm động niệm thì không tự nhiên. Tự nhiên rất tốt, tự nhiên tương ứng với “như thị”, không tự nhiên thì không tương ứng với “như thị”. Cho nên, niệm Phật cầu sanh Tịnh độ nhất định chẳng sai, bạn tuân theo câu nói này đầy đủ viên mãn thì ngay lúc đó bạn liền tương ứng với “như thị”.

Thật tướng diệu lý là gì? Chính là một niệm tâm tự tánh, chính là bản thể, bản tánh, chính là bản tánh chân như mà chúng ta nói đến. Cách nói tuy khác nhau, nhưng ý nghĩa tương đồng. Tự tánh này là thật, có thể sanh có thể hiện. Hiện ra điều gì? Hiện ra toàn bộ vũ trụ. Toàn bộ vũ trụ chính là từ một niệm tâm tự tánh mà hiện ra, chính là câu mà đại sư Lục Tổ Huệ Năng nói khi ngài khai ngộ: “Nào ngờ tự tánh có thể sanh vạn pháp”, đây là một niệm tâm có thể sanh. Trong thuật ngữ Phật pháp, toàn bộ vũ trụ được gọi là y chánh trang nghiêm của mười pháp giới, là từ một niệm tâm sanh ra, hiện ra; từ a-lại-da biến ra. A-lại-da là vọng tâm, chân tâm có thể hiện, có thể sanh, vọng tâm biến nó thành mười pháp giới, biến thành lục đạo luân hồi. Nếu như không có vọng tâm thì mười pháp giới, lục đạo đều không còn nữa, đó

là giả, vậy thì cái còn lại là gì? Là cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm là từ một niệm tâm mà hiện ra. Mười pháp giới, lục đạo luân hồi, lại thêm a-lại-da, đều là từ một niệm vọng tâm mà biến ra. Vọng tâm đem chân tâm, nhất chân pháp giới biến thành mười pháp giới, biến thành lục đạo luân hồi.

Có một vấn đề thế này muốn hỏi các bạn, có thể xem mười pháp giới, lục đạo là nhất chân pháp giới được không? Câu trả lời của tôi là có thể. Tại sao vậy? Buông xuống vọng tâm là được! Mười pháp giới hay là sáu cõi chỉ là hiện tượng mà vọng tâm khiến cho những gì chân tâm hiện ra bị sai lệch đi mà thôi. Xin nhớ kỹ, chân tâm sở hiện, vọng tâm sở biến. Một cái là hiện, một cái là biến, hiện là thật, biến là giả. Buông xuống vọng tâm thì chân tâm hiện ra, vốn chính là nhất chân pháp giới. Đạo lý đơn giản như vậy đó, xem bạn có hiểu hay không, có biết hay không.

Trong quyển Tịnh Độ Thánh Hiền Lục có một ví dụ, có một người sắp vãng sanh, đức Phật đến tiếp dẫn người đó, người bên cạnh người đó hỏi, thế giới Cực Lạc ở đâu? Người đó trả lời, ở bên cạnh, nói xong liền vãng sanh. Thế giới Cực Lạc ở đâu? Ở trong nhà chính. Những lời này có nghĩa là gì? Nói cho chúng ta biết thế giới Cực Lạc chính tại ngay đây. Nhưng mà chúng ta nghe không hiểu, còn cho rằng người sắp chết nói lung tung. Cũng như màn hình tivi vậy, bấm nút đổi kênh là được, chính là như vậy. Lời tôi nói đều là lời thật, tin hay không tùy bạn. Tôi đã bấm nút chuyển kênh rồi, chuyển sang kênh của A-di-đà Phật, thật tuyệt diệu!

Nói này giờ nhiều như vậy, toàn bộ đều là nói hai chữ “như thị”, có đồng tu có thể không hiểu lắm, tại sao hai chữ mà lại nói nhiều như vậy? Để tôi giải thích cho mọi người một chút.

Thứ nhất, hai chữ này quan trọng. Hai chữ “như thị” bao hàm hết toàn bộ Phật pháp, hai chữ này là lý luận căn cứ của toàn bộ kinh văn. Hay nói cách khác, tức là bạn dựa vào điều gì mà nói như vậy? Phải khiến người khác tâm phục khẩu phục. Điều mà bạn nói ra phải có lý luận, có căn cứ thì người khác mới phục được. “Như thị” là tín thành tựu của bộ kinh này, đó là trước tiên phải giải quyết vấn đề của tín. Hiểu rõ đạo lý rồi, tin tưởng hết thầy pháp mà đức Phật thuyết đều là căn cứ vào chân tướng sự thật mà thuyết. Không phải là vọng tưởng, lý tưởng, suy đoán, những gì mà ngài nói hoàn toàn là chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Có thể tin!

Thứ hai, quan tâm đến nhu cầu của các đồng tu trình độ khác nhau. Đây là sự gợi ý từ lời nhắn của bạn đồng tu trên mạng. Tôi không nhớ chính xác câu đó như

thế nào, đại khái là nói những chuyện trà dư tửu hậu không đủ đẳng cấp, nghe chưa thoả thích. Bạn ấy nói chuyện đề “xôi mưa pháp, giác ngộ tâm” lần này còn tạm được, có thứ bạn ấy muốn nghe. Bạn ấy hy vọng tôi có thể giảng nội dung có cấp độ cao hơn. Lời nhắn của bạn đồng tu này khiến tôi cảm động, từ sự tín nhiệm và mong cầu của bạn ấy dành cho tôi có thể nhìn ra được bạn ấy là người nghiêm túc cầu pháp. Đây là người tu hành số lượng không nhiều trong phần đông người học Phật. Tôi cảm ân sự tín nhiệm và khích lệ của bạn ấy, chân thành đánh lễ cảm ân, tùy hỷ công đức của bạn.

Quan tâm đến nhu cầu của đồng tu có trình độ khác nhau, nếu như nói làm đến mức hoàn hảo thì tôi làm không được, phải lời ngay nói thật. Nhưng mà tôi sẽ tận lực làm, tận lực làm tới mức độ nào? Xin mọi người đừng cười tôi, tôi nói đùa với mọi người, tôi sẽ đem toàn bộ sức mạnh ra. Đợi khi tôi vãng sanh các bạn sẽ nói: “Bà lão này cũng rất thực tế, biết điều gì đều nói hết cho chúng ta”. Nghe được lời này tôi cũng thỏa mãn mà cùng đấng Cha hiền trở về nhà rồi. Tôi ở nơi đó đợi mọi người, chúng ta gặp mặt ở Tây Phương Cực Lạc.

Thứ ba, dạy học có tính gợi mở thì hiệu quả tốt. Điều này tôi học được từ giáo viên dạy toán cấp hai của tôi. Có thể chia làm ba cấp bậc:

Cấp bậc thứ nhất: giáo viên dạy toán thông thường giải đề toán chỉ có một cách giải, học sinh chỉ biết đáp án này.

Cấp bậc thứ hai: giáo viên dạy toán cao minh hơn một chút giải đề toán có thể dạy hai ba cách giải, học sinh được mở mang tầm mắt, học được nhiều tri thức hơn.

Cấp bậc thứ ba: giáo viên dạy toán càng cao minh hơn sẽ dùng phương pháp dạy học có tính gợi mở, dẫn dắt học sinh cùng nhau tìm cách giải, khích lệ học sinh tích cực hơn, làm phong phú thêm kiến thức, có em còn suy một mà ra ba, thậm chí là ra bốn ra năm, hiệu quả dạy học vô cùng tốt, dạy và học cùng tiến bộ.

Lần này giải thích hai chữ “như thị”, tôi thử dùng phương pháp giải đề toán, từ nhiều góc độ, từ nhiều cấp bậc để giải thích. Đồng tu trình độ khác nhau đều có thể tìm được câu trả lời mà mình nghe hiểu rõ. “Như thị” đã giải thích xong. Tiếp theo tôi sẽ giải thích “ngã văn”.

“*Ngã văn*”, ngã văn là văn thành tựu.

Thích-ca Mâu-ni Phật lúc còn tại thế giảng kinh thuyết pháp 49 năm, không hề lưu lại trước tác nào cho đời sau. Vậy thì kinh điển của Phật từ đâu mà có? Là sau khi Thích-ca Mâu-ni Phật diệt độ, đệ tử của Phật kết tập kinh điển. Cũng giống như Luận Ngữ, không phải do Khổng tử viết, mà là sau khi Khổng tử qua đời, học trò nhớ lại những điều thầy dạy bảo, ghi chép lại rồi truyền cho đời sau. Kinh Phật cũng là như vậy, là các đệ tử ghi chép lại rồi truyền cho đời sau. Nhưng mà kinh Phật có một điểm khác với Luận Ngữ, Luận Ngữ là do học trò khác nhau của Khổng tử ghi chép lại, kinh Phật là do tập thể các đệ tử Phật cùng nhau kết tập mà thành. Quá trình kết tập là phúc giảng một lượt hết thầy kinh điển mà năm đó Thích-ca Mâu-ni Phật đã nói khi còn tại thế, sau đó ghi chép thành kinh sách. Quá trình kết tập kinh Phật vô cùng nghiêm túc cẩn thận.

Thứ nhất là phúc giảng một lượt hết thầy kinh điển mà năm đó Thích-ca Mâu-ni Phật nói khi còn tại thế, sau đó ghi chép thành kinh sách. Đây là hình thức phúc giảng sớm nhất. Ai phúc giảng vậy? Là tôn giả A-nan. Tại sao vậy? Vì tôn giả A-nan có sức nhớ hơn người, giống như máy vi tính, máy thu âm thời đại hiện nay, ngài ấy nghe qua một lần thì không bao giờ quên, đây gọi là “nhớ kỹ không quên”. Cho nên các đồng học đều tiến cử tôn giả A-nan phúc giảng, tôn giả A-nan là người phúc giảng đầu tiên, và cũng là người phúc giảng sớm nhất trong lịch sử Phật giáo. Có thể nói, tôn giả A-nan là thủy tổ phúc giảng kinh Phật.

Thứ hai là năm trăm người tham dự vào công việc kết tập kinh điển, năm trăm người này đều chứng quả vị A-la-hán.

Thứ ba là chế độ một phiếu bác bỏ. Trong năm trăm người, chỉ cần có một người nêu ra sự hoài nghi về câu nói nào đó, cho rằng câu này tôn giả A-nan nói hình như Phật chưa từng nói qua, vậy thì câu này phải bị loại bỏ. Nhất định phải nhận được sự đồng ý của năm trăm người này, toàn bộ phiếu thông qua thì mới được ghi chép lại, lưu thông cho đời sau.

“Ngã văn”, lúc ngài A-nan kết tập pháp tạng, tự nói “pháp môn như thế tôi nghe từ đức Phật”. Ngã là ngài A-nan tự xưng, văn là đích thân nghe, không phải nghe lại từ người khác. “Lấy điều ấy bảo với đại chúng thì thật đủ để chứng tín”. Câu này ý muốn nói với năm trăm vị A-la-hán tham dự kết tập kinh điển rằng những điều mà bộ kinh điển này nói đều là do tôi tự mình nghe Thích-ca Mâu-ni Phật tuyên

giảng. Giúp đại chúng sanh khởi tín tâm đối với những điều A-nan nói, đại chúng cũng có thể chứng minh cho A-nan.

“Ngã văn” biểu thị sự thừa. Những điều tôi nghe đều từ kim khẩu của đức Thế Tôn tuyên thuyết, là sự truyền thừa có đầu mối, nhất định chẳng phải do người khác nói ra, hoặc do tôi bịa đặt, dùng đây để chứng minh.

Liên quan đến bốn chữ “như thị ngã văn” tạm thời nói tới đây. Bốn chữ này mặc dù kinh điển nào cũng có, nhưng ý nghĩa có sâu cạn, rộng hẹp khác nhau. Bốn chữ này có vô lượng nghĩa, mười phương chư Phật Như Lai nói vô lượng kiếp cũng nói không hết. Để trong quá trình tu học của chúng ta có thể hiểu nhiều hơn một chút ý nghĩa thực sự của bốn chữ này, thì việc chúng ta hiểu được bao nhiêu tỷ lệ thuận với việc chúng ta buông xuống được bấy nhiêu. Buông xuống rất quan trọng! Không buông xuống được thì chúng ta vĩnh viễn là kẻ mù kẻ điếc, vĩnh viễn không thoát ra khỏi lục đạo luân hồi được.

Trong phần “như thị ngã văn” này tôi sẽ giải thích cho mọi người hai nghi vấn. Nghi vấn thứ nhất: ngày Thích-ca Mâu-ni Phật thành đạo thì ngài A-nan ra đời, hai mươi năm sau ngài A-nan mới làm thị giả cho đức Phật. Vậy thì trước khi ngài A-nan ra đời và trước khi ngài làm thị giả cho đức Phật, kinh mà Phật giảng ngài A-nan cũng chưa nghe qua, vậy thì ngài làm sao phúc giảng được?

Đối với vấn đề này, lúc tôi giao lưu với các bạn đã từng trả lời rồi, hôm nay không định nhắc lại nữa. Tôi muốn thay đổi góc độ, dùng phương pháp kể chuyện để gợi ý cho mọi người tự mình tìm ra câu trả lời. Tôi nghĩ nên dùng phương pháp gợi mở nhiều hơn, bớt nhồi nhét thì có thể hiệu quả sẽ tốt hơn. Tiếp theo tôi sẽ kể một câu chuyện có liên quan đến ngài A-nan:

Tôn giả A-nan là đa văn đệ nhất trong mười đại tỳ-kheo đệ tử của đức Phật. Vào thời đó tuổi của tôn giả A-nan nhỏ nhất trong tăng đoàn, tướng mạo vô cùng trang nghiêm, thông minh lại đa văn, đức Phật rất yêu mến A-nan. Đức Phật thường thuyết pháp cho A-nan, dạy A-nan phải có niềm tin kiên định đối với Tam bảo, nói với A-nan rằng: niềm tin bất hoại còn quan trọng hơn nghiêm trì giới luật. Có một lần ngài A-nan tuân theo chỉ thị của đức Phật, lễ bái A-di-đà Phật của thế giới Tây Phương Cực Lạc, từng thấy A-di-đà Phật rộng phóng từ quang, A-nan thật sự là người con cưng may mắn, ngài dễ dàng được Phật quang che chở hơn người khác.



Ngài A-nan là thị giả của đức Phật, ngài thường hầu hạ bên cạnh đức Phật, khi mọi người thỉnh ngài tới hầu hạ đức Phật, ngài đã từng nêu ra ba nguyện vọng, muốn tôn giả Mục-kiền-liên chuyển lời tới đức Phật. Ba nguyện vọng của ngài là:

Thứ nhất, y phục của đức Phật, cho dù là mới hay cũ ngài tuyệt đối không mặc.

Thứ hai, nếu như có tín chúng cung thỉnh đức Phật đến nhà cúng dường, ngài không thể đi theo hầu hạ.

Thứ ba, không gặp đức Phật khi không đúng lúc.

Tôn giả Mục-kiền-liên trình bày với đức Phật nguyện vọng của A-nan, đức Phật rất hoan hỷ tán thán rằng: “A-nan thật sự là một vị tỳ-kheo rất có phẩm chất, yêu cầu mà A-nan đưa ra đều là đề phòng sự quở trách, hiềm khích. Bởi vì, A-nan sợ rằng chúng tỳ-kheo phê bình A-nan là vì muốn mặc y phục nên mới hầu hạ Phật, A-nan biết đề phòng nên mới có yêu cầu như vậy. Khi tín chúng tới gặp Phật, Phật thuyết pháp tùy theo cơ duyên đã chín muồi hay chưa, A-nan đều biết được, ông ấy thực sự là một người thông minh, có đức hạnh tài năng.”

Sau khi A-nan làm thị giả cho đức Phật, ngài thường theo sau Phật đi khắp nơi hoằng pháp, vì nhân duyên như vậy mà Phật pháp tựa như biển cả toàn bộ đều chảy vào trong tâm của A-nan. Đức Phật ngày một lớn tuổi, có một hôm trên đường đi truyền giáo, đức Phật ngồi nghỉ dưới một gốc cây, sau đó nói với A-nan: “A-nan, vì cứu vớt huệ mạng của chúng sanh đang trầm luân trong biển khổ, nhà truyền giáo không nên chối từ bất kỳ khổ cực nào. Ông và ta thường đi khắp nơi giáo hóa, ông đã dưỡng thành tín tâm, tuệ tâm, từ bi tâm. Bây giờ ta rất khát, muốn uống ít nước, ông hãy lấy bình bát của ta đi tới dòng sông bên kia lấy ít nước về cho ta uống”.

Ngài A-nan đi tới bờ sông, một lát sau quay lại với bình bát trống rỗng, thưa với đức Phật rằng: “Thưa thầy! Con tới dòng sông bên kia thì thấy nước sông đục ngầu, con nghe người ta nói, hôm nay có rất nhiều xe ngựa ở thượng lưu chạy qua cho nên nước sông dùng để rửa chân thì được nhưng tuyệt đối không thể uống. Sông Câu Tôn cách đây cũng không xa, đến nơi đó uống nước rồi tắm rửa cũng được”. Đức Phật tiếp tục uy nghiêm dặn dò: “A-nan! Lấy nước tới đây! Không phải lo, ông cứ mang nước đó tới đây!” A-nan không còn cách nào khác, chỉ đành

đi lấy nước. Thật không thể nghĩ bàn, nước sông lúc này trong vắt như gương soi vậy. A-nan vừa nhìn thấy rất vui mừng, ngài thực sự cảm động bởi uy đức thần lực của đức Phật.

Có một hôm, chỉ trong một đêm mà A-nan mơ thấy bảy chuyện kỳ lạ. Trong lòng rất hoảng sợ, ngài đi tới trước chỗ ngồi của đức Phật, kể lại theo đúng những gì đã mơ: “Thưa thầy! Trong lòng con có chuyện nghi nan muốn thỉnh Phật khai thị. Đêm qua con nằm mơ, chúng ta vốn không để ý đến giấc mộng, nhưng mà đêm qua con mơ thấy bảy chuyện đều rất kỳ lạ, cho nên bây giờ con tới khẩn thỉnh Phật từ bi giải thích cho con. Bảy chuyện mà con mơ thấy như sau:

Thứ nhất, con mơ thấy sông lớn, biển cả đều bị lửa làm khô hạn.

Thứ hai, con mơ thấy mặt trời rơi rụng, thế giới Ta-bà là một mảng tối đen, con dùng hết sức đội đỉnh núi Tu-di.

Thứ ba, con mơ thấy tỳ-kheo không tuân giữ giới luật khoác áo cà-sa.

Thứ tư, con mơ thấy pháp y của tỳ-kheo không vẹn toàn, bị vướng mắc trong gai góc.

Thứ năm, con mơ thấy cây chiên-đàn lớn tươi xanh, có rất nhiều heo rừng tới bới rễ cây.

Thứ sáu, con mơ thấy voi con không tin vào lời voi lớn, dẫm đạp lên cỏ xanh, làm vẩn đục nước sông, voi lớn không còn cách nào, buộc lòng phải tránh đi xa, một mình đến nơi cỏ xanh nước trong. Voi con vô tri, đợi đến khi cỏ nước thiếu thốn, chết vì đói khát.

Thứ bảy, con mơ thấy vua của các loài thú là sư tử chết đi, các loài chim thú, côn trùng không dám đến gần ăn thịt, nhưng từ trong thân sư tử tự có dòi sanh ra, còn ăn thịt sư tử.

Bạch Phật! Đây đều là giấc mộng kỳ lạ, con thật sự không hiểu tại sao mình lại mơ giấc mộng kỳ lạ như vậy?

Đức Phật nghe xong bảy chuyện mà A-nan gặp trong mộng, dáng vẻ ngài rất ưu tư, vô cùng cảm khái nói rằng: “A-nan, cảnh mộng do tâm tạo, nhưng có lúc cảnh mộng đích thực là điềm báo về chuyện tốt xấu ở tương lai. Bảy chuyện mà ông gặp

trong mộng sớm đã nằm trong dự đoán của ta, bây giờ ta sẽ giải thích từng chuyện cho ông:

Thứ nhất: ông mơ thấy sông lớn biển cả đều bị lửa làm khô cạn, chuyện này tượng trưng cho tỳ-kheo trong tăng đoàn tương lai làm trái lời Phật dạy, nhận sự cúng dường, tạo nên tranh đấu.

Thứ hai: ông mơ thấy mặt trời rơi rụng, thế giới Ta-bà là một mảng tối đen, ông dùng hết sức đội đỉnh núi Tu-di, điều này muốn nói 90 ngày nữa ta sẽ nhập Niết-bàn, tương lai sẽ do ông dẫn dắt đại chúng tỳ-kheo, chư thiên, người dân thọ nhận kinh giáo.

Thứ ba: ông mơ thấy các tỳ-kheo không tuân giữ giới luật khoác áo cà-sa, điều này muốn nói sau khi Phật nhập Niết-bàn, tương lai tỳ-kheo mở đại hội giảng kinh thuyết pháp, tuy trì pháp thâm sâu của Phật-đà, ngoài miệng tuyên giảng nhưng lại không làm theo.

Thứ tư: ông mơ thấy pháp y của tỳ-kheo không vẹn toàn, bị vướng mắc trong gai góc, đây là sau khi Phật nhập Niết-bàn, trong tương lai có rất nhiều tỳ-kheo không có pháp y, mặc y phục của người bình thường, phớt bỏ giới luật, vui với thói đời, nuôi dưỡng vợ con.

Thứ năm: ông mơ thấy cây chiên-đàn tươi xanh, có rất nhiều heo rừng tới bới rễ cây, đó là sau khi Phật nhập Niết-bàn, tương lai tỳ-kheo không phát tâm tuyên giảng chánh pháp của Phật nữa, chỉ lo toan tính cuộc sống của mình, buôn bán Như Lai, lấy Phật sự tụng kinh siêu độ làm việc chính.

Thứ sáu: ông mơ thấy voi con không tin vào lời voi lớn, dẫm đạp lên cỏ xanh, làm vẩn đục nước sông, sau cùng đói khát mà chết. Điều này muốn nói sau khi Phật nhập Niết-bàn, tương lai trong tăng đoàn có tỳ-kheo trưởng lão trì giới, hiểu rõ kinh điển, chỉ dạy hàng hậu học trẻ tuổi, giảng nói tội phước như bóng theo hình, nhưng hàng hậu học trẻ tuổi không chịu tin tưởng làm theo, sau khi chết đọa vào địa ngục.

Thứ bảy: ông mơ thấy vua của các loài thú là sư tử chết đi, các loài chim thú, côn trùng không dám đến gần ăn thịt, nhưng từ trong thân sư tử tự có dòi sanh ra, còn ăn thịt sư tử. Điều này muốn nói lúc Phật còn tại thế rộng thuyết giảng rất nhiều kinh pháp. Sau khi Phật nhập Niết-bàn, không có ngoại đạo nào có thể phá hoại

chánh pháp của Phật, nhưng đệ tử xuất gia tại gia, bảy chúng đệ tử của ta lại tự mình phá hoại pháp của ta.

A-nan! Bảy chuyện ông gặp trong giấc mộng chính là điềm báo Phật giáo ở tương lai.”

Sau khi Phật nói xong, quang minh của Phật dường như đang ảm đạm dần. Ngài A-nan đa văn, nghe đức Phật kể tiền đồ thánh giáo ở tương lai thì trong lòng đau buồn.

Sau đây tôi sẽ đơn giản giới thiệu với mọi người về bảy chúng đệ tử: Thứ nhất là tỳ-kheo; thứ hai là tỳ-kheo ni; thứ ba là sa-di; thứ tư là sa-di ni; thứ năm là thức-xoa-ma-na; thứ sáu là ưu-bà-tắc; thứ bảy là ưu-bà-di. Các bạn nghe xong câu chuyện này có cảm nhận gì không? Coi như giao bài tập cho các bạn, có thể nói ra một hai ba bốn năm cảm nhận được không? Các bạn thử xem. Đối với nghi vấn đầu tiên mà chúng ta đưa ra, bạn tìm được mấy câu trả lời trong những câu chuyện này? Có thể tham khảo những gì trước đây tôi từng giảng.

Nghi vấn thứ hai: Thánh nhân vô ngã, tại sao ngài A-nan lại tự xưng là ngã? Đối với vấn đề này, cư sĩ Hoàng Niệm Tổ có giải thích như sau: “Thánh nhân vô ngã mà sao A-nan lại tự xưng là ngã, vì chẳng hoại giả danh vậy! Thật tướng vô tướng nên chẳng giống như phàm phu có ngã. Thật tướng chẳng phải là không tướng nên chẳng giống vô ngã của Nhị thừa. A-nan thuận theo thế gian, giả gọi là ngã thì chẳng trái nghịch với đệ nhất nghĩa đế”. Quán Kinh Sớ nói: “Không ngã thì không ai nghe, không ai nghe thì sự giáo hóa sẽ đoạn tuyệt. Vì để truyền dạy, hóa độ chẳng tuyệt nên giả danh nói ngã”.

Đối với hai câu nói này phải hiểu như thế nào? Tôi sẽ cố gắng giảng đơn giản dễ hiểu một chút. Nửa đầu quyển kinh Kim Cang nói rằng: “Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”, đây là những gì thánh nhân Tiểu thừa chứng đắc. Thánh nhân mặc dù chứng đắc vô ngã, nhưng nói chuyện với đại chúng, giao lưu với đại chúng phải xưng ngã thì người khác mới hiểu, nếu như không xưng ngã, người khác nghe không hiểu. Mọi người thử xem, nếu như bạn giao lưu với người khác, đem chữ ngã, tức là tôi bỏ đi, vậy thì không cách nào nói chuyện được. Chúng ta qua lại với chúng sanh, phải hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Bạn vẫn phải dùng tri kiến của phàm phu thì mới có thể qua lại với họ, nếu không thì bạn không thể độ hóa chúng sanh. Hay nói cách khác, nói “ngã” là nhu

cầu để độ chúng sanh. Phải hòa quang đồng trần với chúng sanh, có chung tiếng nói thì mới có thể độ chúng sanh.

“Ngã” này là giả danh, mượn giả danh này dùng để làm gì? Phía trước, chúng ta trích dẫn bốn câu trong Quán Kinh Sớ: “Không ngã thì không ai nghe, không ai nghe thì sự giáo hóa sẽ đoạn tuyệt. Vì để truyền dạy, hóa độ chẳng đoạn tuyệt nên giả danh nói ngã”. Câu này nói rất rõ ràng, vì để truyền dạy hóa độ chẳng bị đoạn tuyệt nên giả danh nói ngã. Mượn giả danh này để truyền đạo, hóa độ chúng sanh. Dùng giả danh này, nhưng không được làm hỏng giả danh này. Tôi nói vậy có ý gì? Không được lấy giả làm thật, coi giả danh này là thật, vậy thì phiền phức rồi. Các bạn nghĩ mà xem, ví dụ trong cuộc sống của chúng ta rất nhiều, tùy tiện nêu ra cũng có một đồng. Tham sân si mạn, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, nhân ngã thị phi, v.v... có điều nào lia khỏi được “ngã”? Chúng ta xem “ngã” này thành thật. Vốn là mượn giả danh này dùng một chút, nhưng dùng không tốt, xem giả thành thật, rơi vào bẫy rồi, làm nô lệ cho giả danh này, không thể thoát ra được.

Làm thế nào vừa mượn giả danh này mà không làm hỏng giả danh này? Lão pháp sư dạy chúng ta: giả danh, giả tướng đều không phá hoại, đều có thể tùy thuận, mặc dù tùy thuận nhưng không được để ở trong tâm, không để ở trong tâm thì không có chướng ngại; để ở trong tâm thì bị ô nhiễm, tại sao vậy? Để ở trong tâm thì tâm động, tâm động thì không còn thanh tịnh nữa. Chuyện gì cần làm thì vẫn làm, làm xong rồi buông xuống, không quan tâm kết quả thế nào, tận tâm tận lực là viên mãn rồi. Như vậy mới thật sự không làm hỏng giả danh, không làm hỏng giả tướng.

Nhận thức của tôi đối với giả danh này là từ sự gợi ý của chồng tôi - Bồ-tát Lưu Minh Hoa. Ngày 19/05/2019, hai ngày trước khi chồng tôi vãng sanh, ông ấy nói với tôi mười hai câu, trong đó có hai câu là “đời này tới giúp bà, giả danh làm vợ chồng”. Tôi không hiểu, không phục, nói lại ông ấy: “Ông nó à, ông có ý gì vậy? Chung sống với ông 53 năm, cuối cùng lại là giả danh vợ chồng, ông giải thích cho tôi xem, chuyện này là thế nào?” Ông ấy chậm rãi nhìn tôi, nheo con mắt bên phải, lại nheo con mắt bên trái, sau đó đôi tai động đậy, miệng trở ra. Tôi nói: “Đừng đổi sang đề tài khác, hãy trả lời vấn đề của tôi đi”. Ông ấy dùng tay chỉ ra ngoài cửa, ý muốn nói có người tới, đừng nói nữa.

Ông ấy không giải thích cho tôi nghe, lúc tôi soạn bài giảng thì câu trả lời xuất hiện. Chồng tôi nói không sai chút nào, là giả danh vợ chồng mà. Tỉ mỉ nghĩ lại, có

Lưu Minh Hoa không? Không có, Lưu Minh Hoa là giả; có Lưu Tố Vân không? Không có, Lưu Tố Vân cũng là giả; có vợ chồng không? Không có, vợ chồng cũng là giả. Đều là giả danh, tạm thời dùng mà thôi.

Viết tới đây tôi nhớ đến một chuyện. Mười năm trước có một cô đồng tu tới tìm tôi, kể lể nỗi khổ trong lòng cô ấy, chồng cô ấy ngoại tình, tới hỏi tôi cô ấy phải làm sao? Tôi là người ăn nói vụng về, không biết khuyên người khác. Hôm đó không biết vì sao có linh cảm, tôi lại biết khuyên người khác. Mọi người có biết tôi khuyên thế nào không? Tôi nói như vậy: “Cô biết trượng phu nghĩa là gì không?” Cô ấy nói: “Trượng phu là chồng”. Tôi nói đó là cách xưng hô của người hiện nay, thời xưa gọi chồng là phu quân. Tôi nói hai chữ trượng phu giải thích như thế này: “trượng” là chiều dài, ở đây có nghĩa là cự ly; “phu” tức là phu quân; kết hợp lại có nghĩa là người chồng trong một trượng của bạn, ngoài một trượng ra muốn của ai là của người đó. Bên ngoài có người hầu hạ chồng cô, cô càng bớt việc, thời gian còn lại đều thuộc về cô, hãy lo niệm Phật cho tốt. Đây không phải là chuyện tốt sao? Cô phải cảm ơn chồng mình! Tương lai cô thành Phật cũng có một phần công lao của chồng mình đã giúp cô qua được cửa ải nhân nhục đó!

Cô bạn đồng tu nghe tôi giải thích xong há hốc miệng, sau đó cười nói: “Cô Lưu, cách giải thích của cô thật khác người. Lần đầu tiên tôi nghe từ trượng phu được giải thích như vậy”. Tôi nói tôi là người hiếm thấy, giải thích vấn đề cũng hiếm thấy.

Bạn đồng tu nào có cùng cảnh ngộ, nghe xong câu chuyện này có cảm nhận thế nào? Có nhận được sự gợi ý nào từ trong đó không? Có đồng tu gặp cảnh ngộ như vậy nhưng không vượt qua được, giày vò chính mình, đau khổ không muốn sống. Có người thì lại dùng cách quản thật chặt, xem điện thoại, canh chồng mình, thật khờ dại biết bao. Bạn có thể trông chừng được mãi sao? Bạn có thể giữ được thân của chồng mình, nhưng có thể giữ được tâm của chồng mình không? Huống hồ bạn cũng chưa chắc có thể giữ được thân của chồng mình. Có người khóc lóc, khổ sở van nài. Tôi cảm thấy không nên làm như vậy, bạn càng làm vậy, chồng bạn càng xem thường bạn. Bạn thấy có đúng không? Lần này nghe được giả danh giả tướng, nghe hiểu rồi, bạn sẽ biết phải làm thế nào. Xin tặng cho mọi người bốn câu:

*“Kiêu ngạo không được có,  
Khí phách chẳng thể không,*

*Nếu người không khí phách,  
Khó ngẩng đầu trước người”.*

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 7

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Cuối tiết trước tôi có tặng cho mọi người bốn câu:

*“Kiêu ngạo không được có,  
Khí phách chẳng thể không,  
Nếu người không khí phách,  
Khó ngẩng đầu trước người”.*

Tiếp theo tôi sẽ kể một câu chuyện có liên quan tới khí phách cho mọi người nghe. Có một đôi vợ chồng, có thể nói là thanh mai trúc mã, hai trẻ vô tư, lớn lên cùng nhau. Sau khi trưởng thành trở thành người yêu, tiếp đó kết hôn thành vợ chồng đầm ấm. Kết hôn được 10 năm, sanh được hai người con trai, một người con gái, mặc dù không phải gia đình giàu có gì nhưng gia đình năm người có trai có gái, cũng được xem là gia đình yên ổn, hạnh phúc mỹ mãn!

Qua mấy năm sau, người chồng làm ăn phát đạt, trở thành ông chủ giàu có, lên như điều gặp gió. Người chồng có tình nhân mới, quên mất tình nghĩa trước đây, đề nghị ly hôn với vợ. Người vợ đối mặt với hiện thực, bình tĩnh điềm đạm, không hạ mình cũng chẳng phản kháng, không khóc cũng chẳng làm ầm ĩ, đồng ý ly hôn. Người chồng không ngờ vợ mình lại đồng ý nhanh như vậy, anh ta vui mừng khôn xiết. Tuy nhiên trong lòng anh ta cảm thấy áy náy, muốn dùng tiền để giải quyết chuyện này. Anh hứa sẽ chia cho người vợ một số tiền lớn khi ly hôn. Người vợ nói rằng, lúc em và anh kết hôn, chỉ yêu con người của anh, không phải tiền của anh, hơn nữa lúc đó anh cũng không có tiền. Người vợ chỉ đưa ra một yêu cầu, vì muốn dạy dỗ tốt con cái, con cái lớn lên khỏe mạnh, em muốn mang ba đứa con đi. Người chồng trầm tư một lát rồi nói, vậy được, anh sẽ cho ba đứa con một số tiền lớn để em nuôi dưỡng chúng, để mấy mẹ con em không phải lo toan cuộc sống. Người vợ nói, em cũng không cần đâu, em sẽ nuôi ba đứa con trưởng thành nên người.

Người vợ mang theo ba đứa con rời khỏi nơi khiến mình đau lòng, đến một thành phố khác làm thuê kiếm sống. Chuyện sau đó chắc mọi người có thể tưởng tượng ra được, khó khăn biết bao! Mặc dù người mẹ vô cùng vất vả, nhưng nhìn thấy



ba đứa trẻ hiểu chuyện ngày một trưởng thành, cho dù trời có sập xuống cô cũng có thể đội lên được!

Ông trời không phụ người có lòng, ba đứa trẻ trưởng thành nên người, không những học xong đại học, có hai đứa học tiến sĩ, một đứa học thạc sĩ. Người mẹ vĩ đại đã nuôi lớn ba đứa con ưu tú. Câu chuyện phía sau các bạn nghe xong sẽ càng cảm động hơn nữa.

Nhiều năm trôi qua, con trai lớn trở thành chủ tịch của một công ty lớn. Một hôm, có một người tới công ty, tự xưng là cha của chủ tịch, nhân viên đưa ông tới phòng làm việc của chủ tịch. Nhiều năm không gặp, đôi bên đều cảm thấy khá xa lạ. Con trai đem chuyện này báo cho mẹ biết, người mẹ nói, để mẹ tới gặp. Hai người già gặp nhau, gặp mặt không nói nên lời, thật sự là cảm xúc lẫn lộn, không biết phải bắt đầu nói từ đâu. Người chồng nói với vợ, những năm qua ông đã đổi bảy tám cô tình nhân mới, người nào cũng lừa ông nhiều tiền của, sau đó thì không thấy tung tích nữa. Nhiều năm trôi qua như vậy, tuổi già sức yếu, tài sản cũng bị lừa không còn lại bao nhiêu, bây giờ ông trở thành người cô độc. Ông nói ông tới tìm con trai, là vì muốn có một gia đình, tìm lại một phần yêu thương, để mình không còn cô đơn nữa. Kết quả cuối cùng mọi người đoán ra rồi đúng không?

Người mẹ hỏi con trai, con thấy nên làm thế nào? Con trai nói, con đều nghe theo mẹ. Người mẹ nói rằng, ông ấy dù sao cũng là cha của con, là người cho con sanh mạng. Trước đây ông ấy đi sai đường. Bây giờ ông ấy muốn về nhà, thân làm con cái, con hãy cho ông ấy một gia đình để an hưởng tuổi già. Người con trai có chút do dự nhìn qua mẹ, vậy hai người... Người mẹ nói, ân oán của cha mẹ đã là chuyện trước đây, không cần phải so đo nữa, càng không thể đem ân oán đó truyền lại cho đời sau. Chỉ mong mỗi chúng ta đều bình an!

Câu chuyện đã hết, mọi người có cảm nhận gì không? Một người phụ nữ vĩ đại, tôi thán thán khí phách của cô ấy, càng tán thán tâm lượng rộng lớn như biển cả của cô ấy!

Câu kinh văn “như thị ngã văn” chúng tôi đã giảng xong rồi, tiếp theo chúng tôi giảng đến “nhất thời”.

*“Nhất thời”*

Nhất thời là thời thành tựu. Trong kinh Phật dùng hai chữ “nhất thời”, dùng thật sự quá hay. Tại sao trong kinh Phật không dùng ngày tháng cụ thể nào vậy? Bởi vì cách làm lịch mỗi nơi mỗi khác, cách phân chia thời gian trên thế giới chẳng giống nhau, không có cách nào dùng thời gian cụ thể. Ví dụ như một ngày ở trời Tứ Thiên Vương bằng với 50 năm dưới nhân gian, một ngày dưới địa ngục bằng với 2.700 năm trên dương gian. Lờn hiện nay gọi là múi giờ. Khoa học chứng minh rằng thời gian mặt trời xoay quanh trung tâm hệ ngân hà trọn một vòng tức là một năm trên mặt trời, tương đương với 200 triệu năm trên địa cầu. Lại nói, tốc độ chuyển động của vật thể càng gần với vận tốc ánh sáng thì thời gian cũng tùy theo tốc độ chuyển động của vật thể mà biến đổi, chẳng có số lượng nhất định. Cho nên trong kinh dùng hai chữ “nhất thời” là hết sức thực tế vậy.

Chữ nhất thời trong kinh này có ba ý nghĩa:

Nghĩa thứ nhất là lúc cơ duyên thành Phật của chúng sanh chín muồi.

Nghĩa thứ hai là lúc ba điều kiện tín, nguyện, hạnh của chúng sanh đồng thời đầy đủ.

Nghĩa thứ ba là lúc chúng sanh và chư Phật Bồ-tát cảm ứng đạo giao.

Ba thời này hợp nhất thành một, chính là nhất thời. Giải thích sơ lược ba tầng nghĩa này như sau:

Tại sao vào lúc đó đức Phật muốn tuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ? Bởi vì đức Phật biết quán sát cơ duyên. Ngài thấy rằng trong đại chúng có người căn cơ chín muồi. Căn cơ chín muồi này tức là cơ duyên thành Phật của chúng sanh chín muồi. Vào lúc này nếu như không giảng bộ kinh này, không nói pháp môn này, vậy thì đức Phật có lỗi với chúng sanh. Bởi vì căn cơ của chúng sanh chín muồi, không có người thuyết pháp cho họ thì họ không thành tựu được. Chúng sanh nghe được pháp môn này, tin sâu không nghi ngờ, đây là “tín” của họ đã thành tựu; nghe được pháp môn này, trong lòng hoan hỷ, một lòng cầu sanh Tây Phương, đây là “nguyện” của họ đã thành tựu; sau khi nghe được pháp môn này, áp dụng lý luận vào trong cuộc sống, “hạnh” của họ cũng đã thành tựu. Tín, nguyện, hạnh đều đầy đủ, cho nên đức Phật nhất định phải giảng bộ kinh này.

Chúng sanh và chư Phật Bồ-tát cảm ứng đạo giao, cũng chính là câu “thầy trò đạo hợp” mà chúng ta nói. Đây là thời điểm thầy giảng kinh, học trò nghe kinh thích hợp nhất, không thể bỏ lỡ cơ duyên này.

Chúng sanh có cơ duyên thành Phật chín muồi cũng bao gồm cả chúng ta trong đó. Bộ kinh này đức Phật thuyết cho chúng ta. Ba ngàn năm trước chúng ta đã nghe, ba ngàn năm sau chúng ta vẫn đang nghe, cơ duyên thành Phật của chúng ta ba ngàn năm trước đã chín muồi rồi, tại sao hơn ba ngàn năm trôi qua, đến bây giờ vẫn chưa thành Phật? Chúng ta gặp được quá nhiều quá nhiều cơ duyên thành Phật, chúng ta cũng đã bỏ lỡ quá nhiều quá nhiều cơ duyên thành Phật. Mọi người có biết không? Bỏ lỡ một lần chính là mấy ngàn kiếp! Chúng ta luân hồi trong lục đạo vô lượng kiếp, đó là bởi vì chúng ta đã bỏ lỡ cơ duyên thành Phật tốt đẹp.

Bây giờ chúng ta lại một lần nữa gặp được cơ duyên thành Phật, mặc dù chúng ta sống trong thời buổi loạn lạc, đây là sự bất hạnh của chúng ta. Thế nhưng chúng ta lại là người may mắn trong bất hạnh. Đại sư Ấn Quang đích thân chọn lấy pháp môn niệm Phật cho chúng ta, lão cư sĩ Hạ Liên Cư, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, lão pháp sư Tịnh Không, lão hòa thượng Hải Hiền, lão Bồ-tát Lưu Tố Thanh, mỗi người một trách nhiệm, cùng nhau đến thế giới Ta-bà, cứu độ chúng sanh khổ nạn, đây là chuyện trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được. Lại đúng lúc chúng ta gặp được. Cơ duyên thành Phật tốt như vậy, bạn vẫn bỏ lỡ hay sao? Đánh mất rồi thì không còn gặp lại nữa!

Tiếp theo giảng: *“Nhất thiết đại thánh, thần thông dĩ đạt”*.

“Hết thầy đại thánh, thần thông đã đạt”. Hai câu này không phải là tán thán tỳ-kheo Tiểu thừa, mà là tán thán đại Bồ-tát. Ý muốn nói, học trò đức Phật và đại chúng tham gia hội kinh Vô Lượng Thọ này đều là đại Bồ-tát, đại thánh. “Hết thầy” là chỉ một vạn hai ngàn người tham gia pháp hội.

Tiếp theo tôi sẽ giải thích chữ “đại”. “Đại” trong tiếng Phạn gọi là ma-ha, ma-ha có nghĩa là đại, gồm ba ý nghĩa: có nghĩa là đại; có nghĩa là đa; có nghĩa là thắng.

“Đại” là như A-di-đà Sớ Sao có nói: “Thiên vương, đại nhân cùng kính ngưỡng, chẳng phải là đức nhỏ nên gọi là đại”. Xưng là đại tỳ-kheo, không chỉ thiên vương Dục giới, thiên vương Sắc giới, trời Ma-hê-thủ-la đều tôn kính người tu hành trì giới, mà thầy đều kính ngưỡng. Đương nhiên người đó có đức hạnh, không phải

đức nhỏ, họ có đức lớn, cho nên chiêu cảm thiên vương, đại nhân tôn kính. Tịnh Ảnh Sớ nói: “Đức cao rộng lớn, quá dư cận học”, quá là vượt hơn, dư là khác, cận học có nghĩa là sơ học, mặc dù học nhưng trí tuệ chưa khai mở, đức năng còn có hạn. [Người có đức cao rộng lớn, vượt hơn hàng sơ học khác], nên gọi là đại.

Thế nào gọi là đức cao? Thật thà, nghe lời, thật làm, đây gọi là đức cao, người thông thường không có. Chỉ cần có đầy đủ đức hạnh như vậy thì họ nhất định có thành tựu. Đây là đại đức, đáng để xưng tán, khích lệ đại chúng học theo người đó.

“*Đa giả, nội điển ngoại tịch vô bất bác thông, phi quả giải dã*”. Học rộng nghe nhiều gọi là “đa”, “nội điển” là kinh điển của nhà Phật, “ngoại tịch” là thư tịch bên ngoài không phải của Phật-đà, không gì chẳng bác thông. “Bác” là học rộng, “thông” là thông đạt nên gọi là đa. “Phi quả giải dã” (chẳng phải hiểu biết hạn hẹp), “quả” là ít, hiểu biết hạn hẹp, không nhiều. Họ là mọi thứ đều thông đạt.

“Thắng” là vượt trội, vượt hơn những kẻ có học khác, đặc biệt là Ấn Độ có 96 thứ ngoại đạo, vượt lên trên 96 thứ ngoại đạo nên gọi là thắng.

Trong Phật Địa Luận, đại cũng có ba nghĩa: “Một là lợi căn tốt bậc, là chủng tánh ba-la-mật-đa”. Lợi căn tốt bậc là người nào? Chúng ta thường nói đó là bậc thượng thượng căn. Không chỉ nghe một biết mười, mà là nghe một khai ngộ một ngàn. Ngoài ra còn có một loại, giống như ông thợ vá nồi là đệ tử của lão hòa thượng Đệ Nhàn, giống như lão hòa thượng Hải Hiền, không biết chữ, chưa từng đi học, những người này là lợi căn tốt bậc. Tại sao vậy? Họ thật thà, nghe lời, thật làm, sư phụ truyền một pháp môn, họ không hề hoài nghi, kiên trì đến cùng, không cần thời gian quá dài họ đã có thể khế nhập cảnh giới. Sự khế nhập này là minh tâm kiến tánh, thành tựu đại đức. Giống như phía trước có nói, nội điển ngoại tịch họ đều không cần học, đại triệt đại ngộ, bạn cầm những sách này đọc cho họ nghe, họ sẽ giảng cho bạn nghe, toàn bộ đều thông đạt, đây là lợi căn tốt bậc.

Do đây có thể biết, lợi căn tốt bậc ai ai cũng vốn có, không hề hiếm lạ chút nào, người nào cũng có. Thế nhưng lợi căn tốt bậc của chúng ta vì sao lại biến thành độn căn, biến thành độn căn tốt bậc. Tại sao vậy? Vì chúng ta đã đánh mất tín tâm, không tin tưởng chính mình có lợi căn tốt bậc, không tin tưởng chính mình vốn là Phật, không tin tưởng chính mình có Phật tánh, vậy thì không còn cách nào khác. Nghe kinh học giáo, nghe lời Phật dạy, họ nghe hiểu rồi thì họ nghĩ như thế nào? Không phải đang nói tôi, tôi không phải là lợi căn, đang nói tới người

khác, chính mình không dám thừa nhận. Hay nói cách khác, nếu như nói bộ kinh này chính mình không được thọ dụng, vậy thì ai được thọ dụng? Người dám trực tiếp thừa nhận thì được thọ dụng, chắc chắn là Phật nói cho mình nghe, người như vậy có được thọ dụng. Nếu như nghĩ lời Phật nói không dành cho mình, mà dành cho người khác, vậy thì không có được thọ dụng.

Phật pháp là pháp bình đẳng, pháp bình đẳng là thật; có cao, có thấp là giả. Thành tựu của Phật pháp ở chỗ buông xuống, nhất thời đốn xả thì nhất thời đốn chứng, bạn xả bao nhiêu thì chứng bấy nhiêu. Xả kiến tư phiền não, không chấp trước nữa thì chứng A-la-hán; xả trần sa phiền não thì thành Bồ-tát; xả căn bản vô minh, tức khởi tâm động niệm, không khởi tâm, không động niệm, chúc mừng bạn! bạn đã thành Phật, đó chính là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Ai có vậy? Ai ai cũng có, chỉ là không dám trực tiếp thừa nhận mà thôi. Đức Phật không có cách nào khác, Phật đành phải đợi, duyên chưa chín muồi thì đành đợi trước đã, đợi khi nào bạn giác ngộ, khi nào bạn thừa nhận. Đức Phật rất kiên nhẫn, cho dù đợi vô lượng kiếp ngài cũng vẫn đợi, các bạn nhẫn tâm để Phật đợi vô lượng kiếp hay sao? Chúng ta nhất định phải biết, ai cũng có lợi căn tột bậc, chủng tánh ba-la-mật-đa, ba-la-mật-đa là trí tuệ, là trí tuệ rốt ráo. Đây là nghĩa của đại.

“Hai là đặc quả vị vô học”, vô học là A-la-hán. Ai cũng có thể chứng đặc quả A-la-hán, ai cũng có thể ra khỏi lục đạo luân hồi ngay trong một đời, chỉ là bạn có chịu hay không mà thôi? Điều kiện ra khỏi lục đạo luân hồi rất đơn giản, nếu không hề có chút lưu luyến nào với lục đạo thì bèn ra khỏi. Nếu như còn tham luyến lục đạo, không thể hoàn toàn buông xuống thì bạn không thể thoát ly. Khi bạn tu hành tương đối có công phu, ma sẽ đến thị hiện, thị hiện điều gì? Tài, sắc, danh, lợi, dùng những thứ này để mê hoặc bạn. Chỉ cần bạn sanh tâm tham với một thứ trong đó, khởi tâm động niệm thì ma liền thắng lợi, bạn không thể thoát khỏi lục đạo luân hồi, vẫn phải làm quyến thuộc của ma. Điểm này không thể không biết, đây cũng là nghĩa của đại.

“Ba là đã đặc tiểu quả, hướng đến đại Bồ-đề”, đặc tiểu quả nhưng không trụ ở tiểu quả, không thỏa mãn ở tiểu quả, ngay lập tức hồi tiểu hướng đại, học Đại thừa, đại Bồ-đề là Đại thừa.

Do ba nghĩa trên đây nên gọi là “đại”, đại có ba nghĩa như vậy.

Tịnh Ảnh Sớ giải thích đại như sau: “Đại có hai nghĩa: một, địa vị cao gọi là đại; hai, đức thù thắng gọi là đại”. Đức thù thắng tức là đạo đức thù thắng nên gọi là đại. Thánh có nghĩa là hiểu biết đúng đắn, “hiểu biết chơn chánh thì gọi là thánh”. Chánh là chánh tri chánh kiến, xa lìa tà kiến sai lệch thì gọi là chánh, có nghĩa là thánh nhân Trung Quốc.

Nếu từ đức mà nói thì khế hợp với không lý, không lý là chân lý, chân lý là không, chẳng thể có được, cho nên gọi là tánh không. Tánh chẳng có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần, cũng không có hiện tượng tự nhiên. Khế là khế nhập, trong Tịnh độ gọi là Thường Tịch Quang. Bất sanh bất diệt thì gọi là “thường”, nó không có biến hóa. Lục đạo, thập pháp giới là pháp sanh diệt, có sanh có diệt thì gọi là vô thường. Nhất chân pháp giới không có sanh diệt, Thường Tịch Quang thì càng không cần nói tới, Thường Tịch Quang không có sanh diệt. Tịch là thanh tịnh, bình đẳng, thanh tịnh đến cực điểm, bình đẳng đến cực điểm. Đại sư Huệ Năng có câu: “Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh; nào ngờ tự tánh, vốn không dao động”, chính là nói đến cảnh giới này. Vốn không dao động chính là bình đẳng. Thanh tịnh, bình đẳng gọi là tịch. Có nghĩa là thường, có nghĩa là quang. Quang là gì? Không nơi nào không có, không lúc nào không có, quang minh chiếu khắp, đây là tự tánh. Cho nên năm chữ trong đề kinh, thanh tịnh bình Đẳng Giác, giác chính là quang minh chiếu khắp, năm chữ này là Thường Tịch Quang, cũng là tự tánh, chính là bản tánh chân như. Không thể có được, dùng một chữ không, tánh không, khế nhập với không lý. Trong Thường Tịch Quang vốn không một vật. Ai chứng đắc? Pháp thân Bồ-tát chứng đắc, chứng đắc thì gọi là minh tâm kiến tánh, chứng đắc thì gọi là thành Phật, kiến tánh thành Phật. Đây là đức, từ đức mà nói.

“Hiểu đúng chánh đạo thì gọi là thánh; hoặc từ quả vị mà nói”, đây là quả vị tu hành. “Từ Sơ quả trở lên đều gọi là thánh, do hồi tiểu hướng đại, hành Bồ-tát đạo, hướng thẳng đến Phật quả thì mới gọi là tốt cùng đại A-la-hán”, đó gọi là đại thánh, quả vị rốt ráo của họ là minh tâm kiến tánh, trong Đại thừa không còn gì để học, đã tốt nghiệp Đại thừa rồi.

“Hoặc là bậc đại quyền thị hiện”, cũng gọi là đại thánh, những vị này “mới gọi là đại thánh”. Đại quyền thị hiện là gì? Chính là pháp thân Bồ-tát, pháp thân Bồ-

tát trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, thị hiện làm Thanh văn, thị hiện làm cư sĩ, thị hiện làm hộ pháp, đại quyền thị hiện, những vị này đều là đại thánh.

Lão pháp sư từng nói rằng, tam hiền thập thánh, giai vị Bồ-tát tam hiền là Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng; thập thánh là từ Sơ địa đến Thập địa. Bồ-tát từ Sơ địa trở lên xưng là thánh nhân, chỉ có Đẳng Giác Bồ-tát mới có thể xưng là đại thánh.

Tiếp theo chúng tôi nói đến ngài A-nan. A-nan là Sơ quả, Sơ quả thì xưng là thánh chứ không thể xưng là đại thánh, bởi vì ngài A-nan chưa chứng quả A-la-hán, chưa hồi tiểu hướng đại, vậy thì tại sao A-nan cũng xưng là đại thánh? “Đương thời, ngài A-nan tuy chưa đắc lậu tận, nhưng do là đương cơ nên cũng được liệt vào trong các vị này”. Điều này nói cho chúng ta biết, thân phận của ngài A-nan đặc thù, ngài là người đương cơ của nửa đầu bộ kinh Vô Lượng Thọ, cho nên ngài cũng được liệt vào một trong hết thầy đại thánh, cũng nói ngài đã đạt thần thông. “Đã hiểu biết trọn vẹn thần thông”, trọn vẹn tức là hiểu biết triệt để, “nên cũng gọi là đã đạt”. Đã đạt tức là hiểu biết triệt để. “Do vậy mà ngài A-nan cũng được nêu tên trong số hết thầy đại thánh, đã đạt thần thông”. Đại chúng trong pháp hội này đều là bậc đại trí, đại đức. Bộ kinh Vô Lượng Thọ này do Thích-ca Mâu-ni Phật tự mình thuyết giảng, Phật nói “hết thầy đại thánh, đã đạt thần thông”, tức là nói một vạn hai ngàn người tham dự pháp hội đều là đại thánh.

“Đã đạt thần thông” chú trọng vào chữ đạt, đạt là thông đạt viên mãn, nhất định không có chướng ngại. Chỉ có đại thánh mới có thể đã đạt. Tịnh Ảnh Số nói rằng: “Đã đạt thần thông là đầy đủ sáu loại thần thông. Khen ngợi đức của họ thù thắng, việc làm thần dị”. Những việc mà họ đã làm, dùng cách nói của chúng ta là không cách nào tưởng tượng được nên gọi là thần; không bị úng trệ là thông, không có chướng ngại thì thông đạt. Gọi là thần thông tức là thân thể của họ có thể biến hóa, có thể biến thân lớn, có thể biến thân nhỏ, có thể hiện có thân, cũng có thể hiện không có thân. “Thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, đắc lậu tận”, lậu tận tức là kiến tư phiền não đã tận. Vì vậy, thần nghĩa là chẳng lường được, thông nghĩa là vô ngại, không có chướng ngại. Chúng ta thường dùng hai chữ “thông đạt” cùng với nhau. Ngài Gia Tường nói: “Đạt là chứng”, họ đến được cảnh giới đạt rồi, là cảnh giới gì vậy? “Chính là chứng lục thông, tam minh”.

Lục thông là những gì A-la-hán chứng đắc, tức thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, thần túc thông, tha tâm thông, túc mạng thông, lậu tận thông. Tam minh là những gì Phật chứng đắc, tức là túc mạng minh, thiên nhãn minh, lậu tận minh. Túc mạng minh là biết rõ hết thấy chuyện tiền kiếp của chính mình và người khác; Thiên nhãn minh là biết rõ hết thấy chuyện tương lai của chính mình và người khác; Lậu tận minh là dùng thánh trí đoạn sạch hết thấy phiền não. Ba điều trên nếu là A-la-hán thì gọi là tam minh, nếu là Phật thì gọi là tam đạt.

Lục thông đạt đến viên mãn rốt ráo thì chính là tam minh. Pháp thân Bồ-tát mặc dù vị nào cũng chứng đắc lục thông nhưng sức mạnh lục thông không giống nhau. Thập trụ Bồ-tát không bằng Thập hồi hướng, Thập hồi hướng Bồ-tát không bằng Thập địa, Thập địa Bồ-tát không bằng Đẳng Giác. Mặc dù đều có lục thông nhưng cấp bậc không giống nhau. Đẳng Giác Bồ-tát so với Diệu giác (Phật), dùng một câu ví von gọi là “cách lựa nhìn trăng”. Hàng dật tơ ngày xưa mịn nhất gọi là lựa mỏng, rất mỏng, trong suốt, nhìn trăng qua tấm lựa mỏng, vẫn là nhìn gián tiếp, thấy lờ mờ, đây là Đẳng Giác Bồ-tát. Phật thì sao? Không còn bị tấm lựa che nữa, trực tiếp nhìn thấy mặt trăng. Điều này nói cho chúng ta biết nhất định phải chứng đắc quả vị Phật thì lục thông, tam minh mới viên mãn. Chúng ta phải hướng đến mục tiêu này mà bước tới!

Tiếp theo tôi sẽ giới thiệu năm vị đại Bồ-tát thượng thủ:

*“Kỳ danh viết: Tôn giả Kiều-trần-như, tôn giả Xá-lợi-phất, tôn giả Đại Mục-kiền-liên, tôn giả Ca-diếp, tôn giả A-nan đấng, nhi vi thượng thủ”.*

Tên của các vị thượng thủ được liệt kê trong kinh Phật có hàm nghĩa rất sâu. Từ trong đó chúng ta có thể thấy được điểm đặc sắc của bộ kinh này, cũng có thể nhìn ra địa vị của bộ kinh này trong Phật pháp. Năm vị đại Bồ-tát thượng thủ mà bộ kinh này kể tên ra, các ngài đều là thông gia, nhưng ở kinh này mỗi vị đại Bồ-tát tiêu biểu cho một môn, nêu lên sở trường của họ dùng để biểu pháp.

“Tên các ngài là: Tôn giả Kiều-trần-như”. Chúng ta đọc rất nhiều kinh điển, có bộ kinh nào liệt kê tên tôn giả Kiều-trần-như đầu tiên không? Không có. Trong kinh Vô Lượng Thọ tôn giả Kiều-trần-như được nêu đầu tiên, thể hiện điều gì? Thể hiện rằng tôn giả Kiều-trần-như là học trò đầu tiên được độ kể từ khi Thích-ca Mâu-ni Phật thị hiện thành Phật, cũng là đệ tử chứng đắc A-la-hán đầu tiên. Phật thuyết pháp cho năm vị tỳ-kheo tại vườn Lộc dã, Phật thuyết xong pháp Tứ Đế, ngài Kiều-trần-



như liền đắc A-la-hán, cho thấy rằng căn tánh của ngài rất lanh lợi. Người đầu tiên đắc độ, người đầu tiên chứng quả, ngài là đệ tử đầu tiên của đức Phật.

Chánh pháp xuất hiện trên thế gian, có người thuyết pháp là Thích-ca Mâu-ni Phật; có người nghe pháp là năm vị tỳ-kheo; có người tu hành, sau khi nghe xong liền thật làm, thực tiễn chính là tu hành; có người chứng quả, Kiều-trần-như chứng quả A-la-hán. Là người đầu tiên [chứng đắc] khi chánh pháp xuất hiện ở thế gian, ngài đại biểu cho điều gì? Đại biểu pháp môn niệm Phật là pháp môn thành Phật đệ nhất.

Lúc Phật chưa thành đạo, tu Bồ-tát nhẫn nhục ba-la-mật, gặp vua Ca-lợi, bị vua Ca-lợi cắt xẻo thân thể, Phật phát nguyện rằng: “Tương lai khi tôi thành Phật thì ông sẽ là người đầu tiên tôi độ”. Vua Ca-lợi chính là tiền thân của Kiều-trần-như, cho nên sau khi Thích-ca Mâu-ni Phật thành Phật, người đầu tiên được độ là Kiều-trần-như. “Phật gọi người đó là”, Phật ở đây là chỉ Thích-ca Mâu-ni Phật, gọi người đó là “tỳ-kheo bậc nhất trong hàng Thanh văn của ta”.

Trong kinh A-hàm đức Phật tán thán tôn giả Kiều-trần-như “khoan nhân bác thức”. Khoan là chỉ tâm địa của ngài, tâm lượng rộng lớn, người Trung Quốc chúng ta gọi là lượng lớn, khoan tức là lượng lớn, có thể bao dung người khác, tâm bao trùm hư không, lượng trọn khắp pháp giới gọi là khoan; nhân là từ bi, nhân từ, đại từ đại bi; bác thức, ngài nghiêm túc học tập, có trí tuệ, có học vấn. “Thiện năng khuyên hóa”, ưa thích dạy học, giáo hóa chúng sanh. “Tương dưỡng thánh chúng”, tương tức là dẫn dắt, ngài cũng giống như lớp trưởng của thời bây giờ, dẫn dắt một lớp học, dạy dỗ họ. “Bất thất oai nghi”, ngài dạy rất hay, giảng rất hay, có thể tuân theo quy củ.

Kinh Vô Lượng Thọ trước hết nêu tôn danh của ngài “nhằm biểu thị người có thể nghe nhận kinh pháp này đều là đệ tử bậc nhất”. Câu này nói rất hay! Câu này là do lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói, có ý nghĩa gì? Bạn có thể nghe được bộ kinh này, bạn có thể thọ trì bộ kinh này, chữ thọ này có nghĩa gì? Thật sự làm, thật sự học, vậy thì bạn là đệ tử bậc nhất của A-di-đà Phật, là đệ tử bậc nhất của Thích-ca Mâu-ni Phật.

Quý vị đồng tu, đệ tử bậc nhất không phải là do lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ tự mình nói, mà là Thích-ca Mâu-ni Phật nói trong kinh, Hoàng Niệm lão chỉ mượn lời Phật để nói. Chúng ta tu hành theo bộ kinh này, theo pháp môn này đều là đệ tử bậc

nhất của Phật, chúng ta phải dũng cảm trực tiếp thừa nhận, không nên khách sáo. Chúng ta đích thực là đệ tử bậc nhất của Phật.

Tiếp theo chúng tôi giới thiệu “tôn giả Xá-lợi-phất”.

Trong số đệ tử của Thích-ca Mâu-ni Phật, thì tôn giả Xá-lợi-phất đại biểu cho trí tuệ đệ nhất, ngài là đệ tử thủ tọa của đức Phật, là đệ tử mà đức Phật tín nhiệm nhất. Lúc con trai La-hầu-la của đức Phật còn nhỏ, đức Phật đã từng bảo La-hầu-la bái Xá-lợi-phất làm thầy, theo Xá-lợi-phất thọ giới sa-di. Lúc tinh xá Kỳ Viên được xây dựng, người kính vâng từ mệnh của đức Phật tới đôn đốc công trình cũng là Xá-lợi-phất. Lúc Phật pháp vẫn chưa truyền tới thành Xá-vệ ở phương Bắc, ngài Xá-lợi-phất đã có thể nhiếp phục được ngoại đạo trước rồi, khiến họ quy y đức Phật.

Quý đồng tu, vì để cho mọi người càng hiểu hơn về vị thủ tọa đệ tử này của đức Phật, tôi muốn kể cho mọi người nghe một chút, nói một cách chính xác là tôi đã đọc câu chuyện về tôn giả Xá-lợi-phất, câu chuyện này tương đối dài, tôi tin rằng mọi người nghe xong sẽ có rất nhiều cảm ngộ.

Nói đến trí tuệ của ngài Xá-lợi-phất, nghe nói lúc mẹ ngài mang thai, đột nhiên trở nên trí tuệ hơn người. Nhà hùng biện nổi tiếng nhất trong Bà-la-môn giáo thời bấy giờ là cậu của Xá-lợi-phất, ông Câu-hy-la, cũng gọi là Trường Trảo Phạm Chí, vậy mà không biện luận được lại mẹ của ngài Xá-lợi-phất. Trước khi Xá-lợi-phất ra đời, cậu và mẹ của ngài đều cảm thấy rằng tương lai ngài sẽ là một nhân vật không hề tầm thường. Sau đó Trường Trảo Phạm Chí quy y đức Phật, bởi vì ông biết cháu của mình nếu không gặp được bậc đại giác thì nó sẽ không bái người đó làm thầy. Là vì ông tin tưởng điềm này của Xá-lợi-phất, cho nên mới dũng cảm buông bỏ mê vọng, quy y dưới tòa của đức Phật.

Trí tuệ của ngài Xá-lợi-phất mặc dù siêu việt hơn người, nhưng ngài lại luôn luôn nghe theo đức Phật, chưa từng có sự phản cảm đối với bất kỳ lời dạy nào của đức Phật.

Có một lần, Xá-lợi-phất dẫn theo sa-di La-hầu-la mang bình bát ra ngoài khất thực trở về, đức Phật nhìn thấy sắc mặt của La-hầu-la rất khó coi, biết được trong lòng La-hầu-la nhất định có chuyện bức bối bất bình. Đức Phật gọi La-hầu-la tới, hỏi ông có chuyện gì cảm thấy không hài lòng. La-hầu-la trẻ tuổi cúi đầu xấu hổ nói với đức Phật: “Bạch Phật! Tỳ-kheo Thượng tọa và Trung tọa mang bình bát ra ngoài

khất thực, các tín chúng đều cúng dường món ngon thượng đẳng, sa-di mới vào đạo như chúng con, các tín chúng trộn lẫn bã mè và rau dại vào trong cơm rồi cúng dường cho chúng con. Thân thể con người đối với ăn uống đâu có phân biệt tuổi tác và giới hạnh, đều có nhu cầu giống nhau. Lúc các trưởng lão thọ nhận chỉ để ý chính mình, không quan tâm đến chúng con, khiến cho tín chúng sanh tâm phân biệt khi cúng dường. Bạch Phật! Ăn dầu mè và váng sữa thì thân thể mới khỏe mạnh, mới có sức lực, mới có thể yên tâm tu hành; nhưng mỗi ngày chúng con chỉ ăn bã mè và rau dại không đủ dinh dưỡng, thường cảm thấy thân thể mệt mỏi, làm sao có thể tinh tấn tu hành được?”

Đức Phật nghe La-hầu-la nói như vậy liền ngăn ông lại, dùng khẩu khí giáo huấn nói rằng: “Chuyện như vậy cũng không cần con nói ra, nếu nghĩ rằng khi chúng ta tu hành có thể thọ nhận cúng dường một hạt mè, một hạt lúa mạch của tín chúng thì đã là chuyện quá đáng rồi”. Mặc dù đức Phật dạy dỗ La-hầu-la như vậy, nhưng đức Phật biết được các tín chúng có sự phân biệt như thế khi cúng dường các sa-môn, trong lòng rất không hoan hỷ.

Sau khi đức Phật bảo La-hầu-la rời đi, đức Phật cho mời Xá-lợi-phất tới, vẻ mặt ôn hòa nói với Xá-lợi-phất: “Xá-lợi-phất, hôm nay ông thọ nhận đồ ăn bất tịnh, ông có biết hay không?” Xá-lợi-phất vừa nghe liền kinh ngạc, mau chóng nôn ra hết toàn bộ đồ ăn đã thọ nhận ngày hôm đó. Xá-lợi-phất thưa với Phật rằng: “Bạch Phật! Từ khi con quy y đức Phật đến nay, con luôn làm theo pháp khất thực của đức Phật mà đi hành hóa, con không dám không tuân theo pháp khất thực của Phật để đi riêng”. Đức Phật giảng tăng đoàn Lục hòa kính cho Xá-lợi-phất nghe, trưởng lão phải yêu thương chăm sóc tỳ-kheo và sa-di còn trẻ tuổi như thế nào. Xá-lợi-phất không hề bực bội bất bình chút nào, đối với giáo pháp của đức Phật, ngài chỉ biết cảm ân tiếp nhận. Sau đó đức Phật càng tin tưởng và khen ngợi Xá-lợi-phất. Ngoài đức Phật ra, Xá-lợi-phất cũng là người được mọi người trong tăng đoàn tôn kính nhất.

Xá-lợi-phất ngày một lớn tuổi, có một lần sau khi an cư kiết hạ tại tinh xá Kỳ Viên, Xá-lợi-phất thỉnh Phật cho phép ngài ra ngoài vân du bốn phương hoằng dương Phật pháp, đức Phật liền rất hoan hỷ cho phép, đồng thời khen ngợi Xá-lợi-phất có tâm vui vẻ lợi ích người khác.

Nhưng sau khi Xá-lợi-phất rời khỏi tinh xá Kỳ Viên không bao lâu liền có một vị tỳ-kheo đến trước tòa của Phật nói rằng: “Bạch Phật! Xá-lợi-phất không phải muốn ra ngoài hoàng pháp. Bởi vì ông ta si nhục con, cảm thấy hổ thẹn với con nên mới ra ngoài vân du”. Điều đức Phật không thích nhất đó là hủy báng sau lưng người khác, cho nên vừa nghe xong liền lập tức kêu người tìm Xá-lợi-phất về, đồng thời gọi A-nan đến, tập hợp đại chúng cùng tới giảng đường. Mọi người không biết tại sao phải tập hợp, Xá-lợi-phất cũng không biết tại sao đức Phật lại gọi ngài trở về, trong lòng mọi người đều cảm thấy lạ lùng.

Khi đức Phật nhìn thấy Xá-lợi-phất quay về, ngài ở trước mặt đại chúng nghiêm túc hỏi Xá-lợi-phất rằng: “Xá-lợi-phất! Ông rời đi không lâu, có một tỳ-kheo tới nói rằng ông si nhục người ấy cho nên mới ra ngoài vân du, thật sự có chuyện như vậy không?” Xá-lợi-phất ôn hòa và cung kính trả lời rằng: “Bạch Phật! Từ lúc con sanh ra cho đến ngày hôm nay con đã gần 80 tuổi, trong ký ức của con chưa từng sát hại sanh mạng, chưa từng nói lời dối trá, ngoài việc đi hoàng dương chân lý ra, con chưa từng vì lợi hại được mất riêng tư mà luận ngắn so dài với người khác. Hôm nay là ngày an cư kiết hạ cuối cùng, ba tháng nay, ngày nào con cũng sám hối, tâm của con trong suốt như sóng biển vậy, vào lúc này con nào biết coi thường người khác? Bạch Phật! Bùn đất trên đại địa này là thứ có thể nhẫn nhục nhất, cho dù thứ bất tịnh gì đổ lên nó, nó cũng không hề cự tuyệt, đối với phân và nước tiểu, máu mủ, đờm dãi, bùn đất đều ung dung đón nhận. Tâm của con hôm nay có thể bày tỏ với Phật là giống như đại địa vậy, bằng lòng nhẫn nhục chứ không muốn làm trái ý người khác. Bạch Phật! Nước chảy trong vắt, cho dù là đồ tốt hay đồ xấu đều rửa sạch, con không có suy nghĩ yêu ghét, tâm của con hôm nay giống như nước chảy vậy. Bạch Phật! Cây chổi là dùng để quét sạch bụi bẩn, lúc quét dọn không hề kén chọn xấu tốt, tâm của con hôm nay thực sự là không hề sanh tâm phân biệt yêu ghét. Bạch Phật! Con tiếp nhận sự dạy bảo của Người, luôn an trú trong chánh niệm, tuyệt đối không hề coi thường tỳ-kheo khác. Con nói với Phật như vậy, con biết chuyện của chính con, vị tỳ-kheo đó cũng biết chuyện của chính vị ấy, nếu như là lỗi lầm của con, con bằng lòng sám hối với vị tỳ-kheo đó, để xóa bỏ sự khiếm trách trong lương tâm của con”. Xá-lợi-phất đã gần 80 tuổi, đối với đức Phật, ngài trình bày sự thật một cách đúng mực như vậy, đại chúng nghe xong không ai không cảm động. Câu chuyện của ngài Xá-lợi-phất vẫn chưa kể xong, tiết học sau chúng tôi sẽ tiếp tục.

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 8

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Hôm nay chúng tôi tiếp tục kể câu chuyện về vị thủ tọa đệ tử của Thích-ca Mâu-ni Phật, ngài Xá-lợi-phất. Đức Phật nói với vị tỳ-kheo hủy báng Xá-lợi-phất rằng: “Lỗi hủy báng trưởng lão của ông bây giờ không thể sám hối, ông không biết suy nghĩ cho sự hòa hợp của tăng đoàn, ông cố ý muốn khiến cho tăng đoàn xảy ra tranh chấp, nếu như ông không thành thật sám hối thì đầu của ông sẽ nứt ra”. Vị tỳ-kheo hủy báng Xá-lợi-phất ngay lập tức quỳ xuống trước tòa của Phật, cầu xin đức Phật: “Bạch Phật! Cầu xin người từ bi thương xót con, cho con cơ hội được sám hối”. Đức Phật nói một cách trang nghiêm rằng: “Ông hãy sám hối với Xá-lợi-phất!” Vị tỳ-kheo đó phủ phục đầu xuống quỳ trước mặt Xá-lợi-phất, Xá-lợi-phất dùng tay xoa đầu vị tỳ-kheo đó, liền từ nói: “Này tỳ-kheo! Sám hối ở trong giáo pháp của đức Phật, hiệu quả ấy vô cùng lớn, người có thể hối lỗi, có thể sửa xua tu nay, thực sự là việc thiện rất lớn. Tôi tiếp nhận sự sám hối của ông, sau này ông đừng phạm sai lầm nữa”. Thái độ của Xá-lợi-phất, lời nói của Xá-lợi-phất khiến người nghe đều vô cùng cảm động.

Có một lần đức Phật dẫn đệ tử ra ngoài đi xa truyền bá giáo nghĩa, lúc trở về thành Xá-vệ bị đại chúng gièm chê, vì các đệ tử của Lục quần tỳ-kheo đã tới tinh xá Kỳ Viên trước Phật và đại chúng, hơn nữa chiếm được chỗ ngồi khá tốt, chẳng những thế còn nói với mọi người rằng: “Đây là chỗ của sư phụ chúng ta, đây là chỗ mà chúng ta nên có được”. Sau khi đức Phật trở về, Xá-lợi-phất cũng quay về tinh xá Kỳ Viên, nhìn thấy chỗ ngồi trước đây của mình đã bị Lục quần tỳ-kheo chiếm mất nên ngài ngồi tĩnh tọa qua đêm dưới một gốc cây. Sáng sớm đức Phật thức dậy, nghe thấy dưới gốc cây có tiếng ho, đức Phật hỏi: “Ai ở đó vậy? Tại sao không tĩnh tọa ở trong phòng?” Xá-lợi-phất lớn tuổi trả lời rằng: “Bạch Phật! Là con, Xá-lợi-phất. Vì hôm qua người trở về cùng đức Phật rất nhiều, tinh xá đã hết phòng trống cho nên con ngủ dưới gốc cây một đêm, không sao đâu ạ”. Đức Phật nghe xong, mượn nhân duyên này thuyết pháp cho chúng tỳ-kheo rằng: “Này các tỳ-kheo! Ta hỏi các ông, trong giáo đoàn của ta người như thế nào mới có thể được thọ nhận giường nằm thượng đẳng, nước uống thượng đẳng, đồ ăn thượng đẳng?”

Trong chúng tỳ-kheo có người nói phải là dòng dõi sát-đế-lợi hoặc bà-la-môn xuất gia thì mới được, có người nói phải là người trì giới tu hành mới được, có người nói phải là người truyền bá giáo nghĩa mới được, cuối cùng đức Phật trang nghiêm nói với chúng tỳ-kheo rằng: “Này các tỳ-kheo! Trước đây trên Tuyết Sơn có chim ngói, vượn khỉ và voi chung sống với nhau, chúng tuy là bạn bè nhưng không tôn trọng nhau, sau đó chúng cảm thấy làm như vậy không đúng, nên mới cung kính với con vật lớn tuổi nhất, làm theo lời răn dạy của con vật đó. Cứ như vậy, khi chúng thân hoại mạng chung đều sanh về cõi lành. Này các tỳ-kheo! Nếu các ông tôn kính bậc trưởng lão có pháp lạc thì trong đời này được người khác xung tán, đời sau mới có thể sanh vào cõi lành. Này các tỳ-kheo! Trong giáo pháp của ta không phân cấp bậc cao thấp, nhưng trong giáo pháp của ta có trưởng lão giới pháp lạc cao, các ông phải phụng sự lễ bái, cúng dường; các trưởng lão nên được thọ nhận giường nằm hạng nhất, nước uống hạng nhất, đồ ăn hạng nhất”. Pháp ngữ của đức Phật, Xá-lợi-phất nghe xong rất cảm động, chúng tỳ-kheo nghe xong cũng rất cảm động!

Mục-kiền-liên là bạn lâu năm của Xá-lợi-phất, có một lần trên đường đi truyền bá giáo nghĩa bị nhóm ngoại đạo lừa thế hãm hại. Xá-lợi-phất biết được tin này trong lòng rất thương cảm. Đức Phật biết Mục-kiền-liên bị ngoại đạo lừa thế hãm hại trong lòng cũng rất đau buồn, đức Phật từ thành Ba-liên-phất vượt sông Hằng tới thành Tỳ-xá-ly gần rừng cây của thôn Trúc Phương, ngài báo với đại chúng rằng ba tháng sau ngài sẽ nhập Niết-bàn. Mọi người vừa nghe giống như âm thanh long trời lở đất, đều cảm thấy vũ trụ xoay chuyển, mức độ bi thương còn hơn cả khi cha mẹ qua đời. Trong ba tháng này đức Phật tới tinh xá Kỳ Viên, tinh xá Trúc Lâm, giảng đường Trùng Các, tinh xá Bàn-sur-đa, giảng đường Lộc Mẫu v.v... Ngài đều tới qua một lần. Đức Phật muốn trước khi nhập Niết-bàn, hy vọng gặp những người mà ngài muốn gặp, giảng những điều mà ngài muốn giảng. Vào lúc này, Xá-lợi-phất muốn nhập Niết-bàn trước. Có một hôm trong lúc thiền định Xá-lợi-phất nghĩ rằng: “Chư Phật quá khứ, đệ tử thượng thủ của các ngài đều nhập Niết-bàn trước Phật, bây giờ càng gần đến ngày đức Phật nhập Niết-bàn rồi, mình nên nhập Niết-bàn trước Phật-đà thì tốt hơn.”

Trong lòng Xá-lợi-phất nghĩ như vậy, ngài lập tức đi đến trước tòa của đức Phật, quỳ xuống mà nói rằng: “Bạch Phật! Bây giờ con muốn nhập Niết-bàn, mong Phật cho phép!” Đức Phật nhìn chăm chú Xá-lợi-phất, lâu sau ngài mới nói: “Xá-lợi-phất! Tại sao ông lại muốn nhập Niết-bàn nhanh như vậy?” Xá-lợi-phất không

chịu nổi vẻ thương cảm mà đáp rằng: “Bạch Phật! Con nghe nói cách đây không lâu, Người muốn nhập Niết-bàn, con không nhẫn tâm nhìn Phật nhập Niết-bàn, hơn nữa con thường nghe Người giảng rằng, chư Phật trước đây, đệ tử thượng thủ của các ngài nhất định phải nhập Niết-bàn trước Phật. Con nghĩ bây giờ chính là lúc con nhập Niết-bàn, muốn khẩn cầu Người cho phép!”

Đức Phật lại hỏi: “Xá-lợi-phất! Ông biết lúc ông nhập Niết-bàn, nhưng ông sẽ nhập Niết-bàn ở đâu chưa?”

“Quê hương của con, thôn Ca-la-tý-nã-ca, mẹ già trăm tuổi của con vẫn sống khỏe mạnh, con muốn gặp mẹ, muốn nhập Niết-bàn ở căn phòng mà con đã lớn lên”.

“Xá-lợi-phất! Ta không cấm ông, ông có thể làm theo cách ông muốn. Có điều trong số đệ tử của ta không ai sánh bằng ông, lúc ông đi hãy nói một vài lời dạy bảo đại chúng lần cuối!”

Đức Phật dặn A-nan, tập hợp đại chúng tỳ-kheo tiền Xá-lợi-phất, hơn nữa Xá-lợi-phất cũng cần nói lời tạm biệt với đại chúng, mọi người rất mau chóng tới tập hợp. Xá-lợi-phất trước tiên nói với Phật: “Bạch Phật! Trong đời quá khứ con chỉ hy vọng có thể gặp được thời đức Phật trụ thế, cuối cùng con cũng được mãn nguyện, không có việc nào khiến con hoan hỷ bằng việc gặp được đức Phật. Mấy chục năm nay nhận được sự chỉ dạy từ bi của đức Phật, khiến kẻ ngu độn như con được khai mở tuệ nhãn, chứng được thánh quả. Ngôn từ trong thiên hạ cũng không thể nói hết được sự hoan hỷ và cảm kích trong tâm con. Bây giờ đã gần tới lúc con qua đời, con lập tức muốn vứt bỏ đi sự trói buộc của thế gian để nhập vào cảnh giới tự do tự tại. Con giống như người vác nặng đường xa, bây giờ muốn buông xuống, giải thoát sự trói buộc của ngũ thể, không nhận hết thầy khổ não nữa. Đây là lời từ biệt cuối cùng của con với Phật. Bạch Phật! Mong Người tiếp nhận đánh lễ của con!”

Xá-lợi-phất chấp tay đánh lễ, không khí vô cùng trang nghiêm, tĩnh mặc. Đức Phật gật gật đầu, Xá-lợi-phất yên lặng đứng dậy rồi lui ra bên ngoài, mãi tới khi không nhìn thấy Phật nữa ngài mới quay mình rời đi. Chúng tỳ-kheo đều bụng hoa tươi tiễn Xá-lợi-phất, đội ngũ trang nghiêm tịch tĩnh, cũng không ít người rơi lệ. Xá-lợi-phất đi được một đoạn rồi nói với mọi người: “Xin mọi người đừng bước ở đây, không cần tiễn nữa, chỉ cần sa-di Quân Đầu đi theo tôi là được rồi. Mời mọi người trở về, chính mình tu hành quan trọng hơn, hy vọng mọi người nỗ lực tinh tấn



thoát khỏi cảnh ưu khổ. Đức Phật xuất hiện trên thế gian này thực sự rất hiếm có, giống như hoa Ưu-đàm-bát-la nở vậy, phải mấy ngàn năm mới có thể gặp được một lần. Thân người khó được, tín tâm đúng đắn thuần khiết càng khó dưỡng thành. Chúng ta có thể xuất gia, có thể nghe được chánh pháp của đức Phật, càng là chuyện hiếm có trong trăm ngàn vạn ức kiếp. Hy vọng mọi người càng tinh tấn hơn nữa, các hành vô thường, càng phải chiến thắng nỗi khổ này, đến cảnh giới vô ngã Niết-bàn, đó mới là cõi đi về vĩnh viễn của chúng ta, đó mới là một thế giới tịch tĩnh an lạc”.

Lúc Xá-lợi-phất thuyết pháp, mọi người nghĩ tới đây là di ngôn sinh ly tử biệt sau cùng của Xá-lợi-phất, muốn đè nén sự đau buồn nhưng không thể, nước mắt cứ thế tuôn rơi, mọi người đồng thanh nói với Xá-lợi-phất rằng: “Ngài là đệ tử thủ tọa của đức Phật, là trưởng lão trong chúng tỳ-kheo chúng ta, sau này cần ngài dẫn dắt chúng con làm rất nhiều Phật sự giáo hóa, tại sao ngài lại nhập Niết-bàn sớm như vậy?” Xá-lợi-phất hiểu được tâm tư của mọi người, ngài vẫn an nhiên trả lời: “Mọi người đừng đau lòng, thế gian này là vô thường, mọi người không phải thường nghe đức Phật giảng như vậy sao? Núi Tu-di cũng có lúc sụp đổ, biển cả cũng có một ngày khô cạn, giống như hạt cải nhỏ bé vậy, còn cái chết của sắc thân Xá-lợi-phất tôi, chuyện này là đương nhiên, đây chính là thật tướng của thế gian. Điều mà tôi vẫn muốn dặn dò mọi người chính là phải một lòng tu đạo, thoát khỏi biển khổ, đến thế giới Cực Lạc thanh lương là quan trọng nhất. Còn công việc phụng sự giáo pháp Phật-đà để cứu thế là đời đời kiếp kiếp, chỉ cần chúng sanh muốn diệt khổ cầu vui, vì chính bản thân họ, họ sẽ tới tiếp nối huệ mạng của đức Phật.”

Lời này của Xá-lợi-phất khiến mọi người cảm động, mọi người biết chia ly với Xá-lợi-phất lần này, sau này sẽ vĩnh viễn không gặp lại nữa. Mặc dù ngài dặn bảo mọi người trở về nhưng mọi người vẫn cứ đi theo sau lưng ngài. Xá-lợi-phất không thích họ có thái độ lưu luyến không rời như vậy, cho nên dứt khoát cự tuyệt sự tiễn đưa của họ, mọi người không còn cách nào, chỉ đành dỗi mắt tiễn theo bóng lưng của Xá-lợi-phất, vẫn không muốn trở về. Nghĩ tới sau này không còn được gặp lại Xá-lợi-phất trí tuệ bậc nhất nữa, nước mắt không ngừng tuôn rơi, mặc dù họ đã giác ngộ, nhưng tình người vẫn không thay đổi. Sau khi Xá-lợi-phất rời khỏi đức Phật và tăng đoàn, tâm tư khởi dậy trong lòng, không khỏi cảm khái muôn vàn, nhưng không hề hỗn loạn, càng tăng thêm sự trong sáng trong nội tâm. Lúc này ngài giống như đứng trên đỉnh Tuyết Sơn, toàn bộ vũ trụ đều đang hiển hiện ở trong

tâm ngài. Xá-lợi-phất bước từng bước một về phía trước, Quân Đầu lặng lẽ từng bước đi theo phía sau ngài.

Xá-lợi-phất trở về cô hương của mình cũng là lúc hoàng hôn, ngài gặp cháu trai của mình là Ưu-bà-ly-bà-đa, Xá-lợi-phất hỏi cháu: “Tổ mẫu có nhà không? Con đi nói với tổ mẫu là cậu đã trở về, nhờ tổ mẫu quét dọn sạch sẽ căn phòng nơi cậu lớn lên, cậu nghỉ ngơi một lát rồi tới đó”. “Vâng ạ!” Ưu-bà-ly-bà-đa thấy cậu trở về vô cùng vui mừng, ngay lập tức tới phòng của tổ mẫu báo tin cậu đã trở về. Xá-lợi-phất trở về làm gì? Cháu của ngài không biết điều này. Mẹ của Xá-lợi-phất nghe tin con trai rất lâu chưa trở về nay lại trở về, bà vô cùng vui mừng, mặc dù Xá-lợi-phất đã gần 80 tuổi, nhưng ở trong lòng của người mẹ 100 tuổi thì ngài vẫn là một đứa con thơ. Quét dọn sạch sẽ căn phòng nơi Xá-lợi-phất lớn lên, mẹ ngài cảm thấy rất kỳ lạ, nhưng mẹ con gặp nhau khiến bà vui mừng phấn khởi đến mức không nghĩ tới nguyên nhân đó nữa. Xá-lợi-phất trở về nhà, hỏi thăm từng người trong nhà, cả gia đình đều vui vẻ khác thường, cháu trai ngài giúp ngài rửa chân, đưa ngài vào tịnh thất. Sau khi Xá-lợi-phất vào tịnh thất mới đem tin tức ngài trở về nhập Niết-bàn nói cho mọi người biết. Mẹ của ngài và mọi người kinh hãi, chỉ có Quân Đầu vẫn điềm tĩnh chăm sóc ngài.

“Chuyện này cũng không có gì, mọi người yên tâm đi”, Xá-lợi-phất nói. Ngài tăng thêm ngữ khí nghiêm túc, nói: “Thưa mẹ! Tâm của con rất thanh thản, cũng rất yên ổn, đời này con gặp được thầy của mình là đức Phật, là đáng cứu thế, tiếp nhận sự dạy bảo của ngài, con đã thực hành y theo lời dạy, con đã được cứu ra từ trong biển mê sanh tử, con đã được giải thoát từ trong lòng giam của phiền não, không có chuyện gì đáng sợ hãi. Cho nên con trở về là vì muốn nhập Niết-bàn, mong mọi người yên tâm, đời người ai không chết? Giống như con được giải thoát khỏi đau khổ, tiến nhập Niết-bàn, thực sự là chuyện hạnh phúc nhất”. Xá-lợi-phất đọc lại pháp ngữ của Phật cho mẹ nghe, mẹ ngài rất hiểu ý của ngài, nói với ngài rằng: “Con nói rất đúng, không mê tiến nhập Niết-bàn, không còn bị sanh tử, thực sự là hạnh phúc vô bờ. Vậy thì con hãy an tĩnh một lát đi!”.

Mẹ của Xá-lợi-phất tuy nói như vậy nhưng khi bà quay về phòng trong lòng không kiềm được nỗi xót xa, nước mắt cũng tuôn rơi! Xá-lợi-phất nói với sa-di Quân Đầu: “Con tới căn phòng bên đó, để ta một mình ở đây là được”. Khi tin tức Xá-lợi-phất trở về nhập Niết-bàn truyền đi khắp thôn trang, đã là nửa đêm canh ba, nhưng

người quy y đức Phật gần đó đều tụ họp lại, họ muốn bái kiến Xá-lợi-phất, muốn thăm hỏi ngài, đồng thời muốn nghe ngài thuyết pháp. Quân Đầu dẫn mọi người tới một nơi ngồi đợi, nói với mọi người đợi tôn giả nghỉ ngơi một lát rồi sẽ ra gặp. Đêm khuya thanh tịnh, trong phòng của Xá-lợi-phất không một chút tiếng động. Phương đông xuất hiện tia nắng ban mai, bình minh dần dần tới, Xá-lợi-phất gọi Quân Đầu và hỏi: “Có người nào tới sao?” Quân Đầu trả lời: “Vâng ạ, mọi người nghe tin tôn giả sắp nhập Niết-bàn nên tới cầu kiến”. “Vậy thì con đi mời họ tới”. “Vâng tôn giả, họ rất hoan hỷ khi nhìn thấy tôn giả”. Quân Đầu nói với mọi người, tôn giả đồng ý gặp mọi người. Mọi người tưởng rằng không thể nhìn thấy dáng dấp của tôn giả Xá-lợi-phất khi còn sống, nghe được tin này họ vô cùng vui mừng. Mọi người yên lặng, hạ thấp giọng, không dám ho, tập họp trong căn phòng mà Xá-lợi-phất đã lớn lên, đây là cuộc gặp gỡ thần thánh, Xá-lợi-phất nói với mọi người: “Mọi người đến rất đúng lúc, ta cũng muốn gặp mọi người. Hơn 40 năm nay, ta tiếp nhận sự chỉ dạy của đức Phật, đi khắp nơi hoằng pháp, trong khoảng thời gian này lẽ như ta có lỗi lầm gì thì mong mọi người khoan thứ cho ta lần cuối. Ta ở bên cạnh thầy mình - đức Phật là đáng cứu thế hơn 40 năm, đối với ân sư ta chưa từng có một ý niệm không vui hoặc một ý niệm bất mãn, ta là càng ngày càng cảm kích đức Phật. Ta sống trong thế gian này, đối với sự chỉ dạy sâu rộng như biển cả của ân sư còn có rất nhiều chỗ sâu xa chưa hiểu, hôm nay nhớ tới thật sự cảm thấy vô cùng có lỗi đối với ân sư đáng cứu thế. Có điều nhờ vào chút trí tuệ ít ỏi của ta mà người đời xung tụng, ta hiểu được sự từ bi của đức Phật, ta làm theo lời dạy của đức Phật, nỗ lực tinh tấn, ta cũng đạt được chánh giác. Ta không có ngã chấp, hôm nay ta từ biệt mọi người, ta sắp nhập vào cảnh giới Niết-bàn tịch tĩnh. Ta nguyện theo sau đức Phật, vĩnh viễn không sanh không tử mà trường trụ trong vũ trụ này.”

Mọi người nghe thấy cách nói của Xá-lợi-phất, nhìn dáng vẻ an tĩnh của ngài, nghĩ rằng đây chính là người sắp qua đời sao? Thật khiến người khác không hiểu. Mọi người rất cung kính bội phục, cũng rất thương cảm, Quân Đầu mời mọi người lễ bái rồi ra ngoài, Xá-lợi-phất an trụ thiền định, nằm nghiêng bên phải rồi nhập Niết-bàn. Mẹ già trăm tuổi của Xá-lợi-phất rất bi thương, nhưng lại cảm thấy qua đời an lành như vậy, nhập Niết-bàn thật là hạnh phúc; đối với cái chết trong tương lai của chính mình, bà cũng tự tin có thể hoan hỷ chào đón nó. Bảy ngày sau khi Xá-lợi-phất nhập Niết-bàn mới đem di hài của ngài đi làm lễ trà tỳ, sa-di Quân Đầu mang di cốt của ngài trở về tinh xá Trúc Lâm, đem hết thảy mọi chuyện đã qua

kể cho A-nan, A-nan rơi lệ, đưa Quân Đầu tới báo cáo tỉ mỉ với đức Phật. Đức Phật im lặng lắng nghe.

Đức Phật biết A-nan lúc đầu thấy Mục-kiền-liên bị ngoại đạo lừa thể hãm hại, bây giờ lại thấy Xá-lợi-phất nhập Niết-bàn, trong lòng nhất định vô cùng thương cảm, đức Phật bèn hỏi A-nan: “A-nan! Ông đau buồn, thương nhớ điều gì? Chẳng lẽ Xá-lợi-phất nhập Niết-bàn không phải là chuyện đáng quý hay sao? Chẳng lẽ Xá-lợi-phất tiếp nhận giáo pháp của ta rồi mang theo chân lý của ta mà không hề lưu lại hay sao?” A-nan cung kính chấp tay trả lời: “Bạch Phật, không phải! Không phải con đau buồn thương nhớ như vậy, tôn giả Xá-lợi-phất phụng trì giới nghi, trí tuệ cao tột, lại giỏi thuyết pháp, mạnh dạn truyền bá giáo nghĩa, ngài ấy luôn nhiệt tình giáo hóa như vậy. Chuyện này không chỉ chúng con biết, mà cả tín đồ khác cũng đều tán thán. Nhớ tới tôn giả Xá-lợi-phất bây giờ không còn nữa, vì lưu truyền chánh pháp, vì giáo đoàn ngàn vạn năm sau bị ảnh hưởng bởi việc ngài ấy sớm nhập Niết-bàn, đây không phải là sự đau buồn thương nhớ của cá nhân con, con nghĩ cũng là sự đau buồn thương nhớ của mọi người”.

Đức Phật biết được sự thực này, nhưng ngài vẫn điềm tĩnh nói: “Liên quan đến việc này, ông không cần thương nhớ nữa, mặc dù Xá-lợi-phất không còn, nhưng pháp vẫn không mất đi. Vô thường vốn là chân tướng của thế gian, sanh diệt là đạo lý tự nhiên. Trước khi chặt đổ cây lớn, thì phải chặt những cành cây to trước; trước khi núi báu sụp đổ thì phải sụp đổ núi cao lớn trước. Mục-kiền-liên và Xá-lợi-phất nhập Niết-bàn trước chúng tỳ-kheo, đây cũng là thứ tự tự nhiên của pháp. Không lâu sau ta cũng phải thuận theo pháp tánh mà nhập Niết-bàn, các ông không nên thất vọng, giáo pháp của đức Phật sẽ không mất đi theo người, hàng ngàn vạn năm sau đức Phật vẫn vĩnh viễn sống trong tâm những ai tin tưởng, đức Phật sẽ vĩnh viễn chăm sóc họ. Các ông phải quy y pháp, quy y chân lý mà ta nói, đừng quy y theo điều khác. Tiên nhập Niết-bàn, đến thế giới Cực Lạc là công phu quan trọng bậc nhất!”

Sau khi đức Phật nói xong, liền tập hợp chúng tỳ-kheo, nhận lấy linh cốt của Xá-lợi-phất từ tay sa-di Quân Đầu, ngài nói với mọi người: “Này các tỳ-kheo! Linh cốt này chính là của đại trí Xá-lợi-phất, trước đó không lâu đã thuyết pháp thí giáo cho chúng sanh. Trí tuệ của ông rộng lớn vô bờ, ngoài đức Phật ra thì không ai có thể sánh được, ông ấy chứng ngộ pháp tánh, thiếu dục tri túc, dũng mãnh tinh tấn,

thường tu thiền định, vì giáo vì người, không có ngã chấp, không thích tranh chấp, tránh xa người xấu, hàng phục ngoại đạo, tuyên dương chánh pháp, ông ấy đã chứng giải thoát, không còn các khổ não. Nay các tỳ-kheo! Mọi người xem, đây chính là di thân của đệ tử thân cận ta!” Lúc đức Phật nói, mọi người bất tri bất giác năm vóc sát đất cung kính đánh lễ linh cốt của Xá-lợi-phất.

Câu chuyện về tôn giả Xá-lợi-phất tôi đã kể xong, đối với người kể như tôi thì cảm xúc vẫn chưa hết, còn về phía người nghe các bạn không biết có cảm xúc thế nào? Để tôi giao bài tập cho các bạn: “Tại sao tôi lại kể câu chuyện dài như vậy về tôn giả Xá-lợi-phất cho mọi người nghe?”

Chúng tôi tiếp tục giới thiệu: “Tôn giả Đại Mục-kiền-liên”

Tôn giả Mục-kiền-liên là đệ tử thân thông đệ nhất trong số mười đại đệ tử của đức Phật. Mục-kiền-liên là họ của ngài, tên của ngài là Câu-luật-đà, do cha mẹ ngài cầu con dưới cây Câu-luật-đà cho nên đặt tên như vậy. Ngài xuất thân từ gia đình phú quý, cha ngài làm tể tướng, cho nên Đại Mục-kiền-liên là quý tộc xuất gia. Xá-lợi-phất là đệ tử bên phải đức Phật, còn Đại Mục-kiền-liên là đệ tử bên trái đức Phật. Hai đệ tử hai bên trái phải của đức Phật Thích-ca Mâu-ni cũng là biểu pháp. Đại biểu cho điều gì? Đại biểu Thích-ca Mâu-ni Phật trí tuệ đệ nhất, thân thông đệ nhất.

Tôn giả Mục-kiền-liên thân thông quảng đại. Để tôi kể câu chuyện tôn giả Mục-kiền-liên dùng thân thông cứu gia tộc Thích-ca cho mọi người nghe:

Ở kiếp lâu xa về trước, tộc Thích-ca làm nghề đánh bắt cá, mưu sinh bằng nghề đánh bắt cá, gia tộc vua Lưu-ly là đàn cá sống trong đầm nước. Người của tộc Thích-ca tát cạn nước trong đầm, đó gọi là một mẻ bắt gọn không chừa lại con nào. Con cá này sanh lòng sân hận muốn báo thù, tương lai nếu nó được thân người, nói có năng lực thì phải báo mối thù này. Đời này đã gặp được, Thích-ca Mâu-ni Phật biết được nhân quả của chuyện này, khuyên nhủ tộc Thích-ca không nên chống cự, nói với họ trốn chạy để khỏi chết. Cho nên phần lớn người trong tộc Thích-ca vượt núi Himalaya tới Tây Tạng, sau đó dừng chân ở Tây Tạng, sau này cũng không quay trở về nữa. Đại sư Chương Gia từng nói với lão pháp sư rằng, con cháu đời sau của tộc Thích-ca ở Tây Tạng.

Tôn giả Mục-kiền-liên thần thông quảng đại, ngài muốn cứu tộc Thích-ca, ngài không nghe theo chỉ thị của đức Phật, lúc thành Ca-tỳ-la-vệ bị vây hãm, ngài dùng thần thông đưa hơn 500 người, trong đó có hoàng tộc thu vào trong bình bát rồi đưa lên trời, kết quả biến thành máu loãng. Ngài biết được thần thông không thể thắng nổi nghiệp quả. Sau cùng lúc ngài đi truyền bá giáo nghĩa thì bị ngoại đạo lửa thể hãm hại, thần thông không thể cứu ngài, đây chính là ngài hiện thân thuyết pháp để lại nhắc nhở cho đời sau. Thần thông không phải là pháp căn bản. Đức Phật thường trách cứ các đệ tử ỷ lại vào thần thông, bởi vì thần thông không hề liên quan tới liễu thoát sanh tử. Thần thông của ngài Mục-kiền-liên, tai nghe âm thanh, dù xa hay gần đều có thể nghe được; mắt nhìn đồ vật, dù trong hay ngoài đều có thể nhìn thấy; thậm chí là suy nghĩ trong lòng người khác ngài cũng có thể biết.

Liên quan đến việc có thể nhìn thấy tâm của người khác, có một câu chuyện giữa Mục-kiền-liên và Liên Hoa Sắc:

Có một lần Mục-kiền-liên đi qua khu trồng cây cối, có một người phụ nữ trung niên xinh đẹp tên là Liên Hoa Sắc. Bà dùng dáng vẻ quyến rũ của mình đến gần Mục-kiền-liên, sau đó chào hỏi Mục-kiền-liên: “Tôn giả Mục-kiền-liên! Ngài có thời gian không? Con có thể nói chuyện với ngài không?” Mục-kiền-liên vừa nhìn Liên Hoa Sắc, không những chỉ nhìn thấy khuôn mặt của bà mà còn nhìn thấy tâm của bà. Hóa ra Liên Hoa Sắc là kỹ nữ, bà còn có một quãng đời truyền kỳ, bây giờ bị ngoại đạo xúi giục, muốn dùng sắc đẹp của bà để mê hoặc Mục-kiền-liên, phá hoại giới hạnh của Mục-kiền-liên. Liên Hoa Sắc tuy là người đẹp hết thời nhưng sắc đẹp của bà lại hiếm có trên đời. Nếu là người đàn ông khác, với sức quyến rũ của bà thì nhất định sẽ động tâm, nhưng ở trước mặt Mục-kiền-liên thì bà đã tìm nhầm đối tượng.

Tâm của Liên Hoa Sắc không hoàn toàn là đen tối tội ác, có điều bà không biết mình cũng có lương tâm thiện lành, bởi vì trước đây bà gặp phải cảnh ngộ bất hạnh cho nên mới khiến bà muốn đùa cợt với tình cảm thế gian này. Tôn giả Mục-kiền-liên thần thông đệ nhất đã thấy rõ ý đồ trong lòng Liên Hoa Sắc, ngài bèn đứng lại nói rằng: “Người phụ nữ đáng thương! Cảnh ngộ của bà đã bất hạnh như vậy, sao bà còn không biết khổ não của chính mình? Bây giờ bà trang điểm yêu mị như vậy, tự cho rằng mình rất xinh đẹp, nhưng mà ta thấy thân thể của bà không chỉ xấu xí, ô uế, mà ta càng biết ý đồ phi pháp ẩn chứa trong tâm của bà nữa! Thân thể của bà,

xương nối với xương, gân nối với gân, toàn thân uốn lượn như con rắn vậy. Máu đỏ, máu đen chảy trong thân thể của bà. Bên trong lớp da của bà là mồ hôi, nước mắt, phân tiểu, từ trong chín lỗ lại thường bài tiết ra ngoài. Bà không biết thân thể con người bất tịnh, trang hoàng bề ngoài rồi tự mình đắc ý, mê muội vẻ đẹp giả dối, cũng giống như voi già sa vào bùn lầy, càng lún càng sâu”. Liên Hoa Sắc dùng ánh mắt kinh ngạc nhìn Mục-kiền-liên, bà bất giác rơi lệ tựa như sấm hồi mà nói rằng: “Tôn giả! Ngài nói rất đúng, con trang điểm thân thể dơ bẩn này để mê hoặc người khác, trên thực tế chính con cũng chán ghét thân thể của chính mình, có điều con cũng không còn cách nào khác, dù thế nào đi chăng nữa con cũng sẽ không được cứu vớt, tương lai con sẽ bị nhân quả rất đáng sợ bám lấy”. Mục-kiền-liên an ủi bà ấy rằng: “Bà không nên cam chịu, cho dù quá khứ như thế nào, chỉ cần sám hối lỗi lầm xưa thì không có chuyện không cứu được. Khi quần áo dơ bẩn thì có thể dùng nước giặt, khi thân thể dơ bẩn cũng có thể dùng nước tắm, khi trong tâm không sạch thì có thể dùng Phật pháp gột rửa. Trăm sông có ô nhiễm thế nào thì chỉ cần chảy ra biển cả, nước biển cả sẽ rửa sạch nước từ trăm sông đổ vào. Sự dạy dỗ của thầy ta là đại thánh Phật-đà có thể rửa sạch ô uế trong tâm con người, khiến mỗi người đều có thể ngộ đạo được cứu.”

Liên Hoa Sắc rất hoan hỷ nhưng có vẻ không tin, nói: “Sự dạy dỗ của đức Phật thật sự từ bi vĩ đại như vậy sao? Tôn giả! Ngài vẫn chưa biết quá khứ của con, con nói ra ngài nhất định sẽ tránh né không muốn nghe, quá khứ của con thực sự quá bất hạnh, đầy tội ác”. “Bà nói ra ta nghe thử cũng tốt”. Liên Hoa Sắc kể lại quá khứ của mình một cách rất hồ thẹn: “Tôn giả! Tên con là Liên Hoa Sắc, là con gái của một trưởng giả trong thành Đức-xoa-thi-la, vào năm con 16 tuổi cha mẹ kén rể chọn chồng cho con. Không lâu sau cha con bất hạnh qua đời, người mẹ góa mắt chồng đã tư thông với chồng con, khi con biết được sự thật thì vô cùng đau khổ, lúc đó con đã có một đứa con gái với chồng mình, trong cơn tức giận con đã bỏ con gái lại rồi ra đi. Sau khi rời khỏi gia đình, con phiêu bạt trong biển người mấy năm, con tiếp tục tái giá với người khác, sống được mấy năm hạnh phúc. Có một lần chồng con ra ngoài buôn bán, lúc trở về từ thành Đức-xoa-thi-la liền giấu con lấy đi mấy ngàn tiền vốn mua một tiểu thiếp, lúc đầu chồng con còn giữ bí mật, không cho con biết, giấu cô gái đó ở nhà người bạn, sau đó khi con biết được, khóc lóc âm ỉ muốn nhìn xem cô gái đó có dáng vẻ như thế nào, tại sao cô ấy lại cướp đi tình yêu của chồng con? Nhưng mà tôn giả! Con không thấy thì thôi, vừa thấy con liền choáng

váng ngã xuống đất, hóa ra cô gái đó chính là con gái của con với người chồng trước. Tôn giả! Khi con biết được sự thật như vậy, hỏi con làm sao không bi thương cho được? Con nghĩ sao tội ác của con lại nặng nề như vậy? Trước đây mẹ của con đã cướp đi người chồng đầu tiên, bây giờ con gái lại cùng tranh người chồng hiện tại, con còn mặt mũi nào gặp người khác? Từ đó con lại bỏ nhà ra đi. Con chán ghét thế gian này, con chán ghét loài người, con đã làm dâm nữ bán rẻ tiếng cười. Con muốn đùa giỡn thế gian, bỡn cợt loài người, con đã sống cuộc sống tạo tội như vậy đó. Tôn giả! Chỉ cần có tiền, chuyện gì con cũng làm ra được, không cần con nói tôn giả đã biết tại sao con tới đây thách thức giới hạnh của ngài, bây giờ con phải sám hối với tôn giả như thế nào đây?”

Sau khi Mục-kiền-liên nghe Liên Hoa Sắc nói ra thân thế của mình, ngài cũng không hề coi thường tâm của bà ấy, ngược lại ngài nhìn thấy tâm của Liên Hoa Sắc lúc này rất chân, rất thiện, rất mỹ. Ngài dùng lời lẽ đồng cảm thương xót nói với bà: “Liên Hoa Sắc! Ta nghe bà kể về cảnh đời của mình, mặc dù là một đoạn nhân duyên đáng sợ, nhưng nếu có thể làm theo lời chỉ dạy của đức Phật, nhân duyên như vậy cũng sẽ đến lúc kết thúc, biển cả rộng lớn, đại địa vô biên đều có thể dung nạp sự ô uế. Chỉ cần bà sám hối quá khứ, tinh tấn Phật đạo, hết thảy quá khứ không còn vấn đề gì nữa, giờ phút này cơ duyên của bà được đức Phật cứu giúp đã đến, bà hãy theo ta đi gặp đức Phật!” Liên Hoa Sắc rất hoan hỷ, nhờ vào nhân duyên như vậy mà bà trở thành đệ tử của Phật. Sau này trong tăng đoàn đệ tử nữ chúng của Phật, Liên Hoa Sắc đã trở thành tỳ-kheo ni mẫu mực. Trong chúng tỳ-kheo thì Mục-kiền-liên thân thông đệ nhất, trong chúng tỳ-kheo-ni thì Liên Hoa Sắc là thân thông đệ nhất. Sửa đổi làm mới là cách duy nhất để lìa khổ được vui. Trong giáo pháp của đại thánh Phật-đà, cho dù trước đây họ là kẻ thập ác ngũ nghịch, chỉ cần họ tinh tấn tu đạo, hồi tâm sám hối thì lúc nào cũng có thể được cứu.

Mục-kiền-liên không chỉ là thân thông đệ nhất, ngài càng nổi tiếng là đại hiệu đại từ. Ngài từng vào địa ngục cứu mẹ, lễ Vu Lan Bồn ngày 15 tháng 7 lưu truyền tới ngày nay. Ngài từng khuyên em trai bố thí, dùng sức thần thông đưa em trai tới trời Lục Dục, khiến em trai biết được công đức bố thí sẽ không uổng phí. Ngài từng thay Phật giảng kệ Thất Phật Thông, kệ Thất Phật Thông đó là:

*“Không làm các việc ác,  
Siêng làm các việc thiện.*



*Giữ tâm ý trong sạch,  
Đây là lời Phật dạy”.*

Ngài và tôn giả Xá-lợi-phất giống như trợ thủ đắc lực của đức Phật vậy, [đệ tử mà] đức Phật đặc biệt dựa vào chính là Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Mục-kiền-liên và Xá-lợi-phất hiện thân chuyên bán xe pháp của đức Phật, công hiến rất lớn. Giáo pháp của đức Phật có thể truyền khắp Ấn Độ trong thời gian ngắn như vậy, công lao của hai ngài thật sự không thể nào phủ nhận. Vinh quang thuộc về đức Phật, hai ngài chưa từng suy nghĩ cho lợi ích của chính mình. Giáo pháp của đức Phật hưng thịnh, người tín ngưỡng đương nhiên hoan hỷ. Nhưng người không thích giáo pháp của đức Phật hưng thịnh, không chỉ có Đề-bà-đạt-đa, còn có rất nhiều tín đồ tôn giáo khác. Đặc biệt là sau khi vua A-xà-thế quy y đức Phật, ông ấy rất bài xích các tôn giáo khác, điều này càng khiến tín đồ tôn giáo khác ghen ghét sự hưng thịnh của Phật pháp. Tín đồ tôn giáo khác không dám tới chèn ép đức Phật, bây giờ họ không chỉ sợ oai đức của đức Phật mà còn sợ thế lực của quốc vương. Sau cùng họ nghĩ cách trước tiên loại trừ hai cánh tay của đức Phật, đó chính là Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên.

Mục-kiền-liên trên đường đi hoằng pháp, ngang qua núi Y-lê-xà-lê. Lúc ngài tĩnh tọa trong núi, ngay lúc đó ngoại đạo lửa thân nhìn thấy, chúng liền tập hợp rất nhiều người từ trên núi ném đá xuống. Đá rơi xuống như mưa, nhục thân vô thường của Mục-kiền-liên bị đè nát vụn. Nhưng ngoại đạo lửa thân hai ba ngày sau cũng không dám tới gần nơi vong thân của Mục-kiền-liên, chúng sợ đạo lực thần thông của Mục-kiền-liên. Nhưng vì truyền lại hạt giống Phật pháp, vì trở thành tấm gương, làm tấm gương vì pháp hy sinh thân mình cho đời sau, sắc thân của ngài thật sự đã vĩnh biệt thế gian. Không lâu sau chúng tỳ-kheo biết được tin Mục-kiền-liên hy sinh vì Phật pháp, có người cúi đầu buồn bã, có người muốn tìm tín đồ tôn giáo khác báo thù cho Mục-kiền-liên, có người thỉnh hỏi đức Phật: “Bạch Phật! Tôn giả Mục-kiền-liên là người lợi hại như vậy, trước đây khi ngài tới nước Bạt-già truyền bá giáo nghĩa, ác ma dùng thần thông chui vào bụng của ngài, ngài vẫn an tĩnh khuyên răn ác ma; đệ tử của đức Phật, trừ khi nghiệp lực hiện tiền, ác ma không thể nào hại được, ác ma sợ hãi thần lực của ngài liền chui ra. Bây giờ, một vị tôn giả có thần thông như vậy, thật sự là nghiệp báo hiện tiền sao? Kết cục của ngài ấy sao lại bất hạnh như vậy?”

Đức Phật đã thể hội chúng đấng chân lý vũ trụ, ngài không kích động như chúng tỳ-kheo, đức Phật an tĩnh nói với đại chúng rằng: “Đúng vậy! Nhục thể là vô thường, nghiệp báo phải kết thúc. Chỉ có tôn giả Mục-kiền-liên, lúc mất không mê mà nhập Niết-bàn. Vấn đề sanh tử ở trước mặt người giác ngộ thì không thành vấn đề. Có sanh thì có tử, tử cũng không cần phải hoang mang lo sợ, điều quan trọng là lúc qua đời có nắm chắc hay không. Tôn giả Mục-kiền-liên vì tuyên dương giáo pháp của Như Lai, sự hy sinh của ông ấy thật sự đẹp vô hạn!” Câu chuyện về tôn giả Mục-kiền-liên tôi đã kể xong.

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây. Cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 9

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Hôm nay tôi sẽ giới thiệu cho mọi người vị tôn giả thượng thủ thứ tư.

“Tôn giả Ca-diếp”

Tôn giả Đại Ca-diếp là đệ tử có hạnh đầu đà bậc nhất của đức Phật. Ngài là người được Phật truyền tâm ấn, là sơ tổ Thiên tông. Thiên là đức Phật Thích-ca Mâu-ni truyền cho ngài Ca-diếp, đại biểu cho “tông môn”. Vào thời xưa Phật pháp Đại thừa, Tiểu thừa chia làm 10 tông phái, chín tông phái ngoài Thiên tông ra đều xưng là “giáo hạ”. Giáo hạ là do tôn giả A-nan truyền lại. Trong bộ kinh Vô Lượng Thọ này [hai tôn giả] đều ở địa vị thượng thủ, đại biểu toàn bộ Phật pháp đều ở trong bộ kinh này.

Phương hướng, mục tiêu tu hành của tông môn, giáo hạ hoàn toàn tương đồng, đều là “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”, thế nhưng phương pháp khác nhau, ý muốn nói là phương thức không giống nhau. Tông môn trực tiếp hạ thủ từ “buông xuống vạn duyên”, họ không lên lớp học, không cần giáo trình. Trực tiếp buông bỏ vạn duyên, khôi phục tâm thanh tịnh của tự tánh, cho nên họ dùng phương pháp “quán tâm”, “tham thoại đầu”. Những phương pháp này rất đặc biệt, phải là người căn tánh rất nhạy bén mới có năng lực tu học pháp môn này.

Đầu đà có nghĩa là tu tập khổ hạnh, phàm là người tu khổ hạnh đầu tiên phải lựa chọn nơi thanh vắng; thứ hai phải sống cuộc sống mang bình bát đi khát thực; thứ ba phải thường ở một nơi; thứ tư phải ngày ăn một bữa; thứ năm phải khát thực không phân biệt giàu nghèo; thứ sáu phải tuân thủ ba y một bát; thứ bảy phải thường ngồi dưới gốc cây tư duy; thứ tám phải thường ngồi tĩnh tọa ở ngoài trời; thứ chín phải mặc phẩn tảo y; thứ mười phải sống nơi mồ mả. Người tu đầu đà khổ hạnh thì phải sống cuộc sống đơn giản như vậy, cũng là cuộc sống thanh tịnh.

Người tu hạnh đầu đà lý tưởng như vậy chính là tôn giả Đại Ca-diếp. Ngài sanh ra trong gia đình giàu sang, cha ngài là một vị trưởng giả đại phú. Tôn giả Ca-diếp có thể từ bỏ vinh hoa phú quý, giàu sang quyền thế, xuất gia tu khổ hạnh, thật sự là đáng quý. Trước khi ngài Đại Ca-diếp quy y đức Phật, được người đời xưng tán là người thanh niên có chí khí thanh cao, không bị dục nhiễm, cha mẹ muốn cưới

vợ cho ngài, ngài lại cùng vợ chia giường để ngủ. Sau đó ngài nghe được đức Phật thuyết pháp ở tinh xá Trúc Lâm, sanh đại tín tâm, quy y đức Phật, đức Phật từng nói rằng, nếu không phải là bậc đại giác thấu triệt vũ trụ thì không nhận nổi danh xưng là thầy của ngài.

Tôn giả Đại Ca-diếp trải qua cuộc sống bưng bát xin nhà nghèo mà không xin nhà giàu. Có một lần trên đường đi hành hóa trong thành Vương-xá, ngài gặp một bà lão nghèo khổ, nghèo tới mức quần áo không đủ che thân, ăn không đủ no, nằm ở nơi đường hẻm tối tăm. Tôn giả Đại Ca-diếp rất thương xót bà ấy, liền hướng tới bà lão hành khất: “Bà lão! Tôi thấy tình trạng nghèo khổ của bà, trong lòng cũng rất đau buồn đồng cảm, tại sao bà lại nghèo khổ như vậy, đều là vì trước đây bà keo kiệt tham lam không chịu bố thí, tôi là đệ tử của đức Phật, là vị tăng phước điền của nhân gian, bây giờ hy vọng bà bố thí cho tôi một ít thức ăn để bà trông chút phước điền, tương lai tránh được kiếp sống nghèo khổ này.

Bà lão nghèo khổ đáp lại: “À! Ngài là một vị tôn giả, con rất vinh hạnh vì ngài đã thuyết pháp cho con, có điều ngài muốn con bố thí cúng dường thức ăn cho ngài, chuyện này đối với con vô cùng khó khăn. Nói ra không sợ tôn giả chê cười, ba ngày nay con không có hạt cơm lót dạ, bây giờ con chỉ còn một ít nước gạo, mùi hôi khó ngửi, người khác sắp sửa vứt đi thì con nhặt về, làm sao có thể dùng để cúng dường tôn giả được?” Đại Ca-diếp nói: “Không sao đâu, bà hãy đưa một ít nước gạo cho tôi đi, tôi là Đại Ca-diếp, xin nhà nghèo mà không xin nhà giàu, tôi rất hoan hỷ tiếp nhận sự cúng dường của bà”. Bà lão nghèo khổ nghe vậy rất hoan hỷ, lập tức lấy nước gạo ra cúng dường, Đại Ca-diếp sợ bà lão không tin liền uống sạch hết nước gạo ngay trước mặt bà, nhờ vào công đức này mà sau khi qua đời bà lão được sanh lên trời hưởng lạc.

Tâm từ bi lợi ích người khác của tôn giả Đại Ca-diếp đáng để mọi người kính ngưỡng, nhưng mà sự nhiệt tình hoằng pháp của ngài rõ ràng không bằng Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Trước khi Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên vẫn chưa nhập Niết-bàn thường khuyên ngài quên đi tự ngã để làm công việc truyền bá chân lý hoằng pháp lợi sanh, tôn giả Đại Ca-diếp vẫn luôn kiên định trả lời rằng: “Ta thực sự là không được. Chuyện hoằng dương chánh pháp, giáo hóa chúng sanh đều không phải việc thuộc bản phận của ta. Quên đi tự ngã không hề dễ dàng chút nào! Ta cùng lắm là trong cuộc sống của chính mình có thể trở thành tấm gương tu hành trác tuyệt gian

khổ hơn nữa mà thôi, để cho hàng hậu học biết tôn trọng và thực hành khổ hạnh đầu đà, ít muốn biết đủ. Nhiệm vụ hoàng pháp lợi sanh gian khổ ấy đều dựa vào hai vị gánh vác”.

Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên nghe xong những lời này không hề cảm thấy thất vọng, ngược lại tán thán rằng: “Trưởng lão có thể dựng nên pháp tràng về phương diện này cũng là vô cùng hiếm có, Phật pháp có nhiều phương diện, mỗi người có thể tùy theo chí hướng của chính mình để thực hiện lý tưởng của bản thân, chúng tôi chúc phúc cho trưởng lão”. Đối với khổ hạnh đầu đà của chính mình, bất kỳ người nào khuyên nhủ thì trưởng lão Đại Ca-diếp cũng sẽ không bỏ hạnh. Tôn giả Đại Ca-diếp không sợ mưa to gió lớn, không sợ ngày nắng đêm sương, ngài vẫn luôn sống dưới gốc cây ở rừng sâu trong núi, hoặc là giữa mồ mả xương trắng đầy đồng.

Đại Ca-diếp ngày một già yếu, đức Phật rất đồng cảm thương xót ngài. Có một hôm lúc ngài tới tinh xá Kỳ Viên, đức Phật khuyên ngài sống trong tinh xá Kỳ Viên. Nhưng mà ngài nói với đức Phật rằng: “Bạch Phật! Không được, con không thể ở trong Kỳ Viên! Sự từ bi của Phật đệ tử sâu sắc hiểu được và cảm kích. Có điều nếu đệ tử sống ở đây nhất định phải trải qua đời sống của tăng đoàn, tới lúc đó thì hạnh đầu đà khổ hạnh của con sẽ cảm thấy vô cùng bất tiện. Ở nơi đây cho dù là tĩnh tọa, kinh hành, nghe pháp mọi thứ đều quá lý tưởng, gió mát trăng thanh, chim hót hoa thơm, hoàn cảnh thật sự quá tốt đẹp. Nhưng con là người tu hạnh đầu đà, sống ở đây rất là bất tiện. Nơi đây không ngửi thấy một chút mùi hôi xác chết, cũng không nhìn thấy chút xương trắng nào, cuộc sống trôi qua thoải mái dễ chịu như vậy, đối với tu vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh quán v.v..., dù thế nào cũng không thích hợp. Con rất vui với cuộc sống nơi mồ mả, ở nơi đó năm này qua tháng nọ cũng chỉ có một mình, hoặc ở dưới gốc cây, hoặc ở ngoài trời, hoặc kinh hành quán tưởng thi thể, hoặc chấp vá quần áo rách. Nếu muốn đi khất thực hành hóa, thì tự do vào thành, không muốn khất thực hành hóa thì tùy thích tìm chút quả dại rễ cây ăn đỡ đói. Con không phải lo nghĩ về quần áo, thức ăn, không có sự được mất của người đời, con chỉ cảm thấy tự do thanh tịnh giải thoát.

Đương nhiên có người sẽ nói cuộc sống như vậy thật quá tự lợi, giống như tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Phú-lâu-na, Ca-chiên-diên v.v... Họ gánh vác trách nhiệm thay Phật tuyên dương chánh pháp, không sợ khó khăn, không tiếc thân mình,

luân chuyển bánh xe pháp chân lý để chúng sanh rộng thấm pháp vị, cùng hưởng pháp lạc. Mặc dù con không có dũng khí và nghị lực như vậy, nhưng con sẽ không quên ân đức của Phật dành cho con. Để báo đáp ân huệ mà đức Phật dành cho con, con mới càng phải sống theo hạnh đầu đà. Bởi vì chúng sanh có được cứu hay không đều là nhờ tăng đoàn hoằng pháp, người hoằng pháp, truyền bá giáo nghĩa trong tăng đoàn là pháp sư thân giáo của nhân dân, bản thân họ nhất định phải kiện toàn mới có thể gánh vác công việc hoằng pháp. Bản thân tăng đoàn làm thế nào mới có thể kiện toàn? Đương nhiên chỉ có thể từ trong đời sống nghiêm túc mà bồi dưỡng đức hạnh của chính mình. Hạnh môn đầu đà chính là lối sống nghiêm túc nhất. Nếu như có thể quen với cuộc sống như vậy thì có thể chịu được khổ, có thể nhẫn nại, có thể không tham danh văn, không cầu lợi dưỡng, chuyên tâm chuyên đức vì pháp vì người! Bạch Phật, con vì trực tiếp củng cố tăng đoàn, gián tiếp lợi ích chúng sanh, cho nên con hoan hỷ bằng lòng sống nơi rừng sâu núi thẳm hoặc nơi mồ mã, quyết chẳng bỏ khổ hạnh, quyết không thể sống lâu trong tinh xá! Khẩn cầu Phật từ bi có thể thứ lỗi cho sự cố chấp của Đại Ca-diếp con”.

Đức Phật nghe Đại Ca-diếp nói xong rất hoan hỷ đồng ý, ngài nhìn Đại Ca-diếp rồi lại nhìn chúng tỳ-kheo nói: “Ông làm tốt lắm! Chúng tỳ-kheo nghe thấy lời của trưởng lão Đại Ca-diếp không? Tương lai, chánh pháp của Phật bị hủy diệt, không phải do thiên ma ngoại đạo phá hoại, mà là do tăng đoàn hủ bại và mục nát! Lời của Đại Ca-diếp nói rất đúng, muốn hoằng dương Phật pháp, để ánh sáng chân lý vĩnh viễn soi sáng thế gian thì nhất định phải củng cố tăng đoàn trước, nhất định phải sống một đời sống nghiêm túc. Chánh pháp của ta, như tôn giả Đại Ca-diếp thì có thể phụ trách trụ trì”. Sự tu hành của tôn giả Đại Ca-diếp được đức Phật xưng tán, từ đó ngài ở trong tăng đoàn được mọi người tôn kính! Liên quan tới tôn giả Đại Ca-diếp, tôi giới thiệu tới đây.

Vị thứ năm được liệt kê vào trong năm vị thượng thủ đó là tôn giả A-nan. Liên quan đến tôn giả A-nan, chúng tôi đã giới thiệu khá chi tiết trong tập sáu, ở đây không nói nhiều nữa. Năm vị thượng thủ được kể trong kinh Vô Lượng Thọ: tôn giả Kiều-trần-như, tôn giả Xá-lợi-phất, tôn giả Đại Mục-kiền-liên, tôn giả Ca-diếp, tôn giả A-nan đều đã giới thiệu xong. Mời mọi người xem kinh văn tiếp theo:

**Hựu hữu Phổ Hiền Bồ-tát, Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, Di-lặc Bồ-tát, cập Hiền kiếp trung nhất thiết Bồ-tát, giai lai tập hội.**

*Lại có Phổ Hiền Bồ-tát, Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, Di-lặc Bồ-tát, và tất cả Bồ-tát trong Hiền kiếp đều đến tham dự đại hội.*

Ba vị Bồ-tát thượng thủ được kể trong kinh này, các ngài đại biểu cho chúng xuất gia, nghĩa thú biểu pháp của các ngài rất sâu rộng. Thế giới Hoa Tạng là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Thích-ca Mâu-ni Phật. Phổ Hiền Bồ-tát và Văn-thù Bồ-tát cùng đứng hầu hai bên trái phải của Thích-ca Mâu-ni Phật, được xưng là “Hoa Nghiêm Tam Thánh”. Hoa Nghiêm Tam Thánh đại biểu toàn bộ tông chỉ của đại kinh, cũng đại biểu cho toàn thể Phật pháp.

“Phổ Hiền Bồ-tát” là một trong tứ đại Bồ-tát của Phật giáo Đại thừa. “Phổ” là khắp hết thảy các nơi, “Hiền” nghĩa là sự lành màu nhiệm nhất, Phổ Hiền Bồ-tát dùng trí dẫn dắt hạnh, dùng hạnh chứng trí, giải hành cùng tiến, cho nên được xưng là “Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ-tát”. Phổ Hiền Bồ-tát phụ trợ Thích-ca Mâu-ni Phật hoằng dương Phật đạo, thân trọn khắp mười phương, thường làm pháp vương tử dưới tòa của chư Phật. Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện nói: “Sức oai thần hạnh nguyện Phổ Hiền hiện khắp trước tất cả Như Lai”, lại nói “hết thảy Như Lai có trưởng tử, danh hiệu của ngài là Phổ Hiền”.

Vô lượng kiếp về trước, khi A-di-đà Phật làm Chuyển Luân Thánh Vương, lúc đó Phổ Hiền Bồ-tát là vị vương tử thứ tám của Chuyển Luân Thánh Vương “Vô Tránh Niệm”, tên là Mãn Đồ. Phổ Hiền Bồ-tát là tổ sư khai sơn của Mật tông, ngài không chỉ đại biểu cho hành môn của Hoa Nghiêm, mà còn đại biểu cho Mật tông. Từ đó biết được, Hoa Nghiêm là hiển thuyết của Mật tông, Mật tông là mật thuyết của Hoa Nghiêm, hiển mật không hai.

Cổ đức nói: “Hoa Nghiêm áo tạng, Pháp Hoa bí tủy” đều ở trong bộ kinh này. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ là đại đức của Phật, là thượng sư Kim Cang của Mật tông, ngài yêu cầu người học Mật thọ trì kinh Vô Lượng Thọ, ngài có đạo lý của mình, bởi vì đây là tinh tủy của Mật pháp. Thập đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ-tát trong kinh Hoa Nghiêm dẫn về Cực Lạc. Có thể nói Phổ Hiền Bồ-tát có công hiến vô cùng lớn không gì sánh bằng, vĩnh viễn bất diệt đối với Phật giáo, ân đức vô lượng vô biên đối với chúng sanh đều hiển lộ rõ ràng ở đây. Chúng ta hãy mãi mãi cảm ơn ân đức của Phổ Hiền Đại sĩ!

Phổ Hiền Bồ-tát là tổ sư khai sơn của Mật tông, là sơ tổ Tịnh tông ở thế giới Ta-bà. Trong kinh Vô Lượng Thọ, [ngài] đại biểu Tịnh Mật không hai.

Văn-thù-sur-lợi Bồ-tát là một trong Hoa Nghiêm Tam Thánh. Ngài đại biểu trí tuệ đệ nhất trong hàng Bồ-tát. Ngài đại biểu cho Thiền tông của Phật pháp Đại thừa. Văn-thù-sur-lợi Bồ-tát là bản tôn của Thiền tông. Thiền tông không phải là thiền định ba-la-mật trong Lục ba-la-mật, mà là Bát-nhã ba-la-mật trong Lục độ ba-la-mật. Lấy gì làm chứng cứ? Phẩm Bát-nhã thứ hai của Đàn Kinh, thứ sử Vi Cừ thỉnh Lục Tổ thăng tòa thuyết pháp, câu đầu tiên Lục Tổ nói với đại chúng là: “Mọi người phải tịnh tâm mà niệm Ma-ha Bát-nhã-ba-la-mật-đa. Trí Bồ-đề Bát-nhã người đời vốn tự có, chỉ vì tâm mê chẳng thể tự ngộ, phải cầu đại thiện tri thức chỉ dẫn cho mới kiến tánh”. Phần khai tông minh nghĩa của Lục Tổ chỉ ra rằng Thiền tông Đại thừa là Bát-nhã-ba-la-mật.

Văn-thù-sur-lợi Bồ-tát sớm đã thành Phật, vốn là “Long Chung Tôn Vương Như Lai, hiện tại ngài ở cõi Thường Hỷ phương bắc thành Phật, hiệu là Bảo Tích Như Lai”. Là Bảo Tích Như Lai hóa hiện thân phận Bồ-tát, phụ trợ Thích-ca Mâu-ni Phật giáo hóa chúng sanh. “Tương lai thành Phật, hiệu là Phổ Kiến Như Lai, cho nên phải biết rằng Văn-thù Đại sĩ quả là thành Phật trong ba đời: quá khứ, hiện tại, vị lai”. Ba đời ngài thành Phật, đây là biểu diễn, biểu pháp cho chúng ta xem, đặc biệt là biểu pháp cho các pháp thân Đại sĩ xem. “Nay ngài thị hiện trong hội này làm bậc đại trí độc tôn, biểu thị pháp môn này chỉ có người đại trí mới có thể tin nhập nổi”.

Văn-thù-sur-lợi Bồ-tát là thầy của bảy vị Phật, trước đây lúc giao lưu với mọi người tôi đã từng giới thiệu qua. Bây giờ chúng ta biết được, ngài không chỉ là thầy của bảy vị Phật, mà ngài là thầy của chư Phật! Câu này có nghĩa là gì? Thầy của chư Phật? Đó là chư Phật quá khứ, chư Phật hiện tại, chư Phật vị lai đều là học trò của Văn-thù-sur-lợi Bồ-tát, không có vị Phật nào không phải là học trò của ngài, vậy thì còn gì nữa!

Thích-ca Mâu-ni Phật trong kinh Phóng Bát nói: “Nay tôi được thành Phật... Đều nhờ ân của ngài Văn-thù-sur-lợi. Vô tận số chư Phật đời quá khứ đều là đệ tử của ngài Văn-thù-sur-lợi, người ở đời vị lai cũng nhờ oai thần ân lực của ngài mà thành tựu. Ví như đứa trẻ trong thế gian có cha mẹ thì ngài Văn-thù là cha mẹ trong Phật đạo vậy”. Giải thích một chút câu này: Thích-ca Mâu-ni Phật thành Phật là nhờ



vào ân huệ của Văn-thù-sư-lợi. Quá khứ Phật nhiều như vậy kể không hết đều là đệ tử của Văn-thù-sư-lợi. Hết thầy Phật tương lai cũng là nhờ vào sức oai thần gia trì của Văn-thù-sư-lợi mà thành tựu. Xưng tán hết mức: Văn-thù Đại sĩ là nơi sanh ra hết thầy chư Phật.

Trong kinh Vô Lượng Thọ Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát đại biểu Thiên Tịnh không hai. Thiên chính là Tịnh, cổ đức nói câu A-di-đà Phật bao gồm “Giáo” trong đó, bao gồm “Thiên” trong đó, bao gồm cả “Mật” trong đó. Đây là vài cương lĩnh lớn trong tu học nơi cửa Phật. Đại cương lĩnh bao gồm trong đó, những điều khác không gì là không bao gồm. Cho nên danh hiệu Di-đà đích thực là pháp môn đại tổng trì, không có một pháp nào nằm ngoài [câu] A-di-đà Phật. A-di-đà Phật là cương lĩnh của toàn bộ Phật pháp, niệm một câu A-di-đà Phật, hết thầy pháp môn đều được niệm, không bỏ sót pháp môn nào.

Trong đại kinh thường nói: “Một tức là hết thầy, hết thầy tức là một”, hiện nay chúng ta đã hiểu rõ ràng rồi. Một tức là câu A-di-đà Phật, hết thầy tức là hết thầy pháp thế gian, xuất thế gian. Một câu A-di-đà Phật đã viên mãn bao hàm hết thầy pháp thế gian, xuất thế gian. Nếu như nói chi tiết hơn một chút, một tức là bộ kinh Vô Lượng Thọ, bộ kinh Vô Lượng Thọ này khái quát hết thầy pháp thế gian xuất thế gian. Đây là lý do tại sao chúng ta phải trân quý bộ kinh này, có được bộ kinh này là có được hết thầy pháp thế gian, xuất thế gian. Hy vọng các đồng tu nghiêm túc thọ trì bộ kinh này, đừng để những pháp môn khác làm cho dao động. Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát đại biểu ý nghĩa như vậy trong bộ kinh này.

Di-lặc Bồ-tát là người sau này kế nhiệm Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật, là người đương cơ của nửa phần sau bộ kinh Vô Lượng Thọ này. Trong hội này Thế Tôn còn đặc biệt dặn dò Di-lặc Bồ-tát phải gánh vác trọng trách hoằng dương pháp môn niệm Phật. Chỉ có bộ kinh này, pháp môn này đích thực mới có thể mang lại lợi ích chân thật cho chúng sanh. Đời này thành tựu, không phải là thành tựu thông thường mà là thành tựu viên mãn rất ráo. Cho nên Thế Tôn đặc biệt dặn dò Di-lặc Bồ-tát phải gánh vác trọng trách hoằng dương.

Di-lặc Bồ-tát. Di-lặc là họ, dịch là Từ Thị; tên là A-dật-đa, dịch là vô năng thắng. Nói đầy đủ là Từ Vô Năng Thắng. Bởi vì Di-lặc Bồ-tát ở trong thai mẹ, đã có tâm từ, nên người trong gia tộc gọi ngài là Từ Thị. Lại trong đời quá khứ, gặp Đại Từ Như Lai, ngài cũng phát nguyện, nguyện cũng mang danh hiệu này, do đó đã đắc

từ tâm tam-muội. Lại nữa, xưa kia ngài làm Bà-la-môn, hiệu là Nhất Thiết Trí, trong tám ngàn năm tu tập Từ Hạnh. Sau nữa, ngài cùng với Thích-ca Mâu-ni Phật phát tâm Bồ-đề, tu tập Từ Định.

Kinh Tư Ích nói Từ Thị, “chúng sanh trông thấy ngài” có thể đắc từ tâm tam-muội. Kinh Bi Hoa nói: “Ngài Di-lặc phát nguyện trong kiếp đao binh bảo hộ chúng sanh. Hiện nay ngài Từ Thị đang ở nội viện Đâu Suất, sau bốn ngàn năm ở trời Đâu Suất sẽ đến nhân gian thành Phật. Bốn ngàn năm của trời Đâu Suất là 567 triệu năm ở địa cầu, ba hội Long Hoa. Có người nói, bây giờ chúng ta không thành công cũng không sao cả, đợi ngài Di-lặc đến, ngài sẽ độ thoát mọi người trong hội Long Hoa. Các đồng tu nghĩ thử xem, còn phải đợi 567 triệu năm nữa! Thời gian dài như vậy bạn ở trong lục đạo luân hồi, không biết phải trải qua bao nhiêu sanh tử!

Phổ Hiền Bồ-tát, Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, Di-lặc Bồ-tát, ba vị Đại sĩ này làm thượng thủ của chúng Bồ-tát trong pháp hội, hàm nghĩa rất sâu. Bởi vì ba vị Đại sĩ có duyên rất sâu với Tịnh độ. Phổ Hiền Bồ-tát, thập đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện nói, người phát mười đại nguyện: “Người này lúc lâm chung, trong sát-na cuối cùng, tất cả các căn đều hư hoại, tất cả thân thuộc đều rời bỏ, tất cả oai thế đều mất hết. Cho đến các quan phụ tướng đại thân, cung điện trong ngoài, voi ngựa xe cộ, kho tàng trân bảo, tất cả như thế đều không đem một món nào theo được. Chỉ có thập đại nguyện vương này chẳng rời bỏ. Trong tất cả thời gian nó thường ở trước dẫn đường, trong một sát-na liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc. Đến Cực Lạc liền thấy A-di-đà Phật”.

Một người đã đến lúc lâm chung, sáu căn của mình đều hư hoại vô dụng, danh vọng, oai thế, thế lực, học vấn của chính mình đều bằng không; tất cả tài sản, sản nghiệp, vật quý báu ưa thích, kẻ thân tín đáng tin cậy, không một thứ nào có thể mang theo bên mình; vào lúc này chỉ có nguyện vương của mình không rời bỏ chính mình, trong tất cả thời gian dẫn dắt chính mình vãng sanh Cực Lạc, gặp mặt Di-đà. Một bộ Hoa Nghiêm sau cùng quy về phẩm Hạnh Nguyện, phẩm Hạnh Nguyện dẫn dắt chúng ta phát nguyện vãng sanh Cực Lạc, đây là chốn quay về của một đời thánh giáo.

Phổ Hiền Đại sĩ nói:

*“Nguyện tôi lúc sắp sửa mạng chung  
Trừ hết tất cả các chương ngại,*

*Được gặp A-di-đà Phật ấy  
Liên được vãng sanh cõi An Lạc,  
Tôi đã vãng sanh nước ấy rồi,  
Hiện tiền thành tựu đại nguyện này”.*

Đây là văn phát nguyện cầu sanh Tịnh độ của pháp vương trưởng tử Phổ Hiền Đại sĩ.

Đại Trí Văn-thù là thầy của chư Phật, cũng phát đại nguyện giống như vậy. Kinh Văn-thù Phát Nguyện nói:

*“Nguyện tôi lúc mạng chung  
Diệt trừ các chướng ngại,  
Gặp mặt A-di-đà  
Vãng sanh cõi An Lạc.  
Sanh nước Phật ấy rồi  
Thành mãn các đại nguyện,  
A-di-đà Như Lai  
Hiện tiền thọ ký tôi”.*

Hai vị Đại sĩ đều phát nguyện cầu sanh Cực Lạc. Hai vị Bồ-tát này được kê là thượng thủ trong hội, để mọi người tôn kính đại trí của ngài Văn-thù, tôn kính đại hạnh của ngài Phổ Hiền, thấy thánh hiền muốn sao cho bằng, học tập thánh nhân xưa, chúng ta cũng phải dẫn dắt chúng sanh cùng về Cực Lạc.

Trong kinh Đại Bảo Tích, Di-lặc Đại sĩ hỏi Phật: “Nếu có chúng sanh phát mười loại tâm, tùy mỗi mỗi tâm chuyên niệm hướng về A-di-đà Phật, người ấy mạng chung sẽ được vãng sanh thế giới nước kia. Bạch Thế Tôn! Như thế nào gọi là phát mười loại tâm, do những tâm ấy sẽ được vãng sanh thế giới kia?” Đây là Di-lặc Đại sĩ thỉnh Phật khai thị pháp môn niệm Phật vãng sanh. Nửa phần sau của kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật đem bộ kinh này dặn dò Di-lặc Bồ-tát, đồng thời nói kinh này là pháp môn vi diệu rộng lớn mà hết thầy chư Phật tán thán. Ngài dặn dò Di-lặc Bồ-tát: “Giao phó cho các ông làm đại thủ hộ, làm lợi ích cho chúng hữu tình đang chìm đắm trong đêm dài. Để pháp này được lưu truyền dài lâu chẳng diệt”. Thủ là gìn giữ, hộ là hộ trì, thủ hộ có nghĩa là gìn giữ và hộ trì. Bây giờ phía trước thêm một chữ đại, đây là vượt qua thường tình, càng có hàm nghĩa thù thắng.

Chữ đại này có bốn tầng nghĩa:

Thứ nhất là pháp đại. Đây là pháp duy nhất mà Thế Tôn nói khiến khắp chúng sanh được độ.

Thứ hai là ích đại. Trọn khắp ba căn, rôt ráo phương tiện, ra khỏi tam giới theo chiều ngang, trực chứng bất thoái.

Thứ ba là nguyện đại. Mỗi một hành vi lời nói hoằng dương tán thán Tịnh độ đều sẽ quy về biển nguyện của A-di-đà Phật.

Thứ tư là trí đại. Tín thọ hoằng dương pháp môn này, thực vì trí tuệ hiếm có. Di-lặc Bồ-tát tiếp nhận lời phó chúc của Thế Tôn, trong hội Long Hoa ngài tất nhiên diễn thuyết kinh này, đồng thời suốt tột cùng đời vị lai cũng sẽ thường nói kinh này.

*“Cập Hiền kiếp trung nhất thiết Bồ-tát, giai lai tập hội”.*

“Hiền kiếp” là ở kiếp hiện tại của chúng ta. Trong kiếp này, thế giới này có một ngàn vị Phật nối tiếp nhau xuất thế, đây là việc thù thắng vô cùng hiếm có, cho nên gọi là Hiền kiếp. Có kiếp không hề có một vị Phật nào.

Vị Phật đầu tiên xuất thế ở Hiền kiếp tên Câu-lưu-tôn Phật, vị thứ hai là Câu-na-hàm Mâu-ni Phật, vị thứ ba là Ca-diếp Phật, vị thứ tư là Thích-ca Mâu-ni Phật. Sau này còn có 996 vị Phật nối tiếp nhau ra đời. Nhưng thời gian giữa vị Phật trước với vị Phật sau xuất thế cách nhau khá dài, ví dụ như giữa Thích-ca Mâu-ni Phật và ngài Di-lặc là 567 triệu năm. Có thể thấy được thời gian Phật tại thế ngắn ngủi, thời gian Phật không tại thế dài!

Bồ-tát tham gia hội kinh Vô Lượng Thọ nhiều không kể hết, từ đâu có thể thấy được điều này? Có hai từ chúng ta không được bỏ qua, đó là “nhất thiết” và “giai lai”. Nhất thiết là chỉ phạm vi rộng, Bồ-tát của mười phương cõi nước chư Phật đều bao hàm trong đó; “giai lai” là chỉ số lượng nhiều, “giai” có nghĩa là toàn, ý là toàn bộ đều tới. 996 vị Phật tương lai trong Hiền kiếp, hiện giờ các ngài đều ở quá vị Bồ-tát, các vị Bồ-tát này toàn bộ đều tới pháp hội kinh Vô Lượng Thọ, nghe Thích-ca Mâu-ni Phật tuyên giảng kinh đệ nhất thỏa mãn bốn hoài của Phật.

Các vị Bồ-tát tham dự hội cũng giống như Di-lặc Bồ-tát vậy, đều nhận sự phó chúc đại bi của từ phụ A-di-đà Phật hộ trì và hoằng dương kinh Vô Lượng Thọ và pháp môn niệm Phật vĩnh sanh Tịnh độ. Các vị đại Bồ-tát này vĩnh viễn là ngọn đèn

soi sáng khắp cả cho chúng sanh trong đêm dài tăm tối, khiến khắp chúng sanh lia khổ được vui, khế nhập vào Tịch Quang Chân Tịnh vốn có.

Tiếp theo tôi sẽ tổng kết trọng điểm của tập 6, tập 7, tập 8, tập 9 để các đồng tu tham khảo.

**Trọng điểm tập 6.** Tập 6 có tám trọng điểm:

Trọng điểm thứ nhất: bốn chữ “như thị ngã văn” là câu đặt ở đầu kinh trong tất cả kinh Phật, nguồn gốc của câu này từ đâu mà có? “Đó là theo di giáo của Thế Tôn”.

Trọng điểm thứ hai: hai chữ “như thị” hàm nghĩa sâu rộng, không thể tưởng tượng. Hai chữ này đơn giản mà nói chính là thật tướng các pháp; nói cách khác, chính là chân tướng của vũ trụ nhân sinh.

Trọng điểm thứ ba: hết thấy pháp mà Thích-ca Mâu-ni Phật giảng trong 49 năm, hết thấy pháp mà mười phương ba đời hết thấy chư Phật Như Lai tuyên thuyết đều không ngoài hai chữ “như thị” này.

Trọng tâm thứ tư: Quán kinh nói “như thị”, “như” tức là tâm này là Phật, “thị” tức là “tâm này làm Phật”. “Như thị” nói trong kinh Vô Lượng Thọ, tâm này là Phật tức là tâm này là thế giới Cực Lạc; tâm này làm Phật tức là tâm này làm thế giới Cực Lạc”.

Trọng điểm thứ năm: hai chữ “như thị” bao hàm toàn bộ Phật pháp, hai chữ này cũng là căn cứ lý luận của toàn bộ kinh văn.

Trọng điểm thứ sáu: “Ngã văn” là đại biểu “tôi tự mình nghe Phật thuyết pháp”, cũng đại biểu sư thừa. Tôi ở đây là chỉ ngài A-nan.

Trọng điểm thứ bảy: hai vấn đề nghi vấn. Nghi vấn thứ nhất: trước khi A-nan ra đời và trước khi A-nan làm thị giả cho đức Phật, kinh Phật giảng ngài A-nan chưa từng nghe qua, vậy thì ngài làm sao có thể phúc giảng được? Nghi vấn thứ hai: thánh nhân vô ngã tại sao ngài A-nan lại tự xưng là ngã? Hai vấn đề này các đồng tu hãy tự mình tìm ra đáp án.

Trọng điểm thứ tám: câu chuyện về tôn giả A-nan đã gợi ý gì cho chúng ta? Từ trong đó chúng ta ngộ được điều gì? Đối với Tam bảo phải có niềm tin kiên định, đức Phật nói với A-nan, niềm tin bất hoại còn quan trọng hơn nghiêm trì giới luật.

Niềm tin của bạn có kiên định hay không? Trước khi tôn giả A-nan làm thị giả cho đức Phật đã đưa ra ba nguyện vọng, tại sao đức Phật lại tán thán A-nan? Bạn thấy thế nào về ba nguyện vọng này? Đức Phật giải mộng cho A-nan, nói với A-nan rằng, bảy chuyện mà ông gặp trong giấc mộng chính là điềm báo tương lai của Phật giáo. Đối chiếu với tình hình hiện thực của Phật giáo, bạn có cảm ngộ gì?

### **Trọng điểm tập 7.** Tập 7 có bảy trọng điểm:

Trọng điểm thứ nhất: Kết hợp thành một gia đình có nghĩa là một loại trách nhiệm, chẳng những phải chịu trách nhiệm với chính mình mà còn phải có trách nhiệm với đối phương, càng phải có trách nhiệm với hai bên gia đình. Xã hội hiện nay loại trách nhiệm này đang dần dần phai nhạt, thậm chí là dần dần mất hẳn, đây là tín hiệu rất nguy hiểm, xã hội loạn rồi. Gia đình là tế bào của xã hội, vợ chồng là hạt nhân của gia đình, hạt nhân thối rữa rồi thì gia đình ly tán; gia đình ly tán thì xã hội loạn. Xã hội loạn thì tai họa tới. Loài người chúng ta đang sống trong tai họa. Tai họa tới như thế nào vậy? Do loài người tự mình tạo ác nghiệt nên chiêu cảm tới, y báo chuyển theo chánh báo. Đối chiếu với tình hình gia đình của chính bạn, hãy nói thử xem cảm nhận của bạn sau khi nghe xong câu chuyện này. Nếu như bạn gặp phải tình huống như vậy, bạn sẽ xử lý như thế nào?

Trọng điểm thứ hai: ba tầng nghĩa của “nhất thời” là gì? Nghĩa thứ nhất: là lúc cơ duyên thành Phật của chúng sanh chín muồi. Nghĩa thứ hai: lúc ba điều kiện tín, nguyện, hạnh của chúng sanh đồng thời đầy đủ. Nghĩa thứ ba: là lúc chúng sanh và chư Phật Bồ-tát cảm ứng đạo giao.

Trọng điểm thứ ba: bạn sống trong thời buổi loạn lạc này là may mắn hay là bất hạnh?

Trọng điểm thứ tư: “nhất thiết đại thánh, thần thông dĩ đạt” có nghĩa là gì? “Nhất thiết” đại biểu cho 12.000 người tham gia pháp hội kinh Vô Lượng Thọ. “Đại thánh” là tán thán [những vị] tham gia pháp hội đều là đại Bồ-tát. “Thánh”, chứng đắc Sơ quả thì xưng là thánh. Thập thánh là chỉ cho Bồ-tát Sơ địa đến Thập địa, cũng gọi là Địa thượng Bồ-tát. “Đại thánh”, Đẳng Giác Bồ-tát xưng là đại thánh, “bậc đại quyền thị hiện” cũng gọi là đại thánh. “Đã đạt thần thông” đại biểu đầy đủ sáu loại thần thông, không có chướng ngại, ai có thể “đã đạt”? Chỉ có đại thánh mới có thể “đã đạt”. “Đạt” ở đây là cảnh giới nào? Chứng đắc Lục thông, Tam minh. Lục thông là A-la-hán chứng đắc, Tam minh là Phật chứng đắc. Thế nào là Lục thông? Thiên

nhãn, thiên nhĩ, thần túc, tha tâm, túc mạng, lậu tận thông. Thế nào là Tam minh? Túc mạng minh, thiên nhãn minh, lậu tận minh.

Trọng điểm thứ năm: trong kinh Vô Lượng Thọ, tôn giả Kiều-trần-như được kể tên là bậc thượng thủ đầu tiên trong chúng Thanh văn, việc này đại biểu điều gì? Đại biểu kinh Vô Lượng Thọ là đệ nhất kinh trong hết thảy kinh điển mà Thích-ca Mâu-ni Phật nói trong suốt 49 năm, là bộ kinh thành Phật đệ nhất. Đại biểu pháp môn niệm Phật vãng sanh Tịnh độ là pháp môn đệ nhất, là pháp môn thành Phật đệ nhất. Đại biểu người tuân theo bộ kinh này, tuân theo pháp môn này mà tu học là đệ tử bậc nhất của Phật.

Trọng điểm thứ sáu: trong kinh A-hàm đức Phật tán thán tôn giả Kiều-trần-như như thế nào? Tán thán ngài “khoan dung, nhân từ, học thức uyên bác”. Tán thán ngài “khéo khuyên bảo giáo hóa”. Tán thán ngài “dẫn dắt thánh chúng”. Tán thán ngài “không mất oai nghi”.

Trọng điểm thứ bảy: hãy bàn về nhận thức của bạn đối với tâm lượng nhỏ và tâm lượng lớn. Tâm lượng nhỏ có nguy hại gì đối với người tu hành?

Sau cùng xin tặng các đồng tu 16 câu để khích lệ lẫn nhau:

*Đời người ngắn ngủi mấy mươi năm,  
Lãng phí một ngày mất một ngày,  
Đợi khi đầu xanh thành tóc bạc,  
Thời gian trôi đi không trở lại,  
Đời này gặp được cơ duyên tốt,  
Không biết trân trọng thật đáng thương,  
Đại nạn trước mắt biết chân tướng,  
Hối hận cuối cùng thì đã muộn,  
Chư Phật chỉ dạy không biết mệt,  
Chỉ xem có duyên hay là không,  
Có duyên được độ đi làm Phật,  
Vô duyên chịu khổ trong sáu nẻo,  
Hai con đường ở ngay trước mắt,  
Đi đường nào tùy ý bạn chọn,  
Mở to tuệ nhãn nhìn kỹ càng,  
Cực Lạc, địa ngục cách một niệm.*

Hôm nay giao lưu tới đây. Cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!



## TẬP 10

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Hôm nay chúng tôi tổng hợp trọng điểm của tập 8, tập 9.

**Trọng điểm tập 8.** Tập 8 có bảy trọng điểm:

Trọng điểm thứ nhất là: địa vị của ngài Xá-lợi-phất trong tăng đoàn, là đệ tử thủ tọa trong tăng đoàn, cùng với Đại Mục-kiền-liên hợp lại là cánh tay trái phải của đức Phật; là đệ tử mà đức Phật tín nhiệm nhất, cũng là đệ tử có thể gánh vác trọng trách; là vị trưởng lão có uy vọng nhất, nhận được sự tôn kính và yêu quý sâu sắc của đông đảo tăng chúng trong tăng đoàn.

Trọng điểm thứ hai: Xá-lợi-phất đối xử với vị tỳ-kheo hủy báng ngài như thế nào? Đối xử với tỳ-kheo giành trước chỗ ngồi của ngài như thế nào? Một, dùng tay xoa đầu vị tỳ-kheo hủy báng ngài, hiền hòa nói chuyện với tỳ-kheo. Hai, tiếp nhận sự sám hối của vị tỳ-kheo, khích lệ tỳ-kheo đó sửa đổi lỗi lầm. Ba, đem chỗ ngồi tốt nhường cho tỳ-kheo khác, tự mình tĩnh tọa một đêm dưới gốc cây, lấy mình làm gương, hiển lộ rõ ràng phẩm chất cao thượng của Xá-lợi-phất. Bốn, tại sao ngài Xá-lợi-phất lại nhập Niết-bàn trước đức Phật? Đệ tử thượng thủ của chư Phật đều làm như vậy. Ngài Xá-lợi-phất không hẳn tâm nhìn Phật nhập Niết-bàn.

Trọng điểm thứ ba: hai đoạn khai thị từ biệt của ngài Xá-lợi-phất dành cho tăng chúng, bạn có học được điều gì trong đó không? Một, đức Phật xuất hiện trên thế gian, phải mấy ngàn vạn năm mới có thể gặp một lần, gặp được rồi phải trân trọng. Hai, có thể nghe được chánh pháp của đức Phật, cũng là hiếm có trong trăm ngàn vạn ức kiếp, cũng phải càng trân trọng hơn. Ba, nói dòng huệ mạng của đức Phật là sứ mạng của mỗi người đệ tử Phật.

Trọng điểm thứ tư: sau khi Xá-lợi-phất nhập Niết-bàn, khai thị của đức Phật dành cho đại chúng có ý nghĩa sâu xa thế nào? Vô thường là chân tướng của thế gian, sanh diệt là pháp tắc tự nhiên. Ngài Xá-lợi-phất nhập Niết-bàn trước Phật là thứ tự tự nhiên của pháp. Mặc dù người không còn nhưng pháp vẫn không mất đi. Đức Phật vĩnh viễn sống trong tâm những ai tin tưởng ngài, đức Phật sẽ vĩnh viễn chăm sóc họ. Tiên nhập Niết-bàn, đến thế giới Cực Lạc là công phu quan trọng bậc

nhất; đại trí Xá-lợi-phất, trí tuệ của ngài rộng lớn vô biên, ngoài đức Phật ra không ai sánh được.

Trọng điểm thứ năm: tộc Vua Lưu-ly muốn diệt tộc Thích-ca, khi đó Thích-ca Mâu-ni Phật còn tại thế, tại sao đức Phật cũng không cứu nổi tộc Thích-ca? Mục-kiền-liên thần thông đệ nhất, tại sao cũng không cứu nổi tộc Thích-ca? Vì thần thông không phải pháp căn bản, thần thông không chống lại được nghiệp lực. Thần thông không thể liễu sanh tử, thoát luân hồi. Không được kết oán với chúng sanh, oan oan tương báo biết bao giờ dứt.

Trọng điểm thứ sáu: tôn giả Mục-kiền-liên đối xử với Liên Hoa Sắc như thế nào? Liên Hoa Sắc tại sao lại trở thành đệ tử của đức Phật? Một, không khinh bỉ, không kỳ thị, nhẫn nại lắng nghe bà kể về thân thế của mình và đủ loại bất hạnh bà gặp phải. Hai, không nhìn bề ngoài mà nhìn chân tâm, ngài nhìn thấy tâm của Liên Hoa Sắc rất chân, rất thiện, rất mỹ, ngài đồng cảm, thương xót bà, giúp đỡ bà. Ba, sửa lỗi làm mới chính mình là cách duy nhất để lìa khổ được vui; Liên Hoa Sắc trở thành tỳ-kheo ni mô phạm, trở thành vị thần thông đệ nhất trong chúng tỳ-kheo ni, không thể bỏ qua công lao của tôn giả Mục-kiền-liên.

Trọng điểm thứ bảy: tôn giả Mục-kiền-liên thần thông đệ nhất trong số đệ tử của đức Phật, tại sao ngài vẫn bị ngoại đạo hãm hại? Vì truyền bá hạt giống Phật pháp, ngài trở thành tấm gương hy sinh vì pháp để lại cho đời sau. Nhục thể là vô thường, nghiệp báo phải kết thúc. Vấn đề sanh tử trước mặt người giác ngộ không thành vấn đề, có sanh ắt có tử, đối với tử hoàn toàn không cần phải hoang mang lo sợ. Điều quan trọng là lúc bạn xả thân có thể không mê mà nhập Niết-bàn? Hai chữ “không mê” quá quan trọng. Mục-kiền-liên không mê mà nhập Niết-bàn, đức Phật tán thán ngài, sự hy sinh của ngài thật sự đẹp vô hạn!

### **Trọng điểm tập 9.** Tập 9 có hai trọng điểm:

Trọng điểm thứ nhất: tôn giả Đại Ca-Diếp có chỗ nào khác người? Xuất thân từ gia đình giàu sang, cha ngài là một vị trưởng giả đại phú, ngài từ bỏ vinh hoa phú quý đi tu khổ hạnh đầu đà. Ý chí thanh cao, không bị dục vọng làm ô nhiễm. Xin nhà nghèo mà không xin nhà giàu, giúp bà lão nghèo có cơ hội trồng phước điền, bà lão nghèo nhờ công đức này mà sau khi qua đời được sanh thiên. Dựng nên pháp tràng, làm tấm gương tu hành gian khổ trác tuyệt. Làm theo chí hướng của chính mình, kiên định không thay đổi việc thực hiện lý tưởng của chính mình, để hàng hậu

học biết tôn trọng và thực hành khổ hạnh đầu đà, ít muốn biết đủ. Không tham danh văn, không cầu lợi dưỡng, không ở tinh xá, không bỏ khổ hạnh, chuyên tâm chuyên đức củng cố tăng đoàn. Tương lai chánh pháp của đức Phật bị hủy diệt, không phải do thiên ma ngoại đạo phá hoại, mà là do tăng đoàn hủ bại và mục nát!

Trọng điểm thứ hai: Phổ Hiền Bồ-tát, Văn-thù Bồ-tát, Di-lặc Bồ-tát là ba vị thượng thủ đại biểu cho chúng Bồ-tát, có ý nghĩa quan trọng gì? Ba vị Đại sĩ này trong pháp hội là bậc thượng thủ trong chúng Bồ-tát, việc này có hàm nghĩa rất sâu. Duyên của ba vị với Tịnh tông vô cùng sâu. Phổ Hiền Bồ-tát đại biểu “Mật Tịnh không hai”, Văn-thù Bồ-tát đại biểu “Thiền Tịnh không hai”, Di-lặc Bồ-tát đại biểu tương lai truyền thừa. Giáo, Thiền, Mật là những cương lĩnh lớn trong tu học Phật pháp, toàn bộ đều bao gồm hết trong đó, không có pháp nào không nằm trong đó. Danh hiệu A-di-đà Phật là pháp môn đại tổng trì, không có một pháp nào nằm ngoài [danh hiệu] A-di-đà Phật. Một câu Phật hiệu A-di-đà Phật đã bao gồm hết thủy pháp thế gian, xuất thế gian. Học tập văn phát nguyện của Phổ Hiền Bồ-tát và Văn-thù Bồ-tát, thấy thánh hiền muốn sao cho bằng, học tập thánh nhân xưa, dẫn chúng sanh quay về Cực Lạc, đây là chôn quay về của một đời thánh giáo.

Trọng điểm của tập 6, 7, 8, 9 tôi đã nói xong. Ở chỗ này có ba vấn đề cần phải nói rõ với các đồng tu một chút.

*Vấn đề thứ nhất* đó là mỗi một tập tôi tổng hợp lại vài trọng điểm là phương pháp bắt đắc dĩ nhưng vẫn làm. Mục đích chỉ có một, đó là cung cấp cho các đồng tu chỗ nắm bắt, giúp các đồng tu hiểu được kinh văn, chỉ vậy mà thôi. Cũng chưa chắc phù hợp với mỗi người, chỉ dùng tham khảo. Các bạn có thể căn cứ vào tình hình thực tế của chính mình sao cho phù hợp nhằm giải quyết vấn đề thực tế của chính mình. Lần phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ thứ hai này, trọng điểm đặt ở chỗ nỗ lực thực hành; nhấn mạnh kết hợp lý luận với thực tiễn. Tôi ký nói suông, tôi ký tham nhiều. Thực hành được một điều thì tính một điều, giải quyết được một chuyện thì tính một chuyện. Vẫn câu nói cũ, đó là trọng thực chất, không trọng hình thức. Phải nắm bắt trọng điểm, loại trừ chướng ngại. Trên đường học Phật của bạn, chướng ngại nào lớn nhất thì bạn loại trừ nó trước. Giống như đánh hạ lô-cốt vậy, lô-cốt nào có hỏa lực mạnh nhất, lực sát thương lớn nhất, bạn nhất định phải loại bỏ nó trước, mới có thể dẹp sạch con đường tiến lên phía trước.

Ví dụ: có người hiểu đạo thiếu sót hoặc không viên mãn, bắt hiểu cha mẹ, bắt kính sư trưởng; có người tâm sân hận mạnh, không hận thứ này thì hận thứ khác, cảm thấy ai cũng có lỗi với chính mình; có người tâm đố kỵ mạnh, không chịu được khi người khác tốt hơn mình; có người tâm thuật bất chánh, nguyên rủa người khác, mong người khác gặp xui xẻo; có người tâm địa nhỏ hẹp, gặp chuyện gì cũng tính toán chi li, không thể bao dung người khác, không có bạn bè; có người vô lý cãi ngang, có lý thì không tha cho người; có người tham luyến thương nhớ, thứ này cũng không buông được, thứ kia cũng không buông được; có người không phân biệt thật giả, nắm chặt lấy giả đến chết không buông, đem thật buông xuống; có người thường nói suông mà không thật làm, giả vờ tỏ vẻ, làm bộ làm tịch, lừa mình lừa người, sau cùng không được gì cả. Đủ loại hiện tượng, nhiều không kể xiết.

Các đồng tu muốn đời này thành tựu, nhất định phải thật làm!

*Vấn đề thứ hai* tôi muốn nói rõ đó là bạn đã đặt ra mục tiêu cuộc đời đúng đắn chưa? Chỉ có đặt ra mục tiêu cuộc đời đúng đắn thì mới có thể chọn lựa con đường mình đi thế nào. Mục tiêu cuộc đời khác nhau sẽ đi con đường khác nhau. Đặt ra mục tiêu đúng đắn, chọn đúng đường, sau cùng là phải đi con đường này như thế nào cho tới điểm cuối cùng. Đây là ba khúc nhạc trong đời người.

*Vấn đề thứ ba* tôi muốn nói đó là tại sao tôi lại dùng phương pháp kể chuyện để giới thiệu năm vị tôn giả ở vị trí thượng thủ? Tôi dùng phương pháp kể chuyện giới thiệu tôn giả Kiền-trần-như, tôn giả Xá-lợi-phất, tôn giả Đại Mục-kiền-liên, tôn giả Ca-Diếp, tôn giả A-nan, mục đích chỉ có một, nhấn mạnh nhân tính hóa, giảm nhẹ thần bí hóa. Hiểu hai câu này như thế nào? Ý tôi muốn giảng các ngài thành người, chứ không muốn giảng các ngài thành thần. Tại sao tôi lại nhớ tới phương pháp này? Thứ nhất là chư Phật Bồ-tát điểm hóa, dùng phương pháp này để tiếp cận, hiệu quả tốt; thứ hai là hiện thực cuộc sống gợi ý cho tôi. Gợi ý cho tôi điều gì?

Trên con đường 10 năm hoằng pháp, tôi gặp được bốn kiểu người:

Kiểu người thứ nhất ngạo mạn vô lễ, không coi ai ra gì. Hết thầy cao tăng đại đức đều xem thường, có khí thế lớn tới mức coi xung quanh đều nhỏ bé.

Kiểu người thứ hai, ai cũng không học. Bạn nói lão cư sĩ Hạ Liên Cư, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, người như vậy sẽ nói, ôi chao, họ là người tái lai, chúng ta không học theo được. Lão pháp sư giới thiệu cho chúng ta lão hòa thượng Hải Hiền, làm

tám gương nơi cửa Phật chúng ta, có người sẽ nói: căn tánh của hòa thượng tốt, chúng ta không sánh được. Lão pháp sư giới thiệu Bồ-tát Lưu Tố Thanh với mọi người, có người nói: ôi, đó là Quán Thế Âm Bồ-tát tái lai. Vậy thì nói tôi đi, bà lão quê mùa đã về hưu, cũng được đội lên một cái mũ không nhỏ, ái chà, người ta là đại đức nào đó nào đó! Bạn nói xem tôi vui mừng hay là bi ai? Đây là cái mũ tôi thích sao?

Nói tới đây, tôi nhớ đến 20 năm trước làm việc cho cơ quan nhà nước của tỉnh, ai lớn hơn tôi thì gọi tôi là Tố Vân; ai nhỏ hơn tôi thì gọi tôi là chị Lưu; còn nhỏ hơn nữa thì gọi tôi là dì Lưu. Tôi cảm thấy như vậy rất tốt, thân thiết biết bao! Không ngờ tới lúc về hưu, hơn 70 tuổi, còn được đội cho cái mũ đại đức, đây không phải là điều tôi muốn. Tôi chỉ muốn A-di-đà Phật!

Kiểu người thứ ba là coi thường người khác, không tin rằng người khác có thể vãng sanh Tây Phương. Ai đó vãng sanh rồi, có người nói: họ như vậy có thể vãng sanh sao? Ví dụ lúc vị cư sĩ này còn sống đọc kinh Kim Cang, có người đem chuyện này ra nói! Vậy tôi nói bạn học không hiểu kinh Vô Lượng Thọ rồi, học kinh điển Đại thừa hồi hướng cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì vãng sanh như nhau! Tại sao tới chỗ bạn lại thành đọc kinh Kim Cang thì không thể vãng sanh? Y pháp bất y nhân!

Kiểu người thứ tư là mù quáng mê tín. Có người nói, cô Lưu tiền vãng sanh, hễ tiền là chuẩn, tiền ai thì người đó đến thế giới Cực Lạc. Câu nói đối ngút trời này là ai nói vậy? Ai nói thì người đó phải chịu trách nhiệm nhân quả. Nếu như nói cô Lưu tiền vãng sanh rất nghiêm túc, chuyện này là thật, chuyện này tôi thừa nhận. Tôi tiền lão Tề là chồng của cư sĩ Điều vãng sanh, 24 tiếng đồng hồ không ăn không uống không đi vệ sinh, không phải tôi cố ý làm như vậy, bất tri bất giác thời gian cứ trôi qua. Lão Tề vãng sanh rồi. Tôi tiền một người anh vãng sanh, lúc qua đời không được tốt lắm. Từ năm giờ tối tới năm giờ sáng hôm sau, một mình tôi đập đầu mười hai tiếng đồng hồ ở nền gạch bệnh viện, không có người tới thay cho tôi, đầu gối và cùi chỏ bị thương. Cho dù như vậy tôi vẫn không thể tiền anh ấy tới thế giới Tây Phương Cực Lạc! Lời tôi nói là thật, mọi người có tin không?

Tôi nói nhiều như vậy là muốn nói cho các đồng tu biết, A-di-đà Phật là từ người tu mà thành, Thích-ca Mâu-ni Phật cũng từ người tu mà thành, Quán Thế Âm Bồ-tát, Đại Thế Chí Bồ-tát, Văn-thù Bồ-tát, Phổ Hiền Bồ-tát đều từ người tu mà

thành, các ngài là người không phải là thần. Tại sao tôi lại kể câu chuyện về năm vị tôn giả? Các ngài đều là người có máu có thịt có tình có nghĩa, chúng ta có thể học theo các ngài. Nếu như tôi kể các ngài quá thần hóa, chúng ta còn có thể học theo các ngài sao? Bởi vì các ngài là thần, chúng ta là người, người không thể học theo thần! Bây giờ mọi người thấy năm vị tôn giả là người sống sờ sờ ra đấy! Các ngài là người, chúng ta cũng là người, người có thể học theo người! Đây là nguyện vọng ban đầu của tôi khi dùng phương pháp kể chuyện giới thiệu năm vị tôn giả cho mọi người, không biết có thể nhận được hiệu quả như mong đợi không.

Câu chuyện về năm vị tôn giả tôi đọc được từ trong một cuốn sách, cuốn sách này do một vị đại đức pháp sư đương thời viết. Ở đây, tôi rất cảm ân vị đại đức pháp sư này đã kể cho chúng ta nghe câu chuyện cảm động lòng người như vậy, giúp chúng ta có nhận thức mới mẻ hơn về năm vị tôn giả, trở thành tấm gương cho chúng ta học tập theo. Cảm ân! Cảm ân sâu sắc! Chí thành đánh lễ!

Tiếp theo chúng tôi bắt đầu giảng kinh văn của phẩm thứ hai:

## **ĐỨC TUÂN PHỔ HIỀN ĐỆ NHI**

Mời xem kinh văn:

**Hựu Hiền Hộ đẳng thập lục Chánh sĩ, sở vị: Thiện Tư Duy Bồ-tát, Huệ Biện Tài Bồ-tát, Quán Vô Trụ Bồ-tát, Thần Thông Hoa Bồ-tát, Quang Anh Bồ-tát, Bảo Tràng Bồ-tát, Trí Thượng Bồ-tát, Tịch Căn Bồ-tát, Tín Huệ Bồ-tát, Nguyễn Huệ Bồ-tát, Hương Tượng Bồ-tát, Bảo Anh Bồ-tát, Trung Trụ Bồ-tát, Chế Hạnh Bồ-tát, Giải Thoát Bồ-tát, nhi vi thượng thủ.**

*Lại có mười sáu vị Chánh sĩ nhóm ngài Hiền Hộ, đó là: Thiện Tư Duy Bồ-tát, Huệ Biện Tài Bồ-tát, Quán Vô Trụ Bồ-tát, Thần Thông Hoa Bồ-tát, Quang Anh Bồ-tát, Bảo Tràng Bồ-tát, Trí Thượng Bồ-tát, Tịch Căn Bồ-tát, Tín Huệ Bồ-tát, Nguyễn Huệ Bồ-tát, Hương Tượng Bồ-tát, Bảo Anh Bồ-tát, Trung Trụ Bồ-tát, Chế Hạnh Bồ-tát, Giải Thoát Bồ-tát, là những bậc thượng thủ.*

Phẩm thứ nhất nói “nhất thiết đại thánh, thần thông dĩ đạt”, đây là tán thán sơ lược. Phẩm này tán thán rộng hơn về trí tuệ, thần thông, đức năng của chư đại Bồ-tát. Đoạn kinh này liệt kê Bồ-tát tại gia trong chúng Bồ-tát. “Chánh sĩ” là Bồ-tát tại gia; “Đại sĩ” là Bồ-tát xuất gia. Chánh sĩ và Đại sĩ có cùng cấp bậc. “Mười sáu”

đại biểu viên mãn vô tận. “Mười sáu vị Chánh sĩ” đại biểu vô lượng vô biên Chánh sĩ.

“Hiền Hộ” có nghĩa là Như Lai khéo hộ niệm chư Bồ-tát. Hiền Hộ Bồ-tát là đệ tử tại gia tu học pháp môn Tịnh độ của Thích-ca Mâu-ni Phật. Địa vị của ngài tương đương với các ngài Phổ Hiền, Văn-thù, Quán Âm, Thế Chí. Hiền Hộ không những là hộ trì sự hiện đức của chính mình, đồng thời cũng hộ trì chúng sanh, cho nên gọi là Hiền Hộ.

Hiền Hộ Chánh sĩ mặc dù thị hiện được cha mẹ sinh ra trong thành Vương-xá, chỉ là một người bình thường, nhưng trên thực tế ngài là vị Đẳng Giác Bồ-tát thực chứng, đã vượt qua Thập địa, tiến thêm một bước nữa là Diệu giác, tương đương với Phật. Ngoài cư sĩ Duy-ma-cật ra thì đây là vị tại gia cực thù thắng. Nghe được danh hiệu của ngài nhất định có thể được ba loại Bồ-đề: tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.

Kinh Bát Chu Tam-muội nói, Hiền Hộ Bồ-tát là người khởi xướng niệm Phật tam-muội, vậy thì ngài càng có nhân duyên với Tịnh tông. Ngài là thượng thủ, tham gia pháp hội trợ giúp Thích-ca Mâu-ni Phật tuyên dương pháp môn vô thượng niệm Phật tam-muội. Niệm Phật tam-muội là vua trong hết thảy tam-muội, là trân bảo trong hết thảy tam-muội, cho nên gọi là “Bảo Vương Tam-muội”.

“Thiện Tư Duy Bồ-tát” đại biểu người chuyên tu Tịnh độ có tư tưởng kiến giải thuần tịnh thuần thiện, đứng đắn, tương ưng với A-di-đà Phật.

“Huệ Biện Tài Bồ-tát” có trí tuệ, có tài ăn nói, am hiểu giáo lý, giáo nghĩa của Tịnh tông; giảng vô cùng rõ ràng, khiến người khác tin phục.

“Quán Vô Trụ Bồ-tát” đại biểu người tu Tịnh độ quán pháp vô thường, không tham luyến, không chấp trước, nhất tâm niệm Phật cầu vãng sanh.

“Thần Thông Hoa Bồ-tát” đại biểu phương pháp giáo học linh hoạt, thiện xảo, dạy học tùy theo năng khiếu, hoằng dương pháp môn niệm Phật vãng sanh Tịnh độ.

“Quang Anh Bồ-tát” đại biểu bộ kinh này có thể hiện lộ trí tuệ của chúng ta.

“Bảo Tràng Bồ-tát”, bảo tràng đại biểu Phật pháp vô cùng thù thắng, tuyên dương pháp duyên của bộ kinh này vô cùng thù thắng.

“Trí Thượng Bồ-tát” đại biểu tu học bộ kinh này có thể đạt được trí tuệ vô hạn.

“Tịch Căn Bồ-tát”. Lục căn tịch tĩnh là căn bản của tu học, tu học dựa theo bộ kinh này có thể đạt được thân tâm thanh tịnh.

“Tín Huệ Bồ-tát” đại biểu tin sâu bộ kinh này có trí tuệ vô thượng.

“Nguyện Huệ Bồ-tát” đại biểu tin sâu nguyện thiết cầu sanh Tịnh độ là người thực sự có trí tuệ.

“Hương Tượng Bồ-tát” đại biểu niệm Phật có công đức lớn, giúp chúng sanh vượt khỏi lục đạo.

“Bảo Anh Bồ-tát”, Bảo Anh đại biểu 48 nguyện của A-di-đà Phật có thể giúp chúng sanh một đời này vãng sanh thành Phật không thoái chuyển.

“Trung Trụ Bồ-tát” đại biểu bộ kinh này an trụ trung đạo.

“Chế Hạnh Bồ-tát” đại biểu trì giới niệm Phật.

“Giải Thoát Bồ-tát” đại biểu tu hành theo lý luận, phương pháp của bộ kinh này sẽ xa lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đắc đại tự tại.

Theo kinh Tứ Đồng Tử nói: Bốn vị Bồ-tát Thiện Tư Duy, Huệ Biện Tài, Quán Vô Trụ, Thần Thông Hoa là Bồ-tát đến từ thế giới phương khác, ứng hóa, thác sanh tại Ấn Độ trở thành Bồ-tát tại gia.

Theo kinh Phật Danh nói: bốn vị Bồ-tát Quang Anh, Trí Thượng, Tịch Căn, Nguyện Huệ; còn có Bồ-tát Hương Tượng mà kinh Nguyệt Đăng Tam-muội nói, năm vị Bồ-tát này là đại Bồ-tát đến từ thế giới phương khác, đến thế giới này nghe kinh Vô Lượng Thọ, giúp Phật hoằng dương giáo hóa.

Từ ngài Hiền Hộ đến ngài Hương Tượng, tổng cộng mười vị Chánh sĩ đều có kinh điển làm căn cứ. Sáu vị Chánh sĩ còn lại chưa được nhắc tới trong kinh điển, nhưng cổ đức nói sáu vị Chánh sĩ còn lại cũng là Bồ-tát tại gia có đại thành tựu, từ thế giới phương khác đến pháp hội nghe kinh nghe pháp, giúp Phật hoằng dương giáo hóa.

Trong phẩm thứ nhất kể tên 3 vị thượng thủ trong chúng xuất gia, trong phẩm này kể tên 16 thượng thủ trong chúng tại gia, như vậy đại biểu điều gì? Có thể nói



như thế này, kinh Vô Lượng Thọ vượt khỏi thường tình: đặc biệt kể tên 16 vị Chánh sĩ Bồ-tát tại gia làm thượng thủ trong đại chúng, điều này biểu thị pháp môn Tịnh-độ đặc biệt phù hợp cho người tại gia tu trì; đối tượng độ thoát chủ yếu của bộ kinh này là người tại gia; đức Phật chuyên giảng bộ kinh này cho người tại gia.

Pháp môn này khế hợp với tình hình xã hội trước mắt và tương lai. Cuối thời nhà Thanh, cư sĩ Thẩm Thiện Đăng đã viết bộ “Báo Ân Luận” tán thán kinh Vô Lượng Thọ và pháp môn niệm Phật vãng sanh Tịnh độ, ông nói: “Pháp môn Tịnh độ hay là hay ở chỗ không rời Phật pháp mà thực hành pháp thế gian, không bỏ pháp thế gian mà chứng Phật pháp”. Đây là chỗ đặc biệt thù thắng của pháp môn Tịnh độ, đặc biệt thích hợp cho người tại gia.

**Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền Đại sĩ chi đức, cụ túc vô lượng hạnh nguyện, an trụ nhất thiết công đức pháp trung.**

*Đều cùng tu theo đức của Phổ Hiền Đại sĩ, đầy đủ vô lượng hạnh nguyện, an trụ trong hết thảy pháp công đức.*

“*Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền Đại sĩ chi đức*”. Chữ “hàm” là chỉ toàn thể đại chúng tham gia pháp hội, trong đó bao gồm chúng tỳ-kheo, chúng Nhị thừa, chúng Bồ-tát, chúng xuất gia, chúng tại gia, ngoài ra còn chỉ hết thảy chúng Bồ-tát trong mười phương vô lượng vô biên cõi nước chư Phật, toàn bộ đều tu hành tuân theo lời dạy của Phổ Hiền Đại sĩ trong kinh Hoa Nghiêm, không có vị nào không tu theo đức của Phổ Hiền Đại sĩ. Đây là tán thán phẩm đức cao thượng của Bồ-tát tham gia pháp hội.

Thế nào là đức của Phổ Hiền Đại sĩ? Đức của Phổ Hiền Đại sĩ nằm trong phần cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm, quy nạp thành mười cương lĩnh lớn, gọi là “thập đại nguyện vương”. Thập đại nguyện vương là:

*“Lễ kính chư Phật,  
Xưng tán Như Lai,  
Quảng tu cúng dường,  
Sám hối nghiệp chướng,  
Tùy hỷ công đức,  
Thỉnh chuyên pháp luân,  
Thỉnh Phật trụ thế,*

*Thường tùy Phật học,  
Hằng thuận chúng sanh,  
Phổ giai hồi hướng”.*

Thập đại nguyện vương có lợi ích gì đối với chúng sanh? Thập đại nguyện vương có lợi ích lớn đối với người lúc lâm chung, trước đây chúng ta không biết hoặc biết không nhiều. Thời khắc cuối cùng của con người, hết thầy các căn hư hoại, cái gì cũng không được nữa, cái gì cũng không theo bạn nữa. Lúc này chỉ có thập đại nguyện vương này chẳng rời bỏ. Trong tất cả thời nó ở trước dẫn dắt bạn, trong một sát-na liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc, tự nhiên sanh trong hoa sen, được A-di-đà Phật thọ ký thành Phật. Sau đó có thể ở trong các thế giới nhiều không kể xiết, dùng trí tuệ vô lượng, tùy thuận tâm niệm của chúng sanh mà rộng làm các điều lợi ích, có thể ở trong biển khổ phiền não phổ độ chúng sanh. Đây chính là đức của Phổ Hiền Đại sĩ.

“Cụ túc vô lượng hạnh nguyện”, tôi vừa giới thiệu khái quát đức của Phổ Hiền Đại sĩ, mặc dù ở đây đang giảng tu đức, nhưng trên thực tế là đang giảng toàn tánh khởi tu, toàn tu tức tánh, tánh tu không hai. Trong tu học có thể nói là đạt được cảnh giới cao nhất.

Bây giờ nói “*cụ túc vô lượng hạnh nguyện*”. Từ sơ phát tâm cho đến quả địa rốt ráo, hết thầy hạnh nguyện của chư Phật Bồ-tát đều không nằm ngoài thập đại nguyện vương. Trong kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ-tát đã nói rõ với chúng ta, ngài phát nguyện cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ; Văn-thù Bồ-tát cũng như vậy. Không chỉ hai vị Bồ-tát này mà 41 giai vị Pháp thân Đại sĩ trong hội Hoa Nghiêm đều tuân theo thập đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ-tát, hướng tới thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đây là một sự việc lớn trong hội Hoa Nghiêm, cũng là nói rộng nguyện thứ 36 “thường tu phạm hạnh” trong 48 nguyện của A-di-đà Phật. Hết thầy đại chúng đều là từ thế giới Tây Phương tới đây biểu diễn chiêu sinh.

Thập nguyện là cương lĩnh, mở rộng ra chính là đại nguyện vô lượng vô biên. Nguyện nguyện đều là độ chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, viên thành Phật đạo.

Đối với từ “vô lượng” trong câu này giải thích như sau: Nhiếp Đại Thừa Luận Thích nói, “không thể dùng loại thí dụ nào để biết được vô lượng”. Con số này không

những không cách nào nói cụ thể, đồng thời cũng không thể dùng thí dụ để so sánh, nên gọi là vô lượng.

Đôi với từ “hạnh nguyện” giải thích như sau: Thanh Lương Sớ nói “tạo tu kết hợp với hy cầu, gọi là hạnh nguyện”. Quán Kinh nói “tâm này làm Phật”. Làm Phật là hàm nghĩa của tạo tu. Tạo chính là chữ “tạo” trong câu “hết thảy do tâm tạo”, tu là tu trì, cho nên tạo tu là hành động. Hy cầu, hy là hy vọng, cầu là nguyện cầu, cho nên hy cầu là nguyện vọng. Kết hợp hành động với nguyện vọng gọi là hạnh nguyện.

Đôi với từ “cụ túc” giải thích như sau: cụ là vốn có, túc là đầy đủ, cụ túc có nghĩa là viên mãn không thiếu sót. Hết thảy đều có, cái gì cũng không thiếu. “Cụ túc vô lượng hạnh nguyện” tức là nói hết thảy vô lượng vô biên hạnh nguyện thù thắng đều đã đầy đủ, viên mãn không thiếu sót.

Trong thập đại nguyện vương, điều sau thù thắng hơn điều trước, cũng tức là nguyện phía sau nhất định bao hàm nguyện phía trước. Ví dụ “xưng tán” nhất định bao gồm “lễ kính”, “cúng dường” nhất định bao gồm “xưng tán”. Việc tu học của pháp thân Đại sĩ, trước sau đều xuyên suốt. Chúng ta hiểu được đạo lý này, trước mắt chúng ta chuyên tu Tịnh độ. Trong giải môn cũng tức là lý luận căn cứ mà chúng ta nói đều dựa vào năm kinh một luận của Tịnh độ; trong hành môn, lão pháp sư đặc biệt đề xướng Tam phước, Lục hòa, Tam học, Lục độ, Thập đại nguyện vương. Các đồng tu nghĩ thử xem, câu “lễ kính chư Phật” trong thập nguyện có bao gồm những điều phía trước hay không? Có thể lễ kính chư Phật thì còn bất hiếu cha mẹ, bất kính sư trưởng hay không? Từ đó thấy được, thập đại nguyện vương đích thực là đầy đủ vô lượng hạnh nguyện.

Hạnh là hành môn, nguyện là hoằng nguyện, đều đầy đủ rồi. Lão pháp sư đặc biệt đề xướng ngũ khoa, toàn bộ cũng đều bao hàm trong thập đại nguyện vương. Đây chính là viên mãn đức của Phổ Hiền Đại sĩ.

Các đồng tu nào đã đọc phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện thì sẽ thể hội câu “cụ túc vô lượng hạnh nguyện” này có thể càng sâu hơn. Nguyện thứ mười “phổ giai hồi hướng” trong thập đại nguyện vương tức là không gì không hàm nhiếp, đến cả đức hiệu của Phổ Hiền Bồ-tát cũng hàm nhiếp trong đó, biểu thị chữ “Phổ” trong danh hiệu. Từ nguyện thứ nhất đến nguyện thứ chín là biểu thị chữ “Hiền” này. Thập đại nguyện vương vĩnh viễn vô cùng tận, đời đời miệt mài, không hề mỏi mệt, sau khi thành Phật vẫn đang độ chúng sanh, hiển lộ rõ ràng ra phổ trong Phổ Hiền và hiền

trong Phổ Hiền. Hồi hướng có nghĩa là “phổ”, hằng thuận chúng sanh có nghĩa là “hiền”.

Phổ Hiền Bồ-tát trong kinh Hoa Nghiêm nói, “ta đã vãng sanh cõi nước đó”, cõi nước đó tức là thế giới Tây Phương Cực Lạc, nói “hiện tiền thành tựu đại nguyện này”, tức muốn nói thập đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ-tát viên mãn rất ráo, vẫn đang hoàn thành ở thế giới Tây Phương Cực Lạc. Trên thực tế hai câu này chính là khuyên chúng ta nhất định phải cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, nhất định không được hoài nghi. Phổ Hiền Bồ-tát là Đẳng Giác Bồ-tát, đại nguyện của ngài viên mãn ở thế giới Tây Phương Cực Lạc.

“Nguyện khắp chúng sanh đang chìm đắm, mau chóng đến cõi Phật Vô Lượng Quang”. Ngài nguyện mười phương thế giới hết thấy chúng sanh khổ nạn trong tam đồ lục đạo mau chóng vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đại nguyện này của ngài khế hợp với đại nguyện của A-di-đà Phật. Thế nào là hạnh Phổ Hiền? Hạnh Phổ Hiền có gì khác với Bồ-tát khác? Đặc điểm lớn nhất của hạnh Phổ Hiền đó là tâm lượng rộng lớn, vĩnh viễn không mỏi mệt, đây là điểm đặc sắc chỉ hạnh Phổ Hiền mới có.

“*An trụ trong hết thấy pháp công đức*”. Hội Sớ nói: “Đức thành chẳng thoái nên gọi là an trụ. Không đức nào không đủ nên gọi là hết thấy”. Hết thấy pháp công đức chính là công đức vô tận của quả địa Như Lai. Làm thế nào mới có thể an trụ? Có được đức của Phổ Hiền Đại sĩ mới có thể an trụ. Đức của Phổ Hiền Đại sĩ là năng trụ; pháp công đức trên quả địa của Như Lai là sở trụ.

Nếu như dùng cách nói dễ hiểu nhất, cụ thể nhất thì “hết thấy pháp công đức trên quả địa Như Lai” chính là câu Nam-mô A-di-đà Phật. Cho nên câu Phật hiệu này được gọi là vạn đức hồng danh. Đức là công đức, vạn chỉ hết thấy, không phải là con số cụ thể. Câu Phật hiệu này chính là hết thấy pháp công đức. Tâm của chúng ta có an trụ nơi câu Phật hiệu này hay không? Nếu như trong tâm của chúng ta niệm niệm đều an trụ nơi câu Phật hiệu, vậy thì chúng ta đã đạt được “đều cùng tu theo đức của Phổ Hiền Đại sĩ, đầy đủ vô lượng hạnh nguyện, an trụ trong hết thấy pháp công đức”. Lời này không phải nói cho người khác mà là nói cho chúng ta. Câu vạn đức hồng danh này, thật sự không thể nghĩ bàn. Có mấy người biết được chân tướng sự thật này? Người thật sự biết được chân tướng này thì đâu có lý nào lại không quyết một lòng niệm câu Phật hiệu cho được? Người thật sự biết được sẽ không còn

khởi vọng tưởng nữa, niệm niệm đều là A-di-đà Phật, như vậy mới có thể nhập vào biển nguyện của Di-đà.

**Du bộ thập phương, hành quyền phương tiện, nhập Phật pháp tạng, cứu cánh bỉ ngạn.**

*Dạo khắp mười phương, hành quyền phương tiện, vào Pháp tạng của chư Phật, rút ráo đến bờ kia.*

Câu này tán thán các vị Bồ-tát tham gia pháp hội, công đức tự hành hóa tha viên mãn, làm sao ứng dụng câu A-di-đà Phật trong tâm vào trong cuộc sống hằng ngày, tự lợi mà không trở ngại lợi người. Chúng sanh nơi nào duyên chín muồi liền đến đó độ hóa. Cho nên “dạo khắp mười phương” khuyên mọi người niệm Phật cầu sanh Tịnh độ.

“*Hành quyền phương tiện*”, quyền là quyền xảo, tức là phương tiện thiện xảo. Như trong phẩm Phổ Môn nói: “Nên dùng thân nào để độ thì hiện thân đó mà thuyết pháp”. Kinh Lăng-nghiêm nói: Tùy theo tâm chúng sanh mà ứng hiện, gọi là “tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”, chúng sanh thích tướng mạo thế nào thì các ngài sẽ biến thành tướng mạo như vậy, có vậy chúng sanh mới chịu bằng lòng học theo.

Tục ngữ có câu “có kinh có quyền”, kinh tức là quy tắc thông thường, quyền tức là linh hoạt ứng biến. Chúng ta làm việc phải học được tùy cơ ứng biến, không chấp chặt vào hệ thống quy tắc. Chúng ta học Phật cũng là như vậy, phải giữ giới nhưng không được chấp chặt. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã lấy một ví dụ như thế này cho chúng ta: Mạnh tử nói “nam nữ thụ thụ bất thân”, đây là lễ tiết thời xưa. Nếu như chị dâu rơi xuống sông, bạn dùng tay kéo chị ấy lên có được không? Nếu như bạn chấp chặt vào lễ tiết, nói nam nữ thụ thụ bất thân, tôi mặc kệ, vậy không phải là người ngu xuẩn nhất trong trời đất hay sao? Pháp Hoa Văn Cú giải thích: “Phương là pháp, tiện là dùng”. Nói đơn giản một chút, phương là phương pháp, tiện là thuận tiện. Bạn phải có phương pháp thiết thực, tiện lợi, có thể dùng được để chúng sanh thật sự có thể giải quyết vấn đề, đó gọi là phương tiện. Phương pháp này Thiên tông gọi là “quán cơ đậu giáo”.

Tịnh Ảnh Sớ nói: “Hạnh giáo hóa khéo léo, tùy theo đối tượng mà hiện ra các thứ khác nhau, gọi là quyền phương tiện”. Hạnh giáo hóa vô cùng thiện xảo, tùy theo căn cơ và hoàn cảnh khác nhau của chúng sanh mà phân biệt truyền thụ đủ loại

phương pháp tu hành khác nhau; tùy theo từng đối tượng mà hiện ra đủ loại tương ứng khác nhau, đó gọi là “hành quyền phương tiện”. Ví dụ giáo dục con cái, con cái tính cách khác nhau thì phải dùng phương pháp giáo dục khác nhau.

“*Vào Pháp tạng của chư Phật, rốt ráo đến bờ kia*”. Câu này có hai ý nghĩa. “Rốt ráo đến bờ kia” là thành Phật. Bồ-tát chưa thành Phật, hy vọng chính mình thành Phật; lại đem phương pháp thành Phật giới thiệu cho chúng sanh, hy vọng chúng sanh đều thành Phật, là giúp người khác thành Phật. Cho nên câu này có hai ý nghĩa.

Bởi vì, toàn bộ quả pháp viên mãn rốt ráo của Như Lai không ngoài câu A-di-đà Phật. Danh hiệu này là pháp tạng của chư Phật, danh hiệu này là biển quả nhất thừa. Câu danh hiệu này có thể giúp chúng ta rốt ráo đến bờ kia, cho nên niệm Phật thành Phật.

Câu kinh văn như vậy trong kinh điển khác, trong pháp môn khác rất khó lý giải, rất khó giảng, cũng rất khó hiểu. Cho dù giảng rõ ràng, giảng tường tận nhưng làm từ chỗ nào cũng không biết. Hay nói cách khác, vẫn không có được thọ dụng thật sự. Nhưng trong pháp môn niệm Phật vãng sanh Tịnh độ mà nói, có thể nói rằng từng câu từng chữ đều thực hành rồi thì rất dễ hiểu, rất dễ làm được, đây là chỗ thù thắng bậc nhất của Tịnh tông.

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây. Cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 11

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem câu kinh văn tiếp theo:

**Nguyện ở vô lượng thế giới thành Đẳng chánh giác.**

*Nguyện ở vô lượng thế giới thành Đẳng chánh giác.*

Câu này là cách nói chung về tha thọ dụng. Cho thấy Bồ-tát tham gia pháp hội vì độ chúng sanh mà bằng lòng đến mười phương vô lượng vô biên thế giới thị hiện thành Phật. Giống như phẩm Phổ Môn có nói: “Nên dùng thân Phật để độ thì hiện thân Phật mà thuyết pháp”.

Nguyện là thế nguyện, đối với pháp xuất thế có mong cầu thì gọi là nguyện.

Thế giới, “thế” đại biểu cho thời gian, quá khứ, vị lai, hiện tại gọi là ba đời; “giới” đại biểu cho không gian, tức là mười phương.

Đẳng chánh giác, xưa dịch là Đẳng Giác. Đẳng Giác có hai hàm nghĩa:

Thứ nhất là vị trí cao nhất của Bồ-tát, tức là sắp đạt được Phật quả Diệu giác, xưng là Đẳng Giác, công đức trí tuệ của họ đã gần tương đương với Diệu giác Phật. Đã là mặt trăng ngày 14 rồi, còn kém ngày 15 một ít, nhưng đã rất gần rồi.

Thứ hai, Đẳng Giác chính là Phật. Sách Vãng Sanh Luận Chú nói: “Do các pháp bình đẳng nên các Như Lai bình đẳng. Vì vậy chư Phật Như Lai gọi là Đẳng Giác.” Đại Trí Độ Luận nói: “Chư Phật bình đẳng nên gọi là Đẳng Giác”.

Tổng hợp những điều vừa nói, Đẳng Giác có hai hàm nghĩa: có thể là Đẳng Giác Bồ-tát, cũng có thể là Phật. Trong kinh này Đẳng Giác là Phật, biểu thị Bồ-tát trong pháp hội tới mười phương thế giới thị hiện thành Phật.

Bồ-tát thành tựu trí tuệ đức năng, tuyệt đối không phải vì chính mình, mà hoàn toàn vì lợi ích hết thảy chúng sanh. Tại sao vậy? Không có lý do! Chính vì không có lý do, cho nên gọi là “vô duyên đại từ, đồng thể đại bi”. Các đồng tu chắc rất là quen thuộc với hai câu này, nhưng vẫn chưa hiểu ý nghĩa thật sự của nó, đừng nói tới vận dụng nó vào trong cuộc sống.

Ví như có người cần giúp đỡ, bạn sẽ hỏi tại sao tôi phải giúp họ? Đó là bởi vì bạn chưa biết chân tướng sự thật rằng chúng sanh và bạn là một thể. Bạn sẽ cho rằng như thế này: tôi không phải là họ, họ không phải là tôi, tôi và họ có quan hệ gì? Lấy một ví dụ cho dễ hiểu: tay trái của bạn bị muỗi cắn, tay phải có đuổi muỗi đi không? Nếu như tay phải hỏi như vậy: nó là nó, tôi là tôi, dựa vào cái gì mà tôi phải giúp tay trái đuổi muỗi chứ? Bạn nghe xong câu này có cảm thấy buồn cười không? Không nên cười, chuyện như vậy thường xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, chỉ là chúng ta không cảm nhận được mà thôi. Tại sao vậy? Phạm phu thường làm những chuyện hồ đồ này, không biết tất cả chúng sanh và chính mình là một thể. Đã là một thể, là đồng thể thì tay phải giúp đỡ tay trái, hà tất phải hỏi tại sao? Chư Phật Bồ-tát biết chúng sanh và chính mình đồng thể, cho nên mới độ hết thấy chúng sanh vô điều kiện, biểu thị “đồng thể đại bi”. Thể tức là bản tánh chân như. Hiện tượng y chánh trong mười pháp giới đều là cảnh giới do bản tánh chân như biến hiện ra, là một không phải hai.

Chúng sanh mê mất chân tướng sự thật, sanh khởi vọng tưởng, chấp trước cho nên mới phân biệt mình, phân biệt người, mê hoặc điên đảo, không biết rằng hư không pháp giới vốn là một thể. Chư Phật Bồ-tát biết là một thể, cho nên độ chúng sanh chính là độ chính mình, không độ chúng sanh tức là không độ chính mình, có lý nào lại không độ chính mình chứ! Chúng sanh và chính mình là tự - tha không hai, đích thực là một thể. Phật độ chúng ta, Phật biết ngài cùng chúng ta là một thể. Chúng ta lại đi phân ranh giới với Phật, không phải là Phật không độ chúng sanh, mà là chúng sanh không tiếp nhận sự hóa độ của Phật.

Trong hội kinh Pháp Hoa, Quán Thế Âm Bồ-tát nói rất hay: “Nên dùng thân gì để độ thì hiện thân đó mà thuyết pháp”. Trong kinh Pháp Hoa nói 32 ứng thân, “nguyện trong vô lượng thế giới thành Đẳng chánh giác” chính là nên dùng thân Phật để độ; nên dùng thân Bồ-tát để độ thoát thì ngài liền hiện tướng Bồ-tát. Chúng sanh chúng ta có phân biệt, chấp trước đối với Phật Bồ-tát. Chúng tôi sẽ lấy ví dụ về Bồ-tát kể cho mọi người nghe.

Có người phân định rất rạch ròi về các vị Bồ-tát, phân công rõ ràng, mỗi vị Bồ-tát chỉ làm một chuyện, họ cho rằng Quán Thế Âm Bồ-tát chắc chắn không phải là Phổ Hiền Bồ-tát, Phổ Hiền Bồ-tát chắc chắn không phải là Đại Thế Chí Bồ-tát, Đại Thế Chí Bồ-tát chắc chắn không phải là Địa Tạng Bồ-tát. Thực ra trong pháp



giới, Bồ-tát không có danh hiệu. Thế giới Tây Phương Cực Lạc có danh hiệu hay không? Không có danh hiệu, không có tên gọi, như vậy mới bình đẳng, có tên gọi thì không bình đẳng. Nếu cho rằng đây là Quán Thế Âm Bồ-tát, kia là Đại Thế Chí Bồ-tát thì làm sao có thể bình đẳng được? Tây Phương Tịnh Độ là pháp giới bình đẳng, cho nên không có danh hiệu. Cho dù vị ấy là người nào, gọi là Quán Thế Âm Bồ-tát cũng được, gọi là Đại Thế Chí Bồ-tát cũng được, gọi là Phổ Hiền Bồ-tát cũng được, đều được cả, bạn muốn vị Bồ-tát nào tới độ bạn học Phật thì vị Bồ-tát đó sẽ tới. Chắc chắn không sai! Cho nên hết thấy danh hiệu của Bồ-tát đều là “thông hiệu”. Bồ-tát ở thế giới Tây Phương Cực Lạc đầy đủ hết thấy danh hiệu, bạn gọi các ngài là Bồ-tát gì cũng được.

Phật cũng là như vậy, có người tu học Tịnh độ niệm A-di-đà Phật. Đến lúc sanh bệnh mau chóng buông xuống A-di-đà Phật, đổi thành niệm Dược Sư Phật. Lại không biết Dược Sư Phật cũng là A-di-đà Phật, A-di-đà Phật là vạn đức hồng danh, mười phương ba đời hết thấy chư Phật Như Lai đều là A-di-đà Phật, điều này họ không biết. Cho nên làm việc này thì tìm vị Phật này, làm việc kia thì tìm vị Phật kia, phiền phức biết bao!

Nhiều năm như vậy tôi chỉ tìm A-di-đà Phật, chỉ tìm Quán Thế Âm Bồ-tát. Bởi vì tôi biết hết thấy Phật đều là A-di-đà Phật, hết thấy Bồ-tát đều là Quán Thế Âm Bồ-tát. Đường dây liên lạc đặc biệt, thật là tiện lợi. Có linh nghiệm hay không vậy? Linh nghiệm. Những gì tôi vừa nói, nếu người chưa từng đọc kinh Vô Lượng Thọ nghe được, họ sẽ hoài nghi. Các đồng tu tu học pháp môn niệm Phật vãng sanh Tịnh độ, thọ trì kinh Vô Lượng Thọ, đã đọc kinh Vô Lượng Thọ mấy trăm lần, mấy ngàn lần, thậm chí là mấy vạn lần, những lời này chắc mọi người sẽ không hoài nghi chứ? Bởi vì trong kinh chính là nói như vậy.

Hết thấy chư Phật Bồ-tát đều do tâm chúng ta chiêu cảm, trong tâm tôi thích Quán Âm Bồ-tát thì ngài sẽ thị hiện tướng Quán Âm Bồ-tát. Nếu tôi thích Đại Thế Chí Bồ-tát thì ngài sẽ hiện tướng Đại Thế Chí Bồ-tát. Thân tướng thiên biến vạn hóa, giống như trong kinh Lăng-nghiêm nói “thuận theo tâm chúng sanh mà ứng hiện theo khả năng nhận biết của họ”.

Chư Phật Bồ-tát có tướng hay không? Vô tướng. Bởi vì vô tướng mới có thể hiện hết thấy các tướng. Hiện hết thấy các tướng không phải là chính mình muốn hiện, mà hiện tùy theo tâm chúng sanh. Cũng giống như nước, bạn đổ vào ly hình

tròn thì nó có hình tròn; bạn đổ nó vào ly vuông thì nó có hình vuông. Đồ đựng có hình dáng khác nhau thì nước có hình dáng khác nhau. Vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ sẽ được đại tự tại như vậy. Không giống chúng ta hiện nay chấp trước có tướng, muốn biến ra tướng thứ hai cũng không biến ra được.

Mời xem bốn câu kinh văn sau:

**Thiên nhân quy ngưỡng, thỉnh chuyển pháp luân. Thường dĩ pháp âm, giác chư thế gian.**

*Người trời quy ngưỡng, thỉnh chuyển pháp luân. Thường dùng pháp âm, giác chư thế gian.*

Bốn câu này là nói pháp duyên của Thích-ca Mâu-ni Phật đã chín muồi. Hết thầy thiên nhân đều quy y kính ngưỡng đức Phật, tiếp nhận giáo học của đức Phật. Cơ duyên chúng sanh đời này thành Phật đã chín muồi thì đức Phật nhất định dạy họ pháp môn thành Phật, tức là kinh Vô Lượng Thọ, pháp môn niệm Phật. Chúng sanh căn cơ chưa chín muồi thì giảng pháp môn khác, hằng thuận chúng sanh, tùy theo nguyện vọng của họ. Đối với chúng sanh chưa có thiện căn, phước đức thì giúp họ vun bồi thiện căn phước đức. Đây chính là sự linh hoạt khéo léo, dùng phương tiện thiện xảo dạy học theo trình độ của đức Phật.

Theo Trí Độ Luận ghi lại, 35 ngày sau khi Thích-ca Mâu-ni Phật thành đạo, ngài không thuyết pháp ở Ấn Độ, 21 ngày đầu ngài giảng kinh Hoa Nghiêm ở thiên cung, nhưng các đệ tử Thanh văn, Duyên giác thừa lại như điếc như mù, không lãnh hội được. Mãi cho đến ngày thứ 35 đức Phật tự mình nói: “Pháp của ta thâm sâu, khó giải khó biết, đệ tử A-la-hán còn không thể biết, chúng sanh thông thường càng không cách nào biết được. Hết thầy chúng sanh đều bị pháp thế gian triền phược, tức bị chúng trói buộc, làm dính mắc, không ai có thể hiểu được, chi bằng ta nhập Niết-bàn!”

Lúc này chư Bồ-tát và thiên nhân đều cung kính chấp tay đến trước Phật, thỉnh cầu Thích-ca Mâu-ni Phật vì chúng sanh chuyển pháp luân. Đức Phật im lặng nhận lời, trước tiên ngài giảng pháp Tiểu thừa.

“*Chuyển pháp luân*”, trong Pháp Hoa Văn Cú giải thích: “Chuyển pháp cảm hóa chúng sanh trong tâm Phật đi vào tâm chúng sanh thì gọi là chuyển pháp luân”.

Nói đơn giản hơn một chút là trong tâm chư Phật có pháp giáo hóa chúng sanh, Phật đem pháp này truyền vào trong tâm chúng sanh thì gọi là chuyển pháp luân. Hiểu câu “đem pháp trong tâm Phật chuyển vào tâm chúng sanh” như thế nào? Chính là câu chúng ta thường nói “khai tri kiến Phật”, “thị tri kiến Phật”, “ngộ tri kiến Phật”, “nhập tri kiến Phật”, đây chính là hàm nghĩa của “chuyển”. Đại sư Gia Tường nói: “Tự ngã chí bỉ, cố xung vi chuyển”, từ ta đến đối phương, nên gọi là chuyển.

“*Người trời quy ngưỡng, thỉnh chuyển pháp luân*” là duyên khởi của đại giáo, Thế Tôn nhận lời thỉnh, chuyển diệu pháp luân.

“*Thường dùng pháp âm, giác chư thế gian*”, chư Phật Bồ-tát đại triệt đại ngộ để làm gì? Để giáo học. Cho nên Phật pháp là giáo dục. Thường là vĩnh viễn không đứt đoạn. Đức Phật thuyết pháp chưa từng gián đoạn, bởi vì Thế Tôn thuyết pháp gọi là thuyết pháp trong vi trần, thuyết pháp trong cõi nước, thuyết pháp mạnh mẽ, thuyết pháp không gián đoạn, lúc nói là thuyết pháp mà lúc im lặng cũng là đang thuyết pháp, chẳng những hữu tình thuyết pháp mà ngay cả vô tình cũng thuyết pháp. Vì vậy chẳng thể cho rằng Phật Bồ-tát hiện ra thân tướng giảng kinh thuyết pháp mới là pháp âm. Nên biết “ý của tổ sư trên đầu trăm cỏ”, trên đầu trăm cỏ vô tình cũng đang thuyết pháp, đây là nghĩa rộng của pháp âm.

Tại sao đức Phật lại đến thế gian này? Vì muốn giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, vì muốn giúp chúng sanh lìa khổ được vui. Phá mê thì lìa khổ, khai ngộ thì được vui, đây là giáo dục của Phật. Bạn thật sự hiểu được giáo dục của Phật là gì rồi thì bạn có thể không học sao? Bạn có thể không tiếp nhận sao?

Phá mê khai ngộ là giáo học, chỉ có Thích-ca Mâu-ni Phật có, ngoài ngài ra, thế gian và xuất thế gian không tìm được người thứ hai. Đặc biệt là đức Phật từ bi đến tột cùng, ngài có pháp môn đặc biệt, có diệu pháp vô thượng, đó chính là tín nguyện trì danh, một đời thành Phật. Pháp môn này là thuyết cho ai? Cho người có đại thiện căn, đại phước đức, đại nhân duyên thì mới có tác dụng. Tại sao vậy? Họ tin tưởng, họ tiếp nhận. Chú ý chữ “đại” này, không phải đại thiện căn, đại phước đức, đại nhân duyên thì Phật sẽ không nói, không phải Phật không muốn nói, mà không cần thiết phải nói, bởi vì họ không tin, không tiếp nhận. Trong kinh A-di-đà có nói rất hay: “Chẳng thể dùng chút ít thiện căn phước đức nhân duyên mà được sanh về nước kia”, mỗi một người vãng sanh đều đầy đủ thiện căn, đầy đủ phước đức, đầy đủ nhân duyên, ba điều này không thể thiếu điều nào. Trong Tịnh tông gọi

là chúng sanh căn cơ chín muồi, mỗi một người vãng sanh đều là chúng sanh căn cơ chín muồi.

Thế gian tức là tam giới: Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới. Thế Tôn tiếp nhận lời thỉnh cầu của Bồ-tát, thiên nhân, cả một đời diễn giảng đủ các pháp Đại thừa, Tiểu thừa, Quyền, Thật, Thiên, Viên v.v... đều là đang chuyển pháp luân. Bởi vì căn cơ của chúng sanh không giống nhau, mức độ căn cơ chín muồi cũng không như nhau, cho nên nói Tiểu thừa trước, sau đó từ từ hồi tiểu hướng đại. Nói Quyền pháp trước, làm sao chúng A-la-hán, chúng Duyên giác, làm thế nào để hành Bồ-tát đạo; sau đó nói Thật pháp, nói kinh Pháp Hoa, khai quyền hiển thật, mục đích cuối cùng là toàn bộ đều thành Phật. Pháp Hoa là Viên giáo, Tịnh độ tông cũng là Viên giáo. Thế Tôn nói hết thầy pháp để giác tỉnh hết thầy chúng sanh trong tam giới, pháp nào cũng đều là thuốc tùy theo bệnh, đều là vì muốn chúng sanh giác ngộ.

“*Giác chư thế gian*”, chư thế gian tức chỉ mười pháp giới, không những là lục đạo mà Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát nằm ngoài lục đạo, thậm chí cõi Phật cũng bao gồm trong đó. Phật có Tạng giáo Phật, Thông giáo Phật, Biệt giáo Phật, Viên giáo Phật. Viên giáo Phật thuyết pháp, ba hạng Phật còn lại cũng đến nghe, đến tiếp nhận giáo hóa. Đây chính là “thường dùng pháp âm, giác chư thế gian”.

Thời đại mà chúng ta sống ngày nay là một thời đại phi thường, trong lịch sử Trung Quốc và lịch sử ngoài nước cũng chưa từng xuất hiện qua, trật tự xã hội trên toàn thế giới đã hỗn loạn, một xã hội không có trật tự, thế nào cũng sẽ chiêu cảm tai họa lớn nhỏ lũ lượt kéo tới, loài người đã tới sát ranh giới sanh tử tồn vong.

Tả Khuru Minh trong Tả Truyện có nói một câu gọi là “nhân khí thường tắc yêu hưng” (con người vứt bỏ luân thường thì yêu quái sẽ hưng thịnh). Xã hội hiện nay thật sự là xã hội yêu quái hưng thịnh, lời của Tả Khuru Minh nói có đạo lý. Thế nào là người? Đầy đủ năm chữ “nhân nghĩa lễ trí tín”, đó là người. Con người thì phải ra dáng con người, con người phải có đạo đức. Tổ tiên chúng ta trọng ngũ luân ngũ thường. Ngũ luân là đạo, ngũ thường là đức, đây là tánh đức. Con người rời khỏi đạo đức thì là yêu ma quỷ quái. Không còn ngũ luân ngũ thường thì xã hội này chính là yêu ma quỷ quái.

Ai tới cứu vớt thế giới khổ nạn này? Chư Phật Bồ-tát đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn không bỏ chúng sanh, cho nên xã hội ngày nay yêu ma quỷ quái nhiều, chư

Phật Bồ-tát cũng không ít. Nếu không có chư Phật Bồ-tát ứng hóa xuống đây thì thế giới này còn có thể sống nổi sao?

Mời xem bốn câu kinh văn tiếp theo:

**Phá phiền não thành, hoại chư dục tiệm, tẩy trạc cấu ô, hiển minh thanh bạch.**

*Phá thành phiền não, lấp hào tham dục, rửa sạch cấu ô, hiển minh thanh bạch.*

Bốn câu này là tôn chỉ giảng kinh thuyết pháp của hết thầy chư Phật thị hiện trên thế gian.

“*Phá phiền não thành*”, phá là phá trừ. Thành là tỉ dụ cho phiền não kiên cố như tường thành. Phiền não tổng cộng có mười loại: tham, sân, si, mạn, nghi, năm loại này là tư phiền não; thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, tà kiến, năm loại này là kiến phiền não. Hợp lại gọi là kiến tư phiền não. Mười loại phiền não này là phiền não căn bản. Tại sao lại gọi là phiền não? Vì nó phiền tâm não thân, khiến cho thân tâm của bạn không yên cho nên gọi là phiền não. Đại sư Trí Giả của tông Thiên Thai nói: “Ba thứ hoặc: kiến tư, trần sa, vô minh gọi là ba phiền não”. Mười loại phiền não mà chúng tôi nói ở trên thuộc về kiến tư phiền não trong “ba phiền não”. Đức Phật diễn thuyết diệu âm chính là muốn phá tan thành trì phiền não trong thân tâm chúng sanh.

“*Hoại chư dục tiệm*”, hoại là phá hoại, dục là dục vọng, tiệm là hào, ở đây ví cho dục vọng nhiều, sâu, kiên cố. Dục vọng là căn nguyên của phiền não, dục vọng không được thỏa mãn liền sanh phiền não. Dục vọng của người hiện nay thật quá nhiều quá nhiều, giống như động không đáy vậy, thật sự là dục vọng nhiều ất khổ. Nếu con người biết đủ thì chẳng phải thường vui sao? Bởi vì không biết đủ cho nên mới thường khổ. Ham ăn, ham sắc đều là dục, trong đó nghiêm trọng nhất là sắc dục.

Sách Chân Giải nói: “Ái dục là gốc các khổ”. Tịnh Ảnh Sớ nói: “Tâm ái dục sâu thẳm khó vượt được”. Đức Phật dạy “ái” đáng sợ nhất, khó xử lý nhất, nếu trên thế gian này vẫn còn một chuyện khó xử lý như ái dục thì hết thầy chúng sanh đều không thể thành đạo. Hết thầy chúng sanh đều do ái dục mà trở thành gốc sanh tử, nếu như còn có một chuyện khó phá giống như vậy thì chúng sanh sẽ không có ngày

thoát khỏi khổ. Tiệm tức là cái hào, ái dục như nước lũ, chúng sanh chìm nổi trong đó, lúc chìm lúc nổi, không dễ gì độ thoát, cho nên mới nói là “dục tiệm”, bỏ đi tâm ái dục chính là “lấp hào tham dục”. “Phá phiền não thành, hoại chư dục tiệm”, hai câu kinh văn này có thể giúp hết thảy chúng sanh “hàng phục ma oán”. Phiền não là ma, dục là oan gia.

“Tẩy trạc cấu ô”, cấu ô tức là ô nhiễm, sự ô nhiễm của thân tâm loài người hiện nay thật sự là trước đây chưa từng có. Ô nhiễm tâm địa, ô nhiễm tinh thần, ô nhiễm sinh lý, những thứ ô nhiễm này không nằm ngoài hai loại lớn: Sở tri chướng và phiền não chướng. Báo chí, tạp chí, truyền hình tivi, mạng Internet hiện nay là ô nhiễm nặng nề nhất.

“*Hiện minh thanh bạch*”, chân tâm bản tánh hiển lộ ra, đây là mục đích giáo học của Phật-đà. Điều kiện tiên quyết để hiện minh thanh bạch đó là rửa sạch cấu ô. Sách Chân Giải nói: Rửa sạch cấu ô, hiện minh thanh bạch là “thâm nhuần mưa đứ”. Giống như trời mưa vậy, sau cơn mưa, cây cối nhà cửa đều sạch sẽ, hiển lộ bản thể thanh bạch. Chúng sanh làm thế nào để rửa sạch cấu ô? Chỉ có hiểu rõ bản tâm, thấy được bản tánh, thật sự nhận thức được bản thể thì mới là hiện minh thanh bạch. Đại sư Bách Trượng của Thiên tông nói “quýnh thoát căn trần” chính là “rửa sạch cấu ô”, “linh quang độc diệu” chính là “hiển minh thanh bạch”. “Quýnh thoát căn trần” tức là vĩnh viễn thoát khỏi lục căn lục trần; “linh quang độc diệu”, ánh sáng này không phải ánh sáng phàm tục thế gian, mà là ánh sáng linh minh không thể nghĩ bàn. “Độc diệu” tức là không hai, không đối lập với vạn pháp, không có mặt đối lập, hề có đối lập liền có mâu thuẫn.

Theo Tịnh tông mà nói, “nhiếp trọn sáu căn” là rửa sạch cấu ô; “tịnh niệm tiếp nối”, “tự đắc tâm khai” là hiển minh thanh bạch.

“Phá phiền não thành, hoại chư dục tiệm, tẩy trạc cấu ô, hiển minh thanh bạch”. Bốn câu này vô cùng quan trọng, là chỗ máu chốt mà chư Phật Bồ-tát chuyển pháp luân. Hết thảy đại Bồ-tát đều đi qua những chỗ này, cho nên có thể “thường dùng pháp âm, giác chư thế gian”. Tại sao bây giờ chúng ta làm không được? Bởi vì chính chúng ta còn mang theo vô số phiền não ô nhiễm, cũng chưa thật sự minh tâm kiến tánh, mà chỉ nghĩ tới việc thành danh thành gia, làm đại sư Phật học, so sánh dưới tòa có bao nhiêu đệ tử, thích người khác cung kính cúng dường, thích ủng hộ

rầm rộ, xe cộ tấp nập, thích lập bè phái, tranh giành tín chúng v.v... Những điều này đều là ô nhiễm.

Đệ tử Phật chân chánh phải mau chóng tránh xa những thứ này, một chút rìa cũng không được dính, chính mình chưa giác ngộ thì sao có thể giúp người khác tỉnh ngộ?

Phật Bồ-tát giáo hóa chúng sanh dựa vào điều gì? Thứ nhất dựa vào âm thanh giáo hóa, giảng kinh thuyết pháp; thứ hai là dẫn đầu làm gương, tự mình nỗ lực thực hành; thứ ba là đức hạnh chiêu cảm, làm ra tấm gương.

Nếu bây giờ hỏi bạn một vấn đề như thế này, nội dung mà Thích-ca Mâu-ni Phật giảng pháp là gì? Phật giáo đang dạy điều gì? Bạn biết trả lời không? Năm câu kinh văn này là đáp án tiêu chuẩn: “giác chư thế gian, phá phiền não thành, hoại chư dục tiếm, tẩy trạc cấu ô, hiển minh thanh bạch”. Đoạn kinh văn phía trước là để chúng ta hiểu rõ, mục đích chư Phật Bồ-tát giáo hóa chúng sanh là giúp hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, thấu hiểu triệt để chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Vũ trụ là hoàn cảnh sinh sống của chúng ta, nhân sinh tức là bản thân chúng ta. Phật để cho chúng ta nhận thức chính mình, nhận thức hoàn cảnh sinh sống của chính mình.

Mời xem đoạn kinh văn tiếp theo:

**Điều chúng sanh, tuyên diệu lý, trừ công đức, thị phước điền. Dĩ chư pháp dục, cứu liệu tam khổ. Thăng quán đánh giai, thọ Bồ-đề ký. Vị giáo Bồ-tát, tác A-xà-lê, thường tập tương ưng vô biên chư hạnh, thành thực Bồ-tát vô biên thiện căn. Vô lượng chư Phật hàm cộng hộ niệm.**

*Điều phục chúng sanh, tuyên thuyết diệu lý, trừ công đức, làm phước điền cho chúng sanh. Dùng các pháp dục cứu chữa ba khổ. Lên địa vị quán đánh, thọ ký Bồ-đề. Vì giáo hóa Bồ-tát nên làm A-xà-lê, thường tu tập vô biên các hạnh tương ưng, thành thực vô biên thiện căn cho hàng Bồ-tát. Vô lượng chư Phật đều cùng hộ niệm.*

Đoạn này là nói chư Phật dạy học như thế nào. Chúng sanh chúng ta đã mê mất chân tướng vũ trụ nhân sinh, có phiền não, vọng tưởng chướng ngại tâm thanh tịnh của chúng ta, chướng ngại chúng ta quay về chân như bản tánh. Phật giúp chúng sanh giải quyết những vấn đề này như thế nào? Giảng kinh dạy học. Chúng ta xem đức Phật dạy học như thế nào.

“*Điều chúng sanh, tuyên diệu lý*”. Trong chú giải có nói: Điều là điều hòa, chúng sanh là hết thảy hữu tình. Câu “điều chúng sanh” này rất quan trọng. Xã hội ngày nay động loạn, tai họa trên trái đất nhiều như vậy, nguyên nhân căn bản từ đâu đến? Chúng sanh sống trên trái đất này bất hòa, người với người bất hòa, súc sanh với súc sanh bất hòa, quỷ thần với quỷ thần bất hòa.

Chúng ta nói tới con người trước, trong thân thể chúng ta, không nói [những điều] ngoài thân thể, chính bản thân chúng ta còn bất hòa với chính mình. Từ chỗ nào có thể thấy được? Trong lòng bực bội, bực bội chính là bất hòa, sáu căn không thể hòa hợp. Chúng ta lại xem gia đình, bây giờ có được mấy gia đình hòa hợp? So với những năm 50, 60 thì thật sự là hoàn toàn trái ngược, vào thời đó không thấy nhà nào bất hòa, hiện nay nhìn thấy rất ít gia đình hòa hợp. Gia đình hiện nay, vợ chồng xung đột, cha con xung đột, anh em xung đột, luân thường không còn nữa. Y báo chuyên theo chánh báo, chánh báo bất thiện như vậy, khiến cho tất cả sinh vật trên trái đất này đều mất đi điều hòa. Chuyện này rất nghiêm trọng.

Chúng sanh mà lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói trong chú giải là hết thảy chúng sanh hữu tình. Hoa cỏ cây cối, núi sông đại địa, đây là chúng sanh vô tình. Hiện nay chúng sanh vô tình bị ô nhiễm bởi chúng sanh hữu tình, cũng đánh mất điều hòa, phiền phức này rất lớn. Tai họa tới, đại tự nhiên muốn trừng phạt loài người. Cả thế giới này không hòa hợp, khiến loài người khi đối mặt với tai họa trở nên nhỏ bé biết bao, không chịu nổi một đòn. Nhưng mà chúng sanh đã mê quá sâu quá sâu rồi, gọi thế nào cũng không chịu thức tỉnh! Ác báo chưa hiện tiền thì chưa biết sợ, khi ác báo hiện tiền, hiểu rõ rồi thì đã muộn, hối hận cũng không kịp nữa, sợ hãi cũng vô dụng, bạn phải chịu quả báo khổ thôi!

Lại xem tôn giáo, tôn giáo với tôn giáo cũng bất hòa. Cùng một tôn giáo mà còn muốn chia bè chia phái, các bè phái này cũng bất hòa với nhau, ngay cả cùng một sư môn mà còn tranh đấu với nhau. Thậm chí là trong một ngôi chùa có mấy chục người sinh sống cũng bất hòa; có chùa chỉ ở hai người, một người xuất gia, một người tại gia, vậy mà cũng bất hòa. Thánh hiền xưa rất coi trọng vấn đề này, nói với chúng ta hòa và bất hòa có liên quan đến sự hưng suy của Phật pháp. Hòa thì Phật pháp hưng thịnh; bất hòa thì Phật pháp suy bại, suy bại tới cực điểm thì Phật pháp sẽ diệt vong, cho nên không được bất hòa. Phải bắt đầu làm từ đâu? Bắt đầu làm từ



chính mình, họ không hòa với mình thì mình hòa với họ. Như vậy mới có thể thực hành chung sống hòa hợp.

Chư Phật Bồ-tát giáo hóa chúng sanh như thế nào? Đó là “điều chúng sanh, tuyên diệu lý”. Điều tức là điều hòa, điều thuận, điều phục. Dùng điều gì để điều hòa? Dùng giới, định, tuệ. Giới luật là điều thân, định là điều tâm, tuệ là thân tâm cùng điều. Hay nói cách khác, cả người chúng ta đều là bệnh, muốn học Phật, không thể nhập môn, trước tiên phải điều hòa bản thân thành pháp khí, [sau đó] “điều chúng sanh” tức là giúp chúng sanh đoạn phiền não.

Làm thế nào áp dụng “điều chúng sanh”? Phải tuyên diệu lý. Thế nào là diệu lý? Đó là lý thể của thật tướng, cũng chính là tri kiến Phật nói trong kinh Pháp Hoa. Khai tri kiến Phật, thị tri kiến Phật, đây là tuyên diệu lý, tuyên thuyết chân tướng vũ trụ nhân sinh, để cho hết thảy chúng hữu tình ngộ nhập tri kiến Phật, đây chính là “điều chúng sanh”. Thân tâm được điều phục thì mới có tư cách tiếp nhận Phật pháp.

Thời đại chúng ta, người học Phật rất nhiều, tại sao lại không thể thành tựu? Nguyên nhân là do thân tâm chưa được điều phục mà đã đi học tập kinh điển Đại thừa. Kinh điển học không ít, kết quả chỉ tăng trưởng tà kiến, không phải tăng trưởng trí tuệ, mà là tăng trưởng tà tri tà kiến. Vậy thì phiền phức lớn rồi, nhất định phải để thân tâm hồi phục khỏe mạnh, tiếp nhận Phật pháp mới có thể tăng trưởng trí tuệ.

Trước tiên phải thành tựu pháp khí, sau đó mới có thể chứa đựng các diệu pháp. Người xưa có tỉ dụ rằng, Phật pháp là cam lộ, đề hồ cam lộ nếu như đựng trong chén chứa thuốc độc thì đề hồ cam lộ cũng biến thành thuốc độc, bởi vì có độc tố trộn lẫn trong đó, nhất định phải rửa sạch chén từng chứa thuốc độc này trước. Thế nào là thuốc độc? Tham sân si mạn nghi còn độc hơn thuốc độc. Nhất định trong tâm phải loại trừ sạch sẽ, lúc đó Phật giảng kinh thuyết pháp cho bạn, bạn mới có thể tiếp nhận đại pháp đề hồ cam lộ của Như Lai. “Điều chúng sanh” là đoạn phiền não, “tuyên diệu lý” là học Pháp môn. Phải có thứ tự, không thể [tiến hành] cùng lúc, chỉ có bậc thượng căn lợi trí mới có thể làm được [cùng lúc như vậy].

“*Trữ công đức, thị phước điền*”, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ giải thích hai câu kinh văn này như sau: tích chứa nhiều đức gọi là trữ công đức. Bậc đại Bồ-tát đều có đủ loại công đức nên có thể làm phước điền cho chúng sanh. Phước điền là ruộng gieo trồng. Công đức được tích chứa thị hiện ra bên ngoài, tiếp nhận cúng dường của chúng sanh, để chúng sanh tạo phước, gọi là “thị phước điền”.

Luận Câu Xá nói có bốn loại phước điền:

Thứ nhất là thú điền. Thú là súc sanh, hiện nay rất nhiều người yêu thương bảo vệ động vật, bạn yêu thương bảo vệ chúng sanh, chúng sanh hoan hỷ, chư Phật hoan hỷ.

Thứ hai là khổ điền. Chúng ta đi cứu tế những người bần cùng khốn khổ, những người này đều có thể trở thành phước điền của chúng ta.

Thứ ba là ân điền. Cha mẹ sư trưởng có ân với chúng ta, chúng ta ở bên cạnh cha mẹ thực hành hiếu đạo chính là trồng ân điền.

Thứ tư là đức điền. Hết thầy thánh hiền Tiểu thừa, Đại thừa đều là phước điền.

Đối với hai câu kinh văn này, lão pháp sư giải thích như sau: “Trữ công đức, thị phước điền”, hai câu này là nói về cương lĩnh tu học sáu ba-la-mật của Bồ-tát. Nhân nhục, tinh tấn, thiền định là “năng trữ”, tam học giới định tuệ là công đức, là “sở trữ”. Phước điền là bố thí, trì giới. Thế nào là người có phước trên thế gian này? Người chịu bố thí có phước, người tuân theo phép tắc có phước. Trì giới chính là tuân theo phép tắc. Người có thể xả, có thể tuân theo phép tắc là có phước.

Chúng ta trồng phước điền phải có tuệ nhãn, biết phân biệt đâu là phước điền thật sự. Niệm Phật đường nhỏ làm theo như vậy thì có thể trở thành phước điền thật sự. Vậy thì phải xem người dẫn đầu dẫn dắt như thế nào, mọi người tu hành như thế nào. Để tôi kể một ví dụ cho các đồng tu nghe:

Giác Minh Diệu Hạnh Bồ-tát, nhóm cộng tu của họ không nhiều, chỉ có tám người, thành lập một niệm Phật đường nhỏ cùng nhau cộng tu, tám người đều vãng sanh. Niệm Phật đường nhỏ này công đức thù thắng vô cùng! Bạn xem niệm Phật đường nhỏ đã thành tựu tám vị Phật. Nếu như hộ trì cho đạo tràng niệm Phật đường nhỏ này, cúng dường một bữa ăn hoặc cúng dường thứ khác, vậy thì phước báo còn hơn gấp trăm gấp ngàn lần so với cúng dường nơi khác. Người tu hành chân chánh không thể không biết đạo lý này.

“*Dĩ chư pháp được cứu liệu tam khổ*”. Việc này ai có thể làm được? Chỉ có Phật pháp mới có thể làm được. Thân thể của chúng ta tại sao còn lưu lại thế gian này? Chư Phật Bồ-tát tại sao thị hiện trên thế gian, thị hiện trong lục đạo? Chính là làm một việc này.

“Dĩ chú pháp dược cứu liệu tam khổ”, “chú Phật độ sanh, tùy bệnh cho thuốc”, chúng sanh có đủ loại bệnh, gọi là chúng sanh có tám vạn bốn ngàn loại bệnh, cho nên Phật sẽ có tám vạn bốn ngàn loại pháp. Bệnh ví với nỗi khổ của chúng sanh, dược ví với diệu pháp của Như Lai. Kinh Niết-bàn nói: “Vi độ chúng sanh nên nói pháp dược vi diệu vô thượng”. Chúng sanh có bệnh gì thì phải cho thuốc đó, không được cho sai thuốc. “Vi diệu vô thượng” không phải là hạn định dạy theo bộ kinh nào. Trong kinh Bát-nhã, Phật nói rất hay: “Pháp môn bình đẳng, không phân cao thấp”, nếu có vi diệu vô thượng thì có cao thấp rồi. Lời này có mâu thuẫn hay không? Có xung đột hay không? Không hề. Gọi là vi diệu vô thượng là nói với người, thuốc này rất thích hợp, trị bệnh của họ rất có hiệu quả, uống thuốc liền hết bệnh, dùng phương pháp này họ liền thành tựu, nên đối với họ mà nói thì đây là vô thượng.

Bệnh của mỗi người khác nhau, cho nên thuốc mà mỗi chúng sanh cần cũng khác nhau, do đó Thích-ca Mâu-ni Phật thuyết pháp 49 năm, để lại nhiều điển tịch như vậy, không phải bảo bạn phải học hết, dùng hết tất cả. Thuốc nhiều như vậy bạn đều uống hết, không những bệnh không khỏi mà uống nhầm thuốc còn chết người nữa. Trong tiệm thuốc có nhiều thuốc như vậy, không có bác sĩ kê đơn cho bạn, bạn không dám uống. Phật pháp có nhiều kinh điển như vậy, không có người chỉ dẫn bạn, bạn làm sao có thể học hết cùng một lúc được? Học hết cùng một lúc tức là uống hết thuốc cùng một lúc, vậy thì không chết mới lạ. Cho nên phải lựa chọn pháp môn, chọn thuốc đúng chứng bệnh, thuốc vào liền hết bệnh, không phải là uống càng nhiều thuốc càng tốt. Vậy mới gọi là vi diệu vô thượng.

Khi Phật còn tại thế thì không có vấn đề gì, Phật là Đại Y Vương, gặp được Phật, Phật nhất định thuyết pháp cho bạn, bạn nhất định đắc độ. Tại sao vậy? Pháp đó là nói cho bạn, chắc chắn là đúng bệnh! Hiện nay đức Phật không còn tại thế, nhưng đã để lại phương thuốc, kinh điển chính là phương thuốc! Phương thuốc này bạn có biết dùng không? Rất khó nói, vậy thì phải xem là ai kê đơn cho bạn. Ở đây tôi đang muốn nói với mọi người điều gì? Chính là muốn nói với mọi người, học Phật nhất định phải tìm được thầy tốt, vị thầy này là “minh sư” chứ không phải là “danh sư”. Người thầy có ba loại:

- Thứ nhất là có tu có chứng, đây là người thầy tốt nhất.
- Thứ hai là có tu chưa chứng, đây là người thầy kém hơn một bậc.
- Thứ ba là chưa tu chưa chứng, đây là người thầy tự khoe.

Bạn có thể gặp và chọn lựa người thầy như thế nào, thật sự phải xem vận mệnh và duyên phận của bạn. Lão pháp sư vận mệnh tốt, duyên phận tốt, gặp được tiên sinh Phương Đông Mỹ, đại sư Chương Gia, lão cư sĩ Lý Bình Nam, trong một đời có thể gặp được ba vị minh sư, có thể nói là vô cùng may mắn!

Tôi nương một chút ánh sáng của sư phụ ngài, vận mệnh và duyên phận của tôi cũng không tệ, gặp được pháp sư thượng Giác hạ Ngô, Phật sống Lạp Mã Giao, Hương Căn đời thứ 15, lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không. Đây là ba vị minh sư.

Thầy là người kê đơn thuốc cho bạn, người thầy có tu có chứng giống như bác sĩ. Người thầy có tu chưa chứng giống như hộ lý. Người thầy chưa tu chưa chứng giống như vị nào thì tôi không biết. Phương thuốc của bạn là do người thầy như thế nào kê đơn, tôi không biết. Tệ nhất chính là người như thế này, bái thầy lung tung, dùng thuốc lung tung. Ai nói gì cũng nghe, ai nói gì cũng tin, ai kê thuốc cũng uống, vậy thì xong rồi, thật sự xong rồi. Nếu uống xong không chết thì bệnh tình cũng nguy cấp.

Pháp môn Tịnh độ trong hết thầy pháp môn mà nói, thật sự có thể coi là pháp dược vi diệu vô thượng. Chúng ta có duyên gặp được mà không biết nhìn hàng! Bệnh của bạn chỉ cần một loại thuốc này thì có thể trị khỏi, nhưng mà bạn nghi ngờ, bạn không tin, bạn nhất định phải uống một trăm loại, một ngàn loại thuốc không trị bệnh của bạn, bạn không biết thật giả, không nghe lời khuyên!

Tam khổ có hai cách nói:

- Cách nói thứ nhất, tam khổ là khổ khổ, hoại khổ, hành khổ.
- + Thứ nhất, việc này vốn là khổ, gọi là khổ khổ.
- + Thứ hai, việc này vốn là vui, nhưng một khi bị phá hoại thì liền khổ, đây là hoại khổ.
- + Thứ ba, do hết thấy đều thay đổi, chuyển hóa không ngừng nghỉ mà sinh phiền não, đây là hành khổ.

- Cách nói thứ hai là đại sư Gia Tường nói tam khổ là sự khổ trong tam hữu, tam hữu chính là tam giới: Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới.

Tam khổ là nỗi khổ sanh tử của chúng sanh trong tam giới. Hai cách nói này đều đúng, nhưng cách giải thích của đại sư Gia Tường rất hợp với tôn chỉ của Tịnh

độ tông. Đặc điểm của Tịnh độ tông là khiến chúng sanh ngay nơi thân này thoát khỏi biển khổ sanh tử. Pháp môn khác muốn thoát khỏi tam giới phải đoạn kiến tư hoặc, đạt đến trình độ của A-la-hán. Trên thế giới hiện nay tìm được người có thể chứng sơ quả rất khó, huống hồ là A-la-hán. Chỉ có pháp môn Tịnh độ ra khỏi tam giới theo chiều ngang, đây là mang theo “hoặc” mà vãng sanh, mang theo nghiệp mà vãng sanh, không phải bảo bạn đoạn hoặc, cho nên đây là chỗ vượt trội nhất. Vậy nên dùng diệu dược đề hồ vô thượng của pháp môn Tịnh độ là: tín - nguyện - trì danh để cứu vớt tất cả chúng sanh đang trầm luân trong ách nạn biển khổ sanh tử của tam giới, gọi là “dĩ chư pháp dược, cứu liệu tam khổ”.

Sự quy kết cao nhất, rốt ráo nhất, viên mãn nhất đó chính là câu Phật hiệu này, pháp môn niệm Phật. Pháp môn này gọi là thuốc a-già-đà, trị tất cả bệnh, không phải là một loại thuốc trị một loại bệnh, mà đây là một loại thuốc trị tất cả bệnh. Tám vạn bốn ngàn sự khổ, một câu Phật hiệu có thể trị; vô lượng khổ, một câu Phật hiệu cũng có thể trị. Chúng ta phải tin tưởng điều này là thật, không được có chút hoài nghi nào thì chúng ta mới có được thọ dụng thực sự.

*Nói lời chân thật cho bạn nghe.  
Nghe hiểu một câu liền thọ dụng.  
Nếu như một câu cũng không hiểu.  
Không duyên không phận đợi kiếp sau.  
Kiếp sau có được thân người không?  
Phải tự nhắc nhở bản thân mình.*

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây. Cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 12

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem hai câu kinh văn tiếp theo: “*Thăng quán đánh giai, thọ Bồ-đề ký*”

Hai câu này là thành tích dạy học của chư Phật Bồ-tát. Đây là cấp bậc tu học cao nhất đạt được, học vị cao nhất có thể lấy được trong giáo dục của đức Phật, đó là thành Phật. “Thăng” giống như đi học, mỗi năm đều lên lớp, từ tiểu học cho đến nghiên cứu sinh, “quán đánh giai” là viện nghiên cứu Phật giáo. Đây là quả vị cao nhất của Bồ-tát, thông thường là từ Bát địa trở lên.

Ở Ấn Độ thời xưa, khi quốc vương kế vị thì người quán đánh sẽ lấy nước bốn biển rưới lên đỉnh đầu quốc vương, đại biểu quốc vương sắp đăng cơ. Trong Mật tông cũng như vậy, có pháp quán đánh, ý nghĩa giống với quốc vương Ấn Độ thời xưa đăng cơ kế vị. Thái tử tiếp nhận lễ quán đánh thì sẽ tiếp nhận vương vị. Trong nhà Phật, Đăng Giác Bồ-tát (Bồ xứ Bồ-tát) lên trên thêm một bậc nữa là Phật-đà. Đây là học vị cao nhất, cũng cử hành lễ quán đánh, quán đánh tức là tốt nghiệp.

Quán đánh có hai loại thông thường nhất:

Thứ nhất là kết duyên quán đánh.

Kết duyên quán đánh của Mật tông cũng giống với Tam quy y của Hiền tông, kết duyên với Phật. Kết duyên quán đánh của Mật tông như thế này: Bạn đến cầu pháp, họ dẫn bạn vào trong đàn quán đánh, truyền cho bạn thủ ấn, chú ngữ của Bản tôn, từ đó trở đi bạn có tư cách tu học pháp môn được truyền dạy, đây gọi là kết duyên quán đánh. Rất nhiều bìa sách của Mật tông có in bên ngoài dòng chữ “chưa quán đánh không được phép mở ra xem”, ở đây muốn nói nếu bạn chưa được pháp quán đánh này thì bạn không thể xem kinh điển và pháp bản này, trong đó cũng không có gì bí mật không thể nói cho người biết, chỉ là thận trọng mà thôi.

Thứ hai là thọ chức quán đánh. Người tu hành như pháp được mật pháp quán đánh, nghiêm trì giới luật, tinh tấn tu trì, tích chứa công hạnh thâm sâu, trí tuệ khai mở, có thể trở thành thầy của người khác, đảm nhiệm chức vị kim cương thượng sư. Cho nên làm pháp thọ chức quán đánh cho họ, tiếp nhận chức vị kim cương A-xà-lê, rồi sau đó mới là thượng sư như pháp. Hiện nay có rất nhiều người không như pháp,

không được sự cho phép từ thượng sư của mình, tự làm theo ý mình truyền cho đệ tử.

Giữa thọ chức quán đảnh và kết duyên quán đảnh còn có bốn loại quán đảnh: Bình quán, mật quán, huệ quán, đại thủ ấn quán. Tiếp nhận quán đảnh đều phải thọ mật giới. Có người không thọ giới mà tu pháp, thực sự là muốn [tu tập được] tăng lên nhưng ngược lại bị hạ xuống.

Quán đảnh còn phân biệt giữa sơ vị và hậu vị. Những điều tôi vừa nói là sơ vị, hậu vị không giống như vậy. Trong Bí Tạng Ký nói từ Sơ địa đến Thập địa Bồ-tát, cho đến Đẳng Giác Bồ-tát, đến lúc chính thức sắp chứng Phật quả, lúc sắp thành Phật, chư Phật dùng nước đại bi quán đảnh cho người ấy thì chính họ tự nhiên viên mãn chứng nhập Phật quả. Hiện tại Bồ-tát đến tham gia pháp hội kinh Vô Lượng Thọ đa phần là Phổ Hiền hậu vị, từ quả hướng nhân, là sự thị hiện của Phật. Cho nên các ngài đương nhiên đều đã thọ qua quán đảnh hậu vị, quán đảnh thành Phật. Còn Bồ-tát từ Sơ địa đến Đẳng Giác cũng đều phải thọ quán đảnh này. “Thăng quán đảnh giai” là chỉ hai loại Bồ-tát đều phải trải qua quán đảnh hậu vị.

Sau khi thọ lễ quán đảnh thì phải giảng kinh, phải dạy học, mọi người gọi bạn là pháp sư. Sư là giải hoặc truyền đạo, bạn không thể giúp chúng sanh đoạn nghi sanh tín, không thể khiến Phật pháp đời đời tương truyền thì quán đảnh như vậy là giả, không phải là thật.

Tiếp theo tôi sẽ nói cho các đồng tu nghe hàm nghĩa thật sự của quán đảnh, để giúp mọi người không còn nhầm lẫn nữa.

Bí Tạng Ký Sao nói: “Quán nghĩa là đại bi hộ niệm. Đảnh nghĩa là Phật quả cao tột đỉnh”. Cách giải thích này rất hay. Đại bi hộ niệm là chỉ hết thủy chư Phật Như Lai hộ niệm người tu hành, người thật sự tu hành thì các ngài thật sự hộ niệm, đại từ đại bi. “Đảnh” nghĩa là gì? Đảnh là Phật quả cao tột đỉnh, cũng là pháp môn vô thượng, thực sự có thể giúp bạn một đời thành Phật, đó là cao tột đỉnh. Phát tâm niệm Phật vãng sanh, đến thế giới Cực Lạc chính là Phật quả cao tột đỉnh. Đến thế giới Cực Lạc, chắc chắn chúng được Phật quả viên mãn rất ráo trong một đời, A-di-đà Phật đảm bảo cho chúng ta. Dem pháp môn này truyền cho chúng ta chính là đại bi hộ niệm. Đời này chúng ta gặp được bộ kinh này, gặp được pháp môn này cũng là [nhờ] Di-đà Như Lai đại bi hộ niệm. Dem pháp môn đỉnh cao một đời thành Phật,

pháp môn cao nhất trong hết thảy các pháp môn, không có pháp môn nào sánh được này truyền cho chúng ta, đây mới gọi là quán đánh thật sự.

Đọc bộ kinh này từ đầu đến cuối một lần thì mười phương chư Phật Như Lai quán đánh cho bạn một lần; câu Phật hiệu A-di-đà Phật, bạn niệm một câu thì mười phương chư Phật Như Lai quán đánh cho bạn một lần, một ngày bạn niệm mười ngàn tiếng Phật hiệu, mười phương chư Phật Như Lai quán đánh cho bạn mười ngàn lần. Đây là thật, không phải giả. Bạn có tin không? “Chư Phật hộ niệm”, mười phương chư Phật hộ niệm người niệm Phật, “khiến đạt đến địa vị Phật đánh”, vãng sanh bất thoái, mau thành chánh giác, các ngài giúp chúng ta chắc chắn đạt được Phật đánh, không còn điều nào cao hơn nữa, “đều gọi là quán đánh”.

Câu “thăng quán đánh giai” trong kinh Vô Lượng Thọ, là nói cho bậc Đại sĩ trong hội. Tham gia pháp hội là có mặt tại đó, đồng tu chúng ta ngồi trước tivi, ngồi trước mạng Internet, mọi người đều trong cùng một hội, hội này vẫn chưa kết thúc. Đối với Bồ-tát của thế giới Cực Lạc mà nói, đây là hậu vị. Phải chỉ dạy dẫn dắt chúng sanh, chúng ta tức là “người nhận quán đánh là sơ vị”. Sơ vị chính là hậu vị. Vấn đề phải xem bạn thật sự có tín tâm hay không, tin tưởng thật sự có thế giới Cực Lạc, thật sự có A-di-đà Phật, một chút hoài nghi cũng không có, vậy thì bạn chính là sơ vị quán đánh mà kinh điển đã nói, sơ vị chính là hậu vị. Bạn có tin không? Nhất định phải nhớ kỹ, quán đánh thật sự là truyền trao đại pháp. Phật pháp trọng thực chất, không trọng hình thức, hình thức chỉ để biểu pháp.

“Thọ Bồ-đề ký”, thọ nghĩa là trao cho; ký là ghi biết, cũng chính là ký của huyền ký, có nghĩa là báo trước cho bạn biết. “Phật đối với chúng sanh đã phát đại tâm trao lời huyền ký tương lai chắc chắn thành Phật thì gọi là thọ ký”. Thọ ký tức là tuyên thuyết quả vị tương lai, để họ biết được sự thù thắng hiếm có của nhân địa tu hành, củng cố niềm tin và sự tu trì của người được thọ ký, để họ biết được hiện nay đang trông nhân Bồ-đề, tương lai nhất định được quả Bồ-đề. “Thọ Bồ-đề ký” biểu thị Đại sĩ trong hội đều được Phật thọ ký, tương lai đều được Phật quả; đồng thời cũng biểu thị Bồ-tát tham gia pháp hội cũng thọ ký thành Phật cho chúng sanh, bởi vì các ngài có thể thị hiện thành Phật trong mười phương thế giới, thọ ký cho vô lượng chúng sanh.

Người thực sự niệm Phật, một đời này ít nhất có thể gặp Phật ba lần, có người gặp trong mộng, có người gặp trong định, đây đều là thật.



- Lần thứ nhất gặp Phật là khi công phu niệm Phật thành phiến, bạn có được tư cách này, tư cách gặp Phật.

- Lần thứ hai gặp Phật là trước khi vãng sanh một đến ba tháng, đức Phật tới báo cho bạn biết ngày tiếp dẫn.

- Lần thứ ba gặp Phật là ngay ngày vãng sanh, đức Phật đến tiếp dẫn.

*“Vị giáo Bồ-tát, tác A-xà-lê.”*

A-xà-lê là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Trung là giáo thọ. Cũng dịch là thầy quỹ phạm, quỹ là quỹ đạo, phạm là khuôn phép, tư tưởng lời nói hành vi của vị thầy này có thể làm tấm gương cho học trò, người Ấn Độ gọi [vị thầy đó] là A-xà-lê, Mật tông gọi là Kim Cang A-xà-lê, bởi vì A-xà-lê trong Mật giáo đại biểu cho Kim Cang Tát-đỏa. Kim Cang Tát-đỏa là thị hiện của Phổ Hiền Đại sĩ, ngài vĩnh viễn là sơ tổ của Mật giáo. Những vị Đại sĩ này tuân theo đức của Phổ Hiền, Phổ Hiền hóa thành Kim Cang Tát-đỏa. Cho nên thánh chúng tuân theo đức của ngài Phổ Hiền hiện nay cũng chỉ dạy các Bồ-tát khác làm A-xà-lê.

“Giáo Bồ-tát”, câu này hàm nghĩa rất nhiều. Ai dạy Bồ-tát vậy? Những vị Bồ-tát này toàn là Pháp thân Bồ-tát, là 41 giai vị Pháp thân Đại sĩ mà kinh Hoa Nghiêm nói, đây là cảm, các Như Lai trong cõi Thường Tịch Quang sẽ có ứng. Bồ-tát trong cõi Thật Báo là cảm, Như Lai trong cõi Thường Tịch Quang tự nhiên sẽ có ứng, cảm ứng đạo giao, hiện báo thân, cũng ở trong cõi Thật Báo mới có thể giúp Bồ-tát trong cõi Thật Báo sớm ngày chứng đắc viên mãn rốt ráo.

Chúng ta học Phật nhất định phải hiểu rõ. Thế giới Tây Phương Cực Lạc là đạo tràng lớn, đạo tràng lớn này là cõi pháp tánh. Cõi pháp tánh này là “lớn không ở ngoài, nhỏ chẳng ở trong”, trong thế giới này không có thời gian, cũng không có không gian, không có không gian thì không có khoảng cách, không có thời gian nên không có trước sau, thế giới này thật quá tuyệt diệu.

*“Thường tập tương ưng vô biên chư hạnh”*, “thường” là không gián đoạn, có kinh điển dùng “đến hết một đời” để biểu thị cho “thường”, tức là hễ tôi còn một hơi thở thì quyết không gián đoạn. “Tập” là chỉ thói quen trong cuộc sống của chúng ta, là tu hành. Sau khi chúng ta học xong thì phải làm được trong cuộc sống hằng ngày, làm chính là tập. “Tương ưng” nghĩa là hai bên khế hợp lẫn nhau, nói đơn giản là khớp nhau, cùng trên một đạo, cùng trên một điệu. Nghĩ thử xem lời nói cử chỉ hằng

ngày của chúng ta tương ứng với ai? Chúng ta là người tu hành, nếu như cách nghĩ, cách nhìn, hành vi trong cuộc sống của chúng ta tương ứng với Phật, tương ứng với Phật thì thành Phật; nếu như cách nghĩ, cách nhìn, hành vi trong cuộc sống tương ứng với ma, vậy thì bạn không thoát khỏi được lục đạo.

“Chư hạnh” tức là 53 lần tham vấn của Thiện Tài Đồng Tử. Bản thân Thiện Tài Đồng Tử và 53 vị thiện tri thức mà Đồng Tử tham bái đều là “thường tập tương ứng vô biên chư hạnh”.

Chúng ta nên áp dụng cụ thể câu kinh văn này vào trong cuộc sống như thế nào? Để tôi kể một ví dụ của Mật tông cho mọi người hiểu. Đặc điểm của Mật tông là tam mật tương ứng, cho nên Mật tông cũng được gọi là Tương Ứng tông. Tu Mật sở dĩ có thể tức thân thành Phật, đó là khiến cho tam nghiệp của chúng sanh phút chốc tương đồng với tam mật của Như Lai. Như Lai có tam mật: thân mật, ngữ mật, ý mật; chúng sanh có tam nghiệp: thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp. Chỗ đặc thù của mật pháp là khiến tam nghiệp của chúng sanh phút chốc tương đồng với tam mật của Phật. Thân kết ấn, miệng trì tụng chân ngôn, tâm duyên theo Bát-nhã. Người có thể đồng thời tu tam mật như vậy không nhiều, không dễ gì chứng đắc, hơn nữa điều không thể thiếu đó là nhất định phải được bậc thượng sư chân chánh chỉ dạy.

Chúng ta tu học pháp môn niệm Phật vắng sanh Tịnh độ, là hạ thủ từ một mật, bạn niệm câu Phật hiệu này thì chính là hạ thủ từ câu mật ngữ này, cũng có thể tương ứng, cũng có thể tức thân thành Phật. Khi bạn thành Phật, hai mật còn lại tự nhiên cũng tương ứng. Đó chính là một mà ba, ba mà một.

Hai chữ “tương ứng” vô cùng quan trọng. Chúng ta phải luôn nhắc nhở chính mình, thân ngữ ý, khởi tâm động niệm của bạn có tương ứng với Phật hay không? Có giống Phật hay không? Phật không khởi tâm không động niệm, Phật tương ứng với hết thảy chúng sanh, tương ứng với chúng sanh thiện, cũng tương ứng với chúng sanh ác. Hết thảy đều biểu pháp thuận chánh cho họ. Nhìn thấy người thiện thì hoan hỷ học theo. Nhìn thấy người bất thiện thì giúp họ nâng cao cảnh giác, giúp họ sanh tâm hổ thẹn, sanh tâm sám hối.

“Thành thực Bồ-tát vô biên thiện căn”. “Thành thực” tức là sắp làm Phật, công đức viên mãn mới là thành thực. “Thiện căn” là chỉ sự thiện nơi ba nghiệp thân khẩu ý. Thiện căn có hai tầng nghĩa: hết thảy thiện kiên cố chẳng thể lay động gọi là căn; thêm một hàm nghĩa nữa là nó có thể sanh ra diệu quả. Bởi vì đã tu thiện vẫn

có thể sanh ra các điều lành khác, vẫn có thể kết ra diệu quả rất đẹp. Ví dụ như giới có thể sanh định, định có thể sanh tuệ, có phước có thể sanh ánh sáng Bát-nhã. Bởi vì điều thiện dẫn dắt điều thiện, có thể sanh ra điều thiện khác, lại có thể kết trái, cho nên gọi là căn. Thiện căn có ba nghĩa là: sâu chắc, sanh thiện và kết trái.

Vì vậy quả sanh ra nên siêng năng vun trồng, khiến chúng thành thực mới là viên mãn. Cho nên, hết thầy chư thánh trong pháp hội đều đang giúp đỡ mười phương vô lượng vô biên Bồ-tát khác, khiến vô lượng vô biên thiện căn của các ngài được thành thực, khiến được thành tựu viên mãn. Chư Phật Bồ-tát độ chúng sanh mãi cho đến khi bạn viên mãn thành Phật. Ân đức lớn lao của Phật không gì sánh bằng! Có ai biết được? Bạc đại ân đại đức như vậy mà chúng ta luôn khinh thường, luôn lơ là, thường quên mất ngài, nhưng ngài lại không hề quên chúng ta dù chỉ một phút giây, bạn có biết không? Bạn cảm nhận được không?

*“Vô lượng chư Phật hàm cộng hộ niệm”*, vô lượng chư Phật cùng hộ niệm cho các vị đại Bồ-tát trong pháp hội, bảo hộ và ức niệm. Tịnh Ảnh Số nói: *“Hộ niệm chúng ta khiến cho việc ác tự nhiên rời xa, việc thiện tự nhiên tăng trưởng”*. Các Đại sĩ trong pháp hội hộ trì thiện căn của hết thầy Bồ-tát, có được sự hộ niệm của mười phương chư Phật, giúp các ngài tu theo hạnh Phổ Hiền. Chư Phật Bồ-tát bảo hộ chúng ta, chúng ta hộ niệm ai? Chúng ta cầu Phật bảo hộ, cầu Bồ-tát bảo hộ. Cầu như thế nào? Y giáo phụng hành thì sẽ được chư Phật Bồ-tát hộ niệm. Bạn nghe hiểu chưa?

Nội dung của đoạn này chúng tôi diễn đạt như thế này, có thứ tự thì sẽ càng rõ ràng hơn một chút. Vô lượng chư Phật hộ niệm ai? Hộ niệm các vị đại Bồ-tát tham gia pháp hội; các vị đại Bồ-tát tham gia pháp hội hộ niệm ai? Hộ niệm chư Phật Bồ-tát trong mười phương thế giới; chư Phật Bồ-tát trong mười phương thế giới hộ niệm ai? Hộ niệm chúng ta; chúng ta hộ niệm ai? Chúng ta hộ niệm hết thầy ai chân chánh niệm Phật.

### **Thông chư pháp tánh, đạt chúng sanh tướng.**

*Thông các pháp tánh, đạt chúng sanh tướng.*

*“Thông chư pháp tánh”* là chiếu chân, *“đạt chúng sanh tướng”* là đạt tục. Đối với người tu hành chúng ta mà nói phải chiếu chân đạt tục. Vừa phải chiếu được chân thể, lại phải thông đạt tục đế, phải độ chúng sanh. Chúng sanh là tục đế, cho

nên phải “đạt chúng sanh tướng”. Nhưng chỉ độ chúng sanh mà không thể lìa khỏi tướng độ chúng sanh thì sẽ rớt vào trong pháp hữu vi, không thể giúp cho nhiều chúng sanh có được lợi ích thực sự. Những gì chúng ta đạt được chỉ là công đức hữu vi.

Làm thế nào giải quyết vấn đề này? Phải “thông chư pháp tánh”. Pháp tánh chính là thật tướng, chân như, pháp giới, Niết-bàn, thật tế v.v... Danh từ khác nhau nhưng ý nghĩa biểu thị giống nhau, có nghĩa là tự tánh, bản tánh. Về bản chất thì pháp tánh và Phật tánh không có gì khác biệt. Thông thường chúng ta nói Phật tánh là chỉ chúng sanh hữu tình, nói pháp tánh là chỉ chúng sanh vô tình. Pháp tánh thông với hai phương diện hữu tình và vô tình, cho nên nói chúng sanh hữu tình có pháp tánh cũng không hề sai.

Pháp tánh và Phật tánh vốn không khác biệt, chỉ là thói quen sử dụng dẫn đến có khác biệt mà thôi. Khởi Tín Luận chú giải nói: “Pháp tánh nghĩa là...thông với hết thảy pháp làm tánh”. Tức là bản tánh của hết thảy pháp gọi là pháp tánh. Thế nên, bất luận là hữu tình hay vô tình, bản tánh của hết thảy đều là pháp tánh. Theo Đại Thừa Nghĩa Chương và Thành Duy Luận Thuật Ký nói: “Tánh nghĩa là thể, là thể của tất cả pháp cho nên gọi là pháp tánh”. Pháp tánh tức là thật tướng, tức là chân như.

Tông Hoa Nghiêm cho rằng chân như có hai nghĩa: một là bất biến, hai là tùy duyên. Do tùy duyên nên có thể biến thành hết thảy pháp, biến thành đủ loại nội dung; nhưng lại do bất biến nên tùy duyên biến ra đủ loại pháp sai biệt về nhiễm - tịnh, vạn vật hữu tình - vô tình, nhưng bản tánh của nó chẳng mất. Cho nên “thông chư pháp tánh” này tức là phải thông đạt thật tướng “tùy duyên bất biến”.

“Đạt chúng sanh tướng” tức là đã đạt tùy duyên bất biến mà hiển hiện đủ loại tướng sai biệt.

Hội Sớ nói: Bồ-tát có hai thứ trí có thể làm căn bản cho hết thảy tu hành. Một là như lý trí; hai là như lượng trí.

Như lý trí tức là soi thấy bản tánh của các pháp là “không một không khác”, không phải một, cũng chẳng phải khác. Giống như nước, nói nó là “một” nhưng nó lại sanh ra ngàn vạn con sóng khác nhau; nói nó là “khác” nhưng trăm ngàn hình thái sóng bản chất vốn không khác nhau, chỉ là cùng một thể nước mà thôi. Cho nên

trong sai biệt không có sai biệt, trong không sai biệt lại sanh ra vô lượng sai biệt. Tóm lại là không rơi vào hai bên. Cho nên là “không một không khác”, đồng thời cũng là không sanh không diệt. Sóng sanh trong nước, nhưng toàn thể vẫn là nước, cho nên là không sanh; sóng mất đi cũng là quay về bản thể chứ không hề đoạn diệt, cho nên là không diệt. Có thể soi thấy bản tánh của đủ loại các pháp là “không một không khác, không sanh không diệt” thì đó gọi là “thông chư pháp tánh”.

Như lý trí thì giống như trí của bản thể, còn như lượng trí thì có số lượng, có thể soi thấy đủ loại tướng khác nhau thì gọi là như lượng trí. Ví dụ chúng sanh có đủ thứ bệnh, chúng ta cho đủ loại thuốc, nếu như không hiểu rõ bệnh tình của chúng sanh thì không thể kê được phương thuốc đúng bệnh. Hiểu rõ đủ loại chứng bệnh khác nhau của chúng sanh thì mới có thể kê được phương thuốc đúng bệnh, đó chính là như lượng trí, cũng chính là “đạt chúng sanh tướng”, cũng chính là nắm rõ bệnh tình của người bệnh. Thông đạt pháp tánh thì hiểu rõ dược tánh của các loại thuốc mà chúng ta dùng. Nhất định phải đầy đủ hai điều kiện này thì mới có thể trị bệnh cứu người.

### **Liệt ma kiến võng, giải chư triển phục.**

*Xé toạc lưới ma, cởi bỏ các trói buộc.*

“Liệt” là xé, xé toạc. Ở đây là ví dụ, “ma kiến” giống như tấm lưới, cạm bẫy, chúng ta xé rách tấm lưới này.

Ma, trong Đại Trí Độ Luận nói: “Đoạt mất huệ mạng, phá hoại đạo pháp, công đức, thiện bản” gọi là ma. Đoạt huệ mạng của người khác, một người sanh khởi tâm chánh tín, đây là lúc huệ mạng của họ bắt đầu, nhưng bị ma phá hoại.

Tầm quan trọng của huệ mạng còn vượt hơn sanh mạng gấp vạn lần, ma muốn đoạt đi huệ mạng của bạn, phá hoại bạn tu đạo pháp, làm công đức, và gốc rễ của vô số việc thiện của bạn, cho nên gọi là ma.

Chữ hoại ở đây có hai ý nghĩa: Nghĩa thứ nhất là nó có thể đoạt đi pháp thân huệ mạng của chúng ta. Chúng ta có pháp thân huệ mạng, tại sao không thể chứng đắc? Đó là do chướng ngại của ma gây ra. Pháp thân không bị phá hoại, chỉ là bị chướng ngại nên không thể hiện tiền, không thể khiến pháp thân huệ mạng khởi tác dụng. Nghĩa thứ hai là nó có thể phá hoại chúng ta tu đạo, có thể phá hoại công đức

của chúng ta, có thể chướng ngại thiện bản. Thiện bản tức là bản tánh vốn thiện mà thánh hiền xưa nói. Tánh vốn thiện chính là thiện bản được nói ở đây.

“Kiến” có hai nghĩa, nói theo nghĩa rộng thì những gì khởi lên trong tâm phàm phu đều là kiến; nói theo nghĩa hẹp, kiến giải có tính quyết định thì gọi là kiến. Kiến mà mọi người thường nói là chỉ nghĩa hẹp. Bạn có cách nhìn cố định, bạn nhìn thấy thứ gì đều như vậy, giống như đeo một đôi kính vậy. Cách nhìn, cách nghĩ của bạn quyết định, đó gọi là kiến.

Kiến có chánh, tà, hữu, vô, đoạn, thường v.v... đều là tà kiến. Từ câu này chúng ta có thể cảm nhận được tà kiến, chánh kiến đều gọi là tà kiến; hữu kiến, vô kiến, đoạn kiến, thường kiến tất cả đều gọi là tà kiến. Tại sao lại nói như vậy? Bạn có thể tiếp nhận cách nói này hay không? Đạo lý này rất sâu! Bạn sẽ hỏi, rõ ràng là chánh kiến, tại sao lại nói chánh kiến cũng là tà kiến? Chúng ta cùng nghe xem đại sư Lục Tổ Huệ Năng nói như thế nào? “Xưa nay không một vật, chỗ nào dính bụi nhơ”. Tự tánh thanh tịnh, trong tâm cái gì cũng không có thì ở đâu mà có chánh kiến? Nếu như trong tâm của bạn còn có tà kiến chánh kiến, hữu kiến vô kiến, đoạn kiến thường kiến, đoạn kiến là sanh diệt, thường kiến là không sanh không diệt, nếu bạn vẫn còn những thứ này thì tất cả gọi là tà kiến.

Ví dụ như hết thầy phàm phu đều không rời khỏi hai loại thường kiến, đoạn kiến. Có người nói người chết như đèn tắt, cái gì cũng đoạn rồi, không còn nữa, đây gọi là đoạn kiến, đó là sai lầm; chúng ta tu được sanh lên cõi trời, vĩnh viễn không chết, nhục thân này biến thành kim thân, vĩnh viễn không hư hoại, đây gọi là thường kiến, cũng là sai lầm. Hai kiến đoạn và thường này gọi là biên kiến, biên kiến tức là một phương diện mâu thuẫn, đoạn thường là một cặp mâu thuẫn, đoạn ở một bên, thường ở một bên. Phàm phu không rơi vào bên đoạn thì rơi vào bên thường.

Biên kiến là một trong mười loại kiến hoặc, đều là tà kiến. Một người có thành kiến quá sâu, giống như trong cơ thể người mọc ra xương gai vậy, cử động bất tiện, vô cùng có hại, thành kiến như vậy gọi là kiến thích (gai thành kiến). Tà kiến rất nhiều thì gọi là kiến lâm, thân bị hãm trong rừng không dễ gì ra khỏi; đủ loại tà kiến đan xen vào nhau, giống như mạng nhện thì gọi là kiến võng, khiến người khó thoát được, cho nên cũng gọi là tà kiến võng, ma kiến võng.

Tứ vô lượng tâm: từ, bi, hỷ, xả. Xả điều gì? Thứ nhất phải xả kiến. Xả bỏ hết thầy tà kiến, hết thầy phân biệt, đây là “liệt ma kiến võng”.

Người xưa nói “xả thân dễ, xả kiến khó”, phải làm thế nào? Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ có dạy chúng ta một chiêu: nên dừng mãi học theo Đại Thế Chí Bồ-tát, chỉ một câu thánh hiệu, tịnh niệm tiếp nối, niệm mà không niệm, không niệm mà niệm mới có thể thoát khỏi ma kiến võng.

Chúng ta sống trong thời đại động loạn đến cùng cực, hiện nay ma kiến võng lớn biết bao, dày biết bao, chúng ta đều đang ở trong đó, bản thân tự mình thể hội. Trong kinh Hoa Nghiêm có hai câu như sau: “Ngã mạn mà tưới vào thì lưới kiến tăng trưởng”, lưới kiến thêm lớn có nghĩa là gì? Đó là lục đạo càng ngày càng kiên cố, đây không phải là chuyện tốt. Lưới kiến thêm lớn như thế nào? Ngã mạn tưới vào làm cho tăng trưởng. Ngạo mạn, đố kỵ, hoài nghi, đây là gốc của phiền não. Ngã mạn là gốc của sân hận, ngã ái là gốc của tham dục, hoài nghi là gốc của ngu si, đây là ba độc tham sân si.

Chúng ta ở trong ba độc nhưng lại không tự biết; chúng ta ở trong ma kiến võng càng hãm càng sâu nhưng lại không tự biết; chúng ta là người bị hại, cũng đang hại người khác nhưng lại không tự biết. Ba thứ này chúng ta có hay không? Có. Có mà tại sao lại không tự biết? Bởi vì không biết đó là sai, coi thứ không bình thường là bình thường. Để tôi lấy ví dụ:

Ba việc đề bạt cán bộ, tăng lương, phân nhà ở là ba việc lớn khá nhạy cảm của cơ quan chính phủ năm đó, có nên khiêm nhường hay không? Bình thường mà nói phải khiêm nhường. Không bình thường mà nói thì không cần khiêm nhường. Nếu như thật sự có người khiêm nhường, người khác sẽ coi bạn là khác loài, nói bạn đầu óc có vấn đề, nào bị úng nước rồi, nói bạn là kẻ ngây ngô khờ khạo. Người không tranh không cướp bị người khác cho là không có tiền đồ, nhu nhược vô dụng; có thể tranh cướp thì được coi là có bản lĩnh.

Con người sống trong xã hội này cũng giống như uống rượu say vậy, mơ mơ hồ hồ, mê hoặc điên đảo, đi đường xiêu xiêu vẹo vẹo. Họ không cân bằng, đứng cũng không vững, nằm ngồi cũng không yên. Tại sao lại như vậy? Bị ma kiến võng, tà kiến võng trói buộc không thoát thân được. Tại sao kiến võng lại tăng trưởng? Chúng ta có nhận thức như vậy hay không? Kiến võng của con người hiện nay so với kiến võng của con người 60 năm trước, không chỉ tăng trưởng gấp một trăm lần, mà lão pháp sư nói, có thể nói là cả ngàn lần, vạn lần, biên độ tăng trưởng trong hơn nửa thế kỷ thật đáng sợ.

Lấy vài ví dụ trong cuộc sống thường ngày mà chúng ta thấy được, chạm vào được, những ví dụ này có liên quan mật thiết đến mỗi một người trong chúng ta:

- Ví dụ thứ nhất, liên quan đến quảng cáo. Hơn 60 năm trước, tôi hơn mười tuổi chưa từng nghe tới từ quảng cáo, càng không biết quảng cáo là gì. Từ lúc nào mới bắt đầu hưng thịnh trò quảng cáo này, tôi không nhớ thời gian cụ thể. Có bốn việc khiến tôi chú ý. Việc thứ nhất là phim truyền hình trên tivi chèn quảng cáo rất nhiều lần, khiến tôi phản cảm. Không chỉ chiếu đầu phim, chiếu cuối phim, mà trong lúc chiếu phim cũng chèn quảng cáo vào, hơn nữa không chỉ chèn một hai lần mà chèn rất nhiều lần, khiến người xem rất phiền, đây đâu còn gọi là phim truyền hình nhiều tập nữa? Tôi đặt cho nó một cái tên mới, gọi là phim truyền hình ngắt tập. Khoảng một thời gian sau, tình hình có chút thay đổi, có phải là do có người kiến nghị hay không? Tôi cũng không biết.

Chuyện thứ hai là báo chí trở thành công cụ chuyên dùng phát quảng cáo. Tôi vốn có thói quen đọc báo. Ngoài báo ở nơi làm việc, để thuận tiện đọc ở nhà tôi còn đặt thêm hai ba tờ. Tôi nhớ tờ báo vốn có 1 tờ, in bốn mặt, sau đó tăng lên tám mặt, sau đó lại tăng thêm thành mười sáu mặt, về sau... thì không đếm bao nhiêu mặt nữa, không đếm nổi, còn nhiều hơn một cuốn sách. Bạn muốn tìm nội dung mà bạn muốn đọc thì phải lật bao nhiêu lần mới có thể tìm thấy được, giống như mò kim đáy bể vậy, thật tốn công. Từ đó trở đi tôi không đặt báo cũng không xem báo nữa, đến nay cũng hơn 20 năm rồi.

Nhiều năm như vậy, phong khí xã hội bất chánh, nghiêm trọng nhất là con người trong mắt chỉ có tiền, háms lợi. Các ngành nghề, bộ phận đều tìm cách để kiếm được tiền. Anh có thể kiếm tiền thì tôi dựa vào cái gì mà không kiếm tiền? Thế là “tám vị tiên vượt biển, mỗi vị đều triển hiện thần thông”, mặc kệ là ngoại đạo, tà đạo, kiếm được tiền là đạo tốt. Những ngành nào lũng đoạn thị trường thì càng hiện uy thần lớn, độc hại như phân bò cạp, không thể đựng vào. Thế nào mà ông lớn này, ông lớn kia... ông lớn nợ liên tiếp sanh ra. Người ơi, người ơi! Vì sao lại để tiền mê mờ đầu óc như vậy? Thật sự là bi ai vô cùng!

Chuyện thứ ba: quảng cáo nhỏ bay đầy trời, lan tràn thành tai họa, trở thành một tai họa lớn trong xã hội. Mấy năm trước càng nghiêm trọng. Hai năm nay có chút tốt hơn, nhưng vẫn chưa hoàn toàn ngăn chặn. Mọi người thử nghĩ mà xem, nếu



như cứ để quảng cáo nhỏ tiếp tục phát triển lan tràn khắp nơi, thế giới của chúng ta không phải sẽ thật sự trở thành chốn phù hoa hào nhoáng hay sao?

Chuyện thứ tư: người nổi tiếng đại diện thương hiệu quảng cáo lừa người không ít. Không biết từ ngày nào, tháng nào, năm nào thịnh hành phong trào người nổi tiếng đại diện thương hiệu quảng cáo. Trào lưu này phát triển nhanh chóng mạnh mẽ, lớn tới mức tranh lên trước sự lạc hậu. Có giai đoạn, người nổi tiếng quảng cáo rộ trên truyền hình. Người nổi tiếng mà, danh tiếng lớn, ảnh hưởng rộng, người tin tưởng nhiều. Nếu như sản phẩm mà họ đại diện là thật thì còn tốt; nếu như làm quảng cáo giả dối, vậy thì thật sự là hại người nghiêm trọng, trong lương tâm có cảm thấy dễ chịu không? Cho dù bạn kiếm được tiền tới tay, lúc tiêu tiền có cảm thấy an tâm thoải mái không? Đặc biệt là nếu quảng cáo thuốc giả, cho dù không phải là thuốc giả, đem hiệu quả của thuốc đó nói đến mức thần kì như vậy, không phải là đang lừa người hay sao? Bạn không cảm thấy mình đang biến tướng giết người hay sao? Giết người cũng là giết chính mình! Có nhân sẽ có quả, nhân quả nhà Phật nói, đạo lý này bạn hiểu không?

- Ví dụ thứ hai có liên quan tới Internet. Bản thân Internet là trung tính, không có phân biệt tốt xấu, quan trọng là do ai dùng? Dùng như thế nào? Dùng đúng thì lợi nước, lợi dân, lợi chúng sanh; dùng sai thì hại nước, hại dân, hại chúng sanh. Tôi nhớ vào tám đến chín năm về trước, lúc tôi tham gia một hoạt động từng nhắc tới vấn đề này. Tôi công khai hô hào: Ai tới quản mạng Internet này? Mạng Internet tại sao lại lợi hại như vậy, khiến cho người già người trẻ, người lớn, trẻ em đều vướng vào mạng này? Mạng này tại sao lại có sức mê hoặc lớn như vậy? Chúng ta thừa nhận sự tiến bộ và phát triển của khoa học mang lại động lực khiến xã hội loài người tiến về phía trước, giúp cuộc sống của con người vô cùng tiện nghi. Thế nhưng chúng ta nhất thiết không thể lơ là sự phát triển cao độ của khoa học cũng mang lại năng lượng tiêu cực, tác dụng phụ cho loài người.

Tôi nghĩ nói trọng tâm một chút về điện thoại, tôi cảm thấy sự nghiêm trọng của vấn đề. Còn nhớ lúc học cấp hai, lúc đó là khoảng năm 1958 đến 1960, học lớp chính trị, thầy giáo giảng cho chúng tôi nghe chủ nghĩa đế quốc đem hy vọng mất đảng, mất nước ủy thác cho con cháu đời thứ ba, đời thứ tư. Lời thầy giảng bài cách đây hơn 50 năm đến bây giờ còn vang bên tai tôi. Thậm chí biểu cảm và động tác khi thầy giảng bài còn đang hiển hiện trước mắt. Tính thử xem bây giờ chúng ta là

đòi thứ mấy? Là trùng hợp hay là tất yếu? Tôi hỏi chính mình, có phải do tôi quá nhạy cảm không? Đặt nặng vấn đề điện thoại như vậy? Tôi tự trả lời mình rằng, không phải tôi quá nhạy cảm, mà là vấn đề thực sự rất nghiêm trọng. Sáu bảy ngày trước, tức là ngày 17 tháng Sáu tôi đang viết bản thảo bài giảng, có đồng tu trên mạng cầu xin tôi cứu con trai của anh ấy. Con trai anh ấy nghiện mạng Internet, không thể thoát ra được, cũng không nghe phụ huynh khuyên nhủ, vì chuyện này mà phụ huynh rất suy sụp. Hình như tôi thấy anh ấy đang khóc chảy máu mắt. Tôi không trả lời anh ấy, tôi không có cách nào trả lời được, bởi vì chuyện này tôi cũng không giúp được. Nghiện mạng Internet, nghiện dùng điện thoại đã trở thành hiện tượng phổ biến của toàn xã hội. Đây là sự nghiêm trọng của vấn đề.

Còn nhớ chiến tranh thuốc phiện năm 1840, Lâm Tắc Từ tại sao lại muốn thiêu đốt thuốc phiện? Lịch sử trước đây, đã có tấm gương lịch sử trước mắt, đừng quên giai đoạn lịch sử nhục nhã đó. Nhìn lại hiện tại, người già người trẻ, người lớn trẻ nhỏ đều bị vướng vào ma kiến võng, tà kiến võng, không thể thoát thân, tôi thật sự vô cùng đau lòng. Chẳng lẽ dân tộc Trung Hoa chúng ta phải bại dưới tay mạng Internet hay sao? Chẳng lẽ toàn dân chúng ta thật sự sẽ trở thành “dân tộc cúi đầu” sao? Con trẻ nghiện mạng Internet, điện thoại, phụ huynh đang làm gì? Phụ huynh của phụ huynh lại đang làm gì? Có bao nhiêu gia đình ba đời đều làm một chuyện: nghiện mạng internet, chơi điện thoại. Hiện nay đang mê đắm, tương lai là chìm đắm. Tức là chết chìm, bị chìm chết. Ai tới quản mạng Internet này? Ai tới cứu những người đáng thương xót sắp chết chìm này?

- Ví dụ thứ ba có liên quan tới chạy theo người nổi tiếng. Những năm gần đây, trào lưu chạy theo người nổi tiếng rộ lên khắp nơi, chướng khí mù mịt. Con người làm sao vậy? Dây thần kinh nào đi sai đường mà trở nên điên cuồng như vậy? Tôi thật sự rất không hiểu, tại sao lại như vậy? Đều là con người giống nhau, xã hội phân công khác nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, bạn chạy theo người ta làm gì? Liên quan tới việc chạy theo người nổi tiếng, tôi có chút tự mình thể hội. Tôi nằm mơ cũng không ngờ được có ngày mình thành người nổi tiếng; tôi nằm mơ cũng không ngờ được có một ngày tôi trở thành bà lão nổi tiếng được người khác chạy theo, đây đều là chuyện tôi không hề muốn. Tôi đã từng nói với mọi người nhiều lần, tôi là người có tính cách khá hướng nội, tôi thích yên tĩnh, thích không ai biết đến, thích đọc cuốn sách mà tôi thích. Đây là những chuyện tôi muốn làm. Điều tôi muốn không tới, điều mà tôi không muốn thì lại tới, kết quả là thân không tự chủ được, trốn tránh

khắp nơi. Tại sao tôi phải trốn tránh khắp nơi? Bởi vì muốn dành thời gian làm xong chuyện muốn làm. Bây giờ tôi rất khó, khó ở chỗ người muốn gặp tôi quá nhiều, quá nhiều. Tôi đã từng nói rằng là công dân của nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, tôi phải tuân thủ pháp luật, quy chế của đất nước; là một người đảng viên đảng Cộng sản Trung Quốc tôi phải tuân thủ kỷ luật đảng, điều lệ của Đảng; là đệ tử Phật tôi phải y giáo phụng hành. Thứ nhất tôi không muốn tụ tập đông người, thứ hai không muốn nhận tiền tài. Nguyên tắc căn bản này vĩnh viễn sẽ không thay đổi, tôi hy vọng các đồng tu hiểu được và ủng hộ tôi. Tôi khuyên các đồng tu đừng chạy theo tôi, đừng nhất định phải gặp tôi mới được, gặp tôi bạn cũng không khai ngộ được, nghe hiểu kinh Vô Lượng Thọ mà tôi phúc giảng thì bạn sẽ khai ngộ. Nhất định đừng chạy theo tôi, tôi chỉ là một bà lão bình thường người Đông Bắc, đã về hưu có gì tốt đâu mà chạy theo? Tôi là người, không phải là thần, nhất định không nên thần hóa tôi quá.

*Một bà lão vô cùng tầm thường  
Chỉ một ưu điểm là thật thà,  
Ăn ngay nói thật không lòng vòng.  
Chỉ mong bạn có thể nghe hiểu.*

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây. Cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 13

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem kinh văn tiếp theo:

*Giải chư triền phược.*

Triền là quán quanh, giống như sợi dây thừng vậy, quán quanh bạn từng vòng từng vòng. Phược là ràng buộc. Triền phược là trói buộc. Tịnh Ảnh Sớ nói “hết thầy phiền não kết đều là triền phược.” Bồ-tát hóa hiện mười phương, giáo hóa chúng sanh, đoạn dứt phiền não, gọi là “giải chư triền phược”.

Kinh Phật nói có tám triền ba phược.

Tám triền:

*Thứ nhất là vô tâm:* Tâm chính là chúng ta thường nói lương tâm. Người làm việc bất thiện, lương tâm bất an gọi là tâm. Vô tâm tức là làm chuyện xấu mà không cảm thấy lương tâm bất an, thậm chí “lấy sỉ làm vinh”, tục ngữ nói là mặt dày, không biết nhục nhã, thông thường cũng gọi là không có lương tâm.

*Thứ hai là vô quý.* Quý là dư luận bên ngoài. Làm việc không tốt sợ người khác phê bình, sợ người khác chỉ trích, bởi vậy mà không dám làm chuyện xấu. Vô quý tức là không hề để ý đến lời phê bình và khiển trách bên ngoài, vẫn làm chuyện xấu, làm theo ý mình.

Tâm quý chính là liêm sỉ mà người Trung Quốc chúng ta nói đến; vô tâm vô quý tức là không biết liêm sỉ, nói thẳng ra là không biết xấu hổ.

*Thứ ba là đồ kỵ.* Người kiêu này không chịu được khi người khác tốt hơn mình, giỏi hơn mình, tâm đồ kỵ rất nặng. Nói đơn giản tức là muốn trội hơn người khác. Nhìn thấy người khác tốt hơn mình, giỏi hơn mình, trong lòng bất bình, không phục. Người có tâm đồ kỵ mạnh thì thường ngạo mạn, coi thường người khác. Người như vậy có hai tính cách: vô cùng tự phụ, cảm thấy ai cũng không bằng mình; vô cùng tự ti, cảm thấy ai cũng giỏi hơn mình. Người như vậy không biết tùy hỷ công đức, sống rất khổ, rất mệt, rất đáng thương.

*Thứ tư là keo kiệt. Ích kỷ, bủn xỉn, mình có nhưng không muốn giúp người khác.*

*Thứ năm là làm ác. Chính mình biết rõ là việc bất thiện nhưng vẫn làm, hết thầy hành vi bất thiện, không thuận theo lý đều là làm việc ác.*

*Thứ sáu là thù miên. Tức ngủ quá nhiều, tham ngủ.*

*Thứ bảy là trạo cử. Trong lòng nhiều vọng niệm, hồi hộp lo âu, không định được tâm.*

*Thứ tám là hôn trầm. Tinh thần ngán ngơ, không tinh táo, không thể đề khởi tinh thần, đầu óc không có tinh thần, ủ rũ.*

Ba phược tức là ba độc phiền não tham, sân, si, đây là phiền não căn bản. Trọng tâm của tham là tình chấp và ái dục, điều này nghiêm trọng nhất. Trọng tâm của sân là đố kỵ và ngạo mạn. Trọng tâm của si là hoài nghi. Ba phược giống như sợi dây thừng trói chặt lấy chúng ta. Mọi người nghĩ thử xem, chúng ta có tám triền ba phược hay không? E là toàn bộ đều có đủ, không thiếu điều nào, chỉ là khác nhau ít hay nhiều mà thôi.

Chúng ta thật may mắn, gặp được Phật pháp, Phật giúp chúng ta thoát khỏi tám triền ba phược. “Giải” tức là cởi bỏ sự trói buộc và ràng buộc của tám triền ba phược. Thoát là thoát ly luân hồi, thoát ly sanh tử, thoát ly tam giới lục đạo, thoát ly thập pháp giới.

Từ đó thấy được, thứ cần cởi bỏ là nhân duyên của lục đạo luân hồi; thứ cần thoát khỏi là quả báo. Điều quan trọng nhất là làm thế nào để giải trừ nghiệp duyên của chúng ta, đây là giải quyết vấn đề căn bản. Nếu bạn không muốn liễu sanh tử, thoát luân hồi vậy thì vẫn y như cũ. Nếu như một đời này thực sự muốn cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, mà không thực sự hạ công phu thì giống như lời lão pháp sư nói, chập chờn đẩy đưa, vậy thì không có chút tác dụng nào.

Triền phược trong cuộc sống hiện thực nào chỉ có tám triền ba phược? Thật sự quá nhiều. Chúng ta ở trong đó cảm nhận sâu sắc tai hại của nó, mặc dù phiền não nhưng cũng vô cùng bất lực. Để tôi nêu một ví dụ cụ thể:

Theo sự quan sát và thể hội của tôi, điều gì trói buộc con người hiện nay nhất? Nếu như xếp theo thứ tự thì điều gì đứng đầu? Tôi xếp con cái đứng đầu. Con cái là

sự trói buộc lớn nhất của phụ huynh. Không biết lời tôi nói có phải là lời trong lòng mọi người hay không? Hiện nay nuôi một đứa trẻ thật không dễ dàng, để tôi kể chuyện cháu gái tôi, [chuyện người] khác tôi không nói rõ được.

Lúc con dâu tôi mang thai cháu gái thì bị huyết áp cao, nôm nớp lo sợ chín tháng trời, cũng may là không sao, mẹ tròn con vuông. Vốn là phải sanh mổ, sau đó bác sĩ nói có thể sanh thường. Bờ-tát bảo hộ! Đến thế gian này không tự mang theo lương thực, vừa sanh ra đã không có sữa mẹ uống, hoàn toàn uống sữa bột. Lúc sanh ra bụ bẫm, rất dễ thương. Hơn hai mươi ngày sau trở nên gầy nhom, khóc ngày khóc đêm, không tìm ra nguyên nhân. Sau đó mẹ của bạn con trai tôi tới chơi, vừa nhìn liền nói chẳng phải đứa bé bị đói sao? Tôi đưa bình sữa bột đã pha cho chị ấy xem, chị ấy nói, ôi chao, bà nội khờ quá, một tháng nay chị đã cho đứa bé uống nước lọc rồi, không phải muốn đứa bé chết đói sao? Tôi nói, có người bảo tôi không được pha sữa quá đặc, đặc quá sẽ táo bón. Chị ấy nói, nhưng chị pha vậy cũng loãng quá. Pha theo cách mà chị ấy chỉ tôi, ngay hôm đó cháu gái không còn khóc nữa.

Hết thời gian nghỉ thai sản, con dâu tôi phải đi làm, bà ngoại xin về hưu sớm, chuyên tâm chăm cháu ngoại. Đến lúc đi học mầm non, không thể thua ngay ở vạch xuất phát được, phải học trường mầm non tốt. Cũng may, nhờ tôi từng làm việc ở cơ quan tỉnh, nên được như ý nguyện cho học ở trường mầm non đứng thứ hai của tỉnh. Tới lúc học tiểu học, phải có nền tảng tốt, phải tìm trường tốt. Giáo viên chủ nhiệm của một trường tiểu học cũng là giáo viên chủ nhiệm thời tiểu học của con trai và con dâu tôi, quen thân với tôi, quan hệ cá nhân cũng khá tốt. Con trai, con dâu năn nỉ tôi tìm người giáo viên đó, giúp đỡ nhận cháu vào trường. Lúc đó tôi từ chối, tôi nói với chúng, không được tăng thêm phiền phức cho giáo viên. Chẳng những mẹ không liên hệ mà hai con cũng không được phép liên hệ. Con dâu tôi nhờ họ hàng giúp đỡ, lòng vòng cũng đưa con vào học được trường đó. Tới lúc vào cấp hai, có một câu khẩu hiệu là “không thể kém cỏi”. Nhiệm vụ của phụ huynh nặng nề, không những phải tìm trường tốt, còn phải tìm giáo viên tốt. Cũng may, lần rút thăm đó, cháu gái tôi may mắn, rút được trường tốt, cũng rút được giáo viên tốt, thành tích học tập đứng đầu, không để phụ huynh lo lắng. Tới lúc học cấp ba, giai đoạn chạy nước rút sau cùng, nhờ thành tích tốt mà cháu tôi vào được trường chuyên cấp ba. Thành tích học tập vẫn luôn khá ổn định. Thi đại học, phát huy thật thường nên thi rớt. Lúc thi xong, cháu gái gọi điện nói với tôi, nội ơi con thi tệ lắm. Tôi hỏi, tệ tới mức độ nào? Cháu gái nói, tệ tới mức không thể tệ hơn. Tôi nói, tệ thì tệ chứ sao,

trên trời rơi xuống bánh ngon, cũng không thể cứ rơi mãi trên đầu con được, cũng nên đổi người khác chứ.

Cháu gái thi rớt, con dâu tôi suy sụp, nó không chuẩn bị tư tưởng, tâm tư luôn nghĩ tới trường đại học danh giá. Kết quả không lý tưởng nên dằn vặt. Không thi đậu trường đại học danh giá là chuyện xấu sao? Chưa chắc. Cháu gái tôi học trường đại học bình thường nhưng có thành tích tốt, năm thứ hai vào Đảng, năm thứ tư tốt nghiệp, nhờ thành tích ưu tú mà thi đậu nghiên cứu sinh trường đại học Melbourne. Nghe nói, cháu gái tôi là sinh viên đầu tiên ở trường đại học này được đại học Melbourne nhận vào. Điều khiến tôi an ủi đó là cháu gái nói rằng, nội yên tâm đi, sau khi học xong con sẽ về nước. Nói là chuyện tốt nhưng cũng phiền phức. Gia đình bình thường sẽ không có năng lực kinh tế lớn như vậy, gắng gượng vay mượn khắp nơi, cũng rất khó khăn. Cũng may cháu gái tôi là đứa hiểu chuyện, nó biết cha mẹ khó khăn, ăn uống chi tiêu tiết kiệm. Toàn bộ tinh lực đều tập trung vào học tập.

Lại nhìn tiếp đó, con đường tương lai vẫn còn rất dài. Tốt nghiệp nghiên cứu sinh xong còn phải tìm việc, còn phải kết hôn, sanh con. Mọi người nghĩ xem trời buộc đến bao giờ mới được cưới? Tôi nói những chuyện này, mọi người có tự mình cảm nhận không?

Phụ huynh nói chuyện với nhau, chủ đề nói nhiều nhất là con cái, nói tới mức phụ huynh than thở, đau lòng rơi lệ không biết làm sao. Không có người nào khen con mình nghe lời, toàn là [ở trong] thời kỳ phản nghịch, coi cha mẹ như kẻ thù, làm trái ngược ý cha mẹ, nói được ba câu không hợp liền bỏ nhà ra đi, thậm chí còn đánh mắng cha mẹ v.v...

Nói tới trời buộc, nghĩ thử xem có ngày nào mà bạn không bị trời buộc? Có giây phút nào không bị trời buộc? Bạn có thể tìm ra lúc nào không bị trời buộc không? Tìm không thấy. Ví dụ như gia đình, hôn nhân, nợ nần, bệnh khổ, danh, sắc, tài, lợi, đồ kỵ, ngạo mạn, so sánh, sinh ly tử biệt v.v... Có thứ nào không phải là trời buộc?

So với mấy chục năm trước, sự trời buộc hiện nay còn nghiêm trọng hơn rất nhiều so với mấy chục năm trước. Để tôi lấy ví dụ, tấm lưới trời buộc chúng ta mấy chục năm trước còn lọt mắt lưới, tấm lưới bây giờ kín mít không lọt nổi gió, mắt lưới bị dính chặt rồi, con người ở trong đó không thể hô hấp, sẽ chết ngạt trong đó.

Tại sao tấm lưới hiện nay kín mít không lọt nổi gió? Bởi vì dục vọng của con người càng ngày càng nhiều, vĩnh viễn không được thỏa mãn, thật sự là lòng tham không đáy! Dục vọng càng nhiều thì trói buộc càng chặt, thoát khỏi càng khó.

Có phương pháp thoát khỏi lưới ma và giải trừ trói buộc không? Đáp án chắc chắn là có. Chỉ xem bạn tin hay không, chịu dùng hay không? Trước tiên nói phương pháp mà Phật dạy chúng ta. “*Có niệm thì sa lưới ma, vô niệm thì được ra khỏi*”, câu này trong Đại Trí Độ Luận nói. Câu này là nói cho người tu hành, đặc biệt là nói cho đệ tử nhà Phật, vô niệm thì liền kiến tánh.

Trước tiên chúng ta phải làm cho rõ ràng, tại sao chúng ta lại rớt vào lưới ma, bị trói buộc? Bởi vì chúng ta có ý niệm, ý niệm càng nhiều thì sa vào lưới ma càng sâu, càng bị trói buộc hơn. Đó là “*có niệm thì sa lưới ma*”.

Làm thế nào để thoát khỏi lưới ma và giải trừ trói buộc? Chỉ một câu “*vô niệm thì được ra khỏi*”. Câu này là phương pháp thoát khỏi mà đức Phật dạy chúng ta. Người thế nào mới làm được vô niệm? Thấp nhất là Thập trụ Bồ-tát trong cõi Thất Báo Trang Nghiêm. Có đồng tu vừa nghe Thập trụ Bồ-tát liền nhanh chóng nói: tôi là người phạm, không phải Thập trụ Bồ-tát, tôi không làm được vô niệm. Đừng gấp gáp, Phật dạy chúng ta phương pháp, phương pháp này là “*chỉ có tịnh niệm tiếp nối, vô niệm mà niệm, mới được thoát ly*”. “*Vô niệm mà niệm*” là lý nhất tâm bất loạn, đây là công phu cao nhất trong pháp môn niệm Phật vãng sanh Tịnh độ. Vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc không cần cao như vậy, chỉ cần công phu thành phiền là được, đây là sự nhất tâm bất loạn, là có niệm mà niệm. Niệm này chính là A-di-đà Phật, ngoài A-di-đà Phật ra không có niệm nào khác, cũng chính là không tạp niệm, không vọng tưởng.

Chúng ta phải đi con đường này. Ngoài con đường này ra, không có con đường thứ hai có thể đi. Nếu như có người nói còn có phương pháp xảo diệu hơn thì không được tin, đều là giả. Chúng ta phải đi con đường này, chỉ cần bạn chịu tin tưởng con đường này, chịu đi con đường này, hơn nữa kiên quyết đi tới cùng thì con đường này bạn nhất định sẽ đi được thông. Vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, bạn sẽ viên mãn rốt ráo thoát khỏi lưới ma, bạn viên mãn rốt ráo giải thoát khỏi trói buộc.

Con người hiện nay thật khổ, khổ không thể tả. Bị hãm sâu vào lưới ma kiến không thể thoát khỏi, đức Phật chỉ cho chúng ta con đường giải thoát, nhưng chúng ta không tin, không đi!



Chúng ta nói về hôn nhân mà xem, hôn nhân hiện nay không ổn định, tỷ lệ ly hôn ngày càng tăng nhanh, đây là sự thật rõ như ban ngày. Hơn 60 năm về trước, lúc đó tôi mười mấy tuổi, chưa từng nghe qua từ ly hôn. Hiện nay từ ly hôn đã trở thành câu cửa miệng.

Trước đây nghe nói ở nông thôn khó lấy vợ, bởi vì phải có sính lễ, không có được sính lễ thì không thể lấy được vợ. Lại nhìn thành phố hiện nay, lấy vợ cũng rất khó. Gia đình có mức lương bình thường cũng khá khó khăn! Con gái bây giờ tìm đối tượng, thông thường sẽ hỏi bốn vấn đề: “Có nhà chưa, diện tích bao nhiêu? Có xe chưa, hãng nào? Có tiền không, tài khoản tiết kiệm có bao nhiêu? Có ở cùng với cha mẹ không?” Nền tảng của hôn nhân như vậy là gì? Có thể ổn định không? Có thể duy trì được ba đến năm năm thì cũng khá lắm rồi. Không chịu trách nhiệm với chính mình, không chịu trách nhiệm với đối phương, không chịu trách nhiệm với gia đình hai bên. Đặc biệt là khi có con thì đẩy cho cha mẹ già, đúng là khổ cho con cái và cha mẹ.

Gia đình tan vỡ, người bị tổn thương nặng nhất là con cái, tâm hồn nhỏ bé của chúng bị tổn thương, có đứa trẻ còn bị ảnh hưởng cả cuộc đời. Tôi quen một cậu thanh niên, năm nay 27, 28 tuổi rồi, em ấy không tìm đối tượng, không kết hôn, muốn ở một mình cả đời. Tôi hỏi em ấy tại sao? Em ấy nói, con có cảm giác sợ hãi đối với hôn nhân, từ nhỏ nhìn thấy cha mẹ cãi nhau, ly hôn, lớn lên lại thấy chị gái anh rể cãi nhau, ly hôn, con cảm thấy hôn nhân thật đáng sợ nên không dám tiến tới. Hôn nhân có thể hạnh phúc mỹ mãn được hay không? Mấu chốt ở quan điểm hôn nhân của bạn. Ví dụ như điều kiện tìm đối tượng của các cô gái là ngoại hình đẹp trai cao ráo, nhà có tiền, quan điểm hôn nhân như vậy nếu như có hôn nhân hạnh phúc mỹ mãn thì thật là chuyện kỳ lạ.

Thực ra mà nói, lưới ma hay là lưới tà kiến, không phải do người khác kéo bạn vào, mà là bạn tự mình chui vào. Là do ai trói bạn, ai buộc bạn? Không phải người khác, là do chính mình. Cho nên gọi là tự làm tự chịu.

Để tôi kể bạn nghe kinh nghiệm và cảm nhận của tôi:

*Thứ nhất:* tùy duyên làm việc, liệu sức mà làm. Tôi là người không muốn suy nghĩ mọi việc, nói đại khái là chui vào lưới không sâu, bị trói buộc không nặng, nhưng không phải không có. Tôi cảm nhận sâu sắc nhất đó là vào năm 1991. Năm đó tôi làm hai việc: Việc thứ nhất là tiễn con trai tôi đi học tiếng Nga ở Saint

Petersburg; việc thứ hai là quyên tiền giúp năm em nhỏ khó khăn ở Hồ Nam được đi học. Thật tình mà nói trong hai chuyện này, làm một chuyện đối với tôi cũng khó khăn rồi, làm hai chuyện cùng lúc thì không cần nghĩ cũng biết khó khăn nhường nào. Làm hai chuyện này vừa không tùy duyên cũng không liệu sức mà làm. Nếu như hỏi tôi lúc đó nghĩ gì? Hình như tôi chẳng nghĩ gì hết. Nếu như nói không nghĩ một chút nào thì hình như có chút không thực tế, có thể là nghĩ quá đơn giản. Đến khi làm mới thấy thật khó, cũng may lúc đó có con gái tôi giúp đỡ, cuối cùng cũng vượt qua được. Bây giờ nghĩ lại cũng còn sợ, mấy năm đó trôi qua như thế nào. Đó là lần đầu tiên tôi được nếm mùi vị bị sự việc trói buộc là như thế nào, rất giày vò con người. Đó là khó khăn mang lại khi làm việc không tùy duyên, không liệu sức mà làm.

*Thứ hai:* Tâm đồ kỳ mạnh hại chính mình, tâm bất bình và phiền não nhiều. Một người đồng nghiệp cũ của tôi, mấy đứa con đều rất ưu tú. Trong đó có một đứa làm ở Bộ nào đó trong nhà nước, là cán bộ cấp trung, điều kiện về mọi phương diện đều tốt. Nhưng mà cô gái này có tâm đồ kỳ rất mạnh, chỉ cần trong đơn vị có người được đề bạt thăng chức, trong tâm cô liền bất bình, tức giận, thậm chí là cãi cọ. Dần dà lâu ngày bị bệnh trầm cảm nghiêm trọng. Trạng thái của cô ta trực tiếp ảnh hưởng đến gia đình, dẫn đến gia đình tan vỡ. Chuyện tôi kể là người thật việc thật, không phải là chuyện bịa ra. Nhìn xung quanh chúng ta mà xem, người và việc như vậy còn ít hay sao? Người có tâm đồ kỳ mạnh, hại không được người khác mà hại chính mình. Không có niềm vui, không có bạn bè, không có sức khỏe.

Một vị cán bộ trong cơ quan chính phủ, vì muốn được đề bạt thăng chức, tỉ mỉ tính toán, viết một bức thư nặc danh tố cáo đối thủ cạnh tranh của mình, tố cáo tham ô, nhận hối lộ. Bởi vì đang trong thời khắc mấu chốt đề bạt cán bộ, có người tố cáo người này, vậy thì chắc chắn phải tạm thời dừng lại, phải đợi điều tra. Kết quả điều tra cho thấy nội dung bức thư là giả, là vu khống. Người viết thư tố cáo bị điều tra ra, nhân phẩm như vậy liệu có thể được đề bạt không? Bị đi xuống năm sáu năm không ngóc lên được. Là do ai hại? Do chính mình hại, bị tâm đồ kỳ hại.

*Thứ ba:* Chuyện gì đến cũng bình tĩnh,坦然 đối mặt với bệnh khổ. Trải nghiệm của những năm này, cá nhân tôi có thể hội: ải bệnh khổ còn khó qua hơn ải sanh tử. Tại sao có người bình thường công phu niệm Phật xem chừng cũng khá, đến sau cùng lại thoái tâm, nguyên nhân là gì? Thứ nhất là không qua được cửa ải bệnh

khổ, thứ hai là không qua được cửa ải sanh tử. Hai cửa ải này tôi đều từng trải qua. Hai cửa ải này đích thực khó qua. Rất nhiều người không chịu được sự giày vò của bệnh khổ mà từ bỏ tín niệm niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, đánh mất cơ duyên quý báu vãng sanh Tịnh độ, vô cùng đáng tiếc!

Tôi nhớ vào năm 2000 tôi bệnh nặng, bệnh tình nguy kịch, vừa phải đối mặt với sự giày vò của bệnh tật, lại phải lúc nào cũng đối mặt với cái chết cận kề. Lúc đó tôi không có lối thoát, không có đường lùi, chỉ có đường chết. Cũng có thể bởi vì như vậy đã khiến tôi quyết một lòng đối mặt với bệnh khổ và cái chết. Có khi sự việc lại thật sự không thể nghĩ bàn, bạn thật sự buông xuống bệnh tật, thật sự buông xuống sanh tử thì bệnh tật và cái chết lại lui đi. Tôi chính là một ví dụ có thật. Chuyện gì đến cũng bình tĩnh, thản nhiên đối mặt, hết thủy tùy duyên.

“Hết thủy pháp từ tâm tướng sanh”, bạn nghĩ bệnh liền bệnh, nghĩ đau liền đau, nghĩ chết liền chết, tại sao bạn không nghĩ tới A-di-đà Phật? Bạn sợ hãi bệnh khổ, sợ hãi cái chết thì có tác dụng gì đâu? Phát đại tâm, phát đại nguyện, buông xả túi da thối này, cứ kệ nó đau, cứ để nó chết! Chân ngã là vĩnh viễn tồn tại, là không sanh không diệt. Hiểu rõ chân tướng này bạn còn sợ đau, còn sợ chết hay sao? Hiểu rõ nghiệp này thì bạn liền về nhà rồi.

*Thứ tư:* Trói buộc khó cởi nhất là tình thân, thứ hoàn toàn ảnh hưởng tới việc lớn vãng sanh là tình thân. Mỗi người chúng ta đều từng đối mặt với sinh ly tử biệt, hoặc là đang đối mặt, hoặc là sắp đối mặt với sinh ly tử biệt. Tình thân khó buông xuống, ái biệt ly khổ, đây là một trong tám khổ. Ngày 21 tháng 5 năm 2019 là ngày chồng tôi vãng sanh, 10 giờ 7 phút sáng tôi đứt nước cho chồng tôi, đột nhiên phát hiện ánh mắt chồng tôi nhìn tôi hoàn toàn khác trước, ôn nhu, luyến tiếc, không nở, mắt chớp chớp nhìn chăm chăm tôi, hình như còn muốn đưa tay ra sờ khuôn mặt tôi. Tôi vừa thấy liền nghĩ, hỏng rồi, vướng vào tình thân rồi, ngay lúc đó tôi đứt khoát, từ sau lúc 10 giờ 7 phút đứt nước xong cho tới lúc 12 giờ 28 phút vãng sanh, tôi không còn xuất hiện bên cạnh ông ấy nữa. Lúc ông ấy ra đi, con trai tôi không ở bên cạnh, con gái cũng không ở bên cạnh, tôi cũng không ở bên cạnh. Theo cách nhìn của thế tục, hình như có chút vô tình vô nghĩa. Nhưng mà tôi không hề hối hận với quyết định của mình. Tôi biết tôi không có năng lực giữ lại tánh mạng cho ông ấy, nhưng tôi có năng lực giữ được huệ mạng của ông ấy. Tôi không thể vì chuyện nhỏ mà để mất chuyện lớn, để tình thân chôn vùi pháp thân huệ mạng của ông ấy. Có

người không hiểu cách làm của tôi, nói tôi đối xử với chồng vô tình vô nghĩa. Sai rồi! Tất cả những gì tôi làm, đưa ra quyết định có vẻ bất cận nhân tình như vậy, đó là tấm lòng chân tình, thật nghĩa của tôi dành cho chồng mình. Tôi chỉ có một suy nghĩ, đó là chặt đứt sự trói buộc của tình thân, loại trừ hết thảy sự quấy nhiễu, nhất định đảm bảo chồng tôi thuận lợi vãng sanh Tây Phương. Tôi đã làm được!

Về vấn đề này nhất định phải xử lý thật nghiêm túc, không được có chút lơ là chủ quan. Bởi vì vãng sanh, một người một đời chỉ có cơ hội một lần, nhất định, nhất định phải nắm chắc. Tuyệt đối không được để tình thân ảnh hưởng việc lớn vãng sanh.

Nói tới vãng sanh, nhân cơ hội ngày hôm nay, tôi đem một số kinh nghiệm, bài học, những điều cần lưu ý liên quan đến việc tiễn người vãng sanh mà tôi từng tham dự ra chia sẻ giao lưu đúng sự thật với các đồng tu, để mọi người tham khảo. Chỉ để tham khảo mà thôi.

*Thứ nhất*, nếu như điều kiện cho phép, có thể vãng sanh ở nhà thì đừng đưa đến bệnh viện; nếu như nhất định phải đưa tới bệnh viện, tuyến phòng ngự cuối cùng dù thế nào cũng không thể bị phá vỡ, đó là không thể cấp cứu, không được đưa vào phòng chăm sóc tích cực. Cấp cứu chính là chịu hình phạt địa ngục, thật quá tàn nhẫn. Họ đau khổ vạn phần nhưng không thể nói ra, họ chỉ có thể sân hận, bạn nói xem họ sẽ đi về đâu?

*Thứ hai*, mời ban trợ niệm chỉ mời một nhóm, không thể mời hai nhóm. Tại sao vậy? Hai nhóm người thường không phục lẫn nhau, [người mất] ra đi tốt lành thì tranh công; ra đi không tốt thì đổ trách nhiệm cho nhau, nghiêm trọng hơn còn công kích lẫn nhau, bất lợi đối với sự hòa hợp. Ngoài ra phải mời ban trợ niệm tu cùng một pháp môn, bởi vì pháp môn khác nhau, phương pháp phương thức trợ niệm vãng sanh cũng khác nhau. Chọn người tu cùng một pháp môn tới trợ niệm vãng sanh, càng khế cơ, càng tiện lợi hơn.

*Thứ ba*, thời gian ban trợ niệm tiến hành phải thích hợp, tốt nhất là ba ngày, năm đến bảy ngày cũng được. Nếu như thời gian dài hơn thì không thích hợp. Nếu như trợ niệm một tháng, hai mươi ngày, người thân và ban trợ niệm đều mệt mỏi không chịu nổi, từ đó sẽ sanh ra tâm lý chán nản. Làm thế nào để nắm bắt được thời gian tiến hành? Đây là một vấn đề khó.

Có vài tình huống như sau:

Thứ nhất là [đối với người] biết trước thời gian, nắm chắc vãng sanh, không cần trợ niệm, đây là tình huống lý tưởng nhất. Lão Bồ-tát Lưu Tố Thanh, lão Bồ-tát Lưu Minh Hoa đều thuộc trường hợp này. Biết trước thời gian, tự tại vãng sanh, không cần trợ niệm. Vậy thì tại sao lại trợ niệm? Câu trả lời của lão Bồ-tát Lưu Tố Thanh là: “Tôi không cần trợ niệm, chớp mắt liền rời đi, đi theo đức Phật. Nhưng vì độ chúng sanh, cho nên nói vẫn phải làm theo hình thức này”, cho nên hai vị lão Bồ-tát, một người trợ niệm năm ngày, một người trợ niệm ba ngày. Hình thức để độ chúng sanh mà thôi!

Thứ hai là người không biết trước thời gian, nhưng bên cạnh có người biết rõ, biết nhìn, có thể đoán ra đại khái. Ví dụ như một số người lớn tuổi, kinh nghiệm của họ nhiều, cũng có kinh nghiệm về phương diện này thì có thể tham khảo.

Thứ ba là người quay trở lại nhiều lần, nhìn thì có vẻ sắp đi rồi nhưng một lát sau thì quay trở lại. Có bốn nguyên nhân, thứ nhất là tham luyến cuộc đời này, không muốn đi; thứ hai là không buông xuống được, có vướng mắc, đặc biệt là bị tình thân trói buộc; thứ ba là oan gia trái chủ tới đòi nợ bám lấy không buông; thứ tư là người thân và ban trợ niệm có ý niệm không tốt, gấp gáp cầu mong thành tựu v.v... nguyên nhân rất nhiều. Tiền người vãng sanh phải toàn tâm toàn lực, tâm chân thành vô cùng quan trọng. Nếu như ý kiến của người trong gia đình và ban trợ niệm không thống nhất, phải tôn trọng ý kiến của người nhà. Nếu như cho rằng không như lý không như pháp thì ban trợ niệm có thể rời đi.

Thứ tư là lúc lâm chung, bất kỳ nghi thức gì cũng không dùng đến, đạo lý lớn thường đơn giản. Nếu như tu Tịnh độ thì không tụng kinh, không trì chú, một câu Phật hiệu niệm đến cùng, hơn nữa phải niệm bốn chữ. Càng đơn giản thì sức mạnh càng lớn, thọ dụng càng lớn. Không trọng hình thức, chỉ trọng thực chất, tâm tịnh thì cõi Phật tịnh. Muốn tụng kinh Địa Tạng, kinh A-di-đà thì đợi sau khi vãng sanh bảy ngày hãy tụng. Nếu như thật sự vãng sanh, tụng kinh Địa Tạng có thể tăng phước cho họ, nâng cao phẩm vị của họ; nếu như không vãng sanh có thể giúp họ tiêu trừ đau khổ.

Thứ năm là bệnh nặng, bệnh nguy cấp, lúc lâm chung người thân quyến thuộc, bạn bè thân thích không được thăm hỏi, sau khi vãng sanh 14 tiếng đồng hồ thì cho phép thăm hỏi. Trong 14 tiếng đồng hồ này không được khóc lóc, không được phép

chạm vào thân thể người mất, đến giường cũng không được phép chạm vào. Có thể nhìn tình hình cụ thể lúc đó, sau 14 tiếng mới tắm rửa, thay quần áo xong có thể đưa tới nhà tang lễ. Nếu như điều kiện cho phép thì ở nhà niệm Phật ba ngày cũng được. Tiền người vãng sanh phải tiến hành có thứ tự, do người chủ pháp thống nhất chỉ đạo, không được nhiều người chỉ đạo. Trong ban trợ niệm có một người thật sự tu hành đắc đạo, thì người mất được lợi ích thật sự. *Không khai thị*, nếu nhất định phải khai thị thì nói ngắn gọn đơn giản, không được rườm rà dài dòng văn chương. *Không khai quang*, không cần khai quang quang tự khai, ai có thể khai quang cho Phật đây. Điền đảo gốc ngọn bao nhiêu kiếp, ngày nay hiểu lý phải sửa đổi. *Không thăm dò thân thể*, nếu nhất định phải thăm dò thì đợi 14 tiếng sau.

Thứ sáu, lúc nào thì nhịn ăn? Phải thuận theo tự nhiên, không thể gượng ép sắp xếp. Nhịn ăn là quá trình thanh lọc cơ thể cuối cùng, thông thường đều có quá trình này, cũng có một số trường hợp đặc biệt ngoại lệ, tình huống khác nhau. Ví dụ như chồng của cư sĩ Điêu, lão Tề nhịn ăn 13 ngày, chỉ uống nước lọc; chị gái Lưu Tố Thanh của tôi nhịn ăn 4 ngày, chỉ uống nước lọc; lão Bồ-tát Đồng Thụ Trân nhịn ăn 40 ngày, chỉ uống nước lọc, thật đúng là kỳ tích; chồng của tôi Lưu Minh Hoa, trước hôm vãng sanh một ngày buổi trưa chỉ ăn nửa chén cháo, ông ấy cũng coi như không nhịn ăn. Sau khi mấy vị này vãng sanh đều rất sạch sẽ, gọn gàng, không tiêu tiểu gì nữa.

Thứ bảy, trợ niệm sau khi vãng sanh, không thể ít hơn 8 tiếng đồng hồ, niệm 12 tiếng, 14 tiếng thì tương đối bảo đảm. Thần thức đã rời khỏi thân thể; nếu như niệm 24 tiếng, niệm ba ngày, đương nhiên càng tốt. Chuyện này phải căn cứ theo tình hình thực tế. Lúc trợ niệm tốt nhất là che mặt người mất lại, mục đích là không để người trợ niệm bị phân tán sự chú ý.

Thứ tám, nhớ kỹ ba điều tốt nhất. Điều thứ nhất là 49 ngày sau khi vãng sanh là khoảng thời gian chúng ta giúp đỡ vong linh tốt nhất, nhất định phải nắm chắc khoảng thời gian tốt nhất này, chỉ có 49 ngày! Không được đánh mất cơ hội, mất rồi sẽ không gặp lại nữa. Điều thứ hai là 49 ngày sau khi vãng sanh, niệm Phật hồi hướng cho vong linh là phương pháp tốt nhất để chúng ta giúp đỡ người mất. Đặc biệt là trong bảy ngày đầu tiên, nhất định không được xen tạp chuyện gì khác, chỉ thật thà niệm bốn chữ A-di-đà Phật thì công lực mạnh nhất, nhận được lợi ích lớn nhất. Tụng kinh, trì chú hay những việc khác đều kém hơn câu Phật hiệu A-di-đà

Phật. Có người thích đi nghe ngóng hỏi han xem người mất vãng sanh về nơi nào? Đây là cách làm ngu ngốc, không thích hợp nhất, đúng là không lo việc chính. Cách làm như vậy không giúp người vãng sanh chút nào. Chỉ có những người con, người cháu bất hiếu mới làm như vậy! Nếu là con hiền cháu thảo thật sự thì nhất định trong 49 ngày này phải thật thà niệm Phật, giúp đỡ người vãng sanh được nâng cao phẩm vị, hoặc là giúp người vãng sanh tiêu trừ nghiệp chướng, tăng phước sanh vào cõi lành. Đây là việc chính. Điều thứ ba là niệm Phật 49 ngày hồi hướng cho người mất cũng là cơ duyên tốt nhất để chúng ta tu phước tu tuệ, tích lũy công đức. Giúp người khác cũng là giúp chính mình, toàn bộ vũ trụ là một thể.

Thứ chín, một niệm vãng sanh lúc lâm chung cần phải có những điều kiện nào? Đại đức xưa giảng rất rõ ràng, một niệm vãng sanh lúc lâm chung ít nhất phải cần ba điều kiện. Thứ nhất là lúc lâm chung phải rõ ràng, không được mê hoặc. Lúc lâm chung mà mê hoặc thì sẽ không niệm Phật, có người nhắc nhở cũng rất khó tiếp nhận. Thứ hai là thời khắc mấu chốt có thể gặp được thiện tri thức nhắc nhở hay không, mau chóng niệm A-di-đà Phật, cầu sanh Tịnh độ, buông xuống vạn duyên. Thứ ba, có người vừa được nhắc nhở ngay lập tức tiếp nhận, ngay lập tức xoay chuyển ý niệm, đối với thế giới Ta-bà này không còn chút tham luyến nào, nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh độ. Chắc chắn nhất đó là công phu niệm Phật của chính mình thành phiến, đạt được sự nhất tâm bất loạn, có thể làm chủ chính mình, nắm chắc niệm Phật vãng sanh, không cần trợ niệm. Không phải lão hòa thượng Hải Hiền là tấm gương tốt nhất đó sao? Chính mình không làm chủ được, dựa vào ai cũng không chắc chắn.

Thứ mười, sau khi người mất vãng sanh mọi việc nên làm đơn giản, không nên bày vẽ rình rang, không phô trương lãng phí, không làm hoành tráng. Nhớ kỹ: nhất định không được sát sanh, phải dùng đồ chay hoặc đồ chay là chính; nhất định không được nhân cơ hội này để vợ vét, thu nhận tiền bạc, khiến người vãng sanh phải mang nợ, thật sự là hành vi đại bất hiếu.

Mười một, làm thế nào để ấn chứng người mất thật sự vãng sanh thế giới Cực Lạc? Điều đầu tiên chắc chắn nhất là biết trước thời gian ra đi, tự mình nói ra: Phật đến đón tôi rồi, tôi phải đi theo Phật. Có người không nói ra nổi nhưng thể hiện bằng động tác. Như vậy chắc chắn không sai, nhất định vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Những điều khác như thân thể mềm mại, đỉnh đầu ấm, có tướng lành, hỏa

thieu có xá lợi v.v... thì cho thấy qua đời rất tốt, đến ba đường thiện, có vãng sanh thế giới Cực Lạc hay không? Có thể có, nhưng chúng ta cũng không thể dựa vào đó để xác nhận vãng sanh thế giới Cực Lạc. Sáng sớm hôm nay lúc xem tài liệu tôi nghĩ ra hai mươi câu thế này, chia sẻ với mọi người một chút:

*“Trên mạng truyền nhiều lời  
Bạn phải biết lựa chọn  
Thế nào là tiêu chuẩn  
Lợi ích với hòa hợp  
Y pháp bất y nhân  
Nhất định phải nhớ kỹ  
Cẩn ngôn lại thận hành  
Đừng xen tạp lung tung  
Giữ gìn thân khẩu ý  
Nhất định đừng phạm lỗi  
Nhân quả phải tự gánh  
Tam đồ đang đợi mình  
Địa ngục không dễ thoát  
Đừng nên nhảy vào đó  
Tự làm phải tự chịu  
Phật cũng không giúp được  
Đều là lời nói thật  
Bạn nên nghe khuyên bảo  
Vách núi mau ghìm ngựa  
Cứu lấy chính mình đi!”*

Hai mươi câu này không nằm trong nội dung giảng bài hôm nay của tôi, mà là vào tám giờ mười lăm phút sáng nay lúc tôi xem tài liệu thì nảy ra hai mươi câu như vậy, tôi cảm thấy có thể mang lại gợi ý và giúp đỡ cho các đồng tu nên đem ra chia sẻ cùng mọi người.

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!



## TẬP 14

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem hai câu kinh văn tiếp theo:

**Thiện lập phương tiện, hiển thị Tam thừa.**

*Khéo lập phương tiện, hiển thị Tam thừa.*

Thiện là thiện xảo, vô cùng xảo diệu. Tâm địa tự tánh thanh tịnh, chẳng lập một pháp. Năm xưa Phật còn tại thế, lập nên pháp Tam thừa. Tam thừa là Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ-tát thừa. Tam thừa là tùy thuận chúng sanh mà lập ra, trong quan niệm của Phật không có điều này, không những không có tam thừa, mà nhất thừa cũng không có. Có nhất thừa cũng là sai lầm.

Vậy thì tại sao lại có thuyết nhất thừa, tam thừa? Đó là vì nhu cầu giáo hóa chúng sanh, chúng sanh có cảm, Phật Bồ-tát tự nhiên có ứng.

Chúng ta nên nhận thức như thế này, pháp nhất thừa lập ra để đối lập với pháp tam thừa, nhất định không được chấp trước. Nếu bạn thật sự chấp trước có nhất thừa có tam thừa, vậy thì sai rồi, đó là vọng tưởng, phân biệt. Các vị Bồ-tát trong hết thủy cõi nước chư Phật đều tùy duyên độ chúng, nên dùng thân nào để độ chúng sanh thì Bồ-tát hiện thân đó độ thoát.

Sách Pháp Hoa Nghĩa Sớ giải thích về phương tiện như sau: “Phương tiện là tên của thiện xảo, thiện xảo là ứng dụng của trí”. Phương tiện là tên của thiện xảo. Bình thường chúng ta hay nói hai từ này cùng nhau là phương tiện thiện xảo. Ví dụ như người nào đó giỏi thuyết pháp, có thể dùng phương pháp xảo diệu cứu độ chúng sanh, thì gọi là thiện xảo. Nói rõ hơn một chút, thiện xảo là ứng dụng của trí tuệ. Tác dụng hiển hiện ra từ bản thể trí tuệ gọi là phương tiện.

Kinh Duy-ma-cật nói như sau: “Bát-nhã ba-la-mật là mẹ của Bồ-tát, phương tiện được xem là cha”. Chúng ta xem đại trí tuệ là gốc, theo đó mà lập ra pháp môn, ứng cơ thuyết pháp, tùy duyên cứu độ, đây là phương tiện. Phương tiện rất quan trọng, là cha của chúng sanh.

Hội Sớ nói phương tiện có hai loại:

*Loại thứ nhất là: “Hiểu sâu về Không mà chẳng chấp tướng thọ chứng”.*

Câu này có hai cách lý giải:

Đầu tiên là có lý giải sâu sắc về Không, chẳng phải lý giải và giải thích nông cạn, mà là đạt đến cảnh giới liễu đạt, khai giải đối với Không. Hay nói cách khác, đối với Không đã đạt đến mức độ hiểu sâu nghĩa thú. Nói rõ hơn một chút là triệt để thông đạt đối với Không.

Thứ hai là chẳng chấp tướng Không, cũng chẳng chứng Không. Đây là chỗ cao minh. Tại sao có đôn pháp, có tiệm pháp? Tại sao chúng ta đem đôn pháp tu thành tiệm pháp? Là bởi vì những chuyện vướng mắc của chúng ta quá nhiều, vừa chấp tướng, vừa chấp chứng, cũng giống như người đi trên đường, đi rồi dừng, dừng rồi lại đi, chấp tướng rồi; chấp chứng thì nhất định phải dừng lại, cho nên bị chậm. Người cao minh, người có trí tuệ thì tin tưởng lời Phật nói, cho nên đối với hết thảy đều không chấp chứng, thẳng tới A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Chuyện này là thế nào? Nói thẳng ra là đi đường tắt. Ví dụ như bạn đi thang máy, giữa đường không ngừng, thẳng tới tầng cao nhất tầng thứ 200 của tòa nhà cao chọc trời, đây là thẳng tới Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại ví như chúng ta đi máy bay, có bay thẳng, có trung chuyển, bạn chọn loại nào?

*Loại thứ hai là: do diệu lý thật tướng cực sâu, cực diệu, trình độ chúng sanh quá thấp, không cách nào tin tưởng và tiếp nhận, cho nên dùng phương pháp phương tiện thiện xảo để dạy dỗ khuyến bảo.*

Để tôi kể cho mọi người nghe câu chuyện về Ngư Lam Quán Âm:

Có một thiếu nữ vô cùng xinh đẹp, tay cầm giỏ trúc, trong giỏ trúc có một con cá, người này là do Quán Âm Bồ-tát hóa hiện ra, gọi là Ngư Lam Quán Âm. Có một thôn chài nhỏ làm nghề đánh cá mưu sinh, một hôm thiếu nữ xinh đẹp này tới thôn, cùng ngư dân đánh cá. Rất nhiều thanh thiếu niên cầu hôn cô gái. Cô gái nói: nhiều người như vậy ta biết gả cho ai? Mọi người hãy mang quyển Tâm kinh này về đọc, ngày mai ai có thể đọc thuộc thì ta sẽ gả cho người đó. Ngày thứ hai, có rất nhiều người học thuộc được, thế là cô gái đưa phẩm Phở Môn cho những người đã thuộc Tâm Kinh. Cô nói: ba ngày sau ai có thể thuộc phẩm Phở Môn thì ta sẽ gả cho người ấy. Ba ngày sau, có bảy người đọc thuộc được phẩm Phở Môn, đương nhiên vẫn chưa được. Thế là cô gái lại đưa cho bảy người cuốn kinh Pháp Hoa. Mấy ngày sau

chỉ có một người thuộc đợc, thiếu nữ giữ lời gả cho người đó. Người thanh niên này họ Mã, hai người liền kết hôn. Đêm động phòng hoa chúc, đang tiệc chúc mừng, tân nương cảm thấy không thoải mái, trong phút chốc liền qua đời. Mọi người rất đau buồn. Một năm sau có một vị hòa thượng tới thôn, nghe mọi người bàn tán câu chuyện này, hòa thượng nói, sao mọi người lại ngu ngốc như vậy, đó là Quán Thế Âm Bồ-tát tới cứu độ các người. Chỗ các người có nạn, Quán Thế Âm Bồ-tát tới dạy các người đọc kinh tiêu tai! Mọi người không tin lời hòa thượng nói, bèn đào mộ mở quan tài khám nghiệm. Vừa mở ra liền thấy quan tài trống không, lúc này mọi người mới tin rằng lời hòa thượng nói là thật. Từ đó câu chuyện vợ chàng họ Mã là Ngu Lam Quán Âm đợc lưu truyền ra ngoài.

Sự dẫn dụ này, thiện xảo nhất không gì qua đợc Quán Thế Âm Bồ-tát, trước tiên dùng dục vọng để dẫn dụ, sau đó khiến nhập chánh đạo. Thứ chúng sanh muốn là dục, dùng đó để dẫn dụ chúng sanh, đây là phương tiện. Mục đích cuối cùng là hy vọng mọi người nhập chánh đạo.

Đức phương tiện vô cùng rộng lớn, đối với người vốn không thể tin thọ khiến họ tin thọ, khiến người vốn không đợc cứu độ đợc cứu độ, đây là hiển lộ đại từ bi, đại trí tuệ đến cực điểm. Nếu như không có đại bi thì sẽ không chịu dụng tâm như vậy; nếu như không có đại trí tuệ thì không thể bày ra phương pháp tùy căn cơ mà giáo hóa. Cho nên phương tiện là cha của Bồ-tát. Dùng đủ loại sự dẫn dụ để khiến chúng sanh ngộ dần mà đắc độ, đây gọi là “thiện lập phương tiện”, thiện xảo tạo ra phương pháp phương tiện độ chúng sanh.

“*Hiện thị tam thừa*”. Tam thừa chính là La-hán thừa, Bích-chi Phật thừa, Bồ-tát thừa. Phẩm Thí Dụ trong kinh Pháp Hoa nói: Như Lai có thể cho hết thảy chúng sanh pháp nhất Phật thừa, pháp mà tương lai đều thành Phật, nhưng không phải hết thảy chúng sanh đều có thể tiếp nhận. Cho nên nói đến Pháp Hoa, Phật thuyết pháp 49 năm bồi dưỡng giáo dục, sau cùng vẫn có 5.000 người rời khỏi hội, không thể tin nhận. Do đó, chư Phật nhờ vào lực phương tiện này, một cái nhất Phật thừa nói thành tam thừa, có La-hán, Bích-chi Phật, Bồ-tát.

Ví dụ về ngôi nhà cháy trong kinh Pháp Hoa: có một vị đại trưởng giả nhìn thấy các con trai của mình đang ở trong ngôi nhà cháy, liền nói với chúng lửa sắp thiêu thân rồi, các con mau chạy ra! Nhưng mà các con ham chơi, không chịu chạy ra. Trưởng giả nghĩ ra biện pháp phương tiện, nói rằng ngoài đây có xe dê, xe nai,

xe trâu, rất vui, các con mau ra đây đi! Những đứa trẻ liền chạy ra xem mới không bị chết cháy trong nhà. Ông cho chúng điều gì? Thứ cho chúng là mỗi đứa đều được một chiếc xe trâu trắng lớn, vượt ngoài sự tưởng tượng của chúng, ai cũng được cưỡi xe trâu trắng lớn, đều thành Phật, đây là hàm nghĩa của “thiện lập phương tiện, hiển thị tam thừa”.

Các vị Bồ-tát tại gia xuất gia đều có đủ thánh đức như vậy, đến tham gia pháp hội kinh Vô Lượng Thọ, nghe Thích-ca Mâu-ni Phật thuyết kinh Vô Lượng Thọ, do đó mà chúng ta phải biết trân trọng bộ kinh này.

Chúng ta học Phật là học điều gì? Chính là học Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chánh giác là A-la-hán, Chánh đẳng Chánh giác là Bồ-tát, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là thành Phật. Cho nên Phật, Bồ-tát, A-la-hán là danh xưng của ba học vị, mỗi người đều có thể lấy được. Điều kiện gì để có thể lấy được? Đó là A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nếu bạn chỉ có Tam-bồ-đề, học vị mà bạn lấy được là A-la-hán, Bích-chi Phật; nếu như là Tam-miệu Tam-bồ-đề, chánh đẳng chánh giác, thì đó là Bồ-tát; nếu như thêm vô thượng, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đây là Phật, học vị cao nhất, không còn học vị nào cao hơn nữa. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ sự thật này, lấy được ba học vị này không hề liên quan tới việc bạn đọc bao nhiêu kinh điển, lạy Phật bao nhiêu lạy. Vậy liên quan tới điều gì? Liên quan đến câu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Bạn có được quả vị thế nào, hoàn toàn đều ở trong câu nói này.

Cho nên tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn đều là vì một câu này, hơn nữa toàn bộ đều có thể chứng đắc, thực sự là pháp môn bình đẳng, không có cao thấp. Kinh Thánh của đạo Ki-tô có được không? Được! Kinh Koran của đạo Hồi có được không? Được! Chỉ cần “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”, “đọc sách ngàn lần, nghĩa kia tự hiểu” thì đều có thể khai ngộ, không chỉ là tám vạn bốn ngàn pháp môn trong đạo Phật. Cho nên, sau Phật giáo còn có vô lượng pháp môn, bao hàm hết cả pháp thế gian, không có pháp nào không thể đạt tới cảnh giới này. Nhà Phật thường nói Phật pháp vô biên, không có biên giới, có pháp nào không phải là Phật pháp chứ? Đại đức trong Tông môn thường hỏi: bạn biết không? Biết thì thấy đều là Phật pháp; không biết thì không có pháp nào là Phật pháp, kinh Vô Lượng Thọ cũng không phải là Phật pháp. Cho nên có thể điều phục chúng sanh

khiến cho họ quy hướng chúng đấng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề thì gọi là phương tiện.

Giáo hóa chúng sanh không có phương pháp nhất định, ý niệm của chúng sanh thường xuyên thay đổi, phương pháp của Bồ-tát cũng theo đó mà thay đổi. Dù thay đổi thế nào cũng không vượt khỏi phương tiện thiện xảo của các ngài, diệu pháp này gọi là diệu huệ.

Lão hòa thượng Hải Hiền nói với chúng ta: A-di-đà Phật, chư Phật Như Lai có phương tiện xảo diệu, xảo diệu đến cực điểm, giúp chúng ta trong một đời này khế nhập cảnh giới, phương tiện thiện xảo này chính là câu Phật hiệu A-di-đà Phật. Câu Phật hiệu này là gì? Câu Phật hiệu này là hết thấy pháp, hết thấy pháp viên mãn, không bỏ sót pháp nào, vi diệu tột cùng! Hết thấy chư Phật, hết thấy danh hiệu chư Phật, hết thấy công đức viên mãn rớt ráo mà chư Phật tu chứng đều ở trong câu Phật hiệu này.

Mời xem hai câu kinh văn tiếp theo:

**Ư thử trung hạ, nhi hiện diệt độ.**

*Đối với hàng trung căn và hạ căn thì thị hiện diệt độ.*

Ý nghĩa của hai câu này rất sâu. Đây là tướng thứ tám Bát Niết-bàn trong tám tướng thành đạo. Xưa dịch Niết-bàn là diệt độ, nay dịch là viên tịch. Diệt độ là diệt nhân quả sanh tử, vượt dòng lũ sanh tử. Bờ bên này là sanh tử, giữa dòng là phiền não, bờ bên kia là Niết-bàn. Vượt qua dòng lũ phiền não, bước sang bờ kia là hàm nghĩa của “diệt độ”. Kinh Niết-bàn nói: “Diệt các phiền não gọi là Niết-bàn. Là các hữu mới gọi là Niết-bàn”.

Viên tịch, “đức không gì chẳng đủ gọi là viên, chướng không gì chẳng hết gọi là tịch”, đây là giải thích trong sách Tâm Kinh Lược Sớ của ngài Hiền Thủ. “Thể cùng chân tánh, diệu tuyệt tướng lụy là tịch”, bản thể cùng tận chân tánh, không có bất kỳ khoảng cách, mơ hồ hay khiếm khuyết nào, xứng tánh, tận tánh, đây gọi là “thể cùng chân tánh”. “Diệu tuyệt tướng lụy” là dứt tuyệt hết thấy vướng mắc vào tướng, hết thấy tướng không thể tăng thêm phiền phức cho mình nữa, không bị vướng mắc vào hết thấy tướng thì gọi là tịch. Đây là cách giải thích “viên tịch” của sách Chân Giải.

Đức Phật thị hiện diệt độ cho ai xem? “Ư thử trung hạ, nhi hiện diệt độ”. Hai câu này đã nói cho chúng ta biết, đức Phật thị hiện diệt độ là ứng với hàng căn cơ trung, hạ, để cho người căn tánh trung, hạ thấy. Không phải để cho người thượng căn thấy. Tại sao vậy? Người căn tánh thượng đẳng thấy Phật không có diệt độ. Phật vốn không sanh thì làm gì có diệt? Phật không sanh không diệt. Có thể thấy, chúng ta còn thấy tướng sanh diệt nên chúng ta là người căn tánh trung, hạ.

Tại sao đức Phật phải thị hiện diệt độ? Phẩm Thọ Lượng trong kinh Pháp Hoa nói: “Nếu Phật trụ lâu ở đời, thời người đức mỏng, chẳng trông thiện căn, bản cùng hạ tiện, tham đắm ngũ dục, rơi vào trong lưới nhớ tưởng, vọng kiến”. Ý của câu này là nếu đức Phật vì chúng ta thị hiện vô lượng thọ, không sanh không diệt, thường trụ tại thế gian thì có lợi đối với mọi người không? Đối với người thượng thượng căn có lợi, bậc thượng trí không trụ sanh tử, không trụ Niết-bàn, cho nên có lợi cho người thượng thượng căn. Đối với người trung, hạ căn không có lợi. Tại sao vậy? Phẩm Thọ Lượng trong kinh Pháp Hoa nói: “Nếu thấy Phật trụ lâu ở đời, thời người đức mỏng, chẳng thể sanh ra ý nghĩ khó gặp và tâm cung kính. Vì vậy, đức Như Lai tuy chẳng thật sự diệt mà nói là diệt độ”. Cho nên Thích-ca Mâu-ni Phật nhập diệt trong rừng Song Thọ chỉ là thị hiện, thị hiện cho người trung, hạ căn thấy. Đây cũng là biểu hiện cụ thể đại từ đại bi, đại trí đại tuệ, phương tiện thiện xảo của đức Phật.

Chư Phật Bồ-tát thị hiện diệt độ, mục đích là để giúp bạn thường sanh tâm cảnh giác, bạn sẽ nghĩ rằng thân người khó được, Phật pháp khó được nghe, gặp được một lần không dễ dàng, cơ hội này đánh mất rồi, phải trải qua vô lượng kiếp rồi lại vô lượng kiếp mới gặp lại được một lần, cho nên phải vô cùng trân trọng.

Nếu như đức Phật trụ thế lâu dài thì chúng ta không sanh nổi tâm này, thường xuyên gặp Phật thì sẽ sanh tâm cống cao ngã mạn, chán ghét, lừa dối tu hành, sau đó thoái chuyển, không thể sanh ra suy nghĩ khó gặp, không thể sanh tâm cung kính. Chỉ có khó được, khó cầu thì tâm cung kính mới thật. “Vì vậy, đức Như Lai tuy chẳng thật sự diệt mà nói là diệt độ”. Hãy chú ý! Lời này là thật. Như Lai có diệt độ hay không? Không có. Như Lai chứng đắc không sanh không diệt, ngài làm sao mà diệt độ được? Diệt độ là do ngài thị hiện, ngài biểu diễn, không phải là thật. Sự thật đó là không sanh không diệt, ngài làm sao lại diệt độ.

“Chẳng phải diệt độ lại hiện có diệt độ nên gọi là thị hiện. Thị hiện như vậy là độ người căn cơ trung, hạ”, là để độ người, nếu như không vì độ người thì ở thêm vài năm, hay bớt đi vài năm ngài đều có thể làm được.

Ngài từ đâu đến? Ngay tại lúc này, “ngay nơi đó sinh ra, cũng ngay nơi đó mất đi”, câu này trong kinh Lăng Nghiêm nói. Tại sao vậy? Pháp thân của ngài trọn khắp pháp giới, không hề rời khỏi chúng ta. “Bình đẳng thường trụ như pháp thân”, ai biết điều này? Không ai biết, Pháp thân Bồ-tát biết, người chân chánh tu học Tịnh tông biết, biết nhưng chưa chứng đắc.

Pháp thân không có hình tướng, không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần, cũng không có hiện tượng tự nhiên. Cũng giống như ánh đèn vậy, mười mấy ngọn đèn đều thấp lên, ánh sáng dung hòa vào nhau. Tắt đi một ngọn đèn cũng không chướng ngại ngọn đèn khác. Thành Phật nhập Thường Tịch Quang cũng là như vậy. Cho nên Pháp thân Bồ-tát ở đâu? “Không nơi nào không ở, không lúc nào không có”. Bạn ở đây có cảm, các ngài liền có ứng, liền hiện thân. Người thượng căn biết được, Như Lai, Pháp thân Bồ-tát “chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu”. Không có đến đi, chỉ có ẩn hiện. Chúng ta có cảm thì ngài hiện; chúng ta không có cảm thì ngài không hiện, ẩn mất rồi. Có ẩn hiện, không có sanh diệt. Chúng ta nói Không, Không không phải là không có, Không là trạng thái ẩn, Hữu là trạng thái hiển hiện, hiển hiện không thể nói là có.

Có một công án như thế này: Đại sư Trí Giả đọc đến phẩm Dược Vương của kinh Pháp Hoa “tận mắt thấy hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan”. Đây là ngài đọc kinh, bật hết vọng tưởng, không còn tạp niệm, thật sự là dùng tâm thanh tịnh bình Đẳng Giác đọc kinh. Đọc tới phẩm này thì nhập định. Trong định ngài tới núi Linh Thứu, Thích-ca Mâu-ni Phật đang giảng kinh Pháp Hoa ở núi Linh Thứu, ngài cũng tham gia pháp hội. Sau khi xuất định ngài nói cho người khác nghe, hội Linh Sơn của Thích-ca Mâu-ni Phật còn chưa tan, bây giờ vẫn còn đang giảng. Hội đã tan hay chưa? Chưa tan hội. Nhất thời đốn hiện, nếu bạn có duyên này thì cảm ứng hiện tiền, bạn sẽ nhìn thấy. Đây không phải là ảo giác, không phải là vọng tưởng mà là thật, cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn.

Chúng ta nhất định phải hiểu rõ những chân tướng sự thật này, thật sự không được chấp trước. Nên buông xuống cái giả, để thanh tịnh bình Đẳng Giác của chính mình được khôi phục. Thanh tịnh bình Đẳng Giác là chân tâm, thanh tịnh bình Đẳng

Giác là tánh đức, là đức năng căn bản của tự tánh. Vốn sẵn thanh tịnh, vốn sẵn bình đẳng, vốn sẵn giác mà không mê. Giác mà không mê tức là chuyện gì bạn cũng biết, chuyện gì bạn cũng hiểu rõ. Chuyện thế gian, xuất thế gian, quá khứ, hiện tại, vị lai, không có chuyện gì bạn không biết. Biết nhưng không nói, chỉ nói với bạn những gì bạn tiếp nhận được thì nói bấy nhiêu, sẽ không vượt quá [những gì bạn tiếp nhận được]. Tại sao vậy? Vượt quá thì bạn không hiểu, bạn không thể tiếp nhận, bạn sẽ sanh ra hoài nghi, không có lợi đối với bạn. Hiện thân thuyết pháp đều không nhất định, không có pháp cố định nào để nói, cũng không có hình tướng nhất định để hiện. Hay là hay ở chỗ này, thật sự là hay không thể tả được, không thể nghĩ bàn. Khi bạn thật sự khế nhập cảnh giới này, bạn mới thực sự cảm nhận được chỗ hay không thể tả này được.

Mời xem câu kinh văn tiếp theo:

### **Khai hóa hiền thị, chân thật chi tế.**

Câu này không chỉ khái quát toàn bộ kinh, mà còn là căn nguyên một đời thánh giáo của Thế Tôn, hết thầy giáo hóa đều ở trong một câu này.

Trong kinh Vô Lượng Thọ có ba điều chân thật, “chân thật chi tế” là một trong ba điều chân thật. Ba điều chân thật này nếu như nói là chỗ thù thắng của kinh Vô Lượng Thọ thì cũng không hề quá chút nào.

“Khai” là khuyến bảo, khai thị, cũng là dạy học. “Hóa” là chỉ thành tích. Dạy học trò, sau khi học trò tiếp nhận lời dạy, tâm hạnh sanh ra biến hóa. Trước đây tiêu chuẩn giáo dục của nhà Nho là thay đổi khí chất, thay đổi khí chất phàm tục thành thánh hiền, cho nên đọc sách chí tại thánh hiền, nâng cao đức hạnh của chính mình.

Hóa có ba cấp bậc thượng trung hạ: thượng phẩm là thánh nhân; trung phẩm là hiền nhân; hạ phẩm là quân tử, đây là tiêu chuẩn của giáo học của nhà Nho.

Giáo học nhà Phật cũng có ba tiêu chuẩn, ba phẩm thượng trung hạ: thượng phẩm là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật; trung phẩm là thành Bồ-tát; hạ phẩm là thành A-la-hán.

Trong pháp môn niệm Phật cũng có ba phẩm thượng trung hạ: thượng phẩm là thành tựu Lý nhất tâm bất loạn; trung phẩm là thành tựu Sự nhất tâm bất loạn; hạ phẩm là thành tựu công phu thành phiên.



“Giáo” tiếp đó phải có “hóa”, giáo mà không hóa thì không có tác dụng, ổng công dạy. Khai là khai thị, khuyên bảo, cũng là giáo. Học trò nhất định phải thay đổi khí chất, siêu phàm nhập thánh.

Nội dung giáo học là “hiển thị chân thật chi tế”. Chân thật chi tế chính là bản tánh chân như, cũng là thật tướng các pháp, chân tướng của vũ trụ nhân sinh. “Hiển” là hiển bày rõ ràng; “thị” là chỉ ra. Chúng ta vốn mê, nhìn không rõ ràng, Phật hiển thị chân thật cho chúng ta, giúp chúng ta hiểu rõ, giúp chúng ta khế nhập vào cảnh giới này. Cho nên giáo học Phật pháp vượt qua hết thủy pháp thế gian. Hết thủy giáo dục thế gian không thể sánh với Phật pháp, chỉ có giáo dục Phật giáo chân thật mới giúp chúng ta triệt để hiểu rõ chân tướng vũ trụ nhân sinh. Nhân sinh là chính mình, vũ trụ là hoàn cảnh chúng ta sinh sống. Phật pháp dạy chúng ta nhận thức chính mình, nhận thức hoàn cảnh chúng ta sinh sống.

Mọi người nghĩ mà xem, chúng ta có thể không học sao? Không học thì chúng ta vĩnh viễn là kẻ mê hoặc điên đảo. Phật pháp không phải dạy chúng ta trẻ mãi không già, không phải dạy chúng ta sanh lên cõi trời, Phật pháp dạy chúng ta nhận thức chính mình, nhận thức chân tướng hoàn cảnh chúng ta sinh sống, trong này không hề có mê tín.

Kinh Pháp Hoa nói: “Chư Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhân duyên mà thị hiện ở đời”, “chỉ là đem tri kiến Phật, dạy chúng sanh giác ngộ”, hai câu này tức là nói: khai tri kiến Phật, thị tri kiến Phật cho chúng sanh, khiến chúng sanh ngộ tri kiến Phật, nhập tri kiến Phật.

“Khai hóa” là khai, “hiển thị” là thị, “chân thật chi tế” là tri kiến Phật. Nhưng tri kiến Phật “không phải là suy lường phân biệt mà có thể hiểu”. Tri kiến của chúng sanh đều là tình kiến, khởi tâm động niệm đều là vọng tưởng, phân biệt, cho nên căn bản không thể hiểu được sở tri sở kiến của Phật. Do đó tri kiến Phật không chỉ là chúng sanh chưa hiểu rõ mà là không thể hiểu rõ. Cho nên, khai thị ngộ nhập tri kiến Phật cũng chính là “khai hóa hiển thị chân thật chi tế”, chỉ vì một đại sự nhân duyên mà Thế Tôn xuất hiện trên thế gian này. Chúng sanh học Phật thì phải triệt để đập tan tri kiến chúng sanh của chính mình, như thật khế nhập tri kiến chư Phật, cũng tức là chân thật chi tế.

Chúng ta học Phật nhiều năm, kinh điển đọc không ít, niệm Phật cũng không ít, lạy Phật cũng không ít, tham gia các pháp hội cũng không ít, tại sao vẫn chậm

chạp, chưa thể khế nhập tri kiến Phật? Nguyên nhân căn bản là do chúng ta, khoan nói đến việc đập tan tri kiến chúng sanh của chính mình, mà là ngoan cố chấp trước vào tri kiến chúng sanh của chính mình.

Lấy một ví dụ đơn giản cho dễ hiểu, chính là phê bình và tự mình phê bình. Nhìn xung quanh chúng ta, rồi nhìn lại chính chúng ta, hiện nay phê bình người khác nhiều, tự mình phê bình ít, thậm chí là rất ít khi thấy tự mình phê bình. Nếu như có thì cũng rất ít người thật lòng thật ý. Con người hiện nay, đặc biệt là người trẻ tuổi thích được chiều chuộng, thích được dỗ dành, thích được nịnh, một chút xiu phê bình cũng không nghe lọt tai. Đừng nói là phê bình, chỉ là đưa ra ý kiến góp ý, nếu không theo ý của họ thì ngay lập tức mặt tỏ ra khó chịu, thật sự là không thể đựng vào mông hồ được. Chuyện như vậy lúc nào cũng có thể gặp trong cuộc sống thường ngày của chúng ta. Người như vậy đến tri kiến của chính mình cũng không buông được thì còn nói gì tới khế nhập tri kiến của Phật?

Trí Độ Luận nói: *như, pháp tánh, thật tế*, cả ba từ này đều là tên gọi khác nhau của thật tướng các pháp. Cũng như chân như, pháp tánh (Phật tánh), thật tế, thật tướng là tên gọi khác nhau của cùng một bản thể, vốn đều là một thể.

Lấy một ví dụ cho mọi người nghe liền hiểu: tôi tên là Lưu Tố Vân, ba mẹ chồng, mẹ tôi, chị tôi đều quen gọi tôi là Tiểu Vân; ở cơ quan sở trưởng lớn tuổi hơn gọi tôi là Tố Vân; sau khi học Phật, pháp sư thượng Giác hạ Ngô đặt cho tôi pháp hiệu là Xương Tịnh, nhưng pháp sư Giác Ngô vẫn gọi tôi là Tố Vân; Phật sống Lạp Mã Giao Hương Căn đời thứ 15 đặt pháp hiệu cho tôi là Đạt Nhiệt Lạp Mẫu. Mọi người nghĩ thử xem, Lưu Tố Vân, Tố Vân, Tiểu Vân, Xương Tịnh, Đạt Nhiệt Lạp Mẫu có phải đều là tôi không? Nói dễ hiểu một chút, trẻ con thường có tên giấy tờ, còn có tên ở nhà, tên giấy tờ và tên ở nhà không phải đều là đứa trẻ đó sao?

Tiếp theo chúng tôi sẽ nói về chữ “tế”. Chữ tế này về mặt chữ thì có bốn ý nghĩa:

- Ý nghĩa thứ nhất: biên giới hoặc nơi gần biên giới như chân trời, mép nước, giao mùa xuân hạ.

- Ý nghĩa thứ hai là giữa đôi bên. Ví dụ như quốc tế.

- Ý nghĩa thứ ba là ngay lúc nói. Ví dụ như trước mắt đang là lúc cần người.

- Ý nghĩa thứ tư là: gặp đúng lúc thích hợp nói. Ví dụ như: nhân pháp hội lớn này.

Sách Chân Giải giải thích chữ “tế” như sau: “Chỗ hay của thật tướng là viên mãn lý tương ứng đến cực điểm”. Tức là nói đem chỗ hay của thật tướng truy cứu đến tận cùng lý thể của nó, căn nguyên của nó, rốt ráo đến tột cùng, đạt đến cực điểm, không còn gì hơn thì gọi là tế. Nay gọi “chân thật chi tế”, chánh hiển lý thể hay đến cực điểm của chân như thật tướng, cũng chính là sở tri, sở kiến của Phật vậy. Thế nào là sở tri sở kiến của Phật? Đó là chân tướng của vũ trụ nhân sinh.

Một đời giáo hóa của Thích-ca Mâu-ni Phật có sự-ly, không-hữu, đốn-tiệm, đủ loại khác nhau, mà chỉ có pháp môn Tịnh độ được tán thán bởi khắp cả mười phương chư Phật, diệu pháp Tịnh độ khiến hết thảy hữu tình trong pháp giới đều quy về nhất Phật thừa. Ba bậc vãng sanh đều phải phát tâm Bồ-đề. Vãng Sanh Luận nói “hàng Nhị thừa không sanh”, phàm là vãng sanh đều đi bằng xe trâu trắng lớn, nhất định được Phật quả, đều dựa vào biển nguyện Nhất thừa, nhờ nguyện lực của Phật, trì danh vãng sanh, vượt khỏi tình chấp của chúng sanh, toàn thể đều là tri kiến Phật.

Nước non, chim chóc, cây cối thảy đều thuyết pháp, trong cây báu hiện mười phương cõi Phật, khắp nơi đều là cảnh giới sự sự vô ngại của Hoa Nghiêm, không thể nghĩ bàn, đều khen ngợi diệu kiến của chư Phật. Cho nên Hội Sớ, Chân Giải đều nói: “Chỉ có thế nguyện nhất Phật thừa này, biển nhất thật chân như là chân thật chi tế”. Nay được các Đại sĩ trong pháp hội rộng vì chúng sanh tuyên diễn “thế nguyện nhất Phật thừa” mà chư Phật cùng tán thán, khai thị tri kiến Phật cho mười phương chúng sanh, nên kinh nói là “khai hóa hiển thị chân thật chi tế”.

Trì danh niệm Phật có hai loại: sự niệm và lý niệm. Lý nhất tâm có thể phá vô minh, hiện pháp thân, vãng sanh Tịnh độ bậc tối thượng là cõi Thường Tịch Quang, tịch-chiếu đồng thời, cõi nước và tâm bất nhị. Quán Kinh nói “tâm này là Phật, tâm này làm Phật”, nên mới biết thanh tịnh cõi nước chư Phật chính là thanh tịnh tâm của chính mình.

Tứ Liệu Giản nói:

*“Có Thiên, có Tịnh độ  
Như hồ mọc thêm sừng.  
Đời nay làm thầy người,*

*Đời sau là Phật tổ”.*

Bài kệ của hòa thượng Bồ Đại thời Tùy Đường:

*“Chỉ có tâm, tâm tâm là Phật,  
Mười phương thế giới nó linh nhất,  
Đọc ngang diệu dụng đáng thương lắm,  
Hết thầy sao bằng tâm chân thật”.*

Cho nên chân thật chi tể cũng chính là tự tâm, khai hóa hiển thị chân thật chi tể cũng chính là: rõ bản tâm của mình, thấy bản tánh của mình. Còn pháp môn niệm Phật, năng niệm là Phật, sở niệm cũng là Phật. Phật năng niệm chính là bản tâm này, Phật sở niệm cũng chính là bản tâm, năng sở không hai, chỉ có một tâm, cho nên một tiếng Phật hiệu một tiếng tâm.

Kinh Đại Tập nói: “Nếu người chỉ niệm A-di-đà thì gọi là vô thượng thâm diệu thiên”. Cho nên Thiên tông và Tịnh độ chẳng phải là hai vật.

Một từ “chân thật” trong kinh Vô Lượng Thọ xuất hiện ba lần: Thứ nhất là “khai hóa hiển thị chân thật chi tể”; thứ hai là tỳ-kheo Pháp Tạng “trụ chân thật huệ, dũng mãnh tinh tấn, nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ”; thứ ba là “Nhu Lai muôn cứu vớt chúng sanh, ban cho họ lợi ích chân thật”.

Ba điều chân thật trong bộ kinh này có thể khái quát như sau: Chân thật chi tể là lý thể của kinh này; Chân thật chi huệ là trang nghiêm thành tựu Cực Lạc Tịnh Độ; Chân thật chi lợi là bình đẳng ban khắp cho hết thầy chúng sanh. Chân thật chi tể là căn bản, từ chân thật chi tể sanh ra chân thật chi huệ, A-di-đà Phật trụ chân thật chi huệ để trang nghiêm Tịnh độ. Đã có pháp môn Tịnh độ thì có thể ban cho chúng sanh chân thật chi lợi.

Ba điều chân thật này: chân thật chi tể, chân thật chi huệ, chân thật chi lợi là chỗ nổi bật của kinh Vô Lượng Thọ, là chỗ tinh yếu nhất trong tinh yếu! Tuyệt! Tuyệt diệu! Tịnh tông là chân thật chi tể trong chân thật chi tể, là nhất Phật thừa trong nhất Phật thừa, rất hay!

Chúng ta ngày nay học Phật, gặp được duyên phận tốt như vậy, thật sự gặp được quyền kinh tinh hoa trong hết thầy Phật pháp, gặp được vị thầy dẫn đường trăm

ngàn vạn kiếp khó tìm cầu là lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không thì một đời này làm sao lại không thành tựu cho được?

Chúng ta phải ghi nhớ kỹ: Người học Phật quan trọng nhất là phải làm ra tấm gương tốt, để người học Phật thấy, để người niệm Phật thấy.

Chúng ta học theo lão hòa thượng Hải Hiền, bắt đầu làm từ những thứ nhỏ nhất trong cuộc sống, cả một đời lão hòa thượng chưa từng tức giận. Chú ý là một đời, 112 năm, 40.880 ngày, 981.120 giờ. Thôi không tính nữa, càng tính càng hổ thẹn. Trong 24 tiếng đồng hồ không tức giận, chúng ta có mấy ai làm được. Lão hòa thượng chưa từng giận ai đỏ mặt. Cho dù gặp ai, gặp chuyện gì, không điều gì không hoan hỷ, chưa từng oán hận người khác. Đó là gì? Đó là tu dưỡng căn bản của làm người. Còn chúng ta như thế nào? Nói mấy câu nghe không lọt tai, nghe không thuận tai thì khó chịu mất mấy ngày, sắc mặt giống như bầu trời u ám, mãi không hửng nắng lên được.

Tôi nhớ lúc mẹ chồng còn sống từng nói với tôi, con xem khuôn mặt khó chịu của người này người kia người nọ, nhìn một lần không muốn nhìn lần nữa. Mẹ chồng tôi là một cụ già không biết chữ, mặc dù không có văn hóa nhưng mà vốn từ dân gian của mẹ vô cùng phong phú. Những từ địa phương tôi nói mà mọi người nghe không hiểu đều là học từ mẹ chồng tôi.

Tôi thường nói với các đồng tu, tôi hy vọng mọi người: Học Phật phải học làm sao được khỏe mạnh, học làm sao được vui vẻ, học làm sao được tự tại. Nếu như mỗi ngày sắc mặt đều nặng nề, đó là đáng vẽ mà người học Phật không nên có. Mong bạn bố thí chút nụ cười, nụ cười mang đến sự ấm áp cho thế giới này.

Tôi tặng cho các bạn hai bài kệ:

*“Nhìn tướng tâm thường nhưng phi thường,  
Vĩ đại là thấy trong tâm thường,  
Đạo đức cao thượng ai biết được,  
Đủ để bạn, tôi học vạn năm,  
Tín vững nguyện thiết hành thêm gắng,  
Ba điều chân thật phải nhớ kỹ,  
Niệm Di-đà, tịnh niệm tiếp nối,  
Vãng sanh Tây Phương có bảo chứng”.*

Tiết học hôm nay giao lưu đến đây. Cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 15

Chư vị đồng tu tôn kính, xin chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem đoạn tiếp theo:

**Tâm thường để trụ độ thế chi đạo. Ư nhất thiết vạn vật, tùy ý tự tại. Vị chư thứ loại tác bất thỉnh chi hữu. Thọ trì Như Lai thậm thâm pháp tạng. Hộ Phật chủng tánh thường sử bất tuyệt. Hưng đại bi, mãn hữu tình, diễn từ biện, thọ pháp nhãn, đố ác thú, khai thiện môn. Ư chư chúng sanh, thị nhược tự kỷ, chứng tế phụ hạ, giai độ bỉ ngạn. Tất hoạch chư Phật vô lượng công đức, trí huệ thánh minh, bất khả tư nghị.**

*Tâm thường an trụ trong đạo độ thế. Đối với vạn vật tùy ý tự tại. Vì các loài chúng sanh mà làm người bạn không rời. Thọ trì pháp tạng rất sâu của Như Lai. Hộ trì giống Phật khiến không dứt. Khởi lòng đại bi, thương xót hữu tình, diễn thuyết từ bi, truyền trao pháp nhãn, đóng đường ác, mở cửa lành. Đối với chúng sanh xem như chính mình; gánh vác việc cứu giúp, độ hết đến bờ giác ngộ. Đều đạt được vô lượng công đức của chư Phật, trí tuệ sáng suốt không thể nghĩ bàn.*

Chúng ta xem câu đầu tiên trước: “*Tâm thường để trụ độ thế chi đạo*”.

Thường tức là thường xuyên không ngừng. Để nghĩa là an, là chân thật. Để trụ có nghĩa là an trụ. Độ thế tức là giúp chúng sanh liễu sanh tử, thoát luân hồi. Đại ý của câu kinh văn này là: Bồ-tát xuất gia và Bồ-tát tại gia tham gia pháp hội kinh Vô Lượng Thọ này, dụng tâm của các ngài chân thật, thường hằng an trụ trong pháp độ thế chân thật vô vi, cứu độ hết thủy thế gian, hết thủy chúng sanh.

Tâm của chư Phật Bồ-tát là tâm gì? Đó là giúp hết thủy chúng sanh phá mê khai ngộ, nhận thức chính mình, nhận thức hoàn cảnh nơi mình sinh sống. Nhận thức hết thủy chân tướng sự thật, lìa khổ rồi sướng, được vui rồi sướng. Chư Phật Bồ-tát chính là có tâm như vậy, làm chuyện như vậy. Chuyện mà người khác trên thế gian không làm được thì chư Phật Bồ-tát đến làm. Chuyện mà người thế gian có thể làm được thì để người thế gian làm. “Như Lai sở dĩ xuất hiện ở đời, chỉ để nói bốn nguyện hải của đức Di-đà”.

Phật dùng phương pháp nào để làm việc này? Giáo dục. Mục đích giáo học của chư Phật Bồ-tát khác với mục đích giáo học của thế gian, cho nên môn học, nội dung dạy học, phương thức dạy học của các ngài cũng khác. Dùng phương pháp dạy học của thế gian để học Phật pháp thì không thể học được, học Phật nhất định phải dùng phương pháp của nhà Phật.

Giáo học của nhà Phật bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ giới, định, tuệ. Đây là chỗ khác biệt so với giáo học thế gian. Tam học giới, định, tuệ là học vấn căn bản của nhà Phật, cho dù là Tông môn hay là Giáo hạ, cho dù là tông nào phái nào, không có học vấn tam học giới, định, tuệ thì chính mình không thể liễu sanh tử, không thể ra khỏi ba cõi. Có năng lực này, lại thêm phát tâm độ chúng sanh, hành Bồ-tát đạo thì mới có thể giảng kinh thuyết pháp. Giảng kinh thuyết pháp là đạo độ thế tốt nhất mà chư Phật Bồ-tát dùng để giáo hóa chúng sanh, tâm của các ngài thường hằng bất biến, trụ nơi đạo này.

Chư Phật Bồ-tát giảng kinh thuyết pháp đều là tự tánh lưu lộ, cho nên gọi là “nói mà không nói, không nói mà nói”. Trước đây nghe được câu nói như thế này nhưng tôi không hiểu, đó là: Thích-ca Mâu-ni Phật chưa từng nói một câu pháp nào trong 49 năm, ai nói Thế Tôn thuyết pháp trong 49 năm, tức là hủy báng Phật. Trải qua 20 năm nghe kinh, nghe pháp, dần dần tôi hiểu được hàm nghĩa thật sự của câu nói này. Thế Tôn thật sự không nói một câu pháp nào, pháp bất định pháp, không có pháp cố định để nói, Phật [nói pháp] là tự tánh lưu lộ một cách khéo lý khéo cơ. Đây là chỗ chư Phật giáo hóa chúng sanh tuyệt diệu nhất, cao minh nhất, không thể nghĩ bàn nhất.

Chúng ta học Phật, có người phát tâm giảng kinh thuyết pháp, hoằng pháp lợi sanh, phát tâm như vậy là tốt. Thế nhưng chúng ta có biết học giảng kinh thuyết pháp phải học từ đâu không? Tôi dùng một câu để khái quát, đó là “giảng chân kinh của tự tánh”, nên hiểu câu này như thế nào? Lão pháp sư nói với chúng ta: “Học giảng kinh từ đâu? Phải dẫn khởi kinh điển trong tự tánh, giảng chân kinh trong tự tánh, không phải giảng kinh Phật bên ngoài, chúng ta mở kinh Vô Lượng Thọ của Thích-ca Mâu-ni Phật ra, đem kinh Vô Lượng Thọ trong tự tánh của chúng ta dẫn khởi ra, kinh Vô Lượng Thọ trong tự tánh của chúng ta cùng với kinh Vô Lượng Thọ của Thích-ca Mâu-ni Phật là một”. Bạn hiểu câu nói này của lão pháp sư như thế nào?



Cũng giống như tung gạch như ngọc vậy, để tôi nói quá trình nhận thức của mình đối với câu nói này, có thể chia làm bốn giai đoạn để nói:

Giai đoạn thứ nhất: không hiểu lắm. “Giảng chân kinh trong tự tánh, không phải giảng kinh Phật bên ngoài”, đối với ý nghĩa của hai câu này thật sự không hiểu lắm. Chân kinh? Kinh Phật? Kinh Phật không phải đều là chân kinh hay sao? Tại sao còn chia ra chân kinh trong tự tánh và kinh Phật bên ngoài? Tôi hiện nay đang phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ không phải là kinh Phật do Thích-ca Mâu-ni Phật thuyết hay sao? Chân kinh trong tự tánh của tôi là thế nào? Kinh Phật mà tôi đang phúc giảng có quan hệ gì [tới chân kinh trong tự tánh]? Vào năm 2018, đây là vấn đề khiến tôi khi đó rất khó hiểu. Đây là giai đoạn thứ nhất.

Giai đoạn thứ hai: khai mở một chút. Một chút khai mở này như thế nào? Là bắt đầu từ hai câu này, “chúng ta mở kinh Vô Lượng Thọ của Thích-ca Mâu-ni Phật, đem kinh Vô Lượng Thọ trong tự tánh của chúng ta dẫn khởi ra”, chữ dẫn này đã nhắc nhở tôi, nói cho tôi biết: Thứ nhất là trong tự tánh của tôi có kinh Vô Lượng Thọ, hễ “có” thì mới có thể “dẫn”, không có thì làm sao “dẫn” được? Thứ hai là có thể dẫn khởi ra kinh Vô Lượng Thọ trong tự tánh của tôi, dùng điều gì để dẫn? Dùng cách phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ. Thứ ba nói cho tôi biết, “kinh Vô Lượng Thọ trong tự tánh của chúng ta cùng với kinh Vô Lượng Thọ của Thích-ca Mâu-ni Phật là một”, tôi đột nhiên khai ngộ. Ồ! Thật hay quá! Thật không thể nghĩ bàn!

Giai đoạn thứ ba: như biết rõ của báu trong nhà. Nhờ phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ thật sự đã dẫn khởi ra kinh Vô Lượng Thọ trong tự tánh của tôi. Sau khi dẫn khởi ra có cảm giác như thế nào? Thật sự là không thể nào quen thuộc hơn, những điều nói trong kinh Vô Lượng Thọ không phải đều là chuyện trong nhà mình hay sao? Chỉ là thời gian quá dài, có chút quên lãng. Bây giờ vừa được nhắc nhở, toàn bộ đều nhớ lại. Quá hoan hỷ, tìm thấy ngôi nhà quen thuộc của mình, trong nhà có châu báu gì, tôi biết hết!

Giai đoạn thứ tư: lấy bỏ tự tại. Cảm giác tìm được nhà thật sự quá kỳ diệu. Tôi không còn là đứa trẻ lang thang bơ vơ không nơi nương tựa nữa. Tôi nhớ một phút trước khi chị tôi vãng sanh đã nói với tôi một câu: “Chị đã đứng bên cạnh cha hiền A-di-đà Phật rồi”, một phút sau chị đã để lại cho thế gian một nụ cười xán lạn nhất, cùng cha hiền A-di-đà Phật về nhà. Đó là khoảnh khắc hạnh phúc, tươi đẹp biết bao!

*“Cha hiền đón chị trở về nhà,  
Cũng đừng bỏ em lại nơi đây,  
Đợi khi sứ mạng được hoàn thành,  
Cha hiền cũng đón em trở về”.*

Những điều tôi làm hiện nay là toàn tâm toàn sức hoàn thành ba sứ mạng, thời gian còn lại dùng trọn khả năng của mình phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ vài lần. Tôi từng nói học Phật phải giống [chư Phật Bồ-tát], tâm của chư Phật Bồ-tát thường an trụ trong đạo độ thế. Chúng ta học Phật cũng phải làm như vậy. Tôi muốn phúc giảng vài lần kinh Vô Lượng Thọ là do tôi đã có một chút so sánh, tôi cảm thấy lần trước giảng có chút dè dặt, không có thông suốt, sau đó giảng tương đối thuận lợi, có chút cảm giác lấy bỏ tự tại. Đây có phải là dẫn khởi kinh Vô Lượng Thọ trong tự tánh ra không? Tôi không nói chính xác, chỉ là cảm giác mà thôi. Chúng ta và chư Phật là một thể, tự tánh của chúng ta và tự tánh của chư Phật là cùng một tự tánh. Cho nên chân kinh lưu lộ từ trong tự tánh của chư Phật, chính là chân kinh trong tự tánh của bản thân chúng ta. Vì vậy, hiện nay tôi phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ chính là chân kinh trong tự tánh của tôi.

Mời xem câu tiếp theo: *“U nhất thiết vạn vật, tùy ý tự tại”.*

Câu này tán thán đức năng tự hành hóa tha của chư Bồ-tát. Vạn vật là chỉ vạn pháp, tức là hết thảy các Hữu. “Nhất thiết vạn vật” là chỉ hoàn cảnh, có thể được đại tự tại trong bất kỳ hoàn cảnh nào, đó thật sự là lìa khổ được vui. Tự tại là thông đạt vô ngại.

Tại sao chư Phật Bồ-tát có thể được đại tự tại trong mọi hoàn cảnh, chúng ta lại không được như vậy? Nguyên nhân là do vọng tưởng, chấp trước. Phàm phu chấp trước hết thảy vạn vật thật có, trong có lại muốn chiếm hữu, chiếm hữu rồi lại sợ mất đi, lo được lo mất, từ đó mà sanh ra phiền não. Chư Phật Bồ-tát biết hết thảy vạn vật là huyễn hữu, là giả có, không phải thật có, cho nên trong hết thảy vạn vật là thọ dụng tự tại, không có phân biệt, chấp trước, không những không có quan niệm chiếm hữu đối với hết thảy vạn vật, tức là ngay đến thân thể của chính mình cũng không có suy nghĩ chiếm hữu, như vậy mới có thể được đại tự tại. Bồ-tát hoằng pháp lợi sanh, nhất định phải có năng lực này. Nếu như không có năng lực này, một khi tiếp xúc với vạn vật thì không phải độ người khác, mà ngược lại bị vạn vật độ, cho nên đây là điều kiện học Phật bắt buộc phải có.

Phẩm tựa kinh Pháp Hoa nói, hết thảy Có (Hữu) giống như sợi dây thừng xiết thật chặt vậy, trói con người lại. Nếu như chặt đứt hết trói buộc này thì thân thể sẽ tự do, được “tự tại”. Con người tại sao lại bị trói buộc? Đó là nội tâm xoay chuyển theo cảnh giới. Thấy sắc nghe âm thanh, tâm của bạn liền xoay chuyển theo những gì bạn thấy, cho nên sẽ bị phiền não trói lại. Do đó, người khác khen ngợi bạn, bạn liền vui vẻ; nếu như người khác mắng bạn, bạn liền không vui, bạn chuyển theo họ, chính mình không tự làm chủ được, khiến bạn vui vẻ thì liền vui vẻ, khiến bạn không vui thì liền không vui, sẽ bị phiền não chuyển.

Phàm phu chấp trước vào các Có (Hữu), yêu thích những thứ này, hết thảy mọi vật trên thế gian, công danh phú quý, vợ con, đây là chấp Có; A-la-hán chấp Không, tức là dừng lại ở tướng Không, đều là đọa lạc vào trong tình chấp. Bạc Đại sĩ thông đạt pháp tánh, các ngài từ ngay nơi tướng lìa tướng, chứ không phải gạt tướng để lìa tướng, cho nên Tông môn nói: “Chỉ cần vô tâm với vạn vật, nào ngại vạn vật thường vây quanh”, chỉ cần bạn đối với vạn vật vô tâm thì ngại gì vạn vật tới vây quanh bạn.

Có một số người luôn nghĩ làm sao tìm một nơi thanh tịnh để tu hành, tôi nói với bạn, bạn vĩnh viễn không tìm được. Tại sao vậy? Bởi vì tâm của bạn không thanh tịnh. Tâm của bạn bị xoay chuyển bởi vật. Nếu như tâm của bạn có thể xoay chuyển vật thì không cần tìm, nơi nào cũng thanh tịnh. Bạn nhìn thấy một cô gái xinh đẹp, bạn liền nhìn chăm chăm vào cô ấy, nếu như là một cái đầu lâu thì bạn còn nhìn chăm chăm nữa không? Cô gái xinh đẹp và cái đầu lâu là một không phải hai, bởi vì bạn phân biệt chấp trước nên một mới biến thành hai. Nói cụ thể hơn là vật tùy tâm chuyển. Ngoại vật có thể xoay chuyển theo nội tâm của bạn, bạn bèn tùy ý tự tại rồi.

Tịnh Ảnh Sớ nói: “Do thành tựu thần thông thù thắng, đạt được thần thông thù thắng, cho nên đối với hết thảy vật có thể biến hóa tùy ý, thế nên liền có thể giúp chúng sanh đạt được lợi ích, như vậy trở thành lợi vật, đây gọi là tự tại”. Tịnh Ảnh nhắc tới thần thông, thần thông đương nhiên không phải là chuyện xấu. Nhưng nếu chúng ta không cầu giác ngộ, trước tiên lại đi cầu thần thông, vậy thì phương hướng của bạn sai rồi. Phương hướng sai thì sẽ đi theo con đường sai. Càng đi càng xa, tương lai con đường phải quay lại càng dài. Chư Phật Bồ-tát đều có vô lượng thần thông. Cho nên thần thông là chuyện tốt; nhưng hiển lộ thần thông là “thánh mạng biên sự”, là chuyện ngoài lề sau cùng trong thánh đạo, so với thần thông còn có rất

nhiều chuyện càng quan trọng hơn, đó mới là chỗ chúng ta đáng lưu tâm. Câu này là do lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói.

Đề tôi kể cho mọi người nghe một câu chuyện, nghe thử xem bạn có thể hiểu được ý nghĩa trong đó không. Đồi nhà Đường có một vị tổ sư tên là Hoàng Bá, bởi vì ngài xuất gia ở núi Hoàng Bá – Phúc Thanh, người đời sau gọi ngài là Hoàng Bá. Trước khi ngài khai ngộ, cùng một người bạn đi vân du bốn phương, đến một nơi bất ngờ gặp lũ, đường đi cũng không còn nữa, biến thành sông, không đi qua được. Vào lúc này người bạn đem nón lá ném trên nước, nhảy lên nón lá thuận theo dòng nước lướt qua, đồng thời vẫy gọi Hoàng Bá: “Huynh mau qua đây”. Hoàng Bá nói: “Sớm biết đệ như vậy thì ta đã đánh gãy chân chó của đệ”. Vị thần tăng lướt nước qua sông tán thán không ngớt: “Thật đúng là pháp khí Đại thừa, đệ không bằng huynh”. Bạn nghe hiểu câu chuyện này không?

Hành nhân nếu như có thể từ ngay nơi tướng lìa tướng thì có thể chuyển vật rồi. “Trúc biếc xanh xanh đồng là pháp thân, hoa vàng rực rỡ không ngoài bát-nhã”. Lá trúc, hoa vàng thảy đều là pháp thân, bát-nhã, hết thảy vạn vật đều là như vậy, cho nên không cần chờ đợi thần thông, chúng sanh cũng có thể tự tại. Chúng ta là người học Phật dù sao cũng không nên mê luyện thần thông, truy cầu thần thông. Thần thông thật sự là tự tánh vốn có, không phải truy cầu từ bên ngoài.

Còn nhớ mấy năm trước tôi từng nói qua bốn câu như thế này:

*“Thần thông không thể cầu,  
Cầu rồi không thể đắc,  
Đắc rồi không thể dùng,  
Dùng rồi ắt trúng ma”.*

Thực tế chứng minh, phạm là cầu thần thông, dùng thần thông, không ai mà không bị ma dựa.

Thanh tịnh, bình đẳng, giác, năm chữ này bạn làm được rồi thì thần thông trong tự tánh tự nhiên sẽ hiển hiện ra, căn bản không cần phải tìm kiếm khắp nơi. Những gì mong cầu từ bên ngoài đều là giả, không có điều nào là thật. Bạn xem giả thành thật, còn sử dụng khắp nơi, vậy không phải là hại mình hại người sao?

Lão pháp sư nói với chúng ta “thần thông của người niệm Phật thù thắng không gì sánh bằng”, chỉ một câu nói ngắn gọn như vậy mà đã bao gồm mấy tầng ý

nghĩa? Cách hiểu của tôi rất đơn giản, có thể hiểu được ba tầng nghĩa. Để tôi nói cho mọi người nghe, cung cấp cho các đồng tu tham khảo:

Tầng nghĩa đầu tiên: người niệm Phật có thần thông.

Tầng nghĩa thứ hai: thần thông của người niệm Phật là thù thắng, gọi là “thắng thông”.

Tầng nghĩa thứ ba: thần thông của người niệm Phật là không gì sánh bằng.

Nếu bạn là một người niệm Phật chân chánh. Chú ý! Hai chữ “chân chánh” rất quan trọng. Ngoài ra, thần thông không phải dùng để khoe khoang bản thân, mà dùng để giáo hóa chúng sanh, nhất định phải chú ý chữ “dùng” này, không được tùy tiện dùng, nếu không phải lúc bắt đắc dĩ thì không được thị hiện thần thông. Năm ngày trước khi lão Bồ-tát Lưu Tố Thanh vãng sanh vào năm 2012, [trong năm ngày đó] chị ấy đều thị hiện thần thông, nói lời chân thật, không cần tránh né. Bạn tin cũng được, không tin cũng được, tôi nhất định phải nói chân tướng sự thật, tôi phải chịu trách nhiệm với con cháu đời sau.

Mười sáu vị Hiền Hộ Chánh sĩ tham gia pháp hội kinh Vô Lượng Thọ đều là Đẳng Giác Bồ-tát tại gia, “Đại sĩ thần thông tự tại”, quả vị mà các ngài chứng được bình đẳng với ngài Văn-thù, Phổ Hiền, Di-lặc, Địa Tạng Bồ-tát, thị hiện thân phận tại gia. Các ngài “thần thông tự tại”, cho nên mới có thể “vô tâm không vướng mắc với hết thảy vạn vật”, đối với hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian, các ngài không có chướng ngại, cho dù là sự hay lý, là tánh hay tướng, là nhân hay quả, toàn bộ đều thông đạt vô ngại. Thế nên các ngài mới có thể “tùy duyên biến hóa, lợi ích chúng sanh”.

Mời xem câu kinh văn tiếp theo:

*“Vị chư thứ loại tác bất tỉnh chi hữu”.*

Câu này là nói đại từ đại bi của Bồ-tát. “Thứ loại” là chỉ hết thảy chúng sanh, cũng chỉ chúng sanh trong lục đạo. Có vài cách giải thích hai câu kinh văn này, xin đưa ra cho mọi người tham khảo.

Chỗ khác biệt giữa chư Phật và Bồ-tát như sau: Phật pháp là sư đạo, sư đạo là tôn nghiêm. “Chỉ nghe học trò đến học, chưa từng nghe thầy giáo đến dạy”, câu này có ý nghĩa gì? Đó là Phật giáo hóa chúng sanh, phải đợi chúng sanh tới thỉnh giáo,

cũng tức là “thỉnh pháp”, phải “cầu” pháp. Không thể nào Phật tìm tới nhà bạn để dạy bạn. Hiện nay có một tình trạng phổ biến, gia đình có điều kiện mời gia sư cho con, đến nhà dạy con mình. Trong lịch sử Trung Quốc không có tình hình này, làm sao có thể tùy tiện mời thầy cô đến nhà được? Như vậy là không tôn kính thầy cô. Thầy cô tới nhà dạy học trò, phụ huynh có cảm giác ưu việt, có tiền nên hợm hĩnh, tôi trả tiền cho mấy người, mấy người dạy con tôi, hoàn toàn là mối quan hệ thuê mướn, làm gì còn sự đạo tôn nghiêm nữa? Con trẻ không phải càng có cảm giác ưu việt sao? Chúng coi thường thầy cô thì nói gì tới tôn kính đây? Thời nay tới học thì ít mà đến dạy thì nhiều, đây là hiện tượng không bình thường. Đáng để chúng ta chú ý, giáo dục không có sự đạo tôn nghiêm là giáo dục thất bại triệt để.

Hơn 60 năm trước, tiên sinh Phương Đông Mỹ nói với lão pháp sư, “trường học hiện nay, trò không ra trò, thầy không ra thầy”, lời này đã nói vào 60 năm trước, xem thử ngày hôm nay, hơn 60 năm sau qua rồi, tình hình thực tế như thế nào? E rằng chỉ có tệ đi chứ không khá hơn.

Bồ-tát không giống chư Phật, Bồ-tát có thân phận là bạn học đối với hết thầy chúng sanh, có thể chủ động đến nhà chúng sanh, giới thiệu Phật pháp cho họ, chúng sanh không thỉnh nhưng Bồ-tát vẫn tới, cũng tức là không đợi chúng sanh tự tới, Bồ-tát tự mình chủ động tới giúp chúng sanh, đây chính là “làm người bạn không mời”.

Có một ví dụ đặc biệt không biết mọi người có biết không? Kinh Phật Thuyết A-di-đà là không ai hỏi mà Phật tự nói ra. Tại sao không hỏi lại tự nói? Bởi vì cảnh giới đó không có chúng sanh nào có thể hỏi được. Phật lại muốn giới thiệu thế giới Tây Phương Cực Lạc cho hết thầy chúng sanh hữu duyên, bởi vì không có người nào biết pháp này, càng không có người nào tới thỉnh pháp này, cho nên không ai hỏi mà Phật tự nói ra. Đây chính là ví dụ điển hình của “người bạn không mời”.

Chư Bồ-tát thật sự tuyệt vời, “thường làm bạn tốt không mời, đi theo quan tâm bảo hộ”. Đi theo những người nào? Chúng sanh trong lục đạo luân hồi. Chúng ta đọa lạc vào cõi nào thì ngài theo tới cõi đó, thị hiện thân phận giống chúng ta, mới biết các ngài đại từ đại bi tới mức nào!

Kệ Niết-bàn nói: “Thế gian phải xin cứu rồi mới được cứu, Như Lai chẳng đợi thỉnh mà thường làm chỗ nương về”. Câu này muốn nói trong thế gian bạn nhất định phải thỉnh cầu người cứu độ, sau đó mới có thể đạt được thứ bạn muốn cầu.

Nhưng Như Lai không đợi bạn thỉnh cầu đã tới giúp bạn có nơi trở về, giúp bạn có được nơi nương tựa. Đây là bạn tốt thật sự, là đại đạo sư từ bi ân huệ tốt cùng.

Kinh Duy-ma nói: “Chúng sanh không thỉnh mà vẫn làm bạn, giúp cho an vui”. Chúng sanh không có ai tới thỉnh pháp bạn, bạn sẽ làm như thế nào? Chúng ta xem thử chư Phật Bồ-tát dùng thái độ thế nào? Vẫn làm bạn, giúp cho an vui.

Người Trung Quốc nói bằng hữu, mọi người có biết bằng hữu có ý nghĩa gì không? Bằng là bạn học, hữu là đồng chí, so với bạn học thì đồng chí thân thiết hơn nhiều. Lý tưởng giống nhau, mục tiêu, phương hướng của họ cũng giống nhau, như vậy gọi là hữu, có thể tạo nên sự nghiệp lớn, không giống với bạn học. Chư Phật Bồ-tát vĩnh viễn là thiện hữu, thiện tri thức của chúng sanh.

“Bạn chân thật chẳng đợi mời, như mẹ hiền luôn hướng tới con thơ”. Bạn còn đợi họ tới mời hay sao? Nếu bạn bè thật sự có khó khăn, bạn biết rồi thì liền tới giúp đỡ, giúp họ giải quyết vấn đề. Con người sống một đời trên thế gian này, khó có được một người bạn tri kỷ thật sự. Con người sống trên đời, có một hai người tri kỷ cũng đáng an ủi rồi, đời này không trôi qua uổng phí. Chúng ta mong muốn có một người bạn như vậy thì chúng ta phải phát tâm, làm người bạn chân thật của hết thầy chúng sanh.

Trong Tịnh Ảnh Sớ có hai cách giải thích cho “người bạn không mời”.

*Cách giải thích thứ nhất:* “Do chúng sanh cần được hóa độ không có căn cơ cảm được các bậc thánh nên gọi là không mời”. Chúng sanh này không biết thánh hiền, thánh hiền ở đây là chư Phật Bồ-tát, thiện tri thức, cho nên chúng sanh không có suy nghĩ cầu các ngài, gọi là không mời. “Bồ-tát cưỡng hóa vi tác nhân duyên”, cưỡng ở đây nghĩa là miễn cưỡng, miễn cưỡng giáo hóa chúng sanh, “vi tác nhân duyên” tức là tạo ra điều kiện, tạo ra cơ hội, “gọi là sẵn sàng làm bạn tốt để chúng sanh yên ổn”. Vì tạo ra cơ hội cho chúng sanh cũng phải có duyên, có điều kiện; nếu không có duyên, không có điều kiện thì không thể thành công. Hiện nay chúng ta có cơ hội, bạn có chịu làm hay không? Chịu làm thì bạn chính là Bồ-tát tái lai; không chịu làm thì bạn là phàm phu. Chuyện này không thể trách bạn.

Ví dụ như chúng tôi đề xướng xây đạo tràng Lục Hòa Kính, duyên này chính là hiện tại tôi ở trong đạo tràng nhỏ này, có hoàn cảnh địa lý tự nhiên được ông trời ưu đãi, ở trong khe núi, chỉ có một lối ra, một cái sân, một đạo tràng duy nhất. Đặc

biệt là cơ cấu nhân viên của đạo tràng này khiến tôi vô cùng hứng thú. Cơ cấu nhân viên ở đây như thế này:

Thứ nhất: nhân viên công ty, có lĩnh lương. Cư sĩ hộ pháp Bồ-đề Tâm của tôi vốn là chủ tịch của một công ty bất động sản, mở xí nghiệp. Cho nên nền tảng của đạo tràng này là xí nghiệp. Hiện tại có thể nói như vậy, nơi này không phải là đạo tràng tu hành thuần túy, mà là một dạng kết hợp giữa xí nghiệp và đạo tràng. Cũng có thể nói là vừa là nơi thí nghiệm ba thứ trong một: giữa kinh doanh, trồng trọt và tu hành. Nhân viên công ty chiếm bộ phận chủ yếu.

Thứ hai: nhân viên nông trường, có lĩnh lương. Nhân viên nông trường có phân ra làm hai loại là dài hạn và ngắn hạn. Nhân viên nông trường phụ trách trồng trọt, đồ chúng tôi ăn đều là tự cấp, tự túc. Rất hiếm khi ra bên ngoài mua đồ. Một phần lương thực, toàn bộ rau củ, trái cây đều tự trồng trọt. Dầu ăn tự ép; tự làm mì sợi; đậu hũ, đậu hũ non, sữa đậu nành làm xong dùng luôn; đến hoa tươi cũng tự trồng. Hoa và trái cây cúng Phật đều là tự trồng, vào mùa vụ cần thêm mấy người tới làm công ngắn hạn.

Thứ ba: nhân viên đạo tràng, có lĩnh lương. Các nhân viên này chủ yếu phụ trách công việc phục vụ và quản lý cuộc sống hằng ngày của đạo tràng.

Thứ tư: người thân, người thân của nhân viên công ty, có lĩnh lương.

Thứ năm: người làm công quả của đạo tràng, không lĩnh lương. Số lượng và thời gian của người làm công quả ở đạo tràng không cố định. Cơ bản là tới đạo tràng đều là tham gia lao động, lượng công việc ở đây còn rất lớn. Mùa thu là mùa bận rộn nhất, thu hoạch trái cây, chọn lựa trái cây, dự trữ trái cây, làm công việc lên men v.v...

Thứ sáu: người già niệm Phật. Người trên bảy mươi tuổi thì chuyên tâm niệm Phật, không tham gia lao động. Mọi thứ ăn ở, vật dụng đều do đạo tràng lo, miễn phí toàn bộ.

Thứ bảy: nhân viên làm việc thời vụ, có những cách tính lương khác nhau.

Từ cơ cấu nhân viên sẽ thấy được đây là đạo tràng đa nguyên hóa. Tôi nhớ tới lão pháp sư xây dựng một thành phố hài hòa đa văn hóa ở Toowoomba. Chúng ta liệu có thể xây dựng đạo tràng nhỏ này trở thành đạo tràng Lục hòa kính đa văn hóa hài hòa, hòa hợp, đồng tâm hiệp lực hay không? Từ sự đề xướng của tôi, nhóm hộ



pháp rất nhanh liền có được nhận thức chung. Có được nhận thức chung không dễ dàng, đi đâu mà tìm? Tìm không được! Chúng tôi tìm được nhận thức chung này, cảm ơn mười phương chư Phật Như Lai từ bi gia trì, cảm ơn sự từ bi bảo hộ của Kim Cang hộ pháp.

Điều chúng tôi cần làm bây giờ là biến nhận thức chung này thành hiện thực. Làm thế nào để trở thành hiện thực? Đó là phải làm người bạn tốt không mời, bắt đầu làm từ đâu? Không trả lời được. Tôi hỏi bạn một vấn đề, tại sao thế giới Cực Lạc lại tốt đẹp như vậy? Thế giới này của chúng ta tại sao lại hỗn loạn như vậy? Trong kinh điển có một câu chúng ta phải ghi nhớ thật kỹ, A-di-đà Phật “hiện đang thuyết pháp”, A-di-đà Phật giáo hóa chúng sanh chưa từng ngừng nghỉ. Điều gì là quan trọng nhất? Giáo học là quan trọng nhất. Phật pháp là giáo học đa nguyên văn hóa, chư Phật Bồ-tát là người làm công tác tình nguyện đa nguyên văn hóa. Một chút xíu danh văn lợi dưỡng cũng không dính tới.

*Cách giải thích thứ hai:* “Chúng sanh được hóa độ tuy có cơ duyên tiếp nhận đạo nhưng không ưa thích”, chính là chúng sanh không ưa thích, họ không muốn. “Không biết cầu thánh đạo nên gọi là không tỉnh. Bồ-tát tùy cơ mà miễn cưỡng giáo hóa nên gọi là làm bạn giúp cho an vui”. Tình huống của hai loại chúng sanh này không giống nhau, loại thứ nhất có duyên với Phật rất mỏng, không sâu, cho nên họ không có khái niệm về Phật; loại thứ hai là đời quá khứ từng học Phật, a-lại-da thức có chủng tử, nhưng chủng tử này không mạnh, không có sức mạnh. Những người học Phật mà chúng ta gặp, đa phần thuộc loại thứ hai.

Có cách giải thích thứ ba không? Tôi chưa từng thấy. Nhưng mà tôi luôn cảm thấy thiếu chút gì đó. Không phải là phát minh sáng tạo gì mới, cứ coi như là thảo luận và giao lưu với các bạn đồng tu, nói sai thì phải chịu trách nhiệm nhân quả. Tôi giả thiết về cách giải thích thứ ba như sau.

*Cách giải thích thứ ba:* “Chúng sanh được hóa độ có cơ duyên tiếp nhận đạo, lại vốn ưa thích, cầu thánh đạo như kẻ khát, nên gọi là cầu tỉnh”. Đây là loại thứ ba, loại thứ ba có duyên rất sâu với Phật, không phải duyên mấy đời thôi, mà là duyên nhiều đời nhiều kiếp, một khi duyên chín muồi, gặp được Phật pháp, vậy thì càng không thể ngăn lại được. Cầu thánh đạo như kẻ khát, cầu pháp như kẻ khát, hận vì không thể gặp được sớm hơn.

Lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không là đại biểu điển hình cho kiểu người thứ ba, trong xã hội ngày nay, ai có thể giảng kinh thuyết pháp 60 năm không ngừng nghỉ? Chỉ có lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không. Ai có thể giảng pháp thế gian được thấu triệt như vậy, lại có thể giảng Phật pháp thấu triệt như vậy? Là lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không. Ai vừa nói ra Phật pháp, lại vừa làm được Phật pháp? Lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không. Học Thích-ca Mâu-ni Phật, đi theo con đường của Phật Thích-ca, hoằng dương pháp của Phật Thích-ca, ai là tấm gương tốt nhất trong lòng chúng ta? Lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không. Lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không đề xướng một câu Phật hiệu, một bộ kinh, một bộ chú giải, những cái khác không cần nữa. Bạn có đồng ý không? Bạn có làm theo không?

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây. Cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 16

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem câu kinh văn tiếp theo:

*“Thọ trì Như Lai thậm thâm pháp tạng. Hộ Phật chủng tánh thường sử bất tuyệt”.*

Đây là sự hành trì đại từ bi của Bồ-tát. Bồ-tát làm người bạn không mời của chúng sanh, các ngài muốn làm chuyện gì cho chúng sanh? “Thọ” là tiếp nhận, “trì” là duy trì.

Thế nào là “Như Lai thậm thâm pháp tạng”? Có vài cách giải thích sau đây cung cấp cho mọi người tham khảo.

*Cách giải thích thứ nhất:*

Tịnh Ảnh Sớ nói: “Tu hiểu được rành rẽ Như Lai tạng tánh là pháp tạng rất sâu của Như Lai. Âm chướng đã trừ thì tâm mình hiện rõ”, đây gọi là minh tâm, nên gọi là “thọ trì”.

Tịnh Ảnh Sớ và Đại thừa Khởi Tín Luận giải thích như sau: Ai cũng có Như Lai tạng, nếu có thể hiểu rõ học tập Như Lai tạng tánh, đạt được khai giải thù thắng thì đó là “Như Lai thậm thâm pháp tạng”.

Còn về thọ trì, không phải là dạy bạn đạt được điều gì, chỉ là dạy bạn loại bỏ chướng ngại ngu si, bởi vì bạn vốn đầy đủ, chỉ là bị bụi bặm che phủ. Cũng giống như trời âm u không có mặt trời, mây vừa bay đi thì mặt trời hiện ra, đây là thọ trì. Cho nên thấy rõ tâm mình, nhận biết tâm mình đúng như thật thì gọi là “thọ trì Như Lai thậm thâm pháp tạng”. Cách giải thích này rất cao. Xem minh tâm kiến tánh là “thọ trì Như Lai thậm thâm pháp tạng”. Minh tâm kiến tánh là lý nhất tâm bất loạn trong Tịnh độ tông.

Mọi người biết, niệm Phật trong Tịnh độ có ba cấp độ.

Cấp độ thứ nhất là công phu thành phiền. Đây là cảnh giới gì? Mọi lúc mọi nơi, ngày đêm sáu thời (trong 24 giờ), trong tâm chỉ có A-di-đà Phật, ngoài A-di-đà Phật ra thì không có tạp niệm nào khác, đây gọi là công phu thành phiền. Họ dùng

một câu Phật hiệu khổng chế phiền não, giống như lấy đá đè cỏ vậy, sức nặng của đá lớn, đè bẹp cỏ, khiến chúng không thể mọc lên được.

Cấp độ thứ hai là sự nhất tâm bất loạn. Đây là cảnh giới nào? Đoạn trừ kiến tư phiền não, chứng đắc quả vị A-la-hán, người ở cấp độ này vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc sẽ sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư.

Cấp độ thứ ba là lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn chính là minh tâm kiến tánh, không những đoạn trừ kiến tư phiền não, trần sa phiền não, mà còn phá một phần vô minh phiền não, phá một phẩm vô minh chứng một phần pháp thân, người ở cấp độ này sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm.

*Cách giải thích thứ hai:*

Sách Chân Giải nói: “Nghe pháp tạng của hết thầy Như Lai trong ba đời, đây là vạn pháp. Hiện hiện ra vạn pháp quy về một, cũng là câu trăm sông đổ về một biển mà chúng ta thường nói, vạn pháp quy nhất, thu nhiếp đa văn thành nhất văn. Như trong Hoa Nghiêm nói, nhất tức là đa, đa tức là nhất, đa văn có thể quy về nhất văn, nhất văn chính là nghe danh hiệu Phật. Đây là lấy nghe danh hiệu Phật làm “thọ trì Như Lai thậm thâm pháp tạng”. Lời này càng hợp với Tịnh tông, nói rất hay, không phải là người từng trải thì không thể nói ra lời này, nói rất hay! Đa văn quy về nhất văn, đa môn quy về nhất môn, tám vạn bốn ngàn pháp môn quy về một môn, trì danh niệm Phật; môn này chuyên tu Tịnh độ, cầu sanh Tây Phương.

Hai cách giải thích trên đây, tôi khái quát lại: Cách giải thích thứ nhất là minh tâm. Cách giải thích thứ hai là văn danh. Trên thực tế hai thuyết này là một thuyết. “Một tiếng Phật hiệu một tiếng lòng”. Một tiếng Phật hiệu, tự tâm của bạn đã hiển hiện trong tiếng Phật hiệu này. Tuyệt diệu! Tuyệt diệu! Thật tuyệt diệu!

*Cách giải thích thứ ba:*

Lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không giải thích câu “thậm thâm pháp tạng” như sau: “Thậm thâm pháp tạng” là chỉ bộ kinh này, tức là chỉ câu vạn đức hồng danh này. Còn có cách giải thích nào đơn giản hơn, rõ ràng hơn, thấu triệt hơn không? Không còn nữa, tìm không thấy. Nếu như hai cách giải thích đầu tiên bạn còn có chút không hiểu, vậy thì cách giải thích thứ ba chắc là bạn vừa nghe liền hiểu phải không? Bạn đọc hiểu kinh Vô Lượng Thọ rồi, nghe hiểu rồi; bạn niệm A-di-đà Phật rõ ràng thì “thậm thâm pháp tạng” trong tự tánh của bạn sẽ hoàn toàn hiển lộ rõ ràng.

Các đồng tu nhất định phải nhớ kỹ, hết thấy đều là một câu Phật hiệu, không cần bất kỳ pháp môn nào trợ giúp, chỉ một câu Phật hiệu này niệm đến cùng. Lão hòa thượng Hải Hiền đã làm biểu pháp, ngài đã biểu diễn thành công rồi, cũng đã làm ra tấm gương, chúng ta còn hoài nghi hay sao?

*“Hộ Phật chúng tánh, thường sử bất tuyệt”*

“Hộ” là bảo hộ, giữ gìn, duy trì. “Phật chúng tánh”, trong Hội Sớ có bốn cách giải thích, tôi liệt kê ra ba cách để mọi người tham khảo.

*Thứ nhất:* “Chúng sanh vốn có Phật tánh, trong tâm chúng sanh vốn có Như Lai tánh, vốn là bất biến, có thể sanh ra công đức vượt hơn cát sông Hằng, nhưng bị vô minh che lấp”, vượt có nghĩa là nhiều hơn, đoạn này có nghĩa là khai phát Phật tánh vốn có của chúng sanh.

Chúng sanh ai cũng có Phật tánh, Phật tánh này vốn bất biến, có thể sanh ra công đức nhiều hơn cát sông Hằng. Mặc dù hiện nay là chúng sanh, nhưng Phật tánh vốn có chưa từng thay đổi, chưa từng giảm bớt. Nhưng hiện tại bị vô minh che lấp, giống như mặt trời của ngày âm u bị mây che mát, có cũng như không, nhưng công đức vô biên của mặt trời vẫn không hề bị chút tổn thất nào. Sự giáo hóa của Bồ-tát chính là khai phát Như Lai tạng của chúng sanh, hiện rõ Phật tánh vốn có, đây gọi là “hộ Phật chúng tánh”. Bồ-tát làm hưng khởi sự giáo hóa, khai phát Như Lai tạng vốn có của chúng sanh, gọi là “thiệu long Phật chúng”. Cách nói này có ý nghĩa rất sâu.

Học Phật trước tiên phải khẳng định hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, cũng tức là nói hết thấy chúng sanh vốn là Phật. Nền tảng của giáo dục Phật-đà chính là điều này, cũng là nền tảng giáo hóa chúng sanh của Thích-ca Mâu-ni Phật và hết thấy chư Phật trong mười phương ba đời.

Tổ tiên của chúng ta thật sự không tầm thường, các ngài là thánh nhân, không phải là người phàm. Tại sao vậy? Nền tảng của các ngài cũng là điều này, từ đâu mà biết được? Câu đầu tiên trong Tam Tự Kinh, “nhân chi sơ, tánh bản thiện”, vĩnh viễn là bản tánh vốn thiện. Đã là tánh vốn thiện thì tại sao chúng ta lại trở thành bộ dạng như bây giờ? Đừng quên phía sau vẫn còn một câu “tập tương viễn”. “Tánh tương cận”, chúng ta và Phật Bồ-tát là giống nhau, là bình đẳng. “Tập tương viễn”, tập tánh không giống nhau, chư Phật Bồ-tát không có tập tánh, chúng sanh có tập tánh, hơn

nữa còn hoàn toàn tùy thuận theo tập tánh của chính mình, tập tánh che lấp tự tánh, tự tánh không thể hiển lộ, đây là chân tướng sự thật.

Làm thế nào giúp chúng sanh nhận biết được chân tướng sự thật này? Dạy học. Dạy như thế nào? Cách dạy trực tiếp nhất, nhanh nhất, ôn hòa nhất chính là trì danh niệm Phật. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, trong vô lượng pháp môn, đây là pháp môn bậc nhất.

Bồ-tát giáo hóa chúng sanh, mục đích của giáo hóa là khai phát Phật chủng vốn có trong tự tánh của chúng sanh. Phật chủng là gì? A-di-đà Phật, tự tánh Di-đà. Trong Tam Thời Hệ Niệm, khai thị của thiền sư Trung Phong có nói hai câu: “Tâm ta chính là A-di-đà Phật, A-di-đà Phật chính là tâm ta, nơi này chính là Tịnh độ, Tịnh độ chính là nơi này”. Hai câu này có ý gì? Tự tánh vốn có. Lời này không phải là giả, không phải là ví dụ, không phải là hình dung, mà là chân tướng sự thật. Bạn hiểu rõ ràng chân tướng, sáng tỏ rồi thì bạn sẽ biết học tập Tịnh tông là điều may mắn lớn biết bao, phước báo lớn dường nào, phải trân trọng!

Muốn khai phát Như Lai tạng vốn có của chúng sanh, cũng tức là [khai phát] A-di-đà Phật vốn có trong tâm chúng sanh thì phải dẫn dắt, giúp đỡ chúng sanh tin sâu không nghi ngờ đối với trì danh niệm Phật, giúp chúng sanh nhất tâm quy mạng, trì danh niệm Phật.

*Thứ hai:* Lấy tâm Bồ-đề làm Phật chủng. Kinh Hoa Nghiêm nói “ví như không có bò”, câu này có nghĩa là lấy tâm Bồ-đề làm Phật chủng, ví như không có bò là tỉ dụ, không có bò thì không có sữa bò, không có sữa bò thì sao có thể làm ra đề-hồ được? Nếu như không có Bồ-tát phát tâm, thì không có Phật chủng; nếu như có Bồ-tát phát tâm, Phật chủng liền chẳng đoạn. Người phát tâm Bồ-đề là Bồ-tát, người không phát tâm Bồ-đề thì không gọi là Bồ-tát.

Tâm Bồ-đề là gì? Đại thừa Khởi Tín Luận nói ba tâm: thứ nhất là trực tâm; thứ hai là thâm tâm; thứ ba là đại bi tâm. Ba tâm là một thể, là một tâm. Chân tâm là thể của tâm Bồ-đề, bản thể, thực ra cũng là chân tâm tự tánh. Thâm tâm là tự thọ dụng, có thể có dụng. Đại bi tâm là tha thọ dụng, cũng tức là chúng ta dùng tâm gì trong cuộc sống của chính mình, dùng tâm gì để đối đãi với hết thầy chúng sanh; đại từ đại bi đối đãi với hết thầy chúng sanh. Từ là ban vui, bi là trừ khổ.

Chân tâm là tâm thanh tịnh bình đẳng. Đối với chính mình không mong cầu danh vãn lợi dưỡng, ngay cả chút rìa cũng không nên dính. Nhất định phải cầu thanh tịnh bình Đẳng Giác, quan trọng hơn bất cứ điều gì. Thanh tịnh bình Đẳng Giác là tánh đức của tự tánh, tánh đức của tự tánh vốn sẵn đầy đủ, sẵn đầy đủ vô lượng trí tuệ, sẵn đầy đủ vô lượng đức năng, năng lực của tánh đức có thể phá phiền não, giúp chúng sanh lìa khổ được vui. Đây là lấy pháp tánh làm Phật chủng, Phật chủng chẳng đoạn.

*Thứ ba:* Lấy xưng danh làm Phật chủng. Tuyệt! Quá tuyệt! Niệm một câu A-di-đà Phật, đây là Phật chủng. Trong ba cách giải thích thì cách giải thích thứ ba hay nhất, đều bao hàm hai cách giải thích trên. Hai cách nói trên không bao gồm niệm Phật, niệm Phật bao gồm hai cách nói trên. Ví như trồng cây, phải có hạt giống, gieo hạt giống xuống, chăm sóc tốt, nó sẽ nảy mầm, phát triển thành cây con, sau đó mới thành cây lớn. “Nghe danh hiệu Phật như được hạt giống, tín nguyện trì danh, tức đầy đủ nhân duyên, ắt được thọ ký thành Phật, nên nói trì danh là Phật chủng”. Cách nói này phù hợp với tôn chỉ của kinh này. Lời này nói thật hay! Sao lại nghe không hiểu cho được! Một cơn gió nhẹ có thể thổi đổ một vùng, cuốn đi nhiều thứ. Người khác nói gì thì tin đó, nhưng lại không tin A-di-đà Phật, không tin A-di-đà Phật thì làm sao bạn có thể thành Phật?

Chúng ta tiếp xúc với Tịnh độ tông cũng mười năm, hai mươi năm rồi, chúng ta quay đầu nhìn lại xem, mười năm, hai mươi năm trôi qua, chúng ta thu hoạch được gì? Chúng ta chọn học pháp môn niệm Phật của Tịnh độ, đã niệm A-di-đà Phật mười năm, hai mươi năm, công phu thế nào rồi? Kiểm tra một chút xem, không vượt qua được thử thách! Vừa gặp thử thách liền lộ rõ, không phải một lòng một dạ niệm A-di-đà Phật! Nghe vài buổi giới luật liền hoài nghi A-di-đà Phật, mười năm, hai mươi năm nay của bạn là công phu gì, chính mình ngẫm lại liền có thể biết được. Mười năm, hai mươi năm nay học uổng công. Gió nhẹ, sóng nhỏ vừa tới liền không chịu được, bạn sao có thể vãng sanh? Thật ra mà nói, bạn vẫn đang làm chuyện lục đạo luân hồi. Tại sao vậy? Vì bạn không có tâm xuất ly, bạn không sợ nỗi khổ luân hồi, bạn vẫn còn khá tham luyến luân hồi, khởi tâm động niệm của bạn phân biệt chấp trước, không có thứ nào buông xuống được, vẫn muốn tranh giành danh lợi với chúng sanh trong lục đạo.

Mười năm, hai mươi năm, mặc dù nghe kinh nhưng nghe không hiểu, một câu cũng không hiểu. Tại sao lại nghe không hiểu? Bởi vì tâm bạn không chuyên, chướng ngại trong tâm bạn chưa được loại bỏ. Sau này, dù có nghe mười năm, hai mươi năm nữa, bạn vẫn mơ mơ hồ hồ, như vậy thì xong rồi.

Đời người mấy chục năm trong nháy mắt liền trôi qua. Hai mươi năm này, chúng ta trải qua sóng dữ gió mạnh, trải qua sóng to gió lớn, trải qua không biết bao nhiêu sóng nhỏ, gió nhẹ, giống như lò luyện đan của Lão Quân vậy, luyện cho Tôn Ngộ Không một đôi hỏa nhãn kim tinh. Sóng còn dãi cát, thứ còn lại nhất định là vàng ròng. Tôi rất kính trọng các vị lão Bồ-tát trong nghịch cảnh vẫn kiên quyết thọ trì kinh Vô Lượng Thọ! Các ngài là tinh anh trong nhà Phật! Cảm ân sâu sắc các vị! Xin được cúi đầu, xin được đánh lễ các vị!

Mấy năm trước phong trào bái sám trở nên mạnh mẽ, ảnh hưởng diện lớn, cuốn đi một lượng lớn các vị lão Bồ-tát đã thọ trì kinh Vô Lượng Thọ nhiều năm, các vị đánh mất tín tâm đối với A-di-đà Phật, xây một bếp lửa khác, chôn vùi cơ duyên tốt thành tựu của chính mình trong đời này.

Là lỗi của ai? Là sai lầm của ai? Là tội của ai? Tại sao lại nói như vậy? Bởi vì bạn làm lạc lối chúng sanh có căn tánh thành Phật chín muồi, khiến họ đánh mất cơ hội tốt để thành Phật trong đời này. Bỏ lỡ rồi thì là mấy ngàn kiếp! Nhân quả này, bạn có thể gánh nổi không?

Tôi từng nói nhiều lần, phải y pháp bất y nhân, chọn thầy cũng phải chọn “minh sư”, chứ không phải bảo bạn chọn “danh sư”! Có khi danh tiếng càng lớn càng có hại! Mở đôi mắt trí tuệ của bạn ra, nhìn cho rõ thế giới nhao nhao hỗn loạn này.

Phật chủng là gì? A-di-đà Phật là Phật chủng trong Phật chủng, là hạt giống thật sự, không có lời nào có thể nói. Từ A-di-đà Phật sanh ra hết thầy pháp, từ A-di-đà Phật thành tựu hết thầy chư Phật, còn [điều nào] thù thắng hơn không?

Tam tụ tịnh giới, ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh trong giới luật, toàn bộ đều nằm trong câu Phật hiệu này. Bạn nắm chắc pháp môn đại tổng trì, tổng hết thầy pháp, trì hết thầy nghĩa, pháp môn thù thắng như vậy không nơi nào tìm được. Nếu như không phải nhờ phước báo tu tập tích lũy được trong nhiều đời nhiều kiếp quá khứ thì bạn không gặp được, cho dù gặp được cũng bỏ lỡ. Huống chi thế gian hiện



nay, có biết bao nhiêu pháp môn đang khuyên bạn đừng niệm A-di-đà Phật, bạn nghe xong, bạn tiếp nhận rồi, bạn liền từ bỏ cơ hội lần này, để nó trôi qua lãng phí. Bây giờ bạn chưa biết hồi hận, sau khi bạn chết bạn mới biết hồi hận, lúc đó hồi hận không còn kịp nữa.

Bốn chữ tín nguyện trì danh này thật tuyệt vời. Bốn chữ này do đại sư Ngẫu Ích đề ra, đơn giản vô cùng. Tín sâu nguyện thiết, một câu A-di-đà Phật niệm đến cùng thì đầy đủ nhân duyên, nhất định được Phật thọ ký thành Phật, nên nói trì danh là Phật chủng. Theo Hội Sớ, lấy tâm Bồ-đề và xưng danh hiệu Phật làm Phật chủng tánh, đủ để chứng minh rằng kinh Vô Lượng Thọ lấy phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm làm tông chỉ, đúng là “hộ Phật chủng tánh, thường sử bất tuyệt”.

Phía trước tôi có nhắc đến tam tụ tịnh giới, sau đây tôi sẽ giới thiệu sơ lược: Tam tụ là chánh định tụ, tà định tụ, bất định tụ. Chánh định tụ là chỉ hạng chúng sanh nhất định có thể chứng ngộ. Tà định tụ chỉ hạng chúng sanh chắc chắn không thể chứng ngộ. Bất định tụ chỉ hạng chúng sanh ở giữa chánh định tụ và tà định tụ, có thể chứng ngộ, cũng có thể không chứng ngộ. Tam tụ nghĩa là chỉ ba hạng chúng sanh.

Tam tụ tịnh giới gồm: nhiếp luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới, nhiếp chúng sanh giới. Nhiếp luật nghi giới là tuân theo Phật pháp, không làm các điều ác. Nhiếp thiện pháp giới là vâng làm hết thảy điều thiện. Nhiếp chúng sanh giới là rộng tu hết thảy thiện pháp để lợi ích chúng sanh. Nhiếp luật nghi giới và nhiếp thiện pháp giới là lợi ích chính mình, nhiếp chúng sanh giới là lợi ích người khác, kết hợp lợi mình lợi người thì gọi là hai lợi ích viên mãn. Người học Phật pháp Đại thừa nên cùng nhau hành trì.

*“Hưng đại bi, mãn hữu tình, diễn từ biện, thọ pháp nhĩ, đở ác thú, khai thiện môn”.*

Sáu câu kinh văn này là cương lĩnh hành động của việc làm lợi ích chúng sanh, là hành động cụ thể của “vị chur thứ loại, tác bất thỉnh chi hữu”.

*“Hưng đại bi, mãn hữu tình”.*

Bồ-tát sanh tâm đại bi, thương xót hết thảy chúng sanh hữu tình. Đại bi là động lực để Bồ-tát giáo hóa chúng sanh không sợ khổ cực. Không sợ khổ cực chính là bi tâm. Mãn là thương xót, Bồ-tát thương xót chúng sanh, đây là đại bi bình đẳng.

Đối đãi bình đẳng với hết thầy chúng sanh, không phân biệt oan gia hay người thân, yêu hay ghét v.v... Chúng ta yêu ghét rõ ràng, yêu tới mức chết đi sống lại, hận tới mức nghiền răng nghiền lợi. Gần đây tôi lại học được một danh từ mới: gọi là trở mặt.

*“Diễn từ biện, thọ pháp nhãn”.*

Đây là phương pháp độ chúng sanh của Bồ-tát. Bồ-tát phát tâm từ bi cứu độ chúng sanh, khiến chúng sanh được vui, thuyết pháp cho chúng sanh, gọi là “diễn từ biện”. Biện là biện tài vô ngại. Bồ-tát giảng kinh thuyết pháp không biết mệt mỏi, khuyên bảo chúng sanh, động lực từ đâu mà có? Động lực đến từ tâm từ bi, không nỡ để chúng sanh khổ, không nỡ khiến thánh giáo suy vi. Bởi vì chư Phật Bồ-tát đã buông xuống hết thầy danh văn lợi dưỡng của thế gian. Là sức mạnh nào thúc đẩy các ngài siêng năng như vậy? Đó là sức mạnh của “đại từ đại bi”. “Diễn từ biện” là phương pháp giáo hóa chúng sanh, phải vì chúng sanh mà biểu diễn, vì chúng sanh mà diễn thuyết, phải giải đáp nghi hoặc của chúng sanh.

“Thọ pháp nhãn” là chư Phật đem pháp nhãn truyền thọ lại cho bạn. Pháp nhãn là trí tuệ, pháp nhãn không phải là nhục nhãn, có thể nhận thức thật tướng của hết thầy các pháp mới là pháp nhãn. Pháp nhãn là một trong ngũ nhãn, gồm nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn. Pháp nhãn là trí tuệ, có thể chọn lựa hết thầy pháp môn. Hội Sớ nói “sanh khởi chánh kiến đối với Phật đạo gọi là pháp nhãn”. Tịnh Ảnh nói “trí tuệ có thể chiếu soi pháp”, cũng tức là nói trí tuệ có thể phân biệt hết thầy pháp tướng thì gọi là pháp nhãn. Pháp nhãn tức là có thể chọn phương pháp thiện xảo nhất, thích hợp với hết thầy căn khí của chúng sanh, trí tuệ như vậy gọi là pháp nhãn.

Cho nên chúng ta chỉ dạy chúng sanh, sanh chánh tri kiến đối với Phật pháp, cũng giống như chính họ đã có trí tuệ, đạt được pháp nhãn, cho nên gọi là “thọ pháp nhãn”. Đặc biệt là pháp môn Tịnh độ, trí tuệ giúp chúng sanh có thể chọn lựa, xem trọng thật không dễ dàng, phải thật sự đạt được pháp nhãn thì mới biết được. Phật truyền trao pháp nhãn này cho bạn, nói cho bạn biết sự thù thắng của pháp môn Tịnh độ, bạn có thể tin, có thể niệm, có thể làm đúng như pháp thì cũng giống như chính bạn đã có pháp nhãn vậy, nhưng đó là do Phật truyền trao cho bạn, đây là ý nghĩa của “thọ pháp nhãn”.

*“Đỗ ác thú, khai thiện môn”.*

“Đỗ ác thú”, đỗ tức là ngăn chặn, ngăn cản, lấp kín, cản trở.

“Ác thú” có hai cách giải thích.

Cách giải thích thứ nhất: ác thú chỉ ba đường ác: súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Ba đường ác khổ không kể xiết, một khi trả báo trong ba đường ác thì là năm ngàn kiếp. Nếu như đọa địa ngục thì sự đau khổ ở đó càng không thể nói hết. Vì vậy chư vị Đại sĩ chặn lại cánh cửa đọa lạc vào ba đường ác. Trong đại nguyện của A-di-đà Phật nói rằng: “Sanh về cõi ta... chẳng bị đọa vào ba đường ác nữa”.

Cách giải thích thứ hai: ngoài Phật ra đều là ác đạo. Thiện và ác có tiêu chuẩn khác nhau, dùng tiêu chuẩn của quả địa Như Lai để so sánh thì Đẳng Giác Bồ-tát cũng là ác đạo, chỉ có Phật mới là thiện đạo, ngoài Phật ra đều là ác đạo. Tại sao lại nói như vậy? Nếu như Đẳng Giác Bồ-tát là thiện đạo, không phải là ác đạo, vậy thì không cần phải phá một phẩm vô minh sau cùng nữa. Tại sao Đẳng Giác Bồ-tát vẫn phải đoạn một phẩm vô minh sau cùng? Vì để thành Phật! Trong sáu đường của chúng ta thì địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh là ba đường ác; người, trời, a-tu-la là ba đường thiện. Nếu như so với A-la-hán, thì trời Phi Tướng Phi Tướng vẫn là ác đạo, sáu đường đều ác, A-la-hán mới là thiện đạo. A-la-hán so với Bồ-tát thì A-la-hán là ác đạo, Bồ-tát mới là thiện đạo; nếu so sánh Bồ-tát với Phật thì Bồ-tát là ác đạo, chỉ có Phật mới là thiện đạo. Cho nên câu “đỗ ác thú” trong kinh Vô Lượng Thọ, nhất định phải thành Phật thì mới có thể đoạn trừ hết đường ác; chưa thành Phật thì đường ác vẫn chưa được đoạn trừ hết. Đây là tiêu chuẩn của thiện và ác mà chúng ta phải biết.

Chúng ta là người học Tịnh tông, kinh Vô Lượng Thọ, pháp môn niệm Phật của Tịnh độ là Đại thừa trong Đại thừa, nhất thừa trong nhất thừa, viên trong viên, đốn trong đốn, chuyên trong chuyên. Cho nên, tiêu chuẩn này là tiêu chuẩn tuyệt đối, không phải là tiêu chuẩn thông thường.

“Khai thiện môn” là mở cánh cửa Bồ-đề Niết-bàn. Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Át được siêu tuyệt, vãng sanh cõi vô lượng thanh tịnh của A-di-đà Phật”, đây là khai thiện môn. Cửa thiện này của cõi Phật vĩnh viễn rộng mở cho hết thảy chúng sanh khổ nạn trong khắp hư không pháp giới. Chỉ cần bạn tiến vào cửa thiện này, bạn liền được tam bất thoái, liền được thọ mạng vô lượng. Cửa thiện lớn như vậy, bạn đâu thể không vào? Bước vào cửa thiện lớn này, bạn đâu thể một đời không thành Phật?

“Khai thiện môn” mà trong kinh Vô Lượng Thọ nói, không phải là chữ thiện trong thiện ác, chữ thiện trong thiện ác vẫn là ác, có một suy nghĩ thiện thì đã là bất thiện rồi. Khai thiện môn trong đây nói đến chính là minh tâm kiến tánh. Đây mới thực sự là cửa thiện. Sau khi tự tánh hiển lộ, trong tự tánh có vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, tự nhiên sẽ hiện tiền, ấy mới là thiện chân chánh.

Chìa khóa nào có thể mở cánh cửa thiện lớn minh tâm kiến tánh này? Chính là một câu A-di-đà Phật, đột phá hết, vượt qua hết nhiều cấp độ tiêu chuẩn, thẳng tới đỉnh cuối cùng. Đây là pháp môn không thể nghĩ bàn, là pháp môn được chư Phật tán thán. Hãy chú ý! Tại sao không nói là pháp môn được chư Phật BỒ-tát tán thán? Bởi vì BỒ-tát, bao gồm Đẳng Giác BỒ-tát cũng không biết pháp môn này. Đến biết còn không biết được thì làm sao tán thán! Chỉ có Phật với Phật mới biết được, Phật biết được pháp môn này vì diệu đặc biệt, pháp môn khác không thể sánh bằng. Pháp môn khác đều có cấp bậc, câu A-di-đà Phật của Tịnh tông không có cấp bậc, sơ phát tâm thì có thể viên thành Phật đạo, cho nên đây là pháp khó tin.

Nhớ kỹ hai câu này: Ngoài Phật ra đều là ác đạo; cửa thiện thực sự là [câu] A-di-đà Phật. Hai câu này có bao nhiêu người chấp nhận? Mấy hôm trước tôi có đọc “Tâm Thanh Lục” của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, trong đó có một bài kệ, gọi là “Thâm Diệu Thiên Kệ”, câu đầu tiên như sau: “Có đại phước đức mới niệm Phật”. Câu này giống như tiếng sư tử hống vậy, làm muông thú kinh sợ, nói với hết thảy những người coi thường Tịnh độ, không nên cho rằng ông bà lão trường chay, ngu phu ngu phụ cũng có thể tu Tịnh độ thì coi thường Tịnh độ. Người tu Tịnh độ càng không thể cho rằng căn cơ của chính mình thấp kém, không có trình độ tu các pháp môn khác, không còn cách nào khác, đành phải tu Tịnh độ. Nên biết: chỉ người “có phước đức lớn” mới có thể tin nhận pháp môn niệm Phật, mới biết niệm Phật.

Kinh Vô Lượng thọ nói: “Nếu xưa kia chẳng tu phước tuệ thì không thể nghe chánh pháp này”. Nếu như không phải nhiều đời nhiều kiếp đã tu phước tu tuệ, bạn muốn nghe một chút xiu về pháp môn này cũng không có thể, hiện nay bạn có thể gặp được pháp môn này, bạn không cảm thấy mình là người có phước đức lớn hay sao? Phải tin tưởng! Phải trân trọng chính mình, phải trân quý pháp môn này.

“Phật thuyết vô thượng thâm diệu thiên, kẻ thiện cận xem thành pháp cạn cạn”. Phật nói niệm A-di-đà Phật là vô thượng thâm diệu thiên, chúng ta phân tích câu này một chút: Phật nói niệm A-di-đà Phật là thiên; Phật nói niệm A-di-đà Phật là diệu

thiền; Phật nói niệm A-di-đà Phật là thâm diệu thiền; Phật nói niệm A-di-đà Phật là vô thượng thâm diệu thiền. Bạn đã xem rõ chưa? Bạn đã nghe rõ chưa? Phật nói niệm A-di-đà Phật là thâm diệu thiền, phía trước còn có hai chữ vô thượng. Vậy mà có một số người lại hoàn toàn trái ngược với Phật, vẫn cứ nói niệm Phật là pháp cạn cợt, coi thường pháp môn niệm Phật, thậm chí còn bài xích pháp môn niệm Phật, hủy báng người niệm Phật, tạo vô biên tội nghiệp.

Pháp môn niệm Phật là pháp môn cạn cợt sao? Tuyệt đối không phải! Vậy thế nào là cạn cợt? Chính là người cho rằng pháp môn niệm Phật cạn cợt, họ là người nông cạn, tự nhiên tầm nhìn cũng cạn cợt. Chẳng phải có một câu nói thế này sao? Người sâu sắc tầm nhìn cũng sâu sắc, người cạn cợt tầm nhìn cũng cạn cợt. Rốt cuộc là ai cạn cợt? Không phải vừa nhìn liền biết sao?

Chúng ta phải dùng lý lẽ để thuyết phục người khác. Xin nêu vài ví dụ để nói rõ:

Thích-ca Mâu-ni Phật là niệm Phật thành Phật. Kinh Phật Thuyết A-di-đà nói cho chúng ta biết chân tướng sự thật này. Thích-ca Mâu-ni Phật khuyên cha ngài niệm A-di-đà Phật, nếu như pháp môn niệm Phật là pháp môn cạn cợt, tại sao Thế Tôn lại khuyên cha ngài niệm Phật? Pháp môn ngài giới thiệu cho cha mình nhất định là pháp môn thù thắng nhất.

Quán Thế Âm Bồ-tát, Đại Thế Chí Bồ-tát, Văn-thù Bồ-tát, Phổ Hiền Bồ-tát đều là niệm Phật thành Phật, các ngài sớm đã thành tựu quả vị Phật, vì trợ giúp Phật giáo hóa chúng sanh nên vẫn còn ở quả vị Bồ-tát.

Bồ-tát Mã Minh, tác giả của Đại thừa Khởi Tín Luận, chương cuối cùng khuyên người cầu sanh Tịnh độ, ngài nói: Nên biết đức Phật có pháp môn thù thắng nhất, có thể nhiếp thọ hộ niệm tín tâm của chúng sanh đối với đạo Bồ-đề. Đó là nhờ vào nhân duyên nhất tâm nhớ Phật niệm Phật, nên có thể tùy nguyện vãng sanh cõi nước Phật ấy. Có thể thường gặp được chư Phật Như Lai, vĩnh viễn thoát khỏi nỗi khổ của ác đạo.

Bồ-tát Long Thọ viết cuốn Đại Trí Độ Luận, khai thị về việc tu hành pháp môn niệm Phật: Niệm Phật tam-muội có thể trừ bỏ hết thảy phiền não và tội nghiệp đời quá khứ; những loại tam-muội khác, có loại có thể trừ bỏ dâm dục nhưng không thể trừ bỏ sân hận; có loại có thể trừ bỏ sân hận nhưng không thể trừ bỏ dâm dục; có

loại có thể trừ bỏ ngu si nhưng không thể trừ bỏ dâm dục và sân hận; có loại dù có thể trừ bỏ cùng lúc ba độc tham sân si nhưng không thể trừ bỏ tội nghiệp trong đời quá khứ. Mà niệm Phật tam-muội này có thể trừ bỏ hết thảy phiền não và tội nghiệp đời quá khứ. Kế đó, niệm Phật tam-muội có thiện căn và phước đức lớn, có thể độ thoát chúng sanh. Nếu có Bồ-tát muốn cứu độ chúng sanh, các loại tam-muội khác không có thiện căn phước đức giống như niệm Phật tam-muội, có thể mau chóng tiêu diệt hết thảy tội ác. Lại nữa, đức Phật là pháp vương, Bồ-tát là pháp tướng, Bồ-tát kính ngưỡng tôn trọng nhất chỉ có chư Phật Thế Tôn, cho nên phải luôn niệm Phật.

Có người hỏi: Bồ-tát gánh vác trách nhiệm độ hóa chúng sanh, tại sao còn phải thương thân cận chư Phật vậy? Đó là vì có một số chúng sanh chưa tiến vào quả vị Bồ-tát, chưa đạt được địa vị bất thoái chuyển, chưa gặp duyên thọ ký thành Phật, cho nên sức mạnh tự thân vẫn chưa đủ, nếu như rời xa chư Phật thì sẽ tổn hoại hết thảy thiện căn phước đức, đắm chìm trong biển lớn của phiền não. Không thể tự độ, làm sao độ người khác? Một chút nước nóng muốn làm tan băng, ngược lại càng mau thành băng. Bồ-tát chưa bước vào quả vị bất thoái chuyển của Phật pháp, chưa ngộ nhập thật tướng các pháp, nếu như muốn rời xa chư Phật, dựa vào chút ít công đức của chính mình, lại không có sức phương tiện của trí tuệ, muốn độ hóa chúng sanh, mặc dù có chút lợi ích nhỏ, nhưng ngược lại càng mau đọa lạc. Voi lớn chìm trong bùn lầy, những động vật nhỏ khác không thể cứu được. Nếu như Bồ-tát đi sai đường, chỉ có chư Phật Như Lai mới có thể cứu họ, bởi vì chỉ có chư Phật mới cùng Bồ-đề đại đạo với Bồ-tát.

Bồ-tát Giác Minh Diệu Hạnh tùy theo căn cơ chúng sanh mà thuyết pháp, khai thị tuyên dương pháp môn Tịnh độ: Pháp yếu thâm sâu của chư Phật, vi diệu thâm mật không thể nghĩ bàn, chỗ rốt ráo của Phật pháp không cách nào dùng tâm phân biệt mà suy lường được, không thể dùng lời nói để bàn luận, do đó mà ngoài đức Phật ra thì không ai có thể tuyên dương rõ ràng đến cùng tận. Thích-ca Mâu-ni Phật là đại từ phụ của hết thảy chúng sanh, bởi vì tâm đại bi thương xót hết thảy chúng sanh khổ nạn, tuyên thuyết đại pháp mà tất cả mọi người không ai có thể nói được, dẫn dắt giáo hóa chúng sanh đời này và đời sau hướng đến đạo Bồ-đề Niết-bàn. Lại dùng pháp môn phương tiện thù thắng đặc biệt nhất, xưng dương và khai thị Tịnh độ an lạc của thế giới Cực Lạc, khiến hết thảy chúng sanh phát nguyện vãng sanh thế giới Tây Phương, mà vượt ngang qua mọi thứ khổ đau nơi ác đạo trong tam giới.

Phía trước tôi có nói rất nhiều chư Phật, Bồ-tát tán thán pháp môn niệm Phật của Tịnh độ, là để quý vị đồng tu dùng sự thật kiểm chứng, pháp môn niệm Phật có thật là pháp cạy cọt hay không? Nếu nói là pháp cạy cọt, vậy thì cạy cọt ở chỗ nào? Nếu không phải pháp cạy cọt, vậy thì không cạy cọt ở chỗ nào? Chúng ta phải nhìn thẳng vào hiện thực, dùng lý phục người.

Từ khi giáo pháp vô thượng của đức Phật truyền từ Đông độ đến Hoa hạ, ngoài Thiên tông đơn truyền trực chỉ, kiến tánh thành Phật ra, số người nhờ vào pháp môn niệm Phật mà vãng sanh Tịnh độ thoát khỏi sanh tử, bất kể là xuất gia hay tại gia, đều nhiều tới mức khó mà tính được, đây là sự thật không cần bàn cãi. Tịnh Độ Thánh Hiền Lục chính là minh chứng. Pháp môn niệm Phật thù thắng không gì sánh bằng, đây là cửa thượng thiện chân chánh. Cửa thiện này phải rộng mở ra, khiến vô lượng vô biên chúng sanh có duyên thông qua cửa thiện này mà vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc để làm Bồ-tát, làm Phật.

Tôi có ghi chép lại một đoạn trong [bài giảng] “Nghe sư phụ nói” để chia sẻ với mọi người!

“Buông xuống tốt biết bao, buông xuống tự tại biết bao! Chỉ có người thật sự buông xuống đạt đại tự tại, không còn vướng bận. Nếu như họ phát nguyện, còn có tâm từ bi, mang theo vài người đến thế giới Cực Lạc, đạo tràng nhỏ, niệm Phật đường nhỏ, cùng nhau cộng tu là được rồi. Nhỏ thì dễ thành tựu, lớn thì không dễ thành tựu, trong đạo tràng lớn tranh đấu gay gắt, vẫn là chiến trường, vẫn tạo nghiệp luân hồi, vậy thì sai rồi! Chiến trường, pháp thế gian thì có thể, chạy tới Phật pháp mà tạo thành chiến trường, vậy thì không còn là chuyện đơn giản nữa”. Lão pháp sư nói những lời này, ngài muốn biểu đạt điều gì? Ngài nhân rồi không chuyện gì làm nên nói chuyện phiếm hay sao? Tuyệt đối không phải! Ngài có thể nói ra những lời này, là thực sự không thể chịu được. Cả đời ngài có được mấy lần ngài nói ra những lời như vậy?

Tôi thật sự không hiểu, đã đến lúc nào rồi mà vẫn còn tranh, còn đấu, tranh cũng được, đấu cũng được, rốt cuộc mọi người muốn điều gì? Tôi không biết ai đang tranh, ai đang đấu? Tôi nói lời này, không nhắm vào bất kỳ ai. Tôi chỉ muốn nói với mọi người, bất kể bạn tranh gì, đấu gì, thì từ lò thiêu ra đều là một đồng xương trắng, đều bình đẳng.

*“Hết thầy đều là giả,  
Chỉ có niệm Phật thật,  
Còn tạo nghiệp luân hồi,  
Thật sự có chút ngu,  
Buông xuống thật tự tại,  
Mau chóng trở về nhà,  
Thuyền chạy không đợi khách,  
Bạn bị bỏ lại rồi!”*

Tiết học hôm nay giao lưu đến đây. Cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!



## TẬP 17

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem câu kinh văn tiếp theo:

*“Ư chư chúng sanh, thị nhược tự kỷ”.*

Hai câu kinh văn này là thái độ của Bồ-tát đối với chúng sanh, là chỗ mà chúng ta đặc biệt phải học tập theo. Xem hết thấy chúng sanh là chính mình, mình và người không hai, gọi là đồng thể đại bi.

Kinh Niết-bàn nói: “Hết thấy chúng sanh chịu khổ khác nhau cũng giống như một mình Như Lai chịu khổ”, hết thấy chúng sanh chịu đủ các nỗi khổ, trên thực tế chính là một mình Như Lai đang chịu khổ. Đạo lý này có bao nhiêu người thực sự hiểu được? Nếu như thật sự hiểu được, chân thật áp dụng vào trong cuộc sống, trong công việc, trong đối nhân xử thế thì được đại tự tại, được pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ.

Học tập hai câu kinh văn này, thân là người học Phật, bạn phải thường xuyên nhắc nhở chính mình, bạn thật sự muốn vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, thì không thể quên *“với các chúng sanh, xem như chính mình”*. Tại sao vậy? Vũ trụ thật sự là một thể. Trong Baha’i giáo cũng có tư tưởng này, vạn vật là một thể. Trong kinh Koran cũng có ý này, biểu đạt đồng thể đại bi. Người có được suy nghĩ này, có được nhận thức này, họ rất tự nhiên sẽ có trách nhiệm sứ mạng. Trong trách nhiệm sứ mạng này, chắc chắn có “chúng sanh vô biên thế nguyên độ”, tại sao vậy? Bởi vì vô biên chúng sanh với mình là một thể, họ chịu khổ cũng như mình chịu khổ, họ gặp nạn cũng như mình gặp nạn, họ có bệnh cũng như mình có bệnh, trị khỏi bệnh của mình thì bệnh của họ cũng tự nhiên khỏi. Cùng một thể mà, đồng thể đại bi.

Tiền sĩ Hew Len ở Mỹ đã dùng lý niệm đồng thể đại bi để chữa bệnh. Ông nói với lão pháp sư, sanh mạng của cả vũ trụ này là cùng một thể, phương pháp của ông là quán tưởng, mỗi ngày phải tu một lần, mỗi lần nửa tiếng đồng hồ, trong nửa tiếng này buông xuống vạn duyên, trong tâm thuần khiết, tâm thanh tịnh hiện tiền, quán tưởng thân thể của chính mình và thân thể của bệnh nhân hợp lại thành một, mình và người không hai. Sau đó quan sát xem chỗ nào của họ bị bệnh, tế bào nào bị bệnh. Trong nửa tiếng này, ông dùng tâm thanh tịnh giúp tế bào bị bệnh khôi phục trở lại

bình thường. Một ngày làm một lần, một lần nửa tiếng đồng hồ, làm liên tục như vậy trong 30 ngày. Tế bào bị bệnh trên cơ thể ông hoàn toàn khôi phục bình thường, bệnh của đối phương cũng khỏi, không cần gập mặt, hoàn toàn dùng ý niệm. Đây là thực tiễn cụ thể của lý niệm đồng thể đại bi. Ý niệm thay đổi hết thay. Nhỏ thì đối với thân thể của chính mình, lớn thì đối với hoàn cảnh sinh sống của chúng ta, “cảnh tùy tâm chuyển” chính là đạo lý này.

Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ từng nói mấy câu như sau: “Thứ mà con người yêu quý nhất, không gì hơn chính mình; nay xem chúng sanh như là chính mình, thì có thể cứu độ chúng sanh, tâm không lúc nào rời bỏ”. Trong đoạn này có hai câu quan trọng nhất: câu thứ nhất là “nay coi chúng sanh như là chính mình”; câu thứ hai là “cứu độ chúng sanh, tâm không lúc nào rời bỏ”. Làm được hai câu này thì đó là người học Phật chân chánh, là Bồ-tát chân chánh. Họ đối với khổ nạn của chúng sanh tuyệt đối sẽ không nhắm mắt làm ngơ, nhất định là toàn tâm toàn lực giúp đỡ hết thay chúng sanh khổ nạn.

Tại sao thế giới hiện nay hỗn loạn như vậy? Nguyên nhân căn bản là bất hòa. Tại sao lại bất hòa? Không hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sanh. Chân tướng của vũ trụ nhân sanh là gì? Cả vũ trụ là cùng một thể sanh mạng. Biết là cùng một thể thì còn tranh không? Còn đấu không? Còn tàn sát lẫn nhau không? Tàn sát lẫn nhau là tự mình tàn sát, chính là tự sát. Lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không nêu ra: Giữa đất nước với đất nước đối đãi bình đẳng, chung sống hòa hợp; giữa dân tộc với dân tộc đối đãi bình đẳng, chung sống hòa hợp; giữa đảng với đảng đối đãi bình đẳng, chung sống hòa hợp; giữa tôn giáo với tôn giáo đối đãi bình đẳng, chung sống hòa hợp. Bốn cơ sở lý luận mà lão pháp sư nêu ra chính là “cả vũ trụ là cùng một thể sanh mạng”. Xã hội an định, thế giới hòa bình là điều mà mỗi người chúng ta đều khẩn thiết mong cầu. Nhưng làm sao khiến xã hội an định? Làm thế nào khiến thế giới quay về hòa bình? Sao lại bó tay hết cách, không biết làm sao như vậy? Liên Hợp Quốc đã được thành lập hơn nửa thế kỷ, thành lập sau chiến tranh thế giới lần thứ hai. Hội nghị hòa bình của Liên Hợp Quốc bắt đầu từ năm 1970, đến nay đã được 50 năm rồi. Ngày ngày đều mở hội nghị hòa bình, ngày ngày kêu gọi hòa bình, nhưng thế giới càng ngày càng không thái bình, hòa bình càng ngày càng rời xa chúng ta. Là do nguyên nhân gì? Không hiểu vũ trụ là gì, không nhận thức được hoàn cảnh chúng ta sinh sống, cũng không nhận thức được chính mình, mê rồi, hoàn toàn mê rồi. Lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không nói với chúng ta: Trong Phật pháp

gọi vũ trụ là pháp tánh. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Các pháp sanh ra, chỉ là do tâm biến. Hết thấy nhân quả, thế giới vi trần đều do tâm mà thành thể”.

Nếu bạn thật sự hiểu được những lời nói này của Phật, thì bạn sẽ biết vũ trụ vốn hài hòa, vạn sự vạn vật trong vũ trụ trước giờ chưa từng có một thứ nào xung đột, chưa từng có đối lập, đây là pháp tánh. Chúng ta gọi là tánh đức, tánh đức vốn hài hòa. Tâm lượng của chúng ta, trong kinh Đại thừa thường nói “tâm bao trùm hư không, lượng trọn khắp pháp giới”. Tâm lượng vốn có của chúng ta là như vậy. Cho nên trong kinh đức Phật cảm thán rằng: phạm phu mê mất tự tánh, thật đáng thương!

Thiên “Tiên Kỳ” trong Lã Thị Xuân Thu nói: “Hễ là gốc của sự việc thì trước tiên nhất định phải sửa mình”, “thành tựu chính mình rồi thì mới thành tựu được thiên hạ”. Thành tựu này là thành tựu điều gì? Thành tựu trí tuệ, thành tựu đức hạnh, thành tựu tướng hảo. Thân này của chúng ta thành tựu thì thiên hạ thành tựu, được viên mãn. “Trị được bản thân thì mới trị được thiên hạ”, trị này có nghĩa là gì? Trị là đối trị, tức là tu sửa tư tưởng, kiến giải, lời nói, hành vi sai lầm của chính mình, sửa đúng rồi thì thiên hạ chánh. Cho nên nói “người vì thiên hạ”, thông thường gọi là đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn, vì hết thấy chúng sanh mà phục vụ. Muốn hóa giải xung đột trên thế giới, thúc đẩy thế giới hòa bình, mang lại hạnh phúc mỹ mãn cho hết thấy chúng sanh, đây là vì thiên hạ. Người xưa nói: “Trị thiên hạ không phải ở tại thiên hạ”, không ở tại thiên hạ. Nếu ngày ngày bạn trị thiên hạ ở mặt ngoài thì bạn vất vả cả đời, thiên hạ vẫn hỗn loạn như vậy, vẫn không thể thành tựu. Làm thế nào đây? “Ở bản thân”, bạn trị thiên hạ thì trước tiên phải sửa tốt chính mình, chính mình sửa tốt rồi thì thiên hạ liền tốt. Đạo lý này thật sự quá sâu quá sâu. Muốn sửa người thì trước tiên phải sửa mình, sửa người mà không sửa mình, làm sao có thể sửa người?

Học Phật không ngoài điều gì khác, thẳng thắn mà nói, học Phật chính là học “hòa bình”. Thân của chúng ta phải hòa, mỗi một bộ phận trên cơ thể, mỗi một cơ quan, mỗi một tế bào trên toàn thân đều phải hòa hợp. Mắt không được đánh nhau với tai, tai không được đối lập với mũi. Một khi đánh nhau, đối lập thì thân thể liền bị bệnh, nghiêm trọng thì chết. Chết nghĩa là không phải một bộ phận chết mà toàn bộ đều chết, mắt tai mũi lưỡi đều chết, không bộ phận nào sống được. Tại sao vậy? Vì là cùng một thể sanh mạng, bạn phải hiểu được đạo lý này.

Lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không đã làm ra tấm gương cho chúng ta, trở thành tấm gương xán lạn của cùng một thể sanh mạng cho chúng ta xem. Có thể nói ngài là người đề xướng và thực hành đoàn kết tôn giáo, cũng là người thu hoạch thành quả của việc đoàn kết tôn giáo. Đối với tôn giáo, lão pháp sư thật sự làm được đối đãi bình đẳng, chung sống hòa thuận, dẫn đầu làm mô phạm, là tấm gương cho chúng ta học tập theo. Lão pháp sư học kinh Koran, giảng kinh Koran. Ngài nói “tôi là học trò ngoan của thánh Allah, tôi là học trò ngoan của Muhammad”, bạn Hồi giáo của lão pháp sư rất nhiều. Kinh Koran dịch ra tiếng Trung có mười mấy loại, hầu như lão pháp sư đều xem qua. Ngài thích nhất bản dịch của Vương Tĩnh Trai. Ngài tuyệt đối không nói đó là ngoại đạo, là tà giáo. Lão pháp sư nói “Moses là thầy tôi, Muhammad là thầy tôi, Thượng đế là thầy tôi, thánh Allah là thầy tôi, tôi là học sinh ngoan nhất của các ngài, tôi đã học hết những gì các ngài để lại”. Kinh Mân Côi là thời khóa sáng tối của Thiên Chúa giáo, lão pháp sư từng giảng kinh Mân Côi cho tín chúng Thiên Chúa giáo ở Singapore. Lão pháp sư nói: sau khi thâm nhập nghĩa kinh tôi mới hiểu được kinh điển của hết thầy tôn giáo đều giống với kinh điển Phật giáo, nội dung trong đó đều có luân lý, đạo đức, nhân quả, triết học, khoa học. Đâu có chỗ nào khác nhau? Cho nên, sao có thể nói tôn giáo có chỗ khác biệt? Do đó tôn giáo có thể đoàn kết lại. Nhiều năm nay, lão pháp sư dốc sức làm công việc đoàn kết tôn giáo, ngài dùng phương pháp lý tưởng, phương pháp khả thi để hóa giải xung đột, thúc đẩy thế giới hòa bình, có cống hiến lớn lao mà cả thế giới đều thấy được, nhất định sẽ được ghi vào sử sách.

Tôi nỗ lực học theo ân sư, thực hành theo lời dạy của ân sư: Vũ trụ là một thể, chúng sanh là một thể, tôn giáo là một thể, pháp môn là một thể, áp dụng lời dạy của ân sư vào trong cuộc sống. Học Phật 20 năm, tôi chưa từng hủy báng bất kỳ tôn giáo nào, chưa từng hủy báng bất kỳ pháp môn nào, bởi vì lão pháp sư đã dạy tôi như vậy. Thầy Cốc Văn Các 90 tuổi dạy tôi ngữ văn năm cấp ba là một tín đồ Hồi giáo kiên thành. Thầy trò chúng tôi gặp mặt, chuyện vui nhất đó là thảo luận tôn giáo, không có chút chướng ngại nào. Tôi sẵn lòng nghe thầy nói, thầy cũng vui lòng nghe tôi nói, mỗi lần gặp nhau đều cảm thấy thời gian quá ngắn. Người thầy 90 tuổi, học trò 76 tuổi, mở lòng vui vẻ nói chuyện cùng nhau, hình ảnh này tốt đẹp biết bao! Tôi đem tập ảnh của lão pháp sư tới cho thầy xem, thầy hỏi tôi: Tô Vân, con làm sao tìm được người thầy tốt như vậy? Thầy tán thán lão pháp sư, nói lão pháp sư là Pháp Lão, là thánh nhân đương đại. Dặn dò tôi phải trân trọng duyên phận với lão pháp

su, học tập theo lão pháp sư. Các bạn xem, số tôi may mắn biết bao, gặp được người thầy tốt như vậy, tôi là người học trò may mắn nhất trên thế gian này. Chúc thầy của tôi sống lâu khỏe mạnh!

Mời xem câu kinh văn tiếp theo:

*“Chứng tế phụ hạ, giai độ bỉ ngạn”.*

Chứng tế nghĩa là cứu độ, phụ hạ nghĩa là gánh vác. Trong kinh Đại Pháp Cự Đà-ra-ni nói: Trách nhiệm của Bồ-tát là thế nguyện phải gánh vác, phải cứu độ hết thảy chúng sanh thoát khỏi thế gian. Phật xem hết thảy chúng sanh như con một của mình vậy, có thứ gì cũng đều muốn cho họ, thậm chí giúp họ bước vào Vô Dư Niết-bàn. Đều đạt đến Niết-bàn chính là bờ bên kia. Sanh tử là bờ bên này, Niết-bàn là bờ bên kia. Giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Chư Phật Bồ-tát gánh vác trọng trách này, cho nên sự nghiệp của chư Phật Bồ-tát là giáo hóa chúng sanh, “độ sanh là sự nghiệp, hoằng pháp là việc nhà”. Việc nhà của chư Phật Bồ-tát là hoằng dương Phật pháp, dùng mọi phương tiện thiện xảo để giới thiệu rộng rãi Phật pháp cho hết thảy chúng sanh, giúp chúng sanh sớm ngày phá mê khai ngộ, từ bờ sanh tử bên này đi tới bờ Niết-bàn bên kia.

Chúng ta làm thế nào để gánh vác gia nghiệp này? Gánh vác gia nghiệp của Như Lai, không phải chỉ hô hào khẩu hiệu suông, mà phải thực hiện bằng hành động. Sự nghiệp nhà Phật là sự nghiệp lớn nhất. Thành tựu sự nghiệp lớn nhất thì phải có tâm lượng lớn nhất, tâm lượng nhỏ thì không thành tựu được sự nghiệp lớn. Thế nào là tâm lượng lớn? Chí công vô tư, hết thảy đều vì pháp. Không có tâm lượng lớn như vậy thì không thể gánh vác gia nghiệp của Như Lai, mà chỉ là một người khách qua đường vội vã mà thôi.

Học Phật hơn 20 năm, tiếp nhận lời dạy bảo của ân sư, tôi có chút nhận thức về việc gánh vác gia nghiệp của Như Lai, xin chia sẻ với mọi người nghe, nguyện cùng nỗ lực, nếu có chỗ chưa đúng, hoan nghênh phê bình và chỉ giúp.

Làm thế nào để gánh vác gia nghiệp của Như Lai? Kinh nghiệm và thể hội của tôi như sau:

*Thứ nhất*, y giáo phụng hành, làm đệ tử chân chánh, đệ tử ngoan của Như Lai. Trước tiên phải làm rõ ràng, đức Phật đang dạy chúng ta điều gì, sau đó thực hành

theo lời dạy của Phật, như vậy gọi là y giáo phụng hành. Nếu như không biết Phật đang dạy chúng ta điều gì, thì bạn dựa vào đâu để thực hành?

Tôi vẫn luôn suy ngẫm một vấn đề như thế này, tôi đã bước vào cửa Phật chưa? Cánh cửa này tôi thực sự đã vào chưa? Đáp án tôi tự nói với mình là: trên hình thức thì đã vào, trên thực tế thì chưa. Trước đây cho rằng thọ tam quy y, cầm giấy chứng nhận tam quy y là đã vào cửa Phật, sai rồi! Đó chỉ là hình thức mà thôi. Sau khi tôi thọ tam quy y được hơn một năm còn không biết nội dung của tam quy y; một năm sau, khi lấy được giấy chứng nhận mới biết được nội dung của tam quy y là gì, nhưng vẫn chưa hiểu nhiều về ý nghĩa của tam quy y. Mãi đến khoảng chừng mười năm sau, nhìn thấy cuốn “Truyện Thọ Tam Quy” của lão pháp sư tôi mới có sự nhận thức tương đối rõ ràng về ý nghĩa của tam quy y. Sau đó, tiếp tục thọ ngũ giới và Bồ-tát giới, mặc dù tôi khá giữ quy củ, nhưng cũng không thể coi là nghiêm trì giới luật. Ví dụ như việc tụng giới, sau khi thọ Bồ-tát giới, yêu cầu nửa tháng phải tụng giới một lần, tôi làm chưa tốt. Nhớ ra mới tụng, không nhớ thì thôi. Hai năm gần đây có chút tiến bộ. Tôi đánh dấu trên lịch để bàn, nhắc nhở chính mình không được quên. Kiên trì như vậy cũng xem như tạm được.

Học Phật 20 năm, tôi tự chia làm bốn giai đoạn:

Giai đoạn thứ nhất: từ năm 1992 thọ tam quy y đến năm 2000, về mặt hình thức thì tôi đã quy y cửa Phật, nhưng trên thực tế vẫn chưa vào cửa, hoàn toàn không biết gì về Phật giáo, đương nhiên càng không nói tới y giáo phụng hành rồi, hoàn toàn là người đứng ngoài cửa.

Giai đoạn thứ hai: từ năm 2000 đến năm 2010, bắt đầu nghe kinh nghe pháp. Tôi rất may mắn, lúc bắt đầu đã được nghe chánh pháp, gặp được minh sư. Lúc mới đầu nghe hiểu hai câu “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”, tôi làm theo hai câu này, một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu Phật hiệu A-di-đà Phật, 20 năm không thay đổi, không chuyển hướng, tôi đã nhận được lợi ích.

Giai đoạn này coi như là tôi bắt đầu y giáo phụng hành, nhưng điều này không có nghĩa là tôi đã vào cửa Phật, chỉ có thể nói là gần cửa Phật hơn một chút.

Giai đoạn thứ ba: từ năm 2010 đến năm 2016, tôi lại bước thêm một bước hướng tới cửa Phật. Bắt đầu từ năm 2010, lần đầu tiên tôi tới Hồng Kông gặp sư phụ. Trong tình huống chưa có sự chuẩn bị tư tưởng, hiệp hội giáo dục Phật-đà Hồng

Kông đã sắp sếp cho tôi 7 buổi giao lưu với đồng tu. Khởi phải nói, lúc đó tôi bối rối biết bao, “ba không hai trống” đi lên bục giảng, không có bản thảo, không có đề cương, không có đề mục, trong đầu trống rỗng, hai tay trống trơn. Có thể các đồng tu sẽ hỏi, cô Lưu à, cô “ba không hai trống” lại dám lên bục giảng sao? Tôi nói cho bạn biết, chỉ dựa vào một câu của sư phụ: “Con ngồi đó rồi sẽ biết giảng”. Nếu như sư phụ đã nói tôi ngồi đó sẽ biết giảng, vậy thì tôi ngồi đó nói thôi. Chi bằng nói người ngốc một chút thật tốt, không phải nói người ngốc thường can đảm sao, ngốc cho nên to gan, không biết sợ. Cứ như vậy tôi giảng 7 buổi, 14 tiếng đồng hồ, tôi cứ như vậy mà nói ra. Tôi nhớ khi đó còn nói với mọi người, cái ghê của sư phụ thật thần kỳ, ngồi lên đó liền biết nói, các bạn có biết đó là chuyện gì không? Sau đó tôi mới biết, không phải cái ghê của sư phụ thần kỳ, mà hoàn toàn là nhờ sự gia trì từ sức oai thần của mười phương chư Phật Như Lai, người không biết chân tướng còn cho rằng tôi là thiên tài gì đó.

Sau đó tôi xem lại đĩa giảng của mình mấy lần, tôi muốn xem gì? Tôi muốn xem tôi có làm được những điều tôi nói trong đĩa giảng chưa? Nếu như nói ra mà chưa làm được thì đó gọi là nói suông. Người học Phật không được làm ra chuyện như vậy. Bản thân tôi cảm thấy, y giáo phụng hành lại tiến thêm một bước.

Giai đoạn thứ tư: từ năm 2017 đến năm 2020, nói cụ thể hơn, đó là thời gian ba năm tôi đến đạo tràng nhỏ này, bước tiến y giáo phụng hành của tôi càng ngày càng vững vàng. Việc này có liên quan đến nội dung giao lưu giữa tôi và các đồng tu. Tôi giao lưu với mọi người, tôi có một nguyên tắc chung, đó là lúc giao lưu tôi nói ra hoặc đưa ra yêu cầu nào đó với các đồng tu thì nhất định phải là những gì chính tôi làm được, chính tôi chưa làm được thì tôi sẽ không nói. Ba năm này, nhờ vào sự cùng nỗ lực của các vị hộ pháp, gánh vác công việc chăm sóc chòong tôi, tôi mới có thời gian giao lưu với các đồng tu. Theo thống kê sơ bộ, sự giao lưu chủ yếu trong ba năm này gồm: “Tư Vân Pháp Ngữ”, “Hạm Đạm Hoa Khai”, “Trí Giả Phi Phàm”, “Dung Dung Hư Không Chí, Ân Ân Từ Bi Tình”, “Chân Tình Vô Hạn, Đại Ái Vô Cương”, bảy mươi tập “Kinh Vô Lượng Thọ”, ba mươi ba tập “Chuyên Đề Giảng Tọa”, “Trà Dư Phạn Hậu”, “Mộc Pháp Ngô Tâm”, tổng cộng 950 ngàn chữ.

Bây giờ tôi đang viết bản thảo phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ lần thứ hai này, cho tới hôm nay ngày 9 tháng 7 năm 2020 đã viết xong tập 17, khoảng mười ngàn chữ. Ba năm này tôi giao lưu với các đồng tu, người đạt được lợi ích lớn nhất là

chính tôi, tôi cảm thấy tôi đã bước vào cửa Phật. Từ đâu mà biết được? Tôi nói với chính mình, nếu như đã bước vào cửa Phật, là người thân của Phật thì phải nói lời nhà Phật, làm việc nhà Phật, y giáo phụng hành, làm đệ tử chân chánh, đệ tử ngoan của đức Phật.

*Thứ hai*, hoằng dương hộ trì chánh pháp, nối dòng huệ mạng Phật. Hoằng dương chánh pháp của Thích-ca Mâu-ni Phật, hộ trì chánh pháp của Thích-ca Mâu-ni Phật, vậy thì chánh pháp của Thích-ca Mâu-ni Phật mới có thể trụ thế lâu dài, đây gọi là nối dòng huệ mạng Phật. Hoằng pháp quan trọng hay là hộ pháp quan trọng? Câu trả lời của tôi là đều quan trọng. Hoằng pháp hộ pháp là một không phải hai, thiếu một thứ cũng không được.

Nói một chút nhận thức và thể hội của tôi về hoằng pháp và hộ pháp. Năm 2003, đĩa “Tín Niệm” đã khiến tôi trở thành người nổi tiếng. Bởi vì bị bệnh, đã mấy năm tôi chưa ra khỏi nhà, một mình ở nhà nghe đĩa giảng kinh Vô Lượng Thọ của lão pháp sư, đã nghe được gần 3 năm. Sau khi phát hành đĩa “Tín Niệm” tôi trở thành người nổi tiếng, cũng trở thành người bận rộn. Cả ngày tiếp đón đồng tu tới thăm, giao lưu với họ về tâm đắc thể hội học Phật cạn cợt của tôi. Nói cạn cợt là lời thật, không phải tôi khiêm tốn. Không dám nói là hoằng pháp, tôi cũng không hiểu thế nào là hoằng pháp, khoảng thời gian này khoảng hơn một năm rưỡi. Tới tết âm lịch năm 2010, mừng một tết, lúc giảng kinh lão pháp sư có nhắc đến tôi, lần thứ hai tôi trở thành người nổi tiếng, mà còn nổi tiếng hơn lần trước. Có người hỏi tôi “cô làm thế nào để nổi tiếng vậy?” Tôi nói với họ “là do lão pháp sư nói ra khiến tôi nổi tiếng”. Họ lại hỏi: “tại sao lão pháp sư nói tới cô mà không nói tới tôi?” Tôi nói: “tôi cũng không biết, cô đi hỏi lão pháp sư đi”. Tôi nhớ có một lần tới Hồng Kông gặp sư phụ, đột nhiên tôi nhớ ra chuyện này, tôi rất nghiêm túc nói với sư phụ, người nào đó rất hy vọng lúc sư phụ giảng kinh nhắc tới họ một chút, cũng giống như sư phụ nhắc đến con vậy. Sư phụ nhìn tôi một hồi lâu rồi nói ra hai từ: Ờ, ờ. Tôi biết mình lại làm chuyện ngốc nghếch. Thảo nào cư sĩ Điều nói, chị ấy nói lời khờ khạo, làm chuyện ngốc nghếch đều là học theo tôi. Lần đầu tiên đi Hồng Kông, hiệp hội giáo dục Phật-đà Hồng Kông sắp xếp cho tôi giao lưu 7 buổi với các đồng tu, từ đó trở đi càng không thể dừng lại được, đến nay đã gần 10 năm, rất nhiều lần giao lưu về sự tâm đắc. Chẳng qua chỉ là giao lưu tâm đắc học tập mà thôi, không thể coi là hoằng pháp được.



Tôi không biết tôi nhận thức như vậy có đúng không. Bản thân tôi cho rằng tôi thật sự bước lên con đường hoàng pháp là vào năm 2018, lần đầu tiên tôi phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ, sau đó vào năm 2019 giảng “chuyên đề giảng tọa”, tiếp theo là bây giờ đang viết bản thảo phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ lần thứ hai. Gần ba năm hoàng pháp, tôi có vài thể hội thể này.

Thể hội thứ nhất: con đường hoàng pháp là con đường gian khổ, hoàng pháp cần phải có tinh thần ý chí kiên cường, có dũng khí phá bỏ muôn trùng chướng nạn.

Ba năm hoàng pháp này tôi đã trải qua, thể nghiệm được, đã đi qua rồi.

Thể hội thứ hai: kinh Vô Lượng Thọ là một bộ kinh khó giảng, là bộ kinh chỉ có đức Phật mới có thể giảng, đến cả Bồ-tát cũng không thể giảng. Tôi phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ của lão pháp sư giảng, càng cảm nhận được sự vĩ đại trong bình thường, sự bất phàm trong vĩ đại của ngài, ngài là một vị thánh giả.

Thể hội thứ ba: hoàng pháp phải có nền tảng kinh giáo nhất định, ba câu “thâm nhập kinh tạng, trí tuệ như biển, biện tài vô ngại”, chỉ khi bạn bước lên bục giảng mới có thể thật sự hiểu được hàm nghĩa của ba câu này. Trước khi lên bục giảng, có thể bạn cảm thấy nghe sư phụ giảng kinh nhiều năm như vậy, biết được không ít. Nhưng khi bạn viết bản thảo, bạn sẽ cảm thấy mình không biết gì cả, kho tàng trống rỗng. Vậy thì làm sao viết ra được bản thảo? Hoàn toàn nhờ vào Phật lực gia trì, không phải là năng lực và trình độ của cá nhân tôi. Người phát tâm giảng kinh thuyết pháp, cho dù là chúng xuất gia hay chúng tại gia, nhất định phải thâm nhập kinh tạng, chỉ có thâm nhập kinh tạng mới có được trí tuệ như biển và biện tài vô ngại.

Thể hội thứ tư: vĩnh viễn không quên ân đức của hộ pháp, công đức hộ pháp không thể nghĩ bàn. Đây là sự thể hội vô cùng sâu sắc của cá nhân tôi. Cảm ân của hộ pháp, nếu như không có hộ pháp thì chúng tôi không thể thành tựu. Tôi nói lời này là thật. Con đường học Phật 20 năm là trắc trở, con đường hoàng pháp là gian khổ, vì sao tôi có thể đi qua, là bởi vì có hộ pháp luôn đồng hành cùng tôi. Là hộ pháp hiểu tôi, giúp đỡ tôi, thành tựu tôi, là họ tạo ra môi trường tu học và hoàng pháp cho tôi, còn có sự chăm sóc tỉ mỉ chu đáo trong cuộc sống, giải trừ nỗi lo về sau của tôi. Không có sự chăm sóc nhiều năm như vậy của hộ pháp thì không có thành tựu ngày hôm nay của tôi. Không thể quên ân đức của hộ pháp, công đức của hộ pháp không thể nghĩ bàn. Không thể quên ân đức của hộ pháp, hộ pháp đã đi cùng chúng tôi trên con đường này, chăm sóc chúng tôi suốt chặng đường. Tôi nhớ lão

pháp sư từng nói, thế gian có pháp sư giỏi, có người tái lai, tại sao lại bị mai một không thể xuất hiện? Bởi vì không có hộ pháp. Tôi là người may mắn, gặp được hộ pháp tốt, đồng hành cùng tôi trải qua những năm tháng khó khăn. Cảm ơn mọi người, cảm ơn sâu sắc! Nói dòng huệ mạng Phật là sứ mệnh chung của người hoàng pháp và người hộ pháp. Để chúng ta hiểu nhau, bầu cùng bạn nhau, tiếp tục tiến lên phía trước.

*Thứ ba*, dẫn đầu để lại mô phạm, làm tấm gương tốt cho chúng sanh. Năm 2010, lần đầu tiên tới Hồng Kông gặp sư phụ, kể cho sư phụ nghe lúc tôi bị bệnh và thời gian mười năm nghe kinh. Sư phụ dặn dò tôi một câu: “Làm tấm gương tốt cho mọi người”, sư phụ còn tặng cho tôi một sợi dây chuyền A-di-đà Phật. Đến nay đã qua mười năm, lời sư phụ dặn dò vẫn luôn vang vọng bên tai tôi, luôn khích lệ tôi, không những làm tốt chính mình mà còn phải giúp đỡ thiên hạ. Sợi dây chuyền A-di-đà Phật mà sư phụ tặng tôi, sư phụ bảo tổng giám đốc Trần Thái Quỳnh của truyền hình Hoa Tạng đeo lên cho tôi. Tôi nhớ Phó Xung nói với tôi: “Cô à, sợi dây mà sư phụ cho cô khác với tụi con, sư phụ tặng cô là A-di-đà Phật, tặng tụi con là Quán Âm Bồ-tát”, tôi nói “nếu con thích cái này thì chúng ta đổi”. Phó Xung nói “sư phụ tặng cô, con không dám đổi”. Sự việc trước đây đã trôi qua rồi, tôi cũng không nghĩ gì. Sau đó nhắc tới chuyện này, có người hỏi tôi, cô có hỏi qua sư phụ, tại sao lại tặng sợi dây khác với mọi người không? Tôi nói, chưa từng hỏi. Bây giờ nhớ lại, có phải là sư phụ muốn tôi học A-di-đà Phật, làm A-di-đà Phật không? Đừng hỏi nữa, tự mình lãnh ngộ thôi! Sư phụ bảo tôi làm tấm gương tốt cho mọi người, mười năm nay, tôi nghiêm túc làm theo lời sư phụ dạy. Mặc dù không thể khiến mọi người đều hài lòng, nhưng tôi đã tận lực rồi.

Tôi đặt ra ba điều cho chính mình: thứ nhất là làm tấm gương tốt làm người; thứ hai là làm tấm gương tốt của học Phật; thứ ba là làm tấm gương tốt thành Phật.

Làm tấm gương tốt về đạo làm người chủ yếu phải đột phá vài điểm sau:

Một là làm người chân thành, không làm người giả dối. Bạn đối xử chân thành với người khác, người khác đối xử giả dối với bạn thì phải làm sao? Đây là mấu chốt. Cách làm của tôi là tôi đối với bạn chân thành, bạn đối với tôi giả dối, có thể thấy được sự chân thành của tôi vẫn chưa đủ, chưa đủ để cảm động bạn, cảm hóa bạn. Phải tiếp tục đối xử chân thành với người, không thể bởi vì đối phương đối xử

với bạn không chân thành, bạn cũng đối xử với họ không chân thành, mà bạn càng phải đối xử chân thành với đối phương hơn, như vậy mới là cách làm đúng đắn.

Hai là làm người có thể bao dung người khác, không làm người thích so đo tính toán. Trọng tâm của điều này là có thể bao dung những người hủy báng bạn, hãm hại bạn, muốn đẩy bạn vào chỗ chết thì họ mới hả dạ. Như vậy mới có thể làm được: trên thế gian này không có người nào ta không yêu thương; trên thế gian này không có người nào ta hận; trên thế gian này không có người nào ta không thể tha thứ; trên thế gian này, ta chỉ có người thân, ân nhân, không có kẻ địch, kẻ thù. Trong cuộc đời của ta không có oan gia trái chủ, chỉ có đại thiện tri thức giúp ta thành Phật. Không làm người thích so đo tính toán, người thích so đo tính toán nhất định là người có nhiều việc. “Thế gian vốn vô sự, kẻ ngu tự nhiều loạn”. Chúng ta đừng nên làm người phiền mình và phiền người khác như vậy. Mấy năm nay, nguyên tắc bốn không của tôi: không tranh luận, không thảo luận, không biện luận, không giải thích có hiệu quả không tệ, các đồng tu có thể thử xem. “Im lặng là vàng”, câu này rất có lý.

Ba là làm người không có tâm đồ kỵ, thích tùy hỷ công đức. Tôi là người không có tâm đồ kỵ, ít nhất cũng là người có tâm đồ kỵ rất ít, đây là ưu điểm của tôi, cũng là nhân tố quan trọng giúp cuộc đời tôi vui vẻ, tự tại. Tôi thấy những người có tâm đồ kỵ rất mạnh, họ thật sự rất đáng sợ, cũng rất đáng thương, họ không thể chịu được khi người khác tốt hơn mình. Chỉ cho phép mình tốt hơn người khác, không cho phép người khác tốt hơn mình. Người như vậy sống rất khổ, sống rất mệt mỏi, nghiệp mà họ tạo là nghiệp địa ngục, thế giới Tây Phương Cực Lạc căn bản không có phần. Phải làm sao đây? Sửa! Có ba cấp độ: cấp độ thấp nhất là sửa trên “sự”, đây là cấp độ thấp nhất. Biết được đồ kỵ phải xuống địa ngục, trên “sự” thì không dám làm nữa. Cấp độ thứ hai là sửa trên “lý”. Nhận thức rõ ràng về “lý”, bạn và chúng sanh là một thể, bạn chính là họ, họ chính là bạn. Thì có gì phải đồ kỵ? Cấp độ thứ ba là sửa trên “tâm”, đây là cấp độ cao nhất. Sửa trên tâm, trong tâm ta không có ý nghĩ đồ kỵ nữa. “Ngày đêm thường niệm thiện pháp, tư duy thiện pháp, quán sát thiện pháp, không để mảy may bất thiện xen vào”. Đây là cấp độ cao nhất của việc sửa tâm đồ kỵ. Phải học cách khéo tùy hỷ công đức, người khác có công đức, bạn vừa tùy hỷ thì công đức của bạn cũng lớn như công đức của họ. Chuyện tốt như vậy, sao bạn lại không làm?

Bón là làm một người có đức hạnh. Người có đức hạnh nhất định là người chí công vô tư, không chút nào vì lợi mình, chỉ lợi ích người khác. Người như vậy, họ luôn nghĩ cho người khác, tuyệt đối không tranh danh đoạt lợi, họ chỉ biết cống hiến chứ không đòi hỏi. Người như vậy đáng để mọi người tôn trọng và học tập.

Năm là làm một người hiếu thân tôn sư. Hiếu thân tôn sư là đức hạnh tốt đẹp truyền thống của dân tộc Trung Hoa, một người không hiếu thảo cha mẹ, không tôn trọng thầy thì sao gọi là con người được? Hiếu thân tôn sư là cội nguồn của hạnh phúc, chúng ta đánh mất cội nguồn thì hạnh phúc từ đâu ra? Phước thứ nhất trong Tịnh nghiệp tam phước là hiếu thân tôn sư, chúng ta phải một mực nắm chắc. Thường phản tỉnh chính mình, bạn đã hiếu thảo cha mẹ chưa? Đã tôn trọng thầy chưa? Nếu như thiếu bài học này nhất định phải bổ sung. Hiếu thân quan trọng nhất là phải khiến cha mẹ bớt lo, an tâm, yên lòng. Dưỡng thân cha mẹ, dưỡng tâm cha mẹ, dưỡng chí cha mẹ, để khi cha mẹ về già được phụng dưỡng, thân thể có nơi ở, tâm có nơi nương về. Khuyên cha mẹ niệm A-di-đà Phật cầu sanh Tịnh độ là hiếu dưỡng cha mẹ cấp độ cao nhất. Tôn sư, tin lời thầy dạy, y giáo phụng hành, đây là tôn sư tối thiểu nhất. Lời của thầy nói, bạn không tin cũng không làm theo, bạn cảm thấy theo cách của bạn hay hơn của thầy, vậy thì bạn làm sao thật sự học được điều gì? Không phải thầy không dạy bạn, mà do bạn không tin thầy, thầy không dạy nổi bạn.

*“Thành kính khiêm tốn dễ học đạo.*

*Người thầy tự khắc sẽ dạy bạn.*

*Cống cao ngã mạn tâm nông nổi.*

*Vậy bạn chẳng học được điều chi!”*

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây. Cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 18

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Tiết học trước tôi có nói đến: Chúng ta làm thế nào trở thành tấm gương tốt cho chúng sanh? Thứ nhất là làm tấm gương tốt về làm người, tôi có nói năm điều: Một, làm người chân thành, không làm người giả dối; Hai, làm người bao dung người khác, không làm người thích so đo tính toán; Ba, làm người không có tâm đố kỵ, ưa thích tùy hỷ công đức; Bốn, làm người có đức hạnh, chỉ cống hiến không đòi hỏi; Năm, làm người hiếu thân tôn sư, tin lời thầy dạy, y giáo phụng hành.

Hôm nay chúng ta tiếp tục giao lưu: Làm thế nào để trở thành tấm gương tốt cho người tu hành? Có đồng tu hỏi, người tu hành phải có bộ dạng ra sao? Dựa vào trải nghiệm và thể hội của cá nhân tôi thì quy nạp thành những điều sau:

*Điều thứ nhất là nhìn thấu buông xuống, vạn pháp đều không.*

Tôi học Phật 20 năm, miễn cưỡng được xem là người tu hành. Tôi hỏi chính mình, hai mươi năm tu hành rốt cuộc đang tu điều gì? Đối với vấn đề này, có lẽ câu trả lời của mỗi người đều khác nhau. Câu trả lời của tôi là tôi đang tu nhìn thấu, buông xuống. Phật nói với chúng ta thế giới này là giả, không phải là thật, bạn đừng coi nó là thật. Nhưng mà tôi không tin, rõ ràng là thật mà, sao lại nói là giả? Bởi vì xem giả thành thật nên tôi chấp trước, tôi nghiêm trọng hóa vấn đề, gặp chuyện thì nhất định phải làm rõ một là một, hai là hai, phải làm rõ ai đúng ai sai, ai cao ai thấp, thật khổ! thật mệt! thật phiền! Ra sức phân cao thấp, khẳng khẳng ý mình, ra sức kéo mình ngã sấp xuống. Ngã sấp xuống rồi, phải đối mặt với cái chết bất kỳ lúc nào, là chuyện xấu. Nhưng chuyện xấu đã biến thành chuyện tốt rồi. Tôi gặp được Phật pháp, tôi đã được cứu, tôi giữ được tánh mạng, có được huệ mạng.

Học Phật 20 năm, tôi học hiểu được một chuyện. Rốt cuộc Thích-ca Mâu-ni Phật đã giảng điều gì trong 49 năm? Theo cách hiểu của tôi đó là giảng bốn chữ: “Nhìn thấu, buông xuống”. Tam tạng mười hai bộ kinh mênh mông như biển, những điều nói ra đều là bốn chữ này. Dùng một câu để khái quát: Nhìn thấu là hiểu được chân tướng sự thật, buông xuống là vạn pháp đều không.

Những điều trong kinh Kim Cang đã nói hoàn toàn chính xác, không một pháp nào có thể giữ lại được. “Phàm những gì có tướng đều là hư vọng”, “hết thấy pháp

hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”. Hai câu này, mọi người đều có thể chứng đắc, chỉ cần bạn nhìn thấu được, buông xuống được. Nhìn thấu rồi, buông xuống rồi, thật sự được đại tự tại!

Bây giờ quay đầu nhìn lại, nhìn xem những việc mà trước đây tôi coi là việc thật, có việc nào là việc thật? Toàn bộ đều không phải việc thật, đúng là “thế gian vốn vô sự, kẻ ngu tự nhiều loạn”. Tôi tự làm khổ mình hơn 50 năm mà cũng không biết. Không yên hơn 50 năm, nên đã khổ hơn 50 năm, mệt mỏi hơn 50 năm, phiền não hơn 50 năm. Bây giờ nghĩ lại, ngu si biết bao, oan uổng biết mấy!

Nếu như vào năm 2000 tôi không gặp được kinh Vô Lượng Thọ, không gặp được lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không, có lẽ kết cục của tôi sẽ như thế này: thứ nhất là không qua được cửa ải bệnh khổ, chết vì bệnh; thứ hai là tôi tự sát. Lúc đó tôi không mong muốn được sống, mong muốn được chết vô cùng mãnh liệt, muốn chết đi cho xong, hết thấy đều giải thoát. Lúc đó không phải là tín tâm cầu sanh Tịnh độ kiên định, mà hoàn toàn là một sự trốn tránh. Trốn tránh điều gì? Trốn tránh sự vô vọng, bơ vơ, bất lực; trốn tránh mười vạn câu hỏi vì sao mà tôi không tìm ra câu trả lời.

Lúc con người mê mờ, sự đau khổ trong nội tâm khó mà diễn tả thành lời, tại sao tôi lại tận lực khuyên bảo các đồng tu phải mở rộng tâm lượng, cởi bỏ trói buộc? Bởi vì tôi đã từng trải qua, tôi biết bị trói buộc khổ biết mấy, cởi bỏ được trói buộc vui vẻ biết bao, tự tại biết bao!

Làm thế nào để cởi bỏ trói buộc? Nhìn thấu, buông xuống. Người tu hành phải làm người biết nhìn thấu được, buông xuống được, không làm người tự làm khổ mình.

*Điều thứ hai là mang tấm lòng đại ái, phổ ái chúng sanh.*

Chú ý chữ “đại” trong từ đại ái, chữ “phổ” trong từ phổ ái. Đại ái không phải tiểu ái, phổ ái là yêu thương trọn khắp, không phải là tình yêu thương có chọn lựa. Thích thì yêu thương, không thích thì không yêu thương, vậy thì sai lầm lớn rồi.

Làm thế nào để áp dụng cụ thể đại ái và phổ ái vào trong cuộc sống? Cách làm của tôi là học theo lão pháp sư, cố gắng làm được:

Một, không đối lập với bất kỳ người, việc, vật nào.

Hai, trên thế gian này không có ai mà tôi không yêu thương, trên thế gian này không có ai mà tôi hận, trên thế gian này không có ai mà tôi không thể tha thứ.

Ba, trong cuộc đời của tôi không có oan gia trái chủ, chỉ có người thân và ân nhân. Hết thầy chúng sanh trong hư không pháp giới đều là người thân và ân nhân của tôi.

Bốn, khoan dung người khác chính là khoan dung chính mình, đối xử tốt với người khác chính là đối xử tốt với chính mình, tôn trọng người khác chính là tôn trọng chính mình, thành tựu người khác chính là thành tựu chính mình, bởi vì tôi và chúng sanh là một thể.

Năm, đối với người tổn thương, hủy báng, chửi mắng mình thì càng phải yêu thương họ nhiều hơn, họ nhất thời mê mờ nên làm sai, phải thông cảm cho họ, dùng sự chân thành cảm hóa họ. Tương lai khi họ gặp nạn, bạn phải tận lực cứu độ họ, giúp họ thoát khỏi biển khổ. Người tu hành phải làm người có tấm lòng rộng mở, yêu thương.

*Điều thứ ba là thành kính, khiêm tốn, hòa nhã, không tranh không đấu.*

Miêu tả thế giới hiện nay chỉ cần một chữ là đủ, “LOẠN”. Loạn đến cùng cực, tại sao lại loạn tới mức độ như vậy? Đó là hai chữ: chữ thứ nhất là “tranh”, chữ thứ hai là “đấu”. Từ góc độ Phật pháp mà nói, thời điểm và không gian hiện tại này là “đấu tranh kiên cố”. Đức Phật đã nói ra lời này vào 3.000 năm trước. 3.000 năm sau, ngày hôm nay hết thầy đều ứng nghiệm. Đức Phật thật sự vĩ đại!

Người sống chung với người, khiêm tốn một chút, khách sáo một chút, cung kính một chút, đây là phước. Đạo lý này mấy ai biết được? Điều phiền phức, tệ hại nhất trong pháp thế gian và xuất thế gian là “tranh” và “đấu”. Trong nhà Phật cũng không ngoại lệ. Trong nhà Phật có nhiều người xuất chúng, những năm gần đây, có nhiều người cống cao ngã mạn, có nhiều người thích làm thầy người khác. Người như vậy nhiều thì sẽ làm gì? Tranh giành đạo tràng, tranh giành tín chúng, tranh giành tài sản. Tại sao vậy? Vì không ai phục ai, đều muốn làm lão đại, có người còn muốn tự lập tông phái, làm lãnh đạo tông phái đó. Tranh như thế nào? Đấu! Không phải có câu “tranh ngoài sáng, đấu trong tối” đó sao? Bây giờ câu này có chút lỗi thời rồi, phải gọi là tranh và đấu ngoài sáng, đúng là ai nấy đều đua nhau trở tài. Cùng một sư môn cũng tranh cũng đấu, mà còn tranh đấu tới mức anh chết tôi sống.

Họ mê rồi, không biết khơi mào tranh đấu trong nhà Phật là đại bất hiếu. Chón trở về của bạn nhất định là địa ngục A-tỳ! Cửa Phật bất hạnh, thật đáng thương xót!

Người giác ngộ không tranh, người mê mới tranh. Một đời người, từ cá nhân cho đến đất nước đều cần một chữ “nhường”. Người với người có thể nhường nhịn lẫn nhau thì một đời bình an vô sự. Không chịu nhường tức là tranh. Nhường có phước báo, tranh có tai ương. Học theo “con hẻm sáu tắc”, nhường họ ba tắc thì có sao đâu? Một đời này lão pháp sư nhường ba lần, càng nhường càng thù thắng, càng nhường càng tự tại, càng nhường càng vui vẻ.

Tổ tiên, chư Phật Bồ-tát dạy chúng ta nhẫn nhường. Nhẫn nhường có đức lớn, nhẫn nhường có được niềm vui không cùng tận. Đáng tiếc là không ai biết, cho dù biết nhưng cũng không chịu tin, không chịu làm. Chịu tin, chịu làm thì cảnh giới không ngừng nâng lên, đức hạnh cũng không ngừng nâng lên. Người tu hành phải nhường, không được tranh; phải hòa, không được đấu.

*“Tranh tranh đấu đấu khi nào ngừng.  
Tranh đấu đến cùng cũng hoàn không.  
Khởi tâm động niệm tạo tội nghiệp.  
Lục đạo luân hồi bao giờ ra?”*

Đề vương trước đây dùng phương pháp nào đề trị quốc? Ba chữ hòa. Ba điện lớn nhất trong hoàng cung là Thái Hòa, Trung Hòa, Bảo Hòa. Ba đại điện này là Thái Hòa Điện, Trung Hòa Điện, Bảo Hòa Điện, biểu thị dùng hòa để trị vì thiên hạ. Đây là chỗ vô cùng cao minh của tổ tiên chúng ta.

Một đời lão pháp sư chưa từng tranh với người khác, chưa từng đấu với người khác, thành kính khiêm tốn hòa ái cả đời. Xứng danh là vị thánh tăng một thời, làm thầy làm gương, có thể xem là tấm gương tốt, trời người đều kính ngưỡng.

Đời người ngắn ngủi, phải trân trọng. Có được thân người thật sự rất khó, đánh mất thân người thì rất dễ. Cho nên có được thân người phải tích lũy nhiều công đức hơn, làm việc tốt nhiều hơn, chí ít mong đời sau không đánh mất thân người, đây là mức độ thấp nhất phải làm được. Làm người quan trọng nhất là không được gây thù oán với bất kỳ ai, một người có thể duy trì trạng thái không gây thù oán với



bất kỳ ai trong một đời thì rất nhiều đời về sau sẽ không có oan gia trái chủ, cho dù làm chuyện gì cũng đều thuận buồm xuôi gió, bạn bè giúp đỡ bạn cũng rất nhiều.

Tục ngữ nói rất hay: “Nhiều bạn nhiều lối đi, nhiều oan gia nhiều tường chắn”. Trong cuộc sống thường ngày của chúng ta, khi mọi người giao tiếp với nhau, không hay không biết đã kết oán thù, sao lại kết oán thù? Mở miệng liền tổn thương người. Chúng ta nhớ phải chú ý nhiều hơn! Người tu hành phải làm người nhường chứ không tranh, hòa chứ không đấu.

*Điều thứ tư là ít nói kiêu lời, im lặng là vàng.*

Tôi là người không khéo ăn nói, tôi nói lời này bạn có tin không? Tôi đang nói sự thật. Hơn mười năm trước, tôi thật sự là người không thích nói chuyện. Từ nhỏ tôi đã như vậy, trong nhà có khách ghé thăm đều hỏi mẹ tôi: “Sao đứa bé này không nói chuyện?” Mỗi lúc như vậy, tôi đều trốn ở sau lưng mẹ. Khách nói: “Quý nhân thường nói chậm, tương lai đứa bé này sẽ là quý nhân đó”. Tôi không phải là quý nhân, hơn mười năm nay tôi không còn nói chậm nữa. Lời nói trong 60 năm cũng không nhiều bằng lời nói mười năm này. Lời tôi nói đã nhiều lắm rồi. Chính tôi cũng thấy kỳ lạ, tại sao tôi lại nói nhiều như vậy? Suy nghĩ kỹ lại, cũng không phải do tôi muốn nói, sao cảm thấy có chút không làm chủ được mình? Tôi thích thanh tịnh, tôi thích không ai biết đến, tôi thích đọc sách, đây là tòa thành nhỏ của tôi. Là ai đã phá vỡ tường thành của tôi? Là A-di-đà Phật bảo tôi bước ra ngoài tường thành.

Hiện nay, tôi có một tâm nguyện nho nhỏ, đó là sau khi phúc giảng xong kinh Vô Lượng Thọ lần thứ hai, tôi dồn hết tâm trí làm chuyện lớn nhất của đời mình, đó là nhất tâm niệm Phật cầu vãng sanh. Đương nhiên tôi không chấp trước, tiền đề là hết thầy đều giao cho A-di-đà Phật an bài.

Người tu hành không nên nói nhiều như vậy. Chúng ta tu pháp môn niệm Phật vãng sanh Tịnh độ, một câu A-di-đà Phật là đủ rồi. Ngoài A-di-đà Phật ra, toàn là lời thừa, lời tạo nghiệp. Không tạo ác nghiệp thì là tạo thiện nghiệp, tạo ác nghiệp đi vào ba đường ác, tạo thiện nghiệp đi vào ba đường thiện. Đây đều không phải là lựa chọn ưu tiên của chúng ta. Lựa chọn ưu tiên của chúng ta là thế giới Tây Phương Cực Lạc. Làm sao đến đó? Thật thà niệm một câu A-di-đà Phật này thôi! Người tu hành đại chân chánh thì một câu cũng không nói. Nhớ kỹ: làm một người tu hành ít nói kiêu lời thì bạn sẽ là khối vàng im lặng. Vàng thì sớm muộn cũng sẽ phát sáng.

*Điều thứ năm là hiếu thân tôn sư là đại căn đại bản.*

Một người có hai ân nhân không thể quên trong đời này, một là cha mẹ cho bạn sanh mạng, hai là người thầy cho bạn huệ mạng. Là họ nuôi dưỡng bạn nên người. Cái gốc của văn hóa truyền thống Trung Quốc chính là hai chữ: một là hiếu, hai là kính. Hiếu thuận cha mẹ, tôn kính thầy. Hiếu thuận cha mẹ, dưỡng thân cha mẹ, để cha mẹ khi về già được phụng dưỡng; dưỡng tâm cha mẹ, khiến cha mẹ yên tâm; dưỡng chí cha mẹ, khiến cha mẹ vinh dự vì bạn. Quan trọng nhất là khuyến nhủ cha mẹ niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, đây là chí hiếu đối với cha mẹ.

Tôn kính thầy, quan trọng nhất là phải nghe lời thầy dạy, tin lời thầy dạy, làm theo lời thầy dạy. Không được bằng mặt không bằng lòng, không làm chuyện phản sư nghịch đạo. Không được nói lời khiến thầy đau lòng, không được làm chuyện khiến thầy đau lòng. Không tin tưởng thầy, không cung kính thầy, phê bình chỉ trích thầy là tội lớn! Nghiệp này rất nặng, trong kinh Phật giảng, đây là tội đọa vào địa ngục Vô Gián. Tầm ảnh hưởng của người này càng lớn thì tội của họ càng nặng.

Ai là tấm gương hiếu thân tôn sư để chúng ta học theo? Đương nhiên là lão pháp sư rồi. Lão pháp sư có quá nhiều điều khiến tôi khâm phục, quá nhiều chỗ đáng để tôi học tập. Nếu như xếp theo thứ tự, thứ nhất là tâm lượng lớn của lão pháp sư, thứ hai là sự hiếu thân tôn sư của lão pháp sư. Có thể nói thế này, phẩm chất cao thượng và nhân cách hơn người của ngài đã ảnh hưởng nửa đời sau của tôi, thay đổi nửa đời sau của tôi. Nói chính xác hơn là đã thay đổi vận mệnh của cả cuộc đời tôi.

Tôi cố gắng học tập theo lão pháp sư, làm tấm gương tốt hiếu thân tôn sư. Hết thầy chúng sanh trong hư không pháp giới đều là người thân của tôi, tôi phải bình đẳng hiếu thuận họ. Hết thầy chúng sanh trong hư không pháp giới đều là thầy tôi, tôi phải bình đẳng tôn kính họ. Hết thầy chúng sanh đều là vị Phật tương lai, hết thầy chúng sanh với tôi là một thể. Người tu hành phải làm mô phạm hiếu thân tôn sư. Hiếu thân tôn sư là đại căn đại bản của việc niệm Phật thành Phật, người tu hành nhất định không thể coi thường.

*Điều thứ sáu là tự tâm thanh tịnh, nơi nào cũng thanh tịnh.*

Có người từng nói với tôi thế này “con muốn tìm một nơi thanh tịnh để tu hành cho thật tốt”, tôi hỏi anh ta “anh tìm thấy nơi thanh tịnh chưa?”. Anh ta nói “chưa tìm thấy”, tôi nói “chưa tìm thấy là đúng rồi”, anh ta không hiểu ý tôi, hỏi tôi

“tại sao vậy?”. Tôi trả lời anh ta như thế này: “Chúng ta tu hành nhiều năm như vậy, là đang tu điều gì? Không phải là tu tâm này sao? Tự tâm thanh tịnh, nơi nào cũng thanh tịnh; tự tâm không thanh tịnh thì nơi nào cũng không thanh tịnh”, anh ta nghe xong im lặng không nói gì.

Nhiều năm như vậy, tôi gặp rất nhiều người học Phật, nhưng có mấy người biết được thế nào là Phật? Lão pháp sư đã nói với chúng ta, Phật là người không lo, không nghĩ, không phiền não. Mọi người nghe hiểu không? Phật là người, là từ người mà tu thành. Là người như thế nào? Người không lo, không nghĩ, không phiền não. Chúng ta cũng là người, tại sao lại chưa thành Phật? Bởi vì chúng ta có âu lo, có suy nghĩ, có hy vọng v.v... Có những thứ này thì thế giới Cực Lạc không có phần của bạn, bạn không đi được. Thế giới Tây Phương Cực Lạc chỉ nhận người có tâm địa thanh tịnh, người có tâm địa không thanh tịnh thì không có phần. Chúng ta tu Tịnh độ, tâm tịnh thì cõi nước tịnh.

Xã hội hiện nay, hoàn cảnh hiểm ác. Trong hoàn cảnh như vậy, chúng ta làm thế nào để giữ được tâm thái bình hòa, tâm bình khí hòa, điều này rất quan trọng, đây là công phu. Tâm bình khí hòa thì vấn đề nào cũng có thể giải quyết. Đạo lý này có nhiều người biết, nhưng ít người làm theo, không làm thì không được, làm rồi mới nhận được lợi ích.

Người như thế nào mới có thể khai ngộ? Người có tâm thanh tịnh thì dễ dàng khai ngộ. Những người từng trải, các vị cao tăng đại đức, tâm của các ngài đều thanh tịnh, không có tạp niệm, không có vọng tưởng, không có phiền não. Phạm phu chúng ta tạp niệm rất nhiều, vọng tưởng rất nhiều, phiền não rất nhiều, tâm địa không thanh tịnh. Tâm địa thanh tịnh liền sanh trí tuệ. Cùng một chuyện, tâm địa thanh tịnh và tâm địa không thanh tịnh hoàn toàn khác nhau. Khi nào bạn giác ngộ, mắt nhìn mọi thứ, thấy rất rõ ràng; tai nghe mọi thứ, nghe rất rõ ràng, không phân biệt không chấp trước, thì công phu của bạn có tiến bộ. Nếu như tâm địa rất thanh tịnh, cái gì cũng không có thì bạn nâng cao rồi, càng nâng cao thì công đức càng thù thắng, chính mình biết được, người khác không biết được. Tôi đặt một cái tên gọi là “đầu óc trống không”? Như vậy gọi là gì? Như vậy là có công phu. Có công phu có nghĩa là gì? Bạn buông xuống vọng tưởng chấp trước, buông xuống khởi tâm động niệm, bạn nhìn thấy rất rõ ràng, lại giống như không nhìn thấy gì; bạn nghe thấy rất rõ ràng, nhưng lại giống như không nghe thấy gì. Cảnh giới này rất kỳ diệu, tiến vào đó rất

hường thụ. Ngày ngày rèn luyện sáu căn của chính mình không phân biệt không chấp trước, như vậy gọi là công phu thật sự! Thánh hiền xưa đều bước ra từ đây, chúng ta và thánh hiền xưa đi trên cùng một con đường.

Làm thế nào để đi cho tốt con đường này? Ghi nhớ kỹ lời dạy của lão pháp sư: “Hết thầy pháp thế gian và xuất thế gian, hết thầy đều tùy ý họ!” Áp dụng câu nói này, tâm của bạn tự nhiên liền thanh tịnh. Tâm thanh tịnh rồi, bạn cần tìm kiếm nơi thanh tịnh nữa sao?

Những gì tôi vừa nói ở trên là làm thế nào làm tấm gương tốt của người tu hành, khái quát lại gồm sáu điều để mọi người cùng tham khảo. Một là nhìn thấu buông xuống, vạn pháp đều không; Hai là tấm lòng đại ái, yêu thương khắp chúng sanh; Ba là thành kính khiêm tốn hòa nhã, không tranh đấu; Bốn là ít nói kiệm lời, im lặng là vàng; Năm là hiếu thân tôn sư là đại căn đại bản; Sáu là tự tâm thanh tịnh, nơi nào cũng thanh tịnh.

Sau cùng là nói tới làm sao trở thành tấm gương tốt của niệm Phật thành Phật. Làm thế nào để trở thành tấm gương tốt của niệm Phật thành Phật? Tôi khái quát năm điều sau đây để mọi người tham khảo.

*Điều thứ nhất:* không cần gì cả, chỉ cần A-di-đà Phật.

Tại sao người học Phật nhiều mà người vãng sanh lại ít? Căn cứ vào sự quan sát và thể ngộ của tôi trong 20 năm học Phật, chính là chúng ta muốn quá nhiều thứ, không chuyên nhất. Thứ bạn muốn còn chưa hoàn toàn thỏa mãn thì thọ mạng đã hết, chưa thành tựu mà người đã mất. Tôi nghe hiểu rồi, cũng thấy rõ rồi. Đời này của tôi nhất định không dính tới chút xíu danh văn lợi dưỡng. Tôi không cần bất kỳ điều gì, chỉ cần A-di-đà Phật. Tôi tin rằng A-di-đà Phật nhất định sẽ thỏa mãn ước nguyện của tôi, cơ duyên chín muồi ngài sẽ tới đón tôi về nhà. Tôi sẽ giống như lão hòa thượng thượng Hải hạ Hiền, lão Bồ-tát Lưu Tố Thanh, lão Bồ-tát Lưu Minh Hoa vậy, biết trước thời gian, tự tại vãng sanh, dẫn theo vô lượng vô biên chúng sanh quay về Cực Lạc, làm tấm gương tốt của niệm Phật thành Phật, báo ân Phật, báo ân thầy, báo ân chúng sanh.

*Điều thứ hai:* đầy đủ Tam Tư Lương, bảo đảm vãng sanh.

Có người hỏi, niệm Phật thành Phật có bí quyết gì không? Nói như thế này, có thể nói là có, cũng có thể nói là không có. Nếu như nói có thì phải làm tốt ba

chuyện. Chuyện thứ nhất đó là thật sự tin. Thật sự tin tưởng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc là sự thật chắc chắn 100%, không một chút hoài nghi. Đối với thế giới này còn chút xíu lưu luyến cũng không thể vãng sanh được. Chuyện thứ hai là nguyện khẩn thiết. Thật sự muốn đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thân cận A-di-đà Phật, hơn nữa nguyện vọng này rất chân thật, rất khẩn thiết. Chuyện thứ ba là đốc hành. Hành là phải thật làm; làm thì phải thật thà làm chắc từng bước một, không thể giả dối, không thể làm giả, phải thật sự làm. Không thể chân trong chân ngoài, vừa muốn đến thế giới Cực Lạc, vừa không nỡ bỏ danh văn lợi dưỡng trước mắt, vậy thì không thể vãng sanh.

Ba chuyện tôi vừa nói chính là tam tư lương thường ngày của chúng ta. Bạn nói đó là bí quyết thì đó là bí quyết, bởi vì nó hiệu nghiệm; bạn nói đó không phải là bí quyết thì không phải là bí quyết, bởi vì mọi người đều biết, không có gì bí mật cả. Đầy đủ tam tư lương rồi, bảo đảm vãng sanh. Nhớ kỹ hai chữ “đầy đủ” này.

Tại sao có người hình như đã đầy đủ tam tư lương mà lại không vãng sanh được? Theo sự quan sát của tôi, người như vậy có hai chướng ngại lớn: Một là quá nhiều vướng mắc, quá nhiều âu lo, quá nhiều nguyện vọng. Tóm một câu là không buông xuống được. Hai là oan gia trái chủ chướng ngại đạo. Oan gia trái chủ từ đâu tới? Đều là do chính họ bỏ nhiệm? Bỏ nhiệm như thế nào? Coi thường người này, bỏ nhiệm một người; nhìn không thuận mắt người kia, lại bỏ nhiệm một người. Bạn tự tính xem, bạn đã bỏ nhiệm bao nhiêu oan gia trái chủ? Trên thực tế oan gia trái chủ chỉ có một, đó là bản thân bạn. Tôi nói lời này, có bao nhiêu người hiểu được? Có bao nhiêu người có thể tiếp nhận? Có tín, có nguyện, có hạnh, đầy đủ ba điều kiện, lại vui vẻ hướng đến [Cực Lạc] thì không một ai không vãng sanh. Tôi rất tự tin, đời này tôi nhất định thành tựu, tam tư lương của tôi trên cơ bản là đầy đủ, lúc nào cũng sẵn sàng về nhà.

*Điều thứ ba:* niệm Phật không niệm bệnh, niệm Phật được lìa khổ.

Bệnh khổ là một trong tám khổ, ai cũng không tránh khỏi. Bị bệnh thật khổ. Tôi đã từng trải qua, tôi biết cảm giác của bệnh khổ như thế nào. Ngoài sự giày vò của thể xác, sự giày vò của tinh thần càng khiến chúng ta khó mà chịu đựng được. Vô vọng, bơ vơ, bất lực, cô độc, cô quạnh, biết nói cùng ai? Rất nhiều người bị bệnh, bị bệnh tật giày vò, đau khổ không chịu được. Con người luôn như vậy, trong tình

trạng không hiểu đạo lý, có bệnh thì niệm bệnh, có đau thì niệm đau, càng niệm đau thì càng đau, mỗi một phút một giây đều bị giày vò trong đau khổ.

Năm 2000, tôi bị bệnh nặng, có thể chết bất cứ lúc nào, mỗi ngày chỉ đợi tử thần tới. Vận mệnh của tôi thực sự là quá tốt, năm đó tôi gặp được Phật pháp, mà còn là pháp môn niệm Phật Tịnh độ thù thắng không gì sánh bằng. Tôi hiểu được một đạo lý, thế nào là bệnh? Con người bị bệnh, bệnh là nghiệp chướng. Nghiệp chướng tiêu trừ thì bệnh liền khỏi. Lão pháp sư nói với chúng ta: niệm Phật là phương pháp tốt nhất để tiêu trừ nghiệp chướng. Tôi tin tưởng lời lão pháp sư nói, buông xuống niệm bệnh, niệm khổ, niệm đau, bắt đầu thật thà niệm A-di-đà Phật. Có thể là do tâm thành ắt linh nghiệm, không bao lâu sau, tôi có bệnh nhưng không đau nữa. Sự thật bày ra trước mắt, bạn có thể không tin sao? Những bệnh kỳ lạ, bao gồm ung thư đều là nghiệp chướng chiêu cảm tới.

Thế nào là nghiệp chướng? Tham sân si mạn nghi là nghiệp chướng, âu lo vương mắc là nghiệp chướng, vọng niệm tràn lan là nghiệp chướng, có ý bất thiện là nghiệp chướng v.v... Bạn tiêu trừ những nghiệp chướng này rồi thì bệnh tự nhiên sẽ khỏi. Tôi là ví dụ điển hình nhất, là ví dụ có tính thuyết phục nhất. Để tôi kể hai ví dụ chứng minh.

Chuyện thứ nhất: Vào năm 2000, bệnh Lupus ban đỏ của tôi phát tác, trên thực tế thân thể không khỏe đã hơn bốn năm rồi. Sau khi nhập viện được thông báo bệnh tình nghiêm trọng, có thể chết bất cứ lúc nào. Lại thêm tôi bị dị ứng thuốc, không thể dùng thuốc trị bệnh, thật sự chỉ biết ngồi chờ chết. Có thể là mệnh tôi chưa đến lúc kết thúc, năm đó tôi gặp được Phật pháp, biết niệm A-di-đà Phật. Tử thần đã rời khỏi tôi, A-di-đà Phật chiếu cố tôi, bệnh của tôi nặng như vậy mà khỏe lại một cách thần kỳ. Tại sao lại khỏi bệnh? Niệm A-di-đà Phật mà bệnh khỏi. Có người hỏi, A-di-đà Phật thật sự thần kỳ vậy sao? Tôi nói cho bạn biết, A-di-đà Phật ở chỗ tôi rất thần kỳ. Bạn muốn hỏi A-di-đà Phật đã chữa khỏi bệnh cho tôi như thế nào? Tôi có thể thẳng thắn nói cho bạn biết, A-di-đà Phật đã gỡ bỏ khúc mắc trong lòng tôi, tôi hiểu rõ đạo lý, tôi cởi bỏ được trói buộc, tôi vui vẻ, bệnh của tôi không chữa mà khỏi.

Chuyện thứ hai: Năm 2013 tôi ngã bị thương cánh tay phải, đầu xa xương cánh tay vỡ vụn. Vốn là định chiều hôm đó làm phẫu thuật khẩn cấp, sau đó bởi vì tôi từng bị bệnh Lupus ban đỏ, lại dị ứng thuốc cho nên đã hủy ca phẫu thuật khẩn

cấp chiều hôm đó. Sau khi các chuyên gia thảo luận, nghiên cứu phương án phẫu thuật, khó khăn ở chỗ ca phẫu thuật chỉnh hình lớn như vậy lại không thể dùng thuốc, phải làm sao đây? Thực sự không được, đành thử xem sao. Ngày thứ năm tôi mới phẫu thuật. Lúc y tá đưa tôi vào phòng phẫu thuật nói với tôi, đẩy vào đó thử xem sao, không được thì đẩy ra lại. Kỳ tích xuất hiện, ca phẫu thuật trải qua bốn tiếng đồng hồ, thời gian phẫu thuật chính thức là hai tiếng hai mươi bảy phút, không ngờ lại làm được. Tôi trở thành trường hợp đặc biệt. Gãy xương không đau, chữa trị không dùng thuốc. Từ lúc ngã bị thương đến nay đã bảy năm rồi, chưa từng bị đau qua; ca phẫu thuật lớn như vậy, trước và sau khi phẫu thuật đều không dùng thuốc, đến tiền thuốc cũng tiết kiệm được. Tại sao lại như vậy? Niệm A-di-đà Phật, Phật lực gia trì. Ngoài ra không thể tìm được đáp án thứ hai. Lão pháp sư nói “niệm Phật tiêu nghiệp chướng, trừ bệnh tránh tai ương”, thực sự đã thể hiện trên thân tôi.

*Điều thứ tư: vớt đi phiền não, đề khởi Phật hiệu.*

Mệnh danh là người tu hành mà không tiêu trừ được một đồng lớn phiền não, vậy thì có phải có chút không hợp lý? Nhưng trong cuộc sống thực tế, đích thực là như vậy. Có thể thấy được trong số người tu hành cũng rờn rấn lẫn lộn. Vì sao chúng ta vẫn không rời bỏ thế giới hỗn loạn đến cùng cực này, là bởi vì quá nhiều cám dỗ, chúng ta không vượt qua được những cám dỗ khiến con người hoa mắt! Nào là danh, lợi, sắc, cửa ải nào cũng không qua được! Phiền não từ đâu mà tới? Bị thua bởi sự cám dỗ, có thể không phiền não được sao? Sao lại chẳng biết những cám dỗ này đều là ma đang thao túng, ai đang cám dỗ chúng ta? Là ma đang cám dỗ chúng ta. Tập khí tham sân si mạn nghi của chúng ta, từ vô thủy kiếp tới nay bị ô nhiễm quá sâu, quá sâu, không loại trừ nổi, chúng ta bị hại thật quá nặng. Phải thường nghĩ rằng, những thứ này đều là phiền não khiến thân tâm chúng ta bất an. Phiền não là độc, trúng độc quá sâu thì sẽ mất mạng.

Trong mấy năm trước, năm 2000, tôi luôn bị phiền não vây quanh tới mức không thở nổi, đau đớn tới mức không muốn sống. May mà nghe được Phật pháp, hiểu rõ đạo lý, từ trong phiền não thoát ra ngoài, buông bỏ phiền não, đề khởi câu Phật hiệu. Sức oai thần của câu Phật hiệu A-di-đà Phật thật sự không thể nghĩ bàn. Thời gian trôi qua, sự thâm nhập của tôi đối với kinh giáo, đặc biệt là ba lần viết bản thảo kinh Vô Lượng Thọ, tôi nhận được rất nhiều lợi ích. Tôi thật sự cảm nhận được rằng: A-di-đà Phật là người thân của chúng ta; A-di-đà Phật là người thân duy nhất

của chúng ta; A-di-đà Phật là người thân duy nhất mà chúng ta có thể nương tựa. Đời sống rất ngắn ngủi, một trăm năm chẳng qua cũng chỉ là 36.000 ngày, nhìn thoáng một chút, nghĩ thoáng một chút, hết thấy đều là mộng huyễn bọt bóng, phiền não vì những mộng huyễn bọt bóng, thật không đáng! Nhất định không nên tranh, không nên cầu, những thứ tranh được, vô lý cầu được, sau cùng tới lúc tính sổ nhất định sẽ thua. Một câu Phật hiệu A-di-đà Phật là thật, buông xuống điều giả nhắc lên điều thật, bạn mới thật sự là người chiến thắng!

*Điều thứ năm:* thế giới Cực Lạc ai cũng có phần, niệm Phật thành Phật thật sự không khó.

Thế giới Cực Lạc ai cũng có phần, đây là sự thật, đừng nên nghi ngờ. Niệm Phật thành Phật thật sự không khó, điều này cũng là thật, đừng nên nghi ngờ. Thế giới Tây Phương Cực Lạc so sánh với cõi nước chư Phật khác, chỗ thù thắng nhất là hai chữ “bình đẳng”. Bạn phải tin lời Phật nói, bạn phải tin chính mình niệm Phật nhất định thành Phật. Tôi là A-di-đà Phật, họ là A-di-đà Phật, bạn cũng là A-di-đà Phật, điều này là thật. Nếu như có người tỏ vẻ khiêm tốn nói rằng: “Tôi không được đâu, tôi làm sao có thể là A-di-đà Phật được”, nếu như bạn đã tự mình nói như vậy, vậy thì bạn thật sự không phải là A-di-đà Phật. Tại sao vậy? Hết thấy pháp từ tâm tướng sanh!

Hai hôm trước tôi nói chuyện với một đồng tu, nhớ tới một chuyện vào mấy năm trước. Khoảng bốn đến năm năm trước, trong một đạo tràng nhỏ, lúc đó trong đạo tràng có khoảng hai mươi mấy người. Tôi nói, những người ngồi đây tương lai đều là người của Tây Phương Cực Lạc. Tôi vừa nói xong thì có một bạn đồng tu giơ tay lớn tiếng nói: “Thưa cô, con không phải”, cả đạo tràng đều yên lặng. Hôm đó tôi hỏi bạn đồng tu này, bây giờ con còn nói như vậy không? Cô ấy nói, “bây giờ con không còn nói như vậy nữa, sao lúc đó khờ khạo như vậy, chưa kịp suy nghĩ thì đã nói ra lời như vậy”. Các đồng tu, nhất định phải chú ý! Lời nói ra là nguyện! Không chỉ là lời nói, ngay cả một suy nghĩ cũng trọn khắp hư không pháp giới! Phải thận trọng từ lời nói đến việc làm! Hôm nay tôi nói với mọi người, thế giới Cực Lạc ai cũng có phần, tôi có phần, họ có phần, bạn cũng có phần. Hết thấy chúng sanh bình đẳng, đều có phần. Bạn không nên xem mình là người ngoài cuộc, nếu như bạn cho rằng mình là người ngoài cuộc, vậy thì thế giới Tây Phương Cực Lạc thật sự không có phần của bạn.



Còn chuyện thành Phật có khó hay không? Thế hội của tôi là: Mười năm trước tôi cho rằng thành Phật khó, thật sự rất khó, Phật quá cao, chỉ có thể ngược nhìn mà không với tới! Năm năm trước, tôi cho rằng thành Phật cũng không khó như tôi tưởng tượng, đầy đủ tam tư lương rồi, tôi cũng có thể thành Phật, không những có thể ngược nhìn mà có thể chạm. Ba năm gần đây, nhờ viết bản thảo phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ lần thứ nhất và lần thứ hai, còn có bản thảo của “chuyên đề giảng tọa”, viết ba bản thảo này khiến tôi nhận được lợi ích rất lớn, đột nhiên hiểu được niệ́m Phật thành Phật thật sự không khó.

Tôi ngộ được rằng làm tốt hai việc thì liền thành Phật, hơn nữa còn thành Phật viên mãn rốt ráo. Là hai việc nào? Một là nhắc lên điều thật. Điều gì là thật? Chính là câu Phật hiệu A-di-đà Phật; hai là buông xuống điều giả. Điều gì là giả? Ngoài A-di-đà Phật ra, hết thấy đều là giả. Ở đây tôi cần nói rõ một vấn đề: Buông xuống không phải là từ bỏ, buông xuống là tích cực, từ bỏ là tiêu cực. Người tu hành nhất định phải mang lại năng lượng tích cực cho đại chúng, phải làm tấm gương tốt niệ́m Phật thành Phật cho đại chúng. Làm thế nào để trở thành tấm gương tốt niệ́m Phật thành Phật? Tôi đã nói năm điều, khái quát như sau: một, không cần gì hết, chỉ cần A-di-đà Phật; hai, đầy đủ tam tư lương, bảo đảm vãng sanh; ba, niệ́m Phật không niệ́m bệnh, niệ́m Phật được lìa khổ; bốn, vứt bỏ phiền não, đề khởi câu Phật hiệu; năm; thế giới Cực Lạc ai cũng có phần, niệ́m Phật thành Phật thật sự không khó.

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây. Cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 19

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Nội dung của tiết học này chúng tôi sẽ tổng kết trọng tâm từ tập 10 đến tập 18.

Từ nửa phần sau của tập 10 cho đến hết tập 18 đều là nội dung kinh văn của phẩm thứ hai: “Đức Tuân Phổ Hiền Đệ Nhị”. Một phẩm kinh văn đã giảng hết tám tập rưỡi, có thể thấy được vị thế quan trọng của phẩm kinh này trong bộ kinh này. Tiếp theo tôi sẽ nói một chút những trọng điểm của phẩm kinh văn này để các đồng tu tham khảo.

- **Trọng điểm thứ nhất:** hàm nghĩa sâu xa của đức tuân Phổ Hiền là gì?

*Một*, tán thán các vị Bồ-tát tham gia pháp hội kinh Vô Lượng Thọ này, đồng thời cũng tán thán hết thảy các vị Bồ-tát ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, các ngài đều tu học thập đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ-tát.

*Hai*, thế giới Tây Phương Cực Lạc là pháp giới của Phổ Hiền Bồ-tát. Chúng ta phát tâm cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì nhất định phải hiểu rõ hạnh nguyện của Phổ Hiền Bồ-tát. Sau khi hiểu rõ phải học tập, phải thực hành.

*Ba*, đức của Phổ Hiền Bồ-tát không thể nói hết được. Ngài là trưởng tử của Hoa Nghiêm, trong pháp hội Hoa Nghiêm, Phật là pháp vương, trong số những người nghe pháp, Phổ Hiền Bồ-tát là trưởng tử, trưởng tử là người kế thừa của pháp vương.

*Bốn*, điểm tâm yếu cốt lõi nhất trong vô lượng vô biên công đức của Phổ Hiền Bồ-tát chính là thập đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ-tát dẫn về Cực Lạc. Đây là chỗ quy về của kinh Hoa Nghiêm. Thánh chúng tham gia pháp hội tu theo đức của ngài Phổ Hiền, đương nhiên cũng là tu theo thập đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc.

- **Trọng điểm thứ hai:** mười sáu vị Chánh sĩ: ngài Hiền Hộ v.v... đại biểu điều gì?

*Một*, mười sáu đại biểu cho viên mãn. Mười sáu vị Chánh sĩ đại biểu cho vô lượng vô biên Chánh sĩ. Chánh sĩ là Bồ-tát tại gia, Đại sĩ là Bồ-tát xuất gia. Chánh sĩ và Đại sĩ cùng một cấp bậc, đều là Đẳng Giác Bồ-tát.

*Hai*, kinh văn trong phẩm này kể tên mười sáu vị thượng thủ của chúng tại gia, mà trong phẩm thứ nhất chỉ kể tên ba vị thượng thủ của chúng xuất gia. Điều này chứng tỏ: pháp môn Tịnh độ vô cùng thích hợp cho người tại gia tu trì, đối tượng độ thoát chủ yếu của bộ kinh này là người tại gia, đức Phật chuyên giảng bộ kinh này cho người tại gia. Nói chính xác hơn là đức Phật chuyên giảng cho tôi. Làm sao báo đáp ân đại đức của Phật? Pháp môn Tịnh độ thù thắng vi diệu ở chỗ “không rời Phật pháp mà thực hành pháp thế gian, không bỏ pháp thế gian mà chứng Phật pháp”. Pháp môn này khế hợp với tình hình xã hội hiện nay và trong tương lai, rất thích hợp cho người tại gia tu học.

*Ba*, Chánh sĩ “Hiền Hộ”. Tiếng Phạn là “Bạt-đà-hòa”, Hán dịch là Hiền Hộ, Hiền Thủ (賢首), Hiền Thủ (賢守), Thiện Thủ. Công đức danh hiệu của ngài rất lớn, chúng sanh chỉ cần nghe được danh hiệu của ngài nhất định có được ba loại Bồ-đề: tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Bởi vì ngài thủ hộ chúng sanh cho nên gọi là Thiện Thủ. Hiền Hộ Bồ-tát là đệ tử tại gia tu học Tịnh độ của Thích-ca Mâu-ni Phật, địa vị của ngài tương đương với Quán Âm, Thế Chí, Văn-thù, Phổ Hiền Bồ-tát, đều là vượt qua Đẳng Giác Bồ-tát của Thập địa. Hiền Hộ Bồ-tát là người phát khởi niệm Phật tam-muội, có nguồn gốc rất sâu với Tịnh tông, ngài tận mắt thấy A-di-đà Phật, vì vậy ngài là thượng thủ của chúng tại gia, tham gia pháp hội, giúp Thích-ca Mâu-ni Phật tuyên dương pháp môn vô thượng niệm Phật tam-muội. Ngoài cư sĩ Duy-ma-cật, Hiền Hộ Bồ-tát là vị cư sĩ đại đức tại gia cực kỳ thù thắng. Trong mười sáu vị Bồ-tát thượng thủ của chúng tại gia, vị đầu tiên là Hiền Hộ Bồ-tát, Bồ-tát thị hiện ở thế giới Ta-bà, ngài là đệ tử của Thích-ca Mâu-ni Phật khi Phật còn tại thế. Mười lăm vị còn lại đều từ thế giới phương khác đến núi Linh Thứu nghe pháp, tham gia pháp hội thù thắng không gì sánh bằng này, tới làm ảnh hưởng chúng. Đây cũng là biểu pháp, biểu pháp gì? Vô lượng vô biên chư Phật trong mười phương thế giới đều giảng kinh Vô Lượng Thọ, vô lượng vô biên chư Phật trong mười phương thế giới đều hộ niệm kinh Vô Lượng Thọ. Pháp hội kinh Vô Lượng Thọ này thù thắng không gì sánh bằng là do hết thảy mười phương chư Phật tuyên thuyết. Câu này rất quan trọng, không chỉ có mỗi Thích-ca Mâu-ni Phật tuyên thuyết, mà hết thảy chư Phật tuyên thuyết, nghiệm chứng cho chúng ta thấy kinh Vô Lượng Thọ là Di-đà bản nguyện hải, là bộ kinh thỏa bản hoài của Phật. Mười lăm vị Bồ-tát còn lại đến từ thế giới phương khác cũng là đang biểu pháp. Chúng ta phải hiểu sơ bộ tình hình biểu pháp của các ngài:

“Thiện Tư Duy Bồ-tát” biểu thị người chuyên tu pháp môn Tịnh độ, tư tưởng kiến giải của ngài là thuần thiện, tương ứng với A-di-đà Phật.

“Huệ Biện Tài Bồ-tát” biểu thị có trí tuệ, có tài hùng biện, có thể nói rõ ràng, nói tường tận giáo lý giáo nghĩa của kinh điển, khiến tín chúng vừa nghe liền hiểu, biểu thị biện tài vô ngại.

“Quán Vô Trụ Bồ-tát” biểu thị hết thảy pháp vô thường, tu pháp môn Tịnh độ không chấp trước, không tham luyến hết thảy pháp, “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”. Âm thị cho chúng ta rằng kinh Vô Lượng Thọ bao hàm toàn bộ kinh Kim Cang, bao hàm toàn bộ kinh Bát-nhã. Học Bát-nhã không bằng học kinh Vô Lượng Thọ.

“Thần Thông Hoa Bồ-tát” biểu thị ứng dụng linh hoạt Phật pháp vào trong đời sống, dạy học thiện xảo, dạy học tùy theo căn cơ, giới thiệu pháp môn niệm Phật thành Phật cho đại chúng, biểu thị hạnh nguyện phương tiện, không thiếu điều nào. Âm thị cho chúng ta học Hoa Nghiêm không bằng học kinh Vô Lượng Thọ, ý thú biểu pháp rất sâu rất rộng.

“Quang Anh Bồ-tát” biểu thị bộ kinh này có thể hiển phát trí tuệ sâu rộng vô lượng vô biên của chúng ta. Tất cả trí tuệ đều hiển phát từ một câu A-di-đà Phật, biểu thị kinh này có vô biên đức dụng.

“Bảo Tràng Bồ-tát” biểu thị pháp duyên hồng pháp lợi sanh thù thắng.

“Trí Thượng Bồ-tát” biểu thị tu học bộ kinh này có được trí tuệ vi diệu vô thượng, cho thấy sự thù thắng của kinh này, không thiếu một pháp nào.

“Tịch Căn Bồ-tát” biểu thị lục căn thanh tịnh, tu theo kinh này thì có được sáu căn thanh tịnh.

“Tín Huệ Bồ-tát” biểu thị tin sâu bộ kinh này.

“Nguyện Huệ Bồ-tát” biểu thị tin sâu phát nguyện cầu sanh Tịnh độ là người sẵn có trí tuệ chân thật.

“Hương Tượng Bồ-tát” biểu thị niệm Phật thành Phật, giúp chúng ta vượt khỏi mười pháp giới. Ba vị Bồ-tát kể trên biểu thị vãng sanh thế giới Cực Lạc nhất định phải đầy đủ tam tư lương: tín, nguyện, hạnh.

“Bảo Anh Bồ-tát”. Bảo Anh biểu thị 48 nguyện của A-di-đà Phật, 48 nguyện là tinh hoa của hết thảy diệu pháp, biểu thị biển nguyện Di-đà, vạn đức trang nghiêm. Biểu thị trong tự tánh hàm chứa vô lượng kho báu, trí tuệ vô tận.

“Trung Trụ Bồ-tát” biểu thị an trụ trung đạo. A-di-đà Phật là trung đạo đệ nhất nghĩa đế, cực huyền diệu, cực phương tiện, cực bình thường.

“Ché Hạnh Bồ-tát” biểu thị trì giới niệm Phật, niệm Phật chính là ché hạnh.

“Giải Thoát Bồ-tát” biểu thị quả báo, quả báo được đại tự tại. Biểu thị tu học theo lý luận, phương pháp của bộ kinh này sẽ vĩnh viễn xa lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, vắng sanh Tịnh độ, được đại tự tại.

- **Trọng điểm thứ ba:** Đức của Phổ Hiền Đại sĩ là gì? Đức này mang lại lợi ích gì cho chúng sanh? Đức của Phổ Hiền Đại sĩ là mười cương lĩnh lớn mà phần sau cùng của kinh Hoa Nghiêm quy nạp lại, gọi là thập đại nguyện vương:

Một là lễ kính chư Phật,  
Hai là xưng tán Như Lai,  
Ba là quảng tu cúng dường,  
Bốn là sám hối nghiệp chướng,  
Năm là tùy hỷ công đức,  
Sáu là thỉnh chuyên pháp luân,  
Bảy là thỉnh Phật trụ thế,  
Tám là thường tùy Phật học,  
Chín là hằng thuận chúng sanh,  
Mười là phổ giai hồi hướng.

Đức của Phổ Hiền Đại sĩ, cũng chính là Thập Đại Nguyện Vương mang lại lợi ích gì cho chúng sanh? Trước đây chúng ta không biết, ít nhất thì ta không hiểu rõ lắm. Chúng ta không cách nào tưởng tượng được lợi ích của thập đại nguyện vương mang lại cho chúng sanh, cho dù bây giờ nói ra bạn cũng chưa chắc đã tin, bởi vì bạn chưa từng trải qua, chưa từng đích thân cảm nhận, ít nhất bạn vẫn còn chút bán tín bán nghi, bất kể bạn có tin hay không thì tôi cũng nói sự thật này cho bạn biết. Thập đại nguyện vương mang lại lợi ích gì cho chúng sanh? Để tôi kể cho mọi người nghe cảm nhận của chính bản thân tôi.

Điều thứ nhất: tôi nghe hiểu thập đại nguyện vương, tiếp nhận rồi, làm theo rồi, thân tâm của tôi được giải phóng. Tôi tự tại, tôi vui vẻ, tôi thay đổi vận mệnh rồi. Hơn 20 năm trước, tại sao bệnh tình của tôi nguy kịch? Tại sao lúc nào cũng đang đối mặt với cái chết? Tâm thái không tốt, bệnh nặng quán thân. Lúc đó, thân thể của tôi bị bệnh tật giày vò, tinh thần cũng bị giày vò, áp lực của công việc khiến tôi đau đớn không thiết sống nữa. Nhìn ai cũng không thuận mắt, chuyện gì cũng không vừa lòng, không như ý, phiền não, âu lo, bị quan theo tôi mỗi ngày. Bây giờ nghĩ lại bốn đến năm năm đó tôi có thể là đã bị bệnh trầm cảm, nhưng tôi lại không hề hay biết. Sao tôi khỏe lại vậy? Ngoài việc nghe lão pháp sư giảng kinh Vô Lượng Thọ và niệm A-di-đà Phật ra vẫn còn một yếu tố quan trọng, đó là thập đại nguyện vương của Phổ Hiền Đại sĩ đã cứu tôi. Tôi nghe hiểu điều này “lễ kính chư Phật”, hết thấy chúng sanh đều là vị Phật tương lai cho nên phải lễ kính! Tâm thái biến chuyển thì tình cảnh cũng khác biệt rất lớn, không còn thấy cái này không thuận mắt, cái kia không như ý nữa. Tôi thật sự muốn nói với mọi người, hãy thật sự tin Phật! hãy thật sự học Phật! Thật sự học hiểu rồi, thì thật sự được lợi ích! Thẻ hội của tôi là: nghe hiểu thập đại nguyện vương rồi, thực tiễn rồi, vận mệnh cuộc đời tôi đã thay đổi.

Điều thứ hai: Thực hành thập đại nguyện vương rồi thì thấy được thành quả trong cuộc sống hiện thực, nếu như nói trước đây chuyện gì cũng không thuận lợi thì hiện tại chuyện gì cũng thuận lợi. Đối với cá nhân tôi mà nói, đến khi về già, phước báo của tôi hiện tiền. Không thiếu thứ gì, không sót thứ gì, không cần lo lắng chuyện gì, một lòng tu đạo tốt biết bao!

*“Nghe kinh, nghe pháp, học kinh giáo.*

*Hằng ngày kết giao với chư Phật.*

*Luôn sống trong thế giới cảm ân.*

*Không lo không nghĩ vui tiêu dao.”*

Bốn câu này đã miêu tả rất chân thật về đời sống thực tế của tôi. Thập đại nguyện vương không phải là bản quyền của tôi, không phải là bản quyền của bạn, cũng không phải là bản quyền của người khác, mà là bản quyền chung của chúng sanh trong pháp giới. Thập đại nguyện vương cho pháp giới cùng hưởng, làm rồi sẽ

được hưởng, không làm sẽ không được hưởng. Thực hành thập đại nguyện vương, bạn không thành Phật thì ai thành Phật?

Điều thứ ba: Có tác dụng lớn vào lúc con người lâm chung. Điều này là điều quan trọng nhất, cũng là điều mà chúng ta cần phải xem trọng. Thập đại nguyện vương có lợi ích rất lớn vào lúc con người lâm chung, trước đây chúng ta biết rất ít, thậm chí là không biết, có tác dụng quá lớn, lợi ích này không điều gì có thể thay thế được, có thể nói tác dụng của thập đại nguyện vương là có một không hai. Vào thời khắc cuối cùng khi con người lâm chung, hết thấy các căn đều hư hoại, chức năng của các cơ quan dần suy yếu, thậm chí là mất đi, không bộ phận nào theo ý bạn được nữa, bạn nói ra cũng không tính, chỉ huy không được nữa, bạn không thể làm chủ được mình, ai làm chủ rồi? Nghiệp lực làm chủ, kẻ mạnh dắt đi trước, bạn lưu chuyển theo nghiệp. Nghiệp lực nào mạnh sẽ dắt bạn tới cõi tương ứng với nghiệp lực đó. Nếu như bạn là người học Phật, đặc biệt là người tu pháp môn Tịnh độ, vào lúc này thập đại nguyện vương bỗng nhiên khởi tác dụng. Thập đại nguyện vương chẳng rời bỏ người vãng sanh, trong mọi lúc đều ở phía trước dẫn đường, trong một sát-na liền được vãng sanh tới thế giới Cực Lạc. Tự nhiên hóa sanh trong hoa sen, được A-di-đà Phật thọ ký thành Phật. Sau đó ở trong các thế giới bất khả thuyết bất khả thuyết, dùng vô lượng trí tuệ, tùy thuận tâm niệm của chúng sanh mà làm lợi ích chúng sanh, phổ độ chúng sanh ở trong biển khổ phiền não. Đây chính là đức của Phổ Hiền Đại sĩ.

Gần đây, chúng tôi có đưa tiền một lão Bồ-tát vãng sanh, có một bài kệ tụng cúng dường các đồng tu, cùng thâm nhuần lợi ích của pháp.

*“Di-đà từ phụ tay cầm hoa sen.  
Đến đón con cung, mau chóng về nhà.  
Hoa nở thấy Phật, mau về Ta-bà.  
Chúng sanh khổ nạn, đợi được cứu giúp.  
Làm tốt chính mình, giúp đỡ thiên hạ.  
Vô lượng chúng sanh, theo bạn về nhà!”*

- **Trọng điểm thứ tư:** hạnh Phổ Hiền là gì? Hạnh Phổ Hiền có đặc điểm nổi bật nào? Thập đại nguyện vương chính là hạnh Phổ Hiền. Đặc điểm lớn nhất của hạnh Phổ Hiền là tâm lượng rộng lớn, mãi không biết mệt mỏi, đây là chỗ đặc sắc chỉ hạnh Phổ Hiền mới có. Nguyện thứ mười “phổ giai hồi hướng” có nghĩa là không

gì không thu nhiếp, ngay cả danh hiệu của Phổ Hiền Bồ-tát cũng hàm nhiếp trong đó, biểu thị chữ “Phổ” trong danh hiệu. Từ nguyện thứ nhất đến nguyện thứ chín biểu thị chữ “Hiền”. Thập đại nguyện vương mãi không cùng tận, vĩnh kiếp cần cù không mệt mỏi, sau khi thành Phật vẫn đang độ chúng sanh, hiển lộ rõ ràng chữ Phổ và chữ Hiền trong [danh hiệu] Phổ Hiền Bồ-tát. Hồi hướng có nghĩa là “Phổ”; hằng thuận chúng sanh có nghĩa là “Hiền”.

- **Trọng điểm thứ năm:** chư Phật Bồ-tát đến thế gian này làm gì? Dạy học, “thường dùng pháp âm giác ngộ thế gian”.

*Một*, việc giáo học của chư Phật Bồ-tát là giáo dục giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, đây là giáo dục của Phật-đà, cách giáo dục này chỉ Thích-ca Mâu-ni Phật mới có, ngoài ngài ra, trên thế gian và xuất thế gian tìm không được người thứ hai.

*Hai*, giáo học của Thích-ca Mâu-ni Phật có pháp môn đặc biệt, đó là pháp môn niệm Phật Tịnh độ; có diệu pháp vô thượng, diệu pháp này là tín nguyện trì danh, một đời thành Phật.

*Ba*, pháp môn này, diệu pháp này phải nói cho người có đại thiện căn, đại phước đức, đại nhân duyên, bởi vì họ tin tưởng, họ tiếp nhận, họ thọ dụng, nếu không thì Phật sẽ không nói.

*Bốn*, chư Phật Bồ-tát dạy điều gì? “Giác ngộ thế gian, phá thành phiền não, lấp hào tham dục, rửa sạch cấu ô, hiển minh thanh bạch”. Bốn câu sau cùng [của đoạn] này là tôn chỉ giảng kinh thuyết pháp của hết thầy chư Phật Như Lai thị hiện trên thế gian này; là mấu chốt của chư Phật Như Lai chuyên pháp luân.

*Năm*, chư Phật Như Lai dạy như thế nào? “Điều phục chúng sanh, tuyên thuyết diệu lý”, chúng sanh bất hòa, thế giới đại loạn, điều hòa chúng sanh rất quan trọng. Phải điều hòa mỗi quan hệ giữa người với người; phải điều hòa mỗi quan hệ giữa người với đại tự nhiên; phải điều hòa mỗi quan hệ giữa người với thiên địa quỷ thần. “Trữ công đức, làm phước điền cho chúng sanh”, chư Phật Như Lai có vô số công đức, công đức của các ngài cho chúng sanh gieo phước điền. Gieo phước điền phải có tuệ nhãn phân biệt thật giả, đừng gieo sai chỗ. “Dùng các pháp dược cứu chữa ba khổ”, đây là chư Phật độ chúng sanh, tùy bệnh cho thuốc. Bệnh là nỗi khổ của chúng sanh, thuốc là diệu pháp của Như Lai, thầy thuốc hay thì kê thuốc đúng bệnh cho



bạn, uống thuốc liền hết bệnh; thầy giáo giỏi thì dạy bạn pháp khế lý, khế cơ, khế hợp căn tánh của bạn, một đời thành tựu.

*Sáu*, thành tích dạy học của chư Phật Như Lai là gì? “Lên địa vị quán đảnh, thọ ký Bồ-đề”, đây là tu học đến trình độ cao nhất, lấy được học vị cao nhất, thành Phật rồi. Phải có nhận thức đúng đắn về hàm nghĩa thật sự của quán đảnh, không còn hiểu lầm, đừng để bị lừa gạt.

*Bảy*, “vì giáo hóa Bồ-tát nên làm A-xà-lê”, dịch là quỹ phạm sư. Các vị thánh chúng tuân theo đức của Phổ Hiền Đại sĩ đều làm A-xà-lê của chúng sanh.

*Tám*, “thường tu tập vô biên các hạnh tương ưng”, luôn cảnh giác nhắc nhở thân khẩu ý của chính mình có tương ưng với Phật hay không? Có giống Phật hay không? Tương ưng thì thành Phật.

*Chín*, “thành thực vô biên thiện căn cho hàng Bồ-tát”, chư Phật Bồ-tát độ chúng sanh mãi cho đến khi bạn viên mãn thành Phật.

*Mười*, “vô lượng chư Phật đều cùng hộ niệm”, vô lượng chư Phật hộ niệm cho chư đại Bồ-tát tham gia pháp hội; chư đại Bồ-tát tham gia pháp hội hộ niệm cho mười phương thế giới chư Phật Bồ-tát; mười phương chư Phật Bồ-tát hộ niệm chúng ta; chúng ta hộ niệm hết thấy những người chân chánh niệm Phật; người chân chánh niệm Phật hộ niệm hết thấy chúng sanh.

*Mười một*, “thông chư pháp tánh, đạt chúng sanh tướng” có nghĩa là chiếu chân đạt tục, tức là chúng ta nói phải thông đạt pháp tánh của hết thấy pháp, lại phải thông đạt vô số tướng khác nhau, tùy duyên bất biến mà hiển hiện.

*Mười hai*, “xé toạc lưới ma, cởi bỏ các trói buộc”. Bài học quan trọng mà chư Phật Bồ-tát giáo hóa chúng sanh, chúng sanh bị ma kiến trói buộc thật chặt, không thể giải thoát, chư Phật Bồ-tát giúp chúng sanh phá trừ lưới ma kiến, giúp chúng sanh thoát khỏi sự trói buộc. Tại sao tám lưới này càng ngày càng dày? Là do dục vọng khó kiềm chế. Dục vọng càng cao, trói buộc càng chặt, càng khó thoát khỏi. Làm sao cởi bỏ sự trói buộc của lưới ma này? Phải nhớ kỹ câu này: “Có niệm đọa lưới ma, không niệm ắt thoát khỏi”.

- **Trọng điểm thứ sáu:** làm sao nhận thức đúng câu kinh “*đối với hàng trung và hạ căn thì thị hiện diệt độ*”?

Một, Phật có diệt độ không? Phật vốn không sanh thì làm sao diệt độ?

Hai, Phật thị hiện diệt độ cho ai xem? Cho người có căn tánh trung, hạ xem.

Ba, tại sao Phật lại thị hiện diệt độ? Vì có lợi cho người trung, hạ căn.

“Nếu thấy Phật trụ lâu ở đời, thời người đức mỏng chẳng thể sanh ra ý nghĩ khó gặp và tâm cung kính. Vì vậy, đức Như Lai tuy chẳng thật sự diệt mà nói là diệt độ”.

- **Trọng điểm thứ bảy:** Nhận biết được ý nghĩa sâu xa của “khai hóa hiển thị chân thật chi tế” cũng như vị thế và tác dụng của câu này trong kinh.

Một, đây là khái quát cả bộ kinh.

Hai, căn nguyên một đời giáo hóa của Thế Tôn, hết thảy giáo hóa đều nằm trong câu này, Thế Tôn thị hiện trên thế gian này là để nói cho hết thảy chúng sanh biết chân tướng của vũ trụ nhân sinh.

Ba, đây là điều chân thật đầu tiên trong ba điều chân thật, ý nghĩa hết sức quan trọng, là chân thật trong chân thật, là nét bút điểm nhãn.

Bốn, “chân thật chi tế” chính là tự tâm, tự tánh. “Khai hóa hiển thị chân thật chi tế” chính là rõ bản tâm của mình, thấy bản tánh của mình.

- **Trọng điểm thứ tám:** chư Phật Bồ-tát thị hiện trong thế gian, các ngài giữ tâm gì, làm việc gì?

Một, tâm của các ngài luôn an trụ trong pháp độ đời chân thật vô vi, cứu độ hết thảy thế gian, hết thảy chúng sanh.

Hai, tâm của chư Phật Bồ-tát muốn giúp đỡ hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, nhận thức chính mình, nhận thức hoàn cảnh sống của mình, nhận thức hết thảy chân tướng sự thật, lìa khổ rất ráo, được vui rất ráo.

Ba, việc mà chư Phật Bồ-tát làm chính là việc này, nếu người thế gian không làm được việc này thì để chư Phật Bồ-tát làm.

Bốn, Phật dùng phương pháp dạy học để làm việc này, bắt đầu từ giới, định, tuệ.

- **Trọng điểm thứ chín:** làm thế nào để nhận thức đúng đắn và đối đãi với thần thông? Lão pháp sư nói với chúng ta “thần thông của người niệm Phật thù thắng không gì sánh bằng”.

Một, người niệm Phật có thần thông.

Hai, thần thông của người niệm Phật thù thắng, gọi là “thắng thông”.

Ba, thần thông của người niệm Phật không gì sánh bằng.

Bốn, tự tánh vốn sẵn có thần thông, không phải tìm cầu bên ngoài.

*Thần thông không thể cầu.*

*Cầu rồi không thể đắc*

*Đắc rồi không thể dùng.*

*Dùng rồi ắt trúng ma.*

Năm, làm được thanh tịnh, bình đẳng, giác thì thần thông trong tự tánh tự nhiên sẽ hiển lộ ra.

- **Trọng điểm thứ mười:** thế nào là “thọ trì Như Lai thậm thâm pháp tạng”? Làm thế nào “hộ Phật chủng tánh thường sử bất tuyệt”?

“*Thọ trì Như Lai thậm thâm pháp tạng*” có ba cách giải thích:

Một, lấy minh tâm kiến tánh làm thọ trì Như Lai thậm thâm pháp tạng.

Hai, lấy nghe danh hiệu Phật là thọ trì Như Lai thậm thâm pháp tạng.

Ba, cách giải thích của lão pháp sư: “thậm thâm pháp tạng” chính là kinh Vô Lượng Thọ, cũng chính là câu vạn đức hồng danh A-di-đà Phật.

“*Hộ Phật chủng tánh*” có ba cách giải thích:

Một, khai phát Phật tánh vốn có của chúng sanh.

Hai, lấy tâm Bồ-đề làm Phật chủng.

Ba, lấy xưng danh làm Phật chủng. Tuyệt! Thật tuyệt! A-di-đà Phật là Phật chủng trong Phật chủng.

- **Trọng điểm thứ mười một:** tiêu chuẩn “đỗ ác thú, khai thiện môn” của người học Tịnh tông là gì? Ác thú: ngoài thành Phật ra đều là ác thú. Tiêu chuẩn “đỗ ác thú” trong kinh Vô Lượng Thọ là nhất định phải thành Phật, chưa thành Phật thì

ác thú vẫn chưa đoạn tận. Thiện môn là cánh cửa Bồ-đề Niết-bàn. Tiêu chuẩn của kinh Vô Lượng Thọ là “ắt được siêu tuyệt, vãng sanh cõi vô lượng thanh tịnh của A-di-đà Phật”. Kinh Vô Lượng Thọ, pháp môn niệm Phật Tịnh độ là Đại thừa trong Đại thừa, Nhất thừa trong Nhất thừa, viên trong viên, đốn trong đốn, chuyên trong chuyên, cho nên tiêu chuẩn này là tiêu chuẩn tuyệt đối, không phải tiêu chuẩn thông thường. Nhớ kỹ hai câu này: ngoài Phật ra đều là ác đạo, cửa thiện thực sự là A-di-đà Phật.

- **Trọng điểm thứ mười hai:** nhận thức đúng đắn câu “chúng sanh và ta là một thể”.

Một, “đối với chúng sanh xem như chính mình”, đây là thái độ của Bồ-tát đối với chúng sanh, xem hết thấy chúng sanh là chính mình, mình và người không hai, gọi là đồng thể đại bi.

Hai, bạn thật sự muốn vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, không thể quên rằng bạn và chúng sanh là một thể, cả vũ trụ là một thể, chính là một “cái tôi”.

Ba, bạn phải gánh vác sứ mạng, trên nền tảng làm tốt chính mình, đừng quên giúp đỡ thiên hạ.

Bốn, sanh mạng của cả vũ trụ là cùng một thể, nên hòa hợp rất quan trọng! Cùng một thể mà còn tranh đấu với nhau, vậy thì không phải đang tàn sát lẫn nhau sao?

Năm, học theo lão pháp sư Tịnh Không, làm người thực hành sanh mạng cùng một thể.

- **Trọng điểm thứ mười ba:** làm thế nào làm tấm gương tốt cho chúng sanh?

Một, đối xử chân thành với người khác, cảm hóa chúng sanh: bất kể là thuận cảnh hay nghịch cảnh, phải luôn dùng tâm chân thành vô tư bình đẳng đối đãi với hết thấy chúng sanh.

Hai, nhìn thấu buông xuống, vạn pháp đều không: nếu đã nói ra thì phải làm được.

Ba, mang tấm lòng đại ái, phổ ái chúng sanh: không phải tiểu ái mà là đại ái, đại ái vô hạn, không phải tình yêu thương có chọn lựa mà là yêu thương trọn khắp, bình đẳng.

Bốn, thành kính khiêm hòa, không tranh đấu.

*Thành kính là tự tánh  
Khiêm hòa là mỹ đức,  
Tranh tôn thương hòa khí,  
Đấu tổn hại đôi bên,  
Vốn là cùng một thể,  
Hà tất phải như vậy.*

Năm, ít nói kiệm lời, im lặng là vàng.

*Miệng là một cánh cửa  
Lời là một khẩu súng,  
Mở miệng tổn thương người,  
Mau đóng cửa miệng lại,  
Người tu hành chân chánh  
Một câu cũng không nói.*

Sáu, hiểu thân tôn sư là đại căn đại bản.

*Hiếu kính là căn bản  
Mọi người phải nhớ kỹ,  
Đánh mất căn và bản  
Nói chi đến làm người!*

Bảy, tự tâm thanh tịnh, nơi nào cũng thanh tịnh.

*Tâm thanh tịnh cõi thanh tịnh  
Trong tâm thanh tịnh sanh cõi tịnh,  
Ngoài tâm thanh tịnh cầu cõi tịnh,  
Không có nơi nào là cõi tịnh!*

Tám, không cần gì cả, chỉ cần A-di-đà Phật.

*Một câu A-di-đà  
Đủ để bạn thành Phật,  
Tham lam quá nhiều thứ  
Huệ mạng bị đoạn diệt.*

Chín, đầy đủ tam tư lương, bảo đảm vãng sanh.

*Tín nguyện hạnh tam tư lương  
Phương pháp để thành Phật bậc nhất,  
Điều nào còn thiếu mau bù vào,  
Trong lòng nắm chắc tới Tây Phương,  
Diễn thuyết kết hợp làm tấm gương,  
Chúng sanh rất cần bạn giúp đỡ.*

Mười, tin tưởng đại y vương, niệm Phật tiêu nghiệp chướng.

*Người khác không tin phải làm sao?  
Làm ra tấm gương cho họ thấy,  
Tôi chính là minh chứng sống,  
Sự thực bày ra trước mắt bạn.*

Mười một, đề khởi Phật hiệu niệm Di-đà, buông bỏ phiền não vui biết bao.

*Phật pháp không cứng nhắc  
Chớ nên học chết cứng,  
Người sống học Phật sống  
Người chết mới chấp chặt,  
Phiền não nhiều niệm Di-đà  
Thế nào gọi là học Phật,  
Phiền não nhẹ trí huệ tăng,  
Đó gọi là thật học Phật,  
Hy vọng các bạn đồng tu  
Ngày ngày niệm Di-đà,  
Ngày ngày vui cười ha ha,  
Người người đều làm Phật vui vẻ.*

- **Trọng điểm thứ mười bốn:** làm thế nào gánh vác gia nghiệp Như Lai? Làm thế nào thực hành hạnh Phổ Hiền?

Một, tâm lớn nguyện lớn, nối dòng huệ mạng Phật. Tâm lớn là tâm đại Bồ-đề tiếp nối huệ mạng Phật, nguyện lớn này chính là đại nguyện tiếp nối huệ mạng Phật. Không có tâm lớn nguyện lớn như vậy thì không thể gánh vác gia nghiệp của Như Lai.

*Chính mình phát tâm có thành ý.*

*Thực hành cho đến nơi đến chốn.  
Tâm lớn nguyện lớn gánh vác lớn  
Gia nghiệp Như Lai là của tôi.*

Hai, hoằng hộ chánh pháp, y giáo phụng hành.

*Trách nhiệm hoằng hộ chánh pháp nặng,  
Con đường phía trước khó muôn trùng,  
Chướng nạn trước mắt phải làm sao,  
Đột phá vòng vây tiến lên trước,  
Y giáo phụng hành rất quan trọng,  
Muôn vàn không được làm sai khác,  
Không được bằng mắt không bằng lòng,  
Học Phật nhất định đi đường chánh.*

Ba, xây dựng Lục Hòa, thực hành Thập Nguyện. Xây dựng đạo tràng Lục Hòa, không phải vọng tưởng cá nhân, loài người cần phải hòa hợp, chúng ta sao có thể chờ đợi.

*Đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ-tát,  
Thập đại nguyện vương cứu mười phương,  
Mười phương chúng sanh đều được độ,  
Đều nhờ đại nguyện vương Phổ Hiền,  
Thực hành thập đại nguyện vương rồi  
Vững vàng an ổn sanh Tây Phương,  
Đến thế giới Tây Phương để làm gì,  
Thân cận Di-đà đại pháp vương.*

Bốn, trong lòng có chúng sanh, sứ mạng trên vai.

*Trên đời người khổ nhiều,  
Đây là lời thầy nói  
Giúp họ rời Ta-bà  
Giáo hóa đừng vô ích,  
Ba sứ mạng gánh trên vai,  
Không quên ân sư dạy dỗ mình,  
Trâu già cũng biết cảnh xuân tươi đẹp,*

*Không cần thúc roi cũng tự lao về trước.*

Tôi dùng thời gian một tiết học để khái quát trọng điểm của kinh văn phẩm thứ hai cho các đồng tu tham khảo.

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây. Cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!



## TẬP 20

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Từ hôm nay trở đi chúng tôi bắt đầu giảng kinh văn của phẩm thứ ba:

### **ĐẠI GIÁO DUYÊN KHỞI ĐỆ TAM**

Kinh văn trong phẩm này là Thế Tôn thị hiện tướng lành hiếm có, phóng quang cảm động tôn giả A-nan. Ngài A-nan thưa hỏi, Thế Tôn trả lời, diễn thuyết biển nguyện của đức Di-đà, pháp bảo hiếm có khó gặp nhất, [đó là] Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh.

Mời xem câu kinh tiếp theo:

**Nhĩ thời Thế Tôn, uy quang hách diệc, như dung kim tụ, hựu như minh kính, ảnh sớng biểu lý. Hiện đại quang minh, số thiên bá biến.**

*Bấy giờ đức Thế Tôn uy thân quang minh sáng rõ mạnh mẽ, như ánh sáng của vàng nung chảy, cũng như gương sáng, trong ngoài đều tỏ. Hiện ánh sáng lớn, trăm ngàn sắc tướng xinh đẹp.*

Đoạn kinh này [miêu tả] đức Phật phóng quang hiện tướng lành. “*Uy quang hách diệc*”, quang minh do Phật phóng ra dũng mãnh uy nghiêm, sáng chói rực rỡ, khiến người nhìn thấy được quang minh này sanh tâm kính sợ. “*Như dung kim tụ*”, lại giống như sự chói sáng rực rỡ của vàng sau khi bị nung chảy, tụ lại với nhau, đẹp không tả xiết. Đây là nói hào quang, nghi dung, tinh thần của Phật không giống ngày thường, trước đây chưa từng thấy, đây là tán thán tướng hảo của Phật.

“*Hựu như minh kính, ảnh sớng biểu lý*”, thân tâm của Phật thuần tịnh thanh khiết không gì sánh bằng, không nhiễm chút bụi trần. Quang minh của thân Phật giống như tấm gương, trong ngoài đều trong suốt, giống như pha lê, đây là tướng lành.

“*Hiện đại quang minh, số thiên bá biến*”, chữ đại này biểu thị ánh sáng này vô cùng thù thắng, sáng ngời rộng lớn. Hình sắc của ánh sáng thiên biến vạn hóa, đẹp không tả xiết. Trong ánh sáng có màu sắc, trong màu sắc có ánh sáng, hoán đổi lẫn nhau; hình dạng của ánh sáng cũng không ngừng biến đổi, càng biến càng đẹp.

Sáu câu kinh văn vừa rồi nói Thế Tôn phóng quang hiện tướng lành. Đây là nhân duyên đầu tiên khởi xướng bộ kinh này.

Mời xem đoạn kinh văn tiếp theo:

**Tôn giả A-nan tức tự tư duy: Kim nhật Thế Tôn, sắc thân chư căn, duyệt dự thanh tịnh, quang nhan nguy nguy, bảo sát trang nghiêm, từng tích dĩ lai, sở vị tăng kiến. Hỷ đắc chiêm ngưỡng, sanh hy hữu tâm.**

*Tôn giả A-nan liền tự suy nghĩ: Ngày nay sắc thân các căn của đức Thế Tôn hoan hỷ thanh tịnh, dung nhan sáng ngời tôn quý, cõi nước trang nghiêm, từ trước đến nay chưa từng thấy. Vui mừng được chiêm ngưỡng, sanh tâm hy hữu.*

“Tôn giả A-nan tức tự tư duy”, ngài A-nan là thị giả của Phật, đã chứng được Sơ quả, mỗi lần Phật giảng kinh ngài đều tham gia. Trong hội Pháp Hoa đức Phật công bố, “ta cùng nhóm ông A-nan cùng lúc ở chỗ Không Vương Phật đồng thời phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, A-nan ưa thích đa văn, ta thường siêng tinh tấn, vì vậy nay ta đã đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. A-nan sẽ phải hộ trì pháp của ta, cũng hộ trì pháp tạng của chư Phật trong tương lai, giáo hóa thành tựu chúng Bồ-tát”. Ngài A-nan vẫn chưa thành Phật, có thể thấy được ngài A-nan và Thế Tôn cùng lúc phát tâm ở chỗ Không Vương Phật, một trong những nhiệm vụ của ngài A-nan là giáo hóa chúng Bồ-tát, cũng tức là có thể làm thầy của Bồ-tát, đây chính là bản tích của ngài A-nan, chứng Sơ quả chỉ là thị hiện.

Trên thực tế, những gì ngài A-nan hiển hiện trong một đời: ngài là nhân vật vô cùng quan trọng của đại giáo. Một, ngài kết tập kinh tạng; hai, truyền tâm ấn của Phật, ngài là tổ thứ hai của Thiên tông; ba, trong Mật điển gọi A-nan là Tập Pháp Kim Cang, ngôi vị Kim Cang đồng với Như Lai. Sau khi giáo chủ Mật giáo - Đại sĩ Liên Hoa Sanh ra đời, ngài lãnh thọ pháp do Thích-ca Mâu-ni Phật truyền trao lại từ chỗ A-nan. Cho nên A-nan hộ trì Phật pháp là bản nguyện của ngài. Ngài thị hiện làm thị giả của Phật, hơn nữa lại truyền thừa hai tông phái Thiên và Mật, tiếp nối huệ mạng Phật, tiếp nối người trước, dẫn dắt người sau. Do vậy, ngài là người đương cơ trong kinh Vô Lượng Thọ. Một mình ngài A-nan tụ hội cả Thiên, Mật, Tịnh, Phật pháp là một không phải hai, pháp môn là một không phải hai. Nói rộng ra hơn, tôn giáo là một không phải hai. Vạn pháp quy nhất, tuy khác đường nhưng cùng đích đến, đều quy về kinh Vô Lượng Thọ, quy về A-di-đà Phật.

Công đức tinh pháp của tôn giả A-nan lớn, công đức ngài kết tập kinh điển càng lớn, vì để mọi người hiểu rõ hơn về tôn giả A-nan, tôi sẽ kể cho mọi người nghe một câu chuyện nhỏ có liên quan đến việc kết tập kinh điển của ngài A-nan:

Lúc đức Phật nhập Niết-bàn trong rừng Sa-la Song Thọ của thành Câu-thi-na, ngài A-nan đau buồn khóc không thành tiếng. Đức Phật dùng ánh mắt thương xót nhìn ngài A-nan rồi nói với mọi người: A-nan phụng sự ta hai mươi bảy năm vô cùng vất vả, A-nan là người ôn hòa khoan hậu, nghe pháp liền nhớ, tương lai có thể tỏa sáng trên thế gian. Ba ngày sau khi Phật nhập diệt, ngài A-nan đi tới thành Vương-xá tham gia kết tập thánh điển lần thứ nhất. Đi đường hơn hai tháng, ngày 14 tháng 4 mới tới thành Vương-xá. Ngày thứ hai bắt đầu an cư, kết tập kinh Phật. Lúc này, ngài Đại Ca-diếp được đề cử làm chủ tọa, ngài đã chọn 499 vị A-la-hán. Bởi vì ngài A-nan chưa chứng quả cho nên bị gạt bỏ ra ngoài, điều này mang lại đả kích rất lớn đối với ngài A-nan. Ngay đêm đó ngài cố gắng tu hành, giữa đêm liền chứng quả A-la-hán, tham gia kết tập. Trong pháp hội A-nan tụng “kinh Trường A-hàm”, “kinh Trung A-hàm”, “kinh Tạp A-hàm”, “kinh Tăng Nhất A-hàm”, “kinh Thí Dụ”, “kinh Pháp Cú”. Sở dĩ Phật giáo có được thánh điển lưu truyền ở đời đều là nhờ vào công lao của ngài A-nan. Đại Ca-diếp là người chủ trì kết tập kinh điển ở thành Vương-xá, đương nhiên được các trưởng lão thượng tọa coi là người lãnh đạo. Hai mươi năm sau, ngài Ca-diếp đem pháp truyền cho A-nan, rồi lên núi Kê Túc nhập diệt, A-nan được đề cử làm người lãnh đạo tăng đoàn, lúc ấy ngài đã là một ông lão 66 tuổi. Sau khi ngài Ca-diếp diệt độ, Phật giáo dưới sự lãnh đạo của ngài A-nan vẫn luôn hòa hợp, không nảy sinh vấn đề gì lớn. Vào năm A-nan 120 tuổi, có một hôm trên đường đi nghe thấy một vị tỳ-kheo nói rằng:

*“Người sống lâu trăm tuổi  
Chưa thấy chim hạc nước  
Không bằng sống một ngày  
Mà có thể thấy được!”*

A-nan thấy vậy ân cần sửa lại:

*“Người sống lâu trăm tuổi  
Không hiểu pháp sanh diệt  
Không bằng sống một ngày  
Mà có thể hiểu được!”*

Tỳ-kheo trở về trình với sư phụ. Sư phụ nói “con đừng nghe A-nan nói bậy, ông ta già yếu, đã mất trí nhớ và trí tuệ”. Tỳ-kheo lại kể cho ngài A-nan nghe lời nói của sư phụ. A-nan nghe xong, thâm nghĩ: mình tụng ra đại pháp của đức Phật cho chúng sanh, nhưng mà ngã kiến, ngã chấp của chúng sanh sâu nặng, không vâng làm theo Phật pháp, mình sống trên đời này còn có ý nghĩa gì? Lại nhớ tới lúc đức Phật còn tại thế, chư đại đệ tử đều nhập diệt rồi, chỉ còn lại một mình ngài, giống như một khu rừng bị đốn sạch, chỉ còn lại một cây đại thụ không thể ngăn gió che mưa. Thế là ngài bay lên trên sông Hằng, biên giới giữa hai nước Ma-kiệt-đà và Tỳ-xá-ly nhập Niết-bàn. Thánh thể của ngài chia làm hai phần, một phần lưu giữ ở giảng đường Trùng Các trong rừng Đại Lâm phía bắc Tỳ-xá-ly, một phần lưu giữ bên cạnh tinh xá Trúc Lâm thành Vương-xá, xây tháp cúng dường. Bởi vì A-nan nhập diệt mà hai nước Ma-kiệt-đà và Tỳ-xá-ly thân thiện hữu hảo, không chiến tranh nữa, giúp tính mạng và tài sản của hàng triệu người dân không bị tổn thất, có thể thấy được ngài A-nan có tinh thần cứu người giúp đời của Bồ-tát Đại thừa.

Mời xem câu kinh văn tiếp theo:

*“Tức tự tư duy”.*

Hôm nay A-nan thấy Phật hiện tướng lành, phóng ra ánh sáng thù thắng không tầm thường, trước giờ ngài chưa từng thấy, trong lòng ngài suy nghĩ: “Ngày nay sắc thân các căn của đức Thế Tôn hoan hỷ thanh tịnh”, đức Phật “như hình ảnh vi diệu trong tấm gương, như trăng tròn sáng [hiện bóng] trong nước sạch”, đức Phật thị hiện vô cùng hoan hỷ, vô cùng vui vẻ. Tại sao đức Phật lại hoan hỷ như vậy? Có hai nghĩa: một là tất cả thánh hạnh niệm A-di-đà Phật có công đức viên mãn; hai là bởi vì thời cơ hiếm có để chúng sanh đều đạt được lợi ích từ pháp đã đến. Có thể thấy được kinh này biểu đạt rộng khắp bản hoài của Như Lai, Thích-ca Mâu-ni Phật, A-di-đà Phật đều vô cùng hoan hỷ, bởi vì thời cơ để chúng sanh đạt được lợi ích chân thật đã đến, hai vị đạo sư của hai cõi nước đều hoan hỷ chúc tụng!

*“Quang nhan nguy nguy, bảo sát trang nghiêm”.*

“Nguy nguy” có nghĩa là hình dáng cao lớn rất tôn quý; “nhan” là dung nhan. Dung nhan của Phật có ánh sáng, cho nên gọi là “quang nhan”. Trong ánh sáng Phật thị hiện cõi nước trang nghiêm của chư Phật mười phương, “bảo sát” là cõi nước thanh tịnh của chư Phật, đây chính là hiện thị cảnh giới sự sự vô ngại không thể nghĩ bàn của Hoa Nghiêm. Hào quang của một vị Phật là một, là nhỏ; [hào quang] của

cõi nước chư Phật là nhiều, là lớn. Trong một có nhiều, nhỏ có thể bao hàm lớn, đều là cảnh giới vi diệu thù thắng vượt khỏi tình thức, thoát khỏi tri kiến, đều là tướng công đức sẵn có trong tự tâm. Tướng lành thù thắng như vậy, ngài A-nan “tùng tích dĩ lai, sở vị tăng kiến”, là tướng lành mà từ quá khứ cho đến hiện tại A-nan chưa từng thấy.

*“Hy đặc chiêm ngưỡng, sanh hy hữu tâm”.*

“Hy đặc chiêm ngưỡng” biểu đạt những ý nghĩa như sau:

-Một, ngài A-nan lần đầu tiên thấy tướng lành phóng quang thù thắng của Thế Tôn, trong tâm không kìm nén được sự hoan hỷ.

-Hai, ngài A-nan có duyên rất sâu với Thế Tôn, mới may mắn thấy được tướng lành hiếm có như vậy của Thế Tôn, trong lòng hoan hỷ khôn cùng.

-Ba, đại chúng trong pháp hội cũng như ngài A-nan, bởi vì có duyên rất sâu với Thế Tôn, nên cũng thấy được tướng lành hiếm có của Thế Tôn.

-Bốn, ngài A-nan và đại chúng trong pháp hội “vui mừng được chiêm ngưỡng, sanh tâm hy hữu”.

Hôm nay thấy được Thế Tôn phóng quang hiện tướng lành như vậy, A-nan sanh tâm hy hữu, đại chúng tham gia pháp hội cũng sanh tâm hy hữu. Tâm hy hữu là tâm cung kính thành khẩn trước nay chưa từng có. Tôn giả A-nan thay mặt đại chúng, “liền từ chỗ ngồi đứng lên, trích áo bày vai phải quỳ thẳng chấp tay mà bạch Phật rằng”, thỉnh giáo đức Phật, “tại sao hôm nay dung mạo hào quang của Phật lại thù thắng như vậy?”

Mời xem câu kinh văn tiếp theo:

**Thế Tôn kim nhật nhập đại tịch định, trụ kỳ đặc pháp, trụ chư Phật sở trụ, đạo sư chi hạnh. Tối thắng chi đạo. Khứ lai hiện tại Phật Phật tương niệm, vi niệm quá khứ vị lai chư Phật da? Vi niệm hiện tại tha phương chư Phật da? Hà cố uy thần hiển diệu, quang thụy thù diệu nãi nhĩ, nguyện vị tuyên thuyết.**

*Hôm nay Thế Tôn nhập đại tịch định, trụ trong pháp đặc biệt, trụ nơi chư Phật trụ, trụ nơi hạnh của đạo sư. Đạo thù thắng bậc nhất! Quá hiện vị lai Phật Phật niệm nhau. Thế Tôn là niệm chư Phật quá khứ, chư Phật vị lai, hay niệm chư*

*Phật hiện tại phương khác? Vì sao lại có uy thần hiển diệu, quang minh tướng lành đặc biệt vi diệu như vậy? Nguyên Đức Thế Tôn vì chúng con mà tuyên thuyết.*

Đoạn này là ngài A-nan thỉnh pháp với Phật, hàm ý rất sâu:

Một, ngài A-nan gọi thầy là “Thế Tôn”, Phật là thầy của trời người, được thế gian xuất thế gian tôn kính, trời người tôn kính, cho nên gọi là “Thế Tôn”, đây là cách gọi tôn kính nhất.

Hai, “hôm nay Thế Tôn nhập đại tịch định”, Phật và Đại Bồ-tát thường ở trong định. “Thủ Lăng-nghiêm đại định” được nói trong kinh Lăng-nghiêm, “Na-già thường ở trong định, không lúc nào chẳng định”, đại định là không có xuất, không có nhập, đi đứng nằm ngồi đều ở trong định. Phật và chư Đại Bồ-tát bình thường đều như vậy.

Ba, hôm nay đại định mà đức Phật thị hiện thù thắng hơn bình thường. Rốt cuộc đây là định gì? Đây không phải là đại định thông thường, mà là niệm Phật tam-muội. “Niệm Phật tam-muội là vua trong các tam-muội”, Thế Tôn đang niệm A-di-đà Phật.

Bốn, ngài A-nan đại quyền thị hiện, ngài là Phật Bồ-tát tái lai, sơ quả La-hán chỉ là thị hiện mà thôi, ngài đến giúp Thích-ca Mâu-ni Phật hoằng pháp lợi sanh.

Năm, những điều A-nan hỏi, không phải ngài không biết, mà ngài thay mặt đại chúng thỉnh pháp, chúng ta phải cảm ơn sâu sắc sự từ bi của ngài A-nan.

“Hôm nay Thế Tôn nhập đại tịch định”. Kinh Niết-bàn nói “Ta nhập đại tịch định ở trong rừng Sa-la Song Thọ này”. Lúc đức Phật nhập Niết-bàn, ngài nhập định ở trong rừng Song Thọ gọi là “đại tịch định”. Kinh Niết-bàn lại nói: “Đại tịch định gọi là Đại Niết-bàn”, ba đức của Niết-bàn là Pháp thân đức, Giải thoát đức, Bát-nhã đức. Ba đức viên mãn là Đại Niết-bàn.

Sách Chân Giải nói: Đại tịch định là tên gọi khác của niệm Phật tam-muội. Hiện tại Phật muốn giảng cho mọi người pháp môn niệm Phật, cho nên Phật phải trụ trong niệm Phật tam-muội.

Theo kinh Niết-bàn, đại tịch định chính là Đại Niết-bàn, kết hợp với Tịnh độ chính là niệm Phật Tam-muội, hai cách nói này không hề mâu thuẫn. Giáo lý Viên

Đốn chủ trương “nhân quả đồng thời”, niệm Phật tam-muội là nhân, chứng Niết-bàn là quả, nhân quả đồng thời, cho nên cả hai hiển hiện cùng lúc.

Tiếp theo nhân cơ hội này, tôi giới thiệu sơ lược với mọi người một chút về bốn đức vốn có của Đại Bát Niết-bàn: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

-Thường là thể của Niết-bàn, thường hằng bất biến, không có sanh diệt.

-Lạc là thể của Niết-bàn, vĩnh viễn tịch diệt, an nhàn, thọ dụng, không chút phiền não.

-Ngã là thể của Niết-bàn, được đại tự tại, không chút trói buộc.

-Tịnh là thể của Niết-bàn, giải thoát khỏi hết thảy cấu nhiễm, vô cùng thanh tịnh.

*“Trụ kỳ đặc pháp”.*

Hôm nay Thích-ca Mâu-ni Phật trụ trong một pháp môn đặc biệt, sẽ tuyên thuyết kinh điển giúp chúng sanh bình đẳng thành Phật trong một đời, chính là kinh Vô Lượng Thọ, trên đề kinh nói “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, đây là pháp kỳ đặc. Tại sao vậy? Bởi vì hết thảy pháp mà Thế Tôn đã nói trong 49 năm, chưa từng nói qua pháp bình đẳng thành Phật, cho nên pháp môn này rất khó tin. Đẳng Giác Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn, chúng sanh trong địa ngục, căn tánh của họ khác biệt quá lớn, làm sao có thể bình đẳng thành Phật? Thế nhưng đức Phật có một pháp môn cực kỳ vi diệu có thể giúp chúng sanh bình đẳng thành Phật. Phật chưa từng nói pháp môn này, hôm nay sẽ tuyên giảng cho đại chúng, vì vậy Thế Tôn phải trụ trong pháp kỳ đặc. Kỳ đặc ở chỗ nào? Một là bình đẳng thành Phật; hai là Thích-ca Mâu-ni Phật trước nay chưa từng nói; ba là đại chúng chưa từng được nghe; bốn là kỳ đặc ở chỗ không cần đoạn trừ phiền não, chỉ cần điều phục phiền não là được, có thể mang nghiệp vãng sanh. Đây là pháp môn độc nhất vô nhị.

Tịnh Ảnh Sớ nói: “Pháp mà Phật đã chứng đắc hơn hẳn những người khác, pháp chẳng có trong thế gian nên gọi là kỳ đặc”. Câu này có nghĩa là pháp mà Phật đã chứng đắc, không phải bậc Bồ-tát có thể đạt được, thế gian này không có, cho nên gọi là kỳ đặc. Kỳ là hiếm lạ, hiếm có; đặc là đặc biệt, đặc thù. Pháp mà Phật đã chứng đắc hơn hẳn những người khác, hơn hẳn A-la-hán. A-la-hán chứng Bát Niết-bàn của Tiểu thừa; Bồ-tát chứng đắc, từ sơ Tín vị cho đến Đẳng Giác có tổng cộng 51 giai vị, Phật cao hơn giai vị này, Phật là giai vị thứ 52, là quả vị cao nhất, phía

trên không còn nữa, cho nên hơn hẳn những người khác. 51 giai vị là ở trong Đại thừa giáo; Tiểu thừa giáo có Thanh văn, tám giai vị là tứ quả tứ hướng; còn có Bích-chi Phật cao hơn A-la-hán, thấp hơn Bồ-tát. Phật đều hơn hẳn những giai vị này, pháp mà Phật đạt được là đại pháp viên mãn rất ráo.

Pháp chẳng có trong thế gian, thế gian ở đây là chỉ lục đạo, thập pháp giới. Pháp mà Phật chứng đắc không có trong lục đạo, thập pháp giới. Pháp này hiếm có, pháp này đặc biệt, cho nên gọi là kỳ đặc.

Sách Chân Giải có cách giải thích tuyệt vời đối với “kỳ đặc pháp”, tôi trích dẫn một đoạn hay nhất cúng dường mọi người. Ngài nói: Y chánh chủ bạn của thế giới Cực Lạc, hết thấy đều là tự tâm của A-di-đà Phật Như Lai biến hiện. Dù nói là một pháp, nhưng trong ao bảy báu ở Cực Lạc, trong một bông hoa có vô lượng quang, trong vô lượng quang lần lượt xuất hiện vô lượng Phật, vô lượng Phật diễn thuyết vô lượng diệu pháp cho mười phương chúng sanh, có thể thấy từ trong một sanh ra vô lượng. Dù nói là vô lượng, nhưng chỉ là một câu danh hiệu.

Vãng Sanh Luận Chú nói: thế giới Tây Phương Cực Lạc có ba loại trang nghiêm: Phật trang nghiêm, Bồ-tát trang nghiêm, cõi nước trang nghiêm đều vào trong một câu pháp. Một câu pháp là câu thanh tịnh, câu thanh tịnh chính là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi, cũng chính là câu danh hiệu này. Từ đó thấy được, nếu nói là một, nhưng trong một có vô thượng diệu pháp; nếu nói là nhiều, nhưng vô lượng trang nghiêm chỉ từ một tâm biến hiện. Vì vậy, đây là pháp kỳ lạ trong kỳ lạ, đặc biệt trong đặc biệt, là pháp chẳng thể nêu, chẳng thể nói, chẳng thể nghĩ bàn, cũng chẳng thể đặt tên, miễn cưỡng gọi là kỳ đặc. Đoạn này nói quá hay, không biết mọi người có nghe ra chỗ hay của nó không? Thật sự tuyệt diệu, vô cùng tuyệt diệu!

Đại sư Ngẫu Ích nói: người vãng sanh cõi Đồng Cư ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, mặc dù vẫn là phàm phu, nhưng đã đạt bất thoái chuyển; nếu nói họ đã chứng bất thoái chuyển, nhưng họ vẫn là phàm phu, đây là pháp mà mười phương cõi nước không có, cho nên gọi là “kỳ đặc”.

Phía trước có nói đến Bát Niết-bàn, tứ quả tứ hướng, tiếp theo tôi sẽ giải thích sơ lược một chút:

Bát Niết-bàn gọi tắt là Niết-bàn, cũng gọi là Nê-hoàn, Niết-bàn-da, Hán dịch là “viên tịch”. Viên là viên mãn hết thấy trí tuệ, tịch là tịch diệt hết thấy hoặc nghiệp.



Cũng dịch là “diệt độ”. “Diệt” là diệt trừ ba loại hoặc kiến tư, trần sa và vô minh; “độ” là độ thoát hai loại sanh tử phần đoạn và biến dịch. Có nghĩa là khi trí tuệ và đức hạnh của một người đều đạt đến viên mãn rốt ráo, vượt khỏi và đoạn dứt sanh tử và phiền não thì gọi là Niết-bàn. Đây là pháp không sanh không diệt mà bậc thánh chứng đắc được, vượt qua cảnh giới chân như của thời gian không gian, cũng là chốn trở về lý tưởng nhất, tốt đẹp nhất của muôn ngàn chúng sanh.

Tứ quả có hai cách giải thích:

*Cách giải thích thứ nhất* là chỉ bốn quả vị của Thanh văn thừa.

-Một, quả Tu-đà-hoàn, Hán dịch là Nhập Lưu, có nghĩa là mới nhập vào hàng thánh nhân.

-Hai, quả Tư-đà-hàm, Hán dịch là Nhất Lai, nghĩa là tu đạt được quả vị này, sau khi qua đời thì sanh lên cõi trời, làm người trời một đời, sau đó lại sanh vào thế giới này của chúng ta một lần nữa, rồi không còn chịu sanh tử trong Dục giới nữa.

-Ba, quả A-na-hàm, Hán dịch là Bất Hoàn. Tu đạt được quả vị này, không còn sanh lên Dục giới nữa.

-Bốn, quả A-la-hán, Hán dịch là Vô Sanh. Tu đạt được quả vị này, thoát ly sanh tử, không còn chịu thân sau, là quả vị cao nhất trong Thanh văn thừa.

*Cách giải thích thứ hai* là chỉ A-la-hán.

Tứ hướng, hướng có nghĩa là tiến tới các quả vị khác, là cấp bậc tu đạo Thanh văn trong Phật giáo Tiểu thừa.

-Một, Tu-đà-hoàn hướng, Hán dịch là Dự Lưu hướng.

-Hai, Tư-đà-hàm hướng, Hán dịch là Nhất Lai hướng.

-Ba, A-na-hàm hướng, Hán dịch là Bất Thoái hướng;

-Bốn, A-la-hán hướng, Hán dịch là Vô Học hướng.

Có vị cổ đức nói “pháp kỳ đặc” là “tế phạm bí thuật”, phạm là phạm phu lục đạo, lục đạo gọi là nội phạm, tứ thánh gọi là ngoại phạm. Ngoại phạm có Thanh văn, Duyên Giác, Bồ-tát, những Bồ-tát này vẫn chưa minh tâm kiến tánh. Trong Đại thừa giáo vẫn thuộc về ngoại phạm chính là thập tín vị. Thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng của Biệt giáo đều là phạm. Thập địa được xưng là thánh, đăng địa liền

xung là thánh, ra khỏi thập pháp giới. Nếu là Viên Giáo của Hoa Nghiêm thì Sơ trụ đã ra khỏi rồi, đây là do hai tông pháp giáo khác nhau. Hoa Nghiêm cao, Sơ trụ Bồ-tát liền minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, là Phật thật chứ không phải giả. Mặc dù thành Phật, nhưng vẫn chưa chứng đắc viên mãn rốt ráo, cho nên gọi là Phần chứng tức Phật, lời này do đại sư Trí Giả của tông Thiên Thai nói. Từ Sơ trụ trở lên hết thấy đều kiến tánh, trong Biệt giáo phải tới [quả vị] Sơ địa mới kiến tánh. Sơ địa của Biệt giáo tương đương với Sơ trụ của Viên giáo, sự chứng đắc của các ngài đều bình đẳng.

Chư Phật Như Lai ứng hóa trên thế gian, giúp những phàm thánh này, những thánh nhân chưa ra khỏi thập pháp giới này, đó là A-la-hán, Bích-chi Phật của Tiểu thừa; tam thừa Bồ-tát của Đại thừa (tam thừa này là thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng). Có một bí thuật giúp các ngài, thuật là phương pháp. Phương pháp gì? Phương pháp thoát ly lục đạo, phương pháp thoát ly thập pháp giới. Phương pháp này không nằm trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, không nằm trong vô lượng pháp môn, nên gọi là “bí”. Chữ bí này có nghĩa là bí mật, thực ra cũng không thể nói là bí mật. Có thể dùng hai chữ “thâm mật” để giải thích. Thâm mật là trong mười pháp giới không ai biết; mặc dù biết nhưng họ không tin, cũng giống như không biết. Thật sự thấy được pháp môn này, nghe được pháp môn này, có thể tin tưởng không nghi ngờ thì đối với họ cũng là thâm mật, bởi vì họ tin tưởng.

Nhưng hầu hết mọi người đều không tin pháp môn này, không phải một mình Thích-ca Mâu-ni Phật nói như vậy, mà chư Phật Như Lai mười phương đều nói như vậy, đều khẳng định pháp môn này là pháp khó tin. Cho nên tu học pháp môn này, có người nửa đường thoái tâm, đổi sang pháp môn khác, thậm chí hủy báng pháp môn Tịnh độ, chuyện này cũng không có gì hiếm lạ. Không những không hiếm lạ mà còn là hiện tượng bình thường. Nguyên nhân gì vậy? Họ không có thiện căn lớn, không có phước báo lớn như vậy.

Kinh Di-đà nói về pháp môn này rất hay, “chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về nước ấy”. Mặc dù chúng ta có nhân duyên, có cơ hội gặp được, nhưng thiện căn phước đức của chúng ta không đủ, cho nên nhìn thấy pháp môn khác sẽ động tâm, không thể một mực kiên trì học đến cùng. Nếu có thể không bị dao động bởi cảnh giới bên ngoài, một mực kiên trì học đến cùng thì tám vạn bốn ngàn pháp môn cũng không thể làm họ dao động, vô lượng pháp môn

cũng không làm họ dao động. Không phải họ không tiếp xúc, mà tiếp xúc rồi vẫn như như bất động, giống như Thiện Tài Đồng Tử vậy.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, 53 lần tham học của Thiện Tài Đồng Tử, Thiện Tài Đồng Tử tu pháp môn gì? Tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh độ. Trong pháp hội của Văn-thù Bồ-tát, ngài đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đây gọi là căn bản trí. 53 lần tham học là để thành tựu hậu đắc trí của ngài. Hậu đắc trí tức là không gì không biết; căn bản trí là vô tri, Bát-nhã vô tri, lúc khởi tác dụng thì không gì không biết. Sau khi chứng đắc căn bản trí, 53 lần tham học thành tựu trí tuệ viên mãn, như vậy mới có thể độ chúng sanh, mới có thể trụ pháp kỳ đặc.

Đức Phật muốn nói pháp môn kỳ đặc này, đương nhiên phải trụ trong cảnh giới kỳ đặc trước, cảnh giới kỳ đặc là gì? Đó là:

*“Trụ chư Phật sở trụ, đạo sư chi hạnh. Tối thắng chi đạo”.*

“Chư Phật sở trụ” là Di-đà Tịnh độ, “đạo sư chi hạnh” là tín nguyện trì danh, hai câu này đều là “tối thắng chi đạo”. Ai biết được vậy? Chúng ta đọc đoạn này trong kinh Vô Lượng Thọ, rất nhiều người đều đọc lướt qua, chưa đọc ra ý vị trong đó, không biết rằng những câu này đã hết lời ca ngợi Tịnh tông. Chú ý! Hết lời ca ngợi! Một người có thiện căn phước đức sâu dày, đọc được đoạn kinh văn này, từ “Thế Tôn kim nhật nhập đại tịch định” đến “tối thắng chi đạo”, chỉ đọc mấy câu này, họ sẽ quyết một lòng nghiêm túc học tập pháp môn này, sẽ không thay đổi, không chuyển hướng nữa.

“Chư Phật sở trụ” là y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc. “Đạo sư chi hạnh” là dẫn dắt hết thầy chúng sanh cùng thành Phật đạo. Bởi vì dùng pháp bình đẳng, độ chúng sanh trong chín pháp giới bình đẳng thành Phật, đó mới là đại đạo sư, đạo sư không thể nghĩ bàn. “Tối thắng chi đạo” là thực hành hạnh của đức Di-đà, là niệm cái niệm của đức Di-đà. Niệm của đức Di-đà chính là bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng bình đẳng phổ độ hết thầy chúng sanh. Đây là đạo thù thắng bậc nhất, cho nên gọi là “tối thắng chi đạo”.

Tịnh Ảnh Sớ nói: “Chư Phật sở trụ” là quả Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của Niết-bàn, là nơi chư Phật cùng trụ. Phật Phật đạo đồng, cho nên Thế Tôn cũng cùng trụ nơi quả giác Niết-bàn của [chư Phật] sở trụ, từ Đại Niết-bàn sanh ra sự giáo hóa diệu dụng thù thắng. Thế nên hôm nay Phật trụ nơi hạnh của đạo sư, đạo tối thắng.

Sách Chân Giải nói đại tịch định là tên gọi khác của niệm Phật tam-muội, “ba đời chư Phật đều trụ vào niệm Phật này, nên gọi là Phật sở trụ”. Chư Phật ba đời đều trụ vào trong niệm Phật tam-muội, đây là chư Phật sở trụ. Hôm nay Thế Tôn cũng trụ vào niệm Phật tam-muội, nơi mà chư Phật trụ vào. Niệm Phật tam-muội gọi là bảo vương tam-muội, là vua trong các tam-muội nên gọi là bảo vương. Từ niệm Phật tam-muội có thể lưu xuất hết thảy tam-muội.

“Đại đạo sư”: “gọi là đạo sư nghĩa là chỉ bày con đường chân chánh cho chúng sanh”. Người có thể chỉ ra con đường đúng đắn cho chúng sanh được gọi là đạo sư, người có thể dạy người khác thoát khỏi sanh tử thì là đạo sư.

Kinh Phật Báo Ân nói: “dẫn dắt [chúng sanh] đi theo con đường chân chánh, chỉ bày lối Niết-bàn, giúp cho họ đạt được vô vi, thường được an lạc” thì gọi là đại đạo sư. Gốc bệnh của chúng sanh là hữu vi, mặc dù học Phật nhưng bởi chấp trước tình kiến rất sâu, nên cũng xem Phật pháp thành pháp hữu vi.

Kinh Kim Cang nói: “Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”, đã là bọt bóng thì đó đều là hư vọng. Vì vậy, người làm đại đạo sư, chủ yếu là phải dẫn dắt tín chúng bỏ đi hữu vi, thông hiểu vô vi thì mới có thể hướng thẳng tới Niết-bàn, chứng đắc thường, lạc, ngã, tịnh.

Tiếp theo tôi sẽ nói một chút về bốn điều điên đảo của phàm phu cho quý vị nghe:

Điên đảo thứ nhất: xem vô ngã là hữu ngã, xem vô thường là thường, xem cấu là tịnh, xem khổ là lạc. Kinh Kim Cang nói vô ngã, nhưng chúng sanh luôn luôn chấp trước ngã, trong một đời chẳng có ý niệm nào không phải vì cái ngã hư dối này.

Điên đảo thứ hai: đời người vô thường, chỉ là bọt xà phòng, nhưng chúng sanh chỉ nhìn thấy đủ mọi màu sắc của bọt xà phòng mà quên rằng chúng sẽ vỡ ngay lập tức.

Điên đảo thứ ba: bất kỳ dung mạo nhan sắc tươi đẹp nào của nam nữ trên thế gian, đặc biệt là trong mắt người yêu, đó là thiên sứ, là tiên hoa, thậm chí là thần thánh, nhưng trên thực tế, chỉ là một nhà vệ sinh biết đi mà thôi.

Điên đảo thứ tư: thế gian này là tám nổi khổ đan xen, nhưng chúng sanh lại vui không biết mệt. Người đời hút chích rượu chè, cờ bạc hoang dâm, đang cao hứng bùng bùng, ai biết sẽ rơi sâu vào biển khổ. Những điều mà người thế gian mong cầu

thật sự đều là chuyện khổ, chính mình không biết, ngược lại cảm thấy rất vui, trên thực tế đều là khổ, không có vui. Sự hưởng lạc trước mắt là hoại khổ, cảnh vui bị phá hủy thì chính mình rất khổ.

Chúng A-la-hán sẽ giải quyết được bốn điều điên đảo này, nhưng lại có bốn điều điên đảo của A-la-hán. A-la-hán không biết thường lạc ngã tịnh của Bồ-tát, Bồ-tát là chân thường, pháp lạc, chân ngã, bản tịnh. Sách Chân Giải nói: “Hạnh của đạo sư” “tức là Di-đà Thế Tôn bình đẳng tiếp dẫn, không để sót ai”. Di-đà Thế Tôn bình đẳng phổ độ, không có phân biệt. Bất luận là người thông minh, người khờ dại, người tốt, người xấu, oan gia hay người thân đều bình đẳng đại bi phổ độ, không bỏ một chúng sanh nào.

Chúng ta học Phật nhiều năm như vậy, để tôi đưa ra một câu hỏi khảo nghiệm bạn, người niệm Phật vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì thành Phật, thành Phật gì? Bạn là vị Phật nào? Nói cho bạn biết, là A-di-đà Phật. A-di-đà Phật là vị Phật bậc nhất trong biển quả chánh giác, là căn bản Phật, là tự tánh Phật, hết thấy chúng sanh đều có, chỉ là mê nên không giác.

Hôm nay Thế Tôn sẽ tuyên thuyết cho chúng ta pháp môn thù thắng không gì sánh bằng, giúp chúng sanh một đời bình đẳng thành Phật, giúp chúng ta đều giác ngộ, biết được trong chân tâm của bản thân chúng ta có bảo bối, không cần tìm cầu bên ngoài, bên ngoài không có, bên ngoài đều là huyễn tướng, “phàm những gì có tướng đều là hư vọng”. Một câu Phật hiệu A-di-đà Phật đều bao hàm giới định tuệ trong đó, vi diệu không tả hết, hiếm có đặc biệt đến tột cùng. Bạn có thể vào cảnh giới này, bạn mới thường thức được pháp vị của Tịnh độ, pháp vị của thế giới Cực Lạc, tâm hoan hỷ tự nhiên sẽ sanh khởi.

*Duyên khởi đại giáo thật thù thắng  
Công đức A-nan thỉnh pháp lớn  
Thế Tôn tuyên giảng pháp kỳ đặc,  
Phổ độ chúng sanh trong pháp giới,  
Hữu duyên gặp được pháp kỳ đặc,  
Bạn nhất định phải trân trọng,  
Có mắt không nhìn ra châu báu,  
Hối hận cũng đã quá muộn màng!*

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây. Cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 21

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem câu kinh tiếp theo:

*“Khứ lai hiện tại Phật Phật tương niệm. Vi niệm quá khứ vị lai chư Phật da? Vi niệm hiện tại tha phương chư Phật da? Hà cố uy thần hiển diệu, quang thụy thù diệu nãi nhĩ”.*

Những câu kinh văn này biểu đạt những ý nghĩa sau đây, cũng chính là những chuyện mà ngài A-nan suy nghĩ đến:

*Một*, tôn giả A-nan nhìn thấy Thế Tôn phóng quang hiện tướng lành, lần phóng quang này là A-nan làm thị giả nhiều năm cũng chưa từng thấy. Quang minh này từ đâu mà có?

*Hai*, lần này Phật phóng quang hiếm có, thù thắng, đặc biệt như vậy, hiển bày diệu pháp vô cùng thù thắng trong pháp hội giảng kinh Vô Lượng Thọ lần này.

*Ba*, phóng quang thù thắng như vậy, giảng diệu pháp vô thượng như thế, nhất định là Thế Tôn đang niệm Phật, nhất định giống như ba đời chư Phật Như Lai, chư Phật Phật Phật niệm nhau. Chư Phật hào quang soi chiếu lẫn nhau, chư Phật tâm tâm ấn chứng cho nhau.

*Bốn*, “Phật Phật tương niệm”, nhưng không biết hôm nay Thế Tôn niệm vị Phật nào? Là niệm vị Phật quá khứ, niệm vị Phật hiện tại, hay là niệm vị Phật tương lai?

*Năm*, nếu không phải Phật đang niệm Phật, tại sao uy thần hiện tại của Phật lại chói ngời rực rỡ như vậy, ánh sáng Phật phóng ra lại thanh khiết, tốt lành, thù thắng, vi diệu như vậy?

*Sáu*, A-nan thỉnh cầu Thế Tôn từ bi “xin vì chúng sanh mà tuyên thuyết”.

Mọi người thử nghĩ xem, những vấn đề mà ngài A-nan suy nghĩ đến, có phải cũng là những điều mà chúng ta cần biết hay không? Những vấn đề mà A-nan suy tư, thỉnh hỏi, là ngài thật sự không biết sao? Chúng ta nhất định không được hiểu lầm, A-nan thị hiện là sơ quả La-hán, nhưng ngài tuyệt đối không phải là sơ quả La-

hán, ngài là Phật Bồ-tát tái lai, giúp Phật hoàng pháp giáo hóa chúng sanh. Điều gì ngài cũng biết rõ, chuyện gì cũng thấu suốt, ngài biết rõ nhưng vẫn hỏi, ngài thay mặt chúng sanh thỉnh pháp.

Tôi nói tới đây, có phải các đồng tu bỗng nhiên đại ngộ không? Ô! Hóa ra là như vậy! Pháp hội đặc biệt, Phật tuyên giảng diệu pháp đặc biệt. Hiện nay chúng ta gặp được bộ kinh này, pháp môn này, phải cảm ân tôn giả A-nan! Thế Tôn biểu diễn một pháp cho chúng ta thấy, là pháp gì vậy? Pháp “Phật Phật tương niệm”. Phật Phật đạo đồng, Phật Phật tương niệm, Phật Phật xung tán nhau. Thế Tôn mở pháp hội giảng diệu pháp, cũng cần có Phật lực gia trì. Thật sự là Thế Tôn đang niệm Phật, niệm mười phương chư Phật, hy vọng được Phật lực của mười phương chư Phật gia trì. Phật thuyết pháp cũng không ngoại lệ. Thế Tôn khiêm tốn, làm ra tám gương tốt cho chúng ta, cũng thỉnh cầu mười phương chư Phật Bồ-tát từ bi gia trì, giúp ngài giảng diệu pháp này rõ ràng hơn, thấu triệt hơn, để thỉnh chúng nghe được rõ ràng, nghe được rành rẽ, đây là gia trì.

Lần này mọi người nghe hiểu rồi chứ? Tại sao lần này Thế Tôn phóng quang hiện tướng lành lại thù thắng như vậy? Hào quang của mười phương chư Phật hội tụ lại, hội tụ với ánh sáng của Thế Tôn thành một hào quang, vậy thì quá tuyệt rồi! Đây là ánh sáng của A-di-đà Phật. Trong Phật giáo Đại thừa thường nói, hết thầy pháp từ tâm tướng sanh. Thế Tôn mở pháp hội này, pháp hội là để dạy học, muốn giới thiệu thế giới Tây Phương Cực Lạc cho chúng ta, trong tâm ngài đang nghĩ gì? Chắc chắn là nghĩ đến A-di-đà Phật. A-di-đà Phật là “ánh sáng tôn quý nhất”, ánh sáng của A-di-đà Phật gia trì cho Thích-ca Mâu-ni Phật, ánh sáng này không phải là thù thắng hiếm có sao?

Trong tâm Thích-ca Mâu-ni Phật có A-di-đà Phật, trong tâm A-di-đà Phật có Thích-ca Mâu-ni Phật, hào quang chiếu soi lẫn nhau, trí tuệ chiếu soi lẫn nhau, tâm tâm tương ưng liên thông. Đây chính là gia trì.

Tại sao trước đây Phật chưa từng phóng quang như vậy? Bình thường Thích-ca Mâu-ni Phật không phóng quang như vậy, nhưng vì phát tâm giảng bộ kinh này, cảm động chư Phật Như Lai, cảm động chư thiên, thiên nhân, cảm động tổ tiên từ vô lượng kiếp đến nay, thật quá tuyệt vời! Hiện tại, trước khi Thích-ca Mâu-ni Phật tuyên giảng bộ đại kinh này đã phóng quang hiện tướng lành, cho thấy ngài đạt được sự gia trì của chư Phật Như Lai. Phật gia trì Phật, giúp cho tướng lành của ngài vô

cùng thù thắng, trước nay chưa từng có. Đại chúng tham gia pháp hội nhìn thấy được, tín tâm tràn đầy, lại không có chút hoài nghi, đây là tác dụng của việc phóng quang hiện tướng lành, giúp cho đại chúng sanh khởi tín tâm.

Sự phóng quang hiện tướng lành này hiển hiện tuyệt diệu huyền môn không thể nghĩ bàn của Hoa Nghiêm, quang minh tướng lành hiện ra vô cùng thù thắng vi diệu. Mọi người phải hiểu rõ, việc này chỉ có Phật mới làm được, Bồ-tát không làm được.

Thời đại hiện nay, người giảng bộ kinh này không nhiều, người giảng bản hội tập lại càng ít hơn. Nghe bộ kinh này, người thật sự nghe hiểu cũng không nhiều. Nguyên nhân gì vậy? Người hiện nay thích hoài nghi, không thành thật, luôn muốn tìm ra một chút sai sót trong kinh văn. Bởi lòng tìm vết, tâm lý của họ bất thường, cho nên khó mà nguyện hiểu nghĩa chân thật của Như Lai. Họ không biết hết thấy chúng sanh và Phật vốn là một thể, đồng tâm, đồng đức, đồng nguyện, đồng hạnh, họ không biết cho nên lợi ích nhận được không nhiều.

A-di-đà Phật niệm A-di-đà Phật, mười phương chư Phật niệm A-di-đà Phật. Chúng ta niệm A-di-đà Phật liền được uy thần của A-di-đà Phật gia trì, chúng ta học bộ kinh này sẽ dễ dàng hiểu được, dễ dàng khế nhập cảnh giới. Phật muốn giảng bộ kinh này, hoặc nếu chúng ta phát tâm giảng bộ kinh này cho đại chúng thì bạn phải niệm A-di-đà Phật, được A-di-đà Phật gia trì. Bạn xem Thích-ca Mâu-ni Phật giảng bộ kinh này, niệm A-di-đà Phật, phóng quang hiện tướng lành, ngài mới giảng được hay như vậy. Không có Phật lực gia trì thì không được. Phải khiêm tốn, phải cung kính. Cống cao ngã mạn thì Phật lực không thể gia trì được.

Mời xem câu kinh văn tiếp theo:

**Ư thị Thế Tôn cáo A-nan ngôn: Thiện tai, thiện tai! Nhữ vị ai mãn lợi lạc chư chúng sanh cố, năng vấn như thị vi diệu chi nghĩa. Nhữ kim tư vấn, thắng ư cúng dường nhất thiên hạ A-la-hán, Bích-chi Phật; bố thí lũy kiếp chư thiên nhân dân, quyên phi nhuyển động chi loại, công đức bá thiên vạn bội. Hà dĩ cố? Đương lai chư thiên nhân dân, nhất thiết hàm linh, giai nhân nhữ vấn nhi đắc độ thoát cố.**

*Bấy giờ Đức Phật bảo tôn giả A-nan rằng: “Lành thay! Lành thay! Ông vì thương xót, làm lợi lạc cho các chúng sanh, mới hỏi nghĩa vi diệu như vậy. Lờn hỏi*



*của ông hôm nay có công đức hơn cúng dường các bậc A-la-hán, Bích-chi-Phật trong một thiên hạ; lữ kiếp bố thí chư thiên, nhân dân và các loài bò bay máy cựa trăm ngàn vạn lần. Vì sao vậy? Chư thiên, nhân dân và hết thảy hàm linh trong tương lai đều nhờ lời hỏi của ông mà được độ thoát.*

Đoạn kinh văn này có những ý nghĩa như sau:

*Ý nghĩa thứ nhất:* Thích-ca Mâu-ni Phật trả lời câu hỏi của tôn giả A-nan, tán thán sự thừa thỉnh của tôn giả A-nan. Phật vô cùng hoan hỷ, lành thay! lành thay! Lặp lại câu lành thay hai lần, đây là lời khen ngợi xuất phát từ sự hoan hỷ trong tâm: ông hỏi hay lắm, ông hỏi hay lắm!

*Ý nghĩa thứ hai:* Phật hoan hỷ đến tột cùng mới nói ra lời tán thán từ trong thâm tâm như vậy. Khi nhân duyên chín muồi thì mới có người hỏi vấn đề này. Phật đợi người hỏi vấn đề này, đã đợi vô lượng kiếp rồi, hôm nay cuối cùng cũng có người hỏi, duyên này cuối cùng cũng đã chín muồi, sao Phật lại không hoan hỷ được? Duyên gì đã chín muồi? Cơ duyên thành Phật của chúng sanh chín muồi, cơ duyên Phật thuyết đại pháp vô thượng này đã chín muồi. Nếu trong số đại chúng tham gia pháp hội không ai có cơ duyên thành Phật chín muồi thì Phật sẽ không nói ra. Tại sao vậy? Nói ra cũng vô dụng. Nếu chỉ một người có cơ duyên thành Phật chín muồi, Phật cũng nhất định sẽ nói. Tại sao vậy? Trong cửa Phật không bỏ một ai, có một người thì Phật phải thuyết pháp cho người đó, người đó có thể nghe hiểu, có thể được độ, có thể thành Phật, những người khác chỉ là dự thính mà thôi.

*Ý nghĩa thứ ba:* Thế nào là chúng sanh căn cơ chín muồi? Kinh Di-đà nói rất hay: “Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về nước đó”, duyên chính là nói điều này. Trong pháp hội có người thiện căn chín muồi, có người phước đức chín muồi, có người nhân duyên chín muồi. Nhân duyên là Phật thuyết kinh, Phật muốn trao tặng nhân duyên cho người có thiện căn, phước đức. Họ nghe xong có thể y giáo phụng hành. Phương pháp thực hành vô cùng đơn giản, “phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm” liền thành công, kinh Vô Lượng Thọ đã nói tám chữ này. Trong Di-đà Yếu Giải, đại sư Ngẫu Ích đã nói bốn chữ “tín, nguyện, trì danh”. Tín nguyện là phát tâm Bồ-đề, trì danh là nhất hướng chuyên niệm. [Làm được] bốn chữ này, một đời này chắc chắn vãng sanh Tịnh độ. Vãng sanh Tịnh độ tương đương với thành Phật, cho nên gọi là căn cơ thành Phật chín muồi. Căn cơ

thành Phật chín muồi, Phật đương nhiên sẽ giảng bộ kinh này, giới thiệu chúng ta vãng sanh thế giới Cực Lạc. Cho nên Phật hoan hỷ tột cùng, lành thay! lành thay!

*Ý nghĩa thứ tư:* Điều mà ngài A-nan thỉnh hỏi, thứ nhất là “xưng cơ”, thứ hai là “đương pháp”, thứ ba là “hợp thời”. Lời này do pháp sư Huệ Viễn thời nhà Tùy nói. Ngài A-nan thỉnh pháp đúng vào lúc này, cho nên Thích-ca Mâu-ni Phật tán thán ngài “ông hỏi hay lắm!”.

Sách Chân Giải nói, “vì câu hỏi đó hợp với tâm Phật”, câu hỏi mà hôm nay A-nan hỏi, thỏa bốn hoài của Phật, tâm của Phật hy vọng hết thấy chúng sanh mau chóng thành Phật, càng sớm thì Phật càng hoan hỷ, đây là tâm của Phật. Phật hy vọng bạn sớm ngày thoát khỏi biển khổ, thế giới này là biển khổ, biển khổ vô biên. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, pháp môn nào cũng là pháp môn thành Phật, nhưng những pháp môn khác phải đoạn trừ phiền não, phải phá vô minh mới có thể thành tựu, thời gian rất dài. Pháp môn này chỉ cần đầy đủ thiện căn, phước đức thì một đời chắc chắn thành tựu.

*Ý nghĩa thứ năm:* Tại sao đức Phật lại hoan hỷ tán thán việc thỉnh pháp của A-nan như vậy? Là do “ông vì thương xót và làm lợi lạc cho các chúng sanh nên hỏi ra nghĩa vi diệu như vậy”.

Thế giới hiện nay hỗn loạn đến cùng cực, trái đất thay đổi đột ngột càng ngày càng nhiều, sống trong thời đại này, chúng sanh khổ không kể xiết. Làm sao lìa khổ? Làm sao được vui? Kinh Vô Lượng Thọ là phương pháp lìa khổ được vui mà Thích-ca Mâu-ni Phật dạy chúng ta, phương pháp này vô cùng hiệu quả, nếu bạn thật sự tin, thật sự nguyện vãng sanh, thì bạn nhất định được thành tựu.

Đại sư Thiện Đạo tán thán pháp môn này: vạn người tu vạn người vãng sanh, không bỏ sót một ai. Thế nhưng tình trạng thực tế hiện nay là người niệm Phật rất nhiều, người vãng sanh rất ít. Nguyên nhân là gì? Không thật sự buông xuống phiền não, không thật sự phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm, hoài nghi bộ kinh này, lưu luyến thế giới này. Sai rồi! Nhất định phải buông xuống vạn duyên, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật! Thoát khỏi lục đạo luân hồi là lìa khổ, mà còn lìa nỗi khổ rốt ráo; vãng sanh thế giới Cực Lạc là được vui, mà còn được niềm vui rốt ráo. Chỉ dựa vào hai câu trên, có thể không đến thế giới Cực Lạc sao?

“Ai mãi” là “tâm bi trừ khổ”, “lợi lạc” là “tâm từ ban vui”, đây là tâm đại từ bi. Vãng sanh thế giới Cực Lạc là ban vui, ra khỏi lục đạo luân hồi là trừ khổ. Đây là sự nghiệp của Bồ-tát. “Phật khen A-nan: Nay ông nguyện trừ khổ của hết chúng sanh, ban vui cho hết chúng sanh nên mới hỏi nghĩa như vậy”. Câu hỏi của A-nan hôm nay, ý nghĩa này thật quá lớn, quá sâu, cũng là một việc thiện lớn từ vô lượng kiếp đến nay, A-nan gặp được rồi, nắm bắt được cơ hội, không uổng một đời. Hôm nay A-nan hỏi một câu, hỏi ra một bộ kinh Vô Lượng Thọ có thể trừ nỗi khổ rất ráo của chúng sanh, có thể ban niềm vui rất ráo cho chúng sanh, công đức vô lượng.

Nghĩa của bộ kinh Vô Lượng Thọ này, sự thâm sâu huyền diệu chẳng thể dùng ngôn ngữ, sự phân biệt mà biết được! Điều này không nói ra được, chỉ có chứng đắc mới biết được. Đối với điều này, chư Phật Như Lai đã rõ ràng thấu triệt, nhưng các ngài cũng không nói ra được, bạn nhất định phải tự mình chứng đắc. Làm thế nào để chứng đắc? Niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc liền chứng đắc. Vãng sanh thế giới Cực Lạc, gặp được A-di-đà Phật, thể dụng vi diệu này hoàn toàn thông đạt sáng tỏ, vì vậy gọi là vi diệu!

*Ý nghĩa thứ sáu:* Công đức tinh pháp của ngài A-nan lớn thế nào?

*Một,* “hơn công đức cúng dường A-la-hán, Bích-chi Phật trong một thiên hạ trăm ngàn vạn lần”. Một thiên hạ là một trong bốn thiên hạ, bốn thiên hạ chính là bốn châu lớn ở bốn phía núi Tu-di: Nam Thiệm Bộ Châu tức là trái đất, Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Bắc Uất Đan Châu. Vì vậy biết được một thiên hạ là một châu lớn. Một thiên hạ được nói ở đây chính là trái đất. Trái đất là cõi phàm thánh đồng cư. Trên trái đất này, có không ít A-la-hán, Bích-chi Phật sinh sống, đa phần các ngài sống trên núi cao, hải đảo, hoặc nơi không có người. Các ngài lui tới tự do, không có chướng ngại, đầy đủ sáu loại thần thông, các ngài không cần phương tiện giao thông, các ngài có thần túc thông.

Các vị A-la-hán, Bích-chi Phật này sống trên thế gian này, nếu như không có các vị thánh hiền này sống trên thế gian này, người trên trái đất tạo tội nghiệp nặng như vậy, trái đất này sớm đã bị hủy diệt rồi. Chúng ta nhờ vào ánh hào quang của các vị A-la-hán, Bích-chi Phật nên trái đất này vẫn tồn tại. Cúng dường một vị A-la-hán, Bích-chi Phật, quả báo đạt được đều nói không hết. Vô lượng kiếp trước, tôn giả Ca-diếp đã từng cúng dường một vị Bích-chi Phật, được quả báo 90 ức kiếp

không bị nghèo khổ. Bạn cúng dường hết thầy A-la-hán, Bích-chi Phật đang sống trên trái đất, công đức này thật không thể nghĩ bàn!

*Hai*, hơn “công đức bồ thí lũy kiếp cho chư thiên, nhân dân, các loài bò bay máy cựa trăm ngàn vạn lần”. Nói đơn giản một chút, câu hỏi của ngài A-nan có công đức gấp trăm ngàn vạn lần công đức bồ thí cho chúng sanh lục đạo trong lũy kiếp.

*Ba*, hôm nay chúng ta thọ trì bộ kinh Vô Lượng Thọ này, nhận được lợi ích, chúng ta giới thiệu bộ kinh này cho hết thầy chúng sanh hữu duyên, giúp cho càng nhiều chúng sanh cùng nhận được lợi ích của pháp. Đây cũng là công đức của ngài A-nan! Không có ngài A-nan thỉnh pháp, chúng ta sẽ không biết kinh Vô Lượng Thọ, không biết thế giới Tây Phương Cực Lạc, không biết A-di-đà Phật, chúng ta không thoát khỏi được lục đạo luân hồi. Chúng ta thọ trì bộ kinh này, tu học pháp môn này, lại giới thiệu cho hết thầy chúng sanh có duyên. Công đức của chúng ta lớn bằng công đức thỉnh pháp của tôn giả A-nan.

*Ý nghĩa thứ bảy*: Tại sao tôn giả A-nan hỏi một câu lại có công đức lớn như vậy?

“Vì chư thiên, nhân dân, hết thầy hàm linh trong tương lai đều nhờ lời hỏi của ông mà được độ thoát”. Đây chính là câu trả lời. “Tương lai” là từ nay về sau, bắt đầu từ lúc Thích-ca Mâu-ni Phật giảng bộ kinh này, tất cả thính chúng, bao gồm cả chúng ta, đều là “chư thiên, nhân dân”. Chư thiên là cõi Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, hàm linh tức là chúng sanh. Bởi vì A-nan hỏi một câu như vậy, hỏi ra được pháp môn Tịnh độ. Hết thầy chúng sanh đều nhờ tín nguyện niệm Phật, mới có thể vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc bất thoái thành Phật. Đây mới thực sự là độ thoát. Từ cõi địa ngục siêu sanh đến cõi quý, từ cõi quý siêu sanh đến cõi súc sanh, từ cõi súc sanh siêu sanh đến cõi người, từ cõi người siêu sanh đến cõi trời, như vậy cũng xem là độ thoát, nhưng không có cách nào thoát khỏi lục đạo luân hồi. Cho nên sự độ thoát đó không phải là độ thoát rốt ráo. Ngày nay chúng ta tụng kinh siêu độ, cho rằng có thể siêu độ vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, chuyện này chỉ do chúng ta đơn phương tình nguyện. Có được hay không? Không thể được! Bạn có sức mạnh bao lớn mà có thể làm được chuyện như vậy?

Chúng ta phải ghi nhớ: Một, “đương lai nhất thiết hàm linh”, bao gồm hết thầy chúng sanh hiện tại, đương nhiên bao gồm cả bạn, tôi và họ đều nương vào pháp môn Tịnh độ mà được độ thoát; Hai, hết thầy đều nhờ pháp môn Tịnh độ do tôn giả

A-nan thỉnh hỏi mà được độ thoát, có thể thấy được trong vô lượng pháp môn, pháp môn mà chúng ta có thể nương vào để độ thoát sanh tử, thẳng bước lên bờ Niết-bàn bên kia, chỉ có pháp môn niệm Phật Tịnh độ.

Mời xem đoạn kinh văn tiếp theo:

**A-nan! Như Lai dĩ vô tận đại bi, cắng ai tam giới, sở dĩ xuất hưng ư thế, quang hiển đạo giáo, dục chứng quần sanh, huệ dĩ chân thật chi lợi.**

*A-nan! Như Lai vì lòng đại bi vô tận, thương xót ba cõi nên xuất hiện trên thế gian, hiển dương rộng khắp giáo pháp vì muốn cứu bạt chúng sanh, ban cho lợi ích chân thật.*

Đoạn kinh văn này có ba nghĩa như sau:

Một, nguyên nhân chư Phật Như Lai xuất hiện trên thế gian là gì? “Như Lai vì lòng đại bi vô tận, thương xót ba cõi, nên xuất hiện trên thế gian”. Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện nói: Chư Phật lấy tâm đại bi làm bản thể, phải dùng nước đại bi làm lợi ích cho chúng sanh, mới có thể đơm bông kết trái trí tuệ của chư Phật Bồ-tát. “Vô tận” chính là “không cùng tận” trong Phẩm Hạnh Nguyện. Tâm đại bi vô tận là đức đầu tiên của tự tánh. Đức đầu tiên của tự tánh là bi, đức thứ hai là từ. Bi là trừ khổ, từ là ban vui.

Tâm từ bi chính là tâm yêu thương của thần thánh mà trong các tôn giáo nói. Chúa yêu thương người đời, Thượng Đế yêu thương người đời, thánh Allah yêu thương người đời. Tình yêu thương đó, Đức Phật giảng rất tường tận, trong tình yêu thương này có từ có bi. Không nở nhìn chúng sanh chịu khổ nạn, là tâm bi; mong chúng sanh có thể lìa khổ được vui, là tâm từ.

Nhà Phật nói từ bi, không nói yêu thương, sợ người nghe hiểu lầm. Bởi vì trong yêu thương luôn có tình chấp trong đó, vậy thì không tốt. Tâm từ bi dựa trên trí tuệ, không dựa trên tình thức, ý nghĩa sâu rộng hơn so với yêu thương.

Chư Phật Bồ-tát dùng tâm từ bi vô tận “cắng ai tam giới”, “cắng ai” là thương xót, thương xót hết thảy chúng sanh trong tam giới. “Sở dĩ xuất hưng ư thế” nghĩa là xuất hiện trên thế gian này. Kinh Pháp Hoa nói: “Chư Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trên thế gian”, đại sự nhân duyên đó là khai thị ngộ nhập tri kiến Phật. Pháp môn Tịnh độ chính là tri kiến của Phật.

Hai, Phật xuất hiện trên thế gian là vì “quang xiển đạo giáo, dục chứng quần manh”. Quang là rộng lớn, xiển là khai diễn, chứng là cứu độ. Quần manh, manh là mới nảy sanh, quần manh chính là chúng sanh. Chữ “dục” này có nghĩa là bằng lòng, muốn, có nghĩa là nguyện vọng, cũng có nghĩa là bồn hoài. Bồn hoài của Phật, cũng tức là nguyện vọng trong lòng là giúp đỡ chúng sanh lìa khổ rất ráo, được vui rất ráo. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn đều từ bồn hoài này mà lưu xuất ra. Nhưng trong những pháp môn này, có một pháp môn đặc biệt, chính là “tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh độ”, pháp môn này là pháp môn đặc biệt. Trên đến Đẳng Giác Bồ-tát, dưới tận chúng sanh trong địa ngục, chỉ cần bạn tín nguyện trì danh thì không ai không thành tựu, pháp môn này quá đặc thù, quá vi diệu, vi diệu đến tột cùng, thâm sâu. Người như thế nào mới hiểu rõ ràng, hiểu thấu suốt? Trong kinh điển Thế Tôn nói: “Chỉ có Phật với Phật mới có thể hiểu được rất ráo”.

Muốn hiểu rõ ràng, tường tận lý luận của Tịnh tông thì phải thế nào? Phải thành Phật. Thành Phật thì biết rõ, Đẳng Giác Bồ-tát vẫn chưa được, đối với chuyện này Đẳng Giác Bồ-tát giống như cách lựa nhìn cảnh. Muốn giảng rõ ràng tường tận lý luận này, chân tướng sự thật này, Phật chỉ có thể nói với Phật thì được; Phật giảng cho Bồ-tát thì không giảng rõ được; Phật giảng cho A-la-hán càng không giảng rõ được; vậy thì càng không cần nói tới hết thầy chúng sanh. Làm sao đây? Chỉ còn cách giảng rõ ràng khổ vui cho bạn biết, thế giới này có những nỗi khổ nào, thế giới Cực Lạc có những niềm vui nào, đây là những điều đơn giản dễ hiểu, chỉ giảng những điều này, bạn có thể nghe hiểu được, đích thân cảm nhận, sanh lão bệnh tử không ai tránh khỏi. Người trên 60 tuổi có già khổ, bệnh khổ, dần dần sẽ nghĩ tới chết khổ, đối mặt với cái chết.

Mấy ngày hôm trước chúng tôi đưa tiễn Đẳng lão Bồ-tát vãng sanh, không phải ông đang biểu diễn già khổ, bệnh khổ, chết khổ cho chúng ta xem sao? Ông ấy thật từ bi, dùng thân của chính mình biểu diễn cho chúng ta xem, chúng ta đã xem hiểu chưa? Phải nhìn thấu thế giới này, thế giới này là giả, không phải là thật. Chỉ có kinh Phật mới có thể giảng rõ ràng, giảng tường tận về thế giới này.

Nhà cơ học lượng tử hiện nay, có một số người nói đến vấn đề trong kinh Phật. Ví dụ như, vật chất rốt cuộc là gì? Tinh thần rốt cuộc là gì? Truy tìm nguồn gốc, bí ẩn về vật chất đã được tiết lộ. Tinh thần là ý niệm, ý niệm là gì? Hiện nay vẫn chưa biết. Vật chất thì biết rồi, vật chất là giả, nghiên cứu đến sau cùng mới biết

vật chất là không. Từ đâu mà có? Sinh ra từ ý niệm. Hiện tượng vật chất sinh ra từ ý niệm, giống như trong kinh Phật nói: Sắc do tâm sanh, tướng do tâm sanh, hết thấy pháp từ tâm tướng sanh. Bạn xem, Thích-ca Mâu-ni Phật đã nói ra lời này từ ba ngàn năm trước. Hai mươi, ba mươi năm gần đây, các nhà cơ học lượng tử mới phát hiện ra, giống hệt như lời Phật nói cách đây ba ngàn năm, họ không thể không khâm phục đức Phật.

Kinh Pháp Hoa nói: “Chư Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trên thế gian”, đại sự nhân duyên này là gì? “Những việc Thế Tôn làm chính là đại sự nhân duyên, tức là tuyên thuyết biên nguyện của Phật Di-đà, rộng độ chúng sanh”. Câu này do lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói ra, nói quá hay, thực sự là vì điều này. Hôm nay chúng ta có thể quả quyết nói rằng, tất cả pháp môn đều độ không nổi chúng sanh, chỉ có pháp môn này mới có thể độ chúng sanh thành Phật đạo. Nếu bạn không tin pháp môn này thì không còn đường nào để đi. Lời nói này của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ là thật, không hề giả dối, không hề nói quá, mà là chân tướng sự thật.

Ba, “huệ dĩ chân thật chi lợi”. Có vài cách giải thích về “chân thật chi lợi” như sau để các đồng tu học tập tham khảo.

*Cách giải thích thứ nhất:* “Nhu Lai sở dĩ xuất hiện trên thế gian chỉ để nói bốn nguyện hải của Phật Di-đà”. Hai câu này là do đại sư Thiện Đạo - tổ sư đời thứ hai của Tịnh độ tông nói ra. Ngài nói với chúng ta, chư Phật trong mười phương thế giới xuất hiện trên thế gian này là vì điều gì? Chính là vì muốn giới thiệu bốn nguyện hải của A-di-đà Phật, cũng tức là giới thiệu thế giới Tây Phương Cực Lạc, giới thiệu A-di-đà Phật cho chúng sanh. Đây là lợi ích chân thật, chân thật trong chân thật, không còn lợi ích nào chân thật hơn nữa.

Sách Chân Giải tán thán rằng: “Chỉ riêng Kim Gia giải thích tuyệt diệu về điều này, những vị khác chưa từng nói đến”. Người Nhật Bản gọi đại sư Thiện Đạo là “Kim Gia”. Đại sư Thiện Đạo giải thích quá hay về nghĩa của hai câu này rồi, trước đại sư Thiện Đạo thì chưa từng nghe ai nói đến. Hôm nay chúng ta gặp được rồi, sanh vào thời đại này, tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn nào cũng là đạo khó thực hành, không dễ gì thành tựu, chỉ có pháp môn này là đạo dễ thực hành. Tại sao đạo dễ thực hành lại khó như vậy? Vì khó tin, không phải điều gì khác. Khó tin

này cũng là mười phương chư Phật đều nói pháp môn này khó tin, pháp môn này rất dễ thành tựu.

“Thuận theo cách giải thích của Tổ sư”, chúng ta thuận theo cách giải thích của đại sư Thiên Đạo, “lấy bốn nguyện Di-đà làm lợi ích chân thật, thì có thể dùng tám vạn bốn ngàn pháp môn để rộng tuyên kinh pháp của Như Lai, nghĩa này đã sáng tỏ”. Tám vạn bốn ngàn pháp môn đến sau cùng thì thế nào? Sau cùng đều quy về Tịnh độ. Không có pháp môn nào không quy về Tịnh độ. Người tu tám vạn bốn ngàn pháp môn, tu thành tựu rồi, tu vô lượng kiếp, vãng sanh tới nơi nào? Vãng sanh đến thế giới Hoa Tạng. Sau khi đến thế giới Hoa Tạng thì sẽ gặp được Văn-thù Bồ-tát, Phổ Hiền Bồ-tát. Phổ Hiền Bồ-tát dùng mười đại nguyện vương dẫn dắt về Cực Lạc, đến thế giới Cực Lạc mới gọi là chứng đắc viên mãn rốt ráo. Bạn xem, đi một đường vòng rất lớn, vẫn phải quay về thế giới Cực Lạc. Cho nên người thật sự tin tưởng, có đại thiện căn, đại phước đức, đại nhân duyên, người này đáng được tôn kính. “Lợi ích chân thật, theo ý của đại sư Thiên Đạo, chỉ cho thế nguyện Di-đà là lợi ích chân thật”. Thế nguyện Di-đà chính là bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện dung hợp với nhau, nguyện nào cũng là vì chúng sanh.”

*Cách giải thích thứ hai:* “Lợi ích chân thật là chỉ cho danh hiệu này, tức là Phật trí”. Lợi ích chân thật là lợi ích lớn của danh hiệu. Sự viên mãn triệt để của lợi ích lớn chính là diệu quả Niết-bàn vô thượng. Bởi vì lợi ích rốt ráo của một câu danh hiệu này chính là diệu quả Niết-bàn vô thượng. Đại sư Ngẫu Ích nói, câu Nam-mô A-di-đà Phật này là pháp A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề mà Thích-ca Mâu-ni Phật chứng đắc trong ngũ trược ác thế. Phật truyền trao cho chúng sanh toàn bộ pháp chân thật mà chính mình chứng đắc, chỉ vì muốn chúng sanh đạt được lợi ích chân thật, bởi vì chỉ có pháp này mới là chân thật nhất.

Sách Chân Giải nói: “Nay bàn về lợi ích”, chúng ta lấy gì làm tiêu chuẩn? Lấy lợi ích làm tiêu chuẩn, pháp môn nào mang lại lợi ích nhất cho chúng ta thì đó là thật; pháp môn dù tốt đến đâu, nhưng ta không làm được, ta không đạt được lợi ích, vậy thì đối với ta là giả. “Pháp kia giả, pháp này thật”, pháp kia giả là chỉ cho Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, tại sao vậy? Vì chúng ta không đạt được lợi ích chân thật. Lợi ích chân thật của kinh Vô Lượng Thọ thì chúng ta có thể đạt được ngay lập tức, đây là thật. Pháp Hoa, Hoa Nghiêm nói rất hay nhưng ta không làm được, một đời này ta tu theo nhưng không thể thành tựu, ta nhất định phải từ bỏ thôi.



*Cách giải thích thứ ba:* Niệm Phật vãng sanh. Pháp Hoa, Hoa Nghiêm “mặc dù nói có con đường nhanh chóng thành Phật, nhưng chẳng thấy có người tu trì theo pháp mà thành Phật trong thời đại này”. Sau cùng, Hoa Nghiêm giúp chúng sanh một đời thành tựu, vẫn là nguyện thứ mười tám của kinh Vô Lượng Thọ. Nếu không tu theo pháp môn này thì chưa từng nghe nói có người nào thành Phật trong thời đại này. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói, “nếu nói về thể của pháp”, các kinh đều nói từ thể, đó đều là chân thật, không giả dối. Hiện nay chúng ta không nói từ thể của pháp, chúng ta nói từ việc có thể đạt được lợi ích, vậy thì tất cả kinh khác đều là giả, chỉ có bộ kinh này, chỉ có nguyện thứ mười tám là chân thật.

Chúng ta phải ghi nhớ:

\* Thứ nhất: “Vãng sanh nhất định chứng Bồ-đề”, tức là nhất định thành Phật.

\* Thứ hai: “Khi pháp diệt rồi chỉ còn kinh này độ chúng sanh”. Tương lai Phật pháp sẽ diệt, toàn bộ Phật pháp đều bị diệt, kinh Vô Lượng Thọ vẫn trụ thế, pháp của Thích-ca Mâu-ni Phật vào chín ngàn năm sau, trên thế giới chỉ còn lại kinh Vô Lượng Thọ, không còn kinh điển nào khác.

\* Thứ ba: “Phàm thánh niệm Phật đều bình đẳng”. Sách Sớ Sao nói rất hay: “Ngang bằng với chư thánh nhờ một câu”, “nên nói lợi ích chân thật thì không lợi ích nào hơn được pháp này”. Chúng ta nhất định phải chú ý, nhớ kỹ pháp môn niệm Phật thật sự không thể nghĩ bàn này. Chỉ dựa vào câu Phật hiệu này thì đạt được lợi ích chân thật, chỉ dựa vào câu Phật hiệu này thì có thể vãng sanh. A-di-đà Phật từ bi đến tột cùng!

Pháp môn Tịnh độ là từ chân thật chi tế mà khai hóa hiển thị, chân thật chi tế là chỗ rốt ráo của pháp thân vô vi, thật tướng các pháp. Sách Di-đà Yếu Giải nói: Tịnh tông “năng thuyết sở thuyết, năng độ sở độ, năng tín sở tín, năng nguyện sở nguyện, năng trì sở trì, năng sanh sở sanh, năng tán sở tán, không điều gì chẳng do chánh ấn của thật tướng in vào”. Vì vậy, Pháp môn Tịnh độ, pháp mà bạn có thể nói và nội dung bạn nói, bạn ở đây độ hóa mọi người và những người bạn độ, bạn có thể tin và nội dung bạn tin, cho đến năng nguyện sở nguyện, năng trì sở trì, năng sanh sở sanh, năng tán sở tán đều được chánh ấn của thật tướng in vào. Có thể thấy, nhập vào pháp môn này thì mỗi mỗi đều nhập vào thật tướng, vì vậy trong những lợi ích chân thật được ban cho thì không gì hơn được pháp này. Tổng kết lại: lợi ích chân thật chính là bốn nguyện hải của đức Di-đà, danh hiệu Di-đà, niệm Phật vãng sanh.

*Chư Phật Phật Phật niệm nhau,  
Không Phật nào không niệm nhau.  
Chư Phật hào quang soi chiếu nhau,  
Không Phật nào không soi chiếu nhau.  
Chư Phật tâm tâm ấn chứng nhau,  
Không Phật nào không ấn chứng nhau.  
Chư Phật Phật Phật đạo đồng,  
Không Phật nào không đạo đồng.  
Chư Phật Phật Phật tán thán lẫn nhau,  
Không Phật nào không tán thán nhau.  
Một vị Phật thuyết diệu pháp,  
Chư Phật đều cùng gia trì.  
Một vị Phật xuất thế, ngàn vị Phật ủng hộ.  
Thích-ca Như Lai, Di-đà Như Lai.  
Hào quang soi chiếu lẫn nhau,  
Tâm tâm ấn chứng cho nhau.  
Cùng tuyên diệu pháp độ chúng sanh,  
Bậc thầy mô phạm trời người kính.*

Tiết học hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 22

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem câu kinh văn tiếp theo:

**Như Lai định tuệ, cứu sướng vô cực. Ư nhất thiết pháp, nhi đắc tối thắng tự tại cố.**

*Định tuệ của Như Lai thông suốt rốt ráo không cùng tận. Đạt được tự tại tối thắng với tất cả pháp.*

Định là thiên định, tuệ là trí tuệ, cứu là rốt ráo, sướng là thông suốt. Vô cực là không có giới hạn, không cùng tận. Định tuệ đều là tự tánh vốn sẵn đầy đủ. Lúc đại sư Huệ Năng minh tâm kiến tánh đã nói năm câu, câu thứ ba là “vốn tự đầy đủ”, đây là tuệ, vốn tự đầy đủ là trí tuệ; câu thứ tư là “vốn không dao động”, đó là định, tự tánh vốn định.

Tại sao ở đây chỉ nhắc tới “định tuệ”? Bởi vì trong lục độ vạn hạnh, hai cánh cửa này tôn quý nhất, giống như hai bánh xe, tựa như hai cánh chim. Đại sư Vĩnh Minh nói: “Định là tướng quân, tuệ là tể tướng, có thể giúp tâm vương thành vô thượng, mãi làm cửa ngõ để quần sanh chứng đạo, chính là cỗ Phật Bồ-đề”. Ngài lại nói: “Định tuệ đều tu không xao lãng, một niệm về ngay nơi chân giác”.

“Định tuệ của Như Lai thông suốt rốt ráo không cùng tận”, đạt đến tốt cùng, bởi vì “đạt được tự tại tối thắng với tất cả pháp”, thoát khỏi sự trói buộc của phiền não, thông đạt các pháp, không có chướng ngại, gọi là tự tại.

Đạt được sự “tự tại” này mới có thể dạy người khác. Từ đây chúng ta có thể biết được, đại đức xưa giảng kinh dạy học, nhất định là có tu có chứng, quả vị chứng đắc không cao cũng không sao, các ngài có chứng, hoặc là chứng thập tín vị, hoặc là thập trụ vị, thập trụ của Biệt giáo, hoặc chứng thập hạnh vị, thập hồi hướng vị, có thể thuyết pháp cho hết thấy chúng sanh.

Hai câu kinh văn này là tán thán A-di-đà Phật. Chư Phật tán thán A-di-đà Phật là “ánh sáng tôn quý nhất, vua trong các vị Phật”, nên đối với pháp, ngài được tự tại tối thắng. Chúng ta vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, trong đại pháp hội của A-

di-đà Phật, cũng đạt được giai vị này mới rời khỏi thế giới Cực Lạc, nếu chưa đạt đến giai vị này thì sẽ không rời khỏi thế giới Cực Lạc. Như vậy có nghĩa là chứng đắc Phật quả viên mãn rốt ráo nhất định là ở thế giới Cực Lạc.

Làm thế nào để “đạt được tự tại tối thắng với tất cả pháp”? “Tâm thoát khỏi sự trói buộc của phiền não, thông đạt vô ngại, gọi đó là tự tại”. Hoàn toàn thông đạt thấu suốt chân tướng của hết thảy các pháp, được đại tự tại, như vậy mới có thể giáo hóa hết thảy chúng sanh.

Bồ-tát vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, A-di-đà Phật dùng uy thần tự tại, trí tuệ tối thắng của bốn mươi tám nguyện gia trì cho bạn, trong một niệm bạn tiếp nhận sự gia trì của A-di-đà Phật thì trí tuệ, thần thông, đạo lực của bạn cũng gần giống với A-di-đà Phật, có được lợi ích thù thắng như vậy. Nếu như bạn có tâm đại bi, tâm từ bi khẩn thiết, tôi có năng lực này rồi, nhìn thấy chúng sanh trong lục đạo thập pháp giới chịu nỗi khổ luân hồi, bạn không nhẫn tâm, liền xuống đây ngay lập tức. Sau khi xuống đây, nên dùng thân gì để độ thoát thì dùng thân đó. Hoàn toàn cảm ứng đạo giao với chúng sanh, chúng sanh có cảm, bạn liền có ứng. Uy thần bốn nguyện của A-di-đà Phật có sức mạnh lớn đến như vậy, vì vậy người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc đều được Phật gia trì, nên tự tại tối thắng.

Kinh Hoa Nghiêm có mười sự tự tại, lần đầu phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ, tôi đã từng giới thiệu với các đồng tu, lần này tôi vẫn muốn nói chi tiết hơn với mọi người về mười sự tự tại, mong các bạn đồng tu của tôi, ai cũng có thể đạt được mười sự tự tại này.

Một, mạng tự tại.

“Bồ-tát có được huệ mạng trường thọ, trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp trụ trì thế gian không có chướng ngại”. Mạng tự tại, người chứng quả có thể làm được, người vãng sanh thế giới Cực Lạc có thể làm được. Sanh đến thế giới Cực Lạc, chưa chứng quả cũng như đã chứng quả, đây là A-di-đà Phật gia trì, bằng với chứng quả. Giáo hóa chúng sanh trong mười phương thế giới, người hữu duyên đều được độ hết thì chư Phật Bồ-tát không trụ thế nữa, các ngài nhập Bát Niết-bàn; nếu vẫn còn một người hữu duyên chưa được độ thoát thì các ngài vẫn trụ trên thế gian này, phải giúp đỡ người này giác ngộ, cho nên thọ mạng của các ngài dài ngắn tự tại.

Duyên của mỗi người với chúng sanh không giống nhau, cho nên kết duyên với hết thấy chúng sanh là điều mà người học Phật nhất định phải làm. Bạn không kết duyên với họ thì không thể độ họ, Phật không độ người không có duyên. Phải thường có tâm kết duyên, thường làm chuyện kết duyên. Không có quà để kết duyên thì dùng khuôn mặt tươi cười kết duyên với người khác. Giống như Di-lặc Bồ-tát có khuôn mặt tươi cười, hết thấy chúng sanh nhìn thấy ngài đều sanh tâm hoan hỷ, như vậy là kết pháp duyên. Mạng tự tại, sống lâu ở đời là để độ chúng sanh hữu duyên thành Phật.

Hai, tâm tự tại.

“Bồ-tát dùng trí tuệ phương tiện điều phục tự tâm, có thể nhập vô lượng đại tam-muội, du hý thần thông mà không có chướng ngại”. Bồ-tát có trí tuệ, trí tuệ soi chiếu hết thấy pháp không. “Phàm những gì có tướng đều là hư vọng”, là do trí tuệ soi chiếu, “tất cả pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”, là do trí tuệ soi chiếu. Bởi vì bạn biết chân tướng của hết thấy pháp, cho nên bạn tự nhiên có thể điều phục tâm mình, điều là điều chỉnh, phục là hàng phục. Thuận cảnh không khởi [tâm] tham luyến, nghịch cảnh không sanh [tâm] phiền não, thuận cảnh hay nghịch cảnh đều tự tại, người và việc thiện hay ác đều tự tại, thành công hay thất bại đều tự tại. Dùng nhất loạt tâm bình đẳng, tâm từ bi mà quan sát hết thấy chúng sanh, giúp đỡ hết thấy chúng sanh, giáo hóa hết thấy chúng sanh.

Có thể nhập vô lượng đại tam-muội, tam-muội là thiên định, đại tam-muội là đại định. Đại định ở đâu? Ở ngay trong cuộc sống thường ngày, mắt nhìn sắc được đại thiên định, không bị sắc tướng bên ngoài làm dao động. Nhìn thấu suốt rõ ràng các tướng thì đó là trí tuệ, trong lòng như như bất động, đó là đại tam-muội. Vận dụng định tuệ, cùng lúc khởi tác dụng, trong định có tuệ, trong tuệ có định. Du hý thần thông, có thể giúp cho hết thấy chúng sanh sanh tâm hoan hỷ, không có chướng ngại.

Phàm phu không làm được, gặp thuận cảnh thì khởi tham luyến, gặp nghịch cảnh thì sanh sân hận, như thế thì tạo nghiệp rồi. Chư Phật Bồ-tát không tạo nghiệp, ngay cả A-la-hán cũng không tạo nghiệp. Đây là áp dụng tam học giới, định, tuệ vào trong cuộc sống thường ngày. Giới định tuệ đại diện cho hết thấy pháp, hết thấy pháp của chư Phật đều không nằm ngoài tam học giới định tuệ, luôn làm tấm gương tốt cho chúng sanh, luôn giúp đỡ chúng sanh tinh ngộ.

Phật pháp là linh hoạt, không phải cứng nhắc, học tập Phật pháp phải pháp hỷ sung mãn, tiên sinh Phương Đông Mỹ từng nói “học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người”. Bạn hưởng thụ điều gì? Giác ngộ rồi thì có được sự hưởng thụ cao nhất, không khởi tâm, không động niệm, gặp chuyện thì rèn luyện tâm. Không trải qua sự tôi luyện trong cuộc sống thực tế, bạn làm sao biết được mình có giới định tuệ hay không? Chỉ khi sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, bạn mới phát hiện ra bạn có giới không, có định không, có tuệ không! Mục đích của trì giới là được định, mục đích của được định là khai mở trí tuệ, trí tuệ khai mở rồi, độ chính mình, độ chúng sanh, đôi bên cùng có lợi. Du hý thần thông mà không có chướng ngại, được đại tự tại. Có trí tuệ điều phục tự tâm, nhập vô số tam-muội, không có chướng ngại, đó gọi là tâm tự tại.

Ba, tư cụ tự tại.

“Bồ-tát có thể dùng vô lượng châu báu, đủ thứ vật dụng để trang nghiêm hết thảy thế giới, thanh tịnh vô ngại”. Tư cụ là gì? Là vật dụng trong đời sống, cũng tức là nhu yếu phẩm trong cuộc sống. Ví dụ như quần áo, đồ ăn thức uống, thuốc men, phương tiện giao thông, nhà ở v.v... những thứ này đều gọi là tư cụ. Được tự tại rồi, nói dễ hiểu một chút là muốn gì thì được nấy.

Bồ-tát dùng vô lượng châu báu trang nghiêm thế giới, châu báu từ đâu mà có? Từ trí tuệ mà có, từ tu phước mà có, phước tuệ song tu, có phước mới có thể trang nghiêm thế giới. Đủ loại vật dụng trang nghiêm, trang hoàng hết thảy thế giới, hiện ra tướng thế giới thanh tịnh. Việc này phải dựa vào giáo dục trí tuệ chân thật mới có thể đạt được. Thế giới này thanh tịnh vô nhiễm, ai ai cũng có tâm địa thanh tịnh; thế gian có, đến tứ thánh pháp giới thì làm được rồi, tứ thánh pháp giới trong thập pháp giới thanh tịnh vô ngại.

Bốn, nghiệp tự tại.

“Bồ-tát có thể tùy theo các thứ nghiệp, ứng thời thị hiện thọ các quả báo”. Nghiệp là tạo tác, hết thảy tạo tác đều lợi người lợi mình, không để trong tâm thì được tự tại. Nếu để tạo tác của mình ở trong tâm, vậy thì không còn tự tại nữa, liền biến thành nghiệp. Nghiệp này không tự tại thì là gì? Chiêu cảm quả báo, thiện nghiệp cảm ba đường thiện, ác nghiệp cảm ba đường ác, không thoát khỏi được lục đạo luân hồi.

Tự tại là thế nào? Mặc dù tạo các nghiệp nhưng không để điều gì trong tâm, cho nên tâm địa thanh tịnh vô nhiễm, các ngài liền được tự tại. Chuyện tốt, chuyện xấu cũng đừng để trong tâm, nhất định phải ghi nhớ, chuyện tốt để ở trong tâm là ba đường thiện, chuyện xấu để ở trong tâm là ba đường ác, bạn không thể ra khỏi lục đạo luân hồi, bạn không thể vãng sanh thế giới Cực Lạc. Chuyện tốt, chuyện xấu, đoạn hết thấy ác, tu hết thấy thiện, lìa hết thấy tướng, tức hết thấy pháp. Lìa là không chấp trước, không để trong tâm, tức hết thấy pháp, đó là nghiệp tự tại. Cho nên “Bồ-tát có thể tùy theo các nghiệp”, các ngài có thể hằng thuận chúng sanh, thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, không gì không tự tại, hết thấy đều có thể tùy thuận. “Ứng thời thị hiện, thọ các quả báo, không có chướng ngại”.

Phàm phu chúng ta nhìn thấy Bồ-tát cũng đang tạo nghiệp, đoạn ác tu thiện, hưởng thụ sự cung kính, cúng dường, tán thán của trời người. Bồ-tát, Thanh văn đều đang hưởng thụ những điều này. Nhưng như thế nào? Không để ở trong tâm, đều trở thành biểu pháp. Trời người cung kính, cúng dường là để cho người khác thấy, làm tấm gương tốt, dạy chúng sanh hiểu thuận cha mẹ, tôn sư trọng đạo, dạy chúng sanh buông xuống vạ duyên, một lòng hướng đạo. Thị hiện cho người đời thấy, không làm quốc tặc, không phạm pháp luật, không hủy báng lãnh đạo đất nước, không trốn thuế. Đây là yêu nước, yêu xã hội, làm ra một tấm gương tốt cho đại chúng trong xã hội, cho nhân dân. Tuy nhận sự tán thán của đại chúng, nhưng không có ý niệm hoan hỷ đắc ý, giống như chưa từng có chuyện này. Bị oan ức, bị hủy báng hoặc bị tổn hại, nhất định không oán hận, không báo thù, cũng giống như chưa hề có chuyện này, thành tựu nhẫn nhục ba-la-mật của chính mình; hết thấy hành vi thiện đều không để ở trong tâm, thành tựu Bát-nhã ba-la-mật của chính mình. Bát-nhã không chấp tướng, nếu chấp tướng thì không còn Bát-nhã nữa.

Năm, thọ sanh tự tại.

“Bồ-tát tùy theo tâm niệm của họ, có thể ở trong các thế giới thị hiện thọ sanh, không có chướng ngại”. Thọ sanh tự tại tức là sanh tử tự tại. Các ngài có khởi tâm động niệm hay không? Không có. Chúng sanh có cảm, chúng sanh cầu Bồ-tát trụ thế, Bồ-tát liền trụ thế; chúng sanh không muốn học pháp này, Bồ-tát liền rời khỏi, không thấy nữa. Đó gọi là “trong cửa nhà Phật, không bỏ một ai”. Có lúc Bồ-

tát thị hiện, chúng sanh ở nơi này rất khổ, không có Phật pháp, Bồ-tát thị hiện học Phật, thành tâm muốn cầu thì Phật đến thị hiện, Phật vì một mình Bồ-tát, Bồ-tát là người đương cơ, những người khác thì sao? Những người khác cũng đều tùy hỷ, mọi người đều đạt được lợi ích.

Như Thích-ca Mâu-ni Phật xuất hiện ở đời, nên dùng thân Phật để độ thị hiện thân Phật mà thuyết pháp cho chúng sanh. Bên cạnh Phật Thích-ca có 1.255 đệ tử, trong những đệ tử đó, rất nhiều vị là cổ Phật tái lai, rất nhiều vị là Đẳng Giác Bồ-tát, các ngài tới làm gì? Tới cổ vũ, tới trang nghiêm đạo tràng, giúp pháp hội này được viên mãn, khiến chúng sanh nhìn thấy sanh tâm hoan hỷ. Đây gọi là gì? Ảnh hưởng chúng, một vị Phật ra đời, ngàn vị Phật đến ủng hộ. Điều này cho thấy gia hòa vạn sự hưng, Phật có chương ngại đó kỳ hay không? Không có. Loài chúng sanh này, một số chúng sanh có duyên với Phật Thích-ca, ngài thị hiện thân Phật để độ họ, chúng ta tới cổ vũ, đóng vai phụ, tới trang nghiêm đạo tràng, đều tới cả rồi, gia hòa vạn sự hưng.

Giáo hóa chúng sanh thì không thể dạy quá nhiều, dạy quá nhiều thì sẽ dạy họ trở nên hồ đồ. Chỉ có thể theo một vị thầy, chỉ có thể học một pháp môn. Pháp môn vô lượng thế nguyện học là vào lúc nào? Sau khi khai ngộ. Trước khi khai ngộ phải cầu định, sau khi khai ngộ thì cầu tuệ, nhất định là tam học giới, định, tuệ.

Trước tiên phải trì giới, trì giới là giữ quy củ, không giữ quy củ thì sao thành tựu được? Điều quan trọng nhất trong quy củ, lão pháp sư thường nói một là hiếu, hai là kính. Đây là gốc của giới luật, không có hiếu kính thì học gì cũng không thành tựu. Đại sư Ấn Quang thường nói: “Một phần thành kính được mười phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích”, bạn có thể học được bao nhiêu điều thì hoàn toàn là do tâm thành kính của bạn, điều này không thể không hiểu.

Thành kính biểu hiện ở chỗ dùng chữ “nhân” để đối người tiếp vật, trong ngũ thường của Trung Quốc nói Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, là nhân. Chánh nhân quân tử, yêu thương mọi người, dùng tâm hiếu kính cha mẹ, tôn kính thầy giáo để đối đãi với hết thầy chúng sanh. Trong ngũ giới của Phật pháp, không sát sanh thì họ làm sao dám tổn thương người khác? Không thể nào. Thứ hai là nghĩa, nghĩa là khởi tâm động niệm, lời nói hành vi đều tuân theo lý. Lý là giới luật, tự nhiên sẽ không vi phạm giới luật, làm tốt như vậy, làm cho người khác thấy. Giới luật là thân giáo, không phải ngôn giáo, phải làm ra được. Lễ, đối chiếu với ngũ giới là không tà



dâm. Trí, đối chiếu với ngũ giới là không uống rượu, ngày nay chúng ta gọi là lý trí. Tín là không vọng ngữ. Chúng ta kết hợp ngũ giới thập thiện với ngũ luân ngũ thường để xem thì sẽ biết được phải làm người như thế nào, làm sao làm người đạt tiêu chuẩn. Người đạt tiêu chuẩn là gì? Đời sau không mất thân người; làm tốt thì sanh lên cõi trời. Cho nên ngũ luân ngũ thường, tứ duy bát đức của Trung Quốc có thể giữ được thân người, có thể sanh lên trời Dục giới, sáu tầng trời Dục giới. Quả báo ở chỗ này. Đây là thị hiện thọ sanh, không có chương ngại.

Sáu, giải tự tại.

“Bồ-tát thành tựu kiến giải thù thắng, có thể thị hiện đủ mọi sắc thân, diễn thuyết diệu pháp, không có chương ngại”. Nguyên văn trong kinh Vô Lượng Thọ là “ư pháp tự tại”, kinh văn là câu “đạt được tự tại tối thắng với tất cả pháp”.

Mười sự tự tại trong kinh Hoa Nghiêm, trong kinh Vô Lượng Thọ thấy đều đầy đủ. Nội dung của bộ kinh này là gì? Là năm câu mà đại sư Huệ Năng đã nói khi khai ngộ, là lời xướng tánh, từng câu từng chữ đều từ trong tự tánh lưu lộ ra. Lúc đại sư Huệ Năng khai ngộ, cũng là năm câu lưu lộ từ trong tự tánh.

Tự tánh có hình dáng thế nào? Tự tánh là thanh tịnh, trước nay chưa từng bị ô nhiễm. “Vốn tự thanh tịnh”, “không sanh không diệt”, tự tánh không sanh không diệt, tự tánh có hình dáng thế nào? Đó là Thường Tịch Quang. Mặc dù là một mảng quang minh, không có gì cả, nhưng không thể nói không có, tại sao vậy? “Vốn tự đầy đủ”. Đầy đủ điều gì? Đầy đủ cả vũ trụ, không thiếu thứ gì, nếu thiếu một thứ thì không thể hiện ra, những thứ có thể hiện ra trong vũ trụ đều là [những thứ] tự tánh vốn đầy đủ. Cho nên trong kinh điển Phật thường nói “tâm ngoại vô pháp”, tâm là gì? Tâm chính là tự tánh, ngoài tự tánh thì không có pháp nào.

Mục đích cuối cùng của giáo dục Phật pháp là gì? Là quay về tự tánh, chính là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh mà Thiên tông nói, vô lượng pháp môn đều như vậy. Người thông thường hiện nay có ai không muốn khỏe mạnh? Có ai không muốn sống lâu? Có ai không muốn có trí tuệ?

Lão hòa thượng Hải Hiền đã thị hiện cho chúng ta thấy, niệm Phật được khỏe mạnh, niệm Phật có thể sống lâu, niệm Phật có thể sanh trí tuệ, ngài đã làm cho chúng ta thấy, đó là thật, không thể giả dạng được. Ngài 112 tuổi không cần người khác chăm sóc, tự chăm sóc chính mình. Có lúc ngài còn chăm sóc người khác, đầu

óc minh mẫn, tư duy nhạy bén, tâm địa lương thiện từ bi, không có oán hận, không có ác niệm. Nhìn thấy cuộc sống của ngài rất bần hàn nhưng ngài vui vẻ, tự tại. Ngài có trí tuệ, người khác hỏi vấn đề gì ngài cũng đều trả lời được. Đây là giải tự tại.

Bồ-tát thành tựu kiến giải thù thắng, thắng là thù thắng, vi diệu thù thắng. Bạn không hỏi các ngài thì các ngài không biết, bởi vì các ngài chưa từng nghĩ đến. Không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, đây là chân tâm. Chân tâm khởi tác dụng thì sanh trí tuệ, bất kể là vấn đề gì, bạn hỏi các ngài, các ngài đều có thể trả lời bạn. Kinh Hoa Nghiêm nói “có thể thị hiện vô số sắc thân”, đúng thật, nên dùng thân nào để độ thì hiện thân đó. “Diễn thuyết diệu pháp”, diệu ở chỗ nào? Khế cơ khế lý, không có chướng ngại. Đây là giải tự tại của chư Phật Bồ-tát.

Bấy, nguyện tự tại.

“Bồ-tát tùy theo ý nguyện, ở trong các cõi, ứng thời xuất hiện thành Đẳng Chánh Giác, không có chướng ngại”. Nguyện tự tại là tùy nguyện mà thị hiện thành Phật ở trong hết thủy cõi nước. Nguyện tự tại là vừa lòng đẹp ý, nguyện của phàm phu chúng ta không tự tại. Thích-ca Mâu-ni Phật ứng hóa ở thế giới Ta-bà là “ngay nơi đó sanh ra, cũng ngay nơi đó diệt mất”. Bởi vì pháp thân không đâu không có, không nơi nào không có, không lúc nào không có, đó là Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang không sanh không diệt, không có bất kỳ thay đổi nào. Pháp thân ở trước mặt chúng ta, cho nên tâm chúng sanh nghĩ đến thì pháp thân hiện. Vậy tại sao chúng ta nghĩ tới Phật mà Phật lại không hiện? Phật hiện rồi nhưng chúng ta chưa nhìn thấy; chúng ta nghĩ tới Bồ-tát, Bồ-tát cũng hiện rồi nhưng chúng ta cũng chưa nhìn thấy. Tại sao vậy? Bởi vì tâm của chúng ta không thanh tịnh. Cho nên tâm thanh tịnh rất quan trọng, chỉ cần tâm có vài phần thanh tịnh thì thấy được. Muốn nhìn thấy lục đạo, quý vị hoàn toàn có thể nhìn thấy hiện tượng của lục đạo, toàn bộ đều ở trước mắt bạn.

Pháp nào có thể rời khỏi Thường Tịch Quang? Không có pháp nào, không một pháp nào rời khỏi Thường Tịch Quang mà có thể tồn tại được. Thường Tịch Quang không nơi nào không có, không lúc nào không có, Thường Tịch Quang quá lớn, không cách nào tưởng tượng được, nên nói không thể nghĩ bàn. Không thể nghĩ, bạn không cách nào nghĩ được; không thể bàn, bàn là dùng lời nói, bạn không nói ra được. Thường Tịch Quang không có biên giới, Người Trung Quốc nói “lớn không

có ngoài, nhỏ chẳng có trong”. Sao họ có thể nói ra lời này? Đây là cảnh giới của Phật, Bồ-tát là từ bát địa trở lên, dưới bát địa thì không thể nói ra lời như vậy. Cho nên tổ tông Trung Quốc của chúng ta, thánh hiền xưa chẳng lẽ không có người nào là chư Phật Bồ-tát thị hiện sao? Từ lý mà nói, hoàn toàn có thể thông đạt, là chư Phật Bồ-tát đến thị hiện. Người Trung Quốc thích thánh nhân, nên dùng thân thánh nhân mà được độ thoát thì hiện thân thánh hiền mà thuyết pháp cho họ.

Tam cương trong Đại Học, “Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại thân dân, tại chỉ ư chí thiện”. Câu này nói về điều gì? Tự tánh. Minh đức là được rồi, tại sao lại phải minh minh đức? Minh minh đức, nói rõ đức này không còn sáng, mê rồi, minh đức chính là tự tánh. Giáo dục Phật-đà, giáo dục thánh hiền là phải khôi phục chữ “minh” này. Minh đức là thể, bản thể của tự tánh. Thân dân là tác dụng, thân dân là từ bi, tâm yêu thương. Đức thứ nhất trong tự tánh là tâm yêu thương, nhà Phật gọi là đại từ đại bi, người Trung Quốc gọi là nhân từ, tất cả các tôn giáo đều gọi là yêu thương. Chúa yêu thương người đời, Thượng Đế yêu thương người đời, thánh Allah yêu thương người đời, tình yêu thương đó là thân dân. Dùng tâm từ bi bình đẳng, không phân biệt đối với hết thảy chúng sanh. Chỉ ư chí thiện, đó là trí tuệ, sự đại viên mãn của từ bi. Chỉ ư chí thiện, nói theo hiện nay là hòa, hòa bình, đây là chí thiện, “đồng thể đại bi, vô duyên đại từ”, là sự hài hòa của cả vũ trụ, hài hòa cứu vãn nguy cơ.

Lục hòa trong Phật pháp, lục hòa là chí thiện. Chỉ ư chí thiện, gia hòa vạn sự hưng. Phật pháp Đại thừa mang đến sự hài hòa cho cả vũ trụ, đây là lý niệm cao nhất của giáo dục Phật-đà.

Tại sao chúng ta học kinh Vô Lượng Thọ? Tại sao ngay cả những bộ kinh luận lớn như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa chúng ta cũng phải từ bỏ, quay lại học bộ kinh này? Kinh Vô Lượng Thọ thật sự có thể làm được chỉ ư chí thiện. Trên lý luận, những kinh luận khác có thể làm được, nhưng trên sự thì quá khó, chưa từng nghe nói có người nào hoàn thành được. Thích-ca Mâu-ni Phật cũng là niệm A-di-đà Phật mà thành Phật, đây là điều mà đại sư Ngẫu Ích nói trong “Yếu Giải”. Pháp môn niệm Phật là pháp môn vững chắc nhất, đáng tin cậy nhất, cho nên có thể thành Đẳng Chánh Giác, đều không có chướng ngại, vậy đương nhiên là những điều khác càng không có chướng ngại.

Tám, thần lực tự tại.

“Bồ-tát thần thông quảng đại, uy lực khó lường, trong các thế giới, thị hiện biến hóa, không có chướng ngại”. Uy lực thần thông rộng lớn khó lường, có thể thị hiện vô số biến hóa, đây gọi là thần lực tự tại.

Năm 47 tuổi, lão hòa thượng Hư Vân ba bước một lay triều bái núi Ngũ Đài, trải qua ba năm, ngài lay từ núi Phổ Đà tới Ngũ Đài. Trên đường đi hai lần bị bệnh, đều do một người ăn xin giúp đỡ ngài, ở nơi hoang vu không một bóng người, vào thời khắc sanh mạng gặp nguy hiểm, một người ăn xin đã trị khỏi bệnh cứu ngài hai lần. Người ăn xin Văn Cát này chính là do Văn-thù Bồ-tát biến hiện.

Sư mẫu của lão pháp sư, tức vợ của tiên sinh Chu Bang Đạo khi sống ở Nam Kinh, một hôm, có một vị hòa thượng tới nhà bà để hóa duyên, muốn xin 2.5 ký dầu mè. Bà hỏi hòa thượng từ đâu tới? Hòa thượng nói từ núi Cửu Hoa tới. Bởi vì lúc đó sư mẫu Chu không tin Phật giáo nên không cho, vị hòa thượng liền rời khỏi. Sau khi hòa thượng rời khỏi, sư mẫu cảm thấy vô cùng kinh ngạc, hai mảnh sân, cửa đang đóng, không ai mở, làm thế nào hòa thượng vào được? Sau khi rời khỏi thì không thấy bóng dáng nữa, cửa vẫn đang đóng, làm sao hòa thượng ra ngoài được? Sau đó thầy Lý Bình Nam nói với bà, đó là hóa thân của Địa Tạng Bồ-tát. Sư mẫu vô cùng hối hận vì đã không cúng dường 2.5 ký dầu mè, cho nên hằng ngày bà ở nhà lễ bái Địa Tạng Bồ-tát, tụng kinh Địa Tạng, cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn.

Chín, pháp tự tại.

“Bồ-tát được đại biện tài, trong các pháp, rộng diễn thuyết vô biên pháp môn, không có chướng ngại”. Pháp tự tại, trong các pháp, diễn thuyết vô biên pháp môn. Tất cả các pháp mà mười phương ba đời chư Phật đã thuyết, không pháp nào không thông đạt. Tại sao vậy? Hết thấy pháp đều từ trong tự tánh lưu lộ ra, bạn kiến tánh rồi, bạn không còn chướng ngại nữa. Trí tuệ, đức năng, tướng hảo đều là tự tánh vốn sẵn đủ, không thể tìm cầu bên ngoài. Bồ-tát được vô lượng biện tài, biện tài cũng thuộc về đức năng, đều là trong tự tánh sẵn đủ. Nếu đã kiến tánh, tánh là bản thể của hết thấy pháp. Hết thấy pháp từ tự tánh sanh ra, cho nên người kiến tánh đối với hết thấy pháp, không lý nào lại không hiểu, không cần phải học, tự nhiên sẽ khai ngộ. Không ai hỏi thì không biết, vừa hỏi liền biết cả, không có chướng ngại, đây là sự thực. Thế nhưng hôm nay chúng ta nói với người khác, họ không tin, làm gì có chuyện không học mà biết được? Trên đời này có người như vậy không? Có, nhưng không nhiều, bạn chưa từng gặp.

Trong cửa Phật, người đầu tiên biểu diễn cho chúng ta thấy là Thích-ca Mâu-ni Phật. Năm 19 tuổi, ngài từ bỏ quyền kế thừa vương vị, từ bỏ đời sống vinh hoa phú quý trong cung đình, ngài xuất gia làm vị tăng khổ hạnh. Sự biểu diễn này, ngài buông xuống phiền não chướng. Ngài đại diện cho phần tử trí thức, chiếm số lượng nhiều nhất trong xã hội đại chúng, học rộng nghe nhiều, ngài đi tham học. Ấn Độ thời đó là đất nước của tôn giáo, là vương quốc của triết học. Vào thời đó, trí tuệ, tôn giáo của họ đứng đầu thế giới. Ngài theo học tất cả các tông phái, học hết 12 năm, không thể giải quyết vấn đề nên ngài buông xuống, đây là buông xuống sở tri chướng. Ngài đến dưới cây Tất-bát-la ngồi thiền, nhập định, ở trong định, đêm nhìn sao sáng thì đại triệt đại ngộ, khai ngộ rồi. Sau khi khai ngộ, cả đời ngài giảng kinh hơn 300 hội, để lại ba tạng mười hai bộ kinh điển, đều do học trò của ngài kết tập thành. Không ai dạy ngài, thuyết pháp tự tại. Đây là do tự tánh vốn có. Cho nên giáo dục Phật-đà là khai phát tự tánh, tìm những điều trong tự tánh, sử dụng không bao giờ hết được, bên ngoài tự tánh không có. Trong nhà Phật, người biểu diễn mang tính đại biểu đầy đủ nhất cho chúng ta xem là đại sư Huệ Năng. Chuyện này mọi người đều biết, không nói chi tiết nữa. Biện tài vô ngại, chính mình muốn học cũng chưa chắc học được. Nếu bạn thật sự phát tâm, xả mình vì hết thảy chúng sanh, thì chư Phật Bồ-tát sẽ sắp xếp cho bạn, bạn không cần phải bận tâm.

Mười, trí tự tại.

“Bồ-tát đầy đủ trí tuệ, trong một niệm, có thể hiện ra thập lực, vô úy của Như Lai, thành Đẳng Chánh Giác, không có chướng ngại”. Trí tuệ tự tại, trí tuệ là trong tự tánh vốn có. Kinh Hoa Nghiêm nói rất hay, “hết thảy chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai”, lời nói này là thật, chúng ta phải tin tưởng. Đức là đức năng, tướng là tướng hảo, chúng sanh và Phật không khác biệt. Phật lấy A-di-đà Phật làm đại biểu, A-di-đà Phật có vô lượng trí tuệ, vô lượng công đức, thế giới Cực Lạc có vô lượng tướng hảo, đều là do tự tánh biến hiện ra, là trong tự tánh vốn có, không có thứ gì đến từ bên ngoài. Vậy nên chúng ta có được một kết luận chung, tu Phật là tu gì? Tu tâm. Nhất định không được quên, không phải gì khác, mà chính là tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm ấy sẽ sanh trí tuệ, sẽ sanh từ bi, sẽ sanh vô lượng phương tiện thiện xảo. Những gì vốn sẵn đủ trong tự tánh sẽ được khai phát ra, đại trí tuệ của bạn tự nhiên sẽ hiện tiền, sự tự tại ấy không thể nghĩ, không thể bàn, thật sự là tuyệt diệu!

Để tôi kể ví dụ thực tế cho mọi người nghe: Lão Bò-tát Lưu Tố Thanh là chị tôi, hai chị em tôi từ nhỏ cùng nhau lớn lên, tôi rất hiểu chị ấy, tôi tổng kết về chị ấy là: thuần phác, lương thiện, trung hậu, thật thà. Chị ấy chịu khổ cả đời, bị tội khổ cả đời, bị ức hiếp cả đời. Trong và ngoài gia đình, ai cũng có thể bắt nạt chị ấy, tinh thần nhũn nhục của chị ấy cực kỳ mạnh, rất hiếm có. Chị ấy không khéo ăn nói, có lúc ngay cả học nói cũng không học trọn vẹn, bị người khác ức hiếp, có lý nhưng không nói ra được, khiến tôi bức mình lo lắng vì không giúp được, tôi nói chị ấy: sao chị lại nhu nhược như vậy? Ôi, người ăn nói vụng về như vậy, nhưng trước khi vãng sanh thì trí tuệ hiện tiền, biết giảng Phật pháp rồi, giảng năm ngày năm đêm thao thao bất tuyệt, hàng loạt những lời hay, không biết mệt mỏi. Sự thay đổi của chị ấy khiến tôi kinh ngạc, sao chị ấy có thể nói ra những lời này? Tôi hỏi chị, chị ấy nói rằng: Đến lúc chị cần nói thì chị sẽ nói, em cho rằng chỉ mình em biết nói thôi sao? Những lời của chị, đều tự nhiên mà nói ra, muốn không nói cũng không được. Kỳ thay? lạ thay? Các đồng tu giúp tôi tìm câu trả lời xem, rốt cuộc chuyện này là sao?

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 23

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Tiết học hôm nay trước tiên chúng tôi tổng kết một chút những trọng điểm của kinh văn phẩm thứ ba “Đại Giáo Duyên Khởi Đệ Tam”. Kinh văn phẩm thứ ba không dài, nhưng nội dung rất quan trọng. Chúng tôi giảng hết ba tiết, từ tập 20 đến tập 22, tổng kết lại những trọng điểm như sau để quý vị đồng tu tham khảo.

**Trọng điểm thứ nhất:** kinh văn phẩm thứ ba là Phát Khởi Tụ trong phần Tụ của cả bộ kinh, đại biểu nhân duyên phát khởi bộ kinh này. Bốn mươi tám phẩm trong cả bộ kinh Vô Lượng Thọ có thể chia thành ba phần.

Một, phần Tụ.

Hai, phần Chánh Tông.

Ba, phần Lưu Thông.

Phần Tụ giống như đầu của con người, có lông mày, mắt, tai, mũi, miệng, có thể biểu hiện trí tuệ và thiện ác của người này. Phần Chánh Tông giống như thân thể. Phần Lưu Thông giống như tay chân.

Phẩm thứ nhất và thứ hai của kinh này là Phần Tụ Chung, cũng gọi là Phần Tụ Chứng Tín. Phần này các kinh đều có, trong đó bao gồm sáu loại “Tín, Văn, Thời, Chủ, Xứ, Chúng”, để chứng minh kinh văn thực sự do Phật nói ra. Sáu loại này, trong Giáo gọi là “sáu loại thành tựu”. Người giảng là ai? Nghe xong giảng lại là ai? Thời gian, địa điểm, đại chúng cùng nghe là ai? Đều viết rõ ràng để chứng minh việc giảng kinh là sự thực.

Căn cứ vào kinh này mà nói, sáu loại thành tựu là:

*Một*, “Nhu thị” là Tín Thành Tụ.

*Hai*, “Ngã văn” là Văn Thành Tụ.

*Ba*, “Nhất thời” là Thời Thành Tụ.

*Bốn*, “Phật” là Chủ Thành Tụ.

*Năm*, “Trong núi Kỳ-xà-quật tại thành Vương-xá” là Xứ Thành Tụ.

Sáu, chúng Thanh văn, chúng Bồ-tát v.v... là Chúng Thành Tựu.

Kinh văn phẩm thứ ba là Phần Tựa riêng, Phần Tựa riêng là phần Tựa chỉ kinh này mới có. Phần Tựa riêng còn gọi là Phần Tựa Phát Khởi, phát khởi chánh văn của kinh này. Sáu loại thành tựu của hai phẩm đầu tiên trong kinh là Chánh Tín, trong Phát Khởi Tựa lại có năm lần Chứng Tín.

*Thứ nhất*, phóng quang hiện tướng lành, trước nay chưa từng có.

*Thứ hai*, ngài A-nan biết được nhất định là do chư Phật niệm nhau.

*Thứ ba*, Phật tán thán A-nan rằng hết thấy hàm linh trong tương lai đều nhờ câu hỏi của A-nan mà được độ thoát.

*Thứ tư*, Phật nói với A-nan, sở dĩ Phật xuất hiện ở đời là để mang lại lợi ích chân thật cho chúng sanh. Lợi ích chân thật là biển nguyện Di-đà, danh hiệu Di-đà, niệm Phật vắng sanh.

*Thứ năm*, tuyên thuyết định tuệ của Phật thông suốt rất ráo không cùng tận, một sát-na bình đẳng với vô lượng kiếp, đối với hết thấy pháp được tự tại tối thắng.

Trên đây là năm lần Chứng Tín. Bởi vì diệu pháp Tịnh tông và thánh trí của Như Lai đều không phải là điều mà hàng Đẳng Giác Bồ-tát có thể biết được, chỉ Phật với Phật mới có thể hiểu được rất ráo. Công đức chân thật của biển nguyện Nhất Thừa, sáu chữ hồng danh cũng không phải là điều mà phàm phu có thể nằm mơ thấy được. Vì vậy Phật chỉ đành tuyên thuyết định tuệ diệu dụng không thể nghĩ bàn của chính mình, khuyên hàng hậu học mặc dù không thể hiểu được pháp môn tín nguyện trì danh vi diệu mà Phật đã nói, nhưng hãy nên kính tin, hoan hỷ tôn trọng, y giáo phụng hành. Tu tập lâu ngày thì càng ngày sẽ càng hiểu rõ hơn.

**Trọng điểm thứ hai:** nhận thức hàm nghĩa sâu xa của chân thật chi tế và chân thật chi lợi. Kinh văn trong phần Tựa giới thiệu hai loại chân thật: chân thật chi tế và chân thật chi lợi, hai loại này giống với hai đoạn mở đầu mà Liên Trì đại sư nói trong Di-đà Sớ Sao.

Đoạn thứ nhất: “thông suốt thấu triệt, thường hằng tịch tĩnh, không đục không trong, không quay lưng không hướng đến, chân thể lớn lao thay! Chỉ có tự tánh không thể nghĩ bàn!” Vì vậy, chúng ta khai hóa hiển thị chân thật chi tế, chỗ rất



ráo chân thật chính là tự tánh, chính là chân thể lớn lao thông suốt thấu triệt, thường hằng tịch tĩnh. Đây chính là chân thật chi tế của kinh này.

Đoạn thứ hai: vốn dĩ không có đục, không có trong, không quay lưng, không hướng đến, nhưng chúng sanh đã đục, đã quay lưng, bội giác hợp trần, nên cần gạn lọc lại. “Gạn lọc ô trược thì thanh tịnh”, gạn lọc những thứ vẫn đục; “ngược với quay lưng thì hướng đến”, biến bội giác thành hướng giác. “Vượt khỏi ba a-tăng-kỳ trong một niệm”, tu hành trong ba đại a-tăng-kỳ kiếp mới có thể thành Phật, đây là cách tu mà Chung Giáo kiên trì, thế nhưng một niệm thì có thể vượt qua, một câu danh hiệu có thể thành tựu quả giác vô thượng, đồng thời “ngang với chư thánh nhờ một câu”. Các vị thánh nhân Văn-thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí, bạn niệm một câu Nam-mô A-di-đà Phật thì bình đẳng, bình đẳng.

“Diệu dụng lớn lao thay, cũng chẳng thể nghĩ bàn, chỉ kinh Phật thuyết A-di-đà thôi”. Cũng chính là nói sự diệu dụng này là ở chỗ trì danh niệm Phật. Công hiệu của một niệm trong sát-na có thể sánh với sự tu hành trong ba đại a-tăng-kỳ kiếp, một câu danh hiệu thì địa vị lập tức ngang bằng các vị Đại Bồ-tát như Quán Âm, Thế Chí. Lớn lao thay! Diệu dụng không thể nghĩ bàn. Hiện hiện lợi ích chân thật mà chúng sanh đạt được. Hai bộ kinh cùng một tông chỉ. Diệu dụng như vậy, trong một niệm có thể vượt khỏi ba đại a-tăng-kỳ kiếp. Bạn niệm một câu Phật hiệu không tạp nhiễm, bạn liền bình đẳng với chư Thánh. Đây là lợi ích chân thật mà chư Phật ban cho chúng sanh khi xuất hiện ở đời. Chúng ta may mắn được nghe, thực sự là một ngày hiếm có khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay.

**Trọng điểm thứ ba:** biết được địa vị và tác dụng của tôn giả A-nan trong một đời giáo hóa của Thích-ca Mâu-ni Phật.

*Một*, ngài là nhân vật quan trọng trong đại giáo, ngài là thị giả của Phật.

*Hai*, ngài là người đầu tiên trong lịch sử Phật giáo phúc giảng kinh điển mà Thích-ca Mâu-ni Phật đã giảng, là người đầu tiên phúc giảng.

*Ba*, ngài là người kết tập kinh tạng.

*Bốn*, ngài là vị tổ thứ hai của Thiền tông, truyền tâm ấn của Phật.

*Năm*, ngài là Tập Pháp Kim Cang của Mật tông.

*Sáu*, ngài đã truyền thừa Thiền tông và Mật tông, nối dòng huệ mạng Phật.

*Bảy*, ngài thị hiện sơ quả La-hán, nhưng không phải sơ quả La-hán, ngài là Phật Bồ-tát tái lai, giúp Phật hoàng pháp.

*Tám*, ngài là người đương cơ của kinh Vô Lượng Thọ. Một mình ngài hội tụ Thiên, Mật, Tịnh vạn pháp quy nhất, tuy khác đường nhưng cùng đích đến kinh Vô Lượng Thọ.

**Trọng điểm thứ tư:** Phật trụ đại tịch định, đại tịch định là định gì? Phật trụ pháp kỳ đặc, pháp này là pháp gì? Đại tịch định này chính là niệm Phật tam-muội. Pháp kỳ đặc này chính là trì danh niệm Phật. Nhớ kỹ ba câu quan trọng này:

*Một*, “chư Phật sở trụ” là Di-đà Tịnh độ.

*Hai*, “đạo sư chi hạnh” là tín nguyện trì danh.

*Ba*, Di-đà Tịnh-độ và tín nguyện trì danh đều là “tối thắng chi đạo”.

**Trọng điểm thứ năm:** ngài A-nan thỉnh pháp có công đức gì? Công đức này lớn thế nào? Tại sao Phật lại tán thán? Công đức thỉnh pháp của A-nan là thỉnh được bộ kinh Vô Lượng Thọ có thể cứu giúp chúng sanh khổ nạn trong thời mạt pháp chín ngàn năm thoát khỏi biển khổ. Công đức thỉnh pháp của A-nan gấp trăm ngàn vạn lần công đức cúng dường A-la-hán, Bích-chi Phật trong một thiên hạ; gấp trăm ngàn vạn lần công đức bố thí lũy kiếp cho chư thiên, nhân dân, các loài bò bay máy cưa”. “Chư thiên, nhân dân, hết thảy hàm linh trong tương lai đều nhờ câu hỏi của ông mà được độ thoát”.

Phật tán thán A-nan thỉnh pháp là vì:

*Một*, A-nan thỉnh pháp “xứng cơ”, tức là khế cơ mà chúng ta nói, thời điểm nhân duyên đến rồi, thỉnh pháp vào lúc này rất hợp thời, cơ duyên chúng sanh thành Phật đã chín muồi.

*Hai*, “thỏa bốn hoài của Phật”, “hợp với tâm Phật”, Như Lai sở dĩ xuất hiện ở thế gian chỉ để nói bốn nguyện hải của đức Di-đà. Bốn nguyện Di-đà chính là bộ kinh Vô Lượng Thọ này, chính là bốn mươi tám nguyện. Thích-ca Mâu-ni Phật vì nói bộ kinh này mà thị hiện trên thế gian.

*Ba*, A-nan thay mặt đại chúng thỉnh pháp. “Ông vì thương xót và làm lợi lạc cho các chúng sanh nên có thể hỏi ra nghĩa vi diệu như vậy”. Người có thể hỏi ra

nghĩa vi diệu như vậy cũng rất hiếm có khó gặp. Chỉ có tâm vĩ đại như thế của ngài A-nan mới có thể hỏi ra câu hỏi thù thắng vi diệu như vậy, Thế Tôn hoan hỷ.

**Trọng điểm thứ sáu:** học tập mười sự tự tại của chư Phật Như Lai. Mười sự tự tại là: mạng tự tại, tâm tự tại, tư cụ tự tại, nghiệp tự tại, thọ sanh tự tại, giải tự tại, nguyện tự tại, thần lực tự tại, pháp tự tại, trí tự tại. Ai có mười điều tự tại này? Chư Phật Như Lai có. Bồ-tát có hay không? Không có. Chúng ta có hay không? Không có. Làm thế nào mới có được? Thành Phật liền có. Làm thế nào mới có thể thành Phật? Tu tâm thanh tịnh, niệm Phật thành Phật.

**Trọng điểm thứ bảy:** làm thế nào để áp dụng Phật pháp vào trong cuộc sống thường ngày. Vấn đề này là vấn đề quan trọng mà tôi muốn giải quyết khi phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ lần thứ hai này. Tại sao vậy? Bởi vì nhiều năm như vậy, tôi nhìn thấy bạn đồng tu của mình học Phật, học rất bận rộn, rất mệt mỏi, rất vất vả, đồng thời cũng rất phiền não. Học Phật như vậy rốt cuộc có ý nghĩa thực tế gì không? Không có chút ý nghĩa thực tế nào, phải đi về cõi nào thì về cõi đó. Vấn đề nằm ở đâu? Lý luận xa rời thực tế, đây là vấn đề chung tồn tại phổ biến. Chú trọng quá nhiều điều về mặt hình thức, lơ là quá nhiều điều trên thực chất.

Điều thực chất là gì? Trước khi lão Bồ-tát Lưu Tô Thanh vắng sanh đã nói với chúng ta hai chữ “đổi tâm”. Đổi tâm phàm phu của chúng ta thành tâm Phật, thành tâm Bồ-tát, thành tâm A-la-hán. Đơn giản mà nói, [tức là] đổi tâm phàm phu của chúng ta thành tâm thánh hiền. Đổi tâm như thế nào? Để tôi nói một chút về trải nghiệm và cảm nhận của tôi.

*Một*, quá trình đổi tâm là một quá trình rèn luyện đau khổ. Để tôi nêu một ví dụ cho mọi người. Mấy năm trước tôi bị phê bình, bị mắng, trong lòng tôi không dễ chịu, không phục, mặc dù tôi không ra công khai tranh luận, nhưng nội tâm tôi vô cùng kháng cự. Tôi tu pháp môn gì, tôi đọc kinh gì là chuyện của tôi, dựa vào đâu mà bạn phê bình, mắng tôi? Có thể nói là như vậy, hơn nửa đời người tôi chưa từng bị oan ức như vậy, không thích ứng được, không tiếp nhận được, trong lòng rất đau khổ, thật sự khó mà trải qua được, tâm này chậm chạp không đổi được. Làm thế nào đổi được vậy?

*Hai*, tìm đối tượng so sánh làm tấm gương. Tôi có duyên với Quán Thế Âm Bồ-tát, Quán Thế Âm Bồ-tát là đối tượng so sánh của tôi, mỗi khi tôi gặp người hay chuyện không thể vượt qua được, tôi liền nghĩ, nếu Quán Âm Bồ-tát gặp phải người

và chuyện như vậy, ngài sẽ xử lý như thế nào? Ngài sẽ không tức giận, không phiền não, không phát cáu, không oán hận, không báo thù. Quán Âm Bồ-tát đại từ đại bi, tôi học Quán Âm Bồ-tát, ngài có thể làm được, tôi cũng phải làm được. Tôi phải thật học theo Bồ-tát, học cho giống mới thật sự làm Bồ-tát.

*Ba*, không quan tâm đến “cái tôi”. “Cái tôi” này là sự ràng buộc lớn nhất trong cuộc đời mỗi người chúng ta. Bất kể chuyện nào cũng không thiếu được “cái tôi” hại người không ít này, nhưng con người lại cứ ưa thích “cái tôi” này, để mặc nó hại bạn mấy chục năm. Tôi đã phá “cái tôi” này như thế nào? Có thể trường hợp của tôi khá đặc biệt. Năm 2000 tôi bị bệnh nặng, phải đối mặt với cái chết bất cứ lúc nào. Năm đó tôi 55 tuổi, đáng lẽ là năm cuối cùng của đời tôi, nhưng kỳ tích lại xuất hiện, bệnh của tôi nặng như vậy không trị mà khỏi. Sau đó tôi biết: Là A-di-đà Phật giữ tôi lại để phục vụ chúng sanh, nếu đã như vậy thì “cái tôi” ban đầu sớm đã không còn tồn tại nữa. Tôi hiện nay là cái tôi mới toàn tâm toàn ý phục vụ cho chúng sanh. Nên tôi nói, hết thấy những gì tôi có đều thuộc về chúng sanh khổ nạn, không có thứ gì thuộc về tôi. Phục vụ cho chúng sanh là chuyện tôi cảm thấy vui vẻ nhất.

*Bốn*, không quan tâm đến được mất. Hồi tưởng lại cuộc đời hơn bảy mươi năm của tôi, tôi có thể sống khá tự tại như vậy là nhờ vào “khờ”. Có thể là khờ có phước của khờ. Tôi có một ưu điểm, đó là không suy nghĩ. Chưa từng nghĩ đến tôi phải đạt được điều gì, cũng chưa từng nghĩ đến tôi đã mất điều gì. Tôi cảm thấy suy nghĩ rất mệt, không nghĩ gì rất tốt. Tôi là người điển hình tùy duyên sống qua ngày. Người như tôi không có tâm tranh giành. Để tôi kể ví dụ cho mọi người nghe.

Năm 1984, tôi được điều từ Ban tuyên truyền của đảng ủy nhà máy Đông An đến chính quyền tỉnh làm việc, không có cấp bậc, chức vụ là trợ lý, năm đó tôi 39 tuổi. Bởi vì tôi ăn mặc quá quê mùa, nên được mọi người đặt cho biệt danh là “đồ cỏ được khai quật”. Trong hai năm 1984, 1985 tôi liên tục thăng hai cấp, phó ban, trưởng ban, mà hai cấp này được đề bạt cùng lúc. Không lâu sau có người nói với tôi, chị thật thích hợp, một lần tăng hai cấp, đây là chuyện chưa từng có trong đảng ủy chúng ta. Tôi hỏi anh ấy, vậy tại sao tôi lại được thăng hai cấp? Anh ấy nói với tôi, nghe nói là do Tổng Bí Thư đề nghị. Tổng Bí Thư là lãnh đạo đảng ủy của sở chúng tôi.

Đến nửa cuối năm 1986, trong đảng ủy đề bạt cán bộ. Tôi có tên trong danh sách đề bạt làm phó sở, các phòng ban gạch phiếu, quá trình đó tôi đều có tên trong

danh sách, nhưng khi công bố kết quả lại không có tôi. Có người nói với tôi, đi tìm lãnh đạo hỏi xem có chuyện gì. Tôi nói, đề bạt hay không là chuyện của đảng ủy, tôi không đi hỏi, đề bạt ai cũng được. Cứ như vậy, từ năm 1986 đến 1992, đảng ủy của chúng tôi lại đề bạt cán bộ bốn lần, không có chuyện của tôi nữa. Có vị trưởng phòng quan tâm hỏi tôi: Tố Vân, con phạm phải sai lầm gì sao? Tôi trả lời, con không phạm sai lầm gì, bản thân con cảm thấy rất tốt. Đến năm 1992, lúc đó tôi làm nhân viên tổ chức của cơ quan đảng ủy, ban công tác đảng ủy của chính quyền tỉnh đã cho đảng ủy của tôi một nhiệm vụ, đề bạt tôi là phó ban tổ chức. Qua khoảng hai năm rưỡi, tôi được đề bạt làm chánh văn phòng, chủ nhiệm phòng giám sát. Khi đó, trong đảng ủy có một chị lớn tuổi trong cơ quan nói với tôi, Tố Vân, chị lớn tuổi hơn em, được đề bạt làm phó phòng sớm hơn em sáu năm, bây giờ em được đề bạt làm chánh văn phòng, chị vẫn làm phó phòng, trong lòng có chút bất bình. Lần này em nhường cho chị được không? Hơn nữa chị ấy còn nêu ra một vấn đề: đảng ủy chúng ta muốn từ phó văn phòng lên chánh văn phòng phải đủ ba năm, em mới làm phó phòng hai năm rưỡi, tại sao thoáng chốc lại được đề bạt làm chánh văn phòng? Hơn nữa còn là trưởng phòng thực nghiệm? Tôi nói với chị ấy, vấn đề chị hỏi em không trả lời được, đợi em đi hỏi lãnh đạo rồi trả lời chị. Lúc đó tôi có đi tìm chủ nhiệm Trương, nói rõ đầu đuôi sự việc cho ông ấy nghe.

Chủ nhiệm Trương hỏi tôi: cô tới tìm tôi là muốn nói điều gì? Tôi nói: nhường vị trí đó cho chị ấy. Chủ nhiệm Trương dùng ánh mắt kỳ lạ nhìn tôi, hỏi tôi một câu: tại sao vậy? Tôi nói, hơn năm mươi tuổi rồi, đồng nghiệp nữ lòng dạ hẹp hòi, đừng để vì chuyện này mà tức giận sinh bệnh. Chủ nhiệm Trương nói, cô không phải cũng là đồng nghiệp nữ sao? Bị một phó phòng chèn ép sáu năm không được đề bạt, ai đứng ra nói lời công đạo cho cô? Sao cô không tức giận sinh bệnh vậy? Tôi nói tâm tôi lớn, không muốn làm quan. Chủ nhiệm Trương nói, ai muốn làm thì được làm sao? Có lý nào như vậy! Chỉ vài lời đã khiến tôi áp úng. Không biết mọi người nghĩ gì về ví dụ này: tôi đã có được, hay là mất đi? Có người nói đề bạt làm chánh văn phòng là có được; phó phòng chèn ép sáu năm không được đề bạt, đó là mất đi. Bản thân tôi cho rằng, tôi không được gì và cũng không mất gì. Chỉ cần tâm bạn cân bằng thì cán cân đó vĩnh viễn không nghiêng lệch. Không quan tâm đến được mất, biết rõ đạo lý “hết thầy pháp vô sở hữu, đều là không, không thể đạt được” thì bạn còn lo được lo mất sao? Không quan tâm đến được mất, biết đủ thường vui, bạn sẽ có một đời sống vui vẻ.

*Năm*, không quan tâm đến vinh nhục. Đời này của tôi có thể nói là nửa vinh nửa nhục, nửa chê nửa khen. So sánh với nhau, vinh nhiều hơn nhục, khen nhiều hơn chê. Như vậy tôi cũng khá hài lòng rồi, đây là đời sống thật của tôi. Tôi có sự nhận thức về vinh nhục khác với mọi người: Hai cửa ải vinh và nhục, hai cửa ải này không dễ bước qua. Cửa vinh không dễ bước qua, cửa nhục không dễ qua. Nhưng so sánh hai cửa ải này mà nói, đối với tôi thì tôi cảm thấy cửa vinh khó bước qua hơn cửa nhục. Những năm này, tôi đang qua hai cửa ải này cùng lúc. Cho đến nay, tự mình cảm nhận, tôi đã bước qua cả hai cửa ải này rồi. Tôi cảm thấy rất vui mừng an ủi. Đối với vinh, tôi không còn cảm thấy lằng lằng, trước sau như một; đối với nhục, tôi坦然 đối mặt, trong lòng cảm ân, không hận không oán. Những năm này, vinh dự lớn nhất mà tôi nhận được là sự chứng nhận của sư phụ trong quá trình giảng kinh, sư phụ nhiều lần nhắc đến tôi, đây cũng là điều mà các đồng tu vô cùng ngưỡng mộ. Tôi đã nói với các đồng tu nhiều lần, lão pháp sư không chỉ tán thán một mình Lưu Tố Vân tôi, mà tán thán tất cả những người niệm Phật chân chánh. Mọi người biết không? Người niệm Phật chân chánh là bảo bối trong tay lão pháp sư. Mong rằng quý vị đồng tu ai cũng là bảo bối trong tay ngài. Tôi cũng là nhờ vào ánh sáng của sáu chữ, “thật thà, nghe lời, thật làm” mà trở thành bảo bối trong tay lão pháp sư.

Những năm này, bị hủy báng, chửi mắng, ác ý vu khống, đã đạt đến đỉnh điểm trong đời sống. Trải qua nhiều năm rèn luyện như vậy, tôi đã quen với những chuyện như thế, không còn thấy lạ nữa. Lúc mới đầu tôi không hiểu, tại sao mọi người có thể nói lung tung như vậy! Mọi người phải chịu trách nhiệm đối với mỗi câu mình nói ra chứ. Có trách nhiệm với người khác, có trách nhiệm với chính mình. Sau đó tôi hiểu được, có một số người thích nói lung tung, vậy thì phải làm sao? Mặc kệ họ thôi!

Đối với những chuyện như vậy, tôi giữ vững nguyên tắc của mình: không đối lập với bất kỳ người, việc, vật nào. Trên thế gian này không người nào tôi không yêu thương, trên thế gian này tôi không hận người nào, trên thế gian này không người nào mà tôi không thể tha thứ. Trong cuộc đời của tôi không có oan gia trái chủ, họ đều là người thân, là ân nhân của tôi. Không tranh luận, không thảo luận, không biện luận, không giải thích. Giữ vững những nguyên tắc này khiến tâm của tôi càng ngày càng thanh tịnh, càng ngày càng bình đẳng, càng ngày càng gần với giác rồi.

*Tâm thanh tịnh như nước,*

*Ngày ngày sanh tri tuệ.  
Vinh nhục đều là giả  
Hà tất coi là thật.*

Sáu, không quan tâm đến sống chết. Rất nhiều người khi nghĩ đến cái chết đều cảm thấy rất đáng sợ. Xưa nay trong ngoài nước đều có hiện tượng này. Có mấy ai không sợ chết? Người học Phật cũng không ngoại lệ. Tại sao con người lại tham sống sợ chết? Bởi vì không hiểu chân tướng của sống chết. Nếu như biết được chân tướng của sống chết thì sẽ không tham sống, cũng không sợ chết. Tham sống sợ chết là vọng niệm, là vọng tưởng. Mọi người nghĩ thử xem, tham sống có thể sống sao? Sợ chết có thể không chết sao? Phàm phu lục đạo sống trong vọng tưởng, đây là chuyện rất khổ. Người niệm Phật nhất định phải ghi nhớ, tuyệt đối không được tham sống sợ chết.

Người nước ngoài nghiên cứu về cái chết, kết luận của họ là con người sẽ không chết, mà cái gì chết? Là thân thể. Thân thể có sống chết, thân thể không phải là chính mình. Hiện nay, người nước ngoài đã thừa nhận có linh hồn, họ cho rằng linh hồn là chính mình. Chúng ta nói theo Phật pháp, linh hồn vẫn không phải là chính mình, chính mình thật sự là gì? Chính mình thật sự là tự tánh, đó mới là chính mình thực sự. Vậy thì linh hồn là chuyện như thế nào? Linh hồn là trạng thái mê hoặc điên đảo của bản tánh. Sau này nói linh hồn là chính mình, vậy cũng đã tiến bộ rất nhiều rồi.

Vì vậy, chúng ta nhất định phải biết: tự tánh là chính mình thực sự, không sanh không diệt, không đến không đi, đây là cái tôi thật sự. Thân thể này giống như quần áo rách vậy, phải đổi một bộ mới; giống như căn nhà lâu ngày sắp bị sập, phải đổi một căn nhà mới. Nên thân thể thường có thể thay đổi. Từ vô lượng kiếp đến nay, không biết chúng ta đã thay đổi bao nhiêu lần rồi, điều này có gì đáng sợ? Điều này có gì ghê gớm? Trong quan niệm sai lầm của người thông thường có sống chết, nhưng thực ra không có sống chết. Cửa Phật nói “liễu sanh tử”; liễu là hiểu rõ, chỉ cần bạn biết sống chết rốt cuộc là chuyện như thế nào thì bạn sẽ không tham sống, bạn cũng sẽ không sợ chết. Cho nên người niệm Phật chân chánh, không hề sợ hãi sống chết! Thật sự hiểu được thế nào là coi cái chết như trở về nhà.

Lão hòa thượng thượng Hải hạ Hiền, lão Bồ-tát Lưu Tố Thanh, lão Bồ-tát Lưu Minh Hoa, các ngài có sanh tử không? Không có. Các ngài sống mà ra đi, là vô

lượng thọ thật sự. Chư Phật Bồ-tát từ bi, để tôi đích thân trải nghiệm và tận mắt nhìn thấy toàn bộ quá trình hai vị Bồ-tát Lưu Tổ Thanh, Lưu Minh Hoa sống mà vắng sanh. Tôi khẳng định người niệm Phật chân chánh không có sống chết, các ngài là sống mà vắng sanh. Đối mặt với sự vắng sanh tiêu dao tự tại của các ngài, chúng ta cảm thấy sanh tử còn gì đáng sợ đâu?

Nói một chút về quá trình nhận thức của tôi đối với sống chết. Nói chung tôi là người không sợ chết. Trước năm 20 tuổi không biết thế nào là chết. Chưa từng thấy qua, thậm chí chưa từng nghe đến, cho nên không thể nói đến sợ hay không sợ chết được. Sau năm 20 tuổi, liên tiếp thấy ông ngoại, bà ngoại, cha mẹ, cha mẹ chồng qua đời, biết được già rồi thì sẽ chết. Không biết tại sao, đối mặt với cái chết của người thân, tôi không biết khóc. Tôi nhớ lúc đưa tiễn mẹ, quan tài chuyển lên xe rồi, tôi đứng bên cạnh không rơi một giọt nước mắt nào. Học sinh, phụ huynh của tôi ở dưới xe kêu lên: cô phải khóc chứ, cô mau khóc đi! Tôi nói: tôi khóc không được. Chẳng lẽ tôi là người vô tình vô nghĩa sao? Không phải. Đó là người mẹ mà tôi thương nhất mà! Năm mẹ qua đời tôi 40 tuổi. Cũng chưa cảm thấy sự đáng sợ của cái chết. Tôi cảm thấy đây là quy luật tự nhiên, không ai có thể chống lại, càng không ai có thể vượt qua.

Nói một chút cảm nhận của tôi khi người thân qua đời: Sau khi kết hôn, tôi vẫn luôn sống chung với cha mẹ chồng, cho đến khi cha mẹ chồng qua đời. Tôi sống chung với cha chồng 18 năm, sống chung với mẹ chồng 22 năm. Hai đứa con của tôi đều nhờ cha mẹ chồng nuôi nấng, tôi không cần lo lắng chút nào, trừ những lúc con bệnh cần tôi bên cạnh, những lúc còn lại đều do cha mẹ chồng lo hết. Tôi còn nhớ lúc con gái được tám tháng, tôi phải đi họp tám ngày, cho con cai sữa, đều nhờ bà nội cho con bú. Cho nên tình cảm của hai đứa con với ông bà nội rất sâu đậm. Tôi luôn cảm thấy trong nhà có người lớn tuổi thật tốt, trong lòng yên tâm. Cha mẹ chồng tôi lần lượt qua đời cách nhau bốn năm, đối với tôi mà nói, cảm giác như không còn ai tin cậy nữa. Đặc biệt là lúc tan ca về nhà, vừa bước vào căn phòng thì trống vắng, lạnh lẽo. Một thời gian tôi không thể thích ứng được, cứ cảm thấy vừa bước vào phòng, cha chồng tôi đang ngậm tẩu thuốc ngồi trên giường. Nhưng tôi biết, những tháng ngày đó sẽ không bao giờ trở lại, khung cảnh ấm áp ấy sẽ không tái hiện nữa.



Trong khoảng bốn năm, từ 1984 đến 1988, bốn người: cha mẹ tôi, cha mẹ chồng lần lượt qua đời. Xin lỗi, cứ mỗi lần sanh ly tử biệt khiến tôi ném đủ cảm giác đau khổ không thiết sống khi mất đi người thân. Mỗi người thân qua đời đều để lại cho tôi rất nhiều hối tiếc. Điều tôi cảm thấy có chút an ủi đó là, lúc bốn người qua đời đều không bị bệnh tật giày vò, đầu óc người nào cũng tỉnh táo, không lú lẫn chút nào. Chỉ là lúc đó tôi chưa học Phật, không hiểu thế nào là biết trước thời gian. Bốn người có biết trước thời gian hay không, tôi không thể xác định, nhưng đều ra đi rất an tường, điều này là thật. Nếu như hỏi bây giờ còn điều gì hối tiếc không, chính là lúc đó tôi chưa học Phật, không biết thế giới Tây Phương Cực Lạc, không biết A-di-đà Phật, không biết niệm Phật trợ niệm đưa tiễn các cụ vãng sanh thế giới Cực Lạc. Điều đáng vui mừng là tôi đã học Phật, tôi có thể làm chút gì cho người thân đã mất của mình, cũng coi như một chút báo đáp cho người thân. Tôi không thể để cha mẹ ruột, cha mẹ chồng uổng công thương yêu tôi, chăm sóc tôi. Hiện tại cha mẹ tôi đã đến thế giới Cực Lạc, cha mẹ chồng đi về đâu vẫn còn chưa rõ, tôi nhất định tiếp tục cố gắng, bảo đảm ba người, cha chồng và hai mẹ chồng vãng sanh thế giới Cực Lạc. Ngoài ra, con trai duy nhất của họ cũng vãng sanh thế giới Cực Lạc làm Phật rồi, có thể không giúp cha mẹ đã sanh ra mình sao? Hơn nữa con trai của họ còn là một người con rất hiếu thảo.

Đến năm 2000 tôi bị bệnh nặng, bác sĩ chữa trị cho tôi nói rằng phải đối mặt với cái chết bất cứ lúc nào. Tôi không sợ chết, thậm chí còn mong mình chết sớm hơn, tại sao vậy? Tôi đang tìm một sự giải thoát. Tôi không hiểu những chuyện đã xảy ra, tại sao lại thành ra như vậy? Tôi không thích thế giới trần đầy giả dối, anh tranh tôi đấu này, tôi muốn rời khỏi. Vào lúc này bị bệnh nặng, tôi nghĩ cơ hội đến rồi, không phải chết là hết sao? Chết là hết, vừa chết thì mọi thứ kết thúc. Tôi không sợ chết, tôi muốn chết, nhưng lại không chết được. Sự việc không thể nghĩ bàn như vậy đó.

Vào đúng năm 2000, tôi được nghe Phật pháp, có được bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ và đĩa giảng kinh của lão pháp sư. Vừa nghe liền nghe 20 năm, không thay đổi không chuyển hướng, tôi nhận được lợi ích rồi. Hiện tại tôi không sợ chết là thật sự không sợ chết, vì tôi đã hiểu rõ chân tướng của sống chết, vốn không có chết thì còn sợ chết gì nữa? Chuyện lớn này đã giải quyết rồi, bạn nói xem sao tôi có thể không tự tại, không vui vẻ cho được!

*Bạn nói bạn sợ chết  
Thì thế nào cũng chết.  
Tôi thật không sợ chết  
Thì tôi sẽ không chết.  
Sống chết đều là giả,  
Bạn còn sợ chi nữa.*

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 24

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Hôm nay chúng tôi bắt đầu giảng kinh văn phẩm thứ tư.

### PHÁP TẠNG NHÂN ĐỊA ĐỆ TỨ

Từ phẩm “Pháp Tạng nhân địa” trở xuống là phần Chánh Tông của kinh này. Phần Chánh Tông giống như cơ thể: tim là hệ thống máu huyết; phổi là hệ hô hấp; dạ dày là hệ tiêu hóa, đều ở trong này, cho nên phần này rất quan trọng.

Kinh văn phẩm này có hai ý nghĩa:

- Ý nghĩa thứ nhất: nói rõ hoàn cảnh phát tâm tu học (chính là sơ phát tâm) của A-di-đà Phật ở nhân địa, giống như chúng ta hiện nay, cũng tức là giới thiệu lịch sử của A-di-đà Phật cho chúng ta, giúp chúng ta hiểu được nguồn gốc lịch sử của thế giới Tây Phương Cực Lạc, khởi phát tâm của chúng ta.

- Ý nghĩa thứ hai: dẫn khởi chúng ta nên học theo tỳ-kheo Pháp Tạng. Sự phát tâm, tu hành, thành tựu của ngài đều là tấm gương tốt nhất cho chúng ta, chúng ta nên học tập theo.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Phật cáo A-nan: Quá khứ vô lượng bất khả tư nghị vô ương số kiếp hữu Phật xuất thế, danh Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Tại thế giáo thọ tứ thập nhị kiếp. Thời vị chư thiên cập thế nhân dân thuyết kinh giảng đạo.**

*Phật bảo A-nan: Vô lượng chẳng thể nghĩ bàn vô số kiếp lâu xa trong quá khứ có Phật xuất thế hiệu là Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, trụ thế giáo hóa trong bốn mươi hai kiếp. Khi ấy, đức Phật vì chư thiên và người đời thuyết kinh giảng đạo.*

“Phật cáo A-nan”. Đây là Phật bắt đầu trả lời câu hỏi của A-nan.

“*Quá khứ vô lượng bất khả tư nghị vô ương số kiếp hữu Phật xuất thế*”. Câu này nghĩa là thời gian quá dài, “vô ương số” phía trước lại thêm “vô lượng bất khả tư nghị”, vậy thì càng không thể nói rõ, trong nhiều kiếp quá khứ như vậy, có một vị Phật xuất thế, danh hiệu của ngài là “Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai”.

Sách Chân Giải dùng ba đức của Niết-bàn để giải thích danh hiệu Phật:

“Thế gian”, có trí tuệ mới có thể thông đạt thế gian, đây là Bát-nhã đức; “Tự tại”, bị phiền não trói buộc thì không tự tại, tự tại thì được giải thoát, đây là Giải Thoát đức; “Vương” đại diện cho Pháp Thân đức, từ pháp thân lưu hiện ra hết thảy. Thế Gian Tự Tại Vương nhiếp trọn ba đức.

“Như Lai, Ứng Cúng... Phật Thế Tôn”. Đây là mười đức hiệu của Phật. Hết thảy Phật đều có mười đức hiệu, trên thực tế là vô lượng đức hiệu, nhưng giản lược còn mười đức hiệu. Mười đức hiệu của Phật có ý nghĩa khác nhau, cách giải thích này căn cứ theo kinh Niết-bàn, tách Vô Thượng Sĩ và Điều Ngự Trượng Phu thành hai đức hiệu, Phật và Thế Tôn gộp lại thành một đức hiệu.

“*Như Lai*”.

Như là Chân Như, nương theo đạo Chân Như để thành Chánh Giác, nên gọi là “Như Lai”. Lại nữa, Như Lai là giống như chư Phật quá khứ mà tới vậy, chư Phật quá khứ thuyết pháp độ chúng sanh, chư Phật hiện tại cũng như vậy, cho nên gọi là Như Lai.

Sách Hội Sớ nói: “Như Lai có ba thân: Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Thân”. Kinh Kim Cang nói: “Không từ đâu mà đến, cũng chẳng đi về đâu”, đây là nói về Pháp Thân của Như Lai, cảnh giới của Pháp Thân.

Sách Thiên Thai Thọ Lượng Phẩm Sớ nói: “Ở khắp mọi nơi mà chẳng có khác biệt là Như, bất động mà đến là Lai”. Luận Chuyển Pháp Luân nói: “Đệ Nhất Nghĩa Đế gọi là Như, Chánh Giác gọi là Lai”, đệ nhất nghĩa đế, không và có viên dung, vốn không hai, là Như. Tự nhiên khế hợp với đệ nhất nghĩa đế, thành Đẳng Chánh Giác, chính là Báo Thân của Như Lai.

Luận Thành Thật nói: “Từ đạo mà Như Lai quá khứ đã thực hành để thành Vô Thượng Chánh Giác, đây là Ứng Thân của Như Lai”. Thích-ca Mâu-ni Phật thị hiện thành thái tử, ngồi dưới gốc cây, đêm nhìn sao sáng mà thành đạo, đây là Ứng

Thân của Như Lai. Vì Như Lai có Pháp Thân, Báo Thân, Hóa Thân, cho nên cũng có ba cách giải thích “Như Lai” khác nhau.

*“Ứng Cúng”.*

Vạn hạnh của Phật viên mãn, phước tuệ đầy đủ, xứng đáng thọ nhận sự cúng dường của hết thầy trời người, nên xưng là Ứng Cúng.

*“Đẳng Chánh Giác”.*

Tiếng Phạn là Tam-miêu Tam-bồ-đề, nói đầy đủ là A-nậu-đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đề. Cựu dịch là Vô Thượng Chánh Biến Tri, “không đạo nào lớn hơn” là Vô Thượng, không có bất kỳ đạo nào khác có thể vượt hơn đạo này chính là Vô Thượng; có thể sáng tỏ rốt ráo lý thể thực tế (bổn thể) nên xưng là Chánh Biến Tri.

*“Minh Hạnh Túc”.*

Chữ “Minh” có nhiều cách giải thích. Thông thường giải thích là Tam Minh: Túc Mạng minh, Thiên Nhân minh, Lậu Tận minh. Tịnh Ảnh Sớ giải thích cao hơn là trí tuệ. Kinh Niết-bàn nói: “Minh, gọi là đấng vô lượng thiện quả... Thiện quả, gọi là A-nậu-đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đề”. Điều này có nghĩa là được vô lượng thiện quả chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, gọi là Minh.

“Hạnh Túc”, kinh Niết-bàn nói: “Hạnh gọi là cước túc... Cước túc gọi là Giới Tuệ”. Tu giới tu tuệ công đức viên mãn, đấng A-nậu-đa-la Tam-miêu Tam Bồ-đề, gọi là Minh Hạnh Túc. Cho nên Minh Hạnh Túc có nghĩa là đầy đủ viên mãn giới và định tuệ, chứng nhập Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

*“Thiện Thệ”.*

Thiện là khéo, thệ là đi, vì vậy còn được gọi là khéo đi. Luận Đại Trí Độ nói: Khéo đi chính là tiến vào các loại Tam-ma-địa thâm sâu (chính là tam-muội), vô lượng đại trí tuệ. Phật dùng hết thầy trí tuệ làm cỗ xe lớn, đi trên con đường giác Bát Chánh Đạo, chứng nhập Niết-bàn, gọi là “khéo đi”.

*“Thế Gian Giải”.*

Còn gọi là Tri Thế Gian. Tổng hợp cách giải thích của các sách Tịnh Ảnh, Chân Giải, Hội Sớ thì Thế Gian Giải là trí tuệ thù thắng hóa tha. Như Lai biết hết thầy các pháp nhân quả thế gian, xuất thế gian đúng như thật, đến giáo hóa chúng sanh, giúp họ được giải thoát.

*“Vô Thượng Sĩ”.*

“Trên trời dưới trời, chỉ Phật là tôn quý nhất”, nên gọi là Vô Thượng. “Có thứ để đoan thì gọi là Hữu Thượng Sĩ”. Bạn có sở tu, có sở đoan, thì chỉ là Hữu Thượng Sĩ. “Không có gì để đoan gọi là Vô Thượng Sĩ”. Luận Trí Độ nói, Phật sẽ dẫn dắt hết thầy chúng sanh nhập Niết-bàn. Trong hết thầy pháp, Niết-bàn là vô thượng. Phật dùng trì giới, thiền định, trí tuệ để giáo hóa chúng sanh, mọi người đều không thể bằng Phật, đương nhiên càng không thể hơn được ngài, vì vậy gọi là Vô Thượng.

*“Điều Ngự Trượng Phu”.*

Điều là điều phục, ngự là chế ngự. Khéo có thể điều phục hết thầy chúng sanh, khiến họ lìa khỏi cấu nhiễm, đặc Đại Niết-bàn, gọi là Điều Ngự Trượng Phu. Kinh Đại Niết-bàn nói: “Nếu đầy đủ bốn pháp thì gọi là Trượng Phu”.

*Một*, gần thiện tri thức. Thiện tri thức chính là Như Lai, có đủ chánh tri chánh kiến thì có thể gọi là thiện tri thức. Có thể gặp được thiện tri thức thì nên tôn trọng người đó giống như tôn trọng Như Lai vậy.

*Hai*, có thể nghe pháp. Phật giảng kinh Hoa Nghiêm, ngay cả người có đại trí tuệ, đại thần thông cũng như điếc như mù. Có thể thấy, có thể nghe pháp không phải là một chuyện nhỏ, nhất định phải có tâm chí thành, tâm cung kính, không công cao ngã mạn, không tự cho mình đúng, lắng nghe bằng tâm khiêm tốn, không bao giờ thỏa mãn thì mới có thể nghe vào tai.

*Ba*, tư duy ý nghĩa. Không những có thể nghe mà còn khéo tư duy. Phải quay về chính mình, chứ không phải chuyên chú vào câu từ. Những điều đó, những gì viết trong kinh điển đều là sách. Cho dù bạn rất có học vấn thì bạn chỉ là cuốn từ điển Phật Học sống mà thôi, đó đều là học vấn chết. Phải quay về chính mình, dung nhập vào trí tuệ thù thắng của chính mình, cũng tức là để trí tuệ huân phát bản giác của chính mình. Trí tuệ thù thắng trong bản giác của chúng ta, bên trong chúng ta đốt cháy vô minh, hiện nay chúng ta lại nghe được pháp, từ bên ngoài cũng đang đốt cháy vô minh, cho nên vô minh chuyển biến rất nhanh, như vậy mới có thể biến học vấn chết thành học vấn sống.

*Bốn*, tu hành như lời dạy. Có thể nói nhưng không thể thực hành thì không phải là trượng phu, bởi vì nói được một trượng không bằng làm được một tấc.

Đầy đủ bốn điều trên mới là đại trượng phu. Ở đây chỉ nói đến trượng phu, Luận Trí Độ nói trượng phu bao gồm người nữ, nhị căn, vô căn, v.v...

*“Thiên Nhân Sư”*.

Có thể dùng chánh pháp giáo hóa trời người, gọi là Thiên Nhân Sư. Ngài có thể dùng chánh pháp dạy bảo người và trời. Tất cả thiên thượng, nhân gian, Đế Thích, Phạm thiên, chư thiên, long thần, vô số nhân dân, cho đến ma vương, ngoại đạo đều tới làm đệ tử của ngài, nên gọi là Thiên Nhân Sư.

*“Phật, Thế Tôn”*.

Phật là ba giác viên mãn. Thế Tôn là Bạc-già-phạm, đầy đủ trọn vẹn các đức, được thế gian kính trọng, nên gọi là Thế Tôn.

Mười đức hiệu trên đây của Như Lai là thông hiệu của Phật, Thế Gian Tự Tại Vương là biệt hiệu.

*“Tại thế giáo thọ tứ thập nhị kiếp”*.

Dạy bảo bốn mươi hai kiếp, thời gian rất dài. Thời gian chư Phật trụ thế dài ngắn không như nhau. Thời gian Thích-ca Mâu-ni Phật trụ thế rất ngắn, thời gian Thế Gian Tự Tại Vương Phật trụ thế rất dài.

*“Thời vị chư thiên cập thế nhân dân thuyết kinh giảng đạo”*.

Thuyết pháp cho mọi người, khai thị chánh đạo. Con đường thông đến Phật quả gọi là đạo.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Hữu đại quốc chủ danh Thế Nhiêu Vương, văn Phật thuyết pháp, hoan hỷ khai giải, tâm phát vô thượng chân chánh đạo ý, khí quốc quyền vương, hành tác Sa-môn, hiệu viết Pháp Tạng.**

*Có đại quốc chủ tên là Thế Nhiêu Vương, nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ khai giải, liền phát tâm Vô Thượng Bồ-đề, từ bỏ ngôi vua, trở thành Sa-môn, hiệu là Pháp Tạng.*

Đại ý của đoạn kinh này là: vào thời kỳ Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai hoằng pháp lợi sanh, có một vị đại quốc vương tên là Thế Nhiêu Vương. Vị quốc vương này là tiền thân của A-di-đà Phật cách đây nhiều kiếp về trước. Nghe được

Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai thuyết pháp, bỗng nhiên tâm khai ngộ, hiểu được nghĩa chân thật của Như Lai. Đối với người học giáo mà nói, đây là sự đột phá quan trọng, gọi là đại khai viên giải. Sự khai giải này đã vượt khỏi ý nghĩa thật sự của văn tự, vì khai giải nên tự nhiên hoan hỷ, giống như câu cuối cùng trong hết thầy các kinh đều là “nghe lời Phật dạy, thầy đều rất vui mừng”

Thế là *“tâm phát Vô Thượng chân chánh đạo ý”*.

“Tâm” là ngay lập tức. Sau khi khai ngộ thì phát tâm ngay lập tức, đây là tâm Vô Thượng Bồ-đề. “Phát là phát tâm. Đạo Vô Thượng chân chánh, tiếng Phạn là A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, tức là đạo mà đức Phật chứng đắc. Không đạo nào hơn đạo này, nên gọi là Vô Thượng”. Ngài phát tâm này là tâm Vô Thượng Bồ-đề. “Chân là chân thật. Chánh là Thánh trí, vì biết đúng như pháp tướng. Đạo là đạo vô ngại”, không có chướng ngại, thông suốt rồi. “Ý là tâm năng cầu, tâm cầu đạo Bồ-tát đạo gọi là ý. Nên biết rằng: phát Vô Thượng chân chánh đạo ý chính là phát tâm Vô Thượng Bồ-đề”. Tâm này là tâm thành Phật. Tại sao phải thành Phật? Thành Phật phổ độ chúng sanh không chướng ngại. Chúng sanh trong tất cả cõi nước chư Phật khắp pháp giới hư không giới, bạn đều có trí tuệ, có năng lực đến giúp đỡ họ.

*“Khí quốc quyền vương, hành tác Sa-môn, hiệu viết Pháp Tạng”*.

Thế Nhiêu Vương nghe Phật thuyết pháp, minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, phát tâm làm Phật. “Khí quốc quyền vương, hành tác Sa-môn”, đây là hành động thực tế của Thế Nhiêu Vương sau khi phát tâm Bồ-đề. “Quyên” cũng có nghĩa là từ bỏ. Thế Nhiêu Vương đã từ bỏ ngôi vị quốc vương, đây là tấm gương của chúng sanh.

Quốc vương của xã hội phong kiến là địa vị mà loài người sùng quý nhất, đồng thời giàu có nhất nước, sự hưởng thụ cũng cao nhất trong thế gian. Sau khi nghe pháp kiên quyết từ bỏ hết thảy, thể hiện tâm xuất ly chân thật, đây là căn bản của việc học đạo. Dù một người đang hoàng pháp lợi sanh, giảng kinh thuyết pháp, nhưng sâu thẳm trong nội tâm họ vẫn luôn cùng với thanh sắc tài lợi, công danh phú quý, danh tiếng địa vị, quyền thuộc ân ái, hợp thành một khối, không thể xuất ly, nếu muốn thành đạo thì bạn hãy đợi đến năm con lừa đi! Những lời này là do lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói, lão cư sĩ khai ngộ vào năm 22 tuổi.



“Sa-môn”, các tôn giáo trước đây đều gọi người xuất gia là Sa-môn, về sau trở thành danh từ riêng của tăng lữ Phật giáo. Kinh Tứ Thập Nhị Chương nói: “Thức tâm đạt bốn, giải vô vi pháp, gọi là Sa-môn”. Thức tâm là nhận thức bốn tâm của chính mình, đạt bốn là thông đạt bốn thể của vạn pháp, cũng tức là bốn nguyên, có thể thấy muốn làm một vị Sa-môn danh xứng với thực thì không hề dễ dàng.

Đoạn kinh văn vừa rồi, nói đơn giản một chút chính là Thế Nhiều Vương không làm quốc vương nữa, xuất gia làm tăng, pháp danh là Pháp Tạng. Tỳ-kheo Pháp Tạng chính là nhân địa của A-di-đà Phật, thành Phật là quả địa.

Khoảng thời gian gần đây, không biết từ đâu mà tôi có được chút linh cảm, viết ra một đoạn giống thơ mà không phải thơ, giống kệ mà không phải kệ, không giống cái nào cả, cúng dường cho quý vị đồng tu cùng thưởng thức ý vị trong đó.

*Cửa Phật vốn cõi Tịnh,  
Hiện nay nhiều ô nhiễm,  
Người có chút lương tâm,  
Thực sự không nở nhìn,  
Trà trộn của Phật nhiều,  
Không phải thật học Phật,  
Có tiền rất dễ dàng,  
Thoải mái mà ăn uống,  
Chúng sanh trồng phước điền,  
Bạn tặng họ sa mạc,  
Hạt giống không nảy mầm,  
Nợ này ghi sổ trước,  
Cúng dường của mười phương,  
Sao có thể tham chấp,  
Nợ thì sẽ phải trả,  
Sớm muộn không tránh khỏi,  
Ăn cơm của nhà Phật,  
Không làm việc nhà Phật,  
Nói bạn trà trộn vào,  
Tự mình kiếm chỗ ngồi,  
Cửa Phật không giảng kinh,*

*Lấy gì độ chúng sanh,  
Toàn nhờ làm kinh sám,  
Lo chết không lo sống,  
Cửa Phật phải chỉnh đốn,  
Chuyện này là tất nhiên,  
Nếu còn không chỉnh đốn,  
Cửa Phật loạn thành ổ,  
Nhất định phải thanh trừ,  
Những kẻ trà trộn vào,  
Cửa Phật là cõi tịnh,  
Sao cho phép làm càn,  
Còn không mau hối cải,  
Ba đường đang đợi đó,  
Bạn là đệ tử Phật,  
Làm theo lời Phật dạy,  
Minh sư chỉ dạy bạn,  
Không hề sai chút nào,  
Khuyên người mau giác tỉnh,  
Dùng chân tâm học Phật,  
Chư Phật rất từ bi,  
Không bỏ rơi người nào,  
Nếu bạn không hối cải,  
Đức Phật cũng hết cách,  
Nói lời đại chân thật,  
Đợi bạn công kích tôi.  
Vi Đà Tôn Thiên hiện oai thần,  
Giơ cao kiếm pháp chém quân ma.*

Mời xem đoạn kinh văn tiếp theo:

**Tu Bồ-tát đạo, cao tài dũng triết, dữ thế siêu dị, tín giải minh ký, tất giai đệ nhất. Hựu hữu thù thắng hạnh nguyện, cập niệm huệ lực, tăng thượng kỳ tâm, kiên cố bất động. Tu hành tinh tấn, vô năng du giả.**

*Tu đạo Bồ-tát, tài năng hơn người, tâm chí rộng lớn kiên cường, hiểu rõ bốn tâm, đặc biệt hơn đời, tin tưởng lý giải ghi nhớ, đều là bậc nhất. Lại có hạnh nguyện và niệ̣m huệ̣ lực thù thắng để tăng thêm tâm ấy kiên cố chẳng động, tu hành tinh tấn chẳng ai hơn được.*

*“Tu Bồ-tát đạo”.*

Tỳ-kheo Pháp Tạng phát tâm Vô Thượng Bồ-đề, tự nhiên sẽ thực hành sở hành của Bồ-tát, nên “tu Bồ-tát đạo”. Câu kinh văn này “nói rõ Pháp Tạng Bồ-tát hướng thẳng đến Nhất Thừa, chẳng rơi vào Quyền, Tiểu”. Ngài không tu từ Thanh văn, Duyên Giác, mà ngài trực tiếp tu Bồ-tát đạo. “Chẳng rơi vào Quyền, Tiểu”, Quyền là phương tiện thiện xảo, không phải là rốt ráo viên mãn, Tiểu là Tiểu thừa. Hay nói cách khác, tỳ-kheo Pháp Tạng không tu hành giống người thông thường, từ Tiểu thừa đến Đại thừa, từ Quyền giáo đến Thật giáo, ngài không trải qua quá trình này, mà ngài trực tiếp tu Đại thừa, hơn nữa là hướng thẳng đến Nhất Thừa, Nhất Thừa là phương pháp trực tiếp thành Phật. Điều này biểu thị điều gì cho chúng ta? Niệ̣m A-di-đà Phật là hướng thẳng đến Nhất Thừa, chẳng rơi vào Quyền, Tiểu.

Những điều mà tỳ-kheo Pháp Tạng tu cũng là những điều chúng ta học. Tại sao chúng ta phải học Tịnh tông? Chúng ta học theo tỳ-kheo Pháp Tạng, tỳ-kheo Pháp Tạng chỉ học Nhất Thừa. Ngài là Thế Nhiều Vương, công phu tu hành trong đời quá khứ của Thế Nhiều Vương cao tới mức độ nào? Nhiều kiếp lâu xa về trước ngài đã thành Phật rồi. Lần này đến thế gian nên hóa thân quốc vương để độ, thì hiện thân quốc vương mà thuyết pháp cho chúng sanh, ngài không phải là người thông thường, người thông thường sao có thể gọn gàng dứt khoát tu đại pháp viên mãn Đại thừa bậc nhất, Nhất Thừa Chân Như được? Chuyện này là không thể nào. Cho nên khi ngài làm quốc vương ở thế gian là đã thành đạo Vô Thượng. Lúc này ngài đến biểu pháp, khuyên mọi người buông xuống, ngài làm tấm gương buông xuống cho chúng ta thấy, vương vị mà người đời cầu không được, ngài có được nhưng lại từ bỏ, giống như Thích-ca Mâu-ni Phật vậy, từ bỏ vinh hoa phú quý, xuất gia học đạo.

Ngài làm ra tấm gương cho chúng ta, dạy chúng ta có thể thật sự buông xuống. Buông xuống dục vọng, buông xuống tài sắc danh lợi, buông xuống ngũ dục lục trần, buông xuống thất tình ngũ dục, buông xuống phiền não chướng. Khi đức Di-đà ở nhân địa đã thị hiện buông xuống đại danh đại lợi, từ bỏ đại phú đại

quý. Không buông xuống, không từ bỏ thì không thể thoát khỏi lục đạo luân hồi, không thể thành tựu đạo Vô Thượng. Nhớ kỹ chữ “bỏ” này, buông bỏ, từ bỏ, không cần gì nữa, chỉ cần A-di-đà Phật, vậy thì đúng rồi.

Chúng ta phát tâm học Phật, tu học pháp môn niệm Phật Tịnh độ, mục đích là gì? Đáng để chúng ta suy ngẫm phản tỉnh. Có phải hiện nay chúng ta đang tu Bồ-tát đạo hay không? Nếu như không phải tu Bồ-tát đạo, muốn vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc là chuyện không thể nào. Tại sao vậy? Bởi vì thế giới Tây Phương Cực Lạc là thuần nhất pháp giới Bồ-tát, không chỉ là pháp giới Bồ-tát, mà còn là pháp giới của Phổ Hiền Bồ-tát, là pháp giới thù thắng bậc nhất không gì sánh bằng trong giới Bồ-tát. Chúng ta muốn đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, nếu bạn không giống như các ngài, vậy thì không thể tới đó.

Chúng ta xem tỳ-kheo Pháp Tạng, sau khi ngài phát tâm thì thật sự tu hành. Phải chú ý! Sau khi chúng ta phát tâm có thật sự tu hành không? Hay nói cách khác, bạn học Bồ-tát, học có giống hay không? Hiện nay có rất nhiều đồng tu, mỗi ngày tụng rất nhiều lần kinh Vô Lượng Thọ, niệm mấy vạn câu Phật hiệu, lại thêm lạy Phật, có được coi là thật sự tu hành không? Trên hình thức thì có chút giống, bộ dạng có chút giống. Thực chất thì phải xem tâm của bạn, có phải mỗi ngày mỗi thanh tịnh hơn, mỗi năm mỗi thanh tịnh hơn không? Nói cách khác, vọng tưởng, phiền não của bạn có phải mỗi ngày mỗi giảm bớt. Mỗi ngày mỗi giảm bớt không dễ dàng! Năm sau ít hơn năm trước, tháng sau ít hơn tháng trước, phiền não nhẹ, trí tuệ tăng, như vậy mới là tu Bồ-tát đạo.

Niệm Phật, tụng kinh, lạy Phật là phương pháp. Vọng tưởng phiền não ít hơn, tâm địa thanh tịnh, trí tuệ tăng trưởng là kết quả, là thành tích. Ngày ngày niệm Phật, lạy Phật, tụng kinh, phiền não trong tâm không những không giảm bớt mà còn tăng thêm, vậy cũng giống như ngày ngày đều học bài nhưng thi cử vẫn rớt, không có tác dụng, không có thành tích. Hạ công phu, nhất định phải có thành tích thì mới là Bồ-tát đạo thật sự. Nếu như không có được thành tích, thì không phải là tu Bồ-tát đạo. Ngài Pháp Tạng tu Bồ-tát đạo, thật sự là làm Bồ-tát.

Học Bồ-tát, hành Bồ-tát đạo, chúng ta phải thoát khỏi sự hiểu lầm, cho rằng nhất định phải giống như Địa Tạng Bồ-tát, Quán Âm Bồ-tát, Văn-thù Bồ-tát, Phổ Hiền Bồ-tát thì mới là Bồ-tát, cách nghĩ như vậy là sai lầm. Trên thực tế, Bồ-tát chính là bản thân chúng ta, chính là hết thảy chúng sanh, hoàn cảnh sống của các

ngài và chúng ta không có khác biệt, chỗ khác biệt chính là trong cuộc sống các ngài có thể làm được không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, trong sinh hoạt, trong công việc không có phiền não. Các ngành nghề đều có Bồ-tát, Bồ-tát có mặt trong mọi tầng lớp xã hội, không chỉ của Phật có Bồ-tát, mà ngoại đạo cũng có Bồ-tát. Ở ngoại đạo, Bồ-tát thị hiện thân ngoại đạo, mục sư của Cơ Đốc giáo, linh mục của Thiên Chúa giáo, cũng có một số vị là Bồ-tát hóa thân. Chúng ta không nhận biết được, các ngài nói chánh pháp, các ngài giác mà không mê, chánh mà không tà, tịnh mà không nhiễm. Chư Phật Bồ-tát làm tấm gương tốt nhất cho hết thảy chúng sanh. Chúng ta nhất định phải hiểu chân tướng sự thật thì mới biết được chúng ta nên học Bồ-tát như thế nào, làm Bồ-tát như thế nào, hành Bồ-tát đạo như thế nào.

Còn có một sự hiểu lầm đó là: có người thọ Bồ-tát giới liền cho rằng mình là Bồ-tát rồi, tự cho rằng mình là cao nhân bậc nhất, không thích người khác gọi là cư sĩ, thích người khác gọi là Bồ-tát. Chúng ta phải làm Bồ-tát thật, không làm Bồ-tát giả trên danh nghĩa. Bồ-tát thật tuyệt đối không có tâm cống cao ngã mạn.

Có người cho rằng, làm Bồ-tát thì phải xuất gia, không phải như vậy, làm Bồ-tát không nhất định phải xuất gia. Thiện Tài Đồng Tử 53 lần tham vấn, chỉ có năm vị là chúng xuất gia, những vị khác đều là chúng tại gia. Bốn vị Đại Bồ-tát ở tứ đại danh sơn của nước ta, chỉ có một vị thị hiện tướng xuất gia, ba vị còn lại đều thị hiện tướng tại gia. Kinh Vô Lượng Thọ chỉ liệt kê ba vị thượng thủ trong chúng Bồ-tát xuất gia: Phổ Hiền Bồ-tát, Văn-thù Bồ-tát, Di-lặc Bồ-tát, nhưng thượng thủ trong chúng Bồ-tát tại gia thì liệt kê mười sáu vị Chánh Sĩ như ngài Hiền Hộ, v.v... Cho thấy Bồ-tát tại gia nhiều, Bồ-tát xuất gia ít. Chúng ta hiểu được chân tướng sự thật này, dùng lý luận, phương pháp, cảnh giới của bộ kinh này, ứng dụng vào trong cuộc sống, trong công việc, trong đời nhân xử thế tiếp vật, đây chính là Bồ-tát. Không cần phải thay đổi ngành nghề, ngành nghề nào cũng có Bồ-tát, đều có thể làm Bồ-tát. Ví dụ như: Bồ-tát chủ tịch, Bồ-tát nhân viên, Bồ-tát viên chức, Bồ-tát cảnh sát, Bồ-tát hiệu trưởng, Bồ-tát học sinh v.v... Từ đây có thể biết, đức dụng của giáo học Phật pháp thật sự rộng lớn vô biên.

*“Cao tài dũng triết, dữ thế siêu dị, tín giải minh ký, tất giai đệ nhất”.*

Những câu kinh văn này tán thán đức hạnh tu hành của tỳ-kheo Pháp Tạng sau khi xuất gia.

“Cao tài dũng triết”. Tịnh Ảnh Số nói, tài là tài nghệ, tài năng. Cao tài là tài năng hơn người thường. Tâm chí rộng lớn kiên cường gọi là “dũng”. “Nghèo hèn không đôi chí, quyền thế không khuất phục, giàu sang không buông thả, hết thấy không dao động mới thật sự là kẻ sĩ có chí, như vậy mới gọi là dũng”. Triết, tâm sáng suốt là triết, tự tâm hiển lộ gọi là triết. Triết của tỳ-kheo Pháp Tạng là hiểu rõ bản tâm của mình, thấy rõ bản tâm của mình.

Gia Tường Số nói, thế nào gọi là cao tài, “xung dật quần chi năng”, năng lực, tài năng này của bạn xuất chúng, hơn hẳn quần chúng. Giống như chạy đua, bạn chạy lên vị trí đầu tiên tức là vượt qua những người khác, đã vượt qua tất cả mọi người thì bạn đứng đầu, bạn có thể giành được huy chương vàng. Cho nên sự vượt trội này, tài năng xuất chúng thì gọi là cao tài.

Gia Tường Số nói, “dũng” là tự thắng, thắng tha.

*Tự thắng* là vượt qua chính mình, chiến thắng chính mình. Chiến thắng chính mình gọi là dũng. Đây thực sự là đại dũng. Chính mình là gì? Đối tượng để chiến thắng là gì? Là kiến giải của chính mình, đặc biệt là thành kiến của chính mình.

Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói lời chân thành với một người bạn trước khi chia tay, lời nói ấy là: “tôi nói, nếu như anh xem tư tưởng của chính mình là trọng tâm, anh thường xuyên đọc kinh, cho dù đọc hết toàn bộ Đại Tạng, anh chọn ra một số lời dạy hữu ích, thêm vào phần trọng tâm này của anh để chau chuốt, tô điểm thêm, anh cho rằng đó là dụng công, là nâng cao chính mình, thực ra anh không hề biết trọng tâm này của anh chính là tế bào ung thư”.

Tứ vô lượng tâm: từ, bi, hỷ, xả. Xả tức là trừ bỏ hết thấy cách nhìn sai biệt trong tự tâm. Nhưng chữ Xả này không dễ dàng, cho nên nói: “Xả thân dễ, xả kiến khó”, vì vậy trước tiên chúng ta phải chiến thắng chính mình.

*Thắng tha*. Một, phải chiến thắng hết thấy sự quấy nhiễu bên ngoài. Những thứ này từ bên ngoài tới, không phải của chính mình. Nghèo hèn, quyền thế, giàu sang, sắc đẹp, vàng bạc đều là “tha”. Còn rất nhiều tà thuyết dị đoan, đều phải chiến thắng. Hai, giúp đỡ người khác phá tế bào ung thư, cùng đi trên đại đạo Bồ-đề. Đây là thắng tha, như vậy mới gọi là dũng. Đọc những lời chân thành mà lão cư sĩ nói với bạn mình trước lúc chia tay, không biết các đồng tu có cảm xúc gì không? Cao

tài dũng triết là gì? Hàm nghĩa của hai chữ này rất sâu, lão cư sĩ giải thích cũng rất sâu, không hổ danh là vị Thánh Triết đương thời được mọi người tôn sùng.

“Dữ thế siêu dị”. Sách Hội Sớ nói “chẳng phải điều người thông thường có thể theo kịp”, điều này người thường không thể theo kịp. Tịnh Ảnh nói “dữ thế siêu dị” là bởi vì tỳ-kheo Pháp Tạng “thử đức cô xuất”. Cô là cô độc, cô đơn. Phải hiểu từ “cô xuất” này đối chiếu với câu “cô minh lịch lịch” của thiền sư Lâm Tế là tốt nhất. Ngài Lâm Tế nói “cô minh”, sách Tịnh Ảnh nói “cô xuất”. Xuất là hiển xuất, hiển minh, nên “cô xuất” chính là “cô minh”. “Cô” chính là “không làm bạn với vạn pháp” của Thiền tông, có nghĩa là không làm bạn lữ với bất kỳ pháp nào, không có bất kỳ bạn lữ nào, chỉ ra hàm nghĩa của từ “cô” một cách linh động. Thiền sư Bách Trượng nói: “Linh quang độc diệu, quýnh thoát căn trần”, đây là cảnh giới chứng ngộ. Trong đó, “linh quang độc diệu” và “cô minh”, “cô xuất” là cùng một lỗ thông gió. “Cô” là vô sở trụ, “minh” là sanh kỳ tâm, vô sở trụ ắt lìa vọng duyên, lìa vọng duyên thì tự nhiên chân tâm hiển hiện, vì vậy thiền sư Bách Trượng nói: “Nếu lìa vọng duyên, là Như Như Phật”, chính là diệu nghĩa của “cô minh”. “Lịch lịch” là rõ ràng sáng tỏ, thông suốt thấu triệt. Từ sự so sánh với “cô minh lịch lịch” của Tông môn, có thể hiểu được diệu đức “thử đức cô xuất” và nguyên nhân “dữ thế siêu dị” của tỳ-kheo Pháp Tạng. “Dữ thế siêu dị” là xung tán đại đức của tỳ-kheo Pháp Tạng.

Cô xuất, cô là một người, người như vậy thật sự không nhiều, đặc biệt là trong xã hội hiện nay, lại càng khó gặp được. Trên thế gian này, có ai không tranh danh, có ai không chạy theo lợi? Trong biển người mênh mông, khó mà tìm được người thanh nhàn. Người đời bận rộn chẳng phải đều vì tranh danh trục lợi đó sao? Tại sao xã hội hiện nay lại động loạn? Tranh danh trục lợi là điều không thể tránh khỏi của chúng sanh trong lục đạo. Nhưng danh lợi phải lấy sao cho đúng đạo, điều này do thánh hiền xưa dạy cho chúng ta, nếu như lấy không đúng đạo thì tuyệt đối không thể tiếp nhận. Ngày nay không còn đạo nữa, tranh danh trục lợi không từ thủ đoạn, cả xã hội đều loạn rồi. Do nguyên nhân gì mà loạn tới mức độ này?

Hơn một thế kỷ gần đây, khoa học kỹ thuật phát triển, người phương Đông hoài nghi lời dạy của tổ tiên, vứt bỏ trí tuệ chân thật của tổ tiên; người phương Tây tuyên bố Thượng đế đã chết, không cần tôn giáo nữa, đây là nguyên nhân căn bản khiến trái đất hiện nay động loạn. Văn minh phương Đông dựa vào lời dạy của

thánh hiền, văn minh phương Tây hoàn toàn dựa vào tôn giáo, hiện tại cả hai đều bị vứt bỏ, xã hội có thể không loạn sao? Chúng ta đã chịu khổ mà vẫn chưa mau chóng tỉnh ngộ sao? Chẳng lẽ chúng ta nhất định phải chịu hết khổ cực mới có thể tỉnh ngộ ra?

*Chúng sanh mặt pháp khó giáo hóa,  
Không nghe lời thật nghe lời giả,  
Bị lừa bị gạt không giác tỉnh,  
Lúc nào mới có thể về nhà,  
Lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không,  
Tận tình khuyên bảo giảng Phật pháp,  
Sáu mươi mấy năm không gián đoạn,  
Nhưng có mấy ai nghe hiểu được,  
Năm tháng vô tình vội vã qua,  
Quãng đời còn lại được là bao,  
Đại nạn trước mắt mới giác tỉnh,  
Tiếc rằng lúc đó đã muộn rồi,  
Hôm nay cất bước cũng chưa muộn,  
Bỏ-tát từ bi không nở bỏ,  
Thuyền pháp khởi hành không đợi khách,  
Nhất định dừng để mình soát lại.*

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!



## TẬP 25

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

*“Tín giải minh ký, tất giai đệ nhất”.*

Câu này nói đến sự chăm chỉ học tập của tỳ-kheo Pháp Tạng sau này. Ngài có thiên chất bẩm sinh tốt, sau đó lại thật sự dụng công chăm chỉ học tập, nên thành tựu của ngài thù thắng.

“Tín” là tin tưởng và tiếp nhận. Đại Thừa Nghĩa Chương nói: Đối với Tam bảo Phật Pháp Tăng có thể sanh tín tâm thanh tịnh, không hoài nghi, như vậy gọi là tín. Tín rất quan trọng, kinh Hoa Nghiêm bản dịch thời Tấn nói: “Tín vi đạo nguyên công đức mẫu”, tín là cội nguồn của đạo, là mẹ của công đức. “Giải” là liễu giải, khai giải. Bộ kinh Hoa Nghiêm nói tín, giải, hành, chứng; phải có tín, giải rồi mới có hành, chứng. “Minh ký” chính là trí nhớ rất rõ ràng, rất chính xác.

*“Tất giai đệ nhất”* có hai cách giải thích:

Một, năng lực của tín giải chí cao vô thượng, không ai sánh bằng.

Hai, sự giải của ngài Pháp Tạng đều khế hợp với đệ nhất nghĩa đế, không giống người thông thường, nghe thấy có liền chấp có, nghe nói không liền chấp không, nghe thấy Thủy giáo<sup>2</sup> liền dừng lại ở Thủy giáo. Sự liễu giải của tỳ-kheo Pháp Tạng không rơi vào hai bên, không thể hạn cục, đều khế hợp đệ nhất nghĩa đế.

Vì vậy viên nhân thuyết pháp, pháp nào cũng viên, không có pháp nào không phải là pháp viên đốn. Hai cách giải thích trên không hề mâu thuẫn, bởi vì sự giải đều là đệ nhất nghĩa đế. Cho nên “tín giải minh ký, tất giai đệ nhất”, không ai có thể sánh bằng.

Nhân cơ hội này, tôi muốn nói với các đồng tu một chút về chữ “tín” này. Học Phật nhiều năm như vậy, rốt cuộc chúng ta đã giải quyết rốt ráo chữ “tín” này chưa? Là thật tín hay giả tín? Có thể có đồng tu không hiểu lời tôi nói có nghĩa gì. Chúng ta đều học Phật nhiều năm như vậy rồi, không tin Phật có thể học Phật sao? Xin quý vị đồng tu chú ý! Tôi hỏi là thật tín hay là giả tín? Khác nhau ở một

---

<sup>2</sup> Tông Hoa Nghiêm lập ra năm giáo gồm: Tiểu thừa giáo, Đại thừa thủy giáo, Đại thừa chung giáo, Đốn giáo, Viên giáo.

chữ, mà kết quả cách nhau một trời một vực, thật tín thì thật thành tựu, giả tín thì uổng công bận rộn! Lời này khó nghe, nhưng là lời thật, tôi không lừa bạn, hãy tự mình cảm nhận!

Tiếp theo tôi sẽ kể một câu chuyện có thật cho mọi người: Có một đôi vợ chồng già đến đạo tràng nơi tôi ở, là cha mẹ chồng của cư sĩ hộ pháp Bồ-đề Tâm, hai ông bà cũng ngoài 80 tuổi rồi. Bởi vì Bồ-đề Tâm phát tâm hộ trì cha mẹ ruột, cha mẹ chồng niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, vì muốn các cụ thuận tiện ra vào nên mới xây tiểu viện Lục Hòa hiện nay. Cha chồng năm nay 83 tuổi, ông ấy là nông dân, chất phác lương thiện, thông tình đạt lý, tư duy nhanh nhạy. Lúc trò chuyện, ông nói với tôi rằng, thì ra ông đã từng ở đạo tràng này, ở đây niệm Phật. Lúc đó ông có thể niệm ra thể giới Cực Lạc và A-di-đà Phật. Sau khi rời khỏi đạo tràng trở về nhà, không niệm Phật nữa, chuyển qua hát ca. Ông nói với tôi, lần này, trước khi tới đạo tràng, ông rất khẩn trương, tranh thủ thời gian niệm Phật, muốn lại niệm ra thể giới Cực Lạc và A-di-đà Phật. Đáng tiếc là không niệm ra, dáng vẻ gần như vô tư và lời nói chân thật của ông khiến tôi cảm động, một cụ già đáng yêu biết bao. Hai vợ chồng già như hình với bóng, tình cảm của ông bà rất tốt. Sự chăm sóc của bà dành cho ông, có thể nói là vô cùng chu đáo, ánh mắt hai người nhìn nhau đều tràn đầy sự quan tâm yêu thương lẫn nhau. Tôi thầm nghĩ, nếu ông ra đi, thì bà sẽ đau buồn, sẽ cảm thấy hiu quạnh, bởi vì tôi đã đích thân trải qua, chỉ mong là bà ấy kiên cường vượt qua. Ông ấy bị ung thư dạ dày thời kỳ cuối, sau khi con cái nói sự thật cho ông biết, ông quyết định tuyệt đối không nằm viện, không phẫu thuật, niệm Phật cầu vãng sanh. Điều hiếm có là dù con cháu đông, bốn thế hệ chung sống với nhau, nhưng không có người nào chướng ngại đạo. Thật là tổ tiên có đức bảo hộ con cháu.

Sự kiên cường của ông khiến mọi người khâm phục, chuyện mà tự mình có thể làm thì tự làm, không làm phiền người khác, mặc dù bị bệnh tật giày vò, sức khỏe đã rất yếu, hai ngày trước khi vãng sanh, ông vẫn kiên trì nhờ người khác dìu đi vệ sinh, trong lúc đau đớn khó chịu đựng nhất, ông cũng chỉ rên khẽ vài tiếng. Một ông lão đã kiên cường cả đời, khiến mọi người vừa khâm phục vừa đau lòng. Ngày 2 tháng 7, ông ấy vào Vãng Sanh Đường, do ông chủ động yêu cầu. Lúc đó ông đã ngừng ăn bốn ngày, tới ngày 6 tháng 8 vãng sanh, trải qua 36 ngày, ngừng ăn 40 ngày. Chúng tôi trợ niệm cho ông 37 ngày, 888 tiếng đồng hồ, hơn hai mươi vị đồng tu thay phiên nhau trợ niệm, hơn tám trăm tiếng đồng hồ không hề gián đoạn. Niệm

chậm bốn chữ theo cách của lão pháp sư, một câu Phật hiệu niệm đến cùng. Sự thực chứng minh, một câu Phật hiệu tiền vãng sanh có tác dụng. Ông ấy thật sự vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Tôi dùng chứng cứ để nói:

Chứng cứ thứ nhất: biết trước thời gian. Hơn hai tháng trước khi vãng sanh, ông ấy nói với một vị đồng tu trẻ mới tới đạo tràng không lâu: “Đạo tràng chúng ta định ngày 8 tháng 8, ngày 19 tháng 6 âm lịch, ngày Quán Âm Bồ-tát thành đạo sẽ chuyển tới tiểu viện Lục Hòa, con nói xem ông vào tiểu viện ở, hay là nhập tháp đây?” Vị đồng tu này nghe không hiểu, nói với ông, “ông muốn ở đâu thì ở đó, con đi theo ông”. Ông ấy nói một câu, “vậy thôi ông nhập tháp”. Ngày ông ấy nhập tháp đúng vào ngày 8 tháng 8, không lẽ là sự trùng hợp sao?

Chứng cứ thứ hai: Một ngày trước khi vãng sanh, có đồng tu trợ niệm mang ảnh tiếp dẫn tới cho ông xem, ông nói với người đó: “Tới rồi”. Vị đồng tu đó nghe không hiểu tiếng Sơn Đông của ông. Lúc đó, có đồng tu đang trợ niệm tại đó nghe hiểu lời ông nói, ông ấy nói tới rồi, tức là đội ngũ tiếp dẫn tới rồi.

Chứng cứ thứ ba: lâm chung thấy Phật. Tôi và ông ấy có ước hẹn, ước hẹn thứ nhất là sau khi ông ấy gặp được Phật thì biểu đạt với tôi như thế nào? Ông ấy nói với tôi, ông ấy thấy Phật rồi thì sẽ chấp hai tay hướng về tôi; ông ấy bước lên hoa sen thì sẽ vẫy tay tạm biệt tôi. Ông ấy đã làm đúng theo ước hẹn, hơn ba giờ sáng ngày 6 tháng 8, ông ấy muốn ngồi dậy, sau khi đỡ ông ngồi dậy, ông mở to hai mắt, nhìn chăm chăm vào một nơi, không động đậy. Lúc đó tôi hỏi ông, ông đã thấy Phật chưa? Ông ấy ra sức gật đầu, nói thấy được rồi. Ông là người rất giữ lời, sau khi nằm xuống, làm động tác chấp hai tay, hai tay chấp vào nhau, nhưng giờ lên hai cái rồi không giờ lên nữa. Sau đó nhìn ánh mắt của ông hình như đang tìm ai đó, tôi đột nhiên nhớ ra ước hẹn giữa hai chúng tôi, có phải ông đang tìm tôi không? Tôi liền đứng trước mặt ông, ông nhìn thấy tôi, hướng về phía tôi làm động tác tạm biệt tiêu chuẩn, sau đó từ từ buông tay xuống. Ba giờ bốn mươi sáu phút, ông ấy an tường ra đi. Ước hẹn thứ hai của chúng tôi, tôi nói với ông, sau khi ông đến thế giới Tây Phương Cực Lạc báo cáo có mặt, phải mau chóng trở lại báo tin cho chúng tôi, thế giới Tây Phương Cực Lạc như thế nào? Để cho các đồng tu tăng thêm tín niệm cầu sanh thế giới Cực Lạc. Tôi còn nói với ông, ông đừng tới báo tin cho tôi và Bồ-đề Tâm, bởi vì hai chúng tôi nói ra, thì có người sẽ cho rằng chúng tôi bịa chuyện gạt mọi người. Tôi nói với ông, ông tới báo tin cho người con gái không tin Phật của

ông, hoặc là bạn đạo mà ông không quen biết, để họ nói ra. Ông ấy thật sự báo tin cho một người đồng tu tham gia trợ niệm, nhưng mà người này không nói ra. Ngày 9 tháng 8, vào lúc ăn sáng, ông ấy trực tiếp tới báo tin cho tôi. Lúc đó, vì đang ăn sáng nên tôi không có giấy bút để ghi lại, sợ lát sau ăn xong sẽ quên mất, tôi không thể không nói cho mọi người biết, ông ấy trở về báo tin rồi, bây giờ tôi nói ra, mọi người hãy ghi nhớ. Tổng cộng có sáu câu:

*Tây Phương Cực Lạc tốt,  
Thánh cảnh quá tốt đẹp,  
Tôi đã ngồi đài sen,  
Lúc này đã vào chỗ,  
Đài sen là màu tím,  
Mọi người nói đúng rồi.*

Ở đây tôi sẽ nói với mọi người một chút, “đài sen là màu tím” là chuyện như thế nào? Bên ngoài tiểu viện Lục Hòa của chúng tôi có ao sen, trong ao sen có đủ màu sắc. Một hôm, đại khái là trước khi ông vãng sanh mười mấy ngày, tôi và Bồ-đề Tâm nói, ông lão ấy (tức là nói chồng tôi) hoa sen của ông ấy là màu trắng, vậy thì hoa sen của ông lão này là màu tím. Nhưng lời này người khác không biết. Điều kỳ lạ là có một vị Phật hữu tham gia trợ niệm lên mạng thỉnh một cặp đèn hoa sen màu tím giá trị không thấp. Bồ-đề Tâm hỏi cô ấy tại sao lại thỉnh đèn? Cô ấy nói, lúc trợ niệm, trước mắt cứ thấy xuất hiện đèn hoa sen màu tím. Cô ấy cũng không biết là chuyện gì nên đã thỉnh cặp đèn này về. Chuyện này có phải là trùng hợp không? Tôi cũng không biết. Dẫu sao đi nữa, ông ấy đã giữ lời, theo lời ước hẹn trở về báo tin, ước hẹn trước đó của hai chúng tôi, ông ấy đều làm được, hơn nữa còn làm rất viên mãn. Cảm ơn sự từ bi vô hạn của ông.

Chúng cứ thứ tư: từ đầu đến cuối, từ lúc vào Vãng Sanh Đường cho tới lúc vãng sanh, ông tư duy nhanh nhạy, đầu óc minh mẫn, lời nói rõ ràng, ngoài lúc ngủ thì vẫn luôn niệm Phật cùng với Phật hữu, vào thời khắc lâm chung ông vẫn đang niệm Phật, điều này thật sự đáng quý, trước đây tiền vãng sanh rất ít khi gặp tình huống như vậy. Đây là niệm Phật vãng sanh người thật việc thật, niệm Phật thành Phật, hiếm có khó gặp!

Chúng cứ thứ năm: 37 ngày, trợ niệm 888 tiếng đồng hồ, các đồng tu đều pháp hỷ sung mãn, không biết mệt mỏi, có đồng tu không chỉ niệm theo ca của mình mà

còn tăng ca niệm, có vài đồng tu mỗi ngày niệm bảy tám tiếng đồng hồ, thậm chí là hơn mười tiếng đồng hồ. Để đảm bảo mọi người đều có đủ thời gian nghỉ ngơi, chúng tôi không thể không miễn cưỡng ra quy định, ngoài ca niệm Phật của chính mình, tăng ca thì cũng không được nhiều hơn hai người. Có đồng tu nói thế này: lần trợ niệm này niệm Phật đến nghiện rồi, càng niệm càng hoan hỷ.

Tôi bắt đầu viết bản thảo này là ngày 13 tháng 8, ngày thứ tám kể từ lúc ông ấy vãng sanh, hai mươi mấy vị Phật hữu không muốn rời khỏi, họ yêu cầu niệm Phật hết 49 ngày. Bồ-đề Tâm nói với tôi, “chồng của cô vãng sanh đã dạy con có thể niệm Phật, cha chồng con vãng sanh đã dạy con biết niệm Phật”. Tôi nghe xong rất hoan hỷ, từ không niệm Phật đến có thể niệm Phật, lại đến biết niệm Phật, như vậy là đang không ngừng nâng cao! Cảm ơn hai ông lão thật dễ thương!

Sau khi tiễn ông ấy vãng sanh, nhìn thấy các đồng tu đều tinh thần sung mãn, hoan hỷ vui vẻ, tôi không cảm lòng được mà cảm khái: Phật lực gia trì thật sự không thể nghĩ bàn! A-di-đà Phật là người thân của chúng ta, A-di-đà Phật là người thân duy nhất của chúng ta, A-di-đà Phật là người thân duy nhất mà chúng ta có thể nương tựa! Điều này thật vô cùng đúng đắn! Bạn đã nhớ chưa?

Đạo tràng này của chúng tôi là đạo tràng nhỏ bình thường, một đạo tràng nhỏ bình thường này, trong hai năm đã tiễn đưa hai vị Phật, đây là phi thường trong bình thường. Tôi nói những điều này không phải để khoe khoang, không phải để tự tăng bốc, không phải thổi phồng. Tôi muốn đề khởi tín niệm cầu sanh Tịnh độ của các bạn đồng tu, tôi hy vọng đạo tràng Lục hòa kính khắp nơi hoa nở, tôi càng hy vọng mỗi một đạo tràng Lục hòa kính trở thành trạm tiếp dẫn của A-di-đà Phật ở thế giới Tây Phương Cực Lạc. Chuyện này hoàn toàn có thể làm được, chỉ cần chúng ta có tâm nguyện này.

Mọi người có thể hiểu được tâm của bà lão hơn 70 tuổi này không? Chúng ta là người nhà Phật thì phải nói lời nhà Phật, làm chuyện nhà Phật. Người chân chánh phát tâm như vậy thật sự không nhiều! Con người vẫn luôn như thế, anh không xúc phạm “tôi” thì hết thấy đều tốt tốt tốt, nếu anh xúc phạm tôi, tôi liền nhảy dựng lên. Vậy tôi phải làm sao? Tôi nói được rồi, được rồi anh đừng nhảy dựng, tôi không nói nữa là được chứ gì? Tôi bớt việc, anh thông dong, sao lại không làm? Mặc dù nói muốn nghe lời phê bình, có thật vậy không? Đừng lừa tôi nữa. Bà lão tôi không ngốc, nếu như ngốc cũng là giả ngốc, dạo chơi cuộc đời thôi mà!

Mấy hôm trước, Tiểu Vu nói một câu khiến tôi cảm động suýt rơi nước mắt. Tiểu Vu nói: “Lấy chí thầy làm chí mình”. Lúc đó tôi nghĩ, xã hội hiện nay vẫn có người nói ra lời như vậy, thật sự không phải Thánh cũng là Hiền! Hy vọng Tiểu Vu có thể làm thánh hiền thật sự, hoàn toàn thay đổi vận mệnh cuộc đời! Thoát khỏi lục đạo luân hồi, đời này chỉ có một cơ hội này. Lời này của tôi là nói với tất cả mọi người.

Tại sao lại phải trợ niệm 37 ngày cho ông cụ vừa vãng sanh? Bởi vì tam tư lương tín nguyện hạnh của ông ấy không đầy đủ. Không phải không có, mà không đủ. A-di-đà Phật quá từ bi, giữ ông lại một khoảng thời gian, để ông ấy góp đủ tư lương vãng sanh. Thiện căn, phước đức, nhân duyên của ông đều đầy đủ. Nếu như trong ba thứ này có một thứ không đủ thì ông ấy không thể vãng sanh. Duyên của ông quá thù thắng, trong một vạn người cũng khó mà gặp được một người có duyên thù thắng như vậy.

Nói về việc trợ niệm, đó không phải là niệm ba ngày năm ngày, mà niệm ba mươi bảy ngày! Thời tiết nóng bức, ngồi yên không động đậy mà cả người cũng đầy mồ hôi, hướng chi là đóng cửa đóng cửa sổ niệm Phật, chỉ mở một cánh cửa sổ, oi bức ngột ngạt, rất nhiều đồng tu đều bị nổi rôm, không ai kêu khổ, không ai than mệt, khích lệ nhau, âm thầm kiên trì. Đồng tu của chúng ta thật dễ thương, những ngày đó tôi đột nhiên có một cảm giác, ai là người thân? Bạn đồng tu chí đồng đạo hợp là những người thân yêu nhất! Lần trợ niệm vãng sanh này là minh chứng tốt nhất. Không phải người thân nhưng lại hơn cả người thân, không phải họ hàng nhưng lại hơn cả họ hàng.

Lần này ông ấy vãng sanh có chướng ngại, có khoảng năm chướng ngại. Không phá trừ chướng ngại thì không thể vãng sanh. Cũng may đều thuận lợi hóa giải hết những chướng ngại này. Cảm ân chư vị đồng tu trợ niệm, trợ niệm tiếp sức, ông ấy thuận lợi vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, các vị đều có công lao, công đức vô lượng! Đưa tiễn vãng sanh không phải trò đùa, phải thật sự thận trọng!

Lần trợ niệm vãng sanh này, từ cá nhân tôi mà nói, thu hoạch lớn nhất đó là một lần nữa đích thân thể ngộ được công đức của danh hiệu không thể nghĩ bàn, thật sự không thể nghĩ bàn! Sức oai thần đó tôi đã thể nghiệm được rồi, dùng lời nói không cách nào diễn tả được. Tôi có cảm giác, lần niệm Phật này, các bạn đồng tu

đã niệm câu Phật hiệu ra thần thái. Tiếng Phật hiệu gần như hài hòa đồng nhất, tôi tin tưởng âm thanh đó chấn động hư không pháp giới. Không phải hai mươi mấy người trong đạo tràng của chúng ta niệm A-di-đà Phật, mà cả hư không pháp giới đều đang niệm A-di-đà Phật, cả vũ trụ là một câu A-di-đà Phật. Thật tuyệt vời, tuyệt vời không tả xiết!

Phẩm vị vãng sanh của ông cao, nằm ngoài dự đoán của tôi, khiến tôi kinh ngạc, cũng khiến tôi cảm thấy vui vẻ yên tâm. Phẩm vị này của ông là nhờ 37 ngày trợ niệm mà được tăng lên, một lần nữa dùng sự thật chứng minh sức oai thần và công đức không thể nghĩ bàn của một câu Phật hiệu.

Đạo tràng của chúng tôi là đạo tràng Tịnh độ chuyên tu trì danh niệm Phật, đạo tràng Tịnh độ chuyên tu trì danh niệm Phật đưa tiền vãng sanh như thế nào? Lần này có thể nói là sự thử nghiệm của chúng tôi: không tụng kinh, không trì chú, không khai thị, trừ trường hợp đặc biệt, không tổ chức pháp hội, một câu A-di-đà Phật niệm đến cùng. Thực tế chứng minh, một câu A-di-đà Phật đưa tiền vãng sanh có tác dụng, đơn giản, dễ thực hành, hiệu quả rất tốt. Từ nay về sau, chúng tôi sẽ tiếp tục dùng phương pháp này để đưa tiền vãng sanh.

Ngày 13 tháng 11, ngày thứ 100 lão Bồ-tát Đồng Thụ Trân vãng sanh, chúng tôi cử hành một nghi thức cúng tế ngắn gọn nhưng lại long trọng, năm người con của ông, không thiếu người nào, từ khắp nơi trở về đây cúng tế cha mình, người thân họ hàng và bạn đồng tu có khoảng ba mươi, bốn mươi người tham gia cúng tế, hoa tươi, trái cây cúng tế người thân, đơn giản, trang trọng, trang nghiêm. Cầu mong lão Bồ-tát Đồng thương xót chúng sanh khổ nạn, sớm ngày lái ngược thuyền từ, trở lại Ta-bà, cứu độ chúng sanh khổ nạn lìa khổ được vui. Mong cho con cháu trong thiên hạ đều có thể giống như con cháu của lão Bồ-tát Đồng, hiếu thuận cha mẹ, không quên ơn dưỡng dục của cha mẹ. Cha mẹ nuôi bạn lúc nhỏ, bạn phải phụng dưỡng cha mẹ khi về già, nuôi dưỡng thân thể cha mẹ, để cha mẹ về già có nơi ở; nuôi dưỡng tâm của cha mẹ, để tâm cha mẹ có nơi nương tựa; nuôi dưỡng chí hướng của cha mẹ, để cha mẹ hãnh diện vì bạn. Lúc nào thuận tiện thì nên thường về nhà thăm nom, con cái vĩnh viễn luôn là sự vướng mắc trong lòng cha mẹ. Lời này có thể có người không muốn nghe, nhưng đây là lời thật. Ngài Xá-lợi-phất tám mươi tuổi còn phải trở về bên cạnh mẹ già trăm tuổi, nhập Niết-bàn ở căn phòng nhỏ, nơi mà mẹ nuôi dưỡng ngài khi còn nhỏ.

Câu chuyện có thật đã kể xong rồi, mong là quý vị đồng tu nghe xong có được lợi ích. Vãng sanh thế giới Cực Lạc là chuyện quan trọng nhất trong cuộc đời, nhất định không được lơ là.

Mời xem mấy câu kinh văn tiếp theo:

*“Hưu hữu thù thắng hạnh nguyện, cập niệm huệ lực, tăng thượng kỳ tâm, kiên cố bất động. Tu hành tinh tấn, vô năng du giả”.*

Bốn câu đầu chỉ có tỳ-kheo Pháp Tạng mới có.

*“Thù thắng hạnh nguyện”* là chỉ bốn mươi tám nguyện.

*“Cập niệm huệ lực”* là “ngũ căn, ngũ lực” trong kinh A-di-đà. Điều mục của ngũ căn, ngũ lực đều là tín, tấn, niệm, định, huệ. Ở đây chỉ nói tới hai điều niệm và huệ; hai điều khái quát cả năm điều. Thù là đặc thù, thắng là siêu việt. Siêu phàm thoát tục, hiếm có khó gặp, nên gọi là thù thắng. “Hạnh nguyện”, hạnh là thân hạnh, nguyện là tâm nguyện.

Luận Bồ-đề Tâm nói: “Cầu Bồ-đề là phát tâm Bồ-đề, tu tâm Bồ-đề”. Phát tâm Bồ-đề là nguyện, tu tâm Bồ-đề là hạnh. Cho nên người cầu Bồ-đề phải có nguyện, có hạnh. Tín, nguyện, hạnh là tam tư lương, chẳng thể thiếu một. Tín tâm thù thắng của tỳ-kheo Pháp Tạng đứng hàng đầu. “Hạnh nguyện”, chữ nguyện này rất quan trọng, đây là cốt lõi của tự giác giác tha. Nguyện đến từ tín, có tín tâm thì mới sẵn lòng làm, đó là thành quả của tín tâm, hơn nữa còn phải phát sinh hành động, cho nên nguyện là cốt lõi của thừa tín khởi hạnh.

Vì Phật Di-đà phát thệ nguyện rộng lớn như biển nên gọi là đại nguyện vương. Để chứng biển nguyện này, tỳ-kheo Pháp Tạng tích lũy công đức trong vô lượng kiếp, một lòng trang nghiêm Cực Lạc Tịnh Độ. Do đại nguyện sanh ra đại lực, sanh ra đại hạnh, thành tựu vô số y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc và pháp môn Tịnh độ phổ độ chúng sanh, máu chốt trong đó là “nguyện”.

*“Cập niệm huệ lực”*. Niệm huệ lực là niệm lực và huệ lực trong ngũ lực, cộng thêm tín lực, tinh tấn lực, định lực thì gọi là ngũ lực. Ngũ căn là tín, tinh tấn, niệm, định, huệ; do tu trì nên được tăng trưởng, tăng trưởng sẽ sanh ra sức mạnh, không bị các ma phiền não bên ngoài phá hoại, nên gọi là ngũ lực. Niệm lực, huệ lực trong ngũ lực đặc biệt quan trọng, nên nêu ra đại diện cho ngũ lực. Ngũ lực là ngũ căn tăng trưởng, ngũ căn nâng cấp lên là ngũ lực. Lực này là tự tánh vốn có.



Về niệm lực, đại sư Linh Phong nói: “Niệm căn tăng trưởng, phá các tà niệm, thành tựu hết thảy công đức chánh niệm xuất thế” gọi là “niệm lực”. Niệm căn tăng trưởng này có thể loại trừ tà niệm, hơn nữa còn giúp công đức chánh niệm xuất thế tăng trưởng, sức mạnh này gọi là niệm lực. Có thể giúp chánh niệm tăng trưởng, công đức xuất thế tăng trưởng. Về huệ lực, đại sư nói: “Có thể giá (giá nghĩa là dừng lại) thông hoặc và biệt hoặc, phát sanh vô lậu chân thật, đây là huệ lực”.

-Thông hoặc là:

Một, kiến tư hoặc. Phá kiến tư hoặc gọi là lậu tận, liền chứng A-la-hán.

Hai, trần sa hoặc. Vô lượng bệnh của chúng sanh có vô lượng phương pháp trị bệnh, không biết những điều này thì gọi là trần sa hoặc.

-Biệt hoặc là vô minh hoặc. Đây chỉ là hoặc mà Biệt Giáo Bồ-tát cần phải đoạn, gọi là biệt hoặc.

Cho nên huệ lực có thể dừng kiến tư, trần sa (hai loại thông hoặc) và vô minh hoặc; cũng chỉ là dừng hoặc, không phải trừ tận gốc. Sức mạnh của trí huệ có thể dừng tam hoặc, có thể phát khởi trí huệ chân thật của vô lậu, nên huệ lực rất quan trọng.

“Tăng thượng kỳ tâm”. Hàm nghĩa của tăng thượng là có một sức mạnh có thể giúp tăng trưởng. Cũng giống như chúng ta bón phân, tưới nước, trừ sâu, chiếu sáng cho cây trồng vậy, nó sẽ phát triển, ở đây gọi là “tăng thượng kỳ tâm”.

Kinh Kim Cang nói “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, “tăng thượng kỳ tâm” và “nhi sanh kỳ tâm”, hai chữ “kỳ tâm” này là như nhau, tâm cần tăng thượng chính là “tâm vô sở trụ” trong kinh Kim Cang, cũng chính là tự tâm của bạn, bản diệu minh tâm của bạn, không phải vọng tâm của bạn. “Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, vô sở trụ tức là không có gì cả, sanh tâm gì? Sanh tâm độ chúng sanh. Tâm độ chúng sanh là một, phương pháp độ chúng sanh là thiên biến vạn hóa, đó gọi là gì? Gọi là phương tiện thiện xảo.

Hiện nay, tâm mà chúng ta làm chủ không phải là diệu minh chân tâm, mà là vọng tâm nông nổi, đây là nhận giặc làm cha, nhận giặc làm con, cho nên đúng thật là người đáng thương. Diệu minh chân tâm vốn có của chúng ta giống như mặt trời ở trong mây đen dày đặc, mọi người chỉ thấy được mây đen dày đặc, mà không nhìn thấy ánh sáng mặt trời phía sau mây đen. Cũng giống như tấm gương sáng, bị một

lớp bụi dày che phủ hết mặt gương, vậy thì tấm gương này không thể soi được nữa, lau sạch bụi bẩn thì ánh sáng hiển hiện.

Bởi vì ánh sáng không đến từ bên ngoài nên lúc không thể soi chiếu, ánh sáng cũng không bị tổn thất; sau khi lau sạch sẽ tấm gương, ánh sáng cũng không đến từ bên ngoài, cũng không tăng trưởng, cho nên nói không tăng không giảm, nhưng trước khi bạn lau sạch thì không thể soi; bây giờ có thể soi, như vậy chính là tăng. Đối với bản thể mà nói, không có tăng giảm, hiện tại từ góc độ soi chiếu thì mặt gương sạch sẽ mới có thể soi được. Tăng thượng là chỉ cho tu đức mà nói, tu đức có công, tánh đức mới hiện. Đối với đức của bản thể thì cần phải tu đức mới có thể khiến nó khai hiển, nên xuất hiện “tăng thượng”.

“*Kiên cố bất động*”. Kiên là kiên định; cố là vững chắc, bất động là không lay động. Chí nguyện tín giải, niệm lực và huệ lực của tỳ-kheo Pháp Tạng đều rất kiên cố, không thể lay động, không bị hết thảy làm dao động. Giống như trí tuệ Kim Cang Bát-nhã, có thể phá hết thảy, không bị hết thảy phá, nguyện này kiên cố, không lay động. Kinh Kim Cang nói “như như bất động”, chữ “như” đầu tiên là động từ, chữ “như” phía sau là danh từ. Giống với Chân Như, không lay động, an trụ trong như như bất động. Đây là cách giải thích cho “kiên cố bất động”.

“*Tu hành tinh tấn, vô năng du giả*”. Tinh là tinh thuần, không có ác trực tạp nhiễm, tấn là nâng cấp, tiến bước, chẳng lười biếng; du là vượt hơn. Tỳ-kheo Pháp Tạng tinh tấn tu hành đứng đầu trong đại chúng thế gian vào thời kỳ Thế Gian Tự Tại Vương, không ai có thể sánh bằng ngài, càng không ai có thể hơn ngài, nên gọi là “vô năng du giả”.

Học tập những câu kinh văn trên tôi cảm thấy rất hổ thẹn, tôi học Phật 20 năm nay, tự cho rằng mình là một người tu hành, so với sự phát tâm, phát nguyện, tu hành của tỳ-kheo Pháp Tạng thì thật sự hổ thẹn không dám nhận. So sánh thì mới biết, chúng ta sao được coi là tu hành? Chúng ta thật sự đang tu hành sao? Chúng ta tu điều gì? Hành điều gì? Tôi tự hỏi mình, hai mươi năm nay tôi thọ trì kinh Vô Lượng Thọ, rốt cuộc bộ kinh này giảng điều gì? Viết bản thảo cho lần phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ đầu tiên, viết bản thảo cho chuyên đề giảng tọa kinh Vô Lượng Thọ, viết bản thảo cho lần phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ thứ hai, tôi đã viết rõ chính mình, giảng rõ ràng, tôi nhận được lợi ích, tôi thông suốt rồi.

Kinh Vô Lượng Thọ giảng điều gì? Nói rộng thêm một chút, trong 49 năm Thích-ca Mâu-ni Phật giảng điều gì? Đề kinh của kinh Vô Lượng Thọ đã bao hàm tất cả. Nói ngắn gọn hơn một chút chính là năm chữ: thanh tịnh, bình đẳng, giác. Mọi người nghiêm túc suy nghĩ thử xem, tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, có pháp môn nào có thể ra khỏi năm chữ này? Vào giây phút này tôi mới thật sự hiểu được lời lão pháp sư nói: “Một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu Phật hiệu A-di-đà Phật đã đủ rồi”. Xin chú ý ba chữ “đủ rồi”. Bạn có đồng ý với câu này không? Đồng ý ba chữ này không? Chúng ta học Phật nhất định phải hiểu rõ mục tiêu, phải thành Phật trong đời này, chọn con đường thành Phật trong đời này mà đi; muốn trở thành nhà Phật học, thì chọn con đường trở thành nhà Phật học mà đi; muốn kết duyên với Phật, thì chọn con đường kết duyên mà đi. Mục tiêu khác nhau tự nhiên sẽ chọn con đường khác nhau, bạn đã chọn xong chưa?

Ngẫm lại chính mình học Phật hai mươi năm, muốn dụng công nhưng không biết dụng công, những thứ tìm cầu bên ngoài còn quá nhiều. Ví dụ như hoàn cảnh tu học, luôn muốn tìm một nơi tùy tâm mình, thuận ý mình, tìm nơi thanh tịnh tu hành. Không biết rằng người biết dụng công thì mọi lúc mọi nơi đều là đạo tràng, đều là đạo tràng tu hành, tu hành là tu gì? Tu tâm thanh tịnh, tu như như bất động, đó là “không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước”. Tâm không thanh tịnh, thì nơi nào cũng không thanh tịnh.

Năm 2010, lần đầu tiên tôi đến Hồng Kông gặp sư phụ, sư phụ dặn dò tôi, không những làm tốt chính mình mà còn phải giúp đỡ thiên hạ. Tôi ghi nhớ kỹ lời sư phụ dặn dò, nỗ lực muốn làm thật tốt. Mười năm trôi qua, làm vẫn chưa hài lòng hết thầy mọi người. Tôi chỉ có thể an ủi mình rằng tôi đã tận lực, nhưng chỉ tận lực thôi thì không được. Nghĩ thử xem, chư Phật Bồ-tát đến thế gian này làm gì? Giáo hóa chúng sanh. Mục đích giáo hóa chúng sanh của chư Phật Bồ-tát chỉ có một, Phật quá khứ cũng như vậy, Phật hiện tại cũng như vậy, Phật tương lai cũng như vậy, sẽ không thay đổi. Mục đích là gì? Giúp đỡ hết thầy chúng sanh lìa khổ được vui. Lìa nỗi khổ rốt ráo, thoát khỏi lục đạo luân hồi, thoát khỏi thập pháp giới; được niềm vui rốt ráo, vãng sanh bất thoái thành Phật.

Chính mình có tâm độ chúng sanh, nhưng không có phương pháp độ chúng sanh, có lúc trong lòng nôn nóng. Từ sau khi chồng tôi vãng sanh, tôi liền có cảm giác cấp bách, biểu hiện trên hành động là muốn đốt cháy giai đoạn đối với đồng tu

bên cạnh, hy vọng họ mau chóng chín chắn, mau chóng thành thực. Khi chúng ta độ chúng sanh, đồng thời cũng phải độ chính mình, độ chính mình không chướng ngại độ chúng sanh, độ chúng sanh không chướng ngại độ chính mình, quá trình độ chúng sanh cũng là quá trình giúp chính mình nâng cao. Chúng ta học theo Bồ-tát, học đã giống chưa? Nói từ bản thân tôi, tôi nỗ lực muốn học cho giống, nhưng chưa giống hoàn toàn, tôi phải tiếp tục nỗ lực!

Chúng ta phải hiểu đạo lý này: có thể dùng từ bi đối đãi với hết thảy chúng sanh, như vậy gọi là Thích-ca; có thể dùng thanh tịnh bình đẳng giác đối đãi với người việc vật, như vậy gọi là A-di-đà; đây gọi là tự tánh Thích-ca, tự tánh Di-đà, là danh xưng trong tánh đức của chúng ta. Mỗi một người có thể tự hỏi lại mình: mình đã từ bi chưa? mình đã thanh tịnh chưa? mình đã bình đẳng chưa? mình đã giác chưa? Nếu như bạn từ bi rồi, chúc mừng bạn, bạn là Thích-ca; nếu như bạn thanh tịnh rồi, bình đẳng rồi, giác rồi, chúc mừng bạn, bạn là A-di-đà Phật. Tôi tùy hỷ công đức của bạn!

*Không có tâm từ bi.*

*Bạn là Bồ-tát gì.*

*Chính mình nói thế nào.*

*Đó cũng đều là giả.*

*Bạn có tâm từ bi.*

*Thật lòng thương chúng sanh.*

*Không cần chính mình nói.*

*Bạn là Bồ-tát thật.*

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 26

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem bài kệ tụng tiếp theo:

**Như Lai vi diệu sắc đoan nghiêm  
Nhất thiết thế gian vô hữu đẳng  
Quang minh vô lượng chiếu thập phương  
Nhật nguyệt hỏa châu giai nặc diệu.**

*Như Lai vi diệu sắc đoan nghiêm  
Hết thấy thế gian không ai bằng  
Quang minh vô lượng chiếu mười phương  
Nhật, nguyệt, hỏa, châu đều ẩn sáng.*

Bài kệ này tán thán đức của Phật, tán thán tướng hảo quang minh của Phật.

“Như Lai” là chỉ Thế Gian Tự Tại Vương Phật. “Sắc” là sắc tướng. “Đoan” là đoan chánh. “Nghiêm” là trang nghiêm. Trang nghiêm là tốt đẹp, trong Phật pháp gọi là trang nghiêm tốt đẹp, không ai có thể sánh bằng. Chư Phật Bồ-tát đều là mỹ nam tử, sắc đẹp cũng là phương pháp tiếp dẫn chúng sanh của Phật. Rất nhiều người nhìn thấy Phật rồi không rời khỏi, ngài thật quá đẹp!

Các đồng tu đã đọc qua kinh Lăng-nghiêm đều biết, tại sao tôn giả A-nan lại xuất gia? Bởi vì nhìn thấy tướng mạo của Phật đẹp quá, A-nan nghĩ, Phật đẹp như vậy, không thể nào do cha mẹ sanh ra được, nhất định là do tu được, A-nan cũng muốn đẹp như Phật, cho nên theo Phật xuất gia, xem thử Phật tu hành phương pháp gì mà tu được đẹp như vậy. Phạm phu đều có tâm tham cầu sắc đẹp, nên Phật dùng phương pháp này để dẫn dụ mọi người. Người xưa nói: “Sắc đẹp có thể khiến người ta quên đời”, Phật liền dùng tướng hảo làm phương pháp, cho nên chư Phật Bồ-tát đều đẹp.

“Sắc” trong bài kệ tụng này là sắc tướng, sắc tướng này là nói sắc tướng cõi Thật Báo Trang Nghiêm và Báo thân của Phật đều “vi diệu”, “đoan nghiêm”. Vi diệu là trí tuệ. Phẩm Tích Lũy Công Đức trong kinh Vô Lượng Thọ, sau khi tỳ-kheo Pháp Tạng phát nguyện trước Phật, liền “trụ chân thật huệ.... nhất hướng chuyên chí

trang nghiêm diệu độ”. Có thể chứng minh nguyên nhân thế giới Cực Lạc trang nghiêm đẹp đẽ hơn mười phương cõi nước chư Phật là do đại trí tuệ của tỳ-kheo Pháp Tạng lưu hiện ra.

Vãng Sanh Luận nói: thế giới Cực Lạc Phật trang nghiêm, Bồ-tát trang nghiêm, cõi Phật trang nghiêm.... đều vào trong một câu thanh tịnh, trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Cũng nói sự trang nghiêm của thân Phật, cõi Phật đều đến từ trí tuệ chân thật, cho nên đẹp đẽ mới lạ, trang nghiêm không thể nghĩ bàn.

“Vi” là tinh vi, nghĩa là tinh diệu và vi tế. Tâm của chúng sanh thô không thể nhập tế, diệu tướng của Phật có vô lượng trang nghiêm, nhưng chúng sanh lại không thể phát giác. “Diệu” là tuyệt diệu, có nghĩa là không thể sánh bằng, không thể nghĩ, khen ngợi không sao bằng được. Chữ diệu lại thêm vào chữ vi, càng vi diệu tột cùng.

*“Nhất thiết thế gian vô hữu đẳng”.*

Nhất thiết thế gian ở đây là chỉ hết thảy cõi nước trong mười phương. Tỳ-kheo Pháp Tạng khen ngợi sự vi diệu đoan nghiêm của Báo thân, Báo độ, sắc tướng của Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai; các thân, các cõi trong hết thảy thế giới mà tỳ-kheo Pháp Tạng có thể thấy được đều không thể sánh bằng. Bài kệ tán Phật mà chúng ta thường đọc “chỗ con thấy được khắp mười phương, hết thảy không đâu bằng chư Phật” cũng chính là ý này.

*“Quang minh vô lượng chiếu thập phương  
Nhật nguyệt hỏa châu giai nặc diệu”.*

Đây là tán thán trí tuệ quang minh của Phật. Phật có quang minh, phàm phu không thể nhìn thấy Phật quang, không phải Phật quang không chiếu chúng ta, mà do chính chúng ta có chướng ngại.

Quang minh có hai ý nghĩa:

Một, là thân quang, phóng quang, là hào quang trên hình tướng.

Hai, là đại biểu cho trí tuệ. Trí tuệ của Phật rộng lớn viên mãn, trọn khắp mười phương thế giới rộng lớn. Nơi Phật quang chiếu tới, ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, lửa, châu ngọc đều “nặc diệu”. “Nặc” là ẩn tàng; “diệu” là ánh sáng. Trong ánh Phật quang, ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, lửa, châu ngọc đều không hiển hiện. Ví như trăng sáng sao thưa, ánh trăng sáng rõ thì sẽ nhìn thấy ít sao hơn.

“Châu” là ngọc Ma-ni, cũng gọi là ngọc Như Ý, có ánh sáng rực rỡ. Hội Sớ nói: “Vật sáng nhất trong muôn vật không gì hơn được ngọc Ma-ni”. Muôn vật trên thế gian, ánh sáng của chúng chiếu rọi rực rỡ cũng không thể hơn được ngọc quý Ma-ni, nhưng trong Phật quang, ánh sáng của ngọc Ma-ni cũng không thể hiện ra. Trong quang minh của Phật hiển thị sự thanh tịnh, bình đẳng, trí tuệ, từ bi. Một câu này đã bao hàm vạn đức vạn năng của Như Lai trên quả địa. Tánh đức của Phật như vậy, tánh đức của chúng ta cũng không khác với Phật. Tánh đức của Phật hiển lộ ra, tánh đức của chúng ta bị ẩn tàng, ẩn tàng trong vọng tưởng, chấp trước, phiền não.

Vì vậy, nếu có người hỏi bạn Phật pháp là gì? Nội dung của Phật giáo là gì? Câu trả lời rất đơn giản: Phật pháp dạy chúng ta nhận biết chính mình, nhận biết hoàn cảnh sinh sống của mình; nội dung của Phật giáo là dạy chúng ta khôi phục trí tuệ bản tánh của chính mình. Chỉ vậy mà thôi.

Mời xem bài kệ tụng tiếp theo:

**Thế Tôn năng diễn nhất âm thanh**

**Hữu tình các các tùy loại giải.**

**Hựu năng hiện nhất diệu sắc thân**

**Phổ sử chúng sanh tùy loại kiến.**

*Thế Tôn hay diễn một âm thanh*

*Hữu tình tùy loại đều hiểu được*

*Lại hiện ra một diệu sắc thân*

*Khiến khắp chúng sanh tùy loại thấy.*

Trong bài kệ tụng này, tán thán đức năng, sự từ bi của Phật, cũng là tác dụng của tánh đức. Như Lai diễn thuyết, trong một âm thanh có thể khiến cho chúng sanh trong khắp pháp giới tùy theo ngôn ngữ của từng loài mà hiểu được. Bạn thấy như vậy hay biết bao, không cần phiên dịch. Trong một âm thanh bao hàm vô biên diệu dụng, trong một có nhiều, chính là cảnh giới sự sự vô ngại trong Hoa Nghiêm. Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện nói: “Lời nói Như Lai đều thanh tịnh, một lời đầy đủ biến âm thanh, tùy âm ưa thích của chúng sanh, mỗi một tiếng biến biện tài Phật”. Lời bài kệ này cũng giống như kinh này.

Ngôn ngữ trên thế gian, bởi vì tiếng địa phương khác nhau, trình độ không bằng nhau, nên người nghe thường thì nghe thấy cũng như không nghe thấy. Thế

nhưng lời nói của Như Lai không có chướng ngại này, tất cả đối tượng nghe thấy, cho dù là người địa phương này, hay người địa phương khác, là người trí hay người ngu, là người hay thú đều vui vẻ hiểu được. Mấu chốt ở chỗ lời nói của Như Lai là lời thanh tịnh, câu thanh tịnh, là âm thanh vi diệu lưu xuất từ tự tánh lìa cấu vô nhiễm. Vì vậy trong mỗi âm thanh đều là toàn bộ tánh đức, bao hàm vô biên diệu dụng, có thể bao gồm biện tài của Phật, đương nhiên bao gồm ngôn ngữ mà hết thảy chúng sanh muốn nghe, mỗi một chúng sanh đều có thể đạt được phần tương ứng của mình, hoan hỷ khai giải.

*“Hựu năng hiện nhất diệu sắc thân  
Phổ sử chúng sanh tùy loại kiến”.*

Phật có năm loại thân:

Một, Pháp thân, là lý thể của trung đạo, lìa khỏi hết thảy hý luận, đầy đủ vô biên công đức thanh tịnh chân thật, là cảnh giới của Phật.

Hai, Báo thân, bậc Bồ-tát từ Sơ địa trở lên mới thấy được.

Ba, Ứng thân, chỉ cho thân Phật hiện tám tướng thành đạo.

Bốn, Hóa thân, chỉ cho thân Phật hóa hiện thông thường.

Năm, Đẳng lưu Thân, là thân do Phật thị hiện cùng một hình dáng với trời, người, quỷ, súc sanh v.v... có thể giúp cho chúng sanh dị loại cũng có thể thấy Phật. Ví dụ như Tiêu Diện Đại sĩ là Quán Âm Bồ-tát hiện thân quý vương. Có thể khiến chúng sanh cõi quỷ được thấy ngài và nghe pháp.

Hiện nay, Phật hiện ra một sắc thân vi diệu, có thể khiến cho các loài chúng sanh tùy theo hình thể riêng biệt có thể nhìn thấy để thấy được Phật. Phía trước nói âm thanh, phía sau nói thân tướng, cùng biểu hiện sự sự vô ngại trong Hoa Nghiêm và công đức không thể nghĩ bàn.

Bài kệ tụng tiếp theo là tỳ-kheo Pháp Tạng phát nguyện.

Mời xem đoạn đầu tiên “nguyện thanh đồng Phật”. Mời xem kinh văn:

**Nguyện ngã đắc Phật thanh tịnh thanh  
Pháp âm phổ cập vô biên giới  
Tuyên dương Giới, Định, Tinh tấn môn**



## **Thông đạt thậm thâm vi diệu pháp.**

*Nguyện con được tiếng Phật thanh tịnh*

*Pháp âm phổ cập vô biên cõi*

*Tuyên dương môn Giới, Định, Tinh tấn*

*Thông đạt thậm thâm vi diệu pháp.*

[Bài kệ] trên đây là tán thán công đức của Phật. Từ đoạn này trở xuống là tỳ-kheo Pháp Tạng phát đại thệ nguyện.

Phát nguyện rất quan trọng, tổ sư của Liên tông là đại sư Tĩnh Am nói: “Việc quan trọng khi tu hành là trước tiên phải lập nguyện. Lập nguyện thì có thể độ chúng sanh, phát tâm thì có thể thành Phật đạo... Muốn học Như Lai Thừa, trước tiên nhất định phải cụ phát nguyện Bồ-tát, không thể chậm trễ”. “Cụ phát” nghĩa là toàn phát, phải hoàn toàn phát khởi đại nguyện Bồ-tát tự giác giác tha. Bởi vì muốn giác tha, trước tiên chính mình phải giác ngộ. Chúng ta muốn giúp người khác tỉnh ngộ, muốn đánh thức người khác khỏi giấc mộng, chính mình nhất định phải tỉnh táo. Cho nên muốn độ chúng sanh, trước tiên phải tự giác. Hiện nay, mặc dù rất nhiều người có tâm độ chúng sanh, nhưng chính mình vẫn còn mê mờ, còn nhiều tật xấu lại muốn hoằng pháp lợi sanh, điều này đích thực là xa rời thực tế.

Ví dụ: một người muốn làm bác sĩ chữa bệnh cho người khác, nhưng lại không nghiên cứu y học, cũng không có kinh nghiệm lâm sàng. Bạn như vậy mà làm bác sĩ, chắc chắn sẽ phạm hai sai lầm: một là không có giấy phép hành nghề; hai là thầy lang bẫm hại chết người. Chẩn đoán sai lầm, hại chết bệnh nhân. Mặc dù xuất phát từ tâm tốt, đáng tiếc là hoàn toàn trở thành việc xấu. Mạng người quan trọng, sao có thể coi thường. Nhưng huệ mạng còn quan trọng hơn sanh mạng của một người, nên muốn giác tha trước tiên phải tự giác.

Hiện nay có một chuyện cần được các bạn đồng tu chú ý, bất kể xuất gia hay tại gia, chỉ dẫn người khác tu hành như thế nào, học Phật như thế nào, nhất định phải dựa vào kinh điển, nương theo lời dạy của tổ sư đại đức mà chỉ dạy họ, không thể chỉ dạy họ theo tri kiến của chính mình. Thích làm thầy người khác, chỉ dẫn sai lầm cho chúng sanh, thậm chí còn đoạn pháp thân huệ mạng của người khác, nhất định không thể! Tuyệt đối không thể! Đưa tiền vãng sanh là chuyện vô cùng nghiêm túc,

không thể có chút sơ suất nào, chúng ta phải chịu trách nhiệm về pháp thân huệ mạng của một người.

*“Nguyện ngã đắc Phật thanh tịnh thanh  
Pháp âm phổ cập vô biên giới”.*

Đoạn này hoàn toàn thể hiện mối quan hệ giữa giác tha và tự giác. Âm thanh của Phật hay, âm thanh dùng để thuyết pháp, nên trước tiên tỳ-kheo Pháp Tạng cầu âm thanh của mình giống với Phật, “nguyện được tiếng thanh tịnh của Như Lai”, “thanh tịnh là không có lỗi lầm ác hạnh, lìa cấu nhiễm phiền não”, đây gọi là thanh tịnh. Phật có thể dùng một âm thanh khiến cho hết thảy chúng sanh đều hiểu được, do đó tỳ-kheo Pháp Tạng nguyện có thể có được công đức giống như vậy, cũng có thể dùng tiếng thanh tịnh tuyên dương diệu pháp trọn khắp “vô biên giới”.

Giới có hai nghĩa:

Một, không gian, ở đây biểu thị cõi nước.

Hai, chủng loại, biểu thị tầng lớp của con người trong công việc và cuộc sống. Ví dụ như thế gian thường nói giới chính trị, giới thương nhân, nhân sĩ các giới. Bởi vì âm thanh của Phật thanh tịnh, tự nhiên lưu xuất từ trong biển trí tuệ của Phật, không hề có bất kỳ tư tâm, tạp niệm, vọng tưởng, chấp trước nào, nên có thể tuyên lưu pháp âm, truyền đạt đến hết thảy thế giới, lợi ích vô lượng vô biên các loài chúng sanh khác nhau. Để có thể lợi ích chúng sanh vô hạn, tỳ-kheo Pháp Tạng nguyện cầu công đức vô biên.

*“Tuyên dương Giới, Định, Tinh tấn môn”.*

Phía trước nói pháp âm, không biết pháp âm là gì? Pháp âm chính là “tuyên dương Giới, Định, Tinh tấn”. Trong Lục độ tại sao không cần những điều khác, mà đặc biệt đề xướng tinh tấn? Chỉ nói giới, định trong Tam học, không nhắc tới tuệ, dụng ý rất sâu xa. Học Phật bắt đầu học từ đâu? Trước tiên phải biết Phật là gì? Nội dung thật sự của Phật pháp là dạy chúng ta nhận biết chính mình, nhận biết hoàn cảnh sống của chính mình. Chính mình là nhân sinh, hoàn cảnh là vũ trụ. Phải biết rõ chân tướng của chính mình và hoàn cảnh, biết được chân tướng chính là khai ngộ; không biết chân tướng là “mê”, mê hoặc điên đảo.

Rộng thuyết diệu pháp, trước tiên là “tuyên dương Giới, Định, Tinh tấn môn”. Giới, Định, Tinh tấn là ba độ trong Lục độ. Giới là điều đầu tiên trong Tam vô lậu

học (giới định tuệ) và trong Lục độ vạn hạnh, giới là tầng đầu tiên của bảo tháp. Trong thời không có Phật, chúng sanh phải “lấy giới làm thầy”, có thể chứng minh giới luật vô cùng quan trọng. Cho nên chữ đầu tiên mà tỳ-kheo Pháp Tạng muốn thuyết pháp lợi sanh là chữ “giới”.

*“Thông đạt thậm thâm vi diệu pháp”.*

Ý nghĩa của câu kệ này rất sâu xa, đáng để mọi người nhận thức tường tận. “Thậm thâm vi diệu pháp” là gì? Xin hãy chú ý! Ba từ thậm, thâm, vi diệu; dùng ba từ này cùng lúc để hình dung cho một pháp, có thể thấy được pháp này không tầm thường. “Thông đạt thậm thâm vi diệu pháp”, “pháp này được mười phương chư Phật tán thán, trì danh niệm Phật là pháp vô thượng thậm thâm”. Trong vô lượng vô biên pháp môn, trì danh niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, đích thực là pháp vi diệu thậm thâm. Mười phương chư Phật đều tán thán, không vị Phật nào không tán thán. Tán thán điều gì? Tán thán trì danh niệm Phật, vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, pháp này là pháp vô thượng thậm thâm, thật quá hiếm có, là đại pháp siêu việt thù thắng nhất trong hết thảy pháp.

Chúng ta học Phật, niệm Phật nhiều năm như vậy, mấy ai biết được công đức vô thượng của câu Phật hiệu này? Bởi vì không biết công đức của câu Phật hiệu lớn như vậy, nên không thể sanh khởi tín tâm đối với pháp môn này. Nếu như thật sự biết được công đức của câu Phật hiệu này thù thắng và không thể nghĩ bàn, bạn sẽ sanh tâm hoan hỷ không gì sánh bằng đối với trì danh niệm Phật, bạn sẽ coi đó là châu báu, không chịu buông tay. Thực sự giống như lời người xưa nói, “từ vô lượng kiếp đến nay hiếm có khó gặp”.

Lần này tiền Đồng lão Bồ-tát, cha chồng của Bồ-đề Tâm vãng sanh, các đồng tu thay phiên nhau trợ niệm không gián đoạn, trợ niệm 37 ngày, 888 tiếng đồng hồ, tinh thần sung mãn, không biết mệt mỏi, đây là loại sức mạnh gì? Là công đức của Phật hiệu không thể nghĩ bàn! Sau khi tiền ông ấy ra đi, đồng tu đã rời khỏi nhà hơn một tháng, đáng lẽ nên trở về nghỉ ngơi, nhưng họ lại không chịu về, kiên trì niệm thêm 49 ngày. Có người nói, lần niệm Phật này không giống trước đây, niệm tới mức nghiệm rồi. Tại sao vậy? Họ niệm ra pháp hỷ, nắm được pháp vị, đây mới là niệm Phật thật sự. Nếu sau khi những vị đồng tu này trở về có thể tiếp tục kiên trì, niệm Phật một năm thì công phu thành phẩm cũng không thành vấn đề. Công phu vừa

thành phỉến thì chúc mừng bạn, bạn thoát khỏi lục đạo rồi, bạn đã chứng đắc quả vị [Sơ quả] La-hán. Nhớ kỹ, không gián đoạn, không xen tạp, không hoài nghi.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Trí tuệ quảng đại thâm như hải  
Nội tâm thanh tịnh tuyệt trần lao  
Siêu quá vô biên ác thú môn  
Tốc đáo Bồ-đề cứu cánh nạn  
Vô minh, tham, sân, giai vĩnh vô  
Hoặc tận, quá vong, tam-muội lực.**

*Trí tuệ rộng lớn sâu như biển  
Nội tâm thanh tịnh tuyệt trần lao  
Vượt khỏi vô biên cửa ác thú  
Mau đến bờ Bồ-đề rốt ráo  
Vô minh, tham, sân vĩnh viễn dứt  
Hoặc tận, lỗi hết, tam-muội lực.*

Sáu câu kệ tụng này là câu trí tuệ. Sáu câu này mở đầu bằng trí tuệ, kết thúc bằng định, hàm nghĩa vô cùng sâu sắc.

Học Phật không thể không có trí tuệ, không chỉ học Phật cần có trí tuệ, mà tu phước cũng cần có trí tuệ. Không có trí tuệ thì không thể phân biệt là phước hay họa, cũng không có khả năng phân biệt thật giả, tà chánh, thiện ác, thị phi, coi giả thành thật, coi ác thành thiện. Xã hội hiện nay khắp nơi đều như vậy. Trắng đen đảo lộn, tự cho mình là đúng, thế có nguy không! Tỳ-kheo Pháp Tạng hiểu rõ, giáo hóa chúng sanh nếu chỉ có năm độ phía trước thì không đủ, nhất định phải lấy Bát-nhã làm đầu. Giúp chúng sanh có thể thông đạt Bát-nhã mới là bản ý của ngài Pháp Tạng. Để chúng sanh thông đạt Bát-nhã, trước tiên chính mình nhất định phải “trí tuệ rộng lớn sâu như biển”. Điều này chứng tỏ giác tha thì nhất định phải tự giác trước, vì giác tha nên mới tự giác, đây là chỗ khác biệt với Nhị thừa.

Trước tiên chúng ta cùng xem kinh điển và các vị tổ sư đại đức nói về Bát-nhã như thế nào. Kinh Tiểu Phẩm Bát-nhã ba-la-mật-đa nói: “Trí Tát-bà-nhã của chư Phật Như Lai đều từ Bát-nhã ba-la-mật sanh ra”, “hết thấy trí tuệ của chư Phật cũng từ Bát-nhã ba-la-mật sanh ra”, “vào thời đại không có Phật, hết thấy thiện hạnh,

chánh hạnh đều từ Bồ-tát sanh ra. Sức phương tiện của Bồ-tát đều từ Bát-nhã ba-la-mật sanh ra”. Từ đó thấy được, phương tiện trí tuệ của hết thầy Phật Bồ-tát đều từ Bát-nhã sanh ra, cho nên Bát-nhã được gọi là mẹ của chư Phật.

Vậy thì Bát-nhã là gì? Trong Vãng Sanh Luận Chú, đại sư Đàm Loan nói: “Bát-nhã là trí tuệ đạt đến Chân Như”. Thông đạt Chân Như, trí tuệ đạt đến Chân Như thì gọi là Bát-nhã. Đây không phải là bất kỳ trí tuệ nào của thế gian, không phải bàn thuyết pháp như nước chảy mây trôi, không phải là viết luận văn, nhiều tác phẩm nổi tiếng, sách vở chồng chất, mà là trí tuệ thông đạt Chân Như.

Đại Thừa Nghĩa Chương giải thích chữ tuệ là “thể chân tâm sáng tỏ, tự tánh chẳng tăm tối, nhìn thấy [những điều đó] là tuệ”. Điều này nói rõ minh tâm kiến tánh mới là trí tuệ. Có người hiểu lầm rằng thế trí biện thông là trí tuệ, điều này hoàn toàn ngược lại, thế trí biện thông là chướng ngại lớn nhất của người tu đạo. Một người rất thông minh, rất sành đời, rất có mưu kế, rất thủ đoạn, khôn khéo linh hoạt, có tài ăn nói, đây là thế trí biện thông, là một trong tám nạn. Tám nạn là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, Bắc Câu Lô Châu, trời Vô Tướng, đui điếc câm ngọng, thế trí biện thông, sanh trước và sau Phật. Thế trí biện thông cũng giống như ngồi chung một băng ghế với người bị bệnh thân kinh vậy, đây không phải là ưu điểm mà là khuyết điểm. Thông thường mà nói, mọi người không muốn kết giao quá nhiều với người như vậy, càng không muốn làm bạn với họ.

Tuệ là gì? Câu đầu tiên là “thể chân tâm sáng tỏ”, bản thể chân tâm của quý vị sáng tỏ; “tự tánh chẳng tăm tối”, tự tánh là bản tánh của chính mình, tối tăm là vô minh. Loại trừ vô minh, cũng là lìa xa si ám. Tự tánh hiển hiện sáng tỏ, như vậy gọi là tuệ.

Gia Tường Sớ nói: “Thấu hiểu năm độ đầu là hạnh, không thể thoát khỏi sanh tử, cần phải có trí tuệ thông hiểu cội nguồn mới có thể ra khỏi”, ý muốn nói chỉ tu năm độ phía trước thì vẫn không thể thoát khỏi biển khổ sanh tử, nhất định phải nhờ vào sức mạnh của trí tuệ, thông đạt khai giải cội nguồn của bản tâm bản tánh vốn sẵn có, cũng tức là thấu suốt triệt để bản tâm của mình, thấy rõ bản tánh của mình thì mới có thể thoát khỏi.

Ba cách giải thích này đều cùng một tông chỉ. Ngài Gia Tường lại chỉ ra rằng năm độ cần thêm Bát-nhã thì mới có thể đến bờ bên kia.

Kinh Tiểu Phẩm Bát-nhã nói: “Năm ba-la-mật trụ trong Bát-nhã ba-la-mật mà được tăng trưởng. Vì được Bát-nhã ba-la-mật hộ trì, nên được hướng đến Tát-bà-nhã, này A-nan, thế nên Bát-nhã ba-la-mật là sự chỉ dẫn của năm ba-la-mật”. Cho nên người thời Mạt pháp tu hành thì nhất định phải: “Bát-nhã là sự chỉ dẫn, Tịnh độ là nơi nương về”. Lời này đều là căn cứ theo thánh ngôn lượng. Bạn học Phật có thể học ra trí tuệ, đồng thời có thể áp dụng trí tuệ vào cuộc sống, áp dụng vào đối nhân xử thế tiếp vật thì bạn là người học Phật thật sự, tôi khen ngợi bạn, bạn thật quá giỏi.

Có người học Phật, học Phật quá cứng nhắc, không linh động, không những chính mình phiền não, còn mang lại phiền não cho người khác. Tại sao lại như vậy? Vì không có trí tuệ. Ngoan cố kiên trì ngã tri ngã kiến, và đồng thời dùng ngã tri ngã kiến để đối nhân xử thế tiếp vật. Phải buông xuống pháp thế gian, cũng phải buông xuống Phật pháp. Hiện nay chúng ta đang ở giữa đường, vẫn chưa tới đích đến. A-la-hán là trạm đầu tiên, Bồ-tát là trạm thứ hai, Phật là đích đến. Hiện nay chúng ta còn chưa đến trạm đầu tiên, nên vẫn cần Phật pháp, bỏ thế gian pháp. Cần Phật pháp, nhưng Phật pháp có nhiều môn, tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, Phật nói với chúng ta chỉ có thể chọn một. Rất nhiều con đường, bạn chỉ có thể đi một con đường, bạn không thể đi hai con đường, cho dù là hai con đường cùng một phương hướng, cùng một mục tiêu nhưng vẫn là đường hiểm, con đường nguy hiểm, chi bằng chọn một con đường, một con đường thỏa đáng, bạn nhất định sẽ đi đến đích.

Cho nên Phật pháp đề xướng “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”, đi một con đường đến cùng thì có thể được tam-muội, công phu tam-muội sâu rồi tự nhiên khai mở trí tuệ.

Bồ-tát từ bi cứu khổ cứu nạn, tất cả hành vi của các ngài, tạo tác của thân khẩu ý đều không để ở trong tâm, trong tâm các ngài là điều gì? Là giới định tuệ, trong giới định tuệ có vui vẻ, gọi là pháp hỷ sung mãn. Giới là gì? Tâm thanh tịnh; Định là gì? Tâm bình đẳng; Tuệ là gì? Giác mà không mê, chính là “Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác” trên đề kinh của chúng ta. Các ngài hưởng thụ điều gì? “Đại thừa”, “Vô Lượng Thọ”, “Trang Nghiêm”. Đại thừa là trí tuệ, không gì không biết, không gì không thể, pháp hỷ sung mãn. Vô Lượng Thọ là phước báo, phước báo viên mãn, phước báo đầu tiên trong các phước báo là thọ mạng. Nếu như không có thọ mạng, phước báo có lớn đến đâu bạn cũng không cách nào thọ dụng được. Thọ mạng là

đức đầu tiên trong phước báo. Trang Nghiêm là tự tại, được đại tự tại, sự trang nghiêm thù thắng không gì sánh bằng.

Phật có trí tuệ, phát tâm độ chúng sanh, trên độ Đẳng giác Bồ-tát, Thập Địa Bồ-tát, dưới độ chúng sanh địa ngục, chỉ cần hữu duyên thì ngài độ hết. Chỉ cần có cơ hội, trong cơ hội quan trọng nhất là họ chịu học, họ nghe lời, vậy thì phải giúp họ, không giúp họ thì có lỗi với họ. Nếu họ không tin tưởng, không nghe lời bạn, thì duyên này chưa chín muồi, không cần phải tìm họ, tìm họ ngược lại sẽ tạo thành chướng ngại, họ phản cảm. Vì vậy, phương pháp độ chúng sanh phải linh hoạt, họ có căn tánh như thế nào, họ có trình độ như thế nào, hằng thuận chúng sanh. Vô lượng pháp môn của Phật ứng với vô lượng căn tánh của chúng sanh, giúp chúng sanh mỗi mỗi đều có thể được độ. Đây là điều mà chúng ta phải học tập, không nên miễn cưỡng.

Chí đồng đạo hợp có thể chung sống với nhau, xây dựng một tăng đoàn nhỏ. Đoàn thể nhỏ này là tấm gương cho các đoàn thể nhỏ trong xã hội. Tại sao vậy? Trong đoàn thể nhỏ này coi trọng Lục hòa, từ trong Lục hòa có thể đạt được luân lý, đạo đức, nhân quả, giáo dục thánh hiền; trong đoàn thể nhỏ này có thể học được hết thầy, đoàn thể này cống hiến lớn nhất cho xã hội, đất nước, nhân loại. Đây gọi là hành Bồ-tát đạo. Tại sao phải làm như vậy? Bởi vì đồng thể đại bi, vô duyên đại từ. Bạn làm như vậy có mục đích gì? Không có mục đích gì, hoàn toàn tương ưng với tánh đức. Cho nên tăng đoàn Đại thừa của Phật giáo là tự tánh lưu lộ, không có chút gì vì chính mình. Thành Phật cũng là vì độ chúng sanh, không phải vì chính mình.

Có người hỏi tôi, cô có mục đích gì? Tôi vô cùng thân nhiên trả lời rằng: tôi cổ vũ và xưng tán Tịnh độ! Hết thầy thành tựu đều cống hiến cho chúng sanh, cá nhân tôi không có công lao gì.

Tu hành ở chỗ nào? Sáu căn tu trong cảnh giới sáu trần. Thuận cảnh, thiện duyên tu không tham; nghịch cảnh, ác duyên tu không sân hận. Chung sống với hết thầy chúng sanh nhất định không nói lời ác làm việc ác, tuyệt đối không đố kỵ chướng ngại. Cả đời của Thích-ca Mâu-ni Phật đã làm tấm gương tốt nhất cho chúng ta. Cả đời chăm chỉ dạy học, không có đạo tràng. Cả đời lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không chăm chỉ dạy học, không có đạo tràng. Lão pháp sư là tấm gương tốt nhất về việc học Phật Thích-ca, đi con đường của Phật Thích-ca, hoằng dương pháp của Phật Thích-ca, là vị thánh tăng có thể gặp nhưng không thể cầu trong thời nay. Ngài đã

có sự cống hiến rất lớn, không thể phai mờ trong sự nghiệp giáo dục Phật-đà. Ngài là sứ giả hòa bình của thế giới, là Phật Bồ-tát cứu khổ cứu nạn.

Tôi học theo Thích-ca Mâu-ni Phật, tôi học theo lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không, tôi cũng không có đạo tràng. Có thể có đồng tu sẽ hỏi, tiểu viện Lục Hòa không phải là đạo tràng của cô sao? Tôi trình trọng tuyên bố với mọi người, tuyệt đối đừng hiểu lầm, tiểu viện Lục Hòa không phải là đạo tràng của tôi, tiểu viện Lục Hòa là đạo tràng chung của pháp giới chúng sanh do cư sĩ hộ pháp Bồ-đề Tâm phát đại tâm, phát đại nguyện vì pháp giới chúng sanh mà kiến lập. Tôi có quan hệ gì với đạo tràng này? Bốn chữ: mượn dùng, ở tạm. Hoan nghênh tôi đến ở thì ở thêm vài ngày, không hoan nghênh tôi đến ở, tôi đi ngay lập tức. Bạn xem, như vậy tự tại biết bao!

Hiện tại các đồng tu cung kính tôi, đều gọi tôi là cô giáo, thật sự hổ thẹn không dám nhận! Tôi có đức hạnh và năng lực gì mà nhận danh xưng nặng tựa ngàn cân này? Tôi chỉ có thể phục vụ cho chúng sanh tốt hơn để báo đáp mọi người. Tạm thời trà trộn vào làm cô giáo mấy ngày cho đủ số mà thôi! Chỉ mong không chỉ dẫn sai mọi người.

Tâm Kinh nói: “Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm sâu, ngài soi thấy năm uẩn đều không, vượt qua hết thấy khổ ách”, phương pháp tu hành này đều nằm trong cuộc sống thường ngày, mặc áo ăn cơm, đối nhân tiếp vật, bất kể làm ngành nghề gì, qua lại với hết thấy người vật việc, bất kể là thiện duyên hay ác duyên, duyên là hoàn cảnh nhân sự, đối với người tốt, đối với người xấu; ngoài đối xử với người ra, đối với vật, đối với việc, đối với hết thấy sự vật, đây đều là đạo tràng tu hành của chúng ta. Tu gì? Cao nhất là không khởi tâm không động niệm, nhìn thấy rõ ràng, nghe được rõ ràng, đây là trí tuệ, trí tuệ Bát-nhã sẵn có trong tự tánh. Mặc dù nhìn rõ ràng, nghe rõ ràng, nhưng không khởi tâm động niệm, đây là chân tâm khởi dụng. Chân tâm khởi dụng chính là Phật và Pháp thân Bồ-tát, dưới Pháp thân Bồ-tát thì không làm được.

“Nhìn cho thấu, buông cho được”, nhìn thấu, hiểu rõ, không hiểu rõ thì bạn sẽ không buông xuống, hiểu rõ rồi bạn sẽ buông xuống. Hiểu rõ điều gì? Soi thấy năm uẩn đều không, vượt qua hết thấy khổ ách. Không phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm thì vượt qua hết thấy khổ ách rồi.



Để tôi kể cho mọi người nghe câu chuyện hai chú chó con thi đua tu hành. Có hai chú chó con, một con tên là Vượng Vượng, khôn ngoan; một con gọi là Bồn Bồn, khờ khạo. Hai chú chó con này là đồng tu. Có một hôm, Vượng Vượng nói với Bồn Bồn, hai chúng ta thi đua được không?

Bồn Bồn hỏi: thi gì?

Vượng Vượng nói: thi tu hành?

Bồn Bồn nói: tu hành thi như thế nào?

Vượng Vượng nói: thi học thuộc kinh Phật.

Bồn Bồn nói: được thôi, vậy thì học thuộc kinh Phật. Nhưng mà học bộ kinh nào đây?

Vượng Vượng nói: trước tiên học Tâm Kinh, bạn đọc thuộc trước đã.

Thế là Bồn Bồn đọc thuộc một câu “soi thấy năm uẩn đều không”, rồi nói: mình học thuộc xong rồi, bạn học thuộc đi.

Vượng Vượng nói: sao bạn chỉ học thuộc một câu vậy?

Bồn Bồn nói: mình chỉ thuộc một câu này, một câu này là đủ rồi.

Vượng Vượng thuận thực đọc thuộc hết cả bộ Tâm Kinh một lần.

Ngày thứ hai, ngày thứ ba, liên tục trong nhiều ngày, mỗi ngày Bồn Bồn cũng chỉ thuộc một câu “soi thấy năm uẩn đều không”. Vượng Vượng thì học thuộc hết bộ kinh này tới bộ kinh khác, mỗi lần học thuộc xong một bộ kinh, Vượng Vượng đều nói với Bồn Bồn một câu “bạn thật ngốc”. Vài năm sau đó, việc học thuộc kinh của Bồn Bồn cũng không chút tiến bộ, vẫn chỉ biết một câu “soi thấy năm uẩn đều không”.

Có một ngày, Bồn Bồn nói với Vượng Vượng: mình đã soi thấy năm uẩn đều không rồi, mình phải về nhà đây.

Vượng Vượng hỏi: bạn về nhà nào?

Bồn Bồn trả lời: thế giới Tây Phương Cực Lạc đó.

Ba ngày sau Phật tới rồi, đón Bồn Bồn về nhà. Vượng Vượng suy đi nghĩ mãi cũng không hiểu được, Bồn Bồn ngốc như vậy, tại sao Phật lại đón Bồn Bồn? Mình

thông minh như vậy, tại sao Phật không đến đón mình? Nghĩ mãi nghĩ mãi... Đến một ngày Vương Vương cũng tìm ra được đáp án:

*Cây tre xanh mọc giữ bốn phận.  
Năm uẩn đều không đi thành Phật.  
Cuồng tâm vọng niệm nhiều biết bao.  
Tỏ ra khôn vặt bận mù quáng.  
Tre xanh có rễ dài dùng được.  
Cuồng đến cùng cực ắt thành khuyển.*

Câu chuyện này do tôi tự nghĩ ra, không có bản quyền sở hữu, hoan nghênh mọi người viết tiếp phần tục biên.

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 27

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

*“Nội tâm thanh tịnh tuyệt trần lao”.*

Trần lao là phiền não. “Trần” là ô nhiễm, “lao” là ưu não. Che lấp chân tánh, nhiễu loạn thân tâm, cho nên gọi là trần lao.

“Trí tuệ rộng lớn” thì chắc chắn “nội tâm thanh tịnh”, chắc chắn cũng không có trần lao. Tâm Kinh nói: “Quán Tự Tại Bồ-tát, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm sâu, soi thấy năm uẩn đều không, vượt qua hết thảy khổ ách”. Lúc trí tuệ Bát-nhã hiện rõ, tự nhiên thông đạt chứng tri sắc thọ tưởng hành thức đều là hư vọng. Nhà khoa học hiện nay đều biết vật chất (sắc) là do nhận thức sai lầm của chúng sanh, vọng là không thật sự có, vọng là không. Năm uẩn đều không thì còn khổ ách gì chứ? Đương nhiên cũng không còn trần lao nữa.

“Tuyệt” là đoạn diệt, “tuyệt trần lao” là đoạn tuyệt triệt để hết thảy phiền não.

*“Siêu quá vô biên ác thú môn”.*

Do trí tuệ như biển, nội tâm thanh tịnh, trừ tận gốc trần lao nên “siêu quá vô biên ác thú môn”. “Ác thú môn” là cánh cửa đến cõi quỷ, cánh cửa đến cõi súc sanh, cánh cửa đến cõi địa ngục. Tại sao lại nói là vô biên? Điều này nói cho bạn biết, ba đường ác nơi nào cũng có thể vào, cánh cửa này là vô biên, vô số, vô lượng. Ở trước, sau, trái, phải của bạn đều là cửa, chỗ bạn nhắc chân lên, đặt chân xuống cũng là cửa, mọi lúc mọi nơi đều có thể bị đọa vào ba đường ác.

Chỉ có trí tuệ rộng lớn, tâm thanh tịnh tuyệt trần lao mới có thể vượt khỏi vô lượng, vô số, vô biên, bất khả thuyết bất khả thuyết ác thú môn. Vì vậy chúng ta phải học theo Bồ-tát, khéo giữ gìn ba nghiệp thân khẩu ý, khéo giữ gìn ý niệm của mình.

Liên quan đến ác thú, ở đây tôi vẫn muốn nói thêm một chút.

Năm 2018, lần đầu tiên phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ, tôi đã nói: không những ba đường ác là ác thú, mà ba đường thiện cũng là ác thú; không những ba đường thiện là ác thú, mà thánh giả Nhị thừa cũng là ác thú; không những thánh giả Nhị thừa là ác thú, mà Quyền Giáo Bồ-tát vẫn là ác thú.

Trong kinh Đại thừa, Phật nói: “Pháp môn niệm Phật thù thắng bậc nhất”, cổ đức xưng tán rằng “viên trong viên, chuyên trong chuyên, đốn trong đốn”, không những ra khỏi tam đồ lục đạo, vượt khỏi Nhị thừa, Quyền Giáo, mà còn không ngừng thăng cấp lên, quả báo ngang bằng với Bồ-tát từ thất địa trở lên. “Thất địa trở lên” là bởi vì sanh tới thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là A-bệ-bạt-trí. A-bệ-bạt-trí là Bồ-tát từ thất địa trở lên, là Bồ-tát địa vị Tam bất thoái. Sự siêu việt này là quá nhiều. Thất địa Bồ-tát thấy lục địa Bồ-tát đều là ác thú.

Nếu như nâng cao lên một chút, phải chăng có thể nói như thế này, Diệu Giác Bồ-tát thấy Đẳng giác Bồ-tát đều là ác thú, chỉ có thành Phật mới là thiện thú. Đây là thể ngộ của cá nhân tôi, nói sai thì tự chịu trách nhiệm nhân quả.

Những lời vừa rồi tôi đã nói hai lần, bạn có thể tiếp nhận không? Bạn có thể tin tưởng không? Nếu như hiện nay bạn không tiếp nhận, không tin tưởng, đó là chuyện bình thường, pháp khó tin mà!

Chư Phật Bồ-tát đều nói pháp môn này khó tin, đây cũng là thực tế, không hề nói quá. Từ địa vị phàm phu như chúng ta, trong chốc lát thăng cấp đến thất địa trở lên, thăng cấp đến Đẳng giác Bồ-tát, ai có thể tin được? Không người nào tin được! Không những người bình thường không tin, mà A-la-hán không tin, Bích-chi Phật không tin, Quyền Giáo Bồ-tát không tin, rất nhiều Bồ-tát minh tâm kiến tánh cũng không tin. Nếu như các ngài tin thì đã sớm thành Phật rồi.

Bạn có thể tin tưởng thì không phải là một chuyện dễ dàng. Bởi vì đời quá khứ bạn từng hành Bồ-tát đạo, cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, đời này thiện căn hiện tiền, đồng thời lại được mười phương chư Phật Như Lai âm thầm gia trì nên mới có thể tin, mới có thể giải, mới có thể hành, nên nói bạn không phải là phàm phu. Đáng để vui mừng, đáng để trân trọng!

*“Tốc đáo Bồ-đề cứu cánh ngạn”.*

“Bồ-đề” là giác, “Bồ-đề cứu cánh” là Cứu Cánh Giác. “Ngạn” là bờ bên kia, “cứu cánh” nghĩa là nhất định, hoàn thành, tột cùng. Cứu Cánh Giác là hiệu thâu tận cùng nguồn gốc của tâm cấu nhiễm.

Thị Giác hoàn toàn tương đồng với địa vị quả giác Như Lai của Bản Giác, đạt đến bờ Niết-bàn bên kia. Ý nghĩa của đoạn này chính là vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, một đời thành Phật, thành tựu Phật quả viên mãn rốt ráo, cũng tức

là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. “Siêu quá vô biên ác thú môn, tốc đáo Bồ-đề cứu cánh ngạn”, hai câu kệ tụng này là quả báo.

*“Vô minh, tham, sân, giai vĩnh vô  
Hoặc tận, quá vong, tam-muội lực”.*

Hai câu này là điều kiện, nhất định phải làm được.

“Vô minh”, Đại thừa Nghĩa Chương nói: “Trong tâm si ám, thể không sáng suốt, nên gọi là vô minh”. Vô tuệ vô minh, toàn thể tâm si ám chính là vô minh, cộng thêm tham sân si là ba độc. Do vô minh che lấp nên pháp thân vốn có không hiện ra. Phá một phần vô minh thấy một phần pháp thân, phá hết bốn mươi một phẩm vô minh liền thành Phật.

Ý nghĩa của đoạn này là vẫn còn vô minh, vẫn còn tham, sân thì trí tuệ sẽ không rộng lớn, tâm cũng không thanh tịnh, không có cách nào vượt khỏi ác thú, không đạt được Bồ-đề. Điều này đáng để chúng ta cảnh giác.

*“Hoặc tận, quá vong, tam-muội lực”.*

“Hoặc” là mê hoặc; “quá” là lỗi lầm. Kiến tư hoặc, trần sa hoặc, vô minh hoặc, tiêu trừ hoàn toàn ba hoặc thì đã trừ sạch vô minh. Tiêu trừ như thế nào? Do “tam-muội lực” tiêu trừ. Đây là chỉ cho “niệm Phật tam-muội là vua trong tam-muội”. Làm thế nào đạt được niệm Phật tam-muội? Thật thà niệm Phật, quan trọng ở hai chữ “thật thà”. Thế nào gọi là thật thà? Không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn.

Trí tuệ lớn như biển, lại thêm định lực tam-muội, định tuệ đẳng trì thì công đức thù thắng nhất. Trong tam-muội, niệm Phật tam-muội được xưng là vua trong tam-muội, được xưng là Bảo Vương tam-muội. Lúc ngài A-nan thỉnh pháp đã nhắc tới Phật Phật niệm nhau, nên biết được tam-muội của tỳ-kheo Pháp Tạng là Bảo Vương tam-muội.

Tu học Phật pháp lấy gì làm chủ? Lấy tam-muội làm chủ, tam-muội là trung tâm, sau khi đạt được tam-muội thì mới khai ngộ. Tam-muội của Tiểu thừa chính là tâm thanh tịnh trên đề kinh của chúng ta, tam-muội của Đại thừa là tâm bình đẳng.

Mời xem đoạn kinh văn tiếp theo:

**Diệt như quá khứ vô lượng Phật**

**Vi bỉ quần sanh đại đạo sư.  
Năng cứu nhất thiết chư thế gian  
Sanh, lão, bệnh, tử chúng khổ não.  
Thường hành bố thí cập giới, nhẫn  
tinh tấn, định, tuệ, lục Ba-la  
Vị độ hữu tình linh đặc độ  
Dĩ độ chi giả sử thành Phật.  
Giả linh cúng dường hằng sa thánh  
Bất như kiên dững cầu Chánh giác.**

*Cũng như vô lượng Phật quá khứ  
Làm đại Đạo sư của quần sanh  
Có thể cứu hết thầy thế gian  
Sanh, lão, bệnh, tử các khổ não  
Thường hành bố thí và giới, nhẫn  
Tinh tấn, định, tuệ, sáu Ba-la  
Hữu tình chưa độ khiến được độ  
Người đã được độ, khiến thành Phật  
Giả sử cúng dường hằng sa thánh  
Không bằng kiên dững cầu Chánh giác.*

Đoạn kinh văn này là tỳ-kheo Pháp Tạng cầu đức hạnh giác tha của Phật, chính là nguyện trí tuệ, năng lực giáo hóa chúng sanh của mình giống như Phật.

Bốn câu đầu là lợi tha, biểu thị tỳ-kheo Pháp Tạng muốn giống như vô lượng chư Phật quá khứ, làm đại Đạo sư của hết thầy chúng sanh hữu tình, để giáo hóa chúng sanh. “Bỉ quần sanh” là chỉ chúng sanh trong chín pháp giới. “Đạo sư” là sự tôn xưng Phật trong cửa Phật. “Đạo sư”, “Đại sư” đều là danh xưng đối với Phật.

Pháp môn niệm Phật thật sự không thể nghĩ bàn. Trong ngũ trước ác thế có thể dẫn dắt quy về Tịnh độ. Tịnh độ đã là pháp khó tin, trong ngũ trước ác thế thì càng khó tin hơn. Vào thời đại này tuyên dương pháp môn Tịnh độ, chỉ dẫn mọi người cùng quay về Cực Lạc, đây là “đại Đạo sư” trong Đạo sư.

*“Năng cứu nhất thiết chư thế gian”*

“Chư thế gian” chính là mười pháp giới: trên, ngài có thể cứu Bồ-tát, cứu Thanh văn, cứu Duyên giác; dưới có thể cứu chúng sanh lục đạo.

*“Sanh, lão, bệnh, tử chúng khổ não”*

Những điều này phàm phu lục đạo đều có. Chư thế gian mà vừa rồi nói đến, đơn giản mà nói, có Dục giới, có Sắc giới, Vô Sắc giới, đây đều là thế gian, gọi là Tam giới.

Dục là có dục vọng, có tham dục, vậy thì không ra khỏi Dục giới. Thật sự buông xuống tham, sân, si, mạn, nghi, đoan trừ tài, sắc, danh, thực, thù rồi, trong lòng không có ý niệm này nữa thì họ liền thoát khỏi Dục giới. Thoát khỏi Dục giới thì sẽ tới đâu? Tới Sắc giới, Sắc giới là trời Tứ Thiên. Tứ Thiên tổng cộng có mười tám tầng trời: Sơ Thiên có ba tầng trời, Nhị Thiên, Tam Thiên cũng có ba tầng trời, Tứ Thiên có chín tầng Trời, tổng cộng có mười tám tầng.

Lên trên nữa là Vô Sắc giới, là cõi cao nhất, không có sắc thân. Vô Sắc giới là thế giới tinh thần, không có hình tướng vật chất, trời này đại tự tại, tâm muốn gì được nấy, thọ mạng rất dài, cõi này có bốn tầng, gọi là trời Vô Sắc giới, đây là thế gian.

Phật nói “Tam giới chẳng an, giống như nhà lửa, đều ở trong biển sanh tử”. Vô Sắc giới có phải là rốt ráo không? Không phải, họ có thọ mạng, thọ mạng tám vạn đại kiếp, khi thọ mạng hết thì họ không thể thăng cấp lên được nữa, họ đọa lạc xuống dưới, đây gọi là sanh tử luân hồi. Cho nên Phật ví dụ giống như nhà lửa, căn nhà đã bị cháy, chỉ là vẫn chưa cháy đến người bạn, nhưng bạn chắc chắn không thể tránh khỏi, đây chính là đều ở trong biển sanh tử. “Nên nguyện cứu độ”, Bồ-tát phát nguyện phải tới cứu những chúng sanh này, phải tới độ những chúng sanh này.

“Tiến thêm một bước mà nói, ngay cả những vị ở bậc Địa tiền cũng là thế gian, vô minh chưa dứt, cũng cần phải độ thoát”. Đây là tiến thêm một bước mà nói, “Địa tiền” của Biệt giáo chính là thập pháp giới. Lục đạo là chỉ sáu pháp giới phía dưới trong thập pháp giới, nếu bao gồm phía trên thì chính là thập pháp giới. Trong thập pháp giới, tứ thánh pháp giới là ở bậc Địa tiền. “Địa” là đấng địa, thập địa Bồ-tát, trước thập địa Bồ-tát là thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, những vị Bồ-tát này cũng gọi là thế gian. Điều là đối tượng mà Phật phát nguyện muốn độ, các ngài chưa dứt vô minh, nên cũng cần phải độ thoát”.

Chỉ có thành Phật mới có thể rộng độ chúng sanh, không thành Phật thì cho dù bạn là Đẳng giác Bồ-tát cũng không thể độ Bồ-tát cùng cấp bậc, bạn chỉ có thể độ Bồ-tát trước thập địa. Đó là lý do tại sao trong “tứ hoằng thệ nguyện” nhất định phải “Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”. Bởi vì chỉ có thành Phật mới có thể phổ độ, nguyện vọng độ chúng sanh mới có thể viên mãn.

Bốn câu kinh văn tiếp theo là phương pháp độ chúng sanh:

*“Thường hành bố thí cập giới, nhân*

*Tinh tấn, định, tuệ, lục Ba-la.*

*Vị độ hữu tình linh đắc độ.*

*Dĩ độ chi giả sử thành Phật”.*

Dùng gì để độ chúng sanh? Dùng Lục độ, sáu loại này gọi là Bồ-tát đạo. Bốn câu kệ tụng này đã hiển bày toàn bộ bốn nguyện đại bi vô tận của tỳ-kheo Pháp Tạng. Pháp Tạng là tiền thân của A-di-đà Phật, lúc ngài hành Bồ-tát đạo ở nhân địa đã phát bốn nguyện đại bi vô tận, nguyện thường hành Lục độ, phổ độ chúng sanh. Bồ-tát làm gì ở thế gian? Chính là làm sáu chuyện này, đây gọi là Bồ-tát.

Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện nói, chư Phật Như Lai lấy tâm đại bi làm thể. Tại sao Bồ-tát phải độ chúng sanh? Bồ-tát giúp đỡ chúng sanh, chưa chắc chúng sanh sanh tâm cung kính đối với Bồ-tát, thậm chí còn hủy báng Bồ-tát, chướng ngại Bồ-tát, phá hoại Bồ-tát, chuyện như vậy rất nhiều. Bồ-tát có thoái tâm không? Không thoái tâm. Tại sao không thoái tâm? Vì biết được những người tạo tội nghiệp là do ngu si, không nhận biết Bồ-tát, người tốt tới giúp họ, họ còn hại người tốt. Nhưng Bồ-tát vẫn không từ bỏ, cứu người cứu đến cùng.

Trong Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện có một đoạn so sánh rất hay: “Thí như có đại thụ ở giữa sa mạc hoang vắng”, đây là ví dụ, trong sa mạc có một đại thụ. “Nếu rễ được nước thì nhánh lá hoa quả đều sum sê tươi tốt”, nếu rễ của đại thụ này có nước, không thiếu nước thì cây này nhất định sẽ phát triển rất tốt.

“Bồ-đề đại thụ trong chốn đồng hoang sanh tử cũng giống như vậy”. Đây là ví dụ, chốn đồng hoang sanh tử chính là lục đạo luân hồi, Bồ-đề đại thụ là mỗi người chúng ta, là các đồng tu tín nguyện trì danh, tu học Tịnh độ, đây là Bồ-đề đại thụ, cũng giống như vậy. “Hết thấy chúng sanh là rễ cây”, rễ của Bồ-đề đại thụ là gì? Rễ là chúng sanh.



“Chư Phật, Bồ-tát là hoa trái”, những chúng sanh này có thể thành Phật, có thể thành Bồ-tát, đây chính là đã đơm hoa kết trái. “Lấy nước đại bi làm lợi chúng sanh thì có thể thành tựu hoa trái trí tuệ của chư Phật, Bồ-tát”. Đây có nghĩa là đại từ đại bi ví như nước, chúng ta phải dùng tâm đại từ đại bi để tưới nước cho cây Bồ-đề của chính mình.

Không có đại từ đại bi, mặc dù chúng ta vốn là Phật, nhưng không thể thành Phật, tại sao vậy? Không có nước nuôi dưỡng cây này, nó sẽ chết khô. Đại bi là gì? Đại bi là tâm yêu thương chân thành, yêu thương này là đức đầu tiên viên mãn rất ráo trong tánh đức, minh tâm kiến tánh thì tâm yêu thương này sẽ hiển lộ ra. Bạn xem, A-la-hán có tâm yêu thương, Bồ-tát có tâm yêu thương, Phật có tâm yêu thương viên mãn rất ráo, chính là đại từ đại bi, không phải đến từ bên ngoài, mà trong tự tánh vốn sẵn có.

Người tu hành không có tâm từ bi, giống như rễ cây không được tưới nước, cây này không thể đơm hoa kết trái. Người học Phật không có tâm từ bi thì không thể thành Phật Bồ-tát. Phải yêu thương chúng sanh, chúng sanh làm vô số tội ác cũng phải tha thứ cho họ, vẫn phải dùng tâm từ bi đối đãi họ, tại sao vậy? Họ vốn là Phật.

Tại sao họ tạo tội nghiệp? Vì mê hoặc điên đảo. Chư Phật Bồ-tát phải cứu những người này, phải giúp họ quay về tự tánh, phải giúp họ thành Phật thành Bồ-tát, vậy thì đúng rồi. Nếu có tâm oán hận thì sai rồi, vậy không phải bạn tới cứu họ, mà bạn tới hại họ. Chúng sanh có thể hại Bồ-tát, Bồ-tát không oán trách, Bồ-tát chắc chắn sẽ không hại chúng sanh. Chúng sanh giết Bồ-tát, Bồ-tát sẽ không giết chúng sanh, sẽ không báo thù.

Cho nên tâm đại bi là gốc rễ. Tỳ-kheo Pháp Tạng lấy đại bi, sự từ bi vô điều kiện, “rộng hành Lục độ, phổ độ quần sanh”, đây là điều chúng ta phải học tập. Chúng ta phải yêu thương bảo hộ hết thảy chúng sanh vô điều kiện. Đặc biệt phải giúp đỡ những chúng sanh mê hoặc, ngày ngày họ chuốc phiền phức, chúng ta phải học Phật Bồ-tát, dùng tâm chân thành cảm động họ, giúp họ quay đầu là bờ. Đây gọi là hành Bồ-tát đạo, gọi là phổ độ chúng sanh.

*“Giả linh cúng dường hằng sa thánh  
Bất như kiên dững cầu Chánh giác”.*

Đây là tâm nguyện kiên định của tỳ-kheo Pháp Tạng, ý nghĩa chủ yếu là khuyên chúng ta giác ngộ.

Cúng dường là tu phước, nếu như chúng ta có duyên này, có năng lực này, cúng dường hằng hà sa số thánh nhân (từ A-la-hán trở lên chính là thánh nhân), không bằng chính bạn kiên định dưng mãnh cầu Chánh giác.

Trong Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện nói: “Trong các loại cúng dường, pháp cúng dường là bậc nhất”. Có nghĩa là trong hết thảy cúng dường, dùng Phật pháp như thuyết tu hành v.v... để cúng dường là thù thắng nhất. Tại sao vậy? Phẩm Hạnh Nguyện nói: “Vì các đức Như Lai tôn trọng pháp, vì tu hành đúng như lời dạy nên sanh ra chư Phật. Nếu các Bồ-tát thực hành pháp cúng dường thì thành tựu được việc cúng dường Như Lai”. Vì sao pháp cúng dường có công đức lớn nhất? Bởi vì chư Phật coi trọng pháp, lại vì thật thà tu hành theo lời dạy của Phật, kinh điển và thiện tri thức thì có thể thành tựu Chánh giác. Đây là nơi chư Phật sanh ra, cho nên thực hành pháp cúng dường chính là viên mãn thành tựu việc cúng dường Như Lai.

Đại sư Ngẫu Ích nói: “Chưa thể tự độ, nói gì đến độ người, như người bị trôi nổi, muốn cứu kẻ trên bờ”. Lời này rất sâu sắc. Bản thân bạn còn chưa được độ, giống như bạn ở dưới sông đang vùng vẫy để sống, nếu bạn còn muốn cứu người trên bờ, đó không phải là chuyện rất buồn cười sao? Đây không phải là A-la-hán, chỉ cầu chính mình giác ngộ, đây thật sự là vì muốn tới cứu độ người bên cạnh nên phải chịu trách nhiệm, nghiêm túc triệt để mà quán triệt, vậy thì chỉ có tự độ mình trước, đây là vì độ người khác. Cho nên, độ mình trước không phải là chỉ vì chính mình.

“Làm tốt chính mình” và “giúp đỡ thiên hạ”, nhất định là “làm tốt chính mình” trước. Chúng ta phải kiên quyết cầu Chánh giác, không cầu phước báo trời người. Chánh giác chính là thành Phật, không để đến đời sau, trong đời này của chúng ta, nhất định phải cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc thành Phật.

Trong hết thảy cúng dường, tu pháp cúng dường có phước báo lớn nhất. Tại sao vậy? Vì trong pháp cúng dường có trí tuệ. Tiếp theo, kinh văn nói tới mấy loại pháp cúng dường. Tôi sẽ giới thiệu sơ lược cho quý vị đồng tu, trong này nói tổng cộng bảy loại pháp cúng dường, bao gồm: tu hành đúng như lời dạy để cúng dường, lợi ích chúng sanh để cúng dường, nhiếp thọ chúng sanh để cúng dường, chịu khổ thay cho chúng sanh để cúng dường, siêng tu căn lành để cúng dường, chẳng bỏ Bồ-tát nghiệp để cúng dường, chẳng rời tâm Bồ-đề để cúng dường.

*Một*, tu hành đúng như lời dạy để cúng dường:

Trong kinh điển Phật nói như thế nào, chúng ta nghe hiểu rồi thì làm theo, tuân theo lời dạy của thầy, không làm khác đi, như vậy chính là cúng dường Thích-ca Mâu-ni Phật, cúng dường hết thầy chư Phật Như Lai, cúng dường A-di-đà Phật. Để tôi nêu vài ví dụ cho các đồng tu tham khảo:

Phật dạy chúng ta “hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, tâm từ không giết, tu thập thiện nghiệp”, bạn đã tu hành đúng như lời dạy chưa?

Phật dạy chúng ta “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”, “đọc sách ngàn lần, nghĩa kia tự hiểu”, bạn đã tu hành đúng như lời dạy chưa?

Phật dạy chúng ta “tôn giáo thế giới là một nhà, pháp môn bình đẳng, không có cao thấp”, bạn đã tu hành đúng như lời dạy chưa?

Phật dạy chúng ta “thời kỳ Mạt pháp Tịnh độ thành tựu”, bạn đã tu hành đúng như lời dạy chưa?

Phật dạy chúng ta “người chân chánh tu đạo, không thấy lỗi thế gian”, bạn đã tu hành đúng như lời dạy chưa?

Phật dạy chúng ta “thật thà niệm Phật, cầu sanh Tịnh độ”, bạn đã tu hành đúng như lời dạy chưa?

...

Phật dạy như thế nào thì chúng ta làm như thế đó, như vậy gọi là tu hành đúng như lời dạy để cúng dường.

*Hai*, lợi ích chúng sanh để cúng dường.

Khởi tâm động niệm không vì lợi ích của chính mình, hết thầy lời nói hành vi đều vì chúng sanh.

*Tâm nhớ nghĩ chúng sanh khổ nạn  
Thời thời khích lệ mình tiến bước  
Ghi nhớ lời thầy ở trong tâm  
Dẫn vô lượng chúng sanh về nhà.*

Đây chính là cúng dường Phật.

Chúng ta làm thế nào để lợi ích chúng sanh?

*Không có gì rằm rằm rộ rộ.  
Tất cả đều hết sức bình thường.  
Không do khẩu hiệu lớn bao nhiêu.  
Xem bạn làm được như thế nào.*

Lão hòa thượng Hải Hiền đã làm tấm gương tốt nhất cho chúng ta. Ngài dùng hành động thực tế của mình giúp chúng sanh sanh khởi tín tâm, sanh khởi nguyện tâm đối với pháp môn niệm Phật Tịnh độ, cầu sanh thế giới Cực Lạc giống như ngài. Lời nói, hành vi, cử chỉ trong cả đời ngài đều khuyên mọi người niệm Phật tu Tịnh độ. Đây chính là sự cúng dường chân thật đối với Thích-ca Mâu-ni Phật, mười phương chư Phật Như Lai, A-di-đà Phật, cũng là lợi ích chúng sanh để cúng dường chân thật nhất.

*Ba, nhiếp thọ chúng sanh để cúng dường.*

Làm thế nào nhiếp thọ chúng sanh? Thật sự làm ra tấm gương tốt, khiến chúng sanh nhìn thấy mà cảm động, họ tâm phục khẩu phục, vui vẻ học theo bạn. Nhiếp thọ chúng sanh phải dựa vào uy đức, không thể chỉ dựa vào uy nghiêm, nếu chỉ dựa vào uy nghiêm thì thường là bị chèn ép nhưng không phục, khẩu phục nhưng tâm chưa hẳn thật sự phục. Uy nghiêm không thể cảm động người khác, không thể cảm hóa người khác.

Làm thế nào mới có uy đức? Điểm quan trọng nhất đó là nói được làm được, dẫn đầu làm gương. Điều bạn nói ra thì nhất định là điều bạn đã làm được, điều bạn chưa làm được thì đừng nên nói ra. Nói ra người khác cũng không phục, thậm chí sẽ khinh thường bạn.

Nhiếp thọ chúng sanh, đức hạnh rất quan trọng. Độ hóa chúng sanh, trước tiên phải cảm hóa chúng sanh, chỉ khi đức hạnh của bạn cảm hóa được chúng sanh rồi, chúng sanh mới có thể vui vẻ tiếp nhận sự giáo hóa của bạn, bạn mới có cơ hội giúp chúng sanh thành Phật. Đây gọi là nhiếp thọ chúng sanh để cúng dường.

*Giáo hóa chúng sanh nhờ uy đức  
Chỉ có uy nghiêm không làm được  
Tâm khẩu chúng sanh đều không phục  
Lời bạn nói ra có ích chi  
Phải làm tấm gương cho chúng sanh*

*Lời nói ra phải đúng trọng tâm  
Dừng ngay trọng tâm chớ nói nhiều  
Nhiếp thọ chúng sanh nhờ cảm hóa*

*Bổn, chịu khổ thay chúng sanh để cúng dường.*

Bồ-tát từ bi, không nỡ để chúng sanh khổ, nguyện chịu khổ thay cho hết thảy chúng sanh. Chị tôi, lão Bồ-tát Lưu Tố Thanh sau khi bị ung thư xương, đau đớn khó mà chịu được. Chị nói với tôi, Tiểu Vân à, bệnh này thật sự rất đau, chị phát tâm, nguyện tất cả những người mắc bệnh này trên thế gian, tập trung hết sự đau đớn của họ lên người chị, một mình chị chịu thay cho họ.

Thế nào gọi là Bồ-tát? Bồ-tát ở ngay trước mắt chúng ta, chúng ta lại không nhận biết được! Sau khi vãng sanh còn có người hủy báng, mắng nhiếc, tạo vô biên tội nghiệp, thật là không nên.

Cả đời lão hòa thượng Hải Hiền tu khổ hạnh, quý trọng từng hạt gạo, từng hạt cơm rơi xuống mặt đất ngài đều nhặt lên ăn; rửa mặt chỉ dùng một gáo nước, không dám lãng phí, quần áo rách thì vá hết chỗ này đến chỗ kia; lương thực ngài trồng có thể bán rất nhiều tiền, nhưng ngài không bán, mang đi cứu tế người nghèo khổ.

Những sự thị hiện như vậy, đều là dạy chúng ta làm sao tu phước, làm sao tích đức, không được lãng phí chút gì. Đây là chịu khổ thay cho chúng sanh, bạn có biết không?

*Bồ-tát từ bi không hạn độ.  
Nguyện khổ thay hết thảy chúng sanh.  
Chúng sanh mê hoặc không biết ơn.  
Tạo tác tội nghiệp tự chịu khổ.  
Bồ-tát thị hiện trên thế gian.  
Hòa vào trần tục rất bình thường.  
Đáng tiếc chúng sanh không nhận biết.  
Hủy báng mắng nhiếc lại vui vẻ.  
Không biết đây là tạo tội nghiệp.  
Sẽ có một ngày chịu quả báo.  
Một khi tướng địa ngục hiện tiền.  
Kêu cha gọi mẹ đã muộn màng.*

*Năm, siêng tu căn lành để cúng dường.*

Căn lành là gì? Trong kinh Phật giảng: không tham, không sân, không si là ba căn lành, đây là pháp thế gian. Hết thấy điều thiện trên thế gian đều từ gốc rễ này sanh ra, phải nuôi trồng gốc rễ này cho tốt.

Trong văn hóa truyền thống của Trung Quốc, gốc rễ của chúng ta là gì? Là hiếu, kính. Lão pháp sư thường giảng, hiếu là gốc của văn hóa truyền thống, kính là rễ của văn hóa truyền thống. Hiếu lấy cha mẹ làm đại diện, kính lấy thầy làm đại diện, nước ta mấy ngàn năm nay hiếu thân tôn sư. Dân tộc này quá vĩ đại, quá giỏi, trên thế giới này tìm không được dân tộc thứ hai. Đầu thai tới Trung Quốc làm người Trung Quốc là thiện căn phước đức lớn biết bao, bạn mới có duyên này.

Một trăm năm gần đây, chúng ta đã vứt bỏ đi văn hóa truyền thống, học theo văn hóa phương Tây, đó là sự mất mát văn hóa nghiêm trọng. Nếu như tiếp tục đánh mất như vậy, văn hóa truyền thống sẽ hoàn toàn biến mất, không thể tìm lại được. May mắn thay, sau khi ném quả khố do đánh mất văn hóa truyền thống, một số người có hiểu biết bắt đầu nghĩ lại, họ biết được mức độ nghiêm trọng của vấn đề, bắt đầu cứu vớt văn hóa truyền thống Trung Quốc, phục hưng văn hóa truyền thống Trung Quốc. Đây là một chuyện đáng vui đáng mừng.

Từ xưa đến nay, chỉ có văn hóa truyền thống Trung Quốc là tùy thuận theo tánh đức, là từ trong tự tánh lưu xuất ra, thật sự là điều hay! Văn hóa truyền thống có lợi không có hại, không tìm thấy xung đột trong văn hóa truyền thống Trung Quốc. Cho nên nhà triết học Toynbee, Russell của nước Anh vô cùng tán thán văn hóa truyền thống Trung Quốc, cho rằng văn hóa truyền thống Trung Quốc có thể cứu thế giới.

Thiện căn của người Trung Quốc là có một không hai trên toàn thế giới, để mang lại cống hiến lớn hơn cho sự hòa bình của thế giới, chúng ta phải tiếp tục siêng tu căn lành để cúng dường.

*Văn hóa truyền thống là của quý.*

*Cảm ân tổ tiên lưu phước báo.*

*Con cháu đời sau được che chở.*

*Chuyện tốt như vậy tìm ở đâu.*

*Thiện căn sâu dày không sánh được.*

*Học giả nước ngoài đều tán thán.  
Người dẫn đầu gánh vác thế giới.  
Bởi vì bạn là người Trung Quốc.*

Sáu, chẳng bỏ Bồ-tát nghiệp để cúng dường.

Nghiệp là sự nghiệp, sự nghiệp của Bồ-tát là giáo hóa chúng sanh. Năm xưa, Thích-ca Mâu-ni Phật tại thế làm ra tám gương cho chúng ta thấy, năm 30 tuổi ngài khai ngộ dưới cây Bồ-đề, sau khi khai ngộ thì dạy học ở vườn Lộc Uyển. Trong năm người học trò đầu tiên, tôn giả Kiều-trần-như là người đầu tiên chứng A-la-hán, sau đó những người còn lại cũng đều chứng A-la-hán.

Tam bảo đầy đủ, Thế Tôn là Phật bảo, hết thầy pháp mà ngài nói là Pháp bảo, năm vị tỳ-kheo là Tăng bảo. Tam bảo đầy đủ, Phật, Pháp, Tăng xuất hiện trên thế gian.

Sự nghiệp của Bồ-tát là giáo hóa chúng sanh vô điều kiện. Đức Phật dạy học nghiêm túc, có trách nhiệm, không thu học phí. Lối sống đơn giản, ba y một bát, giữa ngày ăn một bữa, đêm ngủ dưới gốc cây. Tiếp nhận tứ sự cúng dường của cư sĩ tại gia: thức ăn nước uống, quần áo, tọa cụ, thuốc men. Ngoài những thứ này toàn bộ đều không nhận, thân tâm thanh tịnh, buông xuống vạn duyên, tu giới định tuệ.

Sau khi tự giác, Phật hoàn toàn đang giác tha. Toàn tâm toàn ý phục vụ cho hết thầy chúng sanh. Mục tiêu phục vụ là giúp đỡ chúng sanh quay về tự tánh, phương pháp phục vụ là dạy học. Thế Tôn khai ngộ năm ba mươi tuổi, sau khi khai ngộ liền dạy học, 79 tuổi viên tịch, dạy học 49 năm, trong kinh điển nói: “Giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp 49 năm”. Đây là chẳng bỏ Bồ-tát nghiệp. Lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không là tấm gương chẳng bỏ Bồ-tát nghiệp khiến mọi người tin phục nhất, lão pháp sư giảng kinh thuyết pháp đã 61 năm, thật đáng khâm phục tôn kính.

*Sự nghiệp Bồ-tát là độ sanh  
Rời khỏi chúng sanh thì làm gì  
Độ sanh không thể nhờ nói suông  
Máu chót phải thật sự hành động  
Bạn thương chúng sanh sâu bao nhiêu  
Chúng sanh cách bạn gần thế nào*

*Thật sự yêu thương hay là giả  
Chúng sanh tự nhiên sẽ hiểu được.*

*Bảy, chẳng rời tâm Bồ-đề để cúng dường.*

Đối với việc chẳng rời tâm Bồ-đề để cúng dường, lão pháp sư đã nói một cách đơn giản dễ hiểu nhất, đó là 20 chữ mà chúng ta vô cùng quen thuộc:

*Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi,  
Nhìn thấu, buông xuống, tự tại, tùy duyên, niệm Phật.*

Chân thành là thể của tâm Bồ-đề; tự thọ dụng là thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác; tha thọ dụng là từ bi.

Bồ-tát đạo chính là Bồ-tát nghiệp, cũng chính là Bồ-tát hạnh. Lão pháp sư dùng 20 chữ để giải thích, sau cùng quy về Tịnh độ. Tổng kết là tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh độ. Lão pháp sư dùng 20 chữ này gọi là chẳng bỏ Bồ-tát nghiệp, chẳng rời tâm Bồ-đề. Thật tuyệt diệu!

Phía trước giới thiệu sơ lược bảy loại pháp cúng dường, từ đó chúng ta có thể thể hội được hàm nghĩa sâu sắc của “pháp cúng dường là bậc nhất” không? Tại sao lại nói là “pháp cúng dường là bậc nhất”? Chúng ta cùng nghe kinh điển và tổ sư đại đức nói như thế nào.

“Công đức của pháp cúng dường như tổng số của hết thủy vi trần trên trái đất, còn công đức của tài cúng dường chưa bằng một vi trần, càng làm sao sánh nổi với tất cả số vi trần của trái đất”.

“Đây chính là tán thán công đức chẳng thể nghĩ bàn của pháp cúng dường. Sự so sánh này hiển bày rõ ràng công đức “kiên định, dũng mãnh cầu Chánh giác” của Pháp Tạng Bồ-tát vượt xa công đức cúng dường hằng hà sa chư Thánh”.

Đây là cực tán, tán thán đến tột cùng. Hàm ý rất sâu, trên thực tế là dạy chúng ta nhận biết thế giới Cực Lạc, nhận biết A-di-đà Phật, nhận biết công đức của câu danh hiệu này không thể nghĩ bàn. Nói cách khác, chỉ cần bạn nắm chắc câu danh hiệu này, hết thủy danh hiệu của hằng hà sa số chư Phật Bồ-tát đều ở trong một câu danh hiệu A-di-đà Phật này; bạn thọ trì câu danh hiệu này cũng giống như bạn thọ trì Thánh hiệu của hằng hà sa số vô lượng vô biên chư Phật Bồ-tát, không bỏ sót danh hiệu nào. Tại sao vậy? Vì A-di-đà Phật là đại viên mãn, đại tổng trì, vô lượng



vô biên pháp môn đều ở trong một câu danh hiệu này. Cho nên thọ trì câu Phật hiệu này, kinh luận mà Thế Tôn đã thuyết trong một đời đều ở trong đó. Các pháp Bồ-tát, phổ độ chúng sanh mười phương thế giới, vô lượng công đức này cũng ở trong câu Phật hiệu này, công đức của câu Phật hiệu thật sự không thể nghĩ bàn!

*Bồ-tát phải hành Bồ-tát đạo  
Bồ-tát phát tâm rất quan trọng  
Bồ-tát phải phát tâm Bồ-đề  
Bồ-tát mới hành Bồ-tát đạo  
Phải nhớ rõ bảy loại cúng dường  
Công đức cúng dường vô cùng tận  
Nếu bạn học được pháp cúng dường  
Hơn cả cúng dường hằng sa Thánh.*

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 28

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem phần kinh văn tiếp theo:

**Nguyện đương an trụ tam-ma-địa  
Hằng phóng quang minh chiếu nhất thiết  
Cảm đắc quảng đại thanh tịnh cư  
Thù thắng trang nghiêm vô đẳng luân  
Luân hồi chư thú chúng sanh loại  
Tốc sanh ngã sát thọ an lạc  
Thường vận từ tâm bạt hữu tình  
Độ tận vô biên khổ chúng sanh.**

*Nguyện sẽ an trụ tam-ma-địa  
Luôn phóng quang minh chiếu hết thảy  
Cảm được cõi thanh tịnh rộng lớn  
Trang nghiêm thù thắng không đâu bằng  
Chúng sanh luân hồi trong các nẻo  
Mau sanh cõi con hưởng an lạc  
Thường dùng từ tâm cứu hữu tình  
Độ hết vô biên chúng sanh khổ.*

Tám câu này là tỳ-kheo Pháp Tạng phát đại nguyện cầu thành Phật. Tám câu này là tổng kết của hết thảy những lời nguyện trên, cũng là cốt lõi của bốn mươi tám nguyện của A-di-đà Phật.

*“Nguyện đương an trụ tam-ma-địa  
Hằng phóng quang minh chiếu nhất thiết”.*

Tam-ma-địa chính là niệm Phật tam-muội, chính là chánh định. Lúc an trụ trong chánh định, không ngừng phóng hào quang rộng lớn chiếu khắp hết thảy. An trụ trong chánh định là tịch, là thể; phóng hào quang chiếu khắp hết thảy là chiếu, là dụng. Có thể thì có dụng, thể dụng luôn gắn liền nhau.

Hai câu này cũng chứng tỏ định tuệ đẳng trì. An trụ tam-ma-địa là định, luôn phóng hào quang là tuệ. Cho nên tu trì phải giống như chim có hai cánh, xe có hai bánh, vận dụng cùng lúc, định tuệ phải đẳng trì. Luôn trụ tam-ma-địa lại phóng hào quang chiếu khắp, tịch và chiếu cũng đồng thời. Có người sau khi nhập định thì không thể chiếu; có người vừa chiếu, tâm bèn có chỗ trụ, thậm chí tán loạn, không thể đồng thời. Trong Giáo có một bài kệ nổi tiếng:

*“Cảnh vi diệu giả quán vi không,  
Năng sở lưỡng vong tức thị trung,  
Vong chiếu hà thường hữu tiên hậu,  
Nhất tâm dung tuyệt mẫn vô tung”.*

Đây cũng là vong-chiếu đồng thời. Người thật sự tu hành có thể bắt đầu từ chỗ này, từ vong-chiếu đồng thời khế nhập tịch-chiếu đồng thời. Tịch là thể, chiếu là dụng, cũng tức là thể dụng không hai. Lý thể và sự dụng không phải là hai, chính là lý sự vô ngại trong kinh Hoa Nghiêm. Lý thì tịch nhiên bất động; Sự thì cảm nhi toại thông, thông là thông đạt, chính là có sự thay đổi. Bất động và thông đạt, ở thân phận chúng sanh thì có mâu thuẫn, có chướng ngại; chỉ có người đạt được vong-chiếu đồng thời mới thật sự thể hội được cảnh giới lý sự vô ngại.

*“Cảm đặc quảng đại thanh tịnh cư  
Thù thắng trang nghiêm vô đẳng luân”.*

“Cảm” là cảm ứng, “cư” là cõi nước. Pháp Tạng Bồ-tát khẩn cầu: nguyện đem công đức tịch chiếu đồng thời, lý sự vô ngại, định tuệ đẳng trì v.v... của chính mình cảm được sự gia trì, đạt được cõi nước rộng lớn thanh tịnh. Thế giới Cực Lạc không có biên giới, đúng là “rộng lớn”. Vãng Sanh Luận Chú nói: “Cõi Phật trang nghiêm vào trong một câu thanh tịnh”. Kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ lại nói: “Chẳng còn hết thấy sâu khổ nơi thân tâm, chỉ có vô lượng thanh tịnh hỷ lạc, vì vậy gọi là thế giới Cực Lạc”. Đúng như tâm nguyện của Bồ-tát Pháp Tạng, Cực Lạc là một cõi nước thanh tịnh.

Cõi nước mà Pháp Tạng Bồ-tát cầu không chỉ rộng lớn thanh tịnh, mà còn “thù thắng trang nghiêm vô đẳng luân”. “Vô đẳng luân” là không gì có thể tương đồng, sánh bằng. “Thù thắng” là vi diệu đẹp đẽ, cũng có nghĩa là siêu tuyệt.

Gia Tường Sớ ghi: “Tu đạo nhanh chóng thành Phật nên gọi là siêu tuyệt”. Cho nên thù thắng không những chứng tỏ cảnh sắc ở cõi nước [Cực Lạc] xinh đẹp không gì sánh bằng, mà còn hiển bày sự diệu dụng bao hàm lợi ích chúng sanh. Vì vậy, nước, chim, cây cối đều đang diễn diệu pháp, tùy theo nhận biết của họ mà ban cho pháp tương ứng. “Trang nghiêm” có hai hàm nghĩa là cụ đức và nghiêm tịnh hoa lệ. Nguyên cõi nước thù thắng trang nghiêm, vượt hơn mười phương, không gì có thể sánh bằng.

*“Luân hồi chư thú chúng sanh loại  
Tốc sanh ngã sát thọ an lạc”.*

Hai câu này nói rõ cho chúng ta biết, đối tượng tiếp dẫn, đối tượng thành tựu của ngài là chúng sanh lục đạo, chính là “chúng sanh luân hồi trong các nẻo”. Chúng sanh trong lục đạo là khổ nhất, càng là chúng sanh khổ nạn thì càng được xếp hàng đầu trong thứ tự độ thoát, như vậy mới thật sự là đại từ đại bi.

Tập Chú của Niệm Lão nói rất hay: “Chỗ thù thắng siêu tuyệt của Tịnh tông, đầu tiên là mau chóng thành Phật, phàm phu vãng sanh lên thẳng ngôi Bất Thoái, Bất Thoái mới có thể mau chóng thành Phật”. “Cho nên phổ nguyện các loài chúng sanh luân hồi trong các nẻo, mau sanh đến cõi ta hưởng an vui”. Những câu này rất quan trọng, giúp chúng ta kiên định tín tâm, giúp chúng ta kiên cố hoằng nguyện, kiên định chẳng rời cầu sanh Tịnh độ.

Bất kỳ pháp môn nào cũng không nhanh chóng bằng pháp môn này. Điều đáng tiếc là rất nhiều chúng sanh không tin tưởng, không tiếp nhận. Tuyệt đối không phải A-di-đà Phật không tới tiếp dẫn bạn, Phật mong muốn chúng sanh mau chóng đến thế giới Cực Lạc hưởng an vui.

*“Thường vận từ tâm bạt hữu tình,  
Độ tận vô biên khổ chúng sanh”.*

Hai câu này biểu thị hoằng thệ đại từ đại bi của Bồ-tát Pháp Tạng. “Thường” là chỉ thời gian không bị gián đoạn, “vô biên” là nói về không gian. A-di-đà Phật độ chúng sanh vào mọi lúc, ở mọi nơi chưa từng gián đoạn. Sự từ bi này từ thanh tịnh, bình đẳng mà sanh ra, là sự hiển lộ của tự tánh. Vì vậy nói tám câu kệ tụng này là cốt lõi của bốn mươi tám nguyện.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Ngã hạnh quyết định kiên cố lực  
Duy Phật thánh trí năng chứng tri  
Túng sử thân chỉ chư khổ trung  
Như thị nguyện tâm vĩnh bất thoái.**

*Hạnh con sức quyết định kiên cố  
Chỉ thánh trí Phật chứng biết được  
Dẫu thân ở trong các điều khổ  
Nguyện tâm như thế mãi chẳng thoái.*

Bốn câu kệ tụng này thể hiện quyết tâm kiên cố của tỳ-kheo Pháp Tạng. Đại nguyện mà ngài đã phát ra thì nhất định phải làm được, cầu Phật chứng minh cho ngài.

*“Ngã hạnh quyết định kiên cố lực”.*

Bồ-tát Pháp Tạng phát nguyện, mở đầu dùng chữ nguyện, “nguyện ngã đắc Phật thanh tịnh thanh”, nhưng phần kết thúc không nói đến ngã nguyện, mà nói ngã hạnh, “ngã hạnh quyết định kiên cố lực”, đủ thấy nguyện của ngài Pháp Tạng đã trở thành hành động, nên nói nguyện để bắt đầu hạnh, hơn nữa những gì ngài làm kiên quyết chẳng thể thay đổi, kiên cố chẳng thể đổi dời. Sức mạnh vững chắc kiên cố này, chỉ có thánh trí của Phật mới có thể chứng minh và hiểu rõ. Chỉ có Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai có Tam giác viên mãn, ngũ nhãn sáng tỏ, trí tuệ vô ngại, chỉ có Phật mới có thể hiểu ngài, có thể làm chứng cho ngài. Bởi vì Hạ Địa Bồ-tát không biết được chỗ nhắc chân đặt chân của Thượng Địa Bồ-tát, nên không thể hiểu được.

Hai câu sau cùng là:

*“Túng sử thân chỉ chư khổ trung  
Như thị nguyện tâm vĩnh bất thoái”.*

Nói rõ nguyện tâm của tỳ-kheo Pháp Tạng kiên cố, cho dù đọa địa ngục thì hạnh này nguyện này cũng chắc chắn không thoái chuyển. Nếu chỉ có nguyện, không có hạnh thì đó là nguyện giả; nếu chỉ có hạnh, không có nguyện thì đó là làm bừa. Cho nên nguyện và hạnh phải hỗ trợ cho nhau, nguyện để khởi hạnh, hạnh để chứng nguyện thì mới có thể viên mãn thành tựu đại nguyện.

Đối chiếu với bản thân chúng ta một chút, học Phật nhiều năm như vậy, bạn có thể nguyện chưa? Thệ nguyện của bạn có kiên định không? Bạn đã thực hiện thệ nguyện của mình như thế nào?

Đề tôi nói một chút trải nghiệm và cảm nhận của chính tôi trong 20 năm thọ trì bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ.

Năm 2000, tôi mới nghe được Phật pháp, sự tiếp xúc đầu tiên chính là bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ và đĩa giảng kinh Vô Lượng Thọ lần thứ ba của lão pháp sư, tôi nghe được, đọc được, nhận được lợi ích rồi. Từ thời điểm đó đến nay đã 20 năm rồi, tôi chưa từng thay đổi đề mục, chưa từng chuyển hướng. 20 năm học Phật, tôi trải qua vô số phong ba bão táp, vô duyên vô cớ bị phê bình, phê phán, mắng nhiếc, hủy báng. Tôi không biết tại sao? Tôi không biết tôi đã làm sai điều gì?

Đặc biệt là 10 năm gần đây, tôi vượt qua áp lực từ nhiều phía, tôi đường đường chính chính, quang minh chính đại mà bước qua. Bởi vì hết thủy lời nói và hành vi của tôi đều công khai, rõ ràng, tôi không trốn trong bóng tối làm những chuyện mờ ám. Đời này, tôi chỉ muốn làm một người quang minh chính đại.

Bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ bị phê bình phê phán, hai mươi năm chưa từng gián đoạn, có lúc xôn xao náo động, điều này chưa từng có trong lịch sử Phật giáo, vậy mà thế hệ chúng ta gặp được, cũng coi như “điều may mắn” và “thu hoạch tốt nhất” của thế hệ chúng ta.

Cảnh ngộ và trải nghiệm của bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ, tôi đã đích thân trải nghiệm. Tôi tận mắt nhìn thấy, đây cũng là một gia tài bất ngờ trong đời này của tôi.

Đối với người thọ trì bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ, hai mươi năm nay, tôi nhìn thấy năm hạng người này:

*Hạng người thứ nhất: chuyển qua tu tôn giáo khác.*

Tại sao vậy? Họ không hiểu được tại sao bên ngoài không ngừng phê bình, phê phán, mắng nhiếc bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ. Sao cửa Phật lại như vậy, không phải phê bình cái này thì là mắng nhiếc cái kia, học Phật sao lại phiền phức như thế? Dứt khoát không học Phật nữa, học tôn giáo khác thôi. Một người bạn tốt của tôi, cả nhà họ học Phật, sau đó bởi vì tôi bị phê bình bị mắng nhiếc, họ không hiểu được, cả nhà họ bèn chuyển sang học Cơ Đốc giáo.

*Hạng người thứ hai:* không chịu được áp lực quá lớn từ bên ngoài, đánh mất tín tâm đối với bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ.

Số người này cũng không ít, trạng thái tâm lý của rất nhiều người là không muốn chuốc phiền phức, học cái nào chắc chắn vậy. Nên có người chuyển sang tu bản dịch của Khang Tăng Khải, có người chuyển sang tu kinh Phật Thuyết A-di-đà. Những người này có một đặc điểm chung, mặc dù họ từ bỏ bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ, nhưng không từ bỏ pháp môn niệm Phật Tịnh độ và năm kinh một luận của Tịnh độ. Những người này, chúng ta không có gì để trách họ, nhân duyên khác nhau mà, ai cũng có quyền tự do chọn lựa.

*Hạng người thứ ba:* từ bỏ, hủy báng bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ.

Tôi từng gặp qua người như vậy. Một người trí thức lớn tuổi, tu học Phật pháp nhiều năm, thọ trì bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ, theo lời ông ấy nói, đã tụng hơn bốn ngàn biến kinh Vô Lượng Thọ. Có một hôm, đột nhiên ông nói với tôi, ông không đọc kinh Vô Lượng Thọ nữa, tôi nghe xong rất kinh ngạc, nhưng tôi không ngăn cản ông, tôi biết tính tình của ông ấy, ngăn cản cũng vô dụng. Tôi nói với ông: “Ông từ bỏ cũng được, nhưng nhất định không được hủy báng”. Ông ấy đồng ý với tôi. Nhưng trên thực tế, ông ấy đã hủy báng, ông ấy nói ông tìm ra hơn 100 chỗ sai trong bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ. Không tới một năm thì ông qua đời, qua đời rất thảm. Nằm trong bệnh viện, vợ của ông gọi điện thoại cho tôi, kêu tôi tới tiễn ông ấy, tôi đã đến đó. Bởi vì ông từng nói với tôi, hy vọng lúc ông vãng sanh tôi sẽ đến tiễn, tôi đã đồng ý với ông, tôi phải giữ lời. Lần đó chỉ có một mình tôi tới tiễn ông vãng sanh, như vậy thật khó! Cả người ông cắm đầy ống dẫn, đôi mắt mở thật to, miệng còn đeo máy thở, hơi thở hỗn hển, lồng ngực phập phồng kịch liệt, thật sự là thê thảm không nỡ nhìn. Sau khi ông qua đời, một mình tôi lạy Phật niệm Phật cho ông mười hai tiếng đồng hồ, đầu gối và khuỷu tay đều bị thương, nhưng cũng không thể giúp được ông, trơ mắt nhìn thân thể ông cứng đờ, khuôn mặt hung dữ đáng sợ, theo nghiệp lưu chuyển rồi. Quý vị đồng tu, tuyệt đối đừng hủy báng Phật, Pháp, Tăng! Đây không phải là trò đùa, đằng sau còn có nhân quả theo ta. Phải nghe lời khuyên! Không nghe lời khuyên, ác quả hiện tiền, hối hận cũng không còn kịp nữa, ai cũng không cứu được bạn, bạn tự làm tự chịu thôi!

*Hạng người thứ tư:* sáng suốt giữ mình, không dám công khai thọ trì bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ.

Người như vậy trong chúng tại gia, chúng xuất gia đều có. [Đây cũng là] chuyện thường tình của con người, có thể thông cảm, có ai không muốn chính mình bình an vô sự? Hạng người này luôn nhìn trước ngó sau, nhìn gió bẻ lái. Gió lớn thì ngừng lại; gió nhẹ lại tiến lên. Tương lai hoàn cảnh được cải thiện thì sẽ xuất hiện một nhóm phần tử tích cực học tập bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ. Thậm chí có người có thể giảng kinh thuyết pháp, hoằng dương bộ kinh này. Tương lai hoàn cảnh chuyển biến xấu đi, những người này liền mai danh ẩn tích, họ rất giỏi tự bảo vệ mình, nơi đầu sóng ngọn gió chắc chắn không nhìn thấy bóng dáng của họ. Tôi nói lời thật lòng, sẽ đắc tội người khác. Đắc tội người khác cũng phải nói: “Người như vậy chắc chắn không phải là bậc pháp khí của Phật, cũng tuyệt đối không phải là trụ cột nơi cửa Phật”.

*Hạng người thứ năm: tín nguyện kiên cố, vĩnh viễn không thoái tâm.*

Hai câu kinh văn “dầu thân ở trong các điều khổ, nguyện tâm như thế mãi chẳng thoái” đã miêu tả chân thực về hạng người thứ năm. Ai là tấm gương? Lão pháp sư! Một đời này của lão pháp sư trải qua nhiều lần trắc trở, rất nhiều khó khăn, nơi ở không cố định, ngao du một đời, chính những trắc trở và sự tôi luyện này đã thành tựu nên vị thánh tăng một thời.

Năm 2010, tôi mới gặp lão pháp sư ở Hồng Kông mà như đã quen thân, giống như tìm thấy người thân thất lạc đã lâu, cũng tìm thấy tình cha đã mất đi từ lâu. Năm 1986, người cha thương yêu tôi đã qua đời, tình thương của cha trở thành một chỗ trống, sau khi gặp được sư phụ, tình thương của cha đã được lấp đầy chỗ trống ấy, tình cha ngày xưa đã trở lại.

Mấy hôm trước, có người đề nghị, thỉnh sư phụ trụ thế, tôi cũng viết một đoạn, không dám đưa ra ngoài, bản thân tôi cảm thấy đoạn văn thỉnh sư phụ trụ thế của tôi viết khác với mọi người, phong cách khác người, có chút khác người. Hôm nay tôi can đảm lấy ra cúng dường cho quý vị đồng tu, xin tiếp nhận phê bình phê phán của mọi người. Tôi là người hồn nhiên trẻ thơ, văn viết ra cũng phong cách hồn nhiên trẻ thơ:

*Sư phụ sư phụ con nghe lời  
Ngài nhất định đừng bỏ con đi  
Con vẫn còn chưa trưởng thành  
Trưởng thành cùng sư phụ về nhà*



*Sư phụ sư phụ hãy đợi con  
Nhất định đừng bỏ con ở lại  
Sư phụ không dắt con về nhà  
Con sẽ lớn tiếng khóc hu hu  
Từ phụ nào không thương con mình  
Sao nỡ để con mình khóc thương  
Con biết rằng sư phụ từ bi  
Nhất định sẽ dắt con về nhà.*

Nghe “văn thỉnh sư phụ trụ thế” mà tôi viết, mọi người có cảm nhận gì không? Nghe xong quý vị khóc hay là cười? Khóc hay cười đều tốt, đều là sự lưu lộ của tự tánh.

Kinh văn phẩm thứ tư “Pháp Tạng Nhân Địa Đệ Tứ” tôi đã giảng xong, kinh văn phẩm này tổng cộng giảng hết năm tập, từ tập 24 đến tập 28. Chúng ta tổng kết lại một chút trọng điểm của kinh văn phẩm thứ tư, tổng cộng có bốn trọng điểm.

**Trọng điểm thứ nhất:** sơ phát tâm của tỳ-kheo Pháp Tạng ở nhân địa là gì? Sơ phát tâm của ngài có gì khác với mọi người? Hạnh của ngài sau khi phát tâm là gì?

Sơ phát tâm của ngài là “phát vô thượng chân chánh đạo ý, tức là phát tâm Vô thượng Bồ-đề”. Tâm này là tâm thành Phật. Tỳ-kheo Pháp Tạng lúc còn ở nhân địa đã phát tâm thành Phật. Sơ phát tâm của ngài hướng thẳng đến Nhất thừa, chẳng rơi vào Quyền, Tiểu, việc “tu Bồ-tát đạo” trong kinh văn đã biểu đạt điều này. Ngài không bắt đầu tu từ Thanh văn, Duyên giác mà trực tiếp tu Bồ-tát đạo, trực tiếp tu Đại thừa.

Hạnh của ngài sau khi phát tâm là “từ bỏ ngôi vua, trở thành Sa-môn”. Hạnh của ngài là thị hiện “buông xuống” cho chúng ta thấy. Sau khi phát tâm, ngài thật sự tu hành.

**Trọng điểm thứ hai:** hạnh nguyện thù thắng của tỳ-kheo Pháp Tạng là gì? Tại sao ngài được tôn xưng là “đại nguyện vương”?

Tỳ-kheo Pháp Tạng phát tâm Bồ-đề là nguyện, tu tâm Bồ-đề là hạnh, hạnh nguyện của ngài là bốn mươi tám đại nguyện. Do đức Di-đà phát thệ nguyện rộng lớn như biển nên gọi là “đại nguyện vương”. Để chứng biển nguyện này, tỳ-kheo

Pháp Tạng tích lũy công đức trong vô lượng kiếp, một lòng trang nghiêm Cực Lạc Tịnh độ. Do đại nguyện sanh ra đại lực, sanh ra đại hạnh, thành tựu vô số y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc và pháp môn Tịnh độ phổ độ chúng sanh, mẫu chốt trong đó là “nguyện”.

**Trọng điểm thứ ba:** học tập sự phát nguyện của tỳ-kheo Pháp Tạng.

Nguyện âm thanh giống như Phật; nguyện trí tuệ giống như Phật; nguyện đức giác tha giống như Phật; nguyện cầu thành Phật, phổ độ chúng sanh.

**Trọng điểm thứ tư:** kết hợp kinh nghiệm học Phật nhiều năm của chính mình, sau khi học kinh văn phẩm này, bạn có cảm ngộ gì? Bạn học được điều gì từ tỳ-kheo Pháp Tạng?

Trọng điểm của kinh văn phẩm thứ tư tôi đã nói xong, xin cúng dường cho mọi người tham khảo.

Chúng ta vẫn còn chút thời gian, để tôi nói một chút về thể hội tu học của chính mình cúng dường cho mọi người.

Học Phật 20 năm rồi, thời gian này nói dài không dài, nói ngắn cũng không ngắn, nếu tính theo 80 tuổi, vậy thì chiếm một phần tư đời người.

Có lúc tôi đang nghĩ một vấn đề, chú ý! đây là tôi đang suy ngẫm, đang nghĩ. Đây không phải là tự tánh lưu lộ, tôi không có cảnh giới cao như vậy, nhưng tôi muốn nỗ lực hướng tới cảnh giới đó.

Tôi đang nghĩ vấn đề này: bộ kinh Vô Lượng Thọ thỏa mãn hoài của Phật rất cuộc đang giảng điều gì? Hết thầy pháp mà Thích-ca Mâu-ni Phật đã thuyết trong 49 năm, ba tạng mười hai bộ rất cuộc đang giảng điều gì?

Tôi là phàm phu, tôi dùng tâm phàm phu để hỏi vấn đề này, lại dùng tâm phàm phu để suy nghĩ và trả lời vấn đề này, dường như có chút buồn cười, cho dù như vậy, tôi vẫn muốn trao đổi với mọi người, không trao đổi thì làm sao nâng cao được chứ?

Phật đang giảng “tâm”.

Dạy chúng ta đổi vọng tâm xao động bất an thành chân tâm tịch nhiên bất động, chân tâm đó chính là tự tánh.

Tôi nhớ hai ngày trước khi lão Bồ-tát Lưu Tố Thanh vãng sanh, chị nói với tôi và các đồng tu, “phải đổi tâm”, nói xong chị còn che miệng cười.

Đổi tâm gì? Đổi tâm phàm phu thành tâm Bồ-tát, đổi thành tâm Phật.

Tâm không có tốt xấu, tâm là trung tính. Nhưng dụng tâm khác nhau thì có phân biệt. Thế là một, dụng thì phong phú đa dạng. Ví dụ như có người dụng tâm hiểm ác, có người chân tâm diệu hữu. Tâm này giống như chiếc thuyền, phải xem người lái thuyền theo hướng nào?

Đơn giản mà nói, đó là “công” tâm và “tư” tâm. Công tâm là tâm phục vụ cho chúng sanh, tư tâm là tâm mưu cầu lợi ích cho chính mình. Có một số chuyện bây giờ nghĩ lại cảm thấy khá thú vị, có chuyện cũng khá trêu người. Để tôi kể một câu chuyện có thật cho mọi người nghe:

Khoảng năm chín mươi mấy, trong cơ quan được tăng lương, đảng ủy của tôi có hơn 100 người nhưng chỉ có hai vị trí. Tôi nhớ lần đó đánh dấu phiếu bầu chọn, tôi đã được chọn, một người khác là anh Mã sở trưởng sở giao thông.

Sau khi mọi việc xong xuôi, có đồng nghiệp cũ hỏi tôi: “Tố Vân à, lần này cô được tăng lương có người không phục, nói Tố Vân khờ khạo vậy, sao hai vị trí đó lại đến phiên cô ta chứ?” Qua mấy hôm sau, người nói tôi khờ khạo lại hỏi tôi: “Tố Vân, sao lần này cô lại được tăng lương vậy?”, tôi nói “do được bầu chọn”. Cô ấy lại hỏi: “Cô tìm vị lãnh đạo nào vậy?”. Tôi nói: “Không tìm vị lãnh đạo nào cả”. Nhìn vẻ mặt cô ấy dường như không tin tưởng lắm. Nhưng lời tôi nói là thật. Hai hôm nay tôi viết bản thảo, tôi nhớ ra chuyện này, tôi tìm ra câu trả lời tại sao tôi lại được tăng lương rồi, bởi vì tôi khờ khạo, ha ha, người khờ có số khờ!

Tôi kể tiếp cho mọi người nghe một câu chuyện có thật: Năm đó, cũng vào khoảng năm chín mươi mấy, tôi được đề bạt làm chánh văn phòng. Có đồng nghiệp cũ tìm tôi hỏi tôi: “Tố Vân, chị lớn tuổi hơn em, được đề bạt làm phó phòng sớm hơn em sáu năm, bây giờ em được đề bạt làm chánh văn phòng, còn là chức vụ thật, chị vẫn làm phó phòng. Lần này em có thể nhường cho chị được không, sau này em vẫn còn cơ hội”. Tôi nói “được, vậy em tìm ai để nói?”. Chị ấy nói “em tìm chủ nhiệm đó nói đi, là lãnh đạo đảng ủy chúng ta”.

Tôi thật sự đi tìm chủ nhiệm nói chuyện nhường lại vị trí cho người khác, sau khi nghe xong chủ nhiệm nói: “Phó phòng cũ chèn ép con 6 năm không được đề bạt,

sao chị ta không đứng ra nói lời nào cho con? Đề bạt là chuyện của đảng ủy, không phải chuyện cá nhân của hai người, quay về đi”. Tôi hỏi chủ nhiệm: “Vậy con trả lời chị ấy thế nào?” Chủ nhiệm nói: “Bảo cô ta tới tìm chú”.

Tôi trở về văn phòng, đồng nghiệp cũ đang đợi tôi trả lời, tôi đem nguyên văn lời của chủ nhiệm nói với chị ấy, chị ấy không nói lời nào, đứng dậy bỏ đi, từ đó về sau không còn nhắc lại chuyện đó nữa. Tôi thật lòng muốn nhường cho chị ấy, nhưng lời tôi nói không được tính.

Làm việc chung trong thời gian dài, đồng nghiệp đánh giá tôi như sau: Tính tình Tô Vân bướng bỉnh một chút, nhưng tâm tốt, không làm khó ai. Có lẽ là tâm tôi tốt, vận khí của tôi cũng tốt. Ví dụ như lãnh đạo mà tôi gặp được đều đối xử với tôi rất tốt, bao dung tính cách bướng bỉnh của tôi. Bây giờ nghĩ lại, tôi cũng vô cùng biết ơn.

Tôi muốn nhân cơ hội này giới thiệu một vài người tốt, một vài vị lãnh đạo tốt mà tôi gặp được.

- Vị đầu tiên là hiệu trưởng Vương Trị Quốc.

Năm 1964 tôi tốt nghiệp trung học phổ thông, tới trường Bảo Quốc Tứ làm giáo viên dạy thay, năm đó tôi 19 tuổi.

Lãnh đạo nhà trường thường tới các lớp nghe giảng, hướng dẫn cách dạy học. Hiệu trưởng tới nghe, chủ nhiệm giáo vụ cũng tới nghe. Chủ nhiệm giáo vụ tới nghe thì tôi không hỏi hớp, bởi vì cô Triệu Ái Hoa là cô chủ nhiệm tiểu học của tôi; hiệu trưởng tới nghe thì tôi hỏi hớp, thầy ấy là nam, ngoại hình có chút già trước tuổi, nhìn không ra tuổi thật của thầy, khóe mắt của thầy kéo hơi dài xuống dưới, nhìn có vẻ nghiêm khắc.

Có một lần hiệu trưởng tới nghe tôi giảng bài, đứng trước cửa phòng học, tôi nói với hiệu trưởng: “Hiệu trưởng, thầy tới nghe giảng con rất hỏi hớp”. Hiệu trưởng nói: “Đừng hỏi hớp, thầy tới nghe chỉ là hình thức thôi, con vừa giảng thì thầy ngủ rồi”. Nghe thầy nói xong, tôi yên tâm hơn một chút. Một lát sau, tôi thấy thầy hiệu trưởng thật sự ngủ, tôi hoàn toàn yên tâm rồi, tôi tự do rồi! Tốt lắm, tiết học 45 phút giảng vô cùng náo nhiệt, chơi cũng vô cùng náo nhiệt, lúc đó tôi dạy lớp 1 tiểu học.

Tôi nhớ tiết học đó giảng nội dung “động vật trong rừng làm sao để chung sống hòa thuận với nhau”. Các em có chuẩn bị, đã chuẩn bị một số đạo cụ, em thích

con vật nào trong rừng thì sẽ đóng vai con vật đó, dùng giấy vẽ rồi đeo trên đầu. Tiết học hôm đó giảng đề tài này và chơi trò này. Tôi nhìn thấy hiệu trưởng ngủ rồi, chơi thôi! Mặc kệ thầy ấy! Sau đó các em được chơi rất vui vẻ. Có một em nhỏ khóc, hóa ra em ấy không chuẩn bị đạo cụ, nhìn thấy mọi người đều có, chỉ mình không có nên em ấy khóc. Tôi nói: “Đừng khóc nữa, cô đưa cho em cái của cô, cái của cô lớn, cô là vua sư tử”.

Khi đạo cụ của tôi đeo lên đầu em ấy, em ấy lại cười, nước mắt còn chưa khô. Chúng tôi cứ như vậy chơi hết một tiết học, tiếng chuông báo hiệu hết giờ vang lên, hiệu trưởng cũng tỉnh dậy.

Buổi chiều, chủ nhiệm giáo vụ nói với tôi: “Hiệu trưởng Vương tìm con trao đổi ý kiến nghe giảng”. Tôi nói: “Hiệu trưởng ngủ nên không nghe thấy gì”. Cô Triệu Ái Hoa mỉm cười với tôi rồi nói: “Đưa trẻ ngọc này”.

Hiệu trưởng Vương vừa mở miệng, tôi liền ngậy người ra, không phải thầy ngủ sao, sao đều nghe hết vậy? Hiệu trưởng Vương cười nói: “Thầy không ngủ, không phải con sẽ hỏi hộp sao? Mắt thầy nhắm lại nhưng tai thầy vẫn nghe! Hơn nữa tiết học đó con giảng náo nhiệt như vậy, thầy có thể ngủ sao?”. Tôi nghe xong, gừng càng già càng cay, hóa ra thầy ấy giả vờ ngủ.

Tôi đã học chiêu này của hiệu trưởng Vương, sau khi tôi làm hiệu trưởng cũng nghe giảng như vậy, hiệu quả rất tốt.

- Vị thứ hai là: Tổng bí thư Lưu Khôn.

Năm 1984, tôi được điều đến chính quyền tỉnh làm việc, cơ quan làm việc cụ thể là phòng công tác cơ sở ủy ban kinh tế tỉnh, chủ quản lãnh đạo của chúng tôi là tổng bí thư Lưu Khôn, tổng bí thư là cán bộ lâu năm có tính cách cương trực, nói chuyện thẳng thắn, vô cùng yêu nghề.

Nhà tôi ở Bình Phòng, là khu vực ngoại thành của Cáp Nhĩ Tân, cách nội thành Cáp Nhĩ Tân hơn một giờ lái xe. Tôi ăn mặc rất quê mùa, có người gọi tôi là “đồ cổ được khai quật”, thậm chí có người còn hỏi trưởng phòng chỗ tôi, chỗ các anh đào được đồ cổ này ở đâu vậy?

Lúc tôi được điều đến làm việc ở chính quyền tỉnh, không có cấp bậc gì, tôi là một nhân viên bình thường của ban tuyên giáo đảng ủy nhà máy Đông An, gọi là trợ lý. Năm 1985, đúng lúc đảng ủy chúng tôi đề bạt cán bộ, lúc đó tôi làm việc ở

đảng ủy chưa đủ hai năm, tôi 39 tuổi. Lần đề bạt cán bộ đó, tôi được thăng hai cấp, vượt qua phó ban, trực tiếp được thăng lên làm chánh ban, chuyện này đã gây ra sự náo động lớn trong đảng ủy, nghe nói chưa từng có tiền lệ như vậy. Có người bắt đầu tìm hiểu bối cảnh của tôi, đáng tiếc là không thể tìm ra.

Từ đó trở đi, tôi được đề ý gấp bội, một “đề cổ được khai quật” không có chút bối cảnh nào, dựa vào gì mà được thăng liền hai cấp? Tôi bị người ta nhìn chằm chằm. Nói thật là tôi cũng muốn biết tại sao mình được thăng hai cấp? Mấy năm sau, trưởng phòng cũ của tôi, trưởng phòng Mậu, trước khi nghỉ hưu ông ấy nói với tôi, là do tổng bí thư Lưu Khôn hết lòng tiến cử tôi trong lúc họp nhóm đảng. Tôi hỏi trưởng phòng Mậu, tôi và tổng bí thư không hề qua lại, tại sao ông ấy lại hết lòng đề cử tôi? Trưởng phòng Mậu nói, tổng bí thư Lưu Khôn là người yêu quý nhân tài. Ôi chao, tôi là nhân tài gì chứ? Đến báo cáo khảo sát còn viết không xong. Vậy để tôi kể cho mọi người nghe chuyện viết báo cáo khảo sát của tôi.

Lần đầu tiên làm khảo sát nghiên cứu doanh nghiệp, tổng bí thư dẫn theo hai trưởng phòng, còn có tôi, bốn người chúng tôi tới nhà máy sản xuất xe ở Tề Tề Cáp Nhĩ để khảo sát nghiên cứu, đề tài là “quản lý theo mục tiêu”. Tôi thấy ba vị lãnh đạo mang theo một tên lính như tôi, chắc chắn là không có việc của tôi, tôi cũng không nghiêm túc nghe, không nghiêm túc ghi chép, nói thật là tôi nghe cũng không hiểu.

Không ngờ lúc ngồi trên xe đi về, tổng bí thư nói, báo cáo khảo sát nghiên cứu này do Tiểu Lưu viết bản thảo đầu tiên. Lúc đó tôi ngây người, tôi không nghiêm túc nghe, cũng không nghiêm túc ghi chép lại, trở về tôi biết viết gì đây? Tổng bí thư nói, trở về ngồi suy nghĩ kỹ lại rồi viết bản thảo đầu tiên, bảy ngày sau nộp.

Tôi trở về nhà bức bối mất bảy ngày, dù thế nào cũng phải viết được gì đó, bảy ngày sau đi nộp. Tổng bí thư nhìn tới nhìn lui, sau đó nói một câu: “Chú nói này Tiểu Lưu, bản thảo con viết không phải là báo cáo khảo sát, sao lại giống như báo cáo văn học vậy?”. Trong lòng tôi nghĩ, dù gì cũng có hai chữ “báo cáo” mà. Hai vị trưởng phòng muốn cười nhưng không dám cười, tổng bí thư nói với hai vị trưởng phòng, hai người đem ghi chép của mình đưa cho Tiểu Lưu, trở về viết bản thảo thứ hai, bảy ngày sau nộp.

Tôi trở về nhà lại bức bối tiếp bảy ngày, dựa vào ghi chép của hai vị trưởng phòng viết bản thảo thứ hai. Sau khi cầm bản thảo thứ hai, tổng bí thư nói một câu,

Tiểu Lưu hoàn thành nhiệm vụ rồi, bản thảo thứ ba cho trường phòng Liễu viết. Tôi thở phào nhẹ nhõm, cuối cùng tôi cũng được tự do rồi.

Hai vị trưởng phòng nói với tôi, tổng bí thư đang huấn luyện cô đó, làm việc ở chính quyền tỉnh mà không biết viết báo cáo sẽ bị thiệt thòi đó. Tổng bí thư nói với hai vị trưởng phòng, sau này nếu ra ngoài khảo sát nghiên cứu, nhất định phải dẫn Tiểu Lưu theo, để cô ấy mau qua được cửa ải viết tài liệu, phải chỉ dạy cho tốt, Tiểu Lưu là một nhân tài. Chú ấy không phê bình tôi câu nào, nhưng tôi có thể không nỗ lực sao? Có lẽ là thấy tôi tiến bộ rất nhanh, cho nên trong lúc họp nhóm đảng mới hết lòng tiến cử tôi thăng liền hai cấp mà chưa thông qua sự kiểm chứng, không biết tôi nghĩ có đúng hay không?

Hai mươi năm nay không nghe được tin tức gì của tổng bí thư, năm nay chắc chú ấy cũng gần 90 tuổi rồi! Tổng bí thư à, Tiểu Lưu năm đó không biết viết báo cáo khảo sát nghiên cứu vĩnh viễn biết ơn chú!

*Cảm ân lãnh đạo xưa  
Dạy con viết bản thảo  
Ân đức lớn của người  
Con nhớ mãi trong lòng.*

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 29

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Bắt đầu từ hôm nay chúng tôi giảng kinh văn phẩm thứ năm “Chí Tâm Tinh Tấn Đệ Ngũ”, kinh văn phẩm này là “Giải”.

### CHÍ TÂM TINH TẤN ĐỆ NGŨ

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Pháp Tạng tỳ-kheo thuyết thử kệ dĩ, nhi bạch Phật ngôn: ngã kim vị Bồ-tát đạo, dĩ phát Vô thượng Chánh giác chi tâm, thủ nguyện tác Phật, tất linh như Phật.**

*Tỳ-kheo Pháp Tạng thuyết kệ ấy rồi, bạch Phật rằng: Nay con vì đạo Bồ-tát, đã phát tâm Vô thượng Chánh giác, giữ nguyện làm Phật, khiến cho hết thấy đều giống như Phật.*

Đại đức xưa từng nói: “Cửa quan trọng để nhập đạo, phát tâm làm đầu; việc cấp bách trong tu hành, lập nguyện đứng trước”. Bốn câu này vô cùng quan trọng. Công phu học Phật của chúng ta có đắc lực hay không? Bốn câu này đã nói ra hết.

Cánh cửa vào đạo quan trọng nhất là phát tâm, phải phát chân tâm. Phát tâm làm gì? Phát tâm làm Phật.

Chúng ta thấy sự phát tâm của tỳ-kheo Pháp Tạng, “giữ nguyện làm Phật, khiến cho hết thấy đều giống như Phật”. Ngài chỉ có một nguyện vọng là làm Phật. Làm vị Phật như thế nào? Làm vị Phật giống như A-di-đà Phật vậy. Khởi điểm của sự phát tâm này cao. Tỳ-kheo Pháp Tạng phát tâm, không những chính mình phải thành Phật, mà còn giúp hết thấy chúng sanh đều giống như Phật. Đây là tâm thật sự độ chúng sanh.

So sánh với sự phát tâm của tỳ-kheo Pháp Tạng, nghĩ xem chúng ta học Phật nhiều năm như vậy, chúng ta đã phát tâm chưa? Chúng ta phát tâm gì? Điều chúng ta thiếu đó là tâm Vô thượng Bồ-đề, tâm Vô thượng Bồ-đề chính là tâm thành Phật chân chánh. Trong kinh Hoa Nghiêm gọi là Diệu Giác, Diệu Giác ở trên Đẳng Giác,



trên Diệu Giác thì không còn nữa, Diệu Giác chứng đắc pháp thân viên mãn, quay về tự tánh một cách viên mãn.

Đồng tu học Phật của chúng ta, cũng có người phát tâm. Họ phát tâm gì? Câu cảm ứng, cầu thần thông, phát tâm thành thần thành tiên. Có thần thông hay không? Có. Có cảm ứng hay không? Có. Thần thông và cảm ứng thật sự là hiển lộ của tự tánh, không phải do cầu được. Thứ cầu được đều là ma thông, ma thông sẽ khiến hồn vía bạn điên đảo, trải qua thời gian dài sẽ trở thành bệnh tâm thần. Người học Phật phải cầu trí tuệ, nhất định không được cầu thần thông, cầu thần thông sẽ hại chết người!

“Không tranh với người, không cầu nơi đời”, bạn làm được hai câu này viên mãn rất ráo thì bạn chính là pháp thân Như Lai.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Nguyện Phật vì ngã quảng tuyên kinh pháp. Ngã đương phụng trì, như pháp tu hành.**

*Nguyện Phật vì con rộng tuyên kinh pháp. Con sẽ phụng trì, như pháp tu hành.*

Đây là thỉnh thầy khai thị cho ngài. Bởi vì muốn rộng độ vô lượng vô biên chúng sanh, thì phải có đầy đủ năng lực tiêu trừ vô số bệnh khổ của thân tâm chúng sanh, nên “thỉnh Phật rộng mở phương tiện vì con mà rộng thuyết kinh pháp”. Đây là tỳ-kheo Pháp Tạng thỉnh pháp với Thế Gian Tự Tại Vương Phật.

Khai thị của thầy rất quan trọng. Hai chữ “khai thị” là thuật ngữ nhà Phật. “Khai” là khai mở, “thị” là chỉ thị. Phạm phu ngu muội, không hiểu rõ chân tướng sự thật, chur Phật Bò-tát từ bi, dẫn dắt họ vào cửa, gọi là ngộ nhập.

Mặc dù họ đã vào cửa, nhưng sau khi vào cửa không nhận biết món hàng, cũng giống như chúng ta đi tham quan bảo tàng Cố Cung, những đồ cổ sưu tầm ở đó chúng ta nhìn không hiểu, phải có người giải thích cho chúng ta, giải thích gọi là “khai”. Không những giải thích mà còn phải chỉ thị, chỉ cho họ thấy, họ hiểu rồi, đây gọi là thị, khai thị.

Trong khai thị bao gồm thân hành ngôn giáo: thân hành là thị, ngôn giáo là khai, khai mở. Cho nên phương pháp giúp đỡ chúng sanh là phá mê khai ngộ, phương pháp là dạy học. Không chỉ Thích-ca Mâu-ni Phật dùng phương pháp này, Phật nói

với chúng ta, Phật Phật đạo đồng, hết thầy chư Phật Như Lai, Bồ-tát, La-hán trong lục đạo giáo hóa chúng sanh đều dùng phương pháp này.

Phật pháp là gì? Phật pháp là dạy học. Bạn xem, tại sao Thế Tôn lại giới thiệu A-di-đà Phật với chúng ta, A-di-đà Phật ở thế giới Tây Phương Cực Lạc làm gì? Hiện đang thuyết pháp. Hết thầy tôn giáo trên trái đất, người đầu tiên sáng lập là giáo chủ, các ngài đều dùng phương pháp dạy học, không có người nào không dùng [phương pháp này]. Nếu như không dạy học, mà dùng phương pháp cầu nguyện thì đó là vu thuật, cũng là một loại tôn giáo, tôn giáo cấp thấp, nhưng sẽ bị đào thải.

Tôn giáo cao cấp đều là giáo dục. Trong hết thầy tôn giáo thì thời gian Thích-ca Mâu-ni Phật dạy học dài nhất, ngài dạy học 49 năm; Moses dạy học khoảng hai mươi đến ba mươi năm; Muhammad dạy học 27 năm; Chúa Giê-su chỉ dạy học 3 năm thì bị người khác hại chết. Nếu như ngài không bị người khác hại chết, tin rằng một đời ngài đều làm nghề dạy học.

*“Ngã đương phụng trì, như pháp tu hành”*. Con nhất định tín thọ phụng hành, tu hành đúng như pháp. “Như pháp” rất quan trọng, tu hành không như pháp là tu mù luyện quán, không những không có lợi ích, ngược lại còn có hại, chúng ta tu học Phật pháp phải có chánh tri chánh kiến, tu hành đúng như pháp.

Đề tôi kể cho mọi người nghe câu chuyện liên quan đến La-hầu-la:

La-hầu-la là con trai của Phật, là cháu trai của vua Tịnh Phạn, sau khi ngài xuất gia, Phật để cho ngài báỉ Xá-lợi-phất làm thầy.

Có một ngày La-hầu-la nghe Phật thuyết pháp xong trở về, phòng của ngài bị tỳ-kheo khác chiếm mất, còn đem y bát và đồ dùng của ngài vứt ở ngoài cửa. Lúc đó bên ngoài lại đổ mưa lớn, La-hầu-la không có chỗ nào tránh mưa, chỉ đành ngồi thiền trong nhà vệ sinh.

Hang rắn ở nơi trũng toàn bộ đều bị ngập trong nước, rắn đen ở trong động lần lượt bò ra ngoài, có sự đe dọa rất lớn đối với tánh mạng của La-hầu-la. Phật biết được chuyện này, lập tức gọi La-hầu-la đến phòng của mình. Giới luật vốn quy định tỳ-kheo và sa-di không thể ở chung một phòng, hiện tại điều chỉnh lại quy định tỳ-kheo và sa-di có thể ở chung một phòng trong hai đêm.

Lại có lần, La-hầu-la cùng ngài Xá-lợi-phất khát thực ở thành Vương-xá, có một kẻ lưu manh bỏ cát vào trong bát của Xá-lợi-phất, còn dùng gậy gỗ đánh vào

đầu La-hầu-la. Xá-lợi-phất an ủi nói, Phật thường răn dạy chúng ta, lúc vinh quang thì tâm không được kiêu ngạo; khi bị nhục mạ thì tâm không được sân hận. La-hầu-la, con nên chế phục tâm sân hận, nghiêm giữ nhẫn nhục. Thế gian này không có người nào dũng cảm hơn người nhẫn nhục, bất kỳ sức mạnh nào cũng không thể chiến thắng được nhẫn nhục.

La-hầu-la nghe lời khuyên bảo của sư phụ Xá-lợi-phất, nội tâm rất bình tĩnh, đến bên bờ sông lấy nước sạch rửa vết máu trên người. Phật biết được chuyện này cũng dạy La-hầu-la, người có trí tuệ có thể thấy được nhân quả sâu xa, khắc phục tâm sân hận, thực hành nhẫn nhục nhiều hơn. Có thể nhẫn nhục hành vi xấu ác mới có thể bình an, mới loại trừ được tai họa. Nhẫn là con thuyền đi trên biển lớn, có thể độ hết thủy khổ nạn; nhẫn là thuốc hay cho người bệnh, có thể cứu người bệnh nguy kịch. Ta có thể thành Phật, độc bước tam giới, chủ yếu là tâm địa an ổn, biết được sự đáng quý của đức hạnh nhẫn nhục.

Câu chuyện kể xong rồi, hy vọng quý vị đồng tu thể hội thật kỹ, có được sự gợi ý dẫn dắt từ trong đó.

Mời xem câu kinh văn tiếp theo:

**Bạt chư cần khổ sanh tử căn bản, tốc thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.**

*Nhỏ sạch các gốc rễ sanh tử cực khổ, mau chóng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.*

“Cần khổ” có hai cách giải thích:

Một, cần nghĩa là lao, khổ nghĩa là ưu, “cần khổ” nghĩa là lao khổ, ưu khổ, khổ khổ (khổ nhất trong các khổ).

Hai, “sanh tử cực khổ, lại không ngừng nghỉ” gọi là cần khổ.

Tỳ-kheo Pháp Tạng nói ra mục đích thỉnh Phật rộng thuyết kinh pháp, là vì muốn nhổ bỏ gốc rễ sanh tử cực khổ của chúng sanh. Trong cần khổ là tham sân si mạn nghi. Phải đoạn trừ sạch sẽ, khôi phục tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, giác mà không mê của bạn.

Chúng sanh không biết mình vốn là Phật, oan uổng chịu luân hồi, chìm đắm trong biển khổ sanh tử, không có ngày ra khỏi. Nay nguyện triệt để cứu độ, chính là muốn nhổ bỏ gốc rễ sanh tử của họ, đó là ái dục vô minh. Phá trừ vọng tưởng chấp trước của chúng sanh, khôi phục bản minh của chúng sanh, cho nên “mau chóng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.

“Mau chóng thành” trong câu kinh văn này, hai chữ “tốc thành” này quan trọng nhất. Mời mọi người so sánh với hai câu sau đây:

-Tám vạn bốn ngàn pháp môn có thể thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

-Pháp môn niệm Phật mau chóng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Một câu là “có thể thành”, một câu là “mau chóng thành”.

Tám vạn bốn ngàn pháp môn có thể thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhưng không thể mau chóng thành; có thể mau chóng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì chỉ có pháp môn niệm Phật. Câu này rất quan trọng, xin quý vị đồng tu thể hội thật kỹ.

Kinh văn phẩm trước có câu “tốc sanh ngã sát thọ an lạc”, trong câu kinh văn có chữ “tốc”; kinh văn phẩm này có câu “tốc thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”, trong câu kinh văn này cũng có chữ “tốc”, hai chữ “tốc” này cùng hiển hiện sự nhất tâm. Tu hành như thế nào? Nhất tâm, nhất tâm chuyên niệm thì bạn đều đạt được hai chữ “tốc” này. “Bồ-tát Pháp Tạng tâm độ sanh khẩn thiết”, vì sao lại muốn mau chóng thành Phật? Vì chúng sanh quá khổ, ta phải mau chóng giúp họ. “Cho nên nguyện rằng chúng sanh luân hồi trong các nẻo, mau sanh cõi con hưởng an lạc”.

Chỗ này chứng minh cho phần giảng trước, đến thế giới Cực Lạc thành Phật nhanh, nhanh tới mức bạn không thể tưởng tượng. Vì vậy vãng sanh đến thế giới Cực Lạc thì bằng với thành Phật, sống ở đó một thời gian, thật sự thành Phật. Thành Phật rồi thì làm gì? Mục tiêu cuối cùng là độ chúng sanh.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Dục linh ngã tác Phật thời, trí tuệ quang minh, sở cư quốc độ, giáo thọ, danh tự, giai văn thập phương.**

*Mong cho khi con thành Phật, trí tuệ quang minh, cõi nước nơi ở, giáo thọ, danh tự, đều vang khắp mười phương.*

Những câu kinh văn này nói đến y báo tuyệt diệu, chánh báo tuyệt diệu. Chúng ta vì vô lượng chúng sanh liễu thoát sanh tử mà mau thành Chánh giác, cho nên nguyện rằng: khi con thành Phật, trí tuệ quang minh (chánh báo), cõi nước nơi ở (y báo), giáo thọ (giáo hóa), danh tự (Phật hiệu) đều vang danh khắp mười phương. “Giáo thọ” là ai? Là A-di-đà Phật. Danh tự chính là [Phật hiệu] A-di-đà Phật.

Trước tiên Bồ-tát Pháp Tạng nhắc tới trí tuệ, bởi vì quang minh, cõi nước, giáo thọ, danh tự ở phía sau đều sanh ra từ trí tuệ. Tiếp đó là quang minh, Quán Kinh nói: “Quang minh chiếu khắp chúng sanh niệm Phật trong mười phương thế giới, nhiếp thọ không bỏ sót”. Lễ Tán nói: “Dùng quang minh, danh hiệu nhiếp hóa mười phương”, vì chúng sanh vô biên, nên quang minh vô biên.

Cõi nước là nơi đời sau chúng sanh sanh tới, trước tiên để cho chúng sanh biết có một cõi nước thù thắng vi diệu như vậy, hơn nữa sự kỳ lạ hiếm có này vượt hơn mười phương thì mọi người mới muốn tới. Càng quan trọng hơn là cõi nước này mang lại lợi ích chân thật nhiều nhất, lớn nhất, triệt để nhất cho chúng sanh. Vậy thì “giáo thọ, danh tự” của chính mình phải thù thắng hơn cõi nước chư Phật khác.

“Giáo thọ” nghĩa là chỉ dạy và truyền trao nghĩa lý của kinh pháp, cũng tức là hoằng hóa, giáo hóa; thiện tri thức như vậy gọi là giáo thọ thiện tri thức. Phàm phu vãng sanh đến nước Cực Lạc, vãng sanh liền lên ngôi Bồ Xứ, giống như Di-lặc Đại sĩ trong nội viện Đâu-suất, đó là nhờ lực giáo hóa thù thắng.

Phàm phu có thể vãng sanh, vãng sanh liền lên ngôi Bồ Xứ, chủ yếu là nhờ công đức của một câu Phật hiệu, muôn loài chúng sanh chỉ cần tín nguyện trì danh thì không ai không thể vãng sanh. Vì để chúng sanh có thể trì danh, nên ngài nguyện cho danh hiệu của chính mình nổi tiếng khắp mười phương.

Để tôi kể cho mọi người nghe một câu chuyện:

Thích-ca Mâu-ni Phật độ cha ngài, dạy cha ngài niệm Phật, cha ngài nói: quả đức của chư Phật, chân như thật tướng, đệ nhất nghĩa đế, tại sao không cho đệ tử tu những điều này? Cha của Phật ở trước mặt Phật cũng tự xưng là đệ tử. Phật nói những điều đó không phải không tốt, nhưng “không phải cảnh giới phàm phu có thể

thực hành được”, phàm phu không làm được. Ngài khuyên cha ngài thực hành niệm Phật tam-muội.

Phật nêu một ví dụ cho cha ngài: ví như một rừng cây rất lớn hôi thối, cây lớn u tối, ngửi mùi đều sanh bệnh. Chỉ cần trong rừng cây đó mọc một cây chiên-đàn, thì cả rừng cây hơn một trăm dặm đó đều trở nên thơm. Pháp môn niệm Phật cũng như vậy, giống như cây chiên-đàn này, hết thảy phiền não cũng giống như rừng cây rất hôi, nhưng chỉ cần cha niệm Phật thì sẽ thay đổi. Đây là câu chuyện Thích-ca Mâu-ni Phật kể lúc độ cha mình. Từ câu chuyện này đã gợi ý dẫn dắt điều gì cho chúng ta?

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Chư thiên nhân dân cập quyên nhuỹn loại, lai sanh ngã quốc, tất tác Bồ-tát. Ngã lập thị nguyện, đô thắng vô số chư Phật quốc giả, ninh khả đắc phủ?**

*Chư thiên, người đời, cho đến những loài bò bay máy cưa, sanh đến nước con, đều làm Bồ-tát. Con lập nguyện như vậy, đều vượt hơn vô số cõi nước chư Phật, có thể được không?*

Bồ-tát Pháp Tạng mong muốn “*chư thiên, người đời, cho đến những loài bò bay máy cưa*” sanh đến cõi nước của ngài (người cõi trời rất cao; loài ngọ nguậy, côn trùng bay, sâu bọ thì rất hạ đẳng. Ở đây đại diện cho hết thảy chúng sanh). Chúng sanh như vậy sanh đến cõi nước của con, đều làm Bồ-tát. Điều này chứng minh thế giới Cực Lạc là đại pháp Nhất thừa, tất cả mọi người đều hành Bồ-tát đạo, đều là Bồ-tát, đều chắc chắn thành Phật.

Như kinh Pháp Hoa khai thị: không có xe dê, xe nai, xe trâu, mọi người đều cưỡi xe trâu trắng lớn. Giống như kinh này, sau khi vãng sanh thì ai ai cũng là Bồ-tát, ai ai cũng thành Phật, là pháp Nhất thừa thuần chánh.

Sau cùng Bồ-tát Pháp Tạng nói: Con lập nguyện như vậy, muốn vượt hơn vô số cõi nước chư Phật, có được thỏa nguyện không?

Đối với câu “vượt hơn vô số cõi nước chư Phật” của Bồ-tát Pháp Tạng, bạn hiểu như thế nào? Tôi cung cấp cho mọi người hai điểm nhận thức để tham khảo.

Một, nhất định không được cho rằng Bồ-tát Pháp Tạng muốn vượt hơn cõi nước chư Phật khác để chính mình nổi trội, trội hơn hết thảy. Nếu ngài sanh tâm như

vậy thì nhất định không thể thành Phật được, chỉ có thể thành vua A-tu-la. Bởi vì đặc điểm của A-tu-la là khoe tài hiểu thắng, không cho phép ai mạnh hơn mình, nếu như có người mạnh hơn họ thì họ sẽ phá hoại.

*Hai*, Bồ-tát Pháp Tạng không có tâm như vậy, ngài muốn vượt hơn hết thầy cõi nước khác là vì muốn giúp chúng sanh đạt được phương tiện thù thắng, lợi ích an lạc mà ở cõi Phật khác không thể đạt được. Muốn ban cho chúng sanh, chứ không phải chính mình muốn có, muốn địa vị, muốn tiếng tăm, hay muốn những điều khác, mà ngài muốn ban cho hết thầy chúng sanh, hy vọng lợi ích mà họ đạt được lớn hơn cõi nước Phật khác, cho nên mới gọi là “đại nguyện vương”.

Đại nguyện mà Bồ-tát Pháp Tạng đã phát ở nhân địa, mười phương thế giới hết thầy chư Phật cũng chưa từng phát nguyện như vậy. Đại nguyện như vậy có thể viên mãn hay không? Đây là vấn đề vô cùng nghiêm túc. Nhà Phật thường nói, ở trong cửa Phật, có nguyện ắt thành, chỉ sợ bạn không phát nguyện. Không phải chư Phật khác không làm được, mà chư Phật khác không có ý niệm này, không phát nguyện này. Nguyện mà ngài phát vượt hơn mười phương hết thầy chư Phật.

Đã phát nguyện rồi thì tu học như thế nào? Làm sao để đạt được? Chúng ta học tập kinh Vô Lượng Thọ, chính là học tập A-di-đà Phật. A-di-đà Phật ở đâu? Ở ngay trước mắt, Phật chính là kinh, kinh chính là Phật, kinh và Phật hợp nhất. Thật sự học A-di-đà Phật, chúng ta sẽ có cảm ứng với A-di-đà Phật, bởi vì chỉ có thật sự học, chúng ta mới có thể cùng một tần số với A-di-đà Phật.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Thế Gian Tự Tại Vương Phật, tức vị Pháp Tạng ni thuyết kinh ngôn: Thí như đại hải nhất nhân đầu lượng, kinh lịch kiếp số thượng khả cùng để. Nhân hữu chí tâm cầu đạo, tinh tấn bất chỉ, hội đương khắc quả, hà nguyện bất đắc. Nhữ tự tư duy, tu hà phương tiện, ni năng thành tựu Phật sát trang nghiêm. Như sở tu hành, nhữ tự đương tri. Thanh tịnh Phật quốc, nhữ ưng tự nhiếp.**

*Thế Gian Tự Tại Vương Phật liền vì Pháp Tạng mà thuyết kinh rằng: Thí như một người dùng đầu để đong nước biển lớn. Trải qua nhiều kiếp còn có thể đến đáy. Người có chí tâm cầu đạo, tinh tấn không ngừng, sẽ chắc chắn chứng quả, vậy thì nguyện gì mà chẳng thành? Ông tự tư duy, tu phương tiện nào có thể thành tựu cõi*

*Phật trang nghiêm. Việc tu hành thế nào, ông nên tự biết. Cõi Phật thanh tịnh, ông nên tự quyết.*

Bồ-tát Pháp Tạng phát nguyện đại bi như vậy, thầy của ngài là Thế Gian Tự Tại Vương Phật gặp được học trò như vậy, đương nhiên vô cùng quý trọng, chắc chắn không để học trò thất vọng.

Thế Gian Tự Tại Vương Phật khai thị nghĩa kinh cho Bồ-tát Pháp Tạng rằng: Ví như biển lớn sâu rộng không gì sánh bằng, một người dùng cái đấu đong biển cả, dùng từng đấu từng đấu đong nước biển mang đi, trải qua nhiều kiếp còn có thể khiến đáy biển lộ ra; nếu có người kiên định chí nguyện, chí tâm cầu đạo, ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác, tinh tấn không giải đãi, không gián đoạn, nhất định có thể viên mãn đại nguyện.

Trọng điểm tiếp theo nói đến ba chữ “tự”: “ông tự tư duy”, “ông nên tự biết”, “ông nên tự quyết”.

Trước tiên Thế Gian Tự Tại Vương Phật khẳng định rằng chí tâm cầu đạo thì nguyện nào mà chẳng thành. Đây là sự khích lệ dành cho học trò. Sau đó ngài liên tiếp nói ba chữ “tự”, thật sự có thể nói là nét bút thần thánh, vô cùng tuyệt diệu. Ba chữ “tự” để chúng ta phải suy ngẫm sâu xa, dùng lời hiện nay nói, đây là phương pháp giáo dục cao minh của Thế Gian Tự Tại Vương Phật, phương pháp dạy học gọi mở.

Trong kinh Pháp Hoa, đại chúng ba lần thỉnh Phật diễn thuyết Thật pháp, Thế Tôn đều trả lời: “Thôi thôi chẳng cần nói, pháp của ta vi diệu khó thể hiểu”. Ba lần “thôi thôi” cũng giống như ba chữ “tự” trong kinh này, vi diệu như nhau. Tại sao “chẳng cần nói”? Bởi vì “vi diệu khó thể hiểu”, thật là đầy ý vị. Pháp này vốn không phải dùng sự phân biệt của ngôn ngữ mà có thể biết được, chỉ có ngẫm hiểu, tự biết.

Cho nên “thôi thôi” trong kinh Pháp Hoa cũng là chỉ ra chữ “tự” này. Vì vậy, ba chữ “tự” này, chúng ta có thể lãnh hội từ công án của Thiên tông. Lục Tổ trả lời rằng: “Mật ý ở nơi ông”, nghĩa là “mật” ở chỗ người hỏi, tức là ông có toàn bộ mật tạng của Như Lai, sao còn đến hỏi ta làm gì? Cũng chính là trực chỉ bản thân người hỏi.

Ví dụ, thời xưa người tu thiền hỏi đáp, nói “anh hãy tự biết chọn lấy điều hay, tôi không bằng anh”, đây đều là khai thị tốt nhất. Còn có cách nói rõ ràng trực tiếp



hơn, như là “tức như thị Phật”, anh chính là Phật; “thanh đàm đối diện” (có người hỏi: Phật là gì? Đáp: người đối diện đàm nước trong chính là Phật. Đối diện đàm nước trong không phải là chính mình sao?) Ngài Lâm Tế nói: người nghe pháp là Phật. Thế Gian Tự Tại Vương Phật nói liên tiếp ba chữ “tự” cũng giống như Thiên tông vậy.

Nói đến Thiên tông, chúng tôi vừa nói tới “mật ý ở nơi ông”, chính là một đoạn công án trong Đàn Kinh đã nói:

Ngũ Tổ truyền trao y bát cho ngài Huệ Năng, tặng chúng không phục, đuổi theo Huệ Năng muốn đoạt lại y bát. Pháp sư Huệ Minh đuổi theo Huệ Năng, lúc sắp bị đuổi kịp, Huệ Năng nghĩ, thứ ông ấy muốn là y bát, nên ngài đem y bát đặt trên một tảng đá, chính mình thì núp đi. Huệ Minh nhìn thấy y bát rồi, nhưng ngài không cầm lên được, ngài đã sấm hối. Trước khi xuất gia, Huệ Minh là tướng quân tứ phẩm, là người luyện võ mà không nhắc nổi một túi vải nhỏ, sao có thể được? Ngài biết đó là thần hộ pháp đang trông chừng. Ngài bèn chuyển đổi ý niệm, mời đại sư Huệ Năng ra gặp mặt: tôi vì pháp mà tới, không phải vì y bát mà tới, tôi tới gặp ngài để cầu pháp.

Đại sư Huệ Năng liền ra gặp mặt. Ngài thành tâm thành ý thỉnh pháp với đại sư, đại sư Huệ Năng nói với ngài, dùng lời hiện nay mà nói, tức là “ông phải buông xuống vạn duyên, chớ nghĩ tới thiện, cũng đừng nghĩ tới ác, hết thấy đều không nghĩ, để tâm đạt được thanh tịnh, không sanh một niệm”. Vào lúc này đại sư nhắc ngài một câu: “Thế nào là bản lai diện mục của Thượng tọa Minh?” Trong một câu này, bởi vì tâm của ngài là chân tâm, không còn tạp niệm, bỗng chốc liền khai ngộ. Cho nên người đầu tiên đại sư Huệ Năng độ là Huệ Minh. Dưới sự chỉ dạy của ngài, có hơn bốn mươi người khai ngộ, đây là vị đầu tiên.

Huệ Minh được cảnh tỉnh, sau khi khai ngộ, câu thứ hai ngài hỏi là còn có mật ý hay không? Lục Tổ trả lời ngài: “mật ý ở nơi ông”, ở chỗ ông không ở chỗ tôi”.

Công án đã kể xong, chúng ta tiếp tục nói ba chữ “tự”.

“Ông tự tư duy, tu phương tiện nào có thể thành tựu cõi Phật trang nghiêm”. Đây là chữ “tự” đầu tiên. “Ông tự tư duy” nghĩa là ông hãy tự mình suy nghĩ kỹ, tu pháp môn phương tiện nào mới có thể thành tựu vô số sự trang nghiêm của cõi Phật.

“Việc tu hành thế nào, ông nên tự biết”, đây là chữ “tự” thứ hai, nghĩa là phải làm thế nào để tu hành đúng như pháp, ông tự mình nên biết.

“Cõi Phật thanh tịnh, ông nên tự quyết”. Đây là chữ “tự” thứ ba, nghĩa là làm sao kiến lập cõi Phật thanh tịnh, ông nên tự mình chọn lựa, quyết định.

Đối với sự thỉnh pháp của Bồ-tát Pháp Tạng, Thế Gian Tự Tại Vương Phật không trực tiếp trả lời, còn hỏi lại Bồ-tát Pháp Tạng, để ngài tự mình suy nghĩ, phải tu như thế nào mới có thể thành tựu sự trang nghiêm nơi cõi Phật.

Làm thế nào thành tựu Phật đạo? Là do bạn tự tu, tự ngộ, tự chứng, không phải người khác ban cho bạn. Ba chữ “tự” này trực chỉ nhân tâm, ý nghĩa vô cùng sâu rộng.

Hoàng Niệm lão giải thích ba chữ “tự” này như sau:

Thế Gian Tự Tại Vương Phật liên tục nhắc tới ba chữ “tự”, chỉ dạy hành nhân tuân theo linh tánh vốn có của mình, trong Giáo gọi là “nội trọng kỷ linh”.

Trong phần chú giải, Niệm Lão đã trích dẫn “sư Tuân Đế kể đó nói: chữ này có ba nghĩa”, tức là ba chữ “tự” này có ba ý nghĩa:

*Ý nghĩa thứ nhất:* “Thiện căn mà Bồ-tát Pháp Tạng đã gieo trồng trong đời quá khứ sâu dày, cao tài, dũng triết vượt khác hơn đời; đã thấu suốt việc kiến lập cõi Phật thanh tịnh từ lâu. Tuy không có gì hơn trí Phật, như những gì ông đã biết, ông hãy tự thực hành”. “Điều này lại nói rõ ngài Pháp Tạng là từ quả hương đến nhân”.

Đoạn này có nghĩa là gì? Đây là nói cho chúng ta biết, Bồ-tát Pháp Tạng đến để biểu pháp, cũng giống như Thích-ca Mâu-ni Phật ba ngàn năm trước hiện thân thuyết pháp trên thế gian chúng ta. Thích-ca Mâu-ni Phật có phải là tu hành rồi chứng đạo trên trái đất chúng ta hay không? Không phải, ngài sớm đã thành Phật rồi. Trong kinh Phạm Võng nói lần này ngài tới là lần thứ tám ngàn, ngài đã tới trái đất này tám ngàn lần nhưng phàm phu chúng ta không nhận biết, ngài sớm đã thành Phật rồi.

Cho nên chúng ta nghĩ tới, A-di-đà Phật kiến lập thế giới Cực Lạc ở Tây Phương đã bao lâu rồi? Mười kiếp. Trong thời gian vô lượng kiếp thì mười kiếp rất ngắn ngủi, có thể nói ngài kiến lập một nơi ở Tây Phương, thành lập chưa được bao lâu. Mục đích là gì? Tiếp dẫn chúng sanh, tiếp dẫn chúng sanh ở phương này, có thời điểm công đức viên mãn hay không? Có, công đức viên mãn rồi ngài sẽ diệt độ.

Nhưng thế giới của ngài không biến mất, Quán Thế Âm Bồ-tát tiếp tục thành Phật. Quán Thế Âm Bồ-tát đại từ đại bi, cõi nước sau khi ngài thành Phật không hề kém hơn thế giới Cực Lạc của A-di-đà Phật, trên nền tảng này càng trang nghiêm hơn.

Vậy nên ngài Pháp Tạng đã thành Phật từ lâu, “như những gì ông đã biết, ông hãy tự thực hành”. Nói thẳng ra chính là Bồ-tát Pháp Tạng dùng ba nghiệp thân khẩu ý giáo hóa chúng sanh, làm thiện tri thức của hết thầy chúng sanh, làm người thầy tốt của hết thầy chúng sanh. Ý nghĩa này là mật nghĩa.

*Ý nghĩa thứ hai:* “Là nhiếp thủ cõi Phật, đều tùy theo ý thích: Hoặc chọn cõi uế trước, hoặc cầu cõi thanh tịnh, hoặc nhiếp Tam thừa, hoặc nguyện Nhất thừa. Vì vậy, tùy ý thích của Bồ-tát mà chọn lấy, chẳng cần Như Lai chỉ thị”.

Đoạn này có nghĩa là, không cần Phật chỉ thị? Bạn tiếp xúc với đại chúng, giáo hóa đại chúng, bạn đều biết hết, không cần phải thỉnh giáo Phật, tự bạn cũng có năng lực này.

*Ý nghĩa thứ ba:* “Phàm ở cõi Tịnh độ, có báo thân, có hóa thân. Pháp thân, báo thân cao diệu, không phải phần của Bồ-tát, chỉ nên thuận theo sức mình mà nhiếp thủ, nên bảo: ông nên tự biết”.

Ý nghĩa của đoạn này là phàm cõi Tịnh độ có báo thân, có hóa thân, pháp thân. Báo thân cao, đó là thị hiện cho Pháp thân Bồ-tát, nếu không phải là Pháp thân Bồ-tát thì không có phần. Chỉ nên thuận theo sức mình mà nhiếp thủ.

Cũng giống như dạy học, Thế Tôn dạy học chia làm bốn giai đoạn, giai đoạn thứ nhất giảng A-hàm, tương đương với tiểu học, giảng 12 năm; giai đoạn thứ hai giảng Phương Đẳng, tương đương với trung học, giảng 8 năm; giai đoạn thứ ba tương đương với đại học, giảng Bát-nhã 22 năm; tám năm cuối cùng giống như mở viện nghiên cứu, hoàn toàn giảng pháp Nhất thừa, hội tam quy nhất, đem Nhị thừa, Tam thừa đã giảng trước đó, sau cùng đều quy về pháp Nhất thừa, như vậy mới viên mãn rốt ráo, đây chính là sự nhiếp thủ, nhiếp thọ khác nhau.

Thế giới Tây Phương Cực Lạc có bốn cõi, có cõi Phàm Thánh Đồng Cư, có cõi Phương Tiện Hữu Dư, có cõi Thật Báo Trang Nghiêm, còn có cõi Thường Tịch Quang Tịnh. Cõi Thường Tịch Quang và Thật Báo cao diệu, tuy cõi Phương Tiện và cõi Đồng Cư có tên gọi khác, nhưng trên thực tế trí tuệ, thần thông và đạo lực của

Bồ-tát ở hai cõi này không hề khác với cõi Thật Báo, đây là chỗ đặc biệt của thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Nguyện tâm của Bồ-tát Pháp Tạng không thể nghĩ bàn, đích thực là điều mà người thông thường ở nhân địa không thể nghĩ tới, ngài nghĩ chu đáo như vậy, giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn có nghiệp chướng sâu nặng, chúng sanh tạo tội ngũ nghịch thập ác sắp đọa địa ngục A-tỳ, ngài đều có thể giúp họ vào lúc lâm chung, một niệm, mười niệm thành Phật, thật sự quá tuyệt vời!

Vì vậy chư Phật Như Lai xưng ngài là “ánh sáng tôn quý nhất, vua trong các vị Phật”. Cõi nước thế giới chư Phật vô cùng lâu xa, thế giới Cực Lạc chỉ mới mười kiếp, là một cõi nước Phật mới. Trong cảnh giới Bồ-tát, mười kiếp là khoảng thời gian rất ngắn, nên chúng ta đến thế giới Cực Lạc, tương lai đều là nguyên lão của thế giới Cực Lạc, tư cách lâu đời. Vậy phải nắm bắt, đừng để tụt lại phía sau người khác. Nhất định phải biết thế giới này là giả. Không những thế giới này là giả, mà cõi nước của hết thầy chư Phật cũng đều là giả, là thật thì chỉ có cõi Thật Báo, chỉ có cõi Thường Tịch Quang, đây mới là thật. Chuyện này không thể không biết. Sau khi biết rồi chúng ta phải biết lựa chọn. Chọn điều gì? Bỏ điều gì? Chúng ta không chọn cõi nước mười phương chư Phật, mà chọn thế giới Cực Lạc. Tại sao vậy?

Mười phương chư Phật giới thiệu cho chúng ta, A-di-đà Phật ở thế giới Cực Lạc có thân phận gì? “Ánh sáng tôn quý nhất, vua trong các vị Phật”. Điều này ví như có rất nhiều trường đại học, trường đại học này rất đặc thù, hết thầy trường đại học đều không thể sánh bằng, hiệu trưởng của trường, giáo viên của trường đều là những vị ưu tú hàng đầu. Chúng ta đi học nhất định phải chọn trường này, cũng giống như trẻ em bây giờ chọn trường trọng điểm vậy.

Thế giới Tây Phương Cực Lạc là một trường đại học trọng điểm hàng đầu của Phật giáo, bỏ trường này không chọn mà chọn trường khác, không phải người ngu thì ắt là kẻ cuồng vọng!

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 30

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Pháp Tạng bạch ngôn: Tư nghĩa hồng thâm, phi ngã cảnh giới.**

*Pháp Tạng bạch rằng: nghĩa ấy sâu rộng, không phải cảnh giới của con.*

Đây là Bồ-tát Pháp Tạng trả lời khai thị của Phật, là Bồ-tát Pháp Tạng từ bi nói thay cho chúng ta. Ba chữ “tự” mà Phật giảng, “ông tự tư duy”, “ông nên tự biết”, “ông nên tự quyết”, nghĩa lý quá rộng lớn, quá thâm sâu, “phi ngã cảnh giới”, không phải cảnh giới của con.

“Cảnh” là nơi mà tâm phan duyên ngao du tới, đó không phải là nơi mà đôi chân bước qua, mà là nơi tâm bạn có thể đạt đến được. Nơi ngao du của tâm, nơi phan duyên của tâm, gọi là cảnh. Ví dụ như mắt nhìn thấy sắc, nếu nhìn thấy màu sắc thì màu sắc này là nơi mà nhãn thức ngao du, gọi là sắc cảnh. Pháp là nơi mà ý thức ngao du tới, gọi là pháp cảnh.

“Cảnh giới” chỉ cho nơi mà tâm có thể đi tới, nơi mà ý có thể phan duyên tới, và kết quả mà chính mình tu trì đạt được.

“Phi ngã cảnh giới” biểu thị đó không phải cảnh giới mà trình độ của con, tâm của con có thể đạt được, có thể nghĩ tới được, con không thể hiểu được cảnh giới này.

“Lại nữa, lý của thật tướng là nơi ngao du của diệu trí”, cũng gọi là cảnh, thuộc về pháp cảnh. Lý của thật tướng chính là tự tánh. Đây là cảnh giới gì? Minh tâm kiến tánh thì họ hiểu được ba chữ “tự” này. Nên một câu nói của đại sư Huệ Năng đã đánh thức Huệ Minh, Huệ Minh liền khai ngộ. Tại sao ngài lại khai ngộ nhanh như vậy? Vì ngài dùng chân tâm. Chúng ta thật sự muốn học Phật thì phải dùng chân tâm, không dùng vọng tâm. Nơi chân tâm ngộ nhập là trí tuệ, cảnh giới của trí tuệ vô lượng vô biên, cảnh giới của tri thức rất có giới hạn.

Có người nói, xã hội hiện nay dùng chân tâm sẽ thiệt thòi, bạn dùng chân tâm, người khác sẽ cười bạn khờ dại. Kinh nghiệm đời sống hơn 70 năm của tôi nói với

chính mình, dùng chân tâm không thiệt thòi. Người bình thường nghĩ thế này, họ giả dối với tôi, dựa vào đâu mà tôi phải dùng chân tâm đối với họ? Nhưng lại không biết rằng, họ dùng sự giả dối đối xử với ta, họ là phàm phu; ta dùng chân tâm đối xử với họ, ta là Phật Bồ-tát. Không như nhau, không bị thiệt thòi.

Chân tâm là gì? Chân tâm trong sạch chẳng có một thứ gì. Ba vị Thánh ở chùa Lai Phật đã làm ra tấm gương cho chúng ta thấy. Ngài Hải Hiền dùng chân tâm, ngài Hải Khánh dùng chân tâm, hòa thượng Lão Đức cũng dùng chân tâm. Người khác lừa ngài, trêu đùa ngài, ức hiếp ngài, người khác dùng vọng tâm, ngài hoàn toàn dùng chân tâm, ngài đạt được lợi ích chân thật. Người khác chà đạp ngài, nhục mạ ngài như vậy, ngài đều tiếp nhận. Ngài thấy Phật thì lạy, người ta nói trong phân trâu có Phật, ngài liền lạy phân trâu. Người bình thường xem ngài là kẻ ngốc, thực ra ngài không ngốc chút nào. Mọi người trêu chọc ngài, ngài đạt được lợi ích chân thật, đây chính là sự hiển hiện diệu trí của ngài.

Có hai câu nói thế này: một câu là “nội trọng kỷ linh”, một câu là “ngoại mộ chư Thánh”. Có nghĩa gì vậy? Ba chữ “tự” của Thế Gian Tự Tại Vương Phật chính là chỉ dạy hành nhân trọng linh tánh vốn có của chính mình, trong Giáo gọi là “nội trọng kỷ linh”. Bồ-tát Pháp Tạng nói, “chẳng phải cảnh giới của con”, tiếp tục thỉnh Phật khai thị, đây gọi là “ngoại mộ chư Thánh”. “Ngoại mộ chư Thánh” là gia phong mà chỉ Tịnh độ tông mới có, gọi là pháp môn tha lực. Ngoại Thánh chính là tha Phật. Phàm phu thời Mạt pháp chỉ cần có thể tin “có thể giới tên là Cực Lạc, cõi ấy có Phật hiệu là A-di-đà”. Tha thiết phát nguyện vãng sanh, nhất hướng trì danh thì có thể vãng sanh. Đây đều nhờ lực gia trì từ biển đại nguyện Nhất thừa của A-di-đà Phật và công đức vô biên của câu danh hiệu, đây là tha lực.

Hai chữ “có” ở trên thật quá quan trọng, ngữ khí khẳng định, không cho phép nghi ngờ chút nào, kiên định tín niệm cầu sanh Tây Phương của chúng sanh. Vào cuối đời, đại sư Ngẫu Ích buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật, tự đặt cho mình một biệt hiệu là “Tây Hữu đạo nhân”. Tây là Tây Phương, Hữu là có thể giới Cực Lạc, có A-di-đà Phật, lấy hai chữ “có” này thành biệt hiệu của mình, niệm niệm không quên hai chữ này.

Pháp môn Tịnh độ là pháp môn tha lực, pháp môn tha lực cũng gọi là pháp Quả giáo, là tu trì từ Phật quả. Câu danh hiệu mà ta niệm là thành quả lịch kiếp tinh tu, vạn đức viên mãn của Phật. Hiện tại chúng ta niệm câu Phật hiệu là bắt đầu từ

thành quả của Phật. Nêu một ví dụ, ví như bánh mìn thầu, phải trải qua rất nhiều quy trình: gieo hạt, thu hoạch, gia công, thương nghiệp hoạt động, đầu bếp lao động vất vả mới có được bánh mìn thầu chín. Chúng ta là người trực tiếp ăn bánh mìn thầu, ăn chính là hưởng thụ thành quả vạn đức thành tựu của Phật.

Cho nên Tịnh tông là đạo dễ hành, là phương tiện rất rỏ ràng trong các phương tiện. Nội hữu kỷ linh, ngoại hữu chư Thánh, có tự có tha, có nội có ngoại, điều này biểu thị mình và người không khác. Nhưng chúng ta nên từ trong sự khác biệt mà thông đạt sự không khác biệt. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư có bài kệ nói: “Di-đà Di-đà cứ niệm mãi, hóa ra A-di-đà niệm Di-đà”, đến lúc này kỷ linh và ngoại Thánh, năng niệm và sở niệm đều là Di-đà, tự nhiên chẳng còn năng sở, tự tha bất nhị. Thật quá tuyệt vời!

Chúng ta toàn tâm toàn ý nương nhờ ngoại Thánh, nương nhờ A-di-đà Phật, nương nhờ đến sau cùng mới biết, hóa ra A-di-đà Phật không rời tự tánh. Thiền sư Trung Phong nói: “Tâm ta chính là A-di-đà Phật, A-di-đà Phật chính là tâm ta”, câu này nói hay biết bao! A-di-đà Phật từ đâu đến? Do tâm ta tự hiện. Thế giới Cực Lạc ở đâu? Ở ngay nơi này. “Nơi này chính là Tịnh độ, Tịnh độ chính là nơi này”, chỉ cần bạn buông xuống khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước thì nơi này chính là Tịnh độ, giống như chính mình đang ở thế giới Cực Lạc. Tại sao vậy? Buông xuống khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước liền quay về tự tánh.

Thế gian này của chúng ta, sau khi kiến tánh thì thế nào? Thấy hết thấy pháp thanh tịnh không nhiễm, thấy hết thấy pháp không sanh không diệt, đây là kiến tánh.

Lão hòa thượng Tuấn Đế nói “chẳng phải cảnh giới của con” có ba nghĩa:

*Thứ nhất*, “con tuy đã biết đường lối chung để tạo dựng Tịnh độ của các Bồ-tát, nhưng nay con muốn tạo dựng cõi Tịnh Độ thù thắng nhất trong các cõi Phật thì đó chẳng phải là cảnh giới của con”.

Nghĩa của đoạn này như sau, “đường lối chung để tạo dựng Tịnh độ” là tứ thánh pháp giới, cũng tức là Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật trong thập pháp giới. Trong thập pháp giới, bốn pháp giới phía trên là Tịnh độ, sáu cõi luân hồi bên dưới là uế độ. Bồ-tát Pháp Tạng biết chuyện này, nhưng nơi ngài muốn không phải là Tịnh độ thông thường, mà ngài cầu Tịnh độ thù thắng nhất, vượt hơn Tịnh độ của bốn pháp giới phía trên, ngài cầu điều này, nên đây không phải là cảnh giới của ngài.

*Thứ hai*, “tuy thật là tùy theo ý thích của mỗi cá nhân, nhưng nay con muốn gom trọn năm thừa đều nhập vào Báo độ”, ý nghĩa này rất sâu, chẳng phải là cảnh giới của ngài. Ý nghĩa của câu này là, “thật” là thực tế, tùy theo ý muốn, sở thích tu hành của mỗi người và nguyện vọng của họ mà quyết định lựa chọn. Ví như Tứ quả của Tiểu thừa: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, niềm vui mà các ngài đạt được, và mong muốn của các ngài không giống nhau. Người Sơ quả hy vọng chứng Nhị quả, người Nhị quả mong chứng Tam quả, người Tam quả hy vọng chứng Tứ quả, chẳng giống nhau, đây là tùy theo sự tu chứng của chính mình, họ có thể chứng đắc, việc này họ nên quyết định lựa chọn.

Hiện tại nguyện vọng của tỳ-kheo Pháp Tạng là mong gom cả năm thừa thầy đều nhập vào Báo độ, ý nghĩa này rất sâu. Năm thừa bao gồm Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, năm hạng người này đều sanh đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm, điều này không dễ dàng, điều này thật quá đặc thù. Cho nên ý nghĩa này sâu, chẳng phải là cảnh giới của con.

Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói, “Báo độ là nơi ở của Pháp thân Đại sĩ”, chính là cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Nhị thừa là Tiểu thừa, họ không đạt được cấp bậc này, kém hơn Tiểu thừa một cấp bậc là nhân thiên, cũng chính là Nhân thừa, Thiên thừa, muốn bốn hạng người này đều sanh đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm, “nên đây chẳng phải là điều mà phàm phu có thể suy lường được”. Chuyện này chúng ta không cách nào tưởng tượng, không thể nghĩ bàn. Không thể nghĩ bàn tức là không thể tưởng tượng. Thông thường mà nói tức là không thể nào. Không thể nào tại sao lại biến thành có thể? Nghĩa lý trong đây rất sâu.

*Thứ ba*, “Tuy Pháp thân và Báo thân cao diệu, chẳng có phần của Bồ-tát”. Ý nghĩa của hai câu này là, “pháp” là Pháp thân, “báo” là Báo thân, cảnh giới của họ cao diệu, phải là Pháp thân Bồ-tát mới được, Tam hiền Bồ-tát thông thường không được, Thiên Thai Biệt giáo: thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng đều chưa kiến tánh, chưa thật sự khai ngộ.

“Chẳng có phần của Bồ-tát”, Bồ-tát này là Bồ-tát Tam thừa, “nhưng con có thể trải qua vô lượng kiếp thì chắc chắn sẽ đạt được”. Niệm lão nói, “trải qua vô lượng kiếp ắt sẽ chứng ngộ Báo thân và Pháp thân”, nhưng lúc này thì chưa được, “nhưng lúc này vẫn chưa có phần nên tiếp theo nói là chẳng phải cảnh giới của con”. Không phải cảnh giới của con, “tuy có ba nghĩa khác nhau, bỏ đi phần mình, chuyên



cầu Phật lực, đây chính là Bồ-tát Pháp Tạng tự mở ra pháp môn tha lực vậy”. Câu này vô cùng quan trọng, đây là vấn đề tín tâm mà chúng tôi nói hôm nay.

Phải có niềm tin tuyệt đối với câu nói này, tuyệt đối không thể có chút hoài nghi nào. Ba loại phía trên là con đường thông thường phổ biến, Tịnh tông là [con đường] đặc biệt. Đặc biệt như thế nào? Bỏ đi chính mình, không dựa vào chính mình, hoàn toàn nương nhờ A-di-đà Phật, chúng ta có thể thành tựu hay không, không liên quan đến chính mình, năng lực của chính mình đương nhiên không được, liễu sanh tử thoát khỏi tam giới đâu phải chuyện dễ dàng, chắc chắn không làm được. Hiện tại toàn bộ nương theo Phật lực. Tám vạn bốn ngàn pháp môn khác, nửa tin nửa ngờ vẫn có thể học. Pháp môn này thì chắc chắn không thể, phải 100% tín tâm, nếu chỉ có 99% tín tâm, còn thiếu 1% cũng không được. Tại sao vậy? Không phải năng lực của chính mình, đều nương nhờ Phật lực. Nương nhờ Phật lực dựa vào điều gì? Dựa vào bốn mươi tám nguyện.

Nhất định phải nghiêm túc học bốn mươi tám nguyện, đó là bằng chứng mà chúng ta có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc, cũng là sự bảo đảm của A-di-đà Phật dành cho chúng ta. Nếu như bạn có thể thật sự tin tưởng, không hoài nghi một chữ nào, vậy thì chúc mừng bạn, đời này bạn chỉ cần niệm câu Phật hiệu cho tốt thì bạn đã thành công rồi.

Chúng ta phải ghi nhớ thật kỹ câu này, “bỏ đi phần mình, chuyên cầu Phật lực”, đây là pháp môn tha lực mà Bồ-tát Pháp Tạng, cũng là A-di-đà Phật tự mình sáng lập. Bốn chữ “chẳng phải cảnh giới của con” tức là “bỏ đi phần mình”; thỉnh Phật chỉ rõ là “chuyên cầu Phật lực”.

Kinh văn phẩm thứ năm giảng tới đây thôi.

Tiếp theo tôi sẽ tổng kết một chút trọng điểm của kinh văn phẩm này:

Kinh văn phẩm thứ năm có sáu trọng điểm.

**Trọng điểm thứ nhất:** học tập sự phát tâm, phát nguyện của tỳ-kheo Pháp Tạng.

Bốn câu nói của đại đức xưa rất quan trọng, “cửa quan trọng để nhập đạo, phát tâm làm đầu; việc cấp bách trong tu hành, lập nguyện đứng trước”. Tỳ-kheo Pháp Tạng phát tâm lớn, nguyện lực lớn ở nhân địa nên mới thành tựu được thế giới Tây Phương Cực Lạc thù thắng không gì sánh bằng.

Tỳ-kheo Pháp Tạng phát tâm gì? Lập nguyện gì? “Giữ nguyện làm Phật, khiến cho hết thảy đều giống như Phật”. Câu này có nghĩa là gì? Nguyện vọng của ngài chỉ có một, đó là làm Phật, hơn nữa ngài còn muốn mọi thứ của mình đều giống với Phật. Sự phát tâm này là khởi điểm cao. Sự phát tâm, phát nguyện của tỳ-kheo Pháp Tạng là tâm độ chúng sanh, nguyện độ chúng sanh. Hiểu như thế nào? Chúng ta cùng xem những chữ này “giữ nguyện làm Phật, khiến cho hết thảy đều giống như Phật”, có thể hiểu như thế này không:

“Giữ nguyện làm Phật” có hai ý nghĩa, một là phát nguyện chính mình phải làm Phật, hai là phát nguyện giúp hết thảy chúng sanh đều thành Phật, đây mới là chỗ khởi điểm cao của sự phát nguyện này, là chỗ khác biệt với mọi người.

“Khiến cho hết thảy đều giống như Phật” cũng có hai ý nghĩa, một là làm cho hết thảy của chính mình, ví như cõi nước trang nghiêm, trí tuệ, đức năng, tướng hảo đều giống với Phật; hai là nguyện hết thảy chúng sanh cũng đều giống như Phật. Làm thế nào để giống như Phật? Chỉ có thành Phật mới có thể giống như Phật. Đây là tâm độ chúng sanh thành Phật của tỳ-kheo Pháp Tạng.

**Trọng điểm thứ hai:** mười phương chư Phật Như Lai đều có đại nguyện, tại sao chỉ có A-di-đà Phật được xưng là “đại nguyện vương”?

Bi nguyện sâu rộng của tỳ-kheo Pháp Tạng ở nhân địa, ngài phát đại nguyện phổ độ chúng sanh, không sót một ai. Điều này nói ra thì dễ, làm thì khó! Mọi người nghĩ thử xem, tỳ-kheo Pháp Tạng không chỉ độ chúng sanh, mà còn phổ độ chúng sanh. Xin hãy chú ý chữ “phổ” này, không sót một ai gọi là “phổ”. Lão pháp sư thường nói Bồ-tát không bỏ một ai, không phải là nghĩa này sao? Đây chính là “chúng sanh vô biên thệ nguyện độ” trong tứ hoằng thệ nguyện.

Dùng phương pháp gì phổ độ chúng sanh? Phương pháp của tỳ-kheo Pháp Tạng vô cùng đơn giản, vi diệu viên mãn đến tột cùng, chính là bốn chữ “tín nguyện trì danh”. Tỳ-kheo Pháp Tạng vì cứu độ chúng sanh khổ nạn thời Mạt pháp mà khai mở pháp môn tha lực, pháp môn này không dựa vào chính mình, mà hoàn toàn nương nhờ A-di-đà Phật. Không dựa vào chính mình, mà hoàn toàn nương nhờ A-di-đà Phật, bạn nghe hiểu câu này không?

Tại sao chỉ có A-di-đà Phật được thế gian xưng là “đại nguyện vương”? Vương ở chỗ nào? Vương ở chỗ ngài khai mở pháp môn tha lực có một không hai.

Đặc điểm nổi trội của pháp môn này là: một pháp môn phổ độ hết thảy chúng sanh căn tánh khác nhau, không chỉ phổ độ, mà còn “bình đẳng” phổ độ. Hai chữ “bình đẳng” này quá quan trọng. Chúng ta phân tích câu này, mọi người thể hội thật kỹ những từ này, sẽ thể hội được ý vị trong đó. “Một pháp môn”, “phổ độ”, “hết thảy”, “căn tánh khác nhau”, lại thêm “bình đẳng”, mọi người thử nghĩ xem, ngoài pháp môn này ra, bạn có thể tìm được pháp môn thứ hai giống như vậy sao?

Hoàng Niệm lão đã trích dẫn khai thị có liên quan đến pháp môn niệm Phật của một vài vị tổ sư đại đức, đáng để chúng ta nghiêm túc học tập.

Trong Vãng Sanh Luận Chú, đại sư Đàm Loan nói: “Thỏa mãn một nguyện vãng sanh Tịnh độ, tức thỏa mãn hết thảy chí nguyện, cho nên nói là thỏa mãn vô lượng đại nguyện”. Đại sư nói, các hạnh nguyện rộng lớn như biển, mặc dù vô lượng vô số, nhưng chỉ cần thỏa mãn một nguyện vãng sanh Tịnh độ này, thì tất cả các chí nguyện khác đều được thỏa mãn. Khai thị này siêu tình ly kiến, hoàn toàn là cảnh giới Hoa Nghiêm, nói thẳng ra đáy lòng của chư Phật. Người tu hành thời Mạt pháp hiện nay đang trong tình thế “ức vạn người tu đạo, hiếm một người đắc đạo”, nhưng nếu có thể tin phụng, thỏa mãn nguyện vãng sanh Tịnh độ này thì liền nhập vào biển đại thế nguyện Nhất thừa của đức Di-đà, đồng thể với A-di-đà, hết thảy đại nguyện đều được viên mãn. Phương tiện thẳng chóng, không thể nghĩ bàn.

Đại sư Thiện Đạo nói: “Phật Thích-ca sở dĩ xuất hiện ở thế gian chỉ để nói biển bốn nguyện của đức Di-đà”.

Đại sư Ngẫu Ích nói: “Một tiếng A-di-đà Phật là pháp A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề mà bốn sư Thích-ca đã chứng đắc ở ngũ trước ác thế”.

Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện trong kinh Hoa Nghiêm nói:

*“Nếu người tụng nguyện Phổ Hiền này  
Tôi nói chút ít phần căn lành:  
Trong một niệm thảy đều viên mãn  
Thành tựu chúng sanh nguyện thanh tịnh”.*

Trong kinh Vô Lượng Thọ, Thế Tôn tán thán A-nan rằng: “Chư thiên, nhân dân, hết thảy hàm linh trong tương lai đều nhờ câu hỏi của ông mà được độ thoát”.

Trên đây đều là những khai thị vô thượng vẽ rồng điểm mắt, đều là giáo nhãn, đều là trung tâm trong trung tâm trong một đời giáo hóa của Thế Tôn, trong vô lượng

đại pháp của mười phương chư Phật. Nếu có thể thấm nhuần vào trong tinh thần của con người thì chắc chắn thoát khỏi sanh tử ngay lập tức, hướng thẳng đến rốt ráo.

Khai thị tuyệt diệu của tổ sư đại đức trên đây, những câu tinh diệu này có thể cùng tham khảo, hôm nay chúng ta đọc được cũng là một sự hưởng thụ!

A-di-đà Phật được thế gian xưng là “đại nguyện vương”, thật rất xứng với danh ấy vậy!

**Trọng điểm thứ ba:** chúng ta tu học pháp môn niệm Phật Tịnh độ như thế nào?

*Một*, một lòng một dạ tu Tịnh độ, hoàn toàn nương nhờ A-di-đà Phật, mặc kệ sóng to và gió lớn, sừng sững bất động về quê nhà.

*Hai*, thật thà niệm câu A-di-đà Phật, không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, Di-đà niệm niệm niệm Di-đà, niệm đến khi tâm thanh tịnh thì tự tánh hiện.

*Ba*, học Phật phải thật làm, không thể hô hào suông, thật làm mới có được lợi ích chân thật, đừng lừa gạt chính mình.

*Bốn*, phải từ bỏ chữ “ngã”, đừng nhảy vào hầm hố, tự cởi bỏ trói buộc, cởi xong liền tự tại.

*Năm*, người tâm lượng nhỏ tu Tịnh độ, cõi nước của bạn lớn bằng miệng tô, người tâm lượng lớn tu Tịnh độ, cõi nước của bạn lớn vô tận.

*Sáu*, Tịnh độ, Tịnh độ, nơi nào có Tịnh độ? Tịnh độ ngay lúc này, tâm tịnh thì nơi nào cũng là Tịnh độ.

*Bảy*, không thấy lỗi thế gian, thế gian không có lỗi, lỗi ở chỗ của bạn, phải sửa lỗi của mình.

*Tám*, thương người chính là thương mình, trong lòng có đại ái, vui vẻ khắp nhân gian.

*Chín*, vô tư công hiến không đòi hỏi, bởi vì chúng sanh là một thể, chúng sanh chịu khổ như mình khổ, chúng sanh hoan hỷ như mình hoan hỷ.

*Mười*, “dầu thân ở trong các điều khổ, nguyện tâm như thể mãi chẳng thoái”.

**Trọng điểm thứ tư:** học theo thái độ cầu học của tỳ-kheo Pháp Tạng.

Chí tâm cầu đạo, tinh tấn không ngừng.

“Chí tâm” chính là chân tâm, tỳ-kheo Pháp Tạng dùng chân tâm cầu đạo với Thế Gian Tự Tại Vương Phật. Chỉ dùng một ví dụ để nói, đủ để chứng minh ngài dùng chân tâm cầu đạo. Thầy dạy ngàn ức năm, học trò học ngàn ức năm. Học trò dùng tâm thành kính như vậy [để] cầu đạo thật quá hiếm thấy. Hiện nay rất khó gặp được học trò dùng chân tâm cầu đạo, tìm không thấy. Giống như năm xưa thầy Lý Bình Nam nói, học trò tìm thầy khó, thầy tìm học trò càng khó hơn.

Nhìn xem hiện nay có mấy người dùng chân tâm cầu đạo, người giả vờ cầu đạo cũng không thấy nhiều, huống chi là người thật sự cầu đạo. Vào lúc nào, chuyện gì khiến người thầy hoan hỷ? Theo sự quan sát của tôi, khi thầy gặp được một học trò chân tâm cầu đạo, thầy gặp được bậc pháp khí thì như có được châu báu, yêu quý không nỡ buông tay, đây là lúc hoan hỷ nhất, là chuyện hoan hỷ nhất trong đời thầy.

Tình thương của thầy dành cho trò là tình thương rộng lớn vô tư, không cần báo đáp. Thầy không mong học trò giàu có, hơn hẳn mọi người, thầy chỉ mong học trò thành tài, trở thành nhân tài của đất nước, trở thành nhân tài trong cửa Phật. Những điều này đều là tôi thấy được từ nơi sư phụ, tâm từ bi của sư phụ có thể dùng hai chữ “tốt cùng” để miêu tả. Người thầy thân thiết đáng kính như vậy đi đâu mà tìm được? Gặp được rồi, tại sao lại không biết trân trọng? Ôi chao! Con người ơi con người, chắc là người trong cuộc mê mờ.

Sư phụ là người, không phải thần, lời này tôi đã nói rất nhiều lần, đừng thần thánh hóa sư phụ, đừng đưa ngài lên điện thờ. Khi bạn tiếp xúc gần với sư phụ, bạn sẽ cảm nhận được sự từ ái và tường hòa. Cho dù tôi vẫn là một học trò chưa đạt tiêu chuẩn, nhưng tôi sẽ tiếp tục cố gắng, làm học trò của lão pháp sư thật hạnh phúc.

**Trọng điểm thứ năm:** học tập sự tôn sư trọng đạo của tỳ-kheo Pháp Tạng.

Sự tôn sư trọng đạo của tỳ-kheo Pháp Tạng có thể nói là người đầu tiên trong lịch sử Phật giáo, vĩnh viễn là tấm gương cho hàng hậu học chúng ta noi theo.

Thầy trò Thế Gian Tự Tại Vương Phật và tỳ-kheo Pháp Tạng thật khiến mọi người ngưỡng mộ, thầy hay gặp được trò giỏi, trò giỏi gặp được thầy hay, thật sự là ngàn năm khó gặp.

Tỳ-kheo Pháp Tạng tại sao có thể học được điều chân thật, tại sao có thể xây dựng nên thế giới Cực Lạc thù thắng không gì sánh bằng? Bởi vì tâm cầu pháp của

ngài chân thành, bởi vì đối với lời dạy của thầy, ngài nghe, ngài tin, ngài làm theo. Như câu chúng ta thường nói là ngài “y giáo phụng hành”. Người biết nói bốn chữ này thì nhiều, người có thể làm được lại ít, người có thể làm được đến cùng thì chẳng được mấy người.

Tình trạng hiện nay thực sự như thế này. Tôi thấy có vài trường hợp như sau:

*Một*, thầy nhiều trò ít.

Hiện tại, tôi học Phật hai mươi năm, có một cảm giác, người tự cho mình là thầy càng ngày càng nhiều, muốn làm thầy, không cam tâm làm học trò, cảm thấy bản lĩnh của mình lớn, làm học trò không phát huy được tài năng. Thậm chí có người không đặt tổ sư đại đức trong mắt, mà có điệu bộ của cổ Phật tái lai. Kẻ cuồng vọng!

Danh xưng “thầy” không phải người nào cũng gánh vác được. “Thầy là truyền đạo, dạy học, giải hoặc”. Những người mà chúng ta gọi là thầy hay đại sư, đối chiếu với chính mình một chút, bạn truyền đạo gì? bạn dạy học gì? bạn giải hoặc gì cho chúng sanh? Nếu bạn không chỉ dạy sai lầm cho chúng sanh thì còn tốt; nếu bạn chỉ dạy sai lầm cho chúng sanh, bởi vì sự chỉ dạy sai lầm của bạn mà chúng sanh bị đoạn pháp thân huệ mạng thì tội nghiệp bạn tạo tác rất lớn.

Đừng quên câu chuyện mà lão pháp sư kể: một thầy lang băm giết người đọa xuống địa ngục tầng thứ 18; một người thầy chỉ dạy sai lầm cho học trò thì đọa xuống địa ngục tầng thứ 19.

*Hai*, bái làm thầy nhưng không tin thầy.

Trường hợp này tại gia hay xuất gia đều có. Bái sư chỉ là hình thức, có người có lẽ là xuất phát từ nhu cầu nào đó. Thông thường có hai trường hợp như sau:

Một là gặp chuyện tự mình trực tiếp làm chủ, không hề hỏi thầy mình một tiếng, thầy giống như đồ trưng bày.

Hai là có chuyện hỏi sư phụ, sư phụ nghiêm túc trả lời, nhưng đệ tử không nghe sư phụ, vẫn đi theo con đường của mình, sư phụ vẫn giống như đồ trưng bày.

Trường hợp như vậy sẽ có kết quả như thế nào? Sau nhiều lần như vậy, thầy hay sư phụ cũng sẽ không nói gì nữa. Tại sao vậy? Nói rồi bạn cũng không nghe, nói có tác dụng gì, vậy thì không nói nữa.

*Ba*, bái làm thầy nhưng không tôn trọng thầy. Không tin tưởng thầy thì nói gì đến tôn trọng thầy. Có người vì mục đích nào đó mà bái sư, nhưng trong lòng coi thường sư phụ, cho rằng sư phụ là người không có tài, không có bản lĩnh gì lớn, thậm chí còn có người có điều bộ giỏi hơn thầy mình.

*Bốn*, bỏ thầy mà đi, lập môn phái khác.

Tôi học Phật hai mươi năm nay, chuyện như vậy tôi nghe rất nhiều, thấy cũng nhiều, lúc đầu tôi suy nghĩ rất nhiều nhưng vẫn không hiểu. Tại sao lại như vậy? Tôi thương cho sư phụ, sư phụ thật không dễ dàng. Tôi đã biết được thế nào là lòng người khó lường, thế nào là thói đòi đòi thay, thế nào là giậu đổ bìm leo, thế nào là lợi ích thúc giục. Tôi nghĩ, “lợi ích” này là thứ gì? Sao nó lợi hại như vậy, khiến cho mọi người liều lĩnh mà chạy theo? Một khi chạm vào nó thì tình thân, tình bạn, tình yêu, tình thầy trò, lương tâm, đạo nghĩa gì cũng không còn. Con người đánh mất tính người, “con người đánh mất luân thường ắt yêu quái hưng thịnh”. Yêu quái hiện nay thật sự không ít, những quan tham lớn, quan tham nhỏ không phải đều là yêu quái mới hưng thịnh hay sao?

Tôn sư trọng đạo là mỹ đức truyền thống của dân tộc Trung Hoa, khiến cho mỹ đức này đòi đòi tương truyền, để tinh thần tôn sư trọng đạo của tỳ-kheo Pháp Tạng lưu truyền mãi mãi.

**Trọng điểm thứ sáu:** lý giải ba chữ “tự” trong “ông tự tư duy”, “ông nên tự biết”, “ông nên tự quyết” như thế nào?

Lý của phần này khá sâu sắc, không dễ hiểu được. Trong tập 29 tôi đã giảng ba chữ “tự” này theo nhiều phương diện, đồng tu trình độ khác nhau có cách lý giải khác nhau, đây là chuyện bình thường. Mọi người không nên quá cứng nhắc, lý giải được bao nhiêu hay bấy nhiêu. Theo sự nâng cao của công phu tu học, bạn sẽ lý giải ba chữ “tự” này càng ngày càng sâu sắc hơn.

Trước tiên, bạn hãy nhớ kỹ những câu này: Làm sao thành tự Phật đạo? Là bạn tự tu, tự ngộ, tự chứng, không phải do người khác ban cho.

Cúng dường quý vị đồng tu sáu bài kệ tụng, cũng là trọng điểm của tập 30 này:

Học tập đại nguyện vương Pháp Tạng  
Từ bi kiến lập nước Cực Lạc

Chúng sanh Mạt pháp có nơi về  
Độ vô lượng chúng sanh về nhà.

Nội trọng kỹ linh, ngoại mộ Thánh  
Ba chữ “tự” này là chân kinh  
Pháp môn tha lực nương ngoại Thánh  
Đời này đảm bảo bạn về nhà.

Thế giới Cực Lạc ở nơi đâu  
Ngay tại tâm khảm của chúng ta  
Buông xuống phân biệt và chấp trước  
Nơi này lập tức là Cực Lạc.

Cánh cửa quan trọng vào đạo, phát tâm làm đầu  
Việc cấp bách trong tu hành, lập nguyện đứng trước  
Phát nguyện làm Phật, đều giống như Phật  
Đại nguyện Pháp Tạng không gì sánh bằng.

Vẽ rồng điểm mắt khai thị vô thượng  
Lời hay cùng tham cứu, thấm nhuần tinh thần người  
Trung tâm của trung tâm, của vô thượng đại pháp  
Thoát ngay sanh tử, hướng thẳng chỗ rốt ráo.

Gặp thầy rất quan trọng  
Dạy bạn đi đúng đường  
Nếu bạn không tin thầy  
Mặc cho bạn tiêu dao.

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!



## TẬP 31

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Phẩm kinh văn thứ sáu là Bồ-tát Pháp Tạng tuân theo lời dạy của thầy ngài là Thế Gian Tự Tại Vương Phật, ở trong đại hội tuyên nói đại nguyện mà ngài đã phát. Bồ-tát Pháp Tạng trở thành A-di-đà Phật, người đời gọi [nguyện ngài đã phát] là đại nguyện vương. Tất cả chư Phật không có một vị Phật nào mà không phát đại nguyện, không có đại nguyện thì sao có thể gọi là Phật được. Nhưng chỉ có duy nhất [nguyện của] A-di-đà Phật được gọi là đại nguyện vương, có thể thấy đại nguyện mà ngài đã phát ở nhân địa đặc biệt thù thắng.

Sách Chân Giải khen ngợi rằng: “Bốn mươi tám nguyện công đức thành tựu, quy kết ở việc A-di-đà Phật thành Phật, thế nguyện này vốn do tu tập được, biển vạn công đức được gọi là “hoằng thệ bốn thừa hải”, cũng gọi là “bi nguyện Nhất thừa”. Nhất thừa là khiến cho tất cả chúng ta đều được thành Phật, không có thừa nào khác, bởi vì chúng sanh vốn dĩ là Phật. Đây chính là công đức chánh giác của đức Di-đà, công đức này không thể nghĩ bàn. Vì sao công đức này không thể nghĩ bàn? Do vì thế nguyện không thể nghĩ bàn.

Sách Chân Giải dẫn chứng quyển Hành nói, hoằng thệ Nhất thừa hải đã thành tựu không có chướng ngại, không có giới hạn, là đức tốt cùng tối thắng thâm diệu không thể nghĩ bàn, thù thắng nhất, thâm diệu nhất, là diệu đức không gì cao hơn, không thể nghĩ bàn. Thế nguyện như hư không, cho nên tất cả công đức thù thắng vi diệu rộng lớn vô biên từ trong đây mà sanh ra. Bởi vì là không nên sanh ra tất cả, giống như giấy trắng mới có thể vẽ, giống như xe lớn và gió lớn đi khắp thế gian cứu độ tất cả, không có chướng ngại, có thể ra khỏi ba cõi (Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới đều là trói buộc).

Ngoại đạo xem việc sanh lên cõi trời là rốt ráo, còn chúng ta xem việc sanh thiên là đọa lạc, lục đạo luân hồi là trói buộc lớn nhất. Hơn nữa, thế nguyện hải khai hiển bảo tạng phương tiện độ sanh, tất cả diệu pháp phương tiện độ sanh đều ở trong đại thế nguyện của đức Di-đà, không có pháp nào phương tiện hơn nữa. Pháp môn công đức không thể nghĩ bàn bắt nguồn từ biển thế nguyện không thể nghĩ bàn. Tất cả công đức, tất cả sự thù thắng, tất cả phương tiện thủy đều xuất phát từ biển đại nguyện không thể nghĩ bàn của đức Di-đà.

Từ hôm nay trở đi chúng tôi bắt đầu giảng kinh văn phẩm thứ sáu: “Phát Đại Thệ Nguyện” để chúng ta ngao du trong biển đại nguyện của Di-đà, thỏa thích hưởng thụ sự áo diệu không cùng tận của nó.

## **PHÁT ĐẠI THỆ NGUYỆN ĐỆ LỤC**

Mời xem kinh văn bên dưới:

**Ngã nhược chứng đắc Vô thượng Bồ-đề, thành Chánh giác dĩ, sở cư Phật sát, cụ túc vô lượng bất khả tư nghị công đức trang nghiêm.**

*Con nếu chứng đắc Vô thượng Bồ-đề, thành Chánh Giác rồi, cõi Phật ấy có đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm không thể nghĩ bàn.*

Bốn câu này là khen ngợi chung về thế giới Cực Lạc, tổng quát toàn bộ đại nguyện. Bốn câu này là nói tổng quát, bốn mươi tám nguyện là nói riêng, nói chi tiết. Bốn câu này vô cùng quan trọng, phần sau chúng ta sắp học đến bốn mươi tám nguyện, mỗi nguyện đều là giảng rộng ra từ bốn câu này, mỗi một nguyện đều đầy đủ bốn câu này thì ý nghĩa mới có thể viên mãn. Nói theo thông thường thì bốn câu này là câu công dụng của mỗi một nguyện.

“Ngã” là Bồ-tát Pháp Tạng tự xưng, cõi nước mà ngài cư trụ khi thành Phật có đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm không thể nghĩ bàn. Cụ túc nghĩa là viên mãn, là hàm nhiếp tất cả, không có khiếm khuyết. Vô lượng nghĩa là không cách nào dùng chữ số để biểu thị rõ nó có bao nhiêu. Cõi nước Phật đây trọn khắp tất cả mọi nơi, hàm nhiếp tất cả, không có khiếm khuyết, không có thiếu sót, không thể dùng số lượng để thể hiện công đức thù thắng và sự thanh tịnh trang nghiêm, tất cả đều là siêu tình ly kiến.

Bất khả tư nghị, “bất khả tư” nghĩa là tư duy của con người không nghĩ tới được, “bất khả nghị” là lưỡi của con người không thể nói ra được. Tư duy và miệng lưỡi của con người đều không hữu dụng nữa, cho nên suy nghĩ đều không đúng, nói ra cũng toàn không đúng. Phàm có lời nói đều không phải thật nghĩa, công đức của thế giới Cực Lạc, không phải suy nghĩ phân biệt mà có thể biết được, ngôn ngữ chữ viết không thể biểu đạt được. Cõi nước Cực Lạc có công đức trang nghiêm như vậy, không thể nghĩ bàn như vậy.

Bất khả tư nghị là điểm đặc sắc của kinh Hoa Nghiêm, trong kinh giáo nói tứ pháp giới gồm: sự pháp giới, lý pháp giới, lý sự vô ngại pháp giới, sự sự vô ngại pháp giới.

-Lý pháp giới là lý thể thực tế, đó chính là vốn chẳng có một vật.

-Sự pháp giới bao gồm hết thảy sự tướng, vạn vật trong vũ trụ, nam nữ già trẻ, đất đai núi non sông biển.

-Lý sự vô ngại là điểm chung của Đại thừa, tuy bản thể vốn là tịch nhưng lại thường chiếu, tuy rằng thường chiếu nhưng bản thể vẫn là không tịch. Lý thể chẳng chướng ngại sự tướng phát huy, sự tướng cũng không hề ngăn ngại lý thể. Đạo lý lý sự vô ngại này đều có trong kinh điển Đại thừa.

-Sự sự vô ngại, chỉ riêng Hoa Nghiêm mới có đủ.

Kinh Vô Lượng Thọ là trung bản Hoa Nghiêm, hai bộ kinh đều đầy đủ thập huyền. Thập huyền môn của Hoa Nghiêm chủ yếu là: một và nhiều như nhau, lớn nhỏ dung hợp nhau, rộng hẹp tự tại, kéo dài và rút ngắn đồng thời, trùng trùng vô tận, tròn sáng đầy đủ công đức.

Thế nào là huyền môn? Chính là cửa rốt ráo thành Phật. Chẳng phải huyền môn chỉ có mười loại, mà là vô tận huyền môn, vô lượng vô biên. Bước vào một huyền môn thì đã vào trọn tất cả huyền môn.

Giải thích đơn giản một chút.

*Một và nhiều như nhau:* một tức là nhiều, nhiều tức là một, một chính là vô lượng, vô lượng chính là một. Vì thế một câu Phật hiệu đã đầy đủ hết thảy vô lượng vô biên pháp môn.

*Lớn nhỏ dung hợp nhau:* căn phòng lớn có thể chứa người, điều này ai cũng hiểu, nhưng nếu nói người có thể chứa căn phòng thì liệu bạn có nghĩ thông không? Cảnh giới Hoa Nghiêm chính là như vậy. Núi Tu-di chứa hạt cải, hạt cải chứa núi Tu-di. Vì sao hạt cải có thể chứa được núi Tu-di? Bởi vì thể tánh của hạt cải là pháp tánh, vạn vật lớn nhỏ đều đồng một pháp tánh. Pháp tánh trọn khắp tất cả, bao trùm tất cả, cũng chính là trọn khắp mười phương, dung chứa vạn hữu. Do đó núi Tu-di nằm ngay trong hạt cải. Lớn nhỏ dung chứa nhau chính là nguyên nhân này.

*Rộng hẹp tự tại:* cảnh giới rộng lớn có thể xuất hiện trong một khu vực nhỏ hẹp. Ví dụ, tấm gương một thước có thể soi thấy ánh sáng trong mười dặm. Theo kinh này thì từ trong cây báu của thế giới Cực Lạc có thể nhìn thấy cõi nước thanh tịnh của chư Phật. Cây báu là chỗ hẹp, cõi nước thanh tịnh của chư Phật là chỗ rộng, nhưng đều có thể thấy được nơi cây báu.

*Kéo dài và rút ngắn đồng thời:* Kéo dài là chỉ thời gian dài, rút ngắn là chỉ thời gian ngắn, một vạn năm và một phần mười giây là như nhau. Đạo lý này Einstein đều biết, ông nói thời gian là quan niệm sai lầm của con người. Một người bạn của ông qua đời, ông viết thư bày tỏ niềm thương tiếc rằng “không bao lâu nữa cũng đến phiên tôi”. Thế nhưng thời gian có trước có sau là nhận thức sai lầm của con người.

*Trùng trùng vô tận:* hai tấm kính chiếu vào nhau thì sẽ chiếu ra vô cùng vô tận tấm kính. Tôi và người kia hai người đối mặt nhìn nhau cũng là trùng trùng vô tận. Khi tôi nhìn anh ấy thì trong con người của tôi sẽ xuất hiện hình tướng của anh ấy, trong con người của anh ấy cũng xuất hiện hình tướng của tôi. Khi tôi nhìn anh ấy thì nhìn thấy con người trong mắt anh ấy, cũng tức là đã nhìn thấy tôi trong con người ấy. Tôi trong con người của anh ấy cũng bao gồm vô cùng vô tận từng tầng từng tầng hình tướng của anh ấy. Như vậy chỉ cần dùng hai tấm kính đối diện soi chiếu vào nhau thì sẽ rõ thôi.

Vì thế giới Cực Lạc có trùng trùng vô tận huyền môn, nên công đức trang nghiêm của thế giới đó là trùng trùng vô tận. Mỗi một đóa sen ở mỗi nơi trong thế giới Cực Lạc phóng ra ba mươi sáu trăm ngàn ức ánh sáng, mỗi ánh sáng trong đó lại xuất hiện vô lượng Phật, mỗi một vị Phật lại có cõi nước và hoa sen của mình, hoa ấy lại phóng ánh sáng, trong ánh sáng lại có vô lượng Phật, lớp này đến lớp khác không có cùng tận, đó là cảnh giới Hoa Nghiêm.

Do đó chúng ta phải nên tin sâu rằng A-di-đà Phật chính là Tỳ-lô-giá-na, thế giới Cực Lạc và thế giới Hoa Tạng không hề khác biệt. Mọi thứ trang nghiêm của y báo và chánh báo ở thế giới Cực Lạc đều là cảnh giới sự sự vô ngại không thể nghĩ bàn, mỗi một thứ đều trọn đủ hết thảy huyền môn của Hoa Nghiêm. Cho nên nói, cõi nước Cực Lạc có đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm không thể nghĩ bàn.

Do đầy đủ cảnh giới sự sự vô ngại của Hoa Nghiêm nên đầy đủ vô lượng công đức chẳng thể nghĩ, chẳng thể bàn của cảnh giới sự sự vô ngại. Thế nên có thể khiến chúng sanh “nghe danh mà được phước”, vừa nghe đến danh hiệu thì liền được

phước. “Nghe danh mà phát tâm”, nghe được danh hiệu của Phật thì chịu phát tâm, mười niệm ắt sanh, bạn chí tâm tin ưa niệm mười câu thì vãng sanh thế giới Cực Lạc. Pháp môn Tịnh độ độ khắp ba căn, bất luận bạn bạn đến đâu, khó khăn đến đâu, mỗi ngày chỉ tu mười niệm thì đều được cả. “Nhìn cây đác pháp nhãn”, cây Bồ-đề ở thế giới Cực Lạc, nếu có người nhìn thấy thì chứng được vô sanh pháp nhãn. Công đức của cây Bồ-đề là không thể nghĩ bàn như thế, điều không thể nghĩ bàn của Tịnh Tông chính là ở chỗ này.

Đồng thời cũng bởi vì cõi nước Cực Lạc đầy đủ vô lượng trang nghiêm không thể nghĩ bàn cho nên vạn vật trong cõi nước ấy đều trang nghiêm thanh tịnh, tất cả mọi thứ đều vô cùng trang nghiêm, vô cùng thanh tịnh, vô cùng tinh vi tuyệt diệu không hơn được nữa. Hơn nữa, vạn vật đều chiếu sáng như gương, có thể chiếu đến mười phương thế giới, đồng thời quang minh ấy trọn khắp hư không. Chúng sanh xúc chạm đến quang minh liền được an lạc, trừ diệt cấu ô, sanh khởi thiện niệm. Vạn vật trong cõi nước đều do các báu vi diệu hợp thành, hương thơm xông khắp mười phương thế giới. Chúng sanh ngửi được mùi hương tự nhiên tu tập diệu pháp của Phật truyền trao. Cho nên mỗi sợi lông, mỗi mây trần ở thế giới Cực Lạc đều là cảnh giới Hoa Nghiêm.

*Tròn sáng đầy đủ công đức:* trọn đủ hết thảy sự quang minh thanh tịnh, vô lượng vô biên công đức trang nghiêm.

Bốn câu mở đầu phần kinh văn thể hiện toàn bộ thế giới Cực Lạc, hết thảy toàn bộ đều là như thế. Cõi nước Phật ở đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm không thể nghĩ bàn, đây hoàn toàn là cảnh giới Hoa Nghiêm, cũng là cảnh giới diệu minh của mỗi hành giả tu tập. Mỗi một nguyện đều vì chúng sanh, mỗi một nguyện đều là hiển hiện bản tâm sáng rõ vi diệu của A-di-đà Phật. Mỗi một sự tướng đều là một câu thanh tịnh. Bồ-tát Thiên Thân nói ba loại trang nghiêm ở thế giới Cực Lạc là: Phật trang nghiêm, Bồ-tát trang nghiêm, cõi nước trang nghiêm, ba loại trang nghiêm này nhập vào “nhất pháp cú”, nhất pháp cú là câu thanh tịnh, câu thanh tịnh là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi.

Phần nội dung đã nói ở trên lý thâm sâu khó hiểu, người tu hành trình độ khác nhau sẽ có nhận thức và lý giải không như nhau. Người tu sâu thì hiểu sâu, người tu cạn thì thấy cạn. Từ cạn đến sâu cần phải có quá trình, hết thảy nên thuận theo tự nhiên thì tốt. Bất luận hiểu sâu hay thấy cạn thì vạn phần chớ quên câu Phật hiệu.

**Nguyện thứ nhất:** nguyện trong nước không có đường ác.

Nguyện văn là: **Vô hữu địa ngục, ngạ quỷ, cầm thú, quyền phi, nhuyển động chi loại.**

*Không có địa ngục, ngạ quỷ, cầm thú, các loài bò bay máy cưa.*

A-di-đà Phật đại từ đại bi, nguyện thứ nhất của ngài chính là trong nước không có đường ác. Trong cõi nước không có ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Trong nguyện văn có nói cầm thú và các loài trùng bò, bay là chỉ cho cõi súc sanh.

*Thứ nhất là địa ngục, tiếng Ấn Độ xưa gọi là Na-lạc-ca hoặc là Nê-lê, có bốn ý nghĩa. Nghĩa thứ nhất là không có niềm vui, khổ cực, chẳng có gì vui cả. Thứ hai là không thể cứu tế. Thứ ba là tối tăm. Thứ tư là địa ngục.*

Địa ngục có ba loại, thứ nhất là địa ngục căn bản bao gồm địa ngục Bát Nhiệt và Bát Hàn. Tầng cuối cùng của địa ngục Bát Nhiệt, ngục thứ tám gọi là địa ngục Vô Gián, những tội báo phải thọ liên tiếp không gián đoạn, không hề ngừng nghỉ, thống khổ vô ngần. Thứ hai là địa ngục Cận Biên, là vùng lân cận bên ngoài mỗi cửa của tám địa ngục lớn. Ba là địa ngục Cô Độc, ở trong núi, nơi hoang vu, dưới cội cây, không trung, chủng loại vô số, chịu khổ vô lượng. Nơi chịu quả khổ nặng nhất của địa ngục thì trong một ngày của thế gian, chúng sanh trong địa ngục sống đi chết lại 84.000 lần. Thích-ca Mâu-ni Phật phó chúc cho Địa Tạng Bồ-tát rằng: “Này Địa Tạng, Địa Tạng, mỗi chúng sanh chỉ cần có may mắn nhân lành nào, ông chớ để cho họ phải vào địa ngục”. Thế Tôn hết lần này đến lần khác dặn dò Bồ-tát Địa Tạng, lòng đại từ đại bi cứu độ chúng sanh của Thế Tôn được thể hiện cùng tột, khiến chúng ta cảm động rơi lệ.

*Thứ hai là ngạ quỷ, ngạ quỷ thường bị đói khát nên gọi là ngạ quỷ. Thông thường trăm ngàn năm không nghe đến từ “nước”, càng hưởng chi là nhìn thấy nước, tiếp xúc nước. Gan của họ nhỏ nên sợ sệt vì vậy gọi là quỷ, chúng ta thường gọi là quỷ gan nhỏ, đại khái là do nguyên nhân này. Quỷ có oai lực thì gọi là quỷ thần có thể giáng họa cho người, quỷ có thể bắt người, giết người. Quỷ lại thường bị chư thiên thúc ép, bắt đi lao động, thế nên quỷ rất khổ. Làm quỷ thì không thể không đói, cho nên trong Phật giáo thường phóng Diệm Khẩu, chính là ban đồ ăn cho quỷ, khai mở yết hầu cho quỷ, khiến những vật thực bố thí biến thành cam lồ thì quỷ mới ăn được.*

*Thứ ba là súc sanh, còn gọi là bàng sanh. Bàng là ngang, hình trạng nằm ngang, con người thì lưng đứng thẳng, còn chó mèo thì nằm ngang. Cõi súc sanh nơi nơi đều có, mang lông đội sừng, có vảy có móng, có lông vũ, dưới nước cũng có, trên không cũng có, mặt đất cũng có. Ăn nuốt lẫn nhau, người ăn ta, ta ăn người, chịu vô lượng khổ. Thường thấy loài heo đều phải chịu nỗi khổ bị đâm một nhát dao, đồng thời con cháu còn bị chém cùng giết tận. Hiện nay có món ăn tên là heo sữa quay, heo con vừa mới sanh đã bị quay ăn rồi.*

Sâu đo là một loại côn trùng trên cây hòe, sống lúc nhúc theo bầy kiến nhưng bị loài kiến cắn từng miếng, từng miếng đến chết. Có người ca ngợi tay nghề của đầu bếp nổi tiếng, thế là một đĩa to cá sống được khách ăn hết sạch, mắt và môi miệng của họ đều đang động chứng tỏ con người đang thưởng thức mỹ vị thơm ngon, nhưng đó là lúc loài cá bị ngàn dao cắt xẻ, thịt nát xương tan. Từ những việc thường thấy kể trên có thể thấy sơ qua nỗi khổ vô tận của súc sanh.

Trong nước Cự Lạc không có ba đường ác, nên đó là Tịnh độ. Kinh A-di-đà nói: “Cõi nước Phật ấy không có ba đường ác, những giống chim trong cõi nước là do A-di-đà Phật biến hóa thành.” Trên đây là nguyện thứ nhất: nguyện trong nước không có đường ác.

**Nguyện thứ hai:** nguyện không đọa đường ác.

Nguyện văn là: **Sở hữu nhất thiết chúng sanh, dĩ cập Diêm-ma-la giới, tam ác đạo trung, lai sanh ngã sát, thọ ngã pháp hóa, tất thành A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam Bồ-đề, bất phục cánh đọa ác thú.**

*Tất cả mọi chúng sanh, cho đến từ cõi Diêm-ma-la trong ba đường ác, sanh về cõi nước con, được pháp giáo hóa của con, đều thành A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam Bồ-đề, không đọa lại ba đường ác nữa.*

Cõi Diêm-ma-la chính là thế giới của Diêm-ma vương. Diêm-ma vương cai quản địa ngục, cai quản hết cả nghiệp báo sanh tử tội phước của thế gian.

Nguyện này tiếp nối nguyện thứ nhất, trong nước không những không có ba đường ác mà chúng sanh trong nước vĩnh viễn càng không đọa ba đường ác.

Nguyện này có ba hàm nghĩa quan trọng.

-Thứ nhất, chúng sanh trong đường ác đều có thể vãng sanh.

-Thứ hai, chúng sanh vãng sanh nhất định đều thành Phật.

-Thứ ba, chúng sanh vãng sanh dù có tội nghiệp cực nặng cũng không đọa vào ba đường ác.

Nguyện này hoàn toàn xuất phát từ lòng đại từ đại bi, đại nguyện đại lực của A-di-đà Phật. Trong nước Cực Lạc không những không có ba đường ác mà tất cả chúng sanh trong ba đường ác một khi sanh đến cõi Phật này, nhận được giáo hóa của Phật pháp đều sẽ thành A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam Bồ-đề, dịch là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chính là Phật. Trong nước không có đường ác, mọi người đều đến, sau khi đến rồi thì mọi người đều sẽ thành Phật, đây chính là bản nguyện của Phật.

Điều khiến chúng ta chú ý và cảm động hơn là không còn đọa vào đường ác nữa, lời nguyện này vô cùng quan trọng, vô cùng ý nghĩa. Vì sao vậy? Từ lâu rồi có người đối với cách nói “đói nghiệp vãng sanh” luôn giữ thái độ phủ định, họ nêu ra trong ba kinh của Tịnh độ không có lời văn nêu rõ việc mang theo nghiệp mà vãng sanh, họ cho rằng câu nói mang theo nghiệp vãng sanh là sai lầm. Kiểu luận chứng này là trái với giáo nghĩa của Tịnh tông. Trong đại nguyện của A-di-đà Phật rõ ràng có nói “không còn đọa lại vào đường ác nữa”, nếu người vãng sanh đã tiêu trừ ác nghiệp rồi thì A-di-đà Phật còn muốn thêm câu văn phát nguyện này vào làm gì? Nên biết việc “không còn đọa lại vào đường ác nữa” là do nguyện lực của Phật.

Người vãng sanh đến tuy mang theo tội nghiệp đáng đọa vào đường ác, nhưng họ có thể ở trong cõi nước Cực Lạc siêng tu công đức, hướng chi ở Cực Lạc có đủ loại tăng thượng nhân duyên, thành tựu công đức thù thắng, có thể tiêu trừ tất cả tội chướng, vì vậy họ không còn đọa lại vào đường ác. Không đọa lại đường ác nữa, chính là nói về người “đói nghiệp vãng sanh”.

Nếu người vãng sanh đều không có ác nghiệp thì còn nói “không còn đọa vào ác đạo nữa” để làm gì? Vậy câu nói này dư thừa rồi. Tỳ-kheo Pháp Tạng sao có thể nói lời thừa, phát nguyện thừa được?

Thế nên ngài Long Thọ nói: “Nếu người sanh về nước ấy, trọn chẳng đọa ba đường ác nữa.” Câu này của Bồ-tát Long Thọ cũng là như vậy. Nếu tội nghiệp của người vãng sanh đã tiêu trừ rồi thì Bồ-tát Long Thọ còn nói câu này làm gì? Bồ-tát



Long Thọ là tổ sư của tám tông, lời ngài nói ra là muốn dẫn khởi sự xem trọng của chúng ta.

Nguyện này vô cùng thù thắng, thù thắng ở chỗ:

Một là chúng sanh trong ác đạo cũng có thể vãng sanh, đồng thời không còn đọa vào ba đường ác nữa, thể hiện lòng từ bi vô tận của A-di-đà Phật.

Hai là người vãng sanh đều sẽ thành Phật, đây là bốn tâm thệ nguyện rộng lớn như biển, có thể nhìn ra tâm lượng bậc thánh của A-di-đà Phật, nguyện nào cũng đều vì chúng sanh, nguyện nào cũng nguyện cho tất cả chúng sanh đều thành Phật.

**Nguyện thứ ba:** nguyện được thân kim sắc.

Nguyện văn là: **Ngã tác Phật thời, thập phương thế giới, sở hữu chúng sanh, linh sanh ngã sát, giai cụ tử ma chân kim sắc thân.**

*Khi con thành Phật, tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới, khi làm cho họ sanh đến cõi nước của con rồi, thân thể đều là sắc vàng ròng, đều là thân kim sắc.*

Tử ma chân kim là vàng ròng tốt nhất, người Trung Hoa gọi là vàng đỏ, vàng tốt thì có màu đỏ, thành phần của vàng đầy đủ, chư Phật đều hiện thân kim sắc. Đại sư Thiện Đạo giải thích vì sao chư Phật hiện thân kim sắc và người vãng sanh cũng đều hiện thân kim sắc. Bởi vì màu của vàng có ánh sáng khiết tịnh, khiến người ta hoan hỷ. Hơn nữa vàng không bị rỉ sét, không hư hoại, rất nhiều thứ trong thế gian không thể sánh với vàng, chúng sẽ bị mốc, biến sắc và hoen rỉ, còn vàng thì không bị như thế, chỗ đáng quý của vàng là ở đây.

Chư Phật hiện thân kim sắc là muốn mượn đặc tính không đổi, không hư hoại của vàng để hiển thị rõ tướng thường trụ, nên mới hiện rõ thân kim sắc. Vì vậy đại sư Thiện Đạo nói “chư Phật muốn hiển thị tướng thường trụ bất biến nên mới hiện thân kim sắc”. Sách Hội Sớ nói, kim sắc biểu thị thật tướng trung đạo, bởi vì người dân [nơi đó] đều như nhau, không có khác biệt, đều là kim sắc, thấy đều bình đẳng, bình đẳng chính là ý nghĩa của trung đạo.

**Nguyện thứ tư:** nguyện ba mươi hai tướng.

Nguyện văn là: **Tam thập nhị chủng đại trượng phu tướng.**

*Ba mươi hai loại tướng đại trượng phu.*

Trí Độ Luận nói, Phật hiện ra ba mươi hai tướng là tùy thuận căn tánh của chúng sanh ở cõi Diêm-phù-đề mà nói, mà hiển lộ. Ngoại đạo của Ấn Độ xưa tu tập theo pháp của Phạm thiên có thể nhìn thấy ba mươi hai tướng của thiên vương cõi trời, cho nên Phật mới hiện tướng này. Trên thực tế Phật là vô lượng thù thắng, 32 tướng chỉ là hóa thân Phật, ứng theo căn cơ của chúng sanh cõi này mà hiện tướng này.

Còn như báo thân Phật, Quán Kinh nói A-di-đà Phật có 84.000 tướng, mỗi một tướng có 84.000 tướng hảo đi kèm, cho nên 32 tướng 80 vẻ đẹp là để tương ứng với trình độ của con người trên trái đất mà hiện ra tướng của hóa thân Phật. 84.000 tướng, 84.000 tướng hảo đi kèm là tướng của báo thân; báo thân vẫn là từ trong pháp thân lưu xuất ra; pháp thân chân thật không thể dùng sắc thấy, dùng thanh cầu. “Nếu dùng sắc thấy ta, dùng âm thanh cầu ta, là người hành tà đạo, chẳng thể thấy Như Lai”.

**Nguyện thứ năm:** nguyện thân không có sai biệt.

Nguyện văn là: **Doan chánh tịnh khiết, tất đồng nhất loại. Nhược hình mạo sai biệt, hữu hảo xú giả, bất thủ Chánh giác.**

*Doan chánh tịnh khiết, tất đồng một loại. Nếu hình thể có sai biệt, tốt xấu thì không thành Chánh giác.*

Đại sư Đàm Loan đối với nguyện này giải thích như sau, “do không như nhau, hình loại cao thấp, đã có hình loại cao thấp thì sanh khởi thị phi, thị phi sanh khởi thì mãi chìm đắm trong tam hữu (tam giới). Vì vậy mà khởi tâm đại bi, khởi nguyện bình đẳng”.

Nghĩa là gì vậy? Ví như trên trái đất hiện tại của chúng ta có người da vàng, da đen, da trắng, v.v... không như nhau. Do không như nhau, hình loại cao thấp, do sự bất đồng mà sinh ra sự phân biệt sai lầm về dân tộc thượng đẳng, dân tộc thấp kém, từ đó mà sinh ra sự phân biệt chủng tộc. Thế giới này của chúng ta là một ví dụ rất rõ ràng, có cao có thấp, nên có kẻ này cao sang, người kia thấp kém. Người thượng đẳng ý vào ưu thế mà ức hiếp người nhỏ yếu, vì vậy mà chiến tranh không dứt, thị phi khởi mãi.

Thị phi sanh khởi thì mãi chìm đắm trong tam hữu (tam giới), ý mạnh hiệp yếu, tàn sát người vô tội, tạo tội nghiệp không ngừng, trở thành ác ma, lại đọa vào trong sanh tử nơi ba cõi không thể ra khỏi. Thế nên Như Lai khởi tâm đại bi, phát thế nguyện đại bi bình đẳng, nguyện nhân dân trong cõi nước đều là thân kim sắc, ba mươi hai tướng, đoan trang nghiêm chánh, minh khiết thanh tịnh, thủy đồng một loại, không có sai biệt. Vì vậy thế giới Tây Phương Cực Lạc không có duyên thị phi cao thấp mà thoái chuyên.

**Nguyện thứ sáu:** nguyện có túc mạng thông.

Nguyện văn là: **Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sanh, sanh ngã quốc giả, tự tri vô lượng kiếp thời túc mạng, sở tác thiện ác.**

*Khi con thành Phật, tất cả chúng sanh sanh về nước con, tự biết túc mạng, các việc thiện ác đã làm trong vô lượng kiếp.*

Ý nghĩa của nguyện này là, mỗi một người sanh về thế giới Cực Lạc đều có thể biết túc mạng của bản thân trong vô lượng kiếp đến nay. Túc là túc thế, nghĩa là đời quá khứ, thường gọi là đời trước. Biết tất cả việc thiện, việc ác đã làm trong nhiều đời quá khứ, gọi là túc mạng thông. Đây là nguyện thứ sáu: túc mạng thông.

Thông là gọi tắt của thần thông. Thâm sâu thần bí đặc dị, không thể lường thì gọi là thần. Ẩn tàng trong sự thần kỳ, tất cả hành động người khác không thể phát hiện được, không thể suy đoán, không cách nào dự tính được thì gọi là thần. Làm việc gì cũng không bị ngăn ngại, tức là không có chỗ nào bị tắc nghẽn không thông, tự tại vô ngại tức là động tác tự do, không có chướng ngại thì gọi là thông.

Túc mạng, thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, thần túc, lậu tận là lục thông. Trong đó chỉ có thần thông thứ sáu (lậu tận thông) thì chỉ có bậc thánh sở hữu, chỉ có bậc thánh mới có thể chứng. Ngoại đạo dẫu có tu đến đâu chỉ có thể sanh đến trời Phi Tướng Phi Tướng, không thể chứng lậu tận thông. Nếu chứng lậu tận thì không còn phần đoạn sanh tử luân hồi trong lục đạo, cho nên chỉ có bậc thánh mới có.

Năm thần thông phía trước là thần thông ở tiểu phàm, phàm phu cũng có, Tiểu thừa cũng có, thậm chí yêu ma quỷ quái đều có. Bốn con vật ở phương Bắc là Hoàng, Bạch, Hồ, Liễu (Hoàng là con chồn lông vàng, Bạch là con nhím, Hồ là con cáo, Liễu là con rắn), chúng đều có thể đắc được một chút tà thông. Thế nên Phật giáo không cho phép người tu hành phô trương thần thông, bởi vì những thần thông đó

yêu ma quỷ quái cũng có thể có, chúng bày chuyện huyền hoặc gạt người, phô trương dụ hoặc người đời, phỉ báng pháp, gây họa cho người, nguy hại nghiêm trọng. Vì vậy trong Phật pháp cấm phô trương thần thông, nếu thật sự có thần thông thì thông thường chỉ hiện ra một chút trước khi tịch diệt, chứ không cho phép phô trương.

Thần thông chỉ là “thánh mạt biên sự”, là việc bên lề sau chót trong đạo thánh. Nếu so sánh với trí tuệ thì nó là phần thứ yếu trong thứ yếu, trên thực tế không thể sánh bằng. Nếu không xem trọng trí tuệ mà chú trọng thần thông thì đó là bỏ gốc theo ngọn, nếu cứ như vậy mãi ắt lạc vào đường ma.

Bên cạnh chúng ta cũng có người ưa thích thần thông, hâm mộ thần thông, truy cầu thần thông, có được một chút xiu thần thông thì dương dương tự đắc, cho rằng chính mình tài giỏi biết bao. Sai rồi! Hãy mau mau quay đầu, kìm cương ngựa bên bờ vực thẳm, quay đầu là bờ, đừng để rơi vào ma cảnh, cùng đường hết cách càng đi càng xa. Nếu bạn ưa thích thần thông, tôi khuyên bạn hãy thật thà niệm A-di-đà Phật, thần thông trong câu Phật hiệu này vô lượng vô biên, đó là thần thông đích thực.

Lậu tận thì phải đoạn kiến tư hoặc. Chứng Sơ quả thì phải đoạn kiến hoặc. Kiến hoặc chính là thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới thủ, tà kiến, tham, sân, si, mạn, nghi. Tư hoặc là tham sân si mạn. Phải đoạn hết thảy tham sân si mạn của trời Sắc giới, trời Vô Sắc giới thì mới chứng A-la-hán, đó chính là ra khỏi Tam giới theo chiều dọc, con đường tu hành này rất gian nan.

Vãng sanh thế giới Cực Lạc là ra khỏi Tam giới theo chiều ngang nên được gọi là đạo dễ hành. Người vãng sanh thế giới Cực Lạc do được sự gia bị của nguyện lực Di-đà, hễ sanh đến thế giới Cực Lạc thì đầy đủ thần thông, đồng thời so với thần thông mà ngoại đạo phàm phu đạt được còn lớn hơn nhiều. So với [thần thông của] chánh đạo Tiểu thừa đạt được từ Thiên định cũng còn lớn hơn.

Sách Sự Tán nói: “Tam minh tự nhiên thừa Phật nguyện, chấp tay khoảnh khắc chứng thần thông”. Do lấy hồng nguyện của Di-đà làm tăng thượng duyên, cho nên thần thông vượt hơn quy cách thông thường.

Thần thông là tự tánh, không phải cầu bên ngoài  
Thứ thật không cầu được, thứ giả bị nó hại.  
Truy cầu thần thông giả, thì sa vào đăm lầy

Làm chút ít trò bịp, để lừa gạt người khác  
Hại người nhưng hại mình, thật sự chẳng lợi lạc.  
Khuyên người mau tỉnh giấc, mau gặp niệm Di-đà.  
Học Phật đi đường chánh, phải có chánh tri kiến.  
Trí tuệ hiện tiền rồi, thần thông lớn vô biên.

Xin kể cho các đồng tu câu chuyện về ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên hiển thị thần thông.

Theo truyền thuyết thì trong đời quá khứ ngài Mục-kiền-liên là một người đánh cá, bắt cá để mưu sinh. Một ngày nọ, ngài nhìn thấy một vị Bích-chi Phật đang đi trên đường đầy đủ oai nghi, cử chỉ an tường nên sanh khởi tâm cung kính, mời về nhà cúng dường thức ăn. Sau bữa ăn, Bích-chi Phật bay vút lên không trung, bay sang trái sang phải, hoặc trước hoặc sau, trên dưới vô ngại, ngài sanh tâm hoan hỷ, phát nguyện đời sau cầu đắc thần thông. Vì vậy đời này, trong số đệ tử Phật, ngài là vị thần thông đệ nhất.

Khi ngài Xá-lợi-phất giám sát công trình tinh xá Kỳ Viên, thủ lĩnh ngoại đạo là Lao Độ Sai yêu cầu thi triển thần thông. Xá-lợi-phất hiện ra mười tám biến thần thông, dành được thắng lợi chung cuộc, để lại ấn tượng sâu sắc cho nhân dân thành Xá-vệ, ngài được tôn xưng là tôn giả có đại trí tuệ, đại thần thông.

Một lần khác vào ngày rằm, đức Phật thuyết giới cho chư tỳ-kheo bên hồ A Nậu Đạt. Trong chỗ ngồi thiếu mắt ngài Xá-lợi-phất, Phật bảo Mục-kiền-liên đến thành Xá-vệ mời Xá-lợi-phất về. Mục-kiền-liên hiện thần túc thông, cho rằng nhất định sẽ đến trước Xá-lợi-phất. Khi ngài về tới thì thấy Xá-lợi-phất đã ngồi kiết già bên cạnh Phật. Mục-kiền-liên hỏi Phật, con từ tinh xá Kỳ Viên trở về rõ ràng đi trước Xá-lợi-phất, sao ngài ấy lại đến đây trước con, lẽ nào con đã mất thần túc thông rồi sao? Phật nói, Mục-kiền-liên, ông có đại thần thông, bây giờ ông có thể hiện ra thần thông trong đại chúng, khởi phát tín tâm cho hàng sơ học. Mục-kiền-liên tức thời một chân dẫm trên địa cầu, một chân dẫm lên Phạm thiên, khiến đại địa chấn động, được đại chúng tán thán.

Mục-kiền-liên thần thông đệ nhất vì sao lại bị ngoại đạo làm hại? Vì sao ngài không dùng thần thông để tránh sự hãm hại của ngoại đạo? Phật nói, thần thông không cự nổi nghiệp lực, nhục thể là vô thường, nghiệp báo thì phải chấm dứt. Trong đời quá khứ ngài tạo nghiệp bắt cá, không biết có bao nhiêu sanh mạng mất trong

tay ngài. Đối với người giác ngộ mà nói, chết là kết quả của sự sống, chẳng có gì đáng sợ, Mục-kiền-liên vì pháp mà hiến thân, tuy chết rồi mà giống như còn sống. Bởi vì ngài dùng sắc thân ngắn ngủi của mình đổi lấy chân lý vô hạn, xứng đáng được gọi là nhân vật vĩ đại, dùng sinh mạng của mình phụng hiến cho chân lý.

Xin hãy ghi nhớ ba câu này: thần thông không cự nổi nghiệp lực, nhục thể là vô thường, nghiệp báo thì phải chấm dứt. Tôi bổ sung thêm một câu: thần thông không thể giải quyết vấn đề sanh tử luân hồi.

Tiết học hôm nay xin giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 32

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Hôm nay tôi tiếp tục nói về vấn đề liên quan đến thần thông, đây là đề tài khá nhạy cảm, nhưng không thể vì nhạy cảm mà chúng ta tránh né nó. Chúng ta cần phải nhận thức, tiếp nhận nó cho đúng đắn. Hôm nay, trước tiên chúng tôi nói về chín điều khác biệt trong thần thông của Tiểu thừa so với thần thông của Phật Bồ-tát.

*Thứ nhất*, rộng hẹp không như nhau, phạm vi không như nhau. Thiên nhân, thiên nhĩ của Thanh văn có thể thông đạt 2.000 cõi nước. Duyên giác thì thông đạt 3.000 cõi nước. Hiện tại trong kinh này nói đều có thể thông đạt ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật, không biết vượt hơn [Tiểu thừa] biết bao nhiêu lần.

*Thứ hai*, nhiều ít không như nhau. Tiểu thừa Thanh văn, Duyên giác, một tâm niệm của họ chỉ làm được một việc, không thể làm rất nhiều việc. Phật Bồ-tát có thể hóa hiện đến tất cả thế giới trong mười phương, đồng thời trong cùng một sát-na có thể hiện đủ loại thân: thân trời, thân tu-la, thân người, thân quỷ, thân súc sanh đều có thể hiện.

*Thứ ba*, lớn nhỏ không như nhau. Nhị Thừa hiện thân lớn, không thể đi vào không gian nhỏ, hiện thân nhỏ thì không thể chứa được thứ lớn. Phật Bồ-tát hiện thân lớn có thể khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, có thể khiến thân thể như vậy tiến vào bên trong một vi trần; cũng có thể hiện thân nhỏ như vi trần dung nạp đại thiên thế giới.

*Thứ tư*, nhanh chậm không như nhau. Thần túc thông của hàng Nhị thừa nếu muốn đến được nơi xa xôi thì cần phải có thời gian nhất định mới đến được. Phật Bồ-tát thì không như vậy, không cần thời gian, một niệm có thể đến mười phương thế giới.

*Thứ năm*, hư thực không như nhau. Nhị thừa A-la-hán chỉ hóa hiện được gần giống, không có thực dụng. Phật Bồ-tát hóa hiện đều có công dụng thực sự.

*Thứ sáu*, việc làm không như nhau. Người mà hàng Nhị thừa hóa hiện ra thì không khiến cho họ có tâm, Phật Bồ-tát có thể hóa hiện ra vô lượng người, có thể làm cho mỗi người đều có tâm, mỗi người đi làm công việc không như nhau. Khiến

người khác cảm thấy mỗi người đều giống như người thật sự vậy, có tâm tư suy nghĩ, nhưng hàng Nhị thừa thì không làm được.

*Thứ bảy*, những gì hóa hiện ra không như nhau. Phật Bồ-tát chỉ hiện một thân nhưng có thể khiến mọi người nhìn thấy đủ loại người không như nhau. Có thể phát ra một âm thanh [nhưng lại] khiến mỗi người nghe mỗi khác. Còn có thể an trụ một chỗ mà hiện thân khắp mười phương, Nhị thừa thì không thể.

*Thứ tám*, công dụng của các căn không như nhau. Sáu căn của Bồ-tát có thể dùng thay nhau, mắt, tai, mũi, v.v... đều có thể dùng thay nhau, nhưng Nhị Thừa thì không được.

*Thứ chín*, tự tại không như nhau. Kinh Niết-bàn nói chư Phật Bồ-tát phạm làm việc gì thì thân tâm đều tự tại. Khi hiện thân lớn, tâm không tăng lớn theo; hiện thân nhỏ, tâm cũng không nhỏ theo. Hiện ra tướng vui vẻ, tâm cũng không vui theo; hiện tướng lo âu, tâm cũng không lo âu. Việc này Nhị thừa không làm được. Thần thông mà hàng Nhị thừa đắc so với điều này kém hơn nhiều như thế.

Nghe đến đây có đồng tu có thể sẽ hỏi, phạm phu chúng ta có thần thông hay không? Đáp án là chắc chắn có. Bởi vì thần thông là tự tánh. Vậy vì sao không thể hiển hiện ra được? Bởi vì tâm không thanh tịnh nên bị chướng ngại. Có người tâm thanh tịnh được một chút, thần thông đều có thể hiện tiền.

Xin nêu một ví dụ, khoảng chín năm về trước, có một lần tôi và vị chủ nhiệm chủ quản đi Trịnh Châu tham gia hội nghị công tác giám sát kiểm tra kỷ luật toàn quốc, hơn hai giờ chiều mới lên máy bay, buổi sáng tôi vẫn đi làm như thường. Đến trưa, ông nhà tôi đến phòng làm việc của tôi, đưa cho tôi một tờ giấy, ở trên viết những gì tôi nhớ không rõ, ông ấy nói với tôi, bà hãy mang theo tờ giấy này, đi họp xong nhất định phải đưa lại cho tôi. Tôi nghĩ thầm, thần kinh có vấn đề rồi, lại làm trò quái gở gì đây, nhưng tôi vẫn cầm lấy tờ giấy. Ông ấy rời khỏi phòng làm việc còn nhắc tôi một câu, đừng quên khi về phải trả tờ giấy cho tôi đó. Đi công tác về, tôi vừa bước vào nhà, câu đầu tiên ông ấy nói là, lúc bà đi thì máy bay gặp sự cố, tôi ngăn người ra, máy bay thật sự là gặp chút sự cố, sao ông ấy lại biết được vậy? Ông ấy nói với tôi, tôi bảo bà trả tờ giấy nhỏ ấy lại cho tôi chính là để bà được bình an trở về, nếu không có tờ giấy nhỏ của tôi thì bà không quay về được đâu, tin hay không tin, tùy bà lựa chọn. Ông nhà tôi nói với bạn đồng tu rằng: những gì ông



ấy biểu diễn là đại trí nhưng ra vẻ giống như thần kinh bất thường, điên rồ hay là thông đạt hãy tự mình chọn lấy. Tôi tin, bởi vì tâm ông ấy thanh tịnh.

Sanh đến thế giới Cực Lạc sẽ đạt được thần thông bất cộng của Đại thừa, lại có thêm nguyện lực thù thắng của đức Di-đà, cho nên siêu vượt hơn mức thông thường.

Túc mạng thông có thể tự biết những việc thiện ác đã làm trong vô lượng kiếp quá khứ. Ví dụ, khi Thế Tôn tại thế, có người đến xin xuất gia, chư đại đệ tử quán sát thiện căn của người này, đến tận tám vạn kiếp đều không gieo trồng thiện căn, thế là cự tuyệt và nói, không được, ông hãy đi đi, ông không có thiện căn, ông không thể xuất gia. Ông ấy liền rời khỏi, trên đường ông gặp được Thích-ca Mâu-ni Phật, ông nói với Phật ông muốn xuất gia, Thích-ca Mâu-ni Phật thu nhận ông, về sau ông đắc đạo.

Mọi người nói ông không có thiện căn. Phật nói, các ông không biết, trước đó tám vạn kiếp ông ấy là tiểu phu, gặp phải hổ, ông ấy leo lên cây, hổ bỏ đi, ông ấy nhẹ nhàng niệm một câu “Nam mô Phật”. Do một niệm thiện căn này mà tám vạn kiếp sau ông ấy gặp được Thích-ca Mâu-ni Phật, lại còn xuất gia, lại còn đắc đạo.

Thần thông của Phật không có hạn lượng, vượt xa hết thầy A-la-hán. Sách Hội Sớ nói túc mạng thông có thể biết được túc mạng và những việc làm trong một đời, hai đời, ba đời cho đến trăm ngàn vạn đời của chính mình, cũng biết được túc mạng và những việc làm của mỗi chúng sanh trong lục đạo. Được thần thông này rất có lợi, nếu không biết túc mạng thì bạn chẳng sót sáng làm thiện, chẳng biết sợ điều ác, vì vậy mà giải đãi.

A-la-hán nghĩ đến nỗi khổ đã chịu trong địa ngục mà toát mồ hôi, thậm chí toát mồ hôi máu, biết rằng thật đáng sợ. A-la-hán đã đắc thần thông nên không quên, còn chúng sanh thông thường đều quên hết, người trong địa ngục thì càng dễ quên. Trong địa ngục, lửa đốt cột đồng, họ nhìn thấy là một mỹ nữ nên đến ôm, vừa ôm vào thì thiêu khét chính mình; gió vừa thổi đến thì sống lại, sống lại rồi thì không nhớ nữa, lại nhìn thấy mỹ nữ, lại đến ôm, lại bị thiêu khét, biết bao vạn lần trong một đêm, rốt cuộc họ đều không nhớ. A-la-hán nhớ được, nghĩ đến thì toát mồ hôi máu, các ngài biết sự khủng khiếp nên không dám tạo ác nữa, các ngài còn vô cùng tha thiết khuyên nhủ mọi người.

Hơn nữa, biết được túc mạng thì sẽ không tự cao tự đại, biết rằng những công đức hoàn thành được trong quá khứ đều do sự gia trì của Phật. Chúng ta sở dĩ có thể vãng sanh chẳng phải do công đức của bản thân đầy đủ, mà nhờ thệ nguyện của A-di-đà Phật. Bạn hãy cộng tất cả những hạnh nghiệp trong nhiều đời của mình lại thì sẽ biết tội lỗi rất nhiều, công đức rất nhỏ bé yếu ớt. Ngày nay có thể có được nhân duyên thù thắng như vậy, hoàn toàn nhờ vào lực gia trì của Di-đà, mới biết rằng hoàn toàn dựa vào đức của Phật, mới sanh tâm cảm ân kính ngưỡng sâu sắc.

**Nguyện thứ bảy:** nguyện đắc thiên nhãn thông.

**Nguyện thứ tám:** nguyện đắc thiên nhĩ thông.

Nguyện văn là: **Giai năng đồng thị, triệt thính, tri thập phương khứ lai hiện tại chi sự. Bất đắc thị nguyện, bất thủ Chánh giác.**

*Đều có thể thấy rõ ràng, nghe thấu triệt, biết các việc quá khứ, hiện tại, vị lai trong mười phương. Nếu không được như nguyện thì không thành Chánh giác.*

Đồng thị là thấy rõ ràng triệt đẽ. Triệt thính là toàn bộ đều có thể nghe thấy rõ ràng. Nhìn thấy được tất cả, nghe được tất cả, cho nên có thể biết những việc quá khứ, hiện tại, vị lai của mười phương. Hai câu này bao gồm thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, là hai nguyện thứ bảy và thứ tám.

Thiên nhãn thông còn gọi là thiên nhãn trí thông, cũng gọi là sanh tử trí thông. Vì sao gọi là thiên nhãn? Vì đó là mắt mà người cõi trời đắc được, họ có thể nhìn thấy hết thấy sắc tướng xa gần, thô tế. Thứ rất vi tế mà mọi người không nhìn thấy họ thấy rất hiển nhiên. Trên chân con ruồi có bao nhiêu vi khuẩn chúng ta không nhìn thấy, phải nhờ vào trợ giúp của kính hiển vi, phải có thiết bị, thiên nhãn thì không cần. Thứ quá to, người ta cũng nhìn không thấy.

Bạn đến Bạch Tháp tại Bắc Hải - Bắc Kinh, bạn sẽ nhìn thấy một vòng tròn, lấy điểm đứng của mình làm tâm vòng tròn, dùng thị lực làm bán kính, thì khu vực mà mình nhìn thấy là một vòng tròn. Bên ngoài vòng tròn đó rõ ràng là có nhưng mắt lại không nhìn thấy. Do vậy mắt của con người có chướng ngại. Hơn nữa, thiên nhãn thông còn được gọi là sanh tử trí thông, có thể biết được tướng sanh tử trong quá khứ vị lai của chúng sanh, có thể biết chúng sanh sau khi chết sẽ đi về đâu.

Đại Trí Độ Luận nói, phạm vi mà thiên nhãn có thể nhìn thấy là tự địa và hạ địa. Ví dụ, người trời Dục giới thì tự địa của họ là trời Dục giới, hạ địa là trời Dục giới trở xuống gồm có người, tu-la, súc sanh, quỷ, địa ngục, họ đều có thể nhìn thấy được; còn cảnh giới của trời Sắc giới, trời Vô sắc giới, Phật Bồ-tát vượt hơn họ, nên họ không nhìn thấy được. Thiên nhãn thông vượt xa nhục nhãn, là nhờ sự thấu triệt của thiên nhãn. Nhục nhãn chỉ có thể nhìn thấy “chương nội” (trong vòng chương ngại), ví dụ bức tường trước mắt là chương ngại của chúng ta, bên ngoài bức tường chúng ta sẽ không nhìn thấy. Thiên nhãn thì khác, có thể xuyên qua bức tường, vẫn có thể nhìn thấy bên ngoài chương ngại, các loại hình sắc của thế xuất thế gian đều không thể chương ngại.

Chúng ta lại so sánh một chút, Bồ-tát Long Thọ nói, tiểu Thanh văn thông thường có thể nhìn thấy một ngàn thế giới, khi tác ý tức là họ đã nhập định thì có thể nhìn thấy hai ngàn cõi nước. Đại Thanh văn thì thấy nhiều hơn một chút, Duyên giác thì thấy nhiều hơn một chút nữa. Đại Duyên giác bất luận tác ý hay không tác ý đều có thể nhìn thấy ba ngàn đại thiên thế giới. Chư Bồ-tát có thể nhìn thấy sự vật trong vô lượng thế giới. Còn người dân của thế giới Cự Lạc, bản dịch vào thời Tống nói, hết thảy đều đắc thiên nhãn thanh tịnh, có thể thấy sắc tướng thô tế của trăm ngàn câu-chi (trăm vạn) na-do-tha (ức) thế giới. Ưc có thể là mười vạn, trăm vạn, ngàn vạn, vạn vạn, bất luận là con số nào khi nhân với nhau thì sẽ thành con số vô cùng lớn. Bản kinh hiện tại nói “nhìn thấu mười phương”, cũng tức là có thể thấy, biết vô lượng thế giới. Thiên nhãn thông của người ở thế giới Cự Lạc có thể nhìn thấy rõ sự việc quá khứ hiện tại vị lai trong vô lượng thế giới mười phương, đó là do nguyện lực của Di-đà, vượt xa hơn nhiều so với thần thông do báo đắc hoặc do tu Thiền định mà đạt được.

Nguyện được thiên nhãn thông trong biển nguyện của Di-đà đã bao hàm việc khơi mở diệu dụng tu trì cho nhân dân. Có chúng sanh không nhìn thấy quả khổ nên họ không sợ việc gieo nhân khổ. Có thiên nhãn rồi, biết được việc trong tương lai đủ loại khổ báo nên sẽ sợ hãi không dám tạo nhân khổ. Do cũng nhìn thấy quả vui nên tu nhân vui. Nhục nhãn không nhìn thấy vùng ngoài chương ngại, không nhìn thấy khổ của địa ngục, ngạ quỷ, không nhìn thấy cha mẹ, sư trưởng trong quá khứ của mình đang chịu đủ loại quả báo thâm trọng, nên không nghĩ đến việc cứu giúp, không chịu tinh tấn tu trì. Nếu như đích thân nhìn thấy nghe thấy bạn còn hưởng vui được hay chẳng, còn có thể tiếp tục giải đãi chẳng? Tâm yểm ly (chán lìa) tự nhiên tha

thiết, tâm báo ân càng sâu đậm hơn, đây chính là ý nghĩa quan trọng của nguyện đặc thiên nhãn.

Nói sâu hơn nữa, thiên nhãn của nhân dân nước Cực Lạc không những có thể soi chiếu tướng sinh tử trong quá khứ vị lai của tất cả chúng sanh mười phương, mà còn có thể thấy khắp vô lượng cõi nước Phật nhiều như vi trần, cho nên họ có thể phát tâm, dùng pháp môn Tịnh độ với đại nguyện phổ độ mà cứu giúp chúng sanh, lợi lạc vạn vật, rộng khiến chúng sanh được lợi ích chân thật như nhau. Đây mới là ý nghĩa chân thật của nguyện này.

Thứ tám, nghe rõ sự việc quá khứ hiện tại vị lai ở mười phương, là nguyện đặc thiên nhĩ thông. Thiên nhĩ thông có thể nghe thấy sự khổ vui, mừng lo, cho đến tất cả ngôn ngữ và âm thanh xa gần thô tế của lục đạo chúng sanh bên trong, bên ngoài chướng ngại. Thính lực của chúng ta rất có hạn, âm thanh có thể nghe được chỉ từ vài chục tần số âm thanh trở lên cho đến vài chục ngàn tần số âm thanh trở xuống, chỉ trong một đoạn sóng âm ngắn này. Tần số âm thanh từ mấy chục ngàn trở lên gọi là sóng siêu âm, có rất nhiều tác dụng, nhưng tai của con người không nghe được. Ánh sáng mà nhục nhãn nhìn thấy cũng chỉ là một đoạn trong khoảng ánh sáng đỏ và ánh sáng tím. Căn cứ theo bản dịch thời Ngụy nói thì đều có thể thọ trì. Bản dịch thời Đường nói thiên nhĩ có thể nghe thấy cách nơi Phật thuyết pháp ức na-do-tha trăm ngàn do-tuần. Nhĩ thông của Cực Lạc không những có thể nghe thấy âm thanh của thế gian, mà còn có thể nghe trọn hết chư Phật thuyết pháp, đây là chỗ cực kỳ thù thắng.

**Nguyện thứ chín:** nguyện đặc tha tâm thông.

Nguyện văn là: **Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sanh, sanh ngã quốc giả, giai đặc tha tâm trí thông. Nhược bất tất tri ức na-do-tha bá thiên Phật sát, chúng sanh tâm niệm giả, bất thủ Chánh giác.**

*Khi con thành Phật, tất cả chúng sanh sanh về nước con, đều đặc tha tâm trí thông. Nếu đều không biết được tâm niệm của chúng sanh ở ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật thì không thành Chánh giác.*

Đại ý của đoạn kinh văn này là phàm là người sanh đến thế giới Cực Lạc đều có thể biết được suy nghĩ trong tâm của chúng sanh trong vô lượng vô biên cõi Phật.

Sách Hội Sớ nói, thánh chúng ở thế giới Cực Lạc không cần tu trì mà tự nhiên có thể biết được tình hình trong tâm người khác. Do biết được suy nghĩ và ý niệm trong tâm của người khác nên mới có thể ứng với tâm hoan hỷ của họ mà tùy duyên tiếp dẫn.

Câu “ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật” trong lời nguyện là chỉ độ rộng của tha tâm thông, còn có cả độ sâu nữa.

Ví dụ ở Ấn Độ vào thời Đường có vị Đại Nhĩ Tam Tạng có tha tâm thông, ông đến Trung Quốc, vua Đường mời Nam Dương Huệ Trung quốc sư đến khảo nghiệm. Quốc sư hai lần đầu tập trung tư tưởng về cảnh, thấy khỉ và thấy đua thuyền, Đại Nhĩ Tam Tạng đều trả lời đúng. Nhưng đến lần khảo nghiệm thứ ba thì Đại Nhĩ ngây người cứng lưỡi, không biết nói gì. Quốc sư đánh Đại Nhĩ một cái đúng ngay vào mặt rồi nói, ông là hồ ly tinh.

Từ câu chuyện này có thể thấy thần thông so với minh tâm kiến tánh thì chẳng thấm vào đâu. Tha tâm thông thông thường cũng chỉ là trình độ của Đại Nhĩ, đối với tâm cảnh của quốc sư thì ông ấy không thể đoán biết được.

Thần thông của nhân dân thế giới Cực Lạc siêu vượt thường tình. Sách Chân Giải chú thích bản dịch thời Ngụy rằng tha tâm trí của nhân dân cõi Cực Lạc bậc thấp thì có thể biết được tâm niệm của chúng sanh trong trăm ngàn ức na-do-tha cõi nước chư Phật. Sách cho rằng từ “thấp” ở đây chỉ cho tâm niệm của chúng sanh; còn bậc cao thì có thể biết tâm của chư Phật Bồ-tát.

Nhị thừa chỉ có thể biết được thô tâm của phàm phu và Tiểu thừa. Chư Phật Bồ-tát và Bồ-tát ở Cực Lạc có thể biết được tâm của Phật. Nhà Thiền có câu, trong cửa Thiền thật không có một pháp để cho người. Thế nào gọi là thiện tri thức? Không có một pháp để ban cho người, chỉ có giúp người tháo gỡ trói buộc. Bạn bị dính mắc thì chỉ điểm một chút [để bạn] không còn dính mắc nữa, bạn bị trói chặt thì giúp bạn tháo gỡ gút mắc, gút mắc đó là gút mắc trong tâm. Trước tiên cần phải biết tâm niệm của bạn, đồng thời còn biết pháp môn phương tiện chân thật nghĩa của Như Lai thì mới có thể cởi gút mắc cho bạn. Thánh chúng ở thế giới Cực Lạc có đủ tha tâm thông cực sâu cực rộng, nên có thể giáo hóa nhiều nơi.

**Nguyện thứ 10:** nguyện đắc thần túc thông.

**Nguyện thứ 11:** nguyện cúng dường khắp chư Phật.

Nguyện văn là: **Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sanh, sanh ngã quốc giả, giai đắc thần thông tự tại Ba-la-mật-đa. Ư nhất niệm khoảnh, bất năng siêu quá ức na-do-tha bá thiên Phật sát, chu biến tuần lịch, cúng dường chư Phật giả, bất thủ Chánh giác.**

*Khi con thành Phật, tất cả chúng sanh về nước con, đều đắc thần thông tự tại Ba-la-mật-đa. Trong một niệm nếu không thể đi khắp hơn trăm ngàn ức na-do-tha cõi Phật để cúng dường chư Phật thì không thành Chánh giác.*

“Chu biến tuần lịch” nêu rõ nguyện thứ 10 đắc thần túc thông.

“Cúng dường chư Phật” nêu rõ nguyện thứ 11 cúng dường khắp chư Phật.

Thần túc thông còn gọi là thần túc trí thông, thần cảnh trí thông, như ý thông, thân thông v.v.

Sách Đại Luận nói, có ba loại như ý thông.

*Như ý thông thứ nhất* là năng đáo. Năng đáo có bốn loại. Thứ nhất là có thể bay như chim. Loại thứ hai là dời chỗ xa đến chỗ gần, đưa chỗ xa đến chỗ gần. Thuyết tương đối cũng có cách nói này: nếu tốc độ của bạn cực nhanh, khi gần bằng tốc độ ánh sáng thì khoảng cách không gian cũng được thu ngắn lại. Loại thứ ba là nơi này mất, nơi kia hiện; nơi này không còn nữa, nơi kia xuất hiện ra. Loại thứ tư là trong một niệm có thể đến nơi, trong một niệm liền đến.

*Như ý thông thứ hai* là biến đổi, lớn có thể biến thành nhỏ, nhỏ có thể biến thành lớn, một có thể biến thành nhiều, nhiều có thể biến thành một, biến đổi đủ mọi thứ. Những kiểu biến đổi của ngoại đạo nhiều nhất không quá bảy ngày. Quá khứ tương truyền, có người học được một chút thuật điểm sắt hóa vàng của thần tiên, khi người đó biết 500 năm sau vàng đó sẽ không tồn tại nữa, thì nói “con không học môn này của sư phụ đâu, học rồi sẽ gây hại cho người 500 năm sau, vì vàng không còn là vàng nữa, con thà không học [còn hơn]”. Sư phụ của người đó nói, ý niệm này của con đã viên mãn 3.000 công đức. Có thể thấy sự biến đổi của ngoại đạo không thể vĩnh viễn.

*Như ý thông thứ ba* là thánh như ý, có thể khiến những thứ không đáng yêu, không sạch sẽ trong sáu trần: sắc thanh hương vị xúc trở nên sạch sẽ, quán

chúng thành thứ đáng yêu và sạch sẽ. Ngược lại, cũng có thể quán những vật đáng yêu sạch sẽ thành thứ bất tịnh. Thánh như ý này chỉ có Phật mới có.

“Thần thông tự tại”, người sanh đến cõi Cực Lạc đều đầy đủ thần thông, hiển hiện tự tại, không có chướng ngại. Ba-la-mật-đa là đáu bỉ ngạn. Vì có thể triệt để quán triệt tất cả những sự việc tự hành và hóa tha, nên có thể cùng chúng sanh từ bờ sanh tử bên này đến bờ Niết-bàn rớt ráo bên kia, vì vậy mới gọi là Ba-la-mật-đa.

“U nhất niệm khoảnh”, thời gian một niệm chỉ là một phần sáu mươi của một cái búng tay, đó chính là một sát-na. Trong một niệm cực ngắn ngủi như vậy có thể đi trọn khắp ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật, đồng thời còn cúng dường chư Phật. Diệu dụng của loại thần thông này không thể nghĩ bàn.

“Chu biến tuần lịch” thể hiện các cõi nước mà họ đến vô cùng rộng.

“Cúng dường chư Phật” nghĩa là những việc cần làm thì nhiều vô cùng, hơn nữa cũng chỉ trong thời gian một phần sáu mươi của một cái búng tay đã hoàn thành toàn bộ, cho thấy thế giới Cực Lạc sự sự vô ngại, mở rộng và thu hẹp đồng thời.

**Nguyện thứ 12:** nguyện nhất định thành Chánh giác.

Nguyện văn là: **Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sanh, sanh ngã quốc giả, viễn ly phân biệt, chư căn tịch tĩnh. Nhược bất quyết định, thành Đẳng Chánh Giác, chứng đại Niết-bàn giả, bất thủ Chánh giác.**

*Khi con thành Phật, tất cả chúng sanh sanh đến nước con, xa lìa phân biệt, các căn tịch tĩnh. Nếu không nhất định thành Đẳng Chánh Giác, chứng đại Niết-bàn thì không thành Chánh giác.*

Đại ý của đoạn kinh văn này là, khi tôi thành Phật, tất cả hết thảy chúng sanh sanh đến nước Cực Lạc đều xa lìa tất cả tâm phân biệt, sáu căn đều tịch nhiên an tĩnh, nếu có người không thể nhất định thành Phật, chứng nhập đại Niết-bàn thì tôi không thành Phật. Theo lời nguyện này thì người vãng sanh nhất định thành Phật, cho thấy bốn tâm của Di-đà là Nhất Phật thừa. Vì vậy kinh Pháp Hoa, lần sau cùng Phật thuyết pháp, Thanh văn, Duyên giác là Hóa thừa, không có Nhị thừa, Tam thừa, chỉ có Nhất Phật thừa. Lúc Phật thuyết kinh Pháp Hoa có 5.000 đại đệ tử theo Phật mấy mươi năm đã lui ra, không thể nghe. Thích-ca Mâu-ni Phật nói, lui ra cũng

tốt, ngài không giữ họ lại. Thế giới Cực Lạc thì tất cả đều thành Phật, Nhị thừa không sanh, đây là chỗ Đại thừa đi đến, Nhị thừa không thể vãng sanh.

Đại sư Thiện Đạo đối với nguyện này đặt ra bốn tên gọi: nguyện nhất định diệt độ, nguyện chứng đại Niết-bàn, nguyện vô thượng Niết-bàn, nguyện trụ tướng chứng quả.

Bởi vì tu pháp môn Tịnh độ, bất luận quán Phật hay niệm Phật, thông thường đều cho rằng quán thì có sắc tướng, niệm thì có âm thanh, đều là có tướng, phải lìa tướng mới chứng quả. Thế nhưng đại sư Thiện Đạo nói đây là nguyện trụ tướng mà chứng quả, trụ tướng mà vẫn chứng quả được, cách nói này rất thù thắng. Ngay cả Mật tông là tinh thần của Thủ Lăng-nghiêm. Thủ Lăng-nghiêm là hết thấy sự đều rớt ráo kiên cố, tất cả đều hiển hiện pháp thân, thanh sắc đều là thật tướng. Bạn trụ nơi tướng chính là trụ vào thật tướng, cho nên trụ tướng mà chứng quả, điều này thống nhất với lời của đại sư Thiện Đạo.

Đại sư Thiện Đạo còn nói, người tu Tịnh độ không cần gặp lìa tướng, nếu có thể chuyên chí nương vào tướng thì nhất định vãng sanh. Thế nên pháp môn niệm Phật không yêu cầu bạn lìa tướng, bạn không cần quan tâm lìa tướng hay không lìa tướng, hãy thật thà mà niệm thì đều được vãng sanh. Đây quả thực là khai thị vô thượng.

Sách Chân Giải nói, người Nhật Bản đối với ngài Thiện Đạo tôn kính đến cực điểm, xưng ngài là Cao Tổ, tên của nguyện đã nêu tột ý của nguyện. Họ cực kỳ tán thán ngài Thiện Đạo từ nguyện này lập ra bốn tên gọi, cho rằng việc này hiện rõ triệt để ý nghĩa chân thật của lời nguyện.

Sự tôn kính của người Trung Hoa đối với ngài Thiện Đạo không bằng người Nhật Bản, bởi vì trong nước có một truyền thuyết sai lầm, cho rằng ngài Thiện Đạo tự sát. Sai rồi, ghi chép sai rồi! Người tự sát là người nêu câu hỏi với đại sư, không phải là đại sư.

Tên của lời nguyện trong kinh hiện nay là “định thành Chánh giác” nguyện tương đồng với tên ngài Thiện Đạo đặt. Đại sư Thiện Đạo đặc biệt chọn ra 5 nguyện trong 48 nguyện, gọi là chân thật nguyện. Đó là: định thành Chánh giác, quang minh vô lượng, thọ mạng vô lượng, chư Phật xung thán, thập niệm tất sanh. Năm nguyện này là chân thật nguyện trong 48 nguyện, cũng chính là trọng tâm



then chốt trong 48 nguyện, cũng là tâm tủy của hoàng nguyện Di-đà, bốn tâm của Di-đà. Phải nương vào con đường đơn giản nhất, dễ dàng nhất, viên dung nhất, nhanh chóng nhất là niệm Phật vãng sanh.

*Viễn ly phân biệt, chur căn tịch tĩnh.*

Phân biệt chính là nhận biết đủ loại khác biệt giữa cái này và cái kia, của tất cả sự và lý. Nó lấy sự phân biệt hư vọng làm thể tánh. Thức thứ sáu chính là thức phân biệt. Vốn là bình đẳng, vốn là không hai, nhưng ở đây lại sinh ra mọi loại sai biệt. Vọng là ở nơi pháp vốn không phân biệt mà phân biệt phải quấy ta người, nên gọi là nghi hoặc phân biệt. Đoạn được hoặc này thì trở thành trí vô phân biệt, nên thức thứ sáu trở thành “diệu quan sát trí”. Câu “viễn ly phân biệt” trong lời nguyện chính là xả ly vọng hoặc phân biệt, hiểu rõ vạn pháp nhất như, chân như chính là vạn pháp, vạn pháp chính là chân như.

Chư căn tịch tĩnh nghĩa là sáu căn đều tịch tĩnh. Tịch là tịch nhiên, lìa khỏi phiền não thì gọi là tịch. Tĩnh là an tĩnh, trừ hết thảy khổ lo thì gọi là tĩnh. Kinh Hoa Nghiêm nói “quán pháp tịch tĩnh, lìa mọi si ám”. Lúc bạn tu quán pháp tịch tĩnh thì quang minh trí tuệ tự hiện, bạn sẽ lìa khỏi sự ngu muội hôn ám. Bốn chữ Thích-ca Mâu-ni Phật nghĩa là tịch mặc và năng nhân. Mâu-ni chính là nghĩa tịch nhiên, tịch tĩnh. Thân, khẩu, ý đều tịch tĩnh thì gọi là Mâu-ni. Thân khẩu ý đại biểu cho sáu căn, thân khẩu ý tịch tĩnh chính là “chư căn tịch tĩnh” ở trong kinh, cũng chính là bốn tánh của Niết-bàn.

Do xa lìa vọng hoặc phân biệt nên các căn mắt tai mũi lưỡi cũng đều tịch tĩnh, khế hợp với lý thể thực tế của Niết-bàn. Nhất định thành Đẳng Chánh Giác nghĩa là nhất định thành Phật.

*Chúng đại Niết-bàn.*

Niết-bàn có thể phiên dịch thành viên tịch, viên tịch nghĩa là gì? Đức chẳng kém khuyết thì gọi là viên, các chướng đều tận thì gọi là tịch, tất cả diệu đức thảy đều đầy đủ, tất cả chướng ngại đều được tiêu trừ.

Đại Niết-bàn chỉ cho Niết-bàn của Đại thừa, so với Niết-bàn của Tiểu thừa có bốn phương diện khác biệt:

-Thứ nhất là Niết-bàn có ba đức: pháp thân đức, Bát-nhã đức, giải thoát đức. Niết-bàn của Đại thừa chứng được ba đức này. Tiểu thừa chỉ có giải thoát đức

trong ba đức. Họ giải thoát rồi nhưng không chứng được pháp thân, cũng không có trí tuệ Bát-nhã, chỉ có một đức trong ba đức.

-Thứ hai là thường lạc ngã tịnh. Bồ-tát đầy đủ thường lạc ngã tịnh. Niết-bàn của Nhị Thừa chỉ có thường, lạc, tịnh. Họ cũng bất diệt, cũng rất an lạc, cũng rất tịnh, nhưng chưa thấy được chân ngã của pháp thân. Ngã trong thường lạc ngã tịnh là chân ngã, không phải là “ngã tướng” mà kinh Kim Cang nói.

-Thứ ba là Đại Niết-bàn đều lìa khỏi hai loại sanh tử là phần đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử. Niết-bàn của Tiểu thừa chỉ lìa khỏi phần đoạn sanh tử (đã đoạn được sanh tử trong sáu cõi luân hồi), nhưng vẫn còn biến dịch sanh tử, còn phải phát tâm đại Bồ-đề, còn phải trải qua 42 giai vị để lên đến giai vị Diệu Giác. Mỗi một giai vị đều là một lần biến dịch, cũng là một lần sanh tử.

-Thứ tư là thân trí. Đại Niết-bàn đầy đủ vô biên thân và trí. Tiểu Niết-bàn thì thân và trí vắng lặng như tro nguội. Đại Niết-bàn và Tiểu Niết-bàn không như nhau. Có người nói Thích-ca Mâu-ni Phật cũng là hữu dư Niết-bàn, cách nói này không đúng. Phàm những người vắng sanh tương lai đều chứng Đại Niết-bàn thì làm sao có thể nói đức Thế Tôn của chúng ta vào hữu dư Niết-bàn chứ? Có một vài cách nói, bất luận người phát ngôn nổi tiếng đến đâu chúng ta nhất định phải lấy lời của bậc thánh để làm tiêu chuẩn, chớ hiếu kỳ ham điều mới lạ.

**Nguyện thứ 13:** nguyện được quang minh vô lượng.

Nguyện văn là: **Ngã tác Phật thời, quang minh vô lượng, phổ chiếu thập phương, tuyệt thắng chư Phật, thắng ư nhật nguyệt chi minh thiên vạn ức bội.**

*Khi con thành Phật, quang minh vô lượng chiếu khắp mười phương, tuyệt đối vượt hơn quang minh của chư Phật, gấp ngàn vạn ức lần ánh sáng của nhật nguyệt.*

Nguyện này là nguyện thứ hai trong năm nguyện chân thật của đại sư Thiện Đạo. Đại ý của lời nguyện là, nguyện khi tôi thành Phật, quang minh của tôi không có hạn lượng, không có ranh giới, chiếu khắp tất cả nơi trong mười phương trên dưới. Quang minh phóng ra phải tuyệt đối vượt hơn quang minh của tất cả Phật, so với ánh sáng của mặt trời mặt trăng vượt hơn ngàn vạn ức lần, quang minh trọn khắp các nơi. Công đức diệu dụng của quang minh cũng trùm khắp mọi nơi, có thể chúng sanh được nhiếp thọ và độ hóa cũng nhiều vô tận. Do vậy đây là cái gốc đại bi

phương tiện, là công đức chân thật của báo thân Phật. Chúng ta đại bi độ sanh cần phải có phương tiện, cho nên quang minh chiếu khắp để nhiếp thọ chúng sanh.

Sư Vọng Tây của Nhật Bản nói, mười phương hư không không có ngăn mé, cho nên cõi nước cũng không có ngăn mé. Cõi nước không có ngăn mé nên chúng sanh trong cõi nước cũng không có ngăn mé. Có vô lượng cõi nước thì có vô lượng chúng sanh. Cho nên, đại nguyện này của Pháp Tạng Đại sĩ không phải chỉ độ toàn nhân loại trên một địa cầu mà là đủ loại chúng sanh; cũng chẳng phải chỉ một địa cầu, mà là vô lượng địa cầu, vô lượng thiên thể. Thiên thể vô biên, chúng sanh vô biên, nên đại bi của Phật cũng vô biên, lợi ích ban cho chúng sanh cũng là vô biên, mà mức độ sâu của lợi ích này cũng không có ngăn mé. Nguyên nhân chính là từ chúng sanh mà xuất phát, muốn chúng sanh có được lợi ích không ngăn mé, vì vậy quang minh cũng vô biên.

“Tuyệt thắng chư Phật”, Phật Phật bình đẳng, vì sao lại nói Phật quang của A-di-đà Phật vượt hơn tất cả chư Phật? Như lời kinh nói, quang minh của chư Phật chiếu ra có xa có gần, là do trong quá khứ cầu đạo, công đức sở nguyện có lớn nhỏ không như nhau. Đến lúc thành Phật, mỗi vị được thành tựu tự tại khác nhau, không phải do dự trừ trước.

Lại nữa, uy thần quang minh của A-di-đà Phật là tối tôn đệ nhất, mười phương chư Phật không thể sánh bằng. Đây đều vì quá khứ ở nhân địa nguyện lực của mỗi vị không như nhau, đến khi thành Phật, mỗi vị dựa trên nguyện mà chính mình đã phát tự nhiên thành tựu, không cần sắp xếp. Nguyện mà ngài Pháp Tạng đã phát vượt hơn nguyện của chư Phật, vì vậy khi thành Phật thì uy thần quang minh là tôn quý đệ nhất trong mười phương Phật.

Ngài Pháp Tạng muốn vượt hơn chư Phật, tuyệt đối không phải vì hiếu thắng phô trương thể hiện bản thân, mà tha thiết mong muốn việc phụng hiến chúng sanh của chính mình sẽ mang lại lợi ích chân thật cho chúng sanh vượt hơn chư Phật. Vì vậy nguyện của Di-đà được xưng là đại nguyện vương, vua trong các [nguyện của] chư Phật. Nguyên nhân căn bản chính là ở đây.

Kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ (ngài Huyền Trang dịch là Kinh A-di-đà) nói, do đức Như Lai ấy thường phóng vô lượng vô biên diệu quang, chiếu khắp tất cả cõi Phật mười phương, làm các Phật sự. Đức Phật đó chính là A-di-đà Phật, đây là lời Thích-ca Mâu-ni Phật nói. Đức Phật ấy không gián đoạn mà thường

phóng quang, cho nên đức Di-đà còn có hiệu là Thường Chiếu Quang. Quang minh của Phật vô lượng, cho nên hiệu là Vô Lượng Quang; thường chiếu bất đoạn nên lại có hiệu là Thường Chiếu Quang.

Vì vậy ánh sáng của Phật vượt hơn ánh sáng nhật nguyệt ngàn vạn ức lần, tất cả ánh sáng thông thường không thể sánh nổi. Phật phóng quang là thường hằng bất biến, Phật quang là vô lượng, Phật chiếu là thường chiếu, Phật quang là phổ chiếu, vì sao có người cảm nhận được, có người không cảm nhận được? Xin nêu ví dụ, cùng được ánh sáng rực rỡ của mặt trời soi chiếu nhưng có người lại giương dù lên, nên đương nhiên mặt trời không chiếu đến được. Cũng cùng được Phật quang soi chiếu như nhau nhưng có người không cảm nhận được, bởi vì họ có chướng ngại. Chướng ngại gì vậy? Nhân duyên của mỗi người không như nhau, nên chướng ngại của mỗi người không như nhau.

Ở đây chỉ nêu ra những chướng ngại chung:

Thứ nhất, không buông xả được chấp trước, không buông được phân biệt. Phật Bồ-tát dạy chúng ta rằng người tu đạo chân chánh không thấy lỗi thế gian. Thế nhưng người tu đạo chúng ta cứ dán mắt vào lỗi của thế gian, nhìn ai cũng không vừa mắt. Kết quả là phiền não rất nhiều, oán trời trách người, chẳng những chính mình phiền não mà còn mang phiền não cho người khác.

Thứ hai, ngoan cố chấp trước cái thấy cái biết của mình, không thể hằng thuận chúng sanh, mà chúng sanh phải hằng thuận mình. Nếu có chút không hằng thuận thì oán hận não nộ phiền của họ toàn bộ hiện tiền, chúng sanh đều xa lánh, bạn trở thành người cô độc lẻ loi, làm sao độ chúng sanh đây?

Thứ ba, tâm nghi nặng. Loại người này luôn dùng tâm tiểu nhân đo lòng quân tử, bất luận đối với người nào, việc nào họ cũng phải đặt dấu chấm hỏi. Có lúc điều họ nghĩ ra, nói ra khiến người nghe rồi đều cảm thấy buồn cười. Tôi đã từng nói, không được có tâm hại người, càng không được có tâm đề phòng người. Tôi nói được làm được, tôi trước giờ không đề phòng người khác, rõ ràng biết có người đang hại tôi, tôi cũng không đề phòng, cứ tùy họ thôi. Hại người và đề phòng người đều rất mệt mỏi, chớ làm việc gốc đó, hãy làm việc đại sự là thành Phật đi.

Thứ tư, tâm đố kỵ nặng, liên quan đến vấn đề tâm đố kỵ tôi đã nói qua rất nhiều lần rồi, nhưng vẫn có người nghe không vào. Ở đây tôi trình trọng nói với mọi

người, người có tâm đồ kỵ nặng sẽ tự đoạn pháp thân huệ mạng của chính mình. Nếu chúng ta trừ bỏ được những chướng ngại trên, chẳng phải chúng ta sẽ cảm nhận được Phật quang soi chiếu vào rồi sao? Nguyên Phật quang phổ chiếu đến mỗi một người, nguyện mỗi một người đều có thể cảm nhận được Phật quang phổ chiếu.

Những ngày qua, tiểu viện Lục Hòa của chúng tôi mỗi ngày đều được Phật quang phổ chiếu, các bạn có cảm thấy vậy không?

Tiết học này xin giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 33

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

**Nguyện thứ 14:** nguyện chạm quang minh đợc an lạc.

Nguyện vãn là: **Nhược hữu chúng sanh, kiến ngã quang minh, chiếu xúc kỳ thân, mặc bất an lạc, từ tâm tác thiện, lai sanh ngã quốc.**

*Nếu có chúng sanh nào thấy quang minh của con chiếu đến thân họ thì chẳng ai mà không đợc an lạc, khởi từ tâm làm điều lành, sau sanh về nước con.*

Nguyện này là từ nguyện trước mà có, thể hiện Phật quang có đầy đủ diệu đức lợi ích chúng sanh. Quang minh vô lượng chỉ là để làm ra vô lượng lợi ích, bất kỳ người nào thấy Phật quang chiếu đến, hoặc đợc Phật quang chiếu đến thân thì lập tức đợc thân tâm an lạc. Hơn nữa sự an lạc này bất kỳ sự an lạc nào trong thế gian cũng không thể sánh bằng, đây là loại an lạc thanh tịnh chân thật cực thù thắng. Do đó tự nhiên khơi gợi tâm từ của chúng sanh, họ tự nhiên dừng mánh làm điều thiện, càng quan trọng hơn là sanh khởi hoặng nguyện sanh về nước Cực Lạc, nhờ đó họ có thể sanh đến Cực Lạc Tịnh độ. Cho nên người thật sự nhìn thấy quang minh của A-di-đà Phật đều có đợc lợi ích thù thắng như vậy.

*“Mặc bất an lạc, từ tâm tác thiện, lai sanh ngã quốc”.*

Ba câu kinh vãn này vô cùng quan trọng, là nhu cầu vô cùng bức thiết đối với chúng ta hiện nay. Vì sao vậy? Chúng ta sống trong thời đại động loạn này, thân tâm bất an, giàu mà không vui, sang mà không an, đã trở thành một hiện tượng xã hội phổ biến. Làm thế nào để thân tâm của chúng ta an ổn? Đọc kinh Vô Lượng Thọ, đem lời dạy trong kinh hoàn toàn thực hiện vào trong cuộc sống thì tâm của bạn sẽ an. Vì sao vậy? Nhìn thấu thế gian này rồi, biết thế gian này vì sao hỗn loạn đến như vậy, bất an là do nguyên nhân gì tạo thành. Biết đợc nhân rồi thì bản thân chúng ta sẽ không tạo nhân đó, chúng ta thay đổi bản thân chứ đừng thay đổi người khác, hãy chuyển đổi chính mình. Chính mình thay đổi rồi thì an lạc biết bao, pháp hỷ sung mãn.

Chúng ta thấy lão hòa thượng Hải Hiền, tất cả những người đã gặp ngài đều nói ngài từ bi, không ai nhìn thấy bộ dạng không vui vẻ của ngài cả. Bất luận là khi

nào, ở đâu, bạn tiếp xúc với ngài thì ngài đều rất hoan hỷ, khiến họ cảm nhận được tâm yêu thương và sự ấm áp của ngài. Đây là gì vậy? Đây là A-di-đà Phật mượn thân thể của ngài để phóng quang, phóng từ quang, phóng quang minh bi mẫn, phóng quang minh cứu giúp hộ trì, từ trên thân ngài mà biểu diễn ra.

Kinh Vô Lượng Thọ, phẩm Quang Minh Biến Chiếu nói rằng người gặp được quang minh này sẽ được cứu diệt thiện sanh, thân ý nhu nhuyễn. Cứu là cứu ô, ác trược, chỉ cho đủ loại phiền não. Những thứ này đều tiêu diệt rồi thì tự nhiên sanh ra thiện nguyện, cùng các chúng sanh đồng sanh Cực Lạc.

“*Thân ý nhu nhuyễn*”, nhược điểm lớn nhất của chúng sanh thế giới Ta-bà là cang cường khó giáo hóa, chấp trước kiên cố vào tình kiến, không chịu buông xả, vì vậy rất khó hóa độ. Nhưng một phen gặp được Phật quang thì thân và ý đều đồng thời nhu nhuyễn, chư Phật mới có thể tiến hành dạy dỗ. Người thọ giáo thì mới có thể được độ, đây chính là lợi ích thọ giáo pháp do gặp được quang minh.

Quán Kinh nói: “Quang minh chiếu khắp chúng sanh niệm Phật trong mười phương thế giới, nhiếp thủ không xả”. Cho nên chúng ta nói rằng pháp môn niệm Phật là dựa vào tha lực, Phật quang chiếu khắp tất cả chúng sanh niệm Phật trong mười phương thế giới, vĩnh viễn nhiếp thọ họ, hơn nữa một người cũng chẳng bỏ. Phàm những người gặp được quang minh đều có thể vãng sanh Phật quốc. Lợi ích của Phật quang, sự rộng lớn của Phật nguyện, thâm ân của Phật đều không thể nghĩ bàn.

**Nguyện thứ 15:** nguyện thọ mạng vô lượng.

Nguyện văn là: **Ngã tác Phật thời, thọ mạng vô lượng.**

*Khi con thành Phật, thọ mạng vô lượng.*

Trong nguyện thứ 15 thọ mạng vô lượng, trước tiên là đức giáo chủ của cõi ấy thọ mạng vô lượng: khi tôi thành Phật thọ mạng vô lượng. Như kinh Pháp Hoa nói, Sơn Hải Huệ Như Lai thọ mạng không hạn lượng là do thương xót chúng sanh. Vì sao thọ mạng của ngài vô lượng? Duy chỉ thọ mạng vô lượng mới có thể độ chúng sanh, cho nên thọ mạng không phải là vì bản thân cần, bản thân không cần, mà đó là vô lượng thọ chân thật. Vì sao vậy? Pháp thân không có thọ mạng, pháp thân Phật vô lượng, pháp thân của mỗi người chúng ta cũng là vô lượng. Pháp thân và Phật là một, không phải hai. Trong Đại kinh có một câu nói: ba đời chư Phật mười phương

cùng chung một pháp thân, chẳng những là chung một pháp thân mà trí tuệ, đức năng đều bình đẳng, đều đầy đủ.

Do đây mà biết, ở đây nói thọ mạng vô lượng là nói điều gì? Nói báo thân, nói ứng hóa thân, ứng hóa thân cũng vô lượng. Thích-ca Mâu-ni Phật ở thế gian này chúng ta, ba ngàn năm trước thị hiện trụ thế 80 năm thì sao vô lượng thọ được? 80 năm là hiện thân giáo hóa chúng sanh, trên địa cầu ngài là vô lượng thọ, nhưng chúng ta không biết. Trong truyện sử có ghi chép, đại sư Trí Giả là Thích-ca Mâu-ni Phật hóa thân tái lai; đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ, đại sư Thiện Đạo là A-di-đà Phật hóa thân tái lai. Vì vậy chúng ta liền biết hóa thân cũng không có sanh diệt, duyên của chúng sanh chín muồi rồi thì ngài hiện, khi duyên của chúng sanh đã hết thì ngài không còn nữa. Bạn xem, ngài vì ai? Vì chúng sanh. Chúng sanh thật sự nhớ đến ngài thì ngài hiện tiền, chúng sanh quên ngài thì không thấy ngài nữa, tùy thời mà ở. Cho nên kinh Lăng-nghiêm nói, “ngay đó sanh ra và cũng ngay đó mà diệt mất”, nói rất hay. Bạn có tâm nguyện cầu ngài thì ngài hiện tiền, khi bạn không có tâm nguyện nữa thì không thấy ngài nữa. Chúng ta có tâm cầu ngài, vì sao ngài không hiện tiền? Vì tâm chúng ta không thanh tịnh, phải dùng tâm thanh tịnh cầu ngài, ngài lập tức hiện tiền, tất nhiên là phải có tâm bình đẳng nữa.

Xin xem đoạn kế tiếp, “bởi vì giáo chủ trụ thế không lâu nên sự ứng hóa cũng ngắn ngủi, chúng sanh khó gặp được, nếu giáo chủ trụ lâu dài thì hóa duyên vô cùng, lợi sanh vô tận”. Pháp sư Trùng Hiên tán thán rằng, thọ mạng của Phật vô lượng, đức giáo hóa cao tốt.

Đệ nhất đức của việc giáo hóa chúng sanh là gì? Là thọ mạng của Phật dài, Phật vĩnh viễn ở thế gian, “ai mà không mong mỏi nguyện vọng này chứ”, đó là điều chúng sanh mong muốn. “Hơn nữa, Di-đà lại là báo thân Phật, Cực Lạc là báo độ, đức giáo chủ thọ mạng vô lượng là chân thật vô lượng, không phải vô lượng của hữu lượng”. Ở thế giới Cực Lạc có thể nói là rốt ráo chân thật, đây là điều vô cùng hiếm có khó gặp. Lời nói này dùng ngôn ngữ hiện nay diễn đạt thì thọ mạng vô lượng là chỉ vô lượng tuyệt đối, không phải vô lượng tương đối. Tương đối là: trái với vô lượng thì có hữu lượng, hữu lượng đối lập với vô lượng. Ở đây nói với chúng ta không phải vô lượng tương đối, mà là vô lượng tuyệt đối. Cảnh giới này không thể nghĩ bàn.

**Nguyện thứ 16:** nguyện Thanh văn vô số.



Nguyện văn là: **Quốc trung Thanh văn, thiên nhân vô số, thọ mạng diệc giai vô lượng. Giả linh tam thiên đại thiên thế giới chúng sanh tất thành Duyên giác. Ư bá thiên kiếp, tất cộng kế giáo, nhược năng tri kỳ lượng số giả, bất thủ Chánh giác.**

*Khi con thành Phật, sống lâu vô lượng. Vô số Thanh-văn, trời người trong nước cũng có thọ mạng vô lượng. Giả như chúng sanh trong tam thiên đại thiên thế giới đều thành bậc Duyên giác, trải qua trăm ngàn kiếp cùng nhau tính đếm, nếu biết được số lượng ấy, thì không thành Chánh giác.*

A-di-đà Phật có quang minh vô lượng, thọ mạng vô lượng, đệ tử vô lượng. Có người có nghi hoặc thế này, kinh Bi Hoa nói rằng: cõi nước của Phật đó không có Thanh văn, Bích-chi Phật thừa, tất cả mọi người đều là Bồ-tát, vô lượng vô biên. Kinh Bi Hoa giới thiệu thế giới Cực Lạc toàn là Bồ-tát Đại thừa, không có Thanh văn, Duyên giác. Hai cách nói này không như nhau, vậy thế hội đoạn kinh văn “*Thanh văn, trời người trong nước vô số*” này thế nào đây?

Đối với vấn đề này, sư Trùng Hiên đã nói như sau: kinh này vì sao nói Thanh văn vô số? Là do hai nguyên nhân, lời văn tuy trái nhau nhưng nghĩa thực không trái ngược, tức là ý nghĩa không đối lập nhau. Kinh này nói ba bậc vãng sanh đều là phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm, người vãng sanh trong ba bậc thấy đều đã phát tâm Bồ-đề, cho nên nhất định là Bồ-tát thừa. Vì vậy kinh Bi Hoa nói toàn là bậc Bồ-tát, là nói ở thế giới Cực Lạc.

Lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không đối với vấn đề này đã giải thích khá tường tận. Ngài nói như sau, chúng ta nên biết, nói Thanh văn, trời người đều là tùy thuận thế gian của chúng ta mà nói. Thế giới Cực Lạc có bốn cõi, ba bậc, chín phẩm, đều là tùy thuận theo thế gian chúng ta mà nói. Trên thực tế bên đó không có, vì sao nói không có? Bạn hãy nhìn 48 nguyện một cách viên mãn xem, bạn sẽ hoàn toàn hiểu rõ. Thấy đều là A-duy-việt-trí Bồ-tát, bất luận là trời người, là Thanh văn, là Duyên giác, là Tam thừa Quyền giáo đến thế giới Cực Lạc thấy đều là A-duy-việt-trí Bồ-tát, chẳng phải đều bình đẳng sao? A-duy-việt-trí Bồ-tát là thứ bậc nào? Là Pháp thân Bồ-tát, nên thấy đều minh tâm kiến tánh, việc này không phải do Thanh văn và người trời vãng sanh đã tu được, họ không có tu, vì sao lại trở thành Pháp thân Bồ-tát? Do uy thần bản nguyện của A-di-đà Phật gia trì cho họ, khiến họ trở thành như vậy.

Có được hay không? Vì sao những vị Phật khác không làm như thế? Phật Thích-ca có năng lực gia trì chúng ta thành A-duy-việt-trí Bồ-tát hay không? Có năng lực. Có năng lực vì sao không làm? Nếu chúng ta hỏi Thích-ca Mâu-ni Phật, Thích-ca Mâu-ni Phật nhất định nói rằng A-di-đà Phật ở thế giới Cực Lạc đã làm rồi, ông hãy đến chỗ của ngài học là được. Phật Thích-ca cử chúng ta đến thế giới Cực Lạc học, A-di-đà Phật ở thế giới Cực Lạc nghênh đón chúng ta, đỡ việc biết bao. Phật Phật đạo đồng, Phật Phật đều tán thán nhau. Phật không có đố kỵ chướng ngại.

Ngài đã làm rồi, làm tốt như vậy, viên mãn như vậy, người ở chỗ ta càng càng khó giáo hóa, nghiệp chướng sâu nặng thấy đều đưa đến nước của ngài, đưa đến chỗ ngài rồi thì toàn bộ được giải quyết, đây chính là tâm nguyện của đức Thích-ca và Di-đà. Chúng ta hiểu rằng Phật Phật đạo đồng, Thích-ca, Di-đà là một không phải hai. Bên kia đã làm tốt rồi thì bên này không cần làm nữa. Chư Phật Như Lai không tranh tín đồ, bạn thấy đức Di-đà làm tốt như vậy, đức Thích-ca chỉ cần giới thiệu tín đồ của ngài qua bên đó, chỉ cần chịu tin, chân thật tin tưởng thì bạn học pháp môn này nhất định sẽ đi được, khẳng định là sự thật, không phải giả. Thích-ca Mâu-ni Phật không lừa người, nếu chúng ta tin tưởng Phật thì đây là điều quan trọng hơn bất cứ điều gì.

“Thanh văn và người trời trong nước vô số, thọ mạng cũng đều vô lượng”. Pháp sư Trùng Hiền người Nhật Bản xưng tán đây là đệ nhất đức của Tịnh độ. Trong các công đức làm lợi lạc chúng sanh của Tịnh độ, đây là công đức lớn đệ nhất. Ngài nêu ví dụ rằng, thế giới Cực Lạc vô cùng thù thắng như vậy, thấy Phật nghe pháp, thân cận thánh chúng, không có duyên thoái chuyển, thấy đều là tăng thượng duyên. Nếu như không lâu sau đó người vẫn sẽ chết thì giống như cái chén ngọc không đáy, chén ngọc cực quý báu xinh đẹp tinh tế nhưng lại không có đáy thì có tác dụng gì, có tốt đến mấy cũng vô dụng. Sanh đến thế giới Cực Lạc lẽ nào vẫn còn phải chết ư? Đó là cái gốc của duyên thoái chuyển. Cho nên thọ mạng vô lượng là công đức đệ nhất của Tịnh độ.

Sư Vọng Tây nói, cái gốc của các sự vui chỉ ở nơi nguyện này. Thế giới Cực Lạc không có các khổ, chỉ có hưởng niềm vui, căn bản là ở ngay đại nguyện thọ mạng vô lượng này. Ở nước Cực Lạc thường gặp Di-đà, thường nghe diệu pháp, mọi lúc mọi nơi đều là tăng thượng nhân duyên, đều là khiến bạn đi lên. Nước chảy, cây

báu đều đang thuyết pháp; ngửi mùi hương, ăn cơm đều tăng trưởng thiện căn, tất cả mọi thứ đều khiến bạn đi lên. Đồng thời bạn muốn nghe pháp gì thì nghe pháp đó, điều quan trọng hơn là nghe qua liền hiểu. Nhân dân Cực Lạc nơi nơi đều tiến lên, không có duyên thoái chuyển. Đặc biệt là thọ mạng vô lượng, lẽ nào không thành Phật! Phật pháp khó được nghe, không chỉ là nói bạn không có cơ hội nghe thấy mà bạn nghe rồi nhưng không hiểu. Do vậy, lúc khai kinh phải khẩn cầu “nguyện hiểu nghĩa chân thật của Như Lai”. Nhân dân Cực Lạc vừa nghe liền hiểu, lại không có duyên thoái chuyển, thọ mạng lại vô lượng, cho nên bất luận căn khí thể nào, lâm chung niệm Phật có thể vãng sanh thì đều nhất định thành Phật. Thế giới Cực Lạc thù thắng ở chỗ này.

Nhân câu “vãng sanh thế giới Cực Lạc thấy đều là A-duy-việt-trí Bồ-tát” mà bạn hãy nên hạ quyết tâm đời này vãng sanh Tịnh độ. Vì thế giới Cực Lạc được vô lượng thọ nên bạn cũng nên hạ quyết tâm đời này vãng sanh Tịnh độ.

Lão pháp sư đã kể một chuyện như sau, một đồng tu tham dự buổi thọ giới ở Hồng Kông nói với lão pháp sư rằng, Sư phụ ở giới đàn khuyên anh ấy nên tu pháp sám chiêm sát. Lão pháp sư nói với anh ấy, chiêm sát sám pháp bao hàm ở trong câu Phật hiệu rồi, bạn niệm câu Phật hiệu này thì đã tu toàn bộ pháp sám chiêm sát rồi. Đồng tu đó đã nghe hiểu rồi. Không thể thấy cái này thì học cái này, thấy cái kia thì học cái kia, vậy thì bạn loạn rồi, bạn đã bỏ mất thế giới Cực Lạc rồi.

Chiêm sát sám pháp là nói cho ai nghe vậy? Không phải nói cho người niệm Phật, không phải nói cho người muốn cầu sanh Tịnh độ. Họ không muốn tu Tịnh độ, cũng không muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc thì tu sám chiêm sát được, giúp bạn sám trừ tội lỗi. Phải biết, niệm A-di-đà Phật, mỗi một câu đều sám trừ tội chướng trong vô thủy kiếp, phương pháp này tốt biết bao, đừng thay đổi nữa, đổi đề mục là sai rồi. Đừng học pháp môn này lại muốn học cả pháp môn kia, vậy thì xong rồi! Phải học Thiện Tài đồng tử.

Thiện Tài đồng tử 53 lần tham vấn, vị đầu tiên mà ngài tham vấn là tỳ-kheo Kiết Tường Vân dạy ngài pháp môn niệm Phật, ngài niệm câu Phật hiệu đến cùng, cả đời không thay đổi.

Ngài tham vấn rất nhiều pháp môn khác là thế nào vậy? Pháp môn này của ngài tôi đã hiểu rồi, tôi cảm ơn ngài, tôi không học, vẫn là niệm A-di-đà Phật. Năm mươi ba lần tham vấn, Thiện Tài đồng tử vẫn một câu A-di-đà Phật niệm đến cùng,

niệm đến sau cùng thì Phổ Hiền Bồ-tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, ngài thành tựu viên mãn rồi. Ngài không nói tham vấn một pháp môn thì học luôn pháp môn đó, tham vấn pháp môn nữa thì lại học nữa, vậy thì ngài học loạn rồi. Tám gương này đã được nêu lên ở đây, chúng ta không thể không biết.

Thiện Tài đồng tử thành Phật là tín nguyện trì danh mà vãng sanh thế giới Cực Lạc thành Phật. Năm mươi ba lần tham vấn là làm ra tám gương cho chúng ta thấy. Có thể học theo không? Có thể, tùy hỷ một chút, xem thử xem họ tu pháp môn nào, còn pháp môn tu chính của mình thì như như bất động. Đó gọi là cảm ơn nhưng không học, đối với pháp môn đó thì mình hoan hỷ tán thán bởi vì họ độ một loại chúng sanh, nên tùy hỷ tán thán, nhưng không học, vẫn là một câu A-di-đà Phật niệm đến cùng. Không thấy Thiện Tài đồng tử tham vấn một môn thì học một môn, không có việc này, vậy vì sao ngài phải tham vấn? Là để chúng ta xem thấy, sợ chúng ta tham vấn một môn thì học một môn, tham vấn hai môn học hai môn, kết quả học lộn xộn hết, nên ngài làm ra tám gương cho chúng ta, nhất định phải hiểu đạo lý này, nếu không thì sẽ phá hỏng mất Đại thừa.

Kinh Kim Cang chứng minh cho chúng ta, “pháp còn phải xả, hướng là chẳng phải pháp”. Pháp có thể học, có thể nghe nhưng không tu; khi nói ra thì cái nào cũng hiểu, còn khi làm thì chỉ nhất môn thâm nhập. Điều này không thể không biết. Biết bao người không hiểu rõ đạo lý này, học rất nhiều pháp môn, kết quả một môn cũng chẳng thành tựu, việc này chúng ta cần phải chú ý.

Sư Trùng Hiên nói, “người tu hành Phật đạo, tử ma là điều đáng sợ, sanh tử ngăn cách là nguyên nhân chính của duyên thoái chuyển”. Chúng ta đối với câu này cần phải đề cao cảnh giác. Phật đối với việc này hết sức xem trọng, người nào có thể đảm bảo rằng ngày mai bạn vẫn ở thế gian, sang năm vẫn ở thế gian, chưa chắc! Trong kinh nói với chúng ta, mạng người trong hơi thở, một hơi thở ra không trở lại thì đời này chấm hết. Đi đến nơi đâu? Bản thân không biết. Mê hoặc điên đảo, nên mới xem ba đường ác là đường thiện. Nếu họ biết là đường ác thì sao dám đi, không biết nên mới đi. Sau khi vào rồi thì không ra được, càng mê càng sâu, tạo tác tội nghiệp, chính là khởi tâm động niệm càng ngày càng nghiêm trọng, vô cùng đáng sợ! Đây là nguyên nhân căn bản của thoái chuyển đọa lạc, sau khi chết thì rơi xuống ngàn trượng. “Gặp Phật nghe pháp, gặp được Thánh chúng, cúng dường chư Phật, thân cận thiện hữu, tự nhiên khoái lạc, không có các khổ, đức ấy chẳng phải là một”,

một đây là một loại, không chỉ là một loại, mà đều cần thọ mạng. “Nếu thọ mạng ngắn ngủi thì đáng tiếc khôn xiết”, theo lời của Niệm lão là không cách nào tính toán được.

Nguyện này rất quan trọng, nhắc nhở chúng ta cầu trường thọ, có thể cầu trường thọ được hay không? Được. Cách cầu thế nào? Niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc sẽ được trường thọ thật sự. Đời này của chúng ta, việc lớn nhất trong đời này là gì? Việc này có lẽ là việc lớn nhất: chúng ta cầu trường thọ chân thật, không làm chuyện giả, thứ giả thầy đều buông xuống, phải hạ quyết tâm này, phải thật sự hạ quyết tâm.

Nói đến đây, lão pháp sư có một đoạn như sau, tôi đọc cảm thấy xúc động sâu sắc, xin trích dẫn nguyên văn ở đây để tặng chư vị đồng tu:

“Cho nên tôi từng nói rằng mọi người phản đối bản hội tập, tôi không thể phản đối, vì sao vậy? Thầy truyền cho tôi, tôi tin rằng thầy không hại tôi, tôi tin thầy yêu thương che chở tôi, nên tôi sẽ không phản bội và từ bỏ thầy. Tôi nói dù người trên toàn thế giới không tin tưởng thì tôi vẫn tin tưởng, không ai chịu học thì một mình tôi học. Tôi đã bái sư rồi mà còn phản thầy, không nghe lời thầy thì đó chính là bội thầy phản đạo. Bội thầy phản đạo có quả báo không tốt, rất khó thành tựu, không có tâm chân thành kính đối với thầy. Ngày nay gặp được một vị thầy tốt không dễ, thầy tốt gặp được học trò thật sự y giáo phụng hành, không phản thầy nghịch đạo cũng không dễ tìm, rất khó tìm được. Thật sự tìm được một người thì pháp được truyền tiếp rồi, giống như chạy tiếp sức vậy, cây gậy của bạn đã có người tiếp nhận, thật không dễ tìm, người giao gậy không dễ tìm, người nhận gậy cũng không dễ tìm, thế nhưng phát tâm chân thành thì sẽ gặp được.”

Đoạn này là nguyên văn lời nói của lão pháp sư, một chữ tôi cũng không sửa.

Chư vị đồng tu, các vị đã nghe những lời mang ngữ ý sâu xa trong đoạn này của lão pháp sư thì có cảm xúc gì? Quý vị có hiểu được nỗi khổ tâm của ngài hay không? Một vị thánh tăng một đời, tâm luôn mong chánh pháp cứu trụ, luôn mong chúng sanh lìa khổ, một vị lão nhân đáng mến đáng kính, từ bi lương thiện, là vị ân sư khiến tôi kính ngưỡng, là người thầy dẫn dắt tôi tiến lên phía trước trên con đường tu hành. Đời này có thể gặp được minh sư, tôi đã mãn nguyện rồi.

**Nguyện thứ mười bảy:** nguyện được chư Phật xung tán.

**Nguyện văn là: Ngã tác Phật thời, thập phương thế giới vô lượng sát trung vô số chư Phật, nhược bất cộng xưng tán ngã danh, thuyết ngã công đức, quốc độ chi thiện giả, bất thủ Chánh giác.**

*Khi con thành Phật, vô số chư Phật trong vô lượng cõi nước ở mười phương thế giới, nếu không đồng khen ngợi danh hiệu con, nói công đức của con, những điều tốt lành của cõi nước con thì con không thành Chánh giác.*

Nguyện này vô cùng quan trọng, nếu không có nguyện này thì thế giới Tây Phương Cực Lạc có tốt đến đâu chúng ta cũng không biết. Là ai đã nói với chúng ta có thế giới Tây Phương Cực Lạc vậy? Là mười phương chư Phật nói với chúng ta. Dùng phương thức gì nói với chúng ta? Dùng cách tán thán. Mười phương chư Phật cùng tán thán thế giới Tây Phương Cực Lạc khiến chúng ta biết được thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Đại ý của lời nguyện này là khi tôi thành Phật vô số chư Phật trong vô lượng cõi Phật mười phương thế giới nếu không đồng xưng tán danh hiệu của tôi, diễn nói công đức của tôi và những điều tốt lành ở cõi nước tôi thì tôi không thành Phật.

Từ “xưng” trong lời nguyện là xưng dương, tuyên xưng, “tán” là tán thán, tán thưởng.

Từ nguyện này chúng ta mới thấy rõ, khu vực giáo hóa của A-di-đà Phật là tận hư không khắp pháp giới, nguyện này thể hiện rõ vô số chư Phật trong vô lượng cõi nước mười phương thế giới, nói cách khác, một thế giới cũng chẳng sót, một vị Phật cũng chẳng sót, không có thế giới nào, không có vị Phật nào không xưng tán A-di-đà Phật, không xưng tán thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Tán thán thế nào? “Danh hiệu” là công đức danh hiệu. “Điều tốt lành của cõi nước” chính là giảng giải kinh Vô Lượng Thọ.

Đại đức tổ sư của Tịnh tông Nhật Bản, sư Vọng Tây nói, “lục bát nguyện trung”, lục bát chính là 48, trong 48 nguyện thì nguyện này quan trọng nhất, quan trọng hơn hết thảy; “nhược vô thủ nguyện, hà văn thập phương”, nếu không có nguyện này thì mười phương thế giới ai biết được có A-di-đà Phật? Ai biết được có thế giới Cực Lạc.

“Ngã đấng kim trị vãng sanh giáo giả, thiên thử nguyện ân, thiện tư niệm chi”, chúng ta đối với nguyện này phải đánh lễ, phải cảm ân. Vì sao vậy? Người thật sự tin tưởng thì đời này họ sẽ thành Phật. Nếu bạn phê bình, khiến người mới tin thay đổi đức tin, nảy sinh hoài nghi về việc này thì bạn đã đoạn mất cơ hội vãng sanh thế giới Cực Lạc thành Phật trong đời này của họ rồi. Đây gọi là đoạn pháp thân huệ mạng của người khác. Tội đoạn pháp thân huệ mạng của người khác so với tội sát sanh, giết hại thân mạng của người khác còn nặng hơn. Giết thân mạng người thì đọa địa ngục, đoạn pháp thân huệ mạng thì chắc chắn đọa Vô gián địa ngục. Tương lai sau khi trả xong tội báo trong địa ngục, lại được thân người, [nhưng] đời đời kiếp kiếp ngu si, không nghe kinh pháp, tội này rất nặng! Bạn biết rằng, ngược lại nếu tùy hỷ tán thán thì công đức này lớn, chẳng những thành tựu người khác mà tương lai chính mình sẽ thành tựu.

Như Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói, “ý của sư Vọng Tây là nếu không có nguyện này thì chúng ta sống trong lục đạo luân hồi nơi cõi Ta-bà uế độ, làm sao có thể nghe biết được đức giáo chủ của cõi ấy và tên của cõi Phật ấy? Giáo chủ cõi ấy chính là A-di-đà Phật, tên cõi nước Phật ấy là thế giới Cực Lạc. Phật ấy, cõi ấy, công đức thắng diệu, thanh tịnh trang nghiêm, nếu chưa từng nghe thì làm sao phát khởi nguyện thù thắng cầu sanh về cõi ấy”. Điềm then chốt chính là ở đây, cho nên cổ đức thường nói với chúng ta “thà động nước ngàn sông, đừng động tâm người tu đạo”. Họ đã đi trên chánh đạo, bạn khiến họ cải đạo, khiến họ đi lầm đường, trách nhiệm này không gánh nổi. “Thế nên ngày nay chúng ta có thể nghe pháp môn Tịnh độ, thật sự là nhờ lực của nguyện này”.

Từ đại sư Huệ Viễn xây niệm Phật đường ở Lô Sơn, 123 người cầu sanh thế giới Cực Lạc, ai nấy đều vãng sanh. Lúc Viễn công vãng sanh nói với mọi người trước đó ngài đã thấy thế giới Cực Lạc ba lần rồi, nhìn thấy trong định, lúc tỉnh tọa nhập định trong niệm Phật đường đã nhìn thấy, nhưng không nói với bất kỳ ai. Đây là lần thứ tư, Phật đến tiếp dẫn, ngài sắp vãng sanh. Đồng thời nhìn thấy các đồng học ở Liên xã trước đây vãng sanh thấy đều ở bên cạnh A-di-đà Phật, đồng đến tiếp dẫn, ngài còn nêu ra được tên của từng người. Việc này làm chứng chuyển cho chúng ta.

Từ đại sư Viễn công đến ngày nay, mỗi triều đại có biết bao người niệm Phật vãng sanh, số ấy không kể xiết. Tông phái nào cũng không có được sự thù thắng của

Tịnh độ, vì sao vậy? Tịnh độ dễ dàng, Tịnh độ chủ trương đời nghiệp vãng sanh, bất kỳ pháp môn nào khác đều không đời nghiệp, không cho mang theo nghiệp, bản thân nhất định phải đoạn phiền não, nâng cao cảnh giới của chính mình, bạn không đoạn được phiền não tập khí thì bạn không nâng cao được. Pháp môn này không cần như vậy, chỉ cần bạn tin tưởng, chỉ cần bạn muốn đi, nguyện chính là tôi muốn đi, bạn xem đơn giản biết bao.

Tám vạn bốn ngàn pháp môn độ 84.000 chúng sanh căn tánh không như nhau, không phải phổ độ, pháp môn niệm Phật là phổ độ, bất luận [tu] pháp môn nào cũng đều được độ, một môn tức là tất cả môn, tất cả môn tức là một môn. Phải hiểu điều này, nếu không hiểu điều này thì bạn uổng công học Phật rồi.

Cho nên tôn kính tất cả pháp môn, giống như Thiện Tài đồng tử 53 lần tham vấn. Thiện Tài tu pháp môn nào? Tu pháp môn niệm Phật, làm sao biết được? Xem vị thiện tri thức đầu tiên dạy ngài, cái nào đến trước thì làm chủ, người Trung Quốc có ý thức này, người Ấn Độ cũng vậy. Tỳ-kheo Đức Vân, Tứ Thập Hoa Nghiêm gọi là tỳ-kheo Kiết Tường Vân, chỉ là một người. Lần tham vấn đầu tiên, ngài tu Bát Chu tam-muội, chuyên niệm A-di-đà Phật. 51 vị thiện tri thức trong số đó đại biểu cho vô lượng pháp môn, đại biểu Đại thừa, Tiểu thừa, Hiền Giáo, Mật Giáo, Tông môn, Giáo hạ, đây là người Trung Quốc phân ra, đại biểu tất cả pháp môn.

Pháp môn sau cùng, vị thứ 53, Phổ Hiền Bồ-tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Từ pháp môn đầu và pháp môn cuối, chúng ta liền hiểu rõ Thiện Tài đồng tử là tu pháp môn niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc, thành tựu Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm.

Nguyện này cũng nhắc nhở việc tán thán lẫn nhau quan trọng biết bao. Pháp môn đều tốt, phải tán thán, không thể so cao thấp, nếu so sánh thì đều đọa địa ngục, vì sao vậy? Hủy báng pháp môn. Pháp môn đó là Phật nói, nếu bạn hủy báng nó thì hủy báng Phật pháp, hủy báng Phật pháp thì nhất định đọa Vô gián địa ngục. Không những các pháp môn khác nhau trong cửa Phật phải tán thán lẫn nhau mà đối với tôn giáo khác cũng phải tán thán lẫn nhau. Vì sao vậy? Chỉ có tán thán lẫn nhau thì thế giới mới được hòa bình.

Phật giáo Trung Hoa là tam học nhất nguyên. Tam học, thứ nhất là Luật, thứ hai là Thiên, thứ ba là Giáo. Luật, Thiên, Giáo đều do Thích-ca Mâu-ni Phật truyền, bạn phê phán thứ nào cũng là phê bình Thích-ca Mâu-ni Phật, phê bình tổ sư đại đức



của các chi phái, phê bình tất cả người tu hành ở đây, bạn không đọa địa ngục thì ai đọa địa ngục? Phải biết đều là cùng một nguồn gốc, đều là Phật nói.

Hết thầy pháp thể xuất thế gian đều lấy hòa làm quý, vì sao không thể chung sống hòa mục? Vì sao lại đấu tranh? Đấu tranh là hủy hoại bản thân, cũng hủy hoại người khác, càng ảnh hưởng lớn đến mọi người trong xã hội. Họ sẽ không tín nhiệm tôn giáo, đây không phải là điều tốt, bạn thấy họ đấu tranh với nhau. Cho nên chúng ta chỉ có tán thán, không có hủy báng. Vì sao vậy? Chúng ta không thể báng Phật, không thể báng pháp, không thể báng tổ sư đại đức, phải làm tấm gương tốt cho mọi người trong xã hội. Căn tánh của mỗi người không như nhau, Phật ứng cơ thuyết pháp, nói ra vô lượng pháp môn. Trong vô lượng pháp môn đó bao gồm các tôn giáo khác nhau, vì vậy tôn giáo trên thế giới là một nhà, việc tán thán rất là quan trọng.

Do đức Di-đà có đại nguyện thứ 17 nên chúng ta đời này mới có thể gặp được pháp môn phương tiện thù thắng như vậy. Mọi người nghĩ xem, ngài Pháp Tạng lập nguyện mười phương đều nghe danh hiệu ngài là vì lý do gì? Tuyệt đối không phải là vì sự nổi tiếng của mình, mà tâm tâm niệm niệm đều vì nhiếp trọn tất cả chúng sanh mười phương vãng sanh Cực Lạc, rốt ráo thành Phật. Nếu không có nguyện này thì nguyện “mười niệm ắt sanh” cho đến những nguyện khác sẽ có mà như không. Nguyện mười niệm ắt sanh vô cùng thù thắng, nhưng nếu căn bản không nghe được Phật hiệu thì sao niệm mười niệm được, ngay cả một niệm cũng chẳng có.

A-di-đà Phật là tánh đức, là danh hiệu của tánh đức, tánh đức là thứ mà tất cả chúng sanh đều có như nhau, dùng tánh đức chung của chúng sanh làm phương pháp tu hành thì thật là vi diệu! Cho nên chỉ cần niệm A-di-đà Phật thì đã niệm hết thầy pháp rồi, không chỉ là Phật pháp. Hai từ “Phật pháp” cũng có thể khái quát tất cả pháp, trên thực tế “tất cả pháp” như Đản Kinh nói chính là “nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp”. Danh hiệu chung của vạn pháp chính là câu A-di-đà Phật, là đệ nhất đức của tánh đức, danh hiệu đệ nhất trong danh hiệu.

Theo thứ tự sắp xếp chữ Hán của Trung Quốc chúng ta, thứ tự đầu tiên là chữ nhất, nhất chính là đạo, đạo sanh nhất, nhất sanh nhị, nhị sanh tam, tam sanh vạn pháp. Chữ nhất đại biểu cho đạo, cho nên A-di-đà Phật chính là nghĩa của chữ nhất này. Vì vậy chúng ta biết được tâm của đức Di-đà chỉ là vì nhiếp thọ rộng khắp hết thầy chúng sanh mười phương vãng sanh thế giới Cực Lạc, rốt ráo thành Phật. Bạn

thấy hiểm có biết bao! Chúng ta phải cảm ân, sao chúng ta có thể nhẫn tâm phá hoại được. Nhẫn tâm phá hoại là người vô tri, là người không hiểu Phật pháp. Người thật sự hiểu Phật pháp, nhất định sẽ không làm chuyện như vậy.

“Nếu muốn Phật pháp hưng, chỉ có tăng tán thán tăng”, hãy nhớ thật kỹ câu nói này, đối với người đừng tranh. Thứ gì cũng đều tốt, tốt thật sự chính là tương lai vắng sanh, làm ra tấm gương tốt, đó chính là tốt nhất, tốt viên mãn.

Trong cửa Phật hủy báng lẫn nhau, việc này thật sự không nên làm. Chư Phật đã dạy rằng, hài hòa là phương pháp bậc nhất. Phật Phật phải tán thán nhau, Phật pháp mới hưng vượng. Thế gian dĩ hòa vi quý, bất hòa thì gặp tai ương. Tôn giáo là một nhà, không phân bạn, tôi, họ. Tất cả đều thành Phật, đại nguyện viên mãn rồi.

Chúng sanh Mạt pháp càng càng khó giáo hóa, mỗi ngày tạo nghiệp hủy báng Phật pháp, mở miệng nói lời linh tinh, xằng bậy, phê tỏ mắng thầy, miệng đầy lời thô tháo. Tông môn, Giáo hạ đều là pháp của đức Thích-ca, pháp môn bình đẳng không có cao thấp. Mỗi ngày tính toán anh thấp tôi cao, mê hoặc điên đảo báng Phật, báng Pháp. Thế xuất thế gian pháp đều phải buông xuống, pháp còn nên xả huống là chẳng phải pháp. Hãy ghi nhớ thật kỹ: Tam học chung một nguồn, tôn giáo trên thế giới vốn là một nhà.

Tiết học này xin giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 34

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

**Nguyện thứ 18:** nguyện mười niệm ắt sanh.

Nguyện văn là: **Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sanh, văn ngã danh hiệu, chí tâm tín nhạo, sở hữu thiện căn, tâm tâm hồi hướng, nguyện sanh ngã quốc, nãi chí thập niệm, nhược bất sanh giả, bất thủ Chánh giác. Duy trừ ngũ nghịch, phi báng chánh pháp.**

*Khi con thành Phật, chúng sanh mười phương, nghe danh hiệu con, chí tâm tin ưa, tất cả thiện căn tâm tâm hồi hướng, nguyện sanh về nước con, cho đến mười niệm. Nếu không được sanh, thì con không thành Chánh giác. Chỉ trừ kẻ ngũ nghịch, phi báng chánh pháp.*

Đây là đại nguyện “mười niệm ắt được sanh”. Nguyện này là đoạn trọng tâm nhất của toàn bộ kinh văn. Một nguyện vô cùng thù thắng trong 48 nguyện chính là nguyện này. Nguyện mười niệm ắt sanh là trọng tâm của trọng tâm trong đại nguyện Di-đà.

Đại ý của lời nguyện này là: khi tôi thành Phật, tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới nghe đến danh hiệu của tôi thì phát khởi tâm tín thọ chí thành vô thượng và tâm hoan hỷ mong muốn vãng sanh, do vậy đem tất cả căn lành mà chính mình gieo trồng, dùng tâm thanh tịnh thành khẩn niệm niệm không gián đoạn mà hồi hướng vãng sanh cõi nước Cực Lạc. Niệm Phật hiệu thậm chí ít nhất chỉ 10 niệm lúc lâm chung (bao gồm cả pháp thập niệm thông thường) thì đều có thể vãng sanh. Nếu nguyện này không thành tựu thì tôi không thành Phật, nguyện này loại trừ duy nhất người phạm trọng tội thập ác lại thêm phi báng chánh pháp.

Hoàng Niệm lão nói: Tịnh độ tông của Nhật Bản kế thừa di giáo của đại sư Thiện Đạo, đối với kinh này và nguyện thứ mười tám của kinh có thể hội rất sâu sắc. Những lời tán thán của chư cổ đức Nhật Bản khiến tín đồ Phật giáo Hoa Hạ hết sức kinh ngạc. Ví dụ nói đến kinh Hoa Nghiêm là Viên giáo, vượt hơn tất cả kinh luận của các giáo, nếu so sánh [các kinh luận] với Hoa Nghiêm thì chỉ có Hoa Nghiêm là chân thật nhất. Nhưng nếu so Hoa Nghiêm với kinh này thì kinh này chân thật hơn.

Từ việc chúng sanh được lợi ích mà nói, tuy ở thời Mạt pháp nhưng vẫn thường nghe thấy có người niệm Phật vãng sanh. Kinh này nếu so với 48 nguyện thì 48 nguyện là chân thật. So sánh các nguyện trong đại nguyện với nhau thì nguyện thứ 18 là chân thật nhất. Cho nên trong một đời truyền giáo của Thích-ca Mâu-ni Phật, nguyện thứ 18 là chân thật trong chân thật. Đây là Tịnh tông Nhật Bản kế thừa lời bình luận của đại sư Thiện Đạo, điều này khế hợp với cách nói của đại sư Ngẫu Ích nước ta. Mật tạng và tinh túy của Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đều ở trong pháp môn Tịnh độ niệm Phật.

“*Chí tâm tín nhạo*”, chí tâm là tâm chí thành, tâm thành khẩn đến mức không hơn được nữa, đã đến cùng cực. Kinh Kim Quang Minh có câu: “Chí tâm là thông suốt đến tận nguồn tâm, tận tâm thực tế, nên gọi là chí tâm”. Ví dụ, thật sự tìm được chỗ bắt nguồn của sông Hoàng Hà thì gọi là thông suốt đến tận nguồn. Hoàn toàn hiển bày thực tế của bản tâm thì mới gọi là tận tâm thực tế. Có thể thấy chí tâm rất sâu, nói một cách sơ bộ thì chính là tâm thanh tịnh vô nhiễm, thuần chánh vô nhiễm tự nhiên lưu xuất từ ngọn nguồn của tự tâm.

Chí tâm tín nhạo, nói một cách thiển cận chính là tâm rất chân, rất thật, rất thành, rất thuần, tâm rất tín thọ, rất hài lòng, rất ưa thích, rất hoan hỷ vui mừng. Chúng ta có thể nghe được pháp này thì rất vui sướng, như vậy mà tin tưởng mà vui mừng thì chính là chí tâm tín nhạo.

“*Tâm tâm hồi hướng*”, tâm tâm là tâm không có ô nhiễm xen tạp, chân tâm thuần chánh, thanh tịnh bản nhiên, tâm tâm tương tục, tịnh niệm không gián đoạn. Hồi là hồi chuyển, hướng là hướng đến, đem công đức chính mình tu được hướng về chỗ kỳ vọng của bản thân thì gọi là hồi hướng.

Vãng Sanh Luận chú thích rằng hồi hướng là hồi hướng công đức của chính mình tặng khắp cho chúng sanh để cùng thấy A-di-đà Như Lai, sanh nước An Lạc. Cùng các chúng sanh đồng thấy A-di-đà Phật, vãng sanh Cực Lạc là kỳ vọng của bản thân, dùng tất cả công đức của chính mình để cầu đạt được mục đích này thì chính là hồi hướng. Những lời trong Vãng Sanh Luận nói đều khế hợp với kinh này.

“*Nguyện sanh ngã quốc*” chính là kỳ vọng của việc hồi hướng, chính là mỗi ngày thường niệm “đồng sanh nước Cực Lạc”.

“*Nãi chí thập niệm*”, tôn chỉ của Tịnh tông là tín nguyện trì danh: chí tâm tín nhạo, chủ yếu là tín; nguyện sanh ngã quốc là nguyện; nãi chí thập niệm là trì danh. Nãi chí thập niệm, tuy niệm không nhiều, thậm chí chỉ niệm mười niệm cũng có thể vãng sanh. Niệm nhiều thì càng tốt, thập niệm chính là liên tục niệm 10 câu Nam-mô A-di-đà Phật.

Hoặc có người hỏi, trong kinh chỉ nói mười niệm, không nói trì danh. Niệm Phật có bốn loại: trì danh, quán tướng, quán tượng và thật tướng. Trong kinh chỉ nói mười niệm, sao lại là trì danh? Việc mười niệm chỉ cho trì danh có 3 chứng cứ trong các kinh dưới đây, xác thật không nghi ngờ.

Thứ nhất là bản dịch thời Tống: “tất cả chúng sanh, cầu sanh nước tôi, niệm danh hiệu tôi, phát tâm chí thành, kiên cố bất thoái, đến lúc lâm chung, tôi khiến cho vô số tỳ-kheo vây quanh trước mặt, đến nghênh đón họ, trong khoảnh khắc được sanh về nước tôi”. “Niệm danh hiệu tôi” chỉ có thể là niệm Nam-mô A-di-đà Phật, không thể giải thích cách nào khác được.

Thứ hai, trong kinh Bát Chu còn nói, “lời của A-di-đà Phật là lời của Bồ-tát, người muốn sanh về nước tôi, thường niệm tôi nhiều lần, thường gìn giữ niệm ấy, không để cho gián đoạn, như vậy nên được sanh về nước tôi”.

Thứ ba, Quán Kinh nói về người hạ phẩm hạ sanh đến lúc lâm chung do có ác nghiệp, lửa lớn của địa ngục nhất thời hiện tiền, may gặp được thiện tri thức nói cho diệu pháp, dạy người đó niệm Phật, người đó bị khổ bức bách không thể quán tưởng, nên dạy họ trì danh niệm Phật. “Chí tâm như vậy, khiến âm thanh không gián đoạn, đầy đủ 10 niệm xưng Nam-mô A-di-đà Phật, do xưng danh hiệu Phật, trong mỗi niệm tiêu trừ tội trong 80 ức kiếp sanh tử, được vãng sanh đến thế giới Cực Lạc”. Vì vậy việc này có thể chứng minh, 10 niệm nói ở đây, chúng ta có thể hoàn toàn không nghi ngờ, chính là niệm danh hiệu A-di-đà Phật.

Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ kể một chuyện có thật như sau: ngài có một người bạn lớn tuổi là thầy thuốc Đông y nổi tiếng ở Giang Tô, cũng là một tín đồ Phật giáo kiên thành. Em trai của thầy thuốc Đông y ấy là Khoát công tử, sống phóng đảng nên tuổi trẻ mắc bệnh, trước lúc lâm chung tướng địa ngục hiện ra, vô cùng sợ hãi, cầu xin anh trai cứu giúp. Anh trai nói, hãy mau niệm Phật! Và mời nhiều người cùng trợ niệm, bản thân người bệnh cũng niệm. Lúc mẹ qua đời anh ta đã từng niệm Phật. Lúc này nhìn thấy địa ngục mà vẫn nói không tin ư? Trong nháy mắt chính

mình nằm trong vạc dầu rồi, có muốn tránh khỏi hay không? Cho nên lúc bấy giờ anh ta chân thành niệm Phật. Người em niệm được một lúc rồi nói, “tốt rồi, không còn địa ngục nữa, Phật đã đến tiếp dẫn”, rồi ra đi, đây là chuyện có thật.

Có người hoài nghi, trong bốn nguyện nói “chí tâm tin ưa, niệm cho đến mười niệm”, Quán Kinh cũng nói “chí tâm như vậy, khiến âm thanh không gián đoạn, đầy đủ 10 niệm”. Chí tâm ở đây rốt cuộc là chỉ cho tâm gì? Mười niệm rốt cuộc niệm như thế nào? Đối với vấn đề này, xin dẫn chứng lời của đại sư Cưu-ma-la-thập là thích hợp nhất.

Đại sư nêu một ví dụ, ví như có người ở nơi hoang vu, không có người để cầu cứu, gặp phải kẻ cướp cầm súng cầm dao muốn đến giết, người đó cố sức chạy, chạy bán sống bán chết, nhưng nhìn thấy trước mặt có con sông chắn ngang, buộc phải qua sông, rắc rối rồi! Phía sau có kẻ truy đuổi, phía trước có sông chắn đường, có mất mạng cũng phải qua sông. Khi qua sông, nếu mặc luôn quần áo mà qua thì bơi không tiện, cởi quần áo ra để qua thì e không còn kịp, chúng đuổi đến thì biết làm sao. Lúc ấy tâm người đó nghĩ chính là việc này: làm sao qua sông? Cởi quần áo hay là không cởi quần áo, không có suy nghĩ nào khác. Người ấy cũng không nghĩ mình còn món nợ 20.000 đồng người khác vẫn chưa trả, làm thế nào để tìm họ đòi nợ, không nghĩ vậy đâu, chẳng nghĩ việc gì cả. Lúc đó chỉ nghĩ đến việc qua sông, chỉ có một ý niệm qua sông, không có ý niệm nào khác.

Nếu lúc niệm Phật [chúng ta] cũng giống như người này, trong tâm chỉ có một câu Phật hiệu, không có bảy kỳ tạp niệm nào khác thì đúng rồi, chính là chí tâm. Niệm Phật như vậy liên tục 10 câu, đó là “vô sở trụ”, còn câu Phật hiệu trong tâm của mình thể gồm đủ vạn đức rõ ràng rành rẽ liên tục không dứt, đó chính là “sanh kỳ tâm”. Vì vậy diệu đế “vô trụ sanh tâm” trong kinh Kim Cang ngay trong thời khắc niệm Phật liền thâm hợp đạo màu, tự nhiên đạt được. Công đức “vô trụ sanh tâm” không thể nghĩ bàn, chỉ cần niệm thật thà miên mật thì tự nhiên thâm hợp đạo màu, trong mỗi niệm của bạn đã vô niệm rồi, niệm mà không niệm. Cho nên dùng tâm phàm phu nhập vào thật tướng các pháp thì chỉ có tri danh và tri chú là dễ dàng nhất, đó là thâm hợp đạo màu, khéo nhập vô sanh.

Vì vậy đại sư Liên Trì nói, mười niệm mà người ngu nghịch thập ác niệm khi lâm chung nói trong Quán Kinh, mỗi niệm đều là lý nhất tâm, cho nên mỗi niệm đều có thể tiêu trừ trọng tội trong 80 ức kiếp sanh tử. Bạn hãy nghĩ xem, 80 ức kiếp thời

gian dài biết bao, trọng tội sanh tử là tội như thế nào? 80 ức kiếp thời gian dài như thế, tất cả trọng tội sanh tử đã phạm, niệm một câu thì tiêu trừ rồi, đây là diệu dụng thật không thể nghĩ bàn. Cho nên đại sư Liên Trì được xưng là hóa thân của đức Di-đà, chỉ rõ các loại nguyên nhân. Mười niệm mà Quán Kinh nói, niệm niệm đều là lý nhất tâm. Đạt được lý nhất tâm tự nhiên phá vô minh, hiện pháp thân, công đức không thể nghĩ bàn.

Pháp môn Tịnh độ thật thà bình thường, trong Tịnh Ngữ của lão cư sĩ Hạ Liên Cư có hai câu như sau: “Đạo ở chỗ bình thường, tiếc rằng ông chưa hiểu”. Đại đạo chính là ở trong bình thường, đáng tiếc người đời không biết, thường ưa huyền thích diệu, không biết càng cầu huyền diệu thì cách đạo càng xa. Thật thà niệm Phật thì thâm hợp đạo mầu, rất tự nhiên từ sự trì đạt đến lý trì thì tâm phàm thành tâm Phật. “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” trong kinh Kim Cang Bát-nhã và thập niệm ẩn mật trong kinh Di-lặc Phát Ván (chỉ có Bồ-tát Sơ địa trở lên mới có thể đầy đủ), cho đến Thiên, Mật, Giới, Định, công đức thù thắng vô biên đều ở trong một tiếng Phật hiệu. Dùng tâm sanh diệt của phàm phu nhập vào thật tướng của các pháp, duy chỉ trì danh và trì chú là dễ dàng nhất. [Câu] A-di-đà Phật là vua trong các chú, niệm A-di-đà Phật là vừa trì danh lẫn trì chú, nhất cử lưỡng tiện, tốt đẹp thế sao lại không làm! Niệm Phật vì sao có công đức thù thắng như vậy? Bởi vì niệm Phật thâm hợp với thật tướng.

“*Duy trừ ngữ nghịch, phi báng chánh pháp*”. Trong Quán Kinh, ngữ nghịch cũng có thể vãng sanh. Nhưng kinh này lại thêm một câu “phi báng chánh pháp” thì không được vãng sanh. Phi báng chính là nói quá tình hình thực tế tội ác của người khác, đây gọi là báng. Phi và báng ý nghĩa như nhau, nói xấu người khác, thêm cành thêm lá, nói quá sự thật thì thành báng.

Nếu bạn báng Phật pháp, báng chư đại đức thì tội của bạn cực lớn. Cho nên ngữ nghịch có thể vãng sanh, nhưng nếu thêm tội báng chánh pháp thì không thể vãng sanh.

Lại có người hỏi rằng, ngữ nghịch nhưng không báng chánh pháp thì có thể vãng sanh, chỉ báng chánh pháp nhưng không ngữ nghịch thì có thể vãng sanh không? Người thông thường nghĩ đây chỉ là nói mà thôi, viết văn mà thôi, không phạm những tội nặng như giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán v.v. nên có thể vãng sanh. Bạn đã nghĩ sai mất rồi, không được!

Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói với chúng ta lời của nhị tổ Đàm Loan. Ngài nói tiếp, ngũ nghịch thập ác đọa địa ngục A-tỳ, khi thế giới này hủy diệt, một trận nổ lớn thì địa ngục trống không, như vậy tội nhân trong địa ngục cũng được giải phóng rồi. Tuy nhiên người báng pháp gặp tình hình này vẫn không được giải phóng, phải chuyển đến địa ngục ở thế giới khác thọ tội.

Tôi xin nói rõ ý phía trên để các đồng tu dễ hiểu và nắm bắt, có thể chia thành bốn mức độ như sau:

*Thứ nhất*, đã không phạm tội ngũ nghịch lại không phải báng chánh pháp thì có thể vãng sanh.

*Thứ hai*, phạm tội ngũ nghịch nhưng không phải báng chánh pháp thì có thể vãng sanh.

*Thứ ba*, không phạm tội ngũ nghịch nhưng báng chánh pháp thì không thể vãng sanh.

*Thứ tư*, phạm tội ngũ nghịch và cũng phải báng chánh pháp thì không thể vãng sanh.

Nói cụ thể hơn, phạm người phải báng chánh pháp, phải báng cao tăng đại đức hoàng dương chánh pháp, người như vậy không thể vãng sanh. Họ đã tạo tội địa ngục A-tỳ, người tạo tội nghiệp này có thể nói là không có ngày ngóc đầu lên nổi.

Bao nhiêu năm qua, tôi vẫn đang khuyên nhủ những người nông cuồng thích thể hiện phải khéo giữ ba nghiệp thân khẩu ý, đặc biệt là khéo giữ khẩu nghiệp. Không được hôm nay phê bình người này, ngày mai mắng người khác, bạn cho rằng bạn phê bình người, mắng người rất vui, bạn có biết hậu quả đó đáng sợ biết bao không? Chúng ta là người học Phật đều hiểu nhân quả, nhân quả phải tự mình gánh lấy, nhân quả nhân quả, gieo nhân thì phải nếm quả. Hôm nay nghe hiểu rõ rồi vẫn còn dám tạo nhân đó sao?

Vì sao tội phải báng chánh pháp nặng như vậy? Đại sư Đàm Loan khai thị rất hay: người tạo tội ngũ nghịch vì sao phạm ngũ nghịch? Bởi vì họ không biết chánh pháp, nếu biết nhân quả báo ứng, làm thiện được phước, làm ác thọ báo, nên cầu giải thoát, giải trừ tham sân si, họ nghe được chánh pháp này rồi sẽ không phạm tội ngũ nghịch. Cho nên căn nguyên của tội ngũ nghịch là do không có chánh pháp. Vì vậy nếu bạn báng chánh pháp thì tội ấy nặng hơn tội ngũ nghịch.



Đại sư Thiện Đạo từ trong 48 nguyện chọn ra 5 nguyện, trong 5 nguyện lại chọn nguyện thứ 18 là trọng tâm của trọng tâm. Thế nên trong sách Sự Tán nói, “mỗi một lời nguyện đều dẫn từ nguyện thứ 18”, có nghĩa là mỗi một nguyện đều là mở rộng của nguyện thứ 18.

Sách Chân Giải kế thừa đại sư cũng nói như vậy, “48 nguyện tuy rộng nhưng đều quy về nguyện thứ 18”. Lại nói, “do có nguyện này nên khiến cho chúng sanh sanh đến cõi nước không có ba đường ác, không vào đường ác nữa, có tướng hảo, hiện thân thông mà được diệt độ, nhập vào biển quang thọ, thế nên nguyện này đặc biệt tối thắng”.

Bởi vì nguyện này chính là nhiếp thọ chúng sanh đều có thể vãng sanh, đều có thể chứng nhập đại nguyện vô thượng trong biển thệ nguyện vô lượng quang thọ, hiển rõ ra phương tiện rốt ráo của Di-đà là nhất thừa nguyện hải, sáu chữ hồng danh, khiến khắp tất cả chúng sanh đồng thành Phật đạo.

Nguyện thứ mười tám chủ trương tín nguyện trì danh. Danh hiệu là gì? Danh hiệu chính là thật đức mà Phật đã chứng. Đại sư Ngẫu Ích nói: một câu Nam-mô A-di-đà Phật chính là pháp A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề mà Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật chứng được trong ngũ trược ác thế.

Nói theo Mật giáo thì “âm thanh tên gọi đều là thật tướng”. Kinh Thủ Lăng-nghiêm nói “tất cả được rốt ráo kiên cố”. Cho nên âm thanh tên gọi đều là thật tướng, vì vậy danh hiệu chính là Phật đức, thế nên công đức của nguyện “mười niệm ắt sanh” không thể nghĩ bàn.

Đại sư Thiện Đạo dạy chúng ta, “bốn mươi tám môn hoằng thệ nguyện, đều nêu niệm Phật gần gũi nhất, người nào nhớ Phật thì Phật nhớ, chuyên tâm tưởng Phật, Phật biết ngay, chỉ có niệm Phật được quang nhiếp, mới hay nguyện này thù thắng thay”.

**Nguyện thứ 19:** nguyện nghe danh phát tâm.

Nguyện văn là: **Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sanh, văn ngã danh hiệu, phát Bồ-đề tâm, tu chư công đức, phụng hành lục Ba-la-mật, kiên cố bất thoái, phục dĩ thiện căn hồi hướng, nguyện sanh ngã quốc.**

*Khi con thành Phật, chúng sanh mười phương nghe danh hiệu con, phát tâm Bồ-đề, tu các công đức, phụng hành sáu Ba-la-mật, kiên cố bất thoái, lại đem căn lành tu được hồi hướng, nguyện sanh về nước con.*

Đại ý của lời nguyện là khi tôi thành Phật, tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới nghe được danh hiệu tôi thì phát tâm Bồ-đề thù thắng. Đã phát đại tâm, ắt có đại hạnh, thế nên siêng tu đủ mọi công đức, y lời Phật dạy kiên cố tiến tu Lục độ, không sợ bất kỳ cản trở và ngăn ngại nào, tự tâm kiên cố, tuyệt không thoái chuyển, còn dùng tất cả thiện căn tu được hồi hướng Tịnh độ, nguyện sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Trọng điểm của nguyện này ở việc phát tâm. “Phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm” là cương lĩnh của kinh này, trong kinh nhiều lần nhắc đến. Nhằm giúp mọi người có thể thâm nhập hiểu rõ, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ mỗi chỗ đều thu thập những khai thị thù thắng của đại đức xưa và khai thị trong các kinh luận để làm chú thích. Lão pháp sư vô cùng tán thán việc này.

Ví như Lô Sơn, nhìn ngang thành dãy, nhìn nghiêng thành ngọn, xa gần cao thấp, chỗ thấy chẳng đồng, thế nên ngài trích dẫn rộng khắp lời nói của mọi nhà chỉ nhằm giới thiệu Lô Sơn hoàn chỉnh. Tuy nhiên ý nghĩa thù thắng của tâm Bồ-đề cũng không có ngôn từ nào có thể diễn bày hết được. Trong chú giải dùng đủ mọi cách nói chỉ nhằm chỉ ra mục đích mà thôi (đây là lời khiêm tốn của Hoàng Niệm lão).

Tâm Bồ-đề là tâm đại bi, đại nguyện, đại trí tuệ kết hợp thành một thể, là tâm cầu chân đạo, là tâm cầu Chánh giác. Ví như đèn dầu phải có tim đèn, dầu và ánh sáng thì mới là ngọn đèn sáng. Công đức phát tâm Bồ-đề không thể nghĩ bàn. Kinh nói rằng: vừa mới phát tâm thì thành Chánh giác. Ví như chim non Ca-lăng-tần-già vẫn chưa ra khỏi vỏ, nhưng âm thanh của nó phát ra đã vượt hơn tất cả loài chim khác. Chúng sanh mười phương vừa nghe danh hiệu Di-đà thì phát khởi tâm Bồ-đề, đây quả thật là ân đức vô thượng, từ lực vô thượng của A-di-đà Phật.

Phát tâm Bồ-đề, hiện tại dẫn chứng văn tự của sách Tông Yếu do đại đức Tịnh tông là sư Nguyên Hiểu nước Triều Tiên đời Đường trước tác, ngài nói có hai loại tâm Bồ-đề. Thứ nhất là tùy sự mà phát tâm, còn gọi là duyên sự tâm Bồ-đề, Mật Tông gọi là hạnh nguyện tâm Bồ-đề. Thứ hai là thuận lý mà phát tâm, cũng chính là

duyên lý tâm Bồ-đề, cũng chính là thắng nghĩa tâm Bồ-đề của Mật Tông (thắng nghĩa tức là chỉ cho đệ nhất nghĩa đế, thắng nghĩa đế).

*Loại thứ nhất là* tùy sự mà phát tâm cùng với tứ hoàng thệ nguyện là như nhau.

“Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn” là chánh nhân đoạn đức của Như Lai.

“Pháp môn vô lượng thệ nguyện học” là chánh nhân trí đức của Như Lai.

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ” là chánh nhân ân đức của Như Lai.

Vì vậy, đoạn đức, trí đức, ân đức hợp lại với nhau chính là quả Vô thượng Bồ-đề: “Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”. Ba tâm: đoạn đức, trí đức và ân đức ở trên chính là nhân của Vô thượng Bồ-đề. Từ hoa diệu nhân mà kết thành diệu quả Vô thượng Bồ-đề của Như Lai.

Đài sen trong hoa sen cùng với đài sen già khi hoa đã rụng, tuy chỉ là hạt sen nhưng nó vẫn có sự khác biệt cực lớn giữa sơ sanh và già. Tuy những thứ có trong đài sen già đều là từ hạt non sơ sanh mà có, nhưng những gì hàm chứa khi già cũng chính là những gì hàm chứa khi sơ sanh. Thế nên trong kinh nói rằng phát tâm tuy hai nhưng không khác biệt. Bên dưới còn có ba câu: “Hai tâm như vậy, tâm đầu khó phát hơn, bản thân chưa độ mà độ người, nên tôi cung kính người sơ phát tâm”.

Mọi người phải biết, hai loại tâm trên, người sơ phát tâm bản thân vẫn chưa được độ, thế nhưng trước tiên đi độ thoát người khác chứ không phải chính mình. Bản thân vẫn còn trong biển khổ, nhưng cứu giúp người khác trước, cho nên nói sơ phát tâm khó hơn. Trong phiền não ác trước như thế có thể phát tâm Bồ-đề thì giống như hoa sen mọc lên từ lửa đỏ, “cho nên tôi cung kính người sơ phát tâm”.

*Loại thứ hai là* thuận lý mà phát tâm.

Sách Tông Yếu nói: tin hiểu các pháp đều như huyễn mộng. Trước tiên phải tin tưởng và hiểu rằng tất cả các pháp đều giống như hiện ra từ ảo thuật, giống như cảnh thấy trong mộng.

Kinh Kim Cang nói: “Tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bọt bóng”, phải chân thật tin tưởng các pháp đều như huyễn mộng, chẳng có chẳng không. Người thông thường nếu không chấp có thì sẽ chấp không. “Nên biết Phật nói các pháp đều không là để trừ chấp có. Nếu lại chấp vào không thì chư Phật không thể độ”. Phật sở

đĩ nói các pháp đều là không là bởi vì chúng sanh chấp vào có, nên ngài mới nói không. Nếu bạn vì thế mà chấp vào không thì chư Phật cũng không có cách nào độ bạn được. Vì vậy cho nên chẳng có cũng chẳng không, không rơi vào hai bên có-không thì mới là ý nghĩa sâu xa của câu “sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc” của Tâm Kinh. Không chấp vào hai bên thì chân đế mới hiển hiện.

Chân đế là gì? Đó chính là “lia lời nói, đoạn suy tư”, cần phải lia khỏi tướng ngôn thuyết, đoạn tuyệt suy nghĩ. Thế nên “cần phải trừ hết tâm có sở đắc thì mới có thể đạt được chỗ bất khả đắc”. Chỗ bất khả đắc là chỉ cho nơi mà tâm hành của chúng sanh không thể chạm đến được. Thông thường gọi là nơi tuyệt lộ của tâm hành, cũng là đồng một nghĩa. Hành xứ của tâm chỉ cho chỗ tư duy suy nghĩ có thể chạm đến. Con người làm thế nào có thể đạt đến chỗ bất khả đắc? Vậy thì bạn buộc phải đoạn trừ hết tâm có sở đắc của mình. Thế nên Tâm Kinh nói: “Vì không có chỗ chứng đắc nên viển ly điên đảo mộng tưởng, đạt đến cứu cánh Niết-bàn”. Trước tiên phải chứng được vô sở đắc thì mới có thể xa lia hết thảy mộng tưởng điên đảo, chứng cứu cánh Niết-bàn, thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây là sự thật!

Tu hành thông thường thì hay có cầu có đắc, cầu vợ cầu con, cầu phú cầu quý, cầu cát tường, cầu trường thọ, khá hơn một chút thì mong đắc định, muốn đắc thân thông, muốn có trí tuệ, muốn hoằng pháp lợi sanh, muốn khai ngộ, trở thành như thế nào đó. Tóm lại đều là tâm có sở đắc, đều ở trong tư duy suy nghĩ, lại thêm vào việc chỉ ưa thích bàn cao luận rộng, dẫu hay đến đâu cũng chỉ là tương tự Bát-nhã mà thôi. Thế nên kinh nói, người tu hành trong thời Mạt pháp [nhiều] như lông bò, người đắc đạo chỉ như sừng lân. Cho nên cần phải lia lời nói, đoạn suy tư.

“Y theo đây mà tín giải, phát tâm rộng lớn, tuy không thấy có phiền não và thiện pháp (chẳng phải không có mà là không thấy, không thấy điều gì? không thấy sự phân biệt của người khác), nhưng chẳng “bác không” việc có phiền não để đoạn, có thiện pháp để tu (bác không nghĩa là bài trừ)”. Không thấy có phiền não hay thiện pháp, nhưng cũng không bài trừ việc có phiền não để đoạn, có thiện pháp để tu, như vậy sẽ khế hợp với trung đạo. Có thiện pháp để tu, có phiền não để trừ thì đã chấp vào có rồi. Ngược lại, không có gì để đoạn, chẳng có gì để tu thì chấp vào không rồi. Tuy không thấy phiền não và thiện pháp, nhưng cũng không bác việc có phiền não để đoạn, có thiện pháp để tu, việc này khế hợp với diệu nghĩa “chẳng có chúng sanh nào để độ mà cả ngày đều độ chúng sanh” của kinh Kim Cang.

“Tuy nguyện đều đoạn đều tu nhưng không trái ngược với vô nguyện tam-muội. Tuy nguyện độ hết vô lượng hữu tình mà không có người độ và kẻ được độ, thế nên có thể tùy thuận không, vô tướng.”

Đây chính là nói, tuy vẫn mong đoạn hết phiền não, tu hết thấy thiện pháp nhưng vẫn không trái với vô nguyện tam-muội. Tuy nguyện độ tận hết thấy chúng sanh mà trong tâm không có cái ngã độ người và người được độ, như vậy mới không rơi vào hai bên. Tùy thuận với Không tam-muội, tùy thuận với Vô tướng tam-muội. Không, vô tướng, vô nguyện được gọi là tam-muội, cũng gọi là ba cửa giải thoát. Thế nhưng thông thường đều thể hội lệch lạc không và vô tướng, hiểu thành ngoan không. Xem chữ “vô” trong vô tướng thành không có, xem thành lông rùa sừng thỏ, rơi vào kiến giải đoạn diệt.

Kinh Kim Cang nói: “Diệt độ vô lượng vô số vô biên chúng sanh như vậy nhưng thật không có chúng sanh nào được diệt độ”. Tâm như vậy không thể nghĩ bàn, công đức phát khởi tâm này cũng không thể nghĩ bàn, đây chính là thuận lý mà pháp tâm Bồ-đề.

Người tùy sự mà phát tâm nếu gặp duyên thì có thể thoái thất bốn nguyện, đây là khuyết điểm. Ví dụ ngài Xá-lợi-phát tu tâm Bồ-tát đã tu đến Lục trụ, tiến thêm một bước tu đến Thất trụ thì không thoái đọa. Thế nhưng khi gặp người xin ngài con mắt để phối thuốc trị bệnh, ngài khoét một con cho người đó, nào ngờ người đó nói con mắt ấy không đúng, không thể phối thuốc được. Vì vậy ngài nhẫn chịu khoét con thứ hai, người ấy nhận con mắt, dùng mũi người thử rồi nói con mắt này hôi, ném xuống đất còn dùng chân dẫm lên. Xá-lợi-phát tự nghĩ, hành trì theo Đại thừa như vậy ta làm không nổi, thôi bỏ đi, ta không độ người nữa, vẫn là tự độ thôi, ngài đã thoái tâm rồi. Cho nên nương sự mà phát tâm thì sẽ thoái thất, ngài Xá-lợi-phát là một ví dụ rất hay.

Thuận lý mà phát tâm thì không thoái chuyển, bởi vì thuận theo lý nên không có nhân thoái chuyển. Người tánh Bồ-tát (người nhất định thành Bồ-tát thì có tánh Bồ-tát) mới có thể phát tâm. Phát tâm như vậy công đức vô biên, chư Phật vô số kiếp đến nay nói công đức của việc phát tâm này cũng nói không hết.

Văn khuyên phát tâm Bồ-đề nói rằng: “Phát tâm Bồ-đề là vua trong các điều thiện”. Lại dẫn lời trong kinh Hoa Nghiêm: “Quên mất tâm Bồ-đề mà tu các thiện pháp thì gọi là ma nghiệp”. Bạn quên mất tâm Bồ-đề mà tu đủ loại thiện pháp thì đó

là làm sự nghiệp của ma. Kinh Vô Lượng Thọ Khởi Tín Luận nói, nên biết tâm Bồ-đề là cội nguồn của chư Phật.

Tâm Bồ-đề chính là tâm giác ngộ. Phật là gì? Phật là giác. Đạt được ba sự giác ngộ viên mãn thì chính là Phật. “Vô lượng quang thọ là bản giác của chính mình”, chúng sanh do vọng chấp nên trở thành bất giác. Trái nghịch là khởi sáu trần, chỉ hợp với bản giác thì gọi là thủy giác. Chẳng là khởi gốc ban đầu, thẳng hướng đến chỗ cứu cánh, đại giác viên mãn, chính là thành Phật. Thế nên tâm Bồ-đề là cội nguồn của chư Phật, huệ mạng của chúng sanh. Chúng ta nên biết, huệ mạng còn quan trọng hơn vạn lần so với sanh mạng. Bạn có sanh mạng, đây là thọ mạng của thân người, nhưng chưa chắc có huệ mạng. Lấy trí tuệ thâm sâu rộng lớn làm sanh mạng thì gọi là huệ mạng. Lại lấy pháp thân của chư Phật làm trí tuệ, làm thọ mạng nên gọi là huệ mạng.

Tứ Giáo Nghi nói rằng phạm phu thời Mạt pháp ở trong Phật pháp khởi lên đoạn diệt kiến, làm hại huệ mạng, quên mất pháp thân. Có người giữ gìn sanh mạng nhưng lại đoạn huệ mạng của chính mình, đây gọi là được nhỏ mất lớn. Tâm Bồ-đề là huệ mạng của chúng sanh, quên mất tâm Bồ-đề chính là quên mất huệ mạng, quên mất pháp thân. Cho nên trong Phật giáo, ân thầy còn nặng hơn ân cha mẹ. Cha mẹ cho chúng ta thân thể và sanh mạng, còn thiện tri thức cho chúng ta huệ mạng. Bởi vì tâm Bồ-đề là nguồn gốc của Phật và huệ mạng của chúng sanh, cho nên “vừa mới phát tâm này thì đã thành Phật đạo”. Phát tâm là nhân, thành Phật là quả, diệu pháp của Viên giáo thì nhân quả đồng thời, vì vậy “lúc vừa mới phát tâm liền thành Chánh giác”, công đức của tâm Bồ-đề không thể nghĩ bàn. Kinh này nói ba bậc vãng sanh đều là phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm. Có thể thấy phát tâm Bồ-đề là việc rất quan trọng.

*“Tu chư công đức, trú dạ bất đoạn”*. Đã phát đại tâm tự nhiên sẽ sanh khởi đại hạnh, nếu không tu đại hạnh thì chứng tỏ tâm đã phát chỉ là tâm cuồng vọng.

Chúng ta nên tu tập những công đức nào? Xin nêu vài loại để tham khảo:

Thứ nhất là *“phục dĩ thiện căn hồi hướng, nguyện sanh ngã quốc”*, dùng đủ loại thiện căn của việc tu tập lục độ vạn hạnh mà hồi hướng cầu sanh thế giới Cực Lạc.

Thứ hai là “*nhất tâm niệm ngã*”. Chữ “nhất” ở đây chỉ cho tín tâm thuần nhất kiên định, tâm này không bị xoay chuyển bởi tâm khác, không bị tâm khác như tâm tham cầu, tâm oán giận, tâm ngu si, tâm dâm dục xâm phạm chiếm đoạt tín niệm của bạn. Sách Giáo Hành Tín Chứng nói rằng “tín tâm là nhất tâm”, bởi vì tín tâm chính là tâm thanh tịnh, mà tâm thanh tịnh chính là nhất tâm, cho nên nhất tâm chính là tín tâm chân thật thanh tịnh thuần nhất.

“Nhất tâm niệm ngã”. Sách Chỉ Quán nói khi tu pháp này thì nhất tâm chuyên chí, tâm chẳng theo gì khác. Nhất tâm niệm Phật chính là lúc niệm thì trong tâm chuyên nhất, chỉ có câu Phật hiệu, lúc niệm thì buông xuống vạn duyên, hết thấy đều chẳng nghĩ, trong tâm không có bất kỳ ý niệm nào khác, chính là tâm chẳng theo gì khác, niệm này chính là niệm nhất tâm. Cho nên trong lời nguyện, ý nghĩa của “nhất tâm niệm ngã” giống như đại sư Thiện Đạo đã nói: “Nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Di-đà, đi đứng nằm ngồi, bất kể thời gian dài ngắn, niệm niệm chẳng xả”. Chuyên niệm như vậy, đi cũng niệm, ngồi cũng niệm, nằm cũng niệm, bất kể thời gian bao lâu, trong mỗi niệm đều không rời khỏi câu Phật hiệu. Năm đó ngài ở Trường An dạy mọi người niệm Phật, trên đường phố Trường An không ai mà không niệm Phật. Đại sư Thiện Đạo niệm Phật, mỗi lần niệm một câu Phật hiệu thì trong miệng phóng ra một tia sáng.

Thứ ba là “*trú dạ bất đoạn*”, Tịnh Tu Tiếp Yếu nói: “Không lìa gốc ban đầu, thẳng tiến trên đường giác, nếu tạm thời trái nghịch liền rơi vào vô minh”. Sách Tịnh Ngữ lại nói: “Niệm Phật chính là tự tâm hiện”. Niệm Phật là trực tiếp đi tới con đường đại giác, thế nhưng nếu trong khoảnh khắc đánh mất câu Phật hiệu bèn lập tức rơi vào vô minh. Cho nên trong lời nguyện chỉ rõ, cần phải niệm niệm tiếp nối, ngày đêm đều không gián đoạn.

Mọi người cần chú ý, trì danh vãng sanh chính là đạo dễ hành, so với bất kỳ pháp môn nào khác dễ hơn ức vạn lần, nhưng chẳng phải vì thế lơ là qua loa mà thành công được. Nguyện này là một mạch quán thông, chân thật phát tâm Bồ-đề thì phải đi trên đường nhất tâm chuyên niệm không để gián đoạn, nếu không chịu làm như vậy thì chứng tỏ bạn vẫn chưa thật sự phát tâm Bồ-đề.

Nguyện mười niệm ắt sanh, nguyện này chân thật nhất  
Phải nắm cho thật chắc, thành Phật quyết chẳng khó.  
Phát đại tâm Bồ-đề, thành thật mà niệm Phật

Mỗi niệm niệm Di-đà, tâm thanh tịnh tự hiện.

Tiết học này xin giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!



## TẬP 35

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

**Nguyện thứ hai mươi:** nguyện lâm chung tiếp dẫn.

Nguyện văn là: **Nhất tâm niệm ngã, trú dạ bất đoạn, lâm thọ chung thời, ngã dữ chư Bồ-tát chúng nghêh hiện kỳ tiền. Kinh tu-du gian, tức sanh ngã sát, tác A-duy-việt-trí Bồ-tát. Bất đắc thị nguyện, bất thủ Chánh giác.**

*Nhất tâm niệm con, ngày đêm không gián đoạn, đến khi lâm chung, con cùng chư Bồ-tát hiện ở trước mặt người đó nghêh đón. Trong khoảnh khắc liền sanh về nước con, thành A-duy-việt-trí Bồ-tát. Nếu không được như nguyện, con không thành Chánh giác.*

Đại ý của lời nguyện là: Nếu phát tâm siêng tu như trên, niệm Phật không gián đoạn thì người cầu sanh Tịnh độ đến khi lâm chung, “ngã” ở đây là chỉ cho A-di-đà Phật, cùng với rất nhiều đại Bồ-tát ở Tây Phương đồng hiện ra trước mặt người đó, tiếp dẫn người ấy vãng sanh. Chỉ trải qua thời gian khoảng 48 phút thì đã sanh đến cõi nước Cực Lạc, thành Bồ-tát bất thoái chuyển. Nếu như nguyện này không thành tựu thì tôi không thành Phật.

Nguyện lâm chung tiếp dẫn này vô cùng quan trọng, có lời nguyện này thì chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh độ tâm được định rồi; không chút mảy may nghi hoặc, lo lắng. Chúng ta không cần lo rằng hư không pháp giới lớn như vậy, thế giới Cực Lạc ở nơi đâu? Đến giờ thì A-di-đà Phật sẽ đến đón bạn, bạn hãy an tâm mà niệm Phật đi.

Việc này, khi chị tôi là lão Bồ-tát Lưu Tố Thanh vãng sanh tôi đã thể hội được. Vì trước khi chị vãng sanh đã nói với tôi: Chị lần này vãng sanh thế giới Cực Lạc, hai bậc đạo sư của hai cõi sẽ một người tiễn và một người đón. Thích-ca Mâu-ni Phật tiễn chị, A-di-đà Phật đón chị. Đó là lần đầu tiên tôi nghe thấy cách nói như vậy, sự thật đã nghiệm chứng rồi. Khi chị ra đi, xác thật là hai vị đạo sư người tiễn người đón.

Vì sao nói nguyện lâm chung tiếp dẫn rất quan trọng? Vì con người đến khi lâm chung sẽ cực kỳ mê loạn và điên đảo. Đại sư Linh Chi đời nhà Tống nói: “Phàm

người lúc lâm chung, thần thức vô chủ”. Đến lúc lâm chung, thần thức của con người đã mê loạn rồi, không thể làm chủ. “Nghiệp thiện ác đã gieo thảy đều hiện hành”. Những việc thiện, việc ác mà đời này bạn đã làm đều ở trong ruộng tâm thức thứ tám của chính mình, những chủng tử lưu trong đó đều hiện hành. Người ta khi sắp chết, những điều họ làm trong đời đều hiện ra từ trong tâm, làm việc xấu thì tâm vô cùng đau khổ, có khi sẽ khởi ác niệm, hoặc khởi tà niệm.

Ví dụ, có người cả đời ăn chay, lâm chung đột nhiên muốn ăn thịt, việc này chính tôi đã thể hội sâu sắc. Năm 2005, tôi bị bệnh nặng, sau khi bị bệnh tôi có một cảm giác đặc biệt, đặc biệt thèm ăn, thèm gì vậy? Muốn ăn món chân giò rút xương. Hơn nữa chân giò đó sau khi thái xong thành món chân giò rút xương đều nhìn thấy được đường vân thớ thịt rất rõ ràng, mùi thơm đó cứ lần lượt xông vào mũi tôi phảng phất, lại còn nhìn thấy món chân giò rút xương ấy đang bốc khói, thèm chết đi được, hận một nỗi không thể ăn một miếng. Lúc đó tôi nghĩ, hay là nói với con, bảo chúng nó đi mua cho tôi. Sau đó, tôi đã nhẫn được, không thể nói. Nếu như tôi vừa nói ra, các con sốt sắng lập tức đi mua cho tôi thì việc ăn chay của tôi không thể nào tiếp tục được nữa. Cho nên lần đó tôi đã rất khen ngợi bản thân, tôi nhẫn được, tuy rằng thèm nhưng sau cùng tôi đã không ăn.

Có người tu hành mấy chục năm đến khi lâm chung thì mắng Phật, rất nhiều loại người, hoặc tham luyến thế gian, không thể buông xuống, hoặc giận dữ điên cuồng, đủ mọi tướng xấu, đều gọi là điên đảo. Cho nên lúc lâm chung, đất lửa nước gió tứ đại phân ly đã khổ không nói nên lời, lại còn thêm điên đảo, lúc này nghĩ muốn dụng công thì phạm phu rất khó làm được. Nếu không có tu trì đặc biệt thì không thể làm được, lúc này điều có thể tựa nương chỉ có nhờ vào sự gia trì của đại nguyện Di-đà.

Viên Trung Sao nói: Chúng sanh thế giới Ta-bà, tuy có thể niệm Phật, thế nhưng kiến hoặc, tư hoặc của họ cuộn cuộn như nước lũ, thật sự không ngừng dứt. Chẳng những không đoạn dứt được, mà ngay cả phục cũng không phục nổi, đè nén một chút cũng không làm được. Trong tình cảnh như vậy, mà đến khi lâm chung tâm không điên đảo, có thể niệm Phật thì điều đó hoàn toàn không phải tự sức mình làm chủ được, tức là nói chỉ dựa vào sức của bản thân thì không có cách nào làm được. Chỉ dựa vào tự lực thì không làm chủ nổi, cho nên hoàn toàn nhờ vào A-di-đà Phật hiện đến trước mặt, nhờ trừ nghiệp chướng mà cứu giúp. Lúc này hoàn

toàn nhờ vào đại lực của A-di-đà Phật đến tiếp dẫn, cứu vớt. Tuy vốn không phải chánh niệm nhưng có thể sanh chánh niệm. Cho nên tâm không điên đảo, vãng sanh Cực Lạc, đây toàn nhờ vào sức gia trì của Phật.

Kinh A-di-đà do đại sư Cưu-ma-la-thập dịch vào thời đại Diêu Tần có một đoạn kinh văn nói như sau: “Người ấy đến lúc lâm chung, A-di-đà Phật cùng chư thánh chúng, hiện ở trước mặt, lúc người ấy lâm chung tâm không điên đảo, liền được vãng sanh về cõi nước Cực Lạc của A-di-đà Phật”. Chúng tôi đã có sự thật để nghiệm chứng cho đoạn kinh văn này, ví dụ lần này tiền lão Bồ-tát Đồng vãng sanh, thời khắc sau cùng ông ấy nhìn thấy Phật chính là chư Phật và thánh chúng hiện ở trước mặt, ánh mắt ấy của ông thật sự khiến tôi cả đời không quên, đây là làm chứng chuyên.

Đại sư La-thập, vì người dân Diêu Tần chuộng sự giản tiện, người Trung Quốc thích văn tự đơn giản, nên lời văn ngài dịch cực kỳ ngắn gọn nhưng vẫn có thể lĩnh hội được rằng lâm chung sở dĩ có thể tâm không điên đảo, vãng sanh Cực Lạc là do Phật và thánh chúng hiện ở trước mặt người ấy.

Bản dịch Kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ của đại sư Huyền Trang thời Đường văn tự khá chi tiết, nêu rõ nghĩa kinh. Kinh văn như sau: “Đến khi lâm chung, Phật Vô Lượng Thọ cùng với vô lượng đệ tử Thanh văn, Bồ-tát đều vây quanh trước sau, đến trước mặt người ấy, từ bi gia trì khiến tâm chẳng loạn”. Từ kinh văn có thể thấy là do A-di-đà Phật từ bi gia trì, nên người lâm chung tâm không điên đảo mê loạn, chánh niệm phân minh, theo Phật vãng sanh.

Kinh Bi Hoa nói: “Đến khi lâm chung, ta cùng đại chúng đứng lúc vây quanh, hiện ở trước mặt người ấy, người ấy thấy ta lập tức nhờ vậy mà được tâm hoan hỷ”. Ý nghĩa của đoạn này là họ nhìn thấy Phật đến rồi nên hoan hỷ, yên tâm. Phật vào lúc đó “nhập Vô ế tam-muội (ế nghĩa là che chướng), dùng sức tam-muội hiện ở trước mặt người đó mà thuyết pháp cho họ. Nhờ nghe được pháp mà được đoạn trừ tất cả khổ não, tâm đại hoan hỷ. Do tâm ấy hoan hỷ, nên đắc Bảo trí tam-muội, nhờ sức tam-muội này khiến tâm đắc Niệm nhãn và Vô sanh nhãn, sau khi mạng chung, ắt sanh về cõi ta”. Do Phật đến tiếp dẫn nên người lâm chung sanh tâm đại hoan hỷ, ngay lúc đó Phật nhập Vô ế tam-muội, nhờ sức gia trì của tam-muội này, Phật diễn nói diệu pháp cho người ấy, người ấy nghe pháp xong lập tức

đoạn trừ tất cả khổ não, như vừa tỉnh mộng, như ngọn đèn chiếu sáng phá tan tăm tối tích tụ ngàn năm, cho nên người ấy sanh tâm đại hoan hỷ.

Chữ “đại” này không phải “đại” trái ngược với “tiểu”, mà là đại của tuyệt đối, là chữ “Đại” trong Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Ngay lập tức chứng nhập Bảo trí tam-muội, nhờ sức mạnh của tam-muội này, tâm có thể an trụ chánh niệm và đắc Vô sanh pháp nhẫn (an trụ trong pháp vô sanh, Bồ-tát Bát địa trở lên mới có thể hoàn toàn khế nhập chứng đắc), cho nên sau khi mạng chung chắc chắn vắng sanh thế giới Cực Lạc. Vì vậy bản dịch thời Đường và Kinh Bi Hoa giúp cho bản dịch thời Tần nêu rõ pháp môn Tịnh độ là pháp môn tha lực, giáo phái thành quả. Điều này cùng với lời nguyện trong kinh này hoàn toàn đồng nhất.

Phật phát nguyện lâm chung tiếp dẫn, đại nguyện này rất là quan trọng  
Tâm cầu sanh Tịnh độ đã định, nghi hoặc âu lo đều tiêu hết  
A-di-đà Phật đích thân tiếp dẫn, khiến người lâm chung không điên đảo  
Chánh niệm phân minh về Cực Lạc, nghe Phật thuyết pháp thật vi diệu.

*“Tác A-duy-việt-trí Bồ-tát”*

A-duy-việt-trí là A-bệ-bạt-trí, phiên dịch thành Hoa văn nghĩa là bất thoái chuyển, đây là giai vị của Bồ-tát.

Có ba loại bất thoái.

*Thứ nhất là vị bất thoái*, địa vị đạt được không còn bị hạ thấp nữa, đã trở thành bậc ngang hàng với thánh nhân, chúng ta thường gọi là nhập vào dòng thánh, không còn thoái chuyển xuống thành phàm phu nữa. Sơ quả của Tạng giáo đã nhập vào dòng thánh, họ không còn là phàm phu.

*Thứ hai là hạnh bất thoái*, vĩnh viễn là hạnh độ sanh của Đại thừa, không còn thoái chuyển xuống hàng Nhị thừa chỉ cầu tự độ; hạnh độ sanh không thoái chuyển. Tạng giáo căn bản không có tư cách này.

*Thứ ba là niệm bất thoái*, niệm niệm lưu nhập vào biển Tát-bà-nhã, biển Tát-bà-nhã chính là biển trí tuệ của Như Lai. Chính vì niệm niệm đều là trí tuệ của Như Lai, nên Địa thượng Bồ-tát của Biệt giáo mới có thể đạt được cảnh giới này. Xa rời hai bên, khéo khế hợp trung đạo, phá một phần vô minh, thấy một phần pháp thân mới có thể bắt đầu chứng được niệm bất thoái. Thế nhưng trong nguyện này

Phật nói mười phương chúng sanh được Phật tiếp dẫn vãng sanh thế giới Cực Lạc đều là A-duy-việt-trí.

Sách Yêu Giải lại nói: “Ngũ nghịch thập ác nhờ mười niệm mà thành tựu, đời nghiệp vãng sanh, người ở hạ hạ phẩm đều được tam bất thoái”. Ngũ nghịch thập ác mang nghiệp vãng sanh cũng ngang với Địa thượng Bồ-tát, cùng chứng tam bất thoái, đây quả thật là điều không hề có trong mười phương thế giới, duy chỉ thế giới Cực Lạc mới có. Phàm phu vãng sanh rồi thì thành A-bệ-bạt-trí, tuy họ là A-bệ-bạt-trí, họ không thoái chuyển nữa nhưng họ vẫn là phàm phu; tuy là phàm phu nhưng họ đã là A-bệ-bạt-trí. Chúng sanh cõi này vãng sanh đến thế giới Cực Lạc thông thường đều sanh về cõi Phàm Thánh Đồng Cư, không phải sanh về cõi Phương Tiện Hữu Dư, cõi Thật Báo Trang Nghiêm, cho nên vẫn là dễ đi.

Sau khi vãng sanh đáng quý ở chỗ là thành A-bệ-bạt-trí, vì vậy mười phương chư Phật tán thán chính là như vậy, vừa dễ dàng vừa thù thắng. Thứ mà bạn dễ dàng đạt được thông thường thì không thù thắng, thứ thù thắng thì luôn luôn không dễ gì đạt được. Vãng sanh thế giới Cực Lạc là dễ dàng bậc nhất, thù thắng bậc nhất, cùng lúc đạt được thứ cực dễ dàng, cực thù thắng, việc này thật sự không thể nghĩ bàn.

Thế nên đại sư Ngẫu Ích tán thán rằng điều mà mười phương thế giới không có duy chỉ Cực Lạc mới có. Thắng dị siêu tuyệt như thế (thắng là thù thắng, dị là kỳ lạ, siêu là vượt hơn, tuyệt là tuyệt diệu), lời nói, suy nghĩ đều không theo kịp. “Nếu không nhờ chỗ cực trí của tâm tánh, công lao to lớn của trì danh, đại nguyện của Di-đà thì sao được như vậy”. Lời tán thán của đại sư Ngẫu Ích là phát ra từ tận đáy lòng.

Cõi Phàm Thánh Đồng Cư của thế giới Cực Lạc siêu tình lý kiến như thế, đây chính là chỗ cao siêu kỳ lạ độc đáo duy nhất của cõi Cực Lạc. Phàm phu vãng sanh đều không thoái chuyển, hơn nữa thọ mạng lại vô lượng, nên đều nhất định thành Phật. Đây không phải là điều mà phàm phu dùng tâm tư duy tính toán ước đoán suy luận được. Nếu không phải nhờ chân tâm diệu minh của người ấy, Phật tánh vốn có của chúng sanh đạt đến cực điểm, công đức thần kỳ của trì danh, sức đại nguyện rộng lớn của Di-đà thì sao có thể có được diệu quả thù thắng như thế. Đây chính là công đức không thể nghĩ bàn của sáu chữ hồng danh, nhất thừa nguyện hải.

**Nguyện thứ hai mươi mốt:** nguyện sám hối được vãng sanh.

Nguyện văn là: **Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sanh, văn ngã danh hiệu, hệ niệm ngã quốc, phát Bồ-đề tâm, kiên cố bất thoái, thực chúng đức bản, chí tâm hồi hướng, dục sanh Cực Lạc, vô bất toại giả. Nhược hữu túc ác, văn ngã danh tự, tức tự hối quá, vi đạo tác thiện, tiện trì kinh giới, nguyện sanh ngã sát, mạng chung bất phục canh tam ác đạo, tức sanh ngã quốc. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh giác.**

*Khi con thành Phật, chúng sanh mười phương nghe danh hiệu con, nhất tâm nhớ nghĩ nước con, phát tâm Bồ-đề, kiên cố bất thoái, vun trồng các gốc công đức, chí tâm hồi hướng, muốn sanh về Cực Lạc thì không ai không được toại nguyện. Nếu có túc ác, nghe danh hiệu con liền tự sám hối lỗi lầm, học đạo làm lành, lại trì kinh giới, nguyện sanh về nước con, mạng chung sẽ không còn trở vào ba đường ác, lập tức sanh về nước con. Nếu không được như vậy, con không thành Chánh giác.*

Đại ý của lời nguyện là: Khi tôi thành Phật, mười phương chúng sanh nghe đến danh hiệu của tôi, liền chí tâm khát ngưỡng, nhất tâm tưởng nhớ cõi nước Cực Lạc, và phát Bồ-đề tâm vô cùng kiên cố, không có thoái chuyển, vun trồng các gốc công đức, siêng tu đủ mọi công đức, rộng gieo thiện căn. Niệm Phật là vua trong các điều thiện, đương nhiên cần phải siêng tu và dùng tâm chí thành hồi hướng cầu sanh Cực Lạc thì không ai mà không vừa lòng toại nguyện.

Từ câu “ngã tác Phật thời” cho đến “vô bất toại giả”, so sánh đoạn này với nguyện thứ 19 thì cả hai nguyện về cơ bản là như nhau. Khác biệt quan trọng duy nhất là trong nguyện thứ 19 có câu “nhất tâm niệm ngã, trú dạ bất đoạn”, đây là chuyên tu trì danh. Còn nguyện này là “thực chúng đức bản” là kiêm tu hoặc là lỗi tu trì khác không giống như chuyên tu. Ở đây không thể vẫn xem “vun trồng các gốc công đức” thành “chuyên niệm danh hiệu được”, như vậy thì trùng với nguyện thứ 19, không thể xuất hiện việc như vậy.

Hai nguyện thứ 18 và 19 đều là chuyên chú coi trọng việc trì danh. Cương yếu, tông chỉ của kinh này cũng là phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm, đủ để chứng minh rằng chuyên tu trì danh là chánh tông của Tịnh độ. Nhưng từ xưa đến nay, người trì chú, tụng kinh, tham Thiền cho đến kiêm tu đủ loại mà được vãng sanh cũng thường thấy trong nhiều loại trước thuật, đây chính là phạm vi mà nguyện này nhiếp thọ. Ví dụ rõ ràng nhất, đại sư Ngẫu Ích nói: người tham Thiền không cần bỏ Thiền mà tu niệm Phật, chỉ cần đem công đức tham thiền hồi hướng Cực Lạc là

được. Đại sư quả không hổ danh chân thật có Phật nhãn, là bậc đại thiện tri thức nêu rõ bốn tâm của đức Di-đà. Đại sư Ngẫu Ích thật có Phật nhãn, nêu tỏ bốn tâm của Di-đà, Thiên Tịnh vốn là cùng một thể, Thiên tức Tịnh, Tịnh tức Thiên, tham Thiên không ảnh hưởng niệm Phật, niệm Phật không chướng ngại bạn tham Thiên, tham Thiên nếu niệm đức Di-đà, đời này chắc chắn thành hiền thánh.

“*Nguyện sám hối được vãng sanh*”, trọng điểm ở việc sám hối, sám hối là then chốt của việc vãng sanh. Nửa phần sau của nguyện này, từ câu “nhược hữu túc ác” trở đi nêu rõ đặc điểm sám hối được vãng sanh.

Nhiều đời quá khứ cho đến đời này, những tội ác đã tạo được gọi là túc ác, người thông thường chắc chắn có, nhưng chính mình luôn không biết. Nếu có người nghe được danh hiệu Phật, sự khác biệt giữa cung kính và không cung kính cũng rất lớn. Tội chỉ có từ sám hối mà diệt, không thể làm việc tốt để chuộc tội. Làm việc tốt thì được phước báo, làm việc xấu thì bị ác báo, bạn muốn tiêu trừ ác báo, bạn chỉ có cách sám hối, thừa nhận tội ác của bản thân, kiên thành tu pháp sám hối, thống thiết hối cải, thề không tái phạm. Học đạo hành thiện, trì kinh trì giới, phát nguyện cầu sanh thế giới Cực Lạc, người này sau khi mạng chung sẽ không còn đọa ba đường ác, lập tức sanh đến cõi nước Cực Lạc. Chiếu theo tội ác lúc sanh tiền của họ, vốn phải đọa vào ba đường ác, nhưng nhờ sự gia trì của đại nguyện Di-đà nên trực tiếp vãng sanh Cực Lạc. Đã sanh đến Cực Lạc thì vĩnh viễn không còn đọa vào ba đường ác, đây chính là công đức vô biên của nhất thừa nguyện hải. Cho nên người dân cõi này dù có túc nghiệp trọng tội đều có thể mang nghiệp vãng sanh.

Có người cho rằng không thể mang nghiệp vãng sanh, tiêu nghiệp mới có thể vãng sanh. Còn có người nói mang nghiệp vãng sanh là mang thiện nghiệp, việc này đều không hợp với nghĩa của kinh. “Không còn đọa vào ác thú” mà trong nguyện thứ nhất [nói] cùng với “không còn trở vào ba đường ác” trong nguyện này đều cho thấy người vãng sanh tuy vẫn có tội nghiệp đọa vào ba đường ác, nhưng hiện tại nhờ đại nguyện của đức Di-đà gia trì mà vãng sanh Cực Lạc, không còn đọa ba đường ác. Cho nên nói mang nghiệp vãng sanh là chính xác. Nói về đới nghiệp chắc chắn là chỉ cho ác nghiệp, nếu mang theo thiện nghiệp thì không cần nói làm gì.

Mang nghiệp vãng sanh là sự thật, xin đừng hoài nghi việc này nữa

Chư Phật Bồ-tát nói lời thật, không có một câu nào là giả.

Chư Phật đã chứng, mình chưa chứng, tin lời Phật nói thì đúng rồi

Tội nghiệp của bạn nhiều đến đâu, chư Phật Bồ-tát đều biết rõ  
Đến khi vãng sanh đều mang theo, A-di-đà Phật đều nhận hết.

Câu sau cùng [mọi người] nghe có hiểu không? A-di-đà Phật đều nhận  
hết, một chút cũng không chừa lại cho bạn, bạn còn chưa yên tâm sao?

Nói về tiêu nghiệp, xin xem lời của đại sư Ngẫu Ích nói: mỗi niệm tiêu trừ  
trọng tội trong 80 ức kiếp sanh tử. Nếu người nào mỗi ngày sáng trưa tối, ba thời  
đều niệm Phật, mỗi niệm đều tiêu trừ trọng tội trong 80 ức kiếp sanh tử. Niệm được  
100 năm có thể chỉ tiêu được tội nhỏ như một chút đất trên móng tay, còn thứ không  
tiêu được thì giống như đất trên toàn địa cầu. Xin hỏi nghiệp này làm sao tiêu? Cho  
nên vạn phần không thể dùng tiêu nghiệp vãng sanh thay cho mang nghiệp vãng  
sanh được. Nói như vậy thì không thể nói Tịnh độ tông là đạo dễ hành được.

Hai chữ ‘tiêu nghiệp’ cũng có tính quan trọng của nó. Việc hồi cải trong  
nguyện này cho thấy rõ sự mong muốn tiêu nghiệp, chỉ cần biết bản thân có  
nghiệp, chịu tiêu nghiệp, tu trì phù hợp với lời dạy của nguyện này thì đời này những  
tội nghiệp chưa tiêu hết, bất kể là bao nhiêu, đến lúc vãng sanh đều có thể mang  
đi, A-di-đà Phật đều thu nhận hết toàn bộ, đều có thể vận chuyển đem đi. Nếu như  
có nghiệp mà không chịu tiêu thì không vãng sanh được, bởi vì tiêu nghiệp mới biểu  
thị cho hành động hồi cải trong nguyện này. Cho nên nếu chịu tiêu nghiệp thì bất kể  
còn lại bao nhiêu nghiệp, những tội nghiệp chưa tiêu đều có thể mang đi. Nếu căn  
bản không chịu tiêu nghiệp vậy thì không thể vãng sanh được. Đừng quên  
rằng nguyện này là nguyện sám hối được vãng sanh. Trước tiên sám hối, sau mới  
được sanh, không sám hối thì không được sanh.

**Nguyện thứ 22:** nguyện trong nước không có người nữ.

Nguyện văn là: **Ngã tác Phật thời, quốc vô phụ nữ.**

*Khi con thành Phật, trong nước không có phụ nữ.*

Đại ý của lời nguyện là, khi tôi thành Phật, trong cõi nước của tôi không có  
phụ nữ, đều là người nam. Đây chính là một trong những nguyên nhân chủ yếu khiến  
thế giới Cực Lạc không có duyên thoái chuyển. Trong Kinh nói: ái dục giữa nam nữ  
trong thế gian là chướng ngại lớn nhất của việc học đạo, may mà chỉ có một thứ  
này, nếu có chướng ngại khác tương đương như vậy thì tất cả chúng sanh trong thế



gian đều không có hy vọng được giải thoát. Hiện tại thế giới Cực Lạc chỉ có người nam, nên cũng không có loại chương ngại chí mạng này.

Bản dịch thời Ngô nói: “Khiến cho trong nước tôi không có phụ nữ”. Bản dịch thời Hán nói: “Người nữ vãng sanh là hóa sanh, thấy đều làm người nam”. Lại nói, “trong nước ấy đều là Bồ-tát, A-la-hán, không có phụ nữ”. Câu này nói rất hay, thế giới Cực Lạc hoàn toàn đều là Bồ-tát, A-la-hán, không có phụ nữ.

Luật sư Đạo Tuyên đời Đường trích dẫn từ trong kinh rằng: “Mười phương thế giới, nơi nào có phụ nữ thì nơi ấy có địa ngục”. “Nay thế giới Cực Lạc không có ba đường ác, cũng không có phụ nữ, thuần là ba mươi hai tướng đại trượng phu. Vì giữa nam và nữ dễ sanh tình ái, đó là duyên thoái chuyển, cho nên cõi Đồng Cư ở Cực Lạc thù thắng hơn Ta-bà”.

Nguyện này hay, A-di-đà Phật đem phiền não của chúng ta, phiền não nghiêm trọng nhất, cắt đứt gốc rễ ấy. Tôi đặc biệt cảm kích nguyện này, A-di-đà Phật thật là đại trí tuệ, có phụ nữ là có nhiều việc [rắc rối], không có phụ nữ thì thật là quá tốt.

**Nguyện thứ 23:** nguyện nhằm chán thân nữ, chuyển thành thân nam.

Nguyện văn là: **Nhược hữu nữ nhân, văn ngã danh tự, đắc thanh tịnh tín, phát Bồ-đề tâm, yếm hoạn nữ thân, nguyện sanh ngã quốc, mạng chung tức hóa nam tử, lai ngã sát độ.**

*Nếu có người nữ nghe danh hiệu con được tín tâm thanh tịnh, phát tâm Bồ-đề, nhằm chán thân nữ, nguyện sanh về nước con, mạng chung liền hóa thân nam tử sanh về cõi nước con.*

Đại ý của lời nguyện là: nếu có người nữ, nghe tên của tôi, có thể đạt được tín tâm thanh tịnh vô nhiễm, vô nghi vô cấu, xa lìa phiền não lỗi lầm xấu ác, phát tâm Bồ-đề, nhằm chán và lo lắng đối với thân nữ, cảm thấy thân nữ của mình đáng ghét đáng lo, vì vậy mong muốn xả bỏ thân nữ. Người nữ này tu hành có tín tâm thanh tịnh, lại phát tâm Bồ-đề, ắt có sự tu trì, lại còn cầu sanh Cực Lạc, sau khi mạng chung lập tức hóa thành thân nam, vãng sanh cõi nước Cực Lạc.

Nguyện này biểu thị có nguyện ắt được mãn nguyện, có người nhằm chán thân nữ của chính mình, đến khi vãng sanh tự nhiên hóa thành thân nam. Lại biểu thị rằng trong nước Cực Lạc không có phụ nữ, phụ nữ trong mười phương thế

giới chỉ cần tu trì như pháp và nhằm chán thân nữ thì lúc lâm chung tự nhiên chuyển thành người nam, tức thời vãng sanh.

Ví dụ trong kinh Pháp Hoa, Long nữ thành Phật, khi đó cũng là trước tiên hóa thành thân người nam, sau đó lập tức thành Phật (trong Mật giáo thân nữ cũng có thể thành Phật).

Chúng ta xem phần giải thích trong Quán Niệm Pháp Môn: “Đó là do bốn nguyện lực của đức Di-đà”. Đây không phải là công phu của chính mình, không phải năng lực của bản thân, mà do nguyện lực của A-di-đà Phật gia trì.

“Người nữ xưng danh hiệu Phật, đến lúc lâm chung lập tức chuyển thân nữ thành thân nam, Di-đà dất tay, Bồ-tát nâng thân, ngồi trên sen báu, theo Phật vãng sanh”. Lúc A-di-đà Phật tiếp dẫn bạn, ngài đưa tay ra đón, nhắc bạn đặt lên hoa sen, lúc này bạn đã chuyển thành thân nam rồi. Bạn nói khi nào chuyển vậy? Ngồi vào hoa sen thì thành thân nam rồi. Đại sư Thiện Đạo nói: Tất cả người nữ nếu không nhờ nguyện lực của đức Di-đà thì ngàn kiếp vạn kiếp, hằng hà sa đấng kiếp cũng không thể chuyển được thân nữ.

Đây nói rõ điều gì? Thân nữ chuyển thành thân nam dựa vào tự lực chẳng dễ dàng. Nguyên nhân là gì? Tập khí. Nguyên nhân là chấp trước kiên cố, gọi là tình chấp, không chịu buông xuống, niệm niệm không quên. Chúng sanh trong lục đạo không gì khác, người thông thường gọi là vận mệnh, vận mệnh chính là tập khí, tập khí chính là vận mệnh, tập khí quyết định vận mệnh của đời bạn. Học Phật rồi, biết là giả nhưng vẫn không buông được. Thứ nên buông thì không buông được, cái cần nhắc lên thì nhắc lên không nổi. Nguyên nhân là gì? Tình chấp quá sâu, tập khí quá nặng.

Xin nêu một ví dụ: “Như đức Thích-ca lúc ở nhân địa”, Thích-ca Mâu-ni Phật lúc ở nhân địa, cũng chính là lúc còn là lục đạo phàm phu, hành Bồ-tát đạo. Bồ-tát đạo là lục độ, ngài tu lục độ bao lâu vậy? “Siêng năng tu hành trong một đại A-tăng-kỳ kiếp, dần dần lìa được thân nữ”, chuyện này thật không hề dễ. Vì sao cần thời gian dài như thế? Việc này chứng minh chúng tử nghiệp tập trong A-lại-da thức, sức mạnh ấy lớn mạnh như vậy, bạn rất muốn chuyển nhưng chuyển không được.

Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, đây là công phu tu hành chân thật, trong quan hệ nam nữ, cần phải xem nhẹ chữ tình, càng nhẹ càng tốt, mới nắm chắc việc vãng sanh của chính mình. Nếu một khi rơi vào lưới tình, bị tình làm cho khôn đôn thì nhất định phải xông ra thoát khỏi vòng vây. Bạn phải biết mục tiêu cuộc đời của mình là gì? Tình chấp khó đoạn cần phải đoạn, đánh mất thân người chẳng dễ được, cơ duyên lần này vượt mất rồi, vô lượng kiếp sau mới gặp duyên.

**Nguyện thứ 24:** nguyện hóa sanh trong hoa sen.

Nguyện văn là: **Thập phương thế giới chư chúng sanh loại, sanh ngã quốc giả, giai ư thất bảo trì liên hoa trung hóa sanh. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh giác.**

*Các loại chúng sanh trong mười phương thế giới sanh đến nước con đều hóa sanh trong hoa sen nơi ao thất bảo. Nếu không được như vậy, con không thành Chánh giác.*

Đại ý của lời nguyện là: các loại chúng sanh trong mười phương thế giới phàm sanh đến thế giới Cực Lạc đều hóa sanh trong hoa sen nơi ao thất bảo. Từ trong hoa sen nơi nước tám công đức của ao thất bảo mà biến hóa sanh trưởng ra, nên gọi là “liên hoa hóa sanh”. Điều này vượt hơn sự hóa sanh trong tứ sanh là: thai, noãn, thấp, hóa; không cần cha mẹ, không cần ngoại duyên, tức là chỉ cần công đức của người vãng sanh tương ứng với nguyện lực của Di-đà thì tự nhiên hóa hiện mà có thân.

Kinh A-di-đà Cổ Âm Thanh Vương Đà-la-ni nói rằng: “Thuần tự nhiên hóa sanh trong hoa sen tươi đẹp vì diệu thuần khiết, đầy đủ đại thân thông, quang minh rực rỡ”. Cho nên không phải là thân máu thịt, cũng không cần cha mẹ, đều hóa sanh ở trong hoa sen. Còn vì sao phải dùng hoa sen? Căn cứ theo Đại Nhật Kinh Sớ thì thế gian ưa thích hoa sen, vì hoa sen rất cát tường, rất thanh tịnh, mọc từ bùn nhơ mà không nhiễm. Trên phương diện Mật pháp cũng cho rằng diệu pháp liên hoa là bí mật cát tường nhất. Tông Thiên Thai lại nói rằng hoa sen đại biểu cho đại pháp cực thù thắng.

Thứ nhất là hoa nhiều, quả nhiều. Có cây có hoa không quả, có cây có quả không hoa (ví dụ như quả sung). Thế nhưng hoa sen là cây có hoa có quả, không

những có hoa có quả mà hoa nhiều quả cũng nhiều. Bạn xem, trong hoa có rất nhiều cánh hoa, trong quả cũng có rất nhiều hạt sen.

Thứ hai, nó không những là hoa nhiều quả nhiều mà ý nghĩa thù thắng nhất của hoa sen là nhân quả đồng thời, biểu hiện pháp thù thắng nhất, cũng chính là pháp rất khó tin, pháp rất khó nghĩ bàn, nhân và quả đồng thời xuất hiện.

Cách nghĩ thông thường của chúng ta là từ nhân đến quả, là nhân có trước rồi sau mới có quả, đó chính là Tiệm giáo thông thường. Vậy thì trong ba đại A-tăng-kỳ kiếp không ngừng trồng nhân, không ngừng được quả, không ngừng triển chuyển tăng thượng.

Thế nhưng theo Viên Đốn giáo thì nhân quả đồng thời. Cho nên Tịnh độ tông nói: “Lúc niệm Phật chính là lúc thấy Phật, lúc thấy Phật chính là lúc thành Phật”. Vậy lúc bạn niệm Phật chính là lúc thành Phật, nhân quả đồng thời, không thể nghĩ bàn. Chín phẩm hoa sen ở thế giới Cực Lạc thể hiện rõ mật ý của Đại Nhật Như Lai, hoa sen là bí mật nhất, cát tường nhất. Đại Nhật Như Lai là vị bổn tôn của Mật giáo, tên tiếng Phạn là Ma-ha Tỳ-lô-giá-na, nghĩa là quang minh chiếu khắp, nên ngài còn có tên là Biến Chiếu Như Lai.

Bí mật nói ở đây trên thực tế là thâm mật, trong Phật pháp không có bí mật, bí mật thông thường là điều không thể nói cho người khác, không thể nói ra. Gọi là bí mật là do sự lý của nó quá thâm sâu, không phải người thông thường có thể hiểu được, nên gọi là thâm mật. Đến khi nào mới có thể hiểu được? Đoạn vô thủy vô minh phiền não rồi thì bạn sẽ hiểu rõ, sẽ “nghĩa kia tự hiểu”. Người thế gian thường nói “đọc sách ngàn lần, nghĩa kia tự hiểu”, đây là tiểu ngộ. Trên tiểu ngộ có đại ngộ, trên đại ngộ có triệt ngộ, thế giới Cực Lạc là triệt ngộ.

Đại ngộ đối với sự thâm mật cát tường này thì có thể thọ dụng, nhưng vẫn không hiểu rõ, cần phải đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh thì mới hoàn toàn hiểu rõ, mới biết được sự cát tường bí mật tối thắng. Người vãng sanh tuy vẫn chưa hiểu rõ, nhưng họ được thọ dụng, đạt được thọ dụng của nó.

Hoa sen này là rất chân thật, là cung điện u huyền để hành nhân thân tội nghiệp liễu thoát sanh tử (đây là một sự tỉ dụ), là ngôi nhà thần diệu để an dưỡng huệ mạng của đương nhân, là nơi chúng ta chuyển phàm thành thánh, chuyển bất thức thành tứ trí. Người thông thường tu các pháp môn khác, chuyển thức thành trí phải

dựa vào sức lực của chính mình, thật không dễ dàng. Người niệm Phật nương vào sự gia trì của uy thần bốn nguyện của A-di-đà Phật, chính là nguyện này, trong một khảy ngón tay từ thế giới Ta-bà đến thế giới Cực Lạc, hoa sen vừa nở thì thấy Phật rồi. Sau khi gặp Phật thì thân tướng, trí tuệ, thần thông, công đức so với A-di-đà Phật là như nhau, vượt hơn tất cả Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, sự thù thắng này đi đâu mà tìm chứ? Đại nguyện của đức Di-đà, lòng từ bi vô cực, diệu đức khó nghĩ bàn. Chúng ta phải cảm ân Phật, báo Phật ân.

**Nguyện thứ 25:** nguyện được trời người lễ kính.

Nguyện văn là: **Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sanh, văn ngã danh tự, hoan hỷ tín nhận, lễ bái quy mạng, dĩ thanh tịnh tâm, tu Bồ-tát hạnh, chư thiên thế nhân, mạc bất trí kính.**

*Khi con thành Phật, chúng sanh mười phương nghe danh hiệu con, hoan hỷ tin ưa, lễ bái quy mạng, dùng tâm thanh tịnh tu hạnh Bồ-tát. Chư thiên và người đời không ai không hết lòng cung kính.*

Đại ý của lời nguyện là khi tôi thành Phật, chúng sanh mười phương nghe đến tên tôi thì hoan hỷ tin nhận, kiên thành lễ bái quy mạng, dùng tâm thanh tịnh tu hành pháp lục độ vạn hạnh của Bồ-tát. Các loài hữu tình [ở] thế gian và cõi trời đối với người này không ai mà không tôn kính.

Người phàm đều thích được người khác lễ kính, có thể được người trời lễ kính thì không phải là người thông thường, thiên nhân đều tôn kính bạn. Thiên nhân tôn kính người thế nào? Tôn kính người có đạo đức, có học vấn, tôn trọng người có tâm từ bi, người có thể giúp đỡ chúng sanh khổ nạn, tôn kính con hiếu cháu hiền của thế gian, tôn kính người niệm Phật, người tu Tịnh độ thì thiên nhân càng cung kính. Vì sao vậy? Bởi vì bạn đời này có cơ hội đến thế giới Cực Lạc làm Phật.

**Nguyện thứ 26:** nguyện nghe danh hiệu được phước.

Nguyện văn là: **Nhược văn ngã danh, thọ chung chi hậu, sanh tôn quý gia, chư căn vô khuyết.**

*Nếu nghe tên con, sau khi hết thọ mạng sanh vào nhà tôn quý, các căn không thiếu khuyết.*

Đại ý của lời nguyện là, trong các lời nguyện nhiều lần thấy chữ “nghe”, chữ “nghe” này bao gồm tin tưởng và tiếp nhận. Bởi do tin nhận nên nghe danh hiệu được phước, tuy không thể vãng sanh nhưng sau khi hết thọ mạng sanh vào nhà tôn quý, các căn không thiếu khuyết. Sáu căn mắt tai mũi lưỡi thân ý, then chốt nhất vẫn là ý căn, người này rất sáng tỏ, không hồ đồ, không điên đảo, không bị bệnh thần kinh.

**Nguyện thứ 27:** nguyện tu thù thắng hạnh.

Nguyện văn là: **Thường tu thù thắng phạm hạnh, nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh giác.**

*Thường tu phạm hạnh thù thắng, nếu không được như vậy thì con không thành Chánh giác.*

Đại ý của lời nguyện là, do nghe danh hiệu mà tin nhận nên được phước của nguyện thứ 26, nhưng điều quan trọng hơn là thường tu thù thắng phạm hạnh. Phạm hạnh là hạnh thanh tịnh, thông thường là chỉ cho hạnh ly dục. Chữ “phạm” này chỉ cho Phạm thiên, Phạm thiên là trời Sắc Giới, trời Phạm thiên không còn dục nữa. Phạm thiên tuy có hình sắc, nhưng đã không còn là thân máu thịt nữa rồi, nên đã lìa khỏi dâm dục. Theo sự tu trì thông thường mà nói, một người trong một đời chỉ cần có một lần quan hệ xác thịt giữa nam nữ thì không có tư cách sanh lên trời Phạm thiên, có thể thấy sanh lên trời cũng không dễ. Cho nên, ra khỏi tam giới theo chiều ngang là việc không thể nghĩ bàn. Phạm hạnh là hạnh thanh tịnh vô dục.

Bản chú sớ kinh Pháp Hoa của ngài Gia Tường nói: Theo cách nói thông thường thì tất cả giới đều gọi là phạm hạnh, đặc biệt nói đoạn dâm là phạm hạnh. Một cách giải thích khác càng thâm nhập hơn, ngài [Gia Tường] nói: tướng của phạm hạnh, phạm gọi là Niết-bàn. Cho nên phạm hạnh chính là pháp luân căn bản đại Niết-bàn, là ba đức viên mãn đại Niết-bàn: pháp thân đức, giải thoát đức, Bát-nhã đức. Đạt đến hạnh của đại Niết-bàn chính là phạm hạnh chân thật. Trong kinh nói “tu thù thắng phạm hạnh” bao gồm hai ý ở trên, bởi vì công đức nghe danh tin nhận thật sự không thể nghĩ bàn, cho nên đời sau có thể hy vọng đạt được cảnh giới thậm thâm như vậy.

Ba nguyện trên, nguyện được trời người lễ kính, nguyện nghe danh hiệu được phước, nguyện tu thù thắng hạnh đều không nhắc đến việc vãng sanh, có thể thấy

chẳng phải tất cả người niệm Phật đều có thể vãng sanh, chỉ có người nghiêm túc như pháp tu trì mới có thể được như nguyện. Nhưng vẫn có một số người chắc chắn có thể đạt được lợi ích, đó là được trời người lễ kính, được phước, đời sau tu phạm hạnh, nhưng không thể vãng sanh.

Thế nên ba nguyện này cho thấy tuy rằng nghe danh hiệu, tuy cũng tin nhận ưa thích nhưng thiếu sót phát tâm Bồ-đề và nhất hướng chuyên niệm nên công đức không đủ, không thể được như nguyện.

Tiết học hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 36

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

**Nguyện thứ 28:** nguyện trong nước không có danh từ bất thiện.

Nguyện văn là: **Ngã tác Phật thời, quốc trung vô bất thiện danh.**

*Khi con thành Phật, trong nước không có danh từ bất thiện*

Đại ý của lời nguyện là, kinh A-di-đà nói: “Cõi nước của đức Phật ấy còn không có tên của ác đạo, hưởng hồ thật có. Những loài chim ấy đều là A-di-đà Phật muốn tuyên lưu pháp âm mà biến hóa ra”. Trong nước Cực Lạc không có ba đường ác, ngay cả tên còn không có hưởng gì là thật có. Những chim vẹt, chim công ấy đều là A-di-đà Phật biết hóa mà sanh ra.

Trong kinh ghi rằng “không có danh từ bất thiện”, nghĩa là không những không có tên gọi của ba đường ác mà mở rộng ra không có tên của tất cả sự bất thiện. Giải thích của Bồ-tát Long Thọ rất hợp với kinh này. Bồ-tát Long Thọ nói: “Cõi nước của đức Phật ấy không có danh từ xấu ác, cũng không có người nữ và nỗi sợ hãi của ba đường ác, cho đến không có ác tri thức của các cõi”. Chúng ta hiện nay có đủ mọi loại ác tri thức, họ đội lột thiện tri thức, tự xưng là pháp vương, Phật sống, đủ loại đại pháp sư, nhưng trên thực tế lại là ác tri thức, giả mạo người khác, muốn gắn mác tôn sư trọng đạo, là thuốc giả đội lột. Cho nên hiện nay tu đạo khó, khó ở chỗ phân biệt thiện tri thức với ác tri thức. Phải tôn sư trọng đạo, nhưng bạn tôn kính vị thầy như thế nào, bạn trọng đạo gì? Bạn từ ác tri thức đạt được một chút tà đạo, bạn tôn trọng họ, sau cùng như kinh Lăng-nghiêm nói: “Đệ tử và sư phụ đều gặp nạn lớn, các ông trước hết phải giác ngộ, chớ rơi vào luân hồi, mê hoặc không biết thì đọa ngục Vô Gián”.

Cho nên thế giới Cực Lạc không có ác tri thức của các cõi, như thiên ma của cõi trời, cõi người thì là kẻ giả mạo tín đồ Phật giáo làm chuyện xấu xa lừa đời lấy tiếng, Tu-la nhiều loạn chánh giáo của cõi tu-la, ở cõi súc sanh thì ví dụ như loài chồn nhím cáo rắn của miền bắc Trung Quốc, ở cõi quỷ thì có đủ loại quỷ thần tà ác. Đương nhiên không thể thành ác tri thức ở địa ngục được, bởi vì họ không có tự do.



Vừa rồi nói đến loài chồn nhím cáo rắn ở miền bắc Trung Quốc, tôi muốn nhân cơ hội này kể một việc như sau. Miền bắc Trung Quốc, đặc biệt là nông thôn miền bắc Trung Quốc, tín ngưỡng của người dân quá nhiều, quá tạp, quá loạn. Nếu dân số có tín ngưỡng đông hơn một chút thì thuộc các nhóm tin Phật, tin giáo, tin thần, tin tiên, theo những gì tôi quan sát và tiếp xúc thì về phương diện tín ngưỡng ở vùng nông thôn đông bắc Trung Quốc, tôi xin dùng bốn chữ để khái quát là: hỗn loạn, mê tín.

Trước tiên nói về nhóm người tin Phật, bạn hỏi họ Phật là gì? Họ chỉ vào tượng Phật trên bàn, đa số là Quán Thế Âm Bồ-tát, Di-lặc Bồ-tát. Bạn hỏi họ vì sao tin Phật? Họ trả lời cầu Phật phù hộ. Bạn hỏi họ tin Phật thế nào? Họ trả lời, thấp hương, dập đầu, người có thể trả lời với trình độ như vậy đã xem như là không tệ rồi. Trong số những người tín ngưỡng này không tìm được mấy người không tin thần, không tin tiên. Trong nhà hẳn có chút việc gì cũng đi tìm thần tìm tiên.

Lại nói về nhóm người tin giáo, trong nhà tôi có người thân, cô ấy tin giáo, cô ấy có lòng tốt, nói với tôi: Chị Tố Vân, chị hãy tin giáo đi, tin giáo tốt lắm. Tôi nói, cô nói tôi nghe xem tin giáo có gì tốt nào. Tin giáo thì lương thực trong nhà càng ăn càng có nhiều, ăn không hết luôn. Nghe xong câu này thật sự tôi cũng dở khóc dở cười, chẳng phải thuận là mê tín đó sao? Có phải là tin giáo không tốt không? Không phải. Căn bản là cô ấy không biết giáo mà cô ấy tin có ý nghĩa gì.

Sau cùng nói về nhóm người tin thần tin tiên, có thể nói ở nông thôn đông bắc rất thịnh hành việc này. Chẳng những mỗi nhà đều cúng thần cúng tiên mà khi trong nhà xảy ra chuyện thì thần cúng trong nhà không còn linh nữa, tiên cũng chẳng linh, phải đi ra ngoài mời thần tiên, thông thường gọi là nhảy đại thần. Tôi nhớ lúc tôi còn nhỏ độ 5-6 tuổi, đã nhìn thấy nhảy đại thần một lần, trong tâm có chút sợ hãi. Nhảy đại thần ở nông thôn đông bắc vô cùng thịnh hành, làm nghề này rất mau phát, tiền đến nhanh. Có kẻ lừa người thì có người bị lừa, có kẻ cầu thì có người cung, hai bên tình nguyện, ngu si mà. Em họ của tôi gọi điện cho tôi, nói rằng hơn 6.000 tệ thì có thể rước được nhảy đại thần, khiến tôi không lời nào để nói. Bởi vì tiết Thanh minh mỗi năm tôi đi tảo mộ cha mẹ chồng đều phải đến nhà của người em họ này, sức khỏe của cậu ấy không tốt, mỗi lần ghé tôi đều đưa cho cậu ấy một ít tiền, nào ngờ cậu ấy đều đem đi rước nhảy đại thần. Kết quả của việc nhảy là gì? Hai vợ chồng cậu ấy thay phiên nhau bệnh, có khi cùng lúc bị bệnh, nhập viện. Đến bệnh viện,

kiểm tra xong chẳng có bệnh gì nặng, nhưng về đến nhà thì đòi sống đòi chết. Làm sao đây? Đi rước đại thần về nhảy nhót, trị bệnh, cho nên hơn 6.000 tề đều đổ vào việc nhảy này. Nhảy rồi có trị được không? Không hề.

Tôi kể cho mọi người tình trạng trước mắt của gia đình cậu ấy là như thế nào. Đê rước vị đại thần họ Trương đến nhảy nhảy thì Trương đại thần nói với cậu ấy phải làm thế này thế này; rước tiếp đại thần họ Lý đến thì ông ấy nói với cậu phải làm thế nọ thế nọ, tôi ước tính nhảy đại thần trong khoảng chu vi trăm dặm cậu ấy đều rước về nhảy cả rồi, càng nhảy càng loạn. Không còn cách nào nên gọi điện cho tôi, chị ơi giúp em với, phải làm sao đây? Tôi vừa nhìn biết mình không giúp nổi, tôi nói với cậu ấy, chuyện nhà của cậu tôi không giúp được đâu, tôi không có bản lĩnh lớn như thế. Vì sao vậy? Vì đã loạn quá rồi, đã loạn thành một mớ bòng bong, người ta nhảy quá nhiều, quá nhiều thần rồi, sẽ có kết quả như thế nào vậy? Rất nhiều người không biết việc này.

Lần này tôi nói cho mọi người một bí mật, cũng chẳng phải là bí mật, chỉ là mọi người không biết đó thôi, vì sao gia đình cậu ấy hiện giờ nhảy loạn lên như thế? Đã rước nhiều nơi quá rồi, nhiều đến mức nào. Ví dụ, cậu ấy rước đại thần họ Trương về nhảy, ông ấy có nhóm người riêng của ông ấy, trong nhóm người này có già yếu bệnh hoạn, đạo lực không đủ, thời gian ra trận lâu thì sao, thì bị đào thải, đào thải đi đâu? Đúng lúc bạn đến mời tôi nhảy đại thần thì những thứ này đều quy về bạn, đều rước về cho cậu ấy, những binh tàn tướng bại của đại thần họ Trương, họ Lý, họ Vương v.v. toàn bộ đều kéo đến nhà cậu ấy, tôi nói như vậy mọi người nghe hiểu rồi phải không? Cái nhà đó còn tốt được không? Những ngày tháng đó có sống được chăng? Đây đều là cô hồn dã quỷ cũng đi rước về, nên đám binh tàn không người chỉ huy đều kéo đến nhà cậu ấy, mới loạn lên như thế, tôi cũng giúp không nổi. Không phải tôi không muốn giúp, cậu ấy là em họ tôi mà, không phải em họ tôi cũng giúp, huống hồ cậu ấy là em họ của tôi. Thế nhưng tình trạng cậu ấy như thế tôi thật sự không giúp nổi, tôi thật sự không có bản lĩnh lớn như thế.

**Nguyện thứ 29:** nguyện trụ chánh định tụ.

Nguyện văn là: **Sở hữu chúng sanh, sanh ngã quốc giả, giai đồng nhất tâm, trụ ư định tụ.**

*Tất cả chúng sanh sanh đến nước con đều đồng một tâm trụ vào định tụ.*

Đại ý của lời nguyện là, vãng sanh Cực Lạc không những hình mạo tương đồng, đều là 32 tướng đại trượng phu, mà tâm cũng như nhau, đều trụ vào định tụ, an trụ vào trong chánh định.

Chánh định tụ còn được gọi là bất thoái chuyên, là A-bệ-bạt-trí. Chúng sanh có thể được phân thành ba loại, có thể nói là chia thành ba tụ, đó là: chánh định tụ, tà định tụ, bất định tụ.

Sự phân định giữa ba loại này có ba điều không như nhau.

Thứ nhất, lấy việc ắt đọa vào trong sáu cõi là tà định, ví như người đã ở trong sáu cõi cho đến đối tượng ắt phải đọa vào trong sáu cõi thì đều là tà định. Lấy việc nhất định đạt được quả Bồ-đề gọi là chánh định. Ở giữa hai điều này thì gọi là bất định.

Thứ hai, nhất định chứng ngộ thì gọi là chánh định, nhất định sẽ không chứng ngộ gọi là tà định. Ví dụ hiện nay có người cùng những tà ác tri thức tu tà pháp của họ, nhập tà định của họ, vậy làm sao có thể chứng, có thể ngộ, đều không thể được, cho nên gọi là tà định tụ. Nằm ở giữa hai điều này thì là bất định tụ, có duyên thì sẽ chứng ngộ, không có duyên thì không chứng ngộ được.

Thứ ba, Khởi Tín Luận nói: Trước khi đạt địa vị Thập tín, tức là người vẫn chưa đạt đến Thập tín thì gọi là tà niệm. Từ địa vị Thập trụ của Biệt giáo trở lên mới là chánh định, đây là chánh định tụ của Đại thừa, nhất định thành công. Ở địa vị Thập tín là bất định. Địa vị Thập tín thì giống như tơ liễu trong gió xuân, phát phơ theo gió, thăng trầm bất định.

Cho nên người tu hành chớ cho rằng bản thân rất có trình độ, kỳ thực trình độ này chưa chắc sẽ giữ được. Địa vị Thập tín còn giống như tơ liễu chọt lên chọt xuống, hướng chi ngay cả địa vị Thập tín vẫn chưa đạt được. Thế nên chúng ta đời này nhất định phải quyết đoán, phương pháp thù thắng phương tiện nhất chính là cầu sanh Tịnh độ, nhờ sức đại nguyện của Phật mà nhân dân Cực Lạc đều nhập chánh định tụ.

Bồ-tát Long Thọ nói: Do nhân duyên tin Phật mà mong muốn sanh về Tịnh độ, phát tâm Bồ-đề tu hành đủ mọi công đức, do nhờ nguyện lực của Phật mà hành giả được vãng sanh. Do sự gia trì của nguyện lực Phật, đều nhập vào chánh định tụ của Đại thừa. Chánh định tụ chính là A-bệ-bạt-trí.

Phía trên nói phàm phu vãng sanh Tịnh độ, tuy chưa đoạn hoặc, vẫn là phàm phu, nhưng đều nhập chánh định tụ, đều là A-bệ-bạt-trí, điều này đã khiến mọi người kinh ngạc, vậy mà đại sư Thiện Đạo còn nói câu khiến mọi người còn kinh ngạc hơn. Đại sư khai thị rằng: “Nguyện này có mật ý là: hiện đời không thoái chuyển”. Chính là nói nguyện này của đức Di-đà cũng bao gồm chúng ta, những người vẫn còn đang sống trên địa cầu, tu tập tịnh nghiệp, vẫn chưa vãng sanh. Đại sư y cứ theo phẩm thứ 22 trong kinh, vốn là bản dịch thời Đường: “Thiện nam tử, thiện nữ nhân, hoặc đã sanh, hoặc đương sanh, thấy đều trụ nơi chánh định tụ, chắc chắn chúng được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề”. Trong đó có câu “hoặc đương sanh”, nghĩa là gì? Chắc chắn sẽ sanh, nhưng vẫn chưa sanh. Chúng ta có được tính vào hay không? Hiện tại chúng ta tuy vẫn chưa vãng sanh, vẫn là người, nhưng nhờ sức đại nguyện của đức Di-đà, lâm chung sẽ vãng sanh. Cho nên hiện nay tuy ở cõi người nhưng đã trụ vào chánh định tụ rồi, vượt hơn địa vị Thập tín, không còn thăng trầm bất định nữa, đây mới gọi là pháp chẳng thể nghĩ bàn. Thế nên [đây là] đại ân đại đức.

Kinh A-di-đà lại nói: “[Người] đã phát nguyện, hiện tại phát nguyện, sẽ phát nguyện thấy đều không thoái chuyển nơi A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề”. Đã không thoái chuyển thì chính là chánh định tụ, cho nên pháp môn Tịnh độ không thể nghĩ bàn chính là ở chỗ này. Vì vậy đại sư Thiện Đạo nói: Nguyện này cũng có mật ý rằng hiện đời không thoái chuyển.

**Nguyện thứ 30:** nguyện vui như tỳ-kheo sạch hết các lậu.

Nguyện vẫn là: **Vĩnh ly nhiệt não, tâm đắc thanh lương, sở thọ khoái lạc, do như lậu tận tỳ-kheo.**

*Vĩnh viễn xa lìa nhiệt não, tâm được thanh lương, thọ nhận an lạc như lậu tận tỳ-kheo.*

Đại ý của lời nguyện là trong tâm thanh tịnh mát mẻ, hưởng thọ an lạc, vĩnh viễn xa lìa sự khổ não khắp thân thể như bị thiêu đốt, trong tâm như bị thiêu đốt. Chẳng những lìa khổ mà hưởng thọ khoái lạc giống như tỳ-kheo được lậu tận thông, nghĩa là đã chứng A-la-hán.

Kinh Pháp Hoa nói: “Do ba khổ mà chịu các nhiệt não trong sanh tử”. Đại Trí Độ Luận nói: “[Ví như] người bị nóng bức buồn bức, được vào trong ao nước trong

trẻo lạnh mát thì sẽ mát dịu thư thái, không còn nhiệt não nữa”. Chính là “vĩnh ly nhiệt não, tâm đắc thanh lương” của nguyện này.

Vãng sanh cõi nước Cực Lạc, tức thời được vào ao nước trong trẻo lạnh mát, thân tâm mát dịu thư thái, tất cả đều thù thắng mỹ diệu, cho nên vĩnh viễn xa lìa nhiệt não, chỉ hưởng thọ các niềm vui.

Niềm vui nhận được giống như lậu tận tỳ- kheo. Lậu chính là rò rỉ, cũng chính là một tên khác của phiền não. Bởi vì có sự tồn tại và hoạt động của phiền não, tâm của bạn bị nó dẫn dắt, niệm niệm đều ở trong phiền não, niệm này nối tiếp niệm kia, phiền não không dứt. Tâm này chạy theo phiền não, giống như vật chứa bị rỉ nước, nước cứ chảy ra ngoài, nên gọi là “lậu”. Sáu cánh cửa mắt tai mũi lưỡi thân ý mỗi ngày đều tuôn ra phiền não. Tỳ-kheo đoạn sạch các phiền não không còn phiền não nữa, được gọi là lậu tận tỳ-kheo, chính là A-la-hán. Thông này gọi là lậu tận thông.

Năm thứ thông trước là hữu lậu thông, như thiên nhĩ thông, thiên nhãn thông v.v. thông thứ sáu mới là vô lậu thông. Hữu lậu thông, tà ma ngoại đạo khác đều có thể đạt được, chỉ ngoại trừ lậu tận thông. Đương nhiên sạch hết các lậu rồi thì không phải ngoại đạo, mà là A-la-hán. Cho nên lậu tận tỳ-kheo không có nhiễm trước, niềm vui này là niềm vui chân thật, là pháp lạc của Đại thừa. Cho nên nói người trong nước Cực Lạc, có người tuy vẫn là phàm phu nhưng không có nhiệt não, mà thanh lương an lạc, giống như lậu tận tỳ-kheo. Pháp lạc, pháp hỷ này hết thảy khoái lạc ở thế gian một phần vạn cũng không thể sánh.

**Nguyện thứ 31:** nguyện không tham chấp thân.

Nguyện văn là: **Nhược khởi tưởng niệm, tham kế thân giả, bất thủ Chánh giác.**

*Nếu khởi tưởng niệm tham chấp vào thân thì con không thành Chánh giác.*

Đại ý của lời nguyện là: người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc nếu khởi tâm động niệm tham cầu, lưu luyến, chấp trước, toan tính sắc thân của chính mình thì tôi không thành Phật.

Nguyện này chính là thuốc hay để phá trừ thân kiến, thân kiến là địa vị thứ nhất của kiến hoặc. Bởi vì rất nhiều người tu hành dựa vào pháp ngoại đạo, mang danh là tín đồ Phật giáo, nhưng có tư tưởng của ngoại đạo, họ có thân kiến nghiêm

trọng, tuy cũng niệm Phật tụng kinh nhưng trong tâm vẫn lưu luyến thân thể của chính mình, suy nghĩ cho cái thân, luôn vì cái thân này mà toan tính. Ví dụ nên ăn thứ gì, nên tập cái gì, nghiên cứu đủ loại thuật dưỡng sinh, làm thế nào bảo dưỡng, rèn luyện tốt thân thể này; hoặc mong muốn thân thể này sống lâu hơn một chút, tốt nhất là trường sanh bất lão; hoặc là tu luyện để có được thân mới, trở thành kim tiên, đây đều là tham chấp vào thân, chấp trước có thân thể của chính mình mà tham đắm so đo.

Hội Sớ nói: Đối với thân thể của chính mình khởi vọng chấp trước, nên có yêu, có ghét, có nghịch, có thuận, có những phân biệt như vậy. Vãng Sanh Luận nói: Nếu người mãi thường chu cấp và cung kính thân tâm của mình thì sẽ chướng ngại tâm Bồ-đề, luôn muốn bảo hộ thân này, nói cách khác chính là chấp ngã. Người tu hành Đại thừa phải phá ngã, vô ngã. Tham chấp thân tâm thì mâu thuẫn với vô ngã. Kinh Kim Cang nói: “Nếu người thông đạt pháp vô ngã thì gọi là Bồ-tát”. Cho nên trước tiên phải trừ bỏ nhân ngã, sau đó trừ bỏ pháp ngã. Nhân dân thế giới Cực Lạc đều không có ý niệm tham chấp vào thân.

Thân giả này chẳng phải ngã, đừng xem giả ngã thành chân ngã  
Phải biết của báu của nhà mình, tự tánh mới đúng là chân ngã  
Có bài thuốc hay trừ thân kiến, tịnh niệm Di-đà tâm thông suốt  
Từ phụ Di-đà đại đạo sư, dắt con học Phật đi đường chánh.

**Nguyện thứ 32:** nguyện được thân Na-la-diên

Nguyện văn là: **Sanh ngã quốc giả, thiện căn vô lượng, giai đắc kim cang Na-la-diên thân, kiên cố chi lực.**

*Sanh đến nước con, có vô lượng thiện căn, đều được thân kim cang Na-la-diên, lực kiên cố.*

Đại ý của lời nguyện là, người vãng sanh thế giới Cực Lạc đều đạt được thân kim cang Na-la-diên, có sức mạnh vô cùng kiên cường vững chắc. Kim cang ở đây tiếng Phạn gọi là Bạt-chiết-la, dịch thành kim cang, là bảo vật cứng chắc nhất trong kim loại, màu như kim cương tím, có thể cắt được ngọc. Xem ra đó là đá kim cương xuất xứ từ Ấn Độ, tên thường gọi là toản thạch, có độ cứng cao nhất, có thể cắt được kính. Kim cang còn là tên gọi tắt của chùy kim cang, chùy kim cang vốn là một loại vũ khí của Ấn Độ, Mật tông dùng để biểu thị cho trí tuệ cứng chắc sắc bén.

Cho nên Đại Nhật Kinh Sớ nói: Phật-chiết-la (Bạt-chiết-la) là ấn trí tuệ kim cương của Như Lai. Nhân Vương Kinh Niệm Tụng Nghi Quỹ nói: tay cầm chùy kim cương biểu thị cho chánh trí giống như kim cương. Vì vậy chúng ta học Phật mẫu chốt là ở trí tuệ. Có người chỉ cầu thiền định, cầu thần thông, thứ đó không rốt ráo, chỗ then chốt của thành Phật chính là trí tuệ. Tông Duy Thức, sau cùng là chuyển tám thức thành bốn trí, có thể chuyển tám thức thành bốn trí thì thành công rồi, thế nên thành công là nhờ vào trí tuệ.

Ba đức của Niết-bàn là pháp thân, Bát-nhã, giải thoát. Nhờ trí tuệ mới có thể hiển bày pháp thân vốn có, nhờ trí tuệ mới có thể đoạn hết phiền não vọng tưởng mà đạt được giải thoát. Thế nên Nhân Vương Kinh Niệm Tụng Nghi Quỹ trong Mật giáo nói: tay cầm chùy kim cương biểu thị hành nhân đã phát khởi chánh trí, trí tuệ này giống như kim cương có thể phá tất cả mà không bị mọi thứ phá hoại.

“*Na-la-diên*” dịch là thắng lực hoặc kiên cố vững chắc, có 4 hàm nghĩa.

Thứ nhất là tên gọi khác của vua trời Phạm thiên. Thứ hai là tên khác của Thiên lực sĩ. Thứ ba, Na-la-diên thiên ba mặt, cưỡi chim là hóa thân của Phật, biểu thị bay trên không trung. Thứ tư, Na-la-diên Kim Cương là một trong mười chín vị Chấp Kim Cương, kinh Duy-ma-cật gọi là Na-la-diên Bồ-tát. Từ những kinh luận Hiển giáo kể trên có thể thấy kim cương Na-la-diên trong lời nguyện chỉ cho lực sĩ Na-la-diên của cõi trời, tay cầm chùy kim cương, có thân kim cương và sức kiên cố. Trong Mật giáo có các vị Chấp Kim Cương, Kim Cương Thủ, Kim Cương Tát-đỏa là cách phiên dịch khác nhau của cùng một tên gọi. Căn cứ vào Nhân Vương Kinh Niệm Tụng Nghi Quỹ thì Kim Cương Thủ Bồ-tát chính là Phổ Hiền Bồ-tát. Đại Uy Nộ Vương Bí Mật Đa-la-ni Kinh nói: “Vị Kim Cương Thủ này là bậc Pháp thân đại sĩ, thế nên tên gọi Phổ Hiền là từ vị Như Lai cầm chùy kim cương”.

Chùy kim cương của ngài thông thường gồm năm phần, do ngũ trí hợp thành, nên gọi là Kim Cương Thủ. Trong kinh chỉ ra Kim Cương Thủ là bậc Đại sĩ đã chứng pháp thân, cho nên Hiển giáo gọi ngài là Bồ-tát, Mật giáo gọi là Kim Cương. Theo nghĩa của Mật giáo, Kim Cương chính là vị Phật hiện tướng uy mãnh; lại nói đó chính là đức Phổ Hiền. Phổ Hiền ở đây là chỉ cho quả vị của ngài, gọi là Phổ Hiền Vương Như Lai, cho nên không được chỉ xem ngài là vị hộ pháp.

Kim Cương Thủ xuất xứ từ vị Phật cầm chùy kim cương, chùy ấy là biểu pháp, do ngũ trí hợp thành. Trong tứ trí của Mật giáo gồm Đại Viên Cảnh Trí, Bình Đẳng

Tánh Trí, Diệu Quán Sát Trí, Thành Sở Tác Trí, thêm vào Pháp Giới Thể Tánh Trí thì thành ngũ trí. Chùy kim cang thông thường gồm năm phần, biểu thị cho ngũ trí hợp thành. Trong tay cầm chùy kim cang là ngũ trí hợp thành, vậy thì thân Na-la-diên chắc chắn phải là thể của trí tuệ, cũng chính là thể của kim cang, thường được gọi là thân kim cang.

Kinh Mật Tích Lục Sĩ nói: “Thân của Như Lai rắn chắc, mạnh mẽ giống như kim cang, rèn vang vững chắc, không thể phá hoại”. Kinh Niết-bàn nói: “Thân của Như Lai là thân thường trụ, là thân bất hoại, là thân kim cang”. Cho nên người vãng sanh được sự gia trì bởi nguyện lực của Phật đều được thân kim cang bất hoại, trường thọ tự tại, lại còn có sức mạnh vững chắc.

**Nguyện thứ 33:** nguyện được quang minh trí tuệ biện tài.

Nguyện văn là: **Thân đỉnh giai hữu quang minh chiếu diệu, thành tựu nhất thiết trí tuệ, hoạch đắc vô biên biện tài.**

*Trên thân và đỉnh đầu đều có quang minh chiếu diệu, thành tựu hết thảy trí tuệ, đạt được vô biên biện tài.*

Đại ý của lời nguyện là, người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc trên đỉnh đầu có vòng ánh sáng hiện ra, trên thân có ánh sáng, đều là thường quang, đều rất sáng trong thanh khiết, chiếu soi hiển diệu.

Bởi vì quang minh là từ đại trí tuệ phát ra, người người đều có quang minh là vì mọi người đều đã khai mở tất cả trí tuệ. Do trí tuệ vô thượng thù thắng nên ai ai cũng đều có biện tài vô biên, tuyên diễn pháp âm. Người vãng sanh thân và đỉnh đầu đều có quang, bởi vì Phật là vô lượng quang, nên người vãng sanh thân và đỉnh đầu đều có quang minh chiếu diệu.

“Quang minh”, bản thân phát ra ánh sáng thì gọi là quang, có thể chiếu soi vật khác thì gọi là minh. Căn cứ vào Kinh Siêu Nhật Minh Tam-muội thì đại trí tuệ bên trong phát ra bên ngoài có thể chiếu soi pháp giới thì gọi là quang minh. Cho nên quang minh chính là tác dụng của trí tuệ. Kinh Niết-bàn nói: “Quang minh gọi là trí tuệ”. Quang minh và trí tuệ cả hai đều là một thể. Thân và đỉnh đầu của mọi người đều có quang minh, cho nên mọi người đều thành tựu hết thảy trí tuệ.



Đại sư Đàm Loan trong bài kệ Vô Lượng Quang Phật nói rằng: “Quang minh trí tuệ không thể lường, nên Phật có hiệu Vô Lượng Quang, các tướng hữu lượng nhờ quang chiếu, vậy nên đánh lễ chân thật minh”. Quang minh của Phật là quang minh chân thật, cùng với ba thứ chân thật trong kinh này là đồng một thể, đó là chân thật chi tế, chân thật chi huệ, chân thật chi lợi. Quang minh chân thật chính là trí tuệ chân thật, trí tuệ và quang minh không hai, cho nên quang minh này “có thể giác chiếu và khai sáng cho hết thấy các tướng hữu tình và vô tình”. Thế nên, trong bài kệ Tán Vô Xưng Quang có câu thể này: “Quang minh thần kỳ lìa hết thấy tướng, nhờ quang minh mà thành Phật”. Trong bài kệ Tán Vô Đối Quang có câu: “Quang minh thanh tịnh không thể sánh”, đều hoàn toàn chứng thực rằng quang minh chính là trí tuệ, cho nên lìa tướng, vô đối, toàn thể đều là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Như vậy mới có thể khiến chư đại Bồ-tát nhờ sự khai sáng của quang minh mà thành tựu quả vị Đại Giác, cho nên nói, “nhờ quang minh mà thành Phật”.

Kinh Niết-bàn chỉ thẳng quang minh chính là trí tuệ, người vãng sanh thân và đỉnh đầu đều có thường quang, đó chính là hiển thị trí tuệ thành tựu. Lại nhờ sự gia trì thù thắng từ diệu quang của Phật Vô Lượng Quang khiến người vãng sanh nhờ quang minh mà thành Phật, thế nên đều có thể thành tựu hết thấy trí tuệ. Đối với năm loại trí tuệ mà kinh này nói gồm: Phật trí, bất tư nghị trí, bất khả xưng trí, Đại thừa quảng trí, vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí đều có thể lĩnh ngộ hiểu rõ. Đều thành tựu hết thấy trí tuệ, cho thấy trong nước Cực Lạc nhân quả là đồng thời, không thể nghĩ bàn. Đồng thời người vãng sanh đều có được biện tài vô biên, biện tài vô ngại. Biện tài chính là tài năng thuyết pháp khéo léo.

Trí tuệ biện tài thuyết pháp của Bồ-tát có bốn loại biện tài, cũng gọi là tứ vô ngại biện. Bốn loại vô ngại cũng gọi là bốn trí tuệ vô ngại. Người vãng sanh đã thành tựu hết thấy trí tuệ, nên tự nhiên xuất sanh vô biên biện tài, biện tài là do trí tuệ mà có.

Tứ vô ngại gồm:

Thứ nhất là pháp vô ngại. Danh tướng và câu văn trong giáo pháp đều không thể chướng ngại [người đó], đều có thể biểu đạt rất rõ ràng.

Thứ hai là nghĩa vô ngại. Đối với nghĩa lý chân thật mà giáo pháp biểu đạt đều có thể thông đạt, không có trở ngại thì gọi là nghĩa vô ngại.

Thứ ba là từ vô ngại. Điều có thể thông đạt cách diễn đạt ngôn ngữ địa phương ở khắp nơi trong ngoài, vận dụng tự tại, đây là từ vô ngại.

Thứ tư là nhạo thuyết vô ngại. Do có ba thứ trí tuệ kể trên nên ưa thích thuyết pháp cho mọi người nghe, lời nói ra khéo hợp với đạo lý chân chánh, tự tại diễn nói ý nghĩa chân thật của Như Lai, không có chướng ngại, còn gọi là biện vô ngại.

Nhân dân Cực Lạc đều có thể dùng tứ vô ngại biện để tuyên giảng pháp yếu.

**Nguyện thứ 34:** nguyện khéo nói các pháp bí yếu.

Nguyện văn là: **Thiện đàm chư pháp bí yếu, thuyết kinh hành đạo, ngữ như chung thanh, nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh giác.**

*Khéo đàm thuyết các pháp bí yếu, nói kinh hành đạo âm thanh như chuông vang, nếu không được như vậy, con không thành Chánh giác.*

Đại ý của lời nguyện là người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc đều giỏi đàm thuyết chỗ thâm mật, trọng yếu của các pháp Hiền, Mật. Người thông thường chỉ có thể bàn về những thứ cành lá, đa phần là lời văn bên ngoài, còn nghĩa lý thâm nhập thì chính mình cũng không hiểu rõ. Trong lúc đàm luận kinh và hành đạo (kinh hành, vừa đi vừa tụng niệm), khi đó âm thanh như chuông vang, câu chữ như tiếng chuông vang trong đêm vắng lặng, phá trừ hôn mê, thức tỉnh giác tâm.

“Bí” chính là uyên áo, chỉ cho pháp môn thâm sâu, không dễ dàng biểu thị. Pháp Hoa Văn Cú nói: “Hơn 40 năm, ẩn chứa trong tâm Phật, người khác không biết nên gọi là bí”. Nghĩa là nói, Thích-ca Mâu-ni Phật hơn 40 năm đem thật pháp Nhất thừa giữ trong tâm không nói ra, người khác không biết, cho nên gọi là bí.

Pháp Hoa Văn Cú nói: “Đường thẳng Nhất thừa nhiếp trọn vạn con đường khác, nên gọi là yếu”. Pháp Tam thừa gồm Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát là quyền pháp. Pháp Hoa khai quyền hiển thật, không quanh co nữa mà nói thẳng pháp Nhất thừa, hết thấy thành Phật. Đây là thật pháp, là con đường thẳng, hiển lộ hạt minh châu ẩn tàng trong chiếc áo rách bần. 84.000 cách tu hành đều từ cửa này mà vào, cho nên nói “nhiếp trọn vạn con đường khác”. Đây gọi là “yếu”, nghĩa là quan trọng, khẩn yếu, giản yếu, v.v.

“Ngữ như chung thanh”, trong đêm sâu, một tiếng chuông vang lên, tức thì những lo âu trần tục đều tiêu tan hết, tất cả thanh tịnh. Phật Tổ Thống Ký nói: người

sắp mạng chung, nghe được âm thanh của tiếng chuông có thể gia tăng chánh niệm của họ. Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Khi đánh chuông thì các khổ trong tất cả đường ác đều được dừng lại. Ví dụ khi tiếng chuông vang lên thì trong địa ngục cũng dừng việc hành hình, tội nhân có thể nghỉ một chút, đây biểu thị tác dụng của tiếng chuông.

“Ngũ như chung thanh”, một mặt biểu thị âm thanh của người thuyết pháp, như tiếng hồng chung, rất lớn, rất chánh, rất tĩnh, có thể vang lâu, có thể nghe từ xa, có thể thức tỉnh mê lầm của con người, hiển lộ thiện tâm.

“Ngũ như chung thanh” còn biểu đạt công đức của âm thanh thuyết pháp giống như chuông vậy. Ở đây xin mở rộng ra một chút, ở trên quả chuông có rất nhiều kinh chú, trên thân quả chuông ở chùa Đại Chung là một bộ kinh Hoa Nghiêm, trên phần miệng chuông là bộ kinh Kim Cang, còn có rất nhiều chú và ký tự, cho nên khi bạn đánh một tiếng chuông thì tất cả kinh, chú, ký tự đều bị chấn động, đều phát ra âm thanh. Trong âm thanh ấy bao gồm vô biên công đức của kinh Hoa Nghiêm, kinh Kim Cang và rất nhiều câu chú.

Người thuyết pháp ở thế giới Cực Lạc cũng giống như chuông vậy, một chữ đã bao gồm tất cả công đức của kinh Hoa Nghiêm, kinh Kim Cang v.v. ở trong. Người nghe nghe được một âm thanh thì cũng như nghe được âm thanh của nhiều kinh chú như vậy.

**Nguyện thứ 35:** nguyện được Nhất Sanh Bỏ Xứ.

Nguyện văn là: **Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sanh sanh ngã quốc giả, cứu cánh tất chí Nhất Sanh Bỏ Xứ.**

*Khi con thành Phật, hết thảy chúng sanh về nước con sau cùng đều được Nhất Sanh Bỏ Xứ.*

Đại ý của lời nguyện là, khi tôi thành Phật, tất cả chúng sanh mà có thể đến được nước tôi sau cùng đều nhất định thành Bồ-tát Nhất Sanh Bỏ Xứ, giống như Di-lặc Đại sĩ ở nội viện Đâu Suất, vừa chuyển sanh liền được địa vị Bồ Phật.

Nhất Sanh Bỏ Xứ, trong Mật tông nói: Từ lý thể nhất thật mà được tâm Bồ-đề thanh tịnh, lên Sơ địa. Trong mỗi một địa vị phát sinh vô lượng vô biên môn tam-muội tổng trì. Nâng cao thứ bậc, lên Thập địa, lại lên địa vị thứ mười một, lại chuyển

sanh lần nữa thì được địa vị Bồ Phật, thế nên gọi là Nhất Sanh Bồ Xứ, tái sanh đến thế gian thì thành Phật rồi.

Như hiện nay, Di-lặc Đại sĩ ở nội viện trời Đâu Suất, tương lai ngài xuống nhân gian, Long Hoa tam hội thì thành Phật rồi, đây chính là Nhất Sanh Bồ Xứ. Người đến thế giới Cực Lạc sau cùng sẽ thành vị Nhất Sanh Bồ Xứ, cũng chính là nhất định thành Phật.

**Nguyện thứ 36:** nguyện giáo hóa tùy ý.

Nguyện văn là: **Trừ kỳ bốn nguyện vì chúng sanh cố, phi hoằng thệ khải, giáo hóa nhất thiết hữu tình, giai phát tín tâm, tu Bồ-đề hạnh, hành Phổ Hiền đạo. Tuy sanh tha phương thế giới, vĩnh ly ác thú. Hoặc nhạo thuyết pháp, hoặc nhạo thính pháp, hoặc hiện thần túc, tùy ý tu tập, vô bất viên mãn. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh giác.**

*Ngoại trừ bốn nguyện của người ấy, vì chúng sanh mà khoác áo giáp hoằng thệ, giáo hóa hết thảy hữu tình đều phát tín tâm, tu hạnh Bồ-đề, hành đạo Phổ Hiền. Tuy sanh thế giới phương khác, vĩnh viễn xa lìa đường ác. Hoặc thích thuyết pháp, hoặc thích nghe pháp, hoặc hiện thần túc, tùy ý tu tập, thảy đều viên mãn. Nếu không được như vậy, con không thành Chánh giác.*

Đại ý của lời nguyện là, trừ bốn nguyện của người ấy là vì chúng sanh, trừ một số người không phải như thế, không ở thế giới Cực Lạc thành vị Nhất Sanh Bồ Xứ, mà bốn nguyện của người đó là muốn độ chúng sanh, nóng lòng độ chúng sanh, nên khoác áo giáp thệ nguyện rộng lớn, dùng thệ nguyện rộng lớn làm áo giáp. Thời xưa trên thân của chiến tướng có khoác áo giáp bằng sắt, áo chống đạn hiện nay cũng là cùng một loại, dùng để bảo vệ bản thân. Đại sĩ ở Cực Lạc muốn đến các cõi nước ở Ta-bà để cứu độ chúng sanh, nên lấy thệ nguyện rộng sâu làm áo giáp, xuống đến các cõi uế, giáo hóa hết thảy hữu tình, tâm độ chúng sanh vô cùng khẩn thiết.

Để giáo hóa chúng hữu tình đều sanh khởi tín tâm thì bản thân trước tiên phải tu hạnh Bồ-đề, hành đạo Phổ Hiền, chính mình không giác ngộ, sao có thể giác ngộ cho người được. Cho nên như vậy mới có thể giáo hóa các chúng sanh khác tu hạnh Bồ-đề, hành đạo Phổ Hiền. Do có thệ nguyện to lớn hiếm có như thế, tuy sanh đến các thế giới khác nhau trong cõi Ta-bà, v.v. nhưng vĩnh viễn sẽ không vì tội lỗi của họ mà đọa vào ác đạo. Tự nguyện vào cõi súc sanh để độ súc sanh, vào địa ngục, cõi

ngạ quỷ để độ quỷ, đây là hành vi vĩ đại của đại Bồ-tát, không phải thuộc loại người bị đọa vào địa ngục. Sinh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, vẫn là người phạm phu, năng lực lúc đó của bạn vẫn không thể như Địa Tạng Bồ-tát v.v. vào trong địa ngục cứu độ chúng sanh, sau khi lên đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm thì mới được.

Khi sanh đến cõi nước phương khác, hoặc thích thuyết pháp, hoặc thích nghe pháp, hoặc là bạn thị hiện thích thuyết pháp hoặc thích nghe pháp, hoặc hiện thần túc, tùy ý tu tập, thấy đều viên mãn. Hoặc có người muốn thị hiện thần thông cho đến các loại khác thì đều có thể tùy theo tâm ý của mình mà tu tập, đều có thể đạt được viên mãn.

“Nếu không được như vậy, con không thành Chánh giác”. Cho nên nguyện này được gọi là nguyện giáo hóa tùy ý. Nếu như chính mình không giác ngộ mà muốn độ người thì chỉ hại người mà thôi. Thế nên chính mình nhất định phải tu tập viên mãn rồi hãy thuyết pháp độ sanh, mới có thể ban bố lợi ích chân thật được.

Đại nguyện này là người ở thế giới Cực Lạc muốn quay về thế giới có các sự khổ nơi cõi Ta-bà để độ sanh đều được mãn nguyện. Tuy ở uế độ, nhưng sẽ không bởi vì các loại nhân duyên mà đọa ba đường ác. Thêm vào đó, tất cả sự tu tập đều viên mãn, vĩnh viễn không thoái chuyển đọa lạc, đây là nhờ vào sự gia trì của thế nguyện to lớn của đức Di-đà. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư đem câu thứ tư trong bài kệ “nguyện sanh Tây Phương Tịnh Độ trung, cứu phẩm liên hoa vi phụ mẫu, hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh, bất thoái Bồ-tát vi bạn lữ” sửa thành “hồi nhập Ta-bà độ hàm thức”. Sau khi hoa nở thấy Phật thì muốn quay về thế giới Ta-bà để độ chúng sanh, biểu đạt tâm tha thiết độ chúng sanh.

**Nguyện thứ 37:** nguyện thức ăn y phục tự đến.

Nguyện văn là: **Ngã tác Phật thời, sanh ngã quốc giả, sở tu ẩm thực, y phục, chủng chủng cúng cụ, tùy ý tức chí, vô bất mãn nguyện.**

*Khi con thành Phật, người sanh về nước con, ẩm thực, y phục cần dùng và các loại vật phẩm cúng dường, tùy ý xuất hiện, thấy đều mãn nguyện.*

Đại ý của lời nguyện là: Khi tôi thành Phật, người sanh đến nước tôi, tất cả đồ ăn y phục cần dùng, cho đến tất cả những vật phẩm cúng dường Phật đều tùy theo ý muốn trong tâm họ, tự nhiên xuất hiện trước mặt, thấy đều được mãn nguyện.

Nguyện này của đức Di-đà là nhắm vào người vẫn chưa hoàn toàn thoát khỏi phàm tình, ở nước Cực Lạc vẫn chưa đoạn trừ tập khí, cho đến những người vẫn còn là phàm phu mà phát nguyện. Trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, rất nhiều người chưa hề đoạn hoặc chứng chân, tuy là hóa sanh trong hoa sen, vốn không cần quần áo ẩm thực của nhân gian, nhưng do tập khí nhiều đời nên vẫn còn phát sinh các ý niệm phàm trần về cung điện, ngọc cụ, mặc áo, ăn cơm, v.v. Ở thế gian, vì cuộc sống cơm áo mà lao nhọc khổ cực muôn phần, mãi không an ổn. Người trồng lúa thì phải trừ nạn sâu rầy, sát sinh vô số sinh linh. Người mặc áo lụa, [sử dụng] đồ da thì phải đoạt mạng rất nhiều sinh mạng động vật.

Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc sẽ không còn lao nhọc khổ cực và tạo tội nữa, muốn thứ gì thì có thứ đó, vừa khởi niệm là có, tự nhiên xuất hiện. Ăn cơm uống nước còn tăng trưởng thiện căn, sau khi ăn xong tất cả dụng cụ dùng khi ăn tự nhiên biến mất. Những đồ vật cúng dường như tràng phan, bảo cái, trân châu, anh lạc, y phục, ngọc cụ, ẩm thực, thuốc men, hương hoa, âm nhạc v.v. những vật phẩm thắng diệu để cúng Phật cũng đều là trong tâm vừa nghĩ thì liền xuất hiện trước mặt, dùng để cúng dường mười phương chư Phật.

**Nguyện thứ 38:** nguyện ứng niệm thọ cúng.

Nguyện văn là: **Thập phương chư Phật, ứng niệm thọ kỳ cúng dường, nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh giác.**

*Chư Phật mười phương tiếp nhận ý niệm, thọ nhận cúng dường, nếu không được như vậy, con không thành Chánh giác.*

Nguyện này lại là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Người ở thế giới Cực Lạc khởi niệm muốn dùng một phẩm vật cúng dường nào đó, hoặc nhiều loại phẩm vật để cúng dường bất kỳ một đức Phật nào ở cõi nước phương khác, tùy theo khởi tâm động niệm của người ấy mà Phật ở thế giới khác lập tức tiếp nhận sự cúng dường, không bị ngăn cách về thời gian, cũng chính là hoàn toàn đột phá thời gian, đồng thời đột phá luôn không gian.

Thế giới Cực Lạc cách thế giới Ta-bà mười vạn ức cõi Phật, tam thiên đại thiên thế giới là một cõi Phật, ánh sáng là thứ nhanh nhất trên thế gian, tốc độ ánh sáng mỗi giây đi được khoảng 300.000 km. Khoảng cách mà ánh sáng đi trong một năm gọi là năm ánh sáng, là 10 nghìn tỉ kilomet, cũng là vừa đúng mười vạn ức,

nhưng một cái là kilomet, một cái là cõi Phật. Nhà thiên văn học cận đại đã phát hiện ngôi sao xa nhất là 14 tỷ năm ánh sáng, tuy nó là xa nhất nhưng e rằng cũng chưa xa hơn một cõi Phật. Cho nên vũ trụ cực lớn, lớn đến vô biên. Bản dịch thời Tống nói, nơi cực xa có vô lượng Phật, người ở cõi Cực Lạc tuy có thần thông thù thắng cũng không đến được, việc này toàn nhờ vào sức của đức Di-đà, khiến Phật ở phương khác chìa cánh tay ra đến cõi nước Cực Lạc để tiếp nhận vật cúng dường. Bản dịch thời Tống thể hiện sâu sắc công đức gia trì của đức Di-đà, là thể hiện cho tha lực.

Bản dịch thời Ngụy nói: “Trong khoảnh khắc vừa khởi ý niệm muốn cúng dường vô lượng chướng thể nghĩ bàn chư Phật Thế Tôn mà không mất định ý”. Nghĩa là người ở nước Cực Lạc trong sát-na vừa khởi lên ý niệm thì có thể cúng dường vô lượng chư Phật, cho dù Phật ở cực xa đều có thể cúng dường. Trong công đức thù thắng của việc cúng dường rộng lớn này người đó vẫn an trụ trong định, không mất định ý. Điều này thể hiện cho tự lực. Tuy tự cảm thấy sức mình chẳng đủ nhưng nhờ Phật lực gia trì đều có thể viên mãn nguyện này, vừa mới sanh ý niệm cúng dường thì chư Phật đã nhiếp thọ toàn bộ, nhân quả đồng thời, siêu tình lý kiến, không thể nghĩ bàn.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 37

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

**Nguyện thứ 39:** nguyện trang nghiêm vô tận.

Nguyện văn là: **Ngã tác Phật thời, quốc trung vạn vật, nghiêm tịnh, quang lệ, hình sắc thù đặc, cùng vi cực diệu, vô năng xung lượng. Kỳ chư chúng sanh, tuy cụ thiên nhân, hữu năng biện kỳ hình sắc, quang tướng, danh số, cập tổng tuyên thuyết giả, bất thủ Chánh giác.**

*Khi con thành Phật, vạn vật trong nước trang nghiêm, thanh tịnh, quang minh, mỹ lệ, hình sắc thù đặc, hết sức vi diệu, chẳng thể tính kể nổi. Các chúng sanh tuy có thiên nhân mà có thể phân biệt hình sắc, quang tướng, tên gọi, số lượng cho đến có thể nói được tổng thể thì con không thành Chánh giác.*

Đại ý của lời nguyện là, tất cả vạn vật trong nước đều trang nghiêm, thanh tịnh, quang minh, mỹ lệ; hình và sắc đều kỳ diệu thù thắng. Hình là hình dạng, chỉ cho lớn nhỏ, vuông tròn, dài ngắn v.v. Sắc là màu sắc, chỉ xanh vàng đỏ trắng tím đen v.v. Tất cả đều vô cùng tươi đẹp và kỳ diệu, không còn gì hơn, cho nên nói hình sắc thù đặc.

“Vi” là tinh diệu, vi diệu là tinh diệu đến cực điểm. “Cùng” là cùng tận, “cùng vi” là trọn phần xinh đẹp, vi diệu tột cùng, không có khiếm khuyết, không có thiếu sót. “Cực diệu” chính là tuyệt diệu, thần diệu. Đối với sự vi diệu của cõi nước Cực Lạc, không có người nào có thể ngợi khen tán thán, suy tính đo lường, cho nên gọi là “vô năng xung lượng”.

Giải thích của Hội Sớ rất hay, mở rộng ra ý nghĩa mà giải thích như sau: trong một hạt cực nhỏ, ví dụ như hạt neutrino cũng bao gồm toàn bộ lý thể mà thành, tất cả sự tướng làm thể, hoàn toàn là tướng do diệu lý hiện ra, cho nên tướng mà vô tướng, là tướng vô lậu, là tướng của thật tướng. Hết thấy hình tướng đều là tâm thanh tịnh của đức Di-đà. Trong chỗ cực vi, hoàn toàn là tướng do diệu thể hiện ra, đều là thật tướng, thế nên gọi là “cùng vi cực diệu”.

Do vì thế giới Cực Lạc hoàn toàn hiển hiện pháp giới sự sự vô ngại, một hàm chứa nhiều, nhiều có thể dung nhập vào một, nhỏ có thể chứa lớn, dung nhiếp lẫn



nhau, trùng trùng vô tận. Ví như đem hai tấm gương chiếu đối diện nhau, bạn sẽ nhìn thấy được vô cùng vô tận lớp lớp tấm gương ở bên trong, cho nên không thể nói, không thể đo lường được, cách thức ở thế gian đều không thể làm được. Cực Lạc Tịnh độ chỉ có Phật và Phật mới có thể hiểu rất rõ, nên ngoài Phật ra thì tất cả chúng sanh trong chín pháp giới đều không thể phân biệt hình sắc của vạn vật ở Cực Lạc, bao gồm hình dạng, màu sắc, quang tướng tức tướng hảo của quang minh, danh số tức danh tự số mục, hương hờ có thể nêu lên được tổng quát tổng cộng là bao nhiêu, tổng thể là như thế nào, đều không thể làm được. Cho nên nói, nếu có thể phân biệt được hình sắc, quang tướng, danh số, cho đến nêu ra được tổng thể thì đức Di-đà không thành Phật.

**Nguyện thứ 40:** nguyện vô lượng sắc thụ.

Nguyện văn là: **Ngã tác Phật thời, quốc trung vô lượng sắc thụ, cao hoặc bá thiên do-tuần, đạo tràng thụ cao tứ bá vạn lý. Chư Bồ-tát trung, tuy hữu thiện căn liệt giả, diệc năng liễu tri.**

*Khi con thành Phật, vô lượng cây báu rực rỡ trong nước cao trăm ngàn do-tuần, cây Bồ-đề cao bốn trăm vạn dặm. Trong số các Bồ-tát tuy có người thiện căn kém cõi nhưng cũng có thể biết rõ.*

Đại ý của lời nguyện là: trong nước có vô lượng sắc thụ. Sắc thụ là tất cả các cây báu trong nước đều do bảy báu hợp thành, màu sắc sáng rỡ, sắc đẹp mỹ lệ, độ cao hoặc mấy trăm do-tuần, mấy ngàn do-tuần. Một do-tuần có người nói là 40 dặm, có người nói là 60 dặm, có người nói là 80 dặm, đây là đơn vị khoảng cách, nhưng không quá chặt chẽ. Do lộ trình hành quân trong một ngày của đế vương thời xưa là một do-tuần, nên có sự chênh lệch lớn. Nếu chúng ta lấy con số lớn nhất là 80 dặm thì cây cao chín ngàn do-tuần sẽ là 720.000 dặm, bạn có thể tưởng tượng ra không? Một cây cao đến 720.000 dặm thì như thế nào vậy?

Thù thắng hơn nữa là đạo tràng thụ, đạo tràng thụ chính là cây Bồ-đề. Từ phía tây nam núi Chánh Giác ở Ấn Độ, đi thêm 14-15 dặm có một cây Tất-bát-la, Phật ngồi ở dưới cội cây này thành Phật, cho nên cây này được gọi là cây Bồ-đề.

Kinh Duy-ma-cật của ngài Tăng Triệu chú giải nói, cây này phóng quang thì không có nơi nào không thể chiếu tới, hương thơm có thể xông khắp mọi nơi, hình sắc vi diệu đến cực điểm, tùy theo ý thích trong tâm của người nhìn, bạn thích cái gì

thì nó hiện ra cái đó. Cây không những có ánh sáng, hương thơm mà còn thuyết pháp, người ở thế giới Cực Lạc thích nghe điều gì thì nghe điều đó. Chúng sanh nếu có thể thấy được cây Bồ-đề thì tự nhiên ngộ nhập đạo Bồ-đề.

Trong nước Cực Lạc có rất nhiều cây Bồ-đề, đều có công đức không thể nghĩ bàn như vậy. Cây Bồ-đề so với tất cả các cây báu thì cao gấp nhiều lần, độ cao là 400 vạn dặm. Trong số nhân dân ở cõi Cực Lạc tuy người thiện căn kém cõi cũng có thể biết được, cũng có thể từ cây mà đạt được lợi ích chân thật.

**Nguyện thứ 41:** nguyện cây hiện cõi Phật.

Nguyện văn là: **Dục kiến chư Phật tịnh quốc trang nghiêm, tất ư bảo thụ gian kiến, do như minh kính, đồ kỳ diện tượng. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh giác.**

*Nếu muốn thấy sự trang nghiêm trong các cõi nước thanh tịnh của chư Phật thì đều từ nơi cây báu mà nhìn thấy, như từ trong gương sáng thấy rõ khuôn mặt mình. Nếu không được như vậy, con không thành Chánh giác.*

Đại ý của lời nguyện là: người ở thế giới Cực Lạc muốn thấy sự thanh tịnh trang nghiêm trong các cõi nước của mười phương chư Phật thì không cần rời khỏi nước mình, mà ở nơi cây có thể nhìn thấy rõ ràng, giống như từ trong tấm gương trong sáng nhìn thấy khuôn mặt của chính mình vậy. Cõi Phật mười phương rộng lớn vô số, nhưng có thể từ nơi cây nhỏ hẹp mà hiện ra toàn bộ. Nhỏ có thể chứa lớn, từ nơi cây nhỏ hẹp có thể hiện ra rất nhiều cõi nước rộng lớn trong mười phương, đây là cảnh giới Hoa Nghiêm. Đạo lý thập huyền của Hoa Nghiêm thấy đều được phản chiếu từ nơi kinh Vô Lượng Thọ.

**Nguyện thứ 42:** nguyện triệt chiếu mười phương.

Nguyện văn là: **Ngã tác Phật thời, sở cư Phật sát, quảng bác nghiêm tịnh, quang oánh như kính, triệt chiếu thập phương vô lượng vô số bất khả tư nghị chư Phật thế giới. Chúng sanh đồ giả, sanh hy hữu tâm. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh giác.**

*Khi con thành Phật, cõi nước Phật ấy rộng lớn trang nghiêm thanh tịnh, sáng long lanh như gương, soi chiếu vô lượng vô số chẳng thể nghĩ bàn thế giới chư Phật*

*mười phương. Chúng sanh nhìn thấy sanh tâm hy hữu. Nếu không được như vậy, con không thành Chánh giác.*

Đại ý của lời nguyện là: khi tôi thành Phật, cõi nước Phật của tôi quảng bác nghiêm tịnh, quảng là rộng rãi, bác là rộng lớn, nghiêm là trang nghiêm, tịnh là thanh tịnh. Đồng thời cõi nước “quang oánh như kính”, quang là quang minh, oánh là lóng lánh, quang minh thanh khiết sáng trong như gương vậy. Triệt chiếu thập phương, có thể chiếu đến hết thấy vật vi tế trong mười phương cho đến nơi cực xa, vô lượng vô số thế giới chư Phật chẳng thể nghĩ bàn.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Trong tám gương ấy thấy vô lượng cõi, hết thấy núi sông, hết thấy chúng sanh, địa ngục ngạ quỷ, hoặc tốt hoặc xấu, hình loại thế nào thấy đều hiện rõ”. Tám gương trong kinh Hoa Nghiêm tương đồng với tám gương sáng nói trong lời nguyện này. Tất cả chúng sanh đến thế giới Cực Lạc và chúng sanh trong tất cả mười phương thế giới nếu nhìn thấy được tướng công đức không thể nghĩ bàn của thế giới Cực Lạc soi chiếu tất cả cõi nước mười phương thì đều sẽ sanh khởi tâm hy hữu khó có được.

Kinh Niết-bàn nói: Ví như trong nước mọc lên hoa sen thì không xem là hiếm có, từ trong lửa đỏ mà sanh hoa sen thì mới xem là hy hữu. Kinh Niết-bàn chỉ ra tâm hy hữu là nói tâm hiếm có, như hoa sen sanh ra từ trong lửa, không bao lâu thì có thể thành tựu Chánh giác.

**Nguyện thứ 43:** nguyện hương báu xông khắp.

Nguyện văn là: **Ngã tác Phật thời, hạ tùng địa tế, thượng chí hư không, cung điện, lầu quán, trì lưu, hoa thụ, quốc độ sở hữu nhất thiết vạn vật, giai dĩ vô lượng bảo hương hợp thành. Kỳ hương phổ huân thập phương thế giới. Chúng sanh văn giả, giai tu Phật hạnh. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh giác.**

*Khi con thành Phật, dưới từ mặt đất, trên đến hư không, cung điện, lầu quán, ao suối, hoa cây, hết thấy vạn vật trong cõi nước đều do vô lượng hương báu hợp thành. Hương ấy xông khắp mười phương thế giới. Chúng sanh nghe thấy đều tu Phật hạnh. Nếu không được như vậy, con không thành Chánh giác.*

Đại ý của lời nguyện là: khi tôi thành Phật, dưới từ mặt đất, trên đến hư không, thông trên suốt dưới, hết thấy những kiến trúc trong đó như: cung điện, lầu quán (quán là lầu đài), đài tạ, ao báu tuôn nước, mọi loại cây báu cho đến hết thấy vạn vật khác đều dùng vô lượng hương báu hợp thành.

Cho nên một bông hoa, một chiếc lá, một giọt nước ở thế giới Cực Lạc đều là ỨC ỨC VẠN VẠN, không thể nói rõ là bao nhiêu chủng loại hương báu hợp thành, đây là đạo lý tất cả trong một của kinh Hoa Nghiêm. Cho nên bên trong một giọt nước suối, một cánh hoa rơi trong đó đều bao gồm vô lượng vô biên hương báu, đây chính là đạo lý một là tất cả của Hoa Nghiêm. Đồng thời mỗi một mùi hương đều là bảo hương, hương thơm thế tục tuyệt không thể sánh, lại còn do vô lượng bảo hương hợp thành, cho nên hương thơm này rất thù thắng. Hương thơm xông khắp mười phương thế giới, mười phương thế giới đều có thể ngửi được.

Tất cả chúng sanh chỉ cần ngửi được diệu hương của Cực Lạc tự nhiên tâm thanh tịnh, tu tập tất cả hạnh thù thắng mà Phật đã dạy. Thế nên lại hiển hiện ra cảnh giới huyền diệu của Hoa Nghiêm, vô lượng bảo hương gom vào bên trong một mùi hương, hương là hương trần (bụi hương), một hạt hương trần có thể xông khắp mười phương thế giới, một này chính là trọn khắp mười phương, một trùm hết thấy, một chính là nhiều, chính là tất cả, đều là không thể nghĩ bàn.

Hương vốn là bụi trần, hương ở Cực Lạc có thể tạo công đức, điều này giống như Hương Tích Như Lai của nước Chúng Hương trong Kinh Duy-ma-cật phá các Bồ-tát ở cõi Chúng Hương đến gặp ngài Duy-ma-cật. Ngài Duy-ma-cật hỏi: Đức Hương Tích Như Lai của các ngài thuyết pháp thế nào? Chúng Hương Bồ-tát trả lời: Đức Như Lai ở cõi nước tôi không dùng văn tự để thuyết pháp. Đức Hương Tích Như Lai không dùng văn tự nói pháp mà chỉ dùng các loại hương thơm khiến chư thiên nhân có thể hợp với giới luật. Mỗi vị Bồ-tát đều ngồi dưới cây hương, ngửi diệu hương ấy liền có thể đạt được “nhất thiết đức tạng tam-muội”. Cho nên hương của thế giới Cực Lạc cũng như vậy, chúng sanh ngửi hương đều tu Phật hạnh. Có thể thấy thế giới Cực Lạc nhiếp trọn hết thấy chỗ thù thắng trong 21 câu-chi cõi Phật. Công đức mà Hương Tích Như Lai dùng hương để làm Phật sự thì ở thế giới Cực Lạc cũng đều nhiếp được.

**Nguyện thứ 44:** nguyện được phổ đẳng Tam-muội.

Nguyện văn là: **Ngã tác Phật thời, thập phương Phật sát chư Bồ-tát chúng, văn ngã danh dĩ, giai tất đãi đắc thanh tịnh, giải thoát, phổ đẳng tam-muội, chư thâm tổng trì, trụ tam-ma-địa, chí u thành Phật.**

*Khi con thành Phật, chư Bồ-tát trong mười phương cõi Phật nghe danh hiệu con rồi theo đó đều đạt được thanh tịnh, giải thoát, phổ đẳng tam-muội, các loại tổng trì thâm sâu, trụ tam-ma-địa, cho đến thành Phật.*

Từ nguyện này trở đi cho đến nguyện sau cùng, tức từ nguyện thứ 44 đến nguyện thứ 48, năm nguyện này đều chỉ cho trường hợp ở thế giới phương khác nghe danh được lợi ích. Những người trong cõi Tịnh độ đều là đại tâm hành giả, đã đoạn kiến tư hoặc, phát Bồ-đề tâm, đều là Bồ-tát, không có phàm phu. Thế nên lời nguyện gọi thẳng họ là chư Bồ-tát ở mười phương cõi Phật. Chỉ cần vừa nghe được danh hiệu Di-đà thì “giai tất đãi đắc”, “đãi” nghĩa là theo kịp, đạt tới, cũng chính là theo đó mà đạt được, đạt được ba loại tam-muội là: thanh tịnh, giải thoát và phổ đẳng. Bản dịch thời Tống nói là “ứng thời chúng đắc”, đồng nghĩa với “giai tất đãi đắc”.

Thanh tịnh có nghĩa là gì? Không có hoài nghi, cấu uế, nhiễm trước. A-di-đà Phật còn có tên là Vô Lượng Thanh Tịnh Phật. Trong kinh này, hành nhân nếu có thể làm được “nhất niệm tịnh tâm, nhất niệm tịnh tín” cầu sanh Cực Lạc Tịnh độ thì đều được như nguyện. Có thể thấy thanh tịnh vô cùng quan trọng. Chánh định trong thanh tịnh thì gọi là thanh tịnh tam-muội. Hiện nay rất nhiều người khi nhập định thì có được một chút tịnh cảnh, đạt được một chút khinh an thì liền vui thích, đó chính là nhiễm trước, sắp sa vào con đường sai lầm. Người có dụng công một chút đều biết niềm vui ở thế gian chẳng đáng gì cả, so với pháp lạc thì không thể so sánh. Phải biết thanh tịnh tam-muội là vô nhiễm vô trước tam-muội.

Giải thoát tam-muội là tam-muội lìa khỏi tất cả ràng buộc, tự do tự tại. Nghe một câu nói không vừa tai liền tức giận thì bạn rất bị tác động, bạn bị trói chặt rồi. Họ vừa lôi kéo thì bạn chạy theo rồi, làm gì có tự do tự tại. Đạt được giải thoát tam-muội thì bạn không còn bị trói buộc nữa. Thế nên thế nào gọi là thiện tri thức? Thiện tri thức chỉ là giúp cho người cởi bỏ ràng buộc, nơi nào dính chấp thì sẽ kéo ra, nơi nào ràng buộc thì sẽ cởi trói. Cho nên Thiền tông nói: “Trong Thiền môn thật không có một pháp nào để cho người cả”.

Phổ đẳng tam-muội, phổ là phổ biến, đẳng là bình đẳng, đừng xem thường bốn chữ “phổ biến bình đẳng” này. Tất cả mọi thứ đều có thể phổ biến bình đẳng rồi thì sẽ là cảnh giới gì vậy? Đã đạt được pháp môn Bất Nhị. Không bình đẳng chính là hai thứ, tà và chánh là hai thứ, thiện và ác là hai thứ, Phật và ma là hai thứ, nhiều loại phân hai thứ. Thế gian phân thành hai thứ thì còn nhiều hơn nữa, nam và nữ là hai rồi. Nếu tất cả đều không có sai biệt thì mới là bình đẳng, phổ biến mà không có sai biệt thì là phổ đẳng. Phổ đẳng tam-muội là tam-muội rất sâu.

“Chư thâm tông trì”, tông trì chính là Đà-la-ni. “Trụ tam-ma-địa” chính là an trụ ở chánh định, chánh thọ. Hiện nay rất nhiều người luyện công không phải là chánh định, từ tà định mà phát ra tà thông, đi vào đường tà, sau cùng đọa lạc, cho nên muốn lên mà lại rớt xuống, càng luyện càng không tốt. Do nghe danh mà được phổ đẳng tam-muội là ý chính của nguyện này. Do đó tự nhiên đạt được nhiều loại tông trì thâm sâu, an trụ vào chánh định, sau cùng công viên quả mãn, đạt được thành Phật.

Vừa rồi nói có người luyện công lạc vào tà đạo, đắc được ma thông, việc này thật có, 20-30 năm trước đã có. Những năm này hưng khởi lên một phong trào, người luyện khí công rất nhiều, theo thời cơ mà phát sinh ra đủ hình đủ loại thầy khí công, lại còn là cấp bậc đại sư, những đại sư này đều là vị thần ngồi trên tòa cao. Còn nhớ năm đó có biết bao người đối với các thần này đánh lễ cúng bái, thậm chí đến mức cuồng tín. Bây giờ nghĩ lại thật sự không thể nghĩ bàn, những người này lúc đó bị sao vậy? Dây thần kinh nào của họ đã đi sai đường vậy? Còn nhớ năm đó ở một nơi nọ có một bậc thầy khí công lớn, danh tiếng nổi như cồn, chấn động một thời, không ai chẳng biết, không ai chẳng hay, được tung hô lên đến tận mây xanh, kiểu cách đó của bà ấy đã vượt trên cả mọi người, về sau không biết vì nguyên nhân gì mà biệt tăm biệt tích. Tình hình hiện nay của chúng ta so với thời đó vừa có điểm tương đồng vừa có điểm khác biệt, hiện nay người luyện khí công ít rồi, người luyện những loại công khác thì vẫn còn nhiều, chẳng phải nói luyện công không tốt, ý tôi là bạn luyện công gì thì cũng phải lựa chọn cẩn thận, đừng lạc vào ma đạo, đừng đắc thần thông của ma.

Những năm đó người học Mật càng ngày càng nhiều, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ từ bi đến cùng cực, ngài là kim cương thượng sư của Mật tông, đó là vị kim cương

thượng sư thật sự có sư thừa. Ngài đã gióng lên hồi chuông cảnh tỉnh cho chúng ta, ngài nói với chúng ta, vì sao nhiều người học Mật đến như vậy?

Thứ nhất là do tâm hiếu kỳ, những thứ này đều nhìn quen rồi, không còn kỳ lạ nữa, nhìn đến Mật tông thấy những tướng này rất lạ kỳ, tướng uy mãnh, tướng song thân, đều xuất phát từ tâm hiếu kỳ, vậy không được rồi.

Thứ hai là mong nhanh chóng, nói Mật tông thành tựu nhanh chóng, họ có thái độ gấp gáp, muốn bản thân mau chóng thành tựu, vì cá nhân mà tính toán, đây đều là tế bào ung thư.

Thứ ba là muốn tìm đường tắt, muốn không tốn sức mà tìm được lối tắt để vào, lắc mình một cái thì biến thành Phật, vậy thì bản thân đã có tà kiến rồi.

Thứ tư là muốn đắc thần thông, trong Mật pháp có thần thông, họ ưa thích thần thông, truy cầu thần thông, đặc biệt là rất thích lối tu song thân, rất nhiều người muốn học điều này. Để đáp ứng nhu cầu này thì có đủ loại chiêu bài được bày ra, nào là Phật sống, pháp vương, pháp vương của các pháp vương.

Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ từ bi, ngài nói với chúng ta làm thế nào để phân biệt sư phụ, hãy nhớ kỹ tám chữ: phạm là người bàn đến thần thông huyền diệu, đề xướng lối tu song thân thì nhất định phải tránh xa, bất kể họ có bản lĩnh đến đâu thì người thầy như vậy rất nguy hiểm, nếu như họ còn tham tiền tài thì càng phải tránh xa hơn.

Ba loại tam-muội trong lời nguyện, sách Hội Sớ nói: thanh tịnh tam-muội, giải thoát tam-muội, phổ đẳng tam-muội đều là niệm Phật tam-muội. Vì niệm Phật tam-muội được gọi là bảo vương tam-muội, bảo vương tam-muội là quý nhất trong tất cả tam-muội, là vua trong tất cả tam-muội, có đủ công đức của tất cả tam-muội. Đã có đủ công đức của tất cả tam-muội, đương nhiên cũng có đủ danh hiệu của tất cả tam-muội. Niệm Phật tam-muội có thanh tịnh tam-muội, giải thoát tam-muội, phổ đẳng tam-muội và các loại danh xưng tam-muội khác. Cho nên sau cùng, Bồ-tát của các cõi Phật khác vừa nghe danh hiệu Phật thì được tam-muội thù thắng cho đến thành Phật.

Lợi ích của việc nghe danh hiệu Phật vượt hơn các nguyện trước đó, đây là vì người nghe danh hiệu là Bồ-tát, đã đoạn kiến tư hoặc, hiện đang đoạn trừ trần sa và vô minh, hoặc chướng đã nhẹ, dễ tương ứng với Bồ-đề, giống như tấm kính dơ đã

được đánh bóng, tự nhiên dễ hiện ra hình ảnh soi chiếu. Một câu Phật hiệu, nhân quả đồng thời, có hết thấy công đức của bảo vương tam-muội, cũng chính là công đức của tất cả tam-muội. Bồ-tát phương khác nghe danh tương ứng, đồng khế nhập bảo vương tam-muội, phổ đẳng tam-muội, tất cả tam-muội, đồng thời có hết thấy công đức tam-muội.

**Nguyện thứ 45:** nguyện trong định cúng Phật.

Nguyện văn là: **Định thường cúng vô lượng vô biên hết thấy chư Phật, bất thất định ý. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh giác.**

*Trong định thường cúng dường vô lượng vô biên hết thấy chư Phật, không mất định ý. Nếu không được như vậy, con không thành Chánh giác.*

Đại ý của lời nguyện là: Bồ-tát phương khác do nghe danh mà trụ vào chánh định, trong định thường cúng dường tất cả chư Phật. Nói cúng dường rộng khắp chính là ngay ở chỗ dụng công hồi hã nhưng không hề mất định ý, cho nên nguyện này gọi là trong định cúng Phật. Đây là cảnh giới thậm thâm của Bồ-tát Địa thượng. Hội Sớ cho rằng: Những Bồ-tát sơ phát tâm ở phương khác do nghe được danh hiệu Phật, nhanh chóng đăng Địa thượng, được các lực tam-muội, nên mới có thể cúng Phật trong định.

Vãng Sanh Luận Chú nói: “Bồ-tát Bát địa trở lên thường ở trong tam-muội, dùng sức tam-muội, thân không rời bốn xứ mà có thể đi khắp mười phương cúng dường chư Phật, giáo hóa chúng sanh”. Nghe danh nhanh chóng đăng Địa thượng, nên công đức câu Phật hiệu không thể nghĩ bàn, nguyện lực của đức Di-đà không thể nghĩ bàn.

**Nguyện thứ 46:** nguyện đắc Đà-la-ni.

Nguyện văn là: **Ngã tác Phật thời, tha phương thế giới chư Bồ-tát chúng, văn ngã danh giả, chứng ly sanh pháp, hoạch Đà-la-ni.**

*Khi con thành Phật, chư Bồ-tát ở thế giới phương khác nghe danh hiệu con, chứng ly sanh pháp, đắc được Đà-la-ni.*

Đại ý của lời nguyện là, chư Bồ-tát ở thế giới phương khác, nghe được danh hiệu của tôi liền chứng nhập ly sanh pháp. Ly sanh chính là lìa khỏi sanh tử. Hành nhân Tam thừa đoạn kiến hoặc, tư hoặc, lìa khỏi sanh tử trong ba cõi, chứng ly sanh



pháp. Bồ-tát đoạn hoặc, đoạn kiến tư hoặc là bước đầu tiên, còn có trần sa, vô minh hoặc, tổng cộng ba hoặc. Nghe danh không những lìa sanh tử, mà quan trọng hơn là đắc được Đà-la-ni.

Đà-la-ni có 4 ý nghĩa. Thứ nhất là pháp Đà-la-ni, đối với tất cả giáo pháp của Thế Tôn có thể nghe, có thể trì, vĩnh viễn không quên mất. Thứ hai là nghĩa Đà-la-ni, đối với nghĩa chân thật của tất cả pháp đều tổng trì không quên. Thứ ba là chú Đà-la-ni, chú còn gọi là minh và chân ngôn, đối với tất cả chú đã từng nghe đều không quên. Thứ tư là nhãn Đà-la-ni, an trụ trong thật tướng của các pháp, gọi là nhãn Đà-la-ni, cũng chính là an trụ trong cảnh giới thật tướng, an trụ trong cảnh giới pháp thân. Trong Thiền tông gọi là phá trùng quan, phá thêm một cửa nữa thì kiến giải đồng như Phật, gọi là pháp thân mộc mạc, so với pháp thân của chư Phật chỉ là vụn đức vẫn chưa viên mãn, thiếu sự trang nghiêm, nên gọi là pháp thân mộc mạc. Bồ-tát mười phương nghe được danh hiệu Phật liền an trụ trong thật tướng các pháp, thật là vô thượng thù thắng.

**Nguyện thứ 47:** nguyện nghe danh đắc nhãn.

Nguyện văn là: **Thanh tịnh hoan hỷ, đắc bình đẳng trụ, tu Bồ-tát hạnh, cụ túc đức bốn, ứng thời bất hoạch nhất nhị tam nhãn, u chư Phật pháp bất năng hiện chứng bất thoái chuyển giả, bất thủ Chánh giác.**

*Thanh tịnh hoan hỷ, được bình đẳng trụ, tu hạnh Bồ-tát, đầy đủ gốc công đức, ngay tức thời nếu không đạt được một, hai, ba thứ nhãn, đối với các Phật pháp không thể chứng ngay bất thoái chuyển thì con không thành Chánh giác.*

Đại ý của lời nguyện là:

Thanh tịnh nghĩa là vốn không nhiễm trước. Hoan hỷ là trong tâm hỷ duyệt, lấy tịch diệt làm vui. Bình đẳng, kinh Kim Cang nói: pháp ấy bình đẳng không có cao thấp. An trụ trong pháp bình đẳng, ba thứ: tâm, Phật, chúng sanh đều không có sai biệt, chính là bình đẳng trụ. Dùng pháp môn Tịnh độ bình đẳng phổ độ để tự giác, giác tha, đều ban cho lợi ích chân thật, đó là tu Bồ-tát hạnh. Tu hành như vậy tự nhiên đầy đủ tất cả gốc công đức của quả vị Phật, đây gọi là “cụ túc đức bốn”.

“Ứng thời” chính là ngay tức thì, lập tức. “Nhất nhị tam nhãn” là đệ nhất nhãn, đệ nhị nhãn, đệ tam nhãn. Bản dịch thời Ngụy nói: Sau khi tôi thành Phật, chúng sanh mười phương nghe đến tên tôi, nếu không đắc được vô sanh pháp nhãn của Bồ-

tát, trụ sâu tổng trì thì không ở ngôi Chánh giác. Bản dịch thời Tống nói: Người nghe tên tôi lập tức đắc được sơ nhãn, nhị nhãn, cho đến vô sanh pháp nhãn, thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Cho nên đệ tam nhãn chính là vô sanh pháp nhãn, chính là trí tuệ chân thật an trụ vào lý thể thật tướng không sanh không diệt nhưng chẳng động thì gọi là vô sanh pháp nhãn. Cũng chính là trí tuệ an trụ như như bất động vào lý thể thật tướng vốn không sanh không diệt thì gọi là vô sanh pháp nhãn. Đại Trí Độ Luận nói: Vô sanh pháp nhãn là ở trong thật tướng không sanh không diệt của các pháp có thể tin thọ thông đạt, vô ngại, bất thoái, thì gọi là vô sanh nhãn. Đại Trí Độ Luận nói rằng: Đối với thật tướng của các pháp vốn không sanh diệt có thể tin thọ, nghe rồi thì sanh lòng tin, y giáo phụng hành; thông đạt là dung thông hiểu rõ; vô ngại là không có mâu thuẫn chướng ngại; bất thoái là tiến lên phía trước không thoái chuyển, thì đây gọi là vô sanh pháp nhãn. Căn cứ vào hai bản dịch thời Ngụy và thời Tống thì đệ tam nhãn chính là vô sanh pháp nhãn, chớ nên sanh nghi ngờ.

Phẩm thứ 15 của kinh này có câu “kiến Bồ-đề thụ cập tam chủng nhãn”. Thứ nhất là âm hưởng nhãn, do âm hưởng mà ngộ ra chân lý. Thứ hai là nhu thuận nhãn, huệ tâm nhu nhuyễn, có thể tùy thuận chân lý. Thứ ba là vô sanh pháp nhãn. Ba nhãn này chính là ba thứ nhãn trong nguyện thứ 47 này. Bồ-tát Long Thọ nói: Sơ địa Bồ-tát trở lên cũng có thể được vô sanh nhãn, nhưng căn cứ theo kinh Nhân Vương và Địa Kinh thì vô sanh pháp nhãn là địa vị của Thất địa Bồ-tát, Bát địa Bồ-tát, Cửu địa Bồ-tát. Thế nên thường nói là Bát địa Bồ-tát và Bồ-tát từ Bát địa trở lên mới thật sự chứng đắc vô sanh pháp nhãn, có thể thấy cõi Phật phương khác, vãng sanh đến cõi Phật khác ngoài thế giới Cực Lạc, trong đó sơ phát tâm Bồ-tát vừa nghe danh hiệu Di-đà thì lập tức chứng vô sanh pháp nhãn, trở thành Địa thượng Bồ-tát, công đức nghe danh không thể nghĩ bàn.

**Nguyện thứ 48:** nguyện hiện chứng bất thoái.

Nguyện văn là: **Ư chư Phật pháp, bất năng hiện chứng bất thoái chuyển giả, bất thủ Chánh giác.**

*Đối với các Phật pháp không thể chứng ngay bất thoái chuyển thì con không thành Chánh giác.*

Đại ý của lời nguyện như sau: Tất cả Bồ-tát của cõi Phật phương khác vừa nghe đến danh hiệu A-di-đà Phật liền chứng bất thoái chuyển, trở thành A-bệ-bạt-trí. Kinh Nhân Vương nói: Bồ-tát Tín vị của Biệt giáo được gọi là Khinh Mao Bồ-tát, giống như sợi lông chim trong gió, theo gió lên xuống không định, chạy đông chạy tây.

Kinh Niết-bàn lại nói: Cá con, Am-la-hoa, Bồ-tát sơ phát tâm, ba việc có nhân nhiều. Nghĩa là gì vậy? Cá con trong bụng cá mẹ rất nhiều, nhưng số cá con chào đời rất ít. Am-la-hoa nở hoa rất nhiều, kết quả rất ít. Bồ-tát sơ phát tâm rất nhiều, có thể thành Phật rất ít, cho nên nói ba việc có nhân nhiều.

Kinh Thập Trụ Bồ-tát Đoạn Kiết lại nói: Ngài Xá-lợi-phất trong 60 kiếp đầu lên xuống giữa địa vị sơ trụ và lục trụ, không đạt được bất thoái chuyển. Ngày nay nhờ sức thệ nguyện lớn như biển của đức Di-đà, Bồ-tát phương khác vừa nghe đến danh hiệu Phật liền chứng bất thoái chuyển, quả thật là Nhất thừa nguyện hải, diệu dụng phương tiện rốt ráo không thể nghĩ bàn. Bất thoái ở đây cùng với vô sanh pháp nhẫn là như nhau, có thể chứng minh đó là “niệm bất thoái” trong bất thoái, niệm niệm lưu nhập biển Tát-bà-nhã của Như Lai. Công đức, nguyện lực của Di-đà nguyện vương không thể nghĩ bàn.

Do pháp môn này vô cùng thù thắng, nên chúng sanh thời Mạt pháp quả thật khó sanh tín tâm. Phải nên nghĩ rằng Như Lai là bậc chân ngữ, thật ngữ, đâu cần lừa gạt chúng ta làm gì, ngài gạt chúng ta làm gì chứ? Ngài muốn làm quốc vương ư? Ngài từ bỏ vương vị, trước khi thành Phật ngài tu khổ hạnh, sau khi thành Phật vẫn đi khát thực, ăn gió nằm sương, uống ăn trong gió đất, trú ngụ dưới vòm trời, đến bất cứ nơi nào chẳng những không có máy bay, cũng không có ô-tô mà là đi bộ, thường thường dẫn đệ tử đi hàng dài xin ăn, từ nơi này sang nơi khác. Một vị thái tử từ bỏ tất cả là vì sao? Chỉ là vì độ chúng ta, ngài gạt chúng ta làm gì? Cho nên đối với pháp môn này chúng ta phải sanh lòng tin chân thật.

Đại nguyện vương của A-di-đà Phật, 48 lời nguyện thù thắng chính là sự lưu lộ của bốn tâm vạn đức viên minh của đức Di-đà, mỗi một nguyện đều siêu tình lý kiến, chẳng phải điều mà vọng tâm của chúng sanh [có thể] suy nghĩ, tính toán, đây là phương tiện thù thắng triệt để, không có nguyện nào chẳng phải vì lợi ích chân thật thù thắng vĩnh hằng của tất cả chúng sanh. Cổ đức nói: Mỗi lời nguyện đều vì

làm lợi ích cho chúng hữu tình, mỗi lời nguyện đều mong muốn cùng chúng sanh rốt ráo thành Phật. Hai câu này chỉ rõ thánh tâm của đức Di-đà.

Đại nguyện của đức Di-đà nếu phân biệt nêu rõ thì là 48 nguyện thành tựu, nếu nói chi tiết hơn thì có thể là 480 nguyện, cho đến 48.000 nguyện v.v. hợp lại chính là biển đại thế nguyện của đức Di-đà, còn gọi là Nhất thừa nguyện hải. Nhất thừa nguyện hải chính là báu trong các báu, vua trong các vua, tâm của tâm, diệu của diệu trong pháp môn Tịnh độ, cho dù có trăm ngàn cái miệng, trăm ngàn cái lưỡi cũng không thể nói hết những lời tán thán.

Toàn bộ đại nguyện ví như một tấm vải gấm rực rỡ tươi sáng tinh xảo tuyệt luân. Mỗi lời nguyện chính là mỗi một hình vẽ hoa văn trên tấm vải gấm ấy, ví dụ như trái bàn đào, bàn tay Phật, hoa sen, mẫu đơn, hạc tiên, không tước, đều hết sức xinh đẹp. Tuy mỗi hình mỗi vẽ nhưng đều nhất tề quy ngưỡng, phối hợp tạo thành bức tranh xinh đẹp hoàn chỉnh. Toàn bộ tấm vải gấm chỉ là hai sợi chỉ chạy song song, một sợi thì trọn khắp mười phương hư không, tận vị lai kiếp số, tất cả cõi nước, tất cả chúng sanh không phân tộc loại, chẳng xét thiện ác trí ngu, cho dù là chúng sanh ác đạo thấy đều bình đẳng nhiếp thọ, giáo hóa, gia trì, tiếp dẫn, khiến lìa đường ác, chỉ thọ niềm vui. Một sợi kia thì nguyện tất cả chúng sanh mây trần chẳng nhiễm, chẳng lập một pháp, viễn ly vọng tưởng chấp trước, khôi phục Như Lai bản tánh, sanh diệt chóng trừ, tịch diệt là niềm vui, chứng đại Niết-bàn, rốt ráo thành Phật.

Phàm phu ở thế giới Cực Lạc chính là A-bệ-bạt-trí, vô tình thuyết pháp, ao sen, cây báu tuyên diễn pháp âm, hương thơm quang minh tỏa khắp mười phương, lợi ích rộng khắp hết thấy chúng sanh, thấy đều là việc siêu tình ly kiến, hết sức hy hữu, tất cả chính thể đều không thể nghĩ bàn, toàn bộ đều là cảnh giới Hoa Nghiêm. Mỗi sợi lông, mây trần trong nước Cực Lạc đều tròn sáng đầy đủ công đức, viên mãn đầy đủ, viên dung vô ngại, thanh tịnh quang minh, chiếu trọn mười phương, hết thấy diệu đức đều có đủ.

Như Vãng Sanh Luận nói: “Phật, Bồ-tát, cõi nước ở nước Cực Lạc, ba loại trang nghiêm đều nhập vào nhất pháp cú, nhất pháp cú là câu thanh tịnh, câu thanh tịnh là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi”. Đây chính là nói rõ hết thấy mọi thứ trong nước thấy đều là trí tuệ và pháp thân của đức Di-đà, cho nên không có thứ nào mà

không tròn sáng đầy đủ công đức, tuyệt diệu đặc biệt cả, có thể ban lợi ích chân thật cho tất cả chúng sanh.

Ba thứ chân thật của kinh này cùng với lời khai thị của Thiên Thân Bồ-tát tương hợp với nhau, cùng nhau hô ứng. Bồ-tát Pháp Tạng trụ chân thật huệ, nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ, tương hợp với cách nói ba loại trang nghiêm nhập vào trí tuệ chân thật của Thiên Thân Đại sĩ. Chỗ khai hóa hiển thị của kinh này là “chân thật chi tế”, tương đồng với [cách nói] “pháp thân vô vi” của Thiên Thân Đại sĩ. Cho nên Cực Lạc vi diệu cùng cực, vượt hơn mười phương, ban cho tất cả chúng sanh lợi ích chân thật, khiến cho tất cả đều trụ chánh định tụ, chứng bất thoái chuyển, khế ngộ vô sanh, nhất định thành Phật.

Đại nguyện của đức Di-đà hiển bày sâu sắc cảnh giới lý sự vô ngại của Phật pháp Đại thừa. Bản thể của Cực Lạc là pháp thân vô vi, thế nhưng vạn vật trong nước đều vi diệu đẹp lạ, trang nghiêm vô tận, đồng thời khiến cho ai nhìn thấy, nghe thấy đều tăng tiến. Lý thể của pháp thân vô vi hiển hiện vô lượng trang nghiêm, vô biên diệu dụng, đây chính là lý không chướng ngại sự. Thêm nữa, nhân dân trong nước cúng dường rộng khắp đến chư Phật trong mười phương mà không hề mất định ý, rộng làm Phật sự nhưng vẫn ở trong định, đây là sự không chướng ngại lý. Các diệu cảnh lý thể và sự tướng không chướng ngại nhau trọn khắp trong toàn thể lời nguyện của kinh.

Mỗi một đóa hoa, hương thơm, mây trần, sợi lông ở Cực Lạc đều là viên minh cụ đức, cũng đều là nét đặc trưng của nhất chân pháp giới trong Hoa Nghiêm, cũng chính là tự tâm của đức Di-đà và hành giả tu tập. Vì vậy cảnh giới Cực Lạc không thể nghĩ bàn, có đủ thập huyền của Hoa Nghiêm, một tức là nhiều, lớn nhỏ dung hợp nhau, rộng hẹp tự tại, co duỗi đồng thời, đều hiện ra rất rõ ràng trong lời nguyện.

Ví dụ, do các báu hợp thành một vật là nhiều gom vào một. Hương thơm của vật ấy tỏa ra, chỉ là một bụi hương nhưng đầy khắp mười phương thế giới, đây là một hòa vào trong nhiều. Một có thể nhập vào nhiều, nhiều có thể gom vào một, đây chính là một và nhiều không hai. Nước Cực Lạc như tấm gương có thể soi chiếu vô lượng vô số thế giới chư Phật không thể nghĩ bàn trong mười phương, đó là nhỏ có thể chứa lớn. Cõi nước Tịnh độ trang nghiêm của chư Phật tuy là rộng nhưng đều có thể được nhìn thấy trong cây báu, cây báu là hẹp, đây là rộng hẹp tự tại. Trong một niệm, trong một sát-na khởi ý niệm có thể hoàn thành việc đi khắp ức na-do-tha trăm

ngàn cõi Phật để cúng dường chư Phật. Việc này cần thời gian dài nhiều kiếp mới có thể viên mãn Phật sự, cho nên đây là co duỗi tương đồng, đã đột phá được thời gian.

Thế giới Cực Lạc sâu xa huyền diệu, nhưng cũng có thể liệt kê sự việc để làm ví dụ minh họa. Ví như làn sóng trong ao, trái phải trước sau của làn sóng ấy đều có sóng, nhưng bạn làm thế nào để vẽ rõ ranh giới của làn sóng ở giữa với sóng ở bốn bề? Việc này không thể rồi. Bản thể của mỗi làn sóng chỉ là nước, nước chính là nước trong toàn bộ tổng thể ao, cho nên tất cả sóng đều ở trong bản thể của một làn sóng, thế nên nói một làn sóng hàm chứa tất cả sóng, một là tất cả, tất cả là một.

Chính bởi vì một là tất cả nên một câu Phật hiệu gồm đủ tất cả công đức, tất cả diệu dụng của vô biên pháp môn như Hiển, Mật, Thiên, Tịnh. Thế nên phàm phu bị trói buộc chỉ cần tín nguyện trì danh thì lâm chung tự nhiên được chư Phật tiếp dẫn, đơi nghiệp vãng sanh. Sanh về nước kia rồi tuy vẫn còn là phàm phu nhưng đã chứng địa vị bất thoái. Tuy các tội chưa tiêu nhưng nhất định không đọa ba đường ác. Hoa khai kiến Phật, đốn ngộ vô sanh, nhất định thành Phật trong cõi Thường Tịch Quang. Đây đều là nhờ sáu chữ hồng danh viên minh cụ đức, Nhất thừa nguyện hải viên minh cụ đức.

Đại sư Ngẫu Ích nói: “Thật tướng không hai, cũng chẳng phải không hai, cho nên nêu lên bản thể để tác y, tác chánh, tác pháp, tác báo, tác tự, tác tha, cho đến năng thuyết sở thuyết, năng độ sở độ, năng tín sở tín, năng nguyện sở nguyện, năng trì sở trì, năng sanh sở sanh, năng tán sở tán, không có cái nào chẳng được chánh ấn của thật tướng in vào”. Cho nên hễ bước vào cửa Tịnh nghiệp thì thân đã ở trong biển lớn thật tướng. Bất luận là bạn bơi sấp, hay bơi ngửa, bơi tự do, bơi bướm hay lặn sâu, bất luận bơi đông bơi tây, hoặc chìm hoặc nổi thì đều không rời khỏi biển lớn thật tướng này, cũng chính là biển công đức đại thể nguyện của đức Di-đà, cũng chính là biển đại trí tuệ Tát-bà-nhã. Chỉ cần tin sâu nguyện thiết bèn nhập vào biển này, tức là nhập vào biển trí tuệ công đức của Di-đà.

Siêu tình ly kiến, ngôn ngữ thế gian không cách nào nói tốt, vọng tâm của chúng sanh không thể suy lường nổi. Thế nhưng Di-đà Thế Tôn đại ân đại đức đặc biệt ban cho phương tiện cứu độ rộng khắp nên mở ra pháp môn vi diệu này, hết thấy chúng sanh nghe danh hiệu Phật, lòng tin nhận sâu, thật thà niệm Phật, nguyện cùng chúng sanh cùng sanh Cực Lạc. Chỉ cần tâm này chân thật thì người này tuy thân

còn tại Ta-bà nhưng đã được Di-đà nhiếp thọ, không còn thoái chuyển nữa. Đúng như Kinh A-di-đà nói: “Nếu có người đã phát nguyện, nay phát nguyện, sẽ phát nguyện, muốn sanh cõi nước của A-di-đà Phật, thì những người ấy đều được không thoái chuyển nơi A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề”.

Phẩm kinh văn thứ sáu: phát đại thệ nguyện độ lục, chúng tôi đã dùng thời gian 5 giờ để giảng hết. Chúng ta phải biết rằng, người phát đại thệ nguyện là tỳ-kheo Pháp Tạng, cũng chính là A-di-đà Phật. Bốn mươi tám nguyện là A-di-đà Phật nói, là Thích-ca Mâu-ni Phật trong hội Vô Lượng Thọ trần thuật lại cho chúng ta. Hai vị đạo sư của hai cõi, một vị đích thân nói ra, một vị trần thuật nguyện văn lời nguyện cho chúng ta, có thể thấy được ý nghĩa quan trọng của 48 nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ, đây chính là nét bút điểm tròng con mắt của toàn bộ kinh.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 38

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Từ tiết học này trở đi, chúng tôi sẽ giảng phẩm kinh văn thứ bảy:

### TẮT THÀNH CHÁNH GIÁC ĐỆ THẤT

Phẩm kinh văn thứ sáu là “phát đại thệ nguyện”, phẩm kinh văn thứ bảy là “nhất định thành Chánh giác”. Hai phẩm kinh văn này có quan hệ như thế nào? Một phẩm là nhân, một phẩm là quả. Phát đại thệ nguyện là nhân, nhất định thành Chánh giác là quả. Có nhân thù thắng của đại thệ nguyện ắt sẽ cảm được thành tựu diệu quả Vô thượng Chánh giác.

Tỳ-kheo Pháp Tạng ở trước Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai sau khi nói ra 48 đại nguyện, lại dùng kệ tụng biểu đạt tâm nguyện của chính mình.

Tiếp theo chúng ta xem bài kệ tụng đầu tiên của tỳ-kheo Pháp Tạng.

**Ngã kiến siêu thế chí, tất chí Vô thượng đạo, tư nguyện bất mãn túc, thệ bất thành Đẳng Giác. Phục vi đại thí chủ, phổ tế chư cùng khổ, linh bị chư quần sanh, trường dạ vô ưu não, xuất sanh chúng thiện căn, thành tựu Bồ-đề quả.**

*Con lập chí hơn đời, ắt đến đạo Vô thượng, nguyện này nếu không toại, thệ không thành Đẳng giác. Còn làm đại thí chủ, cứu khắp chúng cùng khổ, khiến các quần sanh kia, đêm dài không ưu não, xuất sanh các căn lành, thành tựu quả Bồ-đề.*

Bốn câu mở đầu của bài kệ tụng này là toàn thể trọng tâm đại nguyện của Pháp Tạng Đại sĩ. Đại ý của 4 câu mở đầu là: Tôi đã lập nên chí nguyện siêu vượt tất cả thế gian, nhất định thành tựu đến đạo Vô thượng, nếu nguyện này không thể viên mãn, tôi nhất định không thành Phật. Bốn câu này dặt nên các đường kinh vĩ tuyến của 48 nguyện: đại nguyện nhất định thành Phật.

Đại ý của sáu câu kinh văn kế tiếp là: Khi tôi cầu thành bậc Chánh giác, còn muốn làm vị đại thí chủ của các loài chúng sanh, cứu giúp sự bần cùng và khốn khổ của họ, muốn làm cho các loài chúng sanh trong đêm dài sanh tử vĩnh viễn lìa ưu khổ, đồng thời sanh ra đủ mọi thiện căn, thành tựu diệu quả Bồ-đề. Đây lại dặt nên



một đường kinh vĩ tuyến khác của 48 nguyện: nguyện nguyện đều vì tất cả chúng sanh.

Tiếp theo sẽ giải thích cụ thể bài kệ tụng này.

*“Ngã kiến siêu thế chí, tất chí Vô thượng đạo”.*

Siêu thế là siêu vượt tất cả thế gian, ở đây chỉ cho không những vượt hơn Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát mà còn vượt hơn chư Phật. Trong kinh đã nói, khi Pháp Tạng Đại sĩ phát nguyện nói rằng: Tôi lập thế nguyện, đều vượt hơn vô số cõi nước chư Phật. Còn có bài kệ Hậu Xuất nói rằng: Phát nguyện du chư Phật, gồm 24 lời thế. “Du” nghĩa là vượt hơn, tôi phát 24 lời thế nguyện, vượt hơn tất cả chư Phật, đây chính là nói, đại nguyện mà Pháp Tạng Đại sĩ đã phát là muốn vượt hơn chư Phật, thế giới Cực Lạc vượt hơn hết thủy thế giới mười phương. Cho nên nói chí nguyện siêu thế của Pháp Tạng tỳ-kheo, gọi là siêu thế, thực tế bao gồm việc muốn vượt hơn đại nguyện của chư Phật.

Pháp Tạng Đại sĩ trụ chân thật huệ, nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ, thế nên các sự thù thắng trang nghiêm của Cực Lạc đều là sự lưu lộ trí tuệ chân thật của tự tâm đức Di-đà, khế hợp với “ba thứ trang nghiêm nhập vào nhất pháp cú” mà Vãng Sanh Luận nói. Nhất pháp cú chính là câu thanh tịnh, là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Pháp thân vô vi chính là tự tâm của mỗi người, cho nên các loại y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc hoàn toàn hiển bày tâm của chính chúng ta.

Lão cư sĩ Hạ Liên Cư nói: “Nhờ y chánh ấy, hiện tự tâm ta” (thác bĩ y chánh, hiển ngã tự tâm). “Thác” nghĩa là mượn, nương vào, chính là nương vào y báo cõi nước của thế giới Cực Lạc, tức là màu sắc, ánh sáng, âm thanh, mùi hương; chánh báo chính là chư Phật Bồ-tát. Nương vào y báo, chánh báo của thế giới Cực Lạc ấy mà hiển hiện bản tâm của chính mình. Bởi vì thứ sẵn có trong tự tâm cũng chính là sự lưu hiện của pháp thân chư Phật. Cho nên một mảy trần, một sợi lông đều là nhất chân pháp giới, mỗi thứ đều tròn sáng đầy đủ công đức. Lý sự vô ngại: chim, nước, rừng cây đều nói diệu pháp; âm thanh, màu sắc, hương thơm, ánh sáng đều tăng trưởng ý niệm tu đạo. Đặc biệt là phàm phu đời nghiệp vãng sanh đều chứng địa vị bất thoái, siêu tình ly kiến, không thể nghĩ bàn. Sự sự vô ngại: hạt cải chứa núi Tu-di, sát-na chính là ức vạn kiếp, hoàn toàn phá trừ hết thủy tình kiến của thế gian.

Cho nên đại thệ nguyện rộng lớn như biển của Pháp Tạng Đại sĩ được gọi là “siêu thế chí”.

“*Tất chí Vô Thượng đạo*”, ‘đạo’ chính là giác ngộ, Vô thượng đạo chính là giác ngộ tối cao vô thượng, cũng chính là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Kinh Pháp Hoa nói:

“*Ta luôn nghĩ thế này:  
Lấy gì khiến chúng sanh  
Được vào Vô thượng đạo  
Mau thành tựu thân Phật*”.

Kinh văn của Pháp Hoa và đại nguyện của tỳ-kheo Pháp Tạng hoàn toàn như nhau, đều là muốn chúng sanh thành Phật. “Chắc chắn đến đạo Vô thượng” quán triệt trong toàn bộ đại nguyện, chính là chủ thể của đại nguyện, còn là quả thù thắng của đại nguyện. Bốn mươi tám nguyện, mỗi một nguyện đều là vì chúng sanh thành Phật, cho nên đây là chủ thể của bốn nguyện. Gọi là “quả” nghĩa là nếu chúng sanh y chỉ, phụng hành tuân theo lời đại nguyện rộng lớn như biển ấy thì nhất định chứng nhập Vô thượng Bồ-đề.

“*Phục vi đại thí chủ*”

Tôi còn muốn làm đại thí chủ. Đại thí chủ ở đây là phải bao gồm tài thí và pháp thí. Bởi vì chúng sanh vẫn là phàm phu, họ vẫn chưa lìa khỏi đời sống vật chất, nên cần phải bố thí tài. Nếu chỉ có bố thí tài thì việc cứu người không được triệt để, cứu người cần phải cứu triệt để, còn phải có bố thí pháp, khiến bản thân họ hiểu rõ. Phẩm Tích Công Lũy Đức của kinh này, tỳ-kheo Pháp Tạng luôn dùng các hạnh của Lục độ là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ để giáo hóa an lập chúng sanh, trụ vào đạo Vô thượng chân chánh. Dùng Lục độ để giáo hóa chúng sanh, khiến chúng sanh an trụ trong đạo chân chánh, đây chính là bố thí pháp. Lại nữa, trong tay thường xuất sanh châu báu vô tận, các thứ trang nghiêm, hết thảy những thứ cần thiết, những món vật tối thượng để làm lợi lạc hữu tình, đây chính là bố thí tài. Thế nên hai thứ bố thí tài và bố thí pháp chính là đại thí chủ, mới có thể chân thật cứu giúp rộng hết các chúng sanh cùng khổ, khiến tất cả chúng sanh thoát nghèo, lìa khổ, nghe danh được độ, vãng sanh Tịnh độ, rốt ráo thành Phật.

“*Khiến các quần sanh kia, đêm dài không ưu não*”.

Chúng sanh khởi một niệm vọng động thì rớt vào trong vô minh, vĩnh kiếp luân hồi trong sáu cõi, sanh tử tối tăm, nên gọi là “đêm dài”. Đồng thời vô minh còn che lấp bản tâm của chúng sanh nên cũng là đen tối, cũng là “đêm dài”. Trong đêm dài sanh tử ấy, muốn khiến chúng sanh không ưu tư, không khổ não, chính là khiến họ “xuất sanh các thiện căn”, muốn khiến chúng sanh xuất sanh thiện căn. Xuất sanh thiện căn rồi thì thiện căn sẽ kết quả, nhất định thành tựu quả Bồ-đề, đây chính là sự cứu độ từ bi chí cực. Cứu người như vậy thì có thể cứu triệt để. Bạn thấy một người đáng thương, bạn mời họ ăn một bữa ngon, thế nhưng ngày mai, ngày kia họ lại đói nữa, đây không phải là cứu triệt để. Để cứu người được triệt để thì phải khiến họ thành tựu các loại thiện căn, đó chính là nhất định thành tựu quả vị Bồ-đề, vĩnh viễn xa lìa lo lắng, tai nạn, giải thoát triệt để.

Bốn mươi tám đại nguyện của A-di-đà Phật, nguyện có 48, nhưng 48 nguyện đó là một nguyện, nguyện ấy là gì vậy? Nguyện ấy là phổ độ chúng sanh. Chúng ta là người học Phật, học gì vậy? Chính là học điều này. Hiện nay chúng ta phát ra nguyện gì? Chỉ cầu chính mình vãng sanh, không nghĩ đến người khác, có thể phát ra nguyện này thì đã không tệ rồi, bởi vì họ còn biết cầu vãng sanh.

Chúng ta quay đầu lại xem nguyện của A-di-đà Phật, chẳng phải rất tuyệt vời sao? Nguyện nguyện đều là phổ độ mười phương ba đời tất cả chúng sanh trong tất cả cõi nước của chư Phật. Hãy chú ý, có hai chữ “tất cả”, trên từ Đẳng giác Bồ-tát, dưới đến chúng sanh địa ngục, một người cũng không sót. Đây là 48 nguyện của đức Di-đà, tâm lượng ấy lớn biết bao! Chúng ta nhất định không được lơ là, không được quên mất, chúng ta học Phật thì phải học điều này. Chúng ta học điều này thì mới tương ưng với A-di-đà Phật. Bằng không thì có phát nguyện thế nào cũng không tương ưng với A-di-đà Phật.

A-di-đà Phật, nguyện nào cũng là độ chúng sanh, còn chúng ta đối với chúng sanh vẫn còn có ý kiến, tôi thích chúng sanh này, tôi muốn độ họ; chúng sanh kia tôi không ưa nên tôi mới không độ họ, nếu độ họ đến thế giới Cực Lạc thì mỗi ngày nhìn thấy họ tôi sẽ không vui. Chúng ta nghĩ xem, tâm thái như vậy liệu có thể độ người, có thể đến thế giới Cực Lạc được không? Pháp môn Tịnh độ niệm Phật thù thắng khôn sánh, chúng ta tu học pháp môn này phải mở rộng tâm lượng, tâm lượng nhỏ thì không học nổi pháp môn này, cũng không thể thành Phật.

Sự nghiệp của Phật, sự nghiệp của Bồ-tát chính là độ chúng sanh, việc này người học Phật dường như đều biết cả. Chú ý, tôi dùng hai từ “dường như” là có nghĩa gì vậy? Chính là chúng ta không hề thực hành làm được việc này, vì sao chỉ nói mà không thực hành? Phải chăng có những nguyên nhân như sau:

*Thứ nhất*, hết thấy chúng sanh đều là Phật tương lai, đây chỉ là một câu khẩu hiệu mà thôi, bạn vẫn còn xem chúng sanh là một gã phàm phu thì kết quả của việc này chính là: không thể nghĩ điều chúng sanh nghĩ, không thể lo nỗi lo của chúng sanh, không thể giải nguy nan của chúng sanh. Có khi, đối với những mong cầu này của chúng sanh, bạn luôn thờ ơ chẳng để ý, có lẽ trong mắt bạn, đó là việc nhỏ, nhưng đối với chúng sanh mà nói thì là việc lớn. Chúng ta đã quên mất chúng sanh và mình là một thể rồi.

*Thứ hai*, không hiểu được nỗi khổ và nhu cầu của chúng sanh thì làm sao bạn có thể giúp họ phân ưu, giải nạn được. Chỉ có đi sâu vào trong tầng lớp, hiểu rõ tình hình thì bạn mới biết được nên làm thế nào giúp đỡ chúng sanh một cách trọng điểm.

*Thứ ba*, tiện lợi cho bản thân là trước tiên, tiện lợi cho chúng sanh đứng phía sau, điên đảo rồi! Mục tiêu của chúng ta là gì? Là phục vụ cho chúng sanh, lại còn toàn tâm toàn lực phục vụ cho chúng sanh, nhưng khi đụng chuyện, trước tiên chúng ta xem coi chính mình có được tiện lợi hay không, sai rồi! Đem bản thân đặt lên phía trước, đặt chúng sanh ở phía sau, tâm như vậy không phải tâm Phật, không phải tâm Bồ-tát, bạn dùng tâm lạnh nhạt đối đãi với chúng sanh thì lâu dài chúng sanh sẽ rời bỏ bạn mà đi.

*Thứ tư*, đổi vị trí mà suy nghĩ, gặp chuyện thì phải đặt mình vào vị trí người khác, bạn đứng ở góc độ của đối phương, thể hội cảm nhận và nhu cầu của đối phương thì khoảng cách giữa bạn và đối phương sẽ gần lại hơn.

*Thứ năm*, đại ái vô bờ bến, tiểu ái thì không được. Nếu không có tình thương rộng lớn thì chúng sanh đối với bạn sẽ cung kính nhưng tránh xa. Bạn độ chúng sanh lẽ nào chỉ là nói suông thôi sao? Nói đến đây, tôi sẽ kể cho mọi người một câu chuyện, là câu chuyện về lòng quả cảm ngây ngô của tôi.

Khoảng những năm 90, thời gian cụ thể tôi không nhớ chính xác, đồng nghiệp Tiểu Trình của tôi đột nhiên bị bệnh nhập viện, Tiểu Trình chính là người hai ngày

qua đang nói về tâm Bồ-đề, tìm tôi có việc, chính là anh Tiểu Trình đó. Buổi sáng anh ấy nhập viện, buổi trưa vợ của anh ấy gọi điện cho tôi nói: chị ơi, anh Trình bệnh rồi, là bệnh truyền nhiễm, đã nhập viện rồi. Bác sĩ, y tá đều không dám đến gần, nên để cho em đo nhiệt độ anh ấy, chị xem làm thế nào đây? Thuốc cũng không đưa dùng. Tôi nói em đừng lo, để chị đi xem sao. Sau đó tôi đến bệnh viện, thấy Tiểu Trình đang nằm trên giường, đúng là không có thuốc uống. Vợ của anh nói với tôi, phía trước Tiểu Trình có một giường bệnh của một vị sĩ quan quân giải phóng 38 tuổi, cao hơn 1 mét 8, vừa mập vừa tròn, là một thanh niên có sức khỏe rất tốt, mắc bệnh giống như Tiểu Trình, chưa đến 3 ngày đã chết rồi. Vợ của anh ấy sợ hãi, nói: chị ơi, phải làm sao đây? Anh Trình có phải cũng nằm chờ chết không? Sau khi vào phòng tôi hỏi Tiểu Trình, tôi hỏi: Tiểu Trình cậu có sợ chết không? Tiểu Trình nói không sợ. Tôi nói không sợ chết thì làm thủ tục xuất viện đi, về nhà với chị. Cậu ấy nói với vợ: hãy nghe lời chị ấy, đi làm thủ tục xuất viện về nhà thôi. Tôi nói: đừng về nhà cậu, hãy về nhà chị. Như vậy, tôi đã đưa anh ấy về nhà tôi. Tôi nói với anh ấy: chị đã dọn giường cho cậu nằm rồi, cậu hãy nghỉ ngơi đi, để chị nghĩ xem làm thế nào. Tôi biết tôi cũng không am hiểu y học. Anh ấy mắc bệnh gì tôi cũng không biết, dù sao tôi đã đưa anh ấy về nhà rồi, tôi bèn nghĩ thôi thì còn nước còn tát, nếu có chết thì chết ở nhà, đừng chết ở bệnh viện. Tôi nghĩ như thế, vô cùng đơn giản.

Lúc đó con gái của tôi ở nhà, cháu Xung đã nói với tôi: Mẹ ơi, con có một người bạn tốt, mẹ của của bạn ấy biết trị một loại bệnh, vừa trị là khỏi, không biết chú Trình có phải mắc bệnh này không, mời bà đến xem sao, có được không mẹ? Tôi bảo vậy đi mời đi. Con gái tôi đã đi tìm bà ấy, hơn nửa tiếng sau, đã mời được bà ấy về nhà. Tôi nói: xin bà xem coi cậu ấy bị bệnh gì? Bà ấy vừa nhìn thì nói: Ô, chậm vài tiếng nữa là mất mạng rồi, bệnh này mắc phải là chết người đấy, nếu như không cứu kịp thời, tiểu tử này bị cả hai bệnh, chữa trị chậm trễ lại để chuyển nặng rồi. Bà ấy nói lời này là từ chuyên môn, “chẳng phải để chuyển nặng rồi sao?” Tôi nói, cậu ấy bị bệnh gì vậy? Bà nói, một cái là bệnh suy tim, một cái là bệnh dương mao đỉnh. Tôi vừa nghe tên bệnh thì biết rằng, bởi vì tên bệnh này trước đây tôi đã nghe qua, bệnh này rất lợi hại. Bà ấy nói, bệnh viện chưa truyền nước biển cho anh ta thật ra là đã cứu anh ta đấy, bệnh này sợ nhất là truyền nước biển, nếu như truyền nước biển vào thì anh ấy mất mạng rồi, tôi không cứu nổi anh ấy. Anh ấy chưa truyền nước biển, quá tốt! Sau đó tôi nhớ bà ấy dùng lưỡi lam cạo râu để lấy từng miếng

nhỏ ra. Lúc lể thì nghe tiếng sứt sứt, khó khăn lắm mới lể đứt được thứ giống như là mạch máu vậy, sau đó máu chảy ra đều là màu tím đen, vừa tanh vừa hôi, rất khó ngửi. Sau khi lể ra khỏi, máu cũng chảy ra rồi, một lúc sau anh ấy cảm thấy nhẹ nhõm, cơn sốt cao dần dần hạ nhiệt. Bà ấy nói: đã thu xếp xong xuôi cho anh ấy rồi, nhưng anh sợ gió, không được ra khỏi cửa. Tiểu Trình nói: chị ơi, em về nhà nhé. Tôi nói: không được, cậu không nghe đó sao, sợ gió mà, cậu hãy ở nhà chị. Sau đó tôi giữ anh ấy lại ở nhà tôi hai đêm. Khi bệnh rồi, anh ấy nói: em về nhà nghỉ ngơi hai ngày thì có thể đi làm. Tôi nói được, bây giờ cậu có thể về nhà.

Sau khi tôi đi làm thì đồng nghiệp nhỏ tuổi nói với tôi: Ôi mẹ ơi, dì Luru, dì to gan quá, sao dì để chú Trình ở trong nhà dì vậy? Tôi nói: không ở nhà tôi thì ở đâu bây giờ? - Ở nhà của chú ấy. Tôi nói vậy không được. Cô ấy nói: chẳng may chú ấy lây bệnh cho dì thì sao? Con nghe nói là bệnh truyền nhiễm mà. Tôi nói: cậu ấy không phải bị bệnh truyền nhiễm, lúc đó dì cũng không nghĩ là cậu ấy bị bệnh gì nữa. Cô ấy nói: nhờ chú ấy chết trong nhà dì thì sao? Tôi nói: chết ở nhà dì thì dì lo hậu sự, chết ở đâu thì chẳng phải lo hậu sự chứ? Sau cùng cô đồng nghiệp nhỏ tuổi nói: Dì Luru ơi, dì thật to gan quá, không ai dám làm như vậy cả. Tôi nói tôi dám làm.

Sau khi việc này trôi qua, tôi chẳng nghĩ gì cả, thỉnh thoảng có nghĩ rằng, ôi chao, bạn xem người này, bạn khởi lên một ý niệm thiện thì đã cứu được mạng họ rồi. Sau đó cả nhà Tiểu Trình đều vô cùng cảm ơn tôi, nói: chị ơi, chị đã cứu mạng anh Trình rồi đó. Tôi nói: đâu phải tôi cứu, chị đâu có bản lĩnh đó, là bà ấy cứu ấy chứ, nếu như bà ấy không biết cứu thì tôi cũng không có cách nào. Tôi nói, là do cậu chưa tới số chết, nên cậu sống được.

Cho nên qua câu chuyện này tôi nghĩ, nếu như lần đó, tôi có thể không quản đến được không? Tôi vừa không rành y khoa, lại không hiểu biết, trong tình hình đó mà đưa người về nhà mình, bây giờ nghĩ lại có chút sợ, tôi đã hơi mạo hiểm, thế nhưng lúc đó thật sự tôi chẳng suy nghĩ gì hết, chỉ nghĩ cách xem có thể cứu được anh ấy hay không. Kết quả, nhờ vào ý niệm thiện nhỏ nhoi đó đã cứu được mạng anh ấy.

Tôi kể câu chuyện này cho mọi người, tuyệt không phải để khen ngợi bản thân, mà nói với mọi người rằng tâm niệm của bạn rất quan trọng, bạn khởi ác niệm, chẳng những hại người khác, mà còn hại bản thân hơn. Nếu bạn có thiện

niệm, thì bạn có thể cứu người khác và cứu cả chính mình. Sau đó tôi mắc bệnh nặng như vậy nhưng không chữa mà hỏi. Có lúc tôi nghĩ, phải chăng vì tôi có tâm thiện, cảm động được trời và đất nên đã giữ được mạng sống của tôi. Tôi kể câu chuyện này, xin cúng dường các đồng tu tham khảo.

Tham, sân, si, mạn, nghi, oán, hận, não, nô, phiền là chướng ngại lớn trong việc tu hành của chúng ta, là chướng ngại lớn của việc chúng ta thành Phật. Mười chữ này, bạn niệm phải chữ nào thì cũng không thể đến thế giới Cực Lạc được; nếu như 10 chữ này bạn đều có đủ, bạn không đọa địa ngục thì ai đọa địa ngục chứ?

Mục tiêu một đời này của chúng ta đã được xác định rõ là liễu sanh tử, thoát luân hồi, đến thế giới Cực Lạc làm Bồ-tát, làm Phật. Ở thế gian này người ta có đối với mình không tốt ra sao, người hãm hại chúng ta nhiều đời nhiều kiếp thì đều tha thứ cho họ, không để họ ở trong tâm, phải tháo bỏ được nút thắt lâu đời đó, đừng thắt thêm nút mới. Chúng ta phải giống như chư Phật Như Lai, khoan hồng đại lượng. Thế nào là đại lượng? Đại lượng là việc gì cũng có thể bao dung, không việc nào mà không thể bao dung. Điều này quan trọng, vô cùng quan trọng!

Bốn mươi tám nguyện của A-di-đà Phật là vô ngại thệ nguyện. Chúng ta phải xem trọng hai chữ “vô ngại” này, có chướng ngại thì không được, có ưa ghét thì không được. Phiền não căn bản là tham sân si mạn nghi, oán hận não nô phiền, 10 chữ này có thể buông xuống được thì vô ngại rồi. Buông được 5 chữ phía trước, tâm đã vô ngại; buông xuống được 5 chữ sau thì sự vô ngại rồi, lý sự đều vô ngại. Chúng ta phải học điềm này, hạ công phu trong cuộc sống thường ngày.

Người hủy báng chúng ta, người chướng ngại chúng ta, người hãm hại chúng ta, chúng ta phải tha thứ cho họ. Vì sao vậy? Đều là một thể. Khi Phật giáo chưa được truyền vào Trung Quốc, đại đức xưa của Trung Quốc đều nói rằng: “Trời đất và ta cùng một gốc, vạn vật và ta là một thể”. Người nói lời này là người như thế nào? Ở Ấn Độ thì là Phật Bồ-tát, ở Trung Quốc chúng ta gọi các ngài là thánh hiền, đại thánh, đại hiền. Đã là một thể thì còn có oán hận không? Người có tâm oán hận có thể làm Phật, làm Bồ-tát không? Người mỗi ngày tạo nhân ngã thị phi có thể làm Phật làm Bồ-tát không? Chúng ta mỗi ngày hô vang “phải học Phật, học Bồ-tát, muốn làm Phật, làm Bồ-tát”, nhưng lời nói cử chỉ, hành vi tạo tác của chúng ta không tương ưng với Phật, không tương ưng với Bồ-tát, liệu có làm Phật làm Bồ-tát được chăng?

Mời xem phần kệ tụng kế tiếp:

**Ngã nhược thành Chánh giác, lập danh Vô Lượng Thọ, chúng sanh văn thử hiệu, câu lai ngã sát trung, như Phật kim sắc thân, diệu tướng tất viên mãn, diệc dĩ đại bi tâm, lợi ích chư quần phẩm, ly dục thâm chánh niệm, tịnh huệ tu phạm hạnh.**

*Con nếu thành Chánh giác, lấy tên Vô Lượng Thọ, chúng sanh nghe danh này, đều đến cõi nước con, thân kim sắc như Phật, diệu tướng thấy viên mãn, lại dùng tâm đại bi, lợi ích các quần sanh, lìa dục sâu chánh niệm, tịnh huệ tu phạm hạnh.*

Bài kệ tụng này biểu thị rõ vô lượng thọ. Bởi vì thọ mạng của Phật vô lượng, nên chúng sanh vĩnh viễn có đức Phật làm nơi nương tựa cho chính mình, vĩnh viễn không trở thành cô nhi mất mẹ. Đồng thời bất kỳ lúc nào, đức Di-đà đều là “hiện tại đang thị hiện thuyết pháp”. Kinh A-di-đà trong vô lượng kiếp sau vẫn là “hiện tại đang thị hiện” mà khai thị dẫn dắt chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật, vĩnh viễn không gián đoạn giữa chừng.

Đại ý của bài kệ tụng này là, Pháp Tạng Đại sĩ nói: khi Pháp Tạng tôi tương lai thành Phật, danh hiệu của Phật là Vô Lượng Thọ, hết thấy chúng sanh chỉ cần nghe đến danh hiệu tôi, hoan hỷ tín thọ, y giáo tu hành thì toàn bộ đều sanh đến nước Cực Lạc. Người sanh đến thế giới Cực Lạc đều là thân kim sắc chân thật, đầy đủ 32 tướng đại trượng phu. Người sanh đến thế giới Cực Lạc chẳng phải ở thế giới Cực Lạc an hưởng mọi thứ diệu lạc không thể hình dung của chính mình, mà là học tập đức giáo chủ A-di-đà Phật cũng phát khởi tâm nguyện đại bi phổ độ, thệ nguyện vì hết thấy chúng sanh mưu cầu lợi ích chân thật vô thượng, vĩnh hằng, triệt đế, rốt ráo, nguyện độ hết thấy chúng sanh cùng sanh Cực Lạc. Vì để giác tha thì trước tiên phải tự giác, cho nên bản thân xa lìa hết thấy dục tình của thế gian, thâm nhập chánh niệm, dùng trí tuệ thanh tịnh, siêng năng tu hành chứng nhập các hạnh vô dục, thanh tịnh, vô thượng của Niết-bàn.

Bốn câu mở đầu của bài kệ trước là: “Con lập nguyện hơn đời, ắt đến đạo Vô thượng, nguyện này nếu không toại, thề không thành Đẳng giác” là trọng tâm của 48 nguyện, cũng là giáo nhãn của toàn kinh, là bàn tay vi diệu của mười phương Như Lai tiếp dẫn chúng sanh, là chiếc bè báu để tất cả chúng sanh thoát khổ, 48 nguyện chính là từ 4 câu này mà mở rộng ra.



Thánh hiệu A-di-đà Phật có vô lượng ý nghĩa: vô lượng thọ, vô lượng quang, vô lượng thanh tịnh, vô lượng trang nghiêm, vô lượng trí tuệ, vô lượng Bồ-đề, cũng chính là vô lượng của vô lượng.

Vô lượng thọ biểu thị cho pháp thân thường trụ, nên danh hiệu Vô Lượng Thọ này có thể thâm nhiếp tất cả danh hiệu, câu này cũng là quảng nhiếp hết thảy công đức của A-di-đà Phật. Chúng sanh hữu duyên nghe đến danh hiệu, nhờ nguyện lực vô biên của biển đại thế nguyện của đức Di-đà gia trì, đều nguyện đến cõi nước Cực Lạc, cho nên chí tâm tin ưa, xưng niệm A-di-đà Phật, thậm chí chỉ niệm 10 tiếng thì không ai mà không vãng sanh. Thế nên nói, “chúng sanh nghe danh này, đều đến cõi nước con”. Đây chính là trọng tâm của biển đại thế nguyện, thuật lại nguyện thứ 18. Đủ để chứng minh kệ tụng của Pháp Tạng Đại sĩ tuy ngắn nhưng bao hàm hết thảy chỗ tinh hoa chí diệu của 48 nguyện. Có thể nghe được danh hiệu A-di-đà Phật mới có thể niệm A-di-đà Phật, do tín nguyện trì danh nên được sanh về Tịnh độ. Đến cõi nước Cực Lạc thì mọi mặt đều thăng tiến, không có duyên thoái chuyển, thọ mạng vô lượng, nhất định thành Phật, nên được xưng là đại nguyện vương.

Những chúng sanh đến cõi nước tôi đều có thân kim sắc giống như Phật, có 32 tướng đại trượng phu, cho đến các tướng thắng diệu thấy đều viên mãn. Người vãng sanh chẳng những thân hình như Phật, quan trọng hơn là tâm niệm của họ cũng đều đang học Phật, giống như Phật. Mọi người đến nước Cực Lạc không phải vì để bản thân hưởng lạc, mà là để học Phật, nguyện giống như A-di-đà Phật, cũng là dùng tâm đại bi vĩnh hằng mà lợi ích chúng sanh. Thế nên Vãng Sanh Luận nói: “Hàng Nhị thừa không thể vãng sanh”. Bạn chỉ cầu tự giác ngộ cho mình, bản thân được an lạc, bản thân hưởng thụ, thậm chí là tự tư tự lợi, vì cá nhân mà tính toán, vậy sao có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc được. Vì thế phải phát tâm đại từ bi, phải làm lợi ích cho các quần sanh.

Người vãng sanh, họ không chỉ là thân tướng đại trượng phu kim sắc quang minh, mà thù thắng hơn là họ đều có tâm đại bi. Nguyện chúng ta đều có tâm đại bi giống như Phật, để làm lợi ích cho chúng sanh thuộc các phẩm loại khác nhau. Bạn phải giác tha, phải đi độ chúng sanh, nhưng bản thân bạn không thể không giác ngộ. Muốn khiến người khác giác ngộ mà bản thân bạn vẫn chưa giác ngộ thì sao có thể khiến người khác giác ngộ được. Vì vậy đại sư Ngẫu Ích nói rất hay: bản

thân bạn không giác ngộ mà muốn giác ngộ người khác thì giống như bản thân bạn đang trôi trong dòng nước, chính mình đang giành giật sự sống mà bạn lại muốn cứu người ở trên bờ, việc này chẳng phải là buồn cười sao? Thế nên đại sư Ngẫu Ích nói rất thấu triệt, bản thân cảm thấy người ở trên bờ gặp nguy hiểm, mà không biết chính mình còn bị nguy hiểm hơn. Đã là như thế thì nếu muốn cứu độ chúng sanh, trước tiên phải đề cao sự giác ngộ của bản thân. Đoạn kệ tụng này có công đức không thể nghĩ bàn, đề nghị các đồng tu thường xuyên đọc tụng.

*“Ly dục thâm chánh niệm, tịnh huệ tu phạm hạnh”.*

Dục chính là tham dục, kinh Tứ Thập Nhị Chương nói: “Ly dục, tịch tĩnh là thù thắng nhất”. Ly dục đã là tối thắng thì đương nhiên không ly dục chính là nguy hiểm nhất. Trước mắt có rất nhiều hiện tượng kỳ quái, có một số tín đồ Phật giáo chẳng những không lìa dục mà thậm chí còn phóng túng dục vọng, tán thán việc phóng túng dục vọng, tà kiến trối thân, dùng luận điệu kỳ quái mê hoặc quần chúng. Hành giả sơ cơ cần phải cẩn thận nhận biết. Cho nên phải lìa dục, lìa khỏi các dục nhiễm.

“Chánh niệm” là một điều trong Bát Thánh Đạo. Bát Thánh Đạo là: một – chánh kiến, hai – chánh tư duy, ba – chánh ngữ, bốn – chánh nghiệp, năm – chánh mạng, sáu – chánh tinh tấn, bảy – chánh niệm, tám – chánh định. Chánh niệm chính là dùng trí tuệ chân thật mà nhớ niệm chánh đạo, dùng niệm vô lậu làm bản thể, cũng chính là lìa khỏi tà kiến, phân biệt; thật tánh của niệm pháp gọi là chánh niệm. “Thâm chánh niệm” là chánh niệm rất sâu, ví dụ như Bát-nhã ba-la-mật thâm sâu của Tâm Kinh, chẳng phải là Bát-nhã chung của Tiểu thừa, mà là Bát-nhã bất cộng, cho nên là Bát-nhã thâm sâu. “Thâm chánh niệm”, Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ nói: “Lìa tướng, nhập vào chân thật thì gọi là chánh niệm”. Xả ly tất cả tướng, nhập vào thật tướng của các pháp, đây gọi là chánh niệm. Có thể nhập vào thật tướng, đây là thâm chánh niệm.

Thế nào là thật tướng? Thật tướng còn gọi là Phật tánh, pháp tánh, chân như, pháp thân, chân đế, pháp giới v.v... Phàm những gì có tướng đều là hư vọng, duy chỉ có chân thật này là không biến đổi, hư hoại, nên gọi là thật tướng. Kinh nói: “Thật tướng vô tướng, nhưng chẳng phải không có tướng”.

Hội Sớ nói, “tịnh huệ” chính là Bát-nhã ba-la-mật, không phải là trí tuệ bất tịnh của Tiểu thừa thế gian, “tịnh huệ” cùng với Bát-nhã thâm sâu là như nhau.

“Phạm hạnh” chính là hạnh thanh tịnh vô dục. Bỏ-tát đối với hết thảy các pháp bất thiện đều có thể đối trị, có thể lìa khỏi hết thảy lỗi lầm, thân tâm thanh tịnh, đây chính là phạm hạnh.

Pháp Tạng Đại sĩ vì để thực hiện hoằng nguyện phổ độ chúng sanh nên bản thân ngài lìa dục, nhập vào chánh niệm thậm thâm, lại dùng trí tuệ thanh tịnh để soi chiếu phá tan hết thảy dục nhiễm, siêng năng tu tập, chứng nhập hết thảy phạm hạnh của Niết-bàn. Còn câu “chúng sanh nghe danh này, đều đến cõi nước tôi” cũng đều là phát tâm đại bi phổ độ. Đại bi phổ độ chúng sanh là khiến cho họ giác ngộ, nếu muốn giác ngộ họ thì trước tiên chính mình phải giác ngộ, bản thân phải lìa dục, cần phải vào sâu chánh niệm, dùng trí tuệ thanh tịnh để tu và chứng nhập phạm hạnh của Niết-bàn.

Mời xem đoạn kệ tụng kế tiếp:

**Nguyện ngã trí tuệ quang, phổ chiếu thập phương sát, tiêu trừ tam cấu minh, minh tế chúng ách nạn, tất xả tam đồ khổ, diệt chư phiền não ám, khai bí trí tuệ nhãn, hoạch đắc quang minh thân.**

*Nguyện đem trí tuệ sáng, chiếu khắp mười phương cõi, tiêu trừ tam cấu tham sân si, cứu tế các ách nạn, khiến chúng sanh lìa khổ tam đồ, diệt các phiền não ám, khai mở mắt trí tuệ, đạt được thân quang minh.*

Phần kệ tụng này biểu thị rõ vô lượng quang. Vì toàn bộ đại nguyện đều lấy vô lượng quang thọ làm chủ thể, cho nên cổ đức nói: Mỗi một đại nguyện đều quy về quang thọ.

*“Nguyện ngã trí tuệ quang, phổ chiếu thập phương sát”.*

Hai câu này chỉ cho Phật Vô Lượng Quang. Trí tuệ quang và vô lượng quang đều là một trong 12 Quang Phật, đều là danh hiệu khác nhau của Phật Vô Lượng Thọ. Đồng thời Phật quang phổ chiếu mười phương, chính là diệu dụng của Phật Vô Lượng Quang. Trong bản dịch thời Đường là: “nguyện được vô lượng quang của Như Lai”. Thế nên trí tuệ quang chính là vô lượng quang. Đoạn này và đoạn trên chính là nói đến vô lượng quang thọ, đây là chỗ y chỉ và quy túc của biển đại thế nguyện.

Đại ý của đoạn kệ tụng này là: nguyện trí tuệ quang minh vô lượng của tôi chiếu khắp đến mười phương cõi Phật, tiêu trừ sự ám muội do ba loại cấu nhiễm tham sân si của tất cả chúng sanh sinh ra, cứu tế các loại khổ ách và tai nạn, khiến tất cả chúng sanh đều lìa khỏi nỗi khổ của ba đường ác, tiêu trừ tất cả phiền não, sự tăm tối kết thành, khai phát mắt trí tuệ vốn có trong tâm của chúng sanh, đồng thời chứng đắc pháp thân thanh tịnh của Như Lai.

Vô lượng thọ đại biểu cho pháp thân thường trụ, đây là bản thể. Vô lượng quang là diệu tướng của bản thể hiện ra. Trí tuệ quang là diệu dụng vốn có của bản thể.

Tiếp theo, từ “tiêu trừ tam cấu minh” đến “hoạch đắc quang minh thân”, tổng cộng sáu câu, sáu câu này hiển thị diệu dụng. Kệ của đại sư Đàm Loan nói: “Phật quang có thể phá vô minh tối tăm, nên Phật còn có hiệu là Trí Tuệ Quang. Do quang minh của Phật có thể phá trừ phiền não căn bản của chúng sanh, vô minh tối tăm, thế nên Phật dùng trí tuệ quang làm danh hiệu, quang phóng ra có thể phá vô minh thì là trí tuệ quang. Việc này với câu “quang minh gọi là trí tuệ” trong kinh Niết-bàn là như nhau.

*“Phổ chiếu thập phương sát”*

Trí tuệ quang chính là một trong mười hai quang của A-di-đà Phật gồm: vô lượng, vô biên, vô ngại, vô đẳng, thường chiếu, thanh tịnh v.v... Mỗi một quang trong đây đều bao hàm hết thảy công đức diệu dụng của 12 quang. Cho nên trí tuệ quang giống như vô lượng vô biên [quang] có thể chiếu khắp cõi nước mười phương, chiếu soi khắp cả hết thảy mười phương hư không, khắp tất cả mọi nơi, không có nơi nào mà không thể chiếu đến. Đồng thời quang minh này là trí tuệ, không chỉ phá trừ sự tối tăm hôn ám trong thế gian này của chúng ta, mà còn có thể phá trừ vô minh của chúng sanh.

Chúng sanh sở dĩ là chúng sanh chính là bởi vì một niệm vọng động nên đã xuất hiện vô minh, do đó đọa lạc thành ra hình dạng hiện nay. Phật quang làm lợi ích rộng khắp, không chỉ cho chúng sanh ở Cực Lạc mà đối với tất cả chúng sanh trong toàn pháp giới, Phật quang phổ chiếu, gia trì bình đẳng. Chỉ vì vô minh của chúng ta quá dày, nên không thể cảm nhận rõ ràng, thế nhưng Phật quang vẫn âm thầm gia trì, nhất định là không hư dối. Bất kỳ đệ tử Phật nào đều có thể nói như thế

này: chúng ta có thể có điều kiện như hiện nay đều là được sự nhiếp thọ từ bi của Phật quang nên mới có được tình hình như hiện nay.

*“Tiêu trừ tam cấu minh”*

Tam cấu chính là tham sân si, tạo thành sự vô tri của chúng sanh. Do bởi vô tri nên không biết nghĩa lý chân thật, cũng không có kiến giải chân thật, cho nên gọi là “minh”. Cõi quý gọi là “minh giới”, càng hồ đồ tối tăm hơn. Phật quang phổ chiếu, đều vì tất cả chúng sanh mà tiêu trừ sự tối tăm, vô tri do tham sân si tạo nên. Vì vậy gọi là “tiêu trừ tam cấu minh”.

*“Minh tế chúng ách nạn”*

Hội Sớ nói là “quảng tế chúng ách nạn”. Minh tế chính là nghĩa quảng độ, quảng độ hết thấy ách nạn. Ách chính là tật ách, khổ ách; nạn là tai nạn, khổ nạn. Người đời không biết nên thường làm việc sai lầm, bị mắc lừa, bị gạt, phạm pháp, tạo tội, nên thọ hình, thọ báo. Những nỗi khổ do tội báo của con người trên dương gian, chết xong là hết, chém gà vịt một dao, bắn người tội một phát là xong. Nhưng ở địa ngục nỗi khổ của cái chết là vô cùng vô tận. Sau khi chết rồi, gió thổi đến thì sống lại, sống xong rồi lại chết, chết rồi lại sống, trong một đêm không biết bao nhiêu vạn lần sanh tử. Chúng sanh có vô lượng vô biên các loại thống khổ và tai nạn, chỉ có nương vào trí tuệ của Phật mới có thể được cứu.

Nguyện thứ 18 của A-di-đà Phật nói rằng: “Thấy được quang minh của tôi, chiếu đến thân người đó, đều được an lạc, từ tâm làm thiện, sanh đến nước tôi”.

Phẩm Quang Minh Biên Chiếu của kinh này lại nói: “Người gặp được quang minh này, cầu diệt thiện sanh, thân ý nhu nhuyến, nếu ở nơi cực khổ trong ba đường ác thấy được quang minh ấy thì đừng được khổ, mạng chung đều được giải thoát”. “Cầu diệt thiện sanh, đều được giải thoát” ở đây chính là “tiêu trừ tam cấu minh, minh tế chúng ách nạn”. Chúng sanh tại nơi thọ khổ vô ngần ở địa ngục được Phật quang chiếu đến đều được ngừng khổ, mạng chung được giải thoát. Phật quang thẳng diệu, Phật nguyện rộng sâu, khiến chúng sanh cảm ân đội đức không có cùng cực.

Ân đức của trí huệ quang là khiến chúng sanh khổ nạn đều lìa được nỗi khổ trong ba đường ác, hoàn toàn xả ly cái khổ của súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục trong tam ác đạo, điều này rất khổ! Còn diệt trừ tất cả ngu si, hôn ám do phiền não tạo

nên. Vô minh và các loại phiền não che lấp quang minh của bản tâm, khiến người ngu muội vô tri, nên gọi là “ám”. Ám là thí dụ, trí tuệ của Phật giống như ánh sáng mặt trời, ánh sáng mặt trời có thể xua đi tăm tối, vì vậy gọi là “diệt chư phiền não ám”.

*“Khai bí trí tuệ nhãn, hoạch đắc quang minh thân”*

Khai chính là khai mở tri kiến Phật. Như Lai vì việc khai thị ngộ Phật tri kiến, vì đại sự nhân duyên duy nhất này nên mới xuất hiện ở thế gian. Chư Phật khai thị tri kiến của Phật, chúng sanh ngộ nhập tri kiến của Phật. Chúng sanh có được tri kiến của Phật tức thì khai mở trí tuệ đức tướng vốn có của mình, cũng chính là câu “khai bí trí tuệ nhãn” ở đây.

Người ta quen cho rằng khai thị chính là thuyết pháp, đây là dùng âm thanh làm Phật sự. Ở nước Chúng Hương dùng hương thơm làm Phật sự, chúng sanh ngửi được mùi hương, đạo nghiệp tự nhiên tăng trưởng. Nguyên này là lấy quang minh làm Phật sự, chúng sanh thấy được quang minh thì khai mở Phật tri kiến, tức là khai trí tuệ nhãn. Chữ “nhãn” này đại biểu cho thấy (kiến). Sự tu trì pháp môn tâm địa của Mật tông dùng “kiến, tu, hạnh, quả” làm cương tông. Kiến là kiến địa (quan điểm và tư tưởng chủ đạo đặt ở hàng đầu), bắt buộc phải có chánh kiến thì mới có chánh tu, chánh hạnh và chánh quả chứng đắc khế hợp. Ngược lại thì đó là tu mù luyện đui mà thôi.

Thông thường chúng ta gọi ngũ nhãn, Hoa Nghiêm gọi là thập nhãn, thứ ba là tuệ nhãn, thứ sáu là trí nhãn, thứ mười là nhất thiết trí nhãn còn gọi là phổ nhãn, tức thấy được pháp giới Phổ Môn. Trí tuệ nhãn trong kinh này tương đương với tuệ nhãn, trí nhãn, nhất thiết trí nhãn, có thể thấy được pháp giới Phổ Môn, cũng chính là Bát-nhã vô thượng. Vì vậy có thể nói, trí tuệ nhãn là trí tuệ đức tướng của Như Lai mà chúng sanh vốn có. Chúng sanh ngu muội vô tri, không biết chính mình vốn có sẵn Phật tánh và trí tuệ của Phật. Bởi vì chính mình không có mắt nên đem tướng trí tuệ gán cho Phật, cho rằng chỉ có Phật mới có. Thế nên đức Di-đà đại bi, Phật quang chiếu xuống, dùng quang minh ấy tuyên diệu pháp, khai thị cho chúng sanh, khiến chúng sanh khai mở mắt trí tuệ vốn có trong tự tâm, thấy rõ được trí tuệ đức tướng của Như Lai vốn có trong tự tâm. Trong phần vô lượng thọ chỉ ra pháp tri danh cực kỳ quan trọng, còn trong đoạn này nói rõ diệu dụng vô thượng của trí tuệ, ám chỉ cho Bồ-đề tâm. Phần đại bi đại nguyện đã được nêu rõ trong bài kệ

tụng, nay lại bổ túc thêm phần đại trí tuệ, cho nên toàn bộ hiển hiện Bồ-đề tâm. “Phát Bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm” là điều kiện buộc phải có của ba bậc vãng sanh, là cương tông của kinh này, trong bài kệ tụng này lại được nêu ra lần nữa.

*“Hoạch đắc quang minh thân”*

Khiến tất cả chúng sanh đều có thể đạt được thân quang minh. Tư Ích Kinh nói rằng: “Thân của Như Lai chính là bảo tạng vô lượng vô biên quang minh”. Thân của Như Lai có vô lượng quang minh cho nên thân Như Lai chính là kho báu vô lượng quang minh.

Vãng Sanh Luận Chú nói rằng: “Quang minh của Phật chính là tướng trí tuệ”. Cho nên quang minh tạng chính là trí tuệ tạng, quang minh thân chính là thân trí tuệ. Thế nên đã khai mở trí tuệ nhãn thì thành tựu được thân quang minh, bởi vì trí tuệ và quang minh là không hai. Do đây có thể thấy, Phật mong tất cả chúng sanh cũng đều có trí tuệ của Phật, thân của Phật; thân tâm đều giống như Phật, đồng với Như Lai.

Tham sân si mạn nghi, oán hận não nộ phiền  
Bạn kết bạn với chúng, ngày ngày đều trói bạn  
Học Phật có chánh niệm, tâm lượng phải mở rộng  
Thật thà niệm Di-đà, hàng phục các ma oán  
Trời đất cùng một gốc, vạn vật là một thể  
Hiểu được đạo lý này, bạn chính là thánh hiền  
Di-đà đại từ bi, Phật quang soi chiếu đến  
Đến Tây Phương làm Phật, chư Phật đều tán thán.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 39

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Xin xem phần kệ tụng tiếp theo:

**Bế tắc chư ác đạo, thông đạt thiện thú môn, vị chúng khai pháp tạng, quảng thí công đức bảo.**

*Đóng bít các đường ác, mở toang cửa cõi lành, khai tạng pháp cho chúng sanh, rộng thí báu công đức.*

Phần kệ tụng này nêu ra căn nguyên của đại nguyện. Kinh Tỳ-lô-giá-na nói: “Đại bi làm gốc”. Thệ nguyện thù thắng, vô biên diệu hạnh trong hai đoạn vô lượng quang thọ phía trước, xuất phát điểm của nó, tổng thể của nó, chỗ quy túc của nó chỉ là một câu: Vì vô lượng hết thảy chúng sanh đều được lợi ích chân thật triệt để rốt ráo. Nói đơn giản một chút thì đó chính là lợi tha, đây chính là gốc.

*“Bế tắc chư ác đạo”*

Muốn đóng bít tất cả con đường dẫn đến ác đạo, khiến chúng không thông, khiến hết thảy chúng sanh không còn đi vào ác đạo nữa. “Chư ác đạo”, xin chú ý từ “chư”, nghĩa là rất nhiều, hết thảy, tất cả. Ác đạo có một số cách giải thích như sau, xin cúng dường các đồng tu tham khảo.

Thứ nhất, kinh Địa Trì nói rằng: “Theo ác hạnh mà đi thì gọi là ác đạo”. Hoàng Niệm Lão giải thích rằng: Con đường do ác hạnh dẫn lối thì gọi là ác đạo. Ác đạo có ba đường, trong kinh của chúng ta thường gọi là địa ngục đạo, ngạ quỷ đạo, súc sanh đạo.

Thứ hai, lục đạo đều là ác đạo, bởi vì lục đạo đều là ở trong luân hồi, đều không triệt để lìa khỏi quỷ đạo, súc sanh đạo, địa ngục đạo, cho nên đều là ác đạo. Kinh Vô Lượng Thọ, bản dịch thời Ngụy nói rằng: “Cắt ngang năm đường ác”. Năm đường ác là đem cõi tu-la phân tán vào các cõi còn lại, bởi vì a-tu-la có rất nhiều trường hợp, có a-tu-la trong cõi trời, cõi người, cõi quỷ, cõi súc sanh. Vì vậy “bế tắc chư ác đạo” là chỉ đường lục đạo đều không thông nữa.

*“Thông đạt thiện thú môn”*



“Thông đạt” nghĩa là thông suốt không trở ngại, không có bất kỳ chướng ngại nào. “Môn” có hai nghĩa, một là khác biệt, hai là tiến vào. Quyển thứ nhất của Đại Thừa Nghĩa Chương nói rằng: “Thể loại không như nhau nên gọi là môn”, chúng ta hay nói là phân chia thành từng loại khác nhau, ví dụ: bộ môn, môn loại. “Lại có thể thông vào, tiến vào thì gọi là môn”, ở chỗ này mở cửa ra thì người ta có thể ra vào. Niệm Lão giải thích cho chúng ta: “Pháp có nhiều loại khác biệt tức là có nhiều môn, đều có thể khiến người tiến vào Niết-bàn”. 84.000 pháp môn, pháp môn bình đẳng, không có cao thấp. Vì sao vậy? Mỗi pháp môn đều có thể giúp chúng ta phá mê khai ngộ, đều có thể giúp chúng ta chứng nhập đại Niết-bàn, “thế nên gọi các pháp trong kinh là môn”. Chúng ta y theo phương pháp trong kinh tu hành thì có thể lìa khổ được vui, có thể siêu thoát luân hồi, có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc, đây đều là nghĩa của chữ “môn”. Quyển ba Tứ Giáo Nghĩa nói rằng: “Môn nghĩa là thông suốt, bốn cú pháp chân chánh<sup>3</sup> trong giáo pháp của đức Phật khiến cho hành nhân thông đạt đến lý thật tướng chân tánh”, nên gọi là môn. Đây chính là nghĩa trong kinh này.

Thiện thú có những cách giải thích như sau, xin cúng dường các đồng tu tham khảo:

*Thứ nhất*, thiện thú thông thường chỉ cho ba đường thiện trong sáu đường, đây là cách nói thông thường. “Thiện thú” chính là đường thiện, ba đường thiện chính là cõi trời, cõi người, cõi a-tu-la. “Nhưng điều này lại trái với nghĩa trong kinh này”, không giống với nghĩa của đoạn kinh văn này của chúng ta, xin chú ý đoạn tiếp theo.

“Phần trên đã gọi lục thú đều là ác thú (đường ác), nên cõi người và cõi trời không thể gọi là thiện thú được. Nên biết “thiện thú môn” không phải là lối dẫn hướng vào nẻo trời và người, mà là nơi bậc thượng thiện hướng đến, nên gọi là thiện thú môn. Như sách Hội Sớ nói: Bồ-đề là chỗ đến của bậc thượng thiện, nên gọi là thiện thú môn”.

Ý nghĩa của đoạn này là: Người học Phật chúng ta, mục tiêu, phương hướng chính là cầu Bồ-đề; Bồ-đề chính là giác, giác ngộ vô cùng quý báu, vô cùng khó được. Bậc thượng thượng căn, đời này ở thế gian cầu điều gì? Cầu Bồ-đề, họ không

---

<sup>3</sup> Bốn cú pháp chân chánh: khổ, không, vô thường, vô ngã; hoặc là thường, lạc, ngã, tịnh.

cầu thứ khác. Bồ-đề chính là chữ giác trong “thanh tịnh, bình đẳng, giác” của đề kinh. Bồ-đề từ đâu mà có? Từ bình đẳng mà có. Bình đẳng từ đâu mà có? Từ thanh tịnh mà có. Thanh tịnh từ đâu mà có? Từ buông xuống mà có. Danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, không chỉ buông xuống như thế, mà còn phải buông xuống hết thảy phân biệt chấp trước, khởi tâm động niệm thì Bồ-đề mà tự tánh vốn có tự nhiên sẽ hiện tiền.

*Thứ hai*, nhập vào pháp môn Bồ-đề diệu giác mới là “thiện thú môn”. Hội Sớ nói: “Bồ-đề là chỗ đến của bậc thượng thiện”. Trong Phật pháp duy chỉ có Đại thừa; Thanh văn, Duyên giác không có phần, Quyền giáo Bồ-tát cũng không vào được. Thanh văn là A-la-hán, Duyên giác là Bích-chi Phật, họ chỉ đoạn kiến tư phiền não; Bích-chi Phật không chỉ đoạn kiến tư phiền não, mà ngay cả tập khí của kiến tư phiền não cũng đoạn luôn, nên họ cao hơn A-la-hán, nhưng chưa phát tâm Bồ-đề. Quyền giáo Bồ-tát cũng chưa phát tâm Bồ-đề, không thể tiến vào cửa Chân Thật được, họ cao hơn A-la-hán, A-la-hán đoạn kiến tư phiền não, Quyền giáo Bồ-tát đoạn phân biệt, cũng chính là định mà họ tu là bình đẳng. Trong kinh nói là “thanh tịnh, bình đẳng, giác”: A-la-hán là thanh tịnh, Quyền giáo Bồ-tát là bình đẳng, phát tâm Bồ-đề thì giác rồi, thì minh tâm kiến tánh thành Phật rồi. Chưa phát tâm Bồ-đề, họ vẫn còn ở địa vị Bồ-tát, địa vị Tam hiền của Biệt giáo; thật sự phát tâm Bồ-đề thì họ sẽ đăng địa. Ở địa vị Thập tín của Viên giáo phát tâm Bồ-đề thì họ sẽ đăng Sơ trụ, Sơ trụ thì minh tâm kiến tánh, đây là Đại thừa Viên giáo. Cho nên Bồ-đề là chỗ đến của bậc thượng thiện, đây gọi là “thiện thú môn”. Chúng ta phải hiểu rõ, phải phát tâm Bồ-đề.

*Thứ ba*, “thông đạt thiện thú môn”, “thiện thú” ở đây chỉ cho tại các đạo tràng thù thắng như ở thế giới Cực Lạc hoặc cõi nước Phật khác, nội viện Đâu Suất v.v... lên địa vị Bồ-tát, thành Phật, làm Tổ. Môn này duy chỉ có bậc thượng thiện đã phát tâm Bồ-đề mới có thể tiến vào, mở toang được cửa này, nên nói là “thông đạt thiện thú môn”. Làm thế nào để mở toang cửa? Duy chỉ có pháp môn Tịnh độ thành tựu cõi nước thanh tịnh, nhiếp trọn quần sanh mà thôi. Pháp môn Tịnh độ là thiện thú môn đệ nhất trong “thiện thú”, vì sao vậy? Bất luận là người nào đều có thể vào, chỉ cần có đủ tín, nguyện, trì danh thì bạn vào được rồi. 84.000 pháp môn khác gọi là “thông đồ pháp môn”, nhất định phải thanh tịnh, bình đẳng, giác thì mới có thể đi vào. Pháp môn Tịnh độ, đối nghiệp vãng sanh, đến được thế giới Cực Lạc, được sự gia trì của 48 nguyện của A-di-đà Phật, tập khí của chúng ta không cần

chính mình đoạn mà tự nhiên không còn nữa, việc này không thể nghĩ bàn, là pháp khó tin.

*“Vị chúng khai pháp tạng, quảng thí công đức bảo”*

Hai câu này không thể nghĩ bàn, Phật muốn tiêu trừ phiền não cho tất cả chúng sanh, đóng bít các đường vào sáu cõi ác đạo, mở ra cánh cửa vào cõi lành, vãng sanh thế giới Cực Lạc, nhất định thành Phật. Vậy trước tiên phải khai thị diệu pháp cho chúng sanh, khiến chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật, nên phải “khai tạng pháp cho chúng sanh”.

“Vị chúng khai pháp tạng”, “theo trên mà nói”, phần trên nói, đóng bít các ác đạo, khiến đều ra khỏi biển sanh tử, mở toang các cửa vào cõi lành, làm cho hết thảy hàm linh đều đến được bờ Niết-bàn. Vì để thực hiện lời nguyện này trước tiên cần phải khai Phật tri kiến, cũng chính là “dạy học làm đầu” mà chúng ta thường nói. Khai tạng pháp cho chúng sanh chính là dạy học, đây chính là thật sự “rộng thí báu công đức”. Mà trong hết thảy các tạng pháp, Tịnh độ là pháp môn mà hết thảy chúng sanh nương vào để được độ thoát, có thể ban cho chúng sanh lợi ích chân thật.

*“Quảng thí công đức bảo”*

“Quảng thí” là ban cho trọn khắp hết thảy chúng sanh. “Làm lợi ích khắp cho tất cả chúng sanh, nên gọi là quảng thí. Vật dùng để thí chính là báu công đức”. Công đức nói theo cách thông thường là đoạn ác tu thiện, tích công lũy đức. Lợi ích người khác là công, quy về chính mình là đức; đoạn sạch toàn bộ ác là công, thiện đều viên mãn đầy đủ là đức.

“Bảo” có ba ý nghĩa.

Một là mỹ hiệu để tôn xưng, ví dụ niệm Phật tam-muội được gọi là bảo vương tam-muội, ấn khế của Phật Bồ-tát được gọi là bảo ấn.

Hai là dịch sát nghĩa của từ “Ma-ni”, như ý chính là như ý bảo châu, có thể thỏa mãn nguyện của chúng sanh. Bởi vì chuỗi Ma-ni có đủ loại màu sắc, tùy theo tâm nguyện của người niệm chuỗi Ma-ni mà hiện ra màu sắc họ muốn thấy.

Ba là pháp bảo chân thật. Trí Độ Luận nói: “Trong các pháp, pháp bảo là báu chân thật, đời này đời sau, cho đến vào Niết-bàn đều có thể làm lợi ích”. Người đắc

pháp từ nay cho đến khi vào Niết-bàn đều từ trong đây mà được lợi ích, nên gọi là báu chân thật. “Thí công đức bảo” trong kinh này nói, “bảo” ở đây có ba ý nghĩa như sau: mỹ hiệu để tôn xưng, có thể thỏa mãn nguyện của chúng sanh và pháp bảo chân thật.

Trong kinh Quán Phật Tam-muội có câu chuyện như sau:

Có một ông Vua ra ngoài du ngoạn, mang theo một cái bình báu, bên trong có ấn báu của Vua. Một người nọ dùng thuật lừa đảo trộm mất cái bình báu, mọi người truy lùng người đó. Rất nhiều rắn độc cũng từ bốn phương tám hướng đến cắn kẻ lấy trộm bình báu. Người ấy trèo lên một cây lớn, có 6 con voi đen dùng mũi quật ngã cây to, người ấy từ trên cây té xuống đất chết. Thế nhưng ngay lúc then chốt ấy, người ấy đã nuốt mất bình báu và ấn báu, thân thể tan hoại rồi nhưng ấn báu trong bình phóng quang, những con rắn độc đều sợ hãi bỏ chạy. Phật nói với A-nan: “Người trụ trong niệm Phật, tâm ấn không hoại, cũng như thế ấy”.

Thế Tôn khai thị: “Người trụ vào niệm Phật, tâm ấn không hoại, cũng như thế vậy”, đây thật sự là tâm châu vô thượng của Như Lai, là báu cực quý trong một đời dạy dỗ, cũng chính là “công đức bảo” rất ráo chân thật. Thế nên pháp môn Tịnh độ được ngàn kinh vạn luận đều nói đến, mười phương chư Phật đều tán thán là bởi vì người trụ trong niệm Phật, tâm ấn không hoại. Hai từ “tâm ấn” có phân lượng thế nào? Thứ mà chư đại tổ sư, tổ tổ tương truyền chính là tâm ấn của Phật.

Năm xưa trên hội Linh Sơn, Thế Tôn cầm hoa, ngài Ca-diếp mỉm cười, Phật nói: “Niết-bàn diệu tâm, chánh pháp nhãn tạng của Ta giao phó cho Ma-ha Ca-diếp”. Ngài Ca-diếp truyền cho A-nan, cho đến tổ Đạt-ma, thứ được truyền chính là tâm. “Ấn” là chánh ấn của pháp vương, là tỉ dụ, không phải thật sự chỉ cho ấn tỉ của pháp vương, mà là nêu rõ tác dụng quan trọng của nó cũng giống như ấn chương vậy. Trong Phật giáo, thứ mà tổ tổ tương truyền là tâm, thứ mà các trưởng quan địa phương thời xưa giao tiếp là ấn, tiếp ấn rồi tức là đã tiếp nhận toàn bộ quyền lực, nắm lấy toàn bộ quyền lực thì dựa vào ấn này. Dùng thứ này để tỉ dụ cho tâm mà Phật Phật tương truyền, tổ tổ truyền cho nhau.

Tâm chính là ấn của Phật, ấn biểu thị cho tâm của Phật, tâm ấn hợp lại với nhau, ý nghĩa càng sâu sắc, rõ ràng hơn. Thế nên chư Phật, chư Tổ, tâm tâm tương truyền, tâm tâm tương ấn, cho nên nói rằng “Phật Phật đạo đồng”. Đây là căn bản của căn bản.

Một phàm nhân trụ nơi niệm Phật sẽ có tâm ấn của Phật, đồng thời tâm lại phóng quang; giống như phía trước nói người trộm bình báu bị ngã chết rồi, thân thể vẫn phóng quang, do vì có ấn báu. Cho nên đây là con mắt của một đại tạng giáo. Khi bạn trì danh niệm Phật chính là lúc tâm ấn của bạn phóng quang, thế nên nói “một tiếng Phật hiệu, một tiếng lòng”, người trụ vào niệm Phật chính là tâm ấn không hoại, chính là thường chiếu, chính là phóng quang, vậy lúc bạn niệm Phật thì tất nhiên tâm quang hiển hiện.

Kinh Đại Tập nói: Nếu người nào chỉ niệm A-di-đà, thì đó chính là vô thượng thâm diệu thiên. Là thiên, không những là thiên mà là thiên thâm diệu nhất, không những là thiên thâm diệu mà là vô thượng thâm diệu thiên. Khai thị của Như Lai về “người trụ trong niệm Phật, tâm ấn bất hoại” chính là ấn mà chư Phật dùng tâm ấn tâm, là tâm mà chư Tổ dùng tâm truyền tâm. Nếu có thể tin nhận thì chính là đã khai trí tuệ nhãn cho chúng ta, nhất định được thân quang minh.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Như Phật vô ngại trí, sở hành từ mãn hạnh, thường tác thiên nhân sư, đặc vi Tam giới hùng, thuyết pháp sư tử hống, quảng độ chư hữu tình, viên mãn tích sở nguyện, nhất thiết giai thành Phật.**

*Được trí vô ngại như Phật, hành các hạnh từ mãn, thường làm thầy của trời, người; anh hùng trong Tam giới, thuyết pháp sư tử hống, rộng độ các hữu tình, viên mãn lời nguyện xưa, hết thảy đều thành Phật.*

Mỗi bài kệ tụng trong đoạn trên đều đề cao và đi sâu vào phân tổng kết đại thế nguyện hải, 48 nguyện của đức Di-đà. Còn bài kệ 8 câu này, trong phần kinh văn lời nguyện không có nhắc đến, đây cũng là thường lệ của kinh Phật, trong phần kệ tụng bổ sung thêm nội dung mà phần trường hàng không có. Nội dung của bài kệ tụng này xác thật có hàm nghĩa vô cùng quan trọng.

Đại ý của đoạn kệ tụng này là: Tôi nguyện có được Phật trí tự tại vô ngại giống như Phật, và sở hạnh giống như Phật, là hạnh đại từ đại bi, phổ biến làm lợi ích cho chúng sanh, nguyện được giống như Phật, thường làm đạo sư của trời người để giáo hóa hữu tình, trở thành bậc đại anh hùng không hề khiếp sợ trong Tam giới. Tôi nguyện tất cả đại nguyện đã phát trong quá khứ đều được viên mãn, đó chính là “hết thảy đều thành Phật”.

Tám câu kệ tụng này, đặc biệt là sáu câu đầu, Pháp Tạng đại sĩ nguyện thành tựu vô lượng thọ, vô lượng quang, khai mở trí tuệ nhãn, đồng thời đều được thân quang minh, nỗ lực cầu tự giác không ngừng tăng trưởng, đồng với Như Lai. Do vì toàn bộ thế nguyện đều là giác tha, nếu muốn người khác giác ngộ, trước tiên chính mình cần phải giác ngộ. Bản thân vẫn còn ở trong vô minh phân biệt, toàn thể đều là mê thì sao có thể khởi phát dẫn dắt mọi người cầu giác ngộ được. Kết quả chỉ có thể là một người mù dẫn dắt người mù cùng tiến vào hầm lửa.

Vào thời Mạt pháp hiện nay, lỗi lầm này đặc biệt hiện rõ, bất luận tại gia xuất gia luôn thích làm thầy người khác, hoặc tự phong các mỹ hiệu như Phật sống, Pháp vương v.v... đặng đàn buôn bán pháp, hoặc dùng lời hay ho tự khen mình, vọng đàm những điều tương tự Bát-nhã. Người bậc cao trong việc hoằng pháp khó tránh khỏi việc phun nọc độc, nói là trị bệnh, [nhưng] trên thực tế là lang băm giết người. Kẻ kém cỏi ắt sẽ hủy hoại, làm bại hoại giáo pháp, trộm danh lừa đời, đoạn huệ mạng người, làm ác đa đoan. Thế nên, tín đồ Phật giáo thật sự đối với những việc này cần phải hết sức cảnh giác.

Pháp Tạng đại sĩ vì để chân thật quán triệt đại nguyện của mình nên buộc không thể hài lòng với những gì mình đã đạt được, tiếp tục leo thang lên đỉnh núi Diệu Cao, chứng nhập rốt ráo Vô thượng Bồ-đề. Theo lời của hai vị đại sư là Thiện Đạo và Đàm Loan, Pháp Tạng đại sĩ lúc ấy đã là Thập địa Bồ-tát, thế nhưng đại nguyện vô tận, thế cầu sự giác ngộ vô thượng bi trí tròn đầy của Như Lai, cầu đạt được trí tuệ vô ngại và hạnh từ mẫn của Phật.

“*Như Phật vô ngại trí*” là mong cầu bản thân có trí tuệ ngang bằng với Như Lai. Trí tuệ vô ngại, đối với pháp bất nhị về sanh tử, Niết-bàn v.v... đều thông đạt tự tại, dung thông tự tại, không có chướng ngại.

Kinh Đại Tập nói: “Trí tuệ vô ngại không có bờ mé (không có cùng tận, không có biên giới), khéo hiểu về ba nghiệp của chúng sanh” (tất cả những việc đã tạo từ ba nghiệp thân khẩu ý của tất cả chúng sanh, Như Lai đều thông suốt, biết cách giải trừ).

Thế Tôn lại nói: “Ta là pháp vương, tự tại với các pháp”. Trí tuệ vô ngại thông đạt tự tại, dung thông tự tại hết thấy pháp môn tự tại, đó chính là “tự tại với mọi pháp”. Thế nên trí tuệ vô ngại là trí tuệ của Như Lai, nên trong đại thế nguyện của Pháp Tạng đại sĩ có trí tuệ vô ngại giống như Phật.

“*Sở hành từ mãn hạnh*”, câu này là Pháp Tạng đại sĩ nguyện được đại từ đại bi giống như Phật, những điều mình làm đều là vô duyên đại từ, đồng thể đại bi giống như Thế Tôn, đối xử với chúng sanh giống như con một. Hai câu nói này, câu trên là câu trí tuệ vô ngại, nguyện có trí tuệ giống như Phật; câu tiếp theo câu được sự từ bi giống như Phật. Hai câu này rất quan trọng, chính là bi trí song vận. Trí tuệ và từ bi giống như hai cánh chim, không thể thiếu một thứ.

“*Thường tác thiên nhân sư*”, thiên nhân sư là một trong mười hiệu của Phật. “*Đắc vi tam giới hùng*”, tam giới hùng cũng là một loại đức hiệu của Phật, bởi vì Phật đã đoạn hết tất cả phiền não, hùng mãnh vô úy, nên trở thành đại anh hùng trong ba cõi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Thế nên chánh điện cúng dường Thế Tôn ở chùa gọi là “đại hùng bảo điện”. Vì vậy hai câu này chính là nói mong muốn phước và trí đều như Phật, làm thầy của trời người, ban bố giáo hóa khắp cả, không hề sợ sệt, trở thành đại anh hùng của tam giới.

“*Thuyết pháp sư tử hống*”, sư tử chính là sư tử, xưa nói rằng khi sư tử gầm lên thì muôn loài sợ hãi, ti đệ cho pháp mà Thế Tôn thuyết ra được nói một cách dứt khoát không e sợ, có thể khiến mọi người chấn động, ngoại đạo run sợ.

“*Viên mãn tích sở nguyện*”, tích sở nguyện chính là 48 nguyện mà Pháp Tạng tỳ-kheo đã kết thành trong năm kiếp. Tất cả đại nguyện này tôi đều muốn viên mãn, viên mãn như thế nào? Hết thấy đều thành Phật. Tán nhuyễn câu nói này vào trong hư không, rải đều xuống đại địa, không những hết thấy hữu tình như ruồi, kiến đều thành Phật, mà chúng sanh trong địa ngục đều thành Phật, đồng thời vật vô tình như sơn hà đại địa, gạch, ngói, bàn ghế, quần áo, giày vớ cũng đều thành Phật. Cho nên câu này chính là bản thể của 48 nguyện, từ trong câu này lưu xuất ra 48 nguyện.

Vãng Sanh Luận có thể chú giải cho điều này rằng, thế giới Tây Phương Cực Lạc, cõi nước là trang nghiêm, đây là y báo, biểu thị cho vô tình; trang nghiêm của Phật, trang nghiêm của Bồ-tát, ba loại trang nghiêm này đều thâm vào trong nhất pháp cú, nhất pháp cú chính là câu thanh tịnh, câu thanh tịnh chính là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Thế nên tất cả đều là sự hiển lộ của trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi, cũng chính là hết thấy đều là pháp thân Phật.

Thanh tịnh có hai loại, một là thanh tịnh của khí thể gian, hai là thanh tịnh của hữu tình (chúng sanh) thể gian. Thể gian hữu tình chúng sanh, khí thể gian vô tình chúng sanh thấy đều thanh tịnh, đều là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Vì vậy hữu

tình, vô tình đều thành Phật đạo, chính thể là nhất chân pháp giới của Hoa Nghiêm. Nhất chân pháp giới là bản thể của đại pháp huyền diệu, không có đối đãi, nên gọi là “nhất”; chân thật lia vọng, nên gọi là “chân”; dung nhiếp vạn pháp nên gọi là pháp giới, tổng hợp lại gọi là “nhất chân pháp giới”. Trong pháp giới, mỗi một vi trần đều là nhất chân pháp giới, một chân thì hết thấy chân, một thành thì hết thấy thành, toàn bộ là không thể nghĩ bàn.

Tam Tạng Pháp Số lại nói: “Vô nhị gọi là nhất, chẳng vọng gọi là chân, toàn bộ thấu triệt, dung nhiếp lẫn nhau nên gọi là pháp giới, chính là pháp thân bình đẳng của chư Phật, từ xưa đến nay không sanh không diệt, chẳng không chẳng có, lia danh lia tướng, chẳng trong chẳng ngoài, duy nhất chân thật, không thể nghĩ bàn, đó gọi là nhất chân pháp giới”.

Có thể thấy nhất chân pháp giới là cảnh giới của pháp thân chư Phật, căn bản không có sanh diệt, không có các khác biệt giữa có không, danh tướng, trong ngoài. Có khác biệt thì không bình đẳng rồi, không phải là sự đại giác ngộ nhất loạt bình đẳng. Nước trong ao sen thất bảo ở thế giới Cực Lạc có thể nói đủ mọi loại pháp, thỏa mãn ý nguyện của chúng sanh, muốn nghe pháp nào thì nước sẽ nói pháp đó cho bạn, bao nhiêu người đều đang bơi lội, tắm gội, nhưng mỗi người đều có thể nghe được diệu pháp mà mình muốn nghe, hơn nữa nghe xong rồi lập tức có thể hiểu, xin hỏi đó là nước gì vậy? Nước chính là Phật, hết thấy đều thành Phật. Nước thành Phật rồi, nếu không phải Phật thì sao có trí tuệ như vậy được? Bạn muốn sâu nước sẽ sâu, bạn muốn nông nước sẽ nông, bạn muốn tắm gội nước sẽ từ trên đầu xối xuống, bạn muốn ấm nước sẽ ấm, bạn muốn mát nước sẽ mát, kỳ diệu nhất là có thể thỏa mãn tâm nguyện khác nhau của mỗi người, tuyên thuyết đủ loại diệu pháp khác nhau. Đó là nước gì vậy? Gọi là nước Phật cũng được, gọi là Phật nước cũng được. Có thể thấy thế giới Cực Lạc không thứ nào mà không thành Phật. Không những thế giới Cực Lạc mà tất cả thế giới, không có thứ nào mà không thành Phật, cho nên câu “hết thấy đều thành Phật” có thể nói là con đường hướng thượng, câu nói sau cùng của Thiên tông, cũng có thể gọi là “đại viên mãn” trong Mật tông. Đại viên mãn là không gì chẳng viên mãn, mỗi mỗi đều viên mãn, mỗi thứ đều trọn đức, mỗi mỗi đều thành Phật, sự thù thắng của Mật tông cũng chính là ở chỗ này.



Phần “thủ Lăng-nghiêm” trong kinh Thủ Lăng-nghiêm ý nghĩa là: “hết thấy sự đều rốt ráo kiên cố”. Tất cả sự việc, bất kỳ sự việc nào, không có một thứ nào chẳng phải là kiên cố rốt ráo, là kiên cố thường hằng, triệt để. Ở đây với “hết thấy đều thành Phật” là một câu, câu nói này viên mãn vạn đức, chẳng lập một pháp, có nói thêm nữa chỉ là vẽ rắn thêm chân mà thôi, đáng tiếc là đã thêm vào không ít rồi.

Mời xem bài kệ tụng tiếp theo:

**Tư nguyện nhược khắc quả, đại thiên ưng cảm động, hư không chư thiên thần, đương vũ trần diệp hoa.**

*Nguyện này nếu thành tựu, cả đại thiên cảm động, các thiên thần trên không, tuôn xuống hoa trần diệp.*

Đại ý của bài kệ tụng này là: đại nguyện mà tôi đã phát nếu có thể viên mãn thì hết thấy thánh linh trong tam thiên đại thiên thế giới đều sẽ bị cảm động, các vị thiên thần trên không tự nhiên hoan hỷ, thị hiện tướng lành, có thể từ trên trời tuôn xuống mưa hoa trần kỳ mỹ diệp.

*“Tư nguyện nhược khắc quả, đại thiên ưng cảm động”*

“Khắc” chính là thành, “quả” là đạt được mục đích, “khắc quả” nghĩa là thành tựu. Nguyện tôi đã phát nếu như thành tựu, cầu mong thiên thần, chư thiên thị hiện tướng lành, từ trên trời tuôn xuống hoa đẹp quý báu diệp kỳ để làm ấn chứng. Mưa hoa chính là từ trên trời tuôn hoa xuống.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Phật cáo A-nan, Pháp Tạng tỳ-kheo, thuyết thử tụng dĩ, ứng thời phổ địa lục chủng chấn động, thiên vũ diệp hoa, dĩ tán kỳ thượng, tự nhiên âm nhạc không trung tán ngôn, quyết định tất thành Vô thượng Chánh giác.**

*Phật bảo A-nan, tỳ-kheo Pháp Tạng nói bài tụng này rồi, tức thời khắp mặt đất chấn động sáu cách, diệp hoa từ không trung tuôn xuống, rải trên thân ngài. Hư không tự nhiên vang lên âm nhạc và tán thán rằng: Nhất định thành Vô thượng Chánh giác.*

Ý nghĩa của đoạn kinh văn này là Thích-ca Mâu-ni Phật nói với A-nan: Pháp Tạng từ-kheo vừa nói xong kệ tụng, ngay lúc đó điềm lành xuất hiện, đại địa chấn động sáu cách. Chấn động này có những đặc điểm như sau:

*Một*, chấn động sáu cách, nghĩa là chỉ cho sáu phương, đây là chấn động khắp mặt đất, mỗi phương đều chấn động, không phải chỉ có một nơi nào đó bị chấn động, những nơi khác không chấn động.

*Hai*, loại chấn động này là tốt lành, hoàn toàn không giống như động đất gây tai nạn ở thế gian.

*Ba*, lúc chấn động, đất đều mềm mại, khiến chúng sanh hòa vui, ngay lúc chấn động, mọi người hòa vui hoan hỷ, không có sợ hãi, càng không có tai nạn.

*Bốn*, sự chấn động này có sáu loại tướng động là: động, khởi, dừng, chấn, hồng, giác. Động là dao động; khởi là hướng lên trên, đất sẽ trôi lên; dừng là chấn động, có một số nơi cao, một số nơi thấp; chấn là có âm thanh; hồng là âm thanh vang rền; giác là khiến mọi người đều cảm giác. Sáu loại chấn động bao gồm tướng động mỗi hình mỗi vẻ.

“*Thiên vũ diệu hoa*”, trời không phải tuôn mưa, mà là các loài hoa kỳ diệu giống như mưa bay phấp phới rơi xuống không trung của pháp hội. Không trung tự nhiên có âm nhạc, lại còn tán thán rằng nhất định sẽ thành Vô thượng Chánh giác, chứng minh Pháp Tạng đại sĩ nhất định chắc chắn thành Phật. Bởi vì đại nguyện này, mỗi nguyện đều biểu hiện đại trí tuệ, đại từ bi, đại nguyện lực vô thượng, cũng chính là tâm đại từ bi vô thượng. Nhân không thể nghĩ bàn ắt sẽ kết quả không thể nghĩ bàn, cho nên nhất định thành Phật.

Tiếp theo, chúng tôi sẽ kết hợp và sắp xếp trọng điểm của kinh văn phẩm thứ sáu “phát đại thệ nguyện” và kinh văn phẩm thứ bảy “nhất định thành Chánh giác”, để mọi người tham khảo.

*Thứ nhất*, quan hệ của hai phẩm kinh văn này là quan hệ nhân quả. Phẩm thứ sáu “phát đại thệ nguyện đệ lục” là nhân, phẩm thứ bảy “định thành Chánh giác” là quả.

*Hai*, nhận thức pháp môn Tịnh độ và 48 đại nguyện của A-di-đà Phật như thế nào? Kinh A-di-đà nói pháp môn Tịnh độ là pháp khó tin trong hết thảy thế gian. Đại sư Huyền Trang lại đem chữ khó tin đặt lên đầu, thêm vào từ “cực”, đây chính là

pháp cực kỳ khó tin. Rất nhiều người xem thường Tịnh độ tông, tuy mọi người đều biết A-di-đà Phật, biết niệm A-di-đà Phật, thế nhưng có thể hiểu được ý nghĩa thật sự của Tịnh độ tông thì chỉ có Phật cùng Phật mới có thể hiểu rõ ráo, chỉ có Phật và Phật mới có thể hiểu rõ triệt để.

Kinh Vô Lượng Thọ là kinh đệ nhất của Tịnh độ, vô cùng quan trọng. Đại sư Thiện Đạo có hai câu khai thị cực kỳ quan trọng: “Đức Thích-ca sở dĩ xuất thế, chỉ để nói bốn nguyện hải của đức Di-đà”, đây là lời chân thật chân thành từ trong đại quang minh tạng lưu xuất ra. Vì sao Phật muốn xuất hiện ở thế gian, đến thế giới Ta-bà giảng sanh, xuất gia, thành đạo, thuyết pháp, chỉ là vì một việc này, duy chỉ để nói bốn nguyện hải của đức Di-đà, chính là muốn nói biển lớn thế nguyện vốn có của A-di-đà Phật.

Chư Phật Bồ-tát đều có đại nguyện, Thích-ca Mâu-ni Phật có 500 đại nguyện, Phật Dược Sư có 12 đại nguyện, Bồ-tát Phổ Hiền có 10 đại nguyện vương, nhưng chúng ta mỗi ngày tán thán “A-di-đà Phật đại nguyện vương”, bởi vì đại nguyện của A-di-đà Phật là vua trong tất cả đại nguyện. Đại nguyện của đức Di-đà là vua ở chỗ nào? Di-đà đại nguyện là vua ở chỗ “hết thấy đều thành Phật”, chỉ đơn giản 5 chữ này mà nặng đến mấy ngàn cân.

*Ba*, chỉ có 48 nguyện, bốn nguyện hải của đức Di-đà mới là điều duy nhất mà Thế Tôn muốn nói, là pháp chân thật duy nhất. Chúng ta từ góc độ của Thật giáo và Quyền giáo để nói rõ hơn một chút. Trước hết giải thích một chút về Quyền giáo và Thật giáo. Quyền giáo chỉ cho giáo chưa liễu nghĩa, khéo mượn phương tiện. Thật giáo là chỉ cho giáo liễu nghĩa chân thật rõ ráo. Kinh luận thông thường so với Hoa Nghiêm thì Hoa Nghiêm là Thật giáo, những thứ khác là Quyền giáo. Hoa Nghiêm so với kinh Vô Lượng Thọ thì kinh Vô Lượng Thọ là Thật giáo, Hoa Nghiêm là Quyền giáo. Kinh Vô Lượng Thọ so với 48 nguyện thì 48 nguyện là Thật giáo, còn lại là Quyền giáo. 48 nguyện so với 5 nguyện mà đại sư Thiện Đạo tuân theo thì 5 nguyện này là thật giáo, nguyện mười niệm ắt sanh so với bốn nguyện còn lại, chỉ có nguyện thứ 18 là pháp chân thật nhất, điều này có thể được chứng minh ở trong Di-đà Yếu Giải. Yếu Giải nói: “Một tiếng A-di-đà Phật là pháp mà Bồ-tát Thích-ca ở trong ngũ trược ác thế chứng được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề”.

*Bốn*, đại sư Thiện Đạo trong 48 nguyện chọn ra 5 nguyện gọi là 5 nguyện chân thật, 5 nguyện này là trọng tâm của 48 nguyện, cũng chính là trọng tâm chân thật

của toàn thể Phật giáo. Năm nguyện này là: nguyện nhất định thành Chánh giác, nguyện quang minh vô lượng, nguyện thọ mạng vô lượng, nguyện chư Phật xung tán, nguyện mười niệm được sanh.

*Năm*, nguyện nhất định thành Chánh giác là nguyện chân thật nhất trong năm nguyện. Sự nguyện cầu trong nguyện văn này là phàm những người vãng sanh đến Cực Lạc, bất luận trong kiếp quá khứ có túc nghiệp sâu nặng cỡ nào đều nhất định thành Phật, chứng đại Niết-bàn. Đại Niết-bàn là danh xưng của Phật quả, phiên dịch thành “viên tịch”. Hàm nghĩa của hai từ viên tịch rất sâu: nghĩa đầy khắp pháp giới, đức đầy đủ như trần sa là “viên”; dứt tuyệt hết vương mắc vào tướng, thể cùng tột chân tánh là “tịch”. Nói đơn giản, mọi đức đều đầy đủ là viên, mọi chướng đều diệt tận là tịch.

Niết-bàn của Đại thừa không giống với Niết-bàn của Tiểu thừa. Ba đức của Đại thừa Niết-bàn là pháp thân đức, Bát-nhã đức, giải thoát đức viên mãn. Phật chứng Niết-bàn, ba đức đều viên mãn, A-la-hán chỉ có giải thoát đức, họ giải thoát rồi, không vào sanh tử nữa, tam giới không ngăn ngại họ được, nhưng họ không hiểu Bát-nhã, chưa chứng pháp thân. Niết-bàn của Đại thừa có đủ thường lạc ngã tịnh, A-la-hán chỉ có thường, lạc, tịnh, không nhận ra được chân ngã của chân tâm diệu minh.

Phẩm kinh văn này cổ vũ nhân tâm, tăng trưởng tín tâm, khiến càng nhiều chúng sanh vãng sanh thế giới Cực Lạc, bất thoái thành Phật. Nói về tăng trưởng tín tâm, tôi muốn nói một chút về cảm nhận của chính mình, xin chia sẻ với các đồng tu.

Tôi học Phật 20 năm, nói lời chân thật, tín tâm của tôi kiên định rồi, trước giờ chưa từng dao động. Thế nhưng đối với một số sự việc đã qua, nghĩ không hiểu được vì sao lại như vậy? Tôi không tìm được đáp án, sự dẫn vật đó trong nội tâm cũng rất là đau khổ. Tôi cảm thấy tôi là người không tranh với người, chẳng cầu nơi đòi, vì sao vẫn bị người ta xét nét vậy? Tôi thọ trì bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ thì bị phê phán, tôi thân cận lão pháp sư Tịnh Không thì bị mắng, việc này là thế nào? Thánh địa Phật môn trong cảm nhận của tôi sao lại phức tạp và loạn như thế?

Tôi đã nhìn thấy, nghe thấy rất nhiều sự tranh đấu trong cửa Phật, không hiểu được, đặc biệt điều khiến tôi không hiểu đó là tôi vì sao lại bị cuốn vào trong đó, tôi

đã hại ai đâu, tôi hoang mang không hiểu, tôi không muốn tham dự vào việc tranh đấu, tôi rất ghét tranh đấu. Bốn nguyên tắc của tôi chính là từ trong tình huống này mà lập nên: không tranh luận, không thảo luận, không biện luận, không giải thích, tất cả đều mặc kệ họ.

Ngẫu nhiên một lần có cơ hội tôi nhìn thấy một bài văn do lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ viết, tôi mới biết trong cửa Phật vì sao có tranh đấu. Thích-ca Mâu-ni Phật sáng lập Phật giáo, đến nay đã hơn 3.000 năm lịch sử rồi, hơn ba ngàn năm, sự phát triển của Phật giáo trải qua 5 giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất là giải thoát kiên cố, việc này khi Phật tại thế, rất nhiều người đều giải thoát. Giai đoạn thứ hai là Thiền định kiên cố, sau khi Phật nhập Niết-bàn, giai đoạn ban đầu là Thiền định vững chắc, rất nhiều người đắc được Thiền định, có người Thiền định rất sâu. Thiền định vào thời đó so với Thiền định về sau sâu hơn rất nhiều, 500 năm sau người đắc Thiền định ít đi. Giai đoạn thứ ba là đa văn kiên cố, người thời này biết rất nhiều kinh điển, còn biết rất nhiều giáo lý, nghiên cứu lại rất sâu, đây là đa văn kiên cố. 500 năm sau đó, người đa văn ít đi. Giai đoạn thứ tư là chùa tháp kiên cố, khắp nơi đều có tháp có chùa, 500 năm sau chùa tháp kiên cố cũng qua thời rồi, hiện nay tuy vẫn còn có xây chùa nhưng sự kiên cố đã qua rồi. Giai đoạn thứ năm là đấu tranh kiên cố, thời kỳ Mạt pháp đấu tranh kiên cố, chính là nói đến thời đại cuộc sống hiện nay của chúng ta. Theo quy luật đã nói phía trước thì phải chăng sẽ đấu tranh trong 500 năm? Chỉ mong ngắn hơn, ngắn hơn, ngắn hơn một chút nữa. Thế là tôi đã hiểu ra, sự tranh đấu hiện nay trong cửa Phật là hiện tượng bình thường ở thế giới Ta-bà, chẳng có gì ngạc nhiên kỳ lạ cả, chính mình không tham dự là được.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 40

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

### TÍCH CÔNG LŨY ĐỨC ĐỆ BÁT

Mời xem kinh văn phía sau:

**A-nan, Pháp Tạng tỳ-kheo ư Thế Tụ Tại Vương Như Lai tiền, cập chư thiên nhân đại chúng chi trung, phát tư hoằng thệ nguyện dĩ, trụ chân thật huệ, dũng mãnh tinh tấn, nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ. Sở tu Phật quốc, khai khuếch quảng đại, siêu thắng độc diệu, kiến lập thường nhiên, vô suy vô biến.**

*A-nan, tỳ-kheo Pháp Tạng ở trước Thế Tụ Tại Vương Như Lai và trong đại chúng trời, người phát hoằng thệ nguyện này xong, bèn trụ chân thật huệ, dũng mãnh tinh tấn, nhất hướng chuyên chí trang nghiêm cõi nước tịnh diệu. Cõi nước Phật đã tu được thanh tịnh rộng lớn, vi diệu thù thắng xuất chúng, an nhiên kiến lập, vĩnh viễn thường hằng, không suy không đổi.*

Đại ý của đoạn kinh văn này là: Phật gọi A-nan và nói với ngài rằng Pháp Tạng tỳ-kheo ở trước Thế Gian Tụ Tại Vương Như Lai, trong đại chúng trời người trong pháp hội phát ra thệ nguyện rộng sâu như trên, thế nên an trụ trong trí tuệ chân thật, dũng mãnh không sợ hãi, tinh tấn tu trì, nhất tâm nhất ý trang nghiêm cõi nước tịnh diệu của chính mình. Trải qua nhiều kiếp tích công lũy đức thì cõi Phật đã tu thành, khai thông vô ngại, rộng lớn vô biên, thù thắng xuất chúng, vi diệu khôn sánh, an nhiên kiến lập, vĩnh kiếp thường nhiên, vĩnh viễn không có bất kỳ sự suy hoại thay đổi nào.

Đoạn kinh văn này, chúng tôi trọng điểm nói về ba phương diện nội dung là: trụ chân thật huệ, nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ, siêu thắng độc diệu. Nói về nội dung này thì không rời khỏi tự tánh. Để cho mọi người dễ hiểu, chúng ta trước tiên hãy nhận thức về tự tánh một chút. Tiếp theo xin giới thiệu cho mọi người một vài đặc điểm nổi bật của tự tánh.

*Thứ nhất, tự tánh không tịch, lia các nẻo ác.*

Đây là nói đoạn phiền não, tự tánh vốn là không, vốn là tịch, trong Tịnh độ thì tự tánh chính là Thường Tịch Quang Tịnh độ. Trong Thường Tịch Quang không có một vật, nó không có hiện tượng, không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần, không có hiện tượng tự nhiên. Tịch chính là thanh tịnh tịch diệt, không có thiện, cũng không có ác.

Chúng ta nói thiện nói ác đều là tương đối, có tương đối thì có đối lập, hãy nghĩ xem, chúng ta đối lập với người, đối lập với vật, đối lập với việc, thì không đối lập với ai được chứ? Đối lập có thể không sanh phiền não được không? Đối lập là sai rồi. Đối lập chính là sáu cõi luân hồi, cho nên tự tánh là trong sáng sạch sẽ, viên ly hết thảy các đường ác.

*Thứ hai, tự tánh diệu viên, đầy đủ tướng hảo.*

Diệu chính là không thể nghĩ bàn. Suy nghĩ, ngôn luận của chúng ta đều không thể đạt đến, không thể tưởng tượng; viên là viên mãn. Đầy đủ tướng hảo, tướng hảo này hiện ra ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc muốn tìm một thứ tà ác cũng tìm không ra, hết thảy vạn sự vạn vật chẳng thứ nào mà không viên mãn vi diệu. Thế nên thế giới Cực Lạc là từ đâu mà đến? Tự tánh sẵn có. A-di-đà Phật chứng đắc rồi, hiện ra cho chúng ta thấy, chẳng những hiện ra cho chúng ta thấy, mà còn khiến cho chúng ta có được thọ dụng. Thế nên người niệm Phật vãng sanh có được lợi thế lớn.

Tu hành thông thường đến cảnh giới này ít nhất là Bát địa Bồ-tát. Kinh Đại thừa thường nói là từ Bát địa trở lên thì bạn mới hưởng thọ được. Trước Bát địa, bao gồm người như chúng ta một phẩm phiền não cũng chưa đoạn, vãng sanh đến cõi đồng cư, chính là vãng sanh hạ hạ phẩm, ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, những thọ dụng đạt được, chính là chất lượng cuộc sống của bạn, những thứ thọ dụng trong cuộc sống của bạn đều bình đẳng với Bát địa Bồ-tát. Ở đây chúng ta đã nhìn thấy rồi, tự tánh không tịch, tự tánh diệu viên, không thể nghĩ bàn.

*Thứ ba, tự tánh vô ngại, thần thông tự hiện.*

Tự tánh không có chướng ngại. Không có chướng ngại thì sáu loại thần thông tự nhiên hiển hiện. Mắt nhìn thấy, nhìn thấy thứ gì? Trọn khắp pháp giới hư không giới, không có thứ nào không nhìn thấy. Lớn là thế giới, nhỏ là vi trần, cực vi

sắc thấy đều nhìn thấy. Thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, thần túc, lậu tận, sáu loại thần thông đều đầy đủ.

Mới vừa đầy đủ là A-la-hán, tuy có lục thông nhưng năng lực của lục thông có hạn, không nhìn thấy trọn khắp pháp giới hư không giới. Năng lực của họ chỉ có thể quan sát báo độ này của chính chúng ta, đại thiên thể giới mà đức Phật Thích-ca Mâu-ni giáo hóa, chính là tam thiên đại thiên thể giới mà chúng ta thường nói. Hiện nay nhà khoa học nói với chúng ta, tam thiên đại thiên thể giới này có mười ức hệ ngân hà, lục thông của A-la-hán đều có thể thấy, có thể nghe, có thể duyên đến được, vậy rất tài giỏi rồi, thế nhưng nếu so với thể giới Cực Lạc thì kém xa.

Thần thông ở thể giới Cực Lạc là thần thông của Bát địa trở lên. Vãng sanh đến nơi đó thì được uy thần bốn nguyện của A-di-đà Phật gia trì, sáu loại thần thông đều đầy đủ. Vì sao vậy? Bởi vì A-di-đà Phật ban cho chúng ta làm A-duy-việt-trí Bồ-tát. Pháp thân Bồ-tát ở thể giới Cực Lạc có 41 cấp bậc, đương nhiên không đến được Bát địa, bậc Thất địa trở xuống đều có loại năng lực này. Cho nên các ngài có thể duyên đến vô lượng vô biên cõi nước chư Phật. A-di-đà Phật có thể duyên đến, vãng sanh đến thể giới Cực Lạc đại khái đều có thể duyên đến được, bởi vì tự tánh vô ngại, thần thông tự hiện.

*Thứ tư, tự tánh vô trụ, không thể đoạn diệt.*

Tự tánh vô sanh vô diệt, nó chân thật là chủ tử của hết thảy pháp, là bản thể của hết thảy vạn pháp, thanh tịnh tịch diệt, thứ gì cũng không có, [nhưng] có thể sanh vạn pháp, không thể nghĩ bàn. Hiện tượng luân hồi sáu cõi của chúng ta ngày nay là do nó sanh ra, do nó biến hiện, nó sanh ra Tịnh độ, [nhưng] A-lại-da biến nó thành hình dạng này. A-lại-da có thiện ác, nếu tâm hạnh, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác của chúng ta đều là thiện, tuân thủ lời dạy của đức Phật, tu tam phước, lục hòa, ngũ giới, thập thiện thì cảnh giới của chúng ta biến thành thiên đường, thể giới đầy đầy tai nạn này sẽ không còn nữa. Cảnh chuyển theo tâm, hết thảy pháp từ tâm tướng sanh.

Học Phật đến nỗi đi vào tam ác đạo, có người như vậy không? Có, còn rất nhiều nữa. Vì sao chạy vào tam ác đạo vậy? Do ý niệm bất thiện. Ý niệm là gì? Tham sân si mạn nghi. Ngôn hạnh bất thiện, ngôn hạnh là gì? Oán hận náo nộ phiền. Mười chữ này kết hợp lại thì đi vào ba đường ác. Chúng ta sao có thể làm việc ngốc nghếch này chứ? Huống chi Phật chế định cho chúng ta Tam tụ tịnh giới, giúp chúng ta nâng



cao, đây đều là pháp môn thông thường. Pháp môn Tịnh độ đặc biệt, về giới luật thì lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không nói cho chúng ta ngũ khoa là: tam phước, lục hòa, tam học, lục độ, Phổ Hiền thập nguyện. Chúng ta nếu có thể nắm chắc 5 điều cơ bản này thì có phần vãng sanh.

*Thứ năm, tự tánh vô tác, không có hạn lượng.*

Tâm bao trùm hư không, lượng trọn khắp pháp giới. Tự tánh không có tạo tác, pháp vốn như vậy, không sanh không diệt, không đến không đi, trước nay chưa từng dao động, chưa từng nhiễm ô. Đại sư Huệ Năng báo cáo với Ngũ tổ hai mươi chữ: “vốn tự thanh tịnh, vốn không sanh diệt”, không có sanh diệt, “vốn tự đầy đủ, vốn không dao động”, vốn không dao động chính là tự tánh vốn định. Tự tánh chính là chân tâm, chân tâm vốn là định, chưa từng dao động. Hễ động thì không phải chân tâm, không phải tự tánh. Động là gì? Động là A-lại-da, A-lại-da là ý niệm, niệm trước diệt niệm sau sanh, đây là vọng tâm, không phải chân tâm. Nó từ đâu đến vậy? Từ trong tự tánh biến hiện ra. Ý niệm đem nhất chân pháp giới mà tự tánh hiện ra sanh ra biến thành mười pháp giới, biến thành lục đạo luân hồi. Hoa Nghiêm nói rất hay, hết thấy pháp do tâm hiện thức biến, duy tâm sở hiện, duy thức sở biến. Chân tâm và vọng tâm, tự tánh và A-lại-da, chúng ta cần làm rõ ràng minh bạch chúng.

Trong cuộc sống hằng ngày hiện nay của chúng ta, A-lại-da thức làm chủ, còn tự tánh thì sao? Tự tánh đứng bên rìa, không làm chủ được, toàn là A-lại-da làm chủ, chúng ta sai là sai ở chỗ này. Vọng tâm làm chủ, chân tâm không làm chủ. Chân tâm làm chủ thì là Phật Bồ-tát, Bồ-tát như thế nào? Ít nhất là Sơ trụ trong Viên giáo, Sơ địa trong Biệt giáo. Vì sao vậy? Đã minh tâm kiến tánh thì tự tánh mới làm chủ. Tự tánh làm chủ thì không còn thấy lục đạo nữa, không còn mười pháp giới nữa, cõi Thật Báo Trang Nghiêm hiện tiền.

Cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Thích-ca Mâu-ni Phật là thế giới Hoa Tạng. Thế giới Cực Lạc là cõi Thật Báo của A-di-đà Phật. Thế giới Cực Lạc tuyệt vời, thù thắng khôn sánh, chúng ta đến thế giới Cực Lạc, một phẩm phiền não chưa đoạn, thật sự là phàm phu, nhưng đến thế giới Cực Lạc, bạn sanh cõi Đồng Cư, cõi Phạm Thánh Đồng Cư hoàn toàn tương đồng với cõi Thật Báo. Vì sao vậy? Do uy thần của 48 nguyện của A-di-đà Phật gia trì, bạn đạt được thọ dụng bình đẳng với Bát địa Bồ-tát, điều này tuyệt vời!

Việc này không những phạm phu lục đạo không thể tin tưởng, gọi là pháp khó tin, mà Thanh văn, Duyên giác, Quyền giáo Bồ-tát cũng không dám tin tưởng. Bạn có thể tin tưởng, việc này kỳ lạ, quá hiếm có. Vì sao vậy? Bạn có thể tin thì có thể vãng sanh, thì bạn có phần. Bạn không tin tưởng, có hoài nghi thì bạn không có phần. Bạn biết có Tịnh độ thì đã kết duyên với A-di-đà Phật, [nhưng] đời này bạn không đạt được thọ dụng của Tịnh độ.

Tự tánh không sanh không diệt, không có tạo tác, bởi vì không có tạo tác nên nó không có hạn lượng, có tạo tác thì có hạn lượng. Nhà cơ học lượng tử ngày nay rất tài ba, đã vén màn bí mật của vũ trụ, thứ nào đã cấu thành nên vũ trụ vậy? Là do ba thứ. Thứ nhất là vật chất, thứ hai là ý niệm, thứ ba là hiện tượng tự nhiên. Ba thứ này cấu thành nên toàn thể vũ trụ. Hiện nay vật chất đã bị phơi bày, nhà khoa học lại đang nghiên cứu ý niệm, cũng chính là niệm lực. Ý niệm rốt cuộc là gì? Từ đâu đến? Vì sao lại có? Khởi lên tác dụng gì?

Ý niệm có thể sanh ra vạn pháp, từ “sanh” này thật sự trong kinh Phật nói rất chính xác, có thể biến ra vạn pháp, tự tánh năng sanh. Đại sư Huệ Năng nói rất hay: “Nào ngờ tự tánh có thể sanh vạn pháp”. Vạn pháp ấy, có thể sanh là tự tánh; biến thành lục đạo, biến thành mười pháp giới là A-lại-da. Thức, thức có thể biến; tâm, tánh, tự tánh có thể hiện, có thể sanh, có thể hiện. Đây là những điều cơ bản trong Phật pháp, cần phải làm cho thật rõ ràng, minh bạch thì chúng ta mới không đi đường vòng. Bản thân chúng ta tuy mê hoặc điên đảo, bên trong mê hoặc điên đảo phải rõ ràng thì mới không đi chệch phương hướng lớn, việc này vô cùng hiếm có.

Đặc điểm của tự tánh vô lượng vô biên, nói không cùng tận. Ví dụ, tự tánh không ở ngoài, như gió phủ rộng; tự tánh không ở trong, như gương soi khắp; quang minh của tự tánh như mặt trời chiếu khắp; tự tánh bình đẳng, như hương thơm xông khắp. Đề kinh của kinh Vô Lượng Thọ đã đem tự tánh viết vào trong đó, phần sau của đề kinh là: thanh tịnh, bình đẳng, giác chính là tự tánh. Thanh tịnh, bình đẳng, giác cũng là danh hiệu của A-di-đà Phật. Thanh tịnh bình đẳng giác là chân tâm của chúng ta. Chân tâm có hình dạng thế nào? Không có ô nhiễm thì thanh tịnh; không có phân biệt thì bình đẳng; không có dao động, chính là nói không có vô minh, A-lại-da có vô minh, tự tánh không có vô minh. Cho nên luận về chân tánh thì chúng ta và Phật bình đẳng. Khi nào bình đẳng? Tức thì bình đẳng, hiện tại bình đẳng. Vì

sao ngài thành Phật, tôi ở trong lục đạo làm phàm phu? Ngài đã giác ngộ, còn tôi mê hoặc, nguyên nhân ở chỗ này. Phật Bồ-tát giác ngộ rồi, không mê nữa, chúng ta mê thì không giác, phiền phức chính là ở đây, không thể không biết.

“Bồ-tát tức là thuận với tâm không tịch, tâm diệu viên, tâm vô ngại, tâm vô trụ, tâm vô tác, tâm vô ngoại, tâm vô nội, tâm quang minh, tâm bình đẳng mà tự tánh của chúng sanh sẵn có”. Nói tổng cộng có 9 tâm, [nhưng] chỉ là một tâm niệm. A-di-đà Phật ở thế giới Tây Phương Cực Lạc dùng 9 tâm này để trang nghiêm cõi Phật, là dùng 48 nguyện, 48 nguyện là gì? 48 nguyện tức là tâm vốn sẵn có của chúng sanh. Câu này nói rất hay! Tâm vốn sẵn có tức là dùng tự tâm trang nghiêm cõi nước mình, một chút cũng chẳng giả.

Thiền sư Trung Phong trong Tam Thời Hệ Niệm nói với chúng ta: “Tự tánh Di-đà, duy tâm Tịnh độ”. Tức dùng tự tâm trang nghiêm cõi nước mình, như nước đổ vào biển, như tiếng vang ứng với âm thanh, tâm và cõi nước không hai, nhân quả đồng thời. Thế nên, ngài Pháp Tạng phát nguyện xong thì trong không trung tức thời cất lời tán thán: “Nhất định sẽ thành Vô thượng Chánh giác”, cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Đều là một thể. Tín tâm của chúng ta phải từ đây mà kiến lập, đây là chân thật tin tưởng.

Nếu chúng ta thật sự tin vào lý niệm: toàn bộ vũ trụ là một thể, chúng sanh là một thể thì có ba câu nói bạn sẽ không khó thực hiện. Đó chính là: trên thế giới này không có người nào mà tôi không yêu thương, trên thế giới này không có người nào mà tôi oán hận, trên thế giới này không có người nào mà tôi không thể tha thứ. Mười năm trước, khi lần đầu tiên tôi nghe lão pháp sư nói câu này, tôi đem nó làm thành câu cách ngôn cho chính mình. Hiện nay 10 năm đã trôi qua, tôi đã thực hành được 10 năm, tôi được lợi ích, tôi không có mặt đối lập, không có oán thân trái chủ, tôi yêu thương tất cả chúng sanh khổ nạn trong hư không pháp giới, thế nên tôi tự tại, tôi vui vẻ.

Lão hòa thượng Hải Hiền đã làm ra tấm gương tốt nhất cho chúng ta, thọ mạng của ngài dài như vậy là do A-di-đà Phật gia trì, không phải do ngài có. A-di-đà Phật vì sao gia trì cho ngài? Bởi vì thế gian này có khổ nạn, rất nhiều người học Phật đã học sai, người niệm Phật đã niệm sai, Phật để ngài làm tấm gương. Ở trong thời đại này học Phật chân thật thành tựu thì hãy học ngài, niệm Phật chân thật vãng sanh thì hãy học ngài, nhất định phải làm ra tấm gương tốt nhất cho người thế gian. Tấm

gương này chính là trì giới, thủ pháp, nghe lời, thật thà, thật làm. Thật làm là làm việc gì? Toàn tâm toàn lực phục vụ cho chúng sanh, hết thấy mọi thứ của ta đều thuộc về chúng sanh khổ nạn, không có thứ nào thuộc về chính mình.

Học Phật phải học chịu thiệt thòi. Sợ bị thiệt thòi, không chịu thiệt thòi thì không học Phật được. Học Phật có thật bị thiệt thòi không? Theo kinh nghiệm riêng của cá nhân tôi thì một chút cũng không thiệt thòi. Mọi người đều muốn chiếm tiện nghi, thế nhưng tiện nghi lớn ở ngay trước mắt mà chúng ta không nhận ra, tiện nghi lớn nào vậy? Niệm Phật thành Phật, còn tiện nghi nào lớn hơn thành Phật nữa chứ? Học Phật là học ở đâu? Phải học ở trong hoàn cảnh nhân sự phức tạp, người và người rất khó chung sống với nhau, trong hoàn cảnh nhân sự phức tạp, đem phiền não, tật xấu, tập khí của chúng ta thấy đều tu sửa chỉnh lý sạch sẽ. Nguyên tắc chung là: với tất cả mọi người không phát sinh xung đột lợi hại. Phương pháp cụ thể rất đơn giản: bạn tranh tôi không tranh, họ cần tôi không cần.

Người học Phật chúng ta phải biết bản thân cần điều gì? Chúng ta không cần đại phú đại quý, chúng ta không cần quan cao lộc dày, chúng ta không cần danh văn lợi dưỡng, thứ chúng ta cần là A-di-đà Phật. A-di-đà Phật là gì? Là vô lượng thọ, vô lượng quang, vô lượng tướng hảo, vô lượng đức năng, vô lượng của vô lượng, hết thấy đều vô lượng. Nhãn quang sao có thể ngăn cạn như vậy, sao bạn lại nhìn không rõ ràng như vậy?

Bản thân tôi còn có 4 nguyên tắc nữa, rất hữu dụng, mọi người đừng ngại thử dùng xem sao. Đó là: không tranh luận, không thảo luận, không biện luận, không giải thích. Việc này phải học từ từ, rất có thọ dụng. Những điều ở trên nếu như trong đời sống thường ngày thấy đều dùng đến thì tâm như thế nào? Tâm thanh tịnh rồi. Gặp phải thiện ác, thuận cảnh nghịch cảnh đều có thể không đặt vào trong tâm.

Tiếp theo nói về vấn đề trọng điểm thứ nhất của đoạn kinh văn này là “trụ chân thật huệ”.

“Trụ chân thật huệ” cùng với “khai hóa hiển thị chân thật chi tế” trong phẩm thứ hai Đức Tuân Phổ Hiền, và “huệ dĩ chân thật chi lợi” trong phẩm Đại Giáo Duyên Khởi chính là ba thứ chân thật trong kinh Vô Lượng Thọ. Ba câu này nói về ba phương diện của lý thể thực tế. Một thứ là chân thật chi tế, một thứ là chân thật chi lợi, một thứ là chân thật chi huệ. Ba câu tuy không giống nhau nhưng ba câu có một điểm chung đó chính là chân thật.

Đại Thừa Nghĩa Chương nói rằng: “Pháp tuyệt tình vọng là chân thật”, triệt để siêu tình ly vọng, hiển hiện bản chân mới là chân thật. Cho nên chân thật chính là bản thể. “Chân” chính là chân như, “thật” chính là thật tướng, chân như thật tướng. Kinh Quán Phật Tam-muội nói rằng: “Quả đức của Phật địa là chân như thật tướng, đệ nhất nghĩa không”. Đến được quả vị của Phật, đức trên quả vị đó chính là chân như thật tướng và đệ nhất nghĩa không. Đệ nhất nghĩa không chính là thắng nghĩa để không, chính là “không” trong “không hữu bất nhị”, sắc tức là không, không tức là sắc, là cái không như thế, chứ chẳng phải là không đối lập với sắc. Không đối lập với sắc là ngoan không, tức là không là một bên, sắc là một bên, hai bên đối lập nhau, gọi là biên kiến. Đệ nhất nghĩa để, chân như thật tướng đều là thánh đức của quả giác Phật địa. Ba thứ này là danh tự khác nhau nhưng cùng một hàm nghĩa, là không cũng tức là có, là có cũng tức là không.

Giáo Hành Tín Chứng lại nói: “Pháp thân vô vi chính là thật tướng, thật tướng chính là pháp tánh, pháp tánh chính là chân như”. Có thể thấy chân như, thật tướng và pháp thân chỉ là những danh tự khác nhau. Tông Thiên Thai gọi là “thật tướng các pháp”, tông Hoa Nghiêm gọi là “nhất chân pháp giới”. Có thể thấy hai từ “chân thật” này có hàm nghĩa thậm thâm vô thượng, có diệu đức vô lượng vô biên.

Giữa ba thứ chân thật có quan hệ như thế nào?

“Chân thật chi tế” chính là ngọn nguồn rốt ráo triệt để của chân như thật tướng. Trong Phật pháp Đại thừa chính là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Tỉ như dò tìm ngọn nguồn của sông Hoàng Hà, chính là điểm khởi đầu, điểm xuất phát, buộc phải truy tận nhánh khởi nguồn của sông Hoàng Hà, ngọn nguồn rốt ráo của chân như tự tánh gọi là “chân thật chi tế”.

“Chân thật chi lợi”, phẩm Đại Giáo Duyên Khởi của kinh này nói rằng: “Nhu Lai vì lòng đại bi vô tận, thương xót ba cõi nên xuất hiện ở đời, hiển bày đạo giáo, muốn cứu với quần sanh, ban cho lợi ích chân thật”. Học tập đoạn kinh văn này, chúng ta liệu có thể lãnh ngộ rằng: khiến cho chúng sanh đều đạt được lợi ích chân thật chính là mục đích chân thật mà Như Lai xuất hiện ở thế gian. Vậy làm thế nào khiến chúng sanh đạt được lợi ích chân thật? Chính là tuyên thuyết pháp môn Tịnh độ độ khắp ba căn, Nhất thừa nguyện hải, sáu chữ hồng danh thâm nhiếp vạn loài, có thể khiến hết thảy hàm linh đều được độ thoát. Đây chính là sự cứu giúp chân thật đối với chúng sanh.

“Chân thật chi huệ”, thứ có thể hiển thị bản thể của “chân thật chi tế”, lưu xuất diệu dụng của “chân thật chi lợi” thì chính là toàn thể đại dụng của “chân thật chi huệ”. Ba thứ chân thật kết hợp lại thì là một chân thật, một mà ba, ba mà một.

Thứ có thể hiển bày “chân thật chi tế”, có thể ban cho “chân thật chi lợi” chính là “chân thật chi huệ”. Câu nói này rất quan trọng, đã nói thấu triệt về “chân thật chi huệ”. Trí tuệ là tự tánh khởi tác dụng, chân tâm khởi tác dụng thì gọi là trí tuệ, vọng tâm khởi tác dụng thì gọi là tri thức. Khoa học thuộc về tri thức, thế nên tuy khoa học có thể biết nhưng nó không có tác dụng. Nếu là Bát địa Bồ-tát thần thông quảng đại thì nó khởi tác dụng, sáu loại thần thông đều hiện tiền. Sáu loại thần thông của A-la-hán đã hiện tiền rồi, đó là tiểu thần thông sơ cấp, Bát địa trở lên là thần thông viên mãn, không khác gì với [thần thông] trên quả địa Như Lai. Biết rõ bốn tâm, thấy rõ bốn tánh của mình thì gọi là minh tâm kiến tánh, đây mới gọi là “huệ”, là “chân thật huệ”.

Phía trước đã nêu rằng “pháp tuyệt tình vọng” là chân thật. “Pháp” chỉ cho hết thảy những thứ hữu tình, vô tình, những thứ hữu hình, vô hình, thảy đều gọi là pháp, không phải chuyên chỉ cho Phật pháp mới gọi là pháp, hoặc là pháp luật thì gọi là pháp. Định nghĩa của chữ “pháp” trong Phật giáo là phổ biến nhất, thứ nào cũng đều có thể gọi là pháp.

Thế nào gọi là “chân thật”? Chính là đối với tất cả pháp đều phải liả khỏi tình chấp và vọng kiến. Chúng sanh đều ở trong tình kiến cho nên tất cả những cái thấy đều là tri kiến của chúng sanh. Đại sự nhân duyên mà Phật xuất hiện ở thế gian chính là để nói tri kiến Phật. Chúng ta tu hành là tu điều gì? Chính là đem tri kiến chúng sanh của chúng ta chuyển đổi thành tri kiến Phật.

Tu hành có thể đắc lực hay không phải xem bạn có thể buông xả hết thảy kiến giải và thành kiến của chính mình hay không, mỗi ngày một mới lại mới hơn nữa. Chẳng phải những cái thấy của chính mình trở thành trung tâm, dần dần phong phú, dần dần đẹp hơn, đó chỉ là tự lừa mình. Ví dụ như hàng hóa chỉ dùng bao bì gắn mác hàng hiệu, còn nội dung thực tế là hàng hóa kém chất lượng của mình, hàng xấu nhái hàng tốt, hàng giả nhái hàng thật, việc này hiện nay đã quá phổ biến rồi.

Bạn phải đem chính mình buông bỏ, vô ngã, thật sự phải vô ngã, đã không có ngã thì còn có kiến gì chứ? Không có ngã tướng, nhân tướng, ngã kiến, nhân kiến. Chẳng những phải vô tướng mà còn phải vô kiến. Chúng sanh tất cả đều là tình

kiến, đều là vọng kiến, trong pháp chân thật không có tình kiến, không có hư vọng, nên gọi là chân thật. Thế nên “chân thật chi tế, chân thật chi lợi, chân thật chi huệ” đều là ý nghĩa này. Vì vậy bốn tâm lia vọng cũng chính là tự tánh, tự tâm, cũng gọi là chân như, cũng gọi là Phật tánh, cũng gọi là pháp thân v.v... cách gọi không như nhau nhưng nội dung thực chất là một.

Chân tâm là thể, có thể thì có dụng, thứ từ chân tâm lưu hiện ra, lại có thể hiện rõ bốn tâm, và còn khởi vô biên diệu dụng thì chính là “huệ”. Thế nên chúng ta tu hành không phải khiến cho chính mình tu thành người thực vật, không có não, chỉ biết ăn uống, mà phải từ trong chân tâm bốn thể lưu xuất sự chiếu dụng vi diệu không gì bằng, vô biên thù thắng, đó không phải là vọng dụng sinh ra từ thức thứ sáu, thức thứ bảy. Thức thứ sáu phân biệt, thức thứ bảy chấp trước, hai thức này sinh ra cái giác sai lầm, vọng tưởng, chấp trước che lấp trí tuệ đức tướng vốn có.

Ba thứ chân thật của kinh này có thể so sánh với ba đức của Niết-bàn. Chân thật chi tế là pháp thân đức, chân thật chi lợi là giải thoát đức, chúng sanh không bị phiền não trói buộc, không bị Tam giới kìm giữ; chân thật chi huệ là Bát-nhã đức. Thế nên ba thứ chân thật này giống với chữ ba chấm tròn (∴) của Niết-bàn, không dọc không ngang, không phải ba chấm thẳng đứng, cũng không phải ba chấm hàng ngang, là ba cũng là một. Nói nó là ba, đúng, có ba chấm, nói nó là một cũng đúng vì chỉ là một chữ. Chữ ba chấm tròn tức là ba, cũng tức là một. Ba đức của Niết-bàn đồng với ba thứ chân thật của kinh này.

Sau khi phát nguyện, Pháp Tạng đại sĩ tích công lũy đức. Câu đầu tiên chính là trụ chân thật huệ, đây chính là vẽ rồng điểm mắt. Hết thấy mọi thứ thù thắng trang nghiêm của thế giới Cực Lạc đều là chân thật huệ lưu lộ ra, cũng chính là nói là do chân thật huệ mà thành tựu. Trụ chân thật huệ là đại bản của hết thấy diệu hạnh, đây là Phật pháp Đại thừa. Ở đây đặc biệt chỉ cho Kinh Vô Lượng Thọ và pháp môn Tịnh độ mang lại cho bạn trí tuệ chân thật.

Tiếp theo nói đến vấn đề trọng điểm thứ hai của đoạn kinh văn này: nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ.

Trước hết chúng tôi sẽ giải thích một vài từ ngữ.

“Nhất hướng chuyên chí” là tâm chí chuyên nhất, tâm chuyên nhất, cố định, không có chuyển biến, không có hồi hận, một mực tiến thẳng về trước. “Diệu

độ” là cõi nước tinh mỹ tuyệt luân không thể nghĩ bàn. “Trang” nghĩa là cung kính, đoan chánh, thịnh sức. “Nghiêm” nghĩa là tôn trọng, nghiêm túc, trang trọng. Trang nghiêm dùng lời thông thường để giải thích, nghĩa là dùng những điều thiện mỹ như tôn trọng, cung kính, đoan chánh v.v. mà trang nghiêm xinh đẹp.

A-di-đà Phật kiến lập thế giới Tây Phương Cực Lạc cho chúng ta, đó là cõi Phật như thế nào vậy? Là diệu độ. Diệu ở chỗ nào? Tại giảng tọa chuyên đề kinh Vô Lượng Thọ năm ngoái, tôi đã nói đến 29 loại y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc. Không có y chánh trang nghiêm nào có thể lìa khỏi chữ “diệu” này được, chẳng những diệu mà là diệu không nói nên lời. Lúc tôi viết bản thảo bài giảng hoặc là lúc giao lưu với mọi người, tôi dường như đặt mình ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, có cảm giác như sống trong cảnh đó, cảm giác ấy rất tuyệt diệu. Sự tinh mỹ của thế giới Cực Lạc không có thứ nào có thể so sánh với nó, sự mỹ diệu của nó mọi người không cách gì tưởng tượng được, khen không thể xiết, nghĩa là không thể tìm ra lời hay đẹp phù hợp để khen ngợi, thế nên gọi là diệu độ.

Vì sao cõi nước của A-di-đà Phật diệu đến như vậy? Là do A-di-đà Phật trang nghiêm, trang nghiêm như thế nào? Nhất hướng chuyên chí trang nghiêm. Nhất hướng nghĩa là gì? Nghĩa là trước giờ chưa từng gián đoạn. Thế giới Tây Phương Cực Lạc đã được kiến lập 10 kiếp, A-di-đà Phật đã trang nghiêm 10 kiếp rồi, Ngài đã dùng thái độ gì để trang nghiêm? Hai chữ “chuyên chí” này vô cùng quan trọng, hơn nữa chẳng phải chuyên chí trong vòng một hai ngày, cũng không phải một năm hai năm, mà là “nhất hướng”, việc này rất khó được.

Làm thế nào để trang nghiêm diệu độ? Nếu nói một cách cạn cợt thì là dùng sự thiện và mỹ của lòng rất tôn trọng, rất cung kính v.v... để trang nghiêm đẹp đẽ. Pháp Tạng đại sĩ có đủ mọi diệu đức, diệu đức này có thể trang nghiêm, có thể làm sự việc trang nghiêm, diệu độ trang nghiêm là thứ được trang nghiêm.

Pháp Tạng đại sĩ dùng vạn đức của bản thân để trang nghiêm diệu độ đã kiến lập, cho nên cõi nước đầy đủ trang nghiêm. Tiến thêm một bước mà nói thì hết thảy y chánh trang nghiêm ở thế giới Cực Lạc chính là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Bởi vì cõi nước và tâm không hai, tự tâm thanh tịnh quang minh, chính là cõi nước thanh tịnh quang minh, tâm có vạn đức chính là cõi nước có vạn đức. Thế nên Pháp Tạng đại sĩ trụ chân thật huệ, trang nghiêm cõi nước, đây mới là chân thật trang nghiêm, cũng chính là đại căn bản của thế giới Cực Lạc.



Trong phẩm 26 của kinh Vô Lượng Thọ, A-di-đà Phật thuyết pháp cho các đại Bồ-tát trong mười phương đến thế giới Cực Lạc lễ cúng nghe pháp: “Hiểu rõ hết thấy pháp như mộng huyễn tiếng vang, mẫn túc các diệu nguyện, ắt thành cõi như vậy”, “thông đạt các pháp tánh, hết thấy không, vô ngã, chuyên cầu cõi Phật tịnh, ắt thành cõi như vậy”. Hai bài kệ tụng này là A-di-đà Phật tuyên thuyết điểm then chốt của việc thành tựu cõi Phật, cũng tương đương với phần khai diễn, làm thế nào trụ chân thật huệ, trang nghiêm Tịnh độ.

Bài kệ tụng thứ nhất nói rằng: trước tiên phải hiểu rõ, giác ngộ hết thấy pháp như mộng, như ảo, như tiếng vang, điều này với câu “tất cả pháp hữu vi như mộng ảo bọt bóng” trong kinh Kim Cang là như nhau. Đây chứng minh rằng Kim Cang Bát-nhã là căn bản để thành tựu cõi Phật, có căn bản rồi, tiếp đến viên mãn đại nguyện thì nhất định thành công.

Bài kệ tụng thứ hai nói trước tiên phải thông đạt hết thấy pháp tánh là đệ nhất không, vô ngã, đã không có nhân ngã, cũng không có pháp ngã, điều này về căn bản thì giống với bài kệ đầu tiên. Cõi Phật thanh tịnh mà bạn chuyên chí cầu đạt được cũng chính là nơi các pháp tánh hết thấy đều là không, vô ngã, nên nếu có thể thông đạt như vậy, chí tâm cầu như vậy thì bạn mới có thể viên mãn. Thế nên nhân ngã, pháp ngã đều không, mới có thể thoát hẳn căn trần, linh quang độc diệu, mới có thể chân thật thông đạt chân như thật tướng, khế ngộ pháp thân.

Từ đây có thể lưu hiện ra hết thấy. Hết thấy không, vô ngã, nhưng vẫn cầu Tịnh độ, đây là chân thật huệ. Hiểu rõ được bản thể, lại từ bản thể khởi chiếu dụng, đây là chân thật huệ. Cho nên vô ngã, vô nhân là trí tuệ chân thật để chuyên chí trang nghiêm Tịnh độ.

Tóm lại, hết thấy vô ngã là lý, trang nghiêm cõi Phật là sự, tuy là không có ngã, cũng chẳng có cõi nước, nhưng vẫn nhất hướng chuyên chí trang nghiêm, đây là lý sự vô ngại. Cõi Phật lìa tướng nhưng không ngăn ngại việc chuyên chí trang nghiêm, tuy có đủ mọi diệu tướng nhưng ngay nơi tướng mà lìa tướng, ngay nơi thể chính là không. Vĩnh Minh đại sư nói: “Kiến lập đạo tràng trắng trong nước, làm nhiều Phật sự trong giấc mộng”. Kiến lập đạo tràng chỉ là ánh trắng trong nước, làm nhiều Phật sự thì như hoa đóm trong giấc mộng, đây là lý sự vô ngại, không hữu song dung, viễn ly hai bên, khế hợp trung đạo. Viên tu, viên chứng như vậy nên búng

tay một phát thì thành trụ viên mãn. Cho nên nói trụ chân thật huệ, chuyên chí diệu độ là gốc của đại nguyện.

Từ thể chân thật mới có thể sanh ra chiếu dụng chân thật, trí tuệ chân thật. An trụ nơi trí tuệ chân thật mới có thể như thật mà hiển thị ra chân thật chi tế. Bảo châu phóng quang, trước tiên chiếu sáng bản thể của bảo châu, nên nước, chim, rừng cây của thế giới Cực Lạc, mây trần, mây hương, cọng cây, ngọn cỏ đều là sự lưu hiện của trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi, không thứ nào chẳng phải là nhất chân pháp giới, không thứ nào chẳng phải là tròn sáng đầy đủ công đức, không thể nghĩ bàn.

Một vị Tổ sư của tông Lâm Tế là Thiền sư Vĩnh Giác Nguyên Hiền, ngài do vì nghe một vị hòa thượng nói bài kệ mà xuất gia, về sau gặp được thiện tri thức, từng bước từng bước thâm nhập, đại triệt đại ngộ. Bài kệ sau cùng ngài lưu lại thế gian là:

*“Gà vàng mổ nát lưu ly biếc,  
Hoàn toàn ngồi nghỉ chỉ mình hay,  
Nằm yên mảnh buồm trời trong sáng,  
Non trước mưa tạnh, chim ngừng kêu”.*

Ý nghĩa của bài kệ này là, gà vàng trong chốc lát đã mổ vỡ ngọc lưu ly, cho thấy quang minh trí tuệ của chúng ta đã hiện ra, trong chốc lát đã phá tan màn vô minh. Muôn thứ cũng ngưng, ngàn thứ cũng dừng, chỉ có chính mình biết. Đạt đến cảnh giới chứng đắc của Thiền tông, người chưa ngộ sẽ không thể nào lãnh hội được, cũng chẳng phải là điều mà người chưa ngộ có thể suy lường được.

Cổ Thiền Sư nói: Thần Tú so với Lục tổ thì chưa chạm được đến mép rìa. Thần Tú so với Lục tổ thì chỉ có là mê tín, Thần Tú nói: Sư phụ mình đem y bát giao cho ngài ấy, ngài ấy nhất định giỏi hơn mình, rốt cuộc thì cảnh giới của Lục tổ là gì? Thần Tú tuy là quốc sư nhưng ông ấy cũng không biết.

Tôi ngủ yên trên con thuyền giương buồm, bầu trời trong sáng, muôn dặm chẳng thấy mây. Nói rõ tâm cảnh của ngài. Lúc trời mưa chim Ngói kêu khóc: trời lạnh rồi! [Trời quang mây tạnh thì] chim Ngói ở núi phía trước không còn ở đó kêu nữa. Có cảnh giới như vậy, Tổ sư đại triệt đại ngộ như vậy, ngài nói với chúng ta: niệm Nam-mô A-di-đà Phật là phao cứu sinh trong thời Mạt pháp. Chúng ta được độ, thứ duy nhất có thể nương tựa chính là A-di-đà Phật.

Kết hợp với nội dung được giao lưu trong tiết học này của chúng ta, tôi có thể hội rằng:

*Được đến nơi tuyển Phật trường này, ba thứ chân thật nghe tường tận,  
Đến khi bạn đạt được tâm không, Di-đà đón bạn về quê cũ.*

Điều này tương ứng với bốn câu kệ tiếp theo:

*Mười phương đồng hội tụ, mỗi người học vô vi,  
Đây là nơi tuyển Phật, tâm không thì được về.*

Xin quý vị ghi nhớ: chúng ta là đến để học hạnh vô vi, không phải đến làm việc hữu vi.

Tiết học hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 41

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Tiếp theo tôi sẽ nói về vấn đề trọng điểm thứ ba của đoạn kinh văn này là “siêu thắng độc diệu”. Siêu thắng độc diệu có những cách giải thích như sau.

Pháp Hoa Du Ý nói: “Diệu” là cách nói khác của tinh vi thâm viển, chính là đặc sắc, vi diệu, thâm nhập, lâu dài. Đại Nhật Kinh Sớ nói “diệu” là tuyệt không gì sánh nổi, tuyệt không gì có thể vượt hơn, không thể so sánh được, càng không có thứ nào tốt đẹp hơn nó. Hội Sớ nói: “Siêu thắng độc diệu” không những là rộng lớn, mà hết thảy những sự trang nghiêm trong đó như: thân Phật, cõi nước, y báo, chánh báo, đều là đệ nhất không gì sánh bằng, vượt hơn các cõi Phật, là tinh xảo đẹp đẽ nhất, thế nên gọi là siêu thắng. Duy chỉ có cõi nước Cực Lạc là không thể nghĩ bàn nhất, nên gọi là độc diệu.

Thế giới Tây Phương Cực Lạc vì sao lại được mười phương chư Phật Như Lai đồng tán thán? Nhất định là có chỗ đặc biệt khác thường, không thể nghĩ bàn. Hội Sớ nêu ra 7 điều, nói rõ chỗ siêu thắng độc diệu của thế giới Cực Lạc. Bảy điều đó là:

Một, pháp thân Phật, báo thân Phật, ứng hóa thân Phật thảy đều xuất hiện trong cõi nước ấy. Hai, quang minh thọ mạng của thân Phật vượt hơn chư Phật. Ba, lợi ích của danh hiệu đặc biệt siêu việt khó nghĩ bàn. Bốn, khiến Ngũ thừa đồng nhập vào Báo độ. Năm, hàng Nhị thừa, căn khuyết, người nữ đều nhanh chóng chuyển thành Nhất thừa. Sáu, chánh nhân vãng sanh dễ tu dễ đạt được. Bảy, sau khi sanh về đắc quả vị rất nhanh, rất cao.

Chúng tôi chọn ra 4 điều đặc sắc trong đây bao gồm: Quang minh, thọ mạng của thân Phật vượt hơn chư Phật, lợi ích của danh hiệu đặc biệt siêu việt khó nghĩ bàn, chánh nhân vãng sanh dễ tu dễ đạt được, sau khi sanh về đắc quả vị rất nhanh rất cao, để cùng các đồng tu học tập, chia sẻ.

Quang minh, thọ mạng của thân Phật vượt hơn chư Phật.

Bởi vì đức Di-đà là tôn quý nhất trong các Phật, là ánh sáng tôn quý nhất, thọ mạng vô lượng, thế nên quang minh và thọ mạng của thân Phật vô lượng. Trong vô lượng này, vô lượng kia thì thọ mạng vô lượng là vô lượng đệ nhất. Nếu không có

thọ mạng vô lượng thì những vô lượng khác tồn tại cũng bằng không. Phật có vô lượng thọ, người vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, ai ai cũng đều vô lượng thọ, đây cũng là điều mà mỗi người chúng ta đều mong muốn đạt được. Ai có thể ban cho chúng ta vô lượng thọ? Chỉ có thế giới Tây Phương Cực Lạc, chỉ có A-di-đà Phật. Cho nên nói vô lượng thọ là chỗ siêu thắng độc diệu nhất của thế giới Tây Phương Cực Lạc. Phật có vô lượng quang, thân Phật phóng quang, gọi là ánh sáng tôn quý nhất, quang minh đại biểu cho trí tuệ, trí tuệ của Phật vô lượng. Quang minh, thọ mạng của Phật vô lượng là sự siêu thắng độc diệu rõ nét nhất của thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Lợi ích của danh hiệu đặc biệt siêu việt khó nghĩ bàn.

A-di-đà Phật dùng điều gì để giúp đỡ chúng sanh, thành tựu chúng sanh? Chính là dùng danh hiệu của ngài, điều này không thể nghĩ bàn. Ý nghĩa của danh hiệu này rất phong phú, thật sự nói không thể hết. Ví dụ nói “vô lượng giác”, có vị Phật nào chẳng giác chứ, cho nên danh hiệu này đại biểu cho danh hiệu chung của hết thầy mười phương ba đời tất cả chư Phật. Niệm danh hiệu này thì đã niệm toàn bộ hết thầy, một vị cũng chẳng sót. Danh hiệu của Phật đương nhiên cũng bao gồm danh hiệu của Bồ-tát. Phật là danh hiệu trên quả địa, Bồ-tát là danh hiệu tu nhân ở nhân địa, nhân quả tương ứng, nhân quả là một thể. Thế nên câu danh hiệu này cũng bao gồm hết thầy Bồ-tát ở trong đó, niệm một câu thì đã niệm toàn bộ hết thầy rồi, không thể nghĩ bàn. Đây là chỗ siêu thắng độc diệu của thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Chánh nhân vãng sanh, dễ tu dễ đạt được.

Việc này quan trọng, câu nói này rất quan trọng. Dễ tu dễ đạt được nghĩa là không khó, dễ dàng tu, dễ dàng đạt được. Phát Bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm là chánh nhân để vãng sanh. Bạn xem, chính là tám chữ này. Thế nào gọi là phát Bồ-đề tâm? Đại sư Ngẫu Ích trong Yếu Giải nói với chúng ta rằng: thật sự tin tưởng có thế giới Cực Lạc, thật sự bằng lòng vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, đây chính là phát Bồ-đề tâm. Một khi phát tâm này rồi thì đã ghi danh ở thế giới Cực Lạc, đã có trong danh sách rồi, trên hoa sen đã có tên của bạn, nơi giảng đài của A-di-đà Phật có vị trí của bạn rồi, đợi bạn đến đó. Khi thọ mạng của bạn kết thúc, Phật sẽ đến tiếp dẫn bạn. Nếu như công phu niệm Phật của bạn thành phiền rồi, A-di-đà Phật sẽ đến gia trì cho bạn, liên hệ với bạn, hoặc ở trong định, hoặc ở trong mộng khiến bạn thấy

được ngài, ngài đến nói với bạn, thọ mạng của bạn còn bao lâu nữa, khi nào ngài sẽ đến đón bạn. Nếu bạn vẫn còn thọ mạng, nhưng bạn không cần, muốn đi theo Phật, Phật rất từ bi, sẽ đưa bạn đi. Phật sẽ ước định thời gian cho bạn, chứ ngài không lập tức mang bạn đi ngay, để bạn báo với người thân bạn bè là ngày nào đó Phật sẽ đến đón bạn, báo cho họ biết để họ xem bạn vắng sanh, để họ sanh khởi tín tâm, cầu sanh Tịnh độ. Tuyệt diệu! Tuyệt diệu không nói nên lời, chính là ở chỗ này.

Sau khi sanh về đắc quả vị rất nhanh rất cao.

Vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, quả báo mà bạn đạt được không thể nghĩ bàn, đắc quả thật rất nhanh, rất cao, khiến người không dám tưởng tượng. “Ngũ nghịch thập ác, lâm chung niệm 10 niệm, lập tức được sanh, nhanh chóng chứng quả bất thoái, nên gọi là rất nhanh”. Đã đến thế giới Cực Lạc thì chính là A-duy-việt-trí Bồ-tát, rất nhanh. Phạm phu mang theo hoặc, mang theo tội nghiệp rất nặng mà có thể sanh ngang đến nước ấy, liền thành A-bệ-bạt-trí, đều ở địa vị Bồ Xứ, địa vị này bình đẳng với Bồ Xứ Bồ-tát, Đẳng giác Bồ-tát, nên nói là rất cao.

Đại sư Thiện Đạo nói rằng: “Khởi 48 nguyện trang nghiêm cõi nước, tinh tú nhất vượt hơn các cõi Phật khác”, thế nên gọi là siêu thắng độc diệu. Sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì vĩnh viễn sẽ không thoái chuyển, đều chứng minh cho ba loại bất thoái chuyển. Thứ nhất là Vị Bất Thoái, họ sẽ không thoái chuyển về phàm phu, sẽ không thoái chuyển thành Tiểu thừa, đây gọi là Vị Bất Thoái. Thứ hai là Hạnh Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái là Bồ-tát đạo, sẽ không thoái chuyển thành Duyên giác. Thứ ba là Niệm Bất Thoái, họ chỉ có một mục tiêu là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, họ nhất định sẽ chứng đắc. Rất nhanh chóng, ba loại bất thoái này trong một lần liền đạt được, không phải trải qua từng giai đoạn từng giai đoạn một. 84.000 pháp môn là có giai đoạn, có tính giai đoạn, còn đây không có, đồng thời chứng đắc, rất nhanh, rất mau. Quả đức như vậy đạt được rất nhanh chóng, địa vị cao, điều này thật sự mười phương không hề có, trong cõi nước chư Phật mười phương không thể tìm thấy, thế nên gọi là “độc diệu”. Điều này hoàn toàn dựa vào uy thần 48 nguyện của A-di-đà Phật gia trì. Chúng ta tu Tịnh độ, điều quan trọng nhất là đem 48 nguyện biến thành nguyện của chính chúng ta, như vậy thì sự gia trì của A-di-đà Phật sẽ hết sức rõ rệt. Chúng ta và A-di-đà Phật là đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh, thì mới có quả báo thù thắng như vậy. Cơ hội này nhất định không được đánh mất, bất kỳ cơ hội nào đánh mất cũng không sao, nhưng

cơ hội này ngàn vạn phần không được đánh mất, đánh mất cơ hội thành Phật này thì quá đáng tiếc. Lần này đến nhân gian, cái gì là việc lớn? Đây là việc lớn hàng đầu.

Ba trọng điểm trong phần kinh văn đoạn thứ nhất của phẩm thứ tám là: trụ chân thật huệ, nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ, siêu thắng độc diệu xin giảng đến đây.

Tiếp theo mời xem đoạn kinh văn kế tiếp:

**Ư vô lượng kiếp, tích thực đức hạnh, bất khởi tham sân si dục chur tướng, bất trước sắc thanh hương vị xúc pháp, dẫn nhạo ức niệm quá khứ chur Phật, sở tu thiện căn. Hành tịch tĩnh hạnh, viễn ly hư vọng, y chân đế môn, thực chứng đức bản, bất kể chúng khổ, thiếu dục tri túc, chuyên cầu bạch pháp, huệ lợi quần sanh, chí nguyện vô quyện, nhẫn lực thành tựu.**

*Trong vô lượng kiếp tích lũy vun trồng đức hạnh, không khởi các tướng tham sân si dục, không đắm nhiễm sắc thanh hương vị xúc pháp, chỉ vui nhớ nghĩ đến các thiện căn mà chur Phật quá khứ đã tu. Hành hạnh tịch tĩnh, xa lìa hư vọng, y theo pháp môn đệ nhất nghĩa đế mà vun trồng các gốc công đức, không nề các khổ, ít muốn biết đủ, chuyên cầu thiện pháp thanh tịnh, ban lợi ích chân thật cho chúng sanh, chí nguyện không mỗi một chán nản, thành tựu nhẫn lực.*

Đoạn kinh văn phía trước là trụ chân thật huệ, thành tựu diệu độ, siêu thắng độc diệu, kiến lập thường nhiên chính là tổng cương lĩnh của việc tích công lũy đức. Đoạn kinh văn này bắt đầu nói tường tận về việc tích công lũy đức.

Câu đầu tiên đã nêu rõ, Pháp Tạng đại sĩ trang nghiêm diệu độ là trường kỳ không giải đãi, trải qua vô lượng kiếp tinh tấn tu trì, tích lũy trong nhiều kiếp lâu xa, vun bồi đầy đủ mọi loại hạnh công đức, trong tâm không khởi ba độc tham sân si, cũng không tham chấp sáu trần sắc, hương v.v... chỉ một lòng ưa thích đó là nhớ nghĩ đến thiện căn của Phật, niệm danh hiệu Phật, nhớ Phật niệm Phật, tự đắc tâm khai, nhập Tam-ma địa, ấy là đệ nhất.

Đồng thời thâm nhập vô thượng tịch tĩnh lấy tịch diệt làm niềm vui, diệu hạnh nhập Vô Dư Niết-bàn, xa lìa gốc rễ của hết thảy việc ác hư vọng. Dùng pháp môn đệ nhất nghĩa đế mà siêng tu cái gốc của vạn đức. Niệm danh hiệu Phật là việc thiện đệ nhất, thế nên đồng với ba đời chur Phật thường tu niệm Phật tam-muội. Không nề

hà sự quá nhiều của mọi khổ não, đối với đời sống không có tham cầu, không truy cầu sự an dật hưởng thụ, nhằm chán danh lợi, ít muốn biết đủ, đối với những nguyên đã phát vĩnh viễn không bao giờ chán ngán, mà kiên quyết cương nghị, nhẫn nhục để thành tựu. Giống như Nhẫn Nhục tiên nhân bị vua Ca-lợi vu tội, lại còn lần lượt cắt đoạn thân thể nhưng ngài không khởi sân hận.

Tiếp theo tôi sẽ giải thích cụ thể đoạn kinh văn này:

*“U vô lượng kiếp, tích thực đức hạnh”*

Nội dung của hai câu kinh văn ngắn này vô cùng phong phú. Vô lượng kiếp, trong thời gian dài vô lượng kiếp như vậy, A-di-đà Phật đã làm những gì? Tích đức, vun trồng đức hạnh. “Tích” là tích lũy, tích lũy từng chút một, nói theo thông tục là tích cóp. “Thực” là trồng xuống, giống như trồng cây, qua nhiều năm thì thành rừng. “Đức hạnh” là sự hành trì đầy đủ các công đức. Tích đức tu thiện như vậy trải qua thời kiếp lâu xa, không hề mệt chán.

Hai câu kinh văn này nói với chúng ta rằng đức hạnh quan trọng đến nhường nào. A-di-đà Phật trong vô lượng kiếp vun trồng đức hạnh, nghĩ thử bản thân chúng ta, chúng ta đang vun trồng cái gì vậy? Chúng ta đang vun trồng nghiệp nhân của lục đạo luân hồi, chính mình còn không biết, thật là kẻ đáng thương xót!

Chúng ta học Phật vì sao không thể chứng quả, học Phật cả một đời, ngay cả Sơ quả cũng không chứng được, vì sao vậy? Do đức hạnh không đủ. Có người nghe rồi không phục, bạn dựa vào đâu nói đức hạnh của tôi không đủ? Đừng nóng vội, đừng tức giận, chúng ta phải dùng lý để người phục, nêu ra vài ví dụ ngay trước mắt rồi bạn tự chấm điểm cho mình, xem đức hạnh của bạn có thể được bao nhiêu điểm.

*Thứ nhất*, năm loại kiến hoặc bạn đã buông xuống được mấy cái rồi? Buông xuống 1 cái thì bạn được 20 điểm, buông xuống cả 5 cái rồi thì bạn được 100 điểm. Thường thấy nhất là thân kiến, chấp trước thân này là mình. Biên kiến chính là đối lập, đối lập với người, đối lập với việc, đối lập với hết thảy vạn vật. Bạn đã buông xuống rồi thì mỗi thứ được cộng thêm 10 điểm. Điều này tôi giải thích thêm một chút, vì sao cộng thêm điểm cho bạn? Bởi vì hai “kiến” này khó buông xuống nhất. Nếu bạn đã buông xuống được thân kiến thì cái sau dễ làm rồi. Cho nên nếu bạn đã buông xuống được thân kiến, buông xuống được biên kiến thì mỗi thứ bạn được



cộng thêm 10 điểm. Mỗi thứ là 20 điểm, bạn làm được rồi thì bạn được 30 điểm, thêm một chút khích lệ.

*Thứ hai*, bạn còn có người mà bạn ưa thích và chán ghét không? Bốn câu sau đây, bạn đã làm được mấy câu rồi? Làm được một câu thì được 25 điểm. Trên thế giới này không có người nào mà tôi không yêu thương. Trên thế giới này, không có người nào mà tôi oán hận. Trên thế giới này không có người nào mà tôi không thể tha thứ. Tôi không đối lập với bất kỳ người, việc, vật nào. Chính là 4 câu này. Bạn làm được một câu, làm được hai câu thì bạn tự mình tính thử, bạn tự mình cộng điểm xem.

*Thứ ba*, bạn vẫn còn vấn đề tranh luận, thậm chí là cãi nhau với người khác hay không? Bốn điều không, nguyên tắc là không tranh luận, không thảo luận, không biện luận, không giải thích, bạn đã làm được chưa? Bạn khiến chính mình hằng thuận chúng sanh hay là khiến chúng sanh hằng thuận chính mình vậy? Làm được bốn điều không thì được 50 điểm. Làm được hằng thuận chúng sanh thì được 50 điểm.

*Thứ tư*, hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, bạn đã làm được đến đâu rồi? Thuận theo là hiếu, phải hiếu đạo lý này, nếu như về mặt vật chất cực kỳ đầy đủ, nhưng lại không thuận, thường trái nghịch cha mẹ, nói lời tổn thương cha mẹ, làm việc tổn thương cha mẹ, khiến cha mẹ đau lòng, lo lắng, canh cánh trong lòng thì là bất hiếu. Việc làm nào khiến cha mẹ đau lòng nhất? Là con cái bất hòa, gặp phải chuyện như vậy, cha mẹ thật sự là đau khổ muôn phần, lại không biết phải làm sao. Dưỡng thân của cha mẹ, dưỡng tâm của cha mẹ, dưỡng chí của cha mẹ, làm được ba điểm này chính là hiếu dưỡng viên mãn. Các đồng tu học Phật chúng ta phải nỗ lực làm được chí hiếu, thế nào là chí hiếu? Một là khuyên cha mẹ niệm A-di-đà Phật. Hai là giúp đỡ cha mẹ vãng sanh thế giới Cực Lạc, những người con có thể giúp cha mẹ sanh đến thế giới Cực Lạc thì đời này của họ nhất định sẽ thành tựu. Phụng sự sư trưởng, điều quan trọng nhất là tuân theo lời dạy của thầy, y giáo phụng hành, thật thà, nghe lời, thật làm. Gặp được vị thiện tri thức chân thật như lão pháp sư, là vị minh sư chân chánh thì thật là ngàn năm khó gặp, chúng ta phải trân quý bội phần. Làm được hiếu dưỡng cha mẹ thì được 50 điểm, làm được phụng sự sư trưởng thì được 50 điểm, làm không viên mãn thì bản thân hãy căn cứ vào tình hình mà trừ điểm.

*Thứ năm*, thật sự là người tu đạo thì không thấy lỗi thế gian. Hai câu này chúng ta nhiều năm qua đã hô vang như khẩu hiệu rồi, người thật sự có thể làm được chẳng có mấy ai. Biểu hiện rõ rệt của việc thấy lỗi thế gian chính là làm chuyện nhân ngã thị phi. Làm chuyện nhân ngã thị phi dường như đã trở thành căn bệnh chung gây chướng ngại sự thành tựu của người học Phật, thế mà bản thân chúng ta vẫn hoàn toàn không biết, bạn xem đáng sợ biết bao. Bởi làm chuyện nhân ngã thị phi, bị nghiệp lực lôi kéo nên tiếp tục luân hồi trong lục đạo, bạn xem oan uổng biết bao. Bạn hãy đối chiếu lại lời nói hành vi của mình, nếu như đề thi này là 100 điểm thì mỗi lần làm chuyện nhân ngã thị phi sẽ bị trừ 10 điểm, xem thử trong bao lâu thì trừ hết sạch.

Tham chiếu năm đề này, mỗi đề nếu như là 20 điểm, thì tổng điểm là 100 điểm. Bạn căn cứ vào tình hình thực tế của bản thân, cho điểm một cách thực sự cầu thị, có thể tùy theo tình huống mà tăng giảm, làm được xuất sắc thì có thể cộng điểm. Dùng lý khiến người phục, dùng sự thật mà nói, xem thử đức hạnh của chúng ta rốt cuộc có đủ hay không, không đủ cũng đừng sốt ruột, chúng ta thiếu thứ gì thì bổ túc thứ ấy. Đức hạnh không đủ thì chúng ta vun trồng đức hạnh, sợ là sợ không thừa nhận, không chịu vun trồng đức hạnh, thế thì gay rồi.

*“Bất khởi tham sân si dục chur tướng”*

Đây là nói ở bên trong, trong tâm của chính mình, tham sân si dục (sắc dục, thực dục) trong tâm không khởi nữa. “Sắc thanh hương vị xúc pháp” là đối với bên ngoài mà nói, đối với ngoại trần cũng không tham chấp. Chỉ vui với việc nhớ nghĩ đến các thiện căn mà chư Phật quá khứ đã tu. Hết thấy đều buông xuống, những điều nhớ nghĩ trong tâm đều là Phật, thế nên việc này rất tinh tấn.

Chương Niệm Phật Viên Thông trong kinh Thủ Lăng-nghiêm nói rằng: “Nhớ Phật niệm Phật, hiện tiền tương lai nhất định thấy Phật”. Kinh Hoa Nghiêm nói rằng: Bồ-tát Thập địa, mỗi một giai vị Bồ-tát đều không rời niệm Phật. Phẩm Đại Giáo Duyên Khởi của kinh Vô Lượng Thọ nói rằng: “Chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai đều niệm lẫn nhau”. Kinh Quán Phật Tam-muội nói rằng: “Trong hội lúc ấy, có các đại Bồ-tát trong mười phương, số ấy vô lượng”. Trong pháp hội thuyết kinh này, Bồ-tát từ mười phương đến rất nhiều rất nhiều, không biết số bao nhiêu, mỗi vị đều nói về duyên của mình, mỗi một vị Bồ-tát đều nói trong quá khứ bản thân đã tu thành tựu như thế nào. Đương nhiên, duyên của mỗi vị không như nhau, nhưng có một

điểm chung là: đều do niệm Phật mà đắc đạo. Vì vậy “Phật nói với A-nan: Ông nay hãy khéo giữ, cẩn thận đừng để quên mất, ta cùng mười phương chư Phật cùng với ngàn vị Phật trong Hiền kiếp, từ khi mới phát tâm đều nhờ sức niệm Phật tam-muội mà được nhất thiết chủng trí”.

Bên trên là đoạn kinh văn của kinh Quán Phật Tam-muội, thật sự là đoạn khai thị thù thắng hiếm có vô thượng. Ý nghĩa của kinh là: Thế Tôn nói với tôn giả A-nan, hiện nay ông hãy ghi nhớ cho thật rõ, vạn phần chớ nên quên mất. Ta Thích-ca Mâu-ni Phật cùng chư Phật mười phương, cho đến một ngàn vị Phật trong Hiền kiếp trước mắt của thế giới Ta-bà. Thế Tôn là vị Phật thứ tư, Di-lặc đại sĩ tương lai thành Phật là vị thứ năm, theo thứ tự đó thì trong một đại kiếp này tổng cộng có 1.000 vị Phật, nên gọi là Hiền kiếp thiên Phật. Từ Di-lặc đại sĩ trở đi đều là Phật tương lai. Hết thấy chư Phật hiện tại và vị lai từ lúc mới phát tâm đến khi được thành tựu nhất thiết chủng trí đều nhờ đại lực của niệm Phật tam-muội. Phật Phật tương niệm, Phật Phật đạo đồng, chư Phật mười phương, ngàn Phật trong Hiền kiếp cũng đều như vậy.

Thế nên tỳ-kheo Pháp Tạng cũng là như thế, chỉ vui nhớ nghĩ đến chư Phật quá khứ, nhớ nghĩ đến các thiện căn mà chư Phật đã tu. Nhớ nghĩ công đức của chư Phật, nhớ nghĩ ân đức của Phật thế nên cảm ân mong muốn báo đáp, muốn học sở hạnh của Phật, nương vào những điều Phật đã chứng mà nhớ nghĩ không quên, đây gọi là “nhớ Phật”. Lại muốn trì danh niệm Phật, danh hiệu gồm có vạn đức, tổng nhiếp hết thấy những điều lành chính yếu, đầy đủ hết thấy pháp môn, thế nên trong lúc niệm danh hiệu Phật, chỉ cần tâm cũng đang đặt nơi danh hiệu thì cũng là đã nhớ nghĩ đến công đức của hết thấy chư Phật.

*“Hành tịch tĩnh hạnh, viễn ly hư vọng, y chân đế môn, thực chứng đức bốn”*, bốn câu kinh văn này rất quan trọng, đối với việc chỉ đạo chúng ta làm thế nào để tu hành có ý nghĩa cực kỳ quan trọng.

*“Hành tịch tĩnh hạnh”*

Thế nào là hành tịch tĩnh hạnh? Chúng ta xem xem kinh Phật và tổ sư đại đức đã nói thế nào. Thám Huyền Ký nói rằng: “Tịch tĩnh của Vô Dư Niết-bàn, hãy tu điều ấy”. Thám Huyền Ký là chú giải của Lục Thập Hoa Nghiêm, do quốc sư Hiền Thủ làm. Tức là tu Vô Dư Niết-bàn, đây gọi là hành, gọi là hành tịch tĩnh hạnh.

Niết-bàn chia làm hai loại, một loại là Hữu Dur Niết-bàn, một loại là Vô Dur Niết-bàn. Ví dụ A-la-hán tuy đã đoạn phiền não rồi nhưng thân nghiệp báo vẫn còn, vẫn chưa thoát khỏi cái khổ của đói lạnh già bệnh, đây gọi là Hữu Dur Niết-bàn, hoặc là Hữu Dur Y Niết-bàn. Nhân sanh tử của nó tuy đã hết, nhưng vẫn còn chỗ gá thân còn dư sót, phải đợi đến khi thân ấy cũng mất luôn thì mới gọi là Vô Dur Niết-bàn, hoặc là Vô Dur Y Niết-bàn.

Tư Trì Ký nói rằng: “Tịch tĩnh tức là lý của Niết-bàn”, lý là thể, tịch tĩnh là lý.

Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đối với tịch tĩnh đã giải thích như sau: “Thánh hiệu của Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni”. Thích-ca Mâu-ni là tiếng Phạn, Mâu-ni dịch là tịch tĩnh, hoặc dịch là tịch mặc; Thích-ca dịch là năng nhân, nhân từ. Nhân từ là tha thọ dụng, tịch tĩnh là tự thọ dụng. Nếu như nói theo kinh Kim Cang thì Thích-ca chính là sanh tâm, Mâu-ni chính là vô trụ, sanh tâm vô trụ, vô trụ sanh tâm, nên chẳng trụ nơi nào mà sanh tâm ấy. Danh hiệu của Thích-ca Mâu-ni Phật chính là ý nghĩa này, đây là dạy chúng ta phương pháp tu học cao cấp nhất.

Kinh Lý Thú Ba-la-mật nói rằng: “Mâu-ni nghĩa là tịch tĩnh, thân khẩu ý tịch tĩnh thì gọi là Mâu-ni”. Đại Nhật Kinh Sớ nói rằng: “Mâu-ni cũng nghĩa là tịch mặc, là cõi thường tịch”, chính là cõi Thường Tịch Quang, “tuyệt nhiên vi diệu vắng lặng, sâu xa mầu nhiệm, không thể dùng lời mà nói được. Pháp giới ấy tịch nhiên, là pháp đại diệt độ, duy chỉ có mình đức Phật rớt ráo thanh tịnh, nên gọi là Mâu-ni”. Cõi Thường Tịch Quang tuyệt nhiên vi diệu vắng lặng, sâu xa mầu nhiệm, nói không nên lời, chẳng những nói không nên lời mà nghĩ cũng không ra, chẳng cách nào tưởng tượng được, tuyệt đường ngôn ngữ, bất dấu tâm hành, đây gọi là hành tịch tĩnh hạnh.

Tịch tĩnh hạnh ở đâu? Ở ngay trước mắt chúng ta, tịch tĩnh hạnh dùng ở trong đời sống chính là Bồ-tát hạnh, cao hơn Bồ-tát một cấp là Phật hạnh. Thế nên người tu hạnh tịch tĩnh là người như thế nào? Là Pháp thân Bồ-tát.

“Kinh này nói rằng hành tịch tĩnh hạnh là hạnh nhập vào Vô Dur Niết-bàn của đại Bồ-tát, là pháp đại diệt độ của pháp giới, chẳng phải chỉ cho hạnh tịch tĩnh của Nhị thừa”. Không phải Thanh văn, Duyên giác, không phải Quyền giáo Bồ-tát, mà là Pháp thân Đại sĩ, là người ở cõi Thật Báo của thế giới Tây Phương Cực Lạc đang tu. Có điều thế giới Tây Phương Cực Lạc rất đặc thù, bởi vì mỗi một người vãng

sanh, sanh đến thế giới Cực Lạc, được uy thần bốn nguyện của A-di-đà Phật gia trì, làm A-duy-việt-trí Bồ-tát. A-duy-việt-trí chính là người tu hạnh tịch tĩnh, điều này thù thắng khôn sánh, duy chỉ thế giới Cực Lạc mới có, khác với các cõi nước khác của chư Phật trong mười phương.

Tu hành ở nơi đâu, luyện công phu ở đâu? Trong đời sống thường ngày mà tu hành, rèn luyện trong đời sống thường ngày, rời khỏi đời sống thì đi đâu để tu, đi đâu để luyện? Rời khỏi hoàn cảnh nhân sự, rời khỏi hoàn cảnh vật chất, lìa khỏi hoàn cảnh tự nhiên thì không có chỗ tu hành. Tu hành chính là trong cuộc sống đời thường, tu những gì? Tu vô trụ sanh tâm. Nói cụ thể hơn, chính là xử lý tốt ba mối quan hệ: xử lý tốt quan hệ giữa người với người, xử lý tốt quan hệ giữa con người và tự nhiên, xử lý tốt quan hệ giữa người và trời đất quý thần.

Chúng ta hiện nay xây dựng đạo tràng lục hòa kính, trước tiên phải xử lý tốt ba mối quan hệ này. Không xử lý tốt ba mối quan hệ này thì làm sao xây dựng đạo tràng lục hòa kính được. Bất hòa, bất kính, đừng nói đến lục hòa kính mà nhất hòa kính cũng làm không được, như vậy chẳng phải là vọng ngữ đó sao? Xây dựng đạo tràng lục hòa kính không phải là việc của người nào, mà là việc của pháp giới chúng sanh. Ai phá hoại sự hòa hợp, thì kẻ đó đã tạo ra tội nghiệp cực lớn. Mỗi người chúng ta đều phải làm nước suối trong, mang lại một chút mát mẻ cho thế giới này.

Cảnh giới hành tịch tĩnh hạnh là cảnh giới chân thật, bởi vì chúng ta là phàm phu, nói không ra được pháp giới này, nghĩ không ra nổi pháp giới này. Giả như Thích-ca Mâu-ni Phật hiện nay vẫn ở thế gian cùng với chúng ta, Thích-ca Mâu-ni Phật hành tịch tĩnh hạnh, còn chúng ta hành hạnh lục đạo, chúng ta hành hạnh luân hồi.

Tịch tĩnh hạnh là hạnh của đức Như Lai, là pháp diệt độ rốt ráo thanh tịnh, là diệu hạnh nhập vào Vô Dư Niết-bàn của chư đại Bồ-tát. Tịch tĩnh thâm sâu, ngôn ngữ chẳng thể nào tuyên nói được. Pháp Tạng Bồ-tát trụ chân thật huệ, xa lìa hết thảy hư vọng, cho nên hạnh của ngài là hạnh tịch tĩnh.

*“Viễn ly hư vọng”*

Thế nào là hư vọng? Hai chữ “hư vọng” này rất xấu, không chân thật thì là hư, trái ngược với chân thật thì là vọng, hư giả chẳng thật chính là hư vọng.

Kinh Viên Giác nói: “Tâm hời hợt hư vọng, nhiều xảo kiến”. Câu này nghĩa là gì? Nghĩa là tâm hư giả vọng động, lại có nhiều loại xảo kiến, xảo kiến này thường chỉ cho việc nói những lời phù phiếm không thật, đầy bụng dạ, lăm chiêu trò, nhiều chiến thuật, người như vậy không thể thành tựu phương tiện Viên Giác.

Kinh Niết-bàn có câu nói rất sâu sắc: “Trong hết thảy ác sự thì hư vọng là gốc”. Làm ác vốn không phải là thật, vì sao vẫn còn có ác báo? Ác báo là cảm ứng, là pháp tác của đại tự nhiên, thiện tương ứng với thiện, ác tương ứng với ác, chúng sanh trong lục đạo, đời đời kiếp kiếp ở đây làm trò luân hồi. Bồ-tát từ bi vô tận, vì sao không đến độ? Bởi vì họ còn trong mê, không thể tiếp nhận, độ cũng vô ích. Đợi đến khi nào họ ở trong lục đạo rong chơi đủ rồi, không muốn rong chơi nữa, Bồ-tát sẽ đến độ họ. Bồ-tát thật sự là từ bi đến cùng cực, khiến chúng ta sanh khởi tâm cảm ân vô hạn.

Kinh Vô Lượng Thọ đã nói về ba thứ chân thật, thứ đáng quý chính là chân thật, điều tối kỵ chính là hư vọng, hư giả, khoa trương phù phiếm, cuồng vọng đều là vọng, hết thảy việc ác đều sanh ra từ hư vọng. Pháp Tạng đại sĩ tích công lũy đức, trước tiên là viễn ly hư vọng, chính là diệt sạch gốc rễ của hết thảy việc ác. Pháp Tạng Bồ-tát trụ vào chân thật huệ, hành hạnh thanh tịnh, nên mới có thể viễn ly hết thảy hư vọng. Pháp Tạng Bồ-tát đã làm ra tấm gương cho chúng ta xem.

### *“Y chân đế môn”*

“Đế” nghĩa là chân thật không hư dối. Đạo lý của thế gian và xuất thế gian nhất định không hư vọng thì gọi là “đế”. Có hai loại: thế gian đế và xuất thế gian đế. Thế gian đế còn gọi là tục đế, thế tục cho rằng là chân thật có, cho đó là thật, vì dễ thuận theo mê lầm tình chấp của thế tục mà lập nên thế gian đế, còn gọi là tục đế. Xuất thế gian đế còn gọi là chân đế, là Niết-bàn nhìn thấy bởi trí tuệ, là lý chân thật, tịch tĩnh, gọi là chân đế, cũng gọi là thắng nghĩa đế hay là đệ nhất nghĩa đế.

Trí Độ Luận nói rằng: “Trong Phật pháp có nhị đế: một là thế đế, hai là đệ nhất nghĩa đế. Do thế đế nên nói có chúng sanh, do đệ nhất nghĩa đế nên nói không có chúng sanh nào”. Cho nên kinh Kim Cang nói: Ta khiến chúng sanh diệt độ, đây là thế đế. Thật không có một chúng sanh nào được diệt độ, cả ngày độ sanh, cả ngày chẳng độ ai cả, tâm-Phật-chúng sanh tam vô sai biệt, đây là đệ nhất nghĩa đế. Y chân đế môn chính là nương vào thắng nghĩa đế làm môn, có thể thông nhập đến Niết-bàn, cho nên gọi là môn, nương vào đường lối đệ nhất nghĩa đế mà vun trồng cõi

gốc của các đức. Ví dụ kinh Kim Cang nói: “Vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả mà tu hết thấy thiện pháp” thì chính là “y chân đế môn, thực chúng đức bốn”.

*“Thực chúng đức bốn”*

Tu hết thấy thiện pháp chính là “thực chúng đức bốn”, “thực” là gieo trồng, vun trồng, “đức bốn”, đức là thiện, bốn là gốc.

Trong Giáo Hạnh Tín Chứng nói rằng: “Đức bốn là đức hiệu của Như Lai (chỉ cho danh hiệu của Phật), xưng niệm đức hiệu này một tiếng (chỉ cần bạn niệm một câu) thì thành tựu được công đức cao tột một cách viên mãn (thì công đức cao tột đều viên mãn cả), đều chuyển được các họa (hết thấy tai họa đều tiêu trừ, chuyển biến)”.

Kinh Quán Phật Tam-muội nói rằng: chư đại Bồ-tát mười phương đều nương vào niệm Phật mà đắc, lại “Thích-ca Mâu-ni Phật và mười phương chư Phật, cùng với ngàn Phật trong Hiền kiếp từ sơ phát tâm đều nhờ sức niệm Phật tam-muội mà đắc nhất thiết chủng trí”, điều này chứng minh Phật hiệu chính là gốc của đức, chúng sanh niệm A-di-đà Phật chính là trồng các gốc đức. Phát Bồ-đề tâm, thật thà niệm Phật chính là y chân đế môn, rộng trồng gốc đức.

Trong huyền môn của Hoa Nghiêm thì một và nhiều là như nhau, một chính là vô lượng, vô lượng chính là một. Một câu Phật hiệu, danh hiệu gồm đủ vạn đức, vạn đức đều ở trong một câu Phật hiệu, danh hiệu gồm thâm vạn đức, thứ được nhiếp trọn trong lúc trì danh chính là đức cao tột viên mãn mà A-di-đà Phật trong nhiều đời nhiều kiếp đã tích công lũy đức. Đại sư Ngẫu Ích nói: “Một câu Nam-mô A-di-đà Phật chính là pháp A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề mà Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật đạt được trong đời ác ngũ trược”. Bồ-tát đều tu hết thấy vạn đức, chứng nhập Niết-bàn, nhưng trong vạn thiện thì trì danh là vua trong các thiện, do đó trực tiếp chỉ ra gốc đức chính là trì danh. Do bởi cảnh giới Hoa Nghiêm thì một chân hết thấy đều chân, một thành thì hết thấy đều thành.

Chúng tôi xin nói trọng điểm về việc danh hiệu gồm thâm vạn đức. Danh hiệu Di-đà, thể gồm đủ vạn đức, danh hiệu gồm thâm vạn đức, quan trọng ở chỗ danh hiệu gồm đủ vạn đức, điều này người thông thường không biết đến. Thể gồm đủ vạn đức thì dễ hiểu, còn danh hiệu gồm đủ vạn đức thì ý nghĩa này sâu, thể nên gọi là gốc đức. Danh hiệu này quan trọng nhất là thức tỉnh bản thân. A-di-đà Phật là ai? A-di-

đà Phật là tự tánh Phật, tự tánh Di-đà, duy tâm Tịnh độ. Hết thấy Phật thành Phật đều gọi là A-di-đà Phật. Vì sao vậy? Ý nghĩa của A-di-đà Phật là vô lượng giác, có vị Phật nào không phải là vô lượng giác chứ? Câu Phật hiệu này tự lợi lợi tha, người thường xuyên hồi quang soi chiếu bản thân thì người ấy thật sự đã trồng xuống gốc đức, họ đã không niệm uổng phí. Vì sao vậy? Họ có thể đắc niệm Phật tam-muội, người đắc niệm Phật tam-muội thì nhất định khai ngộ, bất luận là đại ngộ, tiểu ngộ, hay là triệt ngộ thì đều là đức cả. Thế nên, danh hiệu xác thật là gồm thâu vạn đức.

Chúng ta học Phật đều hiểu câu nói “tích công lũy đức”, nhưng nếu nghiên cứu sâu hơn một chút thì dường như tưởng hiểu mà không hiểu, cách tích lũy thế nào, không biết. Mỗi ngày làm việc tốt, hành thiện, phóng sanh, in kinh sách, ăn chay, v.v..., làm những việc này, không biết rằng những việc đó tuy có đức, nhưng rất ít, không bằng niệm Phật. Niệm Phật thì danh hiệu gồm thâu vạn đức, những đức nhỏ ấy của bạn đều ở trong đó, không có người biết, việc này thật đáng tiếc! Người thật sự biết đến thì người này sẽ dốc hết sức mà niệm Phật, đây chính là người học Phật đã học hiểu rõ ràng.

Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ những năm về già, nửa năm trước khi ngài vãng sanh, mỗi ngày niệm 140.000 tiếng Phật hiệu, là truy đánh niệm Phật, đó là ngài biểu diễn cho chúng ta xem, là đang biểu pháp, để chúng ta nhìn thấy điều gì? Danh hiệu gồm thâu vạn đức, đây mới là tích công lũy đức chân thật không thể nghĩ bàn.

Tiết học ngày hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!



## TẬP 42

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Chúng tôi giảng tiếp phần nội dung của tiết học trước.

*“Bất kể chúng khổ, thiếu dục tri túc”*

Bị bức não thân tâm thì gọi là khổ, khổ khiến thân tâm của bạn chẳng an, có câu nói như sau, nói là “tám khổ thay nhau giày vò”, tám mối khổ nào vậy?

Thứ nhất là sanh khổ, tức là nỗi khổ đau lúc mới chào đời. Thứ hai là lão khổ, tức là nỗi thống khổ khi thân thể suy yếu lúc về già. Thứ ba là bệnh khổ, tức là nỗi khổ lúc bệnh hoạn. Thứ tư là tử khổ, tức là thống khổ lúc sắp chết. Năm là ái biệt ly khổ, tức là sự thống khổ khi xa cách người mình yêu mến. Thứ sáu là oán tắng hội khổ, tức là thống khổ khi đối mặt với kẻ thù. Thứ bảy là cầu bất đắc khổ, tức là sự thống khổ khi mong cầu không toại nguyện. Tám là ngũ ấm xí thành khổ, tức là tác dụng thiêu đốt hừng hực của ngũ ấm, che lấp chân tánh, không cho hiển phát, nên sau khi chết lại phải tái sanh. Mọi người hãy nghĩ kỹ xem, tám mối khổ này liệu người nào có thể thoát khỏi? Pháp Tạng đại sĩ đối với hết thảy khổ đều không tính toán, ngài phát nguyện, dù cho thân ở trong các khổ, nguyện tâm như vậy mãi không thoái, chính là không toan tính đến những nỗi khổ này.

“Thiếu dục”, kinh Niết-bàn nói chính là không mong cầu nhiều. “Tri túc” nghĩa là tuy có ít nhưng vẫn không phiền giận. Kinh Di Giáo nói: “Người hành hạnh thiếu dục thì tâm坦然 nhiên”, không có tham cầu, cũng không có sợ hãi và lo lắng. Lại nói, “người thiếu dục thì sẽ được Niết-bàn”, nếu dục vọng của bản thân rất nhiều, đối với thế gian vẫn còn đủ mọi tham luyến, vẫn là thiếu tâm xuất ly thì sao có thể nói đến Niết-bàn được. Tri túc, “tỳ-kheo các ông, nếu muốn thoát ly khổ não, thì phải quán tri túc, pháp tri túc chính là nơi an ổn sung túc, người biết đủ tuy nằm trên đất mà vẫn an lạc, người không biết đủ, dù ở Thiên đường cũng không vừa ý”. Kinh Pháp Hoa nói: “Người thiếu dục tri túc, có thể tu hạnh Phổ Hiền”. Có thể thấy đối với thiếu dục tri túc vạn phần không thể xem thường.

*“Chuyên cầu bạch pháp”*

Đại Thừa Nghĩa Chương nói: “Thiện pháp thanh tịnh, nên gọi là bạch”. Thế nên “bạch pháp” chính là thiện pháp thanh tịnh trong sáng. Chuyên cầu thiện pháp, cầu pháp thanh tịnh trong sáng lia lổ làm để lợi lạc quần sanh, ban cho chúng sanh lợi ích chân thật thì gọi là “huệ lợi quần sanh”.

*“Chí nguyện vô quyện”*

Phần sau cùng của đại nguyện trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện đều là niệm niệm tương tục, không có gián đoạn, các nghiệp thân ngữ ý đều không mỗi một chán nản. Vô quyện chính là không mỗi một chán nản.

*“Nhẫn lực thành tựu”*

Nhẫn lực chỉ cho lực dụng của nhẫn nhục độ trong lục độ. Sư Pháp Trụ nói rằng: nhẫn có ba loại. Thứ nhất là an khổ nhẫn, đối với những chuyện nghịch duyên trong thế gian có thể nhẫn, có thể chịu. Thứ hai là tha bất nhiều ích nhẫn, đối với việc người khác hãm hại tổn thương chính mình cũng có thể nhẫn chịu. Thứ ba là pháp tư duy nhẫn, đối với pháp không phân biệt, đối với hết thảy pháp đều xa lìa phân biệt, như vậy mà an trụ, đó là đệ tam nhẫn. Ba loại nhẫn đều thành tựu thì gọi là nhẫn lực thành tựu.

Năm 2018, tôi phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ lần thứ nhất, đã nói về mười loại nhẫn của Phật Bồ-tát, đó là: nội tâm nhẫn, ngoại nhẫn, pháp nhẫn, tùy Phật giáo nhẫn, vô phương sở nhẫn, tu xứ xứ nhẫn, phi sở vi nhẫn, bất bức não nhẫn, bi tâm nhẫn, thệ nguyện nhẫn. Lần đó đã giới thiệu về mười nhẫn, lần này sẽ không nói chi tiết nữa, lần này sẽ nói về nhận thức và thể hội của tôi đối với nhẫn lực thành tựu, xin chia sẻ với các đồng tu.

Tôi là người có tính cách kiên cường khí khái, thà chết chứ không cúi. Nhưng tôi không phải là người không phân rõ phải trái, cả đời tôi không cãi nhau với người, không mắng người, không nói lời dơ bẩn, tôi phục đạo lý chứ không phục sự áp chế, bạn dùng lý phục người thì tôi phục bạn, bạn dùng quyền và thế ép buộc người thì tôi tuyệt đối không phục bạn, cảm thấy bất bình cho nhóm người yếu thế là một trong những đặc điểm tính cách của tôi. Nguyên tắc đối nhân xử thế của tôi là: cao không kết thân, thấp không chà đạp. Người có tính cách giống tôi thì nhẫn là một việc rất khó khăn, gặp phải sự việc mà không thể nhẫn được thì làm sao đây? Tôi xin chia làm các giai đoạn mà nói.

Giai đoạn thứ nhất là không nhẫn, đối chọi lại, kẻ sĩ thà chịu chết chứ không chịu nhục. Năm 1964 tôi tham gia công tác, làm giáo viên dạy thay tại một trường tiểu học, năm đó tôi 19 tuổi. Năm 1965, chi bộ Đoàn tỉnh đưa tôi vào Đoàn, mở cuộc họp giám định, nhưng tôi không được phê chuẩn, lúc đó vị bí thư chi bộ Đoàn họ Cung nói với tôi rằng, cô Lưu, cô không được phê chuẩn vào Đoàn, có vài giáo viên cùng phe với nhau hạ cô xuống. Nhìn thấy bộ dạng khó xử của vị bí thư chi bộ Đoàn, tôi nói với cô ấy, không phê chuẩn thì thôi, cô hãy đưa hồ sơ cho tôi, sau khi cô ấy đưa hồ sơ cho tôi, ngay trước mặt cô ấy tôi xé bỏ toàn bộ hồ sơ, đây chính là cách thức đối chọi lại của tôi, năm đó tôi 20 tuổi. Năm 1966, đại cách mạng văn hóa, tôi bị phê bình, bị chống đối, trong tâm tôi không phục. Lúc đi làm tôi mang theo con dao găm, trong tâm nghĩ, các người ra tay nhẹ thì ta không phản ứng, nếu các người nặng tay thì ta liều mạng với các người, năm đó tôi 21 tuổi. Năm 1977, tổng chi bộ Đảng của sở giáo dục xưởng Đông An tỉnh đưa tôi vào Đảng, lại gặp phải vấn đề như cũ, bí thư Trần và sở trưởng Đinh tìm tôi nói chuyện, nói có người trong cuộc họp nêu ra 3 vấn đề thuộc về nguyên tắc, cho nên họ đã không duyệt [hồ sơ của tôi]. Ba vấn đề đó là: mở rộng Đoàn viên đi cửa sau, lúc đó tôi là bí thư đoàn ủy, bao che thầy Trương nào đó, là một giáo viên dạy thay bị bệnh tim, bao che thầy giáo Trần, là một giáo viên phạm sai lầm trong cuộc sống, tôi nghe xong lửa giận bốc lên. Đưa hồ sơ cho tôi, bí thư Trần hỏi, cô cần hồ sơ làm gì, tôi nói xé bỏ, hỏi tôi vì sao xé bỏ, tôi nói, không phê chuẩn thì khác gì mớ giấy vụn đâu, để lại làm gì. Bí thư và sở trưởng hỏi tôi có yêu cầu gì, tôi nói, hãy mở một tổ điều tra, đem ba vấn đề của tôi điều tra cho rõ đi, điều tra rõ rồi thì tùy các ông xử lý, năm đó tôi 32 tuổi. Họ thật sự mở một tổ điều tra, vấn đề được điều tra rõ rồi, bảy ngày sau, tổng chi bộ Đảng cân nhắc lại rồi thông qua, ngày quốc tế phụ nữ 8/3/1977 tôi vào Đảng, không có thời gian thử thách, sau khi được phê chuẩn thì thành Đảng viên chính thức, trước đợt tôi một kỳ và sau đợt tôi một kỳ đều có thời gian thử thách. Lần đó lại có người lên tiếng, cô ấy vì sao lại vừa khéo như thế, ngay cả thời gian thử thách cũng không có, nói ra cũng lạ, lần đó vào Đảng chỉ có mình tôi, lại chẳng có thời gian thử thách, tôi cũng không biết là vì sao. Có người hỏi tôi, tôi nói là do tốt số, tôi nói lời này cũng rất khiến người ta tức giận. Tôi hết sức cảm ơn hai vị lãnh đạo cũ của tôi là sở trưởng Đinh và bí thư Trần, tinh thần trách nhiệm đối với người và việc của họ khiến tôi vĩnh viễn khó quên, đáng tiếc là họ đã không còn nữa, tôi không cách nào để báo đáp họ. Điều an ủi là người giới thiệu tôi vào Đảng là

chị Vương vẫn còn sống khỏe mạnh, chị ấy đã 88 tuổi rồi, chị ấy học Phật rất kiên thành, nói với tôi rằng: Tô Vân, em đến thế giới Cực Lạc, đừng bỏ chị lại phía sau nhé. Hai người chúng tôi thường gọi điện thoại cho nhau, tôi chúc chị khỏe mạnh sống lâu, đời này thành tựu.

Giai đoạn thứ hai, tôi vì sao phải nhẫn. Những năm đó, tôi gặp phải rất nhiều vấn đề thị phi khiến tôi chán ghét, có chuyện hoàn toàn là bịa đặt, thứ tôi đời này ghét nhất là dựng chuyện thị phi, tôi cũng không biết tạo chuyện thị phi. Có một lần, một học sinh của tôi nói với tôi: Thưa cô, người ta sỉ nhục cô đến mức như vậy, vì sao cô có thể nhẫn được vậy? Vì sao cô không đứng dậy lên tiếng, cô không nói thì em sẽ nói thay cô. Nghe lời này, tâm của tôi liền động, tôi hỏi chính mình, vì sao mình phải nhẫn chứ, tôi thật sự muốn bắt đầu phản kích, nhưng vì tôi vẫn còn khá lý trí, sau khi bình tĩnh trở lại, tôi nghĩ xã hội này đã rất loạn rồi, sao lại làm loạn thêm nữa làm gì, vì sao tôi phải nhẫn? Là vì tôi không muốn xã hội loạn thêm nên tôi phải nhẫn. Người ngay thì vốn ngay, kẻ gian thì vốn gian rồi, thôi kệ họ đi.

Giai đoạn thứ ba là nghe kinh nghe pháp, học tập tấm gương, thuận lợi vượt qua thử thách lớn. Từ năm 2000 đến hiện nay, có thể nói thế này, tôi từ trong lời phê bình, phê phán, công kích, chửi rủa mà trưởng thành, chín chắn. Tôi thật lòng cảm tạ những người đã giúp tôi trưởng thành và chín chắn, họ là đại thiện tri thức của tôi, nếu không có sự giúp đỡ của họ tôi sẽ không có thành tựu của ngày hôm nay. Tôi sở dĩ có thể thuận lợi vượt qua cửa ải nhẫn nhục, chủ yếu là nhờ nghe kinh nghe pháp, và tác dụng của tấm gương từ lão pháp sư. Nghe kinh nghe pháp, tôi biết được mười loại nhẫn của Phật Bồ-tát, tôi nhắc nhở bản thân rằng, chẳng phải mình muốn học Bồ-tát, học Phật sao? Nhẫn nhục của Phật Bồ-tát, mình có thể học được không? Không học được thì đừng nói đến học Phật nữa. Tuy vượt qua cửa ải nhẫn nhục rất khó, nhưng tôi muốn học Phật, học Bồ-tát thì cửa ải này tôi buộc phải vượt qua. Hai mươi năm nghe lão pháp sư giảng kinh, mười năm thân cận gần gũi lão pháp sư, tâm lượng lớn của lão pháp sư khiến tôi không tìm ra được lời phù hợp để nói, dùng bất kỳ lời nào để hình dung tâm lượng lớn của lão pháp sư đều không thể nói được. Cái gọi là nhẫn nhục mà chính tôi trải qua so với sự nhẫn nhục của lão pháp sư thì không cách gì sánh nổi, còn không ví bằng giọt nước trong biển cả, tấm gương ở ngay trước mặt.

Giai đoạn thứ tư là không có gì để nhẫn, bạn nhẫn việc gì cơ chứ? Chú ý, điều tôi nói ở đây là, không có gì để nhẫn, không phải là nhẫn điều không thể nhẫn, đừng làm sai thứ tự. Từ khi ông nhà tôi vãng sanh cho đến nay, thời gian khoảng một năm rưỡi, bản thân tôi cảm thấy tâm lượng của tôi lại lớn hơn một chút, biểu hiện ở chỗ nào vậy? Ý niệm về nhẫn cũng không có, nhẫn là trong tâm có người và việc gây khó khăn nên mới phải nhẫn, nếu không có người và việc gây khó khăn thì bạn còn nhẫn gì nữa? Chẳng có gì để nhẫn cả, có phải vậy không? Hiện nay đối với nhẫn nhục tôi nhận thức như sau, nếu như hiện nay bạn vẫn còn ý niệm về nhẫn thì cho thấy bạn chưa hoàn toàn triệt để qua được cửa ải nhẫn nhục, nếu bạn vẫn còn hành vi nhẫn nhục thì càng cho thấy rõ bạn vẫn chưa qua được cửa ải. Bạn không còn ý niệm về nhẫn nữa thì bạn đã triệt để qua được cửa ải rồi. Vài ngày trước, con gái đến thăm tôi, chẳng hiểu sao nó lại nổi nóng một trận với tôi, lời nó nói tôi cũng nghe không hiểu, nếu như trước đây thì tôi sẽ hỏi nó có việc gì vậy? Lần này ngay cả hỏi tôi cũng không hỏi, nó rùm beng đủ rồi thì không việc gì nữa, tôi cũng không sao, thiên hạ thái bình, bạn xem như vậy tốt biết bao. Phật pháp là tự mình gánh lấy hết thảy khổ nạn, còn hết thảy công đức, hạnh phúc thì cùng hưởng với tất cả chúng sanh. Nhẫn lực thành tựu là cương lĩnh tu học hết sức quan trọng, nhất định phải ghi nhớ cho thật chắc.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Ư' chư hữu tình, thường hoài từ nhẫn, hòa nhan ái ngữ, khuyến dụ sách tấn, cung kính Tam bảo, phụng sự sư trưởng, vô hữu hư ngụy siểm khúc chi tâm.**

*Đối với tất cả chúng sanh thường có lòng từ nhẫn, hòa nhan ái ngữ, khuyến nhủ sách tấn, cung kính Tam bảo, phụng sự sư trưởng, không có tâm giả dối, nịnh nọt.*

Đại ý của đoạn kinh văn này là đối với tất cả chúng sanh, trong tâm thường nhớ nghĩ đại từ và an nhẫn. Đối với người khác vui vẻ hòa nhã, chính là câu “nhan sắc thường hòa” trong kinh. “Ái ngữ” là một trong tứ nhiếp pháp, để nhiếp thọ chúng sanh thì phải thực hành tứ nhiếp pháp là: bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Khéo léo uyển chuyển dùng lời lành mà nói.

“Khuyến dụ sách tấn”, khuyên nhủ, động viên, giúp họ khai Phật tri kiến, ngộ Phật tri kiến.

Bản thân thì tận đời vị lai, vĩnh viễn cung kính Tam bảo: Phật Pháp Tăng; tôn trọng phụng sự sư trưởng, phục vụ sư trưởng. Trong câu kinh văn “phụng sự sư trưởng” nhất định bao gồm “hiếu thuận cha mẹ”, cha mẹ chính là trưởng bối. Bản thân không có mảy may tâm hư ngụy siểm khúc, không có một chút tâm hư giả, giả dối, nịnh nọt bợ đỡ. Thế nên kinh Duy-ma-cật nói: “Trực tâm là Tịnh độ của Bồ-tát”. Giải thích ra là, trực tâm là tâm thẳng thắn không nịnh bợ, tâm ấy còn là cái gốc của vạn hạnh.

Kinh Niết-bàn nói: “Trong hết thảy ác sự thì hư vọng là gốc”, thế nên chính trực không bợ đỡ là gốc của vạn hạnh. Hai sự tương quan so sánh này hết sức quan trọng, cho nên học Phật chẳng phải là phải viết luận văn, phải làm nhà Phật học, thăng tòa thuyết pháp, mà là cần có sự tu hành chân thật, trở thành mẫu mực thì mới là đại trọng phu.

Tiếp theo xin giới thiệu đơn giản cho mọi người về tứ nhiếp pháp.

Tứ nhiếp pháp là bốn loại phương pháp để Bồ-tát nhiếp thọ chúng sanh. Đó là: bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự.

Bố thí nhiếp, đối với người có tâm nặng về tiền tài thì dùng tài bố thí, đối với người có tâm cầu tri thức thì dùng pháp bố thí, khiến cho tình cảm của đôi bên ngày một sâu hơn, tục ngữ gọi là siết chặt tình cảm, đạt đến mục đích độ hóa đối phương.

Ái ngữ nhiếp thì tùy theo căn tánh của chúng sanh mà dùng lời nói ôn hòa từ ái đối đãi, khiến họ sanh tâm hoan hỷ, cảm thấy bạn thân thiện đáng tin, muốn thân cận bạn, đạt được mục đích độ hóa chúng sanh. Ái ngữ không phải là nói lời đường mật để dụ hoặc người, mà là sự từ bi từ trong tâm chân thành tự nhiên lưu lộ ra.

Lợi hành nhiếp là người tu Bồ-tát đạo thì các hạnh của thân khẩu ý đều làm lợi ích cho người, dùng hành động tổn mình lợi người mà cảm hóa chúng sanh cùng tu đạo, nhằm đạt mục đích độ hóa chúng sanh.

Đồng sự nhiếp là người tu Bồ-tát đạo phải thâm nhập vào các tầng lớp xã hội, tiếp xúc với người trong các ngành các nghề, làm bạn với họ, làm đồng nghiệp với họ, trong các trường hợp khế cơ khế duyên mà độ hóa họ. Độ chúng sanh phải

tùy duyên mà độ hóa một cách tự nhiên, không thể phan duyên cưỡng cầu mà độ hóa.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Trang nghiêm chúng hạnh, quĩ phạm cụ túc, quán pháp như hóa, tam-muội thường tịch. Thiện hộ khẩu nghiệp, bất cơ tha quá; thiện hộ thân nghiệp, bất thất luật nghi; thiện hộ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm.**

*Trang nghiêm các hạnh, hành vi lời nói mẫu mực, quán các pháp như huyễn hóa, trụ vào tam-muội thường tịch. Khéo giữ khẩu nghiệp, không chê lỗi người; khéo giữ thân nghiệp, không mất luật nghi; khéo giữ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm.*

Đoạn kinh văn này là phương diện kỷ luật bản thân của Bồ-tát Pháp Tạng, cũng chính là sự hành trì trên phương diện tự giác. Người tu đạo đối với hưởng thụ cuộc sống của chính mình, nhu cầu về tiếng tăm, địa vị càng thấp càng tốt. Đối với sự giác ngộ của bản thân thì càng cao càng tốt. Pháp Tạng đại sĩ yêu cầu bản thân đầy đủ phước huệ trang nghiêm, triệt để giác ngộ, dùng thân mà hoằng đạo, vĩnh viễn làm gương, thật sự là bậc mô phạm cho vạn đời.

*“Trang nghiêm chúng hạnh, quĩ phạm cụ túc”*

Tám chữ này bao la vạn tượng, tất cả thân hành ngôn giáo của chư Phật Như Lai đều được bao gồm trong một câu này. Chúng hạnh là tỏ rõ hết thấy sự hành trì trong lục độ vạn hạnh. Trang nghiêm, kinh Niết-bàn nói có hai loại trang nghiêm, “trang nghiêm là phước trí nhị nghiêm”. Một là phước huệ, hai là phước đức. “Trang nghiêm chúng hạnh” chính là dùng phước đức và trí tuệ để trang nghiêm hết thấy hạnh trong lục độ vạn hạnh của chính mình. Cũng chính là nói trong tất cả hạnh đều bao gồm phước và trí, đều đầy đủ phước trí, ở đây biểu thị diệu hạnh thành tựu của đại sĩ.

“Quĩ phạm”, quĩ là phép tắc, phạm là mô phạm. Do vì hết thấy hạnh đều đầy đủ phước trí, cho nên ngôn giáo đều theo phép tắc, hành vi lời nói trở thành khuôn mẫu [cho đại chúng], thế nên nói rằng “quĩ phạm cụ túc”.

*“Quán pháp như hóa”*

Kinh Kim Cang nói: “Tất cả pháp hữu vi như mộng huyễn bọt bóng”. “Hóa” chính là huyễn hóa. “Quán”, chúng ta thường gọi là tác quán, quán tưởng, kỳ thực

từ “quán” này rất sâu, chính là từ “quán” trong Quán Tự Tại Bồ-tát. Lìa khỏi tất cả tình thì mới gọi là quán, “quán” chính là tên gọi khác của trí tuệ.

Quán và tưởng cũng là như vậy, có tâm thì gọi là tưởng; lìa niệm, vô tâm thì gọi là quán. “Quán tưởng” mà thông thường hay nói đều không đạt đến mức “quán”, đó chỉ là nghĩ tưởng mà thôi. Quán và chiếu đều là cao sâu, tưởng chính là thô thiển. Vì vậy chúng ta đều biết rằng năm uẩn đều không, nhưng không thể vượt qua hết thấy khổ ách, chính là những gì bạn hiểu đều nằm trong phạm trù của “tưởng”, đối với “ngũ uẩn giai không” đã nghĩ sáng tỏ rồi, nhưng không phải là soi thấy được năm uẩn đều không, nếu như là “chiếu kiến” được thì sẽ vượt qua tất cả khổ ách. Thế nên “quán pháp như hóa” chính là soi thấy tất cả pháp đều đồng như huyễn hóa, đều do nhà ảo thuật biến ra, còn có gì đáng để chấp trước chứ?

*“Tam-muội thường tịch”*

Tam-muội chính là chánh định. “Thường” chính là chân thể lìa khỏi tướng sanh diệt, lìa hết các tướng phiền não thì gọi là “tịch”. Do bởi soi thấy tất cả đều là huyễn hóa, nên trên bản thể đã trừ hết danh tướng, không có phiền não, bất sanh bất diệt, trụ vào tam-muội thường tịch thậm thâm.

Trọng điểm tiếp theo nói về khéo giữ ba nghiệp: thân khẩu ý.

*“Khéo giữ khẩu nghiệp, không chê lỗi người; khéo giữ thân nghiệp, không mất luật nghi; khéo giữ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm”.*

Những câu nói này thường được Thế Tôn nói đến trong các kinh luận Đại Tiểu thừa, không biết đã nói bao nhiêu lần rồi, nhưng thứ tự sắp xếp đều là: thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp. Kinh Vô Lượng Thọ không như thế, mà sắp xếp theo thứ tự khẩu, thân, ý. Ở đây liệu chúng ta có thể lĩnh hội được dụng ý của Thế Tôn chăng? Tam nghiệp rất dễ tạo, đặc biệt là khẩu nghiệp, cho nên đem khẩu nghiệp đặt ở vị trí đầu tiên, dụng ý này rất sâu, vạn phần chớ nên xem thường khẩu nghiệp. Trong một đời người, khẩu nghiệp mang đến cho bạn vô lượng lỗi lầm, nghiêm trọng thì đọa vào Vô gián địa ngục.

Ví dụ như phá hòa hợp tăng thì khẩu nghiệp chiếm nhiều nhất, những thứ tạo ra chính là nghiệp nhân đọa địa ngục. Vì sao vậy? Bởi vì tăng đoàn hòa hợp đáng quý, khu vực này có một tăng đoàn hòa hợp xuất hiện thì được sự gia trì của thần hộ pháp trong Tam bảo, khu vực này sẽ không có tai nạn, bạn xem công đức ấy lớn biết



bao. Nếu như bạn phá hoại tăng đoàn hòa hợp này, bạn nói xem tội nghiệp của bạn sẽ lớn bao nhiêu?

“Khéo giữ khẩu nghiệp”. Trong ba nghiệp thì khẩu nghiệp rất dễ phạm, cho nên cần phải khéo gìn giữ, chủ yếu là không chê lỗi người. Chê chính là khiển trách, phỉ báng, không được chê cười lỗi lầm của người khác. Khẩu nghiệp và ý nghiệp có quan hệ liên đới. Khẩu nghiệp không nói lỗi lầm của người khác, trên thực tế là ý nghiệp không thấy lỗi lầm của người khác. “Hết thấy đều là Phật”, kinh Thủ Lăng-nghiêm nói: “Hết thấy sự đều rất ráo kiên cố”, đây chính là cái gốc của việc không thấy lỗi của người khác, không thấy lỗi của người khác chứ không phải trở thành kẻ hồ đồ. Có hai câu nói như sau rất phù hợp: “Giỏi phân biệt tướng của các pháp, mà bất động với đệ nhất nghĩa”. Khéo phân biệt nhưng không hề dao động nơi đệ nhất nghĩa, bất động nơi đệ nhất nghĩa nhưng vẫn khéo phân biệt tướng của các pháp. Tóm lại đều không rơi vào bên nào cả, đây mới là trung đạo.

“Khéo giữ thân nghiệp, không mất luật nghi”. Luật chính là giới luật, nghi là nghi tắc, nghi thức, nghi quỹ. Phương pháp phòng ác ngừa quấy gọi là giới luật, y theo giới luật mà hành động thì gọi là luật nghi. Kinh Anh Lạc nói: “Hết thấy chúng sanh vừa nhập vào biển Tam bảo, lấy tín làm gốc; sống trong nhà Phật, lấy giới làm gốc”. Giới là căn bản, cho nên khéo giữ thân nghiệp, nghiêm giữ tịnh giới, trở thành bậc mô phạm của trời người.

“Khéo giữ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm”. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói, khéo giữ ý nghiệp là chính yếu, “đó chính là Bồ-tát khéo giữ niệm của mình”, ý niệm của chính mình, đây là chánh hạnh. “Do bởi khế nhập sâu vào trung đạo, chánh định thường tịch, liễu đạt nguồn chân, viễn ly sanh diệt, tự nhiên viễn ly hết thấy cấu nhiễm phiền não, nhân đó ý nghiệp thanh tịnh vô nhiễm”. Đây là một đoạn quan trọng nhất trong chú giải. Chúng ta vì sao phải làm như vậy? Đây chính là vì khéo giữ ý niệm chính là khế nhập sâu vào trung đạo. Trung đạo là không trụ vào hai bên, chính là thanh tịnh vô nhiễm, tương ứng với “thanh tịnh, bình đẳng, giác” trong đề kinh. Thanh tịnh, bình đẳng, giác là đại Bồ-đề tâm chân thật.

Chúng ta không có năng lực, chúng ta không khéo giữ được, nên bắt đấng dĩ dùng danh hiệu A-di-đà Phật để thay thế, đây là phương tiện thù thắng không gì sánh bằng của Tịnh tông, và cũng chỉ có pháp môn này có mà thôi, trong các pháp môn khác không có.

“Ý nghiệp thanh tịnh thì thân khẩu sẽ theo đó mà thanh tịnh”. Nói về khẩu nghiệp thì không chê lỗi người, sẽ không phê bình người, sẽ không chế giễu người, sẽ không hủy báng người. Chúng ta xoay chuyển ý niệm trở lại, chỉ lo quản chính mình thì có thể không chê lỗi người. Nhất định phải chính mình hồi đầu, chính mình phải phản tỉnh, thòi thòi khắc khắc phản tỉnh, thòi thòi khắc khắc sửa đổi lỗi lầm của chính mình, đó chính là ý niệm.

“Khẩu nghiệp không chê lỗi người thật sự là do ý nghiệp không thấy lỗi người”, lời này nói rất hay. Nếu người chân thật tu đạo thì không thấy lỗi thế gian, đây là lời đại sư Huệ Năng nói. Những người tu hành không biết người khác có lỗi làm chằng? Họ biết, họ nhìn thấy lỗi của người khác, nhưng họ không nghĩ người khác mà họ quay đầu lại nghĩ về chính mình, mình có lỗi làm này hay không? Nếu có thì mau chóng sửa đổi, nếu không có thì niệm A-di-đà Phật.

Thấy lỗi người trên thực tế chính là lỗi lầm của chính mình, không nhìn thấy lỗi người thì không nhìn thấy mình lỗi. Công phu tu hành phải luyện tập từ chỗ này. Không có những người đó biểu diễn thì chúng ta đến đâu tu hành đây, cho nên bất luận họ thị hiện thiện, thị hiện bất thiện thì thấy đều là Bồ-tát đại từ đại bi đến dạy dỗ một mình tôi, họ không phải dạy người khác mà là dạy tôi, mình phải hoàn toàn tiếp nhận. Sau khi tiếp nhận, nếu có thì sửa, không thì cố gắng hơn.

“Hết thấy đều không lỗi, vốn tự không cấu nhiễm, vốn tự thanh tịnh như vậy, vốn tự viên thành”. Bốn câu này hoàn toàn là minh tâm kiến tánh, là cảnh giới của đại Bồ-tát, Pháp thân Bồ-tát nhìn thấy. Hết thấy đều không có lỗi lầm, chằng những không có lỗi lầm mà tất cả đều chằng phải chân thật, đều là giả. Kinh Bát-nhã nói cho chúng ta rằng: “Hết thấy pháp đều vô sở hữu, rốt ráo không, không thể đạt được”, thì còn có lỗi lầm gì chứ, có ô nhiễm gì chứ? Nói cách khác, lỗi lầm và ô nhiễm từ đâu mà đến? Là từ vọng niệm của chúng ta mà đến. Trong tâm của bạn có những vọng niệm này thì vĩnh viễn không nhìn thấy thật tướng của các pháp. Vì sao vậy? Bạn chính mình tạo ra một chướng ngại, đó chính là khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước. Sự chướng ngại này ngăn bạn vĩnh viễn không thể kiến tánh, công phu niệm Phật vĩnh viễn không thể thành tựu, không nhìn thấu.

Bốn câu này và ý của ba chữ trong kinh Thủ Lăng-nghiêm là như nhau, chính là nghĩa “hết thấy sự đều rốt ráo kiên cố”. Bạn xem xem hết thấy pháp của vạn sự vạn vật thấy đều không có lỗi lầm thì lấy đâu ra lỗi lầm chứ.

Tôi đã dùng thời gian ba giờ đồng hồ giảng hoàn tất kinh văn phẩm thứ tám “tích công lũy đức đệ bát”. Tiếp theo chúng tôi xin đem những điểm quan trọng trong phẩm kinh văn này sắp xếp lại như sau.

**Trọng điểm thứ nhất:** “trụ chân thật huệ”.

Kinh Vô Lượng Thọ, trong một bộ kinh xuất hiện ba thứ chân thật, là chân thật chi tế, chân thật chi lợi, chân thật chi huệ, đây là điều độc nhất vô nhị trong Đại Tạng Kinh. Cho thấy kinh Vô Lượng Thọ trong toàn bộ Phật pháp có địa vị và tác dụng quan trọng.

“Chân thật chi huệ” là một trong ba thứ chân thật, thứ có thể hiển bày chân thật chi tế, ban cho lợi ích chân thật chính là chân thật chi huệ. Mấy câu này đã nói thấu về chân thật huệ. Trí tuệ chân thật là tự tánh khởi tác dụng, phần trước chúng tôi đã giới thiệu khái quát đặc điểm của tự tánh rồi, đó là: tự tánh không tịch, lia các đường ác; tự tánh diệu viên, đầy đủ tướng hảo; tự tánh vô ngại, thần thông tự hiện; tự tánh vô trụ, không thể đoạn diệt; tự tánh vô tác, không có hạn lượng; tự tánh vô ngoại, như gió phủ rộng; tự tánh vô nội, như gương hiện khắp; tự tánh quang minh, như mặt trời chiếu khắp; tự tánh bình đẳng, như hương xông khắp.

Thế nào là chân thật huệ? Biết rõ bản tâm, thấy bản tánh mình, đây gọi là minh tâm kiến tánh, đây gọi là huệ, đây là chân thật huệ.

Ba thứ chân thật có quan hệ như thế nào? Chân thật chi tế là nguồn gốc của chân như thật tướng rốt ráo triệt để, trong Phật pháp Đại thừa chính là minh tâm kiến tánh. Chân thật chi lợi chính là mục đích chân thật của việc Như Lai xuất hiện ở thế gian, chính là khiến tất cả hàm linh đều được độ thoát, là Nhất thừa nguyện hải, sáu chữ hồng danh thâm nhiếp đủ vạn loài, là pháp môn Tịnh độ nhiếp trọn ba căn, đây chính là lợi ích chân thật đối với chúng sanh. Chân thật chi huệ có thể hiện rõ bản thể của chân thật chi tế, lưu xuất diệu dụng của chân thật chi lợi, đây chính là toàn thể đại dụng của chân thật chi huệ. Ba thứ chân thật hợp lại chính là một thứ chân thật, một mà ba, ba mà một. Ba thứ chân thật của kinh này có thể sánh với tam đức của Niết-bàn. Chân thật chi tế là pháp thân đức, chân thật chi lợi là giải thoát đức, chân thật chi huệ là Bát-nhã đức. Chúng ta tu học pháp môn Tịnh độ niệm Phật, đạt được trí tuệ chân thật viên mãn rốt ráo.

**Trọng điểm thứ hai:** “nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ”.

Vì sao cõi nước Phật của A-di-đà Phật là diệu độ? Là do A-di-đà Phật trang nghiêm. Làm thế nào trang nghiêm? Do nhất hướng chuyên chí mà trang nghiêm, trước nay chưa từng gián đoạn. Thế giới Tây Phương Cực Lạc đã được kiến lập 10 kiếp rồi, A-di-đà Phật đã trang nghiêm 10 kiếp rồi. A-di-đà Phật dùng thái độ gì để trang nghiêm cõi nước Phật vậy? Chuyên chí và nhất hướng, hai từ này vô cùng quan trọng, không phải một ngày hai ngày, một năm hai năm chuyên chí, mà là nhất hướng chuyên chí, điều này khó được.

A-di-đà Phật làm thế nào để trang nghiêm diệu độ? Dùng mỹ và thiện để làm trang sức, dùng hết thảy diệu đức làm trang sức, diệu đức này có thể trang nghiêm, có thể làm sự việc trang nghiêm, diệu độ là thứ được trang nghiêm. Chúng ta phải hiểu rõ một đạo lý: hết thảy vô ngã là lý, trang nghiêm cõi Phật là sự, tuy rằng không có ngã, cũng không có cõi nước, thế nhưng vẫn nhất hướng chuyên chí trang nghiêm. Tuy có đủ mọi diệu tướng, nhưng ngay tướng mà lìa tướng, ngay thể chính là không.

**Trọng điểm thứ ba:** “siêu thắng độ diệu”.

Thế giới Tây Phương Cực Lạc của A-di-đà Phật so với cõi nước của chư Phật khác thì có chỗ nào khác biệt, độc đáo đặc sắc, vi diệu không thể tả xiết vậy? Đáp án tham khảo là bảy sự việc trong tập thứ 41. Thứ nhất, pháp thân Phật, báo thân Phật, ứng hóa thân Phật, một Phật ba thân, ba thân một Phật. Thứ hai, quang minh thọ mạng của thân Phật vô lượng, vượt hơn chư Phật. Thứ ba, công đức danh hiệu thù thắng khó nghĩ bàn. Thứ tư, Ngũ thừa đồng nhập vào Báo độ. Thứ năm, hàng Nhị thừa, căn khuyết và người nữ nhanh chóng chuyển thành Nhất thừa. Thứ sáu, vãng sanh chánh nhân dễ tu dễ đạt được. Thứ bảy, sau khi vãng sanh chứng quả rất nhanh rất cao.

**Trọng điểm thứ tư:** trong vô lượng kiếp vun trồng đức hạnh.

A-di-đà Phật trong vô lượng kiếp vun trồng đức hạnh, dùng đức hạnh để thành tựu thế giới Tây Phương Cực Lạc. Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay đang vun trồng điều gì vậy? Chúng ta đang vun trồng nghiệp nhân của lục đạo luân hồi mà không hay biết, thật là kẻ đáng thương xót!

**Trọng điểm thứ năm:** hành tịch tĩnh hạnh, viễn ly hư vọng, y chân đế môn, thực chứng đức bản. Hàm nghĩa sâu sắc của bốn câu này là gì? Đối với việc chúng

ta tu học pháp môn Tịnh độ niệm Phật có ý nghĩa chỉ đạo quan trọng gì? Bạn trong cuộc sống thực tế làm thế nào thực hiện bốn câu này?

**Trọng điểm thứ sáu:** danh chiêu vạn đức, danh hiệu gồm có vạn đức và danh hiệu gồm thấu vạn đức thì có chỗ tương đồng và khác biệt ra sao? Bạn làm thế nào lý giải câu nói “danh hiệu gồm thấu vạn đức”?

**Trọng điểm thứ bảy:** nhẫn lực thành tựu.

Nhận thức được ý nghĩa quan trọng của nhẫn lực thành tựu. “Tất cả pháp thành tựu nhờ nhẫn”, người không thể nhẫn thì một việc cũng chẳng thành, người có thể nhẫn mới chân thật là đại trượng phu, bạn có công nhận lý niệm như vậy không? Hãy dùng trải nghiệm của bản thân mình mà kiểm nghiệm xem bạn đã qua được cửa ải nhẫn nhục thế nào rồi? Hãy nêu ra ví dụ thực tế của bạn, bạn đã nhẫn được những gì? Nhẫn điều không thể nhẫn và không có gì để nhẫn khác biệt ở chỗ nào? Trạng thái hiện giờ của bạn là gì?

**Trọng điểm thứ tám:** chúng sanh thời mạt pháp càng cường khó giáo hóa, bạn dùng thái độ gì đối đãi với họ? Đối với các hữu tình, thường giữ tâm từ nhẫn, hòa nhan ái ngữ, khuyến bảo sách tấn, bạn đã làm được mấy điều rồi? Đối với người càng cường khó giáo hóa, liệu bạn có bỏ mặc không ngó ngang không? Hay là dùng trí tuệ tiếp tục giáo hóa họ? Chư Phật Bồ-tát giáo hóa chúng sanh thì không bỏ một người nào.

**Trọng điểm thứ chín:** khéo giữ ba nghiệp: khẩu nghiệp, thân nghiệp, ý nghiệp. Khéo giữ khẩu nghiệp, không chê lỗi người; khéo giữ thân nghiệp, không mất luật nghi; khéo giữ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm. Bốn câu này trong các kinh Đại thừa thường nói đến, không biết mấy người làm được? Nếu không khéo giữ thân khẩu ý nghiệp thì không đến được Tây Phương Cực Lạc đâu. Bạn đã nhận thức được tầm quan trọng của việc khéo giữ ba nghiệp hay chưa? Vạn phần chớ lại xem đây là việc nhỏ không ảnh hưởng đến đại cục. Mỗi ngày đều nói không chê lỗi người, nhưng chỉ nói mà không làm thì có nói nhiều đến đâu cũng vô ích. Sóng hồ đồ chộn rộn, hãy ngậm cái miệng lại, quản lý tốt cái lưỡi, nhất tâm niệm Di-đà, mới đến Cực Lạc được.

Tiết học hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 43

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Từ hôm nay trở đi, chúng tôi bắt đầu giảng kinh văn phẩm thứ chín. Kinh văn từ phẩm thứ tư đến phẩm thứ tám nêu lên nguyện hạnh của Pháp Tạng đại sĩ lúc còn ở nhân địa, là đại nguyện và đại hạnh ở nhân địa của A-di-đà Phật, rất đáng để chúng ta học tập, có thể giúp cho chúng ta vãng sanh.

Từ phẩm kinh văn thứ chín là bắt đầu nói về thành tựu quả đức, có nhân có duyên thì tất nhiên cảm được có quả. Nhân vô lượng thù thắng của Pháp Tạng đại sĩ cảm được thánh quả, hết thấy thệ nguyện đều đã viên mãn thành tựu, đây chính là tên gọi của phẩm thứ chín:

### VIÊN MÃN THÀNH TỰU ĐỆ CỬU

Mời xem kinh văn:

**Phật cáo A-nan, Pháp Tạng tỳ-kheo, tu Bồ-tát hạnh, tích công lũy đức, vô lượng vô biên, u nhất thiết pháp nhi đắc tự tại, phi thị ngữ ngôn phân biệt chi sở năng tri.**

*Phật bảo A-nan, tỳ-kheo Pháp Tạng tu Bồ-tát hạnh, tích công lũy đức vô lượng vô biên, nên đối với tất cả pháp đều được tự tại, việc này không thể dùng lời lẽ và tâm phân biệt mà có thể hiểu được.*

Đại ý của đoạn kinh văn này là: Phật nói với A-nan, tỳ-kheo Pháp Tạng tu lục độ vạn hạnh của Bồ-tát, tích lũy đủ loại công đức vô lượng vô biên, cho nên đối với hết thấy pháp đắc được tự tại. Đối với tất cả các loại pháp đều thông đạt tự tại, không bị ngăn ngại. Ý của câu này rất sâu. Phật đã từng nói như sau: “Ta là đấng pháp vương, tự tại đối với pháp”. Thí như vua của loài người tự tại trong loài người, không ai có thể vượt hơn ta, không chế ta. Ta là pháp vương, nên tự tại trong các pháp, trong hết thấy pháp đều viên dung vô ngại.

Đây là lời tán thán cực điểm không còn lời nào hơn của Thích-ca Mâu-ni Phật dành cho Pháp Tạng tỳ-kheo, cũng chính là nói Pháp Tạng tỳ-kheo lúc này cũng như

Thích-ca Mâu-ni Phật vậy, đã đạt được sự giác ngộ vô thượng, tự tại vô ngại, bình đẳng với mọi pháp.

*“Phi thị ngữ ngôn, phân biệt chi sở năng tri”*

Ở đây nêu rõ sự thành tựu vô thượng của Pháp Tạng đại sĩ, đương nhiên trong đó bao gồm sự tự tại đối với hết thảy pháp, là sự sâu mâu khôn sánh, tuyệt đường ngôn ngữ, bất dấu tâm hành, tác dụng của ngôn ngữ và tâm đều không thể đạt đến được. [Sự thành tựu của] Pháp Tạng đại sĩ, tâm của chúng sanh không thể nào suy lường được.

“Không thể dùng lời diễn tả, tâm phân biệt mà có thể hiểu được”, câu nói này rất quan trọng, cũng rất dễ hiểu. Thế nhưng người nghiên cứu Phật học càng sâu thì thường lại càng không hiểu, họ không thừa nhận câu nói này. Họ đại khái cho rằng người khác có thể không hiểu, còn họ là nhà Phật học cho nên đều hiểu cả, họ không những hiểu mà còn có thể làm trọng tài phán xét, đối với kinh Phật nào họ xem không vừa mắt thì có thể nói là đồ giả, cho nên rút thẻ đỏ đuổi ra khỏi sân. Ví dụ, đối với bản hội tập của kinh Vô Lượng Thọ thì họ làm như vậy, mà không biết kết quả của việc làm này đã tạo ra nghiệp tội rất lớn. Đợi đến ngày bạn thọ quả báo, hồi hạn cũng muộn rồi. Bạn đã đoạn mất pháp thân huệ mạng của chính mình rồi, không biết vì sao phải làm ra việc ngu xuẩn như vậy nữa, bạn không thích thì bạn không học, không tu, chẳng phải là xong rồi sao. Chọn thứ mà bản thân bạn thích rồi tu học, có ai can thiệp đến bạn đâu, vì sao bạn phải báng Phật, báng pháp, báng tăng làm gì?

“Không thể dùng lời diễn tả, tâm phân biệt mà có thể hiểu được”. Giống như Pháp Hoa nói: “Pháp ấy không thể dùng suy lường phân biệt mà có thể hiểu được” hoàn toàn là như nhau. Hai câu này về phần văn tự có chút khác biệt, nhưng về mặt thật nghĩa thì hoàn toàn không có khác biệt.

Kinh Pháp Hoa nói: “Chư Phật Thế Tôn, chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở đời”. Đại sự nhân duyên này là muốn khiến cho chúng sanh được khai thị ngộ nhập vào tri kiến Phật. Phật là muốn mọi người có thể ngộ nhập tri kiến Phật. Thế nhưng tri kiến Phật, trong kinh nói: duy chỉ có chư Phật Thế Tôn mới có thể biết. Vì là chúng sanh nên hiện nay hết thảy chỉ là tri kiến của chúng sanh, cho nên phải dùng đến chữ “xả” trong từ bi hỷ xả, bạn cần phải xả bỏ hết tri kiến của chính mình. Rất nhiều người chỉ ôm lấy tri kiến của chính mình mà không

buông, dựa vào tri kiến chúng sanh của chính mình để đánh giá, phán xét tri kiến Phật, vậy thì vĩnh kiếp họ cũng không hiểu. Thế nên trước hết phải xả bỏ hết tình kiến chúng sanh của bạn. Thường nói rằng: Xả thân dễ, xả kiến chấp khó. Vì vậy trước hết phải từ trên chữ “xả” mà hạ công phu. Thường nói rằng: “Một phen gột hết phàm tình liền ngộ được đạo thánh”, chính là nói, trước hết bạn hãy xả bỏ hết kiến giải phàm phu của chính mình. Thí như một cái bình đã đựng đầy hồ dán, bạn dùng nó để đựng nước cam lồ thì sao có thể đựng được, trước hết nhất định phải rửa sạch hồ dán ở trong bình thì mới rót nước cam lồ vào trong được.

Kinh Viên Giác nói: “Chưa thoát luân hồi mà muốn nhận rõ viên giác”. Chưa thoát khỏi luân hồi, vẫn còn ở trong sanh tử, tâm của bạn chính là tâm sanh diệt, trong tâm sanh diệt thì vọng tưởng nối tiếp không dừng, niệm trước vừa diệt, niệm sau liền sanh, mãi luôn sanh diệt sanh diệt không ngừng, không có phút giây ngừng nghỉ, vọng tưởng chẳng dứt, thế nên chưa thoát ra khỏi luân hồi.

Trong tình cảnh này mà muốn phân biệt rõ thế nào là viên giác thì kết quả chỉ có thể là: “tánh viên giác ấy tức đồng lưu chuyển”. Cũng chính là nói, bạn muốn nhận biết rõ được thật tánh viên giác thì tánh ấy cũng như vọng tưởng của bạn mà thôi, cũng đang lưu chuyển, thế nên bạn không thể thật sự hiểu rõ được viên giác. Cho nên chân thật nghĩa của Như Lai thì chúng sanh không thể từ trong vọng tâm suy lường phân biệt, ngôn ngữ phân biệt mà có thể hiểu được, bởi vì chân thật nghĩa của Như Lai đều theo vọng tâm của bạn mà cùng nhau lưu chuyển.

Chúng ta nên biết, hết thấy ngôn giáo của Như Lai đều là tấm biển chỉ mặt trăng, Như Lai chỉ ra phương hướng để thấy mặt trăng, không có ngón tay này của Như Lai, gọi là bỏ ngón tay mà nhận ra mặt trăng thì càng khó thấy mặt trăng hơn; lại càng không được vọng chấp ngón tay này là mặt trăng, đem ngón tay của Như Lai xem thành mặt trăng, vậy thì ba đời chư Phật đều kêu oan. Thế nên kinh giáo giống như biển chỉ đường, làm một mũi tên, bên trên viết Bắc Kinh, mọi người theo hướng mũi tên thì nhất định tìm được Bắc Kinh, nhưng không được cho rằng biển chỉ đường chính là Bắc Kinh.

Một ví dụ khác, có vài người bạn tốt muốn kết bạn đi du lịch, đã mua một tấm bản đồ, tại nhà một người bạn nghiên cứu tuyến đường du lịch, trạm đầu tiên là Phở Đà Sơn, một bạn khác tinh mắt nhanh tay chỉ vào bản đồ nói Phở Đà Sơn ở nơi này, anh ấy nói đúng hay là không đúng vậy? Nói đúng cũng đúng, nói không đúng



cũng không đúng. Nói anh ấy đúng là vì điểm anh ấy chỉ ra là Phở Đà Sơn trên bản đồ, nói anh ấy không đúng là vì anh ấy và bản đồ đều ở nhà của người bạn này, nơi đó không phải là Phở Đà Sơn.

Đoạn kinh văn này là Thế Tôn tán thán A-di-đà Phật đã nhân viên quả mãn, cũng là khích lệ chúng ta, dạy chúng ta noi gương A-di-đà Phật, học tập A-di-đà Phật. Mặt khác nói với chúng ta, A-di-đà Phật cũng là từ một người thông thường xuất gia rồi tu hành thành tựu, cho dù là thị hiện thì cũng không có gì khác biệt, cũng là sự thật. Nếu chúng ta muốn thành tựu giống như Phật, nếu chỉ mong cầu quả báo thì chẳng có ích gì, mà phải học tập nhân hạnh của ngài, học tập ngài tận tâm tận lực giúp đỡ hết thảy chúng sanh trong pháp giới đều thành Phật đạo.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Sở phát thệ nguyện, viên mãn thành tựu, như thật an trụ, cụ túc trang nghiêm, uy đức quảng đại, thanh tịnh Phật độ.**

*Thệ nguyện đã phát thành tựu viên mãn, như thật mà an trụ, cõi Phật thanh tịnh, uy đức rộng lớn, đầy đủ các sự trang nghiêm.*

Đoạn kinh văn trước là nói về thành tựu về chánh báo của Pháp Tạng đại sĩ, còn đoạn kinh văn này nói trọn về sự thành tựu trên cõi nước Phật, cũng chính là thành tựu về y báo.

Đại ý của đoạn kinh văn này là: những thệ nguyện đã phát đều thành tựu viên mãn. Những nguyện đã phát chính là chỉ 48 nguyện, 48 nguyện đã phát trước đây toàn bộ đều thành hiện thực, 48 nguyện không có một câu hư dối, mỗi nguyện đều thực hiện được, không chỉ thực hiện được mà mỗi nguyện đều thực hiện được 100%, như vậy mới có thể gọi là viên mãn thành tựu. Nếu như có nguyện thực hiện được, có nguyện vẫn chưa thực hiện được thì không thể gọi là viên mãn thành tựu. Cho nên 48 nguyện của A-di-đà Phật, mỗi nguyện đều viên mãn, thế nên kinh văn không có chữ nào là giả cả, không có câu nào là lời thừa, chúng ta có thể y giáo phụng hành thì thật là may mắn lớn lao của đời người.

*“Như thật an trụ, cụ túc trang nghiêm, uy đức quảng đại, thanh tịnh Phật độ”*

Bốn câu này là Thích-ca Mâu-ni Phật tán thán thế giới Tây Phương Cực Lạc.

“Như thật an trụ”, thật là chân thật, A-di-đà Phật dựa vào lý tưởng của ngài mà lập nên đạo tràng rộng lớn rớt ráo viên mãn, đó không phải là nơi do quả báo từ việc chúng sanh tạo thiện tạo ác mà nên, mà đó là đạo tràng tu hành. Bạn thật sự phát nguyện cầu sanh Tịnh độ thì đạo tràng ấy bạn sẽ có phần.

“Như thật an trụ” chính là như như mà trụ. Ý nghĩa của như thật tương đồng với như thật trong câu “như thật biết tự tâm” trong Mật tông. Yếu lĩnh của Mật tông là “như thật biết tự tâm”, như thật biết được tâm của chính mình. Như thật an trụ, như thật biết tự tâm, hai chữ “như thật” này là như nhau. Trong kinh này thì sâu thêm một tầng, chẳng những là biết mà còn an trụ, cũng chính là an trụ nơi tự tâm, cũng chính là an trụ vào chân thật chi tế, cũng chính là an trụ vào thật tướng các pháp, cũng chính là an trụ vào pháp thân. Vãng Sanh Luận nói: Ba loại trang nghiêm trong nước Cực Lạc nhập vào nhất pháp cú. Nhất pháp cú là câu thanh tịnh, câu thanh tịnh là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Thế nên, thân và cõi nước nơi Cực Lạc chính là pháp thân, pháp thân thường trụ, ba đời là một, quá khứ, hiện tại, vị lai là ba đời, ba đời không có phân biệt, đột phá được thời gian, đây là cảnh giới pháp thân. Pháp thân chân thật thường hằng, thế nên quốc độ rớt ráo nơi Cực Lạc được gọi là Thường Tịch Quang.

Nói ra nhiều điều về mặt lý luận như vậy có đồng tu nghe không hiểu, vậy chúng ta làm thế nào như thật an trụ, chúng ta an trụ vào nơi đâu? Chúng tôi sẽ dùng cách nói đơn giản nhất để nói cho mọi người biết chúng ta như thật an trụ vào nơi đâu:

*Thứ nhất*, như thật an trụ vào tự tâm, tự tâm chính là chân tâm, chính là tự tánh, chính là chân như, chính là bản tánh. Cách nói không như nhau nhưng ý nghĩa thì tương đồng.

*Thứ hai*, như thật an trụ vào thật tướng các pháp. Thật tướng các pháp là gì? Chính là chân tướng của vạn vật trong vũ trụ. Chân tướng của vạn vật trong vũ trụ là gì? Nếu dùng một từ làm tiêu biểu thì đó chính là “không”. Nói cách khác chính là hết thấy pháp đều không có sở hữu, không thể đạt được, rớt ráo không. An trụ thật tướng là nghĩa thế nào? Chính là không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, đối với tự tánh năng sanh năng hiện và vạn pháp được sanh được hiện thấy đều không khởi tâm động niệm, không phân biệt không chấp trước. Chính là “như như bất động” mà kinh Kim Cang nói.

*Thứ ba*, như thật an trụ vào câu Phật hiệu A-di-đà Phật, đây là cách nói của Tịnh độ tông chúng ta. Chúng ta tu học pháp môn Tịnh độ trì danh niệm Phật chính là phải an trụ vào câu Phật hiệu A-di-đà Phật.

*Thứ tư*, như thật an trụ vào trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi, đảm bảo bạn đời này viên mãn thành Phật, đây là trí tuệ chân thật, trong tâm chỉ có A-di-đà Phật, không có vọng niệm khác, gọi là pháp thân vô vi.

*Thứ năm*, nói theo pháp thế gian, chúng ta phải như thật an trụ vào toàn thể giới, khởi tâm động niệm phải vì sự an nguy, họa phước của toàn thể giới mà lo nghĩ, không được chỉ nghĩ đến bản thân, không được chỉ nghĩ cho gia đình nhỏ của riêng mình, không được chỉ nghĩ cho đất nước mình, mà phải nghĩ đến toàn thể giới. Đó là trên đền bốn ơn nặng, dưới cứu khổ ba đường. Không được quên rằng tất cả vũ trụ là một thể.

Nói về “như thật an trụ” nhiều như vậy vì phần này lý rất sâu, không dễ hiểu. Bởi vì chúng tôi phải quan tâm đến đồng tu thuộc các trình độ khác nhau, cho nên không thể nói quá khó, cũng không thể giảng quá cạn được. Giảng sâu thì nghe không hiểu, giảng cạn thì ăn không no, rất khó đảm bảo được mức độ, tôi đành cố gắng hết sức vậy, dùng hết khả năng để các đồng tu với các trình độ khác nhau đều có được thu hoạch. Đương nhiên tôi mong những người nghe kinh rõ lý càng nhiều càng tốt, người thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh độ càng nhiều càng tốt, người vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc làm Phật làm Bồ-tát càng nhiều càng tốt.

Tiếp theo chúng tôi xin tiếp tục giảng về “*cụ túc trang nghiêm*”.

Pháp Tạng đại sĩ lúc đang phát thệ nguyện tu tập, “đối với sự trang nghiêm công đức trong hai trăm mười ức cõi Phật kia, ngài thông đạt hiểu rõ như một cõi Phật, cõi nước mà ngài nhiếp thủ, vượt trội các cõi kia”. Lại trong phẩm Cõi Nước Nghiêm Tịnh thì “thế giới Cực Lạc ấy có đủ sự trang nghiêm, kỳ diệu tú lệ, thanh tịnh trang nghiêm, vượt hơn hết thảy thế giới mười phương”. Có thể thấy thế giới Cực Lạc đã nhiếp trọn sự vi diệu trang nghiêm của vô lượng cõi Phật mà thành tựu, thế nên mới là “cụ túc trang nghiêm”. Lại còn là sự lưu hiện của câu thanh tịnh, tức trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Tâm tịnh át cõi nước tịnh, thế nên đầy đủ các sự trang nghiêm.

“*Uy đức quang đại*”

Đáng kính, đáng sợ thì gọi là “uy”; đáng tôn trọng, đáng mến thì gọi là “đức”. Uy là uy lực, uy nghi, khiến người khác không khỏi tôn kính, không dám phóng túng. Đức là có đức đối với người khác, khiến người khác tôn kính, yêu mến. Âm thanh, ánh sáng, hương thơm ở cõi Cực Lạc đều làm Phật sự, làm lợi ích cho chúng sanh. Sợi lông, mảy trần đều là viên minh cụ đức, thế nên có đức.

Vả lại, phương pháp giáo hóa chúng sanh có hai loại, một là chiết phục, hai là nhiếp thọ. Chiết phục là uy, nhiếp thọ là đức. Đồng thời trong lúc độ sanh thì luôn phải chiết phục trước rồi mới có thể nhiếp thọ. Ví dụ, biện luận với ngoại đạo, chỉ có chiết phục được họ, sau khi thuyết pháp đánh bại họ thì mới có thể nhiếp thọ họ làm đệ tử của Phật.

“Quảng đại” nghĩa là không gì không trùm khắp, thấy đều dung chứa là “đại”; bản thể cùng cực, diệu dụng vô cùng gọi là “quảng”. Hàm nghĩa của quảng đại có thể dùng ngôn ngữ hiện nay để nói rõ, đó chính là lớn vô hạn trong toán học, ký hiệu là số tám nã ngang ( $\infty$ ). Số lớn vô hạn trừ với bất kỳ số nào thì vẫn là lớn vô hạn, cho nên nó không có cùng tận. Hiện nay đức Như Lai trong mười phương cõi Phật đều khuyên nhân dân của nước mình vãng sanh Cực Lạc, như vậy thì vãng sanh đến Cực Lạc vĩnh viễn không có điểm dừng, nước Cực Lạc cũng vĩnh viễn không có chuyện không thể dung nạp nổi. Nhân dân cõi Cực Lạc đến mười phương đi cúng dường chư Phật Bồ-tát, những vật dụng cần thiết để cúng dường vĩnh viễn không có cùng tận, giống như ký hiệu lớn vô hạn ấy, dù có trừ đi, chia đi thế nào thì kết quả vẫn là lớn vô hạn.

### *“Thanh tịnh Phật độ”*

Kinh nói rằng thế giới Cực Lạc “thanh tịnh trang nghiêm, vượt trội mười phương”, mà thanh tịnh cũng là danh hiệu của Phật, bản dịch thời Hán thì gọi A-di-đà Phật là Vô Lượng Thanh Tịnh Phật. Phật đều vô lượng, vô lượng quang, vô lượng thọ, vô lượng thanh tịnh, vô lượng trang nghiêm, đủ mọi vô lượng. Do A-di-đà Phật là vô lượng thanh tịnh, tâm tịnh thì cõi nước tịnh, nên thế giới Cực Lạc là vô lượng thanh tịnh.

Thế giới Cực Lạc chính là thế giới Hoa Tạng, cũng chính là thế giới Mật Nghiêm. Kinh Kim Cang Đánh nói rằng: “Duy cõi Phật này thấy đều do sự thanh tịnh của tự tánh kim cang mà hình thành Mật Nghiêm và Hoa Nghiêm”. Đây chính là nói hai cõi nước Phật Mật Nghiêm và Hoa Tạng đều là sự thanh tịnh của tự tánh

kim cương, không phải do vật chất thông thường tạo nên. Mật Nghiêm Pháp Tạng Số lại nói: “Nay thế giới Mật Nghiêm đây chỉ hiện ra từ nơi tạng tâm thanh tịnh của Như Lai”. Ở đây nói rõ cõi nước Mật Nghiêm hiện ra từ tạng tâm thanh tịnh của Như Lai nơi cõi nước ấy, thế nên thế giới Cực Lạc là cõi nước thanh tịnh.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**A-nan văn Phật sở thuyết, bạch Thế Tôn ngôn, Pháp Tạng Bồ-tát thành Bồ-đề giả, vị thị quá khứ Phật da, vị lai Phật da, vị kim hiện tại tha phương thế giới da. Thế Tôn cáo ngôn, bỉ Phật Như Lai lai vô sở lai, khứ vô sở khứ, vô sanh vô diệt, phi quá hiện vị lai, dẫn dĩ thù nguyện độ sanh, hiện tại Tây phương khứ Diêm-phù-đề bá thiên câu-chi na-do-tha Phật sát, hữu thế giới danh viết Cực Lạc. Pháp Tạng thành Phật hiệu A-di-đà, thành Phật dĩ lai ư kim thập kiếp, kim hiện tại thuyết pháp, hữu vô lượng vô số Bồ-tát, Thanh văn chi chúng, cung kính vi nhiều.**

*A-nan nghe Phật nói rồi liền bạch Thế Tôn rằng, Bồ-tát Pháp Tạng thành Phật là Phật quá khứ, Phật vị lai, hay hiện đang ở thế giới phương khác? Thế Tôn dạy rằng, đức Phật Như Lai kia đến chẳng chỗ đến, đi chẳng chỗ đi, không sanh không diệt, không có quá hiện vị lai, chỉ vì hoàn thành thế nguyện độ sanh, hiện ở Tây phương cách Diêm-phù-đề trăm ngàn câu-chi na-do-tha cõi Phật, có thế giới tên là Cực Lạc. Ngài Pháp Tạng thành Phật hiệu là A-di-đà, thành Phật đến nay đã mười kiếp, nay hiện đang thuyết pháp, có vô lượng vô số Bồ-tát, Thanh văn cung kính vây quanh.*

Trước tiên chúng ta xem những câu kinh văn phía trước.

*“Thế Tôn cáo ngôn, bỉ Phật Như Lai lai vô sở lai, khứ vô sở khứ, vô sanh vô diệt, phi quá hiện vị lai”*

A-nan nghe xong lời khai thị trước đó của Phật bèn hỏi Phật, tỳ-kheo Pháp Tạng đã thành tựu Bồ-đề rồi, ngài là Phật quá khứ, Phật vị lai, hay là Phật hiện tại ở thế giới phương khác? Thế Tôn trả lời, đức Như Lai ấy “đến chẳng chỗ đến, đi chẳng chỗ đi”, chính là nói, không phải quá khứ, chẳng phải vị lai, cũng không thể nói là hiện tại, không phải từ nơi nào mà đến, cũng không phải đi đến nơi nào. Điều này giống với lời trong kinh Kim Cương nói “Như Lai đó, không từ đâu mà đến, cũng không đi về đâu, nên gọi là Như Lai” hoàn toàn như nhau. Đức Như Lai ấy chính là

A-di-đà Phật, là pháp thân, pháp thân ở khắp mọi nơi, nơi nơi đều là nhà mình, vốn là một thể, sao có thể nói từ đâu mà đến, đi về nơi đâu chứ.

Đại sư Linh Phong trong Kim Cang Kinh Phá Không Luận nói rằng: chân như không thể từ một nơi nào bên ngoài tự thể mà đến, cũng không có một nơi khác bên ngoài tự tánh để đi, chỉ là có duyên thì hiện. Nước trong hồ đã thanh tịnh thì mặt trăng trên trời liền hiện ra, mặt trăng không đi xuống, nước cũng không chảy lên. Thoáng chốc trời âm u, cũng không nhìn thấy mặt trăng, thế nhưng mặt trăng trước sau không đến cũng không đi. Chẳng phải nói lúc nhìn thấy mặt trăng là mặt trăng đi vào trong nước, lúc không nhìn thấy là mặt trăng đi ra khỏi nước, căn bản không có đến đi, nước trong thì trăng hiện, nước đục thì trăng ẩn. Hiện chẳng phải đến, ẩn chẳng phải đi, ẩn hiện do duyên, có duyên thì hiện, vô duyên thì ẩn, đây là gì? Đây chính là đột phá không gian.

*“Vô sanh vô diệt, phi quá hiện vị lai”*

Hai câu này là đột phá về thời gian. Không sanh không diệt, giống như kinh Niết-bàn nói: “Các hành vô thường là pháp sanh diệt, sanh diệt diệt rồi, tịch diệt là vui”. Cũng chính là Quán Thế Âm Bồ-tát Viên Thông chương trong kinh Lăng-nghiêm nói: “Sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền”. Chúng sanh ở trong vọng, mỗi một niệm sanh diệt không ngừng, diệt được sanh diệt rồi, cho nên nói là không sanh không diệt. Thế nhưng, sanh diệt đã diệt rồi lẽ nào là đoạn diệt ư? Mà là “tịch diệt là vui” và “tịch diệt hiện tiền”. Chương Quán Âm Nhĩ Căn Viên Thông nói rằng: “Tịch diệt hiện tiền, hốt nhiên siêu vượt thế xuất thế gian, mười phương tròn sáng, đạt được hai loại thù thắng”. Đây chính là Thiên tông nói, từ trong tro lạnh đột nhiên nảy ra một hạt đậu nóng, ngay thời điểm lửa tắt tro lạnh, ấy vậy mà từ trong tro lạnh xuất hiện một hạt đậu nóng, đây thường dùng để tỉ dụ cho tình trạng khai ngộ của Thiên tông. Hiện nay rất nhiều người, lửa không tắt, tro không lạnh, dẫn dắt một đám người náo nhiệt giả thân giả quý, chỉ là lừa mình lừa người, làm náo loạn một vùng. Điềm này rất quan trọng, nhất định phải khiến chúng ta cảnh giác cao độ, vạn phần không được bị dẫn dụ.

Nếu chúng ta sau khi tắt cả năng sở đều trừ sạch hết rồi, ngay cả năng diệt sở diệt đều trừ tận hết rồi thì lúc đó mới là “bóng liễu hoa tươi một thôn làng”, chính là một khoảng trời riêng. Vô sanh vô diệt ở đây không phải là đoạn diệt mà là “tịch diệt là vui”, bốn chữ này rất quan trọng, là giáo nhãn, chúng ta phải hết lòng lĩnh hội.

*“Phi quá hiện vị lai”*

Nhà khoa học lớn Einstein nói với chúng ta rằng, thời gian là do cảm nhận sai lầm của loài người. Quá khứ hiện tại vị lai chỉ là do có vọng tưởng, một niệm trước chính là quá khứ, bây giờ lại có một niệm là hiện tại, phía sau lại có một niệm sắp xuất hiện, chính là vị lai. Lìa khỏi vọng niệm thì cái gì là quá khứ, hiện tại và vị lai chứ?

Người nhập Thiền định hoàn toàn không hay không biết bao nhiêu ngày đã trôi qua rồi. Lão hòa thượng Hư Vân ở trong núi tĩnh tu, một lần tuyết lớn phong tỏa núi, mọi người cho rằng lão hòa thượng Hư Vân chắc là chết rồi, họ dùng cây sào dài để dò đường, tìm ra nơi bệ quan của lão hòa thượng. Đánh khánh gọi cửa, đánh thức lão hòa thượng từ trong định, ngài mở cửa gặp mặt, mọi người rất vui mừng. Lão hòa thượng nói, các vị từ xa đến chắc là đói rồi, ở đây tôi có khoai môn luộc, có thể mời mọi người ăn, tôi luộc khoai xong thì ngồi thiền, nào ngờ mở nắp nồi ra xem thì khoai môn đã bị lên mốc hết, không biết đã qua bao nhiêu thời gian rồi, nhưng chỉ cảm giác như trong khoảnh khắc mà thôi.

Thế nên Kinh Kim Cang nói: “Tâm quá khứ không thể đạt được, tâm hiện tại không thể đạt được, tâm vị lai không thể đạt được”. Câu sau cùng trong Tín Tâm Minh là: “Không khứ lai hiện tại”, không có quá khứ, vị lai và hiện tại, điều này cho thấy quá khứ hiện tại vị lai, ba đời vốn không có sai biệt, đều không lìa một niệm của người đó. Phía trên nói “đến chẳng chỗ đến, đi chẳng chỗ đi”, cho thấy mười phương chính ở ngay đây, khái niệm thời gian không gian mà người đời nói hoàn toàn đã bị phá vỡ.

Phía trên nói là: Pháp Tạng đại sĩ chứng được lý thể của pháp thân cũng chính là “chân thật chi tế” của kinh này. Ở đây có thể đủ thấy rằng kinh này và kinh Kim Cang vốn không khác biệt. Đức Di-đà thành Phật, rốt ráo là cảnh giới pháp thân, tâm-Phật-chúng sanh, ba thứ không khác biệt, vậy còn có chúng sanh nào để độ chứ. Thế nhưng lý không chướng ngại sự, trong tịch diệt hiển rộng đại dụng, cho nên tịch mà thường chiếu, lý sự viên dung, lại thêm bản nguyện vô tận, cho nên muốn rộng ban lợi ích chân thật, làm lợi ích cho khắp chúng sanh.

*“Đã dĩ thù nguyện độ sanh”*

Câu kinh văn này nêu rõ vì sao từ cảnh giới pháp thân lưu hiện ra cõi nước Cực Lạc vừa là thể vừa là báo thân và ứng hóa thân, chỉ là vì để “thù nguyện độ sanh”. Thù là báo đáp, thù nguyện thông thường gọi là hoàn thành lời nguyện, cũng chính là muốn thực hiện thệ nguyện của mình cho nên phải thù nguyện. 48 nguyện, mỗi nguyện đều là vì chúng sanh, đại nguyện này thành tựu rồi nên đương nhiên phải thực hiện nguyện độ sanh.

Làm thế nào để độ? Cho nên “hiện ở Tây Phương có thể giới tên là Cực Lạc”. Từ “hiện” có hai nghĩa, thứ nhất chỉ rằng thế giới Cực Lạc là từ tâm thanh tịnh trong tự tánh của Như Lai lưu hiện ra; nghĩa thứ hai là hiện tại, hiện thời ngài đang thuyết pháp. Tây Phương là chuyên chỉ cho Tây Phương, là chỉ phương lập tướng trong Mật tông, là mật ý vô thượng thù thắng: ngay nơi tướng mà hiển lý chân thật. Như Pháp Hoa nói: Phật nhìn căn cơ của chúng sanh, “theo đó mà độ, nơi nơi tự thuyết, danh tự bất đồng, tuổi tác lớn nhỏ v.v...” Phật đã nói rõ rồi, pháp mà Phật nói là tùy theo căn khí lợi độn của chúng sanh mà có đủ loại không như nhau, danh hiệu và thọ lượng của Phật v.v... đều là tùy theo trình độ tiếp thu của chúng sanh mà thuyết. “Hiện ở Tây Phương”, chính là chỉ phương lập tướng, là phương tiện thù thắng, ngay nơi sự mà hiển lý chân thật.

Đại sư Thiện Đạo chủ trương rằng, chúng sanh Ta-bà vọng tâm dấy động, chỉ phương lập tướng còn chưa chắc có thể chuyên chú, hướng hồ không phương không tướng. “Bộc” ví như nổ tung, vọng tâm của chúng sanh thường xuyên cuồng động, nên phải chỉ phương lập tướng, khiến họ có thể chuyên chú, nên trong kinh Phật Di Giáo nói: “Giữ tâm một chỗ, mọi việc đều thành”, đạo lý đều như nhau. Thượng Đô Nghi nói rằng: “Phải chỉ phương lập tướng, trụ tâm giữ cảnh, để phàm phu buộc tâm vào mà còn chưa được, hướng hồ lìa tướng”.

Do tâm của chúng sanh hết sức cuồng loạn, vì muốn đem vọng tâm của họ trước hết chuyên chú vào một nơi, nên mới chỉ định Tây Phương, và lập nên biểu tượng Mandala. Như vậy mà còn chưa nhiếp được tâm của phàm phu, bạn còn muốn họ lìa phương lìa tướng thì họ làm sao mà hạ thủ được. Và lại, theo ngũ phương Phật của Mật giáo thì A-di-đà Phật là diệu quan sát trí, cũng ở nơi phương Tây, đây đều là khái niệm của Mật tông. Trên thực tế, chúng ta thường nói Cực Lạc ở khắp mọi nơi, không có phương hướng cố định, quả địa cầu nhỏ bé là hình tròn, bạn cứ đi mãi về hướng đông, sau cùng cũng trở về điểm xuất phát.



*“Khứ Diêm-phù-đề bá thiên câu-chi na-do-tha Phật sát”*

Bản dịch thời Ngụy, bản dịch thời Đường đều là mười vạn ức cõi nước Phật. Con số trong kinh này so với bản dịch thời Ngụy lớn hơn 100 lần, ở đây có thể có hai cách giải thích. Phật tùy theo căn khí không đồng của chúng sanh theo đó mà nói, cho nên nói không như nhau.

“Trăm ngàn câu-chi na-do-tha” vốn không phải chỉ cho một con số cụ thể, ví dụ trăm ngàn tam-muội, không phải là một trăm nhân với một ngàn, mà chỉ cho rất nhiều tam-muội. Ví dụ chúng ta nói ngàn vạn người không thể kể xiết, ngàn vạn cũng không phải là con số cứng nhắc, một ngàn nhân với một vạn. Cho nên con số trong hai bản dịch không như nhau cũng không sao, hướng hồ vừa mới nói rằng, không gian chỉ là vọng chấp thì còn có khoảng cách gì để nói nữa chứ. Tóm lại, Ta-bà, Cực Lạc đều ở trong tự tâm. Kinh nói: “Mười phương hư không từ tâm ta mà sanh, như đám mây điểm vào chôn hư không”, nói xa nói gần đều là hý luận. Thế nên Quán Kinh nói: A-di-đà Phật cách đây không xa. Lời trong Sớ Sao của đại sư Liên Trì thì càng hay hơn “rõ ràng ngay trước mắt”. Tịnh độ tông và Thiên tông không hề khác biệt, cái gì là mười vạn ức, ngàn vạn ức cõi nước, chỉ là “rõ ràng ngay trước mắt” mà thôi, chính là ngay trước mắt của chư vị.

*“Hữu thế giới danh viết Cực Lạc”*

“Thế” đại biểu cho thời gian, chỉ ba đời quá khứ, vị lai và hiện tại; “giới” đại biểu cho không gian, chỉ bốn phương và trên dưới; thời gian không gian hợp lại thì gọi là thế giới. Thế giới này tên là Cực Lạc, tiếng Phạn là Tu-ma-đề, có thể phiên dịch thành An Lạc quốc, An Dưỡng quốc, Thanh Thái quốc v.v... Yếu Giải nói: “Vĩnh ly chúng khổ, đệ nhất an ổn”, vĩnh viễn xa lìa các khổ, lại còn an ổn cùng cực. Sớ Sao nói: “Hiển rõ niềm vui chí cực, tất cả niềm vui của trời người không thể sánh bằng”, là niềm vui tột đỉnh, tất cả niềm vui ở cõi người và cõi trời không thể so sánh, thế nên cõi nước ấy gọi là Cực Lạc.

*“Pháp Tạng thành Phật, hiệu A-di-đà”*

Ngài Pháp Tạng đã triệt để giác ngộ, rốt ráo thành Phật, Phật hiệu là A-di-đà. Di-đà Yếu Giải nói: thế giới Cực Lạc đang được nói ở đây “chính là chỉ cho cõi Đồng Cư Tịnh độ, nhưng đồng thời nó cũng gồm cả ba cõi Tịnh độ ở bên trên”. Hơn nữa, “nay nói A-di-đà Phật là chỉ cho “thị sanh hóa thân” ở cõi Đồng Cư, nhưng

đồng thời cũng chính là báo thân và pháp thân”. Lời của Yếu Giải vô cùng tinh diệu, nói rằng thế giới Cực Lạc ở đây là cõi Phạm Thánh Đồng Cư trong bốn cõi, nhưng chỗ thù thắng chính là đồng thời nó cũng gồm cả, chính là đồng thời cũng có đủ cõi Phương Tiện Hữu Dư, cõi Thật Báo Trang Nghiêm và cõi Thường Tịch Quang ở bên trên, đây chính là chỗ thù thắng tối cực của thế giới Cực Lạc.

Yếu Giải lại nói: A-di-đà Phật mà kinh văn nói chỉ cho thị sanh hóa thân Phật trong ba thân của Phật, thị hiện ở cõi Phạm Thánh Đồng Cư, thế nhưng đồng thời cũng là báo thân Phật và pháp thân Phật.

Phật có ba thân, một là pháp thân, cư trú tại cõi Thường Tịch Quang, gọi là cư trú chỉ là thị hiện để chúng sanh có thể hiểu, trên thực tế là thân và cõi nước không hai. Thứ hai là báo thân, ở cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Thứ ba là ứng hóa thân, thường thị hiện ở cõi Phương Tiện Hữu Dư và Phạm Thánh Đồng Cư.

Hóa thân lại có hai loại, một là thị sanh hóa thân, là thân Phật thị hiện tám tướng thành đạo; hai là ứng hiện hóa thân, ứng theo căn cơ của chúng sanh mà thị hiện ứng hóa thân. Lại có thể phân thành: một là Phật giới hóa thân, hiện thân ở cõi Phật; hai là tùy loại hóa thân, thị hiện thân giống thân chúng sanh trong chín cõi.

Kinh này là nói thị sanh hóa thân, chính là ứng hóa thân Phật, thị hiện thân Phật ở cõi Đồng Cư Tịnh độ tại Tây Phương. Xin chú ý, đồng thời đó cũng là báo thân Phật, cũng là pháp thân Phật.

Ba thân của Phật giống như bảo châu Ma-ni, bảo châu có châu thể, châu quang, ảnh của châu. Châu thể là bản thể, là pháp thân; châu quang là tướng dụng, là báo thân; ảnh của châu là sự hiển hiện của toàn bộ hạt châu, là hóa thân. Thế nhưng ba thứ đều không lìa nhau, cho nên một là ba, ba là một. Sanh đến cõi Đồng Cư, bạn thấy được hóa thân Phật, nhưng cũng đồng thời thấy được pháp thân Phật, báo thân Phật. Nơi bạn ở là cõi Đồng Cư, nhưng đồng thời cũng gồm cả ba cõi trên. Cho nên cõi Đồng Cư của Cực Lạc công đức thù thắng không thể nghĩ bàn.

A-di-đà Phật chính là Tỳ-lô-giá-na, cũng chính là Đại Nhật Như Lai. Trong Di-đà Sớ Sao, dùng đạo lý của Mật tông để giải thích thì ngũ trí trở thành ngũ phương Phật. Tỳ-lô-giá-na ở giữa, biểu thị cho pháp giới thể tánh trí, bốn trí còn lại hiện ra bốn phương Như Lai. Diệu quan sát trí hiện ra A-di-đà Phật ở Tây Phương, vô lượng quang, vô lượng thọ. Di-đà Sớ Sao nói: “Một Phật mà hiện đồng

thời ở hai cõi”, Di-đà và Tỳ-lô-giá-na chính là một vị Phật, kiêm thống lĩnh hai cõi nước Phật là thế giới Hoa Tạng và thế giới Cực Lạc.

Đông Mật lại nói: A-di-đà Phật chính là Đại Nhật Như Lai. Đại sư Hưng Giáo của Nhật Bản là đại đức Mật tông, ngài nói Đại Nhật Như Lai còn có tên là Vô Lượng Thọ Phật, do vì không sanh không diệt; lại có tên là Vô Lượng Quang Phật, bởi vì quang minh chiếu khắp. Cho nên Đại Nhật Như Lai vừa có tên Vô Lượng Thọ vừa có tên Vô Lượng Quang. Đại Nhật Như Lai chính là A-di-đà Phật. Ba chữ A-di-đà có vô lượng mật ý thắng diệu, vô lượng thọ, vô lượng quang, Cam Lộ Vương, Vô Lượng Thanh Tịnh v.v... Và lại ba chữ A-di-đà, mỗi một chữ đều có vô lượng mật ý.

Sách A-di-đà Mật Thích nói: “Xướng lên ba chữ A-di-đà thì diệt được trọng tội từ vô thủy”, niệm ba chữ này có thể tiêu diệt trọng tội từ vô thủy kiếp đến nay. “Niệm một Phật A-di-đà thì thành tựu phước trí vô cùng”, chuyên niệm một Phật A-di-đà thì thành tựu phước trí không thể cùng tận. “Như một hạt châu trên lưới của Thiên đế”, giống như một hạt châu trên lưới báu, điện báu trong cung của Đế Thích, “lập tức hiện ra vô tận bảo châu”, vô lượng vô biên bảo châu đều xuất hiện trong một hạt châu. Cho nên niệm một Phật Di-đà liền lập tức đầy đủ vô biên tánh đức.

Trong sách cực kỳ tán thán sự thù thắng của việc chuyên niệm A-di-đà Phật, nhanh chóng viên mãn vô biên công đức mà tự tánh vốn có. Đoạn khai thị vô thượng này của sách Mật Thích đã mở toang kho tàng thâm mật của chư Phật, hiển thị pháp tri danh thâm nhiếp công đức của tất cả pháp, chỉ cần chuyên niệm Di-đà thì có thể nhanh chóng viên mãn vô biên diệu đức mà tự tánh sẵn có. Đây chính là tri kiến của Phật, đây không phải là tri kiến của chúng sanh. Phước của việc niệm Phật, đức của việc niệm Phật, cho đến công dụng thù thắng “chỉ có Phật với Phật mới có thể hiểu rõ ráo”, chỉ có Phật và Phật mới có thể biết triệt để, nếu có thể hiểu được một phần rất nhỏ thì đã siêu phàm nhập thánh rồi. Đa phần chỉ được sơ lược đại khái, mơ mơ hồ hồ, bán tín bán nghi, tưởng hiểu nhưng chưa hiểu mà thôi, bởi vì pháp này là pháp khó tin trong hết thảy thế gian.

*“Thành Phật dĩ lai ư kim thập kiếp”*

A-di-đà Phật cho đến hiện nay tổng cộng đã 10 kiếp rồi, đây cũng là tạm nói, nếu luận về thực tế thì A-di-đà Phật và Thích-ca Mâu-ni Phật đều đã thành Phật

lâu xa về trước. Kinh Pháp Hoa nói: Thích-ca Mâu-ni Phật và A-di-đà Phật đều là vương tử của Đại Thông Trí Thắng Như Lai lúc ngài chưa xuất gia cách đây vô lượng kiếp, hai ngài vốn là huynh đệ, sau đó đều theo phụ vương xuất gia. Thích-ca Mâu-ni Phật thành Phật đến nay đã vô lượng vô biên kiếp số như vi trần rồi, nhiều kiếp đến nỗi không thể nói hết. A-di-đà Phật cũng như vậy, đã sớm thành Phật rồi, “cách nay mười kiếp” chỉ là thị hiện mà thôi.

*“Kim hiện tại thuyết pháp”*

Chính là chỉ thẳng ngay lúc này. “Kim hiện tại” biểu thị A-di-đà Phật là Phật hiện tại, chính tại thời điểm này của chúng ta, ngài đang thuyết pháp cho chúng sanh. Lại qua bao nhiêu năm sau, có người đọc đến câu “kim hiện tại thuyết pháp”, nghĩa là khi người đó đang đọc kinh, A-di-đà Phật ở thế giới Cực Lạc đang thuyết pháp.

*“Hữu vô lượng vô số Bồ-tát, Thanh văn chi chúng cung kính vi nhiều”*

Ngay nơi thế giới Cực Lạc đã có vô lượng vô biên chư đại thánh hiền, vô lượng thế giới trong mười phương lại có vô lượng vô biên thánh hiền đến nơi này lễ thỉnh nghe pháp, pháp hội rộng lớn trang nghiêm, các ngài đều vây quanh dưới tòa của đức Di-đà, cung kính nghe pháp.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 44

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Tiết học trước, chúng tôi đã giảng xong kinh văn phẩm thứ chín. Trước khi giảng kinh văn phẩm thứ mười, chúng tôi xin quy nạp chính lý một chút những điểm quan trọng trong kinh văn phẩm thứ chín. Lần chính lý trọng điểm này có chút đặc biệt, sẽ dùng hình thức kệ tụng.

“Pháp Tạng tỳ-kheo lục độ vạn hạnh  
Tích công lũy đức vô lượng vô biên  
Vớ tất cả pháp, được đại tự tại  
Bốn mươi tám nguyện đều thành hiện thực  
Nhân viên quả mãn, như thật an trụ  
Cõi Phật trọn đủ thanh tịnh, trang nghiêm  
Tích công lũy đức mỗi ngày phải làm  
Công đức lợi ích vô cùng nhanh chóng  
Pháp thân Di-đà trùm khắp mọi nơi  
Đến không chỗ đến, đi không chỗ đi  
Thời gian không gian thấy đều siêu vượt  
Bất sanh bất diệt, thường trụ Tịch Quang  
Thế Tôn tán thán Pháp Tạng tỳ-kheo  
Vô lượng thắng nhân, cảm được thánh quả  
Pháp Tạng tỳ-kheo là tấm gương tốt  
Người học Phật nên noi theo gương đó”.

### **GIẢI NGUYỆN TÁC PHẬT ĐỆ THẬP**

Kinh văn của phẩm thứ chín phía trước nói A-di-đà Phật tu nhân chứng quả, kinh văn phẩm thứ mười là nói chúng sanh nghe Thích-ca Mâu-ni Phật giảng pháp, chỉ cần phát nguyện vãng sanh thì đều có thể thành Phật. Phẩm kinh văn này giúp cho chúng ta kiên định tín tâm thành Phật. Tuy kinh văn phẩm này rất ngắn nhưng hàm nghĩa của nó rất sâu, chúng ta học Phật, nếu muốn thành tựu trong một đời này thì chỉ có pháp môn niệm Phật vãng sanh, nếu tu học pháp môn khác mà muốn thành tựu trong một đời thì tương đối khó.

Mời xem kinh văn bên dưới:

**Phật thuyết A-di-đà Phật, vi Bồ-tát cầu đắc thị nguyện thời, A-xà vương tử dữ ngũ bá đại trưởng giả, văn chi giai đại hoan hỷ, các trì nhất kim hoa cái, câu đao Phật tiền tác lễ, dĩ hoa cái thướng Phật dĩ, khước tọa nhất diện thính kinh, tâm trung nguyện ngôn, linh ngã đẳng tác Phật thời, giai như A-di-đà Phật.**

*Khi Phật nói A-di-đà Phật lúc là Bồ-tát thành tựu thế nguyện xong, vương tử A-xà cùng năm trăm đại trưởng giả nghe rồi đều rất hoan hỷ. Mỗi người cầm một lọng hoa bằng vàng đều đến trước Phật làm lễ, dâng lọng hoa lên Phật rồi ngồi đối diện nghe kinh, trong tâm phát nguyện rằng, khi chúng tôi thành Phật đều giống như A-di-đà Phật.*

Đại ý của đoạn kinh văn này là, khi Phật nói xong việc A-di-đà Phật thành tựu thế nguyện rộng lớn như biển đã phát khi còn là Bồ-tát ở nhân địa, trong pháp hội có một vị vương tử và 500 đại trưởng giả, tên của vương tử là A-xà, ông cùng với 500 vị đại trưởng giả tuổi cao đức trọng, uy vọng rất cao, sau khi nghe Phật thuyết pháp đều khởi lên tâm hoan hỷ trước nay chưa từng có, mỗi vị cầm một lọng hoa bằng vàng, đến trước Phật lễ bái cúng dường. 501 người này đều là cư sĩ tại gia, họ hành động như nhau, lại mang phẩm vật cúng dường như nhau, có thể thấy là họ cùng nhau đến. Sau khi họ cúng dường lọng hoa xong, đều trở vào trong đại chúng, ngồi yên một bên nghe kinh, khi đó trong tâm mỗi một người phát nguyện, nguyện khi chúng tôi thành Phật, tất cả đều giống như A-di-đà Phật. Từ “chúng tôi” trong kinh văn đủ thấy đây là nguyện chung của họ.

Mời xem đoạn kinh văn tiếp theo:

**Phật tức tri chi, cáo chư tỳ-kheo, thị vương tử đẳng, hậu đương tác Phật, bỉ ư tiền thế trụ Bồ-tát đạo, vô số kiếp lai cúng dường tứ bá ức Phật. Ca-diếp Phật thời, bỉ đẳng vi ngã đệ tử, kim cúng dường ngã, phục tương trị dã. Thời chư tỳ-kheo văn Phật ngôn giả, mặc bất đại chi hoan hỷ.**

*Phật liền biết được, nói với các tỳ-kheo, nhóm của vương tử này về sau sẽ thành Phật. Các ông ấy trong đời quá khứ trụ Bồ-tát đạo, vô số kiếp đến nay từng cúng dường bốn trăm ức Phật. Thời Phật Ca-diếp, các ông ấy là đệ tử của ta, nay*

*cúng dường ta, lại gặp được nhau. Bấy giờ các tỳ-kheo nghe lời Phật nói thấy đều hoan hỷ thay cho họ.*

Đại ý của đoạn kinh văn này là: Nhóm A-xà vương tử phát ra đại nguyện, Thế Tôn lập tức biết ngay. Cho nên khởi tâm động niệm của chúng ta, Như Lai thấy đều thấy biết, tâm của chúng ta và tâm Phật không có mảy may ngăn cách. Khi đó Phật nói với 12.000 đại tỳ-kheo trong hội, nhóm của vương tử này về sau đều sẽ thành Phật, điều này cũng tương đương với việc Phật trong đại hội thọ ký cho 501 người làm Phật.

Phật còn nói với mọi người: các ông ấy đời trước đều nhất mực tu hành đại hạnh của Bồ-tát, an trụ nơi Bồ-tát đạo, trải qua vô số đại kiếp, đã từng cúng dường 400 ức Phật, rộng trồng công đức. Hôm nay lại phát nguyện, phát đại nguyện thù thắng giống như A-di-đà Phật, thế nên đều nhất định thành Phật.

Sau cùng, Phật lại nêu ra túc duyên với những người này. Vào thời Phật Ca-diếp trụ thế, họ là đệ tử của ta, ngày nay cúng dường ta tại pháp hội này, đây là tương phùng lần nữa. Khi ấy 12.000 đại tỳ-kheo trong pháp hội nghe lời Phật nói, không ai mà không mừng thay cho hơn 500 người nhóm A-xà vương tử.

Phẩm kinh văn này có ba điều đáng để chúng ta xem trọng:

Thứ nhất là phát nguyện. Nhóm A-xà vương tử vừa phát nguyện: nguyện chúng tôi đều như A-di-đà Phật, thì lập tức được thọ ký, tương lai nhất định thành Phật.

Thứ hai là nhân duyên. Trong đời quá khứ vào thời Phật Ca-diếp, họ là đệ tử của Thích-ca Mâu-ni Phật, hiện tại lại gặp nhau trong pháp hội này, lại còn cúng dường, lại còn nghe kinh, lại kết thêm một duyên nữa. Bởi vì pháp duyên rất quan trọng, Phật cũng không thể độ người vô duyên. Năm xưa khi Phật ở thành Vương-xá, có một phần ba người chẳng những chưa từng nhìn thấy mặt Phật mà căn bản là chưa từng nghe đến tên. Phật có uy đức như vậy mà còn có một phần ba người, ngay cả tên của Phật đều không biết, chính là bởi vì họ không có duyên.

Thứ ba là pháp này rất phù hợp cho hàng cư sĩ. Trong phẩm Đức Tuân Phổ Hiền, sau các ngài Văn-thù, Phổ Hiền, Di-lặc, chính là 16 vị Chánh sĩ nhóm ngài Hiền Hộ, đều là Bồ-tát tại gia. Trong phẩm kinh này nghe Phật thuyết pháp xong, trước tiên hoan hỷ phấn chấn đến cúng dường, đến phát đại nguyện, lại nhóm

A-xà vương tử, hơn 500 vị tại gia, điều này cho thấy pháp môn Tịnh độ vô cùng phù hợp với người tại gia, người tại gia càng cần pháp môn này. Bởi vì người tại gia có việc làm, có gia đình, có gánh nặng, có rất nhiều việc, nếu nương vào các pháp như Thiền định v.v... thì không hành nổi. Thế nên bộ kinh này vô cùng khế hợp với người tại gia.

Kinh Đại thừa nói với chúng ta, người niệm Phật vãng sanh Tịnh độ không phải người phạm, trong đời quá khứ đã từng cúng dường vô lượng chư Phật Như Lai. Lần này chúng ta gặp được pháp môn này, bạn vì sao có thể sanh khởi tín tâm, vì sao có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc đi làm Phật, là do uy thần của vô lượng chư Phật gia trì, nên mới phát ra được tâm ấy. Nếu không có các công đức tu hành trong đời quá khứ, [không nhờ] nhân chân thật này thì bạn không thể phát được tâm này. Nguyên nhân gì không thể phát tâm? Số lượng chư Phật Như Lai mà chúng ta cúng dường vẫn chưa đủ, làm thế nào đây? Hiện nay bổ sung, bổ sung thế nào? Niệm Phật chính là bổ sung.

Học Phật, điều kiện để phạm phu khế nhập cảnh giới là có thầy, người thầy rất quan trọng, không có thầy thì chúng ta sẽ đi rất nhiều đường vòng, rất vất vả. Có thầy hướng dẫn, chúng ta đối với thầy có tín tâm, y giáo phụng hành thì sẽ bớt được rất nhiều đường vòng, đời này của bạn có khả năng thành tựu. Cổ thánh tiên hiền không có tư tâm, mà đại công vô tư, dùng tâm chân thành đối người tiếp vật, dạy cho chúng ta những gì? Nguyên tắc chung, tôn chỉ cương yếu chỉ đạo chung chính là 4 câu: nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, đọc sách ngàn lần, nghĩa kia tự hiểu. Bạn có tin tưởng hay không? Thầy của lão pháp sư đã truyền bốn câu này cho ngài, ngài lại đem 4 câu này truyền cho chúng ta, 4 câu này là lời chân thật, không có một chữ nào là giả cả. Bốn câu này từ vô thủy kiếp quá khứ cho đến vô tận đời vị lai, người thành công đều đi trên con đường này, nếu bạn làm thử thì bạn sẽ phát hiện hiệu quả không thể nghĩ bàn.

Trong kinh vẫn có câu nói thế này mà trước đây chúng ta thường lơ là, hôm nay ở đây tôi đặc biệt nhắc mọi người chú ý câu “nghe rồi thấy đều rất hoan hỷ”, câu nói này thường xuất hiện trong kinh điển, chúng ta phải sâu sắc lý giải hàm nghĩa của nó.

Ví dụ, A-xà vương tử và 500 đại trưởng giả nghe Thế Tôn giảng kinh Vô Lượng Thọ vì sao hoan hỷ? Vì đức Di-đà viên chúng Bồ-đề, thành tựu đại nguyện



mà hoan hỷ; vì đức Di-đà chúng được phương tiện rốt ráo, dùng diệu pháp trì danh phổ độ tất cả mà hoan hỷ; vì chúng ta và tất cả hàm linh trong tương lai đều nương pháp này để thoát sanh tử nên vui mừng; lại vì chúng ta cũng có thể tiếp nối dẫn dắt chúng sanh, khiến tất cả được độ thoát mà hoan hỷ, thế nên niềm vui đó, thế gian chưa từng có, cho nên gọi là ‘đại hoan hỷ’.

Chúng ta ngày nay đọc kinh, nghe kinh, tâm hoan hỷ này có sinh ra không? Không sinh ra. Chúng ta đối với câu “nghe rồi thấy đều rất hoan hỷ” chỉ là hàm hồ qua loa đọc lướt qua mà thôi, không sanh được tâm hoan hỷ. Vì sao không sanh được tâm hoan hỷ? Bởi vì không biết hàm nghĩa sâu sắc của câu nói này. Hiểu được hàm nghĩa sâu sắc của câu này thì có lý nào mà không sanh tâm hoan hỷ chứ. Niềm hoan hỷ này, quan trọng nhất là [vì] bản thân chúng ta có phần, không phải không liên quan đến chúng ta. Nếu không liên quan đến mình thì mình vui mừng để làm gì, đối với mình có quan hệ rất mật thiết. Bởi vì A-di-đà Phật tại cõi Tịnh độ thị hiện ở phương Tây là vì chúng ta mà thị hiện. Ngài hiện tại ở thế giới Cực Lạc “kim hiện tại thuyết pháp” là vì chúng ta mà thuyết, chúng ta cảm ân hoan hỷ.

Chúng ta nghe kinh, đọc kinh sanh khởi tâm hoan hỷ vô hạn. Vì sao vậy? Bởi vì kinh Vô Lượng Thọ giúp chúng ta giải quyết vấn đề sanh tử luân hồi, đây chính là việc lớn quan trọng nhất, to lớn nhất của đời người, thì sao chúng ta không hoan hỷ được.

Kinh văn phẩm thứ mười tôi đã giảng xong, trọng điểm của phẩm kinh văn này đã nói rất rõ ràng rồi, không lặp lại nữa. Điểm mà chúng ta đặc biệt chú ý là bộ kinh Vô Lượng Thọ này với cư sĩ tại gia là khế hợp nhất, cũng có thể nói là, bộ kinh này là Phật chuyên vì cư sĩ tại gia mà nói, chúng ta phải sanh khởi tâm cảm ân vô hạn.

Tiếp theo bắt đầu giảng kinh văn phẩm thứ 11.

## **QUỐC GIỚI NGHIÊM TỊNH ĐỆ THẬP NHẤT**

Phẩm kinh văn này giới thiệu y báo trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc. Mời xem kinh văn sau đây:

**Phật ngữ A-nan, bĩ Cực Lạc giới, vô lượng công đức, cụ túc trang nghiêm, vĩnh vô chúng khổ, chư nạn, ác thú, ma nã chi danh. Diệc vô tứ thời hàn thử vũ minh chi dị, phục vô đại tiểu giang hải, khâu linh, khanh khảm, kinh kỹ, sa lịch, Thiết Vi, Tu-di, thổ thạch đẳng sơn. Duy dĩ tự nhiên thất bảo, hoàng kim vi địa, khoan quảng bình chánh, bất khả hạn cực, vi diệu kỳ lệ, thanh tịnh trang nghiêm, siêu du thập phương nhất thiết thế giới.**

*Phật nói với A-nan, thế giới Cực Lạc đó có vô lượng công đức, đầy đủ các sự trang nghiêm, vĩnh viễn không có tên của các khổ, các nạn, ba đường ác, ma nã. Lại không có sự khác biệt của bốn mùa lạnh, nóng, mưa, tối; cũng không có sông biển lớn nhỏ, đồi núi, gò đống, hầm hố, gai góc, cát sỏi, các núi Thiết Vi, Tu-di, núi đất đá. Đất bằng bảy báu tự nhiên và hoàng kim, rộng rãi bằng phẳng, không có bờ mé, vi diệu hoa lệ, thanh tịnh trang nghiêm vượt hơn tất cả thế giới trong mười phương.*

Đại ý của đoạn kinh văn này là: Phật nói với A-nan, thế giới Cực Lạc đó là do vô lượng công đức mà thành tựu, cho nên cõi nước trang nghiêm thanh tịnh, trọn đủ tất cả trang nghiêm, vĩnh viễn lìa khỏi tất cả khổ nạn, tên của tam ác đạo và ma nã. Các khổ, các nạn, đường ác, ma nã, ngay cả tên còn không có, huống gì thật có. Trong nước không có xuân hạ thu đông, hiện tượng lạnh lẽo, nóng bức, âm u, mưa tối, cũng không có biển lớn, sông ngòi, đồi núi, gò đống hầm hố mấp mô, gai góc, cát sỏi, núi Thiết Vi, núi Tu-di, các loại núi do đất đá hình thành. Chỉ là một cõi bằng phẳng, chính tề, rộng lớn vô biên, đại địa do bảy báu tự nhiên và hoàng kim tạo nên. Cõi nước là diệu trong diệu, nên gọi là vi diệu, là hoa lệ nhất trong hoa lệ nên gọi là kỳ lệ. Sự thanh tịnh trang nghiêm của cõi nước vượt hơn tất cả thế giới mười phương.

Tiếp theo, chúng tôi đem những câu văn quan trọng trong đoạn kinh văn này giải thích tường tận hơn một chút.

*“Vô lượng công đức, cụ túc trang nghiêm”*

Luận Chú của đại sư Đàm Loan nói rằng: “Từ trí tuệ thanh tịnh nghiệp của Bồ-tát mà trang nghiêm Phật sự, nương pháp tánh mà nhập thanh tịnh tướng, pháp ấy không điên đảo, không hư ngụy, nên gọi là công đức chân thật”. Luận Chú nói rằng: Pháp Tạng Bồ-tát trụ chân thật huệ, trang nghiêm cõi Phật, cho nên nói là “từ

trí tuệ thanh tịnh nghiệp của Bồ-tát mà trang nghiêm Phật sự”, hai cách nói này là hoàn toàn như nhau.

Vãng Sanh Luận lại nói: Ba loại trang nghiêm của Cực Lạc nhập vào câu thanh tịnh, tức trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Nay Luận Chú nói: “Nương pháp tánh mà nhập thanh tịnh tướng”, pháp thân chính là thân pháp tánh, cũng chính là pháp tánh. Bồ-tát Pháp Tạng trang nghiêm cõi nước Phật, là từ pháp thân lý thể hiện hiện cõi nước thanh tịnh, đây cũng chính là câu “cõi nước trang nghiêm nhập vào câu thanh tịnh, tức trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi” trong Vãng Sanh Luận. Bản thể chánh nhân là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi, đây là chân thật chi tế, “không điên đảo, không hư ngụy”, cho nên hết thấy sự tướng hiển hiện ra như vậy được gọi là công đức chân thật. Lại càng không có bất kỳ một pháp nào khác, cho nên lìa khỏi chân thật thì chính là hư ngụy. Thế nên công đức chân thật chính là “vô lượng công đức”, tự nhiên cũng chính là “cụ túc trang nghiêm”.

“Chư nạn” còn gọi là bát nạn. Thứ nhất là nạn địa ngục, trong địa ngục nghe pháp rất khó. Thứ hai là nạn súc sanh, thứ ba là nạn nạ quỷ. Thứ tư là nạn trường thọ thiên, thọ mạng 500 kiếp, là trời Vô Tướng thuộc Tứ Thiên Sắc Giới, vô tướng của nó giống như cá bị đóng băng, một khi băng tan thì cá lại có thể động đậy. Thứ năm là Bắc Câu Lô Châu, nơi đó Phật không đến, nên bị nạn. Thứ sáu là mù điếc câm ngọng, bị mù bị điếc và câm ngọng đều rất khó khăn. Thứ bảy là nạn thế trí biện thông, người tự cho mình thông minh đều phải cảnh giác, nếu bạn chỉ là tà kiến thế gian cộng thêm tài ăn nói, giỏi biện luận, biết viết văn chương, ưa thích lý luận của ngoại đạo, không tin chánh pháp xuất thế thì thuộc về loại này, muốn thành đạo thì rất khó. Thứ tám, nạn sanh ra trước và sau Phật, không gặp được Phật thì rất khó khăn.

Ác thú chính là ba đường ác. Ma não, ma có thể não hại thân tâm của người, nên cũng gọi là ma não. Ma là cách gọi tắt của Ma-la, cũng chính là tên gọi khác của ma vương Ba-tuần của trời Tha Hóa Tự Tại. Loại quỷ thần này có ma lực rất lớn, có thể não hại người tu hành.

*“Diệc vô tứ thời hàn thử vũ minh chi dị”*

Đây là nói về thời tiết. Tứ thời là xuân hạ thu đông, hàn là rất lạnh, thử là rất nóng, vũ là trời mưa, minh là trời âm u, những thứ này đều không có. Chính là vĩnh viễn đều có thời tiết ôn hòa tươi sáng, hoàn cảnh cuộc sống như vậy tốt biết mấy!

Điều kiện địa lý càng khiến người khác hâm mộ, khát ngưỡng, không có sóng to gió lớn của sông biển lớn nhỏ, không có con đường khó đi của các gò đồng hầm hố, không có cát sỏi, gai góc chằng mọc, càng không có các núi Tu-di, Thiết Vi v.v... chỉ có đại địa rộng lớn bằng phẳng vuông vức.

Núi Tu-di là trung tâm của bốn bộ châu lớn, núi Thiết Vi nằm ở ngoại vi, mặt trăng mặt trời quay vòng quanh núi Tu-di, cõi trời Tứ Thiên Vương nằm ở lưng chừng núi Tu-di, trên đỉnh là trời Đê Thích nơi Đê Thích ở. Bên trên núi Tu-di còn có trời Sắc Giới, trời Vô Sắc Giới, đều ở không trung, đây là tình trạng sắp xếp của thế giới thông thường. Nhưng tại thế giới Cực Lạc, núi Tu-di và núi Thiết Vi đều không có

Ở thế giới Cực Lạc, đại địa làm bằng bảy báu tự nhiên và hoàng kim. Đất là bảy báu và vàng ròng hợp thành. “Tự nhiên” là biểu thị cho không phải tạo tác mà thành, không phải sắp xếp mà được, cho nên gọi là tự nhiên. Đây là do tu đức có công, tánh đức tự nhiên hiển hiện. Tên gọi của bảy báu trong mỗi kinh không giống nhau, việc này không thành vấn đề, những bảo bối này chỉ là để ví dụ mà thôi. Bởi vì sự mỹ diệu của thế giới Cực Lạc, người đời không thể tưởng tượng, chỉ đành dùng bảy vật ở thế gian để làm tỉ dụ. Bảy báu trong kinh này là: vàng, bạc, lưu ly, thủy tinh, hổ phách, mỹ ngọc, mã não. Còn về hình thái của đất thì “khoan quảng bình chánh, bất khả hạn cực”. Khoan là rộng rãi, quảng là rộng lớn, bình là bằng phẳng, bình đẳng, chánh là to lớn. Đất bằng phẳng như lòng bàn tay, không có bờ mé. Bởi vì nó “bất khả hạn cực”, thế nên Sớ Sao nói “rõ ràng ngay trước mắt”.

Tiếp theo nói về thời tiết ở thế giới Cực Lạc, thời tiết ở thế giới Cực Lạc không có khác biệt của nóng lạnh, mưa tối, thủy đều là ấm áp ôn hòa. Trên mặt đất không có núi sông hiểm trở, mà là một vùng rộng rãi bằng phẳng, đây đều là vì Bồ-tát Pháp Tạng trụ chân thật huệ mà trang nghiêm cõi Phật. Cho nên tâm tịnh thì cõi nước tịnh, tâm bình thì nơi nơi bình, tâm hòa thì tất cả hòa.

Như đại sư Đàm Loan nói: “Nương pháp tánh mà nhập thanh tịnh tướng”, các tướng ở Cực Lạc đều là nương tánh mà nhập, pháp tánh đều là một vị bình đẳng, không có tướng sai biệt, thế nên thời tiết địa hình không có sai biệt; pháp tánh rộng lớn không có bờ mé, cho nên cõi nước Cực Lạc không có hạn lượng; pháp tánh đầy đủ thiện mỹ, cùng vi cực diệu, nên gọi là “vi diệu kỳ lệ, thanh tịnh trang nghiêm”. Diệu chính là thắng diệu không thể nghĩ bàn. Vi diệu chính là diệu trong

diệu, khó nghĩ bàn trong khó nghĩ bàn. Lệ chính là hoa lệ, kỳ là kỳ đặc, kỳ lệ chính là siêu tuyệt không gì sánh bằng, mỹ diệu và hoa lệ.

Quán Kinh nói: đại địa ở Cực Lạc do bảy báu mà thành, trong mỗi báu có 500 sắc sáng, những quang minh này giống đóa hoa, giống chòm sao, giống mặt trăng treo ở trên không. Thế giới Cực Lạc mỹ diệu kỳ đặc, điều quan trọng nhất là toàn thể thế giới Cực Lạc đều thanh tịnh trang nghiêm. Tất cả cảnh sắc trong nước Cực Lạc khiến tâm người hoan hỷ mà không đắm nhiễm, cảnh và tâm đều là thanh tịnh trang nghiêm. Thanh tịnh là vô nhiễm, trang nghiêm là đầy đủ đức. Thanh tịnh khiến tâm người tĩnh lặng, trang nghiêm khiến tâm người tôn kính. Đây là bởi vì cõi nước Cực Lạc là từ bản tánh thanh tịnh mà thành tựu trang nghiêm, thế nên vi diệu kỳ lệ, thanh tịnh trang nghiêm, vượt hơn tất cả thế giới trong mười phương.

Tất cả mọi thứ trong thế giới Cực Lạc đều không thể nghĩ bàn, không thể dùng tình mà thấy tướng, không thể suy nghĩ mà biết, cho nên nơi nơi sự sự vô ngại, nơi nơi đều là nhất chân pháp giới.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**A-nan văn dĩ, bạch Thế Tôn ngôn, nhược bỉ quốc độ vô Tu-di sơn, kỳ Tứ Thiên Vương thiên cập Đạo Lợi thiên y hà nhi trụ.**

*A-nan nghe xong bạch Thế Tôn rằng: Nếu cõi nước đó không có núi Tu-di thì trời Tứ Thiên Vương và trời Đạo Lợi trụ vào nơi đâu?*

Thế giới Tây Phương Cực Lạc không có núi, ngài A-nan nêu ra câu hỏi là: nước ấy không có núi Tu-di vậy thì trời Tứ Thiên Vương, trời Đạo Lợi trụ vào đâu? Ở đây, chúng tôi muốn nói rõ hai vấn đề. Vấn đề thứ nhất, A-nan vì sao nêu ra câu hỏi này? [Vì] A-nan dựa theo hiện trạng của thế giới này mà nêu câu hỏi.

Thế giới Tây Phương Cực Lạc có bốn cõi: cõi Phạm Thánh Đồng Cư, cõi Phương Tiện Hữu Dư, cõi Thật Báo Trang Nghiêm, cõi Thường Tịch Quang Tịnh độ. Thế giới đó không có sáu đường, cõi Đồng Cư chỉ có hai đường là cõi người và cõi trời. Thế giới đó không có núi, cho nên dẫn đến nghi vấn của tôn giả A-nan. Nếu không có núi Tu-di thì trời Dục giới trụ vào đâu? Trời Tứ Thiên Vương và trời Đạo Lợi trong cõi trời Dục giới đều trụ vào núi Tu-di; trời Tứ Thiên Vương trụ ở lưng

chùng núi, trời Đạo Lợi trụ ở đỉnh núi. Không có núi Tu-di thì hai tầng trời này như thế nào đây? Tôn giả A-nan nêu ra nghi vấn này.

Vấn đề thứ hai, nghi vấn này có phải là tôn giả A-nan hỏi hay không? Không phải. Tôn giả A-nan là hỏi thay cho chúng ta. Phạm phu nghe Thế Tôn giới thiệu về thế giới Cực Lạc, thường khó tránh khỏi có nghi hoặc. Tôn giả A-nan biết tình trạng này bèn thỉnh giáo Thế Tôn, nếu cõi nước đó không có núi Tu-di thì trời Tứ Thiên Vương, trời Đạo Lợi nương vào đâu để trụ? Chúng ta xem kinh văn kế tiếp. Xem Thế Tôn trả lời câu hỏi này như thế nào.

**Phật cáo A-nan, Dạ-ma, Đâu-suất, nãi chí Sắc Vô Sắc giới, nhất thiết chư thiên, y hà nhi trụ? A-nan bạch ngôn, bất khả tư nghị nghiệp lực sở trí.**

*Phật bảo A-nan, trời Dạ-ma, Đâu-suất, cho đến trời Sắc giới và Vô Sắc giới thì tất cả chư thiên nương vào đâu mà trụ? A-nan bạch rằng, do nghiệp lực không thể nghĩ bàn dẫn nên.*

Ý nghĩa đại khái của đoạn kinh văn này là: Phật không trực tiếp trả lời câu hỏi A-nan nêu ra, mà gợi ý cho A-nan, để tự ngài suy nghĩ, đây là chỗ dạy học cao minh của Thế Tôn, gọi là dạy học theo phương thức gợi ý. Phật hỏi lại A-nan, thế giới này của chúng ta, trời Dạ-ma (các cõi trời từ trời Dạ-ma trở lên trụ vào hư không, gọi là trời Không Cư), trời Đâu-suất, trời Sắc giới, trời Vô Sắc giới nương vào đâu mà trụ? Những thiên giới này trụ nơi hư không, không hề nương vào núi Tu-di, ông vì sao cho rằng phải nương vào núi Tu-di? A-nan trả lời: là do nghiệp lực không thể nghĩ bàn dẫn nên.

Nghiệp là tạo tác, ví dụ học sinh ở nhà phải làm bài tập để luyện tập, gọi là bài tập về nhà (tác nghiệp), nghiệp trong sự nghiệp theo cách nói thông thường cũng là hàm nghĩa này. Hành thiện thì gọi là thiện nghiệp, làm ác thì gọi là ác nghiệp. Thiện nghiệp thì có sức mạnh và tác dụng sinh ra thiện quả, ác nghiệp thì có sức mạnh và tác dụng sinh ra ác quả, đây chính là nghiệp lực. A-nan nói, các cõi trời từ trời Dạ-ma trở lên không nương vào núi Tu-di mà có thể trụ vào hư không, đây là hiện tượng do nghiệp lực không thể nghĩ bàn của chúng sanh tạo thành.

Thế giới Tây Phương Cực Lạc là một cảnh giới không thể nghĩ bàn, không thể dùng cách nghĩ, cách thấy thông thường của chúng ta hiện nay mà suy nghĩ, mà xem xét cõi Tịnh độ Tây phương.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Phật ngữ A-nan, bất khả tư nghiệp, nữ khả tri da? Nữ thân quả báo bất khả tư nghiệp, chúng sanh nghiệp báo diệt bất khả tư nghiệp, chúng sanh thiện căn bất khả tư nghiệp, chư Phật thánh lực, chư Phật thế giới diệt bất khả tư nghiệp. Kỳ quốc chúng sanh, công đức thiện lực, trụ hạnh nghiệp địa, cập Phật thần lực cố năng nhĩ nhĩ.**

*Phật nói với A-nan, nghiệp chẳng thể nghĩ bàn ông có thể biết không? Quả báo của thân ông chẳng thể nghĩ bàn, nghiệp báo của chúng sanh cũng chẳng thể nghĩ bàn, thiện căn của chúng sanh không thể nghĩ bàn, thánh lực của chư Phật, thế giới chư Phật cũng chẳng thể nghĩ bàn. Chúng sanh nước ấy có đủ công đức thiện lực, trụ vào nơi hạnh nguyện thành tựu của Phật, lại được sức uy thần của Phật gia trì nên mới được như vậy.*

Ý nghĩa của đoạn kinh văn này là, Phật nói với A-nan, bất khả tư nghiệp nghiệp ông có thể biết không? Quả báo của bản thân ông chẳng thể nghĩ bàn. Quả báo, nói tóm lại là chỉ cho kết quả, hoặc là hồi báo cảm được từ thiện nghiệp hoặc ác nghiệp đã tạo trong quá khứ. Tiếp đó Phật lại nói: Nghiệp báo của chúng sanh cũng không thể nghĩ bàn. Nghiệp báo chỉ cho nghiệp nhân và quả báo. Phẩm Phổ Hiền hạnh nguyện nói rằng: “Do tham sân si từ nơi thân khẩu ý mà tạo vô lượng vô biên ác nghiệp. Nếu những ác nghiệp ấy có thể tương thì khắp hư không pháp giới không thể dung chứa được”. Căn cứ theo Câu Xá Luận thì sức mạnh của ác nghiệp là mạnh nhất, ngay cả Thế Tôn cũng không thể tránh khỏi, chế ngự. Thế nên nghiệp báo của chúng sanh cũng không thể nghĩ bàn.

*“Chúng sanh thiện căn bất khả tư nghiệp”*

Cho nên kinh Đại Tập nói: “Các hạnh của chúng sanh không thể nghĩ bàn, cảnh giới của chúng sanh không thể nghĩ bàn”. Hai câu này ý nghĩa rất sâu. Thiền sư Lâm Tế nói: “Các ông muốn biết Phật và Tổ ư? Đó chính là ông, người đang nghe pháp đó”. Lại nói, “mỗi ngày mỗi thứ dụng đều đủ, có thiếu sót gì đâu? Sáu đạo thần quang chưa từng gián đoạn”. Sáu đạo thần quang là mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, miệng nói chuyện v.v... đều là tác dụng của thần quang, trước giờ chưa từng gián đoạn. Câu nói này là tinh hoa của Lâm Tế ngữ lục.

Cổ đức của Thiên tông có một bài kệ tinh diệu nhất: “Tâm theo muôn cảnh chuyển, chỗ chuyển thật kín sâu, theo dòng nhận được tánh, không mừng cũng không lo”. Bài kệ này là nói, tâm của phàm phu thường chuyển theo cảnh bên ngoài, vốn là vọng động, thế nhưng chỗ có thể chuyển theo ngoại vật ấy thật sự sâu kín, thâm diệu, nếu có thể nhận rõ chỗ chuyển ấy, thì có thể thuận theo sự lưu chuyển mà nhận ra bản tánh, nhận được bản tánh của mình, ngay đó hư không tan vụn, đại địa chìm xuống; hư không đều tan vụn rồi thì còn có gì gọi là mừng hay lo nữa.

Ý của đoạn trên nói rằng, người nghe pháp chính là Phật, sáu đạo thân quang chưa từng gián đoạn, theo dòng để nhận ra tánh, chỉ thẳng thiện căn của chúng sanh, quả thật là siêu tình ly kiến, không phải do suy nghĩ phân biệt mà có thể hiểu được. Tông môn là như vậy, Giáo hạ cũng là như vậy.

Kinh Pháp Hoa nói: “Nếu người tâm tán loạn, đi vào trong tháp miếu, vừa xưng Nam mô Phật, thấy đều thành Phật đạo”. Đều thành Phật đạo rồi, thế nên đồng nêu rõ thiện căn của chúng sanh không thể nghĩ bàn.

*“Chư Phật thánh lực, chư Phật thế giới diệc bất khả tư nghị”*

Tông Cảnh Lục nói: Có năm loại sức mạnh không thể nghĩ bàn, lực uy đức của Phật pháp là một trong năm loại sức mạnh. Phật lực không thể nghĩ bàn, cho nên cõi nước Phật thành tựu cũng không thể nghĩ bàn. Đại sư Đàm Loan tán thán thế giới Cực Lạc, ánh sáng làm Phật sự sao có thể nghĩ bàn được; nước làm Phật sự sao có thể nghĩ bàn được; kẻ đó đều có bóng của cây cũng có thể làm Phật sự, âm thanh cũng có thể làm Phật sự, sao có thể nghĩ bàn được đây? Sau cùng còn có một câu quan trọng nhất: khen những người vãng sanh, “không đoạn phiền não mà được phần Niết-bàn, sao có thể nghĩ bàn được?” Người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc không đoạn phiền não mà được Niết-bàn, sự phương tiện thù thắng như vậy sao có thể nghĩ bàn được? Đây chính là chỗ không thể nghĩ bàn trong sự không thể nghĩ bàn của thế giới Cực Lạc.

*“Kỳ quốc chúng sanh công đức thiện lực”*

“Nước ấy” (kỳ quốc) chỉ cho nước Cực Lạc, “thiện lực” là lực do tu thiện có được. Chúng sanh vãng sanh, phát Bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, chánh trợ kiên tu, có đủ mọi công đức thiện lực. Cho nên có thể an trụ vào nơi đại nguyện, đại hạnh, đại nghiệp thành tựu của A-di-đà Phật. An trụ Cực Lạc chính là “trụ hạnh



nghiệp địa”, trụ vào nơi hạnh nguyện thành tựu của đức Di-đà. Lại nữa, theo đại sư Đàm Loan nói: thấy được thân tướng của đức Di-đà thì được bình đẳng thân nghiệp, nghe danh hiệu Phật thì được bình đẳng khẩu nghiệp, gặp được quang biết được pháp thì được bình đẳng ý nghiệp. Trụ vào thân khẩu ý của Như Lai, đây chính là trụ ở hạnh nghiệp địa của Như Lai. Thế nên chúng sanh vãng sanh có công đức thiện lực thù thắng, lại còn an trụ ở Cực Lạc học tập hạnh của đức Di-đà, cộng thêm sức uy thần công đức của đạo sư A-di-đà Phật, cho nên nước ấy không dựa vào núi Tu-di.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**A-nan bạch ngôn, nghiệp nhân quả báo, bất khả tư nghi, ngã ư thử pháp, thật vô sở hoặc, đăn vị tương lai chúng sanh, phá trừ nghi vọng, cố phát tư vấn.**

*A-nan bạch rằng: Nghiệp nhân quả báo không thể nghĩ bàn, con đối với pháp này thật không nghi hoặc, chỉ vì phá trừ lưới nghi cho chúng sanh tương lai nên mới nêu ra câu hỏi này.*

A-nan bậm bạch với Thế Tôn rằng, nghiệp nhân quả báo này không thể nghĩ bàn, con không có nghi hoặc, thế giới Cực Lạc do có nhân thù thắng không gì sánh nên được quả thù thắng không gì sánh, con không có nghi hoặc. Con là vì chúng sanh tương lai, phá trừ nghi hoặc cho họ, thay họ nêu ra câu hỏi.

Xin tổng kết trọng điểm của kinh văn phẩm thứ 11:

*Trọng điểm thứ nhất:* nhận thức sự thanh tịnh trang nghiêm của hoàn cảnh thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Một là vĩnh viễn không có tên của các khổ, các nạn, đường ác, ma nào. Không có các loại khổ não như tam khổ, bát khổ v.v... không có các loại tai nạn như tam tai, bát nạn v.v... không có ba đường ác, cũng không có tên gọi của các ma nào. Từ trọng điểm là hai chữ “vĩnh vô” (vĩnh viễn không có).

Hai là cũng không có bốn mùa nóng lạnh mưa tối khác biệt, lại không có sông biển lớn nhỏ, gò đồng hầm hố, gai góc cát sỏi, đá núi như Thiết Vi, Tu-di v.v... Thế giới Cực Lạc không có biến đổi khí hậu, không có khác biệt về hoàn cảnh địa lý.

Ba là hoàn cảnh vật chất của thế giới Cực Lạc vượt trội tất cả thế giới, thất bảo tự nhiên, vàng ròng làm đất, rộng rãi bằng phẳng, không có bờ mé, vi diệu kỳ lạ, thanh tịnh trang nghiêm, vượt hơn tất cả thế giới mười phương.

*Trọng điểm thứ hai:* nghiệp lực không thể nghĩ bàn, tuy lâu xa nhưng ắt sẽ lôi dẫn nhau, đến khi quả báo chín muồi, muốn trốn cũng khó tránh. Những câu này nói với chúng ta điều gì? Nếu người tạo nghiệp, tuy rằng lâu xa nhưng khi nhân duyên hội tụ thì nghiệp báo nhất định sẽ hiện tiền, không có biện pháp tránh khỏi.

*Trọng điểm thứ ba:* hiểu rõ chính xác hàm nghĩa sâu sắc câu “nghiệp lực không thể nghĩ bàn của chúng sanh và thế giới dẫn đến”.

*Trọng điểm thứ tư:* thế giới Tây Phương Cực Lạc, thứ tạo tác là nghiệp lực không thể nghĩ bàn, nghiệp không thể nghĩ bàn này có nghĩa là gì? Nói về phạm vi của nghiệp lực không thể nghĩ bàn thì là: danh hiệu không thể nghĩ bàn, tín nguyện không thể nghĩ bàn, đọc tụng không thể nghĩ bàn, thọ trì không thể nghĩ bàn, hoằng dương không thể nghĩ bàn v.v...

*Trọng điểm thứ năm:* làm thế nào có thể đạt được thân nghiệp bình đẳng như Phật, khẩu nghiệp bình đẳng với Phật, ý nghiệp bình đẳng như Phật?

*Trọng điểm thứ sáu:* thế giới Tây Phương Cực Lạc, chỗ y cứ, lý luận của y chánh trang nghiêm là gì? Nghiệp lực không thể nghĩ bàn.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 45

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Hôm nay tôi bắt đầu giảng kinh văn phẩm thứ 12:

### **QUANG MINH BIẾN CHIẾU ĐỆ THẬP NHỊ**

Phẩm kinh văn này nói về chánh báo trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc, cũng chính là giới thiệu sự tốt đẹp của hoàn cảnh nhân sự nơi thế giới Tây Phương Cực Lạc. Chánh báo trang nghiêm và y báo trang nghiêm đều là sự tương, thế nên có người cảm thấy pháp môn Tịnh độ và kinh Kim Cang dường như là hai thứ khác nhau. Thế nhưng trong Tịnh Tu Tiệp Yếu nói: “Nhờ y chánh ấy hiển tự tâm ta”, nghĩa là nói mượn y báo chánh báo của cõi ấy để hiển rõ tâm của chính mình. Cho nên hết thấy y báo chánh báo, vô lượng thọ, vô lượng quang, suối ao cây báu đều là nói tự tánh, không phải ngoài tâm cầu pháp. Trước tiên chúng ta phải có nhận thức căn bản thì mới có thể thật sự tin và bước vào pháp môn Tịnh độ.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Phật cáo A-nan, A-di-đà Phật uy thần quang minh tối tôn đệ nhất, thập phương chư Phật sở bất năng cập, biến chiếu Đông phương hằng sa Phật sát, Nam Tây Bắc phương, tứ duy thượng hạ, diệc phục như thị. Nhược hóa đỉnh thượng viên quang, hoặc nhất nhị tam tứ do-tuần, hoặc bá thiên vạn ức do-tuần. Chư Phật quang minh hoặc chiếu nhất nhị Phật sát, hoặc chiếu bá thiên Phật sát, duy A-di-đà Phật, quang minh phổ chiếu vô lượng vô biên vô số Phật sát. Chư Phật quang minh sở chiếu viễn cận, bốn kỳ tiền thế cầu đạo, sở nguyện công đức đại tiểu bất đồng. Chí tác Phật thời, các tự đặc chi, tự tại sở tác, bất vi dự kế. A-di-đà Phật quang minh thiện hảo, thắng ư nhật nguyệt chi minh thiên vạn ức bội, quang trung cực tôn, Phật trung chi vương.**

*Phật bảo A-nan: Uy thần quang minh của A-di-đà Phật tối tôn đệ nhất, chư Phật khắp mười phương chẳng thể sánh bằng. Quang minh chiếu khắp hằng sa cõi Phật ở phương Đông, phương Nam, Tây, Bắc, trên dưới và bốn phương phụ. Cũng lại như vậy, viên quang trên đỉnh cũng như thế, hoặc xa một hai ba bốn do-tuần, hoặc trăm ngàn vạn ức do-tuần. Quang minh của chư Phật hoặc chiếu một hai cõi*

*Phật, hoặc chiếu trăm ngàn cõi Phật, chỉ có A-di-đà Phật, quang minh chiếu khắp vô lượng vô biên vô số cõi Phật. Quang minh chư Phật chiếu xa hay gần là do đời trước cầu đạo có bốn nguyện công đức lớn nhỏ không đồng, đến khi thành Phật, sở đắc của mỗi vị không như nhau, thành tựu tự tại không phải do dự trù trước. Quang minh của A-di-đà Phật tốt lành, vượt hơn ngàn vạn ức lần ánh sáng nhật nguyệt. Quang minh tôn quý nhất, vua trong các vị Phật.*

Đoạn kinh văn này khá dài, chúng ta trước tiên nói đại ý của đoạn kinh văn này. Phật nói với ngài A-nan, uy thần và quang minh của A-di-đà Phật đứng đầu trong các thứ tôn quý nhất, tất cả chư Phật mười phương đều không sánh bằng. Phật quang chiếu khắp phương Đông đến các cõi Phật nhiều như số cát sông Hằng, chiếu xa đến trăm ngàn cõi Phật. Duy chỉ quang minh của A-di-đà Phật phổ chiếu đến vô lượng vô biên cõi Phật. Quang minh của chư Phật chiếu ra có xa có gần là do đời quá khứ khi các ngài cầu đạo đã phát các nguyện lớn nhỏ không như nhau. Đến khi thành Phật mỗi vị tự nhiên đắc được diệu quả, Phật quang không như nhau. Đều là tự nhiên thành công, không dựa vào sắp xếp tạo tác. Quang minh của A-di-đà Phật thiện lành tốt đẹp, vượt hơn ánh sáng nhật nguyệt của thế gian ngàn ức vạn lần. Quang minh của A-di-đà Phật là tôn quý bậc nhất trong tất cả Phật quang. A-di-đà Phật thật sự là vua trong các Phật.

Tiếp theo chúng tôi xin giải thích đoạn kinh văn này.

*“Phật bảo A-nan: Uy thần quang minh của A-di-đà Phật tối tôn đệ nhất, chư Phật khắp mười phương chẳng thể sánh bằng”.*

Bốn câu này không phải lời tự khen của người tu Tịnh độ, là do kim khẩu của Thích-ca Mâu-ni Phật nói ra, là sự tán thán của Thích-ca Mâu-ni Phật đối với A-di-đà Phật. Kinh Kim Cang nói: “Như Lai là người nói lời chân thật, nói đúng sự thật, sự thật như thế nào thì nói như thế đó, không nói lời lừa gạt, không nói lời khác nhau”. Lời Phật nói ra không thêm vào một chút, cũng không bớt đi một chút, mà trực tiếp thẳng thắn nói ra, không tăng không giảm, đây là như ngữ. Cho nên chúng ta phải tin tưởng, uy thần quang minh của A-di-đà Phật là tôn quý bậc nhất, mười phương chư Phật thật sự không thể sánh bằng. Đọc bốn câu này rồi chúng ta vẫn chưa thể tin tưởng, vẫn còn nghi vấn ư?

Trong bốn nguyện của A-di-đà Phật, lời nguyện thứ 13 nói rằng, “khi tôi thành Phật quang minh vô lượng, phổ chiếu mười phương, vượt hơn chư Phật, vượt hơn ánh sáng nhật nguyệt ngàn vạn ức lần”. Đoạn kinh văn này chính là lời nguyện đã thành hiện thực, đã viên mãn rồi. Những nguyện đã phát trước đây hiện nay đã trở thành sự thật.

Uy là uy đức, thần là thần thái. Uy thần quang minh của A-di-đà Phật là tôn quý bậc nhất trong mười phương chư Phật, thế nên quang minh của Phật được gọi là “quang trung cực tôn”, A-di-đà Phật là vua trong các Phật. Đã là Phật Phật đạo đồng, các pháp bình đẳng không có cao thấp, vì sao lại xuất hiện sự khác biệt có tôn quý nhất và đệ nhất vậy?

Cổ đức Nhật Bản, sư Vọng Tây trả lời rất hay, ngài nói: “thường đồng thường biệt”. Thông thường là như nhau, thông thường lại khác biệt, cho nên bốn chữ này đạo lý rất sâu. Thượng sư Hoàng Niệm Tổ lão cư sĩ nói rằng: “Ngay nơi khác biệt hiểu được ý không khác biệt, ngay chỗ không khác biệt hiểu được ý khác biệt”.

Thông thường không khác biệt là “thường đồng”, thông thường có khác biệt là “thường biệt”. Bây giờ xin ví dụ, bảo tàng châu báu ở Cố Cung có rất nhiều món đồ bằng vàng, tôi nói với bạn, những thứ này đều là như nhau, đều là vàng, câu nói này hợp lý. Lại nói với bạn những thứ này không giống nhau, đây là cái chậu, đây là cái chén, đây là tháp, đây là tượng Phật, và lại tượng Phật cũng không như nhau, đây là Thích-ca Mâu-ni Phật, đó là A-di-đà Phật, có đủ mọi khác biệt. Câu nói này cũng hợp lý.

Vừa rồi tôi nói là giống, câu này hợp lý; bây giờ lại nói không giống, có khác biệt, câu này cũng hợp lý, cho nên là “thường đồng thường biệt”. Thế nên không hợp với hình thức logic, thừa nhận giống nhau tức không thừa nhận khác biệt; thừa nhận khác biệt thì không thừa nhận giống nhau. Diệu đức của chư Phật tương xứng, tương đồng. Bồ-tát thành Phật mỗi người có nguyện lực riêng, cho nên tùy theo nội dung khác nhau của bốn nguyện mà thành tựu tự nhiên khác nhau. Phát nguyện có lớn nhỏ, nên quang minh có hơn kém. Bởi vì Pháp Tạng đại sĩ trong nhân địa phát nguyện chính là muốn: “Khi tôi thành Phật, quang minh vô lượng, vượt hơn quang minh của chư Phật”. Nên sau khi thành Phật, Phật quang tôn quý bậc nhất.

Pháp Tạng phát đại nguyện như vậy không phải là muốn nổi trội, muốn vượt hơn tất cả chư Phật. Nếu có suy nghĩ như vậy thì đó là ma rồi, đây là vì độ chúng

sanh, muốn cho vô lượng chúng sanh được lợi ích chân thật lớn nhất, nên ngài mới cần quang minh vô lượng.

*“Chiếu khắp hằng sa cõi Phật ở phương Đông”*

Quang minh của Phật có thể chiếu đến các cõi nước Phật ở phương Đông nhiều không đếm hết như số cát sông Hằng Ấn Độ. Tam thiên đại thiên thế giới là một cõi Phật.

*“Phương Nam, Tây, Bắc, trên dưới và bốn phương phụ”* chính là mười phương. Có bốn phương chính, và có bốn phương phụ ở bốn góc, cộng thêm trên và dưới thì là mười phương, quang minh của Phật đều có thể chiếu đến.

*“Viên quang trên đảnh”*, hào quang tròn lớn nhỏ trên đảnh của Phật “hoặc chiếu một hai ba bốn do-tuần”. Hào quang tròn trên đảnh Phật, có vị chiếu xa một hai do-tuần, vài do tuần, có Phật chiếu đến trăm ngàn vạn ức do-tuần. Quang minh của Phật, có cái chiếu đến một hai cõi Phật, có cái chiếu đến trăm ngàn cõi Phật, duy chỉ quang minh của A-di-đà Phật là chiếu khắp đến vô lượng vô biên vô số cõi Phật.

*“Quang minh của chư Phật chiếu ra có xa có gần”*, là do đời trước các ngài cầu đạo đã phát nguyện có công đức lớn nhỏ không như nhau. Đến khi thành Phật, sở đắc của mỗi vị không như nhau, cho nên đã không phát nguyện suông.

*“Thành tựu tự tại không phải do dự trừ trước”*, đến khi đắc đạo thành Phật thì tự nhiên hình thành nên như thế, không phải do sự sắp xếp an bài trước đó.

Học tập đoạn kinh văn bên trên, bạn có cảm ngộ gì? Tương lai chúng ta thành Phật thì mong muốn quang minh chiếu đến một hai cõi Phật, hay là giống như A-di-đà Phật, chiếu đến tận hư không khắp pháp giới. Sự việc này là do mỗi người phát nguyện lớn hay nhỏ mà quyết định. Tâm lượng của bạn nhỏ, tương lai thành Phật cõi nước sẽ nhỏ, quang minh cũng nhỏ. Tâm lượng của bạn lớn, tương lai thành Phật cõi nước cũng sẽ lớn, quang minh cũng lớn. Thế nên về mặt lý mà nói thì hoàn toàn tương đồng, nhưng về mặt sự thì mỗi người ở nhân địa tu hành phát nguyện không như nhau. Việc này chúng ta nhất định phải biết, phải ghi nhớ.

Ngày nay, nhà thiên văn học biết rằng các tiểu hành tinh trong hệ Mặt Trời có đến hàng vạn cái, tám hành tinh lớn thì tương đối lớn, còn hành tinh nhỏ thì nhiều, [do] tâm lượng nhỏ nhiều, tâm lượng lớn ít. Địa cầu mà chúng ta ở không xem là lớn, còn có tinh cầu đường kính chỉ có 20-30 dặm, còn nhỏ hơn một hòn đảo của

chúng ta, nơi đó cũng có chúng sanh mà mắt thịt chúng ta nhìn không thấy, người có tâm lượng nhỏ hơn chúng ta sống ở đó, đây là sự thật. Người có tâm lượng càng lớn thì ở tinh cầu càng lớn.

Thế giới Tây Phương Cực Lạc lớn không thể nghĩ bàn, đều là những người tâm lượng lớn, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng vãng sanh đến nơi đó. Phải biết, “do công đức phát nguyện lớn nhỏ không như nhau”, thật sự là không như nhau, đến khi thành Phật, quả báo hiện tiền, nhân và quả nhất định tương ứng.

“*A-di-đà Phật quang minh thiện hảo*”, thiện của quang minh, hảo của quang minh vượt hơn ánh sáng nhật nguyệt ngàn vạn ức lần, cho nên quang minh của ngài là tôn quý nhất trong các quang minh, A-di-đà Phật là vua trong các Phật.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Thị cố Vô Lượng Thọ Phật, diệc hiệu Vô Lượng Quang Phật, diệc hiệu Vô Biên Quang Phật, Vô Ngại Quang Phật, Vô Đẳng Quang Phật, diệc hiệu Trí Huệ Quang, Thường Chiếu Quang, Thanh Tịnh Quang, Hoan Hỷ Quang, Giải Thoát Quang, An Ổn Quang, Siêu Nhật Nguyệt Quang, Bất Tư Nghì Quang.**

*Vì thế Phật Vô Lượng Thọ còn có hiệu là Phật Vô Lượng Quang, lại có hiệu là Phật Vô Biên Quang, Phật Vô Ngại Quang, Phật Vô Đẳng Quang, lại có hiệu là Trí Huệ Quang, Thường Chiếu Quang, Thanh Tịnh Quang, Hoan Hỷ Quang, Giải Thoát Quang, An Ổn Quang, Siêu Nhật Nguyệt Quang, Bất Tư Nghì Quang.*

Trong đoạn kinh văn này xuất hiện tên gọi của 12 quang minh, 12 quang minh này chính là quang minh đại viên mãn. Một quang minh vì sao lại có 12 tên gọi? Đây là giải thích cho cụm từ “quang minh thiện hảo” phía trước, thiện ở chỗ nào, hảo ở chỗ nào? Quang minh của ngài là vô lượng, không bị suy thoái, đây là một trong những thiện hảo. Đồng thời, trong vô lượng quang hàm chứa vô lượng trí tuệ. Quang minh của nhật nguyệt chỉ có ánh sáng, không có trí tuệ, còn ánh sáng mà Phật phóng ra tràn đầy trí tuệ, Phật đem trí tuệ Bát-nhã xứng tánh mà chính ngài tu được, dùng quang minh chiếu tỏa ra mười phương. Phàm những ai tiếp xúc được Phật quang thì tiếp xúc được trí tuệ Bát-nhã của Phật, đạt được sự gia trì của trí tuệ trong bản nguyện của Phật.

Tên của 12 quang minh này cũng gọi là 12 vị quang Phật, tóm lại đều là danh hiệu của Phật Vô Lượng Thọ. Trong kinh Thủ Lăng-nghiêm, Đại Thế Chí pháp vương tử cùng với 52 vị Bồ-tát cùng địa vị với ngài cùng đến trước Phật nói hằng sa kiếp quá khứ (cho nên chúng ta nói 10 kiếp là thị hiện, ở đây lại thêm một chứng minh), có Phật xuất thế tên là Vô Lượng Quang (bạn xem Phật Vô Lượng Quang chẳng phải đã thành Phật hằng sa kiếp về trước rồi sao?) “Mười hai vị Như Lai nối tiếp trong một kiếp”, có 12 đức Như Lai lần lượt thành Phật trong một kiếp. “Vị Phật sau cùng tên là Siêu Nhật Nguyệt Quang, đức Phật ấy dạy tôi niệm Phật tam-muội”, hằng sa kiếp quá khứ, ngài từ nơi Phật Vô Lượng Quang học được niệm Phật tam-muội, cho nên Bồ-tát Đại Thế Chí là sơ tổ của Tịnh độ tông, ngài chuyên tu trì danh niệm Phật.

Tiếp theo chúng tôi sẽ giảng tương đối tường tận về 12 quang minh, giúp các đồng tu nhận biết A-di-đà Phật thêm một bước nữa, tăng cường nguyện tâm và tín tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, thân cận A-di-đà Phật của chúng ta.

Thứ nhất là **Vô Lượng Quang**. Đại sư Đàm Loan có làm bài kệ tán A-di-đà Phật, đối với 12 vị quang Phật, mỗi một vị Phật ngài đều làm một bài kệ. Kệ tán Phật Vô Lượng Quang là: “Quang minh trí tuệ không thể lường, nên Phật có tên Vô Lượng Quang, các tướng hữu lượng nhờ quang khai hiểu, thế nên cúi đầu đánh lễ đáng Chân Thật Minh”.

Bốn câu này có ý nghĩa thâm sâu. Lời tán thán này của đại sư khế hợp với bản tâm của chư Phật, chỉ ra thể tánh thù thắng của quang minh. Chúng ta đừng đem quang minh xem thành sự tướng, nên biết rằng quang minh chính là trí tuệ, trí tuệ và quang minh không hai, vì sao có thể nói như vậy? Diệu nghĩa thù thắng vô thượng này có thể lý giải từ trong kinh Thủ Lăng-nghiêm. Chương Quán Âm Viên Thông trong kinh nói rằng: “Một căn trở về nguồn, thì sáu căn được giải thoát; Xoay tánh nghe, gốc lửa tiêu trừ; Trần tướng tiêu, giác tánh viên tịnh; tịnh cùng cực, trí quang thấu suốt, thể tịch chiếu trùm khắp hư không”.

Đại ý trong kinh là: từ nhĩ căn quay về nghe nơi tự tánh, đạt đến ngọn nguồn, thì sáu căn đồng thời đạt được giải thoát. Khôi phục lại tánh nghe thì thì sáu căn tựa như lửa huyễn kia đột nhiên tiêu trừ, sáu trần ở bên ngoài đồng thời diệt mất, hiển hiện giác tánh viên tịnh vốn có, thanh tịnh đạt đến cùng cực thì quang minh vốn có tự nhiên hiện rõ ra, tịch mà thường chiếu, trùm khắp mười phương hư không.



Đoạn kinh văn này nói rõ khôi phục tánh nghe thì sáu căn giải thoát, trần tiêu giác tịnh, tịnh cực quang thông, toàn bộ nêu rõ trí tuệ và quang minh là không hai và diệu dụng của cả hai.

Những câu kinh văn kế tiếp sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về Vô Lượng Quang. “Trong một niệm, trần cấu đều tiêu, chuyển thành tánh viên minh tịnh diệu, còn sót trần cấu là học vị, sáng suốt cùng tột tức Như Lai”. Trí tuệ và quang minh đều đến điểm cùng tột thì tức là Như Lai. Căn cứ vào kinh văn trích dẫn từ kinh Thủ Lăng-nghiêm, chúng ta có thể hiểu được ý nghĩa của trí tuệ và quang minh trong bài kệ của đại sư Đàm Loan.

“Không thể lường”, do vì sáu căn của chúng sanh và sáu trần đều trở thành chướng ngại, cho nên tất cả đều bị giới hạn, đều có chướng ngại. Phật là căn và trần đều tiêu trừ, nên giác tánh viên mãn, cho nên tất cả đều vô ngại, không bị giới hạn, không cách nào ước lượng, cho nên gọi là không phải hữu lượng, vì vậy Phật hiệu là Vô Lượng Quang. Phạm tất cả căn-tâm-thế giới các tướng hữu lượng đều nhờ Phật quang mà được khai hiểu, cho nên xin rập đầu đánh lễ quang minh chân thật ấy, quang minh ấy gọi là quang minh chân thật. Thế nên chúng ta thấy bài kệ của người xưa, một chữ cũng không được bỏ qua, chân thật minh chính là nói quang minh ấy chính là chân thật, cho nên phải lễ kính.

Đặc điểm của kinh Vô Lượng Thọ chính là ba thứ chân thật: chân thật chi tế, chân thật chi huệ, chân thật chi lợi. Ở đây đại sư Đàm Loan nói chân thật minh, Phật quang cũng là chân thật, do đó có thể thấy y báo chánh báo của thế giới Cực Lạc là chân thật thuần nhất.

Phần trước đã nói bốn nguyện của đức Di-đà là “tất cả đều thành Phật”, cho nên quang minh chính là chân thật, chính là Phật. Thiền sư Đại Huệ của triều Tống nói rằng: “Chỉ dùng quang này tuyên diệu pháp, pháp ấy chính là quang minh này, không rời quang ấy thuyết pháp này”. Tất cả mọi thứ ở thế giới Cực Lạc đều có thể khiến mọi người tăng trưởng thiện căn, đều có thể làm Phật sự. Vạn vật trong nước tỏa hương, hương có thể làm Phật sự. Bóng của cây Bồ-đề có thể khiến người nhìn thấy đắc được ba loại nhãn, đều là đang làm Phật sự. Có thể thấy thế giới Cực Lạc, tất cả đều có diệu dụng, nhưng chỉ có diệu dụng của quang minh là vô cùng.

Mười hai vị Quang Phật đều là hiển thị diệu dụng của Phật quang, Phật quang là tôn quý nhất trong các quang minh, Phật là vua trong các Phật. Có thể thấy công

đức của A-di-đà Phật vượt xa các Phật khác, bởi vì diệu dụng của Phật quang vượt hơn tất cả. Lễ Tán nói: “Di-đà Thế Tôn, vốn phát thế nguyên thâm trọng, dùng quang minh, danh hiệu nhiếp hóa mười phương”. Kinh A-di-đà do đại sư Huyền Trang đời Đường dịch được gọi là kinh Xưng Tán Tịnh độ Phật Nhiếp Thọ. Kinh nói rằng: “Đức Như Lai (A-di-đà Phật) ấy thường phóng vô lượng vô biên diệu quang, chiếu khắp hết thảy cõi Phật mười phương, làm các Phật sự”. Dẫn chứng ở trên đủ chứng minh Cực Lạc chủ yếu dùng quang minh để nhiếp hóa chúng sanh, làm các Phật sự, hoàn toàn tương hợp với câu “chỉ dùng quang ấy tuyên diệu pháp” của thiền sư Đại Huệ của Thiền tông.

“Pháp ấy chính là quang minh này”, chính là hiển thị pháp và quang minh vốn không hai, tức là trí tuệ và quang minh không hai. Pháp ấy chỉ cho chân như và thật tướng các pháp, chính là chân thật chi tế. Đại sư Đàm Loan xưng Vô Lượng Quang là chân thật minh, chân thật minh chính là chân thật chi huệ của kinh này, là quang minh của chân thật chi tế phát ra, thế nên quang minh chính là trí tuệ.

“Không lìa quang ấy thuyết pháp này”, “quang ấy” chỉ cho Phật quang, là quang minh do bản thể thanh tịnh phát ra, không lìa quang minh ấy mà nói pháp chân thật. Quang minh chính là chiếu dụng của chân thật chi tế, chiếu dụng của bản thể chính là chân thật chi huệ, nêu rõ quang minh và trí tuệ không hai.

“Chỉ dùng quang ấy tuyên diệu pháp”, chính là ban cho chân thật chi lợi, hiển rõ ba thứ chân thật của kinh này. Kinh này nói, người được Phật quang chiếu đến “thấy đều an lạc, từ tâm làm thiện, sanh đến nước tôi”. Lại nói, “người gặp được quang minh ấy, cầu diệt thiện sanh, thân ý nhu nhuyễn, nếu ở nơi ba đường ác thống khổ mà gặp được quang minh này, đều được ngừng khổ, mạng chung đều được giải thoát”. Quán Kinh lại nói: “Quang minh chiếu khắp chúng sanh niệm Phật trong mười phương thế giới, nhiếp thủ chẳng xả”, đều ban cho chúng sanh lợi ích chân thật. Thế nên trong kệ của đại sư Đàm Loan nói rằng “các tướng hữu lượng nhờ quang khai hiển”.

Bởi vì đây là quang minh chân thật của trí tuệ quang minh không hai, cho nên có thể khai hiển tất cả tướng hữu lượng. Từ “khai hiển” trong bài kệ ở đây có nghĩa là hiển hiện. Bởi vì chúng sanh cũng là một loại tướng trong tất cả các tướng hữu lượng, cho nên Phật quang có thể khiến cho tất cả chúng sanh đều được khai hiển. “Khai hiển” ở đây nghĩa là khai thị ngộ nhập tri kiến Phật, nói cho dễ hiểu thì

chính là khai thị cho chúng sanh tỏ ngộ nguồn gốc, cũng chính là lợi ích chân thật tất cả chúng sanh nhờ quang mà khai ngộ. Do sự tỏ ngộ này mà triệt để hiểu rõ trí tuệ chân thật.

Vãng Sanh Luận Chú của đại sư Đàm Loan nói rằng: Một chúng sanh nếu gặp được quang minh của A-di-đà Như Lai, thì mọi thứ trói buộc về ý nghiệp đều có thể giải thoát. “Sau cùng được bình đẳng ý nghiệp”, sẽ đạt được ý nghiệp bình đẳng rốt ráo của Như Lai, cũng chính là chính mình và Phật là tâm tâm tương ấn. Nghĩa là gặp được Phật quang thì đạt được lợi ích chân thật. Cho nên đại sư Đàm Loan sau cùng muốn cúi đầu đánh lễ quang minh chân thật ấy, muốn đánh lễ Phật quang.

Thứ hai là **Vô Biên Quang**. Vô Biên Quang biểu thị cho bình đẳng giải thoát, vạn pháp nhất như. Rất nhiều cổ đức giải thích chữ “biên” là biên giới. Vô biên, đó là hiển thị ý nghĩa Phật quang phổ chiếu rộng lớn vô biên. Duy chỉ có giải thích của đại sư Đàm Loan là cao hơn một bậc, giải thích chữ “biên” thành biên trong “nhị biên”, biên trong “biên kiến”. Đại sư Đàm Loan trong bài Kệ Tán Phật nói rằng: “Vàng sáng giải thoát vô hạn cực, nên Phật hiệu là Vô Biên Quang, nhờ quang xúc chạm lia hữu-vô, cho nên đánh lễ đáng Bình Đẳng Giác”. Đại sư Đàm Loan dùng từ “giải thoát” để chú giải từ “vô biên”, đều thù thắng hơn so với người khác.

Giải thoát là một trong ba đức của Niết-bàn gồm: pháp thân đức, giải thoát đức, Bát-nhã đức. Pháp thân là người người vốn có, do không thể khế hợp với thực tế, hiểu được pháp chân như vốn không hai, bất giác khởi niệm, cho nên rơi vào vô minh, lần lượt trở thành vô lượng phiền não và trói buộc. Nay muốn giải thoát, quay trở về nguồn, nhận ra pháp thân vốn có, thì phải trừ sạch hết tẩy sai biệt, viễn ly hai bên, hợp với trung đạo, khế hợp chân như. Do đó, giải thoát chính là thể hiện lia các bên, tuyệt đối đãi.

Cho nên đại sư Đàm Loan dùng Giải Thoát Quang trong 12 quang minh để hiển rõ ý nghĩa sâu xa của Vô Biên Quang, đây là tầng nghĩa thứ nhất.

Tầng nghĩa thứ hai, luân nghĩa là vật tròn, ví dụ bánh xe của xe đạp, bánh xe là hình tròn, trong bánh xe có rất nhiều căm xe, nếu thiếu đi vài căm thì không dùng được, cho nên luân là biểu thị cho viên mãn, đầy đủ. Vì vậy “vàng sáng giải thoát” chính là nói rõ sự đầy đủ viên mãn của giải thoát đức. “Vô hạn tề”, hạn là giới hạn, tề là như nhau, cho nên vô hạn tề là không có giới hạn, cũng không có sự vô

giới hạn nào có thể tương đồng với nó, thế nên gọi là vô biên, đây là tầng nghĩa thứ hai.

Tầng nghĩa thứ ba, “nhờ quang xúc chạm lia hữu-vô”, hữu là một bên, vô là một bên, con người đều ở trong biên kiến, hoặc là nói có, hoặc là nói không, nhưng Phật quang vừa chiếu thì lia khỏi hai bên hữu-vô, lia khỏi tất cả bên, các bên và chính giữa đều lia hết, hết thấy đều không hai, khế hợp trung đạo, rốt ráo giải thoát, cho nên gọi là Giải Thoát Quang. Đây mới chính là bản ý thù thắng của Vô Biên Quang, đây cũng chính là câu “được quang chiếu đến thì đạt được ý nghiệp bình đẳng rốt ráo của A-di-đà Phật” mà Luận Chú nói. Trong bình đẳng thì đương nhiên không có sai biệt của hết thấy biên kiến.

Tầng nghĩa thứ tư, “cho nên cúi đầu đánh lễ đấng Bình Đẳng Giác”. Bình Đẳng Giác chính là A-di-đà Phật. Kinh Vô Lượng Thọ bản dịch thời Hán tên là kinh Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, cho nên vô lượng thanh tịnh bình đẳng giác cũng chính là danh hiệu của A-di-đà Phật. Giác chính là Phật, bản kinh dịch thời Hán xưng A-di-đà Phật là Vô Lượng Thanh Tịnh Phật, còn gọi là Vô Lượng Thanh Tịnh Giác, chính là Vô Lượng Thọ Phật, chính là A-di-đà Phật.

Đại ý của bài kệ này của đại sư Đàm Loan là: Vô Biên Quang chính là viên ly hữu vô, tất cả các bên v.v... mà được giải thoát, viên mãn đầy đủ, chính là viên chứng giải thoát đức trong ba đức của Niết-bàn. Diệu dụng của quang này không có giới hạn, hết thấy quang đều không thể sánh bằng, sánh được với nó. Phạm người được quang này chiếu chạm đến đều lia khỏi các bên hữu-vô, đắc được lợi ích chân thật của giải thoát, cho nên chúng ta đánh lễ Vô Lượng Thọ Phật, đấng Bình Đẳng Giác.

Thứ ba là **Vô Ngại Quang**, là thể tịch. Thể là thanh tịnh tịch diệt, diệu dụng tự tại, không có chướng ngại. Thế nên Phật quang soi chiếu, thân tâm tự tại, nhập vào cửa giải thoát, được đại tự tại. Ánh sáng nhật nguyệt soi chiếu thế nào cũng không thể chiếu ra sự tự tại, đây chính là chỗ tốt lành của Phật quang.

Đại sư Đàm Loan có kệ rằng: “Mây quang vô ngại như hư không, nên Phật có hiệu Vô Ngại Quang, hết thấy hữu ngại nhờ quang thấm nhuần, cho nên đánh lễ đấng Nan Tư Nghì”.

Vô ngại nghĩa là tự tại vô ngại, không có chướng ngại mới có thể tự tại. Ngược lại, nơi nơi đều bị ngăn lại, đều có ràng buộc, trói buộc thì không tự tại rồi. Thứ vô ngại nhất trên thế gian là hư không; quang minh và mây mà A-di-đà Phật phóng ra cũng giống như hư không vậy, không có bất kỳ chướng ngại nào, cho nên Phật quang còn có hiệu là Vô Ngại Quang.

Bổn sư Thế Tôn nói rằng: “Ta là pháp vương, tự tại đối với pháp”. Cho nên Phật quang hết thấy đều vô ngại. Chúng sanh đang mê, đang trong vòng trói buộc, nơi nơi đều là chướng ngại. Những chúng sanh khổ nạn bị chướng ngại này nếu có thể được Phật quang chiếu đến, đều nhận được ân trạch của Phật quang thì chướng ngại tiêu trừ. Đủ chứng minh cho bi tâm nguyện lực của Phật, diệu dụng của Phật quang đều không thể nghĩ bàn, cho nên chúng ta phải nên đánh lễ.

Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đối với bốn câu kệ của đại sư Đàm Loan giải thích như sau: “Ý nghĩa của nó là: quang minh như hư không, nên không chướng ngại, bản thể thường tịch, diệu dụng vô cùng, tự tại vô ngại, quang minh chiếu khắp tất cả hữu ngại”. Hữu ngại là hữu tình, chỉ cho chúng sanh trong mười pháp giới. Chúng sanh trong mười pháp giới đều nhận được lợi ích của quang minh, cho nên gọi là “nan tư nghì”, vì vậy đánh lễ đấng Nan Tư Nghì.

“Nan tư nghì” là không thể nghĩ bàn, không cách nào tưởng tượng. Phật quang soi chiếu, gia trì chúng sanh, chúng sanh rất nhiều, đạt được lợi ích gia trì không như nhau, có người được lợi ích lớn, có người được lợi ích nhỏ. Lợi ích lớn là khai ngộ, lợi ích nhỏ là tâm thanh tịnh bình đẳng, lợi ích lớn là giác. Những điều này đều có thể giúp chúng ta kiên định tín tâm đối với Tịnh độ, giúp chúng ta kiên định nguyện tâm cầu sanh Tịnh độ, đây là không thể nghĩ bàn, đều nhận được lợi ích của quang minh. Niệm Lão dùng bảy câu nói, hai mươi tám chữ giải thích bốn câu kệ của đại sư Đàm Loan, [quả là] tinh diệu cùng cực, tuyệt diệu chí cực. Giải thích này cũng là không thể nghĩ bàn, chúng ta cũng phải nên đánh lễ.

Thứ tư là **Vô Đẳng Quang**, là thắng nghĩa vô đẳng vô đối, chính là thù thắng đến cùng cực, không có gì ngang bằng được, không có gì sánh nổi được, hiển thị rằng nó thật sự là quang minh tôn quý nhất. Hai bản dịch thời Đường và Tống đều dịch là Vô Đẳng Quang, bản dịch thời Ngụy là Vô Đối Quang. “Đối” là so sánh, “đẳng” là ngang bằng, đều có nghĩa là tương đương, tương đồng. Vô đẳng và vô đối chỉ là dịch giả dùng từ không như nhau, cho nên có thể dẫn dụng bài kệ tán thán

Vô Đối Quang của đại sư Đàm Loan: “Quang minh thanh tịnh không gì sánh, nên Phật có hiệu Vô Đối Quang, gặp được quang ấy nghiệp đều trừ, thế nên đánh lễ đấng Tất Cánh Y”. Tâm Phật thanh tịnh, cho nên Phật quang thanh tịnh, quang minh thanh tịnh của Phật, không có bất kỳ quang minh nào có thể ngang bằng và sánh được, cho nên gọi là Vô Đối Quang.

Không có thứ sánh bằng, đây là tuyệt đãi, không còn có đối đãi nữa. Dùng văn tự lời nói để giải thích từ “tuyệt đãi” thì không rõ ràng, miễn cưỡng mà nói thì có chút giống với từ “tuyệt đối” dùng trong thế gian, tuyệt đối thì không có đối đãi. Thế nhưng mọi người phải biết, tuyệt đối mà bạn nói sớm đã là tương đối rồi, tuyệt đối và tương đối chính là một cặp, nó có đối lập. Việc này ngôn ngữ diễn đạt không nổi, những đạo lý này chỉ có chính mình chân thật dụng công, chân thật tham cứu.

“Thứ từ cửa đi vào thì chẳng phải của báu trong nhà”. Những thứ mà mọi người nghe được, thấy được đều từ các cửa mắt, tai v.v... mà vào, đây không phải là trân bảo của nhà bạn. Trong kinh Thủ Lăng-nghiêm, Phật hỏi ngài Văn-thù: “Ông có phải là Văn-thù không?” Văn-thù Đại sĩ trả lời: “Con thật Văn-thù, không phải là Văn-thù, nếu là Văn-thù thì có hai Văn-thù”. Ý nghĩa ở đây tuyệt đãi rồi. Bồ-tát Văn-thù nói: Con thật là Văn-thù, không có gì gọi là Văn-thù, nếu như là Văn-thù thì có hai Văn-thù rồi. Văn-thù thật thì không có gì là phải hay không phải. Nói phải nói trái thì sớm đã rơi vào hai ba thứ rồi, cho nên Vô Đẳng Quang không có đối đãi, nêu rõ chân thật chi tế của kinh này.

Chúng ta từ đâu mà thể hội để có thể hiểu dễ dàng hơn một chút? Cần phải từ trên tánh đức mà thể hội. Trong tất cả pháp thể xuất thế gian, chỉ có tự tánh là tuyệt đãi, là vô đẳng. Hết thấy pháp thể xuất thế gian đều lưu xuất ra từ trong tự tánh, lìa khỏi tự tánh thì không có một pháp nào có thể đắc. Đại sư Huệ Năng ở Hoàng Mai nói rằng: “Xưa nay không một vật, nơi nào dính bụi nhơ”. Đây là tuyệt đãi, đây là vô đối, vô đẳng, đây là thiên cổ tuyệt cú. Do đây có thể biết, cảnh giới của ngài Thần Tú đã không thấp rồi, nhưng vẫn là hữu đẳng, hữu đối. Đại sư Huệ Năng sau khi sửa lại thì quả thật là vô đẳng vô đối, sửa rất hay!

Chúng ta từ nơi này mà thể hội, khi chân thật thể hội được rồi thì phải dùng được. Nếu học rồi mà không dùng được thì như học uổng công, học rồi có thể dùng, vậy thì thật sự học hiểu rõ rồi. Dùng như thế nào? Buông xuống. Chẳng những

là hết thầy pháp hữu vi như mộng huyễn bọt bóng mà pháp vô vi cũng không ngoại lệ.

Vô vi từ đâu mà đến? Từ hữu vi kiến lập nên. Đối lập với hữu vi là vô vi, thật sự có thể như lời đại sư nói: xưa nay không một vật. Vô vi vốn không một vật, hữu vi vốn cũng không một vật, những hiện tượng này chỉ là huyễn tướng mà thôi. Kinh Kim Cang nói rất hay “như mộng huyễn bọt bóng”. Mộng huyễn bọt bóng có hay không? Không thể nói nó có, cũng không thể nói nó không có. Có câu “mở miệng liền sai, động niệm liền trật”, hễ bạn động ý niệm thì nghĩ sai rồi, bạn khởi vọng tưởng rồi. Bạn muốn mở miệng thì nói sai rồi, không được mở miệng, đây gọi là tuyệt đường ngôn ngữ, bắt đầu tâm hành, diệu! rất là diệu! Ở đây dạy chúng ta điều gì? Dạy chúng ta trong cuộc sống thường ngày, sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, phải học vô đẳng quang, chính là phải học “xưa nay không một vật, chỗ nào dính bụi nhơ”. Thế pháp, Phật pháp vốn là một pháp.

Xin nói một chút nhận thức và thể hội của tôi đối với hai câu này của đại sư Huệ Năng. Tôi vô cùng thích câu thiên cổ tuyệt cú này, đối với đại sư Huệ Năng khâm phục năm vóc sát đất, người có thể có được cảnh giới như vậy, nói ra câu nói tuyệt như thế là người như thế nào? Câu trả lời của tôi là: không phải Phật thì là ai đây? Đẳng giác Bồ-tát cũng nói không ra nổi, chỉ có Diệu Giác Bồ-tát có thể nói ra được. Vì sao tôi nói như vậy? Mọi người nghĩ xem, nơi nào mà không một vật? Trong Thường Tịch Quang thì không một vật. Chúng ta là từ trong kinh Phật mà biết được, chứ không phải do chúng ta đích thân chứng.

Đại sư Huệ Năng không biết chữ, không học qua kinh Phật, ngài có thể nói ra câu “xưa nay không một vật”, nói rõ điều gì? Nói rõ ngài đã khế nhập được cảnh giới ấy, nói chính xác hơn một chút là đích thân ngài đã chứng được. Cho nên Phật dạy chúng ta tín giải hành chứng, chứng sau cùng rất quan trọng.

Bài kệ này của đại sư Huệ Năng, mọi người đã quá quen thuộc rồi. Theo thể hội của cá nhân tôi: Một là chẳng hiểu nghĩa chân thật của Như Lai, chỉ là đọc hiểu trên văn tự, thật sự là quá cạn cợt. Thứ hai là chỉ thưởng thức mà không biết dùng.

Xin nêu một ví dụ cho việc không biết dùng của tôi.

Cách đây vài ngày tôi đã gặp một việc thế này, tôi đã sanh một chút phiền não nhỏ, tâm tình phiền muộn mất mấy ngày. Nghe đến đây, có lẽ có đồng tu thấy kỳ

ạ, cô Lưu, sao cô vẫn phiền não, vẫn phiền muộn vậy? Nói với các bạn, tuyệt đối đừng mê tín tôi, đừng thần thánh hóa tôi, đừng quên rằng, tôi cũng là một phàm phu xác thịt thai phàm, là một bà lão bình thường ở vùng Đông Bắc đã về hưu, là một bà lão chăm chỉ nghiêm túc học Phật.

Đúng thật là vậy, hai câu nói này của đại sư Huệ Năng đã thật sự thức tỉnh tôi, “xưa nay không một vật”, lời ngài nói bạn đều nghe không hiểu, vậy khác gì ngài không nói đâu? Nghe hiểu rồi còn không một vật huống gì nghe không hiểu, chẳng phải càng không có một vật đó sao? Câu chuyện của tôi bạn đã nghe hiểu chưa?

Xưa nay không một vật, bạn cứ muốn đi tìm  
Tìm không ra một vật, bạn sanh phiền não rồi  
Thật không có trí tuệ, kẻ ngu tự chuốc phiền.

Tiết học hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!



## TẬP 46

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Chúng tôi xin giảng tiếp phần nội dung của tiết học trước.

Thứ năm là **Trí Huệ Quang**, đại sư Đàm Loan trong bài kệ Vô Lượng Quang Phật đã nêu ra: “Trí tuệ quang minh không thể lường, cho nên cúi đầu đánh lễ đấng Chân Thật Minh”. Khen Vô Lượng Quang là quang minh chân thật, nêu rõ Phật quang là quang minh phát ra từ bản thể chân thật. Phật quang chính là trí tuệ chân thật, thế nên trí tuệ, quang minh vốn là một thể không phải hai. Phương diện này phần trước đã nói rõ rồi, nên trong bài kệ chỉ khen ngợi diệu dụng của trí tuệ.

Kệ nói rằng: “Phật quang có thể phá vô minh tăm tối, nên Phật lại có hiệu là Trí Huệ Quang.” Bởi vì chỉ có trí tuệ mới có thể phá vô minh, Phật quang vì có thể phá trừ vô minh, cầu bản trong tâm của chúng sanh, nên được gọi là Trí Huệ Quang.

Đại đức Cảnh Hưng của xứ Cao Ly vào thời nhà Đường nói rằng: “Quang minh từ tâm thiện căn vô si của Phật khởi nên, lại trừ tâm vô minh phẩm của chúng sanh, nên [là] trí tuệ”. Ngài Cảnh Hưng nói: “Phật quang là từ tâm thanh tịnh mà khởi, lại tiêu trừ vô minh của chúng sanh, cho nên là trí tuệ.” Phật quang có diệu dụng tiêu trừ vô minh căn bản của chúng sanh, thật sự cho chúng sanh lợi ích chân thật. Cho nên A-di-đà Phật được xưng tán là “quang minh tôn quý nhất, vua trong các Phật”.

Thứ sáu là **Thường Chiếu Quang**, bản dịch thời Tống là Thường Chiếu Quang, bản dịch thời Ngụy là Bất Đoạn Quang. Sư Tịnh Ảnh nói: “Thường chiếu không gián đoạn, nên có tên là Bất Đoạn Quang.” Dù để chứng minh Thường Chiếu Quang trong bản dịch thời Tống chính là Bất Đoạn Quang trong bản dịch thời Ngụy. Kệ của đại sư Đàm Loan là: “Quang minh phổ chiếu hết thảy thời, nên Phật còn có hiệu là Bất Đoạn Quang.” Khen quang minh của Phật trong tất cả các thời, quang minh phổ chiếu, không có gián đoạn, không hề bỏ sót. Diệu quang chiếu khắp, diệu dụng thường tồn, đại ân đại đức, thế giới Cực Lạc, A-di-đà Phật.

Thứ bảy là **Thanh Tịnh Quang**. Đại sư Đàm Loan nói: “Do quang minh sáng rõ sắc siêu tuyệt, nên Phật hiệu là Thanh Tịnh Quang. Một phen quang chiếu trừ tội cấu, đều được giải thoát nên đánh lễ.” Đại sư gọi Phật quang là đạo quang, quang

minh thẳng tắp một đường, cho nên sáng rõ, và lại diệu sắc siêu tuyệt, vượt hơn tất cả thế gian, cho nên gọi là Thanh Tịnh Quang. Đại sư lại nói: “Quang minh này chỉ cần vừa chiếu đến bạn thì tội cấu liền tiêu trừ, đều có thể đạt được giải thoát, cho nên chúng ta đánh lễ A-di-đà Như Lai.” Vãng Sanh Luận nói: “Ba loại trang nghiêm của thế giới Cực Lạc nhập vào nhất pháp cú.” Nhất pháp cú là gì? Là câu thanh tịnh. Câu thanh tịnh là gì? Chính là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi, thế nên Thanh Tịnh Quang chính là câu thanh tịnh, chính là pháp thân, cũng chính là tự tâm của chúng ta, cho nên mới có thể có diệu dụng không thể nghĩ bàn như vậy.

Thứ tám là **Hoan Hỷ Quang**. Hoan Hỷ Quang khiến tất cả chúng sanh đắc đại an lạc. Kệ của đại sư Đàm Loan nói: “Từ quang hà bị thí an lạc, nên Phật hiệu là Hoan Hỷ Quang” (Từ quang rộng chiếu ban an lạc, nên Phật hiệu là Hoan Hỷ Quang). “Hà” là xa, là rộng, quang minh sinh ra từ tâm từ bi của Phật có thể rộng chiếu đến nơi xa vô cực, có thể đem an lạc ban khắp cho tất cả chúng sanh. Chúng sanh đạt được an lạc thấy đều rất hoan hỷ, cho nên lại có hiệu là Hoan Hỷ Quang.

Thứ chín là **Giải Thoát Quang**. Giải Thoát Quang có trong bản dịch thời Tống, không có trong bản dịch thời Ngụy. Bởi vì có đồng tu thọ trì kinh Vô Lượng Thọ, dùng bản của Khang Tăng Khải, trong bản này không có Giải Thoát Quang, vì sao vậy? Các dịch giả xưa không có chú thích, các tổ sư đại đức thời xưa, các ngài chú giải kinh Vô Lượng Thọ đều dùng bản dịch thời Ngụy, chính là bản của Khang Tăng Khải, không có người dùng bản dịch thời Tống, cho nên tổ sư đại đức không có giải thích cho Giải Thoát Quang. Nhưng trong bản dịch thời Ngụy có hai quang là Diễm Vương Quang và Vô Xung Quang.

Chúng ta xem đại sư Đàm Loan tán thán: “Phật quang chiếu diệu là đệ nhất tốt bậc, nên Phật có hiệu Quang Diễm Vương, ba cõi hắc ám nhờ quang chiếu, cho nên đánh lễ đấng Đại Ứng Cúng.” Lại nói: “Thần quang lìa tướng, không thể gọi tên, nên Phật còn có hiệu là Vô Xung Quang. Nhờ quang thành Phật quang rực sáng, chư Phật ngợi khen, cho nên đánh lễ.” Hai bài kệ này đều là tán thán sự giải thoát, tuy không có tên gọi là “Giải Thoát”, nhưng có ý nghĩa [như vậy], Diễm Vương Quang và Vô Xung Quang có ý nghĩa này.

“Thần quang” là tán thán Phật quang thần diệu, phạm phu hữu tình không cách gì suy đoán được. Thần quang vốn là quang, nhưng thần quang lìa khỏi tướng, quang lìa khỏi hết thấy tướng, chính là nêu rõ ngay tướng lìa tướng, ngay

tướng tức đạo, đây là đạo lý của Mật tông. Ngay tướng tức đạo, là sự nhưng chân thật, không cần trừ bỏ tất cả sự thì mới là chân thật, sự chính là chân thật. Điều này với câu “hết thấy sự rốt ráo kiên cố” trong kinh Thủ Lăng-nghiêm hoàn toàn như nhau. Sự tướng chẳng hề hư vọng, mà là rốt ráo kiên cố. “Hết thấy sự đều rốt ráo kiên cố” cùng với câu “hết thấy đều thành Phật” trong kinh này đồng là nhất chân pháp giới, là cảnh giới vô thượng đại viên mãn. Diệu quang như vậy, [nên] diệu đức của nó không cách nào đặt tên, không cách nào xưng tán.

Thành tựu của A-di-đà Phật, chính là nhờ vào diệu quang lia tướng như vậy, cho nên đại sư Đàm Loan nói: “Nhờ quang mà thành Phật.” Diệu quang rực sáng hư không như thế, chư Phật mười phương đều đồng thanh tán thán quang minh không thể nghĩ bàn như thế, cho nên đại sư Đàm Loan từ tận đáy lòng phát ra ý nguyện đánh lễ quang minh ấy. Lời tán thán của đại sư cũng chính là khế hợp với Giải Thoát Quang trong bản dịch thời Tống. Giải thoát đức là Niết-bàn tam đức, chỉ có ngay nơi tướng tức là đạo thì mới không bị cột vào tướng, thật sự lia khỏi tướng, buộc phải là sự nhưng lại chân thật, mới nhập vào biển trí tuệ của Như Lai, những thứ thấy chạm đều là Bồ-đề.

“Nhờ quang minh mà thành Phật” chính là hiện rõ diệu dụng của quang minh, chiếu kiến ngũ uẩn đều là đệ nhất nghĩa không, phiền não tức Bồ-đề, rốt ráo giải thoát. Từ Bát-nhã đức đến Giải thoát đức, khôi phục Pháp thân đức vốn có, chứng viên mãn Vô thượng Bồ-đề, chính là do quang minh mà thành Phật. Nên biết quang minh ấy chính là chỉ cho giải thoát đức, công phu tu đức đã viên mãn, rốt ráo thành Phật. Có thể thấy Giải Thoát Quang trong bản dịch thời Tống cùng với Vô Xưng Quang trong bản dịch thời Ngụy là không hai. Phật quang lia tướng, chỉ ra bản thể của sự lý. Nhờ quang mà thành Phật, hiển bày diệu dụng của Giải Thoát Quang. Thế nên trong kinh nói: Tán thán quang minh của Phật, chí tâm không gián đoạn, thì có thể vắng sanh.

Thứ mười là **An Ân Quang**. An Ân Quang là An Ôn Quang. Bản dịch thời Tống là An Ân Quang, bản dịch thời Ngụy là Diễm Vương Quang. Trong bài kệ của đại sư Đàm Loan là Quang Diễm Vương. Bản dịch thời Đường là Quang Chiếu Vương. Đại sư Đàm Loan tán thán: “Phật quang chiếu diệu là đệ nhất tốt bậc, nên Phật có hiệu Quang Diễm Vương, ba cõi hắc ám nhờ quang chiếu, thế nên đánh lễ đấng Đại Ứng Cúng.”

Theo hai bản dịch thời Ngụy và Đường và lời tán thán của đại sư Đàm Loan thì trong tên của quang minh này đều có một chữ “vương”. Trong bài tán thán của đại sư lại nói: “Phật quang chiếu diệu là đệ nhất tốt bậc”, chính là nêu rõ quang minh của đức Di-đà là tôn quý nhất trong các quang minh, là vua trong các quang minh.

Thế nên nguyên nhân gọi là “vương” là vì chúng sanh ở ba đường ác thống khổ nhất, khó cứu độ nhất, ở trong ác đạo nhờ quang khởi phát mà lìa khổ được vui, thành tựu Bồ-đề. Đây là chỗ đạt đến cùng cực trong đại nguyện độ sanh của chư Phật mười phương, hiển rõ đức của quang minh này. Cho nên quang minh này trong bản dịch thời Tống lấy tên là An Ân.

Thoát ly ba đường ác, vãng sanh Cực Lạc, không có thống khổ, chỉ thọ các điều vui là An. Ở trong nước ấy, thọ mạng vô lượng, chúng bất thoái chuyển, hết thảy ngoại duyên thảy đều tăng thượng, nhất định giải thoát, do quang mà thành Phật, vạn người tu vạn người đi, vạn người đi vạn người chứng, cực an cực ổn. Đủ chứng minh cho tâm từ bi, nguyện lực, trí tuệ, phương tiện của đức Di-đà viên mãn rốt ráo, vượt hơn tất cả, là quang minh tôn quý nhất, vua trong các Phật.

Tông Cảnh Lục nói: “An ân khoái lạc là tịch tĩnh diệu thường”. Vừa tịch tĩnh lại diệu thường, là tịch mà thường chiếu; vừa diệu thường vừa tịch tĩnh là chiếu mà thường tịch. Có thể thấy, An Ân Quang chính là chỉ cho Thường Tịch Quang, cho nên trong hai bản dịch thời Ngụy và Đường, tên của quang minh đều có chữ Vương. Thường Tịch Quang là diệu đức của pháp thân Di-đà, cho nên có thể khiến chúng sanh trong ba đường ác nhờ quang mà lìa khổ, dẫn dắt chúng sanh nhờ quang mà thành Phật.

Kết hợp với đời sống hiện thực của chúng ta, hãy nghĩ xem chúng ta có an ổn hay không? Tiêu chuẩn của an ổn là gì? Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã nói cho chúng ta rằng thân an tâm ổn, ngũ trược bát khổ không thể nào loạn nên gọi là An; núi sụp đất lún không thể dao động, nên gọi là Ổn. Dựa trên tiêu chuẩn này thì thân của bạn đã an chưa, tâm của bạn đã ổn chưa? Chúng ta trước hết khoan nói đến ngũ trược bát khổ, khoan nói đến núi sụp đất lún, chỉ đơn giản nói thân an tâm ổn, có mấy người làm được? Không đụng chuyện thì còn tốt, nhìn không ra, vừa đụng chuyện thì thân cũng không an được, tâm cũng ổn không nổi, lộ tẩy rồi. An ổn thật sự là như như bất động, ai đã làm được? Lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không tôn

kính của chúng ta, lão hòa thượng thượng Hải hạ Hiền đã làm được, tôi chưa làm được.

Chúng ta sống trong ngũ trược ác thế, thế giới này đã trược ác đến cùng cực rồi, trong lịch sử nhân loại trước giờ chưa từng có, nhân loại hiện nay đang nếm trải sự xấu ác khổ sở cùng cực, uống đắng ăn độc, đời sống dày vò đau khổ. Xã hội ngày nay xác thực là giàu mà không vui, quý mà không an. Từ trải nghiệm của cá nhân tôi mà nói, thập niên 50-60 của thế kỷ trước, đã không tìm được loại cảm giác đời sống an ổn đó rồi. Tuy điều kiện vật chất vào thời đó thua xa ngày nay, nhưng về tinh thần thì đầy đủ, thân thì an, tâm thì ổn, quan hệ giữa người và người thân mật. Đặc biệt là thập niên 60, học tập sôi nổi, phong khí xã hội rất tốt, không nhất đồ rơi trên đường, đêm không cần đóng cửa, kính già yêu trẻ, trở thành phong khí chung. Hiện nay nhớ lại khoảng thời gian tốt đẹp ấy vẫn còn khiến người ta khát ngưỡng.

Tình hình đời sống hiện nay của chúng ta là xã hội động loạn, tai nạn trên địa cầu dồn dập và phổ biến, xác thực là núi sụp đất lún. Núi sụp, ngày nay gọi là đất lở, đất sụp, mặt đất đột nhiên lún xuống, động đất, sóng thần lại còn thêm dịch bệnh thường xuyên xảy ra. Hiện nay dịch Covid lan tràn khắp thế giới mang đến tai nạn nghiêm trọng cho nhân loại. Cho đến trước mắt, 10/12/2020 dân số tử vong trên toàn thế giới đã lên đến một triệu năm trăm sáu mươi người, đây là con số báo cáo công khai. Con số tử vong tổng hợp trong nước là 4.754 người.

Đôi diện với hoàn cảnh sinh tồn ác liệt như vậy, người tu học Phật pháp chúng ta nên làm như thế nào? Trước tiên tâm phải an ổn, không kinh không sợ, hai câu này là phải học. Ngũ trược bát khổ không thể nào hại, núi sụp đất lún không dao động, đồng tu niệm Phật có pháp môn đặc biệt, đó chính là một câu Phật hiệu A-di-đà Phật. Ngũ trược bát khổ thì [niệm] A-di-đà Phật, núi sụp đất lún thì [niệm] A-di-đà Phật. Trong tâm chỉ có một câu A-di-đà Phật, ngoài A-di-đà Phật ra thứ gì cũng không có, chỉ có ý niệm cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, chờ đợi A-di-đà Phật đến tiếp dẫn.

Thứ mười một là **Siêu Nhật Nguyệt Quang**, vượt hơn tất cả quang minh, thù thắng không gì sánh. Ánh sáng nhật nguyệt không có những công đức này, Phật quang mới đầy đủ công đức viên mãn. Trong kệ tụng của đại sư Đàm Loan nói rằng: “Quang minh chiếu diệu hơn nhật nguyệt, nên Phật có hiệu Siêu Nhật Nguyệt

Quang. Phật Thích-ca khen còn không ngót, nên con cúi đầu đánh lễ đấng Vô Đẳng Đẳng.”

Kinh Siêu Nhật Minh Tam-muội nói: “Ánh sáng của mặt trời có thể chiếu đến tất cả hữu hình, khiến vạn vật trong trời đất sanh trưởng, nhưng không thể chiếu đến loại vô hình, không thể soi tỏ bồn tâm của con người.” Mặt trời lên rồi, xua tan đi tăm tối, nhìn thấy mọi vật rồi, thế nhưng tâm của chính mình là gì? Chính mình không biết. Về phương diện này thì mặt trời không có. Siêu nhật minh tam-muội có thể phổ chiếu mười phương, hết thấy đều không thể chướng ngại. Đối với Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới và hữu tình trong lục đạo đều có thể soi chiếu hết, khiến hiểu rõ bồn tâm. Chính là nói, siêu nhật minh tam-muội còn như thế, hướng hồ quang minh của đức Di-đà vượt hơn tất cả, đầy đủ tất cả tam-muội, thế nên Phật quang có hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang.

Thứ mười hai là **Bất Tư Nghị Quang**. Bản dịch thời Đường, thời Tống là Bất Tư Nghị Quang. Bản dịch thời Ngụy là Nan Tư Quang. Đại sư Đàm Loan nói: “Quang minh ấy ngoài Phật ra không ai suy đoán được, nên Phật có hiệu Nan Tư Quang. Chư Phật mười phương khen vãng sanh xứng với công đức ấy, cho nên cúi đầu đánh lễ.”

Bất Tư Nghị Quang mà trong bài kệ nêu ra, quang minh này của Phật, ngoài chư Phật ra, đại Bồ-tát cũng không thể suy lường, cho nên kinh này nói: “Không thể dùng lời diễn tả, phân biệt mà có thể biết được”, chính là không thể nghĩ, không thể bàn. Ví dụ, tha thọ dụng của Phật là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, cái thấy của Bồ-tát ở mỗi địa vị không như nhau, [cõi] hiện ra cũng không như nhau, còn cõi Thật Báo là tự thọ dụng của Phật thì hết thấy Bồ-tát đều không thể biết. Quang minh này ngoài Phật ra, hết thấy đại Bồ-tát đều không thể suy lường được, không cách nào suy nghĩ, không thể tuyên truyền, cho nên gọi là Nan Tư Quang. Quang minh này chính là Bất Tư Nghị Quang trong hai bản dịch thời Đường và thời Tống. Bất tư nghị chính là không thể nghĩ bàn. Tên của kinh A-di-đà là Kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm. Còn có kinh Cổ Âm Thanh Vương Đà-la-ni, trong pháp hội khi đó, mười phương hằng sa chư Phật thấy đều tán thán hết thấy Phật pháp không thể nghĩ bàn trong thế giới An Lạc: hóa hiện thân thông, đủ loại phương tiện không thể nghĩ bàn. Nếu có thể tin sự việc như vậy, nên biết người ấy không thể nghĩ bàn, đắc được nghiệp báo cũng không thể nghĩ bàn.

Điều này cho những người chúng ta có thể tin Tịnh tông hiện nay một sự chứng minh và thọ ký, chỉ cần bạn tin thì bạn chính là không thể nghĩ bàn, quả báo mà bạn đạt được cũng không thể nghĩ bàn. Dùng thân phàm phu đến thế giới Cực Lạc chính là A-bệ-bạt-trí, đây thật sự không thể nghĩ bàn, đây cũng chính là quả báo không thể nghĩ bàn. Bởi vì đây là pháp khó tin trong tất cả thế gian, đối với pháp khó tin như vậy có thể sinh khởi tín tâm, cho nên có công đức lớn như vậy.

Niệm một danh hiệu Phật thì tất cả Phật đều hộ niệm, người niệm Phật thì được Phật hộ niệm. Trước tiên được Đại Thế Chí Bồ-tát hộ niệm, A-di-đà Phật phái 25 vị Bồ-tát đến hộ trì bạn. Còn có một câu nói vô cùng quan trọng và thù thắng, trong Di-đà Yếu Giải, đại sư Ngẫu Ích nói: “Hành nhân tín nguyện trì danh, nhiếp toàn bộ công đức của Phật thành công đức của mình, cho nên nói câu A-di-đà Phật lợi ích công đức không thể nghĩ bàn.” Đại sư nói, người tu hành nếu có thể tin sâu nguyện thiết trì niệm Phật hiệu thì bạn đã nhiếp thọ toàn bộ công đức của Phật về mình, trở thành công đức của chính bạn.

Nhiếp thọ toàn bộ công đức của Phật, trở thành công đức của chính mình, bản thân liền đầy đủ công đức của A-di-đà, cho nên nói lúc niệm Phật là lúc thấy Phật, đây chính là lợi ích công đức không thể nghĩ bàn, chính là “ban cho lợi ích chân thật” mà trong kinh này nói. Thế nên đại sư Ấn Quang tán thán Yếu Giải là: “Lý Sự đều đạt đến chỗ cùng cực” (nói Lý, nói Sự đều đạt đến cảnh giới tốt cùng). Do vì từ khi Phật nói kinh này đến nay, [đây là] chú giải đệ nhất, tuyệt vời, chính xác nhất, cho dù cổ Phật lại xuất thế, chú giải lại kinh này cũng không thể cao minh hơn được.” Đại sư nói: “Cổ Phật tái lai đích thân chú giải cũng không thể cao minh hơn Yếu Giải.” Đại sư Ấn Quang thật sự là tri âm của đại sư Ngẫu Ích, cho nên mọi người nếu thật sự phát Bồ-đề tâm, thường xuyên y giáo tu hành thì nhất định trong Bát Tư Nghị Quang nhiếp thọ toàn bộ công đức không thể nghĩ bàn của A-di-đà Như Lai, trở thành công đức của chính mình.

Tiếp theo chúng ta xem xem đại sư Liên Trì, đại sư Ngẫu Ích giải thích thế nào về bất khả tư nghị.

Đại sư Liên Trì trong Sớ Sao giải thích ‘bất khả tư nghị’, ngài nói: “Chia làm bốn điểm”. Chia ra bốn điểm để nói:

*Một là* “thí pháp quảng đại công đức, gọi là vô lượng thọ, vô lượng quang, đủ mọi đạo phẩm của Tam bảo”. Đây là điều không thể nghĩ bàn thứ nhất. Thí pháp

quảng đại công đức, chúng ta phải ghi nhớ trong tâm, gặp duyên thì phải làm, gặp duyên thì phải khuyên người niệm Phật, niệm Phật thật sự có thể giải quyết tất cả vấn đề, hoặc là niệm Quán Âm Bồ-tát đều được. Lúc lâm chung, Phật Bồ-tát đến đón chúng ta vãng sanh, nhất định không sai. A-di-đà Phật tiếp dẫn hay là Quán Âm Bồ-tát tiếp dẫn, Đại Thế Chí Bồ-tát tiếp dẫn, Tây phương Tam thánh đều là Bản Tôn, đều không sai. Nếu không phải ba vị Phật Bồ-tát này đến tiếp dẫn thì không thể đi, không đáng tin, nhất định phải đợi ba vị Phật Bồ-tát này đến tiếp dẫn.

*Hai là* “thần hóa chu biên công đức, gọi là nước chim rừng cây đều tuyên diệu pháp, y phục ăn uống thọ dụng tự nhiên, chúng sanh đều có các tướng hảo thần biến”. Mỗi người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, tướng hảo trên thân hoàn toàn tương đồng với A-di-đà Phật. Tướng hảo của A-di-đà Phật, pháp thân không có tướng, báo thân có tướng. Quán Kinh nói với chúng ta: “Báo thân của đức Di-đà, thân có 84.000 tướng, mỗi một tướng có 84.000 tùy hình hảo, mỗi tùy hình hảo phóng 84.000 quang minh, trong mỗi quang minh đều nhìn thấy chư Phật Bồ-tát ở đó giảng kinh dạy học, đây là tướng hảo.

Thần biến, không cần nói nhiều, xin nêu một ví dụ, chúng ta vãng sanh đến thế giới Tây phương Cực Lạc, hoa khai kiến Phật, đại giảng đường của A-di-đà Phật chúng ta nhìn thấy rồi, nhìn thấy Phật ngồi ở giữa giảng kinh thuyết pháp, lại quan sát kỹ hơn, có chỗ ngồi còn trống, nhìn kỹ hơn nữa, trên chỗ đó có tên của chính mình, đó chính là chỗ ngồi của bạn, bạn sẽ rất an ổn ngồi trên đó nghe pháp.

Sau khi ngồi xuống, khi nào rời khỏi giảng đường vậy? Thành Phật mới rời khỏi. Vì sao vậy? Thân có được ở thế giới Cực Lạc là thân pháp tánh, không phải nhục thân, thân pháp tánh không sanh không diệt, thân pháp tánh không có thay đổi. Tướng hảo quang minh vô đẳng luân, thân pháp tánh không cần ăn uống, không cần ngủ nghỉ, thân pháp tánh ngồi nơi đó bất kể là thời gian bao lâu cũng không mệt mỏi, càng nghe càng hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn. Họ có thần thông biến hóa, chúng ta xem A-di-đà Phật ở đó giảng kinh thuyết pháp đã bao lâu rồi? Đã 10 kiếp rồi. Thế giới Cực Lạc thành lập cho đến ngày nay đã 10 kiếp, đức Phật đã ngồi đó như như bất động 10 kiếp rồi, giảng kinh dạy học không gián đoạn. Một âm thanh thuyết pháp, tùy loại chúng sanh thấy đều học được.

Thân của đức Di-đà không động, nhưng bạn nhìn thấy ngài thời thời khắc khắc hóa vô lượng vô biên thân. A-di-đà Phật hóa thân đi làm việc gì vậy? Đi tiếp



dẫn người niệm Phật cầu vãng sanh trong mười phương cõi nước. Phật hóa thân tiếp dẫn vẫn không chướng ngại việc giảng kinh thuyết pháp trong giảng đường. Chúng sanh đều có tướng hảo thần biến, chúng ta cũng có. Chúng ta vãng sanh đến thế giới Cực Lạc thì có thể hiện thân thông biến hóa, hóa vô lượng vô biên thân, để làm gì? Theo Phật đi tiếp dẫn chúng sanh hữu duyên, hoặc đến mười phương cõi nước lễ Phật, cúng Phật, nghe kinh nghe pháp.

*Ba là* “tín thọ túc căn công đức, gọi là pháp khó tin, người có thể tin thọ, đòi trước đã tu vô lượng thiện căn”. Điều này rất quan trọng, nếu không phải trong đời quá khứ tu đại phước huệ thì đời này gặp được không thể sanh tâm hoan hỷ, vừa nghe có thể sanh tâm hoan hỷ, thì người này quá khứ đã tu vô lượng thiện căn. Quan hệ giữa người với người cũng như vậy, quá khứ không quen biết, vừa gặp mặt đã ưa thích, có người vừa gặp mặt liền chán ghét, đều là trong đời quá khứ ở cùng nhau, vẫn còn tập khí của đời quá khứ, người ưa thích thì nhìn thấy ưa mến, người không ưa thích thì nhìn thấy chán ghét, đây là điều thứ ba.

*Bốn là* “quả báo nan thắng công đức, gọi là liền được vãng sanh, liền được nhập vào thượng thiện hội, liền được địa vị bất thoái chuyển, rốt ráo thành Phật”. Quả báo, quả báo quá thù thắng, là quả báo không thể nghĩ bàn. Phần trước chia sẻ tôi đã giảng rất cụ thể rồi, ở đây không lặp lại nữa. Chúng ta xem câu thứ nhất “liền được vãng sanh”. Câu này nói “liền được” thì đã đủ rồi, hướng hồ phía sau lại còn hai lần “liền được” và một từ “rốt ráo”. Vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, chư thượng thiện nhân tụ hội một nơi, được bất thoái chuyển, rốt ráo thành Phật. Còn có quả báo nào khác có thể vượt hơn sự thù thắng của quả báo này không? Không có.

Phần trên là bốn kiểu giải thích về bất khả tư nghị của đại sư Liên Trì.

Trong Di-đà Yếu Giải, đại sư Ngẫu Ích nói: “Bất khả tư nghị nói sơ lược có 5 ý”. Năm loại giải thích này là:

*Thứ nhất*, “vượt thoát tam giới theo chiều ngang, không chờ đoạn hoặc”. Không cần đoạn phiền não, một phẩm kiến tư phiền não cũng chưa đoạn, tín nguyện trì danh thì họ có thể vãng sanh. Tín nguyện trì danh, vượt thoát tam giới theo chiều ngang, không chờ đoạn hoặc, hoa nở thấy Phật, việc này không thể nghĩ bàn.

*Thứ hai*, “ngay nơi Tây Phương đầy đủ bốn cõi, không phải do chúng đắc dần dần”. Cõi Đồng Cư chính là cõi Tịch Quang, bốn cõi chính là một cõi, bất luận ở cõi nào cũng đều đầy đủ bốn cõi, đều là viên mãn, không phải từ từ chúng đắc. Không phải nói chúng ta sanh đến cõi Đồng Cư, ở cõi Đồng Cư tu hành, đợi đến khi chúng ta đại triệt đại ngộ mới có thể nâng lên đến cõi Phương Tiện, nâng lên đến cõi Thật Báo, nâng lên đến cõi Thường Tịch Quang, không phải vậy. Sanh đến một cõi là sanh đến tất cả, việc này không thể nghĩ bàn, đây là điều thứ hai, ngay nơi Tây Phương đầy đủ bốn cõi, không phải do chúng đắc dần dần.

*Thứ ba*, “chỉ trì danh hiệu, không cần các phương tiện Thiên, Quán”. Dễ dàng, chỉ trì danh hiệu, không cần tất cả phương tiện, không cần Thiên, không cần Quán. Quán là gì? Quán là Giáo. Tông Hoa Nghiêm có Ngũ chỉ Lục quán, tông Thiên Thai có đại tiểu chỉ quán, phương pháp tu hành của họ đều không cần đến. Từ “các” ở đây bao gồm Mật tông, bao gồm giới luật, luật tông, thầy đều không cần, chỉ cần tín nguyện trì danh, chúng ta phải tin tưởng. Không tin cũng là chuyện bình thường, vì sao vậy? Là pháp khó tin [mà], người tin là có phước báo lớn, một đời này họ đi làm Phật rồi. Thế gian này thật sự muốn một đời đi làm Phật thì hãy nhớ một câu: Buông xuống, buông xuống tất cả thân tâm thế giới. Xả! Xả cho thật sạch sẽ. Phật pháp cũng phải buông xuống, ở trong đây nói, các phương tiện như Thiên, Quán chính là Phật pháp, cũng phải buông xuống.

*Thứ tư*, “lấy một thất làm kỳ hạn, không cần nhiều kiếp, nhiều đời, nhiều năm tháng”. Thời gian ngắn, mấy ngày thành công vậy? Một tuần lễ. Trong một tuần lễ thứ gì cũng buông xuống, niệm Phật bảy ngày chính là một câu Phật hiệu, ngoài một câu Phật hiệu ra không có ý niệm gì hết.

*Thứ năm*, “trì một danh hiệu Phật thì được chư Phật hộ niệm, không khác việc trì tất cả danh hiệu Phật”. A-di-đà Phật là danh hiệu của mười phương ba đời tất cả chư Phật, niệm một câu này thì đã niệm toàn bộ rồi, không bỏ sót một vị Phật nào, đây là chân tướng sự thật.

Lão pháp sư có nói một đoạn như vậy, chúng ta phải suy nghĩ cẩn kỹ:

“Niệm danh hiệu Phật, còn phải niệm danh hiệu Bồ-tát khác, hiện nay có người đề xướng còn phải thêm bái sám, sám trừ nghiệp chướng, tu Địa Tạng Bồ-tát chiêm sát sám, có tốt hay không? Tốt. Bạn không tin Phật hiệu, nên cần phải thêm vào sám, bạn đối với những lời dạy đó của tổ sư đại đức đều không hiểu. Lão hòa

thượng Hải Hiền đã làm gương 92 năm, bạn xem không hiểu, bạn không được lợi ích. Lợi ích chân thật thì một câu Phật hiệu là được rồi, đã nói rõ đến thế rồi. Đoạn này là đại sư Ngẫu Ích nói trong Yếu Giải, phần trên là đại sư Liên Trì nói, những vị đại đức này, tổ sư đại đức đều là minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, không phải người thông thường, các ngài không nói sai. Các bạn chính mình niệm Phật cả một đời, không thể vãng sanh, thì chính mình phải chịu trách nhiệm, là tín tâm của bạn không đủ, nguyện tâm không đủ, có hoài nghi, có lo âu, có vướng mắc, có quá nhiều thứ không buông xuống được.”

Lời nói trên là lão pháp sư nói trong tập 262 của Tịnh Độ Đại Kinh Khoa Chú lần thứ tư giảng năm 2014. Hãy đối chiếu với bản thân xem.

Kinh Kim Cang nói rất hay: “Pháp còn phải xả, huống hồ chẳng phải pháp.” Lão tổ tông dạy chúng ta: “Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”, làm theo như vậy, nhất môn thì thành tựu rồi. Phương pháp dạy học, lý niệm này của đại đức xưa thật tuyệt diệu, chỉ là bạn không chịu tin tưởng, nên bạn không thể thành tựu, bạn tin tưởng thì thành tựu rồi. Một môn tức là tất cả môn, một Phật chính là hết thầy Phật. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Một là tất cả, tất cả là một”. Nói một chút cũng không sai, thế pháp, Phật pháp đều không ngoại lệ, một là tất cả, tất cả là một. Bạn có thể nghe hiểu câu này thì đời này bạn có thể thành Phật, đương nhiên bạn có thể vãng sanh. Mỗi ngày đọc câu này, nếu không hiểu câu này thì đọc uổng công rồi, trách nhiệm này tự mình gánh lấy. Phật Bồ-tát, thánh hiền nhân không gạt người, mỗi câu đều nói lời thật, bạn hiểu sai ý nghĩa, bạn đi lệch rồi, bạn đi vào đường tà rồi, chính mình phải gánh trách nhiệm.

Yếu Giải nói: “Tín nguyện trì danh, nhiếp trọn toàn bộ công đức của Phật thành công đức của mình”, “thật sự là câu nói hồng tâm ngay trong hồng tâm”. Người xưa bắn tên, người thời nay bắn súng, hồng tâm, hồng tâm ngay trong hồng tâm là điểm trung tâm. Có thể bắn vào điểm chính giữa thì nhất định là xạ thủ cừ khôi, bạn không những không bắn trúng hồng tâm, điểm chính giữa, mà ngay cả ngoài rìa cũng không bắn trúng, bắn trật rồi, bạn nói xem liệu bạn có phải là xạ thủ tồi không.

Về 12 vị Quang Phật, lần này giảng khá là tường tận, mười hai quang minh này đều là A-di-đà Phật, danh xưng của 12 quang minh đều là tên khác của A-di-đà Phật. Vì sao lại có danh hiệu nhiều như vậy? Trí tuệ, đức năng của tự tánh là vô

lượng vô biên, một danh hiệu không thể bao quát, vậy làm sao đây? Danh hiệu của Phật vô lượng vô biên, quy nạp vô lượng vô biên danh hiệu thành 12 loại, mười hai loại cũng là đại biểu viên mãn. Dùng 12 quang minh đại biểu Phật quang phổ chiếu, danh hiệu của những quang minh này đều là đức dụng của quang minh, từ đây lập nên danh hiệu.

Không biết các đồng tu có chú ý đến hay không, trong quá trình giảng về 12 vị Quang Phật, đã nhiều lần nhắc đến đại sư Đàm Loan, để giúp các đồng tu hiểu rõ hơn về đại sư Đàm Loan, căn cứ và tài liệu liên quan, xin giải thích ngắn gọn như sau. Ngài Đàm Loan sinh năm 476, mất năm 542, người xứ Nhạn Môn, phủ Đại Đồng thời Hậu Ngụy, nhất tâm tu Tịnh nghiệp, chúa Ngụy rất xem trọng, ban hiệu là Thần Loan; Lương Võ Đế tôn kính, xưng là Loan Bồ-tát. Đại sư trước tác Vãng Sanh Luận Chú, lại y theo Thập Trụ Tỳ-bà-sa Luận của ngài Long Thọ lập nên giáo phán “nan dị nhị đạo”, nêu rõ sự khác biệt của đạo dễ hành, đạo khó hành và tự lực tha lực, chủ trương dựa vào bốn nguyện tha lực, nhất tâm trì danh niệm Phật, phát nguyện cầu sanh Tịnh độ. Pháp môn Tịnh độ truyền đến nơi này, tuy bắt nguồn từ ngài Viễn Công ở Lô Sơn nhưng hình thành nên giáo tướng Tịnh độ là từ nơi đại sư mà bắt đầu. Công hiến của đại sư đối với Tịnh độ tông và sự ảnh hưởng đến hàng hậu học là cực lớn.

Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã nhận xét về đại sư Đàm Loan như sau: “Đại sư Đàm Loan trong Luận Chú phát huy huyền chỉ của Tịnh độ tông vô cùng thấu triệt, được xưng là đại đức”. Hiện nay trong số Tổ sư Tịnh độ tông của chúng ta khuyết mất đại sư Đàm Loan và đại sư Đạo Xước, từ đây về sau cần phải sửa lại.

Lão Pháp sư thượng Tịnh hạ Không đối với lời đề nghị của Hoàng lão hết sức tán thành, đề nghị lập đại sư Đàm Loan làm Nhị tổ của Tịnh độ tông, đại sư Đạo Xước là Tam tổ của Tịnh độ tông, nêu cao phong phạm “Tăng tán thán Tăng” sáng ngời của hai vị cao tăng đại đức.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 47

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem đoạn kinh văn tiếp theo:

**Như thị quang minh, phổ chiếu thập phương nhất thiết thế giới, kỳ hữu chúng sanh, ngộ tư quang giả, cầu diệt thiện sanh, thân ý nhu nhuyển. Nhược tại tam đồ cực khổ chi xứ, kiến thử quang minh, giai đắc hưu tức, mạng chung giai đắc giải thoát. Nhược hữu chúng sanh, văn kỳ quang minh, uy thần công đức, nhật dạ xưng thuyết, chí tâm bất đoạn, tùy ý sở nguyện, đắc sanh kỳ quốc.**

*Quang minh như vậy chiếu khắp hết thấy thế giới mười phương, nếu có chúng sanh gặp được quang minh này, trần cấu tiêu diệt, thiện căn tăng trưởng, thân ý nhu nhuyển. Nếu ở nơi ba đường ác cực kỳ đau khổ, thấy được quang minh này thì đều được dừng khổ, mạng chung đều được giải thoát. Nếu chúng sanh nào nghe được uy thần công đức của quang minh này, ngày đêm khen nói, chí tâm không ngắt, tùy theo ý nguyện được sanh về nước ấy.*

Đại ý của đoạn kinh văn này là, 12 loại diệu quang thù thắng mà ở trên đã nói, phổ biến chiếu diệu đến hết thấy thế giới mười phương. Phật quang tuy bình đẳng chiếu khắp đến mười phương thế giới, nhưng người có thể nhìn thấy Phật quang vẫn là vô cùng hiếm hoi. Cho nên kinh nói: “Nếu có chúng sanh gặp được quang minh này”. Phật quang chiếu khắp, vì sao chúng sanh có người gặp được, có người không gặp được vậy? Có thể lấy một ví dụ để nói, những năm trước đây chúng ta sử dụng máy thu thanh, sóng điện từ từ tiết mục mà đài phát thanh phát ra có ở hết thấy nơi, các phương đông tây nam bắc đều có thể thu nhận. Thế nhưng ăng-ten của máy thu thanh, các loại linh kiện bị sự cố, hoặc là không dò sóng tốt, thậm chí chỉ một sợi dây tiếp xúc không tốt thì sẽ không thu được.

Sóng điện từ tỉ dụ cho Phật quang thường chiếu, chiếu khắp. Máy thu thanh bị sự cố, tỉ dụ cho chúng sanh không gặp được quang minh. Nếu gặp được Phật quang thì trần cấu có thể tiêu diệt, thiện căn tăng trưởng, cho nên trong kinh nói là “cầu diệt thiện sanh”, lại còn “thân ý nhu nhuyển”.

Người ở thế giới này của chúng ta càng càng khó giáo hóa, tình kiến kiên cố, thà bỏ mạng chứ không từ bỏ kiến hoặc, mười loại kiến hoặc rễ sâu gốc chắc, đối với sự giáo hóa siêu tình ly kiến của đức Phật không thể tin nhận. Thế nên nếu trở thành nhu nhược thì dễ giáo hóa rồi.

Nếu ở trong ba đường ác, nơi cực kỳ đau khổ, thấy được quang minh ấy thì đều được dừng khổ, điều quan trọng hơn là, mạng chung đều được giải thoát. Sau khi thọ mạng chịu khổ trong một kỳ đã kết thúc, đều có thể lập tức được giải thoát. Nếu không thì một phen thọ báo trong ba đường ác là năm ngàn kiếp, ngày nào mới có thể giải thoát đây? Cho nên chúng sanh nếu có thể nghe biết quang minh thù thắng của 12 vị Quang Phật, quang minh có thể khiến chúng sanh phá tối tăm, sanh sáng suốt; trừ chướng ngại, cởi trói buộc; nhanh chóng thoát sanh tử, chứng uy thần công đức tam bất thoái. Lợi người là công, quy về chính mình là đức, thật đức của quả giác vô thượng mà đức Di-đà chúng được bên trong có thể ban lợi ích chân thật giải thoát rốt ráo ra bên ngoài. Sau khi nghe xong, “ngày đêm khen nói”, dùng tâm chí thành liên tục không gián đoạn. “Tùy theo ý nguyện được sanh về nước ấy”, tùy theo ý nguyện của mỗi người đều có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc. Cho nên khen ngợi quang minh cũng có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc.

Mười loại kiến hoặc mà phần trước nhắc đến, xin giải thích đơn giản như sau:

Một là thân kiến, chấp trước vào thân thể là ngã kiến. Hai là biên kiến, chấp vào cái thấy thường đoạn hai bên, chính là đối lập. Ba là tà kiến, cái thấy phủ định nhân quả. Bốn là kiến thủ kiến, chấp trước vào cái thấy của chính mình, chính là cố chấp kiến giải của mình. Năm là giới cấm thủ kiến, chấp trước giới luật không chính xác. Sáu là tham kiến, tham ái hưởng thụ ngũ dục: sắc, thanh, hương, vị, xúc. Bảy là khuê kiến, sân khuê không nhẫn nhục. Tám là vô minh kiến, ngu si vô minh. Chín là mạn kiến, cống cao ngã mạn. Mười là nghi kiến, hoài nghi chân lý, hoài nghi lời dạy của thánh hiền.

Kinh văn phẩm thứ 12, Quang Minh Biến Chiếu Đệ Thập Nhị đã giảng xong rồi.

Tiếp theo xin tổng kết một số điểm quan trọng trong phẩm kinh văn này.

**Trọng điểm thứ nhất:** hiểu được chính xác uy thần quang minh của A-di-đà Phật là tôn quý nhất, chư Phật mười phương không thể sánh được.

Hàm nghĩa của bốn câu này là: Thứ nhất, bốn câu này không phải là người tu Tịnh độ tự khen, nói cách khác, bốn câu này chẳng phải do người tu Tịnh độ tự mình nói ra. Hai là, bốn câu này do kim khẩu của Thích-ca Mâu-ni Phật nói ra, là lời tán thán của Thích-ca Mâu-ni Phật dành cho A-di-đà Phật, là sự tán thán của Tăng đối với Tăng. Ba là “Nhu Lai là người nói lời chân thật, nói đúng sự thật, sự thật như thế nào thì nói như thế đó, không nói lời lừa gạt, không nói lời khác nhau”. Lời tán thán của Thích-ca Mâu-ni Phật đối với A-di-đà Phật là lời chân thật, hoàn toàn chính xác, không thêm không bớt.

**Trọng điểm thứ hai:** quang minh của A-di-đà Phật là quang minh tôn quý nhất, A-di-đà Phật là vua trong các Phật. Uy thần quang minh của A-di-đà Phật trong mười phương chư Phật là tôn quý nhất. Cách nói này và “Phật Phật đạo đồng”, “là bình đẳng pháp, không có cao thấp”, vì sao xuất hiện khác biệt?

*Thứ nhất*, cổ đức Nhật Bản, sư Vọng Tây có 4 từ “thường đồng thường biệt”, đạo lý rất sâu, “trong khác biệt hiểu được nghĩa vô sai biệt, trong vô sai biệt mà hiểu được nghĩa khác biệt”. Thường vô sai biệt là thường đồng, thường có sai biệt là thường biệt. Xin nêu ví dụ, một viên gạch bằng vàng và một cái chén vàng, một tượng Phật bằng vàng, một cái tháp vàng là giống nhau hay khác nhau. Tôi nói giống nhau, hợp lý, vì đều là vàng; tôi nói khác nhau, hợp lý, vì hình tướng khác nhau.

*Hai* là diệu đức của chư Phật tương chứng tương đồng, Bồ-tát thành Phật mỗi vị có nguyện lực riêng, do nguyện lực của bốn nguyện không như nhau mà thành tựu tự nhiên khác nhau. Phát nguyện có lớn nhỏ, cho nên quang minh có hơn kém. Đại sĩ Pháp Tạng ở nhân địa phát nguyện chính là muốn quang minh vô lượng, tuyệt đối vượt hơn chư Phật, thế nên sau khi thành Phật, Phật quang tối tôn đệ nhất.

**Trọng điểm thứ ba:** phát đại nguyện lúc tu hành ở nhân địa, dùng tâm lượng lớn học Phật, tương lai thành Phật thì cõi nước Phật lớn, ngược lại thì cõi nước Phật nhỏ. Phải biết, “công đức của lời nguyện lớn nhỏ không như nhau” là thật sự không như nhau, nhân và quả nhất định tương ứng, đến khi bạn làm Phật thì quả báo hiện tiền.

**Trọng điểm thứ tư:** 12 vị Quang Phật đều là Phật Vô Lượng Thọ. Danh hiệu của 12 vị Quang Phật đều là danh hiệu khác của Phật Vô Lượng Thọ. Bồ-tát Đại Thế Chí là sơ Tổ của Tịnh độ tông, là chuyên tu trì danh niệm Phật. “Đức Phật ấy dạy tôi niệm Phật tam-muội”, đức Phật ấy chính là Phật Vô Lượng Quang, tức Phật Vô

Lượng Thọ. Niệm Phật tam-muội của Bồ-tát Đại Thế Chí là hàng sa kiếp về trước được Phật Vô Lượng Quang dạy.

Tôi học tập 12 Quang Phật có cảm nhận là:

*Vô Lượng Quang Phật quang vô lượng, quang minh tự tánh tự hiển phát  
Tịnh đến cùng cực quang tự thông, thấu đến cùng tột liền thành Phật.  
Chỉ dùng quang ấy tuyên diệu pháp, quang minh chiếu khắp mười phương  
cõi*

*Ban cho chúng sanh lợi ích chân thật, nguyện cầu tất cả đều thành Phật.  
Mười hai Quang Phật diệu dụng vô cùng, công đức Di-đà vượt xa chư Phật  
Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương, pháp môn Tịnh độ đời đời truyền  
mãi.*

*Vô Biên Quang Phật quang vô biên, vạn pháp nhất như độ quần sanh  
Chúng sanh nghe quang đắc giải thoát, hiểu rõ chân như, lìa Ta-bà.  
Thanh tịnh tịch diệt, diệu dụng tự tại. Ta là pháp vương, tự tại với pháp  
Có ở mọi lúc, có ở mọi nơi. Vô Ngại Quang Phật, Phật quang vô ngại  
Nếu xem mộng huyễn bọt bóng là chân thật, cả đời khổ sở đi truy tìm  
Có được một thứ mất một thứ, sau cùng luân hồi trong lục đạo.  
Phật quang chính là chân thật huệ, trí tuệ quang minh không thể lường  
Hai thứ là một chẳng phải hai, tâm thanh tịnh hiện sanh trí tuệ.  
Chẳng có đối đãi chân thật diệu, thanh thoi tự tại, khoái lạc tiêu diêu  
Tôi nói lời này bạn không tin, hãy tự thử xem rồi sẽ biết.  
Trong cõi Tịch Quang không một vật, bạn lại cứ mong tìm ra vật  
Tìm không ra vật sanh phiền não, vẽ rắn thêm chân thật nực cười.  
Vừa vào biển trí tuệ Như Lai, thấy chạm đều là chín phẩm sen.  
Giải trừ trói buộc được giải thoát, nhờ quang thành Phật thật tự tại  
An an ổn ổn niệm Di-đà, an an ổn ổn đi Cực Lạc  
Tây Phương Cực Lạc bạn có phần, ngày khác bạn cũng là Di-đà  
Ngũ trược ác thế cần gì luyến, mau chóng bước lên thuyền pháp lớn  
Cơ duyên thành Phật chớ luống qua, Từ phụ đại bi tiếp dẫn ta.*

Phẩm kinh văn này xin giảng đến đây.

Tiếp theo giảng kinh văn phẩm thứ 13.



## THỌ CHÚNG VÔ LƯỢNG ĐỆ THẬP TAM

Phẩm kinh văn này hiển thị cho chúng ta ba loại vô lượng. Thứ nhất là thọ mạng Phật vô lượng, là pháp thân đức. Thứ hai là hội chúng vô lượng, là đại nguyện trùm khắp. Thứ ba là, thọ mạng của hội chúng cũng là vô lượng, chủ bạn như như, thật sự không thể nghĩ bàn.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Phật ngữ A-nan, Vô Lượng Thọ Phật, thọ mạng trường cửu, bất khả xưng kể, hựu hữu vô số Thanh văn chi chúng, thần trí đồng đạt, uy lực tự tại, năng ư chưởng trung trì nhất thiết thế giới.**

*Phật bảo A-nan, Vô Lượng Thọ Phật thọ mạng dài lâu không thể tính đếm, lại có vô số chúng Thanh văn, thần thông trí tuệ thông đạt, uy lực tự tại, có thể nắm tất cả thế giới trong lòng bàn tay.*

Thọ mạng của Phật vô lượng, trụ thế dài lâu có đầy đủ thời gian để giúp đỡ tất cả chúng sanh. Nguyện của Phật vô cực, có thể rộng nhiếp hết thảy chúng sanh tín nguyện trì danh trong mười phương cõi nước chư Phật, đồng sanh Cực Lạc.

Đại ý của đoạn kinh văn này là: Phật nói với A-nan, Phật Vô Lượng Thọ, thọ mạng dài bao lâu, không có cách nào để nói được, không thể ước lượng, không thể tính đếm, con số quá lớn. Còn có vô số chúng Thanh văn, những Thanh văn này đều thần trí đồng đạt. Thần là thần thông, trí là trí tuệ, đồng là quán thông, đạt là thông đạt, lại đều [có] uy lực tự tại, có thể nắm tất cả thế giới trong lòng bàn tay.

Đoạn kinh văn này bao gồm hai nội dung.

*Nội dung thứ nhất:* thọ mạng của Phật vô lượng, “thọ mạng trường cửu, không thể tính được”. Hai câu đầu chính là nói ý nghĩa này. Bởi vì Phật là pháp thân, chính là ba thời hợp nhất, không có hiện tại, quá khứ, vị lai gì cả, quá khứ hiện tại vị lai là như nhau. Quá khứ hiện tại vị lai đã là như nhau thì tương lai chính là hiện tại, chính là quá khứ; quá khứ chính là tương lai, chính là hiện tại, đã đột phá thời gian rồi. Thế nên Einstein hiểu rõ rồi, thời gian là cảm nhận sai lầm của chúng sanh, trên thực tế là không tăng không giảm, không sanh không diệt. Phật chúng vô sanh, đã là vô sanh đương nhiên sẽ không có sự đối lập giữa diệt và sanh, pháp thân của Phật là như vậy. Từ pháp thân hiện ra tất cả thánh chúng cũng đều là vô diệt, cũng chính là

thọ mạng vô lượng (ở đây hiển rõ ba thứ vô lượng: thọ mạng Phật vô lượng, hội chúng vô lượng, thọ mạng của hội chúng vô lượng).

*Nội dung thứ hai:* vô số đệ tử Thanh văn của Phật đều thần trí đồng đạt. Họ đều có thần thông trí tuệ, thông đạt thấu triệt sự lý, lại còn uy lực tự tại, có thể nắm tất cả thế giới trong lòng bàn tay. Uy lực tự tại không gì sánh bằng như vậy, có thể trong lòng một bàn tay nắm lấy tất cả thế giới, hiển rõ thế giới Cực Lạc này không thể nghĩ bàn.

Kinh Duy-ma-cật nói: “Bồ-tát đem chúng sanh trong một cõi Phật đặt vào bàn tay phải của mình, bay đến mười phương, hiển thị khắp tất cả nhưng không hề rời bỏ xứ.” Đây chính là nói Bồ-tát có thể đem chúng sanh của một cõi Phật (tức tam thiên đại thiên thế giới) toàn bộ đặt vào bàn tay phải của mình, bay đến cõi nước Phật mười phương, hiển thị cho tất cả chúng sanh trong đó. Tuy Bồ-tát bốn ba thuyết pháp khắp mười phương, nhưng không hề rời khỏi xứ, đây lại phá vỡ khái niệm về không gian của chúng sanh. Kinh Duy-ma-cật đồng thời hiển thị, trong lòng một bàn tay nắm lấy hết thấy cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Ngã đệ tử trung đại Mục-kiền-liên, thần thông đệ nhất, tam thiên đại thiên thế giới, sở hữu nhất thiết tinh tú chúng sanh, ư nhất trú dạ, tất tri kỳ số.**

*Trong hàng đệ tử của ta, đại Mục-kiền-liên thần thông đệ nhất, hết thấy chúng sanh nhiều như tinh tú trong tam thiên đại thiên thế giới, trong một ngày đêm đều biết hết số lượng.*

Tôn giả đại Mục-kiền-liên là một trong 10 đệ tử lớn của Phật, đại biểu thần thông đệ nhất. Đại ý của đoạn kinh văn này là: Phật lại nói, đại Mục-kiền-liên trong hàng đệ tử của ta là thần thông đệ nhất, tam thiên đại thiên thế giới, hết thấy tất cả chúng sanh [nhiều như] tinh tú. Có bao nhiêu ngôi sao thì có bấy nhiêu chúng sanh, Mục-kiền-liên trong một ngày một đêm toàn bộ đều đếm rõ, đều biết số lượng của chúng.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Giả sử thập phương chúng sanh tất thành Duyên giác, nhất nhất Duyên giác thọ vạn ức tuế, thần thông giai như đại Mục-kiền-liên, tận kỳ thọ mạng,**

**kiệt kỳ trí lực, tất cộng suy toán, bĩ Phật hội trung Thanh văn chi số, thiên vạn phần trung bất cập nhất phần.**

*Giả sử chúng sanh trong mười phương đều thành Duyên giác. Mỗi một Duyên giác thọ vạn ức tuổi, đều có thần thông như đại Mục-kiền-liên, suốt cả đời dốc hết trí lực cùng nhau tính toán số Thanh văn trong Phật hội kia, trong ngàn vạn phần chưa được một phần.*

Đại ý của đoạn kinh văn này là: Giả sử chúng sanh mười phương đều thành Duyên giác, mỗi Duyên giác đều có thọ mạng vạn ức tuổi, thần thông đều như đại Mục-kiền-liên. Trong thời gian dài như vậy đều vắt cạn trí lực của họ để tính xem thế giới Cực Lạc có bao nhiêu Thanh văn, vẫn là tính không ra, con số tính ra được không bằng một phần ngàn vạn của con số thực tế.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Thí như đại hải, thâm quảng vô biên, thiết thủ nhất mao, tích vi bá phần, toái như vi trần, dĩ nhất mao trần, triêm hải nhất trích, thử mao trần thủy tỷ hải thực đa. A-nan, bĩ Mục-kiền-liên đẳng sở tri số giả, như mao trần thủy, sở vị tri giả như đại hải thủy.**

*Ví như biển lớn sâu rộng vô biên, nếu lấy một sợi lông chẻ thành trăm phần, tán ra thành bụi, lấy một bụi lông ấy thấm một giọt nước biển, nước trên bụi lông này sánh với biển lớn thì cái nào nhiều hơn? A-nan, số lượng mà những người như Mục-kiền-liên kia biết được thì như nước trên bụi lông, số người chưa biết được thì như nước trong biển lớn*

Đại ý của đoạn kinh văn này là: Ví như biển lớn, độ sâu và rộng của nó đều không có ngần mé. Lại giả thiết rằng, chẻ một sợi lông thành 100 phần, đem tán nó thành vi trần, lấy một hạt vi trần ấy đi đến biển lớn, thấm một chút nước, một hạt nước ấy so với nước trong biển lớn thì cái nào nhiều, cái nào ít. Phật bèn nói với ngài A-nan, con số mà những Mục-kiền-liên đó biết được, bởi vì chúng sanh mười phương đều được giả thiết là Mục-kiền-liên, nên Phật gọi là những Mục-kiền-liên đó. Mục-kiền-liên nhiều như vậy, dốc cạn hết trí lực và thọ mạng để tính toán, con số mà họ biết được chính là một chút xíu nước trên bụi lông, còn nước trong biển cả thì không biết được.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Bỉ Phật thọ lượng cập chư Bồ-tát, Thanh văn, thiên nhân, thọ lượng diệt nhĩ, phi dĩ toán kế, thí dụ chi sở năng tri.**

*Thọ mạng của Phật ấy và thọ mạng của chư Bồ-tát, Thanh văn, thiên nhân cũng giống như vậy, chẳng thể dùng tính toán, thí dụ mà biết được.*

Phần trên cho thấy rõ trong nước Cực Lạc, thọ mạng của Phật vô lượng, số Thanh văn vô lượng. Đoạn kinh văn này nêu rõ Bồ-tát, Thanh văn, thiên nhân trong nước đều là thọ mạng vô lượng. Phạm phu vãng sanh đến cõi Phạm Thánh Đồng Cư của thế giới Cực Lạc, chưa hề đoạn hoặc, vẫn là phạm phu, đây gọi là thiên nhân, Thanh văn cũng là như vậy.

Trong nước Cực Lạc đều là Bồ-tát Đại thừa, làm gì có Thanh văn, đây là căn cứ vào trình độ đoạn hoặc của họ. Ví như trước tiên đoạn kiến tư hoặc thì trình độ này tương đương với Thanh văn, cũng gọi là Thanh văn. Trong nước từ Bồ-tát đến thiên nhân cũng đều là thọ mạng vô lượng, không thể dùng tính toán thí dụ mà biết được. Phạm phu nếu có thể đơi hoặc vãng sanh, vừa đến cõi ấy liền bất thoái chuyển, không còn thoái chuyển nữa.

Ở thế giới này (thế giới Ta-bà) đều là tiến tiến thoái thoái, thậm chí tiến một thoái chín, đến thế giới Cực Lạc rồi, vừa không thoái chuyển lại được thọ mạng vô lượng, họ không thành Phật thì thành gì đây? Mãi không thoái chuyển, sống mãi, vậy chẳng phải nhất định ngay [một] đời thành Phật ư?

Tôi đã giảng xong kinh văn phẩm thứ 13. Phẩm kinh văn này có 5 điểm quan trọng như sau:

Trọng điểm thứ nhất: thọ mạng của Phật vô lượng, thọ mạng trường cửu không thể tính kể. Phật là pháp thân, vô sanh vô diệt, ba thời như nhau, đột phá được thời gian không gian. Vô lượng thọ là đệ nhất đức, chúng ta vãng sanh đến thế giới Cực Lạc thì người người đều là Phật Vô Lượng Thọ.

Trọng điểm thứ hai: hội chúng vô lượng, [số] đệ tử của Phật vô lượng không thể tính nổi.

Trọng điểm thứ ba: thọ mạng của hội chúng vô lượng, phạm là người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc đều là vô lượng thọ.

Trọng điểm thứ tư: vô số đệ tử Thanh văn, thần trí đồng đạt, uy lực tự tại, có thể nắm tất cả thế giới trong lòng bàn tay, nêu rõ thế giới Cực Lạc không thể nghĩ bàn.

Trọng điểm thứ năm: vĩnh viễn không thoái chuyển. Phạm là người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc vĩnh viễn không thoái chuyển.

Tiếp theo chúng tôi giảng kinh văn phẩm thứ 14.

### **BẢO THỤ BIẾN QUỐC ĐỆ THẬP TỨ**

Kinh văn phẩm này nói về y báo trang nghiêm của thế giới Cực Lạc. Nội dung của kinh văn phẩm này nói về sự thành tựu của nguyện thứ 40, nguyện cây vô lượng sắc trong 48 nguyện.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Bỉ Như Lai quốc, đa chư bảo thụ, hoặc thuần kim thụ, thuần bạch ngân thụ, lưu ly thụ, thủy tinh thụ, hổ phách thụ, mỹ ngọc thụ, mã não thụ, duy nhất bảo thành, bất tạp dư bảo. Hoặc hữu nhị bảo tam bảo, nãi chí thất bảo chuyển cộng hợp thành. Căn hành chi căn thử bảo sở thành, hoa diệp quả thực tha bảo hóa tác. Hoặc hữu bảo thụ, huỳnh kim vi căn, bạch ngân vi thân, lưu ly vi chi, thủy tinh vi tiêu, hổ phách vi diệp, mỹ ngọc vi hoa, mã não vi quả. Kỳ dư chư thụ, phục hữu thất bảo, hổ vi căn căn chi diệp hoa quả, chủng chủng cộng thành.**

*Cõi nước của đức Như Lai kia có nhiều cây báu, hoặc có cây thuần bằng vàng, cây thuần bằng bạc, cây lưu ly, cây thủy tinh, cây hổ phách, cây mỹ ngọc, cây mã não, chỉ có một thứ báu tạo thành, không lẫn các báu khác. Hoặc có hai báu, ba báu, cho đến bảy báu xen nhau hợp thành. Gốc thân cành nhánh do báu này hợp thành. Hoa lá quả hạt do báu khác tạo thành. Hoặc có cây báu vàng ròng làm gốc, bạc trắng làm thân, lưu ly làm cành, thủy tinh làm ngọn, hổ phách làm lá, mỹ ngọc làm hoa, mã não làm quả. Các cây khác cũng do bảy báu hợp lại với nhau làm gốc thân cành lá hoa quả.*

Đoạn kinh văn này là giới thiệu thực chất của cây báu ở thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đại ý của đoạn kinh văn này là, ở thế giới Cực Lạc nơi cõi nước Phật đó có đủ loại cây báu, hoặc cây thuần bằng vàng, cây thuần bằng bạc, cây bằng lưu ly, cây

bằng thủy tinh, cây bằng hổ phách, cây bằng mỹ ngọc, cây bằng mã não, đây là do riêng một loại báu mà thành, không có xen tạp những loại báu khác. Cây ở thế giới Cực Lạc đẹp đến mức không thể hình dung, chỉ có dùng trân bảo để làm ví dụ. Còn có hai loại báu, ba loại báu, cho đến bảy loại báu thay đổi đan xen cùng nhau hợp thành. Rễ (gốc), thân, cành, nhánh là báu nào đó hình thành; hoa, lá, quả chính là các loại báu khác biến hóa mà thành. Ví dụ, có một cây báu, vàng làm rễ (gốc), bạc làm thân cây, lưu ly làm nhánh, thủy tinh làm ngọn, hổ phách làm lá, mỹ ngọc làm hoa, mã não làm quả. Những cây khác lại có bảy báu khác nhau thay phiên làm rễ (gốc), thân, nhánh, lá, hoa, quả, hình thành nên cây bảy báu có đủ mọi hình sắc không như nhau. Tên gọi của bảy báu trong các kinh khác so với kinh này có hơi khác biệt, nhưng cũng không cần phân biệt. Tóm lại bảy báu chỉ là một loại báu vi diệu vô thượng, chính là tâm bảo của A-di-đà Phật, cũng chính là tâm bảo của chính chúng ta.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Các tự dị hàng, hàng hàng tương trị. Hành hành tương vọng, chi điệp tương hướng, hoa thực tương đương, vinh sắc quang diệu bất khả thắng thị.**

*Mỗi loại tự mọc theo hàng khác nhau, hàng hàng thẳng lối. Thân cây ngang nhau, cành lá hướng nhau, hoa quả xứng nhau, tươi tốt rực rỡ không thể thấy hết.*

Đoạn kinh văn này giới thiệu sự sắp xếp của cây báu ở thế giới Cực Lạc. “Các tự dị hàng” tức là mỗi loại xếp thành một hàng, theo cách nói thông thường, chính là cây báu phân thành từng loại một, theo loại mà chia thành hàng. Hàng hàng thẳng nhau, việc này cần phải có nhân công sắp xếp mới được, giống như chúng ta hiện nay luyện tập thể thao, mọi người xếp thành một đội ngũ, nhìn theo hàng ngang thì người đứng thành một đường thẳng, nhìn theo hàng dọc thì người cũng đứng thành một đường thẳng, người với người, không gian với không gian, rất chỉnh tề. Khoảng cách của từng hàng một đều như nhau, xếp thành những hình dạng khác thì cũng như vậy.

Ở thế giới này của chúng ta thì do nhân công sắp xếp, ở thế giới Tây Phương Cực Lạc thì tự nhiên sinh ra như vậy. Thân cây ngang nhau, chẳng những từng hàng cây báu đối thẳng với nhau mà thân cây cũng đối xứng lẫn nhau. Cành lá hướng nhau, một nhánh cây, một chiếc lá đều rất chỉnh tề, đối xứng nhau, hướng vào

nhau. Ví dụ một cây ở giữa, nhánh và lá của nó phải cùng với nhánh và lá của các cây ở bốn phía chung quanh đối xứng chính tề. Hoa quả đối xứng, mỗi một cây, vị trí của hoa quả trên mỗi nhánh đều có quy luật, rất chính tề, đối xứng lẫn nhau.

Màu sắc rực rỡ tươi đẹp không thể thấy hết được, điệu sắc rực rỡ, quang minh chiếu diệu khiến người rợp cả mắt, nhìn không hết nổi. Đoạn kinh văn này giống như một bức tranh đẹp lộng lẫy, lúc chúng ta đang khen ngợi đoạn kinh văn đầy tình thơ ý họa này thì đồng thời cũng đang thưởng thức một bức tranh sơn thủy vừa lòng đẹp mắt.

Định Thiệu Nghĩa nói: “Các rừng cây báu thấy đều lưu xuất từ trong tâm vô lậu của đức Di-đà”. Bởi vì tâm của Phật là vô lậu, cho nên cây cũng đều là vô lậu, nên không có các tướng biến đổi của già chết, bệnh hại, sơ sinh, lớn dần. Thế nên các cây tất nhiên đồng thời hiện lên trong phút chốc, nhất loạt chính tề, ngay ngắn trật tự. Đoạn kinh văn này nói, cây cối hoa cỏ đều có trật tự, ngăn nắp chính tề, không thể nghĩ bàn, sự hoàn hảo như vậy đi đâu để tìm, duy chỉ có thế giới Tây Phương Cực Lạc của A-di-đà Phật mới có.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Thanh phong thời phát, xuất ngũ âm thanh, vi diệu cung thương, tự nhiên tương hòa. Thị chư bảo thụ, châu biến kỳ quốc.**

*Khi gió mát thổi, phát ra năm loại âm thanh. Cung, thương vi diệu, tự nhiên tương hòa. Các cây báu này khắp cả cõi ấy.*

Đoạn kinh văn này nói về diệu dụng của cây báu. Gió đức thanh tịnh vô lậu đúng thời mà phát ra, tùy theo ý muốn của người mà tự nhiên thổi đến. Và lại gió lay lá cây tự nhiên phát ra tổ khúc vi diệu: cung, thương, giốc, chủ, vũ, đây là luật nhạc căn bản của thời xưa; lại thêm vào biến cung, biến chủ, đây là bảy thanh của âm nhạc hiện đại. Ngũ âm hòa với nhau vô cùng vui tai, những cây báu này có khắp trong cõi nước của ngài.

“Phát ra năm loại âm thanh, cung thương vi diệu, tự nhiên tương hòa”. Ba câu này chính là nhạc giao hưởng mà chúng ta nói, đây là nhạc giao hưởng của đại tự nhiên. Ở thế giới Tây Phương Cực Lạc khắp nơi đều là như vậy, tuyệt diệu không nói nên lời.

Hết thấy vạn vật ở thế giới Cực Lạc đều là vi diệu kỳ lạ. Kỳ là rất đặc biệt, chúng ta chưa từng thấy qua, cũng chưa từng nghe qua. Lệ là hoa lệ. Phật trong kinh nói rằng “vượt hơn thế giới chư Phật mười phương”. Hết thấy sự hoa lệ trong thế gian chúng ta là do người làm, không phải tự nhiên, không thể sánh bằng thế giới Tây Phương Cực Lạc. Thế giới Tây Phương Cực Lạc là tự nhiên, không phải do tạo tác, không có người thiết kế, là do tánh đức mà nên. Tất cả mọi thứ ở thế giới Tây Phương Cực Lạc đều hiển bày tánh đức của Di-đà. Tánh đức của Di-đà chính là đức năng của tự tánh chúng ta, có câu “tự tánh Di-đà, duy tâm Tịnh độ”. Thế giới Tây Phương Cực Lạc chính là sự khai mở hiển bày vô lượng vô biên đức năng mà tự tánh chúng ta vốn có. Thế nên tất cả trân bảo đều là thứ mà tánh đức vốn sẵn có, tánh đức là năng sanh, trân bảo là thứ được sanh ra. Trong mỗi thứ báu lại đều có đầy đủ diệu đức của tất cả trân bảo, cho nên mỗi một cây báu đều là viên minh cụ đức, đây là y báu.

Do cây báu có mặt khắp nơi ở thế giới Cực Lạc, nên nơi nào cũng đều nhìn thấy được. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói khá là tường tận: trên cây có lưới báu, bên dưới có lan can, trong cây còn có cung điện, do đây có thể biết cây báu mới xinh đẹp thật sự. Màn lưới đều phóng quang minh, trong quang minh hiển hiện cõi nước chư Phật mười phương, giống như xem ti-vi vậy, màn hình không phải mặt phẳng mà là lập thể, điều này tiến bộ hơn nhiều so với nơi này của chúng ta. Nơi này của chúng ta là do đủ mọi nhân công thiết kế chế tạo, thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là tự nhiên.

Đại sư Thiện Đạo nói với chúng ta: Những cây báu này đều lưu lộ ra từ trong tâm vô lậu của A-di-đà Phật, cho nên những cây này cũng biến thành pháp vô lậu. Chính là “y báu chuyển theo chánh báo” mà Phật nói trong kinh, một chút cũng không sai. Thế nên cây cũng là vô lượng thọ, cũng là trân bảo vô lậu vô sanh. Điều này đã chứng thực câu nói “tình dữ vô tình đồng viên chủng trí” trong Kinh Hoa Nghiêm. Thế giới Tây Phương Cực Lạc, tình và vô tình đều bình đẳng như nhau, không thể nghĩ bàn. Pháp tánh và Phật tánh đều đồng một tánh, cho nên y báu mới chuyển theo chánh báo.

Thế giới ngày nay của chúng ta, lòng người đã ô nhiễm đến cùng cực, việc này chưa từng có trong lịch sử, trước đây chưa từng nghe qua cụm từ “ô nhiễm môi trường”. Hiện nay môi trường ô nhiễm, toàn thế giới đều đã ý thức được rồi. Ô nhiễm



từ đâu mà có? Lòng người ô nhiễm thì môi trường liền ô nhiễm, nếu muốn khôi phục sự thanh tịnh của môi trường trước tiên phải khôi phục sự thanh tịnh của lòng người. Tâm thanh tịnh thì môi trường sẽ thanh tịnh, tâm không thanh tịnh mà muốn môi trường thanh tịnh thì không thể được.

Về ô nhiễm môi trường, lão pháp sư từng nói: Nếu cứ phát triển như thế này, thì 50 năm sau địa cầu này sẽ không còn phù hợp để nhân loại cư trú nữa. Ngài nói câu này là vào khoảng mười mấy năm về trước, hiện nay mười mấy năm đã trôi qua, địa cầu này phù hợp để con người cư trú chỉ còn lại thời gian ba bốn mươi năm. Ba bốn mươi năm là thời gian một khảy ngón tay, sự sinh tồn của nhân loại đã cực kỳ nguy khốn rồi. Hiện nay nước ô nhiễm, không khí ô nhiễm, bạn còn có thể tìm ra thứ nào không ô nhiễm hay chẳng? Cho dù bạn là một đại gia giàu có ức vạn, liệu bạn không hít thở được không, không uống nước được không? Không có không khí, không có nước, bạn có thể sinh tồn được không? Qua 10 năm, 20 năm nữa, thì thứ gì đáng giá nhất vậy? Chẳng phải nhà sang, chẳng phải xe xịn, thứ quý giá nhất là không khí và nước. Không khí và nước là nhu yếu phẩm để nhân loại sinh tồn.

Tôi vô cùng may mắn, quanh năm sống ở vùng đồi núi, trong mắt tôi, nơi này không phải thiên đường mà còn hơn cả thiên đường, chẳng phải tiên cảnh mà còn hơn tiên cảnh, thiên đường sao tốt được như vậy, tiên cảnh sao đẹp được như vậy. Nói về nước và không khí, thì nơi này của chúng tôi là nguồn ô-xy tự nhiên, đồi núi xanh tươi tạo ra dưỡng khí tự nhiên, lấy không hết, dùng không cạn. Nước chúng tôi uống là nước suối trong mát, thứ chúng tôi ăn là thực phẩm an tâm, tự cung tự cấp không ô nhiễm, thuần hữu cơ, vừa không ô nhiễm vừa dinh dưỡng phong phú.

Xin nêu vài ví dụ để nói rõ, trái cây mà chúng tôi tự trồng ở đây có gần 20 loại, đến mùa nào thì ăn trái cây mùa đó, trái cây đúng mùa là ngon nhất. Cây ăn trái của chúng tôi, không có thuốc trừ sâu, không dùng phân hóa học, nghe Phật hiệu mà tự do sinh trưởng. Trái cây nhiều đến mức ăn không hết, còn dư thì làm enzyme bảo vệ môi trường, enzyme thực phẩm, enzyme cuộc sống.

Đậu nành, đậu phộng, hạt hướng dương đều là tự mình trồng, dầu thì tự mình ép, chúng tôi không ăn dầu cận tái chế, mì phở là tự mình làm, có mì khoai lang, mì khoai tây, mì sợi thô, sợi nhuyễn, sợi to, thứ nào cũng có, mềm mại, mềm tron, hợp khẩu vị. Đậu phụ, đậu hũ nước đường, sữa đậu nành, óc đậu đều là làm xong ăn

ngay, nóng hôi hổi, thơm phưng phức, ăn rất ngon, thiết khiến người thèm chết đi được.

Còn có món hấp dẫn hơn, có thể nói là món đặc sản của chúng tôi, đó chính là hạt dẻ, đó là hạt dẻ thuần chủng, đi hết cả nước cũng chưa chắc ăn được hạt dẻ thuần chủng ngon như thế này. Mộc nhĩ tươi, nấm tươi từ trên núi hái về phải nói là tươi mới, ngon lành biết bao. Nói như thế này, nếu bạn đã ăn mộc nhĩ tươi, nấm tươi ở nơi đây thì bạn sẽ không muốn ăn mộc nhĩ khô và nấm khô ở chợ và siêu thị nữa. Nấm linh chi ở đây có cái to như cái mâm, trước giờ tôi chưa từng thấy nấm linh chi nào to như thế.

Còn nhớ năm trước tôi đi Hong Kong mua nấm lớn để cúng dường sư phụ, ngài rất là vui, nói phải gói cho đẹp, làm thành hộp quà đem đến hội hữu nghị Tỉnh Không tặng cho bạn bè ngoại quốc. Ở vùng núi này nơi nơi đều là báu vật, không thấy món nào tầm thường cả, người trong nghề xem thấy vô cùng hâm mộ. Chúng tôi sống trong núi báu, tuy có mắt mà không biết bảo vật trong núi, vì sao nơi này tốt như vậy? Bởi vì nơi này ít ô nhiễm.

Lục Hòa tiểu viện Bồ-tát xây, vô lượng Bồ-tát ở nơi đây  
Một câu Di-đà thành thật niệm, chân thành đảm bảo mười phương an.

Tiếp theo xin tổng kết phần trọng điểm của kinh văn phẩm thứ 14.

Trọng điểm thứ nhất: kinh văn lấy cây báu làm ví dụ, hiển thị y báo trang nghiêm của thế giới Cực Lạc. Những cây báu này từ đâu mà đến? Đều là từ tự tánh của A-di-đà Phật biến hiện ra, cây cũng là vô lậu, cây cũng vô lượng thọ.

Trọng điểm thứ hai: y báo của thế giới Cực Lạc vì sao trang nghiêm? Vì chánh báo của thế giới Cực Lạc trang nghiêm, Phật trang nghiêm, Bồ-tát trang nghiêm, y báo chuyển theo chánh báo.

Trọng điểm thứ ba: y cứ, lý luận của y báo chuyển theo chánh báo là gì? Pháp tánh và Phật tánh là đồng một tánh, tình và vô tình đồng viên mãn chủng trí, đây là cảnh giới Hoa Nghiêm.

Trọng điểm thứ tư: muốn chuyển biến y báo của thế giới Ta-bà, thì trước tiên phải thay đổi chánh báo của chúng ta, chánh báo tốt rồi thì y báo tự nhiên tốt.

Trọng điểm thứ năm: chánh báo là lòng người thanh tịnh, từ tâm thanh tịnh của chính mình mà bắt đầu cứu lấy địa cầu, cứu giúp nhân loại.

Tiết học hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 48

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Tiết học này chúng tôi sẽ giảng kinh văn phẩm thứ 15.

### **BỒ-ĐỀ ĐẠO TRÀNG ĐỆ THẬP NGŨ**

Mời xem đoạn kinh văn tiếp theo:

**Hựu kỳ đạo tràng, hữu Bồ-đề thụ, cao tứ bá vạn lý, kỳ bốn chu vi ngũ thiên do tuần, chi diệp tứ bố nhị thập vạn lý. Nhất thiết chúng bảo tự nhiên hợp thành, hoa quả phu vinh, quang huy biến chiếu. Phục hữu hồng lục thanh bạch, chư Ma-ni bảo, chúng bảo chi vương, dĩ vi anh lạc. Vân Tụ bảo tóa, sức chư bảo trụ, kim châu linh đạc, châu táp điều gian, trân diệp bảo võng la phú kỳ thượng, bá thiên vạn sắc hổ tương ánh sức, vô lượng quang viên, chiếu diệp vô cực, nhất thiết trang nghiêm, tùy ứng nhi hiện.**

*Nơi đạo tràng lại có cây Bồ-đề cao bốn trăm vạn dặm, chu vi gốc cây rộng năm ngàn do-tuần, cành lá xòe ra bốn phía hai mươi vạn dặm. Tất cả các báu tự nhiên hợp thành. Hoa quả sum suê, ánh sáng chiếu khắp. Lại có các báu Ma-ni hồng lục xanh trắng, là vua trong các báu, dùng làm chuỗi anh lạc, móc báu Vân Tụ trang hoàng các trụ báu. Vàng, châu, linh, đạc treo khắp trên cành. Lưới báu trân diệp giăng phủ bên trên. Trăm ngàn vạn sắc, chói ngời lẫn nhau, vô lượng tia sáng, chiếu diệp vô cực, hết thấy trang nghiêm tùy theo tâm cảm mà ứng hiện.*

Trước tiên chúng tôi xin giải thích thế nào là đạo tràng. Đạo tràng, nói đơn giản, nơi tu đạo thì gọi là đạo tràng, nói tường tận thì có 5 ý nghĩa. Đây là Hoàng Niệm lão giải thích cho chúng ta.

Ý nghĩa thứ nhất “chỉ cho nơi thành đạo dưới cội Bồ-đề của Thế Tôn ở Ấn Độ, gọi là đạo tràng”. Giải thích này là một cách nói phổ biến của nhà Phật. Thích-ca Mâu-ni Phật là ở dưới cội cây này mà chứng đạo, cũng chính là nơi đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, gọi là chốn thành đạo.

Ý nghĩa thứ hai “chỉ cho phương pháp tu hành để đắc đạo. Như kinh Duy-ma nói: trực tâm là đạo tràng”. Trực tâm, người Trung Quốc gọi là tâm chí thành, chân

thành đến cùng cực, đây chính là đạo tràng. Bất luận vào lúc nào, bất luận ở nơi đâu chúng ta đều phải dùng chân tâm, dùng chân tâm chính là đạo tràng, dùng vọng tâm thì không phải đạo tràng.

Ý nghĩa thứ ba, “nơi cúng Phật được gọi là đạo tràng”.

Ý nghĩa thứ tư, “là nơi học đạo”. Duy-ma Kinh Triệu Chú, chú giải của đại sư Tăng Triệu nói rõ: “Nơi tu đạo nhân nhĩ an tĩnh thì gọi là đạo tràng”. [Nơi] học tập, tu hành, dưỡng đạo đều gọi đó là đạo tràng.

Ý nghĩa thứ năm, “thời Tùy Dượng Đế, lấy đó làm tên của chùa chiền”. Tùy Dượng Đế ra chiếu cải cách chùa chiền trong thiên hạ, đều đặt tên là đạo tràng. Đây là một sự kiện lịch sử, tất cả nơi hoạt động của Phật giáo đều gọi là đạo tràng. Đạo tràng mà kinh Vô Lượng Thọ nói chính là ý nghĩa thứ tư: phạm những nơi học đạo tu hành đều gọi là đạo tràng. Đạo tràng mà kinh văn phẩm này nói chính là nơi A-di-đà Phật giảng kinh thuyết pháp.

Tiếp theo xin giải thích đơn giản về cây Bồ-đề.

Đại sư Huyền Trang trước tác Tây Vực Ký. Tây Vực Ký là nhật ký của đại sư Huyền Trang, đại sư Huyền Trang đem những điều mà ngài thấy nghe trên chặng đường của mình dùng hình thức nhật ký ghi chép lại, lưu lại tác phẩm Tây Vực Ký vô cùng trân quý này cho người đời sau.

Trong Tây Vực Ký, đại sư cũng có ghi chép về cây Bồ-đề. Cây Bồ-đề chính là cây Tất-bát-la, Tất-bát-la là tiếng Phạn, vì sao gọi tên này? Phật ngồi dưới cây này thành Đẳng Chánh Giác, nên có tên là cây Bồ-đề. Nghĩa tiếng Phạn là đạo, học đạo, tu giác, cho nên cũng gọi là cây đạo, cây giác. “Khi Phật tại thế, cây cao 400 thước”, là cây đại thụ rất cao rất to, đối với ngày nay của chúng ta mà nói thì rất khó tưởng tượng, cũng rất khó tiếp nhận, làm gì có cây lớn đến như vậy? Đại sư Hoằng Nhất vì người đời sau giải thích mối nghi này.

Đại sư Hoằng Nhất lưu lại cho chúng ta một tài liệu gọi là Chu Xích Khảo. Phật xuất hiện vào thời đại nhà Chu ở Trung Quốc, lúc phiên dịch kinh đều dùng chế độ của triều Chu. Thước ngắn của thời Chu, một thước độ chừng 6 tấc của thước Trung Quốc chúng ta. Chính là nói cao chừng phân nửa của 400 thước, cũng là cao 200 thước theo thước Trung Quốc. Người thời sau có ghi chép, “về sau nhiều lần [cây] bị tàn phá, vẫn cao 4-5 trượng”, “là cây Bồ-đề của thế giới đó”.

Lão pháp sư đi Sri Lanka vẫn còn nhìn thấy di tích, cây Bồ-đề ở Sri Lanka có lịch sử 2.500 năm, là mang từ Ấn Độ trồng qua đây. Nghe nói con gái của vua A Dục mang giống cây này đến Sri Lanka, cây trồng xuống tại Sri Lanka sống được, mãi cho đến ngày nay vẫn còn sống, vô cùng hy hữu khó được. Có cơ hội đến Sri Lanka nhất định phải đến xem cây Bồ-đề hơn 2.000 tuổi này.

Tiếp theo, chúng tôi giải thích một chút đoạn kinh văn này. Trong nguyện thứ 41 của Pháp Tạng đại sĩ, cây báu cao đến trăm ngàn do-tuần, nếu lấy một trăm nhân một ngàn rồi nhân với do-tuần thì sẽ là bốn trăm vạn dặm, hoặc là cao hơn. Theo chúng tôi thấy, không phải trăm ngàn trực tiếp nhân với nhau, mà là nói có rất nhiều ngàn.

“Kinh này nói, cây ấy cao 400 vạn dặm”, chúng ta không cách nào tưởng tượng, đối với 400 vạn dặm này, thì nhận thức của con người cũng không thể giống trọn vẹn được, có người nói cây nào cao quá, còn có người nói cây này thấp quá, có lẽ có người sẽ cảm thấy kỳ lạ, sao cây cao lớn đến như vậy mà còn có người nói thấp chứ?

“Hoặc trong Quán Kinh”, chữ “hoặc” này nghĩa là không xác định, có thể là trong Quán Kinh có nói, “thân Phật cao 60 vạn ức na-do-tha hằng hà sa do-tuần”. Nếu theo đây thì thấy thân của Phật quá cao, cây quá nhỏ rồi, “tức hiển rõ Phật cao cây thấp, con số không tương xứng”. Thân thể của Phật là 60 vạn ức na-do-tha hằng hà sa do-tuần, chiều cao này là rất cao. Cây này cao 400 vạn dặm, vậy thì giống như cây cỏ nhỏ rồi, thậm chí có người còn không nhìn thấy nó. Phật cao cây thấp, lượng bất tương xứng.

Có người nói, cây cao 400 vạn dặm, cao quá! Từ trái đất đến Mặt trăng có lẽ cũng chưa đến 400 vạn dặm, nếu như trên trái đất có cây này vậy sẽ chướng ngại sự vận hành của mặt trăng rồi, làm sao cây cao như vậy được. Địa cầu quá nhỏ, không thể chứa cây cao như vậy, dòi cây cao như vậy đến trái đất thì trái đất đã chệch khỏi quỹ đạo từ lâu rồi, đây là một kiểu nhận thức khác.

Còn có người đối với cây Bồ-đề cao 400 vạn dặm, chu vi thân cây là 5.000 do-tuần, lá cây hướng ra bốn phía phân bố đến 20 vạn dặm, nêu ra nghi hoặc, nói rằng cây này quá cao, nhưng lá cây phân bố không quá rộng.

Đối với những vấn đề đã kể trên, chúng ta xem lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ và lão pháp sư đã giải thích như thế nào. “Thực ra, đây cũng là vô ngại”, thẳng thắn, rõ ràng, một câu đã trả lời xong. Chúng ta ở những chỗ này, không thể dùng tình kiến của chúng ta để lý giải, chúng ta có tình cảm, không thể dùng tri kiến của chúng ta để lý giải. Niệm lão nói, “thật tắc”, thật ra mà nói, đây cũng là vô ngại. “Nói đủ mọi con số đều là tùy theo căn cơ của chúng sanh”, tùy thuận chúng sanh mà nói, “cho nên đừng chấp vào một kiểu”, tất cả chúng sanh thấy không như nhau.

Thí dụ có người, thực sự có người đó, thực sự có việc đó, trong định thấy Phật, trong mộng thấy Phật, tướng Phật bao lớn? Lớn như trời vậy, một vị Phật ngồi ở nơi đó thì giống như nửa phần trời rồi, đó chính là phần trước đã nói, thân cao 60 vạn ức na-do-tha hằng hà sa do-tuần. Cho nên chúng ta nhất định phải biết, “thể mà kinh này nêu ra là sự sự vô ngại, cảnh giới không thể nghĩ bàn”

Bất luận bạn nói kiểu nào thì đều là tùy thuận tâm lượng của chúng sanh. Mặt đất [này] là cõi Phàm Thánh Đồng Cư, chúng sanh lục đạo có tâm lượng nhỏ nên cái họ thấy sẽ nhỏ. Trong lục đạo có cõi trời, tâm lượng của cõi trời lớn hơn chúng ta, trí tuệ cao hơn chúng ta, cây Bồ-đề mà họ nhìn thấy cùng với cây mà chúng ta thấy nhất định không như nhau, lại hương hồ Duyên giác, Thanh văn và Quyền giáo Bồ-tát. Hoàng Niệm lão nói với chúng ta: “Sự cao thấp ở nơi này tuy có khác biệt, nếu như đạt đến huyền môn rộng hẹp tự tại...”.

Kinh Vô Lượng Thọ có đủ thập huyền môn của Hoa Nghiêm. Thập huyền môn nói điều gì? Sự sự vô ngại, lý sự vô ngại, trong các kinh Đại thừa đều có. Sự sự vô ngại duy chỉ Hoa Nghiêm [mới có], trong các kinh khác Phật không có nói. Nhưng thập huyền trong kinh này thì sự sự vô ngại hoàn toàn đầy đủ, điểm này chúng ta phải biết. Cho nên, nếu như đạt đến huyền môn rộng hẹp tự tại, “thì khế nhập hết thấy pháp giới vô ngại”. Thế giới Cực Lạc, Thế Tôn giới thiệu cho đại chúng, căn tánh của đại chúng không như nhau, Thế Tôn dùng một âm mà thuyết pháp, tùy loại chúng sanh đều hiểu được, pháp này mới gọi là diệu pháp.

Từ “tất cả các báu tự nhiên hợp thành” đến “lưới báu trân diệp giăng phủ bên trên”, tổng cộng là 9 câu kinh văn. Chín câu kinh này hiển hiện sự trang nghiêm của cây Bồ-đề. Cây vốn đã cao lớn vô cùng, lại còn có những thứ tốt đẹp như thế làm trang sức, sự trang nghiêm của cây này chúng ta không cách nào tưởng tượng, cũng nói không hết.

“*Tất cả các báu*”, đây là hiển thị sự trang nghiêm của cây Bồ-đề. “*Tự nhiên hợp thành*”, biểu thị sự thành tựu về đại nguyên đại lực của đức Di-đà, tự nhiên như vậy, chẳng phải do tạo tác, không có người thiết kế, không có người chế tạo. Ngay cả hoa quả, ánh sáng, châu báu hoặc là anh lạc trên cây, hoặc là các trang sức ở các trụ báu, trụ báu chính là thân cây chính, nhánh cây chính của cây này, đều dùng được cả. Những thứ này đều không cần con người chế tạo, mà tự nhiên như vậy. “*Hoa quả phu vinh*”, phu nghĩa là khai hiển, vinh nghĩa là sum suê xinh tươi. Hoa và quả của cây Bồ-đề này thể hiện sự sum suê tươi tốt, bày ra cảnh tượng vươn lên phồn thịnh, lại còn phóng đại quang minh, chiếu khắp tất cả nơi.

“*Lại có các báu Ma-ni hồng lục xanh trắng, là vua trong các báu, dùng làm chuỗi anh lạc*”.

Bốn câu kinh văn này hiển thị sự trang nghiêm trên cây. Bài kệ trong Vãng Sanh Luận nói: “Vô lượng báu đan xen, lưới giăng khắp hư không, tất cả chuông ngân vang, tuyên nói diệu pháp âm, hoàn toàn tương ứng với các câu kinh văn này”.

Điều trong Vãng Sanh Luận nói chính là đoạn kinh văn này.

“Vô lượng báu đan xen”, rất nhiều loại châu báu, ở đây chúng ta không có, cũng không có tên gọi, chỉ có thể dùng bảy báu trong thế gian chúng ta để hình dung, trên thực tế thì kém rất xa. Vì sao vậy? Những thứ mà chúng ta ở bên này tiếp xúc được, thấy được, nghe được, chạm được, đều là tướng cảnh giới của A-lại-da, do thức biến hóa, cho nên chúng đều có ô nhiễm. Chúng sanh chúng ta nhìn thấy chúng, tiếp xúc với chúng thì có phân biệt chấp trước. Thế giới Cực Lạc không có hiện tượng như vậy, thế giới Cực Lạc do các báu hình thành, khiến chúng ta trong hoàn cảnh này vĩnh viễn giữ được thanh tịnh, không có ô nhiễm, không có phân biệt, không có chấp trước, ở nơi này dễ dàng thành đạo, đây là đại đạo tràng của A-di-đà Phật. Cây Bồ-đề là biểu tượng của nơi này, đạo tràng ở nơi đâu? Bên dưới cây Bồ-đề chính là đạo tràng. Cho nên cây này là do các báu hợp thành, quang minh vô lượng.

“Anh lạc, trụ báu, lưới báu trong kinh đều là sự trang nghiêm trên không trung của cây”. Cây cao lớn, những trang sức này trên cây, “thứ nhất là ngọc Ma-ni bốn sắc, các báu này tổng nhiếp sự thiện diệu của các báu, là trân bảo tối thượng, nên gọi là vua của các trân bảo, được xem là trân bảo hàng đầu, dùng làm chuỗi anh lạc, [treo] rủ khắp các nhánh cây, dùng để trang nghiêm”. Thế gian chúng ta, hiện nay



vào dịp lễ tết, các cây ở hai bên đường, đêm đến đều dùng bóng đèn nhỏ để trang sức, sáng nhấp nháy rất đẹp, khiến người nhìn thấy tâm sinh hoan hỷ, đây là nhân công thiết kế, chế tạo. Thế giới Cực Lạc tự nhiên trang nghiêm, không có người thiết kế, không có người thi công, mà sự mỹ diệu của nó vượt ngoài sự tưởng tượng của chúng ta. Nó không những đẹp mà còn có thể giúp chúng ta ngộ đạo, giúp chúng ta tăng trưởng đạo tâm, thành tựu đạo nghiệp.

*“Móc bấu Vân Tụ trang hoàng các trụ bấu”.*

Trụ bấu có trang sức. Dùng thứ gì để trang sức? Móc bấu Vân Tụ. Móc bấu Vân Tụ, ở đây chỉ cho kết cấu dính móc vào nhau trong kiến trúc. Vân Tụ là tên của loại bấu, tên của loại bấu này là Vân Tụ, trong vật liệu kiến trúc, dùng để liên kết mối nối. Chỗ hai cây trụ ngang kết nối với nhau gọi là móc bấu Vân Tụ. Bảo trụ, trong bản dịch thời Tống nói: “Cõi nước Phật ấy có các loại trụ bấu, đều dùng trăm ngàn trân bảo để trang nghiêm, các trụ bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, trân châu, xà cừ, mã não; còn có trụ do hai thứ bấu cho đến bảy thứ bấu hợp thành, các trụ này dùng chuỗi anh lạc và móc bấu để trang trí”.

*“Kim châu linh đặc”.*

Kim là vàng nguyên chất, châu là trân châu, linh là chuông kim loại, giống quả chuông nhưng nhỏ hơn; đặc là chỉ cho cái lõi gỗ bên trong quả chuông, dùng để gõ chuông phát ra âm thanh. Linh và đặc đều do diệu bảo hình thành, tuôn ra diệu âm. Bốn thứ kể trên [được] treo ở giữa khắp các nhánh cây Bồ-đề, nên gọi là “châu táp điều gian”, rất đẹp. Đây là bạn nhìn thấy trong kinh, trang sức của cây Bồ-đề này đẹp đến mức nào? Khiến bạn có cảm giác đẹp không chớp mắt, thân đến nơi ấy thì lưu luyến quên về.

*“Lưới bấu trân diệu giăng phủ bên trên”*

Lưới bấu trân diệu, trong bản dịch thời Đường nói: “Lại do vàng ròng, trân châu, linh và đặc bấu hợp lại dùng đó làm lưới, nên biết lưới bấu cũng do vàng ròng, trân châu, chuông bấu mà hợp thành, nên gọi là trân diệu”. “La phú, la là giăng mắc khắp nơi; phú là che phủ”. “Lưới bấu như vậy giăng phủ trên cây Bồ-đề”, nên gọi là “la phú kỳ thượng”, những thứ này thấy đều là vật trang sức.

*“Trăm ngàn vạn sắc, chói ngời lẫn nhau, vô lượng tia sáng, chiếu diệu vô cực, hết thấy trang nghiêm tùy theo tâm cảm mà ứng hiện”*

Những câu kinh văn này là tổng thuyết, “hết thủy trang nghiêm”, phía sau cần phải nói chi tiết. Sự xinh đẹp của hoàn cảnh vật chất ở thế giới Tây Phương Cực Lạc là của báu vốn có ở trong nhà, không phải từ bên ngoài cầu được, chỉ cần bạn cầu từ nơi tâm tánh thì tự nhiên hiện tiền, màu sắc rất nhiều, đẹp không tả xiết, bởi vì các trân bảo đều phóng quang, y chánh đều phóng quang minh.

“Chiếu diệu vô cực”, thế giới Tây Phương Cực Lạc không cần ánh sáng của nhật nguyệt, đèn đóm, nên đó là thế giới quang minh, cũng gọi là thế giới hương quang, hương quang trang nghiêm. Quang minh của thế giới Cực Lạc là vô hạn cực.

“Hết thủy trang nghiêm tùy theo tâm cảm mà ứng hiện”. Hết thủy trang nghiêm tùy theo [tâm] cảm của chúng sanh mà nó tự nhiên ứng, cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn. Hết thủy tướng trang nghiêm tùy căn cơ chúng sanh mà ứng khắp, biến hóa tự tại, tùy ý mà hiện. Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta hoàn cảnh đời sống, hoàn cảnh học tập ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, dùng cái gì để hình dung? Dùng hai câu trong kinh Hoa Nghiêm: lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Mười phương thế giới đều có chướng ngại, thế giới Cực Lạc không có chướng ngại, mọi thứ đều xứng tâm vừa ý.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Vi phong từ động, xuy chư chi điệp, diễn xuất vô lượng âm thanh diệu pháp âm thanh. Kỳ thanh lưu bố, biến chư Phật quốc, thanh sương ai lượng, vi diệu hòa nhã, thập phương thế giới âm thanh chi trung tối vi đệ nhất.**

*Gió nhẹ từ từ thổi lay động các cành lá, phát ra vô lượng âm thanh diệu pháp. Âm thanh ấy truyền khắp các cõi Phật, thanh lương từ bi trong trời, vi diệu hòa nhã, tối thắng đệ nhất trong các âm thanh ở mười phương thế giới.*

Đoạn kinh văn này nói về đức của cây báu, kỳ diệu không thể nghĩ bàn, hiển bày công đức diễn thuyết diệu pháp không thể nghĩ bàn của cây báu ở thế giới Cực Lạc.

“Vi phong” là làn gió thanh nhẹ hòa dịu, “từ động” là thổi từ từ, thổi đến ngàn nhánh vạn lá của cây Bồ-đề, diễn tấu ra vô lượng âm thanh mỹ diệu. Âm thanh mỹ diệu đều là tuyên thuyết vi diệu pháp, diệu âm tuyên vi diệu pháp, quá tuyệt diệu. Thế nào là diệu pháp? Pháp tối thắng đệ nhất không thể nghĩ bàn thì gọi là diệu

pháp. Pháp Hoa Huyền Nghĩa Tự nói rằng: “Diệu là ngợi khen pháp không thể nghĩ bàn”, “gió thổi lay cành lá của cây báu, phát ra âm thanh, diễm nói pháp âm vi diệu không thể tả”, cho nên gọi là “diễm xuất vô lượng diệu pháp âm thanh”.

“*Kỳ thanh lưu bố*”, âm thanh ấy lưu thông phát tán ra các phương, đầy khắp tất cả cõi nước Phật. Pháp âm mà cây Bồ-đề phát ra thanh tịnh sáng khoái.

“*Ai lượng*” là có thể dẫn phát người nghe, sanh khởi tâm từ bi thương xót chúng sanh, âm nhạc hay đều hàm chứa một chút ý từ bi. “*Lượng*” là sáng chói, sáng rõ, ở đây chỉ cho nhịp điệu âm nhạc tươi rõ, âm điệu trong sáng.

“*Vi diệu*”, do vì âm thanh tuyên dương diệu pháp cho nên âm thanh cũng là vi diệu, thiện hảo của nó đạt đến trình độ không thể tuyên nói.

“*Hòa nhã*”, nhã là thoát tục, chánh chính là lìa tà, âm thanh của thế giới Cực Lạc là âm thanh đệ nhất trong các âm thanh của mười phương thế giới. Trong mười phương có nghe thấy được không? Có, xác thật có người có duyên nghe được. Khi nào dễ dàng nghe được? Lúc người niệm Phật vãng sanh, lúc họ lâm chung, A-di-đà Phật đến nghênh tiếp, thiên nhạc đầy không trung, người tâm địa chân thành có thể nghe được, người vọng niệm nhiều, phiền não nhiều thì không nghe được. Thế nên có người nhìn thấy quang minh, có người nhìn thấy Phật Bồ-tát, có người nhìn thấy hoa sen. Người niệm Phật vãng sanh có rất nhiều tướng lành, cũng là khảo nghiệm công phu của chúng ta, chúng ta thật sự có công phu thì sẽ nhìn thấy. Đến khi nào có cảm? Công phu thành thực thì có cảm, thế giới Cực Lạc tự nhiên có ứng. Vì sao vậy? Quang minh của thế giới Cực Lạc, âm nhạc của thế giới Cực Lạc, các thứ trang nghiêm của thế giới Cực Lạc có thể giống như cái truyền hình vậy, truyền khắp hư không pháp giới, chỉ cần bạn có một cái máy nhận tín hiệu thì bạn có thể tiếp nhận nhìn thấy. Chúng ta dùng gì để tiếp nhận? Dùng nhất tâm bất loạn, niệm Phật niệm đến nhất tâm bất loạn thì tiếp nhận được.

Bên trên nói về đức của âm thanh, không những là thù thắng đặc biệt bậc nhất trên trời, trời này là cõi trời, Dục giới thiên, Sắc giới thiên, Vô Sắc giới thiên, thù thắng đặc biệt nhất trong cõi trời. Thiên nhạc của chư thiên, chư thiên cũng có quang minh, nhưng không thể sánh bằng thế giới Cực Lạc. Là đệ nhất trong mười phương thế giới, chẳng những ở thế giới Ta-bà, mà trong tất cả cõi nước chư Phật mười phương, A-di-đà là bậc nhất. Thế nên chư Phật Bồ-tát tán thán A-di-đà Phật “quang minh tôn quý nhất, vua trong các Phật” là có đạo lý, đây là sự lưu lộ viên mãn của

tánh đức. Điểm này những người học Đại thừa chúng ta phải ghi nhớ, những đức năng mà trong kinh nói đến đều là thứ mà trong bản tánh của chúng ta vốn tự đầy đủ. Đầy đủ điều gì? Hết thấy y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc đều đầy đủ, không phải đến từ bên ngoài. Cho nên chỉ cần bạn kiến tánh thì nhìn thấy được, chưa kiến tánh thì có thể cảm ứng. Chưa chứng được lý nhất tâm bất loạn, công phu thành phiền, sự nhất tâm là cảm, cảm ứng, thì có cơ hội nhìn thấy được. Nếu niệm đến lý nhất tâm bất loạn thì lúc nào cũng có thể nhìn thấy, đây là tánh đức.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Nhược hữu chúng sanh, đở Bồ-đề thụ, văn thanh, khứu hương, thường kỳ quả vị, xúc kỳ quang ảnh, niệm thụ công đức, giai đắc lục căn thanh tịnh, vô chư não hoạn, trụ bất thoái chuyển, chí thành Phật đạo. Phục do kiến bỉ thụ cố, hoạch tam chủng nhãn: nhất âm hưởng nhãn, nhị nhu thuận nhãn, tam giả vô sanh pháp nhãn.**

*Nếu chúng sanh nào thấy được cây Bồ-đề, nghe tiếng, ngửi hương, nếm mùi vị quả, tiếp xúc với ánh sáng và bóng của cây, nghĩ đến công đức của cây thì đều được sáu căn thanh tịnh sáng tỏ, không có các não hoạn, trụ bất thoái chuyển, cho đến thành Phật đạo. Lại do thấy được cây ấy nên được ba thứ nhãn: một là âm hưởng nhãn, hai là nhu thuận nhãn, ba là vô sanh pháp nhãn.*

Đoạn kinh văn này nói rõ cây Bồ-đề có thể ban cho chúng sanh lợi ích chân thật, cho thấy công đức đại nguyện của đức Di-đà không thể nghĩ bàn, nên thành tựu cõi Phật thù thắng không thể nghĩ bàn. Cây Bồ-đề có thể sanh ra pháp ích không thể nghĩ bàn.

*“Nhược hữu chúng sanh, đở Bồ-đề thụ”*

Nếu có chúng sanh mắt nhìn thấy cây Bồ-đề; “văn thanh”, tai nghe được âm thanh diệu pháp ấy; “khứu hương”, mũi ngửi được hương thơm của cây Bồ-đề; “thường kỳ quả vị”, lưỡi nếm được mùi vị của quả; “xúc kỳ quang ảnh”, thân thể tiếp xúc được ánh sáng hoặc bóng của cây; “niệm thụ công đức”, ý căn đang nhớ nghĩ công đức của cây, “đều được sáu căn thanh tịnh sáng tỏ”. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sáu căn đều thanh tịnh vô cấu, phân biệt hiểu rõ triệt để. Ví dụ, tai, mắt đối với màu sắc và âm thanh nghe thấy đều có thể hoàn toàn phân biệt rõ, không có sai

sốt thì gọi là “triệt”. Hội Sớ nói: “Nhĩ căn vô cấu là thanh”, một người thành kiến kiên cố, đối với những điều đúng đắn thì nghe không vào, là do vì ô nhiễm của tai quá nặng. “Nghe hết các âm thanh thì gọi là triệt”, đối với các loại âm thanh đều có thể nghe thấy thì gọi là triệt. Năm căn còn lại thì có thể nêu một mà suy ra ba, ý căn vô cấu thì là thanh, hiểu rõ các pháp thì là triệt.

*“Vô chư não hoạn”*

Duy Thức Thuật Ký nói rằng: “Não nghĩa là loạn”. Cho nên ‘vô chư não hoạn’ chính là không có hoạn nạn do các loại não loạn gây ra, vì thế mà có thể an trụ ở địa vị bất thoái chuyển, đạt đến Phật quả viên mãn.

Bên dưới còn hiện rõ công đức diệu dụng không thể nghĩ bàn của cây Bồ-đề. Lại do nhân duyên có thể nhìn thấy cây Bồ-đề mà có thể đạt được ba loại nhãn. Một là âm hưởng nhãn, hai là nhu thuận nhãn, ba là vô sanh pháp nhãn. Tăng thượng của thế giới Cực Lạc thật sự đạt đến tột bực.

Hàm nghĩa của ba loại nhãn là:

*“Âm hưởng nhãn”*

Tịnh Ảnh Sớ nói: “Vừa nghe âm thanh liền giải ngộ, biết âm thanh như tiếng vang”. Chính là nói, từ âm thanh mà khai ngộ, do đó biết tất cả đều giống như tiếng vọng trong hang núi, chỉ là vọng lại mà thôi, căn bản không có người nói chuyện. Thế nên biết được tất cả đều như là tiếng vọng, không có ai tạo ra tiếng vọng này. Cho nên nói không có tác giả, hiểu được nghĩa chân thật ở trên thì gọi là âm hưởng nhãn. Đây là cảnh giới của Nhị địa Bồ-tát trở lên.

*“Nhu thuận nhãn”*

“Xả thuyên thú thật” thì gọi là nhu thuận nhãn. Dùng ngôn ngữ văn tự để biểu đạt nghĩa lý thì gọi là “thuyên”, tất cả kinh luận, công án của Thiền tông đều là thuyên. Chỉ là ký hiệu chỉ mặt trăng, rất nhiều người đều chấp chặt ngón tay này, muốn từ trên ngón tay mà tìm ra mặt trăng, vậy thì đợi đến năm con lừa đi. Hiện tại tất cả biểu đạt văn tự đều xả bỏ, hai mắt nhìn thẳng vào mặt trăng, đây chính là “xả thuyên thú thật”. Cho nên xả ly ngôn ngữ văn tự, nhập vào thật tướng, được nhu thuận nhãn. Đây là cảnh giới của Tứ địa, Ngũ địa, Lục địa Bồ-tát. Từ Thất địa trở lên thì “chứng nhập thật tướng, lia tất cả tướng”, đây mới là vô sanh pháp

nhẫn. Chứng nhập thật tướng, lìa khỏi hết thấy tướng, an trụ vào trong pháp vô sanh là cảnh giới của Thất địa Bồ-tát trở lên.

Nhìn thấy cây Bồ-đề thì được ba loại nhẫn này, đủ chứng minh nguyện lực của đức Di-đà và sức uy thần công đức vô thượng đều không thể nghĩ bàn. Di-đà Sớ Sao giải thích vô sanh nhẫn, có hai loại. Một loại là nói từ trên pháp, một loại là nói từ trên tu hành.

Nói từ trên pháp thì thấy đều không khởi niệm, không có lý thể thực tế tạo tác thì gọi là vô sanh. Đây đủ tâm của trí tuệ vô vi, an trụ ở trên lý thể thì gọi là nhẫn. Cũng chính là nói, vô sanh pháp chính là lý thể chân như thật tướng viễn ly sanh diệt. Trí tuệ chân thật an trụ bất động trên lý thể này thì gọi là vô sanh pháp nhẫn. Đại Trí Độ Luận nói: “Ở trong thật tướng các pháp vô sanh diệt mà tin nhận, thông đạt, vô ngại, bất thoái thì gọi là vô sanh nhẫn”. Đại Trí Độ Luận khai thị rất rõ ràng, đối với thật tướng các pháp vốn không có sanh diệt mà có thể: một tin nhận, hai thông đạt, ba vô ngại, bốn bất thoái, thì chính là vô sanh pháp nhẫn.

Từ trên hạnh (tu hành) mà nói thì càng lên một tầng lầu nữa. Sớ Sao nói: “Báo hạnh thuần thực, trí minh ư lý, vô tướng vô công, khoáng nhược hư không, trạm như đỉnh hải, tâm thức vọng hoặc, tịch nhiên bất khởi, phương viết vô sanh”. Báo hạnh trong kinh vẫn là đối với tập hạnh có công dụng mà nói. Tập hạnh chỉ cho tâm tâm tinh tấn, niệm niệm siêng tu, gắng sức dụng công, rơi vào trong hữu công dụng đạo, đây là cảnh giới của Thất địa Bồ-tát trở lên. Do vì tăng lên từ từ, chuyển thành báo hạnh, lại còn thuần thực. Báo hạnh là vô công dụng đạo, không cần khởi ý động tâm mà tự nhiên tùy ý nhập vào biển trí tuệ của Như Lai, đây là cảnh giới của Bát địa Bồ-tát. Lúc này trí tuệ chân thật của tự tâm và lý thể thâm khế hợp nhau. Lý thể vô tướng, vô vi, vô công, vô tướng; hạnh không có cái thể nào khác, chỉ dùng trí tuệ làm thể, trí tuệ và lý thể không hai, cho nên hạnh và lý tương đồng, cũng vô tướng, vô vi, vô công, vô tướng, đều là rộng lớn như hư không, trong vắt như nước tĩnh lặng. Lúc này mặt trời trí tuệ chiếu tỏ, hết thấy vọng hoặc của tâm thức tự nhiên không khởi, đây mới gọi là đắc vô sanh pháp nhẫn.

Công đức của cây Bồ-đề có thể khiến cho người nhìn thấy đạt đến địa vị Bát địa, chính là vì Cực Lạc tức là Hoa Tạng, thế giới Hoa Tạng, nhất chân pháp giới, thập huyền diệu môn đều toàn ở Cực Lạc. Toàn thể bao gồm mỗi một cực bộ, đây là thường thức mà phụ nữ và trẻ con đều biết, thế nhưng cực bộ bao gồm

toàn thể thì là huyền môn của Hoa Nghiêm mà khoa học hiện nay chứng thực. Nhìn thấy cây thì nhìn thấy toàn thể thế giới Hoa Tạng, viên mãn đầy đủ tất cả công đức. Nhìn cây đặc nhãn, chẳng xem là kỳ lạ, vả lại đây là mượn sự mà hiển pháp, sanh giải môn trong thập huyền môn của Hoa Nghiêm. Từ sự tương cụ thể có thể khai Phật tri kiến, thị Phật tri kiến, lập tức ngộ nhập tri kiến Phật. Thế nên năm xưa Thích-ca Mâu-ni Phật trong hội Linh Sơn, đưa cành hoa lên cho mọi người nhìn, mọi người đều không hiểu gì hết, duy chỉ Kim Sắc Đầu Đà – tôn giả Ca-diếp mỉm miệng cười, ngài đã khai ngộ, trở thành tổ sư đời thứ nhất của Thiền tông. Đây chính là mượn sự để nêu rõ pháp: hoa là sự, sở ngộ của ngài Ca-diếp là pháp. Cho nên cây Bồ-đề của thế giới Cực Lạc, bạn nhìn thấy rồi thì chứng được vô sanh pháp nhãn, cũng chính là mượn sự để nêu rõ pháp.

Tiết học này chia sẻ đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 49

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Phật cáo A-nan, như thị Phật sát, hoa quả thụ mộc, dữ chư chúng sanh, nhi tác Phật sự. Thử giai Vô Lượng Thọ Phật, uy thần lực cố, bốn nguyện lực cố, mãn túc nguyện cố, minh liễu, kiên cố, cứu cánh nguyện cố.**

*Phật bảo A-nan: Hoa quả cây cối và các chúng sanh cõi Phật ấy làm các Phật sự. Đây đều do sức uy thần, sức bốn nguyện, nguyện viên mãn, nguyện rõ ràng, kiên cố, rốt ráo của Phật Vô Lượng Thọ vậy.*

Đoạn kinh văn này là tổng thuyết, là thần lực, nguyện lực của đức Di-đà biến hiện ra.

Phật nói với ngài A-nan, hoa quả cây cối ở thế giới Cực Lạc đều có thể làm Phật sự cho chúng sanh. Nguyên nhân gì vậy? Là do hai nguyên nhân: Một là sức uy thần của Phật Vô Lượng Thọ. A-di-đà Phật đã thành Phật rồi, A-di-đà Phật có uy thần như vậy, có sức mạnh như vậy. Hai là sức bốn nguyện, nguyện đã phát trước đây, nên hiện nay đã thành hiện thực, có thể khiến chúng sanh nhìn thấy cây mà được ba loại hạnh. Thế nên sức bốn nguyện là tổng thuyết, tiếp theo là mãn túc nguyện, minh liễu nguyện, kiên cố nguyện, cứu cánh nguyện, bốn thứ này là phân biệt ra mà nói.

Một, mãn túc nguyện. Tịnh Ảnh nói rằng: “Nguyện tâm viên mãn đầy đủ”. Tâm phát nguyện là viên mãn đầy đủ, thế nên vì chúng sanh mà suy nghĩ thì sẽ nghĩ ra.

Hai, minh liễu nguyện. Quang minh, trí tuệ đều đồng tương ưng.

Ba, kiên cố nguyện, là tinh tấn không thoái, không có thoái tâm.

Bốn, cứu cánh nguyện, mong cứu giúp hết thảy pháp giới hữu tình, cho nên gọi là cứu cánh.

Bởi vì ngài muốn độ hết tất cả hữu tình trong pháp giới, điều kỳ vọng chỉ là độ hết tất cả chúng sanh, cho nên tất cả nguyện này đều ắt lấy chân thật chi tế làm



thể, từ chân thật huệ mà sinh ra, có đầy đủ phương tiện rốt ráo, thế nên ngài có thể khiến chúng sanh đều được lợi ích chân thật.

Kinh văn phẩm thứ 15 đã giảng xong rồi, kế tiếp quy nạp một số điểm trọng yếu như sau.

*Trọng điểm thứ nhất:* cây Bồ-đề của thế giới Tây Phương Cực Lạc làm lợi ích cho chúng sanh, ban cho hết thảy chúng sanh lợi ích thù thắng không gì sánh. Lợi ích chân thật thù thắng này chính là đoạn phiền não, chúng Bồ-đề, thành Phật đạo. Mắt thấy cây Bồ-đề, tai nghe âm thanh của cây, mũi ngửi mùi hương, lưỡi nếm vị của trái, thân tiếp xúc với ánh sáng và bóng cây, nhớ nghĩ công đức của cây, lợi ích thù thắng không thể nghĩ bàn. Dùng một câu quan trọng nhất để nói là: thảy đều được sáu căn thanh tịnh thông suốt.

*Trọng điểm thứ hai:* sáu căn tiếp xúc với cảnh giới của cây Bồ-đề, có được lợi ích công đức thù thắng, không có các phiền não âu lo, không thể nghĩ bàn. Người hiện nay chẳng phải không có phiền não âu lo, mà là rất nhiều phiền não lo âu, khổ nói không nên lời. Sáu căn của chúng ta tiếp xúc với cảnh giới của cây Bồ-đề, giúp cho chúng ta xa lìa nạn bị não loạn. Cảnh giới bên ngoài dẫn nhiều đến đâu, phức tạp đến đâu, chúng ta dùng tâm thanh tịnh để đối đãi với nó, không để nó ở trong tâm, tâm chuyên chú vào một câu Phật hiệu thì sẽ xa lìa nạn bị não loạn. Lợi ích công đức của cây Bồ-đề, chúng ta đã nhận được rồi.

*Trọng điểm thứ ba:* Phật pháp có thần thông, chẳng những có thần thông, mà còn có đại thần thông, nhưng Phật Bồ-tát không dùng thần thông làm Phật sự, làm Phật sự chính là tiếp dẫn chúng sanh. Phật dùng phương pháp gì tiếp dẫn chúng sanh? Dùng kinh giáo, giảng đạo lý cho bạn nghe, giảng luân lý, giảng đạo đức, giảng nhân quả, đến sau cùng đều quy về tự tánh của bạn, đây là thật, chẳng phải giả, không lừa người. Hết thảy chúng sanh vốn đều là Phật, hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, hết thảy chúng sanh đều có trí tuệ, đức tướng của Như Lai.

*Trọng điểm thứ tư:* hiểu rõ vũ trụ là từ đâu đến, chân tướng của nó là gì? Do tâm mà hiện, do thức mà biến, đối với điều này, đại sư Lục Tổ Huệ Năng nói rõ ràng nhất: “Nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp.” Cho nên Phật dạy chúng ta hướng vào trong mà học tập, không cầu ở bên ngoài, bên ngoài là giả, bên trong là thật. Bên trong là gì? Bên trong là giới định tuệ. Giới chính là phương pháp, tuân theo phương pháp mà Phật đã dạy, phương pháp này giúp chúng ta tìm lại chân tâm, buông bỏ

vọng tâm. Chân tâm sanh trí tuệ, không sanh tà kiến, đây là Phật pháp. Đến sau cùng giúp bạn, vẫn là bạn [phải] triệt để buông xuống, thì thành Phật. Bạn không buông xả thì Phật cũng không giúp bạn được. Chân tướng của vũ trụ là: hết thấy pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể đạt được.

*Trọng điểm thứ năm:* cây Bồ-đề xung quanh giảng đường của A-di-đà Phật, đó là biểu pháp, đó là ký hiệu đặc trưng của A-di-đà Phật.

*Trọng điểm thứ sáu:* đạt được ba loại nhãn: âm hưởng nhãn, nhu thuận nhãn, vô sanh pháp nhãn. Nhãn là gì? Nhãn là thiên định. Nhãn này chính là khẳng định, thừa nhận, không có hoài nghi, cũng chính là xác nhận, đồng ý, đối với pháp của Phật thuyết không có hoài nghi, hoàn toàn tiếp nhận, đó là nhãn. Nhìn thấy cây thành trụ nhãn, nghe danh được nhãn, thấy đều là không thể nghĩ bàn, lại thêm chẳng thể nghĩ bàn.

Thế nào là thành nhãn? Hoàng Niệm lão giải thích là: thành là thành tựu, chính là đạt được. Phía trước nói đến sáu căn, ở đây chỉ chọn ra một căn, chọn ra nhãn kiến, nhãn căn thông rồi thì năm căn còn lại hoàn toàn thông tỏ. Trong 48 nguyện, nguyện thứ 41- nguyện cây hiện cõi Phật, và nguyện thứ 47- nguyện nghe danh đắc nhãn, hai nguyện này đều thành hiện thực rồi.

Thế nào là đắc nhãn? Đắc nghĩa là đạt được, nếu như nói nhìn thấy cây thành trụ nhãn và nghe danh đắc nhãn, so sánh hai điều này, thì lợi ích của nghe danh đắc nhãn rõ rệt hơn. Nghe danh đắc nhãn cần có công phu, ngày nay người nghe đến danh hiệu A-di-đà Phật rất nhiều, vì sao không đắc nhãn? Công phu không đủ, trong lục đạo mê quá sâu, hoàn toàn bị ngũ dục lục trần của thế gian này mê hoặc, không biết ngũ dục lục trần là giả, xem giả thành thật, cho nên không thể đắc nhãn.

Hoàng Niệm lão giải thích về ba loại nhãn. Âm hưởng nhãn, nghe pháp ngộ đạo, biết hết thấy pháp như tiếng vọng của âm thanh, như mộng huyễn bọt bóng, nên gọi là âm hưởng nhãn. Nhãn này thì hàng Bồ-tát Tam địa trở xuống của Biệt Giáo đạt được. Nhu thuận nhãn, xả ly ngôn ngữ văn tự, nhập vào thật tướng thì gọi là nhu thuận nhãn, Bồ-tát Tứ-Ngũ-Lục địa có thể đạt được. Vô sanh pháp nhãn, nếu chứng nhập thật tướng, lia tất cả tướng thì gọi là đắc vô sanh pháp nhãn, là Bồ-tát Thất địa trở lên. Khái niệm này, chúng ta phải làm cho rõ, thì sẽ giúp chúng ta nâng cao, nguyên tắc chung chính là Kinh Kim Cang nói: “Nên chẳng chỗ trụ mà sinh tâm

ấy”, nếu sanh tâm vô trụ thì chính là Bồ-tát, sanh tâm nếu có chỗ trụ thì chính là phàm phu.

Thế nào là có chỗ trụ? Nói cạn một chút, sanh tâm, trong tâm cảm thấy có, đây gọi là trụ vào tướng, hoàn toàn không cho đó là giả, thế nên họ sanh tâm có chỗ trụ, có chỗ trụ nên họ sanh tâm, họ không thể vô trụ mà sanh tâm. Bồ-tát có bản lĩnh, sanh tâm và vô trụ là đồng như nhau, sanh tâm chính là vô trụ, vô trụ chính là sanh tâm, đây chính là công phu thành tựu.

Tịnh tông chúng ta dùng phương pháp gì để giải quyết vấn đề vô trụ sanh tâm? Chúng ta sanh tâm có chỗ trụ, nhưng chúng ta không trụ vào sanh tâm, mà trụ vào cái gì? Trụ vào A-di-đà Phật, chính là tìm chỗ trụ cho bạn, trụ vào Phật hiệu A-di-đà Phật, trụ vào đây thì tốt, diệu, tuyệt diệu! Bồ-tát Thập địa trở lên gọi là “tịch diệt nhân”, đây là cao nhất rồi. Tịch diệt, không có phiền não thì gọi là tịch, không có sanh tử thì gọi là diệt, cảnh giới không có phiền não và sanh tử chính là Niết-bàn.

Tiếp theo giảng kinh văn phẩm thứ 16.

## **ĐƯỜNG XÁ LÂU QUÁN ĐỆ THẬP LỤC**

Phẩm kinh văn này, Thế Tôn nói hoàn cảnh của thế giới Tây Phương Cực Lạc cho chúng ta, trọng điểm nói về y phục, ăn uống, nơi ở, việc đi lại. Chỗ ở của các Bồ-tát của Thế giới Tây phương Cực Lạc là như thế nào vậy? Đây cũng là việc mà mọi người quan tâm. Thế Tôn đem mỗi một thứ, [từ]giảng đường thuyết pháp của A-di-đà Phật, tinh xá tu pháp của Bồ-tát, cho đến tất cả lầu quán lan can đều giới thiệu cho chúng ta, nêu rõ lòng từ bi vô tận của Thế Tôn đối với chúng sanh.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Hựu Vô Lượng Thọ Phật giảng đường tinh xá, lâu quán lan thuấn, diệc giai thất bảo tự nhiên hóa thành. Phục hữu bạch châu Ma-ni dĩ vi giao lạc, minh diệm vô tỉ. Chư Bồ-tát chúng, sở cư cung điện, diệc phục như thị.**

*Lại nữa, giảng đường, tinh xá, lầu quán, lan can của Phật Vô Lượng Thọ cũng đều là bảy báu tự nhiên hóa thành. Lại có bạch châu, Ma-ni đan xen vào nhau sáng đẹp không gì sánh bằng. Cung điện của các Bồ-tát ở cũng lại như vậy.*

Đại ý của đoạn kinh văn này là, giảng đường thuyết pháp trong nước của Phật Vô Lượng Thọ, tinh xá tu pháp, cho đến tất cả lầu quán lan thuẩn. Lan là lan can, dọc thì gọi là lan, ngang thì gọi là thuẩn, cũng đều do bảy báu tự nhiên hợp thành, đồng thời cũng đều treo các trân bảo như bạch châu, Ma-ni v.v... dùng làm dây anh lạc, treo lơ lửng đan xen giống như mạng lưới, chiếu sáng lẫn nhau, trang sức cho nhau, quang minh mỹ diệu, không gì sánh được. Cung điện mà chư Bồ-tát ở cũng là như vậy, hiển thị thế giới Tây Phương Cực Lạc là thế giới bình đẳng.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Trung hữu tại địa giảng kinh, tụng kinh giả; hữu tại địa thọ kinh, thính kinh giả; hữu tại địa kinh hành giả; tư đạo cập tọa thiền giả; hữu tại hư không giảng tụng, thọ thính giả; kinh hành, tư đạo, cập tọa thiền giả.**

*Trong đó có người giảng kinh, tụng kinh trên đất; có người thọ kinh, nghe kinh trên đất; có người kinh hành, tư duy đạo lý và tọa thiền trên đất; có người giảng, tụng, thọ trì, nghe, kinh hành, tư duy đạo lý và tọa thiền trên không trung.*

Đoạn kinh văn trước đó nói về cảnh, đoạn kinh văn này nói về người trong cảnh. Hoàn cảnh tu học thù thắng, hoàn cảnh tu học thù thắng nhất trong tận hư không khắp pháp giới chính là thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đoạn kinh văn này thể hiện đầy đủ chư Bồ-tát tu học ở thế giới Tây Phương Cực Lạc hành đạo tự tại. Trong kinh nêu ví dụ nói rõ, người ở thế giới Cực Lạc tu hành như thế nào.

Trong số họ có người giống như thế giới chúng ta, ở trên mặt đất giảng kinh, tụng kinh, câu này rất quan trọng. Giảng kinh, đối với chính mình là sự nâng cao, vì sao vậy? Mỗi lần giảng không như nhau, mỗi lần đều có tiến bộ. Tụng kinh chính là tổ tổ tương truyền, dạy chúng ta đọc sách ngàn lần nghĩa kia tự hiểu. Nghĩa kia tự hiểu chính là khai ngộ. Tụng là tụng thuộc lòng, đọc kinh thuộc rồi, không cần dùng quyển kinh mà có thể tụng thuộc, không có chỗ sai sót, đây chính là đang tu niệm Phật tam-muội. Bất luận ở nơi nào bạn đều có thể nhìn thấy mỗi một người đều đang dụng công, đây là ở trên mặt đất.

Có người ở trên mặt đất thọ trì kinh, nghe kinh, có người ở trên đất kinh hành, suy ngẫm về đạo và tọa thiền, đây là nêu ví dụ để nói rõ các loại hình tướng của người tu hành ở thế giới Cực Lạc. Có người ở trên mặt đất giảng kinh, đương nhiên

cũng có rất nhiều người đang nghe kinh, tụng kinh, thọ trì kinh, còn có người trên mặt đất đi kinh hành.

Kinh hành chính là đi nhiều quanh Phật mà hiện nay chúng ta nói. Có hai loại hình thức, một loại là đi vòng quanh mà niệm, một loại đi tới lui theo đường thẳng mà niệm; còn có một loại phương pháp kết hợp ngồi niệm với đi vòng quanh niệm, cũng rất phù hợp. Tiểu viện Lục Hòa của chúng tôi là như vậy, chia thành ba khu niệm Phật, một là khu nhiều Phật, hai là khu tịnh khẩu ngồi niệm, ba là khu lạy Phật, đây là chỉ cho ba loại phương thức niệm Phật trong niệm Phật đường, mỗi một người tự do lựa chọn, cũng có thể tiến hành luân phiên ba loại hình thức. Chúng tôi còn có một kiểu nhiều Phật khác, bốn giờ sáng, đi nhiều 36 vòng trong hành lang của tiểu viện, đại khái hết 1 tiếng 20 phút.

Ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, còn có người ở trên mặt đất tu đạo, tu đạo chính là tư duy về đạo, và tọa thiền chính là ngồi xếp bằng tu tập thiền định. Trong hư không của thế giới Cực Lạc có nhiều loại người tu hành theo các phương thức khác nhau.

Nói đến đây, tôi lại muốn nói đến việc liên quan đến Thiền và Mật. Ba vị thầy của lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không là tiên sinh Phương Đông Mỹ, đại sư Chương Gia, thầy Lý Bình Nam. Các ngài trong những thời gian khác nhau nói với lão pháp sư lời nói giống nhau: không cho phép lão pháp sư đụng vào Thiền, không cho phép ngài đụng đến Mật, nói với ngài: “con không phải là căn cơ học Thiền, học Mật”. Đây là ba vị thầy tốt hiểu rõ căn cơ của học sinh, có trách nhiệm với học sinh.

Lão pháp sư dạy chúng ta, Thiền không dễ tu, Mật cũng không dễ tu, đều cần phải có người thầy tốt ở bên cạnh chăm nom bạn. Tu Thiền định dễ bị dính ma, cho nên nhất định cần phải có vị thầy tốt. Trong thiền đường có thầy chỉ dẫn, có đường chủ, khi bạn gặp vấn đề thì có thể giúp bạn giải quyết. Nếu bị dính ma mà không có người giúp giải quyết thì rất khổ, người thông thường chúng ta gọi là bệnh thần kinh, đưa bạn vào bệnh viện tâm thần thì bạn khổ rồi, khổ cả đời luôn. Cho nên học Thiền, học Mật phải hết sức cẩn thận.

Trước tiên đối với bản thân phải có định vị chính xác, chọn ra pháp môn khế hợp với căn cơ của bạn mà tu học, như vậy thì sẽ ổn thỏa hơn. Ví dụ, Đản Kinh nói rõ với chúng ta, Thiền tông là độ người thượng thượng căn, chú ý, là người thượng thượng căn, hai chữ thượng; không phải người thượng căn, người trung hạ căn không

có phần. Bạn lựa chọn tu học Thiên tông, trước tiên phải xác nhận bản thân là người thượng thượng căn. Ai đến xác nhận? Chính mình xác nhận, người khác không thể xác nhận cho bạn. Lựa chọn tu Mật cũng là như vậy.

Bất luận tu Thiên, tu Mật thì nhất định phải có vị thầy tốt chỉ dẫn, không có thầy chỉ dẫn, chính mình tu mù luyện quán thì rất dễ xảy ra vấn đề. Ngay cả tu Phật thất, lão pháp sư đã nói với chúng ta như sau, nhất định không được tu Phật thất tinh tấn, nhất định không được tu Bát Chu tam-muội. Bát Chu tam-muội là niệm Phật 90 ngày, 90 ngày chỉ có thể đứng, chỉ có thể đi lại, kinh hành, không được ngồi xuống, không được nằm xuống ngủ, không có thân thể như vậy thì không được, việc này cũng sẽ dính ma, chẳng phải là việc dễ dàng. Không có công phu nhất định, không có sự chắc chắn thì chớ xem thường mà làm thử.

Thầy Lý Bình Nam cả một đời tổ chức hai lần Phật thất tinh tấn, về sau không dám làm nữa, bởi vì trong quá trình tu Phật thất có một học trò gặp vấn đề, thầy Lý mất thời gian nửa năm giúp anh ta khôi phục lại bình thường, nếu như không có công phu, làm thử việc này thì đó là việc rất nguy hiểm. Hiện nay ít cao nhân, một khi xảy ra vấn đề, không có người có thể xử lý được, hậu quả sẽ khá nghiêm trọng. Bất luận tu học pháp môn nào, ngàn vạn phần không được truy cầu thần thông. Còn nhớ vài năm trước có bốn câu nói như vậy: Không được cầu thần thông, cầu rồi chớ được đắc, đắc rồi chẳng thể dùng, dùng rồi ắt dính ma. Phải ghi nhớ thật kỹ bốn câu này. Truy cầu thần thông rất nguy hiểm.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Hoặc đắc Tu-đà-hoàn, hoặc đắc Tư-đà-hàm, hoặc đắc A-na-hàm, A-la-hán. Vị đắc A-đuy-việt-trí giả, tắc đắc A-đuy-việt-trí. Các tự niệm đạo, thuyết đạo, hành đạo, mạng bất hoan hỷ.**

*Hoặc đắc Tu-đà-hoàn, hoặc đắc Tư-đà-hàm, hoặc đắc A-na-hàm, A-la-hán. Người chưa đắc A-đuy-việt-trí thì sẽ đắc A-đuy-việt-trí. Mỗi người tự niệm đạo, thuyết đạo, hành đạo, không ai không hoan hỷ.*

Đại ý của đoạn kinh văn này là, bốn câu phía trước nói tứ quả của Tiểu thừa. Đó là: Sơ quả Tu-đà-hoàn, nhị quả Tư-đà-hàm, tam quả A-na-hàm, tứ quả A-la-hán. Trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư ở thế giới Cực Lạc, trong các loại người tu trì thì bên trên nói về tứ quả, chỉ cho người đã đoạn hoặc. Nếu đã đoạn toàn bộ kiến

hoặc thì tương đương với chúng Sơ quả, nhưng phát tâm của họ chẳng phải chỉ là Sơ quả, chúng ta biết, trên thực tế cõi nước Cực Lạc thấy đều là Bồ-tát phát đại tâm. Vãng Sanh Luận nói: “Nhị thừa không sanh về”.

Sơ quả Tu-đà-hoàn được gọi là Nhập Lưu, là phàm phu mới nhập vào dòng pháp của thánh đạo. Nhị quả Tu-đà-hàm dịch là Nhất Lai, đã đoạn được sáu phẩm trước trong chín phẩm tư hoặc của Dục giới, vẫn còn phải đến cõi người hoặc trời Dục giới thọ sanh thêm một lần nữa. Tam quả A-na-hàm dịch là Bất Hoàn, đã đoạn hết ba phẩm tư hoặc sau cùng của Dục giới, không còn trở lại Dục giới, lần sau thọ sanh chỉ ở Sắc giới và Vô Sắc giới. Tứ quả A-la-hán, dịch là Sát Tặc, Ứng Cúng, Bất Sanh, đã đoạn hết tất cả tư hoặc của Phi Tướng Xứ, nhập vào Hữu Dur Niết-bàn, không còn đến Tam giới nữa.

A-duy-việt-trí chính là A-bệ-bạt-trí, chính là bất thoái chuyển. Di-đà Yếu Giải nói: “Một, vị bất thoái, nhập vào dòng thánh, không rớt xuống địa vị phàm phu. Hai, hạnh bất thoái, thường độ sanh, không rớt xuống địa vị Nhị thừa. Ba, niệm bất thoái, tâm tâm lưu nhập biển Tát-bà-nhã”. Biển Tát-bà-nhã là biển nhất thiết chủng trí, cũng chính là biển Như Lai quả, phải phá một phần vô minh, chứng một phần pháp thân, mới có thể mỗi một niệm đều lưu nhập vào biển trí tuệ của Phật, cho nên đây là cảnh giới cực cao.

Thế nhưng, phàm phu sau khi vãng sanh, trước tiên là vị bất thoái, tiếp theo thì thấy đều bất thoái. Thế giới Cực Lạc chỉ có điển pháp Nhất thừa, những người vãng sanh đều phát đại tâm, [nên] thứ thọ dụng là pháp lạc của Đại thừa, cho nên không rớt xuống địa vị Nhị thừa, chứng hạnh bất thoái. Thế giới Cực Lạc không có duyên thoái chuyển, hết thấy đều là tăng thượng [duyên], thọ mạng lại vô lượng, thế nên ắt chứng niệm bất thoái.

Vì vậy Yếu Giải nói: “Ngũ nghịch thập ác, mười niệm thành tựu, đời nghiệp vãng sanh, người ở hạ hạ phẩm đều được tam bất thoái”. Lại hết lời tán thán rằng: Vừa là phàm phu, vừa là A-bệ-bạt-trí, tuy là A-bệ-bạt-trí nhưng họ vẫn là phàm phu. Mười phương cõi Phật không có danh tướng này, không có giai vị này, không có pháp môn này. Nếu chẳng phải nhờ diệu đức tối cao vô cực của tự tâm, tự tánh, cùng với công lao đặc biệt kỳ diệu của trì danh niệm Phật, cộng thêm Nhất thừa nguyện hải của đức Di-đà thì sao có được kỳ tích thù thắng khôn sánh như vậy.

Tiếp theo xin tổng kết những trọng điểm của kinh văn phẩm thứ mười sáu.

*Trọng điểm thứ nhất:* thế giới Tây Phương Cực Lạc là một thế giới thật sự bình đẳng, những Bồ-tát vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, hoàn cảnh mà các ngài cư trú và của A-di-đà Phật là không hai không khác, kinh văn nói là “diệc phục như thị”, ý là nói sự bình đẳng của thế giới Cực Lạc.

*Trọng điểm thứ hai:* hoàn cảnh tu học ở thế giới Tây Phương Cực Lạc thù thắng, biểu hiện ở hành đạo tự tại, bất luận bạn tu học pháp môn nào, dùng phương thức, phương pháp nào để tu học đều sẽ không gặp chướng ngại, chân thật thể hiện ra pháp môn bình đẳng, không có cao thấp.

*Trọng điểm thứ ba:* nhất định không được truy cầu thần thông, thần thông chân thật là tự tánh, thần thông chẳng phải do học được, chẳng phải do cầu được, thần thông cầu bên ngoài là giả, là nguy hiểm, lạm dụng thần thông sẽ khiến bạn rơi vào ma cảnh. Chúng ta tu học Phật pháp, nhất định phải chánh tín, không được mê tín, không được đi lạc đường.

*Trọng điểm thứ tư:* thế giới Cực Lạc chỉ diễn pháp Nhất thừa, phàm phu vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc lập tức chứng địa vị tam bất thoái, là A-duy-việt-trí (vị bất thoái, hạnh bất thoái, niệm bất thoái). Mười phương cõi Phật duy chỉ có thế giới Tây Phương Cực Lạc có pháp môn này.

*Trọng điểm thứ năm:* thế giới Tây Phương Cực Lạc thành tựu như thế nào? Một là do diệu đức tối cao vô cực của tự tâm tự tánh A-di-đà Phật mà nên, hai là do công trạng đặc biệt kỳ diệu của trì danh niệm Phật mà được, ba là do Nhất thừa nguyện hải của đức Di-đà.

Tiếp theo giảng kinh văn phẩm thứ mười bảy.

## **TUYÊN TRÌ CÔNG ĐỨC ĐỆ THẬP THẤT**

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Hựu kỳ giảng đường tả hữu, tuyên trì giao lưu, tung quảng thâm thiện, giai các nhất đẳng. Hoặc thập do-tuần, nhị thập do-tuần, nãi chí bá thiên do-tuần, trạm nhiên hương khiết, cụ bát công đức.**

*Hai bên giảng đường lại có ao suối chảy quanh, dài rộng sâu cạn, thấy đều xứng hợp. Hoặc mười do-tuần, hai mươi do-tuần, cho đến trăm ngàn do-tuần, trong treo, thom tho, khiết tịnh, đủ tám công đức.*



Đoạn kinh văn này nói về công đức của suối, ao ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, cũng chính là nói công đức thù thắng không thể nghĩ bàn của ao bảy báu.

Hai câu mở đầu: *“Hai bên giảng đường, ao suối chảy quanh”*

Đây là tướng tổng quát của Cực Lạc. Trong nước Cực Lạc các nơi đều là như vậy, bên ngoài giảng đường, suối ao vây quanh, thông đến mọi phương, trong nước khắp nơi đều là như vậy, cho nên đây là tướng tổng quát.

Tiếp theo *“dài rộng sâu cạn, thấy đều xứng hợp”*

Thể hiện suối ao lớn nhỏ, đây là tướng riêng biệt. Suối ao dài rộng và sâu cạn đều có cấp độ không như nhau, có đủ loại hình thức; mỗi độ dài, độ rộng, độ sâu đều rất hợp nhau, đây là ý nghĩa của câu “giai các nhất đẳng”.

Suối ao lớn nhỏ có cái mười do-tuần, có cái hai mươi do-tuần, có cái lên đến trăm ngàn do-tuần. Nước trong ao “trạm nhiên hương khiết”: thanh khiết, thơm tho, khiết tịnh; có tám loại công đức, cho nên gọi là nước tám công đức. Bản dịch thời Đường của Kinh A-di-đà nói: “Vì sao gọi là nước tám công đức? Một là trong sạch, hai là thanh mát, ba là mùi vị ngon ngọt, bốn là nhẹ nhàng mềm mại, năm là thấm nhuần, sáu là an hòa, bảy là khi uống trừ được đói khát, vô lượng tật bệnh, tám là uống xong nhất định trường dưỡng các căn tứ đại, gia tăng các loại thiện căn thù thắng, chúng sanh nhiều phước, thường an lạc thọ dụng. Nước có thể trừ đói, trường dưỡng các căn, còn có thể gia tăng thiện căn, thật sự không thể nghĩ bàn, chúng sanh ở Cực Lạc thật sự có nhiều phước.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Ngạn biên vô số chiên-đàn hương thụ, kiết tường quả thụ, hoa quả hằng phương, quang minh chiếu diệu, tu điều mật diệu, giao phú u trì, xuất chủng chủng hương, thế vô năng dụ, tùy phong tán phức, duyên thủy lưu phần.**

*Ven bờ có vô số cây chiên-đàn hương, cây trái kiết tường, hoa quả luôn thơm ngát, quang minh chiếu diệu, cành dài lá dày che kín mặt ao, tỏa ra đủ các mùi thơm, thế gian không thể thí dụ được. Hương thơm theo gió tán ra, theo dòng nước chảy đưa hương.*

Bên bờ có vô số cây chiên-đàn hương, chiên-đàn là cây có mùi thơm ở Ấn Độ, thường gọi là “chiên-đàn mộc”. Và cây trái kiết tường, trái kiết tường ở Trung

Quốc không có, hình dạng giống trái qua lâu, ở Trung Quốc dùng quả lựu làm đại biểu, một hoa kết ra rất nhiều hạt lựu, biểu thị cho kiết tường.

“Hoa quả luôn thơm ngát”, hoa và quả đều thường tỏa hương thơm. “Quang minh chiếu diệu”, hoa quả đều phóng quang rực rỡ. “Cành dài lá dày”, cành nhánh rất dài, lá rất sum suê. Rìa nước, ven bờ đều có cây, cây mọc ra cành nhánh rất dài. “Che kín mặt ao”, vươn ra chạm vào nhau, soi bóng trên mặt nước ao, tỏa ra đủ loại hương thơm, mùi hương mỹ diệu, các loại diệu hương ở thế gian không thể sánh được. “Hương thơm theo gió tán ra, theo dòng nước chảy đưa hương”, theo làn gió mát tỏa ra hương thơm của bản thể, theo dòng nước ao tỏa ra hương thơm của hoa, khiến thân người chạm được hương thơm u nhã từ nơi gió mát nước trong đưa tới, cảnh giới xinh đẹp tuyệt diệu, lời văn cũng xinh đẹp tuyệt diệu.

Viết đến đây bất giác khiến tôi nhớ đến năm 2017, tôi mới đến nơi này không lâu, khoảng vào tháng 7 tháng 8, có một hôm chạng vạng tối, bốn năm người chúng tôi ngồi ở dưới cây liễu bên hồ phóng sanh nói chuyện, gió nhẹ thổi đến, cành liễu dài nhẹ nhàng đung đưa, khiến người cảm thấy dễ chịu. Vào ngay lúc đó Bồ-đề Tâm nói: “Ồ, thơm quá, mọi người có ngửi thấy mùi thơm không?” Tôi nói, tôi ngửi thấy một mùi hương nhẹ nhàng thanh khiết, còn nói ra bốn câu rằng: Đồng tham đạo hữu tán chuyện đời, gió sen từng đợt đưa hương tới, cảm được thiên nhân ghé đến chơi, cũng phải dừng chân nghe cho rõ. Cảm nhận đó thật sự rất mỹ diệu.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Hựu phục trì sức thất bảo, địa bố kim sa, ưu-bát-la hoa, bát-đàm-ma hoa, câu-mâu-đầu hoa, phần-đà-lợi hoa, tạp sắc quang mậu, di phú thủy thượng.**

*Lại nữa, ao được trang hoàng bằng bảy báu, đáy phủ cát vàng, hoa ưu-bát-la, hoa bát-đàm-ma, hoa câu-mâu-đầu, hoa phần-đà-lợi nhiều màu phối hợp rực rỡ che khắp mặt nước.*

Đại ý của đoạn kinh văn này là, vẫn dùng bảy báu để trang sức cho ao sen, mặt đáy của ao sen phủ đầy cát vàng, trên mặt nước ao là hoa sen bốn loại màu sắc: Ưu-bát-la hoa là hoa sen xanh; Bát-đàm-ma hoa là hoa sen đỏ; Câu-mâu-đầu hoa là hoa sen vàng; Phần-đà-lợi hoa là hoa sen trắng, mỗi một sắc sen đều phóng diệu quang, soi bóng trên mặt nước ao. Trong kinh A-di-đà nói: “Hoa sen xanh thì ánh

sáng xanh, hoa vàng thì ánh sáng vàng, hoa đỏ thì ánh sáng đỏ, hoa trắng thì ánh sáng trắng”, nói rõ bốn loại diệu liên phóng ra diệu quang. Xin chú ý hai chữ ‘diệu’ này: diệu liên, diệu quang, chỉ có thế giới Tây Phương Cực Lạc mới có diệu liên phóng quang. Diệu quang do bốn loại diệu liên này phóng ra cùng với câu “tạp sắc quang mậu” trong kinh này đúng là khớp nhau. Chữ “tạp” có nghĩa là: nhiều, tập, hòa, hợp, cho nên “tạp sắc” ở đây chỉ cho các diệu quang màu sắc khác nhau cùng phối hợp với nhau, và lại màu sắc ánh sáng rực rỡ, thế nên kinh văn dùng “tạp sắc quang mậu”, có thể nói là một bức tranh sơn dầu mỹ lệ, sắc màu rực rỡ.

Mời xem đoạn kinh văn kế tiếp:

**Nhược bĩ chúng sanh, quá dục thử thủy, dục chí tức giả, dục chí tất giả, dục chí yêu dịch, dục chí cảnh giả, hoặc dục quán thân, hoặc dục lãnh giả, ôn giả, cấp lưu giả, hoãn lưu giả, kỳ thủy nhất nhất tùy chúng sanh ý, khai thân duyệt thể, tịnh nhược vô hình, bảo sa ánh triệt, vô thâm bất chiếu.**

*Nếu chúng sanh kia tắm trong nước ấy muốn nước đến chân, muốn đến gối, muốn đến eo, đến nách, muốn đến cổ, hoặc muốn gội lên thân, hoặc muốn lạnh, muốn ấm, chảy nhanh hay từ từ, thì nước ấy nhất nhất thuận theo ý chúng sanh, khai mở sự sáng suốt, thân tâm sáng khoái, trong vắt thanh khiết như hư không, cát bụi chiếu suốt, chẳng có nơi sâu nào mà không chiếu tới.*

Đại ý của đoạn kinh văn này là, chúng sanh ở cõi nước ấy nếu vào trong ao nước tắm gội, bơi lội, người ở trong ao muốn nước tới chân thì tới chân, muốn tới đầu gối thì tới đầu gối, tới eo thì tới eo, đến nách thì đến nách, đến cổ thì đến cổ, muốn tắm gội thì được xối khắp toàn thân, muốn mát một chút thì mát một chút, muốn ấm một chút thì ấm một chút, muốn nước chảy xiết một chút thì chảy xiết một chút, chậm một chút thì chậm một chút.

*“Nước ấy nhất nhất thuận theo ý chúng sanh”*

Nước ao tùy theo mỗi một chúng sanh mà có thể làm hài lòng ý muốn của họ. Thử nghĩ xem, chỉ trong một cái ao này, có rất nhiều người đều đang bơi lội tắm gội, mỗi người chúng ta đều có suy nghĩ riêng, muốn cạn thì cạn, muốn sâu thì sâu, muốn gấp thì gấp, muốn chậm thì chậm, muốn ấm thì ấm, muốn mát thì mát, mỗi một người đều được vừa ý. Đây là triệt để phá tan tình kiến của chúng

sanh, hiển hiện toàn bộ công đức không thể nghĩ bàn của thập huyền môn của thế giới Hoa Tạng.

Trong nhất chân pháp giới, một sợi lông, một hạt vi trần chính là toàn thể pháp giới mà chúng ta thường nói, cục bộ có thể hàm nhiếp toàn thể, giống như ngàn hạt châu trên lưới trời Đế Thích, mỗi hạt châu đều chiếu ra ánh sáng rực rỡ của ngàn hạt châu. Nhất chân pháp giới chính là pháp thân, chính là tâm Phật, cũng chính là chân tâm diệu minh của mỗi một chúng sanh.

Cho nên, nước trong ao ở Cực Lạc chính là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Thế nên [tuy] vô tri mà biết hết tất cả tâm ý của chúng sanh trong nước, không cần tạo tác sắp đặt, tự nhiên mỗi một thứ đều viên mãn tâm ý của mỗi chúng sanh. Cùng lúc cùng nơi đồng xuất hiện các cảnh giới khác biệt không như nhau, ứng diệu vô cùng, tâm nghĩ tưởng suy tính của phàm phu chẳng thể lý giải được.

*“Khai thân duyệt thể, tịnh nhược vô hình”*

Nước không những tự nhiên đáp ứng tâm nguyện của mỗi một người tắm, mà thù thắng hơn là nước ấy có thể khai mở sự sáng suốt của bạn, khiến bạn thân tâm sáng khoái, tăng trưởng trí lực, hơn nữa tắm xong thì thân thể thư thái an lạc. Nước trong vắt thanh khiết giống như hư không, không có hình trạng. Nước trong nhìn thấy đáy, cát báu ở dưới đáy ao đều có thể triệt để phát ra ánh sáng. Không có bất kỳ chỗ sâu nào trong nước mà cát báu không chiếu tới được, cho nên nói “chẳng có nơi sâu nào mà không chiếu tới”.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 50

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Vi lan từ hồi, chuyển tương quán chú, ba dương vô lượng, vi diệu âm thanh. Hoặc văn Phật Pháp Tăng thanh, ba-la-mật thanh, chỉ tức tịch tĩnh thanh, vô sanh vô diệt thanh, thập lực vô úy thanh. Hoặc văn vô tánh vô tác vô ngã thanh, đại từ đại bi hỷ xả thanh, cam lộ quán đảnh thọ vị thanh.**

*Sóng gợn lăn tăn chan hòa vào nhau, phát ra vô lượng âm thanh vi diệu. Hoặc nghe tiếng Phật Pháp Tăng, tiếng ba-la-mật, tiếng chỉ tức tịch tĩnh, tiếng vô sanh vô diệt, tiếng thập lực vô úy. Hoặc nghe tiếng vô tánh, vô tác, vô ngã; tiếng đại từ đại bi hỷ xả; tiếng cam lộ quán đảnh thọ vị.*

Đoạn kinh văn này là nước nói diệu pháp, hiển thị công đức thuyết pháp không thể nghĩ bàn của chúng vô tình ở thế giới Tây Phương Cực Lạc. Sóng gợn trong nước, lớn thì gọi là “lan”, nhỏ thì gọi là “ba”, hiện nay trong kinh gọi là “vi lan”, chỉ cho những gợn nhỏ trên mặt nước, cũng chính là con sóng. Những con sóng này an hòa từ từ gợn theo vòng, sóng nước với sóng chan hòa vào nhau. Nước chảy có âm thanh, diễn phát ra vô lượng âm thanh vi diệu, sóng nước chính là đang rộng tuyên pháp âm, làm lợi ích cho chúng sanh, khiến cho người nghe mỗi mỗi đều nghe được pháp mà chính mình muốn nghe. Nói cụ thể chính là:

*“Hoặc văn Phật Pháp Tăng thanh”*

Phật Pháp Tăng là Tam bảo. Kinh A-di-đà nói: “Người nghe âm thanh ấy, tự nhiên đều sanh tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng”. Ba-la-mật dịch là đáu bỉ ngạn, tu đại hạnh của Bồ-tát, có thể từ bờ sanh tử bên này đến được bờ Niết-bàn bên kia, gọi là Ba-la-mật.

*“Chỉ tức tịch tĩnh thanh”*

Chỉ là đình chỉ, tức là dừng lại, chỉ cho dập tắt hết thảy vọng tưởng. Chỉ tức chính là chỉ quán. Sách Chỉ Quán, quyển thứ ba nói rằng: “Pháp tánh tịch nhiên thì gọi là chỉ, tịch mà thường chiếu thì gọi là quán”. Đây là nói tịch nhiên bất động là chỉ, tương đương với nghĩa của định trong giới định tuệ. Trong tịch định vẫn có tác

dụng giác chiếu, chính là quán, tương đương với nghĩa của tuệ trong giới định tuệ. Tịch tĩnh, thoát ly tất cả phiền não thì gọi là tịch, chấm dứt tất cả khổ hoạn thì gọi là tĩnh. Tịch tĩnh chính là cảnh giới Niết-bàn.

*“Vô sanh vô diệt thanh”*

Quốc sư Thanh Lương nói: “Chư pháp vốn vô sanh, lại vô diệt”. Kinh Nhân Vương nói: “Hết thấy pháp tánh là chân thật không, không đến không đi, vô sanh vô diệt”. Tâm Kinh nói: “Tướng không của các pháp đây, không sanh không diệt”. “Tướng không” của Tâm Kinh chính là “chân thật không” của kinh Nhân Vương, chính là “đệ nhất nghĩa đế không”. Hết thấy pháp đã là chân thật không thì sao lại có sanh diệt đến đi chứ. Cho nên kinh này nói “đức Như Lai ấy đến không chỗ đến, đi không chỗ đi, vô sanh vô diệt”, lia khỏi hết thấy các tướng phân biệt: đến đi, sanh diệt, không hữu. Thế nên quốc sư Thanh Lương nói: Các pháp vốn là vô sanh, đã vô sanh, đương nhiên cũng là vô diệt.

*“Thập lực vô úy thanh”*

Thập lực chính là trí lực chứng nhập thật tướng của Phật, tổng cộng có 10 loại. Vô úy là [uy] đức điềm tĩnh tự nhiên, không chút sợ sệt của Phật khi thuyết pháp trong đại chúng. Tổng cộng có bốn loại: Thuyết nhất thiết trí vô sở úy, thuyết lậu tận vô sở úy, thuyết chương đạo vô sở úy, thuyết tận khổ đạo vô sở úy.

*“Hoặc văn vô tánh, vô tác, vô ngã thanh”*

Vô tánh, hết thấy pháp đều không có thực thể, cho nên nói là vô tánh. Vô tác nghĩa là không có sự sắp đặt tạo tác, tương đồng với vô vi, nếu như có hành động thì thành pháp hữu vi. Pháp Sự Tán nói rằng: “Cực Lạc vô vi là cảnh giới Niết-bàn”. Niết-bàn là vô sanh vô diệt, trừ tận hết thấy pháp hữu vi, lia khỏi tất cả tạo tác hữu vi. Tông Thiên Thai chủ trương rằng: Phật của Quyền giáo, Pháp Tướng tông là do tu hành cảm được Phật quả mà thành Phật, do nhân tu hành trong ba đại kiếp báo đáp mà thành Phật, cho nên đó là Phật của pháp hữu vi. Ba thân của Phật trong Viên giáo đều là Phật tánh vốn tự nhiên như vậy, chẳng phải là do kết quả của tạo tác tu hành ở nhân địa, thế nên gọi là ba thân vô tác. Phẩm Thủ Hộ Quốc Giới trong kinh Pháp Hoa nói: “Hữu vi báo Phật là quả Phật Quyền giáo trong mộng; vô tác pháp chứng tam thân là Phật thật trước khi nằm mộng”. Đây là nói Phật của Quyền giáo là từ pháp hữu vi tu hành mà thành, Phật quả này giống như quả mà con người đạt

được trong khi đang nằm mộng. Đây là Như Lai vì chúng sanh nên phương tiện khéo léo mà gọi là Phật. Nếu như do vô tác pháp mà chúng được ba thân: pháp thân, báo thân, hóa thân của Phật của Viên giáo, thì đó là chân ngã trước khi nằm mộng, đây mới là Phật thật.

“Vô ngã”, thứ có cái thể thường hằng nhất định, lại có tác dụng chủ thể thì gọi là ngã. Trong thân người chấp chặt có tồn tại thứ ấy thì gọi là nhân ngã. Nếu ở trên pháp, chấp có thứ này thì gọi là pháp ngã. Thân người chỉ là sự hòa hợp giả tạm của ngũ uẩn, không có thực thể thường hằng nhất định, cho nên không có nhân ngã. Các pháp tóm lại đều do duyên mà sanh, cũng không có thực thể thường hằng nhất định, cho nên cũng không có pháp ngã. Chỉ Quán nói: Bởi vì không có trí tuệ nên mới cho rằng có ngã, nếu dùng trí tuệ để quán chiếu thì thật sự không có ngã. Nếu nói có ngã thì ngã ở đâu? Từ đầu đến chân, các chi các đốt, tìm xét hết thấy nhưng không tìm ra ngã. Có thể thấy làm sao lại có tha nhân và chúng sanh được. Và lại, Nguyên Nhân Luận nói rằng: Sắc thân do hình tướng nhục thể hiện ra, cho đến ngã tâm có thể suy tư ngẫm nghĩ, từ vô thủy đến nay do nhờ sức nhân duyên, một niệm tiếp nối một niệm, chính là một niệm sanh, một niệm diệt, niệm sau sanh thì niệm trước đã diệt, niệm niệm tiếp nối, chính là sanh diệt nối tiếp nhau, không có dừng lại, giống như lớp lớp sóng xô, lớp sau đuổi theo lớp trước, lại giống như ngọn lửa của cây nến, tia trước vừa tắt thì tia sau đã lóe lên, từng tia nối tiếp nhau, sanh diệt chẳng dừng. Thân tâm của con người và các loại hình tướng, do nhân duyên mà thân tâm giả hợp, giống như nhất định, lại giống như thường hằng, kỳ thực chỉ là tương tự tương tục, đã không nhất định, càng chẳng phải thường hằng. Thế nhưng kẻ phàm ngu thiếu trí tuệ nhận cho đó là ngã, yêu quý xem trọng cái ngã này, dẫn phát ra vô lượng tam độc tham sân si, tạo hết thảy nghiệp.

*“Đại từ đại bi hỷ xả thanh”*

Từ bi hỷ xả là tứ vô lượng tâm. Từ là ban vui cho chúng sanh, bi là nhờ bỏ nỗi khổ của chúng sanh, hỷ là thấy người khác lìa khổ được vui chính mình sanh tâm hoan hỷ, xả là nội tâm bình đẳng, không có chấp trước, đối với chúng sanh xả bỏ hết thảy phân biệt về oán thân v.v..., trừ bỏ hết thảy lỗi lầm về tham sân si, chúng sanh tu tập được vô lượng phước và quả.

*“Cam lộ quán đánh thọ vị thanh”*

Cam lộ vốn là thuốc bắt tử của thiên nhân, uống rồi có thể kéo dài thọ mạng, vị ngọt như mật. Bí Tạng Ký Sao của Mật điển nói rằng: Dùng nước pháp quán đánh cho đệ tử thì gọi là cam lộ quán đánh. Kinh Đại Nhật nói: Như Lai là pháp vương, vì khiến cho hạt giống Phật không bị đứt đoạn, [nên] dùng nước pháp cam lộ quán đánh cho đệ tử. Từ đó về sau tất cả thánh chúng đối với người được thọ quán đánh đều rất kính ngưỡng, biết người này nhất định không thoái chuyển nơi Vô thượng Bồ-đề, nhất định kế thừa địa vị pháp vương.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Đắc văn như thị chủng chủng thanh dĩ, kỳ tâm thanh tịnh, vô chư phân biệt, chánh trực bình đẳng, thành thực thiện căn, tùy kỳ sở văn dữ pháp tương ưng. Kỳ nguyện văn giả, triếp độc văn chi, sở bất dục văn, liễu vô sở văn. Vĩnh bất thoái ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.**

*Nghe được các thứ âm thanh như vậy xong, tâm liền thanh tịnh, không còn phân biệt, chánh trực bình đẳng, thành thực thiện căn, điều gì nghe thấy cũng đều tương ưng với pháp. Ý muốn nghe pháp nào chỉ có pháp đó phát ra; nếu không muốn nghe thì hoàn toàn không còn nghe thấy nữa. Vĩnh viễn không thoái tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.*

Đoạn kinh văn này nêu rõ chúng sanh ở thế giới Cực Lạc nghe đến âm thanh của nước thuyết pháp đạt được pháp ích. Người vãng sanh nghe được các loại âm thanh diệu pháp ở trên, trong tâm của họ thanh tịnh, lìa khỏi cấu ô và tạp nhiễm, cũng lìa khỏi các loại hư vọng, phân biệt và chấp trước, nhập vào pháp môn Bất Nhị, khéo hợp trung đạo. Cho nên trong kinh nói “chánh trực bình đẳng”. Không hai không khác chính là bình đẳng, trung đạo thì tự nhiên chánh trực. Không tà thì chính là chánh, không có bất kỳ tà tư tà kiến nào. Không cong queo thì chính là trực, trực tâm là đạo tràng. Thiên tông đề xướng trực khởi trực dụng. Thời Đường có một vị Đãi Sơn bà bà, nếu có người hỏi bà đi Đãi Sơn bằng cách nào, bà chỉ trả lời “cứ đi thẳng!”, ba chữ này rất đối bình thường, rất là kỳ lạ đặc biệt, nhưng vô biên diệu nghĩa và đạo lý huyền diệu đều ở trong đó, do đó thiện căn tự nhiên thành thực.

Kinh A-di-đà nói: “Các hàng cây báu cùng với lưới báu phát ra âm thanh vi diệu, ví như trăm ngàn loại nhạc đồng thời trỗi lên, người nghe âm thanh ấy tự nhiên đều sanh tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng”. Di-đà Sớ Sao nói: “Chấp trì danh



hiệu, nguyện gặp Di-đà, thật sự là nhiều thiện căn, đại thiện căn, tối thắng thiện căn, thiện căn không thể nghĩ bàn vậy”.

*“Điều gì nghe thấy cũng đều tương ưng với pháp”*

Điểm này là chỗ thù thắng nhất của thế giới Cực Lạc. Pháp được nghe ở thế giới Cực Lạc, bạn không những có thể lĩnh hội mà còn lập tức tương ưng với pháp. Hiện nay rất nhiều người chúng ta, chẳng những không thể tương ưng với pháp, mà lĩnh hội chính xác cũng là cực kỳ khó khăn rồi. Chúng sanh ở thế giới Ta-bà chúng ta, rất nhiều người đều không đạt được sáu căn thanh tịnh triệt để, trong tai có rất nhiều cầu ô.

Xin nêu ví dụ, giống như lấy ly đi múc nước cam lồ, thế nhưng cái ly của bạn vừa mới đựng thuốc trừ sâu, dùng cái ly này để uống cam lồ, uống rồi sẽ khiến bạn bị trúng độc chết, trong ly của bạn có độc, thế nên phải vô cầu, cũng chính là trước hết phải tiêu diệt ba độc tham sân si.

Còn về tương ưng thì vô cùng quan trọng, tương ưng chính là khế hợp. Vãng Sanh Luận Chú nói: “Tương ưng tỉ như hàm chứa sự tương xứng”. Đây chính là nói, tương ưng hàm chứa sự tương xứng, tương hợp. Hoa Nghiêm Luận nói: “Một niệm tương ưng một niệm Phật, một ngày tương ưng một ngày Phật”.

*“Ý muốn nghe pháp nào chỉ có pháp đó phát ra”*

Chính mình muốn nghe thứ gì thì nghe thấy thứ đó, người không muốn nghe thì một chút cũng không nghe thấy, một chút cũng chẳng bị quấy nhiễu. Thời thời nghe đại pháp vô thượng, nơi nơi được lợi ích chân thật, cho nên vĩnh viễn không thoái chuyển tâm A-nậu-đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đề.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Thập phương thế giới chư vãng sanh giả, giai ư thất bảo trì liên hoa trung tự nhiên hóa sanh, tất thọ thanh hư chi thân, vô cực chi thể.**

*Những người từ mười phương thế giới vãng sanh đều tự nhiên hóa sanh trong hoa sen nơi ao thất bảo, đều thọ thân thanh hư, thể vô cực.*

Phật trong mười phương thế giới đều đang xưng tán A-di-đà Phật, xưng tán thế giới Cực Lạc, khuyên chúng sanh trong cõi nước Phật của mình vãng sanh đến

thế giới Cực Lạc. Nhân dân trong mười phương cõi Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc rất nhiều, thế nên mọi người đều phải xem trọng vấn đề này. Nhiều Phật như vậy trong mười phương thế giới đều đang khuyến nhủ vãng sanh, nhân dân của mười phương cõi nước y giáo phụng hành. Thế nên chúng ta học Phật thì việc quan trọng nhất là y giáo phụng hành, chứ không phải xem nó thành học vấn để nghiên cứu. Nếu như chẳng phải chỉ muốn làm học giả, mà là muốn thành tựu đại nguyện tự giác giác tha, lợi ích khắp chúng sanh thì bạn phải y giáo phụng hành, cầu sanh Cực Lạc. Người được vãng sanh đều tự nhiên hóa sanh trong hoa sen của ao bảy báu, do không trải qua bào thai, lại chẳng phải là hoặc báo vọng nghiệp của bản thân, mà hoàn toàn nhờ vào nguyện lực vô thượng của đức Di-đà mà tự nhiên xuất hiện, vì vậy gọi là “tự nhiên hóa sanh”.

*“Đều thọ thân thanh hư, thể vô cực”*

Thanh hư và vô cực này xuất hiện trong bản dịch thời Hán và thời Ngô, bởi vì khi đó Phật giáo vừa mới được truyền vào Trung Quốc, lúc phiên dịch kinh điển tự nhiên sử dụng văn tự thường dùng của Đạo giáo. Thế nên trong kinh xuất hiện cách dùng từ ngữ ‘thanh hư’, ‘vô cực’ của Đạo giáo. Đại sư Gia Tường nói: “Thần thông quảng đại không gì chẳng đạt được, không có giới hạn, nên gọi là vô cực, là thể vô cực. Như quang như ảnh, chẳng phải là thân máu thịt, cho nên gọi là thân thanh hư”. Thân thanh hư, thể vô cực là thân tướng của quả địa Như Lai. Thế giới Cực Lạc chẳng thể nghĩ bàn.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Bất văn tam đồ ác nã khổ nạn chi danh. Thượng vô giả thiết, hà hưởng thật khổ, đãn hữu tự nhiên khoái lạc chi âm, thị cố bỉ quốc danh vi Cực Lạc.**

*Không nghe tên của phiền nã khổ nạn trong ba đường ác. Giả dụ còn không có, hưởng hồ thật có khổ, chỉ có âm thanh của niềm vui tự nhiên, do vậy nước đó gọi là Cực Lạc.*

*“Không nghe tên của phiền nã khổ nạn trong ba đường ác”*

Kinh A-di-đà nói: “Cõi nước Phật ấy, còn không có tên của ác đạo, hưởng là thật có”. Lại nói, “chúng sanh nước ấy, không có các khổ, chỉ thọ các niềm vui”. Và Luận Chú nói: “Vĩnh viễn xa lìa khổ nã của thân tâm, thường thọ lạc không gián

đoạn”. Thế nên trong kinh nói, trong nước Cực Lạc “chỉ có âm thanh của niềm vui tự nhiên”, cho nên nước ấy gọi là Cực Lạc.

Thọ dụng của thế giới Tây Phương Cực Lạc là niềm vui chân thật, niềm vui ấy chẳng phải tạo tác, mà là tự nhiên, thuận do tánh đức tự nhiên lưu lộ, thọ dụng tánh đức. Tuy tánh đức của bản thân chúng ta chưa hiện tiền, nhưng chúng ta có thể hưởng thọ tánh đức của A-di-đà Phật. Có người hỏi: Chúng ta dựa vào đâu mà hưởng thọ tánh đức của A-di-đà Phật? Tôi nói với bạn, dựa vào bạn là người học Phật. Người niệm Phật chúng ta, tâm đồng với A-di-đà Phật, nguyện đồng với A-di-đà Phật, giải đồng với A-di-đà Phật, hạnh đồng với A-di-đà Phật, thế nên tánh đức của A-di-đà Phật lưu lộ thì chúng ta có thể được một phần thọ dụng, chính là đạo lý như vậy.

Vì sao khuyên mọi người đọc tụng kinh Vô Lượng Thọ? Bởi vì tâm, nguyện, giải, hạnh của đức Di-đà đều ở trong bộ kinh này. Chúng ta có thể nói thế này, hết thảy pháp thế xuất thế gian chỉ có một pháp là chân thật, một pháp này là gì? Là thế giới Cực Lạc của A-di-đà Phật, đó là từ pháp tánh mà biến hiện ra, không có sanh diệt. Cho nên bạn sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc chính là vô lượng thọ, chính là vô lượng quang.

Thế giới Cực Lạc là tự tánh của chúng ta biến hiện. Tất cả cõi nước của chư Phật mười phương, bao gồm thế giới Ta-bà mà chúng ta ngày nay đang sống cũng là do tự tánh biến hiện. Tự tánh của ai? Tự tánh của chính mình. Tự tánh là một, trên thì tương đồng với hết thảy chư Phật, dưới thì tương đồng với chúng sanh lục đạo. Súc sanh, ngựa quý, địa ngục đều đồng một tự tánh, cùng với cây cối hoa cỏ, núi sông đất đai cũng là đồng một tự tánh. Chúng ta ngược nhìn thái không, vô lượng vô biên tinh cầu, toàn bộ đều là tự tánh hiện ra, toàn do a-lại-da thức biến hiện.

Vì sao hết thảy pháp thần kỳ như thế, nhiều như thế? Trong Lục Tổ Đàn Kinh nói rằng: “Nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp”. Vô lượng vô biên hết thảy pháp thật sự nói không hết, không cách gì hình dung, không thể nghĩ bàn. Từ đâu mà đến? Tự tánh biến ra. Tự tánh có hình dạng ra sao? Người xưa có hai câu nói để hình dung tự tánh. Nói nó lớn, lớn đến mức nào vậy? Không có ngoài, tìm không ra bờ mé. Nói nó nhỏ, nhỏ mà không có trong, rốt cuộc nhỏ đến đâu, bạn cũng nói không ra, bạn cũng tìm không ra.

Tánh là gì? Là chân tâm. Chân tâm bao lớn? Lớn vô cùng. Có bao nhiêu phương pháp được sanh ra vậy? Vô lượng vô biên, không có bờ mé. Ai biết được? Trong kinh Hoa Nghiêm nói: Bát địa trở lên. Vì sao vậy? Bát địa trở lên nhìn thấy rồi. Phật giảng kinh cho chúng ta, vô tri mà thấy đều biết cả, vô kiến mà thấy đều thấy cả, vô thuyết mà không gì chẳng nói, Thích-ca Mâu-ni Phật chính là như vậy. Phật vô tri vô kiến mới nói ra được, chúng ta làm sao mới có thể tiếp thu? Vô tri vô kiến thì hoàn toàn tiếp thu được.

Kinh Vô Lượng Thọ giảng một trăm năm cũng giảng không xong, vì sao vậy? Mỗi câu mỗi chữ đều vô lượng nghĩa. Vậy Phật giảng thì sao? Phật giảng là tùy căn cơ mà dạy, [đối với] người thượng căn thì có giáo pháp thượng căn, với người trung căn thì có giáo pháp trung căn, với người hạ căn thì có giáo pháp hạ căn, thấy đều khiến họ được lợi ích, thấy đều khiến họ sanh tâm hoan hỷ. Đại triết đại ngộ bắt buộc phải minh tâm kiến tánh, bắt buộc phải vô tri vô kiến. Vô tri mà không gì chẳng biết, vô kiến mà không gì chẳng thấy, vô thuyết mà không gì chẳng nói.

Tiếp theo xin quy nạp vài điểm quan trọng trong kinh văn phẩm thứ 17.

*Trọng điểm thứ nhất:* thế giới Tây Phương Cực Lạc, thứ duy nhất có thể sanh có thể diệt chính là hoa sen trong ao bảy báu. Bởi vì hoa sen là do người niệm Phật niệm ra, không phải A-di-đà Phật biến hiện, phàm người vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là hoa sen tiếp dẫn, hóa sanh nơi hoa sen.

*Trọng điểm thứ hai:* hoa sen bốn màu: Ưu-bát-la hoa là hoa sen xanh, Bát-đàm-ma hoa là hoa sen đỏ, Câu-mâu-đầu hoa là hoa sen vàng, Phần-đà-lợi hoa là hoa sen trắng. Hoa sen bốn màu phủ rợp mặt nước, diệu liên phóng diệu quang, cực đẹp kỳ diệu. Thế giới Tây Phương Cực Lạc là thế giới hoa sen thanh tịnh vô nhiễm.

*Trọng điểm thứ ba:* chúng vô tình ở thế giới Tây Phương Cực Lạc thuyết diệu pháp, công đức thù thắng, đặc biệt nêu ra ví dụ nước thuyết diệu pháp, cho thấy công đức thuyết pháp không thể nghĩ bàn của chúng vô tình ở thế giới Tây Phương Cực Lạc.

*Trọng điểm thứ tư:* thân thanh hư, thể vô cực là thân tướng ở quả địa Như Lai, hiển bày rõ sự không thể nghĩ bàn của thế giới Cực Lạc, khiến chúng ta vô cùng khát ngưỡng.

*Trọng điểm thứ năm:* thọ dụng của thế giới Tây Phương Cực Lạc là thật sự tự tại khoái lạc, niềm vui đó chẳng phải do tạo tác, mà là sự lưu lộ tự nhiên của tự tánh, là thọ dụng tánh đức. Tánh đức của bản thân chúng ta chưa hiện tiền, thứ chúng ta hưởng dùng là tánh đức của A-di-đà Phật. Vì sao vậy? Vì chúng ta là người niệm Phật, chúng ta phải cảm ân, nếu không có A-di-đà Phật thì không có ngày nay của chúng ta, nếu không có thế giới Tây Phương Cực Lạc của A-di-đà Phật thì chúng ta đi đâu để tìm chỗ quay về chứ, chỉ có ở trong lục đạo, luân hồi mãi không dứt, vĩnh viễn không có ngày thoát khỏi.

Cho đến ngày hôm nay, tôi đã hoàn thành bản thảo của năm mươi tập bài giảng kinh Vô Lượng Thọ cho lần phúc giảng thứ hai, đã giao lưu và chia sẻ xong với các đồng tu. Ngày 21 tháng 11 bắt đầu ghi hình, trải qua 25 ngày, mỗi ngày sáng chiều thu một tập, đến hôm nay là ngày 15 tháng 12, đã hoàn thành ghi hình 50 tập, bước tiếp theo sẽ tiến hành hậu kỳ chế tác, đến thời điểm thích hợp sẽ gặp mặt các đồng tu.

Tiếp theo xin nói một chút về thể hội trong lần giao lưu chia sẻ này.

*Cảm nhận đầu tiên:* thêm một lần nữa cảm nhận được Phật lực gia trì không thể nghĩ bàn. Lần phúc giảng thứ nhất và lúc giảng giảng tọa chuyên đề đều cảm nhận được Phật lực gia trì không thể nghĩ bàn. Tôi đã nhiều lần nói với các đồng tu, sở dĩ tôi có thể phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ và giảng giảng tọa chuyên đề, chẳng phải cá nhân tôi có năng lực gì, chẳng phải cá nhân tôi có biện tài gì, hoàn toàn dựa vào sức uy thần của mười phương chư Phật Như Lai gia trì. Xin chú ý, tôi dùng ba cụm từ là: hoàn toàn, chư Phật Như Lai, sức uy thần.

Hoàn toàn nghĩa là toàn bộ là như vậy, chẳng có thứ nào không phải. Chư Phật Như Lai, toàn bộ là Phật, chẳng phải “chư Phật Bồ-tát”, mà là cấp độ cao, cấp độ giảng kinh đã nâng cao thì mức độ gia trì cũng nâng cao.

Sức uy thần, hai lần trước đối với sức uy thần này tôi có sự cảm nhận, nhưng không cảm nhận mãnh liệt như lần này. Bởi vì trước khi khai giảng tôi có chút lo lắng. Thứ nhất là lo không biết rằng có sử dụng được không, hôm trước đi thử

răng, sáng ngày hôm sau đã khai giảng, không có quá trình thích ứng. Thứ hai là lo lắng khí lực có đủ hay không, đầu năm sau khi ho liên tục hai tháng, tôi vẫn cảm thấy nếu nói nhiều thì khí lực không đủ, lần này phải giảng 50 giờ liệu có thể làm nổi hay không, trong tâm tôi có chút băn khoăn. Sự thật chứng minh, hai vấn đề mà tôi lo lắng hoàn toàn không hề phát sinh, đây hoàn toàn là do sức uy thần của mười phương chư Phật Như Lai gia trì. Điểm này, các đồng tu nghe kinh ở hiện trường đều có cảm nhận rõ rệt, cảm nhận được pháp hỷ mà trước đây chưa từng cảm nhận.

*Cảm nhận thứ hai:* đoàn hộ pháp toàn bộ đều được nâng cao, khiến tôi cảm thấy an ủi. Phàm là nơi có đoàn thể thì sẽ có mâu thuẫn phát sinh, đoàn hộ pháp của tôi cũng không ngoại lệ, đôi lúc cũng có một chút chuyện xen vào, gây ra một chút ồn ào. Làm thế nào đây? Trực tiếp đối mặt, không trốn tránh mâu thuẫn, gặp phải vấn đề thì dùng trí tuệ giải quyết vấn đề. Phương châm chỉ đạo để giải quyết vấn đề chính là 16 chữ: hòa hài, hòa mục, hợp tâm, hợp lực, công bình, công chánh, công khai, công đạo. Tất cả vấn đề đều bày ra trên bàn, không phải xử lý riêng tư, yêu cầu của tôi đối với mọi người là, chúng ta phải thực hiện lục hòa kính thật sự, không làm ra vẻ giả bộ lục hòa kính.

Trải qua hơn ba tháng vận hành, hiệu quả không tệ, hình thức càng ngày càng tốt, mọi người hát bài Lục Hòa Tiểu Viện đã có cảm giác tìm được nhà rồi. Đặc biệt là sau khi giảng xong 50 tập tôi cảm nhận rõ rệt rằng, tinh thần diện mạo của các đồng tu có sự thay đổi rất lớn. Trước đó vốn không vui giờ đã vui rồi, đã nói ra được lời chất chứa từ lâu trong tâm, đã thoát khỏi sự trói buộc thống khổ. Có đồng tu ban đầu không có lòng tin đối với việc kiến lập đạo tràng lục hòa kính. Nghe xong 50 tập, họ vui mừng hơn hờ nói với tôi rằng: Thưa cô, hiện giờ tôi đối với việc kiến lập đạo tràng lục hòa kính đã đầy đủ lòng tin rồi, đạo tràng lục hòa kính của chúng ta nhất định có thể xây dựng thành công. Nhìn thấy các đồng tu, trong thời gian ngắn như vậy đã phát sinh chuyển biến lớn như thế, tôi thật sự rất vui mừng, rất vui vẻ yên tâm. Chẳng phải một người, hai người thay đổi, mà toàn bộ đoàn thể đều đạt được sự nâng cao tổng thể, đây là việc đáng vui đáng mừng.

*Điều cảm nhận thứ ba:* một bà lão vốn bảo thủ không chịu thay đổi đã biết học cách dùng màn hình máy tính để viết bản thảo bài giảng, đây quả thật là sự đột phá đánh dấu thời đại mang tính lịch sử, đối với tôi mà nói là như vậy. Tuy còn có chút chưa thích ứng, nhưng sau cùng đã vượt qua được bước này rồi, thu hoạch cũng

chẳng nhỏ. Một bà lão quê mùa chất phác đã bắt đầu được Tây hóa rồi, thay đổi diện mạo rồi.

*Điều cảm nhận thứ tư:* tôi đã thử nghiệm một số phương thức giao lưu mới, về cơ bản thì đã thành công. Phương thức thứ nhất là dùng kinh để giải thích kinh, đây là tôi học theo lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Bản thảo bài giảng lần này đã dẫn dụng rất nhiều nguyên văn và câu gốc trong kinh Phật. Một phương thức khác là y theo khai thị và lời dạy của tổ sư đại đức để giải thích kinh, đa phần dùng nguyên văn, câu gốc. Một cách khác là dẫn dụng một số bài kệ tụng hay đẹp của tổ sư đại đức để chú giải Đại kinh. Ví dụ như về 12 vị Quang Phật, đại sư Đàm Loan có 12 bài kệ tụng tán thán 12 vị Quang Phật, lời văn đơn giản ưu mỹ, tinh mỹ tuyệt luân. Bất luận là đọc hay giảng cũng đều là một loại hưởng thụ. Còn có một thử nghiệm mới, đó chính là dùng cách kể chuyện để giải thích Đại kinh, làm thành phương thức bổ trợ, như vậy có thể càng gần gũi với người nghe hơn. Bất luận thử nghiệm phương pháp nào thì nguyên tắc chung cần phải tuân thủ, đó chính là “thuật lại chứ không sáng tác, tin tưởng và yêu thích lời người xưa”.

*Điều cảm nhận thứ năm:* nội dung của lần giảng này sâu hơn so với lần phúc giảng thứ nhất và giảng tọa chuyên đề, vả lại còn sâu hơn nhiều. Nội dung của lần giảng này, mục tiêu chính là khiến chúng sanh căn cơ chín muồi thành Phật ngay đời này. Người hiểu sâu thì thấy sâu, người hiểu cạn thì thấy cạn, đây là hiện tượng bình thường. Thế nhưng, bất luận là người hiểu sâu hay hiểu cạn cũng đều tốt, vì mỗi người đều có thu hoạch, chẳng phải ra về tay không.

*Điều cảm nhận thứ sáu:* người nhận được lợi ích lớn nhất là chính tôi, cảm nhận này lúc viết bản thảo cho lần phúc giảng thứ nhất tôi đã có rồi, nhưng không mãnh liệt bằng cảm giác lần này, cứ hưng phấn mãi như vậy. Viết bản thảo, tôi đã đem chính mình viết rõ ràng rồi, phúc giảng, tôi đã đem bản thân ra giảng sáng tỏ rồi. Căn cơ của tôi đã chín muồi, duyên của tôi đã chín muồi rồi, tôi đời này nhất định về nhà, cảm giác về nhà thật sự tuyệt vời.

Bài hát Lục Hòa Tiểu Viện, bài hát Thức Tỉnh Thế Gian chẳng phải do tôi viết, là tôi chép lại, ai đã viết lời vậy? Không phải Quan Âm Bồ-tát thì còn có thể là ai chứ. Hai bài hát này tôi nghe hoài không chán, hát mãi không chán, tôi là người không biết hát cũng không thích ca hát, chẳng hiểu vì sao, tôi lại thích hát hai bài này như vậy. Khi hát, có lúc có cảm giác hơi chua xót, có lúc lại có cảm giác rất ngọt

ngào, cảm giác đó rất vi diệu, rất mỹ diệu, cũng rất kỳ diệu. Tôi là giáo viên dạy ngữ văn, hiện nay cảm thấy cạn lời rồi, không tìm ra từ ngữ nào thích hợp để bày tỏ tâm tình và cảm nhận của tôi vào giờ này phút này, tôi đành dùng bốn chữ “chẳng thể nghĩ bàn” vậy.

*Điều cảm nhận thứ bảy:* vô lượng vô biên chúng sanh đã lên con thuyền pháp lớn của A-di-đà Phật về nhà rồi, họ nghe kinh nghe pháp đã hiểu rõ rồi, đã về Cực Lạc rồi. Đây chẳng phải là sự mong mỏi hết thảy [chúng sanh] đều thành Phật của mười phương chư Phật Như Lai đó sao?

Xin cúng dường các đồng tu hai bài kệ tụng:

*Tu hành đừng nên ham yên ổn  
Vĩnh viễn chớ nổi trội hơn người  
Người học đạo cần nên hơi ngốc  
Thế trí biện thông hãy bỏ đi  
Tôi chẳng phải ma, chẳng phải Phật  
Vốn là không Phật cũng không ma  
Nơi Thường Tịch Quang không một vật  
Thì lấy đâu ra Phật và ma.*

Hai câu thơ của Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ lúc khai ngộ năm 22 tuổi là:

*Chúng sanh và Phật đều mất hết, thì ngay nơi đó là Phật rồi.  
Mới vừa đối đãi có hai bên, đã biến thành ma ngay lúc ấy.*

Lần giao lưu này đến đây là viên mãn rồi, cảm ơn các đồng tu đã bầu bạn với tôi trong 50 giờ đồng hồ. Chúng ta hẹn gặp nhau tại Hải Hội Liên Trì ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, A-di-đà Phật!



## TẬP 51

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Hôm nay là ngày 28/7/2021, âm lịch là ngày 19/6, ngày Quán Thế Âm Bồ-tát thành đạo, tiết học này chúng tôi bắt đầu giảng kinh văn phẩm thứ 18:

### SIÊU THẾ HY HỮU ĐỆ THẬP BÁT

Tên của phẩm kinh văn này là Siêu Thế Hy Hữu. Thế Tôn dùng phương pháp so sánh để giới thiệu y chánh trang nghiêm và uy đức thần thông của thế giới Tây Phương Cực Lạc cho chúng ta. Từ trong đó chúng ta cũng có thể lĩnh hội được đôi chút về chân tướng của sự trang nghiêm. Bởi vì các loại trang nghiêm của thế giới Cực Lạc quyết chẳng phải chư Bồ-tát có thể tư duy, tưởng tượng, nói ra được. Kinh văn của phẩm này nêu rõ chánh báo, y báo của thế giới Cực Lạc, thấy đều vượt hơn thế gian, vô cùng hy hữu.

Chúng ta học tập phẩm kinh văn này thì có thể lĩnh hội được lòng từ bi vô hạn, trí tuệ vô cực của Thế Tôn. Mặc dù sự trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc không thể nghĩ bàn, Thế Tôn vẫn có phương pháp phương tiện thiện xảo khiến chúng ta có thể lĩnh hội được sự trang nghiêm của thế giới Cực Lạc.

Mời xem kinh văn:

**Bĩ Cực Lạc quốc, sở hữu chúng sanh, dung sắc vi diệu, siêu thế hy hữu, hàm đồng nhất loại, vô sai biệt tướng.**

*Nước Cực Lạc kia, tất cả chúng sanh dung sắc vi diệu, hiếm có vượt hơn thế gian, đều cùng một loại, không có tướng khác biệt.*

Đoạn kinh văn này nói chánh báo của thế giới Cực Lạc hiếm có vượt hơn thế gian, chúng sanh của thế giới Cực Lạc “dung mạo sắc tướng vi diệu hiếm có hơn hẳn thế gian”. Điều này phải so sánh một chút với thế giới của chúng ta thì mới biết được, thế giới này của chúng ta, tìm không ra hai người có tướng mạo như nhau, cho dù là song sinh thì cũng không hoàn toàn như nhau, thế nên dễ nhận ra, không nhận làm người. Chúng sanh của thế giới Cực Lạc tướng mạo hoàn toàn tương đồng, dung mạo và sắc tướng của chúng sanh đều xinh đẹp phi thường. Mỹ diệu là vi diệu đến

cùng cực. Đây là nói đến chúng sanh cõi Đồng Cư, còn cõi Phương Tiện Hữu Dư và cõi Thật Báo Trang Nghiêm thì càng khỏi phải nói. Huống hồ thế giới Cực Lạc là một cõi tức bốn cõi, bốn cõi là một cõi.

Kinh nói: “Dung sắc vi diệu, hiếm có vượt hơn thế gian, đều cùng một loại, không có tướng khác biệt.” Tướng mạo tương đồng với ai vậy? Tương đồng với A-di-đà Phật, hoàn toàn là dựa vào mô hình của A-di-đà Phật mà tạo ra dường như giống như nhau vậy. Mỗi một người đều là A-di-đà Phật, đây là siêu thế hy hữu thứ nhất.

“Thân thể pháp tánh thanh tịnh, cho nên gọi là hy hữu”. Chúng sanh ở thế giới Ta-bà là thân sanh diệt hữu lậu, chúng sanh ở thế giới Cực Lạc là thân thanh tịnh vô lậu. Chúng sanh ở thế giới Ta-bà là thân pháp tướng, chúng sanh của thế giới Cực Lạc là thân pháp tánh. Thân pháp tánh là thân thanh tịnh, thân pháp tướng là thân nhiễm ô.

Có đồng tu có lẽ sẽ thắc mắc như vậy: chúng ta là thân pháp tướng của thế giới Ta-bà, vãng sanh đến thế giới Cực Lạc thì làm thế nào biến thành thân pháp tánh, khi nào thì biến đổi? Lão pháp sư giải thích cho chúng ta như sau:

Pháp tướng biến thành pháp tánh, đây là chuyển tám thức thành bốn trí mà Tướng tông nói. Người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, bất luận là từ cõi nước Phật nào, là cõi nào trong lục đạo luân hồi, thì vãng sanh đến thế giới Cực Lạc thấy đều là thân pháp tánh thanh tịnh. Khi nào họ chuyển tám thức thành bốn trí vậy? Tôi nghĩ như vậy, tôi nghĩ A-di-đà Phật tiếp dẫn chúng ta vãng sanh, bạn xem khi ngài đến tiếp dẫn chúng ta, chúng ta niệm Phật, tin sâu nguyện thiết, thật thà niệm Phật, thì trong ao thất bảo ở bên ngoài giảng đường của A-di-đà Phật có một đóa sen, hoa sen ấy có tên, do chúng ta niệm Phật niệm ra, tương lai ta vãng sanh thì chính hoa sen ấy đến tiếp dẫn ta. A-di-đà Phật mang hoa sen ấy đến tiếp dẫn chúng ta, lúc tiếp dẫn chúng ta thì hoa nở ra, hoa tự nhiên nở ra, chúng ta ngồi trong hoa sen, ngồi lên đài sen thì hoa sẽ khép lại. Phật đem hoa ấy mang đến ao thất bảo của thế giới Cực Lạc, đặt ở trong ao, lúc này thì hoa khép lại, đợi đến khi hoa nở thì thấy Phật. Hoa vừa nở thì thấy A-di-đà Phật, thân tướng ấy chính là thân pháp tánh thanh tịnh.

Cho nên chuyển tám thức thành bốn trí chẳng phải là công phu của chính chúng ta, là do nguyện lực của A-di-đà Phật gia trì. Khi nào thì biến đổi? Lúc ở trong hoa sen đã chuyển biến chúng ta rồi, cho nên thân ấy vừa xuất hiện thì thân tướng

cùng với A-di-đà Phật hoàn toàn như nhau, dung sắc vi diệu tương đồng với A-di-đà Phật. Mỗi một người đều tương đồng với A-di-đà Phật, cho nên mỗi một người đều là A-di-đà Phật. Đây là điều siêu thế hy hữu thứ hai.

Đối với đoạn giải thích phía trên, sư phụ ngài vô cùng khiêm hư, ngài nói, tôi xem kinh không nhiều, chưa nhìn thấy ra, chư vị tra thử xem, xem trong kinh điển có cách nói này hay không? Đối với mấy câu nói này của ngài, có lẽ là một sự linh cảm, là tôi nhận thức như thế. Trong kinh điển, cho đến hiện giờ ngài vẫn chưa nhìn thấy cách nói này, thế nhưng chẳng phải trong kinh điển không có cách nói này, chỉ là chưa nhìn thấy mà thôi, đây là điều nhận thức thứ nhất của tôi. Điều tôi nhận thức thứ hai là, sư phụ ngài đã đích thân chứng được đoạn này rồi, nếu chưa đích thân chứng được thì không thể nói nổi lời như thế. Hai điều nhận thức bên trên là nhận thức của cá nhân tôi, nếu nói sai thì tự gánh lấy nhân quả.

Có người có lẽ có chút lo lắng, người vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, dung mạo, thân tướng đều y hệt như nhau. Làm thế nào để phân biệt ai là ai? Đến khi tôi vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì làm sao nhận ra người thân quyến thuộc và bạn bè thân thiết đã vãng sanh trước tôi đây? Các vị không cần lo lắng, đừng quên là, người vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều có đại thần thông, một người cũng không nhận lầm. Vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, đấng ngộ là A-duy-việt-trí Bồ-tát, hễ vãng sanh thì chính là thân phận của A-duy-việt-trí Bồ-tát. A-duy-việt-trí là phá một phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân, pháp thân Bồ-tát, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, thật sự không thể nghĩ bàn, tinh diệu cùng cực, cho nên gọi là hy hữu. Đây là điều siêu thế hy hữu thứ ba.

“Chúng trời người bất động, sanh ra từ biển thanh tịnh trí tuệ”. Hai câu này là lời tán thán trong Vãng Sanh Luận. Thiên nhân là chỉ chúng sanh vãng sanh đến cõi Đồng Cư của thế giới Tây Phương Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc chỉ có hai cõi, cõi trời và người. “Tất cả chúng sanh đều là sự lưu hiện từ một câu thanh tịnh, vượt hơn thế gian, cho nên nói là siêu thế hy hữu”. Sanh ra từ biển thanh tịnh trí tuệ, thanh tịnh là hóa sanh nơi hoa sen, trí hải chính là biển trí tuệ không thể nghĩ bàn, mười phương thế giới chưa từng nghe thấy, chỉ thế giới Cực Lạc mới có.

Hai câu này có hai từ “thanh tịnh”, hai từ “thanh tịnh” chính là đã chuyển thức thành trí rồi. A-lại-da không hề thanh tịnh, A-lại-da là nhiễm ô, bạn xem, thức thứ

tám A-lại-da hàm chứa chủng tử, giống như kho chứa vậy, thứ tốt thứ xấu đều ở trong đó. Chủng tử tập khí từ vô lượng kiếp đến nay toàn bộ nằm ở trong đó. Thức thứ sáu là phân biệt, thức Mạt-na là nhiễm ô, cho nên tám thức đều nhiễm ô. Tám thức là pháp sanh diệt, đó là đem tự tánh chuyển biến thành tám thức, làm thế nào chuyển biến? Một niệm bất giác thì có vô minh, từ vô minh bất giác sanh ra tam tế, đây chính là A-lại-da. Tam tế tướng của A-lại-da là nghiệp tướng, chuyển tướng và cảnh giới tướng. Chuyển tướng chính là khởi tâm động niệm, chính là ý niệm, biến cõi Thật Báo thành mười pháp giới, biến thành lục đạo luân hồi. Ai biến vậy? Ý niệm biến. Cho nên nó là nhiễm ô, nó không thanh tịnh, nó là động, nó không phải an tĩnh. Chân tâm bất động, chân tâm thanh tịnh, bạn xem đại sư Huệ Năng lúc khai ngộ nói rằng: “Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”, không có nhiễm ô, “vốn không sanh diệt”, không sanh không diệt, không có tướng sanh diệt. Câu thứ tư nói “vốn không dao động”, trước giờ nó chưa từng dao động.

Nghiệp tướng chính là động, nghiệp chính là một niệm bất giác. Làm thế nào trở về giác ngộ? Công đức này của A-di-đà Phật rất lớn, đối với chúng ta yêu thương che chở tỉ mỉ chu đáo. Vấn đề mà chúng ta đời đời kiếp kiếp không thể giải quyết, một khi vãng sanh, vẫn chưa đến thế giới Cực Lạc, ngài đã giải quyết cho chúng ta rồi, giải quyết ở trong hoa sen. Giải quyết ở trong hoa sen, đây là điều siêu thế hy hữu thứ tư.

“Hết thấy chúng sanh đều lưu hiện ra từ một câu thanh tịnh”. Đây lại là một điều siêu thế hy hữu nữa của thế giới Tây Phương Cực Lạc. Lưu hiện chính là xuất hiện, câu thanh tịnh thì trong Vãng Sanh Luận nói, thế nào là câu thanh tịnh? Chính là nói đến nhất chân pháp giới, chính là nói đến tự tánh của người đó. Thế nhưng tự tánh của chúng ta đã bị mê rồi, tác dụng khởi ra là phiền não, không phải thanh tịnh. Mỗi một người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc được uy thần bổn nguyện của A-di-đà Phật gia trì, cho nên mỗi một người đều là pháp thân vô vi, thể thanh tịnh, điều này không hề thấy trong mười phương thế giới, vượt hơn thế gian, cho nên gọi là siêu thế hy hữu. Đây là trong kinh nói, chẳng những vượt hơn cõi thế gian của Thích-ca Mâu-ni Phật, mà cũng đều vượt hơn hết thấy cõi nước của chư Phật. Đây là điều siêu thế hy hữu thứ năm.

“Thấy đều hóa sanh nơi hoa sen, chân kim sắc thân, ba mươi hai tướng, cho nên gọi là siêu thế hy hữu”. Phật năm xưa nói kinh này, tùy thuận khả năng lý giải

của người thế gian ở cõi này mà nói, vì sao vậy? Tướng quý ở thế giới này của chúng ta, ở Ấn Độ cũng có đoán mạng xem tướng, ba mươi hai tướng là tướng của quý nhân thế gian, là người nào vậy? Chuyển Luân Thánh Vương có đủ 32 tướng, 80 vẻ đẹp, Thích-ca Mâu-ni Phật cũng có đủ.

Thế giới Tây Phương Cực Lạc chẳng phải là 32 tướng, trong Quán Kinh nói rất rõ ràng, là thật, không phải giả. Thân tướng của A-di-đà Phật chính là thân tướng của tất cả đại chúng của thế giới Cực Lạc, đều bình đẳng với Phật. Phật có 84.000 tướng, mỗi một tướng lại có 84.000 tướng hảo đi kèm, mỗi một tướng hảo kèm theo lại phóng 84.000 quang minh, trong mỗi ánh quang minh đều có thể nhìn thấy cõi nước chư Phật mười phương, Phật Bồ-tát đang giảng kinh dạy học. Đây là sự thật. Chúng ta phải biết, lời trong kinh nói là Phật tùy thuận theo tri kiến của thế gian mà nói, đây quả thật siêu thế hy hữu. Đây là điều siêu thế hy hữu thứ sáu mà chúng tôi tổng kết.

Tựa đề của phẩm kinh văn này là Siêu Thế Hy Hữu, để các đồng tu có thể nắm bắt, tôi đã cố hết sức đem sự siêu thế hy hữu nói cụ thể một chút, hình tượng một chút, nên đã đem sự siêu thế hy hữu mà lão pháp sư giảng quy nạp chỉnh lý thành sáu điều, để các đồng tu tham khảo. Xin các đồng tu nhất định chớ hiểu lầm rằng thế giới Tây Phương Cực Lạc tuyệt đối chẳng phải chỉ có sự siêu thế hy hữu trên sáu phương diện này mà thôi. Sự siêu thế hy hữu của thế giới Cực Lạc trong vô lượng kiếp, lại vô lượng kiếp cũng nói không hết. Điều này chúng ta nhất định phải biết.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Phật cáo A-nan, thí như thế gian bần khổ khát nhân, tại Đế vương biên, diện mạo hình trạng, ninh khả loại hồ. Đế vương nhược tử Chuyển Luân Thánh Vương, tắc vi bỉ lậu, do bỉ khát nhân tại Đế vương biên dã. Chuyển Luân Thánh Vương, uy tướng đệ nhất, tử chi Đạo-lợi thiên vương, hựu phục xú liệt. Giả linh Đế Thích tử Đế Lục thiên, tuy bá thiên bội, bất tương loại dã. Đế Lục thiên vương, nhược tử Cực Lạc quốc trung Bồ-tát Thanh văn, quang nhan dung sắc, tuy vạn ức bội, bất tương cập đãi.**

*Phật bảo A-nan: “Thí như ở thế gian có người ăn xin nghèo khổ đứng cạnh Đế vương, diện mạo hình trạng há có thể giống nhau sao? Đế vương nếu so với*

*Chuyển Luân Thánh Vương thì trở thành thấp hèn xấu xí, giống như người ăn xin kia đứng cạnh Đế vương. Chuyển Luân Thánh Vương uy tướng bậc nhất nếu so với vua trời Đạo-lợi lại càng xấu tệ. Giả như Đế Thích so với trời thứ sáu thì thua xa gấp trăm ngàn lần. Nếu so với Bồ-tát, Thanh văn trong cõi Cực Lạc, hào quang dung mạo, dù vạn ức lần cũng không thể sánh kịp”.*

Nói đến siêu thế hy hữu, để trực quan thêm một chút, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã làm năm lượt tỉ dụ giáo lượng. Giáo là so sánh, lượng là đánh giá. Năm lượt so sánh đánh giá như sau.

So sánh đánh giá thứ nhất: so sánh người ăn xin với Đế vương của nhân gian. Một người ăn xin là người xin cơm mưu sinh, tiều tụy, quê kệch, dơ bẩn vô cùng, người ăn mày cùng khổ ấy đứng bên cạnh thân của Đế vương, anh ta có thể sánh với Đế vương được không? Đế vương của nhân gian sống trong nhung lụa, hình mạo tươi nhuận, dung nhan sáng rỡ, lại còn có trang sức, sao có thể sánh được. Một người là đại phú đại quý, một người thì bần cùng hết cỡ, đem người ăn xin so sánh với Đế vương của nhân gian thì thô xấu vô cùng.

So sánh đánh giá thứ hai: so sánh Đế vương của nhân gian với Chuyển Luân Thánh Vương. Đế vương của nhân gian và Chuyển Luân Thánh Vương đứng cùng nhau, thì Đế vương của nhân gian thô kệch xấu xí hơn nhiều, giống như người ăn xin đứng bên cạnh Đế vương vậy.

So sánh đánh giá thứ ba: so sánh Chuyển Luân Thánh Vương với Đế Thích thiên vương của trời Đạo-lợi. Chuyển Luân Thánh Vương là Kim Luân Vương của thế gian, thống lĩnh bốn thiên hạ, không thể sánh với trời Đạo-lợi. Chuyển Luân Thánh Vương tuy rằng uy tướng đệ nhất, nhưng so với Đạo-lợi thiên vương, chính là Ngọc Hoàng Đại Đế hay Đế Thích mà chúng ta thường nói. Chuyển Luân Thánh Vương so với Đế Thích thì lại xấu tệ hơn nhiều.

So sánh đánh giá thứ tư: so sánh Đế Thích thiên với Đệ Lục thiên. Đệ Lục thiên chính là Tha Hóa Tự Tại thiên, thiên chủ là Ba-tuần, đây là tầng trời cao nhất của trời Dục giới. Ba-tuần có phước báo lớn, tướng mạo đẹp. Đế Thích so với Đệ Lục thiên thì tướng mạo thua xa hơn trăm ngàn lần.

So sánh đánh giá thứ năm: Đệ Lục thiên so với thiên nhân, Bồ-tát, Thanh văn của thế giới Cực Lạc thì không thể sánh, dù vạn ức lần cũng không thể sánh kịp.

Năm lượt so sánh đánh giá ở trên, liệu bạn nghe hiểu rõ không? Cõi người, cõi trời, thế giới Cực Lạc, bạn lựa chọn đi đâu? Nếu bạn thật sự hiểu rõ lục đạo, hiểu rõ mười pháp giới, thì bạn nhất định sẽ hướng về thế giới Cực Lạc.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Chí u uy đức, giai vị, thần thông biến hóa, nhất thiết thiên nhân, bất khả vi tử. Bá thiên vạn ức, bất khả kế bội. A-nan ưng tri, Vô Lượng Thọ Phật, Cực Lạc quốc độ, như thị công đức trang nghiêm bất khả tư nghị.**

*Còn như uy đức, giai vị, thần thông biến hóa tất cả người trời không thể sánh nổi. Gấp trăm ngàn vạn ức lần, không thể tính nổi. A-nan nên biết: Cõi nước Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ công đức trang nghiêm như vậy, không thể nghĩ bàn.*

Uy đức là uy thần công đức. Người của thế giới Cực Lạc, các ngài đều thần trí đồng đạt, uy lực tự tại, đã khai hiển trí tuệ thần diệu khó thể suy lường, hoàn toàn thông đạt ngọn nguồn, và lại uy lực khôn sánh, tự tại vô ngại. Cho nên uy đức của các ngài không gì có thể sánh.

Giai vị, giai là giai cấp, tầng bậc; vị là phẩm vị, địa vị. Giai vị của nhân dân Cực Lạc thì mười phương thế giới càng không thể sánh. Đại sư Ngẫu Ích xưng tán cõi Phạm Thánh Đồng Cư của thế giới Cực Lạc, nói rằng điều này mười phương thế giới không có. Đã là A-bệ-bạt-trí, nhưng vẫn là phạm phu; đã là phạm phu, nhưng lại là A-bệ-bạt-trí, họ là tam bất thoái. Điều này chỉ có ở cõi nước Cực Lạc, siêu thế hy hữu. Mười phương thế giới không có chuyện phạm phu chẳng thoái chuyển, giai vị này chúng trời người ở mười phương không thể sánh.

Ví dụ, một vị Đế Thích đột nhiên năm tướng suy hao hiện tiền, ông có thiên nhãn thông, có thể biết tương lai của chính mình, ông quan sát một chút thấy mình hạ sinh, sẽ sinh vào trong lỗ tai của một con lừa tại nơi nào đó. Trong lỗ tai lừa mọc nhọt, trong nhọt có giòi, ông cũng phải biến thành giòi trong lỗ tai lừa, thế nên rất kinh sợ, cầu Phật gia bị. Phật truyền pháp cho ông, để ông tu pháp, ông mới tránh khỏi được. Chỉ có thế giới Cực Lạc, chỉ cần đến đó rồi thì không còn thoái chuyển nữa, thế nên hết thầy trời người không thể sánh bằng.

*“Thần thông biến hóa”.*

Thanh văn ở Cực Lạc trong lòng bàn tay có thể nắm lấy hết thầy thế giới. Dùng thiên văn học của ngày nay mà nói, vũ trụ lớn đến mức nào, có bao nhiêu hành tinh, đều không thể ước lượng nổi, hướng hồ là mười phương. Thế nhưng Thanh văn ở thế giới Cực Lạc, trong một bàn tay đều có thể thu tóm, cho nên thần thông lớn đến mức đó.

Lại nữa, nhân dân Cực Lạc có thể trong một niệm đi khắp ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật, trong sát-na của một niệm đi qua nhiều cõi Phật như vậy, lại còn dạo khắp các nơi cúng dường chư Phật, cho nên vượt xa hàng Nhị thừa, hướng hồ là thiên nhân. Thế nên nói uy đức, giai vị, thần thông biến hóa, hết thầy chúng trời người đều không thể sánh, là “gấp trăm ngàn vạn ức lần không thể tính nổi”, số lần vượt hơn chẳng phải là trăm ngàn vạn ức lần, mà là số lần không thể nói rõ nổi.

Phật bèn gọi A-nan, ông phải biết “cõi nước Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ công đức trang nghiêm như vậy, không thể nghĩ bàn”. Cho nên một bộ Hoa Nghiêm chính là không thể nghĩ bàn, kinh A-di-đà, tên kinh cũng được xưng là “không thể nghĩ bàn”. Hai bộ kinh này đều đồng bộ với kinh Vô Lượng Thọ, toàn bộ thể của kinh [Vô Lượng Thọ] này là không thể nghĩ bàn, cho nên siêu thế hy hữu.

Tôi đã giảng xong kinh văn phẩm thứ 18.

Tiếp theo chúng tôi giảng kinh văn phẩm thứ 19:

### **THỌ DỤNG CỤ TỨC ĐỆ THẬP CỬU**

Phẩm kinh văn này, Thế Tôn giới thiệu tường tận cho chúng ta hoàn cảnh sinh hoạt của thế giới Tây Phương Cực Lạc, tất cả người dân nước Cực Lạc đều là “hình mạo đoan nghiêm, phước đức vô lượng, trí tuệ sáng suốt, thần thông tự tại”. “Các loại thọ dụng thù thắng như trên thầy đều đầy đủ”. “Đây là tổng quát nêu rõ thân tâm của chánh báo và phước thù thắng của y báo, thầy đều siêu thế hy hữu”. Phẩm này nêu rõ phước đức vô lượng, y thực cung điện thầy đều hiện ra như ý muốn, thầy đều đầy đủ.

Mời xem kinh văn bên dưới:

**Phục thứ Cực Lạc thế giới, sở hữu chúng sanh, hoặc dĩ sanh, hoặc hiện sanh, hoặc đương sanh, giai đắc như thị chư diệu sắc thân, hình mạo đoan nghiêm, phước đức vô lượng, trí tuệ minh liễu, thần thông tự tại, thọ dụng**



**chủng chủng, nhất thiết phong túc. Cung điện, phục sức, hương hoa, phan cái, trang nghiêm chi cụ, tùy ý sở tu, tất giai như niệm.**

*Lại nữa, tất cả chúng sanh ở thế giới Cực Lạc, hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh đều được sắc thân vi diệu như vậy, hình mạo đoan nghiêm, phước đức vô lượng, trí tuệ sáng tỏ, thân thông tự tại, các thứ thọ dụng thấy đều đầy đủ. Cung điện, phục sức, hương hoa, cờ lọng, những thứ trang nghiêm các đồ cần dùng đều như ý muốn.*

Đại ý của đoạn kinh văn này là, tất cả chúng sanh của thế giới Cực Lạc, xin chú ý từ “tất cả”, đây chính là phẩm vị cấp bậc của thế giới Cực Lạc, từ thượng thượng phẩm đến hạ hạ phẩm, tất cả chúng sanh đều bao gồm trong đó. Người từ mười phương thế giới vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, căn tánh không như nhau, cao nhất có Đẳng giác Bồ-tát, có Pháp thân Đại sĩ, thấp nhất có chúng sanh địa ngục. Nguyên lực của A-di-đà Phật thật lớn, đối tượng mà ngài tiếp dẫn, đối tượng mà ngài giúp đỡ, đối tượng mà ngài thành tựu là tất cả chúng sanh, từ chúng sanh địa ngục cho đến Đẳng giác Bồ-tát.

Chúng sanh địa ngục có thể sanh đến thế giới Cực Lạc không? Có thể. Vì sao vậy? Đời trước tu hành không tệt, do một niệm sai lầm lúc lâm chung mà đọa địa ngục, trường hợp này có lẽ có, và lại còn số chẳng ít. Do một niệm sai lầm. Vì sao có trường hợp như vậy? Lúc lâm chung, một việc bất như ý, một khi không vui, khởi một niệm tâm sân hận thì đọa địa ngục. Ví dụ, người bệnh nặng, bệnh nguy kịch, lúc lâm chung bị đưa vào phòng chăm sóc tích cực ở bệnh viện để cấp cứu, người ra đi như vậy, xác suất đọa địa ngục tương đối cao. Vì sao vậy? Bởi vì đau đớn vô cùng, lại không thể theo ý mình, khó mà biểu đạt, lúc này sẽ sanh khởi tâm sân hận mạnh mẽ, sân hận ắt đọa địa ngục.

Còn có một vấn đề phải nói rõ, điều kiện vãng sanh không nhất định là ba đường thiện, mà súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục đều bao gồm trong đó. Cho nên bất luận là đường nào, thì then chốt là ở thiện căn, phước đức, nhân duyên. Kinh A-di-đà nói: “Không thể dùng ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh nước ấy”. Chúng sanh [ở cõi] súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, thiện căn phước đức nhân duyên của họ chẳng phải trong một đời này tu, cũng có tu trong một đời này, họ đã từng tu rồi. Lúc lâm chung, thiện niệm này sanh khởi, nghĩ A-di-đà Phật, muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc thì họ được đi.

Hết thấy chúng sanh của thế giới Cực Lạc hoặc là đã vãng sanh, hoặc là hiện nay sanh, hoặc là tương lai sẽ sanh, đều có thể đạt được các diệu sắc thân vượt xa Đệ Lục thiên vương, tướng mạo đoan chánh trang nghiêm, phước đức không có hạn lượng, lại còn trí tuệ sáng suốt.

Trong kinh này có nói: “Rất ráo hiểu rõ mật tạng của chư Phật”. Chữ “mật” trong mật tạng không phải chỉ cho bảo mật, mà là nói với bạn bạn cũng không hiểu, nói với bạn thì bạn cũng như không nghe thấy, bạn xem thấy cũng như không nhìn thấy, thế nên gọi là “mật”. Mật tạng của Phật chỉ có Phật cùng Phật mới có thể hiểu ráo, thế nhưng rất nhiều Bồ-tát này cũng đều triệt để hiểu rõ. Cho nên nói người ở thế giới Cực Lạc trí tuệ minh liễu. Minh là minh minh bạch bạch, liễu là liễu liễu phân minh, sáng tỏ điều gì? Như thế nào mới gọi là liễu liễu phân minh? Đó chính là như thật biết tâm mình, như thật biết bản tâm của chính mình. Đây cũng chính là điểm mấu chốt của Thiên tông và đại Mật tông.

*“Thần thông tự tại”*

Phẩm kinh văn bên trên đã nói qua, thần thông biến hóa của chúng sanh của thế giới Cực Lạc, “hết thấy trời người không thể sánh bằng, trăm ngàn vạn ức lần không thể tính nổi”. Kinh này lại nói: “Dùng trí phương tiện, tăng trưởng liễu tri, từ xưa đến nay an trụ thần thông”. Phương tiện trí còn gọi là sai biệt trí, quyền trí; căn bản trí chính là thật trí. Tông môn thường nói, căn bản trí dễ hiểu, sai biệt trí khó tỏ. Tác dụng giáo hóa dẫn dắt trong một đời dạy học của Phật là ở phương tiện trí. Pháp độ sanh diệu dụng quyền hóa đều do phương tiện trí, bởi vì trí ấy hiển hiện có thể tăng trưởng sự liễu tri đối với thực thể của tự tâm.

Vả lại sự nghiệp độ sanh không lìa thần thông. Phương tiện trí khai hiển, nhận thấy rõ ràng từ xưa đến nay tự nhiên an trụ trong pháp thần thông. Cho nên trí tuệ sáng tỏ là cái gốc để đạt thần thông, đạt được cái gốc của thần thông thì có thể tự nhiên sáng tỏ thần thông vốn là sẵn có. Cho nên nói chỉ cần đạt được gốc, chớ lo ngọn làm gì. Căn bản trí là gốc.

Bạn chỉ cần “phá bản tham”<sup>4</sup> thì bạn ngộ được cái vốn có của chính mình, là đã biết rồi, thì đây là cái gốc. Vậy thần thông chỉ là việc môn môn trong đạo thánh, là sự việc ngoài rìa, vụn vặt trong đạo thánh. Hiện nay rất nhiều người bỏ gốc theo

---

<sup>4</sup> Tức “phá được Sơ quan” trong ba quan ải của Thiên tông (Sơ quan, Trùng quan, Lao quan)

ngon, bạn nói họ không tin Phật sao? Họ tin Phật. Bạn nói họ không dụng công sao? Họ dụng công, nhưng họ không dụng công trên gốc, mà họ truy cầu những việc vặt vãnh ngoài rìa trong đạo thánh, họ rất xem trọng việc đó, cho nên gọi là cái thấy điên đảo! Nếu không tin Phật pháp mà tin ngoại đạo thì điên đảo càng lớn. Bạn đã tin Phật pháp, nhưng bạn chỉ nhắm vào thần thông, công năng đặc dị, tướng lành và linh cảm thì gọi là ngoại đạo dựa hơi Phật giáo, là ngoại đạo dựa vào Phật pháp.

Tiếp theo nói về “*phước đức vô lượng*”.

Bởi vì phước đức vô lượng cho nên hết thảy thọ dụng, tất cả đều phong phú sung túc. Cung điện, phục sức, hương hoa, cờ lọng, các thứ trang nghiêm tùy theo trong tâm muốn thứ gì thì có thứ đó.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Nhược dục thực thời, thất bảo bát khí, tự nhiên tại tiền, bá vị ẩm thực tự nhiên doanh mãn. Tuy hữu thử thực, thật vô thực giả, dẫn kiến sắc, văn hương, dĩ ý vi thực. Sắc lực tăng trưởng, nhi vô tiện uest, thân tâm nhu nhuyễn, vô sở vị trước. Sự dĩ hóa khứ, thời chí phục hiện.**

*Khi muốn ăn thì bát bằng bảy báu tự nhiên hiện ra, thức ăn trăm vị tự nhiên đầy ắp. Tuy có đồ ăn nhưng thật không có người ăn, chỉ thấy sắc, ngửi hương, dùng ý để ăn. Sắc lực tăng trưởng nhưng không có bài tiết ô uế, thân tâm nhu nhuyễn, không tham đắm hương vị. Ăn xong liền biến mất, đúng thời lại hiện ra.*

Đại ý của đoạn kinh văn này là, đến lúc muốn ăn thức ăn thì chén bát bằng bảy báu tự nhiên xuất hiện trước mặt, rất nhiều món ngon trở thành thức ăn uống, tự nhiên đầy ắp trong bát, tuy hiện ra thức ăn nhưng trên thực tế không hề có người thật sự đang ăn. Đây đều là do tập khí của họ, đến giờ ăn cơm thì muốn ăn cơm, bát báu và thức ăn tự nhiên hiện ra trước mắt, nhưng không hề có người ăn chúng, chỉ cần nhìn thấy là được.

Nhân dân Cực Lạc ăn bằng ý, nhìn màu sắc của thức ăn, ngửi chút mùi thơm, ý thức cảm nhận được thì chính là đã ăn. Trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, rất nhiều người vẫn là phàm phu, cho nên sau khi ăn, thân thể và khí lực đều tăng trưởng, lại còn không có đại tiểu tiện.

Người thọ dụng thực phẩm của cõi Cực Lạc thì thân tâm nhu nhuyễn. Thân thể con người lúc còn trẻ rất mềm dịu, càng già càng cứng, chết rồi thì cứng đơ. Khuyết điểm của tâm ý là càng cứng khó giáo hóa. Nhu là nhu hòa, hòa thuận thì mới dễ giáo hóa, thế nên “nhu nhuyễn” rất là quan trọng. Chúng sanh Cực Lạc đối với mùi vị thế gian không còn chấp trước, đối với việc ăn uống chẳng chút tham luyến. Ăn cơm cũng là như vậy, sau khi ăn xong không cần người đi thu dọn chén bát, tự nhiên không còn nữa. Thế nên tất cả ở đây đều xảo diệu linh hoạt, cũng không từ nơi nào mà đến, bạn vừa nghĩ thì chúng liền đến, đến rồi bạn thấy sắc ngửi hương, thân thể cũng đạt được lợi ích. Sau khi ăn xong, thức ăn còn lại và vật dụng tự nhiên không còn nữa, cực kỳ tự nhiên. Đến khi bạn lại muốn ăn, bát bấu và thức ăn lại tự nhiên xuất hiện.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Phục hữu chúng bảo diệu y, quan đới, anh lạc, vô lượng quang minh, bá thiên diệu sắc, tất giai cụ túc, tự nhiên tại thân.**

*Lại có diệu y làm bằng các báu, mũ nón, dải áo, chuỗi anh lạc phát ra vô lượng ánh sáng với trăm ngàn diệu sắc, thấy đều đầy đủ, tự nhiên mặc trên thân.*

Đoạn kinh văn này là nói về phục trang. “Diệu y làm bằng các báu” là dùng nhiều loại báu vật làm thành y phục mỹ diệu. “Quan” là nón mũ, “đới” là dải áo buộc trên thân. “Anh lạc”, người tôn quý vào thời xưa Ấn Độ xâu nhiều loại báu lại rồi đeo trên thân, gọi là anh lạc, lại còn dùng hoa làm anh lạc. Những loại trên đều có vô lượng quang minh, trăm ngàn diệu sắc. Các y phục, chuỗi anh lạc v.v. đều do các báu tạo thành. Báu vật phóng quang cho nên quang sắc vi diệu.

Như Quán Kinh nói: “Trong mỗi loại báu có 500 quang minh và màu sắc”, cho nên có vô lượng quang minh. Đồng thời Quán Kinh lại nói: “Mỗi một quang minh có 84.000 sắc”, trong mỗi một quang minh có 84.000 loại màu sắc, thế nên là “trăm ngàn diệu sắc”. Sắc lại phóng quang, Quán Kinh nói: “Trong sắc lưu ly phóng ánh sáng kim sắc, trong sắc pha lê phóng ánh sáng đỏ”. Cho nên trong quang minh phóng ra màu sắc, trong màu sắc phóng ra quang minh, quang sắc vi diệu thấy đều đầy đủ. Những loại y phục thắng diệu này đều tự nhiên mặc trên thân, không cần cắt may làm ra.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Sở cư xá trạch, xứng kỳ hình sắc. Bảo võng di phú, huyền chur bảo linh, kỳ diệu trân dị, châu biến hiệu sức, quang sắc hoảng diệu, tận cực nghiêm lệ. Lâu quán lan thuần, đường vũ phòng các, quảng hiệp phương viên, hoặc đại hoặc tiểu, hoặc tại hư không, hoặc tại bình địa, thanh tịnh an ổn, vi diệu khoái lạc, ứng niệm hiện tiền, vô bất cụ túc.**

*Nhà cửa nơi ở xứng với hình sắc. Lưới báu giăng khắp, treo các linh báu, kỳ diệu, quý lạ, trang hoàng cho nhau khắp nơi, bóng loáng sáng ngời, trang nghiêm xinh đẹp tốt cùng. Lâu đài, lan can, điện đường, phòng ốc, rộng hẹp, vuông tròn, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc trên hư không, hoặc trên mặt đất, thanh tịnh an ổn, vi diệu an vui, ứng với ý niệm mà hiện tiền, không gì chẳng đủ.*

Đoạn kinh văn này là nói về chỗ ở, nhà cửa phòng ốc tương xứng với hình dạng màu sắc. Phòng ốc và nhà lớn mà người cõi Cực Lạc ở, hình dạng và màu sắc của chúng đều vô cùng tương xứng, phối hợp rất khéo, vả lại [kích cỡ] lớn nhỏ, màu sắc tương xứng với người ở. Ví dụ, thân cao bao nhiêu do-tuần thì phải có nhà lớn hay nhỏ tương xứng với họ. Nhà cửa có dùng châu báu, ngọc ma-ni v.v. kết thành lưới báu, trùm phủ khắp bên trên. Treo các chuông báu, trên lưới báu treo đủ loại chuông báu, tất cả chuông báu, lưới báu và nhà cửa đều là kỳ diệu trân dị. Kỳ là kỳ đặc, diệu là mỹ diệu, trân là quý báu, dị là kỳ lạ, đều hiện ra sự xinh đẹp mỹ diệu, kỳ lạ quý báu, hiếm có.

Những điều nói bên trên, trên nhà có lưới, trên lưới có chuông, trải khắp mọi nơi trong cõi nước Cực Lạc. Hiệu sức cho nhau, “hiệu” nghĩa là lẫn nhau, qua lại, thể hiện tất cả các báu đều trang sức cho nhau, làm ra sự trang nghiêm. Vả lại tất cả các báu đều phóng quang minh, trong quang minh có màu sắc, trong màu sắc có quang minh, lại còn lay động biến hóa, sáng rõ tỏ diệu, cực kỳ trang nghiêm, cực kỳ mỹ lệ.

Lâu quán (lâu đài), lan thuần (lan can) trong nước. Đường là điện đường, đại điện; vũ là mái hiên, hiên nhà; phòng là nhà hông, nhà ở; các là lầu gác. Những thứ này hoặc là ở hư không, hoặc là ở mặt đất, tất cả trường hợp đều là thanh tịnh an ổn, vi diệu khoái lạc.

Hội Sớ nói: Cõi Cực Lạc không có ngũ trược, cho nên nói thanh tịnh; không có thay đổi, không suy không hoại, thế nên gọi là an ổn; vô số thứ đều không thể

nghĩ bàn, bất kỳ một hạt vi trần nào đều không thể nghĩ bàn, thế nên gọi là vi diệu; vĩnh viễn lìa xa khổ não của thân tâm, nên gọi là khoái lạc. Người ở thế giới Cực Lạc, trong tâm nghĩ đến món đồ gì thì lập tức hiện ra, cho nên là ứng với ý niệm mà hiện tiền, nghĩ đến là có, không có trường hợp không như ý nguyện, cho nên là không gì chẳng đủ, không có khuyết thiếu. Thế giới Cực Lạc tốt đẹp như vậy, chúng ta sao có thể không đi chứ?

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 52

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Hôm nay chúng tôi giảng kinh văn phẩm thứ hai mươi:

### **ĐỨC PHONG HOA VŨ ĐỆ NHỊ THẬP**

Trong phẩm kinh văn này, Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta gió của thế giới Tây Phương Cực Lạc, mưa của thế giới Cực Lạc. Gió được gọi là gió đức, hoa được gọi là mưa hoa.

Mời xem kinh văn bên dưới:

**Kỳ Phật quốc độ, mỗi u thực thời, tự nhiên đức phong từ khởi, xuy chư la võng, cập chúng bảo thụ, xuất vi diệu âm, diễn thuyết khổ, không, vô thường, vô ngã, chư Ba-la-mật, lưu bố vạn chủng ôn nhã đức hương. Kỳ hữu văn giả, trần lao cấu tập, tự nhiên bất khởi. Phong xúc kỳ thân, an hòa điều thích, do như tỳ-kheo đắc diệt tận định.**

*Cõi nước Phật đó, mỗi khi đến giờ ăn, tự nhiên gió đức từ từ nổi lên, thổi các lưới giảng và các cây báu, phát ra âm thanh vi diệu, diễn nói khổ không, vô thường, vô ngã, các Ba-la-mật, lan tỏa vạn loại đức hương ôn nhã. Ai người được thì phiên nào, tập khí tự nhiên không khởi. Gió chạm vào thân an hòa dễ chịu, giống như tỳ-kheo đắc diệt tận định.*

“Thực thời” chỉ cho chính Ngọ. Cõi nước Cực Lạc đến giữa trưa, tự nhiên gió đức nhẹ nhàng thổi đến. Bản dịch thời Ngô nói: “Cũng chẳng phải là gió trong thế gian, là gió tinh diệu nhất trong các gió từ tám phương và hai phương trên dưới”. Câu này nghĩa là gì? Chính là như trong kinh Thủ Lăng-nghiêm nói: “Trong Như Lai tạng, tánh gió là chân không, tánh không là thật gió, vốn tự thanh tịnh, trọn khắp pháp giới”. Đây là gì vậy? Đây là nói tánh đức, trong tự tánh có gió đức, đức này nghĩa là gì? Có thể tùy thuận theo ý của người thì chính là đức, tôi muốn như thế nào thì nó như thế ấy, muốn gió nhẹ thì có gió nhẹ, muốn lớn một chút thì nó lớn một chút, muốn nhỏ một chút thì nó nhỏ một chút, muốn lạnh một chút, muốn nóng một chút, đều tùy theo ý muốn, đây gọi là đức.

Đây là gì vậy? Đây là tự tánh, có thể tùy tâm như ý muốn. Chúng ta ngày nay vì sao không được như ý muốn? Là do A-lại-da, do chuyển tướng của A-lại-da, cảnh giới tướng của A-lại-da biến hiện. Chuyển tướng là pháp sanh diệt, là ý niệm, niệm trước diệt, niệm sau sanh. Cảnh giới tướng cũng là pháp sanh diệt, thấy đều là huyền tướng, nó không phải là thật, nó bị nghiệp lực khống chế, không giống như tự tánh, tự tánh không bị khống chế. Tự nhiên điều thuận theo, cho nên người ấy được đại tự tại. “Do là gió chân thật của tánh đức nên gọi là tinh diệu nhất trong các thứ gió”.

Gió đức, “không lạnh không nóng, thường điều hòa thích hợp, rất là thanh lương, tốt đẹp, không gì có thể sánh”. Đây là “tinh diệu nhất trong các thứ gió” mà bản dịch thời Ngô nói, chính là chỉ cho gió đức. Gió đức “tự nhiên khẽ thổi”, nhẹ lay động chuông báu trên lưới báu, diễn xuất pháp âm vi diệu, nói khổ, không, vô thường, vô ngã, các Ba-la-mật. Căn cứ vào Câu-xá Luận nói: Các pháp đều do nhân duyên mà sanh, cho nên chẳng phải thường; đủ mọi bức bách não hại, thế nên gọi là khổ; thấy có đủ loại tướng khác biệt của sanh tử, nam nữ, nhưng trên thực tế là không có, trái ngược với cái thấy của chính mình, nên gọi là không; cái thấy đã trái ngược với chính mình, chính mình sao có thể làm chủ tử? Không có chủ tử thì không thể điều hành, làm chủ được, chính là không có ngã. Vãng Sanh Luận nói: “Phạm thanh ngộ sâu xa, vi diệu vang mười phương”. Thế nên pháp mà tiếng gió nói ra không chỉ là khổ, không, vô thường của Nhị thừa, mà có thể khiến người ngộ nhập, chứng được Ba-la-mật của Niết-bàn.

Đại sư Đàm Loan nói: “Lìa có mà có nên gọi là vi”. Lìa có, chỉ cho có thoát khỏi Tam giới. Do vô dục, nên lìa khỏi Dục giới. Họ ở trên mặt đất nên không phải Sắc giới. Họ có sắc pháp, thì không phải là Vô Sắc giới. Chẳng phải tam hữu<sup>5</sup>, nên cõi Tịnh độ không nằm trong Tam giới, mà lìa khỏi tam hữu, cho nên gọi là “lìa có”. “Lìa có mà có”, “mà có” đó là gì vậy? Là có Tịnh độ, do Nhất thừa nguyện hải của đức Di-đà mà có. Lìa khỏi nhị biên, siêu vượt tứ cú, lìa có mà có, nên gọi là “vi”.

Nhị biên là hai bên đối lập: có không, đúng sai, tà chánh, phàm thánh v.v.

Tứ cú: nói có là nhất cú; nói không cũng là nhất cú; nói vừa có, vừa không, cũng là nhất cú; chẳng có, cũng chẳng không, vẫn là nhất cú. Đây là tứ cú. Bất kể

---

<sup>5</sup> Tam hữu: đồng nghĩa với Tam giới



nói thế nào đều không thể lìa khỏi tứ cú. Ngôn ngữ của chúng sanh chúng ta đều ở trong [phạm vi] của tứ cú.

Thế giới Cực Lạc, lìa có mà có, không rơi vào hai bên, lìa khỏi tứ cú, nên gọi là “vi”; có thể khiến người nghe pháp khai ngộ, thế nên gọi là “diệu”. Pháp âm vi diệu, có thể khiến người ngộ nhập sâu xa.

Lại nữa, gió mang đức hương, “lan tỏa vạn loại đức hương ôn nhã”. Ôn là ôn hòa, nhã là nhã chánh; hương thơm ôn hòa vừa ý người thì gọi là ôn; hương thơm xa lìa ái nhiễm thì gọi là nhã. Ví dụ rất nhiều mỹ phẩm của thế gian có rất nhiều mùi thơm, sau khi ngửi thì sẽ sinh ra tâm ái nhiễm, chính là bị tục bất nhã, thậm chí khởi lên dục niệm, đó chính là tà hương. Đức hương ôn nhã có thể khiến người ngửi đến “tự nhiên không khởi trần lao cấu tập”, thế nên gọi là đức hương. Trần lao chính là phiền não, cấu tập chính là tập khí phiền não. Do vì vạn vật ở Cực Lạc đều viên minh cụ đức, cho nên gió có đủ vạn đức, có thể khiến người ngửi được tự nhiên không khởi phiền não và tập khí, đây là gió và hương đều làm Phật sự.

Thứ ba chính là sự tiếp xúc vi diệu của gió. Gió đức này chạm vào thân thể của người, khiến người cảm thấy vô cùng an hòa, vừa tâm xứng ý, niềm vui này giống như tỳ-kheo đắc được diệt tận định. Định này còn gọi là “diệt tận tam-muội”, là thiền định diệt hết tâm và tâm sở của sáu thức, là thánh nhân thuộc quả vị Bất Hoàn trở lên mới đạt được. Người vãng sanh đến cõi Đồng Cư, niềm vui của họ giống như tỳ-kheo đắc được diệt tận định.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Phục xuy thất bảo lâm thụ, phiêu hoa thành tụ, chủng chủng sắc quang, biến mãn Phật độ. Tùy sắc thứ đệ nhi bất tạp loạn, nhu nhuyễn quang khiết như Đâu-la-miên. Túc lý kỳ thượng, một thâm tứ chỉ, tùy túc cử dĩ, hoàn phục như sơ. Quá thực thời hậu, kỳ hoa tự một, đại địa thanh tịnh, cánh vụ tân hoa. Tùy kỳ thời tiết, hoàn phục châu biến, dữ tiền vô dị, như thị lục phản.**

*Lại thổi qua rừng cây bảy báu, thổi hoa tụ lại, đủ loại màu sắc, ánh sáng đầy khắp cõi Phật. Lần lượt theo màu mà không tạp loạn, mềm mại, sáng sạch như Đâu-la-miên. Chân đi lên lún sâu bốn đốt tay, nhắc chân lên rồi lại bằng phẳng như cũ. Qua khỏi giờ ăn hoa ấy tự mất, mặt đất sạch sẽ, lại mưa hoa mới. Tùy theo thời tiết, tuần hoàn khắp nơi, như trước không khác, ngày đêm sáu lần như thế.*

Thứ tư là theo gió mang hoa đến. Gió thổi đến rừng cây bảy báu, hoa bị thổi rơi xuống rất có trật tự, tùy loại màu sắc và ánh sáng khác nhau của chúng mà tự nhiên bay chụm vào nhau, đầy khắp trong cõi nước, phủ hết toàn bộ mặt đất. Tùy theo phân loại màu sắc của hoa, hoa vàng, hoa đỏ, hoa này, hoa kia, mỗi loại tự nhiên tụ thành cụm riêng, không hề tạp loạn. Hoa ấy ở trên mặt đất rất là mềm mại, cũng rất sạch sẽ sáng rõ, giống Đâu-la-miên, chính là bông tơ, giống như hoa của cây dương liễu, cây xương bồ v.v. là thứ rất mềm mại. Giẫm lên hoa, chân sẽ lún sâu bốn đốt tay. Bạn vừa nhấc chân lên thì hoa lại bằng phẳng. Mưa hoa của sáng sớm hễ qua giữa trưa thì những hoa này tự nhiên không thấy nữa. Sau khi hoa biến mất hẳn, toàn bộ mặt đất khôi phục lại sự thanh tịnh, bấy giờ không trung lại mưa xuống hoa mới.

Tiếp theo nói một chút về sáu thời. Thời thứ nhất từ lúc mặt trời mọc đến chính Ngọ thì gọi là sáng sớm, đây là thời thứ nhất; thời thứ hai là giữa ngày; thời thứ ba cuối ngày; thời thứ tư là đầu đêm; thời thứ năm là giữa đêm; thời thứ sáu là cuối đêm. Đây chính là sáu thời của một ngày. Kinh A-di-đà nói: “Ngày đêm sáu thời, trời mưa xuống hoa Mạn-đà-la”. Tùy theo sáu thời gian này mà luân phiên mưa hoa xuống và biến mất hoa, chính là “hoàn phục” mà kinh vẫn nói đến. Hoa của mỗi lần đều đầy khắp mặt đất, trong kinh gọi là “châu biến”. Hoa đồng thời biến mất, mặt đất thanh tịnh, mưa hoa xuống và hoa biến mất như vậy gọi là “phản”, mỗi ngày sáu lần thì gọi là “lục phản”. Mỗi lần hoàn tất thì mặt đất thanh tịnh như cũ, cho nên gọi là “hoàn phục như sơ”.

Thế giới Cực Lạc vẫn còn gọi ngày đêm, đây cũng là tùy thuận tập tục của thế gian. Sớ Sao nói: “Cõi ấy không có mặt trời mặt trăng, nhưng thường xuyên sáng sủa”. Thế nên hoa nở, chim kêu chính là ban ngày. Hoa khép lại, chim cũng đậu nghỉ rồi thì gọi là đêm. Di-đà Thông Tán của đại sư Khuy Cơ nói rằng: “Ao vàng hoa nở”, [tức là] trong ao sắc vàng hoa nở thì người cõi Cực Lạc cho là trời đã sáng. “Chim đậu rừng quỳnh”, [khi] chim trú nghỉ trong rừng cây báu thì Bồ-tát ở Cực Lạc cho rằng là ban đêm. Viên Trung Sao nói sâu hơn một chút: “Lấy hoa nở, chim kêu làm ngày; hoa khép, chim đậu nghỉ làm đêm, trộm nghĩ: [việc này] vẫn là bầu không khí của cõi Phạm Thánh Đồng Cư Tịnh độ”. Do chúng sanh đa phần đời nghiệp vãng sanh, vẫn chưa quên được triệt để tình trạng có ngày có đêm của uế độ. Nếu như ở ba cõi trên: cõi Phương Tiện Hữu Dư, cõi Thật Báo Trang Nghiêm, cõi

Thường Tịch Quang thì không có những tướng phân biệt có ngày có đêm, hoa nở chim đậu nghỉ này.

Từ phẩm thứ 14 đến phẩm thứ 20 đều nói về sáu trần thuyết pháp ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, cụ thể là nói rõ chỗ không thể nghĩ bàn của y chánh trang nghiêm nơi thế giới Cực Lạc vượt hơn cõi nước của chư Phật phương khác. Cảnh giới như vậy nếu không phải là Phật nói rõ cho chúng ta, thì nghĩ xem thế gian này của chúng ta, bất luận là Trung Quốc hay nước ngoài viết tiểu thuyết, viết truyện, liệu có thể viết được viên mãn như thế không? Những chuyện hiem lạ cổ quái nói trong tiểu thuyết của Trung Quốc không thể hơn Tây Du Ký. Tây Du Ký so với kinh Vô Lượng Thọ thì kém quá xa.

Lão pháp sư đã từng gặp một vài giáo sư thỉnh thoảng cũng xem một chút kinh Phật, họ bình luận về Thích-ca Mâu-ni Phật của chúng ta là: Thích-ca Mâu-ni Phật rất biết nói khoác, rất biết viết truyện. Họ cũng rất bội phục Thích-ca Mâu-ni Phật, họ xem Thích-ca Mâu-ni Phật thành nhà văn học, họ nói không [hay] bằng Thích-ca Mâu-ni Phật.

Những điều Thích-ca Mâu-ni Phật nói trong kinh đều là điều ngài đích thân nghe và thấy. Chẳng những là Thế Tôn đích thân nghe và thấy, mà ngài A-nan đã thấy rồi, ngài Di-lặc nhìn thấy rồi, 20.000 đại chúng dự hội, mỗi người đều nhìn thấy A-di-đà Phật, nhìn thấy thế giới Tây Phương Cực Lạc, sự việc này là thật, chẳng phải giả.

Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, phu nhân Vi-đề-hy bởi vì sau khi gặp nạn biến cố gia đình, đối với thế gian này tâm ý đã nguội lạnh, hướng về Thích-ca Mâu-ni Phật cầu cứu, liệu có nơi nào tốt không? Bà bằng lòng vãng sanh, không muốn ở thế giới Ta-bà. Thích-ca Mâu-ni Phật dùng thần lực đem cõi nước của chư Phật mười phương đều hiển hiện ra trước mặt bà. Sau khi bà xem xong, [thì] chọn thế giới Tây Phương Cực Lạc. Chẳng những phu nhân Vi-đề-hy nhìn thấy mà đồng thời 500 cung nữ cùng với phu nhân cũng đều nhìn thấy, đây đâu phải là chuyện mà Thích-ca Mâu-ni Phật viết ra, sao có thể nói Thích-ca Mâu-ni Phật nói khoác được. Người thế gian không có trí tuệ, ngu si, đúng như trong kinh nói “ít thiện căn, phước đức, nhân duyên”. Đối với lời dạy của Phật tổ, thánh hiền không thể tin sâu, trong xã hội hiện nay chúng ta thường gặp người như vậy. Lão pháp sư nói với chúng ta,

gặp người như vậy thì đừng tranh luận với họ, chấp tay lại hoan hỷ, bởi vì bạn có nói họ cũng không thông, do họ có phân biệt, chấp trước và sở tri chướng của họ.

Y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc mà kinh điển nói, mỗi câu đều chân thật, không có một từ nào là vọng ngôn, phải tin tưởng lời Phật nói trong kinh Kim Cang: “Nhu Lai là bậc chân ngữ”, chân nghĩa là không giả; “là bậc thật ngữ”, thật chính là không hư dối; “là bậc như ngữ”, như chính là nói được vừa vặn thích đáng, không thêm một chút, cũng chẳng bớt một chút, hoàn toàn phù hợp sự thật.

Đương nhiên y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc, nói không thể hết, chẳng qua là giản lược nêu lên vài điều tương đối gần gũi một chút với cuộc sống của thế gian này, nói rồi chúng ta có thể hiểu. Sự trang nghiêm mà thế gian này của chúng ta không có, Phật đều không nói, vì nói ra cũng không hiểu, chúng ta không cách gì tưởng tượng được, nên Phật cũng chẳng nói. Thế nên tất cả pháp mà Phật thuyết đều là lược thuyết, Phật không vọng ngữ, cũng không khoa trương, người nào tin tưởng thì người đó có phước. Thật sự có phước thì có thể tin tưởng, có thể phát nguyện, có thể niệm Phật cầu sanh Tịnh độ.

Y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc, trong một đời này của chúng ta, không bao lâu thì có thể hưởng thụ được, có thể thấy lời dạy của Phật đối với chúng ta có lợi ích chân thật. Những gì Phật nói, chúng ta đều có thể đạt được, ân đức của Phật quá lớn, chúng ta chỉ có niệm Phật, vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc mới có thể báo ân Phật. Không thể vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì không thể báo đáp được ân đức của Phật.

Tiếp theo chúng tôi giảng kinh văn phẩm thứ 21:

### **BẢO LIÊN PHẬT QUANG ĐỆ NHỊ THẬP NHẤT**

Trong phẩm kinh văn này, Thế Tôn giảng thuật cho chúng ta sen báu trong nước là điều thù thắng nhất trong y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc. Hoa sen phóng quang, trong quang minh có hóa Phật, Phật lại thuyết pháp, trùng trùng vô tận, công đức không thể nghĩ bàn. Kinh văn của phẩm này hiện rõ thế giới Cực Lạc đầy đủ trùng trùng vô tận huyền môn trong thập huyền diệu môn của thế giới Hoa Tạng. Trong nước Cực Lạc có hoa sen do các báu hợp thành, trải khắp mọi nơi trong cả thế giới.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Hựu chúng bảo liên hoa, châu mãn thế giới, nhất nhất bảo hoa, bá thiên ức diệp. Kỳ hoa quang minh, vô lượng chủng sắc, thanh sắc thanh quang, bạch sắc bạch quang, huyền hoàng châu tử, quang sắc diệp nhiên. Phục hữu vô lượng diệp bảo, bá thiên Ma-ni, ánh sức trân kỳ, minh diệp nhật nguyệt. Bỉ liên hoa lượng, hoặc bán do-tuần, hoặc nhất nhị tam tứ, nãi chí bá thiên do-tuần. Nhất nhất hoa trung, xuất tam thập lục bá thiên ức quang.**

*Lại có nhiều hoa sen báu trải khắp thế giới. Mỗi hoa báu có trăm ngàn ức cánh. Ánh sáng của hoa có vô lượng màu: màu xanh ánh sáng xanh, màu trắng ánh sáng trắng, huyền, vàng, đỏ, tím, màu sắc và ánh sáng cũng lại như vậy. Lại có vô lượng diệp bảo, trăm ngàn Ma-ni sáng đẹp quý hiếm, chói lọi như nhật nguyệt. Kích thước của hoa sen hoặc nửa do-tuần, hoặc một hai ba bốn do-tuần, cho đến trăm ngàn do-tuần. Trong mỗi hoa sen phóng ra ba mươi sáu trăm ngàn ức ánh sáng*

*“Lại có nhiều hoa sen báu trải khắp thế giới”*

Câu này là tổng thuyết. Thế giới Tây Phương Cực Lạc còn được gọi là thế giới hoa sen, hoa sen trong nước Cực Lạc có sáu ý nghĩa như sau.

Một là hoa sen trải khắp nước ấy. Hai là hoa sen có trăm ngàn ức lá. Ba là quang minh của hoa ấy có vô lượng màu sắc. Bốn là diệp bảo trang nghiêm, có vô lượng diệp bảo, trăm ngàn ngọc Ma-ni trang nghiêm hoa sen. Năm là hoa sen lớn nhỏ không như nhau, từ nửa do-tuần đến trăm ngàn do-tuần. Sáu là sen báu phóng quang, trong mỗi hoa sen phóng ra 36 trăm ngàn ức quang minh.

Phật quang có bốn ý nghĩa. Một là trong quang minh có hóa Phật, trong mỗi quang minh hiện ra 36 trăm ngàn ức Phật. Hai là thân tướng thù thắng đặc biệt, thân sắc tử kim, tướng hảo thù thắng đặc biệt. Ba là hóa Phật phóng quang, mỗi một vị Phật lại phóng trăm ngàn quang minh. Bốn là hóa Phật thuyết pháp, vì khắp mười phương nói pháp vi diệu.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Nhất nhất quang trung, xuất tam thập lục bá thiên ức Phật, thân sắc tử kim, tướng hảo thù đặc. Nhất nhất chư Phật hựu phóng bá thiên quang minh, phổ vị thập phương thuyết vi diệu pháp. Như thị chư Phật, các các an lập vô lượng chúng sanh ư Phật chánh đạo.**

*Trong mỗi quang minh hiện ra ba mươi sáu trăm ngàn ức Phật sắc thân tử kim, tướng tốt thù đặc. Mỗi vị Phật lại phóng ra trăm ngàn quang minh, rộng vì mười phương nói pháp vi diệu. Chư Phật như thế mỗi vị an lập vô lượng chúng sanh trong chánh đạo của Phật.*

Đại ý của đoạn kinh văn này ban nãy chúng tôi đã nói rồi, không nói lại nữa. Chúng tôi xin nói hai vấn đề trọng điểm.

Vấn đề thứ nhất, trong phẩm kinh văn này xuất hiện: trong mỗi hoa sen phóng ra 36 trăm ngàn ức quang minh, trong mỗi quang minh hiện ra 36 trăm ngàn ức Phật, trong đây đều có số 36, vì sao đều là 36 trăm ngàn ức vậy? Đối với vấn đề này, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã giải thích cho chúng ta như sau:

“Bút giả chưa nhìn thấy lời giải thích, bản thân chỉ đành phương tiện nói rõ, bởi vì thế giới Cực Lạc có bốn cõi, mỗi cõi đều có chín phẩm, nên vừa đúng là 36 phẩm. Mỗi một phẩm đều có trăm ngàn ức hoa sen, mỗi một đóa sen đều có quang minh của tất cả các hoa sen khác, cho nên mỗi một đóa sen đều có 36 trăm ngàn ức quang minh. Trong quang minh hiện ra Phật, “trong mỗi quang minh hiện ra 36 trăm ngàn ức Phật”, phía sau còn thù thắng hơn nữa là trùng trùng vô tận. Trong cõi nước của A-di-đà Phật khắp nơi đều là hoa sen, mỗi một hoa sen phóng ra 36 trăm ngàn ức quang minh, trong mỗi quang minh hiện ra 36 trăm ngàn ức Phật, mỗi một vị Phật lại phóng trăm ngàn quang minh, rộng vì mười phương nói pháp vi diệu.”

Lời giải thích này phát ra từ miệng của một vị đại đức cư sĩ 22 tuổi khai ngộ, có tu có chứng thời bấy giờ, đáng được tin tưởng.

Vấn đề thứ hai, “an lập chúng sanh trong chánh đạo của Phật”. Đây là hoa sen phóng diệu quang, diệu quang hiện diệu Phật, diệu Phật thuyết diệu pháp, ban cho chúng sanh lợi ích chân thật. Lợi ích chân thật này chính là do trí tuệ chân thật khai hiển, đều là chân thật chi tế, pháp thân vô vi.

Hoa sen trong nước Cực Lạc vì sao gọi là diệu liên? Diệu ở chỗ nào? Hoa sen trong ao thất bảo, mỗi một hoa đều có màu sắc quang minh vi diệu, tuyệt diệu! Trong mỗi quang minh lại hiện ngàn ức Phật, tuyệt diệu! Mỗi một vị Phật nói diệu pháp, đại tuyệt diệu!

Là nói ba điều này, mỗi một đóa sen đều phóng quang, trong mỗi quang minh đều hiện Phật, hiện bao nhiêu Phật? Hiện ngàn ức Phật. Mỗi một vị Phật đều tuyên

thuyết diệu pháp. Diệu liên hiện diệu quang, diệu quang hiện diệu Phật, diệu Phật thuyết diệu pháp, những vị Phật này đều ở trong quang minh làm Phật sự. Diệu, quá diệu, tuyệt diệu! Còn có thứ gì tuyệt diệu hơn nữa không? Không có!

Bên trên nói đến chư Phật đều ở trong quang minh làm Phật sự, thế nào là Phật sự? Lão pháp sư nói như sau: Hiện nay trong Phật giáo, mọi người đều nghe nói, trong chùa này có làm Phật sự, Phật sự này là gì vậy? Pháp hội, siêu độ, làm những việc như vậy, đây không phải là Phật sự, đây là Phật sự thời hiện đại. Thời đại của Thích-ca Mâu-ni Phật, bạn xem sự nghiệp mà một đời lão nhân gia ngài làm, đó gọi là Phật sự. Sự nghiệp mà Thích-ca Mâu-ni Phật làm là dạy học, là giáo dục.

Phẩm kinh văn này tổng cộng nói về bảy sự việc.

Thứ nhất, hoa sen trải khắp thế giới. Thứ hai, cánh của hoa sen rất nhiều, trong mỗi hoa có ngàn ức lá. Thứ ba, màu sắc quang minh vô lượng. Thứ tư, diệu bảo trang nghiêm. Thứ năm, sen báu lớn nhỏ không như nhau. Thứ sáu, hoa sen phóng diệu quang. Thứ bảy, trong quang minh hiện hóa Phật, Phật thuyết pháp cho chúng sanh.

Từ trong phẩm kinh văn này chúng ta có thể lĩnh hội sâu sắc được thế giới Tây Phương Cực Lạc xác thực là dùng hoa sen làm Phật sự, dùng phương thức xảo diệu này để tiếp dẫn chúng sanh mười phương thế giới, giúp tất cả chúng sanh đời này thành tựu Vô thượng Bồ-đề. Cho nên hết thảy chư Phật Như Lai trong mười phương không có vị Phật nào không tán thán, không khen ngợi. Đây chính là cảnh giới giải thoát sự sự vô ngại, trùng trùng vô tận không thể nghĩ bàn mà kinh Hoa Nghiêm nói.

Tiếp theo xin tổng kết trọng điểm từ phẩm thứ 18 đến phẩm thứ 21 như sau:

### **Trọng điểm của kinh văn phẩm thứ 18.**

Kinh văn phẩm thứ 18 có bốn trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: Thích-ca Mâu-ni Phật từ bi cực điểm, trí tuệ cao tột, hết thảy y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc không phải là điều mà Bồ-tát có thể tư duy, tưởng tượng, nói ra được. Vì để cho chúng ta có thể nhận thức thế giới Tây Phương Cực Lạc trực quan hơn, Thế Tôn dùng phương pháp phương tiện thiện xảo, diễn nói cho chúng ta y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc. Dùng lời hiện nay mà nói thì gọi là dạy học hình tượng hóa. Chúng ta đối

với Thế Tôn phải sinh khởi tâm cảm ân vô hạn. Nếu không có Thế Tôn giới thiệu thế giới Tây Phương Cực Lạc cho chúng ta, thì chúng ta sẽ không thể nhận thức được thế giới Cực Lạc, sẽ không biết được A-di-đà Phật, không biết là còn có pháp môn Tịnh độ niệm Phật. Ân Phật khó báo đáp, phải tri ân báo ân. Muốn báo ân Phật, chỉ có thành Phật.

Trọng điểm thứ hai: nhận thức sáu điều siêu thế hy hữu về chánh báo của thế giới Cực Lạc.

Dung sắc vi diệu là điều siêu thế hy hữu thứ nhất. Kinh văn nói: “Dung sắc vi diệu, hiếm có vượt hơn thế gian, đều cùng một loại, không có tướng sai biệt”. Tướng mạo tương đồng với ai vậy? Tương đồng với A-di-đà Phật.

Thân pháp tướng chuyển thành thân pháp tánh y hệt như A-di-đà Phật, đây là điều siêu thế hy hữu thứ hai. Chúng ta ở thế giới Ta-bà, thân là thân pháp tướng, vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, thân pháp tướng chuyển thành thân pháp tánh, cũng chính là chuyển tám thức thành bốn trí mà chúng ta thường nói. Khi nào chuyển vậy? Chuyển trong hoa sen. Chuyển tám thức thành bốn trí, chẳng phải là công phu của chính chúng ta, là do sức uy thần của bốn nguyện A-di-đà Phật gia trì.

Vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, đều là A-đuy-việt-trí Bồ-tát, đây là điều siêu thế hy hữu thứ ba. Phạm vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì thân phận nhất loạt bình đẳng, đều là Bồ-tát A-đuy-việt-trí tam bất thoái. Bồ-tát A-đuy-việt-trí là Pháp thân Bồ-tát đã phá một phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, thật sự không thể nghĩ bàn, tinh diệu cùng cực, nên gọi là hy hữu.

Chúng trời người bất động từ biển thanh tịnh trí sanh ra, đây là điều siêu thế hy hữu thứ tư. Sanh từ biển thanh tịnh trí, thanh tịnh là hóa sanh nơi hoa sen, trí hải là biển trí tuệ, không thể nghĩ bàn. Mười phương thế giới chưa từng nghe đến, chỉ thế giới Tây Phương Cực Lạc mới có.

Hết thảy chúng sanh đều là sự lưu hiện của một câu thanh tịnh, đây chính là điều siêu thế hy hữu thứ năm. Mỗi người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc được uy thần bốn nguyện của A-di-đà Phật gia trì, mỗi người đều là thể thanh tịnh, pháp thân vô vi, điều này mười phương thế giới chưa từng nhìn thấy. Vượt hơn thế gian, nên



gọi là siêu thế hy hữu. Chẳng những vượt hơn thế gian của Thích-ca Mâu-ni Phật, mà còn vượt hơn hết thủy cỗi nước của chư Phật.

Thấy đều hóa sanh nơi hoa sen, thân sắc vàng ròng, ba mươi hai tướng, nên gọi là siêu thế hy hữu, đây là điều siêu thế hy hữu thứ sáu. Thế giới Tây Phương Cực Lạc chẳng phải là 32 tướng, nói 32 tướng là Phật tùy thuận tri kiến của thế gian mà nói, Phật có 84.000 tướng, mỗi một tướng đều có 84.000 vẻ đẹp, mỗi một vẻ đẹp lại phóng ra 84.000 quang minh. Trong mỗi tia sáng đều có thể nhìn thấy cỗi nước của chư Phật mười phương, Phật Bồ-tát đang giảng kinh dạy học, đây thật là siêu thế hy hữu.

Sự siêu thế hy hữu của thế giới Tây Phương Cực Lạc vô lượng vô biên, dù nói đến vô lượng kiếp cũng nói không hết, tuyệt chẳng phải chỉ có sáu điều siêu thế hy hữu này, việc này các đồng tu cần phải biết.

Trọng điểm thứ ba: Thế Tôn dùng năm lượt so sánh, muốn nói với chúng ta điều gì? Đối với năm lượt so sánh này, bạn có cảm ngộ gì? Cõi người, cõi trời, thế giới Cực Lạc, bạn chọn lựa ra sao? Sau khi lựa chọn xong, làm thế nào đạt được mục tiêu?

Trọng điểm thứ tư: cấp bậc của nhân dân thế giới Cực Lạc thì mười phương thế giới đều không thể sánh. Vãng sanh đến thế giới Cực Lạc đã là A-bệ-bạt-trí, nhưng vẫn là phàm phu; là phàm phu, nhưng lại là A-bệ-bạt-trí. Đại sư Ngẫu Ích nói đây là điều mà mười phương thế giới không có.

### **Trọng điểm của kinh văn phẩm thứ 19.**

Kinh văn phẩm thứ 19 có bốn trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: đối tượng mà A-di-đà Phật tiếp dẫn, đối tượng mà ngài giúp đỡ, chúng sanh thành tựu cao nhất là Đẳng giác Bồ-tát, Pháp thân Đại sĩ; thấp nhất thì có chúng sanh địa ngục. Tất cả chúng sanh đều bao gồm trong đó. Một từ “tất cả” chính là phạm vi cấp bậc của thế giới Cực Lạc.

Trọng điểm thứ hai: vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, không nhất định phải đến từ ba đường thiện, từ ba đường ác cũng có thể vãng sanh. Then chốt của vãng sanh là thiện căn, phước đức, nhân duyên.

Trọng điểm thứ ba: nhân dân thế giới Cực Lạc thần thông tự tại, thần thông biến hóa, tất cả trời người đều không thể sánh bằng, gấp trăm ngàn vạn ức lần, chẳng thể tính nổi. Kinh này nói: “Dùng phương tiện trí, tăng trưởng hiểu biết, từ xưa đến nay, an trụ thần thông”. Chúng ta nên nhận thức chính xác về thần thông như thế nào? Chư Phật Bồ-tát có thần thông, và lại còn có đại thần thông, “tất cả đại thánh đã đạt thần thông”, đây là trong kinh Vô Lượng Thọ nói. Chư Phật Bồ-tát không thị hiện thần thông, bởi vì yêu ma quỷ quái cũng có thần thông. Chư Phật Bồ-tát giáo hóa chúng sanh là dùng giảng kinh dạy học, việc này yêu ma quỷ quái không biết. Thần thông là việc vụn vặt bên rìa đạo thánh, hiện nay rất nhiều người bỏ gốc theo ngọn, họ chính là truy cầu sự vụn vặt bên rìa đạo thánh ấy, đây là mê hoặc điên đảo, cứ thế tiếp tục đi thì dễ vào ma đạo. Chớ mê tín thần thông, đừng truy cầu thần thông, không được lạm dụng thần thông, thần thông là tự tánh, chẳng phải do học được, không phải do cầu được. Thần thông và việc thoát sanh tử, ra khỏi luân hồi không hề có chút liên can.

Trọng điểm thứ tư: nhân dân thế giới Cực Lạc phước đức vô lượng, do vì phước đức vô lượng, cho nên thọ dụng tự tại, ẩm thực, y phục tùy theo ý muốn, tự nhiên hiện tiền, thấy đều đầy đủ, muốn có thứ gì thì có thứ đó, khi không cần nữa thì tự biến mất. Y phục thì trăm ngàn diệu sắc, sắc lại phóng quang, quang sắc vi diệu, y phục thắm diệu tự nhiên trên thân.

### **Trọng điểm của kinh văn phẩm thứ 20.**

Kinh văn phẩm thứ 20 có năm trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: phẩm kinh văn này nói về y báo trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, hiển bày rõ rệt sự thù thắng của sáu trần thuyết pháp nơi thế giới Cực Lạc. Gió của thế giới Cực Lạc là gió đức, mưa của thế giới Cực Lạc là mưa hoa.

Trọng điểm thứ hai: gió đức có những điều thù thắng nào? Gió đức thì không lạnh không nóng, ôn hòa vừa ý, mát mẻ không gì bằng. Gió đức tự nhiên nhẹ nhàng thổi, lay động chuông báu, diễn xuất pháp âm vi diệu, gió mang theo đức hương, lan tỏa vạn loại đức hương ôn nhã. Gió đức xúc chạm vi diệu, gió đức chạm đến thân thể của người thì thân thể an hòa, điều tâm, thích ý, vui như tỳ-kheo sạch hết lậu hoặc. Gió mang theo hoa, gió thổi đến cây bảy báu, hoa bị thổi rơi xuống tự nhiên bay chum vào nhau, trật tự ngay ngắn, hoa rơi mềm mại, sáng rõ sạch sẽ, như Đâu-la-miên, mưa hoa buổi sớm qua giờ ngộ biến mất, lại mưa xuống hoa mới.

Trọng điểm thứ ba: thế giới Tây Phương Cực Lạc không có ngày đêm, nói ngày đêm là tùy thuận tập tục thế gian, lấy hoa nở chim hót làm ngày, lấy hoa khép chim ngủ làm đêm.

Trọng điểm thứ tư: y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc mà kinh điển nói, câu câu đều là chân thật, không có một chữ nào là vọng ngôn, chúng ta phải tin chắc không nghi.

Trọng điểm thứ năm: y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc trong đời này của chúng ta không bao lâu thì có thể hưởng thụ được, đây là lợi ích chân thật mà Phật ban cho chúng ta.

### **Trọng điểm của kinh văn phẩm thứ 21.**

Kinh văn phẩm thứ 21 có năm trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: thế giới Tây Phương Cực Lạc là thế giới hoa sen, sen báu trong nước là điều thù thắng nhất trong y báo trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Trọng điểm thứ hai: diệu liên phóng diệu quang, diệu quang hiện diệu Phật, diệu Phật thuyết diệu pháp, trùng trùng vô tận, công đức không thể nghĩ bàn.

Trọng điểm thứ ba: kinh văn phẩm này hiện rõ thế giới Cực Lạc có đủ trùng trùng vô tận huyền môn trong thập huyền môn của thế giới Hoa Tạng. Hoa sen do các báu hợp thành ở thế giới Cực Lạc trải khắp toàn thể thế giới.

Trọng điểm thứ tư: hoa sen của thế giới Cực Lạc có 6 ý nghĩa gì vậy? Một là hoa sen trải khắp nước ấy. Hai là hoa sen có nhiều cánh sen, nhiều lá sen. Ba là quang minh của hoa ấy có vô lượng màu sắc. Bốn là diệu bảo trang nghiêm. Năm là hoa sen lớn nhỏ không như nhau. Sáu là sen báu phóng quang, trong mỗi hoa sen phóng 36 trăm ngàn ức quang minh.

Trọng điểm thứ năm: lợi ích chân thật mà hoa sen ban cho chúng sanh là gì vậy? An lập chúng sanh vào chánh đạo của Phật, trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 53

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Hôm nay tôi bắt đầu giảng kinh văn phẩm thứ 22:

### **QUYẾT CHỨNG CỰC QUẢ ĐỆ NHỊ THẬP NHỊ**

Đề mục này rất giống như A-di-đà Phật thọ ký cho chúng ta vậy, ngữ khí khẳng định như vậy: nhất định chứng đắc. “Cực quả” thì không có gì cao hơn được nữa, đây chính là Diệu giác Như Lai. Diệu giác Như Lai mà kinh Hoa Nghiêm nói ở nơi nào chứng đắc vậy? Ở thế giới Cực Lạc. Chỉ cần bạn đến thế giới Cực Lạc thì bạn nhất định sẽ chứng đắc. Phẩm kinh văn này là tổng kết sự thanh tịnh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc thật sự cực kỳ thanh tịnh, cực kỳ trang nghiêm.

“Cảnh trí minh hợp”. Cảnh là cảnh giới, trí là trí tuệ, trí tuệ bên trong cùng với cảnh giới bên ngoài tương ứng. “Nhân quả như như”, nhân chiếu theo quả, quả chiếu theo nhân. “Những người vãng sanh, do trong không có chọn lựa, phân biệt, nên ngoài cảm được cảnh giới xa lìa phân biệt”. Đây là tổng cương lĩnh liên quan đến việc tu học của chúng ta, tu học pháp môn tổng trì.

Chúng ta học những gì? Nội, nội là nói đến tâm, không có chọn lựa, phân biệt. Chúng ta sống trong thế gian này, học tùy thuận, học tùy duyên, hằng thuận chúng sanh, không đối lập với chúng sanh, khiến hết thảy chúng sanh sinh tâm hoan hỷ. Đối lập thì sẽ không có hoan hỷ. Làm sao mới có thể làm được? Không có chọn lựa, phân biệt thì làm được. Những nhu cầu cuộc sống, có thì tốt, không có cũng tốt, không có tâm phân biệt, đương nhiên cũng không có chấp trước.

A-la-hán không có chấp trước, nhưng có phân biệt; xả bỏ phân biệt thì chính là hành đạo Bồ-tát, cao hơn A-la-hán. Mỗi người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, đối với tất cả pháp, tất cả pháp trong ngoài đều không có chọn lựa, phân biệt. Vì sao vậy? Họ không cần đến. Ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, tất cả nhu cầu đều theo tâm của bạn mà hiện ra cảnh giới, chính là ‘tâm tưởng sự thành’ mà chúng ta thường nói. Thế giới Cực Lạc xác thực là tâm tưởng sự thành, cho nên không cần chọn lựa,

đến lúc cần thì tự nhiên sẽ hiện tiền, lúc không cần thì không còn nữa, sạch sẽ. Tâm phân biệt không khởi lên được, không có phân biệt.

Chúng ta hiện tiền luyện công phu này, có thể luyện, có thể đạt được. Không nắm giữ, đối với tất cả pháp không được nắm giữ, không có thì không nắm giữ, có rồi cũng không cần xả bỏ, điều quan trọng là không có tâm phân biệt. Không khởi tâm, không động niệm thì khó, rất khó, bởi vì ý niệm quá vi tế. Trong một giây có hai ngàn hai trăm bốn mươi triệu ý niệm, chúng ta làm sao chọn lựa được, đều không có khái niệm, thế nên việc này khó. Việc này đến thế giới Cực Lạc hằng tính, trước mắt chúng ta hiện nay, chúng ta chỉ học không chọn lựa, chính là đoạn kiến tư; xả bỏ phân biệt chính là đoạn trần sa. Chúng ta chỉ còn căn bản vô minh là chưa phá được, vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì làm A-duy-việt-trí Bồ-tát.

A-duy-việt-trí Bồ-tát quá khó được! A-duy-việt-trí là Pháp thân Bồ-tát, hưởng thụ đãi ngộ cao nhất của Bồ-tát. Trí tuệ, thần thông, đạo lực của bạn thấy đều hiện tiền, có thể giống như A-di-đà Phật, phân vô lượng vô biên thân, đến mười phương thế giới đi cúng dường Phật. Cúng Phật là tu phước báo, nghe Phật giảng kinh là tu trí tuệ. Phước tuệ song tu, ngày ngày không gián đoạn, thế nên thành tựu rất nhanh. Chân tướng sự thật này, chúng ta vô cùng cảm ân sự giới thiệu của Thích-ca Mâu-ni Phật, ngài đã nói hết sức rõ ràng, hết sức sáng tỏ.

“Do không phân biệt, thanh tịnh bình đẳng, nên chỉ hưởng thụ niềm vui tối thượng”. Ở nơi này của chúng ta, bạn vì sao không vui? Bởi vì bạn có lấy và bỏ, bởi vì bạn có phân biệt. Thế gian này tuy đều là giả, nhưng bạn xem nó là thật, bạn muốn đạt được, bạn muốn khống chế nó, bạn muốn thọ dụng nó, đây là kiến tư phiền não, đây là tâm luân hồi. Phải xả bỏ ý niệm luân hồi này, có thì tốt, không cự tuyệt; không có thì không cưỡng cầu, như vậy thì sống rất tự tại, sống rất an vui. Tôi đến thế gian này, đều không mang theo thứ gì, tôi rời khỏi thế gian này, thứ gì cũng không mang đi, đã đoạn dứt tâm lấy và bỏ, tâm tùy duyên liền hiện tiền. Mọi thứ tùy duyên, tự tại biết bao! Bạn hoan nghênh tôi đến thì tôi đến, bạn không hoan nghênh thì tôi đi, đừng vì tôi mà bạn sinh phiền não, tôi sẽ tự động tránh đi, tự tại biết bao. Chỉ cần mỗi ngày không rời A-di-đà Phật thì bạn sẽ đạt được niềm vui, sự tự tại đó.

“Thế nên chỉ hưởng thụ niềm vui tối thượng, trụ chánh định tự, quyết chứng cực quả”. Họ không trụ vào tà định, họ trụ vào chánh định, chánh định chính là

không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, đây đều là chánh định. Không chấp trước là tiểu định, là chánh định, A-la-hán, Bích-chi Phật liền chứng được. Bình đẳng là đại định, là Bồ-tát chứng đắc. Giác là đại định rốt ráo viên mãn, tự tánh vốn định. Đại sư Huệ Năng nói “vốn không dao động”. Định này là Như Lai chứng đắc, chúng ta gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật.

Bổn nguyện Di-đà viên mãn rốt ráo. A-di-đà Phật từ sơ phát tâm đến khi lập nên thế giới Cực Lạc là vì điều gì? Là vì sự việc này. Chúng ta chứng đắc viên mãn rốt ráo thì bản nguyện của A-di-đà Phật cũng viên mãn. Đây mới thật sự là báo ân Phật, đây gọi là chân thật hành Bồ-tát đạo, giúp đỡ tất cả chúng sanh được viên mãn rốt ráo như chúng ta.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Phục thứ A-nan, bỉ Phật quốc độ, vô hữu hôn ám, hỏa quang, nhật nguyệt, tinh diêu, trú dạ chi tượng. Diệc vô tuế nguyệt kiếp số chi danh. Phục vô trụ trước gia thất. Ư nhất thiết xứ, ký vô tiêu thức danh hiệu, diệc vô thủ xả phân biệt, duy thọ thanh tịnh tối thượng khoái lạc.**

*Lại nữa A-nan, cõi nước Phật kia không có hiện tượng tối tăm, ánh lửa, nhật nguyệt, tinh tú, ngày đêm; cũng không có tên năm tháng, kiếp số; lại không có việc tham đắm nhà cửa. Hết thấy mọi nơi không có ký hiệu cột mốc, danh hiệu; cũng không có chọn lựa, phân biệt; chỉ thọ niềm vui thanh tịnh tối thượng.*

Đoạn kinh văn này nói về sự thanh tịnh bình đẳng của thế giới Cực Lạc, đã nói đến ba loại bình đẳng. Thứ nhất là cảnh bình đẳng, thứ hai là tâm bình đẳng, thứ ba là lạc bình đẳng.

*“Lại nữa A-nan, cõi nước Phật kia không có hiện tượng tối tăm, ánh lửa, nhật nguyệt, tinh tú, ngày đêm”*

Đoạn kinh văn này nói về “cảnh bình đẳng” của thế giới Tây Phương Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc không có tướng cảnh giới phân biệt. Thế giới Cực Lạc không giống như nơi đây của chúng ta, không có hiện tượng tối tăm, ánh lửa, nhật nguyệt, tinh tú, ngày đêm.

“Theo năm bản dịch gốc, hai bản dịch thời Hán, thời Ngô nói: mặt trời và mặt trăng ở Cực Lạc ở trên không”. Bản dịch thời Ngụy không có nói. “Bản dịch thời Đường, thời Tống đều nói thẳng không có mặt trời, mặt trăng”. Phật nói có mặt trời mặt trăng đều là phương tiện thuyết, trong đây có chân thật thuyết, bởi vì bộ kinh này là Phật tuyên giảng nhiều lần, giảng ở các nơi khác nhau, thính chúng không như nhau. Chúng ta biết Phật giảng kinh thuyết pháp hằng thuận chúng sanh, tùy cơ mà tiến hành dạy học, thế nên trường hợp không như nhau, thính chúng không như nhau thì sẽ có một số cách nói không như nhau. Hoàn toàn giống với giáo học của Khổng lão phu tử. Khổng lão phu tử dạy học, thính chúng khác nhau, nơi chốn khác nhau, nên vấn đề mà học trò hỏi tuy giống nhau nhưng ngài giải đáp không như nhau. Ứng cơ thuyết pháp, lợi ích chúng sanh, không thể nói xong để chúng sanh hoài nghi, không được nói xong khiến chúng sanh nghe không hiểu, đó gọi là lời thừa, gọi là nói uổng công.

Phật nói có mặt trời, mặt trăng là phương tiện thuyết; Phật nói không có mặt trời mặt trăng, đây là chánh thuyết. Di-đà Sớ Sao nói: “Nếu dung hợp lại thì mặt trời mặt trăng ấy tuy tồn tại, nhưng do bị quang minh của Phật và thánh chúng che mất, nên tuy có mà cũng như không”. Và bản dịch thời Hán nói: “Phật vô lượng thanh tịnh”, chính là A-di-đà Phật, “quang minh trên đành cực sáng rỡ, mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao đều dừng giữa hư không, cũng không vận hành luân chuyển nữa, cũng chẳng phát sáng, ánh sáng của chúng đều bị che lấp, không hiện ra nữa”. Trong bản dịch kinh Vô Lượng Thọ thời Hán, đoạn kinh văn này rất quan trọng, tương đồng với lời của đại sư Liên Trì. Có lẽ đại sư Liên Trì đã đọc qua bản dịch thời Hán, nếu chưa xem bản dịch thời Hán thì đó là cách nghĩ của ngài, bản dịch thời Hán đã ấn chứng cho ngài, ấn chứng cách nghĩ này của ngài là chính xác. Chính là mặt trời, mặt trăng và tinh tú của thế giới Cực Lạc, ở thế giới Cực Lạc không nhìn thấy ánh sáng của chúng. Vì sao vậy? Bản thân quang minh của thế giới Cực Lạc quá lớn, thế nên [ánh sáng nhật nguyệt] tuy có nhưng cũng chẳng khởi tác dụng.

Đại sư Liên Trì nói: “Vì sao như thế? Từ trời Đao-lợi trở lên, còn không cần đến ánh sáng của mặt trời mặt trăng, hướng hồ Cực Lạc”. Lời này nói rất hay. Cõi ngạ quỷ, cõi địa ngục trong lục đạo không có mặt trời mặt trăng, mà là một mảng đen tối, trong cõi ngạ quỷ giống như sương mù dày đặc, mờ mịt, nhìn không rõ; trong địa ngục, rất tối tăm. Cần đến mặt trời mặt trăng là cõi súc sanh và cõi người. Ở cõi trời, trời Tứ thiên vương, trời Đao-lợi trở lên thì không có, không cần mặt trời

mặt trăng. Thế nên trong kinh nói rất nhiều, trời Đao-lợi trở lên còn không cần đến nhật nguyệt soi sáng, hưởng gì Cực Lạc.

“Theo ý của đại sư Liên Trì, về lý mà nói thì lấy việc không có mặt trời mặt trăng làm chánh tông, thế nên kinh này chọn lấy kinh văn của hai bản dịch thời Đường, Tống mà nói thẳng không có nhật nguyệt, đồng với tôn chỉ của đại sư Liên Trì”. “Bởi vì chư thiên cõi trời Đao-lợi trở lên đều không dựa vào mặt trời mặt trăng, hưởng hồ thế giới Cực Lạc”. Tóm lại mà nói, có thể khái quát như sau: Phật nói có mặt trời mặt trăng là phương tiện nói, Phật nói không có mặt trời mặt trăng là nói chân thật, là chánh thuyết. Về lý mà nói, lấy việc không có mặt trời mặt trăng làm chánh tông. Phần trên nói về “cảnh bình đẳng”.

Đoạn tiếp theo chúng tôi nói về “tâm bình đẳng”.

*“Cũng không có chọn lựa, phân biệt”*

Thế giới Cực Lạc có chọn lựa hay không? Không có. Đối với vấn đề này, Hoàng Niệm lão nói như sau: “Kể tiếp nêu rõ tâm niệm vô phân biệt, bên trên nói rõ cảnh vô phân biệt, mà diệu cảnh này chính là do lìa khỏi tâm trí chọn lựa phân biệt, tâm tịnh thì cõi nước tịnh, tâm lìa khỏi phân biệt thì cảnh cũng không phân biệt”. Bên trên nói cảnh là đối tượng bị phân biệt (sở phân biệt), ở đây nói đến năng phân biệt, năng phân biệt là tâm.

Đến thế giới Cực Lạc sau một thời gian, thời gian này không dài, tự nhiên sẽ không có ý niệm chọn lựa phân biệt nữa. Chẳng những không có ý niệm mà tập khí cũng không có. Tâm sanh trí tuệ, không sanh phiền não. Phiền não vi tế nhất là gì vậy? Khởi tâm động niệm, điều này vô cùng vi tế. Khởi tâm động niệm cũng chính là Bồ-tát Di-lặc nói đến một phần hai ngàn hai trăm bốn mươi triệu giây, đó là khởi tâm động niệm, vô cùng vi tế, không có việc này nữa.

Thế nên về tâm chọn lựa phân biệt, Niệm lão nói với chúng ta rằng thế giới Cực Lạc đã lìa khỏi tâm trí chọn lựa phân biệt, không còn nữa, tâm tịnh thì cõi nước tịnh, vì sao vậy? Cảnh chuyển theo tâm, câu nói này vô cùng quan trọng. Thế giới Cực Lạc vì sao thanh tịnh như vậy? Lòng người thanh tịnh, thanh tịnh thế nào? Không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước, cho nên thanh tịnh.

Chúng ta hiện nay, trong đời sống thường ngày phải luyện tập, sau khi học xong phải thực hành. Học điều gì? Học không chấp trước, học không phân biệt. Thế



nhưng, chúng ta ở đây là thế giới Ta-bà, không phải thế giới Cực Lạc, học bằng cách nào? Khi cần phương tiện chấp trước thì chấp trước, khi không cần phương tiện thì không chấp trước, hoàn toàn xem sự việc, đây là nguyên nhân gì? Đây là làm gương cho chúng sanh, làm gương cho chúng sanh niệm Phật, cũng làm gương cho chúng sanh không niệm Phật. Chấp trước hay không chấp trước, phân biệt hay không phân biệt, không theo ý mình, mà thuận theo người khác, theo đối phương. Chúng ta phải dạy đối phương rằng lúc nên chấp trước thì chấp trước, lúc không nên chấp trước thì không chấp trước, thông quyền đạt biến, quyền xảo phương tiện, vận dụng vô cùng khéo léo, như vậy là đúng.

Hễ tâm lìa khỏi phân biệt thì cảnh giới chuyển biến, cảnh giới không còn phân biệt nữa. Cảnh giới không có phân biệt thì sẽ không có động loạn trên thế giới. Giáo dục của Phật thật quan trọng! Lìa khỏi hết thấy sự ảnh hưởng, lìa khỏi tất cả sự nhiễm ô, thì tâm thanh tịnh. Lìa tất cả phân biệt thì tâm được định, bình đẳng rồi. Một khi bình đẳng thì cảnh giới bên ngoài bình đẳng; tâm thanh tịnh thì cảnh giới thanh tịnh. Thanh tịnh, bình đẳng là dùng tâm để chứng đắc, đã chứng đắc được hai điều này rồi thì điều sau cùng là giác chắc chắn cũng theo đó mà chứng đắc; giác thì không mê nữa, trí tuệ hiện tiền rồi. Tâm thanh tịnh sinh tiểu trí tuệ; tâm bình đẳng sinh đại trí tuệ; giác là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh.

Tánh là bình đẳng, vạn vật do tánh hiện ra cũng là bình đẳng, không có thứ nào không bình đẳng. Không bình đẳng là ý nhiễm ô của bạn, do thức phân biệt tạo thành. Tu hành là tu trong cuộc sống, tu trong công việc, tu trong đối nhân xử thế tiếp vật, đó gọi là chân tu, đó là Bồ-tát, trong cuộc sống hoàn toàn làm được những lời Phật đã dạy chúng ta, niềm vui ấy không gì có thể sánh.

Phần trên nói về cảnh bình đẳng, tâm bình đẳng. Tiếp theo chúng tôi giảng về “lạc bình đẳng”.

*“Chỉ thọ niềm vui thanh tịnh tối thượng”*

Niềm vui thanh tịnh tối thượng, “tâm này cảnh này vốn không phân biệt, cảnh-trí nhất như, dứt các trần cấu, cho nên gọi là chỉ thọ niềm vui thanh tịnh tối thượng như kinh Xưng Tán Tịnh Độ đã nói”. Kinh Di-đà mà đại sư Huyền Trang phiên dịch, kinh văn có một câu như sau: “Chỉ có vô lượng hỷ lạc thanh tịnh”, đây là sự hưởng thụ cao nhất của đời người.

Làm thế nào để các đồng tu học Phật được vui? Đây là vấn đề mà trong hai ba năm gần đây tôi cứ suy nghĩ mãi. Vì sao tôi phải suy nghĩ đến vấn đề này? Bởi vì tôi nhìn thấy các đồng tu học Phật rất khổ, rất mệt, đem Phật pháp sống động học thành chết cứng, học cứng nhắc, không liên quan chút nào đến cuộc sống và công việc, không thể giải quyết vấn đề thực tế.

Thế giới Cực Lạc ở đâu? Ở ngay đây. Học Phật phải học cho khỏe mạnh, học cho vui vẻ, học cho tự tại, học cho có trí tuệ, học Phật như vậy mới có thể thành Phật. Giống như bài hát của tiểu viện Lục Hòa vậy: “Học Phật thì phải học vui vẻ, chau mày nhăn mặt đừng học Phật”.

Ông nhà tôi vãng sanh, từ trong việc này tôi nhận được khái thị rất lớn. Nhớ lại 53 năm cùng chung sống với ông ấy, điểm độc đáo nhất của ông ấy khiến tôi khó quên nhất chính là sự độ lượng, tự tại, vui vẻ của ông; từ ông ấy tôi biết học Phật như thế nào, thành Phật như thế nào. Thế nên từ sau khi ông nhà tôi vãng sanh, tôi cực lực đề xướng vui vẻ học Phật. Đối với việc này, bên ngoài có sự khen chê không như nhau, tôi không bị những đàm tiếu bên ngoài làm dao động mà bắt đầu áp dụng việc vui vẻ học Phật pháp, cũng chính là bắt đầu canh tác ruộng thử nghiệm.

Xin nói về những trải nghiệm và lĩnh hội của tôi.

Đề xướng vui vẻ học Phật pháp, bản thân tôi cần phải làm ra tấm gương. Tết trung thu ngày 15 tháng 8 năm 2019, đây là tết trung thu đầu tiên sau khi ông nhà tôi vãng sanh, lúc đó đạo tràng có mười người. Sáng sớm Bồ-đề Tâm nói với tôi, thưa cô, hôm nay là tết trung thu, mọi người nhớ đến ông, nên bầu không khí có chút ủ rũ, hay là tối nay chúng ta mở tiệc liên hoan đi. Tôi nói được, hãy thông báo cho mọi người chuẩn bị tiết mục. Bồ-đề Tâm hỏi tôi, thưa cô, cô diễn tiết mục gì ạ? Tôi nói tôi không biết biểu diễn tiết mục, hôm nay tết trung thu, tôi sẽ nấu ăn cho mọi người. Bồ-đề Tâm biết tôi không biết nấu ăn, hỏi tôi một câu, cô biết nấu món gì? Tôi nói với cô ấy, tên của món này là bạch hồ nằm trên cát. Cô ấy hỏi tôi nấu thế nào? Tôi nói bí mật, không cho cô học đâu, đây là bản quyền của tôi. Nói xong, tôi đi về phòng viết bản thảo bài giảng. Về đến phòng, vẫn chưa động bút viết bài thì câu từ của tiết mục “ba câu rươi” đã tuôn ra, tuôn ra một câu thì tôi ghi lại một câu, chưa đến một giờ đã viết xong tiết mục ba câu rươi ấy. Tôi nhanh chóng xuống lầu đưa cho Bồ-đề Tâm xem, nói với cô ấy, tôi có tiết mục biểu diễn rồi, cô hãy tìm thêm hai người nữa, bốn người chúng ta diễn tiết mục “ba câu rươi” này, tôi sẽ nói nửa

câu đó. Bồ-đề Tâm hỏi tôi, thưa cô, cô viết tiết mục ba câu rươi này khi nào vậy ạ? Tôi nói vừa mới ban nãy, cô ấy ngạc nhiên.

Không trải qua tập dượt cùng nhau, tôi đó đã trực tiếp lên sân khấu diễn xuất, đây là lần đầu tiên trong đời tôi. Tuy số người biểu diễn không nhiều, chỉ có 10 người nhưng diễn rất náo nhiệt, bất kể trình độ diễn xuất cao hay không, quan trọng tham gia là được. Điều quan trọng nhất là phá vỡ được bầu không khí ủ rũ, mọi người vui vẻ trở lại. Tiết mục đầu tiên, sáu binh hùng tướng mạnh biểu diễn màn múa ương ca. Bốn người: Bồ-đề Tâm, chị Lý, cư sĩ Điêu và tôi làm khán giả. Cư sĩ Đồng trình độ cao, nhiệt tình theo nhịp bước ương ca, bốn khán giả chúng tôi cười đến mức thở không nổi, xém chút nữa chui xuống luôn gầm bàn. Đồng tu xem thấy đoạn video ngắn này trên mạng, các bạn có cười không vậy?

Chúng tôi vận dụng đủ loại phương thức phương pháp khác nhau để áp dụng việc vui vẻ học Phật vào trong thực tế đời sống. Khẩu hiệu của chúng tôi là: Chúng tôi là người học Phật vui vẻ, chúng tôi là người Lục hòa vui vẻ. Nêu vài thí dụ thực tế cúng dường các đồng tu: tôi đều tham gia tất cả hoạt động, mặc dù trình độ kỹ thuật của tôi không cao, nhưng tôi tận tâm tận lực tham dự từ đầu đến cuối. Khiến các đồng tu được vui vẻ thì trước tiên bản thân tôi phải vui vẻ, điểm này tôi đã làm được rồi; tôi vốn không biết hát giờ đã hát rồi, tôi vốn không biết nhảy múa giờ đã nhảy múa rồi; tôi vốn không biết biểu diễn tiết mục ba câu rươi giờ đã biểu diễn rồi; tôi vốn không biết biểu diễn song hoàng, giờ đã tự sáng tác tự biểu diễn rồi; tôi vốn không biết múa ương ca, giờ cũng biểu diễn rồi; bản thân tôi có chút không nhận ra chính mình. Có lúc tôi thậm chí hỏi chính mình, sao nhà người thay đổi lớn đến vậy? Tôi chính là muốn cho các đồng tu của tôi vui vẻ để làm một người học Phật vui vẻ, đây là câu trả lời của tôi.

Sau khi đoạn video ngắn về tiết mục ba câu rươi đó truyền ra ngoài, trên mạng có người phê bình tôi không trang nghiêm, đối với vấn đề này tôi nghĩ thế này. Trước tiên tôi cảm ơn sự quan tâm và yêu thương của mọi người dành cho tôi, những lời phê bình thiện tâm thiện ý có ích đối với sự trưởng thành và chín chắn của tôi, tôi xin cảm ơn, cảm ơn sâu sắc. Dù sao tôi cũng được xem là người của công chúng, nên được mọi người chú ý là hiện tượng bình thường. Tôi thành khẩn mong tiếp tục nhận được sự quan tâm của mọi người. Tôi phải làm cho những người quan tâm chú ý đến tôi yên tâm. Lúc tôi cần phải trang trọng, trang nghiêm, tôi nhất định trang

trọng, trang nghiêm. Lúc nên thoải mái vui vẻ, tôi nhất định sẽ thoải mái vui vẻ, chừng mực này tôi sẽ cố gắng giữ thật tốt. Tôi không mong chính mình bị một số khuôn khổ trói buộc, thế này cũng không được, thế kia cũng không được, khiến người khác không biết xử trí ra sao, không biết học Phật thế nào.

Quy củ nên tuân thủ thì nhất định phải tuân thủ, nhưng không thể giữ chết cứng. Tuân thủ chết cứng thì sẽ làm Phật pháp sống động biến thành cứng nhắc. Chúng ta không được tự do chủ nghĩa, cũng không được giáo điều chủ nghĩa. Tôi là người nghiêm túc có dư, nhưng thiếu hoạt bát, tôi thích thanh tịnh, không thích náo nhiệt, tôi thích đọc sách, không thích trò chuyện. Nếu nói tôi là một sách, có lẽ càng chính xác hơn. Hơn một năm qua, tôi đang nỗ lực thay đổi chính mình, khiến bản thân hoạt bát vui vẻ, nói thật, sự thay đổi này cũng là một quá trình gian khổ, chẳng phải nói thay đổi thì thoáng chốc thay đổi được liền. Cách nghĩ của tôi hiện nay là tiếp tục thay đổi, khiến niềm vui của tôi thêm nhiều hơn, dùng hành động thực tế của tôi truyền cảm hứng đến các đồng tu của tôi, tôi vẫn muốn tiếp tục canh tác thửa ruộng thử nghiệm học Phật vui vẻ của mình, mong nhận được sự thấu hiểu và ủng hộ của các đồng tu.

Toàn bộ thành viên tham gia hoạt động học Phật vui vẻ đã có được thành quả ban đầu. Chúng tôi triển khai hoạt động học Phật vui vẻ, toàn bộ thành viên đều tham gia, không sót người nào. Bồ-đề Tâm cụ thể tổ chức và triển khai hoạt động, đã có được thành quả ban đầu, tình hình càng ngày càng tốt. Từ lúc vào tiểu viện Lục Hòa ở đến nay, ngày 24 tháng 12 năm 2020 chỉ cho thời gian tôi viết bản thảo, đã gần bốn tháng rồi. Chúng tôi thông qua các phương thức như: tổ chức hoạt động để thực hiện việc học Phật vui vẻ, kết hợp được giáo dục với giải trí. Ví dụ, toàn thể thành viên múa ương ca, dùng điệu ương ca mà mọi người quen thuộc để hát A-di-đà Phật, đây còn là thứ mà ông nhà tôi để lại. Trước khi ông ấy vãng sanh đã vừa múa ương ca, vừa hát A-di-đà Phật. Chúng tôi tổ chức hai lần tiệc tối ương ca, tất cả thành viên đều tham gia. Trong quá trình tập luyện cũng chính là quá trình kéo tình cảm giữa người và người xích lại gần nhau. Bầu không khí hài hòa, hòa thuận, hợp tâm, hợp lực đó truyền đến mỗi một người, mỗi người mặt nở nụ cười, tích cực tham gia hoạt động.

Sau hai tiệc tối biểu diễn múa ương ca, chúng tôi lại tổ chức một lần tiệc tối ấm áp, tán thán Lục hòa. Mỗi người tham dự, tự mình lựa chọn dùng hình thức thích

hợp để biểu đạt sự tán thán dành cho Lục hòa, có hát, có múa, có ngâm thơ. Điều đặc biệt đáng nhắc đến là do nhân viên công ty và nhân viên nông trường hợp thành nhóm bộ đội đặc chiến, trang phục thống nhất, mặc trang phục lính biểu diễn điệu nhảy dùng tay mình họa kỹ thuật cao rất là bài bản, đầy thần thái. Sự bài bản đó đã khiến người khác cảm động, nhìn giống như màn biểu diễn vài phút trên sân khấu vậy. Các bạn biết không, sáu bảy người đó đều là những ông lão bà lão làm công 65 tuổi trở lên đến từ nông thôn, các bạn có nhìn ra không? Tinh thần rất đáng khen, đầy tính tích cực, phấn chấn, vui vẻ, đời người nên là như vậy. Phải sống cho có chất, học Phật thì phải như thế, phải học cho có chất, thế giới Cực Lạc ở tại ngay đây. Các đồng tu dùng mọi phương thức để tán thán Lục hòa, bày tỏ tình cảm chân thật của họ, biểu đạt sự ưa thích và yêu mến từ tận đáy lòng của họ đối với tiểu viện Lục Hòa. Sự nhiệt tình yêu mến của mỗi người khiến cho đại gia đình đây ấm áp và vui vẻ. Trong thế gian hiện nay có một tăng đoàn hài hòa như vậy xuất hiện quả thật rất hiếm có.

Sau đó, chúng tôi trình bày bài hát Tiểu Viện Lục Hòa và Bài Ca Tỉnh Thế, ca từ của hai bài hát này không phải tôi viết, là tôi ghi chép lại. Hiện nay rất nhiều nơi đều đang lưu truyền, lại còn chọn dùng những giai điệu khác nhau, hát lên đều nghe rất hay, mong rằng càng có nhiều người thích và truyền hát hai bài ca này. Dùng giai điệu của các ca khúc kinh điển xưa phối hợp hát các bài kệ tụng tuyển chọn trong chương Thức Tỉnh Nhân Thế và Tây Quy Tập là thử nghiệm mới của chúng tôi. Nhìn tình hình trước mắt, thời gian tôi viết bản thảo này là ngày 24 tháng 12 năm 2020, thử nghiệm thành công rồi, rất được mọi người hoan nghênh. Chúng tôi mở riêng một bữa tiệc tối xướng đọc kệ tụng, đem kệ tụng ra hát thật sống động, áp dụng vào trong cuộc sống, có tính chất riêng biệt phù hợp cho từng đối tượng, nhằm giải quyết vấn đề thực tế của chính mình. Các đồng tu nếu thích phương thức này thì đừng ngại thử một phen.

Chuyên mục ngôi sao vui vẻ ở Lục Hòa là một hình thức học Phật vui vẻ khác của tiểu viện Lục Hòa chúng tôi. Khẩu hiệu của chúng tôi là: hãy bỏ thí nụ cười của bạn, khiến người khác vui vẻ, khiến chính mình vui vẻ. Nếu bạn vui vẻ rồi thì hãy bỏ thí niềm vui của bạn đi, khiến càng nhiều người được vui vẻ.

Tiết học này chúng tôi đã nói về ba loại bình đẳng: cảnh bình đẳng, tâm bình đẳng, lạc bình đẳng. Bởi vì những điều này đều liên quan mật thiết đến chúng ta, nên mới nói nhiều như vậy. Mong các đồng tu có thể nhận được lợi ích từ trong đây.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược dĩ sanh, nhược đương sanh, giai tất trụ ư chánh định chi tụ, quyết định chứng ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Hà dĩ cố? Nhược tà định tụ, cập bất định tụ, bất năng liễu tri kiến lập bỉ nhân cố.**

*Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào hoặc đã sanh, hoặc sẽ sanh thì đều an trụ nơi chánh định tụ, nhất định chứng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì sao vậy? Nếu là tà định tụ hay bất định tụ thì không thể biết rõ, kiến lập nhân ấy được.*

Đại ý của đoạn kinh văn này là, Phật lại nói, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, hoặc đã vãng sanh, hoặc sẽ vãng sanh thì đều nhập vào chánh định tụ, nhất định thành Phật.

Chánh định tụ, tà định tụ, bất định tụ gọi là tam tụ. Tụ chính là “tụ” trong “vật tụ theo loài”, cũng chính là “loại”. Giải thích về “tam tụ” thì Đại thừa và Tiểu thừa có khác biệt rất lớn. Tịnh độ là pháp Nhất thừa, Đại thừa thuần nhất. Đại thừa cũng có các cách nói khác nhau, chúng tôi lựa chọn cách phù hợp thiết thực với trình độ của tín chúng để giải thích như sau.

Thứ nhất, Đại Trí Độ Luận nói: “Một là chánh định tụ, ắt vào Niết-bàn; hai là tà định, ắt vào ác đạo; ba là bất định”. Đây chính là nói, có thể nhất định chứng nhập Niết-bàn, viên mãn Phật quả vô thượng thì gọi là chánh định tụ. Trái lại, chắc chắn đọa vào ba đường ác thì gọi là tà định tụ. Lúc tốt lúc xấu, tiến thoái bất định, trước mắt không thể quyết định là thành công hay đọa lạc thì gọi là bất định tụ. Cách nói của Đại Trí Độ Luận, mọi người đều có thể tiếp nhận.

Thứ hai, Thích Ma Ha Diễn Luận, quyển một đã nêu lên ba cách nói, chúng tôi chọn một cách trong đó. “Trước Thập tín thì gọi là tà định tụ. Tam hiền và Thập thánh thì gọi là chánh định tụ. Mười loại tín tâm thì gọi là bất định tụ”. Đến được địa vị Thập tín chẳng hề đon giản, trước khi đạt được Thập tín chính là tà định tụ, “bởi vì không thể tin tưởng quả báo của nghiệp”. Nếu thật sự tin tạo nghiệp sẽ thọ

quả báo thì còn dám phá giới, dám làm việc xấu chẳng? Vì sao vậy? Bởi vì không tin tưởng, nên nhất định phải thọ quả báo ác. Người thông thường nói tin tưởng, nhưng trên hành động thực tế lại không tin, nếu thật sự tin tưởng, bạn dám phá giới không? Vì sao bạn không nghiên cứu giới luật, trở thành người thầy chân chánh của chính mình? Vì sao phá giới rồi không mau chóng sám hối? Cho nên bạn chính là không thật tin, nên gọi là tà định.

Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng là hiền nhân của Đại thừa, gọi là Tam hiền. Đạt đến Thập địa thì chính là Thập thánh. Tam hiền, Thập thánh là chánh định tụ, trở thành hiền thánh thì chắc chắn chứng nhập Niết-bàn. Thế nên Thập tín gọi là bất định tụ, bởi vì họ lúc tiến lúc thoái, lên xuống chẳng đồng. Trước địa vị này, không tin nghiệp nhân quả báo, cho nên là tà định, vì vậy nhất định phải vào ác đạo, nên là tà định. Đến được Tam hiền, Thập địa là chánh định tụ rồi, cũng nhất định vào Niết-bàn. Đến được Tam hiền, Thập địa ắt chứng nhập Niết-bàn, mới là chánh định tụ, đây là cảnh giới rất cao trong Phật giáo.

Trong kinh nói, chúng sanh vãng sanh cõi ấy, đều trụ chánh định tụ, thuộc về loại chánh định này là tương đương với địa vị Tam hiền, Thập thánh, nhất định chứng nhập Niết-bàn. Sư Cảnh Hưng nói: Nếu sanh về Tịnh độ, chẳng kể phàm hay thánh, nhất định tiến vào Niết-bàn. Người vãng sanh nhất định phải hành Lục độ, nhất định sẽ được giải thoát, thế nên chắc chắn là chánh định. Sách Chân Giải tuân theo ý của đại sư Thiện Đạo nói: Hết thầy chúng sanh cõi Tịnh độ đều là Đại thừa, thế nên cũng đều trụ vào chánh định tụ. Có người hiển hiện ra là Thập địa, Tam hiền, nhưng về bản thể thì nhất định chứng nhập Niết-bàn. Bởi vì tướng đó của Tam hiền, Thập địa chính là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Sách Chân Giải cho rằng bản thể của Tam hiền, Thập địa chính là pháp thân, cho nên nhập chánh định tụ, vì vậy “nhất định chứng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề”.

Ở đây hiện tại đặc biệt nhắc nhở các đồng tu chú ý, bản dịch thời Đường, thời Tống chẳng những nói người “đã sanh”, thậm chí “đương sanh” cũng trụ vào chánh định tụ. Trong thế gian này của chúng ta, có người sẽ sanh về thế giới Cực Lạc, đó chính là “đương sanh”. Nếu có người thật vì sanh tử phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật thì hợp với đại nguyện của Di-đà. Đến lúc người này thọ mạng đã hết, Phật nhất định từ bi gia hộ, tiếp dẫn vãng sanh. Cho nên người tu hành như vậy chính là “đương sanh”. Người đương sanh không cần đợi sanh đến thế giới Cực

Lạc mà đã là chánh định tụ rồi, đã không còn thoái chuyển A-nậu-đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đề. Đây thật sự là phương tiện độ sanh không thể nghĩ bàn, cho thấy rõ công lao to lớn của biển nguyện Nhất thừa và sáu chữ hồng danh.

Đương sanh cũng nhập chánh định tụ, cũng là ý của đại sư Thiện Đạo. Đại sư Thiện Đạo được thế gian công nhận là Di-đà hóa thân, đại sư Liên Trì tán thán rằng: cho dù không phải Di-đà hóa thân, ắt cũng là bậc đồng với Quán Âm, Thế Chí, Văn-thù, Phổ Hiền. Đại sư Thiện Đạo giáo hóa ở Trường An, trong thành Trường An người người đều niệm Phật. Đại sư Thiện Đạo chủ trương rằng, lợi ích của chánh định tụ thông với hai cõi này và kia. Cõi kia là Cực Lạc, cõi này là Ta-bà.

Chân Giải nói: “Chánh định tụ của cõi này là lợi ích ẩn tàng, chánh định tụ của cõi kia là lợi ích rõ rệt”. Thế giới Cực Lạc, hết thấy đều là tăng thượng duyên, cho nên nhập chánh định tụ thì nhất định không thoái chuyển A-nậu-đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đề. Hết thấy vô cùng rõ ràng, đây là lợi ích rõ rệt. Ở thế gian này của chúng ta, nếu bạn có thể thật sự tín nguyện trì danh, hoặc phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật, thật sự làm được thì chắc chắn vãng sanh, bạn cũng đã nhập vào chánh định tụ, không thoái chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lợi ích này là lợi ích ẩn tàng, lợi ích này không hiển hiện rõ rệt, bản thân bạn cũng không biết, người bên cạnh cũng không biết, thế nhưng bạn xác thực đã đạt được lợi ích này, cho nên gọi là lợi ích ẩn tàng.

Chân Giải lại nói: “Nếu là lợi ích ẩn tàng của hiện đời thì là nghĩa độc đáo của ngài đây”. Nói đây là kiến giải độc đáo của đại sư Thiện Đạo. Một người đương sanh, tuy thân vẫn còn ở thế giới Ta-bà, nhưng đã đạt được lợi ích của vào chánh định tụ, đây là diệu ý độc đáo. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập kinh Vô Lượng Thọ, lựa chọn kinh văn của hai bản dịch thời Đường, thời Tống, đúng là cùng với đại sư Thiện Đạo tâm tâm tương ấn. Kinh văn của bản thời Đường nói: “Nếu là người đương sanh, thấy đều cứu cánh Vô thượng Bồ-đề, đến cõi Niết-bàn, vì sao vậy? Nếu là tà định tụ và bất định tụ thì sẽ không biết kiến tạo nhân để sanh về cõi ấy”. Đây là phương pháp phản chứng, nếu họ là tà định tụ và bất định tụ thì không thể kiến lập được cái nhân đương sanh này. Nhân đương sanh là gì? Chính là thật vì sanh tử phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật. Đây là lời của đại sư Triệt Ngộ. Phải giải quyết vấn đề sanh tử của mọi người, đừng chìm nổi trong lục đạo, thọ luân hồi oan uổng nữa. Bạn vốn là Phật, hiện nay bạn nằm mộng, gặp ác mộng, bạn vô



cùng sợ hãi, trước khi đánh thức bạn thì giấc mộng giống như thật vậy, cho nên phải thức tỉnh mọi người, bản thân cũng phải thức tỉnh. Bản thân nếu vẫn ở trong mộng thì liệu có thể biết thức tỉnh người khác không? Ra khỏi mộng bèn biết rằng phải tự giác giác tha, tin sâu nguyện thiết, trì danh hiệu Phật.

Tà định tụ và bất định tụ không thể kiến lập được nhân ấy. Người có tà kiến có biết thật vì sanh tử phát Bồ-đề tâm, tin sâu nguyện thiết trì danh hiệu Phật hay không? Không thể nào. Cho nên nói, không thể kiến lập nhân ấy. Nhân ấy chính là nhân thù thắng: chân thật phát tâm, tín nguyện trì danh mà bên trên đã nói. Chẳng những tà định tụ không thể kiến lập nhân ấy, mà bất định tụ cũng không thể kiến lập nhân ấy. Hôm nay phát tâm, ngày mai thoái tâm, tiến tiến thoái thoái, lên lên xuống xuống, không vượt qua được khảo nghiệm. “Cá con, hoa am-la, Bồ-tát Sơ phát tâm, là ba loại có nhiều nhân”. Cá đẻ ra rất nhiều cá con, nhưng số thành cá thì cực ít. Hoa am-la là một loại hoa của Ấn Độ, nở hoa rất nhiều, kết quả rất ít. Bồ-tát mới phát tâm, phát tâm rất nhiều, thành Phật rất ít, họ bị thoái chuyển. Thế nên nếu bạn thật vì sanh tử phát tâm Bồ-đề thì động lực này không tầm thường. Và lại, từ nguyện khởi hạnh, tin sâu nguyện thiết trì danh hiệu Phật, hạnh này đảm bảo cho nguyện. Tu hành như vậy, A-di-đà Phật sẽ phái 25 vị Bồ-tát thường xuyên bảo hộ hành giả, tránh được hết thảy sự khuấy nhiễu của ma. Thật sự phát tâm niệm Phật thì sẽ được Phật gia trì, nhất định vãng sanh Cực Lạc, nhất định thành Phật. Đây chính là nhập chánh định tụ, cho nên cũng sẽ không thoái chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người bất định tụ không có hằng tâm, cũng chính là không chân thật phát tâm, vì vậy không thể kiến lập diệu nhân nhất định thành Phật.

Người đương sanh thì giống như người đã vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, đều trụ vào chánh định tụ, nhất định thành Phật. Ý nghĩa này có trong kinh A-di-đà. Kinh văn là: “Nếu có người đã phát nguyện, nay phát nguyện, sẽ phát nguyện, muốn sanh đến cõi nước của A-di-đà Phật, thì những người ấy đều được không thoái chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Hễ bạn chân thật phát nguyện, nguyện sanh thế giới Cực Lạc thì bạn sẽ không thoái chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Không thoái chuyển thì chẳng phải đã vào chánh định tụ rồi sao? Hai kinh đại bản và tiểu bản đều tương hợp, chứng minh người sẽ sanh về thế giới Cực Lạc, thân vẫn còn ở thế giới Ta-bà nhưng giống như người đã vãng sanh vậy, đồng nhập chánh định tụ. Đây thật sự là vận may vô thượng! Lão cư sĩ Hạ Liên Cư sau khi nghe đến pháp môn Tịnh độ thì một mình ở trong phòng cười hết

mấy ngày, tức là chính mình cười, cười gì vậy? Ngài cười [là vì] mình lần này đã tìm được đường thoát ly rồi, nếu không thì đâu còn con đường nào nữa.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 54

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Hôm nay chúng tôi giảng kinh văn phẩm hai mươi ba:

### **THẬP PHƯƠNG PHẬT TÁN ĐỆ NHỊ THẬP TAM**

A-di-đà Phật ở nhân địa phát nguyện, nguyện sau khi chính mình thành Phật, chư Phật mười phương đều tán thán. Đây là nguyện thứ 17 trong 48 nguyện. Phẩm kinh văn này là sự thành tựu của nguyện thứ 17. Vì sao nhất định yêu cầu chư Phật ngợi khen tán thán vậy? Trong đây nhất định có đạo lý rất sâu. Hoằng nguyện của A-di-đà Phật, nếu không có tất cả chư Phật mười phương tán dương thì nguyện của ngài không thể viên mãn. Nguyện vọng của ngài là giúp đỡ tất cả chúng sanh bình đẳng thành Phật, nguyện lực này thật sự quá vĩ đại.

Hết thầy chư Phật đều chưa từng nghĩ đến việc này, chỉ có A-di-đà Phật nghĩ đến. Nguyện lực vĩ đại như vậy làm thế nào mới có thể đạt được? Ngài kiến lập thế giới Tây Phương Cực Lạc, giúp đỡ tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới trong một đời viên mãn thành Phật. Chúng sanh trong mười phương thế giới, làm thế nào biết được sự việc này, làm thế nào vãng sanh thế giới Cực Lạc? Nếu không có người dốc sức tuyên truyền, tiến cử, giới thiệu, tuy có nơi tốt đẹp như thế, người khác không biết thì cũng là uổng phí. Nếu không có chư Phật giới thiệu thì mọi người chưa chắc tin tưởng. Chư Phật thông qua phương thức tán dương để giới thiệu thế giới Cực Lạc cho đại chúng, để đại chúng biết được thế giới Cực Lạc, biết đến A-di-đà Phật.

Phẩm kinh văn này vô cùng quan trọng, kinh văn không dài, nhưng nghĩa lý rất sâu. Trong năm nguyện chân thật nhất của kinh Vô Lượng Thọ mà đại sư Thiện Đạo tôn xưng thì nguyện thứ 17 “nguyện chư Phật xưng thán” được bao gồm bên trong. Mà phẩm kinh văn này chính là thực tiễn cụ thể của nguyện thứ 17, cũng có thể nói là sự thành tựu của nguyện thứ 17.

Phẩm kinh văn này chia thành ba đoạn lớn. Đoạn thứ nhất là mười phương Phật ngợi khen. Đoạn thứ hai, chư Phật vì sao tán thán. Đoạn thứ ba, công đức không thể nghĩ bàn của nhất niệm tịnh tín.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Phục thứ A-nan, Đông phương hằng hà sa số thế giới, nhất nhất giới trung như hằng sa Phật, các xuất quang trường thiết tướng, phóng vô lượng quang, thuyết thành thật ngôn, xưng tán Vô Lượng Thọ Phật, bất khả tư nghị công đức.**

*Lại nữa A-nan, hằng hà sa số thế giới ở phương Đông, trong mỗi thế giới có hằng sa đức Phật, mỗi vị Phật đều hiện tướng lưỡi rộng dài, phóng vô lượng quang, nói lời thành thật, khen ngợi Phật Vô Lượng Thọ công đức không thể nghĩ bàn.*

Mở đầu nói phương Đông là thuận theo thế tục, mặt trời mọc hướng Đông. Mặt trời đại biểu cho quang minh, đại biểu cho trí tuệ. Thế giới phương Đông, số như cát sông Hằng, vô lượng vô biên, chẳng cách nào nói nổi. Nhất nhất giới trung, “giới” này chính là thế giới của chư Phật. Thế giới của chư Phật là tam thiên đại thiên thế giới, bên trong mỗi thế giới đều có chư Phật, số nhiều như cát sông Hằng. Mỗi một thế giới đều có Phật ở đó giáo hóa chúng sanh, thế giới vô lượng vô biên vô số, chư Phật cũng là vô lượng vô biên vô số.

Phật lại nói với ngài A-nan, hư không ở phương Đông có các thế giới nhiều như cát sông Hằng, trong mỗi thế giới có các chư Phật nhiều như số cát sông Hằng. Những chư Phật này, “mỗi vị Phật đều hiện tướng lưỡi rộng dài, phóng vô lượng quang, nói lời thành thật”. Niệm lão giải thích cho chúng ta về tướng lưỡi rộng dài như sau:

“Tướng lưỡi rộng dài là một trong 32 tướng. Lưỡi rộng và dài, màu đỏ mảnh mai mềm mại, đưa ra khỏi miệng có thể che cả mặt cho đến tóc”. Thích-ca Mâu-ni Phật có tướng lưỡi rộng dài, ngài đưa lưỡi ra có thể che hết cả mặt, người thế gian chúng ta không thể. Trong cửa Phật có cách nói như thế này: Ba đời không vọng ngữ thì cảm được tướng tốt là lưỡi có thể liếm được chóp mũi. “A-di-đà Kinh Lạc Giải, sư Cừ Am nói: Hiện tướng lưỡi rộng dài, cho thấy không hư vọng, vô lượng kiếp đến nay, miệng lìa được bốn điều lỗi, nên cảm được tướng này”. Ở đây phải nhớ kỹ là vô lượng kiếp, miệng có bốn điều lỗi là vọng ngữ, lưỡng thiệt, ý ngữ, ác khẩu. Đời đời kiếp kiếp, vô lượng kiếp đến nay, nếu miệng không có bốn loại lỗi này thì khi thành Phật sẽ cảm được tướng lưỡi rộng dài. Lưỡi đưa ra có thể che kín mặt.

Và Viên Trung Sao nói rằng: “Duy chỉ Phật Thế Tôn nhiều kiếp nói thật ngữ. Thật ngữ là nói lời chân thật, trước giờ chưa từng lừa gạt người, cho nên tướng lưỡi rộng dài, khác hẳn người thường”, vượt hơn, không giống như người phàm thông thường. Tuy có tướng thông thường, nhưng hiện tướng bất đồng, nếu là tướng thông thường thì khi thu nhỏ lưỡi tuy thường trong miệng, nhưng khi đưa ra có thể che khắp mặt, chạm đến được tóc. “Việc này từng khiến ngoại đạo sanh tín tâm, cho nên thị hiện ra như vậy”. Nghĩa của từ “ngoại đạo” rất rộng. Phật pháp là nói nội học, nói cách khác, không phải Phật pháp thì đều là ngoại đạo, cầu pháp ngoài tâm. Điểm này các đồng tu học Phật nhất thiết phải tìm hiểu rõ ràng sáng tỏ, phải tin sâu không nghi thì chúng ta đời này mới có thành tựu được, niệm Phật mới có thể vắng sanh.

Kinh A-di-đà nói: “Chư Phật nhiều như cát sông Hằng, mỗi vị ở cõi nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật”. Đại sư Từ Ân Khuy Cơ giải thích rằng: “Tướng lưỡi của Phật khi chứng minh cho hàng Tiểu thừa thì che hết mặt, cho đến cả tóc, nay nói trùm khắp đại thiên là để chứng minh cho việc lớn lao vậy”. Muốn chứng minh cho việc lớn lao là pháp môn Tịnh độ, thế nên tướng lưỡi của Phật trùm khắp đại thiên thế giới. Đại sư lại nói: “Bồ-tát được tướng lưỡi che hết mặt, là do không nói hai lời, do hết thấy đều chân thật nên được tướng lưỡi che phủ mặt, đã không vọng ngữ [mà còn như vậy], hướng hồ che khắp đại thiên ư”. Lưỡi có thể che phủ mặt là đã không vọng ngữ rồi, hướng hồ hiện nay trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới, chẳng lẽ còn không chân thật sao? Kinh này không hiện ra tướng trùm khắp đại thiên thế giới, nhưng lại phóng vô lượng quang, phóng quang giống như tướng lưỡi, đều khởi phát tín tâm của chúng sanh, chứng minh lời Phật nói không hư vọng.

“Nói lời thành thật” là nói lời chí thành chẳng vọng, chân thật không hư dối. Chúng ta phải áp dụng những câu này vào trong cuộc sống thường ngày. Quá khứ đã là quá khứ, không cần nhắc đến nữa. Từ hôm nay trở về sau, đối nhân xử thế tiếp vật nhất định phải thật thà, không nói lời giả dối, mỗi câu đều chân thật, không có lý do gì để lừa gạt chúng sanh cả, đừng nói lý do này, lý do kia, không có lý do nào cả. Y theo lời dạy của Phật mà làm thì nhất định không sai.

Di-đà Sớ Sao nói: “Thành thật, chỉ rõ ắt là đáng tin, vì thành là chân thành không dối trá, thật là đúng với chân lý không hư dối”. Câu này nghĩa là gì? Là nói

với chúng ta, chư Phật mười phương xưng tán cõi Di-đà Tịnh độ thế giới Cực Lạc, các ngài nói đều là lời thật, nói rõ kinh Di-đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, mỗi chữ mỗi câu đều chân thật không hư dối, chú giải của tổ sư đại đức cũng chân thật không hư dối. Cho nên gọi là “sư tử hồng”, “vô úy thuyết”, dẫu ngàn vị thánh tái lai cũng sẽ không thay đổi, muôn đời gìn giữ, lấy đó làm khuôn phép. Sư tử hồng, vô úy thuyết là tỉ dụ, tỉ dụ chư Phật Như Lai, tổ sư đại đức giảng kinh cho chúng ta, giải thích cho chúng ta, rất giống sư tử hồng, vô úy thuyết. Ngàn vị thánh tái lai, ngàn vị thánh là chỉ cho thế giới Ta-bà của chúng ta, thế giới Ta-bà có một ngàn vị Phật thị hiện thành Phật ở thế giới này. Ngàn Phật đều đến Ta-bà, dù thấy đều đến cả, cũng sẽ không thay đổi. Không thể thay đổi chính là sẽ không cải biến, lời của ngàn vị Phật nói đều hoàn toàn tương đồng với cách nói ở đây, không sửa một chữ, không sót một câu. Thế nên vạn đời gìn giữ, lấy đó làm khuôn phép, khuôn phép là mô phạm, là tấm gương, là hình mẫu.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Nam Tây Bắc phương, hằng sa thế giới, chư Phật xưng tán, diệt phục như thị. Tứ duy thượng hạ, hằng sa thế giới, chư Phật xưng tán, diệt phục như thị.**

*Chư Phật trong hằng sa thế giới ở phương Nam, Tây, Bắc cũng lại khen ngợi như thế. Chư Phật trong hằng sa thế giới ở bốn phương phụ, trên dưới cũng lại khen ngợi như vậy.*

Đoạn kinh văn này là các phương khác đồng khen ngợi. Lại nêu chư Phật mười phương nhiều như số cát sông Hằng cũng đều xưng tán đức Di-đà như vậy. Hội Sớ nói: “Tuy chư Phật đều chứng đắc bình đẳng như nhau, nhưng lợi ích của việc niệm Phật vãng sanh lại là diệu pháp riêng biệt của đức Di-đà”. Câu này vô cùng quan trọng. Lợi ích của việc niệm Phật vãng sanh là diệu pháp riêng biệt của Di-đà. A-di-đà Phật và hết thấy chư Phật trong mười phương ba đời đều có phương pháp khác nhau, chính là phương pháp tu hành chứng quả thành Phật. Nói cách khác, tín nguyện trì danh, vãng sanh bất thoái thành Phật thì A-di-đà Phật là đệ nhất, không tìm được phương pháp tu hành của vị Phật nào có thể vượt hơn phương pháp này. Cho nên đây là diệu pháp riêng biệt. Chúng ta có thể gặp được diệu pháp này thì hy hữu biết bao, may mắn biết bao!

Chúng ta gặp được rồi thì phải tin tưởng, không tin tưởng thì thật đáng tiếc, cơ hội này vượt qua trước mặt, lần sau gặp lại không biết là đời nào, kiếp nào, cho thấy cơ hội khó gặp, quá khó, quá khó! Đây là cơ hội gì vậy? Cơ hội thoát ly lục đạo luân hồi, cơ hội thoát ly mười pháp giới, cơ hội đến thế giới Cực Lạc thân cận A-di-đà Phật, làm Phật. Còn có cơ hội nào tốt hơn cơ hội này nữa không? Không có, có tìm cũng chẳng ra. Không ít Thượng sư của Mật tông cũng tu Tịnh độ, phương hướng, mục tiêu tương đồng với chúng ta, đều là đến thế giới Cực Lạc gặp A-di-đà Phật. Căn tánh của chúng sanh trong mười phương thế giới không như nhau nên có rất nhiều, rất nhiều phương pháp để cho chúng ta vãng sanh. Đến thế giới Cực Lạc chúng ta đều gặp nhau, chân tướng của chúng ta trong vô lượng kiếp trước, khi đến thế giới Cực Lạc thấy đều được phơi bày, hoàn toàn sáng tỏ.

Có những câu nói, nói ra rất khẩn thiết như vậy, thuần túy chân thật, tuyệt chẳng hư vọng, chẳng có mảy may hư vọng, vạn kiếp đều như vậy. Nói theo thời gian thì một vạn kiếp sau nó cũng không thay đổi, vẫn là câu nói như vậy, vẫn là sự việc như vậy, chỉ cần chúng ta chịu tin tưởng thì vẫn có thể thành tựu, vạn kiếp đều như vậy. “Nói đến thành thật thì không gì vượt hơn được đây”, nói đến thành thật thì còn gì có thể vượt hơn lời thành thật mà chư Phật đã nói trong kinh này, không gì có thể vượt hơn. “Nên biết chư Phật xưng tán công đức không thể nghĩ bàn của Phật Vô Lượng Thọ là lời cực kỳ chân thật, ngàn Phật xuất thế đều không thể thay đổi, vạn đời tuân giữ không được làm trái. Thuần là chân thật, không có hư vọng”. Hoàng Niệm lão khuyên chúng ta: “Thế nên chúng ta đều phải xét kỹ tin tưởng, chớ hoài nghi, vạn phần chớ hoài nghi, phải chân thật tin tưởng, không có mảy may nghi hoặc ở trong”.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Hà dĩ cố? Dục linh tha phương sở hữu chúng sanh, vãn bỉ Phật danh, phát thanh tịnh tâm, ức niệm thọ trì, quy y cúng dường. Nãi chí năng phát nhất niệm tịnh tín, sở hữu thiện căn chí tâm hồi hướng, nguyện sanh bỉ quốc, tùy nguyện giai sanh, đắc bất thoái chuyển, nãi chí Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.**

*Tại vì sao? Muốn khiến cho tất cả chúng sanh ở các phương khác nghe đến danh hiệu đức Phật kia mà phát tâm thanh tịnh, nhớ nghĩ thọ trì, quy y cúng dường. Cho đến phát được nhất niệm tịnh tín, đem tất cả thiện căn chí tâm hồi hướng,*

*nguyện sanh nước ấy, tùy nguyện đều được sanh, đặc biệt thoát chuyển, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.*

Đoạn kinh văn này nêu lên nguyên nhân căn bản của việc chư Phật tán thán, chính là vì sao nhiều chư Phật như vậy đều sẵn lòng tán thán? “Là vì muốn chúng sanh nghe danh sanh lòng tin, phát nguyện cầu sanh, đều chứng Vô thượng Bồ-đề”. Hội Sớ nói: “Đây là sự thành tựu của nguyện thứ 18, nhất bộ tông quy chỉ ở nơi đây, vì sao vậy? Tuy 48 nguyện đều thù thắng, nhưng lấy niệm Phật vãng sanh làm quan trọng nhất, tuy sự thành tựu của mỗi nguyện đều khó nghĩ bàn, nhưng sự thành tựu của nguyện này là độc đáo, thế nên chư Phật tán thán”. Bốn mươi tám nguyện, mỗi nguyện đều tốt, mỗi nguyện đều đáng được tán thán, thế nhưng nguyện này là đại nguyện đệ nhất, nguyện này là đại nguyện rốt ráo viên mãn, thế nên chư Phật không vị Phật nào mà không tán thán. A-di-đà Phật phát nguyện cầu chư Phật tán thán, không cầu thì chư Phật cũng tán thán, cực diệu!

Vì sao mười phương chư Phật đều tán thán A-di-đà Phật? Chính là vì muốn tất cả chúng sanh ở bên ngoài thế giới Cực Lạc, nghe đến danh hiệu A-di-đà Phật, phát tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh chính là tín tâm thanh tịnh không có cấu ô tạp nhiễm. Thắng Man Bảo Quật nói: “Tâm thanh tịnh, tịnh nghĩa là tín, khởi tín tâm thanh tịnh, và tâm không xen tạp phiền não thì gọi là tâm thanh tịnh”. Đây chính là nói, tịnh chính là tín, đã khởi lên tín tâm thanh tịnh thuần nhất, không xen tạp bất kỳ phiền não nào thì gọi là tâm thanh tịnh.

Sớ Sao nói: “Vãng sanh Tịnh độ, cần phải có tín tâm, ngàn người tin thì ngàn người sanh, vạn người tin thì vạn người sanh, tin danh tự Phật chẳng lìa tâm thì chư Phật cứu, chư Phật gia hộ, tâm thường nhớ Phật, miệng thường xưng danh, thân thường kính lễ thì mới gọi là tin sâu”. Trong đó, “ngàn người tin ngàn người sanh, vạn người tin vạn người sanh, tin danh tự Phật thì chư Phật cứu hộ”, đều là khai thị vô thượng, là tri kiến Phật, là tâm tùy của Tịnh tông và Phật giáo.

“*Nhớ niệm thọ trì*”, nhớ chính là nhớ công đức của Phật, niệm chính là niệm danh hiệu Phật, thọ chính là tin nhận, trì chính là kiên trì. “*Quy y cúng dường*”, dùng thân tâm của chính mình quy hướng Di-đà, nương tựa Di-đà, vĩnh viễn không xa lìa. Và lại, cúng dường, “cúng” có hai loại: Một là tài cúng dường gồm hương hoa, ẩm thực, thuốc men, tiền của, đầu, mắt, não, tủy, đại địa, núi sông vân vân, tất cả những thứ này đều có thể dùng để cúng dường. Hai là pháp cúng dường, ví dụ tu



hành như pháp, phát tâm Bồ-đề, dùng điều này để cúng dường. “Dường” chỉ cho nuôi sống, dưỡng sinh, phụng dưỡng, điều dưỡng, đối với thân, đối với pháp có lợi ích thì gọi là dường.

Tiếp theo nói trọng điểm một chút về “*nhất niệm tịnh tín*”. Đoạn kinh văn này hoàn toàn phơi bày thể và dụng không thể nghĩ bàn của pháp môn Tịnh độ. Trong kinh nói tột tầm quan trọng của nhất niệm. Lão pháp sư Từ Châu làm khoa phán cho kinh này, đặc biệt nêu ra ba bậc nhất tâm của vãng sanh Cực Lạc. Trên danh môn của lão pháp sư có kim cang chánh nhãn mới có thể chỉ rõ ra phần nội dung mà người đời trước chưa nói rõ. Kinh này và khoa phán then chốt ở nhất tâm, chúng ta cần phải thâm nhập tham học.

“Nhất” trong “nhất niệm tịnh tín”, không được chỉ xem nó là con số một trong một hai ba, mà phải xem nó đại biểu cho thánh nghĩa đế Bất Nhị (chân lý). Kinh Duy-ma-cật chủ yếu xiển dương chỗ trọng yếu vi diệu của pháp môn Bất Nhị. Bởi vì “nhị” thì có các loại tình kiến khác biệt, đối lập, mâu thuẫn v.v. Sinh ra khác biệt là do “không thể như thật hiểu rõ pháp nhất của chân như”. Cần chú ý đến chữ “nhất” ở đây. Trong chân như thì vạn pháp đều là như, hết thấy đều là như, cũng chính là hết thấy đều là nhất. “Nhất” này chính là từ “nhất” của “nhất niệm”. Cho nên Đại Trí Độ Luận nói: “Người thực hành Bát-nhã ba-la-mật, rốt ráo thanh tịnh, không bị ngăn ngại, trong nhất niệm có thể đếm được hết thấy số vi trần của tất cả đại địa, núi non trong tam thiên đại thiên thế giới nhiều như số cát sông Hằng trong hết thấy mười phương”. Chính là nói người tu tập trí tuệ đến bờ bên kia có thể đem hết thấy vi trần của tất cả đại địa, núi non, trong tam thiên đại thiên thế giới nhiều như số cát sông Hằng trong hết thấy mười phương trong nhất niệm đều phân rõ ra hết. Vì sao nhất niệm có sức mạnh lớn đến như vậy? Chính là vì nhất niệm khế hợp với chân như. Cho nên cư sĩ Bành Tế Thanh nói: “Hành giả thật sự có thể ngay nơi nhất niệm tín nhập, cần gì bàn thêm các loại công lao”.

Nhất niệm tịnh tín, Giáo Hành Tín Chứng nói: “Nói nhất niệm là lòng tin không hai tâm, nên gọi là nhất niệm, đó gọi là nhất tâm. Nhất tâm là nhân chân thật của báo độ thanh tịnh”. Chúng ta nói nhất niệm chính là chỉ cho tâm tin tưởng không hai lòng, nhất tâm chính là chánh nhân chân thật để vãng sanh đến cõi nước Báo thân Phật thanh tịnh. Hội Sớ nói: “Chỉ rõ chánh nhân vãng sanh chỉ ở nhất niệm tin tưởng, chứ chẳng phải nhờ niệm nhiều ít”. Đây chính là nói, chánh nhân vãng

sanh chỉ ở tín tâm của bạn đạt đến trình độ nhất niệm, có thể đạt được thì nhất định vắng sanh, chẳng phải dựa vào việc bạn niệm nhiều ít. Điều này giống với cách nói vắng sanh hoàn toàn dựa vào tín nguyện của Yêu Giải.

Giáo Hành Tín Chứng chỉ ra, “tín tâm là tâm không hai”, lại nói đây là nhân chân thật để vắng sanh báo độ thanh tịnh. Nay Hội Sớ nói: “Chánh nhân vắng sanh chỉ ở nhất niệm này”. Hai cách nói đều kết hợp nhất niệm và nhất tâm với tín. Sớ Sao nói: “Tín tức là tâm tịnh”, cũng chính là nói tín tâm chính là tịnh tâm, nhất niệm tịnh tín chính là tín tâm thanh tịnh khế hợp với pháp nhất của chân như. Thế nên kinh văn tiếp theo trong kinh là “nguyện sanh nước ấy, tùy nguyện đều được sanh”. Đây cùng với nhân chân thật sanh về báo độ trong Giáo Hành Tín Chứng, và chánh nhân vắng sanh của Hội Sớ đều là trong ngoài trợ nhau, vừa khớp tham khảo nghiệm chứng.

Di-đà Sớ Sao dẫn chứng Thành Duy Thức Luận: “Tín là nói đối với đức chân thật có thể thâm nhẫn, ưa, muốn; tánh của nó là tâm tịnh”. Thế nào gọi là tín? Chính là đối với diệu đức chân thật có thể an nhẫn thâm nhập, hoan hỷ nguyện cầu, tín lấy tâm tịnh làm tánh của nó. Thế nào gọi là tâm tịnh? Bởi vì tâm rất thù thắng, như viên thủy thanh châu, bỏ viên châu vào trong nước rất đục, ngay đó nước liền trong, tín tâm có diệu dụng như vậy. Tất cả nhiễm pháp, mỗi pháp đều có tướng riêng biệt, chỉ có nhiễm pháp bất tín có một đặc điểm là tướng của nó vẫn đục. Chẳng những bản thân nó vẫn đục mà còn có thể vẫn đục những thứ khác do tâm biến hiện, giống như vật cục dơ, chẳng những bản thân nó dơ, ai đụng vào nó cũng dơ, gọi là dơ mình dơ người. Tín thì ngược lại, có thể làm trong nước đục, lật ngược lại tình huống. Thế nên đại sư Liên Trì nói: “Nay tu Tịnh độ, chính ở tâm tịnh, tín là việc khẩn yếu”. Người tu Tịnh độ lấy tâm tịnh làm chủ, thế nên sanh khởi tín tâm là việc quan trọng khẩn cấp.

*“Hết thủy thiện căn, chí tâm hồi hướng, nguyện sanh nước đó”*

Nhất niệm tịnh tín là tín, từ tín khởi nguyện, thế nên tín nguyện là gốc rễ của vắng sanh. Vì vậy dùng tất cả thiện căn của chính mình, chí tâm hồi hướng cầu sanh Cực Lạc.

“Chí tâm”, Quán Kinh nói chính là tâm chí thành. Đại sư Thiệu Đạo nói: Chí chính là chân, thành chính là thật. Chính là muốn nghiệp thân khẩu ý của tất cả chúng sanh, giải và hành đã tu, buộc phải là thứ chân thật trong tâm, chứ không được ngoài

hiện tướng hiền thiện tinh tấn mà bên trong ôm lòng giả dối, bên trong là “tham sân tà ngụy, gian trá trăm đường, tánh ác khó dời, việc làm như rắn, bò cạp”. Bên trong của loại người này là tham dục, sân hận, tà ác, hư giả, lại còn gian ác xảo trá, quỷ kế đa đoan, hiếu ác thành tánh, chẳng thể dạy bảo sửa đổi, việc làm hành vi giống như rắn, bò cạp. “Tuy khởi ba nghiệp”, do vì “bên ngoài hiện tướng hiền thiện” nên đương nhiên bề ngoài cũng làm việc tốt, sửa chùa, tạo tượng, nhưng đây gọi là “thiện của tạp độc, cũng gọi là hành vi hư giả, không gọi là nghiệp chân thật”. Thế nên cần dùng sự tu hành từ nơi tâm, thiện căn chân thật để hồi hướng, nguyện sanh nước đó, vãng sanh thế giới Cực Lạc. Có nhất niệm tinh tín rồi thì dùng nhất niệm tinh tín này hồi hướng, nhất định tùy nguyện đều được sanh, “đắc bất thoái chuyển, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề”.

Phẩm kinh này tên là mười phương chư Phật tán thán, mười phương chư Phật vì sao phải tán thán A-di-đà Phật? Chính là mong muốn người nghe thấy đều phát tín tâm thanh tịnh để nhớ niệm, thọ trì, quy y, cúng dường A-di-đà Phật, cho đến có thể sanh ra nhất niệm tinh tín, cũng chính là tín tâm bất nhị. Đúng như Tín Tâm Minh nói: “Tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm, tuyệt đường ngôn ngữ, chẳng quá khứ, hiện tại, vị lai”. Chẳng quá khứ, hiện tại, vị lai chính là đột phá được thời gian, đương nhiên cũng đột phá luôn không gian và hết thảy tình kiến hư vọng. Trong niềm tin thanh tịnh xa lìa hết thảy cấu nhiễm này, đem tất cả thiện căn hồi hướng nguyện sanh Cực Lạc, thì theo nguyện của bạn chắc chắn vãng sanh như nguyện, đồng thời trụ bất thoái chuyển, cho đến thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì vậy mười phương chư Phật, không có một vị Phật nào mà không tán thán, chẳng có lúc nào mà không tán thán, chỉ là mong muốn hết thảy chúng sanh có thể nghe được diệu pháp như vậy, mong muốn mỗi một chúng sanh nghe danh hiệu Phật, cùng sanh tín tâm thanh tịnh, chí tâm trì danh, nguyện sanh Cực Lạc, tùy nguyện đều được sanh, đồng chứng Bồ-đề.

Hãy ghi nhớ kỹ những câu này: tin danh hiệu Phật thì chư Phật cứu, thì chư Phật hộ. Những câu này vô cùng quan trọng. Bạn tin câu danh hiệu A-di-đà Phật này thì mười phương ba đời hết thảy chư Phật, chú ý chữ “chư” này, đều cứu bạn, đều bảo hộ bạn, đều phù hộ bạn.

Ở đây, tôi muốn nhắc nhở các đồng tu, lần này là lần thứ hai tôi phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ, so với lần phúc giảng thứ nhất tường tận chi tiết hơn

nhiều, cũng sâu hơn nhiều. Sâu ở chỗ nào? Sâu ở chỗ chỉ thẳng lòng người, chỉ thẳng minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Mỗi lần giảng đều có lợi ích chân thật, nguyện các đồng tu đều có thể đạt được lợi ích chân thật.

Tiếp theo giảng kinh văn phẩm thứ hai mươi bốn:

### **TAM BỐI VÃNG SANH ĐỆ NHỊ THẬP TỨ**

Kinh văn phẩm thứ 24 là sự thành tựu của nguyện thứ 18 – mười niệm ắt sanh, nguyện then chốt của đại nguyện. Phẩm kinh văn này vô cùng quan trọng đối với chúng ta. Phật nói với chúng ta, cầu sanh thế giới Cực Lạc thì phải tu như thế nào? Đây là vấn đề mà mỗi một người cầu sanh Tịnh độ chúng ta đều hết sức quan tâm. Phẩm kinh văn này chính là giúp chúng ta giải quyết vấn đề này.

Phật nói với chúng ta, có rất nhiều loại vãng sanh, điều kiện của mỗi loại không như nhau, cũng chính là nói mỗi nhân duyên vãng sanh đều không như nhau. Tổng quan sát toàn kinh, Phật đã nói cho chúng ta một cương lĩnh chung, đó chính là: Phát Bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm. Bởi vì mỗi một loại vãng sanh đều có câu này, cho nên câu này là tổng cương lĩnh tu hành của việc cầu sanh thế giới Tây phương Cực Lạc.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Phật cáo A-nan, thập phương thế giới chư thiên nhân dân, kỳ hữu chí tâm nguyện sanh bỉ quốc, phàm hữu tam bối.**

*Phật bảo A-nan: Chư thiên, nhân dân ở mười phương thế giới, nếu có chí tâm nguyện sanh nước kia thì gồm có ba bậc.*

Đại ý của đoạn kinh văn này là Phật nói với ngài A-nan, thiên nhân và người đời của mười phương thế giới, trong đó có người phát tâm chí thành, mong muốn vãng sanh nước Cực Lạc, tổng cộng có thể chia làm ba bậc.

Quán Kinh nói chín phẩm: thượng phẩm, trung phẩm, hạ phẩm. Trong mỗi phẩm lại chia ra thượng sanh, trung sanh và hạ sanh, gọi là chín phẩm. Ba bậc của kinh Vô Lượng Thọ cùng với chín phẩm của Quán Kinh, nội dung trong đó phải chăng là tương ứng nhau, phù hợp tương thông, hay là mỗi thứ là một loại, chẳng liên quan gì nhau? Từ xưa đến nay có hai cách nói khác nhau. Tán thành như nhau

thì có các sư Đàm Loan, Tịnh Ảnh, Cảnh Hưng, Gia Tường. Còn có đại sư Liên Trì nói: “Ba bậc chín phẩm, phù hợp khít khao với nhau, lại còn nghi ngờ gì nữa?” Hoàng Niệm lão kế thừa cao kiến của các vị đại sư Đàm Loan, Liên Trì mà chú giải kinh này.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Kỳ thượng bối giả, xả gia khí dục, nhi tác sa-môn, phát Bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật, tu chư công đức, nguyện sanh bỉ quốc. Thử đẳng chúng sanh, lâm thọ chung thời, A-di-đà Phật, dữ chư thánh chúng, hiện tại kỳ tiền, kinh tu du gian, tức tùy bỉ Phật vãng sanh kỳ quốc, tiện ư thất bảo hoa trung tự nhiên hóa sanh, trí huệ dững mãnh, thần thông tự tại. Thị cố A-nan! Kỳ hữu chúng sanh dục ư kim thế kiến A-di-đà Phật giả, ưng phát Vô thượng Bồ-đề chí tâm, phục đương chuyên niệm Cực Lạc quốc độ, tích tập thiện căn, ưng trì hồi hướng. Do thử kiến Phật, sanh bỉ quốc trung, đắc bất thoái chuyển, nãi chí Vô thượng Bồ-đề.**

*Bậc thượng là người xả nhà, lìa dục, và làm sa-môn, phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật, tu các công đức, nguyện sanh về nước ấy. Những chúng sanh này đến lúc mạng chung, A-di-đà Phật cùng các thánh chúng hiện ở trước mặt, trong khoảnh khắc liền theo đức Phật ấy sanh về cõi kia, tự nhiên hóa sanh trong hoa bảy báu, trí tuệ dững mãnh, thần thông tự tại. Thế nên A-nan, nếu có chúng sanh nào muốn trong đời này thấy A-di-đà Phật, phải phát tâm Vô thượng Bồ-đề, lại nên chuyên niệm cõi nước Cực Lạc, thiện căn đã tích lũy nên đem hồi hướng. Nhân đó thấy Phật, sanh về nước ấy, được bất thoái chuyển, cho đến Vô thượng Bồ-đề.*

Đoạn kinh văn này có thể chia thành bốn tầng ý nghĩa:

Tầng ý nghĩa thứ nhất: cương lĩnh tu học của vãng sanh bậc thượng, nói cách khác, chính là điều kiện để vãng sanh bậc thượng, điều kiện cụ thể chính là những gì trong kinh văn nói: xả nhà, lìa dục, và làm sa-môn, phát Bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật, tu các công đức, nguyện sanh nước ấy. Đoạn kinh văn này phải giải quyết trọng điểm hai vấn đề sau đây:

Vấn đề thứ nhất: làm thế nào hiểu chính xác việc “xả nhà, lìa dục, và làm sa-môn”, phải chăng vãng sanh bậc thượng nhất định là người xuất gia, người tại gia

không có phần? Trước tiên chúng ta xem hàm nghĩa chân thật của “xả nhà, lìa dục” là gì? Xả nhà là xuất gia. Nhà mà nhà Phật nói là chỉ cho điều gì vậy? Việc này chúng ta trước hết phải làm cho rõ ràng sáng tỏ.

Trong kinh luận Phật nói: có bốn loại nhà, cũng có bốn loại xuất.

Bốn loại nhà mà Phật pháp nói: Thứ nhất là nhà điền Trạch, chính là vợ con người già trẻ nhỏ, nhà cửa ruộng vườn, vàng bạc tài sản, động sản và bất động sản v.v. trong quan niệm của chúng ta. Thứ hai là nhà phiền não. Thứ ba là nhà Tam giới, cũng chính là nhà lục đạo luân hồi. Thứ tư là nhà sanh tử, chính là sanh tử vượt thoát ra ngoài Tam giới.

Phật muốn chúng ta xuất gia, không phải muốn chúng ta xuất khỏi nhà điền Trạch, xuất khỏi nhà điền Trạch chẳng có tác dụng gì. Phật muốn chúng ta ra khỏi nhà phiền não, nhà Tam giới. Trong Tam giới có phần đoạn sanh tử, ngoài Tam giới là A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ-tát, tuy không có phần đoạn sanh tử, nhưng vẫn có biến dịch sanh tử. Có thể ra khỏi nhà phiền não thì có thể chứng Sơ quả, có thể ra khỏi nhà Tam giới thì là A-la-hán, có thể ra khỏi nhà biến dịch sanh tử thì chính là Pháp thân Đại sĩ.

Xuất cũng có bốn loại.

Thứ nhất là thân xuất tâm không xuất, có những người xuất gia, thân xuất khỏi nhà điền Trạch, trong tâm vẫn tham luyến ngũ dục lục trần như cũ, mong cầu danh văn lợi dưỡng, đây là thân xuất tâm không xuất.

Thứ hai là tâm xuất thân không xuất, đây là đối với cư sĩ tại gia mà nói, người trong các ngành các nghề quy y Tam bảo, y giáo tu hành, tuy rằng thân tại gia nhưng tâm địa của họ thanh tịnh, đối với gia Trạch, đối với ngũ dục lục trần không thêm nhiễm, không tham luyến, đây là tâm xuất thân không xuất. Trong kinh này, 16 vị Chánh sĩ nhóm ngài Hiền Hộ chính là tâm xuất thân không xuất. Trong thế pháp làm ra tám gương tốt nhất cho tất cả chúng sanh, nhất loạt chứng đắc Đăng giác Bồ-tát, vãng sanh thượng thượng phẩm. Lão Bồ-tát Lưu Tố Thanh chính là một trong số đó.

Thứ ba là thân tâm đều xuất. Tổ sư đại đức xưa nay trong nhà Phật và những người tu hành làm ra tám gương tốt cho người xuất gia. Lão hòa thượng thượng Hải

hạ Hiền có thể nói là điển phạm tuyệt vời nhất của thân tâm đều xuất trong thời hiện đại.

Thứ tư là thân tâm đều chẳng xuất. Đây không phải chỉ cho người thông thường, mà chỉ cho cư sĩ tại gia học Phật. Họ mỗi ngày đốt hương, khấu đầu, đọc kinh, niệm Phật, nhưng vẫn tham luyến ngũ dục lục trần, danh văn lợi dưỡng, lấy Phật pháp làm chiêu bài, một loại nghề nghiệp phụ, nghiêm trọng hơn là buôn bán Như Lai, tạo tội nghiệp cực lớn. Còn có một số người, chính là một bộ phận người giàu có, họ quy y Tam bảo, xem Phật pháp thành một loại tiêu khiển, tán tụng pháp sư như tăng bốc minh tinh, họ thọ Bồ-tát giới, gắn mác danh tự Bồ-tát, ở đạo tràng trong tự viện là ngòi ghế thượng khách, giai cấp đặc quyền, gọi là đại hộ pháp; người xuất gia chiêu đãi, cung phụng họ tận tình chu đáo, đó là thân không xuất mà tâm cũng chẳng xuất.

Xuất có bốn loại, nhà cũng cũng có bốn loại, nhất định phải hiểu rõ bản thân mình thuộc loại nào. Bốn loại này có hai loại đúng đắn: tâm xuất thân không xuất và thân tâm đều xuất.

“Khí dục” là lìa dục. Dục này chính là thất tình ngũ dục. Đây là thứ người thế gian khó buông xuống nhất, thứ khó buông nhất đều buông xuống rồi thì những thứ khác không cần nói nữa. Dục là dục vọng, nói theo thông thường thì dục là mong cầu, bạn mong muốn đạt được, mong cầu chính là tham dục, người hiện nay mong cầu quá nhiều, lòng tham không đáy! Có mong cầu thì có nỗi khổ do cầu không được, mong cầu càng nhiều thì càng khổ. Sáng hôm nay nghe lão pháp sư nói về dục vọng, lão nhân gia nói: Có người, cho dù bạn đem cả quả địa cầu cho họ, họ cũng không thỏa mãn, bạn nói họ có thể không khổ được không?

Tham dục là vọng tưởng chấp trước những thứ như mộng huyễn bọt bóng, như sương, cũng như điện, hoàn toàn không thật có. Lìa dục là bao gồm tất cả mong cầu trong thế gian và xuất thế gian đều phải buông xuống, thì mới có thể thật sự đạt được tâm thanh tịnh, mới có thể thật sự đạt được trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi.

“Và làm sa-môn”, sa-môn là tiếng Phạn, là cách gọi chung cho người xuất gia của Ấn Độ xưa. Ý nghĩa của nó là, Phật ở trong kinh nói: “Siêng tu giới định tuệ, dứt trừ tham sân si”, người như vậy được gọi là sa-môn. Do đây có thể biết, sa-môn không nhất định chỉ riêng cho người xuất gia, người tại gia nếu siêng tu giới định tuệ, dứt trừ tham sân si thì cũng được gọi là sa-môn. Vãng sanh bậc thượng buộc

phải đầy đủ điều kiện như vậy, đây là điều kiện cơ bản. Chỉ có người thân và tâm đều xuất mới là thật sự xả nhà, lìa dục, mới có thể làm sa-môn siêng tu giới định tuệ, dứt trừ tham sân si. Trên điều kiện cơ bản này mà phát Bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật, mới có thể tương ưng với Phật.

Nghe đến đây, các đồng tu đối với việc “xả nhà, lìa dục và làm sa-môn”, hai câu kinh văn này chắc đã có sự hiểu rõ thêm một bước rồi. Đối với vấn đề thứ nhất của chúng ta có thể có được đáp án rồi. Vãng sanh bậc thượng, người xuất gia, người tại gia đều có phần, để bạn càng thêm chắc thật, tôi nói lại lần nữa: Vãng sanh bậc thượng, người tại gia có phần, người tại gia có tâm xuất gia cũng có thể vãng sanh thượng phẩm, chuyện này bạn yên tâm rồi nhé.

Tiết học hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!



## TẬP 55

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Tiết học trước, chúng ta đã nói về vấn đề thứ nhất, vãng sanh bậc thượng người tại gia có phần hay không? Đáp án là chắc chắn có phần.

Tiếp theo chúng ta nói đến vấn đề thứ hai. Vấn đề thứ hai, vãng sanh bậc thượng phàm phu có phần hay không? Đây là một vấn đề nghiêm túc có liên quan mật thiết đến mỗi một người chúng ta. Đối với vấn đề này, vào thời xưa đã có người nêu ra rất nhiều quan điểm, quan điểm của mỗi người không như nhau. Ví dụ, “cổ đức có nói: Đó là hạnh của Bồ-tát”. Xin nêu ví dụ, như nói thượng phẩm thượng sinh thì phải là Bồ-tát Tứ địa cho đến Thất địa, đây chính là nói thượng phẩm thượng sinh thì phải là Bồ-tát từ Tứ địa trở lên cho đến Thất địa. Thượng trung phẩm thì phải là Bồ-tát Sơ địa cho đến Tứ địa. Theo đó mà suy ra, trung phẩm trung sinh trở xuống mới là chỗ phàm phu có thể đạt được. Đối với cách nói này, chúng ta xem xem tổ sư đại đức nói như thế nào.

Hoàng Niệm lão nói như sau: “Nếu là như vậy thì đại nguyện vô thượng của đức Di-đà, sự vi diệu độc đáo của cõi nước hoa sen phương Tây, sự dễ hành của pháp môn trì danh, sự thù thắng của diệu pháp vãng sanh thầy đều là hý luận”. Hý luận chính là nói lời bỡn cợt, không phải thật.

Bình luận của Niệm lão đối với điều này là: “Thế thì chỉ khiến cho diệu pháp Tịnh tông chẳng thể nghĩ bàn cũng trở thành pháp có thể nghĩ bàn rồi”. Việc này đã hạ thấp sự chẳng thể nghĩ bàn của Tịnh tông. Niệm lão nói: “Vãng sanh bậc thượng nói trong kinh, liệu phàm phu có phần hay không là một vấn đề lớn trong Tịnh tông”. Vấn đề này là vấn đề lớn, không phải vấn đề nhỏ, có liên quan đến việc Tịnh tông có phải thật sự thù thắng, thật sự vi diệu, thật sự có thể vượt hơn tất cả, khiến chúng ta một đời viên mãn thành tựu hay không?

Hoàng Niệm lão muốn thảo luận tường tận vấn đề này với chúng ta. Ngài nói: “Cách nói sai trước đó, may được đại sư Thiện Đạo thời Đường rộng dẫn kinh luận, ra sức phá bỏ cách nói cũ”. Niệm lão không nói là bản thân ngài nói, ai nói vậy? Đại sư Thiện Đạo nói, đây là tổ sư đời thứ hai của Tịnh tông chúng ta. Trong trước tác Tứ Thiếp Sớ của đại sư, Tứ Thiếp Sớ chính là chú giải Kinh Quán Vô Lượng Thọ

Phật của đại sư Thiện Đạo. Đại sư nói: “Lại xem ý nghĩa kinh văn về phần Định Thiện và ba bậc thượng hạ của Quán Kinh, đều là vì phàm phu ngũ trược, sau khi Phật tạ thế chỉ do gặp duyên khác nhau mà dẫn đến chín phẩm khác biệt. Thế nào là người vãng sanh ba phẩm thượng? Là gặp đại phàm phu (phàm phu gặp duyên Đại thừa). Người vãng sanh ba phẩm trung là gặp tiểu phàm phu (phàm phu gặp duyên Tiểu thừa). Người vãng sanh ba phẩm hạ là gặp ác phàm phu”.

Lời này của đại sư Thiện Đạo rất hay. Vì sao vậy? Ngài nói với chúng ta, vãng sanh bậc thượng phàm phu có phần, thấy đều có phần.

Ở đây nhắc đến đại phàm phu, tiểu phàm phu, ác phàm phu, phân chia thế nào vậy? Đại phàm phu chính là người phát đại tâm, phát tâm đại Bồ-đề, đến thế giới Cực Lạc để làm gì? Cầu pháp để làm gì? Để rộng độ chúng sanh, đây là đại phàm phu. Tiểu phàm phu chỉ vì việc liễu sanh tử, ra khỏi Tam giới của chính mình, đây là tiểu phàm phu. Ác phàm phu, “do ác nghiệp, nhưng lâm chung nhờ gặp được thiện”, đây chính là tuy đã tạo một số tội nghiệp, hơi thở của họ chưa dứt, vẫn có thể sám hối, vẫn có thể phát nguyện, sau không tạo nữa thì phẩm vị của họ được nâng lên. Lâm chung họ gặp được thiện, gặp được thiện tri thức. “Nhờ nguyện lực của Phật nên được vãng sanh, đến khi hoa nở, mới bắt đầu phát tâm, sao nói đó là người mới học Đại thừa được?” Ở đây Niệm lão thêm phần đống ngoặc rằng: “Các sư thời xưa nói, bậc hạ là phàm phu mới học Đại thừa. Nếu hiểu như vậy thì khiến mình và người đều lầm lạc, cái hại đó rất lớn”.

Đại sư trực tiếp nói với chúng ta: “Đài sen chín phẩm nơi Cực Lạc đều là chỗ mà phàm phu trược thế vãng sanh về. Chỉ do thế gian gặp duyên khác biệt của Đại thừa và Tiểu thừa, nên sau khi vãng sanh có sự khác biệt của bậc trung và bậc thượng. Tịnh tông là giáo viên đốn chí cực, phàm phu căn khí lớn nếu có thể tin nhận, hiểu trọn tu trọn thì bạn tu một ngày hơn người bình thường tu một kiếp”.

“Viên nhân” là người có căn tánh Viên giáo, tu một ngày bằng với người thông thường tu một kiếp, “nên có thể một đời công đức viên mãn, vọt lên thượng phẩm”. Công đức một đời viên mãn thì vãng sanh thượng thượng phẩm. Phàm nhân, chẳng phải là Bồ-tát Đẳng địa, đây mới hiện rõ ra sự thù thắng của Tịnh tông, vi diệu của Tịnh tông, thì việc A-di-đà Phật được mười phương ba đời hết thấy chư Phật tán thán mới nói được thông. Nếu giống như thông thường thì chẳng có chỗ nào đặc biệt

thù thắng cả, không nêu rõ được sự thù diêu, thù thắng, thù đặc, vi diêu của Tịnh tông.

Hoàng Niệm lão chú giải phẩm kinh văn này, trước tiên nói ra trọng điểm cho chúng ta. Kinh văn phẩm này vừa mở đầu bèn nói “chư thiên nhân dân trong mười phương thế giới”, nói rất rõ ràng, chẳng những thế giới Ta-bà mà hết thảy mọi chúng sanh lục đạo trong cõi nước chư Phật mười phương, chư thiên nhân dân chính là chúng sanh lục đạo. “Trong đó nếu có người chí tâm nguyện sanh về nước đó, thì có ba bậc”. Ba bậc đó thảy đều vì chư thiên nhân dân mà tạo dựng nên, chẳng phải vì A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ-tát mà tạo nên, chẳng phải vì những vị đó, mà vì chư thiên nhân dân, trong đây có phần của chúng ta. “Ba bậc trong kinh chỉ là chư thiên nhân dân của mười phương, chưa nói Bồ-tát, Thanh văn”. Bồ-tát là Đại thừa, Thanh văn là Tiểu thừa, chẳng phải vì họ. “Nên biết ba bậc chỉ cho”, ba bậc là chỉ những người nào vậy? “Trước hết là phàm phu, nhưng trong kinh cũng kiêm vì thánh nhân, như trong phẩm Bồ-tát Vãng Sanh, chư Bồ-tát của mười phương thế giới, người sẽ vãng sanh, chỉ nói tên thôi thì nói hết kiếp cũng không hết”.

Bồ-tát vãng sanh nhiều, nhiều hơn phàm phu. Vì sao vậy? Vì Bồ-tát không có hoài nghi, A-la-hán cũng không có hoài nghi, các ngài thật sự là nhất tâm xưng niệm, một câu Phật hiệu, hết thảy lúc, hết thảy nơi chưa từng sót mất, chưa từng gián đoạn.

Tổng hợp những điều trên đã nói, chúng ta có thể rút ra kết luận như sau:

Đài sen chín phẩm nơi Cực Lạc đều là chỗ mà phàm phu trước thế vãng sanh về. Vãng sanh bậc thượng phàm phu có phần. Ba bậc vãng sanh trước tiên là vì phàm phu, kiêm cả thánh nhân.

Từ lời nói của đại sư Thiện Đạo có thể thấy, ba bậc thượng trung hạ của thế giới Cực Lạc thì phàm phu đều có thể tu được, chỉ là do nhân duyên Phật pháp mỗi người gặp được không như nhau mà có khác biệt. Đại sư chủ trương vãng sanh ba bậc chín phẩm luôn vì phàm phu ngũ trước, tuy thượng phẩm thượng sanh thù thắng siêu tuyệt, thế nhưng những phàm phu ngũ trước ác thế như chúng ta chỉ cần phát khởi tâm Vô thượng Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật, niệm đến lý nhất tâm, nhờ sức uy thần không thể nghĩ bàn của sáu chữ hồng danh và Nhất thừa nguyện hải, chắc chắn có thể thượng phẩm thượng sanh ở thế giới Cực Lạc.

Xin nêu vài ví dụ cho các đồng tu, ví dụ thời xưa, đời Tấn có một người nghèo khổ, đời sống rất khốn khổ, nhưng có duyên rất sâu với Phật, sau khi nghe đến pháp môn niệm Phật thì bẻ quan niệm Phật. Đối với trần thế vô cùng chán ngán, chẳng chút may mắn lưu luyến, chỉ có nhất tâm thật thà niệm Phật. Sau khi người ấy niệm được một thời gian thì nhìn thấy A-di-đà Phật, và nghe Phật thuyết pháp, thế nên ngay nơi thân người đã đắc được vô sanh pháp nhẫn. Có thể thấy ba bậc chín phẩm ở Cực Lạc người người đều có phần, chỉ xem trình độ tu trì. Chúng ta xem người này, một là người tại gia, hai là phàm phu, [nhưng] họ thành công rồi.

Còn có một ví dụ mà mọi người đều quen thuộc, chính là phu nhân Vi-đề-hy, phu nhân Vi-đề-hy gặp phải nạn gia đình, thỉnh Phật thuyết pháp. Phật cùng Mục-kiền-liên, A-nan bay đến vương cung thuyết pháp cho bà, cùng nghe Phật giảng pháp với phu nhân Vi-đề-hy còn có năm trăm cung nữ của bà. Phu nhân Vi-đề-hy “nghe Phật nói xong, bấy giờ liền thấy tướng rộng lớn của thế giới Cực Lạc, được thấy thân Phật, thấy A-di-đà Phật cùng hai vị Bồ-tát Quán Âm, Thế Chí, tâm sanh hoan hỷ, khen chưa từng có, hốt nhiên đại ngộ, đắc vô sanh nhẫn”. Có thể thấy bà Vi-đề-hy chẳng những thượng phẩm thượng sanh mà hiện đời còn ngộ nhập vô sanh pháp nhẫn, thành tựu hy hữu. Còn có 500 thị nữ của phu nhân Vi-đề-hy “phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, nguyện sanh nước ấy. Thế Tôn, Thích-ca Mâu-ni Phật đều thọ ký [cho họ] đều sẽ vãng sanh. Sanh đến nước đó rồi thì được tam-muội hiện tiền của chư Phật”. Có thể thấy, thấp nhất thì họ cũng là thượng phẩm trung sanh, 500 người này là phụ nữ tại gia, đều vãng sanh bậc thượng.

Ví dụ thời hiện đại. Thứ nhất là ví dụ vãng sanh của Tề Thụ Kiệt. Tề Thụ Kiệt là chồng của cư sĩ Điều, tôi gặp cư sĩ Điều hai lần nhưng không biết rõ, tôi không biết Tề Thụ Kiệt. Còn nhớ ngày 12 tháng 7 âm lịch năm 2007, có cư sĩ gọi điện cho tôi, nói chồng của cư sĩ Điều bệnh rồi, mong tôi đi gặp anh ấy một chút. Tôi đã đi, anh nói với tôi một câu giọng rất nhẹ nhàng: Chị ơi, hãy tiễn em một đoạn. Tôi nói với anh ấy, tôi không biết tiễn vãng sanh. Sau đó, anh ấy không nói nữa, có lẽ là vì duyên này mà anh Tề vãng sanh thật sự là do tôi tiễn. Ngày 12 âm lịch, hai chúng tôi gặp nhau lần đầu, ngày 14 âm lịch tôi biết anh ấy ngày 18 âm lịch vãng sanh, việc này chỉ một mình tôi biết, ai nói tôi biết vậy, không biết nữa. Sáng sớm ngày 17 âm lịch, anh nói với tôi: Chị ơi, ngày mai em đi. Tôi hết hồn, ngày mai chẳng phải là 18 âm lịch đó sao, vì sao ngày anh ấy nói và ngày tôi biết là một vậy. Tối đó, anh ấy lập hai điều di chúc. Điều thứ nhất, hậu sự của tôi do chị Lưu sắp xếp. Điều thứ hai,

người thân quyến thuộc không được đến gần. Ngày hôm sau, cũng chính là ngày 18 tháng 7 âm lịch, Tề Thụ Kiệt đã biết trước ngày giờ, an tường vãng sanh. Vãng sanh được năm ngày, anh ấy trở về báo tin, dùng hình thức kệ tụng báo cáo với chị tôi, độ chừng 6-7 bài, bởi vì lúc đó tôi chẳng hiểu gì cả, cũng không ghi chép lại, cũng không lưu lại, hiện nay điều có thể nhớ chính là anh ấy thượng phẩm trung sanh.

Thứ hai là ví dụ vãng sanh của cư sĩ Lưu Tố Thanh, việc này các đồng tu đều biết rất rõ rồi, ở đây không nói nhiều làm gì. Xin bổ sung một chút, Lưu Tố Thanh vãng sanh có vài đặc điểm nổi bật khác với mọi người. Đặc điểm thứ nhất, biểu diễn hai loại pháp vãng sanh. Một là pháp tự tại vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, là sống mà ra đi, vẫy tay mỉm cười từ biệt người thân. Thứ hai là pháp tử vong tứ đại phân ly đau khổ. Đặc điểm thứ hai, chị đã viết ra trước những sự việc sau khi vãng sanh, sau khi vãng sanh thì từng điều đều thành hiện thực. Đặc điểm thứ ba, biết trước ngày giờ, tự tại vãng sanh, không sai một giây, thượng phẩm thượng sanh. Đặc điểm thứ tư, từ bỏ 10 năm thọ mạng để cứu lấy kiếp nạn, về nhà sớm hơn.

Thứ ba là ví dụ vãng sanh của Lưu Minh Hoa. Việc vãng sanh của Lưu Minh Hoa khiến tôi bị chấn động, tôi biết ông ấy vãng sanh là thời gian ba ngày. Sáng sớm ngày 19 tháng 5 tôi biết ba ngày nữa ông ấy vãng sanh, trưa ngày 21 tháng 5 ông ấy vãng sanh, biết trước ngày giờ, tự tại vãng sanh, thượng phẩm thượng sanh. Ông ấy để lại thế gian này sự độ lượng, tự tại và vui vẻ. Ông nói, ông ấy biểu diễn ra không phải người đại trí giả như kẻ ngu, mà là biểu diễn người đại trí giả như kẻ điên. Thật vậy, bạn hãy suy nghĩ cặn kẽ thì thấy đúng thật như vậy, ông đã điên 53 năm rồi, tiếc là tôi không nhận ra. 53 năm đều xem ông là người bạn đời mắc bệnh thần kinh của tôi, duyên trần đã mãn, chân tướng lộ rõ, tôi kinh ngạc một phen.

Thứ tư là ví dụ vãng sanh của Đồng Thụ Trân, Đồng Thụ Trân là cư sĩ hộ pháp của tôi, là cha chồng của Bồ-đề Tâm, 83 tuổi, mắc bệnh ung thư dạ dày, niệm Phật cầu vãng sanh. Ngày 6 tháng 6 tôi biết ngày 9 tháng 6 ông ấy vãng sanh, nhưng vì một việc nhỏ xen giữa mà ông ấy không đi được. Ngày 2 tháng 7, ông ấy chính mình yêu cầu được đưa vào phòng vãng sanh, lúc đó ông ấy đã bỏ ăn bốn ngày nhưng trạng thái tinh thần rất tốt, hành động như thường, từ ngày vào phòng vãng sanh bắt đầu trợ niệm, không tụng kinh, không trì chú, một câu Phật hiệu niệm đến cùng, niệm chậm 4 chữ theo lão pháp sư. Chia ban luân phiên niệm, mỗi ban 4-5 người, hai tiếng thì thay ban, 24 giờ không gián đoạn, trợ niệm 37 ngày, 888 giờ.

Ông lão đã bỏ ăn 40 ngày, chỉ uống nước trắng, tạo nên một kỳ tích về mạng sống không thể lý giải. 3 giờ 46 phút sáng sớm ngày 6 tháng 8, sau khi ông lão nhìn thấy Phật hơn 20 phút thì an tường vãng sanh trong tiếng Phật hiệu của các đồng tu. Vào mười lăm phút sau cùng, ông ấy vẫn niệm Phật, ông ấy là thượng phẩm trung sanh. Đồng Thụ Trân vãng sanh đã làm ra tám gương cho chúng tôi, một là tín niệm kiên định cầu sanh thế giới Cực Lạc của ông trước sau như một. Sau khi ông biết tình trạng bệnh tật thật sự của mình, cương quyết lựa chọn không làm phẫu thuật, niệm Phật cầu vãng sanh, từ đầu đến cuối không hề dao động. Thứ hai là sự kiên cường của ông khiến người khác kính phục, tuy bị bệnh khổ dày vò khiến người khó nhẫn chịu được, nhưng ông không kêu không la, không tạo thêm phiền phức cho người khác. Hai ngày trước khi vãng sanh ông còn kiên trì đi vào phòng vệ sinh trong sự dìu đỡ của người khác. Ba là dù khổ dù khó đến đâu cũng niệm Phật không gián đoạn, chính là đến cửa ải cuối cùng cũng không quên niệm Phật, đã làm ra tám gương tốt niệm Phật thành Phật cho chúng ta. Bốn là làm người thành thật, nói lời thật thà. Mười mấy ngày trước khi vãng sanh, tôi hỏi ông, ông ơi, ông đã nhìn thấy A-di-đà Phật chưa? Ông ấy lắc đầu, nói chưa nhìn thấy. Hai mươi phút trước khi vãng sanh, ông ấy mở to hai mắt nhìn chăm chăm vào một chỗ, tôi hỏi ông ấy, ông đã nhìn thấy Phật chưa? Ông ấy gắng sức gật đầu, nói với tôi đã nhìn thấy rồi. Đây là một ông lão thành thật khiến người ta tôn kính, sự thành thật của ông đã chiêu cảm 20-30 vị đồng tu trợ niệm cho ông 37 ngày. Ông ấy vãng sanh phẩm vị cao là nhờ sức uy thần của câu Phật hiệu A-di-đà Phật gia trì, Phật lực gia trì không thể nghĩ bàn, công đức trợ niệm của các đồng tu không thể nghĩ bàn.

Phía trên tôi đã nêu ra bốn ví dụ vãng sanh thời hiện đại đều là đích thân tôi chứng kiến. Những người này vãng sanh tôi theo sát từ đầu đến cuối, đều là tận mắt nhìn thấy, tận tai nghe thấy, chẳng có trường hợp nào là nghe nói vô căn cứ, có thể tin tưởng 100%. Tôi sở dĩ nêu lên 4 ví dụ này chính là muốn các đồng tu hiểu rõ chân tướng, tiêu trừ nghi hoặc, kiên định tín niệm. Vãng sanh bậc thượng người tại gia có phần, phàm phu có phần.

Chúng tôi tổng hợp chỉnh lý một chút, vãng sanh bậc thượng cần phải đầy đủ những điều kiện nào? Thứ nhất, dùng kính văn của kinh Vô Lượng Thọ để nói, chính là “xả nhà, lia dục và làm sa-môn, phát Bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật, tu các công đức, nguyện sanh nước đó”. Thứ hai, lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không dạy chúng ta phải dưỡng Ngũ đức, tu Lục hòa. Ngũ đức là hình mẫu mà

Không tử đã làm ra: ôn, lương, cung, kiệm, nhượng. Lục hòa là Phật chế định: kiến hòa đồng giải, giới hòa đồng tu, thân hòa đồng trụ, khẩu hòa vô tranh, ý hòa đồng duyệt, lợi hòa đồng quân. Thứ ba, siêng tu giới định tuệ, diệt trừ tham sân si, việc này còn cao hơn đức hạnh của Không phu tử. Nếu không có đức hạnh và phẩm đức như vậy, cho dù bạn phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật, vãng sanh đến thế giới Cực Lạc không phải là vãng sanh bậc thượng.

Vãng sanh bậc thượng thì Ngũ đức, Lục hòa là điều kiện cơ bản nhất, chúng ta không được lơ là. Chúng ta nếu muốn trong một đời này vãng sanh thì phải chú ý tu dưỡng phẩm đức, thực hành Lục hòa, thật sự làm được “siêng tu giới định tuệ, diệt trừ tham sân si”, chỉ cần đầy đủ những điều kiện cơ bản này thì chắc chắn được vãng sanh bậc thượng, Phật không nói vọng ngữ.

Bên trên đã nói nhiều như vậy, những điều nói ra đều là tầng nghĩa thứ nhất của đoạn kinh văn này, chính là điều kiện để vãng sanh bậc thượng. Trong nội dung phần này xin giải đáp cho các đồng tu hai vấn đề mà mọi người quan tâm nhất. Vãng sanh bậc thượng chúng tại gia có phần hay không? Vãng sanh bậc thượng phàm phu có phần hay không? Trả lời là chắc chắn có phần, tôi có phần, họ có phần, bạn cũng có phần, chỉ cần đầy đủ điều kiện vãng sanh bậc thượng thì chúng ta đều có phần.

Tiếp theo nói về tầng nghĩa thứ hai của đoạn kinh văn này. Tầng nghĩa thứ hai, quả đức của vãng sanh là quả báo chân thật thù thắng khôn sánh.

Thù thắng thứ nhất là Phật đến tiếp dẫn, “những chúng sanh này đến lúc mạng chung, A-di-đà Phật cùng các thánh chúng hiện ở trước mặt”.

Thù thắng thứ hai là vãng sanh nhanh chóng, “trong khoảnh khắc liền theo đức Phật ấy sanh về cõi kia”, hoa nở thấy Phật, toàn bộ nghiệp chướng đều tiêu trừ. Khi nào tiêu trừ? Trong khoảnh khắc liền tiêu trừ.

Thù thắng thứ ba là liên hoa hóa sanh, “tự nhiên hóa sanh trong hoa bảy báu”.

Thù thắng thứ tư là trí đức tự tại, “trí tuệ đồng mãn, thần thông tự tại”. Trí tuệ giống như Phật viên mãn hiện tiền, trí tuệ Bát-nhã của tự tánh lưu lộ ra rồi. Thần thông là từ trong tự tánh lưu lộ ra, là từ trong tâm thanh tịnh bình đẳng lưu lộ ra, cho nên tâm của chúng ta phải thanh tịnh, phải bình đẳng. Thanh tịnh, bình đẳng đều là Thiền định. Tâm thanh tịnh hiện tiền là A-la-hán, Bích-chi Phật. Tiểu thần thông vượt qua thiên nhân sáu cõi. Trời Dục giới, trời Sắc giới, trời Vô Sắc giới đều có

thần thông, so với người vãng sanh thế giới Cực Lạc thì kém xa, không sánh bằng. Tâm bình đẳng hiện tiền là đại thần thông, là chỗ chứng đắc của Bồ-tát. Thần thông rốt ráo viên mãn là chứng đắc trên quả địa Như Lai. Phạm phu chúng ta vừa vãng sanh đến thế giới Cực Lạc thì trí tuệ đồng mãnh, thần thông tự tại, quá tuyệt vời!

Tầng nghĩa thứ ba, dùng đức để khuyến.

Đây là Thế Tôn khuyến bảo chúng ta, cơ hội này khó gặp được, trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được. Rất khó gặp được, gặp được rồi thì vạn phần chớ bỏ mất. Trong một đời này nhất định phải thành tựu, không thành tựu thì quá đáng tiếc. Ba đường ác không được vào, một khi đọa ba đường ác thì là năm ngàn kiếp, là do Phật nói, Phật không dọa người đâu, những gì Phật nói đều là lời chân thật. Một khi không cẩn thận đọa vào ba đường ác, trong ba đường ác có sự luân chuyển, không ra khỏi ba đường ác được, thời gian bao lâu vậy? Năm ngàn kiếp, quá đáng sợ! Chúng ta không mong muốn chịu khổ nạn này thì đời này phải vượt thoát. Làm thế nào mới có thể vượt thoát? Phật dạy chúng ta, y giáo tu hành thì vượt thoát, tích lũy công đức thì vượt thoát.

Phật từ bi cùng cực, đem sự thù thắng của vãng sanh bậc thượng ở trong kinh nói cho chúng ta rất rõ ràng. Niệm lão giải thích cho chúng ta rất rành rẽ:

“Nếu muốn đời này thấy A-di-đà Phật, đây chỉ cho tất cả chúng sanh hiện tại cho đến đương lai”, đương lai là tương lai. Tất cả chúng sanh hiện tại và tương lai, “muốn đời này chính mắt nhìn thấy A-di-đà Phật”, có nguyện vọng như vậy. “Quán Kinh nói: Người thượng phẩm thượng sanh, A-di-đà Như Lai cùng Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, vô số hóa Phật, trăm ngàn tỷ-kheo, đại chúng Thanh văn, vô lượng chư thiên, cung điện bảy báu. Quán Thế Âm Bồ-tát cầm đài kim cang cùng Đại Thế Chí Bồ-tát đến trước mặt hành giả”, hành giả chính là người niệm Phật vãng sanh, hai vị Bồ-tát này đến trước mặt người vãng sanh. “A-di-đà Phật phóng đại quang minh, chiếu đến thân hành giả”, Phật quang soi chiếu, “cùng chư Bồ-tát đưa tay ra nghênh đón”, chẳng những A-di-đà Phật nắm lấy tay bạn, còn có rất nhiều Bồ-tát đều vẫy tay hoan nghênh, ngày nay chúng ta gọi là vỗ tay hoan nghênh, sẽ đưa tay ra hoan nghênh bạn. Bồ-tát Quán Âm, Thế Chí “tán thán hành giả, khuyến tấn tâm ấy, hành giả thấy rồi, hoan hỷ phấn khởi”, thật sự vui mừng, không phải giả bộ vui mừng.

Phật đem sự thù thắng của vãng sanh bậc thượng nói cho chúng ta, tiếp theo là nội dung khuyến dạy chúng ta.



Lời khuyên thứ nhất: phát tâm chuyên niệm.

“Phải phát tâm Vô thượng Bồ-đề, lại nên chuyên niệm cõi nước Cực Lạc”, đây là chánh nhân để vãng sanh. Tâm Vô thượng Bồ-đề là gì? Thế nào là Vô thượng Bồ-đề? Vô thượng Bồ-đề là thành Phật, không ai có thể cao hơn Phật. Kinh Hoa Nghiêm gọi là Diệu giác Như Lai, Đẳng giác trở lên là Diệu giác, chúng ta phải cầu điều này. Nhất định không được cầu sanh thiên, trời Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới đều không được cầu, vì sao vậy? Họ không thoát khỏi luân hồi. Thọ mạng của thiên nhân dài, thiên nhân đầy đủ sáu loại thân thông, càng lên trên thì thân thông càng lớn, được tự tại. Tuy thọ mạng của thiên nhân dài nhưng vẫn là có hạn, chẳng phải là vô hạn, không giống thế giới Cực Lạc, thế giới Cực Lạc không sanh không diệt, trong lục đạo thì có sanh có diệt. Ở cõi trời khi thọ mạng hết thì làm thế nào? Lên trên thì không có, thoát không ra, vậy phải rút xuống, leo càng cao thì ngã càng nặng. Người ở trời Tứ Không, trời Tứ Thiên khi thọ mạng đến rồi thì rất nhiều người đều rút xuống địa ngục. Trong kinh nói rất nhiều, chúng ta phải tin tưởng. Cõi trời tuy tốt nhưng không được đi, đi đến đâu thì tốt? Đến thế giới Cực Lạc. Đến thế giới Cực Lạc dễ hơn đến cõi trời, dễ hơn đời sau có được thân người. Được thân người thì phải tu thập thiện nghiệp đạo; phải tu tứ vô lượng tâm: từ bi hỷ xả thì mới được thân trời. Nói tóm lại, đều không sánh bằng vãng sanh Cực Lạc.

Trong chú giải của Niệm lão nói: “Nơi đây, đời ác năm trước, thời không có Phật mà có thể thấy được Phật ấy là thật sự hiếm có”. Chúng ta phải ghi nhớ những câu này. Chúng ta sanh ở thế gian này, gặp phải thời đại như thế nào? Là ngũ trước ác thế. Thời mà chúng ta gặp phải chính là thời đại không có Phật, Thích-ca Mâu-ni Phật đã diệt độ 3.000 năm rồi. Thế nhưng chúng ta may mắn gặp được pháp môn Tịnh độ, nếu y giáo phụng hành thì chúng ta đời này sẽ có cơ hội gặp A-di-đà Phật, điều này hiếm có. Cầu thấy Phật, thấy Phật không khó, tâm của bạn, nguyện của bạn, hạnh của bạn tương ứng với Phật thì Phật sẽ hiện thân, bạn sẽ nhìn thấy. Chúng ta dựa vào điều gì để cảm được? Dựa vào khởi tâm động niệm, lời nói việc làm của chúng ta thuận theo lời Phật dạy. Trong Tịnh tông thì càng đơn giản, đại sư Ngẫu Ích nói với chúng ta bốn chữ “tín, nguyện, trì danh” thì có thể cảm được. Tín, nguyện là tâm đại Bồ-đề, là tâm Vô thượng Bồ-đề; trì danh chính là nhất tâm chuyên niệm, phải chú ý chữ “chuyên” này mới được.

Chúng ta niệm Phật, xen tạp vọng niệm cho nên không chuyên. Đã niệm mấy mươi năm vẫn không có cảm ứng, cứ như vậy thì sẽ sanh hoài nghi, nói lời trong kinh nói không linh, tôi đều làm như vậy vì sao không thấy được Phật? Không biết sai ở nơi chính mình. Kinh Phật không nói sai, thật sự là hy hữu. Vì sao có thể thấy Phật? “Toàn dựa vào lực không thể nghĩ bàn của sáu chữ hồng danh, Nhất thừa nguyện hải của Di-đà”.

Lời khuyên thứ hai: thiện căn đã tích lũy nên đem hồi hướng.

Thiện căn đã tích lũy, thiện căn này là gì? Thiện căn của Bồ-tát là ba thiện căn: không tham, không sân, không si. Không tham là gì? Thật sự đã buông xả rồi. Không sân là gì? Trong thế gian này, thế xuất thế gian, không có người nào mà tôi oán hận, bất luận người này đối đãi với tôi ra sao, họ hủy báng tôi, sỉ nhục tôi, chướng ngại tôi, phá hoại tôi, thậm chí đưa tôi vào chỗ chết, tôi cũng không oán hận họ, đã đoạn sạch sẽ tâm sân hận rồi. Đã tháo gỡ được nút thắt rồi, oan gia nên giải nên không nên kết, không kết oán thù với người. Không có oan gia trái chủ nữa, thầy đều hóa giải rồi. Nếu không hóa giải thì đời đời kiếp kiếp oan oan tương báo không ngừng không dứt, chẳng phải khổ một đời mà không biết khổ đến mức nào. Chúng ta không được làm việc ngu ngốc này. Vì sao vậy? Họ là Bồ-tát, mình cũng là Bồ-tát, ngài là A-di-đà Phật, mình cũng là A-di-đà Phật, là một chẳng phải hai. Nếu có thể hồi quang phản chiếu như vậy, dùng trí tuệ Bát-nhã của tự tánh soi chiếu bản thân thì hoàn toàn tỉnh ngộ, không còn tham sân si nữa.

Ngạo mạn, hoài nghi là hai thứ trong năm độc phiền não. Gốc rễ của ngạo mạn, hoài nghi là gì? Gốc rễ là tham sân si, là từ trong si mà sanh ra. Trong cuộc sống thường ngày, gặp người tán thán bạn, cung kính bạn, lễ kính bạn, không sanh tâm ngạo mạn, không sanh tâm hoan hỷ; hễ bạn sanh tâm hoan hỷ thì bạn tiếp nhận rồi. Nên dùng tâm gì để đối đãi? Dùng tâm bình thường. Người khác sỉ nhục bạn, hủy báng bạn, chướng ngại bạn, bài xích bạn, dùng đủ mọi cách để gây khó dễ cho bạn, bạn có thể nhẫn nhục ba-la-mật, thầy đều có thể nhẫn. Đối với sự tu hành của chính mình có chướng ngại hay không? Không có. Vì sao vậy? Bởi vì không để trong tâm. Thuận cảnh, nghịch cảnh đều không để tâm; thiện duyên, ác duyên đều không để tâm; thế pháp, Phật pháp đều không để trong tâm. Vậy chúc mừng bạn, bạn sẽ thành tựu rất nhanh, ba năm năm năm bạn sẽ có đại thành tựu. Vì sao vậy? Bạn đã buông bỏ chướng ngại rồi.

Người thông thường khó khăn ở chỗ nào? Họ có nhiều chướng ngại như vậy, họ muốn buông xuống mà không buông được. Nghe có người hủy báng họ, vu oan cho họ, mấy ngày mấy đêm đều ngủ không ngon, để ở trong tâm, tổn thương thân thể, phá hoại sự tu hành. Kinh Kim Cang nói rất hay: “Tu hết thấy pháp đều thành tựu ở nhãn.” Bạn không thể nhãn thì phá hoại hết tất cả. Người khác tán thán, bạn vừa vui mừng thì công đức không còn nữa.

Hủy báng cũng được, tán thán cũng được, đều là kỳ thi. Chúng ta thân nhiên đối mặt với tất cả kỳ thi, cố gắng trả lời tốt mỗi một trang đề thi. Quá trình trả lời tốt đề thi chính là quá trình loại bỏ chướng nạn. Gặp phải chướng nạn to lớn thì làm sao đây? Sư phụ ngài rất là trí tuệ, dạy cho chúng ta một chiêu, gặp phải chướng nạn to lớn thì hoàn toàn giao cho Bồ-tát Vi-đà xử lý, giao cho thần hộ pháp quản, chúng ta đừng quản. Chúng ta vẫn là pháp hỷ sung mãn, vẫn là thường sanh tâm hoan hỷ. Bạn nói xem tự tại, vui vẻ biết bao!

Chúng ta phải nghĩ thế giới Cực Lạc, phải niệm thế giới Cực Lạc, phải ưa thích thế giới Cực Lạc. Thân cận thiện tri thức thì A-di-đà Phật là số một, “quang minh tôn quý nhất, vua trong các Phật”, bạn không thân cận ngài thì thân cận ai đây? Chúng ta phải thường xuyên đặt những quan niệm này ở trong tâm, thực hành trong cuộc sống, thực hành trong công việc, thực hành trong việc đối đãi với tất cả người việc vật, thì được đại thọ dụng. Phải tích lũy công đức này, hồi hướng cầu sanh thế giới Cực Lạc thì nhân thù thắng ấy chắn chắn đạt được diệu quả, nhân thù thắng thì quả thù thắng.

Tàng nghĩa thứ tư: diệu quả đặc được.

“Nhân đó thấy Phật, sanh về nước ấy, đắc bất thoái chuyển, cho đến Vô thượng Bồ-đề”. “Nhân đó” là chỉ cho nhân duyên mà bên trên đã nói, y theo phương pháp này tu học thì trong một đời này nhất định thấy Phật, thấy Phật thì thành Phật. Thấy được A-di-đà Phật đương nhiên sanh đến thế giới Cực Lạc, sanh đến thế giới Cực Lạc thì viên chứng tam bất thoái. Lợi ích công đức thù thắng như vậy, trong tất cả các kinh luận khác đều không có, không tìm thấy, đây là diệu quả thù thắng chẳng thể nghĩ bàn, không gì có thể sánh. Ngày nay chúng ta gặp được rồi, nếu để vượt qua trước mặt thì chính là tội lỗi.

Tôi từng đọc hai đoạn văn của lão cư sĩ Hạ Liên Cư như sau, chép ra đây để cúng dường các đồng tu.

Đoạn thứ nhất: “Chúng sanh có hai con đường, vào khổ hoặc thoát khổ, cũng chính là thành tựu chính mình hay là hủy diệt chính mình. Hai con đường này rất phân minh, đi theo đường nào đây?”

Đoạn thứ hai: “Ngày có thường nghĩ ngày không, chớ đợi ngày không mà trông ngày có. Hãy kiểm điểm lại, thời gian mấy mươi năm cuộc đời rốt cuộc đã trôi về đâu, đạt được những gì mà mỗi mỗi đều thờ dài tiếc nuối”

Các đồng tu, nghe xong hai đoạn này, bạn có cảm ngộ gì?

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 56

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Phần sau cùng của tiết học trước, tôi đã cúng dường các đồng tu hai đoạn dạy bảo của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, không biết mọi người có cảm ngộ gì? Chúng ta đừng ngại hãy ôn lại một chút hai đoạn dạy bảo này.

“Chúng sanh có hai con đường, vào khổ hoặc thoát khổ, cũng chính là thành tựu chính mình hay là hủy diệt bản thân. Hai con đường rất phân minh, đi theo đường nào đây?”

Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đối với đoạn dạy bảo này của thầy mình đã giải thích như sau:

Đối với hết thầy chúng sanh nói ra hai con đường, một con đường là tiến sâu vào trong khổ, vào khổ; một con đường chính là từ trong khổ thoát ra, thoát khổ, thoát khổ chính là thành tựu chính mình, nếu không thành tựu chính mình thì bạn không cách nào thoát khổ được. Vào khổ chính là hủy diệt chính mình, nếu đời này bạn bỏ lỡ cơ hội, “lần này nếu sai thì thật sai quá rồi”, lần này nếu như lại sai nữa thì quả thật là sai lầm lớn. Vì sao vậy? Chẳng khác nào là đã hủy diệt chính mình. Thiện căn, phước đức, nhân duyên tốt như vậy, có được cơ hội này, nếu bạn không nắm chặt lấy cơ hội này thì vẫn không thể thoát khỏi biển lớn của lục trần, đây chẳng phải là chính mình hủy diệt chính mình đó sao? Thế nên, lần này nếu sai thì thật sai quá rồi. Hai con đường này rất phân minh, hai con đường cực kỳ rõ ràng, là thành tựu chính mình hay là hủy diệt chính mình, đi theo đường nào đây, bạn đi con đường nào vậy? Đặt một dấu chấm hỏi.

Cảm ngộ của tôi về đoạn dạy bảo này là: Hai con đường của đời người, vào khổ và thoát khổ, hủy diệt bản thân và thành tựu chính mình, mỗi một người đều đối mặt với sự chọn lựa. Chúng ta đối mặt với hai biển lớn, một cái là biển lục trần, một cái là biển Bát-nhã, nếu bạn chọn cái trước thì vô lượng kiếp, lại vô lượng kiếp luân hồi trong sáu cõi, khổ không nói nên lời. Nếu bạn chọn cái sau, lên thuyền Bát-nhã về Cực Lạc, vĩnh viễn thoát luân hồi, đi theo đường nào bạn hãy chọn lấy.

Xem lời của bài ca Tỉnh Thê: “Biển đêm mênh mông một thuyền pháp, cứu độ chúng sanh lìa khổ nạn”. Biển đêm chỉ cho biển lục trần đen như mực không bờ

bến. Thuyền pháp chỉ cho thuyền Bát-nhã cứu độ chúng sanh là khổ. “Chúng sanh mạt pháp khổ ơi là khổ, chư Phật mười phương đến cứu độ”. Khổ ơi là khổ, hai chữ khổ, khổ chồng thêm khổ, khổ không nói nên lời, ai đến cứu độ? Chư Phật mười phương. Vì sao không nói mười phương chư Phật Bồ-tát vậy? Bởi vì chúng sanh thời mạt pháp quá cương cường khó giáo hóa, tai nạn do công nghiệp chiêu cảm quá nhiều quá lớn, Bồ-tát không cứu nổi, cho nên là mười phương chư Phật đến cứu độ, cấp độ nâng lên rồi. “Xin chớ lạc lối trở về nhà, một câu Di-đà thật thà niệm”. Phật Bồ-tát từ bi cực điểm, nói với chúng ta hãy thật thà niệm A-di-đà Phật, đây là con đường an ổn để trở về nhà, sẽ không sai. “Cầu mong hết thảy đều thành Phật”, đây là đại nguyện của A-di-đà Phật. “Chúng sanh thành Phật là đại nguyện của tôi”, chúng sanh thành Phật cũng là đại nguyện của tôi. “Chúng sanh thành Phật lòng tôi vui lắm”, chúng sanh vui thì tôi cũng vui. Học tập tỳ-kheo Pháp Tạng phát đại nguyện, nguyện chưa viên mãn chẳng trở về.

Đoạn dạy bảo thứ hai của Hạ lão là:

“Ngày có thường nghĩ ngày không, chớ đợi ngày không mà trông ngày có. Hãy kiểm điểm lại, thời gian mấy mươi năm cuộc đời của mình rốt cuộc đã trôi về đâu rồi? Đạt được những gì mà mỗi mỗi đều thờ dài tiếc nuôi”.

Đối với đoạn dạy bảo này, Niệm lão đã giải thích như sau:

Người thật sự tu hành thì không hề cảm thấy kiêu ngạo tự mãn, luôn cảm thấy còn thiếu sót, chẳng đủ. Hạ lão khiêm tốn, phát ra lời cảm khái như vậy. “Ngày có thường nghĩ ngày không”, câu nói này là một lời thoại kịch, lời thoại của kịch Câu Rùa Vàng, là ca từ của Lão Đán: “Ngày có thường nghĩ ngày không, chớ đợi ngày không mà trông ngày có”. Hạ lão dùng câu này vào trong Phật giáo, chúng ta hiện nay là ngày có, có hơi thở, bạn phải nghĩ đến lúc chẳng có hơi thở này. Người lớn tuổi cách thời điểm này không còn xa nữa. “Chớ đợi ngày không mà trông ngày có”, chớ đợi đến lúc hết hơi rồi bạn vẫn còn nghĩ đến lúc còn hơi, một khi hết hơi rồi sẽ không có hơi lại được. Có hơi thở lại rồi thì làm em bé, làm chó con rồi, làm súc sanh còn đỡ, chỉ sợ ngay cả súc sanh còn không làm được, vậy thì rất khổ. Vì sao vậy? Vì trong nghiệp báo vô cùng bạn không biết được tập tiếp theo là gì? Chẳng có liên hệ với đời này. Vô lượng kiếp đến nay, những việc mà bạn đã làm, có rất nhiều việc, rất nhiều việc của bạn đều sắp xếp xong xuôi rồi. Đời sau là oan thân trái chủ nào của bạn, họ cũng phải đến thế gian, bạn cũng phải đến để trả nợ, việc này

đã định đoạt cho bạn rồi. Không hoàn toàn là việc của chính bạn, chẳng phải đơn giản như việc đời này đâu, như vậy thì quá đơn giản rồi. Vấn đề của nhiều đời, bạn không biết tập kế tiếp là gì? Chẳng những là đời sau mà ngay đời này, hôm nay bạn cũng không biết ngày mai thế nào, tập tiếp theo của ngày mai là gì? Những chuyện không thay đổi được, việc gì cũng đều có thể [xảy ra].

Đọc đến đoạn này của Hạ lão, tôi cảm xúc sâu sắc, có vài điều cảm ngộ xin chia sẻ với các đồng tu.

Cảm xúc thứ nhất. Sự khiêm tốn của Hạ lão khiến tôi cảm động, một vị đại đức đáng để chúng ta tôn kính và học tập. Đây quả thật là một người tu hành chân chánh có tu có chứng. Hiện nay người tu hành rất nhiều, nhưng rất khó gặp một người tu hành chân chánh. Những đại đức vang danh lâu đời khiêm tốn, kiểm điểm bản thân như vậy thì càng hiếm thấy hơn.

Cảm xúc thứ hai, thứ gì quý giá nhất? Thời gian quý giá nhất. Qua một ngày thì ít đi một ngày, thời gian qua rồi không trở lại, thời gian không đợi ai. Năm 2020 đã qua rồi, hôm nay là ngày 1 tháng 1 nguyên đán 2021, một năm mới lại bắt đầu. Tôi nhớ đến một sự việc, hôm nay là ngày thứ 592 ông nhà tôi vãng sanh, nhưng sao tôi cảm giác như ông ấy mới vãng sanh ngày hôm qua. Thế nhưng sự thật không nghi ngờ gì nữa, thật sự là đã 592 ngày rồi. Bởi vì tôi ghi chú trên lịch để bàn. Có đồng tu có lẽ sẽ nói, cô Lưu, phải chăng cô có chút tình chấp đó sao? Tôi trả lời bạn thế này, tôi có tình nhưng không có chấp, tôi là người học Phật có tình có nghĩa, đây là cách hoài niệm đặc biệt của tôi dành cho ông nhà tôi. 60 năm quen nhau, biết nhau, thương nhau, bầu bạn cùng nhau, làm sao nói quên là quên được, tôi không phải là người bạc tình vô nghĩa như vậy.

Cảm xúc thứ ba, làm thế nào quý tiếc thời gian tương lai? Ngay từ lúc này, tôi xem mỗi ngày thành ngày cuối cùng của sinh mạng, ngày sau cùng thì làm gì? Toàn tâm toàn lực vì chúng sanh, cầu mong tất cả chúng sanh đều thành Phật. Vẫn là câu nói đó: học theo Pháp Tạng phát đại nguyện, nguyện không viên mãn chẳng trở về.

Cảm xúc thứ tư, 600 quyển kinh Đại Bát-nhã nói những gì? Giảng một chữ “chiếu”, tôi quy nạp một chút như sau. 600 quyển kinh Đại Bát-nhã có thể tinh luyện thành một bộ kinh Kim Cang. Kinh Kim Cang lại có thể tinh luyện thành Tâm Kinh. Toàn bộ Tâm Kinh quy nạp thành một câu “Quán Tự Tại Bồ-tát”. Câu này lại quy nạp thành một chữ “chiếu”. Hạ lão nói: “Có thể soi thấy năm uẩn đều không thì

có thể trừ hết thảy khổ ách”. Còn nhớ tôi đã từng kể câu chuyện chú chó Bồn Bồn soi thấy năm uẩn đều không hay không?

Tiếp theo, chúng tôi nói về vãng sanh bậc trung. Mời xem kinh văn:

**Kỳ trung bồi giả, tuy bất năng hành tác sa-môn, đại tu công đức, đương phát Vô thượng Bồ-đề chi tâm, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật, tùy kỹ tu hành, chư thiện công đức, phụng trì trai giới, khởi lập tháp tượng, phạn tự sa-môn, huyền tăng nhiên đặng, tán hoa thiêu hương, dĩ thử hồi hướng, nguyện sanh bỉ quốc. Kỳ nhân lâm chung, A-di-đà Phật hóa hiện kỳ thân, quang minh tướng hảo, cụ như chân Phật, dữ chư đại chúng tiền hậu vi nhiều, hiện kỳ nhân tiền, nhiếp thọ đạo dẫn. Tức tùy hóa Phật vãng sanh kỳ quốc, trụ bất thoái chuyển, Vô thượng Bồ-đề, công đức trí tuệ, thứ như thượng bồi giả dã.**

*Bậc trung là người tuy không thể làm sa-môn, tu công đức lớn, phải phát tâm Vô Thượng Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật, tùy sức mình tu các công đức lành, phụng trì trai giới, khởi lập tháp tượng, dâng cơm cho sa-môn, treo phan đốt đèn, rải hoa đốt hương, đem những việc này hồi hướng nguyện sanh nước kia. Lúc người ấy mạng chung, hóa thân A-di-đà Phật hiện ra đầy đủ tướng tốt, quang minh như Phật thật, cùng các đại chúng vây quanh trước sau, hiện trước người đó, nhiếp thọ tiếp dẫn. Lập tức theo hóa Phật, vãng sanh về nước đó, trụ bất thoái chuyển, Vô thượng Bồ-đề, công đức trí tuệ kém hơn bậc thượng.*

Trọng điểm của đoạn kinh văn này có hai tầng ý nghĩa như sau.

Tầng ý nghĩa thứ nhất là nhân duyên của vãng sanh bậc trung, nói cách khác, vãng sanh bậc trung cần phải tu hành thế nào? Nhân duyên để vãng sanh bậc trung có thể khái quát thành bảy phương diện như sau.

Thứ nhất, “*phát tâm Vô thượng Bồ-đề*”.

Cương lĩnh quan trọng nhất của ba bậc chín phẩm mà trong kinh Vô Lượng Thọ nói thảy đều là “*phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm*”, câu này rất quan trọng. Trong Yếu Giải, đại sư Ngẫu Ích đem tám chữ này chắt lọc đơn giản thành bốn chữ gọi là “*tín, nguyện, trì danh*”. Tín nguyện chính là tâm Bồ-đề, trì danh chính là nhất hướng chuyên niệm, nói rất hay, càng đơn giản càng tốt. Thật sự tin tưởng không nghi ngờ, tôi tin tưởng lời Phật nói, Tây phương có thể giới Cực Lạc, thế giới



Cực Lạc có A-di-đà Phật, không có mảy may nghi ngờ, hoàn toàn tiếp nhận, phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, phát nguyện thân cận A-di-đà Phật. Tôi mong muốn đến thế giới Cực Lạc học tập với A-di-đà Phật, A-di-đà Phật là thầy của tôi, tôi là học trò tốt của ngài, đây chính là tâm Vô thượng Bồ-đề. Nhất định phải phát cái tâm này, tâm này rộng lớn, tâm này rốt ráo, tâm này dài lâu, tâm này trùm khắp.

Thứ hai, *“nhất hướng chuyên niệm”*.

“Nhất hướng chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ” là thực tiễn của tín nguyện. Nếu không có nhất hướng chuyên niệm thì tín nguyện đó không chắc thật, không vững vàng, không đáng tin, chưa chắc được vãng sanh. Thế nên làm thế nào làm được tín nguyện? Nhất hướng chuyên niệm thì làm được thôi, nắm được điều kiện vãng sanh rồi. Đây là điều kiện thứ hai của vãng sanh bậc trung.

Thứ ba, *“tùy sức mình tu các công đức lành, phụng trì trai giới”*.

Nói theo thông thường chính là tùy duyên tu thiện, lượng sức mà làm. Phải tu thiện, tận tâm tận lực tu thiện chính là công đức viên mãn. Nếu việc thiện vượt hơn năng lực của chính mình thì không được phan duyên đi làm. Ví dụ bản thân không có tiền, mượn tiền đi làm công đức, ví dụ hóa duyên để làm công đức v.v. đều là không thể được. Có năng lực đến đâu thì làm đến đó, việc vượt quá sức của mình thì đừng làm.

Lão pháp sư nói với chúng ta, khi Phật còn tại thế không đi hóa duyên, khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc cũng không có hóa duyên. Bởi vì tâm phan duyên không thanh tịnh, tùy phận tùy sức thì tâm thanh tịnh, vượt hơn khả năng của mình, miễn cưỡng đi làm thì không tâm an lý đắc, công đức không viên mãn, sẽ có khiếm khuyết, đều là tạo nghiệp.

“Phụng trì trai giới”, trước tiên chúng ta phải làm rõ thế nào là trai, thế nào là giới. Có người cho rằng trai giới chính là không ăn quá ngọt, đây là y văn giải nghĩa, Phật nghe xong đều sẽ lắc đầu, bởi vì bạn đã hiểu sai nghĩa chân thật của Như Lai rồi. Trì ngọt, trì giới trên hình thức là pháp Tiểu thừa, pháp môn niệm Phật là viên trong viên, đốn trong đốn, trai và giới được nói đến so với trai giới của Tiểu thừa cao minh hơn rất nhiều.

“Trai” là tâm thanh tịnh, “giới” là không có lỗi lầm. Tâm thanh tịnh là trai, thân khẩu ý không có lỗi lầm là giới, làm thế nào làm được? Thật thà niệm A-

di-đà Phật thì có thể làm được, thì viên mãn. Trong tâm chúng ta chỉ có A-di-đà Phật, ngoài câu Phật hiệu này những thứ khác đều không có, tâm này thanh tịnh biết mấy, “trai” đầy đủ rồi. Thân lạy Phật, miệng niệm Phật, tâm nhớ Phật, ba nghiệp thân khẩu ý không có lỗi lầm thì “giới” đầy đủ rồi. Trai giới hạng nhất không ở trên hình thức, không ở trong sự tướng.

Công đức của trai giới có thể nhìn thấy từ trên thân của một người, bởi vì tâm thanh tịnh thì thân khẩu ý đều thanh tịnh. Thân thể của người này nhất định khỏe mạnh, chắc chắn không sanh bệnh, nhất định trường thọ, tất nhiên mặt mày sẽ sáng sủa. Đây chính là công đức trước mắt của trai giới. Nếu một người nhìn bề ngoài dường như trì giới rất nghiêm, trì trai rất thanh tịnh, một ngày ăn một bữa, không ăn quá ngọ, thế nhưng uống thuốc cả bao cả bao, thử nghĩ xem công đức trai giới của họ ở đâu.

“Phụng trì trai giới”, Tịnh độ tông chúng ta lấy niệm Phật làm chính, trai giới viên mãn đều ở trong một câu Phật hiệu. Hoàng Niệm lão nói với chúng ta: Một câu Phật hiệu A-di-đà Phật là tâm chú của tất cả chư Phật, là giới luật mà tất cả chư Phật dạy cho chúng ta, tam tụ tịnh giới thấy đều rất viên mãn trong một câu Phật hiệu này. Công đức của Phật hiệu không thể nghĩ bàn, hiện nay người biết điều này không nhiều. Còn có rất nhiều người cho rằng niệm Phật không bằng niệm chú, họ không biết A-di-đà Phật là vua trong các chú. Còn có người cho rằng niệm A-di-đà Phật không bằng niệm Phật phương khác, bị bệnh thì niệm Dược Sư Như Lai; cầu Phật Bồ-tát phù hộ bình an thì niệm Quán Âm Bồ-tát; tiêu nghiệp chướng thì niệm Địa Tạng Vương Bồ-tát. Đâu biết rằng một câu A-di-đà Phật đã bao gồm tất cả. Hiểu rõ ràng, sáng tỏ điều này rồi thì mới không đến nỗi sai phương hướng.

“Phụng trì trai giới”, có một điều chúng ta cần phải hết sức chú ý, chính là đã thọ giới thì phải giữ giới, đã thọ giới gì thì giữ giới đó, không được hữu danh vô thực. Có người có loại tâm hư vinh, ưa thích tiếng tốt, đẹp mắt, hòa theo trào lưu thọ Bồ-tát giới, hoặc thọ giới tỳ-kheo, sau khi thọ giới rồi thì tự cho mình đã là Bồ-tát, là tỳ-kheo, cống cao ngã mạn. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ từng nói một đoạn như sau: “Có rất nhiều người tham công đức, nói người khác đã thọ giới Bồ-tát, tôi chưa thọ, tôi cũng muốn thọ, việc này rất mạo hiểm, không thọ giới thì thôi, nếu đã thọ rồi thì tội phá giới cực lớn, phải thiết thực, là thân phận gì thì thọ giới đó. Giới tỳ-kheo của đại sư Ngẫu Ích đã thoái rồi, trì không nổi giới tỳ-kheo thì thoái thành giới

sa-di. Mọi người đều nói ngài là bậc đại đức, ngài thiết thực, không tham hư vinh”. Đối với lời nói này, hãy xét lại bản thân một chút, bạn đã giữ giới chưa?

Thứ tư, “*khởi lập tháp tượng*”.

Tháp là nơi cúng dường xá-lợi, tượng chính là tạo tượng Phật, đây là giúp chúng sanh kết duyên với Phật. Xin nói về nhân duyên tạo tượng với mọi người: ban đầu tạo tượng là bởi vì Phật lên trời thuyết pháp cho mẫu thân, vua nhớ nghĩ đến Phật nên dùng cây Chiên-đàn tạo một tôn tượng Phật, việc tạo tượng Phật khởi đầu như thế. Khi Phật từ trên trời trở về, Phật bằng gỗ này cũng đến nghênh tiếp Phật. Sau này tôn Phật này đến Bắc Kinh, gần Bắc Hải có đường chùa Chiên-đàn, tượng Phật thờ ở chùa Chiên-đàn, về sau đến thời nhà Thanh bị hỏa hoạn cháy mất, bức họa của tượng Phật này vẫn còn trong Cố Cung.

Đối với việc khởi lập tháp tượng, chúng ta đừng hiểu lầm, đừng hiểu sai nghĩa chân thật của Như Lai. Có người hiểu nó thành xây tháp tạo tượng, sai rồi! Nếu nói theo thông thường để mọi người dễ hiểu thì khởi lập tháp tượng chính là kiến lập đạo tràng, cúng dường tượng Phật, hoằng dương Phật pháp. Ba câu này là cách nói theo văn bạch thoại mà tôi quy nạp, không hẳn hoàn toàn chính xác, xin cung cấp để làm tham khảo.

Cần phải nhấn mạnh một chút, ý nghĩa chân thật của kiến lập đạo tràng là gì? Thời đại cuộc sống của chúng ta đã thay đổi rồi, chúng ta sống trong thời đại hiện đại hóa, thông tin phát triển, khởi lập tháp tượng có rất nhiều phương thức, phương pháp. Như là:

Lập đài truyền hình Phật giáo, cả ngày 24 giờ đồng hồ giảng kinh, thuyết pháp, niệm Phật không gián đoạn, đem Phật pháp truyền khắp hư không pháp giới, chúng sanh đều nhận được lợi ích.

Lưu thông pháp bảo có rất nhiều thể loại hình thức, ấn tống kinh sách, rộng kết pháp duyên, làm băng ghi âm, băng ghi hình, sách nói v.v. lưu thông rộng rãi, tiện lợi, lợi ích chúng sanh.

Các đồng tham đạo hữu chí đồng đạo hợp cần tinh chuyên, không cần nhiều, quan trọng ở chí đồng đạo hợp, chọn một nơi phù hợp để cộng tu, nghe kinh niệm Phật, đây chẳng phải là một đạo tràng nhỏ đó sao? Xin nêu một kiến nghị nhỏ, nếu

ở nhà của đồng tu nào đó để cộng tu, không nên nhiều người, ba đến năm người là được, kiên trì nhiều năm ắt có thu hoạch.

Ở nhà có Phật đường nhỏ thì bản thân ở nhà tu một mình, đây cũng là một đạo tràng nhỏ, nếu bạn là người có định lực, chịu được sự vắng lặng thì xác suất thành công của việc tu một mình càng cao hơn. Tôi đã từng nói, người tu hành phải nhẫn chịu được sự thanh bần và vắng lặng.

Mấy năm qua, chỗ niệm Phật nở hoa khắp nơi, đây cũng là đạo tràng nhỏ, đạo tràng không phân lớn nhỏ, quan trọng là có đạo hay không, là chánh đạo hay là tà đạo, không trọng hình thức, trọng thực chất. Nhắc nhở mọi người chú ý:

Thứ nhất, tuân thủ pháp luật, quy định của quốc gia và các ban ngành có liên quan, không tụ tập đông người, không tham ô, không quấy nhiễu dân chúng, làm công dân tốt tuân theo kỉ luật, pháp luật.

Thứ hai, nơi niệm Phật phải danh xứng với thực, nơi niệm Phật phải niệm Phật, không niệm việc, đặc biệt không được làm chuyện nhân ngã thị phi.

Thứ ba, nơi niệm Phật, niệm Phật phải chánh tín, chánh niệm, không được mê tín, tà niệm, luôn nhớ tứ y pháp, phải phân rõ đúng sai, y pháp bất y nhân. Chúng ta nương theo điều gì? Nương vào kinh điển Đại thừa, dựa vào lời dạy của cổ thánh tiên hiền. Phải nâng cao năng lực kháng cự sự lừa bịp, không được người ta vừa lừa bịp thì bạn cũng xách gói đi theo. Cho dù có người nói họ là cổ Phật tái lai, bạn cũng không được để ý, không được động tâm, vẫn thật thà niệm A-di-đà Phật của bạn. A-di-đà Phật mà bạn niệm là thật, còn cổ Phật tái lai của họ là giả.

Thứ tư, người đứng đầu của nơi niệm Phật, đường chủ rất quan trọng, điểm quan trọng nhất là phải có chánh tri chánh kiến, nếu không thì người mù dẫn kẻ mù, sẽ dẫn sai đường. Dẫn sai đường không phải là việc nhỏ, phải gánh trách nhiệm nhân quả, chẳng những hại chính mình, mà còn hại cả người khác. Một đường chủ hồ đồ có thể dẫn dắt mọi người đi đến đâu? Một đường chủ thần kinh có vấn đề lại có thể dẫn mọi người đi đến đâu? Hơi nguy hiểm đó, phải thận trọng chọn lựa.

Thứ năm, “*dâng cơm cho sa-môn*”.

Chính là cúng dường người xuất gia. Hội Sớ nói: tất cả của báu trong tứ thiên hạ bạn đều có được, không bằng mời một người xuất gia thanh tịnh ăn cơm. Thanh tịnh, trước tiên phải giới thanh tịnh, chẳng những là thân xuất gia, mà tâm phải xuất

gia. Thời xưa, người xuất gia là trì bát, bạn là đệ tử Phật, có trách nhiệm cúng dường người xuất gia, cơm ở đây chỉ cho thức ăn.

Đối với người chân thật phát tâm tu đạo, chúng ta phải cúng dường họ, khiến đời sống của họ không có lo âu. Có câu: “pháp luân chưa chuyển, thực luân chuyển trước”. Nếu đời sống của họ có lo âu, không thể an định thì chắc chắn không thể an tâm tu đạo, muốn cho họ an tâm tu đạo, trước tiên phải khiến đời sống vật chất của họ không thiếu thốn, cuộc sống thanh khổ thì không sợ. Điều kiện sống cơ bản như quần áo ăn uống chỗ ở đi lại không có lo âu, thân an thì đạo thịnh, mới có thể chuyên tâm tu đạo, đây chính là cúng dường.

Dâng cơm cho sa-môn bao gồm tứ sự cúng dường: ẩm thực, y phục, ngọa cụ, y dược.

Thứ sáu, “*treo phan đốt đèn, rải hoa đốt hương*”.

Ý nghĩa chân thật của hai câu này là tuyên truyền Phật pháp. Tãng là phan ở trước Phật, chính là tràng phan. Trước đây, phía trước tự viện đều có cột cờ để treo tràng, treo phan, là truyền đạt tin tức. Treo phan biểu thị sắp mở pháp hội, treo tràng biểu thị giảng kinh thuyết pháp, giống như ngày nay chúng ta ra cáo thị và thông báo vậy.

“Đốt đèn”, đèn là đồ cúng dường trước Phật, đại biểu thiêu đốt chính mình chiếu soi người khác. Tận tâm tận lực phục vụ cho đại chúng, vì Phật pháp, vì chúng sanh mà tận tâm tận lực của mình, đây là ý nghĩa biểu đạt của đốt đèn. Nếu bạn nghe lời này, mỗi ngày đốt đèn, đốt nến ở trước Phật thì đã hiểu sai ý nghĩa chân thật của Như Lai rồi. Nếu bạn đã thật sự hiểu rõ, tận tâm tận lực tuyên dương Phật pháp, xả mình vì người, dù bạn không đốt đèn, cũng không thắp nến nhưng Phật vẫn hoan hỷ, bạn đã thật sự làm được rồi. Đèn nến là hình thức, là biểu pháp, là nhắc nhở chúng sanh. Bạn thật sự giác ngộ rồi thì dù có đốt đèn hay không cũng không sao cả. Nhất định phải hiểu ý nghĩa chân thật của Phật pháp.

“Rải hoa đốt hương” cũng nghĩa là tuyên truyền. Hoa của Ân Độ rất nhiều, rải hoa tươi lên trên thân Phật. Phật đối với hoa thì hoan hỷ, quý thần thì rất chán ghét. Đốt hương cúng dường, bạn thắp hương, Phật hoan hỷ nhưng ma thì chạy mất. Tình huống này, trước đây tôi không biết, đây là Hoàng Niệm lão nói với chúng ta.

Thứ bảy, “*đem công đức này hồi hướng, nguyện sanh nước đó*”.

Đây là đem công đức mỗi ngày tu được đều hồi hướng cầu sanh thế giới Cực Lạc. Hội Sớ nói: Tu thiện, hồi hướng là nhân để thành tựu việc vãng sanh thế giới Cực Lạc. Không hồi hướng thì tăng thêm một chút phước báo, không có nhân để vãng sanh. Cho nên không được thiếu phát nguyện, hồi hướng.

Những điều đã nói trên chính là nội dung của bảy phương diện tu hành để vãng sanh bậc trung.

Tầng nghĩa thứ hai, quả báo của vãng sanh bậc trung.

Quả báo thứ nhất, “*hóa thân A-di-đà Phật hiện ra đầy đủ tướng tốt, quang minh như Phật thật*”. Đây là hóa thân Phật tiếp dẫn. Quang minh tướng hảo của hóa thân Phật so với Phật thật không khác biệt.

Đại sư U Khê trong A-di-đà Kinh Viên Trung Sao nói với chúng ta rằng: “Phật thật là ứng thân của đức Di-đà, hóa thân là từ ứng thân lại biến hóa ra thân ấy mà đến tiếp dẫn”. Đây là nói hóa thân là từ ứng thân biến hóa ra. A-di-đà Phật thời thời khắc khắc, có thể nói ứng hóa thân từ trước đến nay chưa từng gián đoạn. Và lại thân này chẳng phải là một, là hai thân, mà là vô lượng vô biên vô số vô tận. Vì sao vậy? Mười phương, còn có quá khứ, vị lai, hiện tại, cõi nước, báo độ của chư Phật Như Lai, vô lượng vô biên, không có cùng tận. Mỗi một tôn Phật giáo hóa chúng sanh, không có vị Phật nào không khuyên mọi người niệm Phật cầu sanh thế giới Cực Lạc. Cho nên, người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc liên tục không gián đoạn, không phân ngày đêm, mỗi giây mỗi phút đều có vô lượng vô biên, mỗi người vãng sanh đều nhìn thấy hóa thân của A-di-đà Phật đến tiếp dẫn họ.

Ở đây hiện rõ thần thông quảng đại trên quả địa Như Lai, chúng ta phải có thể lĩnh hội được công đức gia trì của Phật không thể nghĩ bàn. “*Người bậc trung, lâm chung được thấy hóa thân Phật cũng nhất định vãng sanh. Bởi vì các thân của Phật chẳng một chẳng khác*”. Thân thật của Phật, ứng thân của Phật, hóa thân của Phật là một không phải hai.

Quả báo thứ hai, các đại chúng trước sau vây quanh hiện ở trước người đó. Nhiều chúng sanh theo hóa Phật hiện đến trước tiếp dẫn, nhiếp thọ dẫn dắt người vãng sanh vãng sanh đến thế giới Cực Lạc.

Quả báo thứ ba, trụ bất thoái chuyển, chúng Vô thượng Bồ-đề. Vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc chính là A-duy-việt-trí Bồ-tát tam bất thoái, đây là Phật quả viên mãn thù thắng không gì sánh bằng.

Vãng sanh bậc thượng và vãng sanh bậc trung có gì khác nhau? Điều kiện bắt buộc để vãng sanh bậc thượng và vãng sanh bậc trung không như nhau. Vãng sanh bậc thượng thấy được Phật thật, vãng sanh bậc trung thấy được hóa thân Phật. Trí tuệ công đức của vãng sanh bậc trung kém hơn bậc thượng.

Tiếp theo xin trả lời một câu hỏi của các đồng tu, vì sao ba phẩm thượng trung hạ thấy được Phật không như nhau? Lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không đã nói một ví dụ cho chúng ta. Hai vị pháp sư Hồng Kông và một vị pháp sư đại lục kết bạn cùng đi đến đạo tràng của Quán Thế Âm Bồ-tát ở Phổ Đà sơn. Đạo tràng có một động Triều Âm, rất nhiều người đều đến tham quan, lạy Phật ở đó, cầu Quán Âm Bồ-tát hiện thân. Ba vị pháp sư cũng đi lạy, các ngài lạy được nửa giờ thì Quán Âm Bồ-tát xuất hiện, ba người đều nhìn thấy, vô cùng hoan hỷ. Hỏi lẫn nhau thì mới biết tướng mà mỗi người nhìn thấy không như nhau. Pháp sư Thánh Nhất nhìn thấy hình dáng giống Địa Tạng Bồ-tát, đầu đội mào tỳ-lô, toàn thân kim sắc kim quang. Vị pháp sư người Hồng Kông khác nhìn thấy Bạch Y Đại sĩ, giống như trong tranh vẽ thường ngày. Pháp sư đại lục nhìn thấy tướng người xuất gia, là tướng hòa thượng. Tướng mà ba người nhìn thấy đều không như nhau, giống như vãng sanh thế giới Cực Lạc, sau cùng nhìn thấy Phật không như nhau. Vì sao vậy?

Lão pháp sư nói với chúng ta, vãng sanh thế giới Cực Lạc thấy thân thật của Phật, thấy ứng thân của Phật, thấy hóa thân của Phật, có phải A-di-đà Phật cố ý hiện ra thân đó không? Không phải. A-di-đà Phật không có ý niệm, không có khởi tâm động niệm. Bạn nhìn thấy tướng như thế nào là do tự tâm của bạn biến hiện ra, việc này chúng ta phải biết, nhìn thấy thân tướng không như nhau là do công phu tu hành không như nhau. Chúng ta không được phân biệt, chấp trước. Vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, pháp thân, báo thân, ứng thân, hóa thân là những danh từ khác nhau, nhưng đều là một thể, một Phật ba thân, ba thân là một Phật, là pháp thân, là báo thân, là ứng thân, là hóa thân.

Tiếp theo nói về vãng sanh bậc hạ. Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Kỳ hạ bối giả, giả sử bất năng tác chư công đức, đương phát Vô thượng Bồ-đề chi tâm, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật, hoan hỷ tín uý, bất sanh nghi hoặc, dĩ chí thành tâm, nguyện sanh kỳ quốc. Thử nhân lâm chung, mộng kiến bỉ Phật, diệc đắc vãng sanh, công đức trí tuệ, thứ như trung bối giả dã.**

*Bậc hạ là người giả sử không thể làm các công đức, phải phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật, hoan hỷ tin uý, không sanh nghi hoặc, dùng tâm chí thành nguyện sanh nước kia. Người này lâm chung mộng thấy Phật ấy cũng được vãng sanh, công đức trí tuệ kém hơn bậc trung.*

Người vãng sanh bậc hạ, nhân duyên sẽ kém một chút, họ không có năng lực, không có cơ hội làm các loại công đức. Chúng ta nói đoạn ác tu thiện, tích công lũy đức, họ làm không được. Vãng sanh bậc hạ phải đầy đủ bốn điều kiện sau đây.

Điều kiện thứ nhất: *“phải phát tâm Vô thượng Bồ-đề”*.

Việc phát tâm Bồ-đề này vô cùng quan trọng, bất kể tu cái gì, nếu không phát tâm Bồ-đề thì không thể nào tương ứng với pháp Đại thừa được. Việc phát tâm Bồ-đề này, dùng cách nói của đại sư Ngẫu Ích là tốt nhất. Đó chính là thật tin có thể giới Cực Lạc, thật tin có A-di-đà Phật, thật tin niệm Phật có thể vãng sanh, đây chính là phát tâm Bồ-đề.

Điều kiện thứ hai: *“nhất hướng chuyên niệm”*

Chính là nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật, chuyên tu, không tạp tu.

Điều kiện thứ ba: *“hoan hỷ tín uý, không sanh nghi hoặc”*

Đối với pháp môn Niệm Phật, đối với thế giới Tây Phương Cực Lạc của A-di-đà Phật thật sự sinh tâm hoan hỷ, thật sự tin sâu không nghi. Từ then chốt ở đây là: thật sự, tin sâu.

“Hoan hỷ tín uý, không sanh nghi hoặc”, hai câu này rất quan trọng. Pháp môn này gọi là pháp khó tin, dễ hành mà khó tin, dễ hành khó tin mà có thể tin, không hoài nghi. “Hoan hỷ tín uý, không sanh nghi hoặc” chính là “chí tâm tin uý” trong nguyện “mười niệm ắt sanh”. Mười niệm ắt sanh là nguyện thứ 18, là trọng tâm của 48 nguyện. A-di-đà Phật thù thắng đến cực điểm, hết thấy chư Phật tôn xưng ngài là “ánh sáng tôn quý nhất, vua trong các vị Phật”, dựa vào đâu vậy? Là dựa vào



nguyện mười niệm ắt sanh này của ngài. Chư Phật Bồ-tát chưa phát, mà ngài đã phát nguyện này rồi. Thế giới Cực Lạc bao lớn? Chúng ta không cách nào tưởng tượng được. Hư không pháp giới bao lớn thì thế giới Cực Lạc lớn bấy nhiêu, đó là một cảnh giới không thể nghĩ bàn.

“Không sanh nghi hoặc” rất quan trọng. Nghi hoặc bao gồm hai phương diện: Một phương diện là nghi tha, rốt cuộc có A-di-đà Phật hay không, niệm Phật có thể vãng sanh hay không? Phương diện khác là nghi ngờ chính mình, căn khí của mình liệu có được không, mình niệm như vậy ôn không? Phải trừ bỏ những nghi hoặc này, nếu không thì nhiều nhất là sanh vào biên địa. Chúng ta chỉ cần thật sự chịu tin tưởng, chúng ta niệm Phật vãng sanh thì vị đạo sư của hai cõi người tiếp dẫn, người tiền đi. A-di-đà Phật tiếp dẫn, Thích-ca Mâu-ni Phật tiền đi, điều này chắc chắn 100%. Trước đây tôi không biết có việc như vậy. Trước khi chị tôi vãng sanh đã nói với tôi, lúc chị ấy vãng sanh thì đạo sư của hai cõi, người tiếp dẫn, người tiền đưa, đây là lần đầu tiên tôi nghe nói đến. Nói thật lòng, lúc đó tôi có hơi không hiểu, bởi vì chưa từng trải qua. Mọi người nghĩ thử xem, ở bên này Thích-ca Mâu-ni Phật cử đi học, bên kia A-di-đà Phật nghênh tiếp thì có lý nào mà không vãng sanh cho được?

Điều kiện thứ tư: *“dùng tâm chí thành nguyện sanh nước đó”*

Tâm mong muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc chân thành đến cực điểm. Tôi đời này đến thế gian này là muốn gì vậy? Muốn thế giới Cực Lạc, muốn A-di-đà Phật. Làm việc gì? Tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh độ. Tôi chính là làm việc này. Đi làm việc gì? Đi thành Phật độ sanh, sau khi tôi đến thế giới Cực Lạc thành Phật thì rộng độ chúng sanh giống như chư Phật Như Lai.

“Nguyện sanh nước đó” thì tâm phải hồi hướng phát nguyện. Hồi hướng phát nguyện mới có thể vãng sanh, không hồi hướng thì không thể vãng sanh, hồi hướng mà không phát nguyện thì không thể vãng sanh, phát nguyện nhưng không hồi hướng cũng không thể vãng sanh.

Tiếp theo nói về quả đức của vãng sanh bậc hạ. “Người này lâm chung, mộng thấy Phật ấy cũng được vãng sanh, trí tuệ công đức thấp hơn bậc trung”. Quả đức của vãng sanh bậc hạ là “mộng thấy Phật đó, cũng được vãng sanh”.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 57

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Tiết học trước giảng đến vãng sanh bậc hạ là trong mộng thấy Phật, làm thế nào lý giải việc trong mộng thấy Phật? Nói cách khác, vãng sanh bậc hạ, Phật có đến tiếp dẫn không? Chúng ta xem xem đại đức xưa nói như thế nào.

Đại đức xưa đối với việc trong mộng thấy Phật có hai cách giải thích, cách nói có chút không giống nhau.

*Cách giải thích thứ nhất:* “Su Vọng Tây nói: Trước tiên là mộng thấy, đến lúc lâm chung là mắt thấy Phật. Sớ nói rằng: Ba bậc đều có việc mộng thấy và mắt thấy”, đều có cả. “Kinh Viên Giác nói: Bậc thượng là nói trong lúc nằm ngủ, mộng thấy Vô Lượng Thanh Tịnh Phật”, chính là A-di-đà Phật, “cùng các Bồ-tát, A-la-hán. Người ấy khi thọ mạng sắp hết, Vô Lượng Thanh Tịnh Phật ắt đích thân cùng chư Bồ-tát, A-la-hán đồng bay đến nghênh đón người đó”, có hiện tượng như vậy. “Bậc trung cũng là mộng thấy Phật ấy, là điềm báo trước được vãng sanh, lâm chung [Phật sẽ] đến nghênh đón. Lợi ích thù thắng của nguyện này chắc chắn đều phải có. Nếu không có Phật đến đón thì nguyện này hữu danh vô thực rồi”. Câu này rất quan trọng, người vãng sanh đến lúc lâm chung, chỉ cần có đủ hai điều kiện, đó là: tin sâu, nguyện thiết. Tin sâu là chân thật tin tưởng có thể giới Cực Lạc, thật sự tin tưởng có A-di-đà Phật, dứt khoát không có hoài nghi, đây chính là đầy đủ tín nguyện. Đại sư Ngẫu Ích nói rất hay: Được vãng sanh hay không quyết định bởi có tín nguyện hay không. Nói cách khác, có tín, có nguyện thì điều kiện vãng sanh đầy đủ rồi. Công phu niệm Phật sâu cạn, nói công phu niệm Phật thành phỉến, sự nhất tâm bất loạn, lý nhất tâm bất loạn, đây là công phu niệm Phật sâu cạn thì phẩm vị vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc cao thấp không như nhau. Đây đều là nguyện văn của 48 nguyện, trong nguyện văn nói rất rõ ràng, không phải giả, vì vậy lâm chung Phật đến tiếp dẫn là việc tất nhiên, chúng ta nhất định không cần hoài nghi. Chúng ta cần phải đầy đủ tin sâu, nguyện thiết thì sẽ có được thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không nói với chúng ta, mỗi người phát tâm không như nhau, công phu tu hành không như nhau thì khi lâm chung phước báo sẽ

khác nhau. Chúng ta thấy trong kinh nói rằng, thực sự mà nói, sau khi mộng thấy Phật có thể nhìn thấy Phật đến nghêh tiếp. Có người thì nói ra, có người không nói ra, đây là phước báo của mỗi người không như nhau. Đến lúc ra đi, đầu óc tỉnh táo, nói ra điều mà họ nhìn thấy, người này phước báo lớn. Vì sao vậy? Ảnh hưởng đến người khác, khiến người xung quanh tăng trưởng tín tâm. Còn bản thân ra đi, không nói một câu, nói không ra được là do nghiệp chướng của chính mình nặng, họ không có phước báo này, nhưng họ vãng sanh so với hạng người phía trước thì phước báo cạn hơn một chút.

Dựa theo luận điềm bên trên, xin giải thích theo ba phương diện.

Thứ nhất, đức Phật ấy có bốn nguyện là lâm chung tiếp dẫn, nếu đối với bậc hạ không đến nghêh tiếp thì trái với bốn nguyện rồi.

Thứ hai, phần hạ phẩm trong Quán Kinh đều là người ác, Phật còn đến nghêh đón, còn bậc hạ của kinh này đều là người thiện, lẽ nào lại không nghêh tiếp?

Thứ ba, trong hai bản dịch thời Hán và thời Ngô, chúng ta nhìn thấy bậc thượng, bậc trung đều mộng thấy Phật trước, sau đó lâm chung thấy Phật, trong kinh văn đã nói như vậy. Hiện nay nói đến vãng sanh bậc hạ thì cũng là như vậy, cũng phải là như thế: mộng đến Phật trước, sau đó thấy Phật.

*Cách giải thích thứ hai:* “Cách nói khác như Hội Sớ nói: Đích thực là Phật nghêh tiếp, nhưng tưởng chừng như mộng”. Thật sự là Phật đến nghêh tiếp họ, nhưng do nghiệp chướng của họ nặng, có nhìn thấy Phật hay không? Nhìn thấy rồi. Nhìn thấy thế nào? Giống như ở trong mộng, cũng chính là nói, chẳng phải hết sức rõ ràng nhưng xác thật là nhìn thấy.

Lại nêu Quán Kinh, “Sớ nói: Người mộng thấy Phật ấy như người thuộc hạ phẩm hạ trong Quán Kinh, trong sát-na mạng chung, lửa địa ngục hiện ra, tuy Phật đến nghêh tiếp nhưng tựa hồ chẳng rõ, nên giống như trong mộng vậy”. “Cho nên nói người thuộc hạ phẩm nêu trong Quán Kinh, đến lúc lâm chung, các lửa của địa ngục cùng lúc đều đến, các khổ bức bách. Tuy Phật hiện tiền, nhưng vì thần thức không rõ, không rõ ràng lắm, mơ hồ phảng phất như ở trong mộng, cho nên gọi là mộng thấy đức Phật đó. Nếu không có Phật đến đón thì sao có thể an nhàn niệm mười niệm này và theo Phật đạo miền Cực Lạc được”. Những câu này rất quan trọng, Phật đến tiếp dẫn, bạn thật sự đạt được rồi.

“Cách nói của hai Sớ tuy khác nhau”, cách nói của hai nhà tuy không như nhau, “nhưng nói vãng sanh bậc hạ cũng có Phật đến nghênh tiếp là như nhau, khác lời nhưng đều quy về một mối, thế nên đều dẫn chứng ra để chứng minh cho điều này”. Những câu này đều khiến chúng ta yên tâm, vãng sanh bậc hạ thì Phật thật sự tiếp dẫn.

Ba bậc vãng sanh, bậc thượng, bậc trung, bậc hạ, tôi đã nói xong rồi.

Tiếp theo sẽ nói về loại vãng sanh thứ tư ngoài ba bậc vãng sanh, chính là “nhất tâm tam bối” mà đại sư Từ Châu phán định. “Nhất tâm tam bối” không phải chuyên tu Tịnh độ, mà tu học các pháp môn Đại thừa khác, nhất định phải tu pháp môn Đại thừa, tu pháp môn Tiểu thừa thì không được. Bởi vì thế giới Tây Phương Cực Lạc là Đại thừa Viên giáo, nên nhất định phải buông bỏ Tiểu thừa, hướng về Đại thừa thì cũng được vãng sanh. Nếu chấp chặt Tiểu thừa, không từ Tiểu hướng lên Đại vậy thì không tương ưng.

Bất kể tu học kinh luận Đại thừa nào, bất kể tu học pháp môn nào, chỉ cần đem công đức tu học hồi hướng cầu sanh Tịnh độ thì cũng đều được vãng sanh. Đây chính là ví dụ về Bồ-tát Mã Minh và Long Thọ mà đại sư Ngẫu Ích nêu trong Yếu Giải, còn có đại sư Vĩnh Minh, đại sư Trí Giả đều không phải chuyên tu. Đại sư Vĩnh Minh lúc về già chuyên tu Tịnh độ, ngài vãng sanh thuộc ba bậc vãng sanh, chẳng phải nhất tâm tam bối. Đại sư Trí Giả là nhất tâm tam bối vãng sanh. Nhiều đại đức của Thiên tông đến lúc về già cũng chuyên niệm A-di-đà Phật cầu sanh Tịnh độ, bất luận tu tập Tông nào, pháp môn nào.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Nhược hữu chúng sanh trụ Đại thừa giả, dĩ thanh tịnh tâm, hướng Vô Lượng Thọ, nãi chí thập niệm, nguyện sanh kỳ quốc, văn thậm thâm pháp, tức sanh tín giải, nãi chí hoạch đắc nhất niệm tịnh tâm, phát nhất niệm tâm niệm u bỉ Phật. Thử nhân lâm mạng chung thời, như tại mộng trung kiến A-di-đà Phật, định sanh bỉ quốc, đắc bất thoái chuyển, Vô thượng Bồ-đề.**

*Nếu có chúng sanh trụ ở Đại thừa, dùng tâm thanh tịnh, hướng Vô Lượng Thọ, cho đến mười niệm nguyện sanh nước ấy, nghe pháp thậm thâm liền sanh tín giải, cho đến đạt được nhất niệm tịnh tâm, phát nhất niệm tâm, niệm đức Phật ấy.*

*Người này đến lúc mạng chung thấy A-di-đà Phật như ở trong mộng, nhất định sanh nước đó, được bất thoái chuyển, Vô thượng Bồ-đề.*

Điều kiện bắt buộc của nhất tâm tam bối là gì?

Điều kiện thứ nhất là “*trụ ở Đại thừa*”

Trụ là chỉ cho tâm an trụ trong Phật pháp Đại thừa, đọc kinh luận Đại thừa, tu pháp môn Đại thừa. Pháp Đại thừa lợi ích khắp tất cả chúng sanh, đều được rốt ráo thành Phật. Trình độ an trụ Đại thừa so với phát Bồ-đề tâm còn cao hơn. Phát tâm Bồ-đề là bạn mới phát tâm này, đợi đến sau khi dần dần tăng trưởng mới có thể trụ Đại thừa. Hoàng Niệm lão nói: Đã trụ ở Đại thừa thì đương nhiên không phải là người phạm, chỉ cho người thật sự khai ngộ, phá tham của Thiên tông. Phá tham là đã phá được Sơ quan, mọi người giải thích không như nhau, thông thường thì rất cạn, cách giải thích này thì tương đối sâu. Đối với người đọc kinh điển Đại thừa mà nói là người đắc giải ngộ, đại khai viên giải, trong chốc lát hốt nhiên cảm ứng đạo giao. Đây chính là “bóng liễu hoa tươi lại có làng”, chẳng phải thấy được một chút, tăng tiến một chút, mà là hốt nhiên rỗng rang, tu đến trình độ này chính là thông Tông.

Lời này của Niệm lão, nghĩa lý rất sâu, Tông môn, Giáo hạ đều bao gồm trong đó. Niệm lão còn nói đến “nói thông”, nói thông chính là người thuyết pháp dựa theo kinh điển mà nói, dựa vào toàn bộ chú giải mà nói. Hiện nay tôi phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ thì cũng tương tự như tình huống này. Tôi nói là tương tự, bởi vì tôi là nói mà chưa thông, chưa đạt được trình độ nói thông. Nói thông không đáng quý.

Sau khi thông Tông nếu không nghiên cứu giáo lý, có khi cũng rất khó khăn. Cho nên nói và Tông đều thông cả là tốt nhất, đắc giải ngộ, loại người này là bậc trụ trong Đại thừa. Những người này họ không chuyên tu Tịnh độ, như đại sư Trí Giả, chính là tu nhất tâm tam bối mà vãng sanh.

Bậc trụ ở Đại thừa chính là phá tham của Thiên tông, là người đại khai viên giải của Giáo hạ, họ mới có thể trụ Đại thừa.

Điều kiện thứ hai: “*dùng tâm thanh tịnh, hướng Vô Lượng Thọ*”.

Vãng sanh Tịnh độ nhất định phải tu đến tâm thanh tịnh. Hai từ thanh tịnh vô cùng quan trọng, không có ô nhiễm, tạp cấu, hoài nghi. Sau đó dùng tâm thuần khiết hồi hướng Vô Lượng Thọ, chính là hồi hướng A-di-đà Phật.

Điều kiện thứ ba: “*cho đến mười niệm, nguyện sanh nước đó*”

Những người tu hành này không giống với người tu hành Tịnh tông. Tịnh tông là nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật, chánh trợ song tu đều là niệm A-di-đà Phật. Thông thường người tu học Đại thừa, [pháp môn mà] họ tu chính có thể không phải là niệm Phật, mà tu học theo pháp môn của Tông phái mình và lấy niệm Phật làm phụ trợ. Cho nên đối với ‘mười niệm’ trong câu “cho đến mười niệm” có hai cách nói như sau:

Một là, thông thường sau khi họ xong thời khóa công phu, niệm 10 tiếng A-di-đà Phật.

Hai là, lúc họ lâm chung mới hồi hướng cầu sanh Tịnh độ, mười niệm này là chỉ lúc lâm chung, một niệm mười niệm đều được vãng sanh. Bởi vì họ có tâm thanh tịnh, nên đầy đủ năng lực này; tiếp đó chân thật phát nguyện cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì đều có thể được sanh. Kỳ thực khóa tụng gần đây của Thiên tông thì khóa tối niệm kinh A-di-đà và Phật hiệu, nên không chỉ là mười niệm, đây chính là kiêm tu pháp môn Di-đà. Gọi là Thiên Tịnh song tu, Mật Tịnh song tu, họ kiêm tu pháp môn Tịnh độ.

Điều kiện thứ tư: “*cho đến đạt được nhất niệm tịnh tâm, phát nhất niệm tâm niệm đức Phật ấy*”

Phát nhất niệm tịnh tâm niệm A-di-đà Phật thì đều được vãng sanh. Nếu họ đạt được nhất niệm tịnh tâm thì chỉ cần một câu là được. Phát nhất niệm tâm chính là nhất tâm. Nhất niệm tịnh tâm là nhất niệm, nhất niệm và nhất tâm là một thứ. Trong Giáo Hành Tín Chứng nói: nhất niệm là tín tâm không hai, trong tín tâm không có hai thì là chánh tín; có hai thì có mâu thuẫn, đối lập; không hai chính là nhất niệm rồi. Nhất niệm thì gọi là nhất tâm, tín tâm không hai chính là nhất tâm. Nếu đạt được nhất tâm, nhất niệm thì đó là nhân chân thật của báo độ thanh tịnh. Dùng tâm thanh tịnh hướng về Vô Lượng Thọ thì nhân quả đồng nhất. Nhân là tâm thanh tịnh, quả là cõi thanh tịnh. Cho nên tín tâm không hai chính là nhân chân thật của báo độ thanh tịnh. Người vãng sanh có thể lên cõi Thật Báo Trang

Nghiêm, chúng báo thân Phật; lại còn phần chúng Thường Tịch Quang, phần chúng pháp thân.

Trong Tín Tâm Minh sau cùng có bốn câu: “Tín tâm không hai, không hai tín tâm, dứt đường ngôn ngữ, không có quá khứ, hiện tại, vị lai”, điều này đồng nhất với lời tôi nói. Đến khi được tâm không hai thì dứt đường ngôn ngữ, không thể nói rõ ràng, nói sáng tỏ được. Lìa khỏi quá khứ, tương lai, hiện tại, không có khác biệt về thời gian, ba thời như nhau, quá khứ là một thời, hiện tại là một thời, vị lai là một thời, quá khứ hiện tại vị lai đều là sự việc như nhau. Hiện nay nhà khoa học đã hiểu được đạo lý này, Einstein nói thời gian, không gian, vật chất là cảm nhận sai lầm của loài người, thế nhưng họ lĩnh hội vẫn còn rất nông cạn. Bạn nói sắc tức là không thì cái bàn này rốt cuộc có là không hay không, điều này không dễ nói. Vọng tưởng và cảm nhận sai lầm rất tương đương, vọng và sai lầm, cảm nhận và tưởng là những thứ gần như nhau. “Dứt đường ngôn ngữ”, lời nói của chúng ta là sai lầm. Không có quá khứ vị lai, thời gian, không gian, hết thấy vật chất nếu lìa khỏi cảm nhận sai lầm thì không có quá khứ, hiện tại, vị lai. Ở đây dùng điều này để biểu thị cho tín tâm không hai là không thể nghĩ bàn, thế nên ở đây nói “nhất niệm tịnh tín thì tùy nguyện đều được sanh”.

Khi đạt được nhất niệm thì công hạnh thành tựu rồi, lúc này đã có được năng lực phục hoặc. “Hoặc” là tam hoặc: kiến tư hoặc, trần sa hoặc, vô minh hoặc. Nếu có thể phục hoặc thì khi lâm chung chánh niệm sẽ hiện tiền, nhất định vãng sanh Tịnh độ. Vì vậy đạt được tâm nhất niệm chính là tín tâm không hai, có thể đột phá tất cả chướng ngại, có công phu phục hoặc. Niệm như vậy thì vãng sanh Tịnh độ là điều tất nhiên.

Nhất tâm thì có sự nhất tâm, có lý nhất tâm. Trong Di-đà Sớ Sao nói: “Nghe danh hiệu Phật, thường nhớ thường niệm, duyên tâm theo đó, từng chữ rõ ràng, câu trước câu sau liên tục không gián đoạn, đi đứng nằm ngồi chỉ có một niệm này, chẳng có niệm thứ hai, không bị các niệm phiền não tham sân làm tạp loạn”, đây gọi là sự nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm thì không phải niệm Phật như vậy mà là soi chiếu trở lại, thể nghiệm và quán sát để tìm căn nguyên, tìm căn nguyên của niệm, với bản tâm của chính mình phút chốc khế hợp nhau, đây chính là Thiền. Thời xưa không có tham thoại đầu, về sau biến thành tham thoại đầu, đột phá được câu thoại này, phút

chốc khế hợp nhau thì quang minh vốn có của chính mình hiển hiện rồi, đây gọi là lý nhất tâm bất loạn.

Phân trên nói nhất niệm chính là nhất tâm, “phát nhất niệm tâm niệm đức Phật ấy”, ở đây nói rốt cuộc là sự niệm hay là lý niệm vậy? Căn cứ theo Quán Kinh nói, một niệm niệm Phật này chính là bạn niệm một tiếng “Nam-mô A-di-đà Phật”, niệm 10 câu, 10 tiếng chính là 10 niệm. Quán Kinh nói: Người ngũ nghịch sau cùng niệm 10 câu Nam-mô A-di-đà Phật, mỗi niệm tiêu tội nặng trong 80 ức kiếp sanh tử, vãng sanh thế giới Cực Lạc. Mười niệm là mười tiếng, lúc lâm chung cho dù chỉ niệm một câu thì đều được vãng sanh. Bành Tế Thanh nói: Bạn thật sự hồi tâm sám hối, dùng tâm bất loạn, tâm thanh tịnh, cho dù chỉ niệm một câu thì không ai mà không vãng sanh, đều do sức bốn nguyện của Phật.

Sớ Sao của đại sư Liên Trì đã giải thích rất sâu về việc này, nói: chỉ niệm một câu thì diệt tội nặng trong 80 ức kiếp sanh tử. Vì sao vậy? Bởi vì lúc này niệm Phật đã đến được lý nhất tâm. Người ngũ nghịch thập ác sắp đọa vào địa ngục, người khác bảo họ niệm Phật, họ tin tưởng bèn niệm, lúc này niệm Phật là lý nhất tâm. Phật pháp không thể nghĩ bàn chính ngay chỗ này, chẳng bảo suy nghĩ mà nói thực tế. Chúng ta hãy tự mình tưởng tượng một chút, vạc dầu đang chiên người, thăm đến mức không nở nhìn, người tiếp theo chính là mình, sắp sửa phải vào trong đó rồi. Hiện nay có một phương pháp, niệm Phật thì có thể không vào đó, tâm trạng vào lúc này ra sao? Bất kỳ suy nghĩ gì đều không có, trước hết là muốn không vào vạc dầu đã, địa ngục cách xa chúng ta một chút. Chúng ta chính là sống say chết mộng, kỳ thực vạc dầu đang ở bên cạnh bạn. Nếu tin điều này rồi thì sau đó bạn lại niệm thử xem, cho nên một niệm này của họ là lý nhất tâm. Lý nhất tâm là buông xuống tất cả, buông xuống thì bản thể hiển lộ. Một tiếng Phật hiệu một tiếng lòng, mỗi một câu đều là lý nhất tâm, thế nên mỗi câu tiêu trừ tội nặng trong 80 ức kiếp sanh tử. Niệm 10 câu thì có thể vãng sanh, đốn pháp chính là như vậy.

Rất nhiều người tu hành mơ mơ hồ hồ, đã tu bao nhiêu đời rồi, đời này tu, đời sau lại đến. Tu hành giống như nấu nước sôi, chưa sôi mà đã hạ nhiệt rồi, ngày mai lại đun tiếp, đun một vạn năm cũng không phải là nước sôi. Nếu sau khi sôi một lần, nguội rồi thì gọi là nước sôi để nguội, tu hành phải đun sôi một lần, không sôi một lần thì là lừa người, trên thực tế là lừa chính mình. Sự nhất tâm tuy có thể diệt tội, nhưng sức tương đối kém, phải niệm rất nhiều mới có thể diệt tội rất nhỏ. Chí



tâm niệm Phật là lý nhất tâm, tâm một khi sáng tỏ thì vọng không còn nữa, thế nên căn phòng tối ngàn năm, đèn vừa sáng lên, bóng tối liền lui mất, chẳng phải cần đến ngàn năm mới lui. Cho nên “chí tâm” trong Quán Kinh chính là lý nhất tâm, xưng danh có thể vào lý nhất tâm, tất cả tội đều tiêu hết, đây là pháp môn tối thượng thừa, không thể nghĩ bàn nhất.

Có người nghe nói mười niệm, một niệm cũng được thì tâm bèn nghĩ việc này quá dễ, đợi đến khi lâm chung mới niệm mười niệm. Nghĩ như vậy không được! Nếu bình thường không tu hành thì lâm chung làm sao niệm 10 niệm được. Di-đà Yêu Giải nói: Không có công phu thường ngày thì sẽ không có mười niệm hay một niệm lúc lâm chung. Việc bạn niệm Phật vốn là siêu tình ly kiến, không cần bàn huyền thuyết diệu nữa. Quan trọng là có thể tin, thật sự có thể tin tưởng câu Phật hiệu này chính là tất cả pháp môn, cũng là tất cả chú, cũng là tất cả giới luật, tất cả thiện đều ở trong đó, giữ được chắc thì bạn không bị tà nhân của cảnh giới bên ngoài dẫn dắt, một mực niệm đến cùng. Hoặc một ngày một đêm niệm 100.000 tiếng hoặc 50.000 tiếng, 30.000 tiếng. Đại sư Ngẫu Ích ấn định 30.000 tiếng, hiện nay chúng ta hạ nó xuống thấp nhất là 10.000 tiếng, nếu ngay cả 10.000 tiếng cũng không chịu niệm thì không dễ rồi, bạn vừa muốn được kết quả, vừa không muốn dụng công, đây là chính mình lừa chính mình.

Thực tế trong tu trì, khế hợp với chúng ta nhất đó chính là pháp môn mười niệm, lâm chung bạn có thể niệm 10 niệm, thậm chí 1 niệm đều có thể vãng sanh. Đây chính là “trụ ở Đại thừa, dùng tâm thanh tịnh, hướng Vô Lượng Thọ, cho đến mười niệm, nguyện sanh nước ấy, nghe pháp thậm thâm, liền sanh tín giải, cho đến đạt được nhất niệm tịnh tâm, phát nhất niệm tâm, niệm đức Phật ấy”, đây là nhân, kết quả thì sao? Quả báo là, “người này đến lúc lâm chung như ở trong mộng, thấy A-di-đà Phật, nhất định sanh nước đó”. Người ấy đến khi lâm chung, như ở trong mộng, như ở trong mộng là chỉ người ba bậc vãng sanh. Nhất tâm tam bôi chia thành ba bậc thượng, trung, hạ.

Bậc thượng thì việc sanh tử đã dứt từ lâu, không còn sanh tử gì nữa. “Thế của phàm và thánh đều không”, không có khác biệt giữa phàm và thánh. Nhận thức rõ ràng rằng Phật tuy không có đến đi, nhưng lại có thể thấy Phật đến; hiểu rõ sanh tử vốn là không nhưng lại có việc vãng sanh. Đây là giải thích cho việc người vãng sanh bậc thượng giống như trong mộng.

Bậc trung là thật sự hiểu rõ thế gian đều là pháp hữu vi, như mộng huyễn bọt bóng, đối với tất cả pháp hữu vi của thế gian không mảy may lưu luyến, xem nỗi khổ ái biệt ly lúc lâm chung như ở trong mộng, đây là giải thích cho việc như ở trong mộng của bậc trung.

Bậc hạ thì như hai phần trước giải thích, giống như là mộng bởi vì trình độ không đủ, lúc bấy giờ nhìn thấy Phật đến nhưng không hoàn toàn rõ rệt, giống như trong mộng vậy.

Ở đây chúng ta vô cùng cảm ân khoa phán của lão pháp sư Từ Châu, khoa phán này là tâm quang lưu lộ của lão pháp sư Từ Châu. Khoa phán này đối với hàng hậu học, đặc biệt là người tu học các kinh luận Đại thừa khác có ý nghĩa chỉ đạo sâu xa.

Bên trên chúng tôi đã nói về bốn loại vãng sanh.

Chuyên tu pháp môn niệm Phật thì có ba loại là: vãng sanh bậc thượng, vãng sanh bậc trung, vãng sanh bậc hạ. Loại thứ tư là tu học các kinh luận Đại thừa khác thì gọi là “nhất tâm tam bối” vãng sanh. Lần phúc giảng này phần liên quan đến ba bậc vãng sanh và nhất tâm tam bối vãng sanh được nói chi tiết hơn một chút so với lần phúc giảng thứ nhất, rõ ràng mạch lạc hơn một chút, hy vọng có thể giúp được cho các đồng tu.

Còn có một vấn đề có lẽ mọi người cũng hết sức quan tâm, đó là nếu bị bệnh đau giày vò, không thể niệm Phật được thì làm sao? Đây là một vấn đề vô cùng phổ biến. Rất nhiều người lâm chung đều thị hiện bệnh khổ, có người do không qua nỗi cửa ải bệnh khổ nên đánh mất cơ duyên vãng sanh thế giới Cực Lạc, vô cùng đáng tiếc. Theo trải nghiệm của cá nhân tôi, cửa ải bệnh khổ còn khó qua hơn cửa ải sanh tử, nhưng bạn vẫn phải vượt qua, không qua thì bạn không đến được thế giới Cực Lạc. Làm thế nào nhận thức và giải quyết vấn đề này? Hoàng Niệm lão từ bi, đã nói lời như sau, tôi trích lục ra đây chắc không phải là việc vẽ rắn thêm chân.

Kinh Pháp Cỗ nói: “Nếu người đến lúc lâm chung không thể niệm được nhưng biết nơi ấy có Phật, có ý vãng sanh thì cũng được vãng sanh”. Có người lâm chung thống khổ không thể niệm Phật được, có thể niệm thầm không ra tiếng, không niệm nổi sáu chữ thì niệm bốn chữ, bốn chữ niệm không nổi thì một chữ cũng được. Nếu không thể niệm, chỉ cần biết nơi đó có Phật, tâm muốn vãng sanh. Có người không

thể nghĩ thì dùng tay viết chữ Phật đều được. Phật đại từ đại bi, lúc đó chẳng phải bạn không muốn niệm mà là sức lực không đủ, nếu có sức lực mà lại không niệm thì không thể vãng sanh. Sức lực tuy không đủ nhưng bạn đã dốc hết nỗ lực lớn nhất của mình rồi, Như Lai đều biết, đều thấy, sẽ không vì điều kiện của bạn không được mà không tiếp dẫn bạn đâu, mà xem sự phát tâm của bạn. Bạn thật sự muốn đi, nhớ niệm đức Phật đó, đi để thực hiện nguyện vọng độ sanh của bạn, đây là tâm Đại thừa (nếu không vãng sanh thì bản thân hờ hờ, còn phải nhờ người cứu, độ không nổi chúng sanh, chỉ có sau khi vãng sanh mới có năng lực). Chẳng phải vì mong cầu đời sau của chính mình được tốt, có thể vĩnh viễn không khổ nữa, hoặc là có tâm chạy nạn, tâm đó không phải là tâm của hành giả tu Tịnh nghiệp. Thế nên nếu người lâm chung không thể niệm, nhưng có tâm độ chúng sanh, có ý vãng sanh, “nên biết Như Lai có phương tiện thù thắng, nhiếp hộ tín tâm, là do nhân duyên chuyên ý niệm Phật mà tùy nguyện vãng sanh”.

Kinh văn phẩm thứ hai mươi bốn tôi đã giảng xong rồi. Tiếp theo sẽ tổng kết khái quát một chút về trọng điểm của kinh văn từ phẩm thứ 22 đến 24.

**Kinh văn phẩm thứ 22** có 4 trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: từ “cực quả” trong tên phẩm kinh là chỉ cho điều gì mà nói vậy? Có thể chứng đắc ở đâu, đây là phẩm vị gì? Cực quả chính là Diệu giác Như Lai, chứng đắc ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, là phẩm vị cao nhất, không có gì cao hơn.

Trọng điểm thứ hai: nhận thức về ba thứ bình đẳng trong thanh tịnh bình đẳng của thế giới Tây Phương Cực Lạc, là cảnh bình đẳng, tâm bình đẳng và lạc bình đẳng. Thế giới Cực Lạc không có tướng cảnh giới phân biệt, không có cảnh tượng tối tăm, ánh lửa, nhật nguyệt, ánh sao, ngày đêm, đây là cảnh bình đẳng. Thế giới Cực Lạc không có chọn lựa lấy bỏ, không có tâm niệm phân biệt, chính do tâm trí xa lìa chọn lựa lấy bỏ phân biệt nên tâm tịnh thì cõi nước tịnh. Tâm đã lìa phân biệt ắt cảnh cũng không phân biệt, đây là tâm bình đẳng. Thế giới Cực Lạc chỉ có hưởng thọ niềm vui thanh tịnh tối thượng. “Tâm ấy cảnh ấy vốn không phân biệt, cảnh và trí nhất như, dứt tuyệt trần cấu, cho nên nói chỉ có hưởng thọ niềm vui thanh tịnh tối thượng”. Chỉ có vô lượng hỷ lạc thanh tịnh, đây là hưởng thụ cao nhất của đời người, đây là lạc bình đẳng.

Trọng điểm thứ ba: bạn có thích tôi khởi xướng việc học Phật pháp vui vẻ không? Đối với việc này, bạn có kiến nghị gì không? Bạn có thích bài hát Tiểu Viện Lạc Hòa và bài ca Tinh Thế không? Hoan nghênh sự tham gia của bạn.

Trọng điểm thứ tư: chánh định tụ, tà định tụ, bất định tụ, xét xem hiện nay bạn thuộc loại nào hoặc là gần đến được loại nào rồi?

**Kinh văn phẩm thứ 23** có 4 trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: A-di-đà Phật ở nhân địa phát nguyện, vì sao nguyện sau khi chính mình thành Phật, chư Phật mười phương đều tán thán? Mười phương chư Phật dùng phương thức gì để mọi người nhận thức được thế giới Tây Phương Cực Lạc, nhận thức được A-di-đà Phật? Kiến lập thế giới Tây Phương Cực Lạc, mười phương chư Phật đều chưa nghĩ đến, chỉ có A-di-đà Phật nghĩ đến. Nguyện lực vĩ đại của A-di-đà Phật là giúp tất cả chúng sanh của mười phương thế giới trong một đời viên mãn thành Phật. Làm thế nào viên mãn đại nguyện này? Buộc phải khiến mọi người nhận biết thế giới Tây Phương Cực Lạc, nhận thức được A-di-đà Phật. Việc này cần phải ra sức tuyên truyền, tiến cử, giới thiệu; nếu không dẫn thế giới Cực Lạc tốt đến đâu mà mọi người không biết đến thì cũng uổng công. Ai đến làm công tác tuyên truyền này? Đương nhiên là mười phương chư Phật rồi. Một Phật xuất thế thì ngàn Phật ủng hộ, Phật Phật đạo đồng thì sức ấy lớn lao, mười phương chư Phật dùng phương thức tán thán giới thiệu thế giới Tây Phương Cực Lạc cho tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới.

Trọng điểm thứ hai: Phật vì sao hiện tướng lưỡi rộng dài? Do đức Phật Thế Tôn nhiều kiếp thật ngữ nên tướng lưỡi rộng dài, khác hơn người thường. Thật ngữ là nói lời chân thật, không phạm bốn loại khẩu nghiệp là vọng ngữ (nói dối), lường thiệt (nói ly gián), ý ngữ (nói thù dật) và ác khẩu (nói hung ác). Nói lời thành thật là nói lời chí thành không hư vọng, nói lời chân thật không hư dối.

Trọng điểm thứ ba: đối chiếu với đời sống thực tế của chính mình mà nói về tình huống cụ thể của bốn loại khẩu nghiệp. Ví dụ, bạn có phạm bốn loại khẩu nghiệp hay không? Bốn loại đều phạm cả hay là phạm vài loại trong đó; là thỉnh thoảng hay là thường xuyên? Trong những người thân quyến thuộc, bạn bè thân thích, bạn học, đồng nghiệp, hàng xóm láng giềng của bạn có thể tìm được mấy người thật sự thật thà, không nói lời giả dối, không lừa gạt người, nếu thật sự có thể tìm thấy thì bạn có thể báo cho tôi một tiếng, họ có thể làm khách mời đặc biệt của tôi, đến tiểu viện

Lục Hòa ở bảy ngày. Nhưng nhất định phải là thật, không được lừa tôi, tôi phải khảo hạch, ai lừa tôi sẽ tự gánh lấy nhân quả.

Vì sao tôi nêu ra vấn đề này? Bởi vì tôi thấy rất nhiều người, có lẽ không hẳn đúng, nhưng tôi thật sự là thấy như thế, họ nói dối mà mặt không đỏ, tim không loạn nhịp, mở miệng là nói. Bạn muốn vạch trần họ thì họ còn lấy danh nghĩa là nói lời phương tiện, vì sao người hiện nay nói chuyện huênh hoang khoác lác vậy, dối trá thế nào cũng dám nói, lời nào cũng dám nói, tôi rất khâm phục loại người này, to gan, mặt dày. Vì sao tôi không làm được? Nói dối một lần thì lộ tẩy rồi.

Kể cho mọi người nghe chuyện tôi nói dối không đường rút lui. Cách đây chừng 6-7 năm, con gái hiếu thảo Xung Xung của tôi muốn ngâm chân cho cha của nó, chà mạnh quá làm tróc một miếng da chân, mới đầu không chú ý nên bị nhiễm trùng, vào bệnh viện. Con gái, con trai, Đại Vân thay ban chăm sóc, tôi mỗi ngày đều đi thăm. Vào viện khoảng nửa tháng, hôm đó Đại Vân và tôi ở bệnh viện, cư sĩ Điều gọi điện cho tôi: Chị ơi, giờ em qua nhà chị nha. Tôi nói: Cô đừng đến, tôi không có nhà. Lời này là thật. Cô ấy hỏi: Chị ở đâu? Tôi nói tôi ở nhà Xung Xung, lời này là giả. Cô ấy nói: Vậy em sang nhà Xung Xung. Tôi nghe xong, tiêu rồi, nhà cô ấy rất gần nhà Xung Xung, nếu cô ấy đến thật thì sao. Tôi nói, cô đừng đến nhé. Cô ấy hỏi: Vì sao không cho em đến? Tôi nói, không có vì sao cả, không cho cô đi vậy thôi. Đại Vân ở bên cạnh thấy cảnh này cười hihi, nói: Sao rồi, sao rồi, lộ tẩy rồi phải không? Sự việc là như vậy. Cư sĩ Điều không biết ông nhà tôi nhập viện, là tôi và Đại Vân bàn nhau giấu cô ấy, không để cô ấy biết. Vì sao vậy? Cô ấy nhiều việc, biết rồi lại đưa tiền, không ai khuyên cô ấy được. Nhưng việc này không giấu được, cô ấy biết được thì nổi giận nói tôi và Đại Vân, hai chị lừa nhau giấu em việc này, có đúng không? Hai chúng tôi biết mình đuối lý, thôi để cô ấy nói. Dân tộc Trung Hoa là dân tộc trọng chữ tín, nhân nghĩa lễ trí tín là mỹ đức truyền thống của dân tộc Trung Hoa chúng ta, chúng ta phải kế thừa và phát dương mỹ đức truyền thống của dân tộc Trung Hoa.

Trọng điểm thứ tư: ý nghĩa quan trọng của “nhất niệm tịnh tín”. Kinh Vô Lượng Thọ nói tột hết tầm quan trọng của nhất niệm. Lão pháp sư Từ Châu làm khoa phán cho kinh này, đặc biệt nêu ra nhất tâm tam bối vãng sanh thế giới Cực Lạc, chỉ rõ ra phần nội dung mà người trước chưa từng nói. Nếu nói lão pháp sư Từ Châu mở màn cho việc trụ ở Đại thừa làm thế nào vãng sanh thế giới Cực Lạc thì e rằng cũng

không quá đáng. Ngài không hổ danh là cao tăng đại đức của Phật môn, khiến người kính ngưỡng. “Nhất” trong “nhất niệm tịnh tín” không phải đơn thuần là con số một, mà nó đại biểu cho thánh nghĩa đế Bất Nhị, thánh nghĩa đế chính là chân lý. Trong chân như thì vạn pháp đều như, tất cả đều như, cũng chính là tất cả như nhất, nhất này chính là chữ nhất trong nhất niệm. Nhất niệm tịnh tín, tín tâm không hai, đây là chánh nhân để vãng sanh Tịnh độ, chánh nhân vãng sanh duy ở nhất niệm này. Nhất niệm tịnh tín thì khế hợp với tịnh tín của chân như pháp nhất, cho nên nguyện sanh nước ấy thì tùy nguyện đều sanh. Nhất niệm tịnh tín là lòng tin không tạp nhiễm, từ tín khởi nguyện, tín nguyện là căn bản để vãng sanh.

Tôi đã nói xong trọng điểm của phẩm kinh văn này, xin mọi người hãy ghi nhớ kỹ những câu nói sau: Tin danh hiệu Phật thì chư Phật cứu, chư Phật hộ trì.

Tiết học hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật.

## TẬP 58

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Tiết học này, trước tiên chúng tôi sẽ tổng kết một vài điểm quan trọng của kinh văn phẩm thứ hai mươi bốn.

Kinh văn phẩm thứ 24 có 10 trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: tổng cương lĩnh của vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc là gì? Phát Bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm.

Trọng điểm thứ hai: ba bậc trong kinh Vô Lượng Thọ và chín phẩm trong Quán Kinh có quan hệ như thế nào? Hai bên đối xứng, phù hợp tương thông; mỗi bên một loại, hai bên không liên quan. Hai cách nói này, bạn tán thành cách nói nào? Là giống nhau hay khác nhau?

Trọng điểm thứ ba: nhận thức chính xác điều kiện và quả báo đạt được của vãng sanh bậc thượng, vãng sanh bậc trung, vãng sanh bậc hạ, kiên định tín tâm học Phật, niệm Phật, làm Phật. Vãng sanh bậc thượng, phàm phu có phần, chúng tại gia có phần, đài sen chín phẩm của Cực Lạc đều là nơi phàm phu trước thế vãng sanh về.

Trọng điểm thứ tư: làm thế nào nhận thức chính xác hai câu nói “xả nhà, lìa dục và làm sa-môn”. Nhận thức bốn loại nhà và bốn loại xuất gia. Bốn loại nhà gồm: nhà điền trạch, nhà thiền nã, nhà Tam giới, nhà sanh tử. Bốn loại xuất gia gồm thân xuất tâm không xuất, tâm xuất thân không xuất, thân tâm đều xuất, thân tâm đều không xuất.

Trọng điểm thứ năm: đối với các ví dụ vãng sanh mà tôi đã nêu, bạn có cảm ngộ gì? Lão Bồ-tát Lưu Tố Thanh vãng sanh có vài điểm khác biệt với mọi người. Lão Bồ-tát Đông Thụ Trân vãng sanh bỏ ăn 40 ngày, trợ niệm 37 ngày, bạn giải thích thế nào? Chúng ta học được gì từ lão Bồ-tát?

Trọng điểm thứ sáu: hai câu nói của lão cư sĩ Hạ Liên Cư đối với bạn có khái thị gì?

Trọng điểm thứ bảy: điều kiện của ba bậc vãng sanh có chỗ nào tương đồng và bất đồng? Quả báo của vãng sanh có chỗ nào tương đồng và bất đồng?

Trọng điểm thứ tám: về việc trong mộng thấy Phật có các cách nói không như nhau, đối với vấn đề này bạn nhận thức như thế nào? Trong mộng thấy Phật, Phật đến tiếp dẫn phải không?

Trọng điểm thứ chín: ngoài ba bậc vãng sanh thì loại vãng sanh thứ tư gọi là gì? Pháp vãng sanh này xuất phát từ người nào? Pháp vãng sanh này là nói cho đối tượng nào? Tên của pháp vãng sanh này là “nhất tâm tam bối”, xuất phát từ lão pháp sư Từ Châu, làm khoa phán cho kinh Vô Lượng Thọ. Nhóm đối tượng được nói đến là bậc trụ ở Đại thừa, chính là người tu học các kinh luận Đại thừa khác.

Trọng điểm thứ mười: nhất tâm tam bối vãng sanh cần phải có những điều kiện gì? Điều kiện thứ nhất là trụ ở Đại thừa. Điều kiện thứ hai là dùng tâm thanh tịnh hướng Vô Lượng Thọ. Điều kiện thứ ba là cho đến mười niệm nguyện sanh nước ấy. Điều kiện thứ tư là cho đến đạt được nhất niệm tinh tâm, phát nhất niệm tâm, niệm đức Phật ấy.

Tiếp theo chúng tôi giảng kinh văn phẩm thứ 25:

### **VÃNG SANH CHÁNH NHÂN ĐỆ NHỊ THẬP NGŨ**

Trong kinh văn phẩm thứ 24, phần liên quan đến nhân hạnh vãng sanh chỉ nói đến nguyên tắc, chưa nói tường tận. Phẩm kinh văn này bổ sung về nhân và duyên tu hành của ba bậc phía trước. Quả chính là ba bậc vãng sanh đã nói phía trước, cũng chính là phẩm vị của họ. Phẩm kinh văn này tuy là bổ sung cho phẩm kinh văn phía trước, nhưng phẩm kinh văn này vô cùng quan trọng. Quan trọng ở chỗ nào? Đây là nơi chúng ta bắt tay thực hiện kinh văn của phẩm thứ 24. Kinh văn phẩm thứ 24 và kinh văn phẩm thứ 25 liên quan chặt chẽ, mật thiết không thể phân chia, giống như cặp anh em song sinh vậy, chẳng thể rời nhau. Đối với phẩm kinh văn này chúng ta phải hết sức xem trọng.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Phục thứ A-nan, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thử kinh điển, thọ trì, đọc tụng, thư tả, cúng dường, trú dạ tương tục, cầu sanh bỉ sát, phát Bồ-đề tâm, trì chư cấm giới, kiên thủ bất phạm, nhiều ích hữu tình, sở tác thiện căn, tất thí dữ chi, linh đắc an lạc. Ưc niệm Tây phương A-di-đà Phật, cập**



**bỉ quốc độ. Thị nhân mạng chung, như Phật sắc tướng chủng chủng trang nghiêm, sanh bảo sát trung, tốc đắc văn pháp, vĩnh bất thoái chuyển.**

*Lại nữa A-nan, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào nghe kinh điển này mà thọ trì, đọc tụng, biên chép cúng dường, ngày đêm liên tục, cầu sanh cõi kia, phát tâm Bồ-đề, trì các giới cấm, giữ vững không phạm, lợi ích hữu tình, các thiện căn đã làm đều ban bố cho họ, khiến được an vui. Nhớ nghĩ đến A-di-đà Phật ở Tây phương và cõi nước ấy. Người ấy mạng chung sắc tướng như Phật, đủ mọi trang nghiêm, sanh đến cõi báu, mau được nghe pháp, vĩnh viễn không thoái chuyển.*

Trong chánh nhân vãng sanh, loại thứ nhất là thù thắng nhất, quy nạp thành sáu câu nói: thọ trì kinh này, cầu sanh Tịnh độ, phát Bồ-đề tâm, nghiêm trì các giới, lợi ích hữu tình, nhớ Phật niệm Phật.

Loại chánh nhân vãng sanh thứ nhất là:

Thọ trì kinh này, “nghe kinh điển này thọ trì, đọc tụng, biên chép, cúng dường, ngày đêm liên tục”.

Ở đây vì sao chỉ nêu kinh Vô Lượng Thọ? Bởi vì kinh này là kinh đệ nhất của Tịnh độ, cũng là kinh Đại thừa đệ nhất. Kinh này chính là Hoa Nghiêm, chính là Thiên, chính là Mật, là bộ kinh đệ nhất trong toàn bộ Phật pháp, dùng bộ kinh này đại biểu cho việc đọc tụng Đại thừa.

Quán Kinh nói: “Đọc tụng Đại thừa”. Quán Kinh Ước Luận nói: “Không đọc Đại thừa thì không rõ tâm Phật, không rõ tâm Phật thì không khế hợp Phật trí, không khế hợp Phật trí thì dù sanh về nước đó cũng không thấy được Phật”.

“Ngày đêm liên tục” là đồng mãnh tinh tấn, không có gián đoạn.

Cầu sanh Tịnh độ. “Cầu sanh nước ấy” chính là cầu sanh Tịnh độ. Dùng các công đức của việc thọ trì, đọc tụng, biên chép, cúng dường mà hồi hướng Tịnh độ. Bất luận học pháp môn nào, mỗi người có nhân duyên, nguyện lực của mỗi người, không được miễn cưỡng, không được nói một đạo tràng đều tu Tịnh độ tông cả. Trừ khi mới bắt đầu thì Tịnh độ tông là mục đích để tập hợp lại, nếu không thì mỗi người một chí hướng, tuy nhiên việc cầu sanh Tịnh độ xác thực là phải đồng tâm thủ. Nếu không cầu sanh Tịnh độ thì các con đường khác sẽ rất khó khăn. Nếu

mong muốn trong một đời này giải quyết việc sanh tử mà không cầu sanh Tịnh độ thì có thể nói là không có hy vọng.

Phát Bồ-đề tâm, “phát Bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm” là tôn chỉ của kinh này, là chánh nhân của ba bậc vãng sanh, đây là điểm chung.

“Trì các giới cấm”, giới là tầng thứ nhất của bảo tháp, đây chính là “đầy đủ các giới hạnh” hoặc “đầy đủ các giới, không phạm oai nghi” mà Quán Kinh đã nói. Nếu không có giới thì giống như vật đựng bị rò rỉ, tuy cũng làm rất nhiều công đức nhưng không thể giữ được, bị rò rỉ hết. Không thọ giới thì thôi, thọ rồi thì phải thọ trì cho tốt, nếu không thể làm ngay được thì phải sám hối, phải nghiêm cẩn giữ gìn giới cấm. Giới luật rất quan trọng, lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không đề xuất cho chúng ta năm chủ đề để thực hành giới luật.

Chủ đề thứ nhất là tịnh nghiệp tam phước, bao gồm ba điều. Điều thứ nhất: hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp. Điều thứ hai: thọ trì tam quy, đầy đủ các giới, không phạm oai nghi. Điều thứ ba: phát Bồ-đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại thừa, khuyến tán hành giả.

Chủ đề thứ hai là Lục hòa kính: kiến hòa đồng giải, giới hòa đồng tu, thân hòa đồng trụ, khẩu hòa vô tranh, ý hòa đồng duyệt, lợi hòa đồng quân.

Chủ đề thứ ba là tam học, chính là giới định tuệ.

Chủ đề thứ tư là Lục độ: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, bát-nhã, đây là cương lĩnh tu học của Bồ-tát.

Chủ đề thứ năm là mười nguyện Phổ Hiền: lễ kính chư Phật, xưng tán Như Lai, quảng tu cúng dường, sám hối nghiệp chướng, tùy hỷ công đức, thỉnh chuyển pháp luân, thỉnh Phật trụ thế, thường tùy Phật học, hằng thuận chúng sanh, phổ giai hồi hướng. Mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc.

Làm được năm chủ đề này rồi thì bạn được xem là người trì giới niệm Phật.

Viết đến điều “trì các giới cấm” này, tôi nhớ ra hai việc.

Việc thứ nhất, lão pháp sư mỗi lần đến chỗ đại sư Chương Gia nghe pháp, mỗi lần nghe pháp xong rời khỏi, đại sư Chương Gia đều tiễn lão pháp sư đến cửa, và nói một câu: “Giới luật rất quan trọng”. Sau khi đại sư Chương Gia viên tịch, lão

pháp sư hoài niệm ân sư, nhớ đến câu nói này của ân sư thì sâu sắc cảm động. Câu này nhắc nhở lão pháp sư phải nghiêm trì giới luật, lão pháp sư đã làm được rồi.

Việc thứ hai, Hoàng Niệm lão nhắc nhở chúng ta: Thọ giới thì phải giữ giới, có rất nhiều giới không thọ trì nổi. Ngài nêu ra ví dụ về đại sư Ngẫu Ích. Đại sư Ngẫu Ích là vị đại đức cấp tổ sư, được người tôn sùng, một vị đại đức như vậy mà sau cùng thoái giới xuống còn giới sa-di. Thế nên có trước tác của ngài đề tên là sa-di Trí Húc, đó chính là đại sư Ngẫu Ích. Đại sư Ngẫu Ích tuy thoái giới, nhưng trước nay không có người nào xem thường ngài, ngược lại càng tôn kính ngài hơn, đây là thái độ nghiêm túc có trách nhiệm của đại sư, ngài không lừa dối Phật.

Ngày 19 tháng 6 âm lịch năm 2010, tôi tuân lệnh ân sư thọ Bồ-tát giới, đến nay đã hơn 10 năm rồi. Về mặt hình thức thì đã thọ giới, còn thực chất thì sao? Bản thân muốn học Bồ-tát, muốn làm Bồ-tát nhưng học không giống, làm không tốt, phụ sự kỳ vọng của ân sư, nghĩ đến việc này thì muôn phần hổ thẹn. Tôi sẽ nỗ lực hơn nữa, làm một Bồ-tát thật sự danh xứng với thực để báo ân Phật, báo ân Thầy, báo ân chúng sanh, chỉ có như vậy tôi mới có thể thân nhiên quay về Cực Lạc được.

“Nhiều ích hữu tình”, đây là chuẩn tắc mà người tu hành đều tuân thủ. Nhiều là sung túc, chính là rất nhiều, rất phong phú. Ích là lợi ích, ban lợi ích cho tất cả chúng sanh hữu tình là hạnh lợi tha của Bồ-tát. Tự lợi của Bồ-tát là thanh tịnh, “thanh tịnh bình đẳng giác” của đề kinh này chính là tự lợi. Nhìn thấu, buông xuống, tự tại, tùy duyên là lợi tha, là hạnh lợi tha. Niệm Phật là lợi mình và lợi người, vừa tự lợi, cũng là lợi tha. Trong phẩm Hạnh Nguyện có bài kệ: “Bồ-tát nếu có thể tùy thuận chúng sanh thì đó là tùy thuận cúng dường chư Phật. Nếu tôn trọng, phụng sự chúng sanh thì chính là tôn trọng, phụng sự Như Lai.” Bốn câu này rất quan trọng. Phải biết tùy thuận chúng sanh, tùy thuận chúng sanh chính là cúng dường chư Phật. Chúng sanh hoan hỷ thì chư Phật hoan hỷ, chúng ta phải khiến chúng sanh hoan hỷ, đây là hạnh Bồ-tát.

Nhớ Phật niệm Phật chính là “nhớ nghĩ đến A-di-đà Phật ở Tây phương và cõi nước ấy”. “Nhớ Phật niệm Phật” ở đây so với “nhớ Phật niệm Phật” ở phẩm trước thì cả hai bổ trợ thành tựu cho nhau, điều sau bổ sung cho điều trước, bổ sung lớn nhất là phải tụng kinh Vô Lượng Thọ. “Diệu hạnh niệm Phật là vua của các điều thiện”, thiện trong các thiện không gì hơn niệm Phật. Niệm Phật là đường tắt trong các đường tắt. Công đức to lớn của niệm Phật có nói cũng không nói ra được, công

đức rất lớn, rất sâu! Sự sâu rộng của nó không có giới hạn, không có ngăn mé. Công đức ấy tương ứng với niệm tất cả chư Phật, bởi vì tất cả chư Phật đều niệm A-di-đà Phật, không ai không niệm A-di-đà Phật. Cho nên đây là “diệu trong diệu, thắng tất trong thắng tất”, “trong chánh nhân thì phát tâm niệm Phật thật sự quan trọng hàng đầu”. Chánh nhân là chân thật tin tưởng, không có hoài nghi, thật sự nguyện sanh Tịnh độ. Phát tâm niệm Phật quan trọng hơn bất kỳ điều gì.

Phần trên là nói nhân, tiếp theo là nói quả. Nhân quả theo nhau, như hình với bóng. Bạn thật sự có thể làm được thì quả báo hiện tiền. Quả báo này chính là:

Tướng sanh ra đồng như Phật. “Người ấy mạng chung, sắc tướng như Phật, sanh đến cõi báu”. Người ấy mạng chung, sắc tướng như Phật, người ấy giống như Phật, thân sắc vàng ròng, ba mươi hai tướng, và có đủ mọi công đức trang nghiêm như Phật. Lợi ích này rất lớn, người niệm Phật vãng sanh, mạng chung chính là vãng sanh, sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, sắc tướng của họ đầy đủ trang nghiêm, ở đây nói là 32 tướng. Thế giới Cực Lạc phước báo lớn, trí tuệ lớn, công đức lớn. Lớn đến mức nào vậy? Lớn đến mức không có hạn lượng, vô lượng vô biên không có giới hạn.

Người sanh đến thế giới Cực Lạc đều là người có đại phước báo, đại trí tuệ, đại công đức, lại còn một đời thành tựu. Bạn không đi đến đó thì bạn đi đến đâu? Thế nên, bạn đọc hiểu bộ kinh này rồi, bạn niệm thông suốt câu Phật hiệu này rồi thì bạn sẽ hết lòng hết dạ cầu sanh Tịnh độ, bạn sẽ không còn luân hồi trong lục đạo nữa, sẽ không còn làm việc ngốc nghếch nữa.

Tự tánh có vô lượng trí tuệ, có vô lượng đức năng, có vô lượng tướng hảo, vãng sanh về thế giới Cực Lạc thì thấy đều hiện tiền, bình đẳng với A-di-đà Phật. A-di-đà Phật là thân gì thì chúng ta có thân giống với ngài. A-di-đà Phật có tướng gì thì tướng của chúng ta giống như A-di-đà Phật vậy, không chỉ là 32 tướng mà tướng sanh ra đều giống như Phật.

Phần trên là nói về nhân và quả của loại [chánh nhân] thứ nhất. Tiếp theo nói nhân và quả của loại [chánh nhân] thứ hai.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Phục thứ A-nan, nhược hữu chúng sanh, dục sanh bỉ quốc, tuy bất năng đại tinh tấn thiên định, tận trì kinh giới, yếu đương tác thiện, sở vị: nhất bất sát**

**sanh, nhị bất thâm đạo, tam bất dâm dục, tứ bất vọng ngôn, ngũ bất ỷ ngữ, lục bất ác khẩu, thất bất lưỡng thiệt, bát bất tham, cửu bất sân, thập bất si. Như thị trú dạ tư duy Cực Lạc thế giới A-di-đà Phật chủng chủng công đức, chủng chủng trang nghiêm, chí tâm quy y, đánh lễ cúng dường. Thị nhân lâm chung, bất kinh bất bố, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh bỉ Phật quốc độ.**

*Lại nữa A-nan! Nếu có chúng sanh muốn sanh về nước kia, tuy không thể đại tinh tấn thiền định, trì kinh giữ giới trọn đủ, nhưng phải nên làm thiện, nghĩa là: không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối, không nói thêu dệt, không nói hung ác, không nói ly gián, không tham, không sân, không si. Như vậy mà ngày đêm tư duy các loại công đức, các sự trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, của A-di-đà Phật, chí tâm quy y, đánh lễ cúng dường. Người ấy lâm chung, không kinh không sợ, tâm không điên đảo, liền được vãng sanh cõi nước Phật ấy.*

Đoạn kinh văn trên nói về loại chánh nhân vãng sanh thứ hai. Loại chánh nhân vãng sanh thứ hai tổng cộng gồm ba câu nói: Tu hành thập thiện, ngày đêm niệm Phật, chí tâm quy y, đánh lễ cúng dường.

Tu hành thập thiện, trong kinh văn có “tận trì kinh giới”, nếu không thể trì hết cả kinh giới thì làm thế nào? Vậy thì phải tu thập thiện. Tu thập thiện nghiệp là loại chánh nhân vãng sanh thứ hai.

Giết, trộm, dâm là ba phương diện của thân nghiệp. Nói dối, nói đâm thọc, nói thêu dệt, nói lời hung ác là bốn phương diện của khẩu nghiệp. Tham, sân, si là ba phương diện của ý nghiệp. Ba nghiệp thân, khẩu, ý tạo tác thập ác, chuyển đổi thập ác này lại thì chính là thập thiện. Ví dụ không sát sanh, chẳng những không sát sanh mà còn phóng sanh; chẳng những không trộm mà còn bố thí. Những điều như vậy thì mười thiện thôi còn không đủ. Thảm Thiện Đăng trong Báo Ân Luận nói rằng: “Phàm là thiện hạnh thì đều có thể vãng sanh”. Việc thiện mà bạn làm đều có thể làm tư lương để vãng sanh, nhưng phải thường xuyên niệm Phật và hồi hướng, chuyển thiện của thế gian thành nghiệp nhân vãng sanh Tịnh độ, nếu không thì chỉ là phước báo nhân thiên, sau khi hưởng hết phước thì vẫn phải đọa lạc. Đây chính là tu hành thập thiện.

Đối với tu thập thiện nghiệp, lão pháp sư dạy chúng ta, thập thiện cũng là mười điều giới luật. Giới quan trọng hơn thì kinh Phạm Võng nói với chúng

ta: “Không làm quốc tặc, không bán quốc chủ”. Chúng ta đã tuân thủ chưa? Không làm giặc quốc gia, dứt khoát không được làm những việc tổn hại quốc gia, làm việc tổn hại quốc gia thì gọi là quốc tặc. Quốc chủ là người lãnh đạo đất nước, bao gồm người lãnh đạo các cấp khác nhau, người lãnh đạo trung ương là quốc chủ, người lãnh đạo cấp tỉnh, thành phố, huyện, trưởng thôn trưởng làng cũng là quốc chủ, đối với quốc chủ không được hủy báng. Vì sao vậy? Họ đứng ở vị trí lãnh đạo nên không được hủy báng, nếu hủy báng thì sẽ khiến mọi người đánh mất tâm tôn trọng đối với họ, họ sẽ không thể quản lý được mọi người, việc này có hại đối với đất nước. Trong Giới Kinh còn có hai câu: “Không trốn quốc thuế, không phạm quốc chế”. Chúng ta là công dân thì phải có nghĩa vụ nộp thuế, không lợi dụng khe hở của chính sách, không làm giả mạo, không trộm thuế, trốn thuế. Pháp luật, quy chế, điều lệ do quốc gia chế định, công dân phải nghiêm túc tuân thủ, không được phạm pháp. Đệ tử Phật phải dẫn đầu tuân thủ, hành vi việc làm của chúng ta phải phù hợp với pháp luật, quy chế của đất nước.

Ví dụ không tụ tập đông người, chúng ta phải làm vô điều kiện, quốc gia có quy định trên phương diện này, tổ sư đại đức có lời dạy trên phương diện này, chúng ta làm theo thì đúng rồi. Không được làm theo ý riêng, ai muốn làm gì thì làm. Ngoài ra không được thừa cơ hội để mưu lợi. Cách làm của tôi là lượng sức mà làm, có năng lực đến đâu thì làm việc đến đó, không gây quỹ, không hóa duyên, không thu gom tiền, không tiếp nhận tiền cúng dường của tín chúng. Chẳng những tôi phải làm được mà cư sĩ hộ pháp của tôi cũng phải làm được, đây là kỷ luật thép.

Đệ tử Phật chân chánh phải làm công dân tốt yêu nước. Đệ tử Phật là người giữ quy củ nhất, tuân thủ pháp luật nhất trong xã hội. Trong lịch sử có nạn Tam Võ diệt pháp, tín đồ Phật giáo như thế nào? Không đối lập, không phản kháng, muốn diệt thì diệt, không nói một lời nào. Sau khi tân hoàng đế tiếp theo xuất hiện, nói vì sao tín đồ Phật giáo nghe lời như vậy, họ là người tốt, không phải người xấu, cho nên Phật pháp hưng vượng trở lại. Sự biểu diễn như vậy của tín đồ Phật giáo là chính xác.

Lão pháp sư ân cần dạy bảo chúng ta, hy vọng mọi người phải hiểu rõ, đừng vô cớ sinh sự, mong rằng mọi người thật sự thật thà niệm A-di-đà Phật. Ở đâu niệm Phật là tốt nhất? Ở nhà niệm Phật tốt, nhất tâm niệm Phật, tâm địa thanh tịnh thì có công đức. Vài đồng tu chí đồng đạo hợp ở niệm Phật đường cộng tu niệm Phật cũng

tốt, đừng giống trống khua chiêng tạo thanh thế rất lớn, tổn tài nhọc dân, nhiễu loạn trật tự bình thường của xã hội, làm như vậy thật không đáng.

Ngày đêm niệm Phật, trong kinh nói “ngày đêm tư duy các loại công đức, các sự trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, của A-di-đà Phật”. Yêu cầu của ngày đêm tư duy này là rất cao, chẳng những là ban ngày mà còn bao gồm ban đêm, nghĩa là không có gián đoạn. Khi chúng ta thực hiện, cần chú ý đến việc duy trì gìn giữ. Hoàng Niệm lão nêu ví dụ như sau, giống như gà mẹ ấp gà con, gà mẹ phải giữ được độ ấm của trứng. Bởi vì gà mẹ có khi muốn ăn thứ gì, nhưng không được vì ăn uống mà quên mất quả trứng đang ấp không trở về, dẫn đến trứng bị lạnh, gà con cũng không nở ra được. Có thể giữa chừng đi tìm thức ăn, chạy đi một lát, nhưng không được khiến trứng mất đi hơi ấm, chúng ta phải chú ý đến việc này.

Hoàng Niệm lão nói, hiện nay trong rất nhiều tự viện, người xuất gia vì việc quét dọn vệ sinh, cả ngày bận đến mức chân đau lưng mỏi, thật sự muốn xem sách, thiền định, cho đến các loại tu hành đều không có thời gian, rất khó khăn. Tình trạng mà Hoàng Niệm lão nói, chúng ta có khi cũng nghe thấy, có khi cũng nhìn thấy, nói chung đã không còn là hiện tượng cá biệt nữa.

Hoàng Niệm lão nói, pháp môn Tịnh độ còn dễ tu, trong tâm bạn còn có thể giữ được hơi ấm này. Bất luận thế nào, trong tâm không được quên gà con của bạn, phải giữ ấm cho nó. Từ nơi này mà bắt tay làm, bất kể là ngày hay đêm, bản thân đều không buông bỏ, tranh thủ dụng công thì bạn đáp ứng được điều kiện này rồi. Chỉ cần chân thật dụng công thì tự nhiên có thể đạt được ngày đêm liên tục.

Vãng Sanh Luận của Thiên Thân Bồ-tát dạy người cầu vãng sanh chúng ta nên tu như thế nào. Có ngũ niệm pháp môn: một là lễ bái, hai là tán thán, ba là lập nguyện, bốn là quán sát, năm là hồi hướng.

Bồ-tát Thiên Thân lập ra cho chúng ta khóa trình đơn giản, lão cư sĩ Hạ Liên Cư từ bi cùng cực, trí tuệ cao tột, đem ngũ niệm pháp viết thành một cuốn khóa tụng đơn giản gọi là Tịnh Tu Tiếp Yếu, còn gọi là “ngũ niệm pháp môn”, viết hay vô cùng, rất tiện lợi cho việc tu hành. Tôi đã từng lay qua Tịnh Tu Tiếp Yếu, làm xong một thời khóa đại khái khoảng 40 phút, tuy dùng thời gian không dài nhưng hiệu quả rất tốt, công đức thù thắng.

Hoàng Niệm lão có Báo Ân Đàm, Báo Ân Đàm chính là ngũ niệm pháp môn, cũng chính là chú giải của Tịnh Tu Tiệp Yếu, giảng rất hay! Lão pháp sư vô cùng tán thán điều này: “Bạn thật sự đọc qua vài lần thì đối với Tây Phương Tịnh độ bạn không thể không tin tưởng, thậm chí không thể không muốn đi, chắc chắn muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc. Là cuốn sách nhỏ vô cùng thù thắng tiếp dẫn mọi người cùng sanh nước Cực Lạc, hy vọng các đồng tu không thể không xem. Các đồng học đã mất thời gian mấy năm đem giảng thuật của Niệm lão viết thành văn tự, tôi xem qua rồi, cũng đã làm thành sách nói, vô cùng tiện lợi. Sách nói này tôi đã nghe hơn 70 lần, càng nghe càng hoan hỷ, mong các đồng học dành chút thời gian xem nhiều, nghe nhiều, tôi tin bạn sẽ được pháp hỷ”.

Điều thứ tư của ngũ niệm pháp môn là “quán sát”. Quán sát có ba loại:

Loại thứ nhất là “quán sát công đức trang nghiêm của cõi nước Phật ấy”, cũng chính là y báo trang nghiêm mà chúng ta nói, có 17 loại y báo trang nghiêm.

Loại thứ hai là “quán sát công đức trang nghiêm của A-di-đà Phật”, cũng chính là Phật trang nghiêm của chánh báo trang nghiêm mà chúng ta nói, có 8 loại.

Loại thứ ba là “quán sát công đức trang nghiêm của các Bồ-tát phương ấy”, cũng chính là Bồ-tát trang nghiêm của chánh báo trang nghiêm mà chúng ta nói, có 4 loại.

Kết hợp ba loại này lại thì chính là 29 loại y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Bạn thật sự xem tường tận Báo Ân Đàm, sanh tâm hoan hỷ thì công đức so với đọc kinh Vô Lượng Thọ không hề khác biệt. Bạn nhất định sẽ phát tâm cầu sanh Tịnh độ, buông xả thế giới Ta-bà, vậy thì đúng rồi. Thế nên, ngày đêm liên tục, gọi là “ngày đêm tư duy”.

Chí tâm quy y, đây chính là phát nguyện. “Chí tâm quy y, đánh lễ cúng dường là môn lễ bái đệ nhất. Luận nói rằng, làm thế nào lễ bái?” Cách lạy như thế nào? “Thân nghiệp lễ bái A-di-đà Như Lai Ứng Chánh Biến Tri”, đây là đại biểu cho mười danh hiệu, “ý muốn sanh về nước đó”. Vì việc gì? Muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc. Lạy A-di-đà Phật chính là cầu sanh Tịnh độ. “Ý muốn sanh về nước đó”, ý là trong tâm nghĩ muốn vãng sanh. Còn quy y, quy y chính là quy mạng. Trong Vãng Sanh Luận Chú nói: “Nên biết quy mạng chính là lễ bái, nếu lễ bái mà cung kính thì



không cần quy mạng. Quy mạng ắt là lễ bái, từ đó suy ra, quy mạng là quan trọng”. “Kinh này nói: quy y đánh lễ, đó cũng là chí tâm”, chí tâm này ý nghĩa rất sâu, “còn kiêm cả cúng dường thì càng hiển rõ sự tinh thành”, đây là tâm chân thành. Những câu nói trong kinh này rất hay! Lễ bái, Vãng Sanh Luận nói có năm ý nghĩa, đều viên mãn trong một lạy này, thế nên nói càng hiển rõ sự tinh thành dẫn đến cảm thông.

Tiếp theo nói quả báo của loại [chánh nhân] vãng sanh thứ hai.

“Người ấy lâm chung, không kinh không sợ, tâm không điên đảo, liền được vãng sanh cõi nước Phật ấy”. Vãng Sanh Luận nói: “Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân tu ngũ niệm môn thành tựu, sau cùng được sanh về cõi nước An Lạc, gặp A-di-đà Phật. Diệu nhân cảm diệu quả”. Ngũ niệm là diệu nhân, vãng sanh thấy Phật là diệu quả. “Thế nên lúc lâm chung, được bốn nguyện của Phật gia uy”, bốn nguyện gia trì, đây là uy đức của chư Phật. “Từ bi gia hộ, khiến tâm không loạn”, câu nói này vô cùng hy hữu. Nhất tâm bất loạn lúc lâm chung quan trọng hơn bất kỳ điều gì, nhất tâm bất loạn vào lúc ấy không phải chính mình tu được, mà do lúc lâm chung A-di-đà Phật từ bi gia hộ, giúp bạn nhất tâm bất loạn. “Vì vậy mà được không kinh không sợ, tâm không điên đảo”. Tâm không điên đảo chính là nhất tâm bất loạn, công đức này quá thù thắng, thù thắng khôn sánh, chúng ta phải biết điều này.

“Từ bi gia hộ, khiến tâm không loạn”, câu nói này cũng xuất hiện trong tiểu bản kinh Di-đà do đại sư Huyền Trang phiên dịch, trong bản của đại sư Cưu-ma-la-thập không có câu “khiến tâm không loạn”, trong bản dịch của đại sư Huyền Trang có, bổ sung câu này vào. Câu này rất quan trọng, giúp người niệm Phật chúng ta tăng trưởng tín tâm cầu sanh Tịnh độ. Công phu của chúng ta chưa đạt, không sao cả, trong một sát-na đó, A-di-đà Phật đại từ đại bi bảo hộ chúng ta, giúp chúng ta nhất tâm bất loạn, việc này quá khó được.

“Không kinh không sợ, tâm không điên đảo”, không kinh nghĩa là không kinh hoảng mất bình tĩnh, không sợ nghĩa là không sợ hãi hoảng sợ. Ở đây nói điều gì? Ra đi bình an, ra đi tốt lành, tự tại vãng sanh. “Không điên đảo là tâm không rối loạn, chánh niệm nhớ Phật vẫn hiện tiền nên được vãng sanh. Kinh văn của phẩm này không nói lâm chung thấy Phật, nhưng đã được vãng sanh thì Phật tất nhiên đến nghênh đón”. Chúng ta không được quên câu này, tất cả những người vãng sanh đến khi lâm chung, A-di-đà Phật chắc chắn đến tiếp dẫn. Vì sao vậy? Vì đây là bốn

nguyện của A-di-đà Phật, đặc biệt là nguyện thứ 18 “mười niệm ắt sanh”. Ngũ nghịch thập ác nếu thật sự sám hối hồi đầu, nhất tâm niệm Phật thì một niệm cho đến mười niệm đều được vãng sanh. Đây là bốn nguyện của A-di-đà Phật nên không có chuyện không đến nghênh đón, nếu ngài không đến nghênh tiếp thì bạn không thể tìm ra được thế giới Cực Lạc, thế nên lúc đó Phật nhất định đến đón. “Bởi vì bốn nguyện của Phật là lâm chung tiếp dẫn, nếu Phật không đến đón thì phàm phu tự lực không thể vãng sanh”, chúng ta nhất định phải biết điều này.

Loại chánh nhân vãng sanh thứ hai và quả báo đạt được đến đây tôi đã giảng xong rồi. Tuy đây là phần bổ sung của kinh văn phẩm thứ 24, nhưng sự bổ sung này là vô cùng quan trọng, chúng ta dứt khoát không được xem thường hoặc khinh suất. Chúng ta mong muốn một đời này có thể thật sự vãng sanh đến thế giới Cực Lạc thì phần kinh văn này rất quan trọng.

Tiết học ngày hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật.

## TẬP 59

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Tiết học này chúng tôi giảng về loại chánh nhân vãng sanh thứ ba. Mời xem kinh văn:

**Nhược đa sự vật, bất năng ly gia, bất hạ đại tu trai giới, nhất tâm thanh tịnh, hữu không nhân thời, đoan chánh thân tâm, tuyệt dục khứ ưu, từ tâm tinh tấn. Bất đương sân nộ tật đố, bất đắc tham thiết xan tích, bất đắc trung hồi, bất đắc hồ nghi, yếu đương hiếu thuận, chí thành trung tín. Đương tín Phật kinh ngữ thâm, đương tín tác thiện đắc phước, phụng trì như thị đẳng pháp, bất đắc khuy thất. Tư duy thực kế, dục đắc độ thoát, trú dạ thường niệm, nguyện dục vãng sanh A-di-đà Phật thanh tịnh Phật quốc. Thập nhật thập dạ, nãi chí nhất nhật nhất dạ, bất đoạn tuyệt giả, thọ chung giai đắc vãng sanh kỳ quốc.**

*Nếu người quá nhiều việc, không thể rời nhà, không rảnh đại tu trai giới, nhất tâm thanh tịnh, hễ có thời gian rảnh thì đoan chánh thân tâm, tuyệt dục bỏ lo lắng, từ tâm tinh tấn. Không được sân nộ, đố kỵ, không được tham luyến, ham ăn, keo kiệt, không được giữa chừng hồi hận, không được hồ nghi, phải nên hiếu thuận, chí thành trung tín. Phải tin lời kinh Phật sâu xa, phải tin làm thiện được phước, phụng trì các pháp như vậy, không được thiếu khuyết quên mất. Nghĩ đến thường xuyên, muốn được độ thoát, ngày đêm thường niệm, nguyện mong vãng sanh nước Phật thanh tịnh của A-di-đà Phật, mười ngày mười đêm cho đến một ngày một đêm không gián đoạn, mạng chung đều được vãng sanh nước ấy.*

Loại chánh nhân vãng sanh thứ ba được khái quát thành hai câu nói: Tu hành việc thiện của thế gian; tranh thủ thời gian, chánh niệm thì được sanh.

Loại này chỉ cho người bận nhiều việc, không thể rời nhà, cũng không thể đại tu trai giới, càng khó đạt được nhất tâm thanh tịnh. Điều này phù hợp với tình hình thực tế của xã hội trước mắt, đa phần người tại gia đều là người bận rộn, họ thuộc về loại này. Công việc của người xuất gia không hề ít hơn người tại gia, hết thảy những tật xấu của thế gian đều mang vào trong Phật giáo.

Hoàng Niệm lão từng nói một đoạn có ý nghĩa sâu sắc khiến người suy nghĩ sâu xa như sau:

Tôi từng vì việc này mà trở thành kẻ phản đồ của Phật giáo. Tôi từ nhỏ sống trong gia đình Phật giáo, tôi tin Phật, về sau nhìn thấy rất nhiều người xuất gia, tại gia, rất nhiều nhân vật có tên tuổi vẫn còn khởi tâm ganh ghét nhau, đấu đá lẫn nhau, làm rất nhiều trò tầm thường của thế gian. Khi đó tôi mười mấy tuổi nên đã hiểu lắm. Tôi nói, họ tin Phật lâu rồi, học Phật lâu rồi mà vẫn như vậy đấy, Phật pháp vô ích. Sau đó, lên năm ba đại học, xem kinh Kim Cang thì mới hiểu rõ không phải Phật pháp vô dụng mà là mọi người có lỗi với Phật pháp, như vậy tôi mới không làm phản đồ nữa.

Đọc đến đoạn này của Hoàng Niệm lão tôi cảm thấy chua xót, đau lòng. Nhìn thấy tình trạng hiện nay nơi cửa Phật so với những gì Niệm lão đã nói, đại khái là hơn chứ chẳng kém. Điều nói Tăng tán thán Tăng thì Phật pháp hưng, vậy sao Tăng lại hủy báng Tăng được? Chẳng gì lạ cả, do tâm ganh tỵ tác quái. Hiện nay một số người xuất gia, thân tuy xuất gia, tâm không hề xuất gia. Người tại gia còn hơn thế nữa, việc này nên làm thế nào?

Ở đây nêu ra hai điều: một là tu hành thập thiện; hai là tranh thủ thời gian chánh niệm thì được sanh.

Chúng ta xem lão pháp sư giải thích đoạn kinh văn này, ngài chia ra 5 đoạn nhỏ để giải thích.

Đoạn nhỏ thứ nhất: *“không thể rời nhà, không rảnh đại tu trai giới, nhất tâm thanh tịnh, hề có thời gian rảnh thì đoạn chánh thân tâm, tuyệt dục bỏ lo lắng, từ tâm tinh tấn”*.

Nghiệp duyên của vãng sanh bậc hạ so với bậc trung lại kém hơn một bậc. Nghiệp chướng của họ nặng hơn bậc trung, mặc dù bản thân muốn tu nhưng chướng ngại rất nhiều, việc nhiều, phiền não nhiều, không thể buông xuống để chuyên tu. Loại người này không rảnh để đại tu trai giới. “Hạ” là thời gian rảnh rồi. Cuộc sống vất vả hoặc công việc bận rộn, không dành được thời gian để tu hành trai giới, lại khó được nhất tâm thanh tịnh. Rất nhiều người trong số họ vì việc ăn mặc ở đi của cuộc sống mà vất vả bôn ba, họ mong cầu vãng sanh, muốn học Phật, dựa trên tình hình thực tế của họ thì họ nên tu hành như thế nào?

Lời Phật dạy là: “Người như vậy nên nỗ lực hành thiện”, “nên tranh thủ thời gian, khéo lựa chọn thời cơ, gặp duyên thì tranh thủ tu, đừng để trôi qua vô ích thì cũng nhất định được vãng sanh”. Câu kết luận sau cùng nói rất hay “cũng nhất định được vãng sanh”. Nhất định có thể vãng sanh, ngũ khí kiên định như vậy, chẳng chút hoài nghi. Khi nào thì tu hành? Hễ rảnh liền niệm Phật, gặp duyên liền tu, trải qua mỗi một ngày thì đều là tu hành. “Chỗ diệu của Tịnh tông chính là không lìa Phật pháp mà hành thế pháp, không bỏ thế pháp mà chứng Phật pháp”. Có thời gian rảnh thì phải lo tu việc thiện của thế gian, tranh thủ thời gian mà niệm Phật, phải nắm bắt thời gian, phải nắm chặt lấy thời gian, nghỉ Tết, nghỉ lễ phải lợi dụng thật tốt, đừng để trôi qua vô ích, “tức là phải khéo tận dụng thời cơ”, trong cuộc sống thường ngày phải biết khéo tận dụng thời cơ. “Rảnh thì tu ngay, vứt bỏ lo lắng đời thường”, đối với tất cả việc vướng mắc của thế gian thầy đều phải buông xuống, “dững mảnh chuyên tu”.

Đoan chánh thân tâm chính là đoan thân chánh ý, cũng là “phải tự đoan thân, phải tự đoan tâm”. Thân phải đoan chánh, chính là ngồi cho ra ngồi, không thể nghiêng vẹo hai bên, không được nằm ườn trên ghế sofa, gác hai chân lên bàn trà, quá phóng dật, hoặc là vênh hai đùi lên nhàn nhã lắc qua lắc lại. Trung Quốc thời xưa không có ghế sofa, đều là ghế bành, mục đích chính là để bạn ngồi ngay ngắn.

Trong kinh Vô Lượng Thọ, Phật khuyên chúng ta: “Các ông có thể trong đời này đoan chánh tâm ý, không làm các ác thì đức ấy rất lớn”. Đọc câu kinh văn này, xem coi có tương ứng với xã hội hiện nay của chúng ta hay không? Một chút cũng không sai. Dường như Thích-ca Mâu-ni Phật đã tận mắt nhìn thấy xã hội hiện tại của chúng ta, gọi nó là ngũ trược ác thế. Chúng ta có thể ở thế gian này “đoan tâm chánh ý, không làm các ác, đức ấy rất lớn”, thật không dễ dàng, đây là đức lớn. Những câu này nói với ai vậy? Nói với người học Phật, nói với người niệm Phật cầu sanh Tịnh độ.

Trong phẩm Bao Lược Khuyên Lơn nói: “Nếu các ông làm thiện, thiện đệ nhất là gì?” Mọi người các bạn nếu muốn hành thiện thì cái gì là đệ nhất? “Phải tự đoan chánh tâm, phải tự đoan chánh thân, tai mắt miệng mũi đều phải tự đoan chánh”, đây chính là đại thiện. Đoan chánh tâm ý là thiện đệ nhất. Chúng ta trước tiên đoan chánh tâm ý, sau đó đoan chánh thân, bao gồm tai mắt miệng mũi. Trong sáu căn, trước tiên đoan chánh ý căn, sau đó lại đoan chánh mắt tai mũi lưỡi thân. “Thế nên có thời

gian rảnh, trước tiên nên đoan chánh thân tâm”. Lúc rảnh rồi rất dễ suy nghĩ lung tung, sẽ bị cảnh giới quấy nhiễu, mắt bị sắc quấy nhiễu, tai bị âm thanh quấy nhiễu, mũi bị mùi hương quấy nhiễu, lưỡi bị mùi vị quấy nhiễu. Thân, ý không có thứ nào mà không bị quấy nhiễu. Bị quấy nhiễu thì không thể đoan chánh, bị nghiêng, bị tà rồi.

“Tuyệt dục khứ ưu”. Hoàng Niệm lão dạy chúng ta như thế này: “Tuyệt dục là trong giai đoạn này đoan tuyệt ái dục nam nữ; khứ ưu là buông xuống lo toan của thế gian”. Tuyệt dục là khi bị cảnh giới bên ngoài quấy nhiễu, phải có thể giác ngộ, phải có thể buông xuống sự quấy nhiễu này, buông xả ái dục, buông xuống âu lo. Hoàng Niệm lão còn nói: Tuyệt dục chính là cho dù là người tại gia cũng không được làm chuyện vợ chồng, bởi vì bản thân bạn phải dụng công. Khử ưu là không được lo âu, không được dâm dục, không được lo lắng những sự việc của thế gian.

Từ những điều nói trên thì tuyệt dục bao hàm hai phương diện ý nghĩa: một là chỉ ái dục giữa nam và nữ, hai là chỉ mọi loại dục vọng của con người.

“Từ tâm tinh tấn”. Từ là ban vui, từ tâm chính là lợi tha. Khiến chúng sanh đạt được tâm an lạc, chúng ta phải giúp đỡ chúng sanh lìa khổ được vui, trước tiên chính mình phải lìa khổ được vui. Bản thân chưa lìa khổ thì làm sao giúp người khác lìa khổ, bản thân chưa được vui thì làm sao giúp người khác được vui. Ai làm được? Thích-ca Mâu-ni Phật làm được. Thích-ca Mâu-ni Phật ba y một bát, ăn một bữa giữa ngày, dưới cây ngủ một đêm. Đây là gì? Đã buông xuống triệt để. Thứ mà ngài buông xuống chính là sự ưu tư, suy nghĩ của người đời. Làm thế nào ban vui cho chúng sanh? Giúp người khai ngộ, khai ngộ thì vui. Khai ngộ là gì? Đã chấm dứt sanh tử, biết chính mình đời này nhất định thoát ly lục đạo luân hồi, hỷ lạc biết bao, niềm vui này là chân lạc.

Chúng ta tu trì pháp môn này “là vì làm lợi ích cho hữu tình mà tu”. Trong Đại thừa giáo gọi là biểu pháp, làm ra tấm gương cho người khác xem. Chính mình thì sao? Chính mình có thể vắng sanh bất kỳ lúc nào, muốn đi thì đi, vì sao không đi? Làm ra tấm gương cho người khác xem, mong rằng ảnh hưởng thêm vài người, mang thêm nhiều người đến thế giới Cực Lạc, đây là lễ vật mà A-di-đà Phật hoan hỷ nhất.

Đoạn nhỏ thứ hai: “không được sân nô, đổ ky, không được tham luyến, ham ăn, keo kiệt, không được giữa chừng hối hận, không được hồ nghi, phải nên hiểu thuận, chỉ thành trung tín”.

Sân nô, đổ ky, tham lam, keo kiệt, bỏ cuộc giữa chừng, hồ nghi, bất hiểu bất thuận, bất trung bất tín, đây đều là tật xấu của chúng ta, có mấy ai không có? Hầu như mỗi người đều có. Không thể buông xuống những thói này thì công phu tu hành sao có thể đắc lực được. Thế nên, tu hành khó chính là khó ở chỗ này.

“Sân nô”, có một chút lửa của tâm sân thì có thể thiêu cháy rừng công đức, tâm sân là địa ngục. Vì sao tâm sân nghiêm trọng như vậy? Bởi vì ngay lúc bạn sân hận thì không hề có chút tâm từ bi, đối với bất kỳ người nào cũng không từ bi, thế nên quả báo của tâm sân rất thâm, đã tạo nghiệp địa ngục.

“Tật đổ”, đổ ky thành công của người khác; lại hại hiền thì gọi là “tật”. Người khác vượt hơn chúng ta, đa phần là về danh văn lợi dưỡng, bản thân cảm thấy chịu không nổi bèn sinh ra tâm đổ ky, việc này tạo nghiệp rất sâu. Chướng ngại nghiêm trọng của đổ ky là quả báo đa phần ở địa ngục. Không được đổ ky, nên hoan hỷ với thành tựu của bất kỳ người nào, thành tựu của người khác chính là thành tựu của chính mình, nên vui khi người khác vượt hơn chính mình. Thành tựu của người khác giúp đỡ rất lớn cho chúng ta. Đạo lý này rất rõ ràng, giống như ở trong tăm tối, bất luận chỗ nào có ánh đèn sáng lên đều tốt cả, ít nhiều cũng chiếu sáng cho bạn một chút. Tu trì chính là tiêu trừ cộng nghiệp, có một người tiến bộ thì tiêu đi một chút cộng nghiệp. Vì sao lại phải đổ ky? Lẽ ra nên đánh lễ mới đúng, bởi vì cộng nghiệp được tiêu trừ thì có phần bạn trong đó. Đổ ky là tư tưởng chủ nghĩa cá nhân nghiêm trọng, lòng dạ hẹp hòi, không muốn nhìn thấy người khác tiến bộ và thành công. Loại tư tưởng này dứt khoát không được có.

“Không được tham thiết, xan tích”. Tham là tham luyến hưởng thụ; thiết là ham ăn. Xan tích chính là keo kiệt, ky bo không chịu bố thí tiền của; bủn xỉn pháp, không chịu nói pháp cho người. Thứ nhất là trong mạng không có tiền tài, thứ hai là trong mạng không có trí tuệ. Đòi sau là người như thế nào? Không có trí tuệ, không có tài phú. Tiền tài và pháp đều phải bố thí.

“Giữa chừng bỏ cuộc” là tín tâm không kiên định, trước tin sau đó nghi ngờ, nên gọi là bỏ cuộc giữa chừng.

“Hồ nghi”, tánh của hồ ly hay đa nghi nên gọi là hồ nghi. Niệm nghi hại thiện căn, ví như gai độc. Vạn Thiện Đồng Quy Tập nói: “Gốc tin vững chắc thì nhổ được gai độc hoài nghi”. Tổ sư của Tịnh độ tông nói nghi là thứ dơ bẩn, giống như rất nhiều chất đại tiện trên mũ nón và y phục của bạn, không được rồi! Nghi là thứ như vậy đó, bạn còn xem nó thành bảo bối không chịu buông xả ư?

“Phải nên hiếu thuận” chính là “hiếu dưỡng cha mẹ” trong Quán Kinh, là điều đầu tiên của Tam phước, là một trong chánh nhân tịnh nghiệp của ba đời chư Phật. Trong điều thiện thế gian thì hiếu được xếp hàng đầu. Người già rất khổ, hành động bất tiện, cần người chăm sóc, cũng không được người yêu thích, rất cô độc. Cho nên phải báo ân dưỡng dục, phải hiếu thuận, trăm thiện hiếu làm đầu.

“Chí thành trung tín”, một cái là trung, một cái là hiếu, kinh Vô Lượng Thọ đều nhắc đến mỗi một phương diện làm người, không phải chỉ phiến diện. Muốn học Phật trước tiên phải làm người tốt, phải dùng thân để hoằng đạo, đệ tử Phật phải đáng được mọi người tôn kính. Ngược lại nếu người khác nhìn thấy đệ tử Phật hóa ra là như vậy bèn cho rằng tin Phật có ích gì, gây ra ảnh hưởng tiêu cực cho Phật giáo, thế nên chúng ta phải chí thành trung tín. Trung và tín này đều là chỉ cho pháp thế gian. Tín chỉ cho tín dụng, người không có tín thì không có chỗ đứng [trong xã hội]. Đối với ai cũng đều phải uy tín, nói lời phải giữ lời, không được lừa gạt người khác. Phải trung thành với đất nước, phải trung thành với nhân dân, phải trung thành với sự nghiệp. Đối với chúng ta mà nói thì chính là trung thành với sự nghiệp giáo dục của đức Phật.

Đoạn nhỏ thứ ba: *“phải tin lời kinh Phật sâu xa, phải tin làm thiện được phước, phụng trì các pháp như vậy, không được thiếu khuyết quên mất”*.

Hai câu vừa rồi là dạy bạn tin, tin điều gì? Phật không lừa người, lời Phật nói là chân thật nhất. Vì vậy thánh hiền nhân, Phật, Pháp thân Bồ-tát, Văn-thù, Phổ Hiền, Di-lặc, Địa Tạng, Quán Âm, đây đều là Đẳng giác Bồ-tát, giống y như Phật, chắc chắn một từ cũng không vọng ngữ, cho nên đọc kinh của các ngài thì phải tin tưởng.

Chú giải kinh Phật, Hoàng Niệm lão đã dẫn dụng 83 loại kinh luận, kinh điển, 110 loại chú sớ của tổ sư đại đức. Những vị tổ sư đại đức này đều minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ. Cho nên bản hội tập và chú giải này chúng ta phải đều xem như kinh điển, mỗi câu đều chân thật, trí tuệ chân thật, công đức chân thật, cho nên chân thật không dối.



Hoàng Niệm lão dạy chúng ta: Bạn nên tin tưởng lời trong kinh Phật. Lòng tin ở đây và lòng tin ban nãy vừa nói không như nhau, tin ở đây là tín trong tín nguyện trì danh, chỉ cho pháp xuất thế. Thế nào gọi là tín? Duy Thức Luận nói: “Đối với thật đức có thể tin tưởng kiên trì, hoan hỷ ưa thích, lấy tâm tịnh làm tánh”. Có thể tin tưởng đức chân thật, có thể kiên nhẫn, kiên trì, có thể hoan hỷ, có thể chứng thực. Tính chất của tín chính là tâm rất thanh tịnh, tin lời kinh Phật sâu xa. Tôi gặp rất nhiều cư sĩ, đối với kinh Phật họ có sự lĩnh hội rất hồ đồ, đem lý giải của chính mình xem thành lời của Phật mà lĩnh hội. Kinh Phật là lời rất thâm sâu, chẳng phải dung tục, cạn cợt, đây là hàm nghĩa thứ nhất. Hàm nghĩa thứ hai, Phật pháp là “vô tận tận”, sau khi bạn thâm nhập vẫn có thể tiếp tục thâm nhập, thâm nhập hơn nữa, vĩnh viễn không có cùng tận, nhất định không được lấy ít cho là đủ. Còn một hàm nghĩa khác, “ngữ thâm” nghĩa là chính xác, là chân lý, rất sâu xa. Một số người tin tưởng điều này không đủ sâu, cho nên đi tin thứ khác.

Đoạn lời nói phía trên là lời gốc của Hoàng Niệm lão, tôi không sửa một từ.

Xin nói cảm ngộ của tôi về lời nói này.

Cảm ngộ thứ nhất: lão cư sĩ không hô danh là vị đại đức đương đại trong cửa Phật khai ngộ năm 22 tuổi, khiến người kính phục! Xin cảm ơn sâu sắc lão cư sĩ đã dùng tấm thân bệnh tật vì chúng ta viết bản chú giải đệ nhất cho kinh Vô Lượng Thọ độc nhất vô nhị.

Cảm ngộ thứ hai: lão cư sĩ đối với hàm nghĩa của hai từ “ngữ thâm” trong “Phật kinh ngữ thâm” nói một cách sâu sắc, ngắn gọn súc tích, thấu triệt đến như vậy, có thể nói là lời tuyệt diệu. Không biết người đời sau liệu có ai có thể nói siêu việt hơn không, chúng ta dõi mắt chờ xem.

Cảm ngộ thứ ba: lão cư sĩ chắc chắn không phải phàm phu, mà là Phật Bồ-tát hóa thân đến cứu khổ cứu nạn. Tôi từ đâu nhìn thấy được vậy? Thấy bản chú giải của ngài giống như là nắm rõ châu báu trong nhà mình. Ngài như đang nói về việc trong nhà của mình, rất thông thuộc. Nếu không phải là người trong nhà thì sao có thể nói việc trong nhà một cách sáng tỏ như thế. Hướng đến nhóm năm vị đại đức trong nhà Phật đến thế giới Ta-bà cứu độ chúng sanh thể hiện lòng cung kính cao tột.

“Phải tin làm thiện được phước”, hành thiện chắc chắn sẽ được phước báo. Phải phụng trì hết thầy pháp đã nói ở trên. “Không được thiết khuyết quên mất”, không được lược bớt, giảm bớt. Đoạn kinh văn này thể hiện: từ Nhân thừa của thế gian hướng về Nhất thừa của Cực Lạc.

Đoạn nhỏ thứ tư: “*tư duy chín chắn, muốn được độ thoát, ngày đêm thường niệm, nguyện mong vãng sanh nước Phật thanh tịnh của A-di-đà Phật, mười ngày mười đêm cho đến một ngày một đêm không gián đoạn*”.

Đây là đoạn nhỏ thứ tư, niệm Phật trong lúc bận rộn, chính là Hoàng Niệm lão nói: “Ở đây nêu rõ tranh thủ thời gian, tinh tấn niệm Phật”.

Câu này rất quan trọng, tuy là tranh thủ thời gian nhưng vẫn tinh tấn. Tinh tấn thế nào? Mười ngày mười đêm không gián đoạn, hoặc một ngày một đêm không gián đoạn, hai mươi bốn giờ cũng gọi là tinh tấn. Hai mươi bốn giờ này thầy đều buông xuống vọng tưởng, tạp niệm, phân biệt, chấp trước, một câu Phật hiệu truy đánh niệm Phật, cũng chính là câu này nối tiếp câu kia A-di-đà Phật, A-di-đà Phật, A-di-đà Phật, A-di-đà Phật, tiếp nối như vậy không gián đoạn, không đứt đoạn thì đây gọi là tinh tấn niệm Phật, truy đánh niệm Phật.

“Tư duy” là nghĩ A-di-đà Phật, niệm A-di-đà Phật. “Thực kế” chính là thường xuyên nghĩ, nghĩ điều gì? Muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc sớm một ngày. “Muốn được độ thoát” chính là “suy xét kỹ càng chín chắn, muốn thoát sanh tử”. Thoát ly sáu cõi luân hồi, “nguyện mong vãng sanh” là “đem hết thầy công đức hồi hướng vãng sanh”.

Tu hành Phật pháp trọng thực chất không trọng hình thức. Tâm bất động là công phu chân thật, không khởi tâm, không động niệm, mắt tu ở trong sắc trần, tai tu ở trong thanh trần, mũi tu ở trong hương trần, lưỡi tu ở trong vị trần, thân tu ở trong xúc trần, ý tu ở trong pháp trần. Có thể khởi tâm động niệm hay không? Có thể. Có thể khởi tâm động niệm nhưng không được phân biệt chấp trước, đây là công phu chân thật!

Đoạn nhỏ thứ năm: “*mạng chung đều được vãng sanh nước đó*”.

Đoạn nhỏ này chỉ có một câu này, nhưng câu này quan trọng, đây là diệu quả do tu hành đạt được, mạng chung đều được vãng sanh nước ấy.

Bên trên nói về người tu hành thuộc loại chánh nhân thứ ba, công đức của họ so với hai loại đầu kém một chút, thế nhưng tất cả những người vãng sanh thế giới Cực Lạc đều là Đại thừa, vả lại trong kinh xưng tán đây là người hành Bồ-tát đạo.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Hành Bồ-tát đạo, chư vãng sanh giả giai đắc A-duy-việt-trí, giai cụ kim sắc tam thập nhị tướng, giai đương tác Phật. Dục ư hà phương Phật quốc tác Phật, tùy tâm sở nguyện. Tùy kỳ tinh tấn tảo vãn, cầu đạo bất hư, hội đương đắc chi, bất thất kỳ sở nguyện dã. A-nan, dĩ thử nghĩa lợi cố, vô lượng vô số bất khả tư nghị, vô hữu đẳng đẳng vô biên thế giới, chư Phật Như Lai giai cộng xưng tán Vô Lượng Thọ Phật sở hữu công đức.**

*Hành đạo Bồ-tát, những người vãng sanh đều đắc A-duy-việt-trí, đều đủ sắc vàng, ba mươi hai tướng, đều sẽ thành Phật. Nếu muốn thành Phật ở cõi Phật phương nào đều như sở nguyện. Tùy vào sự tinh tấn nên có sớm hay muộn, cầu đạo không ngừng nghỉ thì sẽ đạt được, không mất sở nguyện đó. Này A-nan! Bởi vì ý nghĩa lợi ích này mà vô lượng vô số không thể nghĩ bàn không biết bao nhiêu chư Phật Như Lai trong vô biên thế giới đều cùng xưng tán tất cả công đức của Phật Vô Lượng Thọ.*

Những người vãng sanh đều hành Bồ-tát đạo, hai câu này chỉ cho những người tu đạo Bồ-tát ở trên, thế nên chúng ta chớ hoài nghi những người này có phát tâm Bồ-đề hay không? Bởi vì những điều họ làm đã là Bồ-tát đạo rồi, đó cũng là tâm Bồ-đề. Có loại tâm này thì mới có việc làm này, thế nhưng có đủ hay không, có rộng lớn hay không thì lại là một vấn đề khác nữa. Vì vậy những chánh nhân này đều là người tu hành Đại thừa, sau khi vãng sanh đều là Bồ-tát A-duy-việt-trí.

Thấy đều có ba mươi hai tướng tốt thân kim sắc, đều chắc chắn làm Phật. Muốn làm Phật ở phương nào và duyên với chúng sanh ở phương đó đã chín muồi, chúng sanh ở phương đó có cảm, thì Bồ-tát ở phương này có ứng. Tùy theo nguyện lực của họ, tùy theo mức độ tinh tấn của họ và tình hình cầu đạo không ngơi nghỉ thì sẽ có một vài khác biệt, nhưng tóm lại đều sẽ đạt được, có điều sớm muộn không như nhau, nhưng sở nguyện của họ không mất đi.

Bởi vì ý nghĩa lợi ích đó, bởi vì những đạo lý này rất có lợi, cho nên vô lượng vô số không thể nghĩ bàn không biết bao nhiêu chư Phật Như Lai ở vô biên thế

giới đều cùng xung dương tán thán tất cả công đức của Phật Vô Lượng Thọ. Pháp môn Tịnh độ là pháp môn mà tất cả chư Phật đều tán thán, đây là Thích-ca Mâu-ni Phật nói, nếu chúng ta không tin thì còn xem là tín đồ Phật giáo hay không? Thế nhưng trên thực tế mọi người không tin tưởng, đây là việc lớn, họ đều xuất gia rồi mà vẫn không đủ lòng tin với Thích-ca Mâu-ni Phật, kết quả đáng được cảnh giác. Đây là lời nhắc nhở và cảnh cáo của Hoàng Niệm lão dành cho chúng ta. Bạn có thể tự hỏi chính mình rốt cuộc là thật tin hay giả tin, nếu như là giả thì núi đao rừng kiếm tuyệt đối chẳng phải là hư dối, chớ tự gạt chính mình.

Pháp môn Tịnh độ là mười phương chư Phật đều xung tán, thiên kinh vạn luận đều nhắc đến. “Ban cho lợi ích chân thật”, chữ lợi này có hai cách giải thích:

Thứ nhất là lợi ích kiên cố, nói đạo lý này giống như kim cương Bát-nhã, ý nghĩa của kim cương là có thể phá vỡ tất cả mà không bị tất cả phá vỡ; có thể phá trừ tất cả tà kiến mà không bị tất cả tà kiến quấy nhiễu.

Hai là lợi ích. Nếu thật sự có thể tiếp nhận thì bạn đắc đạo. Chư Phật sở dĩ muốn xuất hiện ở thế gian chính là muốn ban cho chúng sanh lợi ích chân thật. Thế nên Phật nói: “Này A-nan, do vì ý nghĩa lợi ích ấy mà vô lượng vô số không thể nghĩ bàn không biết bao nhiêu chư Phật Như Lai trong vô biên thế giới mười phương đều xung tán vô lượng công đức của A-di-đà Phật”. Ngày nay những vấn đề chúng ta gặp phải là do chúng sanh mê quá sâu, mê quá lâu. Hiện nay ít người giảng kinh, ít người thật sự tu hành. Chư Phật giáo hóa chúng sanh dựa vào điều gì? Dựa và giảng kinh thuyết pháp. Kinh điển có tốt đến đâu mà không có người giới thiệu cho chúng sanh, chúng sanh không nhận thức thì làm sao chúng sanh biết được đây là chánh pháp chân chánh được? Đừng sợ có người nói tà pháp, chỉ sợ không có người nói chánh pháp. Chúng ta không cần tranh với người, không cần đấu với người, không cần biện luận với người, đừng đem thời gian quý báu lãng phí vào việc tranh với người, đấu với người, biện luận với người, chẳng đáng tí nào. Nếu bạn đối với việc làm hành vi của mình có tín tâm đầy đủ thì bạn hãy thật thà nói lời mà bạn nên nói, làm việc mà bản thân nên làm. Có một tiêu chuẩn để đo lường, đó chính là hành vi việc làm của bạn có lợi nước, lợi dân, lợi ích chúng sanh hay không? Nếu như là có thì bạn cứ việc thẳng lưng ưỡn ngực tiến lên trước, Thái Sơn có đè xuống cũng không khom lưng. Hai mươi năm qua, đặc biệt là con đường học Phật mười năm sau này, tôi chính là đã đi như thế. Vì sao tôi có thể có được dũng khí này, chịu được đủ

mọi áp lực lớn? Từ năm 2000 bắt đầu nghe Phật pháp đến năm 2010 gặp được ân sư, tôi đã nhận thức rõ ràng rằng tôi đến thế giới này không phải đến để du lịch, mà tôi đến làm việc miễn phí cho A-di-đà Phật, tôi là nhân viên công vụ đến phục vụ cho chúng sanh khổ nạn.

Tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ thật sự là việc bất đắc dĩ mới làm, tôi không tham danh lợi, chơi trội chơi nổi. Cả đời không dính vào chút rìa của danh và lợi, đã 77 tuổi rồi, già rồi, già rồi, tôi còn dính vào mấy thứ danh lợi đó để làm gì? Tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ là vì lương tâm lên tiếng. Mấy năm gần đây đi thăm sư phụ, cảm nhận thể lực của sư phụ đã suy giảm, nói chuyện khó khăn. Mặc dù như vậy, vị lão nhân cao niên 94 tuổi vẫn kiên trì ở tuyến đầu giảng kinh, tôi hổ thẹn, tôi xấu hổ, tôi không nhẫn tâm, lương tâm dày vò khiến tôi không thể tha cho bản thân, ăn ngủ không yên.

Lần trước đi Hồng Kông thăm sư phụ, ngài nói chuyện phát âm rất khó khăn, phải dùng máy khuếch âm thì tôi mới có thể nghe được lời sư phụ nói. Lần đó, sư phụ dường như có rất nhiều lời muốn nói với tôi, mắt của ngài nhìn chăm chăm vào tôi, nói không ngừng, dường như sợ tôi nghe không hiểu, nói một mạch cho đến giờ ăn trưa. Tôi mang máng linh cảm rằng đây là lời dặn dò sau cùng của ngài dành cho tôi, tâm của tôi bất giác thất lại, tôi không dám nghĩ tiếp nữa, tôi không muốn nghĩ tiếp nữa. Tôi cố hết sức néo mình một cái đừng nghĩ ngợi lung tung. Thế giới loạn như vậy, tai nạn nhiều như vậy, chúng sanh khổ nạn sẽ sống như thế nào đây? Sư phụ từ bi xin đừng bỏ chúng sanh, ngài còn thì chúng sanh an, trong tâm có chỗ dựa, nguyện cầu ân sư của con, trụ lâu ở thế gian, chúng con sẽ nghe lời, đều làm học sinh tốt, ân sư ngài yên tâm, chúng con trưởng thành rồi, khi làm xong sứ mệnh sẽ cùng thầy về nhà.

Xin lỗi, vì sao tôi xúc động đến như vậy? Bởi vì lần trước tôi đi thăm sư phụ, lời sư phụ nói với tôi và cảnh tượng khi đó ngài nói chuyện với tôi đã in sâu vào trong đầu tôi, khi nói đến đây thì cảnh tượng đó đã hiện ra, thành thật xin lỗi mọi người.

Bây giờ bắt đầu giảng kinh văn phẩm thứ 26:

## **LỄ CÚNG THÍNH PHÁP ĐỆ NHỊ THẬP LỤC**

Phẩm kinh văn này giới thiệu cuộc sống thường ngày và tình hình hoạt động của các Bồ-tát ở thế giới Tây Phương Cực Lạc. Trước hết chúng tôi nói về tựa đề của phẩm này: Lễ cúng nghe pháp.

Hoàng Niệm lão giải thích như sau:

Lễ cúng là chư đại Bồ-tát của mười phương thế giới đều đến thế giới Cực Lạc lễ bái cúng dường A-di-đà Phật. Nghe pháp là A-di-đà Phật nghĩ thương những vị đã đến nên tuyên diễn diệu pháp cho họ, các vị đại sĩ mười phương hoan hỷ lắng nghe. Trong đây đức Di-đà thuyết pháp và đức Thích Tôn thuật lại, nhưng hai vị đạo sư của hai cõi đều như nhau, Thích Tôn dùng miệng truyền lời đầu khác gì đức Di-đà đích thân nói ra. Cho nên ngày nay chúng ta đọc kinh cũng không khác gì được dự hội nghe pháp. Cuối phẩm Thích Tôn lại tán thán các Đại sĩ nghe pháp là tự lợi lợi tha, thọ ký đức thành Phật cho họ.

Tiếp theo chúng tôi đọc lại lời giải thích của Niệm lão và giải thích sơ qua để cho mọi người học tập.

Tầng thứ nhất: “Lễ cúng là chư đại Bồ-tát của mười phương thế giới đều đến thế giới Cực Lạc lễ bái cúng dường A-di-đà Phật”. Ý nghĩa này rất sâu, mười phương thế giới không có ngăn mé, vô lượng vô biên vô số vô tận thế giới của chư Phật, thế giới của Phật chính là khu vực dạy học của Phật, là phạm vi giáo hóa của ngài, trong kinh thường gọi là “tam thiên đại thiên thế giới”, đây là khu vực giáo hóa của một vị Phật. Ở đây là nói mười phương thế giới, chư đại Bồ-tát, Đại thừa Bồ-tát trong những thế giới này. Trong Phật pháp thông thường nói rằng đại Bồ-tát đều minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Sơ trụ của Viên giáo trở lên, Biệt giáo là Sơ địa trở lên mới được gọi là đại Bồ-tát. Điểm khác biệt là các ngài không phải là Tam hiền Bồ-tát. Tam hiền là Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, không phải là những loại này, mà là đại Bồ-tát.

Có một vấn đề về khái niệm mà các đồng tu cần hiểu rõ một chút. Trong phạm vi giáo hóa của Phật, như chúng ta là phàm phu lục đạo, trên lục đạo phàm phu có Thanh văn. Thanh văn có tứ quả tứ hướng, tám cấp bậc là: Sơ quả hướng, Sơ quả, Nhị quả hướng, Nhị quả, Tam quả hướng, Tam quả, Tứ quả hướng, Tứ quả. Hướng lên trên nữa là Bích-chi Phật, đây thuộc về Tiểu thừa, đã đoạn kiến tư phiền não, vẫn còn trần sa và vô minh, họ đã thoát ly lục đạo luân hồi, trụ trong tứ thánh pháp giới của mười pháp giới. Thanh văn, A-la-hán, các ngài trụ ở pháp giới Thanh văn. Bích-

chi Phật trụ ở pháp giới Duyên giác. Còn có Tam hiền Bồ-tát là Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, quyền giáo Bồ-tát trụ ở pháp giới Bồ-tát. Trên pháp giới Bồ-tát còn có pháp giới Phật. Đây chính là mười pháp giới. Lục đạo cộng với tứ thánh pháp giới tổng cộng gọi là mười pháp giới, đây đều là phạm vi giáo hóa của một vị Phật.

Cao nhất trong mười pháp giới là pháp giới Phật. Phật trong mười pháp giới thị hiện giáo hóa chúng sanh trong mười pháp giới. Lại lên trên nữa thì đó thật sự gọi là đại Bồ-tát, lại tiếp tục lên trên nữa, vượt ra ngoài mười pháp giới thì các ngài trụ ở đâu? Trụ ở báo độ của Như Lai, báo độ của Phật, bốn cõi có cõi Thường Tịch Quang, cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Các ngài trụ ở cõi Thật Báo Trang Nghiêm thì là đại Bồ-tát. Người đến nghe A-di-đà Phật thuyết pháp không phải là người thông thường, mà đều là đại Bồ-tát ở cõi Thật Báo Trang Nghiêm dưới hội của mười phương chư Phật Như Lai. Bởi vì những Bồ-tát trong lục đạo và Tam hiền Bồ-tát vẫn chưa có năng lực phân thân đi cúng dường Phật, đi nghe pháp, không có năng lực này. Nhất định phải chứng đắc cõi Thật Báo Trang Nghiêm, cũng chính là trong kinh thường gọi là A-duy-việt-trí Bồ-tát thì mới có năng lực tự tại, muốn đến thế giới nào thì đến thế giới đó, ứng thân, hóa thân đến mười phương thế giới để cúng dường Phật và nghe pháp. Cúng dường Phật là tu phước báo, nghe pháp là khai trí tuệ, phước huệ song tu.

Sự thù thắng của thế giới Tây Phương Cực Lạc có thể cảm được mười phương thế giới, vô lượng vô biên vô số vô tận thế giới trong mười phương, những đại Bồ-tát ở trong đó số lượng rất nhiều, các ngài đến cúng dường A-di-đà Phật. Con người không thể không có phước báo, phước báo từ đâu có? Phước báo cúng dường Phật là lớn nhất. Ở thế gian thì phước báo cúng dường Tam bảo là lớn nhất, thế nhưng phải chú ý là việc cúng dường này phải như lý như pháp; không như lý, không như pháp, hoặc là dùng tâm sai thì sẽ không đạt được lợi ích công đức thù thắng của Phật pháp.

“Nghe pháp là A-di-đà Phật nghĩ thương những vị đã đến mà tuyên diễn diệu pháp cho họ”. Các Bồ-tát từ mười phương thế giới đến thế giới Cực Lạc lay Phật, nghe pháp, Thế Tôn ứng cơ mà thuyết pháp, họ có trình độ thế nào, tu học những pháp môn nào, Phật đều biết cả. Cho nên A-di-đà Phật thuyết pháp vô cùng khéo cơ, mọi người nghe rồi đều có thể khai ngộ, đều có thể chứng quả, đây là công đức thù thắng không gì sánh được. Thế nên những đại Bồ-tát này đều hoan hỷ nghe

pháp. Và lại sau khi nghe xong đều có thể đại triệt đại ngộ, đến thế giới Cực Lạc đều ở cõi Thật Báo.

Người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc có phước báo thù thắng, thù thắng ở chỗ nào? Chỉ cần sanh đến thế giới Cực Lạc, vãng sanh hạ hạ phẩm ở cõi Phạm Thánh Đồng Cư đều có thể, đều được uy thần của bốn mươi tám nguyện của A-di-đà Phật gia trì. Một khi Phật gia trì thì đái ngộ của bạn được nâng lên, hưởng thụ sự đái ngộ dành cho A-duy-việt-trí. Việc này trong thế giới chư Phật mười phương đều không có, chỉ có thế giới Cực Lạc có. Người vãng sanh quá thù thắng, vãng sanh đến thế giới Cực Lạc thì cũng như thành Phật. Trên thực tế ở đó họ vẫn phải tu hành, không phải Phật thật, thế nhưng họ được đái ngộ giống như Phật, chính là đồng trí tuệ, đồng đức năng, đồng tướng hảo, thần thông y hệt, diệu dụng như nhau, đều giống như Phật, không thể nghĩ bàn.

“Trong đây Di-đà thuyết pháp, rồi Thích Tôn thuật lại”. A-di-đà Phật ở cõi Thật Báo Trang Nghiêm của thế giới Cực Lạc thuyết pháp cho đại Bồ-tát mười phương. Nói những điều gì thì Thích-ca Mâu-ni Phật thuật lại, đem pháp mà A-di-đà Phật đã nói theo đó nói lại một lần. “Thế nhưng hai vị đạo sư của hai cõi đều như nhau”, A-di-đà Phật chứng đắc quả vị vô thượng rốt ráo, Thích-ca Như Lai cũng chứng đắc quả vị vô thượng rốt ráo, địa vị của các ngài là bình đẳng. Thế nên Thích Tôn dùng miệng truyền lời cũng như A-di-đà Phật đích thân nói rõ cho chúng ta, không có khác biệt. Hiện nay chúng ta đọc kinh cũng không khác gì được dự hội nghe pháp. Chúng ta ngày nay nghe Thích Tôn nói lại và nghe A-di-đà Phật thuyết pháp không có khác biệt.

“Thích Tôn còn tán thán các vị Đại sĩ nghe pháp là tự lợi lợi tha, thọ ký đức thành Phật cho họ”. Các đại Bồ-tát từ mười phương thế giới đến thế giới Cực Lạc tham học được A-di-đà Phật thọ ký sẽ thành Phật.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!



## TẬP 60

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Tiếp theo mời xem đoạn kinh văn thứ nhất của phẩm thứ 26:

**Phục thứ A-nan, thập phương thế giới chư Bồ-tát chúng, vị dục chiêm lễ Cực Lạc thế giới Vô Lượng Thọ Phật, các dĩ hương hoa tràng phan bảo cái, vãng nghệ Phật sở, cung kính cúng dường, thỉnh thọ kinh pháp, tuyên bố đạo hóa, xưng tán Phật độ công đức trang nghiêm. Nhĩ thời Thế Tôn tức thuyết tụng viết.**

*Lại nữa A-nan! Các chúng Bồ-tát ở mười phương thế giới vì muốn chiêm lễ Phật Vô Lượng Thọ ở thế giới Cực Lạc, mỗi người đều đem hương hoa, tràng phan, bảo cái đến chỗ Phật, cung kính cúng dường, nghe nhận kinh pháp, tuyên dương truyền bá đức giáo hóa, xưng tán công đức trang nghiêm của cõi Phật. Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ tụng rằng.*

Đoạn kinh văn này, Phật nói với chúng ta, các Bồ-tát của mười phương thế giới đến thế giới Cực Lạc tham lễ A-di-đà Phật, chính là sự thành tựu của năm nguyện sau cùng trong 48 nguyện. Năm nguyện sau cùng là A-di-đà Phật vì Bồ-tát mười phương mà phát đại nguyện, đại nguyện của đức Di-đà toàn bộ đã thành hiện thực. Bồ-tát mười phương đến thế giới Cực Lạc nghe kinh nghe pháp, các ngài đều là đại chúng căn cơ thành Phật đã chín muồi.

Đại ý của đoạn kinh văn này là: Lại nữa A-nan, chư Bồ-tát của mười phương thế giới, nghe những lời tán thán A-di-đà Phật ở trên, đều muốn đi chiêm ngưỡng, lễ bái Phật Vô Lượng Thọ ở thế giới Cực Lạc. Thế nên mỗi vị đều mang hương, hoa, tràng phan, lọng báu đến cõi nước Cực Lạc của A-di-đà Phật đi cung kính cúng dường, nghe nhận kinh pháp, nghe A-di-đà Phật giảng kinh, rồi tuyên dương truyền bá. Sau khi nghe xong, bản thân cũng có thể thuật lại cho người khác, khen ngợi công đức trang nghiêm của cõi Phật. Tôi đã đến thế giới Cực Lạc, để tôi kể cho mọi người thế giới Cực Lạc hình dạng ra sao. Do đây vô số Bồ-tát chẳng thể kể xiết của mười phương thế giới đều đã đến thế giới Cực Lạc.

Tiếp theo Thế Tôn bắt đầu nói kệ tụng. Kinh văn toàn phẩm có 17 bài rười kệ tụng. Kệ tụng thuộc về thơ ngũ ngôn, bốn câu là một bài, có thể chia thành bốn đoạn lớn. Đoạn lớn thứ nhất là đức Bốn sư tán thán Bồ-tát mười phương. Đoạn lớn thứ hai là A-di-đà Phật tán thán Bồ-tát mười phương. Hai đoạn kinh văn này khá dài, chúng tôi trước tiên nói về hai đoạn kinh văn này.

Phật thuyết pháp có hai thể loại: một loại là trường hàng, một loại là tụng. Tụng là hình thức thi ca, lời ít mà ý nhiều, lại còn sâu sắc, văn tự tuyệt đẹp, âm điệu trầm bổng, rất dễ khiến người cảm động.

Mời xem kệ tụng sau đây, đây là kệ tụng mà Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật tán thán Bồ-tát mười phương.

**Đông phương chư Phật sát, số như Hằng hà sa. Hằng sa Bồ-tát chúng  
vãng lễ Vô Lượng Thọ.**

*Các cõi Phật phương Đông, số nhiều như cát sông Hằng. Hằng sa chúng Bồ-tát đến lễ Vô Lượng Thọ.*

Những câu này dễ hiểu, chư Phật mười phương, trước tiên nói phương Đông. Vô lượng vô biên cõi Phật ở phương Đông, dùng cát sông Hằng để tỉ dụ cho số lượng. Cát sông Hằng rất mịn rất nhiều, ai có thể đếm được rõ? Thế Tôn năm xưa tại thế đa phần giảng kinh ở hai bên bờ lưu vực sông Hằng, thế nên gặp con số lớn đều dùng cát sông Hằng để tỉ dụ. Số lượng cõi Phật mười phương giống như cát sông Hằng, đếm không hết, không cách gì đếm được. Chư Bồ-tát nhiều như cát sông Hằng, có bao nhiêu Bồ-tát vậy? Cũng như cát sông Hằng, rất là nhiều. Những Bồ-tát này đều đến thế giới Tây Phương Cực Lạc tham phỏng A-di-đà Phật, đến lễ Phật Vô Lượng Thọ, đến thế giới Cực Lạc lễ bái Phật, đây là nói phương Đông.

**Nam Tây Bắc tứ duy, thượng hạ diệc phục nhiên, hàm dĩ tôn trọng tâm,  
phụng chư trân diệu cúng.**

*Các phương Nam, Tây, Bắc, phương phụ và trên dưới cũng đều như vậy, đều dùng tâm tôn trọng, cúng dường các thứ trân diệu.*

Đều giống như [Bồ-tát của] cõi Phật ở phương Đông, số lượng vô số vô biên tế, đến thế giới Cực Lạc lễ bái A-di-đà Phật, thỉnh pháp với A-di-đà Phật. Cũng như vậy, dùng tâm thành kính phụng hiến các loại phẩm vật cúng dường trân quý vi diệu thù thắng. Khi gặp Phật, mang một chút lễ vật để biểu đạt ý cung kính của mình. Những phẩm vật cúng dường quý báu này, A-di-đà Phật có cần không? Không cần, không cần thì sao? Để A-di-đà Phật trang nghiêm đạo tràng. Bài kệ tụng này là nói tài cúng dường.

**Sướng phát hòa nhã âm, ca thán Tối Thắng tôn, cứu đạt thần thông huệ, du nhập thâm pháp môn.**

*Khoan khoái phát ra lời hòa nhã, ca ngợi đấng Tối Thắng, rớt ráo thông đạt thần thông và trí tuệ, chứng nhập pháp môn thâm sâu.*

*“Sướng phát hòa nhã âm”*

Sướng là khoan khoái, từ trong lòng phát ra nên gọi là “sướng phát”. Từ trong lòng nghĩa là từ trong tâm, tâm này là chân tâm, không phải vọng tâm, từ trong tâm lưu xuất ra thì gọi là “sướng phát”. Nghe rồi thấy rất hòa, rất nhã.

Chúng ta trong cuộc sống thường ngày dùng chân tâm, không dùng vọng tâm. Chân tâm là không lừa gạt chính mình, không lừa gạt người khác. Vì sao vậy? Bởi vì chúng ta cầu sanh thế giới Cực Lạc, tất cả mọi thứ ở thế giới Cực Lạc đều là thật, không thứ nào hư giả, vọng tâm và thế giới Cực Lạc không tương ưng. Cầu sanh thế giới Cực Lạc phải dùng chân tâm, dùng chân tâm niệm Phật thì đặc biệt có cảm ứng. Chúng ta niệm Phật vì sao không có cảm ứng? Bởi vì chúng ta là dùng vọng tâm niệm Phật, vẫn có vọng tưởng, vẫn còn phân biệt, vẫn còn chấp trước, còn có tham sân si mạn nghi, còn oán hận náo nộ phiền, niệm Phật như vậy thì sao tương ưng được? Chúng ta làm thế nào đem những phiền não này buông xuống, gột rửa sạch sẽ? Duy chỉ trong cuộc sống dùng chân tâm, trong công việc dùng chân tâm, đối nhân xử thế tiếp vật dùng chân tâm, niệm Phật cũng dùng chân tâm.

Từ tâm phát ra thì gọi là “sướng phát”. Âm thanh ấy hòa nhã nên gọi là “hòa nhã âm”, âm thanh hòa nhã nhu hòa. Hội Sớ nói: “Ngũ âm hòa nhau, thanh điệu phát ra không tà nên gọi là hòa nhã. Ca là ca vịnh, thán là tán thán”. “Tối Thắng tôn” chỉ

cho A-di-đà Phật. A-di-đà Phật là quang minh tôn quý nhất, vua trong các Phật, cho nên gọi ngài là “Tối Thắng”.

*“Cứu đạt thần thông huệ”*

Đây là tán thán công đức của Phật. Cứu là rốt ráo, đạt là thông đạt. Công đức của Phật là rốt ráo tận cùng, thần thông trí tuệ đều thông suốt, toàn bộ đều thông. Kinh Lục Ba-la-mật nói: “Thần thông là có thể dùng sức của thông thấy được cực vi sắc”. Bởi vì có thông nên có thể thấy được cực vi sắc, cực vi tế. Vi khuẩn trên chân của con ruồi, mọi người không nhìn thấy, dùng kính lúp thì nhìn thấy được. Đây chưa phải là cực vi, khoa học hiện nay có thể phóng đại gấp bao nhiêu lần nhưng vẫn chưa thể nói là thấy được cực vi sắc. Thần thông không cần dùng đến công cụ mà mắt có thể nhìn thấy được cực vi sắc. Trí tuệ là dùng pháp nhãn thanh tịnh nhìn thấy được hết thấy cực vi sắc. Biết rằng bản tánh của nó là không, sắc tức là không, không nắm giữ, không chấp trước, đây chính là trí tuệ.

“Nghe được các âm thanh cực kỳ nhỏ của thế gian nên gọi là thần thông. Từ các âm thanh, ngộ vô ngôn thuyết, lia các thí dụ nên gọi là trí tuệ. Có thể biết tất cả tâm hạnh của chúng hữu tình nên gọi là thần thông. Hiểu rõ vọng tâm của chư hữu tình không phải chân tâm nên gọi là trí tuệ. Đối với việc quá khứ, vị lai đều có thể nhớ biết nên gọi là thần thông. Hiểu rõ cõi Phật là không nên gọi là trí tuệ. Biết rõ tướng căn tánh khác biệt nên gọi là thần thông. Hiểu rõ thắng nghĩa không nên gọi là trí tuệ. Có thể biết rõ các pháp nên gọi là thần thông. Biết rõ cõi đời huyễn mộng nên gọi là trí tuệ”. Đối với những thần thông, trí tuệ này đều thông đạt rốt ráo thì gọi là “cứu đạt thần thông huệ”.

Phật có sáu loại thần thông, sáu loại thần thông của Phật đều đạt đến rốt ráo viên mãn. Bồ-tát cũng có sáu loại thần thông nhưng chưa đạt đến rốt ráo viên mãn. A-la-hán có thể biết 500 đời quá khứ nên không được gọi là thông đạt rốt ráo. Sơ quả Tu-đà-hoàn, họ là thánh nhân, có hai loại thông: thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, đương nhiên không rốt ráo. Nếu chứng được Nhị quả, lại cộng thêm hai loại thần thông: tha tâm thông, túc mạng thông. Tha tâm thông thì họ biết được khởi tâm động niệm của người khác, không giấu được họ. Túc mạng thông là gì? Biết được đời quá khứ của chính mình, thông thường mười mấy, hai mươi mấy đời quá khứ đều biết được, nhưng không rốt ráo. Thông đạt rốt ráo thần thông huệ thì rất cừ khôi, ai có thể đạt được? Là chư Phật Như Lai, Đẳng giác Bồ-tát. Thập địa Bồ-tát

vẫn chưa thể gọi là thông đạt rốt ráo. Đẳng giác thì có thể, thật sự thông đạt rốt ráo viên mãn đó chính là quả địa Như Lai, đã thành Phật rồi, không phải Bồ-tát. Đại sư Huệ Năng đại triệt đại ngộ chính là cảnh giới này, đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Đại sư Huệ Năng báo cáo với Ngũ tổ, nói 5 câu, Ngũ tổ gật đầu, đem y bát truyền cho ngài.

Thế nào là tự tánh? Đại sư Huệ Năng đã nói 5 câu:

Câu thứ nhất, “nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”. Tự tánh là thanh tịnh, trước giờ chưa từng nhiễm ô. Nhiễm ô là gì? Là thức thứ bảy mặt-na. Mặt-na gọi là thức nhiễm ô, thức thứ sáu có thể duyên đến mặt-na thức. Vốn tự thanh tịnh, cho nên tu hành thì tâm thanh tịnh quan trọng, mục tiêu sau cùng của tu hành là minh tâm kiến tánh. Thấy được tự tánh vốn tự thanh tịnh, chưa từng nhiễm ô. Lúc này trí tuệ, công đức, tướng hảo thấy đều hiện tiền.

Câu thứ hai, “nào ngờ tự tánh vốn không sanh diệt”. Hết thấy pháp, toàn bộ vũ trụ, phàm là hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên thì đều là pháp sanh diệt, có sanh có diệt. Thế nhưng tự tánh không sanh không diệt, thấy được rồi.

Câu thứ ba, “nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”. Đầy đủ điều gì? Vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, mọi thứ đều đầy đủ, không thiếu một thứ nào. Đầy đủ ở đâu? Chính là toàn thể vũ trụ. Toàn bộ vũ trụ là tự tánh vốn tự đầy đủ, vì vậy có duyên thì hiện, vô duyên thì ẩn, cực vi diệu!

Câu thứ tư, “nào ngờ tự tánh vốn không dao động”. Đây là tự tánh vốn định, chúng ta phải hiểu tu định, phải biết tu định, tu ở đâu? Sáu căn tu định trong cảnh giới sáu trần, định cao nhất là định của Như Lai, không khởi tâm, không động niệm. Cấp thứ hai là định của Bồ-tát, Bồ-tát có khởi tâm động niệm, nhưng không có phân biệt chấp trước. Cấp thứ ba là định của A-la-hán, A-la-hán vẫn còn phân biệt nhưng không có chấp trước, cho nên họ thoát ly tam giới. Cấp thứ tư là lục đạo phàm phu, khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước thứ nào cũng chẳng ít, thế nên không ra khỏi được lục đạo luân hồi.

Câu thứ năm, “nào ngờ tự tánh có thể sanh vạn pháp”. Vạn pháp chính là toàn thể vũ trụ, vũ trụ từ đâu mà có? Do tự tánh biến ra. Tiền đề để biến hiện là bên trong tự tánh phải có, không có thì lấy gì để biến. Câu thứ ba của đại sư Huệ Năng đã nói

với chúng ta “vốn tự đầy đủ”. Đầy đủ chính là thứ gì cũng không thiếu, muốn thứ gì có thứ đó, cho nên mới có thể sanh ra vạn pháp.

Đại sư Huệ Năng nói ra năm câu này thì đã tốt nghiệp học Phật rồi, đây là luận văn tốt nghiệp của ngài, Ngũ tổ truyền y bát cho ngài. Người niệm Phật niệm đến cảnh giới này thì gọi là lý nhất tâm bất loạn, là cảnh giới đại triệt đại ngộ. Sự nhất tâm bất loạn là cảnh giới của A-la-hán, đã đoạn tham sân si mạn nghi rồi. Nếu một người bên trong không có tham sân si mạn nghi, bên ngoài không có oán hận náo nộ phiền, bạn nói xem bạn tự tại biết bao, vui vẻ biết bao. Chúng ta ai mà không mong muốn có đời sống hạnh phúc, vui vẻ, tự tại. Có thể đạt được hay không? Có thể! Y pháp tu hành thì có thể đạt được, pháp này không phải chỉ nói riêng Phật pháp, mà y theo phương pháp của nhà Nho, phương pháp của nhà Đạo thì thấy đều có thể đạt được, chỉ là tên gọi không như nhau. Phương pháp, nguyên lý tu học của họ hoàn toàn tương đồng.

Lão pháp sư đã nói một đoạn có ý nghĩa sâu xa như sau, tôi trích ra ở đây, mong các đồng tu thưởng thức cận kề.

“Hiện nay, vấn đề hiện nay rất nghiêm trọng, thầy tốt không tìm ra học sinh, học sinh tốt không tìm được thầy, việc này là thật không phải giả. Cho nên một giáp gần đây, sáu mươi năm là một giáp, không có nhân tài xuất hiện, không có nhân tài bậc thầy. Nguyên nhân này chúng ta rất rõ ràng, rất sáng tỏ, chính là không có gốc hiếu thân tôn sư, đối với những điều học được không tôn trọng, đối với thầy không có tâm tôn trọng. Thầy có dạy hay không? Thầy không dạy được, dạy cũng uổng công, vì sao vậy? Họ nghe không vô, họ nghe không hiểu, chẳng phải thầy không dạy mà học sinh không chịu học, không có thái độ tu học tốt, việc này rất quan trọng. Người hiện nay thiếu mất giáo dục gia đình, giáo dục gia đình là giáo dục nền tảng, học điều gì? Học hiếu, học kính, đối với người lớn tuổi phải tôn kính, đối với cha mẹ phải hiếu thuận, đây là văn hóa truyền thống Trung Quốc, là gốc rễ lớn của giáo dục truyền thống. Nếu chúng ta có thể khôi phục lại cái gốc thì chúng tôi tin rằng, có lý do tin rằng chư Phật Bồ-tát sẽ ứng hóa đến thế gian để dạy học. Không có điều kiện này thì hóa thân của chư Phật Bồ-tát sẽ bỏ đi, sẽ rời khỏi”.

Lời nói này của lão pháp sư, bạn có cảm ngộ gì?

*“Du nhập thâm pháp môn”*

Sư Tịnh Ảnh nói: “Thần thông và trí tuệ này đều nương vào pháp mà thành tựu”. Chính là nói thần thông và trí tuệ là dựa vào đâu để thành tựu? Dựa vào pháp mà thành tựu. Đây là pháp gì? Đây là đại pháp minh tâm kiến tánh, đây là đại pháp trở về tự tánh. Phật nói 84.000 pháp môn, pháp môn bình đẳng không có cao thấp, vì sao vậy? Bởi vì mỗi một pháp đều có thể đạt được thần thông rất rạo, chính là thần thông và trí tuệ đều rất rạo thông đạt viên mãn. Mỗi một pháp đều là tu định, cho nên tu định là tương đồng, đại định đạt được đều như nhau. Đại định chính là tự tánh vốn định, chính là “nào ngờ tự tánh vốn không dao động” mà đại sư Huệ Năng nói. Chân tâm của chúng ta là định, vọng tâm là động: vọng tâm có sanh có diệt, chân tâm không sanh không diệt.

Ngày nay chúng ta lựa chọn pháp nào? Lựa chọn pháp tín nguyện trì danh mà đại sư Ngẫu Ích nói, chính là bốn chữ này. Tin tưởng thật có thể giới Cực Lạc, thật có A-di-đà Phật, nhất định không có hoài nghi, đây là thật tin. Thứ hai là thật nguyện, thật sự muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc. Vì sao vậy? Thế giới này quá khổ rồi, hà tất lưu luyến thế giới khổ nạn này?

Lão pháp sư nói với chúng ta một việc đều liên quan đến mỗi người chúng ta. Đó chính là làm thế nào đối đãi với sự nghiệp? Ngài nói: “Bạn thật sự vẫn chưa buông xuống. Tôi nói một việc mọi người dễ hiểu, chính là sự và nghiệp của bạn, nếu bạn vẫn chưa thể buông xuống sự thì nghiệp là nghiệp lực sẽ níu giữ bạn lại nơi này. Phải như thế nào vậy? Sự nghiệp đều phải làm vô cùng nghiêm túc, làm xong rồi thì vẫn là một câu A-di-đà Phật ở trong tâm, không đặt sự nghiệp đó vào trong tâm nữa, vậy thì đúng rồi. Hoàn toàn xem duyên, duyên chín muồi rồi thì sự nghiệp chín muồi, hoặc là sự nghiệp có người đến thay thế, có người kế thừa thì A-di-đà Phật dẫn mình đi, tốt rồi! Nhất định phải biết rằng, hiểu rõ đạo lý này rồi, hiểu rõ chân tướng sự thật rồi thì gọi là nhìn thấu. Cho nên nhìn thấu rồi thì ngay cả làm sự nghiệp, sự nghiệp tốt, sự nghiệp của chư Phật Như Lai, chúng ta giống như tiếp nhận truyền thừa, tiếp nhận cây gậy tiếp sức của người đi trước, giao cho người nhận kế tiếp rồi ra đi. Nếu vẫn chưa tìm được người tiếp nối thì tạm thời ở lại, vẫn chờ đợi, chắc chắn có người đến tiếp nối, vì sao vậy? Chư Phật Bồ-tát hiện thân, sự nghiệp của Bồ-tát, đây không phải là phạm phu. Chúng ta nhất định phải biết, nhất định phải hiểu rõ”.

Lão pháp sư từ bi cùng cực, khổ nhọc khuyên bảo chúng sanh mê hoặc điên đảo nhìn thấu, buông xuống. Dùng sự nghiệp có liên quan mật thiết với chúng ta để dẫn dắt khơi gợi chúng ta, có thể nói là dụng tâm khổ sở.

Tiếp theo nói về làm thế nào “du nhập thâm pháp môn”. Ai du nhập vậy? Những vị đại Bồ-tát này, các ngài đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, đi tham phòng A-di-đà Phật, đây chính là “du nhập thâm pháp môn”. Pháp thâm sâu ở thế giới Cực Lạc, pháp thâm sâu ở nơi A-di-đà Phật. Chữ “du” này có hai ý nghĩa, một là các Bồ-tát của mười phương thế giới đến thế giới Tây Phương Cực Lạc tham phòng A-di-đà Phật, số lượng không thể tính được, các ngài đi theo đoàn, cho nên dùng chữ “du” này rất hay, rất sống động. Hai là biểu thị các đại Bồ-tát của mười phương thế giới đến thế giới Tây Phương Cực Lạc tham phòng A-di-đà Phật đạt được thần thông trí tuệ rất ráo, có năng lực tự do tự tại đi tham phòng A-di-đà Phật, đến đi tự do, không có chướng ngại. Chữ “du” có nghĩa là tự do tự tại, đến đi tự do, không có chướng ngại.

Tiếp theo chúng ta xem người xưa giải thích và dùng chữ “du” này như thế nào.

Hội Sớ giải thích, xuất nhập vô ngại thì gọi là “du”, rất tự do tự tại. Chữ “du” này bằng với chữ “du” trong “du hí tam-muội”. Đừng nhìn cảnh giới này của Phật một cách rất chấp trước. Giống như Khổng tử hỏi mọi người về chí hướng, có người nói làm tướng, có người nói làm ngoại giao, có người nói làm kinh tế. Có người tên Tăng Tích nói: Khi mùa xuân đến, mặc y phục thoải mái, vài người trưởng thành dẫn theo vài đứa trẻ đến suối nước nóng ngoài thành tắm tấp, hóng mát, mệt rồi thì ca hát trở về, chí hướng của tôi chính là như vậy. Khổng tử nghe xong khen ngợi Tăng Tích rằng: ta cũng giống như anh! Thế nên thánh nhân chính là thánh nhân, lĩnh hội về chữ “du” này rất tự tại, rất tự nhiên, không hề có những tạo tác. “Du nhập thâm pháp môn” ở đây là lời tán thánh dành cho A-di-đà Phật. Chẳng những nhập pháp môn mà là thâm nhập pháp môn này, cho nên Hội Sớ giải thích là xuất nhập vô ngại.

Tiếp theo nói về chữ “nhập”, chỉ nói chữ “du” thôi thì không được, còn phải “nhập” nữa. Bao nhiêu năm qua chúng ta nghe kinh luận Đại thừa nhiều như vậy, nghe thì nghe đó nhưng có nhập vào hay không? Nghiêm túc suy nghĩ thì chưa nhập vào, vì sao nói như vậy? Bởi sau khi nhập rồi thì những thần thông mà hôm



nay nói bạn thấy đều đầy đủ. Bạn có thể nhập được thì sẽ có nhiều thần thông như thế, sẽ hiển hiện ra. Vì sao không nhập được? Nhớ kỹ, là vẫn có thứ chưa buông xả, chỉ cần bạn chịu buông xả, buông xả sạch rồi thì thần thông hiện tiền, chúng ta có thể chứng đắc.

Lại Tịnh Ảnh Sớ nói: “Hiểu tận gốc thì gọi là nhập”. Gốc là nguồn gốc, ngọn nguồn, gốc rễ. Hiểu tận gốc chính là viên mãn chứng đắc tự tánh. Nhập này là ai nhập? Là Diệu giác Như Lai thì mới gọi là nhập. Vì sao vậy? Đẳng giác Bồ-tát có thể tạm gọi là hiểu tận gốc, nhưng vẫn còn mơ hồ, chẳng phải rất rõ ràng. Đến địa vị Diệu giác thì mới vô cùng rõ ràng. Nói cách khác, Thập địa Bồ-tát biết nhưng vẫn chưa thấy được, Đẳng giác Bồ-tát thấy được rồi, Diệu giác Bồ-tát thì khế nhập rồi, đây gọi là nhập.

“Nay chư Bồ-tát tán thán Di-đà thấu tột nguồn gốc của thật tướng các pháp”. Câu này quan trọng, những Bồ-tát này hết sức cù khôi, thấy đều là Đẳng giác Bồ-tát, cũng chính là Hậu Bồ Phật mà chúng ta thường nói. Những Bồ-tát này tán thán A-di-đà Phật. A-di-đà Phật là người thế nào? Đã thấu tột nguồn gốc của thật tướng các pháp, đó chính là chứng đắc quả Phật rốt ráo viên mãn.

“Xuất nhập vô ngại”, xuất là ngài hiện tướng, hiển bày ra thế giới Cực Lạc để phổ độ chúng sanh, đây là xuất. Nhập là trở về tự tánh. Xuất nhập này của ngài là đồng thời, không có chướng ngại. Lúc xuất chính là sanh tâm, nhập là vô trụ. Vô trụ chính là sanh tâm, sanh tâm chính là vô trụ, cực vi diệu. Chúng ta vô trụ thì không thể sanh tâm, sanh tâm thì không thể vô trụ. A-di-đà Phật có bản lãnh xuất nhập vô ngại viên mãn, đây là thấu tận đáy nguồn, đó chính là thâm thâm, du nhập thâm pháp môn, nên gọi là “thâm pháp môn”. Cũng chỉ có Đẳng giác Bồ-tát có thể tán thán, có tư cách tán thán, A-di-đà Phật có tư cách được tán thán.

**Văn Phật thánh đức danh, an ổn đắc đại lợi. Chúng chúng cúng dường trung, cần tu vô giải quỵện.**

*Nghe danh hiệu thánh đức của Phật, an ổn được lợi lớn, trong mọi sự cúng dường, siêng tu không lười chán.*

Đoạn kệ tụng này là tán thán công đức của Phật hiệu. Chúng ta nghe được danh hiệu thánh đức của Phật thì có thể an ổn đạt được lợi ích lớn. Trong nguyện lực có nguyện nghe danh hiệu được lìa khổ, nghe danh hiệu được phước, nghe danh hiệu

phát tâm, nghe danh hiệu đặc nhãn, nghe danh hiệu được an ổn. Bốn nguyện của Di-đà, từ nguyện thứ 18 đến nguyện thứ 27, tổng cộng có 10 nguyện: nguyện 18 mười niệm ắt sanh, nguyện 19 nghe danh hiệu phát tâm, nguyện 20 lâm chung tiếp dẫn, nguyện 21 sám hối được vãng sanh, nguyện 22 trong nước không phụ nữ, nguyện 23 chán thân nữ chuyển thân nam, nguyện 24 liên hoa hóa sanh, nguyện 25 trời người lễ kính, nguyện 26 nghe danh hiệu được phước, nguyện 27 tu hạnh thù thắng, đây là 10 loại, tổng cộng 10 nguyện.

Lại từ nguyện thứ 44 đến nguyện thứ 48, tổng cộng 5 nguyện: nguyện 44 phổ đẳng tam-muội, nguyện 45 trong định cúng Phật, nguyện 46 được đà-la-ni, nguyện 47 nghe danh hiệu đặc nhãn, nguyện 48 hiện chứng bất thoái. Năm nguyện này, mỗi nguyện đều nhờ nghe danh hiệu Phật mà vĩnh ly các ác khổ, sau cùng được vui rất ráo. Công đức của danh hiệu A-di-đà Phật không thể nghĩ bàn. Bên trên tổng cộng đã nói 15 loại, trong 48 nguyện có 15 nguyện có liên quan đến danh hiệu. Cho nên công đức danh hiệu Di-đà lớn biết bao, sâu biết bao, rộng biết bao, thật sự nói không thể hết, không thể xưng thuyết.

Chúng sanh mười phương nghe danh thầy đều an ổn, được mọi lợi ích chân thật, thế nên gọi là “an ổn được lợi ích lớn”. Chúng ta làm thế nào nghe danh? Đương nhiên là Phật Bồ-tát trụ thế giới thiệu cho chúng ta. Giới thiệu như thế nào? Giảng kinh dạy học chính là giới thiệu, đem danh hiệu thù thắng giới thiệu cho chúng ta, chúng ta xưng niệm thì được mọi lợi ích chân thật. Lợi ích chân thật này chính là giúp cho chúng ta vãng sanh thế giới Cực Lạc, đây là đại lợi ích chân thật.

“Trong các sự cúng dường, siêng tu không lười chán”. Trong các sự cúng dường chủ yếu là pháp cúng dường. Người thông thường đều là dâng cúng đồ dùng vật chất, việc này rất thường, nhỏ không đáng nói. Trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện nói: “Trong các sự cúng dường, pháp cúng dường tối thắng. Gọi là: như thuyết tu hành cúng dường, lợi ích chúng sanh cúng dường, nhiếp thọ chúng sanh cúng dường, thay chúng sanh khổ cúng dường, siêng tu thiện căn cúng dường, không xả Bồ-tát nghiệp cúng dường, không rời tâm Bồ-đề cúng dường, lại như thế mà tu hành thì đó là chân thật cúng dường vậy”. Đối với những sự cúng dường này đều siêng tu không lười chán, mọi sự ở trên đều nhờ công đức Phật hiệu mà không thể nghĩ bàn.

Tiếp theo nói về bảy loại cúng dường như sau:

Loại thứ nhất: như thuyết tu hành cúng dường.

Dem những điều chúng ta học được trong quá trình tu hành chia sẻ cho mọi người nghe, khiến mọi người đều đạt được lợi ích thù thắng của Phật pháp. Tu hành là việc thù thắng nhất trong các sự cúng dường. Chúng ta thật làm, đây là báo ân Phật, thật sự báo ân Phật, đây là cúng dường đích thực. Tiểu viện Lục Hòa từ cuối tháng 12 năm 2020 bắt đầu làm công tác thường thức về phương diện này, giao lưu chia sẻ trên mạng, hiệu quả rất tốt. Đây chỉ là mới bắt đầu, chưa dám nói là kinh nghiệm gì cả, tương lai nếu điều kiện cho phép chúng tôi sẽ tiếp tục làm tiếp.

Loại thứ hai: lợi ích chúng sanh cúng dường.

Lợi ích chúng sanh, quan trọng nhất là bố thí pháp, hoan hỷ diễn nói cho người khác, bản thân làm ra tấm gương tốt cho mọi người xem, điều này vô cùng quan trọng. Phải biến những điều Phật nói trong kinh trở thành đời sống của chúng ta, trở thành tư tưởng của chúng ta, trở thành hành vi của chúng ta, đây là cúng dường chân chánh.

Loại thứ ba: nhiếp thọ chúng sanh cúng dường.

Nhiếp thọ có tứ nhiếp pháp, đặc biệt là hiện nay trong thời đại này, đoàn kết tôn giáo rõ ràng là vô cùng quan trọng. Giữa tôn giáo với tôn giáo phải hiểu nhau, qua lại với nhau, dùng phương pháp gì? Dùng tứ nhiếp pháp của Phật giáo: bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Phật dạy chúng ta dùng tám chữ này để qua lại với các tôn giáo khác, qua lại với các chủng tộc khác thì sẽ trở thành người một nhà. Lão pháp sư đã làm ra tấm gương cho chúng ta, tích lũy được kinh nghiệm thành công.

Loại thứ tư: thay chúng sanh khổ cúng dường.

Sống trong thế gian này là khổ, khổ thật, nếu chúng ta sợ khổ thì đã không đến rồi, chúng ta đến thế gian này là vì sao? Chúng sanh thọ khổ thọ nạn, mình cũng thọ khổ thọ nạn. Họ thọ khổ thọ nạn là nghiệp lực, nghiệp báo; mình thọ khổ thọ nạn là Phật Bồ-tát đại từ đại bi ứng hóa ở thế gian. Chúng ta sống trong cùng một thời đại như nhau, xã hội như nhau, chịu khổ nạn giống nhau. Ở trong khổ nạn chăm sóc mọi người, giúp mọi người giảm nhẹ khổ nạn. Lời nói này của lão pháp sư khiến tôi rơi lệ.

Loại thứ năm: siêng tu thiện căn cúng dường.

Thiện căn là cái gốc có thể sanh thiện pháp. Văn hóa truyền thống Trung Quốc là đại căn đại bản của hết thầy thiện pháp. Đại căn đại bản của Trung Quốc là gì? Một cái là hiếu, một cái là kính. Hiếu là lấy cha mẹ làm đại biểu, kính là lấy thầy cô làm đại biểu. Thời đại ngày nay đã mất gốc rồi nên xảy ra vấn đề, thầy không tìm được trò, trò không tìm ra thầy, “thầy trò đạo hợ” của thời xưa không còn thấy nữa rồi. Bao nhiêu năm qua, lão pháp sư nhiều lần kêu gọi phải tìm về nguồn cội. Thiện căn có thể sanh ra tất cả thiện pháp. Không tham, không sân, không si gọi là ba thiện căn, hết thầy thiện pháp là từ đây sanh ra.

Loại thứ sáu: không xả Bồ-tát nghiệp cúng dường.

Thế nào gọi là Bồ-tát? “Vì thiên địa lập tâm, vì chúng sanh lập mệnh, vì thánh hiền xưa kế thừa tuyệt học, vì vạn thế khai mở thái bình”. Người như vậy thật sự phát tâm, hy sinh phụng hiến, vì toàn thể nhân loại mưu cầu hạnh phúc, không vì chính mình, đây là Bồ-tát. Vì chính mình là phàm phu, không phải Bồ-tát. Thế nào là Bồ-tát nghiệp? Nghiệp là sự nghiệp, sự nghiệp của Bồ-tát gọi là Bồ-tát nghiệp. Thế nào là sự nghiệp của Bồ-tát? Sự nghiệp của Bồ-tát chính là giáo hóa chúng sanh. Sự nghiệp của Phật cũng là giáo hóa chúng sanh. Thích-ca Mâu-ni Phật thị hiện cho chúng ta là giáo dục, việc này chúng ta biết rồi, sự nghiệp của Phật Bồ-tát là giáo dục, giáo dục của đức Phật là sự nghiệp của Bồ-tát. Thích-ca Mâu-ni Phật xuất thân là vương tử, ngài từ bỏ ngôi vua, xuất gia làm vị tăng khổ hạnh, đó là gì vậy? Đó là hưởng thụ cao nhất của đời người. Ngài thị hiện cho chúng ta 30 tuổi khai ngộ, sau khi khai ngộ thì dạy học, bắt đầu dạy học. Việc dạy học bắt đầu từ khi ngài đến vườn Nai dạy cho năm tỳ-kheo, trước tiên giảng về hệ thống kinh A-hàm. A-hàm, chúng ta ngày nay gọi là tiểu học, Phật dạy tiểu học 12 năm. Sau 12 năm giảng Phương Đẳng, đó là trung học, dạy trung học 8 năm. Sau đó giảng Bát-nhã, đây là đại học, hoàn toàn giảng về trí tuệ, dạy đại học 22 năm. Sau cùng giảng Pháp Hoa, đây là nghiên cứu sinh, dạy 8 năm. Sau khi đức Phật khai ngộ, dạy học 49 năm cho đến khi nhập Niết-bàn. Giáo dục của đức Phật, tốt nghiệp tiểu học là A-la-hán; tốt nghiệp trung học có A-la-hán, có Bích-chi Phật, có Bồ-tát; tốt nghiệp đại học là Bồ-tát. Nghiên cứu sinh chính là đem sinh viên tốt nghiệp đại học thầy đều nâng lên học vị cao nhất, học vị tiến sĩ. Phật giáo là giáo dục, không phải mê tín. Có người nói Phật giáo thành mê tín, việc không rõ chân tướng dẫn đến ăn nói lung tung này là có tội, phạm tội rồi mà chính mình vẫn không biết. Nhưng bất kể bạn biết hay không, bạn đều phải trả giá cho tội nghiệp mà mình đã phạm. Lão pháp sư giảng

kinh dạy học hơn 60 năm, có thể nói là một đời theo đuổi sự nghiệp giáo dục của đức Phật, đáng được xưng là người số một của Phật môn, học theo Phật Thích-ca, đi theo đường Phật Thích-ca, hoằng pháp của đức Thích-ca. Sự công hiến to lớn của ngài đối với Phật giáo thế giới, vĩnh viễn lưu trong sử sách, không thể mai một. Lịch sử là chân thật, lịch sử là công bằng chánh trực.

Loại thứ bảy: không lìa tâm Bồ-đề cúng dường.

Tâm Bồ-đề là gốc rễ, Bồ-tát nghiệp là cành lá, hoa quả. Bồ-tát nghiệp từ đâu mà có? Là từ tâm Bồ-đề. Tâm Bồ-đề là chân tâm, mong mọi người đều dùng chân tâm, đừng dùng vọng tâm. Mọi người đều có tâm Bồ-đề. Thế nào là chân tâm? Không tự gạt mình là chân tâm, tôi không lừa gạt chính mình, cũng như vậy, tôi không lừa gạt bất kỳ người nào, đây chính là tâm Bồ-đề. Trong sách Đại Học thì “thành ý, chánh tâm” chính là tâm Bồ-đề. Chân thành rất quan trọng, làm người phải chân thành, đối với chính mình phải sống bằng tâm chân thành, sống trong sự nghiệp chân thành, người này được gọi là hành Bồ-tát đạo. Kết quả của Bồ-tát là thành Phật. Đặc biệt là chúng ta tu học Tịnh tông, mục tiêu của Tịnh tông là thế giới Cực Lạc, là thân cận A-di-đà Phật. Phát Bồ-đề tâm, hành Bồ-tát đạo thì nhất định được sanh Tịnh độ, một mảy may hoài nghi đều không có thì chắc chắn thành tựu. “Tu hành như vậy là chân thật cúng dường”, tín nguyện trì danh cầu sanh Tịnh độ là cúng dường chân thật nhất. “Bồ-tát nhờ nghe danh nên có thể đối với các sự cúng dường thuật ở trên tinh tấn siêng năng tu trì, không có tâm giải đãi và chán nản mỗi một”, điều này rất quan trọng.

*“Siêng tu không lười chán”*

Vì sao vậy? Vì có tâm Bồ-đề. Thích giúp đỡ chúng sanh khổ nạn, giúp họ quay trở về tự tánh, quay về tự tánh thì thành Phật. Phật giáo nói thấu triệt, nói được sâu, nói được xa. Những tôn giáo khác đều nói đến, nhưng không nói đến cảnh giới thành Phật, có nói nhưng không nhiều, không rõ rệt. Nói về Thanh văn, Duyên giác nhiều, về Bồ-tát tương đối ít. Chúng ta hiện nay phải giúp họ, giúp họ nâng cao, từ Thanh văn, Duyên giác nâng lên thành Bồ-tát, lại từ Bồ-tát nâng lên đến Phật viên mãn, có được hay không? Được. Chỉ cần họ tin tưởng pháp môn Tịnh độ thì mỗi người đều có thể trong một đời này thành tựu đạo Vô thượng. Nếu không từ pháp môn này thì thật sự rất khó khăn, pháp môn này thù thắng, cho nên phải giảng kỹ kinh này.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 61

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem kệ tụng tiếp theo:

**Quán bỉ thù thắng sát, vi diệu nan tư nghị, công đức phổ trang nghiêm,  
chư Phật quốc nan tỉ.**

*Quán côi thù thắng kia, vi diệu khó nghĩ bàn, công đức hiện khắp sự trang  
nghiêm, các côi Phật khó sánh.*

Bài kệ tụng này là tán thán côi nước Phật. Thế giới Cực Lạc, vạn vật trong nước đều trang nghiêm thanh tịnh sáng chói xinh đẹp, hình sắc thù thắng, vi diệu cùng cực. Hình sắc, quang tướng, danh số đều không thể kể xiết, cũng chẳng thể biện biệt rõ. Côi ấy thù thắng vi diệu, ngôn ngữ và tư duy không thể lãnh hội nổi, cho nên nói là: “Quán côi thù thắng kia, vi diệu khó nghĩ bàn”. Mọi thứ trang nghiêm đều nhập vào nhất pháp cú, tức câu thanh tịnh, tức trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Y chánh của Cực Lạc thấy đều là sự trang nghiêm của công đức thật tướng, bình đẳng hiện khắp, cho nên gọi là “công đức hiện khắp sự trang nghiêm”. Côi vi diệu như vậy như trong kinh nói “vượt hơn hết thấy thế giới mười phương”, cho nên gọi là “các côi Phật khó sánh”.

Đây là lời tán thán của Bồn sư Thích-ca Mâu-ni Phật. Chúng ta có thể liên tưởng đến mười phương ba đời vô lượng vô biên côi nước chư Phật, không có vị Phật nào mà không tán thán như Thế Tôn. Từ đó cho thấy, công đức của Di-đà thù thắng không gì sánh. Hết thấy chư Phật mười phương đều không sánh bằng. Ngài là công đức trí tuệ rất ráo viên mãn, lòng từ bi vô lượng, mở ra pháp môn Tịnh độ để độ vô lượng vô biên chúng sanh khổ não vãng sanh thế giới Cực Lạc thành Phật. Pháp môn này là khó tin dễ hành, chỉ cần không hoài nghi, thật sự tin tưởng có thế giới Cực Lạc. Thích-ca Mâu-ni Phật không gạt chúng ta, có A-di-đà Phật, có 48 nguyện tiếp dẫn chúng ta.

Bốn câu kệ tụng này tán thán y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, tán thán y báo trang nghiêm của côi nước.

“Quán cõi nước thù thắng kia”, từ “kia” và “cõi nước” đều chỉ cho thế giới Tây Phương Cực Lạc. “Vi diệu khó nghĩ bàn”, câu này là tổng thuyết. Nói chi tiết thì toàn bộ kinh văn chỗ nào cũng đều giới thiệu tường tận, ở đây không cần nói nữa.

“Công đức hiện khắp sự trang nghiêm”, câu này là nói thế giới Tây Phương Cực Lạc vì sao trang nghiêm như vậy? Nguyên nhân thật sự chính là A-di-đà Phật vô lượng kiếp đến nay đã tích lũy công đức mà thành tựu như vậy, là do công đức của bốn nguyện Di-đà. Mỗi vị Bồ-tát của mười phương thế giới vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều có công đức là đồng tâm, đồng đức, đồng nguyện, đồng hạnh với A-di-đà Phật. Thế nên thế giới Tây Phương Cực Lạc là do công đức trang nghiêm. Y báo, chánh báo đều là sự thành tựu của công đức. Chúng ta đọc kinh, niệm Phật chính là tu tập tích lũy công đức. Công đức này rất lớn, không thể nghĩ bàn, bởi vì nó trực tiếp tương ứng với quả địa của A-di-đà Phật, cho nên không thể đánh đồng với các phương pháp tu hành thông thường được, là tuyệt đối không như nhau.

“Các cõi Phật khó bằng”, đây là nói hết thấy cõi nước Phật trong mười phương ba đời đều không có việc này, duy chỉ có thế giới Cực Lạc đặc thù. Hết thấy sự trang nghiêm của thế giới Cực Lạc là do trí tuệ của đức Di-đà lưu hiện ra, mọi loại y báo, chánh báo, hết thấy đều không thể nghĩ bàn, vượt hơn hết thấy thế giới mười phương, cho nên gọi là “các cõi Phật khó bằng”.

### **Nhân phát vô thượng tâm, nguyện tức thành Bồ-đề**

*Do phát tâm Vô Thượng, nguyện mau thành Bồ-đề*

Hai câu này là khiến người cảm động mà phát tâm. Cõi nước Cực Lạc thù thắng như vậy, chúng ta nguyện phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nguyện nhanh chóng thành tựu Bồ-đề. Tâm Vô thượng chính là tâm khẩn thiết cầu sanh thế giới Cực Lạc, cầu gặp A-di-đà Phật. Bởi vì gặp được A-di-đà Phật, sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì một đời nhất định bất thoái thành Phật. Chỉ cần đến được thế giới Tây Phương Cực Lạc, gặp mặt A-di-đà Phật một lần thì được sức uy thần của A-di-đà Phật gia trì, cho dù ở mười phương thế giới hoằng pháp lợi sanh thì vẫn không bị thoái chuyển, và lại thọ dụng không hề khác biệt so với ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, thành Phật nhanh chóng.



Con người phải phát tâm lớn. Vì sao vậy? Hy vọng sớm một ngày thành Vô thượng Bồ-đề. Bồ-đề chính là đại giác, đại giác từ đâu mà có? Từ tâm lượng lớn mà có. Tâm lượng lớn là gì? Tâm rộng lớn không gì sánh là Phật, tâm lượng nhỏ thì không thể thành tựu. Từ trong đây chúng ta có nhận được sự nhắc nhở nào hay chẳng? Đại sư Ngẫu Ích nêu tỉ dụ nói: Niệm Phật niệm đến gió thổi không động, mưa rơi chẳng ướt, nhưng không phát tâm Bồ-đề thì liệu có thành tựu không? Không thể thành tựu, vẫn là phàm phu trong lục đạo.

Thành tựu của một người, bất luận là thế pháp hay Phật pháp, thành tựu lớn hay nhỏ đều có tỉ lệ thuận với tâm lượng, tâm lượng của bạn bao lớn thì thành tựu của bạn lớn bấy nhiêu. Học Phật muốn thành đạo Vô thượng thì siêu vượt thế gian rất lớn rất lớn, chúng ta học Phật phải có tâm lượng như thế nào? Phải có tâm lượng giống với Thích-ca Mâu-ni Phật, phải giống với tâm lượng của A-di-đà Phật thì bạn mới có thể liễu sanh tử, thoát luân hồi.

Mời xem kệ tụng tiếp theo:

**Ứng thời Vô Lượng Tôn, vi tiểu hiện kim dung, quang minh tùng khẩu xuất, biến chiếu thập phương quốc. Hồi quang hoàn nhiếp Phật, tam táp tùng đánh nhập.**

*Bấy giờ Vô Lượng Tôn, kim dung hiện mỉm cười, hào quang từ miệng ra, chiếu khắp mười phương cõi, rồi xoay chiếu quanh ngài, ba vòng vào đánh Phật.*

Những câu kệ tụng này hiển bày sự cảm ứng đạo giao, Như Lai phóng quang gia trì.

*“Bấy giờ Vô Lượng Tôn”*

“Bấy giờ” có hai ý nghĩa: một là ngay lúc các Bồ-tát phát nguyện, hai là lúc đại chúng đang tán thán. Vô Lượng Tôn chính là A-di-đà Phật. “Kim dung hiện mỉm cười”, Phật thông thường đều tĩnh tọa, A-di-đà Phật hiện tướng mỉm cười, “nơi kim dung của đức Phật ấy thị hiện tướng mỉm cười”, Phật hiện tướng mỉm cười, đây là tướng thọ ký không tầm thường. Lại có chúng sanh căn cơ chín muồi rồi, Phật bèn thọ ký cho họ thành Phật. Chúng sanh sắp thành Phật rồi, Phật sanh tâm hoan hỷ, cho nên kim dung hiện mỉm cười.

*“Hào quang từ miệng ra”*

Thế Tôn muốn thọ ký cho các Bồ-tát thành Phật, nên quang minh của Phật từ miệng xuất ra, chiếu khắp cõi nước mười phương, sau đó chiếu quanh Phật ba vòng rồi nhập vào đảnh Phật. Đây là một tướng lành rất lớn. Cảnh giới này chẳng phải là 20.000 người tham dự pháp hội nhìn thấy, mà là Thích-ca Mâu-ni Phật nói với mọi người. Trong phẩm Lễ Phật Hiện Quang Minh phía sau, thì 20.000 người trên trái đất chúng ta tận mắt nhìn thấy thế giới Cực Lạc. Trong Quán Kinh, phu nhân Vi-đề-hy và 500 thị nữ đều nhìn thấy thế giới Cực Lạc.

Tháng 8, chúng tôi tiễn Đồng lão Bồ-tát vãng sanh, vài năm trước đó ông niệm Phật đã niệm ra được A-di-đà Phật, đã niệm ra được thế giới Cực Lạc, đây là chính miệng ông nói cho tôi biết. Hơn 20 phút trước khi vãng sanh ông thấy Phật đến tiếp dẫn rồi đi theo Phật. Lão Bồ-tát Lưu Tố Thanh đã thấy Phật bao nhiêu lần thì tôi không biết, bởi vì chị ấy không nói với tôi. Ngày chị ấy vãng sanh, cảnh tượng nhìn thấy Phật là chân thật, chính tôi có mặt ở hiện trường. Trước khi vãng sanh chị nói với tôi, cảnh Phật đến tiếp dẫn khi vãng sanh giống với bức ảnh tiếp dẫn vãng sanh, chính là cảnh tượng đó. Nếu có người nói họ đã nhìn thấy Phật, ở trên chúng tôi chẳng phải đã nói là có người nhìn thấy Phật đó sao? Còn có lão Bồ-tát Lưu Minh Hoa, trước khi vãng sanh đã thấy Phật mấy lần, đây chẳng phải là ví dụ chứng minh thực tế đó sao?

*“Rồi xoay chiếu quanh ngài, ba vòng vào đảnh Phật”*

Hai câu này chính là nói, sau khi Phật phóng quang còn phải thu quang lại. Lần này Phật phóng quang là quang minh từ miệng phát ra, lúc thu quang lại thì xoay ba vòng rồi nhập vào đảnh Phật. Có nghĩa gì vậy? Kinh Bảo Tích nói: “Đây là việc thông thường của chư Phật”, nghĩa là thông thường đều có hiện tượng này. “Lúc thọ ký cho chúng sanh địa ngục, bấy giờ quang minh biến mất dưới hai chân. Đến khi thọ ký Bồ-đề, bấy giờ quang minh biến mất trên đỉnh đầu”. Nghĩa là Phật phóng quang, sau khi phóng quang thì quang minh quay lại, quang minh quay trở lại thì biến mất ở nơi đâu? Nếu thọ ký cho Bồ-tát thì quang minh nhập vào đỉnh đầu, nếu thọ ký cho chúng sanh địa ngục thì quang nhập vào dưới chân.

“Nước đó” chính là thế giới Cực Lạc, thế giới Cực Lạc là “Đại thừa thuần nhất, tuyệt không thọ ký thừa nào khác”. Thấy đều là thọ ký Bồ-tát, vãng sanh hạ hạ phẩm cõi Phạm Thánh Đồng Cư cũng là Đại thừa Bồ-tát. Vì sao vậy? Nếu không phát tâm Đại thừa thì không thể vãng sanh thế giới Cực Lạc. Ba bậc vãng sanh phía

trước nói với chúng ta “phát Bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm” là điều kiện chung của ba bậc vãng sanh. Vì vậy chúng ta nhìn thấy Phật quang nhập vào đánh đầu của Phật, ở đây nói rõ đối tượng được thọ ký là Đại thừa. Không phải thừa khác, không phải A-la-hán, không phải Quyền giáo Bồ-tát, không phải trời, người, cho nên gọi là “vào đánh Phật”.

“Bản dịch thời Ngụy nêu nguyên nhân phóng quang là vì đang thọ ký Bồ-đề”. Chính là nói Phật vì sao phải phóng quang? Là vì thọ ký thành Phật cho Bồ-tát. Sớ sao của ngài Gia Tường nói: chính là nêu rõ việc thọ ký, biểu thị thời cơ đã đến, cơ duyên này đã chín muồi, nên thọ ký cho họ. Giống như đi học ở trường, đã thi đậu rồi, có thể phát bằng tốt nghiệp rồi, nên cấp học vị rồi. Chữ “ký” này là thọ ký pháp thân chí cực, tức là thọ ký thành Phật.

Mời xem kệ tụng tiếp theo:

**Bồ-tát kiến thử quang, tức chứng bất thoái vị, thời hội nhất thiết chúng, hỷ khánh sanh hoan hỷ.**

*Bồ-tát thấy quang ấy liền chứng bất thoái chuyển, khi đó chúng trong hội hoan hỷ chúc mừng nhau.*

*“Bồ-tát thấy quang ấy liền chứng bất thoái chuyển”*

Các Bồ-tát tham gia pháp hội, nhìn thấy Phật phóng quang, các ngài đều chứng được địa vị bất thoái. Đây chính là một trong số thập huyền của Hoa Nghiêm. Mượn sự việc để nêu rõ pháp, sinh ra giải ngộ. Mượn một sự việc thì có thể hiển bày được pháp, đắc được giải ngộ. Cây Bồ-đề cũng như vậy, nhìn thấy cây Bồ-đề, nhìn thấy bóng cây thì được ba loại nhãn. Ở thế giới Cực Lạc nhìn thấy cây đều đạt được lợi ích lớn như vậy. Cho nên nhìn thấy Phật phóng quang thì đều có thể chứng được địa vị bất thoái, đây là sự việc rất thù thắng. Hết thấy sự việc, toàn thể của nó là lý, toàn bộ thể đều là chân tâm diệu minh của A-di-đà Phật hiển hiện, đầy đủ vô biên công đức.

*“Khi đó chúng trong hội hoan hỷ chúc mừng nhau”*

Lúc bấy giờ hết thấy Bồ-tát dự hội nhìn thấy quang minh đều chứng được địa vị bất thoái, mọi người chúc mừng nhau, đồng vui mừng chúc tụng, đều đạt được thánh quả như vậy.

## **Phật ngữ phạm lôi chấn, bát âm sớng diệu thanh.**

*Phạm âm của Phật như sấm vang, tiếng bát âm hân hoan vi diệu.*

Di-đà phóng quang, lập tức thuyết pháp, cho nên nói là “Phạm âm của Phật như sấm vang”. Phật này là A-di-đà Phật. “Âm thanh của Phật thanh tịnh” nên gọi là Phạm âm. “Lại giống như Phạm thiên vương”, cho nên cũng gọi là Phạm âm. Phạm âm thông thường có hai ý nghĩa: một nghĩa biểu thị âm thanh thanh tịnh của Phật Bồ-tát, một nghĩa biểu thị cho Đại Phạm thiên vương. Phạm chính là thanh tịnh. Đại Phạm thiên vương là vua của trời Sơ thiên trong Tứ thiên, tu tâm thanh tịnh, thân tâm thanh tịnh, cho nên gọi là Phạm thiên, nên gọi là Phạm âm.

Thanh âm của vua trời Phạm thiên có năm loại đặc sắc.

-Thứ nhất là thậm thâm như tiếng sấm, thâm là thâm trầm, giống như sấm vang. Chúng ta hiện nay ca hát rất thiếu sự thâm trầm này.

-Thứ hai là từ xa vẫn nghe rõ, người nghe hoan hỷ, chính là âm thanh rất hay, nghe rồi sanh tâm hoan hỷ; loại âm thanh hay này có thể truyền đi rất xa, chính là thông thường chúng ta nói có sức xuyên thấu.

-Thứ ba, nhập tâm kính ái, sau khi nghe rồi thì sinh khởi tâm cung kính, sinh khởi tâm từ bi, đây chính là tiếng tụng kinh kệ mà chúng ta đều thích nghe.

-Thứ tư, dễ liễu dị giải, nghĩa là dễ dàng nghe hiểu. Dễ liễu là hiểu rõ chân chánh như thật, có thể nghe hiểu, có thể lý giải, chính là phổ thông dễ hiểu.

-Thứ năm, người nghe không chán, thích nghe, nghe không chán.

Phạm âm của Phật như sấm vang, pháp âm vang rền như sấm. Bởi vì thuyết pháp là trí tuệ vô ngại chấn động tình thức của bạn. Bản dịch thời Đường nói: “Pháp âm vang rền như sấm khiến tất cả giác ngộ”. Pháp âm chấn động mạnh như sấm khiến bạn khai ngộ. “Đức Di-đà thuyết pháp, âm thanh như Phạm thiên vương, diễn thuyết pháp trọng yếu, như sấm rền vang, khiến mọi người khai ngộ”. Đây là lời Bồn sư Thích-ca Mâu-ni Phật tán thán A-di-đà Phật.

*“Tiếng bát âm hân hoan vi diệu”*

Như Lai có tám loại thanh âm, đây là trong kinh Phạm-ma-dụ nói.

-Thứ nhất là thanh âm hay nhất, thanh âm ấy vi diệu, khiến người nghe rồi tâm không nóng nảy. Âm thanh của thế giới Cực Lạc hòa nhã. Âm nhạc hay thường có âm điệu nhẹ nhàng.

-Thứ hai là thanh âm dễ hiểu, dễ dàng hiểu rõ, có thể nghe hiểu.

-Thứ ba là thanh âm hài hòa, âm thanh lớn nhỏ trầm bổng rất hài hòa, hợp với lý trung đạo, khiến người nghe rồi rất dễ chịu, không náo loạn.

-Thứ tư, thanh âm mềm mại, âm thanh rất dịu dàng, âm thanh rất nhu hòa, người nghe vui thích, không kích động hung hãn, có thể tiêu trừ tập khí nóng nảy của người.

-Thứ năm, thanh âm không lỗi, ngôn từ không sai lầm, mỗi người nghe đều được chánh kiến.

-Thứ sáu, không phải tiếng người nữ, thanh âm hùng hồn, người nghe kính phục, ngoại đạo quy thuận, nghĩa là có hào khí mạnh mẽ.

-Thứ bảy, thanh âm tôn huệ, có sự tôn nghiêm, có trí tuệ, ngôn từ uy nghiêm, thế gian tôn trọng, người nghe tôn trọng, trí được mở mang, người có trí tuệ được thế gian tôn trọng.

-Thứ tám, thanh âm sâu xa, âm thanh ấy sâu xa, giống như sấm rền, người nghe đều chứng được lý thậm thâm.

Tám thanh âm mà đại sư Gia Tường nói: một là hưởng (vang vọng), hai là triệt (thấu triệt), ba là thanh (trong trẻo), bốn là nhu (mềm mại), năm là ai (êm dịu), sáu là lượng (rõ ràng), bảy là hòa (điều hòa), tám là nhã (thanh nhã). Đây đều nói thanh âm của Phật vô cùng vi diệu. Có người đến trời Đâu-suất nghe đức Di-lặc giảng kinh, nói tiếng của ngài Di-lặc khiến người rất thích nghe. Câu “thanh âm sớng diệu” cùng với từ “sớng” trong câu “âm thanh ấy diễn sớng ngũ căn ngũ lực” của kinh A-di-đà là tương đồng, dùng tám thanh âm để biểu đạt, tương thuật pháp âm vi diệu.

Mời xem kệ tụng tiếp theo:

**Thập phương lai Chánh sĩ, ngô tất tri bỉ nguyện, chí cầu nghiêm Tịnh độ, thọ ký dương tác Phật.**

*Chánh sĩ mười phương đến, Ta đều biết chí nguyện, cầu trang nghiêm Tịnh độ, thọ ký sẽ thành Phật.*

Đoạn kệ tụng này tổng cộng có 18 câu, là Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật thuật lại pháp âm mà A-di-đà Như Lai đã nói. Thích Tôn thuật lại cho chúng ta cũng giống như A-di-đà Phật đích thân tuyên thuyết.

*“Chánh sĩ mười phương đến, ta đều biết chí nguyện”*

Chánh sĩ nghĩa là Bồ-tát, là cách xưng hô khách sáo đối với Bồ-tát tại gia. “Ta” ở đây là A-di-đà Phật tự xưng. Bồ-tát mười phương đến thế giới Cực Lạc đều có đại nguyện thù thắng, nguyện mà các ngài đã phát tương đồng với A-di-đà Phật, là đại nguyện thù thắng không gì bằng. Ta đều biết nguyện của họ, A-di-đà Phật hoàn toàn biết cả; phàm phu không biết, A-di-đà Phật biết, không những A-di-đà Phật biết mà tất cả Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc đều biết. Cho đến Bồ-tát, A-la-hán của mười phương thế giới đều có năng lực này. Sáu căn của họ đều thông, gọi là thần thông. Chúng ta tán thán ngũ nhãn viên minh của Phật, không gì không nhìn thấy, không gì không nghe thấy.

Chúng ta trong cuộc sống thường ngày không thể không cẩn thận, mỗi việc mà chúng ta nghĩ đến, mỗi lời chúng ta nói, A-di-đà Phật đều biết, đều nghe. Chúng ta muốn đến thế giới Cực Lạc, khởi tâm động niệm, lời nói việc làm của chúng ta có tương ưng với bốn nguyện của A-di-đà Phật không, có tương ưng với sự nghiệp của A-di-đà Phật không? A-di-đà Phật kiến lập thế giới Cực Lạc, vì sao kiến lập vậy? Không phải vì chính mình, là vì giúp đỡ tất cả chúng sanh khổ nạn mà lập nên một đạo tràng tu hành thù thắng nhất. Trong đạo tràng này nhất định không có chướng duyên, đảm bảo bạn một đời thành tựu, là vì việc này. Hiện nay trong tâm của chúng ta đang nghĩ điều gì? Nếu khởi tâm động niệm, lời nói việc làm của chúng ta không tương ưng với A-di-đà Phật, vậy còn có thể vãng sanh được không? Không thể vãng sanh. Vãng sanh thì lòng tin phải chân thật, nguyện phải khẩn thiết, Phật hiệu phải không gián đoạn, việc này tương ưng với A-di-đà Phật. Trong tâm chúng ta mỗi niệm đều niệm Phật, trong tâm của Phật mỗi niệm đều niệm chúng ta, cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn. Khi thời giờ đến, A-di-đà Phật nhất định hiện thân đến trước mặt tiếp dẫn.

*“Cầu trang nghiêm Tịnh độ, thọ ký sẽ thành Phật”*

Các đại Bồ-tát phát đại nguyện này nên Phật khen ngợi họ. Khởi tâm động niệm của chúng sanh, Như Lai đều biết, đều thấy. Hiện các Chánh sĩ đều nguyện như Di-đà, thành tựu đại giác, nhiếp thủ cõi Phật, Phật ắt biết rõ. Cho nên nói, Phật dùng pháp vô thượng tương ưng như vậy để viên mãn nguyện đó của họ. Đây là giải thích của Hoàng Niệm lão đối với hai câu kệ tụng này.

Tiếp theo chúng ta xem, lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không nói như thế nào”

“Cầu trang nghiêm Tịnh độ, thọ ký sẽ thành Phật”. Chúng ta có nguyện này hay không? Mỗi ngày chúng ta có ý niệm như vậy hay không? Ý niệm như vậy khởi lên được mấy lần? Nếu không khởi nguyện được thì làm thế nào? Mỗi tiếng Phật hiệu đều cầu sanh Tịnh độ: A-di-đà Phật, con cầu sanh Tịnh độ, A-di-đà Phật, con cầu sanh Tịnh độ, A-di-đà Phật, con cầu sanh Tịnh độ...

Tín nguyện trì danh của chúng ta chính là để cầu sanh Tịnh độ. Ở thế gian này chúng ta không có thành tựu, là phạm phu sát đất. Ở nơi đây tu hành chương duyên quá nhiều, tâm không thể thanh tịnh, không thể bình đẳng, do nguyên nhân gì? Không buông xả được tập khí phiền não của chính mình, cho nên không thể không cầu A-di-đà Phật từ bi cho chúng ta đến thế giới Cực Lạc sớm một ngày, sớm một ngày thành Phật. Sau khi thành Phật thì hoàn tất đại nguyện trong tâm chúng ta. Đại nguyện của chúng ta giống với đại nguyện của A-di-đà Phật, giúp A-di-đà Phật, hiệp trợ A-di-đà Phật phổ độ chúng sanh trong mười phương thế giới còn ở trong lục đạo và mười pháp giới. Chúng ta giúp A-di-đà Phật tiếp dẫn, cũng giúp A-di-đà Phật viên mãn đại nguyện của ngài sớm một ngày. Đại nguyện của ngài chính là muốn đem những chúng sanh này thầy đều đưa đến Tịnh độ, mỗi người đều viên thành Phật đạo, chính là thọ ký sẽ thành Phật. “Những Bồ-tát ấy phát đại nguyện này nên đức Di-đà tán thán họ”, A-di-đà Phật tán thán những người này, nếu chúng ta có thể phát nguyện này thì A-di-đà Phật cũng sẽ tán thán chúng ta. Phải bắt đầu từ bây giờ, nhìn thấu thế giới này, thế giới này là giả, rốt cuộc là một mảng trống không, từ bây giờ trở đi, đối với thế giới này không có mảy may lưu luyến.

Con người nhất định phải tin tưởng luân lý, đạo đức, nhân quả, đặc biệt là nhân quả, vì sao vậy? Nhân quả là oan oan tương báo không bao giờ dứt, vô cùng đáng sợ. Bất luận nghĩ thiện nghĩ ác, nói thiện nói ác, việc làm thiện hay ác thầy đều tùy duyên, không để trong tâm, việc này quan trọng. Tất cả tùy duyên, không phan duyên, chân thật buông xuống, trong tâm chỉ có A-di-đà Phật, mỗi niệm chỉ có thế

giới Cực Lạc. Chúng ta thật sự muốn đi, hận một nỗi không thể đi ngay lập tức, không muốn lưu luyến thế giới này nữa. A-di-đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, những đại Bồ-tát này tâm từ bi tha thiết, các ngài cần người biểu pháp, chúng ta cũng phát nguyện, bằng lòng biểu pháp. Biểu pháp có nghĩa là gì? Làm ra tấm gương học Phật, làm ra tấm gương niệm Phật, làm ra tấm gương thành Phật. Để đại chúng xã hội nhìn thấy, nghe lời giáo huấn trong kinh điển, nhìn thấy một số người đang biểu diễn thật làm, y giáo phụng hành, có thể giúp đỡ người sơ học tăng trưởng tín tâm, kiên định nguyện tâm, đây chính là độ chúng sanh thành Phật đạo.

Ý nghĩa của kinh giáo rộng lớn không bờ mé, thâm sâu tìm không thấy đáy, sâu rộng vô tận, vì sao vậy? Vì là tánh đức. Nhắc đến tánh đức thì chúng ta nghĩ đến không có ngăn mé, không có số lượng, đến khi nào mới có thể đạt được sự thấu triệt chân thật ngọn nguồn? Nhất định phải là Diệu giác Như Lai, viên mãn thành Phật thì mới có thể được. Đẳng giác Bồ-tát còn chưa được, nhất định phải là địa vị Diệu giác, minh tâm kiến tánh thậm thâm. Thập địa Bồ-tát của Viên giáo Đại thừa thì có thể làm được việc thấu tột nguồn pháp. Tuy là Thập địa Bồ-tát nhưng Sơ địa và Nhị địa không như nhau, Nhị địa và Tam địa không như nhau, nếu không thì làm sao phân biệt được các địa. Thấu triệt nguồn pháp còn có rốt ráo và không rốt ráo, thật sự rốt ráo rồi thì là một thứ bậc, là quả vị Diệu giác sau cùng. Trên Thập địa còn có Đẳng giác, còn có Diệu giác, cộng thêm địa vị của chính họ, tổng cộng là 12 địa vị. Những Bồ-tát này cũng ở mười phương thế giới ứng hóa độ sanh, các ngài xuất hiện với thân phận gì? Xuất hiện với thân Phật, báo thân Phật, ứng thân Phật, hóa thân Phật. Hóa thân vô lượng vô biên, năm mươi ba lần tham vấn của Thiện Tài đồng tử, đó đều là Đẳng giác Bồ-tát hóa thân, không phải Thập địa Bồ-tát.

Hóa ra thân gì? Tùy tâm chúng sanh mà ứng hóa phù hợp. Trong tâm chúng sanh muốn thân gì thì các ngài hiện thân đó. Phật không có pháp nhất định để nói, Phật cũng không có hình tướng nhất định, bạn muốn tướng như thế nào thì ngài hiện ra tướng đó, luôn có thể viên mãn ý nguyện của bạn, bạn nhìn thấy hoan hỷ, cung kính.

Bồ-tát đến thế giới Cực Lạc để làm gì? Cầu trang nghiêm Tịnh độ, trang nghiêm thế giới Cực Lạc. Làm thế nào trang nghiêm? “Nguyện như Di-đà, thành tựu đại giác, nhiếp thủ cõi Phật, Phật liền biết ngay”. Phật biết được, “cho nên nói pháp vô thượng tương ưng như vậy để viên mãn nguyện của họ”. Phật được xưng là



Chánh Giác, nguyên của ngài vô thượng, Phật giảng kinh thuyết pháp cho mọi người, giảng điều gì? Phật không có thuyết pháp, đều là hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, bạn muốn điều gì thì Phật đều mãn nguyện cho bạn, chỉ cần là thiện; bạn muốn điều ác thì Phật không thành tựu cho bạn; bạn muốn điều thiện thì Phật thành tựu cho bạn. Bạn vẫn không muốn vãng sanh nước Phật, vẫn không muốn ra khỏi lục đạo luân hồi thì Phật có thể giúp bạn sanh vào ba đường thiện, để bạn được thân phật trời, người, dùng đạo của trời, người giáo hóa chúng sanh. Những thành tựu này người thế gian đều cho là đại công đức, đối với Phật Bồ-tát thì là tiểu công đức. Bạn cần chân thật nhận ra lục đạo luân hồi quá khổ, lục đạo quá đáng sợ.

Lời người xưa nói chúng ta tin không phải là vọng ngữ, không phải tùy tiện nói mà là có căn cứ, một khi đọa ba đường ác thì là năm ngàn kiếp. Thời gian năm ngàn kiếp dài như vậy, có lẽ bạn có thể được thân người một lần nữa, thân người khó được, thật sự khó, năm ngàn kiếp mới có được một lần. Lần này chúng ta được thân người, nghe Phật pháp, thật sự hiểu rõ rồi, sáng tỏ rồi, có muốn thoát ly hay không? Không thoát ly thì phải nghĩ đến, một phen sa chân thì là năm ngàn kiếp, không được làm, chớ có làm, nhất định phải cầu sanh Tịnh độ. Bộ kinh Vô Lượng Thọ này là sách thuyết minh, là thư giới thiệu, giới thiệu chúng ta đến thế giới Cực Lạc, nói rất là tường tận, đọc xong thật sự sáng tỏ, thật sự giác ngộ rồi thì ai nấy đều sanh tín tâm, ai nấy đều phát nguyện cầu sanh, ai nấy đều muốn đến thế giới Cực Lạc thành tựu, sau đó quay ngược thuyền từ phổ độ chúng sanh tận hư không khắp pháp giới được bất thoái chuyển. Chúng ta nhất định phải đến thế giới Cực Lạc, đi chứng Bồ-tát Bất thoái chuyển, chính là A-duy-việt-trí. Lấy được học vị này thì bảo đảm rồi. Cho dù đến địa ngục độ chúng sanh khổ nạn cũng chẳng mấy may chướng ngại. Có đại tâm đại nguyện như vậy, A-di-đà Phật biết được, sẽ nói cho họ pháp vô thượng tương ưng để viên mãn nguyện của Bồ-tát.

Mời xem kệ tụng tiếp theo:

**Giác liễu nhất thiết pháp do như mộng, huyền, hưởng. Mãn túc chư diệu nguyện, tất thành như thị sát.**

*Giác liễu hết thấy pháp, như mộng huyền tiếng vang, tròn đầy các diệu nguyện, tất thành cõi như thế.*

*“Giác liễu hết thấy pháp”*

Giác là chứng ngộ, liễu là biết trọn, hết thấy pháp là tất cả các pháp của vũ trụ vạn hữu, chính là hết thấy pháp của quá khứ, hiện tại, vị lai trong tận hư không khắp pháp giới. Hoàng Niệm lão nói: Hết thấy pháp chỉ cho pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp bất khả thuyết đều bao gồm trong đó. Hết thấy những pháp này đều như mộng, như huyễn, như tiếng vang. Kinh Kim Cang nói rất hay: “Hết thấy pháp hữu vi như mộng huyễn bọt bóng”. Tất cả pháp thấy đều là pháp hữu vi. Thế nào gọi là pháp hữu vi? Có sanh có diệt thì gọi là pháp hữu vi; không sanh không diệt thì gọi là pháp vô vi. Pháp vô vi tốt, pháp hữu vi là giả. Không sanh không diệt là thật, thế giới Cực Lạc là không sanh không diệt.

Thế giới này của chúng ta có sanh có diệt, con người có sanh lão bệnh tử, chẳng phải nói người này từ khi sinh ra, sống 100 năm, 200 năm mới già chết, chẳng phải như vậy. Chân tướng là mỗi giây đều đang sinh ra, mỗi giây đều đang chết đi. Mỗi một giây họ đều đang sinh ra, mỗi một giây đều đang chết đi. Trong một giây họ đã chết bao nhiêu lần thì trong một giây cũng bấy nhiêu lần sinh ra. Thế Tôn hỏi Bồ-tát Di-lặc, phàm phu chúng ta trong tâm khởi niệm, trong tâm khởi lên một ý niệm thì có bao nhiêu niệm, bao nhiêu tướng, bao nhiêu thức? Ngài Di-lặc trả lời, “một khảy móng tay có 32 ức trăm ngàn ý niệm”, nói cách khác, có 32 ức trăm ngàn tướng, có 32 ức trăm ngàn thức, đơn vị là trăm ngàn. Một trăm lần ngàn là một trăm ngàn, 32 ức nhân với một trăm ngàn thì được ba trăm hai mươi nghìn tỉ. Lại nhân cho bảy, trong một giây khảy được bảy lần thì được hai ngàn hai trăm bốn mươi nghìn tỉ. Trong một giây có hai ngàn hai trăm bốn mươi nghìn tỉ lần sanh diệt, đây chính là nói như mộng, như huyễn, như tiếng vang.

Nhà khoa học Planck của Đức, ông là thầy của Einstein, cả đời nghiên cứu vật chất, vật chất rốt cuộc là gì? Khoa học phát triển theo hai phương hướng: một hướng là lớn vô hạn, chính là thiên văn, thiên văn học; một hướng là nhỏ vô hạn, ngược lại chính là thế giới vi mô. Thế giới vĩ mô là lớn, thế giới vi mô chính là nghiên cứu nhỏ, vật chất nhỏ này rốt cuộc là gì? Bí mật này đã bị phơi bày, hóa ra vật chất không phải là thật, chia nhỏ vật chất đến sau cùng thì không có gì cả. Điều này kinh Phật có nói, đó là huyễn tướng sanh ra bởi dao động sóng ý niệm ở tần số cao, huyễn tướng này chính là vật chất, đây chính là “tướng do tâm sanh” mà trong kinh Phật nói, hết thấy pháp từ tâm tướng sanh.

Ba ngàn năm trước Thích-ca Mâu-ni Phật đã nói ra thành quả [nghiên cứu] của nhà cơ học lượng tử thời hiện đại, ngài nói còn rõ ràng, cao minh hơn họ. Tướng do tâm sanh, hết thấy pháp đều không rời khỏi tâm, đều không rời khỏi ý niệm, rời khỏi ý niệm thì không có hiện tượng, hiện tượng vật chất không tồn tại. Khoa học ngày nay có vật lý, có tâm lý, hiện nay nhà cơ học lượng tử nói sai rồi! Chúng là một, không phải hai, là một thể, không thể phân thành hai thứ, phân thành hai thứ là chúng ta mê rồi, đi sai đường rồi. Hiện nay phải đưa chúng trở về gốc, chúng là một. Tâm và vật chất là một, không phải hai, tướng do tâm sanh, nêu ra một quan niệm “dùng tâm không chế vật chất”, vì tướng do tâm sanh nên tâm có thể không chế vật chất, một chút cũng chẳng sai, tin hay không tùy bạn.

Chúng ta lại xem trong các pháp, dẫn dụng lời trong Đại Trí Độ Luận nói: “Hết thấy pháp, nói sơ lược thì có ba loại. Một là pháp hữu vi”, pháp này chúng ta thường thấy nhất. “Hai là pháp vô vi, thế giới Cực Lạc là pháp vô vi. Ba là pháp bất khả thuyết. Ba loại này đã hàm nhiếp hết thấy pháp”, hết thấy pháp không nằm ngoài ba loại lớn này. Pháp bất khả thuyết là Phật pháp, Phật pháp thì không cách gì tưởng tượng được, thông thường dùng một từ, một câu thì nói trọn, bao gồm toàn bộ. Phật pháp thường dùng một chữ, chữ “Phật”, dịch nó ra thì có một nghĩa là giác, có một nghĩa là mê, mê là pháp hữu vi, giác là pháp vô vi, ba loại này đều bao hàm tất cả pháp.

*“Nhu mộng, huyền, tiếng vang”*

“Tỉ dụ cho các pháp đều hư vọng không thật”. Chúng ta có biết đạo lý này hay không? Biết. Bản thân cũng biết nói, có khi cũng dùng câu này để khuyên người khác, thế nhưng thực tế thì như thế nào? Trên thực tế khi thật sự tụng chuyện cụ thể rồi, vẫn xem thứ giả này là thật, bởi vì xem là thật cho nên mới chấp chặt không buông bỏ. Ví dụ như đưa người vãng sanh, có người xem thân thể, cái vỏ bọc giả tạo này thành chính mình, xem thành chân ngã, tham luyến thế gian này, lúc vãng sanh vô cùng gian nan, học Phật không đạt được thọ dụng thật sự, không nắm chắc việc vãng sanh thế giới Cực Lạc. Cho dù có đồng tu đến trợ niệm, đó cũng chỉ là trợ duyên mà thôi, dựa hoàn toàn vào trợ niệm thì chưa chắc nắm chắc được, có thể vãng sanh hay không phải xem một niệm sau cùng của người vãng sanh. Cho nên việc này phải luôn rèn luyện lúc bình thường, luyện điều gì? Luyện buông xuống, phải dùng công phu tiệm tiến, không được mánh khéo đầu cơ, phải thật làm.

Phải thường đặt kinh văn ở trong tâm, bất kỳ lúc nào cũng có thể dùng được. Thứ mà mắt nhìn thấy là giả, thứ mà tai nghe thấy cũng chẳng phải thật, sáu trần là giả, sáu căn cũng là giả. Cho nên Phật thường dùng mộng để tỉ dụ, ai ai cũng đều có kinh nghiệm nằm mộng. Sau khi tỉnh mộng liệu có giác ngộ đó là một mảng không không? Chúng ta sống mấy mươi năm ở nhân gian, lúc sắp lâm chung, một hơi thở ra không hít vào thì đã xong một giấc mộng, lại đi vào một cảnh giới khác, điều này cho chúng ta thấy linh hồn bất diệt, linh hồn là mê, gọi là mê hồn, ngộ rồi thì gọi là linh tánh. Linh hồn và linh tánh là một không phải hai. A-la-hán trở lên đã giác ngộ, gọi là linh tánh; phàm phu lục đạo mê rồi nên gọi là linh hồn. Chỉ cần chuyển biến thành linh tánh thì sẽ tự tại trong mười pháp giới, vào ra tự do trong lục đạo, họ muốn đến thì đến, muốn đi thì đi, không có chướng ngại.

Đại Trí Độ Luận nói: “Như mộng là như trong mộng không có việc gì là thật, nhưng lại cho nó có thật. Giác rồi biết nó là không, lại còn cười chính mình”. Giống như nằm mộng, tỉnh mộng rồi thì đó là giả. Lại nói: “Hết thấy các hành đều như huyễn, trò lừa trẻ nít, thuộc về nhân duyên, nên không tự tại, không lâu bền”. Lại nói: “Ví như hang hẹp trong núi sâu, như trong khe suối cực sâu, như trong phòng trống lớn”, căn phòng lớn, hội trường lớn, “nếu cất tiếng, nếu phát âm thanh, trong âm thanh lại có âm thanh, gọi là tiếng vang, kẻ vô tri cho rằng có người lên tiếng, các bậc trí tâm niệm âm thanh đó không do người tạo tác, chỉ do âm thanh va chạm, đó là âm vọng lại”, nên gọi đó là tiếng vọng. “Tiếng vọng là không, nhưng có thể đánh lừa nhĩ căn”, chính là lừa được nhĩ căn, bạn cho rằng nó có thật, “còn các Bồ-tát biết các pháp như tiếng vang”.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 62

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem hai câu kệ tụng kế tiếp:

**Mãn túc chư diệu nguyện, tất thành như thị sát.**

*Viên mãn các diệu nguyện, ắt thành cõi như thế.*

Nói theo thông thường, “các diệu nguyện” là chỉ tứ hoằng thệ nguyện. Tứ hoằng thệ nguyện là tổng cương lĩnh của tất cả đại nguyện mà chư Phật Như Lai đã phát ở nhân địa, quy nạp lại đều không ngoài bốn loại lớn. Cho dù là 48 nguyện của A-di-đà Phật quy nạp lại thì cũng không ngoài bốn nguyện lớn này. Chúng ta phải ghi nhớ, bốn hoằng nguyện lớn này là cương lĩnh của hoằng nguyện Bồ-tát.

*“Viên mãn các diệu nguyện”*

Bạn muốn làm viên mãn những nguyện này, chẳng phải nói tất cả như mộng huyễn, chẳng làm gì cả đó sao? Tịnh Ảnh Sớ nói: “Toàn bộ trí và nguyện ấy chính là thọ ký ắt đạt được cõi nước. Biết rõ hết thấy đều như mộng huyễn là toàn trí vậy. Viên mãn các nguyện là hết thấy nguyện vậy. Thành tựu cõi như thế tức thọ ký đạt được cõi nước vậy”. Bạn biết rõ hết thấy đều như mộng huyễn thì đó là trí tuệ, viên mãn các diệu nguyện là đại nguyện, có thể thành tựu các cõi nước, bèn thọ ký cho bạn đạt được cõi nước.

Bồ-tát, đặc biệt là Bồ-tát có năng lực đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, đến đi tự do, chẳng phải là người thông thường. A-la-hán không có năng lực này, Bích-chi Phật cũng không có năng lực này, Quyền giáo Bồ-tát cũng không được. Có thể đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, đến đi tự do thì đều là Pháp thân Đại sĩ, các ngài đầy đủ trí tuệ chân thật, đã phá bốn tướng, đã phá bốn kiến. Tiêu chuẩn này chính là tiêu chuẩn trong kinh Kim Cang đạt được. Tiêu chuẩn như vậy mới có thể viên mãn đại nguyện của Bồ-tát, đoạn phiền não, thành tựu đức hạnh rốt ráo viên mãn chí cao vô thượng.

Hai môn công khóa tu học của Bồ-tát: một là đoạn phiền não, hai là học pháp môn. Một cái là đức hạnh, một cái là học vấn, tốt nghiệp hai môn này rồi thì thành Phật. Duy chỉ có thành Phật mới có thể viên mãn các diệu nguyện.

*“Át thành cõi như thế”*

“Cõi như thế” là chỉ thế giới Tây Phương Cực Lạc. Những Bồ-tát này hâm mộ thế giới Tây Phương Cực Lạc, hy vọng cõi nước mà tương lai chính mình cư trụ cũng giống như thế giới Tây Phương Cực Lạc. “Át thành tựu cõi nước như thế”, đây là Phật đang thọ ký thành Phật cho những Bồ-tát này. “Sự thành tựu cõi nước là kết quả của trí và nguyện”.

**Tri độ như ảnh tượng, hằng phát hoằng thệ tâm.**

*Biết cõi như bóng ảnh, luôn phát tâm hoằng thệ.*

Hai câu này, câu thứ nhất “biết cõi nước như bóng ảnh” là trí, câu thứ hai “luôn phát tâm hoằng thệ” là nguyện. Bồ-tát xác thật đã giác ngộ hết thấy pháp, biết rõ cõi nước giống như hình bóng do vật hiện ra, trọn chẳng hề có, như trong kinh Kim Cang nói “tất cả pháp hữu vi như mộng huyễn bọt bóng”. Biết rõ cõi nước cũng là không, nhưng Bồ-tát không chấp trước không, trí tuệ này rất sâu, biết là không nhưng chẳng chấp không, mà còn phát tâm thệ nguyện rộng lớn, thành tựu cõi nước, giáo hóa chúng sanh. Điều này như kinh Duy-ma-cật nói: chẳng những có nguyện, mà từ nguyện khởi hạnh, “rốt ráo Bồ-tát đạo”, trên đạo Bồ-tát mà tự lợi lợi tha.

A-la-hán, Bích-chi Phật không giống như Bồ-tát, họ chấp trước không, nhập vào “thiên chân Niết-bàn”, cách biệt tuyệt đối với cuộc đời. Họ không độ chúng sanh, đối với việc của tất cả chúng sanh không nghe không hỏi, chẳng mảy may quan tâm, tự mình hưởng thụ niềm vui thanh tịnh vô vi. Cho nên trong kinh điển Đại thừa, Thế Tôn quở trách họ, trách cứ họ, nói loại người này ví như “hạt mầm hư khô héo, rớt xuống hố vô vi”, chỉ có tự lợi, không thể lợi người. Bồ-tát không như vậy, tuy biết hết thấy pháp là không, nhưng vẫn nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh độ, giáo hóa chúng sanh.

*“Luôn phát tâm hoằng thệ”*

Chính là thệ nguyện đạt được thế giới Tây Phương Cực Lạc, đây là chỗ thù thắng của Bồ-tát. Bồ-tát trụ trung đạo, không chấp không, cũng chẳng chấp có. Biết

hết thấy pháp là không nhưng vẫn nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh độ. Nói họ có nguyện, nhưng họ lại hiểu rõ hết thấy pháp là không, trong tâm thanh tịnh vô vi, mây trần chẳng nhiễm. Đây được gọi là “vi diệu khế hợp trung đạo”. Đây là tôn chỉ căn bản của Tịnh tông, cũng chính là nguyên lý nguyên tắc cơ bản của việc tu hành.

Cổ đức từng nói: Tịnh tông chẳng phải Không tông, cũng chẳng phải Hữu tông, hai bên không hữu đều không chấp trước, đó là thật sự nhận thức Tịnh độ. Trong kinh Duy-ma có câu nói như sau: “Tuy biết các cõi Phật, và các chúng sanh đều không, nhưng thường tu Tịnh độ, giáo hóa các quần sanh”. Ý nghĩa của bốn câu này chính là cảnh giới Hoa Nghiêm, là cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn lý sự vô ngại, sự sự vô ngại.

Người thật sự biết tu hành thì tự mình tu hành, không nhìn người khác, nhìn người khác thì trong tâm sanh phiền não, bèn có ý kiến, có ý kiến thì tâm bất bình, thì không thanh tịnh. Đến khi nào sáu căn của chúng ta tiếp xúc với cảnh giới sáu trần thấy như không thấy, nghe như không nghe thì tâm thanh tịnh rồi. Đối với hết thấy pháp rất rõ ràng sáng tỏ, tuy rằng hiểu rõ nhưng trong tâm không chấp trước, đến lúc đó thì đạt được tâm thanh tịnh, mới nắm chắc vãng sanh.

Chúng ta học Phật, không chỉ một đời này, đời đời kiếp kiếp học Phật vì sao đều học không thành vậy? Hai câu này rất quan trọng: “Biết cõi như bóng ảnh”, biết hết thấy pháp xác thực là như mộng huyễn bọt bóng, đều chẳng phải thật, đã chẳng phải thật thì chấp trước chúng để làm gì? Nghĩ chúng để làm gì? Chẳng đáng! “Luôn phát tâm hoằng thệ”, đại nguyện của chúng ta là cầu sanh Tịnh độ rộng độ chúng sanh, niệm niệm không được gián đoạn.

Những đoạn tiếp theo đạo lý rất sâu, không dễ hiểu. Nhưng lại là chân tướng sự thật, không biết có bao nhiêu đồng tu có thể lý giải? Mức thấp phải nói thì mức sâu cũng phải nói. Trong kinh Bát-nhã nói: “Phàm tất cả tướng đều là hư vọng”, bao gồm thế giới Cực Lạc ở trong đó. Bạn có tiếp nhận lý niệm này không? Chúng ta đọc kỹ vài lần câu nói này: “Phàm tất cả tướng đều là hư vọng”. Nói đơn giản một chút chính là “tướng là hư vọng”, hai từ quan trọng: một là “tất cả”, một là “đều”. Hai từ này ý nghĩa như nhau, nghĩa là bao hàm toàn bộ trong đó, không thiếu một thứ. Hai từ ý nghĩa như nhau được dùng trong một câu nói để nhấn mạnh ngữ khí, tăng thêm phân lượng để thu hút sức chú ý cao độ của chúng ta.

Câu này là Phật nói, lời Phật nói đều là lời chân thật, không có vọng ngữ. “Phàm tất cả tướng đều là hư vọng”, không hề nói thế giới Cực Lạc là ngoại lệ, trong “tất cả” và “đều” nhất định bao gồm thế giới Cực Lạc. Vì sao vậy? Thế giới Cực Lạc là hiện tượng, nó có phải là hư vọng hay không? Đương nhiên là hư vọng. Cho nên không được lưu luyến, cũng không được để ở trong tâm. Thứ thật không được để trong tâm, thứ hư vọng cũng không được để ở trong tâm. Để thứ thật trong tâm thì chướng ngại rồi, không thể kiến tánh; thứ hư vọng khởi tác dụng thì chướng ngại rồi, cũng không thể kiến tánh. Chân lẫn vọng đều không được tin tưởng, vì sao vậy? Chân vọng là đối lập, là đối lập nhau rồi, trong tự tánh không có một pháp nào đối lập. Đối lập là phiền não thô thiển nhất trong kiến tư phiền não. Thân kiến, biên kiến trong năm loại kiến hoặc chính là đối lập. Nhị biên, hai bên không và hữu, hai bên đều là giả, chẳng lập hai bên mà còn có trung đạo thì vẫn đối lập rồi, vẫn là mê hoặc. Cái nào cũng chẳng có, trung đạo có hay không? Không có. Lấy đâu ra trung đạo. Không có hai bên thì làm gì có trung đạo. Cho nên, Phật nói với chúng ta là lời thật. Cổ thánh tiên hiền và cao tăng đại đức nói với chúng ta là lời thật. Thế giới Cực Lạc ở ngay đây, ngay đây chính là, là gì vậy? Là đại viên mãn, mọi thứ đầy đủ, chẳng thiếu một thứ nào, chính ở ngay đây. Chỉ là bạn không trừ bỏ chướng ngại, trừ bỏ chướng ngại thì bạn sẽ thấy được, thấy được thì thành Phật.

Kinh Kim Cang nói: “Hết thấy pháp hữu vi như mộng huyễn bọt bóng”, trong “hết thấy pháp” này bao gồm Phật pháp. Trong kinh Đại thừa, Phật dạy chúng ta, Phật không có pháp. Thích-ca Mâu-ni Phật nói: Ta giảng kinh thuyết pháp 49 năm, không hề nói một chữ, chính là chưa từng nói một chữ. Ngài đã phủ định toàn bộ, phủ định sạch sẽ, nếu có người nói Phật thuyết pháp thì đó là báng Phật, sau cùng buông xả sạch sẽ, “hết thấy pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt, bóng”. Hiện nay trong câu kệ này nói: “Biết được cõi Phật cũng như bóng ảnh, trí tuệ như vậy thật là rất sâu”. Nếu chúng ta hỏi, các ngài có chấp tướng hay không? Ở đây đã thật sự nói ra chân tướng rồi. Đừng bám dính thế giới Cực Lạc không buông, hiện nay phải biết rằng chúng ta là chẳng còn cách nào, không có biện pháp nào nên đành đặt thế giới Cực Lạc ở trong tâm, đặt A-di-đà Phật ở trong tâm, có thể thành tựu hay không? Không thể thành tựu, vì sao vậy? Bởi vì trong tự tánh chẳng lập một pháp, chẳng bỏ một pháp. Hai câu này: chẳng lập một pháp, chẳng bỏ một pháp, đây là tự tánh.



Tự tánh là viên mãn, gặp duyên thì có thể hiện, không có duyên thì không hiện, không hiện chẳng thể nói nó không có, hiện cũng chẳng thể nói nó có, bạn bèn hiểu rõ chân tướng sự thật. Cho nên, thấy đều không được nắm giữ, chúng ta buộc phải đào thải những thứ này cho sạch sẽ thì tự tánh hiện tiền.

Thế giới Tây Phương Cực Lạc vì sao năng hiện? Khi nào hiện? Khi nào không hiện? Thế giới Tây Phương Cực Lạc sở dĩ năng hiện là bởi vì mười phương thế giới có nhiều Bồ-tát như vậy đến nơi đó đi cầu học, đây là duyên. Nhiều người đến tu học như vậy, Phật bèn hiện đạo tràng, bèn hiện thân thuyết pháp. Một thân có thể làm ra lực dụng của vô lượng thân, một loại âm thanh có thể tạo ra thọ dụng của vô lượng âm thanh, ngàn kinh vạn luận, bạn muốn học điều gì thì sẽ nghe thấy điều đó giảng cho bạn. Việc này khoa học kỹ thuật không làm được, khoa học kỹ thuật so với tánh đức thì quá ấu trĩ. Trí tuệ của tự tánh là thật, vì sao vậy? Không sanh không diệt. Khoa học kỹ thuật là giả, nó là pháp sanh diệt, nâng cao thêm một cảnh giới thì nó bị đào thải rồi, cái mới xuất hiện, qua chẳng bao năm thì cái mới này lại bị đào thải, vĩnh viễn ở đó sanh diệt. Thế nhưng chứng đắc của tự tánh thì bất sanh bất diệt.

Khi nào hiện, khi nào không hiện? Nói một cách khái quát gồm tám chữ: có duyên thì hiện, không duyên thì ẩn. Không có duyên thì không hiện, chẳng có thứ gì cả; có duyên thì có thể hiện tất cả pháp. Thế nên hiểu rõ Phật pháp thì đối với Phật pháp cũng không chấp trước.

Vì sao lão pháp sư khuyên chúng ta chấp trước thế giới Cực Lạc? Chấp trước A-di-đà Phật? Lão pháp sư nói với chúng ta, hiện nay phải chấp trước thế giới Cực Lạc, chấp trước A-di-đà Phật. Khi đến thế giới Cực Lạc không còn chấp trước nữa thì đúng rồi. Hiện nay nếu không chấp trước thì chấp trước phiền não, vậy phiền phức rồi. Chấp trước phiền não thì chẳng phải ba đường thiện, chính là ba đường ác, chi bằng chúng ta chấp trước thế giới Cực Lạc, chấp trước A-di-đà Phật, chúng ta thật sự đến thế giới Cực Lạc rồi.

Lão pháp sư đối với bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của Hạ Liên lão đánh giá cực kỳ cao, ngài đã nói một đoạn lời nói như sau:

“Bộ kinh này cực diệu, tôi cảm thấy Hạ Liên công là A-di-đà Phật tái lai, sao có thể hội tập hay như thế được, giống như từ kim khẩu của Thích-ca Mâu-ni Phật nói ra, xác thật mỗi câu mỗi chữ đều là kinh văn của bản dịch gốc, văn tự không hề sửa đổi một chữ, trung thành với [nguyên tắc] hội tập. Hội tập không phải phiên

dịch, phiên dịch thì có thể dùng câu từ của chính mình, hội tập thì không thể. Trong bộ kinh này không tìm ra được một từ nào là ngài tự dùng cả, tìm không ra. Phật Bồ-tát đến độ những chúng sanh có duyên như chúng ta, khiến chúng ta trong thời gian ngắn ngủi như vậy gặp được, rồi yêu thích, là có duyên. Sau thế chiến thứ hai, bản hội tập này mới được lưu thông, trong thế chiến thứ hai thì không có, sau khi viết xong bản thảo đã không in ra. Bản chú giải là trí tuệ chân thật, mỗi một câu đều là trích dẫn kinh điển, dùng kinh chú giải cho kinh, là lời Phật nói; dùng chú sớ của tổ sư đại đức để nói, là lời của tổ sư đại đức, đây là trí tuệ chân thật của Niệm lão. Nếu ngài không dùng phương pháp này, đều là chính mình nói thì mọi người không tin tưởng, mọi người không chịu học tập, vì không có ai biết ngài. Một khi thay đổi dùng phương pháp này thì mọi người tin tưởng. Lựa chọn hay như vậy, dường như kinh văn trong kinh, những câu kinh này chính là lời chú giải cho một câu kinh văn vậy. Nếu đây không phải đại trí tuệ, đây không phải Phật Bồ-tát tái lai thì tôi không dám tin tưởng. Cho nên chúng ta đời này có chỗ dựa vững chắc rồi, một bộ kinh, một bộ chú giải, một câu A-di-đà Phật, chân tín thiết nguyện, chắc chắn được sanh, vậy thì đúng rồi”.

Đoạn lời nói phía trên là từ miệng của lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không, một vị thánh tăng đương đại hiếm có khó gặp, khiến tôi vô cùng cảm động. Thế nào là đại đức, thế nào là thánh tăng? Đại đức ở ngay bên cạnh chúng ta, thánh tăng ở ngay trước mắt chúng ta, ngài thị hiện cho chúng ta tấm gương sáng ngời của tăng tán thán tăng, xói dòng suối mát ngọt ngào thanh khiết vào vết nhơ của tăng hủy báng tăng, tẩy trừ cấu uế, trả lại sự thanh tịnh nơi cửa Phật. Tôi nghĩ ngài đáng được xưng là vị cao tăng đương đại của Phật môn, nếu không phải Phật Bồ-tát thị hiện thì người nào có thể có tâm lượng to lớn đến như vậy? Người nào có thể có trí tuệ chân thật thoát tục đến như vậy? Lịch sử là công bằng chánh trực, hãy để lịch sử chứng minh.

**Cứu cánh Bồ-tát đạo, cụ chư công đức bản, tu thắng Bồ-đề hạnh, thọ ký đương tác Phật.**

*Rốt ráo đạo Bồ-tát, đủ các gốc công đức, tu thắng hạnh Bồ-đề, thọ ký được làm Phật.*

Ba câu đầu của bài kệ tụng này là nói: tu hành phải tu hành môn thù thắng nhất, phải tu đến rốt ráo, rốt ráo chính là viên mãn. Y chiếu theo kinh Phật thì đạo

Bồ-tát có vô lượng vô biên. Đoạn phiền não và học pháp môn trong tứ hoằng thế nguyện là Bồ-tát đạo. Chân thật tu hành nhất định phải nắm được cương lĩnh, nắm được cương lĩnh tu học thì dễ dàng thành tựu. Trong Tịnh tông của chúng ta, lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không chia cương lĩnh tu hành thành năm mục: tam phước, lục hòa, tam học, lục độ, mười nguyện Phổ Hiền.

Khoa mục đầu tiên của năm khoa mục là tam phước. Câu đầu tiên của tam phước là “hiếu dưỡng phụ mẫu”. Bắt đầu làm từ hiếu dưỡng cha mẹ, chỉ có hiếu thảo cha mẹ thì mới có thể tôn sư trọng đạo, bởi vì bất kính với thầy chính là bất hiếu với cha mẹ. Cha mẹ hy vọng chúng ta tiếp nhận lời dạy của thầy, nghe lời thầy dạy, bạn không chịu tiếp nhận lời dạy của thầy thì cha mẹ lo lắng, khiến cha mẹ thêm phiền não, chính là đại bất hiếu. Toàn bộ Phật pháp đều sinh ra từ hiếu và kính. Một người thật sự hiếu thuận, tuyệt đối không thể để cha mẹ thất vọng, không được khiến cha mẹ sinh phiền não, không được để cha mẹ lo lắng, đây mới là hiếu thuận thật sự.

Sư đạo được kiến lập trên nền tảng của hiếu đạo, lại đem hiếu đạo mở rộng ra đến “từ tâm bất sát, tu mười nghiệp thiện”, hai câu này vẫn là hiếu đạo, vẫn là sư đạo, đều là sinh ra từ hiếu đạo. Hiếu đạo là gốc, từ trên nền tảng này nâng cao lên chính là “thọ trì tam quy, đầy đủ các giới, không phạm oai nghi”. Lại hướng lên trên nữa chính là hành Bồ-tát đạo: “phát tâm Bồ-đề, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại thừa, khuyến tấn hành giả”. Mười câu đầu của tam phước là tự lợi, chỉ có câu sau cùng là giáo hóa chúng sanh. Sau khi chính mình thành tựu phải giúp đỡ người khác, đây là nói tu dưỡng của cá nhân.

Con người không thể xa rời tập thể, không thể thoát ly xã hội. Chung sống với mọi người, Phật dạy chúng ta sáu điều giới luật: lục hòa kính. Chung sống với người phải hòa mục, đôi bên phải tôn kính lẫn nhau. Phật dạy chúng ta, chỉ tôn kính người khác, đừng mong người khác tôn kính mình. Mỗi một người đều nghe lời Phật, ai nấy đều vui vẻ tôn kính người. Phật pháp là nơi nơi phản tỉnh bản thân thì mới được tâm thanh tịnh, mới đạt được thiên định thật sự. Tôi kính họ, nhưng họ không kính tôi, bạn có cách nghĩ này thì tâm không thanh tịnh rồi, tâm không thanh tịnh thì không đạt được tam-muội. Chỉ hỏi bản thân có kính người khác hay không, đừng hỏi người khác có kính mình hay không. Đừng đem việc người khác có kính mình hay không để ở trong tâm thì tâm được định, tâm được thanh tịnh. Tâm thanh tịnh chính là bậc pháp khí thành tựu, sau đó mới tiến vào tu học Phật pháp. Tam học, lục

độ, mười đại nguyện vương, học hiểu rõ rồi, dùng thấu tỏ rồi thì có đạo lý nào mà không thành tựu chứ! Chúng ta không những phải học hạnh Bồ-tát, mà còn phải thành tựu Bồ-tát đạo rốt ráo viên mãn.

*“Đủ các gốc công đức”*

Trước tiên phải nhận biết rõ ràng thế nào là công đức. Còn nhớ một ngày tháng bảy tháng tám năm 1991, tôi và người bạn tốt tên Trương Đình Chi nói chuyện, đột nhiên chẳng hiểu vì sao thốt ra một câu: Đình Chi, bạn giúp mình đi thỉnh Phật đi. Nói đi liền đi, ngày đó, cô ấy dẫn tôi đến chùa Cực Lạc thỉnh Phật. Đó là lần đầu tiên tôi bước vào chùa, tôi nhìn thấy hai cái thùng màu đỏ có miệng, một cái là thùng công đức, một cái là thùng phước điền. Tôi hỏi Đình Chi, hai cái thùng này dùng để làm gì? Đình Chi nói với tôi, thùng công đức để tích công đức, thùng phước điền để trồng phước điền. Tôi nghe không hiểu, lại hỏi, làm sao tích, làm sao trồng? Cô ấy nói với tôi, để tiền vào trong đó thì đã tích, đã trồng rồi. Tôi vẫn nghe không hiểu, không thể hỏi hoài, chắc là Đình Chi cũng chẳng thể nói rõ được. Tôi nghĩ, đây chính là hai cái thùng chứa tiền. Nhiều năm sau, nghe lão pháp sư giảng kinh thuyết pháp, lão pháp sư kể câu chuyện, tôi nghe hiểu rồi, chẳng những hiểu rõ thế nào là công đức, mà còn tìm được gốc của công đức.

Tổ sư Đạt-ma năm xưa đến Trung Quốc truyền pháp, Lương Võ Đế dùng địa vị, thế lực của mình hộ trì Phật pháp, tạo dựng hơn 480 ngôi chùa, độ mấy trăm ngàn người xuất gia, thế nên khá là tự phụ. Gặp tổ sư Đạt-ma hỏi: Công đức của ta có lớn không? Rất đáng tiếc, tổ sư Đạt-ma không chịu nói vọng ngữ, cũng chẳng có phương tiện thiện xảo, nói một câu thật thà: Chẳng hề có công đức! Gáo nước lạnh này xối lên đầu Lương Võ Đế, Lương Võ Đế nổi giận nên không hộ pháp cho ngài. Ngài chỉ đành đến Thiều Lâm Tự quay mặt vô vách, ngồi chín năm mới đợi được Huệ Khả.

Lương Võ Đế vì Phật giáo làm nhiều việc như vậy mà vẫn không có công đức. Quyên một chút tiền vào trong thùng gỗ thì làm gì có công đức. Chúng ta phải biết, công là công phu tu hành, bạn có một phần công phu tu hành thì có một phần thu hoạch, thu hoạch chính là đức. Công phu là gì? Là tu hành, hành là hành vi. Tư tưởng, kiến giải, lời nói, việc làm của chúng ta có sai lầm, đem hành vi sai lầm chỉnh sửa lại thì gọi là tu hành, đây là công. Thứ đạt được là tâm thanh tịnh, đây là đức. Tâm thanh tịnh đến một trình độ nhất định thì khai trí tuệ. Cho nên nói, đức là định và tuệ, quyên một ít tiền thì không thể được định, không hề khai tuệ, chẳng liên

quan chút nào đến định tuệ. Cho nên tam học giới định tuệ, giới là công, định là đức, định là công, tuệ là đức, công đức là tu như vậy.

“Gốc công đức”, ba chữ này quan trọng. Thế nào là gốc rễ của công đức? Gốc công đức chúng ta nói ở đây chính là Nam-mô A-di-đà Phật. Câu Phật hiệu này đầy đủ tam học giới định tuệ, cho nên Phật hiệu là gốc công đức, bộ kinh Vô Lượng Thọ này là gốc công đức. Ngàn kinh vạn luận đều không lìa khỏi nguyên lý, nguyên tắc mà bộ kinh này nói, bộ kinh này là tinh hoa của hết thảy kinh.

Nhớ kỹ: giới định tuệ là công đức. Kinh Vô Lượng Thọ, Phật hiệu A-di-đà Phật là gốc công đức.

*“Tu thắng hạnh Bồ-đề”*

Thắng là thù thắng, hạnh Bồ-đề thù thắng chính là tín-nguyện-trì danh. Tín là không mê, nguyện là không tà, trì danh là không nhiễm. Không mê, không tà, không nhiễm thì đầy đủ Tam bảo Phật Pháp Tăng. Tam bảo chính ở trong câu Phật hiệu này. Người thật thà niệm Phật chính là tu đại hạnh Bồ-đề thù thắng nhất.

*“Thọ ký được thành Phật”*

Trong hội kinh Vô Lượng Thọ này, A-di-đà Phật thọ ký thành Phật cho các Bồ-tát tham dự hội. Chúng ta nghe rồi vừa hoan hỷ, vừa hâm mộ. Thế nhưng bạn có biết không, ngày nay chúng ta đọc bộ kinh này, tu học theo bộ kinh điển này thì chính là A-di-đà Phật thọ ký cho chúng ta. Tuy nhiên có bao nhiêu người tin tưởng? Nghi ngờ, hoài nghi thật sự làm lỡ việc lớn. Đến khi nào chúng ta có thể trừ được mỗi nghi này?

Trong thời gian này, chúng tôi thường hát bài tiểu viện Lục Hòa và bài ca Tinh Thế. Càng hát càng thấm thía, càng hát càng thấy thân thiết, càng hát càng có cảm giác về nhà. Cảm thấy mỗi lần hát thì A-di-đà Phật thọ ký cho chúng ta một lần, cứ hát rồi lại hát, có khi hát mà lệ nóng ứa nơi khóe mắt, tự mình khiến mình cảm động. Người nghe có cảm động hay không thì tôi không biết.

Sau đây, tôi và Bồ-đề Tâm sẽ hát vài đoạn cho các đồng tu:

Đại gia đình vui vẻ mỹ mãn, người người trong tâm đều vui vẻ, đều vui vẻ.

Bạn đạo tốt chí đồng đạo hợp, mục tiêu sau cùng là Cực Lạc, là Cực Lạc.

Chúng ta ngày ngày niệm Di-đà, ngày ngày chúng ta ở Cực Lạc, ở Cực Lạc.

Cực Lạc ở ngay trước mắt ta, đừng ở nơi khác tìm Cực Lạc, tìm Cực Lạc.  
Chúng ta đều là người Cực Lạc, tương lai đều đến Cực Lạc quốc, Cực Lạc quốc.

Tiểu viện Lục Hòa là trạm tiếp dẫn, đưa bạn đi gặp A-di-đà, A-di-đà.

Chúng ta đến từ đông tây nam bắc, phương ngôn không đổi, tâm linh tương thông, tâm linh tương thông.

Tiểu viện Lục Hòa, pháp giới cùng hưởng, A-di-đà Phật nhớ kỹ trong tâm, nhớ kỹ trong tâm.

A-di-đà Phật, A-di-đà Phật, A-di-đà Phật, A-di-đà Phật, A-di-đà Phật.

Cám ơn Bồ-đề Tâm đã hát cùng. Việc tôi hát cho các đồng tu, tôi đã chuẩn bị sẵn tư tưởng bị phê bình rồi, có người sẽ phê bình tôi không trang nghiêm, không có oai nghi. Không sao cả, tôi không để bụng người khác nói tôi thế nào, tôi biết bản thân mình muốn làm điều gì, đang làm điều gì. Tôi chính là muốn trồng một mảnh ruộng thử nghiệm việc học Phật pháp sống động. Lão pháp sư đã nói một đoạn có sự khích lệ rất lớn đối với tôi, kiên định tín tâm của tôi. Ngài nói: “Biết làm thế nào vận dụng lời dạy của Phật sẽ khiến chúng ta thành tựu vô lượng công đức, nếu không thể hiểu rõ viên mãn, chấp chặt vào kinh văn thì nguy to, đó là đọc sách xưa mà không thể tiêu hóa. Đọc thì đã đọc không ít, cũng ghi nhớ rồi nhưng không biết dùng, phải biết dùng linh hoạt, việc dùng linh hoạt kiến lập trên nền tảng hiểu rõ viên mãn. Hiểu được viên mãn thì dùng mới hoạt bát, mới rộng rãi, đây chính là trí tuệ thật sự”.

Lời nói trên là mười mấy năm trước hoặc hai mươi mấy năm trước lão pháp sư đã nói, nhưng chúng ta nghe xong lại lơ là, không có trí tuệ, không hiểu nghĩa chân thật của Như Lai.

Hoàng Niệm lão dạy chúng ta, từ đại trí của Văn-thù khởi đại hạnh của Phổ Hiền, đại đức của Phổ Hiền chính là dẫn về Cực Lạc. Biết cõi như bóng ảnh nhưng vẫn phát thệ nguyện rộng lớn, từ nguyện này khởi hạnh, rốt ráo đến đạo hạnh của Bồ-tát. Thấu đến tận gốc của nguồn tâm chính mình, từ căn bản trí và sai biệt trí mà tu đủ mọi loại hạnh thù thắng của Bồ-tát, cảm được diệu quả được thọ ký. Cho nên chúng ta thấy mỗi sự thọ ký, mỗi cõi nước được thành tựu đều là trước tiên đã thông đạt lý, thông đạt nguồn gốc rồi, đây là căn bản.

A-di-đà Phật từ bi cùng cực, vì chúng sanh mạng pháp mở ra pháp môn Tịnh độ trì danh niệm Phật. Chỉ cần bạn theo lời Phật dạy, như pháp tu hành thì khác nào bạn có được sự đảm bảo, việc lớn liễu sanh tử thoát luân hồi đời này đã làm thành rồi. Vì sao vậy? Bởi vì A-di-đà Phật đã thọ ký bạn thành Phật rồi, bạn có biết không? Nếu trước đây bạn không biết, hôm nay tôi nói cho bạn, bạn phải hết lòng ghi nhớ, bạn là đệ tử thọ ký của đức Phật, cho nên vạn phần đừng để ngọn gió này, ngọn gió kia thổi bay đi mất, một khi bay mất rồi là năm ngàn kiếp đó.

A-di-đà Phật từ bi, để lão hòa thượng thượng Hải hạ Hiền trụ thế 112 năm, chuyên vì chúng sanh mê hoặc biểu diễn niệm Phật thành Phật. Ngài là người niệm Phật thuần túy, không hề có mảy may xen tạp, 92 năm niệm một câu A-di-đà Phật. Cảm ân lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không đã đem tấm gương nhà Phật của lão hòa thượng thượng Hải hạ Hiền tiến cử cho mọi người, vì mọi người lập nên tấm gương học tập. Đĩa video về lão hòa thượng tôi đã xem hơn hai ngàn lần, mỗi lần đều có cảm nhận mới, chỗ ngộ mới. Điều ngài nêu rõ chính là sự vĩ đại trong điều bình thường, sự bất phàm trong vĩ đại.

A-di-đà Phật từ bi đã để tôi đích thân trải nghiệm, tận mắt nhìn thấy quá trình vãng sanh của ba vị Bồ-tát: Lưu Tô Thanh, Lưu Minh Hoa, Đồng Thụ Trân, khiến tín niệm của tôi vững chắc không dao động. A-di-đà Phật từ bi, dùng sức uy thần của ngài gia trì cho tôi và đạo tràng nơi tôi ở, trong hai năm đã tiễn hai vị lão Bồ-tát vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Một vị là thượng phẩm thượng sanh, một vị là thượng phẩm trung sanh. Sự thật thì không thể tranh biện, các đồng tu đã tận mắt nhìn thấy, chẳng phải là nghe lời đồn nhảm. Lẽ nào ngay cả mắt của mình bạn cũng không tin tưởng sao? Mỗi người có mỗi nhân duyên, thiện căn, phước đức cũng không như nhau, cho nên cùng một sự việc mà nhận thức không giống nhau là điều hết sức bình thường, chẳng có gì kỳ lạ cả. Đứng trên đỉnh núi, đứng ở lưng chừng núi, đứng dưới chân núi, cảnh tượng nhìn thấy có thể giống nhau được không?

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 63

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem kệ tụng tiếp theo:

**Thông đạt chư pháp tánh, nhất thiết không, vô ngã, chuyên cầu tịnh Phật  
sát, tất thành như thị sát.**

*Thông đạt tánh của các pháp, hết thảy không, vô ngã; chuyên cầu cõi Phật  
tịnh, tất thành như Cực Lạc.*

Phân khai thị của A-di-đà Phật nói đến bài kệ tụng này là hết. Vừa xem qua thì bài kệ tụng này dường như có chút tương đồng với bài kệ phía trước. Về mặt văn tự, ý của bài kệ tụng này không khó hiểu, nhưng thật ra nó đặc biệt có ý nghĩa sâu xa.

Hai câu trước là khuyên chúng ta lìa tướng. “Thông” là không có chướng ngại, có chướng ngại thì không thông. “Đạt” là sáng tỏ, đối với chân tướng sự thật hiểu rõ triệt để, hiểu rõ đến cùng cực thì là “đạt”. “Hết thảy pháp” ở phần trước nói, chú trọng ở trên tướng, còn ở đây là nói tánh. “Thông đạt tánh của các pháp”, tánh là thể, bản thể của hết thảy các pháp là gì? Là không, là vô ngã. “Không” nói ở đây là “nhị không chân như”, thật sự thông đạt “ngã không” và “pháp không”. Người thật sự thông đạt thì đối với “ngã” và “pháp” chắc chắn không chấp trước, tâm họ thanh tịnh, tâm không có ô nhiễm.

Vừa rồi nói đến “nhị không chân như”, xin giải thích cụm từ này cho mọi người một chút. “Nhị không chân như” là chỉ “ngã không chân như” và “pháp không chân như”. Thánh giả Nhị thừa hiểu được đạo lý “nhân ngã không vô”, gọi là nhân không, ngã không và sanh không thì cảnh giới chân như chứng được sau khi ngộ là “ngã không chân như”. Bồ-tát ngộ được đạo lý “pháp không”, cảnh giới chân như chứng được sau khi ngộ là “pháp không chân như”.

Phàm phu nhận cái thân do năm uẩn giả hợp này là mình, lại còn cho rằng thật sự có một thứ có thể làm chủ, người có thể làm chủ thể là “ngã”, đây gọi là “nhân ngã”. Nếu bạn có thể hiểu được thân thể này chẳng qua là năm uẩn giả hợp, trên thực tế thân thể này mỗi giờ mỗi khắc đều đang biến hóa, mỗi ngày đều đang tiến về cái



chết, sau cùng là một đồng tro; vả lại cũng chẳng có người làm chủ, ai nấy đều là việc không vừa lòng đến tám chín, kể được với người chỉ hai ba, liệu bạn có làm chủ được không? Nếu bạn có thể làm chủ thì sẽ không có việc gì bất như ý cả, có thể làm chủ thì không chết rồi, ai làm chủ mà lại để mình chết chứ, không thể có được.

A-la-hán đã phá được nhân ngã, không còn bị sanh tử của phàm phu, nhưng vẫn cố chấp vào có “thật pháp”, có Niết-bàn để chứng, có phiền não để đoạn, đây gọi là “pháp ngã”. Phải nhận biết những pháp này cũng đều là pháp do duyên mà sanh ra. Duyên sanh thì có, duyên diệt thì không, chẳng có tự thể, đây là “pháp vô ngã”.

“Tự tánh vốn tịch diệt, thể là bất khả đắc, nên gọi là không, vô ngã”. “Không” nghĩa là nó chẳng phải hiện tượng vật chất, chẳng phải hiện tượng tinh thần, cũng không phải hiện tượng tự nhiên, ba thứ này thấy đều không có, đây là tự tánh. Bản thể của tự tánh, nó ở đâu vậy? Không nơi nào chẳng có, không lúc nào chẳng có, hết thấy vạn pháp đều nương nó mà xuất hiện, không có nó thì không có vạn pháp, cho nên nó là bản thể của vạn pháp. Vạn pháp là pháp sanh diệt, bản thân tự tánh là không sanh không diệt, cho nên Phật gọi nó là “không, vô ngã”. Ý nghĩa của “vô ngã” là chẳng thể có được, duy “chẳng thể có được” mới có thể có được tất cả pháp, đối với tất cả pháp thông đạt vô ngại. Cho nên trong Kinh Bát-nhã nói, tổng kết bằng một câu “Bát-nhã vô tri”, câu tiếp theo là “mà thứ gì cũng biết”. Bát-nhã là gì? Bát-nhã là một bộ phận của tự tánh, tự tánh vốn đầy đủ, thứ nhất là đầy đủ Bát-nhã, trí tuệ, vô lượng trí tuệ. Thể của trí tuệ là tự tánh, tự tánh chẳng có thứ gì, cho nên nói tự tánh là không, nhưng khi bạn hỏi thì nó thứ gì cũng biết, nó khởi tác dụng thì có thể sanh ra vạn pháp, có thể giải thích vạn pháp, có thể hiểu rõ vạn pháp, đây là trí tuệ khởi tác dụng.

“Ngã” mà nhà Phật nói có hai ý nghĩa.

Thứ nhất là “nhân ngã”. “Nhân ngã” là phàm phu không hiểu được đạo lý năm uẩn hòa hợp mà giả hiện có ta, nên vọng cho rằng thật có con người tự chủ tự tại, có thể thường làm chủ tể, nên đó gọi là “nhân ngã”. Đây đều là xem nhục thân này là “ta”, đây là giả, chẳng phải thật. Năm uẩn, sắc thọ tưởng hành thức gọi là năm uẩn. Sắc là hiện tượng vật chất, các cơ quan, tế bào bên trong nhục thể đều thuộc về sắc pháp. Đối lập sắc pháp là tâm pháp, thọ tưởng hành thức là tâm pháp. Có sắc, có tâm. Tâm là thọ tưởng hành thức, không phải vật chất, không có hiện tượng vật

chất. Thọ là cảm thọ, bạn có cảm thọ của mừng giận buồn vui; tướng là tư tưởng; hành ở đây là liên tục không gián đoạn, niệm trước diệt niệm sau liền sanh, nó không gián đoạn nên gọi là hành; thức là chúng tử được hàm chứa, đây đều thuộc về tâm pháp, chúng tử trong thức thứ tám a-lại-da. Chúng ta có thể ghi nhớ được những việc đã làm, vì sao vậy? Do thức, thức chính là ký ức của chúng ta, phạm vi của thức vô cùng lớn, giống như kho lưu trữ, chẳng những tất cả tạo tác của chúng ta trong đời này mà tất cả nghiệp mà chúng ta đã tạo tác từ vô thủy kiếp đến nay đều ở trong đó. Cho nên hãy bạn chân thật giải thoát rồi, chúng được A-la-hán, biết được 500 đời quá khứ, chẳng những biết 500 đời quá khứ mà cũng có thể biết 500 đời vị lai. Tương lai vẫn chưa đến, làm sao biết được? Những hồ sơ trong a-lại-da chính là nhân, từ nơi đó thì có thể biết được tình hình của tương lai.

Cho nên trí tuệ có thể thông đạt hiểu rõ đối với vạn pháp của vũ trụ nhân sanh, không cần đi học. Nhà khoa học là do học được, học được rất hạn chế, học rất vất vả mới biết được chút ít đó thôi. Không cần học. Vì vậy Phật và văn hóa truyền thống Trung Quốc đều rất cao minh, dạy chúng ta điều gì? Khai ngộ. Từ đâu mà ngộ? Từ tâm thanh tịnh mà ngộ, từ tâm bình đẳng mà ngộ. Tâm thanh tịnh là định, tâm bình đẳng là đại định. A-la-hán tu tâm thanh tịnh, còn Bồ-tát tu tâm bình đẳng. Cho nên A-la-hán chỉ buông xuống chấp trước, họ vẫn còn phân biệt, Bồ-tát không có phân biệt.

Vì sao không được chấp trước? Vì sao không được phân biệt? Bởi vì đó là giả, bạn phân biệt chấp trước vẫn là giả, giả chồng thêm giả thì khi nào bạn mới có thể kiến tánh? Không thể kiến tánh, buộc phải buông xuống. A-la-hán đã buông xả chấp trước, họ vẫn còn phân biệt, nếu tiếp tục buông xuống phân biệt thì họ chính là đại Bồ-tát, Tam hiền Bồ-tát. Tam hiền Bồ-tát buông xuống tiếp vô minh, vô minh là gì? Vô minh là động, chính là một niệm bất giác, buông xuống thứ này bèn đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, không cần A-di-đà Phật gia trì, họ cũng sanh đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Nếu họ không đến thế giới Cực Lạc, ở thế gian này của chúng ta thì tương lai họ sẽ vãng sanh đến thế giới Hoa Tạng. Thế giới Hoa Tạng là báo độ của Thích-ca Mâu-ni Phật, là nơi báo thân Phật cư trú.

Minh tâm kiến tánh dựa vào điều gì? Hoàn toàn dựa vào giới định tuệ, không cần công cụ khoa học, cũng không cần tri thức khoa học, bạn định đến một trình độ

nhất định thì sẽ khai mở nhãn giới của mình, trình độ đó thì đều nhìn thấy được. Thiên nhãn của A-la-hán có thể thấy ba ngàn đại thiên thế giới, thấy rất rõ ràng, như là hiện ra trước mắt vậy. Hoa Nghiêm nói với chúng ta, Pháp thân Bồ-tát, Bồ-tát Sơ trụ của Viên giáo, họ không chỉ nhìn thấy một đại thiên thế giới, họ có thể nhìn thấy mấy chục đại thiên thế giới, vài trăm đại thiên thế giới, vài ngàn đại thiên thế giới, vô lượng vô biên đại thiên thế giới, cũng gọi là mười phương ba đời. Trong Thiên định thì không có thời gian, không có không gian. Chúng ta có quá khứ, hiện tại, vị lai; các ngài không có, quá khứ, hiện tại, vị lai thấy đều là tức thời, đồng thời nhìn thấy. Thế nên trong giáo lý Đại thừa không chỉ có triết học cao cấp, mà hiện nay chúng ta biết nó có khoa học cao cấp, chẳng những là cao cấp, mà triết học, khoa học rất ráo viên mãn đều ở trong kinh Phật. Năm xưa tiên sinh Phương Đông Mỹ nói với lão pháp sư, triết học của kinh Phật là đỉnh cao của triết học thế giới. Ngày nay chúng ta nhìn thấy thành tựu của cơ học lượng tử thì biết được điều trong kinh giáo Đại thừa nói là đỉnh cao của khoa học hiện đại. Khoa học vẫn chưa đạt đến được đỉnh cao.

Chúng ta học Phật phải hiểu rõ một lý niệm cơ bản: Phật giáo là giáo dục. Phật giáo dạy chúng ta điều gì? Vấn đề này chúng ta nhất định phải hiểu rõ ràng. Giáo dục của đức Phật thấp nhất là giảng A-hàm. Sau khi Thích-ca Mâu-ni Phật thành đạo, đến vườn Lộc dã thuyết pháp cho năm tỳ-kheo, chính là giảng A-hàm. A-hàm là tiểu học của Phật giáo, nội dung dạy học của nó nghiêng về giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả. Trong giáo dục thánh hiền, nó thuộc về phạm vi sơ cấp. Thời gian tu học của Tiểu thừa là 12 năm, Phật dạy tiểu học là 12 năm.

Sau 12 năm thì nâng lên cao, Phật giảng Phương Đẳng, thời gian tu học là 8 năm, đây là trung học của Phật giáo. Phương Đẳng, phương nghĩa là rộng, đẳng nghĩa là đồng đều. Thời thứ ba trong năm thời thuyết pháp của Thế Tôn, nói rộng về bốn loại giáo của Tạng Thông Biệt Viên, mang lại lợi ích đồng đều cho người căn cơ chậm lụt lẫn nhạy bén, nên gọi là Phương Đẳng. Đẳng Thích Tôn do thấy người nghe pháp đều đã đạt được tín tâm kiên định bèn nói pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Luôn luôn trong khi thuyết pháp chê bai Tiểu thừa, tán thán Đại thừa, nhằm dẫn dắt người độn căn hỗ thẹn với địa vị Tiểu thừa, hâm mộ Đại thừa, thúc đẩy họ tiến tới địa vị Bồ-tát. Trong tám năm, ngài đã giảng các kinh Thắng Man, Duy-ma v.v.

Sau tám năm, Phật giảng Bát-nhã trong 22 năm, đây là bậc đại học của Phật giáo, là giai đoạn Thích-ca Mâu-ni Phật giáo hóa chúng sanh quan trọng nhất. Bát-nhã chính là trí tuệ, nhưng nó không giống với trí tuệ thông minh mà thông thường nói, nó có thể khiến người có thể thấy biết như thật bản thể tự tánh chân trí diệu tuệ của hết thảy sự vật. Bát-nhã có ba loại, gọi là tam bát-nhã, đó là: văn tự bát-nhã, quán chiếu bát-nhã và thật tướng bát-nhã.

Tám năm sau cùng, Phật giảng Pháp Hoa, đây là bậc nghiên cứu sinh của Phật giáo, đem những Bồ-tát học Bát-nhã nâng lên đến thành Phật. Cổ đại đức Trung Quốc tán thán rằng: học Pháp Hoa để thành Phật, học Lăng-nghiêm để khai trí tuệ. Lăng-nghiêm là trí tuệ, Pháp Hoa là thành Phật.

Những việc mà Thích-ca Mâu-ni Phật cả đời làm chính là làm giáo dục, dạy học. Chưa từng ngơi nghỉ, chưa từng nghỉ lễ, ngài lấy mình làm mô phạm, làm ra tấm gương cho mọi người xem. Ngài làm ra tấm gương tốt: ăn một bữa giữa ngày, dưới cây ngủ một đêm. Ngài có công danh phú quý, ngài xuất thân là vương tử, nếu ngài không xuất gia thì đã làm quốc vương rồi, ngài thầy đều buông xuống. Mười chín tuổi đã buông xuống, buông xuống phiền não chướng; ba mươi tuổi buông xuống sở tri chướng, không cầu học, không tiếp tục tham học nữa. 12 năm trước đó ngài đã học qua tất cả tôn giáo của Ấn Độ, tất cả học phái Triết học ngài cũng học qua rồi, kết luận là: không thể liễu sanh tử, không thể thoát tam giới. Tam giới chính là luân hồi: Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới, cho nên ngài buông xả. 19 tuổi buông xả phiền não chướng, 30 tuổi buông xả sở tri chướng, nhập định dưới cây Tất-bát-la, trong định được đại triệt đại ngộ.

Tất cả kinh mà Thích-ca Mâu-ni Phật đã nói trong 49 năm, ai đã dạy ngài? Ngài học được từ đâu? Không có. Những khóa trình sơ cấp, trung cấp, cao cấp, nghiên cứu sinh mà ngài đã dạy, toàn bộ đều là thứ sẵn có trong tự tánh. Đại sư Huệ Năng nói: “Nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”, sau khi kiến tánh thì từ trong tự tánh lưu xuất ra, vốn tự đầy đủ, là thứ không thể cầu bên ngoài, cho nên ngoài tâm chẳng có pháp. Cầu pháp ở ngoài tâm thì sai rồi. Cầu pháp ở đâu? Cầu từ trong tự tánh. Cho nên những kinh mà Phật đã nói là để cho bạn làm tài liệu tham khảo, bạn đừng cho là thật, nếu bạn tưởng thật mà cầu từ nơi kinh điển thì sai rồi, trong kinh điển chẳng có gì cả, nhưng khi khởi tác dụng thì thứ gì cũng có, cực vi diệu! Ý của đoạn này rất sâu, chẳng dễ hiểu. Nếu tiếp tục nghe, nói không chừng bạn sẽ đốn ngộ.

Vốn tự đầy đủ, đầy đủ điều gì? Chính là đầy đủ tất cả pháp của thế xuất thế gian, chú ý từ “tất cả pháp”, “tất cả” nghĩa là hết thảy, chẳng thiếu một pháp, toàn bộ đều ở trong tự tánh. Sau khi kiến tánh thì có pháp nào mà bạn không biết chứ? Bạn không cầu minh tâm kiến tánh mà lại làm việc này, làm việc kia để làm gì? Làm thế nào minh tâm kiến tánh? Lão hòa thượng Hải Hiền đã làm ra cho chúng ta thấy. Sư phụ của ngài dạy ngài một câu pháp, pháp đó là gì? Pháp đó là pháp minh tâm kiến tánh, dùng phương pháp niệm Phật để niệm ra tự tánh. Cho nên kinh Kim Cang nói: “Các pháp bình đẳng, không có cao thấp”. Vì sao không có cao thấp? Mỗi một pháp đều giúp bạn minh tâm kiến tánh, cho nên nó là bình đẳng. Sau khi kiến tánh thì tất cả pháp đều lưu xuất ra, chúng ta gọi là tự tánh lưu lộ. Phật Phật nói như nhau, những gì Thích-ca Mâu-ni Phật đã nói cùng với A-di-đà Phật nói là như nhau, những gì A-di-đà Phật nói cũng giống như Thích-ca Mâu-ni Phật nói, không có khác biệt. Bạn kiến tánh rồi thì lập tức bình đẳng với các ngài, cùng đứng trên cùng một vạch, đây là giáo dục Phật-đà, hoàn toàn khác biệt với giáo dục thế gian.

Giáo dục thánh hiền của Trung Quốc cũng tương tự với giáo dục Phật-đà, đến cảnh giới cao nhất cũng là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Nếu họ không kiến tánh thì họ không nói ra được. Lão pháp sư nói: Văn tự của Trung Quốc là văn tự được sáng lập sớm nhất, nếu chẳng phải là chư Phật tái lai thì là Pháp thân Bồ-tát. Vì sao vậy? Vì văn tự có thể giúp bạn kiến tánh. Văn tự Trung Quốc, nếu bạn thâm nhập, tâm địa thanh tịnh thì nhìn thấy văn tự sẽ khai ngộ. Lão pháp sư nêu ra hai ví dụ về chữ “tư” và chữ “tưởng”.

“Tư” (思) nghĩa là trong tâm có phân biệt, trên chữ tâm (心) có chữ điền (田), vẽ ô vuông thì phân biệt rồi. “Tưởng” (想) là có tướng (相) rồi, có vọng tướng, bạn nghĩ đến tướng đó nên gọi là “tưởng”. Trong tâm có tướng là tướng, trong tâm có phân biệt là tư, trong tâm đã bị ô nhiễm. Tướng là nhiễm ô, tư là phân biệt. Việc này nếu không phải Pháp thân Bồ-tát thì ai biết được chứ?

Chúng ta lại xem Tứ Khố Toàn Thư, “kinh, sử, tử, tập” mà tổ tiên để lại cho chúng ta, đặc biệt là kinh, kinh rất gần với cảnh giới của Phật. Sách của Chư Tử là cảnh giới của Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát đều ở trong sách của Chư Tử, tương đồng với giáo học, phương pháp, lý niệm của kinh điển Đại thừa. Phật pháp nói nhìn thấu, buông xuống, từ đây mà bắt đầu; nhà Nho nói cách vật, trí tri, từ đây mà bắt đầu. Cách vật chính là buông xuống, trí tri chính là nhìn thấu. Nhìn thấu

là gì? Hiểu rõ chân tướng sự thật, sau đó chân tướng sự thật này cũng không để ở trong tâm, vì sao vậy? Trong tâm thanh tịnh của tự tánh thứ gì cũng chẳng có thì mới sanh trí tuệ; nếu còn có thứ này thì là sở tri chướng, biến Phật pháp thành sở tri chướng, vậy Phật Bồ-tát sẽ kêu oan mất. Thứ dạy cho bạn, bạn hiểu rồi nhưng đừng để trong tâm, trong tâm phải là thanh tịnh bình đẳng giác. Vì vậy, Phật pháp là tu điều gì? Tựa đề của kinh này là “thanh tịnh bình đẳng giác”. Trí tuệ là nhân; Đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm là quả báo, là phước báo, là đại trí tuệ, đại phước báo. Phước báo từ đâu mà có? Từ trí tuệ mà có, không có trí tuệ thì lấy đâu ra phước báo. Phật pháp là phước huệ song tu.

Sanh làm người Trung Quốc là được ông Trời ưu ái. Nhiều cổ thánh tiên hiền minh tâm kiến tánh như vậy đến dạy chúng ta, chúng ta phải biết trân quý, không để gì gặp được duyên này, chúng ta phải nghiêm túc nỗ lực. Học tập thì phải giữ vững quy củ của người xưa: thâm nhập một môn, trường kỳ huân tu. Chúng ta phải phát tâm làm chuyên gia, đừng làm thông gia. Trên thực tế chuyên đến cực điểm thì toàn bộ đều thông. Vì sao toàn bộ đều thông mà vẫn làm chuyên gia? Là để làm gương cho đồng đạo chúng sanh. Từ một bộ kinh mà khai ngộ, ngộ rồi thì thông đạt toàn bộ. Nếu bạn muốn học rất nhiều thứ thì học tạp rồi, học loạn rồi, lấp kín cửa ngộ của bạn rồi, thứ bạn học được toàn là tri thức, bạn không khai ngộ.

Phật nói với chúng ta, kinh điển không có ý nghĩa, sao bạn có thể cầu từ trong kinh đây nghĩa là gì, kia nghĩa là gì được, chẳng có nghĩa gì cả. Lúc khởi tác dụng, khi có người đến hỏi thì là vô lượng nghĩa. Mười người hỏi bạn thì có mười cách nói, không hề giống nhau, mà linh hoạt. Nếu có một nghĩa thì chết cứng rồi. Đây là chỗ khó của Phật pháp, cũng là chỗ dễ dàng của Phật pháp. Khó-dễ là một chẳng phải hai. Hiểu thông rồi thì rất dễ dàng, không hiểu thông thì rất gian nan.

Hiện nay chúng ta học Phật nhiều năm như vậy, đã tụng không ít kinh, đã niệm Phật không ít, vì sao không nhìn thấy hiệu quả gì hết vậy? Nguyên nhân của mỗi người không như nhau. Trước tiên chẳng nói gì khác, chỉ nói đến sự nóng vội của con người, con người vì sao nóng vội đến như vậy? Tâm con người hiện nay, dùng hai từ để nói thì là “bộp chộp”. Tâm bộp chộp có thể thanh tịnh được không? Không thanh tịnh thì định được không? Không định thì khai trí tuệ được không? Không khai trí tuệ thì có thể minh tâm kiến tánh không? Không minh tâm

kiến tánh thì có thể thành Phật không? Thành Phật chẳng phải mê tín, mà là giác ngộ.

Xem bản thân chúng ta và những người học Phật xung quanh chúng ta, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước cả đồng lớn, nhìn người nào cũng không vừa mắt, làm việc gì cũng không tình nguyện. Lẽ nào bánh từ trên trời rơi thẳng luôn vô miệng thì mới tốt sao? Chỉ muốn thu lấy, tham cầu hưởng thụ mà không muốn cống hiến. Đối với họ chỉ có mọi người vì mình, không có chuyện mình vì mọi người. Tập khí phiền não khiến bạn ở trong luân hồi, vĩnh viễn luân chuyển ở trong đó. Luân chuyển cũng chưa sao, bạn ở trong đó có ưa thích, có chán ghét, thế thì sinh ra đối lập, bèn tạo thành oan oan tương báo, không bao giờ dứt, khổ không nói nổi. Nếu không gặp được Phật Bồ-tát giúp đỡ thì đa phần ác niệm nhiều, thiện niệm ít. Trong lục đạo gặp người ác nhiều, người thiện ít, ác duyên nhiều, thiện duyên ít. Đời sau nghiêm trọng hơn đời trước, tình hình càng tội tệ hơn, tệ nhất là địa ngục Vô Gián, sau khi thọ xong tội mới được đi lên, thời kiếp thọ tội ở trong đó rất là dài. Chúng ta phải tin lời trong kinh Phật, một phen đọa ba đường ác là năm ngàn kiếp, quá đáng sợ; chẳng phải mấy chục năm, mấy trăm năm, mấy ngàn năm, mà là mấy ngàn kiếp.

Hiểu rõ những chân tướng sự thật này rồi, đối với cơ duyên trước mắt bạn sẽ dốc hết sức nắm chặt lấy, chúng ta không thể không đến thế giới Cực Lạc! Ở nơi đây thứ gì cũng chẳng cần, mỗi ngày có thể ăn no, có thể mặc ấm thì rất hài lòng rồi, một lòng niệm Phật, chúng ta chính là làm việc này, bất kể làm công việc gì đều không rời niệm Phật. Chắc chắn là làm việc không trở ngại niệm Phật, niệm Phật không trở ngại công việc. Thời thời khắc khắc, mỗi phút mỗi giây không được quên niệm Phật!

Về phần “nhân ngã” trước hết nói đến đây, tiếp theo sẽ nói về “pháp ngã”.

Thứ hai là “pháp ngã”. “Hai là pháp ngã, cố chấp các pháp có thật thể, có thật dụng, đó gọi là pháp ngã”. Đây là đối với hoàn cảnh bên ngoài mà nói. “Nếu như hiểu rõ các pháp chỉ do nhân duyên mà sinh ra”, giống như thân thể, “thật không có tự thể, đó gọi là pháp vô ngã. Tiêu thừa chỉ ngộ được nhân vô ngã”, Bồ-tát thì đều chứng đắc hai loại vô ngã, đều hiểu rõ rồi. Thế nên trong giáo lý Đại thừa nói: “Pháp còn phải xả, hướng là chẳng phải pháp”, đối với Phật pháp không còn chấp trước nữa. Đối với Phật pháp không chấp trước, lợi ích lớn nhất là tâm được định. Như lão hòa thượng Hải Hiền, cả đời định trong bốn chữ A-di-đà Phật, ngài bèn chứng được Phật quả rốt ráo viên mãn, thật sự thành Phật rồi. Pháp này đơn giản như vậy, để

dàng như vậy, thế nhưng rất khó tin tưởng. Bạn thật sự tin tưởng thì thật sự một đời có thể thành Phật.

“Bồ-tát thì đều ngộ được hai loại vô ngã”. Hai loại vô ngã là nhân vô ngã và pháp vô ngã. Các ngài đều hiểu rõ hai sự việc này, đều sáng tỏ, cũng đều buông xả rồi. “Phần một của Đại thừa Nghĩa Chương nói: Không và vô ngã nào có khác chi”. Không là nhãn kiến, vô ngã cũng chẳng rời khỏi nhãn kiến, thế nên nào có khác gì. Không là tướng, là chân tướng, vô ngã thì không còn chấp trước có ngã nữa. Tiếp theo nói: “Cho nên nhãn và mắt tuy là hai tên gọi khác nhau nhưng nghĩa thật ra là một, không và vô ngã cũng là như vậy”. Nói không thì chính là vô ngã, nói vô ngã thì chính là nói không. Một cái là nhân, một cái là pháp. Hai thứ nhân và pháp đều trọn chẳng thể được, đều thuộc về huyễn tướng, không hề có thứ cụ thể thật sự nào tồn tại cả, đây là trí tuệ rất cao, người thông thường không nhìn ra được. Người thông thường là chỉ cho phạm vi bao lớn? Chỉ cho lục đạo. Sáu cõi bao gồm 28 tầng trời, trong 28 tầng trời có trời Dục giới, trời Sắc giới, trời Vô Sắc giới, những thiên nhân này thông minh hơn chúng ta, tuy rằng thông minh, nhưng đối với sự việc này họ không nhìn thấy được chân tướng.

Ai nhìn thấy được vậy? A-la-hán đã nhìn thấy được chân tướng. Tứ quả, tứ hướng của Tiểu thừa, trừ Sơ quả hướng chưa chứng đắc ra, còn lại đều chứng đắc cả. Sơ quả Tu-đà-hoàn, họ đã buông xả năm loại kiến hoặc, đã buông được thân kiến, không còn cho rằng thân thể là mình nữa, thân này chẳng phải là ta, đã buông xuống được thân kiến. Loại thứ hai đã buông xả được biên kiến. Biên là nhị biên, ta và người là nhị biên, chân-vọng là nhị biên, phàm-thánh là nhị biên, thiện-ác là nhị biên, tà-chánh là nhị biên, đây đều gọi là biên kiến. Nói cách khác, nhị biên là đối lập, không còn biên kiến thì không còn đối lập, như vậy tốt, vì sao vậy? Những lỗi lầm về biên kiến của người trong thế gian vô cùng nghiêm trọng, chính là đối lập. Ta đối lập với người, thiện đối lập với ác. Vậy vì sao Bồ-tát không có đối lập? Bởi vì Bồ-tát biết phàm tất cả tướng đều là hư vọng. Thân này của ta là hư vọng, là giả, thân của người khác cũng là hư vọng, cũng là giả, không khác gì ta. Thế nên buông xả được thân kiến, không còn chấp trước thân này là mình nữa; cũng buông xả được biên kiến rồi, thế xuất thế gian không còn đối lập nữa.

Đối lập từ đâu mà có? Đối lập sinh ra từ hiểu lầm, không có cho là có, từ đây mà sinh ra, nó chẳng phải thật, là giả. Cho đến kiến thủ kiến, giới thủ kiến, hai loại



này người Trung Quốc thường gọi là thành kiến, thành kiến của ai đó rất sâu, chấp trước cái mình cho là đúng, hoặc chấp trước cái mình cho là không đúng, không ngoài hai loại này. Giới là nói từ trên nhân, kiến là nói từ trên quả, đều chẳng phải thật. Loại sau cùng là tà kiến, phạm không thuộc về bốn loại kiến giải sai lầm, nhận thức sai lầm nói trên thì đều thuộc về tà kiến. Năm loại kiến hoặc này thảy đều buông xả, không còn nữa thì chứng đắc Tu-đà-hoàn.

Chúng ta biết “hết thảy đều là không, vô ngã”. Ngã và pháp đều không thì tâm của chúng ta thanh tịnh, bèn buông xả hết thảy pháp thế xuất thế gian. Chẳng những thế là không, mà tướng và dụng cũng không; không có trí cũng chẳng có đắc, đều là giả cả. Đồng tu chúng ta rất nhiều người cũng biết nói rằng “sinh không mang đến, chết không mang đi”, nhưng cả ngày từ sáng đến tối đều tranh danh đoạt lợi, một thứ cũng chẳng chịu buông. Đã biết “sinh không mang đến, chết không mang đi”, vì sao còn cố sống chết tranh giành? Do không hiểu lý, chưa hiểu rõ chân tướng, chỉ là nói trên miệng mà thôi.

Tôi kể cho mọi người nghe hai ví dụ về việc tranh chức quan nhé, là người thật việc thật đó. Một cán bộ cấp trung cạnh tranh vị trí lãnh đạo, anh ta tự cho rằng vị trí đó phải thuộc về mình. Chúng ta đứng ở góc độ người quan sát khách quan công bằng mà nói thì đúng là vị trí ấy rất phù hợp với anh cán bộ cấp trung đó, anh ấy có năng lực. Hai tháng sau đã có kết quả của việc cạnh tranh, anh cán bộ cấp trung đó rớt đài. Sau đó không lâu, thời gian khoảng chừng một tháng thì anh ấy chết, vì sao chết? Tức giận mà chết, thật sự rất tức giận, tức mà chết. Tôi nói, người ơi, người ơi, sao lại nghĩ không thông như vậy? Lẽ nào chức quan đó quan trọng đến thế ư? Quả thật là thà bỏ mạng chứ không bỏ chức quan.

Ví dụ thứ hai, một chủ tịch của một công ty sắp về hưu, vài vị phó tổng, nóng lòng ra tranh cử, tranh đua nhau trong tối ngoài sáng, tranh giành vị trí chính đó. Một anh phó tổng mới 40 tuổi thôi đã được như ý nguyện, chỉ đợi ngày công bố. Thăng quan mà, là việc vui, vui mừng, bạn bè người thân, bạn học đồng nghiệp luân phiên ăn tiệc, nào ăn nào uống, chúc tụng lên chức. Trước ngày công bố lại tiệc tùng một bữa, trong lúc uống anh lăn ra chết, nói chính xác hơn một chút là vui quá mà chết. Tuy chức quan đã tranh đến tay mình rồi, tiếc rằng chưa ngồi vào, chưa một lần ngồi vào.

Hai ví dụ chân thật, một là không tranh được chức quan nên tức chết, một là tranh được chức quan rồi vui quá mà chết. Ai thua, ai thắng vậy? Cả hai đều là kẻ đáng thương. Tôi thường nói, trong mạng có thì chạy không khỏi, trong mạng không có cầu cũng không được, cho dù lợi dụng đủ mọi thủ đoạn miễn cưỡng tranh giành thì một là giữ không được, hai là sau đó gặp tai ương. Vì sao vậy? Bởi vì nó không phải của bạn, bạn không có phước báo lớn đến như vậy để hưởng. Nghe đến đây, có đồng tu có lẽ sẽ nói: Cô Lưu, sao cô còn tin vào số mạng vậy? Tôi nói với bạn, tôi thật sự tin số mạng, nhưng tuyệt đối không phải mê tín. Trải nghiệm cuộc đời của bản thân nói với tôi, con người phải nhận biết số mạng, trong mạng có thì chạy không khỏi, trong mạng không có cầu cũng không được. Cả đời tôi chưa từng tranh, chưa từng cầu, trong tập thứ nhất tôi đã nói hai câu rằng: tôi hai bàn tay trắng chẳng có thứ gì, tôi hai bàn tay trắng thứ gì cũng có. Có bao nhiêu đồng tu nghe hiểu được ý của hai câu này, tôi không biết. Tôi nghiêm túc đọc tất cả các tin nhắn, hình như không ai đề cập đến hai câu này, cũng có thể là tôi xem chưa kỹ, để sót mất.

Liên quan đến nhân ngã và pháp ngã, hôm nay đã nói nhiều như vậy. Chẳng phải một lần hai lần thì có thể nói rõ được, cũng chẳng phải một lần hai lần thì có thể nghe hiểu được. Làm thế nào đây? Tuyệt đối đừng chấp vào danh từ thuật ngữ, cũng tuyệt đối đừng suy nghĩ đây là nghĩa gì, đó là nghĩa gì, chẳng có nghĩa gì cả. Nghĩa chân thật của Phật là chẳng thể nghĩ, chẳng thể bàn, tuyệt diệu chẳng thể nói. Có đồng tu có lẽ mong rằng: Thừa cô, hãy cho chúng tôi một thứ có thể nắm bắt. Được thôi, những câu tiếp theo xem như chỗ để mọi người nắm bắt.

“Phật pháp không chấp có, không chấp không, có không đều không chấp, cũng chẳng chấp chẳng có chẳng không, cũng chẳng chấp vào chẳng chấp”. Những câu này đọc lên giống như bài vè lú lười, nhưng đọc liên tục thì tâm sẽ thanh tịnh. Bạn thử xem sao, nói không chừng đọc riết bạn sẽ khai ngộ đó.

Hiện nay thứ chúng ta cần phải chấp chính là một câu Phật hiệu A-di-đà Phật, đây là thật, những thứ khác toàn là giả. Những câu này phải nhớ kỹ, vì sao vậy? Chân đế tục đế, tục đế là giả, chẳng thể có được; chân đế là thật, cũng chẳng thể có được. Trời đất cùng một gốc, vạn vật là một thể. Kinh Kim Cang nói: “Nên không có ta, không có người, không có chúng sanh, không có thọ giả mà tu hết thấy thiện pháp thì được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Câu này vô cùng quan trọng, không có ta, cũng không có người, không có chúng sanh, chúng sanh đại biểu

cho vạn vật, hết thủy đều do duyên hòa hợp mà sanh ra, là một trong hai ngàn hai trăm bốn mươi triệu phần giây của dao động sóng, thủy đều chẳng thể có được. Có hay không vậy? Thủy đều có nhưng chẳng thể nắm giữ được, thế nên không được chấp trước. Không chấp trước thì trở về tự tánh, thành Phật rồi.

“Vì vậy các Chánh sĩ mười phương đều thâm đạt các pháp là không”. Đạt là thông đạt, sự thông đạt này không hề cạn, mà rất sâu, biết được muôn pháp đều không. Biết rồi thì thế nào? Chuyên cầu cõi Phật tịnh.

*“Chuyên cầu cõi Phật tịnh, ắt thành như Cực Lạc”*

Phật khuyên chúng ta buông xuống vạn duyên, hết thủy pháp thế xuất thế gian đều không được để ở trong tâm. Trong tâm để điều gì? Trong tâm để thế giới Cực Lạc, trong tâm để A-di-đà Phật. Niệm Phật cầu sanh Tịnh độ là thật, là việc lớn, những thứ khác toàn là giả. Niệm Phật là số một, đây là việc lớn hàng đầu trong đời này của chúng ta.

Những việc khác có cần làm hay không? Tùy duyên, nếu là việc tốt, là việc lớn quan trọng thì phải làm, không phải việc lớn quan trọng thì có thể không làm. Thế nào là việc lớn quan trọng? Báo ân Phật là việc lớn hàng đầu, báo ơn tổ tiên là việc lớn hàng đầu.

Không có tổ tiên thì làm gì có chúng ta, không có Phật thì chúng ta sao biết được có Phật pháp, biết được có thế giới Cực Lạc, biết được có A-di-đà Phật. Phật đối với chúng ta có đại ân đại đức, trả thế nào cũng trả không hết. Tổ tiên đối với chúng ta có đại ân đại đức, trả thế nào cũng trả không hết. Hiện nay đã đến lúc chúng ta nên quay đầu nhìn lại, đã đến lúc chúng ta nhận tổ quy tông rồi.

Người học Phật chúng ta thường nghe câu “tiếp nối huệ mạng Phật, vì thánh hiền xưa kế thừa tuyệt học”, lời kêu gọi này chẳng phải nói đến tình trạng hiện nay đó sao? Đây là việc lớn, không phải việc nhỏ. Chúng ta có thể hỏi chính mình như sau, đời này sống trong thế gian bạn mong muốn điều gì? Ất hẳn đại đa số câu trả lời của mọi người là: muốn đời sống hạnh phúc vui vẻ, muốn gia đình hòa thuận, muốn sự nghiệp thuận lợi, muốn xã hội an định, muốn đất nước giàu mạnh, muốn thiên hạ thái bình. Những việc này có thể thành hiện thực được không? Được! Làm thế nào thực hiện? Phật có đại trí tuệ, cổ thánh tiên hiền có đại trí tuệ, các ngài có trí tuệ, có đạo đức, các ngài đem phương pháp lìa khổ được vui sớm đã nói với chúng

ta rồi. Nói như thế nào? Phật có kinh Phật, tổ sư đại đức có rất nhiều luận chú, tổ tiên trí tuệ của chúng ta đã đem những thứ tốt đẹp này làm thành sách giáo khoa lưu truyền cho hậu thế. Chúng ta thân làm người Trung Quốc ắt được Trời ưu ái, mấy trăm dân tộc trên thế giới chỉ có dân tộc này hiểu giáo dục, “dựng nước quản dân, giáo dục làm đầu”, chúng ta làm tốt giáo dục, làm thành công rồi, lưu truyền cho đời sau, lưu truyền cho toàn nhân loại, khiến trái đất vĩnh viễn không có chiến tranh.

Chúng ta học Phật, tuy rằng lìa tướng nhưng vẫn phải tu thiện. “Chuyên cầu cõi Phật tịnh, ắt thành như Cực Lạc”, đây chính là tu thiện. Nhất định phải chuyên tâm nguyện cầu Tây Phương Tịnh Độ. Làm thế nào cầu Tịnh độ? Từ tâm thanh tịnh mà cầu. “Tâm tịnh ắt cõi nước tịnh”, đều là nói công phu trên tâm địa, sau đó mới có thể thành tựu thế giới Tây Phương Cực Lạc. Kệ hồi hướng nói: “Trang nghiêm Phật Tịnh độ”. Dựa vào đâu để trang nghiêm cõi Phật? Chính dựa vào công đức của câu Phật hiệu này, dùng tâm thanh tịnh mà trang nghiêm. Thế giới Tây Phương Cực Lạc là do tâm thanh tịnh của A-di-đà Phật cùng tâm thanh tịnh của chúng sanh mười phương vãng sanh mà trang nghiêm, thế nên đó là cõi nước do tâm thanh tịnh mà thành tựu. Chỉ cần chúng ta chuyên tâm cầu sanh Tịnh độ thì nhất định sẽ được Phật thọ ký, vãng sanh cõi nước Cực Lạc bất thoái thành Phật.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 64

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Từ tiết học hôm nay trở đi, phần kệ tụng tiếp theo là do Thích-ca Mâu-ni Phật nói.

Mời xem kệ tụng tiếp theo:

**Văn pháp nhạo thọ hành, đắc chí thanh tịnh xứ, tất u Vô Lượng Tôn, thọ ký thành Đẳng giác**

*Nghe pháp vui phụng hành, đạt đến chốn thanh tịnh, ắt được Vô Lượng Tôn, thọ ký thành Đẳng giác.*

Đây là Thích-ca Mâu-ni Phật nói rõ cho chúng ta rằng các Bồ-tát nghe A-di-đà Phật thuyết pháp bèn đạt được lợi ích.

“*Nghe pháp vui phụng hành*”, chỉ cho các Bồ-tát của mười phương thế giới khi đó đến thế giới Cực Lạc nghe A-di-đà Phật giảng pháp. Sau khi nghe pháp thì vô cùng hoan hỷ, sẵn lòng thọ trì phụng hành.

“*Đạt đến chốn thanh tịnh*”, “chốn thanh tịnh” có ba cách nói.

Tịnh Ảnh Sớ nói: Tu trì như vậy thì tương lai nhất định có thể được cõi nước thắng diệu, đạt đến chốn thanh tịnh. Đây là cách nói thứ nhất.

Hội Sớ nói: Chốn thanh tịnh chính là nói Tịnh độ, cũng chính là nói ắt thành tựu cõi Phật giống như vậy. Đây là cách nói thứ hai.

Hai cách nói trên về mặt văn tự không như nhau, nhưng trên thực tế là nói cùng một sự việc. Chính là nói kiến lập nên cõi Phật giống như thế giới Cực Lạc, đó là “đạt đến chốn thanh tịnh”.

Còn có một cách giải thích khác, “chốn thanh tịnh” chỉ cho diệu tâm vốn thanh tịnh, nếu có thể nghe pháp rồi tin nhận, trong một niệm có thể tương ưng thì trực chỉ thấu triệt nguồn tâm, đại giác hiển nhiên sáng tỏ, nhận ra sự thanh tịnh vốn có, “nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”, tức thời khế nhập pháp thân, đây là “đạt đến chốn thanh tịnh”. Đây là cách nói thứ ba. Cách giải thích này là từ “nhất tâm tam bối” mà có. Cho nên kinh Vô Lượng Thọ rất đặc thù, bao gồm toàn bộ Thiên ở trong đó. Một

bộ kinh gồm sáu hết thầy, chúng ta có nhận thức được hay không? Nếu nhận thức được rồi thì ai còn phân biệt ai cao ai thấp. “Tam học cùng một nguồn”, đều do đức Thích-ca truyền.

Dùng tâm thanh tịnh hướng Phật Vô Lượng Thọ, nhất niệm tịnh tâm, nhất niệm tịnh tín, trong sát-na bèn có thể khế hợp với chón thanh tịnh. Bên trên nói thành phần chứng nhiều, ở đây thành phần chứng ít, đó là ngộ, cũng là “đạt đến chón thanh tịnh”. Tiếp theo là chí thành niệm Phật, hết thầy những suy nghĩ lo toan của thế gian đều không còn nữa. Tịnh niệm tiếp nối không có gián đoạn, thâm hợp đạo mầu. Trong niệm lia niệm, niệm mà không niệm, không niệm mà niệm, rất nhiều người niệm Phật có lúc đều có thể làm được, không cần chính mình khởi tâm mà tự nhiên có thể niệm. Đương nhiên cũng chẳng phải thường xuyên, thỉnh thoảng có thể đạt được cảnh giới này, đó là thâm đạt chón thanh tịnh, chẳng phải rất rõ rệt, mà thâm hợp với chón thanh tịnh. Chúng ta ở chỗ A-di-đà Phật, hoặc là rõ rệt, hoặc là trong âm thầm được Phật thọ ký, thế nên gọi là “đạt đến chón thanh tịnh”.

“Nghe pháp vui phụng hành, đạt đến chón thanh tịnh” có hai cách giải thích. Một cách là nói đã thực hiện được bản nguyện của chính mình, việc trang nghiêm cõi nước của chính mình sau cùng đã thành công rồi. Cách thứ hai là khế nhập bốn tâm, cũng là đạt đến chón thanh tịnh, cũng được thọ ký.

“*Ắt được Vô Lượng Tôn, thọ ký thành Đẳng giác*”. “Ắt” là nhất định, “Vô Lượng Tôn” chính là A-di-đà Phật, A-di-đà Phật chắc chắn thọ ký thành Phật cho họ.

Mời xem kệ tụng tiếp theo:

**Vô biên thù thắng sát, kỳ Phật bốn nguyện lực, văn danh dục vãng sanh,  
tự trí bất thoái chuyển.**

*Cõi thù thắng vô biên, do nguyện lực Di-đà, nghe danh mong vãng sanh, tự đạt bất thoái chuyển.*

Bài kệ tụng này là nói các Bồ-tát sau khi nghe pháp thì đạt được lợi ích tam bất thoái.

“Cõi thù thắng vô biên là cõi nước Cực Lạc, vi diệu thù thắng không có ngần mé, không có số lượng, chẳng thể nói được”, nên gọi là “cõi thù thắng vô biên”. Cõi Phật ấy vượt hơn mười phương, chính là do sức uy thần bốn nguyện của A-di-đà Phật, cho nên gọi là “do nguyện lực Di-đà”. Chúng sanh mười phương nhờ vào nguyện thứ 17, nguyện chư Phật xưng tán của Phật Di-đà nên được nghe danh hiệu Phật, cũng nhờ sự gia trì của các nguyện: nghe danh phát tâm, nghe danh được phước, nghe danh đặc nhân của đức Phật ấy mà thấy đều tín nguyện trì danh, được sanh Cực Lạc, chứng bất thoái chuyển. Cho nên nói là “nghe danh mong vãng sanh, tự đạt bất thoái chuyển”. Đúng như nguyện thứ 18 nói: Nghe danh hiệu tôi, chí tâm tin ưa, nguyện sanh nước tôi, mười niệm bèn được sanh.

Làm thế nào đạt được bất thoái chuyển? Hoàng Niệm lão nói với chúng ta như sau, “tự đạt bất thoái chuyển” là chính mình có thể đạt được bất thoái chuyển. Tuy là pháp môn tha lực, nhưng tín nguyện trì danh vẫn là công việc của chính bạn, bởi vì bạn tín nguyện trì danh nên mới được Phật lực gia bị. Thế nên tự lực và tha lực không hai, chính mình làm cho chính mình đạt được bất thoái chuyển. Ở đây chỉ cho các Bồ-tát mười phương thế giới sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều mong đạt được thế giới Cực Lạc cõi Phật này, nguyện độ khắp hết thấy chúng sanh. Mỗi vị đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề, chán ghét mong xả ly nghiệp thân luân hồi, đồng lên bờ Cực Lạc bên kia.

Lão pháp sư từ bi, ngài nói với chúng ta: Nghe được danh hiệu A-di-đà Phật, nghe được kinh Vô Lượng Thọ thì nên phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc bèn viên mãn chứng được tam bất thoái, cho nên là “tự đạt bất thoái chuyển”. Tam bất thoái không hề dễ dàng đạt được, lia khỏi Tây Phương Tịnh độ, trong cõi nước mười phương đều rất khó đạt được tam bất thoái, duy chỉ ở thế giới Tây Phương Cực Lạc là dễ dàng thành tựu.

Lão Pháp sư kể một sự việc như sau. Có người hỏi lão pháp sư, vì sao ngài đặc biệt đề xướng kinh Vô Lượng Thọ, khuyên người niệm A-di-đà Phật cầu sanh Tịnh độ? Bản thân người đó niệm kinh Kim Cang, cảm thấy Bát-nhã là đệ nhất, bèn nêu ra ví dụ để làm khó lão pháp sư. Người ấy nói, trong kinh đã nói rất rõ ràng, chúng ta ở thế giới Ta-bà tu hành một ngày còn hơn ở thế giới Tây Phương Cực Lạc tu hành 100 năm, vì sao lại phải đến thế giới Tây Phương Cực Lạc? Kinh điển mà họ dùng để trích dẫn là lời kinh Vô Lượng Thọ nói. Lão pháp sư nói với họ:

bạn nói không sai, trong kinh đúng là nói như vậy, đó cũng là sự thật, vấn đề chính là bạn không phải thật tu, nếu bạn chẳng phải thật tu thì có tác dụng gì không? Bạn ở nơi này một ngày cũng không bằng một ngày ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, chứ đừng nói đến 100 năm. Người đó nghe xong lặng người, không còn lời nào để nói.

Thế nào là cao tăng đại đức? Đây là cao tăng đại đức thật sự. Đây là bậc cao tăng đại đức đại trí tuệ khó được gặp một lần, có vị cao tăng đại đức như vậy làm thầy hướng dẫn cho chúng ta trên đường học Phật thì chúng ta quá may mắn rồi. Chúng ta đã gặp được minh sư thật sự rồi.

Thế nào là chân tu? Trong kinh Kim Cang nói “phá bốn tướng”, đã phá rồi chưa? “Phá bốn kiến”, đã phá chưa? Nếu vẫn chưa phá bốn tướng, bốn kiến thì chẳng phải là chân tu. Vẫn tạo thị phi nhân ngã, vẫn đang vọng tưởng chấp trước, thì sao có thể sánh bằng người của thế giới Tây Phương Cực Lạc được. Vì sao bậc chân tu lại vượt hơn người của thế giới Tây Phương Cực Lạc? Bởi vì tu hành ở nơi đây quá khó, hoàn cảnh quá xấu, lại có thể ở nơi đây tu hành chứng quả thì thật là hiếm có. Hoàn cảnh tu học của thế giới Tây Phương Cực Lạc tốt, không có chướng ngại, dễ tu. Ở đây khó tu, không tu thì không bằng họ rồi, thật tu thì vượt hơn họ. Trong kinh nói không sai, do chính họ hiểu sai ý nghĩa mà thôi. Cho rằng mỗi ngày đọc kinh Kim Cang một lần chính là tu hành, đó là hiểu lầm. Trong kinh Kim Cang nói: “Phàm tất cả tướng đều là hư vọng”, bản thân mình đã xem tất cả tướng là hư vọng chưa? Nếu như mọi thứ đều hiểu sai, còn đến chướng ngại người khác niệm Phật thì tội này quá lớn. Vì vậy bất thoái chuyển tương đối chẳng dễ dàng. Nếu như dễ dàng thì hết thầy chư Phật Như Lai hà tất lại khuyên Bồ-tát cầu sanh Tịnh độ, chính bởi vì tu hành chứng quả quá khó, đối với Bồ-tát còn khó, huống hồ phàm phu chúng ta.

Mời xem kệ tụng tiếp theo:

**Bồ-tát hưng chí nguyện, nguyện kỹ quốc vô dị, phổ niệm độ nhất thiết, các phát Bồ-đề tâm, xả bỉ luân hồi thân, câu linh đặng bỉ nạn.**

*Bồ-tát phát chí nguyện, nguyện cõi mình không khác, phổ niệm độ tất cả, đồng phát tâm Bồ-đề, xả thân luân hồi này, đều khiến lên bờ giác.*

Sáu câu kệ tụng này là tán thán các Bồ-tát đã vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, sau khi nghe pháp đạt được lợi ích, cảm kích ân sâu của A-di-đà Phật, dùng



cách gì để cảm ân? Dùng đại nguyện, đại hạnh. Đại nguyện chính là nguyện tôn đức Di-đà làm thầy, nương A-di-đà Phật làm thầy, mỗi người đều phát đại nguyện, đại nguyện này chính là 48 nguyện của A-di-đà Phật; đại hạnh chính là đem pháp môn niệm Phật giới thiệu phổ biến cho tất cả mọi người, giáo hóa chúng sanh.

*“Bồ-tát phát chí nguyện”*

“Chí nguyện” nghĩa là đạt đến cực điểm, đây là phát đại nguyện làm lợi ích chúng sanh. Hội Sớ nói: “Chí nguyện là nguyện mà đức Di-đà nhiếp trọn cõi nước, nhiếp trọn chúng sanh, nhiếp trọn pháp thân, vốn là hết sức khó nghĩ bàn, Bồ-tát cũng nguyện giống như vậy”. Thế giới Cực Lạc là nơi dạy học của A-di-đà Phật, là một đạo tràng lớn, lớn đến mức chúng ta không thể nào tưởng tượng. Cổ đức thường nói, “lớn mà không có ngoài”, lớn đến mức nào? Lớn đến mức bạn không tìm được mé ngoài, chúng ta chỉ có thể dùng một câu để hình dung là “không cách gì tưởng tượng”. To lớn như hư không pháp giới vậy, trong giáo lý của Đại thừa thường gọi là trọn khắp hư không pháp giới, chính là ý nghĩa này. Nó ở đâu? Lúc nào cũng có, nơi nào cũng có. Cõi nước mà chúng ta hiện nay đang ở cũng không lìa khỏi nó, là ở trong cõi nước của A-di-đà Phật, thế nhưng chúng ta không nhìn thấy, đến khi nào chúng ta vãng sanh đến cõi nước Phật thì sẽ nhìn thấy.

Sanh đến cõi nước Phật thù thắng không gì bằng, vì sao vậy? Xin nói với mọi người ba điều thù thắng.

Thù thắng thứ nhất là nhiếp trọn cõi nước. Các Bồ-tát của thế giới Cực Lạc nhìn địa cầu này của chúng ta giống như ở trước mắt, rất rõ ràng sáng tỏ, một chút cũng chẳng nhìn sai, một sát-na cũng chẳng lìa khỏi. Điều này không giống như chúng ta dùng kính viễn vọng quan sát vật thể, dùng công cụ trợ giúp thì chỉ có thể nhìn thấy rất mờ nhạt. Đây gọi là nhiếp trọn cõi nước.

Thù thắng thứ hai là nhiếp trọn chúng sanh. Sanh là chúng sanh, phạm vi rộng lớn của chúng sanh cũng là không thể nghĩ bàn. Chúng sanh ở đây không nói thế giới Cực Lạc, cũng không nói thế giới Ta-bà, mà đó là vô lượng chúng sanh trong mười phương ba đời hết thảy cõi nước chư Phật. Những chúng sanh này bao gồm sáu cõi, mười pháp giới, không bỏ sót một người. Đây gọi là nhiếp trọn chúng sanh.

Thù thắng thứ ba là nhiếp trọn thân. Thân này là pháp thân, pháp thân chính là tự tánh viên mãn. Trong kinh Đại thừa Phật thường nói: “Mười phương ba đời

Phật cùng chung một pháp thân”. Câu này rất quan trọng, đã nói rõ cho chúng ta, hết thầy chư Phật Như Lai trong mười phương ba đời đều cùng một thân. Đây gọi là nhiếp trọn thân.

Như Lai có pháp thân, có báo thân, có ứng hóa thân. Báo thân trụ ở cõi Thật Báo Trang Nghiêm, cũng chính là nói pháp thân hiện ra cõi Thật Báo Trang Nghiêm, đồng thời cũng hiện ra ứng thân, hóa thân trong tất cả các cõi nước trong mười phương ba đời. Ứng thân, hóa thân vô lượng vô biên. Còn báo thân thì sao? Báo thân cũng vô lượng vô biên. Báo thân là cõi Thật Báo của chư Phật Như Lai. Pháp thân không có tướng nhưng có thể hiện tất cả tướng. Khi đại sư Huệ Năng khai ngộ nói với chúng ta: “Nào ngờ tự tánh có thể sanh vạn pháp”. Tự tánh đó chính là pháp thân, pháp thân có thể sanh ra hết thầy pháp, có thể hiện ra hết thầy pháp, hết thầy pháp chính là nói Báo độ của hết thầy chư Phật trong mười phương ba đời.

Chúng ta và Phật có duyên, và lại duyên này rất sâu. Trong kinh Phật nói với chúng ta, vô lượng kiếp quá khứ, đời đời kiếp kiếp, bất luận đọa vào trong cõi nào, ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh cũng bao gồm trong đó, vô lượng kiếp đến nay trong sáu cõi bỏ thân thọ thân đều có duyên với Phật. Thế nên loại chúng sanh này thiện căn vô cùng sâu dày, duyên chín muồi rồi, gặp được A-di-đà Phật, gặp được các Đẳng giác Bồ-tát như Quán Âm, Thế Chí, Văn-thù, Phổ Hiền. Những Bồ-tát này đều là học trò của A-di-đà Phật, chúng ta có duyên với Phật, cũng có duyên với những Bồ-tát này. Chúng ta phải biết, Phật không độ người không có duyên. Thế nào là không có duyên? Họ nhìn thấy, nghe thấy rồi, họ không tin, không thể tiếp nhận, đây chính là không có duyên. Chúng ta nghiêm túc xét lại chính mình thì biết chính mình có duyên với Phật hay không. Chắc chắn có, vì sao vậy? Nếu không có duyên thì bạn không nghe nổi bài giảng này, bạn có thể nghe bài giảng này thì thấy rõ bạn có duyên với Phật; bạn có thể nghe và tâm sanh hoan hỷ, cho thấy bạn có duyên rất sâu với Phật. Có người có duyên sâu, có người có duyên cạn. Người duyên sâu thì vừa nghe bèn được lợi ích, thậm chí nghe một hai câu thì khai ngộ rồi. Duyên cạn thì phải nghe nhiều, phải trường kỳ huân tu, có người phải nghe vài năm, mấy mươi năm mới có thể khai ngộ.

Vì vậy khai ngộ sớm hay muộn và phẩm vị vãng sanh, những thứ này là do duyên sâu hay cạn với Phật mà ra. Có thể vãng sanh hay không? Đó là đối với thế giới Cực Lạc, đối với A-di-đà Phật có tin tưởng hay không. Nếu tín tâm viên

mãn, không có may mắn nghi hoặc thì một đời này của bạn chắc chắn được sanh. Sanh đến phẩm vị nào trong bốn cõi ba bậc chín phẩm thì chúng tôi không biết, bạn cũng không biết, nhưng Phật biết, Bồ-tát trong thế giới Cực Lạc đều biết. Vì sao vậy? Các ngài nhìn thấy sự tu hành sâu cạn của bạn trong vô lượng kiếp đến nay, đến Tây Phương sẽ cảm được quả vị không như nhau. Tuy cảm được quả vị không như nhau, nhưng thế giới Cực Lạc vi diệu, sự thù thắng đó chúng ta không thể nào tưởng tượng được, vì sao vậy? Thấy đều được 48 nguyện của A-di-đà Phật gia trì, một khi được gia trì, tuy phẩm vị của chúng ta không như nhau, nhưng đỗi ngộ của chúng ta đều giống nhau. Vốn ở thế giới phương khác, đỗi ngộ và phẩm vị đều không như nhau, có khác biệt. Phẩm vị ở thế giới Cực Lạc có khác biệt, nhưng đỗi ngộ không có khác biệt, không thể nghĩ bàn, thù thắng không gì bằng.

Chư Phật Như Lai đều tán thán A-di-đà Phật là “vua trong các Phật, quang minh tôn quý nhất”, từ đâu mà tán thán vậy? Từ sự đỗi ngộ thù thắng khôn sánh khi vãng sanh đến thế giới Cực Lạc mà nói. A-di-đà Phật quá vĩ đại, quả thật rất cừ khôi! Vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, thượng thượng phẩm là Đẳng giác Bồ-tát, hạ hạ phẩm là cõi Phạm Thánh Đồng Cư, khác biệt rất lớn, thế nhưng hưởng thụ là bình đẳng. Hưởng thụ bình đẳng với ai? Bình đẳng với A-di-đà Phật. A-di-đà Phật có thân thể như thế nào thì bạn cũng vậy, thân thể của bạn giống như Phật, không sanh không diệt, vô lượng thọ.

Ngày nay chúng ta rất hy hữu, gặp được pháp duyên thù thắng như vậy, phải trân quý, phải tin tưởng, không được hoài nghi, phải tiếp nhận, phải y giáo phụng hành. Một đời này của chúng ta nhất định vãng sanh thế giới Cực Lạc, nhất định gặp A-di-đà Phật.

Cõi nước là chỉ Cực Lạc Tịnh độ, chúng sanh là đệ tử mà Phật giáo hóa, thân là pháp thân. Ba sự việc này đều không cách gì tưởng tượng được, chúng ta chỉ có thể nói vô lượng vô biên, vô lượng vô số, chỉ có thể dùng khái niệm này, không thể tưởng tượng được. Hội Sớ nói: “Vốn là cực kỳ khó nghĩ bàn, Bồ-tát đều nguyện giống như vậy, nên cũng nguyện đạt được cõi nước Phật như Cực Lạc, độ vô biên chúng sanh, đều phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật, đồng sanh Tịnh độ, tiến mãi chẳng thoái, chứng pháp thân Phật, đó là hạnh lợi tha của Bồ-tát”. Chúng ta phải phát tâm này, khi nào phát? Bây giờ phải phát, trước đây hồ đồ nên không biết, hiện nay Thích-ca Mâu-ni Phật dạy chúng ta, nói ra chân tướng sự

thật cho chúng ta nghe, chúng ta nghe hiểu rồi, nghe rõ ràng rồi thì phải nên y giáo phụng hành. Chúng ta phải học theo những Bồ-tát đã vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, các ngài đã phát đại nguyện độ sanh giống như A-di-đà Phật vậy. Đại nguyện độ sanh của A-di-đà Phật chính là 48 nguyện, đây là hạnh lợi tha của Bồ-tát.

Thật sự phát đại nguyện thì chính mình rất vất vả, vì sao vậy? Bởi vì công phu tu hành của chính mình chưa đạt được cảnh giới vô trụ sanh tâm, sanh tâm vô trụ. Đó là cảnh giới gì? Đó là cảnh giới của Pháp thân Bồ-tát trong cõi Thật Báo. Chúng ta phát tâm này thì có khổ có lạc, còn những Bồ-tát vô trụ sanh tâm thì không có khổ lạc. Lão hòa thượng Hải Hiền là tấm gương học Phật thời hiện đại trên thế giới này của chúng ta. Sự tu hành của lão hòa thượng Hải Hiền nhìn tựa như bình phàm, nhưng thật ra ngài đã biểu diễn đại pháp phi phàm cho chúng ta, chúng ta có nhìn thấu hay không? Lão hòa thượng không biết chữ, chưa từng đi học, cả đời chưa từng đọc một bộ kinh, chưa từng nghe một lần diễn giảng. 20 tuổi xuất gia, sống trong một ngôi miếu nhỏ, trong ngôi miếu nhỏ đó tổng cộng chỉ có 5 người, 5 tỳ-kheo cùng nhau tu hành, rất giống với 5 tỳ-kheo ở vườn Nai khi Thế Tôn tại thế. Tu pháp môn gì vậy? Có người tu Thiên, có người tu Mật, có người Thiên Tịnh song tu, có người tu Tịnh độ. 5 người tu 4 pháp môn, chỉ có lão hòa thượng Hải Hiền là chuyên tu Tịnh độ. Thế nhưng các ngài đều có thành tựu, đều trở thành đại đức của Phật môn, mô phạm của Phật môn.

Trước đây, chúng tôi luôn cho rằng tăng đoàn lục hòa kính ở cùng nhau thì cùng tu một pháp môn, nào ngờ các ngài biểu pháp cho chúng ta, bốn người ở nhà tranh, mỗi người tu không giống nhau, nhưng lại là tăng đoàn lục hòa kính: kiến đồng giải, giới đồng tu, thân đồng trụ, khẩu vô tranh, ý đồng duyệt, lợi đồng quân. Chúng tôi mới hốt nhiên đại ngộ, hóa ra mỗi người tu khác nhau nhưng vẫn có thể sống cùng nhau, chăm sóc cho nhau, đây có thể gọi là “ở cùng tu riêng”. Đương nhiên, vài người cùng nhau cộng tu pháp môn giống nhau thì càng tốt, học giống nhau hay khác nhau đều không thành vấn đề. Đừng nói là pháp môn khác nhau, lão pháp sư nói: thậm chí có thể tìm người khác tôn giáo cùng nhau cộng tu. Người học Cơ Đốc giáo, người tu Thiên Chúa giáo, người học Hồi giáo, vài người ở cùng nhau tu lục hòa kính, tăng đoàn lục hòa kính như vậy càng có sức thuyết phục và sức ảnh hưởng. Sau khi thành tựu thì đều rất hoan hỷ. Hoan hỷ điều gì? Hoan hỷ vì khác đường mà đồng về một nẻo, vạn pháp quy về một, toàn bộ vũ trụ là một thể.

*“Nguyện cõi mình không khác”*

Hy vọng thế giới Ta-bà của chúng ta không khác gì thế giới Cực Lạc. Sự không khác biệt này là chỉ cho lòng người, lòng người ở thế giới Cực Lạc thanh tịnh, mong rằng thế giới này của chúng ta, tâm của mỗi một người cũng có thể thanh tịnh, tâm thanh tịnh thì cõi nước thanh tịnh. Đây là lời giải thích cho câu “nguyện cõi mình không khác”. Từ tài liệu hiện có trong tay chỉ có thể tra được cách giải thích này.

Đôi với “nguyện cõi mình không khác” tôi có một cách nghĩ khá non nớt, cách nghĩ này liệu có trái ngược với nguyên tắc “tin tưởng ưa thích lời người xưa, thuật lại mà không sáng tác” không? Thật sự cầu thị mà nói với mọi người tôi có chút không chắc chắn, tôi muốn nói để mọi người nghe, xin các đồng tu cầm lái giúp tôi, nếu tôi nói sai thì hãy phê bình chỉ ra cho đúng. “Nguyện cõi mình không khác” liệu có thể giải thích như sau: Hy vọng cõi nước Phật tương lai của chính mình có thể giống với thế giới Cực Lạc, không có bất kỳ khác biệt nào, đây là nguyện vọng chung của các Bồ-tát vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đồng thời cũng có thể nói rằng đó cũng là kỳ vọng chung của chúng ta.

*“Phổ niệm độ tất cả”*

Phổ là phổ biến, bình đẳng. Thế giới Tây Phương Cực Lạc, đặc điểm nổi bật nhất không gì hơn bình đẳng. Nếu tâm chúng ta có cao thấp, đó chính là không bình đẳng, có ưa thích và chán ghét cũng là không “phổ niệm”. Nhất định phải dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi đối đãi với tất cả chúng sanh. Chú ý, hai từ “tất cả” này rất quan trọng, không bỏ một người nào. Dùng cách nào để độ? Một bộ kinh, một bộ chú giải, một câu Phật hiệu A-di-đà Phật, thật thành khẩn giới thiệu việc này cho tất cả mọi người, mong mọi người đều có thể giác ngộ, đều có thể tín thọ phụng hành. Chín ngàn năm mạt pháp chính là nương vào phương thuốc diệu dụng vô thượng này mà cứu độ chúng sanh.

*“Điều phát tâm Bồ-đề”*

Chính là phát tâm hoằng pháp lợi sanh. Phương pháp hoằng pháp lợi sanh có nhiều loại khác nhau, không chỉ có một loại, xem bạn có đồng ý phát tâm hay không, có đồng ý đi làm hay không? Chỉ cần bạn có tâm này thì năng lực và trình độ đều không thành vấn đề. Lấy bản thân tôi làm ví dụ, tôi biết tôi rất ngốc, học thứ

gì mới mẻ đều chậm chạp, nhưng tôi có một tuyệt chiêu, chim ngốc thì bay trước. Hai ngày nay học hát, một bài hát hay như vậy tôi vừa hát lên thì lạc điệu rồi, thầy dạy hát rất là dụng công, mệt đến nổi khản cả giọng. Tôi thấy chịu không nổi, bảo Bồ-đề Tâm chép vào thẻ cho tôi, buổi tối để vào trong chăn mà luyện tập. Ba giờ sáng bắt đầu luyện tập hát nho nhỏ, kết quả không phụ người có tâm, cần cù bù thông minh, tôi đã biết hát rồi, hết lạc điệu rồi.

*“Xả thân luân hồi này, đều khiến lên bờ giác”*

“Bờ giác” có hai cách giải thích: một là thoát khỏi sanh tử luân hồi; hai là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Đây là bờ giác thật sự. Sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì hai điều này bạn đều đạt được, vượt thoát sanh tử luân hồi, thoát khỏi rồi, ra khỏi biển khổ rồi; đã minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật rồi. Hai điều này là quả, làm thế nào có được quả này? Phải có nhân, nhân là gì? Phải xả bỏ thân luân hồi này, không xả bỏ thân luân hồi này thì bạn không lên nổi bờ giác, ngay cả bờ bên ấy bạn còn không nhìn thấy thì sao bạn lên bờ được, lên từ đâu đây?

Từ sau khi ông nhà tôi vãng sanh ngày 21 tháng 5 năm 2019, tôi thực sự có cảm giác thôi thúc, cảm thấy nếu cứ tu hành ung dung thông thả, chậm rề rề, nhàn nhã nhớn nhोर, phụ họa theo kiểu có cũng được, không có cũng xong, thì e rằng sẽ làm lỡ đại sự. Đại sự nào vậy? Đại sự vãng sanh. Không có sự việc nào lớn hơn việc này, bạn đã nhận thức ra chưa?

Trong ba ngày ông nhà tôi không hề có dấu hiệu vãng sanh, sự việc này là một cú sốc lớn đối với tôi, khiến tôi nhất thời không xoay sở kịp, có chút trở tay không kịp, có chút không dám tin rằng sao lại là như vậy? Ngày 30 tháng 4 năm 2019, tôi đi chùa Chung Linh, thành phố Ngũ Đại Liên Trì, tỉnh Hắc Long Giang để dự lễ truy điệu pháp sư thượng Giác hạ Ngộ, người đã tiếp dẫn tôi vào cửa Phật, đó là ngày kỷ niệm ngài đã vãng sanh tròn 7 năm. Ngày 2 tháng 5 tôi đi thăm ba vị thầy dạy tiểu học, cấp hai, cấp ba của tôi. Hai ngày sau đó lại đi thăm vài vị lão đồng tu. Lần đó là Bồ-đề Tâm đi cùng tôi đến thành phố Ngũ Đại Liên Trì, con gái của tôi ở đạo tràng cùng với tứ đệ (cư sĩ Đổng) chăm sóc cho cha nó. Ngày 6 tháng 5 tôi trở về đạo tràng, tôi hỏi con gái, ba của con tình hình sao rồi? Con gái nói, tình hình luôn tốt. Ông nhà tôi nháy nháy mắt với tôi, sau đó tựa như cười mà chẳng phải cười, đưa ngón tay cái lên. Các đồng tu có thể nghĩ xem, nếu như ông nhà tôi có dấu hiệu vãng

sanh thì tôi có thể rời đạo tràng không? Nửa tháng sau, ông nhà tôi biết trước ngày giờ, tự tại vãng sanh, và lại còn vãng sanh phẩm vị cao. Tình hình ông nhà tôi vãng sanh, tôi đã báo cáo với sư phụ ngài, đối với bên ngoài tôi chỉ phát một thông báo là ông nhà tôi đã vãng sanh, không nói tình hình cụ thể.

Ông nhà tôi đi rồi, tôi thật sự cảm nhận được thế nào gọi là vô thường, vô thường là điều mà bất kỳ người nào cũng không kiểm soát được. Thứ duy nhất có thể làm chủ được chính là bạn niệm Phật cho sáng tỏ, niệm đến mức đến đi tự do, thì bạn có thể làm chủ được chính mình. Nói thế nào cũng không hoàn toàn chính xác, đã là không đến cũng không đi thì vì sao lại nói niệm đến mức đến đi tự do? Chưa đến được cảnh giới đó thì phải nói như vậy mới có thể nói rõ được.

Các đồng tu, các bạn đã làm tốt việc xả bỏ thân luân hồi này hay chưa? Là cam tâm tình nguyện, tích cực chủ động hay là vạn bất đắc dĩ vậy? Thậm chí là căn bản chưa từng nghĩ đến việc phải xả bỏ thân luân hồi này. Trước đây có câu nói thế này “ngày mai lại ngày mai, ngày mai sao nhiều thế”, bạn biết bạn có bao nhiêu ngày mai không? Chúng ta hãy sửa câu này lại một chút: “ngày mai lại ngày mai, ngày mai sao ít thế”, mỗi ngày nhắc nhở chính mình, vẫn còn ngày mai sao?

Thời gian đối với tôi mà nói là cực kỳ quý giá, mỗi phút mỗi giây tôi đều không dám lãng phí, cũng không có quyền lãng phí. Bởi vì thời gian không phải thuộc về cá nhân tôi, nó thuộc về tất cả chúng sanh khổ nạn trong hư không pháp giới. Tôi đã nói nhiều như vậy, chính là muốn nói với các đồng tu, thân luân hồi này bạn xả thì cũng phải xả, không xả thì cũng phải xả, nó không làm theo ý muốn của bất kỳ người nào. Nếu bạn chủ động buông xả để đi thế giới Tây Phương Cực Lạc, làm Bồ-tát A-duy-việt-trí thì vĩnh viễn thoát khỏi lục đạo luân hồi. Nếu bạn xả một cách bị động thì vô lượng kiếp rồi vô lượng kiếp sẽ luân hồi trong sáu cõi. Chọn con đường nào đây? Đã đến thời khắc then chốt bạn phải lựa chọn rồi, không phải lựa chọn, mà là quyết định đó, đừng để một phen sa chân, ngàn năm hối hận.

Mời xem kệ tụng tiếp theo:

**Phụng sự vạn ức Phật, phi hóa biến chư sát, cung kính hoan hỷ khứ, hoàn đảo An Dưỡng quốc.**

*Phụng sự vạn ức Phật, phi hóa khắp các cõi, cung kính vui mừng đi, về lại cõi An Dưỡng.*

*“Phụng sự vạn ức Phật”*

Thực tế con số không chỉ vạn ức, mà là vô lượng vô biên chư Phật. Bạn nói những Bồ-tát này tự tại biết mây, đối với câu này, chúng ta tuyệt đối đừng lướt sơ qua, mà phải xem trọng, có thể giúp bạn hướng tâm về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Ngày nay chúng ta muốn nhìn thấy Phật ở thế giới phương khác đều không thấy được, muốn thấy báo thân của Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật thì phải đến thế giới Hoa Tạng, bao nhiêu người có năng lực sanh đến thế giới Hoa Tạng? Điều kiện sanh đến thế giới Hoa Tạng chính là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, sanh đến cõi Thật Báo của Phật, Hoa Tạng là cõi Thật Báo của Thích-ca Mâu-ni Phật. Vì sao vậy? Có thể đến được nơi này thì có thể phụng sự vạn ức Phật. Chỉ cần bạn vãng sanh đến thế giới Cực Lạc thì mỗi ngày bạn đi lễ vạn Phật, bạn nói tôi làm gì có nhiều thời gian như vậy? Phân thân đi mà, có một vạn ức Phật thì bạn phân một vạn ức thân, bạn có bản lãnh này.

*“Phi hóa khắp các cõi”*

Phi là bay, hóa là biến hóa, hóa thân giống như A-di-đà Phật. A-di-đà Phật hóa thân là để tiếp dẫn vãng sanh đến thế giới Cực Lạc. A-di-đà Phật phát nguyện tiếp dẫn vãng sanh những Bồ-tát này.

*“Cung kính vui mừng đi, về lại cõi An Dưỡng”*

Đây là nói Bồ-tát của thế giới Cực Lạc, sau khi lễ Phật nghe kinh nghe pháp thì quay trở về thế giới Cực Lạc. Hoàng Niệm lão chú giải cho chúng ta: “Vô lượng vô biên Bồ-tát như vậy lần lượt độ thoát [chúng sanh] vãng sanh an trụ ở Cực Lạc”. Đây là Bồ-tát ở Cực Lạc được đại tự tại, “lại còn có thể cúng dường khắp mười phương Như Lai, nghe pháp thọ giáo”. Cúng dường Phật là tu phước, nghe Phật giảng kinh thuyết pháp là tu tuệ, phước huệ song tu.

A-di-đà Phật là thầy của chúng ta, chúng ta là học trò của A-di-đà Phật. Người khác cung kính A-di-đà Phật, bất luận bạn đến thế giới nào cũng đều được hoan nghênh. Vì sao vậy? Bởi vì bạn là đệ tử của Di-đà, bạn được dựa hơi A-di-đà Phật nên được tất cả chư Phật Như Lai tán thán, duyên của đệ tử Di-đà đều thù thắng hơn ai hết.

Khái quát đoạn kệ tụng này một chút thì chính là: các Bồ-tát vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, đi khắp mười phương, phụng sự chư Phật, phi hành du hóa, từ thế



giới Cực Lạc đến khắp mọi nơi nghe pháp đều là hoan hỷ cung kính mà đi, sau khi nghe pháp quay về thế giới Cực Lạc. Cõi nước mà những Bồ-tát này sau khi vãng sanh chính là thế giới Cực Lạc, những chúng sanh được họ lần lượt độ thoát cũng đều ở thế giới Cực Lạc, trong đó đương nhiên cũng bao gồm chúng ta, cũng là du hóa khắp mười phương.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 65

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Tiết học hôm nay, trước tiên tôi xin tổng kết một chút trọng điểm của kinh văn phẩm 25, và kinh văn phẩm 26.

### **Trọng điểm của kinh văn phẩm 25.**

Kinh văn phẩm 25 có 7 trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: loại thứ nhất, chánh nhân để vãng sanh bậc thượng là gì, quả báo như thế nào? Chánh nhân vãng sanh là thọ trì kinh này, cầu sanh Tịnh độ, phát tâm Bồ-đề, giữ các giới cấm, làm lợi ích hữu tình, nhớ Phật niệm Phật. Quả báo đạt được: người ấy mạng chung được sắc tướng như Phật, sanh trong cõi nước báu. Người ấy mạng chung được sắc tướng như Phật, người ấy giống như Phật, thân sắc vàng ròng, ba mươi hai tướng, lại còn có mọi thứ công đức trang nghiêm như Phật. Quả báo này quá thù thắng, được tướng giống như Phật.

Trọng điểm thứ hai: làm thế nào thực hiện được việc “giữ các giới cấm”? Bạn nhận thức việc đại sư Ngẫu Ích thoát giới xuống còn giới sa-di như thế nào? Thực hiện năm khoa mục mà lão pháp sư đã nêu ra: khoa mục thứ nhất là tịnh nghiệp tam phước, khoa mục thứ hai là lục hòa kính, khoa mục thứ ba là tam học, khoa mục thứ tư là lục độ, khoa mục thứ năm là mười nguyện Phổ Hiền.

Trọng điểm thứ ba: nguyên tắc tiêu chuẩn mà người tu hành cùng tuân thủ là gì? Bạn lý giải hàm nghĩa của bốn câu “nếu Bồ-tát có thể tùy thuận chúng sanh thì chính là tùy thuận cúng dường chư Phật; nếu đối với chúng sanh tôn trọng phụng sự, chính là tôn trọng phụng sự Như Lai” như thế nào? Nguyên tắc tiêu chuẩn mà người tu hành cùng tuân thủ là: làm lợi ích hữu tình.

Trọng điểm thứ tư: loại thứ hai, chánh nhân để vãng sanh bậc trung là gì, quả báo như thế nào? Chánh nhân vãng sanh gồm ba câu nói: tu hành thập thiện, ngày đêm niệm Phật, chí tâm quy y, đánh lễ cúng dường. Quả báo đạt được: người ấy lâm chung không kinh không sợ, tâm không điên đảo, liền được sanh về cõi nước của đức Phật ấy.

Trọng điểm thứ năm: loại thứ ba, chánh nhân để vãng sanh bậc hạ là gì, quả báo như thế nào? Chánh nhân vãng sanh được khái quát thành hai câu nói: Tu hành việc thiện thế gian, tranh thủ thời gian, chánh niệm ắt được sanh. Lão pháp sư đối với loại chánh nhân vãng sanh thứ ba này đã giải thích khá tường tận. Ngài nói từ trên 5 phương diện, nay nêu ra như sau.

Thứ nhất, không thể rời nhà, không rảnh đại tu trai giới, nhất tâm thanh tịnh, có thời gian rảnh thì đoan chánh thân tâm, tuyệt dục bỏ lo lắng, từ tâm tinh tấn.

Thứ hai, không được sân nộ, tật đố, không được tham lam keo kiệt, không được hối hận giữa chừng, không được hồ nghi. Phải nên hiếu thuận, chí thành trung tín.

Thứ ba, phải tin lời của kinh Phật thâm sâu, phải tin làm thiện được phước, phụng trì các pháp như vậy, chẳng để thiếu khuyết.

Thứ tư, tư duy chín chắn, mong được độ thoát, ngày đêm thường niệm, nguyện mong vãng sanh cõi Phật thanh tịnh của A-di-đà Phật, mười ngày mười đêm cho đến một ngày một đêm không gián đoạn.

Thứ năm, mạng chung đều được vãng sanh về nước ấy. Câu kinh văn này chính là quả báo của loại thứ ba - vãng sanh bậc hạ.

Trọng điểm thứ sáu: chọn đúng hạng mục, trong sáu mục dưới đây bạn bị vướng vào loại nào: sân nộ, tật đố, tham lam, keo kiệt, nửa chừng hối hận, hồ nghi. Đối chiếu với sáu mục trên, nếu mình có thì đánh dấu chọn, không có thì khoanh tròn, điểm tròn là 60 điểm. Bị một thứ thì trừ 10 điểm, xem bạn được bao nhiêu điểm.

Trọng điểm thứ bảy: đối với đoạn lời nói của Hoàng Niệm lão, bạn có cảm ngộ gì?

### **Trọng điểm của kinh văn phẩm thứ 26.**

Kinh văn phẩm thứ 26 có 15 trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: đến thế giới Tây Phương Cực Lạc nghe A-di-đà Phật giảng pháp đều là loại người nào? Nói cách khác, loại người nào có tư cách đến thế giới Cực Lạc nghe A-di-đà Phật giảng pháp? Tam hiền Bồ-tát trong lục đạo cần phải có những năng lực gì thì mới đến được thế giới Cực Lạc nghe A-di-đà Phật giảng

pháp? Đến thế giới Cực Lạc nghe A-di-đà Phật giảng pháp đều là đại Bồ-tát ở cõi Thật Báo Trang Nghiêm, dưới hội của mười phương chư Phật Như Lai. Tam hiền Bồ-tát trong lục đạo vẫn không có năng lực phân thân đến thế giới Cực Lạc lễ Phật, nghe pháp. Nhất định phải chứng đắc A-đuy-việt-trí Bồ-tát thì mới có năng lực đến thế giới Cực Lạc lễ Phật, cúng Phật, nghe A-di-đà Phật giảng pháp.

Trọng điểm thứ hai: ở đây làm thế nào lý giải hàm nghĩa việc đức Di-đà thuyết pháp và đấng Thích Tôn thuật lại? Hai vị đạo sư của hai cõi không hề khác biệt. A-di-đà Phật chứng đắc quả vị rốt ráo vô thượng, Thích-ca Như Lai cũng chứng đắc quả vị vô thượng rốt ráo, địa vị của các ngài là bình đẳng. A-di-đà Phật thuyết pháp, Thích-ca Mâu-ni Phật thuật lại cho chúng ta, khác nào A-di-đà Phật đích thân thuyết pháp cho chúng ta, không có sai khác. Hiện nay chúng ta đọc kinh, niệm Phật, tu học pháp môn niệm Phật của Tịnh độ cũng chẳng khác nào được nghe pháp nơi hội ấy.

Trọng điểm thứ ba: năm nguyện sau cùng trong 48 nguyện của A-di-đà Phật là vì ai mà phát? Năm nguyện sau cùng là A-di-đà Phật vì các Bồ-tát của mười phương thế giới mà phát. Bồ-tát mười phương đến thế giới Cực Lạc nghe kinh nghe pháp, họ đều là những người có cơ duyên thành Phật đã chín muồi, họ đến thế giới Cực Lạc tham lễ A-di-đà Phật, chính là sự thành tựu sau cùng của 48 nguyện.

Trọng điểm thứ tư: thế nào gọi là rốt ráo đạt được thần thông huệ? Ai có thể đạt được? Thần thông và trí tuệ đều rốt ráo thông đạt thì gọi là “rốt ráo đạt được thần thông huệ”. Chú ý, hai chữ “rốt ráo” quan trọng, chẳng phải thông đạt thông thường, mà là hoàn toàn thông đạt, rốt ráo đạt được thần thông huệ thì hết sức phi thường, ai có thể rốt ráo thông đạt? Chư Phật Như Lai, Đẳng giác Bồ-tát. Bồ-tát Thập địa vẫn không thể rốt ráo thông đạt, thật sự thông đạt viên mãn rốt ráo thì đó là quả địa Như Lai, đã thành Phật rồi.

Trọng điểm thứ năm: đại sư Huệ Năng đã nộ luận văn tốt nghiệp gì cho Ngũ tổ? Vì sao Ngũ tổ đem y bát truyền cho đại sư Huệ Năng, mà không truyền cho Thần Tú?

Trọng điểm thứ sáu: đoạn mà lão pháp sư nói, thầy tốt tìm không ra học sinh, học sinh tốt tìm không ra thầy giáo, bạn nhận thức đoạn này như thế nào?

Trọng điểm thứ bảy: “du nhập thâm pháp môn”, chữ “du” này dùng rất hay, dùng rất diệu, bạn có thể nói hay ở đâu, diệu ở đâu hay không? Pháp sâu xa ở đây chỉ cho ý gì? Đến đâu để thành tựu pháp sâu xa? Môn ở đây là gì? Bạn đã tìm được môn đó chưa? Tìm không ra cửa thì làm sao du nhập?

Trọng điểm thứ tám: nhận thức chính xác bảy loại cúng dường, như lý như pháp mà thực hành bảy loại cúng dường này trong đời sống thực tế. Loại thứ nhất, như thuyết tu hành cúng dường. Loại thứ hai, lợi ích chúng sanh cúng dường. Loại thứ ba, nhiếp thọ chúng sanh cúng dường. Loại thứ tư, thay chúng sanh khổ cúng dường. Loại thứ năm, siêng tu thiện căn cúng dường. Loại thứ sáu, không xả Bồ-tát nghiệp cúng dường. Loại thứ bảy, không lìa tâm Bồ-đề cúng dường.

Trọng điểm thứ chín: thành tựu của một người, bất luận là thế pháp hay Phật pháp, thành tựu lớn hay nhỏ tỉ lệ thuận với tâm lượng lớn hay nhỏ, bạn có tâm lượng bao lớn thì có thành tựu lớn bấy nhiêu. Học Phật phải thành tựu đạo Vô thượng. Chúng ta học Phật thì phải có tâm lượng như thế nào? Phải giống tâm lượng của Thích-ca Mâu-ni Phật, phải giống tâm lượng của A-di-đà Phật thì bạn mới có thể thoát sanh tử luân hồi, bạn có công nhận lý niệm này không?

Trọng điểm thứ mười: Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật tán thán âm thanh giảng pháp của A-di-đà Phật là Phạm âm của Phật như sấm vang, tiếng bát âm hân hoan vi diệu, bạn chính mình có lĩnh hội được không? Bạn có biết những đặc điểm của âm thanh này không? Thứ nhất, thậm thâm như sấm, vô cùng thâm trầm, tựa như sấm vang. Thứ hai, nghe rõ từ xa, người nghe hoan hỷ, âm thanh nghe hay, có sức xuyên thấu, nghe rồi sinh tâm hoan hỷ. Thứ ba, lọt vào tâm sanh ra kính ái, nghe rồi có thể sanh khởi tâm cung kính và tâm từ bi. Vì sao rất nhiều người thích nghe âm nhạc Phạm bá, nguyên nhân là ở đây. Thứ tư, rõ ràng dễ hiểu, chính là nghe hiểu dễ dàng, có thể lý giải, thông tục dễ hiểu. Thứ năm, người nghe không chán, chính là nghe hoài không chán, hát mãi không thôi. Đức Di-đà thuyết pháp, âm phát ra như tiếng sấm, sấm pháp vang rền, khiến tất cả khai ngộ. Di-đà tuyên đại pháp, tiếng bát âm hân hoan vi diệu. Thứ nhất là thanh âm hay nhất, âm thanh của thế giới Cực Lạc vi diệu, hòa nhã, âm nhạc hay luôn có chút cung bậc trầm lắng, nghe rồi tâm tĩnh như nước, không bồn chồn. Thứ hai, thanh âm dễ hiểu, dễ nghe hiểu, dễ phân biệt. Thứ ba, thanh âm điều hòa, nghe rồi thấy dễ chịu, âm điệu hài hòa. Thứ tư, thanh âm nhu nhuyễn, thanh âm dịu dàng, người nghe vui thích. Thứ năm, thanh âm

không lỗi, ngôn từ không sai lầm, người nghe được chánh kiến. Thứ sáu, không phải tiếng người nữ, có hào khí mạnh mẽ. Thứ bảy, thanh âm tôn huệ, có sự tôn nghiêm, có trí tuệ, người nghe tôn trọng. Thứ tám, thanh âm sâu xa, âm thanh ấy sâu xa, vắng vắng không dứt, dư vị khó phai, người nghe chứng được lý thậm thâm. Khái quát tám thanh âm này lại mà nói thì chính là: một là hưởng (vang vọng), hai là triệt (thấu triệt), ba là thanh (trong trẻo), bốn là nhu (mềm mại), năm là ai (êm dịu), sáu là lượng (rõ ràng), bảy là hòa (điều hòa), tám là nhã (thanh nhã).

Trọng điểm thứ mười một: có một số lý niệm quan trọng, liệu bạn có thể tiếp nhận, có thể vận dụng vào trong cuộc sống không?

Lý niệm thứ nhất, kinh Bát-nhã nói “phàm tất cả tướng đều là hư vọng”, bao gồm thế giới Cực Lạc trong đó, bạn tiếp nhận được không?

Lý niệm thứ hai, kinh Kim Cang nói “hết thấy pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt, bóng”, hết thấy pháp này bao gồm cả Phật pháp, bạn tiếp nhận được không?

Lý niệm thứ ba, tự tánh là viên mãn, có duyên bèn hiện, không duyên thì ẩn, hiện nhưng không thể nói nó có, ẩn cũng chẳng thể nói nó không, bạn tiếp nhận được không? Xin nêu lên một vấn đề, mời bạn trả lời: Thế giới Tây Phương Cực Lạc vì sao có thể hiện, khi nào hiện, khi nào không hiện?

Lý niệm thứ tư, lão pháp sư dạy chúng ta phải buông xả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, còn nói với chúng ta buông xả chấp trước thì chúng quả A-la-hán, thế nhưng ngài lại nói với chúng ta phải chấp trước thế giới Cực Lạc, phải chấp trước A-di-đà Phật, đây chẳng phải cũng là chấp trước đó sao? Đối với vấn đề này bạn nhận thức như thế nào?

Lý niệm thứ năm, lão pháp sư hết sức tán thán bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ, cực kỳ tán thán bản chú giải cho bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ do Hoàng Niệm lão viết. Ngài nói: Bộ kinh này cực kỳ vi diệu, tôi cảm thấy Hạ Liên công là A-di-đà Phật tái lai, sao có thể hội tập hay như thế được, hết như kim khâu của Thích-ca Mâu-ni Phật nói ra. Ngài nói chú giải của Hoàng Niệm lão là trí tuệ chân thật, mỗi câu đều trích dẫn lời kinh điển, dùng kinh chú giải cho kinh, là lời Phật nói; dùng chú sớ của tổ sư đại đức để nói, là lời của tổ sư đại đức. Đây là trí tuệ chân thật của Niệm lão. Lại nói, nếu đây chẳng phải là đại trí tuệ, chẳng phải Phật Bồ-tát tái lai thì

tôi không dám tin tưởng. Bạn có tán thành lời tán thán này của lão pháp sư hay không? Bạn có cảm ngộ gì?

Trọng điểm thứ mười hai: nhận thức của bạn đối với “nhân ngã” và “pháp ngã” có sự nâng cao nào mới không? Vấn đề này về mặt lý tánh rất cao, cũng khá là trừu tượng. Chúng ta trước hết cũng biết được đôi chút, đó là đã không có nhân ngã, cũng chẳng có pháp ngã. Nhận thức sâu hơn thì tùy theo sự thâm nhập kinh giáo mà nhận thức về vấn đề này sẽ dần dần nâng cao, nhất định không được chấp chặt vào danh từ thuật ngữ, học Phật là do ở ngộ.

Trọng điểm thứ mười ba: Thích-ca Mâu-ni Phật dạy học 49 năm, đã dạy những điều gì? Bạn có thể nói về quá trình dạy học của Thích-ca Mâu-ni Phật không? Bạn biết hết thầy kinh mà Thích-ca Mâu-ni Phật đã dạy trong 49 năm là học từ ai không?

Trọng điểm thứ mười bốn: làm thế nào lý giải câu “tự đạt bất thoái chuyển”, hai từ “tự đạt” này biểu đạt ý nghĩa gì? Câu kinh văn này biểu thị bản thân có thể làm được bất thoái chuyển, “tự đạt” nghĩa là chính mình đạt được. Vì sao vậy? Tuy pháp môn niệm Phật là pháp môn tha lực, nhưng tín nguyện trì danh vẫn là việc của chính bạn, việc này ai cũng không làm thay bạn được, bạn phải tự mình làm, làm tốt rồi thì vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, thành Bồ-tát A-duy-việt-trí, tự nhiên được bất thoái chuyển. Đây chính là ý nghĩa của “tự đạt”.

Trọng điểm thứ mười lăm: “xả thân luân hồi này, đều khiến lên bờ giác”, đời này bạn đã gặp được cơ duyên thành Phật mà trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được, bạn có thể nắm lấy cơ duyên này không? Việc này rất quan trọng. Lên bờ giác là quả, nhân là xả thân luân hồi này. Cơ hội, bạn đã gặp được cơ hội thành Phật rồi, quan trọng ở chỗ có thể nắm lấy cơ hội này hay không, có thể nắm lấy cơ hội này hay không quan trọng ở chỗ bạn có thể xả bỏ thân luân hồi này hay không, không thể xả bỏ thân luân hồi này thì vượt mất cơ duyên thành Phật, một phen vượt mất thì là 5.000 kiếp. Tôi cho mọi người hai công thức, xem bạn lựa chọn thế nào. Công thức thứ nhất: gặp được cơ duyên thành Phật, cộng với nắm lấy cơ duyên thành Phật, cộng với xả bỏ thân luân hồi thì bằng với lên bờ giác, lên bờ giác chỉ cho vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Công thức thứ hai: gặp được cơ duyên thành Phật, cộng với không nắm chắc cơ duyên thành Phật, cộng với không xả thân luân hồi thì bằng với trường kiếp luân hồi.

Kinh văn phẩm thứ 26 đã giảng hết 6 giờ đồng hồ, quy nạp chỉnh lý thành 15 trọng điểm, xin cúng dường các đồng tu tham khảo.

Tiếp theo bắt đầu giảng kinh văn phẩm thứ 27:

## **CA THÁN PHẬT ĐỨC ĐỆ NHỊ THẬP THẤT**

Phẩm kinh văn này là nói các Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc tán thán mười phương chư Phật Như Lai, đồng thời nhờ sức uy thần của A-di-đà Phật gia trì mà đến mười phương thế giới cúng dường chư Phật ở phương khác.

Mời xem kinh văn bên dưới:

**Phật ngữ A-nan, bĩ quốc Bồ-tát thừa Phật uy thần, u nhất thực khoảnh, phục vãng thập phương vô biên Tịnh sát, cúng dường chư Phật. Hoa hương tràng phan, cúng dường chi cụ, ứng niệm tức chí, giai hiện thủ trung, trân diệu thù đặc, phi thể sở hữu, dĩ phụng chư Phật, cập Bồ-tát chúng. Kỳ sở tán hoa, tức u không trung hợp vi nhất hoa, hoa giai hướng hạ, đoan viên châu tấp, hóa thành hoa cái, bá thiên quang sắc, sắc sắc dị hương, hương khí phổ huân. Cái chi tiểu giả mãn thập do-tuần, như thị chuyển bội nãi chí biến phú tam thiên đại thiên thế giới. Tùy kỳ tiền hậu dĩ thứ hóa một, nhược bất cánh dĩ tân hoa trùng tán, tiền sở tán hoa chung bất phục lạc. Ư hư không trung cộng tấu thiên nhạc, dĩ vi diệu âm ca thán Phật đức.**

*Phật bảo A-nan: Phật bảo A-nan, Bồ-tát ở cõi nước ấy, nhờ uy thần của Phật, trong thời gian một bữa ăn lại đến vô biên cõi Tịnh độ khắp mười phương để cúng dường chư Phật. Hoa hương, tràng phan, phẩm vật cúng dường, đều hiện trong tay, các thứ trân bảo thần kỳ, hết sức đặc biệt mà thế gian không có, để dâng lên chư Phật và các Bồ-tát. Hoa được rải lên liền ở trên không trung hợp thành một hoa, hoa đều hướng xuống, tròn trịa đều đặn, hóa thành lọng hoa. Trăm ngàn sắc sáng, mỗi sắc có hương thơm khác nhau, hương thơm tỏa ngát muôn phương. Lọng hoa nhỏ cũng cả mười do-tuần, cứ lớn dần như vậy cho đến trùm khắp cả tam thiên đại thiên thế giới. Theo thứ lớp trước sau, lần lượt biến mất, nếu không rải tiếp hoa mới lên thì hoa đã rải lên trước đó không rơi xuống. Ở trong hư không cùng tấu thiên nhạc, dùng âm thanh vi diệu ca ngợi tán thán Phật đức.*



Đoạn kinh văn này tương đối dài, nhưng ý nghĩa không khó hiểu, để tiện cho các đồng tu học tập và hiểu rõ, chúng tôi đem đoạn kinh văn lớn này chia thành các đoạn nhỏ, chia thành 8 đoạn nhỏ mà nói.

Đoạn nhỏ thứ nhất, “*Phật bảo A-nan, Bồ-tát ở cõi nước ấy, nhờ uy thần của Phật, trong thời gian một bữa ăn lại đến vô biên cõi Tịnh độ khắp mười phương để cúng dường chư Phật*”.

Đoạn kinh văn nhỏ này, chúng ta nắm lấy bốn vấn đề trọng điểm như sau.

Thứ nhất, hiểu được hoàn cảnh nhân sự của thế giới Tây Phương Cực Lạc như thế nào? Phạm người vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là Bồ-tát, cho nên thế giới Tây Phương Cực Lạc là pháp giới Bồ-tát thuần nhất. Pháp giới này chỉ có hai loại người, một là thầy dạy, thầy dạy là A-di-đà Phật; hai là học sinh, học sinh là các Bồ-tát từ mười phương thế giới vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, đều là Bồ-tát Phổ Hiền trong đạo Bồ-tát.

Hoàn cảnh nhân sự của thế giới này tốt đẹp biết bao, sống ở nơi đây tâm tình thật là khoan khoái. Ở đây không dùng thủ đoạn đấu đá nhau, không chơi khăm nhau, không có nhân ngã thị phi, không có đố kỵ hãm hại. Đây là một thế giới thanh lương sạch sẽ, hoàn cảnh nhân sự như vậy không tìm được nơi thứ hai trong hư không pháp giới.

Thứ hai, hiểu rõ các Bồ-tát của thế giới Tây Phương Cực Lạc vì sao phải đến mười phương thế giới cúng dường chư Phật ở phương khác. Một lý do chính là để báo ân Phật, bởi vì các ngài vốn là Bồ-tát của mười phương thế giới, là Phật ở thế giới của các ngài giới thiệu thế giới Tây Phương Cực Lạc và A-di-đà Phật cho các ngài, lại còn giới thiệu các ngài đến thế giới Tây Phương học tập chuyên sâu, thân cận A-di-đà Phật. Nếu không như vậy thì các ngài không biết có thế giới Cực Lạc, không biết có A-di-đà Phật, thì sao có được thành tựu của ngày hôm nay? Các ngài cảm ân Phật, báo ân Phật, không quên nguồn gốc.

Thứ ba, hiểu được các Bồ-tát của thế giới Tây Phương Cực Lạc vì sao có thể đến mười phương thế giới cúng dường chư Phật? Bồ-tát của Cực Lạc do nhờ uy thần của A-di-đà Phật gia trì, nên thần thông của các ngài vượt hơn người của tất cả thế giới, đây là nguyện lực của A-di-đà Phật gia trì. Cho nên các ngài có thể trong thời gian một bữa ăn có thể đến vô biên cõi Phật để cúng dường chư Phật.

Thứ tư, chúng ta vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, đừng quên Bồ-sư Thích-ca Mâu-ni Phật của chúng ta, là do ngài giới thiệu thế giới Tây Phương Cực Lạc và A-di-đà Phật cho chúng ta, chúng ta không được quên ân Thầy. Vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, chúng ta cũng nhờ sức uy thần của A-di-đà Phật mà đến thế giới mười phương cúng dường chư Phật.

Đoạn nhỏ thứ hai, *“hoa hương, tràng phan, phẩm vật cúng dường, tùy niệm liền đến, đều hiện trong tay, các thứ trân bảo thần kỳ, hết sức đặc biệt mà thế gian không có”*. Đoạn nhỏ này là nói các đồ cúng dường tùy theo tâm nguyện, tâm muốn gì thì có đó, tùy niệm liền đến, vừa nghĩ bèn có. “Tùy niệm” là vừa khởi ý niệm, “liền đến” là lập tức liền đến, đều hiện trong tay, đây là cảnh giới thập huyền của Hoa Nghiêm. Trong tay có thể xuất hiện vô lượng trân bảo mà thế gian không có, chẳng phải là thứ mà thế gian có thể có được.

Đoạn nhỏ thứ ba, *“để dâng lên chư Phật và các Bồ-tát”*. Sự cúng dường này chủ yếu là để cúng Phật, cũng kèm theo cúng dường Bồ-tát. Điều này cho thấy Bồ-tát của thế giới Cực Lạc tu thiện rất dễ dàng, cúng dường Phật và Bồ-tát ở thế giới phương khác, trang nghiêm đạo tràng mười phương, so với ở thế giới này của chúng ta dễ dàng hơn nhiều. Ví dụ như phẩm vật cúng dường, đồ cúng dường, có thể nói là tùy theo tâm nguyện mong muốn, muốn gì có đó.

Đoạn nhỏ thứ tư, *“hoa được rải lên liền ở trên không trung hợp thành một hoa, hoa đều hướng xuống, tròn trịa đều đặn, hóa thành lọng hoa”*. Đoạn nhỏ này nêu lên việc cúng hoa, những diệp hoa được rải lên hợp thành một hoa, biểu đạt vô biên công đức đều nhập vào một câu hồng danh, đồng quy về biển nguyện Nhất thừa của Di-đà, ở đây biểu thị cho nhiều pháp là một pháp, một pháp là vạn pháp. Hết thấy y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, toàn thể của nó là nhất pháp cú. Nhất pháp cú này là gì? Phần trước chúng tôi đã nhắc đến nhiều lần, chính là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi, đây là cách nói chung, cách nói thống nhất của chúng ta, đem hết thấy pháp quy nạp thành hết thấy trọng tâm. Nhất pháp cú này chính là điểm trọng tâm của hết thấy pháp, nó có thể đại biểu cho hết thấy pháp, hết thấy pháp đều không lìa khỏi nó, cho nên nói “một là tất cả, tất cả là một”.

Hôm nay chúng tôi nói về nhất pháp cú cụ thể hơn một chút, chính là một câu A-di-đà Phật. Câu A-di-đà Phật thống nhiếp hết thấy pháp thế xuất thế gian, hết thấy pháp môn, hết thấy kinh giáo, hết thấy quả đức, hết thấy nhân tâm đều ở trong một

câu Phật hiệu, nó thống nhiếp hết thầy pháp, không sót một pháp nào, thầy đều ở trong một câu Phật hiệu này, nên công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn! Nói đến mức như vậy mà bạn vẫn không nghe hiểu sao? Xin chú ý có 5 chữ “hết thầy”.

Kinh Vô Lượng Thọ có diệu hay không? Diệu, tuyệt diệu! Câu A-di-đà Phật có diệu hay không? Diệu, tuyệt diệu! Diệu ở chỗ nào? Diệu ở mỗi câu mỗi chữ đều từ trong diệu mà nở hoa. Một câu “hợp thành một hoa” đã có hàm nghĩa sâu sắc như vậy rồi, đúng là nhất pháp cú! Trước đây bạn có biết không? Thế mà tôi lại không biết, lần này mới biết, nên không thể hàm hồ lướt qua. Cảnh giới này chẳng phải là cảnh giới thập huyền của Hoa Nghiêm đó sao? Cao, quả thật đúng là cao! Diệu, thật sự vi diệu! Thâm nhập kinh tạng quả thật là một sự hưởng thụ chẳng thể nào diễn tả.

“Hoa đều hướng xuống, tròn trịa đều đặn, hóa thành lọng hoa”. Hoa đều hướng xuống, bởi vì những hoa này đều ở phía trên Phật, rất tròn trịa, rất ngay ngắn, hợp thành lọng hoa. Lọng chính là dù lọng. Pháp Hoa Huyền Tán nói: Xứ Tây vực nắng nóng, mọi người đa số cầm lọng, lọng chính là chúng ta hiện nay gọi là cái ô. Bởi vì thời tiết nóng bức, ra ngoài đều phải cầm dù che nắng, đều dùng hoa để trang sức, cho nên xưng là lọng hoa, gọi là lọng hoa. “Lọng hoa của Cực Lạc do vạn đức hợp thành, nên trong một lọng hoa rộng chứa vô biên đức tướng, vi diệu khó nghĩ bàn”. Sự tốt, đẹp, thù thắng của lọng hoa này không thể nào tưởng tượng, không lời nào diễn tả được, chỉ có thể ngợi khen nó rất xinh, rất đẹp, vi diệu khó nghĩ bàn!

Đoạn nhỏ thứ năm, *“trăm ngàn sắc sáng, mỗi sắc có hương thơm khác nhau, hương thơm tỏa ngát muôn phương”*. Đoạn nhỏ này nói về sắc và hương của lọng hoa. Một lọng hoa có trăm ngàn loại ánh sáng, trăm ngàn loại màu sắc, trăm ngàn loại mùi hương. Do hương thơm xông khắp, nên biết được ánh sáng và màu sắc tất nhiên cũng đều chiếu khắp.

Đoạn nhỏ thứ sáu, *“lọng hoa nhỏ cũng cả mười do-tuần, cứ vậy lớn dần cho đến trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới”*. Đoạn nhỏ này là nói độ rộng của lọng hoa. Một do-tuần ít nhất cũng là 40 dặm, mười do-tuần cũng là 400 dặm. Người ở thế giới Cực Lạc thân thể lớn, rất cao, cho nên 10 do-tuần là một chiếc ô nhỏ, sau đó lớn thêm lên, cho đến trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới. Ô lọng này lớn đến mức nào, chúng ta hoàn toàn không thể nào tưởng tượng được.

Lọng hoa của thế giới Tây Phương Cực Lạc giống như áng mây của thế gian chúng ta, càng biến càng lớn. Vì sao lại như vậy? Nghĩa thú trong đây, trước đây

chúng ta không biết, ít ra là tôi không biết, lần này viết bản thảo bài giảng, xem đến đoạn này thì được lão pháp sư tháo gỡ mọi nghi này cho chúng ta.

Chúng ta vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, điều đầu tiên nghĩ đến là Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật, lại xem các chư Phật mà chúng ta từng thân cận trong đời quá khứ. Nghĩ đến một vị Phật rồi lại nghĩ đến một vị Phật, dần dần nghĩ đến vô lượng vô biên kiếp quá khứ thì lọng hoa này sẽ càng ngày càng lớn. Biến hiện như thế nào? Tùy theo tâm báo ân mà biến hiện. Nghĩ hết thấy chư Phật đối với chúng ta đều có ân đức, đời đời kiếp kiếp chúng ta đều là đệ tử của [các] ngài. Không chỉ là một vị Phật mà chư Phật đều có ân với ta, chẳng những chư Phật đều có ân, mà chư Bồ-tát cũng đều có ân. Bồ-tát là đàn anh, là đồng học của chúng ta, thời thời khắc khắc đều chăm lo cho chúng ta. Chẳng những Bồ-tát có ân, mà chúng sanh cũng có ân, chúng sanh cúng dường cho chúng ta y phục ẩm thực chỗ ở đi lại, ân đức không cùng tận. Chúng ta từ đây mà tư duy thì mới biết được độ sâu độ rộng của bốn ân nặng là không cùng tận.

Vật cúng dường đều từ đây hiển hiện ra, đều là đang biểu pháp. Loại người nào biết ơn? Chư Phật Bồ-tát biết ơn. Loại người nào biết báo ân? Chư Phật Bồ-tát báo ân. Phạm phu ngu si, không biết ân nghĩa, vong ân phụ nghĩa, ngay cả ân cha mẹ còn không biết báo, huống gì là ân khác. Người như vậy khó được thân người, cho nên phải tri ân báo ân. Vì vậy lọng hoa giống như áng mây, càng biến càng lớn, biểu đạt cho ý nghĩa này, bạn có nghe hiểu không?

Đoạn nhỏ thứ bảy, *“theo thứ lớp trước sau, lần lượt biến mất, nếu không rải tiếp hoa mới lên thì hoa đã rải lên trước đó không rơi xuống”*. Đoạn nhỏ này là nói hoa cúng luôn mới, *“theo thứ lớp trước sau, lần lượt biến mất”*. Sau khi rải hoa mới lên, thì hoa được rải trước đó mới biến mất, cho thấy các sự cúng dường vi diệu đều hóa hiện tùy theo tâm. Lọng hoa trước đó biến mất rồi, lọng hoa phía sau bèn xuất hiện, vả lại lọng hoa này không ngừng biến hóa, luôn đổi luôn mới, đẹp không tả xiết.

Đoạn nhỏ thứ tám, *“ở trong hư không cùng tấu thiên nhạc, dùng âm thanh vi diệu ca ngợi tán thán Phật đức”*. Đoạn nhỏ này là tán thán Phật đức, biểu đạt các Bồ-tát còn dùng nhạc trời để cúng dường Phật. Dùng âm thanh vi diệu của thiên nhạc để ca ngợi tán thán Phật đức, nhằm biểu đạt việc chiêm tu tán thán trong việc lễ cúng của các Bồ-tát. Phật đức là tất cả công đức mà Như Lai có. Câu-xá Luận nói: “Những

bậc có trí tuệ tư duy ba loại công đức viên mãn của Như Lai bèn sanh lòng kính mến sâu sắc. Những gì là ba? Một là đức của nhân viên mãn, hai là đức của quả viên mãn, ba là đức của ân viên mãn”.

Phía trước dùng ánh sáng, màu sắc, hương thơm để biểu pháp, lại dùng âm nhạc tán thán. Nếu nói theo phàm phu thì quả thật là sự biểu lộ tình cảm viên mãn, tán thán Phật đức, báo ân đến chỗ cùng cực. Thật sự cúng dường Phật không phải ở những ánh sáng, màu sắc, hương thơm, âm nhạc này, mà là giúp đỡ Phật tiếp dẫn chúng sanh, giáo hóa chúng sanh thì mới là thật sự báo ân.

Tiết học hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 66

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Kinh tu-du gian, hoàn kỳ bốn quốc, đô tất tập hội thất bảo giảng đường, Vô Lượng Thọ Phật, tác vị quảng tuyên đại giáo, diễn sướng diệu pháp, mạc bất hoan hỷ, tâm giải đắc đạo.**

*Trong khoảnh khắc, trở về bốn quốc, đều cùng tụ họp tại giảng đường thất bảo, nghe Phật Vô Lượng Thọ rộng tuyên đại giáo, diễn nói diệu pháp, thấy đều vui mừng, tâm tự khai giải, ngộ được thánh đạo.*

Đoạn kinh văn này biểu thị các Bồ-tát du hành mười phương rồi trở về Cực Lạc. Kinh văn nhìn trên văn tự thì rất đơn giản, nhưng nghĩa lý sâu xa vô lượng vô biên.

*“Trong khoảnh khắc, trở về bốn quốc”*

“Khoảnh khắc” là hình dung thời gian rất ngắn. Kinh A-di-đà nói: “Đến giờ ăn liền trở về bốn quốc”. Hoàng Niệm lão giải thích “khoảnh khắc” là 48 phút. Các Bồ-tát đã chu du khắp vô lượng vô biên thế giới chư Phật, trên cúng dường chư Phật, dưới độ chúng sanh, đi một vòng rồi trở về như vậy mới chỉ có 48 phút, nhanh gấp bao nhiêu lần tốc độ ánh sáng. Mọi người tụ hội tại giảng đường do bảy báu hợp thành ở thế giới Cực Lạc, nghe A-di-đà Phật tuyên thuyết diệu pháp giáo lý Đại thừa. Bồ-tát nghe pháp xong đều rất vui mừng, tâm tự khai giải, ngộ được thánh đạo.

Học đoạn kinh văn này tôi có vài vấn đề liên quan cần chia sẻ với các đồng tu, xin cúng dường các đồng tu tham khảo.

Vấn đề thứ nhất, cư sĩ Bành Tế Thanh của triều Thanh trong Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận nói:

**Hỏi:** Phật Vô Lượng Thọ thuyết pháp là chỉ nói pháp Nhất thừa, hay là nói cả pháp Tam thừa? Nếu chỉ nói pháp Nhất thừa thì sao còn có chúng Thanh văn

v.v. Nếu nói cả pháp Tam thừa thì sao lại nói hàng Nhị thừa không sanh về nước đó?

**Đáp:** Thuần là nói pháp Nhất thừa, chẳng có Tam thừa. Nào chỉ riêng ở giảng đường thất bảo Phật thuần là nói pháp Nhất thừa, mà trong mỗi một đóa hoa, trong mỗi một tia sáng, tiếng gió, tiếng nước, các tiếng âm nhạc cũng đều nói pháp Nhất thừa, càng chẳng có pháp Tam thừa”.

Như kinh Diệu Pháp Liên Hoa nói: “Trong mười phương thế giới còn không có Nhị thừa, huống hồ có Tam thừa”. Ý nghĩa ở đây là nói: Thế giới Cực Lạc, rốt cuộc là nói pháp Nhất thừa hay là pháp Tam thừa? Nếu như nói pháp Nhất thừa, thì sao thế giới Cực Lạc còn có chúng Thanh văn? Nếu thế giới Cực Lạc cũng nói pháp Tam thừa thì vì sao hàng Nhị thừa không thể vãng sanh? Ngài hỏi như vậy, và trả lời như sau: Tất cả pháp được nói ở thế giới Cực Lạc toàn là pháp Nhất thừa. Chẳng những pháp được Phật nói tại giảng đường thất bảo là pháp Nhất thừa, mà cho đến mỗi một đóa hoa của thế giới Cực Lạc, mỗi một tia sáng, tiếng gió, tiếng nước, các tiếng âm nhạc nói ra đều là pháp Nhất thừa. Vì vậy kinh Diệu Pháp Liên Hoa nói: “Trong mười phương thế giới còn không có Nhị thừa, huống hồ có Tam thừa”. Vì vậy khi Phật nói kinh Pháp Hoa thì 5.000 đệ tử lui khỏi tòa, không thể nghe, không tiếp nhận nổi. Vì đây là Viên giáo, chẳng phải ai cũng đều có thể nghe. Năm ngàn người lui khỏi tòa thì rất hỗn loạn, Phật nói: “Lui cũng tốt”, lui ra rất tốt, vậy cứ lui ra đi, không giữ họ lại.

Nếu dùng một câu để trả lời vấn đề thứ nhất thì đáp án là: Hết thấy pháp được nói ở thế giới Cực Lạc đều là pháp Nhất thừa.

Vấn đề thứ hai, vì sao thế giới Cực Lạc có Thanh văn thừa?

Bởi vì căn cơ trí tuệ của chúng sanh có khác biệt, trước khi vãng sanh, pháp mà họ đã nghe không như nhau, nên đến thế giới Cực Lạc chứng đắc cũng không như nhau. Tuy đều nói là pháp Nhất thừa, nhưng có người nghe ra tiếng Phật, tiếng Pháp, tiếng Tăng, tiếng vô ngã, tiếng tịch tĩnh, cho đến tiếng cam lộ quán đảnh. Người nghe được những âm thanh này có người chứng được Tu-đà-hoàn, Nhị quả, Tam quả, Tứ quả, cho đến Bồ-tát Bất thoái. Đây là thuận theo danh xưng Tứ quả của các cõi Phật khác mà biểu thị cho phương diện tu hành nào đó của họ lúc chưa vãng sanh đã chín muồi trước. Trên thực tế đều là nhất định thành Phật, vì họ đều có thể hồi tiểu hướng đại, lại do có sức bản nguyện của Phật. Cho nên pháp mà

Phật giảng ở giảng đường đều là pháp Nhất thừa, trong kinh không nói rõ, cư sĩ Bành Tế Thanh đã nói rõ về điều này.

Vấn đề thứ ba, đoạn kinh văn này đã chứng minh trọn vẹn rằng các Bồ-tát vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc có phước báo lớn. Điều này thể hiện ở mỗi ngày đều cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai. Chú ý hai từ “mỗi ngày” và “chư Phật” này rất quan trọng. Mỗi ngày nghĩa là ngày nào cũng vậy, thường xuyên như vậy, chẳng phải thỉnh thoảng, ngày ngày đều như vậy. Đây là đời sống thường ngày của các Bồ-tát. Chư Phật là vô lượng vô biên Phật, chẳng phải một hai vị, mà là rất nhiều rất nhiều, số không kể xiết. Chúng ta ở thế giới Ta-bà, cả đời cũng không cúng dường được một vị Phật, không thể nào sánh bằng thế giới Cực Lạc. Các Bồ-tát của thế giới Tây Phương Cực Lạc, mỗi ngày đều nghe vô lượng vô biên Phật pháp, bởi vì mỗi một vị Phật mà bạn cúng dường đều thuyết pháp cho bạn. Mỗi ngày cúng dường vô lượng vô biên Phật, nghe vô lượng vô biên Pháp, đây là phước huệ song tu.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Tức thời hương phong xuy thất bảo thọ, xuất ngũ âm thanh. Vô lượng diệu hoa, tùy phong tứ tán, tự nhiên cúng dường, như thị bất tuyệt.**

*Lúc đó gió thơm thổi vào cây bảy báu, phát ra năm loại âm thanh. Vô lượng diệu hoa theo gió rải khắp bốn phương, tự nhiên cúng dường, như vậy chẳng ngừng.*

Đoạn kinh văn này là nói chúng sanh vô tình cảm ân Tam bảo. Gió thổi vào cây, cây bèn phát ra các loại thanh âm vi diệu, vô lượng diệu hoa theo gió rải khắp bốn phương, vờn bay ở trên trời, tự nhiên cúng dường, tự nhiên rải ở giảng đường thất bảo và trên thân của đại chúng, như vậy chẳng ngừng, cứ như vậy chẳng gián đoạn.

Chúng sanh vô tình nghe được A-di-đà Phật thuyết pháp cũng cảm động, cũng đến cúng dường. Những âm nhạc mà chúng vô tình ấy diễn tấu là thanh âm diệu pháp, diễn tấu pháp âm, chẳng phải âm nhạc của phàm phu, nhằm dạy chúng ta niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Vạn vật ở nước ấy thấy đều dùng hương thơm và ánh sáng để thuyết pháp, thời thời khắc khắc nhắc nhở chúng ta giác mà không mê, chánh mà không tà, tịnh mà không nhiễm. Ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, loại cúng dường pháp này tiếp nối chẳng gián đoạn.



Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Nhất thiết chư thiên giai tê bá thiên hoa hương, vạn chủng kỹ nhạc, cúng dường bỉ Phật cập chư Bồ-tát, Thanh văn chi chúng. Tiền hậu vãng lai, hy di khoái lạc. Thử giai Vô Lượng Thọ Phật bốn nguyện gia uy, cập tăng cúng dường Như Lai, thiện căn tương tục, vô khuyết giảm cố, thiện tu tập cố, thiện nhiếp thủ cố, thiện thành tựu cố.**

*Hết thấy chư thiên đều đem trăm ngàn hoa hương, vạn thứ kỹ nhạc, cúng dường đức Phật ấy và các Bồ-tát, chúng Thanh văn. Trước sau qua lại, hơn hỏ vui mừng. Đây đều là do sức uy thần bốn nguyện của Phật Vô Lượng Thọ gia trì, và do từng cúng dường các đức Như Lai, lại do thiện căn liên tục không giảm thiểu, cũng bởi khéo tu tập, khéo nhiếp thủ, khéo thành tựu vậy.*

Đoạn kinh văn này là nói về tình hình đời sống thường ngày của đại chúng ở thế giới Cực Lạc. Cuộc sống của họ thật sự là tốt đẹp, thật sự hạnh phúc, thật sự mỹ mãn, thật sự vui vẻ. Hạnh phúc, mỹ mãn, vui vẻ mà người thế gian chúng ta nói đều là hữu danh vô thực, ở thế giới Cực Lạc thì danh xứng với thực.

Chư thiên là thiên thần, họ cũng có năng lực đến được thế giới Tây Phương Cực Lạc. Các đồng tu sẽ hỏi: thiên thần là chúng sanh lục đạo vì sao cũng có thể ở thế giới Cực Lạc? Trong kinh Hoa Nghiêm có ví dụ như sau, những thiên thần này chẳng phải là thiên thần thông thường, mà đây là các Bồ-tát của thế giới Cực Lạc, dùng thân phận thiên thần để giáo hóa chúng sanh ở thế giới phương khác, hiện tại quay về cúng dường Phật. Các Bồ-tát của thế giới Cực Lạc hóa hiện vô lượng vô biên thân trong mười pháp giới. Cho nên sau khi vãng sanh đến thế giới Cực Lạc thì trí tuệ, đạo lực và thần thông cùng với chư Phật Như Lai tựa hồ như nhau, đây là pháp khó tin, không thể nghĩ bàn.

Nói chung Bồ-tát thông thường muốn đạt được tự tại như thế, có thể ở trong lục đạo tự tại xả thân thọ thân, giáo hóa chúng sanh, ít nhất phải tu đến hai a-tăng-kỳ kiếp, cũng chính là nói, quả vị thông thường phải đạt đến Bồ-tát Thất địa thì mới thật sự được tự tại. Những người đến thế giới Tây Phương Cực Lạc như chúng ta, vãng sanh đến Cực Lạc bèn có năng lực này, những Bồ-tát đó nhìn thấy vậy thì sao không hâm mộ chúng ta được. Cho nên trời rỗng, quý thân do những Bồ-tát này hóa hiện ra cũng đến giảng đường rải hoa cúng dường.

Đoạn kinh văn này là phần cuối của phẩm kinh văn Ca Thán Phật Đức, cũng là đoạn cao trào vui sướng ca ngợi ân đức của Phật, khiến chúng ta có cảm giác như chính mình ở trong cảnh đó. Tựa như nhìn thấy hết thảy chư thiên đều ở trên không rải hoa, diễn tấu âm nhạc mỹ diệu, vui tai, dễ nghe để cúng dường A-di-đà Phật, cúng dường chư Phật và các Bồ-tát, chúng Thanh văn. Vị này đi thì người kia đến, mọi người đều rất vui vẻ. Đây đều là uy thần bản nguyện của Phật Vô Lượng Thọ gia trì, cộng với họ đã từng cúng dường chư Phật Như Lai, lại do rất khéo biết làm cho thiện căn liên tục tăng trưởng, không có duyên cớ bị khuyết giảm. Sự vui mừng hơn hờ như vậy [là do] thiện căn không ngừng tăng trưởng, cho đến đạt được thành tựu.

Tôi đã giảng xong kinh văn phẩm thứ 27, để tiện cho các đồng tu học tập và lĩnh ngộ hàm nghĩa của kinh văn, tôi muốn làm một chút thay đổi nhỏ. Từ phẩm kinh văn này trở đi, mỗi khi giảng xong một phẩm kinh văn tôi sẽ quy nạp điểm quan trọng của phẩm kinh văn đó lại, nhằm kịp thời để các đồng tu đối chiếu tham khảo. Chúng ta có thể thử xem sao, xem coi cách làm nào tốt hơn. Chúng ta vừa giảng, vừa tổng kết, vừa cải tiến vậy. Bất kể là hình thức nào tôi cũng không muốn trói buộc mọi người vào trong khuôn khổ. Điều tôi lo lắng nhất là liệu cách làm này của tôi có đóng bít cửa ngõ của các đồng tu hay không, các đồng tu thấy thế nào?

Trọng điểm của kinh văn phẩm thứ 27.

Kinh văn phẩm thứ 27 có 6 trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: vì sao các Bồ-tát của thế giới Tây Phương Cực Lạc phải tán thán chư Phật Như Lai trong mười phương thế giới? Vì tri ân báo ân, không quên nguồn gốc, không quên báo ân Thầy. Những Bồ-tát này không quên báo ân Thầy, họ có thể hiểu và biết đến thế giới Tây Phương Cực Lạc là do mười phương chư Phật Như Lai giới thiệu cho họ. Mười phương chư Phật Như Lai đã đem thế giới thù thắng khôn sánh nhất trong các thế giới, là đại học Phật giáo hàng đầu giới thiệu cho họ, các Bồ-tát sao có thể không cảm ân, không tán thán được? Chư Phật Như Lai trong mười phương thế giới chẳng những đem thế giới Tây Phương Cực Lạc giới thiệu cho các học sinh của mình, mà còn đem học sinh ưu tú nhất ở cõi nước Phật của các ngài giới thiệu, đưa đi, cử đến thế giới Tây Phương Cực Lạc học, thân cận A-di-đà Phật. Những Bồ-tát này sao có thể không cảm ân, không tán thán được? Những Bồ-tát này ở dưới tòa của A-di-đà Phật tại thế giới Tây Phương Cực Lạc nghe kinh nghe pháp, lại có thể tự tại đến mười phương thế giới đi cúng dường

chư Phật, phước huệ song tu, thành tựu Phật quả chí cao vô thượng, họ sao có thể không cảm ân, không tán thán cho được?

Trọng điểm thứ hai: vĩnh viễn chí thành cảm ân, đánh lễ Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật của chúng ta. Ân đức của Phật đối với chúng ta quá lớn lao, không lời nào có thể biểu đạt, không gì báo đáp nổi. Nếu không có Thích-ca Mâu-ni Phật giới thiệu thế giới Tây Phương Cực Lạc, giới thiệu A-di-đà Phật cho chúng ta, chúng ta sẽ trầm luân trong biển khổ của sáu cõi luân hồi, vĩnh viễn không có ngày ngoi lên.

Trọng điểm thứ ba: 500 người nhóm A-xà vương tử trong đời quá khứ từng cúng dường bốn trăm ức Phật, vì sao họ chưa thành Phật?

Trọng điểm thứ tư: trong kinh văn dùng hoa làm ví dụ để cúng Phật nhằm biểu pháp gì vậy? Bạn có thể nói được mấy điều thì hãy nêu ra, đây là một đề tài để tư duy, để phát huy.

Trọng điểm thứ năm: giảng một bộ kinh là ca ngợi ân đức của Phật, giảng một câu kệ cũng là ca ngợi ân đức Phật, khuyên người niệm câu A-di-đà Phật cũng là ca ngợi ân đức của Phật. Hình thức để ca ngợi ân đức của Phật rất nhiều, bạn dùng hình thức nào để ca ngợi ân đức của Phật vậy?

Trọng điểm thứ sáu: chư thiên và quỷ thần vì sao có thể ở thế giới Cực Lạc cúng Phật và nghe pháp? Vì sao có thể đến thế giới mười phương cúng dường chư Phật? Có ba nguyên nhân chủ yếu.

Một là, do bốn nguyện oai thần của Phật Vô Lượng Thọ gia trì, chính là được 48 nguyện của A-di-đà Phật gia trì, khiến bạn có được uy đức này, có thể thành tựu công đức cúng dường. Do uy đức của bốn nguyện Di-đà gia bị nên chư thiên mới có thể cung kính đến Cực Lạc tu đại cúng dường. Nguyện thứ 25 - Thiên Nhân Lễ Kính có câu “chư thiên và người đời không ai không hết lòng tôn kính”, đây chính là chứng cứ. Đại chúng trong tất cả cõi nước chư Phật đều được nguyện thứ 25 của A-di-đà Phật gia trì, họ có năng lực đến thế giới Cực Lạc để tu cúng dường.

Thứ hai, họ đã từng cúng dường Như Lai, do thiện căn liên tục không khuyết giảm, ở đây biểu thị chư thiên có thể đến thế giới Cực Lạc đi cúng dường đều là vì trong đời quá khứ sớm đã trồng thiện căn, đã từng cúng dường Như Lai, lại có thể khéo léo khiến cho thiện căn này được tiếp nối. A-lại-da giống như một kho chứa lớn, khởi tâm động niệm từ vô lượng kiếp đến nay đều được lưu trữ trong A-lại-

da, gặp được duyên bèn khởi hiện hành. Trong một đời này lại gặp được duyên rồi, cho nên nhờ vào việc họ đã từng có quá khứ cúng dường chư Phật Như Lai, nên vừa khởi lên ý niệm này, Phật bèn hiện thân, bèn tiếp nhận sự cúng dường của họ, đây là nguyên nhân thứ hai.

Nguyên nhân thứ ba là, “do khéo tu tập, do khéo nhiếp thủ, do khéo thành tựu”. Những câu này chúng ta phải lắng lòng lĩnh hội, khéo có nghĩa là gì? Dùng kinh Kim Cang mà nói, khéo chính là vô trụ; tu, nhiếp, thành tựu chính là sanh tâm. Sanh tâm và vô trụ là đồng thời, đây gọi là khéo tu. Ba chữ “khéo” dùng ở đây rất hay, dùng rất tuyệt diệu, A-lại-da đã chuyển tám thức thành bốn trí, cho nên A-lại-da không còn nữa, cho nên gọi là khéo.

“Khéo tu tập”, thế nào là khéo tu tập? Tu là sửa cho đúng, tập là học tập. Trong cuộc sống thường ngày, đem khuyết điểm của chính mình sửa lại cho đúng, đây là tu hành. Đem giáo huấn của Phật hoàn toàn biến thành đời sống thường ngày của chính mình, đời sống chính là Phật pháp. Người niệm Phật đem kinh Vô Lượng Thọ xem thành tư tưởng, hành vi của chính mình, học rồi thường ôn tập. Thường ôn tập là sau khi học xong thì thời thời khắc khắc đều vận dụng vào trong cuộc sống, đây chính là khéo tu tập, luôn luôn đều có thể sửa lỗi làm mới, đây chính là khéo tu tập.

“Khéo nhiếp thủ”, nhiếp thủ ở đây là từ có hai nghĩa. Một nghĩa là khéo nhiếp thủ tất cả thiện pháp nhằm viên mãn trí tuệ đức năng của chính mình, nếu có thể nhiếp thủ công đức của Di-đà thành công đức của chính mình thì chính là tuyệt khéo nhiếp thủ. Ý nghĩa thứ hai, sau khi đạt được thọ dụng chân thật của Phật pháp, lại còn phải đem lợi ích trong Phật pháp giới thiệu cho người khác, khuyên người khác học tập, đây cũng là nhiếp thọ chúng sanh, khuyên tất cả chúng sanh nương vào kinh giáo mà phát tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, đây chính là khéo nhiếp thủ nhất.

“Khéo thành tựu”, Bồ-tát thành tựu công đức không thể nghĩ bàn cho chính mình, mỗi ngày thành tựu định lực viên mãn, mỗi ngày thành tựu trí tuệ viên mãn, mỗi ngày thành tựu viên mãn ba thân thanh tịnh. Hãy nhìn lại thân tâm của chúng ta xem có phải mỗi ngày một thanh tịnh hơn, có phải mỗi năm một thanh tịnh hơn, nếu quả nhiên như vậy thì chính là công phu tu hành đã đắc lực. Nếu thân tâm năm nay cũng như năm ngoái, chẳng có cái thiện gì thì đã uổng công tu một năm nay rồi, công phu không đắc lực, phải là mỗi ngày có tiến bộ, mỗi ngày một mới thì mới là khéo thành tựu.

Tiếp theo bắt đầu giảng kinh văn phẩm thứ 28:

## **ĐẠI SĨ THẦN QUANG ĐỆ NHỊ THẬP BÁT**

Phẩm kinh văn này nêu rõ thần thông quang minh của bậc Đại sĩ ở Cực Lạc. Trong số các thánh chúng đặc biệt nêu rõ Quán Thế Âm Bồ-tát và Đại Thế Chí Bồ-tát là tôn quý bậc nhất. Uy đức quang minh, công đức lợi sanh đều vượt hơn các thánh chúng khác.

Mời xem kinh văn bên dưới:

**Phật cáo A-nan, bĩ Phật quốc trung chư Bồ-tát chúng, tất giai đồng thị, triệt thính bát phương, thượng hạ, khứ lai, hiện tại chi sự. Chư thiên nhân dân, dĩ cập quyền phi nhuyển động chi loại, tâm ý thiện ác, khẩu sở dục ngôn, hà thời độ thoát, đắc đạo vãng sanh, giai dự tri chi.**

*Phật bảo A-nan, các Bồ-tát trong cõi Phật đó đều thấy rõ, nghe thấu mọi việc trong tám phương, phương trên, phương dưới, quá khứ, hiện tại, vị lai. Đều biết trước cả tâm ý thiện ác, miệng sắp nói điều gì, khi nào được độ thoát, đắc đạo vãng sanh của chư thiên nhân dân, cho đến các loài bò bay máy cựa.*

“Thấy rõ” là thông đạt, “nghe thấu” là nghe được tất cả, sự việc của tám phương, phương trên phương dưới, quá khứ hiện tại vị lai đều có thể biết. “Chư thiên nhân dân cho đến các loài bò bay máy cựa có tâm ý thiện ác, miệng sắp nói điều gì, khi nào được độ thoát, đắc đạo vãng sanh thấy đều biết cả”, đây chính là thần thông. “Thấy rõ” là thiên nhãn thông, “nghe thấu” là thiên nhĩ thông, biết tâm ý của người khác là tha tâm thông, biết được quá khứ là túc mạng thông, biết chúng sanh trong lục đạo ở hiện tại, vị lai khi nào được độ thoát là thiên nhãn thông. Những Bồ-tát này đều có những thần thông như vậy.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Hựu bĩ Phật sát chư Thanh văn chúng, thân quang nhất tâm, Bồ-tát quang minh, chiếu bá do-tuần. Hữu nhị Bồ-tát, tối tôn đệ nhất, uy thần quang minh, phổ chiếu tam thiên đại thiên thế giới”. A-nan bạch Phật: “Bĩ nhị Bồ-tát,**

**kỳ hiệu vân hà?” Phật ngôn: “Nhất danh Quán Thế Âm, nhất danh Đại Thế Chí”.**

*Lại cõi Phật kia, các chúng Thanh văn, thân sáng tám thước. Quang minh của Bồ-tát chiếu trăm do-tuần. Có hai vị Bồ-tát tôn quý bậc nhất, uy thần quang minh chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới. A-nan thừa Phật, hai vị Bồ-tát ấy danh hiệu là gì? Phật nói, một vị tên là Quán Thế Âm, một vị tên là Đại Thế Chí.*

Vì sao thế giới Tây Phương Cực Lạc có thiên nhân, có Thanh văn, có Bồ-tát? Trong kinh nói với chúng ta, đây đều là thuận theo chúng sanh mười phương thế giới mà nói, ở thế giới Tây Phương Cực Lạc trên thực tế không có những danh xưng này. Thế giới Tây Phương là nhất chân pháp giới, là pháp giới bình đẳng, nếu có Bồ-tát, Thanh văn, thiên nhân thì không bình đẳng, thì không phải thanh tịnh bình đẳng giác, cho nên việc này là tùy thuận thế giới phương khác mà nói. Tuy là tùy thuận nhưng cũng là sự thật, nếu lìa khỏi sự thật thì Phật nói vọng ngữ rồi, vậy thì sai rồi. Nói là sự thật là ý gì? Ở đây có hai ý nghĩa.

Thứ nhất, là thân phận trước đây của bạn khi chưa sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, như chúng ta từ cõi người vãng sanh đến thì được gọi là nhân thiên. A-la-hán, Bích-chi Phật hồi hướng niệm Phật [vãng sanh] thì gọi là Thanh văn, đây là chỉ cho thân phận trước khi vãng sanh. Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì những thân phận và danh xưng này đều không có.

Thứ hai, tuy vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là Bồ-tát, trí tuệ, thân thông, đạo lực được uy thần bốn nguyện của đức Di-đà gia trì, mọi người dường như là giống nhau, nhưng trên thực tế là chưa hề đoạn phiền não, là đời nghiệp vãng sanh. Kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não vẫn chưa đoạn, sau khi sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc mới từ từ đoạn. Trong kinh nói: Mỗi ngày đến mười phương thế giới cúng dường chư Phật, nghe Phật thuyết pháp, sau khi trở về, lại nghe A-di-đà Phật giảng kinh thuyết pháp. Mỗi ngày tiêu nghiệp chướng, mỗi ngày sanh trí tuệ, còn phải cần thời gian tương đối dài mới có thể tiêu trừ nghiệp chướng, mới có thể viên thành Phật đạo.

Lão pháp sư thường xuyên nhắc nhở chúng ta, tập khí nghiệp chướng của chúng ta nặng đến mức không cách gì tưởng tượng được. Tu học pháp môn khác chắc chắn không thể một đời thành tựu. Chẳng phải pháp môn không tốt, mà

do tập khí nghiệp chướng của chúng ta quá nặng, những pháp môn khác tuy rằng tốt nhưng không trị nổi bệnh của chúng ta. Duy chỉ niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, ngoài môn này ra chẳng còn con đường thứ hai. Môn này bạn buộc phải hiểu thật rõ ràng sáng tỏ, hiểu được lý luận của nó, biết được phương pháp của nó, nhận thức cảnh giới của nó thì công phu niệm Phật của chúng ta mới đắc lực. Nếu hoàn toàn không biết thì đây là tu mù luyện đui, niệm Phật cả một đời cũng không thể vãng sanh.

Tiếp theo chúng ta xem Hoàng Niệm lão giải thích đoạn kinh văn này.

Những chúng Thanh văn này, hào quang trên thân, hào quang trên đỉnh là một tầm, một tầm chính là tám thước. Cũng có người nói độ dài khi hai tay duỗi thẳng ra cũng là một tầm. Thân thể của họ lớn hơn chúng ta, cho nên hai tay của họ duỗi ra thì dài hơn chúng ta nhiều, cũng là một tầm. Quang minh của Bồ-tát chiếu trăm do-tuần, có thể chiếu vài ngàn dặm, có hai vị Bồ-tát tôn quý đệ nhất, uy thần quang minh chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới. Ngài A-nan hỏi: hai vị Bồ-tát ấy danh hiệu là gì? Phật nói: một vị là Quán Thế Âm, một vị là Đại Thế Chí.

Quán Thế Âm còn có danh hiệu là Quán Tự Tại. Tâm Kinh Lược Sớ nói: “Đối với cảnh giới lý sự vô ngại quán được tự tại” thì gọi là Quán Tự Tại. “Lại quán xét căn cơ để đến cứu độ [một cách] tự tại vô ngại”, chúng sanh vừa niệm liền có thể đến cứu, chẳng mất tự tại thì gọi là Quán Thế Âm. Lời giải thích trước là từ trí tuệ mà nói, bởi vì ngài thông đạt lý này; cách giải thích sau là từ từ bi mà nói. Quán Thế Âm và Đại Thế Chí phò tá hai bên tả hữu đức Di-đà, giúp Phật giáo hóa, gọi là Tây Phương Tam Thánh. Hiền giáo nói ngài là đệ tử của A-di-đà Phật, Mật giáo nói ngài là hóa thân của A-di-đà Phật. Đức Quán Âm nguyên là Chánh Pháp Minh Như Lai. Kinh Đại Bi Tâm Đà-la-ni nói Quán Thế Âm có sức uy thần không thể nghĩ bàn. Trong vô lượng kiếp quá khứ ngài đã thành Phật, hiệu là chánh pháp Minh Như Lai, “[có] nguyện lực đại bi, vì muốn phát khởi tất cả Bồ-tát và khiến các chúng sanh an lạc thành thực nên mới hiện làm Bồ-tát”, thế nên ngài đã thành Phật từ lâu. Kinh Quán Âm Tam-muội nói: Quán Âm thành Phật trước Thích-ca Mâu-ni Phật, tên là Chánh Pháp Minh Như Lai. Thích-ca Mâu-ni Phật là đệ tử của ngài Quán Âm.

Kinh Thủ Lăng-nghiêm nói: vô lượng kiếp về trước, đức Quán Thế Âm ở trước Cổ Quán Âm Như Lai thọ pháp “như huyễn, văn huân, văn tu kim cang tam-muội, từ văn tu tu nhập tam-ma-địa, xoay lại nghe tự tánh, đắc đạo Vô

thượng”. Quán Kinh nói: Viên quang của Quán Âm Đại Sĩ có 500 hóa Phật, hóa Phật đều giống như Thích-ca Mâu-ni Phật. Mỗi một hóa Phật còn có hóa Bồ-tát vây quanh. Phật Bồ-tát nhiều như vậy đều ở trong vòng hào quang trên đỉnh của đức Quán Âm, còn có vô lượng chư thiên làm thị giả. Quán Âm Bồ-tát có duyên đặc biệt với chúng ta. Từ những điều thuật nói bên trên chúng ta có thể thấy vắng sanh thế giới Cực Lạc chẳng phải là đến vườn Địa Đàng để hưởng thụ, mà đó là chân thật dụng công tu trì. Trong số các Bồ-tát có hai vị đứng đầu, đó là Quán Thế Âm và Đại Thế Chí.

Nhân duyên thành đạo của Quán Thế Âm, kinh Thủ Lăng-nghiêm quy nạp thành bốn câu: “Từ văn tư tu, nhập tam-ma-địa, xoay lại nghe tự tánh, đắc đạo Vô thượng”. Trong quá khứ ngài gặp được Cổ Quán Âm Như Lai truyền dạy cho [pháp môn] như huyễn, văn huân, văn tu kim cang tam-muội. Tam-muội này tu như thế nào? Chính là từ văn tư tu mà nhập tam-ma-địa. Văn, tư, tu là con đường mà người tu hành đều phải đi, nhưng văn tư tu của Quán Âm Bồ-tát còn vào sâu hơn văn tư tu của chúng ta nhiều. Văn tư tu của chúng ta là nghe kinh điển rồi tư duy, sau khi tư duy hiểu rõ rồi thì phải hành động, áp dụng thực tế, ý nghĩa này rất cạn. Có rất nhiều người không tin lời kinh Phật sâu xa, cho rằng lời kinh Phật cạn cợt, cho rằng chính là như vậy. Chữ “văn” trong văn tư tu”, là chỉ cho tánh nghe, thanh âm được nghe thấy là “trần”, năng văn là nhĩ căn, nhĩ thức. Nhĩ căn, nhĩ thức còn có bản tánh, tánh của năng văn được gọi là tánh nghe, trước tiên hạ thủ từ tánh nghe, an trụ nơi tánh nghe, triệt để chẳng gián đoạn, đây gọi là văn tư tu. Từ văn tư tu nhập tam-ma-địa, chẳng phải là tam-muội thông thường, mà là đại tam-muội của Lăng-nghiêm: “hết thấy sự đều rất ráo kiên cố”. Điều này với “hết thấy đều thành Phật” trong kinh này là như nhau. “Hết thấy đều thành Phật” là câu văn đạt tới tột đỉnh trong kinh này. Hết thấy đều thành Phật thì còn có gì chẳng xong, còn có gì có thể tu, còn có gì có thể đoạn, hết thấy đều trở thành lời thừa. Chính bởi vì “hết thấy đều thành Phật”, cho nên kinh Lăng-nghiêm mới nói “hết thấy sự đều rất ráo kiên cố”. Có một số kinh luận nói rằng: hết thấy sự là hư vọng, là pháp sanh diệt. Kinh Lăng-nghiêm không nói như vậy, mà nói hết thấy sự đều rất ráo kiên cố, đây là nói về bản thể, hết thấy sự tướng đều không thể lìa khỏi bản thể của nó. Từ văn tư tu nhập vào Lăng-nghiêm tam-muội, chẳng có xuất, chẳng có nhập, có xuất có nhập là tam-muội thông thường.



Kinh Lăng-nghiêm vừa mở đầu đã nói làm thế nào thấy đạo, bạn không thấy đạo thì làm sao tu đạo, cho nên “thấy” rất quan trọng. Vừa mở đầu chính là gạn hỏi bảy chỗ của tâm, ngài A-nan tìm tâm không thể được, sau cùng A-nan thấy được đạo bèn muốn tu đạo. Khi tu đạo đã thành 25 vị đại thánh có mặt lúc đó, mỗi vị nói ra quá trình tu trì của chính mình. Sau khi nói xong thì nhờ Văn-thù Bồ-tát căn cứ vào tình hình của chúng sanh thế giới Ta-bà và thời tiết nhân duyên, để nhận xét xem cách tu của ai tốt. Cách tu mà ngài Văn-thù chỉ ra chính là pháp môn nhĩ căn viên thông của Quán Thế Âm, “xoay lại cái nghe để nghe tự tánh, tánh trở thành Vô thượng đạo”. Dùng bốn tánh có thể nghe để quay về nghe tự tánh, như vậy bèn thành đạo Vô thượng. Cho nên đã quen dùng câu nói của ngài Quán Âm đại biểu cho Thiên tông, dùng câu nói của Bồ-tát Đại Thế Chí đại biểu cho Tịnh độ tông. Nếu muốn so sánh phương pháp nào có thể nhanh chóng Lăng-nghiêm tam-muội, hết thấy sự rôt ráo kiên cố nhất, thì xác thật là như ngài Văn-thù tổng kết: pháp môn của ngài Quán Âm là đệ nhất. Nếu muốn so sánh phương pháp nào trong một đời này có thể ra khỏi lục đạo nhanh nhất, thì phương pháp của Đại Thế Chí là đệ nhất. “Thế” chính là uy thế, hình dung cho uy thế sức mạnh trí tuệ của Bồ-tát, “Chí” nghĩa là đến. Uy thế lớn này có thể đến được khắp hết thảy nơi, nên gọi là Đại Thế Chí.

Trong kinh Thủ Lăng-nghiêm, Đại Thế Chí Pháp Vương Tử cùng với 52 vị Bồ-tát đồng luân đồng thời nói: “Dùng tâm niệm Phật nhập vô sanh nhẫn”. Chính là niệm Nam-mô A-di-đà Phật, chính là như vậy mà nhập vô sanh pháp nhẫn. Tịnh tông Học Hội xem Đại Thế Chí Bồ-tát là tổ sư đời thứ nhất, bởi vì Bồ-tát Đại Thế Chí chân chánh tu niệm Phật tam-muội, lấy niệm Phật làm pháp môn. “Không nhờ phương tiện, tâm tự khai ngộ”, ngoài niệm câu A-di-đà Phật này ra đều không cần đến bất kỳ phương tiện nào khác để trợ đạo, như là tác quán, tham cứu, trì thủ ấn, niệm chú v.v. đều không cần dùng. “Tâm tự khai ngộ”, tự nhiên như thế mà tâm được khai mở, chính là khai ngộ. “Nay ở thế giới này”, thế giới này chính là thế giới Ta-bà, “nhiếp người niệm Phật quay về Tịnh độ”, nhiếp thọ tất cả người niệm Phật, khiến họ quy hướng về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Ngài cùng Quán Thế Âm Bồ-tát đều là hai vị trợ thủ của A-di-đà Phật.

Quán Kinh nói: Bồ-tát Đại Thế Chí “dùng quang minh trí tuệ chiếu khắp hết thảy”. “Thế” ở đây biểu hiện nơi quang minh, quang minh này là từ trí tuệ mà chiếu khắp tất cả. “Khiến tất cả lìa ba đường ác, được sức vô thượng”. Khiến tất cả chúng sanh đều ra khỏi ba đường ác thú, được lực vô thượng, có thể phán chán, có thể siêu

thoát, “cho nên gọi Bồ-tát ấy là Đại Thế Chí”. Đây chính là đem trí tuệ và quang minh hợp lại với nhau.

Trong kinh Tư Ích, Bồ-tát Đại Thế Chí tự mình nói: “Chỗ nào tôi đặt chân”, nơi nào đặt chân xuống “sẽ chấn động tam thiên đại thiên thế giới và cung điện của ma”, do đó có hiệu là Đại Thế Chí. Từ đây có thể thấy được, Bồ-tát niệm Phật thành tựu có uy lực lớn đến như vậy. Và lại trong kinh điển nói: Bồ-tát Đại Thế Chí ở thế giới Cực Lạc là vĩnh viễn không nhập Niết-bàn.

Quán Kinh còn nói: Khi Bồ-tát Đại Thế Chí đi đường thì mười phương thế giới toàn bộ bị chấn động. Lúc đất rung động thì có 500 ức hoa sen báu vụt hiện ra, hoa sen ấy giống hoa sen của thế giới Cực Lạc.

Phía trước tôi đã nhắc đến việc gạn hỏi bảy chỗ của tâm, xin giải thích như sau. Gạn hỏi bảy chỗ của tâm, trong hội Lăng-nghiêm Phật gạn hỏi ngài A-nan tâm nằm ở đâu, A-nan trước sau nêu ra bảy chỗ để trả lời đều bị Phật bác bỏ, gọi là gạn hỏi bảy chỗ của tâm. Phật lần lượt gạn hỏi mãi như vậy cho đến khi không còn chỗ chấp trước, mục đích là muốn phá trừ tâm duyên theo vọng tưởng của A-nan, khiến vọng tưởng của ông không còn chỗ nào để nương vào, nhằm chỉ ra rằng tâm ấy có ở khắp mọi nơi, vi diệu thanh tịnh, chẳng ở nơi nào mà nơi nào cũng có.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 67

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Thử nhị Bồ-tát u Ta-bà giới tu Bồ-tát hạnh, vãng sanh bỉ quốc, thường tại A-di-đà Phật tả hữu. Dục chí thập phương vô lượng Phật sở, tùy tâm tác đáo. Hiện cư thử giới, tác đại lợi lạc. Thế gian thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược hữu cấp nạn khủng bố, dẫn tự quy mạng Quán Thế Âm Bồ-tát, vô bất đắc giải thoát giả.**

*Hai vị Bồ-tát này, ở thế giới Ta-bà tu Bồ-tát hạnh, vãng sanh về nước ấy, thường ở hai bên trái phải A-di-đà Phật. Nếu muốn đến vô lượng cõi Phật mười phương thì tùy tâm liền đến. Hiện ở thế giới này làm lợi lạc lớn. Nếu người thiện nam, thiện nữ ở thế gian gặp tai nạn khẩn cấp sợ hãi, chỉ cần quy mạng với Bồ-tát Quán Thế Âm thì không ai mà không được thoát khỏi.*

Ý nghĩa của đoạn kinh văn này là, hai vị Bồ-tát này đều ở thế giới Ta-bà phát tâm Bồ-đề, tu Bồ-tát đạo, vãng sanh về thế giới Cực Lạc của Phật A-di-đà, hai ngài thường ở hai bên trái phải A-di-đà Phật. Hai vị Bồ-tát này có duyên nhất đối với thế giới này của chúng ta, các ngài là ở thế giới này niệm Phật mà vãng sanh. Thị hiện ở thế giới Ta-bà là mong muốn mọi người đều noi theo. Trong kinh nói hai vị Bồ-tát hiện ở thế giới này, nghĩa là nói hiện tại đang ở thế giới Ta-bà, việc này không hề có ngăn ngại. Tỉ như Bồ-tát Di-lặc ở Đâu-suất nội viện, nhưng đồng thời cũng ở thế giới Cực Lạc. Sự việc này không thể dùng mắt phàm của chúng ta mà cho rằng chỉ có thể ở một nơi, không thể ở nơi khác được. Ngài không rời bồn xứ nhưng lại hiện khắp mười phương, làm lợi lạc lớn. Làm lợi lạc lớn nào vậy? Chính là nhiếp thủ chẳng bỏ chúng sanh niệm Phật, nếu là chúng sanh niệm Phật thì ngài đều nhiếp thọ, trước giờ chưa từng lơ lửng bạn, khiến bạn lìa khỏi ba đường ác, khiến bạn niệm Phật đạt được lực vô thượng. Thoát luân hồi, cầu vãng sanh chẳng phải là duyên nhỏ, chẳng phải giống như luyện khí công đạt được một chút công năng nào đó, đó là chuyện nhỏ chẳng đáng nói, không thể so sánh với nhau được.

Nghĩ lại cơn sốt luyện khí công năm ấy, chẳng phải là cơn sốt thông thường mà là sự cuồng nhiệt, biết bao người luyện khí công đều tẩu hỏa nhập ma, nhà tan người mất. Một hàng xóm của tôi là một thanh niên ưu tú hết sức tài hoa, là bí thư chi bộ đoàn tại phân xưởng của nhà máy nọ, trong nhà có người vợ xinh đẹp hiền huệ, có con gái ngoan ngoãn hiểu chuyện, gia đình ba thành viên này đều khiến người khác hâm mộ, nhưng khí công đã phá tan gia đình ấy. Không biết anh ấy học loại công gì mà mỗi ngày đều nghĩ tự sát, cha mẹ, anh chị em, vợ anh thay phiên canh chừng anh mà vẫn không canh nổi. Một ngày nọ nhân lúc mọi người không chú ý anh đã treo cổ tự tử ngay trong nhà mình. Một thanh niên ưu tú mất mạng vì khí công. Chúng ta phải nhận thức rõ ràng thế nào là dụ hoặc, thế nào là lưới ma. Phật khiến chúng ta có được lực vô thượng chính là khiến mọi người đều đồng sanh về thế giới Cực Lạc.

Bồ-tát Quán Thế Âm được xưng là cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm Bồ-tát, cho nên ở đây lại nói: “Người thiện nam, thiện nữ của thế gian nếu bị tai nạn khẩn cấp sợ hãi, chỉ cần tự mình quy mạng với Quán Thế Âm Bồ-tát thì không ai mà không được thoát khỏi”. Hai vị Bồ-tát này đều nhiếp thọ người niệm Phật, nhưng Quán Thế Âm Bồ-tát có riêng lời nguyện này, nên người niệm Phật được nhiếp thọ vô cùng đông đảo. Bạn không niệm Phật, lúc gặp nạn khẩn cấp bèn ôm lấy chân Phật thì vẫn được, tâm lượng của Phật không giống như phàm phu, tụng chuyện bèn ôm chân Phật cũng là không tệ rồi.

Kinh Pháp Hoa nói: Chúng sanh khổ não nhất tâm xưng niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, Bồ-tát Quán Thế Âm nghe thấy tiếng của bạn thì bạn sẽ được cứu thoát. Kinh Lăng-nghiêm nói: Quán Thế Âm Bồ-tát tu hết thấy đều buông xuống, sau cùng chính là diệt, ngay cả diệt cũng diệt luôn, diệt diệt chính là tịch diệt. Sau khi tịch diệt bỗng nhiên được hai loại thù thắng: Trên cùng chư Phật mười phương đồng một lực từ bi, dưới cùng chúng sanh lục đạo đồng một lòng bi ngưỡng. Lúc bấy giờ tâm của chính mình cùng tâm của Phật, và tâm của chúng sanh chính là một tâm, ba tâm không khác biệt. Cho nên chúng sanh nếu có chuyện gì thì Quán Thế Âm đều biết được, tâm của Quán Thế Âm chính là tâm của Phật, sức mạnh của Phật lập tức liền xuất hiện, không cần trung gian truyền đạt.

Phẩm Phổ Môn nói: “Ngài Quán Thế Âm Bồ-tát Ma-ha-tát ấy trong tai nạn khẩn cấp sợ hãi có thể ban cho sự vô úy”. Có thể ban cho mọi người sự không sợ hãi, cho nên ở thế giới Ta-bà đều xưng Quán Thế Âm Bồ-tát là “bậc bố thí vô úy”.

Phẩm kinh văn này xin giảng đến đây. Tiếp theo quy nạp trọng điểm một chút. Trọng điểm của kinh văn phẩm thứ 28, phẩm kinh văn này có bảy trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: Quán Âm thành Phật trước Thích-ca Mâu-ni Phật, hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. Thích-ca Mâu-ni Phật là đệ tử của Quán Âm, hiện nay đức Quán Âm vẫn ở địa vị Bồ-tát, hầu cận trợ lực cho Thích-ca Mâu-ni Phật, đối với việc này bạn có cảm nghĩ gì? Có thể kết hợp tình hình xã hội với trải nghiệm của bản thân [mà chia sẻ].

Trọng điểm thứ hai: Quán Thế Âm tu theo pháp nào? Nhân duyên thành đạo của ngài là gì? Pháp mà Quán Âm học là pháp như huyễn, văn huân, văn tu kim cang tam-muội. Nhân duyên thành đạo của ngài là: từ văn tư tu nhập tam-ma-địa, xoay lại nghe tự tánh, đắc đạo Vô thượng.

Trọng điểm thứ ba: danh hiệu Đại Thế Chí có hàm nghĩa gì? Khiến lia khỏi ba đường ác, được lực vô thượng, chỗ đặt chân lên, chỗ bên dưới chân chấn động cả tam thiên đại thiên thế giới và cung điện của ma. Lúc ngài đi đường thì mười phương thế giới hết thấy đều chấn động. Lúc đang chấn động có 500 ức hoa sen báu vụt hiện ra. Đại Thế Chí Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc vĩnh viễn không nhập Niết-bàn.

Trọng điểm thứ tư: Quán Thế Âm Bồ-tát, Đại Thế Chí Bồ-tát có duyên gì với thế giới Ta-bà?

Trọng điểm thứ năm: hai vị Bồ-tát làm lợi lạc lớn, lợi lạc lớn này là gì? Nhiếp thủ chẳng xả bỏ chúng sanh niệm Phật, khiến lia ba đường ác, được lực vô thượng, đồng sanh Cực Lạc.

Trọng điểm thứ sáu: bạn có niệm Quán Âm Bồ-tát không? Niệm khi nào? Có cảm ứng không? Đừng cầu cảm ứng, cảm ứng do cầu được là giả.

Trọng điểm thứ bảy: thế giới Ta-bà vì sao xưng Quán Thế Âm Bồ-tát là bậc bố thí vô úy? Hai loại thù thắng của Quán Thế Âm sau khi tịch diệt là gì? Là Quán Thế Âm Bồ-tát Ma-ha-tát trong lúc [chúng sanh gặp] tai nạn khẩn cấp sợ hãi [ngài] có thể bố thí vô úy. Hai loại thù thắng là: Trên cùng chư Phật mười phương đồng một lực từ bi, dưới cùng chúng sanh lục đạo đồng một lòng bi ngưỡng.

Tiếp theo giảng kinh văn phẩm hai mươi chín:

## NGUYỆN LỰC HOÀNG THÂM ĐỆ NHỊ THẬP CỬU

Phẩm kinh văn này giới thiệu về nguyện lực của các Bồ-tát ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, nêu rõ tất cả Bồ-tát ở cõi ấy từ hạ hạ phẩm của cõi Phạm Thánh Đồng Cư cho đến thượng thượng phẩm của cõi Thật Báo Trang Nghiêm đều có nguyện lực rộng sâu. Các ngài tuy phẩm vị khác nhau nhưng nguyện lực không hề khác nhau, nhất định một đời được bổ xứ làm Phật. Các ngài tuy sanh về thế giới Cực Lạc nhưng không bỏ chúng hữu tình của đời ác, đây là chỗ vô cùng đáng để chúng ta học tập.

Mời xem kinh văn bên dưới:

**Phục thứ A-nan, bĩ Phật sát trung, sở hữu hiện tại, vị lai nhất thiết Bồ-tát, giai đương cứu cánh nhất sanh bổ xứ.**

*Lại nữa A-nan, tất cả Bồ-tát ở cõi Phật đó, hết thấy hoặc hiện tại hay vị lai [vãng sanh] đều sẽ rốt ráo được nhất sanh bổ xứ.*

Đoạn kinh văn này là Thế Tôn thọ ký thành Phật cho các Bồ-tát của thế giới Cực Lạc. Đoạn kinh văn này là sự thành tựu của nguyện thứ 35 - nguyện nhất sanh bổ xứ, và nguyện thứ 36 – nguyện giáo hóa tùy ý của A-di-đà Phật. Hai nguyện này đều thành hiện thực rồi, đây là Thích-ca Mâu-ni Phật nói với chúng ta.

Đoạn kinh văn này Thích-ca Mâu-ni Phật nói với ngài A-nan rằng: “Tất cả Bồ-tát hết thấy hoặc hiện tại hay vị lai [vãng sanh] đều sẽ rốt ráo được nhất sanh bổ xứ”. Ở đây có vài từ ngữ quan trọng: Hết thấy, tất cả, đều sẽ, rốt ráo. “Hết thấy, tất cả, đều sẽ”, ý nghĩa của ba từ này là như nhau, đều có nghĩa là toàn bộ bao gồm trong đó, không sót một thứ, đây là biểu thị phạm vi. Cụ thể là chỉ cho các Bồ-tát hiện tại đang ở thế giới Tây Phương Cực Lạc từ hạ hạ phẩm của cõi Phạm Thánh Đồng Cư cho đến thượng thượng phẩm của cõi Thật Báo Trang Nghiêm, một vị cũng chẳng sót, hoàn toàn triệt để chứng được địa vị nhất sanh bổ xứ.

Vị lai là chỉ cho ai? Vị lai chính là những chúng sanh vẫn chưa đi, hiện nay đang chân thật phát tâm cầu sanh Tịnh độ, chúng ta chính là thuộc về chúng sanh vị lai. Có thể thấy, tuy chúng ta hiện tại vẫn chưa đến thế giới Cực Lạc, nhưng chúng ta đã ghi danh, đăng ký rồi, bạn đã được Phật thọ ký rồi. Chỉ cần bạn thật tin, nguyện

tha thiết, niệm Phật cầu sanh Tịnh độ thì tất cả chư Phật Bồ-tát đều thừa nhận chúng ta là một thành viên của thế giới Cực Lạc. Chúng ta là một trong số các Bồ-tát vị lai của thế giới Cực Lạc.

“Đều sẽ rốt ráo được nhất sanh bồ xứ”, [được] nhất sanh bồ xứ còn thêm vào “rốt ráo” thì đặc biệt chứng tỏ đây là nhất sanh bồ xứ của Viên giáo, chẳng phải Biệt giáo, chẳng phải Thông giáo. Nếu là Biệt giáo, Thông giáo thì đằng trước không thể thêm vào “rốt ráo”, thêm vào “rốt ráo” thì nhất định là Viên giáo. Đây chính là thọ ký làm Phật, ở đây bao gồm chúng ta trong đó.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Duy trừ đại nguyện, nhập sanh tử giới, vị độ quần sanh, tác sư tử hống, hoàn đại giáp trụ, dĩ hoàng thệ công đức nhi tự trang nghiêm. Tuy sanh ngũ trước ác thế, thị hiện đồng bỉ, trực chí thành Phật, bất thọ ác thú. Sanh sanh chi xứ, thường thức túc mạng.**

*Chỉ trừ phát đại nguyện vào cõi sanh tử để độ quần sanh, làm sư tử hống, khoác áo mũ giáp lớn, dùng công đức thệ nguyện rộng lớn mà tự trang nghiêm. Tuy sanh trong đời ác năm trước, thị hiện đồng loại, mãi cho đến thành Phật, cũng chẳng thọ báo nơi đường ác. Sanh ở nơi nào, luôn biết được đời trước.*

Đoạn kinh văn này nói về sự tu hành của các Bồ-tát thế giới Tây Phương Cực Lạc, bao gồm hết thầy Bồ-tát ở hiện tại và vị lai, đương nhiên bao gồm chúng ta trong đó.

Đại ý của đoạn kinh văn này là: “Song có Bồ-tát phát đại nguyện thù thắng, nguyện vào cõi sanh tử giáo hóa hữu tình. Bồ-tát ở Cực Lạc đích thân nghe Di-đà thuyết pháp, liền đem những gì đã nghe được truyền dạy lại cho chúng sanh, vậy nên các pháp [mà họ] nói ra, giống như đích thân được Như Lai truyền lại, cho nên cũng như sư tử hống vậy”. “Song có Bồ-tát”, xác thật có người như vậy, chúng ta tin những Bồ-tát này số lượng rất nhiều. Tâm từ bi của các ngài rất lớn, không nhẫn tâm đối với chúng sanh khổ nạn trong lục đạo của mười phương thế giới, luôn luôn mong muốn sớm một ngày giúp họ ra khỏi sáu cõi, mười pháp giới, vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ. Trong số đồng tu chúng ta cũng có không ít người có đại nguyện như vậy, nguyện vào trong cõi sanh tử cứu độ chúng sanh. Kệ hồi hướng mà chúng ta thường dùng là: “Nguyện sanh Tây Phương Tịnh độ

trung, cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu, hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh, Bất Thoái Bồ-tát vi bạn lữ”. Sau này đại sư Hoàng Nhất và lão cư sĩ Hạ Liên Cư không hẹn mà cùng nhau đem câu “Bất Thoái Bồ-tát vi bạn lữ” đổi thành “Hồi nhập Ta-bà độ hàm thức”. Nghĩa là sau khi ngộ được pháp vô sanh bèn lập tức quay về thế giới Ta-bà độ chúng sanh. Trong đại nguyện của đức Di-đà có “nguyện giáo hóa tùy ý”.

*“Vi độ quần sanh, làm sư tử hống”*

Những Bồ-tát phát đại nguyện này, các ngài vào cõi sanh tử vì quần sanh mà làm sư tử hống. Bởi vì sư tử một khi gầm lên thì khiến tất cả muông thú đều kinh sợ. Tỉ dụ cho Phật thuyết pháp có thể hàng phục ngoại đạo, có thể lay tỉnh sự mê mờ. Sau khi đến thế giới Cực Lạc, lại quay về thế giới này của chúng ta thị hiện thành vị pháp sư nào đó, cư sĩ nào đó mà giảng pháp, thì cũng gọi họ là sư tử hống. Vì sao vậy? Họ đã vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, nhập vào vô sanh pháp nhẫn, điều mà họ biết đều là nghe từ nơi A-di-đà Phật, họ trở về thuật lại, do vậy cũng được gọi là sư tử hống.

*“Khoác áo mũ giáp lớn”*

Dùng từ “khoác” chuyên chỉ cho mặc áo giáp lên mình, đây là tỉ dụ cho dùng thệ nguyện rộng sâu của mình làm thành áo giáp, trở về thế giới Ta-bà. Thế giới Ta-bà là uế độ, ngũ trược ác thế, vô cùng đáng sợ, phải dùng thệ nguyện rộng sâu mà vũ trang cho chính mình. Tuy sanh trong đời ác năm trược, nhưng họ là đến thị hiện có sanh tử. Ví dụ đời Tấn có một người rất nghèo, anh ta hết lòng niệm Phật, niệm được vài ngày thật sự thấy được Phật, chẳng phải chết rồi thấy Phật mà là hiện đời thấy Phật, được vô sanh pháp nhẫn, sau đó anh đã vãng sanh. Trước thời nhà Thanh, người đó đã bảy lần đến thế gian này, nhưng ở đây không người nào biết anh ta, người đó thị hiện giống như chúng sanh nên mọi người không nhìn ra. “Thị hiện đồng loại”, “loại” chỉ cho thế giới Ta-bà này của chúng ta, mãi cho đến khi người đó thành Phật, anh ta cũng không thọ báo nơi đường ác, không vì tội báo mà vào đường ác. Và lại sanh đến nơi nào cũng luôn biết được đời trước, người ấy vẫn nhớ được sự việc trong đời quá khứ, biết chính mình là người của thế giới Cực Lạc tái lai.

Khái quát một chút những câu kinh văn này là:



“Vào cõi sanh tử”, cõi sanh tử chỉ cho lục đạo luân hồi, vào trong sáu cõi thì gọi là “nhập”. Mục đích của vào cõi sanh tử là để thuyết pháp, thị hiện, biểu diễn cho chúng sanh, đây là làm sư tử hồng.

“Khoác áo mũ giáp lớn” tỉ dụ cho nghiêm trì giới luật, làm gương, làm mô phạm cho chúng sanh. Giáo hóa chúng sanh chẳng những phải có ngôn hành, mà còn cần cả thân giáo.

“Dùng công đức thế nguyện rộng sâu mà tự trang nghiêm”, đây là hình dung sự thị hiện của Bồ-tát giống như trong phẩm Phổ Môn nói: Nên dùng thân Phật để độ bèn hiện thân Phật mà thuyết pháp; nên dùng thân Bồ-tát để độ bèn dùng thân Bồ-tát mà thuyết pháp; nên dùng thân ngạ quỷ để độ bèn hiện thân ngạ quỷ mà thuyết pháp; nên dùng thân súc sanh để độ bèn hiện thân súc sanh mà thuyết pháp. Bồ-tát là tùy loại hóa thân, không có thân tướng nhất định. Đây chính là dùng công đức thế nguyện rộng sâu mà tự trang nghiêm. Bồ-tát của thế giới Cực Lạc là dùng công đức thế nguyện rộng sâu để trang nghiêm chính mình.

“Tuy sanh vào đời ác năm trước, thị hiện đồng loại”. Đời ác năm trước chỉ cho sáu cõi, trước là nhiễm trước, hiện nay gọi là ô nhiễm. Ô nhiễm nghiêm trọng nhất không gì hơn ô nhiễm tâm lý. Hiện nay ô nhiễm của thế giới này đã đạt đến mức cùng cực rồi, sáu căn của chúng ta tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài không có thứ nào không ô nhiễm. Mắt của chúng ta không thanh tịnh, tai không thanh tịnh, ý không thanh tịnh. Phật pháp dạy chúng ta tu thanh tịnh, tu bình đẳng, tu giác, xa lìa tất cả nhiễm trước.

Bồ-tát của thế giới Cực Lạc niệm niệm đều là giác chánh tịnh, điều này nói rõ không thể không đến thế giới Cực Lạc, không thể không đi được. Bởi vì vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc rồi quay trở lại thì sẽ không mê nữa, không bị ô nhiễm nữa, cũng không còn tạo ác nghiệp nữa, có được năng lực này. Năng lực này có phải là do chính mình tu được hay không? Không hẳn vậy, mà được bốn nguyện công đức của Di-đà gia trì. Bất luận bạn vào trong đường nào, thị hiện đồng loại mãi cho đến tương lai thành Phật thì đều sẽ không mê hoặc, sẽ không khởi ác niệm, sẽ không bị ô nhiễm. Lợi ích công đức thù thắng như vậy, nếu không phải là ngu si, nếu không phải là cuồng vọng thì không thể không động tâm. Động tâm gì? Động tâm cầu sanh Tịnh độ. Lời này là do thầy Lý Bình Nam nói.

Nếu không thể sanh về thế giới Cực Lạc, cho dù có nguyện lực rất lớn, muốn đời đời kiếp kiếp ở trong lục đạo hoằng pháp lợi sanh, lời nói nghe rất hay, nhưng ở trong lục đạo vừa chớp mắt bèn mê hoặc điên đảo, gọi là “Bồ-tát đất sét qua sông chẳng lo nổi thân mình”, còn có thể hoằng pháp lợi sanh được sao? Chắc chắn không thể được. Duy chỉ có vãng sanh thế giới Cực Lạc rồi quay trở lại thì mới là câu chuyện chân thật được. Mãi cho đến khi thành Phật, không thọ đường ác. Không thọ đường ác ở đây là quả báo.

Đường ác tuyệt chẳng phải chỉ có ba đường ác, mà sáu đường đều là đường ác. Bồ-tát thoái chuyển xuống lục đạo thì chính là đường ác. Chẳng những lục đạo là đường ác, mà Thanh văn, Duyên giác đều là đường ác, Quyền giáo Bồ-tát cũng gọi là đường ác. Vì sao nói đó là đường ác? Họ thoái chuyển rồi, thoái chuyển chính là ác. Ở đây nói “không thọ đường ác”, đừng cho rằng họ không rơi vào lục đạo, mà cũng đều chẳng rơi vào Thanh văn, Duyên giác, Quyền giáo Bồ-tát.

Thế giới Tây Phương Cực Lạc cho dù vãng sanh hạ hạ phẩm cũng viên chứng tam bất thoái. Họ đến lục đạo thị hiện độ hóa chúng sanh, vẫn là viên chứng tam bất thoái, cho nên gọi là “thị hiện đồng loại”. Họ thị hiện thân người để giáo hóa chúng sanh, đó là nên dùng thân người để độ bèn hiện thân người mà thuyết pháp, họ là thị hiện. Bản thân họ là Bồ-tát Bất thoái thì sao đọa xuống cõi người được. Nên dùng thân Thanh văn để độ, họ liền hiện thân A-la-hán mà thuyết pháp, tuyệt chẳng phải rớt xuống làm A-la-hán. Họ vĩnh viễn không thoái chuyển, mãi cho đến thành Phật cũng đều không thoái chuyển, như vậy mới tương ứng với bốn mươi tám nguyện đã nói.

Chẳng những như vậy mà họ sanh đến nơi nào đều luôn biết được đời trước. Tuy là tùy loại hóa thân nhưng năng lực thiên nhãn, thiên nhĩ, túc mạng của họ ở thế giới Tây Phương Cực Lạc cũng không mất đi, họ cái gì cũng biết. Vì sao nhìn họ dường như không biết vậy? Họ giả bộ không biết, chẳng phải thật sự không biết. Đại sư Ấn Quang đến lúc về già mới có người biết ngài là Đại Thế Chí Bồ-tát tái lai, bạn xem ngài đóng giả làm người thế gian của chúng ta rất giống. Chúng ta hiện nay biết ngài giả bộ, ngài chẳng phải là thật sự không biết, ngài là giả bộ không biết, kỳ thực thứ gì ngài cũng biết. Từ trên hành tung mà xem cả đời đại sư Ấn Quang thì ngài là một người phạm thông thường, khi ngài còn trẻ đọc sách Khổng tử, hết sức tôn sùng Khổng lão phu tử, bài xích Phật pháp, hủy báng Phật pháp, tạo

tác tội nghiệp, mắt ngài gần như mất đi ánh sáng. Ngài thị hiện tạo tác ác nhân thì chắc chắn bị ác báo, đều là đống kịch, biểu diễn, chẳng phải thật, ngài giả vờ rất giống. Giả vờ không có thần thông, kỳ thực thần thông của ngài rất lớn. Nếu bạn từ thế giới Tây Phương Cực Lạc đến thì bạn cũng sẽ giả bộ rất giống, cũng không thua đại sư Ấn Quang, đây là trong bình phàm mà chẳng hề bình phàm.

Sự ra đi của ông nhà tôi Lưu Minh Hoa có thể nói là khiến tôi bị chấn động đến cực điểm, vì sao người bạn đời bị bệnh thần kinh năm mươi mấy năm của tôi không có chút điềm báo trước nào, nói ba ngày vãng sanh thì ba ngày vãng sanh, lại còn vãng sanh phẩm vị cao, đây là việc như thế nào vậy? Có người thắc mắc, nhiều năm như vậy cô đều nói chồng của cô bị bệnh thần kinh, chứng mất trí của người già, vì sao vừa vãng sanh thì cô lại nói ông ấy đến thế giới Cực Lạc làm Phật rồi? Tôi nói: Bạn hỏi tôi, tôi hỏi ai?

Sau khi ông nhà tôi ra đi, tôi nghiêm túc hồi tưởng lại từng chút một những hành vi việc làm của ông ấy trong 60 năm chúng tôi quen biết nhau, 53 năm chung sống với nhau giống như là trong phim vậy, từng cảnh từng cảnh một xuất hiện trước mắt tôi. Ông nhà tôi ra đời vào năm 1942 trong một gia đình nông dân ở tỉnh Cát Lâm. Ông ấy có hai người mẹ, mẹ cả và mẹ hai. Mẹ cả vì sinh ra 3 người con đều chết yểu nên mười năm sau vì để nối dõi tông đường, mẹ cả đã chủ động cưới mẹ hai về, sinh ra ba người con, đáng tiếc hai người con sau cũng mất sớm, chỉ còn lại người con trai cả là nòi giống duy nhất, trở thành viên minh châu trong tay của cả gia đình. Người khác học tiểu học 6 năm thì tốt nghiệp, ông nhà tôi học tiểu học 9 năm mới tốt nghiệp, có phải là ông ấy ngốc không? Không phải. Học xong lớp ba, mẹ ông sợ con trai mệt nên không cho lên lớp bốn, để ông ấy bắt đầu học lại từ lớp một, đó là nguyên nhân vì sao ông ấy lớn hơn tôi 3 tuổi mà hai chúng tôi lại là bạn học cùng lớp.

Năm 1958, lên học cấp hai, hai chúng tôi được xếp vào một lớp, ông ấy làm lớp trưởng, có năng lực tổ chức khá tốt, bởi vì ông ấy lớn hơn chúng tôi mấy tuổi nên trong mắt tôi ông ấy là thầy giáo thứ hai. Năm 1962, chúng tôi học cấp ba năm thứ nhất, ông ấy đột nhiên không đi học nữa, vào công xưởng làm công nhân. Thầy giáo chủ nhiệm ra lệnh cho cán bộ lớp đến nhà động viên nhưng không thành công. Lần đầu tiên ông ấy phát bệnh là năm 1965, lúc đó đang thi đấu bóng rổ tại sân bóng sáng đèn trong Trường tiểu học Triều Tiên. Hiệp đấu, đội của ông nhà tôi dành được

6 điểm, hiệp sau thua mất 6 điểm, lại thua tiếp 2 điểm, vậy là đã thua toàn trận thi đấu. Ông ấy đứt hơi ngay tại hiện trường, bất tỉnh nhân sự, đưa đến bệnh viện, bác sĩ day qua day lại vào nhân trung, hỏi ông ấy bị làm sao, ông ấy khóc òa lên nói: chơi bóng thua rồi, thua hai điểm. Từ đó trở đi, dần dần phát hiện ông ấy có chút không bình thường, ví dụ cửa sổ kính và gương trong nhà ông đều dùng giấy gói hàng dán lên, không được nhìn thấy người, cho dù ông ấy nhìn thấy chính mình trong gương thì ông cũng nói đó là tên gián điệp. Ngày chúng tôi kết hôn, ông ấy nhét người chủ trì xuống dưới gầm bàn không cho chui ra, nói người đó là gián điệp phá hoại hôn lễ, nhờ tôi đảm bảo thì người đó mới được thả ra.

Chuyện bức vẽ đầu tiên của ông: Ông nhà tôi chưa từng học qua hội họa, bức họa đầu tiên của ông ấy là dùng bút lông trực tiếp vẽ lên giấy dán tường của nhà tôi, vẽ một cách xuất thần. Mọi người nghĩ thử xem, trực tiếp vẽ lên giấy dán tường mà không hề có bất kỳ chỗ chỉnh sửa nào. Đó là bức tranh chữ đầu tiên của ông ấy vào năm 1996. Vào khoảng năm 1990, một buổi sáng sớm trước khi tôi sắp sửa đi làm, ông ấy đưa cho tôi một mẫu giấy nhỏ bảo tôi đọc một hàng chữ trên đó, tôi không nhận diện được chữ nào cả. Ông ấy nói với tôi, bảy chữ đó là: phải có phong cách của chính mình. Lần đó tôi mới bắt đầu nể ông ấy, từ hiệu sách nhỏ mới mở tại cửa sau của chính phủ tỉnh tôi mua về ba cuốn đại từ điển thư pháp dày cộm, đem về đối chiếu từng chữ một, kết quả hoàn toàn chuẩn xác, không sai một chữ. Từ đó về sau ông ấy mãi mê viết không ngừng, mà chỉ viết thuần một kiểu cuồng thảo, có giai đoạn ông viết khá đẹp. Ông chưa từng học thư pháp, cũng chưa từng luyện thư pháp, lẽ nào ông ấy không thầy mà tự thông?

Chuyện mẫu giấy nhỏ thần kỳ: Vào khoảng năm 1998, tôi và chủ nhiệm chủ quản đi Trịnh Châu, tham gia hội nghị công tác giám sát kiểm tra kỷ luật toàn quốc. Chúng tôi lên máy bay lúc 2 giờ chiều, buổi trưa ông xã đến phòng làm việc của tôi đưa cho tôi một mẫu giấy nhỏ, trên đó viết gì tôi quên rồi, nói với tôi, bà đi công tác hãy đem theo mẫu giấy này, đi công tác về thì trả lại cho tôi. Trong tâm tôi nghĩ: thần kinh có vấn đề rồi, bảo đem thì đem vậy. Tôi đi công tác trở về, đến nhà ông ấy mở cửa cho tôi, câu đầu tiên là nói: Lúc bà đi máy bay đã gặp sự cố. Tôi hết sức kinh ngạc, sao ông biết vậy? Ông ấy nói: Tôi bảo bà mang theo mẫu giấy nhỏ đó chính là để bà bình an trở về, chỉ có bình an trở về mới có thể trả lại tôi mẫu giấy đó, lần này nếu không có mẫu giấy nhỏ này thì bà không trở về được đâu.

Chuyện bữa sáng chín xu tiền: Khoảng thập niên 70, ông ấy đi công tác ở Tây An thời gian dài để xúc tiến hàng hóa, thời đó đi công tác mỗi ngày được bồi dưỡng bảy hào tiền, lương tháng của ông ấy là 41 đồng 5 hào. Mỗi lần đi công tác trở về ông đều mua vài món quà nhỏ cho cha mẹ và vợ con, tiền từ đâu mà có? Trích ra từ tiền ăn, mỗi buổi sáng, một cái mìn thầu là năm xu tiền, một chén cháo là hai xu tiền, một đĩa cải muối là hai xu tiền. Người trẻ hiện nay các bạn nghe rồi chắc sẽ cảm thấy là chuyện ngàn lẻ một đêm, nhưng đây là người thật việc thật. Đi công tác trở về, mua ít quà mọn thì chẳng có gì làm lạ, nhưng ông ấy đã biểu đạt tấm lòng hiếu thảo của một người con đối với cha mẹ, biểu đạt mối thâm tình của một người chồng dành cho vợ, biểu đạt tình thương nồng nàn của người cha dành cho con cái. Xã hội khi đó, người con như vậy, người chồng như vậy, người cha như vậy cũng chẳng phải thường thấy.

Ông ấy lương thiện, tâm từ bi lớn, vui vẻ giúp người, chỉ cần ông ấy có thể làm được thì ai có khó khăn ông ấy đều giúp đỡ. Tôi giúp đỡ người khác, ông ấy không bao giờ ngăn cản. Tôi giúp cho năm đứa trẻ nhà nghèo ở Hồ Nam đi học, ông xã trách tôi vì sao năm năm rồi không nói cho ông ấy biết, bà không nên gánh vác một mình. Chín năm sau đó đều là ông xã và tôi cùng nhau đi gửi tiền học phí cho bọn trẻ, lúc tiền không đủ xài ông ấy cũng cho thêm một ít.

Chuyện chiếc áo sơ-mi nhỏ khó quên: Năm 1970, ông xã đi công tác trở về mua cho tôi một chiếc áo sơ-mi nhỏ voan trắng của Thái, tôi vừa nhìn thì rất thích, tôi hỏi ông ấy, cái áo này bao nhiêu tiền? Ông ấy nói 98 đồng, tôi nghe xong hết hồn, trời đất, sao ông dám xài tiền như vậy. Ông ấy nói, đắt thì có đắt một chút, nhưng cái áo này tôi vừa nhìn thì ưng ý ngay, biết bà nhất định cũng sẽ thích nên tôi quyết định mua nó. Tôi hỏi ông ấy, ông lấy đâu ra tiền? Ông ấy nói, dùng tiền trợ cấp để dành. Lần đó ông ấy ra ngoài ở 4 tháng, tiền trợ cấp là 84 đồng, không đủ, ông ấy lại mượn đồng nghiệp một ít. Câu nói sau đó của ông khiến tôi vừa bất ngờ, vừa cảm động, ông ấy nói: bà gả cho tôi cũng là rất thiệt thòi cho bà rồi, áp lực trong nhà lớn như vậy bà đều cắn răng chịu đựng, lại sinh cho tôi một đứa gái, đứa trai, cha mẹ nói bà là công thần của gia đình mình, bảo tôi phải đối xử tốt với bà. Ông ấy còn nói: đồng nghiệp của tôi nói với tôi rằng, anh thật là có phước, lấy được người vợ xinh đẹp như vậy, mặc dù ăn bận trang điểm có hơi quê mùa một chút nhưng anh hãy cố gắng làm đẹp cho cô ấy. Tôi nói với ông ấy: ông nghe người ta nói điều này điều nọ làm gì, sống theo cách của mình là được rồi. Chiếc áo sơ-mi nhỏ bằng voan

của Thái này tôi vẫn luôn trân trọng cất giữ, nó sẽ trở thành kỷ niệm mãi mãi, nó là minh chứng cho tình cảm chân thành hơn 50 năm của chúng tôi.

Chuyện chiếc khăn tay [thêu] hoa bị cắt [một] lỗ. Trước khi kết hôn, ông ấy tặng cho tôi một chiếc khăn tay nhỏ màu trắng thêu hoa, rất trang nhã, nhưng không biết vì sao, trên khăn tay bị cắt một cái lỗ hình tam giác, tôi hỏi ông ấy vì sao vậy? Ông ấy nói: sau này sẽ nói cho bà biết. Sau khi kết hôn tôi lại hỏi ông ấy, ông ấy vẫn nói rằng sau này nói cho bà biết, nhưng mãi cho đến khi ông ấy ra đi, ông ấy cũng chưa nói với tôi. Cho đến hôm nay nó vẫn còn là một câu đố, thòi đợi tôi vãng sanh thế giới Cực Lạc lại hỏi ông ấy vậy. Bạn xem tôi rất là chấp trước, vẫn còn muốn đuối đến thế giới Cực Lạc để hỏi người ta, có buồn cười hay không? Con người chính là như thế, vì sao đã tu mấy mươi năm rồi mà ngay cả quả vị A-la-hán cũng chưa chứng được, chẳng phải vì chấp trước đó sao. Rõ ràng biết rằng buông xuống chấp trước thì chứng A-la-hán nhưng vẫn không buông xuống được, bạn nói làm sao đây?

“Chỗ của cô ở đây rất tốt, cô xây nhà đi, tôi đến ở”, câu này là ông nhà tôi vào năm 2011, lần đầu tiên đến đạo tràng đã nói với Bồ-đề Tâm. Lúc đó tôi không biết, tôi nghe nói về việc này là nửa sau năm 2017, Bồ-đề Tâm thu xếp muốn xây Tứ Hợp Viện. Tôi hỏi cô ấy vì sao nghĩ ra việc muốn xây Tứ Hợp Viện? Bồ-đề Tâm nói ra ba lý do: Thứ nhất, tòa lầu nhỏ nơi chúng tôi ở khi đó không có thiết bị sưởi ấm, ở đó mùa đông bị lạnh. Thứ hai, cô ấy chuẩn bị đưa cha mẹ và cha mẹ chồng đến đạo tràng, còn thêm tôi và ông nhà tôi, còn có cư sĩ Diêu. Bảy người già đều bảy tám mươi tuổi rồi, lên xuống lầu không tiện, không an toàn, xây một ngôi nhà giống Tứ Hợp Viện của Bắc Kinh thì tiện cho người lớn tuổi ra vào. Thứ ba, ông lão, chính là ông nhà tôi, năm 2011 nói với Bồ-đề Tâm: “Chỗ của cô ở đây rất tốt, cô xây nhà đi, tôi đến ở”. Bồ-đề Tâm nói: lúc đó con nghe rồi nhưng chẳng để tâm, hai ngày nay đột nhiên nghĩ đến việc này, không được rồi, con phải xây nhà cho ông thôi. Tôi nói: cô đừng nghe ông ấy nói linh tinh, xây nhà làm gì? Cô Bồ-đề Tâm này nói làm là làm, không bao lâu sau thì động thổ bắt đầu xây dựng.

Tay chỉ vào đại điện lầu hai: “tôi ở đây”. Khoảng nửa tháng trước khi ông ấy vãng sanh, cũng chính là thời gian từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 6 tháng 5 năm 2019, những ngày đó tôi và Bồ-đề Tâm không ở đạo tràng, đi thành phố Ngũ Đại Liên Trì và Cáp Nhĩ Tân. Lúc đó Tiểu viện Lục Hòa vẫn chưa hoàn công, tứ đệ - cư

sĩ Đông và con gái Xung Xung của tôi dùng xe lăn đưa ông nhà tôi đến tiểu viện Lục Hòa xem. Tứ đệ hỏi: anh à, anh ở phòng nào vậy? Ông lão dùng ngón tay chỉ vào đại điện ở lầu hai. Tứ đệ nói với ông ấy, đó là đại điện, dùng để cúng Phật, là Phật ở đó, anh nhìn lại lần nữa đi, xem anh ở phòng nào? Lần thứ hai ông lão lại dùng ngón tay chỉ vào đại điện lầu hai. Đúng nửa tháng thì ông nhà tôi vãng sanh, ông ấy thật sự đi đến nơi mà ông đã dùng ngón tay chỉ.

“Đời này đến giúp bà, giả danh là vợ chồng”. Ngày 19 tháng 5 tôi biết ông nhà tôi nội trong ba ngày nữa sẽ vãng sanh, ông xã đã dùng phương tiện thiện xảo nói với tôi: đời này đến giúp bà, giả danh là vợ chồng. Tôi còn lý luận với ông ấy: ông xã à, vì sao vậy chứ, cùng ông chung chẵn chung gối 53 năm mà là vợ chồng giả ư, ông giải thích cho tôi coi. Ông ấy không nói, mà nháy mắt trêu tôi, tựa như đang nói: nhìn bà sao ngọc thể, cái gì cũng không biết. Ngày 21 tháng 5, ông nhà tôi biết trước ngày giờ, đã tự tại vãng sanh, để lại cho tôi một không gian trống vắng vô hạn. Hôm nay thời gian tôi viết bản thảo là ngày 31 tháng 1 năm 2021, ông nhà tôi đã vãng sanh được 622 ngày rồi.

Hôm nay, bởi vì giảng đến sự thị hiện của Bồ-tát ở Tây Phương trong mười phương thế giới nên đã khiến tôi kể ra những câu chuyện chân thật về ông nhà tôi nhiều như vậy, có phải là lại đang nói về chuyện nhà cửa hay không, tôi không biết nữa, thôi thì tùy theo cái nhìn của người nhân kể trí vậy.

Tiết học hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 68

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Vô lượng Thọ Phật ý dục độ thoát, thập phương thế giới, chư chúng sanh loại, giai sử vãng sanh kỳ quốc, tất linh đắc Nê-hoàn đạo. Tác Bồ-tát giả, linh tất tác Phật, ký tác Phật dĩ chuyển tương giáo thọ, chuyển tương độ thoát. Như thị triển chuyển, bất khả phục kế. Thập phương thế giới, Thanh văn, Bồ-tát, chư chúng sanh loại, sanh bỉ Phật quốc, đắc Nê-hoàn đạo, đương tác Phật giả, bất khả thăng số.**

*Ý của Phật Vô Lượng Thọ muốn độ thoát tất cả các loại chúng sanh trong mười phương thế giới, đều được vãng sanh về nước ấy, đều khiến cho đắc đạo Nê-hoàn. Đã là Bồ-tát thì khiến được thành Phật, đã làm Phật rồi thì luân phiên nhau truyền pháp dạy học, luân phiên nhau độ thoát. Chuyển tiếp như vậy chẳng thể tính kể. Thanh văn, Bồ-tát, các loài chúng sanh trong mười phương thế giới sanh về cõi Phật đó đều đắc đạo Nê-hoàn, người chứng quả thành Phật số không kể xiết.*

Đại nguyện của đức Di-đà là muốn phổ độ tất cả các loại chúng sanh trong mười phương đều vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, đều khiến cho đắc đạo Nê-hoàn, hoàn toàn khiến họ đạt được quả Niết-bàn Vô thượng. Những vị đã làm Bồ-tát thì đều khiến cho họ thành Phật, sau khi thành Phật rồi thì luân phiên truyền pháp dạy học, độ thoát, vô cùng vô tận. Những loài vãng sanh được độ thoát có đếm cũng chẳng đếm xuể.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Bỉ Phật quốc trung, thường như nhất pháp, bất vi tăng đa. Sở dĩ giả hà? Do như đại hải, vi thủy trung vương, chư thủy lưu hành, đô nhập hải trung. Thị đại hải thủy, ninh vi tăng giảm? Bát phương thượng hạ, Phật quốc vô số, A-di-đà quốc, trường cửu quảng đại, minh, hảo, khoái lạc, tối vi độc thắng. Bản kỳ vi Bồ-tát thời, cầu đạo sở nguyện, lũy đức sở trí. Vô Lượng Thọ Phật, ân đức bố thí, bát phương thượng hạ, vô cùng vô cực, thâm đại vô lượng, bất khả thăng ngôn.**



*Trong nước Phật ấy, thường như nhất pháp, không có tăng thêm, vì sao vậy? Ví như biển cả là vua của nước, các dòng nước đều chảy vào biển cả, nước trong biển ấy cũng không tăng giảm. Trong vô số cõi Phật mười phương, thì cõi nước của A-di-đà Phật là rộng lớn dài lâu, sáng đẹp an lạc, thù thắng độc nhất. Điều ấy vốn do sở nguyện cầu đạo, tích công lũy đức khi còn làm Bồ-tát mà được. Ân đức bố thí của Phật Vô Lượng Thọ đối với khắp mười phương là vô cùng vô cực, lớn sâu vô lượng, không thể nói hết được.*

Ý nghĩa của đoạn kinh văn này là [chúng sanh] trong mười phương thế giới nhiều như vậy mà ngài đều lần lượt độ thoát, đều được vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Thế nhưng, trong nước Phật ấy thường như nhất pháp, không có tăng thêm. Chỗ này không dễ hiểu, xin nêu tí dụ, tất cả dòng sông đều chảy vào biển cả, biển cả không hề phình to lên, biển cả không tăng không giảm. Giống như rất nhiều người như vậy trong vô số cõi Phật mười phương vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, nhưng thế giới Cực Lạc không hề biến đổi. Cõi nước của A-di-đà Phật rộng lớn dài lâu, sáng đẹp an lạc, thù thắng độc nhất. Rộng là rộng rãi, sáng là ánh sáng thanh tịnh, đẹp là tướng hảo trang nghiêm, vượt hơn tất cả nước Phật mười phương. Đây là do sự phát nguyện cầu đạo, tích công lũy đức khi ngài còn là Bồ-tát mà thành. Bởi vì khi tỳ-kheo Pháp Tạng hành Bồ-tát đạo đã phát nguyện như vậy, lại không ngừng tích công lũy đức. A-di-đà Phật bố thí lợi ích chân thật rộng khắp, chẳng những đối với địa cầu này của chúng ta, mà bố thí khắp cho tất cả chúng sanh trong vô số vô hạn thế giới mười phương. Ân đức của đức Di-đà rộng lớn sâu xa, dùng lời khó mà nêu rõ được.

Bên trên có nói trong nước Phật đó thường như nhất pháp, không có tăng thêm, có thể nêu lên một ví dụ cho dễ hiểu. Trong toán học của chúng ta có con số 8, viết thành hàng ngang “∞” thì gọi là lớn vô hạn. Số nào cộng với lớn vô hạn thì vẫn là lớn vô hạn, lớn vô hạn trừ đi bao nhiêu vẫn là lớn vô hạn, lớn vô hạn bị thứ gì trừ đi thì vẫn là lớn vô hạn, lớn vô hạn không bị giảm bớt, nếu có con số nhất định thì mới bị giảm bớt. Có thể dùng lớn vô hạn để tí dụ cho “thường như nhất pháp”, cho nên đừng có cách nghĩ cứng nhắc, hạn hẹp.

Phật nói “nhất pháp”. Nhất pháp này là gì? Nhất pháp này là thân pháp tánh, cõi nước pháp tánh, đó là pháp tánh. Nghĩa lý này quá sâu, chúng sanh khó mà hiểu rõ. Thế giới Cực Lạc ở đâu? Thế giới Cực Lạc nơi nào cũng có, lúc nào cũng có, nó

có biên giới hay không? Không có. Cho nên nó là nhất pháp. Nếu bạn có duyên thì bạn nhìn thấy được, bạn không có duyên thì không tìm được. Cho nên vãng sanh thì nhất định phải là A-di-đà Phật đến tiếp dẫn, A-di-đà Phật không đến tiếp dẫn thì bạn sẽ không biết thế giới Cực Lạc ở nơi đâu. Điều này giống như chúng ta xem kênh truyền hình vậy, thế giới Cực Lạc ở đâu? Ở ngay trong kênh truyền hình, do bạn không nhấn đúng nút, nhấn đúng nút thì thế giới Cực Lạc sẽ xuất hiện. Kênh này rất đặc biệt, đặc biệt ở chỗ nào? Kênh truyền hình của chúng ta cần phải nhấn nút thì nó mới xuất hiện, không nhấn thì không xuất hiện. Tín nguyện trì danh chính là nút nhấn của kênh thế giới Cực Lạc, chúng ta chỉ cần đầy đủ tín nguyện trì danh thì bạn sẽ thấy được A-di-đà Phật, A-di-đà Phật sẽ đem thế giới Cực Lạc bày ra cho bạn thấy. Bạn tin tưởng thật sự có. Vì sao vậy? Thế giới Cực Lạc tồn tại vĩnh cửu, không sanh không diệt, đích thực là vô lượng thọ, chẳng phải là hữu lượng, mà là vô lượng của vô lượng. Vô lượng thọ mà mười phương thế giới nói là hữu lượng. Ví dụ này hay, cho nên Phật dùng biển cả để tỉ dụ, nhằm nêu rõ nghĩa ấy. Ví thế giới Cực Lạc với biển cả, đem các dòng sông trong mười phương thế giới chảy vào trong nước của biển lớn, những dòng nước này chảy vào biển, biển cả cũng không tăng thêm, không hề nhìn thấy nước dâng lên. Dùng điều này để tỉ dụ cho chúng sanh của mười phương thế giới vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, nhưng cũng không nhìn thấy số người ở nơi đó tăng lên.

“Lại bậc Đại sĩ của cõi ấy, quay về uế độ, cứu độ quần sanh, con số ấy cũng vô lượng”. Người của thế giới Cực Lạc ra ngoài độ chúng sanh mà cũng không hề nhìn thấy số người của nơi ấy giảm bớt. Chúng sanh mười phương thế giới đến vãng sanh, nhưng không hề nhìn thấy số người tăng lên. Dân số của nước này rất kỳ lạ, không tăng không giảm, thế giới này thật chẳng có cách gì để hình dung, quá là vi diệu. Chúng ta dùng lời trong kinh để nói: “hoặc ẩn hoặc hiện”. Ẩn là không nhìn thấy, hiện là nó lại hiện trước mắt rồi, có duyên thì nó hiện, không có duyên thì nó không hiện ra, ẩn hiện tự tại. Ẩn chẳng phải là không có, hiện cũng chẳng phải là thật có, không được cho là thật, cho là thật thì sai rồi.

Không cho là thật thì mới có thể thấy được chân tướng, cho là thật thì không thấy được. Vì sao vậy? Bạn đã khởi tâm động niệm rồi, khởi tâm động niệm là vọng tâm, không khởi tâm không động niệm là chân tâm. Chân tâm và vọng tâm là một tâm, một cái là giác, một cái là mê; giác thì gọi là chân, mê thì gọi là vọng, mê ngộ không hai, việc này thật chẳng thể nghĩ bàn. Cho nên nói, duy chỉ có nhất chân mới

không có đối lập. Có hai thứ bèn đối lập rồi, có âm có dương thì đối lập, có thiện có ác bèn đối lập, có phàm có thánh đều là đối lập, đối lập là giả, chẳng phải thật. Chúng ta từ trong những tỉ dụ, trong lời thuyết pháp của Phật mà lĩnh hội, mà khai ngộ, cho nên gọi là “ngộ nhập”. Có thể ngộ nhập hay không là do chính mình, chẳng do Phật. Phật chỉ là đến đối cơ thuyết pháp, đến dẫn dắt bạn, bản thân bạn phải thông minh, thuận theo sự chỉ dẫn của ngài mà khế nhập chân thật, hốt nhiên đại ngộ.

Vì sao có người có thể ngộ, có người không thể ngộ? Người có thể ngộ là có duyên, người không thể ngộ là không có duyên. Duyên là gì? Duyên là cơ duyên, tuy nhiên có thể bồi dưỡng cơ duyên này. Làm thế nào bồi dưỡng? Lìa tất cả tướng chính là tất cả pháp. Làm thế nào lìa tướng? Ngay nơi tướng mà lìa tướng. Giống như chúng ta đang xem truyền hình, xem truyền hình thì làm sao lìa tướng? Biết được tướng ấy là giả, tướng ấy từ đâu mà có? Từ trên màn hình ti-vi hiện ra, nếu không có màn hình thì tướng cũng chẳng có. Màn hình là thật, bên trong không có tướng, không sanh không diệt; tướng là giả, sanh diệt trong từng sát-na. Sanh diệt và không sanh diệt là một thể, chẳng phải hai thể. Cho nên bạn nhất định phải biết, hình ảnh chính là màn hình, màn hình chính là hình ảnh, không chấp trước vào hai bên thì chính là người sáng tỏ, giác ngộ. Chấp trước một bên là sai rồi, chấp trước hai bên cũng sai luôn. Một bên cũng không chấp trước, không chấp trước có, cũng không chấp trước không, hai bên có không đều không chấp trước, như vậy mới có cơ hội khế nhập. Cho nên phải giữ được tâm thanh tịnh, bình đẳng.

Trong nhà Phật, pháp cao nhất, thù thắng nhất chính là Thiền. Thiền là gì? Những điều phía trên nói chính là thiền. Thiền chính là nhất tâm, thiền chính là nhất niệm. Một niệm cũng không có thì khai ngộ rồi, vẫn còn một niệm thì vẫn không thể khai ngộ. Một niệm này cũng phải buông xuống thì đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Cho nên, Thiền tông chẳng lập văn tự mà vẫn có thể khiến người kinh sợ. Thiền có thật có giả, bạn phải biết điều này. Không giống như Giáo, Giáo không thể làm giả, không cách gì làm giả được vì có kinh sách, có bằng cứ, chứng cứ. Thiền thì không có, cái gì cũng không có, tùy theo cách nói của bạn thôi. Thế nhưng nhất định phải có người thuộc căn tánh đó, nếu không có căn tánh đó thì bạn nói cũng chẳng ích gì, họ hoàn toàn nghe không hiểu.

Trong Đàn Kinh chúng ta nhìn thấy thiền cơ mà Ngũ tổ nói, ngài Huệ Năng hiểu được, ngay cả Thần Tú cũng không hiểu. Thần Tú ở cùng Ngũ tổ mấy mươi

năm, thời gian rất dài, Thần Tú thông về Giáo, chưa khế nhập Thiên, thế nên Ngũ tổ đem y bát truyền cho Huệ Năng, mọi người vô cùng kinh ngạc! Vì sao Ngũ tổ truyền cho Huệ Năng, phải chăng già rồi nên hồ đồ? Chỉ có ai trong tâm hiểu rõ vậy? Chỉ có Thần Tú trong tâm hiểu rõ. Thần Tú thật sự thừa nhận đại sư Huệ Năng cao minh hơn mình, mình không sánh bằng ngài, đối với đại sư Huệ Năng rất cung kính tán thán, đây là bậc đại đức một đời, không có tâm ngạo mạn. Bấy giờ Võ Tắc Thiên làm hoàng đế, Thần Tú tán thán Huệ Năng, khuyên Võ Tắc Thiên lễ thỉnh đại sư Huệ Năng đến kinh sư, chính là đến thủ đô gặp mặt Võ Tắc Thiên. Võ Tắc Thiên ra chiếu thư, nhưng Lục tổ không xuống núi. Hãy xem cổ thánh tiên hiền của chúng ta, đức hạnh của các ngài, đạo phong của các ngài thật sự xứng với bốn chữ “cổ thánh tiên hiền” này, các ngài là bậc cổ thánh thật sự, các ngài là tiên hiền đích thực, vĩnh viễn là tấm gương để chúng ta học tập.

Tiếp theo xin tổng kết một chút trọng điểm của phẩm kinh văn này.

Trọng điểm của kinh văn phẩm thứ 29, phẩm kinh văn này có sáu trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: bạn lý giải bốn chữ “nguyện lực hoàng tâm” như thế nào? Nguyện lực của các Bồ-tát ở thế giới Tây Phương Cực Lạc là gì? Hiện nay bạn là người học Phật, nguyện lực của bạn là gì? Làm thế nào thực hiện nguyện lực này?

Trọng điểm thứ hai: các Bồ-tát ở thế giới Tây Phương Cực Lạc vì sao lại muốn đi vào cõi sanh tử? Vì độ quần sanh, làm sư tử hồng.

Trọng điểm thứ ba: một người niệm Phật sau khi vãng sanh, từ thời nhà Tấn đến thời nhà Thanh, bảy lần đến thế gian này thị hiện giống như chúng sanh, bạn nhận thức vấn đề này như thế nào?

Trọng điểm thứ tư: đại nguyện của Di-đà là gì? Đại nguyện của Di-đà là muốn phổ độ hết thảy các loại chúng sanh mười phương đều vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, đều khiến đắc đạo Nê-hoàn, hoàn toàn khiến họ đạt được quả Niết-bàn. Người đã làm Bồ-tát thì khiến họ thành Phật, sau khi thành Phật thì luân phiên nhau truyền pháp dạy học, độ thoát vô cùng vô cực. Các loại chúng sanh được độ có đếm cũng không đếm xuể. Phổ nguyện “tất cả đều thành Phật”.

Trọng điểm thứ năm: “trong nước Phật ấy thường như nhất pháp, không có tăng thêm”. Những câu này về lý rất sâu, không dễ hiểu, bạn nghe hiểu được bao

nhiều? Thử nói một chút về “thường như nhất pháp” và “không có tăng thêm” xem sao.

Trọng điểm thứ sáu: từ ngài Thân Tú bạn đã học được những gì? Từ đại sư Huệ Năng, bạn đã học được điều gì?

Tiếp theo, chúng tôi tiếp tục giảng kinh văn phẩm thứ 30:

### **BỒ-TÁT TU TRÌ ĐỆ TAM THẬP**

Phẩm kinh văn này là Phật Thích-ca giới thiệu cho chúng ta đức hạnh và việc tu trì trong đời sống thường ngày của các Bồ-tát ở thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Mời xem kinh văn bên dưới:

**Phục thứ A-nan, bỉ Phật sát trung nhất thiết Bồ-tát, thiên định, trí tuệ, thần thông, uy đức, vô bất viên mãn, chư Phật mật tạng, cứu cánh minh liễu. Điều phục chư căn, thân tâm nhu nhuyễn, thâm nhập chánh tuệ, vô phục dư tập. Y Phật sở hành, thất giác thánh đạo, tu hành ngũ nhãn, chiếu chân, đạt tục. Nhục nhãn giản trạch, thiên nhãn thông đạt, pháp nhãn thanh tịnh, tuệ nhãn kiến chân, Phật nhãn cụ túc, giác liễu pháp tánh.**

*Lại nữa A-nan, thiên định, trí tuệ, thần thông, uy đức của tất cả Bồ-tát trong cõi Phật đó, thấy đều viên mãn, đều rõ ráo sáng tỏ mật tạng của chư Phật, điều phục các căn, thân tâm nhu nhuyễn, thâm nhập chánh tuệ, không còn sót lại tập khí. Y theo những điều Phật đã hành là thất giác, thánh đạo mà tu hành ngũ nhãn, rõ biết chân đế, thông đạt tục đế. Nhục nhãn thì chọn lựa; thiên nhãn thì thông suốt; pháp nhãn thì thanh tịnh; tuệ nhãn biết rõ lý chân không, Phật nhãn đầy đủ công năng, hiểu rõ pháp tánh.*

Đoạn kinh văn này khá dài, chúng tôi chia thành những đoạn nhỏ để giải thích.

Đoạn nhỏ thứ nhất: *Lại nữa A-nan, thiên định, trí tuệ, thần thông, uy đức của tất cả Bồ-tát trong cõi Phật đó, thấy đều viên mãn.*

Đoạn kinh văn nhỏ này bao hàm vô lượng vô biên cảnh giới. “Trong cõi Phật đó” là chỉ cho thế giới Tây Phương Cực Lạc, đây là cõi nước Phật giáo hóa chúng sanh của A-di-đà Phật. “Tất cả Bồ-tát” chỉ cho mỗi một người trong mười phương

thế giới vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, bất luận ở thế giới phương khác là thân phận nào, hoặc là Bồ-tát vãng sanh, hoặc là Thanh văn vãng sanh, cho đến từ ác đạo vãng sanh, chỉ cần sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì đều là Bồ-tát, chẳng những là Bồ-tát mà là A-đuy-việt-trí Bồ-tát.

Đại ý của đoạn kinh văn nhỏ này là: Phật lại bảo A-nan, nói tất cả Bồ-tát trong cõi Phật ở thế giới Cực Lạc, thiên định, trí tuệ của họ. Thiên định là độ thứ năm trong Lục độ, trí tuệ cũng chính là bát-nhã, là độ thứ sáu trong Lục độ. Thiên định và trí tuệ có quan hệ rất lớn. Hội Sớ nói: Có định không tuệ thì thành Thanh văn La-hán của Nhị thừa, chìm vào không, vương vào tịch, dừng lại ở trong không và tịch, không có trí tuệ, không thể khởi quán chiếu. Có tuệ mà không định thì khác nào tư tưởng tà vạy của ngoại đạo. Còn có một loại tỉ dụ khác: quan hệ giữa định và tuệ giống như ánh sáng và chụp đèn trong đèn lồng. Đèn dầu thời xưa có chụp đèn, nếu không có chụp đèn thì gió thổi sẽ bị tắt, cho nên có tuệ mà không định thì giống như đèn mà không có chụp đèn, có định mà không tuệ thì giống như đèn chưa được thắp lên, không phát sáng. Cho nên định và tuệ đều quan trọng.

Lục thông đều là thần thông, người chứng quả tự nhiên sẽ đạt được. Thần thông là thứ do chúng ta thông qua tu trì, tinh tấn đương nhiên sẽ đạt được. Tuy nhiên nếu đặt nặng vào thần thông, chuyên cầu thần thông thì luôn dễ xảy ra sai lầm. Thần thông là sự việc bên lề sau cùng của đạo thánh, chỉ cần đạt được gốc, lo gì chuyện ngọn ngành. Thiên định, trí tuệ là căn bản của căn bản, trí tuệ này chẳng phải là loại trí tuệ dùng để viết văn chương, mà là biết tâm đạt gốc, hiểu rõ tự tâm vốn có, nếu đạt được gốc rồi thì không còn lo ngọn nữa. Giống như đứa bé trai chưa mọc râu, bạn đâu cần lo nó không có râu, lớn rồi thì tự nhiên sẽ mọc ra thôi, chưa từng nghe nói chỉ số thông minh quá thấp thì không mọc râu, đối với thần thông nên có cách nhìn như vậy.

Lão Bồ-tát Lưu Tổ Thanh có thần thông, trước khi chị vãng sanh thì tôi không biết, chị ấy trước đến giờ chưa từng thể hiện ra trước mặt tôi. Chị ấy là người ăn nói vụng về, có khi nói lời không hiểu nổi chứ đừng nói đến giảng Phật pháp. Thế nhưng điều khiến tôi kinh ngạc là trong năm ngày đếm ngược đến lúc chị ấy vãng sanh, chị ấy đã giảng Phật pháp năm ngày năm đêm thao thao bất tuyệt, không mệt không chán. Tôi hỏi chị: chị ơi, những lời này của chị học được từ đâu vậy? Chị nói: chẳng phải do học được, đến lúc chị nên nói thì tự nhiên sẽ biết nói, em muốn không nói

cũng không được, tự nhiên nó cứ tuôn ra, em cho rằng chỉ có em biết nói thôi sao, đến lúc chị nên nói thì chị nhất định phải nói.

Chị ấy đã ra đi 9 năm rồi, nhớ lại một đời của chị ấy, tôi sau cùng đã hiểu ra, chị ấy đã diễn một vở kịch lớn hoàn mỹ về nhân sanh, đặc biệt là màn kịch lớn sau cùng của chị đã diễn một cách tinh diệu tuyệt luân, hoàn hảo không tì vết như vậy. Trước và sau khi chị ấy vãng sanh có khâu nào chẳng phải là thần thông, toàn là thần thông cả. Nếu chẳng phải thần thông thì tuyệt không có cách nào để giải thích. Trước khi chị ấy vãng sanh đã thị hiện thần thông, tương ứng với giáo huấn của tổ sư đại đức. Các ngài bình thường không thị hiện thần thông, bởi vì chư Phật Như Lai không dùng thần thông để giáo hóa chúng sanh, trong tình huống đặc biệt, như trước khi vãng sanh thị hiện một chút thần thông cho chúng sanh thấy, nhằm giúp chúng sanh kiên định tín niệm cầu sanh Tịnh độ. Thị hiện thần thông cần phải quán cơ, cơ chuyên chưa chín muồi thì không được thị hiện thần thông.

Tiếp theo nói về uy đức. Uy là uy thế, uy thần; đức là công đức, chẳng có cái nào không viên mãn. Trong đoạn kinh văn nhỏ này xin đặc biệt lưu ý hai chỗ: một là “tất cả Bồ-tát”, hai là “thầy đều viên mãn”. “Tất cả Bồ-tát” là chỉ cho Bồ-tát vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, là hết thầy Bồ-tát, không sót người nào.

“Thầy đều viên mãn”, thầy Lý Bình Nam nói với chúng ta: Chẳng phải vừa sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc bèn chứng được cảnh giới của Thất địa trở lên. Thế giới của Di-đà rất đặc thù, không thể nghĩ bàn, cho dù không phải là Thất địa Bồ-tát nhưng thiên định, trí tuệ, thần thông, uy đức đều tựa như Bồ-tát Thất địa. Có phải là Bồ-tát Thất địa hay không? Không phải, vẫn là phàm phu, một phẩm phiền não cũng chưa đoạn. Vì vậy đại sư Ngẫu Ích trong Yếu Giải nói rất hay: Thế giới Tây Phương Cực Lạc thứ gì cũng chẳng phải, nói họ là Bồ-tát mà một phẩm phiền não cũng chưa đoạn, rõ ràng là phàm phu. Nói là phàm phu mà thần thông, uy đức của họ y như của Bồ-tát Thất địa. Đây là chỗ vô cùng đặc biệt thù thắng của thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Đoạn nhỏ thứ hai: “*Rốt ráo sáng tỏ mật tạng của chư Phật*”.

Đoạn nhỏ trước đó nói: “viên mãn chứng được tam bất thoái”, ở thế giới Tây Phương Cực Lạc được thọ dụng tự tại, không khác gì Bồ-tát Đẳng giác, điều này đã rất thù thắng rồi, hai câu này so với kinh văn phía trước còn thù thắng hơn.

“Chư Phật” là nói tắt cả chư Phật Như Lai trong mười phương ba đời. “Mật” là thâm mật, “tạng” là hàm chứa. Chư Phật Như Lai hiểu rõ, còn là rất ráo sáng tỏ, pháp thâm mật hàm chứa trong tâm của chư Phật Như Lai chính là mật pháp vô thượng. Bồ-tát không thể hoàn toàn hiểu rõ mật tạng của chư Phật. Đẳng giác Bồ-tát đối với mật tạng của chư Phật thì ví như nhìn trăng qua lưới, vẫn còn một lớp lưới che đi ánh trăng, sao có thể rớt ráo viên mãn được. Duy chỉ có tất cả Bồ-tát ở thế giới Tây Phương Cực Lạc bao gồm người mới vãng sanh, một phẩm phiền não cũng chưa đoạn, vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc bèn có năng lực như vậy, đối với mật tạng của chư Phật có thể rớt ráo sáng tỏ.

Hoàng Niệm lão giải thích như sau: Mật tạng có hai hàm nghĩa, một là lời sâu xa của Như Lai, những lời Như Lai nói ra là [lời] thâm mật huyền áo, những lời chân thật này, tâm phân biệt của phàm phu nghe rồi không thể hiểu được, luôn luôn hiểu sai, hoặc nghe rồi mà như chưa nghe vậy, do vậy gọi là “mật tạng”. Một hàm nghĩa khác là: Tăng Sĩ Lược nói, mật tạng chính là pháp đà-la-ni, chính là chú, chỉ có Bồ-tát Bát địa trở lên mới có thể hiểu được ý nghĩa của chú, Bồ-tát của Tiểu thừa giáo chẳng thể hiểu được. Đây cũng là cách giải thích đối với mật tạng của chư Phật. Kết hợp hai hàm nghĩa này lại thì chính là nói: ngôn ngữ thâm mật của chư Phật và đà-la-ni của chư Phật, những bậc Đại sĩ này đều có thể rớt ráo sáng tỏ.

Mật tạng của chư Phật rốt cuộc là gì? Câu trả lời của lão pháp sư dành cho chúng ta vừa nghe liền biết, đó chính là bốn chữ: A-di-đà Phật. Diệu thay, tuyệt diệu thay! Hóa ra câu A-di-đà Phật mà chúng ta niệm mỗi ngày chính là mật tạng của chư Phật, sao không biết điều này từ sớm? Thảo nào lão pháp sư luôn nói với chúng ta, công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn, tiếc rằng chúng ta nghe mà không hiểu. Hóa ra công đức danh hiệu chính là mật tạng của chư Phật, hết thấy chư Phật làm thế nào thành Phật? Niệm Phật thành Phật. Thích-ca Mâu-ni Phật cũng là niệm Phật thành Phật. Phần sau cùng của Tam phước trong Quán Kinh nói với chúng ta “tin sâu nhân quả”, nhân quả này chẳng phải nhân quả thông thường, mà là “niệm Phật là nhân, thành Phật là quả”, chính là ở đây nói “mật tạng của chư Phật”. “Rớt ráo sáng tỏ” mới không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, giống như Bồ-tát Đại Thế Chí từ lúc mới phát tâm mãi cho đến rớt ráo thành Phật, một câu Phật hiệu niệm đến cùng thì bạn sẽ thành Phật. Vui mừng thay, hôm nay thêm bóng đèn nhỏ sáng lên rồi.



Đoạn nhỏ thứ ba: “*Điều phục các căn, thân tâm nhu nhuyễn*”.

Điều chính là điều hòa, phục là chế phục. Các căn là chỉ cho sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Điều ngự chế phục thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, khiến chúng không tạo ác. “Điều phục các căn” là thân tâm có thể lìa khỏi trần cấu, lìa khỏi tà, lìa khỏi ác. Điều phục các căn thì thân tâm sẽ nhu nhuyễn. Nhu nhuyễn đối lập với cương cứng. Có một số người rất tự phụ, thành kiến rất sâu, trên thực tế họ không biết đó chính là cương cứng khó giáo hóa. Các Bồ-tát thì không như vậy, mà là thân tâm nhu nhuyễn, bởi vì thân tâm nhu nhuyễn nên có thể thâm nhập chánh tuệ, chánh tuệ là trí tuệ chân thật.

Đoạn nhỏ thứ tư: “*Thâm nhập chánh tuệ, không còn sót lại tập khí*”.

“Chánh tuệ là trí tuệ chân thật. Chánh là không tà, lìa điên đảo thì là chánh, lại khéo nhập chân thật nên là chánh”. Cách nói này cao, “chân” này là “chân như”, nhập thật tướng, khéo nhập chân như thật tướng, đó là đại Bồ-tát. Minh tâm kiến tánh thì khéo nhập chân như thật tướng, đây chẳng phải là người thông thường. “Vậy nên lìa hư vọng phân biệt”, ý của câu này rất sâu. Hư vọng phân biệt: thứ không nên phân biệt mà bạn phân biệt, đây gọi là hư vọng. Có hư vọng phân biệt thì không có trí tuệ chân thật. Phải lìa hư vọng phân biệt thì trí tuệ chân thật mới có thể hiện tiền. Hoàng Niệm lão giải thích rằng: “Khế nhập chân thật là chánh, cho nên lìa hư vọng phân biệt, chiếu liễu trí tuệ nơi chân tâm thì gọi là chánh tuệ”. Đại sư Vĩnh Gia nói: “Liễu ngộ rồi nghiệp chướng vốn là không, chưa liễu ngộ thì phải hoàn nợ cũ”. Chữ “liễu” này có ý nghĩa rất sâu, có thể liễu ngộ thì tánh tội là không, không liễu ngộ thì nợ vẫn còn đó, một thứ cũng không trả xong. Chữ “liễu” đứng đằng sau chữ “chiếu” nghĩa là sau khi có thể chiếu thì mới có thể liễu ngộ, đây gọi là chánh tuệ.

“Dư tập” là sau khi đoạn phiền não, tập khí còn sót lại thì gọi là “dư tập”, cũng gọi là “tàn tập” hoặc là “tập khí”. “Nhi thừa không thể đoạn trừ tập khí còn sót lại, duy chỉ có Phật mới đoạn được”, phàm phu thì không cần phải nói. Tập khí, nhà Duy Thức gọi nó là chủng tử trong A-lại-da thức, chúng ta thông thường gọi là ấn tượng, ký ức, bạn còn nhớ không? Vì sao bạn nhớ được? Ví dụ vì sao tôi vẫn còn nhớ những sự việc lúc còn nhỏ? Bởi vì những việc đã làm trong quá khứ đều có tư liệu trong A-lại-da thức. A-lại-da giống như kho chứa, giống như phòng tư liệu, phòng hồ sơ vậy. Khởi tâm động niệm của chúng ta thấy đều ở trong đó, chẳng những của đời này nằm trong đó, mà toàn bộ sự việc đời đời kiếp kiếp đã làm đều

nằm trong đó. Giống như xuất hồ sơ ra vậy, vừa xuất thì ra ngay, không có cách gì chối cãi, có chứng cứ, có bằng chứng, có căn cứ.

Tập khí này không đoạn được, chứng đắc A-la-hán vẫn còn tập khí, Quyền giáo Bồ-tát cũng có tập khí, chỉ có người minh tâm kiến tánh, họ có năng lực, có trí tuệ chân thật, chuyên tâm thức thành bốn trí thì mới có thể đoạn được tập khí. Phải là đại Bồ-tát! Tam hiền Bồ-tát không làm được, vì chưa kiến tánh.

“Nay Đại sĩ của Cực Lạc không còn sót lại tập khí”. Câu này quá tuyệt vời, rất khó được. Người đến thế giới Cực Lạc chẳng những đoạn phiền não rồi mà tập khí cũng không có. Điều này nói rõ Bồ-tát của cõi Thật Báo ở thế giới Cực Lạc, những Pháp thân Bồ-tát này, 41 cấp bậc, họ không cần ba đại a-tăng-kỳ kiếp, mà họ có thể xuất ly rất nhanh. Vì sao vậy? Được uy thần bốn nguyện của A-di-đà Phật gia trì. Uy thần bốn nguyện của A-di-đà Phật là bình đẳng, cho nên chúng ta sẽ nghĩ rằng người vãng sanh cõi Phàm Thánh Đồng Cư đạt được lợi ích lớn nhất. Vì sao vậy? Họ ở cõi nước của chư Phật khác phải tu vô lượng kiếp, nhưng đến thế giới Cực Lạc thì được rút ngắn lại rất nhiều, có cần đến ba đại a-tăng-kỳ kiếp không? Không cần, quá dài! [Trái qua] ba đại a-tăng-kỳ kiếp đoạn hết rồi thì giống như thế giới Hoa Tạng, cõi nước chư Phật mười phương đều là tình hình như vậy. Thế giới Cực Lạc chẳng phải như vậy, thành tựu rất nhanh chóng. Trong bản dịch kinh Vô Lượng Thọ thời Ngụy nói: chư Đại sĩ của cõi đó “rất ráo tất cả sở hạnh của Bồ-tát, thành tựu đầy đủ vô lượng công đức”. Ở đây chú trọng hai từ “rất ráo”, “rất ráo” chính là đã đoạn tập khí, nếu không có hai từ “rất ráo” này thì tuy có tất cả sở hạnh của Bồ-tát, thành tựu đầy đủ vô lượng công đức, nhưng vẫn còn mang theo tập khí, thêm vào “rất ráo” thì không còn tập khí nữa, việc này không thể nghĩ bàn.

Đoạn nhỏ thứ năm: “*Y theo những điều Phật đã hành là thất giác, thánh đạo mà tu hành ngũ nhãn, rõ biết chân đế, thông đạt tục đế*”.

“Y theo những điều Phật đã hành” là thực hành theo con đường của Phật. Phật tu hành, chứng quả, thành Phật như thế nào? Thích-ca Mâu-ni Phật đã làm ra tấm gương tốt nhất cho chúng ta.

“Thất giác, thánh đạo” bao gồm hai nội dung là: thất giác chi và bát thánh đạo.

Giác chi thứ nhất là trạch pháp giác chi. Việc trạch pháp trong tu hành vô cùng quan trọng, đầu tiên cần phải chọn lựa, phân biệt pháp nào là chân, pháp nào là nguy. Lựa chọn pháp là trí tuệ, trước tiên chúng ta phải có thể phân biệt chân nguy. Đại sư Tịnh Am chia pháp thành: chân, nguy, tà, chánh, đại, tiểu, thiên, viên. Phải có thể phân biệt, lựa chọn.

Giác chi thứ hai là tinh tấn giác chi. Lúc tinh tấn tu các đạo pháp cần hiểu rõ, chớ sai lầm thực hành khổ hạnh vô ích. Hiện nay việc tu mù luyện quán rất nhiều, họ không biết thuyền đi trong biển cả nếu sai phương hướng sẽ va phải đá ngầm. Giống như Đê-bà-đạt-đa, giới luật mà ông ấy đề xướng còn nghiêm ngặt hơn Thích-ca Mâu-ni Phật. Bạn cảm thấy nghiêm ngặt là tốt thì chạy theo ông ấy, không có trí tuệ. Họ ở trong ngôi nhà không có nóc, ở trong đó mùa hè nóng, mùa đông lạnh, làm việc không hợp tình hợp lý. Điều thân thì mới có thể điều tâm, phải làm cho thân thể tránh khỏi mưa gió thì mới được, vì vậy chúng ta cần phải biết chọn lựa.

Như khổ hạnh của ngoại đạo, cho rằng thọ khổ bèn được giải thoát thì sai lầm rồi. Lời này là tôi nói, nói sai thì tự gánh trách nhiệm nhân quả. Rất nhiều người chúng ta quá xem trọng hình thức, lại quá lơ là thực chất. Ví dụ thường có người hỏi tôi cái này có được ăn không, cái kia có được ăn không. Tôi trả lời: muốn ăn thì ăn, không muốn ăn thì không ăn, thèm thì ăn, không thèm thì không ăn. Đối với câu trả lời này của mình tôi vô cùng hài lòng, có chút đạo vị của thiền trong đó. Còn có một câu trả lời tốt nhất, đó là A-di-đà Phật, có thể ăn được hay không đều ở trong bốn chữ này, diệu thay, diệu thay! Chịu các thứ khổ vô ích, sai lầm, chẳng chút ý nghĩa, vì thọ khổ mà chịu khổ thì có ý nghĩa thực tế nào không?

Cho nên tinh tấn giác chi là thường siêng năng tu hành trong pháp chân thật, như vậy mới gọi là tinh tấn. Nếu bạn tu mù luyện quán, dẫu tinh tấn đến đâu thì cũng là càn quấy, đây là lời Hoàng Niệm lão nói. Đối với người học Tịnh tông chúng ta mà nói, không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, thật thà niệm A-di-đà Phật thì chính là tinh tấn.

Giác chi thứ ba là hỷ giác chi. Trước hết có được pháp hỷ rồi, sau mới có thể giác ngộ hỷ đó là từ chánh pháp mà sanh ra, chẳng phải là hỷ do pháp điên đảo sanh ra.

Giác chi thứ tư là trừ giác chi, cũng gọi là khinh an giác chi. Giải thích cho khinh an giác chi chính là những phiền não thô nặng của thân tâm đã được tiêu trừ, cảm thấy rất nhẹ nhõm, rất an lạc. Người tu hành như pháp khi dụng công đạt trình độ thì sẽ có cảm giác khinh an. Ở đây chúng ta gọi là “trừ giác chi”, nghĩa là ngoài khinh an ra còn có một tầng nghĩa sâu hơn. Đó là sau khi bạn đoạn trừ phiền não rồi thì có thể hiểu rõ, trừ được hư ngụy có hại mà không tổn hại đến thiện căn chân thật.

Giác chi thứ năm là xả giác chi, cũng gọi là hành xả. Ý niệm của bản thân cùng với những pháp mà tâm trụ vào, nếu có thể hiểu rõ cảnh giới này, có thể sáng tỏ thì không còn nhớ lại cảnh giới hư ngụy nữa, đó gọi là xả.

Giác chi thứ sáu là định giác chi. Khi mới thực hành thiền định thì có rất nhiều giả tướng, đối với những giả tướng này không sanh dính mắc ưa thích. Thiền định vốn là việc tốt, nhưng có khi nó cũng trở thành một loại chướng ngại. Thế nên Bồ-tát sợ Tam thiền, Tam thiền vô cùng khoái lạc, Bồ-tát đạt được Tam thiền thì cũng sẽ tham đắm sự khoái lạc đó, sẽ không tiến bộ hơn được. Vì vậy khi mới thực hành thiền định, bạn cần hiểu rõ sự hư giả của thiền, không được có dính mắc ưa thích thì đó gọi là định giác chi.

Giác chi thứ bảy là niệm giác chi. Chính là khi tu pháp xuất thế thì phải biết cân đối giữa định và tuệ, có người tuệ nhiều định ít, có người định nhiều tuệ ít. Bạn phải có biện pháp, nếu cảm thấy tâm rất hôn trầm thì cần phải dùng trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi để quán sát. Nếu tâm tán loạn thì dùng trừ giác chi, xả giác chi, định giác chi để thu liễm. Đây chính là tu hành thất giác chi.

Thất giác chi rất quan trọng, Thích-ca Mâu-ni Phật 49 năm giảng kinh dạy học, bất luận là ngài thuyết pháp hay hành đạo thì đều không rời thất giác chi, ngài thầy đều đầy đủ. Lão pháp sư nói, điều thứ bảy này đặc biệt tốt, đó là tâm bình lặng an nhiên, lại chẳng có hồi ức. Vì sao [tốt] vậy? [Vì như vậy] Bạn mới có cơ duyên khai ngộ.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 69

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Tiết học này chúng tôi nói về bát chánh đạo. Thánh đạo chỉ cho bát thánh đạo, còn gọi là bát chánh đạo. Đó là: một, chánh kiến; hai, chánh tư duy; ba, chánh ngữ; bốn, chánh nghiệp; năm, chánh mạng; sáu, chánh tinh tấn; bảy, chánh niệm; tám chánh định.

Thứ nhất là chánh kiến. “Một là chánh kiến. Luận Tập Tập nói: khi thực hành giác chi, đạt được chân giác, dùng tuệ để kiến lập vững vàng, hiểu rành rẽ để lý, thì chẳng bị sai lầm.” Đây là lời đại sư Liên Trì nói trong Di-đà Sớ Sao. Trong đó quan trọng nhất là: dùng tuệ để kiến lập vững vàng, hiểu rành rẽ để lý. Chánh kiến chúng ta gọi là cách nhìn, cách nghĩ. Chánh kiến thuộc về cách nhìn không có sai lầm, chánh niệm thuộc về cách nghĩ không có sai lầm, có năng lực phân biệt chân vọng, tà chánh, đúng sai thì đều thuộc về chánh kiến. Chánh kiến vô cùng quan trọng, vì vậy việc đầu tiên trong bát chánh đạo là chánh kiến, nghĩa ở đây rất sâu.

Chúng ta tu học Phật pháp, nếu nắm được tổng cương lĩnh của Phật pháp thì tu học Phật pháp không khó. Vậy tổng cương lĩnh của Phật pháp là gì? Tổng cương lĩnh chính là hai chữ: chân tâm. Sống dùng chân tâm, làm việc dùng chân tâm, đối nhân tiếp vật dùng chân tâm. Chánh trong “chánh kiến” chính là chân, chính là thành. Chúng ta phải dùng chân tâm, dùng thành ý để thực hiện lời dạy của Phật Bồ-tát.

Hoàng Niệm lão đối với chánh kiến đã dùng cách giải thích của đại đức xưa, chánh kiến chính là đạt được chân giác. Chân giác là gì? Chính là “chí thành” mà nhà Nho nói. Tuy dùng văn tự lời nói không như nhau nhưng cảnh giới hoàn toàn bình đẳng. Chánh kiến rất quan trọng, bạn có chánh kiến thì cách nhìn của bạn và Bồ-tát sẽ không khác biệt. Làm thế nào đạt được chân giác? Chính nhờ vào một câu Phật hiệu A-di-đà Phật mà được chân giác. Chúng ta tu pháp môn khác không có phần nắm chắc, niệm Phật có phần nắm chắc. Ngày nay công phu niệm Phật của chúng ta không đắc lực là do chưa buông xả tình chấp, ngũ dục lực trần là đại bệnh, thời gian mắc bệnh đã quá lâu. Hiện nay tuy tỉnh lại rồi nhưng thân thể vẫn chưa dễ chịu, vẫn chưa tự do, cho nên phải buông xả tập khí của bệnh. Buông xả rồi

thì là người thật, tâm thật, việc thật; không buông xả thì là người giả, tâm giả, việc giả, thứ gì cũng đều là giả. Nghiệp báo tạo ra là sáu cõi luân hồi, nếu dùng thứ thật thì không ở trong sáu cõi nữa. Chúng ta có mục tiêu, có phương hướng là thế giới Cực Lạc. Đến thế giới Hoa Tạng khó, đến thế giới Cực Lạc dễ, điều này Thích-ca Mâu-ni Phật nói với chúng ta. Chúng ta nhất định phải nghe lời, không được làm theo ý mình, tự làm theo ý mình thì bị tổn thất lớn, đây là lời lão pháp sư nói với chúng ta. Nhất định phải nghe lời, buông xả vạn duyên, một câu Phật hiệu niệm đến cùng. Dùng tâm đại từ bi, dùng đại bát-nhã, bát-nhã chiếu kiến, chiếu soi rõ ràng, nhìn thấy rõ ràng thật giả, phát tâm đại từ bi, giúp đỡ chúng sanh lìa khổ được vui.

Thứ hai là chánh tư duy. Chánh tư duy là tư tưởng đúng đắn, “khi thấy được lý này thì phải tương ưng với tâm vô lậu mà tư duy, suy xét, khiến [chánh kiến] tăng trưởng, nhập vào Niết-bàn”. Cách giải thích này hay! Niết-bàn là cảnh giới cao nhất, là cảnh giới chân thật nhất, rốt ráo nhất, viên mãn nhất, chính là Thường Tịch Quang. Bạn thấy được lý này rồi thì phải tương ưng với tâm vô lậu mà tư duy, chẳng phải là tâm hữu lậu chấp trước chọn lựa lấy bỏ. Văn, tư, tu chính là ý nghĩa này. Văn là đã có chánh kiến, từ trên tánh nghe mà tư duy bèn tương ưng với tâm vô lậu. Vào được cảnh giới này thì chứng đắc Diệu giác Như Lai. Đẳng giác là Hậu Bồ Phật, Diệu giác là viên mãn thành Phật. Chánh tư duy khiến cho chánh kiến tăng trưởng, có thể nhập Niết-bàn.

Chúng ta xem đại sư Huệ Năng đã khai ngộ như thế nào. Ngài chưa từng đi học, không biết chữ, cũng chưa từng tu pháp môn nào, hoàn toàn là không thầy mà tự thông, ngài kiến tánh rồi. Đề thi mà Ngũ tổ ra cho ngài cũng là phương tiện thiện xảo, hỏi ngài: Tánh có hình dạng ra sao? Ông hãy đem nó ra cho mọi người chúng tôi xem xem. Ngài bèn nói ra năm câu, Ngũ tổ làm chứng minh cho ngài, thật đã khai ngộ rồi. Năm câu này nếu người chưa khai ngộ thì nói không ra, chỉ có người khai ngộ mới có thể nói ra được. Lời ngài nói hoàn toàn tương ưng với kinh Kim Cang, ngài có thể làm được vô trụ sanh tâm. Thế nên tư tưởng thuần chánh rất quan trọng, tư tưởng thuần tịnh là không có tư tưởng, lời nói thuần chánh là không có lời nói. Cho nên nói “mở miệng liền sai, động niệm liền trật”, bạn động ý niệm thì bạn là phạm phu rồi. Đại sư Huệ Năng ở chỗ Ngũ tổ đã lấy được học vị cao nhất trong cửa Phật, làm ra tấm gương tốt cho người sau.

Tôi đã học Phật hơn 20 năm, vừa mới có được chút xíu chỗ ngộ như vậy, một chút chỗ ngộ này là: bên trong tự tánh không một vật, vạn vật vạn pháp đều từ tự tánh mà sanh ra.

Thứ ba là chánh ngữ. “Ba, chánh ngữ là không những tâm không có tư tưởng tà vạy, mà còn dùng trí vô lậu nhiếp bốn nghiệp của miệng, trụ vào bốn thiện ngữ”. Chẳng những trong tâm không sanh tà niệm mà còn dùng trí tuệ vô lậu nhiếp chặt bốn loại khẩu nghiệp là ý ngữ, vọng ngôn, lưỡng thiệt, ác khẩu. Chẳng những không dùng cái miệng này tạo bốn ác nghiệp mà còn phải dùng cái miệng này để hành thiện, để truyền bá chánh pháp. Các đồng tu, các bạn đã chánh ngữ chưa? Bốn loại khẩu nghiệp này bạn đã nhiếp được mấy loại rồi? Theo quan sát của tôi, miệng tạo ác nghiệp đã trở thành chướng ngại lớn nhất trên đường tu hành. Có người đã tạo ác nghiệp mà hoàn toàn không biết, vì sao hoàn toàn không biết? Bởi vì họ đã tập quen thành thói rồi, mở miệng là tuôn ra, nói dối gạt người mà mặt không đỏ, tim không loạn. Chúng ta phải làm người thật thà, làm người không vọng ngữ, người không vọng ngữ thì chân thành, nói lời chân thật, nói lời thành thật, không lừa gạt chính mình, không lừa gạt người khác, cả đời đều phải gìn giữ, hạnh phúc an vui khôn sánh ở trong đó.

Lừa mình lừa người thì tâm của bạn sẽ bất an, đó là tạo ác nghiệp nên thần hồn bất định, đây đều là thật. Tích lũy đến trung niên thì thọ mạng cũng bị rút ngắn. Người thích lừa gạt người khác, thích làm việc tổn người lợi mình thì xác thật phước báo tu được trong đời quá khứ do đây mà tổn thất hết rồi. Bạn tự cho mình thông minh, không biết thọ mạng, phước báo của chính mình đều đã bị tiêu hết. Đạo lý này có bao nhiêu người biết được?

Ý ngữ là nói lời ngon tiếng ngọt, lừa người, nói lời dễ nghe, ngấm ngấm hại người. Biểu hiện rõ rệt nhất chính là trước mặt nịnh nọt người khác, nói bạn thành một đóa hoa, nhưng ở sau lưng đâm một dao, nói bạn thành thứ phân ngựa cặn bã, nghĩa là chẳng ra giống gì cả. Đối với cùng một người, cùng một sự việc có thể nói thành mấy loại phiên bản khác nhau, vì sao vậy? Họ cần phiên bản nào thì nói phiên bản đó.

Ác khẩu là mắng người, nói lời đơ bản, đây là tạo khẩu nghiệp, người khác vừa nghe âm thanh nói chuyện của họ liền phản cảm, khiến người chán ghét, tránh xa.

Nếu không có bốn loại lỗi của miệng thì gọi là chánh ngữ. Lời nói là sự biểu đạt bên ngoài, được dùng thường xuyên nhất, nhiều nhất, một ngày từ sáng đến tối đã nói biết bao nhiêu lời? Trong những lời này lời nào là lời chánh đáng, lời nào không phải lời chánh đáng. Lời không chánh đáng chính là ngược lại của chánh ngữ. Cho nên lời nói càng ít thì càng tốt, đây là tu hành. Người khác nói chuyện chúng ta nghe, nhưng bớt ý kiến bàn luận. Bạn hỏi tôi thì tôi nói với bạn, bạn không hỏi tôi thì tôi cười cho qua, bất kể họ nói đúng hay sai, ừ tốt, đừng nói gì cả. Nếu thật sự là người đại tu hành thì một câu cũng không nói. Miệng của chúng ta giống như cái phễu, bạn nói điều này nói điều kia thì chút phước báo mà bạn đã tu được toàn bộ rỉ chảy hết.

Thứ tư là chánh nghiệp. “Chánh nghiệp là dùng trí vô lậu để trừ hết bảy ba loại tà nghiệp của thân, trụ thân nghiệp thanh tịnh”. Ba loại tà nghiệp là giết, trộm, dâm. Nhìn thấy rồi, nghe thấy rồi thì đừng để trong tâm, nếu để trong tâm thì bạn bị ô nhiễm rồi. Ba loại tà nghiệp của thân càng đừng để ở trên miệng. Trừ hết bảy ba loại tà nghiệp thì trụ thân nghiệp thanh tịnh, thân của bạn thanh tịnh, đây là thập thiện. Chính là nói chúng ta dùng trí vô lậu để trừ ba loại tà nghiệp của thân, trụ thân nghiệp thanh tịnh. Làm được chữ “chánh” chính là vô lậu, chính là đã đoạn kiến hoặc, tư hoặc; bạn ở trong kiến hoặc, tư hoặc thì chính là hữu lậu. Có mười loại kiến tư: thân kiến, biên kiến, tà kiến, giới thủ kiến, kiến thủ kiến, tham, sân, si, mạn, nghi. Những thứ này đều gọi là hoặc, cũng gọi là lậu. Vô lậu chính là đã lìa những điều này.

Thứ năm là chánh mạng. “Năm, chánh mạng là dùng trí vô lậu trừ hết năm loại tà mạng của ba nghiệp”.

Tiếp theo nói cụ thể về năm loại tà mạng.

Một là trá hiện dị tướng, ý nói các tỳ-kheo làm trái chánh giáo của Phật, ở trước người thế tục, lừa bịp hiện ra tướng kỳ lạ, khiến họ sanh tâm kính ngưỡng mà cầu lợi dưỡng, đó là tà mạng.

Hai, tự nói công năng, ý nói các tỳ-kheo dẻo miệng dùng lời khôn khéo, dìm người khen mình, tự phô trương công năng, khiến người nghe thấy sanh tâm tin tưởng kính ngưỡng mà cầu lợi dưỡng, đó là tà mạng.



Ba, xem tướng đoán kiết hung, ý nói các tỳ-kheo học các dị thuật, đoán mệnh xem tướng, bàn nói chuyện cát hung mà cầu lợi dưỡng, đó là tà mạng.

Bốn, lớn tiếng thể hiện uy phong, ý nói các tỳ-kheo cao giọng lớn tiếng, giả dạng uy nghi khiến người kính sợ mà cầu lợi dưỡng, đó là tà mạng.

Năm, nói chuyện lợi lộc để động tâm người, ý nói các tỳ-kheo ở kia được lợi, tới đây xưng nói, ở đây được lợi, tới kia xưng nói, khiến người động tâm mà cầu lợi dưỡng, đó là tà mạng.

Năm loại tà mạng phía trên được trích từ giảng nghĩa Tịnh độ Đại Kinh Khoa Chú 2014, tập 356. Đối với năm loại tà mạng trên chúng ta có cảm giác dường như từng quen biết nhau hay không? Có! Vì sao vậy? Bởi vì trong đời sống hiện thực của chúng ta, năm loại tà mạng này thật sự tồn tại, và lại càng ngày càng trở thành hiện tượng phổ biến, đây là nhân tố quan trọng khiến Phật giáo suy vi đến như vậy, có thể gọi là một sự bi ai của Phật giáo.

Thứ sáu là chánh tinh tấn. “Chánh tinh tấn là dùng trí vô lậu mà siêng năng hành trì tinh tấn, hướng đến đạo Niết-bàn”. Nghĩa là dùng trí vô lậu mà siêng tu hành tinh tấn, hướng đến Niết-bàn. Ở đây trước chữ “trí” thêm vào “vô lậu” là rất có đạo lý. Vô lậu mới là trí tuệ, hữu lậu là tri thức. “Lậu” là danh từ thay thế của phiền não tập khí. Trí vô lậu là trí tuệ chân thật, không có xen tạp phân biệt chấp trước, nên gọi là vô lậu. Khởi tâm động niệm của chúng ta có phân biệt, có chấp trước, có vọng tưởng, có tạp niệm, cho nên đây chẳng phải trí, đây là thức. Người hiện nay gọi là tri thức, chẳng phải trí tuệ. Trong trí tuệ thì không có khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Khó, thật chẳng dễ dàng! Trí vô lậu là nói cho ai? A-la-hán trở lên. A-la-hán đối với tất cả pháp đều không còn chấp trước, đó chính là trí vô lậu. Dùng loại trí tuệ này siêng năng hành trì tinh tấn, hướng đến Niết-bàn.

Thứ bảy là chánh niệm. “Dùng trí vô lậu mà niệm pháp chánh đạo và pháp trợ đạo, nên tâm không mất, không dao động”. Chẳng những không mất đi mà tâm cũng không lay không động, tương ưng với lời đại sư Lục tổ Huệ Năng đã nói “nào ngờ tự tánh vốn không dao động”, vốn không dao động chính là đại định.

Thứ tám là chánh định. “Tương ưng với trí vô lậu, chánh trụ nơi lý, nhất định không dời đổi”. “Cái gọi là chánh, do không nương vào tà lệch nên gọi là chánh”. Quan trọng nhất là tâm chánh, tâm không lệch, tâm không tà, tà là sai lầm,

lệch là lệch khỏi chánh pháp. Chánh định tương ứng với trí vô lậu, chánh trụ nơi lý. Lý là bản thể, chánh trụ nơi bản thể, nhất định không dời đổi, không lệch, không tà thì gọi là chánh, có thể đạt đến Niết-bàn thì gọi là đạo. Bát chánh đạo chính là ý nghĩa như vậy.

Hoa Nghiêm nói bát chánh đạo đều là Bồ-tát đạo. Chánh kiến chính là lìa tất cả tà kiến; chánh tư duy chính là đã bỏ tất cả tâm phân biệt, thuận theo hết thấy trí. Cho đến đạt được chánh định, chính là khéo vào cửa giải thoát chẳng thể nghĩ bàn của Bồ-tát. Những điều này đều hết sức sâu mầu, không chỉ hạn cuộc ở Tiểu thừa, thế nên pháp Tiểu thừa tương thông với pháp Đại thừa. Sớ Sao nói: Đạo phẩm tuy là một, nhưng trí tuệ của quán có lớn có nhỏ, cho nên không có nhất định.

Đại sư Ấn Quang đối với thất giác, thánh đạo có một đoạn trình bày và phân tích đặc sắc, nay trích lục như sau: “Thất giác thánh đạo”, bốn chữ này chính là nói ba mươi bảy đạo phẩm, thất giác chi, bát thánh đạo. Chỉ do vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng đắc, xét đến căn nguyên đều do không liễu giải chân như diệu tánh, nên nhận lầm tứ đại là thân tướng của chính mình, hình ảnh duyên theo sáu trần là tướng của tự tâm. Do nhận giặc làm con, dẫn đến bội giác hợp trần, từ đây căn trần dính nhau, ta và người đối lập, khởi hoặc tạo nghiệp, luân hồi sáu nẻo. Trải qua số kiếp nhiều như vi trần cũng chẳng cách gì có thể giải thoát. Đại giác Thế Tôn thương xót nỗi khổ đó mà ban cho pháp dược lớn, dạy tu quán tứ niệm xứ. Một là quán thân bất tịnh, hai là quán thọ là khổ, ba là quán tâm vô thường, bốn là quán pháp vô ngã; cùng với chánh căn, như ý túc, căn, lực, giác, đạo. Pháp môn ba mươi bảy phẩm này tuy căn cơ có lợi độn, có Đại thừa Tiểu thừa, nhưng đều lấy tứ niệm xứ làm căn bản. Nếu thành tựu bốn pháp quán này tức phá được ngã chấp. Phá được ngã chấp thì năm uẩn đều không, sáu trần liền giác, trở về nguồn cội, đích thân chứng diệu tánh. Ví như bụi sạch gương sáng, mây tan trời rạng. Mặt trời là thứ sẵn có, ánh sáng chẳng từ ngoài đến, đặc vô sở đặc, được đại tự tại. Kiến giải của phàm tình và bậc thánh, cả hai đều mất, đã không có Niết-bàn thì sao có sanh tử? Đoạn này trích trong Ấn Tổ Văn Sao Giải Đại Kinh, quyển Trung, trang 875.

Thế nào gọi là “thánh ngôn lượng”? Đọc đến đoạn lời nói này của đại sư Ấn Quang chắc bạn đã biết thế nào là “thánh ngôn lượng” rồi. Thánh nhân chính là thánh nhân, tổ sư chính là tổ sư, nói ngắn gọn thì thánh ngôn chính là lời nói chánh trực. Thế nào là chánh trực? Đó là nói không thấy là không thấy, nói không nghe là

không nghe, nói không giác là không giác, nói không biết là không biết, đọc Văn Sao của lão nhân gia ngài, cảm nhận chung có thể dùng hai từ để khái quát đó là “thăng thân”.

*“Tu hành ngũ nhãn, rõ biết chân đế, thông đạt tục đế”*

Ngũ nhãn chính là nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn. Có đầy đủ ngũ nhãn này thì thành Phật rồi, chỉ có Phật hiểu rõ pháp tánh. “Rõ biết chân đế, thông đạt tục đế” nghĩa là có thể thấy được chân không. Bởi vì rõ biết chân đế cho nên “tự giác” có thể đạt đến rốt ráo viên mãn. Chẳng những rõ biết chân đế, mà còn có thể thông cả tục đế. Cái hay của kinh Vô Lượng Thọ là bốn chữ “chiếu chân đạt tục” này. “Thông đạt tục đế” chính là có thể biết mọi loại tình huống, mọi loại căn cơ, mọi loại bệnh, mọi loại thuốc trong thế gian để tùy căn cơ mà lập cách hóa độ, độ vô lượng chúng sanh.

“Tu hành ngũ nhãn, chiếu chân đạt tục”. Nhục nhãn có thể thông đạt tục đế, thiên nhãn có thể thông đạt tục đế, thế nên pháp môn Tịnh độ chính là như vậy. Bởi vì có thể biết rõ chân đế cho nên là “như thật”, là chân thật chi tế, chân thật chi huệ. Thông đạt tục đế mới có thể phổ độ, rộng ban cho chân thật chi lợi. Biết rõ chân đế, thông đạt tục đế là nội dung chủ yếu của Tịnh độ tông.

*“Nhục nhãn chọn lựa”*

Chính là cặp mắt do thân thể của chúng ta sinh ra, nhìn đồ vật rất rõ ràng, nhưng chỉ có thể thấy sắc tướng hiện rõ ra trước mắt, nên gọi là “chọn lựa”. Thiên nhãn là mắt của cõi trời, chính là cõi trời trong sáu cõi mà chúng ta nói. Đại Trí Độ Luận nói: “Thiên nhãn thấy được cõi của mình”, cõi của mình chính là nơi họ sinh ra. Trời có ba cõi, 28 tầng trời. Dục giới có 6 sáu tầng trời, Sắc giới có 18 tầng trời, Vô Sắc giới có 4 tầng trời, là tứ không thiên. Tổng cộng có 28 tầng, bạn ở tầng nào vậy, tầng nào được gọi là cõi của bạn? Nếu bạn sanh đến trời Đao-lợi thì trời Đao-lợi chính là cõi của bạn, nếu bạn sanh đến trời Đâu-suất thì trời Đâu-suất chính là cõi của bạn, còn lại gọi là cõi khác.

Vì sao thiên nhãn thông đạt? Bởi vì nhục nhãn chỉ có thể nhìn gần không thể nhìn xa, nhìn trước, không thể nhìn sau, nhìn bên ngoài không thấy bên trong, ban ngày thì xem thấy, ban đêm không thể thấy. Thiên nhãn thì xa gần, trên dưới, trước sau, trong ngoài, ban ngày ban đêm đều không chướng ngại, đây là cái hay của thiên

nhãn, cho nên gọi là thông đạt. Tuy nhiên thiên nhãn thông có được ở uế độ này của chúng ta và thiên nhãn thông ở thế giới Cực Lạc không như nhau. Thiên nhãn thông có được ở đây, những gì thấy được không thể vượt ra ngoài tam thiên đại thiên thế giới, cho dù là A-la-hán thì cũng như vậy. Nhưng thiên nhãn ở thế giới Cực Lạc có thể biết hằng sa thế giới.

*“Pháp nhãn thanh tịnh”*

Thế nào là pháp nhãn? Đại sư Vọng Tây nói: “Duyên theo trí tục đế mà hiểu rõ pháp nên gọi là pháp nhãn”. Trí tục đế là chỉ cho tất cả pháp của thế gian. Đại sư Cảnh Hưng nói: “Pháp nhãn thì lấy hữu trí làm thể, có thể thấy được tâm căn, dục, tánh của chúng sanh và pháp của chư Phật nên gọi là pháp nhãn”. Năng lực của pháp nhãn rất lớn. Trong Tam Tạng Pháp Số nói: Bồ-tát vì độ chúng sanh nên phải dùng pháp nhãn thanh tịnh để quán sát tất cả pháp. Tám vạn bốn ngàn loại pháp, hết thấy pháp đều biết, vả lại còn có thể hành, biết nên làm thế nào, biết loại pháp nào có thể chứng loại đạo nào, biết đủ mọi môn phương tiện của tất cả chúng sanh, học thế nào, tu thế nào, chứng thế nào. Pháp nhãn nhất định phải thanh tịnh, không có cấu nhiễm, ái chấp thì mới có thể biết hết tất cả.

*“Tuệ nhãn kiến chân”*

Thế nào là tuệ nhãn? Sư Vọng Tây nói với chúng ta: “Duyên vào trí chân đế có thể hiểu rõ lý không nên gọi là tuệ nhãn”. Ý của câu này chính là nói tác dụng của tuệ nhãn rất sâu, có thể hiểu rõ lý không, là lý về chân không. Sự là có, có pháp sanh diệt, có pháp chẳng sanh diệt, lý thì hoàn toàn không có sanh diệt. Có sanh diệt thì là sáu cõi, là mười pháp giới; không có sanh diệt thì là cõi Thật Báo. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm của hết thấy chư Phật đều là không sanh không diệt, tướng của nó là từ pháp tánh biến hiện ra. Pháp tánh làm thế nào biến hiện ra? Nhất định có lý, tuệ nhãn nhìn thấy được lý này. Tuệ nhãn là [của] Pháp thân Bồ-tát, A-la-hán không nhìn thấy được.

Sư Cảnh Hưng nói: “Tuệ nhãn là lấy trí không làm thể, biết rõ lý chân không”. Lời này rất khó hiểu. Thế nào là trí không? Trong Đại thừa Nghĩa Chương nói: “Nói tuệ nhãn nghĩa là quán sát thấu tỏ thì gọi là tuệ”, chia ra mà nói thì “tuệ có thể soi thấu, cho nên gọi là tuệ nhãn”.

“Kiến chân”, ngài Tịnh Ảnh nói: “Có thể thấy được chân không nên gọi là kiến chân”. Đại thừa Nghĩa Chương nói: “Tuệ nhãn thấy được lý không do phá được tướng và thấy được chân không”.

Bên trên nói nhiều về “tuệ nhãn kiến chân” như vậy, rất nhiều đồng tu chắc là nghe không hiểu. Vì sao nghe không hiểu? Có hai nguyên nhân. Một là những lời này thật sự là rất khó hiểu, trước đây điều nghe được không nhiều cho nên rất lạ lẫm. Hai là bản thân chúng ta không có, nên chúng ta không lĩnh hội được, nghĩa là không đích thân cảm nhận thì có lĩnh hội thế nào cũng là sai lầm. Vì sao là sai lầm? Họ đã thấy được lý không do phá được tướng rồi. Vậy làm sao đây? Đừng sót ruột, có phương pháp mà. Phương pháp gì vậy? Niệm A-di-đà Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc thì ngũ nhãn viên minh rồi.

Hoàng Niệm lão đối với “tuệ nhãn kiến chân” giải thích như sau: Có thể thấy được chân không thì gọi là kiến chân. Đại Trí Độ Luận nói: Tuệ nhãn có thể thấy được lý không do phá được tướng và thấy được chân không. “Lý không do phá được tướng” là phá được tướng rồi, không bèn hiển lộ ra. Họ có thể thấy được lý không này, cái thấy này không nhất định là dùng mắt thấy, cái thấy của tâm nhãn cũng là thấy. Thấy được chân không chẳng phải là sự việc có hình tướng, trên thực tế là “thấy hết cả mà chẳng thấy thứ gì, chẳng thấy thứ gì mà thấy hết cả”. Nhìn thấy rõ ràng rành rẽ, nhưng lại chẳng thấy gì cả. Cái thấy này phải lĩnh hội ra sao? Đại Trí Độ Luận nói: Đạt được tuệ nhãn thì đã đắc được pháp bình đẳng, không thấy chúng sanh có sanh có diệt, là một là khác, lìa khỏi tất cả chấp trước. Tất cả đều không có gì để phân biệt, chẳng có gì để chọn lựa, “chẳng thọ tất cả pháp, trí tuệ tự nội diệt, đó gọi là tuệ nhãn”.

Kinh Tư Ích lại nói: “Tuệ nhãn thì thấy những pháp nào?” Nghĩa là tuệ nhãn thấy được những pháp nào? “Đáp rằng: Nếu còn có chỗ thấy thì không gọi là tuệ nhãn”. Bạn đã nhìn thấy một thứ nào đó rồi thì không gọi là tuệ nhãn. “Tuệ nhãn không thấy pháp hữu vi, không thấy pháp vô vi, vì sao vậy”, vì sao nói như vậy? “Pháp hữu vi đều là hư vọng phân biệt, không có hư vọng phân biệt thì gọi là tuệ nhãn. Pháp vô vi là không, vô sở hữu, vượt trên các nhãn đạo, cho nên tuệ nhãn cũng chẳng thấy pháp vô vi”. Hai đoạn này là sự giải thích rất thù thắng đối với tuệ nhãn, nhưng cũng rất khó hiểu. Hiểu rồi thì không khó, khó thì chẳng thể hiểu. Hiểu

rồi thì kiến chân, minh tâm kiến tánh, thấy được thấu triệt chân tướng y chánh trang nghiêm của vũ trụ nhân sanh.

Phía trước nói “trí tuệ tự nội diệt”, câu nói này có thể tham khảo khai thị của thiền sư Hoàng Bá. Thiền sư Hoàng Bá nói: Trí vô phân biệt giống như kim cương bảo kiếm. Có người hỏi thiền sư Hoàng Bá: ngài chẳng phải cũng có thanh kim cương bảo kiếm sao? Hoàng Bá trả lời: “Kiếm tự đoạn kiếm, trí tự hại trí”. Kiếm này tự nó chém nó, trí tuệ này tự nó tiêu diệt chính nó.

Phải biết lời kinh Phật sâu xa, cho nên chúng ta phải lĩnh hội rất sâu. “Một câu hợp đầu ngữ, muôn kiếp vướng cọc lừa”, một câu nói của họ đúng với ý của bạn, bạn bèn theo đó mà làm, vậy thì câu nói đó là cây cọc buộc con lừa đến muôn kiếp. Chẳng thấy một pháp nào làm cho khởi tâm động niệm, tức là chẳng lập một pháp nào. Vậy niệm Phật chẳng phải là một pháp đó sao? Niệm Phật diệu là diệu ở chỗ này “niệm tức vô niệm”. Sau khi bạn thật sự thành khẩn thì bản thân cái niệm đó đã là vô niệm, ban đầu vẫn có cái tâm đang niệm, từ từ tự nhiên sẽ xuất hiện tình trạng thâm hợp đạo màu. Thường xuyên thâm hợp đạo màu thì chắc chắn vắng sanh. Thường xuyên thâm hợp đạo màu thì có thể rõ hợp đạo màu, rõ hợp đạo màu chính là hồ mọc thêm sừng, đời này làm thầy người, tương lai làm Phật, Tổ. Cho nên “trí tuệ tự nội diệt”, “kiếm tự đoạn kiếm”, “trí tự hại trí” được nói ở đây, người thông thường không có cách nào hạ thủ, ngay cả lý giải cũng chẳng thể lý giải, thế nhưng bạn bảo họ niệm Phật thì họ biết. Đại ân đại đức của A-di-đà Phật chính ở chỗ này. Trên thực tế đây đều là một đạo lý, một câu A-di-đà Phật là phương tiện đặc biệt thù thắng, là đạo lý cực sâu, cực huyền ảo.

Vô trụ sanh tâm phải là Bồ-tát địa thượng thì mới có thể làm được; [hàng Bồ-tát giai vị] Tam hiền thuộc Địa tiền khi vô trụ thì không thể sanh tâm, khi sanh tâm thì không thể vô trụ. Vô trụ sanh tâm là pháp cực diệu. Lục tổ nghe qua một lần thì vượt hơn Thần Tú, nghe lần thứ hai thì là bậc thầy của trời người, được y bát. Còn chúng ta thì thế nào? Người niệm Phật buông xả vạn duyên chính là vô trụ, chỉ khởi một niệm chính là sanh tâm, thâm hợp đạo màu, ngậm thông Phật trí, khéo nhập vô sanh. Những phương pháp tu trì thông thường là rõ hợp đạo màu, chúng nhập vô sanh, khó đấy!

Chẳng thấy pháp hữu vi, chẳng thấy pháp vô vi, đó là tuệ nhãn; bạn còn có chỗ thấy thì chẳng phải tuệ nhãn. Có vài người thích tranh luận, bạn không đúng, tôi

mới đúng, bạn đúng, tôi không đúng, đây đều chẳng phải tuệ nhãn, là kinh cãi nhãn. “Trí tuệ tự nội diệt” cũng chính là câu “vô trí diệt vô đắc” trong Tâm Kinh. Tự bên trong đã diệt rồi thì còn thứ gì gọi là trí nữa? Cho nên chuyển tám thức thành bốn trí là pháp tướng, là bát-nhã thâm sâu, không có trí cũng không có đắc, đây chính là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

*“Phật nhãn đầy đủ”*

Chính là Phật nhãn đều có công năng của tất cả loại nhãn, chính là đầy đủ. Sư Cảnh Hưng nói: “Hết thấy chúng trí làm thể, hiểu rõ tất cả pháp”, cho nên gọi là đầy đủ. Pháp Hoa Văn Cú nói: “Phật nhãn viên thông, đầy đủ công năng cao thấp”. Bốn loại nhãn phía trước đương nhiên kém hơn Phật nhãn, tuy kém hơn nhưng vẫn có đủ trong Phật nhãn, năm loại đều có. Bốn loại nhãn kia đều nhập vào Phật nhãn, đều gọi là Phật nhãn. Cho nên người viên mãn thuyết pháp, không pháp nào chẳng viên mãn, hết thấy pháp đều trở thành pháp viên mãn. Phật nhãn vốn là vô thượng thù thắng nên gọi là bốn thắng, bốn thắng chính là có thể thấy Phật tánh. Nhiều đại đức như vậy nhưng chưa người nào từng nói: “Hết thấy chúng sanh đều có đức tướng, trí tuệ của Như Lai”, lời này tôn giáo khác cũng không có người nói qua.

Hoàng Niệm lão kể một câu chuyện như sau: Có hai vị thầy truyền giáo đạo Hồi, họ đã xem rất nhiều kinh Phật, hỏi Hoàng Niệm lão thế nào gọi là chân không diệu hữu. Hoàng Niệm lão giải đáp cho họ, họ vừa nghe vừa khen ngợi, không ngừng gật gù nói Phật pháp hay quá. Bầu không khí tôn giáo của đạo Hồi là nồng đượm nhất, thế mà họ cũng có thể nhận thức Phật giáo, còn đặc biệt đến thỉnh giáo với Hoàng Niệm lão, thế nên nói Phật pháp không thể nghĩ bàn.

Vị thầy chín mươi tuổi của tôi là tín đồ Hồi giáo kiên thành, thầy trò chúng tôi cùng nhau bàn về tôn giáo thì không có bất kỳ chướng ngại nào, thông suốt không ngăn ngại. Lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không nhiều năm cực lực đề xướng và thực hiện tôn giáo trên thế giới là một nhà, tôn giáo bình đẳng, không có cao thấp. Đây là việc làm tiên phong vĩ đại mang tính lịch sử, đối với việc mang lại hòa bình cho thế giới khởi lên tác dụng hết sức quan trọng.

“Đầy đủ công năng cao thấp” là tác dụng của Phật nhãn, cho nên có thể rõ biết chân đế, thông đạt tục đế. Có người nói Phật chẳng phải là nhục thân thì sao có nhục nhãn được? Trí Độ Luận nói: Tuệ nhãn, Phật nhãn, pháp nhãn đương nhiên là thù thắng, nhưng không thể thấy pháp của chúng sanh, muốn thấy chúng sanh thì cần

phải dùng nhục nhãn. Bởi vì muốn độ hóa chúng sanh thì phải hiện ra Phật có hình tướng, cho nên phải có cả nhục nhãn. “Hiểu rõ pháp tánh”, Sư Cảnh Hưng nói: bạn tương ưng với tất cả chủng trí của Phật thì có thể hiểu rõ trung đạo đệ nhất nghĩa đế, cũng gọi là hiểu rõ pháp tánh.

Tiếp theo tôi muốn nói rõ với mọi người một vấn đề. Đó là pháp nhãn và tuệ nhãn trong một số kinh có thứ tự sắp xếp không như nhau. Trong kinh Vô Lượng Thọ thì tuệ nhãn là thứ tư, pháp nhãn là thứ ba. Kinh Kim Cang và những kinh khác thì pháp nhãn là thứ tư, tuệ nhãn là thứ ba. Vì sao lại có hai loại sắp xếp này? Chúng ta hãy xem hai cách giải thích.

Cách giải thích thứ nhất là: pháp nhãn, thiên nhãn và nhục nhãn đều có thể nhìn thấy tục đế, độ chúng sanh thì cần phải dùng pháp nào, đều không lìa khỏi tâm niệm của chúng sanh, phải tương hợp với họ. Tuệ nhãn thấy chân đế, thấy được Phật tánh, chân thì tốt hơn tục, cho nên tuệ nhãn nên ở phía sau, đây là cách sắp xếp và giải thích của kinh Vô Lượng Thọ.

Cách giải thích thứ hai là bởi vì trước tiên thấy được chân không thì mới có thể độ chúng sanh, thế nên tuệ nhãn ở trước, pháp nhãn ở sau. Đây là cách sắp xếp và giải thích của kinh Kim Cang.

Hoa Nghiêm Diễn Nghĩa Sao nói: “Vì dẫn dắt giáo hóa chúng sanh nên trước tiên tu nhục nhãn”. Vì chúng sanh thì phải tu nhục nhãn. Nhục nhãn thấy thứ rất thô, không thể thấy thứ vi tế, nên phải tu thiên nhãn. Thiên nhãn có thể soi thấy đủ mọi hình sắc, nhưng không thể thấy được chân cảnh, nên phải tu tuệ nhãn. Tuệ nhãn thấy lý, không thể thấy sự, nên phải tu pháp nhãn. Pháp nhãn vẫn chưa viên mãn, nên phải tu Phật nhãn.

Trước tiên phải thấy được Chân thì mới có thể độ sanh, thấu đạt Chân rồi mới có thể dẫn dắt Tục, kinh này cho chân đế vượt hơn tục đế, vì vậy đặt tuệ nhãn ở vị trí thứ tư. Chúng ta không cần tranh cãi cách nào mới tốt, giúp mọi người hiểu được tình hình, giải trừ nghi vấn là được rồi.

Đoạn kinh văn này từ “mật tạng của chư Phật” cho đến “hiểu rõ pháp tánh”, ý nghĩa rất sâu sắc. Phải thấu tỏ mật tạng của Phật, giống như dò theo dòng nước tìm được nguồn. Nghiên cứu một vấn đề, tìm được đầu nguồn nước, lần ngọn tìm được gốc thì không lo việc cành nhánh nữa, chắc chắn sẽ đạt được thôi. Cổ nhân nói: “Đạt



được một thì muôn việc xong”. Nếu có thể thường biết rõ ràng bản thể của Phật, hiểu được mật tạng của Phật thì tự nhiên có thể điều phục các căn. Giống như trong tay có kim cang vương bảo kiếm, ai đến cũng đều chém, Phật đến chém Phật, ma đến chém ma, bản thân cũng không còn, kiếm cũng chẳng phải kiếm, kiếm tự đoạn kiếm.

Khéo biết điều phục, thân tâm bèn hòa thuận; “thâm nhập chánh tuệ” thì điều điều phục được thân tâm; chánh tuệ phân minh thì phiền não tập khí không đoạn cũng tự đoạn. Đây chính là chí nguyện vô thượng, tùy thuận Như Lai, nương theo lời Phật dạy, hành điều Phật đã hành, dùng thất giác, thánh đạo làm chỗ thực tiễn. Ngũ nhãn của Phật trở thành nội dung tu tập của chính mình. Hiểu rõ Chân [đế], thông đạt Tục [đế], tự giác giác tha, thông dong trung đạo, tinh tấn không dừng thì có thể thấu tỏ Phật nhãn vốn có, biết được triệt để hết thấy chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai, đây chính là đã hiểu rõ pháp tánh.

Bắt đầu từ “rót ráo sáng tỏ mật tạng của chư Phật”, đến khi “đầy đủ Phật nhãn thì hiểu rõ pháp tánh”, thế lại quay trở về rồi. Cho nên hết thấy diệu đức thấy đều lưu xuất từ biển đại trí tuệ của Phật, rồi cũng đều chảy trở về biển này.

Trong Văn Sao của Ấn tổ có một đoạn khai thị liên quan đến “trạch pháp nhãn”, đọc thấy rất có lợi ích, nay trích lục ra đây:

“Người học Phật phải nên có trạch pháp nhãn. Các pháp trong Phật pháp đều tốt cả, nhưng phải biết có sự khác biệt giữa tự lực và Phật lực. Các tông Thiên, Giáo, Mật v.v đều phải đoạn hoặc chứng chân thì mới có thể liễu sanh thoát tử. Đoạn hoặc chứng chân, nói sao dễ vậy! Mật tông tuy có nghĩa ngay thân hiện tại thành Phật, nhưng chẳng phải người nào cũng được như vậy, huống hồ Mật tông thường dùng thần thông để thu hút lay động người. Thầy đã dùng cách này để thu hút dẫn dắt người, đệ tử há chẳng hâm mộ thần thông. Nếu tâm mong cầu thần thông chân thành tha thiết đến cùng cực ắt gặp nguy hiểm, khó mà nói hết được. Mong rằng chớ dùng thứ thần thông đó mà hành sự thì đáng mừng lắm thay. Câu chữ của Tông môn là ý ở ngoài lời, vậy nên cần loại trừ hết thấy mà chuyên ròng tham cứu, nếu chỉ đọc được vài loại sách Thiên bèn học đòi dùng cơ phong, thì tội ấy cực nặng. Thí như khẩu hiệu trong quân đội, người ngoài doanh trại chẳng thể biết được, nếu chỉ theo nơi mặt chữ mà giải [nghĩa] cơ phong thì như kẻ ở ngoài doanh trại, nhận bừa rằng khẩu hiệu bên trong là câu gì đó, rồi tự mình trà trộn vào, chẳng phải lập tức bị bắt

mạng đó sao?” Câu này trích từ quyển trung của Ấn Tổ Văn Sao Giải Đại Kinh, từ trang 878 đến trang 879.

Tiết học hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 70

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Biện tài tổng trì, tự tại vô ngại, thiện giải thế gian vô biên phương tiện. Sở ngôn thành đế, thâm nhập nghĩa vị. Độ chư hữu tình, diễn thuyết chánh pháp, vô tướng vô vi, vô phược vô thoát, vô chư phân biệt, viễn ly điên đảo.**

*Biện tài tổng trì, tự tại vô ngại, khéo hiểu rõ vô biên phương tiện của thế gian. Nói lời thành khẩn, chân thật, thâm nhập nghĩa vị. Độ các hữu tình, diễn nói chánh pháp, vô tướng vô vi, không trói buộc cũng chẳng giải thoát, không có các sự phân biệt, viễn ly điên đảo.*

*“Biện tài tổng trì, tự tại vô ngại”*

Trí tuệ biểu hiện nơi ngôn từ thì chính là “biện tài”. Tâm thanh tịnh biểu hiện trong đời sống thì chính là “tổng trì”. Tổng trì chính là tổng cương lĩnh. Hết thầy pháp thế xuất thế gian đều có thể hoàn toàn nắm bắt, thật sự sáng tỏ chân tướng của vũ trụ nhân sanh, trong đời sống được đại tự tại. “Tự tại vô ngại” chính là hạnh phúc, an vui mà người thế gian nói, an lạc vô cùng. Các Bồ-tát trên hội Hoa Nghiêm đều là lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, đời sống như vậy mới mỹ mãn. Người thế gian chúng ta nói mỹ mãn, nói chân thiện mỹ tuệ là hữu danh vô thực. Đời sống mỹ mãn chỉ trong Phật pháp mới có, chỉ có pháp môn Tịnh tông là thù thắng nhất, trong cuộc sống có thể biểu hiện ra đời sống mỹ mãn nhất.

Đoạn kinh văn này “nêu rõ thánh hạnh lợi tha, công đức viên mãn của Đại sĩ cõi Cực Lạc”, chính là nói đến công đức trí tuệ biện tài của Bồ-tát thế giới Cực Lạc. Đã khai trí tuệ, nên biện tài vô ngại. Biện tài là nói trí tuệ biện tài thuyết pháp. Câu “biện tài tổng trì” trong bản dịch thời Tống, bản dịch thời Nguyên là “có các biện tài”, cho nên có hai cách giải thích “biện tài tổng trì”. Một cách giải thích là: tổng trì chính là đầy đủ tất cả, tất cả đều có thì gọi là tổng trì. Cách giải thích khác là: tổng trì là đà-la-ni, tổng trì tất cả. Chính là nói những Bồ-tát này đều đã đắc biện tài đà-la-ni, đà-la-ni vĩnh viễn sẽ không thoái thất.

Tự tại vô ngại là nói biện tài này là hết thảy vô ngại, chính là “tứ vô ngại biện” mà kinh Niết-bàn nói, cũng gọi là “tứ vô ngại trí”. Đó là:

“Pháp vô ngại trí”, thông đạt tên gọi của các pháp, phân biệt không trở ngại, đối với tất cả pháp đều không có chướng ngại, không có nơi nào sinh ra chướng đối hoặc chẳng thể nói ra được.

“Nghĩa vô ngại trí” biết trọn lý của tất cả pháp, thông đạt vô ngại.

“Tư vô ngại trí” có thể hiểu thông các loại ngôn ngữ, có thể tùy ý diễn nói. Một ý nghĩa khác là chỉ cho ngôn thuyết, có một số chỗ chẳng thể biểu đạt bằng ngôn thuyết, nhưng người có được “tư vô ngại” thì có thể dùng đủ mọi tỉ dụ để nói rõ.

“Nhạo thuyết vô ngại trí”, vĩnh viễn sẽ không nói “tôi mệt mỏi rồi, tôi không còn hứng [để] nói nữa đâu”. Còn có một nghĩa là biện luận nói rõ nghĩa của các pháp viên dung không trở ngại. Hoặc là thuận theo sự mong cầu mà vui vẻ dùng phương tiện thiện xảo để nói.

Tứ vô ngại biện cũng gọi là tứ vô ngại trí, cũng gọi là tứ vô ngại giải. Nói biện, nói trí, nói giải đều là cùng một nghĩa, đó là biện tài trí tuệ thuyết pháp cho Bồ-tát. Nếu là thuyết pháp thì gọi là “tứ vô ngại biện tài”.

Kinh Thắng Thiên Vương nói với chúng ta có chín loại biện tài.

Thứ nhất là “biện tài vô trước”. “Trước” trong từ “chấp trước”, biện tài vô trước là không chấp trước. Có người hỏi, không chấp trước mà có biện tài được ư? Có. Vì sao vậy? Không chấp trước là tự tánh, chấp trước là A-lại-da thức. Không chấp trước chẳng những có biện tài, mà còn có biện tài vô tận, chỉ cần bạn không chấp trước thì biện tài sẽ hiện tiền. Cho nên chúng ta học Phật phải thật sự học, thật sự học chính là học buông xả. Pháp thế gian đều dạy chúng ta “cách vật trí tri”, “cách vật” chính là buông xả, buông xả lòng ham muốn; biện tài vô tận chính là “trí tri”, trí tuệ bèn hiện tiền. Cho nên chướng ngại lớn nhất chính là chấp trước, đối lập với người khác, nếu tất cả đều không chấp trước thì chẳng có việc gì cả.

Thứ hai là “biện tài vô tận”, thứ ba là “biện tài tương tục”, thứ tư là “biện tài bất đoạn”, thứ năm là “biện tài không khiếm nhược”, thứ sáu là “biện tài không sợ hãi”, thứ bảy là “biện tài bất cộng”, thứ tám là “biện tài vô biên”, thứ chín là “biện tài được trời người kính trọng”.

Chúng tôi nói một chút về “biện tài bất cộng”, “bất cộng” là không giống với phạm phu thông thường, cũng không giống với thiên nhân thông thường, đây là thứ sẵn có trong tự tánh của chính mình. Bây giờ tập khí phiền não của bạn chưa đoạn hết, biện tài rất ráo viên mãn trong tự tánh không thể hiện tiền, nhưng được Phật lực gia trì. Đặc biệt là giảng kinh dạy học, thật sự phát tâm, cầu Phật gia trì, chẳng phải bản thân chúng ta có năng lực giảng, chúng ta lên đài hoàn toàn nhờ Phật Bồ-tát gia trì, phải vô cùng thành khẩn, chẳng cho mình đứng. Quả thật có những lúc sau khi nói ra bản thân đều rất đắc ý, rất vui, nhưng bản thân biết rằng đây không phải do chính mình nghĩ ra, mà là Phật Bồ-tát gia trì. Điều này hoàn toàn giống với sự lĩnh hội của bản thân tôi, đây chính là biện tài bất cộng.

Chín điều đã nói trên cũng gọi là “biện tài vô ngại”. Đại sĩ ở Cực Lạc đầy đủ các loại diệu biện tài vô ngại như vậy, không có chướng ngại, cho nên gọi là “biện tài tổng trì, tự tại vô ngại”. Trí tuệ biện tài có liên quan đến thứ bậc ngộ nhập trong tu hành, có liên quan đến nhìn thấu, buông xuống. Buông xuống là đối với phiền não chướng, nhìn thấu là đối với sở tri chướng. Hai loại chướng ngại này mỗi người chúng ta đều có, và lại còn rất sâu, chúng ta luôn bị chướng ngại mà không hay không biết, xem kinh không hiểu, xem không hiểu vô lượng nghĩa thậm thâm trong kinh, trong kinh xác thật là vô lượng nghĩa. Thế nên kinh thì vĩnh viễn đọc mãi không chán, vì sao vậy? Tùy theo sự tinh tấn của bạn mà thâm nhập càng sâu. Bộ kinh này Phật nói và Bồ-tát nói không như nhau, Phật nói sâu, Bồ-tát nói cạn. Đại Bồ-tát nói, Pháp thân Bồ-tát nói so với Quyền giáo Bồ-tát nói lại không như nhau, ý vị và mức độ sâu cạn không như nhau. Tôi có được sự lĩnh hội này, giảng bộ kinh này, càng giảng tôi càng hoan hỷ, càng giảng thì ngộ nhập càng sâu, mỗi lần giảng đều có chỗ ngộ mới, giống như cái bóng đèn nhỏ, càng lúc càng sáng. Lần trước giảng chẳng phải là cách nói này, bây giờ đột nhiên hiểu ra, cùng một vấn đề nhưng có tầng nghĩa sâu hơn, có cách nói tầng thứ càng sâu hơn. Đương nhiên nguyên tắc căn bản là “tin tưởng yêu thích lời người xưa, thuật lại chứ không sáng tác” thì không được sửa đổi.

Chúng ta liệu có thể triệt để giảng hết toàn bộ được không? Không thể! Đừng nói là kinh Vô Lượng Thọ, mà một bộ Tâm Kinh hai trăm sáu mươi chữ, bạn từ lúc trẻ học biết giảng, giảng đến lúc già chết, bạn vẫn không thể giảng nó hết toàn bộ được, bạn giảng đến một trình độ nào đó thì thọ mạng đến rồi. Độ thâm sâu của kinh là không đáy, độ rộng lớn của kinh là vô biên, sao bạn có thể giảng rất ráo viên mãn

được, giảng không nổi. Giảng được đến mức nào thì phải xem cảnh giới của chúng ta. Cảnh giới của tôi là gì thì tôi chỉ giảng đến cảnh giới mức đó, chẳng thể nào vượt hơn. Cho nên, nhìn thấu, buông xuống là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc của tu hành. Nếu muốn nghĩ cách nâng cao cảnh giới của chính mình thì đó chính là tiếp tục buông xuống, buông xả tiếp, nhìn thấu hơn, nhìn thấu hơn nữa, đây là bí quyết, là mật mã. Nếu nói là bí mật thì bí mật đó ở nơi bạn.

Chúng ta học tập kinh giáo tuyệt đối không được có ý nghĩa, khẳng định chắc chắn là mỗi chữ mỗi câu trong kinh giáo đều chẳng có nghĩa, đừng suy nghĩ xem nó có nghĩa là gì. Lão pháp sư nói với chúng ta, khi dùng đến, lúc bạn nói thì chính là dùng, lúc dùng thì có vô lượng nghĩa, ý nghĩa này từ đâu mà ra? Từ thính chúng mà có, ý niệm của thính chúng truyền đến tôi, tôi tiếp nhận được. Điều tôi nói, tôi giảng, tôi làm phải khế cơ, thính chúng nghe rồi, xem rồi thì sanh tâm hoan hỷ, vì sao vậy? Họ nghe hiểu rồi bèn được lợi ích. Nếu giảng sâu thì nghe không hiểu, giảng cạn thì họ không muốn nghe, chẳng thú vị. Cho nên, giảng kinh phải nắm được mức độ sâu cạn, đây là điểm quan trọng, cũng là điểm khó. Một bộ kinh giảng xong một lần thì giảng lại từ đầu, lần giảng sau sâu hơn lần giảng trước, càng giảng càng có ý vị. Cho nên vĩnh viễn không thể giảng hết kinh, vĩnh viễn không thể nghe hết kinh. Đây chính là chỗ vi diệu của kinh.

Có một nguyên tắc mà chúng ta phải nắm được, không được lệch hướng, đó chính là không lia tự tánh. Tự tánh là gì? Chân thành, thật thà, đây là tự tánh. Cho nên người chân thành thật thà học Phật thì không ai mà không thành Phật. Đối với điều này chúng ta phải xây dựng tín tâm. Lão pháp sư nói: Chúng ta luôn cần phải tìm vài người nổi bật để làm gương. Ngài nêu ra cho chúng ta hai tấm gương, một vị là người xuất gia - lão hòa thượng thượng Hải hạ Hiền; một vị là người tại gia – lão Bồ-tát Lưu Tố Thanh. Thời gian bảy tám năm đã trôi qua, chúng ta đã học tập chưa? Học được thế nào rồi? Học được điều gì rồi? Điều quan trọng nhất của tấm gương chính là khiến tín tâm của chúng ta vững chãi, không còn hoài nghi nữa. Chỉ cần tin tưởng có thể giới Cực Lạc, có A-di-đà Phật, thật sự chịu niệm câu A-di-đà Phật này, mong muốn đến thế giới Cực Lạc thì không người nào uổng phí cả, người người đều thành tựu. Lợi ích này quá lớn! Lợi ích này không thể tìm thấy trong thế xuất thế gian, thù thắng khôn sánh!

Tiếp theo nói: *“Khéo hiểu rõ vô biên phương tiện của thế gian”*.

Đây là sai biệt trí. Phía trên nói “biết được chân, đạt được gốc” là căn bản trí. Căn bản trí dễ hiểu, sai biệt trí khó hiểu rõ. Từ căn bản trí nhập vào sai biệt trí, cho nên khéo hiểu rõ vô biên phương tiện của thế gian. Phải khéo biết căn tánh của tất cả chúng sanh và thứ mà họ ưa thích, tùy theo căn tánh của họ, tùy theo mức độ phù hợp với họ mà khéo léo thuyết pháp cho họ. Như vậy mới có thể khế hợp căn cơ của họ, khéo hiểu rõ vô lượng phương tiện của thế gian, khéo giảng pháp cho họ.

Hết thầy pháp thế xuất thế gian đều có thể khéo léo diễn giải cho người, khiến người nghe thấy lập tức có được lợi ích chân thật. “Khéo hiểu rõ” là không có pháp cố định, nếu có pháp cố định thì không phải là khéo hiểu rõ. Vì sao không có pháp cố định? Vì căn tánh của mỗi người không như nhau, tình kết trong tâm mỗi người không như nhau, gặp được thiện tri thức, họ có thể giúp bạn tháo gỡ gút mắc trong tâm, bèn được thọ dụng, đây chính là phương tiện khéo léo.

*“Nói lời thành khẩn, chân thật”*

Lời nói ra vô cùng thành khẩn, vô cùng chân thật. Vì bạn đã hiểu rõ căn bản trí, khế nhập lý thật tướng, cho nên đạt được sai biệt trí, có thể tùy theo căn cơ của chúng sanh mà thuyết pháp, người nghe bèn cảm thấy thâm nhập nghĩa vị. Nếu điều bạn nói trình độ rất thấp, người tầm thường nghe rồi cảm thấy rất thú vị, thì đây không gọi là thuyết pháp, mà là ý ngữ. Nếu bạn nói lời thành khẩn chân thật, thâm nhập nghĩa vị thì chúng sanh hữu tình bèn được độ. Diễn nói chánh pháp, do khéo lý nên pháp nói ra đều là chánh pháp.

“Nói lời thành khẩn, chân thật”, đây là điều kiện cơ bản để làm người, không vọng ngữ, đối với tất cả người, tất cả việc đều phải chân thành. “Đế” là thật thà, làm người phải chân thật, phải thật thà, chẳng có mảy may hư ngụy, hư giả. Làm người thì phải có loại tố chất căn bản này.

*“Thâm nhập nghĩa vị”*

“Nghĩa” là nghĩa lý. Hết thầy pháp thế xuất thế gian, những đạo lý thâm sâu vi tế, họ đều hiểu được, đều sáng tỏ.

*“Độ các hữu tình, diễn nói chánh pháp”*

Hai câu này là nói tác dụng. “Các hữu tình” chỉ cho tất cả chúng sanh hữu tình, trên từ Đẳng giác Bồ-tát, dưới đến chúng sanh địa ngục, đệ tử của Di-đà ở thế giới Tây Phương Cực Lạc đều có năng lực thuyết pháp cho họ. Bởi vì mức độ hiểu

sâu, hiểu rộng đối với chân tướng vũ trụ nhân sanh của đệ tử Di-đà ở thế giới Tây Phương Cực Lạc vượt xa tất cả Bồ-tát, cho nên họ có năng lực này. Nếu chúng ta muốn đạt được cảnh giới này thì chỉ có một phương pháp, đó là nương theo lời dạy của kinh Vô Lượng Thọ mà tu học, hễ thật sự nghiêm túc tu học thì một đời này nhất định có thể vào được cảnh giới này. Nếu không nương vào đây mà tu hành, đừng nói là một đời không được, cho dù mười đời, trăm đời có lẽ cũng chẳng thể chạm đến mép rìa.

Chánh pháp chính là “vô tướng, vô vi, không trói buộc, cũng chẳng giải thoát”. Hiện nay một số người dùng tâm luyện công mà học Phật, hy vọng đạt được công đức, mong rằng rất nhanh sẽ được thể này thể nọ, đây đều là hữu tướng, hữu vi, đây chẳng phải Phật pháp. Tịnh Ảnh Sớ nói: “Các pháp đều là không, nên gọi là vô tướng”. Trước đây từng nói: Vô tướng và không chẳng hề khác biệt, tuy viết không như nhau, nhưng kỳ thực là cùng một việc. Các pháp đều là không, nên gọi là vô tướng, Niết-bàn gọi là vô tướng. Kinh Niết-bàn nêu ra 10 ví dụ là: sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng, sanh tướng, hoại tướng, trụ tướng, nam tướng, nữ tướng. Những tướng này đều không có, cho nên gọi là vô tướng; không có nhân duyên tạo tác, cho nên là vô vi. Chẳng phải dựa vào một số điều kiện mà lên kế hoạch sắp xếp.

*“Vô tướng, vô vi, vô phược, vô thoát, vô chur phân biệt, viễn ly điên đảo”*

Bốn câu này về mặt nghĩa lý mà nói còn sâu hơn những câu trước đó, là đạt được đại tự tại chân thật, cùng với quả địa Như Lai là không hai không khác. Phải đặc biệt chú ý năm chữ “vô” này, phải lý giải chính xác, không được hiểu sai, không được hiểu lầm, không được hiểu cong lệch.

Chữ “vô” nói ở đây chẳng phải không có gì cả, không được nói thành không của không có. Trên sự là có, trên lý là không; trên tướng là có, trên tánh là không, phải hiểu rõ đạo lý này. Vô tướng chẳng phải là không có tướng. Chư Phật Như Lai ứng hóa ở thế gian, hiện ra 32 tướng, 80 vẻ đẹp, sao nói là không có tướng được? Như Tỳ-lô-giá-na Như Lai trên hội Hoa Nghiêm, Thế Tôn cũng nói rất rõ ràng với chúng ta: “Phật có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp”, sao lại nói là không có tướng? Cho nên nhất định phải hiểu ý nghĩa chân thật của chữ “vô” ở đây thì mới không đến nỗi sinh ra hiểu lầm.



“Tướng có Thể không”, đây là thật. “Sự có Lý không”, điều này trong tất cả kinh luận Phật đều dạy chúng ta không được chấp tướng, vì sao không được chấp tướng? Bởi vì tướng là giả tướng, tướng không phải thật có, tướng là tạm có, chẳng phải thật có, chẳng phải có vĩnh viễn.

“Vô” có nghĩa là không chấp trước vào tất cả hiện tượng. “Vô vi”, vi là hành vi tạo tác. Hết thấy người thế gian ở trong thế gian này chẳng thể vô vi được, nếu thật sự vô vi thì bạn không thể nào đến thế gian này được. Chư Phật Bồ-tát ứng hóa trong thế gian này, các ngài cũng là hữu vi, các ngài cũng không thể vô vi, các ngài độ hóa chúng sanh, đó chính là hữu vi, các ngài có tạo tác. Phật vì tất cả chúng sanh mà giảng kinh thuyết pháp, dẫn dắt mọi người tu học, cũng là hữu vi. Hữu vi thì sao lại nói là vô vi? Không chấp trước hữu vi thì chính là vô vi.

Chỉ cần bạn lìa khỏi tất cả huyễn tướng, không chấp tướng, không chấp trước hành vi việc làm mỗi ngày của bạn, tâm của bạn thanh tịnh, tâm thanh tịnh chính là chân tâm, chân tâm là vô vi. Bồ-tát của thế giới Cực Lạc ở thế giới mười phương, trên cúng dường chư Phật, dưới độ hóa chúng sanh, vì sao vẫn không thoái chuyển? Hóa ra các ngài đều là “vô tướng, vô vi”, cho nên không chấp tướng, không động tâm, không thoái chuyển.

*“Không trói buộc cũng chẳng giải thoát”*

Thiền tông có một công án. Có người nói với tổ sư: Nghiệp chướng của con sâu dày, mong được giải thoát. Tổ sư nói: Ai đã trói ông? Người ấy nghe xong ngay đó bèn ngộ ra. “Không trói buộc cũng chẳng giải thoát”, người thế gian gọi vô minh phiền não là trói buộc, bạn đoạn được trói buộc thì “chân” bèn hiển lộ, nên gọi là giải thoát. Nhưng lại không biết rằng vô minh và pháp tánh là một thể, pháp tánh ví như nước, vô minh ví như băng, nước thì không chướng ngại, đến đâu cũng đều có thể thích ứng, băng thì có chướng ngại, đến đâu cũng không thích ứng. Băng và nước tuy không cùng một tướng, nhưng bản thể đều là H<sub>2</sub>O. Cho nên toàn bộ thể của băng ví cho vô minh này chính là nước ví cho pháp tánh, chính là không có trói buộc, cũng chẳng có giải thoát.

Đại sư Lục tổ Huệ Năng nói “vốn chẳng có một vật” thì ai đến trói buộc bạn? Không có ai trói buộc bạn. Thứ trói buộc bạn chính là tri kiến của bạn, là phiền não của bạn. Bạn không biết tri kiến và phiền não đều là không. Tánh của phiền não là không, không có tự tánh; tri kiến là vọng tưởng. Không có người trói buộc bạn, đã

không có người trói buộc bạn thì A-la-hán, Bích-chi Phật đắc được giải thoát cũng là giả. Không có người trói buộc bạn thì lấy đâu ra giải thoát? Cũng chẳng có giải thoát.

Phiền não của chúng ta là thật có, chẳng những có mà còn quá nhiều quá nhiều. Vọng tưởng cũng là thật có, hơi muốn tĩnh lặng một chút thì không biết có bao nhiêu là vọng niệm. Phật vì sao nói không? Vì thật sự là không. Vậy những hiện tượng, hành vi tạo tác, trói buộc, giải thoát, những việc này từ đâu sanh ra? Từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước sanh ra. Phật dạy chúng ta “không có các sự phân biệt”, chính là trong kinh Kim Cang, Phật dạy Tu-bồ-đề “không chấp vào tướng, như như bất động”.

*“Không có các sự phân biệt”*

Không có các loại phân biệt thì chính là bất nhị. Bất nhị chính là “như”, là bình đẳng, không có sai biệt. Các pháp đều là “như”, tất cả pháp đều là “như”, do vậy gọi là “như như”. Đại thừa Nghĩa Chương nói: “Hai bên đều là như, nên gọi là như như”. Họ cũng như, mình cũng như, tất cả đều là như, cho nên gọi là như như. “Như thì chẳng phải hư vọng, cho nên trong kinh cũng gọi là chân như”, là bản thể thực tế, chẳng phải hư vọng, cho nên gọi là chân như, là chân đế.

Những thứ nói trên đều là danh tướng, biểu đạt pháp chân thật bình đẳng, không hư vọng. Kinh Văn-thù Bát-nhã nói: “Nếu tin tất cả pháp đều là Phật pháp, không sanh kinh sợ, cũng không nghi hoặc, người kiên trì tin nhận như vậy sẽ nhanh đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Nếu bạn có thể tin tưởng tất cả pháp đều là Phật pháp, kinh Kim Cang có câu: “Tất cả pháp đều là Phật pháp”. Câu này với câu “tất cả đều thành Phật”, “tất cả sự rốt ráo kiên cố” đều là một hệ truyền thừa. Nghe được pháp này, không sanh kinh sợ, cũng không nghi hoặc, có thể kiên trì gìn giữ như vậy thì rất nhanh thành Phật. Đây là ngài Văn-thù thọ ký cho mọi người.

Kinh Đại Bảo Tích nói: “Bản tánh của các pháp đồng với Phật tánh, cho nên các pháp đều là Phật pháp”. Bản tánh của các pháp đều tương đồng với Phật pháp, vì vậy các pháp đều là Phật pháp. Giống như bản tánh của băng giống bản tánh của nước. Cáp Nhĩ Tân dùng băng làm thành trăm ngàn mô hình điêu khắc băng, nhưng bản thể thực tế của nó chính là H<sub>2</sub>O, băng và nước là một, là một mà lại trăm ngàn

vạn kiêu. Cho nên nếu có thể tin tưởng tất cả pháp đều là Phật pháp thì sẽ giảm bớt rất nhiều phân biệt, tranh đấu, ưa ghét lấy bỏ.

*“Viễn ly điên đảo”*

Không có phân biệt thì viễn ly điên đảo.

*“Đối với tất cả thọ dụng đều không chấp giữ”*

Hai câu này là nói thọ dụng tự tại. Đối với thọ dụng ở thế giới Cực Lạc và thọ dụng ở thế giới phương khác đều không chấp giữ, biết tất cả đều là không nên không khởi ý niệm gì cả.

Đại sư Ấn Quang đối với hai câu này khai thị như sau: “Sáu căn đối với sáu trần (mắt đối sắc, tai đối âm thanh, mũi đối mùi hương, lưỡi đối vị, thân đối với xúc chạm, ý đối với cái biết) thấy đều không chấp giữ, chính là nhiếp trọn sáu căn. Khiến cho tức khắc toàn thân buông xuống, nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Lúc niệm thì trong tâm phải niệm cho rõ ràng, trong miệng niệm cho rành rẽ, trong tai nghe thấy rõ ràng. Do tâm vừa khởi niệm bèn có thanh tướng, tai của chính mình nghe âm thanh trong tâm chính mình, vẫn là rõ ràng rành rẽ. Có thể thường nghe rõ ràng, thì tâm gom về một chỗ, thân không rong ruổi ra ngoài. Nên mắt cũng không nhìn thứ khác, mũi cũng không ngửi gì khác, thân cũng không phóng dật, cho nên gọi là nhiếp trọn sáu căn. Niệm Phật như vậy thì gọi là tịnh niệm. Nhiếp tâm vào Phật hiệu thì tạp niệm tuy chưa hết sạch nhưng đã giảm bớt rất nhiều. Nếu có thể thường giữ liên tục, cạn thì có thể được nhất tâm bất loạn, sâu thì được niệm Phật tam-muội. Vì lý do này mà ngày thường hãy gắng sức chuyên tâm dốc chí nơi yếu nghĩa này vậy”.

Khai thị của đại sư ngắn gọn, thẳng thắn, nói thấu đáo nên nhiếp cái gì, không nhiếp cái gì, thứ nên nhiếp thì nhiếp thế nào, làm thế nào nhiếp trọn sáu căn, đều nói rõ ràng rồi, chỉ xem xem chúng ta làm thế nào thôi.

*“Đi khắp cõi Phật, không ưa không chán”*

Đây là nói diệu dụng tự tại. Các đồng tu hãy chú ý, “đi khắp cõi Phật, không ưa không chán”, chúng ta phải chú ý đến hai từ, một là “khắp”, hai là “chán”.

“Khắp” là Bồ-tát vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đến cõi nước chư Phật mười phương cúng dường và tham học. “Khắp” là chỉ phạm vi, đi hết toàn

bộ không sót một nơi, nhằm biểu đạt diệu dụng tự tại của các Bồ-tát thế giới Cực Lạc, đến đi tự do, đây là điều không có ở các cõi Phật khác.

“Chán”, đừng hiểu sai ý nghĩa của từ này, đừng đem “chán” trong “chán lia Ta-bà” giải thích thành chán ghét, nói là chán ghét thì sai rồi. Chán lia ở đây chính là nghĩa không lưu luyến, nghĩa là đối với thế giới Ta-bà chẳng có điều gì không thể xả bỏ. Lưu luyến thế giới Ta-bà thì không thể vãng sanh thế giới Cực Lạc. Cũng chẳng phải là chán ghét, không quay về nữa, vậy thì không đúng rồi, phải phổ độ bình đẳng! Thế giới Ta-bà rất có duyên với chúng ta, chúng sanh có duyên mà bạn không độ thì bạn độ ai? Thái độ chính xác đó là không lưu luyến cũng không chán ghét. Nhưng có một điều cần chú ý là tín niệm cầu sanh Tịnh độ tuyệt chẳng thể thay đổi!

*“Cũng không có ý niệm mong cầu hay không mong cầu”*

Hy là hy vọng, cầu là mong cầu. Bồ-tát không có ý niệm này, Bồ-tát là có nguyện chứ không có cầu, có nguyện không có mong cầu thì tự tại. Có nguyện, phía sau còn có mong cầu thì đó là gánh nặng rất lớn, cũng rất khổ. Khổ gì vậy? Khổ do cầu không được. Sau khi cầu được lại lo được lo mất, vẫn là khổ. Chúng ta nên dùng thái độ như thế nào? Có mong cầu hay không? Không có mong cầu, cũng chẳng có không mong cầu, tất cả tùy duyên.

Kinh Kim Cang Tam-muội nói: Vào đạo tuy nhiều đường, nhưng cốt yếu không ngoài hai loại. Một từ lý vào, hai từ hành vào. Một loại là từ bản thể mà nhập đạo, một loại là từ thực hành mà nhập đạo. Từ hành vào thì có bốn loại, loại thứ ba trong đó là hành vô sở cầu. Người đời thường mê, tham cầu mọi thứ, cầu cái này, cầu cái kia, cầu danh văn, cầu lợi dưỡng. Có người chỉ biết cầu lợi thì không tốt, không biết rằng cầu tiếng tăm, được người khác cung kính, khiến người khác biết mình tốt, việc này cũng y như cầu lợi, cầu vàng bạc đô-la.

Bậc trí ngộ được chân đế nên tâm họ an, bởi vì tất cả pháp vốn là vô sở hữu, vốn là tịch diệt, nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh. Tự tánh có thể sanh ra vạn pháp, họ ở đây có thể an tâm, là an thật sự, chẳng thể nào hình dung, vượt hơn tất cả thế gian, có đủ công đức và trí tuệ của Phật. Họ chẳng vì cái gì, không còn vì gì nữa. Vạn hữu đều là không, chẳng có mong cầu, thật sự không có mong cầu, cho nên đây gọi là hành vô sở cầu. Câu này của chúng ta là “không có ý niệm mong

cầu”, đối với tất cả cõi Phật không ưa không chán, đã không ưa, cũng không chán, đây chính là ý niệm vô sở cầu.

Còn có “chẳng có ý niệm không mong cầu”, nghĩa là cũng chẳng có việc không mong cầu. “Chẳng lập một pháp” mới là không mong cầu thật sự. Không mong cầu là vô vi, chẳng có không mong cầu là không trụ ở vô vi, đây là sự tu trì của Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc, chẳng phải là cảnh giới của chúng ta. Ngay cả muốn vô vi, không muốn hữu vi thì cũng là mong cầu, là có ưa có chán, thích vô vi, chán hữu vi. Trí tuệ của Bồ-tát có thể bài trừ chính mình. Không được mong cầu, đây là từ hành mà vào; đến khi làm được “cũng không có ý niệm chẳng mong cầu” thì khéo nhập trung đạo, là đi vào từ lý.

Vì vậy bình đẳng là “*cũng không có ý niệm oán trái giữa ta và người*”.

Người đúng mình sai, ta và người chính là nhân ngã. Giữa người và người có rất nhiều ý kiến, đều là bản thân đúng, người khác sai, giống với ý mình thì thuận, trái với ý của mình thì kết oán. Vì sao các Bồ-tát ở thế giới Tây Phương Cực Lạc không có những việc này?

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Bỉ chur Bồ-tát, ư nhất thiết chúng sanh, hữu đại từ bi lợi ích tâm cố, xả ly nhất thiết chấp trước, thành tựu vô lượng công đức, dĩ vô ngại huệ, giải pháp như như, thiện tri tập diệt âm thanh phương tiện, bất hân thế ngữ, nhạo tại chánh luận.**

*Các Bồ-tát ấy đối với tất cả chúng sanh do có tâm đại từ bi làm lợi ích, lìa bỏ hết thảy chấp trước, thành tựu vô lượng công đức, dùng trí tuệ vô ngại, thấu rõ các pháp là như như, giỏi biết âm thanh phương tiện tập diệt, không thích ngôn luận thế gian, thích luận chánh pháp.*

Đoạn kinh văn này là câu trả lời cho phần sau cùng của đoạn kinh văn phía trên nêu ra câu hỏi vì sao. Ở đây giải thích rằng, “bởi vì Bồ-tát đối với tất cả chúng sanh có tâm đại từ bi làm lợi ích”. Câu này là tổng thuyết, các ngài là “ngay nơi tướng mà lìa tướng, ngay đó và lìa bỏ đồng thời”, đây là thật sự lợi mình lợi người. Lợi ích đối với chính mình là trải sự luyện tâm, tu định tuệ của chính mình; đồng thời còn có thể giúp tất cả chúng sanh, đây là từ bi chân thật, cộng thêm

chữ “đại”, chính là không có phân biệt chấp trước, nên là đại từ bi. Các ngài phải xa lìa tất cả chấp trước, vọng tưởng, thành tựu vô lượng công đức, các ngài đã thành tựu được vô lượng công đức rồi, dùng trí tuệ vô ngại thấu rõ các pháp là như như.

Hội Sớ nói: “Như như nghĩa là chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng phải không, chẳng phải có. Chính là tướng trung đạo đệ nhất nghĩa đế”. Tịnh Ảnh Sớ nói: “Thấu rõ các pháp là như như, là sự lý giải của các ngài”, là sự lý giải đối với các pháp của Đại sĩ cõi Cực Lạc. “Như như” nói ở đây là một trong năm pháp được nói trong kinh Lăng-già. Năm pháp là: một là tướng, hai là danh, ba là phân biệt, bốn là chánh trí, năm là như như. Chánh trí là trong tâm vô lậu còn có vọng tưởng, chẳng phải hoàn toàn là trí tuệ. Người chân thật tu hành, tuy đã có tâm vô lậu rồi, nhưng khi chưa chứng quả vẫn có vọng tưởng, đây gọi là chánh trí. Từ vọng tưởng trong chốc lát nhảy sang chân như, thì chỉ có Thiên tông, đó lại là một con đường khác.

Chúng ta nếu từ chánh trí đi vào như như, dù đã như rồi nhưng hai bên vẫn không phải một, chẳng phải khác, không có ý niệm thuận nghịch, có thể bình đẳng phổ độ, không còn chấp trước nữa thì có thể thành tựu tất cả công đức.

Công đức, công là công phu tu hành, đức là thu hoạch của việc tu học, gọi là công đức. Cho nên, công đức phải dựa vào chính mình tu hành, người khác không thể giúp bạn được, bất kỳ người nào cũng không thể giúp được.

*“Dùng trí tuệ vô ngại, thấu rõ các pháp là như như”*

Câu này nói đến công đức lợi tha. Phần trước nói tự lợi, ở đây nói lợi tha. Nhất định là sau khi tự lợi mới có thể lợi tha, bản thân vẫn chưa khế nhập cảnh giới này, muốn giúp đỡ người khác thì chẳng thể được. Ví dụ giảng kinh, giảng sai kinh thì có trách nhiệm hay không? Có trách nhiệm. Giảng sai rồi sẽ làm lầm lạc người khác, chính mình đi sai đường thì không thể trách người khác, nếu bạn chỉ người khác đi sai đường thì phải gánh trách nhiệm nhân quả. Cổ nhân thường nói: “Chuyên ngữ sai một chữ, đọa thân chôn hoang năm trăm đời”, đây là công án về đại sư Bách Trượng của Thiên tông. Đây là giảng kinh đã giảng sai một chữ, đó lại là chữ quan trọng then chốt, nếu sai chữ then chốt này thì nguy hại vô cùng, bạn đã chỉ sai phương hướng tu hành cho người khác rồi. Cho nên trước tiên nhất định phải chính mình khế nhập cảnh giới rồi sau đó tri kiến của bạn mới thật sự chính xác.

“Dùng trí tuệ vô ngại, thấu rõ các pháp là như như”, thật sự thấu tỏ vạn pháp đều là như, không có pháp nào chẳng phải như. Nếu không thể thấu rõ các pháp là như như thì chắc chắn bạn sẽ giảng sai ý nghĩa. Đến khi nào bạn mới có thể thấu rõ các pháp là như như? Khi xả ly tất cả chấp trước thì bạn mới có thể thấu rõ các pháp là như như. Vì sao A-la-hán không có bản lĩnh này? Bởi vì A-la-hán còn có pháp chấp, cho nên không thể thấu rõ các pháp là như như.

Chúng ta làm thế nào mới có thể khế nhập cảnh giới? Buông xuống, buông xuống, tiếp tục buông xuống. Buông xuống cái gì? Buông xuống chấp trước, đối với tất cả pháp đều không chấp trước. Vì sao không chấp trước? Bởi vì nó là vô sở hữu, nó chẳng thể đạt được, cho nên phải buông xuống. Buông xuống thì trong tâm của chúng ta không còn chướng ngại nữa, chướng ngại làm chướng ngại trí tuệ công đức của tự tánh đã bị triệt tiêu rồi, tự tánh dần dần phóng quang. Buông xuống càng nhiều thì quang phóng ra càng lớn, bạn đối với tất cả pháp toàn bộ thông đạt sáng tỏ, như như, thấu rõ các pháp là như như, đã hoàn toàn hiểu rõ rồi. Bản thân sáng tỏ rồi, đã thành Phật rồi, đây là tự độ; giúp đỡ người khác thành Phật, đây là độ tha.

Chúng sanh mặt pháp rất khổ, khổ từ đâu mà đến? Từ trong mê mà ra, chúng sanh rất khổ, mê rất sâu, càng càng khó giáo hóa. Chư Bồ-tát phải dùng phương pháp khế cơ phương tiện khéo léo để giáo hóa chúng sanh, đây gọi là “ứng cơ thuyết pháp”. Người thuyết pháp thật sự đã khế nhập như như, nếu bản thân chẳng thể như như thì sao bạn có thể dạy người khác như như được?

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 71

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

*“Giỏi biết âm thanh phương tiện tập diệt”*

“Tập diệt” chỉ cho *tập đế* và *diệt đế* trong tứ đế (khổ, tập, diệt, đạo). Trong tập đế bao gồm khổ, trong diệt đế bao gồm đạo. Nói hai từ tập diệt, nhưng trên thực tế là đại biểu cho pháp tứ đế. Giáo pháp tứ đế là phương tiện mà nói, cho nên gọi là âm thanh phương tiện. Họ có phương tiện độ sanh, biết rành về giáo lý tập thiện thì gọi là tập âm thanh, rành về giáo lý diệt ác thì gọi là diệt âm thanh. Âm thanh là lời dạy trong giáo lý, lời nói trong giáo lý. Bỏ-tát đối với những điều này có thể hiểu rõ, lại còn biết rành, khéo biết, cho nên gọi là “phương tiện”.

*“Không thích ngôn luận thế gian, thích luận chánh pháp”*

Hội Sớ nói: Nêu rõ việc lia lổ, [đó là] chẳng ham bàn luận những việc vô ích của thế gian, riêng ưa nói về liễu nghĩa rốt ráo xuất thế của Đại thừa. Lời liễu nghĩa đệ nhất nghĩa đế rốt ráo thì mới gọi là “chánh luận”.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Tri nhất thiết pháp, tất giai không tịch, sanh thân phiền não, nhị dư câu tận. Ư tam giới trung, bình đẳng cần tu cứu cánh Nhất thừa, chí ư bỉ ngạn, quyết đoạn nghi vọng, chứng vô sở đắc. Dĩ phương tiện trí tăng trưởng liễu tri. Tùng bản dĩ lai, an trụ thần thông, đắc Nhất thừa đạo, bất do tha ngộ.**

*Biết tất cả pháp đều là không tịch, dứt hết nhị dư: phiền não và sanh thân. Ở trong ba cõi bình đẳng siêng tu Nhất thừa rốt ráo, đạt đến bờ kia, quyết dứt lưới nghi, chứng vô sở đắc. Dùng phương tiện trí để tăng trưởng liễu tri. Từ xưa đến nay an trụ trong thần thông, đạt đạo Nhất thừa, chẳng từ bên ngoài mà ngộ.*

Đoạn kinh văn này nói về đức hạnh viên mãn của Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc. Đức hạnh viên mãn được kiến lập trên nền tảng trí tuệ chân thật. Trí tuệ chân thật là gì? Biết tất cả pháp đều là không. Tâm Kinh dạy chúng ta: “Sắc tức là không, không tức là sắc, sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc”. Không khác chính là hoàn toàn như nhau, không phải hai thứ. “Sắc” là tất cả mọi hiện tượng, tất cả hiện



tượng đều không phải thật, chẳng những tất cả hiện tượng trọn chẳng thể đạt được, mà thân thể của chính chúng ta cũng trọn chẳng thể đạt được.

Đức hạnh của Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc vì sao có thể viên mãn? Bởi vì biết rõ, “biết hết thấy pháp đều là không tịch”. Tám chữ này gọi là “nhìn thấu”. Vì sao chúng ta không thể buông xả? Do nhìn không thấu. Nhìn không thấu điều gì? Nhìn không thấu “biết hết thấy pháp đều là không tịch”. Tất cả pháp, thế pháp và Phật pháp đều bao gồm trong đó. Thế nên kinh Kim Cang nói với chúng ta: “Pháp còn phải xả, huống là chẳng phải pháp”.

Không những pháp thế gian là giả, mà pháp xuất thế gian cũng là giả. Hai thứ giả đều phải buông xả thì cái thật mới có thể hiện tiền. Cái gì là thật? Chân như bản tánh. Bốn câu kệ sau cùng của kinh Kim Cang nói rất hay, nói với chúng ta chân tướng sự thật: “Tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bọt bóng, như sương cũng như chớp, hãy nên quán như vậy”. Thế pháp, Phật pháp đều là “thấy đều không tịch”, người đại triệt đại ngộ thì làm Phật sự ở trong không tịch. Ai biết được không tịch? Pháp thân Bồ-tát, [Bồ-tát] Sơ trụ của Viên giáo trở lên, đây là kinh Hoa Nghiêm nói. Nếu là Biệt giáo thì phải từ Sơ địa trở lên, họ mới có thể vào cảnh giới này, họ không còn mê nữa. Tam hiền Bồ-tát của Biệt giáo chưa kiến tánh, không thể sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Trong cõi Thật Báo có 41 cấp bậc, 41 cấp bậc này chính đều là Viên giáo: Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, họ đều đã kiến tánh, gọi là kiến tánh nghĩa là họ đã thấy được chân tướng sự thật rồi.

Cái gì là thật? Thường Tịch Quang là thật. Đây là cấp bậc cao nhất của Tịnh độ tông. Lý này rất sâu. “Biết hết thấy pháp đều là không tịch”, đây là cảnh giới của Bồ-tát.

Thế nào là không? Không nghĩa là chẳng thể đạt được. Bạn không thể đạt được, chẳng cách nào có được, không cách nào nắm giữ, không ché. “Bồ-tát của Cực Lạc do trí tuệ bát-nhã mâu nhiệm nên biết rõ hết thấy các pháp sau cùng đều là vô sở hữu, chẳng thể đạt được, bình đẳng không tịch”.

Kinh Duy-ma-cật nói: “Các pháp rốt ráo vô sở hữu, là nghĩa của không”. Hội Sớ nói: “Trí tuệ bát-nhã nhiệm mâu chứng tịch diệt bình đẳng, cho nên nói biết hết thấy pháp đều là tịch diệt”. Trí tuệ bát-nhã thù thắng có thể chứng được tất cả đều tịch diệt. Bồ-tát Quán Thế Âm đã chứng được sanh diệt đều diệt, tịch diệt hiện tiền; ba thứ: tâm, Phật, chúng sanh đều bình đẳng. Xin tổng kết một chút về hàm

nghĩa chân thật của “biết hết thấy pháp đều là không tịch”. Tất cả pháp đều là không tịch, chẳng thể đạt được, không có tự tánh, nhưng chẳng phải là cái không của đoạn diệt.

*“Dứt hết nhị dư: phiền não và sanh thân”*

Sanh thân chính là nhục thân phần đoạn sanh tử này và thân biến dịch sanh tử của Bồ-tát. Sanh thân là khổ quả, là một trong nhị dư, cái này có tàn dư. Phiền não là nhân của [các] hoặc [chướng], cũng là một trong nhị dư. Hai loại tàn dư này chính là dư tập, nếu đều dứt hết thì gọi là dứt hết nhị dư, chính là đoạn hết tất cả triền phược của quả hữu lậu.

*“Ở trong ba cõi bình đẳng siêng tu”*

Ở Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới đều bình đẳng siêng tu.

*“Nhất thừa rốt ráo, đạt đến bờ giải thoát”*

“Nhất thừa rốt ráo” chính là một câu A-di-đà Phật. Pháp môn niệm Phật, cổ đức gọi là Nhất thừa trong Nhất thừa, Đại thừa của Đại thừa, là đại pháp rốt ráo viên mãn. Đây là con đường chánh duy nhất để thành Phật, là giáo pháp viên đốn bậc nhất. Pháp Hoa, Niết-bàn là pháp Nhất thừa. Pháp Hoa nói: “Trong mười phương cõi Phật chỉ có pháp Nhất thừa, không hai cũng không ba, trừ Phật phương tiện nói”.

Nói đến rốt ráo thì mười phương cõi Phật đều là pháp Nhất thừa, trừ khi Phật từ bi nhìn thấy căn khí của chúng sanh thật sự chẳng đủ nên phương tiện nói pháp Tam thừa. Nếu luận thực tế thì đều là pháp Nhất thừa. Phật pháp tuy có tám vạn bốn ngàn pháp môn, dường như có rất nhiều thừa, nhưng trên thực tế đều không khác nhau. Sau cùng đều khiến mọi người chứng được ba đức của Niết-bàn, cho nên “bậc Bạc-già-phạm mười phương đều một đường vào cửa Niết-bàn”. Đối với Nhất thừa như vậy, bạn có thể hiểu cùng tột thì gọi là rốt ráo. Đại Bồ-tát của thế giới Cực Lạc bi nguyện rộng sâu, tuy ở thế giới Tây Phương Cực Lạc nhưng vẫn thị hiện ở trong ba cõi. Ở trong ba cõi bình đẳng siêng tu, sau cùng rốt ráo thông đạt đạo lý thật tướng Nhất thừa, đến bờ Niết-bàn bên kia, cho nên nói là “đạt đến bờ kia”.

*“Quyết dứt lưới nghi”*

Lưới nghi có hai cách giải thích. Tịnh Ảnh Sớ nói: “Trừ vọng hiển chân gọi là đoạn lưới nghi”. Trừ vọng rồi thì chân hiển hiện, còn nghi gì nữa? Gia Tường Sớ

nói: “Quyết dứt lưới nghi là có thể đoạn nghi hoặc của chúng sanh”, chính là nói: Bồ-tát có thể khiến cho những chúng sanh khác đoạn dứt nghi hoặc. Trên thực tế hai điều này không hề có sự khác biệt nào. Nếu có thể khiến chúng sanh đoạn dứt nghi hoặc, trên thực tế cũng chính là bản thân mình không còn nghi hoặc nữa. Hai cách mỗi bên nói một nửa, hợp lại thì viên mãn.

Đại sư Ấn Quang nói: “Pháp môn Tịnh độ là chỗ quy túc của các pháp, là pháp mà người giác ngộ nương vào để tự lợi lợi tha, sao trước chẳng nghiên cứu hòng đạt được tuyệt chẳng hề nghi, không bị ngôn ngữ và tri thức của tất cả kinh giáo làm dao động. Nếu nghiên cứu sơ sài các kinh điển khác, ắt càng nghiên cứu thì càng thấy Tịnh độ là tầm thường. Nếu trước đã hiểu Tịnh độ như thế nào, lại nghiên cứu các kinh luận khác thì càng nghiên cứu sẽ càng thấy Tịnh độ là cao thâm”.

### *“Chứng vô sở đắc”*

Đắc Bát-nhã ba-la-mật bèn đắc Tam-miệu Tam-bồ-đề. Kinh Niết-bàn nói: “Vô sở đắc gọi là tuệ, có sở đắc thì gọi là vô minh”. Câu này lẽ ra nên trở thành lời cảnh tỉnh. Hễ bạn có sở đắc thì chính là vô minh hiện tiền, “có sở đắc thì gọi là vòng sanh tử”. Bạn có chỗ đắc, nói tôi đã chứng rồi, tôi ngộ rồi, thì đều là bốn tướng nhân ngã. “Hết thấy phàm phu đều luân hồi sanh tử, cho nên có sở kiến”. Bồ-tát vĩnh viễn đoạn dứt hết thấy sanh tử, cho nên gọi là vô sở đắc. Tâm vô sở đắc chính là trí vô phân biệt.

Kinh Duy-ma-cật, Huệ Viễn Sớ nói: “Bồ-tát phá trừ tình và tướng đạt đến chỗ vô sở đắc, cho nên gọi là đạt đến vô sở đắc”. Bồ-tát lìa khỏi tình chấp, phá các tướng, đạt đến chỗ vô đắc, chứng vô sở đắc chính là đạt đến chỗ vô đắc.

### *“Dùng phương tiện trí để tăng trưởng liễu tri”*

Bên trên nói “vô sở đắc” là thật trí, là căn bản trí. Căn bản trí khởi tác dụng thì chính là phương tiện trí, phương tiện trí chính là quyền trí. Thích-ca Mâu-ni Phật thuyết pháp cho chúng ta 49 năm là phương tiện trí.

Trước tiên tôi giải thích một chút về hai trí mà bên trên đề cập là: thật trí và phương tiện trí.

Thật trí là một trong hai trí, còn gọi là căn bản trí. Thật trí là trí tuệ chân thật bên trong chân tánh. Phương tiện trí là một trong hai trí, còn gọi là quyền trí, chính

là trí tuệ phương tiện để thuyết pháp tùy theo căn cơ, chỉ cho trí tuệ thông đạt các pháp phương tiện.

Căn bản trí là vô tri, phương tiện trí là không gì không biết. “Bát-nhã vô tri”, nhưng khi khởi tác dụng thì “không gì không biết”. Nếu chúng ta muốn đạt được không gì không biết thì trước tiên phải học vô tri, đây là điều chư Phật Như Lai dạy chúng ta. Đạo lý này rất sâu, rất khó hiểu, nhưng đây là lời chân thật, bạn có tin không? Nghe lời này xong không dám tin, cho nên mọi người gắng sức học cho có tri thức, không chịu học vô tri. Từ hữu tri mà cầu, cầu tới cầu lui đều là thế trí biện thông, hoàn toàn không có phần nơi bát-nhã, căn bản trí, hậu đắc trí.

Phương tiện trí chính là quyền trí, là trí tuệ thông đạt các pháp phương tiện. Quyền trí và thật trí là đối nhau. Có thể thông đạt thật tướng của các pháp thì đó là thật trí của Như Lai, thông đạt sự khác biệt của các pháp thì đó là quyền trí của Như Lai. Đều là đại trí tuệ của Như Lai. Trong Mật giáo dùng cánh hoa sen đại biểu cho quyền trí, tâm của hoa sen đại biểu cho thật trí.

Nói về tình hình hiện thực trong việc học Phật của chúng ta, chúng ta học như thế nào? Chúng ta đang học những gì? Nếu như nói [chúng ta] học Phật không thật thà thì có bao nhiêu người chịu thừa nhận? Chẳng phải đều là thích nghe những lời êm tai, nịnh nọt đó sao, sự thật bạn có thật thà hay không? Chưa chắc. Có người giả thật thà, cũng không ít đâu. Có người thật sự thật thà, thật không nhiều. Hãy dùng lý phục người.

Chư Phật Như Lai dạy chúng ta học vô tri, bạn có tin không? Bạn có học không? Bạn đang gắng sức học hữu tri, thế trí biện thông của bạn mỗi giờ, mỗi ngày, mỗi tháng, mỗi năm đang tăng trưởng. Đối chiếu một chút với lời dạy của chư Phật Như Lai thì bạn đã thật thà chưa?

Chư Phật Như Lai dạy chúng ta hiếu thuận cha mẹ, tôn sư trọng đạo, bạn đã hiếu thuận với cha mẹ chưa? Bạn đã tôn kính thầy chưa? Hiếu với cha mẹ quan trọng ở thuận, trái nghịch với cha mẹ, đối lập với cha mẹ, nói lời tổn thương cha mẹ, làm việc tổn thương cha mẹ thì bất thuận rồi, nói chi đến hiếu. Tôn sư trọng đạo, quan trọng ở y giáo phụng hành. Lời của thầy bạn không nghe, không tin, không làm, tự cho mình cao minh, làm theo cách khác, kết quả là phí hoài năm tháng, chẳng việc nào thành, đáng đến đường nào thì vào đường đó.

Nếu bạn thật muốn học Phật, thật muốn đời này thành tựu thì bắt đầu làm từ đâu? Bắt đầu từ thật làm. Làm thế nào? Theo lời người xưa nói mà thật thà niệm, thật thà niệm thì được rồi. Niệm đến tâm thanh tịnh, trí tuệ bèn hiện tiền. Bát-nhã tuy vô tri mà thứ gì cũng biết, đây là trí tuệ chân thật. Đến khi bạn đích thân trải nghiệm thì bạn mới biết thế nào gọi là pháp hỷ thật sự, sự mỹ diệu đó chẳng thể dùng lời tỉ dụ, cho dù bạn nghe người ta nói thế nào cũng không thể tưởng tượng được, chẳng thể nghĩ bàn! Bạn thật sự phát tâm thật thà niệm rồi thì bạn là đệ tử ngoan của chư Phật Như Lai.

### *“Tăng trưởng liễu tri”*

Sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần không gì không biết, không cần học, nhưng vừa tiếp xúc bèn hiểu rõ. Đồng tu đọc qua Lục Tổ Đàn Kinh đều biết đại sư Lục tổ không biết chữ, chưa từng đọc kinh Pháp Hoa. Pháp sư Pháp Đạt niệm cho ngài nghe thì ngài hiểu, bèn giảng cho Pháp sư Pháp Đạt nghe. Ngài chưa từng học kinh Niết-bàn, tỳ-kheo ni Vô Tận Tạng đọc kinh Niết-bàn cho ngài nghe, thì ngài giảng kinh Niết-bàn cho tỳ-kheo ni Vô Tận Tạng nghe. Ngài chưa từng học Duy Thức vậy mà giảng về tám thức đơn giản rõ ràng, so với pháp sư của Tướng tông giảng còn cao minh hơn rất nhiều, lời đơn giản, ý hoàn bị. Những thứ này ngài đều chưa từng học qua, đây chính là “dùng phương tiện trí để tăng trưởng liễu tri”.

Đại sư Ấn Quang ở núi Linh Nham, Tô Châu xây niệm Phật đường, định ra năm quy tắc, một điều quan trọng nhất là niệm Phật đường chỉ niệm Phật, không giảng kinh, không truyền giới, chính là một câu Phật hiệu niệm đến cùng. Thông thường niệm Phật là mỗi ngày sáu cây hương, một năm có hai lần Phật thất tinh tấn, tăng lên chín cây hương. Đây chính là đề xướng thật thà niệm Phật, thật sự y giáo phụng hành.

Mật tông nói “tăng trưởng liễu tri” chính là khi hoa sen nở, cánh của hoa sen lớn rồi, đó là lúc sự hiểu biết tăng trưởng. Cánh sen đại biểu cho phương tiện trí, hoa nở rồi, phương tiện trí đang tăng trưởng. Lúc hoa nở thì lộ ra nhụy hoa; nhụy hoa biểu thị cho căn bản trí, thật trí. Đây cũng có thể khởi phát cho chúng ta biết phần sáng tỏ của phương tiện trí, quay đầu lại thì có thể khiến cho nguồn tâm hiển lộ triệt để, đây chính là ý nghĩa của “dùng phương tiện trí để tăng trưởng liễu tri”. Chẳng những trong phương tiện lại tăng thêm phương tiện, mà phương tiện càng dùng thì càng thuần thực, vả lại trí lại càng thêm sáng rõ.

*“Từ trước đến nay an trụ thần thông, đắc đạo Nhất thừa, chẳng do bên ngoài mà ngộ”*

Những câu kinh văn này là nói về nguyên nhân mà các Bồ-tát của thế giới Cực Lạc đạt được sự viên mãn rốt ráo. Nguyên nhân các ngài đạt được sự viên mãn rốt ráo là từ trước đến nay an trụ thần thông. Phía trước nói “Nhất thừa rốt ráo” chính là danh hiệu A-di-đà Phật. Ở đây nói “an trụ thần thông” chính là Đại Thế Chí Bồ-tát nói “nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”. Bạn có thể làm được tịnh niệm tiếp nối thì chính là an trụ thần thông, trên hợp với bốn diệu giác tâm.

Đối với quyền trí, thật trí đều sáng tỏ thì thần thông tự nhiên xuất hiện, và lại tất cả diệu đức đều viên mãn. Nhập vào thật tướng, chúng vô sở đắc, vô sở đắc chính là đạo Nhất thừa. Do đây mà đạt được vô sở đắc, điểm này rất quan trọng. Vô sở đắc thì sau cùng đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Khi có sở đắc thì chính là vô minh, đó chẳng phải trí tuệ. Đoạn lời nói này là phần khai thị tinh diệu của Hoàng Niệm lão.

*“Chẳng từ bên ngoài mà ngộ”*

Là nói sự tỏ ngộ chân thật thì phát xuất từ tự tâm. “Chẳng từ bên ngoài mà ngộ”, đây là lời trong bản dịch thời Đường, bản dịch thời Ngụy là “tuệ từ tâm phát ra”, trí tuệ chân thật là từ tự tâm mà có. Tịnh Ảnh Sớ nói: tuệ từ tâm phát ra nghĩa là xuất phát từ trong sự giải ngộ chân thật. Trí tuệ giải ngộ phát xuất từ tâm chính là “chẳng từ bên ngoài mà ngộ”.

“Chẳng từ bên ngoài mà ngộ” được giải thích rõ hơn một chút bởi sư Vọng Tây trong Vô Lượng Thọ Kinh Sớ nói: “Lưới nghi đã đoạn, chột chứng thật lý”. Chữ “chột” này dùng rất hay, chẳng do bạn nghĩ bàn, chẳng do bạn sắp xếp, mà là chột tiếp xúc, chạm vào. Cho nên một chữ của người xưa đều không được bỏ qua, bèn chột chứng ngộ. Trí tuệ năng chứng chẳng thể từ bên ngoài sanh ra, chẳng thể từ bên ngoài mà ngộ, nhất định phải từ trong tâm của chính bạn mà xuất ra.

Thiền tông nói: “Thứ từ ngoài cửa vào chẳng phải là của báu trong nhà”. Cửa là gì? Là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sáu căn đều là cửa. Thứ nhìn thấy, nghe thấy là từ bên ngoài mà đến, chẳng phải là báu vật trong nhà mình. “Vĩnh viễn đoạn dứt mối nghi nhỏ nhiệm thì sáng trong đại ngộ, nhanh chứng thật lý, đắc đạo Nhất thừa”. Đạo Nhất thừa là như vậy mà đạt được, chẳng từ bên ngoài mà ngộ, mà chứng nhập thật

tướng. Các loại diệu trí: Vô sư trí, Tự nhiên trí v.v. nhất tề hiện rõ. Như lời Lục tổ nói: “Bí mật ở nơi ông, chẳng từ bên ngoài mà ngộ”.

Đại sư Ấn Quang khai thị: Đạo Nhất thừa chỉ cho Phật quả của Viên giáo, là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, là pháp tự chứng, chẳng phải đắc được từ bên ngoài. Pháp mà Như Lai tự chứng chính là chân như Phật tánh không sanh không diệt, chẳng có chẳng không, tịch chiếu viên dung nơi nhất chân pháp giới.

Tiếp theo xin quy nạp một chút trọng điểm của kinh văn phẩm thứ ba mươi. Phẩm kinh văn này có chín trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: Thiên định và trí tuệ có quan hệ như thế nào? Có định không tuệ thì biến thành Thanh văn, La-hán của Nhị thừa, đắm chìm trong không tịch, dừng lại ở trong không và tịch, không có trí tuệ, không thể khởi quán chiếu. Có tuệ không định thì giống như tư tưởng tà của ngoại đạo. Một tỉ dụ cho mối quan hệ giữa định và tuệ chính là giống như ánh sáng trong đèn lồng và chụp đèn. Có tuệ mà không định thì giống như đèn không có chụp đèn, gió vừa thổi liền tắt. Có định mà không tuệ thì giống như đèn chưa được thắp, không phát sáng. Tỉ dụ này nói với chúng ta: định tuệ đều quan trọng.

Trọng điểm thứ hai: làm thế nào nhận thức chính xác về thần thông. Thần thông là tự tánh, sáu loại thần thông đều là thứ mà tự tánh vốn sẵn có. Thần thông chẳng phải cầu từ bên ngoài. Không được cầu thần thông, cầu rồi không được đắc, đắc rồi không được dùng, dùng rồi ắt dính ma. Thần thông là chuyện ngọn ngành bên rìa đạo thánh, hễ đạt được gốc rồi, còn lo gì đến ngọn. Thiên định, trí tuệ là căn bản của căn bản. Chư Phật Bồ-tát không dùng thần thông để giáo hóa chúng sanh, mà dùng giảng kinh dạy học để giáo hóa chúng sanh.

Ở đây tôi muốn đặt biệt nhắc nhở các đồng tu, cẩn thận đề phòng chớ mắc lừa. Có người mượn danh nghĩa của Phật giáo, đem Phật pháp nói thành hết sức thần kỳ, vô cùng huyền diệu, dẫn người đi vào mê cung, mục đích là gì vậy? Không ngoài việc lừa tiền, lừa sắc. Làm thế nào để giám định? Hãy nhớ kỹ một điều: y pháp bất y nhân, nhất định phải nương vào kinh điển, nương vào lời dạy của tổ sư đại đức. Tôi có một phương pháp giám định đơn giản nhất, nếu họ vòng vo tam quốc xin hóa duyên hoặc là cầu cúng dường, còn có người khởi phát sự cúng dường của tín chúng, có kẻ biến tướng đòi cúng dường, mượn tiền của tín chúng, chỉ mượn mà không trả, thì đơn giản một câu là: trừ việc tín chúng thông thường cúng dường Tam

bảo ra, phạm việc gì dính dáng đến tiền thì hãy mau chóng tránh xa. Còn có một kiểu là tự mình khoe mẽ, tăng bốc bản thân đến mức thần kỳ, bạn hãy mau chóng tránh xa. Đây là nhân vật thần linh trên điện thờ, cấp đại sư, là vua trong tất cả vua rồi. Chúng ta là nhân vật nhỏ, không thể trèo cao, vẫn là thật thà mà đọc kinh, niệm Phật là ổn thỏa nhất. Dựa vào ai thì chắc chắn vậy? Chỉ có A-di-đà Phật là có thể nương tựa chắc chắn. Đã nhớ kỹ chưa?

Trọng điểm thứ ba: Bạn đối với việc lão Bồ-tát Lưu Tô Thanh năm ngày trước khi vãng sanh thị hiện thân thông, trước đây đã nhận thức thế nào, hiện nay nhận thức ra sao?

Trọng điểm thứ tư: Mật tạng của chư Phật là gì? Giải thích của Hoàng Niệm lão có hai tầng hàm nghĩa. Một là lời của Như Lai sâu xa, phạm phu chẳng thể lý giải, luôn luôn hiểu sai. Hai là mật tạng chính là pháp đà-la-ni, chính là chú. Lão pháp sư giải thích chính là bốn chữ A-di-đà Phật. Diệu thay, diệu thay, diệu diệu thay! Tinh diệu, quá diệu, tuyệt diệu! Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả. Đây là mật tạng của chư Phật. Có mật không? Không mật. Vì sao vậy? Bởi vì ai cũng biết cả. Có mật không? Mật. Vì sao vậy? Bởi vì bạn không biết giá trị món hàng, không biết công đức danh hiệu lớn đến mức nào. Bạn không niệm Phật, hoặc không thật thà niệm Phật, đối với người như vậy thì chính là mật.

Trọng điểm thứ năm: Đối với thất giác thánh đạo, chúng ta cần trọng điểm giải quyết vấn đề gì?

Giác chi thứ nhất là trạch pháp giác chi, phân biệt rõ chân ngụy, giải quyết vấn đề trạch pháp.

Giác chi thứ hai là tinh tấn giác chi, giải quyết vấn đề tu mù luyện quáng, giải quyết vấn đề khổ hạnh vô ích, cho rằng thọ khổ chính là giải thoát, đây là hiểu lầm; giải quyết vấn đề học Phật từ bỏ chủ nghĩa hình thức; giải quyết vấn đề thật sự tinh tấn, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối.

Giác chi thứ ba là hỷ giác chi, giải quyết việc nhận thức thế nào là niềm vui từ chánh pháp sanh ra.

Giác chi thứ tư là trừ giác chi, giải quyết vấn đề người học Phật dụng công đúng đường lối, thân tâm cảm nhận được sự khinh an; giải quyết vấn đề xem học Phật là việc khổ sai, là gánh nặng trầm trọng.



Giác chi thứ năm là xả giác chi, giải quyết vấn đề xả thứ gì, làm sao xả bỏ, phải tùy theo mỗi người, trước tiên phải xả bỏ thứ gây chướng đạo nghiêm trọng nhất, ví dụ tâm tham, tâm sân, tâm đố kỵ v.v.

Giác chi thứ sáu là định giác chi, giải quyết vấn đề các loại giả tướng xuất hiện trong thiền định mà không sanh kiến ái.

Giác chi thứ bảy là niệm giác chi, giải quyết vấn đề định tuệ quân bình.

Những vấn đề chủ yếu mà bát chánh đạo giải quyết là:

Một là chánh kiến, chủ yếu giải quyết vấn đề về tâm chân thành. Tổng cương lĩnh của Phật pháp chính là hai chữ: chân tâm. Người học Phật chúng ta trong cuộc sống phải dùng chân tâm, làm việc phải dùng chân tâm, đối nhân xử thế phải dùng chân tâm.

Hai là chánh tư duy, giải quyết vấn đề về thuần chánh trong tư tưởng. Tư tưởng thuần tịnh là không có tư tưởng, ngôn ngữ thuần chánh là không có ngôn ngữ. Tư duy phải tương ứng với tâm vô lậu, chẳng phải là sự chấp trước lấy bỏ của pháp hữu lậu. Niết-bàn là cảnh giới tư duy cao nhất, chân thật nhất, rốt ráo nhất, viên mãn nhất, chính là nhập Thường Tịch Quang. Đối với người tu học Tịnh tông chúng ta mà nói thì chính là thật thà niệm Phật, cầu sanh Tịnh độ, thân cận A-di-đà Phật.

Ba là chánh ngữ, giải quyết vấn đề dùng trí tuệ vô lậu nhiếp chặt bốn loại khẩu nghiệp là vọng ngôn, lưỡng thiệt, ý ngữ, ác khẩu.

Bốn là chánh nghiệp, trọng điểm giải quyết vấn đề về thân kiến và biên kiến.

Năm là chánh mạng, dùng trí tuệ vô lậu trừ sạch năm loại tà mạng trong ba nghiệp là: trá hiện dị tướng, tự nói công năng, xem tướng đoán kiết hung, lớn tiếng thể hiện uy phong, nói chuyện lợi lộc để động tâm người.

Sáu là chánh tinh tấn, dùng trí tuệ vô lậu mà siêng năng hành trì tinh tấn, hướng đến đạo Niết-bàn.

Bảy là chánh niệm, giải quyết vấn đề tâm không dao động, nào ngờ tự tánh vốn không dao động, không bị cảnh giới bên ngoài khuấy nhiễu, phải là cảnh chuyên theo tâm.

Tám là chánh định, giải quyết vấn đề về tâm chánh, không lệch khỏi chánh pháp.

Trọng điểm thứ sáu: từ “rốt ráo sáng tỏ mật tạng của chư Phật” cho đến “Phật nhân đầy đủ, hiểu rõ pháp tánh”, đoạn kinh văn này biểu đạt ý nghĩa trọng tâm gì? Biểu đạt tất cả diệu đức đều lưu xuất từ biển đại trí tuệ của Phật, và cũng đều quay trở về biển đại trí tuệ ấy.

Trọng điểm thứ bảy: người thật thà học Phật thì không ai không thành Phật, bạn đối với câu này lý giải thế nào? Lão pháp sư nêu ra hai tấm gương tốt về người thật thà học Phật thành Phật cho chúng ta. Người xuất gia là lão hòa thượng Hải Hiền, người tại gia là lão Bồ-tát Lưu Tố Thanh, bạn làm thế nào học tập họ? Đã học được những gì? Đã giải quyết được những vấn đề thực tế nào của bạn?

Trọng điểm thứ tám: Bồ-tát của thế giới Tây Phương Cực Lạc vì sao đức hạnh có thể viên mãn? Bạn hiểu câu “pháp còn phải xả, hướng là chẳng phải pháp” như thế nào? Bởi vì “biết tất cả pháp đều là không tịch”.

Trọng điểm thứ chín: lý giải câu “đắc đạo Nhất thừa, chẳng từ bên ngoài mà ngộ” như thế nào? Chúng ta cần đặc biệt lưu ý, mấy chữ “chẳng từ bên ngoài mà ngộ”, những chữ này nói với chúng ta: có phải là do người khác giúp bạn khai ngộ hay không? Không phải. Có phải là từ nơi Phật mà ngộ ra hay không? Không phải. Phật không dạy bạn, đều là tự bạn khai ngộ. Làm thế nào khai ngộ? Buông xuống vạn duyên thì khai ngộ, hễ có một việc chưa buông xuống thì đã đóng bít cửa ngộ của bạn rồi, bạn chẳng thể khai ngộ. Cho nên, triệt để buông xuống thì đại triệt đại ngộ, chẳng những phải buông xuống pháp thế gian, mà Phật pháp cũng phải buông xuống. Kinh Kim Cang nói rất hay: “Pháp còn phải xả, hướng là chẳng phải pháp”. Pháp nào là Phật pháp, vì sao nói vậy? Bởi vì có những người mê hoặc điên đảo trong thế gian nên mới có Phật pháp, nếu không có những người mê hoặc điên đảo thì Phật chẳng có pháp. Cho nên Phật pháp không phải là thật, Phật pháp là phương tiện khéo léo mà nói, bạn đừng cho là thật. Thật sự có Phật pháp, thế thì hỏng rồi, vì sao vậy? Đã khởi chấp trước, Phật pháp là phá vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chỉ cần bạn có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì không phải là Phật pháp.

“Chẳng từ bên ngoài mà ngộ”, vậy từ ai mà ngộ? Phải tự mình ngộ. Làm thế nào tự ngộ? Phật đã dạy cho chúng ta phương pháp tự khai ngộ, tiếc rằng chúng ta không nghe hiểu, không thọ dụng, cho nên chẳng thể tự ngộ được.

Làm thế nào giải quyết vấn đề “chẳng từ bên ngoài mà ngộ, phải do tự mình khai ngộ”?

Xin nói một chút về trải nghiệm và lĩnh hội [của tôi].

Thứ nhất, siêng tu giới định tuệ. Phương pháp này là Phật dạy chúng ta, nhưng đáng tiếc đã bị chúng ta lơ là. Phật dạy chúng ta siêng tu giới định tuệ, bạn làm được câu này viên mãn thì được rồi, bạn tự khai ngộ rồi. Vì sao vậy? Giới chính là giữ quy củ. Quy củ này là tự nhiên, chẳng phải do người nào phát minh, trong Phật pháp gọi là tự tánh khởi tác dụng, là đức dụng của tự tánh. Đức: giới định tuệ đều là đức, nó khởi ra tác dụng này. Người đầy đủ giới định tuệ, dùng tâm chân thành tu giới định tuệ, giới định tuệ chính là đạo Nhất thừa, giới định tuệ chẳng phải từ bên ngoài mà ngộ.

Thứ hai, nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu. Đây là thực hiện giới định tuệ. Nhất môn chính là đạo Nhất thừa, bất kể là môn nào, chỉ cần bạn theo một môn là đúng rồi. Bạn chọn hai môn, ba môn thì biến thành pháp thế gian, đó chẳng phải Phật pháp. Phật pháp là một con đường thẳng, không rẽ queo. Tôi học Phật hai mươi năm, đi thẳng một đường không rẽ queo, một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu Phật hiệu A-di-đà Phật, tôi được thọ dụng rồi.

Thứ ba, chuyên thành chí cực thông tự tánh. Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, tôi đã nhận được lợi ích, vì sao vậy? Bởi vì tâm của tôi chân thật, bởi vì tâm của tôi chân thành, chân thành đến mức không xen một chút giả nào. Thảo nào có người nói tôi thiếu các mục tiêu. Tôi cảm thấy nuôi lớn một mục tiêu, tâm bền chặt một chỗ, làm tốt một sự việc là đủ rồi. Nuôi nhiều mục tiêu làm gì, mệt chết người đi. Có người hỏi, trường thời này thì kéo dài đến khi nào? Việc này không nhất định, không có thời gian cố định, có người nhanh thì vài ngày, vài tháng, vài năm bèn thông. Làm thế nào thông? Thật sự tinh chuyên chân thành đến cực điểm thì chính là tự tánh, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Thành Phật rồi thì thế nào? Trở về vô sở đắc, thứ gì cũng không có vậy thì thành Phật. Đừng cho rằng tôi đã thành Phật rồi, đã đắc được gì rồi, đạt được trí tuệ, đạt được thần thông, hoàn toàn chẳng phải vậy, đó là giả, chẳng phải thật. Nói như vậy là ma nói, không phải Phật nói. Phật nhất định nói với bạn rằng: rất ráo không, chẳng thể đạt được.

Thứ tư, thiên định hiện tiền, minh tâm kiến tánh. Vô lượng pháp môn thầy đều quy về thiên định, không có một pháp môn nào mà không tu thiên định. Vì sao

vậy? Bởi vì tự tánh vốn định. Phật dạy chúng ta dùng phương pháp gì khai ngộ? Ngộ đạo Nhất thừa. Đạo Nhất thừa chính là Thường Tịch Quang Tịnh độ, chính là pháp thân của Như Lai, chính là bản thể của hết thảy pháp. Điều mà ngàn kinh muôn luận nói chính là sự việc này, sự cầu chứng của vô lượng pháp môn cũng là sự việc này. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn có vô lượng vô biên phương pháp tu định, cho nên trong kinh Bát-nhã nói với chúng ta: “Pháp môn bình đẳng, không có cao thấp”. Vì sao vậy? Bất kể pháp môn nào, đều là tu thiền định, cho nên chúng đều bình đẳng. Thiền định hiện tiền thì đạo Nhất thừa hiện tiền, bèn đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh.

Thứ năm, đọc sách ngàn lần nghĩa kia tự hiểu. Tự hiểu chính là chẳng phải từ bên ngoài mà ngộ. Đã khai ngộ rồi, không có người dạy bạn, bạn làm thế nào khai ngộ? Đọc sách ngàn lần, quên sạch khởi tâm động niệm, quên sạch phân biệt chấp trước bèn hốt nhiên đại ngộ, khai trí tuệ rồi, chẳng phải do thầy dạy. Nhưng phương pháp này là từ nơi thầy mà có được, chúng ta dùng rồi quả nhiên có hiệu nghiệm, chúng ta đối với thầy phải cảm ân đội đức. Chúng ta đối với việc “đọc sách ngàn lần nghĩa kia tự hiểu” thật sự tin tưởng, thật sự không hoài nghi thì sẽ không đi đường vòng, sẽ không đi sai đường, mà bạn đi con đường khai ngộ thành Phật.

Thứ sáu, đoạn nghi sanh tín, tự khai mở cửa ngộ. Tôi học Phật 20 năm, có một thể nghiệm sâu sắc, vì sao học Phật mấy mươi năm mà không có một chút ngộ nào, đừng nói đại ngộ, triệt ngộ, thậm chí ngay một chút tiểu ngộ cũng chẳng có. Một nguyên nhân hết sức quan trọng đó là “nghi”, đã đóng bít cửa ngộ rồi, bít chặt rồi. Ví dụ như vậy nhiều không kể xiết, chỉ cần có một chút nghi hoặc chưa đoạn thì đó chính là chướng ngại, chướng ngại bạn khai ngộ. Buộc phải đoạn sạch sẽ mới nghi này thì mới có thể sáng trong đại ngộ, nhanh chóng thật lý, đắc đạo Nhất thừa. Chúng ta học Phật, người nào cũng mong rằng trong đời này có chỗ ngộ, liệu có khả năng hay không? Hoàn toàn có khả năng. Chỉ cần bạn phá trừ được chữ nghi này, bởi vì nghi là phiền phức lớn nhất, là năng lượng phá hoại lớn nhất, hễ hoài nghi thì công phu chẳng thể đắc lực, chúng ta cần phải biết điều này.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 72

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Hôm nay chúng tôi bắt đầu giảng kinh văn phẩm 31:

### **CHÂN THẬT CÔNG ĐỨC ĐỆ TAM THẬP NHẤT**

Trong phẩm kinh văn này, Thế Tôn dùng phương pháp tỉ dụ, nêu rõ cho chúng ta vô lượng công đức tự lợi lợi tha của các Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc, khiến chúng ta có thể lĩnh hội được sự thù thắng của công đức của các Bồ-tát. Thế Tôn cũng khuyên tấn chúng ta phải noi gương các ngài, đây là ý nghĩa chân thật trong lời thuyết pháp của Thế Tôn.

Mời xem kinh văn bên dưới.

**Kỳ trí hoằng thâm, thí như cự hải. Bồ-đề cao quảng, dụ nhược Tu-di. Tự thân uy quang, siêu ư nhật nguyệt. Kỳ tâm khiết bạch, do như Tuyết Sơn. Nhẫn nhục như địa, nhất thiết bình đẳng. Thanh tịnh như thủy, tẩy chư trần cấu. Xí thanh như hỏa, thiêu phiền não tân. Bất trước như phong, vô chướng ngại. Pháp âm lôi chấn, giác vị giác cố. Vũ cam lồ pháp, nhuận chúng sanh cố. Khoáng nhược hư không, đại từ đẳng cố. Như tịnh liên hoa, ly nhiễm ô cố. Như Ni-câu thụ, phú ẩm đại cố. Như kim cang xử, phá tà chấp cố. Như Thiết-vi sơn, chúng ma ngoại đạo bất năng động cố.**

*Trí tuệ rộng sâu, tựa như biển cả, Bồ-đề cao rộng như núi Tu-di. Uy quang của thân vượt hơn nhật nguyệt, tâm ấy trong sạch ví như Tuyết Sơn. Nhẫn nhục như đất, bình đẳng tất cả. Thanh tịnh như nước, rửa sạch bụi bần. Hừng hực như lửa, đốt củi phiền não. Không chấp trước như gió, chẳng có các chướng ngại. Pháp âm như sấm vang, giác ngộ kẻ chưa giác. Tuôn mưa pháp cam lồ để thấm nhuận chúng sanh. Tâm rộng như hư không, đại từ bình đẳng. Như hoa sen thanh tịnh, lìa xa ô nhiễm. Như cây ni-câu, che bóng rộng lớn. Như chùy kim cang, phá tan tà chấp. Như núi Thiết-vi, chúng ma ngoại đạo không lay chuyển được.*

Từ phẩm thứ 28 Đại Sĩ Thần Quang đến phẩm thứ 32 Thọ Lạc Vô Cực, năm phẩm kinh văn này đều nói về sự tu trì của Bồ-tát và cảnh giới của Bồ-tát thế giới Cực Lạc. Phẩm thứ 30 Bồ-tát Tu Trì là phẩm kinh nói tương đối sâu.

Hôm nay giảng phẩm 31 Công Đức Chân Thật, là một trong năm phẩm, nói về những công đức mà các Bồ-tát ở thế giới Tây Phương Cực Lạc đã làm là công đức chân thật. Phần mở đầu của phẩm kinh văn này đã dùng 15 tỉ dụ để nói công đức của các Bồ-tát thế giới Cực Lạc sâu rộng như biển lớn. Sự giác ngộ cao và rộng tựa như núi Tu-di, giống như biển lớn v.v. nhằm tỉ dụ cho công đức trang nghiêm của Bồ-tát thế giới Cực Lạc.

Tiếp theo, chúng tôi sẽ giải thích cụ thể đoạn kinh văn này.

*“Trí tuệ rộng sâu, tựa như biển cả”*

Đây là tỉ dụ thứ nhất. Câu kinh văn này là dùng biển cả để ví cho trí tuệ của các Bồ-tát. Xin chú ý từ “cả” này, biển lớn thì đã vô biên không bờ bến rồi, nhưng dùng từ biển lớn vẫn không đủ để hình dung cho trí tuệ của Bồ-tát, dùng biển cả (cực hải) là để cho chúng ta có không gian tưởng tượng, chúng ta có thể tưởng tượng ra được không? “Rộng” là lớn, trí tuệ vô lượng là lớn, trí tuệ thấu triệt là “sâu”. Câu đầu tiên của kinh văn dùng biển lớn để tỉ dụ cho trí tuệ rộng sâu của Đại sĩ cõi Cực Lạc.

Bồ-tát bất luận là chính mình tu hành hay là giáo hóa chúng sanh thì nhất định phải có trí tuệ sâu rộng làm nền tảng. Nếu không có trí tuệ thì không những chẳng thể lợi ích chúng sanh, mà còn luôn dẫn dắt chúng sanh lạc lối, lỗi dẫn dắt chúng sanh lầm lạc rất nặng. Nếu dẫn dắt sai lầm nghiêm trọng thì bạn đã đoạn pháp thân huệ mạng của người khác rồi, đây không còn là lỗi lầm, mà là tội lỗi. Người thế gian thường nói “khiến con em nhà người lầm lạc”, tội lỗi làm lầm lạc con em người khác, người thông thường rất hay lơ là việc này, không biết rằng dẫn dắt sai lầm con em người khác thì phải đọa địa ngục.

*“Bồ-đề cao rộng, như núi Tu-di”*

Đây là tỉ dụ thứ hai. Dùng núi Tu-di để ví với Bồ-đề cao rộng của Bồ-tát. Núi Tu-di là trung tâm của một thế giới, dịch là núi Diệu Cao. Tuệ Lâm Âm Nghĩa nói: “Bản dịch thời Đường gọi là núi Diệu Cao, do bốn loại báu hợp thành, cho nên gọi là Diệu; cao hơn các núi khác nên gọi là Cao. Hay còn gọi là núi Diệu Quang, là

do bốn thứ sắc báu, quang minh khác nhau chiếu ngời thế gian”. Còn gọi là núi An Minh, Minh đã có nghĩa là diệu quang, còn mang nghĩa thanh tịnh vô cầu; An đại biểu cho định, cho bất động. Cho nên bản dịch thời Tống nói: “Kiên cố chẳng lay động, như núi Tu-di”. Tỉ dụ này mượn núi Tu-di do bốn chất báu hợp thành nhằm biểu đạt cho Bồ-đề của Bồ-tát thế giới Cực Lạc là do vạn đức trang nghiêm.

Ví sự diệu cao của núi cho Bồ-đề, chẳng gì có thể cao hơn. Quang minh nhiệm mầu của núi tỉ dụ cho quang minh trí tuệ thường soi chiếu thế gian. Núi an tịnh sáng ngời, “an” biểu thị cho diệu định, như như bất động; “minh” tỉ dụ cho khiết tịnh, như chất báu không cấu nhiễm. Đối với tỉ dụ này, lão pháp sư còn cho chúng ta một cách giải thích khác: Bồ-đề chính là tâm cảnh giác. Bồ-đề là giác ngộ, không mê, tâm cảnh giác rất cao, nhất là trong xã hội hiện nay, nơi nơi đều là hầm lửa, đều là cạm bẫy đọa địa ngục, hơi chút bất cẩn bèn rơi xuống đó. Trong xã hội bạn đời nhân xử thế tiếp vật phải cẩn thận đề phòng, bất luận lúc nào, nơi nào đều luôn luôn giữ tính cảnh giác cao độ, đây chính là Bồ-đề, chắc chắn không đọa ba đường ác.

*“Uy quang của thân vượt hơn nhật nguyệt”*

Đây là tỉ dụ thứ ba. Uy quang là quang minh của uy đức, quang minh này chính là quang minh của trí tuệ. Bản dịch thời Ngụy ghi là: “Quang minh trí tuệ sáng sạch, vượt hơn nhật nguyệt”. Hội Sớ nói: “Vượt hơn nhật nguyệt là nhật nguyệt có khi tròn khi khuyết, còn quang minh trí tuệ không như vậy; nhật nguyệt có lúc mọc và lặn, còn quang minh trí tuệ thường sáng tỏ; nhật nguyệt chẳng soi được nội tâm, quang minh trí tuệ có thể soi thấu. Nhật nguyệt chẳng trọn khắp, quang minh trí tuệ trùm khắp tất cả. Cho nên nói uy quang của thân vượt hơn nhật nguyệt”.

Nhật nguyệt là quang minh, quang minh chính là trí tuệ. Tỉ dụ này nói với chúng ta rằng: bản thân phải tu trì, phải có uy đức. Quang là chỉ cho thân quang và phóng quang của Phật Bồ-tát. Phạm phu chúng ta có thân quang nhưng chẳng thể phóng quang. Đối với phạm phu mà nói, chúng ta thông thường gọi là sắc thái, phong độ, khí sắc, khí chất v.v. Khí sắc chính là quang. Quang minh của uy đức, một người có đức hạnh, thật sự có thể tu dưỡng đạo đức của chính mình thì khí sắc tự nhiên tốt đẹp, từ trường sẽ rất tường hòa, ra ngoài tiếp xúc với mọi người, họ tự nhiên sẽ sanh khởi tâm kính ngưỡng đối với bạn. Họ tôn kính bạn, thích thân cận bạn. Nếu đệ tử Phật tiếp xúc với mọi người mà lời thô lểch thêch, lời nói thô tục, cống cao ngã mạn v.v. thì mọi người sẽ xem thường bạn, đều sẽ cung kính mà

tránh xa bạn. Thậm chí có người sẽ nói: đệ tử của Thích-ca Mâu-ni Phật sao lại như vậy? Vì bạn mà Phật xấu hổ thì tội nghiệp của bạn bao lớn?

Uy quang của thân chính là lòng thành ở trong tự nhiên biểu lộ nơi hình dáng bên ngoài, đó chính là công phu tu dưỡng chân thật biểu hiện ở bên ngoài. Nếu có thể khiến cho người mới học Phật hoặc chưa học Phật thông thường đối với bạn sinh khởi tâm cung kính, tâm ngưỡng mộ, muốn học tập với bạn, nhìn thấy bạn trang nghiêm, tự tại như vậy, hạnh phúc vui vẻ như vậy, họ bèn muốn học Phật. Cho nên, hình tượng của chúng ta chính là bản hiệu của Phật giáo. Vì vậy chúng ta độ chúng sanh phải chú ý đến hình tượng, hình tượng này chẳng phải là sự xinh đẹp của thể tục, mà là sự trang nghiêm nơi cửa Phật. Đương nhiên vẻ đẹp thể tục kết hợp hoàn mỹ với sự trang nghiêm trong nhà Phật, đó chẳng phải là thứ chúng ta kỳ vọng đó sao?

*“Tâm ấy trong sạch, ví như Tuyết Sơn”*

Đây là tỉ dụ thứ tư. Câu này giống như câu phía trước, đều là nói về uy đức của chính Bồ-tát cõi Cực Lạc. Tuyết Sơn có hai cách giải thích, có thể cung cấp cho chúng ta tham khảo như sau:

Cách giải thích thứ nhất: Tuyết Sơn chỉ cho núi Himalaya, núi ấy rất cao, quanh năm tuyết phủ không hề tan chảy, cho nên núi thuần một sắc trắng, chẳng chút tạp sắc nào. Vì vậy dùng nó để ví với sự thuần tịnh của tâm địa, chẳng nhiễm mây trần, không bị sáu trần làm ô nhiễm, cũng không bị sáu thức làm ô nhiễm, giữ gìn sự thanh tịnh của chính mình.

Cách giải thích thứ hai: Người thông thường gọi núi Himalaya là Tuyết Sơn, có được hay không? Không thể nói được, cũng chẳng thể nói không được. Nói được và không được là cách nhìn của người thế gian, nhưng thứ mà Phật Bồ-tát nhìn thấy cùng với thứ chúng ta nhìn thấy không như nhau. Trong kinh Phật thường dẫn dụng ngọn núi này. Núi cao nhất gọi là Tu-di, bất luận ở nơi nào, núi cao nhất đều được gọi là Tu-di. Tu-di là tên gọi chung, không phải chỉ riêng cho ngọn núi nào.

Đoạn kinh văn này dùng Tuyết Sơn để tỉ dụ cho giới đức và sức định thanh tịnh. Ngài Cảnh Hưng nói: “Sức định thanh tịnh, giới đức viên mãn giống như Tuyết Sơn”. Và Hội Sói nói: “Dùng giới đức tỉ dụ cho Tuyết Sơn, vì giới đức thanh tịnh, như núi tuyết lớn, thường trắng sạch, có thể chiếu soi chúng sanh khiến họ được



thanh lương”. Còn Tịnh Ảnh Số nói rằng: “Dùng Tuyết Sơn hiển rõ sức định thanh tịnh, các đức đều thanh tịnh, nên gọi là bình đẳng, nhất như, thanh tịnh”. “Đẳng là bình đẳng, nhất là nhất như, tịnh là thanh tịnh vốn có”. “Tâm họ vốn thanh tịnh, cho nên sáng sạch như Tuyết Sơn; tâm họ nhất như, cho nên giống như Tuyết Sơn bất động; tâm họ bình đẳng, cho nên ba thứ đều không sai biệt, thuần một sắc trắng”. Ba thứ không sai biệt ở đây là: tâm, Phật và chúng sanh. Mỗi một câu đều là nói lời chân thật với chúng ta.

*“Nhẫn nhục như đất, bình đẳng tất cả”*

Đây là tỉ dụ thứ năm. Chúng ta phải học tập đất, đất có thể nâng đỡ mọi vật, và lại còn nâng đỡ vật một cách bình đẳng, không hề chọn lựa, chẳng có lấy bỏ, nhất định không có khởi tâm động niệm, nhất định không có phân biệt chấp trước, đây gọi là nhẫn nhục ba-la-mật. Nhẫn nhục ba-la-mật là gì? Là giới đức lớn, năng lực lớn vốn có trong tự tánh.

Đại sư Ấn Quang đối với đất có một đoạn miêu tả đặc sắc như sau:

“Nâng đỡ khắp vạn tượng, không sanh phân biệt, sinh sôi vạn vật để cho người dùng, ấy vậy mà chẳng kể công, không mong báo đáp. Ân đức của đất có thể nói là rộng lớn, trùm khắp, sâu rộng dày chắc, dài lâu, chẳng thể kể ra được”.

Đại sư giống như đang miêu tả một bức tranh cho chúng ta, khiến chúng ta cảm nhận được ân đức thuần hậu của đất.

Hai đặc điểm lớn nhất của đất, một là bình đẳng, hai là nhẫn nhục. Chúng ta đã học được chưa? Nếu bạn thật sự học được, dùng được thì xin chúc mừng bạn, bạn là người chiến thắng, bạn đời này thành tựu rồi. Người học Phật nhất định phải tu bình đẳng, nhất định phải tu nhẫn nhục. Nếu không tu bình đẳng thì bạn không thể được thanh tịnh, tâm không thanh tịnh thì không thể học Phật. Không tu nhẫn nhục thì bạn chẳng thành tựu được một việc gì. Người học Phật đều phải nhẫn được tất cả pháp thế xuất thế gian. Tục ngữ nói: “Không nhẫn được việc nhỏ ắt hại sự nghiệp lớn”. Một việc nhỏ mà không thể nhẫn thì sự nghiệp lớn cũng chỉ là ảo tưởng, chẳng thể thành tựu. Người học Phật chúng ta từ nơi công phu nhẫn nhục lớn nhỏ mà quyết định sự thành tựu tu học lớn hay nhỏ của bạn, quyết định cấp độ nâng cao cảnh giới của bạn.

*“Thanh tịnh như nước, rửa sạch bụi bần”*

Đây là tỉ dụ thứ sáu. Thanh tịnh như nước là nói về tu đức, tâm của chúng ta vốn là thanh tịnh, hiện nay không thanh tịnh. Vì sao vậy? Đã bị ô nhiễm rồi. Ô nhiễm rồi thì thế nào? Tẩy rửa sạch sẽ. Dùng cái gì để rửa sạch? Dùng Phật pháp để rửa sạch. Phật pháp ví như nước sạch trong, có thể rửa sạch sự ô nhiễm trong tâm. Phật pháp nhiều như vậy, dùng pháp nào đây? Dùng pháp niệm Phật. Dùng pháp niệm Phật liệu có thể rửa sạch ô nhiễm hay không? Đáp án là chắc chắn, có thể, chắc chắn có thể! Tôi nói lời này vì sao lại mạnh dạn như vậy? Vì có tổ sư làm hậu thuẫn. Đại sư Ấn Quang khai thị:

“Chúng ta vốn có thiên chân Phật tánh, chiếu trời soi đất từ xưa đến nay, tuy tạo thập ác ngũ nghịch nhưng linh quang vốn có của chúng ta không mảy may diệt mất. Giống như gương sáng phủ bụi, kẻ ngu cho rằng không có quang minh, mà không biết rằng lau sạch bụi bẩn thì quang minh ấy vẫn sẽ hiện tiền. Thế nên niệm A-di-đà Phật chính là dùng niệm Phật mà trừ vọng niệm, đó là phương pháp tốt nhất để trừ bụi bẩn. Niệm tới niệm lui không gì ngoài việc hiển lộ A-di-đà Phật vốn có của tự tâm, tự tha tương ứng, cảm ứng đạo giao, diệu nghĩa của vãng sanh chẳng thể nói hết được”.

*“Hùng hực như lửa, đốt củi phiền não”*

Đây là tỉ dụ thứ bảy. Lửa ví cho trí tuệ, củi ví cho phiền não, hùng hực ví cho trí tuệ sắc bén mạnh mẽ của Bồ-tát. Hùng hực như lửa, đoạn trừ phiền não, như lửa thiêu cháy củi. Đây là tỉ dụ, đem phiền não ví cho củi đốt, đem lửa ví cho trí tuệ, lửa thiêu rụi củi đốt thì trí tuệ hiện tiền, phiền não vô minh đoạn sạch. Nói với chúng ta: tâm thanh tịnh thì sanh trí tuệ, trí tuệ chân thật có thể đoạn phiền não, có thể đoạn vô minh.

*“Không chấp trước như gió, chẳng có các chướng ngại”*

Đây là tỉ dụ thứ tám. Tánh của gió là lưu chuyển không có chướng ngại. Vì sao không có chướng ngại? Bởi vì một là vô trụ, hai là không chấp trước, cho nên đi các thế giới tự tại vô ngại. Chúng ta ở thế gian này chướng ngại trùng trùng, không tự do, chẳng tự tại, chướng ngại từ đâu mà đến? Đều do chấp trước mà ra, nếu không chấp trước thì làm gì có chướng ngại? Vốn là không có chướng ngại, chướng ngại đều do chính mình chuốc lấy.

Trong kinh Kim Cang, Phật dạy tôn giả Tu-bồ-đề, hoàng pháp lợi sanh phải tuân thủ hai câu giáo huấn: “Không chấp vào tướng, như như bất động”. Như vậy thì không có chướng ngại. Nếu thật sự làm được hai câu này thì nhập vào cảnh giới Hoa Nghiêm, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, bạn mới thật sự được đại tự tại.

Trong tám tỉ dụ được nói ở trên, bốn loại đầu nghiêng về tánh đức, bốn loại sau nghiêng về tu đức. Tánh đức và tu đức không hai, tu đức có công thì hiển bày rõ ràng tánh đức.

*“Pháp âm như sấm vang, giác ngộ kẻ chưa giác”*

Đây là tỉ dụ thứ chín, nói về đức tự lợi lợi tha của các Bồ-tát. Pháp âm như sấm vang, kinh nói “tiếng Phạm âm của Phật như sấm vang”, pháp âm là để giảng kinh thuyết pháp cho chúng sanh. Sấm vang là tỉ dụ, tiếng sấm nghe từ xa, chấn động thế gian, ví cho pháp âm có thể thức tỉnh chúng sanh mê mờ. Nếu chư Phật Bồ-tát không giảng kinh thuyết pháp thì chúng sanh vĩnh viễn sẽ không giác ngộ, vĩnh viễn không biết được chân tướng của sáu cõi luân hồi, không biết chân tướng của mười pháp giới. Ân huệ lớn nhất của Phật Bồ-tát dành cho chúng sanh chính là giảng kinh thuyết pháp, giúp chúng sanh giác ngộ, khiến chúng sanh chưa giác ngộ được tỉnh thức, giúp chúng sanh lìa rốt ráo khổ, được rốt ráo vui.

*“Tuôn mưa pháp cam lồ để thấm nhuần chúng sanh”*

Đây là tỉ dụ thứ mười. Pháp âm và cam lồ đều là tỉ dụ, Phật Bồ-tát thuyết pháp lợi sanh. Cam lồ khiến người hồi sinh từ cõi chết, giáo pháp của Phật có thể khiến chúng sanh vĩnh viễn đoạn dứt sanh tử, được đại Niết-bàn, cho nên gọi là “pháp cam lồ”. Mưa ấy như mưa từ trời rơi xuống, thấm nhuần cả ba căn, cho nên nói là “thấm nhuần chúng sanh”.

Kinh Pháp Hoa nói: “Ta là Thế Tôn, chẳng ai có thể sánh, khiến chúng sanh an ổn, cho nên xuất hiện ở đời, vì đại chúng thuyết tịnh pháp cam lồ, pháp ấy đồng một vị là Niết-bàn giải thoát”. Phật Địa Luận nói rằng: “So với các pháp thế gian tà kiến, kém cõi của các ngoại đạo, thánh giáo của Như Lai là chân thật nhất, thù thắng, thanh tịnh giống như đề-hồ, lại như cam lồ, khiến được Niết-bàn”. Điều mà các kinh luận trên đã nói chính là ý nghĩa “tuôn mưa pháp cam lồ để thấm nhuần chúng sanh”. Giáo học của Phật pháp không thể nghĩ bàn, ngoài dùng âm thanh thuyết pháp ra, sáu trần đều thuyết pháp, sáu trần đều biểu pháp. Chúng ta phải biết rằng chỉ có

như vậy thì mới có thể phổ biến thấm nhuần chúng sanh. Phạm vi của giáo học vô cùng rộng lớn, giống như mưa móc khiến cho cây lớn được tươi nhuận, cỏ nhỏ cũng được thấm nhuần. Giáo hóa của Phật đối với chúng sanh là bình đẳng, không có phân biệt.

*“Tâm rộng như hư không, đại từ bình đẳng”*

Đây là tỉ dụ thứ mười một. Câu này tỉ dụ cho tâm lượng lớn có thể bao dung, chúng ta thông thường gọi là độ lượng. Đại nhân có đại lượng, ai là đại nhân? Phật Bồ-tát là đại nhân. Chúng ta học Phật thì phải học tâm lượng lớn của Phật, người tâm lượng nhỏ thì chẳng thể học Phật, cũng chẳng thể làm Phật. Ý nghĩa thứ hai của tỉ dụ này là dùng sự không chấp trước của hư không không nhằm biểu đạt tâm từ bi bình đẳng.

Bản dịch thời Ngụy nói: “Giống như hư không, đối với hết thảy vạn hữu đều không chấp trước”. Sách Hành Sự Sao Tư Trì Ký nói: “Không chấp trước là do lìa trần cấu ô nhiễm”. Chúng ta tỉ mỉ lĩnh hội hàm nghĩa sâu sắc của câu kinh văn này thì mới có thể thật sự hiểu được sự chẳng thể nghĩ bàn của công đức chân thật.

Chúng ta làm thế nào thực hành? Mở rộng tâm lượng, xả bỏ tiểu ngã. Hãy hỏi bản thân: mình đã mở rộng tâm lượng chưa? Mình đã xả bỏ tiểu ngã chưa? Nếu thật sự mở rộng tâm lượng, thật sự xả bỏ tiểu ngã thì con đường hoàng hộ chẳng phải thông đạt rồi sao?

Đại sư Ấn Quang khai thị: Tâm của Bồ-tát bao trùm hư không, lượng trải khắp hằng sa thế giới, lấy tâm của chúng sanh làm tâm, lấy cảnh của chúng sanh làm cảnh.

*“Như hoa sen thanh tịnh, lìa xa ô nhiễm”*

Đây là tỉ dụ thứ mười hai, tỉ dụ cho thanh tịnh vô nhiễm. Hoa sen sinh ra từ bùn nhơ nhưng không bị nhiễm ô. Sen mọc từ bùn biểu đạt ý không xả bỏ chúng sanh, hoa nở trên mặt nước biểu đạt rằng Bồ-tát thanh tịnh lìa trần cấu, cho nên gọi là “lìa xa ô nhiễm”.

Đại sư Ấn Quang khai thị:

“Xử sự thanh tịnh như hoa sen  
Sanh nơi bùn lầy chẳng vấy bẩn  
Đối cảnh vô tâm không tì vết

Bản lai diện mục trọn thấy rồi.”

Chư Phật Bồ-tát thuyết pháp cho chúng sanh là tam luân thể không. Chẳng cho rằng bản thân là năng thuyết, nếu cho chính mình là năng thuyết thì chấp vào “ngã tướng” rồi; cũng không chấp trước rằng chúng sanh là đối tượng có thể nghe, nếu chấp trước có chúng sanh có thể nghe hiểu thì đã chấp vào “chúng sanh tướng” rồi; cũng không chấp trước vào “tướng thuyết pháp” trong đó, đây gọi là tam luân thể không.

Chúng ta thường nghe trong cửa Phật nói rằng: “Nói mà không nói, không nói mà nói”, vậy rốt cuộc là nói hay không nói vậy? Phật Bồ-tát không chấp trước vào năng thuyết, sở thuyết, cũng không chấp trước vào đối tượng nghe, pháp được nghe, tất cả đều không chấp trước, đó chính là “không nói”. “Nói” là gì vậy? Mỗi ngày giảng kinh thuyết pháp cho chúng sanh. Cho nên “nói” và “không nói” là một chẳng phải hai. Chúng sanh có tâm phân biệt, cho rằng nói và không nói là hai sự việc, thế nên đối với một số sự việc chúng ta chẳng thể hiểu được dễ dàng, không biết rằng nói và không nói là một chẳng phải hai. Phật là người thuyết pháp, nói mà không nói, chúng ta là người nghe pháp, nghe mà không nghe. Nếu chúng ta biết nghe thì chính là nghe mà không nghe, không nghe mà nghe, nghe như vậy sẽ khai ngộ.

Chúng ta nghe kinh mấy mươi năm đều không khai ngộ, thậm chí nghe sai ý nghĩa, giải thích sai rồi. Nguyên nhân do đâu? Là do phân biệt, chấp trước, chấp vào tướng, chấp tướng danh tự, chấp tướng ngôn thuyết, chấp tướng tâm duyên. Hễ chấp vào ba tướng này thì đã đóng bít cửa ngộ rồi. Cửa bị bít rồi thì sao khai ngộ được?

Vậy nghe kinh như thế nào? Nhất định không phân biệt, không chấp trước. Nghe hiểu được thì giác ngộ; nếu nghe không hiểu, không hiểu được, không hiểu thì thôi, tâm không bị cảnh giới xoay chuyển, cũng không bị âm thanh giảng kinh xoay chuyển, tâm là như như bất động, đây chính là nghe mà không nghe, nghe kinh như vậy có thể khai ngộ. Phàm phu chúng ta không biết nghe kinh, bị xoay chuyển theo âm thanh thuyết pháp, cho nên nghe gì phân biệt đó, nghe gì chấp trước đó, hoàn toàn rơi vào trong ý thức.

Nghe kinh như vậy chẳng thể khai ngộ, lãng phí mất thời gian và tinh lực nơi phân biệt và chấp trước rồi, thật sự cái được không bù nổi cái mất. Nếu như nói mất quả dưa hấu, nhặt được hạt mè thì cũng còn nhặt được chút gì đó, đằng này mất luôn

quả dưa hấu lẫn hạt mè, bạn nói xem có oan uổng hay không? Đây là lỗi của ai, là tội của ai? Ai chịu nhân quả này? Nếu chúng ta dùng tâm phân biệt, tâm chấp trước để nghe kinh thì bạn không thể đạt được ý nghĩa chân thật của Phật pháp, chỉ có thể có được một chút thường thức ngoài da của Phật giáo mà thôi. Loại thường thức này có hữu ích hay không? Đối với giới định tuệ, đối với sanh tử chẳng có chút liên quan nào. Thế nên, Phật Bồ-tát biết thuyết pháp, chúng ta phải biết nghe thì mới có thể đạt được lợi ích chân thật.

Nghe kinh như thế nào thì gọi là biết nghe? Dùng tâm thanh tịnh vô nhiễm như đóa sen mà nghe kinh, chí tâm vào một nơi, chuyên tâm nhất chí mà nghe. Kinh nghiệm nghe kinh 20 năm của tôi nói với tôi rằng: thân phải tĩnh lặng, tâm nên lắng xuống, ngồi tĩnh lặng lắng nghe thì hiệu quả tốt nhất, đồng thời cũng biểu đạt sự tôn trọng đối với người giảng kinh. Cách thức và phương pháp vừa làm việc, vừa nói chuyện, vừa nghe kinh không thích hợp với tôi lắm, tôi không dùng phương pháp này. Đối với vấn đề này, chẳng thể áp đặt cứng nhắc, mà phải tùy theo từng người, không được nhất định phải thế này, bắt buộc phải thế nọ, đừng đặt ra những khuôn khổ như vậy. Hoàn cảnh không như nhau, điều kiện không như nhau nên có đa dạng cách thức phương pháp khác nhau. Hãy lựa chọn cách thức phương pháp phù hợp với bạn nhất, thứ phù hợp với bạn chính là thứ tốt nhất.

*“Nhu cây ni-câu che bóng rộng lớn”*

Đây là tỉ dụ thứ mười ba, tỉ dụ cho lòng từ bi bình đẳng của Phật. Cây ni-câu là một loại cây sinh trưởng ở Ấn Độ, dịch là “cây không đốt”, “cây to rộng”. Thân cây lớn, lá cây lớn, bóng cây lớn, trong kinh điển mô tả cây ni-câu như sau:

Tuệ Lâm Âm Nghĩa quyển 15 nói: “Cây này mọc thẳng không đốt, tròn trịa đáng yêu, mọc cách đất hơn ba trượng mới trở cành lá, hạt của nó bé xíu, giống như hạt của cây liễu, ở Trung Hoa không có loại cây này”. Kinh Tội Phước Báo Ứng nói rằng: “Cây ni-câu-đà cao 20 dặm, cành nhánh phân bố đều đặn, bóng rợp sáu mươi dặm, hạt của nó nhiều đến ngàn vạn hộc”. Kinh A-duy-việt-trí-già bảo: “Bóng cây che rợp năm trăm cỗ xe”, cho nên gọi là “che bóng rộng lớn”. Ví cho Bồ-tát làm bóng mát rộng che chở các chúng sanh. Ở dưới bóng cây rất mát mẻ, tỉ dụ cho sự thuyết pháp của Phật như bóng râm mát mẻ. Chúng sanh ở dưới cây được sự che mát của bóng cây, là ý nghĩa hình dung cho lòng đại từ đại bi của Phật, có thể che chở tất cả chúng sanh xa lìa nhiệt nã, được thanh lương.

*“Nhu chùy kim cang phá tan tà chấp”*

Đây là tỉ dụ thứ mười bốn, tỉ dụ cho trí tuệ. Trong kinh hễ nói đến trí tuệ thì đều dùng kim cang làm tỉ dụ, như là Kim Cang Bát-nhã. Kim cang là kim loại cứng nhất, có thể phá hết thấy vật chất mà không bị tất cả vật chất phá hoại. Chùy kim cang, tiếng Phạn là Phạt-chiết-la, vốn là binh khí của Ấn Độ, Mật tông dùng chùy kim cang làm pháp khí, ví cho trí tuệ sắc bén kiên cố. Rất nhiều kinh điển đối với kim cang đều có sự phân tích tinh túy, như là:

Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 1 nói: “Phạt-chiết-la là ấn trí kim cang của Như Lai”. Lại nói: “Ví như Đế Thích tay cầm kim cang phá quân tu-la, nay các vị Chấp Kim Cang cũng giống như vậy”. Kinh Nhân Vương phần Tụng Niệm Nghi Quỹ, quyển thượng bảo: “Tay cầm chùy kim cang nhằm biểu thị phát khởi chánh trí giống như kim cang”. Sách Chư Bộ Yếu Mục nói: “Không cầm chùy kim cang niệm tụng thì chẳng thể thành tựu. Chùy kim cang nghĩa là Bồ-đề tâm, có thể phá hai thái cực *đoạn và thường*, khế hợp trung đạo. Chính giữa có mười sáu địa vị Bồ-tát cũng tượng trưng cho mười sáu thứ *không* hợp thành trung đạo. Hai đầu đều có năm nhánh, biểu thị ngũ trí của Phật, đồng thời biểu thị mười ba-la-mật, có thể phá trừ mười thứ phiền não, thành tựu mười thứ chân như, chứng lên Thập địa”.

Cho nên biết chùy kim cang biểu thị cho chánh trí kim cang, có thể đẩy lùi quân ma, đoạn phiền não, đắc thành tựu, đó là ý nghĩa “phá tan tà chấp” trong kinh này. Dùng chùy kim cang đây để ví cho diệu trí kim cang bát-nhã của các Bồ-tát, có thể phá trừ hết thấy tình chấp bất chánh.

*“Nhu núi Thiết-vi, chúng ma ngoại đạo không lay chuyển được”*

Đây là tỉ dụ thứ mười lăm. Dùng núi Kim Cang ví cho trí tuệ vững chắc của Bồ-tát, định tuệ đẳng trì, hết thấy chúng ma ngoại đạo không lay chuyển được. Thế nào là ma? Ma nghĩa là giày vò, khiến thân tâm của bạn đều không tự tại. Trong kinh Bát Đại Nhân Giác quy nạp ma thành bốn loại lớn.

Loại thứ nhất là ngũ ấm ma. Ngũ ấm ma thì phàm phu sáu cõi đều có. Ngũ ấm là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng chính là “ngũ uẩn” mà Tâm Kinh nói. Ngũ uẩn vốn chẳng phải ma, nhưng mê rồi thì bị nó giày vò, nên thành ra ma. Sắc, thọ, tưởng, hành là hiện tượng vật lý; thức là hiện tượng tâm lý. Hiện tượng vật lý kết hợp với hiện tượng tâm lý thì gọi là “ngũ ấm”, có thể nói là bao gồm hết tất cả hiện tượng

trong vũ trụ. Người mê hoặc không nhận ra nó, bị nó giày vò, nên ngũ âm này biến thành ma. Sau khi giác ngộ thì không bị nó giày vò nữa, có thể tự tại hưởng thụ, tự tại mà vận dụng nó.

Loại thứ hai là phiền não ma. Phiền não rất nhiều, Bồ-tát Thiên Thân quy nạp thành 26 loại lớn, sáu loại trong đó là “căn bản phiền não”, hai mươi loại là “tùy phiền não”, vô lượng vô biên phiền não đều không ngoài 26 loại này. Tiếp tục quy nạp căn bản phiền não lại thành ba loại, gọi là tam độc, chính là tham, sân, si. Tam độc phiền não khiến thân tâm của chúng ta bất an, khiến chúng ta ở trong lục đạo chịu khổ, chịu nạn.

Loại thứ ba là sanh tử ma. Sanh tử là khổ nhất, là sự giày vò rất lớn. Chúng ta đã trải qua sanh khổ rồi, đã chịu nổi thống khổ cực kỳ lớn, tiếc rằng bởi vì mê nên chúng ta quên mất sanh khổ. Tử khổ, trong kinh Phật tử dụ, con người khi lâm chung, thần thức lìa khỏi thân thể giống như lột mai rùa sống, cho nên sanh tử là nổi thống khổ cực lớn.

Loại thứ tư là thiên ma. Thiên ma đều chỉ cho sự giày vò của hoàn cảnh bên ngoài, hàm nghĩa này vô cùng rộng. Ba loại trước là ngũ âm, phiền não, sanh tử đều thuộc về bản thân chính mình, là ở nội tâm, sanh ra đã có. Loại sau cùng là thiên ma, chỉ cho đủ mọi dụ hoặc của hoàn cảnh bên ngoài. Nếu bạn có đủ định lực, không có phân biệt, chấp trước, thì dụ hoặc bên ngoài đối với bạn không khởi tác dụng. Sở dĩ nó có thể khởi tác dụng là bởi vì kẻ nội gián của bạn, bên trong ứng hợp với bên ngoài, cho nên mới có khổ, mới bị giày vò. Chỉ cần bạn có tham sân si thì hoàn cảnh bên ngoài thấy đều là ma chướng.

Lại nói thêm thế nào là ngoại đạo? Chủng loại của ngoại đạo là bao nhiêu? Cách nói của các kinh không như nhau. Kinh Đại Nhật nói 30 loại, kinh Niết-bàn nói có 95 loại, kinh Hoa Nghiêm và Đại Trí Độ Luận nói có 96 loại. Một loại trong đó là Thanh văn đạo. Bách Luận nói: “Thuận theo đạo Thanh văn thì đều là tà”. Tuy Thanh văn thuộc về chánh giáo của Như Lai nhưng đó là Quyền pháp, cho nên cũng bị liệt vào 95 loại ngoại đạo kia mà gọi là 96 loại.

Tiếp theo chúng ta xem kinh điển của chư Phật nói thế nào là ngoại đạo. Từ Trì Ký nói: “Gọi là ngoại đạo là vì không nhận sự giáo hóa của Phật, riêng hành tà pháp”. Tịnh Danh Sớ của ngài Thiên Thai nói: “Hiểu sai lầm ra ngoài giáo pháp thì gọi là ngoại đạo”. Viên Giác Kinh Tập Chú nói: “Tâm hạnh không đúng với lý nên



gọi là ngoại đạo”. Câu-xá Huyền Nghĩa nói: “Học sai với chân lý, rong ruổi theo vọng tình của mình, chẳng biết xoay về giác ngộ bên trong thì gọi là ngoại đạo”. Kinh Đại Trang Nghiêm Pháp Môn nói: “Văn-thù-sư-lợi hỏi Kim Sắc Nữ: ‘Ai là ngoại đạo?’ Cô ta bảo: - Tùy thuận, tin nhận tà thuyết của kẻ khác thì gọi là ngoại đạo”.

Tóm lại những điều nói trên thì ngoại đạo là đạo được thành lập ngoài lời Phật dạy, thực hành những điều không thuộc về chân lý tối cực nên đều gọi là ngoại đạo. Chúng ta thường nói là “câu pháp ngoài tâm” thì đều là ngoại đạo. Liên quan đến ngoại đạo thì đại sư Ấn Quang có lời cảnh tỉnh thế này, tiết học sau chúng tôi sẽ cùng chia sẻ với các đồng tu.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 73

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Phần sau cùng của tiết học trước nói đến một số lời cảnh tỉnh liên quan đến ngoại đạo của đại sư Ấn Quang, nay trích ra vài đoạn để chia sẻ với các đồng tu.

“Thời nay tà ma ngoại đạo rất nhiều, quyết không được có chút tâm tìm tòi xét thử, hễ có tâm ấy bèn bị nó dụ, một phen vào tròng ắt dẫn đến táng tâm cuồng loạn”.

“Tà ma ngoại đạo hiện thời nhiều không kể xiết, chúng đều tự cho rằng mình là số một, chư vị chớ bị bọn ma con này dụ hoặc. Nếu trước đã từng vào cửa nhà chúng thì hãy nên dứt trừ sạch sẽ, đừng cho rằng lúc vào đã lỡ thề thốt, sợ bỏ lời thề thì sẽ gặp họa. Phải biết bỏ tà quy chánh thì sao gặp họa được, chẳng những không gặp họa, mà lại còn có công đức”.

“Thế gian hiện nay là thời kỳ ma vương ngoại đạo xuất thế. Nếu trong đời quá khứ không trồng thiện căn chân thật, người có tín tâm cũng đều rơi hết vào lưới ma. Do chúng ma đó đều có pháp thuật quái dị lạ thường nhằm dụ hoặc người. Các vị hãy nhất tâm trì giới niệm Phật, mặc cho bọn ma vương ngoại đạo hiện ra trò quỷ quái gì cũng đều chẳng để ý đến, như vậy sẽ không bị bọn đồ đệ của ma dẫn dắt vào ma đảng”.

Lời cảnh tỉnh của tổ sư bên trên chính là sự miêu tả chân thật về hiện trạng xã hội ngày nay, chúng ta thân ở trong xã hội này nên bị hại thâm. Tuy bị hại nặng nề mà chính mình không hay biết, thậm chí bị hại nhiều lần mà vẫn không tỉnh ngộ, đúng là kẻ đáng thương xót.

Lời khuyên dạy của tổ sư, chúng ta phải kính cẩn ghi nhớ trong tâm, y theo lời dạy mà tu hành thì bất kể tà ma ngoại đạo nào cũng chẳng thể làm gì được bạn. Hãy nhớ rằng ruồi nhặng không bầu quả trứng lành, trứng của bạn bị nứt, không bầu vào bạn thì bầu ai?

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Kỳ tâm chánh trực, thiện xảo quyết định, luận pháp vô yếm, cầu pháp bất quyện. Giới nhược lưu ly, nội ngoại minh khiết. Kỳ sở ngôn thuyết, linh**

**chúng duyệt phục. Kích pháp cổ, kiến pháp tràng, diệu huệ nhật, phá si ám. Thuận tịnh ôn hòa, tịch định minh sát. Vi đại đạo sư, điều phục tự tha, dẫn đạo quần sanh, xả chư ái trước. Vĩnh ly tam cấu, du hý thần thông.**

*Tâm ấy chánh trực, thiện xảo quyết định, luận pháp không chán, câu pháp không mỗi một. Giới như lưu ly, trong ngoài sáng sạch. Phạm nói điều gì đều khiến người vui tín phục. Đánh trống pháp, lập pháp tràng, sáng huệ nhật, phá si ám. Thuận tịnh ôn hòa, tịch định sáng suốt. Làm đại đạo sư, điều phục cả mình lẫn người, dẫn dắt quần sanh, xả các ái trước. Vĩnh viễn xa hỷ ba độc, thần thông tự tại.*

Đoạn kinh văn này nói rõ công đức chân thật của Bồ-tát thế giới Cực Lạc. Đoạn kinh văn trước đó là hoàn toàn dùng tỉ dụ để nêu rõ công đức của các Bồ-tát thế giới Cực Lạc. Đoạn kinh văn này không dùng tỉ dụ, mà dùng phương pháp chánh thuyết, giới thiệu chính xác cho chúng ta công đức chân thật của Bồ-tát thế giới Cực Lạc. Có thể chia thành hai đoạn nhỏ để nói, từ “tâm ấy chánh trực” cho đến “trong ngoài sáng sạch” nêu lên công đức tự mình giác ngộ của Bồ-tát, cũng chính là công đức tự lợi. Từ “phạm nói điều gì” cho đến “thần thông tự tại” là nêu lên công đức giác ngộ kẻ khác của Bồ-tát, cũng chính là công đức thuyết pháp lợi sanh của Bồ-tát.

*“Tâm ấy chánh trực, thiện xảo quyết định”*

Ý nghĩa của hai từ “chánh trực” là: “chánh thì không tà, trực thì không cong”. Kinh Tịnh Danh nói: “Tâm chánh trực là đạo tràng”. Trong Vãng Sanh Luận nói, Pháp sư Đàm Loan chú thích rằng: “Chánh trực là ngay thẳng, do chánh trực nên sanh tâm thương xót hết thảy chúng sanh”. Tâm chánh trực là đạo tràng, đạo tràng ở đâu? Tâm chánh trực là đạo tràng chân chánh. Vì sao vậy? Bởi vì tâm chánh trực sinh ra các đạo lớn. Phật đạo, Bồ-tát đạo, Thanh văn đạo đều sinh ra từ tâm chánh trực.

Kinh Pháp Hoa nói: “Ở trong các Bồ-tát, chánh trực xả phương tiện, chỉ nói đạo Vô thượng”. Nghĩa là nói, trong hết thảy Bồ-tát, Phật dùng thái độ chánh trực xả bỏ những đạo phương tiện trước đây, ngài dùng cách nói chánh trực, chỉ nói đạo Vô thượng. “Chỉ nói” chính là nói thẳng, chỉ nói điều này, duy chỉ nói đạo Vô thượng của Như Lai. Phẩm thứ hai, phẩm Phương Tiện của kinh Pháp Hoa, Phật dạy Bồ-tát

rằng: Không có pháp phương tiện. Vì sao vậy? Vì các ngài là Bồ-tát. Đối với phàm phu chúng ta thì Phật thường nói pháp phương tiện. Tiểu thừa là phương tiện, năm khoa mục mà chúng tôi đề xướng và yêu cầu đồng tu Tịnh tông cùng nhau tu học là phương tiện.

Sau khi Thế Tôn nói kinh Hoa Nghiêm, mọi người đều không hiểu. Phạm Thiên bèn khuyến thỉnh Thích-ca Mâu-ni Phật dùng cách nói quyền xảo phương tiện mà nói các pháp quyền biến, pháp của Tiểu thừa v.v... đến sau cùng đều xả bỏ hết những phương tiện này, chánh trực mà nói đạo Vô thượng.

Ngũ thừa pháp đều là cách nói quanh co, phương tiện, hợp thời đại, nhưng chẳng phải chánh trực. Ngũ thừa là người, trời, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát. Chúng ta thường gọi là “Tam thừa pháp”, bởi vì Phật giáo truyền đến Trung Quốc không nói tường tận về pháp của hai cõi trời và người. Trung Quốc từ xưa đến nay, đạo của Không tử là nhân thừa, thiên thừa. Đạo của Lão tử là thiên thừa. Hai phương diện này nói rất đầy đủ về hai thừa nhân và thiên, cho nên không cần mượn nhờ đạo của Ấn Độ. Vì vậy trên phương diện phiên dịch kinh điển thì tương đối ít giới thiệu đến. Nói Ngũ thừa pháp là để hợp với trình độ của mọi người, người thuyết pháp thông thường rất nhún mình, họ không thể nói đúng với ý của họ. Có câu rằng: “Lão tăng lâu nay nếu như y theo bản phận mà tiếp đãi người thì cỏ trước sân đã mọc cao một trượng.” Ý của câu này là: Nếu lão tăng tôi trước giờ đúng theo bản phận mà tiếp đãi tất cả những người lui tới, thì cỏ trước sân sắp mọc cao đến một trượng rồi, chẳng có ai đến nữa.

Mọi người phải biết rằng rất nhiều người lui tới cửa nhà bậc thiện tri thức, tuy đã nghe rất nhiều pháp, nhưng chưa hề nghe được lời đích thực trong tâm họ, chẳng có cách nào, nếu họ nói lời đúng theo bản phận của mình thì mọi người sẽ không đến nữa. Nói quanh co cũng là bất đắc dĩ, đành phải như vậy, nhưng nếu cứ quanh co mãi thì còn có ý nghĩa gì đâu. Cho nên khi giảng đến Pháp Hoa, Phật bèn xả bỏ phương tiện, mà nói pháp chánh trực. Đến khi đó mà vẫn có hơn năm ngàn đệ tử đã theo Phật nhiều năm không thể tiếp nhận mà lui ra. Có một số pháp chẳng phải người nào cũng đều có thể tiếp nhận, việc này rất tự nhiên. Cho nên Ngũ thừa pháp là cách nói phương tiện rất khiên cưỡng, chẳng phải là lời mà tâm mình muốn nói.

Pháp Hoa phán giáo chia thành bốn loại, đó là: Tạng, Thông, Biệt, Viên. Tạng là Tiểu thừa, Thông là thông cả Đại Tiểu thừa, Biệt là pháp Đại thừa đơn thuần, Viên

chính là cực viên. Thông giáo và Biệt giáo đều là lệch một bên, không phải chánh giữa, không tròn vẹn. Tạng giáo đều là pháp Tiểu thừa, vậy càng không cần nói đến. Gọi là “lệch một bên” thì giống như bắn súng phải trúng mục tiêu, đàng này không bắn trúng hồng tâm, cho nên gọi là “lệch”, là “ngiên” chứ không thẳng. Thông giáo, Biệt giáo là nghiêng, như cõi nhân thiên trong Ngũ thừa là tà lệch, Viên giáo mới là chánh. “Nay đều xả bỏ những thứ nghiêng lệch đó”, đem cách nói nghiêng lệch, không tròn vẹn, quanh co, không thẳng thắn đều xả bỏ hết. “Chỉ nói một đạo chánh trực”, chỉ nói pháp Nhất thừa. Kinh Pháp Hoa vì để nói rõ pháp Nhất thừa đã nêu ra rất nhiều ví dụ, như ví dụ về Hóa Thành, ví dụ về ngôi nhà lửa v.v... Mọi người cảm thấy Pháp Hoa dễ hiểu, nhưng trên thực tế rất khó hiểu, nếu như dễ hiểu thì sao 5.000 đệ tử lại lui ra?

*“Tâm ấy chánh trực”*

Chính là nói thế giới Cực Lạc không có pháp nghiêng lệch, pháp được tư duy và sử dụng đều là pháp Nhất thừa Viên giáo. Bồ-tát cõi đó cũng đều là khế nhập Nhất thừa Viên giáo.

Chúng ta học đến câu kinh văn này đã phản tỉnh lại bản thân chưa? Tâm của mình có chánh trực không? Đây là điều chúng ta cần học tập, phải luôn luôn nhắc nhở chính mình rằng tâm phải chánh trực. Làm thế nào thực hiện? Nói theo Tịnh tông thì chính là một câu Phật hiệu. Bồ-tát Đại Thế Chí nói với chúng ta: “Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền tương lai nhất định thấy Phật”. Có thể thấy, chúng ta niệm Phật, nghĩ Phật là chánh niệm, cũng chính là “tâm ấy chánh trực”. Đại sư Ấn Quang khuyên dạy chúng ta: “Người học Phật, tâm chánh trực, hành vi chánh trực. Nếu tâm có ý niệm sợ người chế nhạo thì ắt chẳng phải là người thật sự tin Phật pháp vậy”.

*“Thiện xảo quyết định”*

Phật Địa Luận nói: “Xứng thuận cơ nghi nên gọi là thiện xảo”, lời nói ra thuận với thời cơ và căn cơ của người nghe pháp. Mỗi một thời đại đều có thời cơ của thời đại đó, có pháp vận của mỗi một thời đại, vì vậy có khi phải dùng pháp khác để thay thế cho một pháp Đại thừa nào đó. Hoàng pháp cần phải tương xứng, tương thuận với căn cơ và thời cơ, tương hợp với cơ nghi này, mọi thứ đều phù hợp thích đáng, phù hợp với căn khí của người nghe pháp, thích hợp với thời đại, hợp với pháp vận thì đây gọi là “xứng thuận cơ nghi”, chính là “thiện xảo”. Khéo thuyết pháp không phải là nói bừa, miễn cưỡng nói cho người khác nghe, nghe rất chán ngán, rất

phản cảm, thậm chí dẫn đến khiến họ báng Phật, báng pháp, mà bạn còn tự cho rằng có công đức hoằng pháp.

Trong Pháp Hoa Văn Cú nói: “Hiện rõ phương tiện quyền biến khéo léo, tỏ rõ quán hạnh tinh vi”. Thể hiện sự giỏi giang quyền biến, khéo dùng phương tiện, đó là giác tha. Đối với người nghe pháp, tuyên thuyết cho họ nghe một pháp nào đó thì nên dùng những tỉ dụ nào để chỉ điểm cho họ, có thể quán cơ mà thí giáo. Thí giáo chính là khởi phát thiện căn và nghi tình của họ. Thế nên tổ sư Thiên tông thường xuyên bất ngờ nêu ra những câu hỏi kỳ quái, người nghe bèn khai ngộ, đó chính là khởi phát nghi tình của người nghe pháp. Hiện nay người thuyết pháp như vậy rất ít. “Tỏ rõ quán hạnh tinh vi” là tự giác, tự giác mới có thể giác tha. Địa cầu rất nhỏ bé, vả lại chỉ có một địa cầu, tự giác thì có thể khéo thâm nhập tinh vi, có thể khéo léo dùng phương tiện để lợi tha, tùy cơ ứng duyên.

Giác ngộ thì giống như ngủ xong tỉnh giấc, tất cả những thứ trong mộng đều như mộng huyễn bọt bóng, “trong mộng rõ ràng có sáu cõi, giác rồi đại thiên rộng toang hoang”. Vàng bạc châu báu trong mộng đều không còn, hổ ăn thịt người cũng không có. Chúng ta nhìn thấy chúng sanh đều đang nằm mộng, nếu muốn thức tỉnh người trong mộng mà bản thân bạn cũng đang nằm mộng thì có thể thức tỉnh người khác chăng? Có rất nhiều người rất hồ đồ, luôn nghĩ mình phải làm thế nào đó để độ chúng sanh, nhưng trên thực tế là uổng công vô ích. Để giác ngộ người khác thì trước hết bản thân phải giác ngộ, nếu chỉ riêng mình giác ngộ thôi thì thành vị La-hán như giống lúa hư, mầm đã rang chín. Thật sự là vì hành đạo Bồ-tát mà tự mình giác ngộ, vì lợi ích chúng sanh mà tự mình giác ngộ thì sự tự giác ngộ này rất thù thắng.

Hai từ “quyết định” trong “thiện xảo quyết định” là chỉ cho sự việc cố định, sẽ không thay đổi. Ở đây chỉ cho chân thật bất biến. Thế nào là chân thật bất biến? Niệm Phật phải quyết định cầu sanh Tịnh độ, tuyệt đối không được cầu phước báo nhân thiên ở đời sau. Lời này là đại sư Ấn Quang nói. Từ trí tuệ chân thật diễn xuất ra sự thuyết pháp quyền biến, vả lại chắc chắn đạt được lợi ích chân thật, “thiện xảo quyết định” ở đây bèn viên dung rồi.

Ở trên nói đến “thiện xảo”, trong kinh Hoa Nghiêm nói đến Bồ-tát hạnh, Bồ-tát tu hành như thế nào? Ở đây xin giới thiệu đơn giản khái quát cho các đồng tu một chút về mười loại thiện xảo trong sự tu hành của Bồ-tát.

*Loại thứ nhất là: trí thiện xảo liễu đạt Phật pháp thậm thâm.*

Liễu là sáng tỏ, đạt là thông đạt, từ “pháp” là chỉ tất cả pháp. Đúng như đại sư Huệ Năng đã nói: “Nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp”, pháp này chính là vạn pháp, chính là tất cả pháp. Phật pháp rất sâu, Phật pháp rất rộng, rộng sâu không có cùng tận, ai có thể thông đạt hiểu rõ? Duy chỉ có Phật mới có thể viên mãn thông đạt hiểu rõ, đây gọi là trí thiện xảo. Bồ-tát vẫn chưa làm được.

*Loại thứ hai là: trí thiện xảo xuất sanh Phật pháp rộng lớn.*

“Liễu đạt” nói ở trên, liễu đạt là đối với chính mình, là tự giác; còn “xuất sanh” ở đây là đối với người khác. Bất luận gặp người thế nào, trên là Đẳng giác Bồ-tát, dưới là chúng sanh địa ngục, tuy sự khác biệt rất lớn, Phật đều dùng trí tuệ thiện xảo giáo hóa họ. Vì vậy chúng sanh gặp được Phật, gặp được Bồ-tát thì không có lý nào mà không được độ. Vì sao vậy? Bởi vì Phật Bồ-tát có đủ mọi phương tiện thiện xảo gia trì tất cả chúng sanh, giúp tất cả chúng sanh khế nhập chánh pháp. Hiện nay bậc đại thiện tri thức như vậy đã ít rồi, nhớ rằng chẳng phải là không có, vì sao lại ít đi? Vì người có duyên với Phật ít đi rồi, chúng ta không có thành ý học Phật, không có ý niệm khẩn thiết cầu pháp, muốn cầu Phật Bồ-tát mà bán tín bán nghi, cho dù gặp được rồi cũng nghe không hiểu, dù nghe hiểu cũng không làm được, đây đều gọi là không có duyên. Thật sự có duyên thì sẽ gặp được, có thể nghe hiểu, có thể tiếp thu, có thể y giáo phụng hành, biết cảm ân báo ân. Dùng cách gì để báo ân? Y giáo tu hành chính là báo ân.

*Loại thứ ba là: trí thiện xảo tuyên nói các thứ Phật pháp.*

Tất cả pháp đều là Phật pháp, chẳng có pháp nào không phải là Phật pháp. Vì sao vậy? Tất cả pháp đều có thể giúp tất cả chúng sanh khai ngộ, tu hành, chứng quả. Then chốt là bạn có biết hay không? Biết thì chính là trí tuệ thiện xảo. Bạn thật làm thì Phật Bồ-tát thật sự gia trì bạn. Bồ-tát tự giác giác tha có thể nói đủ mọi pháp để giúp đỡ tất cả chúng sanh giác ngộ, đây đều thuộc về thiện xảo.

*Loại thứ tư là: trí thiện xảo chứng nhập Phật pháp bình đẳng.*

Điều quan trọng nhất trong Phật pháp là chứng ngộ, nếu chưa chứng ngộ thì không khởi tác dụng. Làm thế nào chứng ngộ? Chứng ngộ thì không lìa khỏi tam học “giới-định-tuệ”. Giới là thủ pháp, giữ quy củ, tác dụng của nó là giúp chúng ta đắc định, cũng chính là giúp sáu căn của chúng ta trong cảnh giới sáu trần không bị

cảnh giới bên ngoài dụ hoặc, không bị cảnh giới bên ngoài quấy nhiễu. Đây chính là Phật pháp bình đẳng.

Thế nào là bình đẳng? Có thể hiện tự tánh của tất cả pháp thì là bình đẳng, hết thảy vạn pháp được hiện ra cũng là bình đẳng. Bình đẳng thế nào? Nó là giả, chẳng phải thật, do tâm hiện thức biến, đây là điều mà kinh Hoa Nghiêm nói với chúng ta “do tâm mà hiện, do thức mà biến”. Toàn thể vũ trụ là do tâm hiện, cảnh giới mà tự tánh hiện ra, vì sao có mười pháp giới, vì sao có lục đạo luân hồi? Đó là do A-lại-da biến ra. Tự tánh là năng hiện, A-lại-da là năng biến.

Tự tánh năng hiện ấy chẳng thể nào đạt được, vì sao vậy? Nó không phải là hiện tượng vật chất, bạn không thể nhìn thấy được nó; nó không phải là hiện tượng tinh thần, bạn không cách nào nắm bắt được nó; nó nơi nào cũng có, lúc nào cũng có, bạn không hiểu được chân tướng của nó thì sẽ bị nó ảnh hưởng. Ảnh hưởng thế nào? Sanh phiền não. Vì sao nói như vậy? Bạn nhìn thấy nó, nghe thấy nó rồi bạn ưa thích, ưa thích chính là phiền não; bạn chán ghét nó, chán ghét là phiền não. Vì sao vậy? Bất luận là ưa thích hay chán ghét thì tâm của bạn đã động rồi.

Chân tâm bất động, đại sư Huệ Năng nói rất hay: “Nào ngờ tự tánh vốn không dao động”. Tự tánh chính là chân tâm, chân tâm chưa từng động, chưa từng dao động. Làm thế nào mới có thể chứng đắc? Tu định thì có thể chứng đắc. Cho nên định tương ưng với chân tâm, khởi tâm động niệm là vọng tâm, tương ưng với vọng tâm. Như như bất động, nhìn thấy, nghe thấy được rõ ràng, nhưng không bị quấy nhiễu. Như như bất động, đây là trí thiện xảo chứng nhập Phật pháp bình đẳng.

*Loại thứ năm là: trí thiện xảo hiểu rõ Phật pháp sai biệt.*

Thế nào gọi là Phật pháp sai biệt? Phật pháp không có sai biệt, là Phật Bồ-tát thuyết pháp có sai biệt. Vì sao có sai biệt? Căn tánh của chúng sanh có khác biệt. Cũng chính là nói, chúng sanh là trình độ tiểu học thì dạy giáo trình tiểu học cho họ, giảng A-hàm; họ là trình độ trung học thì giảng Phương Đẳng cho họ; họ là trình độ đại học thì giảng Bát-nhã cho họ; lên trên nữa thì giảng Pháp Hoa. Căn tánh của chúng sanh không như nhau, Bồ-tát hiểu rõ Phật pháp sai biệt này nên các ngài có năng lực giáo hóa chúng sanh đủ mọi căn tánh khác nhau, khiến cho mỗi người đều được lợi ích, mỗi người đều được nâng cao. Thích-ca Mâu-ni Phật đã làm ra tám gương tốt nhất cho chúng ta.



Thích-ca Mâu-ni Phật một đời giảng kinh dạy học 49 năm, chia làm bốn cấp bậc. Sơ cấp là giảng A-hàm 12 năm tiểu học; sau đó nâng lên giảng Phương Đăng, tám năm trung học; lại nâng cao lên nữa, 22 năm giảng Bát-nhã là đại học; nâng cao hơn nữa, 8 năm giảng Pháp Hoa.

Tiểu thừa chú trọng giới luật, giảng nhiều về giới luật, giảng nhiều về giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả. Trong Phương Đăng thì giảng nhiều về giáo dục thánh hiền. Trong Bát-nhã thì giảng nhiều về chân tướng của vũ trụ nhân sanh, về thật tướng của các pháp, khiến chúng ta triệt để hiểu rõ hết thầy pháp là: tướng có, thể không. Cho nên, bạn có thể hiểu rõ nó, nhưng không được để nó ở trong tâm. Để ở trong tâm thì bị nhiễm ô, thì sai rồi. Trong chân tâm thứ gì cũng không có, trong tâm nếu có thứ gì thì biến thành vọng tâm, thì biến thành A-lại-da. Hãy nhớ rằng trong tâm không được có thứ gì, ngay cả Phật pháp cũng không được để ở trong tâm. Trong tâm không có Phật pháp, đó mới thật sự gọi là Phật pháp. Nếu trong tâm vẫn có Phật pháp thì sai rồi, đó không phải Phật pháp, đó là phương tiện thiện xảo của Phật, chẳng phải là thật.

Trong kinh Kim Cang nói rất hay: “Pháp còn phải xả, huống là chẳng phải pháp”, pháp đó chính là Phật pháp. Thích-ca Mâu-ni Phật nói rằng những điều ngài đã nói trong 49 năm đều phải xả, không được để ở trong tâm. Vì sao vậy? Để ở trong tâm thì chướng ngại bạn kiến tánh, trong tâm của bạn còn có Phật pháp của Thích-ca Mâu-ni Phật, còn có Phật pháp của A-di-đà Phật thì đều không được. Chúng ta niệm A-di-đà Phật, đó là bất đắc dĩ mà làm như vậy. Niệm A-di-đà Phật, A-di-đà Phật có đại nguyện đặc biệt tiếp dẫn chúng ta đến thế giới Cực Lạc. Chúng ta đến thế giới Cực Lạc lại tiếp nhận sự dạy dỗ của ngài, giúp chúng ta nâng cao, nâng lên đến Bát-nhã, nâng lên đến Pháp Hoa, Hoa Nghiêm. Nếu bạn cho rằng Phật pháp thật có thì bạn vĩnh viễn chẳng thể nâng cao, bạn sẽ chết cứng trong Phật pháp của Thích-ca Mâu-ni Phật. Phật không dạy bạn như vậy, trong kinh Kim Cang Phật nói với chúng ta: “Pháp còn phải xả, huống là chẳng phải pháp”. Ngài đã nói rõ ràng, nói sáng tỏ rồi, dạy bạn thầy đều buông xả, đó chính là Phật pháp thật sự. Trí tuệ, đức năng vốn có trong tự tánh của bạn vốn tự đầy đủ, bạn phải khai phát vô lượng trí tuệ, vô lượng tài nghệ, vô lượng đức năng trong chân tâm của bạn ra. Chư Phật Như Lai đều đã khai phát rồi. Làm thế nào khai phát? Buông xả thì khai phát.

Buông xả thì định sẽ hiện tiền, đức năng của định có thể đem vô lượng vô biên công đức, trí tuệ, tướng hảo thấy đều khai phát ra cho bạn. Sự khai phát viên mãn này, trung tâm triển lãm chính là thế giới Tây Phương Cực Lạc, bạn đến thế giới Cực Lạc xem thì mới biết được những thứ ở trung tâm triển lãm này phong phú biết bao, thứ nào cũng có, những thứ bạn biết đều có hết, thứ bạn không biết cũng có luôn. Đây gọi là trí thiện xảo hiểu rõ Phật pháp sai biệt.

*Loại thứ sáu là: trí thiện xảo ngộ giải Phật pháp không sai biệt.*

Thật sự đại triệt đại ngộ thì hoàn toàn hiểu rõ rồi. Hiểu rõ điều gì? Không sai biệt. Hết thấy vạn pháp trong toàn bộ vũ trụ có sai biệt hay không? Không có. Từ nơi nào nhìn thấy được không có sai biệt? Từ vô sở hữu, chẳng thể đạt được, như vậy thì bình đẳng rồi. Vạn pháp nhất như, chân tướng là như nhau, không có sai biệt. Dùng định công thì có thể thông đạt tất cả pháp. Đến địa vị Như Lai thì viên mãn rồi, bạn hoàn toàn biết được tận hư không khắp pháp giới. Vì sao vậy? Bạn đã nhìn thấy, đã nghe thấy, cũng tiếp xúc được rồi. Không thể nghĩ bàn, không cách gì tưởng tượng, tưởng tượng không nổi. Đây là ngộ giải sự không sai biệt, không sai biệt là thấy được chân tướng rồi.

*Loại thứ bảy là: trí thiện xảo thâm nhập trang nghiêm Phật pháp.*

Điều này nhắc nhở chúng ta rằng: tu hành, chứng quả không được có ít bèn cho là đủ. Ví dụ A-la-hán, tự cho rằng đã chứng đắc Vô thượng Bồ-đề, chứng được Bát Niết-bàn, tâm địa thanh tịnh một niệm không sanh thì cho rằng thật sự viên mãn rồi, không tiếp tục nâng cao lên nữa. Đó là tốt nghiệp tiểu học, là Tiểu thừa, đối với Đại thừa hoàn toàn không hiểu được, may mà có thời hạn, A-la-hán là hai vạn kiếp thì quay đầu, Bích-chi Phật một vạn kiếp thì quay đầu. Nếu như biết được bên trên còn có cảnh giới, tiếp tục nâng cao lên thì thời gian hai vạn kiếp này A-la-hán có thể nâng lên đến trình độ tương đối cao, là quả vị của Bồ-tát, chính là Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng. Lại nâng cao hơn nữa thì chính là Pháp thân Bồ-tát của cõi Thật Báo, thật sự minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Tiếp tục nâng lên nữa thì chứng pháp thân viên mãn, dung nhập Thường Tịch Quang, đây gọi là rốt ráo viên mãn, gọi là thâm nhập, là trí thiện xảo thâm nhập trang nghiêm Phật pháp.

*Loại thứ tám là: trí thiện xảo một phương tiện nhập Phật pháp.*

Trí thiện xảo phương tiện nhập Phật pháp, một phương tiện, phương tiện này là gì? Chính là niệm Phật, không có gì phương tiện hơn điều này. Chúng ta hãy xem những đại Bồ-tát dưới đây: Bồ-tát Địa Tạng là hiếu thuận đệ nhất, Bồ-tát Quán Âm là từ bi đệ nhất, Bồ-tát Văn-thù là trí tuệ đệ nhất, Bồ-tát Phổ Hiền là tu hành đệ nhất, đây đều là phương tiện đệ nhất. Mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, đây chính là vô lượng pháp môn phương tiện đến sau cùng thấy đều quy về Tịnh tông, niệm Phật vãng sanh Tịnh độ, một đời nhất định viên mãn thành tựu.

Pháp môn này dễ tu, nhưng rất khó tin, chư Phật Như Lai không có vị nào không nói pháp khó tin này. Rất nhiều A-la-hán không tin tưởng, Bồ-tát không tin tưởng. Ai có thể tin? Người đời đời kiếp kiếp quá khứ từng cúng dường vô lượng chư Phật Như Lai, đây chẳng phải là việc ngẫu nhiên. Vậy chúng ta có cúng dường hay không? Bản thân chúng ta không biết, nhưng phỏng đoán thì nhất định là cúng dường không ít. Nếu không như vậy thì sao bạn vừa gặp bèn tin tưởng được? Đây là pháp khó tin mà!

Nhưng tôi tin tưởng, vả lại còn tin tưởng chẳng chút mảy may hoài nghi, vĩnh viễn tin tưởng không hề dao động. Vì sao vậy? Có thể là thiện căn, phước đức, nhân duyên của tôi đầy đủ rồi, có lẽ là tôi nhiều đời nhiều kiếp đã cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, có lẽ là được sức uy thần của vô lượng vô biên chư Phật Như Lai từ bi gia trì, có lẽ là tổ tiên có đức, đã tích phước đức cho con cháu đời sau. Bồ-tát Văn-thù tin tưởng, Bồ-tát Phổ Hiền tin tưởng, hai vị trợ thủ trái phải của Thích-ca Mâu-ni Phật tin tưởng, tôi lẽ nào không tin? Đó là pháp môn mà Thích-ca Mâu-ni Phật khuyên phụ vương tu học, tôi có thể không tin sao? Đó là pháp môn tu học mà đại sư Ấn Quang chọn ra cho chúng sanh thời mạt pháp, sao tôi lại không tin cho được? Thầy của tôi tin tưởng, thầy của thầy tôi tin tưởng, tôi lẽ nào không tin? Tôi tin đây là pháp môn phương tiện đệ nhất, tin rằng nếu tôi tu hành theo pháp môn này thì đời này nhất định thành tựu.

*Loại thứ chín là: trí thiện xảo vô lượng phương tiện nhập Phật pháp.*

Câu này đối lập với câu trước, câu trước là một pháp, câu này là vô lượng pháp. Vô lượng pháp là thật, không phải giả. Bất kỳ pháp nào cũng đều có thể giúp bạn minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, là vô lượng phương tiện. Nhưng chẳng phải bảo bạn tu vô lượng pháp thì bạn có thể nhập Phật pháp, chẳng thể được. Bất kỳ pháp nào trong vô lượng pháp đều được cả. Vì sao vậy? Thâm nhập một môn,

huân tu lâu dài, chính là đạo lý này. Học kinh Vô Lượng Thọ có thể thành Phật, học Đại Học liệu có thể thành Phật không? Học Luận Ngữ có thể thành Phật không? Học kinh Thánh liệu có thể thành Phật không? Chỉ cần bạn học một thứ thì có thể. Vì sao vậy? Một thứ thì được định, định có thể khai trí tuệ.

Nhiều năm qua, lý niệm “chư Thần là một thể, tôn giáo là một nhà, đối xử bình đẳng, chung sống hòa mục” của lão pháp sư ngày càng đi sâu vào lòng người. Lão pháp sư là người khởi xướng và thực hành đoàn kết tôn giáo, chúng ta nên học tập lão pháp sư. Ngài nói với chúng ta chân tướng sự thật, ngài nói: Moses và Giê-su của Cơ Đốc giáo cùng Thích-ca Mâu-ni Phật không phải sinh cùng thời đại, cũng không phải sinh cùng một nơi, vì sao điều mà các ngài nói đều như nhau? Bởi vì các ngài đã khai trí tuệ, trí tuệ chân thật, đã đắc tam-muội, đắc định rồi, mọi loại phương pháp đều có thể đắc định. Đắc định thì thấy được thật tướng của các pháp. Thế giới Cực Lạc chính là thiên đường, thiên đường chính là thế giới Cực Lạc, tên gọi không như nhau. Nếu các ngài sinh ra ở Ấn Độ thì sẽ được gọi là Phật, nếu sinh ra ở Trung Quốc thì được gọi là thánh nhân, các ngài đều là người cùng một đẳng cấp, đều là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đây là trí thiện xảo vô lượng phương tiện nhập Phật pháp.

*Loại thứ mười là: trí thiện xảo biết vô biên Phật pháp chẳng sai biệt.*

Thế nào gọi là Phật pháp? Phạm là pháp giúp chúng ta giác ngộ đều gọi là Phật pháp. Phật pháp vô lượng vô biên, người thông đạt loại phương tiện thiện xảo này chính là chư Phật Như Lai. Chư Phật Như Lai vô lượng vô biên, Phật pháp vô lượng vô biên. Vô lượng vô biên Phật pháp không có sai biệt, có sai biệt thì chẳng phải là Phật pháp. Một chính là nhiều, nhiều chính là một, một và nhiều không hai. Lớn chính là nhỏ, nhỏ chính là lớn, lớn nhỏ không hai, không có sai biệt.

Sự chứng đắc của Diệu giác Như Lai trong kinh Hoa Nghiêm cao hơn Đẳng giác một tầng. Đã chứng được Phật quả rốt ráo viên mãn, thấy được tự tánh viên mãn, đã trở về Thường Tịch Quang rồi, đây chính là mười loại trí thiện xảo mà bên trên đã nói. Người như thế nào thì chứng được? Pháp thân Bồ-tát chứng được. Trong Phật pháp gọi là Phật-đà, trong các tôn giáo khác gọi ngài là Thượng đế, gọi ngài là thần, gọi ngài là Chúa tạo ra muôn loài. Vì sao vậy? Hãy đọc câu cuối cùng mà đại sư Lục tổ nói thì sẽ hiểu rõ thôi: “Nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp”, vạn pháp chính là vũ trụ, vũ trụ từ đâu mà có? Do tự tánh biến hiện. Kinh Hoa Nghiêm

nói về mười loại trí thiện xảo này: “Nên biết mười loại trí thiện xảo đều bắt nguồn từ thâm nhập tinh vi, thấu triệt tận nguồn tâm”. Câu nói này chính là minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ. Vì sao Phật Phật đạo đồng? Lời các ngài nói không như nhau, nhưng ý nghĩa bên trong đều là một thứ; danh xưng nói ra không như nhau, nhưng cảnh giới là tương đồng. Đây gọi là chân lý, trải suốt xưa nay không đổi.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 74

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

*“Luận pháp không chán, cầu pháp không mỏi mệt”*

Câu thứ nhất trong hai câu kinh văn này là giác tha, câu thứ hai là tự giác. Đây là trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. “Cầu pháp không mỏi mệt” là trên cầu Phật đạo, “luận pháp không chán” là dưới hóa độ chúng sanh.

*“Luận pháp không chán”*

Ý nói giúp đỡ người khác, dạy dỗ không chán mệt. Luận pháp chính là giảng kinh dạy học không mệt không chán.

Phật Bồ-tát muốn giúp đỡ chúng sanh mê hoặc điên đảo giác ngộ, dùng phương pháp gì vậy? Nhất định phải dùng phương pháp dạy học, đó chính là giảng kinh dạy học. Bôn sư Thích-ca Mâu-ni Phật giảng kinh thuyết pháp 49 năm, đã làm ra tám gương cho chúng ta. Lão pháp sư học theo Phật Thích-ca, đi theo đường của Phật Thích-ca, hoằng pháp của Phật Thích-ca, giảng kinh thuyết pháp đến nay đã 62 năm, đáng được xưng là người giảng kinh thuyết pháp bậc nhất trong lịch sử Phật giáo, công đức của ngài vô lượng.

Giúp chúng sanh giác ngộ thì nhất định phải thuyết pháp cho chúng sanh, phải có phương pháp rất xảo diệu để dẫn dắt chúng sanh vào cửa Phật, khiến họ nhận thức Phật pháp, hiểu được Phật pháp, ưa thích Phật pháp, tiếp nhận Phật pháp, phụng hành Phật pháp, họ bèn được lợi ích, đây là lợi tha.

*“Cầu pháp không mỏi mệt”*

Chỉ cho sự việc của bản thân chúng ta, là nói về sự tu hành của chính mình. Vì sao phải cầu pháp không mỏi mệt? Bởi vì sự tu hành của chúng ta vẫn chưa đạt đến viên mãn. Đẳng giác Bồ-tát còn cầu pháp không mỏi mệt, phải phá một phẩm sanh tướng vô minh sau cùng thì mới đạt đến cảnh giới đại viên mãn. Đẳng giác Bồ-tát còn tinh tấn cầu pháp, hướng hồ chúng ta ở địa vị phàm phu. Cho dù sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, được uy đức đại nguyện của Di-đà gia trì nên thần thông, đạo lực, tướng hảo đều tương đồng với đại Bồ-tát, nhưng trên thực tế thì một phẩm phiền não cũng chưa phá, nếu chẳng cầu pháp không mỏi mệt thì sao được?

Ai là tấm gương cầu pháp không mỗi mệ của chúng ta? Là tỳ-kheo Pháp Tạng? Các đồng tu hãy nhớ lại một chút, tỳ-kheo Pháp Tạng đã thỉnh pháp với Thế Gian Tự Tại Vương Phật như thế nào? Thế Gian Tự Tại Vương Phật đã dạy tỳ-kheo Pháp Tạng ra sao? Tỳ-kheo Pháp Tạng làm thế nào kiến lập nên thế giới Tây Phương Cực Lạc? Đây là cặp thầy trò chí đồng đạo hợp, vĩnh viễn là tấm gương để chúng ta học tập.

Tịnh Ảnh Sớ nói: “Chuyên thích cầu pháp, tâm không chán đủ là phương tiện tự lợi”. Ba câu này là lời bình chú cho kinh Vô Lượng Thọ của đại sư Huệ Viễn thời nhà Tùy. “Chuyên thích cầu pháp”, thích là ưa thích, ưa thích điều gì? Ưa thích Phật pháp, tâm không biết chán biết đủ, đây là tự lợi. “Thường muốn rộng nói, chí không mỗi mệ chính là lợi tha”, đây là nói lợi tha. Lợi tha chính là thường xuyên muốn giảng kinh dạy học. Học không chán, dạy không mỗi, chí không sòn, không mỗi mệ. Đây đều là lời chân thật, bản thân tôi đã đích thân trải nghiệm qua. Thuyết pháp dạy học càng nói thì càng hoan hỷ, quên cả mệ mỗi. Vì sao vậy? Pháp hỷ sung mãn. Nhất là khi thuyết pháp, lúc giảng kinh thường xuyên có chỗ ngộ, nói theo cách của tôi thì chính là bóng đèn nhỏ sáng lên rồi, cảm giác đó vô cùng tuyệt vời, ngay cả chính mình cũng cảm thấy kỳ lạ, sao có thể nói ra những lời này được? Là do ai dạy vậy? Hiện nay là lần phúc giảng thứ hai, bóng đèn nhỏ càng ngày càng sáng nhiều hơn, cho nên mỗi ngày pháp hỷ sung mãn, tôi đã biết thế nào gọi là “pháp lạc” rồi. Tôi đã hiểu hàm nghĩa chân thật là mùi vị thế gian sao có thể nồng nàn bằng pháp vị được. “Bồ-tát cầu pháp là để lợi tha, cho nên đắc được pháp rồi ắt sẽ thuyết cho người”. “Vì tất cả chúng sanh mà trải qua vô lượng kiếp cũng không mỗi mệ”, câu này quan trọng, chẳng phải một ngày không mỗi mệ, không phải một tháng không mỗi mệ, chẳng phải một năm không mỗi mệ, mà là trải qua vô lượng kiếp đều không có hiện tượng mỗi mệ. Đây là Bồ-tát, chẳng phải người phàm, chúng ta phải học tập Bồ-tát, buông xuống tất cả sự mệ mỗi, vất vả, nhọc nhằn thì mới tương ưng với Bồ-tát. Quan trọng hơn, đó là thực hành vào trong đời sống, thực hành vào trong công việc, thực hành vào trong đối nhân xử thế tiếp vật. Thật sự dùng được rồi thì thật sự có được pháp hỷ, chân thật được thọ dụng. Tu hành và cuộc sống dung hợp thành một thể, đây là tu hành chân thật.

*“Giới như lưu ly, trong ngoài sáng sạch”*

Giới định tuệ là tam vô lậu học, phụng trì giới luật, sáng sạch thanh khiết để tự trang nghiêm. Trì giới tịnh khiết giống như lưu ly, trong ngoài sáng sạch. Trong chỉ cho tâm, ngoài chỉ cho oai nghi, trong ngoài như một, khiến người hoan hỷ chân thành tín phục, cho nên “phàm nói điều gì đều khiến người vui tín phục”.

Đại sư Ấn Quang dạy chúng ta rằng: “Giới là cái gốc của Vô thượng Bồ-đề, đại giáo của Hoa Nghiêm cũng nói như sau: ba nghiệp thanh tịnh, lia mọi tì vết, như lưu ly trong hiện vàng trắng báu. Kẻ độn căn đời sau nên từ đây mà dốc sức, ắt được khế lý khế cơ vậy”.

*“Đánh trống pháp, lập pháp tràng, sáng huệ nhật”*

“Đánh trống pháp, lập pháp tràng” tỉ dụ cho giảng kinh thuyết pháp. Hội Sớ giải thích: “Pháp âm vang dội khác nào tiếng trống”. Thuyết pháp như tiếng trống, có thể khiến mọi người bị chấn động mà sanh tâm kính trọng. “Uy đức đẹp tà khác nào thắng tràng”, dựng một cái tràng ở Ấn Độ là biểu thị cho việc thắng trận. [Dựng] pháp tràng là một loại hình thức đạt được lợi ích thù thắng từ nơi pháp. Uy đức đẹp tà hàng phục ngoại đạo thì giống như dựng tràng chiến thắng.

*“Sáng huệ nhật”*

Là nói quang minh trí tuệ giống như vàng thái dương, phá tan hết thủy nghi hoặc. Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc có thể dùng trí tuệ để phá sự tăm tối của chúng sanh, khiến cho quần mê giác tỉnh.

*“Phá si ám”*

Chính là phá vô minh. Hoa Nghiêm nói: “Trí tuệ của Như Lai không ngăn mé, hết thủy thế gian chẳng ai có thể suy lường, vĩnh viễn diệt trừ tâm si ám của chúng sanh”. Sự ngu si và vô minh của chúng sanh cực kỳ sâu nặng, ngày nay chúng ta có thể tu hành là việc không hề dễ dàng. Thân người khó được, Phật pháp khó được nghe, khó thể tin. Ngày nay chúng ta có được rồi, nghe rồi, tin rồi, đây là việc vô cùng hy hữu. Điều này chẳng thể hoàn toàn quy cho chính mình có căn cơ, mà nhờ vào công lao trí tuệ bát-nhã của Như Lai thông qua văn tự và lời dạy bảo, sau khi chúng ta nghe rồi thì có thể phá trừ si ám. Cho nên phải cảm tạ ân sâu của Phật.

Đại sư Ấn Quang dạy rằng: “Nhờ được trí tuệ của Phật pháp mà phá trừ hết thủy ngu si hắc ám của mình và người, khiến cho mọi người đồng thoát khỏi hang quỷ đen tối, đồng đến nơi chánh đại quang minh. Trong Phật đạo Vô thượng thì như



lấy một ngọn đuốc mà mỗi trăm ngàn bó đuốc, đuốc mỗi lửa cho nhau, vĩnh viễn truyền vô tận”.

*“Thuần tịnh ôn hòa, tịch định sáng suốt”*

Thuần là thuần khiết, tịnh là sạch sẽ. Thuần tịnh chỉ cho nội tâm trong suốt là ô nhiễm. Ôn là ôn lương. Học trò xưng Khổng lão phu tử là “ôn lương cung kiệm nhượng”. Nhà Nho giải thích về chữ “hòa” rất hay: “diễn ra một cách tự nhiên và đúng mực thì gọi là hòa”.

Hết thầy sự việc sau khi xảy ra, diễn biến tự nhiên đúng mực thì gọi là hòa, cho nên “đạt đến trung hòa thì trời đất an định, muôn loài sinh trưởng”. Nếu có thể bóc sức nơi hai chữ “trung hòa” này, đến khi đạt được rồi thì trời đất nhân đây mà an định, vạn vật nhân đây mà sinh trưởng. Đạo lý trung hòa rất sâu. “Thuần tịnh ôn hòa” là nói trong ngoài đều trong suốt, tự nhiên phù hợp với giới luật, phù hợp với quy củ.

*“Tịch định sáng suốt”*

“Tịch định” là nói về lý thể thực tế, đại biểu cho bản thể; “sáng suốt” chỉ cho chiếu dụng của trí tuệ. Tông Cảnh Lục nói: “Lấy nhất tâm làm tông, như gương chiếu vạn vật”, soi thấy năm uẩn đều không. “Tịch định” thì như thể tánh của gương, “sáng suốt” ví như công dụng của gương, chiếu soi tất cả rõ ràng phân minh nên gọi là “sáng suốt”. “Tịch định sáng suốt” có thể lẫn dụng, tịch mà thường chiếu, đây là định của Đại thừa, chẳng phải định thông thường.

*“Làm đại đạo sư, điều phục cả mình lẫn người”*

Đại đạo sư chính là bậc thầy của trời người. Ba nghiệp thân khẩu ý của chính mình đều có thể làm mô phạm cho chúng sanh, có thể làm gương cho chúng sanh, có thể dẫn dắt mọi người thoát khỏi Tam giới, ra khỏi biển khổ. “Đại đạo sư” là tôn xưng của nhà Phật dành cho đức Phật.

*“Làm đại đạo sư”*

Tịnh Ảnh Sớ nói: “Dùng trí tuệ để khai hóa người khác thì gọi là đạo sư”. Dùng trí tuệ khiến người hiểu rõ, khai ngộ thì gọi là đạo sư. Hội Sớ nói: “Chỉ ra con đường đúng cho kẻ lạc đường nên gọi là đạo sư”. Người bị lạc đường rồi, bạn có thể chỉ đúng đường cho người ấy, đây chính là đạo sư.

Đây là sự việc rất cụ thể, chẳng phải có thể giảng giải kinh văn trên bục giảng, đó không được xem là đạo sư, chỉ là giáo viên mà thôi. Đại đạo sư thì có thể như Phổ Hiền Đại sĩ dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, dùng pháp viên đốn tối cực rộng làm lợi ích cho chúng sanh chín pháp giới, còn là vị đạo sư trong hàng Bồ-tát, nên được gọi là đại đạo sư. Đại đạo sư đều có thể điều phục chính mình và người khác.

Điều là điều thuận, chế ngự tâm mình. Phục là hàng phục, chế phục, hàng phục những tâm sai trái. Trong kinh Kim Cang hỏi: “Nên trụ vào đâu, nên hàng phục tâm như thế nào?” Chính là ý nghĩa của hai chữ “điều phục” này. “Điều” là khai hiển bản tâm, “phục” là hàng phục tâm sai trái. Đại đạo sư tự nhiên đều có thể điều phục tâm của mình và người khác, chính mình nhập đạo, cũng khiến cho khắp chúng sanh đều nhập đạo; tự tâm đại giác cũng rộng khiến cho chúng sanh đều được đại giác ngộ.

*“Dẫn dắt quần sanh, xả các ái trước, vĩnh viễn xa hẳn ba độc, thần thông tự tại”*

Bốn câu này là thái độ giáo hóa chúng sanh của Bồ-tát, cũng là nguyên tắc cần phải tuân thủ để giáo hóa chúng sanh.

*“Dẫn dắt quần sanh”*

Đây là phương pháp giáo dục, phải dùng phương tiện thiện xảo để dẫn dắt chúng sanh hướng về Phật đạo. “Xả các ái trước”, ái là phiền não, trước là chấp trước. Lúc Thế Tôn ngộ đạo đã nói rằng: “Hết thấy chúng sanh đều có đức tướng, trí tuệ của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước mà không thể chứng đắc”. Như vậy tu hành trước tiên phải đoạn ái nhiễm, tham ái, ưa thích, ân ái và chấp trước. Ái không nặng thì không sanh ở Ta-bà, đã rút xuống thế giới Ta-bà thì chính là ái nhiễm rất sâu. Chấp trước bao gồm nhân chấp, ngã chấp, pháp chấp v.v... Đại đạo sư dẫn dắt tất cả chúng sanh xả bỏ tất cả ái trước, vĩnh viễn xa hẳn tam cấu, vĩnh viễn lìa khỏi ba độc tham sân si. Ba độc chính là tam cấu, lìa khỏi tam cấu thì không còn kiến tư phiền não, khiến chúng sanh du hí trong thần thông, tự tại vô ngại. Đây đều là công đức tự giác tha của Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc.

Mời các đồng tu thương thức kỹ càng sự giải thích về ba độc tham sân si của đại sư Ấn Quang: “Phải biết thật tánh của tham sân si chính là Phật tánh. Nếu có thể

ngay đó triệt để ngộ được Phật tánh thì trọn chẳng thể tìm được tham sân si. Ngay nơi thể chính là chân giới, chân định, chân tuệ. Cũng chẳng có tướng của chân giới, chân định, chân tuệ để đắc”.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Nhân duyên nguyện lực, xuất sanh thiện căn, tồi phục nhất thiết ma quân, tôn trọng phụng sự chư Phật. Vi thể minh đặng, tối thắng phước điền, thù thắng kiết tường, kham thọ cúng dường. Hách diệc hoan hỷ, hùng mãnh vô úy. Thân sắc tướng hảo, công đức biện tài, cụ túc trang nghiêm, vô dũ đẳng giả.**

*Nhân duyên nguyện lực, xuất sanh thiện căn, phá dẹp hết thầy ma quân, tôn trọng, phụng sự chư Phật. Làm đèn sáng soi cho thế gian, phước điền tối thắng, kiết tường thù thắng, có thể kham nổi sự cúng dường. Rạng rỡ hoan hỷ, hùng mãnh không sợ sệt. Sắc thân tướng hảo, công đức biện tài, đầy đủ trang nghiêm, không ai sánh được.*

*“Nhân duyên nguyện lực, xuất sanh thiện căn”*

Đoạn kinh văn này là nói rộng về công đức chân thật của Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc. “Nhân duyên nguyện lực” nói ở đây chẳng phải là nhân duyên thông thường, cũng chẳng phải nguyện lực thông thường. Nhân duyên nguyện lực thông thường thì không thể thành tựu được công đức lớn như vậy. Nhân duyên này là gì? Lão pháp sư nói với chúng ta: Nhân duyên này là nhân duyên niệm Phật. Nhân duyên niệm Phật không thể nghĩ bàn, công đức của danh hiệu A-di-đà Phật không thể nghĩ bàn. Nếu nhân duyên niệm Phật, công đức của danh hiệu có thể được tuyên dương phổ biến ở thế gian này thì dẫu thế giới có tai nạn lớn đến đâu cũng có thể hóa giải. Thế nhưng người thật sự nhận thức được sự to lớn của công đức niệm Phật không nhiều, đây là sự thật.

Chúng ta nhất định phải biết, con người sinh ra ở thế gian này, thân thể rất mong manh yếu ớt, sinh mạng rất ngắn ngủi tạm bợ, một phen mất thân người bèn đọa ác đạo. Nghĩ đến đây thì sẽ thật sự cảm thấy đáng sợ. Làm thế nào mới có thể không đọa ba đường ác, lại có thể thành Phật, thành Bồ-tát? Duy chỉ có dựa vào một câu Phật hiệu này, việc này quả thật cừ khôi!

Liên quan đến “nhân duyên” thì có hai cách giải thích, ở đây đều giới thiệu cho các đồng tu.

Cách giải thích thứ nhất: Tịnh Ảnh Sớ nói: “Nhân lực, duyên lực là môn thứ nhất để dựa vào đó mà khởi tu. Hết thấy hạnh lành đã tu trong quá khứ có thể sanh ra điều lành trong hiện tại thì gọi là nhân lực. Thân cận thiện tri thức, lắng nghe chánh pháp thì gọi là duyên lực”.

“Nếu không có người nói Phật pháp, tuy có trí tuệ cũng chẳng thể hiểu”. Nếu không có người từng trải nói Phật pháp cho bạn, tuy bạn có trí tuệ cũng không thể hiểu được. Bởi quá khứ đã tu rất nhiều việc thiện nên sinh ra điều lành trong đời này, lại còn thân cận thiện tri thức lắng nghe chánh pháp. Thiện của quá khứ là nhân, hiện nay nghe pháp là duyên, có nhân có duyên, đây chính là “nhân duyên nguyện lực xuất sanh thiện căn”.

Cách giải thích thứ hai: Hội Sớ nói: “Nhân lực là tâm Bồ-đề, đây chính là cái nhân gốc của Phật đạo. Duyên này có đại oai lực chuyên phạm nhập thánh”. Sớ nói rằng: tâm Bồ-đề là nhân lực, bởi vì tâm Bồ-đề là nhân gốc của Phật đạo, bạn không phát tâm Bồ-đề thì sao có thể thành Phật được? Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu, bạn phát tâm gì thì được quả ấy. Tâm Bồ-đề có thể xuyên suốt mười phương ba đời, cũng khiến cho tất cả ma quỷ đều khiếp sợ. Cho nên, bất luận tu theo tông phái nào cũng được, nhưng không được thiếu phát tâm Bồ-đề.

Dùng cái gì để làm duyên? “Rộng cầu tri thức, rộng tích điều thiện”, vẫn phải hành thiện thì duyên này mới có đại oai lực chuyên phạm thành thánh.

Hai cách nói không như nhau, nhưng không hề mâu thuẫn. Ngài Tịnh Ảnh dùng thiện căn của đời trước làm nhân của hiện tại, còn Hội Sớ xem tâm Bồ-đề phát ở đời này là nhân để thành Phật. Thật ra, nếu không có hạnh lành trong nhiều kiếp quá khứ thì chẳng thể phát khởi tâm Bồ-đề trong hiện đời. Nếu chẳng phát tâm Bồ-đề thì không có cái nhân thành Phật! Như vậy, hai cách nói trên có thể bổ túc cho nhau. Nhưng trong hai cách trên, cách nói của Hội Sớ gần với ý của kinh này hơn, vì “phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm” là tông chỉ của kinh này.

Về nguyện lực thì Tịnh Ảnh Sớ nói: “Nguyện để khởi hạnh thì gọi là nguyện lực”. Ai ai cũng từng phát nguyện, nhưng sau khi phát nguyện không có hành động thì đó là nguyện suông. Sau khi phát nguyện chẳng những phải hành động, mà còn

kiên trì quán triệt thì đó gọi là nguyện lực, nếu không thì là nguyện suông, nguyện chơi mà thôi. Hội Sớ nói: Thật sự có thể phát tứ hoằng thệ nguyện và làm được rồi, thực hiện được rồi thì chính là cõi nước Phật thanh tịnh. Đã thành tựu cho chúng sanh, đây chính là nguyện lực. Có nguyện lực mà không có hành động thì là nguyện trống không, không có sức mạnh.

Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc có nhân duyên, còn có nguyện lực, tự nhiên sẽ sanh ra thiện căn mới. Chẳng những bậc Đại sĩ ở Cực Lạc là như vậy, mà mỗi người chúng ta cũng nên đi con đường này. Chúng ta chắc chắn là có nhân lực, nếu không có sự tu trì trong đời quá khứ thì ngày nay chúng ta sao có thể nghe được đại pháp vô thượng này. Chúng ta có thể thâm nhập pháp môn viên đốn này thì nhân lực, duyên lực, nguyện lực đều có cả. Chúng ta vốn có một vài thiện căn, lại không ngừng tăng trưởng, mãi cho đến sáng trong đại ngộ. Cho nên “nhân duyên nguyện lực, xuất sanh thiện căn”. Do đó chúng ta phải rộng cầu thiện tri thức. Bậc cổ đức như thiền sư Triệu Châu 80 tuổi còn hành cước. Hòa thượng Triệu Châu 18 tuổi đã giải quyết xong vấn đề sanh tử, nhưng đến khi 80 tuổi vẫn băng sông vượt núi rộng tham học với thiện tri thức, tìm một số đại đức ẩn cư trong rừng sâu núi thẳm để hỏi một câu nửa câu. Chúng ta cũng nên như vậy, từ nguyện mà khởi hạnh thì có thể sanh ra thiện căn mới.

Thiện căn được giải thích trong kinh Đại Bi như sau: Một phen xưng danh hiệu Phật, dùng thiện căn ấy để nhập Niết-bàn giới chẳng thể cùng tận. Bạn niệm một câu “Nam-mô A-di-đà Phật”, thiện căn này xuyên suốt đến toàn bộ pháp giới, thiện căn này chẳng thể cùng tận. Thiện căn của quá khứ là nhân, hiện tại khiến nó tăng trưởng, nhân duyên hội tụ bèn kết quả. Trong quả lại có nhân, giống như đài sen, đài sen là quả, trong quả lại có hạt sen, gieo hạt sen xuống lại kết quả, tiếp nối như vậy thì thiện căn chẳng thể cùng tận.

Đại sư Ấn Quang dạy rằng: “Chúng sanh thời mạt, bất luận có thiện căn hay không có thiện căn thấy đều nên quyết định chuyên tu Tịnh độ. Nếu có thiện căn thì hẳn nhiên nên nỗ lực, bằng không thì càng phải dốc sức vun bồi”.

*“Phá dẹp hết thầy ma quân, tôn trọng phụng sự chư Phật”*

“Phá dẹp hết thầy ma quân”, phá dẹp chỉ cho phá trừ và hàng phục. Trí Độ Luận nói về ma rằng: “Đoạt huệ mạng, phá hoại gốc lành đạo pháp công đức nên gọi là ma”. Ma đoạt huệ mạng của người, huệ mạng quan trọng hơn sinh mạng, mất

sinh mạng rồi không đáng tiếc, vừa nhập thai liền có; nhưng đoạn huệ mạng rồi thì bạn sẽ không tin, không tu nữa. Ma phá hoại đạo pháp của chúng ta, phá hoại gốc lành công đức của chúng ta. Ma xác thực có thần lực lớn, trong vũ trụ có loại quỷ thần này tồn tại, rất nhiều người bị ma nhập đều rất thần dị, đội ngũ của ma gọi là ma quân, chuyên môn nhiễu loạn người tu hành. Vì vậy trong kinh Lăng-nghiêm nói: Nếu không dựa vào sức mạnh của chú, chỉ dựa vào tự lực để ngồi thiền tu định thì rất khó thành tựu, bởi vì sức mạnh của ma lớn hơn sức mạnh của chúng ta nhiều, nên tự lực thì không thể đối phó với bọn chúng, luôn luôn bị ma quân trói. Bồ-tát của thế giới Cực Lạc có thể phá trừ và hàng phục hết thầy ma quân.

*“Tôn trọng phụng sự chư Phật”*

Đây là sự việc rất không dễ dàng, phải có thiện căn và phước báo rất lớn. Người vãng sanh đến biên địa, ở trong hoa sen không được ra ngoài, không thấy được A-di-đà Phật, không thể đến thế giới phương khác phụng sự chư Phật. Các Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc có thể hàng phục ma quân, phụng sự chư Phật.

*“Làm đèn sáng soi cho thế gian, phước điền tối thắng”*

Ví cho trí tuệ của Bồ-tát có thể chiếu tan sự tăm tối, chiếu tan sự mê hoặc, khiến chúng sanh khai mở hiểu rõ chánh đạo. Tịnh Ảnh Sớ giải thích rằng: “Tự đủ trí tuệ, lại làm cho chúng sanh sanh khởi tín giải, nên gọi là đèn sáng soi cho thế gian”. Bản thân có trí tuệ, có thể khiến cho chúng sanh sinh khởi tín giải, đây gọi là đèn sáng soi cho thế gian. “Vật” ở đây chỉ cho chúng sanh.

Đại sư Ấn Quang dạy rằng: “Tất cả chúng sanh đồng nhờ ngọn đèn sáng của Phật pháp mà phá trừ sự hôn ám của phiền não, nhân đây mà đồng thoát khỏi biển sanh tử, đồng về quê nhà Cực Lạc, làm đứa con đích thực của Di-đà, là bạn lành của chư Đại sĩ”.

*“Phước điền tối thắng”*

Ruộng để trồng phước thì gọi là phước điền. Thám Huyền Ký nói: “Sanh phước cho ta nên gọi là phước điền”. Có thể sinh ra phước báo thì gọi là phước điền.

Ưu-bà-tắc Giới Kinh nói có ba loại phước điền:

-Một là phước điền báo ân: báo ân của cha mẹ, sư trưởng thì có thể trồng phước.

-Hai là phước điền công đức: cúng dường Tam bảo Phật, Pháp, Tăng thì có đại công đức, có thể trồng phước điền.

-Ba là phước điền bản cùng: có thể bố thí cho người nghèo khổ, giúp họ mưu cầu phước lợi thì cũng có thể trồng phước.

Trong số những loại phước điền thì những Bồ-tát này có thể làm phước điền thù thắng nhất cho chúng sanh, bởi vì các ngài có công đức thù thắng nhất, có thể sinh ra phước báo thù thắng nhất cho chúng sanh, kết quả cũng là thù thắng nhất. “Làm đèn sáng soi cho thế gian”, quang minh và trí tuệ của các ngài là phước điền lớn.

*“Kiết tường thù thắng, có thể kham nổi sự cúng dường”*

“Kiết tường thù thắng”, trong đây bao hàm danh hiệu của Bồ-tát Văn-thù. “Văn-thù” có thể dịch thành “thắng, diệu, đệ nhất v.v.”; Sư Lợi có thể dịch thành “đức, kiết tường v.v.” Văn-thù còn gọi là “thắng diệu kiết tường”. Văn-thù đại biểu cho căn bản trí, là thầy của bảy vị Phật, cho nên ngài là đèn sáng soi cho thế gian, phước điền tối thắng. Bởi vì là phước điền tối thắng cho nên có thể kham nổi sự cúng dường.

*“Rạng rỡ hoan hỷ, hùng mãnh không sợ sệt”*

Rạng là quang minh, rỡ là mạnh mẽ vượt trội, rạng rỡ giống như ánh lửa, rất sáng, rất có uy thế. Hùng mãnh, trong kinh Pháp Hoa xưng “Thế Tôn đại hùng mãnh”. Bởi vì đức Thế Tôn đã đoạn tất cả phiền não, không hề khiếp sợ, dũng mãnh tinh tấn. Không khiếp sợ chỉ cho bốn loại vô úy. Đại thừa Nghĩa Chương nói: “Tâm hóa độ chẳng khiếp nhược nên gọi là vô úy”. Tâm hóa độ chúng sanh vĩnh viễn không hề sợ sệt nên gọi là vô úy.

*“Sắc thân tướng hảo”*

Những Bồ-tát này đều có đủ 32 tướng ứng hóa thân, 80 vẻ đẹp, báo thân của các ngài có vô lượng tướng hảo.

Kết hợp lại xem thì “rạng rỡ” biểu thị cho quang minh thù thắng của Bồ-tát; “hoan hỷ” biểu thị nội tâm rất tự tại, rất hòa vui; “hùng mãnh không sợ sệt” ví cho thật đức của Bồ-tát. Dũng mãnh tinh tấn là thuyết pháp độ chúng sanh, hùng dũng không khiếp nhược, tỏ rõ uy nghi, uy thần không gì sánh.

*“Công đức biện tài, đầy đủ trang nghiêm”*

Ngụ ý Bồ-tát có đủ mọi công đức, và đủ loại biện tài vô ngại, dùng phước đức, trí tuệ mà trang nghiêm thân mình, đầy đủ các trang nghiêm, vượt hơn tất cả thế gian.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Thường vi chư Phật sở cộng xưng tán, cứu cánh Bồ-tát chư ba-la-mật, nhi thường an trụ bất sanh bất diệt chư tam-ma-địa. Hạnh biến đạo tràng, viên Nhị thừa cảnh.**

*Thường được chư Phật cùng khen ngợi, rốt ráo các ba-la-mật của Bồ-tát nhưng thường an trụ vào các tam-ma-địa bất sanh bất diệt. Hạnh khắp đạo tràng, xa lìa cảnh giới Nhị thừa.*

Mười phương chư Phật đều chứng minh, tán thán những Đại sĩ này đã rốt ráo các ba-la-mật của Bồ-tát, lục độ vạn hạnh đều viên mãn triệt để rồi. Nhưng thường an trụ vào các tam-ma-địa bất sanh bất diệt, bất sanh bất diệt chính là tịch định. Kinh Niết-bàn nói: “Niết là bất sanh, Bàn là bất diệt, bất sanh bất diệt thì gọi là Đại Niết-bàn”. Kinh Duy-ma-cật lại nói: “Pháp vốn chẳng sanh, nên nay chẳng diệt”. Tiểu thừa nương vào đạo lý hữu dư Niết-bàn mà giải thích, nên lệch về “không”. Pháp Đại thừa thì cho rằng “ngay nơi tướng tức là đạo, ngay nơi sự chính là chân”, tướng chính là đạo, sự chính là chân, cho nên cả ngày độ sanh mà suốt ngày chẳng độ. Những Bồ-tát này trụ trong ba-la-mật bất sanh bất diệt mà rộng tu lục độ vạn hạnh.

Định công của lão hòa thượng Quảng Khâm rất sâu, có người hỏi ngài rằng: chúng con liệu có nên mỗi ngày đều ngồi dụng công như ngài không? Lão hòa thượng trả lời: ta nghe con nói thì ta mới biết mình đang ngồi tu đó. Ngài hoàn toàn không hề biết mình đang ngồi tu, thế nhưng ngài đang ngồi dụng công. Đây chính là cả ngày ngồi tu mà suốt ngày chẳng ngồi vậy. Lão hòa thượng không hề tác ý sắp xếp một câu để trả lời bạn, mà ngài là ngay đó khởi dụng, lời nói ra là cốt cách vốn có của ngài. Nếu như ngài muốn dùng một câu cơ phong để trả lời thì trong Thiên tông đáng bị ăn gậy rồi.



Thiền tông có một công án. Có một lần thiền sư Dược Sơn đang ngồi, thiền sư Thạch Đầu đi đến hỏi: Thầy đang làm gì vậy? Thiền sư Dược Sơn nói: Chẳng làm gì cả. Thạch Đầu lại hỏi: Có phải thầy đang ngồi thông dong đó không? Dược Sư trả lời: Ngồi thông dong chính là làm. Nếu chúng ta cho rằng ngồi đó thông dong chính là vô vi thì vĩnh viễn sẽ không biết được thế nào là đạo. Thế nào là hữu vi? Thế nào là vô vi? Có thể từ chỗ này gắng mà lĩnh hội.

Đại sĩ của thế giới Cực Lạc mỗi ngày tiếp xúc với vạn duyên mà một lòng “không tịch”, lục độ vạn hạnh đều có thể rốt ráo, lại an trụ trong tam-ma-địa bất sanh bất diệt, chẳng mất định ý.

*“Hạnh khắp đạo tràng”*

Đây chẳng phải là nói suốt ngày rong ruổi đạo tràng, mà là nói đối với chánh hạnh của đạo tràng thì bậc Đại sĩ không hề thiếu khuyết, hết thấy sự, hết thấy hạnh đều viên mãn.

*“Xa lìa cảnh giới Nhị thừa”*

Thập Trụ Tì-bà-sa Luận nói: “Nếu đắm trong địa vị Thanh văn và địa vị Bích-chi Phật thì gọi là Bò-tát chết, ắt mất hết thấy lợi, dù đọa vào địa ngục cũng chẳng đáng sợ như vậy”. Nếu bạn tu trì theo đạo của A-la-hán, Duyên giác thì gọi là Bò-tát đã chết, mất hết tất cả lợi ích, so với việc phá giới đọa địa ngục còn đáng sợ hơn. Phật nói hàng Nhị thừa không thể sanh về thế giới Cực Lạc, Nhị thừa là giống lúa hư, mầm đã rang chín. Thanh văn tánh cố chấp chính là như vậy, là giống lúa hư, mầm đã rang chín. Theo giới luật của Mật tông, nếu ở trong chúng Thanh văn bảy ngày thì đã phá giới rồi. Đương nhiên, nếu bạn đi độ họ thì lại là chuyện khác. Đại sĩ ở Cực Lạc chỉ nương vào pháp Nhất thừa, rốt ráo đạt đến bờ kia, thế nên gọi là “xa lìa cảnh giới Nhị thừa”.

Ở đây nêu ra một vấn đề về giới và kiến. Nếu phá giới thì phải đọa địa ngục, nhưng vẫn chẳng phải là việc tội tệ nhất, đáng sợ nhất là phá kiến. Phá giới thì có thể sám hối, chịu hết tội rồi thì có thể tiếp tục tu, chúng sanh địa ngục nếu chịu niệm Phật, sau khi mãn nghiệp báo, vừa ra khỏi địa ngục thì chính là Bò-tát hoa sen xanh. Nhưng nếu kiến bị phá hoại rồi thì không được. Hiện nay rất nhiều người không xem trọng kiến giải, phá hoại kiến giải. Ví dụ “người không vì mình thì trời tru đất diệt”, kiến giải này chính là muốn tổn người lợi mình, lại còn cho là

đúng. Đây vẫn là kiến giải thô thiển, còn có rất nhiều tà kiến vi tế rất khó xả. Thế nên Bồ-tát phải từ bi hỷ xả, phải xả tà kiến. Cổ đức nói: “Bỏ thân thì dễ, bỏ kiến giải khó”. Thiên tông, Mật tông đều đặc biệt xem trọng kiến giải, nếu như kiến giải sai lầm thì bạn vĩnh viễn sẽ sai lầm tiếp tục. Kiến giải chính xác rất quan trọng.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 75

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Phân trước chúng tôi đã dùng thời gian ba tiếng đồng hồ để giảng xong kinh văn phẩm thứ 31. Tiếp theo quy nạp một chút phần trọng điểm của phẩm kinh văn này.

Trọng điểm của kinh văn phẩm 31, phẩm kinh văn này có 16 trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: Trí tuệ từ đâu mà có? Vì sao trí tuệ vốn có trong tự tánh của chúng ta không thể hiển hiện ra? Một câu của Thế Tôn đã nói toạc ra bí mật, bí mật đó là gì? Trí tuệ là tự tánh vốn sẵn có, chẳng phải cầu từ bên ngoài. Trí tuệ mà tự tánh vốn có không thể hiển hiện ra là do bị vọng tưởng, chấp trước chướng ngại rồi. Bí mật mà một lời của Thế Tôn đã nói toạc ra là: Hết thấy chúng sanh đều có đức tướng, trí tuệ của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước mà không thể chứng đắc. Hết thấy bậc thánh thế xuất thế gian đều chưa nói được thấu triệt điều này, chỉ có Thích-ca Mâu-ni Phật một lời đã nói toạc vấn đề này cho chúng ta.

Trọng điểm thứ hai: Ba thứ bậc tu học pháp môn niệm Phật của Tịnh độ là gì? Đối chiếu với tình hình tu hành của bản thân thì bạn đang ở tầng thứ mấy? Tầng thứ nhất: công phu niệm Phật thành phiến là A-la-hán. Tầng thứ hai: Sự nhất tâm bất loạn là Bồ-tát. Tầng thứ ba: lý nhất tâm bất loạn là Phật.

Trọng điểm thứ ba: Cư sĩ tại gia làm thế nào cúng dường pháp sư xuất gia một cách như pháp? Cúng dường không như pháp thì có nguy hại gì?

Trọng điểm thứ tư: Đệ tử Phật phải xem trọng uy đức, chú ý đến phong độ, hình tượng của chúng ta chính là hình ảnh của Phật giáo, nếu hình tượng của bạn tốt, có uy đức, có khí chất, có phong độ thì đó là mô phạm bậc nhất cho chúng sanh, sự mô phạm này rất quan trọng, chúng ta thông thường gọi là “án tượng đầu tiên”. Vì vậy chúng ta phải chú ý đến hình tượng của bản thân, hình tượng của chúng ta càng tốt đẹp thì độ càng nhiều chúng sanh. Lão pháp sư nhiều lần dạy chúng ta, phải làm ra tấm gương tốt cho chúng sanh, đừng làm gương xấu. Đối chiếu với lời nói hành vi cử chỉ của bản thân thì bạn đã làm được thế nào rồi?

Trọng điểm thứ năm: Đối mặt với nhiều sự ô nhiễm trong xã hội trước mắt như vậy, bạn làm thế nào để ngăn ngừa những ô nhiễm này? Hãy nói ra kinh nghiệm của bạn hoặc nói ra lời chỉ giáo của bạn cũng được.

Trọng điểm thứ sáu: Ân huệ lớn nhất mà chư Phật Bồ-tát dành cho chúng sanh là gì? Bạn có những lĩnh hội cụ thể nào? Đó là [các ngài] giảng kinh thuyết pháp cho chúng ta, khiến chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật, khiến chúng ta có thể thật sự giác ngộ, đạt được lợi ích chân thật.

Trọng điểm thứ bảy: Người như thế nào thì dễ dính ma? Người như thế nào thì dễ bị dựa? Làm thế nào giải quyết vấn đề này? Người âm khí nặng, không đủ dương khí; người tâm nghi ngờ nặng, ý niệm bất thiện nhiều; người vọng niệm nhiều, cả ngày nghĩ ngợi lung tung; người thích thần thông, truy cầu thần thông, thích cảm ứng, truy cầu cảm ứng; người lúc nào cũng ra vẻ thần bí, giả thân giả quý; người không có chánh tri chánh kiến, dễ bị dao động; người tín ngưỡng hỗn loạn, thứ gì cũng tin, thứ gì cũng cúng nhưng đều là tin mà không hiểu rõ, cúng mà chẳng hiểu rõ. Những loại người kể trên dễ bị dính ma, dễ bị dựa thân. Người thật sự thật thà niệm Phật thì một người cũng chẳng dính ma, một người cũng không bị dựa thân. Vì sao vậy? Bởi vì người thật sự niệm Phật thì được Phật quang soi chiếu, có 25 vị Bồ-tát bảo hộ. Làm thế nào giải quyết vấn đề này? Hãy thật thà niệm Phật.

Trọng điểm thứ tám: Phước điền lớn nhất là gì? Bạn làm thế nào trồng phước điền? Phước điền lớn nhất là Phật pháp, chẳng phải là Phật pháp trên hình thức, mà là Phật pháp thực chất, phải có tuệ nhãn mới nhận ra được ngọc, đừng trồng phước điền sai lầm.

Trọng điểm thứ chín: Người từ mười phương thế giới vãng sanh đến thế giới Cực Lạc đều thuần nhất là Phổ Hiền Bồ-tát, điều này cực kỳ thù thắng.

Trọng điểm thứ mười: Chúng ta đã nghe kinh mấy mươi năm đều không khai ngộ, thậm chí nghe sai ý, hiểu lệch lạc, do nguyên nhân gì gây nên? Do phân biệt, chấp trước, chấp tướng. Chấp tướng danh tự, chấp tướng ngôn thuyết, chấp tướng tâm duyên. Hễ chấp ba tướng này thì đã đóng bít cửa ngộ rồi.

Trọng điểm thứ mười một: Hãy nói về cảm ngộ của bạn đối với hai đoạn khai thị của đại sư Ấn Quang. Đoạn thứ nhất: Tâm Bồ-tát bao trùm hư không, lượng trải

khấp hăng sa thế giới, lấy tâm của chúng sanh làm tâm, lấy cảnh của chúng sanh làm cảnh. Đoạn thứ hai: Xử thế thanh tịnh như hoa sen, sanh nơi bùn lầy chẳng vấy bẩn, đối cảnh vô tâm không tì vết, bản lai diện mục trọn thấy rồi.

Trọng điểm thứ mười hai: Hoằng pháp lợi sanh thì phải tuân thủ hai lời răn dạy nào? Không chấp vào tướng, như như bất động. Làm được hai câu này rồi thì bạn đã nhập vào cảnh giới Hoa Nghiêm: lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, bạn mới chân thật được đại tự tại.

Trọng điểm thứ mười ba: Lời dạy của đại sư Ấn Quang về ngoại đạo, bạn nhận thức như thế nào? Bạn đã từng bị ngoại đạo dụ hoặc chưa?

Trọng điểm thứ mười bốn: Người tu hành vì sao phải giữ tâm chánh trực? Làm thế nào làm được giữ tâm chánh trực? Tâm của bạn đã chánh trực chưa?

Trọng điểm thứ mười lăm: Nắm được phần cốt yếu về mười loại trí thiện xảo trong sự tu hành của Bồ-tát. Một là trí thiện xảo liễu đạt Phật pháp thậm thâm, hai là trí thiện xảo xuất sanh Phật pháp rộng lớn, ba là trí thiện xảo tuyên nói các thứ Phật pháp, bốn là trí thiện xảo chứng nhập Phật pháp bình đẳng, năm là trí thiện xảo hiểu rõ Phật pháp sai biệt, sáu là trí thiện xảo biết được Phật pháp không sai biệt, bảy là trí thiện xảo thâm nhập trang nghiêm Phật pháp, tám là trí thiện xảo một phương tiện nhập Phật pháp, chín là trí thiện xảo vô lượng phương tiện nhập Phật pháp, mười là trí thiện xảo biết vô biên Phật pháp chẳng sai biệt.

Trọng điểm thứ mười sáu: Bạn có thể giải thích một chút hai câu kinh văn “luận pháp không chán, cầu pháp không mỗi một” không? Ai là tấm gương luận pháp không chán? Ai là tấm gương cầu pháp không mỗi một? Là lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không và tỳ-kheo Pháp Tạng.

Tiếp theo sẽ giảng kinh văn phẩm 32:

## **THỌ LẠC VÔ CỰC ĐỆ TAM THẬP NHỊ**

Phẩm kinh văn này là Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta thọ lượng vô cực và niềm vui vô cực của các Bồ-tát ở thế giới Tây Phương Cực Lạc. Hai loại vô cực này nếu dựa vào sự tưởng tượng của chúng ta thì bất luận thế nào cũng không thể tưởng tượng nổi. Cho nên toàn bộ kinh văn phẩm này đã nêu rõ sự thù thắng và hay

đẹp của thế giới Cực Lạc. Phật khuyên chúng ta thật thà niệm Phật, cầu sanh Tịnh độ, thân cận chư thượng thiện nhân.

Trong bốn chữ “thọ lạc vô cực” này có Cực, có Lạc, gọi là thế giới Cực Lạc. A-di-đà Phật lập nên đạo tràng này để cho chúng ta có chỗ nương về, ân của Phật khó báo đáp được!

Từ kinh văn phẩm này trở đi đến phẩm thứ 48 là kết thúc thì Bồ-tát Di-lặc là đương cơ, dụng ý rất sâu sắc.

Mời xem kinh văn bên dưới:

**Phật cáo Di-lặc Bồ-tát, chư thiên nhân đấng, Vô Lượng Thọ quốc, Thanh văn Bồ-tát, công đức trí tuệ, bất khả xưng thuyết. Hựu kỳ quốc độ, vi diệu an lạc, thanh tịnh nhược thủ, hà bất lực vi thiện, niệm đạo chi tự nhiên.**

*Phật bảo Di-lặc Bồ-tát và chúng trời người rằng: “Công đức trí tuệ của Thanh văn, Bồ-tát ở cõi Vô Lượng Thọ không thể nói hết được. Cõi nước kia lại vi diệu, an lạc, thanh tịnh như vậy, sao không gắng sức làm thiện, niệm đạo đến tự nhiên?”*

Ý nghĩa khái quát của đoạn kinh văn này là: Phật nói với Bồ-tát Di-lặc và đại chúng tham dự hội rằng: cõi Vô Lượng Thọ tức là thế giới Cực Lạc, là cõi nước của A-di-đà Phật, công đức trí tuệ của các Thanh văn, Bồ-tát nơi đó không thể nói hết được. Thanh văn ở đây đã xa lìa cảnh giới Nhị thừa, đều đã phát tâm đại Bồ-đề, nhưng trình độ đoạn hoặc của họ chỉ tương đương với Thanh văn, chỉ đã đoạn kiến hoặc và tư hoặc. Thanh văn ở đây là nói dựa trên trình độ đoạn hoặc. Lại nữa cõi nước kia đã vi diệu, an lạc như vậy, sao không gắng sức làm thiện, niệm đạo đến tự nhiên?

“Vi diệu, an lạc, thanh tịnh”, Hội Sớ giải thích là: trang nghiêm, siêu tuyệt, trang nghiêm vượt hơn tất cả nên gọi là “vi diệu”, chẳng có khổ não nên gọi là “an lạc”. Cõi nước đó là tướng vô lậu, không giống với thế giới này của chúng ta, hết thảy đều là hữu lậu. Nước, chim, rừng cây ở nơi đó đều là tướng do công đức vô lậu hiện ra, là tướng do thật tướng hiện ra. Thật tướng là vô tướng, chẳng phải không có tướng. Thật tướng vô tướng, nhưng nó lại chẳng phải là không có tướng, không có tướng cũng là tướng. Thế nên hai lần phủ định “chẳng phải không có tướng”, phủ

định của phủ định là khẳng định. Thật tướng có thể hiện ra hết thấy tướng, tướng mà thật tướng hiện ra là thanh tịnh, vì vậy thế giới Cực Lạc vi diệu, thanh tịnh, an lạc đến như vậy.

*“Sao không gắng sức làm thiện, niệm đạo đến tự nhiên?”*

Đây là lời của Thích-ca Mâu-ni Phật nói với các đệ tử trong hội khi đó. Tịnh Ảnh Sớ giải thích: Gắng sức làm thiện chính là cố sức hành thiện. “Niệm đạo đến tự nhiên” là niệm Phật tự nhiên thì vắng sanh, không cần bản thân bạn tốn sức lực gì cả, tự nhiên bèn đạt được thì gọi là “niệm đến tự nhiên”. Thế nên sao không gắng sức làm thiện, niệm đạo đến tự nhiên, hoàn toàn quy về pháp môn niệm Phật.

Đây cũng là một câu nói hết sức cảm thán của Thế Tôn, Tây Phương Tịnh độ tốt đẹp vô hạn, tất cả chúng sanh vì sao không nỗ lực làm thiện, cầu sanh Tịnh độ?

Hội Sớ giải thích “niệm đạo đến tự nhiên” theo hai cách.

Cách giải thích thứ nhất: Bốn nguyện của A-di-đà Phật là đại đạo tha lực, gia bị cho người khi lâm chung không bị rối loạn. Phật dùng sức tam-muội khiến người lâm chung cũng nhập tam-muội, nhân đó mà tự nhiên sinh ra chánh niệm, theo Phật vắng sanh. Điều này vô cùng tự nhiên, chẳng phải chính mình tạo tác, cũng chẳng phải sức lực của bản thân có thể đạt được, đó gọi là tự nhiên.

Cách giải thích thứ hai: Tự nhiên là được chứng đắc bởi pháp Tam thừa, tức là tự nhiên vô vi, hễ hữu vi thì không tự nhiên rồi. Vô vi là tự nhiên như thế, chẳng phải do tạo tác mà thành. Con người cũng là như vậy, có người rất chân thật, có người rất giả tạo; một cái là thật, một cái là giả, kẻ giả tạo so với người thật thà thì kém rất xa. Người không có trí tuệ thì cho kẻ giả tạo kia rất có đạo đức, rất không tầm thường, kỳ thực kẻ giả tạo chính là kẻ “đạo đức giả” mà chúng ta thường nói. Pháp Tam thừa là tự nhiên vô vi, không có tạo tác, nên gọi là tự nhiên.

Trong hai cách giải thích về “tự nhiên” của Hội Sớ, thì dùng tha lực vượt thặng [khỏi tam giới] làm chính, cách nói này hợp với sự áo diệu của Tịnh độ tông, hai loại tự nhiên hàm nhiếp lẫn nhau. Từ trên sự mà trì danh thì có thể tự nhiên không hay không biết mà đạt được lý tri, đạt được lý tri thì đó chính là vô vi vô tác. Loại tự nhiên thứ hai cũng có thể được bao hàm trong loại thứ nhất.

Tiếp theo chúng tôi dùng một đoạn lớn trong hai bản dịch của thời Hán và thời Ngô đều có chữ “tự nhiên”, tám chỗ tự nhiên là: tự nhiên nghiêm trang chỉnh

tề, tự nhiên an trụ trong pháp vô vi, tự nhiên gìn giữ, tướng tự nhiên của tự nhiên, tự nhiên tự có căn bản, tự nhiên quang minh sắc tướng xoay chuyển nhập lẫn vào nhau, tự nhiên bị kéo theo, cộng với “niệm đạo đến tự nhiên” của phần trên, tổng cộng là tám “tự nhiên”. Tự nhiên này chẳng phải là sự tự nhiên không do nguyên nhân gì mà ngoại đạo chủ trương. Đạo gia thường dùng hai từ “vô vi”, chúng ta vẫn dùng, cũng chẳng ngại gì, nhưng ý của chúng ta sâu hơn họ. “Tự” chính là tự tánh, “nhiên” là thanh tịnh bản nhiên. Tự tánh vốn sẵn thanh tịnh như vậy thì gọi là “tự nhiên”, cái vốn như vậy của tự tánh chính là chân như, thật tướng. Cho nên “niệm đạo đến tự nhiên” chính là trì danh niệm Phật, cũng chính là niệm thật tướng. Niệm Phật được vắng sanh chính là niệm đến tự nhiên. Trì danh niệm Phật chính là gắng sức làm thiện, niệm đến tự nhiên, đồng thời ở đây chính là niệm thật tướng.

Đại sư Ấn Quang dạy rằng: “Thật tướng niệm Phật chính là diệu hạnh trong các lời tu thông thường của tất cả pháp môn trong một thời giao hóa [của Như Lai]”. Vì sao nói trì danh chính là niệm thật tướng? Đại sư Ngẫu Ích giải thích hay nhất, Di-đà Yếu Giải có thể được xem là cương lĩnh để học tập Tịnh tông, trong đó nói: “Thật tướng không hai, mà cũng chẳng phải không hai”, cũng chẳng có không hai. [Vì thế,] toàn bộ thể của thật tướng có thể làm thành y báo và chánh báo, đều là thật tướng. Nói ngược lại là y báo cũng là thật tướng, chánh báo cũng là thật tướng. “Tạo thành tự, tạo thành tha, cho đến người nói, đối tượng được nói”, Phật ở phương khác là thật tướng, tôi cũng là thật tướng, người nói và kinh văn được nói [cũng là thật tướng]. “Người độ, kẻ được độ”, mua một ít cua phóng sanh, tôi là người độ, cua là kẻ được độ, Bồ-tát độ chúng ta thì Bồ-tát là người độ, chúng ta là kẻ được độ. “Người tin, pháp được tin”, chúng ta tin thế giới Cực Lạc, chúng ta là người tin, thế giới Cực Lạc là pháp được tin. “Người phát nguyện, điều được phát nguyện; người trì, pháp được trì; người sanh về, cõi để sanh về; người khen ngợi, đối tượng được khen ngợi không gì chẳng được chánh ân của thật tướng in vào”. Tất cả những thứ này đều là thật tướng, đều từ con dấu này mà in ra. Trì danh chính là niệm thật tướng, là niệm đạo đến tự nhiên.

Những lời này của đại sư Ngẫu Ích cùng với câu “hết thấy đều thành Phật” trong kinh này và câu “hết thấy sự rốt ráo kiên cố” trong kinh Lăng-nghiêm đều đạt đến tột đỉnh trong ngôn giáo. Thế nên đại sư Ấn Quang tán thán rằng: Thích-ca Mâu-ni Phật đến viết chú giải cho kinh A-di-đà cũng không hay hơn ngài Ngẫu Ích. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ vì câu nói này mà bội phục Ấn tổ, ngài



nói: Nếu không có cốt cách của kim cương thì chẳng dám nói như vậy. Hoàng Niệm lão tán thán đại sư Ấn Quang như vậy, chúng ta cũng nên tán thán Hoàng Niệm lão thế nào đây? Một vị đại đức có cốt cách kim cương trong cửa Phật nếu không phải là bậc tái lai thì liệu có thể nói ra lời như vậy không?

Từ xưa Trung Quốc xuất thánh hiền, từng đời từng đời truyền về sau  
Tiền nhân lót đường chúng ta đi, con đường rộng lớn thẳng về nhà  
Cơ duyên tốt đẹp phải nắm bắt, dứt khoát đừng để vượt trôi qua  
Hẹn gặp lại nhau nước An Dưỡng, vui thay chúng ta đều thành Phật.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Xuất nhập cúng dường, quán kinh hành đạo, hỷ nhạo cửu tập. Tài mãnh trí tuệ, tâm bất trung hồi, ý vô giải thời. Ngoại nhược trì hoãn, nội độc sử cấp. Dung dung hư không, thích đắc kỳ trung. Trung biểu tương ưng, tự nhiên nghiêm chỉnh. Kiểm liễm đoan trực, thân tâm khiết tịnh, vô hữu ái tham. Chí nguyện an định, vô tăng khuyết giảm. Cầu đạo hòa chánh, bất ngộ khuynh tà. Tùy kinh ước lệnh, bất cảm tha diệt, nhược ư thẳng mặc. Hàm vi đạo mộ, khoáng vô tha niệm, vô hữu ưu tư.**

*Ra vào cúng dường, quán kinh, hành đạo, vui thích tu tập dài lâu. Trí tuệ tài năng đồng mãnh, tâm không thoái chuyển giữa chừng, ý không lúc nào lười nhác. Ngoài tựa như an nhàn, bên trong luôn tinh tấn. Tâm dung hòa như hư không, khéo hợp trung đạo. Trong ngoài tương ưng, tự nhiên nghiêm chỉnh. Kiểm thúc, thân liễm, đoan nghiêm, chánh trực. Thân tâm khiết tịnh, chẳng có tham ái. Chí nguyện an định, không tăng chẳng giảm. Cầu đạo hòa chánh, không làm theo tà. Tuân theo những ước thúc, giáo lệnh trong kinh, như giữ chừng mực, chẳng dám sơ sẩy. Đều vì mộ đạo, tâm rộng rang, không có ý niệm nào khác, chẳng có ưu tư.*

“Ra vào cúng dường”, Bồ-tát của thế giới Cực Lạc đến các thế giới đi cúng dường chư Phật là tu phước. “Quán kinh, hành đạo” là tu huệ. [Đôi với] hai loại phước huệ trang nghiêm bèn sanh vui thích, sanh pháp hỷ, pháp lạc, lại muốn tu tập dài lâu, không có giải đãi mệt mỏi. Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc không có thoái chuyển.

“Trí tuệ tài năng đồng mãnh”, tài năng đồng mãnh chính là kinh này tán thán tỳ-kheo Pháp Tạng “cao tài dũng triết, trội lạ hơn đời”. Cao tài dũng triết chính là trí tuệ tài năng đồng mãnh.

“*Tâm không thoái chuyển giữa chừng*”, “hồi” là thoái chuyển, giữa đường thoái chuyển, các ngài không có thoái chuyển giữa chừng. “*Ý không lúc nào lười nhác*”, không có giải đãi.

“*Ngoài tựa như an nhàn*”, “trì” là từ tôn, an tĩnh, chậm rãi; “hoãn” là thông thả. Bên ngoài dường như rất an tĩnh, rất thông thả. “*Bên trong luôn tinh tấn*”, “sử” là rất nhanh, “cấp” là gấp rút. Đây là nói bên ngoài an tĩnh, thông thả, trong tâm không ngừng tinh tấn, niệm niệm tiếp nối, chẳng có giải đãi, chẳng bỏ lỡ sát-na quán chiếu nào. Đại đức xưa nói rằng: “Khoảnh khắc thất niệm thì như người đã chết”, các ngài chẳng khi nào giống như người đã chết cả, cho nên gọi là “tinh tấn”.

“*Tâm dung hòa như hư không*”, “dung dung” nghĩa là hòa và đồng, có thể dung nhập nên gọi là “dung”. “Dung dung” là có thể dung hòa và tương đồng với mọi người, không có sáng tạo lập dị. Tâm của những thánh chúng này giống như hư không, hư không không có ngăn mé, hư không chẳng có một vật, tự tâm cũng không có một vật.

Hư không là trống không chẳng có gì, chẳng phải là sâm la vạn tượng. Cõi nước mười phương đều nương vào “không” mà sanh ra. Tâm của chúng ta cũng là như vậy, trong tâm có thể tạo ra vạn vật mà chẳng có một vật, chính là không rơi vào bên “có”, có thể dung chứa vạn vật mà không rơi vào bên “không”, không rơi vào hai bên. Chẳng có một vật nhưng lại có thể dung nạp vạn vật, cho nên chiếu soi cả “không” lẫn “có”. Chẳng có một vật là “không”, dung chứa vạn vật là “có”, “không” cũng chiếu soi mà “có” cũng soi chiếu, dung chứa vạn vật mà chẳng có vạn vật, “không” và “có” đều chẳng có. “Không” và “có” đều diệt mất thì tự nhiên bèn “khế hợp trung đạo”. Tự nhiên hợp với trung đạo, cho nên bèn thông dong ở trung đạo. “Thích” chính là thích hợp, “đắc” chính là khế hợp, vô sở đắc thì bèn khế hợp với trung đạo. Kinh Kim Cang nói: Vô trụ mà sanh tâm, sanh tâm mà vô trụ thì chính là trung đạo.

“*Trong ngoài tương ưng*”, “trung” là bên trong, là nội tâm; “biểu” là biểu hiện ra bên ngoài. Trong ngoài như nhau, cho nên trong và ngoài tương ưng. Không có sắp đặt mà có thể “*tự nhiên nghiêm chỉnh*”, tự nhiên bèn rất trang nghiêm chỉnh tề.

“*Kiểm thúc, thâm liễm, đoan nghiêm, chánh trực*”. “Kiểm” là kiểm thúc, không phân tán; “liễm” là thâm liễm, chính là tai mắt miệng mũi đều tự đoan

chánh. Thân nhiếp sự nghe nhìn, không rong ruổi ra bên ngoài, nghe chính mình, xoay lại nghe tự tánh thì gọi là thân liễm. “Đoan” là đoan chánh, “trực” là không cong queo mà chánh trực. Không đuôi theo duyên trần ở bên ngoài.

“*Thân tâm khiết tịnh, không có tham ái*”, thân tâm đều thanh khiết, chẳng có thứ ưa thích, chẳng có thứ tham cầu.

“*Chí nguyện an định, không tăng chẳng giảm*”, hai câu này đối với người tu hành mà nói, là điểm then chốt của việc dụng công thành hay bại. Phạm là người thành công thì nhất định là chí nguyện an định, chí nguyện phát ra an định, cũng chính là kiên định. Thánh chúng cõi đó đều là như vậy, chẳng có lúc lạnh lúc nóng, không phải bắt chợt lại phát ra một nguyện mới nào đó, hoặc lại buông bỏ một nguyện nào đó. “Không tăng chẳng giảm”, chẳng hề quá mức hay bất cập, không có những việc này.

“*Cầu đạo hòa chánh*”, hòa bình trung chánh mà cầu đạo Vô thượng.

“*Không làm theo tà*”, “khuyh” là nghiêng lệch, “tà” là tà ác. Hiện nay sự việc tà ác rất nhiều, người tu hành dễ không cẩn thận liền bị tà lệch làm cho lầm lạc, mắc lừa rồi. “Cầu đạo hòa chánh” là không được gấp gáp dụng công, dễ gấp gáp tiến lên sẽ luôn luôn thất bại; cũng không thể chậm chạp, chậm chạp là giải đãi, công phu chẳng thể đắc lực, cần phải biết hòa chánh.

“Không làm theo tà”, pháp thế gian có rất nhiều nhánh rẽ, hiện nay chánh đạo đã mất rồi, đều là các nhánh rẽ, nhánh rẽ là tà đạo, vì vậy ngày nay thế giới đại loạn, lòng người không có chỗ nương tựa, không có chỗ quay về, không có chỗ dựa, không có tiêu chuẩn của thiện ác lợi hại, điều này đáng sợ biết bao! Đây là tướng trạng của thiên hạ đại loạn. Chúng ta bình lặng quan sát xã hội hiện nay, quả thật là đầy dẫy nguy cơ, vô cùng đáng sợ! Quay đầu nhìn nơi cửa Phật thì cũng không ngoại lệ, Phật pháp ngày nay cũng là tà lệch, tà đến mức chẳng ra thể thống gì. May là bộ kinh này đã nói về tiêu chuẩn thiện ác rất rõ ràng.

Thế nào là chánh? Thanh tịnh là chánh, bình đẳng là chánh, giác là chánh. Thế nào là tà? Tâm không thanh tịnh chính là tà, tâm không bình đẳng chính là tà, tâm không giác ngộ chính là tà. Tiêu chuẩn nằm ngay trên tựa đề kinh, chúng ta tu đạo phải tận tâm tận lực, giống như thái độ của Bồ-tát vậy, “ngoài tựa như an nhàn, bên trong luôn tinh tấn”, đây là tướng của hòa chánh.

Làm thế nào làm được hòa chánh? Kinh văn tiếp theo sẽ giải thích cụ thể.

Đại sư Ấn Quang đối với câu “không làm theo tà” có phần khai thị hết sức thấu triệt, nói trúng tâm can, đọc rồi chẳng những một phen chấn động mà còn vỗ bàn khen tuyệt, quả không hổ danh là tổ sư một đời, nói quá hay!

Xem xem tổ sư răn dạy chúng ta “không làm theo tà” như thế nào.

“Kẻ ngu ở thế gian, ai cũng thích tự lập ra môn phái, trộm lấy lời lẽ của tam giáo mà lập nên một đạo bí mật chẳng được phép nói cho người. Do là bí truyền nên người cũng không biết nội dung, cho nên đều như ruồi xanh bâu vào chỗ thối. Nhất là việc thề thốt trước khi truyền đạo, nên khiến kẻ ngu có chết cũng không dám trái nghịch. Hết thầy ngoại đạo của thế gian đều dựa vào hai cách này mà lộng hành khắp thiên hạ, chẳng ai có thể diệt được. Ví phỏng bọn họ không nhờ hai cách này thì không có ngoại đạo nào có thể tồn tại ở thế gian”.

“Ngày nay mỗi ngoại đạo thầy đều dùng bí truyền mà dẫn dắt kẻ vô tri vào trong giáo lý của họ. Lúc sắp muốn vào thì bắt phải thề thốt, sau này nếu làm kẻ phản giáo thì sẽ bị ác báo thế này thế nọ. Thật ra đa phần đều là pháp lừa người, nhưng do đã thề thốt nên dù biết là sai cũng chẳng dám làm trái hoặc phơi bày ra, quá đáng lắm thay. Pháp bí truyền thề thốt của ngoại đạo khiến người mê hoặc lún sâu, trói người rất chặt. Đức Phật của chúng ta chẳng có pháp bí truyền, một người nói như vậy, muôn người cũng nói như vậy. Đóng kín hết các cửa, bên ngoài lập lính canh, chỉ cho phép một người vào trong, lại còn nhỏ tiếng không để bên ngoài nghe thấy, đạo như vậy thì làm sao chánh đại quang minh được”.

Tổ sư đã cho bạn tấm kính chiếu yêu, vì sao bạn không dùng?

Ở thế giới Cực Lạc vĩnh viễn không có những việc đã nói ở trên, bởi vì mọi người đều có thể “*tuân theo những ước thúc, giáo lệnh trong kinh*”. Thuận theo sự ước thúc và giáo lệnh của kinh sách, tôn trọng kinh giáo, đó là quy y pháp, quy y chính là quy mạng. Trong Mật tông nếu làm trái lời Phật dạy thì phải vào địa ngục, giới điều này rất tuyệt. Thế nên nếu tùy tiện học Mật thì ắt có phần đọa địa ngục, bởi vì bạn cứ phá giới mãi. Đây là lời của Hoàng Niệm lão nói, ngài quả là kim cang thượng sư của Mật tông. Bạn phải tuân theo những ước thúc, giáo lệnh trong kinh, nghe lời Phật dạy, bạn có thể làm được không?

Hiện nay rất nhiều người đều muốn tạo riêng kiểu cách mới, tự mình sáng tạo lập dị mà không biết rằng rất nhiều việc biến thành: công không bù nổi tội. Hoàng pháp cũng rất có công, nhưng rất nhiều việc không phù hợp với bản ý của Phật, tự mình bịa ra rất nhiều cách nói, việc này chính là lỗi báng pháp, lỗi lầm này vượt hơn công lao của chính mình.

Cho nên “*chẳng dám sơ sẩy*”, không dám [để bị] mảy may tổn thất, mảy may trái nghịch, mảy may lơ là. “*Như giữ thừng mực*”, giống như sợi dây thừng được kéo ra từ ống mực của thợ mộc khi thao tác đã nhuộm mực, vừa búng dây lên gỗ liền xuất hiện một đường, thợ mộc dựa theo đường ấy mà cưa. Lúc lập nên đường ấy và cưa gỗ thì không được có mảy may sai lệch.

“*Đều vì mộ đạo, tâm rộng rang, không có ý niệm nào khác*”. Chỉ có hâm mộ đạo, trong tâm rộng rang, không có ý niệm nào khác. Tín tâm kiên định, trí tuệ sáng suốt, cho nên “*chẳng có ưu tư*”. Bởi vì đã có chánh tín nên rất an định, rất vững chãi. Bạn có trí tuệ, đối với tất cả sự việc của thế gian không có lo lắng, đối với pháp cũng không hoài nghi. Theo Tịnh độ tông mà nói thì “tâm rộng rang, không có ý niệm nào khác” chính là buông xả vạn duyên, chỉ có một niệm duy nhất, “chẳng có ưu tư” thì ngay đó chính là một niệm Phật này.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Tự nhiên vô vi, hư không vô lập. Đạm an vô dục, tác đắc thiện nguyện.  
Tận tâm cầu sách, hàm ai từ mãn, lễ nghĩa đô hợp. Bao la biểu lý, quá độ giải thoát.**

*Tự nhiên vô vi, hư không chẳng lập một pháp. Điềm đạm, an tĩnh, vô dục, tạo thành thiện nguyện. Hết lòng tìm tòi nỗ lực, thương xót từ mãn, đều hợp lễ nghĩa. Sự tương lý thể viên dung, quá độ giải thoát.*

“*Tự nhiên vô vi*”

“Tự” là tự tánh, “nhiên” chính là “thanh tịnh bản nhiên” mà trong kinh Lăng-nghiêm nói, hoàn toàn là sự hiển lộ của chân tánh. “Vi” là hành vi, là tạo tác, “vô vi” là chẳng có mảy may tạo tác. Trong tâm chúng ta động ý niệm thì đều là tạo tác, tâm đang tạo tác, ý niệm có sanh có diệt. Đoạn trừ vọng niệm sanh diệt này rồi thì chính là “vốn chẳng có một vật” mà đại sư Lục tổ đã nói. Hiển lộ chân thường

là chân như bốn tánh, chân tâm thường trụ là tâm tự nhiên. Không phải hữu vi, cũng chẳng phải vô vi thì mới là “tự nhiên vô vi”. Vì sao tự nhiên vô vi? Bởi vì khéo hợp trung đạo, khéo thông dong trong trung đạo, chẳng phải dùng một sức lực nào để khắc chế hay tạo tác ra sao, hoặc làm thế nào thế nào đó để đạt được, mà là tự nhiên an trụ ở trong pháp vô vi, đây mới là vô vi thật sự.

*“Hư không chẳng lập một pháp”*

Tỉ dụ cho tâm giống như thái hư không. Trong hư không chẳng lập một pháp, “trong môn này của ta thật chẳng có một pháp để cho người”, chẳng có một pháp nào để cho người cả, nếu lập ra một pháp thì đã hại người rồi. Tâm rỗng như hư không, chẳng lập một pháp chính là nghĩa như vậy. Tâm cũng giống như vậy, thật sự không sanh một niệm, đã không sanh thì đương nhiên không có diệt. Đây là cảnh giới lý nhất tâm thuần chánh, lại còn là công phu sâu trong lý nhất tâm, chẳng phải công phu cạn. Tâm thái của chúng ta hiện nay hoàn toàn tương phản với các ngài, vọng niệm quá nhiều, vương mắc lo âu vô lượng vô biên.

*“Điềm đạm, an tĩnh, vô dục”*, “đạm an” nghĩa là điềm đạm và an tĩnh, dục là mong cầu, như kinh này nói *“cũng chẳng có ý tưởng mong cầu hay không mong cầu”*, hết thấy đều điềm đạm an tĩnh. Có người hỏi, Phật Bồ-tát phát nguyện độ chúng sanh, vậy có xem là dục vọng hay không? Tứ hoàng thế nguyện nói “chúng sanh vô biên thế nguyện độ”, 48 nguyện của A-di-đà Phật, mỗi nguyện đều muốn độ vô biên chúng sanh, đó có phải là dục vọng không? Không phải. Đó là nguyện vọng, chẳng phải dục vọng. Dục vọng là có tâm mong cầu, còn nguyện vương thì không có tâm mong cầu, hai việc này không như nhau.

Hiện nay chúng ta sống rất khổ, Phật vì sao không sót ruột đến độ chúng ta? Bởi vì Phật không có dục vọng, Phật đang trầm tĩnh quan sát thấy chúng ta hiện tại vẫn không muốn được độ, miệng thì nói muốn chứ trong lòng không muốn, nếu hiện tại Phật đến tiếp dẫn vãng sanh thì chúng ta sẽ sợ khiếp vía, hiện tại vẫn chưa muốn chết, có thể thấy là tâm miệng trái nghịch nhau. Phật Bồ-tát nhìn thấy rất rõ ràng, bạn là giả, chẳng phải thật, thế nên Phật Bồ-tát không đến, nếu như là thật thì Phật Bồ-tát liền đến.

Ở thế gian này dục vọng của chúng ta càng thấp thì trải qua ngày tháng càng vui vẻ, càng hạnh phúc, càng đầy đủ, càng tự tại. Đặc biệt là dục vọng về vật chất, chúng ta ở thế gian này có thể ăn no, mặc ấm, có ngôi nhà nhỏ che mưa chắn

gió là đủ rồi. Đừng đi tranh, phô trương với người, đừng so với người xe xịn nhà sang. Ngày ngày so sánh những thứ này thì quá khổ sở, bạn không cảm thấy mệt sao? Điềm đạm, an tĩnh, vô dục là chân tướng đời sống của Phật Bồ-tát, đáng để chúng ta học tập và noi theo.

Tiết học hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 76

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

*“Tạo thành thiện nguyện, hết lòng tìm tòi nỗ lực”*

Mỗi một người học Phật, khi còn ở nhân địa đều có phát nguyện, phát nguyện đó là thật, khi duyên chín muồi thì nguyện đó nhất định thành hiện thực; duyên chưa chín muồi thì đừng miễn cưỡng, miễn cưỡng thì sẽ có chướng ngại. Phát nguyện gì vậy? Phát nguyện độ chúng sanh. “Tạo thành thiện nguyện” chính là giúp đỡ Phật tiếp dẫn chúng sanh, giúp đỡ Phật giáo hóa chúng sanh. Giống như bài ca Tịnh Thế mà chúng tôi tự sáng tác và tự hát có đoạn rằng: “Là trợ thủ tốt của A-di-đà Phật, giúp Phật tiếp dẫn vô lượng vô biên chúng sanh”. Làm thế nào giúp đỡ chúng sanh? Phổ biến rộng rãi pháp môn Tịnh độ niệm Phật, mọi lúc mọi nơi đều giới thiệu, nêu lên cho tất cả chúng sanh. Đây chính là “tạo thành thiện nguyện”.

“Hết lòng tìm tòi nỗ lực” là việc chúng ta phải tận tâm tận lực mà làm, tận tâm tận lực thì viên mãn, đừng miễn cưỡng đi làm những việc không đủ sức. Tận tâm tận lực chính là phương tiện thiện xảo. Một số người miễn cưỡng đi làm những việc mà sức mình chẳng đủ cho nên sanh phiền não, cách làm như vậy là sai lầm. Ví dụ như nói đến việc hóa duyên, quyên góp. Phạm là việc hóa duyên, quyên góp thì đều là những việc làm rất miễn cưỡng, không như pháp. Tuy là việc tốt nhưng trong tâm rất phiền, trong tâm có dính mắc, có lo âu, đạo tâm bị thoái thất rồi, cái được không bù nổi cái mất.

Trong kinh Vô Lượng Thọ, Thế Tôn nói: “Cho dù cúng dường hằng sa thánh, không bằng kiên cố cầu chánh giác”, lời này nói rất hay, rất rõ ràng. Việc dù tốt đến đâu cũng không được dùng cách thức không chính đáng mà làm. Thói tệ liên quan đến hóa duyên và quyên góp rất nhiều, khiến người ta có rất nhiều cơ hội tạo nghiệp, di chứng để lại rất lớn. Vì vậy, người thật sự có đạo hạnh thì không hẳn tâm nhìn chúng sanh tạo tội nghiệp, không hẳn tâm nhìn chúng sanh nhân đây mà đọa lạc. Quyên góp, hóa duyên đều không phải là phương pháp tốt. Tuy trong kinh Phật cũng nói rằng: Sức của một người có khi chẳng đủ, nhờ mọi người đến trợ duyên bèn thành tựu. Phải biết rằng đó là mọi người tự động phát tâm, hoan hỷ đến trợ duyên, chẳng phải là đi quyên góp. Nếu như là miễn cưỡng, hoặc là kêu gọi đóng



góp, thì tâm của người khác sẽ có gánh nặng. Cho dù bản thân người đó vui lòng nhưng người nhà của họ chưa chắc vui lòng, sẽ khiến cho người nhà của họ phản cảm, thậm chí là tranh chấp, khiến cho chúng sanh hủy báng Phật pháp, tạo tác tội nghiệp, đồng thời cũng phá hoại hình tượng của Phật giáo.

Năm xưa đại sư Chương Gia dạy lão pháp sư, cho dù là việc thiện cũng đừng cầu nơi người, cầu người, nếu người không đồng ý thì sanh phiền não. Ngài nói bạn cầu Phật Bồ-tát. Cầu Phật Bồ-tát nếu không có cảm ứng là do có nghiệp chướng. Nghiệp chướng tiêu trừ rồi, đợi khi cơ duyên chín muồi thì nhất định cảm ứng đạo giao. Đây là lời giáo huấn chân thật của một vị minh sư đối với học sinh.

Ở đây có một vấn đề cần phải nói rõ một chút, tiết học trước tôi giảng “điềm đạm, an tĩnh, vô dục”, tiết học này tôi giảng “hết lòng tìm tòi nỗ lực”, hai cách nói này liệu có mâu thuẫn nhau không? Chúng ta xem Hoàng Niệm lão giải thích ra sao.

“Tạo thành thiện nguyện, hết lòng tìm tòi nỗ lực”, có thiện nguyện rồi thì hết lòng tìm tòi nỗ lực thực hiện thiện nguyện đó. Giống như tỳ-kheo Pháp Tạng dành thời gian năm kiếp để thực hiện nguyện của ngài. Trước đó năm kiếp là kết thành đại nguyện, sự tu trì sau đó là tinh tấn tìm tòi nỗ lực, thoát nhìn thì dường như là mâu thuẫn. Việc này giống với phẩm Đức Tuân Phổ Hiền: Những đại Bồ-tát này đều nhập pháp môn *không, vô tướng, vô nguyện*, nhưng đồng thời đều tuân tu đức của Đại sĩ Phổ Hiền, đầy đủ vô lượng hạnh nguyện. Mọi người chú ý “nhập pháp môn không, vô tướng, vô nguyện”, sau đó lại có “đầy đủ vô lượng hạnh nguyện”. Phải khéo phát hiện những mâu thuẫn này, phát hiện ra mâu thuẫn rồi sau đó giải quyết mâu thuẫn, bèn thâm nhập nghĩa lý. Có khi chẳng thể phát hiện ra được, có khi phát hiện rồi nhưng không thể giải quyết, đây chính là quá trình dụng công của chúng ta. Quá trình này chính là lý và sự đều vô ngại. “Không, vô tướng, vô nguyện” là lý, “vô lượng hạnh nguyện” là sự. Suốt ngày độ sanh là sự, suốt ngày chẳng độ ai là lý, đây đều là lý sự vô ngại. Nghiêng về sự độ thì là tiểu Bồ-tát, A-la-hán thì nặng về bên “không”.

Phía trên là lời giải thích về mặt lý của Hoàng Niệm lão cho “điềm đạm, an tĩnh, vô dục” và “hết lòng tìm tòi nỗ lực”, lý của nó sâu xa khó hiểu. Chúng ta không cần đào bới nghĩa lý, đừng chấp vào tướng. Khế nhập được cảnh giới đó rồi thì tự nhiên hiểu ra. Làm thế nào khế nhập cảnh giới? Thật thà niệm A-di-đà Phật, trí tuệ vừa khai mở thì hiểu được tất cả. Nếu chưa khế nhập cảnh giới đó, cho dù người

khác nói thế nào bạn cũng nghe không hiểu. Vì sao vậy? Bởi vì bạn không đích thân cảm nhận.

*“Thương xót từ mẫn”*

“Thương xót” là tâm đại bi, tâm thương xót tất cả chúng sanh khổ nạn. “Từ mẫn” là đại từ, câu này chính là đại từ đại bi, từ bi có thêm chữ “đại” thì chính là tâm đại từ bi thanh tịnh bình đẳng. Nếu tâm không thanh tịnh, có phân biệt tốt xấu, người mình thích thì mình từ bi, người mình ghét thì mình không từ bi, như vậy trong cửa Phật gọi là “ái duyên từ bi”, không thể xưng là “đại từ đại bi”. Tâm đại từ bi trên thực tế thì Pháp thân Đại sĩ mới có thể xưng được. Tâm của Đại sĩ thật sự thanh tịnh, bình đẳng, không có phân biệt, không có chấp trước, không có phân biệt tốt-xấu, đây là điều chúng ta nên học tập.

*“Đều hợp lẽ nghĩa”*

Nguyện vọng đã phát tự nhiên khế lý khế cơ, hợp với lẽ, hợp với nghĩa.

*“Sự tương lý thể viên dung, quá độ giải thoát”*

“Bao” là bao hàm, “la” là nhiếp thủ, “biểu” là sự tương, “lý” là lý thể. Những Đại sĩ này đều viên mãn về sự và lý, đồng thấu rõ chân đế lần tục đế, trọn thấu các sự nhiệm mầu, nhiếp khắp muôn loại, thượng trí hạ ngu đều được độ thoát, thế gian, xuất thế gian đều dung thông vô ngại. “Quá độ” là biểu thị chính mình thoát sanh tử, cũng khiến chúng sanh khác thoát sanh tử, chẳng phải giải thích thành mức độ quá đáng của sự việc, mà là chính mình và tất cả chúng sanh đều có thể đạt được giải thoát, cho nên gọi là “quá độ giải thoát”.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Tự nhiên bảo thủ, chân chân khiết bạch, chí nguyện vô thượng, tịnh định an lạc. Nhất đán khai đạt minh triệt, tự nhiên trung tự nhiên tương, tự nhiên chi hữu căn bản, tự nhiên quang sắc tham hồi, chuyển biến tối thắng. Uất-đơn thành thất bảo, hoành lâm thành vạn vật, quang tinh minh câu xuất, thiện hảo thù vô tử, trứ ư vô thượng hạ, đồng đạt vô biên tế.**

*Tự nhiên gìn giữ, chân chân khiết bạch, chí nguyện vô thượng, tịnh định an lạc. Bỗng nhiên khai ngộ, thông đạt, sáng tỏ, thấu triệt tương tự nhiên của tự nhiên, tự nhiên tự có căn bản, tự nhiên quang minh sắc tướng xoay chuyển nhập lần*

vào nhau, chuyển biến tối thắng. Uất-đơn thành thất bảo, tự nhiên từ hư không hiện ra vạn vật, quang minh tinh diệu sáng sạch cùng xuất hiện, tốt lành thật không gì sánh được, sáng tỏ không phân biệt trên dưới, hiểu rõ thông đạt không có bờ mé.

Đoạn kinh văn này, nói một cách tương đối thì nghĩa lý khá sâu xa, rất nhiều người đọc đoạn kinh văn này đọc không hiểu, nhưng phần giải thích đoạn kinh văn này của lão pháp sư thì khá là dễ hiểu.

Chín câu kinh văn phía trước, từ “tự nhiên gìn giữ” cho đến “chuyển biến tối thắng” đều nói về tự nhiên. Vì sao vậy? Vì là thứ sẵn có, không phải đến từ bên ngoài, cũng chẳng phải do bạn tu được, thứ tu được thì không tự nhiên, ý nghĩa này rất sâu. Vì vậy, đừng tu mù luyện quáng. Vậy thì tu như thế nào? Đào thải phiền não tập khí thì thành công rồi. Bởi vì hết thấy vốn là sẵn có, nhưng hiện nay bên ngoài bị bụi che phủ nên bạn đã mê mất phương hướng, bạn đem nó rửa sạch sẽ thì nó sẽ hiện tiền, nó vốn dĩ chính là như vậy, chẳng phải là thứ mà bạn đạt được. Hiện nay chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ, đọc chú giải của Hoàng Niệm lão có cảm nhận được như vậy không? Mỗi chữ mỗi câu chú giải của mỗi một phẩm kinh văn đều là vật báu, đều đang phóng quang hiện tướng lành. Vô lượng vô biên trí tuệ, đức năng đều đang nhảy múa trước mắt chúng ta, chúng ta ngồi đây thưởng thức, đây là diệu dụng của tự tánh.

*“Tự nhiên gìn giữ”, “tướng tự nhiên của tự nhiên”, “tự nhiên tự có căn bản”, “tự nhiên quang minh sắc tướng xoay chuyển nhập lẫn vào nhau, chuyển biến tối thắng”*

Tối thắng là gì? Không gì sánh được, chẳng thể sánh. Đoạn kinh văn này nồng đượm ý vị của Thiền tông. “Tự nhiên gìn giữ”, Thiền tông gọi là “bảo nhậm”, hai từ “bảo nhậm” này được dùng nhiều nhất trong Thiền tông, tổ sư đại đức dùng khá nhiều. “Nhậm” nghĩa là tùy ý, tùy ý chính là tự nhiên. Muốn đi thì đi, muốn ngồi thì ngồi, muốn như thế nào thì như thế ấy, thích như thế nào thì như thế ấy, đây là tự tại. “Bảo” là niệm niệm không sai khác, đó chính là “bảo”. Chúng ta niệm Phật, mỗi một câu Phật hiệu tiếp nối nhau, đây chính là “bảo”. “Bảo” chính là dụng, đây chính là công phu. Bạn thật sự có thể giữ vững được, niệm niệm không sai khác, không cho vọng tưởng tạp niệm xen vào, đây gọi là “bảo”. Giữ vững điều gì? Giữ vững một câu Phật hiệu này, vĩnh viễn là một câu Phật hiệu này, không được có tạp niệm xen vào, không được có vọng tưởng xen vào, đây gọi là công phu niệm Phật đặc

lục. Ngày nay thứ mà chúng ta phải giữ vững, chính là một câu Phật hiệu A-di-đà Phật này.

*“Chân chân khiết bạch”*

“Chân” chính là nhất chân pháp giới. Vì sao vậy? Vì trước giờ nó chưa từng bị ô nhiễm. Đại sư Huệ Năng nói rất hay, vốn tự thanh tịnh, không có thứ gì có thể làm ô nhiễm nó. Nhất chân pháp giới, bản tánh chân như, chân tâm diệu minh cùng với từ “chân” trong “chân thật chi tể” của kinh này là cùng một nghĩa. Kinh nói “chân chân”, nói hai từ “chân”, “cho thấy chẳng phải là chân do so với vọng mà nói”. “Chân” mà người thế gian thường nói, đối lập với chân là giả, đối lập với giả là chân. “Chân chân” thì không có đối lập, cho nên đó chính là “chân”. “Chân” của chân giả thì chẳng phải là “chân chân”. “Chân chân” là tự tánh, tự tánh thì không có đối lập, đây mới gọi là “chân chân”. Có chân thì có vọng, có vọng thì có chân, đó là “chân” có đối lập, đó không phải là “chân chân”, chẳng phải là tự tánh. Chúng ta nhất định phải rõ ràng sáng tỏ rằng “chân chân” là tự tánh, chẳng phải đối lập. Câu này nói rất hay, vô cùng quan trọng, khiến chúng ta không đến nỗi sanh hiểu lầm. Chân này là chân như tự tánh, chân như tự tánh thì không có đối lập, đây chính là chân thật tuyệt đối. Chân thật tuyệt đối là chân thật trong chân thật.

“Khiết” là vô cấu, không có nhiễm ô; “bạch” là thanh bạch, khiết bạch, bạch là vô nhiễm. Chính như Lục tổ nói: “Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”. Lúc Lục tổ báo cáo với Ngũ tổ, tánh có hình dạng như thế nào thì câu thứ nhất chính là “chân chân”, chính là “vô cấu”. “Bạch” là vô nhiễm, “khiết” là vô cấu, bốn từ “chân chân khiết bạch” này và “vốn tự thanh tịnh” mà đại sư Huệ Năng nói là cùng một ý nghĩa, cùng với “tâm tánh vô nhiễm, vốn tự viên thành” mà thiền sư Bách Trượng nói cũng là như nhau. “Viên” là viên mãn, “thành” là thành tựu, ý nghĩa của “vốn tự viên thành” rất sâu. Cho nên “bảo nhậm” chính là chân tâm vô nhiễm, vốn tự thanh tịnh, dứt bật đối đãi, công phu của Thiền tông chính là ở đây. Hoàn toàn dùng chân tâm, không dùng vọng tâm, đối nhân xử thế trong đời sống thường ngày luôn luôn chân thành. Chân thành được nói ở đây chẳng phải là “chân chân” nói ở phía trước. Chân thành ở đây được lưu xuất ra từ trong “chân chân”, bản thể của nó là “chân chân”, lưu xuất ra là chân thành. “Chân” này chính là “chân” trong nhất chân pháp giới, “chân” trong chân như bản tánh, “chân” trong chân tâm diệu minh. Công

phu “bảo nhậm” của chúng ta chính là chân tâm vô nhiễm, vốn tự thanh tịnh, dứt bất đối đãi.

*“Chí nguyện vô thượng”*

Câu này là khuyên bạn phát nguyện, khuyên bạn phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Đại nguyện vô thượng chính là chúng đắc Phật quả rốt ráo viên mãn. Vãng sanh thượng thượng phẩm ở cõi Thường Tịch Quang là vô thượng đích thực. Vô thượng là chỉ cho “đạo này đã cùng tột lý, cùng tận tánh, không còn có gì hơn được nữa”. “Chí nguyện vô thượng” là chỉ cho họ lấy điều này làm chí nguyện.

*“Tịnh định an lạc”*

Đây là thọ dụng đạt được trước mắt. “Tịnh” là thanh tịnh, “định” là bất động, “tịnh định” chính là như như bất động. Bốn chữ “tịnh định an lạc”, hai chữ đầu là nhân, hai chữ sau là quả; hai chữ đầu là tự tánh, hai chữ sau là công phu. “Chí nguyện vô thượng” ở phía trước là phát Bồ-đề tâm, “tịnh định an lạc” ở phía sau là công phu chân thật, thọ dụng chân thật. Công phu đạt đến thuần thực bèn khai ngộ, giống như Bồ-tát Đại Thế Chí nói “chẳng nhờ phương tiện, tự được tâm khai”.

*“Bồ đề nhiên khai ngộ, thông đạt, sáng tỏ, thấu triệt”*

Câu nói này chính là câu “hột nhiên đại ngộ” của Thiên tông, cũng chính là “lý nhất tâm bất loạn” của Tịnh tông. “Tịnh định an lạc” mà phía trước nói là sự hưởng thụ sau khi đạt được công phu thành phẩm, cho đến sự nhất tâm bất loạn đều là cảnh giới như vậy. Khai ngộ thì nhập vào lý nhất tâm bất loạn. “Đạt” là thông đạt, “minh” là sáng tỏ, sau khi tâm khai ngộ thì hết thấy đều thông đạt sáng tỏ. Chữ “triệt” này dùng rất hay, có chữ “triệt” này thì “ngộ” mới là sự giác ngộ rốt ráo viên mãn. Giác ngộ viên mãn chính là “Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác” mà trong kinh nói. Thông thường thì là “Chánh đẳng Chánh giác”, có sáng tỏ, thấu triệt thì là “Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Lúc bấy giờ mới hoàn toàn thông đạt, sáng tỏ, thấu triệt chân tướng của vũ trụ nhân sanh.

Hoàng Niệm lão đối với câu “bồ đề nhiên khai ngộ, thông đạt, sáng tỏ, thấu triệt” có sự giải thích khác biệt độc đáo, khiến người cảm thấy mới mẻ.

“Bồ đề nhiên” là nói đột nhiên có một sát-na, chẳng phải là nói sau bao nhiêu ngày, bao nhiêu năm dụng công, hoặc là qua một giai đoạn thì đạt được cảnh giới như vậy, nếu nói như vậy thì sai rồi. Bởi vì “vô thượng” ở đây chẳng phải là hề đi

thì đến được. Cho nên Tông môn và Giáo hạ có sự khác biệt ở chỗ này. Giáo hạ thì nói tu như thế nào thế nào đó, còn Tông môn thì truyền riêng ở ngoài kinh giáo, đây là chỗ đi chẳng đến được. Buộc phải trừ cái tâm có sở đắc cho sạch sẽ rồi sau đó bạn mới có thể đạt được. Đã là chỗ đi chẳng đến được, nên không thể nói ra được hành trình, không biết được hành trình thì đương nhiên cũng không biết được kỳ hạn.

Thiền sư Cao Phong nói: Quá trình này là bỗng nhiên từ trong “vô tâm tam-muội” mà bỗng nhiên sờ phải, chạm vào, có hai lần “bỗng nhiên”, chốc lát bèn khai ngộ rồi. Giống như công tắc của toàn bộ hệ thống sản xuất đã được bật lên, nếu không chạm vào được thì chẳng có cách nào. Thiền tông gọi cái này là “cái chốt hướng thượng”, ví như đã chạm được vào đầu mối hướng thượng của pháp thân, trong sát-na bèn tương ứng, thấu suốt nguồn tâm. Lý nhất tâm trong Tịnh độ cũng đạt được mức cao này, phá được vô minh. Đương nhiên là phá 41 phẩm vô minh thì cũng có sự sâu cạn không như nhau, triệt để phá vô minh thì chính là Thường Tịch Quang, sau cùng phá được vô minh rồi. “Bỗng nhiên khai ngộ, thông đạt, sáng tỏ, thấu triệt” chính là “đại triệt đại ngộ” trong Tông môn. “Khai” là tâm khai ngộ, “đạt” là hiểu rõ, “minh” là “minh bạch thấu suốt” mà Tín Tâm Minh nói. “Triệt” là thấu triệt. Sau đó thứ ngộ ra được chính là “tướng tự nhiên của tự nhiên”.

#### *“Tướng tự nhiên của tự nhiên”*

Tướng tự nhiên ở trong tự nhiên là vô lượng vô biên sự tướng từ trong tự tánh vốn sẵn thanh tịnh mà tự nhiên lưu lộ ra. Nhất chân pháp giới và y chánh trang nghiêm của mười pháp giới, những hiện tượng này từ đâu mà có vậy? Là tự tánh tự nhiên biến hiện ra. Những hiện tượng này hóa ra chính là tự tánh, tánh và tướng không hai, lý và sự như nhau. Cổ nhân nói rằng “ngay nơi tướng chính là đạo”, “tướng” chính là thâm la vạn tượng của y báo chánh báo trong các pháp giới, “đạo” là tự tánh. Tánh ở đâu? Tướng chính là tánh, tánh chính là tướng, đây chính là “minh tâm kiến tánh” mà nhà Thiền nói. Ngay nơi sự chính là chân, sự chính là lý, có pháp nào chẳng phải như vậy? Pháp pháp đều là như thế! Cho nên gọi là “nơi nơi đều là đạo, trái phải đều gặp nguồn”. Thế nhưng phải thật sự ngộ nhập được cảnh giới này thì mới là như vậy; không vào được cảnh giới này thì bạn mê ở trong đó, hoàn cảnh khổ vui trong mười pháp giới hoàn toàn không như nhau. Sau khi ngộ nhập cảnh giới này thì liệu có còn mười pháp giới hay không? Còn! Có khổ lạc hay không?

Không có! Năm loại cảm thọ: khổ, lạc, ưu, hỷ, xả, ngay cả xả thọ cũng có thì đây mới là chánh thọ. Lúc bấy giờ trong pháp giới của Bồ-tát được gọi là “nhất chân pháp giới”, nhưng trong mắt của phàm phu thì lại là “mười pháp giới”, người triệt ngộ thì nhìn thấy là nhất chân pháp giới. Mười pháp giới và nhất chân pháp giới chẳng phải hai thứ, mà là như nhau. Chúng ta cảm thấy rằng mười pháp giới là mười loại cảm thọ không như nhau, khổ vui khác biệt rất lớn. Nhất chân pháp giới của Bồ-tát thì cảm thọ bình đẳng, khi không có những lúc khổ, lạc, ưu, hỷ, xả thì mới là bình đẳng. Đây là do mê và ngộ khác nhau.

Như vậy mê hay ngộ là do tâm, không do cảnh giới, cảnh giới không có mê ngộ, tự tánh không có mê ngộ, hiện tướng cũng không có mê ngộ, lý không có mê ngộ, sự cũng không có mê ngộ, mê ngộ là từ trong một niệm của chúng ta. Từ đây nhìn ra được tướng tự nhiên của tự nhiên, nhìn ra hết thấy vạn vật, mối quan hệ giữa y chánh trang nghiêm trong mười pháp giới và tự tánh. Đây là chân tướng sự thật mà một lời của Thế Tôn đã nói toạc ra cho chúng ta.

Kinh Thủ Lăng-nghiêm có chỗ cực đốn, cũng có chỗ tiệm tiến từng chút một. Trong kinh thường thì mỗi một phương diện đều bao hàm một chút. Chỗ cực đốn chính là tỉ dụ về kẻ cuồng mất đầu, kẻ cuồng nhìn thấy đầu của người khác rất đẹp, do anh ta không thể thấy được mặt của mình nên cho rằng đầu mình đã mất, suốt ngày tìm đầu khắp nơi, kẻ cuồng được nói đó chính là chúng ta. Có một ngày, bất chợt tỉnh ngộ ra “đầu của mình ở đây mà” thì hết bệnh cuồng, đã khỏi rồi. “Cuồng tâm nhanh chóng tiêu mất, tiêu mất rồi thì chính là Bồ-đề”. Thế nên, khai ngộ chính là phát hiện ra đầu của mình ở ngay đây, rất là tự nhiên. Vốn là có đầu, đầu ở ngay đây, hết sức tự nhiên.

Lại như cổ đức khi khai ngộ đã nói: “Hóa ra tỳ-kheo-ni là phụ nữ vậy”. Đây là tướng tự nhiên của tự nhiên. Sau khi khai ngộ bèn nói ra một câu như vậy, bởi vì họ đã phá được hết thấy pháp chấp. Lại như, “sớm biết đèn là lửa thì đã thành Phật lâu rồi”. Tổ sư sau này đã sửa đi hai chữ nên còn hay hơn nữa: “sớm biết đèn là lửa thì cơm đã chín lâu rồi”. Nếu sớm biết đèn là lửa thì đã chụm củi nấu cơm, cơm đã chín từ lâu rồi. Dùng cơm chín để tỉ dụ cho thành Phật là điều cực kỳ tự nhiên.

Thế nên, người ngộ rồi thì là tướng tự nhiên của tự nhiên. Người chưa ngộ thì núi là núi, nước là nước, người nam là người nam, người nữ là người nữ. Người vừa mới ngộ thì núi chẳng phải là núi, nước chẳng phải là nước, nam chẳng phải là nam,

nữ chẳng phải là nữ. Sau khi triệt ngộ thì núi vẫn là núi, nước vẫn là nước, nam vẫn là nam, nữ vẫn là nữ. Cho nên ngài Cao Phong nói: “Quay về vẫn là người thuở trước, chốn cũ năm xưa chẳng đổi dời”. Đây là cảnh giới cao nhất rồi. Đối với việc này có rất nhiều cách nói nhằm biểu đạt thứ bậc khai ngộ của Thiên tông. Như câu: “Quay về vẫn là người thuở trước, chốn cũ năm xưa đã khác rồi”, kẻ quay về vẫn là chính mình, chỉ là nơi đã đi qua chẳng phải là nơi của trước đây. “Quay về chẳng phải người thuở trước, vẫn là chốn cũ của năm xưa”. Những câu này đều là lời nói ra khi khai ngộ, nhưng đều không bằng câu của ngài Cao Phong. Thế nên, núi vẫn là núi, nước vẫn là nước, nam vẫn là nam, nữ vẫn là nữ, hết thảy đều như cũ.

Chúng ta quay trở lại thì mọi thứ vẫn tự nhiên như trước, tự nhiên biết bao. “Ngay nơi tướng tức là đạo, ngay nơi sự chính là chân”, hết thảy đều là vốn tự thanh tịnh, đều là tướng tự nhiên của tự nhiên. Hết thảy núi và nước, nam và nữ, hiện nay, lúc trước v.v... không có thứ nào chẳng được chánh ấn của thật tướng in vào. Thế nên hết thảy tướng, hết thảy sự đều là vốn tự thanh tịnh, đều là tướng tự nhiên của tự nhiên, tự nhiên tự có căn bản.

*“Tự nhiên tự có căn bản”*

Đây là nói nguồn gốc của vũ trụ, cũng chính là tự thể căn bản của hết thảy các pháp, là bản thể vốn có. Kinh Đại Nhật nói: “Một thân, hai thân, cho đến vô lượng thân đều thuộc trong bản thể”. Hết thảy sự đều từ trong bản thể mà lưu hiện ra, cũng đều đồng quay trở về bản thể. Đây chính là “bỗng nhiên khai ngộ, thông đạt, sáng tỏ, thấu triệt tướng tự nhiên của tự nhiên, tự nhiên tự có căn bản”. Từ “có” này là then chốt, cũng như kẻ cuồng vốn có cái đầu, đây chính là “có”. Phó Đại sĩ giảng kinh cho Lương Võ Đế, đập thước xuống bàn một cái rồi xuống tòa. Bảo Chí Công nói với mọi người: Đại sĩ đã giảng xong kinh Kim Cang. Bài minh Tâm Vương của Đại sĩ nói: “Nước có vị mặn, sắc vẫn trong veo, nhất định là Có, nhưng chẳng thấy hình”. Vị mặn trong nước, có vị này hay không? Thật có vị như vậy, nhưng nếu bạn muốn tìm xem vị mặn ấy hình dạng ra sao, dài, vuông, tròn, đỏ, trắng thì chẳng thể thấy được [hình dạng], trọn chẳng thể thấy được. Vì vậy nhất định là Có, từ “có” này rất quan trọng. Tổ sư của tông Tào Động là Tào Sơn nói: “Chỉ cần biết Có là được”. Cho dù bạn đang có phiền não, đang ở trong vô minh, chỉ cần bạn biết là Có thì được. Cho nên chữ “có” này rất quan trọng, chẳng thể lơ là.

“Tự nhiên tự có căn bản” có hai hàm nghĩa.



Một là bản tánh của sâm la vạn tượng là không hai, ngàn con sóng đều là nước, sóng lớn sóng nhỏ, sóng cuộn sóng trào đều là nước. Trong hết thấy đó đều có bản thể, đây chính là tự nhiên tự có căn bản. Một hàm nghĩa khác là: chẳng do tạo tác, trong một niệm bèn đốn ngộ. Cho nên nói, sau khi tự nhiên đốn ngộ thì biết rõ không một pháp nào ở ngoài tự tâm, đều trọn ở trong tự tâm, thấy ngay được chân như tự tánh. Thấy được trọn hết mà không gì để thấy, không gì để thấy mà thấy được trọn hết. Từ “kiến” trong “minh tâm kiến tánh” nên giải thích thế nào? Đó là thấy được trọn hết, nhìn thấy rất rõ ràng. Nhìn thấy điều gì? Chẳng có gì để thấy, chẳng có gì cả. Chẳng có gì để thấy mà lại nhìn thấy rất rõ ràng, điều này có vẻ như kỳ quái. Chẳng thể dùng ngôn ngữ, văn tự, suy nghĩ mà có thể biết, có thể biểu đạt được. Lúc bấy giờ bèn biết tự tâm, tự tánh chính là căn bản, thế nên tự nhiên tự có căn bản. Kinh Tịnh Danh nói: “Ngay tức thời rỗng rang, đạt lại được bôn tâm”. Ngay lúc ấy hốt nhiên đại ngộ, đạt lại được bôn tâm, chính là kẻ cuồng bị mất đầu mà không hề bị mất đầu vậy. Nếu như nhận ra được thì tâm cũng là như vậy. Bạn không biết các ngài đạt được bôn tâm chính là nhận rõ được bôn tâm. “Hốt nhiên” chính là “bỗng nhiên khai ngộ, thông đạt, sáng tỏ, thấu triệt” mà đạt lại được bôn tâm, chính là tướng tự nhiên của tự nhiên, tự nhiên tự có căn bản.

Kinh Bồ-tát Giới nói: “Tự tánh của ta vốn sẵn thanh tịnh, nếu nhận biết được tự tâm, thấy được tánh thì đều thành Phật đạo”. Tự tánh vốn sẵn rất thanh tịnh, nhận biết được bôn tâm của mình, thấy được bôn tánh của mình thì đều thành Phật đạo. Vì vậy ngài Tào Sơn nói: “Chỉ cần biết Có là được”, đúng là tâm ấn mà Phật Phật tương truyền.

*“Tự nhiên quang minh, sắc tướng xoay chuyển nhập lẫn vào nhau, chuyển biến tối thắng”*

“Tham” nghĩa là nhập vào, tướng của quang minh nhập vào nhau. “Hồi” là xoay chuyển, luân chuyển mãi không dừng, biến hóa chẳng trở ngại. Thể của thật tướng là chẳng tịch chẳng chiếu, mà lại thường tịch thường chiếu. Tịch nhưng thường chiếu, cho nên từ Pháp thân mà lưu xuất ra Báo thân, Hóa thân Phật. Từ lý thể xuất sanh ra vô lượng tướng dụng vi diệu. Do đó, từ căn bản của tự nhiên ấy mà tự nhiên sanh ra vô lượng quang minh, sắc tướng, các tướng nhập lẫn vào nhau, xoay vần biến hóa, vượt xa mười phương, cho nên gọi là “tối thắng”.

Trong kinh thường dùng bảo châu để ví cho tự tâm. Quán Kinh nói: “Mỗi một bảo châu có tám vạn bốn ngàn ánh sáng. Mỗi một ánh sáng có tám vạn bốn ngàn kim sắc khác nhau. Mỗi một kim sắc chiếu khắp cõi báu, nơi nơi biến hóa thành các tướng khác nhau. Hoặc biến thành đài kim cang, hoặc biến thành lưới chân châu, hoặc biến thành mây nhiều màu. Trong khắp mười phương tùy ý biến hiện mà làm Phật sự”.

Lại nói: “Phật Vô Lượng Thọ có tám vạn bốn ngàn tướng, trong mỗi tướng có tám vạn bốn ngàn vẻ đẹp. Trong mỗi vẻ đẹp lại có tám vạn bốn ngàn quang minh. Mỗi một quang minh chiếu khắp chúng sanh niệm Phật trong mười phương thế giới, nhiếp thủ chẳng bỏ. Quang minh, tướng hảo, cho đến hóa Phật [hiện ra trong các quang minh ấy] chẳng thể nói trọn”.

Kinh văn bên trên sâu sắc nêu rõ: quang minh sắc tướng vi diệu khó nghĩ bàn, biến hiện tùy ý. Trong quang có sắc, sắc lại hiện tướng. Lưới châu và các loại diệu tướng chỉ do một sắc mà hiển hiện. Lại như tướng của Phật đầy đủ vẻ đẹp, trong vẻ đẹp phát ra quang minh, trong quang minh lại hiện ra Phật, thay đều hiển thị rõ rệt ý nghĩa xoay chuyển nhập lẫn vào nhau.

*“Uất-đơn thành thất bảo”*

“Uất-đơn” là châu Uất-đơn ở phương Bắc, là một trong bốn đại bộ châu. Bộ châu này đều tốt hơn so với ba châu khác, đất đai không cần trồng trọt canh tác mà tự nhiên sanh ra rất nhiều lương thực, quần áo thức ăn không thiếu, người sống thọ một ngàn tuổi. “Uất-đơn thành thất bảo” là trong bản dịch thời Hán, trong bản dịch thời Ngô là: “Tự nhiên như trong cõi Uất-đơn, tự nhiên thành thất bảo”. Tham khảo ý trong bản dịch thời Ngô thì dễ hiểu. Ý nghĩa là nói: Giống như châu Uất-đơn ở phương Bắc có thể tự nhiên mà sanh ra mọi vật, thế giới Cực Lạc có thể tự nhiên sanh ra bảy báu.

*“Tự nhiên từ hư không hiện ra vạn vật”*

“Hoành” chỉ cho không gian, “lãm” nghĩa là rút ra, kéo ra, chỉ cho tự nhiên từ trong hư không lưu hiện ra vạn vật. Tất cả đều là đại nguyện của Di-đà, là thứ sẵn có trong tâm thanh tịnh của chúng sanh.

*“Quang minh tinh diệu sáng sạch cùng xuất hiện”*

“Quang” là quang minh, “tinh” là tinh diệu, “minh” là sáng sạch. Tâm ấy xưa nay vốn đầy đủ vạn đức, không có vô minh, không có cấu ô, do vậy thanh tịnh trang nghiêm. Quang minh vi diệu, tinh mỹ khiết tịnh, đều đầy đủ hết thảy diệu tướng. Chẳng có trước sau mà đồng thời đều xuất hiện, cho nên gọi là “cùng xuất hiện”.

*“Sáng tỏ không phân biệt trên dưới”*

“Trú” là sáng tỏ, sáng tỏ không có trên dưới. Hết thảy đều bình đẳng, không có sai biệt, đây gọi là “không phân biệt trên dưới”. “Tự nhiên tự có căn bản”, trí tuệ này đã hiển bày điều thật tế là hết thảy đều bình đẳng. Kinh Kim Cang nói: “Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp”. Phẩm Quán Âm Sở Chứng trong kinh Lăng-nghiêm nói: “Tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ không sai biệt”, không có sự phân chia sai biệt cao thấp, nêu rõ bản thể không có phân biệt trên dưới.

*“Hiểu rõ thông đạt không có bờ mé”*

Câu này là nói về huệ dụng của tâm: một cái là lý như như, một cái là trí như như. Cho nên “sáng tỏ” chính là “minh” trong “minh tâm kiến tánh”. Sáng tỏ được điều này, hiểu rõ được điều này, hết thảy đều bình đẳng, bản thể không có phân biệt trên dưới chính là cái tâm. Hiểu rõ cùng tận nguồn tâm, trí tuệ hiểu rõ thông đạt, khả năng chiếu soi không có bờ mé.

*“Tốt lành thật không gì sánh được”*

Cũng là nêu rõ bản thể không phân biệt trên dưới, bản thể bình đẳng, bản thể thực tế. Khả năng thông đạt, chiếu soi của trí tuệ này không có cùng tận. Những điều nói trên đều là cảnh giới của Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 77

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Nghi các cần tinh tấn, nỗ lực tự cầu chi, tất đặc siêu tuyệt khứ, vãng sanh vô lượng thanh tịnh A-di-đà Phật quốc, hoành tiết ư ngũ thú, ác đạo tự bế tắc. Vô cực chi thắng đạo, dị vãng nhi vô nhân. Kỳ quốc bất nghịch vi, tự nhiên sở khiên tùy. Quyên chí nhược hư không, cần hành cầu đạo đức, khả đặc cực trường sanh, thọ lạc vô hữu cực. Hà vi trước thế sự, nao nao ưu vô thường?**

*Mỗi người đều nên siêng năng tinh tấn, nỗ lực tự cầu đạo thì ắt được siêu vượt, dứt tuyệt [luân hồi], vãng sanh về cõi vô lượng thanh tịnh của A-di-đà Phật, cắt ngang năm đường, ác đạo tự đóng bít. Con đường thù thắng vô cực, dễ đi mà không người theo! Cõi ấy không trái nghịch, tự nhiên bị kéo theo. Chí xả như hư không, siêng hành cầu đạo đức, đạt được cực trường sanh, thọ lạc không cùng tận. Sao lại dăm trước thế sự, nháo nhác lo chuyện vô thường?*

“Mỗi người đều nên siêng năng tinh tấn, nỗ lực tự cầu đạo”. Mọi người đều phải chuyên cần tinh tấn, bản thân nỗ lực cầu đạo, “thì ắt được siêu vượt, dứt tuyệt [luân hồi]”, có thể vãng sanh đến cõi nước thanh tịnh của A-di-đà Phật. “Cắt ngang năm đường”, cắt ngang thì không có thứ lớp, mà trong phút chốc đoạn dứt năm đường ác. Đến thế giới Cực Lạc rồi thì sẽ không vì tội nghiệp mà đọa trong năm đường này nữa. Ngay cả cõi trời cũng gọi là đường ác, những tôn giáo khác xem việc sanh thiên là quả vị rất ráo, còn Phật giáo xem việc sanh thiên thành đường ác, đây chính là chỗ thù thắng [của Phật giáo]. Cắt ngang năm đường thì ác đạo tự nhiên đóng bít.

“Con đường thù thắng vô cực”, đến thế giới Cực Lạc thì chính là vô cực! Đây là bản dịch thời Hán, có một số chữ, ngôn từ giống với Đạo giáo, việc này không sao cả, có thể mượn dùng. “Vô cực” ở đây chỉ rằng pháp môn Tịnh độ là con đường thù thắng, không có giới hạn.

“Dễ đi mà không người theo”, dễ dàng đi, nhưng lòng tin của mọi người chẳng đủ, “không người theo” ví cho người vãng sanh cực kỳ ít ỏi. Tuy người vãng

sanh trong mười phương thế giới rất nhiều, nhưng theo thế giới Ta-bà mà nói, trên địa cầu này có biết bao chúng sanh, côn trùng, sanh mạng, tuy có người vãng sanh nhưng so với tổng số chúng sanh trên thế giới này mà nói thì ít ỏi đến mức chẳng đáng kể đến. Cho nên nói là “không người theo”, dễ dàng vãng sanh nhưng không có người nào cả.

“*Cõi ấy không trái nghịch*”, thế giới Cực Lạc chẳng hề cự tuyệt người nào đến. “*Tự nhiên bị kéo theo*”, tu nhân này thì tự nhiên được quả này. Vì vậy mọi người hãy nên “*chỉ xả như hư không*”, “quyên” là xả bỏ, xả bỏ hết những chí hướng của thế gian, tâm như hư không. “*Siêng hành cầu đạo đức*”, phải siêng tu đạo, tu đạo thì có thể đạt được “*cực trường sanh*”, người vãng sanh đều là vô lượng thọ. “*Thọ lạc không cùng tận*”, đến thế giới Cực Lạc rồi, mọi người đều như Phật Vô Lượng Thọ, vả lại đều thọ nhận niềm vui của giáo pháp Đại thừa, vĩnh viễn không có thoái chuyển.

“*Sao lại đắm trước thế sự*”, đây là một câu hỏi, vì sao bạn vẫn muốn tham đắm sự việc thế gian? Danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần của thế gian, vì sao bạn còn tham đắm những thứ này? “*Nháo nhác lo chuyện vô thường*”, “nháo nhác” chính là nhao nhao lo được lo mất, vì chuyện thế gian mà sinh ra đủ mọi lo âu. “Sao lại đắm trước thế sự, nháo nhác lo chuyện vô thường?” Hai câu này, một lời đã nói toạc ra tâm tình của chúng sanh trong sáu cõi cùng những việc mà họ đã làm. Những chuyện thế gian nào, những chuyện vô thường nào, những chuyện thế gian và vô thường nào khiến bạn từ sáng đến tối ưu tư lo lắng vậy? Trong kinh văn phẩm kế tiếp, Phật sẽ phân tích tường tận cho chúng ta, khuyên răn chúng ta nếu làm những việc này thì chính là lục đạo luân hồi, chính là đang tạo ra sáu cõi, tạo ra ba đường ác, tự làm tự chịu.

Tôi đã giảng xong phẩm kinh văn này rồi. Tiếp theo xin tổng kết một chút trọng điểm của kinh văn phẩm thứ 32.

Trọng điểm của kinh văn phẩm thứ 32, kinh văn phẩm thứ 32 có 12 trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: kinh văn phẩm này nói về hai loại “vô cực”. Bạn biết đó là hai loại “vô cực” nào không? Hai loại vô cực này nêu rõ điều gì của thế giới Tây Phương Cực Lạc? Phật đã khuyên nhủ chúng ta điều gì? Hai loại vô cực: thứ nhất là thọ mạng vô cực, thứ hai là niềm vui vô cực, hợp lại mà nói chính là bốn chữ “thọ

lạc vô cực”. Hai loại vô cực này nêu rõ sự thù thắng và tốt đẹp của thế giới Tây Phương Cực Lạc. Phật khuyên nhủ chúng ta hãy thật thà niệm Phật, cầu sanh Tịnh độ, thân cận các bậc thượng thiện. A-di-đà Phật kiến lập thế giới Tây Phương Cực Lạc để chúng ta có chỗ quay về, chúng ta phải tri ân báo ân, ân Phật khó báo đáp.

Trọng điểm thứ hai: từ phẩm kinh văn này trở đi thì Bồ-tát Di-lặc là người đương cơ, như vậy có ý nghĩa sâu xa gì?

Trọng điểm thứ ba: thế giới Cực Lạc vì sao vi diệu, thanh tịnh, an lạc? Bởi vì thế giới Tây Phương Cực Lạc là thế giới vô lậu, tướng mà thế giới vô lậu hiển bày là tướng do thật tướng hiện ra. Thật tướng là vô tướng, nhưng chẳng phải không có tướng. Thật tướng vô tướng, nhưng nó lại chẳng phải là không có tướng, không có tướng cũng là tướng. Cho nên vô tướng nhưng chẳng phải không có tướng, hai lần phủ định, phủ định của phủ định là khẳng định. Thật tướng có thể hiển hiện hết thấy tướng, tướng mà thật tướng hiện ra thì thanh tịnh, do vậy thế giới Cực Lạc cũng vi diệu, thanh tịnh, an lạc như thế.

Trọng điểm thứ tư: “sao không gắng sức làm thiện, niệm đạo đến tự nhiên?” Đây là câu nói hết sức cảm thán của Thế Tôn. Thế Tôn đang cảm thán về việc gì vậy? Vì sao lại cảm thán?

Trọng điểm thứ năm: thâm nhập hiểu rõ tám điều tự nhiên, đồng thời có thể ứng dụng vào trong đời sống thực tế. Tự nhiên nghiêm chỉnh, tự nhiên vô vi, tự nhiên gìn giữ, tướng tự nhiên của tự nhiên, tự nhiên tự có căn bản, tự nhiên quang minh sắc tướng xoay chuyển nhập lẫn vào nhau, tự nhiên bị kéo theo, niệm đạo đến tự nhiên.

Trọng điểm thứ sáu: vì sao nói trì danh chính là niệm thật tướng? Đại sư Ngẫu Ích đã giải thích thế nào? Tự mình hãy tìm ra đáp án.

Trọng điểm thứ bảy: Đại sư Ấn Quang đối với “không làm theo tà” có lời khai thị thấu triệt đến cùng cực, đọc rồi khiến người vỗ bàn khen tuyệt, quả không hổ danh là tổ sư, nói quá hay! Mời bạn tự tìm ra đoạn khai thị của đại sư Ấn Quang rồi đối chiếu một chút với hiện thực, cũng có thể thuật lại cho người khác nghe.

Trọng điểm thứ tám: chúng ta làm việc, tận tâm tận lực mà làm thì chính là viên mãn, đây chính là “hết lòng tìm tòi nỗ lực”. Đừng miễn cưỡng đi làm những việc mà sức mình chẳng đủ. Dựa vào hóa duyên, quỳn góp mà đi làm một số sự

việc thì phát sinh rất nhiều tệ nạn, tạo ra nhiều cơ hội tạo nghiệp cho người, nếu không nắm vững thì rất dễ đọa lạc. Thế Tôn dạy chúng ta rằng: “Cho dù cúng dường hằng sa Thánh, không bằng kiên đồng cầu Chánh giác”. Ngài nói rất hay, rất rõ ràng, chúng ta đã nghe hiểu chưa? Liên hệ với bản thân hoặc với người và việc mà bạn đã tiếp xúc, hãy nói về nhận thức của bạn đối với vấn đề này.

Trọng điểm thứ chín: Hoàng Niệm lão đối với “bỗng nhiên khai ngộ, thông đạt, sáng tỏ, thấu triệt” có cách giải thích khác biệt độc đáo, sự khác biệt độc đáo đó ở chỗ nào? Giải thích của thiền sư Cao Phong cũng khiến người thấy nghe mới mẻ, bạn nhận thức và lý giải như thế nào?

Trọng điểm thứ mười: kẻ cuồng tìm đầu, kẻ cuồng này là chỉ cho ai? “Cuồng tâm nhanh chóng tiêu mất, tiêu mất chính là Bồ-đề”. Hai câu này bạn lý giải như thế nào? Bạn đã tìm ra đầu của mình chưa?

Trọng điểm thứ mười một: đối với núi, nước, người nam, người nữ thì ba loại người sẽ có ba loại nhận thức khác nhau, xem coi bạn thuộc loại nhận thức nào? Người chưa ngộ thì núi là núi, nước là nước, người nam là người nam, người nữ là người nữ. Người vừa mới ngộ thì núi chẳng phải là núi, nước chẳng phải là nước, nam chẳng phải là nam, nữ chẳng phải là nữ. Người triệt ngộ rồi thì núi vẫn là núi, nước vẫn là nước, nam vẫn là nam, nữ vẫn là nữ.

Trọng điểm thứ mười hai: “sao lại đấm trước thế sự, nháo nhác lo chuyện vô thường?” Hai câu này, một lời của Thế Tôn đã nói toạc cho chúng ta điều gì? Bạn đích thân lĩnh ngộ ra sao?

Sau khi giảng xong kinh văn phẩm này, tôi có một chút cảm ngộ nho nhỏ, xin cúng dường các đồng tu:

Hai lần phúc giảng Vô Lượng Thọ, mỗi lần đều có cảm nhận mới  
Kinh Vô Lượng Thọ rất là tuyệt, cứu lấy chúng sanh thời mạt pháp  
Hiện đời gặp được bộ kinh này, thiện căn phước đức đều đầy đủ  
Gặp được cơ duyên thành Phật rồi, xin hãy trân quý đừng bỏ lỡ  
Một niệm sai lầm năm ngàn kiếp, lần này sai rồi đúng thật sai  
Trường kiếp luân hồi bao nhiêu khổ, nghĩ đến chân lông đều dựng đứng  
Nói ra đều là lời chân thật, xin bạn hãy nên ghi nhớ kỹ.  
Một câu Di-đà thật thà niệm, đời này bạn phải làm Phật thôi.

## KHUYẾN DỤ SÁCH TÁN ĐỆ TAM THẬP TAM

Kinh văn phẩm này nói về sự như bản xấu ác của Ta-bà, và nói tường tận câu “sao lại đắm trước thế sự, nháo nhác lo chuyện vô thường” của phẩm kinh văn trước đó. Trọng điểm là nói về mười điều ác của lòng người là: giết, trộm, dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ý ngữ, ác khẩu, tham, sân, si.

Chữ “khuyến” trong tựa đề phẩm kinh là khuyên răn, “dụ” là giáo dục mọi người, đốc thúc mọi người tiến bộ, “sách tán” là thúc đẩy sự tiến bộ của bạn đi đến thành công. Phật thương chúng sanh còn hơn cha mẹ thương con, vì vậy mà buốt lòng rất miêng khuyên nhủ dẫn dắt.

Mời xem kinh văn bên dưới:

**Thế nhân cộng tranh bất cấp chi vụ, ư thử kịch ác cực khổ chi trung, cần thân doanh vụ, dĩ tự cấp tế. Tôn ti, bản phú, thiếu trưởng, nam nữ, lữ niệm tích lự, vi tâm tẩu sử. Vô điền ưu điền, vô trạch ưu trạch, quyền thuộc tài vật, hữu vô đồng ưu, hữu nhất thiếu nhất, tư dục tề đẳng. Thích tiểu cụ hữu, hựu ưu phi thường, thủy hỏa đạo tặc, oan gia trái chủ, phần phiêu kiếp đoạt, tiêu tán ma diệt. Tâm xan ý cố, vô năng túng xả, mạng chung khí quyên, mặc thù tùy giả. Bản phú đồng nhiên, ưu khổ vạn đoan.**

*Người đời tranh nhau những việc không cấp bách, ở trong cảnh kịch ác cực khổ, siêng năng nhọc thân làm lụng để tự chu cấp. Tôn quý, hèn hạ, nghèo giàu, già trẻ, trai gái lo lắng chất chồng, bị tâm sai khiến. Không đất lo đất, không nhà lo nhà, quyền thuộc, tài vật, có hoặc không cũng lo, có cái này rồi lại thấy thiếu cái kia, nghĩ muốn sao cho bằng người. Vừa được chút ít lại lo sợ vô thường, nước lửa, trộm cướp, oán gia trái chủ, cháy trôi cướp đoạt, tiêu tan mất hết. Tâm keo kiệt, ý cố chấp, chẳng thể buông xả, mạng chung là bỏ hết, không mang theo được gì. Nghèo giàu đều như vậy, sâu khổ trăm mối.*

Đoạn kinh văn này tương đối dài, là tổng thuyết của kinh văn toàn phẩm. Nói tóm lại, người thế gian do mê hoặc nên không thể nhận rõ bản thân cho đến hoàn cảnh sống của chính mình. Cho nên những việc cần phải làm thì luôn lơ là, những việc không nên làm thì lại cố sức đi làm. Đúng thật là “mở mắt toàn thấy người chộn rộn, dễ đâu tìm được kẻ thanh nhàn”. Phẩm kinh văn này vừa mở đầu, Phật đã nói



chân tướng sự thật cho chúng ta rồi, nếu Phật không nói thì chúng ta xác thật sẽ không biết, chẳng thể phân biệt rõ chân ngụy, tà chánh, đúng sai.

Tiếp theo, chúng tôi sẽ giải thích cụ thể một chút đoạn kinh văn này.

*“Người đòi tranh nhau những việc không cấp bách”*

Câu này đã bao hàm nội dung của kinh văn toàn phẩm. “Người đòi” là người trên thế giới, bao gồm chúng ta ở trong, biểu thị phạm vi rộng. “Tranh nhau”, toàn bộ đều đang tranh giành, tranh những gì? Tranh những việc không cấp bách, trên thế giới quả đều đang tranh nhau những việc chẳng liên quan thiết yếu. Thế nào là những việc không cấp bách? “Không cấp bách” chính là những việc chẳng quan trọng khẩn yếu. Người thế gian đều đang cạnh tranh, tranh những việc chẳng quan trọng khẩn yếu đó. Người thế gian cho rằng những việc này rất quan trọng, là việc gì vậy? Không ngoài danh và lợi, tranh danh đoạt lợi, tham đắm ngũ dục lục trần, tạo ra lục đạo luân hồi. Luân hồi là do chính mình tạo ra.

Ngược lại, đối với những việc cần thiết, bức thiết thì lại không biết, không ngó ngàng đến, chẳng ai hỏi đến. Đây quả là việc bi ai nhất! Con người đối với những thứ như mộng, như huyễn, như bọt, như bóng này thì bàn nói say sưa, dốc cạn tất cả tinh lực mà vùi đầu, mà truy cầu, mà tranh đoạt, mà đấu đá, tranh đấu tới lui rồi cũng hoàn không.

*“Ở trong cảnh kịch ác cực khổ”*

“Kịch” nghĩa là rất quá đáng, rất lợi hại; “cực” chính là đạt đến đỉnh điểm rồi. Đây là nói chỉ có thế gian năm ác này là khổ sở cùng cực nhất. Chỉ có thế giới này của chúng ta là khổ sở lớn nhất, như là ngũ ác, ngũ thống, ngũ thiêu, ví như lửa lớn thiêu cháy thân người. Người thế gian tạo ngũ ác, rồi nhận lấy ngũ thống, đòi sau thọ nhận ngũ thiêu, giống như lửa lớn thiêu người sống vậy. Sau kịch ác là cực khổ. Ác là nhân, khổ là quả. Do tạo kịch ác cho nên thọ báo cực khổ.

Trong cảnh kịch ác cực khổ này, *“siêng năng nhọc thân làm lưng”*, gây dựng một số việc, cực nhọc tâm thân để nuôi chính mình.

*“Để tự chu cấp”*

Tự mình nuôi mình. Hội Sớ giải thích: Tranh nhau những việc không cấp bách, vật có gốc ngọn, việc có gấp hoãn, đem việc không khẩn yếu ra làm trước, bỏ

lỡ việc quan trọng thì nhất định sẽ thất bại. Ví như bạn vào một thành phố lớn, việc đầu tiên là phải tìm chỗ trú ngụ, sau đó mới đi làm việc, qua lại giao tế. Nói chung bạn không thể mang theo hành lý mà đi làm việc, qua lại giao tế được. Tìm chỗ trú ngụ trước tiên chính là việc cấp bách trong đời của người tu Tịnh độ. Cái chết ập đến, có chỗ trú rồi, trú ở đâu? Trú ở trong hoa sen. Không rơi vào ba đường ác, việc này rất quan trọng. Người thế gian không lo việc này, xem việc không quan trọng thành quan trọng, rồi bận rộn vì nó, đến một ngày mạng hết thì chẳng kịp trở tay, chỉ đành theo nghiệp mà lưu chuyển.

Thế giới ngày nay đã loạn đến cùng cực, đây là việc trước giờ chưa từng có trong lịch sử nhân loại. Vì sao lại ra nông nỗi này? Do cộng nghiệp chiêu cảm. Cộng nghiệp nào vậy? Lòng người bất thiện. Giống như lời bài hát: “Nhiều kiếp liên miên cộng nghiệp chiêu cảm, tai nạn đều bởi lòng người bất thiện”. Đối mặt với hiện trạng xã hội như vậy, chúng ta có thể làm được chút gì đây? Sự sinh tồn của nhân loại cần sự hòa hợp, khó khăn đến đâu cũng phải dũng mãnh thẳng tiến trên con đường Lục hòa, chúng ta nhất định phải kiên định không đổi mà tiếp tục đi. Cây gậy tiếp sức của tăng đoàn Lục hòa kính nhất định phải từng đời từng đời tiếp nối. Ai phá hoại Lục hòa kính thì kẻ ấy là tội nhân thiên cổ.

Liệu có thể hóa giải cộng nghiệp hay không? Có thể. Người học Phật càng nhiều, người thật sự dụng công càng nhiều thì kiếp nạn lớn có thể được hóa giải thành kiếp nạn nhỏ, kiếp nạn nhỏ có thể tiêu trừ. Việc này cần phải dựa vào việc thật sự hiểu rõ đạo lý, thật sự tu hành của các đồng tu thì mới có được năng lực này.

Chúng sanh thành Phật là nguyện lớn của tôi, chúng sanh thành Phật thì tâm tôi vui mừng, cầu mong hết thảy đều thành Phật.

Hội Sớ nói: “Người ta cứ chậm chạp đối với việc gấp như lửa cháy (việc gấp như lửa cháy đầu, tóc tai đều bén lửa rồi mà họ vẫn ung dung thong thả), lo liệu những việc chẳng cấp bách (làm những việc chẳng gấp rút gì như lau giày, chỉnh quần chỉnh áo).” Lúc thọ mạng sắp hết thì hối hận không còn kịp nữa.

Đối với câu nói trên tôi lĩnh hội sâu sắc, thời gian sao lại trôi nhanh như vậy? Thấm thoát tôi đã 77 tuổi rồi, dù cho tôi thêm 77 năm nữa thì đó cũng chỉ là một sát-na mà thôi, hưởng hồ chẳng thể cho tôi thêm 77 năm nữa. Vì vậy đoạn kinh văn này cũng là sự giáo dục dành cho tôi. Đọc kinh thì nhất định phải đặt mình vào trong bối cảnh, giống như chính mình năm ấy đã tham dự đại hội này vậy, Phật đang

thuyết pháp cho chúng ta, khuyến dụ sách tấn chúng ta, như vậy thì sẽ cảm thấy thân thiết, mới có được sự tác động lớn.

Tranh thủ từng phút từng giây, hoàn thành bản thảo đúng kỳ hạn  
Muội năm hoằng pháp đã viên mãn, hãy xem tôi tự mình tiêu dao.

*“Tôn quý, hèn hạ, nghèo giàu, già trẻ, trai gái”*, ý nói bất luận là ai thì cũng đều như vậy. *“Lo lắng chất chồng”* chính là khổ tâm lo nghĩ, ngổn ngang mối sầu.

*“Bị tâm sai khiến”*

Cả ngày khổ tâm lo nghĩ, đều là suy nghĩ cho bản thân, đều là vọng tâm, nô lệ của lòng ham muốn. Tâm dục vọng nghĩ đến đâu thì chạy đến đó, phục vụ cho vọng tâm, nên gọi là “bị tâm sai khiến”. Người thông thường đều cho rằng làm theo tâm mình thì chính là vì bản thân, không biết rằng đó chẳng phải là mình. Sự ham muốn, vọng tâm đó là tên giặc, người đời đều là nhận giặc làm con, để nó lên nắm quyền, khiến chân tâm đứng sang bên cạnh. Bất kể bạn tôn quý, hèn hạ, nghèo giàu, trai gái, già trẻ thì đều không ngoại lệ, cả ngày ở đó khổ sở lo toan, bôn ba vất vả.

*“Không đất lo đất, không nhà lo nhà”*

Người không có đất đai thì rầu lo vì đất, người không có nhà thì muốn làm sao tìm được nhà tốt, người không có quyền thuộc thì muốn kết hôn, muốn có con v.v. Muốn có tài vật nên cả ngày vất vả cạnh tâm tư muốn có được. Lại ở chỗ là *“có hoặc không cũng lo”*, không có thì muốn có, nhưng chẳng phải có rồi thì sự việc được giải quyết, không lo nữa, mà có rồi vẫn lo như cũ. *“Có cái này rồi lại thấy thiếu cái kia, muốn sao cho bằng người”*, luôn luôn so sánh với người khác, muốn bằng với người khác, dục vọng này là không có biên giới. *“Vừa được chút ít”*, “vừa được” là vừa vắn, vừa hay bạn có được một ít sản nghiệp, điều này chẳng phải ai cũng đều gặp được, cho dù có được rồi thì vẫn chẳng thể giải quyết vấn đề. *“Lại lo sợ vô thường”*, lại rầu lo tiếp, ngộ nhớ không còn nữa thì làm thế nào đây, cho nên có hoặc không cũng lo. Gặp phải nạn nước, lửa, trộm, cướp, thủy tai, núi lửa bùng phát, động đất, trong chốc lát là mất hết. Đạo tặc, xã hội đen, *“nước lửa, trộm cướp, oán gia trái chủ, cháy trôi cướp đoạt”*, nạn lửa chính là đốt cháy, nạn nước chính là cuốn trôi, cường đạo chính là cướp đoạt. Sau khi có rồi lại lo sợ nạn nước, lửa, đao, binh, những tai họa bất thường này. Gặp nạn rồi thì *“tiêu tan mất hết”*, tan tành mây khói.

“*Tâm keo kiệt, ý cố chấp*”, tâm rất keo rít, suy nghĩ rất ngoan cố. “*Chẳng thể buông xả*”, chẳng thể xả bỏ thứ gì, đều không chịu buông bỏ, xả ra để giúp đỡ người khác. Một phen thọ mạng chấm dứt, chẳng có bất cứ thứ gì, bất cứ người nào đi theo bạn cả. Đây chính là “*mạng chung là bỏ hết*”, quyền thuộc, tài sản đều phải xả ly. Vẫn có một số người tình cảm rất tốt có thể cùng chết, nhưng chẳng thể cùng ra đi. Bởi vì đi đâu là do nhân duyên nghiệp lực của mỗi người quyết định, chẳng phải tự làm chủ quyết định được. Sau khi chết rồi, đi đến nơi nào cũng là muôn ngàn sai biệt.

Cho nên “*không mang theo được gì*”, đến đi một mình, chẳng ai theo cùng. Thời xưa sau khi hoàng đế qua đời, phải có người tuần táng, việc này chỉ làm tăng thêm tội nghiệp của ông ta, ông ấy không biết mình chạy đến nơi nào để làm trâu làm ngựa, thậm chí chạy vào trong địa ngục. Ông ta cho rằng những người này có thể gánh thay cho mình, nhưng trên thực tế thì không thể được. “*Mạng chung là bỏ hết, không mang theo được gì*”, vạn thứ chẳng đem được, chỉ có nghiệp theo thân. Loại tình huống này là “*nghèo giàu đều như vậy, sàu khổ trăm mối*”. Sàu khổ chẳng thể nói hết được, vả lại còn là trăm mối.

Tôi đã giảng xong đoạn kinh văn trên rồi, bạn có cảm nhận ra sao?

Thế nào là hạnh phúc? Là tâm an lý đắc. Cả ngày từ sáng đến tối không có lo lắng, không có ưu tư, không có vương bận, người như vậy mới là có phước báo nhất. Tuyệt đối chẳng phải là có tiền của thì có phước báo, chẳng phải là có thế lực thì có phước báo, những thứ này mới là không có phước báo. Giàu mà khổ thì không bằng nghèo mà vui.

Trong tâm không có việc gì mới tốt, thật sự hạnh phúc thì đừng có việc gì. Thật thà niệm Phật thật sự là việc khẩn yếu, những việc khác đều không cấp thiết. Thật thà đọc kinh, niệm Phật mới là việc lớn duy nhất của người giác ngộ.

Đời sống đơn giản, tu hành đơn giản, mọi thứ đều đơn giản. Có thể giảm bớt, tuyệt đối đừng tạo thêm. Ngoại duyên không liên quan đến việc dứt sanh tử thoát luân hồi, nên đoạn thì phải đoạn, vả lại còn phải kịp thời đoạn ngay tức khắc.

Biết đủ rất quan trọng, biết đủ là giàu nhất, không tranh với người, không cầu nơi đời. Người sống ở thế gian này đã đạt được cảnh giới không có mong cầu thì đây mới là người hạnh phúc nhất, người có phước báo nhất.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Thế gian nhân dân, phụ tử huynh đệ, phu phụ, thân thuộc, đương tương kính ái, vô tương tăng tật. Hữu vô tương thông, vô đắc tham tích. Ngôn sắc thường hòa, mạc tương vi lệ. Hoặc thời tâm tránh, hữu sở khuể nộ, hậu thế chuyển kịch, chí thành đại oán. Thế gian chi sự, cánh tương hoạn hại. Tuy bất lâm thời, ưng cấp tướng phá.**

*Người trong thế gian, cha con, anh em, chồng vợ, thân thuộc nên thương kính nhau, đừng nên ganh ghét nhau. Kẻ có chia sẻ cho người không, không được tham lam keo kiệt. Lời nói, vẻ mặt thường hòa nhã, đừng chống trái nhau. Hễ có tranh cãi hoặc là giận dữ, đời sau chuyển nặng, trở thành oán lớn. Sự việc ở đời toàn là hoạn hại. Tuy chưa tới ngay lập tức, nhưng phải gấp nghĩ cách phá trừ.*

Đoạn khai thị này của Thế Tôn cùng với luân thường của nhà Nho nói là hoàn toàn tương đồng. Xã hội Trung Quốc là xã hội luân lý, giáo dục luân lý là do Khổng tử đề xướng, đức lớn của Khổng phu tử chính là đề xướng giáo dục luân thường. Dân tộc Trung Hoa ba ngàn năm qua vẫn trường tồn ở lưu vực Hoàng Hà, Trường Giang mà chưa bị diệt vong, đó là nhờ vào sự giáo hóa của Khổng phu tử.

“Ngũ luân, thập nghĩa”, mỗi người chúng ta đều ở trong ngũ luân, không có ai ngoại lệ, đều có mười loại thân phận khác nhau. Ví dụ, ở trong gia đình, đối với cha thì bạn là thân phận con cái, đối với con thì bạn là vai trò người cha, đối với vợ thì bạn có vai trò là chồng, đối với anh thì bạn là thân phận người em, đối với em trai thì bạn có vai trò người anh. Trong xã hội, đối với người lãnh đạo thì bạn là thân phận bị lãnh đạo, đối với cấp dưới thì bạn có vai trò lãnh đạo. Cho nên, thân phận của mỗi người trong các góc ngách xã hội luôn luôn biến hóa. Kinh Hoa Nghiêm nói mười thân, mỗi người chúng ta đều có mười thân, mỗi loại thân phận đều có nghĩa vụ cần phải làm tròn, có thể làm trọn mười loại nghĩa vụ thì mới là tận hết bổn phận. Làm tròn hết nghĩa vụ bổn phận của mình, thì gia đình sao có thể không hòa, đất nước sao có thể không hòa, sao có thể không hưng vượng được. Mỗi người đều có thể tận bổn phận, trách nhiệm thì xã hội hài hòa, thế giới thái bình. Thúc đẩy ngũ luân từ gia đình ra đến xã hội, đến quốc gia, thúc đẩy ra thế giới thì thế giới đại đồng. Mục tiêu dạy học của nhà Nho, nhìn từ phương diện này thì hoàn toàn tương đồng.

Thế nên, ở đây Phật dạy chúng ta, trong gia tộc, gia đình thì “*cha con, anh em, vợ chồng, quyến thuộc đều phải thương kính nhau*”, phải nên tôn kính nhau, yêu thương bảo vệ nhau. “*Đừng nên ganh ghét nhau*”, không được đố kỵ nhau, giận hờn nhau, cũng không được chán ghét người khác. “*Kẻ có chia sẻ cho người không*”, có không là bao gồm đời sống vật chất lẫn tinh thần. Từ trên vật chất mà nói, một nhà đông anh chị em, nghiệp báo của mỗi người không như nhau, có người phát đạt, có người cuộc sống khá cơ hàn, người có hoàn cảnh tốt phải nên giúp đỡ chăm sóc người có hoàn cảnh kém hơn, đó là kẻ có chia sẻ cho người không. Về mặt học thuật, tài nghệ thì tư chất của mỗi người cũng không giống nhau, với người chịu học thì cũng phải tận tâm tận lực dẫn dắt họ, giúp đỡ họ. Bất luận trên phương diện vật chất hay tinh thần đều phải làm được “*kẻ có chia sẻ cho người không*”, phải thường xuyên quan tâm lo lắng, dìu dắt nhau, giúp đỡ nhau.

*“Không được tham lam, keo kiệt”*

Nhất định không được có tâm tham, không được keo kiệt, keo kiệt chính là bủn xỉn, thường gọi là ki bo. Bản thân có nhưng không chịu lấy ra để giúp đỡ người khác. Chúng ta nếu biết đạo lý “*chúng sanh là một thể*” thì hướng hồ là một gia đình, chẳng phải càng là một thể hay sao? Gia đình chính là thân thể của chúng ta, đừng cho rằng cha mẹ, anh em, chị em đều không liên quan đến mình, đó là sai lầm rồi, gia hòa vạn sự hưng.

Trong kinh Địa Tạng nói về hiếu đạo, mọi người đọc rồi thì phải giác ngộ, thế nào là hiếu? Có thể xem tất cả chúng sanh là chính mình thì mới thật sự hiểu được đạo hiếu. Hiện nay không nói chúng sanh, chỉ nói một gia đình, có thể xem người trong gia đình thành thân thể của chính mình, giống như quan tâm bản thân vậy, đó là tận đạo hiếu. Bởi vì cha mẹ không lo lắng, không có ưu tư, nhìn thấy con cháu chung sống hòa thuận, kính yêu lẫn nhau thì cha mẹ vui vẻ. Đạo hiếu không chỉ là cúng dường đời sống vật chất cho cha mẹ, mà còn phải dưỡng tâm của cha mẹ, dưỡng chí của cha mẹ. Anh em bất hòa thì cha mẹ lo lắng; con cháu không phải người hiền thì cha mẹ lo lắng; con cháu sức khỏe không tốt thì cha mẹ lo lắng; học nghiệp, sự nghiệp của con cháu không thành tựu thì cha mẹ lo lắng; gia đình của con cái bất hòa, hôm nay đòi chia tay, ngày mai đòi ly hôn thì cha mẹ lo lắng... không có việc gì không khiến cho cha mẹ lo âu cả. Nếu mọi người đều biết hiếu, khi mọi mặt

trong gia tộc đều viên mãn thì người lớn tuổi sẽ vui mừng biết bao, đây mới là hiếu kính. Nếu không có quan hệ luân thường tốt đẹp thì sẽ rất khó làm được [hiếu kính].

Thế Tôn buột lòng rát miệng khuyên nhủ chúng ta phải “*lời nói, vẻ mặt thường hòa nhã*”, bao dung lẫn nhau, phải có thể nhẫn nại. “*Đừng chống trái nhau*”, đôi bên đều có thể nhẫn nhượng thì sẽ không có chống trái. “*Hễ có tranh cãi*”, khi hai bên bất đồng ý kiến thì phải biết hòa giải. Nếu gia tộc bất hòa, người một nhà bèn biến thành oan gia, có câu “không phải oan gia thì không chạm mặt”. Làm thế nào biến oan gia thành người thân? Hoàn toàn dựa vào giáo dục luân lý, đây là sự kỳ vọng của thánh nhân thế xuất thế gian đối với chúng ta. Người một nhà nếu không hiểu đạo lý này thì là oan gia tụ hội. Những kẻ oan gia này vì sao hội tụ lại với nhau? Tiết học sau tôi sẽ nói.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 78

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Tiết học trước giảng đến, nếu một gia đình bất hòa thì đó là oan gia tụ hội. Tiết học này, chúng tôi sẽ nói họ tụ hội như thế nào. Nói cách khác, nhân duyên tụ hội của họ là gì? Trong kinh, Phật nói rằng: vợ, con, cha mẹ, quyến thuộc, nếu không có bốn loại quan hệ thì tuyệt đối sẽ không trở thành người một nhà.

Bốn loại quan hệ này là:

Thứ nhất là báo ân. Đời trước hai bên có ân, người đến báo ân thì nhất định là con hiền cháu thảo, loại này rất ít. Thử nghĩ xem chúng ta đối với tất cả chúng sanh, thậm chí là người thân, bạn bè của chính mình, chúng ta thật sự có ân được với bao nhiêu người? Chúng ta thì ân quá ít, cho nên người báo ân không nhiều.

Thứ hai là báo oán. Chúng ta đối với những người đó bất mãn, hoặc là giận dữ, đây là kết oán với chúng sanh. Nếu oán hận nhiều thì oan gia của chính mình nhiều, người báo oán đến rồi thì phiền phức lớn. Con phá của chính là kẻ đến báo oán, đến gây phiền phức, khiến cho cả nhà không được yên ổn, thậm chí nhà tan người mất.

Thứ ba là đòi nợ, thông thường gọi là quỷ đòi nợ. Con cái đòi nợ đều khiến người rất yêu mến. Họ đòi xong là đi, nếu thiếu nợ ít thì hai ba tuổi họ chết, thiếu nợ nhiều thì mười mấy, hai mươi tuổi mới ra đi. Vừa mới nuôi chúng đến tốt nghiệp đại học, lấy được học vị tiến sĩ thì chúng ra đi, món nợ này chúng đã đòi xong rồi.

Thứ tư là trả nợ. Là họ thiếu nợ bạn, phải xem thiếu bao nhiêu, nếu thiếu nhiều thì họ cúng dường đời sống vật chất cho bạn rất hậu hĩ; nếu thiếu ít, họ thấy bạn có thể sống qua ngày là được rồi, không có tâm cung kính, không có tâm hiếu thuận.

Ở thế gian này, giữa người và người đều không ngoài bốn loại duyên này: báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ. Cho nên, *“hễ có tranh cãi, hoặc là giận dữ, đời sau chuyển nặng, trở thành oán lớn”*. Những việc này làm thế nào có thể tránh khỏi? Duy chỉ có tiếp nhận giáo dục của thánh hiền, giáo dục chánh giác thì mới có thể hóa giải. Vì sao cần tiếp nhận giáo dục của thánh hiền? Vì sao cần tiếp nhận giáo



dục của Phật pháp Đại thừa? Chính là để làm thế nào biến oan gia trở thành người thân, biến quyền thuộc trở thành bạn đạo đồng tu. Thông qua giáo dục có thể hóa giải oán hận nhiều đời nhiều kiếp, đôi bên vĩnh viễn chung sống hòa thuận.

*“Hễ có tranh cãi, hoặc là giận dữ”*

Thỉnh thoảng lúc nào đó trong lòng không vui, có chút oán hận, nổi tức giận, giữa hai bên xảy ra tranh đấu, tuyệt đối đừng xem thường việc này, phải kịp thời hóa giải nó, nếu không lâu ngày dài tháng sẽ *“trở thành oán lớn, đời sau chuyển nặng”*, oan oan tương báo, chẳng có hồi kết.

Vì sao lại thành ra như vậy? Xin nêu ví dụ, ví dụ có người kiếm bạn đòi nợ, bạn thiếu họ 3 gậy, kết quả họ đánh bạn 30 gậy, bạn vốn là thiếu nợ, trong chốc lát bèn biến thành người đòi nợ, bạn có quyền đòi 27 gậy. Bạn lại có thể đòi được họ, lúc đòi thì bạn ra tay quá đáng, lại tăng thêm con số, do vậy mà oan oan tương báo không bao giờ dứt.

Người học Phật nhất định phải nhớ kỹ, bất cứ lúc nào, không được kết oán cừu với bất kỳ người nào cả, đây là người thật sự thông minh, người thật sự có trí tuệ. Đối với oan gia trái chủ phải hết sức nhẫn nhường, nhẫn cả đời thì sẽ trả hết nợ. Đừng sợ bị thiệt thòi, đừng sợ bị mắc lừa, nhẫn nhường là trí tuệ. Thiệt thòi, bị lừa là phước báo, tiêu tai, miễn nạn, diệt tội.

*“Sự việc ở đời, toàn là hoạn hại”*

Người thế gian không có trí tuệ, không rõ sự lý, rất nhiều sự việc đổi qua đổi lại, đôi bên trở thành hoạn hại của nhau. Hoạn là họa hoạn, hại là nguy hại.

*“Tuy chưa tới ngay lập tức”*

Tuy chưa lập tức biểu hiện ra ngay trước mắt, nhưng nhân quả không hề hư dối, tuyệt đối không sai chạy. Vì vậy sau khi đức Thích-ca thành Phật còn phải thị hiện quả báo bị thương và ăn lúa ngựa. Bởi vì thọ mạng của một số A-tu-la rất dài, họ nhìn thấy người tu hành đều không bị thọ báo, họ bèn nói không có nhân quả. Thế nên Phật bèn thị hiện, cho thấy nhân quả không hư dối. Kỳ thật, Phật đã là “hiều rồi nghiệp chướng vốn là không”, quả báo bị thương và ăn lúa ngựa chẳng qua là thị hiện, biểu diễn mà thôi.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Nhân tại ái dục chi trung, độc sanh độc tử, độc khứ độc lai, khổ lạc tự đương, vô hữu đại giả. Thiện ác biến hóa, truy trục sở sanh, đạo lộ bất đồng, hội kiến vô kỳ. Hà bất ư cường kiện thời, nỗ lực tu thiện, dục hà đãi hồ?**

*Con người ở trong ái dục, sanh một mình, chết một mình, một mình đến, một mình đi, khổ vui tự chịu lấy, chẳng ai thay thế cho. Thiện ác biến hóa, đuổi theo đến chỗ sanh ra, con đường khác nhau, không hẹn gặp lại. Lúc còn khỏe mạnh sao không nỗ lực tu thiện, còn muốn đợi đến lúc nào nữa?*

Đoạn kinh văn này là Phật khuyên chúng ta đoạn ác tu thiện.

*“Con người ở trong ái dục”*

Ái dục chỉ cho tình ái và tham dục. Tình ái nghĩa là sự yêu thương giữa người thân quyến thuộc, thích cái gì cũng đều là dục, muốn đạt được thứ gì cũng là dục cả. Thế nhưng bạn lại sanh một mình, chết một mình, một mình đến, một mình đi, đến đi chỉ có một mình, chẳng mang theo gì cả, cũng chẳng có người theo cùng.

Đều là *“khổ vui tự chịu lấy, chẳng ai thay thế cho”*.

Thọ khổ thọ vui đều là một mình chịu lấy, chẳng có bất kỳ người nào có thể thay thế được. Vợ con là người thân cận bạn nhất, mặc dù họ lòng như lửa đốt cũng chẳng thể chịu khổ thay cho bạn được. Vì vậy những điều mà mình đã làm, một thứ cũng không chạy thoát.

Những điều nói trên đều là chân tướng sự thật. Thời gian con người sống bên nhau rất ngắn ngủi, sau khi chết thì mỗi người có quả báo của mỗi người, đều bị nghiệp lực kéo lôi, theo nghiệp mà lưu chuyển. Cho dù gặp lại nhau trong lục đạo thì cũng chẳng nhận ra nhau. Trong lục đạo xả thân, thọ thân, thay đổi thân hình, thay đổi diện mạo thì sao có thể còn nhận ra nhau được. Nếu không có ái dục thì nhất định không có lục đạo luân hồi. Vì sao chúng ta đều thai ở trong Dục giới? Trong kinh luận, Phật đã nói rất rõ, đó là vì có ái dục. “Ái không nặng thì không sanh Ta-bà”, con người đến thế giới Ta-bà đầu thai chính là bởi vì ái dục quá nặng. “Niệm không chuyên nhất, chẳng sanh Tịnh độ”, “ái không nặng, chẳng sanh Ta-bà”, vãng sanh Tịnh độ thì phải dựa vào A-di-đà Phật, niệm Phật không xen tạp vọng niệm nào khác, nếu niệm Phật xen tạp vọng niệm thì đời này bạn không có phần nơi Tây Phương Tịnh Độ.

Đồng tu học Phật có nhiều người không hiểu rõ chân tướng sự thật, dễ sinh ra hiểu lầm. Ví dụ, người niệm Phật nếu sinh bệnh thì cho rằng trị bệnh là việc của Phật Dược Sư, mau chóng đổi sang niệm Phật Dược Sư, cầu Phật trị bệnh cho mình, tạm thời để A-di-đà Phật sang một bên. Nếu gặp tai nạn thì mau chóng niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, cầu Bồ-tát cứu khổ cứu nạn, đây cũng không phải là việc của A-di-đà Phật. Con cái sắp thi cử, nhanh chóng đi lạy Bồ-tát Văn-thù, cầu Bồ-tát phù hộ thi được thành tích tốt, đậu vào trường tốt. Họ đem chức phận của chư Phật Bồ-tát phân chia một cách rành rẽ như vậy. Cho rằng một vị Phật Bồ-tát chỉ có thể làm một sự việc, kỳ thật chẳng phải vậy. Nhất định phải hiểu rằng: một chính là tất cả, tất cả chính là một. Nếu bạn thích niệm Quán Thế Âm Bồ-tát thì hãy nhất tâm niệm Quán Âm Bồ-tát, dùng công đức ấy hồi hướng cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì cũng có thể vãng sanh. Bởi vì điều kiện vãng sanh là phải niệm chuyên nhất, bất kể bạn niệm vị Phật Bồ-tát nào thì niệm cho chuyên nhất là được.

Ở đây xin nói rõ thêm một chút. Trong kinh Phật đã nói rất rõ ràng: vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, không nhất định phải niệm A-di-đà Phật, niệm bất kỳ Phật Bồ-tát nào cũng đều có thể vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Nhưng phải nhớ kỹ một nguyên tắc là: chuyên nhất. Phải niệm đến công phu thành phiền, sự nhất tâm bất loạn, lý nhất tâm bất loạn, dùng công đức trì niệm này hồi hướng cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì được vãng sanh. Niệm đến công phu thành phiền thì vãng sanh cõi Phạm Thánh Đồng Cư, niệm đến sự nhất tâm bất loạn thì vãng sanh cõi Phương Tiện Hữu Dư, niệm đến lý nhất tâm bất loạn thì vãng sanh cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Cho nên, bất luận niệm kinh nào, bất luận niệm vị Phật Bồ-tát nào thì đều có thể vãng sanh. Thế nhưng, nếu không niệm kinh Vô Lượng Thọ hoặc kinh A-di-đà, nhất định phải phát nguyện hồi hướng thì mới có thể vãng sanh, niệm niệm mong mỏi tương lai vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đây là lời của đoạn kinh văn phía sau phần ba bậc vãng sanh, gọi là “nhất tâm tam bối”. Đó là tất cả những người tu học pháp môn Đại thừa vãng sanh Tịnh độ. Cho nên, pháp môn Tây Phương Tịnh Độ rộng lớn, không chuyên niệm A-di-đà Phật cũng có thể vãng sanh, đây là A-di-đà Phật từ bi đến cùng cực. Thế nhưng ba tâm hai ý thì không thể vãng sanh, nhất định phải niệm đến nhất tâm, phải chuyên nhất. Nhất mới là quý, nhị thì hỏng rồi, rớt vào hai ba thì công phu bị phá hoại rồi.

Vấn đề trên, lần này tôi đã nói rõ rồi, sau này đừng vướng mắc vào vấn đề này nữa. Chỉ cần nhớ kỹ hai từ “chuyên nhất” và làm theo thì chắc chắn vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Phải xem nhậ ái dục, đối với người tu hành mà nói, ái dục là chướng ngại rất lớn, chẳng những phải xem nhậ ái dục đối với hết thảy pháp của thế gian, mà đối với Phật pháp cũng không được tham đắm, đừng sinh tư tưởng ái dục trong Phật pháp thì tâm của chúng ta mới có thể được thanh tịnh. Đây là nguyên tắc tu hành, tựa đề kinh đã nói với chúng ta: thanh tịnh, bình đẳng, giác.

*“Sanh một mình, chết một mình, một mình đến, một mình đi”*

Con người ở trong lục đạo luân hồi thật sự vô cùng cô độc. Bốn chữ “một mình”, sanh cũng một mình, chết cũng một mình, đến cũng một mình, đi cũng một mình miêu tả tường tận chi tiết. Sanh, tử, đến, đi đều một mình cô đơn lẻ loi, không có một người theo bầu bạn, cho dù chết cùng lúc nhưng nơi đến không như nhau, vẫn là cô độc.

Tôi từng gặp một người thật, việc thật: người chồng mất rồi, người vợ đau lòng quá đỗi, 22 giờ sau đó người vợ cũng ra đi. Lúc đó tôi chưa học Phật, nên cảm thấy cặp vợ chồng này tình cảm thật tốt, sống bầu bạn với nhau, chết rồi vẫn bầu bạn cùng nhau. Hiện nay tôi học Phật đã hiểu rõ rồi, đừng nói cách nhau 22 giờ, cho dù ra đi cùng giây cùng phút thì cũng chẳng thể bầu bạn cùng nhau, vẫn là theo nghiệp mà lưu chuyển, phải theo đường nào thì theo đường đó.

Chúng ta phải biết rằng trừ vãng sanh thế giới Cực Lạc ra thì không ai mà không cô độc. Hễ bạn còn ở trong lục đạo luân hồi thì rốt cuộc bạn vẫn cô độc. Khi nào mới không cô độc? Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì sẽ không cô độc nữa. Bởi vì ở đó, người thân quyến thuộc, bạn bè quá nhiều quá nhiều. Cha mẹ, sư trưởng, đồng học, bạn đạo, người thân quyến thuộc đời đời kiếp kiếp quá khứ, họ niệm Phật đã vãng sanh ở Tây Phương. Khi bạn vãng sanh, họ sẽ theo A-di-đà Phật cùng đến tiếp dẫn bạn. Phạm chur thượng thiện nhân cùng A-di-đà Phật đến đón bạn đều có quan hệ với bạn, nếu không có quan hệ thì sẽ không theo Phật đến tiếp dẫn bạn.

Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, những năng lực vốn có như túc mạng, thiên nhãn v.v. nhất thời khôi phục, đều nhận ra. Hóa ra ở nơi Tịnh độ, bạn bè thân

thuộc lại nhiều như vậy, đón rước chẳng ngớt. Nếu không đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, ở trong lục đạo thì thật sự cô độc. Chư thượng thiện nhân trong Tịnh độ đó là những người đã vãng sanh trước mình. Chúng ta không thật thà, không chịu y giáo tu hành, cho nên đến nay vẫn còn luân hồi trong lục đạo. Đời này bạn vãng sanh, người thân bạn bè đã vãng sanh trước đều đến tiếp dẫn bạn, vừa gặp mặt đều nhận ra, bất luận là đời nào, cõi nào thì đều nhận ra. Do vậy chúng ta mới biết nhất định phải đến thế giới Tây Phương Cực Lạc. Nơi đó có rất nhiều người đang đợi để nghênh đón chúng ta, đến nơi đó rồi chúng ta sẽ không còn cô độc nữa.

*“Thiện ác biến hóa, đuổi theo đến chỗ sanh ra”*

Có hai cách giải thích cho “thiện ác biến hóa”.

Cách thứ nhất là giải thích của ngài Cảnh Hưng: Thiện biến hóa chính là quả báo trong đường lành; ác biến hóa là quả báo trong đường ác. Thiện ác biến hóa chính là chỉ hai loại báo ứng thiện ác.

Cách thứ hai là giải thích của Hội Sớ: “Đời này tuy là thiện quả, nhưng tạo nghiệp nhân ác thì đời sau sẽ chiêu cảm, biến thành tai ương. Đời này tuy là ác quả nhưng làm lành thì đời sau sẽ hưởng phước báo. Thiên biến vạn hóa chẳng thể nói trọn”.

Đây là nói đời này hưởng phước, đó là quả báo của việc thiện, nhưng nghiệp mà hiện nay tạo đều là việc xấu, cho nên quả báo đời sau sẽ biến thành chịu tội. Đời này đang thọ tội, nhưng việc hiện làm là thiện, đời sau sẽ biến thành hưởng phước. Thế nên thiện ác báo ứng, thiên biến vạn hóa. Tóm lại, nhân tạo ra không như nhau nên quả không như nhau. Quả thật thiên biến vạn hóa. Những quả báo thiện ác này đuổi theo đến chỗ sanh ra, bạn sanh đến đâu thì báo ứng theo đến đó, cho đến chỗ sanh về thì cũng mỗi người mỗi khác.

Chúng sanh lục đạo khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo, thiện ác biến hóa quá nhanh, quá lớn; vả lại sự biến hóa này bản thân luôn chẳng thể kiểm soát, chẳng thể phát giác. Chính bởi vì như vậy mà Phật răn dạy chúng ta: Sau khi người qua đời trong vòng tám tiếng không được đặng đến họ, chính là do đạo lý thiện ác biến hóa, đuổi theo đến chỗ sanh ra. Bây giờ là lúc nguy hiểm nhất, cũng là thời khắc then chốt nhất, bởi vì lúc này thiện ác biến hóa lớn nhất, lại do bản thân họ chẳng thể

kiểm soát được, đến đường nào trong sáu nẻo luân hồi thì phải xem ý niệm trong sát-na này.

Lúc người học Phật qua đời, tốt nhất là cách ly với người nhà quyền thuộc, bởi vì sợ họ sinh khởi tâm tham ái, sợ họ nhìn thấy người thân quyền thuộc của mình bèn sinh khởi ái luyến, thế thì phiền phức rồi. Biện pháp tốt đẹp nhất là mời đồng tu đến trợ niệm, ít nhất là 8 tiếng sau thì người thân quyền thuộc mới đến nhìn. Thế nhưng, có rất nhiều người thế gian không hiểu, cho rằng làm như vậy quá đối vô tình, khá là bài xích. Nếu người nhà và ban trợ niệm ý kiến không thống nhất thì làm thế nào? Tôn trọng ý kiến của người nhà, ban trợ niệm rút lui, tất cả tùy duyên vậy.

Trước và sau khi người qua đời, có hai việc tối kỵ nhất, nói cách khác, có hai việc không được làm nhất: Một là đưa vào bệnh viện cấp cứu, khiến họ chịu hình phạt địa ngục, thống khổ muôn phần, sinh tâm sân hận lớn. Hai là trước và sau khi trút hơi thở, vội vàng tắm rửa thay y phục, việc này quả thật hại người chẳng ít. Người làm sự việc này là oan gia trái chủ đích thực của người mất.

Có mấy người chịu tin? Nhưng đây là chân tướng sự thật. Tôi đã nói nhiều lần, lúc bấy giờ tuyệt đối không được đụng vào thân thể người mất, ngay cả giường cũng không được đụng vào. Bạn đụng rồi thì họ sẽ muôn phần thống khổ, liệu chẳng sinh tâm sân hận sao? Sinh tâm sân hận thì đến đường nào? Địa ngục. Vì sao đến đó? Do những người được gọi là con hiếu cháu hiền đưa họ đến, còn có họ hàng thân quyền tiếp tay đồng lõa, thật sự là chôn sống người ta, tạo sự nghiệt ngã.

*“Con đường khác nhau, không hẹn gặp lại”*

Sanh ly tử biệt, đau tận tâm can, không thể dùng lời diễn tả. Gặp lại nhau chẳng có hạn kỳ, vả lại cũng không nhận ra nhau, đây là nỗi khổ nhất trên đời. Thế nên người đời có việc “trong nồi nấu thịt của bà, đánh trống bằng da của mẹ”. Những quyền thuộc trước đây đều biến thành heo, bò, dê; lấy da làm trống cho người đánh, thịt trong nồi bị người nấu lên ăn, người đời đều không biết rõ. Cho nên Thế Tôn nhắc nhở chúng ta: đừng tranh những việc chẳng gấp rút đó nữa, chết rồi nếu không thể vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì đối với bản thân, đối với quyền thuộc chẳng có ý nghĩa gì. Vãng sanh là biến một bi kịch lớn thành một màn kịch vui, chẳng phải là chết, mà là sanh, chẳng phải là ái biệt ly, vĩnh biệt ly, mà là sự bắt đầu của cuộc đại đoàn viên. Có một người vãng sanh thì có thể lần lượt độ thoát người thân quyền thuộc đến thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Người thế gian không biết nỗi khổ của thế gian, không biết cái hay của thế giới Cực Lạc. Vì vậy Thế Tôn khuyên lon chúng ta:

*“Lúc còn khỏe mạnh sao không nỗ lực tu thiện, còn muốn đợi đến lúc nào nữa?”*

Vì sao các con không chịu nhân lúc còn khỏe mạnh mà nỗ lực tu thiện, còn đợi gì nữa? Thứ khó được nhất của đời người là tám thân nhân rồi đầy đủ. Đầy đủ là không có khiếm khuyết, về trí lực và thể chất đều không có khiếm khuyết, không điếc, không đui, không tàn tật, thần kinh cũng không rối loạn, lại còn có thời gian nhân hạ để tu trì. Chúng ta hiện nay đều là tám thân nhân rồi đầy đủ. “Thân người khó được, Phật pháp khó được nghe, Tịnh độ khó tin”, những cái khó này đều đã thông qua hết rồi, vậy sao không nhân lúc khỏe mạnh này mà nỗ lực tranh thủ nắm chắc lấy việc vãng sanh. Hiện nay chúng ta vẫn có hy vọng được vãng sanh, phải dựa vào lúc lâm chung thiện căn phát khởi, cộng với việc dụng công rất tốt của chính mình thì Phật mới tiếp dẫn. Phải nhân lúc còn khỏe mạnh mà tranh thủ nắm chắc việc vãng sanh, đây mới là việc gấp rút nhất. Phải biết rằng, một khi bị bệnh thì chẳng dễ đề khởi tinh thần, lúc khỏe mạnh không thể niệm thì lúc bệnh đau càng chẳng thể niệm được, đến lúc đó tâm lực không đủ. Có người nghĩ, bệnh đau đến rồi, biết là lúc khẩn cấp, thì có thể niệm. Kỳ thực không như vậy, lúc bị bệnh xác thực là khó niệm. Do vậy lúc còn khỏe mạnh hãy tăng cường năng lực của bản thân, đạt được những điều kiện mà Phật đã nói.

Nguyện thứ 18 nói: “Chí tâm tin ưa, mười niệm ắt sanh”. Bốn chữ “chí tâm tin ưa” là tin tưởng và ưa thích đạt đến mức cao tột nhất. Chúng ta có dám nói rằng mình chí tâm hay không? Làm thế nào lĩnh hội chữ “chí” này? Khổng tử là bậc đại thành chí thánh tiên sư, bậc cao tột nhất trong các thánh thì xưng là “chí thánh”. Hoàng Đế được xưng là bậc chí tôn. Vậy nên chí tâm tín nhạo chẳng thể sơ sài xem qua, làm thế nào đạt được? Chính là phải đoạn dứt nghi.

Ví dụ, ở một số nơi nào đó, một số người nào đó có thuyết nói đối nghiệp chẳng thể vãng sanh hết sức thịnh hành, đó hoàn toàn là tà thuyết. Có biết bao người đang chạy theo sau, đảm nhiệm việc cổ vũ. Vì sao vậy? Đều do chữ “nghi” này đang tác quái. Chúng ta phải thật sự tin tưởng việc đối nghiệp vãng sanh, nếu không có đối nghiệp vãng sanh thì không có pháp môn Tịnh độ. Người tin tưởng tà thuyết rất nhiều, con người luôn là rất khó sanh khởi chánh tín đối với chánh pháp. Người xưa

thường gọi việc này là: ca khúc cao siêu ít người hiểu, tiết mục tầm thường lại khen hay, tác phẩm ưu tú không người ngó.

Chúng ta muốn kiên trì gìn giữ chánh pháp trụ thế, thì phải nhân lúc khỏe mạnh mà nỗ lực tu thiện, đừng đợi thêm nữa. Còn muốn đợi đến lúc nào nữa? Lời này rất sâu sắc. Còn có một số người trẻ tuổi muốn đợi đến lúc về hưu, có thời gian rảnh rỗi thì tu cũng không muộn. Họ không biết rằng sau khi già rồi thì thể lực suy yếu, rất khó tinh tấn tu hành.

Trong kinh Niết-bàn, Phật nói với ngài Ca-diếp: “Ví như cây mía đã bị ép, bã mía chẳng còn vị gì”. Tuổi trẻ khỏe mạnh cũng giống như thế, khi bị tuổi già ép thì chẳng còn ba thứ vị: một là vị xuất gia, hai là vị đọc tụng, ba là vị tọa thiền. Sau khi con người già đi thì ví như cây mía sau khi bị ép lấy nước trong máy ép nước [mía], chất ngọt đều tiết ra rồi, còn lại chỉ là cái bã. Lúc trẻ khỏe, tinh lực đều rất đầy đủ, giống như cây mía chưa bị ép, một khi bị tuổi già ép rồi thì ba mùi vị đều không còn nữa. Người già rồi thì không thể xuất gia, dù có xuất gia thì cũng chỉ có thể làm sa-di, theo quy định của giới luật thì không được cho người già thọ giới, vì thọ giới nhưng họ không thọ trì được. Đây là vị thứ nhất: vị xuất gia. Thứ hai là vị đọc tụng: trí não để đọc sách, tụng kinh chẳng đủ lực. Sau khi người già rồi thì năng lực trí não xuống cấp tám chín mươi phần trăm. Chẳng những Phật pháp như vậy mà não của nhà khoa học cũng hoạt động tốt nhất trong giai đoạn tuổi trẻ. Người già rồi thì trước tiên trí nhớ suy kém, vẫn còn chút khả năng lý giải, nếu già hơn nữa thì năng lực lý giải cũng suy. Lại còn đọc tụng, xem sách, nghe giảng, mùi vị đó giống như cây mía đã bị ép vậy. Thứ ba là vị tọa thiền, tọa thiền thường phải sau hai giờ mới cảm nhận được tác dụng của tọa thiền, mới có thể đạt được tiến bộ. Lớn tuổi mà ngồi liên tục hai giờ thì thông thường chẳng làm nổi. Mọi người đều phải nhân lúc tuổi trẻ mà rèn luyện cho tốt, [bằng không] đến khi già rồi thì hết cách, chân tê cả rồi, không xếp bằng nổi. Người già có thời gian tu hành, nhưng ba loại pháp vị không còn nữa. May mà còn có pháp môn Tịnh độ, bất kể già trẻ đều có thể nhiếp thọ. Thế nên mọi người phải kịp thời nỗ lực, đừng lẩn lưa phí hoài.

Mời xem kinh văn tiếp theo:



**Thế nhân thiện ác tự bất năng kiến, cát hung họa phước, cạnh các tác chi. Thân ngu thần ám, chuyển thọ dư giáo, điên đảo tương tục, vô thường căn bản. Mông minh dễ đột, bất tín kinh pháp, tâm vô viễn lộ, các dục khoái ý. Mê u sân khuể, tham u tài sắc, chung bất hưu chỉ, ai tai khả thương! Tiên nhân bất thiện, bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả, thù vô quái dã. Tử sanh chi thú, thiện ác chi đạo, đô bất chi tín, vị vô hữu thị. Cánh tương chiêm thị, thả tự kiến chi, hoặc phụ khốc tử, hoặc tử khốc phụ, huynh đệ phụ phụ, cánh tương khốc khắp.**

*Người đời chẳng thể tự biết thiện ác, tranh nhau gây tạo cát hung họa phước. Thân ngu muội, tinh thần tối tăm, chuyển sang thọ giáo pháp khác, liên tục điên đảo nguồn gốc vô thường. Mù mịt tối tăm, càn rỡ ngang ngược, chẳng tin kinh pháp, tâm không lo xa, chỉ muốn khoái ý. Mê trong sân hận, tham đắm tài sắc, trọn chẳng ngừng nghĩ, ôi đáng thương thay! Người đời trước bất thiện, không biết đạo đức, không có người dạy, tuyệt đừng trách họ! Con đường sanh tử, đạo lý thiện ác đều chẳng tin tưởng, cho rằng không có. Cùng nhau nhìn lại, sẽ tự thấy được: Hoặc cha khóc con, hoặc con khóc cha, anh em vợ chồng thương khóc lẫn nhau.*

Đoạn kinh văn phía trên tương đối dài, nhưng không hề khó hiểu, xin giải thích như sau.

*“Người đời chẳng thể tự biết thiện ác”*

Người đời ngu si, không biết thế nào là thiện ác, đối với việc nhân quả báo ứng không thể sanh khởi tín tâm. Bởi vì quả báo là nhân quả ba đời, nếu không có nhân duyên đặc biệt, thiện ác đặc biệt thì báo ứng sẽ không lập tức hiện ra, phải có sức mạnh lớn thì mới có thể thay đổi túc mạng. Phật giáo nói túc mạng nhưng chẳng phải là luận về số mạng. Bởi vì người đời đối với sự việc thiện ác trước mắt chưa nhìn thấy được sự thọ báo, cho nên không tin nhân quả.

*“Tranh nhau gây tạo cát hung họa phước. Thân ngu muội, tinh thần tối tăm, chuyển sang thọ giáo pháp khác”*

Sự việc cát hung, sự việc họa phước đều nỗ lực đi làm. Thân ngu muội là dùng thân để tạo tác ác nghiệp, tinh thần tối tăm chỉ cho tâm không tin chánh đạo, chúng ta gọi là ngu si. Kẻ ngu không tin nhân quả, không tin tội phước báo ứng, chuyển

sang thọ giáo pháp khác. Giáo pháp khác chỉ cho tôn giáo khác ngoài Phật giáo, cũng chỉ cho tà thuyết của ngoại đạo. Ý nói không tin chánh pháp mà tin tà pháp.

Những người này đều do nghiệp lực chiếm thế thượng phong, vậy nên chúng ta phải nhân lúc thiện căn chiếm thế thượng phong mà nhanh chóng dụng công, cẩn thận đề phòng nghiệp lực dậy khởi. Nghiệp lực một khi dậy khởi thì việc tu hành bị gián đoạn, chuyển sang thọ giáo pháp khác, bèn sinh ra kiến giải điên đảo. Và lại kiến giải điên đảo này tiếp nối chẳng dứt, lại sinh ra sự điên đảo không cùng tận, do vậy mà vĩnh viễn chìm trong biển sanh tử. Nguyên nhân căn bản chính là thân ngu muội, tinh thần tối tăm. Thế nên sanh tử là lấy vô minh làm gốc, lấy ngu si làm gốc.

Đại sư Ấn Quang khai thị: “Phật pháp đến ngày nay, suy vi cùng cực, chúng sanh mê mờ như kẻ mù không người dẫn dắt, dẫu được một vài tri thức khai thị cho, nhưng bởi nghiệp sâu chướng nặng nên chánh trí chẳng thể khai mở. Tuy nghe chánh pháp nhưng không sanh lòng tin, dù sanh lòng tin thì cũng cạn cợt không bền, như say như mộng, trọn chẳng có kiến giải kiên định. Hễ gặp tà ma ngoại đạo thì như ruồi bâu chỗ thối, như thiêu thân lao vào lửa, kiến bu quạ đậu, đông đến ngàn muôn”.

*“Mù mịt tối tăm, càn rỡ ngang ngược”*

“Mù mịt” là nhìn không thấy, “tối tăm” là vô tri, mù mịt tối tăm biểu đạt sự vô tri tăm tối mê mờ. “Càn rỡ” là chống đối, “ngang ngược” là xung đột. Pháp sư Nghĩa Tịch giải thích rằng: “Chẳng hiểu biết gì, dụng việc là làm trái, như đưa trẻ đi đêm, như chó dại chạy quàng, không điều gì không làm”. Một người vô tri làm sự việc gì thì cũng như đưa trẻ trong đêm không nhìn rõ đường mà chạy loạn xạ, lại như chó dại chạy quàng, chẳng có việc gì mà họ không dám làm cả. Họ không tin kinh pháp, giảng kinh cho họ thì họ cũng không hiểu, lại còn chống đối thánh giáo của Phật Bồ-tát, chẳng những không tiếp nhận mà còn làm ngược lại.

*“Tâm không lo xa, chỉ muốn khoái ý”*, trong tâm không hề suy nghĩ đến sự việc của tương lai và đời sau, chỉ mưu cầu khoái lạc tự tại trước mắt.

*“Mê trong sân hận, tham đắm tài sắc, trọn chẳng ngừng nghỉ, ôi đáng thương thay!”* Do trong tâm sân hận đã khiến bản thân mê mờ, tham đắm tài sắc, tâm tham sân si chưa từng ngừng nghỉ, thật là bi ai đáng thương.

*“Người đời trước bất thiện, không biết đạo đức, không có người dạy, tuyệt  
đừng trách họ”*

Tổ tiên của những người này không biết đạo đức, cũng không có người nói cho họ biết, cho nên thế hệ sau mới ra thế này, chẳng thể trách họ được. Đây là nói lúc ban đầu chưa gặp được sự dẫn dắt của thiện tri thức chân chánh, nên làm ra rất nhiều việc ác thì có thể tha thứ. Nghĩa là khi chúng ta chưa gặp được chánh pháp, đã tạo tác rất nhiều tội nghiệp, thậm chí là hủy báng Phật pháp, việc này có thể tha thứ, bởi vì chẳng phải do bản thân cố ý làm ra. Cho dù cố ý làm ra thì cũng là do vô tri, đối với chân tướng của Phật pháp chưa thể hiểu rõ mà ra, nên có thể thông cảm, đừng trách móc họ.

*“Con đường sanh tử, đạo lý thiện ác đều chẳng tin tưởng, cho rằng không có”,* sự việc sanh tử, thiện ác, nhân quả họ đều không tin tưởng. Với lời Phật nói thì trong lòng họ chống đối, cho rằng chẳng phải như vậy.

*“Cùng nhau nhìn lại, sẽ tự thấy được: Hoặc cha khóc con, hoặc con khóc cha, anh em, vợ chồng thương khóc lẫn nhau”,* những việc này xảy ra xung quanh chúng ta, chúng ta đã trải qua, hoặc đang trải qua, hoặc sẽ trải qua, ai nào có thể thoát được. Chỉ cần lưu ý, nhìn cho kỹ thì sẽ thấy những người xung quanh hoặc là cha khóc con, hoặc là con khóc cha, người này khóc người kia, người kia khóc người này, lục đạo luân hồi chính là như vậy, bạn khổ vẫn chưa đủ sao? Bạn vẫn chưa muốn thoát ra sao?

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 79

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Nhất tử nhất sanh, diệt tương cố luyện, ưu ái kết phược, vô hữu giải thời. Tư tưởng ân hảo, bất ly tình dục. Bất năng thâm tư thực kế, chuyên tinh hành đạo, niên thọ toàn tận, vô khả nại hà! Hoặc đạo giả chúng, ngộ đạo giả thiểu.**

*Kẻ sống người chết, quyến luyện lẫn nhau, sâu thương trói buộc, không có lúc thoát khỏi. Xét đến sự ân ái, yêu thương đều không là tình dục. Chẳng thể suy cùng xét kỹ, tinh chuyên hành đạo, tuổi thọ thoáng chốc là hết, biết làm sao đây! Kẻ mê hoặc nơi đạo thì nhiều, người ngộ đạo ít.*

*“Kẻ sống người chết, quyến luyện lẫn nhau, sâu thương trói buộc, không có lúc thoát khỏi”*

Người còn kẻ mất bịn rịn quyến luyện nhau, khó lòng dứt được. Người sắp chết đau khổ vì chính mình sắp lìa khỏi cuộc đời, không biết sẽ phải đi về đâu. Người còn sống đau xót vì phải vĩnh biệt người thân, đau lòng vì không còn gặp lại nhau. Lưu luyện khó xả, ái biệt ly khổ, đau như dao cắt vào tim, sự ân ái trước đây đều trở thành nỗi thống khổ, thân tâm bị lo lắng và yêu thương trói buộc, chẳng có lúc nào thoát ra.

Đại Thừa Nghĩa Chương nói: “Phiền não, ám hoặc trói buộc hành nhân nên gọi là “trói”; lại ràng buộc cái tâm nên gọi là “trói”, vì nó kết tập hết thấy sanh tử”. “Trói” có hai phương diện hàm nghĩa: Một là trói buộc, ràng buộc tâm của hành giả; hai là sự lo lắng và yêu thương đem sanh tử kết tập lại.

*“Xét đến sự ân ái, yêu thương đều không là tình dục”*

Đôi bên nhớ nghĩ đến nhau, tình cảm rất tốt, đó là không là tình dục. Người phương Tây ca ngợi ái tình, kỳ thật ái tình chẳng hề có chút thần thánh, tình còn tốt một chút, chứ dục và động vật thì đều giống nhau. Con người vì sao không yêu một vị hiền giả lớn tuổi mà lại yêu một chàng trai hay cô gái trẻ trung xinh đẹp? Đây chính là dục, chẳng có lý trí, cũng không có sự tôn trọng. Đều là nói yêu đối

phương, nhưng kỳ thật là vì thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Ân ái, yêu thương đều là do tình và dục. Đối với người tu đạo mà nói, tình là nhân của đọa lạc, “thuần là tướng thì bay lên, thuần là tình thì rớt xuống”. Kẻ đầu thai đến cõi người là do tình và tướng mỗi thứ chiếm một nửa. Tướng thì lìa khỏi tình rồi, bèn có thể siêu vượt không gian, có thể lên trời, có thể sanh đến thế giới Cực Lạc, nếu cao hơn nữa thì có thể lập tức thành tựu.

*“Chẳng thể suy cùng xét kỹ, tình chuyên hành đạo”*

Chớp mắt vô thường chợt đến, hồi hận chẳng kịp nữa.

*“Kẻ mê hoặc nơi đạo thì nhiều, người ngộ đạo ít”*

Đối với sự việc nói trên đều không thể nhìn ra, đó là do mê hoặc đối với đạo. Ý nghĩa của đạo rất sâu. Quý thần trọng đức, không trọng đạo, bởi vì không hiểu thế nào là đạo, người có đức thì trăm thần phò hộ. Thiên sư Ngưu Đầu trước khi khai ngộ thì có trăm chim ngậm hoa đến, khi vượn dâng trái cây. Sau khi ngài khai ngộ thì chúng đều không đến nữa, bởi vì quý thần chẳng thể suy xét. Cho nên người ở trong tình dục đối với đạo chỉ có mê hoặc.

Thế Tôn nói với chúng ta “thân người khó được”. Có được thân người là điều đáng quý, có giá trị nhất, vì trong lục đạo chỉ có cõi người là dễ dàng tu hành, năm cõi còn lại rất khó tu hành.

Thế Tôn cảm thán rằng thân người đáng quý, cho nên tất cả Bồ-tát thị hiện thành Phật đều ở cõi người. Thế Tôn cũng ở cõi người mà thị hiện thành Phật. Điều này nói rõ sự thù thắng của thân người, có được thân người chẳng dễ. “Thân người khó được”, chúng ta đã có được thân người; “Phật pháp khó được nghe”, chúng ta cũng đã nghe được Phật pháp, nhân duyên thù thắng này cực kỳ hy hữu. Hiện nay trên thế giới có hơn 7 tỉ người, thử hỏi trong đây có bao nhiêu người nghe được Phật pháp? Căn cứ theo báo cáo có liên quan, toàn thế giới có 5 tỉ người tín ngưỡng tôn giáo, trong đó có 700 triệu người tín ngưỡng Phật giáo. 7 tỉ, 5 tỉ, 700 triệu thật sự là hơn kém rất xa. Trong số người nghe được Phật pháp lại có bao nhiêu người nghe được chánh pháp, trong đó lại có bao nhiêu người nghe được pháp môn Tịnh độ niệm Phật? Cứ như vậy mà loại trừ từng tầng một, từ chỗ này chúng ta đã lĩnh hội được ý nghĩa chân thật của “Phật pháp khó được nghe” hay chưa?

Đại sư Thiện Đạo nói: “Nhu Lai sở dĩ xuất hiện ở đời, chỉ để nói bốn nguyện rộng lớn như biển của đức Di-đà”. Bốn nguyện rộng lớn như biển của đức Di-đà chính là bộ kinh Vô Lượng Thọ này, bộ kinh này từ đầu đến cuối đều nói đến bốn nguyện của đức Di-đà. Vậy nên bộ kinh này là chánh thuyết của Nhu Lai, là chân truyền duy nhất của Nhu Lai, báu vật chân truyền của chư Phật, hiếm có khó gặp.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Các hoài sát độc, ác khí minh minh, vi vọng hưng sự, vi nghịch thiên địa, tứ ý tội cực, đôn đoạt kỳ thọ, hạ nhập ác đạo, vô hữu xuất kỳ.**

*Ai nấy ôm lòng giết hại, tàn độc, ác khí tối tăm, vọng làm điều quấy, trái nghịch thiên địa, mặc tình phóng túng, tạo tội cùng cực, tuổi thọ chợt bị đoạt mất, đọa vào ác đạo, chẳng có ngày ra.*

*“Ai nấy ôm lòng giết hại, tàn độc”*

Chúng sanh lục đạo do mê hoặc mà mỗi người ôm lòng tôn người lợi mình. Do tham dục, sân hận, ngu si, đố kỵ mà tạo ra những tội nghiệp cực trọng: giết, trộm, dâm, dối. Hãy quan sát kỹ, thế gian này thật sự là một bãi thảm sát lớn. Trong tâm của mỗi người đều có độc do sát nghiệp, đó chính là tâm sân, tâm sân là nghiệp nhân của địa ngục. Con người ở trong sân hận thì chẳng có chút tâm từ bi, người tự nhiên có thể tỉnh ngộ rất ít.

“Tối tăm” chỉ cho sự u ám, ở đây tỉ dụ cho vô tri. Ôm lòng giết hại tàn độc, ác khí hùng hực, từ tối vào tối, cho nên gọi là “ác khí tối tăm”.

*“Vọng làm điều quấy”*

“Vọng” là vọng tưởng, chỉ cho ba độc phiền não. “Làm điều quấy” là tạo tác, mỗi ngày khởi vọng tưởng, tạo tác tội nghiệp.

*“Trái nghịch thiên địa, mặc tình phóng túng tạo tội cùng cực, tuổi thọ chợt bị đoạt mất, đọa vào ác đạo, chẳng có ngày ra”*

Năm câu này là nói về kết cục, quả báo của tội nghiệp đã tạo do ngu si, mê hoặc, điên đảo. Những gì họ nghĩ, họ làm đều trái nghịch thiên địa.

Thế nào là thiên địa? Khi Phật giảng giải về Tam giới đã nói với chúng ta: người trời Sắc giới ngoài tu tứ thiên bát định ra còn phải tu tứ vô lượng tâm. Từ

đó cho thấy, thiên địa mà trong kinh Phật nói chính là “thập thiện”, “tứ vô lượng tâm”, chính là tâm của trời, đó là đức của người trời. Nếu nói theo ý nghĩa của kinh điển thì đức của thiên địa chính là hiếu kính. Kinh Địa Tạng Bồ-tát Bản Nguyên nói về hiếu, hiếu tâm, hiếu hạnh. Mức độ sâu rộng về sự và lý của nó bao trùm hư không pháp giới.

Gia Tường Sớ giải thích rằng: “Trên chẳng thuận lòng trời, dưới nghịch ý của Diêm-la vương”. Việc sát sanh hại mạng, mặc tình tạo ác như vậy, một khi thói ác đầy tràn thì lập tức báo ứng, thọ mạng của họ đột nhiên bị đoạt mất. Nói tóm lại, chính là do ngu si mà khởi tâm sân, dẫn khởi đủ mọi ác duyên, duyên xấu. Nghiệp lực xấu bèn sinh ra tội báo, kẻ ấy ắt mặc tình làm ác, lúc thói ác đầy tràn thì chớp mắt đoạt lấy thọ mạng của họ. “Đọa vào ác đạo chẳng có ngày ra”, một phen mạng hết liền vào ba đường ác, muốn ra khỏi cũng chẳng có ngày thoát.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Nhược tào đương thực tư kế, viễn ly chúng ác, trạch kỳ thiện giả, cần nhi hành chi. Ái dục vinh hoa, bất khả thường bảo, giai đương biệt ly, vô khả lạc giả. Đương cần tinh tấn, sanh An Lạc quốc, trí tuệ minh đạt, công đức thù thắng. Vật đắc tùy tâm sở dục, khuy phụ kinh giới, tại nhân hậu dã.**

*Các người hãy nên suy nghĩ chín chắn, xa lìa các ác, chọn lấy điều thiện, siêng năng thực hành. Ái dục, vinh hoa không thể giữ được mãi, đều sẽ xa lìa, chẳng thể vui được. Phải nên siêng năng tinh tấn, cầu sanh về cõi An Lạc, trí tuệ sáng suốt thông đạt, công đức thù thắng. Đừng chạy theo dục vọng của tâm mà phụ kinh bỏ giới, rớt lại sau người khác.*

*“Các người hãy nên suy nghĩ chín chắn, xa lìa các ác”*

Đây là lời Phật khuyên lơn chúng ta. “Các người” nghĩa là mọi người các người. Phật nói với mọi người, các người hãy suy nghĩ kỹ càng, đừng phớt lờ xem thường: đều phải xa lìa tất cả ác.

*“Chọn lấy điều thiện, siêng năng thực hành”*

Trước tiên phải biết những gì là thiện. Niệm Phật, hoằng pháp là điều thiện bậc nhất, phải nỗ lực mà làm.

*“Ái dục, vinh hoa không thể giữ được mãi”*

Những thứ bản thân yêu thích, sự an lạc, vinh hoa phú quý mà bản thân hưởng thụ đều không thể thường gìn giữ được. ‘

*“Đều sẽ xa lìa, chẳng thể vui được”*

Tất cả mọi thứ trên thế gian đều hư huyễn, vô thường, đều sẽ phân ly, chẳng có gì vui cả. “Chẳng thể vui được” là lời đại trí tuệ của Phật. Những thứ mà chúng sanh vui thích đều là nhân của khổ, thế nên ắt sanh quả khổ. Người đời xem được là vui, coi mất là khổ, đâu biết rằng được là cái nhân của mất mát, có rồi ắt sẽ mất đi; cho sanh là vui, cho diệt là khổ, đâu biết rằng sanh là cái nhân của hoại diệt, có sanh ắt có diệt, chẳng thể vui được. Thịnh rồi ắt có suy, ái dục chẳng thể giữ được mãi, tụ rồi sẽ tan. Những điều này chẳng phải đều là chân tướng sự thật đó sao?

*“Phải nên siêng năng tinh tấn, cầu sanh về cõi An Lạc”*

Ở đây Phật chân thành khuyên bảo chúng ta phải nên siêng năng nỗ lực, phải tinh tấn cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Chỉ có vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ thì mới thật sự vĩnh viễn đạt được an ổn, thật sự đạt được niềm vui. Ngoài thế giới Cực Lạc ra, chẳng có nơi nào an lạc. Phật khuyên lơn chúng ta phải nên siêng năng nỗ lực để tiến bộ trong chánh pháp, cầu sanh nước Cực Lạc. Ở đây trên thực tế là Phật đang khuyên chúng ta, sau khi sanh đến cõi nước An Lạc thì đạt được trí tuệ sáng suốt thông đạt, đây là sự việc quan trọng khẩn cấp nhất, chứ không phải là đi hưởng thụ. Ở thế giới này có rất nhiều người có thể cần cù khổ nhọc tu hành, có chánh tín, trì giới tu hành, nhưng người thật sự có thể sanh trí tuệ thì lại rất ít ỏi. Cho nên phải siêng năng tinh tấn.

*“Trí tuệ sáng suốt thông đạt, công đức thù thắng”*

“Sáng suốt” là minh tâm kiến tánh, “thông đạt” là nhận được tâm, đạt được gốc. Người có thể vãng sanh đều có thể khai ngộ, thông đạt, sáng tỏ, thấu triệt, công đức thù thắng. Công đức vãng sanh và công đức đến thế giới Cực Lạc nghe kinh nghe pháp, được Phật gia bị đều thập phần thù thắng.

*“Đừng chạy theo dục vọng của tâm mà phụ kinh bỏ giới, rút lại sau người khác”*

Lỗi lầm của rất nhiều người tu hành chính là ở chỗ này, đối với lời Phật nói không nhận thức đàng hoàng, mà lại dựa theo cách nghĩ của chính mình, sau khi suy nghĩ thì cho rằng việc này có thể làm, đây chính là dục vọng, sau đó đi làm. Đây



chính là tình huống trong kinh Lăng-nghiêm: Phật quở ngài A-nan nhận giặc làm con. A-nan đã chứng Sơ quả, có thể tụng thuộc mười hai bộ kinh điển của ba tạng, gặp phải nàng Ma-đăng-già nữ, suýt nữa là phá giới. A-nan vì sao như vậy? Phật khai thị cho ngài, vì ngài không hiểu rõ gốc rễ của sanh tử. Gốc rễ của sanh tử chính là nhận thức được rằng tâm của bạn nó chẳng phải là bạn, mà là kẻ địch của bạn. Vậy nên kinh Tứ Thập Nhị Chương nói: “Cẩn trọng chớ tin vào ý các ông, ý của các ông chẳng thể tin”. Tuyệt đối phải thận trọng, chớ tin vào cách nghĩ của bạn, phải thường xuyên từ trong kinh Phật rút ra một vài điều để đánh đổ cái tâm ấy của bạn. Cho nên kinh Niết-bàn nói: “Thường làm thầy của tâm, chớ để tâm làm thầy mình”. Bạn nên làm thầy của tâm mình, chứ đừng để tâm mình làm thầy mình, đừng để nó ra lệnh. Để tâm làm thầy mình là sai lầm lớn của người tu hành. Vọng tâm là gốc rễ của sanh tử, để vọng tâm làm thầy mình thì chính là nhận giặc làm con, ví như đem kẻ gián điệp do người khác phái đến cho làm tổng tư lệnh. Tu hành như vậy chẳng khác nào nấu cát thành cơm, vĩnh viễn không thể thành công. Thế nên đừng theo dục vọng của tâm, phải luôn luôn nhắc nhở bản thân nhận ra vọng tâm ấy, vạch rõ giới hạn đối với nó, dùng chánh tri chánh kiến mà xoay chuyển nó, đây là tiến bộ lớn của người tu hành. Bằng không thì sẽ phụ kinh bỏ giới, cô phụ kinh giáo.

Lão pháp sư răn dạy chúng ta: Thế giới Tây Phương Cực Lạc người khác có thể đi, chúng ta vì sao chẳng thể đi? Người khác có thể tinh chuyên hành đạo, chúng ta vì sao rút lại phía sau người? Là do chúng ta không có năng lực làm được câu “tinh chuyên hành đạo”. Chúng ta phải nhớ kỹ: không được cô phụ lời dạy và sự kỳ vọng của Thế Tôn và A-di-đà Phật đối với chúng ta, nhất định phải nghiêm túc nỗ lực, quyết chí cầu sanh Tịnh độ.

Trọng điểm của kinh văn phẩm thứ 33, kinh văn phẩm thứ 33 có 13 trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: Người thế gian hiện nay cùng tranh nhau điều gì? Thế nào là việc không cấp bách? Hãy nêu ví dụ của chính mình hoặc của người khác để nói rõ.

Trọng điểm thứ hai: Bạn hiểu từ “kịch” và “cực” trong “kịch ác cực khổ” như thế nào? Hãy nói về cảm nhận mà mình đích thân trải nghiệm.

Trọng điểm thứ ba: Thế giới ngày nay loạn đến cùng cực, đây là điều chưa từng có trong lịch sử nhân loại từ trước đến nay, vì sao ra nông nổi này? Do cộng nghiệp chiêu cảm. Thế nào là cộng nghiệp? Đại nạn là do cộng nghiệp chiêu cảm, tai nạn đều bởi lòng người bất thiện. Đối mặt với hiện trạng xã hội như vậy, chúng ta có thể làm được chút gì đây? Sự sinh tồn của nhân loại cần sự hòa hợp, khó khăn đến đâu cũng phải dũng mãnh tiến lên, con đường Lục hòa không có điểm kết thúc, phải từng đời từng đời mà tiếp nối, dũng mãnh gánh vác việc hoàng hộ chánh pháp.

Trọng điểm thứ tư: Thế nào là hạnh phúc chân thật? Làm thế nào mới có thể đạt được hạnh phúc thật sự, không có ưu tư, không có vương mắc, không có việc lo lắng. Đời sống đơn giản, tu hành đơn giản, mọi thứ đều phải đơn giản, đơn giản bớt đi. Ngoại duyên không liên quan đến việc dứt sanh tử thoát luân hồi, nên đoạn thì phải đoạn, kịp thời đoạn ngay tức khắc thì tốt.

Trọng điểm thứ năm: Bạn nhận thức về ngũ luân, thập nghĩa như thế nào? Bạn đã làm trọn nghĩa vụ chưa? Đối với cha mẹ, đối với anh chị em, đối với người thân quyến thuộc bạn đã tận nghĩa vụ chưa? Hãy nêu vài ví dụ để nói rõ.

Trọng điểm thứ sáu: Ở trong kinh Phật nói rằng vợ chồng, con cái, cha mẹ, người thân quyến thuộc có bốn loại quan hệ, nếu không có bốn loại quan hệ này thì không thể trở thành người một nhà. Bạn biết đó là bốn loại quan hệ nào không? Hãy nói về cảm nhận của bạn.

Trọng điểm thứ bảy: Thích-ca Mâu-ni Phật về sau vì sao phải thị hiện quả báo bị thương và ăn lúa ngựa? Bạn có biết câu chuyện này không? Bạn hãy tra cứu và kể cho người khác nghe.

Trọng điểm thứ tám: Sanh một mình, chết một mình, một mình đến, một mình đi. Bốn chữ “một mình” này đối với bạn có gợi mở và ảnh hưởng gì? Làm thế nào có thể giải quyết vấn đề này?

Trọng điểm thứ chín: Hãy nói về hai cách giải thích cho việc “thiện ác biến hóa”. Bạn đối với hai loại giải thích này có nhận thức thế nào?

Trọng điểm thứ mười: Người học Phật lúc vãng sanh phải chú ý điều gì? Làm thế nào mới giúp đỡ người vãng sanh một cách chân thật nhất?

Trọng điểm thứ mười một: Bạn có công nhận lý niệm đời nghiệp vãng sanh hay không? Có thể nêu ra ví dụ thực tế để chứng minh cho lý niệm này không?

Trọng điểm thứ mười hai: “Giáo pháp khác” chỉ cho điều gì? Đối với câu “chúng sanh mê mờ như kẻ mù không người dẫn dắt” trong đoạn khai thị của đại sư Ấn Quang, bản thân bạn có lĩnh hội như thế nào?

Trọng điểm thứ mười ba: Đối chiếu niềm vui của thế giới Tây Phương Cực Lạc với nỗi khổ của thế giới Ta-bà, bạn đã có sự lựa chọn chưa? Hãy thận trọng lựa chọn, đừng xem là trò đùa, việc này chẳng thể đùa được đâu. Một niệm không đúng tạo thành sai lầm lớn, muôn kiếp chẳng có ngày ngoi đầu.

### **TÂM ĐẮC KHAI MINH ĐỆ TAM THẬP TỨ**

Phẩm kinh văn này là Bồ-tát Di-lặc thay cho chúng ta tiếp nhận lời khai thị của Thế Tôn, ngài cũng nêu ra tâm đắc từ việc nghe kinh. Những lời trong kinh nói đều là tình hình chân thật trong đời sống thường ngày, nếu Phật không nói toạc ra cho chúng ta thì trong cuộc sống thường ngày chúng ta sẽ mê hoặc điên đảo, rất khó phát giác những chân tướng sự thật này. Ngài Di-lặc nghe Phật khai thị xong thì tâm khai ý giải.

Mời xem kinh văn bên dưới:

**Di-lặc bạch ngôn: Phật ngữ giáo giới, thậm thâm thậm thiện, giai môn từ ân, giải thoát ưu khổ. Phật vi Pháp vương, tôn siêu quần thánh, quang minh triệt chiếu, đồng đạt vô cực, phổ vi nhất thiết thiên nhân chi sư. Kim đắc tri Phật, phục văn Vô Lượng Thọ thanh, my bất hoan hỷ, tâm đắc khai minh.**

*Di-lặc bạch rằng: Lời Phật răn dạy rất sâu rất khéo, chúng con đều nhờ ơn đức từ bi mà giải thoát ưu khổ. Phật là đáng Pháp vương tôn quý siêu việt trong hàng thánh, quang minh chiếu cùng tột, thấu suốt vô cực, là bậc thầy của khắp cả trời người. Nay được gặp Phật, lại được nghe âm thanh của đức Vô Lượng Thọ, không ai không hoan hỷ, tâm được mở sáng.*

Đoạn này là Phật dạy chúng ta phương pháp lìa khổ, phải lĩnh hội được ý nghĩa thâm sâu trong lời dạy từ bi của đức Phật. Từ đoạn cảm nhận này của Bồ-tát Di-lặc chúng ta có thể nhìn thấy rất rõ phạm vi lời răn dạy của Phật vô cùng rộng lớn. Tam học là giới học, định học, tuệ học. Tiếp nhận lời răn dạy của Phật thì đều

được bao hàm ở trong giới học. Giới không hẳn mang nghĩa hẹp là năm giới, tám giới, mười giới, giới Bồ-tát, giới tỳ-kheo, không giới hạn trong luật nghi giới, mà hết thảy mọi lời dạy bảo của Thế Tôn đều là giáo giới. Việc này chúng ta phải hiểu rõ, phải tuân thủ. Nhất là chư tổ sư đời sau thường xuyên khuyến khích chúng ta “trì giới, niệm Phật”. Cảnh giác chúng ta nghiêm trì giới luật, giới luật bao gồm tất cả giáo giới của Phật, chúng ta đều phải nghiêm túc tuân thủ, đây là ý nghĩa sâu xa của việc thủ pháp, phạm vi này lớn, chẳng hạn cuộc trong vài điều của luật nghi giới.

*“Rất sâu rất khéo”*

Sâu là chỉ cho lý, khéo là chỉ cho phương pháp. Lý sâu vô cùng, phương pháp rất xảo diệu, tu hành chủ yếu là để tâm được khai sáng. Phẩm phía trước, ngài Di-lặc nghe lời khuyến dụ sách tấn của Phật, phẩm này ngài muốn báo cáo với Phật tình hình sau khi ngài học pháp. Vậy nên ngài Di-lặc bạch rằng:

*“Lời Phật răn dạy rất sâu rất khéo”*

Răn dạy là dạy dỗ, khuyên răn, có nghĩa ngăn cấm và ước thúc. Lời Phật nói đều khế hợp đệ nhất nghĩa đế, cho nên là rất sâu; lại có thể khiến người đoạn ác tu thiện, cho nên là rất khéo. Biểu hiện cụ thể ở việc:

*“Chúng con đều nhờ ơn đức từ bi mà giải thoát ưu khổ”*

Hai câu kinh văn này cảnh giới vô cùng sâu rộng. Tất cả đại chúng dự hội đều nhận được ân huệ của đức từ phụ đại bi, đều từ trong ưu khổ mà đạt được giải thoát triệt để.

*“Phật là đấng Pháp vương”*

Phật là vua của các pháp, trong kinh Pháp Hoa, Phật tự nói rằng: “Ta là Pháp vương, tự tại nơi pháp”. Phật không hề có chút ngã mạn, ở đây là trực khởi, trực dụng. Người tự tại nơi pháp thì không bị tất các pháp hạn chế, ước thúc, quấy nhiễu, phiền não, đây mới là tự tại. Chẳng phải là địa vị cao mà là giác ngộ cao. Thiên tông nói rằng “chẳng bị một pháp nào làm dao động”, nếu bị một pháp nào làm dao động thì đối với pháp này chẳng tự tại, đã bị trói chặt rồi.

*“Tôn quý siêu việt trong hàng thánh”*

“Thánh” chỉ cho Bồ-tát Thập địa. Thông thường chúng ta gọi Tam hiền, Thập thánh. Tam hiền là Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hương. Bồ-tát Thập địa được gọi

là Thập thánh, cộng với Đẳng giác Bồ-tát thì chính là thập nhất địa, xưng là Đại thánh. Phật siêu vượt hơn Bồ-tát Thập địa và Đẳng giác Bồ-tát.

*“Tôn quý siêu việt trong hàng thánh, quang minh chiếu cùng tột, thấu suốt vô cực”*

Tiểu thừa từ Sơ quả trở lên được xưng là thánh nhân, Đại thừa từ Sơ địa trở lên được xưng là thánh nhân. Phật là bậc đạo sư của chín cõi, vượt hơn hết thầy thánh nhân khác, là tôn quý nhất trong hàng thánh. Quang minh, trí tuệ của Phật chiếu cùng tột tất cả. Tịnh Ảnh Sớ giải thích: Quang minh chiếu cùng tột là hiểu rõ thông đạt lý “không”, không có giới hạn. Phật là đấng Pháp vương, tôn quý siêu việt trong hàng thánh, tự chứng chính là đã cùng tận rồi.

*“Quang minh chiếu cùng tột, thấu suốt vô cực”*

Biểu thị cho bi nguyện và diệu dụng độ sanh không có ngăn mé, không có cùng tận. “Quang minh chiếu cùng tột” biểu thị cho lấy đại trí làm thể, “thấu suốt vô cực” biểu thị cho từ thể khởi dụng, bi trí gồm đủ, độ khắp tất cả chúng sanh mà không có giới hạn, cho nên “là bậc thầy của khắp cả trời người”.

Bậc thầy của trời người là một trong mười hiệu của Phật. Trên trời, dưới trời duy chỉ đức Phật là tôn quý nhất, đi khắp mười phương, làm đại đạo sư. Người hiện nay thường chẳng thể tin, lúc thì học khí công, lúc thì học Đạo giáo, thật ra thần minh mà những tôn giáo khác thờ cúng đều xem Phật làm thầy. Khi Phật giáng sinh, một tay chỉ trời, một tay chỉ đất mà nói: “Trên trời dưới trời, duy chỉ Ta là tôn quý nhất”. Tổ sư Vân Môn của Thiên tông nói: “Nếu lúc đó tôi có mặt thì sẽ đánh thái tử một gậy cho chết, rồi đem cho chó ăn”. Tổ sư nói như vậy là nhắm vào sự lĩnh hội của phàm phu đối với hai câu này mà nói. Phàm phu xem Phật là bậc tôn quý ở trên địa vị, ở trên thần thông, ở trên học vấn, cho nên đáng đánh một gậy cho chết. Bản ý của Phật chẳng phải như vậy, Phật là bậc giác ngộ tôn quý nhất. Bởi vì “chỉ Ta là tôn quý nhất”, cho nên ngài là bậc thầy của khắp cả trời người.

*“Nay được gặp Phật, lại được nghe âm thanh của đức Vô Lượng Thọ”*

“Gặp” nghĩa là gặp được. Hiện nay chúng ta có thể gặp được Phật, lại còn có thể nghe đến lời dạy của Phật Vô Lượng Thọ. Kinh Pháp Hoa nói: Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở đời, đại sự nhân duyên này chính là khai thị [chúng sanh] ngộ nhập tri kiến Phật. Đại sư Thiện Đạo lại nói: “Như Lai sở dĩ xuất hiện ở

đời, chỉ để nói bồn nguyện rộng như biển của đức Di-đà”. Cho nên nói, bồn nguyện của Di-đà chính là đại sự nhân duyên, chính là khai thị [chúng sanh] ngộ nhập tri kiến Phật. Đại sư Ngẫu Ích nói: Câu Phật hiệu này chính là sở chứng của Thích-ca Mâu-ni Phật truyền thọ cho chúng sanh. Vậy nên người nghe được những lời dạy này thì:

*“Không ai không hoan hỷ, tâm được mở sáng”*

Không có người nào không hoan hỷ, đều là tâm khai ý giải. Đây chính là Phật đang diễn từ biện, truyền trao pháp nhãn, đem pháp nhãn truyền cho mỗi một người. Bởi vì chúng sanh không có năng lực biết được sự thù thắng của pháp môn Tịnh độ, chỉ có nghe được lời dạy của Phật thì mới có thể tin tưởng, mới có thể hiểu rõ. “Tâm được mở sáng” chính là bản thân đã có được pháp nhãn.

Thế nên, tu hành thì phải đoạn trừ kiến giải của phàm phu cho sạch sẽ. Có người hỏi đại sư Liên Trì: Tịnh độ và Thiền tông làm thế nào để dung thông? Ngài Liên Trì nói: “Nếu muốn dung thông thì là hai thứ rồi”. Chúng vốn là không hai, nhưng kiến giải của người thông đạt và phàm phu tuyệt nhiên chẳng tương đồng. Phàm phu thì thứ nào cũng là hai, thông đạt rồi thì mọi thứ đều chẳng phải hai, chúng ta hồng chính là hồng ở trên cái hai này.

Tiếp theo, tôi vẫn muốn nói dông dài với các đồng tu một chút. Chủ yếu nói về ba cái khó. Trước đó đã nói qua rồi, nhưng tôi vẫn muốn nói lại một lần nữa, biết đâu thêm nhiều người nghe hiểu thì tôi nói cũng không uổng công.

Cái khó thứ nhất: Được thân người là khó. Trong kinh Phật thường nói: “Thân người khó được, Phật pháp khó được nghe”. Mọi người hãy chú ý chữ “thường” này, thường nói, chẳng phải là nói một lần, hai lần mà là nói nhiều lần. Vì sao nói nhiều lần? Vì quan trọng. Phật nhiều lần nói lời này, đó chẳng phải là lời tán gẫu sau bữa cơm, bữa trà. Chúng ta rất không dễ dàng có được thân người, nhưng mất thân người rất dễ. Do đó Phật dạy chúng ta phải trân quý thân người. Trong lục đạo chỉ có cõi người là dễ giác ngộ nhất, vậy nên thân người đáng quý. Đáng quý ở đâu? Quý ở dễ dàng giác ngộ. Đây là cái khó thứ nhất.

Cái khó thứ hai: Khó được nghe Phật pháp. “Nay được gặp Phật”, chính là gặp được Phật rồi, đây là sự việc đáng vui mừng biết bao. Nghe pháp khó, cửa ải này chúng ta cũng đã phá được rồi. Phật pháp khó được nghe, nay đã nghe, việc này

hy hữu biết bao, may mắn biết bao! Pháp môn Tịnh độ thù thắng đệ nhất trong Phật pháp chúng ta cũng may mắn được nghe rồi, và lại còn đang nghiêm túc tu học, tin sâu rằng một đời này chắc chắn thành tựu, liệu còn có việc nào may mắn hơn nữa không? Không có. Đây là cái khó thứ hai.

Cái khó thứ ba: Khó nghe được danh hiệu A-di-đà Phật. Bồ-tát Di-lặc nói: “Lại nghe âm thanh của đức Vô Lượng Thọ”, đây là việc rất khó thứ ba. “Nghe” này là thật sự giác ngộ, ngộ ra rằng duy chỉ có pháp môn niệm Phật là đảm bảo một đời viên mãn thành Phật, không phải là một việc dễ dàng. Lão pháp sư nói: Người biết đến danh hiệu rất nhiều, nhưng người biết đến công đức chân thật của câu Phật hiệu này không nhiều. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư nói: “Trong vạn ức người chỉ một hai người biết”. “Biết” là biết được công đức của danh hiệu, người biết được công đức của bộ kinh Vô Lượng Thọ này quá ít.

Ba việc khó lớn lao này Bồ-tát Di-lặc và đại chúng dự hội đều đã đột phá rồi, cho nên vui mừng vô hạn, “không ai không hoan hỷ, tâm được khai sáng”. “Khai” là chỉ cho tâm trước đây bị đóng bít, hiện nay đột nhiên khai mở, vui mừng biết bao. “Sáng” là sự ô nhiễm trong tâm địa ngày nay đều được tẩy rửa sạch sẽ, tâm địa chân thật sáng rõ rồi.

Những lời này của Bồ-tát Di-lặc đại biểu cho sự tâm đắc của đại chúng dự hội lúc bấy giờ nghe Thích-ca Mâu-ni Phật giảng kinh, cũng là cảm nhận của đại chúng nghe kinh khi đó. Chúng ta xét lại bản thân một chút, bạn có cảm nhận như vậy không, có loại thọ dụng như vậy không? Đã học Phật mấy mươi năm rồi, trong ba cái khó này, chúng ta đã đột phá được mấy cái rồi? Thọ dụng của bạn đâu? Thành quả của bạn đâu?

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 80

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Phật cáo Di-lặc, kính ư Phật giả, thị vi đại thiện. Thật đương niệm Phật, tiệt đoạn hồ nghi, bạt chư ái dục, đỗ chúng ác nguyên. Du bộ tam giới, vô sở quái ngại, khai thị chánh đạo, độ vị độ giả. Nhược tào đương tri, thập phương nhân dân, vãng kiếp dĩ lai, triển chuyển ngũ đạo, ưu khổ bất tuyệt. Sanh thời khổ thống, lão diệc khổ thống, bệnh cực khổ thống, tử cực khổ thống, ác xú bất tịnh, vô khả lạc giả. Nghi tự quyết đoạn, tẩy trừ tâm cấu, ngôn hành trung tín, biểu lý tương ưng.**

*Phật bảo Di-lặc: Kính Phật là đại thiện, thật phải nên niệm Phật, cắt đứt hồ nghi, nhổ trừ ái dục, lấp các nguồn ác. Đạo chơi Tam giới chẳng hề ngăn ngại, khai thị chánh đạo, độ người chưa được độ. Các ông nên biết, nhân dân mười phương nhiều kiếp đến nay xoay vần trong năm đường, sâu khổ không dứt. Lúc sanh ra đau khổ, già cũng đau khổ, bệnh rất đau khổ, chết cực đau khổ. Xấu ác, hôi thối, bất tịnh, không có gì vui. Nên tự quyết cắt đứt, tẩy trừ cấu nhơ trong tâm, nói năng hành động trung tín, trong ngoài tương ưng.*

Đoạn kinh văn này là sau khi Bồ-tát Di-lặc báo cáo tâm đắc về việc nghe kinh của mình, Phật càng thêm tán thán ngài, trong lời tán thán còn có sự dạy bảo thiết tha.

Phật bảo ngài Di-lặc: “*Có thể cung kính Phật đó là đại thiện, thật sự phải niệm Phật*”. Bốn câu này rất quan trọng, đặc biệt phải chú ý chữ “kính”. Tịnh Ảnh Sớ giải thích: “Cung kính gánh vác Phật ân thì gọi là kính Phật”. Gánh vác nghĩa là đảm đương, tiếp nhận. Bạn có thể đảm đương, tiếp nhận, hiểu rõ lời dạy của Phật thì mới là kính Phật, nếu chỉ là sự cung kính trên hình thức thì không đủ. Phải gánh vác sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh, xem đó là sự nghiệp của chính mình, làm người nối nghiệp của Phật, đây mới thật sự là kính Phật, thế nên đây là đại thiện, chứ chẳng phải thiện tương đối. Bởi vì Phật đã huân tu trong vạn kiếp mới ngộ nhập tri kiến Phật, Phật dùng sự giác ngộ trên quả địa của ngài để làm tâm ban đầu trên nhân địa



của chúng ta, vậy nên chúng ta mới có thể không trải qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp mà nhanh chóng ngộ nhập Phật trí, một đời thành tựu. Vãng sanh Cực Lạc chính là ngay thân này mà thành Phật.

Lời dạy của Phật đều là văn tự bát-nhã, chúng ta trước hết phải từ văn tự mà khởi quán chiếu, vô trụ sanh tâm rất khó quán chiếu, nhưng có thể từ “như mộng huyễn bọt bóng” mà hạ thủ. Sự việc đến rồi, mừng giận, sầu thương đều như mộng, như bọt, như bóng, có thể làm được như vậy thì chính là người linh hoạt quyền biến. Sau khi quán chiếu thâm nhập rồi thì có thể chứng nhập thật tướng bát-nhã, đây gọi là “cung kính gánh vác Phật ân”. Nhất thừa nguyện hải, sáu chữ hồng danh chính là ân đức tối thượng trong Phật ân, cho nên chúng ta phải báo đền ân đức này mà phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật, sanh ngang qua bốn cõi, viên mãn lên địa vị Bất Thoái, đây mới là thật sự kính Phật.

Bên trên là khai thị của Hoàng Niệm lão về việc kính Phật.

Tiếp theo là phần khai thị có liên quan đến việc kính Phật của lão pháp sư:

Thiện của thế gian, thiện của xuất thế gian, thiện nào là lớn nhất, chân thật nhất? Kính Phật. Chúng ta có kính Phật không? Chúng ta trên hình thức bề ngoài là kính Phật, nhưng trên thực tế thì tuyệt chẳng hề để Phật ở trong tâm. Nếu thật sự có Phật ở trong tâm thì theo lẽ thường đã nhanh chóng thành Phật rồi. Bởi vì tâm là Phật, Phật là tâm, thì có lý nào mà không thành Phật? Thích-ca Mâu-ni Phật trong 49 năm đã buốt lòng rất miệng dạy dỗ chúng ta điều gì? Nói toạc ra chính là hai chữ mà thôi: một là chữ Hiếu, hai là chữ Kính. Có thể hiếu thân, có thể tôn sư thì Phật pháp bèn viên mãn. Chân thành hiếu kính ở trong tâm tự nhiên biểu hiện ra dáng vẻ bên ngoài. Nếu trong tâm chúng ta có một vọng niệm thì bất kính rồi. Phật dạy chúng ta tu tâm thanh tịnh, trong tâm còn có vọng niệm thì đó là bất kính, không kính Phật chính là bất hiếu. Tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chân thành, tâm cung kính đều là hiếu kính. Chúng ta đối nhân, xử thế, tiếp vật đều không tuân thủ theo lời Phật dạy thì đó là đại bất kính. Phật dạy chúng ta dưỡng tâm, dưỡng thân, phải thanh tịnh; đối nhân xử thế tiếp vật thì phải từ bi. Chúng ta đã làm được mấy phần rồi?

Nhìn từ đây thì mới hiểu được ý nghĩa chân thật của hai câu nói này, mới biết được kính Phật là đại thiện chân thật. Người tôn kính Phật thì đối với mỗi lời Phật nói đều lĩnh hội sâu sắc, sẽ nghiêm túc làm được. Đối với lý và sự, thật sự giác ngộ rồi thì mới biết rằng thật sự phải làm được. Phàm phu rất khó làm được hiểu

kính. Pháp thân Đại sĩ mà trong kinh Đại thừa nói, Bồ-tát của Viên giáo từ Sơ trụ trở lên, sự hiểu kính của họ mới là chân thật.

Phàm phu sáu cõi có thể hết lòng hết dạ trong 24 giờ niệm niệm không quên câu Phật hiệu này thì đó là hiểu kính, thông thường còn gọi là “thật thà niệm Phật”. Bồ-tát Đại Thế Chí dạy chúng ta “nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”, đây chính là thật thà. Một ngày từ sáng đến tối trừ câu Phật hiệu này ra, tuyệt chẳng có một vọng niệm nào thì đó là tôn kính đối với Phật. Nếu còn khởi vọng tưởng thì làm gì có ý cung kính! Kính Phật thì chắc chắn sẽ y giáo phụng hành.

Lão pháp sư thường xuyên khuyên nhủ chúng ta: Sự thành tựu về học nghiệp, đạo nghiệp của một người ở thế gian then chốt là ở nơi Thầy. Có thể gặp được một thiện tri thức chân chánh, vị thầy tốt chân chánh thì cơ hội thành công sẽ rất lớn. Nếu không gặp được một thiện tri thức chân chánh, đời này muốn thành tựu thì rất khó. Người thế nào là thiện tri thức chân chánh? Người mà trong lòng mình ngưỡng mộ nhất, tôn kính nhất, người như vậy chính là thiện tri thức chân chánh của chính mình. Bởi vì bạn tôn trọng họ, bội phục họ, nên lời họ nói bạn mới có thể hoàn toàn tiếp nhận, hoàn toàn làm theo, đây chính là đạo lý để thành công. Nếu chẳng phải là người mà tâm mình ngưỡng mộ, dù học vấn, đạo đức của họ có cao đến đâu, cho dù cổ Phật tái lai thì cũng không thể độ được bạn, trong cửa Phật thường gọi việc này là “Phật không độ người không có duyên”. Cho nên, thân cận thiện tri thức, đừng chỉ nhìn vào danh tiếng của họ, mức độ nổi tiếng rất cao chẳng có ích lợi gì cả. Nếu không phải là người trong lòng mình thật sự ngưỡng mộ nhất thì bạn không cần thân cận họ, bởi vì bạn sẽ không đạt được lợi ích chân thật, mà lãng phí tinh lực, lãng phí thời gian, quá đáng tiếc.

Lão Pháp sư một đời gặp được ba vị thầy, đều là người mà trong lòng ngài ngưỡng mộ. Ngài học triết học với tiên sinh Phương Đông Mỹ, học Phật với đại sư Chương Gia và thầy Lý Bình Nam. Bởi vì ngưỡng mộ, bội phục thầy nên thứ chân thật của ba vị thầy, lão pháp sư đều học trọn cả.

Chúng ta lại xem cổ thánh tiên hiền, mỗi một người thành tựu thì đều có sư thừa. Trong Lục Tổ Đàn Kinh, thiền sư Huyền Sách nói: “Nếu không thầy mà tự thông, từ thời Phật Uy Âm Vương trở về trước thì được; còn từ thời Phật Uy Âm Vương về sau, kẻ không thầy mà tự thông thì toàn là ngoại đạo thuần túy”. Từ thời Phật Uy Âm Vương về sau, không có sư thừa thì chắc chắn không thể thành tựu. Uy

Âm Vương rốt cuộc là Phật của thời nào vậy? Là vị cổ Phật trong kiếp lâu xa về trước, chẳng thể tính nổi số năm. Ý nghĩa chân thật của câu này chính là nói với mọi người rằng: chúng ta cầu học, cầu đạo nhất định phải có sư thừa. Thế nào là sư thừa tốt nhất? Tiêu chuẩn của mỗi người không như nhau. Trong đó chỉ có một tiêu chuẩn không thay đổi, đó chính là người mà trong lòng mình ngưỡng mộ, chỉ có lời họ nói bạn mới chắc chắn không lược bỏ bớt, làm theo 100%. Đây chính là thiện tri thức của bạn, chính là người thầy tốt của bạn, học theo họ là đúng rồi.

Pháp thế xuất thế gian quý ở tại một chữ “kính”, có sự kính ngưỡng chân thành thì mới y giáo phụng hành được, đây là “đại thiện”. Đương nhiên, Bồ-tát Di-lặc cùng mọi người có mặt không giống như chúng ta, các ngài đối với đức Phật xác thật có sự kính ngưỡng, thật sự nghe lời. Cho nên ở đây Phật mới khai thị thêm rằng: “Thật phải niệm Phật”.

Người viên mãn đầy đủ hiểu kính thì Phật sẽ ban cho họ đại pháp viên mãn nhất, chân thật nhất, chính là khuyên họ niệm Phật. Pháp môn niệm Phật là pháp đệ nhất mà Như Lai tuyên nói. Bộ kinh này là kinh đệ nhất mà chư Phật Như Lai đã nói, việc này chúng ta nhất định phải biết.

Đối với việc kính Phật, gần đây tôi đọc được hai đoạn khai thị cực kỳ đặc sắc của đại sư Ấn Quang, xin trích ra đây để cùng nhau thưởng thức:

“Trọng yếu của việc tu hành, kính là đệ nhất. Nếu người có thể kiên thành cung kính thì hết thảy phàm tình chẳng do đâu mà khởi, thánh trí vốn có tự nhiên hiển lộ, phàm tất cả việc nhân ngã thị phi, vô minh, cống cao, cho đến lười nhác, giải đãi, những tập khí ủy mị dây dưa thảy đều tiêu diệt hết. Huống hồ đối trước Tam bảo cung kính, bóc trần tội lỗi trước đây, thì cái tâm tầm quý sợ hãi, cái niệm mong làm thánh làm hiền, như đói như khát tự nhiên nảy sinh. Trên ngưỡng mộ các bậc thánh, dưới tôn trọng tánh linh của mình, đau đáu nghĩ rằng ta cùng chư Phật đồng một tâm tánh, vì sao các ngài đã viên chứng ba bậc giác ngộ, còn ta vì sao cứ mãi luân hồi trong sáu cõi? Từ đây mà sửa xưa tu nay, bỏ mê trở về ngộ. Ví như bảo châu ma-ni rớt vào hầm xí, trực tiếp nhặt lên, tẩy rửa nhiều lần khiến cho sạch sẽ trở lại, đợi đến khi thuần sạch thì treo nó ở trên tràng cao, ắt có thể tùy ý tuôn ra châu báu.”

“Phải xem tượng Phật như là Phật thật, không được xem như đất, gỗ, đồng, sắt. Kinh điển là thầy của ba đời chư Phật, là xá lợi pháp thân của Như Lai, cũng

phải xem như Phật thật, không được xem như giấy mực mà thôi. Lúc đối trước kinh, tượng thì phải như tôi trung thờ thánh chúa, hiểu tử đọc di ngôn, nếu có thể như vậy thì không nghiệp chướng nào chẳng tiêu trừ, không phước huệ nào chẳng đầy đủ. Hiện nay giới sĩ đại phu học Phật nhiều, nhưng đại khái đều là đọc lời văn, giải nghĩa văn, lấy đó để ăn nói, để hồng được cái danh là bậc thông gia mà thôi. Còn như người cung kính chí thành, y giáo tu trì thật sự khó được mấy người! Tôi thường nói: muốn được lợi ích thật sự từ Phật pháp thì phải từ sự cung kính mà cầu, có một phần cung kính thì tiêu một phần tội nghiệp, tăng một phần phước huệ; có mười phần cung kính thì tiêu mười phần tội nghiệp, tăng mười phần phước huệ. Nếu chẳng cung kính mà còn đến nỗi khinh nhờn thì tội nghiệp ngày càng tăng, phước huệ ngày càng giảm. Thương thay! Nếu gặp bạn tri giao, hãy đem ý này mà dặn đi dặn lại cho họ biết thì không có pháp thí nào lớn hơn nữa vậy.”

Đọc phần khai thị về việc kính Phật của ba vị lão nhân: Hoàng Niệm lão, lão pháp sư và đại sư Ấn Quang, tâm linh tôi bị chấn động và ăn năn cực lớn, quả thật là Phật Phật đạo đồng. Ba vị lão nhân gia khai thị cùng một vấn đề, tuy mỗi vị dùng cách nói khác nhau, nhưng ý nghĩa biểu đạt lại khiến người chấn động như nhau. Đây có phải là sự trùng hợp ngẫu nhiên không? Không phải. Đây chính là Phật Phật đạo đồng. Tự tánh là như nhau, thứ từ trong tự tánh lưu xuất ra thì tự nhiên cũng đều như nhau.

Đối chiếu lời khai thị về kính Phật của ba vị lão nhân gia, tôi đang nghĩ đến một vấn đề như sau: Mỗi đồng tu học Phật chúng ta liệu có nên xét lại bản thân từ đầu một chút hay không? Bạn đã học Phật như thế nào? Hãy hỏi bản thân vài vấn đề xem. Bạn đã tin Phật chưa? Bạn đã kính Phật chưa? Bạn đã học Phật chưa? Bạn đã học giống chưa?

Nói về cảm nhận của bản thân tôi. Nếu có người nói tôi không kính Phật thì tôi chắc chắn sẽ không phục. Sao tôi không kính Phật cho được? Nếu không kính Phật thì sao tôi có thể tin Phật, học Phật? Tôi còn có thể đem ví dụ thực tế cụ thể mà mình tự hào để chứng minh cho việc tôi kính Phật. Ví dụ thực tế nào vậy? Đó là năm 2013, trước khi cánh tay của tôi bị thương, buổi sáng từ hai giờ đến sáu giờ tôi đã lạy liên tục bốn tiếng, kiên trì trong nhiều năm, vì sao tôi xem điều này là vẻ vang vậy? Bởi vì khi làm việc này thì có mức độ khó khăn, chẳng phải là lạy năm ba ngày, chẳng phải là lạy năm ba tháng mà là kiên trì trong nhiều năm. Còn nhớ khi

đó chị gái sống ở nhà tôi, nhìn thấy mồ hôi của tôi nhỏ giọt từ tóc xuống, chị ấy đã xót tôi, khuyên tôi mỗi ngày lay 2 tiếng thôi. Tôi nói với chị: Em không mệt, càng lay thì càng nhẹ nhõm. Sáng sớm lay 4 tiếng xong thì cả ngày thân thể nhẹ nhõm giống như không có thể trọng vậy. Hiện nay tôi có thể cùng các đồng tu nhẹ nhàng đi nhiều Phật, đây chính là công phu được rèn luyện từ những năm tháng đó. Ngoài việc lay ra thì đi bộ cũng là một phương pháp tốt để rèn luyện thân thể. Từ năm 1984 tôi được điều đến làm việc tại chính phủ tỉnh, mãi cho đến năm 2000, do bệnh mà về nhà dưỡng bệnh, trong 16 năm tôi chưa từng một lần ngồi xe, đi làm và về nhà toàn là đi bộ, xuân hạ thu đông, chẳng quản gió mưa, mỗi ngày đi bộ 100 phút.

Lý do thứ hai mà tôi cho rằng tôi kính Phật là: nhà tôi có thờ Phật, tôi thờ Phật rất là nghiêm túc. Phật đường nhà tôi là do tôi lập nên, tuy khá đơn giản nhưng chính tề sạch sẽ trang nghiêm. Mỗi ngày thắp hương, thay nước, bày đồ cúng, lễ bái, đây chẳng phải đều là kính Phật đó sao?

Hôm nay đọc đến đoạn khai thị về kính Phật của ba vị lão nhân, tôi bất chợt hiểu ra: kính Phật chân thật là ở nơi tâm, không ở trên hình thức; nhưng chẳng phải nói hoàn toàn không cần đến hình thức, hình thức cần có thì vẫn phải có, không được từ cực đoan này nhảy sang cực đoan khác. Chúng ta hiện nay xử lý một số vấn đề luôn luôn là cực đoan, chẳng phải thế này, thì là thế nọ. Từ quan điểm của cá nhân tôi mà nói, tôi cảm thấy kính Phật thật sự là phải y giáo phụng hành. Làm thế nào y giáo phụng hành? Tâm đồng với Phật, đức đồng với Phật, nguyện đồng với Phật, hạnh đồng với Phật.

Dưới đây sẽ nói tiếp về:

*“Cắt đứt hồ nghi”.*

Có hai ý nghĩa: một là không được hồ nghi, thật thà niệm Phật; hai là niệm Phật có thể trừ nghi. Đại sư Đạo Xước trong An Lạc Tập nói: “Nếu có thể thường tu niệm Phật tam-muội, bất luận hiện tại, quá khứ, vị lai, hết thảy các chương đều trừ được cả!” Vậy nên niệm Phật có thể trừ nghi.

*“Nhỏ trừ ái dục”*

Các loại ái dục đều phải đem chúng nhỏ sạch, bởi vì ái dục là thứ mà người thế gian tham luyến nhất, ái dục là nhân của khổ.

*“Lấp các nguồn ác”*

“Lấp” nghĩa là ngăn bít, ngăn chặn các nguồn chảy của hết thủy nghiệp ác, không làm nghiệp ác thì đã lấp hết nguồn ác. Hội Sớ nói: Trong các phiên nào, sân hận là nặng nhất, bởi vì sân hận là nghiệp nhân của địa ngục, vô minh cũng là nguồn ác. Đối với những thứ này Phật đã đoạn sạch, chẳng hề sót lọt. Cho nên, “lấp các nguồn ác” có thể được giải thích từ trên hai góc độ. Một là từ góc độ của chúng sanh: chúng ta không được tạo ác nghiệp. Hai là từ góc độ của Phật: Phật đều chẳng còn những thứ này. Hai cách này xin hãy kết hợp lại mà xem xét.

*“Đạo chơi Tam giới chẳng hề ngăn ngại”*

Đạo chơi ở Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới, những Bồ-tát này ở trong Tam giới đều là du hý, vả lại còn tùy ý tu tập, thủy đều viên mãn. Vậy nên, chẳng hề ngăn ngại, tùy duyên độ thoát, giáo hóa vô biên chúng sanh.

*“Khai thị chánh đạo, độ người chưa được độ”*

Tuyên nói Nhất thừa nguyện hải, sáu chữ hồng danh, những chân đế như “tâm này là Phật, tâm này làm Phật” để độ những người chưa được độ.

Các ông nên biết, nhân dân mười phương nhiều kiếp đến nay xoay vần trong năm đường, ưu sầu và thống khổ đều không có lúc dừng lại. Sanh lão bệnh tử đều là cực kỳ đau khổ, lại còn thuần là đau khổ, không có gì vui.

*“Xấu ác, hôi thối, bất tịnh”*

Trong Đại Trí Độ Luận nói: thân thể của con người có năm loại bất tịnh: Một là chủng tử bất tịnh, do tinh cha huyết mẹ kết hợp mà thành. Hai là chỗ gá nương bất tịnh, trụ ở bào thai, ở dưới sanh tạng và trên thực tạng. Ba là toàn thân bất tịnh, bên ngoài là một lớp da, bên trong toàn là máu mủ phân tiểu, toàn thân bất tịnh. Bốn là hình hài bất tịnh, ngoại hình thì có chín lỗ, quanh năm rỉ chảy những thứ bất tịnh. Năm là rớt ráo bất tịnh. Nói tóm lại là toàn bộ đều bất tịnh, cho nên “chẳng thể vui nổi”.

*“Nên tự quyết cắt đứt, tẩy trừ cấu nhơ trong tâm”*

Bản thân phải hạ quyết tâm, chém đứt nguồn ác, nguồn ác chính là cấu nhơ tham, sân, si trong tâm.

*“Nói năng hành động trung tín, trong ngoài tương ưng”*

Sách Tiên Chú nói: “Làm đúng như lời nói, lời nói đúng với việc làm thì gọi là trung tín”. Điều nói ra chính là việc đã làm, việc đã làm chính như lời đã nói thì đây gọi là trung tín. “Ngoài” là biểu hiện, “trong” là nội tâm, tâm và miệng tương ứng, trong ngoài như nhau. Tâm và lời nói đều không trái nghịch nhau thì gọi là “trong ngoài tương ứng”.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Nhân năng tự độ, chuyển tương chứng tế, chí tâm cầu nguyện, tích lũy thiện bản, tuy nhất thể tinh tấn cần khổ, tu du gian nhĩ. Hậu sanh Vô Lượng Thọ quốc, khoái lạc vô cực, vĩnh bất sanh tử chi bản, vô phục khổ não chi hoạn, thọ thiên vạn kiếp, tự tại tùy ý.**

*Người đã có thể tự độ, lại còn cứu giúp người khác, chí tâm cầu nguyện, tích lũy gốc thiện, tuy một đời tinh tấn cần khổ, chỉ như khoảnh khắc mà thôi. Sau được sanh về cõi Vô Lượng Thọ, an vui vô cùng, vĩnh viễn nhờ được gốc sanh tử, không còn nạn khổ não, thọ ngàn vạn kiếp, tự tại tùy ý.*

Bốn câu đầu của đoạn kinh văn này:

*“Người đã có thể tự độ, lại còn cứu giúp người khác, chí tâm cầu nguyện, tích lũy gốc thiện”*

Phật dạy chúng ta đạt được lợi ích chân thật từ lời dạy của thầy thì nhất định phải phát tâm giúp đỡ người khác. Nếu nhiều người trong xã hội đều tiếp nhận giáo dục của đức Phật thì xã hội tự nhiên hài hòa, thế giới tự nhiên hòa bình an định, mỗi người chúng ta đều trải qua ngày tháng tốt đẹp. Cho nên chẳng phải chỉ một mình ta thiện thôi là được, mà phải giúp tất cả mọi người đoạn ác tu thiện, đây là nghĩa vụ mà mỗi đệ tử Phật đều phải làm tròn.

*“Người đã có thể tự độ, lại còn cứu giúp người khác, chí tâm cầu nguyện”*

Chính mình có thể cứu độ bản thân thì mới có thể cứu độ lẫn nhau, dùng tâm chí thành để đạt được nguyện vọng mong cầu. Chỉ cần thật sự có nguyện này, thật sự chịu trách nhiệm với bản thân thì sẽ có hành động thật sự, tự nhiên mỗi ngày buông xuống nhiều hơn, những tật xấu chưa sửa đổi được tự nhiên có thể sửa đổi, sự tu trì chưa làm được dần dần đều có thể làm được. Thông qua tu trì có thể chứng thực được lợi ích và điều tốt đẹp mà trong kinh Phật đã nói. Chẳng phải chết rồi mới

có thể chứng minh, mà mỗi ngày đều có chứng minh, không cần hỏi người khác, chính mình biết rõ nhất.

*“Tích lũy gốc thiện, tuy một đời tinh tấn cần khổ, chỉ như khoảnh khắc mà thôi. Sau được sanh về cõi Vô Lượng Thọ, an vui vô cùng”*

Gốc của thiện chính là phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm. Trong một đời này không có hưởng thụ, hưởng lạc, rất cần mẫn, chịu khổ, tinh tấn mà làm. Nhưng quãng thời gian này rất ngắn ngủi, đời sau này sanh về cõi nước Cực Lạc thì an vui vô cùng. Là tất cả khổ, được pháp lạc lớn. “Vĩnh viễn nhờ được gốc sanh tử”, gốc của sanh tử vĩnh viễn nhờ trừ rồi, sau này không còn ưu bi khổ não, thọ ngàn vạn kiếp, tự tại tùy ý.

Hiện nay rất nhiều người học Phật vẫn còn rất lưu luyến đối với thế giới Ta-bà, bởi vì người thân quyến thuộc ân ái sâu nặng, khó xả tình thân, tuy tu học pháp môn Tịnh độ niệm Phật, biết thế giới Tây Phương Cực Lạc là tốt, nhưng do quyến luyến tình thân nên vẫn không nguyện vãng sanh. Buông không đành, xả không nổi, đây là mê hoặc điên đảo. Theo kinh nghiệm và quan sát của bản thân tôi thì có hai cửa ải khó qua nhất: Một là cửa ải tình thân, hai là cửa ải bệnh khổ.

Nói về cửa ải bệnh khổ thì luôn là tình huống như sau: lúc bị bệnh đau giày vò, đau khổ không chịu nổi thì một lòng cầu chết, cầu A-di-đà Phật mau đến tiếp dẫn; khi bệnh đau vừa ngớt một chút thì lại cầu được sống. Như vậy hết lần này đến lần khác, chịu thêm bao nhiêu là tội, cuộc sống chẳng có chất lượng như vậy, ngoài việc chịu tội ra thì vẫn là chịu tội, còn gì đáng để lưu luyến đâu? Cầu sống cầu không được, cầu vãng sanh lại không chân thành, kết quả là chẳng giữ được sanh mạng, huệ mạng cũng mất luôn.

Lại nói đến cửa ải tình thân, trong kinh Phật đã nói rất rõ ràng, đến lúc sắp mạng chung, không vãng sanh thế giới Cực Lạc, một hơi thở ra chẳng trở vào thì đi luân hồi trong lục đạo, thay hình đổi dạng, đôi bên gặp mặt cũng không nhận ra nhau. Nhân đây mới biết ân ái chẳng phải chân thật, không có cách nào giữ được, duy chỉ có vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì người thân quyến thuộc trong nhiều đời nhiều kiếp bất luận đọa trong đường nào đều nhìn thấy được, đều nghe thấy được, đều biết được tình hình đời sống trước mắt. Vậy nên, nếu thật sự ái luyến người thân quyến thuộc của mình thì chỉ có một phương pháp là mau chóng đến thế giới Cực Lạc, bạn bè có năng lực độ hóa họ cũng đến thế giới Cực



Lạc. Bằng không luân hồi trong lục đạo thì chính là sanh tử một mình, đến đi một mình.

Thế giới ngày nay thật sự là một thế giới bi thảm, đã bi thảm đến cùng cực rồi. Hiện nay trong cửa Phật còn có thể nhìn thấy đồng tu bước vào Phật đường đều có tâm rất lương thiện, nhìn thấy Phật Bồ-tát, nhìn thấy pháp sư còn biết cung kính đánh lễ, còn những nơi khác trong xã hội thì rất khó nhìn thấy việc này. Đời này chúng ta nhất định phải cầu sanh thế giới Cực Lạc.

Sau khi chính mình nắm chắc phần vãng sanh thì toàn tâm toàn lực đem pháp môn niệm Phật giới thiệu phổ biến cho mọi người, đây là trên đền ơn Phật, dưới cứu ba đường khổ. Ngoài việc này ra, chúng ta không có cách nào để báo ân Phật, chỉ có tuyên dương, giới thiệu phổ biến pháp môn này, chỉ có phương pháp này mới có thể báo ân Phật trong muôn một.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Nghi các tinh tấn, cầu tâm sở nguyện, vô đắc nghi hối, tự vi quá cũu, sanh bỉ biên địa, thất bảo thành trung, ư ngũ bá tuế, thọ chư ách dã. Di-lặc bạch ngôn: “Thọ Phật minh hối, chuyên tinh tu học, như giáo phụng hành, bất cảm hữu nghi”.**

*Ai nấy hãy nên tinh tấn, mong cầu đạt được tâm nguyện, chớ nên nghi hối, tự tạo thành tai họa, sanh nơi biên địa cõi đó, ở trong thành bảy báu, chịu các tai ách, trong năm trăm năm. Di-lặc bạch rằng: “Chúng con xin vâng lời dạy bảo rõ ràng của Phật, tinh chuyên tu học, y giáo phụng hành, không dám có lòng nghi ngờ”.*

Thế Tôn khuyên răn mọi người thành kính chuyên tu Tịnh nghiệp, mong cầu đạt được việc hằng mong muốn trong tâm, không được nghi hối mà tự sanh ra tai họa, đó chính là tự chuốc vạ vào mình. Nếu như nghi hoặc thì sẽ sanh đến nghi thành nơi biên địa, ở trong cung điện bảy báu 500 năm không thể thấy Phật, nghe pháp. “Tai ách” là chỉ cho 500 năm hoa sen không nở, không thể đến mười phương cúng Phật, nghe pháp.

*Di-lặc bạch rằng: “Chúng con xin vâng lời dạy bảo rõ ràng của Phật, tinh chuyên tu học”*

Bồ-tát Di-lặc nói vâng lời dạy bảo rõ ràng của Phật, biểu thị sự tiếp nhận lời khuyên xả bỏ nghi ngờ, chuyên nhất tinh tấn tu hành học đạo.

*“Y giáo phụng hành”*

Bốn chữ này quan trọng nhất, là mấu chốt của việc chúng ta tu học có thành công hay không. Phải theo lời dạy của Phật mà làm, đừng dựa vào ý thức của bản thân mà làm, đừng đặt ý kiến của bản thân ở trước thiện tri thức, thậm chí là trước Phật. Việc này giống như một số người nào đó cho rằng kinh nào đó là giả, câu kinh này cần phải thay đổi v.v.

*“Không dám có lòng nghi ngờ”*

Đây chính là kính ngưỡng, tin tưởng, đối với lời Phật nói không dám hoài nghi. Người chẳng thể tin nhất là chính mình, nếu bản thân cứ mãi có cách nghĩ, khái niệm, kiến giải thì sẽ khó học Phật. Trong tâm khởi nghi ngờ thì làm thế nào? Việc này cần phải kính ngưỡng, tin tưởng. Từ sự kính ngưỡng, tin tưởng mà bắt đầu làm thì dần dần sẽ hiểu rõ. Lúc mới đầu thì không được tin vào [ý của] chính mình, về sau dần dần sẽ không còn bản thân nữa.

Tôi đã giảng xong phẩm kinh văn này rồi. Tiếp theo xin tổng kết trọng điểm một chút.

Trọng điểm của kinh văn phẩm 34, phẩm kinh văn này có 9 trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: chúng ta tu hành là vì điều gì? Vì sao Bồ-tát Di-lặc nói: “Lời Phật răn dạy rất sâu rất khéo?” Biểu hiện cụ thể ở chỗ nào vậy? Chúng ta tu hành là vì tâm được khai sáng, giống như bản thân có được pháp nhãn. Những lời Phật nói đều khế hợp với đệ nhất nghĩa đế, cho nên là rất sâu. Những lời Phật nói đều có thể khiến người đoạn ác tu thiện, chuyển phàm thành thánh, cho nên là rất khéo. Biểu hiện cụ thể ở chỗ: “chúng con đều nhờ ơn đức từ bi mà giải thoát ưu khổ”. Tất cả đại chúng dự hội đều nhờ thọ nhận ân huệ của A-di-đà Phật, đều từ trong ưu khổ mà đạt được giải thoát triệt để.

Trọng điểm thứ hai: Trong kinh Pháp Hoa, Phật tự nói rằng: “Ta là Pháp vương, tự tại nơi pháp”. Bạn lý giải hàm nghĩa câu nói này như thế nào? Phật là vua của các pháp, nhưng Phật không hề có chút ngã mạn, Phật nói lời này là trực khởi trực dụng, vì người khác không thể nói ra được, nên Phật đành tự mình nói ra. Người tự tại nơi pháp tức là không bị tất cả các pháp hạn chế, câu thúc, quấy nhiễu, gây

phiền não, như vậy mới tự tại. Chẳng phải địa vị cao, tiếng tăm lớn, mà là giác ngộ cao, cảnh giới cao.

Trọng điểm thứ ba: quang minh của Phật chiếu cùng tột, thấu suốt vô cực, biểu thị cho ý nghĩa gì? Biểu thị cho bi nguyện và diệu dụng độ sanh không có ngăn mé, không có cùng tận. “Quang minh chiếu cùng tột” biểu thị cho lấy đại trí làm thể, “thấu suốt vô cực” biểu thị cho từ thể khởi dụng, bi trí gồm đủ, độ khắp tất cả chúng sanh mà không có giới hạn. Cho nên “là bậc thầy của khắp cả trời người”.

Trọng điểm thứ tư: khi Phật giáng sinh, một tay chỉ trời, một tay chỉ đất mà nói: “Trên trời dưới trời, duy chỉ Ta là tôn quý nhất”. Bạn lý giải ý nghĩa của câu này như thế nào? Thiền sư Vân Môn nói: “Nếu lúc đó tôi có mặt thì sẽ đánh thái tử một gậy cho chết, rồi đem cho chó ăn”. Lời này là ý gì vậy? Hãy nói về cách hiểu của bạn xem sao.

Trọng điểm thứ năm: Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở đời. Đại sự nhân duyên này là gì? Khai thị [chúng sanh] ngộ nhập tri kiến Phật. Như Lai sở dĩ xuất hiện ở đời, chỉ để nói bốn nguyện rộng như biển của đức Di-đà.

Trọng điểm thứ sáu: Tịnh độ và Thiên tông có cần dung thông không? Vì sao vậy? Không cần. Đại sư Liên Trì nói: “Nếu muốn dung thông thì là hai thứ rồi”, chúng vốn là không hai. Kiến giải của người thông đạt và của phàm phu tuyệt nhiên chẳng tương đồng. Phàm phu thì thứ nào cũng là hai, người thông đạt rồi thì mọi thứ đều chẳng phải hai. Tịnh độ và Thiên tông là một, chẳng phải hai, vậy cần gì dung thông.

Trọng điểm thứ bảy: Thế nào là đại thiện? Thế nào là thật sự kính Phật? Kính Phật là đại thiện đệ nhất, y giáo phụng hành là thật sự kính Phật.

Trọng điểm thứ tám: Đại Trí Độ Luận nói thân thể con người có năm loại bất tịnh, bạn có biết những loại bất tịnh nào không? Bản thân bạn có sự linh hội gì? Chủng tử bất tịnh, chỗ gá nương bất tịnh, toàn thân bất tịnh, hình hài bất tịnh, rốt ráo bất tịnh.

Trọng điểm thứ chín: làm thế nào giải quyết chướng ngại nghi ngờ trên đường tu hành? Kinh Vô Lượng Thọ là kinh được chư Phật hộ niệm, tất cả Bồ-tát đều nhờ pháp môn niệm Phật mà viên chứng Phật đạo. Hoài nghi thì sai rồi, nếu hoài nghi thì đánh mất cơ hội làm Phật trong đời này. Cho nên nói: “Không được nghi

hối”. Nghi hối là bản thân đã tạo ác nghiệp quá nặng, sợ rằng không thể vãng sanh. Có hai loại nghi hối như vậy thì chướng ngại việc vãng sanh, nhất định phải trừ bỏ nghi hối. Chỉ cần nghiêm túc niệm Phật, nỗ lực niệm Phật, niệm đến thân tâm thanh tịnh thì đều có thể vãng sanh. Có thể đoạn nghi sanh tín thì chư vị có phúc rồi.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 81

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Tiết học này chúng tôi bắt đầu giảng kinh văn phẩm thứ 35:

### TRƯỚC THẾ ÁC KHỔ ĐỆ TAM THẬP NGŨ

Phẩm kinh văn này, Thế Tôn buốt lòng rát miệng khuyên răn chúng ta, khuyên nhủ chúng ta phải hiểu rõ chân tướng sự thật, nhận biết rõ hoàn cảnh thực tế hiện nay, nhất định phải đoạn ác tu thiện thì mới có thể thật sự lìa khổ được vui. Vào 3.000 năm trước, Thế Tôn đã nói về việc của 3.000 năm sau, thế giới ngày nay ô trược đến mức độ nào, xấu ác đến mức độ nào, khổ đau đến mức độ nào một cách vô cùng chi tiết. Đối chiếu với tình hình thực tế hiện tại thì tất cả đều thành hiện thực rồi. Vì chúng ta sống trong cảnh trước thế ác khổ, chúng ta sống ở trong đó nên bị tổn hại sâu sắc. Đối với đại trí tuệ của Thế Tôn, chúng ta càng bội phục đến năm vóc sát đất.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Phật cáo Di-lặc, như đẳng năng ư thử thế, đoạn tâm chánh ý, bất vi chúng ác, thậm vi đại đức.**

*Phật bảo Di-lặc: Các ông có thể trong đời này đoạn tâm chánh ý, không làm các điều ác, đó là đức hạnh lớn.*

Đây là lời tán thán của Phật. Phẩm kinh văn này rất dài, câu trên là tổng cương lĩnh của phẩm kinh văn này. Phật tán thán rằng: Mọi người các ông sống trong thế gian này phải đoạn tâm, tâm phải đoạn chánh.

Thế nào gọi là “đoan tâm chánh ý”?

Không tạo những việc ác thì chính là đoạn tâm chánh ý. Đoạn tâm là trong tâm không có tham sân si mạn nghi, năm chữ này không tốt. Không có tâm tham, không có nóng giận, không có hoài nghi, không có ngạo mạn, đây chính là đoạn tâm chánh ý. Tuân thủ mười nghiệp thiện mà Thích-ca Mâu-ni Phật dạy chúng ta: Thân không tạo giết, trộm, dâm; miệng không vọng ngữ, lường thiệt, ý ngữ, ác khẩu; ý

không tham, không sân, không si; lại thêm hai điều: không ngạo mạn, không hoài nghi thì đây chính là đoạn tâm chánh ý, không làm các ác.

Bình chú của Niệm lão nói: “Đoan tâm chánh ý là chỉ cho “chánh tâm thành ý”. Người xưa Trung Quốc dạy chúng ta căn bản làm người, nhà Nho dạy chúng ta bắt đầu làm từ cách vật, trí tri. Vật là gì? Là dục vọng, mà ngũ dục lục trần là đại biểu. Ngũ dục là tài, sắc, danh, thực, thù; những thứ mà con người tham luyến đều không phải là việc tốt. Hôm nay chúng tôi xin nói một cách cô đọng rằng: con người không thể không có tài, sắc, danh, lợi, nhưng phải có chừng mực, tốt nhất là có thể thiếu thốn một chút, đừng quá đầy đủ, nếu quá đầy đủ thì tội nghiệp sẽ hiện tiền. Hãy sống đời đạm bạc, đời sống thanh đạm một chút là tốt, thân tâm khỏe mạnh là thứ quý giá nhất. Không có buồn rầu, không có lo lắng, không có ý niệm tham dục, không có sân hận, đối với tất cả người, việc, vật đều không đối lập, bạn đối lập với tôi nhưng tôi không đối lập với bạn. Tâm thân nhiên thì ý mới chân thành, ý thành thì tâm chánh, tâm không lệch lạc, tà vạy; tâm phải thanh tịnh, tâm phải bình đẳng, tâm phải giác ngộ. Vậy nên, chánh tâm thành ý, nhà Nho gọi là tu thân, tu thân rồi thì gọi là tu cả thân, khẩu, ý.

“Khéo giữ ý niệm”, quan trọng nhất là khéo gìn giữ ý niệm thiện của bạn, giữ gìn chân tâm của bạn. Giữ gìn thiện niệm của bạn, tuyệt đối không có ý làm tổn hại người khác thì đúng rồi. Niệm lão đã giảng cho chúng ta rất rõ ràng: “Vĩnh viễn xa lìa ba độc, không nghĩ việc tà ác”. Đại sư Nghĩa Tịch nói với chúng ta: “Hướng thẳng đến Bồ-đề là đoạn tâm, chẳng cầu việc khác là chánh ý”. Đối với người học Phật mà nói, Bồ-đề là gì vậy? Bồ-đề là trí tuệ, là giác ngộ. Người sống ở đời cầu điều gì vậy? Cầu Bồ-đề thì gọi là đoạn tâm, trừ việc này ra thứ gì cũng chẳng cầu.

Thế nên trong cửa Phật, người học giáo cầu điều gì? Cầu đại khai viên giải, đối với chân tướng của thế xuất thế gian thật sự đã sáng tỏ, rõ ràng rồi thì gọi là “đại khai viên giải”. Người tu Thiên, mục đích của họ là minh tâm kiến tánh, minh tâm là trí tuệ, kiến tánh là nhìn ra được thể, tướng, dụng của tự tánh, không thể nghĩ bàn. Người niệm Phật thì nhất tâm nhất ý cầu sanh thế giới Cực Lạc, thân cận A-di-đà Phật, việc này đều gọi là chánh ý.

Người thế gian cầu điều gì? Cầu tài, sắc, danh, lợi. Ở trong đó có tham, sân, si, mạn, có giết, trộm, dâm, dối, có khổ báo của ba đường ác, chẳng thể không biết điều này. Hướng thẳng đến Bồ-đề là đoạn tâm, trong tâm có Phật, chúng ta tu Tịnh

độ, mọi lúc mọi nơi trong tâm không có gì khác, chỉ có A-di-đà Phật. Điều chúng ta hướng đến không phải là công danh phú quý của thế gian, chúng ta hướng đến là thế giới Cực Lạc, nhất tâm nhất ý cầu A-di-đà Phật đến tiếp dẫn mình vãng sanh, như vậy là đúng rồi, hoàn toàn chính xác.

Thế nào gọi là đoan chánh tâm niệm? “Ý nghĩa của nó càng sâu hơn, thì ra chỉ có hướng đến Bồ-đề thì mới gọi là đoan chánh tâm niệm”. Chúng ta cầu điều gì? Cầu trí tuệ. Niềm vui lớn nhất, hưởng thụ cao nhất của đời người là gì? Là trí tuệ chân thật. Rất nhiều người không biết điều này. Vào thời xưa, người đọc sách cầu điều gì? Cầu niềm vui của Khổng Nhan, đó là niềm vui của Khổng phu tử và Nhan Hồi, chính là câu đầu tiên của Luận Ngữ: “Học rồi thường thực hành chẳng phải cũng vui sao?” Họ muốn điều này, đây là điều gì? Đây là niềm vui chân thật. Khổng tử, Nhan Hồi chưa từng làm quan cao, không có tài phú; nói cách khác, địa vị xã hội không cao lắm, cũng không hề giàu có, vậy họ vui điều gì? Niềm vui của họ chính là hiểu sáng tỏ toàn thể vũ trụ, họ có trí tuệ, họ biết đây là sự việc như thế nào, biết được nên làm người như thế nào, do vậy mà họ vui. Niềm vui này không liên quan đến địa vị, cũng không liên quan đến giàu có, ai ai cũng đều có thể đạt được, việc này là thật, chẳng phải giả. Chẳng phải là thứ mà danh văn lợi dưỡng của thế gian có thể sánh được. Không mong cầu một thứ gì, đối với hết thảy pháp thế xuất thế gian đều chẳng mong cầu một điều gì thì gọi là chánh ý. Người niệm Phật chúng ta, ngoài A-di-đà Phật ở thế giới Tây Phương Cực Lạc ra thì chẳng cầu điều gì cả, vậy thì chúng ta đã chánh ý, đã đoan tâm rồi.

“Nếu có thể đoan chánh thân tâm như vậy thì tự nhiên không làm các ác”. Tự nhiên là cho dù có duyên thì bạn cũng không làm những việc này, đây gọi là có đức lớn, “cho nên gọi là có đức hạnh lớn, đức hạnh lớn là đức đến cùng tốt”. Nghĩa là nói đức hạnh của một người đã đạt đến một mức độ cao nào đó mà người thông thường không thể đạt đến được. Khổng tử và đức Thích-ca đã đạt được mức độ cao nhất rồi. Khổng tử sinh ra trong gia đình bình dân, cho thấy người dân thường có thể trở thành thánh nhân. Thích-ca Mâu-ni Phật sinh ra trong gia đình đế vương, thân là thái tử, ngài hiểu rõ phú quý không phải là niềm vui thật sự. Cho nên, 19 tuổi ngài xuất gia, từ bỏ quyền kế thừa vương vị, ra ngoài làm một vị tăng khổ hạnh. Vì sao vậy? Vì niềm vui. Vui hơn làm quốc vương, quốc vương không sánh bằng, ngài có niềm vui chân thật mà chúng ta không thể nào tưởng tượng được. Vậy nên, Thích-ca, Khổng tử đều có đức hạnh cao tốt, đều là bậc đại đức.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Sở dĩ giả hà? Thập phương thế giới, thiện đa ác thiểu, dị khả khai hóa. Duy thử ngũ ác thế gian, tối vi kịch khổ. Ngã kim ư thử tác Phật, giáo hóa quần sanh, linh xả ngũ ác, khử ngũ thống, ly ngũ thiêu, hàng hóa kỳ ý, linh trì ngũ thiện, hoạch kỳ phước đức. Hà đẳng vi ngũ?**

*Vì sao nói như vậy? Mười phương thế giới thiện nhiều ác ít, dễ bề khai hóa. Chỉ có thế gian năm ác trước này là khổ sở nhất. Ta nay làm Phật ở cõi này, giáo hóa quần sanh, khiến họ bỏ năm điều ác, trừ năm sự thống khổ, lìa năm sự thiêu đốt, hàng phục chuyển hóa tâm ý chúng sanh, khiến họ vâng giữ năm điều lành, đạt được phước đức. Những gì là năm?*

Đoạn kinh văn này là tiếp theo đoạn kinh văn phía trước. Phật bảo Di-lặc: “Các ông có thể trong đời này đoạn tâm chánh ý, không làm các ác, đó là đức hạnh lớn”. Đại ý ở đây là vì sao nói như vậy? Bởi vì mười phương thế giới, người thiện nhiều, người ác ít, rất dễ dàng khuyến dụ giáo hóa. Duy chỉ có thế giới đầy đủ năm loại ác này là thế giới khổ nạn lớn nhất, chúng sanh ở đây đặc biệt cang cường khó giáo hóa. Lão pháp sư giảng: Ta ở thế giới này làm Phật chính là để độ thoát mọi người, khiến mọi người đều xả bỏ năm điều ác

*“Trừ năm sự thống khổ, lìa năm sự thiêu đốt, hàng phục chuyển hóa tâm ý chúng sanh”*

Đã làm ác thì đời này sẽ có rất nhiều khổ não, sau cùng bị mọi người phản bội, người thân xa lánh, chịu chế tài của pháp luật, đủ mọi thống khổ, đây gọi là năm sự thống khổ. Sau khi chết đọa địa ngục, vạn kiếp ngàn đời chịu khổ bất tận, đây là năm sự thiêu đốt. Không làm năm điều ác thì mới có thể trừ năm sự thống khổ, lìa khỏi năm sự thiêu đốt. Chúng ta đừng cho rằng ở đây đều là nói người ác, kỳ thật mọi người đều có phần. Sự xuất hiện của Phật chính là vì muốn chúng sanh hàng phục, chuyển hóa ý niệm, có thể hàng phục, có thể chuyển hóa thì học Phật có thể thâm nhập.

*“Khiến chúng sanh vâng giữ năm điều lành, đạt được phước đức, những gì là năm?”*



Tu hành năm điều thiện, giữ ngũ giới thì có thể đạt được quả lành đủ mọi phước lợi. Năm điều nào vậy?

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Kỳ nhất giả, thế gian chư chúng sanh loại, dục vi chúng ác, cường giả phục nhược, chuyển tương khắc tặc, tàn hại sát thương, diệt tương thôn đạm, bất tri vi thiện, hậu thọ ương phạt. Cố hữu cùng khát, cô độc, lung manh, ám á, si ác, uông cuồng, giai nhân tiền thế bất tín đạo đức, bất khăng vi thiện. Kỳ hữu tôn quý, hào phú, hiền minh, trí dũng, tài đạt, giai do túc thế từ hiếu, tu thiện tích đức sở trí. Thế gian hữu thử mục tiền hiện sự. Thọ chung chi hậu, nhập kỳ u minh, chuyển sanh thọ thân, cải hình dịch đạo, cố hữu Nê-lê, cầm thú, quyền phi nhuyển động chi thuộc. Thí như thế pháp lao ngục, kịch khổ cực hình. Hồn thân mạng tinh, tùy tội thú hướng, sở thọ thọ mạng, hoặc trường hoặc đoản, tương tòng cộng sanh, cánh tương báo thường. Ương ác vị tận, chung bất đắc ly, triển chuyển kỳ trung, lũy kiếp nan xuất, nan đắc giải thoát, thống bất khả ngôn! Thiên địa chi gian, tự nhiên hữu thị, tuy bất tức thời báo ứng, thiện ác hội đương quy chi.**

*Điều thứ nhất: Các loài chúng sanh ở trong thế gian thích làm các điều ác, kẻ mạnh hiếp yếu, chế ngự giết chóc lẫn nhau, tàn hại sát thương, ăn nuốt lẫn nhau, không biết hành thiện, sau chịu tai ương trừng phạt. Thế nên mới có kẻ nghèo cùng, ăn xin, cô độc, điếc mù câm ngọng, ngu si xấu xí, què quặt tâm thần, đều do đời trước không tin đạo đức, không chịu làm lành. Những hạng tôn quý, giàu sang, hiền minh, trưởng giả, trí dũng, tài năng thông đạt, đều do đời trước từ ái hiếu thuận, tu thiện tích đức mà cảm đạt được. Thế gian có những sự việc rành rành trước mắt như vậy. Sau khi mạng chung, vào chốn u minh, chuyển sanh thọ thân, thay hình đổi cõi, nên mới có địa ngục, cầm thú, các loài bò bay máy cựa. Ví như lao ngục của pháp luật thế gian có cực hình kịch khổ. Thân hồn, mạng tinh theo tội mà hướng về, nhận lấy thọ mạng dài ngắn khác nhau, theo nhau cùng sanh để báo đền lẫn nhau. Ương ác chưa hết thì chẳng thể thoát được, xoay vần trong đó nhiều kiếp khó ra, khó được giải thoát, đau đớn không thể nói nổi! Trong vòng trời đất, tự nhiên như vậy, tuy không tức thời báo ứng ập đến, nhưng thiện ác chung quy vẫn phải quả báo.*

Đoạn kinh văn này khá dài, chúng tôi chia thành các đoạn nhỏ để giải thích.

*“Điều thứ nhất, các loài chúng sanh ở trong thế gian thích làm các điều ác, kẻ mạnh hiếp yếu, chế ngự giết chóc lẫn nhau, tàn hại sát thương, ăn nuốt lẫn nhau, không biết làm lành, sau chịu tai ương trừng phạt”*

Trong các ác nghiệp thì sát sanh là việc ác hàng đầu, đoạn kinh văn này trước tiên nói về tội lỗi của nghiệp sát. Những chúng sanh này ở thế gian từ trong tâm đã muốn làm đủ mọi điều ác, đại nạn liên miên do cộng nghiệp chiêu cảm, tai nạn đều do lòng người bất thiện. Do chúng sanh có đủ mọi căn tánh xấu ác: kẻ mạnh hiếp yếu, chế ngự giết chóc lẫn nhau, tàn hại sát thương, đôi bên đều là anh ăn tôi thì tôi ăn anh, không biết hành thiện, luôn tạo nghiệp sát, về sau sẽ phải chịu lấy tai ương và trừng phạt.

*“Thế nên mới có kẻ nghèo cùng, ăn xin, cô độc, điếc mù câm ngọng, ngu si xấu xí, què quặt tâm thần”*

Trên thế giới này có rất nhiều người nghèo, xin ăn, không người nuôi dưỡng, không chốn nương tựa, người điếc, người câm, người mù, người tàn tật, người tinh thần bất ổn, đều là do đời trước không tin đạo đức, không chịu tu thiện nên mới tạo ra tình trạng như vậy trong đời này.

Con người tạo nghiệp ác so với súc sanh tạo nghiệp, không biết nhiều hơn gấp bao nhiêu lần. Luân hồi trong lục đạo, tội nghiệp của ba đường ác từ đâu mà ra? Nhất định không phải tạo ở trong cõi súc sanh, mà luôn là tạo ở trong cõi người. Bởi vì con người làm ác, ác niệm càng nhiều thêm. Dục vọng của con người là đa phương diện, không có điểm dừng. Cho dù thống nhất toàn thế giới, còn nghĩ muốn chinh phục không gian, lại muốn xâm lược hành tinh khác, việc này rồi sẽ ra sao!

Chúng sanh không biết chân tướng sự thật, Phật vì chúng ta nói ra chân tướng sự thật, là chân tướng gì vậy? Chế ngự giết chóc lẫn nhau, đó chính là nghiệp nhân quả báo tuần hoàn không dừng. Trong kinh Phật thường nói: “Người chết làm dê, dê chết làm người”, lục đạo là tuần hoàn, ngày nay bạn giết họ thì bạn thiếu họ một mạng, đời sau họ làm người, bạn biến thành súc sanh, họ lại muốn giết bạn. Hiện nay người thế gian đều cuồng ăn, đến mức mà thứ gì họ cũng ăn cả, bạn cho rằng ăn như vậy không sao cả ư? Điều ghi vào sổ nợ hết, thiếu nợ thì phải trả. Người thế gian không biết: thiện nhân có thiện quả, ác nhân có ác báo, chẳng may may sai chạy.

*“Những hạng tôn quý, giàu sang, hiền minh, trường giả, trí dũng, tài năng thông đạt, đều do đời trước từ ái hiếu thuận, tu thiện tích đức mà cảm đạt được”*

Ngoài ra còn một hạng người: địa vị tôn quý, rất có tiền, hiền minh tài năng, lại hiểu rõ sự và lý, có địa vị, lại trường thọ, có trí tuệ, lại dũng mãnh tinh tấn, có tài hoa, lại có thể thông đạt. Loại người này đều là do nhiều đời từ ái và hiếu thuận, tu đủ mọi thiện pháp, tích công lũy đức mà cảm được. Những điều nói trên đều là sự việc nhân quả.

*“Thế gian có những sự việc rành rành trước mắt như vậy”*

Ngay trước mắt có kẻ chịu tội, người hưởng phúc.

*“Sau khi mạng chung, vào chốn u minh, chuyển sanh thọ thân, thay hình đổi cõi”*

Sau khi tuổi thọ hết thì vào cõi u minh, chuyển sang đời sau lại thọ một thân thể khác, biến thành chúng sanh khác, thay đổi ngoại hình, thay đổi nơi cõi.

*“Nên mới có địa ngục, cầm thú, các loài bò bay máy cưa”*

Cho nên có địa ngục, súc sanh, cho đến những loài côn trùng nhỏ biết bay, loài bọ nhỏ v.v. Học Phật thì nên biết, nỗi khổ hay niềm vui mà chúng ta nhận trong đời này đều do nhân của việc thiện ác mà ta đã tạo trong đời quá khứ chiêu cảm đến. Nhân mà bạn tạo trong đời này sẽ là cái nhân để bạn thọ quả báo thiện hay ác trong đời sau. Lấy niệm Phật làm nhân thì sẽ sanh Tây Phương; lấy giết, trộm, dâm làm nhân thì đọa ba đường ác, đây là đạo lý nhất định.

*“Ví như lao ngục của pháp luật thế gian có cực hình kịch khổ”*

Giống như lao ngục của thế gian, thân thọ đủ mọi thống khổ kịch liệt, sau cùng từ nơi cực hình mà đoạn dứt sanh mạng. Sự thống khổ kịch liệt ở đây ví cho làm ác thì thọ báo; cực hình tỉ dụ cho cái khổ của địa ngục.

*“Thần hồn, mạng tinh theo tội mà hưởng về, nhận lấy thọ mạng dài ngắn khác nhau”*

“Thần hồn” chỉ cho thức thứ sáu, “mạng tinh” chỉ cho thức thứ tám. “Thần hồn, mạng tinh” đại biểu cho bản thân tùy theo nghiệp tội của chính mình mà phán định nơi đi đến trong đời sau. Thọ mạng nhận lấy cũng có dài, có ngắn.

*“Theo nhau cùng sanh để báo đền lẫn nhau”*

Do quan hệ nghiệp lực mà bạn theo tôi, tôi theo bạn, có người trả nợ, có kẻ đòi nợ, có người báo ân, có kẻ báo oán. Những người trong các mối quan hệ này đều sanh ở thế gian này mà báo đền lẫn nhau, không có hồi kết.

*“Ương ác chưa hết thì chẳng thể thoát được, xoay vần trong đó nhiều kiếp khó ra, khó được giải thoát, đau đớn không thể nói nổi!”*

Chưa thọ hết những tội lỗi, tai họa, ác báo thì vĩnh viễn không thể ra khỏi biển khổ. Cứ xoay vần mãi trong đường ác, nhiều kiếp khó thoát ra, rất khó đạt được giải thoát. Cho dù là người học Phật cũng không dễ dàng giải thoát, bởi vì tâm sanh tử không khả thiết. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư sau khi nghe được pháp môn niệm Phật thì bản thân ở trong phòng cười ba ngày, ngài nói: “Lần này mình đã có cách thoát khỏi sanh tử rồi”. Đây mới là tâm sanh tử tha thiết thật sự. Vì sao cấp bách thoát ly sanh tử đến như vậy? Bởi vì “đau đớn không thể nói nổi!”, những đau khổ này chẳng thể nói nổi.

*“Trong vòng trời đất, tự nhiên như vậy”*

Ngài Nghĩa Tịch nói: “Làm ác, đâu chẳng muốn chịu quả khổ, quả khổ vẫn tự đến. Tu thiện, đâu chẳng mong quả vui, quả vui vẫn tự đến, khác nào như bóng theo hình, như tiếng vọng theo âm thanh”. Hội Sớ lại nói: “Nhân quả ắt ứng nghiệm nên bảo là tự nhiên”.

Làm ác, làm thiện, *“tuy không tức thời báo ứng ập đến, nhưng thiện ác chung quy vẫn phải chịu quả báo”*.

Chính là như vậy, làm ác thì tự nhiên sẽ thọ năm sự thống khổ, sau khi chết chịu năm sự thiêu đốt. Những việc này tuy không tức thời hiển hiện ra nhưng nhân quả không hư dối, đời sau ắt sẽ giáng xuống đầu mình, cho nên nói thiện ác chung quy vẫn phải chịu quả báo.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Kỳ nhị giả, thế gian nhân dân, bất thuận pháp độ, xa dâm kiêu túng, nhậm tâm tự tứ, cư thượng bất minh, tại vị bất chánh, hãm nhân oan uổng, tổn hại trung lương, tâm khẩu các dị, cơ ngụy đa đoan, tôn ti trung ngoại, cánh tương khi cuồng. Sân khuể ngu si, dục tự hậu kỷ, dục tham đa hữu, lợi hại thắng**

**phụ, kết phần thành thù, phá gia vong thân, bất cố tiền hậu. Phú hữu xan tích, bất khăng thí dữ, ái bảo tham trọng, tâm lao thân khổ. Như thị chí cánh, vô nhất tùy giả. Thiện ác họa phước, truy mạng sở sanh, hoặc tại lạc xứ, hoặc nhập khổ độc Hựu hoặc kiến thiện tăng báng, bất tư mộ cấp, thường hoài đạo tâm, hy vọng tha lợi, dụng tự cung cấp, tiêu tán phục thủ. Thần minh khắc chí. Chung nhập ác đạo, tự hữu tam đồ, vô lượng khổ não, triển chuyển kỳ trung, lữ kiếp nan xuất, thông bất khả ngôn.**

*Điều thứ hai: Người trong thế gian không theo pháp độ, xa xỉ, dâm dật, kiêu mạn, phóng túng, mặc tình thỏa ý. Người trên bất minh, kẻ tại vị bất chính, hại người oan uổng, tổn hại trung lương, tâm miệng khác biệt, mưu mẹo dối trá nhiều bề, trên dưới trong ngoài lừa dối lẫn nhau. Nóng giận, ngu si, ham tô đắp bản thân, tham muốn có nhiều, lợi hại được thua, kết giận thành thù, tan nhà mất mạng, không xét trước sau. Giàu có keo kiệt không chịu bố thí, ái dục kiên cố, tâm tham nặng nề, nhọc tâm khổ thân. Đến khi mạng chung không đem theo được gì. Thiện ác họa phước đuổi đến chỗ thọ sanh, hoặc sanh vào nơi vui sướng hay vào chốn khổ độc. Thấy người làm lành lại ganh ghét, hủy báng, không nghĩ kính trọng, mong mỗi được bằng. Thường ôm lòng trộm cắp, mong đoạt lợi của người, cung cấp cho mình dùng, tiêu phá hết rồi lại chiếm đoạt tiếp. Thần minh ghi biết. Chết đọa vào đường ác, tự có tam đồ chịu vô lượng khổ não, xoay vần trong đó nhiều kiếp khó ra, khổ không nói nên lời.*

Đoạn kinh văn này nói về tội lỗi của nghiệp trộm cắp. Phạm vi của trộm cắp vô cùng rộng lớn, có quan hệ mật thiết với tham dục. Nếu không có tâm tham, không có dục vọng thì chắc chắn không phạm lỗi trộm cắp. Hàm nghĩa của trộm là: không phải là vật của mình, là vật đã có chủ, bất kể nhiều ít, nếu không cho mà lấy thì đều là trộm. Nói rộng ra là: công lao, danh dự của người khác nếu quy về cho bản thân mình thì cũng là trộm; thứ không nên hưởng thụ mà mình hưởng thụ thì cũng là trộm, v.v... phạm vi rộng vô cùng.

Kinh văn vừa mở đầu đã nói:

*“Không theo pháp độ”*

Có thể thấy tính chất nghiêm trọng của vấn đề. “Pháp độ” bao hàm lời răn dạy của Phật, quy định pháp luật, phong tục tập quán, quan niệm đạo đức v.v. của thế

gian. Nói đơn giản thì “pháp” là pháp luật, “độ” nghĩa là nhận định suy xét, thông thường chúng ta cũng gọi là “chừng mực”. Nếu không theo pháp độ thì sẽ sinh ra hai loại hiện tượng: Một là quá mức, nói cách khác chính là làm việc quá đáng. Làm lộ thì thể gian gọi là “nịnh nọt, bợ đỡ”, không như lý, không như pháp, khiến người cảm thấy không thoải mái. Hai là bất cập, bất cập thì lộ ra sự ngạo mạn. Quá đáng và bất cập đều là “không theo pháp độ”.

*“Người trên bất minh, kẻ tại vị bất chính, hại người oan uổng, tổn hại trung lương”*

Những tình huống này đều bao gồm ở trong giới trộm. Người ở trên không sáng suốt, không biết tuyển chọn đề bạt hiền tài, không biết trọng dụng người hiền đức, mà trọng dụng người thân, đó cũng là trộm. Ví như mua quan bán chức thì chính là trộm. “Kẻ tại vị bất chính” chỉ cho người có địa vị, người đương quyền không chánh trực, làm rất nhiều việc xấu, ví dụ quan hệ tình ái nam nữ, nhận hối lộ, chia bè kết đảng v.v... những việc này đều thuộc về trộm. “Hại người oan uổng”, mưu hại người, đổ oan cho người, đây là bất chánh, lại sợ người khác biết được, đối với người biết rõ nội tình thì muốn đả kích, hãm hại; đối với người ăn nói thẳng thắn thì không thể dung nhẫn. “Tổn hại trung lương”, bởi vì hành vi của bạn bất chánh nên không thể chung sống hòa bình với người trung lương, mà muốn tổn hại họ hơn. Cho nên tội tạo ra chẳng phải chỉ một thứ, nếu còn dính líu đến gian dâm, trộm cắp, giết hại thì tội càng nặng hơn.

*“Tâm miêng khác biệt”*

Người ở trên lời nói và hành vi không đi đôi với nhau, chẳng những như vậy mà còn “mưu mẹo dối trá nhiều bề”, đủ sự gian trá, giả dối, các chính trị gia có người nào là ngoại lệ đâu?

*“Trên dưới trong ngoài”*

Bất kể đối với trường bối của chính mình hay là đối với người thấp hơn mình, bất kể đối với người trong nước hay ngoài nước, bất kể đối với trong hay ngoài, là thân hay sơ thì thấy đều bất chấp.

Đều là *“lừa dối lẫn nhau”*.

Nói lời giả dối gạt người, đây chính là phạm giới vọng ngữ. Những giới này chỉ cần phạm một điều thì phạm luôn những giới khác, đều là vì đạt được mục đích trộm cắp, củng cố địa vị của họ.

Sự “*nóng giận, ngu si*” của chính họ, hỏa khí rất lớn, rất hồ đồ nhưng lại tự cho mình là tài giỏi, rất có địa vị, rất có bản lãnh, rất nhiều kỹ xảo mánh khéo, có thể kích động biết bao người, có thể đả kích người khác, không biết bản thân là hồ đồ nhất.

Đó chính là “*ham tô đắp bản thân*”, chỉ muốn đánh bóng chính mình, chỗ nào cũng ham lấy phần béo bở để bản thân được lợi ích, danh từ mới hiện nay gọi là “câu view, câu like”.

“*Tham muốn có nhiều, lợi hại được thua, kết giận thành thù*”, có tranh thì có thắng thua, mọi người kết lấy oán cừu, báo thù lẫn nhau, kết quả là: “*tan nhà mất mạng, không xét trước sau*”. Đôi bên đều gây ra cảnh nhà tan người mất, không màng đến nguyên nhân, hậu quả.

“*Giàu có keo kiệt, không chịu bố thí*”, loại người này dùng thủ đoạn bất chánh để đạt được giàu có, họ rất keo kiệt, không chịu bố thí cho người khác.

“*Ái dục kiên cố, tâm tham nặng nề*”, “ái” chỉ cho tình ái, ái dục, bản thân muốn giữ chặt, tâm tham rất nặng, cho nên “*nhọc tâm khổ thân*”, kết quả là “*đến khi mạng chung không đem theo được gì*”, đến sau cùng không có người nào đi theo bạn. Mọi thứ chẳng mang được, duy chỉ nghiệp theo thân, chỉ có những nghiệp mà bạn đã tạo theo bạn mà thôi.

“*Thiện ác họa phước đuổi đến chỗ thọ sanh*”, có thiện, có ác thì có phước, có họa, truy đuổi đến chỗ bạn sanh ra, nơi bạn sanh ra, “*hoặc sanh vào nơi vui sướng hay vào chốn khổ độc*”. Vẫn có kẻ nhìn thấy người làm lành thì ganh ghét, hủy báng, nhìn thấy người khác làm việc thiện thì tức giận, hủy báng, “*không nghĩ kính trọng, mong mỗi được bằng*”, không muốn học tập theo người khác.

“*Thường ôm lòng trộm cắp*”, luôn luôn có tâm trộm cắp. Người có địa vị thì lợi dụng quyền lực để chiếm đoạt của công, tham ô, nhận quà cáp. Từ lớn đến nhỏ, đủ mọi sự việc đều là trộm cắp. “*Mong đoạt lợi của người*”, vốn không phải là thứ bạn nên có, nhưng lại muốn dùng cách thức tổn người lợi mình để đạt được, “*cung cấp cho mình dùng*”, dùng để cung cấp cho bản thân. “*Tiêu phá hết rồi lại chiếm*

*đoạt tiếp*”, thứ đạt được thông qua cách thức như vậy đương nhiên là dễ có được, nhưng cũng rất nhanh chóng tiêu tan. Xài hết rồi lại chiếm đoạt tiếp, lại dùng cách thức này để kiểm soát tiếp tục.

*“Thần minh ghi biết”*

Kinh Hoa Nghiêm bản dịch thời nhà Tấn nói: Người ta sanh ra, có hai vị thiên thần, một vị tên là Đồng Sanh, vị kia tên là Đồng Danh. Họ nhìn thấy bạn, nhưng bạn không nhìn thấy họ, họ cùng sanh chung với người nên gọi là “thần Câu Sanh”. Kinh Dược Sư cũng nói: “Có thần Câu Sanh tùy theo tạo tác của người là tội hay phước mà ghi chép đầy đủ, nắm giữ toàn bộ rồi trao cho vua Diêm-la”. Họ đều ghi lại tội và phước của bạn, viết thành hồ sơ giao cho vua Diêm-la, cho nên “thần minh ghi biết”.

Kinh Ngũ Giới nói: “Ba lần bằm, tám lần trình, một tháng sáu lần tâu lên”. Ba lần bằm vào tháng giêng, tháng năm, tháng chín, báo cáo với Tứ thiên vương. Tám lần trình là vào tám ngày tiết khí: lập xuân, lập hạ, lập thu, lập đông, xuân phân, thu phân, đông chí, hạ chí; tám ngày này cũng phải đi báo cáo. Còn có sáu ngày tâu là sáu ngày trai. Vì sao phải ăn chay vào sáu ngày trai? Bởi vì sáu ngày này là lúc mà Tứ thiên vương đến kiểm tra việc thiện ác ở nhân gian, lắng nghe báo cáo. Một giải thích khác nói rằng: con người có tám thức, những hành vi đã làm đều được lưu vào hồ sơ ở trong tâm của chính mình. Pháp sư Nghĩa Tịch của Nhật Bản đã hội tập hai cách nói này lại, cho rằng: đã có thiên thần ghi chép, lại có tám thức của bản thân lưu trữ chúng lại. Theo quan điểm của Duy Thức thì hai vị thần này là do thức mà hiện, cho nên cách nói trong ngoài đều ghi lại là ổn thỏa nhất. Trong ngoài đều ghi lại, tội báo theo đó mà quy kết, ngay cả vua Diêm-la cũng do thức mà hiện, hễ làm việc xấu thì đều có sự ghi chép, bèn sẽ “chết đọa vào đường ác”, một mảy may cũng không trốn thoát.

*“Tự có tam đồ chịu vô lượng khổ não”*, trong ba đường ác có vô lượng vô biên khổ não. *“Xoay vần trong đó nhiều kiếp khó ra, khổ không nói nên lời”*, xoay vần trong ba đường ác, bao nhiêu kiếp cũng không thoát ra được, khổ đau không nói nổi.

Sau cùng xin cúng dường các đồng tu bốn bài kệ tụng:

*Một:*



Hãy sống thanh đạm cho lành,  
Thân tâm khỏe mạnh là hay nhất rồi,  
Chẳng còn lo lắng ưu tư,  
Cuộc đời như vậy còn gì tuyệt hơn.

*Hai:*

Đừng có tâm tham, đừng nóng giận  
Tâm cần thanh tịnh và bình đẳng  
Chánh tâm, thành ý đối đãi người  
Cùng với chúng sanh không đối lập.

*Ba:*

Lục đạo, tam đồ khổ biết bao  
Núi đao rừng kiếm sẵn chực chờ  
Một phen đọa vào ba đường ác  
Bao kiếp xoay vần khó thoát ra.

*Bốn:*

Nhất tâm cầu sanh nước Cực Lạc  
Một đời thành tựu đi làm Phật  
Báo Phật thâm ân, mãn đại nguyện  
Đời đời kiếp kiếp thờ Di-đà.

Tiết học hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 82

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Kỳ tam giả, thế gian nhân dân, tương nhân ký sanh, thọ mạng kỷ hà? Bất lương chi nhân, thân tâm bất chánh, thường hoài tà ác, thường niệm dâm dật, phiền mãn hung trung, tà thái ngoại dật. Phí tổn gia tài, sự vi phi pháp, sở đương cầu giả, nhi bất khăng vi, hựu hoặc giao kết tụ hội, hưng binh tương phạt, công kiếp sát lục, cưỡng đoạt bức hiếp, quy cấp thê tử, cực thân tác lạc. Chúng cộng tăng yếm, hoạn nhi khổ chi. Như thị chi ác, trứ ư nhân quý, thần minh ký chí, tự nhập tam đồ, vô lượng khổ não, triển chuyển kỳ trung, lữ kiếp nan xuất, thống bất khả ngôn.**

*Điều thứ ba: Nhân dân trong thế gian, theo nhân duyên nương nhau mà sống, thọ mạng có được là bao? Kẻ bất lương thân tâm bất chánh, thường ôm lòng tà ác, luôn nghĩ chuyện dâm dật, phiền não tràn hông, thái độ tà nguy, vẻ ngoài buông lung. Tiêu tốn gia sản, làm điều phi pháp. Điều đáng mong cầu thì chẳng chịu làm, lại còn tụ bè kết đảng, khởi binh đánh nhau, đánh cướp giết hại, cưỡng đoạt bức hiếp để chu cấp cho vợ con, lấy cực thân làm điều vui. Mọi người đều căm ghét, chước lấy tai ương khổ nạn. Những điều ác như thế người và quý thần đều rõ, thần minh ghi biết, tự vào tam đồ, chịu vô lượng khổ, xoay vần trong đó nhiều kiếp khó ra, khổ đau khôn xiết!*

Đoạn kinh văn này nói về tội lỗi của dâm.

*“Nhân dân trong thế gian, theo nhân duyên nương nhau mà sống”*

Hai câu mở đầu này nhìn thì dường như đơn giản, nhưng người có thể giác ngộ hai câu này thật sự không nhiều.

Nhân dân trong thế gian là chỉ cho ai mà nói vậy? Là chỉ riêng cho cõi người ở trong lục đạo, hôm nay chúng tôi đã đem việc này nói rõ ra, cũng chính là xác định phạm vi của “nhân dân trong thế gian”, xác định đó là cõi người trong lục đạo. Đây là vấn đề thứ nhất mà chúng ta phải nhận thức.

Phật giảng kinh thuyết pháp ở nhân gian, đối tượng để độ là con người chứ không phải độ các chúng sanh khác. Đây là vấn đề thứ hai chúng ta cần phải nhận thức.

Phật dựa vào điều gì để độ chúng sanh? Dựa vào giảng kinh thuyết pháp, dựa vào dạy học. Trong cửa Phật, nếu không giảng kinh thuyết pháp thì chẳng phải là chánh nghiệp. Cái nào là chánh, cái nào là phụ? Phải phân biệt chánh phụ cho rõ ràng. Đừng trông trọt ruộng nhà người, bỏ hoang ruộng nhà mình. Nói theo hiện nay thì chính là: làm rõ phạm vi trách nhiệm của chính mình. Bạn là đấng độ người, mà bạn cứ đi độ quỷ thần, độ súc sanh, làm như vậy chẳng phải là vượt ra ngoài phạm vi đó sao? Đây là vấn đề thứ ba chúng ta cần phải nhận thức.

Giảng kinh thuyết pháp nhất định phải tuân thủ nguyên tắc “tin tưởng yêu mến lời người xưa, thuật lại chứ không sáng tác”. Dùng hình thức phúc giảng là tốt nhất, không rời kinh điển, không rời khỏi chú giải của tổ sư đại đức. Đây là vấn đề thứ tư chúng ta cần phải nhận thức.

“Theo nhân duyên nương nhau mà sống” chính là nói người trong thế gian, cũng chính là nói giữa người với người có quan hệ như thế nào? Chúng tôi sẽ nói dựa trên hai phương diện.

Từ phương diện xã hội mà nói thì con người không thể tách khỏi xã hội mà sinh tồn đơn độc, không thể rời khỏi tập thể mà sống riêng lẻ, “theo nhân duyên” chính là đôi bên nương vào nhau. Ví dụ trong xã hội có các ngành các nghề, nghề nghiệp nào cũng đều có sự tương quan mật thiết đến sự sinh tồn và đời sống của chúng ta, thiếu đi một nghề nào cũng đều không được, thiếu một nghề nào cũng đều gây ra sự bất tiện cho đời sống của chúng ta. Cho nên “người trong thế gian” cũng chính là nhân loại thì phải hài hòa, hòa mục, hợp tâm, hợp lực cùng xây dựng Lục hòa. Sự sinh tồn của nhân loại cần đến sự hòa hợp, dù khổ sở, khó khăn đến đâu cũng phải dũng cảm tiến lên, kiên định niềm tin đạt đến bờ kia.

Từ phương diện gia đình mà nói thì đây là loại quan hệ ruột thịt. Ví như cha con, con cái lúc nhỏ phải nhờ cha nuôi dưỡng, cha già rồi phải dựa vào con cái hiếu dưỡng, đây là đạo lý bất di bất dịch. Kính già, yêu trẻ, nương tựa, cậy nhờ lẫn nhau. “Theo nhân duyên nương nhau mà sống”, đều là dựa vào loại nhân duyên này mà sống.

Nền văn minh truyền thống năm ngàn năm của Trung Quốc hết sức xem trọng giáo dục. Điểm này chúng ta nhất định phải biết, giáo dục của Trung Quốc chia thành bốn loại lớn là: giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả, giáo dục thánh hiền. Mục tiêu sau cùng của giáo dục là thánh hiền, những loại giáo dục phía trước đều là nền tảng không thể thiếu của giáo dục thánh hiền. Thứ lầy một loại lớn trong đó là giáo dục luân lý mà nói. Thời xưa con người từ nhỏ đã được dạy dỗ, dạy bạn hiểu được mối quan hệ giữa người với người, quan hệ với cha mẹ, quan hệ với anh em, quan hệ với vợ, với con, quan hệ với bà con bạn bè, quan hệ với mọi người trong xã hội, đều phải hiểu những điều này. Nhất định phải tin nhận tuân thủ đạo đức, quy phạm luân thường đạo đức thì như vậy mới ra dáng con người, bạn mới có chỗ đứng trong gia đình, trong xã hội.

Hiện nay thế giới động loạn, đã loạn đến cùng cực rồi, vô vàn chúng sanh khổ không nói nổi, do nguyên nhân gì tạo nên vậy? Truy đến ngọn nguồn là do thiếu mất giáo dục, giáo dục thất bại rồi. Có thể nói thẳng không e ngại rằng: Bốn loại giáo dục đều triệt để thất bại rồi. Giáo dục gia đình, giáo dục nhà trường, giáo dục xã hội, giáo dục tôn giáo đều thất bại rồi, nếu có một nền giáo dục thành công thì thế giới đã không loạn đến nông nỗi này. Đã đến lúc nhân loại phải nhanh chóng thức tỉnh. Nhân loại sẽ đi về đâu? Đã đến lúc phải lựa chọn rồi!

*“Thọ mạng có được là bao?”*

Mỗi người hãy hỏi chính mình: thọ mạng của mình được bao nhiêu? Ai có thể biết được thọ mạng của chính mình? Tuổi tác đã lớn thì những năm tháng còn lại như đèn treo trước gió, người còn trẻ cũng chẳng thể đảm bảo mình sống lâu. Thứ đến nơi để tro cốt mà xem, người trẻ tuổi cũng không ít, quả thật là “đường đến tuổi vàng không phân già trẻ”. Nhất định phải đề cao cảnh giác, nhân lúc thân này còn trẻ khỏe thì hãy gắng sức làm thiện, tích công lũy đức, có thể tăng thêm tuổi thọ; nếu mê hoặc điên đảo, làm xằng làm bậy thì tổn giảm thọ mạng của chính mình. Thọ mạng của con người rất ngắn ngủi, chỉ trong hơi thở ra vào mà thôi. Kẻ tạo nghiệp không biết chân tướng sự thật, không biết memento mori, memento mori.

*“Kẻ bất lương”*, người không lương thiện. *“Thân tâm bất chánh”*, thân đã không chánh, tâm cũng bất chánh. *“Thường ôm lòng tà ác”*, tất cả tư tưởng đều là chuyện tà vạy, việc xấu ác. *“Luôn nghĩ chuyện dâm dật”*, suy nghĩ toàn chuyện dâm dật, chuyện sắc tình. *“Phiền não tràn hông”*, trong tâm tràn đầy dục vọng, cho nên

rất cáu kỉnh. “*Thái độ tà ngụy, vẻ ngoài buông lung*”, những tà niệm bất chánh đều bộc lộ ra bên ngoài. “*Tiêu tốn gia sản*”, làm những điều gây lãng phí gia tài. “*Làm điều phi pháp*”, những việc đã làm đều không phù hợp pháp luật, quy phạm. “*Điều đáng mong cầu thì chẳng chịu làm*”, điều nên làm thì không chịu làm.

“*Lại còn tụ bè kết đảng, khởi binh đánh nhau*”, nghiệp dâm tiếp tục phát triển thì sẽ sinh ra nghiệp sát, cho nên nghiệp dâm và nghiệp sát có liên quan đến nhau. Hoặc là cấu kết, tập hợp những thành phần bất hảo mà lập bè kết đảng, các băng nhóm tranh đấu lẫn nhau, lớn thì nước này đánh nước kia. “*Đánh cướp giết hại*”, chiếm thành cướp đất, sát hại lẫn nhau. “*Cưỡng đoạt, bức hiếp*”, cưỡng chiếm cướp đoạt, uy hiếp [lấy] tài vật của người khác. Lợi ích đạt được thì “*để chu cấp cho vợ con, lấy cực thân làm điều vui*”, đem về cho vợ và con cái.

“Cực thân” là chỉ cho lao碌 tâm thân, phóng dật, ăn chơi trác táng. Kết quả của việc làm này là “*mọi người đều căm ghét*”, mọi người không ai không chán ghét, “*chước lấy tai ương khổ nạn*”, mọi người không có cảm giác an toàn. “*Những điều ác như thế, người và quỷ thần đều rõ*”, những tội ác như thế hiện rành rành trước người và quỷ. “*Thần minh ghi biết*”, đều có ghi chép. Tự nhiên đọa vào ba đường ác, “*chịu vô lượng khổ, xoay vần trong đó, nhiều kiếp khổ ra, khổ đau khôn xiết*”. Những điều này đều là quả báo của nghiệp dâm và trộm.

Có người hỏi, dâm dục chỉ là việc giữa hai bên nam và nữ, không hề làm hại đến người khác, vì sao lại nói thành xấu ác đến như vậy? Kỳ thực, trong sự việc này thứ bị tổn hại nhất chính là tâm của mình, nó trói buộc tâm của bạn lợi hại hơn bất kỳ thứ gì, cho nên tội lỗi của dâm lớn là do đây. Giới đầu tiên của người xuất gia là giới dâm. Thế nên Phật nói: Nếu còn có một thứ khó đối phó giống như dâm thì tất cả chúng sanh đều chẳng thể được độ. Con người trong một đời chỉ cần có một lần quan hệ nam nữ thì không thể sanh lên cõi Phạm thiên. Ngày nay nếu như chúng ta không có pháp môn Tịnh độ mà muốn ra khỏi Tam giới thì không có cách nào cả.

Bên trên chúng tôi đã giảng về ba loại nghiệp, là ba nghiệp của thân: giết, trộm, dâm. Người thế gian, ba ác nghiệp giết trộm dâm mà thân đã tạo, người và quỷ thần đều rõ. Người đời sau đem nó viết vào lịch sử, đây là người biết rõ; quỷ thần cũng ghi chép nó vào trong sổ sanh tử, đây là “*thần minh ghi biết*”, đã lưu lại chủng tử trong A-lại-da rồi. Chủng tử ác này tương lai gặp phải ác duyên thì nhất định có báo ứng, đó là “*tự vào tam đồ, chịu vô lượng khổ não, xoay vần trong đó, nhiều kiếp*

khó ra”. Tội nghiệp mà họ tạo cực kỳ lớn, quả báo vô cùng thâm trọng, tội báo ở địa ngục không biết đến khi nào mới có thể thọ hết. Sau đó còn biến thành súc sanh để trả nợ, không biết bao nhiêu kiếp mới có thể trả xong. Họ trả nợ lại không cam tâm tình nguyện, vẫn cứ tạo nghiệp, đây chính là “xoay vần trong đó, nhiều kiếp khó ra”.

Phật nói ra những lời này là từ bi đến cùng cực, đem chân tướng sự thật nói với chúng ta, chúng sanh trong ba đường ác quả thật là luân hồi xoay vần trong ba đường ác, rất khó thoát ra. Nếu chẳng phải là Phật Bồ-tát đại từ đại bi, vào các đường ác khuyến hóa thì những người như chúng ta muốn được thân người, đâu có chuyện dễ dàng như vậy, không có cơ hội ngoi đầu lên đâu. Trong cõi súc sanh có Phật Bồ-tát, trong cõi nạ quỷ có Phật Bồ-tát, trong cõi địa ngục cũng có Phật Bồ-tát, đều là Phật Bồ-tát đang giáo hóa chúng sanh.

Số chúng sanh trong ác đạo có thể tiếp nhận lời dạy của Phật Bồ-tát thì rất ít, kẻ không tin tưởng thì rất nhiều. Cõi người là đường thiện, ngày nay có được mấy người có thể nghe và tiếp nhận chánh pháp? Có thể thấy được sự khó khăn trong việc giáo hóa. Phật dạy chúng sanh trong ác đạo không biết khó hơn dạy chúng ta bao nhiêu lần. Chúng ta rất may mắn, ở trong ác đạo gặp được Phật Bồ-tát thuyết pháp, hễ gặp đầu, hễ tin tưởng thì thoát khỏi ác đạo. Đòi người ngăn ngừa mấy mươi năm, gặp được chánh pháp, sao không nhanh chóng thoát ra, vừa chớp mắt lại vào ba đường ác, đòi sau muốn có lại thân người là rất khó, phải trân quý thân người không dễ gì có được này.

Chúng ta lắng lòng suy nghĩ một chút, khởi tâm động niệm của chúng ta, đời người đời việc đời vật liệu có làm được ngũ giới thập thiện hay không? Nếu thật sự làm được thì đời sau có thể được thân người, làm không được thì đời sau chắc chắn đọa ba đường ác. Hễ đọa đường ác thì phải đến khi nào mới được làm người lại? Thời gian là dùng kiếp để tính, không phải dùng năm để tính. Nghĩ rồi mới thấy việc này đáng sợ biết bao! Bạn còn dám không trân quý thân người này sao?

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Kỳ tứ giả, thế gian nhân dân bất niệm tu thiện. Lương thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ý ngữ, tăng tật thiện nhân, bại hoại hiền minh, bất hiếu phụ mẫu, khinh mạn sư trưởng, bằng hữu vô tín, nan đắc thành thật. Tôn quý tự đại, vị kỷ hữu đạo, hoành hành oai thế, xâm dịch ư nhân, dục nhân úy kính, bất tự**

**tâm cụ, nan khả hàng hóa. Thường hoài kiêu mạn, lại kỳ tiền thế phước đức doanh hộ. Kim thế vi ác, phước đức tận diệt, thọ mạng chung tận, chư ác nhiều quy. Hựu kỳ danh tịch, ký tại thân minh, ương cứu khiên dẫn, vô tòng xả ly. Dẫn đắc tiền hành, nhập u hỏa hoạch, thân tâm tội toái, thân hình khổ cực. Đương tư chi thời, hối phục hà cập?**

*Điều thứ tư: Nhân dân trong thế gian không nghĩ tu thiện. Nói đôi chiều, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt, ganh ghét người lành, hãm hại người hiền minh, bất hiếu với cha mẹ, khinh mạn sư trưởng, chẳng thành tín với bằng hữu, khó được thành thật. Tự cao tự đại, nói mình có đạo, hoành hành oai thế, lấn hiếp mọi người, muốn người kính sợ, chẳng tự hổ thẹn, kiêng sợ, khó bề hàng phục, giáo hóa. Thường ôm lòng kiêu mạn, ý vào phước đức đời trước che chở. Đời này làm ác, phước đức mất hết, thọ mạng hết rồi, các điều ác bao vây. Tên tuổi của họ được thần minh ghi lại, họa ương dẫn dắt, không cách nào xả bỏ được. Chỉ vì việc làm trước kia mà vào trong vạc lửa, thân tâm tan nát, tâm thần, thân hình thống khổ. Lúc bấy giờ hối hận sao còn kịp nữa!*

Đoạn kinh văn này nói về tội lỗi của vọng ngữ và nghiệp quả của nó. Tội lỗi do nghiệp vọng ngữ tạo ra cũng rất lớn. Vọng ngữ bao gồm bốn loại nghiệp: nói đôi chiều, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt. Nói đôi chiều chính là đâm bị thóc, chọc bị gạo, xúi giục, gây xích mích, chia rẽ. Ác khẩu là nói nhiều lời ác khiến người phiền não, khiến người nghe rồi rất tức giận. Nói thêu dệt chính là nói lời ngon tiếng ngọt, chính là điều mà tâm ái nhiễm muốn nghe, không phải là điều mà tâm đạo muốn nghe. Nói rộng ra là: vọng ngữ chính là lời không chân thật, không phù hợp thực tế.

“*Nhân dân trong thế gian không nghĩ tu thiện*”, người thế gian không nghĩ đến việc tu thiện, mà đi “*nói đôi chiều, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt, ganh ghét người lành, hãm hại người hiền minh*”. Họ ghen ghét, đố kỵ người thiện, hãm hại người hiền lương, biểu hiện ra chính là vọng ngữ, tung tin đồn nhảm, nói láo.

“*Bất hiếu với cha mẹ, khinh mạn sư trưởng*”, loại người này hãm hại người tốt, khinh mạn sư trưởng. “*Chẳng thành tín với bằng hữu, khó được thành thật*”, giữa bạn bè không có uy tín, không thành thật, lừa gạt bạn bè.

“*Tự cao tự đại, nói mình có đạo*”, đây là nguyên nhân chủ yếu của kẻ vọng ngữ, cảm thấy bản thân rất cừ khôi, rất tự đại, nói chính mình có đạo rồi. Chưa chứng mà nói chứng, chưa ngộ mà nói ngộ, đây là đại vọng ngôn nghiêm trọng nhất trong những lời dối trá.

Luật sư Nam Sơn Đạo Tuyên nói: Giới vọng ngữ là giới mà rất nhiều người đều thích phạm. Bởi vì nghiệp nhân của vọng ngữ được tích lũy qua nhiều năm, nên chủng tử gieo vào thức thứ tám đặc biệt nhiều, thế nên tùy theo duyên trần, sự biến đổi của cảnh giới mà chủng tử phát huy tác dụng, động một cái là hư cấu sự thật.

Trong Trí Độ Luận nói: “Nhu Phật đã nói, vọng ngữ có mười tội, những gì là mười? Một là hơi miệng hôi thối; hai là thiện thần tránh xa, phi nhân được dịp làm hại; ba là tuy nói thật nhưng người khác chẳng tin nhận; bốn là khi người trí bàn luận thường chẳng tham dự được; năm là thường bị phỉ báng, tiếng xấu đồn khắp thiên hạ; sáu là người khác chẳng kính trọng, tuy có dạy dỗ, ra lệnh nhưng người khác chẳng tuân theo; bảy là thường hay ưu sầu; tám là tạo thành nhân duyên của nghiệp phỉ báng; chín là khi thân hoại mạng chung sẽ đọa địa ngục; mười là nếu được thoát ra sanh làm người thì thường bị phỉ báng.

Bởi vì tự nói mình có đạo, nên họ sẽ “*hoành hành oai thế, lán hiếp mọi người*”, bản thân làm hùm làm hổ, phô trương thanh thế. “Lán” là xâm phạm, “hiếp” là xem thường, coi người khác không ra gì, xâm phạm danh dự của người khác v.v.

“*Muốn người kính sợ*”, mong muốn người khác đều sợ mình, cung kính mình. “*Chẳng tự hổ thẹn, kiêng sợ*”, bản thân không biết xấu hổ, cũng không sợ hãi. “*Khó bề hàng phục, giáo hóa*”, loại người này không dễ gì hàng phục, giáo hóa, họ thường ôm lòng kiêu căng, tâm ngã mạn. “*Ý vào phước đức đời trước che chở*”, phước đức đã trồng ở đời trước, “che chở” nghĩa là bảo hộ, phước đức bảo hộ cho họ. “*Đời này làm ác*” thì phước đức không còn nữa, tiêu mất rồi. Khi phước đức của họ chưa tiêu hết, họ vẫn tiếp tục làm mưa làm gió, đến khi hết cạn rồi, thọ mạng hết rồi thì “*các điều ác bao vây*”, những điều ác họ đã làm lại đều quay trở về thân của chính họ.

“*Tên tuổi họ được thần minh ghi lại*”, thần minh đã đem tên tuổi và tội trạng của họ ghi chép vào sổ sách. “*Họa vong dẫn dắt, không cách nào xả bỏ được*”, tội nghiệp lôi kéo họ, họ không có cách nào thoát khỏi được, chỉ còn cách đi theo nghiệp báo. “*Chỉ vì việc làm trước kia mà vào trong vực lửa*”, vào trong núi đao, biển lửa,



sắt nung, chảo dầu, do tội nghiệp dẫn dắt nên họ phải chịu như vậy. “*Thân tâm tan nát*”, thân và tâm đều tan nát, đều vỡ vụn. “*Tâm thân, thân hình thống khổ*”, “*thần*” là tâm thần, “*hình*” là thân hình, thân và tâm đều khổ đến cực điểm. “*Lúc bấy giờ hối hận sao còn kịp nữa!*”, lúc này hối hận cũng không còn kịp nữa.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Kỳ ngũ giả, thế gian nhân dân tử ý giải đãi, bất khăng tác thiện, trị thân tu nghiệp. Phụ mẫu giáo hối, vi lệ phản nghịch, thí như oán gia, bất như vô tử. Phụ ân vi nghĩa, vô hữu báo thường. Phóng tử du tán, đam tửu thị mỹ, lỗ hồ để đột, bất thức nhân tình, vô nghĩa vô lễ, bất khả gián hiểu. Lục thân quyến thuộc, tư dụng hữu vô, bất năng ưu niệm. Bất duy phụ mẫu chi ân, bất tôn sư hữu chi nghĩa. Ý niệm thân khẩu, tăng vô nhất thiện. Bất tín chư Phật kinh pháp, bất tín sanh tử thiện ác, dục hại chân nhân, đẩu loạn Tăng chúng. Ngu si mông muội, tự vi trí tuệ, bất tri sanh tử luân hồi, tử sở thú hướng. Bất nhân, bất thuận, hy vọng trường sanh. Từ tâm giáo hối, nhi bất khăng tín, khổ khẩu dữ ngữ, vô ích kỳ nhân. Tâm trung bế tắc, ý bất khai giải. Đại mạng tương chung, hối cụ giao chí. Bất dự tu thiện, lâm thời nãi hối, hối chi ư hậu, tương hà cập hồ!**

*Điều thứ năm: Nhân dân trong thế gian chân chừ, giải đãi, không chịu làm lành, sửa thân, tu nghiệp. Cha mẹ dạy bảo thì chống đối, hỗn hào như là oán gia, chẳng bằng không con. Phụ ân bội nghĩa, không chút báo đền. Phóng túng, lêu lổng, mê rượu, tham vị ngon. Lỗ mãng, huênh hoang, càn quấy, không biết tình người, chẳng có lễ nghĩa, không thể khuyên can. Lục thân, quyến thuộc dù no hay đói, chẳng thèm nghĩ đến. Không nhớ ơn cha mẹ, không đoái hoài nghĩa thầy trò, bằng hữu. Thân khẩu ý chưa từng có một điều lành. Không tin kinh pháp của chư Phật, không tin sanh tử thiện ác, muốn hại chân nhân, náo loạn Tăng chúng. Ngu si mông muội tự cho là trí tuệ, không biết từ đâu sanh đến, chết sẽ đi về đâu. Bất nhân bất thuận lại muốn trường thọ. Thương xót khuyên dạy lại không chịu tin, rát miệng bảo ban cũng thành vô ích. Trong tâm bế tắc, ý không khai mở. Mạng chung cận kề, hối hận sợ hãi rối bời. Trước không tu thiện, sắp chết mới hối. Phút cuối ân hận, sao còn kịp nữa!*

Đoạn kinh văn này nếu dựa theo ví dụ ở trên để xét, phía trước nói đến bốn thứ tội lỗi là: giết, trộm, dâm, dối, thì cái thứ năm tự nhiên sẽ là lỗi uống rượu. Đây

là cách nói dựa theo ngũ giới. Nhưng kinh văn đã nói rất rõ là ba lỗi của ý, đó là: tham, sân, si. Kết hợp lại mà xem thì phẩm kinh văn này đã bao hàm viên mãn ngũ giới, thập thiện, đồng thời còn là phân khai thị cụ thể cho phước thứ nhất của Tam phước trong Quán Kinh.

Đoạn kinh văn này nhắc đến lỗi lầm, tai họa của điều ác thứ năm: mê rượu, tham vị ngon. Đối với điều ác thứ năm, đại đức xưa có hai cách nói:

Cách giải thích thứ nhất: ngài Tịnh Ảnh và Gia Tường giải thích thành ác nghiệp do uống rượu tạo nên. Cách giải thích thứ hai, Pháp sư Nghĩa Tịch nói: Ở đây chẳng phải chỉ nói đến tội lỗi của việc uống rượu trong ngũ giới, bởi vì trước đó đều đã nói đến ba lỗi của thân, bốn lỗi của miệng, nên điều ác thứ năm này là nói về ba lỗi của ý nghiệp: tham, sân, si. Nhìn chung đoạn kinh văn này thực tế từ trên thập thiện mà chỉ ra mười điều lỗi. Hai cách nói này đều đúng, cho nên chúng ta đều dùng.

Rượu có thể làm loạn tánh, nên sau khi uống rượu thì dễ nóng giận, đây chính là sân hận. Hoặc là uống rượu đến mức hồ đồ, nói lời sai, làm việc trái. Uống rượu xong ngủ mê mệt thì là ngu si. Uống rượu xong phóng túng, những việc bình thường có thể gìn giữ thì không còn gìn giữ được nữa. Quan hệ nam nữ luôn luôn đều do rượu gây ra, đây là tham ái. Rượu có thể sinh ra tham, sân, si. Sở dĩ xếp rượu vào một trong năm điều của ngũ giới chính là để ngăn ngừa họa hoạn khi chưa xảy ra.

*“Nhân dân trong thế gian chần chừ, giải đãi”*, “chần chừ” là do dự, “giải đãi” là lười biếng, *“không chịu làm lành”*, đối với việc làm thiện thì không nắm chắc chủ kiến, không muốn làm. Không chịu *“sửa thân, tu nghiệp”*, chính mình phải khắc chế bản thân, phải tu hành, làm những việc chính đáng, nhưng họ đều không có những quan niệm này.

Đối với lời dạy bảo của cha mẹ thì *“chống đối, hỗn hào”*. “Chống đối” là làm trái ngược, “hỗn hào” nghĩa là hung hăng phản đối, ngỗ nghịch bất hiếu cha mẹ, làm trái ý của cha mẹ. *“Như là oán gia, chẳng bằng không con”*, cha mẹ có đứa con như vậy thì khác nào oán gia đối đầu, chi bằng không có con.

*“Phụ ân bội nghĩa, không chút báo đền”*, “phụ ân” là cô phụ ân cha mẹ, “bội nghĩa” là làm trái lễ nghĩa, đạo nghĩa. Họ đối với cha mẹ không có sự báo đáp, không

có sự đền đáp. Mà lại “*phóng túng, lêu lổng*”, buông thả chính mình, ăn chơi, lêu lổng.

“*Mê rượu, tham vị ngon*”, ưa chè chén ham rượu, thích ăn món ngon. Ở đây nói đến rượu, tuy những điều chỉ ra thuộc ngũ giới, nhưng đồng thời cũng bao gồm thập thiện. Bởi vì từ nghĩa rộng mà nói thì tham sân si cũng bao gồm trong đó.

“*Lỗ mãng, huênh hoang, càn quấy*”, “lỗ mãng” là thô lỗ, đàn độn; “huênh hoang” là hồng hách. Kẻ ưa chè chén mê rượu thì không có trí tuệ gì cả, họ rất hồng hách. “Càn quấy” là xung đột.

“*Không biết tình người*”, chẳng hiểu tình người; “*chẳng có lễ nghĩa*”, không có nhân nghĩa, không có đạo nghĩa, không có lễ phép, không có lễ tiết; “*không thể khuyên can*”, loại người này không nghe khuyên, rất khó khiến họ hiểu ra.

“*Lục thân, quyến thuộc*”. Có hai cách giải thích từ “lục thân”. Cách giải thích thứ nhất là cha mẹ, anh, em, vợ, con. Cách giải thích thứ hai là ba thế hệ trên là: cha mẹ, ông bà, ông bà cố; cộng với ba thế hệ dưới là: con cái, cháu và chắt. Hai cách nói không như nhau nhưng dù sao cũng đều là những người chí thân. Ngoài lục thân ra thì chính là quyến thuộc. Đối với sự đói no đầy đủ hay không của lục thân quyến thuộc, hoàn toàn không để ý đến, không thể lo lắng cho họ.

“*Không nhớ ơn cha mẹ*”, chẳng hề ghi nhớ ân đức của cha mẹ, trong tâm không có ý niệm báo đáp ân cha mẹ. Cũng “*không đoái hoài nghĩa thầy trò, bằng hữu*”, đối với thầy cô, bạn bè không có đạo nghĩa.

“*Thân khẩu ý chưa từng có một điều lành*”, trên phương diện ý thức, hành vi, lời nói của bản thân không có một điều nào là thiện cả.

“*Không tin kinh pháp của chư Phật*”, kinh pháp của chư Phật đều không tin tưởng; cũng “*không tin sanh tử thiện ác*”, thiện ác chính là quả báo, sanh tử chính là luân hồi. Chẳng những không muốn người khác thoát sanh tử luân hồi, mà ngay cả chính mình cũng không quan tâm, sống ngày nào thì hay ngày đó, câu nói này có thể nêu rõ tâm thái của họ.

“*Muốn hại chân nhân*”, “chân nhân” là La-hán, như vậy cứ thế mà suy ra thì việc gì họ cũng dám làm, kẻ ưa chè chén thì không làm việc đàng hoàng, mà làm xằng làm bậy.

“*Náo loạn Tăng chúng*”, phá hòa hợp Tăng, khiêu khích ly gián. Hiện nay rất nhiều người thích làm sự việc như vậy.

“*Ngu si mộng muội tự cho là trí tuệ*”, “ngu si” là ngu muội, “mộng muội” là ám muội, tuy là như vậy nhưng họ vẫn cho rằng bản thân rất có trí tuệ. Người cho rằng chính mình rất có trí tuệ là kẻ ngu xuẩn nhất.

“*Không biết từ đâu sanh đến, chết sẽ đi về đâu*”, sanh từ đâu đến thì không biết, chết đi về đâu cũng không biết, đây là vấn đề sát sườn với chúng ta nhất.

“*Bất nhân bất thuận*”, không có tâm nhân ái, không hòa thuận. “*Lại muốn trường thọ*”, lưu luyện xác thân này, hy vọng trong đời này được sống lâu, hưởng thụ nhiều.

“*Thương xót khuyên dạy lại không chịu tin*”, buốt lòng rát miệng nói với họ, nhưng họ cho rằng chẳng có ích lợi gì cả, họ nghe không vào. “*Trong tâm bế tắc*”, tâm của họ là vật đựng đã đầy tràn, giống như miệng bình có cái nút bít, nước cam lộ không thể nào rót vào được. “*Ý không khai mở*”, khăng khăng giữ ý kiến của mình, cho nên không thể khai mở. “*Mạng chung cận kề*”, đến khi thọ mạng hết rồi thì “*hối hận sợ hãi rớt bời*”, hối hận và sợ hãi đều đến. “*Trước không tu thiện, sắp chết mới hối. Phút cuối ân hận, sao còn kịp nữa!*”, sự việc đã xảy ra rồi, hối hận còn kịp nữa chẳng?

Khi viết bản thảo bài giảng này, tôi có một cảm giác sợ toát mồ hôi, bởi vì những điều đã nói đều là đời sống hiện thực thật sự của chúng ta, lục đạo luân hồi quá đáng sợ! Thật sự muốn ra khỏi luân hồi, chấm dứt sanh tử thì lão pháp sư khuyên chúng ta hãy nghiêm túc tu Tịnh độ. Vì sao vậy? Tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là đạo khó hành, không dễ thành tựu. Pháp môn Tịnh độ là đạo dễ hành, dễ thành tựu, nhưng rất khó tin, khó tin mà dễ hành. Chúng ta học kinh giáo để làm gì? Chính là để giúp chúng ta nhận biết Tịnh độ, giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, đảm bảo bạn vãng sanh thế giới Cực Lạc, thân cận A-di-đà Phật.

Du-già Sư Địa Luận có câu nói như sau, đủ để cho chúng ta đề cao cảnh giác: “Trong các loại ái thì ái dục là nghiêm trọng nhất”. Nhà Phật không gọi là “ái”, mà gọi là “tù bi”, từ bi là tình thương có lý trí, bên trong không có tình, không có dục, tình thương này được gọi là từ bi. Phật Bồ-tát đại từ đại bi, phổ độ chúng

sanh, dạy chúng ta rằng: trong các loại ái thì ái dục là nghiêm trọng nhất. Tình dục là thứ rắc rối nhất. Có câu nói thế này: “Nếu có thể trị được ái dục thì tự nhiên hàng phục được những thứ khác”. Nghĩa là nói, nếu bạn có thể hàng phục được ái dục thì những thứ khác thấy đều hàng phục được.

Ái dục có ba điều sai lầm.

Điều thứ nhất: khổ mà tưởng là vui, đây là nói về sai lầm. Tình dục là khổ, khổ nhiều vui ít. Chữ “ái” này rất rõ rệt, từ xưa đến nay chúng ta xem những tác phẩm còn lưu lại của các văn nhân tài tử, ái tình đã mang đến cho họ biết bao đau khổ về tinh thần, mang đến cho họ biết bao tai nạn! Họ không giác ngộ, đến chết cũng không tỉnh ngộ ra, thật là khổ. Vậy làm sao đây? Mang theo đến kiếp sau vậy. Sự việc nào trên thế gian là vui nhất? Niệm Phật là vui nhất, niệm Quán Âm Bồ-tát là vui nhất.

Điều thứ hai là ít thú vị, nhiều tai họa. Đó là tai họa, chẳng phải là việc tốt đẹp.

Điều thứ ba: bất tịnh mà tưởng là tịnh. “Lại nói, vì sao mê đắm thú vui nhỏ bé trong sát-na ấy để rồi phải chịu lấy cái khổ lớn đời đời?” Đây cũng là điều mà trong Du-già Sư Địa Luận nói: mỗi câu đều là lời thật.

Có ba câu nói trong kinh Ha Dục như sau: mỗi câu đều là lời thật, có thể gọi là chân ngôn; mỗi câu đều đáng cho chúng ta ghi nhớ suốt đời, niệm niệm không quên, niệm niệm không phạm. Làm thế nào làm được niệm niệm không phạm? Trong 24 giờ một câu Phật hiệu không gián đoạn, Tịnh nghiệp thành tựu thì giải quyết hết tất cả vấn đề.

Nữ sắc là gông cùm của thế gian, phàm phu tham luyện nó, không thể tự mình dứt ra được. Nữ sắc là mối họa nghiêm trọng của thế gian, phàm phu vì nó mà khốn đốn, đến chết cũng không tránh được. Nữ sắc là tai họa suy bại của thế gian, phàm phu dây vào nó thì không tai ách nào chẳng kéo đến. Người vượt qua được cửa ái nữ sắc thì mới là bậc trượng phu.

Tiết học ngày hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 83

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Thiên địa chi gian, ngũ đạo phân minh, thiện ác báo ứng, họa phước tương thừa, thân tự đương chi, vô thù đại giả. Thiện nhân hành thiện, từng lạc nhập lạc, từng minh nhập minh. Ác nhân hành ác, từng khổ nhập khổ, từng minh nhập minh. Thù năng tri giả? Độc Phật tri nhĩ. Giáo ngữ khai thị, tín hành giả thiếu, sanh tử bất hưu, ác đạo bất tuyệt. Như thị thế nhân, nan khả cụ tạn, cố hữu tự nhiên tam đồ, vô lượng khổ não, triển chuyển kỳ trung, thế thế lũy kiếp, vô hữu xuất kỳ, nan đắc giải thoát, thống bất khả ngôn!**

*Trong vòng trời đất, năm đường phân minh, thiện ác báo ứng, họa phước nói nhau, thân tự chịu lấy, không ai thay được. Người thiện hành thiện thì từ vui vào vui, từ sáng vào sáng. Người ác làm ác thì từ khổ vào khổ, từ tối vào tối. Ai hay biết được? Chỉ Phật biết thôi. Khai thị chỉ dạy, người tin hành theo chỉ là số ít, nên sanh tử không thôi, ác đạo chẳng dứt. Người đời như vậy, khó mà kể hết, nên tự nhiên có ba đường ác, vô lượng khổ não, xoay vần trong đó, đời đời kiếp kiếp, chẳng có kỳ hạn ra khỏi, khó được giải thoát, khổ không tả xiết!*

Tiếp theo sẽ giải thích một chút đoạn kinh văn này.

*“Trong vòng trời đất, năm đường phân minh”*

“Trong vòng trời đất” chính là thế gian, “năm đường” chính là lục đạo, thông thường lược bỏ bớt đường A-tu-la. Trong kinh Lăng-nghiêm, Phật nói: Trên trời có A-tu-la, cõi người có A-tu-la, súc sanh có A-tu-la, cõi ngạ quỷ cũng có A-tu-la, chỉ có địa ngục không có A-tu-la. A-tu-la ở trong đường nào thì tính theo đường đó, chứ không xếp riêng ra một cõi. Thế nên ở đây nói “năm đường phân minh”. Hai câu kinh văn này nói với chúng ta, ở thế gian này, năm đường là trời, người, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục được phân chia rõ ràng, sáng tỏ.

*“Thiện ác báo ứng, họa phước nói nhau”*

Tu thiện thì được phước, tạo ác thì gặp họa, quả báo mà chúng sanh đạt được cũng là khổ vui nói tiếp nhau, họa phước theo sát nhau. Bởi vì những việc thiện

ác mà tất cả chúng sanh đã tạo đều là xen tạp, nên quả báo đạt được thì hoặc là họa trước phước sau, hoặc là phước trước họa sau. Những nhân quả này đều phức tạp, rối rắm. “Họa phước nối nhau” là do sự chuyển biến của ý niệm thiện-ác mà quả báo họa-phước có sự chuyển đổi qua lại.

*“Thân tự chịu lấy, không ai thay được”*, Phật đã nói ra chân tướng sự thật trong lục đạo là: tự làm tự chịu, tự mình gánh lấy, không ai có thể gánh thay cho bạn được.

*“Người thiện hành thiện thì từ sướng vào sướng, từ sáng vào sáng”*

Những việc người thiện làm đều là đường thiện, việc mà họ làm vốn là rất vui sướng. Người xưa nói: làm thiện là vui nhất. Thật sự giúp đỡ người khác, thật sự làm việc tốt, làm lợi ích chúng sanh thì đây là vui nhất. “Từ sáng vào sáng”, từ quang minh lại tiến vào quang minh. Người thiện lại tiếp tục hành thiện, sau cùng có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc, chính là từ sáng vào sáng, vĩnh viễn được đại quang minh, đại an lạc.

*“Người ác làm ác thì từ khổ vào khổ, từ tối vào tối”*

Thứ mà kẻ ác tạo là ác nghiệp, gieo nhân ác thì nhất định bị quả báo ác, bị sự nghèo cùng, hạ tiện của đời này bức não thân tâm. Ba nghiệp đều bất thiện mà tự cho mình thông minh, cho nên tiền đồ của họ càng lúc càng gian nan, từng bước đọa lạc, càng lúc càng khổ, tâm trí càng lúc càng hồ đồ, càng lúc càng điên đảo. Hãy xem tình hình hiện nay của chúng ta, chẳng phải là như vậy đó sao? Người tuổi tác cao một chút liệu có bao nhiêu người thần trí vô cùng tinh táo, không mê hoặc, không điên đảo? Một khi mê hoặc điên đảo thì nhất định từ khổ vào khổ, từ tối vào tối, lúc bấy giờ hối hận không còn kịp nữa.

Lại ngu muội không tin chánh pháp, đời sau chịu hậu quả càng lớn, càng khổ sở hơn, sau cùng rơi vào địa ngục, rơi vào địa ngục thì lại càng tàn sát lẫn nhau. Trong địa ngục chẳng những đầu trâu mặt ngựa đến giết hại bạn, mà chúng sanh trong đó va chạm vào nhau cũng đều không nhẫn chịu nổi, đôi bên báo thù, giết hại lẫn nhau. Giống như chim sẻ trong lồng lúc phóng sanh mổ dữ dội vào đầu của đối phương, có con bị mổ nát đầu. Bởi vì chúng rất khổ, không thể bay lượn, cho nên chúng uất hận. “Từ khổ vào khổ, từ tối vào tối”, sống trong sự tối tăm, mỗi ngày một tăm tối. Chân tướng của những sự tình này ai hay biết được?

*“Chỉ có Phật biết thôi”*

Chỉ có Phật có thể nói ra, khai thị chỉ dạy cho chúng sanh, nhưng người có thể tin, có thể tiếp nhận thì vô cùng ít ỏi. *“Nên sanh tử không thôi, ác đạo chẳng dứt”*, sanh tử luân hồi không có ngừng nghỉ, ác đạo cũng không cắt đứt, địa ngục chẳng thể trống không.

*“Người đời như vậy, khó mà kể hết”*, người như vậy, sự việc như vậy ở thế gian nói không hết nổi. Cho nên tự nhiên có ba đường ác, có vô lượng khổ não, mọi người xoay vần ở trong đó. *“Đời đời kiếp kiếp, chẳng có kỳ hạn ra khỏi”*, bao nhiêu đời, bao nhiêu kiếp đều chưa từng ra khỏi. *“Khó được giải thoát, khổ không tả xiết!”*, không dễ dàng đạt được giải thoát, nỗi khổ đau này chẳng thể nói nổi.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Như thị ngũ ác, ngũ thông, ngũ thiêu, thí như đại hỏa, phần thiêu nhân thân. Nhược năng tự ư kỳ trung, nhất tâm chế ý, đoạn thân chánh niệm, ngôn hành tương phó, sở tác chí thành, độc tác chư thiện, bất vi chúng ác, thân được độ thoát, hoạch kỳ phước đức, khả đắc trường thọ, Nê-hoàn chi đạo. Thị vi ngũ đại thiện dã.**

*Ngũ ác, ngũ thông, ngũ thiêu như thế ví như lửa lớn thiêu đốt thân người. Nếu có thể tự ở trong đó nhất tâm chế ý, đoạn thân chánh niệm, ngôn hạnh tương xứng, việc làm chí thành, chỉ làm các việc lành, không làm các điều ác, thân được độ thoát, đạt được phước đức, có thể trường thọ, chứng đạo Nê-hoàn. Đây là năm điều đại thiện.*

*“Ngũ ác, ngũ thông, ngũ thiêu như thế”*, phần trước chúng tôi đã nói ngũ ác là nhân, ngũ thông chỉ cho quả báo hiện đời, ngũ thiêu chỉ cho ác báo nơi ba đường ác trong đời sau. *“Ví như lửa lớn thiêu đốt thân người”*, đây là tỉ dụ cho ác nhân gặt ác báo, giống như lửa lớn thiêu đốt thân thể của người còn sống, bản thân đùa với lửa lại tự thiêu chính mình, không thiêu người khác. Đây gọi là tự ủ rượu đắng cho mình uống. Người học Phật phải biết sự đáng sợ của nhân quả báo ứng, phải biết ở thế gian này làm thế nào đối nhân, xử thế, tiếp vật; phải biết làm thế nào đoạn ác, tu thiện. Phật dạy chúng ta phương pháp đoạn ác tu thiện, Phật dạy chúng ta phương pháp lìa khổ được vui, tiếc rằng chúng ta không tin, không làm theo.



*“Nếu có thể tự ở trong đó nhất tâm chế ý”*

“Chế ý” chính là kiểm soát được ý niệm của chính mình. Trước tiên phải phát hiện được tật xấu của chính mình rốt cuộc ở đâu, ai cũng đều có tập khí khuyết điểm, mỗi người đều không như nhau. Trước hết phải kiểm soát được tập khí tật xấu chủ đạo, không cần quản mấy thứ cành nhánh. Cần phải làm tốt sự việc này trước khi khai ngộ. Nếu không thể khai ngộ thì phải biết tư tưởng và kiến giải của mình sai lầm ở đâu. Bệnh chung của người thế gian là lừa mình dối người. Muốn nhận thức chính mình là sự việc rất không dễ dàng. Tập khí của nghiệp khiến bạn không dễ dàng gì nhận thức được chính mình, đã lừa gạt chính mình trước, sau đó mới có thể lừa gạt người khác. Trên đời không có người nào mà không lừa dối chính mình. Tự biết chính mình thì gọi là “anh”, tự mình làm được thì gọi là “hùng”. Người mà có thể biết rõ chính mình thì đó là nhân vật anh hùng, không phải là người thường, phải biết điều này. “Nhất tâm chế ý”, toàn bộ tâm đều đặt vào sự việc này, chẳng phải là ba tâm hai ý, lúc có lúc không. “Đoan thân chánh niệm”, thân phải đoan, niệm phải chánh.

*“Ngôn hạnh tương xứng, việc làm chí thành”*

Nói đúng như việc đã làm, làm đúng như điều đã nói, lời nói đi đôi với việc làm, dùng việc làm để thực hiện lời nói. Phải thành thật không lừa dối, không được giả dối. Đối người, đối việc, đối vật đều dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi.

*“Chỉ làm các việc lành, không làm các điều ác”*

Phải “không làm các việc ác, vâng làm các việc lành”. Cho dù tất cả mọi người đều tạo ác thì mình làm việc thiện của mình, cũng không trở ngại người khác. Mọi người làm ác, cũng không cần đi khuyên họ. Bỏ-tát thuyết pháp phải quán cơ, nếu họ chịu nghe khuyên thì hãy khuyên họ, không nghe khuyên thì đừng khuyên họ. Khuyên họ thì sẽ sinh phản tác dụng, khiến họ tội chồng thêm tội; chỉ bằng đừng để ý đến họ, bạn làm việc của bạn, tôi làm việc của tôi, đôi bên không trở ngại lẫn nhau thì mới có thể thật sự hài hòa.

Một việc rất quan trọng trong việc học Phật đó là đừng khiến người sanh phiền não. Phật pháp vốn được kiến lập dựa trên lý trí, trên nền tảng của trí tuệ, thông

quyền đạt biến, tất cả hoàn cảnh đều có thể ứng phó dễ dàng, đều có thể được đại tự tại, đây mới là khéo học Phật pháp.

*“Thân được độ thoát, đạt được phước đức, có thể trường thọ, chứng đạo Nê-hoàn”*

Người khéo học Phật pháp nhất định là người giác ngộ, người sáng tỏ, bản thân biết đoạn ác tu thiện, biết niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Không trở ngại bất kỳ người nào, có thể chung sống với bất kỳ người nào, trong bất kỳ hoàn cảnh nào thì chính mình mới được độ thoát, mới có thể phước huệ song tu, mới có thể vãng sanh Tịnh độ. Sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc bèn chứng vô lượng thọ. “Nê-hoàn” chính là đại Niết-bàn, viên mãn thành Phật, đây là đạo Niết-bàn. “*Đây là năm điều đại thiện*”, đem năm điều ác chuyển trở lại thì chính là năm điều thiện lớn.

Ở trên chúng tôi nói đến nhân thiên thừa. Một người làm thế nào để làm người tốt, hành thiện như thế nào? Có người xem thường nhân thiên thừa, cho rằng thừa này rất cạn, chúng tôi xin nêu một công án:

Năm xưa thiền sư Ô Sào có một vị đệ tử tên là Hội Thông. Một ngày nọ, Hội Thông đến từ biệt thầy, nói muốn đến nơi khác để cầu Phật pháp. Thiền sư Ô Sào nói: Sao con không nói sớm, ở chỗ thầy đây có Phật pháp. Hội Thông bèn quỳ xuống đất khấu đầu cầu pháp. Thiền sư bèn tìm một sợi lông vải trên áo của ngài thối một cái, sợi lông vải bay mát, Hội Thông liền khai ngộ. Sự việc này truyền đến tai Bạch Cư Dị biết được, Bạch Cư Dị đang viết Tỳ Bà Hành, ông đã bỏ lên núi gặp thiền sư Ô Sào, hy vọng ngài có thể thối một sợi lông vải cho mình. Thiền sư nói với ông: Đừng làm các việc ác, vâng làm các việc lành. Bạch Cư Dị nghe rồi không hài lòng nói: Hai câu này đưa trẻ lên ba cũng biết nói. Thiền sư bảo: Đưa trẻ lên ba cũng nói được, ông lão tám mươi làm không xong. Đây chính là nói, người học Phật đã 80 tuổi đối với “không làm các điều ác, vâng làm các việc lành” vẫn chưa làm được điều này. Ở đây Bạch Cư Dị đã có sự phân biệt, ông cho rằng hai câu này cạn cợt, còn việc thối lông vải thì sâu xa, đâu biết rằng “không làm các điều ác, vâng làm các việc lành” và việc thối lông vải nơi thiền sư Ô Sào là bình đẳng, là không hai. Thiền sư không hề xem thường người khác, mà thuyết pháp tùy theo căn cơ. Hai người này: kẻ mê, người ngộ, khác nhau trời vực. Đối với người giác ngộ thì pháp pháp đều viên mãn, nhân thiên thừa chính là Phật thừa.

“Trước thế ác khổ” mà phẩm kinh văn này nói đều là sự tướng, trên thực tế cũng hiển bày trọn vẹn tâm của chính mình. Đừng cho rằng chỉ có sự trang nghiêm của thế giới Cực Lạc là “nhờ y chánh ấy để hiển bày tự tâm của mình”, mà các loại tình trạng nơi địa ngục trong kinh Địa Tạng đều là tự tâm. Cho nên tất cả những điều được nói ở đây đều là tự tâm.

Di-đà Yếu Giải nói: “Ta-bà chính là uế độ do tự tâm chiêu cảm, nên đối với sự uế ác trong tâm đáng lý phải nên chán lìa; Cực Lạc chính là cõi tịnh do tự tâm chiêu cảm, nên đối với sự thanh tịnh của tự tâm đáng lý phải nên hâm cầu. Chán cõi uế thì phải xả bỏ cho rốt ráo, mới không còn gì để xả. Hâm cầu cõi tịnh thì phải nắm giữ cho rốt ráo, mới không còn gì để nắm giữ”.

Cho nên Diệu Tông Sao nói: “Nếu sự lấy bỏ đã đạt đến cùng cực thì cùng với không lấy-không bỏ cũng chẳng khác biệt nhau”. Nếu không dựa trên sự để lấy bỏ, không có tâm hâm mộ Cực Lạc, chán lìa Ta-bà, chỉ nói là “không lấy, chẳng bỏ” thì đây gọi là chấp lý phế sự. Chấp trước vào lý mà phế bỏ sự thì lý này không trọn vẹn, bởi vì bạn không hiểu được rằng “toàn sự tức là lý”, toàn bộ sóng chính là nước. Sóng là sự tướng, nước là bản thể, toàn bộ sóng đều là nước. Cho nên nếu hiểu được toàn sự tức là lý thì nắm lấy cũng là lý, mà xả bỏ cũng là lý. Lấy và bỏ thấy đều là pháp giới.

Đoạn lời nói này của đại sư Ngẫu Ích vô cùng thù thắng, là từ trong đại quang minh tạng mà tự nhiên lưu xuất ra. Di-đà Yếu Giải là do đại sư viết ra trong chín ngày. Đại sư Hám Sơn lúc viết Lăng-nghiêm Kinh Thông Giải có một chuẩn tắc, đó là: hễ là thứ từ trong đầu óc nghĩ ra thì đều không dùng. Đây mới thật sự là “cẩn thận chớ tin vào ý của ông”. Bởi vì thứ từ trong đầu óc nghĩ ra thì đều là ý.

Đại sư Ấn Quang khai thị:

“Đừng làm các việc ác, vâng làm các việc lành. Khởi một niệm tâm bất chánh thì chính là ác, buộc phải tẩy trừ sạch sẽ”.

“Đừng làm các việc ác, vâng làm các việc lành, hết thấy thiện pháp đều phải tu, hết thấy ác pháp đều phải đoạn, đó là giới kinh giản lược của Phật giáo”.

“Phải biết, nếu ba nghiệp thân khẩu ý đều là ác thì không có ác nào lớn hơn; nếu ba nghiệp đều là thiện thì không có thiện nào lớn hơn nữa”.

Tôi đã giảng xong kinh văn phẩm thứ 35.

Tiếp theo xin quy nạp trọng điểm của phẩm kinh văn này một chút. Trọng điểm của kinh văn phẩm thứ 35, phẩm kinh văn này có 12 trọng điểm như sau.

Trọng điểm thứ nhất: Chúng ta sống trên thế gian này, đây là thế gian như thế nào? Đặc điểm nổi bật của nó là gì? Bản thân bạn có cảm nhận như thế nào? Thế gian mà chúng ta sinh sống là trược thế, là loạn thế, là một thế gian mà thân tâm đều không được an ổn. Đặc điểm nổi bật của nó giống như ba chữ trên tựa đề của phẩm kinh này là: trược, ác, khổ.

Trọng điểm thứ hai: Phật vì sao đến thế giới khổ nạn lớn nhất, có đủ năm loại xấu ác này? Chúng sanh của thế giới này có đặc điểm gì? Bạn có lĩnh hội gì cho bản thân không? Chúng sanh của thế giới này đặc biệt khó giáo hóa. Mười phương thế giới người thiện nhiều, người ác ít, rất dễ dàng khuyên bảo dẫn dắt giáo hóa, duy chỉ có chúng sanh của thế giới này thiện ít, ác nhiều, lại còn càng càng khó giáo hóa. Phật đến thế gian này giáo hóa chúng sanh, khiến bỏ năm điều ác, trừ năm sự thống khổ, lìa năm sự thiêu đốt, hàng phục chuyển hóa tâm ý chúng sanh, khiến họ vâng giữ năm điều lành, đạt được phước đức.

Trọng điểm thứ ba: Phật vì sao dạy chúng sanh đoạn tâm chánh ý? Chúng ta nên làm thế nào để đoạn tâm chánh ý?

Trọng điểm thứ tư: Thế nào là niềm vui thật sự? Niềm vui mà bạn truy cầu là gì? Nếu truy cầu được đến tay mình rồi liệu bạn có vui không? Bạn hiểu niềm vui của Không tử và Nhan Hồi như thế nào?

Trọng điểm thứ năm: Vì sao trong ngũ ác đầu tiên nêu lên sát sanh là việc ác hàng đầu? Mời bạn liệt kê ra ác báo của sát sanh là gì? Có thể nêu ra mấy điều thì hãy nêu ra.

Trọng điểm thứ sáu: Bạn làm thế nào lý giải câu nói “Bồ-tát sợ nhân, phàm phu sợ quả”? Bạn là phàm phu hay là Bồ-tát? Thiện ác chung quy vẫn phải chịu quả báo, quả báo của bạn quy về đâu vậy?

Trọng điểm thứ bảy: Phạm vi của trộm rất rộng, trước đây chúng ta không biết, hiện nay chúng ta đã học phẩm kinh văn này, hãy đối chiếu một chút, mời bạn hãy nêu ra căn kẽ một chút những việc mà bạn cho là trộm là những việc nào?

Trọng điểm thứ tám: Phật dựa vào điều gì để độ chúng sanh? Đối tượng độ thoát là ai? Phật dựa vào dạy học, giảng kinh thuyết pháp để độ chúng sanh. Trong

cửa Phật nếu không giảng kinh thuyết pháp thì không phải là chánh nghiệp. Phật ở cõi người giảng kinh thuyết pháp, đối tượng độ hóa là con người, chứ không phải chúng sanh khác. Nói theo hiện nay là phải làm rõ phạm vi trách nhiệm quyền hạn của bản thân, không được vượt quá quyền hạn. Trong lục đạo đều có Phật Bồ-tát ở trong đó giáo hóa chúng sanh, đừng trông trọt ruộng nhà người, bỏ hoang ruộng nhà mình.

Trọng điểm thứ chín: Hiện nay thế giới này đã loạn, loạn đến mức không ra gì như vậy, truy cứu căn nguyên nguồn gốc thì căn nguyên do đâu, nguồn gốc ở đâu?

Trọng điểm thứ mười: Tội lỗi của vọng ngữ, tội lỗi ở chỗ nào? Nghiệp quả của nó là gì? Hãy xét lại xem, bạn đã phạm những điều nào? Vọng ngữ có 10 tội, bạn đã phạm mấy tội rồi?

Trọng điểm thứ mười một: Đối với tội lỗi, tai họa của ngũ ác, đại đức xưa có hai cách giải thích, hai cách nói này đều đúng, chúng ta đều dùng cả hai, bạn có tán thành không?

Trọng điểm thứ mười hai: Trong các loại ái thì ái dục là nghiêm trọng nhất. Ái dục có ba điều sai lầm, bạn biết là ba sai lầm nào không? Bạn làm thế nào nhận thức và xử lý vấn đề này?

## **TRỪNG TRỪNG HỎI MIỄN ĐỆ TAM THẬP LỤC**

Phẩm kinh văn trước, Thế Tôn nêu rõ cho chúng ta ác nhân, ác báo. Phẩm kinh văn này nối tiếp phẩm kinh văn phía trước, Thế Tôn dạy chúng ta phải biết cảnh giác, biết ngăn ngừa, kiêng sợ; khuyên dạy chúng ta chánh tâm, thành ý; sách tấn chúng ta đoạn ác, tu thiện, tương lai đạt được quả báo, lợi ích thù thắng không thể nghĩ bàn. Ngôn từ tràn đầy lòng từ bi tha thiết của Thế Tôn khiến người cảm động sâu sắc.

Tựa đề của phẩm này là “Bao Lượ Khuyên Lơn”, là hết lần này đến lần khác, hết lượ này đến lượ khác, hết lớp này đến lớp khác mà khuyên cáo, khuyên nhủ mọi người đừng ác, hành thiện. Sự khuyên lơn như vậy, Thế Tôn không biết đã nói bao nhiêu lần rồi. Đọc tựa đề của phẩm kinh này, chúng ta có cảm nhận được lòng từ bi vô hạn của Phật hay không? Phật vì sao làm như vậy? Vì mong mỗi hết thảy đều thành Phật. Chúng ta có thể sanh khởi tâm cảm ân đối với Phật hay không? Phật không cần chúng ta cảm ơn, nhưng chúng ta chẳng thể làm kẻ vong ơn, không biết

on, không cảm ân, không báo ân được. Làm thế nào tri ân báo ân? Đời này thành trụ, dứt sanh tử, thoát luân hồi, ra khỏi mười pháp giới, trở về Tây Phương Tịnh Độ, thân cận A-di-đà Phật.

Mời xem kinh văn bên dưới:

**Phật cáo Di-lặc: Ngô ngữ như đặng, như thị ngũ ác, ngũ thống, ngũ thiêu, triển chuyển tương sanh. Cảm hữu phạm thử, đương lịch ác thú. Hoặc kỳ kim thế, tiên bị bệnh ương, tử sanh bất đắc, thị chúng kiến chi. Hoặc ư thọ chung, nhập tam ác đạo, sâu thống khóc độc, tự tương tiêu nhiên.**

*Phật bảo Di-lặc: “Ta bảo các ông, những ngũ ác, ngũ thống, ngũ thiêu như thế xoay vần mà sanh ra nhau. Nếu dám phạm các điều ấy thì sẽ trải thân trong đường ác. Hoặc hiện đời trước hết bị bệnh hoạn tai ương, cầu sống không được cầu chết không xong, để làm gương cho kẻ khác thấy. Hoặc khi mạng chung đọa vào ba đường ác, sâu đau khóc độc, tự tương đốt nhau.”*

Đoạn kinh văn này, Thế Tôn dùng sự thật “nhân quả cùng sanh ra nhau” để dạy dỗ chúng ta. Ngũ ác là nhân, ngũ thống, ngũ thiêu là quả báo. Ngũ thống là hiện báo của đời này, chúng ta thông thường gọi là “báo ứng hiện đời”. Ngũ thiêu chính là quả báo ở địa ngục, vì sao quả báo ở địa ngục được gọi là ngũ thiêu? Bởi vì địa ngục là hiện tượng do tâm sân hận chiêu cảm, nóng giận chính là lửa, cho nên thứ mà địa ngục hiện ra toàn là lửa lớn. Vậy nên hễ đọa địa ngục thì bị quả báo ngũ thiêu, cực kỳ đau khổ. Ở đây Thế Tôn đã nói ra hết tình trạng của xã hội hiện nay rồi.

*“Phật bảo Di-lặc”*

Bởi vì ngài Di-lặc là người đương cơ, cho nên Phật bảo Di-lặc. Phật là Phật hiện tại, ngài Di-lặc là Phật tương lai, đây là Phật hiện tại đang dặn dò Phật tương lai, ý nghĩa rất sâu xa.

*“Ta bảo các ông”*

Ta nói với các ông những ngũ ác, ngũ thống, ngũ thiêu như thế xoay vần mà sanh ra nhau. Bởi vì các ông tạo ngũ ác, hiện đời thọ báo chính là ngũ thống, đời sau thọ báo thì chính là ngũ thiêu, đây là do làm ác mà sanh ra đau khổ, sanh ra sự thiêu đốt.

*“Xoay vắn mà sanh ra nhau”*

Chính là lần lượt xoay vắn, giống như bánh xe lên xuống xoay vắn tuần hoàn. Làm ác sanh ra đau khổ, sanh ra thiêu đốt; đau khổ, thiêu đốt lại sanh ra làm ác, đây gọi là “xoay vắn mà sanh ra nhau”, tuần hoàn vô hạn, không có kết thúc. Lúc chúng sanh quá khổ thì sẽ giết hại, tổn thương lẫn nhau, đây cũng là một nguyên nhân mà chúng sanh ở địa ngục khổ. Hai bên đều ở trong sự thống khổ cùng cực, người này va vào người kia một chút thì đều không chịu đựng nổi, phải báo thù gấp bội. Bởi vì họ đang ở trong cảnh khổ đau thiêu đốt, nên không hề biết phải hồi hận, chỉ biết tăng thêm sự sân hận, ngu si của họ một cách gay gắt hơn. Cột đồng nung đỏ trong địa ngục, tội nhân không cần tiểu quỷ xô họ vào đó, mà do họ nhìn thấy đó là một mỹ nữ, tiến đến ôm vào liền bị thiêu chết. Sau khi bị thiêu chết lại không nhận đó mà tỉnh ngộ, lần sau đừng đến ôm nữa. Sau khi họ sống lại thì lại nhìn thấy mỹ nữ, lại đi đến ôm, lại bị thiêu chết, không bao giờ dứt, như vậy xoay vắn mà sanh ra nhau, giống như gà đẻ trứng, trứng lại sanh ra gà.

*“Nếu dám phạm các điều ấy thì sẽ trải thân trong đường ác”*

Nếu dám phạm ngũ ác, chính là năm ác nghiệp giết, trộm, dâm, dối, uống rượu ở trên nói thì nhất định phải thọ ác báo. Bất kể bạn có thọ giới hay không thì đều là ác.

*“Hoặc hiện đời trước hết bị bệnh hoạn tai ương”*

“Bị” nghĩa là nhận lấy, đời này sẽ nhận lấy bệnh khổ, họa hại. “Ương” là thống khổ, tai họa, bất luận là nhân vật lớn hay nhỏ, nếu dám làm những việc này thì sẽ “hoặc hiện đời trước hết bị bệnh hoạn, tai ương”, mà còn “cầu sống không được cầu chết không xong, để làm gương cho kẻ khác thấy”.

Hoàng Niệm lão nêu ra hai ví dụ thực tế cho chúng ta.

Ví dụ thứ nhất: Ở Bắc Kinh có một Hòa thượng lớn rất nổi tiếng, sau khi bị bệnh thì vào bệnh viện, trên người cắm năm cái ống, bị như vậy rất lâu, ông rất đau khổ, thật sự không thể chịu được, nên tự mình giựt ra. Thế nhưng bên cạnh có người lập tức cắm lại vào người ông, cầu sống không được, cầu chết không xong, không được tự do. Ông muốn giựt ống ra nhưng đều không được, người khác lại cắm vào người ông. Lúc sanh tiền ông rất nổi tiếng, nhưng sau khi chết thì vẫn phải trầm luân đọa vào đường ác. [Thế thì] sự nổi tiếng có ích gì đâu!

Ví dụ thứ hai: Ngôi chùa nọ có một người làm phương trượng, tiếng kêu thảm thiết của ông cả con đường đều có thể nghe thấy, đưa vào bệnh viện thì ông không đau, không kêu nữa, trở về nơi mình ở thì lại rên la, lại đưa vào bệnh viện. Bác sĩ nói: ông ấy không có bệnh thì sao nhận được. Không nhận thì phải về nhà, cứ lặp đi lặp lại như vậy rất nhiều lần, sau cùng sống sờ sờ như vậy mà gọi là chết rồi, quả thật là địa ngục sống!

Cho nên, tuyệt đối đừng cho rằng đệ tử Phật thì nhất định là đi về đường thiện, điều này hoàn toàn không hẳn như vậy, vì họ đã thọ giới lại cộng thêm tội phá giới nữa. Trì giới hành thiện thì có công đức của hành thiện, còn có công đức của trì giới. Công đức của trì giới tuy rằng rất lớn, nhưng làm ác phá giới thì đồng với tội báo của địa ngục. Làm ác như thế, đời này hiện ra quả báo như vậy. Hoặc là đời này, hoặc khi mạng chung đều phải đọa vào ba đường ác, cầu sống không được, cầu chết không xong. Loại người này sau khi hết thọ mạng thì chỉ có ba đường ác, như trong kinh nói là “*sầu đau khốc độc*”, “khốc độc” là một loại độc cực kỳ lợi hại, cực kỳ nghiêm trọng. Trong sự ưu sầu thống khổ như vậy “*tự thiêu đốt nhau*”, “thiêu” là bị đốt cháy, “đốt” và thiêu đốt là như nhau. Lửa nghiệp của chính mình thiêu đốt lẫn nhau, bạn đốt tôi, tôi đốt bạn.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Cộng kỳ oán gia, cánh tương sát thương, từng tiểu vi khởi, thành đại khốn kịch.**

*Cùng với oán gia giết hại, tổn thương lẫn nhau, bắt đầu từ chút việc nhỏ nhất, trở thành nỗi khốn khổ kinh khủng.*

“*Cùng với oán gia giết hại, tổn thương lẫn nhau*”, người có oán với bạn trong ba đường ác, hai bên đều là: người giết ta thì ta giết người.

“*Bắt đầu từ chút việc nhỏ nhất, trở thành nỗi khốn khổ kinh khủng*”

Bồ-tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả, quả báo vô cùng đáng sợ. Chúng sanh không biết vì sao bị quả báo này, bởi vì đã gieo nhân như vậy, và lại luôn luôn là nhân nhỏ quả lớn. Hành thiện, làm ác đều là như vậy. Gieo một hạt lúa mạch thì trở ra một bông lúa, đây là quy luật tự nhiên. Gieo một hạt đào thì lớn lên thành một cây đào, trái đào kết quả đầy cây. Bắt đầu từ chút việc nhỏ nhất, khởi điểm từ một việc



rất nhỏ mà trở thành nổi khốn khổ kinh khủng. Trong bản dịch thời Ngụy nói: “Lâu ngày thành vô cùng kinh khủng”, lâu ngày thì càng trở nên lớn hơn. “Nổi khốn khổ kinh khủng” chính là nổi khổ ngày một thảm hơn. “Từ chút việc nhỏ nhất” mà càng ngày càng lớn, càng ngày càng khổ sở. Nguyên nhân của khổ là tập, phải đoạn tập.

Xin hãy ghi nhớ một đoạn răn dạy của đại sư Ấn Quang:

“Trong các ác nghiệp, duy có nghiệp sát sanh là nặng nhất. Khắp trong thiên hạ, hầu như không có người nào mà không tạo nghiệp sát, tức là cả đời chưa từng sát sanh. Nếu mỗi ngày ăn thịt thì chính là mỗi ngày sát sanh. Bởi vì nếu không giết thì chắc chắn sẽ không có thịt, cho nên đồ tể, thợ săn, người đánh cá đều vì phục vụ cho nhu cầu của kẻ ăn thịt mà giết thay cho họ”.

Còn bạn đã dừng nghiệp sát rồi chưa?

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 84

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Giai do tham trước tài sắc, bất khang thí huệ. Các dục tự khoái, vô phục khúc trực. Si dục sở bách, hậu kỹ tranh lợi. Phú quý vinh hoa, đương thời khoái ý, bất năng nhẫn nhục, bất vụ tu thiện. Oai thế vô kỹ, tùy dĩ ma diệt. Thiên đạo thi trưng, tự nhiên củ cữ. Quỳnh quỳnh chung chung, đương nhập kỳ trung. Cổ kim hữu thị, thống tai khả thương!**

*Đều do tham chấp tài sắc, không chịu thi ân, giúp đỡ. Ai nấy chỉ muốn bản thân khoái lạc, chẳng biết phải quấy. Bị si dục bức bách nên hậu đãi, tranh lợi về mình. Phú quý vinh hoa đương thời khoái ý, không thể nhẫn nhục, chẳng lo tu thiện. Oai thế chẳng được bao lâu, sẽ theo đó mà mòn diệt. Đạo trời lỏng lẻo, tự nhiên uốn nắn, tỏ rõ. Dù có bơ vơ, kinh sợ thì cũng phải vào trong đó. Xưa nay đều như vậy, đau đớn, đáng thương thay!*

Chúng ta nếu quan sát tỉ mỉ thì sẽ không khó phát hiện máu chốt của khổ đau là ở đâu. Quả thực không ngoài những điều mà trong kinh văn đã nói: đều do tham chấp mà sanh ra. Tham là tham dục, chấp là chấp trước, chấp trước kiên cố, không chịu nhẫn nhượng. Trong tất cả cảnh duyên, chúng tôi muốn đặc biệt nêu lên tài và sắc. Từ xưa đến nay, vì tài, vì sắc mà nhà tan người mất, cho đến quốc gia bị hủy diệt, từ trong lịch sử chúng ta đều có thể thấy được việc này.

Đoạn kinh văn này, Thế Tôn khuyên răn chúng ta rõ ràng rằng:

Khổ đều là “do tham chấp tài sắc”. Tham là tham luyến, chấp là nắm chặt không chịu buông. Tài là tất cả vàng bạc, trang sức, tiền tài, nhà cửa, vật dụng v.v. Tham ái là không nở buông bỏ, hoặc là tham tài, hoặc là tham da thịt. Tham xác thân chỉ cho sự tham luyến giữa nam và nữ, hoặc là đồng tính luyến ái. Con người và súc sanh đều là sắc, trong phẩm trước đã viết rất rõ ràng: phải ngăn chặn, trừ bỏ sự tham chấp vào những thứ này. Những thứ tệ hại này là điểm chung, Trung Quốc có, ngoại quốc cũng có. Trung Quốc thời xưa truyền đến nay vẫn còn có, thời Xuân Thu thì có các mỹ nam, sự việc bại hoại thường rất phổ biến.

“*Không chịu thi ân, giúp đỡ*”, không chịu cho người khác sự lợi ích và điều tốt, không chịu mang sự tiện lợi đến cho người khác, không chịu cứu độ người khác, không chịu bố thí, đều là do tham tài, háo sắc, keo kiệt.

“*Ai nấy chỉ muốn bản thân khoái lạc*”, chính là không chịu bất kỳ sự ràng buộc nào, muốn làm gì thì làm, mỗi người đều muốn sự vui sướng cho bản thân.

“*Không thể nhẫn nhục, chẳng lo tu thiện*”. Tăng Quốc Phiên có hai câu nói về chữ “nhẫn” đáng để chúng ta lấy đó làm gương: “Phải tuyệt đối nhẫn nại, nhẫn nại muôn vạn”. Nhất thiết phải nhẫn nại, vả lại chẳng phải nhẫn một hai chuyện, mà phải nhẫn nại muôn ngàn vạn chuyện.

Trong kinh Kim Cang đặc biệt nêu ra sự nhẫn nhục: vua Ca-lợi cắt đứt từng đoạn thân thể, việc khó nhẫn mà có thể nhẫn. Nếu lúc nào cũng muốn tự do, muốn làm gì thì làm, thì tương lai ắt làm đến mức đọa địa ngục. Cần phải có một nguyên tắc không làm một số việc: phi lễ không nhìn, phi lễ không nghe, phi lễ không nói, phải có ước thúc, không được phóng túng. Bạn muốn làm gì thì làm, xâm phạm tự do của đối phương, đó chẳng phải là đang tạo ác sao, bản thân còn cảm thấy rất có lý. Nhẫn nhục chính là khắc chế bản thân, nhường cho người khác sự tự do thì nhẫn nhục rồi. Bạn mắng tôi, nếu tôi mắng lại thì đôi bên đều không tự do. Họ mắng tôi, tôi không phản kháng thì họ tự do rồi. Người trẻ tuổi đều muốn bản thân thoải mái đối với dục vọng, việc này rất nguy hiểm.

“*Oai thế chẳng được bao lâu*”, bạn muốn vui vẻ, hưởng thụ, có oai có thế, thế nhưng những việc này thời gian chẳng được dài lâu. Bạn trước đây đã tu thiện nên được quả báo thiện này, giống như một người được thừa kế di sản, để họ tiêu xài phung phí, đợi sau khi miệng ăn núi lở rồi thì oai thế sẽ “*theo đó mà mòn diệt*”, đều tiêu tan hết.

“*Đạo trời lỏng lẻo, tự nhiên uốn nắn, tỏ rõ*”. “Đạo trời” là đạo lý tự nhiên, đạo lý nhân quả: thiện có thiện báo, ác có ác báo. Có rất nhiều ngoại đạo cầu trời, kỳ thật trời chỉ chấp hành theo một nguyên tắc là: làm việc công bằng. Chẳng phải bởi vì bạn khấu đầu thì trời xá miễn cho bạn; bạn cúng trời thì trời sẽ hủy bỏ tội lỗi của bạn, nếu là như vậy thì chẳng phải trời cũng nhận hối lộ đó sao? Vậy nên rất nhiều người đều hồ đồ. Trời thì phải thực thi đạo lý, phải khởi tác dụng. “Tự nhiên uốn nắn, tỏ rõ”, không cần tạo tác, sắp đặt, mà là tự nhiên. “Uốn nắn” là sửa lại cho đúng, “tỏ rõ” là nêu rõ ra, phơi bày tất cả mọi thứ, đều phải truy cứu.

“Dù có bơ vơ, kinh sợ”, “bơ vơ” là không nơi nương tựa, cô độc; “kinh sợ” là bộ dạng hoảng hốt lúng túng. “Mọi thứ không mang được, chỉ có nghiệp theo mình”, những người cùng hội, cùng thuyền với bạn, người thân quyến thuộc, không có một ai theo bạn cả, chỉ có cô độc, khủng hoảng mà “*phải vào trong đó*”, bản thân đến nơi mà mình phải đến. “*Xưa nay đều như vậy*”, từ xưa đến nay đều có sự việc như vậy, bi thảm, đau khổ, rất đáng thương!

Chúng sanh vốn là Phật mà chính mình không biết, không tin tưởng, chẳng những vọng tưởng, chấp trước, mà còn tạo ác trùng trùng, rồi chịu luân hồi trong sự oan uổng. Ác mộng càng lúc càng ác liệt, càng lúc càng khủng bố, nếu không thức tỉnh thì “*đau đớn, đáng thương thay!*”

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Nhữ đẳng đắc Phật kinh ngữ, thực tư duy chi, các tự đoan thủ, chung thân bất đãi. Tôn thánh kính thiện, nhân từ bác ái, đương cầu độ thế, bạt đoạn sanh tử chúng ác chi bản, đương ly tam đồ, ưu bố khổ thống chi đạo. Nhược tào tác thiện, vân hà đệ nhất? Đương tự đoan tâm, đương tự đoan thân, nhĩ mục khẩu ty, giai đương tự đoan. Thân tâm tịnh khiết, dữ thiện tương ưng. Vật tùy thị dục, bất phạm chư ác. Ngôn sắc đương hòa, thân hành đương chuyên. Động tác chiêm thị, an định từ vi. Tác sự thẳng thốt, bại hồi tại hậu. Vi chi bất để, vong kỳ công phu.**

*Các ông được nghe lời kinh Phật thì phải tư duy chín chắn, ai nấy tự nên giữ vững, trọn đời không được biếng trễ. Tôn thánh, kính thiện, nhân từ bác ái, hãy nên mong cứu đời. Nhỏ dứt cội rễ sanh tử và các ác thì sẽ lìa khỏi con đường tam đồ lo sợ, đau khổ. Các ông hành thiện như thế nào thì là bậc nhất? Hãy nên tự đoan chánh tâm, hãy nên tự đoan chánh thân, tai mắt miệng mũi đều nên tự đoan chánh. Thân, tâm tịnh khiết, tương ưng với thiện. Chớ thuận theo dục vọng, không phạm các ác. Ngôn từ, vẻ mặt nên hòa nhã, thân hạnh nên chuyên. Cử chỉ, ngó nhìn an định, từ tốn. Làm việc háp tấp sẽ hư hỏng hồi hận về sau. Làm việc không thận trọng sẽ uổng mất công phu của mình.*

“*Các ông được nghe lời kinh Phật*”, “các ông” là chỉ cho đại chúng dự hội cùng với người đời sau, đương nhiên cũng bao gồm chúng ta trong đó. “*Được nghe lời kinh Phật*” là có được chánh kiến của Phật.

Tiếp theo nói về ba từ “lời kinh Phật”. “Phật” là Thích-ca Mâu-ni Phật, có ba cách giải thích như sau, xin cúng dường các đồng tu tham khảo.

*Cách giải thích thứ nhất:* “Lời kinh Phật thông thường chỉ cho bỏ ác tu thiện, bội trần hợp giác”. Lời kinh Phật chính là tám chữ này: bỏ ác tu thiện, bội trần hợp giác. Trong kinh giáo của Phật, khi mới vào cửa, Phật dạy chúng ta bỏ ác tu thiện, đến khi đạt được trình độ nhất định, Phật dạy chúng ta nâng cao lên trên, từ bỏ ác tu thiện nâng lên đến bội trần hợp giác.

Thế Tôn 19 tuổi từ bỏ vương vị, xuất gia tu hành. Ngài nhìn thấy sanh, già, bệnh, chết của đời người. Ngài nghĩ làm cách nào để giải quyết vấn đề này, vấn đề này vì sao lại phát sinh ra, tìm ra nhân của nó, tìm ra duyên của nó thì hiểu rõ ràng quả báo. Sau khi làm rõ nhân duyên quả báo rồi, Phật dạy chúng ta bỏ ác tu thiện, bội trần hợp giác.

Trong 12 năm sau khi Phật xuất gia thì ngài học rộng nghe nhiều. Ấn Độ vào thời xưa là đất nước của tôn giáo, tôn giáo phát đạt, có rất nhiều giáo phái tôn giáo. Ấn Độ cũng là đất nước của triết học, có rất nhiều người có trí tuệ. Ngài không bỏ một thứ nào, mỗi một tôn giáo ngài đều đến học tập, mỗi một học phái ngài đều đến tham học. Mười hai năm không thể giải quyết vấn đề của ngài, vấn đề của ngài là gì? Là sanh, già, bệnh, chết, là lục đạo luân hồi. Kỳ thật rất nhiều tôn giáo Ấn Độ đối với tình hình trong lục đạo đều rất rõ ràng, thế nhưng trước giờ chưa có người nào đề cập đến muốn giải quyết vấn đề này. Thích-ca Mâu-ni Phật là người đề cập đến giải quyết vấn đề này sớm nhất, làm thế nào có thể vượt thoát sáu cõi luân hồi, việc này không tìm thấy được [cách giải quyết] trong các tôn giáo thông thường, vì vậy mà ngài đã từ bỏ. Mười chín tuổi xuất gia, ngài đã buông xuống phiền não chướng; đến năm 30 tuổi ngài không còn đi tham học nữa, đã buông xuống sở tri chướng. Phật pháp dạy chúng ta nhìn thấu, buông xuống. Buông xuống là buông xuống phiền não chướng; nhìn thấu là buông xuống sở tri chướng. Từ đây mà nhập môn.

Bội trần hợp giác, trần là mê hoặc, trái nghịch với mê hoặc là giác, cho nên bội trần thì sẽ hợp giác, hợp giác thì sẽ bội trần. Giác là gì? Là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Thích-ca Mâu-ni Phật buông bỏ sự tu học trong 12 năm, đến dưới cây Tất-bát-la để tu định, để nhập định, sau cùng ở trong định mà khai ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Đối với sự tu

học trước đây có sao không? Không sao cả. Ngài biết những điều đã học trước đây sai rồi, là bội giác hợp trần, cho nên Thích-ca Mâu-ni Phật đã từ bỏ. Nó không tương ứng với tự tánh, mà tương ứng với mê, vậy nên buông bỏ là có đạo lý. Sau khi buông bỏ thì ngài làm gì? Tu định. Định là gì? Bên trong buông xuống tham, sân, si, mạn, nghi; đối với pháp thế xuất thế gian đều không có tâm tham luyến.

Hôm nay chúng ta đã hiểu rõ được một chút: pháp thế gian là giả, phải buông xuống; pháp xuất thế gian cũng chẳng phải là thật, nó từ đâu mà có? Nó là do có pháp thế gian nên mới có pháp xuất thế gian. Nếu không có pháp thế gian thì pháp xuất thế gian cũng không tồn tại, từ sự đối đãi mà kiến lập nên.

Chúng ta có cần Phật pháp hay không? Khi chưa khai ngộ thì cần, sau khi khai ngộ rồi thì không cần nữa, nếu bạn cần thì sẽ chướng ngại bạn khai ngộ, chướng ngại cửa ngộ của bạn, buộc phải buông xuống. Thế nên trước khi Phật nhập Niết-bàn đã nói với mọi người một câu: Trong 49 năm ngài không có nói một chữ nào, nếu ai nói Phật thuyết pháp thì gọi là bán Phật. Lời này có nghĩa là gì? Trong tâm thanh tịnh của tự tánh chẳng lập một pháp, đó là sự thật. Cho nên, người đại triệt đại ngộ, họ không có ý niệm, họ không có khởi tâm động niệm, họ thứ gì cũng chẳng có. Bạn đi hỏi họ, bạn hỏi họ điều gì thì họ trả lời bạn điều ấy, một chút chướng ngại họ cũng không có. Dường như điều gì cũng thông suốt, không sai, họ đã thông rồi. Lúc khởi tác dụng thì không điều gì mà không biết, lúc không khởi tác dụng thì chẳng lập một pháp nào. Cho dù khởi tác dụng thì vẫn là chẳng lập một pháp, việc này khó!

Người sơ học nghe lời nói trên thì càng nghe càng mê hoặc, việc này rốt cuộc là như thế nào?

Chúng tôi nói thêm một hiện tượng khác để đối chiếu một chút, để có thể dễ hiểu hơn một chút. Thế nào là phàm phu? Thế nào là A-la-hán? Thế nào là Bồ-tát? Thế nào là Phật? Kỳ thật đều là một, chỉ có phân phụ không giống nhau mà thôi. Chúng ta hãy so sánh cụ thể một chút:

-Phàm phu bao gồm 28 tầng trời của lục đạo, đều gọi là phàm phu, gọi là phàm phu sáu cõi. Phàm phu nhìn thấy sắc thì từ nơi cảnh giới có khởi tâm động niệm, có phân biệt, có chấp trước.

-A-la-hán có khởi tâm động niệm, có phân biệt, không có chấp trước, nên A-la-hán có thể ra khỏi lục đạo luân hồi, nhưng không thể ra khỏi tứ thánh pháp giới.

-Bồ-tát có khởi tâm động niệm, không có phân biệt, chấp trước, nên Bồ-tát đã ra khỏi mười pháp giới.

-Phật không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước, đây gọi là tự tánh thấy.

*Cách giải thích thứ hai:* Lời kinh Phật là “thông thường chỉ cho tất cả các pháp môn bỏ ác tu thiện, bội trần hợp giác”. So với cách giải thích thứ nhất thì có thêm các chữ “tất cả các pháp môn”, đây là sự bổ sung cho cách giải thích thứ nhất, mang tính cụ thể hơn. Phạm tất cả các pháp môn bỏ ác tu thiện, bội trần hợp giác thì đều là “lời kinh Phật”. Chú trọng nhấn mạnh vào “tất cả các pháp môn”, nhằm thể hiện rằng “pháp môn bình đẳng, không có cao thấp”. Năm xưa sau khi Thích-ca Mâu-ni Phật thành đạo thì bắt đầu dạy học, 49 năm dạy học là có giai đoạn: có tiểu học, trung học, đại học, nghiên cứu sinh. Tiểu học của Phật là 12 năm, nghiêng về giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả, đây là giáo dục cảm rỗi, nhằm cảm chắc gốc rỗi Tiểu thừa, Đại thừa sau này. Sau khi tốt nghiệp tiểu học thì gọi là A-la-hán, đã tốt nghiệp khỏi lục đạo luân hồi rồi, vĩnh viễn không còn luân hồi trong lục đạo nữa, đã thật sự thành tựu rồi.

Thế gian có A-la-hán, đó là một bộ phận thiểu số, họ đến thế gian để làm gì? Hồi tiểu hướng đại. Sanh khởi tâm thương xót chúng sanh, bản thân đã thoát ly biển khổ, nhìn thấy trong sáu cõi còn có nhiều chúng sanh khổ nạn mà Bồ-tát đang độ đến như vậy, họ bèn phát tâm đồng mãn: mình đi giúp đỡ Bồ-tát giáo hóa chúng sanh, trong kinh giáo gọi việc này là “hồi tiểu hướng đại”.

Tiểu thừa thì hướng đến quả vị A-la-hán, Đại thừa thì hướng đến quả vị Phật. Đức Phật vượt thoát Tam giới, thoát ly mười pháp giới. Còn Tiểu thừa ở trong mười pháp giới, họ vẫn còn bốn cấp bậc Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát và Phật ở trên họ. A-la-hán có thể lìa khỏi lục đạo luân hồi, không thể lìa khỏi mười pháp giới. Chỉ có Ma-ha-tát của Đại thừa, “Ma-ha” nghĩa là lớn. Đại Bồ-tát của Đại thừa chỉ cho những người đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Tuy đã minh tâm kiến tánh, nhưng vô thủy vô minh của họ vẫn chưa đoạn sạch sẽ, họ vẫn còn có 41 phẩm vô minh, họ là Pháp thân Đại sĩ. Họ trụ ở đâu vậy? Trụ ở cõi Thật báo trang nghiêm. Cõi Thật báo của Thích-ca Mâu-ni Phật chính là thế giới Hoa Tạng, những

người trụ trong cõi này toàn là Pháp thân Bồ-tát. Họ đến để làm gì vậy? Đến để đoạn vô minh. Đã đoạn sạch vô minh rồi thì chứng đắc Phật quả viên mãn rất ráo, thật sự ra khỏi mười pháp giới, viên mãn trở về tự tánh. Giống như đại sư Lục tổ Huệ Năng nói: “Nào ngờ tự tánh có thể sanh vạn pháp”, vạn pháp chỉ cho mười pháp giới.

Học tập hai câu kinh văn này, tôi có 7 điều cảm ngộ như sau.

Cảm ngộ thứ nhất: Chúng ta học Phật có thể chia thành hai bước. Bước thứ nhất là bỏ ác tu thiện, đây là chỗ để hạ thủ. Bước thứ hai là bội trần hợp giác, đây là sự thăng hoa từ trên nền tảng của bước thứ nhất. Bước thứ nhất bỏ ác tu thiện rất quan trọng, vạn phần không được xem thường. Hãy ghi nhớ hai câu này: bỏ ác thì không đọa ba đường ác, tu thiện thì sanh hai cõi trời người. Bỏ ác, không tạo ác thì không còn tương ứng với đường ác nữa, bạn nhất định sẽ không đọa ba đường ác. Bạn biết ba đường ác đáng sợ, bạn không muốn đọa ba đường ác, vậy bạn nhất thiết phải có ý niệm đoạn ác, lời nói đoạn ác, hành vi đoạn ác: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không lưỡng thiệt, việc này quan trọng. Tu thiện thì tam quy, ngũ giới, thập thiện là quan trọng. Lời Phật nói mỗi một câu đều là lời hay, chúng ta phải nghiêm túc làm được.

Cảm ngộ thứ hai: Phật pháp không phải do học mà được, thứ học được thì chẳng phải là Phật pháp, thứ mà tự mình giác ngộ thì chính là Phật pháp. Đối với lời kinh Phật, không được phi ngựa xem hoa, không được cưỡi ngựa xem hoa, mà phải xuống ngựa xem hoa. Chẳng những phải xem mà còn phải quan sát kỹ, quan sát kỹ thì sẽ ngộ nhập, ngộ nhập được cảnh giới vi diệu bất khả thuyết bất khả thuyết, cảm nhận của tôi chính là bóng đèn nhỏ sáng lên rồi. Sáng lên một bóng thì đã khai mở một chút trí tuệ, nhiều bóng đèn sáng lên thì lưu hiện ra chân kinh trong tự tánh.

Cảm ngộ thứ ba: Phật pháp không phức tạp, học Phật rất đơn giản, làm Phật cũng không khó. Có người nói Phật pháp quá nhiều, học không nổi, đó là do bạn không chọn đúng đường, nên mới cho Phật pháp thành ra phức tạp, thần bí hóa. Kỳ thật Phật pháp rất đơn giản, bạn biết dùng bốn chữ thì được rồi, là bốn chữ nào vậy? Thu hồi, triển khai. Thu hồi chính là đơn giản hóa, đơn giản hóa Phật pháp đến cực điểm, tương đương với con số không. Con số không này là gì? Chính là bốn chữ: A-di-đà Phật. Triển khai chính là từ con số không này mà triển khai ra, mở rộng ra thành vô lượng vô biên pháp môn. Thu hồi lại thì chính là không, triển khai ra thì chính là vô lượng vô biên pháp môn. Cho nên Phật mới nói, một đời ngài chưa từng



nói một câu pháp. Quy về không là thành tựu bản thân, dạy học là độ hóa chúng sanh. Căn tánh của chúng sanh không như nhau, cho nên Phật giảng kinh có sâu có cạn, gặp người thế nào thì nói lời thế đó, ứng cơ mà thuyết pháp, pháp không có pháp cố định. Nếu bạn thật sự giác ngộ rồi thì hết thấy pháp đều là Phật pháp; nếu bạn mê rồi thì tất cả Phật pháp cũng đều chẳng phải là Phật pháp. Muốn ngộ nhập, Phật hiệu không gián đoạn thì sẽ ngộ nhập.

Cảm ngộ thứ tư: Chỗ thù thắng nhất của pháp môn Tịnh độ niệm Phật chính là tuy bạn vẫn chưa khai ngộ, nhưng đã cho bạn hưởng thụ thành quả của sự khai ngộ, đây thật sự là không thể nghĩ bàn.

Cảm ngộ thứ năm: Quá trình học tập Phật pháp chính là quá trình cải tạo bản thân. Chú ý, là cải tạo chính mình, không phải cải tạo người khác. Hai mươi năm học Phật, tôi đã cải tạo chính mình, nâng cao bản thân.

Cảm ngộ thứ sáu: Chăm chăm nhìn lỗi người, chính mình bị phiền não, người khác vốn không lỗi, lỗi là do bạn thôi.

Cảm ngộ thứ bảy: Dùng tám chữ để khái quát về Tịnh độ tông: Nhất thừa nguyện hải, A-di-đà Phật. Đại pháp vô thượng như vậy vì sao bạn lại không học?

*Cách giải thích thứ ba:* Lời kinh Phật là “chỉ riêng cho Nhất thừa nguyện hải của đức Di-đà, sáu chữ hồng danh cho đến ba kinh Tịnh độ”. Đây là Hoàng Niệm lão giải thích cho chúng ta. Đối với đồng tu tu học pháp môn Tịnh độ niệm Phật của chúng ta mà nói, liệu có thể nói như thế này không: “Lời kinh Phật” chính là kinh Vô Lượng Thọ và Phật hiệu A-di-đà Phật. Bởi vì đây là trọng tâm của bốn nguyện hải của Phật Di-đà.

*“Tư duy chín chắn”*

Đại sư Ấn Quang có đoạn khai thị như sau:

“Xem kinh luận và các điển chương thì không được nóng vội, phải xem nhiều. Nóng vội thì chẳng thể lắng lòng tĩnh lặng, ắt khó lĩnh hội được tôn chỉ, nghĩa thú trong đó. Kẻ hậu sinh có chút thông minh, được một bộ kinh thư bèn đọc quên ăn bỏ ngủ, đọc qua một lượt, đến lần thứ hai thì chẳng còn hứng thú nữa, nhìn tướng họ lại như kẻ mất hồn, thất chí. Người như vậy đều chẳng có thành tựu, phải hết sức ngăn ngừa việc này. Tô Đông Pha nói: Sách xưa đọc trăm lần không chán, đọc kỹ nghĩ sâu tự hiểu ra”.

Hoàng Niệm lão phê bình và chú giải rằng: “Tu duy chín chắn là nghe rồi thì tư duy, giữ vững, đừng cho biếng trễ, đó là từ tư duy mà khởi tu vậy”. Lời chú giải này quá đặc sắc. Niệm lão là Bò-tát tái lai, không phải người phạm, người phạm không nói nổi lời như vậy. Mục đích của đọc kinh là từ nghe mà tư duy nghĩa lý, đạo lý, phương pháp tu hành nói ở trong kinh điển, quả đức sau khi đã có phương pháp, sau khi đã giảng rõ ràng sáng tỏ rồi thì phải thật làm, đó chính là giữ vững, đừng cho biếng trễ, từ tư duy mà khởi tu.

Trong kinh Hoa Nghiêm, Phật nói: “Hết thầy chúng sanh đều có đức tướng và trí tuệ của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước mà không thể chứng đắc”. Một lời của Phật đã nói toạc ra gốc bệnh của chúng ta. Chúng ta dùng phương pháp đọc sách để phá trừ vọng tưởng, phá trừ chấp trước. Dùng tâm thanh tịnh, tâm chân thành, tâm bình đẳng, tâm đại từ bi mà đọc tụng kinh điển. Đọc kinh chính là tu định, đề phục tất cả vọng tưởng, phiền não. Cần phải sáng tỏ những đạo lý mà Phật đã nói trong kinh, hiểu rõ đạo lý rồi thì phải nhớ kỹ lời giáo huấn, phải tư duy chín chắn.

Kinh Vô Lượng Thọ là kinh đệ nhất của Tịnh độ, nói tường tận bốn nguyện hải của đức Di-đà, chúng ta phải tư duy thật kỹ. Phật nói những lời này nghĩa là gì? Phải đặt mình vào trong đó, liên hệ với bản thân, những lời nào là đang nói về mình, đừng xem bản thân là người ngoài cuộc rồi ở đó sống uổng một đời. Tác dụng rất thù thắng, chẳng có pháp thuật gì cả, chẳng có gì đặc biệt, rất là đơn giản. “Tu duy chín chắn”, phải từ trên tư duy mà dụng công.

*“Ai nấy tự nên giữ vững, trọn đời không được biếng trễ”*

Hai câu kinh văn này Phật dạy chúng ta phải y giáo phụng hành. Giữ vững điều gì? Chính là dựa vào lời kinh Phật mà làm. Những giáo huấn mà Phật đã nói, chúng ta đều phải làm được. Những thói xấu chúng sanh phạm phải mà Phật đã nói, chúng ta nên phản tỉnh kỹ càng, xét xem bản thân có hay không, nếu có thì nhanh chóng sửa lỗi, nếu không có thì khích lệ bản thân nhất định chẳng được làm, đây là tu hành. Kinh Vô Lượng Thọ chính là tiêu chuẩn tu hành của chúng ta, chính là chuẩn tắc mà chúng ta nương vào để đoan chánh tâm, đoan chánh thân. “Trọn đời không biếng trễ” là cả đời tinh tấn, quyết không giải đãi.

*“Tôn thánh kính thiện, nhân từ bác ái”*

Từ hai câu này cho đến “con đường lo sợ, đau khổ” là nói về tiêu chuẩn đối nhân, xử thế, tiếp vật. Chúng ta chung sống với mọi người trước tiên phải biết tôn thánh, kính thiện. Trong Đại thừa, từ Sơ địa trở lên được gọi là thánh; trong Tiểu thừa, từ Sơ quả trở lên thì được gọi là thánh. Sư Cảnh Hưng nói: Tôn thánh là bao gồm Phật, pháp, tăng. Tăng chỉ cho chúng hòa hợp, ngoài Phật ra thì những người tu hành thầy đều là tăng, đây chính là tôn thánh. Kính thiện, thiện có thiện của pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Ngũ thường: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín của nhà Nho, nếu đều có thể làm được thì mới có thể giữ được thân người, tương đương với thọ ngũ giới trong Phật giáo, đây chính là pháp bảo. Nhân từ, người nhân thì an nhĩ, rộng làm lợi ích, lòng dạ từ bi, nhân từ bác ái.

*“Hãy nên mong cứu đời”*

Phải cầu giải thoát, muốn làm cho khắp tất cả chúng sanh thoát ly sanh tử. Phật nói: Các ông có được kinh Phật thì nhất định phải tu cho tốt, đừng giải đãi, tôn kính Tam bảo, nhân từ bác ái, tự giác giác tha, tự độ độ tha. Phải nhổ dứt cội rễ sanh tử và các ác. Phải lìa khỏi con đường tam đồ lo sợ đau khổ, phải lìa khỏi ba đường ác, lìa khỏi con đường sâu lo, sợ hãi, đau khổ này. Làm thế nào lìa khỏi? Siêng tu giới định tuệ, dứt trừ tham sân si. Tham sân si là cội rễ của các ác, luân hồi sáu cõi thì tham dục là gốc. Muốn giải thoát, ra khỏi biển khổ sanh tử thì phải dùng kiếm trí tuệ chém đứt vô minh, lìa khỏi cái khổ của ba đường ác.

Hành thiện như thế nào thì là bậc nhất? Đoan chánh thân tâm là thiện bậc nhất. Làm việc thiện, nói đến rốt ráo thì thiện đệ nhất chính là: “tâm này làm Phật”. Cho nên chúng ta phải đoan chánh thân tâm mọi lúc mọi nơi.

*“Tai mắt miệng mũi đều nên tự đoan chánh”*

Nói cạn một chút thì chính là: phi lễ không nhìn, không nhìn những điều không hợp với lễ; phi lễ không nghe, không nghe những điều không hợp với lễ; phi lễ không nói, không nói những điều không hợp với lễ.

Thế nào là đoan chánh nhĩ căn? Chính là pháp Nhĩ Căn Viên Thông “xoay lại nghe tự tánh” của Quán Thế Âm Bồ-tát trong kinh Lăng-nghiêm. Ở đây điều cần nhấn mạnh một chút đó là: Đoan chánh nhĩ căn là nghe bản tánh, xoay lại nghe tự tánh, chẳng phải là nghe âm thanh thì đuổi theo thanh trần. Nếu bạn nghe âm thanh

bèn đuổi theo thanh trần thì đã rong ruổi ra bên ngoài rồi. Có người nói: giải thích từ “nghe” thành “tánh nghe” thì phạm phu chẳng cách nào làm được.

Hoàng Niệm lão đã trả lời như sau: Đúng vậy, phạm phu đúng là không thể làm được, cho nên pháp môn Tịnh độ mới thù thắng. Nếu bạn hạ thủ từ chỗ khác thì chắc chắn là sai rồi. Nhập lưu vong sở, “sở” là cái được nghe, nói như vậy thì mọi người lập tức hiểu rõ. Câu trả lời này của Hoàng Niệm lão quả thật rất tuyệt, chuẩn xác không nhầm lẫn, chỉnh sửa sự sai lầm lớn, lỗi lầm này nếu không được chỉnh sửa thì quả thật làm lầm lạc cho người đời sau.

Trong kinh Lăng-nghiêm nói: “Bắt đầu từ nghe mà nhập lưu vong sở”, nhập vào “lưu” gì vậy? “Lưu” đương nhiên là đối lập của “sở”. Đã quên “sở” rồi thì thứ mà lỗ tai nghe thấy là gì? Không phải là âm thanh thì là gì? Quên mất “sở” chính là quên mất âm thanh, không trụ ở trong âm thanh thì đúng rồi.

Cũng như vậy, không chạy theo sắc trần, xoay lại nghe tự tánh, đoạn chánh nhãn căn, các căn đều phải như vậy. Cho nên “tai mất miệng mũi đều nên tự đoạn chánh”. Đoạn tâm chính là “tâm này làm Phật, tâm này là Phật”. Xoay lại quán sát tự tánh như vậy thì gọi là “đoan”. Sáu căn không chạy theo sáu trần, chiếu rạng nguồn tâm, ngọn nguồn của bản tánh chính mình thì mới là đoạn chánh. Thế nhưng, việc phi lễ không nhìn, phi lễ không nghe chính là điều mà người mới bắt đầu hạ thủ phải làm.

Mời tham khảo tài liệu:

Chú giải thứ nhất: Lấy tánh nghe của nhĩ căn làm cảnh được quán sát, cảnh ấy không chấp vào thanh tướng được nghe, cũng không chấp vào tướng mà nhĩ thức có thể phân biệt, chỉ nghe mà thôi.

Chú giải thứ hai: Chữ “lưu” này nêu rõ sự thật hiển hiện, đó là sự lưu lộ chân thật của tánh nghe. Do cái tánh chân thường viên thông này bất biến mà tùy duyên, tùy duyên mà bất biến, cho nên gọi là “lưu”. Xin hãy xem kỹ Lăng-nghiêm Kinh Hợp Chú của đại sư Ngẫu Ích.

Bởi vì nội dung của tiết học này tương đối sâu một chút, cho nên tôi giới thiệu cho mọi người một tài liệu tham khảo, mọi người hãy xem qua nhé.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 85

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

*“Thân tâm tịnh khiết, tương ưng với thiện”*

Thân tâm không đuổi theo sáu trần thì sẽ thanh tịnh, chiếu rạng nguồn tâm. Ở đây Phật khuyên răn chúng ta, “thiện” trong từ “với thiện” chính là tâm thanh tịnh, chính là tâm bình đẳng, chính là tâm giác. Thanh tịnh, bình đẳng, giác trên tựa đề kinh là tiêu chuẩn của đại thiện trong kinh này, thân tâm phải tương ưng với điều này.

*“Chớ thuận theo dục vọng, không phạm các ác”*

Vạn phần không được thuận theo tâm tham của chính mình, thuận theo dục vọng, ưa thích của bản thân. Dục vọng là tập khí phiền não, không được thuận theo tập khí phiền não. “Không phạm các ác”, câu này chỉ cho thân nghiệp, nhất định phải trì giới, nhất định phải thủ pháp, không được phạm bất kỳ điều ác nào.

*“Ngôn từ, vẻ mặt nên hòa nhã”*

Câu này chỉ cho khẩu nghiệp, lời nói của chúng ta đối với tất cả mọi người đều phải có sắc mặt vui vẻ hòa nhã, giống như “lễ kính chư Phật” của Bồ-tát Phổ Hiền vậy.

*“Thân hạnh phải chuyên”*

Câu này đã hiển lộ toàn thể chân tâm của Phật, thật sự là hết lần này đến lần khác Phật khuyên răn chúng ta: bí quyết thành công của sự tu hành chứng quả chính là thân hạnh phải chuyên nhất.

*“Cử chỉ, ngó nhìn an định, từ tốn”*

Hai câu này nói về tác phong thái độ trong cuộc sống của đệ tử Phật. Trong kinh Phật gọi là “oai nghi”, pháp thế gian gọi là “phong độ”. Bất luận là đi, đứng, ngồi, nằm thì thái độ tác phong biểu hiện ra phải an tường, phải thông thả, không được vội vàng, không được hấp tấp. “Cử chỉ” là hành động, “ngó nhìn” là xem nhìn, tất cả việc này đều phải an định, từ tốn, rất an định, ôn hòa thư thái. Những động tác nhảy múa hiện nay đều tương phản với sự an định, từ tốn. Thời xưa Ngô

Quý Tử quan sát âm nhạc, ông nghe âm nhạc thì có thể biết được là âm nhạc của nước nào, âm nhạc như thế nào thì tiền đồ sau này của nước đó sẽ ra sao. Ca vũ hiện nay nói với chúng ta rằng: thế giới sẽ có rất nhiều họa loạn, sự họa loạn này mỗi ngày một nghiêm trọng, đến khi chạm đến mức cùng cực thì nó bắt đầu chuyển trở lại, mỗi ngày một giảm bớt, hiện nay vẫn còn đang lên dốc.

“An định, từ tốn”, Hoàng Niệm lão kể một câu chuyện như sau: Gia Cát Vũ Hầu dạy con của ông phải đạm bạc, ninh tĩnh, không được thuận theo dục vọng. Dục vọng lớn nhất là dục vọng nam nữ, phải xem nhạt, không được truy đuổi. Đạm bạc để mình chí, có chí khí thì có thể đạm bạc. “Ninh” chính là an, là thanh tĩnh, ninh tĩnh thì mới có thể an định, mới có thể tiến xa, mới có hành động lớn lao.

*“Làm việc hấp tấp sẽ hư hỏng hối hận về sau”*

“Hấp tấp” là luống cuống lật đật, về mặt hành trì không thể vững chãi. Tâm không an định, làm việc không có kế hoạch, đến khi xảy ra chuyện thì luống cuống, tóm lại khó tránh khỏi thất bại và hối hận.

*“Làm việc không thận trọng sẽ uổng mất công phu của mình”*

“Thận trọng” nghĩa là cẩn thận kỹ lưỡng, chân thật. Nếu hành vi không thận trọng, không như lý, không như pháp thì công phu tu trì của chúng ta sẽ tiêu mất. Tu đạo ngàn ngày, mất đạo trong phút chốc. Cho nên phải khéo giữ gìn ý niệm của mình, nếu chẳng chân thật tu hành, tâm không chân thành, sự hành trì và lời nói không chân thành thì công phu đã dùng thay đều là giả, đều chẳng phải chân thật, đó là mê hoặc điên đảo, tu mù luyện quáng.

Trước đó tôi từng giảng đến câu “Các ông hành thiện như thế nào thì là bậc nhất?” Chúng ta đã có đáp án rồi. Thế nào là bậc nhất? Phải nên tự đoan chánh thân, phải nên tự đoan chánh tâm. Thiện bậc nhất chính là pháp môn niệm Phật của Bồ-tát Đại Thế Chí “nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”, sáu căn đều nhiếp trọn vào một tiếng Phật hiệu, sáu căn đều đoan chánh, tai mắt miệng mũi đều tự đoan chánh. Tâm là Phật, sáu căn đều là Phật, tai mắt miệng mũi tự nhiên đoan chánh, tự nhiên thân tâm tịnh khiết, tương ứng với thiện. Thiện chính là: “tâm này là Phật, tâm này làm Phật”.

Trọng điểm của kinh văn phẩm thứ 36, phẩm kinh văn này có 6 trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: Đối với tựa đề “Bao lượt khuyên lơn”, bạn có cảm ngộ gì? Xin gợi ý: Ví dụ lĩnh ngộ rằng chư Phật Bồ-tát từ bi cùng cực, buốt lòng rát miệng giáo hóa chúng sanh, nhiều đời nhiều kiếp cứu độ chúng sanh không mệt không chán. Ví dụ, lĩnh hội được rằng: Duy chỉ có A-di-đà Phật là người thân của chúng ta, vả lại là người thân duy nhất có thể nương tựa. Lĩnh hội được rằng: chúng sanh mặt pháp cương cứng khó giáo hóa, lĩnh hội được các điều khác v.v.

Trọng điểm thứ hai: Ngũ ác, ngũ thống, ngũ thiêu từ đâu mà có? Lại làm thế nào mà xoay vần sanh ra nhau, mời mọi người đọc kỹ kinh văn.

Trọng điểm thứ ba: Tạo tác ngũ ác, đời này thọ báo ứng của ngũ thống, đời sau thọ quả báo của ngũ thiêu. Bạn có thể nêu ra ví dụ thực tế cho việc “hoặc đời này, trước bị bệnh ương, lại còn cầu sống không được, cầu chết không xong” để mọi người nhìn thấy hay không?

Trọng điểm thứ tư: Bạn đối với hai câu nói của Tăng Quốc Phiên “phải tuyệt đối nhẫn nại, nhẫn nại muôn vàn” có cảm ngộ gì? Nhẫn nhục chính là khắc chế bản thân, công phu nhẫn nhục của bạn thông qua tu hành có sự nâng cao hay không? Khi bạn bị người khác sỉ nhục, bạn là nhẫn điều không thể nhẫn hay là chẳng có gì để nhẫn?

Trọng điểm thứ năm: Hành thiện như thế nào là đệ nhất? Bạn hiểu câu “đoan chánh thân tâm, tai mắt miệng mũi đều nên tự đoan chánh” như thế nào? Thế nào gọi là đoan chánh nhĩ căn? “Bắt đầu từ nghe mà nhập lưu vong sở” có nghĩa là gì? Trọng điểm này tương đối khó hiểu, các đồng tu có thể tham khảo Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Bạch Thoại Giải do Hoàng Niệm lão trước tác, theo bản mà tôi sử dụng thì nó nằm ở trang 631.

Trọng điểm thứ sáu: Làm thế nào làm được “thân tâm tịnh khiết, tương ưng với thiện”? Bạn có thể làm được an định từ tốn không?

## **NHƯ BẢN ĐẮC BẢO ĐỆ TAM THẬP THẤT**

Phẩm kinh văn này, Phật dùng phương pháp tỉ dụ để nói cho chúng ta thiện nhân, thiện quả, trồng thiện nhân nhất định được thiện quả. Nhiếp thọ chúng sanh, khuyên nhủ chúng sanh theo thiện, dưng ác, nhổ dứt cái khổ của sanh tử, đạt đến an lạc vô vi.

Hai câu sau rất quan trọng. Chúng ta học Phật là vì điều gì? Thích-ca Mâu-ni Phật giáng sinh ở trên trái đất này chính là để nhổ dứt cái khổ của sanh tử, đạt đến an lạc vô vi. Ngài đã làm được rồi, làm ra tấm gương tốt nhất cho chúng ta. Nếu chúng ta có thể noi gương, có thể y giáo phụng hành thì chúng ta cũng có thể ở trong đời này làm tốt việc lớn này. Phật đã nói rất tường tận cho chúng ta.

Mời xem kinh văn bên dưới:

**Nhữ đẳng quảng thực đức bốn, vật phạm đạo cấm, nhẫn nhục tinh tấn, từ tâm chuyên nhất. Trai giới thanh tịnh, nhất nhật nhất dạ, thắng tại Vô Lượng Thọ quốc vi thiện bá tuế. Sở dĩ giả hà? Bỉ Phật quốc độ, giai tích đức chúng thiện, vô hào phát chi ác. Ư thử tu thiện, thập nhật thập dạ, thắng u tha phương chư Phật quốc trung, vi thiện thiên tuế. Sở dĩ giả hà? Tha phương Phật quốc, phước đức tự nhiên, vô tạo ác chi địa. Duy thử thế gian, thiện thiếu ác đa, ẩm khổ thực độc, vị thường ninh tức.**

*Các ông rộng trông gốc đức, đừng phạm đạo cấm, phải nhẫn nhục tinh tấn, từ tâm chuyên nhất. Trai giới thanh tịnh trong một ngày một đêm còn hơn làm lành ở cõi Phật Vô Lượng Thọ cả trăm năm. Vì sao vậy? Cõi nước của đức Phật đó đều là do các đức, các thiện tích tụ, không có mấy may điều ác nào. Tu thiện ở cõi này mười ngày mười đêm còn hơn làm lành ngàn năm trong các cõi nước Phật phương khác. Tại sao vậy? Vì cõi nước Phật ở phương khác thì phước đức tự nhiên có, không có chỗ để tạo ác. Chỉ có thế gian này thiện ít ác nhiều, uống khổ ăn độc, chưa từng ngừng nghĩ.*

“*Các ông rộng trông gốc đức*”

“Các ông” chỉ cho đại chúng dự hội khi đó, mở rộng ý này ra là chỉ cho phàm những người đời sau đọc được kinh Vô Lượng Thọ, nghe đến kinh Vô Lượng Thọ thì đều bao gồm trong đó. Mỗi một đồng tu chúng ta đều ở trong lời kêu gọi của Phật, bạn đã nghe được lời kêu gọi của đức từ phụ đại từ bi hay chưa? Đức từ phụ đại từ bi ngắt đầu mong mỏi, trông ngóng con thơ nhanh chóng trở về nhà.

“Rộng trông gốc đức”, “rộng” là rộng khắp, “trông” là trông trọt. Thế nào là “gốc đức”? Hội Sớ có hai cách giải thích. Một cách giải thích là: Lục độ là gốc của hết thảy công đức. Một cách giải thích khác là: Sáu chữ hồng danh đầy đủ vạn đức là gốc của các đức. Ngoài cách giải thích của Hội Sớ ra, còn có cách giải thích



khác, ví dụ như tứ hoàng thế nguyện là gốc đức, mười nguyện là gốc đức v.v. Nếu nói theo pháp môn Tịnh độ thì “Nam-mô A-di-đà Phật” là gốc của vạn đức. Đại đức xưa nói rất rõ ràng: Câu Phật hiệu này chẳng những là chánh tu, mà còn là trợ tu.

### *“Đừng phạm đạo cấm”*

Người học Phật thứ nhất phải thủ pháp, không được làm trái đạo lý, không được phạm giới cấm. Giáo giới mà Phật dạy cho chúng ta thì nhất định phải tuân thủ. “Đạo cấm” không những chỉ cho giới điều, phạm vi của giới điều quá nhỏ, mà phạm là giáo giới trong tất cả kinh luận của Phật thì chúng ta đều phải tuân thủ. Ngoài giáo huấn của Phật ra thì pháp luật, quy ước, phong tục tập quán của thế gian đều phải tuân thủ, đều không được vi phạm. “Đạo cấm” được nói ở đây chính là nói không được vi phạm những giới độ trong Lục độ, trong Lục độ đặc biệt nhắc đến trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn. Chẳng phải là tu hai ngày thì không tu nữa, không thành công chính là do duyên thoái chuyển nhiều, như xe lên dốc, khi không lái thì phải có đồ chêm, bằng không thì xe sẽ tuột xuống, thậm chí là lăn xuống dốc, gây ra tai nạn thảm khốc, cho nên phải tinh tấn.

Tiếp theo trọng điểm nói một chút về tinh tấn, thế nào gọi là tinh tấn? Tinh tấn thật sự chính là mỗi câu Phật hiệu liên tiếp nhau, không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Làm được ba cái “không” này rồi thì chúc mừng bạn, bạn đời này nhất định thành tựu, một đời thành tựu! Có đồng tu nói: Thưa cô, chẳng phải cô đã nói trọng điểm là nói về tinh tấn đó sao? Vì sao lại nói những câu này? Đúng vậy, những câu này đã đầy đủ rồi. Đừng quên rằng đại đạo thì cực đơn giản, càng là đại đạo thì càng đơn giản. Nhìn tựa như đơn giản, nhưng thật sự làm được thì không hề đơn giản.

### *“Tâm chuyên nhất”*

“Chuyên nhất” này là gì? Là muốn cứu độ chúng sanh. Nếu mục đích niệm Phật của chúng ta chỉ là vì chính mình, sợ luân hồi, sợ rớt vào ba đường ác nên mới cầu sanh thế giới Cực Lạc, sớm vãng sanh để đi hưởng phước, như vậy thì tuyệt đối chẳng thể đi được. Vì sao muốn vãng sanh? Chính là vì muốn rất sớm thực hiện nguyện vọng rộng làm lợi ích cho chúng sanh. Hiện nay bạn có thể phân thân đến vô số cõi nước để nói pháp vi diệu hay không? Nếu bạn chỉ có thể ở trên địa cầu này ăn nói linh tinh, vậy bạn có thể làm chuyện tốt lành gì cho được? Chỉ có sau khi vãng

sanh thì mới có thể ban bố rộng khắp lợi ích chân thật, vãng sanh là vì điều này, như vậy mới được gọi là “tù tâm”, phải tu tập chuyên nhất.

*“Trai giới thanh tịnh”*

“Trai giới” là chỉ cho Bát quan trai giới, không ăn quá ngộ là “trai”. Trì Bát quan trai giới một ngày một đêm, công đức này cũng rất lớn, hưởng hồ bạn còn rộng trồng gốc đức, tu trì mọi mặt. Có người thọ Bát quan trai giới trường kỳ, có người thọ một ngày, ngoài ngũ giới ra còn thêm vài điều như: không được dùng giường rộng, nệm dày, hiện nay giường nệm của hãng Simmons thì không được rồi, dùng giường gỗ nhỏ thì được. Không được dùng chăn thêu hoa, không được dùng mỹ phẩm, không được xem ti-vi, âm nhạc, khiêu vũ đều không được. Ở thế giới này thọ Bát quan trai giới, rộng trồng gốc đức một ngày một đêm còn hơn làm lành ở cõi Phật Vô Lượng Thọ cả trăm năm.

Kinh Đại Bảo Tích, trong pháp hội thọ ký cho Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói rằng: “Nếu có chúng sanh ở cõi Phật đó ức trăm ngàn năm tu các phạm hạnh, không bằng ở thế giới Ta-bà này trong khoảng khảy ngón tay mà khởi tâm từ bi đối với các chúng sanh, công đức đạt được còn lớn hơn thế, hưởng hồ có thể trong một ngày một đêm trụ vào tâm thanh tịnh”. Nếu chúng sanh của thế giới Ta-bà trong khoảng khảy ngón tay sanh khởi tâm từ bi, thì công đức đạt được vượt hơn công đức tu các loại phạm hạnh ở thế giới Cực Lạc trong ức trăm ngàn năm.

Kinh Tư Ích thuộc kinh điển Đại thừa nói rằng: “Ta thấy nước Hỷ Lạc và thấy cõi An Lạc (tức thế giới Cực Lạc), trong đó không có khổ não, cũng không có danh từ khổ não (ngay cả danh từ cũng đều không có, hưởng là có thật). Ở cõi nước ấy mà làm các công đức (ở nơi đó mà làm công đức), thì chẳng đáng được xem là lạ (chẳng có gì hiếm lạ, vì bạn muốn gì thì có thứ đó, hiện nay chúng ta muốn làm lợi lạc cho người khác đều rất khó). Ở chốn phiền não này mà nhận được sự chẳng thể nhận (lúc phiền não mà có thể nhận thì đây là việc không hề dễ dàng), lại còn dạy người khác pháp này thì phước ấy mới là tối thắng”. Ở nơi phiền não này có thể nhận việc chẳng thể nhận, đủ mọi hành vi bất hợp lý, ngang ngược đối với bạn, mà bạn còn dạy họ pháp này, duy chỉ nói bốn nguyện hải của đức Di-đà, dạy họ tu pháp môn này thì đó là phước đức thù thắng nhất. Mọi người đều nên phát nguyện này, ở thế giới này gánh vác. Việc này không giống với Thiên tông, Mật tông, điển nói Thiên tông, Mật tông thật sự rất khó, chẳng thể nói tùy tiện được, hễ nói sai thì không thể

cứu vẫn được. Tịnh độ tông chỉ cần bạn thật thà thì về cơ bản chẳng thể sai được. Về điểm này thì tâm dũng mãnh phải lớn một chút, phải phát đại nguyện, rất dụng công, nỗ lực cầu Phật gia bị. Nếu đủ sức lực, duyên phận đã đến thì hãy dạy họ pháp môn này, phước ấy là tối thắng.

Kinh Thiện Sanh nói: Lúc Phật Di-lặc xuất thế, “thọ giới suốt một trăm năm cũng chẳng bằng [thọ giới] một ngày một đêm trong cõi ta. Vì sao vậy? Trong thời của ta, chúng sanh có đủ cả năm thứ như bản”. “Trong thời của ta” là chỉ cho thời của Thích-ca Mâu-ni Phật, chúng sanh có năm điều như bản, ngũ ác. Thời của ngài Di-lặc thì phước khí của chúng sanh rất lớn, tuổi thọ 84.000 tuổi, thân cao 84.000 thước, tuy là địa cầu nhưng chẳng phải là hình dạng thế này.

Khi ngài Di-lặc thành Phật thì ngài Ca-diếp bước ra từ núi Kê Túc. Ngài Ca-diếp chưa nhập Niết-bàn, ngài đợi đức Di-lặc. Có người đến núi Kê Túc lễ bái còn nghe thấy trong đó gỗ khánh; lão hòa thượng Hư Vân cúi lạy thì trong đó gỗ chuông, việc này rất hiếm có. Đến khi ngài Ca-diếp lễ bái đức Di-lặc, thì trong các đại đệ tử sẽ có người nói: “Lạ thay, có một con trùng nhỏ mang hình người đã đến”. Ngài Ca-diếp cao hơn gấp đôi chúng ta, nhưng khi người đó nhìn ngài thì giống như con trùng nhỏ vậy, là con trùng nhỏ mang hình người. Ngài Di-lặc nói rằng: “Không được khinh mạn, đây là đại đệ tử mà Phật truyền trao kinh điển”. Lúc bấy giờ ngài Ca-diếp đem ca-sa của đức Phật dâng lên ngài Di-lặc, ngài Di-lặc nhận lấy. Ca-sa thường rất dài, sau khi ngài Di-lặc nhận lấy thì chỉ có thể phủ được hai ngón tay, nhưng chỉ cần trải nó ra thì khoác lên người rất vừa vặn. Lúc bấy giờ ngài Di-lặc ở trên hư không hiện đủ mọi thần biến, ngài Ca-diếp đã hoàn thành nhiệm vụ và nhập Niết-bàn.

Khi đó, thọ giới 100 năm không bằng hiện nay một ngày một đêm trì giới, rất nhiều kinh điển đều nói về điểm này. Nếu mười ngày mười đêm thọ giới vượt hơn ở thế giới khác làm thiện ngàn năm thì mọi người có lẽ sẽ nghĩ như sau: Đã như vậy thì chúng ta ở thế giới này tu được rồi, cần gì vãng sanh thế giới Cực Lạc? Sở dĩ công đức lớn như vậy là do ở thế giới này tu hành khó thành tựu, vì khó nên mới quý, hết sức không dễ dàng. Việc này không xét đến thời gian, mà xem sự quyết tâm dũng mãnh tinh tấn của bạn. Nhưng thực tế mà nói, có ai trên thế giới này có thể một ngày một đêm từ tâm chuyên nhất, trai giới thanh tịnh trong 24 giờ? Chưa làm qua nên không biết là khó. Hoàng Niệm lão nói, ngài đã từng thức trọn đêm giao thừa không

ngủ, tu một mạch cho đến trời sáng, trời sáng rồi thì đến chỗ thầy Hạ để chúc tết, nhưng đây chỉ có thể nói cho dù là một đêm như vậy, mỗi năm đều thức một đêm. Thế nhưng thời gian ban ngày vẫn có người đến, có người đi thì đó chẳng phải là tu hành, cho nên đừng xem việc này là đơn giản dễ dàng. Mọi người nếu không ngủ thì sẽ hôn trầm, hôn trầm còn xem là tu hành sao? Thật sự có thể làm được 24 giờ từ đầu đến cuối thanh tịnh, chuyên niệm, chuyên nhất, đừng đánh giá thấp câu nói này, không có người nào thật sự làm được đâu.

Cho nên, sau khi vãng sanh tuy rằng thời gian, hiệu quả không được cao như vậy, nhưng ở thế giới Tây Phương Cực Lạc không có lúc nào là không tu, không có ai mà không tu hành, lúc nghỉ ngơi cũng là đang tu. Nghe thấy âm nhạc, nhìn thấy người bơi lội, ngửi mùi, thưởng hoa, uống nước, ăn cơm, việc nào cũng là đang tu hành cả, mọi lúc đều đang tăng trưởng. Thế nhưng nếu sống ở thế giới [Ta-bà] này, tuy rằng hiệu quả cao như vậy, nhưng thời gian có thể tu được rất ít, thật sự làm được một ngày một đêm thì rất hiếm hoi. Nói lời này chẳng phải là khuyên mọi người đừng đi thế giới Cực Lạc, hãy ở đây tu, mà là nói với mọi người phải rất trân trọng thời gian hiện tại, ở nơi đây làm thiện là điều hiếm hoi đáng quý, công đức thù thắng. Khích lệ mọi người như vậy mà tu hành, cầu sanh Tịnh độ, đó là ý nghĩa chân thật.

*“Vì sao vậy? Vì cõi nước Phật ở phương khác thì phước đức tự nhiên có”*

Tự nhiên đều có phước đức, thứ gì cũng chẳng thiếu. Có một câu chuyện:

Có một vị A-la-hán đi ra ngoài hóa duyên, gặp một cô gái nói: Ngài hãy đợi một chút, đợi sau khi chồng con trở về, con sẽ cúng dường ngài một tấm chăn. Cô gái này không thể đi ra ngoài, bởi vì hai vợ chồng họ chỉ có một tấm chăn, cho nên phải đợi chồng của cô ấy trở về. Chồng của cô ấy về đến nghe nói như vậy thì nói với cô: Nàng điên rồi, cúng dường cho ngài ấy thì trên người sẽ không có đồ để quần, không thể ra ngoài xin ăn được, hai người chúng ta sẽ đói chết. Cô gái này nói: Chính vì do đời trước đã không bố thí nên đời này mới nghèo như vậy, ngày nay có cơ hội này để bố thí, nếu lại không bố thí thì sau này sẽ chẳng còn cơ hội nữa. Hai người họ còn dùng đầu đội tấm chăn duy nhất của mình mà cúng dường vị A-la-hán. Về sau hai người này đều chứng A-la-hán, cho nên gọi là khó làm được. Ở thế giới Cực Lạc muốn gì thì có đó, không có cơ hội làm công đức như vậy. Ở thế

giới khác cũng không có chỗ để tạo ác. Ở nơi này của chúng ta thiện ít ác nhiều, người thiện ít, người ác nhiều, việc thiện ít, việc ác nhiều.

*“Uông khổ ăn độc”*

Thứ uông vào là khổ, cái ăn vào là độc, cả ngày sống trong khổ và độc, *“chưa từng ngừng nghĩ”*, không có thời gian có thể an tĩnh và nghỉ ngơi.

Mời xem hai đoạn răn dạy của đại sư Ấn Quang:

“Hiện nay thời thế đã loạn đến cùng cực, có mấy ai làm trọn thiên lý nhân luân, mà đều hoàn toàn phế bỏ cả, cho nên dẫn đến thế đạo chẳng khác gì cầm thú. Truy cứu đến tận ngọn nguồn của nó, đều do không xem nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi là chân lý sự thật. Thế nên việc thiện chẳng có người khuyên, việc ác chẳng có người răn bảo, nên dần dần tâm không có chỗ nương tựa, lại bị ảnh hưởng của văn hóa phương Tây, nhân đó cái gốc biến đổi càng thêm xấu ác, sau cùng dẫn đến hiện tượng như ngày nay. Nay muốn ngăn cơn sóng dữ, nếu không lấy việc đề xướng nhân quả báo ứng làm tiêu chuẩn thì cho dù có phương pháp hay, cũng chẳng có hiệu quả thực tế”.

“Huông chi nhân quả là đại quyền để thánh nhân trị thiên hạ, chư Phật độ chúng sanh, nếu bỏ việc này thì chẳng có cách nào làm được vậy. Ngày nay đã loạn đến cùng cực mà nghĩ mong chinh đốn, nếu vẫn không xem nhân quả là gốc thì cái họa về sau sẽ càng thảm khốc ác liệt hơn”.

Lời của tổ sư sắc bén, thấu triệt, sát với thói tệ của thời cuộc, nhưng chúng ta là người đời sau nên tư duy về lời nói này như thế nào đây?

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Ngô ai nhữ đẳng, khổ tâm hối dụ, thọ dữ kinh pháp, tất trì tư chi, tất phụng hành chi. Tôn ti nam nữ, quyền thuộc bằng hữu, chuyển tương giáo ngữ, tự tương ước kiểm, hòa thuận nghĩa lý, hoan lạc từ hiếu. Sở tác như phạm, tất tự hối quá, khứ ác tựu thiện, triêu văn tịch cải. Phụng trì kinh giới, như bản đắc bảo. Cải vãng tu lai, sái tâm dịch hạnh, tự nhiên cảm giáng, sở nguyện triếp đắc.**

*Ta thương các ông nên khổ tâm khuyến dụ, trao cho kinh pháp, đều phải thọ trì, suy nghĩ, đều phải phụng hành. Tôn ti, nam nữ, quyền thuộc, bằng hữu lần lượt*

*bảo ban nhau, tự kiểm chế, kiểm điểm lẫn nhau, hòa thuận nghĩa lý, hoan lạc, từ hiếu. Nếu có sai phạm liền tự hối lỗi, bỏ ác làm lành, sáng nghe tối sửa. Phụng trì kinh giới, như kẻ nghèo được của báu. Sửa xưa tu nay, rửa tâm đôi hạnh, tự nhiên cảm ứng, được như sở nguyện.*

*“Ta thương các ông nên khổ tâm khuyến dụ”*

“Ta” là Bồn sư Thích-ca Mâu-ni Phật tự xưng, “thương” là đối với chúng sanh khổ nạn của thế giới này, những chúng sanh khổ nạn này phải là người đã giác ngộ, người không giác ngộ thì cho dù Phật thương xót họ, họ cũng không tiếp nhận. Lời này là nói với người học Phật đã nhập môn rồi, vả lại họ đã phát tâm chuyên tu pháp môn Tịnh độ, cũng chính là nói với chúng ta. Thế Tôn thương xót chúng ta, buốt lòng rất miệng răn dạy chúng ta, dạy cho chúng ta kinh pháp, khuyến dụ chúng ta, nói rõ cho chúng ta, nhắc nhở chúng ta.

*Chúng ta “đều phải thọ trì, suy nghĩ, đều phải phụng hành”.*

Kinh pháp mà Thế Tôn dạy cho chúng ta chính là bộ kinh Vô Lượng Thọ này. Thế Tôn truyền thọ bộ kinh này cho chúng ta, dạy cho chúng ta phương pháp tu hành, nói với chúng ta quả báo ở tương lai, Phật thật là từ bi! “Đều phải thọ trì” là tiếp nhận toàn bộ, chẳng phải tiếp nhận một bộ phận nào đó thôi, đây là kỳ vọng của Phật đối với chúng ta. Nếu có thể hoàn toàn tiếp nhận, lại y giáo phụng hành, hoàn toàn làm theo thì hoàn toàn giống với A-di-đà Phật, chính là hóa thân của đức Di-đà.

*“Tôn ti, nam nữ, quyền thuộc, bằng hữu lẫn lượt bảo ban nhau”*

Những câu này là độ hóa người khác. “Tôn ti” ở đây có hai cách giải thích, một là trưởng bối và vãn bối, “tôn” là trưởng bối, “ti” là vãn bối; hai là chỉ địa vị cao, thấp, “tôn” chỉ cho người có địa vị cao, “ti” là người có địa vị thấp.

Chẳng những bản thân chúng ta phải hoàn toàn tiếp nhận, y giáo phụng hành, đồng thời cũng hy vọng mọi người đều đạt được lợi ích từ kinh Vô Lượng Thọ, phải đem kinh pháp giới thiệu phổ biến cho người khác. Đối với trưởng bối thì phải khuyên họ niệm Phật, đối với vãn bối thì phải dạy họ niệm Phật. “Nam nữ, quyền thuộc, bằng hữu” là chỉ rộng cho mọi người mà chúng ta quen biết, đối với họ phải “lần lượt bảo ban nhau”, chỉ cần quen biết nhau thì chúng ta đều phải khuyên nhủ. Tôi bảo bạn, bạn lại bảo người khác, họ lại đi bảo người khác, lần lượt khuyên

nhủ bảo ban như vậy, khiến cho pháp môn đệ nhất mà chư Phật độ chúng sanh lưu thông rộng khắp hư không pháp giới, lợi ích tất cả chúng sanh, tùy duyên độ thoát tất cả chúng sanh. Chúng ta phải đem việc này làm thành việc lớn của chính mình, thành một nhiệm vụ của bản thân. Làm tốt sự việc này thì sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ; nếu không làm tốt việc này thì không hoàn thành tốt nhiệm vụ; còn nếu như không làm thì không hoàn thành nhiệm vụ.

*“Tự kiềm chế, kiểm điểm lẫn nhau, hòa thuận nghĩa lý, hoan lạc, từ hiếu”*

Ba câu này là nói sự tu hành của bản thân. Sau khi chúng ta tiếp nhận kinh pháp, chính mình tu hành thì phải biết kiềm chế, kiểm điểm. “Kiềm chế” là ước thúc bản thân, “kiểm điểm” là mỗi giờ mỗi khắc kiểm điểm tâm hạnh của mình, ước thúc thân tâm không phạm luật nghi.

*“Tự kiềm chế, kiểm điểm lẫn nhau”*

Phải ước thúc bản thân, ai cũng chẳng quản được bạn, phải chính mình kiểm soát chính mình. Thật sự hạ quyết tâm thì sẽ quản được rất nhanh chóng. Ba ngày không gặp mặt, gặp lại bạn thì họ phải dùng một nhãn quang khác mà nhìn bạn, chính là câu nói này: ba ngày không gặp, phải lau mắt mà nhìn. Một khi bạn đã hạ quyết tâm, phấn chấn lên rồi thì sẽ thay đổi rất nhanh.

*“Hòa thuận nghĩa lý”*

Tất cả ngôn hạnh cử chỉ phù hợp đạo nghĩa, thuận theo đạo lý; hợp tình hợp lý, phù hợp đạo lý; phù hợp với yêu cầu của thế gian, phù hợp với tinh thần của Phật pháp.

*“Hoan lạc từ hiếu”*

“Hoan lạc” chính là đều rất hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn. Phải thường sanh tâm hoan hỷ, chung sống với người thiện, chung sống với người ác, chung sống với thánh hiền, chung sống với yêu ma quỷ quái, chung sống với mọi người đều đạt được niềm vui. Đây quả là người nhân từ không có kẻ thù.

Vì sao lại vui? Họ có thể đạt được sự chân thật. “Từ bi” là từ bi bình đẳng. Ý nghĩa của chữ “hiếu” vô cùng sâu rộng, thật sự lĩnh hội được vạn pháp là một thể thì mới là ý nghĩa của chữ “hiếu”. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tình và vô tình đồng viên chủng trí”, đó là nghĩa của “hiếu”; mới có thể làm được viên mãn hoan, lạc, từ. Lão

cư sĩ Hạ Liên Cư có câu thơ rằng: “Nguyện tôi gặp việc sanh hoan hỷ”. Phải từ hiếu, “Phật xem chúng sanh đều như con một”. Chúng sanh đều là cha mẹ của ta, phải hiếu thuận, phải báo ân.

*“Nếu có sai phạm liền tự hối lỗi”*

Chúng ta thông thường luôn không tránh khỏi phạm lỗi lầm, đây là tập khí từ vô thủy kiếp đến nay. Nếu có thể không phạm thì thành thánh thành hiền, chẳng phải là phàm phu rồi.

Tuy thường phạm lỗi lầm nhưng cũng không cần sợ hãi, chỉ sợ chính mình phạm lỗi lầm mà chính mình không biết. Bởi vì phạm lỗi lầm mà chính mình không biết thì không có cơ hội sửa lỗi, gọi là “tích ác khó quay đầu”. Tuy phạm lỗi lầm nhưng chính mình biết rõ ràng, sáng tỏ, chứng tỏ người này giác ngộ, tỉnh ngộ rồi, họ không mê, không mê thì có thể cứu, họ có thể sửa lỗi, làm mới bản thân. Người mê hoặc thì không biết chính mình có sai lầm, nên họ không biết sửa lỗi. Trong Phật pháp nói: Chỉ có hai hạng người không có lỗi lầm: một là Phật, hai là phàm phu. Phàm phu tạo tác mà không biết mình có sai lầm. Bồ-tát vẫn còn có sai lầm, cho nên biết sai lầm liền lập tức hối cải.

Chúng ta xem coi lão cư sĩ Hạ Liên Cư đã sám hối sửa lỗi như thế nào? Có một lần ngài bị bệnh, gặp người khác bèn nói: Đây chính là do tôi phóng dật, có rất nhiều tuồng kịch địa phương đến, tôi đã xem kịch quá nhiều, cho nên tôi sanh bệnh. Đây là gốc rễ, thực vật chỉ cần bị tróc rễ bèn chết, ở đây cũng như vậy, đừng để lộ thiện căn ra ngoài, hễ lộ thì cũng sẽ chết; gốc rễ xấu ác thì hãy mong nó chết đi, đừng làm ác nữa, phải phát lộ sám hối. Cho nên cách làm của người thế gian đều là chính mình hại chính mình, họ không biết cái gì là đúng đắn. Hối là hối cải, chẳng phải là hối hận; hối hận chẳng những không có tác dụng, mà còn là một thứ cảm xúc tiêu cực. Phải “*bỏ ác làm lành*”, đừng ác hành thiện; “*sáng nghe tối sửa*”, nghe được đạo lý này bèn sửa đổi, đây là người trí.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!



## TẬP 86

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Phần mở đầu của tiết học hôm nay, tôi muốn nói tiếp trọng điểm về hai câu kinh văn “*bỏ ác làm lành, sáng nghe tối sửa*”. Bởi vì việc chúng ta có thể bỏ ác làm lành hay không, có thể sáng nghe tối sửa hay không, có quan hệ rất mật thiết với việc đời này chúng ta có thể thành tựu hay không.

Kết hợp với kinh nghiệm mà tự tôi đích thân trải qua, xin nói một vài cảm ngộ như sau:

*Cảm ngộ thứ nhất:* Không biết lỗi, không nhận lỗi, không sửa lỗi. Ở đây bao gồm nội dung trên hai phương diện.

Nội dung thứ nhất là không biết lỗi, không sửa lỗi. Không biết lỗi thì đương nhiên không sửa lỗi rồi, thử nghĩ xem, họ không biết mình đã sai thì sao nói đến việc sửa sai được. Người như vậy trong cuộc sống, chúng ta chẳng thể nói là rất nhiều, rất nhiều, nhưng thật sự là số lượng không ít.

Nội dung thứ hai là không nhận lỗi, không sửa lỗi. Việc này với nội dung thứ nhất vừa có chỗ tương đồng, vừa có chỗ khác biệt. Chỗ tương đồng chính là không sửa lỗi, chỗ khác biệt là một cái là không biết lỗi, một cái là không nhận lỗi. Cái thứ hai có hai đặc điểm như sau: một là người khác đã chỉ ra rồi, nhưng họ không thừa nhận, biểu hiện chủ yếu chính là giải thích ngụy biện; đặc điểm thứ hai là nếu lỗi phát sinh từ nơi người khác thì họ có thể nhìn thấy rõ, cũng có thể nói rõ, còn có thể khuyên người khác nhận lỗi. Nhưng đến lượt mình thì lại hồ đồ, có chân chính thế nào cũng chẳng sáng tỏ được. Đây có lẽ là người trong cuộc thường u mê vậy.

*Cảm ngộ thứ hai:* Tập khí của con người thật sự khó sửa, nhưng nếu bạn quả thật không sửa thì thế giới Tây Phương Cực Lạc thật không có phần của bạn. Có người nói thế này: Tôi muốn sửa, chẳng phải không muốn sửa, nhưng mà sửa không được. Đã như vậy thì bạn cứ tiếp tục luân hồi trong lục đạo. Sửa, không sửa, sửa được, không sửa được đều là việc của chính bạn, người khác không giúp được.

*Cảm ngộ thứ ba:* Sửa từ trên sự tướng, hay là sửa từ gốc rễ. Có hai phương pháp sửa lỗi lầm:

Một phương pháp là sửa từ trên cành nhánh, cành nhánh là sự tướng, sự tướng làm ra quá nhiều, vô lượng vô biên. Tùy việc mà xét, làm sai những việc nào thì nhanh chóng sửa đổi lại, đây là sửa từ trên cành nhánh, chẳng những rắc rối mà cũng không sửa được sạch sẽ. Ví dụ có người thích quản việc, họ quản việc của anh A, bạn nói với họ thì họ không quản nữa, nhưng họ lại đi quản việc của anh B; bạn lại nói với họ thì họ không quản nữa, nhưng họ lại đi quản việc của anh C; vẫn cứ thế mà quản việc người khác, chỉ là đổi đổi tượng để quản mà thôi. Đây là sửa đổi từ trên cành nhánh, muốn sửa đổi được tập khí chẳng phải dễ.

Một phương pháp khác là sửa đổi từ gốc rễ. Người biết sửa lỗi thì sẽ sửa từ gốc rễ. Gốc rễ là gì? Là tâm địa. Trong kinh Đại thừa, Phật gọi đó là gốc rễ, là gốc rễ sơ khởi nhất, là căn bản của căn bản. Phật nói: Gốc bệnh của chúng ta là từ vọng tưởng, chấp trước mà sanh ra. Vọng tưởng, chấp trước chính là căn bản của căn bản. Thế nào là vọng tưởng? Khởi tâm động niệm chính là vọng tưởng, nếu không khởi vọng tưởng thì rất khó, bản thân tuyệt chẳng thể không chế được. Nghĩ đến Phật pháp cũng là vọng tưởng, trong kinh đã dạy chúng ta rõ ràng rằng: “Chân tâm lìa niệm”, “chân tâm vô niệm”. Có niệm thì chính là vọng tưởng. Nếu thật sự vô niệm thì “vô niệm” này là vô minh. Từ đó cho thấy, bất luận là vô niệm hay là có niệm thì đều sai cả.

Có đồng tu có lẽ sẽ hỏi rằng: Có niệm thì không được, vô niệm cũng không được, vậy thế nào mới được? Đừng nóng, Phật có biện pháp. Phật Bồ-tát thật sự từ bi, nói với chúng ta: Chánh niệm duy nhất chính là niệm A-di-đà Phật. Một niệm này không phải là vọng niệm, không phải vọng tưởng, chẳng phải chấp trước, duy chỉ một niệm này là chánh niệm, ngoài niệm này ra đều chẳng phải là chánh niệm. Không phải chánh niệm thì chính là tà niệm, chính là vọng tưởng, chấp trước.

Làm thế nào làm được trong 24 giờ, một ngày từ sáng đến tối giữ được chánh niệm, không được quên mất chánh niệm, đây chính là “không xả chánh niệm”. Đây là công phu mà hiện nay chúng ta nhất định phải làm. Công phu này chính là sửa lỗi từ gốc rễ. Chúng ta nói sửa lỗi tu thiện thì hãy sửa từ gốc rễ; chúng ta nói tu hành thì hãy tu từ gốc rễ. Trong tâm không được có một niệm xấu ác, khởi tâm động niệm đều là A-di-đà Phật. Gặp tất cả mọi người, không có ý niệm nào khác, mà chỉ muốn đem A-di-đà Phật giới thiệu cho tất cả chúng sanh. Mong mọi chúng sanh hoan hỷ tin nhận y như chính mình, như vậy mới có thể báo ân Phật. Kệ Hồi Hương

nói: “Trên đèn bốn ơn nặng, dưới cứu khổ ba đường”, phải thật sự làm, không phải nói trên miệng là xong. Thật sự làm không phải là việc khó. Giữ gìn chánh niệm của chính mình, mỗi giờ mỗi khắc tiến cử pháp môn này cho người khác, giới thiệu cho người khác, đây chính là trên đèn bốn ơn nặng, dưới cứu khổ ba đường.

*Cảm ngộ thứ tư:* Sửa tập khí cần phải nắm chắc trọng điểm. Đòi này phải dứt sanh tử, thoát luân hồi, nếu không sửa tập khí thì việc vãng sanh sẽ thành vô vọng. Sửa tập khí cần nắm chắc trọng điểm: tập khí nào nặng nhất, đối với việc vãng sanh của bạn gây chướng ngại lớn nhất thì bạn hãy công phá cửa ải này trước tiên, giống như công phá lô-cốt vậy, trước tiên phải công phá lô-cốt có hỏa lực mạnh nhất thì mới có thể dọn sạch đường tiến lên phía trước. Ví dụ, có người thích tạo chuyện thị phi nhân ngã; có người tâm đồ kỳ lớn, không chịu nổi khi thấy người khác hơn mình; có người tâm lượng nhỏ, tâm nghi nặng nên tự xiềng xích lấy bản thân; có người thích khoe khoang, phô trương bản thân, thích khoa tay múa chân ra lệnh cho người khác; có người thích lo chuyện bao đồng, làm người khác phiền não; có người nói chuyện huyền thuyên vô ích, tạo khẩu nghiệp, rước lấy phiền phức; có người vọng niệm lăng xăng, không ngừng không dứt; có người nói dối như cơm bữa, mở miệng ra là nói; có người mắt nhìn chăm chăm vào người khác, chuyên bói móc lỗi lầm của người, ví như quạ đậu trên thân con heo màu đen, nó nói với heo: sao ngươi đen vậy? Nó chỉ thấy heo đen, không thấy chính mình đen; có người vốn chẳng có gì để kiêu ngạo, nhưng lại mù quáng kiêu ngạo tự mãn, cuồng vọng tự cho mình là nhất, xem thường người này, khinh thường người kia, sau cùng nhất định sẽ khiến cho bản thân trở thành người lẻ loi cô độc.

*Cảm ngộ thứ năm:* Phát lộ sám hối, nhất quyết không phạm lỗi lần hai, đây là chân sám hối. Tình trạng trước mắt của chúng ta là: các đồng tu có thể sám hối, cũng có thể phát lộ sám hối, cũng chẳng thể nói là sám hối không chân thành, nhưng không làm được không tái phạm. Chẳng những phạm lần hai, mà còn lần ba, lần bốn, lần năm, việc này có chút chẳng thể tha thứ được, sám hối như vậy thì có tác dụng gì đâu? Chúng ta đều là phàm phu, sống trong thế gian hỗn loạn, đã loạn đến mức cùng cực rồi, không phạm lỗi lầm là điều chẳng thể nào làm được. Chỉ có hai loại người không phạm lỗi lầm, một là Phật, hai là người chết. Phạm lỗi lầm không đáng sợ, đáng sợ là không sám hối, không sửa lỗi.

Mời xem hai đoạn khai thị của đại sư Ân Quang.

“Đã có thể phát lộ sám hối thì dễ dàng tương ưng nhất với pháp môn Tịnh độ, đó gọi là tâm tịnh thì cõi Phật tịnh. Tuy nhiên nếu đã biết sai, lại chịu phát lộ sám hối, thì nhất định phải sửa lỗi hướng thiện. Nếu không sửa lỗi hướng thiện thì cái gọi là sám hối đó vẫn là nói suông, không đạt được lợi ích thật sự”.

“Đã biết hổ thẹn sám hối, sao vẫn vi phạm như cũ, ác chẳng thấy giảm, thiện chẳng thấy tăng? Không gì ngoài việc tâm chẳng chí thành vậy. Nếu tâm lấy sự chí thành làm chủ, há có thể biết mà vẫn phạm sao? Kẻ biết rồi mà vẫn phạm là do tâm thật không có sự thành khẩn quyết định sửa lỗi hướng thiện. Bản thân ông muốn làm người hiền, người thiện thì chính mình phải xa lìa tập khí xấu. Nếu chẳng thể xa lìa, là do tâm ấy chẳng quyết định, trôi nổi dềnh dàng, ắt khó tránh khỏi ngựa quen đường cũ”.

*“Phụng trì kinh giới, như kẻ nghèo được của báu”*

Đối với hai câu kinh văn trên, đồng tu hiện nay có lẽ không có cảm nhận sâu sắc, vì sao vậy? Bởi vì kinh điển và pháp bảo được lưu thông quá nhiều, muốn gì có đó, bởi vì có được quá dễ dàng, nên không có cảm giác như kẻ nghèo được của báu. Bốn mươi, năm mươi năm về trước, nếu ai đó có được một bộ kinh điển thì thật sự là có được báu vật, đó thật như là đạt được của báu vậy, biết bao người hâm mộ. Cho nên, chúng ta phải xem kinh pháp như là báu vật trân quý nhất trên thế gian, giống như người nghèo đạt được bảo bối, như giữ tròn con mắt mà tận lực gìn giữ. Phải nhận thức rằng chỉ có kinh pháp của đức Phật mới có thể cứu độ chúng ta, giúp chúng ta vĩnh viễn thoát luân hồi, ra khỏi ba cõi, giúp chúng ta trong một đời vãng sanh bất thoái thành Phật. Việc này bất kỳ trân bảo nào của thế gian cũng không thể sánh được. Chúng ta biết rõ sự thật này thì mới biết sự quý báu của kinh pháp.

*“Sửa xưa tu nay, rửa tâm đổi hạnh”*

“Sửa xưa tu nay”, chữ “sửa” ở đây nói với chúng ta rằng: quá trình học Phật là quá trình cải tạo. Không ngừng cải tạo bản thân, chẳng phải cứ mãi như cũ, mà phải khác biệt so với trước đây. “Sửa xưa” chính là sửa đổi việc đã làm trước đây. Nếu vẫn y như cũ, kiến giải vẫn giống như xưa thì không có tiến bộ thật sự. “Tu nay” chính là sự việc trong tương lai phải tốt hơn trước đây, phải quang minh hơn trước.

“Rửa tâm đổi hạnh”, tẩy trừ cấu nhơ trong tâm, quân tử thay đổi từ tâm, tiểu nhân thay đổi bề ngoài. Rửa tâm thì tự nhiên thay đổi được hạnh. Lão pháp sư dạy chúng ta: những việc trước đây, lỗi lầm sai sót quá nhiều, cách nghĩ, cách nhìn, cách làm đều sai cả, từ hôm nay trở đi đều phải sửa lại cho đúng. Phải đặc biệt trân quý thời gian, quá khứ đã để vượt mất, tương lai chúng ta phát tâm là có thể nắm chắc, phải cố gắng vì hạnh phúc của tương lai mà chân thật tu học.

“Rửa” nghĩa là tẩy rửa, đem vô vàn sự ô nhiễm trong tâm đều rửa sạch sẽ. Dùng cái gì để rửa? Dùng một câu A-di-đà Phật. Ô nhiễm trong tâm chính là tội chướng, nghiệp chướng, đem chúng rửa sạch sẽ thì nghiệp chướng tiêu trừ, tội chướng bèn tiêu diệt. Trước đây đại sư Từ Vân Quán Đảnh đã nói rất hay: “Tội chướng tích lũy của chúng sanh trong lục đạo từ vô thủy kiếp đến nay, tất cả mọi kinh pháp đều không có cách nào sám trừ được, nhưng câu Phật hiệu này có thể trừ diệt.” Câu này nói ra chẳng đơn giản chút nào, đại sư Quán Đảnh nếu không thấy được triệt để công đức lợi ích chân thật của Phật hiệu thì sao có thể nói ra được.

Có người thời gian niệm Phật không dài, nhưng lúc vãng sanh lại tiêu sái tự tại, đây là nguyên nhân gì? Đây là nghiệp chướng đã tiêu trừ rồi. Nếu nghiệp chướng chưa tiêu trừ, cho dù vãng sanh thì vẫn có bệnh khổ, đây là nghiệp chướng vẫn chưa tiêu trừ sạch sẽ, việc này tổ sư đại đức xưa nay đều hiểu rõ. Tích công lũy đức là một việc, nghiệp chướng tiêu trừ nhiều hay ít là một việc khác. Chư tổ sư đại đức nói: Pháp sư giảng kinh thì tích công lũy đức nhiều, nhưng tiêu trừ nghiệp chướng thì chưa chắc có thể sánh bằng đồng tu tại gia. Đồng tu tại gia tuy công đức không bằng pháp sư, nhưng tiêu trừ nghiệp chướng thì luôn vượt hơn pháp sư. Mọi người đều quen thuộc đại sư Huyền Trang, đối với Phật giáo Trung Quốc ngài có sự cống hiến rất vĩ đại, ngài đã vất vả đem Phật pháp truyền từ Ấn Độ đến Trung Quốc. Lúc vãng sanh ngài sinh bệnh, lại còn khá đau khổ. Có người hỏi ngài: Ngài cả đời có công đức lớn như vậy, tu trì tốt như vậy, vì sao lâm chung vẫn có bệnh khổ? Ngài nói: Nghiệp chướng từ vô thủy kiếp đến nay của ta lần này đã báo hết rồi. Bệnh khổ của ngài chính là nghiệp chướng hiện tiền báo ứng, nghiệp vẫn chưa tiêu hết nên đã báo ứng trong sát-na lâm chung ấy. Từ đó biết được, phàm là vãng sanh có thể không bệnh mà mất thì chính là nghiệp chướng đã tiêu rồi.

Tổ sư đại đức cũng có người nghiệp chướng tiêu trừ, ra đi rất tự tại. Đại sư Lục tổ Huệ Năng của Thiên tông ra đi rất tự tại, ngài biết trước một năm. Thông

thường biết trước ngày giờ thì đa phần là trước một tháng hay nửa tháng, cũng có người biết trước ba tháng. Trong Đàn Kinh chúng ta nhìn thấy Lục tổ biết trước một năm, ngài dặn dò người đến chùa Quốc Ân mau chóng làm hậu sự cho ngài.

Duyên hoằng pháp của đồng tu tại gia chưa chín muồi thì hãy nỗ lực tiêu trừ nghiệp chướng. Nếu có duyên, có cơ hội hoằng pháp lợi sanh thì cũng nên xả mình vì người. Nghiệp chướng của chính mình tuy sâu, nhưng chỉ cần tích công lũy đức, khi lâm chung được công đức tích thiện gia trì thì nhiều nhất là lâm chung bị một vài bệnh khổ, giống như đại sư Huyền Trang vậy, nghiệp chướng bèn được tiêu trừ ngay lúc đó. Nhờ sức công đức nên được chư Phật hộ niệm, long thiên bảo hộ, ma sẽ không đến nhiễu loạn. Phàm phu khi lâm chung, ma sẽ đến nhiễu loạn. Do bị phiền não nghiệp chướng tập khí lôi kéo nên lâm chung nhìn thấy rất nhiều người đã mất trước đây, nhưng đa phần đều là yêu ma quỷ quái biến ra đến dụ hoặc, đến gây rắc rối, đến phá hoại chánh niệm.

Thật sự tiêu nghiệp chướng thì những ô nhiễm trong tâm đều được tẩy rửa sạch sẽ. Pháp môn niệm Phật thù thắng đệ nhất, tức là trong tâm chỉ nghĩ A-di-đà Phật, miệng niệm A-di-đà Phật, thân lễ A-di-đà Phật, ba nghiệp đều đặt vào A-di-đà Phật thì nghiệp chướng tự nhiên sẽ không hiện tiền, tội chướng cũng tiêu trừ. Niệm Phật nhất định không được khởi vọng tưởng, không được xen tạp pháp môn khác. Giác Minh Diệu Hạnh Bồ-tát nói: “Không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn”. Mong mọi người luôn luôn nhắc nhở chính mình, chín chữ này là bí quyết niệm Phật đó.

*“Tự nhiên cảm ứng, được như sở nguyện”*

Tự nhiên đạt được cảm ứng, đạt được sự gia bị của Phật Bồ-tát. Có nguyện ắt được mãn nguyện. Có nguyện ắt được mãn nguyện là có điều kiện. Bạn có được kinh giới giống như có được bảo bối, sửa xưa tu nay, rửa tâm đỗi hạnh, như vậy mới được như sở nguyện. Ví dụ bạn muốn làm tiền sĩ mà không muốn dụng công học tập, liệu bạn có làm tiền sĩ được không?

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Phật sở hành xứ, quốc áp khâu tu, mị bất mộng hóa, thiên hạ hòa thuận, nhật nguyệt thanh minh, phong vũ dĩ thời, tai lệ bất khởi, quốc phong dân an,**

**binh qua vô dụng, sùng đức hưng nhân, vụ tu lễ nhượng, quốc vô đạo tặc, vô hữu oan uổng, cường bất lãng nhược, các đắc kỳ sở.**

*Nơi có Phật pháp lưu hành, quốc ấp khâu tụ đều được giáo hóa, thiên hạ hòa thuận, nhật nguyệt trong sáng, mưa gió đúng thời, tai dịch không khởi, nước giàu dân an, vũ khí trở thành vô dụng, nhân đức hưng vượng, chăm tu lễ nhượng, nước không trộm cướp, không có oan uổng, mạnh không hiếp yếu, ai nấy đều được yên vui.*

Đây là đoạn kinh văn rất quan trọng, cũng là đoạn mà chúng ta rất là quen thuộc và đặc biệt ưa thích. Đoạn kinh văn này có thể nói là thể giới đại đồng lý tưởng trong Phật pháp. Đây là bản quy hoạch tuyệt vời về thế giới đại đồng, nêu rõ giáo dục của đức Phật đối với sự hài hòa và an toàn của xã hội, của quốc gia, của thế giới có lợi ích lớn đến như vậy. Phật pháp như vậy chúng ta lẽ nào lại không học?

Đoạn kinh văn này nêu rõ đức từ bi vô lượng của Phật. Chư Phật Như Lai đại từ đại bi, ân đức vô lượng gia trì cho tất cả chúng sanh tận hư không khắp pháp giới. Nền giáo dục của đức Phật thể hiện ra cảnh thái bình thịnh thế, yên ổn đại đồng. Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ mà nhà Nho nói đều từ đoạn kinh văn này mà hiển thị ra.

*“Nơi có Phật pháp lưu hành”*

Có ba cách giải thích như sau, xin cung cấp để tham khảo.

Cách giải thích thứ nhất: chỉ cho nơi mà đức Phật đi qua, tức là nơi Phật đã đến. Phật đi đến đâu thì dạy học ở đó, ngài không có giảng đường, ngài không có đạo tràng. Liệu có thể nói như thế này không: Phật là giảng đường lưu động, đạo tràng lưu động.

Cách giải thích thứ hai: chỉ cho nơi có sự giáo dục của đức Phật, có sự giáo hóa của đức Phật, cũng là nơi mà Phật giáo được lưu hành phổ biến đến. Giáo dục của đức Phật là nền giáo dục chí thiện viên mãn của thế xuất thế gian, bất luận về mặt lý luận, phương pháp, cảnh giới, đặc biệt là về phương pháp thì có thể nói là khéo diệu cùng cực. Phật dùng phương pháp dạy học mang tính nghệ thuật cao nhất, có thể khiến tất cả chúng sanh, các đồng tu hiện nay cách thời Phật giảng kinh ba ngàn năm sau vẫn được ngài cảm hóa, có thể thấy sức nhiếp thọ của ngài mạnh

biết bao. Ba ngàn năm sau vẫn còn sức mạnh lớn đến như vậy, giáo dục, giáo học của thế gian xưa nay trong và ngoài nước đều không thể sánh được.

Cách giải thích thứ ba: chỉ cho nơi có Phật pháp lưu thông, nơi có kinh luận của Phật. Hiện nay chúng ta có thể nhìn thấy những cuốn sách này thì chính là “nơi có Phật pháp lưu hành”. Chúng ta mỗi ngày đều đang tiếp nhận lời dạy của Phật, Phật từng giờ từng phút đều chưa từng rời khỏi chúng ta.

### *“Quốc ấp khâu tỵ”*

Bốn chữ này biểu thị cho nơi có Phật pháp lưu hành, cũng chính là nơi Phật giảng kinh dạy học, nơi Phật giáo hóa chúng sanh. “Quốc” là quốc gia; “ấp” là thôn quê; “khâu” nếu giải thích thành “núi” thì không đúng, sách Chu Lễ nói bốn ấp thì gọi là “khâu”; “tỵ” là làng mạc lớn. Khu vực thành, thị, thôn trang, làng xã, không có nơi nào không được giáo hóa. Hóa là biến hóa, người người đều thay đổi. Chúng sanh càng cứng khó giáo hóa thì phải không ngừng chỉnh sửa và giáo hóa. Học Phật là một quá trình cải tạo, biến đổi lớn khi đang còn sống. Thông thường nếu muốn biến đổi một người đang sống thì phải đầu thai lần nữa, vậy thì quá ngốc rồi. Hiện tại đang biến đổi, làm thế nào biến đổi? Đức Phật dùng giáo dục để biến đổi.

### *“Đều được giáo hóa”*

Nơi mà đức Phật đến thì không có ai không được Phật giáo hóa, cho nên gọi là “đều được giáo hóa”. Đã được Phật giáo hóa thì ắt cảm ứng xuất hiện việc kiết tường.

*“Thiên hạ hòa thuận, nhật nguyệt trong sáng, mưa gió đúng thời”*, mưa thuận gió hòa. *“Tai dịch không khởi”*, đây là thiên thời, địa lợi, nhân hòa, hết thủy mọi tai nạn đều sẽ không phát sinh. “Tai” là thiên tai, “dịch” là bệnh. Hiện nay xuất hiện rất nhiều bệnh kỳ quái, trong 100 năm qua tai họa trên địa cầu rất nhiều, núi lửa bùng phát, thủy tai, sóng thần, cháy rừng v.v... đều đang diễn ra không ngừng. Nếu nơi có Phật pháp lưu hành thì rất nhiều người đều rất tin tưởng phụng hành, chẳng những ở đó niệm kinh, mà còn thực hành, dựa vào đạo lý của Phật mà đoan chánh thân tâm, đây mới là thật. Đệ tử Phật chỉ có niệm kinh, có khi quyên góp một ít tiền, đây là phần da, phần da không hữu dụng, phải đoan chánh thân tâm.

Trên thế giới này nơi có Phật pháp lưu hành thì *“nước giàu dân an”*, đất nước rất sung túc, nhân dân rất an lạc.



“*Vũ khí trở thành vô dụng*”, trong không có đạo tặc, ngoài không bị xâm lược, vũ khí không có chỗ dùng. Tần Thủy Hoàng đem vũ khí đúc thành 12 người bằng vàng, đây đều là “vũ khí trở thành vô dụng”.

“*Nhân đức hưng vượng*”, tôn sùng đạo đức, nhân nghĩa hưng vượng. “*Chăm tu lễ nhượng*”, phải hợp tình hợp lý, có thể thông cảm cho nhau, nhường nhịn một chút thì thiên hạ thái bình. Nơi nào, việc nào cũng đều có thể nhường nhịn. Có một pháp sư mua nhằm một cái chén hư, ngài rất vui mừng lấy đem về, ngài nói: Cái chén hư này nếu tôi không mua thì họ sẽ bán cho người khác, tôi mua cũng như họ mua. Tuy chỉ là một cái chén nhưng tinh thần ấy đáng quý. Còn bạn thì phải lựa mua chén tốt, không muốn cái chén hư đó, không chịu nhường. Bạn niệm Phật nửa ngày vẫn là muốn chiếm phần hơn. Cầu Phật phù hộ hiện tại bình an, tương lai chết sẽ đến nơi tốt lành, đều tốt hơn so với người khác, đây là tự tư tự lợi. Tự tư tự lợi thì không phải là đệ tử Phật. Lời này là Hoàng Niệm lão nói, ngài từ bi, lời nói ra đều là lời rất chân thật.

“*Nước không trộm cướp, không có oan uổng*”, người làm quan đều rất liêm minh, không xét xử sai thì không có oan uổng, không có oan uổng việc này rất cừ khôi. “*Mạnh không hiếp yếu*”, hiện tượng xã hội ngày nay đúng là tương phản với việc này, là ý mạnh hiếp yếu. Quốc gia xung bá ý vào sức mạnh quân sự, sức mạnh vũ trang của họ mà xâm lăng nước yếu, nước nhỏ; người giàu ý vào sự giàu có mà bòn rút người nghèo; kẻ cầm quyền thường dựa vào quyền thế mà hiếp đáp nhân dân; kẻ xấu chính là người làm chuyện xấu xa thì kết thành băng nhóm tổng tiền, xã hội đen. Trung Quốc, ngoại quốc đều có, vô cùng đen tối, tàn bạo, bức hại người lương thiện, đều dựa vào sức mạnh mà ức hiếp kẻ yếu. Nơi có Phật pháp lưu hành tuy có kẻ mạnh nhưng không ức hiếp kẻ yếu, mà giúp đỡ người yếu thế. “*Ai nấy đều được yên vui*”, mỗi người đều đạt được sự an tâm.

Hạ Liên lão đem 12 câu “thiên hạ hòa thuận, nhật nguyệt trong sáng, mưa gió đúng thời, tai dịch không khởi, nước giàu dân an, vũ khí trở thành vô dụng, nhân đức hưng vượng, chăm tu lễ nhượng, nước không trộm cướp, không có oan uổng, mạnh không hiếp yếu, ai nấy đều được yên vui” làm thành văn phát nguyện sanh Tây Phương Tịnh Độ, quả thật là việc làm cao minh, hành động trí tuệ.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Ngã ai nhữ đấng, thậm ư phụ mẫu niệm tử. Ngã ư thử thế tác Phật, dĩ thiện công ác, bặt sanh tử chi khổ, linh hoạch ngũ đức, thăng vô vi chi an.**

*Ta thương các ông, còn hơn cha mẹ thương con. Ta nay làm Phật ở đời này, lấy thiện dẹp ác, nhổ dứt khổ sanh tử, khiến đạt được năm đức, thăng đến an lạc vô vi.*

Bảy câu kinh văn này, mỗi chữ đều chân thật, không có một chút hư vọng.

*“Ta thương các ông, còn hơn cha mẹ thương con”*

Ta từ bi thương xót các ông còn hơn cha mẹ của các ông nữa. Vì sao nói như vậy? Chúng ta hãy đối chiếu một chút dựa trên ba phương diện như sau.

Thứ nhất, cha mẹ thương yêu con cái chỉ một đời, một hơi thở ra không trở vào thì lại luân hồi trong lục đạo, quên mất đời này rồi. Phật thương yêu chúng sanh vô lượng kiếp, đời đời kiếp kiếp, bất kể bạn ở trong đường nào Phật đều đi theo bạn cho đến khi bạn thành Phật.

Thứ hai, tình thương của cha mẹ dành cho con cái không bình đẳng, có người thích con trưởng không thích con thứ; có người thích con trai không thích con gái; Phật đối với chúng sanh là thương yêu bình đẳng tất cả, không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, cho nên là bình đẳng.

Thứ ba, “cha mẹ không ưa con bất hiếu, Phật lại thương xót kẻ ngu nghịch”. Nghĩa là cha mẹ không thích kẻ bất hiếu, chán ghét họ; còn Phật đối với chúng sanh phạm tội ngu nghịch đều không bỏ, đều cứu độ như nhau.

Phật biết rằng vạn sự vạn vật trong toàn thể vũ trụ là một, chẳng phải hai. Một là nói điều gì? Là một thể, đều là do chân tâm biến hiện. Nhà Phật gọi là ba thân: pháp thân, ứng thân và báo thân, người nào cũng đều có, chỉ là không thể hiện tiền được thôi. Phạm phu lục đạo hoàn toàn mê mất pháp thân, không biết chính mình có pháp thân, không biết chính mình có báo thân, chỉ biết thân hiện tại này. Thân hiện tại này là ứng hóa thân, ứng thân là phạm phu lục đạo, chúng ta chưa từng xả bỏ. Mục tiêu sau cùng của giáo dục Phật-đà chính là dạy chúng ta quay trở về với pháp thân thì giáo dục Phật-đà bèn viên mãn. Trở về với pháp thân chính là chứng đắc Phật quả rốt ráo viên mãn. Pháp thân mà Bồ-tát chứng đắc không viên mãn, nhất định đến khi thành Phật thì mới rốt ráo viên mãn. Nhà Phật thường gọi là ba thân, tuy

ba thân nhưng là một thể, đều từ pháp thân mà biến hiện ra, cho nên từ pháp thân mà nói thì bình đẳng. Pháp thân là chân tâm, pháp thân là chân ái, trong chân ái không có tình; trong ái của phàm phu thì có tình, cho nên cái “ái” này biến chất rồi. Bây giờ chúng ta mới biết, từ “còn hơn” trong kinh văn quan trọng biết bao. “Còn hơn cha mẹ thương con”, mấy người chúng ta có thể nghe hiểu? Thật sự nghe hiểu rồi thì chúng ta sẽ yêu thương chúng sanh giống như Phật vậy. Tình thương này vượt hơn tình thương trong lục đạo và mười pháp giới, sự từ bi trong đó lớn hơn hẳn, vì sao vậy? Vì dùng chân tâm. Lục đạo hoàn toàn dùng vọng tâm. Trong tứ thánh pháp giới dùng chân tâm nhưng không thuần, vẫn có vọng niệm xen tạp trong tâm, duy chỉ khi chúng được báo thân rốt ráo viên mãn thì mới giống như Phật.

Bây giờ chúng ta hãy ôn lại ba câu nói dưới đây:

A-di-đà Phật là người thân của chúng ta!

A-di-đà Phật là người thân duy nhất của chúng ta!

A-di-đà Phật là người thân duy nhất mà chúng ta có thể nương tựa!

Các đồng tu, các bạn có cảm ngộ mới nào hay không?

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 87

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Chúng tôi xin giảng tiếp nội dung của tiết học trước.

*“Ta nay làm Phật ở đời này”*

“Phật” trong câu này nghĩa là “thầy”. Phật là thầy của trời người, nhiệm vụ của ngài là ở thế giới Ta-bà giáo hóa chúng sanh. Giáo hóa chúng sanh phải dựa vào duyên phận, xem cơ duyên đã chín muồi hay chưa. Thế nào là duyên phận? Chúng sanh có thích tiếp nhận sự giáo hóa của ngài hay không, đây chính là “duyên”, chúng sanh thích là duyên đã chín muồi, chúng sanh ở nơi nào thích thì Phật đến nơi đó để giáo hóa. Theo kinh điển ghi chép, Thích-ca Mâu-ni Phật cả đời chưa từng an cư, cả đời đức Phật vất vả bôn ba, đi khắp nơi thuyết kinh giảng đạo chưa từng ngơi nghỉ.

*“Lấy thiện dẹp ác”*

Đây là phương pháp dạy học của Phật. “Dẹp” nghĩa là đối trị, chúng sanh có tư tưởng, kiến giải, hành vi sai lầm, còn có rất nhiều tập khí xấu, những tập khí này được tích lũy trong nhiều đời nhiều kiếp. Có cái là thói quen xấu được dưỡng thành từ nhỏ trong đời này. Đời này gặp được Phật, Phật dạy người đời rất nhiều thiện pháp để đối trị các pháp ác này. Nếu không sửa đổi tập khí xấu và ác nghiệp thì chắc chắn sẽ thọ ác báo, cuộc sống trong đời này sẽ rất đau khổ. Nếu có thể sửa lỗi làm mới, đoạn ác tu thiện thì có thể cải thiện đời sống của chính mình, khiến đời sống càng trở nên mỹ mãn.

Phương pháp dạy học của đức Phật, mục đích là dạy chúng ta trong đời này đạt được hạnh phúc mỹ mãn, xã hội hài hòa, đất nước giàu mạnh, thế giới hòa bình. Những thứ này xác thật là nguyện vọng mà trong tâm mỗi người đều có, nguyện vọng này phải dựa vào giáo dục để thực hiện. Duy chỉ có giáo dục của đức Phật mới có thể đưa kiến giải và hành trì của rất nhiều người xích lại gần nhau, công năng và hiệu quả của giáo dục, ngày nay chúng ta gọi là “xây dựng nhận thức chung”, khiến sự khác biệt về tư tưởng và kiến giải của mọi người không còn quá lớn nữa, duy trì xã hội an định, thế giới hòa bình, đây là phương châm giáo dục hiện tiền của đức Phật.

*“Nhỏ dứt khổ sanh tử”*

Câu này là tôn chỉ sâu xa của giáo dục Phật-đà. Giáo dục của đức Phật không chỉ khiến cho chúng sanh một đời đạt được hạnh phúc mỹ mãn, mà còn chăm lo cho đời sau, đời đời kiếp kiếp, nếu không quan tâm đến đời sau thì không phải là sự giáo dục viên mãn. Giáo dục của nhà Nho là giáo dục một đời, chỉ nói một đời này. Khổng tử, Mạnh tử cũng dạy chúng ta “lấy thiện dẹp ác”, nhưng không dạy “nhỏ dứt khổ sanh tử”. Giáo dục của đức Phật viên mãn, không những dạy chúng ta trong đời này có được hạnh phúc mỹ mãn, mà còn dạy chúng ta đời đời kiếp kiếp đều được viên mãn. Việc này tất cả mọi giáo học, tôn giáo, khoa học kỹ thuật trong thế gian đều không thể làm được, duy chỉ có Phật pháp mới có thể đạt được. Giáo học của Phật pháp vô cùng khai sáng, tùy theo căn cơ mà lập cách dạy học, chúng ta cần phải sáng tỏ việc này.

Đại sư Thiện Đạo trong Quán Kinh Chú Sớ đã nói hết sức rõ ràng rằng: Thế Tôn mở ra vô lượng pháp môn, chẳng phải để mọi người đều phải học, ngài mở ra cho những người có vô lượng căn tánh không như nhau. Ví dụ, người tu định thì có thể tu thiền định, trong phương pháp dạy học này họ có thể đạt được lợi ích và thành tựu. Còn người tâm lượng nhỏ hẹp, tính tình bảo thủ thì Phật dạy họ trì giới, họ rất hoan hỷ, cho rằng như vậy rất trang nghiêm. Từ đây mà biết, căn tánh của chúng sanh không như nhau nên Phật dùng những phương pháp khác nhau để độ hóa. Ví dụ, người thích hoạt bát, thoải mái, việc gì cũng đều không muốn bị trói buộc, không muốn quá cẩn thận thì Phật dùng Phật pháp Đại thừa để giáo hóa bạn. Hiểu rõ chân tướng sự thật thì mới biết được pháp môn trong nhà Phật là bình đẳng, không có cao thấp. Không được cho rằng tôi tu học pháp môn này thì có thể phê bình người khác, phỉ báng người khác. Bởi vì căn tánh của chúng ta không như nhau, quan niệm khác nhau, lối sống cũng khác biệt, nên mỗi phương pháp tu học tự nhiên cũng khác nhau.

Ví dụ chúng ta giới thiệu Phật pháp cho người nước ngoài, Phật pháp xem trọng hiếu thân tôn sư, nhưng người nước ngoài không có quan niệm này. Người nước ngoài đối với cha mẹ, đối với thầy cô giống như đối với bạn bè vậy, không đủ mức độ cung kính, không có quan niệm hiếu dưỡng. Người Trung Quốc đối với cha mẹ và thầy cô thì tâm mười phần cung kính, còn họ có một phần thì đã rất hiếm có rồi. Vậy nên những yêu cầu về mặt hình thức dành cho họ nhất định không được dùng tiêu chuẩn của người Trung Quốc. Như nhìn thấy tượng Phật thì phải cúi lạy

sát đất, phải lạy ba lạy, những quy định này sẽ khiến người nước ngoài sợ không dám đến nữa. Thế nên chúng ta dạy họ chấp tay xá chào thì họ có thể làm được. Như vậy là được rồi, rất hiếm có rồi, không cần yêu cầu họ đánh lễ. Về mặt ăn uống, họ ăn thịt quen rồi, vẫn chưa thể ăn chay được, nên cũng không thể yêu cầu học Phật thì nhất định phải ăn chay. Có một vài chỗ, do chúng ta không có năng lực quán sát căn cơ nên thường xuyên đoạn mất nhân duyên học Phật của chúng sanh, khiến họ sinh ra cảm giác sợ hãi đối với Phật giáo, không dám tiếp cận, không dám vào cửa Phật, đây là lỗi của chúng ta. Đâu biết rằng Phật pháp thông đạt quyền biến, không có pháp cố định. Đặc biệt là thời cận đại, giống như Hoàng Niệm lão nói: “Phật pháp trọng thực chất, không trọng hình thức”. Sự lễ lạy bên ngoài đều thuộc về hình thức, hình thức không thành vấn đề, thực chất mới là quan trọng nhất, như vậy thì Phật pháp mới có thể được hoằng dương phổ biến đến toàn thế giới.

Bộ kinh điển này, pháp môn niệm Phật so với kinh điển và pháp môn khác thù thắng ở chỗ nào? Kinh Vô Lượng Thọ thật sự khá là phóng khoáng, yêu cầu của kinh này có thể nói là người hiện nay ai ai cũng đều có thể tiếp nhận, đi đứng ngồi nằm đều không chú trọng đến hình thức, hoàn toàn xem trọng tâm thanh tịnh. Câu A-di-đà Phật này, ngồi niệm cũng được, đứng niệm cũng được, nằm niệm cũng được, tùy lúc tùy nơi đều có thể niệm Phật, như vậy mới có thể phổ biến khiến mọi người tiếp nhận, mới có thể làm lợi ích cho chúng sanh chín ngàn năm mật pháp, mới có thể phổ độ tất cả chúng sanh. Nó không chú trọng vào hình thức, hoàn toàn chú trọng thực chất. Tâm thanh tịnh, tâm từ bi, tâm chân thật, dùng chân tâm này mà đối nhân, xử thế, tiếp vật, dùng phương pháp này nhổ dứt khổ sanh tử. Câu này dạy chúng ta dứt sanh tử, thoát luân hồi. Hãy nhớ kỹ, duy chỉ có pháp môn niệm Phật mới có thể nhổ dứt khổ sanh tử.

Mời xem hai đoạn lời răn dạy của đại sư Ấn Quang:

“Phật niệm chúng sanh so với chúng sanh niệm Phật còn tha thiết hơn trăm ngàn vạn lần. Nếu chịu y theo ngôn giáo của Phật, niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì nhất định không đến nỗi vẫn ở lại Ta-bà”.

“Nếu muốn tùy phận tùy sức tu trì để đời này dứt được sanh tử thì phải nên chuyên chú vào một môn Tịnh độ, dùng chân tín thiết nguyện mà niệm Phật cầu sanh Tây Phương, thì chẳng kể công phu sâu hay cạn, không ai không đạt được sở nguyện lúc lâm chung. Pháp môn này là Như Lai vì chúng sanh thời mật không có sức đoạn

hoặc, không thể dứt sanh tử mà đặc biệt lập ra một pháp chắc chắn được liễu thoát này. Nếu Phật không mở ra pháp này thì những kẻ không có sức đoạn hoặc đều chẳng có hy vọng gì đối với việc liễu sanh thoát tử. May thay gặp được pháp này, tuy chẳng phải bậc đại căn có thể tự đoạn hoặc, nhưng do mang nghiệp vãng sanh nên mau thoát sanh tử, vậy còn gì hối tiếc nữa. Huống hồ pháp này thống nhiếp tất cả, người có thể tự đoạn hoặc, tự dứt sanh tử còn phải hồi tâm hướng về mới hòng chóng lên địa vị Phật. Tuyệt đối đừng cho đây là pháp thiên cận, cho là việc làm của kẻ ngu phu, ngu phụ thì tương lai tự mình sẽ đạt được lợi ích”.

Hai đoạn lời răn dạy này của Ấn tổ, đối với chúng ta là người tu học pháp môn Tịnh độ niệm Phật cần phải đọc đi đọc lại kỹ càng thì bạn sẽ nếm được mùi vị của pháp hỷ. Vì sao vậy? Nếu bạn nếm được rõ ràng rồi thì chúc mừng bạn, gốc sanh tử của bạn đã nhổ bỏ được rồi.

*“Khiến đạt được năm đức”*

“Năm đức” là năm điều thiện, đây là giải thích của Hoàng Niệm lão. Lão pháp sư giải thích là: Năm đức chính là ngũ giới, thập thiện. Làm viên mãn ngũ giới, thập thiện thì thành Phật. Vậy nên các đồng tu đừng xem thường ngũ giới, thập thiện là tiểu pháp của nhân thiên, phải biết rằng làm Phật thì phải từ tiểu pháp của nhân thiên mà bắt đầu. Phát huy mở rộng tiểu pháp của nhân thiên thì chính là pháp của Bồ-tát, chính là Phật pháp.

Chúng ta có chú ý thấy rất nhiều tranh vẽ Phật, trên danh của Phật có ba chữ, thông thường được viết bằng tiếng Phạn, cũng có khi viết theo văn dịch tiếng Hoa. Phát âm của nó là “Om Ah Hum”, ba chữ này chính là thập thiện nghiệp. “Om” là thân nghiệp, “Ah” là khẩu nghiệp, “Hum” là ý nghiệp, đại biểu ba nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh, chính là sự viên mãn của thập thiện. Làm được viên mãn thập thiện thì chính là ba nghiệp thanh tịnh. Phật và phàm phu không như nhau, ba nghiệp của phàm phu không thanh tịnh, ba nghiệp đều ô nhiễm; Bồ-tát tu hành, rửa tâm đổi hạnh, đoạn ác tu thiện nhưng vẫn chưa làm được viên mãn, làm viên mãn thì chính là thành Phật.

*“Thăng đến an lạc vô vi”*

Đạt được sự an lạc vô vi. Tất cả pháp hữu vi như mộng huyễn bọt bóng, nhưng pháp vô vi thì chính là “thường, lạc, ngã, tịnh”, chân thường rất ráo. Sau khi đạt

được năm đức thì từng bước từng bước có thể đạt được pháp vô vi. “Thăng” là tiến triển, thăng tiến, không ngừng nâng cao lên, như vậy mới có thể đạt được vô vi, cũng có thể nói là chứng đắc vô vi, đó mới là an lạc thật sự, mới có thể đạt đến an lạc viên mãn. Nếu chưa thể thật sự chứng đắc vô vi thì sự an lạc nhận được chỉ dừng ở giai đoạn hiện tại. Trong giai đoạn hiện thực này đạt được sự an lạc tương tự, chẳng phải là thật. An lạc thật sự thì nhất định phải chứng đắc vô vi.

Thế nào là vô vi? Đối lập với vô vi là hữu vi; biết thế nào là hữu vi thì sẽ biết thế nào là vô vi. Nói đơn giản, hữu vi chính là có sanh diệt. Thế nào là sanh diệt? Vọng tưởng sanh diệt, khởi tâm động niệm, một ý niệm sanh ra, một ý niệm diệt mất, hễ có ý niệm thì bèn ở trong pháp hữu vi, sự an lạc này chẳng phải là rốt ráo. Khi nào không có vọng niệm sanh diệt thì mức độ thấp nhất của cảnh giới này là đã chứng đắc lý nhất tâm bất loạn. Sự nhất tâm bất loạn vẫn chưa được, sự nhất tâm bất loạn thì còn ở trong phạm vi sanh diệt, chỉ là có định lực rất sâu. Áp chế được vọng niệm nên gọi đó là “bất sanh”, kỳ thật đó là hàng phục, chứ không phải diệt trừ được vọng niệm, chỉ là phục được nó, cho nên vẫn chẳng phải là rốt ráo. Chứng đắc lý nhất tâm bèn khai trí tuệ, hữu vi, vô vi đều là một, chẳng phải hai. Khi ấy vô vi thật sự hiện tiền thì mới đạt được an lạc viên mãn thật sự, đây gọi là “thăng đến an lạc vô vi”.

Lý luận, phương pháp này, cảnh giới thù thắng này ngoài Phật pháp ra thì các học thuật khác đều không có. Ở thế gian này, trong giáo học của Trung Quốc và nước ngoài đều không có, trong tôn giáo không có, trong khoa học kỹ thuật cũng không có, chỉ có Phật pháp có. Cho nên giáo học Phật pháp được gọi là thù thắng nhất, viên mãn nhất. Chúng ta học Phật chính là phải thăng đến an lạc vô vi. Quả nhiên đạt được cảnh giới này thì nói theo Viên giáo, địa vị thấp nhất là Bồ-tát Sơ trụ; nói theo Biệt giáo là quả vị Bồ-tát Sơ địa. Chúng ta là phàm phu nghiệp chướng sâu nặng, y theo phương pháp này tu hành, trong một đời này liệu có thể chứng đắc hay không? Xưa nay tổ sư đại đức nói với chúng ta: nhất định có thể chứng đắc. Nếu phàm phu thế gian chúng ta không thể chứng đắc thì Phật dứt khoát không nói, Phật nói ra chẳng có ý nghĩa gì, có nói chúng ta cũng không làm được, vậy chẳng phải là trò cười hay sao? Phật giảng kinh thuyết pháp không có nói cho vui, những gì được nói trong kinh điển lưu lại ở thế gian đều là điều mà người thế gian chúng ta có thể làm được, nếu làm không được thì Phật nhất định không nói.



Người như thế nào thì có thể làm được? Người thật thà có thể làm được, bởi vì người thật thà nghe lời. Phàm người không làm được đều là người không thật thà, người chịu nghe lời là người thật thà; người nhiều ý kiến, không chịu nghe lời thì không phải là người thật thà. Người nghe lời 100%, hoàn toàn y theo lời dạy trong kinh điển, người y giáo phụng hành thì trong một đời nhất định có thể chứng đắc cảnh giới này. Phàm không đạt được cảnh giới này thì cũng chính là chúng ta đối với lời giáo huấn của Phật không hoàn toàn làm được. Lỗi này không phải do Phật, không do lý luận, không do phương pháp, mà là do chính chúng ta, tâm thái học tập của chúng ta có vấn đề. Phật nói những lời này thật sự là buốt lòng rát miệng khuyên bảo dẫn dắt chúng ta.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Ngô Bát-nê-hoàn, kinh đạo dần dần diệt mắt, nhân dân siểm ngụy, phục vi chúng ác. Ngũ thiêu ngũ thống, cứu hộ chuyển kịch. Nhữ đẳng chuyển tương giáo giới, như Phật kinh pháp, vô đắc phạm dã.**

*Sau khi Ta nhập Bát-nê-hoàn, kinh đạo dần dần diệt mắt, nhân dân siểm ngụy, lại làm các điều ác. Ngũ thiêu, ngũ thống, càng về sau càng nặng thêm hơn. Các ông phải lần lượt răn dạy nhau, tu hành đúng theo kinh pháp của Phật, không được sai phạm.*

*“Sau khi Ta nhập Bát-nê-hoàn, kinh đạo dần dần diệt mắt”*

“Bát-nê-hoàn” là dịch âm tiếng Phạn, nghĩa là nhập Bát-niết-bàn, chính là nghĩa nhập diệt. Việc hóa duyên của Phật đã tận, tương lai phải nhập diệt, không còn trụ ở thế gian này nữa. Ý nghĩa của hai câu kinh văn này là: Tương lai sau khi Ta nhập Bát-niết-bàn, kinh đạo sẽ mỗi ngày một diệt mất.

“Kinh đạo” chính là chân tướng của vũ trụ nhân sanh mà Phật đã nói, cho đến lý luận và phương pháp là khổ được vui. Lý luận và phương pháp mà Phật truyền cho chúng ta, bởi vì chúng ta cách Phật lâu xa nên dần dần bị biến chất, sau cùng cũng sẽ biến mất khỏi thế gian này. Giáo học của Phật đã biến chất rồi, như Phật giáo hiện nay đã biến thành tôn giáo, biến thành mê tín, đây chính là “kinh đạo dần dần diệt mất”. Phật pháp vốn là phá mê khai ngộ, người học Phật hiện nay càng học càng mê, chính là hiện tượng kinh đạo dần dần diệt mất. Làm thế nào có thể hoằng dương Phật pháp đến toàn thế giới? Buộc phải khôi phục lại bản lai diện mục giáo

học của nó, như vậy mới được. Kinh Pháp Diệt Tận nói kinh Thủ Lăng-nghiêm sẽ bị diệt trước tiên, sau đó từng bộ kinh một đều sẽ bị diệt, sau cùng còn lại mỗi bộ kinh Vô Lượng Thọ.

*“Nhân dân siểm nguy, lại làm các điều ác”*

Đây là hiện tượng xã hội tất yếu sẽ xảy ra khi kinh đạo dần dần diệt mất. “Siểm nguy” chính là không thật thà, không thành thật, giả dối, bịp bợm. Thế giới ngày nay quả nhiên là như vậy, giữa người với người không giữ chữ tín, không tuân theo pháp độ. Bốn chúng đệ tử học Phật cũng chẳng thể khắc chế được phiền não, mê hoặc, tập khí, nhiễm chấp của chính mình, cũng phạm sai lầm lớn. “Làm” là tạo tác, chính là nói tập khí cũ của chúng sanh hiện tiền, lại tạo ác tiếp, và lại mỗi năm càng nghiêm trọng hơn. Nịnh bợ, khoác lác, lừa bịp, không thật thà. “Lại làm các điều ác” lại đều làm ra đủ mọi việc ác.

*“Ngũ thiêu, ngũ thống, càng về sau càng nặng thêm hơn”*

“Ngũ thống” chỉ cho xã hội động loạn bất an, đời sống của người dân khôn khổ không chịu nổi. “Ngũ thiêu” là khổ báo địa ngục ở đời sau. Người làm ác tương lai đọa vào ba đường ác càng ngày càng nhiều. “Càng về sau” chính là chỉ hiện tại của chúng ta. Chúng ta cách thời Phật tại thế đã hơn ba ngàn năm rồi, thời gian dài lâu như vậy, tạo ác thọ báo càng ngày càng nghiêm trọng. Đây là nói về tình trạng của xã hội ngày nay, làm thế nào cứu vãn thế giới này? Phật nói với chúng ta một phương pháp:

*“Các ông phải lần lượt răn dạy nhau, tu hành đúng theo kinh pháp của Phật, không được sai phạm”*

Ba câu kinh văn này là Phật đang dạy chúng ta con đường cứu vãn vận mệnh của thế giới. Bản thân chúng ta có được bộ kinh này, từ bộ kinh điển này học được phương pháp khiến bản thân hạnh phúc mỹ mãn; chúng ta cũng hy vọng tất cả mọi người, mỗi người trong một đời đều hạnh phúc mỹ mãn. Chúng ta có nghĩa vụ đem bộ kinh điển này, pháp môn này giới thiệu cho tất cả mọi người, tiến cử cho mọi người, hy vọng mỗi một người đều có thể hiểu rõ. Đây là lời dặn dò của Phật đối với đại chúng, để mọi người dạy bảo, răn nhắc lẫn nhau; để mọi người đối với kinh pháp của Phật không được sai phạm, không được phạm đạo cấm, không được phá giới. Tổ rõ lòng từ bi vô hạn của Phật.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Di-lặc Bồ-tát hiệp chúng bạch ngôn: “Thế nhân ác khổ, như thị như thị. Phật giai từ ai, tất độ thoát chi. Thọ Phật trọng hoi, bất cảm vi thất.**

*Bồ-tát Di-lặc chấp tay thưa rằng: “Người đời ác khổ đúng là như vậy, đúng là như vậy, Phật đều từ bi thương xót, độ thoát tất cả. Con xin vâng lời dạy bảo quan trọng của Phật, không dám làm trái, quên đi”.*

Ngài Di-lặc là người đương cơ, chấp tay thay cho mọi người đáp lời Phật.

*“Người đời ác khổ đúng là như vậy, đúng là như vậy”*

Nhưng Phật vẫn từ bi, thương xót như thế, độ thoát hết cả. Câu này rất quan trọng. Trong phẩm Quyết Chứng Cực Quả trong kinh này nói: “Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, hoặc đã sanh, hoặc sẽ sanh, thấy đều trụ trong chánh định tụ, nhất định chứng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Trong kinh A-di-đà nói còn rộng hơn, những người đã từng phát nguyện, hiện nay đang phát nguyện, vẫn chưa phát nguyện mà sau này sẽ phát nguyện, họ đều không thoái chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Những người sẽ phát nguyện đều ở trong đó, đều được độ thoát. Di-đà Yếu Giải nói còn hay hơn, bất luận là tâm chí thành hay là tâm tán loạn, có tâm niệm hay là vô tâm niệm, lý giải hoặc không lý giải danh hiệu Di-đà; hoặc là sáu chữ Phật hiệu, hoặc là tên của kinh này (tức là kinh A-di-đà), một phen lọt vào tai (không dùng từ “nghe”, “nghe” thì phải có tiêu chuẩn), giả sử trăm ngàn kiếp sau nhất định đều nhân đây mà được độ thoát. Trăm kiếp sau, ngàn kiếp sau, bởi vì bạn đã từng nghe qua tên gọi này mà được độ thoát. Ngài Di-lặc nói: “Phật đều từ bi thương xót, độ thoát tất cả”. Câu này hoàn toàn phù hợp với nghĩa kinh.

*“Con xin vâng lời dạy bảo quan trọng của Phật, không dám làm trái, quên đi”*

Nhận lời dạy bảo quan trọng như vậy của Phật, mọi người đều không dám trái phạm, không dám quên mất. Hai từ “không dám” này đã bao gồm ngưỡng mộ, tin theo, có ý nghĩa cảm ân. Bởi vì Phật nói rằng: “Cẩn thận chớ tin vào ý của ông, ý của ông chẳng đáng tin”. Chính là đừng tin vào ý của chính mình, buông bỏ ý của chính mình. Bạn đã quy y với Thích-ca Mâu-ni Phật, đối với lời dạy của Phật tuy

nhất thời chẳng thể hoàn toàn tiếp nhận thì phương tiện lớn nhất là ngưỡng mộ, tin theo. Phật đã dạy như vậy, trước hết hãy tin cái đã, rồi sau đó bạn hãy niệm kinh, hãy tư duy. Phật có lực gia bị, sức nhiếp thọ, bạn bèn có thể tin. Không đủ trí tuệ thì nên ngưỡng mộ, tin theo. Tin rồi thì không được quên mất, không được làm trái.

Phật đối với tất cả chúng sanh, không phân quốc gia, không phân chủng tộc, không phân tôn giáo, không phân chủng loại mà giáo hóa bình đẳng, giúp đỡ bình đẳng. Đây là Phật đại từ đại bi, từ bi thương xót chúng sanh.

Lời dạy bảo của Phật trong pháp hội này quả thật là không ngại phiền phức, hết lần này đến lần khác, chỉ sợ chúng ta lơ là khinh suất, cho nên đã răn dạy nhiều lượt. Chúng ta phải ghi nhớ, phải cảm ân, phải y giáo phụng hành, nhất định không được làm trái lời giáo huấn của Phật, nhất định không được quên mất, nhất định phải tuân thủ. Như vậy bản thân mới có thể đạt được lợi ích chân thật, mới có thể giúp đỡ xã hội, đạt được xã hội an định, thế giới hòa bình. Nhân loại nhất định phải chính mình cứu lấy chính mình, không tự cứu được mình thì chính là con đường chết. Làm thế nào cứu lấy chính mình? Phải y theo lời Phật dạy mà làm, chúng ta có trách nhiệm, có lòng tin làm cho xã hội trở lại an định, thế giới trở lại hòa bình.

Mời xem lời khuyên dạy của đại sư Ân Quang:

“Nếu đầy đủ chân tín thiết nguyện, thì trong vạn người chẳng sót một ai. Chúng sanh thời mạt pháp duy chỉ có một pháp này là có thể trông cậy, nương tựa. Bởi vì pháp vận càng về sau thì pháp này càng khế hợp căn cơ, thiện tri thức càng tha thiết đề xướng”.

“Phải biết, muốn học Phật thì trước tiên phải từ vện luân thường, tròn bổn phận, ngăn lòng tà, giữ lòng thành, không làm các điều ác, vâng làm các việc lành mà bắt đầu. Nếu như tâm niệm và hành vi trái ngược với Phật, thì dầu cho cả ngày niệm Phật, lợi ích ấy rất nhỏ. Ví như trồng giống lúa tốt lên đất cát, đất mặn, ất khó được thu hoạch lớn vậy. Chỉ thường niệm Phật thì bản thân trọn chẳng có gì để ân hận”.

Muốn niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì phải hiểu nhân rõ quả. Hành vi của thân, ý niệm của tâm phải hợp với Phật. Nếu trái ngược với Phật thì cho dù có thể niệm Phật cũng khó mà vãng sanh. Do vì đạo cảm ứng chẳng thể tương giao với

nhau. Nếu có thể sanh tâm đại sám hối, lo sợ lớn, sửa lỗi như trừ nhọt độc, lập chí như giữ bạch ngọc thì vạn người chẳng sót một ai, ai nấy đều được vãng sanh”.

“Phật xem tất cả chúng sanh đều như con một, yêu thương không thiên vị, luôn muốn độ thoát. Vì tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể làm Phật, cho nên tuy là hạng Nhất Xiển Đề tuyệt chẳng có tín tâm, Phật cũng không hề có một niệm tâm xả bỏ”.

“Người thời nay đa phần chuộng hư danh, không tu hành thực chất. Miệng tuy niệm Phật, tâm trái ngược với Phật. Ví như cùng lúc uống các thuốc kỵ nhau thì sao khỏi bệnh được. Phải niệm niệm khắc chế tập khí của chính mình, tâm tâm nhớ nghĩ hồng danh Di-đà. Phạm khởi lên ý niệm không hợp với Phật thì phải tự trách rằng: Người là người niệm Phật cầu sanh Tây Phương, sao có thể khởi lên ý niệm như vậy? Chánh niệm vừa khởi, tà niệm tự tiêu, quyết không cho nó tạm trú trong khoảnh khắc. Ất khiến trong tâm thanh tịnh không hoen hố, như ngọc lưu ly thanh tịnh, bên trong chứa vàng trắng báu. Không làm các điều ác, vâng làm các việc lành, tín nguyện trì danh, quyết định cầu sanh thì mới là người chân chánh tu Tịnh độ. Nếu có một niệm tâm cầu phước báo nhân thiên ở đời sau, dù tu trì tinh thuần cũng bị gọi là trái nghịch lời Phật dạy. Dầu trông thiện căn nhưng việc liễu sanh thoát tử phải đợi đến năm con Lừa, lẽ nào không đau xót!”

Tiếp theo tôi xin tổng kết trọng điểm của kinh văn phẩm thứ 37. Kinh văn phẩm thứ 37 có 15 trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: Thích-ca Mâu-ni Phật vì sao giáng sinh trên địa cầu này? Chúng ta vì sao phải học Phật? Thích-ca Mâu-ni Phật giáng sinh đến thế giới này chính là vì giúp đỡ chúng sanh nhổ dứt khổ sanh tử, thăng đến an lạc vô vi. Ngài đã làm ra minh chứng tốt nhất cho chúng ta. Mục tiêu sau cùng của việc chúng ta học Phật là nhổ dứt khổ sanh tử, thăng đến an lạc vô vi. Làm thế nào đạt được mục tiêu sau cùng này? Học theo Thích-ca Mâu-ni Phật, có thể y giáo phụng hành thì trong một đời này chúng ta nhất định có thể làm được việc lớn này.

Trọng điểm thứ hai: Như kẻ nghèo được của báu, đối với đồng tu tu học pháp môn Tịnh độ niệm Phật của chúng ta mà nói, của báu này là gì vậy? Bạn có nhận ra của báu này không? Hãy nói về nhận thức của bạn về báu vật này.

Trọng điểm thứ ba: Thế nào là gốc đức? Làm thế nào vun trồng gốc đức? Có hai cách giải thích cho “gốc đức”. Cách giải thích thứ nhất: Lục độ là gốc của hết thảy công đức. Cách giải thích thứ hai: Sáu chữ hồng danh đầy đủ vạn đức, là gốc của các công đức. Làm thế nào rộng trồng gốc đức? Đừng phạm đạo cấm, nhẫn nhục tinh tấn, từ tâm chuyên nhất, trai giới thanh tịnh.

Trọng điểm thứ tư: Thế nào là thật sự tinh tấn? Tinh tấn thật sự chính là mỗi một câu Phật hiệu tiếp nối nhau, làm được không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Thật sự làm được ba cái “không” này thì đời này bạn nhất định thành tựu.

Trọng điểm thứ năm: Đại đạo thì cực đơn giản, bạn có công nhận lý niệm này không? Vì sao chúng ta học Phật nhiều năm mà phiền não vẫn y như cũ, vẫn chưa học được khỏe mạnh ra, vẫn chưa học được vui vẻ ra, vẫn chưa học được pháp hỷ ra vậy? Học Phật thì phải đơn giản bớt, không được phức tạp thêm, phải đem sự việc phức tạp biến thành đơn giản, không được đem việc đơn giản biến thành phức tạp, đại đạo vốn cực đơn giản mà!

Trọng điểm thứ sáu: Bạn lý giải đoạn kinh văn dưới đây thế nào? Chương Văn-thù-sur-lợi Thọ Ký trong kinh Đại Bảo Tích nói rằng: “Nếu có chúng sanh ở cõi Phật đó ức trăm ngàn năm tu các phạm hạnh, không bằng ở thế giới Ta-bà này trong khoảng khảy ngón tay mà khởi tâm từ bi đối với các chúng sanh, công đức đạt được còn lớn hơn thế, hưởng hồ có thể trong một ngày một đêm trụ ở tâm thanh tịnh”.

Trọng điểm thứ bảy: Bạn nhận thức hai câu “một ngày một đêm, từ tâm chuyên nhất” như thế nào? Ở thế giới Ta-bà tu hành mười ngày mười đêm hơn ở thế giới khác làm thiện ngàn năm, vậy vì sao còn phải cầu sanh Tây Phương? Có ai có thể làm được một ngày một đêm từ tâm chuyên nhất, trai giới thanh tịnh trong 24 giờ không?

Trọng điểm thứ tám: Một đôi vợ chồng nghèo khổ đã đem tám chần duy nhất cúng dường cho vị A-la-hán, từ trong việc này bạn ngộ ra điều gì? Học được điều gì?

Trọng điểm thứ chín: Hai đoạn răn dạy của đại sư Ấn Quang đối với bạn có sự gợi mở gì? Bạn có thể kể một vài câu chuyện liên quan đến nhân quả cho những người bên cạnh nghe không?

Trọng điểm thứ mười: Phật dạy chúng ta kinh pháp, muốn chúng ta đều phải thọ trì, suy nghĩ, đều phải phụng hành, lần lượt bảo ban nhau, hòa thuận nghĩa lý, tự kiểm chế, kiểm điểm lẫn nhau, hoan lạc, từ hiếu, bạn đã làm được những điều nào?

Trọng điểm thứ mười một: Bồ ác làm lành, sáng nghe tối sửa, trong cuộc sống thực tế bạn làm thế nào để thực hành? Hai phương pháp sửa lỗi đó là gì? Bạn thuộc về phương pháp nào?

Trọng điểm thứ mười hai: Sám hối thế nào mới là chân sám hối?

Trọng điểm thứ mười ba: Trong kinh văn của phẩm này, đoạn kinh nào tỏ rõ phẩm đức từ bi vô lượng của Phật? Hãy nói về lĩnh hội của bạn khi học tập đoạn kinh văn này.

Trọng điểm thứ mười bốn: Thế nào là an lạc vô vi? Làm thế nào mới có thể đạt được an lạc vô vi? An lạc vô vi là một loại cảnh giới như thế nào?

Trọng điểm thứ mười lăm: “Con xin vâng lời dạy bảo quan trọng của Phật, không dám làm trái, quên đi”. Lời dạy bảo quan trọng đó là gì? Đó là nói với ai? Xin hãy giải thích một chút từ “không dám”.

Tiết học hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 88

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

### LỄ PHẬT HIỆN QUANG ĐỆ TAM THẬP BÁT

Phẩm kinh văn này là nói: Thích-ca Mâu-ni Phật của thế giới Ta-bà và A-di-đà Phật của thế giới Tây Phương Cực Lạc, hai vị đạo sư của hai cõi gia trì cho đại chúng dự hội, khiến cho mỗi một người trong pháp hội đều được tận mắt nhìn thấy y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc. Việc này trong tam chuyển pháp luân gọi là “tác chứng chuyển”.

Kinh Vô Lượng Thọ là một bộ kinh cực kỳ thù thắng, khi đọc tụng thì càng giống một áng văn chương văn từ ưu mỹ. Trước tiên nêu ra câu hỏi, vì sao Phật lại phóng quang? Phật bèn kể tỳ-kheo Pháp Tạng của thế giới Cực Lạc phát nguyện ra sao, làm thế nào thành tựu thế giới Cực Lạc, cách thức thế nào, làm thế nào mới có thể vãng sanh, Bồ-tát của thế giới Cực Lạc là như thế nào. Lúc bấy giờ, ngài bút vừa chuyển bèn thành tướng tự nhiên của tự nhiên, sự thù thắng đạt đến tột đỉnh. Sau đó Phật lại đem ngũ ác, ngũ thông, ngũ thiêu trên thế giới này toàn bộ đều phơi bày ra hết. Sau khi đem ngũ ác, ngũ thông, ngũ thiêu đều nói ra tường tận thì Phật lại khuyến tấn, như kẻ nghèo được của báu, để mọi người xem trọng. Sau việc này, đột nhiên xuất hiện một tình tiết bất ngờ “lễ Phật hiện ánh sáng”. Kinh điển có khi cũng là áng văn chương tuyệt đẹp nhất, đọc trăm lần không chán, để lại dư vị vô tận. Giống như dòng nước chảy từ khe suối nhỏ tưới nhuận mảnh đất trong tâm người.

Mời xem kinh văn bên dưới:

**Phật cáo A-nan: Nhược tào dục kiến Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, cập chư Bồ-tát, A-la-hán đẳng, sở cư quốc độ, ưng khởi Tây hướng, đương nhật một xứ, cung kính đánh lễ, xưng niệm Nam-mô A-di-đà Phật.**

*Phật bảo A-nan: “Nếu ông muốn thấy đức Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác và các Bồ-tát, A-la-hán v.v. ở trong cõi ấy, thì hãy đứng dậy, hướng về phương Tây, nơi mặt trời lặn, cung kính đánh lễ, xưng niệm: Nam-mô A-di-đà Phật”.*



Phẩm kinh văn Lễ Phật Hiện Quang này không thể nghĩ bàn. Bạn lay Phật thì Phật liền xuất hiện, lại còn phóng đại quang minh, đây là cảnh giới cực kỳ thù thắng. Ở đây có hai người đương cơ: một là đức Di-lặc, hai là ngài A-nan.

Phật nói với A-nan cũng là nhắc nhở đại chúng. “Nếu ông” nghĩa là các ông, các ông có muốn thấy A-di-đà Phật không? Nếu các ông muốn thấy đức Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác và các Bồ-tát, A-la-hán v.v. thì hãy đứng dậy cung kính hướng đến A-di-đà Phật ở phương Tây, cung kính hướng đến thế giới Cực Lạc ở phương Tây. Chỗ nào là hướng Tây vậy? Nơi mặt trời xuống núi.

“Đức Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác” chính là biệt danh của A-di-đà Phật. A-di-đà Phật cũng được xưng là “Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác”. A-di-đà Phật là đức hiệu của đức Bản Sư ở thế giới Tây Phương Cực Lạc. Từ đức hiệu này chúng ta phải hiểu rằng, chúng ta tu học như thế nào thì mới có thể tương ứng với ngài. Tâm của chúng ta phải thanh tịnh, phải bình đẳng, phải giác chứ không mê, như vậy mới tương ứng với tâm hạnh của A-di-đà Phật, và các Bồ-tát, A-la-hán v.v... đây là chỉ cho học trò của A-di-đà Phật, số lượng học trò vô lượng vô biên, chẳng thể nào tính được. Ở trong cõi ấy chính là thế giới Tây Phương Cực Lạc, ở đó có chánh báo, có y báo. Phật và Bồ-tát là chánh báo, cõi nước là y báo. Y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc, các bạn có muốn nhìn thấy hay không? Muốn thấy thì chẳng phải không thể thấy được.

Trong chương Đại Thế Chí Bồ-tát Niệm Phật Viên Thông nói với chúng ta: Thật sự niệm Phật, niệm đến khi cảm ứng đạo giao, thì hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật. Đây là hiện tiền nhìn thấy, tương lai là sau khi vãng sanh sẽ nhìn thấy. Trước khi vãng sanh nhìn thấy là hiện tiền nhìn thấy, hiện tiền phải thế nào thì mới nhìn thấy? Thế Tôn dạy chúng ta niệm Phật: Nhất tâm xưng niệm A-di-đà Phật thì sẽ nhìn thấy. Hiện nay chúng ta cũng xưng niệm A-di-đà Phật, nhưng có phải là nhất tâm hay không? Chúng ta là loạn tâm xưng niệm, tạp tâm xưng niệm, vọng tâm xưng niệm, tâm không thanh tịnh nên không nhìn thấy được. Tâm thanh tịnh thì có cảm ứng. Tuy nhiên này các đồng tu, chúng ta không được cầu cảm ứng, phải cầu tâm thanh tịnh. Cầu cảm ứng thì tâm không thanh tịnh, ý niệm đã sai rồi, cầu tâm thanh tịnh là chính xác.

*“Cung kính đánh lễ”*

Từ then chốt của câu kinh văn này là “cung kính”, hai từ này rất không dễ gì làm được. Ngày nay chúng ta học Phật, tương lai có thể vãng sanh hay không quyết định bởi đối với A-di-đà Phật có tâm cung kính hay không, có hành vi cung kính hay không. Thế nào là tâm và hành vi cung kính? Chính là 20 chữ: chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, nhìn thấu, buông xuống, tự tại, tùy duyên, niệm Phật. Người thế gian mê hoặc điên đảo luôn luôn vì lợi ích trước mắt mà nói dối, nói đôi chiều, khiêu khích thị phi. Không biết rằng vì những tội lỗi này mà việc vãng sanh bị chướng ngại, niệm Phật chắc chắn không đạt được nhất tâm, chẳng những không đạt được nhất tâm, mà công phu thành thiền cũng không đạt được. “Không chân thành thì chẳng thể thành tựu”, nếu người không chân thành thì thứ gì cũng chẳng có, đều không thể thành tựu, đây là điều chúng ta phải nghiêm túc phản tỉnh, kiểm điểm. Người khác có chân thành hay không, không liên quan đến chúng ta. Người học Phật đừng quản người khác, hãy quản cho tốt chính mình, phản tỉnh bản thân, mình có phải là không thành thật hay không, có vì lợi ích của chính mình mà tổn hại, lừa gạt người khác hay không? Có tạo tội nghiệp vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ hay không? Trong tâm nếu có mảy may ý niệm lừa gạt người khác thì không có tâm cung kính, dù đánh lễ Phật Bồ-tát, lạy nhiều đến mấy cũng uổng công.

Cổ đức có ví dụ: Mỗi ngày lạy mấy ngàn lạy nhưng không có tâm cung kính, chỉ có lễ bái trên hình thức thì cũng là lừa mình, lừa người, đem người ấy ví “như đập chày giã gạo”, ý nghĩa tương đồng với việc “hét bẻ cổ họng cũng uổng công”. Ở đây nói rõ, nếu không có tâm cung kính, không có thành ý thì không có cảm ứng, vẫn là niệm niệm đang tạo nghiệp.

Làm thế nào mới có thể sám trừ nghiệp chướng? Cần phải thật sự biết được chính mình đã sai rồi, biết tiêu trừ và hóa giải hiểu lầm, đặc biệt là việc khiêu khích thị phi khiến hai người bất hòa, oan kết do mình tạo ra, nếu không tháo gỡ nó thì đời đời kiếp kiếp đều phải chịu quả báo này. Vậy nên người thông minh hãy phát lộ sám hối, nói rõ tôi đã vì lợi ích của bản thân khiến cho các vị hai bên đấu tranh, đây là lỗi lầm của tôi. Nói ra rồi thì hiểu lầm giữa hai bên sẽ được cởi bỏ, bản thân cũng tiêu trừ nghiệp chướng. “Phát lộ sám hối” mà Phật dạy là ý nghĩa như vậy. Chẳng phải là ở trước mặt Phật Bồ-tát nói con đã tạo những tội nghiệp gì, ngài hãy tha lỗi cho con, hãy khoan thứ cho con, như vậy chẳng có tác dụng gì cả. Bạn phải ở trước mặt người bị hại mà phát lộ sám hối, phải cởi bỏ hiểu lầm của người trong

cuộc, khiến họ hòa mục như xưa, đây mới là hành Bồ-tát đạo. Người học Phật nhất định không được khiến một người hàm oan, nhất định không được làm tổn hại một người nào cả, đối với tất cả chúng sanh đều đối đãi bình đẳng. Sự cung kính như vậy rất khó, đối nhân, xử thế, tiếp vật đều phải chân thành.

*“Xưng niệm Nam-mô A-di-đà Phật”*

Người xưa nói “thành ắt linh”, chân thành thì có cảm ứng. Chỉ cần tuân theo lời dạy của Thích-ca Mâu-ni Phật, khi đó những người ấy lễ bái xưng niệm, A-di-đà Phật liền hiện tiền, mọi người đều nhìn thấy thế giới Cực Lạc. Ngày nay chúng ta có thể nhìn thấy hay không? Có thể như nhau, thành thì sẽ linh. Chúng ta ngày nay có lạy thế nào, có niệm thế nào cũng không nhìn thấy, vì sao vậy? Tâm không thành, tội nghiệp rất nặng, vẫn chưa thể sám trừ tội nghiệp, đây là nguyên nhân không có được cảm ứng. Không thể sám trừ tội nghiệp thì cho dù tu một đời một kiếp cũng không thể vãng sanh. Chúng ta nếu thật sự cầu vãng sanh thì nhất định trước hết phải sám trừ nghiệp chướng. Làm thế nào nhanh chóng, triệt để sám trừ nghiệp chướng? Thật thà niệm A-di-đà Phật.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**A-nan tức tùng tọa khởi, diện Tây hiệp chưởng, đánh lễ bạch ngôn: “Ngã kim nguyện kiến Cực Lạc thế giới A-di-đà Phật, cúng dường phụng sự, chủng chư thiện căn”. Đánh lễ chi gian, hốt kiến A-di-đà Phật, dung nhan quảng đại, sắc tướng đoan nghiêm, như huỳnh kim sơn, cao xuất nhất thiết chư thế giới thượng. Hựu văn thập phương thế giới, chư Phật Như Lai, xưng dương tán thán A-di-đà Phật chủng chủng công đức, vô ngại vô đoan**

*A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, mặt hướng về phương Tây, chắp tay, đánh lễ bạch rằng: “Con nay nguyện được thấy A-di-đà Phật ở thế giới Cực Lạc để cúng dường phụng sự, trồng các căn lành”. Trong lúc đánh lễ, bỗng thấy A-di-đà Phật dung nhan quảng đại, sắc tướng đoan nghiêm, như núi vàng ròng, cao vượt hơn tất cả các thế giới. Lại nghe chư Phật Như Lai khắp mười phương thế giới xưng dương tán thán các thứ công đức của A-di-đà Phật một cách vô ngại, không gián đoạn.*

Căn tánh của ngài A-nan rất nhạy bén, nghe lời Thích-ca Mâu-ni Phật nói xong, ngài vội vàng đứng dậy, mặt hướng về phương Tây cung kính lễ bái xưng niệm:

*“Con nay nguyện được thấy A-di-đà Phật ở thế giới Tây Phương Cực Lạc”.*

Thấy Phật đề làm gì?

*“Cúng dường, phụng sự, trông các căn lành”*

Hai câu này là sự mong cầu của ngài A-nan. A-nan đã phát nguyện, nguyện được cúng dường và thừa sự, thừa sự chính là phục vụ, kế nghiệp để trông các loại căn lành. Trong lúc đánh lễ bỗng nhiên nhìn thấy Phật, đây đều là đốn pháp. Những sự việc này đột nhiên trong chốc lát toàn bộ hiện ra. *“A-di-đà Phật dung nhan quảng đại, sắc tướng đoan nghiêm”*, đoan trang, nghiêm lệ.

*“Như núi vàng ròng”*

Thân quang minh kim sắc giống như một tòa núi vàng ròng vậy, *“cao vượt hơn tất cả các thế giới”*.

Đồng thời lại nghe thấy chư Phật Như Lai khắp mười phương *“xưng dương tán thán các thứ công đức của A-di-đà Phật một cách vô ngại, không gián đoạn”*.

Sự tướng mà sự việc này nói đến, trên thực tế là cảnh giới của Hoa Nghiêm. Ở trên địa cầu thì thế giới Cực Lạc ở ngay trước mặt, chúng ta đã nhìn thấy A-di-đà Phật, đồng thời 20.000 người dự hội khi đó đều nghe thấy chư Phật khắp mười phương thế giới đang tán thán A-di-đà Phật. Đây là một minh chứng tốt nhất, chư Phật đều đang tán thán, diễn nói tứ vô ngại biện gồm: từ vô ngại, nghĩa vô ngại, pháp vô ngại, nhạo thuyết vô ngại, diễn nói không gián đoạn. Đây là tướng lành không thể nghĩ bàn. Lúc này là giữa chừng hiện tướng lành, nói xong lại hiện tướng lành. Đây là việc hiện tướng lành cực kỳ hiếm có, người có thể thấy được tướng lành này cũng chẳng phải là người thông thường.

Chúng ta là người học Phật phải hiểu một đạo lý như vậy: Trong kinh Đại thừa, Phật thường xuyên nói với chúng ta *“vạn pháp duy tâm”*, y chánh trang nghiêm của mười pháp giới *“đều do tâm hiện, đều do thức biến”*. Lìa khỏi tự tánh thì chẳng có một pháp nào để đắc. Y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc vẫn là do tự tánh biến hiện. Tự tánh thanh tịnh thì hiện pháp giới thanh tịnh, tự tánh

không thanh tịnh thì hiện ra pháp giới trước ác. Vậy nên Phật nói: “Hết thấy pháp từ tâm tướng sanh”, đây là nguyên lý. Lúc tâm tướng Phật thì tâm đã thành Phật rồi. “Một niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật”. Ngài A-nan và đại chúng dự hội khi đó, các ngài là một niệm tương ưng, niệm niệm tương ưng nên cảnh giới ấy bèn hiện tiền. Ngày nay chúng ta tuy niệm, nhưng niệm không tương ưng, vì sao không tương ưng? Bởi vì trong mỗi niệm của chúng ta có nhân ngã thị phi, trong mỗi niệm có tham sân si mạn nghi, trong mỗi niệm có phân biệt chấp trước, thì sao tương ưng được! Cảnh giới không tương ưng hiện ra vẫn là cảnh giới trước ác.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**A-nan bạch ngôn: “Bỉ Phật tịnh sát đặc vị tăng hữu. Ngã diệc nguyện nhạo sanh ư bỉ độ”. Thế Tôn cáo ngôn: “Kỳ trung sanh giả, dĩ tăng thân cận vô lượng chư Phật, thực chứng đức bốn. Nhữ dục sanh bỉ, ưng đương nhất tâm quy y chiêm ngưỡng”.**

*A-nan bạch rằng: “Cõi thanh tịnh của đức Phật ấy thật chưa từng có, con cũng nguyện thích sanh về cõi đó”. Đức Thế Tôn nói: “Những người sanh về cõi đó đã từng thân cận vô lượng chư Phật, trông nhiều gốc công đức. Ông muốn sanh về cõi đó thì hãy nên nhất tâm quy y, chiêm ngưỡng”.*

A-nan nói với Phật: “Đức Phật ấy” là chỉ cho A-di-đà Phật, cõi nước thanh tịnh của ngài “*thật chưa từng có*”, trước giờ chưa từng nhìn thấy. “*Con cũng nguyện thích sanh về cõi đó*”, con cũng mong được sanh về cõi nước của A-di-đà Phật. “*Đức Thế Tôn nói: Những người sanh về cõi đó đã từng thân cận vô lượng chư Phật, trông nhiều gốc công đức*”. Những người vãng sanh này, họ đã từng thân cận vô lượng chư Phật, đã trông đủ mọi thiện căn, đủ mọi công đức. “*Ông muốn sanh về cõi đó*”, ông muốn sanh đến nơi đó thì cũng “*hãy nên nhất tâm quy y, chiêm ngưỡng*”. Công đức nhất tâm không thể nghĩ bàn, khi bạn nhất tâm quy y A-di-đà Phật thì giống như thân cận chư Phật vậy.

*“Trông nhiều gốc công đức”*

Quá khứ họ đã làm như vậy đều có thể vãng sanh, ông cũng làm như vậy thì bằng với với công đức của họ. Cho nên chúng ta khó được nhất tâm, đa phần là do

bán tín bán nghi, ba tâm hai ý. Toàn tâm toàn ý mới là bước đầu tiên của nhất tâm, chúng ta phải quy y, chiêm ngưỡng, tuân theo, ngưỡng vọng.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Tác thị ngữ thời, A-di-đà Phật, tức ư chương trung phóng vô lượng quang, phổ chiếu nhất thiết chư Phật thế giới. Thời chư Phật quốc, giai tất minh hiện, như xứ nhất tâm. Dĩ A-di-đà Phật thù thắng quang minh, cực thanh tịnh cố, ư thử thế giới, sở hữu Hắc sơn, Tuyết sơn, Kim Cang, Thiết-vi đại tiểu chư sơn, giang hà, tòng lâm, thiên nhân cung điện, nhất thiết cảnh giới, vô bất chiếu kiến. Thí như nhật xuất, minh chiếu thế gian, nãi chí Nê-lê, kê cốc ư minh chi xứ, tất đại khai tịch, giai đồng nhất sắc. Do như kiếp thủy, di mãn thế giới, kỳ trung vạn vật, trầm một bất hiện, hoảng dạng hạo hãn, duy kiến đại thủy. Bĩ Phật quang minh, diệc phục như thị. Thanh Văn, Bồ-tát nhất thiết quang minh, tất giai ẩn tế, duy kiến Phật quang, minh diệu hiển hách.**

*Lúc nói lời ấy, trên tay A-di-đà Phật liền phóng ra vô lượng quang minh, chiếu khắp tất cả thế giới chư Phật. Khi ấy, cõi nước chư Phật thấy đều hiện rõ như trong một tâm. Do quang minh thù thắng của A-di-đà Phật vô cùng thanh tịnh, nên ở thế giới này tất cả Hắc sơn, Tuyết sơn, Kim Cang, Thiết-vi, các núi lớn nhỏ, sông ngòi, rừng cây, cung điện của trời người, tất cả cảnh giới không đâu chẳng soi thấy, như mặt trời mọc chiếu sáng thế gian. Cho đến Nê-lê, khe hang, chỗ tối tăm, thấy đều sáng bừng, đều cùng một sắc, như kiếp thủy tai nước ngập tràn thế giới, vạn vật trong đó đều chìm ngập chẳng hiện, thăm thẳm mênh mông, chỉ thấy toàn là nước lớn. Quang minh của đức Phật ấy cũng giống như thế. Tất cả quang minh của Thanh văn, Bồ-tát đều bị lu mờ, chỉ thấy quang minh của Phật là sáng ngời, rực rỡ.*

Đoạn kinh văn này khá dài, nhưng nội dung khá dễ hiểu. Tiếp theo xin giới thiệu một chút đại ý của đoạn kinh văn này.

“Lúc nói lời ấy” cũng chính là khi Thích-ca Mâu-ni Phật nói câu này thì “trên tay A-di-đà Phật liền phóng ra vô lượng quang minh”, tương lai khi ngài đi tiếp dẫn cũng là một tay cầm hoa sen, một tay bắt ấn tiếp dẫn, duỗi bàn tay ra, trong lòng bàn tay phóng ra vô lượng quang minh.

“*Chiếu khắp tất cả thế giới chư Phật*”, khi ấy quang minh của Phật chiếu khắp cõi nước mười phương, hết thấy cõi nước chư Phật đều hiện rõ. Quán Kinh cũng nói như vậy, Phật hiện ra rất nhiều cõi nước cho phu nhân Vi-đề-hy. “*Như trong một tâm*”, “một tâm” là tám thước. Khi đó nhìn thấy thế giới Tây Phương Cực Lạc như người thông thường nhìn thấy trong vòng tám thước vậy. Quang minh của A-di-đà Phật thù thắng. “*Vô cùng thanh tịnh*”, cực kỳ thanh tịnh, cho nên ở thế giới này “*tất cả Hắc sơn, Tuyết sơn, Kim Cang, Thiết-vi, các núi lớn nhỏ, sông ngòi, rừng cây, cung điện của trời người, tất cả cảnh giới*” thấy đều hiện tiền. Thế giới Ta-bà này là ba ngàn đại thiên thế giới, Nam Thiệm Bộ Châu mới là địa cầu này. “*Không đâu chẳng soi thấy*”, toàn bộ đều được chiếu sáng. “*Như mặt trời mọc*”, giống như mặt trời mọc lên vậy, “*chiếu sáng thế gian*”, chiếu sáng ngời thế giới này. “*Cho đến Nê-lê*”, “Nê-lê” là địa ngục, “*khe hang*” là chỗ trong hang núi không thấy ánh sáng mặt trời, những “*chỗ tối tăm*” đều được chiếu khắp cả.

“*Đều cùng một sắc*”, đều cùng một màu sắc. Như Quán Kinh nói: Phật Vô Lượng Thọ ở không trung, hai vị Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí ở hai bên trái phải, [so với] quang minh được chiếu ra thì sắc của trăm ngàn khối vàng Diêm-phù-đàn không thể sánh bằng. Ở đây nói rõ là sắc vàng. Pháp quán thứ tám nói: Tượng Phật Bồ-tát đều phóng quang minh, quang minh ấy sắc vàng. Kinh Thất Phật Thần Chú nói: “Trong ấy, hết thấy vạn vật đều thành sắc vàng”. Trong kinh Pháp Hoa, lúc Phật phóng quang hiện tướng lành cũng nói rằng: “Chiếu đến 18.000 cõi nước ở phương Đông [khiến các cõi ấy] đều như sắc vàng”. Những việc này nói rõ “đều cùng một sắc”. Từ hữu sắc mà nói thì sắc chỉ ra ở đây là sắc vàng.

“*Như kiếp thủy tai, nước ngập tràn thế giới*”, như lúc kiếp nạn lớn, khắp nơi đều là nước, tất cả mọi thứ trong đó đều ngập tới nóc, đều không nhìn thấy. “*Thăm thăm mênh mênh*”, nhìn thấy đều là một vùng nước lớn. “*Quang minh của đức Phật ấy cũng giống như thế*”, thế giới này đều là quang minh của Phật. Vào lúc bấy giờ, quang minh của Thanh văn, quang minh của Bồ-tát, tất cả quang minh “*đều bị lu mờ*”, trắng sáng sao thưa, khi mặt trăng rất sáng thì không nhìn thấy các ngôi sao. Khi ấy quang minh của Phật sáng rõ, quang minh của Bồ-tát cùng quang minh khác đều lu mờ cả. “*Chỉ nhìn thấy quang minh của Phật sáng ngời, rực rỡ*”, quang minh chiếu diệu, sáng ngời rạng rỡ, có uy lực.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Thử hội tứ chúng, thiên long bát bộ, nhân phi nhân đấng, giai kiến Cực Lạc thế giới chủng chủng trang nghiêm. A-di-đà Phật, ư bỉ cao tọa, uy đức nguy nguy, tướng hảo quang minh, Thanh Văn, Bồ-tát vi nhiều cung kính. Thí như Tu-di sơn vương, xuất ư hải diện, minh hiện chiếu diệu, thanh tịnh bình chánh, vô hữu tạp uế, cập dị hình loại, duy thị chúng bảo trang nghiêm, thánh hiền cộng trú. A-nan cập chư Bồ-tát chúng đấng, giai đại hoan hỷ, dũng được tác lễ, dĩ đầu trước địa, xưng niệm Nam-mô A-di-đà Tam-miệu Tam Phật-đà.**

*Bốn chúng trong hội này, thiên long bát bộ, người và phi nhân v.v. đều thấy các sự trang nghiêm của thế giới Cực Lạc. A-di-đà Phật ngự trên tòa cao, uy đức vòi vọi, tướng hảo quang minh, các hàng Thanh văn, Bồ-tát cung kính vây quanh. Như núi Tu-di chúa nhô lên khỏi mặt biển, rạng ngời chói lọi, thanh tịnh bình chánh, không có tạp uế và hình loại quái dị, chỉ do các thứ báu trang nghiêm, thánh hiền cùng ở. Tôn giả A-nan và các hàng Bồ-tát đều rất vui mừng, hơn hờ làm lễ, cúi đầu sát đất, xưng niệm “Nam-mô A-di-đà Tam-miệu Tam Phật-đà”.*

Đại ý của đoạn kinh văn này là bốn chúng đệ tử, thiên long bát bộ, người và phi nhân v.v. tham gia hội này đều nhìn thấy các sự trang nghiêm của thế giới Cực Lạc.

Nhìn thấy A-di-đà Phật “*ngự trên tòa cao*”, ở trên tòa cao. “*Uy đức vòi vọi*”, có đức độ, có uy nghi. Hiện nay hình Phật của người Hán vẽ ngài thành một người mập mạp, không giống với hình của người Tạng. Hình của người Tạng hiển rõ uy đức cao lớn trang nghiêm, tướng hảo quang minh của Phật, 32 tướng, 80 vẻ đẹp, đủ mọi quang minh, rất nhiều đệ tử Thanh văn, Bồ-tát cung kính vây quanh.

*“Như núi Tu-di chúa nhô lên khỏi mặt biển, rạng ngời chói lọi, thanh tịnh bình chánh, không có tạp uế và hình loại quái dị”*

Phật giống như núi Tu-di. Núi Tu-di ở chính giữa bốn đại bộ châu của chúng ta, nhô lên từ mặt biển. Biển này không hẳn là do nước hình thành, giống như khắp nơi trong không trung đều là hạt neutrino, biển hạt neutrino không hẳn là biển nước do hydro và oxygen tạo thành. Núi Tu-di chính là ở trong biển này mà rạng ngời chói lọi. Núi Tu-di do bốn thứ báu tạo thành, không phải do đất đai của chúng ta tạo thành. Khi nó hình thành có thể là được kết tinh ở nhiệt độ cao, độ nóng cao cho nên rạng ngời chói lọi, phóng ra quang minh thanh tịnh, bình chánh, không có tạp uế, như



núi Tu-di chúa ngai lên mặt biển. Phật ở tòa cao, quang minh chiếu khắp, quang minh của chư Bồ-tát đều không hiển rõ. Đồng thời cõi nước cũng rạng ngời chói lọi, thanh tịnh, bình chánh, không có tạp uế, cũng không có hình loại quái dị.

“*Chỉ do các thứ báu trang nghiêm, thánh hiền cùng ở*”, ở cõi Phàm Thánh Đồng Cư thì Bồ-tát Địa thượng là thánh, [Bồ-tát] Địa tiền Tam hiền là hiền. Còn có phàm phu cùng ở, đều nhìn thấy tất cả như vậy. “Tôn giả A-nan và các hàng Bồ-tát đều rất vui mừng, hớn hở làm lễ”, hân hoan phấn khởi, mọi người hoan hỷ lễ bái, lúc ấy đều xưng niệm “*Nam-mô A-di-đà Tam-miệu Tam Phật-đà*”.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Chư thiên nhân dân, dĩ chí quyền phi nhuỷ động, đổ tư quang giả, sở hữu tật khổ, mặc bất hưu chỉ, nhất thiết ưu não, mặc bất giải thoát, tất giai từ tâm tác thiện, hoan hỷ khoái lạc. Chung, khánh, cầm, sắt, không hầu nhạc khí, bất cố tự nhiên giai tác ngũ âm. Chư Phật quốc trung, chư thiên nhân dân, các trì hoa hương, lai ư hư không, tán tác cúng dường**

*Chư thiên, nhân dân cho đến các loài bò bay máy cựa thấy được quang minh ấy thì tất cả bệnh khổ không gì chẳng ngưng dứt, mọi sầu lo phiền não không gì chẳng giải thoát, thấy đều có từ tâm làm lành, vui mừng sung sướng. Những nhạc khí như chuông, khánh, cầm, sắt, không hầu không đánh mà tự nhiên phát ra ngũ âm. Chư thiên và nhân dân trong các cõi Phật đều cầm hoa, hương đến trên hư không rải xuống cúng dường.*

Người dân ở cõi trời cho đến loài trùng nhỏ đều có thể nhìn thấy quang minh của A-di-đà Phật thì “*tất cả bệnh khổ không gì chẳng ngưng dứt*”, bệnh tật, đau khổ đều dừng lại. “*Mọi sầu lo phiền não không gì chẳng giải thoát*”, đều đạt được giải thoát. “*Thấy đều có từ tâm làm lành, vui mừng sung sướng*”, đây là sự gia trì lớn dành cho tất cả. Mẫu thân của ngài Địa Tạng đọa địa ngục, ngài siêu độ cho mẹ mình, không những mẹ của ngài được thoát ra mà những người cùng ở trong địa ngục cũng đều thoát ra. Hoàng Niệm lão kể cho chúng ta câu chuyện như sau: ngài quen một vị trưởng phòng kỹ thuật bộ Thủy Điện, tên là Đổng Triệu Vinh. Người này khi xuống miền Nam công tác, nửa đường có người nói với ông, bảo ông niệm chú, ông bèn niệm chú. Khi đi qua cầu trên đường quốc lộ thì cầu sập, xe trước xe sau của một đoàn xe đều rơi xuống dưới, người trong các xe khác đều chết hết, còn

trên xe ông thì không ai bị chết cả, bởi vì ông niệm chú. Phật là bình đẳng, chỉ cần có người niệm thì những người khác đều có lợi ích như vậy. Trong hình huống này thì các loài bò bay máy cựa đều được lợi ích.

Tất cả nhạc khí: chuông, khánh, cầm, sắt, không hầu v.v. đều không cần người đánh mà tự nhiên diễn tấu. “*Chư thiên và nhân dân trong các cõi Phật*” đều đến giữa hư không rải hoa, đốt hương mà cúng dường. Bây giờ, chúng ta thử tưởng tượng một chút cảnh tượng ấy: Thích-ca Mâu-ni Phật thuyết pháp, hơn 20.000 người nghe pháp, mà khi đó thế giới Cực Lạc đang ở trước mặt chúng ta, cõi nước mười phương đều hiển hiện. Mọi người chúng ta hân hoan phấn khởi, các chư Bồ-tát ở cõi Phật phương khác đều đến rải hoa, đốt hương, cúng dường.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Nhĩ thời Cực Lạc thế giới, quá ư Tây Phương bá thiên câu-chi na-do-tha quốc, dĩ Phật oai lực, như đối mục tiền, như tịnh thiên nhãn, quán nhất tâm địa. Bỉ kiến thử độ, diệt phục như thị, tất đồ Ta-bà thế giới Thích-ca Như Lai cập tỳ-kheo chúng, vi nhiều thuyết pháp.**

*Bấy giờ thế giới Cực Lạc ở phương Tây cách đây trăm ngàn câu-chi na-do-tha cõi, nhờ oai lực của Phật mà thấy như ở trước mắt, như thiên nhãn thanh tịnh, thấy trong khoảng một tâm. Cõi đó thấy cõi này cũng giống như vậy, đều thấy thế giới Ta-bà, đức Thích-ca Như Lai và chúng tỳ-kheo vây quanh thuyết pháp.*

Bấy giờ thế giới Tây Phương Cực Lạc “ở phương Tây cách đây trăm ngàn câu-chi na-do-tha cõi”, tức là mười vạn ức cõi nước. “*Nhờ oai lực của Phật mà thấy như ở trước mắt*”, hai cõi nhờ oai lực của Phật nên thấy như ở trước mắt vậy. “*Như thiên nhãn thanh tịnh, thấy trong khoảng một tâm*”, thiên nhãn thanh tịnh, như nhìn thấy trong khoảng tám thước. “*Cõi đó thấy cõi này cũng giống như vậy*”, họ nhìn thấy thế giới này của chúng ta cũng là như vậy. “*Đức Thích-ca Như Lai và chúng tỳ-kheo, vây quanh thuyết pháp*”, nhìn thấy đức Thích-ca Như Lai ở thế giới Ta-bà này và chúng đại tỳ-kheo 12.000 người, bốn chúng đệ tử cộng lại là 20.000 người, vây quanh Thích-ca Mâu-ni Phật, nghe Phật đang nói kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác.

Việc nhìn thấy thế giới Cực Lạc được nói chi tiết nhất ở trong Quán Kinh. Phu nhân Vi-đề-hy nhìn thấy thế giới Cực Lạc của A-di-đà Phật bèn hốt nhiên đại ngộ,

được vô sanh nhĩn, đây là căn khí bậc thượng. Nếu cho rằng căn khí của người xuất gia nhất định cao hơn người tại gia thì đây là tình kiến.

Tác dụng của niệm Phật chủ yếu vào lúc lâm chung mới biểu hiện ra, thế nhưng người mà trước khi sinh mạng kết thúc được đại thọ dụng, chứng vô sanh nhĩn từ xưa đến nay rất nhiều. Bởi vì mọi người dụng công không đủ, tình chấp sâu nặng, chẳng thể hốt nhiên đại ngộ, đều bị trói chặt rồi, không thoát ra được.

Trong kinh Thập Vãng Sanh nói: “Bảy giờ Sơn Hải Huệ Bồ-tát v.v. liền nhìn thấy tất cả sự trang nghiêm vi diệu xinh đẹp ở cõi nước của A-di-đà Phật, thấy đều là bảy báu, núi bảy báu, cõi nước bảy báu, nước, chim, rừng cây thường nói ra pháp âm, cõi ấy mỗi ngày thường chuyển pháp luân”. Núi bảy báu được nhắc đến ở đây là chỉ cho kim tràng bằng kim cang thất bảo ở dưới đất lưu ly được nói trong Quán Kinh. Tràng ấy có 8 phương, tám 8 góc, mỗi một mặt đều do trăm báu hợp thành, từ mỗi một báu ấy phóng ra ngàn quang minh, trong mỗi quang minh có 84.000 sắc. Bảo tràng này ở thế giới Cực Lạc chính là núi bảy báu, cao lớn chống đỡ lấy mặt đất, ở dưới đất có núi, ở trên mặt đất không có, đất bằng lưu ly bằng phẳng.

Ở đây xin nói thêm một chút, sau này ngộ nhờ có người không hiểu rõ, Phật pháp không có gì là không rõ ràng cả, do người hiện nay không hiểu rõ, người trả lời trước mắt không rõ ràng. Việc này không được hoài nghi. Vì thế xin nêu ra chứng minh, trong những kinh Quán Thế Âm Bồ-tát, Đại Thế Chí Bồ-tát Thọ Ký v.v. vẫn có nội dung tương tự, còn có rất nhiều kinh vẫn chưa đọc đến cũng có ghi chép như vậy. Những sự thị hiện trong kinh văn của phẩm này có đủ “tứ tất-đàn”.

Tiếp theo xin giới thiệu sơ lược một chút cho các đồng tu về “tứ tất-đàn”.

“Tất-đàn” là tiếng Ấn Độ, có thể phiên dịch là “thành tựu” hoặc là “tông”. Tứ tất-đàn chính là bốn loại thành tựu, hoặc là bốn loại tông. Trí Độ Luận nói: Tứ tất-đàn nhiếp trọn tất cả 12 bộ kinh, 84.000 pháp tạng. “Tứ” là bốn phương pháp, “tất” nghĩa là phổ biến, “đàn” là tiếng Phạn, gọi tắt của “đàn-na”, cũng có nghĩa là bố thí. Phật dùng bốn pháp mà nhiếp trọn chúng sanh, nhằm khiến tất cả chúng sanh hoàn thành Phật đạo, nên gọi là “tứ tất-đàn”.

Thứ nhất là *thế giới tất-đàn*. Vừa mở đầu Phật trước hết thuận theo phàm tình của thế gian mà nói ra thế giới này, trước tiên tuyên nói sự lý thiên cận, khiến chúng

sanh hoan hỷ và tin nhận. Toàn bộ thế giới Cực Lạc hiện ra trước mắt mọi người, đại chúng hoan hỷ.

Thứ hai là *vị nhân tất-đàn*. Phật xem xét căn cơ của chúng sanh, cùng trình độ sâu cạn mà nói ra pháp mà mỗi một người cần đến, khiến chúng sanh sanh khởi chánh tín, tăng trưởng thiện căn. Tùy người mà lập cách hóa độ, khiến chúng sanh đều hoan hỷ, mong muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc.

Thứ ba là *đối trị tất-đàn*. Đối với người sân nhiều thì dạy dùng quán từ bi, đối với người si nhiều thì dạy dùng quán nhân duyên, đối với người chướng ngại nhiều thì dạy dùng quán niệm Phật, như vậy mà rộng ban cho các loại pháp dược để trừ bỏ bệnh xấu của chúng sanh.

Thứ tư là *đệ nhất nghĩa tất-đàn*. Ở trên nói thế giới tất-đàn, vị nhân tất-đàn, đối trị tất-đàn, đó đều là bước đầu. Lợi ích rộng lớn chân thật chính là đệ nhất nghĩa tất-đàn. Phật nhìn thấy cơ duyên của chúng sanh đã chín muồi, bèn nói cho họ thật tướng của các pháp, nhằm khiến cho chúng sanh cùng ngộ nhập thánh đạo.

Đệ nhất nghĩa để hiển bày rõ ràng tâm và Phật không hai, cảm ứng đạo giao, không gian vốn là không có, nói theo khoa học hiện đại thì không gian là cảm nhận sai lầm, đây là về mặt lý thể. Về mặt sự thì thế giới cách đây mười vạn ức cõi Phật chính ở ngay trước mắt, chính ở ngay đây. Sự và lý không hai, hiển bày đệ nhất nghĩa để, chứng minh tất cả những thứ này đều là thứ bạn vốn có. Mượn tiếng y báo của thế giới Cực Lạc trang nghiêm như thế nào, chánh báo trang nghiêm ra sao, để hiển thị tâm của chính bạn trang nghiêm như thế đó, nếu không thì bạn chẳng thể tin, cũng không biết từ đâu mà tưởng tượng được. Mượn cái bên ngoài để hiển bày tự tánh là để nhập vào thật tướng.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 89

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Tiết học này trước tiên chúng tôi tổng kết một chút về trọng điểm của kinh văn phẩm thứ 38. Phẩm kinh văn này có 7 trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: Thật sự niệm Phật, niệm đến khi cảm ứng đạo giao thì hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật. Giải thích về hiện tiền và tương lai như thế nào đây? Hiện tiền làm thế nào thấy được Phật? Vì sao chúng ta không thấy được Phật? “Hiện tiền” chỉ cho thấy Phật trước khi vãng sanh; “tương lai” chỉ cho thấy Phật sau khi vãng sanh. Phương pháp mà Phật dạy chúng ta để thấy Phật là: Nhất tâm xưng niệm A-di-đà Phật. Chú ý, “nhất tâm” là then chốt. Chúng ta niệm Phật vì sao không thấy được Phật? Bởi vì chúng ta không phải là nhất tâm xưng niệm, chúng ta là loạn tâm xưng niệm, tạp tâm xưng niệm, vọng tâm xưng niệm, cho nên không thể thấy được Phật.

Trọng điểm thứ hai: “Cung kính” trong “cung kính đánh lễ” có ý nghĩa quan trọng ra sao? Thế nào là tâm hạnh cung kính? Bạn lý giải câu “không chân thành thì chẳng thể thành tựu” như thế nào? Đối với A-di-đà Phật bạn có tâm cung kính hay không sẽ quyết định tương lai bạn có thể vãng sanh Tây Phương được hay không? Lão pháp sư dạy chúng ta 20 chữ, đó chính là tâm hạnh cung kính: chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, nhìn thấu, buông xuống, tự tại, tùy duyên, niệm Phật. Không chân thành thì chẳng thể thành tựu, nếu người không chân thành thì thứ gì cũng chẳng có, người không chân thành thì một việc cũng chẳng thành.

Trọng điểm thứ ba: Lễ Phật, lay Phật trên hình thức thì giống như “như đập chày giã gạo”, giống với việc “hét bẻ cổ họng cũng uống công”. Bạn lý giải hai tỉ dụ này như thế nào? Trọng thực chất, không trọng hình thức, không lừa mình dối người thì tiêu nghiệp chướng.

Trọng điểm thứ tư: Vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu là tội nghiệp cực lớn, nhất là tội lưỡng thiệt, vọng ngữ, khiêu khích ly gián, dẫn đến sự tranh chấp, phá hoại Lục hòa. Đây là tội nghiệp đọa địa ngục rút lưỡi. Bạn có nhận thức như thế nào? Làm thế nào sửa lỗi? Phát lộ sám hối, quyết không tái phạm lần hai, hướng đến người trong cuộc mà sám hối, cầu xin tha thứ, tháo gỡ hiểu lầm giữa những người trong

cuộc, khiến họ hòa hợp như xưa. Nhất quyết không được hàm oan một người nào, quyết không tổn hại một người nào, đối xử bình đẳng với tất cả chúng sanh. Đối nhân, xử thế, tiếp vật phải chân thành.

Trọng điểm thứ năm: Làm thế nào nhận thức và lý giải câu “vạn pháp duy tâm”? Y chánh trang nghiêm của mười pháp giới đều do tâm hiện, đều do thức biến, lìa khỏi tự tánh thì chẳng có một pháp nào để đắc. Y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc là do tự tánh biến hiện, tự tánh thanh tịnh thì hiện pháp giới thanh tịnh, tự tánh không thanh tịnh thì hiện pháp giới trước ác. Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, lúc tâm tưởng Phật thì tâm đã thành Phật, một niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật. Chúng ta niệm Phật vì sao không tương ưng? Vì mỗi niệm của chúng ta có nhân ngã thị phi, trong mỗi niệm đều có tham sân si mạn nghi, trong mỗi niệm đều có phân biệt, chấp trước. Nếu tương ưng thì hiện ra cảnh giới Phật, không tương ưng thì hiện cảnh giới trước ác.

Trọng điểm thứ sáu: Học Phật nếu muốn có thành tựu thì nhất định phải trừ nghi, nghi ngờ là chướng ngại lớn trên con đường học Phật, nguy hại cực lớn. Nếu không kịp thời trừ bỏ chướng ngại này thì hai cái mạng là “sanh mạng” và “huệ mạng” đều tiêu cả. Trong kinh điển Mật tông thời Đường nói: Công đức của chú cực kỳ thù thắng, thế nhưng có một câu chúng ta phải chú ý: “Không được sinh lòng nghi ngờ đối với chú”. Hễ bạn có nghi ngờ, ví dụ liệu có công đức lớn như thế không? Công đức lớn như vậy thì tôi niệm có được hay không? Cứ nghĩ như vậy thì bản thân đã phủ nhận những công hiệu đó rồi. Tự tâm của bạn chính là Phật, bạn vừa nghi thì công đức không thể hiện hiện ra được. Vì là do tâm hiện, nên khi đó thứ hiện ra chính là kết quả đã bị phủ nhận kia. Có câu thế này: “Gốc nghi chưa đoạn chính là tội căn, khi sức tin tròn đầy thì đều thành phước lực”. Gốc nghi chính là tội căn, không đoạn nghi thì sao có thể dứt tội được? Khi lòng tin tròn đầy rồi thì sức mạnh của Phật hoàn toàn trở thành sức mạnh của chính bạn.

Trọng điểm thứ bảy: Làm thế nào lĩnh hội “đệ nhất nghĩa đế”? Trong Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận của ông Bành Nhị Lâm nói: Cực Lạc và Ta-bà đều cùng một pháp giới, không có phân biệt đây kia, cũng không có phân biệt đông tây. Thế giới Cực Lạc có khắp ở Ta-bà, thế giới Ta-bà cũng có khắp ở cõi Cực Lạc. Có người hỏi Hoàng Niệm lão vấn đề như sau: Trong Truyền Tâm Pháp Yếu của ngài Hoàng Bách nói rằng: Chẳng từ đâu mà đến, chẳng đi về đâu. Lâm chung

nhìn thấy thứ gì cũng không được đi theo, vậy chúng ta làm thế nào vãng sanh? Hoàng Niệm lão trả lời như sau: Tu hành trong Thiên tông là cảnh giới của pháp thân, pháp thân còn phải hướng thượng, cho nên “này Tu-bồ-đề, [Như Lai] không có chỗ đến, không có chỗ đi”. Vậy bạn lâm chung đi theo ai? Phải biết rằng vãng sanh là việc của phàm phu, bạn là phàm phu thì dù sao vẫn phải có chỗ để đi, nên chẳng thể không thọ thân sau được, chỉ bằng hãy thọ lấy cái thân sau vãng sanh này. Nếu quả thật không thọ thân sau thế thì bạn tự do tự tại rồi. Bạn chẳng thể không thọ thân sau thì chỉ có nước theo Phật vãng sanh thôi.

Đây là những cảnh giới không như nhau.

Tứ Liệu Giản nói về việc vãng sanh: “Sanh thì nhất định sanh, đi thì thật chẳng đi”, sanh thì nhất định sanh rồi, nhưng đi thì chẳng có đi. “Đi thì nhất định đi, sanh thì thật chẳng sanh”, đi thì nhất định đi rồi, nhưng sanh thì chẳng có gì gọi là “sanh” cả, là chứng vô sanh. Tứ Liệu Giản còn có một câu rằng: “Sanh cũng thật chẳng sanh, đi cũng thật chẳng đi”. Những ý nghĩa này đều phải hiểu được cho viên dung, phải tùy cơ ứng biến. Lại nói thêm rằng: Cho dù chứng được thân hồng quang, đến đi tự tại, cho dù là Văn-thù, Phổ Hiền thì vẫn phải thị hiện cầu sanh thế giới Cực Lạc. Đây là ông lão 80 nhảy múa để dạy dỗ con cháu, vì để dạy dỗ con cháu mà ông lão 80 tuổi ở đó nhảy múa. Do đó, bất kể là thượng căn hay là hạ trí, đều nên thị hiện vãng sanh, chỉ dạy dẫn dắt vãng sanh. Hết thầy chúng sanh đều nhờ pháp môn này mà được độ thoát.

Tiếp theo chúng tôi bắt đầu giảng kinh văn phẩm thứ 39:

### **TỪ THỊ THUẬT KIẾN ĐỆ TAM THẬP CỬU**

Bồ-tát Di-lặc trong phẩm kinh văn này làm chứng minh cho chúng ta, chứng minh mỗi một câu mà chư Phật Như Lai nói đều chân thật, có thể giúp đỡ chúng ta đoạn nghi sanh tín, mới có thể sanh khởi tín tâm không trái nghịch.

Mời xem kinh văn bên dưới:

**Nhĩ thời Phật cáo A-nan, cập Từ Thị Bồ-tát: “Nhữ kiến Cực Lạc thế giới, cung điện, lầu các, tuyền trì, lâm thụ, cụ túc vi diệu, thanh tịnh trang nghiêm phủ? Nhữ kiến Dục giới chư thiên, thượng chí Sắc Cứu Cánh thiên, vũ chư hương hoa, biên Phật sát phủ?” A-nan đối viết: “Duy nhiên dĩ kiến”. Nhữ văn**

**A-di-đà Phật đại âm tuyên bố nhất thiết thế giới, hóa chúng sanh phủ? A-nan đối viết: “Dụy nhiên dĩ văn”. Phật ngôn: “Nhữ kiến bỉ quốc tịnh hạnh chi chúng, du xử hư không, cung điện tùy thân, sở vô chướng ngại, biến chí thập phương cúng dường chư Phật phủ? Cập kiến bỉ đẳng niệm Phật tương tục phủ? Phục hữu chúng điều trụ hư không giới, xuất chủng chủng âm, giai thị hóa tác, nhữ tất kiến phủ?”** Từ Thị bạch ngôn: **“Nư Phật sở thuyết, nhất nhất giai kiến”**.

*Bấy giờ Phật bảo A-nan và Từ Thị Bồ-tát rằng: “Các ông có thấy cung điện, lầu các, suối, ao, rừng cây ở thế giới Cực Lạc đầy đủ vi diệu, thanh tịnh trang nghiêm không? Các ông có thấy chư thiên ở Dục giới cho đến trời Sắc Cứu Cánh tuôn các hương, hoa khắp cả các cõi Phật không?” A-nan bạch rằng: “Dạ vâng, chúng con đã thấy”. Các ông có nghe thấy tiếng lớn của A-di-đà Phật truyền khắp tất cả thế giới để giáo hóa chúng sanh không? A-nan thưa: “Dạ vâng, chúng con đã nghe”. Đức Phật bảo: “Các ông có thấy chúng tịnh hạnh ở cõi đó đạo trong hư không, cung điện tùy thân, không bị chướng ngại, đến khắp mười phương cúng dường chư Phật không? Và thấy họ niệm Phật liên tục không? Lại có các loài chim bay giữa hư không hát lên các loại âm thanh, chúng đều được biến hóa ra, các ông có thấy hết hay không?” Ngài Từ Thị bạch rằng: “Chúng con đều thấy mỗi thứ đúng như lời Phật nói”.*

Ngài A-nan và Từ Thị là bậc đương cơ của kinh này, hai ngài cũng là hai vị đại biểu cho đại chúng trong hội. A-nan đại biểu cho chúng Thanh văn, ngài Di-lặc đại biểu cho hàng Bồ-tát.

Phật nói với ngài A-nan và Bồ-tát Từ Thị rằng: Các ông có nhìn thấy những cung điện, lầu các, suối ao, rừng cây đó ở thế giới Cực Lạc đầy đủ vi diệu, thanh tịnh trang nghiêm không? Các ông có nhìn thấy chư thiên Dục giới cho đến trời Sắc Cứu Cánh tuôn các hương hoa, hương hoa rải đến các cõi Phật, các ông có nhìn thấy không? Ngài A-nan trả lời: Đã nhìn thấy rồi. Trời Sắc Cứu Cánh là trời Tịnh Cư, là một nơi đặc biệt trên cõi trời, là trời Tam thiên. Ngoại đạo cũng có kẻ đến nơi này, người chứng quả vị Bất hoàn thì ở trời Tịnh Cư. Phật lại hỏi rằng: Có nghe thấy pháp âm của A-di-đà Phật tuyên lưu rộng khắp đến tất cả thế giới để giáo hóa chúng sanh không? Ngài A-nan nói: Đã nghe rồi ạ! Phật lại nói: Ông có nhìn thấy đại chúng kinh hành ở cõi Phật đó đạo trong hư không, có người còn trú trong cung điện ở hư không, chẳng phải được xây nên, không cần xây cất mà tự nhiên xuất hiện. Và lại



loại cung điện này có thể theo thân, không có chướng ngại, đi đến đâu thì mang theo đến đó, “đạo trong hư không, cung điện tùy thân, không bị chướng ngại, đến khắp mười phương cúng dường chư Phật”, những việc này các ông đã nhìn thấy chưa?

*“Và thấy họ niệm Phật liên tục không?”*

Câu này rất quan trọng, ông có nhìn thấy những người ở thế giới Cực Lạc đang niệm Phật liên tục không? Chẳng phải nói niệm Phật đến khi vãng sanh rồi thì không niệm nữa, vậy thì e rằng không thể vãng sanh được, mà đến tận đời vị lai, tự nhiên vẫn niệm Phật liên tục. Niệm Phật đến được thế giới Cực Lạc rồi thì càng nên niệm Phật vì không có sự quấy nhiễu. Ở thế giới này của chúng ta khó niệm được vài câu ra hồn. Ở đó có các loài chim ở trong hư không phát ra đủ mọi pháp âm, đều là A-di-đà Phật biến hóa làm ra, các ông đã nhìn thấy chưa? Ngài Di-lặc trả lời: *“Chúng con đều thấy mỗi thứ đúng như lời Phật nói”*, đều nhìn thấy cả rồi.

Đây chính là Phật hiện tại, Phật vị lai trong pháp hội như vậy làm ra sự chứng minh cho thế giới Cực Lạc. Vì sao trong kinh Phật chuyên môn nêu lên hai vị này? Bởi vì ngài A-nan là người kết tập kinh tạng, còn ngài Di-lặc là người sẽ hạ sinh trong tương lai. Sau khi Phật diệt độ, Phật pháp ở thế gian phải dựa vào kinh điển, A-nan là người kết tập kinh tạng, người truyền tâm ấn của Phật cũng chính là ngài. Sau ngài Ca-diếp thì A-nan chính là vị tổ thứ hai. Người truyền Mật pháp cũng chính là ngài. A-nan được Thích-ca Mâu-ni Phật dặn dò trước, phải truyền pháp cho Đại sĩ Liên Hoa Sanh. Thế nên Phật đã đem pháp vi diệu giao phó cho hai vị này, đây là đại sự nhân duyên.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Phật cáo Di-lặc: “Bỉ quốc nhân dân hữu thai sanh giả, nữ phục kiến phủ?”** Di-lặc bạch ngôn: **“Thế Tôn! Ngã kiến Cực Lạc thế giới nhân trụ thai giả, như Dạ-ma thiên, xử ư cung điện”. Hựu kiến chúng sanh, ư liên hoa nội kiết-già phu tọa, tự nhiên hóa sanh. Hà nhân duyên cố, bỉ quốc nhân dân, hữu thai sanh giả, hữu hóa sanh giả?”**

*Phật bảo Di-lặc: “Nhân dân ở nước đó có hạng thai sanh, ông có thấy chăng?”* Ngài Di-lặc bạch rằng: *“Bạch Thế Tôn! Con thấy người thế giới Cực Lạc ở trong thai như ở trong cung điện cõi trời Dạ-ma. Lại thấy chúng sanh ngồi kiết-*

*già ở trong hoa sen, tự nhiên hóa sanh. Do nhân duyên gì nhân dân ở cõi đó có hạng thai sanh, có hạng hóa sanh?”*

Đại ý của đoạn kinh văn này là Phật nói với ngài Di-lặc: Nhân dân ở nước đó có người là thai sanh, có người là hóa sanh, Phật đặc biệt chỉ đến hạng thai sanh. Phật hỏi ông có nhìn thấy không? Ngài Di-lặc nói:

*“Bạch Thế Tôn, con thấy người ở thế giới Cực Lạc ở trong thai như ở trời Dạ-ma”*

Trời Dạ-ma là nơi mà lúc nào cũng đều vui vẻ, sung sướng. Hạng thai sanh đều như người ở trong cung điện trời Dạ-ma. Đồng thời con còn thấy chúng sanh ngồi kiết-già ở trong hoa sen, tự nhiên hóa sanh. Vì sao chúng sanh ở thế giới Cực Lạc có hạng thai sanh, có hạng hóa sanh? Thai sanh này là mượn thai để nói rõ, biểu thị chưa thành hình người, họ không có công năng của con người. Tôi tầm không nhìn thấy mặt trời, cho thấy loại chúng sanh này giống như trẻ nhỏ ở trong thai vậy, ngu si, không có năng lực và trí tuệ, nghi hoặc chưa tận thì chướng ngại vẫn còn. Thấy Phật nghe pháp, họ nghe không hiểu, cho nên không thể nhìn thấy được. Dùng thai để tỉ dụ, chứ không phải thật sự được sanh từ bào thai, mà là tự nhiên hóa sanh.

Ngài Di-lặc lại hỏi: Vì sao cõi ấy lại có hai loại người này? Phẩm thứ 40 Biên Địa Nghi Thành sẽ giải đáp câu hỏi này.

Tiếp theo chúng tôi giảng tiếp kinh văn phẩm thứ 40:

### **BIÊN ĐỊA NGHI THÀNH ĐỆ TỨ THẬP**

Bồ-tát Di-lặc nhìn thấy thế giới Tây Phương Cực Lạc, có người ở trong thai, vì sao có thai sanh? Ở đây Thế Tôn đã nói rõ: Thai là hình dung từ, không phải là thật. Loại người vãng sanh này do đối với Sự và Lý của pháp môn Tịnh độ có nghi hoặc, đương nhiên chẳng phải là nghi hoặc rất nặng, nghi hoặc rất nặng thì sao vãng sanh được. Là nghi hoặc nhỏ nhiệm, tuy vãng sanh nhưng cũng sinh ra chướng ngại, không thể đến được thế giới Tây Phương Cực Lạc để gặp Phật nghe pháp, cho nên mới tỉ dụ là thai sanh. Theo tình hình thực tế mà nói, những người này vẫn là liên hoa hóa sanh, quyết chẳng có sự việc thai sanh. Vì sao có chướng ngại như vậy? Đương nhiên chủ yếu nhất là muốn để cho chúng ta phản tỉnh xem chính mình

có những nghi hoặc này hay không? Nếu có những nghi hoặc này thì tương lai vãng sanh vẫn sẽ có chương ngại. Tuy bị chương ngại cũng không sợ, bởi vì chương ngại đó có kỳ hạn, chẳng phải không kỳ hạn. Vậy nên, vãng sanh đến biên địa nghi thành cũng là vô cùng thù thắng, cũng rất là cừ khôi.

Về phương diện này, đại sư Ấn Quang cũng có khai thị:

“Pháp môn Tịnh độ nếu tin cho tới, còn gì tốt lành hơn! Nếu cái trí của bản thân có chỗ chưa rõ thì nên cung kính tin theo lời thành thật của chư Phật, chư Tổ, quyết không được có một niệm tâm nghi ngờ. Hễ nghi ngờ thì trái nghịch với Phật, lâm chung nhất định khó được cảm thông. Người xưa nói: pháp môn Tịnh độ chỉ có Phật cùng Phật mới có thể hiểu rốt ráo trọn vẹn. Bồ-tát Đãng địa chẳng thể hiểu được phần nhỏ trong đó. Ôi bậc Đại sĩ Đãng địa còn chưa biết trọn, huống gì là bọn phàm phu sát đất lại vọng sanh ước đoán ư?”

Mời xem kinh văn bên dưới:

**Phật cáo Từ Thị: “Nhược hữu chúng sanh, dĩ nghi hoặc tâm tu chư công đức, nguyện sanh bỉ quốc, bất liễu Phật trí, bất tư nghị trí, bất khả xưng trí, Đại thừa quảng trí, vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí. Ư thử chư trí, nghi hoặc bất tín, do tín tội phước, tu tập thiện bản, nguyện sanh kỳ quốc”.**

*Phật bảo ngài Từ Thị: “Nếu có chúng sanh dùng tâm nghi hoặc, tu các công đức, nguyện sanh về nước ấy, không hiểu rõ Phật trí, bất tư nghị trí, bất khả xưng trí, Đại thừa quảng trí, vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí. Đối với các trí này nghi hoặc không tin, nhưng vẫn tin tội phước mà tu tập gốc lành, nguyện sanh về nước ấy.”*

Đoạn kinh văn này không dài, nhưng nội dung vừa rộng vừa sâu, cần phải giải thích tương đối tường tận một chút, có thể chia thành hai đoạn nhỏ để nói. Bốn câu đầu là đoạn nhỏ thứ nhất, mười câu sau là đoạn nhỏ thứ hai.

Trước hết chúng tôi nói bốn câu đầu:

*“Phật bảo ngài Từ Thị: Nếu có chúng sanh dùng tâm nghi hoặc, tu các công đức, nguyện sanh về nước ấy”*

Đây là Thế Tôn nói rõ cho chúng ta cái nhân của thai sanh. Bốn câu kinh văn này biểu đạt hai tầng ý nghĩa. Một là có chúng sanh làm công đức, nhưng nghi hoặc

trong tâm của họ chưa đoạn; hai là những chúng sanh này nguyện sanh về nước đó, họ cầu sanh Tịnh độ là sự thật. Chữ “nguyện” này vô cùng quan trọng, nhưng tâm của họ như thế nào? Bán tín bán nghi, nhưng họ vô cùng nghiêm túc tu tích công đức, cầu sanh Tịnh độ, chỉ là mang theo nghi hoặc thôi. Nếu không có cái nguyện này thì biên địa nghi thành cũng không có phần. Phạm sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều phải đầy đủ ba điều kiện: tín, nguyện, hạnh, thiếu một điều cũng không thể vãng sanh. Người sanh biên địa nghi thành không thể nói là họ không tin, nếu không tin thì sao họ có thể niệm Phật. Nói chính xác hơn một chút, họ tin Phật là thật, không phải giả, nhưng họ tin không thuần, có xen tạp. Sự xen tạp này là gì? Chính là nghi hoặc. Nhân của thai sanh chính là nghi hoặc.

Tiếp theo xem tiếp mười câu của đoạn nhỏ thứ hai.

*“Không hiểu rõ Phật trí, bất tư nghị trí, bất khả xưng trí, Đại thừa quảng trí, vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí. Đối với các trí này nghi hoặc không tin, nhưng vẫn tin tội phước mà tu tập gốc lành, nguyện sanh về nước ấy”*

Mười câu kinh văn này là Thế Tôn nói ra cho chúng ta nghiệp nhân thứ nhất của vãng sanh biên địa nghi thành. “Không hiểu rõ Phật trí”, câu này là tổng thuyết. “Phật trí” là trí tuệ rốt ráo viên mãn trên quả địa Như Lai. Không hiểu rõ Phật trí chính là không thể thấu tỏ trí tuệ của Phật. Bốn cái sau đó chính là tứ trí: bất tư nghị trí, bất khả xưng trí, Đại thừa quảng trí, vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí. Đối với bốn trí tuệ này không thể thấu tỏ, nghi hoặc không tin, cho nên sanh về biên địa nghi thành.

Xin giải thích đơn giản một chút về tứ trí.

Thứ nhất, bất tư nghị trí chính là *thành sở tác trí*. Phật có đại trí tuệ, có thể thành tựu tất cả thế nguyện viên mãn, chúng ta cũng thường gọi là “không gì không thể”. Trong tất cả pháp thế xuất thế gian, không có điều gì mà Phật không thể làm, mà Phật không làm được.

Thứ hai là bất khả xưng trí, chính là *diệu quan sát trí*, loại trí tuệ này chúng ta thường gọi là “không gì không biết”. Hết thảy pháp thế xuất thế gian, quá khứ, hiện tại, vị lai, cõi này, phương khác hoàn toàn không có chướng ngại, đây mới là trí tuệ rốt ráo viên mãn.

Thứ ba là Đại thừa quảng trí, tức là *bình đẳng tánh trí* nói trong Duy Thức. Phật biết tất cả pháp thế xuất thế gian đều là bình đẳng, đều từ trong tự tánh mà lưu lộ ra.

Thứ tư là vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí, trí tuệ này không có ai sánh được với Phật. “Luân” là đồng loại, không có ai đồng với Phật được, vì đó là trí tuệ chí cao vô thượng rốt ráo viên mãn. Trong kinh luận Duy Thức gọi là *đại viên cảnh trí*. Trong kinh nói: “Dùng tâm nghi hoặc tu các công đức, nguyện sanh về nước ấy, không hiểu rõ Phật trí, không thể tin hiểu trí tuệ của Phật, cho nên sinh ra tâm nghi hoặc”.

Tiếp theo chúng tôi gom lấy phần tinh hoa của các Pháp sư: Đàm Loan, Nguyên Hiểu, Tuấn Đế, Cảnh Hưng mà tổng hợp thành bốn phương diện.

Thứ nhất, không tin bất tư nghị trí có uy lực lớn. Nghi rằng chỉ niệm A-di-đà Phật chưa chắc có thể vãng sanh. Họ không biết rằng bất tư nghị trí có uy lực lớn, loại người này rất nhiều, họ cho rằng “mình không làm công đức gì cả, chỉ niệm vậy thôi liệu có được không?” Công đức của Phật hiệu chẳng thể tư duy suy lường nổi, duy chỉ có Phật và Phật mới có thể hiểu rõ ráo. Nói rộng ra, tất cả vạn pháp đều là tự lực, tha lực, tự nhiếp, tha nhiếp. Tóm lại là tín tự, tín tha, thiên biến vạn hóa. Vô lượng vô biên mà nêu ra các loại pháp môn, sao bạn có thể dùng tình kiến, tâm ý thức còn ngăn ngại của phàm phu mà hoài nghi diệu pháp vô ngại của Như Lai? Một tấm gương nhỏ có thể hiện bóng muôn vàn cảnh tượng; củi chất ngàn năm, củi khô chất đồng ngàn năm, một môi lửa thiêu rụi hết, một ngòi lửa có thể thiêu rụi sạch nó, nạn cháy rừng cũng là như vậy. Cho nên chí tâm nhất niệm xưng danh có thể tiêu được tội nặng sanh tử trong 80 ức kiếp, thì “mười niệm ắt sanh” sao lại vẫn nghi ngờ? Thứ nhất phải phá trừ điều này, bởi vì họ không tin bất tư nghị trí nên hoài nghi đối với trì danh, cho rằng niệm Phật chỉ có chết rồi mới được chút lợi ích, hoặc được chút đỉnh vàng ở cõi âm, chẳng thể tin có công đức như vậy.

Thứ hai, không tin bất khả xưng trí. Phật trí không có đối đãi, lia tứ cú, dứt tuyệt mọi sai lầm. Chúng sanh đều ở trong tứ cú và mọi sai lầm này. Đại sư Đàm Loan nói: “Bất khả xưng trí là nói trí của Phật tuyệt chẳng thể diễn bày (không thể suy lường được), không có so sánh đối đãi (không có đối đãi qua lại)”. Tuyệt chẳng đối đãi, không có đối đãi, chẳng có thứ để so sánh đối đãi với nhau, cũng chẳng thể suy lường. Vì sao nói như vậy? Pháp nếu là có thì ắt phải có một cái trí biết có; pháp

nếu là không thì cũng phải có một cái trí biết không. “Các pháp đều lia có-không”, do vậy “Phật lia các pháp” (chính là buông xuống các pháp). Cái trí biết có, cái trí biết không, không có đối đãi, không có mặt đối lập, “tức là cái trí dứt tuyệt mọi đối đãi với nhau”. “Dùng cái biết để hiểu Phật thì chẳng gọi là biết Phật (Phật là trí, là lập luận của ngài Thần Hội, sau đó ngài không tiếp tục lập luận nữa); dùng cái bất tri để hiểu Phật cũng chẳng phải là biết Phật; dùng cái chẳng phải biết, chẳng phải không biết để hiểu Phật thì cũng không phải là biết Phật (hai cái phủ định: cũng chẳng phải biết, cũng chẳng phải không biết để hiểu Phật thì cũng không biết được Phật); dùng cái chẳng phải là bất tri, chẳng phải là chẳng bất tri để hiểu Phật thì cũng không phải là biết Phật”. Trong tứ cú đều có vấn đề, đều không chính xác. Lia tứ cú mà nói ra được một cú thì không nói được gì cả, chút bản lĩnh đó của chúng sanh hoàn toàn đều không đúng. Lia tứ cú này tức lia hết mọi sai lầm. Pháp này, bản thể của nó đã lia mọi đối đãi.

Lời kinh Lăng-nghiêm là hay nhất, (phải nắm hai đầu, nắm lấy kinh Lăng-nghiêm bị diệt trước tiên, nắm lấy kinh Vô Lượng Thọ bị diệt sau cùng). Phật hỏi: “Ông phải là Văn-thù không?” Ngài Văn-thù đáp: “Con thật là Văn-thù, không có phải là Văn-thù. Vì sao vậy? Nếu có ‘phải là’ thì tức có hai Văn-thù rồi”. Con thật là Văn-thù, không nói phải là Văn-thù; nếu nói phải là Văn-thù thì có hai Văn-thù. Nói phải hay không phải là thì thành ra đối đãi mất rồi, hai Văn-thù ấy thành ra hư vọng. Cho nên trí tuệ này lia tứ cú, dứt tuyệt mọi sai lầm, dứt tuyệt mọi đối đãi, chẳng thể tư duy suy lường được, chẳng thể xưng, chẳng thể nói. Từ trong trí tuệ này lưu hiện ra pháp môn niệm Phật, nên công đức cũng chẳng thể nói hết được, tác dụng sinh ra cũng là chẳng thể nói nổi. Bạn không thể sanh tín tâm, lại còn hoài nghi thì gọi là không hiểu bất khả xưng trí.

Thứ ba là không tin Đại thừa quảng trí, hoài nghi Phật không thể độ hết tất cả chúng sanh, “chúng sanh nhiều như vậy, một mình Phật làm sao độ hết được?” Hoài nghi tất cả chúng sanh niệm Phật sao có thể đều vãng sanh được? Đối với A-di-đà Phật khởi lên suy nghĩ có giới hạn, “nhiều người như vậy đều đến thế giới Cực Lạc, ở đó liệu chứa nổi không?” Đây đều là những việc siêu tình lý kiến, cõi nước mười phương đều kêu gọi tất cả chúng sanh vãng sanh thế giới Cực Lạc. Tất cả những điều này dùng lời để nói thì luôn là chẳng thể biểu đạt rõ ràng. Để đối trị mỗi nghi này Phật bèn nói Đại thừa quảng trí, trí này không pháp nào không biết, không có phiền não nào chẳng đoạn được, không điều thiện nào mà nó chẳng có, không có

chúng sanh nào mà không độ được. Nhằm nêu rõ Phật trí là: không gì chẳng độ thoát được. Muốn độ thoát tất cả đều vào vô dư Niết-bàn, cho nên gọi là “Đại thừa”. Pháp môn này có thể độ thoát, vậy nên độ thoát vô hạn vô ngần, không có giới hạn, không có ngăn mé, vô lượng vô biên đều có thể độ, cho nên gọi là “quảng trí”. Một mặt khác, đối với tất cả pháp, trí ấy đều biết cùng tận, biết rõ đến tận ngọn, tận nguồn, thấu suốt triệt để căn gốc nên gọi là “Đại thừa quảng trí”. Đều có thể biết tất cả mọi thứ đến mức như vậy, nên trí ấy mới có thể khế hợp rộng rãi mọi căn cơ. Đối với pháp nào có thể độ những người nào, thích hợp với người nào thì không gì không biết, thấy đều độ thoát. Đối với chúng sanh, trí ấy thấu rõ căn cơ, biết hết tất cả, độ hết tất cả chúng sanh, tuyệt không ngăn mé, khai diễn diệu nghĩa “tâm này làm Phật, tâm này là Phật”. Mấy mươi năm về trước có một tỳ-kheo ni là lão pháp sư Thông Nguyệt ở chùa Phổ Thọ núi Ngũ Đài, sau khi chết rồi xương đỉnh đầu hỏa thiêu nhưng không tiêu mất, trên đó có bốn chữ “tâm tác tâm thị”. Điềm lành như vậy cho thấy tầm quan trọng của “tâm này làm Phật, tâm này là Phật” (đây là do Hoàng Niệm lão kể lại).

Pháp môn này khiến tất cả hữu tình từ niệm Phật mà nhập vào vô niệm. Đệ nhất nghĩa để nói rất nhiều lý luận, phàm phu không biết hạ thủ từ đâu. Có rất nhiều người cho rằng cái này cao, cái kia là nông cạn, họ muốn từ lý mà đi vào. Trên thực tế, họ vẫn là vọng sanh phân biệt. Bạn chẳng thể thâm nhập vào lý nổi, có một vị lão tiên sinh tự cho mình có thể “ngay nơi tướng tức là đạo, ngay nơi sự tức là chân”, Hoàng Niệm lão khéo léo uyển chuyển chỉ ra cho ông ta rằng: Lời trong kinh Phật không sai nhưng chúng ta chẳng thể dùng được. Phải làm được trong tất cả mọi hoàn cảnh, mọi lúc mọi nơi, đều không chấp trước. Đây là Duy Thức Quán của Bồ-tát Di-lặc: tất cả đều từ thức mà hiện ra. Phàm phu tuy biết lý này, nhưng phải đảm bảo cho họ ăn ngon thì họ mới vui, ăn không ngon thì họ cau mày, đây chính là lừa gạt chính mình, còn gọi là tu Duy Thức Quán sao? Chỉ là lý luận mà thôi, trên thực tế không dùng được. “Ngay nơi tướng tức là đạo, ngay nơi sự tức là chân”, đều phải đạt đến cảnh giới này. Di-đà Yếu Giải có câu thế này: “Từ sự trì mà đạt đến lý trì” chính là từ hữu niệm mà nhập vào vô niệm. Lý trì thì mọi người không làm được, sự trì thì có thể làm được. A-di-đà Phật là bậc từ phụ đại từ bi, có đại ân đại đức, đây là phương pháp khéo diệu nhất.

Hoàng Niệm lão vào năm 20 tuổi xem kinh Kim Cang ngộ ra một đạo lý, đó chính là “vô trụ sanh tâm”, thế nhưng phàm phu chẳng dùng được. Sau đó ngài nghĩ,

chỉ có niệm Phật là phương pháp có thể thực hành được nhất. Lại thay đổi ý niệm, có lẽ trì chú tốt hơn. Khi đó ngài chẳng hiểu một chút nào về Mật tông cả, niệm Phật còn có thêm từ Phật, Phật kiến. Niệm chú thì không có ý niệm về Phật nữa, đó chính là âm thanh. Từ sự trì mà đạt đến lý trì, thâm hợp đạo mâu, khéo nhập vô sanh, ngầm thông Phật trí. Đối với những người tự cho mình là cao minh đó, chúng ta không có cách nào cả, nhưng không phải là bỏ rơi họ. Bảo bạn trước hết hãy tu đi, chỉ nói thôi thì không được đâu, chỉ có miệng nói thì thiên hạ đại loạn mất. Đấu tranh kiên cố, tôi nói cái tốt của tôi, nói cái xấu của anh, vậy thì giống như họ rồi. Phải lấy thân hoàng đạo, không phải chỉ có nói thôi. Hiện thân thông thì càng mắc sai lầm lớn. Nếu tín tâm thật sự kiên định, mỗi ngày mỗi sáng tỏ, mỗi ngày một từ bi, thì sẽ không bỏ cuộc. Kiên quyết tiếp tục tu hành, làm tấm gương cho mọi người. Đừng tranh cãi với người, sa đà vào tranh luận, chuyện đúng sai càng bàn luận thì càng nhiều. Đối với việc đời nghiệp vãng sanh cứ tranh luận mãi. Khi Hoàng Niệm lão còn tại thế, có người khuyên ngài hãy đứng ra nói về việc này, ngài nói: tôi không can dự, việc này bàn luận cũng chẳng thể rõ được.

Chỉ cần giữ vững tín niệm, chúng ta chính là sự trì, chính là hữu niệm, thì có thể thâm hợp đạo mâu, khéo nhập vô sanh, ngầm thông Phật trí, thù thắng chính là ở chỗ này. “Từ niệm Phật nhập vào vô niệm, do vãng sanh mà chứng vô sanh”, “từ sự trì mà đạt đến lý trì, tức tâm phàm thành tâm Phật”. Hai câu này của đại sư Ngẫu Ích đã giải thích về lý và sự của pháp môn Tịnh độ một cách viên dung. Từ sự trì mà đạt đến lý trì, tức tâm phàm chuyển thành tâm Phật, gọn gàng dứt khoát. Cho nên có thể khiến chúng sanh niệm Phật đều sanh Tịnh độ, đó gọi là Đại thừa quang trí.

Tiết học hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!



## TẬP 90

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Tiết học trước chúng tôi nói về ba điều không tin. Không tin bất tư nghị trí, không tin bất khả xung trí, không tin Đại thừa quảng trí. Tiết học này nói về điều không tin thứ tư.

Thứ tư, không hiểu rõ vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí. Hoài nghi Phật không có được nhất thiết chủng trí, trí tuệ của Phật họ không thể suy lường được, không nghĩ đến được cảnh giới đó, cho nên dùng cách suy nghĩ của họ mà gán cho Phật: Bạn không cung kính thì Phật sẽ tức giận, Phật muốn thế này thế nọ, muốn lễ vật cúng, Phật còn biết chê dơ, hãy còn trách móc v.v. Đối với trí tuệ của Phật một chút cũng chẳng hiểu được. Chẳng phải nói họ không tin chút nào vào nhất thiết chủng trí của Phật, họ còn không có khái niệm về danh từ này, kỳ thật chính là nghĩa như vậy. Xin nêu ví dụ để hiểu rõ: Họ xem Phật như người thông thường, họ cho rằng Phật cũng thích nghe lời êm tai, cũng thích người ta khấu đầu, cũng thích sạch sẽ, với tất cả những suy nghĩ thường tình này, họ xem Phật như phàm phu vậy.

Hoàng Niệm lão từng kể câu chuyện về ngài Uế Tích Kim Cang. Ngài Uế Tích Kim Cang của Mật pháp chỉ quan tâm đến thứ dơ bẩn, chỉ để ý đến cái gì dơ, càng dơ Phật càng phóng quang. Có người tu theo ngài Uế Tích Kim Cang được vãng sanh, hiển thần thông rất lợi hại. Hoàng Niệm lão quen một người họ Lý, người này có chút thần thông nhỏ, tâm hiếu kỳ của ông ta rất mạnh, một ngày nọ, ông ta triệu thỉnh ngài Uế Tích Kim Cang, Uế Tích Kim Cang thật sự đã đến, ông ta sợ đến nỗi chui xuống gầm bàn không dám bước ra. Ngài Uế Tích Kim Cang hỏi ông: Ông mời Ta đến có việc gì vậy? Ông cứ run rẩy, nói không ra lời. Một tiếng nổ vang lên, không nhìn thấy Uế Tích Kim Cang đâu nữa, người ấy sợ chết khiếp. Uế Tích Kim Cang là hóa thân của Thích-ca Mâu-ni Phật.

Đối với vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí của Phật không thể sanh [lòng] tin, đối với pháp môn Tịnh độ được lưu hiện ra từ loại trí tuệ này của Phật không thể sanh khởi chánh tín, nên chiêu cảm ra quả báo thai sanh. Trí tuệ của Phật, nếu chúng sanh chẳng thể lý giải thì nên ngưỡng mộ tin tưởng. Đại thừa Khởi Tín Luận nói: “Hết thấy cảnh giới vốn là nhất tâm”, đó là sự hiển hiện của nhất tâm. “Đã lia

khỏi ý niệm vọng tưởng”, là cảnh giới đã lìa khỏi ý niệm vọng tưởng. Cảnh giới của chúng sanh là vọng kiến, kiến giải sai lầm. Điều này rất giống với cách nói của nhà khoa học: Vật chất là do cảm giác sai lệch của chúng sanh mà ra. Chúng ta nói tất cả những cảnh giới này là từ cái thấy sai lầm của chúng sanh mà có. Vật chất chính là cảnh giới, vốn là không một vật, nhưng do cái thấy hư vọng mà sinh ra hết thảy phân biệt, bất đồng, giới hạn v.v... tất cả sự sai biệt. Tất cả những cảnh giới này là do vọng niệm, ý niệm vọng tưởng mà hiện ra, không phù hợp với pháp tánh, cho nên đối với pháp môn Tịnh độ xứng hợp pháp tánh thì không có tín tâm quyết định.

Chư Phật Như Lai đã “lìa khỏi các tướng thấy, nên không gì là chẳng hiểu trọn vẹn”. Thấy các tướng chẳng phải là tướng, tức là thấy Như Lai. Lìa khỏi các tướng thấy, các tướng đều là chẳng phải tướng. Không có thấy, đã lìa khỏi cái thấy này rồi, vậy nên không gì là chẳng hiểu trọn vẹn. Nếu có cái thấy được thì sẽ có sự hạn cuộc ngăn ngại. “[Vi là] tâm chân thật nên chính là tánh của các pháp”, tự tâm chân thật thì giống với bản tánh của các pháp. Tự thể có thể chiếu rõ hết thảy pháp hư vọng, có thể hiện ra các pháp hư vọng đó, có cái dụng của đại trí tuệ. Chư Phật Như Lai đối với tất cả tướng thấy đều thông tỏ, biết rõ chúng sanh đều là vọng, chẳng có chúng sanh nào để độ, vì chúng sanh vốn đều là Phật, đối với cái vọng này, Phật có thể chiếu kiến. Có thể tùy theo khả năng lý giải của chúng sanh mà khai thị cho họ ngộ nhập, để bạn nhận được các thứ pháp nghĩa, cho nên gọi là nhất thiết chủng trí. Có thể không gì không biết, không gì không thông, không ai chẳng thể độ, có được trí dụng lớn đến như vậy, đó là thần thông của Phật. Chỉ thẳng tâm người để họ thấy tánh thành Phật là thần thông của Phật. Tổ sư của Thiên tông có thần thông của Phật, nên việc dời non, lấp biển là chuyện vặt vãnh. Vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí là vô sở kiến, vô sở kiến thì không gì chẳng thấy, dùng điều này để đối trị mỗi nghi thứ tư.

Sư Nguyên Hiếu trong Tông Yếu còn nói: “Nếu người nào không đoạn được bốn mối nghi này”, không thể trừ bỏ bốn thứ nghi này, “dầu sanh về nước kia”, dùng công đức khác để sanh đến thế giới Cực Lạc “thì vẫn sanh nơi biên địa”, bạn chỉ có thể đến được biên địa (biên địa là một loại tỉ dụ, ở trong cung điện không thể thấy Phật, nghe pháp). Chẳng phải Phật không cho bạn nghe pháp, mà là chính bạn như điếc như mù, nghe thấy cũng như không nghe thấy. Khó được nghe, sâu hơn nữa chính là chỉ cho điều này.

Có một số A-la-hán đã luôn theo bên Phật trong rất nhiều năm, cho đến sau cùng khi Phật nói kinh Pháp Hoa, vẫn có 5.000 đệ tử lui ra, không nghe vô nổi. Chúng sanh khó độ biết bao! Rất nhiều đệ tử đã khóc. “Vì sao trong pháp Nhất thừa lại không biết đến việc này?” Họ đều đi theo Phật, vô lượng chúng sanh thành Phật, được đại giải thoát, đại thành tựu, mà những đệ tử này lại không biết, nhìn thấy cũng như không nhìn thấy vậy, thờ ơ hờ hững, không liên quan đến mình.

Đến thế giới Cực Lạc cũng là như thế, nghe A-di-đà Phật giảng kinh cũng như không nghe thấy vậy. Vì thứ bạn quan tâm không phải là việc này, nhất định phải đợi vài trăm năm để tăng cường tín nguyện của bạn, sám hối sạch hết nghi hoặc rồi thì mới được thoát ra.

Chúng ta vẫn chưa hoàn toàn hiểu rõ bốn loại trí tuệ được nói ở trên, thế nhưng phải có thể tự khiêm, không được ngã mạn, không được kiêu ngạo. Tất cả đều phải nghe Phật, dùng lời Phật nói làm y cứ, bản thân không được nảy ra một chút ý riêng, nảy ra ý riêng là ngã mạn lớn nhất, đối với lời Phật nói không dám luận đúng sai. Tôi không hiểu thì nói không hiểu, nhưng tôi ngưỡng mộ tin tưởng, như thế là tốt. “Những người như vậy tùy theo hạnh phẩm của họ mà vãng sanh về nước ấy, không rơi vào biên địa”. Bạn có thể tự khiêm, bạn có thể ngưỡng mộ tin tưởng, tuy không thể hiểu rõ trí tuệ này của Phật, nhưng bạn vẫn có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc, không dừng lại ở nơi biên địa.

“Sanh về biên địa là một loại riêng, chẳng thuộc vào chín phẩm”. Bởi vì họ nghi hoặc, không làm theo lời Phật nói, bản thân nảy ra chủ ý, đều không tin sâu vào trí tuệ của Phật. Năm độc: tham sân si mạn nghi, có người sửa chữ “nghi” thành “đổ ky”, trở thành tham sân si mạn đổ ky. Tuy nhiên nếu bạn hoài nghi, thì hoài nghi còn nghiêm trọng hơn đổ ky. Loại người này “tin phước không tin trí”, đối với phước thì họ tin, đối với trí tuệ thì họ tin không nổi. “Tin sự nhưng mê nơi lý”, họ đã tin sự rồi, tin có thế giới Tây Phương Cực Lạc, có A-di-đà Phật, có nhân quả; đối với lý thì họ mê, họ không hiểu, cho nên họ rớt vào nghi thành.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Phục hữu chúng sanh, tích tập thiện căn, hy cầu Phật trí, phổ biến trí, vô đẳng trí, uy đức quảng đại bất tư nghị trí. Ư tự thiện căn bất năng sanh tín, cố**

**ư vãng sanh thanh tịnh Phật quốc, ý chí do dự, vô sở chuyên cứ. Nhiên do tục niệm bất tuyệt, kết kỳ thiện nguyện vi bản, tục đắc vãng sanh.**

*Lại có chúng sanh chứa nhóm thiện căn, mong cầu Phật trí, phổ biến trí, vô đẳng trí, uy đức quảng đại bất tư nghị trí, nhưng đối với thiện căn của chính mình không sanh lòng tin, nên đối với việc vãng sanh cõi Phật thanh tịnh, ý chí do dự, chẳng thể chuyên chú nơi chỗ y cứ, nhưng do liên tục niệm Phật không thôi, kết thiện nguyện ấy thành căn bản, nên vẫn được vãng sanh.*

Đoạn kinh văn này là loại nghiệp nhân thứ hai để sanh về biên địa.

Loại người này đối với trí tuệ, đức năng của Phật không có hoài nghi, tôn sùng kính ngưỡng đến cực điểm, vậy vì sao cũng sanh về biên địa? Loại người này là chính mình đối với chính mình không có lòng tin, hoài nghi bản thân tạo nghiệp quá nặng, liệu có thể vãng sanh không? Dầu mỗi ngày niệm Phật, phát nguyện, nhưng thường xuyên có nghi hoặc này, hoài nghi chính mình, chẳng thể khẳng định bản thân. Bởi vì pháp môn niệm Phật là pháp môn thành Phật ngay hiện đời, chẳng phải là pháp môn thông thường, cho nên sự nghi ngờ lo lắng của họ càng sâu hơn. Những người này đều là người tốt, họ có tâm hổ thẹn.

Đại ý của đoạn kinh văn này là: *“Lại có chúng sanh chứa nhóm thiện căn, mong cầu Phật trí, phổ biến trí, vô đẳng trí, uy đức quảng đại bất tư nghị trí, nhưng đối với thiện căn của chính mình không sanh lòng tin”*, những câu kinh văn này là nói tin tha, không tin tự.

*“Nên đối với việc vãng sanh cõi Phật thanh tịnh, ý chí do dự, chẳng thể chuyên chú nơi chỗ y cứ, nhưng do liên tục niệm Phật không thôi, kết thiện nguyện ấy thành căn bản, nên vẫn được vãng sanh”*.

Đây là một loại, họ tin vào trí tuệ của Phật, nhưng đối với bản thân không đủ lòng tin. Trong Di-đà Yếu Giải nói về sáu lòng tin: tin sự, tin lý, tin tự, tin tha, tin nhân, tin quả. Người này tuy biết cầu Phật trí v.v... nhưng họ không tin tưởng chính mình, việc này vẫn là do không tin sâu vào lý.

Phía trước nói bốn trí, ở đây nói ba trí, đây là vấn đề về văn tự. Phía trước theo bản dịch thời Ngụy thì có bốn loại, bản dịch thời Đường hợp lại thành ba loại, đây chỉ là sự tách ghép không giống nhau của dịch giả, thực chất chỉ là một việc.

“Uy đức quảng đại bất tư nghị trí” chính là hai loại “bất khả xung trí” và “bất tư nghị trí”; “Phổ biến trí” tương đương với “Đại thừa quảng trí”; “Vô đẳng trí” chính là “vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí”. Các bản dịch không cùng thời đại, không cùng người dịch nên câu văn khác nhau, tách và ghép không như nhau. Loại người này có thể mong cầu Phật trí, nhưng đối với đạo lý “tâm này là Phật” có nghi tình, chỉ có tin Phật ở bên ngoài, đối với “tự tâm là Phật” thì không thể sanh chánh tín.

Bành Nhị Lâm nói: “Cần phải hiểu thấu suốt Phật trí, cho đến thắng trí thì mới gọi là lòng tin chân thật”. Hết thấy trí đều không lìa tự tâm. Tin rằng trí của Phật là từ tự tâm sanh ra, những trí tuệ này căn bản là không có ta và cái của ta; nếu có ta và cái của ta thì chính là “thức” rồi. Phạm và thánh đều như nhau, phạm cũng là như vậy, thánh cũng là như vậy, đều chung một trí tuệ. Hoàn toàn tin rằng tự tâm đầy đủ hết thấy trí. Phải tin tự tâm của bạn chính là hết thấy trí, vốn sẵn thành Phật. Việc này rất khó. Ngay cả đại sư Khuê Phong đối với “vốn sẵn thành Phật” còn chưa tin nổi. Khi ngài chú giải kinh Viên Giác nói: “Vốn là Phật” thì còn được một chút. Ngài là người khai ngộ trong Thiền tông, là tổ sư của tông Hoa Nghiêm, thật sự có thể thừa nhận, có thể tin, thì không dễ dàng!

“Chẳng phải ở ngoài tâm lại còn một cái tâm tin Phật riêng biệt”. Tự tâm vốn sẵn thành Phật, ngoài tự tâm không có một cái tâm tin Phật nào khác; cũng chính là không có một vị Phật được tin ở ngoài tâm, mà tự tâm chính là Phật, vốn sẵn thành Phật; chẳng phải bên ngoài có tâm chính là chẳng phải bên ngoài có Phật. “Hồi hướng như thế thì gọi là duy tâm Tịnh độ”, mau được gặp Phật. Vậy nên nhanh hay chậm từ đây mà phân, phẩm vị vãng sanh cũng từ đây mà phân. Có người niệm đến mức gió thổi không động, mưa tuôn không thấm, nhưng cũng chẳng thể vãng sanh. Hoàng Niệm lão nói: Đừng luận công phu, phải luận kiến địa. Mật tông là kiến-tu-hạnh-quả, có chánh kiến mới có chánh tu, chánh hạnh, chánh quả. Bạn không có chánh kiến thì tu hành là tu mù luyện quán.

“Nếu đối với các trí của tự tâm vẫn còn vướng mắc mỗi nghi”, đối với trí tuệ của tự tâm, bạn vẫn còn có tâm nghi thì khó tránh khỏi chuyện thấy Phật ở ngoài tâm. Thiền tông nói: “Cầu vị Phật có hình tướng ở bên ngoài không giống như ông đâu”. Nếu bạn cầu vị Phật có hình có tướng không giống với bạn, vậy bạn có ra gì đâu, thật chẳng đáng nói đến. Thế nhưng tự tâm của bạn rất tuyệt vời, tự tâm của bạn

chính là Phật, tất cả Phật đều từ tự tâm của bạn mà lưu xuất. Nếu bạn khởi nghi ngờ đối với chính mình thì không tránh được chuyện thấy Phật ở ngoài tâm. Có người trong Thiên tông cứ nói rằng Tịnh độ tông là cầu Phật ngoài tâm, chẳng phải Tịnh độ tông cầu Phật ngoài tâm, mà có một số người tu Tịnh độ thấy Phật ở ngoài tâm. Rất nhiều người tu Mật cũng đều là thấy Phật ở ngoài tâm, bệnh chung của người tu Mật là quá chấp trước (đây là lời Hoàng Niệm lão nói).

“Dầu tu các điều lành, nương theo nguyện mà vãng sanh, nhưng chẳng thấy được Phật”. Tu thiện, dựa vào nguyện này, tuy vãng sanh nhưng không được thấy Phật, bởi vì bạn không khế hợp với Phật trí. Bạn đã làm rất nhiều công đức, có thể miễn cưỡng được vãng sanh. Kinh Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới nói: “Tất cả chư Phật ba đời cũng là như vậy, đều vô sở hữu, chỉ nương vào tự tâm”. Chỉ nương vào tự tâm của bạn. “Bồ-tát nếu có thể biết rõ chư Phật và hết thấy pháp đều chỉ là tâm lượng thì sẽ đắc tùy thuận nhãn”. Những Bồ-tát tu hành nếu có thể biết rõ chư Phật và hết thấy pháp của chư Phật đều là thứ mà chỉ có tâm mới có thể biết, là thứ hiển hiện ra từ tâm, thì có thể đắc tùy thuận nhãn, chính là Sơ địa Bồ-tát. Thế nên, nhìn thấy cây Bồ-đề thì được ba loại nhãn: Tùy thuận nhãn, âm hưởng nhãn, vô sanh pháp nhãn.

“Lúc bỏ thân sẽ mau sanh vào thế giới Diệu Hỷ, hoặc sanh về cõi Phật thanh tịnh là Cực Lạc.” Cái lỗi tin Phật trí mà không tin tự tâm lớn như vậy đó. Có trí tuệ quyết định này mới có thể sanh ra tín tâm quyết định, mới có thể quyết định vãng sanh. “Cẩn thận đừng vì tâm nghi hoặc mà đánh mất lợi lớn”, muôn vàn phải thận trọng, đừng bởi vì nghi hoặc mà đánh mất lợi lớn, tuy đến được thế giới Cực Lạc mà không thể nghe pháp. Cho nên, tin tha mà không tin tự thì vẫn là trí tuệ rất nông cạn. Không có trí quyết định thì không có tín tâm quyết định. Thế nên “ý chí do dự, chẳng thể chuyên chú nơi chỗ y cứ” là do đây mà ra. Luôn do dự mãi, không thể chuyên chú, cũng chẳng có nắm chắc, lúc thì mừng vui, lúc thì âu sầu, chính là tín nguyện không kiên định, chỗ y cứ không chuyên nhất. Nhưng họ có thể niệm Phật liên tục, do lực niệm Phật và lực phát nguyện nên vẫn được vãng sanh, nhưng ở nơi biên địa.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Thị chư nhân đẳng, dĩ thử nhân duyên, tuy sanh bỉ quốc, bất năng tiên chí Vô Lượng Thọ sở. Đạo chỉ Phật quốc giới biên, thất bảo thành trung. Phật**

**bất sử nhĩ, thân hạnh sở tác, tâm tự thú hướng. Diệc hữu bảo trì liên hoa, tự nhiên thọ thân, ẩm thực khoái lạc như Dao-lợi thiên. Ư kỳ thành trung bất năng đắc xuất, sở cư xá trạch tại địa, bất năng tùy ý cao đại. Ư ngũ bá tuế thường bất kiến Phật, bất văn kinh pháp, bất kiến Bồ-tát, Thanh Văn Thánh chúng. Kỳ nhân trí tuệ bất minh, tri kinh phục thiếu, tâm bất khai giải, ý bất hoan lạc, thị cố ư bỉ vị chi thai sanh.**

*Những người này, do nhân duyên ấy, tuy sanh về nước kia, nhưng không thể đến thẳng chỗ đức Phật Vô Lượng Thọ, chỉ dừng ở trong thành thất bảo nơi biên giới của cõi Phật. Phật chẳng hề khiến như vậy, nhưng do thân hạnh đã tạo, nên tâm họ tự hướng đến nơi ấy. Ở đó cũng có ao báu, tự nhiên thọ thân trong hoa sen, ăn uống sung sướng như ở trời Dao-lợi. Nhưng ở trong thành đó không thể ra khỏi, nhà cửa ở trên mặt đất, không thể cao lớn tùy ý. Trong năm trăm năm, thường chẳng thấy Phật, chẳng nghe kinh pháp, không thấy Bồ-tát, Thanh văn thánh chúng. Trí tuệ của những người đó không sáng suốt, biết kinh pháp lại ít, tâm không mở mang, ý không vui vẻ, nên đối với họ, gọi là thai sanh.*

Đoạn kinh văn này răn dạy chúng ta, do vì có nghi, tuy rằng chẳng phải là nghi, chỉ là trong tâm hơi có một chút nghi hoặc mà sanh về biên địa. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ, phải cảnh giác, đối với tự, với tha không được có mảy may nghi hoặc thì mới có thể thành công. Người học Phật tâm địa phải thanh tịnh, đối nhân xử thế tiếp vật lúc bình thời đều nên tùy duyên. Tùy duyên chính là tuyệt đối không hề đưa ra chủ trương của mình, trong sự tùy duyên mà đoạn ác tu thiện. Phải biết: con người sống ở đời chỉ là khách qua đường, nơi đây chẳng phải là quê nhà của chúng ta, chúng ta ở đây chỉ là làm khách, thời gian không bao lâu thì rời đi rồi, hà tất đi so đo việc này, so đo việc kia. Tất cả đều tùy duyên, tùy duyên thì tự tại, phan duyên thì phiền não, hiểu rõ “phàm tất cả tướng đều là hư vọng”, “các pháp là vô thường”, “ngay nơi thế đều là không, trọn chẳng thể đạt được”, đây là chân giác ngộ, đây là chân tướng sự thật.

Tùy duyên là cái gì cũng tốt, thuận cảnh cũng tốt, nghịch cảnh cũng tốt, đều hoan hỷ chung sống hòa hợp. Hiện nay chúng tôi thành lập tiểu viện Lục Hòa theo pháp Lục hòa kính, làm thế nào để hòa? Mỗi một người bắt đầu làm từ chính mình, là tôi phải hòa với bạn, chẳng phải bạn phải hòa với tôi. Bạn có chấp trước, tôi không có chấp trước; bạn có phân biệt, tôi không có phân biệt; bạn có vọng tưởng, tôi không

có vọng tưởng. Cái gì cũng đều có thể tùy thuận, thì làm gì có hoàn cảnh nào không thể hòa hợp được, làm gì có người và việc nào mà mình không hòa hợp được.

Những Bồ-tát vãng sanh đến biên địa, tuy họ mang theo nghi hoặc nhưng vẫn vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, họ không thể thấy Phật ngay tức khắc, mà dừng ở biên giới cõi Phật. Thành thất bảo là tỉ dụ, kỳ thật vẫn là liên hoa hóa sanh. Quyết chẳng phải thế giới Cực Lạc thật có biên giới, thế giới Cực Lạc không có biên giới, không thấy Phật thì đều là biên giới. Bất kể ở nơi nào, thậm chí là ở bên ngoài giảng đường lớn của A-di-đà Phật, hoặc trong ao thất bảo, hễ là nơi không nhìn thấy A-di-đà Phật thì đều là biên địa. Nếu y văn giải nghĩa mà nhìn biên địa rồi cho rằng đó là khu vực giáp ranh với thế giới Cực Lạc thì đã nghĩ sai mất rồi.

Thế Tôn nói với chúng ta chân tướng rằng: Không phải A-di-đà Phật có ý không gặp mặt họ, mà là bản thân họ có chướng ngại. Tâm của Phật thanh tịnh, tâm của Phật bình đẳng, Phật và chúng sanh cảm ứng đạo giao, duyên của Phật với chúng sanh là bình đẳng, là không có chướng ngại. Phật đối với tất cả chúng sanh không có chướng ngại, là chúng sanh tự tạo chướng ngại, do thân hạnh của người vãng sanh đã tạo, nên tâm tự hướng đến nơi ấy. Do chính họ tạo ra, trong tâm của chính mình có ràng buộc, chưa hoàn toàn tháo gỡ, thậm chí sự ràng buộc đó rất vi tế, chính mình cũng không biết được. Rất nhiều mê hoặc mà bản thân chúng ta không biết, không biết gút mắc của chính mình ở đâu.

Tiếp theo chúng tôi nói về người vãng sanh về biên địa, và người vãng sanh trong chín phẩm có chỗ nào tương đồng, chỗ nào không tương đồng. Chỗ tương đồng là đều là liên hoa hóa sanh. Chỗ không tương đồng là người vãng sanh trong chín phẩm có thể tự tại ra vào hoa sen; người vãng sanh biên địa không thể ra vào hoa sen một cách tự tại. Người vãng sanh trong chín phẩm thì cung điện nơi họ ở có thể lớn nhỏ tùy ý, có thể bay trong không trung, có thể dừng ở trong hoa sen, tùy theo ý muốn. Người vãng sanh biên địa, cung điện không thể tùy ý lớn nhỏ, không thể bay lên trên không. Người vãng sanh trong chín phẩm thì hoa khai kiến Phật, người vãng sanh biên địa trong 500 năm không thể thấy Phật.

*“Ở đó cũng có ao báu, tự nhiên thọ thân trong hoa sen”*, đây là nói liên hoa hóa sanh, không cần ở trong bào thai. *“Ăn uống sung sướng như ở trời Đao-lợi”*, cuộc sống vui sướng như ở trời Đao-lợi. *“Nhưng ở trong thành đó không thể ra khỏi”*, bởi vì có nghi hoặc thì sẽ có giới hạn, tự hạn chế bản thân, cái khung ấy là



do tự mình tạo ra, không phải người khác làm ra. Nhà cửa ở trên mặt đất, không thể bay lên hư không, cũng không thể cao lớn tùy ý. “*Trong năm trăm năm, thường chẳng thấy Phật, chẳng nghe kinh pháp, không thấy Bồ-tát, Thanh văn thánh chúng*”, đây chính là đặc điểm của biên địa nghi thành.

Thời gian 500 năm cũng chẳng phải tuyệt đối không thể thấy được Phật, mà rất khó thấy Phật. Năm trăm năm này là chỉ cho 500 năm của nhân gian, không phải 500 năm của thế giới Cực Lạc. 500 năm của nhân gian thì cảm thấy thời gian rất dài, ở trời Đao-lợi là 5 ngày, ở trời Dạ-ma thì là thời gian 2 ngày rưỡi. Do đây biết được, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì nghi hoặc sẽ được tiêu trừ rất nhanh chóng. 500 năm là lâu nhất, rất ít vượt hơn 500 năm, chỉ cần nhận lỗi, sửa lỗi thì được tự tại. Nhận lỗi chính là sám trừ nghiệp chướng, phàm phu chúng ta vì sao không thể sám trừ nghiệp chướng được? Là do không chịu nhận lỗi, nhất là hiện nay, luôn luôn đổ lỗi cho người khác, luôn luôn quy công lao về chính mình.

Chúng ta là người học Phật, đời này dứt sanh tử, thoát luân hồi là mục tiêu của chúng ta, chúng ta làm thế nào thực hiện mục tiêu này? Từ tu thiện, đoạn ác mà bắt đầu. Thiện thì phải dấu đi, ác thì phải nêu ra. Đối với bản thân nhất định phải làm như vậy, thiện ác của người khác thì đừng để ý đến. Thế giới này càng có chúng sanh gặp khổ nạn thì Phật Bồ-tát thị hiện sẽ càng nhiều. Phật Bồ-tát thị hiện ở trong chúng sanh, rỗng rần hỗn tạp. Các ngài muốn độ chúng sanh thì buộc phải giống như chúng sanh, tức là “đồng sự nhiếp”. Bạn biết người làm ác đó là người ác thật hay là do Phật Bồ-tát ứng hóa ra không? Chúng ta là phàm phu, không biết được. Do đó, chúng ta đối với cảnh giới bên ngoài phải tuân thủ lời dạy của Phật: bình đẳng cung kính. Quan trọng nhất là sửa đổi bản thân, thời thời khắc khắc kiểm điểm chính mình, trong một đời này phải thật sự nắm chắc vãng sanh.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Nhược hữu chúng sanh minh tín Phật trí, nãi chí thắng trí, đoạn trừ nghi hoặc, tín kỹ thiện căn, tác chư công đức, chí tâm hồi hướng, giai ư thất bảo hoa trung, tự nhiên hóa sanh, già-phu nhi tọa. Tu du chi khoảnh, thân tướng quang minh, trí tuệ công đức, như chư Bồ-tát, cụ túc thành tựu. Di-lặc đương tri, bỉ hóa sanh giả, trí tuệ thắng cố. Kỳ thai sanh giả, ngũ bá tuế trung, bất kiến Tam bảo, bất tri Bồ-tát pháp thức, bất đắc tu tập công đức, vô nhân phụng sự Vô**

## **Lượng Thọ Phật. Đương tri thử nhân, túc thể chi thời, vô hữu trí tuệ, nghi hoặc sở trí.**

*Nếu có chúng sanh tin rõ Phật trí cho đến thắng trí, đoạn trừ nghi hoặc, tin vào thiện căn của mình, làm các công đức, chí tâm hồi hướng thì đều tự nhiên ngồi xếp bằng, hóa sanh trong hoa bảy báu. Trong khoảnh khắc, thân tướng quang minh, trí tuệ công đức thành tựu đầy đủ như các Bồ-tát vậy. Di-lặc nên biết, hạng hóa sanh đó là do trí tuệ thù thắng. Hạng thai sanh kia trong năm trăm năm không thấy Tam bảo, không biết pháp thức của Bồ-tát, không được tu tập công đức, không có nhân duyên phụng sự Phật Vô Lượng Thọ. Phải biết hạng người này, đời trước không có trí tuệ, do sanh tâm nghi hoặc mà ra.*

Đoạn kinh văn này có thể chia thành hai đoạn nhỏ để nói.

Đoạn nhỏ thứ nhất từ “Nếu có chúng sanh tin rõ Phật trí” đến “thành tựu đầy đủ như các Bồ-tát vậy”, tổng cộng có 15 câu. Kinh văn trong đoạn nhỏ này nói về người niệm Phật vãng sanh thông thường nói chung cũng có hai loại lớn.

Một là chuyên tu Tịnh độ, chính là người vãng sanh ba bậc thượng, trung, hạ. Loại thứ hai là chẳng phải chuyên tu Tịnh độ, mà tu học các pháp môn Đại thừa khác, lúc lâm chung hồi hướng cầu sanh Tịnh độ, cũng có thể được sanh, đây chính là “nhất tâm tam bối” mà đại sư Từ Châu đã phán. Họ vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc phẩm vị thế nào? Hoàn toàn xem công phu tu học của họ, bất luận tu học pháp môn nào đều có thể chia công phu của họ thành ba bậc thượng, trung, hạ. Trong tông này, bậc thượng là lý nhất tâm bất loạn, bậc trung là sự nhất tâm bất loạn, bậc hạ là công phu thành phiền. Thiên tông cũng chia làm ba bậc: bậc thượng là chiếu kiến, bậc trung là chiếu trụ, bậc hạ là quán chiếu. Đây là những công phu khác nhau trong Thiên tông.

Bất kể tu pháp môn nào thì nguyên tắc quan trọng nhất chính là: tinh chuyên, không được xen tạp. Từ xưa đến nay, người tu học Đại thừa hồi hướng vãng sanh rất nhiều. Cuối triều Minh đầu triều Thanh rất nhiều người học Hoa Nghiêm, cư sĩ Dương Nhân Sơn chính là “giáo tông Hoa Nghiêm, hành tại Di-đà”. Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của cư sĩ Giang Vị Nông mọi người đã xem qua, ngài cả đời hạ công phu 40 năm trên kinh Kim Cang, nhưng ngài lại niệm A-di-đà Phật vãng sanh. Điều này chứng tỏ pháp môn Tịnh tông vô cùng rộng lớn. A-di-đà Phật không hề hạn chế

quy định bạn: Con phải học pháp môn này của ta, nếu không thì không thể vãng sanh được; mà là tùy họ tu học pháp môn nào rồi hồi hướng cầu sanh Tịnh độ thì đều được vãng sanh, A-di-đà Phật đến tiếp dẫn bạn.

Do đó, chúng ta gặp người tu học pháp môn khác thì nên tán thán, phải khuyên họ chuyên tu, hồi hướng cầu sanh Tịnh độ. Họ đã dụng công phu nhiều năm như vậy thì không cần thay đổi, đổi rồi thì họ sẽ không quen. Khuyên họ hãy tiếp tục tu như vậy, chỉ cần thật sự phát tâm, mong rằng sau khi vãng sanh thấy A-di-đà Phật, sanh đến thế giới Cực Lạc thì đều có thể mãn nguyện. Chúng ta tu học tông này, phỉ báng tông phái khác, coi thường pháp môn khác tức là phỉ báng Tam bảo, tạo tội nghiệp cực lớn.

Đoạn nhỏ thứ hai từ “Di-lặc nên biết” đến “nghĩ hoặc mà ra”, tổng cộng 13 câu.

Ba câu đầu: “*Di-lặc nên biết, hạng hóa sanh đó, là do trí tuệ thù thắng*”. Đây là nói người vãng sanh chín phẩm trong bốn cõi đều là trí tuệ siêu thắng. Trí tuệ siêu thắng chính là không hoài nghi. Phàm là hoài nghi thì đều là nghiệp chướng rất nặng, có nghiệp chướng nên họ mới hoài nghi. Cho dù là vãng sanh hạ hạ phẩm cõi Phạm Thánh Đồng Cư thì cũng không hoài nghi. Đối với trí tuệ và đức năng của Phật, đối với thiện căn của chính mình họ đều không hoài nghi, đây là trí tuệ siêu thắng.

Sáu câu ở giữa từ “hạng thai sanh kia” cho đến “không có nhân duyên phụng sự Phật Vô Lượng Thọ” nói về chúng sanh vãng sanh đến biên địa nghi thành, khổ nạn mà họ thọ nhận, họ ở biên địa nghi thành là có thời hạn, lâu nhất cũng không vượt hơn 500 năm. Chẳng phải nhất định phải là 500 năm, việc này phải xem mức độ giác ngộ nhanh hay chậm của người vãng sanh nơi biên địa, hễ giác ngộ thì bèn nhập vào phẩm vị. Theo Vãng Sanh Truyện ghi chép, ông Viên Hoằng Đạo thời nhà Minh là niệם Phật vãng sanh đến biên địa nghi thành, ông ấy mang theo nghĩ hoặc mà vãng sanh, tuy sanh ở biên địa nhưng ông giác ngộ rất nhanh, giác ngộ rồi bèn thoát ra khỏi biên địa.

Sanh đến biên địa thì có những nỗi khổ sở nào? “*Không thấy Tam bảo*”, không gặp được Tam bảo: Phật, pháp, tăng; “*không biết pháp thức của Bồ-tát*”, bởi vì không có cơ hội nghe pháp, cho nên đối với lý luận, phương pháp và nghi thức tu hành của Bồ-tát họ đều không biết; “*không được tu tập công đức*”, ở

biên địa chỉ có hưởng phước, không thể làm công đức; “*không có nhân duyên phụng sự Phật Vô Lượng Thọ*”, không thấy được A-di-đà Phật. Vì sao lại như vậy? Bốn câu kinh văn phía sau chính là đáp án:

“*Phải biết hạng người này, đời trước không có trí tuệ, do sanh tâm nghi hoặc mà ra*”, tóm lại đều quy về nghiệp chướng nghi hoặc. Tâm nghi này chính là năm loại phiền não căn bản của tư hoặc: tham, sân, si, mạn, nghi. Những nghi hoặc khác trên thế gian đều không liên quan, không trở ngại, nhưng sự nghi hoặc này là trở ngại rất lớn. “Nghi” được gọi là phiền não căn bản, từ đây biết rằng, hóa ra nghi hoặc có chướng ngại lớn đến như vậy. Đây chẳng phải là sự nghi hoặc đối với những sự và lý thông thường, mà là nghi hoặc đối với Phật pháp Đại thừa, nghi hoặc đối với Tịnh tông, nên chướng ngại càng lớn hơn nữa.

Tôi đã giảng xong kinh văn phẩm thứ bốn mươi, tiếp theo xin quy nạp trọng điểm một chút.

Trọng điểm của kinh văn phẩm thứ 40, phẩm kinh văn này có 8 trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: Đối với hạng thai sanh ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, Thế Tôn đã nói rõ cho chúng ta như thế nào? Kết hợp với đoạn khai thị về nghi của đại sư Ấn Quang, hãy nói về lĩnh hội của bạn.

Trọng điểm thứ hai: Nhân của thai sanh là gì? Hãy dùng một câu để trả lời. Loại nghiệp nhân thứ nhất vãng sanh về biên địa nghi thành là gì? Hãy dùng kinh văn để trả lời.

Trọng điểm thứ ba: Bạn có thể kể ra tên của bốn loại trí tuệ không? Kết hợp với thực tế, hãy nói xem nếu không tin vào bốn trí này thì có những biểu hiện gì, có nguy hại gì? Bạn có tin là Phật có đầy đủ bốn loại trí tuệ viên mãn rốt ráo này hay không?

Trọng điểm thứ tư: Bạn hiểu hai câu “từ sự trì mà đạt đến lý trì, tức tâm phàm chuyển thành tâm Phật” mà đại sư Ngẫu Ích nói như thế nào?

Trọng điểm thứ năm: Không tin tứ trí thì có bốn nghi hoặc, không phá trừ bốn nghi hoặc thì không thể vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Bạn có bao nhiêu nghi hoặc vậy? Bạn có phương pháp hay nào để phá trừ nghi hoặc hay không?

Trọng điểm thứ sáu: Khi Phật giảng kinh Pháp Hoa, 5.000 đệ tử đã lui ra, bạn hiểu sự việc này thế nào?

Trọng điểm thứ bảy: Người vãng sanh đến biên địa nghi thành và người vãng sanh trong chín phẩm của thế giới Cực Lạc có chỗ nào khác biệt và tương đồng?

Trọng điểm thứ tám: Sanh đến biên địa nghi thành thì có những nỗi khổ nào?

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 91

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Bắt đầu từ tiết học này, chúng tôi sẽ giảng kinh văn phẩm thứ 41:

### HOẶC TẬN KIẾN PHẬT ĐỆ TỨ THẬP NHẤT

Mời xem kinh văn bên dưới:

**Thí như Chuyển Luân Thánh Vương, hữu thất bảo ngục, vương tử đắc tội, cấm bế kỳ trung. Tăng lâu ỷ điện, bảo trướng kim sàng, lan song tháp tọa, diệu sức kỳ trân. Âm thực y phục như Chuyển Luân Vương, nhi dĩ kim tỏa hệ kỳ lưỡng túc. Chư tiểu vương tử ninh nhạo thử phủ? Từ Thị bạch ngôn: “Bất dã, Thế Tôn! Bỉ u trập thời, tâm bất tự tại, dẫn dĩ chúng chúng phương tiện, dục cầu xuất ly, cầu chư cận thân, chung bất tùng tâm. Luân Vương hoan hỷ, phương đắc giải thoát”.**

*Thí như Chuyển Luân Thánh Vương có ngục bảy báu, vương tử đắc tội bị giam trong ấy. Lầu gác cung điện, trướng báu giường vàng, bao lơn, cửa sổ, sập ghé trang hoàng khéo léo quý lạ. Ăn uống, y phục đều như Chuyển Luân Vương, nhưng dùng xích vàng xiềng lấy hai chân. Các tiểu vương tử ấy có thích chuyện này chăng?” Ngài Từ Thị bạch rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Không ạ! Khi họ bị giam cầm, tâm không tự tại, chỉ toan dùng mọi phương tiện, để mong thoát khỏi, cầu cạnh các cận thân, rốt cuộc không toại ý. Luân Vương hoan hỷ, mới được giải thoát”.*

Phẩm này là Hoặc Tận Kiến Phật, đã hết nghi hoặc rồi thì thấy được Phật.

Phật lại nói với ngài Di-lặc: “*Thí như Chuyển Luân Thánh Vương có ngục bảy báu*”, bảy báu làm thành ngục giam. “*Vương tử đắc tội*”, con của Chuyển Luân Thánh Vương đắc tội thì “*bị giam kín trong ấy*”, nhốt ở trong lao ngục bằng bảy báu này. “*Màn báu, giường vàng*”, màn làm bằng bảy báu, giường làm bằng vàng. “*Bao lơn, cửa sổ, sập ghé*”, cửa sổ ca-rô, chỗ ngồi nhỏ gọn thoải mái, “*trang hoàng khéo léo, quý lạ*”, đồ vật quý báu kỳ diệu. “*Ăn uống, y phục đều như Chuyển Luân Vương*”, thức ăn, đồ mặc giống như Chuyển Luân Thánh Vương vậy. “*Nhưng dùng*

*xích vàng xiềng lách hai chân”, tuy nhiên hai chân bị xích vàng xiềng chặt. “Các tiểu vương tử ấy có thích chuyện này chăng?”, Phật hỏi ngài Di-lặc, vương tử đối với những việc này liệu có vui chăng? “Ngài Từ Thị bạch rằng”, ngài Di-lặc nói: “Bạch Đức Thế Tôn! Không ạ!”, đương nhiên họ không vui ạ. “Khi họ bị giam cầm”, trong lúc họ bị giam kín, “tâm không tự tại”, tâm tình không tự tại, “chỉ toan dùng mọi phương tiện, để mong thoát khỏi”, họ dùng đủ mọi phương pháp muốn thoát khỏi, “câu cạnh các cận thân, rốt cuộc không toại ý”, nhờ vả những người bên cạnh họ, nhưng sau cùng không đạt được mục đích. “Luân Vương hoan hỷ, mới được giải thoát”, đợi khi phụ vương của họ là Luân Vương hoan hỷ thì mới có thể được giải thoát.*

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Phật cáo Di-lặc: “Thử chư chúng sanh diệt phục như thị. Nhược hữu đọa u nghi hối, hy cầu Phật Trí, chí quảng đại trí, u tự thiện căn, bất năng sanh tín, do văn Phật danh khởi tín tâm cố, tuy sanh bỉ quốc, u liên hoa trung, bất đắc xuất hiện. Bỉ xứ hoa thai, do như viên uyển, cung điện chi tướng. Hà dĩ cố? Bỉ trung thanh tịnh vô chư uế ác, nhiên u ngũ bá tuế trung, bất kiến Tam bảo, viễn ly nhất thiết thù thắng thiện căn, dĩ thử vi khổ, bất sanh hân nhạo. Nhược thử chúng sanh, thức kỳ tội bản, thâm tự hối trách, cầu ly bỉ xứ. Vãng tích thế trung, quá thất tạn dĩ, nhiên hậu nãi xuất”.**

*Phật bảo ngài Di-lặc: “Các chúng sanh này cũng lại như vậy. Nếu có kẻ đọa vào nghi hối, mong cầu Phật trí, cho đến quảng đại trí, không thể sanh lòng tin đối với thiện căn của chính mình; do nghe danh hiệu Phật mà phát khởi lòng tin, nên tuy sanh về cõi ấy, nhưng ở trong hoa sen, không được xuất hiện. Kẻ ấy ở trong hoa thai mà tưởng như đang ở trong vườn hoa, cung điện. Vì sao vậy? Trong đó thanh tịnh, không có các uế ác, nhưng trong năm trăm năm, không thấy Tam bảo, không được cúng dường, phụng sự chư Phật, xa lìa tất cả thiện căn thù thắng, nên xem đó là khổ, chẳng sanh lòng vui thích. Nếu những chúng sanh ấy biết được gốc tội của mình, hết lòng sám hối tự trách, cầu được ra khỏi nơi đó. Khi những lỗi lầm trong đời trước đã hết sạch rồi, sau đó mới được thoát khỏi.*

Tiếp theo xin giải thích một chút đoạn kinh văn này.

Phật bảo ngài Di-lặc: “*Các chúng sanh này cũng lại như vậy.*” Những chúng sanh ở biên địa nghi thành này cũng giống như vương tử vậy. “*Nếu có kẻ đọa vào nghi hối, mong cầu Phật trí, cho đến quảng đại trí, không thể sanh lòng tin đối với thiện căn của chính mình*”, nếu ở trong nghi hối mà mong cầu Phật trí, nhưng họ đối với trí tuệ rộng lớn của Phật không thể tin nổi. “*Do nghe danh hiệu Phật mà phát khởi lòng tin*”, do nghe đến danh hiệu A-di-đà Phật, họ khởi lên tín tâm, niệm Phật vãng sanh. “*Nên tuy sanh về cõi ấy, nhưng ở trong hoa sen, không được xuất hiện*”, trên thực tế chẳng phải là ở trong búp hoa như chúng ta tưởng tượng, mà là ở trong vườn hoa, cung điện rất lớn.

“*Trong đó thanh tịnh, không có các uế ác, nhưng trong năm trăm năm, không thấy Tam bảo, không được cúng dường, phụng sự chư Phật, xa lìa tất cả thiện căn thù thắng, nên xem đó là khổ, chẳng sanh lòng vui thích*”, đây chính là khổ, chẳng thể sanh tâm vui mừng. “*Nếu những chúng sanh ấy biết được gốc tội của mình, hết lòng sám hối tự trách, cầu được ra khỏi nơi đó*”, bản thân sám hối, biết được tội của chính mình vốn là do nghi hoặc, mong muốn ra khỏi nghi thành, đợi đến khi lỗi lầm trong đời quá khứ trước khi sanh đến Cực Lạc của họ đều hết sạch rồi thì được thoát ra.

Những câu sau cùng, “*biết được gốc tội của mình, hết lòng sám hối tự trách, cầu được ra khỏi nơi đó. Khi những lỗi lầm trong đời trước đã hết sạch rồi, sau đó mới được thoát khỏi*” có hai cách giải thích.

Cách giải thích thứ nhất là: Những người vãng sanh đến biên địa nghi thành rất hối hận, tự trách, muốn rời khỏi biên địa. Ra khỏi biên địa thì giống người vãng sanh trong ba bậc vậy. Sự việc này đến cuối thời gian 500 năm, họ biết được gốc tội nên sám hối nên được thoát ra. Đây là cách nói của đại sư Đàm Loan, ngài là tổ sư của Tịnh độ tông.

Cách giải thích thứ hai là cách nói của đại sư Gia Tường, ngài là tổ sư của tông Tam Luận thời Đường. Ngài nói: Hết lòng sám hối, tự trách, bất kể là loại nào, thật sự hối cải rồi, hối cải sai lầm thì được thoát ra. Năm tháng là con số linh hoạt, không phải cố định là 500 năm.

Hai cách nói này có thể cùng tồn tại. 500 năm mới biết tội mà sám hối, đây là tình hình chung ở trong biên địa. Chưa đến 500 năm, giữa chừng sám hối được thoát ra, đây là người thượng căn ở biên địa. Cho nên hai loại tình huống này đều tồn tại.



Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Tức đặc vãng nghệ Vô Lượng Thọ sở, thính văn kinh pháp, cửu cửu diệt  
đương khai giải, hoan hỷ, diệt đặc biến cúng vô số vô lượng chư Phật, tu chư  
công đức. Nhữ A-dật-đa! Đương tri nghi hoặc ư chư Bồ-tát vi đại tổn hại, vi  
thất đại lợi. Thị cố ung đương minh tín chư Phật vô thượng trí tuệ.**

*Liên được đến chỗ Phật Vô Lượng Thọ, thính văn kinh pháp, lâu sau cũng sẽ  
khai giải, hoan hỷ, cũng được cúng dường khắp vô số vô lượng chư Phật, tu các  
công đức. Nay A-dật-đa! Phải biết rằng, đối với các Bồ-tát, nghi hoặc là tổn hại lớn,  
mất lợi ích lớn. Thế nên phải tin tưởng rành rẽ vào trí tuệ vô thượng của chư Phật.*

Đoạn kinh văn này là nói: Gốc tội tiêu trừ thì “*liên được đến chỗ Phật Vô  
Lượng Thọ, thính văn kinh pháp*”, như vậy mới có thể ra khỏi biên địa nghi  
thành, vào trong hải hội, đến trước mặt Phật Vô Lượng Thọ, thính văn kinh  
pháp. “Thính” là cạn một chút, “văn” là sâu một chút. Thông thường mọi người lĩnh  
hội không đủ về chữ “văn” này, cho rằng đó là nghe. “Vừa lọt vào tai” là trước khi  
“thính” và “văn”, vừa lọt qua tai, bất kể bạn có hiểu hay không, chỉ cần nghe đến thì  
đều được tính. “Văn” thì rất sâu, tín thọ phụng hành thì mới gọi là “văn”. Trong kinh  
thường nói công đức của “văn” lớn đến mức nào mức nào đó, chẳng phải là nghe  
đến những câu nói này là được, mà phải tin sâu, tiếp nhận, chấp hành. Hàm nghĩa  
của từ “văn” rất nhiều, văn Bồ-đề, vừa nghe qua thì có thể thành Phật. “Văn” chẳng  
phải là vừa nghe qua tai, nghe đến kinh pháp. “Thính” là nghe thấy rồi, còn “văn” là  
trình độ đã nâng cao, có thể lý giải được. Bạn xem, “lâu sau” chứ không phải hiện  
thời. Từ biên địa nghi thành đi ra, sau khi gặp Phật nghe pháp, dùng hai từ “lâu  
sau”, lâu sau cũng sẽ hoan hỷ, khai giải. Hiện nay chúng ta có một số người khá là  
gấp gáp, vì sao tôi không hiểu, vì sao không thể thế này, thế nọ? Những suy nghĩ  
này là không hợp với quy luật, cần phải có quá trình.

“Phải tin lời kinh Phật sâu xa”, chẳng phải là hai câu ba câu, dùng công phu  
vài ngày là có thể lý giải. Những lời Phật nói là tri kiến của Phật, trong tâm của  
chúng sanh là tri kiến của chúng sanh, hai thứ này là nước và lửa. Trong tâm là tri  
kiến của chúng sanh, làm sao tiếp nhận tri kiến của Phật được? Thế nên, trước hết  
phải tiêu trừ tri kiến của chúng sanh. Việc này cần có một quá trình, nếu không, bạn  
tự cho mình đã hiểu thì còn nguy hiểm hơn. Bạn không biết thứ mà bạn hiểu rất cuộc

là như thế nào, bạn vừa hiểu liền sai rồi. Đặc biệt là Thiên tông, hễ bạn hiểu thì không có cách gì khai ngộ, không hiểu thì còn có cách để khai ngộ, không hiểu thì còn gần được một chút, hiểu rồi thì còn cách xa hơn. Thật sự hiểu là việc không hề dễ dàng. Khai giải, tâm được khai giải, không phải là khai ngộ, mà là hiểu nghĩa chân thật. Chẳng phải là nêu ra vấn đề gì thì tôi biết trả lời, trả lời rất chính xác, đó là học trò đi thi, việc đó dễ dàng. Khai giải không giống như vậy, khai giải chính là hoan hỷ, hớn hở.

*“Cũng được cúng dường khắp vô số vô lượng chư Phật”*, nhờ uy lực của Phật gia trì thì xuất hiện thân thông, đều có thể đi cúng dường, nghe pháp, phụng sự khắp hết vô lượng vô số chư Phật.

*“Tu các công đức”*

Đều đang tu đủ mọi công đức, đủ mọi diệu pháp. Những người này lâu sau vẫn không đạt được một chút việc như vậy, là do trước khi họ sanh đến thế giới Cực Lạc, “trí tuệ không sáng suốt, biết kinh lại ít”, có nghi hoặc, chưa khai trí tuệ, cho nên rớt vào trong nghi thành. Hiện nay tuy đích thân nhìn thấy đức Di-đà, đích thân nghe thấy khai thị của Phật, nhưng sự ô nhiễm trong tâm vẫn chưa trừ được, vẫn còn tình kiến. Tri kiến của chúng sanh đều là tình kiến, chúng ta phải siêu tình ly kiến.

Ly kiến trước mắt còn chưa đạt được, siêu tình thì quả thật vô cùng quan trọng. Vô tình thì không thể học đạo, tình chẳng không thì không thể ngộ đạo. Phải nghe nhiều, huân tập nhiều, tư duy nhiều. Ở thế giới Cực Lạc, tai nghe, mắt thấy thì tăng trưởng trí tuệ, mới có thể thật sự tin lời Phật, hiểu lời Phật. Vì vậy là “lâu sau”, chứ không phải là một sát-na. Các chúng sanh ấy, căn khí chính là như vậy. Người thượng căn tuy chưa vãng sanh nhưng đã là Bồ-tát rồi, sớm đã vượt hơn những cảnh giới này rồi. Hiện nay chúng ta phải tu trì cho tốt, chính là để cho chính mình có được căn khí tốt.

*“Này A-dật-đa! Phải biết rằng, đối với các Bồ-tát, nghi hoặc là tổn hại lớn, mất lợi ích lớn”*

Phật lại gọi tên của Bồ-tát Di-lặc mà nói: Nghi hoặc đối với tất cả Bồ-tát là tổn hại lớn, đánh mất lợi ích lớn nhất. Sư Vọng Tây trong Vô Lượng Thọ Kinh Sao đặt ra câu hỏi: Vì sao Bồ-tát mà còn có nghi hoặc? Có phải là phạm phu Đại thừa cũng gọi là Bồ-tát chăng? Hoặc cho dù là Bồ-tát, nếu sanh nghi hoặc thì cũng bị mất

lợi ích lớn? Ngài không dùng câu khẳng định. Kỳ thực câu hỏi này của ngài là sự khiêm nhường, trên thực tế là khẳng định rồi. Theo cách nói của Biệt giáo thì Bồ-tát Tín vị giống như sợi tơ trong không trung, sợi tơ liễu mùa xuân, ở trong không trung phát phơ lên xuống, biến hóa đa đoan, đây là tình trạng của Bồ-tát Tín vị. Phàm phu chúng ta thật sự đã phát khởi tâm Bồ-đề thì được gọi là Bồ-tát Sơ phát tâm.

Theo giải thích của Luận Chú về tâm Bồ-đề thì tâm Vô thượng Bồ-đề chính là tâm nguyện làm Phật, tâm nguyện làm Phật chính là tâm độ chúng sanh, tâm độ chúng sanh chính là tâm nhiếp thủ chúng sanh về cõi có Phật. Phương pháp cụ thể để độ chúng sanh chính là phải nhiếp thọ chúng sanh về cõi nước có Phật, chẳng phải là một lời nguyện suông. Hành nhân Tịnh nghiệp phát tâm “hết một báo thân này, đồng sanh nước Cực Lạc”, đây có thể gọi là Bồ-tát Sơ phát tâm. Tiến thêm một bước thì có thể làm đến Bồ-tát Tín vị. Bồ-tát Tín vị đã hiểu rõ căn bản trí, đối với sai biệt trí vẫn có nghi hoặc. Cho nên Bồ-tát Tín vị và Bồ-tát Sơ phát tâm có nghi hoặc, việc này rất tự nhiên.

“Lợi ích lớn” chính là ba thứ chân thật mà trong kinh nói: chân thật chi lợi, khai hóa hiển thị chân thật chi tế, trụ chân thật huệ. Khó thấy và gặp được lợi ích chân thật, “như hoa Ưu-đàm hiếm khi xuất hiện”. Hiện nay, đáng khó gặp đã gặp được rồi, điều khó nghe đã được nghe rồi, nhưng do có nghi hoặc nên vẫn chưa tin nhận, vì vậy bèn đánh mất lợi ích lớn. Huống hồ pháp môn Tịnh độ, Nhất thừa nguyện hải, sáu chữ hồng danh có công đức vô lượng, chỉ cần tín, nguyện, trì danh thì có thể lên ngay địa vị tam bất thoái, là điều chân thật nhất trong lợi ích chân thật, là lợi ích lớn nhất trong đại lợi ích. Đối với điều này không tin thì chính là tổn hại lớn, đánh mất lợi ích lớn.

Trong kinh Thập Vãng Sanh nói: “Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, chánh tín kinh này”, đối với kinh Thập Vãng Sanh có thể sanh ra chánh tín; “yêu mến kinh này”, là hoan hỷ tin nhận kinh này; “dẫn dắt chúng sanh”, dùng kinh này để dẫn dắt chúng sanh thì “kẻ nói, người nghe đều được vãng sanh về cõi A-di-đà Phật”, người nói kinh này, người nghe kinh này đều có thể vãng sanh. “Nếu có những người như vậy thì từ hôm nay, Ta thường sai 25 vị Bồ-tát hộ trì những người ấy, thường khiến cho họ không bệnh tật, không khổ não”. Nếu có người như vậy chân thật phát tâm, thì từ nay trở đi Ta thường phái 25 vị Bồ-tát hộ trì người này, không để họ sanh bệnh, cũng không có phiền não. “Hôm nay” đại biểu cho lúc Phật nói kinh này. “Dù

người hay phi nhân đều chẳng thể quấy nhiễu được. Đi, đứng, ngồi, nằm, bất luận là ngày hay đêm cũng thường được an ổn”. Người và phi nhân đều chẳng thể nhiễu loạn họ, trong khi đi đứng ngồi nằm, bất kể ban ngày hay là ban đêm cũng thường được an ổn, như vậy thì dễ dụng công tu hành rồi. Ở đây nêu rõ lợi ích đạt được do có lòng tin.

Tình huống ngược lại, trong kinh cũng nói luôn. “Sau này trong Diêm-phù-đề có tỳ-kheo hoặc là tỳ-kheo ni thấy có người đọc tụng kinh này, nếu sanh lòng giận dữ, ôm lòng phỉ báng, thì do báng chánh pháp.” Diêm-phù-đề chỉ cho địa cầu, nhìn thấy có người đọc kinh này, hoặc là nổi cơn tức giận, hoặc là trong tâm phỉ báng, những tình hình này luôn luôn xuất phát từ sự thiên kiến bè phái. Có quan điểm bè phái thì đối với thứ khác biệt với chính mình sẽ rất chán ghét, bèn đấu tranh kiên cố, xung quanh chúng ta thường xuyên có loại tình hình này. Nếu có người đối với người thọ trì kinh Thập Vãng Sanh có thái độ tương tự thì họ đã phỉ báng chánh pháp. Quả báo nhận được chính là các bệnh tật nặng nề, thân thể tàn tật khiếm khuyết, mù, điếc, câm ngọng, thủy thũng, bị quỷ quẩn thân, ngồi nằm bất an, cầu sống không được, cầu chết không xong, sau khi chết thì đọa địa ngục.

Đây là ví dụ được Hoàng Niệm lão nêu ra từ kinh Thập Vãng Sanh. Chúng ta từ một mà suy ra ba thì có rất nhiều ví dụ. Gặp được bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ chính là một trong những ví dụ chứng minh nổi bật. Hơn hai mươi năm trở lại đây, người lấy việc phê bình, phê phán, chửi bới, phỉ báng bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ và pháp sư giảng kinh làm sự nghiệp, làm niềm vui, quả báo của họ là gì? Chẳng phải liếc qua đã thấy rồi đó sao.

Vì sao tội báng pháp lại lớn như thế? Bởi vì chúng sanh khổ như vậy, thứ duy nhất có thể khiến họ thoát khỏi chính là Phật pháp, thứ duy nhất có thể khiến chúng sanh được cứu chính là Phật pháp. Cho nên, một mặt chúng ta phải hộ trì sự tu trì của chính mình, mặt khác phải hạ quyết tâm không được báng pháp. Hoàn toàn không biết gì cả cũng không sao, còn nêu ra ngôn luận thì phải hết sức cẩn thận, không được tùy tiện đưa ra kết luận, tùy tiện tỏ thái độ, tùy tiện phê bình, chịu lấy tội báng pháp, “trong tám vạn kiếp chịu khổ não lớn”.

Tội báng pháp còn lớn hơn tội giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, “trăm ngàn vạn đời chưa từng nghe đến danh từ cơm, nước”. Thế nên vì sao phải làm nghi thức “phóng diệm khẩu”? Chính là mời quỷ ăn cơm, họ rất khổ, không có được thức

ăn. Người bán pháp thì trong trăm ngàn vạn đời, đừng nói là ăn đồ ăn, mà ngay cả tên đồ ăn thức uống cũng đều không nghe thấy. Rất lâu sau đó mới có thể thoát ra, lại biến thành heo, ngựa, trâu, dê bị người giết, chịu khổ lớn cùng cực. Đời sau khi nghiệp báo này kết thúc thì biến thành kẻ hạ tiện, cũng là “trăm ngàn vạn kiếp không được tự tại”, không nghe đến tên Tam bảo. “Cho nên, đối với những kẻ vô trí, vô trí, chớ nói kinh này”. Hai câu này phải đặc biệt chú ý, người thuyết pháp vì sao không được nói tùy tiện, vì sao phải thận trọng? Chính là vì hai câu này. Đối với người không có trí tuệ, không có tín tâm thì đừng nói với họ, nói rồi họ sẽ bán pháp, tạo tội nghiệp cực lớn.

Hoàng Niệm lão nhắc nhở mọi người, không được tùy tiện nói pháp, đều phải xem cơ duyên, xem đối phương, vì sao vậy? Bởi vì người vô trí, vô tín nghe rồi họ hoài nghi, họ không tin, họ sẽ bán pháp, tạo tội nghiệp. Vì sao đàn cúng bên Mật tông không cho phép người vào? Điều là cùng một đạo lý, chẳng có gì để giữ bí mật cả, đều là vì lợi ích của đối phương.

Hoàng Niệm lão có một nguyên tắc tu Mật, ngài không để người khác nhìn thấy, nếu người khác xem trộm thì người khác có tội; nếu chủ nhân che giấu không tốt, không chịu trách nhiệm thì chủ nhân cũng có tội. Vậy nên chúng ta thấy, nghi và tín tuy chỉ là một ý niệm của người đó, nhưng thiện ác họa phúc khác nhau trời vực.

“Thế nên phải tin tưởng rành rẽ vào trí tuệ vô thượng của chư Phật”, phải nên tin tưởng hiểu rõ, chứ chẳng phải là mê tín. Tin tưởng rành rẽ là tốt nhất, nếu làm không được thì phải ngưỡng mộ tin tưởng, thông qua ngưỡng mộ tin tưởng để đạt được tin tưởng rành rẽ. Không được tùy tiện bình luận, cho rằng chính là như vậy, đừng tùy tiện cho rằng lý giải hiện nay của chính mình là đúng rồi. Nếu sau khi bạn ấn định chắc chắn như vậy, lúc tiếp nhận cái mới thì nó sẽ trở thành chướng ngại, phải phát triển vĩnh viễn không ngừng nghỉ. Sao có thể định ninh chắc nịch như vậy được? Giống như lên cái thang, lên đến tầng này thì đem chân cột vào cái thang không leo lên tiếp nữa. Thế nhưng con người luôn thích trói chân vào thang, phải buông bỏ thứ trước đó, tiếp tục tiến lên, không được dừng lại.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Từ Thị bạch ngôn: “Vân hà thử giới nhất loại chúng sanh, tuy diệc tu thiện, nhi bất cầu sanh?” Phật cáo Từ Thị: “Thử đẳng chúng sanh, trí tuệ vi thiên, phân biệt Tây Phương, bất cập thiên giới, thị dĩ phi nhạo, bất cầu sanh bỉ”. Từ thị bạch ngôn: “Thử đẳng chúng sanh, hư vọng phân biệt, bất cầu Phật sát, hà miễn luân hồi?”**

*Ngài Từ Thị bạch rằng: “Vì sao có một hạng chúng sanh ở thế giới này tuy cũng tu thiện mà không cầu vãng sanh?” Phật bảo ngài Từ Thị: “Những chúng sanh này trí tuệ cạn cợt, phân biệt Tây Phương không bằng cõi trời, vì thế cho là không vui, chẳng cầu sanh về cõi ấy.” Ngài Từ Thị bạch rằng: “Những chúng sanh này phân biệt hư vọng, không cầu sanh về cõi Phật, làm sao thoát khỏi luân hồi?”*

Đoạn kinh văn này là ngài Di-lặc hỏi Phật, Phật trả lời câu hỏi của ngài Di-lặc. Ngài Từ Thị bạch rằng: *“Vì sao có một hạng chúng sanh ở thế giới này tuy cũng tu thiện mà không cầu vãng sanh?”* Ngài Di-lặc hỏi Phật: Vì sao trên thế giới này có một loại chúng sanh, họ cũng tu thiện, nhưng họ không cầu vãng sanh? Phật bảo ngài Từ Thị: *“Những chúng sanh này trí tuệ cạn cợt, phân biệt Tây Phương không bằng cõi trời, vì thế cho là không vui, chẳng cầu sanh về cõi ấy.”* Phật nói với ngài Di-lặc: Loại chúng sanh này trí tuệ rất ít, rất cạn, họ cho rằng thế giới Tây Phương không vui bằng cõi trời, nên không cầu sanh về. Ngài Từ Thị bạch rằng: *“Những chúng sanh này phân biệt hư vọng, không cầu sanh về cõi Phật, làm sao thoát khỏi luân hồi?”*. Ngài Di-lặc trả lời: Những chúng sanh này phân biệt hư vọng, phân biệt sai lầm, “hư” là không thật, “vọng” là sai lầm, không cầu về cõi Phật, thì sao có thể thoát ly luân hồi. Đây là lời của Phật tương lai.

Còn có người nghĩ thế này: Hiện nay mình không tu được, tương lai đến khi Long Hoa tam hội, thân cận Bồ-tát Di-lặc. Bạn gặp được Bồ-tát Di-lặc, ngài vẫn là nói những lời này “không cầu sanh về cõi Phật, làm sao thoát khỏi luân hồi? Cho dù bạn tu Duy Thức quán thì cũng phải cầu sanh Tịnh độ, nếu không cầu sanh Tịnh độ, làm sao thoát khỏi luân hồi. Chúng sanh muốn không thọ thân sau, thì trong Thiên tông phải đều phá hết mới được. Có một tổ sư Thiên tông, làm quốc vương ba lần thì mất thân thông, cho nên nhập thai rất đáng sợ.

Hai câu này của ngài Di-lặc chỉ cho hai loại người:

Một loại người họ cho rằng cõi trời rất vui, đặc biệt là có dục lạc nam nữ để lưu luyến, nhưng khi phước báo hết rồi thì vẫn phải đọa lạc.

Loại người thứ hai chỉ cho người tu hành các tông, các phái khác, rất nhiều người đều cho rằng cầu sanh Tịnh độ là chấp tướng. Người tham Thiền nói rằng: “Phật nào có tướng để thấy, có gì để đến để đi đâu? Cho nên lâm chung thấy Phật thì các ông đừng đi theo ngài”. Trên thực tế, những gì Thiền tông nói đều là cảnh giới pháp thân, còn chúng ta lâm chung thấy Phật, Phật đến tiếp dẫn thì sanh về cõi Phạm Thánh Đồng Cư, đây là cảnh giới của phàm phu, bạn đương nhiên phải đi theo Phật rồi.

Tịnh độ tông có Tứ Liệu Giản: “Sanh thì nhất định sanh, đi thì thật chẳng đi”. Sanh thì nhất định là sanh rồi, thế nhưng đều ở trong tâm của chính mình, bạn có đi đâu đâu. “Đi thì nhất định đi, sanh thì thật chẳng sanh”, đi thì nhất định phải đi, sau khi đi rồi thì chứng Vô Sanh, bạn sanh gì chứ? Điều mà Tứ Liệu Giản nói là cùng một cảnh giới. Những người cho rằng cầu sanh Tịnh độ là chấp tướng, nếu hiểu rõ Tứ Liệu Giản rồi thì sẽ biết rằng không có đến đi gì cả, cũng chẳng có đi theo hay không đi theo. Phàm phu đều dùng tình kiến để suy đoán tình trạng vãng sanh, chấp chặt vào câu từ. Nhờ từ lực của Phật gia trì có thể xa lìa những tư tưởng “đi theo và không đi theo, đi và không đi” ấy, mà tự nhiên là như vậy, “tướng tự nhiên của tự nhiên”, không có những khởi tâm động niệm, suy nghĩ sắp xếp này. Chúng ta không được dùng tâm phàm phu để suy đoán tình trạng thù thắng của sự vãng sanh. Vậy nên hành nhân của các tông phái, tuy có thể tinh tấn tu trì, nhưng nếu không xem Tịnh độ là chôn quay về, mà muốn trong một đời này quyết đoạn sanh tử thì có thể nói là chẳng thể được.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Phật ngôn: “Bỉ đẳng sở chủng thiện căn, bất năng ly tướng, bất cầu Phật huệ, thâm trước thế lạc, nhân gian phước báo. Tuy phục tu phước, cầu nhân thiên quả, đắc báo chi thời, nhất thiết phong túc, nhi vị năng xuất tam giới ngục trung. Giả sử phụ mẫu, thê tử, nam nữ quyến thuộc, dục tương cứu miễn, tà kiến nghiệp vương, vị năng xả ly, thường xử luân hồi, nhi bất tự tại. Nhữ kiến ngu si chi nhân, bất chủng thiện căn, dẫn dĩ thế trí biện thông, tăng ích tà tâm, vân hà xuất ly sanh tử đại nạn! Phục hữu chúng sanh, tuy chủng thiện căn, tác**

**đại phước điền, thủ tướng phân biệt, tình chấp thâm trọng, cầu xuất luân hồi, chung bất năng đắc.”**

*Đức Phật bảo: “Các chúng sanh ấy gieo trồng thiện căn, nhưng chẳng thể lìa tướng, không cầu Phật huệ, tham đắm sâu đậm niềm vui thế gian và phước báo nhân gian. Tuy cũng tu phước, nhưng lại cầu quả báo nhân thiên. Khi được hưởng báo, tuy tất cả đầy đủ, nhưng chưa thể thoát khỏi ngục tù Tam giới. Giả sử cha mẹ, vợ con, nam nữ, quyến thuộc muốn cứu vớt nhau, nhưng chưa thể lìa bỏ tà kiến nghiệp vương, nên thường ở trong luân hồi, không được tự tại. Ông thấy những người ngu si, không gieo căn lành, chỉ cậy thế trí biện thông để tăng thêm tà tâm thì làm sao ra khỏi đại nạn sanh tử được! Lại có chúng sanh, tuy gieo căn lành, tạo phước điền lớn, nhưng chấp tướng phân biệt, tình chấp sâu nặng, cầu thoát luân hồi, trọn chẳng thoát nổi.”*

Đoạn kinh văn này, Phật nói cho chúng ta tình trạng của bốn loại người.

*Đức Phật bảo: “Các chúng sanh ấy gieo trồng thiện căn, nhưng chẳng thể lìa tướng, không cầu Phật huệ, tham đắm sâu đậm niềm vui thế gian và phước báo nhân gian.”*

Phật nói những người này tuy đã trồng rất nhiều thiện căn, thế nhưng họ chẳng thể lìa tướng, chấp tướng mà bố thí tu phước. Ví dụ có người ở trong chùa đã làm công đức rất lớn, là một đại thí chủ, họ liền lên mặt ra vẻ một đại thí chủ, đây chính là chấp tướng mà bố thí. Còn có một số cư sĩ chỉ có cảm tình với một pháp sư nào đó, chỉ cúng dường pháp sư này, đây đều là chấp tướng. Chấp tướng trong Thiên định thì nhất định sẽ bị dính ma. Ở đây chỉ ra sự khác biệt giữa chấp tướng và lìa tướng và mối quan hệ giữa lợi và hại, nói với chúng ta phải lìa tướng mà cầu vãng sanh, chẳng phải chấp tướng mà có thể vãng sanh, lìa tướng mới thật sự được giải thoát, đây là loại người thứ nhất.

*“Tuy cũng tu phước, nhưng lại cầu quả báo nhân thiên. Khi được hưởng báo, tuy tất cả đầy đủ, nhưng chưa thể thoát khỏi ngục tù Tam giới. Giả sử cha mẹ, vợ con, nam nữ, quyến thuộc muốn cứu vớt nhau”*

Cầu phước báo nhân thiên, tuy bố thí hành thiện, làm đủ mọi công đức, thứ đạt được chỉ là quả báo nhân thiên. Lúc thọ báo, các loại thọ dụng đều đầy đủ, nhưng họ không thể thoát khỏi các lao ngục của Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới. Sau khi



chết rồi, gia đình người thân làm đủ mọi công đức siêu độ cho họ, nhưng “*chưa thể lìa bỏ tà kiến nghiệp vương, nên thường ở trong luân hồi, không được tự tại*”. Đối với người chấp tướng mà tu phước, dùng bốn từ “tà kiến nghiệp vương” này rất là nhiều lần. Chúng ta phải tiếp nhận sự phê bình của Phật. Vì sao muốn chấp tướng? Là do tà kiến, tên đầu sỏ của tất cả mọi tội nghiệp này không chịu lìa khỏi bạn. Lúc còn sống là chấp tướng mà tu phước, sau khi chết rồi tuy làm pháp hội tiến hành siêu độ, con cái đều tụng kinh tu phước cho bạn, thế nhưng tà kiến nghiệp vương vẫn chưa thể lìa khỏi bạn, do đó bạn thường ở trong luân hồi, không có cách nào ra khỏi, người khác cũng không cứu thoát nổi. Đây là loại người thứ hai.

*“Ông thấy những người ngu si, không gieo căn lành, chỉ cậy thế trí biện thông để tăng thêm tà tâm thì làm sao ra khỏi đại nạn sanh tử được!”*

Vẫn có một số người hồ đồ không trồng thiện căn, chỉ dùng trí tuệ của thế gian mà kiêu mạn tự đại, thế trí biện thông có thể khiến họ phô trương khoe mẽ, viết văn chương, nhưng không thể khiến họ sanh chánh tín đối với Phật pháp, ngược lại tăng thêm tà tâm của họ, làm sao có thể ra khỏi biển khổ sanh tử được. Hiện nay người như vậy rất nhiều, họ thấy kinh Phật không giống với lý giải của họ bèn phản đối, bèn nói đó là giả. Họ không biết rằng thế trí biện thông là một trong tám nạn, giống như kẻ điên, người mù, bị khổ nạn giống như vậy. Đây là loại người thứ ba, là loại người bị Phật phê bình nghiêm trọng nhất.

*“Lại có chúng sanh, tuy gieo căn lành, tạo phước điền lớn, nhưng chấp tướng phân biệt, tình chấp sâu nặng, cầu thoát luân hồi, trọn chẳng thoát nổi”*

Lại có một số chúng sanh tuy có gieo một vài thiện căn, làm phước điền rất lớn. Phước điền lớn được nói ở đây là chỉ cho việc niệm Phật hiệu, thế nhưng chấp tướng phân biệt, tình niệm chấp trước rất sâu, rất nặng. Nếu có tình trạng này, dẫu cầu thoát luân hồi vẫn chẳng thể làm được. Đạo lý này được thể hiện rất rõ trong kinh này.

Ba bậc vãng sanh đều là do “phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm”, đây là hai điều kiện, chỉ niệm Phật thôi thì không được, không được phiến diện. Tâm Bồ-đề là tâm đại trí, đại bi, đại nguyện viên dung thành một thể. “Tình chấp sâu nặng” chính là ngu si, sao có đại trí được. “Chấp tướng phân biệt” chính là có lấy có bỏ, có thứ mình muốn, có thứ mình không muốn, có người mình thích, có người mình không thích, như vậy thì không thể hưng khởi vô duyên đại bi. Chẳng thể sanh

khởi tâm không phân biệt trọn khắp, thì cũng chính là không thể sanh khởi đồng thể đại bi. Đại bi, đại trí đều không có thì sao nói đến phát tâm Bồ-đề được? Cho dù niệm Phật cũng không thể vãng sanh vào trong ba bậc được, nhiều nhất nhiều nhất là đến được biên địa. Đây là loại người thứ tư.

Đại sư Ngẫu Ích nói: Niệm Phật nếu không có tín nguyện, cho dù niệm đến như tường đồng vách sắt cũng chẳng thể vãng sanh. Cho nên, trước hết chúng ta phải niệm Phật, không niệm không được. Sau đó từng bước nâng cao tín nguyện của chính mình, có được tín nguyện chắc chắn rồi thì niệm một câu cũng có thể vãng sanh.

Từ đoạn kinh văn này chúng ta nhìn thấy chấp tướng mà tu phước thì phước ấy sẽ có lúc cạn. Đúng như kinh Kim Cang nói: “Phải không có chỗ trụ mà hành bố thí, gọi là không trụ sắc mà bố thí, không trụ thanh hương vị xúc pháp mà bố thí. Bồ-tát Tu-bồ-đề nên bố thí như thế, đừng trụ vào tướng, vì sao vậy? Nếu Bồ-tát không trụ vào tướng mà bố thí thì phước đó chẳng thể suy lường nổi.”

Trong Kim Cang Kinh Phá Không Luận của đại sư Ngẫu Ích đối với đoạn này giải thích rằng: “Dùng pháp vô sở trụ mà trụ trong bát-nhã, đồng mãnh tu hành sáu ba-la-mật mà không chấp tướng.” Dùng pháp vô sở trụ để trụ vào trong bát-nhã, chẳng phải là có chỗ trụ mà trụ vào bát-nhã, giống như mãnh hổ ở chỗ ấy tu hành sáu ba-la-mật, mà chẳng có hết thấy tướng để chấp giữ. Đây mới là tôn chỉ của kinh Kim Cang. Đoạn lời nói này rất sâu, rất sâu. Có một số người nói rằng Tịnh độ là “có”, kinh Kim Cang là “không”. Nhận thức của họ đối với kinh Kim Cang chính là: vô vi, bất động, không v.v... đều chạy lệch sang bên phía chấp “không”, họ không biết là phải đồng mãnh, như vậy mà tu hành sáu ba-la-mật. “Không” mà họ nói đã bị đại sư Ngẫu Ích phá trừ.

“Cho nên có thể khiến cho bố thí ít mà sánh bằng với hư không”. Do dùng pháp vô sở trụ mà trụ vào trong bát-nhã, cho nên bố thí tuy rất ít nhưng có thể sánh bằng với hư không. Ngược lại, “nếu chúng sanh trụ vào tướng, tự mình vọng chấp mưu nhân, tính quả, xét lớn, xét nhỏ”. Bản thân mưu nhân, tính quả, xét lớn, xét nhỏ, tạo các loại phân biệt như thế, cho nên tất cả phước tu được bèn có giới hạn. “Nếu có thể xứng tánh mà trụ, không trụ vào các tướng”, nếu có thể trụ một cách tương xứng với bản tánh của chính mình, như pháp tánh mà trụ, như như mà trụ, không trụ vào tất cả tướng, chỉ trụ vào “như”.

“Ví như hư không bên trong hạt cải và hư không trong mười phương, tánh là không hai không khác”. Đây là tỉ dụ cho hư không bé xiu bên trong hạt cải và hư không trong mười phương, bản tánh là như nhau, cũng chẳng có phân biệt. Do vì chấp trước nên có phân biệt, không chấp trước thì nó vốn chính là như vậy. Bởi vì “không” chẳng hề có trong ngoài, đây kia, phương diện, hình tướng, các loại khác biệt v.v... cũng không có sự bất đồng giữa cái “không” lớn và cái “không” nhỏ. Thế nên “phước mà vô tướng thì phước ấy mới lớn”. Là tướng mà niệm Phật, là tướng mà làm đủ mọi công đức thì phước ấy mới lớn, tuy bố thí rất ít nhưng có thể sánh bằng với hư không. Mọi người luôn luôn mong muốn có được cảm ứng, được cảnh giới, được thần thông, đây đều là có sở cầu cả, đều trở thành hữu vi, có chỗ trụ, công đức đạt được đã bị giảm bớt đi nhiều rồi. Chỉ pháp vô vi mới có thể tương ưng.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 92

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Tiếp theo mời xem đoạn kinh văn sau cùng của phẩm này:

**Nhược dĩ vô tướng trí tuệ, thực chứng đức bản, thân tâm thanh tịnh, viễn ly phân biệt, cầu sanh Tịnh sát, thú Phật Bồ-đề, đương sanh Phật sát, vĩnh đắc giải thoát.**

*Nếu dùng trí tuệ vô tướng mà trông các gốc đức, thân tâm thanh tịnh, xa lìa phân biệt, cầu sanh về cõi Tịnh, hướng đến quả Bồ-đề của Phật, thì sẽ sanh về cõi Phật, vĩnh viễn được giải thoát.*

*“Nếu dùng trí tuệ vô tướng mà trông các gốc đức”*

Dùng trí tuệ vô tướng để vun trồng gốc rễ của các công đức, như vậy mà cầu sanh Tịnh độ thì có thể đạt được giải thoát. Gốc của các công đức chính là phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm. Không có tướng của sắc, thọ, tưởng, hành, thức, năm trần này là năm tướng, còn có tướng nam, tướng nữ, sanh tướng, trụ tướng, hoại tướng, đây đều là những thứ nghiêm trọng nhất bên trong tướng. Không có những tướng này thì gọi là vô tướng. Kinh Niết-bàn nói: “Niết-bàn gọi là vô tướng.”

Diễn Mật Sao giải thích câu nói này là: “Ở nơi các pháp tịch diệt, tịch diệt nghĩa là vô tướng; nhưng [tịch diệt] chỉ do tâm tự chứng, không phải từ bên ngoài mà có được, cho nên không có các tướng”. Niết-bàn tịch diệt hoàn toàn là tự tâm tự chứng, không đến từ bên ngoài, cho nên nói “không có tất cả tướng”. Đạt được một nơi rồi, bèn xuất hiện tướng của nơi đó. Không được cầu pháp ngoài tâm, ngoài tâm không có pháp, vậy còn có tướng sao? Nếu toàn là tâm thì còn có tướng gì chứ? Thế nên kinh Kim Cang nói: “Phàm tất cả tướng đều là hư vọng, nếu thấy các tướng chẳng phải là tướng, chính là thấy Như Lai.” “Phàm tất cả tướng đều là hư vọng”, phải đặc biệt chú ý câu nói này. Người ngu si chính là ở trong hư vọng mà cầu cái hư vọng này. Cũng chẳng phải là nói: rốt cuộc chẳng có tướng gì cả. Lúc nhìn thấy tướng mà chẳng phải tướng thì thấy Như Lai rồi, cũng chính là “lìa tất cả

các tướng thì gọi là chư Phật”. Sự việc cực kỳ thặng tất này, lìa khỏi hết thảy tướng thì chính là hết thảy Phật, ở đây đã chỉ rõ cái trí tuệ vô tướng rồi.

*“Thân tâm thanh tịnh, xa lìa phân biệt”*

Đây chính là vạn pháp nhất như. Đã là nhất như thì còn có gì gọi là “nhiễm”, có gì gọi là “tịnh”, chúng đều là một, chẳng phải bình đẳng rồi sao, còn có gì để lấy, để bỏ đâu, cho nên thân tâm bèn thanh tịnh. Tất cả đều nhất như, thì lìa khỏi phân biệt.

Niệm Phật là “nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”, tự nhiên bèn xa lìa phân biệt. Hoặc có người hoài nghi rằng: Tịnh độ tông của bạn là chán lìa Ta-bà, cầu Cực Lạc, đây chẳng phải là có ghét có ưa sao? Đây chẳng phải là có phân biệt đó sao? Câu trả lời trong Diệu Tông Sao là: “Nếu lấy và bỏ đạt đến cùng cực (khi lấy và bỏ đạt đến cùng điểm), thì so với không lấy chẳng bỏ cũng chẳng khác gì nhau”. Đây chính là chỗ vi diệu của Tịnh độ. Diệu ở chỗ này, đạt đến cùng điểm thì cùng với không lấy chẳng bỏ chẳng phải là hai việc khác nhau. Xả bỏ rốt ráo rồi thì chúng ta gọi là “buông xuống vạn duyên, sáu căn tịch tĩnh”. Nắm lấy rốt ráo thì chỉ khởi một niệm này, chỉ còn lại một niệm này. Một niệm này đạt đến đỉnh điểm rồi, khi bạn có thể niệm Phật được như vậy thì cùng với niệm Phật không có lấy và bỏ, chẳng phải là như nhau sao?

Di-đà Yếu Giải nói: Chúng ta mong cầu cái trí tuệ lìa tướng, nhưng cần phải viên dung, không được chấp chặt vào câu từ. “Nếu không từ trên sự mà lấy và bỏ, chỉ chuộng việc không lấy chẳng bỏ”, thì đây lại là y theo văn tự mà giải nghĩa rồi. Nếu nói phải không còn lấy và bỏ nữa thì họ lại chấp vào không lấy chẳng bỏ rồi, đây là chấp lý bỏ sự, chấp trước vào lý, phé bỏ sự. Phé bỏ sự, lìa khỏi sự như vậy thì lý sẽ không viên mãn. Lý phải nhờ vào sự mà được tỏ rõ, nếu bạn hiểu rõ “toàn sự tức là lý”, nghĩa là tất cả sự chính là lý, vậy thì bạn nắm lấy cũng là lý, bạn xả bỏ cũng là lý. “Nắm lấy và xả bỏ thảy đều là pháp giới”. Thế nên, diệu đế của Tịnh độ tông chẳng phải là thứ mà tình kiến có thể thấu tỏ được. Đức Di-đà muốn chúng sanh cầu sanh về nước ấy, nắm lấy Tịnh độ, khuyên mọi người niệm Phật. Chúng ta cũng niệm Phật, cũng cầu sanh Cực Lạc, đây chính là đem một niệm tâm nguyện này của chúng ta nhập vào trong biển nguyện của đức Di-đà. Đây chính là nhiếp trọn biển nguyện Nhất thừa của đức Di-đà vào trong một niệm tâm nhỏ nhiệm này của chúng ta. Tâm nguyện này của ta nhập vào trong biển nguyện của

đức Di-đà, trở thành một thể. Lại phải còn đem toàn bộ biển nguyện của đức Di-đà nhiếp trọn vào trong tâm của chính mình, ở đây tôi thấy chữ “nhiếp” này là dư, vì nó vốn ở trong tâm của chúng ta mà! Vậy nên mười niệm ắt được sanh, có nguyện ắt được mãn nguyện.

*“Hướng đến quả Bồ-đề của Phật”*

Chính là phát tâm Bồ-đề. Lấy việc này làm nhân thì trên quả chúng ta nhất định thành A-bệ-bạt-trí, Phật quả rốt ráo. Cho nên “dùng trí tuệ vô tướng mà trồng các gốc đức, thân tâm thanh tịnh, xa lìa phân biệt, cầu sanh về cõi Tịnh, hướng đến quả Bồ-đề của Phật” chính là tôn chỉ “phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm” của kinh này. Tôn chỉ chính là đường tắt của tu trì, thì “sẽ sanh về cõi Phật, vĩnh viễn được giải thoát”.

Việc tu hành của chúng ta giống như lột vỏ măng vậy, mục măng này vừa dơ vừa nát, phải nhẫn nại mà lột, lột được một lớp thì vẫn còn lớp nữa, lột đến sau cùng chỉ còn lại cái lõi, không còn gì để lột nữa, chính là như vậy. Quá trình lột vỏ chính là quá trình hiển lộ ra. Ở trong đây nếu như có tham chấp, bản thân muốn có được chút gì đó, thì suy nghĩ này chính là chấp trước. Bạn vốn là Phật mà, bạn còn muốn đạt được gì nữa? “Cho nên chẳng có gì để đạt được, xa lìa mộng tưởng điên đảo, rốt ráo đạt đến Niết-bàn”, “không có trí, cũng không có chứng đắc”, đều là nói “chẳng có gì để đạt được”. Vừa dụng công thì liền muốn tu cho ra bộ dáng nào đó, bạn có bộ dáng đó chẳng phải là hồng bút rồi sao, chẳng phải là có tướng rồi đó ư? “Nếu thấy các tướng chẳng phải là tướng, thì chính là thấy Như Lai”. Thấy được tướng gì thì đó là thứ cần phải trừ bỏ đi, quét trừ những tình kiến này. Một mặt dụng công, một mặt hãy xem một số sách, dùng trí tuệ bát-nhã để quét trừ cục đá làm vướng chân trong việc tu hành của chính mình. Một mặt phải đi đường, một mặt phải mở to mắt ra nhìn đường, phải lau kỹ mắt cho sáng, nhìn không rõ đường thì rất nguy hiểm!

Bây giờ chúng ta hãy đem kinh Vô Lượng Thọ và kinh Kim Cang kết hợp lại một chút: “Nếu dùng trí tuệ vô tướng mà trồng các gốc đức” cho đến “vĩnh viễn được giải thoát”, chính là câu “không có ta, không có người, không có chúng sanh, không có thọ giả mà tu tất cả thiện pháp, bèn chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác” trong kinh Kim Cang.

Đại sư Ngẫu Ích giải thích rằng: “Không đạt được vô ngã mà tu tất cả thiện pháp, thì chỉ kết thành quả hư dối của cõi trời người”. Bạn không thể làm được vô ngã trọn vẹn, luôn có một cái ngã ở đó, dù cho tu tất cả thiện pháp nhưng quả đạt được là giả. Thế nên đề “lìa tướng” trong kinh Kim Cang thì trước tiên là trừ “ngã tướng”. “Không tu tất cả thiện pháp mà chỉ chứng ‘ngã không’ thì chỉ thành tiêu quả của Nhị thừa”. Nếu không tu thiện pháp, chỉ là vô ngã thì thành A-la-hán.

Còn có một loại người “vọng ngôn rằng đã chứng ngã-pháp đều không, cho nên buông thả mà hành ác pháp, thì đó là chủng tử địa ngục Xiển-đề vậy”. Câu nói này rất xác thực với thói tị hiềm thời, hiện nay loại người này rất nhiều, rất giỏi nói khoác, nói ngã đã không, mà pháp cũng không, cho nên tha hồ mà tạo ác, đây là chủng tử địa ngục.

“Duy chỉ có vô ngã mà tu tất cả thiện pháp thì chính là câu không trụ vào đâu mà sanh tâm”. Kết hợp với hai đoạn này của kinh Kim Cang thì công đức vô cùng lớn, “không trụ vào đâu mà sanh tâm”, được giải thích như vậy.

“Trí tuệ vô tướng, xa lìa phân biệt” trong kinh này chính là “không ta, không người, không chúng sanh, không thọ giả” trong kinh Kim Cang.

“Trông các gốc đức, câu sanh cõi tịnh, hướng đến quả Bồ-đề của Phật” trong kinh này chính là “tu tất cả thiện pháp” trong kinh Kim Cang.

“Sẽ sanh về cõi Phật, vĩnh viễn được giải thoát” trong kinh này chính là “bèn chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác” trong kinh Kim Cang.

Cho nên, chúng ta có thể nói thế này: kinh Kim Cang và kinh Vô Lượng Thọ hoàn toàn là một vị. Tịnh độ tông là pháp khó tin trong tất cả thế gian, pháp khó tin mà có thể tin thì chính là “trí tuệ vô tướng”.

Tiếp theo sẽ dẫn chứng kinh Kim Cang để nói rõ. “Người nghe đến chương cú này, cho đến trong một niệm sanh tín tâm thanh tịnh”. Nghe đến chương cú trong kinh Kim Cang, cho đến trong một niệm sanh tín tâm thanh tịnh, “thì chúng sanh ấy không còn tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả”, những chúng sanh này không còn bốn tướng nữa. “Nếu có chúng sanh, được nghe kinh này, tin hiểu thọ trì, thì người ấy chính là hiếm có đệ nhất, vì sao vậy? Người này đã không còn tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả”. Bạn nghe đến kinh này có thể tin nhận thì bạn không còn bốn tướng nữa. Đại sư Ngẫu Ích lại giải thích

rằng: “Nếu vẫn còn một chút của bốn tướng thì chắc chắn họ không thể tin kinh này.”

Tôi đã giảng xong kinh văn phẩm thứ 41. Tiếp theo xin quy nạp trọng điểm một chút.

Trọng điểm của phẩm kinh văn thứ 41, phẩm kinh văn này có 10 trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: Chúng sanh sanh đến biên địa nghi thành bị khổ thế nào? Vì sao bị sanh đến biên địa nghi thành? Làm thế nào có thể thoát khỏi biên địa nghi thành? Không thấy Tam bảo, không được cúng dường, phụng sự chư Phật, xa lìa tất cả thiện căn thù thắng. Đọa vào nghi hối, mong cầu Phật trí cho đến quảng đại trí, không thể sanh lòng tin đối với thiện căn của chính mình. Biết được gốc tội của mình, hết lòng sám hối tự trách, cầu được ra khỏi nơi đó, những lỗi lầm trong đời trước đã hết sạch rồi.

Trọng điểm thứ hai: “Biết được gốc tội của mình, hết lòng sám hối tự trách, cầu được ra khỏi nơi đó. Khi những lỗi lầm trong đời trước đã hết sạch rồi, sau đó mới được thoát khỏi”. Mời bạn nói ra giải thích của đại sư Đàm Loan và đại sư Gia Tường cho những câu này, làm thế nào để nhận thức lời giải thích của hai vị đại sư? Đại sư Đàm Loan giải thích: Những người vãng sanh đến biên địa nghi thành rất sám hối, tự trách, muốn ra khỏi biên địa, ra khỏi biên địa thì giống với người vãng sanh trong ba bậc vậy. Sự việc này đến cuối thời gian 500 năm, họ biết được gốc tội nên sám hối bèn được thoát ra. Đại sư Gia Tường giải thích: Hết lòng sám hối, tự trách, bất kể là loại nào, thật sự hối cải rồi, hối cải sai lầm thì được thoát ra. Năm tháng là con số linh hoạt, không phải cố định là 500 năm. Hai cách nói này có thể cùng tồn tại. 500 năm mới biết tội mà sám hối, đây là tình hình chung của đa số người ở biên địa. Chưa đến 500 năm, giữa chừng sám hối được thoát ra, đây là người thượng căn sanh đến biên địa.

Trọng điểm thứ ba: Thính văn kinh pháp. “Thính” và “văn” có chỗ nào khác biệt? Làm thế nào lý giải hàm nghĩa sâu sắc của “văn”? Làm thế nào mới có thể tiếp nhận tri kiến của Phật?

Trọng điểm thứ tư: Lợi ích lớn mà trong kinh này nói là chỉ cho điều gì mà nói vậy? Hãy nói nhận thức của bạn đối với lợi ích lớn này. Lợi ích lớn này chính là ba thứ chân thật: chân thật chi tế, chân thật chi lợi, chân thật chi huệ.



Trọng điểm thứ năm: Thiên kiến bè phái có những nguy hại gì? Hãy nói về cảm nhận của chính bạn.

Trọng điểm thứ sáu: Phi báng chánh pháp là tạo tác tội nghiệp cực nặng, vì sao tội phi báng chánh pháp còn nặng hơn tội ngũ nghịch, quả báo của họ là gì? Phật dựa vào chánh pháp để cứu độ chúng sanh, phi báng chánh pháp khiến chúng sanh hoài nghi và từ bỏ chánh pháp, khiến chúng sanh mất đi cơ hội được cứu độ, đoạn đi pháp thân huệ mạng của chúng sanh. Pháp thân huệ mạng của chúng sanh so với sinh mạng quan trọng hơn nhiều, đoạn pháp thân huệ mạng của chúng sanh chính là đoạn pháp thân huệ mạng của chính mình. Quả báo phi báng chánh pháp là các bệnh tật nặng nề, thân thể tàn tật khiếm khuyết, mù, điếc, câm ngọng, phù thũng, bị quỷ quần thân, ngồi nằm bất an, cầu sống không được, cầu chết không xong, sau khi chết thì đọa địa ngục.

Trọng điểm thứ bảy: Vì sao Hoàng Niệm lão nhắc nhở, không được tùy tiện nói pháp? Bạn lý giải câu “Cho nên, đối với những kẻ vô tín, vô trí, chớ nói kinh này” như thế nào? Nhắc nhở của Hoàng Niệm lão tỏ rõ lòng đại từ đại bi của ngài, không hổ danh là vị đại đức cư sĩ thời bấy giờ, chúng ta đối với ngài hết lòng cung kính. Người thuyết pháp vì sao phải hết sức thận trọng, không được tùy tiện nói pháp? Bởi vì hai câu nói này: Người không có trí tuệ, không có tín tâm thì đừng nói với họ. Bởi vì người vô trí vô tín nghe rồi thì họ hoài nghi, họ không tin, họ sẽ báng pháp tạo tội nghiệp, tạo tác tội nghiệp thì chắc chắn thọ ác báo, Phật pháp không có bí mật, sợ dĩ không nói là để gìn giữ lợi ích cho đôi phương, khiến họ ít tạo tội nghiệp.

Trọng điểm thứ tám: Vì sao trên thế giới này có một loại người, họ cũng tu thiện, nhưng họ không cầu sanh thế giới Cực Lạc? Những chúng sanh này trí tuệ cạn cợt, phân biệt Tây Phương không bằng cõi trời, vì thế cho là không vui, chẳng cầu sanh về cõi ấy.

Trọng điểm thứ chín: Phật nói ra cho chúng ta bốn loại người, bạn hãy đối chiếu một chút, xem coi bản thân thuộc loại người nào? Loại người thứ nhất, Phật nói: Các chúng sanh ấy gieo trồng thiện căn, nhưng chẳng thể lia tướng, không cầu Phật huệ, tham đắm sâu đậm niềm vui thế gian và phước báo nhân gian. Loại người thứ hai, tuy cũng tu phước, nhưng lại cầu quả báo nhân thiên. Khi được hưởng báo, tuy được tất cả đầy đủ, nhưng chưa thể thoát khỏi ngục tù tam giới. Giả sử cha mẹ,

vợ con, nam nữ, quyến thuộc muốn cứu vớt nhau. Loại người thứ ba, ông thấy những người ngu si, không gieo căn lành, chỉ cậy thế trí biện thông để tăng thêm tà tâm thì làm sao ra khỏi đại nạn sanh tử được! Loại người thứ tư, lại có chúng sanh, tuy gieo căn lành, tạo phước điền lớn, nhưng chấp tướng phân biệt, tình chấp sâu nặng, cầu thoát luân hồi, trọn chẳng thoát nổi.

Trọng điểm thứ mười: Hãy đối chiếu cách nói dưới đây để xem mối quan hệ giữa kinh Vô Lượng Thọ và kinh Kim Cang. Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Nếu dùng trí tuệ vô tướng trông các gốc đức, thân tâm thanh tịnh, xa lìa phân biệt, cầu sanh về cõi Tịnh, hướng đến quả Bồ-đề của Phật thì sẽ sanh về cõi Phật, vĩnh viễn được giải thoát”. Kinh Kim Cang nói: “Không có ta, không có người, không có chúng sanh, không có thọ giả mà tu tất cả thiện pháp bèn chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Đại sư Ngẫu Ích giải thích: “Không đạt được vô ngã mà tu tất cả thiện pháp thì chỉ kết thành quả hư dối của cõi trời người”. Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Trí tuệ vô tướng, xa lìa phân biệt”; kinh Kim Cang nói: “Không có ta, không có người, không có chúng sanh, không có thọ giả”. Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Trông các gốc đức, cầu sanh về cõi Tịnh, hướng đến quả Bồ-đề của Phật”; kinh Kim Cang nói: “Tu tất cả thiện pháp”. Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Sẽ sanh về cõi Phật, vĩnh viễn được giải thoát”; kinh Kim Cang nói: “Bèn chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Kết luận: kinh Vô Lượng Thọ và kinh Kim Cang hoàn toàn là một vị.

Tiếp theo tôi bắt đầu giảng phẩm kinh văn thứ 42:

### **BỒ-TÁT VÃNG SANH ĐỆ TỨ THẬP NHỊ**

Phẩm kinh văn này là phẩm sau cùng của phần Chánh Tông. Thế Tôn sẽ giới thiệu cho chúng ta tình hình của vô lượng vô biên Bồ-tát trong thế giới của chư Phật khắp mười phương niệm Phật vãng sanh Tịnh độ. Cho thấy không chỉ có phàm phu vãng sanh Tịnh độ, mà vô lượng vô biên chư Bồ-tát khắp mười phương thế giới cũng cầu sanh Tịnh độ. Chư Phật Như Lai mười phương thế giới đều như Thích-ca Mâu-ni Phật, tuyên thuyết cho mọi người kinh Vô Lượng Thọ, tuyên dương pháp môn Tịnh độ, khuyên tất cả chúng sanh niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Mục đích chủ yếu của phẩm kinh văn này là khuyến tín, vô lượng Bồ-tát hiện thân thuyết pháp làm chứng minh cho chúng ta.

Mời xem kinh văn bên dưới:

**Di-lặc Bồ-tát bạch Phật ngôn: “Kim thử Ta-bà thế giới, cập chư Phật sát, Bất thoái Bồ-tát đương sanh Cực Lạc quốc giả, kỳ số kỷ hà?” Phật cáo Di-lặc: “U thử thế giới hữu thất bá nhị thập ức Bồ-tát, dĩ tăng cúng dường vô số chư Phật, thực chứng đức bốn, đương sanh bỉ quốc. Chư tiểu hạnh Bồ-tát, tu tập công đức, đương vãng sanh giả, bất khả xưng kể”.**

*Bồ-tát Di-lặc bạch Phật rằng: “Hiện nay các bậc Bồ-tát Bất thoái ở thế giới Ta-bà đây và các cõi Phật khác sẽ sanh về nước Cực Lạc, số ấy là bao nhiêu?”. Phật bảo Di-lặc: “Ở thế giới này có bảy trăm hai mươi ức Bồ-tát đã từng cúng dường vô số chư Phật, trông các gốc đức, sẽ sanh về cõi ấy. Các bậc Bồ-tát tiểu hạnh, tu tập công đức, sẽ vãng sanh, số lượng không thể tính được.”*

Đại ý của đoạn kinh văn này là: Bồ-tát Di-lặc hỏi Phật, hiện nay những Bồ-tát đã đạt được bất thoái chuyển ở thế giới Ta-bà này và các cõi Phật khác, số ấy là bao nhiêu? Có thể được bao nhiêu? Phật nói với ngài Di-lặc: “Ở thế giới này có bảy trăm hai mươi ức Bồ-tát đã từng cúng dường vô số chư Phật, trông các gốc đức, sẽ sanh về cõi ấy.” Những vị đại Bồ-tát này là bảy trăm hai mươi ức, trong quá khứ từng cúng dường vô số chư Phật, đã làm các loại công đức, sẽ vãng sanh về thế giới Cực Lạc. “Các bậc Bồ-tát tiểu hạnh tu tập công đức, sẽ vãng sanh, số lượng không thể tính được”, con số này chẳng thể nói nổi, không biết là bao nhiêu, bao gồm chúng ta ở trong đó. Tiểu hạnh là chỉ cho Bồ-tát Thập tín, bởi vì Thập tín vẫn còn thoái chuyển. Bên trên đều là Bồ-tát Thập tín, cho nên gọi là “tiểu hạnh”.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Bất dẫn ngã sát chư Bồ-tát đẳng, vãng sanh bỉ quốc, tha phương Phật độ, diệc phục như thị. Tùng Viễn Chiếu Phật sát, hữu thập bát câu-chi na-do-tha Bồ-tát Ma-ha-tát, sanh bỉ quốc độ. Đông Bắc phương Bảo Tạng Phật sát, hữu cửu thập ức Bất thoái Bồ-tát, đương sanh bỉ quốc. Tùng Vô Lượng Âm Phật sát, Quang Minh Phật sát, Long Thiên Phật sát, Thắng Lực Phật sát, Sư Tử Phật sát, Ly Trần Phật sát, Đức Thủ Phật sát, Nhân Vương Phật sát, Hoa Tràng Phật sát, Bất thoái Bồ-tát đương vãng sanh giả, hoặc số thập bá ức, hoặc số bá thiên ức, nãi chí vạn ức. Kỳ đệ thập nhị Phật danh Vô Thượng Hoa, bỉ hữu vô số chư Bồ-tát chúng, giai Bất thoái chuyển, trí tuệ dũng mãnh, dĩ tăng cúng dường vô lượng chư Phật, cụ đại tinh tấn, phát thú Nhất thừa. U thất nhật**

trung, tức năng nhiếp thủ bá thiên ức kiếp, Đại sĩ sở tu kiên cố chi pháp. Kỳ đệ thập tam Phật danh viết Vô Úy, bỉ hữu thất bá cửu thập ức đại Bồ-tát chúng, chư tiểu Bồ-tát cập tỳ-kheo đẳng, bất khả xưng kể, giai đương vãng sanh. Thập phương thế giới chư Phật danh hiệu, cập Bồ-tát chúng đương vãng sanh giả, dẫn thuyết kỳ danh, cùng kiếp bất tận.

*Không những các bậc Bồ-tát ở cõi Ta vãng sanh về nước kia, mà các cõi Phật phương khác cũng lại như vậy. Cõi nước của đức Phật Viên Chiếu có mười tám câu-chi na-do-tha Bồ-tát Ma-ha-tát sanh về cõi nước ấy. Cõi nước đức Phật Bảo Tạng ở phương Đông Bắc có chín mươi ức Bồ-tát Bất thoái sẽ sanh về cõi ấy. Các bậc Bồ-tát Bất thoái ở cõi đức Phật Vô Lượng Âm, đức Phật Quang Minh, đức Phật Long Thiên, đức Phật Thắng Lực, đức Phật Sư Tử, đức Phật Ly Trần, đức Phật Đức Thủ, đức Phật Nhân Vương, đức Phật Hoa Tràng sẽ vãng sanh, số lượng mười trăm ức, hoặc trăm ngàn ức, cho đến vạn ức vị. Đức Phật thứ mười hai hiệu là Vô Thượng Hoa, ngài có vô số chư Bồ-tát đều ở bậc Bất thoái chuyển, trí tuệ dũng mãnh, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, đều đại tinh tấn, thẳng đến Nhất thừa, trong bảy ngày có thể nhiếp thủ các pháp kiên cố của bậc Đại sĩ đã tu hành trong trăm ngàn ức kiếp. Các vị Bồ-tát ấy đều sẽ vãng sanh. Đức Phật thứ mười ba hiệu là Vô Úy, ngài có bảy trăm chín mươi ức đại Bồ-tát, các vị tiểu Bồ-tát và chúng tỳ-kheo chẳng thể tính kể, đều sẽ vãng sanh. Danh hiệu của chư Phật trong mười phương thế giới và chư Bồ-tát sẽ vãng sanh, chỉ kể tên thôi, mãn kiếp cũng không kể hết.*

Đoạn kinh văn này rất dài, nhưng không khó hiểu. Đại ý của kinh văn là: Thích-ca Mâu-ni Phật nói: Chẳng những các hàng Bồ-tát trong cõi nước của chúng ta sẽ vãng sanh về nước Cực Lạc, mà cõi nước phương khác cũng giống như vậy. Tiếp theo nói ra rất nhiều tên cõi nước, sau cùng những Bồ-tát sẽ vãng sanh này hoặc số lượng mười trăm ức, hoặc trăm ngàn ức, cho đến vạn ức vị. “Đức Phật thứ mười hai”, đây là tham khảo dựa trên bản dịch thời Đường, chính là cõi nước Phật thứ 12. “Tên là Vô Thượng Hoa”, tên của Phật là Vô Thượng Hoa, có vô số chư Bồ-tát đều là bất thoái chuyển, trí tuệ dũng mãnh, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, đều đại tinh tấn, các ngài đều hướng đến pháp Nhất thừa, trong vòng bảy ngày có thể nhiếp thủ các pháp kiên cố của bậc Đại sĩ đã tu hành trong trăm ngàn ức

kiếp. Hàng Bồ-tát như vậy sẽ vãng sanh. Đức Phật thứ 13, tên là Vô Úy, có 790 ức đại Bồ-tát.

*“Các vị tiểu Bồ-tát và chúng tỳ-kheo chẳng thể tính kể, đều sẽ vãng sanh. Danh hiệu của chư Phật trong mười phương thế giới và chư Bồ-tát sẽ vãng sanh, chỉ kể tên thôi, măn kiếp cũng không kể hết”*

Ở đây chỉ kể tên của các ngài thôi, măn kiếp cũng kể không hết. Bồ-tát ở cõi nước Phật thứ 12 đều tu pháp kiên cố. Gọi là “pháp kiên cố” chính là pháp bất thoái chuyển, đây đều là Bồ-tát Bất thoái chuyển, các ngài đều có thể nhiếp thủ các pháp kiên cố của vô tận vô biên Bồ-tát, đều có thể vãng sanh.

Đại Trí Độ Luận có câu hỏi như sau: Bồ-tát thì phải độ chúng sanh, vậy vì sao lại đến cõi nước Cực Lạc? Bồ-tát Long Thọ trả lời rằng: Có hai loại Bồ-tát, một loại là tâm từ bi nhiều, các ngài có tâm từ bi, tâm của các ngài đa phần là vì chúng sanh. Loại thứ hai, các ngài muốn đến thu thập, nhiếp thủ nhiều công đức của hết thảy chư Phật, vì muốn làm như vậy cho nên đến thế giới của Phật Vô Lượng Thọ. Những vị muốn độ chúng sanh thì sẽ đến những nơi không có Phật pháp, ở những nơi không có Phật pháp mà khéo độ chúng sanh. Cho nên, Bồ-tát có hai loại, một loại thì muốn độ chúng sanh, nên đến những nơi không có Phật pháp; một loại muốn đến cõi Tịnh độ để nhiếp thủ công đức của Phật, để học tập viên mãn thì đến cõi nước Phật Vô Lượng Thọ.

Luận chú của đại sư Đàm Loan nói: “Những Bồ-tát chưa chứng được tịnh tâm”, thế nào gọi là Bồ-tát chưa chứng được tịnh tâm? Chỉ cho Bồ-tát từ Sơ địa trở lên và từ Thất địa trở xuống. Những Bồ-tát này có thể hiện thân hoặc trăm, hoặc ngàn, hoặc vạn, hoặc ức, hiện trăm ngàn vạn ức thân như vậy đến cõi nước không có Phật để làm Phật sự. Lúc làm những Phật sự này, các ngài buộc phải trụ vào tam-muội thì mới có thể làm được. Các ngài không phải vô tâm mà làm, các ngài phải có tạo tác, bởi vì các ngài là tâm có tạo tác, cho nên gọi là chưa được tịnh tâm. Bạn thấy đó tâm như vậy đều không được gọi là tịnh tâm. Những Bồ-tát từ Thất địa trở xuống như vậy rất nhiều, đây đều là Bồ-tát rất cao, phân thân đến những cõi Phật như vậy để độ chúng sanh, sau khi nhập vào tam-muội thì mới có thể làm được. Đây gọi là Bồ-tát chưa đắc được tịnh tâm. Hàng Bồ-tát này nếu sanh đến cõi nước An Lạc thì lập tức có thể nhìn thấy A-di-đà Phật. Sau khi thấy được A-di-đà Phật thì cùng với các Bồ-tát Thất địa, Bát địa, Cửu địa, Thập địa, Thập nhất địa, rốt cuộc đều được

thân bình đẳng, pháp bình đẳng, nhanh chóng! Thế nên vì sao các ngài vãng sanh? Vì để được nhanh chóng. Bồ-tát Long Thọ, Bồ-tát Bà-tâu-bàn-đầu, các ngài đều muốn sanh về thế giới Cực Lạc, chính là vì điều này.

Bồ-tát khi ở địa vị Thất địa, được đại tịch diệt, hết thấy đều là không, trên không thấy có chư Phật để cầu, dưới không thấy có chúng sanh để độ. Lúc bấy giờ các ngài đã nhập Bát Niết-bàn rồi. Khi đó, nhờ có thần lực của mười phương chư Phật gia trì, khuyến nhủ nên mới không vào Niết-bàn, mà tiếp tục tiến lên. Đại Trí Độ Luận và Vãng Sanh Luận Chú của đại sư Đàm Loan, hai bộ luận chú quan trọng này đều nói rõ nguyên nhân vãng sanh của Bồ-tát Bất thoái.

Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận nói: Bồ-tát vãng sanh số lượng chẳng đếm xuể, đều được nguyện lực của Như Lai gia trì, được quang minh nhiếp thọ. Như lúc đại sư Trí Giả lâm chung bảo đệ tử xướng Vô Lượng Thọ Phật và đề mục của Quán Kinh, sau đó ngài chấp tay nói một bài kệ: “Bốn mươi tám nguyện, trang nghiêm Tịnh độ, ao hoa cây báu, dễ đi mà không người đi. Tướng xe lửa hiện ra, một niệm hồi cải, còn được vãng sanh, huống hồ giới định huân tu, thánh hạnh đạo lực, thật không uổng phí”. Đại sư Trí giả nói: Cõi Tịnh độ do 48 nguyện trang nghiêm rất dễ đi, nhưng không có người nào muốn đi. Tướng xe lửa hiện ra là chỉ cho tướng địa ngục hiện ra, một niệm hồi cải là nói trong lúc khẩn trương bức bách như vậy, tội nhân này có một niệm hồi cải, hồi lỗi niệm Phật còn được vãng sanh, huống hồ giới định huân tu, huống hồ người dùng giới, dùng thiền định mà huân tập, tu trì. Thánh hạnh đạo lực là chỉ cho việc làm của bậc thánh, sức tu đạo, thật không uổng phí, thật sự không hề luống uổng. Lúc lâm chung đại sư đã chứng minh rồi, cho nên người hiện nay nếu có thể tu tốt thì nhất định dụng công không uổng phí. Sau khi đại sư nói kệ xong, xướng danh hiệu Tam bảo rồi nghiêm nhiên thị tịch. Ngài Trí Giả là một vị đại sư, cảnh tượng khi lâm chung của ngài chứng minh vô lượng quang, quang minh phổ chiếu, nhiếp thọ mọi người vãng sanh.

Ngài Pháp Chiếu triều Đường đến Ngũ Đài Sơn, vào chùa Trúc Lâm, nhìn thấy hai vị Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền. Ngài hỏi hai vị đại Bồ-tát yếu chỉ của tu hành, Bồ-tát Văn-thù nói: “Các môn tu hành không gì bằng niệm Phật.” Các loại pháp môn tu hành, không có môn nào có thể sánh bằng niệm Phật. “Ta trong kiếp quá khứ, do niệm Phật mà được nhất thiết chủng trí. Vì vậy hết thấy các pháp, Bát-

nhã ba-la-mật-đa, thiên định thậm thâm”. Hai độ quan trọng nhất của Lục độ, một cái là tuệ, một cái là định, [cả hai độ này] đều nhiếp trọn các độ khác rồi. “Cho đến biển chánh biến tri của chư Phật”, biển đại trí này, “đều từ niệm Phật mà sanh ra”. Đoạn khai thị này của Bồ-tát Văn-thù vô cùng thân thiết, vô cùng súc tích. Ngài Pháp Chiếu rất khéo hỏi, ngài hỏi tiếp: “Nên niệm thế nào ạ?” Niệm thế nào ạ? Vấn đề này rất quan trọng, người như thế nào có thể báo ân Phật? Hai loại người, một người khéo hỏi, một người khéo trả lời, khéo hỏi ở trước, bởi vì khéo hỏi nên mới có đáp hay. Niệm như thế nào vậy? Câu trả lời rất hay: “Phương Tây của thế giới này có A-di-đà Phật”, ở phương Tây của thế giới này có A-di-đà Phật, “nguyện lực của đức Phật ấy không thể nghĩ bàn, ông nên niệm luôn, đừng cho gián đoạn, đến lúc mạng chung nhất định vãng sanh.” Mấu chốt là ở nguyện lực không thể nghĩ bàn. Các loại căn khí, chỉ cần thật sự tin sâu, nguyện thiết mà niệm thì chắc chắn được độ.

Tiết học hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 93

Chư vị đồng tu tôn kính, xin chào mọi người, A-di-đà Phật!

Hôm nay tôi sẽ giảng tiếp nội dung của ngày hôm qua, nói về đạo dễ hành này. Niệm Phật là đạo dễ hành, nhưng cũng chẳng phải ai ai cũng đều có thể làm được. “Dễ đi mà không người đi”, đi rất dễ dàng nhưng không có người đi. Một là không chịu tin, hai là sau khi tin rồi chẳng để gián đoạn thì quả thật không dễ. Vậy nên Hạ Liên lão nói: “Hoa sen sanh trong lửa, chèo thuyền trên đất khô cằn”. Trong lửa đỏ nở ra hoa sen, đừng cho rằng việc này cứ thông tay là làm được, nếu chẳng một phen xương buốt lạnh, hoa mai đâu dễ ngát hương thơm. Một việc đừng để cho gián đoạn này, cả đời này liệu có làm được hay không, khó hay dễ là ở chính mình. Đã có chánh tín, có chánh nguyện rồi, còn phải có chánh hạnh. Niệm Phật là công đức không thể nghĩ bàn, rốt ráo chứng đắc Vô thượng Bồ-đề, nhất định được thọ ký. Thọ ký chính là bạn nhất định sẽ thành Phật, bạn vẫn chưa thành Phật nên mới thọ ký cho bạn, chắc chắn thành Phật. Đến lúc mạng chung nhất định vãng sanh, sinh mạng đời này kết thúc rồi thì chắc chắn vãng sanh.

Có một vị là pháp sư Huệ Nhật, ngài vượt biển đến Ấn Độ. Vào trong núi nhìn thấy tượng đức Quán Âm, ngài dập đầu lạy trước tượng đức Quán Âm, không ăn cơm, muốn lạy cho đến khi mạng chung mới thôi. Qua bảy ngày bảy đêm, đột nhiên nhìn thấy đức Quán Âm thân tử kim, ngồi trên hoa sen báu, đưa tay ra xoa đánh ngài rồi nói: “Ông muốn truyền pháp hồng tự lợi lợi tha, vậy hãy niệm A-di-đà Phật ở thế giới Tây Phương Cực Lạc”. Tất cả điều này đều chứng minh pháp môn niệm Phật vượt hơn các hạnh khác. Những kinh luận khác, như Vãng Sanh Luận của Đại sĩ Thiên Thân, Đại thừa Khởi Tín Luận của đại sư Mã Minh, Tịnh độ Thập Nghi Luận của đại sư Trí Giả, Đại Trí Độ Luận của Bồ-tát Long Thọ, còn có các đại đức: Vĩnh Minh, Thiên Như, Sở Thạch, Liên Trì, Ngẫu Ích, trước tác của các ngài đều ân cần tán thán, dẫn về Tây Phương. Ngàn kinh muôn luận đồng chỉ ra, chư Phật mười phương đồng tán thán.

Chúng ta sanh vào thời mạt pháp, pháp nhược ma cường, nếu dựa vào sức lực của chính mình mà tu hành thì khó tránh khỏi đi sai đường. Hiện nay rất nhiều người đều đang dối người, lừa người. Thế giới Cực Lạc chẳng hề giả, đều là chân thật, không có chuyện lừa đời dối người, nếu chúng ta vẫn còn lưỡng lự chuyện



này, vẫn còn lưu luyến trần lao, yêu thích thế gian trần lao này, thì như thiêu thân lao đầu vào lửa, nhìn thì tựa như ánh sáng, lao vào rồi thì thiêu chết chính mình. Hiện nay chúng sanh này đều chạy về hướng mà bản thân họ cho là ánh sáng, kết quả là tự kết liễu sinh mạng của chính mình. Ví như cá bơi đến chỗ không có nước, không bao lâu thì sinh mạng không còn nữa. Về sau chịu khổ nạn lớn, chúng ta cần phải hết sức tỉnh ngộ, đừng cứ tìm cầu sự việc khác nữa.

Rất nhiều người tu hành vẫn đặt việc duyên trần ở vị trí hàng đầu, chuyện này không sáng suốt. “Có mỗi Phật pháp thôi” mà chúng ta còn không làm được. Tuy nhiên vẫn phải đem Phật pháp đặt ở hàng đầu, khi không thể làm được cả hai thì vẫn phải chọn lấy Phật pháp, buông bỏ duyên trần. Chẳng phải thấy Phật, thấy quang minh thì mới có tiến bộ, mà là duyên trần của chúng ta dần dần tan nhạt, hiểu rõ được đạo lý Phật pháp, tâm từ bi lớn lên. Người hiện nay đều là con một, đối với con một thì yêu thương chăm sóc bội phần, đây là tiêu từ bi. Đem tâm này mở rộng đến vô lượng vô biên chúng sanh thì chính là Bồ-tát. Giải hành tương ưng mà phát khởi tâm Bồ-đề.

“Phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm”. Đương nhiên chẳng phải muốn sanh về biên địa. Sanh đến biên địa cũng chẳng dễ, cũng rất tốt rồi. Nhưng nếu chí hướng cao nhất của bạn chỉ là muốn sanh đến biên địa, ngộ nhờ không đạt được thì mất trắng rồi. Phải nỗ lực hướng thượng nhìn lên, nếu không đạt được thì vẫn còn có biên địa. Thế nên nếu thật sự tin tưởng trí tuệ của Phật, và tin sâu trí tuệ của chính mình thì bạn sẽ y giáo phụng hành. Bằng không thì Phật nói mặc Phật, bạn cứ làm theo ý của chính bạn, vậy bạn không thật sự tin trí tuệ của Phật rồi, thật sự tin rất khó, chẳng phải là trống trơn, mà bản thân còn sanh ra rất nhiều tri kiến, các loại tâm khinh mạn. Nếu có thể tin tưởng kiên định thì sẽ không bị những tà thuyết, và những loại sách kém quan trọng hơn làm dao động. Trong tứ y pháp, đừng nương vào bất liễu nghĩa, nếu thật sự tin vào tự tâm thì có thể biện biệt được thứ nào là bất liễu nghĩa.

Tuy nhiên mọi người rất may mắn, có thể gặp được pháp như vậy, ngoài pháp này ra thì chỉ có khó khăn hơn, điểm này là chắc chắn. Chúng ta lại gặp được lão cư sĩ Hạ Liên Cư, mười năm đóng cửa hội tập đại kinh; gặp được lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, thân mang trọng bệnh mà chú giải đại kinh; gặp được lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không, hơn 60 năm hoằng dương đại kinh; gặp được lão hòa thượng thượng Hải

hạ Hiền, lão cư sĩ Lưu Tố Thanh dùng thân nói pháp, làm chứng chuyển, độ quần manh. Người học Tịnh tông chúng ta may mắn biết bao, tiền nhân trải sẵn thảm đỏ rồi, người sau càng đi càng bình thản, đường lớn sáng ngời ngay trước mắt, dẫn thẳng về quê nhà Cực Lạc.

Phần chánh tông của bộ kinh này đến đây tôi đã giảng xong. Để các đồng tu đối với phần chánh tông có được nhận thức càng sâu hơn, tiếp theo tôi sẽ giới thiệu với mọi người vài điểm thuyết minh có liên quan đến phần chánh tông của ngài Bành Nhị Lâm, xin cúng dường các đồng tu tham khảo.

Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận của ngài Bành Nhị Lâm nói:

Phần chánh tông

Thứ nhất, nói rõ thệ nguyện rộng lớn của tỳ-kheo Pháp Tạng, khiến chúng sanh sanh khởi tâm gánh vác. Đại sư Thiện Đạo nói: “Như Lai sở dĩ xuất hiện ở đời chỉ để nói thệ nguyện lớn như biển của đức Di-đà”. Công đức lớn lao của kinh này chính là ở đây, nói ra bốn nguyện hải của đức Di-đà. Phật xuất hiện ở đời chính là muốn nói pháp này, chính là bộ kinh này; tương lai thứ sau cùng còn lưu lại trên thế giới này cũng là bộ kinh này. Thệ nguyện rộng như biển này khiến chúng sanh sanh khởi tâm gánh vác. Ngài Pháp Tạng có thể phát ra đại nguyện như vậy, chúng ta ít nhất cũng phải cùng nhau tiến vào biển thệ nguyện rộng lớn này, phát khởi tâm đại bi đại trí, phát khởi tâm dẫn về Cực Lạc, đây cũng là nguyện của Phổ Hiền.

Thứ hai, nói rõ công đức rộng lớn của tỳ-kheo Pháp Tạng, dùng thời gian năm kiếp để kết tập bốn mươi tám nguyện này, sau đó còn trụ chân thật huệ, nhất hướng chuyên chí, trang nghiêm diệu độ. Đối với chuyện không thể nhẫn mà có thể nhẫn, khó hành mà có thể hành, khiến hành giả sanh khởi tâm chân thật. Đức Di-đà tu trì như vậy, ngày nay chúng ta có thể tin tưởng pháp của đức Di-đà, nghiên cứu kinh Vô Lượng Thọ, là do trong đời quá khứ đã được đức Di-đà cứu độ, đã kết được thiện duyên này, đức Di-đà vẫn luôn cứu độ chúng ta, hiện nay vẫn nhiếp thủ chẳng bỏ. Cho nên phải sanh khởi tâm chân thật, rộng hành phương tiện, dùng phương pháp tiện lợi để khuyên nói mọi người tin tưởng pháp môn Tịnh độ, để viên mãn hạnh nguyện Phổ Hiền.

Thứ ba, nói rõ các sự trang nghiêm của y báo nơi thế giới Cực Lạc, để khiến hành giả sanh tâm quyết định. Thế giới này, do quá khứ không biết, cho nên nói ra

một vài cảnh tượng, sau này mới biết là hoàn toàn sự sự vô ngại. Nhờ vào y chánh ấy hiển rõ tự tâm ta, hoàn toàn là công đức của tự tâm. Nếu chẳng phải tự tâm thì không thể vi diệu như vậy. Phải chí thành hồi hướng, tin sâu trí tuệ của Phật, đừng rớt vào trong nghi thành.

Thứ tư, nói rõ chánh nhân vãng sanh khiến mọi người sanh tâm tinh tấn mà niệm Phật, dùng sự tu trì này để thành tựu tam-muội, chứng quả Bồ-đề. Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận phân tích rằng: chánh tín có bốn nội dung. Thứ nhất là khuyên nguyện, thứ hai là khuyên nguyện, thứ ba là khuyên tín, thứ tư là khuyên hành. Hai cái đầu là khuyên nguyện, chính là phát tâm Bồ-đề, rồi sau đó khuyên hành, phải trì danh, nhất hướng chuyên niệm, chính là tôn chỉ của kinh này, cho nên đây là phần chánh tông.

Kinh chia làm ba phần, thứ nhất là phần tựa, ở giữa là phần chánh tông, sau cùng là phần lưu thông. Đại sư Ngẫu Ích nói, ba phần này là: sơ thiện, trung thiện, và hậu thiện. Phần tựa giống như đầu của người, ngũ quan đều ở trên đầu, đây là chỗ mà đại sư Linh Phong phân chia không giống với người khác. Có người phân chia đem phần quan trọng đặt hết trong phần chánh tông, mở đầu là một chút phần tựa, vài câu sau cùng gọi là phần lưu thông. Đại sư Ngẫu Ích không như vậy, ngài nói mỗi phần trong ba phần đều quan trọng. Từ phẩm thứ 43 trở đi là phần thứ ba, phần lưu thông của kinh này. Phần lưu thông chính là cần phải lưu truyền, có thể làm lợi ích rộng khắp, khiến cho càng nhiều người đều có thể nhìn thấy, nghe thấy, đạt được, có thể tu tập, lần lượt tiếp dẫn. Tôi đã giảng xong phẩm kinh văn thứ 42. Tiếp theo xin quy nạp trọng điểm một chút.

Trọng điểm của phẩm kinh văn thứ 42, phẩm kinh văn này có 5 trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: Khu vực giáo hóa của Thích-ca Mâu-ni Phật là thế giới Ta-bà, trong thế giới này có bao nhiêu Bồ-tát Bất thoái vãng sanh Tây Phương? Bồ-tát như thế nào là Bồ-tát Bất thoái? Nghiệp nhân vãng sanh của các ngài là gì? Bồ-tát đại hạnh vãng sanh Tây Phương là 720 ức, Bồ-tát tiểu hạnh vãng sanh Tây Phương số không thể tính kể. Từ bát địa trở lên là Bồ-tát Bất thoái, bát địa được gọi là “bát động địa”, từ Thất địa trở về trước đều thoái chuyển. Nghiệp nhân vãng sanh của các ngài là: đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, trồng các gốc đức, sẽ sanh về nước ấy.

Trọng điểm thứ hai: Pháp môn Tịnh độ vì sao được tất cả chư Phật tán thán? Vì phạm vi nhiếp thọ chúng sanh rộng lớn không gì bằng, trên từ Bồ-tát Đẳng giác, dưới đến chúng sanh địa ngục, không ai mà không nhiếp thọ. Pháp môn Tịnh độ là đạo dễ hành, chỉ cần có thể tin, có thể phát nguyện, có thể thật thà niệm câu Phật hiệu này, thì không có ai là không vãng sanh, đây là pháp môn vạn người tu vạn người đi. Tâm nguyện chung của chư Phật Như Lai là: Nguyện mong hết thảy đều thành Phật. Gặp được pháp môn có thể khiến tất cả chúng sanh đều thành Phật như vậy, chư Phật Như Lai sao có thể không hoan hỷ tán thán được.

Trọng điểm thứ ba: Trong luận chú của đại sư Đàm Loan nói: Bồ-tát chưa chứng được tịnh tâm là chỉ cho ai mà nói vậy? Vì sao vậy? Bạn có thể kết hợp nội dung mà tập này nói để giải thích một chút được không? Bồ-tát chưa chứng được tịnh tâm và Bồ-tát Bất thoái khác nhau ở chỗ nào?

Trọng điểm thứ tư: Bài kệ tụng của đại sư Trí Giả lúc lâm chung: “Bốn mươi tám nguyện, trang nghiêm Tịnh độ, ao hoa cây báu, dễ đi mà không người đi. Tướng xe lửa hiện ra, một niệm hồi cải, còn được vãng sanh, hưởng hồ giới định luân tu, thánh hạnh đạo lực, thật không uổng phí”. Bài kệ tụng này có ý nghĩa sâu xa gì?

Trọng điểm thứ năm: Pháp môn Tịnh độ niệm Phật là đạo dễ hành. Hạ Liên lão lại nói: “Hoa sen sanh trong lửa, chèo thuyền trên đất khô cằn”. Bạn lý giải hàm nghĩa của câu “dễ đi mà không người đi” này như thế nào?

Tiếp theo tôi bắt đầu giảng kinh văn của phẩm thứ 43:

### **PHI THỊ TIỂU THỪA ĐỆ TỨ THẬP TAM**

Từ phẩm kinh văn này trở đi là phần lưu thông của kinh này. Phần lưu thông của kinh này chia thành năm đoạn. Đoạn thứ nhất là: khuyến tín lưu thông, là phẩm 43 và 44. Đoạn thứ hai là: lưu kinh lưu thông, là phẩm 45. Đoạn thứ ba là: phó chúc lưu thông, là phẩm 46. Đoạn thứ tư là: tán thán công đức lưu thông, là phẩm 47. Đoạn thứ năm là: chân thật lợi ích lưu thông, là phẩm 48. Phẩm kinh văn này là đoạn lớn thứ nhất của phần lưu thông: khuyến tín lưu thông.

Ba cương lĩnh lớn để tu học Tịnh tông gọi là ba tư lương: tín, nguyện, hạnh. Ba điều kiện này đều quan trọng như nhau, thiếu một thứ thì chẳng thể thành tựu. Ba phần mà đại sư Ngẫu Ích phán trong Di-đà Kinh Yếu Giải không giống với cách phán của đại đức xưa. Ngài đem kinh văn về sáu phương Phật ở phần sau phán làm

phần lưu thông, cũng không giống với đại sư Liên Trì. Thật sự là có kiến giải của ngài, cũng chính là ba phần: tựa, chánh, lưu thông, mỗi phần đều đầy đủ ba tư lương tín nguyện hạnh, đều đầy đủ ba cương lĩnh lớn. Kinh Vô Lượng Thọ tự nhiên cũng không ngoại lệ.

Người tu hành chân chánh nhất định phải nắm chắc trọng điểm tu học thì mới có thể thành tựu. Trọng điểm tu học Tịnh tông là gì? Vẫn là ba điều tín, nguyện, hạnh. Không chỉ ở trong kinh điển phải kiến lập tín tâm thanh tịnh, tín tâm kiên cố, tín tâm tuyệt đối không bị ngoại cảnh làm dao động. Năm kinh, một luận của Tịnh độ giúp chúng ta hiểu rõ tánh-tướng, nhân-quả, sự-lý. Ngoài điều này ra, hết thầy pháp thế xuất thế gian, bất luận cảnh giới thuận hay nghịch đều phải chú ý đến mặt này, chẳng những đọc kinh là tu hành, mà mặc áo ăn cơm, đối nhân xử thế tiếp vật trong đời sống thường ngày, toàn bộ đều là tăng trưởng tín nguyện hạnh của chính mình. Tu học như vậy thì đời sống của chúng ta khá là sung túc, mới có thể thật sự lĩnh hội được giá trị và ý nghĩa của đời người. Vậy nên, tín nguyện hạnh, tuyệt đối không chỉ được kiến lập từ trong kinh điển, mà phải đem nó mở rộng ra đến cuộc sống thì mới được.

Mời xem kinh văn bên dưới:

**Phật cáo Từ Thị: “Nhữ quán bỉ chư Bồ-tát Ma-ha-tát, thiện hoạch lợi ích. Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, đắc văn A-di-đà Phật danh hiệu, năng sanh nhất niệm hỷ ái chi tâm, quy y chiêm lễ, như thuyết tu hành, đương tri thử nhân vi đắc đại lợi, đương hoạch như thượng sở thuyết công đức, tâm vô hạ liệt, diệc bất cống cao, thành tựu thiện căn, tất giai tăng thượng. Đương tri thử nhân phi thị Tiểu thừa, ư ngã pháp trung, đắc danh đệ nhất đệ tử”.**

*Phật bảo ngài Từ Thị: “Ông xem các Bồ-tát Ma-ha-tát kia khéo đạt lợi ích. Nếu có người thiện nam, thiện nữ nào được nghe danh hiệu A-di-đà Phật mà trong một niệm có thể sanh tâm vui thích, quy y chiêm lễ, tu hành đúng như lời dạy, nên biết người này được lợi ích lớn, sẽ được công đức như trên đã nói. Tâm không tự ti, cũng không cống cao, thành tựu thiện căn, thấy đều tăng thượng. Nên biết người này chẳng phải là Tiểu thừa, ở trong pháp của Ta được gọi là đệ tử bậc nhất.”*

Phẩm kinh văn này nói “chẳng phải là Tiểu thừa”. Pháp môn Tịnh độ không phải là Tiểu thừa, mà là Phật pháp Đại thừa. Thế nên, Phật nói với Bồ-tát Di-lặc rằng:

*“Ông xem các Bồ-tát Ma-ha-tát kia khéo đạt lợi ích”*

Những đại Bồ-tát này, các ngài đều cầu sanh Tịnh độ, sanh đến cõi Tịnh, cõi thiện, đạt được lợi ích, khéo đạt được lợi ích của pháp. Những đại Bồ-tát này đều là như vậy. Vô lượng vô biên chư đại Bồ-tát khắp mười phương, các ngài đều nghe danh mà vãng sanh, đạt được lợi ích lớn đến mức nào? Đại Trí Độ Luận nói: Bồ-tát Thất địa trở xuống, họ đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, lập tức cùng Bồ-tát từ Thất địa trở lên, tương đồng về thân, cũng tương đồng về pháp, đều khéo đạt lợi ích. Bất luận là thế giới nào, những người nam, người nữ hành thiện, họ có thể nghe thấy danh hiệu A-di-đà Phật.

A-la-hán đều không biết danh hiệu Phật ở phương khác, ngoại trừ danh hiệu Phật ở phương Bắc ra, trừ phi có nhân duyên Phật nói cho họ biết. Thế giới Cực Lạc ở ngoài chúng ta mười vạn ức cõi nước. Đây là nguyện lực. Chúng ta biết niệm A-di-đà Phật, bất luận người tin hay không tin đều có thể nghe đến tiếng Phật hiệu này, thậm chí Thích-ca Mâu-ni Phật ở cõi này của chúng ta, nhưng có rất nhiều người lại không biết. Cho nên nói, do nguyện lực của đức Di-đà mà cảm được. Trong Nguyện thứ 17, mười phương chư Phật đều tán thán, mười phương Phật đều có thể nghe thấy danh hiệu Phật, thiện nam tử, thiện nữ nhân ở mười phương cũng đều nghe thấy. Sau khi họ nghe thấy Phật hiệu có thể sanh khởi một niệm tâm vui thích, cho dù chỉ là một niệm quy y, lễ kính, cúng dường v.v...

*“Tu hành đúng như lời dạy”*, thì cũng đều có thể đạt được lợi ích lớn như vậy.

Một niệm tâm vui thích này, bản dịch thời Hán nói: “Nghe danh hiệu đức Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, từ tâm hoan hỷ, trong một lúc vui mừng hơn hờ, tâm ý thanh tịnh”. Họ dùng từ “một niệm” để miêu tả ra tâm tình khi đó. Sau khi nghe danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ, từ tâm hoan hỷ, vui mừng hơn hờ khoa tay múa chân, tâm ý thanh tịnh. Khoa tay múa chân không khó, khó ở tâm ý thanh tịnh. Hiện nay mọi người đều khoa tay múa chân, thế nhưng tâm tình cuồng loạn, đó không phải là hoan hỷ mà là vui mừng cuồng nhiệt, thêm chữ “cuồng” vào thì gay go rồi. Cuồng tâm không ngớt, đó là chúng sanh; cuồng tâm vừa dứt, dứt tức là Bồ-đề. Là niệm thế nào

vậy? Trong tâm rất hân hoan, rất thanh tịnh. Bản dịch thời Ngụy giải thích về cơ bản là như vậy. Bản dịch thời Tống cũng nói là thanh tịnh, không có ý niệm nào khác, sanh tâm thanh tịnh. Phật Vô Lượng Thọ là Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, chính là “Nam-mô A-di-đà Phật”.

Ý của Tuyền Trạch Tập là như trong phẩm Ba Bậc Vãng Sanh đã nói: “Phát nhất niệm tâm, niệm đức Phật ấy”, cùng với cảnh giới “một niệm” ở đây là như nhau. Có giới hạn cao thấp. Thấp chính là cho đến sanh ra một niệm, cao chính là đạt được nhất niệm tịnh tín. Pháp sư Từ Châu phán việc này thuộc về “nhất tâm tam bối”. Nhật Bản có một tông phái sùng bái việc “không niệm Phật”, cho rằng có thể đạt được nhất niệm tịnh tín thì vãng sanh rồi, như vậy thì hơi quá, đã đánh mất ý nghĩa gốc của Tịnh độ tông rồi. Đại sư Gia Tường là tổ sư của tông Tam Luận, ngài nói: “Nhất niệm thì đã đầy đủ công đức vô thượng”.

Người thiện nam, thiện nữ ở bất kỳ thế giới nào nghe đến Phật hiệu

*“Có thể trong một niệm sanh tâm vui thích, quy y chiêm lễ, như lời dạy mà tu hành, nên biết người đó được lợi ích lớn, sẽ được công đức như trên đã nói”*

Công đức của các đại Bồ-tát như ở trên, họ cũng có thể đạt được. Nhất niệm thì sẽ đạt được công đức lớn như vậy, cho thấy rõ lợi ích này thật sâu xa. “Công đức như trên” chính là trong kinh nói: Vượt ngang khỏi tam giới, chúng trọn vẹn bốn cõi Tịnh độ, một đời bổ xứ thành Phật, rớt ráo Tịch quang. Tình huống như vậy có người khó mà tin được.

Kinh Kim Cang nói: Buổi sáng thức dậy, bỏ thí vô lượng thân mạng, buổi trưa làm như vậy, buổi tối cũng làm như vậy, không biết đã làm bao nhiêu năm rồi, công đức này vẫn không bằng nói cho người bốn câu kệ của kinh Kim Cang. Phật là bậc chân ngữ, thật ngữ, sao có thể lừa người được. Mọi người phải biết, bác sĩ cứu người là cứu thân mạng của người, nói pháp là cứu huệ mạng của người. Thân mạng này là mộng huyễn bọt bóng, quan trọng là huệ mạng của người. Họ muốn giải thoát, muốn xông ra khỏi lục đạo thì không thể đánh đồng hai thứ là như nhau được. Phàm phu ngu si, họ cảm thấy xả thân mạng mới khó, giảng nói vài lời thì ăn thua gì, nên họ hồ nghi không tin, đều là tình kiến của chính mình.

Nếu như nhất niệm tịnh tín, bèn sanh lợi ích vô thượng. Đối với việc này, trong Lục tín đại sư Ngẫu Ích nói: tin nhân, tin quả. Nhất niệm này là nhân, đạt

được lợi ích lớn như vậy là quả. Bạn hoài nghi: liệu có quả lớn đến thế sao? Hễ bạn hoài nghi thì xong rồi. Niệm của bạn chẳng phải là nhất niệm, mà là hòe nghi. Chẳng những không có lợi ích mà còn có tội. “Nhất niệm chí tín”, nhất niệm này của bạn là lòng tin chí thành, không có bất kỳ xen tạp nào, chẳng có chút điên đảo nào, không có bất kỳ sai lầm nào mà phát nguyện, mà tu hành thì chắc chắn sanh Tịnh độ. Chẳng phải là nói nước đôi mà là chắc chắn sanh. Sau cùng được quả vị Phật, nhất định sẽ thành Phật, cho nên gọi là “vô thượng”. Bồ-tát đều là như vậy, người thiện nam, thiện nữ đều là như vậy, cũng là như vậy.

Tâm không tự ti, cũng không cống cao, ngã mạn. Bạn tin tưởng thì bạn chính là tin rõ trí tuệ của Phật. Tâm - Phật - chúng sanh, ba thứ không sai biệt. Phật bình đẳng, tâm đều là tâm bình đẳng của Phật, ta chính là Phật, thì bạn có gì để cống cao?

Cho nên *“tâm không tự ti, cũng không cống cao, thành tựu thiện căn, thấy đều tăng thượng”*.

Lúc tin chính mình thì tâm này là Phật, lại tin rõ trí tuệ của Phật thì tâm lại đang làm Phật. Người như vậy, bạn đã thành tựu thiện căn, sẽ làm Phật. Trong bản kinh A-di-đà khắc trên đá thời Lục Triều nói rằng: “Do xưng danh mà các tội tiêu diệt, đó chính là nhiều thiện căn, phước đức, nhân duyên”.

*“Thấy đều tăng thượng”*

Thiện căn này đều đang tăng thượng, tăng trưởng, đều đang hướng lên trên, do vì bạn tịnh niệm tiếp nối. Tinh tấn, lại tinh tấn, trong mỗi một niệm, thiện căn đều đang tăng trưởng.

Trong Di-đà Yêu Giải, đại sư Ngẫu Ích nói: “Cõi Đồng Cư Tịnh độ là do thiện nghiệp tăng thượng mà cảm thành”. Bạn niệm Phật là thiện, cứ niệm mãi là tăng thượng, niệm niệm đều là Phật, bạn chính là Phật, đây là “thân nhân duyên” để thành Phật. Hết thấy sợ nhất là gián đoạn, giống như nấu nước sôi, đun hai phút rồi bắc xuống, đun tiếp hai phút rồi lại bắc xuống. Cứ như vậy thì nước này vĩnh viễn không sôi được, bởi vì gián đoạn. Bạn vừa đi làm thì mọi thứ đều ủa đến, phiền não cũng kéo đến, gián đoạn rồi. Bạn không được gián đoạn, giống như gà mẹ ấp trứng vậy, tuy có lúc phải đi tìm thức ăn, nhưng trong tâm không quên ổ trứng đó, cho nên việc này là “đăng vô gián duyên”. Lấy Phật hiệu làm cảnh sở duyên, cảnh mà tâm trụ vào chính là Phật hiệu, Phật chính là Phật hiệu mà họ duyên vào. Phật hiệu do



vạn đức mà thành, trong âm thầm Phật hiệu đã đầy đủ vạn đức, danh hiệu có thể chiêu vời vạn đức. Dùng Phật hiệu làm duyên, đây là “sở duyên duyên”. “Tăng thượng duyên” đem “thân nhân duyên”, “đẳng vô gián duyên”, “sở duyên duyên” nhiếp lại làm một. Rồi cùng nhau niệm Phật thì có lực dụng lớn, có sức mạnh lớn, tác dụng lớn. Nhờ bốn loại duyên mà thành tựu thiện căn, sẽ đạt được công đức được nói ở trên.

Thích-ca Mâu-ni Phật bảo ngài Di-lặc:

*“Nên biết người đó chẳng phải là Tiểu thừa”*

Người này không phải là Tiểu thừa, chẳng phải vì bản thân mà muốn sanh Tịnh độ. Tiểu thừa là A-la-hán, Bích-chi Phật. Trong kinh Pháp Hoa, Phật nói: [quả vị] A-la-hán là tỉ dụ cho Hóa Thành, tạm thời ngơi nghỉ một chút, tương lai vẫn phải phát tâm thành Phật, phải từ Tiểu thừa hướng về Đại thừa. Hàng Nhị thừa không sanh về thế giới Cực Lạc, đều là Đại thừa Bồ-tát. Kinh Pháp Hoa có tỉ dụ, để gọi bọn trẻ ra khỏi căn nhà lửa thì có xe dê, xe hươu, xe trâu, gọi bọn trẻ mau ra ngoài chơi, bọn trẻ đều chạy ra ngoài. Thật ra không hề có ba xe này, đều là Nhất thừa, đều lên xe trâu trắng lớn, khiến mọi người đều thành Phật. Thế giới Cực Lạc chính là như vậy, hàng Nhị thừa không sanh về, đều là Bồ-tát Đại thừa. Trên hội Pháp Hoa, 5.000 người đã lui ra, chính là không hiểu được ý của Phật. Niệm Phật chẳng phải là vì chính mình, chính kim khẩu của Phật đã chứng minh người như vậy không phải Tiểu thừa. Thế giới Cực Lạc xác thật là pháp Nhất thừa, không hai cũng không ba.

Tiếp theo, tiến thêm một bước tán thán loại người niệm Phật này:

*“Trong pháp của Ta”*

Thích-ca Mâu-ni Phật tự xưng, trong thời giáo hóa của Ta, họ đáng gọi là đệ tử bậc nhất. Đệ tử như vậy là hạng nhất, đáng quý nhất, không ai có thể sánh bằng. Vì sao vậy? Bởi vì pháp môn niệm Phật là đệ nhất, hoàn toàn nhiếp lấy công đức của Phật làm công đức của chính mình, lại còn dứt khoát rốt ráo. Bất luận là bạn trình độ thế nào, chỉ cần bạn thật thà niệm thì tự nhiên thâm hợp đạo mầu, khéo nhập vô sanh, ngầm thông Phật trí. Phương tiện vô thượng như vậy, Mật tông nói: “Phương tiện là rốt ráo”. Bạn có giác ngộ không, có rốt ráo không, hãy xem phương tiện độ sanh của bạn. Bạn dùng phương tiện đã đạt được phương tiện rốt ráo triệt để, thành Phật là triệt để. Pháp môn niệm Phật này trùm khắp ba căn, là khó tin nhất. Người

và trời trong hết thấy thế gian đều là nhất tâm cầu sanh cõi Tịnh như vậy. Pháp môn này khế nhập rất sâu với tâm của Phật. Phật thành tựu thế giới Cực Lạc này là để làm lợi ích cho chúng sanh. Tự thọ dụng của Phật chính là Thường Tịch Quang, Phật cần cõi Thật Báo Trang Nghiêm, Phương Tiện Hữu Dư, Phạm Thánh Đồng Cư đều là để lợi tha. Pháp môn như vậy khiến chúng sanh đều có thể đạt được, có được lợi ích, ở trong đây rốt ráo thành Phật, đây mới là bản tâm của Phật. Vậy nên, có thể tin được pháp khó tin, phụng hành theo lời dạy thì bạn đáng được xưng là đệ tử bậc nhất.

*“Trong pháp của Ta được gọi là đệ tử bậc nhất”*

Kinh Vô Lượng Thọ là kinh đệ nhất mà chư Phật Như Lai độ chúng sanh. Pháp môn trì danh niệm Phật là pháp môn đệ nhất mà chư Phật Như Lai truyền thọ. Pháp môn niệm Phật là Đại thừa trong Đại thừa, là Nhất thừa trong Nhất thừa, là pháp môn chí cao vô thượng. Người y theo pháp môn này tu học là đệ tử số một của chư Phật Như Lai.

Kinh là kinh đệ nhất, pháp là pháp đệ nhất, đệ tử là đệ tử đệ nhất, cái nào cũng là đệ nhất. Việc này đáng để cho chúng ta đặc biệt trân quý. Thật sự hiểu rõ, mà vẫn đi học pháp môn khác thì trở thành đệ nhị, đệ tam, không phải là đệ nhất. Đệ nhất thì nhất định không xen tạp. Người có thể thật sự nhận thức được thật ra không nhiều. Chính như Hạ Liên lão nói: “Trong vạn ức người, chỉ một hai người biết”.

“Đệ tử đệ nhất” là do chính kim khẩu của Thích-ca Mâu-ni Phật nói, không tầm thường, rất khó có được. Chúng ta nhìn thấy hoan hỷ, vô lượng hoan hỷ. Vì sao vậy? Bạn có thể tu hành theo pháp môn này thì thật như trong kinh đã nói: Bạn là đệ tử đệ nhất của Như Lai. Là đệ tử đệ nhất của ai? Là đệ tử đệ nhất của Thích-ca Mâu-ni Phật. Vinh dự biết bao! Nhưng cũng đừng quên sứ mệnh của người đệ tử đệ nhất. Đệ tử đệ nhất của Như Lai chẳng phải là Tiểu thừa, là Đại thừa trong Đại thừa. Đệ tử đệ nhất của Như Lai là ai? Người niệm Phật cầu sanh Tịnh độ là đệ tử đệ nhất của Như Lai.

Mời xem khai thị của đại sư Ấn Quang.

“Phương pháp tu trì, duy chỉ trì danh niệm Phật là tối tôn đệ nhất”.

“Phát ra ba tâm viên mãn, mười niệm xưng danh, nhất định được Di-đà đích thân tiếp dẫn, thánh chúng cùng nghênh đón. Trong khoảng khảy ngón tay, liền sanh

về nước ấy, gửi thân nơi thai sen, vĩnh viễn xa lìa các khổ, nghe pháp được thọ ký, nhanh chóng Vô sanh. Sau lái thuyền bỏ nguyện trở lại Ta-bà, ứng trọn mọi căn cơ mà hiện thân tùy theo hình theo loại, thuận theo các duyên mà xiển dương pháp tự tánh ngay nơi tâm, khiến khắp pháp giới chúng sanh đồng vào biển nguyện của đức Di-đà. Đáng được gọi là đệ tử Phật bậc nhất, là bậc đại trượng phu thật sự vậy.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 94

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Thị cố cáo nữ thiên nhân thế gian A-tu-la đấng, ung dương ái nhạo tu tập, sanh hy hữu tâm, ư thử kinh trung, sanh đạo sư tướng. Dục linh vô lượng chúng sanh, tốc tạt an trụ, đắc bất thoái chuyển. Cập dục kiến bỉ, quảng đại trang nghiêm, nhiếp thọ thù thắng Phật sát, viên mãn công đức giả, đương khởi tinh tấn, thính thử pháp môn.**

*Vì thế, Ta bảo các ông: trời, người, thế gian, a-tu-la v.v. phải nên yêu thích tu tập, sanh tâm hy hữu, đối với kinh này tưởng như bậc đạo sư. Muốn khiến cho vô lượng chúng sanh mau chóng an trụ, đắc bất thoái chuyển, và muốn thấy cõi Phật ấy rộng lớn trang nghiêm, nhiếp thọ thù thắng, viên mãn công đức, thì hãy nên phát khởi tinh tấn, nghe pháp môn này.*

Đại ý của đoạn kinh văn này là: Phật nói với các chúng sanh dự hội: trời, người, A-la-hán v.v. đều phải nên yêu thích tu hành, yêu thích pháp môn này, sanh tâm hy hữu. Pháp môn này là thứ hiếm có khó gặp. Người tin Phật rất nhiều, người thật sự có thể tin Tịnh độ không nhiều. Có người đã tin Tịnh độ, nhưng hữu danh vô thực, họ là mê tín, không đầy đủ tín nguyện.

Kinh này là bậc đạo sư, phải “*sanh tâm hy hữu, đối với kinh này tưởng như bậc đạo sư*”, phải y theo sự chỉ đạo của kinh này mà làm. Cho nên tất cả chúng sanh tham gia pháp hội đều phải nên yêu thích tu hành, phải hộ trì đối với bộ kinh khó gặp được này.

Phật còn tại thế thì có thể hỏi Phật, khi Phật không còn tại thế nhưng Phật đã nói với chúng ta rằng: kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ chính là vị đạo sư, phải y theo bộ kinh này. Đại sư Thiện Đạo nói: “Nhu Lai sở dĩ xuất hiện ở thế gian, chỉ để nói bốn nguyện hải của đức Di-đà”. Mười phương Phật sở dĩ muốn xuất thế, chính là vì muốn nói bốn nguyện rộng như biển của đức Di-đà. Bộ kinh này chính là nói về bốn nguyện hải của đức Di-đà, trong các kinh khác không có nói. Trong năm kinh Tịnh

độ, duy chỉ có bộ kinh này nói ra 48 nguyện của Phật Di-đà, 48 nguyện thành tựu thế nào, nội dung của 48 nguyện này là gì. Vì vậy phải tưởng như bậc đạo sư.

*“Muốn khiến cho vô lượng chúng sanh mau chóng an trụ, đắc bất thoái chuyển”*

Rất nhanh bèn có thể an trụ, không dao động, không do dự, không phân vân. Thế giới này của chúng ta là tiến một bước mà lùi chín bước, tất cả chúng sanh hiện nay ưu bi khổ não, bi ai đau khổ muôn mối. Phật có tâm thế này: một là độ chúng sanh đắc bất thoái chuyển, hai là khiến chúng sanh thấy được sự rộng lớn trang nghiêm ở cõi ấy. “Cõi ấy” là thế giới Cực Lạc của A-di-đà Phật. Đây là hai điều: một là muốn độ chúng sanh; hai là muốn thấy Phật, viên mãn công đức của chính mình.

*“Nên phát khởi tinh tấn, nghe pháp môn này”*

Cần khởi tâm tinh tấn mà nghe pháp môn vi diệu này. Đây đều là nhân duyên của Thích-ca Mâu-ni Phật.

*“Nhiếp thọ cõi Phật thù thắng”*

Rất nhiều đồng tu đối với câu kinh văn này không hiểu sâu, chúng ta nên hiểu thế nào cho chính xác? Bạn phát một nguyện thì nguyện này của bạn liền nhập vào trong biển đại nguyện của A-di-đà Phật, đồng thời cũng đem biển đại nguyện vô lượng của A-di-đà Phật nhiếp thọ vào trong một niệm tâm nguyện của chính mình, phải lĩnh hội viên dung như vậy. Chứ chẳng phải là nói tôi muốn tìm một nơi khác để thành tựu một thế giới nào đó, đây cũng là cách suy nghĩ rất chấp trước của một số chúng sanh. Việc này chẳng dễ biểu đạt, đành nói thế này vậy: Cõi Phật mà chính mình nhiếp thọ cùng với cõi Phật mà A-di-đà Phật nhiếp thọ là không hai, không phải là hai thứ.

Tịnh Ảnh Sớ nói: Từ chữ “vì thế” trở đi là khuyên học kinh này, khuyên mọi người học kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ. Bởi vì trong kinh này nói rằng: Bạn có được kinh Vô Lượng Thọ thì bạn đạt được lợi ích rất lớn. Giả sử lửa lớn tràn đầy tam thiên đại thiên thế giới, đem tất cả mọi thứ của thế giới: nào là địa cầu, hệ mặt trời, hệ ngân hà đều thiêu rụi, ta cũng phải băng qua trận lửa để đi nghe bộ kinh này, huống hồ là nạn nhỏ.

Hiện nay có người học Phật được một chút thì nói: Vì sao tôi vẫn gặp phải một số chuyện xui rủi, việc này không thuận lợi, việc kia không thuận lợi, chuyện này nói lên điều gì? Phát tâm đó của bạn không đúng đắn. Bạn chính là cầu bình an, cầu phước, nên một chút xíu khảo nghiệm, một chút xíu khổ não, một chút xíu khó khăn đã than vãn rồi. Còn ở đây lửa lớn đến như vậy [người ta] đều vượt qua, sao có thể nói học Phật rồi, tu pháp rồi, gặp một số chuyện khó khăn thì than van được. Điều này chứng minh rằng sự phát tâm này, tín nguyện này cần phải đánh một dấu hỏi rất lớn? Vậy nên người thật sự phát tâm rất khó.

Đây là bộ kinh đệ nhất của Tịnh độ, nói rõ A-di-đà Phật ở trong nhân địa phát nguyện thế nào, tu hành ra sao, y báo, chánh báo của thế giới Cực Lạc trang nghiêm thế nào, ba bậc vãng sanh lấy điều gì làm chánh nhân? Cõi này cực uế, cõi Cực Lạc kia cực thanh tịnh; cõi kia cực vui, cõi này khổ vô cùng.

Cái khổ này của chúng ta còn có thể chịu được, chúng ta còn có thể ngồi đây nghe kinh, tu hành, liệu có bao nhiêu cơ hội được như thế này đây? Thật sự là rất khó đoán trước tình hình. Dịch Covid tàn phá nặng nề toàn cầu mang đến cho nhân loại tai nạn trầm trọng. Số người tử vong ở nước Mỹ đã gần 640.000 người, đây là con số thống kê vào ngày 10/8/2021, con số đáng sợ đến như vậy, thế giới này là nơi nguy hiểm, giống như kho thuốc nổ, lúc nào cũng đều có thể làm nổ tung. Con người đến lúc khảo nghiệm sau cùng thì luôn luôn thất bại, vô cùng đáng sợ.

Nói “hết thầy đều là không”, đó là lý, các sự trang nghiêm của thế giới Cực Lạc là sự tướng, sự này không chướng ngại lý. Trang nghiêm không trở ngại tịch tĩnh, tịch tĩnh không trở ngại trang nghiêm. Sự sự vô ngại, đã đột phá tất cả thời gian và không gian rồi.

Chúng ta một giờ có 60 phút, một phút là 60 giây, ở thế giới Cực Lạc một giây là 50.000 năm, nhỏ chứa đựng được lớn, sự sự vô ngại. Trong cái bàn chứa đựng căn phòng, chứa đựng toàn bộ địa cầu. Bên trong vật nhỏ đều có thể chứa đựng vật lớn, đây đều là khái niệm về không gian. Nhà khoa học hiện nay đều hiểu rõ, không gian và thời gian là cảm nhận sai lầm của con người.

Ở thế giới Cực Lạc, trong thời gian một niệm có thể đến rất nhiều cõi nước, trong lòng một bàn tay có thể có vô lượng thế giới, nhiếp trọn không cùng tận. Thế nên, phải nên ở trong kinh này mà tưởng như bậc đạo sư vậy. Đây là một bộ kinh cực kỳ viên đốn, viên nhân tu pháp một ngày bằng với người thông thường

tu hành một kiếp. Viên nhân chính là tri kiến viên dung. Nếu bạn chấp trước vậy thì bạn phải đợi ba đại a-tăng-kỳ kiếp. Nay các đồng tu, việc mà chúng ta một đời có thể làm, sao lại đợi sau ba đại a-tăng-kỳ kiếp mới làm?

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Vị cầu pháp cố, bất sanh thoái khuất siểm nguy chi tâm. Thiết nhập đại hỏa, bất ưng nghi hối. Hà dĩ cố? Bỉ vô lượng ức chư Bồ-tát đẳng, giai tất cầu thử vi diệu pháp môn, tôn trọng thính văn, bất sanh vi bội. Đa hữu Bồ-tát dục văn thử kinh, nhi bất năng đắc. Thị cố nhữ đẳng, ưng cầu thử pháp.**

*Vì để cầu pháp, không được sanh tâm thoái chuyển, cong vạy, siểm nguy. Dù vào trong lửa lớn, cũng chẳng nên nghi ngờ, hối hận. Vì sao vậy? Vô lượng ức các vị Bồ-tát đều cầu pháp môn vi diệu này, tôn trọng lắng nghe, chẳng sanh tâm chống trái. Có nhiều vị Bồ-tát muốn nghe kinh này mà không được nghe. Vì thế các ông nên cầu pháp này.*

Đại ý của đoạn kinh văn này là: chúng sanh nếu muốn cầu đại pháp thù thắng này, thì không được sanh tâm thoái chuyển, cong vạy, siểm nguy.

*“Dù vào trong lửa lớn cũng không nên nghi ngờ, hối hận”*

Bạn muốn cầu pháp thì đừng sanh tâm thoái chuyển, thoái chuyển chính là thoái lui; cong vạy chính là gấp khúc, chống không vững, bị cong rồi; siểm nguy chính là hư vọng, là giả. Cầu pháp thì tâm phải chánh trực, như trong tứ hoằng thế nguyện nói: Pháp môn vô lượng thế nguyện học.

Đây là pháp đệ nhất của Tịnh độ tông, lại còn là kinh đệ nhất của Tịnh độ tông. Trong kinh đã nói: “Giả sử cúng dường hằng sa thánh, không bằng kiên đồng cầu Chánh giác”. Cho dù bạn cúng dường hằng sa thánh, cũng không bằng viên mãn, dưng mãn mà cầu Chánh giác. Cho nên phải tin tưởng kiên định, đừng sanh tâm thoái chuyển, cong vạy, siểm nguy. Giả như bạn cầu pháp, mà lửa lớn ập đến, bạn cũng đừng hoài nghi, đừng hối hận. Khi đức Di-đà còn ở nhân địa, “cho dù thân ở trong các khổ, nguyện tâm như vậy vĩnh viễn không thoái chuyển”. Phật sợ chúng sanh không hiểu, cho nên hỏi: Vì sao vậy?

Tiếp đến lại từ hai mặt đối lập mà hiển bày sâu xa nghĩa lý.

Một mặt nói:

*“Vô lượng ức các vị Bồ-tát đều cầu pháp môn vi diệu này, tôn trọng lắng nghe, chẳng sanh tâm chống trái”*

“Ức” chính là vạn vạn, vạn vạn nghĩa là vô biên. Vô biên Bồ-tát đều mong cầu pháp môn vi diệu này, lại còn tôn trọng, muốn nghe, không sanh tâm chống trái. Đối với lời trong kinh thì muốn nghe, không muốn làm trái.

Mặt khác lại nói: Biết bao Bồ-tát muốn nghe kinh này mà không được nghe.

Ngày nay chúng ta ở đây nghe kinh, đây là điều mà biết bao ức Bồ-tát muốn cầu mà cầu không được. Chẳng phải là nói mọi người chúng ta vượt hơn những Bồ-tát này, mà đây là nhân duyên quý báu, nhân duyên xác thật khó gặp được, cơ hội sẽ không đến lần nữa. Thời cơ như nước thủy triều, chợt lơ là thì lập tức trôi qua. Thời xưa, người đại triệt đại ngộ, họ chính là nắm chặt lấy cơ hội, nắm lấy thời cơ lập tức quyết định. Phật không gạt người, nhân duyên thuyết pháp này khó gặp được. Có rất nhiều việc mọi người đều cần chú ý, nghe một chút mật chú, nghe một chút mật pháp, thì đều phải biết rằng: [việc này] vô cùng khó gặp được, trong số ngàn vị Phật trong Hiền kiếp, chẳng có mấy vị Phật nói mật pháp. Mọi người đừng tự ti, tuy chúng ta không hành [mật pháp], nhưng vốn dĩ là Phật. Lại có nhân duyên gặp được đại pháp này, đừng để đánh mất cơ hội, đem trách nhiệm mà bản thân nên gánh vác quẳng sang một bên, phải nghe lời khuyên nhủ từ bi của Phật: Vì thế các ông nên cầu pháp này.

Tôi đã giảng xong kinh văn của phẩm thứ 43. Tiếp theo sẽ quy nạp trọng điểm một chút. Trọng điểm của phẩm kinh văn thứ 43, phẩm kinh văn này có chín trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: Ba cương lĩnh lớn để tu học Tịnh tông là gì? Trọng điểm của tu học Tịnh tông là gì? Bạn làm thế nào để thực hiện? Ba cương lĩnh lớn là tín, nguyện, hạnh. Trọng điểm tu học chính là thực hành ba cương lĩnh lớn vào trong cuộc sống.

Trọng điểm thứ hai: Vì sao Thế Tôn trong phẩm kinh văn thứ nhất của phần lưu thông, gợn gàng dứt khoát nói với chúng ta pháp môn Tịnh độ không phải là Tiểu thừa, là pháp Đại thừa, là Đại thừa trong Đại thừa, là Nhất thừa trong Nhất thừa, là pháp bảo vô thượng, dụng ý của ngài là gì? Để kiên định tín tâm tu học Tịnh độ của chúng ta, không bị ảnh hưởng bởi các loại ngôn luận tương đúng mà sai ở



bên ngoài. Vì sao có người phê bình pháp môn này? Thế Tôn nói cho chúng ta chân tướng rằng: Phạm đối với pháp môn này có ý kiến, có phê bình, là vì họ không hiểu rõ chân tướng sự thật, tóm lại một câu là: kiến giải nông cạn.

Trọng điểm thứ ba: Vì sao mười phương chư Phật Như Lai đều khuyên Bồ-tát cầu sanh Tịnh độ? Vì sao không khuyên người khác? Vì Bồ-tát nghe rồi hoan hỷ, không hoài nghi, lại còn có thể phát nguyện cầu sanh Tây Phương. Người khác không giác ngộ, không có trí tuệ, khuyên họ, họ không tin, không thể sanh ra ý nguyện cầu sanh Tây phương.

Trọng điểm thứ tư: Thiện nam tử, thiện nữ nhân trong kinh Vô Lượng Thọ nói và thiện nam tử, thiện nữ nhân trong các kinh điển khác nói, khác nhau ở chỗ nào?

Trọng điểm thứ năm: Thật sự quy y mới vào được cửa Phật, chưa chân thật quy y thì chắc chắn ở ngoài cửa, chưa vào cửa được, bạn đã vào cửa chưa? Thế nào là thật sự quy y? Thật sự quy y là quy y Tam bảo, cũng chính là quy y Tam bảo: Phật, pháp, tăng. Phật là giác, pháp là chánh, tăng là tịnh. Quy y Tam bảo chính là quy y giác, chánh, tịnh. A-di-đà Phật là Phật bảo, chúng ta phải lấy A-di-đà Phật làm chỗ nương tựa, giống như trẻ nhỏ nương tựa cha mẹ, mỗi giờ mỗi phút đều không chịu rời xa. Trong tâm mỗi niệm đều có A-di-đà Phật, thứ nào khác cũng đều có thể xả bỏ, duy chỉ A-di-đà Phật là không được rời khỏi. Kinh Vô Lượng Thọ và Phật hiệu A-di-đà Phật là pháp bảo, chúng ta nương vào bộ kinh này, chấp trì câu Phật hiệu A-di-đà Phật này thì có thể vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ. Phật hiệu A-di-đà Phật là tăng bảo, ý nghĩa của danh hiệu là “vô lượng giác”, giác thì không mê, giác thì không tà, giác thì không nhiễm. Pháp môn Tịnh độ trong vô lượng pháp môn là đạo dễ hành, dễ dàng thực hiện, phải thật sự quay về, thật sự nương vào thì mới có thể trong một đời vãng sanh, bất thoái, thành Phật.

Trọng điểm thứ sáu: Quay về là từ đâu mà quay đầu? Từ thế gian pháp mà quay đầu, từ ngũ dục lục trần mà quay đầu, từ danh văn lợi dưỡng mà quay đầu, từ tham sân si mạn nghi mà quay đầu, từ trong tất cả các pháp môn mà quay đầu, bạn đã quay đầu chưa?

Trọng điểm thứ bảy: Chúng ta tu học pháp môn Tịnh độ niệm Phật, đạt được lợi ích chân thật không thể nghĩ bàn nào vậy? Tu học pháp môn Tịnh độ niệm Phật khiến chúng ta nhận thức kinh Vô Lượng Thọ, nhận thức A-di-đà Phật, nhận

thức thế giới Tây Phương Cực Lạc. Kinh Vô Lượng Thọ là kinh đệ nhất để một đời thành Phật; pháp môn niệm Phật là pháp đệ nhất để một đời thành Phật, y theo đây mà tu hành thì là đệ tử số một của Thích-ca Như Lai. Kinh là kinh đệ nhất, pháp là pháp đệ nhất, đệ tử là đệ tử đệ nhất, cái nào cũng là đệ nhất, đảm bảo chúng ta một đời thành Phật, đây là lợi ích lớn chân thật nhất mà chúng ta đạt được, còn có lợi ích nào lớn hơn lợi ích này hay không?

Trọng điểm thứ tám: Đọc kinh Vô Lượng Thọ, niệm A-di-đà Phật, được Phật thọ ký, lâm chung biết trước ngày giờ, tự tại vãng sanh, được A-di-đà Phật tiếp dẫn, vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, thân cận A-di-đà Phật.

Trọng điểm thứ chín: Lợi ích chân thật ngay đây bèn đạt được, chẳng phải đến lúc lâm chung mới đạt được. Hiện tại được A-di-đà Phật bảo hộ, được tất cả chư Phật Như Lai mười phương tán thán, hộ niệm, được long thiên hộ pháp cùng tất cả thiện thần hộ pháp từ bi bảo hộ. Bởi vì bạn đời này nhất định sẽ bất thoái thành Phật, không cần đợi đến đời sau, cho nên lợi ích chân thật này là hiện tiền đạt được.

Từ trong chín trọng điểm mà tôi quy nạp bên trên, các bạn có cảm thấy chúng ta may mắn hay không? Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được, đại pháp vô thượng hiếm có khó gặp trong vô lượng kiếp đến nay, chúng ta đã được gặp rồi, chúng ta nên nhất tâm nhất ý mà chuyên cầu pháp này. Vì vậy Phật khuyên chúng ta: “Vì thế các ông nên cầu pháp này”, đừng hoài nghi nữa, đây quả thật là việc khó trong khó, thật sự là pháp khó tin, khó tin mà có thể tin thì có đạo lý nào mà không thành tựu. Hai câu kinh văn này nhìn thì rất cạn cợt, ý nghĩa thật sự lại sâu rộng không gì sánh. Chúng ta phải lắng lòng lĩnh hội mới có thể cảm nhận được sự khổ tâm của Thế Tôn đối với chúng ta, chúng ta phải làm thế nào mới có thể báo ân Phật? Chỉ có vãng sanh thành Phật.

Tiếp theo tôi bắt đầu giảng phẩm kinh văn thứ 44:

### **THỌ BỒ-ĐỀ KÝ ĐỆ TỬ THẬP TỬ**

Phẩm kinh văn này là khuyên tín lưu thông, nói rõ chúng sanh thời mạt pháp được uy thần của Phật gia trì nên thọ trì hiểu rõ, không thoái chuyển, chắc chắn chứng đắc, chắc chắn vãng sanh. Khuyến nhủ chuyên tu, hiển bày sự thù thắng của pháp môn. Phẩm kinh văn này là Thế Tôn vì chúng ta, những người tín thọ phụng hành kinh Vô Lượng Thọ mà thọ ký thành Phật. Đây là sự việc hiếm có khó gặp, chỗ

thù thắng nhất là thọ ký khắp tất cả thành Phật, không sót một ai, chúng ta ở trong số đó.

Mời xem kinh văn bên dưới:

**Nhược ư lai thế, nãi chí chánh pháp diệt thời, đương hữu chúng sanh, thực chư thiện bản, dĩ tăng cúng dường vô lượng chư Phật, do bỉ Như Lai, gia uy lực cố, năng đắc như thị quảng đại pháp môn, nhiếp thủ thọ trì, đương hoạch quảng đại nhất thiết trí trí. Ư bỉ pháp trung, quảng đại thắng giải, hoạch đại hoan hỷ, quảng vị tha thuyết, thường nhạo tu hành. Chư thiện nam tử, cập thiện nữ nhân, năng ư thử pháp, nhược dĩ cầu, hiện cầu, đương cầu giả, giai hoạch thiện lợi. Nhữ đẳng ưng đương an trụ vô nghi, chủng chư thiện bản, ưng thường tu tập, sử vô nghi trệ, bất nhập nhất thiết chủng loại trần bảo thành tựu lao ngục.**

*Nếu trong đời tương lai, cho đến khi chánh pháp diệt tận, mà có chúng sanh trông các gốc lành, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, do được oai lực của các đức Như Lai ấy gia hộ, mới được pháp môn quảng đại như vậy, nhiếp thủ thọ trì sẽ đạt được trí nhất thiết trí quảng đại. Đối với pháp ấy, hiểu biết lớn lao thù thắng, được hoan hỷ lớn, rộng nói cho người khác, thường thích tu hành. Những người thiện nam và người thiện nữ, đối với pháp này, nếu đã cầu, hiện cầu, hay sẽ cầu thì đều được lợi ích tốt lành. Các ông nên phải an trụ, chớ có nghi hoặc, trông các gốc lành, nên thường tu tập, khiến cho không nghi ngờ, trì trệ, chằng vào hết thấy các thứ lao ngục bằng trần bảo.*

Mời xem giải thích của đoạn kinh văn này:

*“Nếu trong đời tương lai, cho đến khi chánh pháp diệt tận”*

Một thời Phật giáo hóa trải qua ba giai đoạn: chánh pháp, tượng pháp, mạt pháp. Ở trong phẩm này, Phật khuyên người thuyết pháp tin tưởng và tu hành không thoái chuyển, tăng thêm sự khích lệ đối với người thuyết pháp, nhân đây Phật cũng khuyên hết tất cả mọi người. Ngài Gia Tường từng nói: Phật tuy đã nhập diệt, nhưng nghi quỹ, nghi thức của pháp không có sửa đổi, đây là thời chánh pháp. Phật nhập diệt đã lâu, giáo pháp biến đổi, sự làm lạc chen vào, “làm lạc” là sai lầm, “chen vào” là những thứ khác hỗn tạp xen vào, mạo xưng là Phật pháp, đây là thời tượng

pháp. Biến đổi càng lúc càng kém tệ, đến đót giai đoạn suy vi sau cùng thì chính là mạt pháp. Chánh chính là chứng đạo, Tượng chính là tương tự, Mạt chính là suy vi.

Lại Nhân Vương Kinh Sớ của ngài Thanh Long nói: “Có giáo, có hạnh, có người chứng quả thì gọi là chánh pháp”. Giáo pháp còn, tu hành còn, có người đang tu hành, có người đắc được quả, có người chứng được đạo thì gọi là chánh pháp. “Có giáo, có hạnh, nhưng không người chứng quả thì gọi là tượng pháp”. Giáo pháp vẫn còn, tu hành vẫn còn, nhưng người đắc quả chứng đạo thì không có, đây là tượng pháp. “Chỉ có giáo, không hạnh, không có người chứng thì gọi là mạt pháp”. Chỉ còn lại giáo pháp, không có người tu hành, cũng không có người chứng quả, đây gọi là mạt pháp. Hiện nay chính là thời điểm này, có giáo pháp, có chùa chiền, trong đó cũng có kinh, có tháp, có người gõ chuông đánh trống, ở trong đó niệm ê a ê a, nhưng trong tâm không biết nghĩ điều gì, cũng không biết vì sao, thì chẳng phải là thật sự tu hành. Không tu, không hành, không chứng thì đây chính là mạt pháp.

Số năm của thời chánh pháp, tượng pháp, mạt pháp có các cách nói không như nhau. Hoàng Niệm lão dùng cách nói: chánh pháp là 500 năm, tượng pháp là 1.000 năm, mạt pháp là 10.000 năm. Điều này so với chúng ta nói chánh pháp là 1.000 năm, hơi có chút khác biệt. Phật lịch lưu hành đến hiện nay là 2.500 năm. Mạt pháp cũng đã qua hơn 1.000 năm rồi, còn lại 9.000 năm thì sẽ đến thời diệt pháp. Thời tượng pháp và mạt pháp, sự làm lạc chen vào, thứ giả mạo xuất hiện, cái khác đến thay thế, mạo xưng, làm lẫn lộn. Hoàng Niệm lão nêu lên hai ví dụ:

Ví dụ thứ nhất là: Có một cuốn sách tên là “Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Du Ký”, hết sức hoang đường mà vẫn đem cuốn sách đó lưu thông thì hoàn toàn làm trái với thánh ngôn lượng, hoàn toàn là thứ gạt người, cho nên đây là sự làm lạc chen vào.

Ví dụ thứ hai là: Có người từ Mỹ mang về một cuốn băng, cứ nói là của ngài Hoàng Niệm Tổ đang niệm Phật, hoàn toàn là giả, sự làm lạc chen vào, đây là việc làm của người lãng xãng nhiều chuyện.

Khi chánh pháp diệt rồi, căn tánh của chúng sanh kém sút. Đến thời mạt pháp, chúng sanh không tu, chẳng chứng nữa. Đến thời pháp diệt thì căn cơ của con người càng kém hơn, nhưng vẫn còn có chúng sanh, do trong đời quá khứ rộng tu công đức, vẫn cúng Phật, niệm Phật.

“Mà có chúng sanh, trông các gốc lành, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật”, trong đời quá khứ, họ từng cúng dường vô lượng chư Phật, hiện nay vẫn đang cúng Phật, niệm Phật. “Do được oai lực của các đức Như Lai ấy gia hộ”, câu nói này rất quan trọng. Chúng sanh này là chỉ cho từ Đẳng giác Bồ-tát trở xuống cũng bao gồm trong đó. Trong đời quá khứ có thiện căn, ngày nay lại tu tiếp, do được oai lực của các đức Như Lai ấy gia hộ, “mới có thể được pháp môn quảng đại như vậy, nhiếp thủ thọ trì”. Chúng ta hiện nay có thể gặp được thì nên tự cảm thấy rất vui mừng, vì chính mình mà hạ quyết tâm, đừng để bỏ lỡ. Mọi người tuy rằng có tín tâm, nhưng sự quyết tâm vẫn không đủ, vấn đề chính là tin không sâu, nguyện chẳng thiết. Thế nên, mọi người nhất định phải nhiếp thủ, thọ trì thì mới có thể “sẽ đạt được trí nhất thiết trí quảng đại”.

Thế nào là nhiếp thủ? Vãng Sanh Luận nói: Hết thấy sự thành tựu công đức trang nghiêm của y báo, chánh báo cõi Cực Lạc. Ở thế giới Cực Lạc, Phật trang nghiêm, Bồ-tát trang nghiêm, cõi nước trang nghiêm, hết thấy sự thành tựu công đức này, “nói tóm lại là nhập vào trong nhất pháp cú, nhất pháp cú là câu thanh tịnh, câu thanh tịnh là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi”. Thế giới Cực Lạc toàn bộ đều là sự hiển hiện của trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Đại sư Ngẫu Ích nói: “Toàn thể của mỗi một sự trang nghiêm đều là lý tánh”. Mỗi một sự trang nghiêm, toàn thể của nó là lý tánh. Nếu bạn có thể hiểu rõ hết thấy sự thành tựu trang nghiêm của thế giới Cực Lạc đều nhập vào trong nhất pháp cú, thì bạn từ sự mà đạt được lý rồi. Từ hiện tượng mà có thể nhập vào bản thể, tin chắc vạn đức trang nghiêm nhập thẳng vào trong một câu danh hiệu, danh hiệu Di-đà chính là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Pháp thân công đức nhập vào trong nhất pháp cú, nên công đức của danh hiệu này cũng chẳng thể nghĩ bàn như vậy. Cho nên, niệm danh hiệu Phật chính là niệm pháp thân, bèn ở trong sự không thể nghĩ bàn của pháp thân, đây chính là “nhiếp thủ”.

Thọ trì là tiếp nhận, “nhiếp” thì mới có thể tiếp nhận, y giáo phụng hành. “Trì” chính là thọ trì danh hiệu, chính là thọ trì kinh này. Phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm, thọ trì kinh này chính là phải y theo kinh này mà làm.

Bồ-tát Thập địa đều không rời niệm Phật, mỗi một địa đều niệm Phật. Công đức của câu Phật hiệu này chỉ có Phật cùng Phật mới có thể hiểu rõ ráo. Cái mà chúng ta biết được thì như một giọt nước trong biển lớn, duy chỉ có Phật cùng Phật

mới có thể biết rõ ráo. Phạm phu chúng ta hãy nên thật thà mà niệm Phật. “Thật thà niệm”, ba chữ này hay vô cùng, ba chữ chân truyền là “thật thà niệm”. Chúng sanh gặp được pháp này chính là từng chút từng chút phá đi cái vốn là chính mình, nếu như không phá thì nơi nơi đều là chướng ngại.

Di-đà Yếu Giải nói: “Do trì danh nên thiện căn, phước đức đồng như Phật”. Bạn trì danh thì thiện căn, phước đức của bạn tương đồng với Phật. Chúng ta có rất nhiều đồng tu trì chú, cũng chẳng phải là bảo bạn đừng trì, cũng như vậy, chú là tâm Phật, danh là danh hiệu Phật, là không hai. Đại sư Hám Sơn nói: Nếu mọi người đều có thể niệm Phật thì tốt nhất, niệm một cách rất đặc ý, như vậy quá tốt rồi. Nếu họ niệm rất không chắc thật, không an định, không tự tại, mọi thứ đều không tương ứng, niệm không nổi, vậy chỉ bằng niệm một vài câu chú, như vậy còn hơn tọa thiền, nghiên cứu giáo lý gấp bao nhiêu lần. Vì vậy, mỗi người phải có pháp tu của chính mình, thật sự tu hành một cách triệt để. “Do trì danh nên thiện căn, phước đức đồng như Phật”, lời này của đại sư thật sự đạt được tâm tủy của mười phương Như Lai. Sự sâu xa mâu nhiệm này, sự quan trọng này là tâm tủy của mười phương Như Lai! Mười phương Như Lai đã cho mọi người thứ tốt nhất, thật sự phải nên đến tột cùng đời vị lai mà đánh lễ, cung kính câu nói này. Phật muốn độ chúng sanh, chính là muốn cho mọi người pháp phương tiện nhất. Thế nên Phật thuyết pháp cho phụ thân chính là bảo cha mình niệm Phật. Phụ thân của ngài nói: Còn có rất nhiều pháp thù thắng, vì sao ngài không dạy cho tôi? Phật nói: Không được, cha làm không được đâu, pháp này phạm thánh đều có thể làm được, vả lại trong chốc lát thiện căn, phước đức có thể tương đồng với Phật. Đây là việc không thể nghĩ bàn.

Đại sư Ngẫu Ích còn có một câu nói: “Hoàn toàn nhiếp lấy công đức của Phật làm công đức của chính mình”. Cõi nước thế giới Cực Lạc chính là cõi nước mà mình thành tựu, tự và tha không hai. Lại còn, “từ sự trì mà đạt được lý trì tức tâm phạm thành tâm Phật”, vừa vắn một câu đối. Từ sự trì mà đạt được lý trì, hai chữ “trì”, tức tâm phạm thành tâm Phật, hai chữ “tâm”, đây là một câu nói đặc sắc. Từ sự trì mới có thể đạt đến lý trì, nếu mới vào mà đã lý trì thì đó là kẻ tự dối mình, không dọa nổi người có đạo nhãn sáng suốt. “Tức tâm phạm thành tâm Phật”, bạn hoàn toàn nhiếp lấy công đức của Phật thành công đức của chính mình, thiện căn, phước đức của bạn bằng với Phật, chẳng phải là tâm Phật đó sao? Đây là pháp cực viên cực đốn.

Chúng sanh mạng pháp được sức uy thần của Phật gia hộ, gặp được pháp môn này, nhiếp thủ thọ trì thì sẽ đạt được trí nhất thiết trí quảng đại. Trí nhất thiết trí chính là trí tuệ của Phật. Nhị thừa được gọi là “nhất thiết trí”, cho nên thêm một chữ “trí” vào thì thành “trí trí”. Kinh Nhân Vương nói: “Tự tánh thanh tịnh gọi là ‘bổn giác tánh’, tức là trí nhất thiết trí của chư Phật”. Tự tánh thanh tịnh gọi là thể tánh bổn giác, chính là trí trí của hết thầy Phật. Cho nên phải hiểu rõ tự tâm, chẳng phải cầu pháp ngoài tâm. Ngày nay người có thể nghe thấy, có thể tin tưởng Tịnh độ đều là vì trong đời quá khứ đã rộng tu các điều thiện, nhớ Phật, niệm Phật, hiện nay được uy lực của chư Phật gia bị, mới có thể đạt được pháp môn quảng đại như vậy.

Pháp môn Tịnh độ này nhiếp khắp muôn pháp, không một pháp nào mà không ở trong pháp môn này, đây chính là đạo lý thập huyền của Pháp Hoa. Hết thầy pháp đều thuộc vào trong một pháp. Ngàn hạt châu trên lưới Đế Thích, một ngàn hạt châu đều ở trong một hạt châu. Thân nhiếp hết mọi loài. Một mặt thân nhiếp vạn pháp, một mặt thân nhiếp hết mọi loài, bất kể là chúng sanh nào, bạn là Bồ-tát, Thanh văn, thiên nhân, A-tu-la, người, chúng sanh trong lục đạo. Chúng sanh trong địa ngục, nếu bạn niệm Phật không ngớt, các nghiệp tiêu hết, vừa ra khỏi địa ngục thì hóa sanh trong hoa sen xanh. Cho nên là quảng đại thân nhiếp hết mọi loài. Đối với pháp môn này nếu có thể tín thọ phụng hành, thì sẽ đạt được trí nhất thiết trí, như thật mà biết rõ tự tâm vốn thanh tịnh. Sai lầm của mọi người đều ở cái tâm này, không xem trọng chân tâm của chính mình, đã quên nó rồi, đối với vọng tâm của chính mình lại đánh giá quá cao.

Nếu có thể như thật mà biết rõ tự tâm vốn sẵn thanh tịnh, vậy thì “*đối với pháp ấy, hiểu biết lớn lao thù thắng, được hoan hỷ lớn*”, pháp lạc này chẳng thể hình dung, pháp lạc này thanh tịnh.

Cho nên hãy “*rộng nói cho người khác, thường thích tu hành*”. Ở đây có ba chỗ có chữ “nói”: rộng nói cho người khác, vì người diễn nói, trì tụng nói và hành. Đây là khuyên khắp mọi người diễn nói, hoằng dương bộ kinh này. Hiện nay đã đến phần lưu thông, không diễn nói thì chẳng thể lưu thông.

Trong phẩm Nguyện Lực Hoằng Thâm có câu “*lần lượt dạy bảo lẫn nhau, lần lượt độ thoát lẫn nhau, xoay vần như vậy, lại chẳng thể tính nổi*”. Thế nên ở đây nói với chúng ta, hãy vui vẻ mà nói với mọi người, khuyên bảo dẫn dắt chúng sanh đều tiến vào trong biển nguyện Nhất thừa của đức Di-đà, cầu sanh Tịnh độ, đây mới là

chánh hạnh của việc tri ân báo ân. Cho nên chúng ta có được ân huệ này của Phật. Biết được cái ân này, tri ân thì mới có thể báo ân. Bạn mua rất nhiều đồ ăn để cúng dường Phật, A-di-đà Phật cần những đồ ăn này của bạn làm gì? Có người chích máu viết kinh, Hoàng Niệm lão nói: Máu hôi này của bạn có gì đáng quý đâu! Nói lời thành thật: cần bạn làm việc này để làm gì? Thuyết pháp có khi cần phải nhiếp thọ người, có khi cần phải chiết phục người, bởi vì họ kiêu ngạo. Tri ân thì phải báo ân, lưu thông diệu pháp, lần lượt dạy bảo lẫn nhau, đó chính là phù hợp với bốn nguyện của Như Lai. Mười phương Phật đều tán thán công đức của A-di-đà Phật.

Tiết học hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!



## TẬP 95

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Kinh Pháp Hoa nói: “Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân đối với kinh Pháp Hoa, dầu chỉ một câu mà có thể thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, cúng dường kinh quyền các thứ..., thì hết thảy thế gian phải nên chiêm ngưỡng, kính phụng người ấy, hãy nên dùng phương cách cúng dường Như Lai mà cúng dường người ấy. Nên biết người ấy là đại Bồ-tát, thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Lại nói: “Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân sau khi Ta diệt độ, có thể ngâm nói kinh Pháp Hoa cho một người, dù chỉ một câu, thì nên biết người ấy là sứ giả của Như Lai, được Như Lai sai làm chuyện của Như Lai.” Nay thiện nam tử, thiện nữ nhân! Sau khi Ta diệt độ, nếu ông có thể ngâm nói kinh Pháp Hoa cho một người, hoàn toàn không phải là công khai tranh danh đoạt lợi, đăng tòa giảng pháp, đủ mọi oai nghi. Dầu cho là rất không đủ oai nghi, dù chỉ nói một câu thì người này chính là sứ giả của Như Lai, do Như Lai phái đến, làm việc của Như Lai, hưởng hồ là nói trong đại chúng. Đây đều là tán thán công đức của kinh Pháp Hoa.

Đại sư Ngẫu Ích nói: Công đức của kinh Pháp Hoa là vô tận, mà kinh [Vô Lượng Thọ] này chính là “bí tủy của Pháp Hoa, tâm yếu của hết thảy chư Phật, kim chỉ nam cho muôn hạnh của Bồ-tát”, đều chẳng ra ngoài kinh này. Diễn nói kinh Vô Lượng Thọ cũng chính là diễn nói bí tủy của kinh Pháp Hoa, công đức không thể nghĩ bàn. Người thuyết pháp phải có tâm hoàn toàn lợi tha, nếu tham công đức thì đã thành tam độc rồi, tham công đức cũng là tham. Phải khéo gìn giữ ý niệm của chính mình, phải hết sức rõ ràng, đừng xen tạp. Ngộ nhờ bản thân vẫn chưa nắm chắc, rõ biết vẫn có sai lầm, nhưng vì danh vẫn lợi dưỡng mà nói cho người, chẳng những không có công đức, mà còn là nghiệp địa ngục.

*“Rộng nói cho người khác, thường thích tu hành, những người thiện nam và người thiện nữ, đối với pháp này, nếu đã cầu, hiện cầu hay sẽ cầu thì đều được lợi ích tốt lành. Các ông phải nên an trụ, chớ có nghi hoặc”*

Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân đối với pháp môn Tịnh độ, hoặc đã cầu, hoặc hiện nay đang cầu, cho đến tương lai cũng sẽ cầu thì đều đạt được lợi ích lớn. Các ông phải an trụ vào pháp môn này, đừng nghi hoặc. Muốn thuyết pháp làm lợi ích

cho người, trước tiên chính mình phải đoạn sạch mỗi nghi, nghi hoặc cực kỳ vi tế cũng phải đoạn sạch chúng. Hoài nghi đối với chú giải, nghi lự trùng trùng, không biết đúng hay không, lúc này phải tu đoạn hoặc. Phải thật thà trì niệm, chớ sanh nghi hoặc thì mới được lợi ích tốt lành.

Vì vậy, “*nên thường tu tập, khiến cho không nghi ngờ, trì trệ*”

Nghi căn chưa đoạn thì chính là tội căn. Để đoạn kiến hoặc này, Sơ quả phải đoạn tham, sân, si, mạn, nghi, phải đoạn nghi căn này. Làm thế nào để đoạn? Nên phải biết phương tiện. Nguyên nhân không đoạn nghi hoặc là trí tuệ chẳng đủ, huệ tâm chưa sáng tỏ. Huệ tâm của chính mình vốn là Phật, vì sao không sáng tỏ? Chính là do tam cấu: tham, sân, si; chướng ngại của tam cấu rất sâu. Muốn đoạn trừ, một mặt phải rõ lý, rõ lý thì tin sâu, tiếp đó chính là niệm Phật cho tốt. Theo đại sư Đạo Xước nói trong An Lạc Tập: “Niệm Phật tam-muội có thể trừ tất cả các chướng tham, sân, si, mạn, nghi trong quá khứ, hiện tại và vị lai”. Có tam-muội có thể trừ được chướng ở hiện tại, có tam-muội có thể trừ được chướng trong quá khứ, vị lai. Chỉ có niệm Phật tam-muội có thể trừ được các chướng trong hiện tại, quá khứ, vị lai. Các chướng chính là “cấu”, trừ được cấu rồi thì quang minh liền sanh, không còn nghi ngờ, trì trệ nữa.

Không còn nghi ngờ, trì trệ thì mới “*chẳng vào hết thấy các thứ lao ngục bằng trần bảo*”.

Vậy nên Phật khuyên các bạn chớ có nghi ngờ, có nghi thì sẽ vào biên địa nghi thành, thậm chí sanh vào nước Giải Mạn. Các loại vui sướng hưởng thụ nơi ấy được ví cho “trần bảo”, cũng chính là cung điện, lầu đài v.v. bằng bảy báu tạo thành. Tuy nhiên bạn không được tự do đi gặp Phật, cho nên lại ví như “lao ngục” hòng khiến cho mọi người đoạn nghi, chính là đừng chạy vào trong lao ngục đó. Chư thiên, Nhị thừa, nước Giải Mạn, biên địa nghi thành đều thuộc về lao ngục bằng trần bảo.

Nước Giải Mạn cách phía Tây thế giới này của chúng ta 12 ức na-do-tha, vừa khớp giữa đường đi đến thế giới Cực Lạc. Người sống ở đó do tham luyến niềm vui ở nước đó, ai nấy đều sanh khởi tâm lý giải đãi, kiêu mạn, không muốn tiến thêm một bước để vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc.

An Lạc Tập đề xướng thật thà niệm Phật: “Xung danh cũng như vậy, chỉ cần chuyên chí tương tục chẳng gián đoạn thì nhất định sanh đến trước Phật”. Mỗi một niệm đều bất khả đắc. Một niệm này đi đâu mất rồi? Bất khả đắc! Đây chính là trí tuệ. Rõ biết là bất khả đắc nhưng vẫn niệm, tương tục chẳng gián đoạn thì chính là công đức. Vậy nên, Bồ-tát chính là dùng công đức ấy để tu tâm mình, trang nghiêm thân mình. Tuy người mới bắt đầu học không thể phá tướng, bởi vì trí tuệ chẳng đủ, “nhưng nếu có thể nương vào tướng mà chuyên chí thì không ai mà không vãng sanh, không cần ngờ vực!” Nương vào tướng là quan trọng, dù bạn nương vào tướng, nhưng bạn lại chuyên chí thì không ai mà không vãng sanh. Dùng trí tuệ vô tướng mà trông các góc đức, đó chính là bậc thượng căn lợi khí, là cảnh giới của Bồ-tát, người thông thường rất khó lĩnh hội, càng không cần nói đến tu hành. Nhưng bạn chỉ cần nương vào tướng mà chuyên chí, bạn biết được có thể giới Cực Lạc, có A-di-đà Phật, cúng Phật là tướng, niệm Phật cũng là tướng, bạn bèn nương vào cái tướng ấy. “Chuyên” là chuyên tâm, “chí” là chuyên nhất đến mức tột cùng. Thế nào gọi là có tướng và vô tướng đều không quan tâm, chỉ lo niệm trước mắt một câu A-di-đà Phật, thật thà niệm trước mắt một câu này thì không ai mà không vãng sanh. Thế nào là có tướng, vô tướng, lia tướng v.v...? Đó là chuyện của người vãng sanh bậc thượng, hạng thông thường vẫn đều là cõi Phạm Thánh Đồng Cư, đạt đến bậc trung thật không hề dễ. Thế nên những thứ này đều là bí tạng của Tịnh độ tông, là tâm tủy của Tịnh độ tông. Thật sự có thể y giáo phụng hành, nương vào tướng này mà chuyên tâm chí niệm, dầu chưa lia tướng cũng có thể thâm hợp đạo màu, nhất định vãng sanh. Nương vào tướng mà chuyên chí thì phàm phu cũng có thể làm được. Lia tướng là cảnh giới của Bồ-tát, kinh Kim Cang nói: “Lìa hết thấy các tướng thì gọi là chư Phật”, việc này tâm sanh diệt của phàm phu chẳng thể làm nổi. Vậy nên diệu dụng của Tịnh độ tông thâm hợp đạo màu, là phương tiện nhất trong các phương tiện.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**A-dật-đa! Như thị đẳng loại đại uy đức giả, năng sanh Phật pháp quảng đại dị môn. Do ư thử pháp, bất thính văn cố, hữu nhất ức Bồ-tát thoái chuyển A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nhược hữu chúng sanh, ư thử kinh điển, thư tả, cúng dường, thọ trì, độc tụng, ư tu du khoảnh, vị tha diễn thuyết, khuyến**

**linh thánh văn, bất sanh ưu não, nãi chí trú dạ tư duy bĩ sát, cập Phật công đức, u Vô thượng đạo, chung bất thoái chuyển.**

*Này A-dật-đa! Các bậc đại oai đức như vậy có thể sanh khởi pháp môn quảng đại khác biệt trong Phật pháp. Do không được nghe pháp này, nên có một ức Bồ-tát thoái chuyển đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu có chúng sanh, đối với kinh này, biên chép, cúng dường, thọ trì, đọc tụng, trong khoảnh khắc vì người điễn nói, khuyên họ lắng nghe, không sanh ưu não, cho đến ngày đêm tư duy cõi ấy và công đức của Phật thì đối với đạo Vô thượng, trọn không thoái chuyển.*

Đại ý của đoạn kinh văn này là: Phật gọi tên của Bồ-tát Di-lặc, mọi người cần biết rằng, phàm là trong kinh điển, trong pháp hội, khi Phật gọi tên người đương cơ thì đây là đặc biệt nhắc nhở chú ý, đoạn văn khai thị phía sau nhất định vô cùng quan trọng.

*“Các bậc đại oai đức như vậy”*

Chỉ cho người đối với pháp môn này hiểu sâu không nghi, cũng chính là tu học pháp môn này không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, người như vậy chính là bậc đại oai đức.

*“Có thể sanh khởi pháp môn quảng đại khác biệt trong Phật pháp”*

“Sanh” là sanh khởi, “pháp môn quảng đại khác biệt” chính là chỉ cho pháp môn đặc biệt, chẳng phải là pháp môn thông thường. “Pháp môn quảng đại khác biệt” ở đây chính là chỉ cho các pháp ngoài pháp môn Tịnh độ. Những bậc đại oai đức này đối với các pháp ngoài pháp môn Tịnh độ có thể lý giải, điễn nói v.v.. Pháp môn đặc biệt chính là bộ kinh Vô Lượng Thọ, bộ kinh điển này chính là “pháp môn quảng đại khác biệt” trong Phật pháp, chính là “đại đạo nằm ngoài tất cả pháp môn” mà cổ đức đã nói. Bộ kinh Vô Lượng Thọ này là pháp môn quảng đại khác biệt mà Thích-ca Mâu-ni Phật đã nói, sau khi chúng ta đọc xong, từ trong tâm sanh khởi ra pháp môn như vậy thì mới tương ưng với Phật. Trong tâm sanh khởi pháp môn này, bạn đọc bộ kinh này thì chẳng phải là kinh do Thích-ca Mâu-ni Phật nói. Vậy kinh này từ đâu ra? Là chân kinh từ trong tự tánh lưu lộ ra. Kinh này là từ tự tánh của Thích-ca Mâu-ni Phật lưu lộ ra. Ngày nay tôi phúc giảng bộ kinh này, thì cũng là từ trong tự tánh của tôi mà lưu lộ ra. Vì sao vậy? Bởi vì tự tánh của chúng ta cùng

với tự tánh của Phật là một, chẳng phải hai. Từ đây, chúng ta mới hiểu rõ hàm nghĩa chân thật của từ “có thể sanh khởi”.

Người như thế nào có thể sanh khởi? Không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, tâm hạnh của người này chẳng những tương ứng với A-di-đà Phật, với Thích-ca Mâu-ni Phật, mà cùng với mười phương ba đời tất cả chư Phật đều là tâm hạnh tương ứng, tâm hạnh hòa vào nhau. Giống như ánh sáng đèn vậy, ánh sáng chiếu rọi vào nhau, chẳng phân biệt được đây kia. Vào được cảnh giới này, hiểu rõ thật tướng của sự việc này, chúng ta mới hốt nhiên đại ngộ, người xưa nói “một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật”, không hề gạt chúng ta, đây quả là sự thật. Thông thường chúng ta đọc câu này, đọc rất quen thuộc, nhưng lĩnh ngộ không sâu, không biết đó là thế nào. Đọc đoạn kinh văn này mới hiểu rõ ý nghĩa thật sự của câu nói này.

*“Có một ức Bồ-tát thoái chuyển đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”*

Một ức Bồ-tát này chính là chỉ cho những người học Phật chúng ta hiện nay. Phần trước kinh này đã nói: Bồ-tát tiểu hạnh chưa từng nghe bộ kinh này, nên học Phật vài năm bèn thoái chuyển, không còn tâm đạo nữa. Vì sao không còn? Do rớt vào trong tất cả các loại lao ngục bằng trần bảo. Hãy quan sát kỹ giới Phật giáo trong xã hội hiện nay, có bao nhiêu người chui vào tất cả các loại lao ngục bằng trần bảo vậy? Vì sao họ chui vào đó? Bởi vì không nghe thấy pháp môn này, nên một ức Bồ-tát thoái chuyển đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Không phải chỉ cho người khác, mà chính là người học Phật trên thế giới này chưa gặp được pháp môn này, hoặc đã gặp được pháp môn này nhưng họ không tin pháp môn này.

Vì sao thoái chuyển? Có ba nguyên nhân. Thứ nhất: nghiệp chướng của chính mình nặng. Thứ hai: sức dụ hoặc của ngoại ma mạnh. Thứ ba: không có uy thần của chư Phật Như Lai gia trì, nên thoái chuyển đạo Vô thượng Bồ-đề. Lúc mới phát tâm thì đều thật sự tu học đạo Vô thượng Bồ-đề, thời gian lâu rồi thì bị ma dụ hoặc, rớt vào danh văn lợi dưỡng, đây chính là thoái chuyển. Việc này đáng để cho chúng ta cảnh giác cao độ. Chúng ta nhìn thấy người khác thoái chuyển thì hãy nghĩ xem chính mình có thoái chuyển hay không? Chúng ta nhìn thấy mọi người mê lầm, thì hãy nghĩ xem bản thân có mê lầm hay không? Việc này vô cùng quan trọng. Gặp được bộ kinh này thì phải sanh tâm hoan hỷ lớn.

“*Biên chép*”, ngày nay gọi là “lưu thông”; “*cúng dường*” chính là phụng hiến. Người khác không biết pháp môn Tịnh độ, chúng ta giới thiệu cho họ, đây là pháp cúng dường. Loại cúng dường này đều tôn quý hơn so với cúng dường tất cả trần bảo trên thế gian. Chúng ta cúng dường cho chúng sanh pháp bảo Tịnh tông, nếu họ có thể tin hiểu, thọ trì thì chắc chắn được vô lượng vô biên lợi ích lớn chẳng thể nghĩ bàn, đời này của họ sẽ được vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, niêm Phật vãng sanh, bất thoái thành Phật. Vô lượng kiếp đến nay không gặp được cơ hội thoát ly lục đạo luân hồi, đời này gặp được rồi, cơ hội đời này họ gặp được là do bạn phụng hiến cho họ. Chúng ta nên đem pháp môn vô thượng này cúng dường cho hết thảy chúng sanh, hãy tu phổ cúng dường.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Bỉ nhân lâm chung, giả sử tam thiên đại thiên thế giới mãn trung đại hỏa, diệt năng siêu quá, sanh bỉ quốc độ. Thị nhân dĩ tăng trị quá khứ Phật, thọ Bồ-đề ký, nhất thiết Như Lai đồng sở xưng tán. Thị cố ưng đương chuyên tâm tín thọ, trì tụng, thuyết hành.**

*Người ấy khi lâm chung, giả sử tam thiên đại thiên thế giới ngập tràn lửa lớn, cũng có thể vượt qua, sanh về cõi nước kia. Người ấy đã từng gặp các đức Phật quá khứ và được thọ ký Bồ-đề, được tất cả Như Lai đồng tán thán. Vì thế, phải nên chuyên tâm tin nhận, trì tụng, giảng nói, tu hành.*

“Người ấy” là chỉ cho người nào vậy? Chỉ cho người đối với kinh điển này biên chép, cúng dường, thọ trì, đọc tụng, trong khoảnh khắc vì người diễn nói. Người như vậy đến khi lâm chung, giả như địa cầu này của chúng ta, hệ ngân hà, tam thiên đại thiên thế giới đều bị lửa lớn thiêu hủy, người ấy vẫn có thể vượt qua được, vãng sanh đến thế giới Cực Lạc.

*“Người ấy đã từng gặp các đức Phật quá khứ và được thọ ký Bồ-đề”*

Thọ ký tức là Phật thọ ký cho họ trước khi họ thành Phật: “Người này tương lai nhất định thành Phật”. Thích-ca Mâu-ni Phật được Phật Nhiên Đăng thọ ký cho. Có người thấy nghe bộ kinh điển này có thể biên chép, cúng dường, thọ trì, đọc tụng, vì người diễn nói, cho đến ngày đêm tư duy về nước ấy v.v..., người này trong quá khứ đã từng gặp được Phật, đã từng được thọ ký, được tất cả Như Lai đồng tán thán.

Trong kinh nói tam thiên đại thiên thế giới ngập tràn lửa lớn, việc này không phải là giả thiết, mà chỉ cho nạn lửa. Kiếp thành, kiếp trụ, kiếp hoại, kiếp không, mỗi một kiếp đều có thời gian 20 tiểu kiếp. Sau kiếp trụ là kiếp hoại, sau kiếp hoại thì là không. Sau kiếp hoại có ba nạn: lửa, gió và nước. Lúc đó nạn lửa cháy khắp, đại thiên đều hủy hoại, ngay cả bụi tro đất cát cũng đều bị thiêu sạch. Đây là nạn lửa, cả vũ trụ đều tan vỡ. Giả sử xảy ra trận nổ bom hạt nhân lớn, người ấy ở trong hoàn cảnh này vẫn có thể an nhiên vãng sanh. Vậy nên, hiện tại mọi người phải nên chuyên tâm tin nhận, trì tụng, diễn nói, tu hành, y giáo phụng hành.

Tôi đã giảng xong kinh văn phẩm thứ 44, tiếp theo quy nạp trọng điểm một chút.

Trọng điểm của phẩm kinh văn thứ 44, phẩm kinh văn này có bảy trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: Mỗi một vị Phật xuất hiện ở thế gian, sự giáo hóa của ngài có thể chia thành ba thời kỳ. Ba thời kỳ này được gọi chung là “pháp vận”. Pháp vận của Thích-ca Mâu-ni Phật là 12.000 năm, chánh pháp là 1.000 năm, cũng có cách nói là 500 năm. Khi đó, sau khi Phật diệt độ không lâu, giáo học cho đến phương pháp tu học để lại đều không bị biến chất, vô cùng thuần chánh nên gọi là chánh pháp. Tượng pháp là 1.000 năm, đây là 1.000 năm thứ hai sau khi Phật diệt độ, khi đó cách thời chánh pháp càng lúc càng xa, người truyền pháp không tránh khỏi mắc sai lầm, càng truyền càng làm lạc. Tuy có sai lầm nhưng vẫn không xem là quá lớn, nương theo đó mà tu hành thì vẫn có thể thành tựu. Tuy có sai lầm, nhưng về cơ bản vẫn không đến nỗi, nên gọi là thời kỳ tượng pháp. “Tượng” nghĩa là tương tự, tương tự thì không thuần chánh. Mạt pháp là 10.000 năm. Sau khi qua thời chánh pháp và tượng pháp, bắt đầu từ 1.000 năm thứ ba chính là thời kỳ mạt pháp. Chúng ta chính là sanh ra sau 1.000 năm thời kỳ mạt pháp, hiện nay là thời kỳ đầu của 1.000 năm thứ hai thời kỳ mạt pháp. Mạt pháp còn lại độ chừng 9.000 năm. Thời kỳ mạt pháp, chúng ta nên tu hành như thế nào? Xin các đồng tu hãy ghi nhớ kỹ: Thời kỳ chánh pháp thì giới luật thành tựu, thời kỳ tượng pháp thì Thiên định thành tựu, thời kỳ mạt pháp thì Tịnh độ thành tựu.

Trọng điểm thứ hai: Đời này vì sao chúng ta có thể gặp được pháp môn Tịnh độ niệm Phật? Chúng ta trong đời quá khứ, các kiếp lâu xa về trước đã nghe đến danh hiệu A-di-đà Phật, cũng đã niệm vài câu, cho nên đã tích lũy vun trồng thiện căn, đã kết duyên với A-di-đà Phật, được uy lực của đức Như Lai ấy gia trì. Chúng

ta trong đời quá khứ đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, ngày nay vô lượng chư Phật luôn luôn gia trì chúng ta, đều bảo hộ chúng ta, khiến chúng ta trong đời này nghe được pháp môn Tịnh độ niệm Phật, nhân duyên này không phải là ngẫu nhiên.

Trọng điểm thứ ba: Sự thù thắng, quảng đại của pháp môn này chẳng thể nào nói nổi. Chúng sanh trong tận hư không, khắp pháp giới đều là đối tượng độ thoát của pháp môn này, không giống với pháp môn khác, chỉ độ thoát một bộ phận chúng sanh, bạn làm thế nào trên quý cái cơ duyên khó được gặp này đây?

Trọng điểm thứ tư: Bạn hiểu đoạn lời nói này của lão pháp sư như thế nào: “Kinh điển này, chúng ta có thể giảng không? Giảng không nổi. Có thể giảng một chút là do tất cả chư Phật Như Lai gia trì. Tôi giảng, các bạn có thể nghe, cũng có thể nghe hiểu, nghe rất hoan hỷ, năng lực này từ đâu mà có vậy? Vẫn là uy thần của chư Phật gia trì, cho nên mới được hoan hỷ lớn”. Người giảng kinh nhất định được uy thần của mười phương ba đời chư Phật Như Lai gia trì. Người nghe kinh chắc chắn được uy thần của mười phương ba đời chư Phật Như Lai gia trì. Đạo tràng giảng kinh chắc chắn được uy thần của mười phương ba đời chư Phật Như Lai gia trì.

Trọng điểm thứ năm: Hết thầy pháp thế xuất thế gian đều xả bỏ, chỉ nắm lấy pháp môn Tịnh độ niệm Phật, đây chính là kinh điển và ta nhiếp thọ lẫn nhau. Kinh nhiếp thọ ta, ta nhiếp thọ kinh, nhiếp thọ, dung nạp lẫn nhau. Kinh Vô Lượng Thọ chính là ta, ta chính là bộ kinh Vô Lượng Thọ sống động hoạt bát. Làm được điểm này thì bạn chính là hóa thân của A-di-đà Phật, đảm bảo bạn thượng phẩm thượng sanh.

Trọng điểm thứ sáu: Pháp môn niệm Phật là pháp môn có chướng duyên ít nhất, bản thân bạn có cảm nhận như thế không?

Trọng điểm thứ bảy: Phẩm kinh văn này là Thế Tôn vì mỗi một người tín thọ, phụng hành kinh Vô Lượng Thọ mà thọ ký thành Phật cho tất cả, chúng ta cũng ở trong đó, đây là việc hiếm có khó gặp.

Tiếp theo tôi bắt đầu giảng phẩm kinh văn thứ 45:

## **ĐỌC LƯU THỬ KINH ĐỆ TỨ THẬP NGŨ**



Phẩm kinh văn này là lưu kinh lưu thông, hiển lộ rõ lòng đại từ đại bi của Thế Tôn. Sau khi Phật pháp diệt rồi, vẫn lưu kinh này trụ thế 100 năm, độ khắp chúng sanh khổ nạn thời mạt pháp.

Mời xem kinh văn bên dưới:

**Ngô kim vị chư chúng sanh, thuyết thử kinh pháp, linh kiến Vô Lượng Thọ Phật, cập kỳ quốc độ nhất thiết sở hữu, sở đương vi giả, giai khả cầu chi. Vô đắc dĩ ngã diệt độ chi hậu, phục sanh nghi hoặc.**

*Ta nay vì các chúng sanh mà nói kinh pháp này, khiến họ thấy được Phật Vô Lượng Thọ và hết thảy mọi thứ ở cõi nước ngài, việc đáng nên làm thì đều có thể cầu được. Chớ để sau khi Ta diệt độ rồi, lại sanh nghi hoặc.*

Đại ý của đoạn kinh văn này là: Thích-ca Mâu-ni Phật nói, hôm nay Ta nói bộ kinh này cho tất cả chúng sanh, nói pháp môn niệm Phật thành Phật này, bây giờ Ta để cho mọi người nhìn thấy Phật Vô Lượng Thọ và cõi nước của ngài, A-di-đà Phật và tất cả chư Phật trong mười phương thế giới toàn bộ đều hiện thân. Ngài Anan và mọi người tham gia pháp hội khi đó đều nhìn thấy A-di-đà Phật, nhìn thấy y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc. Chẳng những như vậy, mà còn nhìn thấy vô lượng vô biên chư Phật, cõi nước của các ngài và hết thảy mọi thứ.

*“Việc đáng nên làm thì đều có thể cầu được”*

Hội Sớ giải thích hai câu này là: Việc đáng nên làm là hãy nên thực hiện nguyện-hạnh vãng sanh. Bạn vì việc vãng sanh mà phát nguyện này, làm viên mãn nguyện này, đây là việc bạn nên làm. Điều có thể cầu được, điều có thể dựa theo kinh Phật mà đạt được nó, thấy đều có thể cầu được. Mọi người nhìn thấy đó, tất cả nguyện và hạnh ở thế giới Tây Phương Cực Lạc đều có thể đạt được.

Thế Tôn lại dặn dò: Đừng để sau khi Ta diệt độ rồi, đối với pháp môn này, đối với bộ kinh điển này lại sanh hoài nghi, lại khởi mê hoặc, vậy thì sai rồi. Lần thứ ba Phật lại khuyên nhủ dẫn dắt chúng sanh, đối với pháp môn này, đối với bộ kinh điển này không được sanh nghi hoặc. Nếu có nghi hoặc thì đừng cố đề nó xuống, mà hãy thông qua việc xem kinh, nghe pháp tháo gỡ mối nghi này, phải tỉnh pháp, trừ bỏ mối nghi này. Ngày nay chúng ta đối với kinh này, hãy nên giống với sự phấn khởi

mà Thích-ca Mâu-ni Phật năm xưa còn tại thế đã giảng kinh cho chúng ta, nhất định không có nghi hoặc. Hội này so với hội năm xưa là không hai không khác.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận, ngã dĩ từ bi ai mẫn, đặc lưu thử kinh, chỉ trụ bá tuế. Kỳ hữu chúng sanh, trị tư kinh giả, tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ.**

*Đời tương lai, kinh đạo diệt tận, Ta vì lòng từ bi, thương xót, đặc biệt lưu kinh này lại một trăm năm. Nếu có chúng sanh nào, gặp được kinh này, tùy theo ý nguyện, đều được độ thoát.*

*“Đời tương lai, kinh đạo diệt tận”*

Đây chỉ cho 12.000 năm pháp vận của Thích-ca Mâu-ni Phật đã đến hồi kết thúc, Phật pháp ở thế gian này hoàn toàn tiêu mất, hết thấy mọi kinh điển đều bị tiêu diệt trên thế gian này, kinh đạo đều bị diệt hết.

Đại sư Thiện Đạo nói: “Vạn năm Tam bảo diệt, kinh này trụ trăm năm”. Sau 10.000 năm, Tam bảo trên thế gian đều bị diệt hết, sau cùng kinh này vẫn còn trụ thế 100 năm. Đây là sự việc sau 9.000 năm, cách chúng ta hiện nay còn khá xa vời. Vì sao bị tiêu diệt vậy? Chúng ta hiện tại không cần khởi vọng tưởng, bởi vì nghĩ cũng không nghĩ ra, điều Phật nói với chúng ta đương nhiên là chân tướng sự thật. Chín ngàn năm sau, kinh Phật, giáo học của Phật biến mất khỏi thế gian này, Phật dùng uy thần của ngài gia trì, khiến bộ kinh này vẫn còn có thể lưu thông ở thế gian 100 năm. Bộ kinh này sẽ bị tiêu diệt sau cùng, chúng ta phải từ đoạn kinh văn này lĩnh hội được giá trị của bộ kinh điển này thì mới có thể lĩnh hội được sự thù thắng không sánh của bộ kinh này, chúng ta bèn nương vào bộ kinh điển này mà tu hành.

Kinh Pháp Diệt Tận nói rằng kinh Lăng-nghiêm diệt trước hết. Tịnh Ảnh Sớ nói: Kinh Đại Niết-bàn diệt trước tiên. Tóm lại, hai bộ kinh này bị diệt trước, hai bộ kinh này đều nói về Phật tánh, nói về Phật tánh thì mọi người đều không dễ lý giải, cho nên sẽ bị diệt trước tiên. [Chúng ta] vẫn chưa nhìn thấy kinh Niết-bàn bị như vậy, nhưng kinh Lăng-nghiêm hiện nay đã thấy rất là rõ ràng, Lăng-nghiêm Bách Ngụy thì nói: kinh Lăng-nghiêm là giả. Thế nhưng hiện nay vẫn có người đang hộ trì Lăng-nghiêm, pháp sư Viên Anh giảng kinh Lăng-nghiêm, đã giảng hơn 100

lần. Một ngàn năm sau, Lăng-nghiêm Bách Ngụy có khả năng sẽ trở thành thánh kinh, còn kinh Lăng-nghiêm không có người niệm, nên bị diệt mất. Các kinh lần lượt bị diệt mất, kinh Vô Lượng Thọ bị diệt sau cùng.

*“Ta vì lòng từ bi, thương xót, đặc biệt lưu kinh này lại một trăm năm”*

“Kinh này” chính là kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Pháp Diệt Tận giải thích vấn đề này rất rõ ràng. Lời Phật nói quả nhiên là như vậy, các loại kinh điển có thể chứng minh điều này. Xin nêu ví dụ, đèn dầu khi sắp tắt thì đột nhiên lóe sáng, con người khi sắp chết thì hồi quang phản chiếu. Pháp cũng như vậy, lúc sắp diệt tận thì vẫn có người có thể tiếp nhận kinh Vô Lượng Thọ. Lúc này quang minh trí tuệ của họ hiện ra vượt hơn trước đây, nên trong 100 năm này được gặp kinh Vô Lượng Thọ vẫn có thể được độ. “Ta dùng lòng từ bi, thương xót mà đặc biệt lưu lại kinh này”, lưu lại kinh khác, tuy là thánh giáo của Phật, nhưng chúng sanh không thể nhờ những kinh điển đó mà được độ. Kinh Kim Cang tốt, chúng ta đều tán thán cùng cực, “vô trụ sanh tâm”, “phàm tất cả tướng đều là hư vọng”, đều là pháp tuyệt vời, nhưng bạn đều không hiểu được, lại không biết làm thế nào, còn kinh Vô Lượng Thọ thì chỉ cần bạn biết niệm Nam-mô A-di-đà Phật là được.

Cho nên hiện nay không thể trách các pháp sư được, đã灭 pháp rồi, vị A-xà-lê sau cùng chỉ biết niệm A-di-đà Phật, như vậy đã rất thù thắng rồi, thứ khác họ không biết, thời tiết, nhân duyên chính là như vậy. Chính nhờ quang minh này mà được độ. Sau cùng có thể nói được bốn chữ [A-di-đà Phật] này, trên trời xuất hiện bốn chữ này, họ bèn nhìn thấy, họ được độ. Lại trải qua thời gian thì không còn gì nữa.

Khi pháp sắp diệt, *“nếu có chúng sanh nào, gặp được kinh này”*, chúng sanh có thể gặp được kinh này thì nhất định có thể làm thỏa mãn nguyện vọng của bạn, *“đều được độ thoát”*, đều có thể được độ. Vào thời pháp diệt tận, nghe kinh này đều có thể được độ. Hiện nay căn cơ của chúng ta tốt hơn nhiều, chúng ta gặp được thì tất nhiên được độ, vượt thoát sanh tử, đạt đến Niết-bàn.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Như Lai hưng thế, nan trị nan kiến. Chư Phật kinh đạo, nan đắc, nan văn. Ngộ thiện tri thức, văn pháp năng hành, thử diệt vi nan. Nhược văn tư kinh, tín nhạo thọ trì, nan trung chi nan, vô quá thử nan.**

*Như Lai xuất hiện ở đời khó gặp, khó thấy. Kinh đạo của chư Phật, khó được, khó được nghe. Gặp thiện tri thức, nghe pháp xong có thể tu hành, điều ấy cũng là khó. Nếu nghe kinh này rồi tin ưa, thọ trì thì là việc khó nhất trong các việc khó, không gì khó hơn.*

Đoạn kinh văn này chẳng phải một mình Thích-ca Mâu-ni Phật nói, mà tất cả chư Phật đều nói như vậy. Pháp môn Tịnh độ là pháp khó tin, dễ tu tập, khó tin, nhưng dễ thực hành. Sự khó tin này chẳng phải chỉ cho người thông thường khó tin, mà chỉ cho các Thanh văn, Bồ-tát đều khó tin tưởng. Bao gồm những người gọi là thành phần trí thức của thế gian chúng ta, đặc biệt là thành phần trí thức cấp cao thì càng khó tin.

Tiếp theo, chúng tôi sẽ nói trọng điểm về năm điều khó.

*“Như Lai xuất hiện ở đời khó gặp, khó thấy”*, đây là điều khó thứ nhất.

Như Lai xuất hiện ở thế gian là việc không dễ gì gặp được, không dễ gì thấy được. Ví dụ, Thích-ca Mâu-ni Phật nhập diệt đã hơn 3.000 năm rồi, vị Phật tiếp theo phải 56 ức 7 ngàn vạn năm sau mới xuất hiện ở đời. Đây chính là khó gặp, khó thấy.

*“Kinh đạo của chư Phật, khó được, khó được nghe”*, đây là điều khó thứ hai.

Cho dù bạn gặp được Phật, Phật giảng kinh thuyết pháp, bạn không đi nghe, hoặc là đi nghe rồi nhưng nghe không hiểu. Thế nên người có thể nghe kinh pháp không nhiều, người có thể nghe hiểu thì càng ít, nhất là cơ duyên có thể nghe đến pháp môn này thì rất ít. Chúng ta nghe đến bộ kinh điển này, nghe đến pháp môn này thì phải trân quý gấp đôi.

*“Khó gặp được thiện tri thức”*, đây là điều khó thứ ba.

Học Phật, tu đạo, gặp được một vị thiện tri thức chân chánh rất khó, thiện tri thức chân chánh, kiến giải, tư tưởng, phương thức giáo học của họ đều chính xác, không có sai lầm. Vị thầy như vậy có thể gặp, chẳng thể cầu. Đến đâu mà tìm? Việc này phải dựa vào duyên phận, cũng là phước báo. Gặp được vị thầy tốt thật sự thì một đời không đi con đường oan uổng, đây là phước báo lớn. Gặp phải người thầy bất thiện, họ chỉ sai đường cho bạn, bạn sẽ đi rất nhiều con đường oan uổng, bỏ lỡ rất nhiều thời gian, lãng phí rất nhiều tinh lực, đáng sợ nhất là một đi không trở lại, vừa sai một cái là tới đáy luôn, đoạn mất pháp thân huệ mạng.

“*Nghe pháp xong có thể tu hành, điều ấy cũng là khó*”, đây là điều khó thứ tư.

Nghe được pháp rồi, còn có thầy dạy dỗ, vấn đề ở chỗ có thể hiểu sâu nghĩa thú, y giáo phụng hành hay không, chính là có thể dốc sức thực hành hay không? Nếu không thể hoàn toàn y giáo phụng hành thì gặp được cũng như không gặp được.

“*Nếu nghe kinh này rồi tin ưa, thọ trì thì là việc khó nhất trong các việc khó*”, đây là điều khó thứ năm.

Nếu bạn gặp được bộ kinh này, pháp môn này rồi y giáo phụng hành, thì năm cửa ải khó đột phá này bạn đều vượt qua hết, việc này xác thật là rất hy hữu. Đây gọi là sóng lớn đãi cát, cát đi vàng ở lại. Có thể “tin ưa, thọ trì” hay không là điểm mấu chốt quyết định bạn đi hay ở lại.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 96

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Phần sau cùng của tiết học trước, tôi đã giảng đến năm điều khó, năm điều khó này là: Điều khó thứ nhất, Như Lai xuất hiện ở đời khó gặp, khó thấy; điều khó thứ hai, kinh đạo của chư Phật khó được, khó được nghe; điều khó thứ ba, khó gặp được thiện tri thức; điều khó thứ tư, nghe pháp xong có thể tu hành, điều ấy cũng là khó; điều khó thứ năm, nếu nghe kinh này rồi tin ưa, thọ trì thì là việc khó nhất trong các việc khó.

Tiết học này, trước hết tôi nói trọng điểm về điều khó thứ ba: khó gặp được thiện tri thức.

Viên Giác Kinh Đại Sớ nói: “Khéo hiểu chân, biết vọng”. Biết được chân, nhận thức được vọng, “biết bệnh rành thuốc” thì gọi là thiện tri thức. Có thể phân biệt rõ ràng chân-vọng, thông đạt chân tế, biết căn cơ của chúng sanh, bệnh nằm ở đâu, rồi cho họ thuốc thì gọi là thiện tri thức.

An Lạc Tập căn cứ vào lời trong kinh Pháp Cú nói: “Thiện tri thức có thể thuyết các pháp sâu xa”. Thiện tri thức có thể nói các pháp rất sâu, “đó là: không, vô tướng, vô nguyện, các pháp bình đẳng, vô nghiệp, vô báo, vô nhân, vô quả, rốt ráo như như, trụ trong thật tế”. Tất cả những điều này đều là bản thể, “nhưng trong ‘rốt ráo không’ lại rỗng ràng lập ra hết thủy pháp thì gọi là thiện tri thức”. Định nghĩa này về “thiện tri thức” rất rõ ràng, như lửa mạnh hừng hực, rỗng ràng nơi “rốt ráo không” mà lập ra hết thủy pháp.

Đại sư Vĩnh Minh nói: “Kiến lập đạo tràng trắng trong nước, làm Phật sự lớn ở trong mộng”. “Thiện tri thức là cha mẹ các ông, vì dưỡng dục thân Bồ-đề của các ông”, dưỡng dục các ông, bồi dưỡng thân Bồ-đề của các ông. “Thiện tri thức là tròng mắt của các ông”, là mắt của các ông, khiến các ông nhìn thấy tất cả các con đường thiện ác rõ ràng. “Thiện tri thức là thuyền lớn của các ông”, đưa các ông ra khỏi biển khổ sanh tử. “Thiện tri thức là dây cương của các ông”, có thể kéo các ông ra khỏi sanh tử.

Sau cùng kinh Pháp Cú còn nói: “Hết thầy chúng sanh muốn đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì nên thân cận thiện tri thức, thưa hỏi pháp yếu”. Đây là nói về tầm quan trọng của việc gặp được thiện tri thức.

Muốn chứng Bồ-đề thì nên cầu bạn lành, cầu như thế nào? Đoạn khai thị của kinh Viên Giác là hay nhất: “Chúng sanh đời Mạt toan phát đại tâm, cầu thiện tri thức, hòng tu hành thì nên cầu người có chánh tri kiến đối với hết thầy, tâm chẳng trụ tướng, chẳng đắm trong cảnh giới Thanh văn, Duyên giác, không chấp trước cảnh giới của Nhị thừa. Họ tuy hiện trong trần lao nhưng tâm hằng thanh tịnh; thị hiện có các lầm lỗi, nhưng khen ngợi phạm hạnh, chẳng khiến cho chúng sanh làm điều trái với luật nghi.” Họ không khiến cho chúng sanh phạm giới, người chủ trương phá giới thì không phải là thiện tri thức. Tuy họ có sai lầm, nhưng họ chủ trương chánh tri, chánh kiến. “Cầu người như vậy thì sẽ thành tựu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.” Điều kiện này không hề thấp. Họ phải biết bạn có chánh tri chánh kiến hay không, trình độ của bạn ra sao, ít nhất họ phải biết thế nào là chánh tri chánh kiến, họ còn có thể phát hiện người này có khuyết điểm gì, đây là căn cơ đặc biệt.

Đại sư Khuê Phong nói trong Viên Giác Kinh Đại Sớ rằng: “Khéo thông đạt giác tánh, chẳng do tu mà sanh, quyết trạch vô nghi thì gọi là chánh tri kiến.” “Giác tánh” chính là tánh giác diệu minh, tánh giác chính là cái giác của bốn tánh, là diệu minh (quang minh vi diệu). Khéo thông đạt giác tánh mà bản thân vốn có. Đó là thứ bạn vốn có, chẳng đến từ bên ngoài. Đây là “chỗ tu hành chẳng đạt đến nổi”, tức là chỗ mà các kiểu tu hành chẳng thể đạt đến được. Nhưng sau khi đạt “vô tâm tam-muội” thì chợt sờ đến, chạm vào, chẳng phải là chỗ mà tu hành có thể trực tiếp đạt đến được, cho nên gọi là “chẳng do tu mà sanh”. Thế nhưng thật sự là cũng phải tu, tu đức có công thì tánh đức mới hiển lộ. Tuy chẳng phải do tu mà sanh ra, nhưng vẫn chẳng thể lìa khỏi sự tu hành. “Quyết trạch” là phân biệt các loại pháp, cái nào là lớn nhỏ, cái nào là chánh tà, cho nên họ “có thể khéo phân biệt các pháp tướng”. “Vô nghi” chính là “không dao động khỏi Đệ Nhất Nghĩa”, đây là hai câu của Hoa Nghiêm. Tuy chẳng dao động khỏi Đệ Nhất Nghĩa, nhưng vẫn có thể khéo phân biệt các pháp tướng, quyết trạch vô nghi, đây gọi là “chánh tri kiến”.

Kinh Viên Giác nói: Thời mạt pháp, phải cầu người có chánh tri kiến, tâm chẳng trụ tướng. Đại Sớ nói: Tâm chẳng trụ tướng là lìa khỏi cảnh giới phiền não của phàm phu. “Nếu còn bận tâm đến một chút pháp thì đều gọi là trụ tướng”, nếu

vẫn còn một chút pháp nhỏ nhoi trong tình kiến, thì tình trạng này chính là có phân biệt. Cho nên nói: Đừng kết bạn với vạn pháp, nếu có dính mắc với một chút pháp thì đều gọi là trụ tướng. “Thậm chí với Bồ-đề, Niết-bàn còn chẳng chấp trước”, muốn nắm lấy Bồ-đề, muốn chứng Niết-bàn, đây là chấp pháp nghiêm trọng. Pháp và ngã đều không được chấp trước, huống hồ là cảnh giới huyền mộng của thế gian. Vì thế, “chẳng nên trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp để sanh tâm; hãy nên không trụ vào đâu mà sanh tâm. Đã được tâm vô trụ thì liền khế hợp với Viên Giác”. Không trụ vào đâu mà sanh tâm thì Bồ-tát Địa thượng mới có thể đương cơ.

Kinh Xung Tán Đại Thừa nói: “Thà ở địa ngục trăm ngàn kiếp, trọn chẳng phát tâm Nhị thừa”. Chỗ độc đáo đặc biệt thù thắng của Phật pháp Đại thừa là: Thà ở địa ngục trăm ngàn kiếp, cũng chẳng phát tâm Nhị thừa, điều này phù hợp với bản tâm của Phật. Nói Hoa Nghiêm, Niết-bàn thì mọi người không hiểu, đành phải nhân nhượng cầu toàn, chịu theo căn khí của chúng sanh mà nói một vài pháp của Thanh văn, Duyên giác thì cũng được xem là chánh pháp. Thế nhưng Phật nói đây là hạt giống hư, mầm đã rang chín, nếu bạn dừng lại ở đây thì sẽ phụ tấm lòng của Phật. Cho nên, “thà ở địa ngục trăm ngàn kiếp, trọn chẳng phát tâm Nhị thừa”. Theo giới luật của Mật tông, ở trong chúng Thanh văn bảy ngày thì bị xem là phá giới. Vì vậy kinh Viên Giác nói: “Phải tìm người có chánh tri kiến đối với hết thảy, tâm chẳng trụ tướng, không đắm trong cảnh giới của Thanh văn, Duyên giác, tuy hiện trong trần lao nhưng tâm hằng thanh tịnh, thị hiện có các lầm lỗi, nhưng khen ngợi phạm hạnh, chẳng khiến cho chúng sanh làm điều trái với luật nghi”. Đại sư Khuê Phong nói rất hay: “Người hoại kiến, tuy chẳng hoại hạnh, nhưng chẳng thể làm con mắt đạo cho chúng sanh”, họ chẳng thể trở thành con mắt tu đạo cho chúng sanh. “Dẫu hoại hạnh, nhưng kiến giải chẳng sai lầm thì vẫn là ruộng phước chân thật thù thắng cho trời người”. Người thông thường luôn điên đảo ở chỗ này. Pháp ngữ của chư đại đức đều rất có trọng lượng, rất có sức cảm hóa, rất có sức truyền cảm hứng.

Đại Trí Độ nói: “Đối với các bậc sư tôn nên tưởng như Thế Tôn”. Đối với các vị thầy thì nên xem như Phật vậy. “Nếu có người có thể khai hiển, giải thích nghĩa sâu, cởi mở nghi kết [cho mình]”, bạn có nghi hoặc thì họ tháo gỡ cho bạn, họ có thể tháo gỡ gút mắc này, “thì hãy hết lòng cung kính”, tận hết tấm lòng mà cung kính họ, “chẳng nghĩ đến các điều xấu khác [của họ]”, họ có thói xấu gì thì cũng đừng



ngĩ đến. Ví như túi dơ đựng ngọc, bạn không thể vì cái túi dơ mà không cần đến viên ngọc. “Ban đêm đi trên đường hiểm, kẻ tệ hại cầm đuốc”, ban đêm bạn đi trên con đường hiểm, chẳng thể vì người cầm bó đuốc như nhuốc mà không dùng đến bó đuốc của họ để chiếu sáng. Bò-tát cũng như vậy, “nhờ thầy mà được trí tuệ quang minh thì chẳng bận tâm đến thói xấu của thầy”. Thiên tông cũng như vậy, “nếu muốn cầu đạo Vô thượng, thứ nhất chớ nghi ngờ thầy”, bạn chỉ cần hái quả để ăn thì cần gì quan tâm đến nhánh cây là ngang hay dọc. Vì vậy, “cầu người như thế thì thành tựu được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.

Đại Sớ lại nói: “Chỉ nên khéo thờ minh sư, gặp việc thì minh sư ắt sẽ chỉ dạy”. Chỉ cần bạn có thể khéo phụng sự vị thầy có tuệ nhãn sáng suốt, đến lúc cần thì vị thầy này sẽ chỉ dạy khai thị cho bạn. Giống như Thiện Tài đồng tử ở chỗ đức Văn-thù, khi cơ duyên chín muồi, đức Văn-thù bèn bảo ngài đi thân cận bạn lành, giới thiệu từng người một, mãi cho đến vị thứ 53, tự nhiên sẽ đạt được sự chỉ dạy.

Kinh Pháp Cú có 21 tỉ dụ: Thiện tri thức là cha mẹ, tài bảo, thân mạng v.v. “Thiện tri thức có vô lượng công đức như vậy, nên Ta dạy các ông thân cận họ.” “Đại chúng nghe xong, khởi thân lớn tiếng than khóc, tự nghĩ bản thân trong bao kiếp đến nay, nhờ thiện tri thức bảo hộ”, tự mình nghĩ đến bao nhiêu kiếp đến nay có biết bao thiện tri thức đang bảo hộ mình. Cho nên ngày nay mình mới có thể nhìn thấy Phật, mình đã được lợi ích, nhưng trước giờ chưa từng báo đáp công ơn của thiện tri thức, cũng chẳng tiếp tục đến thân cận họ. Nói xong điều này thì khởi thân than khóc.

Vậy nên, phẩm Phổ Giác của kinh Viên Giác khuyên mọi người: “Chúng sanh thời mạt pháp, nếu muốn tu hành thì phải nên trọn đời cúng dường, phụng sự thiện hữu, phụng sự thiện tri thức”. Khuyên người tu hành đem thân mạng ra cúng dường bậc thiện hữu. Làm thế nào cúng dường cung kính vậy? Trước hết phải y giáo phụng hành. Chẳng phải là món đồ về mặt vật chất, hoặc là sự lễ kính bề ngoài. Thiện tri thức khó cầu, mà bạn gặp được rồi, sự chỉ dạy của thiện tri thức dành cho bạn, nếu bạn chẳng thể tin thọ phụng hành, thì vị lương y này cũng đành bó tay hết cách, thế nên gặp rồi cũng như chưa gặp. Vì vậy, đối với sự giáo hóa của thiện tri thức, hãy nên nghe rồi có thể tin, tin rồi có thể hành, việc này khó lắm thay, khó lắm thay. Trong kinh nói: “Gặp thiện tri thức, nghe pháp xong có thể tu hành, điều ấy cũng là khó”.

“Nếu nghe kinh này rồi tin ưa, thọ trì thì là việc khó nhất trong các việc khó”. Nếu bạn có thể nghe đến bộ kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ này, rồi rất vui mừng tin nhận thì là việc khó nhất trong các việc khó, không có việc gì khó hơn việc này. Việc khó này chẳng phải là nói pháp môn này khó tu, mà là nói người như vậy, thiện căn phước đức nhân duyên như vậy khó có, khó tìm. Trong các kinh khác, Phật đều nói cả, nhưng thật sự khai bày tỏ rõ pháp môn Tịnh độ dạy người vãng sanh thì chỉ có bộ kinh Vô Lượng Thọ này là toàn diện nhất. Nhân duyên khó gặp, cho nên nói là khó lắm thay.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Nhược hữu chúng sanh đắc văn Phật thanh, từ tâm thanh tịnh, dũng được hoan hỷ, y mao vi khởi, hoặc lệ xuất giả, giai do tiền thế, tăng tác Phật đạo, có phi phạm nhân. Nhược văn Phật hiệu, tâm trung hồ nghi, u Phật kinh ngữ, đô vô sở tín, giai tùng ác đạo trung lai, tức ương vị tận, vị đương độ thoát, cố tâm hồ nghi, bất tín hướng nhĩ.**

*Nếu có chúng sanh được nghe tiếng Phật hiệu, từ tâm thanh tịnh, hơn hờ hoan hỷ, lông tóc dựng đứng, hay mắt rơi lệ, đều do đời trước đã từng hành Phật đạo, nên không phải là người phạm. Nếu nghe Phật hiệu, mà trong lòng hồ nghi, đối với lời kinh Phật đều chẳng tin thì đều là từ ác đạo đi ra, tức ương chưa dứt, chưa được độ thoát, nên tâm hồ nghi, chẳng thể tin tưởng nổi.*

Đại ý của đoạn kinh văn này là: Nếu có chúng sanh nghe thấy tiếng Phật hiệu, căn cứ theo bản dịch thời Ngô, tiếng Phật hiệu chính là tiếng Phật hiệu A-di-đà Phật. Bởi vì danh hiệu Phật bao gồm vạn đức, chúng sanh nghe danh bèn có thể tiếp nhận, sanh khởi tâm từ bi, tâm thanh tịnh. Thanh tịnh chính là thuần tịnh vô cấu, không có tạp loạn; hoan hỷ chính là trong tâm vui mừng; hơn hờ chính là biểu hiện ra nơi thân và miệng; lông tóc dựng đứng chỉ cho lỗ chân lông khắp trên thân thể đều dựng lên; mắt rơi lệ là nước mắt tuôn rơi; từng hành Phật đạo chính là từ trong Phật đạo mà ra. “Phật đạo” là đạo Vô thượng Bồ-đề mà Phật chứng đắc. Việc tu hành trên nhân địa cũng gọi là đạo, có thể đạt được hết thảy vạn hạnh trên quả địa Phật thì gọi là “Phật đạo”. Nói tóm lại, những chúng sanh này đã từng tu hành, tâm đã từng hướng đến đạo Bồ-đề của Phật, chẳng phải là người phạm. Đời trước họ đều hành Phật đạo, chẳng phải là người thể tục thông thường.

Ngược lại, “*nếu nghe Phật hiệu mà trong lòng hồ nghi, đối với lời kinh Phật đều chẳng tin thì đều là từ ác đạo đi ra, tức uơng chưa dứt, chưa được độ thoát, nên tâm hồ nghi, chẳng thể tin tưởng*”.

Trái lại, nếu có người nghe đến lời kinh, một chút cũng chẳng tin, nghe đến Phật hiệu A-di-đà Phật, trong tâm hồ nghi. Hồ ly là loài vật có tâm nghi cực nặng, qua sông vào mùa đông, con người chỉ cần nhìn thấy dấu chân của hồ ly đi phía trước thì bạn cứ yên tâm mà đi. Bởi vì hồ ly hoài nghi nhất, nó đi vài bước, liền nghe ngóng xem bên dưới có tiếng nước chảy hay không, nếu như an toàn, không có vấn đề gì thì nó mới qua. Nếu con người hồ nghi không tin thì là từ ba đường ác mà đến. “*Tức uơng chưa dứt*”, họa uơng, nghiệp chướng trong đời quá khứ vẫn chưa tiêu trừ hết. “*Chưa được độ thoát*”, chưa phải đến lúc được độ thoát, thời tiết nhân duyên vẫn chưa chín muồi, nên trong tâm của bạn hồ nghi, cuồng loạn. Trong kinh Kim Cang nói: “*Vào đời mạt pháp sau này, có người thọ trì, đọc tụng kinh này, được nhiều công đức, nếu Ta nói ra đầy đủ, sẽ có kẻ nghe rồi, tâm ắt cuồng loạn, hồ nghi chẳng tin*”. Trong đời sau này, dầu đem rất nhiều thân mạng ra bố thí vẫn không bằng dùng bốn câu kệ của kinh Kim Cang mà nói cho người.

Cho nên pháp môn này càng thù thắng thì người thế gian càng khó tin. Pháp môn Tịnh độ là pháp khó tin trong hết thảy thế gian, pháp khó tin như vậy mà bạn có thể sanh lòng tin thì chứng minh bạn chẳng phải người phàm, mà là người hiếm có trong hết thảy thế gian. Đối với Viên giáo này có thể sanh khởi lòng tin chân thật, tiến thêm một bước có thể sanh ra viên giải, viên giải thì mới có thể viên tu, đây gọi là “viên nhân”. Viên nhân chẳng phải là nói hiện tại đều đầy đủ tất cả tam minh, lục thông, đó đều là chuyện cón con bên rìa đạo thánh. Nhưng mọi người luôn có hứng thú với nó, đây đều là sự việc ngoài rìa, cón con trong đạo thánh. Mật tông nói: “*Quyết định kiến tông*”. “*Kiến*” là việc trước tiên phải giải quyết, sau khi kiến rồi thì mới có tu, có tu thì mới có hành, có hành thì mới có quả. Chữ “*kiến*” này mọi người phải hết sức chú ý, nó không phải là “*ngộ*”, cũng không phải là “*lý giải*”, mà là ở giữa hai cái này. “*Kiến*” trong Đại Mật tông chính là viên kiến. Niệm Phật thì thành Phật, hoàn toàn nhiếp thọ công đức của Phật làm công đức của chính mình, đây đều là “*viên kiến*”. Bạn niệm Phật một ngày như vậy thì bằng với người khác niệm một kiếp, chớ có hoài nghi, có khả năng không chỉ là một kiếp, hoàn toàn là do người đó (người đó chính là mình).

Tôi đã giảng xong phẩm kinh văn này, tiếp theo xin quy nạp trọng điểm một chút. Trọng điểm của phẩm kinh văn thứ 45, phẩm kinh văn này có 8 trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: Thích-ca Mâu-ni Phật tuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ, dùng sức uy thần của ngài đem A-di-đà Phật, cùng y chánh trang nghiêm ở thế giới Tây Phương Cực Lạc của A-di-đà Phật, cùng với chư Phật mười phương, và sự trang nghiêm nơi cõi nước của các ngài, đều bày ra trước mắt đại chúng dự hội, việc này vì sao như vậy? Mắt thấy thì mới là thật, giải trừ nghi hoặc; “việc đáng nên làm thì đều có thể cầu được”.

Trọng điểm thứ hai: Thích-ca Mâu-ni Phật vì sao dặn dò mọi người rằng, sau khi ngài diệt độ, đối với bộ kinh này, đối với pháp môn này không được sanh hoài nghi. Biện pháp giải quyết nghi hoặc là gì vậy? Phật có đại trí tuệ, có năng lực phán đoán trước tình hình, biết rằng chúng sanh thời mạt pháp càng càng khó giáo hóa, đối với bộ kinh này, đối với pháp môn này nhất định sẽ sanh hoài nghi, cho nên đặc biệt dặn dò. Nếu có nghi thì đừng đè nén, hãy đọc kinh, niệm Phật, nghe pháp để giải trừ nghi hoặc, cũng có thể thân cận thiện tri thức để đáp nghi giải hoặc.

Trọng điểm thứ ba: Đại sư Thiện Đạo nói: “Vạn năm Tam bảo diệt, kinh này trụ trăm năm”, bạn đã cảm nhận được giá trị của kinh Vô Lượng Thọ chưa?

Trọng điểm thứ tư: Bạn có biết nội dung cụ thể về năm điều khó mà kinh Vô Lượng Thọ đã nói hay không? Bạn đối với năm điều khó này, bản thân có lĩnh hội gì? Xét xem bản thân bạn đã đột phá được mấy điều khó rồi? Như Lai ra đời khó gặp, khó thấy, là điều khó thứ nhất. Kinh đạo của chư Phật, khó được, khó được nghe, là điều khó thứ hai. Khó gặp được thiện tri thức, là điều khó thứ ba. Nghe pháp xong có thể tu hành, điều ấy cũng là khó, là điều khó thứ tư. Nếu nghe kinh này rồi tin ưa, thọ trì thì là việc khó nhất trong các việc khó, là điều khó thứ năm.

Trọng điểm thứ năm: “Thà ở địa ngục trăm ngàn kiếp, trọn chẳng phát tâm Nhị thừa”. Bạn nhận thức hàm nghĩa sâu sắc của câu nói này như thế nào? “Hạt giống hư, mầm đã rang chín” mà Phật nói là chỉ cho ai mà nói vậy? Bạn nhận thức thế nào?

Trọng điểm thứ sáu: “Đối với các bậc sư tôn nên tưởng như Thế Tôn”. Bạn nên làm thế nào để đối đãi với thầy? Xin cúng dường tham khảo: Đối với thầy thì nên đối đãi như là Phật vậy, hết lòng cung kính; chẳng nghĩ đến các điều xấu

khác; muốn cầu đạo Vô thượng, thứ nhất đừng nghi ngờ thầy; thường niệm ân thầy, lúc nào cũng không quên báo ân thầy.

Trọng điểm thứ bảy: Nghi là chướng ngại lớn trên đường tu hành, sự nguy hại của nó cực lớn, bạn có biết căn nguyên của nghi nằm ở đâu không? Nếu bạn là người có tâm nghi nặng thì bạn làm thế nào đối mặt và giải quyết vấn đề này?

Trọng điểm thứ tám: Bạn lý giải câu nói dưới đây như thế nào? Thiện tri thức là cha mẹ các ông, vì dưỡng dục thân Bồ-đề của các ông; là tròng mắt của các ông, khiến các ông nhìn thấy tất cả các con đường thiện ác rõ ràng; là thuyền lớn của các ông, đưa các ông ra khỏi biển khổ sanh tử; là dây cương của các ông, có thể kéo các ông ra khỏi sanh tử.

Tiếp theo tôi bắt đầu giảng phẩm kinh văn thứ 46:

### **CÀN TU KIÊN TRÌ ĐỆ TỬ THẬP LỤC**

Phẩm kinh văn này là phó chúc lưu thông. Phật giảng bộ kinh này sắp viên mãn rồi, đối với tất cả Bồ-tát, đối với tất cả đệ tử phát nguyện thọ trì tu học pháp môn này, ngài ân cần dặn dò.

“Phải siêng tu, giữ vững”, bạn rất cần mãi tu hành, đây chính là tâm đồng mãnh. Đồng mãnh không khó, khó ở chỗ giữ vững được dài lâu, đồng mãnh dài lâu, siêng tu giữ vững. Nghe được kinh pháp, biết được con đường, hiểu rõ đạo lý rồi. Tôn chỉ cũng rõ ràng rồi thì phải nghiêm túc tu hành, giữ vững, không bị hết thầy làm dao động. Có một số người gặp chút khó khăn thì cho rằng tôi tu bao nhiêu năm mà sao chẳng hề linh. Điều đáng sợ hơn hết là “viên đạn bọc đường”, cuộc sống được cải thiện, công việc nhiều hơn, bận đến lo không xuể, trong đầu chứa nhiều việc, ít Phật pháp, đây đều là bị hoàn cảnh xoay chuyển.

Mời xem kinh văn bên dưới:

**Phật cáo Di-lặc: “Chư Phật Như Lai vô thượng chi pháp, thập lục vô úy, vô ngại vô trước, thậm thâm chi pháp, cập ba-la-mật đẳng Bồ-tát chi pháp, phi dị khả ngộ. Năng thuyết pháp nhân, diệt nan khai thị. Kiên cố thâm tín, thời diệt nan tao. Ngã kim như lý tuyên thuyết như thị quảng đại vi diệu pháp môn, nhất thiết chư Phật chi sở xưng tán, phó chúc nhữ đẳng, tác đại thủ hộ”.**

*Phật bảo ngài Di-lặc: “Pháp vô thượng của chư Phật Như Lai như: thập lực, vô úy, pháp vô ngại, vô trước thậm thâm, cùng với pháp của Bồ-tát như: ba-la-mật v.v. chẳng dễ gặp được. Người có thể thuyết pháp cũng khó khai thị. Hãy tin sâu kiên cố, vì cũng khó gặp được thời cơ này. Ta nay như lý tuyên nói pháp môn vi diệu, rộng lớn, được hết thấy chư Phật khen ngợi này, phó chúc cho các ông thực hiện sự thủ hộ lớn lao”.*

Sáu câu đầu của đoạn kinh văn này hết sức quan trọng:

*“Phật bảo ngài Di-lặc: Pháp vô thượng của chư Phật Như Lai như: thập lực, vô úy, pháp vô ngại, vô trước thậm thâm, cùng với pháp của Bồ-tát như: ba-la-mật v.v.”.*

Trong những câu kinh văn này, Phật đã ba lượt tán thán pháp môn niệm Phật thành Phật.

Lần tán thán thứ nhất, *“pháp vô thượng của chư Phật Như Lai”.*

Trì danh niệm Phật rốt cuộc là pháp môn như thế nào? Chẳng phải là pháp của một mình Thích-ca Mâu-ni Phật, cũng chẳng phải là pháp của riêng A-di-đà Phật, mà là pháp vô thượng của chư Phật Như Lai. Đại sư Thiện Đạo nói: “Như Lai sở dĩ xuất hiện ở đời chỉ để nói bốn nguyện hải của đức Di-đà”. Đại sư không nói phóng đại, từ trong lời văn của câu này tìm được căn cứ rằng: pháp vô thượng là không có pháp nào khác có thể vượt hơn, nên gọi là “vô thượng”. Đại sư Đàm Loan nói: “Cùng tận lý, thấu tột tánh”, hiểu rõ cùng tận bản tánh của lý, đều hiểu rõ rồi, đều thấu tỏ rồi, không có cái nào ở trên cái này nữa, nên gọi là “vô thượng”. Bồ-tát Long Thọ trong Đại Trí Độ Luận nói: “Thế nên biết rằng không có pháp nào hơn được Niết-bàn”. Niết-bàn có ba đức: pháp thân đức, bát-nhã đức, giải thoát đức.

Lần tán thán thứ hai, *“thập lực, vô úy, pháp vô ngại, vô trước thậm thâm”.*

“Thập lực, vô úy, vô ngại, vô trước” là pháp như thế nào vậy? Tổ sư đại đức phán giáo gọi đây là pháp Nhất thừa. Duy chỉ có Hoa Nghiêm, Pháp Hoa mới có thể xứng với “thập lực, vô úy, vô ngại, vô trước”.

Thập lực là mười loại lực dụng của Phật, cái sau cùng là “lậu tận trí lực”, “lậu tận thông”. Trí tuệ và sức mạnh này “đối với tất cả vọng hoặc, tập khí thì vĩnh viễn đoạn dứt, chẳng còn sanh khởi”. Chẳng những hoặc không sanh nữa, mà đã đoạn dứt

kiến tư hoặc, trần sa hoặc, vô minh hoặc đều không sanh khởi nữa, tập khí cũng không sanh nữa. Có thể đoạn tập khí thì chỉ có Phật. Như tôn giả Kiều-phạm-ba-đề trong đời quá khứ là trâu, đời này ăn cơm vẫn còn thói quen nhai lại. Có thể đoạn hết tất cả vọng hoặc, tập khí, vĩnh viễn đoạn dứt, chẳng còn sanh khởi, có thể biết được như thật, chẳng còn thọ thân sau nữa, đây là lực dụng thứ mười.

“Vô úy” chỉ cho Phật thuyết nhất thiết trí vô sở úy, nói bốn loại vô sở úy như: lậu tận vô sở úy v.v.

“Vô ngại” ví như ánh sáng của hai ngọn đèn, ánh sáng của ngọn đèn này và ánh sáng của ngọn đèn kia, đôi bên dung nhiếp, hòa nhập vào nhau, trọn khắp cả căn phòng, ánh sáng dung thông thành một thể, đây chính là “vô ngại”. Phật pháp vô ngại, thông đạt tự tại.

“Vô trước” là không có chấp trước. Nắm chặt không buông thì chính là “chấp”; “trước” chính là dính mắc không thoát ra, dính vào đó. Nắm lấy giống như con khỉ nhảy tới nhảy lui trên cây, tay này vừa buông, tay kia bèn nắm lấy. Dính chặt giống như con bướm ngài bị dính vào mạng nhện, chẳng thể thoát ra được, đây chính là “trước”. Chấp trước chính là nghĩa như vậy. Vậy Phật pháp thì sao? “Hoa sen không thấm nước, nhật nguyệt không đứng yên trên không”, không dính mắc, chẳng trụ vào đâu. Nhật nguyệt không dừng lại trên không trung, nếu dừng lại thì sẽ rơi xuống. Học vật lý thì sẽ hiểu được, nếu không có chuyển động tròn thì không thể tiếp tục theo quỹ đạo mà tiến tới. Nhật nguyệt chuyển động trên không mà không dừng ở trên không, vận hành không ngừng nghỉ, quang minh chiếu khắp. Hoa sen không thấm nước, hoa sen chẳng những mọc từ bùn nhơ, mà còn mọc lên từ nước, nhưng lại không thấm nước, sau đó nở ra đóa sen thù thắng viên mãn vạn đức. Đây chính là “vô trước”.

Lần tán thán thứ ba, *“cùng với pháp của Bồ-tát như: ba-la-mật v.v.”*

Tất cả pháp mà Như Lai nói là pháp thậm thâm. Tâm Kinh nói: “Khi thực hành pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa”, đây chẳng phải là ba-la-mật mà Tiểu thừa có thể hiểu được, mà là bát-nhã sâu xa. Pháp này là Đại thừa trong Đại thừa, Nhất thừa trong Nhất thừa. *“Là pháp thậm thâm”*, chẳng những sâu, mà còn rất sâu. “Pháp của Bồ-tát như: ba-la-mật v.v.”, Bồ-tát tu lục độ, lục độ ba-la-mật. Lục độ bao gồm vạn hạnh. Ý nghĩa của ba-la-mật là “đến bờ kia”. Chúng ta luân chuyển không ngừng trong sanh tử, đây là bờ bên này. Muốn đến bờ bên kia, chẳng những

bản thân vượt qua, mà muốn tất cả chúng sanh đều vượt qua thì đó là Bồ-tát. Pháp của Bồ-tát “*chẳng dễ gặp được*”, chẳng phải dễ dàng là có thể gặp được. Xác thật là như vậy, rất khó rất khó.

*“Người có thể thuyết pháp cũng khó khai thị”*

Đây là thật. “Người có thể thuyết pháp” là chỉ cho pháp sư giảng kinh thuyết pháp. Họ giảng kinh khác thì dễ, pháp thông thường thì dễ khai thị, giảng kinh này thì chẳng dễ dàng. Pháp này là pháp thâm thâm của Như Lai, đây là pháp của Bồ-tát như: ba-la-mật v.v. là pháp có thể sang bờ bên kia, chẳng phải ngôn ngữ văn tự có thể biểu đạt được. Có người có thể nghiên cứu, hiểu được một chút đạo lý thì cho là như vậy, đó hoàn toàn chẳng phải như vậy. Nhưng trước hết vẫn phải là hiểu rồi mới nói, phải từ đây mà đi. Tuy nhiên cái này không phải là hiểu. Ví dụ muốn đi đâu thì trước hết xem bản đồ, tìm được nơi muốn đi đến trên bản đồ rồi, nhưng chẳng phải là bạn đã đến nơi.

*“Hãy tin sâu kiên cố, vì khó gặp được thời cơ này”*

Cho nên chúng ta phải tin sâu nguyện thiết, không phải tin hời hợt. Tín đồ Phật giáo hiện nay, mười người thì hết chín người mê tín, hoặc tin hời hợt. Ví dụ, đem quan niệm của ngoại đạo xem thành Phật pháp mà chính mình không hay biết, nói ra thì hết sức hùng hồn. Ví dụ, “nếu tôi không cung kính Phật thì Phật sẽ nổi giận”, Phật mà còn nổi giận, “Phật sẽ trách móc, trách phạt tôi”, đây là hạ thấp Phật xuống thành thần. Vì vậy, bạn có thể sanh ra lòng tin sâu vững chắc, khi đó cũng chẳng dễ. Như “rùa mù gặp bông cây nổi”, con rùa mù ở trong biển mênh mông, chạm vào một khúc cây có lỗ bông, vừa hay đầu của nó chui qua đúng lỗ bông đó, ngoi lên hít thở không khí. Việc này ví với việc chúng ta nghe được Phật pháp rồi tu hành, gặp được cơ hội khó có được này, bạn nắm chặt lấy, có thể tu hành, có thể giữ vững thì rất không dễ dàng. Vậy nên phải tưởng “như rùa mù gặp bông cây nổi”, vì khó gặp được thời cơ này.

*“Ta nay như lý tuyên nói”*

Tuyên nói không khó, như lý mới khó. Lý là lý thể, là chân như. Theo lý thể mà nói thì chính là theo chân như mà nói, chính là như như mà nói. Kinh Kim Cang nói: “Thế nào là vì người diễn nói? Như như bất động”. Như như, bạn nói “như như” này, là như cái như nào vậy? Người có thể thuyết pháp cũng khó khai thị, vì không



đạt được cảnh giới “như như”. Phật chính là “như như bất động” mà nói. Chẳng phải là tâm này của ta không động thì là “như”, mà không hề lìa khỏi “như như”, đều ở trong “như như”. Nói cũng được, không nói cũng được, cầm hoa cũng được, rửa chân cũng được, đều là như như. Khi Phật rửa chân thì cũng đều đang nói pháp vô thượng.

*“Tuyên nói pháp môn vi diệu, rộng lớn như vậy”*

Đây là lời kết của kinh Vô Lượng Thọ, đương nhiên những gì Phật nói ra đều là vô lượng pháp môn vi diệu, rộng lớn. Nếu nói theo pháp hội kỳ này, thì chuyên chỉ cho kinh Vô Lượng Thọ là pháp môn vi diệu, rộng lớn. Vì sao nói là vi diệu, rộng lớn? Bởi vì pháp môn này trọn đủ vạn đức, độ khắp các căn cơ. Danh hiệu này là vạn đức trang nghiêm, trên từ đại Bồ-tát, dưới đến chúng sanh địa ngục, ngũ nghịch thập ác đều có thể vãng sanh. Cánh cửa này không ai mà không vào được, thế nên gọi là pháp môn rộng lớn. Vì sao gọi là vi diệu? Bởi vì bạn niệm Phật thì thiện căn phước đức sẽ nhanh đồng với chư Phật, hoàn toàn thâm nhiếp trọn công đức của Phật thành công đức của chính mình, đây chẳng phải là vi diệu sao? Nhanh đồng với chư Phật, thần diệu khó nghĩ bàn, nên gọi là vi diệu. Pháp môn này được tất cả chư Phật xưng tán.

Trong kinh A-di-đà, các đức Phật ấy đều xưng tán A-di-đà Phật, cũng xưng tán Thích-ca Mâu-ni Phật có thể làm được việc rất khó khăn hiếm có. Thích-ca Mâu-ni Phật có thể làm ra sự việc hiếm có, vô cùng vô cùng khó khăn. Có thể ở thế giới Ta-bà, nơi cõi nước này là ngũ trược ác thế, cái gì cũng là trược, trong thế giới xấu ác với kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sanh trược, mạng trược, mà ngài nói cho các chúng sanh pháp khó tin trong hết thủy thế gian. Chúng sanh ở cõi này cứng cõi hơn cõi trời, còn có trí tuệ, chịu dùng trí tuệ để đoạn dục, cho nên Phật có thể đến nói pháp khó tin. Vào lúc này, ở nơi này còn có chúng sanh nghe pháp, được độ, đây là việc rất khó khăn hiếm có, cho nên mười phương Phật đều xưng tán.

Chúng ta lại thấy tên của kinh A-di-đà là kinh Phật Thuyết A-di-đà và kinh Vô Lượng Thọ là một bộ kinh, gọi là đại kinh, tiểu kinh, đại bản, tiểu bản. Kinh Phật Thuyết A-di-đà vốn được gọi là kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm. Tên gọi đã nói rất rõ ràng vấn đề, người trí nhìn tựa đề kinh bèn biết được toàn bộ ý nghĩa. Pháp môn Tịnh độ là pháp môn có công đức không thể nghĩ bàn, được tất cả chư Phật hộ niệm, hộ trì, tán thán. Do đây, Thế Tôn

dẫn dò ngài Di-lặc và đại chúng dự hội phải thực hiện sự thủ hộ lớn lao, ý nghĩa này tốt đẹp biết bao. Pháp môn này vượt hơn các pháp môn, bộ kinh này vượt hơn tất cả kinh điển, là hiếm có đệ nhất. Phật nói: “Nương theo pháp môn này mà tu hành thì là đệ tử số một của Ta”. Thủ hộ pháp môn này thì phải tận tâm hơn so với sự thủ hộ hàng đầu, vượt hơn thường tình thì mới gọi là “lớn lao”. Bạn có đồng ý làm ra sự thủ hộ lớn lao đối với kinh Vô Lượng Thọ hay không?

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 97

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Vị chư hữu tình trường dạ lợi ích, mặc linh chúng sanh luân đọa ngũ thú, bị thọ nguy khổ. Ứng cần tu hành, tùy thuận ngã giáo, đương hiểu ư Phật, thường niệm sư ân, đương linh thị pháp cứu trụ bất diệt, đương kiên trì chí, vô đắc hủy thất, vô đắc vi vọng, tăng giảm kinh pháp.**

*Làm lợi ích cho các hữu tình trong đêm dài, chẳng để cho chúng sanh chìm đắm đọa lạc trong năm đường, chịu đủ mọi nguy nan, khổ ách. Nên siêng tu hành, thuận theo giáo pháp của Ta, nên hiểu với Phật, thường nhớ ân thầy, khiến cho pháp này trụ lâu không diệt, hãy nên gìn giữ vững chắc, đừng để hủy hoại mất mát, không được làm quấy, tăng giảm kinh pháp.*

Phật từ bi đến cùng cực, buốt lòng rát miệng dặn dò Bồ-tát hộ trì chánh pháp. Phật vì vô lượng vô biên chúng sanh được cứu độ, mà “*làm lợi ích cho các hữu tình trong đêm dài*”.

Hết thầy chúng sanh trong đêm dài đặng đặng, trong sự mờ mịt đen tối không nhìn thấy ánh sáng, bạn chiếu sáng cho họ, chỉ dẫn cho họ, khiến họ được lợi ích, pháp môn Tịnh độ là lợi ích chân thật của tất cả chúng sanh. Điều Phật ban cho chúng sanh chính là lợi ích chân thật nhất. Sau khi chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật rồi, có thể không cảm động rơi lệ sao? Ai là người thân của chúng ta? Phật là người thân của chúng ta.

Phật “*chẳng để cho chúng sanh chìm đắm, đọa lạc trong năm đường*”.

Bạch Cư Dị có câu “cùng là kẻ luân lạc dưới gầm trời”, nghĩa của “chìm đắm” chính là trầm luân, đắm chìm. Vậy nên, không được để chúng sanh chìm đắm, đọa lạc trong năm đường. Năm đường bao gồm trời, loại bỏ A-tu-la ra thì lục đạo biến thành năm đường. Quy A-tu-la cõi trời về cõi trời, quy A-tu-la cõi quý về cõi quý, quy A-tu-la cõi súc sanh về cõi súc sanh, quy A-tu-la cõi người về cõi người, vậy nên A-tu-la không chỉ riêng một đường nào cả. Kinh văn phần trước có

câu “cắt ngang năm đường”, trong bộ kinh này đều dùng năm đường, cõi trời cũng vẫn trầm luân.

Đây là chỗ khác biệt so với các tôn giáo khác, như Cơ Đốc giáo, Hồi giáo v.v... họ cho rằng sanh lên trời là chỗ quay về sau cùng, nhưng Phật giáo xem việc sanh lên trời giống như chìm đắm, đọa lạc. Bởi vì sanh lên trời, tuy thọ mạng rất dài, phước rất lớn, nhưng thọ mạng đó là bong bóng xà-phòng, thời gian là cảm nhận sai lầm của con người. Pháp môn Tịnh độ là lợi ích của chúng sanh trong đêm dài, đừng để cho chúng sanh chìm đắm, đọa lạc trong năm đường.

*“Chịu đủ mọi nguy nan, khổ ách”*

Nỗi khổ của địa ngục được nói rất rõ ràng, rất tường tận trong kinh Địa Tạng. Một khi giác ngộ rồi thì địa ngục vốn là không; khi chưa giác ngộ thì giường đồng cột sắt, núi đao rừng kiếm đều là thật. Bạn chịu hết thấy khổ giống như nhục thân của bạn hiện nay đang chịu đựng. Vì thế phải tránh cho chúng sanh bị chìm đắm, đọa lạc.

Phật pháp đều là vì các hữu tình mà làm ra sự thủ hộ lớn lao. Làm lợi ích cho các hữu tình trong đêm dài, Phật giáo vĩ đại chính là ở chỗ này. Các ngài nghĩ đến người khác nên mới tu hành siêng năng khổ nhọc, không giải đãi. Sự cần mẫn khổ nhọc trong một đời này chỉ là thời gian một cái búng tay, là sự việc trong chốc lát.

“Nên siêng tu hành”, tiếp theo có ba câu rất chủ yếu:

*“Thuận theo giáo pháp của Ta, nên hiếu với Phật, thường nhớ ân thầy”*

Đây chẳng phải là thứ gì cũng quơ vào hết, có người khuyên bạn: “Phật giáo bạn cũng học, Đạo giáo bạn cũng học, cả hai bạn đều học, chẳng phải là tốt hơn sao?” Như vậy thì tín tâm của bạn đối với Phật giáo không đủ rồi. Phải thuận theo sự giáo hóa, dẫn dắt của Phật. Cho nên Bồ sư Thích-ca Mâu-ni Phật, gọi là Bồ sư đó, chúng ta nên nghe lời của Bồ sư, nên hiếu với Phật. Phật còn quan trọng hơn cha mẹ chúng ta. Cha mẹ sinh ra sanh mạng nhục thân này của chúng ta, còn Phật là cha mẹ của huệ mạng chúng ta. Mạng của trí tuệ so với thân mạng quan trọng hơn không biết gấp bao nhiêu lần, cho nên ân của Phật sâu hơn ân của cha mẹ, khó báo đáp hơn ân của cha mẹ. Chúng ta phải hiếu thuận cha mẹ, càng nên hiếu với Phật. Hiếu thuận, sau chữ “hiếu” là “thuận”, nếu không thuận thì sao gọi là hiếu? Chỉ là sự rỗng tuếch. Phải có thể thuận theo tâm của cha mẹ, kỳ vọng của cha mẹ là

gì thì hãy làm theo ý của họ, khiến cha mẹ hoan hỷ, đây mới là hiếu. Trong thiên hạ không có vị Phật bất hiếu, hiếu là thiện hạnh xuất thế gian. Quán Kinh có tam phước xuất thế gian, tam phước xuất thế gian cũng là hiếu. Nên hiếu với cha mẹ, nên hiếu với Phật. Hai cái hiếu này đều đề cập đến chữ “thuận”.

Lại phải “*thường nhớ ân thầy*”, khi Phật còn tại thế thì là Bồn sư, khi Phật không còn tại thế thì còn có kinh giáo của Phật. Có thể diễn nói, khai thị kinh giáo thì đó là “*thường nhớ ân thầy*”, “*thiện tri thức chính là Như Lai*”, phải biết ơn thì mới có thể báo ơn. Cũng chính là phải kế thừa nguyện vọng của Thầy, khiến cho bó đuốc sáng soi này không bị gián đoạn. Truyền đăng, truyền tâm, đây là thường nhớ ơn Thầy. Phải báo ân, làm thế nào báo ân? Trước tiên bản thân bạn phải phóng quang, cho dù là con đom đóm thì con đom đóm cũng có một chút ánh sáng, đó đều là việc tốt.

“*Khiến cho pháp này trụ lâu không diệt*”, pháp này được trụ lâu, chẳng để cho diệt mất. “*Hãy nên gìn giữ vững chắc*”, giữ gìn bảo vệ pháp này, “*đừng để hủy hoại mất mát*”, làm thế nào để không bị hủy hoại? “*Không được làm quấy, tăng giảm kinh pháp*”, không được làm những việc hư vọng, không được tùy ý tăng giảm. Đây là lỗi rất dễ phạm phải, dùng suy nghĩ của chính mình, sửa cái này, sửa cái kia, đây chính là “*tăng giảm kinh pháp*”. Phật răn dạy: Phải gìn giữ diện mạo ban đầu của kinh.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Thường niệm bất tuyệt, tác đắc đạo tiếp. Ngã pháp như thị, tác như thị thuyết. Như Lai sở hành, diệc ưng tùy hành, chủng tu phước thiện, cầu sanh Tịnh sát.**

*Thường niệm chẳng dứt thì đắc đạo nhanh chóng. Pháp của Ta như thế, thì Ta nói như thế. Như Lai đã hành trì, cũng nên theo đó mà hành trì, tu các phước thiện, cầu sanh cõi Tịnh.*

Tám câu kinh văn này rất thù thắng, là phần tổng kết sau cùng của phẩm kinh văn này, cũng là phần tổng kết khái quát quan trọng của phẩm kinh văn này. Tiến thêm một bước nói: Tám câu trường hàng này là sự thù thắng hy hữu trong bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ, là phần tổng kết của toàn kinh, là cương lĩnh quan trọng của pháp môn Tịnh độ, cũng là phần tổng kết cho 49 năm giảng kinh thuyết pháp của

Thích-ca Mâu-ni Phật, giống như câu kệ sau cùng trong nhà Thiền. Tám câu kinh văn này có lý, có sự, khác biệt so với các kinh văn khác. Trong các kinh văn khác thì luôn có cái hiển sự, không hiển lý; có cái hiển lý, không hiển sự, còn ở đây đều hiển bày cả sự và lý. Ở đây chánh hạnh và trợ hạnh đều có, toàn bộ mật tạng của Như Lai đều được phơi bày. Hãy chú ý hai từ “toàn bộ” và “phơi bày” này chẳng phải tầm thường. Vậy có giữ lại chút mảy may nào không? Không hề!

Tiếp theo chúng tôi sẽ giải thích tương đối tương tận tám câu kinh văn này một chút.

*“Thường niệm chẳng dứt”*

Niệm gì vậy? Trước tiên phải niệm bộ kinh này. Trong phẩm Vãng Sanh Chánh Nhân, câu đầu tiên nói: “Nghe kinh điển này, thọ trì, đọc tụng, biên chép, cúng dường, ngày đêm liên tục cầu sanh về nước đó.” Thế nào gọi là “ngày đêm liên tục”? Mọi người chẳng phải là không tu trì, nhưng chẳng thể liên tục, điều then chốt là có thể liên tục. Nghe đến bộ kinh điển này bèn đọc tụng, biên chép, cúng dường, lễ bái, cầu sanh về nước đó. Niệm bộ kinh này có thể cầu sanh về nước đó. Những câu này trong phẩm Chánh Nhân Vãng Sanh đã hiển bày ý nghĩa của “thường niệm chẳng dứt”.

Phẩm Chẳng Phải Tiêu thừa nói: “Đối với kinh này, tương như bậc Đạo sư”, đối với kinh này nên xem như là bậc Đạo sư. Phẩm Thọ Ký Bồ-đề nói: “Do không được nghe pháp này nên có một ức Bồ-tát thoái chuyển đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.” Ngược lại, chúng sanh đối với kinh điển này thọ trì, đọc tụng v.v. trong khoảnh khắc vì người diễn nói, đến khi lâm chung, tam thiên đại thiên thế giới đều là lửa thì cũng có thể vượt thoát mà vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Ở đây cho thấy tầm quan trọng của kinh này. Một là không được nghe nên thoái chuyển; hai là sau khi nghe (thính văn) xong, trong tất cả các hoàn cảnh gian nan nguy hiểm, tam thiên đại thiên thế giới đều là lửa thì vẫn có thể vãng sanh. Cho nên một khi nổ bom hạt nhân thì xuất hiện đám mây hình nấm, bạn vẫn có thể niệm Phật thì vãng sanh như thường.

Đây chính là lòng từ bi của Thế Tôn, nghĩ thương xót chúng sanh, khuyên mọi người trì niệm kinh này. Bởi vì điều trong kinh tuyên nói chính là Nhất thừa nguyện hải, sáu chữ hồng danh của A-di-đà Phật, là đại pháp vô thượng. Người tu hành chỉ cần có thể nghe được pháp này, phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm thì nhất

định có thể vãng sanh. Đây là việc mà ai ai cũng đều có thể làm được. Vạn người tu, vạn người đi, chân thật tu hành thì nhất định có thể đi. Vì sao có rất nhiều tín đồ Phật giáo không đi được? Bởi vì họ vẫn chưa thể được tính trong con số “vạn người” này, thật sự tu hành thì mới được tính. Thật sự tu hành còn phải không được làm chuyện trái ngược thì mới được tính, thật sự vạn người tu vạn người đi.

Hành nhân phải tu trì kinh này, nhất định phải y giáo phụng hành giống với lời giáo huấn của đức Phật. “Thật vì sanh tử phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật”, đây là lời của đại sư Triệt Ngô. Bộ kinh này chính là lấy việc “phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm” làm tôn chỉ, cũng là cương yếu để tu hành. Y giáo phụng hành chính là phải thực hiện trên câu Phật hiệu này. Thường niệm A-di-đà Phật chẳng dứt, chẳng dứt chính là Tịnh niệm tiếp nối, Đại Thế Chí Bồ-tát chính là như vậy, cứ niệm như vậy thì tự đắc tâm khai, khai ngộ rồi.

Người tu hành phải thật sự phát tâm, phát tâm không khó, khó ở chân thật. Có người vì thể diện nào đó mà làm cái này, cái kia để có công đức. Họ cũng phát một chút tâm, nhưng không chân thật. Thật thà niệm Phật thì chẳng có gì tài tình cả. Nhưng họ luôn là không chắc thật, niệm vài tiếng lại muốn thay đổi, nghe thấy cái khác tốt thì thêm vào một chút. Vậy tín tâm của bạn đối với câu Phật hiệu ban đầu đó rất là nhỏ. Bạn đối với câu Phật hiệu ban đầu đó là tin hay không tin vậy? Bạn không thật thà niệm, mà luôn hy vọng có thể đạt được chút gì đó, có chút khác biệt gì đó. Khi có chút gì đó khác biệt thì có thể khoe khoang, đây hoàn toàn là con đường của A-tu-la. May mà bạn chưa đạt được chút gì, nếu đạt được chút gì đó thì bạn thành A-tu-la rồi. May mà ban đầu bạn tu Phật pháp, nên có lực gia bị, không để cho bạn đạt được chút gì. Hãy thật thà niệm Phật, chỉ một câu này thôi. Bạn niệm A-di-đà Phật thì cứ niệm A-di-đà Phật, đừng có màu mè. Hãy niệm niệm tiếp nối, câu này nối tiếp câu kia mà niệm.

“Như người nhiễm hương thân có mùi thơm”, bạn thấy người bán hàng ở tiệm trà, trên thân có mùi thơm, trên thân người bán cá có mùi tanh của cá. Họ chẳng phải là trà, cũng không phải là cá, nhưng cái mùi đó tự nhiên xuất hiện, đó là do un đúc. Cho nên Phật dùng từ “un đúc” này rất hay, chúng ta đều được un đúc ở trong đó, như người nhiễm hương thì tự nhiên thơm tho. “Thường niệm chẳng dứt” thì tự nhiên thành Phật đạo.

“Không nhờ phương tiện, tâm tự khai ngộ”, niệm Phật không phải chỉ đến khi lâm chung mới phát sinh hiệu quả. Không nhờ phương tiện, tâm tự khai ngộ đều chẳng phải chỉ đến lúc lâm chung, mà xuất hiện trước khi lâm chung. Với người thông thường thì chỉ xuất hiện khi lâm chung, bởi vì công đức không đủ.

Đời nhà Tấn có một người nghèo nọ, phát tâm niệm được vài ngày thì đức Di-đà hiện ra thuyết pháp, ngay lúc còn sống mà đã được vô sanh pháp nhẫn rồi. Lâm chung Phật đến tiếp dẫn vãng sanh, điều này là chắc chắn, chẳng phải là nói khi lâm chung mới hiện rõ tác dụng, mà lâm chung tiếp dẫn cũng là thật.

Phu nhân Vi-đề-hy cũng giống như vậy, trong Quán kinh có việc này, bà nhìn thấy A-di-đà Phật, được vô sanh pháp nhẫn. Năm trăm thị nữ đều đạt được lợi ích rất lớn, khi còn sống đã nhận được lợi ích của pháp môn rồi. Đến khi lâm chung, Phật từ bi gia hộ, khiến tâm không loạn, nhất định vãng sanh, đây là sự tu hành thông thường. Nhờ sức gia bị của Phật mà trực tiếp lên địa vị Bất Thoái, sanh trọn vẹn cả bốn cõi, rốt ráo Niết-bàn.

Thế nên, Phật từ bi chỉ dạy: *“Thường niệm chẳng dứt thì đắc đạo nhanh chóng”*.

Bạn thật thà niệm, giữa chừng đừng để gián đoạn thì đắc đạo nhanh chóng. “Nhanh chóng” là đường tắt, mau lẹ; “đạo” chính là giác; đắc đạo, chứng đạo, hiện nay gọi là “thành tựu lớn lao”. Thành tựu lớn lao vô thượng là đại giác ngộ, đại giác ngộ triệt để. Bạn thật thà trì danh thì nhanh chóng đắc đạo. Bởi vì “tín nguyện trì danh” này là tâm làm Phật, tâm là Phật. Tâm này là Phật, tâm này làm Phật, lấy quả giác làm nhân để phát tâm. Câu Phật hiệu A-di-đà Phật này là quả giác, là danh xưng của sự tu hành thành tựu của tỳ-kheo Pháp Tạng trong ngàn đời, vạn kiếp, là sự kết tinh của vạn đức, là sự thành tựu của vạn đức, là sự trang nghiêm của vạn đức. Vậy nên trong cái tên này đã đầy đủ vạn đức rồi, đây là sự giác ngộ trên quả nhân. Dem vạn đức hồng danh của sự giác ngộ trên quả nhân làm tâm ban đầu trong nhân địa của người tu hành chúng ta. Chúng ta phát tâm từ nơi câu Phật hiệu này, thứ được niệm trong tâm chính là câu Phật hiệu này, đây chính là tâm của chúng ta, tâm của chúng ta chính là ở trên câu Phật hiệu này, tâm của chúng ta chính là quả giác của đức Di-đà, quả giác ở ngay đây, tâm của bạn là quả giác của Phật.

Di-đà Yếu Giải có hai câu nói: “Từ sự trì đạt đến lý trì”, đối với lý trì bạn chẳng thể làm nổi. Thế nào là lý trì? Bạn không hiểu, cũng không làm được. Bạn



không ngộ được mà đều là nghe nói, biết là nên như vậy nhưng bạn không làm được. Bạn không làm được lý thì làm từ sự thì mới có hiệu quả. Thâm hợp đạo mâu, đều thù thắng hơn so với các pháp khác, bất tri bất giác bạn khéo nhập vào Vô Sanh, “thì tâm phàm trở thành tâm Phật”, chính là tâm phàm này của bạn trở thành tâm của Phật. Di-đà Yếu Giải có hai câu nói, Hoàng Niệm lão gộp chúng lại với nhau, vừa vận thành một câu đối: “Từ sự tri đạt đến lý tri, tức tâm phàm thành tâm Phật”. Sự vi diệu mâu nhiệm của Tịnh tông hoàn toàn ở trong đó. Trì danh, trì chú, đây chính là phương pháp.

Phật dạy phụ thân của ngài chính là dạy ông niệm Phật. Cha của ngài nói: Sao không dạy tôi phương pháp khác? Phật nói: Cha không làm được đâu? Phật là người hiểu thuận nhất, dạy cha của ngài niệm Phật mà không hề dạy ông chân như thật tướng, việc này ông không làm nổi. “Khởi tâm liền trật, động niệm liền sai”, tâm của bạn vừa động thì liền sai rồi. Hãy thật thà mà niệm, bất tri bất giác bèn thâm hợp đạo mâu. Đừng làm trái, dù có hợp hay không hề trái nghịch là đã sai rồi, không thật thà rồi. Hãy thật thà niệm một câu này thì tâm phàm thành tâm Phật, quả xứng hợp với nhân nên nhanh chóng đắc đạo. Pháp môn này là gốc rễ của đại nguyện của A-di-đà Phật.

Đại đức Tịnh tông Nhật Bản nói: Hết thầy kinh điển so với kinh Hoa Nghiêm thì Hoa Nghiêm là thật nhất. Nhưng Hoa Nghiêm so với kinh Vô Lượng Thọ thì Hoa Nghiêm không thật nữa, kinh Vô Lượng Thọ là thật. Kinh Vô Lượng Thọ so với 48 nguyện thì 48 nguyện là thật. 48 nguyện so với nguyện thứ 18 thì chỉ có nguyện thứ 18 là thật pháp, còn lại đều là quyền pháp. Nguyện thứ 18 chính là “mười niệm nhất định được sanh”, nguyện thứ 18 của đức Di-đà là căn bản. Cho nên Thích-ca Mâu-ni Phật dạy cha của ngài niệm Phật.

A-di-đà Phật sớm đã nghĩ chu đáo cho mọi người rồi. Niệm Phật là dễ làm nhất, con nít còn biết niệm thì có gì khó đâu. Dễ thành tựu nhất, tức tâm phàm thành tâm Phật, nhanh chóng biết bao! Ngay lúc bạn thật thà niệm thì tâm phàm liền trở thành tâm Phật. Hễ bạn suy tính, hễ làm việc khác thì không đúng rồi. Cho nên gọi là “pháp dễ hành”, là con đường tắt nhất trong các con đường tắt.

“Thường niệm chẳng dứt” là bảo mọi người niệm kinh Vô Lượng Thọ và niệm Phật hiệu. Một số đồng tu trì chú cũng đừng khởi suy nghĩ phân biệt, Tịnh Tu Tiệp Yếu chẳng phải đã nói rồi sao: “Xung danh chẳng khác trì chú”, xung danh và trì

chú không có khác biệt, phải nghe lời của bậc đại đức, Hạ Liên lão là đại đức, chúng ta phải ngoan ngoãn nghe theo lời này, bản thân đừng có ý riêng. Nghe bên này một câu, bên kia một câu rồi mù quáng đi theo, như vậy thì rất khó, gặp được thiện tri thức chẳng khác nào không gặp. Lời của họ bạn cũng nghe, lời của người khác bạn cũng nghe thì bạn thành gỏi thập cẩm rồi. Cho nên nhất định phải chuyên nhất, thật thà mà tu hành.

*“Pháp của Ta như thế, thì Ta nói như thế”*

Hai câu kinh văn này là Phạm âm của Phật rền vang, thuyết pháp sư tử hồng, như bảo kiếm kim cương vương chém tan hết thủy tình chấp, kiến hoặc thì bồn tánh của Như Lai bèn hiện rõ. “Pháp của Ta như thế, thì Ta nói như thế”, dùng tâm ấn của Phật để ấn chứng cho kinh này, hai câu này ấn chứng cho câu “thường niệm chẳng dứt thì đắc đạo nhanh chóng” phía trước. Hai câu này là nói: Pháp của Phật chính là như vậy, nên Ta bèn như vậy mà nói, hòng ấn chứng cho điều đã nói trước đó.

Năm xưa Lục tổ ấn chứng cho đại sư Vĩnh Gia rằng: “Như thế đó, như thế đó” (như thị như thị). Vương thượng sư ở Thiên Tân ấn chứng cho Hoàng Niệm lão cũng là như vậy: “Như thế đó, như thế đó, ông như thế đó, ta cũng như thế đó”, đây đều là sự ấn chứng triệt để nhất. Ông như vậy, ta cũng như vậy.

“Pháp của Ta như thế, thì Ta nói như thế”, pháp của Ta chính là như vậy, thì Ta nói như vậy. “Như thế” ở đây cùng với “như thế” của Lục tổ không có khác biệt. “Như thế đó, như thế đó” chính là “như thế” (như thị), đều là “như thế” (như thị) trong kinh này.

Lại “pháp của Ta như thế, thì Ta nói như thế”, câu trước là “pháp của Ta là Như”, câu sau là “điều Ta nói ra cũng là Như”, hai câu này thể hiện toàn thân của hết thủy chư Phật, từ đây mà tín nhập thì sẽ khế nhập chân thật chi tế, khai mở tri kiến Phật. Khai mở tri kiến Phật, diễn nói Phật pháp, chính là hiển bày chân thật chi tế, nên nói ra như thế. Mỗi chữ mỗi câu trong kinh đều từ Như Lai tánh hải, đại quang minh tạng mà tự nhiên lưu xuất, trong mỗi một chữ đều có vô biên đạo lý vi diệu, mỗi một chữ đều được tánh đức và tu đức của Như Lai trang nghiêm. Toàn tánh khởi tu: tu đức có công thì tánh đức mới hiển lộ; toàn tu tại tánh: tánh đức và tu đức đều viên mãn, tánh đức và tu đức đều trang nghiêm. Mỗi một chữ một câu đều khai thị ngộ nhập tri kiến Phật. Bạn thường niệm chẳng dứt thì đương nhiên sẽ

đắc đạo nhanh chóng, vì đều là những lời xứng tánh của Như Lai lưu xuất ra. Nếu lời giáo huấn xứng với bốn tánh, thỏa mãn bốn hoài được lưu lộ ra thì cũng được tâm ấn của Thế Tôn in dấu.

Đại sư Ngẫu Ích nói: Hết thầy năng-sở: năng niệm, sở niệm, năng tín, sở tín, năng nguyện, sở nguyện, hết thầy tất cả đều được chánh ấn của thật tướng in dấu. Đây đều là câu chữ trong đại quang minh tạng, thật tướng chính là tâm ấn của Thế Tôn. Đức từ phụ đại bi Thích-ca Mâu-ni Phật như lý mà thuyết pháp, chúng ta phải nên chí thành tin nhận, mọi lúc, mọi nơi đều thường niệm A-di-đà Phật.

*“Như Lai đã hành trì, cũng nên theo đó mà hành trì”*

Câu kinh văn này biểu đạt rằng: thường học theo Phật. Học Phật không phải là cầu Phật phù hộ, mà phải học sự vĩ đại của Phật, dùng lòng tôn sùng vô hạn mà theo bậc đạo sư học tập. Nếu không như vậy thì bạn theo để làm gì? Nếu chỉ có hư danh thì ta bái ai làm thầy? Ai là thầy của ta? Tạo dựng quan hệ, đánh bóng tên tuổi, đó là việc thế tục trong xã hội. Bạn niệm Phật còn cần tên tuổi để làm gì? Phải thật tu, tâm phải chân thật, thật thà mà học theo Phật.

“Như Lai đã hành trì, cũng nên theo đó mà hành trì”. Chúng ta khoan nói đến đời quá khứ của Như Lai, chỉ nói đời này, ngài đã đem ngôi vua, gia đình ân ái, quyền thuộc, hết thầy mọi thứ đều xả bỏ, ngài đi lên núi, ăn một hạt vừng, một hạt thóc, trong 6 năm gầy trơ xương, giống như một bộ xương khô vậy. Không như người hiện nay muốn có bao nhiêu vạn đô-la Mỹ và thiếu nữ vây quanh. Phật không như vậy, cho nên phải thường học theo Phật, buông bỏ những thứ này, tu hành thành Phật.

Kinh Kim Cang viết về việc đi khát thực: Năm xưa Phật sống trên một ngọn núi nhỏ, đi lên núi cũng chẳng dễ dàng, nên không bị người khác thường đến quấy rầy, cách thành thị cũng gần nên dễ đi khát thực. Đồng thời kinh Đại Bảo Tích nói: hoàn cảnh đời sống của Phật năm xưa rất khó khăn, có người còn vùi phân, thản lẩn, thuốc độc vào trong cơm, nói Phật đến hóa duyên là trêu ghẹo phụ nữ, đủ mọi sỉ nhục, hãm hại, đủ mọi khó khăn. Phật không vì chính mình, ngài có địa vị, có thể hưởng thụ, có danh có lợi. Như hiện nay nói là có thể ở trong ngôi nhà xịn nhất, ngồi chiếc xe sang nhất, trải qua đời sống với mọi hưởng thụ. Phật không như vậy, Phật đều vì sự nghiệp độ thoát chúng sanh. Ngài đi đến đâu cũng đều đi bộ, có khi nào bạn nhìn thấy Phật cưỡi ngựa hay không? Ngủ hơn ba đêm dưới một gốc cây thì đã

xem là phá giới rồi. Vì sao không ngủ nhiều đêm? Bởi vì ngủ quá ba đêm thì sẽ sinh ra lưu luyến. Thường học theo Phật, chúng ta nhìn thấy những hành vi này của Phật, cảm thấy hổ thẹn.

Có người nói: Tôi đã tu nhiều ngày như vậy, vì sao vẫn chưa được? Tu như bạn cũng được coi là tu hành sao? Hãy so với Phật xem, hãy so với Thầy xem, thầy Hạ Liên Cư nói: Tôi là hạng người thứ ba. Ngài khiêm tốn nhường ấy, không hổ danh là một vị thầy. Lớp người chúng ta hãy lo mà học cho tốt, đừng bận rộn làm thầy người, trước tiên hãy làm học sinh tốt. Bạn phải lấy mục tiêu cao đó làm chuẩn, đừng nói rằng trên thế giới này có rất nhiều người linh ta linh tinh, tôi giỏi hơn mấy người đó nhiều. Bạn lấy sự tụt hậu đó làm chuẩn thì có ích gì? Phải thường học theo Phật.

*“Tu các phước thiện”*

Hết thầy thiện đều phải tu, đây là trợ hạnh. Có lý có sự, “như thị” chính là lý, niệm Phật chính là sự. Niệm Phật là chánh hạnh, tu phước tu thiện là trợ hạnh. Trong tám câu kinh văn này gồm đủ lý-sự, chánh-trợ: “Thường niệm chẳng dứt thì đắc đạo nhanh chóng, pháp của Ta như thế, thì Ta nói như thế, Như Lai đã hành trì, cũng nên theo đó mà hành trì, tu các phước thiện, cầu sanh cõi Tịnh”.

*“Cầu sanh cõi Tịnh”*

Câu này đã kết thúc toàn kinh. “Cầu sanh cõi Tịnh” là chỗ quy kết chung của tất cả giáo pháp trong Đại Tạng. Chẳng những là chỗ quy kết chung của pháp môn Tịnh độ mà còn là chỗ quay về chung của một đời giáo hóa của đức Phật. Hoa Nghiêm [không chỉ] gồm thâm trọn vẹn các giáo, mà còn dùng mười đại nguyện vương trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện dẫn dắt về Cực Lạc.

Hoàng Niệm lão nói: Pháp sư Tịnh Không giảng Hoa Nghiêm giảng đến phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện thì giác ngộ. Kinh này của chúng ta là trung bản Hoa Nghiêm, cuối kinh này đã khuyên khắp hữu tình cầu sanh cõi Tịnh. Cho nên, bất kể bạn tu cái gì thì bạn đều phải cầu sanh thế giới Cực Lạc. Đương nhiên có người muốn cầu sanh Đâu-suất nội viện thì cũng tốt, nhưng tóm lại không bằng cầu sanh Tịnh độ, sao lại rẽ quẹo ngoằn ngoèo làm gì?

Lời khuyên như ở đây chính là bốn nguyện của đức Di-đà. Khi đó đức Di-đà phát nguyện muốn thành tựu một cõi nước, vượt hơn cõi nước của tất cả chư

Phật, cõi nước này chính để cho mọi người đều đến, chẳng phải vì một mình ngài. Đây chính là bốn nguyện của đức Di-đà. Sau khi bạn đến rồi thì thọ mạng vô lượng, trở thành bất thoái rồi, tất cả đều là tăng thượng; chẳng những nhất định thành Phật mà còn rất nhanh. Đây chính là bốn nguyện của đức Di-đà, cũng là bốn tâm của Thích-ca Mâu-ni Phật và của hết thầy chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai khắp mười phương. Thích-ca Mâu-ni Phật và chư Phật trong hết thầy mười phương thế giới đều đang hiện tướng lưỡi rộng dài, trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật, khuyên chúng sanh hữu tình vãng sanh: Các ông hãy đi đi, nếu không cầu sanh cõi Phật thì các ông đã bỏ qua biện pháp tốt nhất hòng thực hiện nguyện vọng phổ độ chúng sanh rồi đó.

Có rất nhiều người không hiểu, nói tôi muốn độ chúng sanh, không muốn sanh về Cực Lạc, bạn đi con đường rất là tốn sức, chẳng phải là biện pháp tốt. Muốn độ chúng sanh, chỉ có sau khi thấy Phật nghe pháp thì mới không có sai lầm, nhờ uy lực của Phật mà dùng thần thông đi khắp mười phương thế giới để độ hóa. Đây mới là chân thật thực hiện nguyện vọng độ sanh của bạn, thật sự ban cho chúng sanh lợi ích chân thật, chẳng phải là hư giả, điên đảo.

Thích-ca Mâu-ni Phật khai hóa hiển thị chân thật chi tiết, điều nói ra chính là kinh Vô Lượng Thọ, cũng chính là khuyên khắp chúng sanh đều nhập vào biển nguyện của đức Di-đà, đều đạt được lợi ích chân thật rốt ráo. Trong ba tư lương tín-nguyện-hạnh, thì nguyện là điểm then chốt, muốn ra khỏi biển sanh tử thì nhất định phải có nguyện.

Đại sư Ngẫu Ích nói: Bạn niệm A-di-đà Phật, niệm đến mức gió thổi không vào, mưa rơi chẳng thấm, nếu không có nguyện thì chẳng thể vãng sanh. Bạn tu hành dù tốt đến đâu, nếu không có nguyện này thì Phật cũng không miễn cưỡng bạn, kéo bạn về thế giới Cực Lạc. Nếu có thể miễn cưỡng thì sớm đã không còn chúng sanh nữa rồi, Phật đều kéo đi cả rồi, làm gì còn có địa ngục nữa. Phật trước giờ chưa từng làm chuyện miễn cưỡng. Phật đối với hết thầy chúng sanh đều bình đẳng, bình đẳng một cách tuyệt đối, hết thầy đều do chính bạn làm chủ. Có cái làm chủ đi xuống địa ngục, có cái làm chủ đi lên thiên đường, có cái làm chủ đi đến thế giới Cực Lạc, hoàn toàn tự do. Vào trong địa ngục thì không tự do rồi, không nghe lời Phật, tự làm chủ đó mà! Nguyện rất là then chốt, muốn ra khỏi biển sanh tử thì phải dựa vào sức nguyện vương của A-di-đà Phật.

Có người nói, tôi có nguyện, nguyện cầu sanh thế giới Cực Lạc, nhưng niệm Phật nhiều năm như vậy, mà công phu niệm Phật chẳng có tiến triển gì, liệu có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc không? Dựa vào câu sau cùng của bạn thì bạn chẳng thể vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc được. Vì sao vậy? Bạn đối với việc vãng sanh thế giới Cực Lạc không có tín tâm. Bạn tuy niệm Phật nhưng không biết niệm. Xin nêu ví dụ: giống như hạt hoa hướng dương, bên trong không có nhân, là một hạt xẹp lép, rất nhiều đồng tu chúng ta chẳng phải không niệm Phật, mà là không biết niệm Phật, cho nên công phu không đắc lực.

Tiếp theo xin chia sẻ với mọi người một bài kệ của Hạ Liên lão, xem coi ngài dạy chúng ta niệm Phật như thế nào.

Kiên trì chánh niệm, tiếp nối chẳng dừng  
Trong Thường Tịch Quang, thường luôn gặp gỡ  
Tuy cách vạn dặm, nhưng đối mặt nhau  
Như người uống nước, sẽ tự nghiệm thấy.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 98

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Tiết học trước, chúng tôi đã cùng chia sẻ một bài kệ của Hạ Liên lão, liên quan đến việc niệm Phật như thế nào, cảnh giới của bài kệ đó cao sâu, phàm phu thông thường chẳng thể khế nhập. Vì sao tôi lại chia sẻ với mọi người vậy? Bởi vì từ trong chia sẻ trên mạng, tôi vui mừng phát hiện ra rằng: có đồng tu đã đạt được cảnh giới tu hành đến một độ cao nhất định, tuy số lượng chẳng phải rất nhiều, nhưng không phải là không có. Đây chính là chúng sanh căn cơ chín muồi mà chúng ta thường nói, hoặc đó là sự thị hiện cứu khổ cứu nạn của Bồ-tát.

Năm 1944, Hạ Liên lão tại đạo tràng niệm Phật ở am Cự Lạc làm bốn bài kệ, được lưu truyền rộng rãi. Rất nhiều đồng tu đều biết bốn bài kệ này. Hôm nay, chúng tôi một lần nữa xin chia sẻ lại bốn bài kệ của Hạ Liên lão. Một là bày tỏ sự tưởng nhớ đến ngài, hai là có thể thương thức ý vị từ lời của bậc thánh.

*Bài thứ nhất:*

Niệm Phật tối kỵ  
Tinh thần tán loạn  
Câu chữ mơ hồ  
Trước nhanh sau chậm  
Đã không âm nhịp  
Lại chẳng nối liền  
Tâm không hợp miệng  
Thanh không nhiếp niệm  
Qua loa dưỡng thức  
Người xưa than rằng  
Cách niệm như vậy  
Mãi khó thành phiến.

*Bài thứ hai:*

Tiếng hòa nhịp đều  
Chữ ngay âm rõ  
Khẩn thiết, khẩn khít

Điềm đạm an nhàn  
Thanh hợp với tâm  
Tâm ứng với thanh  
Thanh tâm nối liền  
Vọng niệm tự dứt

*Bài thứ ba:*

Phật hiệu như châu  
Ý như sợi dây  
Chia thì tách rời  
Hiệp thì thành chuỗi  
Tâm không rời Phật  
Miệng không rời niệm  
Như dây xoắn châu  
Liên tục chẳng dứt.

*Bài thứ tư:*

Chưa được nhất tâm  
Trước câu chuyên niệm  
Chưa được bất loạn  
Trước học thành phiền  
Thật chuyên, thật cần  
Tự thấy hiệu quả  
Không cần hỏi người  
Xin hãy tự nghiệm.

Về bốn bài kệ này, Hoàng Niệm lão có sự giải thích khá tường tận, mời các đồng tu tham khảo phần Liên Tông Diệu Đế và Tịnh Ngữ Tam Tắc trong tác phẩm Tâm Thanh Lục của Hoàng Niệm lão.

Tiếp theo tôi tiếp tục giảng phần sau cùng của phẩm kinh văn này. “Mười phương chư Phật, chỉ một đường vào cửa Niết-bàn.” Tuy Niết-bàn là một con đường, nhưng do phương tiện nên có nhiều cửa. Vì có một số phương tiện ban đầu, chỗ hạ thủ ban đầu, cho nên có Thiền, có Mật, có Giáo, có Quán. Tám vạn bốn ngàn loại pháp môn, pháp môn nào cũng đều được cả. Tám vạn bốn ngàn pháp môn là



phương tiện mà nói, không những chỉ có tám vạn bốn ngàn pháp môn, mà là vô lượng pháp môn, nhưng trở về nguồn thì chỉ có một, “một đường vào cửa Niết-bàn”.

Ba đức của Niết-bàn là bát-nhã, giải thoát, pháp thân. Trong nhiều môn phương tiện thì phương tiện rốt ráo là ở đâu? Kinh này lấy đại bi làm căn, lấy Bồ-đề làm nhân, dùng phương pháp phương tiện nhất đề độ sanh thì mới gọi là rốt ráo. Phương tiện rốt ráo chính là ở việc vãng sanh. Bạn ở trong thế giới này, tu đến mức đoạn hết kiến hoặc, phá sạch vô minh, thì việc này mười phần gian khó. Rất nhiều việc cần phải đến cõi Tịnh độ mà làm, có rất nhiều phương tiện. Tu pháp môn khác, đời này muốn ra khỏi Tam giới thì là đạo khó hành. Nên bất luận là tọa Thiền hay tu Mật thì đều phải cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc. Tinh xá Liên Hoa lấy việc cầu sanh Cực Lạc làm nguyện chung, nơi này vượt hơn rất nhiều đoàn thể tu theo Mật giáo khác, bởi vì họ cầu sanh cõi Tịnh, cho nên là đạo dễ hành. Chí tâm tin ưa, nguyện vãng sanh thì mười niệm được sanh.

Chánh tu của Tịnh độ tông chính là trì danh, nhưng bạn tu pháp khác mà có thể phát nguyện cầu sanh Tịnh độ thì vẫn được đức Di-đà nhiếp thọ. Đại sư U Khê khi giảng Sanh Vô Sanh Luận thì thiên nhạc đầy trời, đại sư viết Viên Trung Sao, Sanh Vô Sanh Luận, đã niệm 100.000 biến chú Vãng Sanh mà vãng sanh. Cho nên chỉ cần chí tâm hồi hướng thì đều có thể vãng sanh. Ví dụ thi đại học, tốt nghiệp cấp ba rồi thi Đại học, người có học lực tương đương thì cũng có thể thi, nhưng vẫn là người tốt nghiệp cấp ba thì thi đậu nhiều. Theo chánh tông thì niệm Phật vẫn là tốt nhất, nếu chẳng phải chánh tông thì cũng được. Có người tham Thiền hỏi đại sư Ngẫu Ích rằng: “Con không tham Thiền nữa, con niệm Phật đây!” Đại sư nói: “Không cần, đem công đức tham Thiền hồi hướng là được rồi”. Cần phải viên dung, nếu không thì sẽ sanh ra rất nhiều phân biệt, chấp trước.

### *“Cầu sanh cõi Tịnh”*

Câu này cực kỳ thù thắng, nguyện phải thiết, xin chú ý chữ “thiết” này rất quan trọng. “Thiết” chính là không đi không được, không có lựa chọn thứ hai. Nếu nguyện của bạn không kiên định, không khẩn thiết thì bạn không thể vãng sanh. Xin nêu ví dụ để nói, nếu hiện nay bạn có người mình ưa thích, hoặc có người mình chán ghét, thì bạn cũng không thể vãng sanh được. Vì sao vậy? Bạn thích ai đó thì chính là lưu luyến, bạn ghét ai đó thì cũng là lưu luyến, bởi vì bạn thích ai thì trong tâm cứ nghĩ mãi đến họ; bạn ghét ai thì trong tâm cũng cứ nghĩ đến mãi. Yêu và hận là như

nhau, ưa thích và chán ghét là như nhau. Đều là không buông xuống được, không buông xuống được thì chính là lưu luyến, bạn có hiểu đạo lý này không? Cầu sanh cõi Tịnh, nếu còn có chút gì đó không buông xuống được thì chẳng thể vãng sanh cõi Tịnh.

Tiếp theo mời xem một đoạn khai thị của đại sư Ân Quang.

“Pháp môn Tịnh độ, lý cực cao sâu, sự rất giản dị. Do có kẻ thiên tư thông minh mẫn tiệp, tri kiến cao siêu khác hẳn, mỗi mỗi đều xem đây là việc làm của hạng ngu phu ngu phụ, nên chẳng chịu tu trì. Nào biết đây là pháp môn rốt ráo để hết thảy mười phương ba đời chư Phật, trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sanh từ đầu đến cuối? Họ thấy hạng ngu phu, ngu phụ có thể tu được nên bèn coi thường pháp môn này. Sao chẳng xét trong hội Hoa Nghiêm, bậc đã chứng bằng với ngài Phổ Hiền, bằng với chư Phật, còn phải dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, ngũ hầu viên mãn Phật quả ư? Nếu xem thường pháp môn Tịnh độ mà chẳng thêm tu, thì đã coi những vị trong hội Hoa Nghiêm thuộc hạng người nào? Lại chỗ quy tông sau cùng của kinh Hoa Nghiêm, nên tôn trọng hay nên coi thường đây? [Có thái độ như vậy] không gì khác hơn là vì chưa xét kỹ nguyên do của các pháp môn thông thường và đặc biệt, cho đến tự lực, Phật lực, lớn nhỏ, khó dễ nên mới đến nỗi như thế. Nếu đã xét kỹ, há chẳng học theo Hoa Nghiêm hải chúng, nhất trí tiến hành cùng cầu vãng sanh ư?”

Đoạn khai thị này, mỗi ngày đọc mười lần thì nghĩa kia tự hiểu.

Tôi đã giảng xong phẩm kinh văn thứ 46, tiếp theo quy nạp trọng điểm một chút.

Trọng điểm của phẩm kinh văn thứ 46, phẩm kinh văn này có 7 trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: Việc Phật ba lần tán thán pháp môn Tịnh độ niệm Phật được thể hiện ở trong câu kinh văn nào? Nội dung cụ thể của ba lần tán thán này là gì? Bạn đối với sự tán thán này có cảm ngộ thế nào? Pháp vô thượng của chư Phật Như Lai, pháp thập lực, vô úy, vô ngại, vô trước thậm thâm và pháp của Bồ-tát như: ba-la-mật v.v. Lần tán thán thứ nhất là: pháp vô thượng của chư Phật Như Lai. Lần tán thán thứ hai là: pháp thập lực, vô úy, vô ngại, vô trước thậm thâm. Lần tán thán thứ ba là: pháp của Bồ-tát như: ba-la-mật v.v.

Trọng điểm thứ hai: Làm thế nào lý giải hai câu kinh văn “người có thể thuyết pháp còn khó khai thị”? Tuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ cần phải có điều kiện gì? Kinh Vô Lượng Thọ khó giảng, đây là thật, vì sao vậy? Bởi vì bộ kinh này là pháp thâm thâm của Như Lai (xin chú ý hai từ “thâm thâm”); là pháp của Bồ-tát như ba-la-mật v.v.; là pháp có thể qua được bờ bên kia. Ngôn ngữ văn tự chẳng thể biểu đạt được pháp này. Tuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ phải có điều kiện: người giảng pháp chắc chắn được uy thần của mười phương ba đời hết thầy chư Phật gia trì; người nghe pháp nhất định được uy thần của mười phương ba đời hết thầy chư Phật gia trì; đạo tràng giảng pháp nhất định được uy thần của mười phương ba đời hết thầy chư Phật gia trì.

Trọng điểm thứ ba: Vì sao đức Phật ân cần tha thiết dặn dò Bồ-tát thủ hộ Đại kinh? Phật dạy chúng ta làm thế nào thủ hộ Đại kinh? Làm lợi ích cho các hữu tình trong đêm dài, chẳng để cho chúng sanh chìm đắm đọa lạc trong năm đường. Làm thế nào thủ hộ Đại kinh? Nên siêng tu hành, thuận theo giáo pháp của Ta, nên hiếu với Phật, thường nhớ ân thầy, khiến cho pháp này trụ lâu không diệt, hãy nên gìn giữ vững chắc, đừng để hủy hoại mất mát.

Trọng điểm thứ tư: Tám câu sau cùng là phần tổng kết cuối cùng của kinh văn toàn kinh, cũng là trọng điểm của phẩm kinh văn này. Tám câu kinh văn này thù thắng ở chỗ nào? Nội dung cụ thể của tám câu kinh văn này là gì? “Thường niệm chẳng dứt thì đắc đạo nhanh chóng. Pháp của Ta như thế, thì Ta nói như thế, Như Lai đã hành trì, cũng nên theo đó mà hành trì, tu các phước thiện, cầu sanh cõi Tịnh”. Nêu rõ cả lý lẫn sự, chánh hạnh và trợ hạnh đều có, mật tạng của Như Lai toàn bộ đều được phơi bày, chẳng giữ lại mảy may.

Trọng điểm thứ năm: Bạn lý giải câu “từ sự trì đạt đến lý trì thì tâm phàm thành tâm Phật” như thế nào? Từ sự trì mà đạt đến lý trì, việc này không thể đảo lộn; từ sự trì thì mới giúp được, thâm hợp đạo mâu, bất tri bất giác bạn bèn khéo nhập Vô Sanh. “Tức tâm phàm thành tâm Phật”, tâm phàm này của bạn trở thành tâm Phật rồi. Pháp này thù thắng hơn so với các pháp khác. Bạn không hiểu lý trì, cũng không làm được, đối với lý trì bạn không biết làm từ đâu. Bởi vì bạn không giác ngộ mà đều là nghe nói, biết là nên như vậy nhưng bạn làm không được, bởi vì bạn chưa khéo nhập cảnh giới này.

Trọng điểm thứ sáu: Bốn bài kệ của Hạ Liên lão, hiện nay đọc và trước đây đọc có cảm nhận khác nhau ra sao?

Trọng điểm thứ bảy: Một đường vào cửa Niết-bàn và tám vạn bốn ngàn pháp môn có quan hệ như thế nào? Làm thế nào để nhận thức chính xác các tôn giáo khác nhau và các pháp môn khác nhau?

Tiếp theo tôi bắt đầu giảng phẩm kinh văn thứ 47:

### **PHƯỚC HUỆ THỈ VĂN ĐỆ TỨ THẬP THẤT**

Phẩm kinh văn này là thán đức lưu thông. Thễ văn là bài tụng thất ngôn, tổng cộng có tám bài, có thể phân làm ba đoạn. Đoạn thứ nhất, người thọ trì nhất định được sanh Tịnh độ. Đoạn thứ hai, cảm thán Phật pháp khó được nghe. Đoạn thứ ba, lại khuyên người tin nhận thì sẽ được độ. Phẩm kinh văn này dùng hình thức trùng tụng, nói rõ tất cả chúng sanh, do trong đời quá khứ có tu phước, tu huệ, thiện căn đã chín muồi, nên mới có thể nghe đến bộ kinh này.

Mời xem kinh văn bên dưới:

**Nhược bất vãng tích tu phước huệ  
U' thử chánh pháp bất năng văn  
Đĩ từng cúng dường chư Như Lai  
Tắc năng hoan hỷ tín thử sự.**

*Nếu xa xưa không tu phước huệ,  
Thì chẳng được nghe chánh pháp này  
Đã từng cúng dường các Như Lai  
Mới vui mừng tin nổi việc này.*

Đây là bài kệ thứ nhất: Lúc xa xưa đã tu phước, tu huệ thì mới có thể nghe đến pháp này. Có thể thấy rằng có duyên gặp được kinh điển, nghe đến pháp môn này thì quyết chẳng phải là sự việc ngẫu nhiên, đều là trong đời quá khứ, thiện căn, phước đức vô cùng sâu dày. “Đã từng cúng dường các Như Lai” thì bạn mới có thể sanh tâm hoan hỷ mà tin sự việc này. Mọi người trong thời đại này, thiện căn, phước đức, nhân duyên trong quá khứ đều đã chín muồi. Vì vậy người tiếp xúc đến bộ kinh điển này và pháp môn niệm Phật, họ là người đương cơ của kinh này, cũng chính là đối tượng thọ trì kinh này.

**Ác, kiêu, giải đãi cập tà kiến  
Nan tín Như Lai vi diệu pháp  
Thí như manh nhân hằng xử ám  
Bất năng khai đạo u tha lộ.**

*Ác, kiêu, giải đãi và tà kiến  
Khó tin Như Lai vi diệu pháp,  
Như người mù ở mãi trong tối  
Chẳng thể chỉ đường cho kẻ khác.*

Đây là bài kệ thứ hai, nói rõ những người nào không phải là người đương cơ của kinh Vô Lượng Thọ. “Ác” là chỉ cho thập ác, người tạo mười nghiệp ác, người cống cao ngã mạn, người giải đãi lừa dối, người tà tri tà kiến, bốn loại người này chẳng thể tin pháp vi diệu này, chướng ngại họ đời này tu học pháp môn vô thượng này. Trong đêm đen tối cũng chẳng thể chỉ đường cho người khác. Người có những tập khí ác này, ví như mắt bị mù, không nhìn thấy được đại quang minh tạng của Phật, vĩnh viễn sống trong sự tăm tối. Bản thân người mù đã không nhìn thấy đường, sao có thể chỉ đường cho người khác được? Hàm nghĩa của câu này rất sâu, tổ sư đại đức từ xưa đến nay gọi là “người mù dắt kẻ đi”, người mù dẫn đường cho một đám người mù khác, cùng dắt nhau vào hầm lửa, đây là tỉ dụ. Kinh Lăng-nghiêm nói: “Tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng”. Bản thân chưa tìm ra đường thoát khỏi Tam giới mà lại đi dẫn dắt và chỉ đường cho người khác, kết quả là: khiến cho nhiều người phát tâm cầu chánh pháp đọa lạc oan uổng, gánh lấy nhân quả rất lớn. Cũng chính là nói, do bản thân không có trí tuệ chân chánh, nên làm lầm lạc chúng sanh, gây chướng ngại cho đại pháp đệ nhất, chướng ngại cơ duyên được độ trong đời này của chúng sanh, chướng ngại cơ hội đời này thành Phật của chúng sanh, tội lỗi cực kỳ sâu nặng. Người như trên chẳng phải là người đương cơ của kinh Vô Lượng Thọ, cũng chẳng phải là người thọ trì kinh Vô Lượng Thọ.

**Duy tăng u Phật thực chúng thiện  
Cứu thế chi hạnh phương năng tu.  
Văn dĩ thọ trì cập thư tả  
Độc tụng tán diễn tịnh cúng dường.  
Như thị nhất tâm cầu Tịnh phương  
Nhất định vãng sanh Cực Lạc quốc**

**Giả sử đại hỏa mãn Tam thiên  
Thừa Phật uy đức tất năng siêu.**

*Chỉ từng nơi Phật trồng căn lành  
Thì mới tu nổi hạnh cứu đời  
Nghe rồi thọ trì và biên chép  
Đọc, tụng, khen, diễn và cúng dường.  
Nhất tâm như vậy cầu cõi Tịnh  
Nhất định vãng sanh nước Cực Lạc.  
Giả sử lửa lớn khắp Tam thiên  
Nhờ uy đức Phật vượt qua được.*

Đây là hai bài kệ thứ ba và thứ tư. Hai bài kệ này nói rõ việc thọ trì, vãng sanh cần phải có những điều kiện gì? Điều kiện thứ nhất là: trong đời quá khứ đã từng ở nơi vô lượng vô biên chư Phật Như Lai gieo trồng căn lành. Điều này, những đồng tu đang ngồi đây của chúng ta mỗi người đều đã đầy đủ. Hạnh cứu đời, “hạnh” là hiện hành, bạn hiện tại thật sự có tâm từ bi, thật sự phát tâm tiếp nối huệ mạng Phật, cứu giúp các chúng sanh khổ nạn, cũng có thể là có tâm này nhưng sức lực chẳng đủ. Phật nói, chỉ cần bạn có tâm chân thật thì công đức bèn viên mãn. Bạn không có năng lực, tôi cũng không có năng lực, năng lực từ đâu mà có? Phải dựa vào sự gia trì của Phật Bồ-tát. Tôi phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ là ví dụ chứng minh tốt nhất. Vì sao tôi có thể giảng được? Uy thần của chư Phật Như Lai gia trì nên mới giảng ra được.

Phật Bồ-tát gia trì nhiều ít thì phải xem phát tâm của bạn lớn hay nhỏ, thật hay giả mà có khác biệt. Bạn phát tâm chân thật, phát tâm lớn thì sức uy thần của chư Phật Bồ-tát gia trì cũng lớn; bạn phát tâm nhỏ, phát tâm thiên lệch thì chư Phật Bồ-tát cũng gia trì, nhưng sức gia trì cũng nhỏ. Đây là cảm ứng đạo giao, chúng sanh có cảm thì Phật có ứng, [chỉ xem] cảm của bạn có thật hay không, có lớn hay không. Nhất tâm nhất ý giúp chúng sanh khổ nạn có thể nghe được chánh pháp, có thể trong đời này được độ, đó chính là phát tâm Vô thượng Bồ-đề, tâm này đáng quý. Tâm này vừa phát thì được chư Phật hộ niệm, long thiên ủng hộ.

Sau khi phát tâm thì chúng ta nên làm những việc gì? Làm như thế nào? “Nghe rồi” là bạn nghe được bộ kinh này rồi bạn có thể tin tưởng, có thể tiếp nhận. Tin tưởng là hoàn toàn không hoài nghi, thọ trì là hoàn toàn tiếp nhận. “Trì”

là giữ gìn, niệm niệm đều không lìa khỏi lời dạy của Phật. Y giáo phụng hành, nương vào tiêu chuẩn của kinh điển này mà sửa đổi tư tưởng, kiến giải, lời nói, hành vi sai lầm của chính mình cho tương ứng với kinh thì mới là đệ tử tốt của Phật.

Chúng ta giúp đỡ người khác, thứ nhất chính là lưu thông kinh điển, đem kinh Vô Lượng Thọ và pháp môn Tịnh độ niệm Phật giới thiệu cho tất cả chúng sanh hữu duyên. Lưu thông kinh sách thì phải in cho đẹp, khiến cho người không tin nhìn thấy quyển kinh cũng sinh tâm hoan hỷ, cũng trân quý, yêu mến, như vậy thì mới đạt được mục tiêu giúp người. Nếu chúng ta dùng tâm qua loa mà làm thì đã đánh mất sự cung kính. Chúng ta lưu thông kinh sách thì tuyệt đối không được in trên đó “sở hữu bản quyền, in lại sẽ bị truy tố”, làm như vậy thì gánh lấy nhân quả nặng nề. Nên in trên đó là “hoan nghênh sao chép, công đức vô lượng”. Công đức của ai vô lượng? Công đức của chính bạn vô lượng, bởi vì bạn giúp chư Phật lưu thông chánh pháp, không làm chướng ngại chánh pháp thì công đức vô lượng.

Khen, diễn, “khen” là khen ngợi, “diễn” là diễn nói. Khen và diễn đều thuộc về hoằng dương, đều đem bộ kinh này giới thiệu và tiến cử cho người khác, giảng giải cho người khác nghe. Bạn giảng hết toàn bộ quyển kinh, tốt! Giảng một phẩm kinh trong đó cũng tốt, giảng một câu kệ cũng tốt, giảng một hai câu trong đó cũng tốt luôn. Đây đều thuộc về khen, diễn. Đặc biệt là diễn, trong diễn có khen, trong khen không có diễn. Diễn là phải làm được, tức là biểu diễn. Làm thế nào biểu diễn? Phải đem nghĩa kinh hoàn toàn ứng dụng vào trong cuộc sống. Đời sống chính là bộ kinh Vô Lượng Thọ sống động, đem kinh Vô Lượng Thọ biểu diễn ra cho mọi người xem.

“Cúng dường” là chúng ta giảng bộ kinh điển này, giảng pháp môn này, tặng cho người khác làm quà. Chúng ta mỗi ngày niệm Phật thì chân thành hồi hướng cho chúng sanh, đây là cúng dường.

“Như vậy” là như trên đã nói, “nhất tâm cầu cõi Tịnh”, nhất tâm nhất ý chuyên cầu thế giới Tây Phương Cực Lạc, chính là một đời chỉ có một phương hướng, chỉ có một mục tiêu, chỉ có một nguyện vọng.

“Giả sử lửa lớn khắp tam thiên, nhờ oai đức Phật vượt qua được”, hai câu kệ này là Phật chứng minh cho chúng ta, người y giáo tu hành thì nhất định vãng sanh nước Cực Lạc. Như thế nào là y giáo phụng hành? Làm được năm câu dưới đây:

“Chỉ từng nơi Phật trồng căn lành, thì mới tu nổi hạnh cứu đời, nghe rồi thọ trì và biên chép, đọc, tụng, khen, diễn và cúng dường, nhất tâm như vậy cầu cõi Tịnh” thì nhất định vãng sanh nước Cực Lạc.

Vào lúc đại kiếp nạn thì Phật sẽ hiện thân tiếp dẫn bạn, nhất định phải có tín tâm, phải thật sự tin tưởng lời Phật đã nói, bất luận gặp phải tai nạn gì thì bất cứ lúc nào cũng đều có thể vãng sanh. Đây là Phật thọ ký cho chúng ta, thật sự cho người niệm Phật chúng ta một viên thuốc định tâm, chẳng còn hoài nghi nữa. Gặp phải kiếp nạn gì thì cũng đừng hốt hoảng, cũng đừng sợ hãi, hãy nhất tâm niệm Phật. Đây là lời Phật nói trong phẩm thứ 47 của kinh Vô Lượng Thọ, Phật không vọng ngữ, nhất định không bỏ lỡ thời cơ tiếp dẫn.

**Như Lai thâm quảng trí huệ hải  
Duy Phật dữ Phật nãi năng tri  
Thanh văn ức kiếp tư Phật trí  
Tận kỳ thần lực mạc năng trắc.  
Như Lai công đức Phật tự tri  
Duy hữu Thế Tôn năng khai thị.  
Nhân thân nan đắc Phật nan trị  
Tín huệ văn pháp nan trung nan.**

*Biển trí huệ Như Lai sâu rộng  
Chỉ Phật cùng Phật mới biết được  
Thanh văn ức kiếp suy trí Phật  
Trọn hết thần lực chẳng lường nổi.  
Công đức Như Lai, Phật tự biết  
Chỉ có Thế Tôn khai thị nổi.  
Thân người khó được, Phật khó gặp  
Tín huệ nghe pháp khó bậc nhất.*

Đây là hai bài kệ thứ năm và thứ sáu, hai bài kệ này tán thán trí tuệ của Phật khó được nghe.

Thế Tôn vì sao nói “*Biển trí huệ Như Lai sâu rộng, chỉ Phật cùng Phật mới biết được*”?



Đây quả thật là vì pháp môn Tịnh độ là pháp khó tin, chẳng những là khó tin, mà còn cực kỳ khó tin. Chúng ta không có trí tuệ, nếu dùng ý của chính chúng ta để suy đoán thì sai rồi. Chẳng những chúng ta không thể suy đoán trí tuệ của Phật, mà Thanh văn, Duyên giác, cho đến Bồ-tát Đẳng giác cũng không có năng lực. Trí tuệ của Phật chỉ có chư Phật biết được.

Phật nói cho chúng ta bộ kinh này là từ trong trí tuệ viên mãn của ngài lưu xuất ra, cho nên Bồ-tát Đẳng giác cũng không biết được. Trí tuệ của Bồ-tát Đẳng giác so với Phật còn kém rất xa. Thế nên trí tuệ viên mãn của chư Phật hiện tiền thì Bồ-tát Đẳng giác cũng chẳng thể hoàn toàn hiểu rõ. Không giống như nói các kinh điển khác, là từ trong trí tuệ viên mãn của Phật chỉ lưu xuất ra ít phần, nên A-la-hán và các Bồ-tát có thể hoàn toàn lý giải; nhưng với kinh Vô Lượng Thọ thì A-la-hán và các Bồ-tát dựa vào năng lực của chính mình chẳng thể lý giải được. Trên hội Pháp Hoa, vì sao 5.000 đệ tử lui ra? Vì nghe không hiểu, không tin.

Thánh giả Tiểu thừa chứng quả A-la-hán, chứng quả Bích-chi Phật, trong thời gian cực kỳ dài lâu, như vậy mà suy lường về trí tuệ của Phật, vận hết thần thông, trí lực cũng chẳng thể biết được Phật trí. Ở đây cũng là nói với chúng ta: tu học các tông phái khác, các pháp môn khác, các kinh luận khác đều chẳng thể nào hiểu trọn được trí tuệ của Phật, vì vậy gọi là pháp khó tin.

*“Công đức Như Lai, Phật tự biết, chỉ có Thế Tôn khai thị nổi”*

Kinh điển như vậy, pháp môn như vậy chỉ có Phật mới có thể khai thị, mới có thể hoàn toàn lý giải. Đại sư Ngẫu Ích trong Di-đà Kinh Yếu Giải đem phẩm Mười Phương Phật Tán Thán xếp vào phần lưu thông, vô cùng có đạo lý, cùng với điều được nói ở đây là cùng một ý nghĩa. Ai có tư cách gánh vác trách nhiệm lưu thông pháp môn Tịnh độ? Chỉ có chư Phật, ngoài Phật ra, Bồ-tát đều không có tư cách gánh vác việc lưu thông Đại pháp. Đại sư Ngẫu Ích đã phán giáo rất có đạo lý, trong kinh này chúng ta cũng nhìn thấy sự tán thán của mười phương Phật. Cho nên bộ kinh này và các kinh Đại thừa khác không như nhau. Các kinh điển khác, trong các kinh luận Phật thường nói, có năm loại người thuyết kinh là: đệ tử Phật, người trời, tiên nhân, Bồ-tát và Phật. Duy chỉ kinh Vô Lượng Thọ thì ngoài Phật ra, bốn loại người kia đều chẳng thể thuyết được. Bởi vì họ không có trí tuệ viên mãn, đối với chân tướng của vũ trụ nhân sanh, chỉ thấy được cục bộ, chưa thấy được toàn bộ, cho

nên họ chỉ có thể nói cục bộ, chẳng thể nói viên mãn. Do vậy, pháp môn Tịnh độ chỉ có Phật mới có năng lực để nói.

*“Chỉ có Thế Tôn mới khai thị”*

Nếu chẳng phải do uy thần của chư Phật Như Lai gia trì, dựa vào chút công phu tu học này của chúng ta thì nhất định chẳng thể lý giải nổi. Cho nên, nhất định phải cầu “chí thành cảm thông”, cầu Phật gia trì. Nếu không phải Phật gia trì, cho dù là người biết thuyết pháp thì cũng chẳng thể nói ra được.

*“Thân người khó được, Phật khó gặp. Tín huệ nghe pháp khó bậc nhất”*

Hai câu kệ này là Phật khuyên chúng ta rằng: thân người khó được, Phật khó gặp, tín huệ nghe pháp khó bậc nhất. Hy vọng chúng ta trân quý cơ duyên vô cùng thù thắng này, cơ duyên khó được, chớ để vuột mất. Phải biết rằng điều chúng ta nghe được là pháp đệ nhất mà hết thấy chư Phật đã nói, sao có thể không đặc biệt trân quý cho được!

**Nhược chư hữu tình đương tác Phật**

**Hạnh siêu Phổ Hiền đấng bỉ ngạn.**

**Thị cố bác văn chư trí sĩ**

**Ung tín ngã giáo như thật ngôn.**

*Nếu các hữu tình sắp thành Phật*

*Hạnh hơn Phổ Hiền lên bờ giác.*

*Hỡi những bậc học rộng trí cả*

*Nên tin lời như thật của Ta.*

Đây là bài kệ thứ bảy. Hai câu kệ đầu:

*“Nếu các hữu tình sắp thành Phật. Hạnh hơn Phổ Hiền lên bờ giác”*

Đây là câu văn cực kỳ thù thắng, đọc xong dư vị đọng lại vô cùng, khiến người suy nghĩ sâu xa. Có không ít người xem kinh văn này tâm sanh nghi hoặc, Thích-ca Mâu-ni Phật giảng kinh liệu có nói quá không? Bồ-tát Phổ Hiền là Bồ-tát Đẳng giác trên hội Hoa Nghiêm, là người đệ nhất dưới Phật Tỳ-lô-giá-na. Phẩm thứ hai của kinh này dạy chúng ta phải tuân theo đức của ngài Phổ Hiền, chúng ta tu hành tuân theo tiêu chuẩn của mười đại nguyện Phổ Hiền, thì làm sao vượt hơn ngài Phổ Hiền

được? Có người nêu ra hoài nghi, phía trước nói tuân theo đức của ngài Phổ Hiền, phần sau nói hạnh vượt hơn ngài Phổ Hiền, liệu có phiên dịch sai hay không?

Trước đó chúng tôi đã nói rồi, hai câu kệ này là câu văn cực kỳ thù thắng, thù thắng ở chỗ nào, và cực kỳ ở chỗ nào? Trước tiên nói với mọi người rằng: phiên dịch không hề sai. Phần trước là tuân theo đức của ngài Phổ Hiền, phần sau là hạnh vượt hơn ngài Phổ Hiền đều là nguyên văn tiếng Phạn, chẳng phải phiên dịch có sai lầm. Chẳng những không có sai lầm mà còn tỏ rõ lòng từ bi vô thượng chí cực của Thích-ca Mâu-ni Phật. Ngài móc hết tâm can, đem tâm can mổ phanh ra cho mọi người cùng xem.

Ngài Phổ Hiền là Bồ-tát đại hạnh, đại biểu cho sai biệt trí, dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Nguyện ấy rộng lớn không ngần mé, cúng dường vô lượng, lễ bái vô lượng, hết thấy mọi thứ đều là vô lượng. Dẫn về Cực Lạc, lợi ích cứu giúp vô tận, nên gọi là “nguyện vương”. Vì thế thánh chúng tham gia hội giảng kinh này đều cùng tu hành tuân theo đức của Đại sĩ Phổ Hiền. Nhưng trong kinh Vô Lượng Thọ, Thế Tôn dạy phương tiện bậc nhất trong các phương tiện, pháp viên đốn nhất trong các pháp viên đốn, dùng pháp tín nguyện trì danh, phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm để nhiếp trọn lục độ vạn hạnh, thu tóm trọn vẹn mười đại nguyện vương. Tất cả các pháp này đều được dung hội vào trong một câu Phật hiệu, cũng chính là vô biên hành môn của ngài Phổ Hiền (đại biểu cho sai biệt trí) đều dung hội về nhất hạnh tam-muội của Văn-thù Đại sĩ (Văn-thù đại biểu cho căn bản trí), “buộc tâm nơi một đức Phật, chuyên xưng danh hiệu”.

Một pháp trì danh rộng thu các sự vi diệu. Mười đại nguyện vương của ngài Phổ Hiền, mười cái nguyện lớn, trong mười nguyện lại có mười nguyện, chính là trăm nguyện, chính là vô cùng vô tận. Dẫn về Cực Lạc, hiện nay đem tất cả nguyện này đều nhiếp trọn vào trong một câu Phật hiệu. Tín nguyện trì danh, từ sai biệt trí lại trở về với căn bản trí. Lại từ căn bản trí khởi sai biệt trí, rồi từ sai biệt trí trở về căn bản trí, nâng cao lên. Đây chính là hạnh vượt hơn ngài Phổ Hiền.

Tiết học hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 99

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

*“Hồi những bậc học rộng trí cả, nên tin lời như thật của Ta”.*

Từ trong hai câu kệ này, chúng ta liệu có lĩnh hội được rằng đức Phật đã buốt lòng rát miệng đến cùng cực. Viết đến đây, trước mắt đột nhiên xuất hiện một hình ảnh thế này: Một người mẹ cầm chén cơm đang đuổi theo đứa con để dứt, đứa trẻ không nghe lời, chạy lòng vòng. Con chạy, mẹ đuổi, khó khăn lắm mới đuổi kịp được, người mẹ dứt một thìa cơm vào miệng con, nhưng đứa trẻ phun một cái văng ra ngoài. Người mẹ bắt lực đàn hồi lắc đầu, nói một câu: Ôi con ơi, cơm ngon như vậy sao con lại không ăn? Con trẻ chẳng hiểu lòng mẹ hiền.

Phật khuyên nhủ những người nghe rộng biết nhiều, những người có trí tuệ, “nên tin lời dạy của Ta”, tin lời giáo hóa của Ta là lời đúng như thật, Phật là bậc chân ngữ, thật ngữ, như ngữ.

**Như thị diệu pháp hạnh thính văn.**

**Ứng thường niệm Phật nhi sanh hỷ.**

**Thọ trì quảng độ sanh tử lưu**

**Phật thuyết thử nhân chân thiện hữu.**

*Diệu pháp như thế may được nghe*

*Nên thường niệm Phật, sanh hoan hỷ.*

*Thọ trì rộng độ dòng sanh tử*

*Phật gọi người này thật bạn lành.*

Đây là bài kệ thứ tám. Bốn câu này là câu kết thúc phẩm này, thật sự rất khó được. “*Diệu pháp như thế*” chính là chỉ cho bộ kinh Vô Lượng Thọ này. Hết thấy kinh mà Thích-ca Mâu-ni Phật đã nói trong 49 năm thì kinh Vô Lượng Thọ là vi diệu nhất. Diệu pháp thù thắng như vậy, bạn có thể nghe được, nghe thấy được, nghe được thì cạn một chút, nghe thấy được thì sâu một chút, nên thường niệm Phật mà sanh tâm hoan hỷ.

Bản thân tin nhận phụng trì, lại dùng kinh này mà khuyến hóa hết thấy chúng sanh, Phật nói người như vậy là bạn lành thật sự. Bạn lành chính là thiện tri thức, đây

là thiện tri thức chân chánh, thiện tri thức chân thật, họ không những tự mình ra khỏi dòng sanh tử, mà còn đi độ thoát rộng khắp mọi người ở trong dòng sanh tử. Phật nói những người này là thiện tri thức chân chánh.

Mời xem khai thị của đại sư Ấn Quang.

“Chúng sanh thời Mạt, nếu muốn hiện đời liễu sanh thoát tử, mà không niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì nhất định chẳng thể làm được. Vì sao vậy? Do không có sức để đoạn hoặc. Niệm Phật cầu sanh Tây Phương, nhờ từ lực của Phật nên người chưa đoạn hoặc cũng có thể vãng sanh. Đã vãng sanh rồi, ba thứ hoặc-nghiệp-khổ thảy đều tiêu diệt, ví như đặt mảnh tuyết vào trong lò luyện kim lớn, chưa vào đã tan. Vì Tây Phương là cảnh giới của Phật Bồ-tát, nên phàm phu đến đó, phàm niệm không mong đoạn mà tự đoạn”.

Tôi đã giảng xong phẩm kinh văn thứ 47, tiếp theo xin quy nạp trọng điểm một chút.

Trọng điểm của phẩm kinh văn thứ 47, phẩm kinh văn này có sáu trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: Vì sao chúng ta ở trong thời loạn như thế này mà có thể nghe được đại pháp thù thắng như vậy? Đây chẳng phải là sự việc ngẫu nhiên. Thiện căn, phước đức trong đời quá khứ sâu dày, do đã từng cúng dường các Như Lai.

Trọng điểm thứ hai: Những người nào không phải là người đương cơ và người thọ trì kinh Vô Lượng Thọ? Người tạo tác ác nghiệp, người cống cao ngã mạn, người giải đãi lười biếng, người tà tri tà kiến.

Trọng điểm thứ ba: Thọ trì kinh Vô Lượng Thọ, vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc cần phải có những điều kiện gì? Trong đời quá khứ đã từng ở nơi vô lượng vô biên chư Phật Như Lai gieo trồng thiện căn; có tâm cứu đời, có hạnh cứu đời; phát tâm tiếp nối huệ mạng Phật, cứu độ chúng sanh khổ nạn; nên chư Phật hộ niệm, long thiên ủng hộ; lưu thông kinh Vô Lượng Thọ, hoằng dương pháp môn Tịnh độ niệm Phật; tán diễn, cúng dường kinh Vô Lượng Thọ; nhất tâm cầu cõi Tịnh, dù kiếp nạn hiện tiền vẫn không kinh không sợ.

Trọng điểm thứ tư: Vì sao nói “biển trí huệ Như Lai sâu rộng, chỉ Phật cùng Phật mới biết được”? Vì đây là pháp khó tin, cực kỳ khó tin; chúng ta không có trí tuệ; bộ kinh này là từ trong trí tuệ viên mãn của Phật mà lưu xuất ra, trí tuệ của Bồ-

tát Đẳng giác không viên mãn, đều không hiểu rõ hoàn toàn. Vậy nên chỉ Phật cùng Phật mới biết được.

Trọng điểm thứ năm: Bạn lý giải hàm nghĩa của hai câu kệ “công đức Như Lai, Phật tự biết, chỉ có Thế Tôn khai thị nôi” như thế nào?

Trọng điểm thứ sáu: Vì sao nói câu “nếu các hữu tình sắp thành Phật, hạnh hơn Phổ Hiền lên bờ giác” là câu văn cực kỳ thù thắng? Nó thù thắng ở chỗ nào? Bạn lý giải câu “hạnh hơn Phổ Hiền” như thế nào?

Tiếp theo tôi sẽ giảng phẩm kinh văn sau cùng:

### **VĂN KINH HOẠCH ÍCH ĐỆ TỨ THẬP BÁT**

Phẩm kinh văn này nêu ra lợi ích để lưu thông, liệt kê ra lợi ích chân thật đạt được từ việc tu học nhằm khuyên khắp tất cả. “Nghe kinh được lợi ích” là nghe đến kinh này bèn đạt được lợi ích.

Mời xem kinh văn bên dưới:

**Nhĩ thời Thế Tôn thuyết thử kinh pháp, thiên nhân thế gian hữu vạn nhị thiên na-do-tha ức chúng sanh viễn ly trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh. Nhị thập ức chúng sanh đắc A-na-hàm quả. Lục thiên bát bá tỳ-kheo chư lậu dĩ tận, tâm đắc giải thoát.**

*Lúc bấy giờ Thế Tôn nói kinh pháp này, trong trời, người thế gian có một vạn hai ngàn na-do-tha ức chúng sanh xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Hai mươi ức chúng sanh đắc quả A-na-hàm. Sáu ngàn tám trăm tỳ-kheo hết sạch các lậu, tâm được giải thoát.*

Đoạn kinh văn này trước tiên giới thiệu nhóm chúng sanh nào được lợi ích của Tiểu thừa. Chúng sanh thế giới Ta-bà, cõi trời và nhân gian tổng cộng có một vạn hai ngàn na-do-tha ức chúng sanh được pháp nhãn tịnh.

Thế nào là pháp nhãn tịnh? Có thể biện biệt đúng sai, có thể biện biệt chân vọng, pháp nhãn là mắt của Bồ-tát, có thể nhìn thấy rõ ràng đạo lý diệu hữu của hết thảy pháp, là một trong ngũ nhãn.

Pháp nhãn tịnh có hai loại: của Đại thừa và của Tiểu thừa. Tiểu thừa là Sơ quả, Đại thừa là Sơ địa. Trong kinh này là 20.000 người, nhưng người tham gia pháp

hội thì không biết là bao nhiêu. Nhiều người như vậy lìa khỏi trần cấu, đều lìa khỏi cấu ô nơi căn trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), được pháp nhãn thanh tịnh, thấy được pháp Tứ đế. Đối với pháp khổ-tập-diệt-đạo của Tứ đế thật sự nhìn thấy; thấy được Tứ đế thì chứng Sơ quả, đã đoạn kiến hoặc.

*“Hai mươi ức chúng sanh đắc quả A-na-hàm”*

Đây là tam quả của Tiểu thừa, còn gọi là quả Bất hoàn. Chứng đắc quả A-na-hàm thì sẽ không quay về Dục giới nữa. Tuy chưa ra khỏi Tam giới, nhưng họ trụ ở trời Ngũ Bất Hoàn của Tứ thiên, ở đó tu hành.

*“Sáu ngàn tám trăm tỳ-kheo hết sạch các lậu”*

Chứng quả A-la-hán, đây là Tứ quả của Tiểu thừa, vượt thoát Tam giới, không còn đọa lạc. “Lậu tận” chỉ cho đã đoạn hết kiến tư phiền não, cho nên nói “tâm được giải thoát”.

Trong đoạn kinh văn này, chúng ta cần giải quyết vấn đề nhận thức như sau: Có người hỏi, vì sao Phật thuyết pháp Đại thừa, mà người nghe pháp lại đắc quả Tiểu thừa? Tịnh Ảnh Sớ giải thích rằng: Những chúng sanh này, nghe nói thế giới Ta-bà uế ác đáng chán như vậy nên sanh tâm chán lìa mạnh mẽ, đắc được quả Tiểu thừa. Ngài Cảnh Hưng của Triều Tiên lại nói như sau: đó cũng là do trình độ đoạn hoặc của đại chúng. Nghe những pháp Đại thừa này, về “kiến” không có nghi hoặc thì là Sơ quả. Đã đoạn hết tư hoặc của cõi Trời và cõi trên rồi thì trình độ đoạn hoặc đó là A-la-hán. “Kiến” đó có thể là kiến của Đại thừa, đoạn hoặc là chứng. Có cái kiến Đại thừa này thì sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là người phát tâm Đại thừa. Vì sao còn có Thanh văn? Bởi vì đoạn hoặc chỉ đạt đến trình độ Thanh văn. Đoạn chính là chứng, đã đoạn rồi thì chẳng khởi lên nữa. Sở chứng, sở kiến phải có sự khác biệt. Bậc thượng căn lợi khí vừa kiến thì đã chứng, còn tuyệt đại đa số vẫn phải chia làm hai bước. Trước tiên giải quyết kiến, rồi mới tu, rồi mới hành, rồi mới chứng quả.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Tứ thập ức Bồ-tát, u Vô thượng Bồ-đề, trụ bất thoái chuyển, dĩ hoàng thế công đức, nhi tự trang nghiêm. Nhị thập ngũ ức chúng sanh đắc bất thoái nhẫn. Tứ vạn ức na-do-tha bá thiên chúng sanh, u Vô thượng Bồ-đề, vị tăng phát ý, kim thử sơ phát. Chúng chư thiện căn, nguyện sanh Cực Lạc, kiến A-di-đà Phật,**

giai đương vãng sanh bĩ Như Lai độ. Các u dị phương, thứ đệ thành Phật, đồng danh Diệu Âm Như Lai. Phục hữu thập phương Phật sát, nhược hiện tại sanh, cập vị lai sanh, kiến A-di-đà Phật giả, các hữu bát vạn câu-chi na-do-tha nhân, đắc thọ ký pháp nhãn, thành Vô thượng Bồ-đề. Bĩ chư hữu tình giai thị A-di-đà Phật túc nguyện nhân duyên, câu đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới.

*Bốn mươi ức Bồ-tát trụ bất thoái chuyển nơi Vô thượng Bồ-đề, dùng công đức hoằng thệ mà tự trang nghiêm. Hai mươi lăm ức chúng sanh đắc bất thoái nhãn. Bốn vạn ức na-do-tha trăm ngàn chúng sanh chưa từng phát tâm nơi đạo Vô thượng Bồ-đề, nay mới bắt đầu phát tâm. Trông các căn lành, nguyện sanh về Cực Lạc, thấy A-di-đà Phật, đều sẽ vãng sanh về cõi nước của đức Như Lai ấy. Mỗi vị đều ở các phương khác lần lượt thành Phật, cùng danh hiệu là Diệu Âm Như Lai. Lại trong mười phương cõi Phật, mỗi cõi có tám vạn câu-chi na-do-tha người, hoặc hiện tại vãng sanh, hoặc sẽ vãng sanh, gặp A-di-đà Phật, được thọ ký pháp nhãn, thành Vô thượng Bồ-đề. Các hữu tình ấy đều có nhân duyên túc nguyện với A-di-đà Phật, đều được vãng sanh về thế giới Cực Lạc.*

Đoạn kinh văn này khá dài, chúng tôi chia thành tám đoạn để nói.

*“Bốn mươi ức Bồ-tát trụ bất thoái chuyển nơi Vô thượng Bồ-đề, dùng công đức hoằng thệ mà tự trang nghiêm”*

Đây nói về lợi ích đạt được của Đại thừa. Người căn tánh Đại thừa nghe kinh thì đạt được lợi ích của Đại thừa, người căn tánh Tiểu thừa nghe kinh thì đạt được lợi ích của Tiểu thừa. Cho nên, nghe kinh đạt được lợi ích gì thì đều có liên quan đến căn tánh của chính mình.

“Dùng công đức hoằng thệ mà tự trang nghiêm”, sự trang nghiêm của đại nguyện là trụ bất thoái chuyển, hạnh bất thoái chuyển, sẽ không thoái chuyển xuống Tiểu thừa. Bồ-tát Đại thừa trụ bất thoái chuyển nơi Vô thượng Bồ-đề, đây là Bồ-tát nào vậy? Theo pháp môn thông thường mà nói thì đây là Bồ-tát Sơ trụ của Viên giáo, là Bồ-tát thuộc địa vị tam bất thoái gồm: vị bất thoái, hạnh bất thoái, niệm bất thoái. Bồ-tát Bất thoái chuyển tu pháp môn này thành tựu là hơn 40 ức.

*“Hai mươi lăm ức chúng sanh đắc bất thoái nhãn”*

Cảnh giới mà hai câu kinh văn này nói còn cao hơn cảnh giới của Bồ-tát địa vị tam bất thoái mà phía trước nói. “Bất thoái nhãn” là vô sanh pháp nhãn. Chúng ta



hạ tiêu chuẩn xuống thấp một chút, như trong kinh Nhân Vương, Phật nói: Bồ-tát địa vị Ngũ nhẫn mới là Tín nhẫn. Tín nhẫn là Bồ-tát Sơ địa, Nhị địa, Tam địa. Do đây mà biết, 25 ức chúng sanh đắc bất thoái nhẫn mà ở đây nói chính là Bồ-tát Địa thượng. Bốn mươi ức Bồ-tát nói ở phía trước là Bồ-tát địa vị Tam hiền là: Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng. Những bậc từ Sơ địa cho đến Bồ-tát Đẳng giác thì có 25 ức người, đây là bậc Đại thừa vãng sanh.

*“Bốn vạn ức na-do-tha trăm ngàn chúng sanh chưa từng phát tâm nơi đạo Vô thượng Bồ-đề, nay mới bắt đầu phát tâm”*

Từ những câu kinh văn này có thể thấy rằng phát tâm Bồ-đề là một việc lớn, trong kinh đều nói như nhau. “Bốn vạn ức na-do-tha”, nhiều chúng sanh như vậy trong quá khứ chưa phát tâm Bồ-đề, sau khi nghe pháp môn Tịnh độ thì mới hoan hỷ phát tâm, “trông các căn lành, nguyện sanh về Cực Lạc, thấy A-di-đà Phật”.

Người trong đoạn kinh văn này nói không phải là Thanh văn, cũng chẳng phải là Bồ-tát. Bốn vạn ức na-do-tha, số người được lợi ích tương đối khả quan, nhiều hơn số người đắc pháp nhãn tịnh của Tiểu thừa. Chúng ta vừa chẳng phải là Bồ-tát, cũng không phải là Tiểu thừa, vậy chúng ta có thuộc vào loại này hay không? Trước khi nghe đến pháp môn Tịnh độ niệm Phật thì chưa từng phát tâm nơi đạo Vô thượng Bồ-đề, nay mới bắt đầu phát tâm.

*“Trông các căn lành, nguyện sanh về Cực Lạc, thấy A-di-đà Phật”.*

Người thật sự giác ngộ nên đem sự việc này làm thành việc lớn thứ nhất trong sanh mạng một đời này của chính mình. Đời này đến thế gian này để làm gì? Chính là cầu sanh Tịnh độ, chính là vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, chính là phải gặp A-di-đà Phật. Đây mới là thật sự phát tâm.

*“Đều sẽ vãng sanh về cõi nước của đức Như Lai ấy”*

Câu kinh văn này rất quan trọng, đây là Phật đang thọ ký thành Phật cho chúng ta. Hết thấy chúng sanh chỉ cần nương vào đạo lý, phương pháp của kinh điển này, tuân theo lời dạy của Phật mà tu hành thì tương lai nhất định vãng sanh, sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì nhất định gặp được A-di-đà Phật. Như trong kinh Lăng-nghiêm nói: “Hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật.”

*“Mỗi vị đều ở các phương khác lần lượt thành Phật, cùng danh hiệu là Diệu Âm Như Lai”*

Chúng ta sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, nhưng thành Phật thì không nhất định ở thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc có A-di-đà Phật, một thế giới chỉ có một vị Phật, vậy chúng ta đi đến đâu để làm Phật? Đến thế giới phương khác ngoài thế giới Cực Lạc để làm Phật. Nhiều người trong pháp hội như vậy, tương lai trước sau đều sẽ thành Phật, cùng danh hiệu là Diệu Âm Như Lai.

*“Lại trong mười phương cõi Phật, mỗi cõi có tám vạn câu-chi na-do-tha người, hoặc hiện tại vãng sanh, hoặc sẽ vãng sanh, gặp A-di-đà Phật, được thọ ký pháp nhãn, thành Vô thượng Bồ-đề”*

Còn có người trong mười phương cõi Phật hiện tại đang vãng sanh, cho đến tương lai sẽ vãng sanh gặp A-di-đà Phật, mỗi cõi có tám vạn câu-chi na-do-tha người được thọ ký pháp nhãn, được Phật thọ ký.

Có bốn loại thọ ký: Một là chưa phát tâm Bồ-đề mà thọ ký, Phật đã thọ ký cho bạn rồi, tương lai bạn nhất định có thể phát tâm. Hai là thọ ký cho người đã phát tâm Bồ-đề, thọ ký cho bạn. Ba là ngầm thọ ký, người khác biết nhưng chính mình không biết. Thứ tư là hiện tiền thọ ký, chính thức ở trước Phật, bạn cũng ở đó, ngài thọ ký cho bạn rõ ràng. Bốn loại thọ ký này chỉ cần đạt được bất kỳ một loại nào thì đều gọi là “được thọ ký”. Nhiều người như vậy đều được thọ ký, đều được pháp nhãn. Ở trên được bất thoái chuyển là niệm bất thoái, trụ bất thoái chuyển là hạnh bất thoái; ở đây được thọ ký pháp nhãn là thọ ký thành Vô thượng Bồ-đề.

*“Các hữu tình ấy đều có nhân duyên túc nguyện với A-di-đà Phật, đều được vãng sanh về thế giới Cực Lạc”*

Những hữu tình ấy đều có nhân duyên túc nguyện với A-di-đà Phật, do nguyện lực trong đời quá khứ, nhân duyên trong đời quá khứ chiêu cảm nên đều có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc. Trong bản dịch thời Đường thì câu này còn rõ ràng hơn một chút: “Tám vạn ức na-do-tha chúng sanh được thọ ký pháp nhãn, thành Vô thượng Bồ-đề, họ đều là những hữu tình xưa kia được Phật Vô Lượng Thọ thành tựu khi ngài còn đang tu đạo Bồ-tát, thấy đều sẽ sanh về thế giới Cực Lạc”. Nhiều chúng sanh như vậy được thọ ký pháp nhãn, thành Vô thượng Bồ-đề, đó là các hữu tình được Phật Vô Lượng Thọ thành tựu trong quá khứ khi ngài chưa thành Phật, khi còn hành Bồ-tát đạo. Phật đã giáo hóa họ, khiến thiện căn của họ chín muồi, những người này đều sẽ vãng sanh thế giới Cực Lạc.

Hết thầy pháp do nhân duyên sanh, những chúng sanh này trong đời quá khứ gặp được A-di-đà Phật khi ngài còn ở trong nhân địa chưa thành Phật, họ nhận được sự dạy dỗ. Hiện nay thiện căn chín muồi, nhân duyên thù thắng vô thượng, nhiều đời đến nay được A-di-đà Phật giáo hóa, đã từng thính văn, văn tư và tu, như vậy mà phát nguyện. Nếu có chánh tư duy, chánh nguyện lực in vào trong ruộng tâm thức thứ tám thì như ăn chất kim cang, nhất định chẳng tiêu mất, đây là nhân duyên tốt lành thù thắng vô thượng. Hiện nay đức Di-đà đã công viên quả mãn, thành bậc giác ngộ rốt ráo, vậy nên nhân duyên đều đã chín muồi, nhờ uy lực của Phật nhiếp thọ thì đều được vãng sanh thế giới Cực Lạc. Vì chúng tử trong quá khứ đã trở thành cái nhân của hiện tại, hiện nay lại được uy lực của Phật gia bị nên trở thành duyên. Nhân và duyên đều đầy đủ, cho nên vãng sanh thế giới Cực Lạc.

Có nhân còn phải có duyên, quá khứ đã trồng thiện căn nên có nhân, bản thân lại phát ra cái tâm này là nhân, gặp được nhiều thiện duyên, trợ duyên, đều rất quan trọng. Nếu không có chúng tử thì chẳng thể trồng ra thứ này được. Nếu bạn là hạt giống hoa sen thời nhà Đường thì hiện nay đã nở ra hoa sen rồi. Trước đây không bỏ hạt giống xuống nước, không có duyên, nhưng nhân là bất diệt; nước và đất gìn giữ rất tốt thì sẽ nở hoa.

Cho nên chúng ta nghĩ đến thế giới Cực Lạc, vì sao người vãng sanh nhiều như vậy, vô lượng vô biên, chính là biểu đạt rằng A-di-đà Phật khi ở nhân địa, trước khi thành Phật, trong vô lượng kiếp đã giáo hóa các loại chúng sanh trong biển sanh tử, vì có nhân duyên này thành tựu thiện căn, nên họ được vãng sanh. Ngày nay bản thân chúng ta có thể nghe, có thể tin, thì chắc chắn rằng đức Di-đà trong kiếp quá khứ đã từng đi theo chúng ta vào trong địa ngục, A-di-đà Phật ở trong đó cứu độ chúng ta, ở nơi nhà lửa dạy bảo chúng ta rằng: ba cõi không yên, ví như nhà lửa. Ngài đã ở trong ngôi nhà lửa lớn này mà cứu độ chúng ta, nhiếp thọ chẳng bỏ, khuyên dạy không ngừng, không mệt không chán, chẳng ngại cùng chúng ta xoay vần trong lục đạo. Trong số những người cùng phát tâm Bồ-đề, có một người đọa lạc thì những người không đọa lạc kia đều phải đi độ họ, phải đuổi theo đến địa ngục để cứu họ, Phật Bồ-tát không bỏ sót một người nào, đây là tâm của Phật Bồ-tát Đại thừa. Tâm của hành giả chính là vĩ đại như thế đó!

Phật Bồ-tát đối với chúng sanh chúng ta chính là như vậy. Chỉ mong chúng ta có thể có cơ hội một niệm hồi tâm, biết rằng quá khứ đã sai mất rồi, một niệm hồi

tâm chẳng thể nghĩ bàn. Chỉ sợ cứ cho rằng chính mình luôn luôn đúng, như vậy cho thấy bao nhiêu năm qua bạn chưa từng đạt được sự tiến bộ thật sự. Một niệm hồi tâm này, phải cảm tạ ân đức của Phật mà thiện căn mới có thể tăng trưởng.

Ân Phật bao la lớn vô lượng, ngàn câu muôn lời khó biểu đạt, tôi viết bản thảo đến chỗ này, cảm động lệ tuôn rơi lã chã. Hoằng dương chánh pháp đường gian nan, muôn vàn hiểm nạn dũng cảm tiến, tôi vì Tịnh độ mà tán thán, xương tan thịt nát cũng cam lòng, dù mài tôi luyện thành vàng thật, tôi nguyện hóa thành sen chín phẩm. Ân sư, Ân sư hãy yên lòng, đệ tử nhất định sẽ về nhà.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Nhĩ thời tam thiên đại thiên thế giới lục chủng chấn động, tịnh hiện chủng chủng hy hữu thần biến, phóng đại quang minh, phổ chiếu thập phương. Phục hữu chư thiên, u hư không trung, tác diệu âm nhạc, xuất tùy hỷ thanh. Nãi chí Sắc giới chư thiên, tất giai đắc văn, thán vị tăng hữu, vô lượng diệu hoa phân phân nhi giáng. Tôn giả A-nan, Di-lặc Bồ-tát, cập chư Bồ-tát, Thanh văn, thiên long bát bộ, nhất thiết đại chúng, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành.**

*Bấy giờ tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách, và hiện ra các thứ thần biến hy hữu, phóng đại quang minh chiếu khắp mười phương. Lại có chư thiên, ở trên không trung, tấu âm nhạc vi diệu, vang ra tiếng tùy hỷ. Cho đến chư thiên Sắc giới đều được nghe tiếng, khen là chưa từng có, vô lượng diệu hoa bay xuống không ngớt. Tôn giả A-nan, Bồ-tát Di-lặc và các Bồ-tát, Thanh văn, thiên long bát bộ, hết thảy đại chúng nghe lời Phật dạy, đều rất hoan hỷ, tin nhận, phụng hành.*

“Bấy giờ” chính là lúc Phật giảng bộ kinh này thì ba loại tướng lành hiện ra.

Loại tướng lành thứ nhất: tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách. Đây là sự chấn động thân tâm của người nghe. Nghe đến bộ kinh này, hoan hỷ vô cùng! Vô lượng kiếp đến nay bị giày vò trong luân hồi sanh tử nơi lục đạo, ngày nay đã tìm được cơ hội thoát ly, nên tâm sanh đại hoan hỷ.

Loại tướng lành thứ hai: hiện ra các thứ thần biến hy hữu. Phật giáo đối với tướng lành không miêu tả quá nhiều, mà chỉ nói sơ lược.

Loại tướng lành thứ ba: quang minh chiếu khắp, tiếp dẫn chúng sanh mười phương cùng sanh Tịnh độ, đồng viên chủng trí, đồng thành Phật đạo.

Vì sao ba lần hiện tướng lành? Vì để chứng minh cho chúng ta, khiến mọi người đối với pháp môn Tịnh độ niệm Phật sanh khởi tín tâm, đối với pháp khó tin nhất định phải sanh tín tâm chân thật thì mới có thể thật sự được lợi ích.

*“Thiên long bát bộ, hết thầy đại chúng nghe lời Phật dạy, đều rất hoan hỷ, tin nhận, phụng hành”.*

Vì sao hoan hỷ vậy? Vô Lượng Thọ Kinh Sao nói: Có ba nguyên nhân hoan hỷ.

Thứ nhất, người thuyết pháp thanh tịnh. Người nói kinh này là Bồn sư Thích-ca Mâu-ni Phật của chúng ta. Phật nói: “Ta là pháp vương, tự tại nơi pháp”. Thích-ca Mâu-ni Phật là vua của các pháp, tự tại đối với pháp. Người thuyết pháp rất thanh tịnh, rất tự tại nơi pháp, cho nên đều rất hoan hỷ.

Thứ hai, pháp được nói thanh tịnh. Các loại công đức được nói đến đều là một câu thanh tịnh. Các thứ y chánh trang nghiêm đều vào trong nhất pháp cú, đều là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Pháp được nói thanh tịnh, cho nên đều rất hoan hỷ.

Thứ ba, đắc quả thanh tịnh. Toàn thể của mỗi một thứ trang nghiêm ở thế giới Cực Lạc đều là lý tánh. Y theo lời dạy mà tu trì thì vượt ngang ra khỏi Tam giới, sanh trọn cả bốn cõi Tịnh độ, chứng ngay lên Bất thoái, rốt ráo thành Phật. Đây là đắc quả thanh tịnh. Bởi vì sự thanh tịnh này mà người nghe được lợi ích vô thượng, cho nên đều rất hoan hỷ, tin nhận, phụng hành.

Mời xem đại sư Ân Quang khai thị:

“Một pháp niệm Phật là pháp môn đặc biệt để Như Lai phổ độ chúng sanh. Độ khắp ba căn, trọn sáu lợi-độn. Trên từ Bồ-tát Đẳng giác cũng chẳng thể vượt ra ngoài pháp này; dưới đến chúng sanh ngũ nghịch thập ác cũng có thể dựa vào trong số ấy. Dù không đoạn hoặc nghiệp cũng được dựa vào hải hội. Một phen được vãng sanh thì nhất định chứng Bồ-đề. Huống chi chúng sanh thời Mạt, căn cơ hèn kém, không nương vào pháp này thì làm sao yên được”.

“Cương lĩnh lớn của pháp môn Tịnh độ nằm ở ba thứ: tín, nguyện, hạnh. Chỗ then chốt tu trì là ở ‘nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối’. Không cần nói nhiều,

nương đây mà gắng sức tu hành thì ắt tự có thể được lợi ích vậy. Nếu muốn làm bậc đại thông gia, không thềm để mắt đến pháp liễu sanh thoát tử ngay trong hiện đời thì đáng thương xót thay”.

“Pháp tánh chân như vốn không có tên gọi: chúng sanh hay Phật, thánh hay phàm. Diệu tâm viên giác nào có tướng của trời - người, thăng hay đọa. Chỉ do mê chân theo vọng, xuôi dòng sanh tử mà quên mất ngọn nguồn. Đến nỗi luân hồi trong sáu nẻo muôn kiếp chẳng dứt. Đấng Đại giác Thế Tôn đặc biệt rĩ lòng thương xót, nói ra cái quê nhà vốn có, chỉ con đường tắt để về nguồn mà cực lực tuyên nói pháp Tịnh độ, hồng khuyến tất cả vãng sanh. Nếu có thể niệm niệm không quên trì danh hiệu Phật thì lâu ngày chầy tháng, cực lực tu trì ắt công phu thuần thực, tự nhiên năng sở đều tịch mặc, tâm và Phật hợp thành một phiền, không lìa một niệm hiện tiền, đích thân chứng tam-muội, thấu triệt tự tâm, đắc đại tổng trì. Như vậy dẫu còn ở Ta-bà nhưng đã là đưa con đích thực của đức Di-đà, tuy chưa sanh Cực Lạc nhưng đã là bạn lành của bậc Đại sĩ. Cho dù căn cơ hạ liệt, chưa đạt được mức này, nhưng hiện đời vẫn được phước sâu thọ dài, ngàn điều tốt lành đều hội tụ nơi thân. Đến lúc lâm chung thánh đón Phật nghênh, trường kiếp nhân nhã đạo chơi cõi Tịnh”.

Hỡi các đồng tu thân ái của tôi, đọc xong những đoạn khai thị này của đại sư Ấn Quang, bạn có cảm thấy mình là người may mắn nhất trên thế giới này hay không?

Trọng điểm của phẩm kinh văn thứ 48, phẩm kinh văn này có tám trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: Nhóm chúng sanh nào được lợi ích của Tiểu thừa? Mỗi người họ đạt được quả vị như thế nào? Chúng sanh thế giới Ta-bà, trên trời và nhân gian có một vạn hai ngàn na-do-tha ức chúng sanh được pháp nhãn tịnh; hai mươi ức chúng sanh đắc quả A-na-hàm; sáu ngàn tám trăm tỷ-kheo đã sạch các lậu, chứng quả A-la-hán.

Trọng điểm thứ hai: Vì sao Phật giảng pháp Đại thừa mà người nghe pháp lại đắc quả Tiểu thừa? Hãy kết hợp với thực tế để nói rõ vấn đề này, các đồng tu có thể triển khai thảo luận.

Trọng điểm thứ ba: Đắc quả Đại thừa thì có những Bồ-tát nào? Bốn mươi ức Bồ-tát trụ bất thoái chuyển nơi Vô thượng Bồ-đề. Tam bất thoái là vị bất thoái, hạnh bất thoái, niệm bất thoái, là Sơ trụ của Viên giáo, Bồ-tát tam hiền. Hai mươi lăm ức

chúng sanh đấng bất thoái nhãn, bất thoái nhãn là vô sanh pháp nhãn, là Bồ-tát địa thượng. Bốn vạn ức na-do-tha trăm ngàn chúng sanh chưa từng phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nay mới bắt đầu phát tâm. Chúng ta đã không phải là Bồ-tát, cũng chẳng phải Tiểu thừa, cho nên thuộc vào nhóm chúng sanh này.

Trọng điểm thứ tư: “Đều sẽ vãng sanh về cõi nước của đức Như Lai ấy”, câu nói này quan trọng ở chỗ nào? Là Phật thọ ký cho chúng ta thành Phật.

Trọng điểm thứ năm: Được Phật thọ ký thì có mấy loại? Có bốn loại: chưa phát tâm Bồ-đề mà thọ ký, đã phát tâm Bồ-đề mà thọ ký, ngậm thọ ký, hiện tiền thọ ký.

Trọng điểm thứ sáu: Tâm hạnh của Bồ-tát Đại thừa là gì vậy? Không bỏ một người nào.

Trọng điểm thứ bảy: Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ đã hiện ra bao nhiêu loại tướng lành? Vì sao hiện tướng lành? Vì sao hoan hỷ? Hiện ba loại tướng lành. Loại thứ nhất: tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách. Loại thứ hai: hiện ra các loại thần biến hy hữu. Loại thứ ba: quang minh chiếu khắp, nhằm chứng minh cho chúng ta, khiến mọi người sanh khởi tín tâm đối với pháp môn Tịnh độ niệm Phật. Đại chúng sanh tâm hoan hỷ, có ba nguyên nhân: một là người thuyết pháp thanh tịnh, hai là pháp được thuyết thanh tịnh, ba là đắc quả thanh tịnh.

Trọng điểm thứ tám: Khai thị của đại sư Ấn Quang đối với việc chúng ta tu học kinh Vô Lượng Thọ có ý nghĩa chỉ đạo như thế nào? Hãy kết hợp với thực tế mà nói về linh hội của cá nhân bạn xem sao.

Tiết học ngày hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!

## TẬP 100

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Ngày 21 tháng 8 là một ngày vui đáng để kỷ niệm, lần phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ thứ hai đã viên mãn. Lần phúc giảng này, từ ngày 12 tháng 5 năm 2020 khai bút viết bản thảo, đến ngày 21 tháng 8 năm 2021 đã hoàn thành việc ghi âm và ghi hình viên mãn, trải qua 462 ngày, với 700.000 từ, giảng được 100 tập một cách viên mãn, quá vi diệu!

Hôm nay là tiết học sau cùng của lần phúc giảng này, tôi muốn nói trọng điểm với các đồng tu về bốn phương diện vấn đề dưới đây. Đây cũng là thể hội tâm đắc trong lần phúc giảng này của tôi.

*Thứ nhất, vì sao tôi muốn phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ lần thứ hai?*

Một là nhằm thực hiện lời mà bản thân tôi đã nói trước đây, sau lần phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ thứ nhất, tôi đã từng nói: Nếu trong tình hình mà điều kiện chủ quan và điều kiện khách quan đều cho phép, thì tôi muốn trong những năm còn sống sẽ phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ vài lần, bởi vì bộ kinh này quá quan trọng. Về việc tôi còn có thể giảng bao nhiêu lần thì tôi không biết, tất cả đều giao cho A-di-đà Phật sắp xếp.

Thứ hai, nhằm đáp ứng yêu cầu của các đồng tu trên mạng. Sau lần phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ thứ nhất, trên mạng có đồng tu nêu ý kiến rằng: Giảng quá cạn, nghe không đã khát, mong tôi hãy giảng sâu một chút. Tôi nghĩ đây là một người nghiêm túc học tập, nghiêm túc tu hành, anh ấy đối với việc học tập kinh giáo đã có nền tảng nhất định, anh ấy khao khát được nâng cao, tôi không thể nào không mãn nguyện yêu cầu của anh ấy. Anh ấy đã nhắc nhở tôi rằng, người học tập kinh Vô Lượng Thọ có nhiều cấp độ, nhu cầu của họ đối với mức độ giảng giải kinh điển sâu hay cạn cũng có nhiều cấp độ.

Xin nêu ví dụ để nói, ví như uống nước, có người thích uống nước lọc, có người thích uống nước trà nhạt, có người thích uống nước trà đậm, có người thích uống trà sữa. Nếu như nói lần phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ thứ nhất của tôi là nước lọc, vậy thì lần thứ hai tôi phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ là trà nhạt, cũng có thành phần của trà đậm và trà sữa. Nói thế này vậy: Lần phúc giảng này, tôi cố hết



sức lưu tâm đến các nhu cầu khác nhau của các đồng tu ở các cấp độ, nhưng nếu nói là đáp ứng nhu cầu của mỗi đồng tu ở các cấp độ thì đây là việc mà sức tôi làm chẳng nổi, sau này tôi sẽ tiếp tục nỗ lực.

Thứ ba, tôi đã trút hết đậu ra khỏi ống tre rồi. Hai mươi năm trước, tôi thân mang trọng bệnh, có thể tử vong bất cứ lúc nào, chính vào lúc tôi bình tĩnh chờ đợi tử thần đến, tôi may mắn nghe được Phật pháp, có được một cuốn kinh Vô Lượng Thọ bản hội tập và một bộ đĩa giảng kinh Vô Lượng Thọ của lão pháp sư. Hai mươi năm tôi không thay đổi đề mục, không rẽ sang đường khác, chuyên nghe lão pháp sư giảng kinh Vô Lượng Thọ, tôi nghe hiểu được 30%, tôi đã được lợi ích. 100.000 câu hỏi vì sao không tìm ra được đáp án, tôi đã tìm được đáp án trong kinh Vô Lượng Thọ rồi, tôi đã hiểu rõ đạo lý, tôi đã được cứu, tôi nhận được lợi ích rồi. Tôi đã tháo bỏ được sự ràng buộc, có được cuộc đời mới, tôi chẳng những giữ được sanh mạng mà còn có được huệ mạng.

Tôi không phải là một người ích kỷ, tôi chẳng thể hài lòng khi một mình tôi nhận được lợi ích thôi là được, tôi muốn làm cho các đồng tu của tôi đều nhận được lợi ích. Hai mươi năm trước, tôi bị bệnh, bị khổ, bị nạn, đã từng đau đớn không thiết sống, sự bơ vơ, bất lực, vô vọng đó có mùi vị ra sao, đích thân tôi đã trải nghiệm rồi, tôi không muốn để các đồng tu của tôi lại trải qua khổ nạn mà tôi từng nếm trải. Vậy nên, tôi muốn đem mỗi một điều tâm đắc thể hội trong 20 năm nghe kinh nghe pháp của mình nói cho mọi người nghe, dù là kinh nghiệm hay là lời giáo huấn, tôi đều sẽ nói cho mọi người nghe mà chẳng giữ lại chút gì, giống như trút hết hạt đậu ra khỏi ống tre vậy, chẳng chừa lại một hạt. Nếu vẫn còn một hạt đậu chưa trút ra, thì tôi đều cảm thấy có lỗi với mọi người.

Trong những năm còn sống, tôi muốn tiếp tục toàn tâm toàn ý vì chúng sanh mà phục vụ, cách phục vụ tốt nhất chính là hoằng dương bộ kinh Vô Lượng Thọ này. Trong hoàn cảnh điều kiện chủ quan và điều kiện khách quan đều cho phép, tôi sẽ dùng các loại phương thức, phương pháp khác nhau để hoằng dương bộ đại kinh này.

Thứ tư, tung gạch để nhử ngọc, mời thánh hiền tăng xuất hiện. “Tung gạch để nhử ngọc, mời thánh hiền tăng xuất hiện” là ước nguyện ban đầu khi tôi phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ. Còn nhớ 9 năm trước, sư phụ ngài dặn dò tôi hãy dẫn dắt vài học sinh, bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp, lúc đó tôi không trả lời trực tiếp với sư

phụ là được hay là không được. Tôi biết bản thân mình không có năng lực này, nên tôi không thể nói là được. Nếu nói là được thì đó là nói khoác, tôi không thể gạt sư phụ được. Tôi cũng chẳng thể nói là không được, tôi không thốt ra như vậy được, tôi không nhẫn tâm để ngài thất vọng và đau lòng. Đương nhiên, đây là cái nhìn của phàm phu tôi, nhưng khi đó tôi thật sự đã nghĩ như vậy.

Việc này tôi cứ nhớ mãi trong lòng. Đã chín năm rồi, tôi không dám quên lời căn dặn của sư phụ, tôi đang liên tục âm thầm quan sát, tìm kiếm, phát hiện nhân tài trên phương diện này. Chư Phật Như Lai biết tâm của tôi, cho tôi mãn nguyện. Hai lần phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ, tôi đã mời được thánh hiền tăng xuất hiện rồi. Trong đây có Pháp sư xuất gia, có cư sĩ tại gia, có nam chúng, có nữ chúng. Tương lai không lâu khi cơ duyên chín muồi thì sẽ có một nhóm người hoằng dương chánh pháp. Phật môn tự có người tiếp nối, pháp môn Tịnh độ tự có người tiếp nối. Lần này tôi nói ra như trút được gánh nặng, đúng thật là trút được gánh nặng, tôi có thể báo tin tốt lành cho sư phụ ngài rồi.

Tung gạch mời ra thánh hiền tăng, toàn tâm toàn lực hoằng đại kinh, núi đao rừng kiếm thông dong bước, yêu ma quỷ quái đành bó tay.

Thứ năm là tâm nguyện của sư phụ. Sư phụ ngài mong muốn tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ, nhưng trước giờ ngài chưa từng nêu lên điều này trước mặt tôi, đây chính là vì lòng từ bi của ngài. Những năm đó, tôi chăm sóc ông nhà tôi, làm việc không ngơi tay, bận túi bụi, sư phụ biết sự vất vả và mệt nhọc của tôi. Mặc dầu trong tâm ngài vô cùng mong muốn tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ, nhưng ngài không nhẫn tâm khiến tôi thêm gánh nặng, vì vậy mà sư phụ im lặng không nhắc đến việc này. Năm 2018, tôi viết một bài báo cáo xin ý kiến của sư phụ, báo cáo việc tôi muốn giảng kinh Vô Lượng Thọ. Nếu tôi nhớ không lầm thì trong thời gian rất ngắn sư phụ đã hồi âm, đồng ý cho tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ, vả lại còn càng nhanh càng tốt.

Việc hoằng dương kinh Vô Lượng Thọ thỏa mãn bồn hoài của Phật này, sư phụ ngài đã làm ra tám gương cho chúng ta. Đối với bộ đại kinh này, chẳng những phải giảng ra, mà còn phải biểu diễn ra được. Giảng và diễn, giảng là nói ra để mọi người nghe, diễn là làm ra để mọi người thấy, kinh Vô Lượng Thọ là sống động, chẳng phải là chết cứng. Con người có hồn, kinh cũng có hồn! Người giảng bộ kinh

này phải đem hồn của bộ kinh này giảng ra được, làm ra được. Người diễn giảng bộ kinh này chính là một bộ kinh Vô Lượng Thọ sống động.

Có đồng tu có lẽ sẽ hỏi, thế nào gọi là hồn của kinh? Đây là nhận thức của cá nhân tôi, nếu nói sai xin tự chịu lấy nhân quả. Tôi nhận thấy hồn của kinh chính là câu nói: “Nguyện mong hết thảy đều thành Phật”. Những năm qua, tôi nỗ lực học tập sư phụ ngài, hổ thẹn thay, vì đức hạnh của chính mình chẳng đủ nên không thể khế nhập nổi cảnh giới của ngài. Tuy tôi nỗ lực học tập, nhưng học không giống, tôi vô cùng hâm mộ sư phụ ngài, học Phật Thích-ca, đi con đường của Phật Thích-ca, hoàng pháp của Phật Thích-ca, học được giống như vậy, làm được tốt như vậy, sư phụ vĩnh viễn là tấm gương để tôi học tập.

Tiếp theo tôi xin nói đề mục thứ hai.

Đề mục thứ hai: *Sanh vào thời loạn là điều bất hạnh, nhưng trong thời loạn nghe được chánh pháp là vạn hạnh trong bất hạnh.*

Thế giới mà hiện nay chúng ta đang sống là một thời đại loạn lạc danh bất hư truyền, là hàng thật đúng giá, là thời kỳ loạn lạc mà kể từ khi có lịch sử nhân loại đến nay chưa từng loạn như vậy. Chúng ta thân sống ở trong đó, bị tổn hại sâu sắc, bó tay hết cách, chẳng biết làm sao. Sự sinh tồn của nhân loại đã vô cùng nguy khốn, nhân loại sẽ đi về đâu? Đã đến thời điểm then chốt sau cùng để đưa ra quyết định lựa chọn rồi.

Ai đến cứu vãn thế giới? Ai đến cứu vãn nhân loại? Đáp án chỉ có một, đó là Trung Quốc, chỉ có Trung Quốc. Vì sao vậy? Bởi vì Trung Quốc có Phật pháp Đại thừa, Trung Quốc có 5.000 năm nền tảng sâu dày của văn hóa truyền thống ưu tú. Toàn thế giới tìm không ra dân tộc thứ hai như dân tộc Trung Hoa. Phật pháp Đại thừa hưng vượng ở Trung Quốc, đây là điều tất yếu của lịch sử.

Thế nào gọi là “Trung Quốc”? Nơi mà có Phật pháp Đại thừa thì gọi là “Trung Quốc”. Trên địa cầu này nơi thật sự có Phật pháp Đại thừa thì chỉ có Trung Quốc chúng ta. Sự hưng vượng của Phật pháp Đại thừa ở Trung Quốc, sức hấp dẫn vô tận của nó sẽ mang đến cho thế giới này ngàn năm thịnh thế. Nhiệm vụ của chúng ta nặng nề mà đường thì xa, hãy phấn đấu nỗ lực tiến lên!

Pháp môn niệm Phật được truyền thừa ở Trung Quốc, đây là tất yếu của lịch sử. Thế giới trong thế kỷ 21 do Trung Quốc làm hoa tiêu, đây là tất yếu của lịch sử. Hãy tự hào bởi vì bạn là người Trung Quốc!

Vì sao tôi nói sanh trong thời loạn này là vạn hạnh trong bất hạnh vậy? Bởi vì trong thời loạn này chúng ta nghe được chánh pháp, nếu không chúng ta sẽ trầm luân trong biển khổ của sáu nẻo luân hồi, vĩnh viễn không có ngày ngoi lên.

Lần này viết bản thảo và giao lưu với các đồng tu, tôi đã viết về chính mình một cách rõ ràng, tôi đã nói về bản thân rõ ràng rồi, bóng đèn nhỏ đó, từng bóng từng bóng liên tiếp sáng, cái cảm giác đích thân trải nghiệm tuyệt diệu đó chẳng thể nào nói rõ. Tự nhiên tôi sinh khởi tâm cảm ân mãnh liệt hơn hết so với bất kỳ thời gian nào trước đây. Sự cảm ân bằng tâm chân thành và sự cảm ân trên khẩu hiệu có cảm giác hoàn toàn khác nhau. Sự cảm ân bằng tâm chân thành có thể khiến chính mình cảm động.

Sau lần phúc giảng viên mãn này, tôi rất muốn nói với các đồng tu nhận thức của tôi về sự cảm ân.

Người đầu tiên mà tôi muốn cảm ân nhất là tôn giả A-nan. Xin cảm ơn sự thỉnh pháp của ngài, đã thỉnh ra cho chúng ta một bộ kinh Vô Lượng Thọ, có thể cứu độ chúng sanh khổ nạn trong chín ngàn năm mạt pháp ra khỏi biển khổ. A-nan công đức thỉnh pháp lớn, chúng ta đều phải cảm ân ngài, nếu không có kinh Vô Lượng Thọ, chúng sanh đắc độ dựa vào đâu?

Tôi xin chí thành cảm ơn Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật của chúng ta. Kinh Vô Lượng Thọ mà Phật Thích-ca tuyên giảng cho chúng ta:

Một, đây là bộ kinh do ngài A-nan thỉnh pháp và đích thân nghe Thích-ca Mâu-ni Phật dựa trên chân tướng sự thật mà nói ra.

Hai, đây là bộ kinh duy nhất mà Thích-ca Mâu-ni Phật tuyên giảng nhiều lần trong 49 năm. Địa vị và tác dụng của bộ kinh này trong Phật pháp, bất kỳ bộ kinh nào cũng không thể thay thế được.

Ba, đây là bộ kinh duy nhất mà Thích-ca Mâu-ni Phật tuyên giảng có thể thỏa mãn bốn hoài của Phật. Nhiều đời nhiều kiếp, Phật chính là muốn nói bộ kinh này cho chúng sanh, nhưng do cơ duyên của chúng sanh chưa chín muồi nên Phật chẳng

thể tuyên giảng. Ngày nay cơ duyên của chúng sanh đã chín muồi, cuối cùng Phật đã có thể thỏa chí vui sướng tuyên giảng bộ đại kinh này rồi.

Bốn, đây là chánh thuyết duy nhất trong tất cả kinh mà Thích-ca Mâu-ni Phật đã nói trong 49 năm. Chánh thuyết chính là chân thật thuyết, chính là chân đế. Có bộ kinh thứ hai nào là chánh thuyết hay không? Không có. Chánh thuyết là chân thật thuyết, chỉ có bộ kinh này, không có bộ thứ hai. Những kinh khác đều là phương tiện mà nói, hòng tùy thuận căn tánh bất đồng của chúng sanh, còn gọi là “quyền thuyết”.

Năm, đây là kinh đệ nhất trong Phật pháp. Ngàn kinh muôn luận, ba tạng mười hai bộ kinh là trăm sông, kinh Vô Lượng Thọ là biển lớn, trăm sông đổ về biển lớn, biển lớn dung nạp trăm sông.

Sáu, đây là kinh điển Nhất thừa, là Đại thừa trong Đại thừa, Nhất thừa trong Nhất thừa.

Bảy, đây là kinh mà chư Phật Như Lai đồng tán thán, đồng tuyên dương, đồng hộ niệm.

Tám, đây là bộ kinh hiếm có khó gặp, do ba thứ chân thật đồng hội tụ nơi một kinh này. “Chân thật chi tế” nói về chân tướng của vũ trụ nhân sanh, đây là chánh thuyết của Phật, còn gọi là chân thật thuyết. “Chân thật chi huệ” khai mở cho chúng sanh trí tuệ chân thật, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. “Chân thật chi lợi” ban cho chúng sanh lợi ích chân thật nhất, lợi ích chân thật này chính là đem kinh Vô Lượng Thọ và pháp môn niệm Phật giới thiệu cho hết thảy chúng sanh có duyên, giúp chúng sanh ra khỏi sáu cõi luân hồi, ra khỏi mười pháp giới, trở về Thường Tịch Quang, đây là lợi ích chân thật không gì sánh nổi. Ba thứ chân thật này là hạt nhân của kinh Vô Lượng Thọ.

Chín, đây là bộ kinh khế lý khế cơ. Trên khế hợp với lý mà chư Phật đã chứng, dưới khế hợp với căn tánh bất đồng của chúng sanh.

Mười, đây là bộ kinh mà hai vị đạo sư của hai cõi, Thích-ca Mâu-ni Phật và A-di-đà Phật đồng tuyên thuyết. Bộ kinh này là kinh mà hai vị đạo sư của hai cõi chuyên vì người có cơ duyên thành Phật đã chín muồi mà nói, đối tượng chính mà bộ kinh này độ thoát là chúng tại gia. Còn nhớ lúc viết bản thảo bài giảng cho lần phúc giảng thứ nhất, viết đến đây, tôi cảm động đến mức lệ tuôn như suối. Phật ơi,

Phật ơi, sao ngài từ bi đến thế, sao ngài trí tuệ đến thế, sao ngài hiểu rõ tâm người niệm Phật đến như vậy? Viết đến đây, tôi hồ thẹn đến mức muốn chui xuống đất, học Phật nhiều năm như vậy mà tôi không biết kinh Vô Lượng Thọ là Phật vì tôi mà nói, tôi còn được xem là người niệm Phật gì chứ? Tôi đột nhiên hiểu ra, vì sao tôi nhìn thấy tượng Phật lớn ở núi Đại Dữ - Hồng Kông mà rơi nước mắt. Con quá đỗi ngu si, xin đức Phật thương xót con!

Mười một, đây là một bộ kinh viên mãn, được lưu lộ viên mãn ra từ trí tuệ viên mãn của Phật. Như Lai sở dĩ xuất hiện ở đời, chỉ để nói bốn nguyện hải của đức Di-đà. Ba thứ viên mãn này, ai có thể làm được? Ngoài Phật ra, không có người nào làm được, đến khi bạn thành Phật thì sẽ làm được.

Hiện nay chúng ta tiếp nhận lời dạy của Phật, trên đường tu hành có được một chút tiến bộ nhỏ như thế bèn cho rằng chính mình có bản lĩnh gì đó, có năng lực gì đó, bắt đầu cảm thấy lâng lâng rồi, cống cao ngã mạn không ngừng tăng trưởng. Người như vậy chẳng thể học được điều gì, họ sẽ chẳng thể thành tựu được việc gì. Người học Phật nhất định phải khiêm tốn, cẩn thận. Bạn không nhận biết A-la-hán, không nhận biết Bồ-tát, không nhận thức được Phật, nên bạn nghĩ chính mình đều cao hơn các ngài, như vậy sao bạn có thành tựu được, cứ thế mà đi tiếp thì bạn sẽ đi vào đường Ma.

Mười hai, đây là bộ kinh giúp chúng sanh thông đạt pháp vi diệu thậm thâm vô thượng. Pháp vi diệu thậm thâm vô thượng chính là câu Phật hiệu A-di-đà Phật. Làm thế nào thông đạt? Đọc kinh Vô Lượng Thọ, niệm Phật hiệu A-di-đà Phật.

Mười ba, đây là một bộ kinh vừa rất ráo, vừa phương tiện. Thế nào gọi là rất ráo? Một đời thành Phật, dứt sanh tử, thoát luân hồi, kinh như vậy là rất ráo. Thế nào gọi là phương tiện? Dễ học, dễ hiểu, dễ thành tựu. Trong tất cả kinh điển mà Phật đã giảng, hai điều kiện vừa rất ráo, vừa phương tiện đồng thời có đủ thì chỉ có bộ kinh Vô Lượng Thọ này, ngoài kinh này ra, không có bộ thứ hai.

Mười bốn, đây là bộ kinh thể hiện ra toàn thể Phật pháp. Kinh này nêu ra Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Văn-thù, Bồ-tát Di-lặc, ba vị Bồ-tát này là đại biểu cho chúng xuất gia. Ở đây có thể nhìn thấy bộ kinh này đại biểu cho toàn thể Phật pháp. Bồ-tát Phổ Hiền trong kinh này đại biểu cho Tịnh-Mật không hai. Bồ-tát Văn-thù trong kinh này đại biểu cho Thiên-Tịnh không hai, Thiên chính là Tịnh, Tịnh chính là Thiên, một câu A-di-đà Phật đều bao gồm toàn bộ Thiên-Tịnh-Mật ở trong đó. Bồ-

tát Di-lặc đại biểu cho sự truyền thừa tương lai, sau 56 ức 7 ngàn vạn năm sau, Bồ-tát Di-lặc thị hiện thành Phật ở thế gian, trở thành vị Phật thứ năm trong Hiền kiếp, điều mà ngài hoằng dương và thủ hộ vẫn là bộ kinh Vô Lượng Thọ này. Kinh Vô Lượng Thọ chẳng những là bộ kinh hiển thị toàn thể Phật pháp, mà còn là bộ kinh hiển thị toàn thể tất cả tôn giáo. Nhiều năm qua, sư phụ ngài cực lực đề xướng tôn giáo thế giới là một nhà, một nhà đó là gì vậy? Hóa ra đó chính là A-di-đà Phật. Tuy khác đường nhưng cùng đích đến, vạn pháp đều quy làm một.

Mười lăm, đây là bộ kinh giúp đỡ chúng sanh một đời nhất định bình đẳng thành Phật. Bản Sư Thích-ca đại từ bi, tuyên pháp độ chúng tâm vô vi, kinh Vô Lượng Thọ làm thuyền pháp, Cực Lạc Tây Phương chốn quay về. Bản sư Thích-ca Mâu-ni Phật của chúng ta đã tuyên giảng cho chúng ta một bộ đại pháp vô thượng như vậy, chúng ta phải tri ân báo ân.

Chúng ta phải chí thành cảm ân lão cư sĩ Hạ Liên Cư: Mười năm bế quan hội đại kinh, viên dung vô ngại độ chúng sanh, bản kinh đệ nhất truyền pháp giới, Cực Lạc liên bang là quê hương.

Chúng ta phải chí thành cảm ân lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ: Phật môn long tượng sớm khai ngộ, trải qua khó khăn và gian khổ, thân bệnh chú kinh không dừng bút, lưu lại thuyền từ cho đời sau.

Chúng ta phải chí thành cảm ân lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không: Sáu mươi năm bi tâm tha thiết, chương nạn trùng trùng nguyện càng kiên, giảng kinh dạy học tròn một giáp, độc nhất vô nhị trong Phật môn.

Chúng ta phải chí thành cảm ân lão hòa thượng thượng Hải hạ Hiền: Chín mươi hai năm thẳng một đường, một câu Di-đà thật thà niệm, tự tại vãng sanh thật tự tại, đại pháp phi phạm ngài biểu diễn.

Chúng ta phải chí thành cảm ân lão cư sĩ Lưu Tổ Thanh: Một bà lão thông thường quá đỗi, bình dân giản dị chẳng lạ kỳ, đến khi vãng sanh diễn đại pháp, kinh động lòng người chín ngàn năm.

Chúng ta phải chí thành cảm ân năm vị đại Bồ-tát này đã cùng nhau hoằng pháp độ chúng sanh: Cảm ân Liên-Niệm-Tịnh-Hải-Thanh, đồng đến Ta-bà độ quần manh, truyền thừa mạng mạch hoằng đại pháp, phổ độ mạng pháp khổ chúng sanh.

Chúng ta phải chí thành cảm ân Tổ sư Ân Quang: Mang theo sứ mạng đến thế gian, chương pháp hoằng pháp ngài đều diễn, lựa chọn pháp môn cho chúng sanh, trì danh niệm Phật là ngài chọn, tôn sư một đời không đơn giản, hoằng truyền chánh pháp mười năm tròn, mười năm không dài cũng chẳng ngắn, giáo hóa chúng sanh vô lượng biên, khai thị giản đơn mà súc tích, mỗi câu mỗi chữ như gươm bén, chúng sanh nghe rồi bị chấn động, không còn ngốc nghếch đờn năm Lừa.

Ở trên tôi nói nhiều lời cảm ân như thế là muốn biểu đạt ý gì vậy? Chính là muốn nói với mọi người: chúng ta sanh ra trong thời loạn mà từ khi có lịch sử nhân loại đến nay chưa từng loạn như vậy, đây là việc bất hạnh; nhưng chúng ta có thể ở trong thời đại cực kỳ loạn lạc như vậy mà nghe được chánh pháp, nhất là nghe được pháp môn Tịnh độ niệm Phật thù thắng khôn sánh, đây là vạn hạnh trong bất hạnh. Xin cảm ân chư Phật Như Lai từ bi gia trì, cảm ân lão tổ tiên từ bi bảo hộ.

Ở thế gian này được làm người Trung Quốc thì thù thắng không gì bằng, không dễ gì được thân người, được thân người, lại là người Trung Quốc thì càng không dễ. Nếu không có phước báo lớn thì không thể sanh đến Trung Quốc được, tiếc rằng rất nhiều người không biết bí mật này. Đây có phải là bí mật hay không? Phải, mà cũng chẳng phải. Đối với người biết thì chẳng có chút gì bí mật cả, đối với người không biết thì thật sự vẫn là bí mật.

Vài năm trước, làn sóng di dân lớn diễn ra khắp toàn quốc, giống như biển lớn dâng trào vậy, một đợt sóng lớn vọt lên đã cuốn đi một lượng lớn người đứng ở ven biển xem thủy triều. Ngay cả hiện nay, làn sóng di dân ấy vẫn từng đợt tiếp nối từng đợt. Cách đây vài ngày tôi nghe được một việc thế này, tình hình dịch bệnh Covid ở một nước nào đó đã mất kiểm soát, mấy trăm ngàn người đã chết, có rất nhiều Hoa Kiều muốn quay lại Trung Quốc. Câu trả lời là: có thể về nước nhưng chi phí chữa bệnh phải tự trả. Nghe nói những người này đã giở giọng, nói thế nào? “Tôi là người Trung Quốc, vì sao phí chữa bệnh của họ toàn bộ được miễn phí, do quốc gia chi trả, còn phí chữa bệnh của chúng tôi phải tự trả”. Nghe xong câu này tôi lấy làm lạ, sao có thể thốt ra lời này được? Bạn nên hỏi lại chính mình xem, rốt cuộc bạn là người nước nào? Nói thế này, tổ quốc là mẹ của chúng ta, mẹ yêu thương từng đứa con một, có đứa con chê người mẹ Trung Quốc này nghèo, cho nên họ từ bỏ người mẹ Trung Quốc đã yêu thương họ, mà đi nhận một người mẹ nước ngoài không yêu thương họ. Hiện nay họ gặp nạn rồi, người mẹ ngoại quốc không yêu thương



họ, không nhận họ nữa, không quan tâm họ nữa, không ngó ngang họ nữa, lúc này họ không nơi nương tựa, dù có nhiều tiền đến đâu cũng không giữ được mạng, bấy giờ họ mới nhớ về người mẹ Trung Quốc. Họ nói ra câu như vậy, tôi thật sự muốn hỏi rằng: Tổ quốc thiếu bạn thứ gì vậy? Các bạn quanh lưng dắt đầy tiền, ngồi không mà hưởng, vì sao còn muốn rúc rĩa người mẹ không hề giàu có này, ai bảo tầm nhìn của bạn cạn cợt, không biết rằng tổ quốc của chúng ta vĩ đại nhường nào.

Tiền sĩ Toynbee của Anh Quốc nói: Sau thế kỷ thứ 21, có thể thật sự dẫn dắt toàn thế giới, đó là người Trung Quốc. Bởi vì Trung Quốc có học thuyết Không-Mạnh và Phật pháp Đại thừa. Trung Quốc là hoa tiêu của thế giới, thế giới thuộc về Trung Quốc, Trung Quốc thuộc về thế giới, thế giới đại đồng không hề xa xăm.

Tiếp theo nói về đề mục thứ ba.

Đề mục thứ ba: *Vị tôn sư một đời của nền giáo học Phật-đà.*

Còn nhớ vài năm trước, tôi đi thăm sư phụ, sư phụ nói một đoạn thế này, đại ý là: Sáu mươi năm, lại một giáp trôi qua rồi, trong thời đại này của chúng ta không có thánh nhân, hiền nhân xuất hiện, không có nhân vật bậc đại sư xuất hiện, là do chúng ta làm không tốt, hổ thẹn với tổ tiên! Khi sư phụ nói lời này, vẻ mặt ngài rất nghiêm túc, lần đầu tiên tôi nhìn thấy biểu hiện của ngài như vậy, khi ấy tôi muốn nói một chút gì đó, nhưng không dám nói. Lần này viết bản thảo và giao lưu với các đồng tu, tôi rất muốn nói ra lời mà năm xưa tôi không dám nói, để trút bầu tâm sự. Tôi biết bây giờ tôi nói ra những lời này thì rất không hợp thời điểm, có thể sẽ mang lại rắc rối cho bản thân, nhưng một đời này tôi muốn làm một người nói lời chân thật, tôi không muốn chôn dấu lời chân thật ở trong lòng, càng không muốn đem theo lời chân thật xuống mồ, huống hồ tôi cũng không có mộ. Sự vinh nhục của cá nhân, tôi sớm đã đặt nó ra bên ngoài rồi.

Lời năm xưa mà tôi muốn nói đó là: Sáu mươi năm, một giáp này, trong thời đại của chúng ta, có thánh nhân, có hiền nhân xuất hiện, có nhân vật bậc đại sư xuất hiện, người đó chính là lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không. Sự hoằng pháp của ngài đã siêu vượt thời gian và không gian, vượt khỏi quốc gia, vượt khỏi dân tộc. Tôi đã nghe lão pháp sư giảng kinh thuyết pháp 20 năm, mười năm đầu là xem đĩa giảng pháp của lão pháp sư, mười năm sau tôi có duyên gặp sư phụ mười mấy lần, thân cận gần gũi với ngài. Có người từng muốn tôi nói nhận xét về lão pháp sư, tôi nói tôi không có tư cách để đánh giá lão pháp sư, tôi chỉ có thể nói về sự linh hội của

chính mình trong mười mấy lần được gặp lão pháp sư, đem con người thật của lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không bày ra trước mặt mọi người.

Lão Pháp sư thượng Tịnh hạ Không là một con người bằng xương bằng thịt, có tình có nghĩa. Ngài là người, không phải là thần, chúng ta đừng thần thánh hóa ngài. Năm 2010, lần đầu tiên tôi đến Hồng Kông gặp sư phụ, giống như gặp người thân đã cách biệt lâu năm vậy, không có cảm giác xa lạ, không có khoảng cách, tĩnh lặng ngồi bên cạnh sư phụ, chẳng nói điều gì, nhưng đó là một sự hưởng thụ. Bầu không khí tường hòa đó khiến thân tâm của tôi vui sướng.

Sư phụ tặng tôi dây chuyền mặt Phật A-di-đà, tặng tôi chuỗi hạt, tặng tôi một cây viết đính kim cương, tặng tôi một quyển sách gấp có thư pháp do ngài viết, còn đem râu chuỗi mà lão hòa thượng Hải Hiền dùng cũng tặng cho tôi. Ngày đó tôi nhìn thấy ánh mắt hâm mộ của các đồng tu, có một đồng tu nói bên tai tôi rằng: Cô Lưu, sư phụ đối với cô tốt thật. Lần ra nước ngoài với sư phụ, ngài mua cho tôi ghế hạng nhất, tôi rất ái ngại, khẽ hỏi sư phụ, vì sao con ngồi ghế hạng nhất vậy? Sư phụ nói với tôi: Con có nhiệm vụ thuyết giảng, nên phải nghỉ ngơi cho tốt. Sắp lên máy bay rồi, phòng đợi lên máy bay đó rất lớn, sư phụ đẩy một cái xe nhỏ nhanh chóng đi lên phía trước, trên người còn đeo một cái túi nhỏ đựng bảo bối, đó chính là các loại giấy tờ chứng nhận. Sư phụ đi vài bước thì ngoái đầu nhìn tôi hồi hả bám theo sau ngài, dường như đang nói: Lần đầu ra nước ngoài, đừng để lạc nhé! Từ nơi sư phụ tôi tìm được tình thương của người cha mà tôi đã mất hơn 20 năm.

Xin kể cho các đồng tu một chuyện tôi làm trò cười cho thiên hạ. Đại khái là lần thứ hai đi Hồng Kông thăm sư phụ, hai mươi mấy người vây quanh một cái bàn dài nghe sư phụ khai thị. Lão Bồ-tát Tề đưa sư phụ một cái bao đỏ nói: Thưa sư phụ, con xin cúng dường ngài bao đỏ này ạ. Sư phụ đưa bao đỏ cho nhân viên công tác. Người thứ hai tức là tôi rồi, tôi tưởng đây là luân phiên cúng dường, lần lượt theo thứ tự. Tôi nói với sư phụ: Thưa sư phụ, con không có bao đỏ cúng dường ngài, con lấy việc đời này thành Phật cúng dường ngài ạ! Sư phụ nghe xong, mặt tươi cười, nói liên tục: Tốt, tốt, tốt! Tốt, tốt, tốt! Sau việc đó, đồng tu Hồng Kông nói với tôi: Cô Lưu, cô không có bao đỏ không cần nói ra đâu. Các bạn xem, tôi có phải là bà nhà quê điển hình hay không?

Lão Pháp sư thượng Tịnh hạ Không là vị trưởng bối từ bi yêu nước, yêu giáo dục. Ngày 4/4/2010 lần đầu tiên tôi đi Hồng Kông thăm sư phụ, ngày hôm sau là tiết

Thanh Minh, lão pháp sư khởi giảng kinh Vô Lượng Thọ, có đồng tu Hồng Kông hỏi tôi: Cô Lưu, sư phụ giảng kinh Hoa Nghiêm đã giảng hơn 4.000 giờ rồi, vì sao đột nhiên thay đổi kế hoạch giảng bài vậy? Tôi nói: Tôi không biết, để hỏi sư phụ xem sao. Tôi hỏi sư phụ: Vì sao ngài đổi sang giảng kinh Vô Lượng Thọ vậy? Sư phụ nói: Để cứu vãn kiếp nạn, kinh Hoa Nghiêm quá dài, không kịp nữa rồi. Tôi hỏi sư phụ: Vì sao ngài chọn Hồng Kông khởi giảng kinh Vô Lượng Thọ? Sư phụ nói với tôi: Để gần tổ quốc một chút, tổ quốc sẽ được lợi ích, nhân dân sẽ được lợi ích, những quốc gia xung quanh cũng sẽ được lợi ích. Nghe câu trả lời của ngài xong, tôi ghen ngào, một vị trưởng bối từ bi đáng mến đáng kính, yêu nước, yêu giáo dục như vậy, vì sao có người lại cứ muốn đẩy ngài vào chỗ chết mới hả dạ, tôi nghĩ không hiểu nổi.

Lần thứ mấy đó đến thăm sư phụ, tôi không nhớ rõ nữa, lần đó, sư phụ trò chuyện lâu với tôi hơn 4 giờ đồng hồ, vấn đề chủ yếu là giáo dục. Ngài nói: Cần phải sửa đổi phương thức giáo dục hiện nay, phương thức giáo dục này không bồi dưỡng ra được nhân tài. Ngài đề xướng làm trường học liên cấp khép kín, cứu lấy văn hóa truyền thống Trung Quốc. Ngài nói văn hóa truyền thống Trung Quốc có thể cứu Trung Quốc, có thể cứu thế giới, có thể cứu nhân loại. Ngài nói với tôi về nguyện vọng của ngài, ngài muốn xây một Viện Hán học Trung Quốc ở trong nước. Ngài nói: Từ “Hán” trong Viện Hán học chính là Trung Quốc. Tôi hiểu vì sao ngài xây dựng Viện Hán học ở nước ngoài, đây là việc làm bất đắc dĩ, đó chẳng phải là ước nguyện ban đầu của ngài. Ngài muốn xây một Đại học tôn giáo thế giới ở trong nước, hướng đến tất cả tôn giáo trên thế giới thực hiện tôn giáo thế giới là một nhà. Ngài miêu tả cho tôi một bản kế hoạch tốt đẹp cho Đại học tôn giáo thế giới, quá tuyệt đẹp, tôi nghe đến mê mẩn. Ngài nói đến đây, thần thái của ngài thật là phấn khởi, hiện rõ trọn vẹn sự vui mừng, lòng chất phác, thơ ngây. Một ông lão đáng yêu đến như vậy, nhiều năm qua ngài trước sau niệm niệm không quên bồi dưỡng nhân tài hoàng pháp, giảng kinh dạy học. Ngài chẳng những đang đề xướng, mà còn tự thể nghiệm, đích thân dốc sức làm, quả thật khiến người kính phục. Ở độ tuổi 95 mà ngài vẫn đang nỗ lực thực hiện, hàng hậu bối chúng ta thật sự hổ thẹn toát mồ hôi.

Ngài nỗ lực đề xướng việc Phật giáo phải quay về với Phật giáo mang tính giáo dục; nỗ lực đề xướng tất cả tôn giáo đều phải quay về với giáo dục, phải khôi phục giáo dục tôn giáo. Phạm là giáo dục thì đều không lìa khỏi tình yêu thương, giáo dục có tình yêu thương mới là giáo dục thành công. Có thể nói thế này:

Lão pháp sư đã đem cả cuộc đời ngài cống hiến cho sự nghiệp giáo dục tôn giáo, đặc biệt là cống hiến cho sự nghiệp giáo dục của đức Phật. Ngài quả không hổ danh là người làm công tác giáo dục nghĩa vụ, là một nhà giáo dục vĩ đại. Ngài giảng kinh thuyết pháp 62 năm không gián đoạn, chỉ một điều này thôi, trong lịch sử tôn giáo thế giới, trong lịch sử Phật giáo thế giới, liệu có thể tìm ra người thứ hai hay không? Nếu gọi là “vô tiền khoáng hậu” thì có phù hợp hay không, tôi cũng không biết, nhưng ít nhất đã nghiệm chứng được rằng việc này trước đây chưa từng có, còn về sau liệu có ai vượt hơn lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không hay không thì hãy để lịch sử nghiệm chứng vậy.

Ngài còn có một nguyện vọng, hy vọng trong những năm còn sống được tận mắt nhìn thấy Đài Loan hòa bình trở về với tổ quốc. Lão pháp sư đã tự mình viết dòng chữ “hòa bình thống nhất tốt, một nước hai chế độ tốt”, đặt dưới tấm kính nơi bàn làm việc của ngài. Tấm lòng son sắt, tình ái quốc của vị lão nhân này sáng ngời trên trang giấy.

Hiện nay, ngài chọn sống ở Đài Loan, tôi hiểu ngài chính là muốn hoàn thành tâm nguyện này, ngài muốn tận mắt nhìn thấy tổ quốc hòa bình thống nhất. Đã rất lâu rồi tôi không gặp sư phụ, chẳng thể mặt đối mặt lắng nghe lời dạy của sư phụ, nhưng trong lần nói chuyện dài hơn 4 tiếng ấy thì Đài Loan quay trở về tổ quốc là một trong những đề tài quan trọng. Còn nhớ ngài đã nói với tôi: Đợi sau khi tổ quốc hòa bình thống nhất rồi, chi phí quân sự của Đài Loan giảm bớt thì có thể làm ba việc: thứ nhất là làm giáo dục, giáo dục miễn phí; thứ hai là toàn dân được miễn phí điều trị y tế; thứ ba, xây dựng khu dưỡng lão, để người lớn tuổi về già được nuôi dưỡng, về già được an vui, an ổn trải qua tuổi xế chiều. Một lần nữa tôi cảm nhận được bản kế hoạch mà ngài miêu tả xinh đẹp đến nhường nào.

Lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không là một vị thánh tăng đương đại có thể gặp, chẳng thể cầu. Ngài là một vị thánh giả trong thời đại này của chúng ta, là một nhân vật bậc đại sư thật sự.

Mười năm trước, tôi đã từng nói, tôi muốn giới thiệu lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không chân thật cho tất cả chúng sanh hữu duyên. Mười năm qua, tôi đã thực hiện được lời hứa của chính mình, tôi đã nhiều lần giới thiệu cho mọi người một lão pháp sư chân thật đang sống giữa chúng ta mà tôi quen biết. Đây là một vị pháp sư hoàng dương chánh pháp, thật sự không vì danh, không vì lợi, ngài là vì Phật pháp

mà sống, vì chúng sanh mà sống, là vị sứ giả do A-di-đà Phật phái đến thế giới này để cứu khổ cứu nạn. Lão pháp sư từ bi biết bao, ngài sớm đã đến đi tự do rồi, bao nhiêu năm gặp ghềnh lặn đận như vậy, nhưng ngài đều nhẫn nhục chịu đựng, không một câu than trách, không một lời giải thích, vẫn tình nguyện ở lại thế gian này giảng pháp cho mọi người. Có phải ngài lưu luyến thế gian này hay không? Không hề, chỉ vì ngài không bỏ chúng sanh thôi.

Lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không tôn kính đã nói một lời như sau: “Bất luận gian nan thế nào, bất luận thống khổ ra sao, đều phải chịu đựng, phải phát tâm đại Bồ-đề, phải phát tâm đại từ bi, im lặng nhẫn chịu, có khổ đừng nói ra, hãy một mực nhẫn nhịn. [Bởi vì] tất cả mọi áp bức và lăng nhục đều là khảo nghiệm chúng ta, mỗi một cửa ải đều phải vượt qua. Liễu liễu phân minh là trí tuệ, như như bất động là thiền định”.

Ngài còn nói: “Không tranh với người, không cầu nơi đòi. Trên thế giới này chúng ta không tranh với bất kỳ người nào. Không tranh không cầu, học Phật như vậy thì bạn sẽ tăng trưởng công lực một cách thuận lợi. Bất luận thuận cảnh hay nghịch cảnh đều giúp bạn thành tựu, đây là trí tuệ chân thật. Phải cam tâm tình nguyện tiếp nhận sự sỉ nhục của người khác đối với bạn, chẳng những không oán hận, mà còn phải cảm ân, bởi vì họ thành tựu nhẫn nhục ba-la-mật cho bạn. Đệ tử Phật thật sự thì phải nhẫn điều người khác không thể nhẫn, nhường thứ mà người khác chẳng thể nhường, làm việc mà người khác chẳng thể làm. Đối với người sỉ nhục bạn, không hận, không oán, không báo thù, có lấy mạng thì tôi cũng cho bạn luôn. Trong đây có đại học vấn, trong đây có công phu thật sự”.

Ngài còn nói với chúng ta: “Người chướng ngại chúng ta, người hủy báng chúng ta, người hãm hại chúng ta, họ cũng là bản tánh vốn thiện, chúng ta phải tha thứ cho họ, tin rằng sẽ có một ngày lương tâm của họ thức tỉnh. Tha thứ cho người khác sẽ mang lại niềm vui cho chính mình, đây là năng lượng tích cực”.

Tâm lượng của ngài như thế nào vậy? Nếu như hỏi tôi, từ năm 2010, lần đầu tiên gặp sư phụ cho đến ngày nay, thu hoạch lớn nhất của tôi là gì? Đó chính là tấm lòng rộng lớn của sư phụ khiến tôi nhận được lợi ích lớn nhất, khiến tôi hiểu được rằng đệ tử nhà Phật vĩnh viễn không đối lập với bất kỳ người nào. Họ đối lập với ta, ta không đối lập với họ, họ không yêu ta, nhưng ta yêu họ, chân tình vô hạn, đại ái vô cương, cả đời tu nhẫn nhục. Trước đây tôi từng nói: Trên thế giới không có người

nào mà tôi hận; trên thế giới không có người nào mà tôi không yêu thương; trên thế giới không có người nào mà tôi không thể tha thứ. Bây giờ tôi thêm vào một câu: Trên thế giới không có sự áp bức, lăng nhục nào mà tôi không nhẫn chịu được. Những điều này tôi đều học được từ nơi sư phụ ngài. Ông lão tuổi đã chín mươi lăm, sáu mươi hai năm hoàng chánh pháp, gian nan hiểm trở không dừng bước, độ chúng vô lượng sớm trở về nhà.

Mọi người biết rằng, hơn 20 năm nay, sự phê bình đối với bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ, sự phê bình đối với lão pháp sư là điều mà trước giờ chưa từng có trong lịch sử Trung Quốc. Đối diện với hoàn cảnh ác liệt như thế, ngài vẫn như như bất động, dùng chân tâm mà đối đãi với tất cả người, việc, vật. Không có danh văn lợi dưỡng, niệm niệm đều nghĩ đến chúng sanh khổ nạn, toàn tâm toàn ý vì chúng sanh mà phục vụ, giúp chúng sanh lìa khổ được vui, giúp chúng sanh thành thánh thành hiền.

Đệ tử nhà Phật phải giúp đế vương ở nhân gian, biến thế giới này thành thế giới Cực Lạc, khiến thế giới hòa bình, nhân dân an ổn. Ngài dùng đức hạnh của chính mình để cảm vơi đến tất cả chúng sanh hữu duyên trong hư không pháp giới, đây chính là do sức hấp dẫn về mặt nhân cách của ngài. Cúc cung tận tụy, đến chết không hối hận, đức sâu hạnh dày, khắp nơi khâm phục. Ai đúng ai sai, xin để người đời sau nhận xét, lịch sử là bằng chứng tốt nhất vậy.

Tôi muốn tận hết sức của mình giới thiệu lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không chân thật cho tất cả chúng sanh hữu duyên, khiến những chúng sanh hữu duyên này đồng nhận được lợi ích từ giáo pháp, đây có lẽ là sứ mệnh đến thế gian này của tôi.

Từ lão pháp sư, tôi đã nhìn thấy được thế nào là “đại từ đại bi”; nhìn thấy được thế nào là “tâm bao trùm hư không, lượng trọn khắp pháp giới”; nhìn thấy được thế nào là “vô tư vô ngã”; nhìn thấy được thế nào gọi là “trí tuệ như biển, biện tài vô ngại”; nhìn thấy được thế nào gọi là “yêu thương trọn khắp”; nhìn thấy được thế nào gọi là “như như bất động”; tôi đã nhìn thấy được phong thái của một vị thánh giả rồi!

Lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không vĩnh viễn là vị ân sư trong sinh mạng của tôi, vĩnh viễn là vị thầy dẫn đường trên con đường học Phật của tôi. Bất kể cảnh ngộ của lão pháp sư như thế nào thì cũng chẳng mảy may giảm bớt sự tôn trọng và lòng yêu mến của tôi dành cho ngài.

Ở đây tôi cũng đặc biệt cảm ân một vị mà tôi chưa từng gặp mặt, người đó là Pháp sư Hoàng Lâm. Thầy nói có người hỏi thầy, đánh giá pháp mà lão pháp sư đã giảng thế nào? Câu trả lời của thầy là: “Mỗi lời khai sáng tâm, câu câu đều chân thật”. Rất thẳng thắn, trả lời rất hay! Thầy đã nói ra tiếng lòng của ức vạn tín chúng.

Thầy từ bi khuyên giải những người phỉ báng lão pháp sư, thầy nói khi Lục tổ còn tại thế, âm thanh phỉ báng ngài chưa bao giờ ngừng dứt, nhưng thứ mà Lục tổ truyền là tâm ấn của Phật. Thầy cảnh cáo những người không biết trời cao đất dày đó, “bạn còn chưa có tư cách phát ngôn mà bạn phát ngôn, mà bạn phê phán, mà bạn làm rộn, bạn tự cho rằng đang bảo vệ chánh pháp, kỳ thật bạn đã đứng trong lửa của địa ngục rồi”. Thầy quá đỗi từ bi, thầy đã nói ra chân tướng, nhưng không biết những kẻ ngông cuồng kia liệu có thể nghe hiểu hay không? Con người ngông cuồng đến cực điểm thì giống như con chó, trở thành chó thì sẽ ngu si, sẽ nghe không hiểu.

Lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không đang thay Phật mà truyền pháp, vả lại còn truyền chánh pháp duy nhất trong hết thủy pháp mà Phật đã nói trong 49 năm, đây là đại pháp vô thượng, không có pháp nào cao hơn pháp này.

Thầy hãy nói với những người chưa tỉnh ngộ kia, lỗi phỉ báng một vị Bồ-tát còn nghiêm trọng hơn tội nghiệp đâm mù mắt chúng sanh trong tam thiên đại thiên thế giới. Xin hãy cẩn thận, hãy cận thận! Mọi người có thể nghĩ xem, hủy báng một vị pháp sư truyền đại pháp vô thượng của Phật, thì tội nghiệp của họ nặng đến mức nào!

Chúng tôi đã tận mắt nhìn thấy, bất luận lão pháp sư đến nơi đâu thì đều được hoa tươi và tiếng vỗ tay vây lấy, luôn có nhiều người ủng hộ và đi theo, luôn ở trong những ánh mắt nhiệt liệt trông ngóng và sùng kính cực độ mà tiến về phía pháp tòa. Chỉ việc này thôi không biết có bao nhiêu người hâm mộ, có bao nhiêu người đổ ky. Nhưng có ai trong chúng ta từng nghĩ rằng, đằng sau cái mỉm cười nhẹ nhàng đó của lão pháp sư là một trách nhiệm nặng nề. Đó là trách nhiệm toàn tâm toàn ý nghĩ cho chúng sanh; đó là trách nhiệm cúc cung tận tụy thay Phật tuyên giảng giáo hóa, để chánh pháp trụ mãi ở thế gian; đó cũng là trách nhiệm niệm niệm không quên chúng sanh khổ, niệm niệm giúp đỡ chúng sanh hữu duyên ra khỏi luân hồi. Một vị lão nhân đáng kính, một vai gánh vác sự nghiệp sanh tử lớn lao của chúng sanh.

Mười năm trước tôi đã nói câu thế này: “Chúng sanh chúng ta ngày nay hăm mộ những người đi theo Thích-ca Mâu-ni Phật vào ba ngàn năm trước, thì chúng sanh ba ngàn năm sau sẽ hăm mộ chúng ta ngày nay”. Có người nêu ra chất vấn, cho rằng tôi đã nói thế này thế nọ, tôi không đưa ra bất kỳ giải thích nào, bởi vì tôi vừa nói, mà lại chẳng nói gì cả. Hôm nay sau mười năm, tôi vẫn nói như vậy, lại còn nói thêm ba câu rằng: Người có thể khuyên một ức người niệm Phật thì chính là hóa thân của A-di-đà Phật.

Bậc cao tăng đại đức hoằng đại pháp vô thượng của Thích-ca Mâu-ni Phật, được mọi người ngưỡng vọng thì chẳng thể hủy báng!!!

Địa vị và ảnh hưởng của lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không trong giới Phật giáo, cho đến toàn bộ giới tôn giáo, không người nào có thể thay thế, không ai có thể lay động, nhất định được ghi vào sử sách, việc này không vì ý chí của bất kỳ người nào mà thay đổi, đây là điều tất yếu của lịch sử!

Tiếp theo xin nói về đề mục thứ tư:

Đề mục thứ tư, *đệ tử đệ nhất, thủ hộ đại pháp*.

Đề mục này những tiết học trước tôi đã nói rất nhiều rồi, ở đây sẽ không nhiều lời nữa, chỉ nhấn mạnh vài trọng điểm thôi.

Thứ nhất, bạn có thừa nhận mình là đệ tử đệ nhất được Phật thọ ký hay không? Nếu thừa nhận chính mình là đệ tử đệ nhất của đức Phật thì phải gánh vác trách nhiệm thủ hộ đại kinh, đây là trách nhiệm không thể giao cho người khác. “Thủ” là giữ vững, trông nom tốt, không được đánh mất. “Hộ” là chăm sóc, hộ trì.

Thứ hai, đệ tử đệ nhất phải có dáng vẻ của đệ tử đệ nhất. Phật pháp vì sao suy vi? Nguyên nhân chủ yếu trong đó chính là tứ chúng đệ tử không làm ra tấm gương tốt cho chúng sanh. Vậy nên, đệ tử đệ nhất nhất định phải từ chính mình mà làm ra tấm gương tốt cho chúng sanh, khiến chúng sanh từ người đệ tử đệ nhất này nhận thức được thế nào là Phật giáo chân chánh, khiến họ nhận thức Phật giáo, yêu thích Phật giáo, tín ngưỡng Phật giáo.

Thứ ba, đệ tử đệ nhất phải làm việc mà người đệ tử đệ nhất nên làm, phải theo đuổi chánh nghiệp, phải phân rõ chánh phụ, đừng trông rọng nhà người, bỏ hoang ruộng nhà mình. Thế nào là việc mà người đệ tử đệ nhất nên làm? Giảng kinh thuyết



pháp, giáo hóa dẫn dắt chúng sanh là sự việc nên làm nhất. Giảng kinh thuyết pháp quý ở chỗ phát tâm, đó chẳng phải là bản lĩnh và năng lực của một người nào. Hễ phát tâm thì Phật lực liền gia trì đến, không phát tâm thì Phật lực chẳng thể gia trì. Giảng một bộ kinh cũng tốt, giảng một phẩm kinh cũng tốt, giảng một bài kệ tụng cũng tốt, giảng một câu kinh văn cũng tốt, giảng một chuyên đề cũng tốt, không hề có sự hạn chế khuôn khổ và bó buộc. Một điều cần phải lưu ý đó là không được giảng sai kinh, dùng hình thức phức giảng thì tương đối ổn thỏa. Nếu không thể giảng kinh thuyết pháp thì hãy học tập lão hòa thượng Hải Hiền, làm ra tám gương tốt niệm Phật thành Phật cho chúng sanh, chẳng những chính mình niệm Phật, mà còn phải khuyên người khác niệm Phật, công đức này và công đức giảng kinh thuyết pháp là như nhau.

Thứ tư, đệ tử đệ nhất phải làm ra hình mẫu của sự hòa hợp. Chúng tôi xây đạo tràng Lục hòa kính, phải dựa vào nỗ lực của mỗi người. Mỗi một người đều không nói lời gây bất lợi cho sự hòa hợp, không làm việc gây bất lợi cho sự hòa hợp, mọi người đều làm dòng suối mát thì chẳng phải hòa hợp rồi sao. Chúng ta cùng sống trong một đại gia đình hòa hợp thì hạnh phúc và vui vẻ biết bao!

Tiếp theo, tôi xin dùng bài kệ tụng mười năm trước để cúng dường các đồng tu, làm ra sự viên mãn lớn của lần phúc giảng thứ hai này.

“Năm xưa đệ tử Phật Thích-ca  
Hôm nay tụ hội ở Ta-bà  
Nói huệ mạng Phật trách nhiệm nặng  
Hoàng dương chánh pháp độ chúng sanh  
Đợi ngày công đức được viên mãn  
Đồng về Cực Lạc gặp Di-đà.”

Lần phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ thứ hai đến đây là viên mãn. Sau cùng, để cảm niệm ân đức của sư phụ, tôi và Bồ-đề Tâm sẽ hát bài “Cảm tạ Ân sư giáo hóa con” cho sư phụ ngài nghe, cũng hát cho các đồng tu thân ái nghe.

Nghe thầy giảng pháp 20 năm,  
vận mạng đời người thay đổi lớn, thay đổi lớn.  
Cảm tạ Ân sư giáo hóa con,

đời này con nhất định về quê nhà, nhất định về quê nhà.  
Cảm tạ Ân sư giáo hóa con,  
đời này con nhất định về quê nhà.  
Duyên thầy trò từ vô lượng kiếp đến nay,  
đời này có duyên lại gặp gỡ, lại gặp gỡ.  
Đợi khi đến hải hội liên trì,  
đệ tử đã thay đổi diện mạo mới, thay đổi diện mạo mới.  
Đợi khi đến hải hội liên trì,  
đệ tử đã thay đổi diện mạo mới.  
Đời này may mắn gặp Ân sư,  
ngài dạy con làm người hiểu rõ, làm người hiểu rõ.  
Đi theo dấu chân của Ân sư,  
Phật môn tự có người tiếp nối, tự có người tiếp nối.  
Đi theo dấu chân của Ân sư,  
Phật môn tự có người tiếp nối.  
Cảm tạ Ân sư giáo hóa con,  
đời này con nhất định về quê nhà,  
đợi khi đến hải hội liên trì,  
đệ tử đã thay đổi diện mạo mới.  
Nghe thầy giảng pháp 20 năm,  
vận mạng đời người thay đổi lớn, thay đổi lớn.  
Cảm tạ Ân sư giáo hóa con,  
đời này con nhất định về quê nhà, nhất định về quê nhà.  
Cảm tạ Ân sư giáo hóa con,  
đời này con nhất định về quê nhà,  
đời này con nhất định về quê nhà!

Lần phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ thứ hai đã viên mãn, tôi đã hát xong bài hát dành tặng sư phụ rồi. Bây giờ tôi xin nói một câu cuối cùng đó là: Hẹn gặp lại mọi người tại liên trì hải hội ở thế giới Cực Lạc nha!

(HẾT)